TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN PHẬT GIÁO VIỆT NAM



VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM

TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN PHẬT GIÁO VIỆT NAM

08

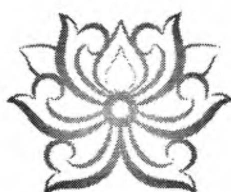
TAM TẠNG THƯỢNG TỌA BỘ

08

KINH TIỂU BỘ

(Khuddaka Nikāya)

4



Dịch giả

Tỳ-khưu INDACANDA

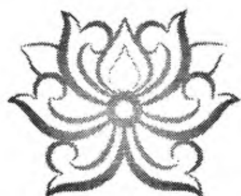
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

KINH TIỂU BỘ
(Khuddaka Nikāya)

4

DIỄN GIẢI
(Niddesa)

PHÂN TÍCH ĐẠO
(Paṭisambhidāmagga)



NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMĀSAMBUDDHASSA

THÀNH KÍNH ĐẢNH LỄ
ĐỨC THẾ TÔN, BẬC ỨNG CÚNG, CHÁNH ĐẲNG GIÁC



HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH

(Nhiệm kỳ 2017 – 2022)

PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ

PHÓ PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH TRÍ QUẢNG
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH GIÁC NHƯỜNG
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH DŨNG
- Trưởng lão Hòa thượng DƯƠNG NHƠN
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH ĐÀM
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH ĐỨC NGHIỆP
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH TỪ
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THIỆN DUYÊN
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH TRÍ TỊNH

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO PHIÊN DỊCH

- Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN
- Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
- Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN
- Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
- Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam
- Hòa thượng Tiến sĩ THÍCH GIA QUANG
- Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
- Viện trưởng Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Hà Nội
- Giáo sư Tiến sĩ LÊ MẠNH THÁT
- Cố vấn Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam

BAN BIÊN TẬP & ẤN HÀNH
TAM TẠNG THƯỢNG TỌA BỘ



LỜI CHỨNG MINH

Nam-mô Bản Sư Thích-ca Mâu-ni Phật

Trong *Kinh Hoa Nghiêm* có ghi: "*Phật dĩ nhất nhất thân, xứ xứ chuyển pháp luân*" (佛以一一身，處處轉法輪), nghĩa là đức Phật luôn dùng tất cả hóa thân của mình, ở mọi nơi mọi chốn chuyển bánh xe pháp.

Thật hoan hỷ, tinh thần chuyển bánh xe pháp của đức Phật đã và đang được chư Tôn đức Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam triển khai một cách hiệu quả. Đặc biệt, trên phương diện hoằng truyền kinh điển, chư Tôn đức đã có những định hướng đúng đắn cho Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tiến hành phiên dịch, san định, ấn tống Kinh, Luật, Luận, Sớ giải có nguồn gốc từ tạng Pāli, Sanskrit, Hán cổ và các ngôn ngữ khác.

Khi nghiên cứu, hoằng truyền kinh điển, nhà Phật thường có câu: "*Dĩ Thánh giáo vi minh cảnh chiếu kiến tự tâm, dĩ tự tâm vi trí đăng chiếu kinh u chỉ*" (以聖教爲明鏡照見自心，以自心爲智燈照經幽旨), nghĩa là lấy Phật pháp làm tấm gương sáng soi vào tự tâm, lấy tự tâm làm ngọn đèn trí soi tỏ chỗ thâm sâu của kinh điển. Những Phật sự được chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đã và đang thực hiện, thực sự là những việc làm trân quý. Việc ấy không chỉ làm sáng bản tâm của mỗi hành giả nghiên cứu mà còn chuyển hóa lời Phật dạy một cách dễ hiểu, dễ học, dễ hành, gần gũi với cuộc sống đời thường. Thông qua đó, mỗi hành giả có được cách tiếp cận, tu tập, thực hành lời Phật dạy, thành tựu nhiều kết quả hơn.

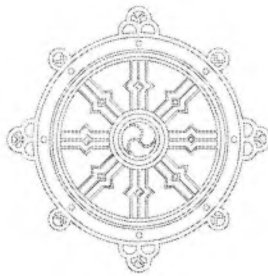
Từ việc nghiên cứu kinh điển, nhìn lại Phật giáo Việt Nam, chúng ta mới thấy, Phật giáo Việt Nam với chiều dài lịch sử trên dưới 2000 năm đồng hành cùng dân tộc, đã tạo nên những giá trị Phật giáo đặc biệt, đóng vai trò trụ cột trong việc gìn giữ nền văn hóa Việt thời kỳ 1000 năm Bắc thuộc, làm cho dân tộc Việt Nam trở nên vĩ đại nhất trong lịch sử phong kiến nước nhà vào thời đại Lý - Trần, vẫn đang tiếp tục đồng hành cùng đất nước trong thời kỳ hội nhập với phương châm "Đạo pháp - Dân tộc." Chính vì vậy, những Phật sự của chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đang thực hiện có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc "kế vãng khai lai, truyền trì đạo mạch", không chỉ làm cho Phật pháp xương minh, trường tồn ở thế gian mà còn góp phần làm cho

Phật giáo Việt Nam tiếp nối truyền thống tốt đẹp từ ngàn xưa, phát triển lên một tầm cao mới. Hy vọng mỗi hành giả chúng ta nỗ lực hơn nữa để thành tựu giải thoát và hoàn thành sứ mệnh "Tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự."

Nguyện cầu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, thế giới hòa bình, nhân dân an lạc.

Nam-mô Hoan Hỷ Tạng Bồ-tát, tác đại chứng minh.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 – DL.2019
Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ
(Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam)



LỜI GIỚI THIỆU

Thay mặt Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tôi tán dương Hội đồng Quản trị Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, đặc biệt là Ban Biên tập ***Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*** đã hoan hỷ đảm trách nhiệm vụ phiên dịch, biên tập và ấn hành bộ Thánh điển thiêng liêng này.

Phiên dịch Kinh, Luật, Luận từ các ngôn ngữ Phật học (Pāli, Sanskrit, Hán cổ) ra tiếng Việt là trách nhiệm cao quý của Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (VNCPHVN) do Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu thành lập năm 1989, nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học hỏi và thực tập Phật pháp của hàng triệu Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước.

1. Về thuật ngữ

Tôi tán đồng cách Hội đồng Quản trị VNCPHVN thay đổi cụm từ "*Đại tạng kinh Việt Nam*", vốn chịu ảnh hưởng từ cách đặt tựa tác phẩm của Phật giáo Trung Quốc, thành "*Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*", nhằm thể hiện bản sắc văn học Phật giáo Việt Nam, đồng thời thích ứng với cách đặt tên phổ biến của cộng đồng Phật giáo thế giới hiện nay.

Khái niệm "Đại tạng kinh" chỉ đề cập đến "Kinh tạng" (P. *Sutta Piṭaka*, H. 經藏) tức kho tàng Chân lý, trong khi khái niệm "Tam tạng Thánh điển Phật giáo" có nội hàm rộng hơn, bao quát hơn; đó là ngoài kho tàng Chân lý còn có kho tàng Đạo đức (P. *Vinaya Piṭaka*, H. 律蔵, Luật tạng), kho tàng Triết học tâm (P. *Abhidhamma Piṭaka*, H. 論蔵, Luận tạng), Văn học Chú giải (P. *Aṭṭhakathā*), Văn học Phụ chú giải (P. *Ṭīkā*), Văn học Tục tạng và các tác phẩm Phật học Việt Nam.

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam bao gồm các tuyển tập Tam tạng Phật giáo Thượng Tọa bộ (ảnh hưởng các nước Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia), Tam tạng Phật giáo Bộ phái, Tam tạng Phật giáo Đại thừa (ảnh hưởng Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Đại Hàn, Tây Tạng), Văn học Sớ giải, Văn học Tông phái Phật giáo và Văn học Phật giáo Việt Nam, v.v...

2. Về Văn học sử Phật giáo

"Thánh điển Phật giáo" là khái niệm chỉ cho tuyển tập những lời dạy của đức Phật trong 45 năm (theo Phật giáo Nam truyền) hay 49 năm (theo Phật giáo

Bắc truyền) truyền bá Chân lý (P. *Dhamma*, S. *Dharma*, H. 法, Pháp), Đạo đức (P=S. *Vinaya*, H. 戒律, Giới luật), và Các pháp siêu việt (P. *Abhidhamma,* S. *Abhidharma,* H. 無比法, Vô tỷ pháp).

Thánh điển Phật giáo được truyền thừa qua hình thức khẩu truyền, được cho là bằng ngôn ngữ Pāli từ thời đức Phật (khoảng thế kỷ VI-V TTL) và lưu truyền qua ba lần kết tập kinh điển tại Ấn Độ. Đến Đại hội Kết tập kinh điển lần thứ tư tại Tích Lan (khoảng thế kỷ I TTL), Thánh điển được viết trên lá bối và lưu truyền đến ngày nay. Hai tác phẩm *Đảo sử* (*Dīpavaṃsa*) và *Đại sử* (*Mahāvaṃsa*) đều ghi nhận rằng trong triều đại Valagamba (29-17 TTL) tại Anuradhapura, Tích Lan, các cao Tăng thuộc làu Tam tạng Pāli bắt đầu viết kinh Phật trên lá bối để giữ gìn và truyền bá lời Phật dạy một cách hiệu quả hơn.

Theo các nhà Đại thừa, cũng vào thế kỷ I TTL trở đi, kinh điển Đại thừa bằng tiếng Sanskrit lần lượt ra đời. Ngoài các bản kinh Đại thừa quan trọng tồn tại với ấn bản Sanskrit, phần lớn văn học Phật giáo Đại thừa được lưu giữ qua các bản dịch Hán cổ, được các vua chúa, đại tín chủ lưu bố qua các bản chép tay, khắc trên đá, khắc trên gỗ, và về sau biên tập thành các Đại tạng kinh mang tầm vóc quốc gia ở Trung Hoa; còn tiếng Tây Tạng cổ, được biên tập thành Kinh điển Phật giáo Tây Tạng (*Tibetan Buddhist Canon*) gồm hai tạng Kangyur (Kinh - Luật tạng gồm 100 bộ) và Tengyur (Luận tạng gồm 213 bộ).

3. Về phương diện lịch sử

Hơn 10 thế kỷ (từ thế kỷ I-X) bị Trung Quốc đô hộ, người Việt Nam đã sử dụng Đại tạng kinh Trung Hoa bằng Hán cổ và cho đến những thế kỷ sau. Giai đoạn 80 năm Pháp thuộc (1867-1945), người Việt lại buộc phải sử dụng tiếng Việt La-tinh hóa nên chữ Hán Nôm mất dần vị trí ngôn ngữ chính thống. Đứng trước nhu cầu thích nghi với quốc ngữ mới, các cao Tăng Việt Nam quyết định phiên dịch kinh điển từ Hán cổ ra tiếng Việt La-tinh để phổ biến lời Phật dạy rộng rãi hơn, vì đại đa số người Việt trong thời Pháp thuộc không đọc được chữ Hán Nôm.

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam được hình thành qua 3 giai đoạn:

Giai đoạn 1 bắt đầu từ 1950 đến 1975, với đỉnh cao là sự ra đời của Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVNTN) vào năm 1973 và ngưng hoạt động vào năm 1975. Các bậc Tôn túc đóng góp nổi bật trong việc phiên dịch kinh điển từ Hán cổ sang tiếng Việt trong giai đoạn này có Hòa thượng Thích Trí Tịnh (*Ma-ha Bát-nhã*, *Hoa Nghiêm*, *Đại Bảo Tích*, *Niết-bàn*, *Pháp Hoa*); Hòa thượng Thích Trí Nghiêm (*Đại Bát-nhã*); và chư vị Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Bửu Huệ, Hòa thượng Thích Thiền Tâm (*Trung A-hàm*, *Tăng nhất A-hàm*), Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Thượng tọa Thích Trí Thành (*Trường A-hàm*, *Tạp A-hàm*), v.v…

Giai đoạn 2 bắt đầu từ 1975 đến 2017, với sự ra đời của các bản dịch từ Pāli sang tiếng Việt.[1] Đóng góp nổi trội của Hòa thượng Thích Minh Châu là phiên dịch hầu hết Kinh tạng Pāli. Hòa thượng Hộ Tông, Hòa thượng Bửu Chơn, Hòa thượng Giới Nghiêm phiên dịch Luật tạng Pāli và Hòa thượng Tịnh Sự dịch Luận tạng Pāli. Gần đây, Thượng tọa Chánh Thân đã dịch mới một số kinh trong Tiểu bộ và Luật tạng Pāli.

Sau ba thập niên phiên dịch độc lập, đến năm 1991, Hội đồng Chỉ đạo Phiên dịch và Ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam chính thức được Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) thành lập. Từ đó đến nay, VNCPHVN chỉ tái bản được Kinh tạng Nam truyền,[2] gồm 13 tập và một vài tập A-hàm. Trong thời gian này và trước đó, Hòa thượng Thích Trí Quang đã dịch hơn 25 tập Kinh, Luật, Luận; Hòa thượng Thích Đổng Minh đã dịch một số bộ Luật và hướng dẫn, khuyến khích chư Tăng Ni tại Nha Trang phiên dịch các bộ Luật của các bộ phái Phật giáo, góp phần làm phong phú kho tàng Luật tạng Phật giáo Việt Nam.

Trong hai thập niên, 1994-2014, Hội đồng Dịch thuật do Hòa thượng Thích Tịnh Hạnh khởi xướng và bảo trợ, có công tổng hợp, biên tập và xuất bản các công trình dịch thuật đã có, đồng thời dịch mới các Kinh, Luật, Luận quan trọng khác để hình thành *Linh Sơn Pháp bảo Đại tạng kinh*.

Giai đoạn 3 từ năm 2017 trở đi. Vào giữa năm 2018, Hội đồng Quản trị VNCPHVN thành lập Ban Biên tập *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, tiến hành đối chiếu văn bản song ngữ, biên tập tiếng Việt, làm tổng mục lục mới, với mục tiêu phiên dịch hoàn tất, biên tập và xuất bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, gồm Ba tạng Thượng Tọa bộ, Ba tạng Bộ phái và Ba tạng Đại thừa. Đồng thời, Văn học Sớ giải, Tục tạng, Văn học tông phái Phật giáo Trung Quốc, Nhật Bản và Văn học Phật giáo Việt Nam cũng sẽ được thực hiện tiếp theo. Công trình sưu tầm, phiên dịch, hiệu chú và ấn hành này dự kiến sẽ hoàn thành trong vòng 10 năm hoặc lâu hơn nữa.

4. Về bản sắc quốc gia

Thánh điển Phật giáo được xem là quốc bảo của nhiều quốc gia theo đạo Phật. Các quốc gia thuộc hai truyền thống Phật giáo Nam truyền và Bắc truyền đều có Thánh điển Phật giáo bằng tiếng mẹ đẻ của họ từ lâu. Tại các nước Phật giáo Nam truyền như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia, ngoài ấn bản Tam tạng Thánh điển Pāli, đều có bản dịch Thánh điển Phật giáo bằng quốc ngữ của họ.

Trong các nước Phật giáo Đại thừa, Trung Quốc là nước đầu tiên có *Khai Bảo tạng* được khắc gỗ từ năm 971 đến 983 thời nhà Bắc Tống. Các nước

[1] Hòa thượng Thích Minh Châu dấn thân vào sự nghiệp dịch thuật rất sớm. Hòa thượng đã dịch và ấn hành *Kinh Trường bộ* từ năm 1965 (tập I), 1967 (tập II), 1972 (tập III và IV). Các năm kế tiếp, Hòa thượng cho ấn hành các tập *Kinh Trung bộ*: 1973 (tập I), 1974 (tập II, III).

[2] Còn thiếu 5 quyển trong *Kinh Tiểu bộ*: *Diễn giải, Phân tích đạo, Thánh nhân ký sự, Phật sử* và *Hạnh tạng*.

Phật giáo Đại thừa chịu ảnh hưởng từ Phật giáo Trung Quốc đều có ấn bản Đại tạng kinh chữ Hán theo phong cách riêng.

Đại Hàn (1011-1082) có ấn bản *Cao Ly Đại tạng kinh* (高麗大藏經), hay còn gọi là *Bát vạn Đại tạng kinh* (八萬大藏經), có cấu trúc mục lục khác với các Đại tạng kinh Trung Quốc, gồm Tam tạng Đại thừa (các bản văn 1-646), Tam tạng Tiểu thừa (các bản văn 647-978), Thánh Hiền Phật ký lục (các bản văn 979-1087) và các tác phẩm khác (1088-1498), trong đó, các bản văn 1402-1405 là các trước tác của Phật giáo Đại Hàn.

Nhật Bản có *Thiên Hải tạng* (天海蔵) đầu tiên được thực hiện từ năm 1637 đến 1648. Đến đầu thế kỷ XX, *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (大正新脩大蔵經, 1924-1934) do các học giả Takakusu Junjiro, Watanabe Umiakira và Ono Genmyo biên tập, gồm 100 tập, 3.493 bộ, 13.520 quyển, trong đó, 55 tập đầu gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, các tông phái Phật giáo Trung Quốc, Nhật Bản. Đây là ấn bản Đại tạng kinh bằng chữ Hán hoàn chỉnh nhất, có tính hệ thống về phân loại và chấm câu tốt nhất.

Phật giáo Tây Tạng cũng có Đại tạng kinh riêng khá sớm, từ năm 1290 đến 1364. Đại tạng này bao hàm hầu hết các bản luận Sanskrit của các bộ phái Phật giáo Ấn Độ, có nguồn gốc từ Trường Đại học Nalanda nổi tiếng và một số bản dịch từ tiếng Hán. Đại tạng này được hiệu chỉnh qua các thời kỳ và trở thành kho tàng Pháp bảo Tạng truyền đặc thù, vì nó chứa nhiều bộ mật chú và pháp môn tu bí truyền mà ngày nay không tìm thấy trong các Đại tạng Trung Hoa và các nước khác.

Tính từ thời điểm Pháp thuộc năm 1867 đến 2019, khi tiếng Hán - Việt trở thành tiếng Việt La-tinh hóa, 152 năm đã trôi qua, hoặc tính từ thời điểm Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của GHPGVNTN hình thành từ năm 1973 cũng đã trải qua 46 năm, *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* chỉ mới hoàn tất một nửa chặng đường phiên dịch.

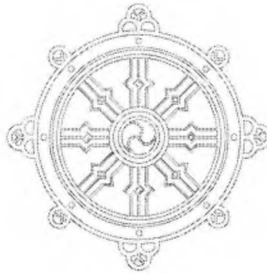
Bên cạnh việc trân trọng những thành quả dịch thuật của các bậc Tôn đức hữu công thuộc các thế hệ trước, GHPGVN cần có *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* hoàn chỉnh, không chỉ thể hiện bản sắc văn hóa Phật giáo Việt Nam mà còn giúp cho người Việt Nam không biết các cổ ngữ Phật giáo, có thể tiếp cận lời Phật dạy bằng tiếng Việt, nhằm đạt được trí tuệ do nghe chân lý Phật (P. *Sutamayapaññā*, Văn tuệ), trí tuệ do nghiền ngẫm chân lý Phật (P. *Cintāmayapaññā*, Tư tuệ) và trên nền tảng này, tiếp tục đạt được trí tuệ do thực hành thiền chỉ, thiền quán (P. *Bhāvanāmayapaññā*, Tu tuệ).

Để tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam qua *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, tôi tha thiết kêu gọi quý Tăng Ni và Phật tử tham gia vào Ban Phiên dịch và Ban Biên tập *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, góp phần phiên dịch và xuất bản hoàn chỉnh *Tam tạng Thánh điển*

Phật giáo Việt Nam. Đồng thời, tôi tha thiết kêu gọi quý mạnh thường quân và quý Phật tử phát tâm đóng góp tịnh tài để công trình phiên dịch, biên tập và xuất bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* sớm thành tựu mỹ mãn.

Xuất bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* không chỉ là niềm mơ ước của Tăng Ni và Phật tử Việt Nam mà còn tạo thuận duyên cho 97 triệu người Việt Nam trong nước và hơn 5 triệu người Việt Nam ở hải ngoại có cơ hội học Phật, tu Phật bằng tiếng Việt, để diệt trừ tham ái, sân hận, si mê, chấp thủ, vốn là nhân khổ đau, đồng thời, trải nghiệm an vui, hạnh phúc bây giờ và tại đây, góp phần làm cho Tổ quốc Việt Nam ngày càng giàu, mạnh và phát triển bền vững.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 – DL.2019
Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN
(Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN)



LỜI NÓI ĐẦU

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam là một kho tàng Pháp bảo đầy đủ của Phật giáo Việt Nam, gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, Sử và các tác phẩm liên quan đến Phật giáo Việt Nam. *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* chứa đựng tư tưởng tâm linh, kho tàng trí tuệ, nền tảng văn hóa đạo đức có giá trị vượt thời gian và không gian. Cùng với những hệ thống tư tưởng lớn khác ở phương Đông và trên thế giới, hệ thống tư tưởng minh triết của đạo Phật lưu xuất từ Thánh điển Phật giáo trong từng thời kỳ, càng lúc càng có ảnh hưởng rộng lớn và thấm đượm nơi tâm hồn con người nói chung, tâm hồn người Phật tử Việt Nam nói riêng, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa đạo đức Việt Nam.

Dân tộc Việt Nam từ thời khởi nguyên đã có mối nối kết với Phật giáo. Phật giáo Việt Nam bắt đầu từ rất sớm và xuyên suốt dòng lịch sử luôn đồng hành cùng dân tộc. Đất nước và con người Việt Nam, trong không gian minh triết phương Đông, ân hưởng nguồn sáng thiêng liêng cùng với sức mạnh chuyển hóa nhiệm mầu của đạo Phật, đã phát triển, sánh vai với bạn bè trên thế giới. Ngày nay, Phật giáo Việt Nam đang tiếp tục vươn lên với những hoạt động mang tầm quốc gia và quốc tế trên nhiều phương diện, trong đó *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* là một dấu chỉ quan trọng trên lộ trình phát triển, phát huy tiềm năng con người Việt Nam và Phật giáo Việt Nam về phương diện văn hóa tâm linh và hàn lâm học thuật.

Văn pháp được sử dụng để chuyển tải nội dung của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* tiệm cận những tiêu chí: Trung thực, uyên thâm, văn nhã. Những chuẩn mực khác cũng được quan tâm như: Trang trọng, uy nghiêm. Tiêu chí, chuẩn mực được đặt ra và triển khai nhằm nâng cao hiệu quả của việc tụng niệm và hành trì, gia tăng hiệu ứng tâm linh, khuếch tán ở mức cao nhất ánh sáng mầu nhiệm thiêng liêng lưu xuất từ đầu nguồn là đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Thuở khởi nguyên của Thánh điển bắt đầu với việc kết tập Tam tạng. Ba lần kết tập đầu tiên, Thánh điển được trùng tụng, chuẩn y và ghi nhớ từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng phương pháp khẩu truyền. Thế kỷ III TTL đã có những phái đoàn hoằng pháp do Vua Asoka chủ trương và thực hiện, trong đó Hoàng tử Mahinda và Công chúa Saṅghamittā của vương triều này đã truyền bá đạo Phật

sang Tích Lan. Hai thế kỷ sau, dưới triều đại nhà Vua Tích Lan Vaṭṭagāmaṇī Abhaya, Thánh điển được biên chép và bổ sung phần Chú giải. Ở Ấn Độ, lần kết tập thứ tư dưới sự bảo trợ của Vua Kaniṣka từ cuối thế kỷ I đến đầu thế kỷ II, Thánh điển được viết xuống bằng ngôn ngữ Sanskrit. Như vậy, cả hai hệ thống kinh điển tiếp tục được lưu giữ, quảng bá ở bản địa và lan tỏa sang các nước khác dưới hai dạng, chữ viết và khẩu truyền.

Hầu hết Thánh điển Phật giáo từ hai hệ thống trên vẫn còn được bảo tồn đầy đủ trong dạng nguyên ngữ hay dịch ngữ, và có những phiên bản tiếp tục được phát hiện dù có những khoảng thời gian việc thế thế truyền thừa dường như bị gián đoạn, thậm chí mai một. Ánh sáng trí tuệ chứa đựng trong Thánh điển Phật giáo càng lúc càng được giới trí thức của thế giới cả phương Đông lẫn phương Tây nhận thức. Tạng Sanskrit được tái phát hiện ở Nepal vào năm 1822, có thể xem là tạng Sanskrit truyền sang thế giới phương Tây sớm nhất. Tạng Pāli do Hoàng tử Mahinda khởi động truyền bá từ Ấn Độ sang Tích Lan, sau đó nhờ được sự bảo trợ dưới triều Vua Vaṭṭagāmaṇī Abhaya vào thế kỷ I TTL, công trình trùng tụng, biên chép và bảo tồn được tổ chức thực hiện quy mô lớn tại Aluvihāra, thành phố Matale, với 500 nhân sự chuyên trách.

Tạng Pāli được xem là Thánh điển Phật giáo chính thống của các nước thuộc hệ thống Nam truyền như Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Campuchia, Lào. Luận sư Buddhaghosa vĩ đại của thế kỷ V đã có công lớn đối với Thánh tạng Pāli. Nửa cuối thế kỷ XIX, Miến Điện tổ chức kết tập Tam tạng, trùng tụng, học thuộc Thánh điển, và nổi tiếng với bộ kinh bằng đá hoa cương thực hiện năm 1860 do Vua Mindon bảo trợ. Năm 1881, Pali Text Society (Hội Thánh điển Pāli) ra đời với mục tiêu là biên tập, ấn hành nguyên bản Pāli và phiên dịch sang tiếng Anh. Đầu thế kỷ XX, công trình phiên dịch Thánh tạng quy mô từ tiếng Pāli sang tiếng Thái được thực hiện và giới thiệu rộng rãi thông qua mạng lưới các trường đại học trên thế giới, dưới sự bảo trợ của Vua Chulalongkorn thứ V.

Ngoài tạng Pāli và tạng Sanskrit, khi nói về phương diện đầu nguồn, cổ kính và thẩm quyền, cần ghi nhận rằng Thánh tạng tiếng Hán cổ có truyền thống lâu đời, bao phủ một địa bàn văn hóa rộng lớn tầm châu lục. Từ nhà Tống đến nay, Trung Quốc có tất cả 25 bản Đại tạng, riêng nhà Tống đã có đến 8 bản Đại tạng khác nhau. Bản Đại tạng khắc gỗ đầy đủ đầu tiên của Trung Quốc được đặt tên là *Khai Bảo tạng*, hoàn thành năm 983. Cao Ly (tên gọi Triều Tiên từ thế kỷ X-XIV) có ba lần khắc Đại tạng, trong đó *Bát vạn Đại tạng kinh* (còn gọi là *Cao Ly Đại tạng kinh*) nổi tiếng với trên 81.000 phiến gỗ, khắc vào thế kỷ XI, đang được bảo tồn cẩn trọng tại Hải Ấn tự. Nhật Bản tiếp nhận suối nguồn Phật giáo khá trễ, có 9 bản Đại tạng. *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (*Taishō Shinshū Daizōkyō*, 大正新脩大藏經) do Takakusu Junjiro, Watanabe Umiakira và các cộng sự viên thực hiện, gồm 100 tập, dựa trên các bản của Đại tạng kinh Trung Hoa và Cao Ly, tạo nên một bản Đại tạng kinh Phật giáo Bắc truyền hoàn chỉnh

nhất cho đến năm 1934. Mông Cổ và Tây Tạng đều có Đại tạng riêng. Đại tạng Tây Tạng cũng đã trải qua 12 lần khắc bản, được in ấn khác nhau và bộ hiện nay rất lớn với 73 triệu chữ chia làm hai phần: Kangyur (Kinh tạng - Luật tạng) và Tengyur (Luận tạng).

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam có điểm xuất phát từ thời còn chia sẻ chung một dạng văn tự với người Hán, phục vụ cho Phật giáo của cả một khu vực địa lý văn hóa rộng lớn bao gồm nhiều quốc gia, dân tộc. Ở Việt Nam, nhà Đinh đã bắt đầu việc khắc kinh trên đá, đến thời nhà Lý việc khắc mộc bản khởi sự và hoàn thành một phần vào năm 1126, niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ. Vào năm 1311 (Tân Hợi), niên hiệu Hưng Long nhà Trần, Tôn giả Pháp Loa và Thiền sư Bảo Sái phụng chiếu Vua Trần Anh Tông đảm trách công trình cấp quốc gia là khắc gỗ Đại tạng kinh. Trải qua những biến thiên của lịch sử, thế hệ chư cổ đức đã hết lòng truyền trì đạo mạch. Có những giai đoạn lịch sử, công trình phiên dịch và ấn hành *Đại tạng kinh Việt Nam* có biểu hiện dừng lại hẳn, nhưng thật ra vẫn được chư Tôn đức tiền hiền âm thầm thực hiện.

Lịch sử thực hiện *Đại tạng kinh Việt Nam* khởi sắc trong giai đoạn chấn hưng Phật giáo giữa thế kỷ XX. Việc phiên dịch, ấn hành *Đại tạng kinh Việt Nam* với những mảng lớn hơn và quy mô lớn hơn được triển khai thực hiện, tiêu biểu là Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh phiên dịch Đại tạng Bắc truyền và Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu phiên dịch Đại tạng Nam truyền. Những trung tâm phiên dịch với những dịch giả nổi tiếng cũng xuất hiện như Trung tâm Phiên dịch Huệ Nghiêm, Trung tâm Phiên dịch Hải Đức, sau này có Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang. Đặc biệt, chư Tôn đức Giáo phẩm, quý cư sĩ thiện hữu trí thức tiền bối và đương thời nối tiếp công việc phiên dịch các bộ Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, như quý Ngài: Hòa thượng Thích Trí Nghiêm, Hòa thượng Thích Hành Trụ, Hòa thượng Thích Mật Nguyện, Hòa thượng Thích Trí Quang, Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Huệ Hưng, Hòa thượng Thích Đỗng Minh, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Hòa thượng Thích Phước Sơn, Hòa thượng Thích Minh Cảnh, Hòa thượng Thích Đức Thắng, Cư sĩ Tâm Minh - Lê Đình Thám, Cư sĩ Đoàn Trung Còn, Cư sĩ Đào Nguyên, Cư sĩ Định Huệ, Cư sĩ Nguyên Tâm - Trần Phương Lan,...

Như vậy, nội dung bộ *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* có sự khác biệt. Các Đại tạng khác chỉ chứa đựng một trong hai hệ thống, Nam truyền hoặc Bắc truyền, hoặc có một phần của nhau, nhưng không đầy đủ. Trong khi đó, *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* chuyển tải cả hai hệ thống và được bố cục lại. Đối với Tam tạng Nam truyền (Thượng Tọa bộ), cấu trúc được giữ nguyên như trong hệ thống Pali Text Society (Chánh kinh, Chú giải, Phụ Chú giải). Đối với Bắc truyền, cấu trúc được chia thành hai phần: Bộ phái và Đại thừa, được bố cục lại theo cách phân chia Kinh, Luật, Luận, Sớ giải.

Nguồn tư liệu này dựa vào *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh*. Ngoài ra, còn có tham khảo thêm nguồn tiếng Sanskrit, tiếng Anh và một số ngôn ngữ khác. Phần Tục tạng của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* bao gồm các tác phẩm kinh điển do những thế hệ tri thức của Phật giáo Việt Nam trước tác, nối kết liền mạch từ thời sử dụng chữ Hán, Hán Nôm và chữ Quốc ngữ.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay tiếp nối tinh thần phiên dịch *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* của chư tiền hiền hữu công, với sự khởi xướng của Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu, đã thành lập Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam làm cơ sở pháp lý, nền tảng hành chánh cho việc tổ chức nhân sự, giúp Giáo hội Phật giáo Việt Nam nâng mức độ hoàn thiện của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* lên một tầm cao mới, đặt một dấu ấn cho sự hoàn chỉnh trang nghiêm của ngôi báu Pháp bảo.

Phiên dịch *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* là công việc cần một nguồn nhân lực trí thức và tinh thần làm việc bền bỉ, đồng thời phải vượt qua những rào cản về ngôn ngữ, văn hóa và khoảng cách thế hệ. Những dịch giả đỉnh cao ở Trung Quốc như Đạo An, Cưu-ma-la-thập, Huyền Trang... đều bày tỏ sự khó khăn khi thực hiện bản Hán dịch. Trong khi đó, độ chính xác của bản Việt dịch nói chung phải dựa trên độ chính xác của bản Hán dịch. Phiên dịch Kinh tạng Pāli cũng không ngoại lệ, khi dựa vào những bản gốc đã được sao chép nhiều lần trước khi in ấn. May thay, với sự tiến bộ của thời đại, hầu hết những rào cản đều đã được vượt qua và phản ánh trong *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*. Sự vượt qua những khó khăn trên nhờ vào sự phát triển của mạng lưới thông tin toàn cầu, nguồn tham khảo phong phú, kỹ thuật tra cứu tiên tiến. Mặt khác, *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* phản ánh việc định hình được một bộ thể lệ quy chuẩn, làm cơ sở tham chiếu cho việc biên tập và dịch bổ sung, song song với việc xây dựng một bộ thuật ngữ thiết yếu và chuyên sâu. Tất cả đều góp phần đáng kể cho tính hệ thống, tính nhất quán khoa học, nâng cao giá trị hàn lâm của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*.

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam mở ra một triển vọng mới cho những tác phẩm hậu kỳ như tóm tắt, tân giải, đồ giải hay làm tiền đề cho những công trình hỗ trợ tiện ích theo sau: Tổng mục lục, Đại từ điển Thuật ngữ, Lịch sử hình thành *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*.

Ngoài ấn bản mang tính thiêng liêng của hiện tiền Pháp bảo được thực hiện trang nghiêm với chất liệu cao cấp, thiết kế mẫu mực, kỹ thuật in ấn tiên tiến, chứa đựng nội dung và văn pháp như đã được giới thiệu ở trên, Ban Biên tập *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* còn thực hiện bản số hóa làm tăng thêm khả năng đồng bộ, lan tỏa rộng khắp, khả năng tiếp cận và tham khảo nhanh chóng, hướng đến những tiêu chí học thuật hàn lâm tối ưu.

Bộ *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* ra đời lần này là kết tinh từ các bậc Tổ sư, các bậc chân tu thật học, nhiều thế hệ dịch giả, nhà nghiên cứu... Hình ảnh các Ngài an nhẫn, kiên định, tận tụy, cần mẫn dịch từng trang kinh, chọn lựa từng chữ, cân nhắc từng thuật ngữ Phật học, đối khảo các bản dịch, bổ sung từng cước chú, nhuận sắc từng dấu chấm phẩy, để đảm bảo "văn nghĩa đầy đủ" một cách tốt đẹp nhất, luôn là nguồn động lực khích lệ cho các thế hệ Tăng Ni và Phật tử tiếp bước noi theo.

Hơn bảy thập niên trôi qua, các nhà phiên dịch Tam tạng ngày đêm âm thầm làm việc, đã đóng góp vào kho tàng văn học Phật giáo, tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam, làm cho Pháp bảo được lưu bố ở nhân gian, công đức ấy đang ẩn tàng trong từng con chữ, trong số nhiều chục triệu con chữ của ấn bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* lần này thật bất khả tư nghì.

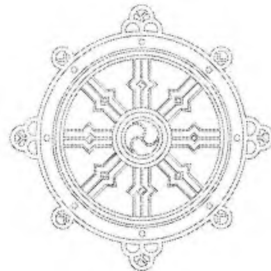
Việc phiên dịch và ấn hành Pháp bảo này thành tựu còn được sự yểm trợ, ủng hộ nhiệt tình của chư Tôn đức Tăng Ni và các mạnh thường quân cư sĩ Phật tử trong và ngoài nước, từ quá khứ đến hiện tại. Xin thành kính tri ân công đức của quý liệt vị.

Thành kính cúng dâng ấn phẩm ***Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*** này lên mười phương chư Phật, chư Tôn Bồ-tát, liệt vị Tổ sư, chư vị Tôn đức dịch giả và hiện tiền chư Tôn đức Giáo phẩm chứng minh. Thành tâm hồi hướng công đức, nguyện cầu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, quốc thái dân an, pháp giới hữu tình ân triêm lợi lạc.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 – DL.2019

Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN

(Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam)



BẢNG VIẾT TẮT

TÁC PHẨM TIẾNG PĀLI

A.	*Aṅguttara Nikāya* (*Kinh Tăng chi bộ*)
AA.	*Aṅguttara Nikāya Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh Tăng chi bộ*)
Ap.	*Apadāna* (*Thánh nhân ký sự*)
ApA.	*Apadāna Aṭṭhakathā* (*Chú giải Thánh nhân ký sự*)
Asl.	*Aṭṭhasālinī* (*Chú giải Pháp tụ*)
Bvs.	*Buddhavaṃsa* (*Phật sử*)
BvsA.	*Buddhavaṃsa Aṭṭhakathā* (*Chú giải Phật sử*)
CNid.	*Cūḷaniddesa* (*Tiểu nghĩa thích / Tiểu diễn giải*)
CNidA.	*Cūḷaniddesa Aṭṭhakathā* (*Chú giải Tiểu nghĩa thích / Chú giải Tiểu diễn giải*)
Cp.	*Cariyāpiṭaka* (*Hạnh tạng*)
CpA.	*Cariyāpiṭaka Aṭṭhakathā* (*Chú giải Hạnh tạng*)
Cv.	*Cūḷavagga* (*Tiểu phẩm*)
Cvs.	*Cūḷavaṃsa* (*Tiểu sử*)
D.	*Dīgha Nikāya* (*Kinh Trường bộ*)
DA.	*Dīgha Nikāya Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh Trường bộ*)
Dh.	*Dhammapada* (*Kinh Pháp cú*)
DhA.	*Dhammapada Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh Pháp cú*)
Dhs.	*Dhammasaṅgaṇī* (*Pháp tụ*)
Dpvs.	*Dīpavaṃsa* (*Đảo sử*)
Gāt.	*Gātha* (*Thera* và *Therī*): *Trưởng lão Tăng kệ* và *Trưởng lão Ni kệ*
It.	*Itivuttaka* (*Kinh Phật thuyết như vậy*)
ItA.	*Itivuttaka Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh Phật thuyết như vậy*)
J.	*Jātaka* (*Chuyện Tiền thân*)
Kh.	*Khuddakapāṭha* (*Tiểu tụng*)

Kkvt.	*Kaṅkhāvitaraṇī (Giải nghi)*
Kv.	*Kathāvatthu (Luận sự / Những điểm dị biệt)*
M.	*Majjhima Nikāya (Kinh Trung bộ)*
MA.	*Majjhima Nikāya Aṭṭhakathā (Chú giải Kinh Trung bộ)*
Mhbv.	*Mahābodhivaṃsa (Đại sử về cây Bồ-đề ở Tích Lan)*
Mhvs.	*Mahāvaṃsa (Đại sử)*
Miln.	*Milindapañha (Mi-tiên vấn đáp / Milinda vấn đạo)*
MNid.	*Mahāniddesa (Đại nghĩa thích / Đại diễn giải)*
MNidA.	*Mahāniddesa Aṭṭhakathā (Chú giải Đại nghĩa thích / Chú giải Đại diễn giải)*
MT.	*Majjhima Nikāya Ṭīkā (Phụ chú giải Kinh Trung bộ)*
Mv.	*Mahāvagga (Đại phẩm)*
Nid.	*Niddesa (Nghĩa thích / Diễn giải)*
NidA.	*Niddesa Aṭṭhakathā (Chú giải Nghĩa thích / Chú giải Diễn giải)*
Netti.	*Nettipakaraṇa (Chỉ đạo luận / Cẩm nang học Phật)*
Paṭ.	*Paṭṭhāna (Duyên hệ)*
Pe.	*Peṭakopadesa (Chú thích Kinh tạng / Tìm hiểu Tam tạng)*
Ps.	*Paṭisambhidāmagga (Vô ngại giải đạo / Phân tích đạo)*
PsA.	*Paṭisambhidāmagga Aṭṭhakathā (Chú giải Vô ngại giải đạo / Chú giải Phân tích đạo)*
Pug.	*Puggalapaññatti (Nhân thi thiết)*
PugA.	*Puggalapaññatti Aṭṭhakathā (Chú giải Nhân thi thiết)*
Pv.	*Petavatthu (Ngạ quỷ sự / Chuyện Ngạ quỷ)*
PvA.	*Petavatthu Aṭṭhakathā (Chú giải Ngạ quỷ sự / Chú giải Chuyện Ngạ quỷ)*
S.	*Saṃyutta Nikāya (Kinh Tương ưng bộ)*
SA.	*Saṃyutta Nikāya Aṭṭhakathā (Chú giải Kinh Tương ưng bộ)*
Sn.	*Suttanipāta (Kinh tập)*
SnA.	*Suttanipāta Aṭṭhakathā (Chú giải Kinh tập)*
Sum.	*Sumaṅgalavilāsinī (Chú giải Kinh Trường bộ)*
Thag.	*Theragāthā (Trưởng lão Tăng kệ)*
ThagA.	*Theragāthā Aṭṭhakathā (Chú giải Trưởng lão Tăng kệ)*
Thīg.	*Therīgāthā (Trưởng lão Ni kệ)*

ThīgA.	*Therīgāthā Aṭṭhakathā* (*Chú giải Trưởng lão Ni kệ*)
Thūvs.	*Thūpavaṃsa* (*Biên niên sử chùa tháp Tích Lan*)
Ud.	*Udāna* (*Kinh Phật tự thuyết / Cảm hứng ngữ*)
UdA.	*Udāna Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh Phật tự thuyết / Chú giải Cảm hứng ngữ*)
Uj.	*Upāsakajanālaṅkāra* (*Ưu-bà-tắc trang nghiêm*)
Vbh.	*Vibhaṅga* (*Phân tích*)
VbhA.	*Vibhaṅga Aṭṭhakathā* (*Chú giải Phân tích*)
Vin.	*Vinaya Piṭaka* (*Luật tạng*)
VinA.	*Vinaya Aṭṭhakathā* (*Chú giải Luật tạng*)
Vism.	*Visuddhimagga* (*Thanh tịnh đạo*)
Vv.	*Vimānavatthu* (*Thiên cung sự / Chuyện Thiên cung*)
VvA.	*Vimānavatthu Aṭṭhakathā* (*Chú giải Thiên cung sự / Chú giải Chuyện Thiên cung*)
Yam.	*Yamaka* (*Song đối*)

TÁC PHẨM TIẾNG SANSKRIT

Divy.	*Divyāvadāna* (*Thiên cung sự*)
Mhvu.	*Mahāvastu* (*Đại sự*)
MPS.	*Mahāparinirvānasūtra* (*Kinh Đại Bát-niết-bàn*)

TÁC PHẨM TIẾNG ANH

BBS.	*Burmese-script Buddhasāsana Samiti edition of the Majjhima Nikāya* (*Kinh Trung bộ*, phiên bản tiếng Miến, NXB. Buddhasāsana Samiti)
BD.	*Book of Discipline* (*Luật tạng*)
BI.	*Buddhist India* (*Phật giáo Ấn Độ*)
BPE.	*Buddhist Manual of Psychological Ethics* (*Cẩm nang Tâm lý Đạo đức Phật giáo*)
Cpd.	*Compendium of Philosophy* (*Cương yếu triết học / Tóm tắt và giải thích bộ Abhidhammatthasaṅgaha*)
DB.	*Dialogues of the Buddha* (*Kinh Trường bộ*)
Expos.	*Expositor* (*Chú giải Pháp tụ*)
GS.	*Gradual Sayings* (*Kinh Tăng chi bộ*)

KS. *Kindred Sayings* (*Kinh Tương ưng bộ*)
MB. *A Manual of Buddhism* (*Cẩm nang Phật giáo*)
MLS. *Middle Length Sayings* (*Kinh Trung bộ*)
QKM. *Questions of King Milinda* (*Milinda vấn đạo*)
PC. *Points of Controversy* (*Những điểm dị biệt*)
Pss. Breth. *Psalms of the Brethren* (*Trưởng lão Tăng kệ*)
Pss. Sis. *Psalms of the Sisters* (*Trưởng lão Ni kệ*)
SBB. *Sacred Books of the Buddhists* (*Thánh điển Phật giáo*)
SBE. *The Sacred Books of the East* (*Thánh điển phương Đông*)

TÁC PHẨM TIẾNG VIỆT

TTTĐPGVN. *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*
TTPV. *Tam tạng Pāḷi-Việt*

KINH THEO ĐẠI CHÁNH TẠNG

ĐCT./Đại/T. *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (大正新脩大藏經)
N. *Nam truyền Đại tạng kinh* (南傳大藏經)
Biệt Tạp. *Biệt dịch Tạp A-hàm kinh* (別譯雜阿含經)
Tăng./ EĀ. *Tăng nhất A-hàm kinh* (增壹阿含經, *Ekottarikāgama*)
Tạp./ SĀ. *Tạp A-hàm kinh* (雜阿含經, *Saṃyuktāgama*)
Trung./ MĀ. *Trung A-hàm kinh* (中阿含經, *Mādhyamāgama*)
Trường./ DĀ. *Trường A-hàm kinh* (長阿含經, *Dīrghāgama*)

TỪ ĐIỂN

BHSD. *Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary* (*Từ điển Phật giáo Sanskrit hỗn hợp*)
CPD. *Critical Pāli Dictionary* (*Từ điển Biện giải Pāli*)
DPPN. *Dictionary of Pāli Proper Names* (*Từ điển Danh từ riêng Pāli*)
EB. *Encyclopaedia of Buddhism* (*Bách khoa Từ điển Phật giáo*)
EPD. *English-Pāli Dictionary* (*Từ điển Anh - Pāli*)
ERE. *Encyclopedia of Religion and Ethics* (*Bách khoa Từ điển Tôn giáo và Đạo đức*)
PED. *Pāli-English Dictionary* (*Từ điển Pāli - Anh*)

TỔ CHỨC HIỆP HỘI VÀ TẠP CHÍ

CST.	Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka (Tam tạng kết tập lần thứ 6)
PTS.	Pali Text Society (Hội Thánh điển Pāli)
VRI.	Vipassana Research Institute (Viện Nghiên cứu Thiền quán)
JPTS.	*Journal of Pali Text Society* (*Tạp chí Hội Thánh điển Pāli*)
JRAS.	*Journal of the Royal Asiatic Society* (*Tạp chí Hội Hoàng gia Á châu*)

CÁC TỪ VIẾT TẮT

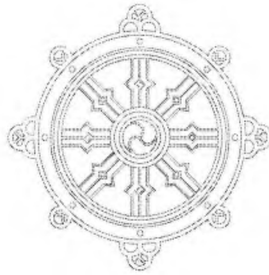
Tiếng Việt

S.	Tiếng Sanskrit	P.	Tiếng Pāli
H.	Tiếng Hán	E.	Tiếng Anh
TTL.	trước Tây lịch	DL.	Dương lịch
PL.	Phật lịch	tr.	trang
Sđd.	Sách đã dẫn	Nxb.	Nhà xuất bản
nt.	như trên		
HT.	Hòa thượng	TT.	Thượng tọa
ĐĐ.	Đại đức	NS.	Ni sư
SC.	Sư cô	TS.	Tiến sĩ
ThS.	Thạc sĩ	ND.	Người dịch
BBT.	Ban Biên tập		

Tiếng Anh

AD. (Anno Domini)	Công nguyên
BC. (Before Christ)	trước Công nguyên
Cf. (confer)	Tham chiếu, so sánh
ed. (by)	biên tập (bởi)
edn. (edition)	ấn bản
etc. (et cetera)	vân vân… (v.v…)
f./ ff. (following pages)	trang kế tiếp / các trang kế tiếp
ibid. (ibidem)	cùng trang đã dẫn / như trên
n. (note)	chú thích
op. cit (opere citato)	sách đã dẫn
p./ pp. (page/ pages)	trang / các trang
tr. (by)	dịch bởi

trans. (translation)	bản dịch
v. (verse)	bài kệ, khổ kệ, kệ ngôn
vol./ vols. (volume/ volumes)	tập, quyển / các tập, các quyển



TỔNG QUAN KINH TIỂU BỘ

1. Khái niệm "*Kinh Tiểu bộ*"

"*Kinh Tiểu bộ*" (*Khuddaka Nikāya,* 小部經) dịch sát nghĩa *là* "*Hợp tuyển các tập kinh ngắn*" (*The Collection of Little Texts, Minor Collection*), là tuyển tập (*nikāya*) điển tịch thứ năm trong năm bộ kinh thuộc kho tàng kinh điển Pāli (*Sutta Piṭaka,* 巴利文大藏經) của Phật giáo Thượng Tọa bộ (上座部佛教), còn gọi là Phật giáo Nam truyền (南傳佛教) hoặc Phật giáo Thượng Tọa bộ Nam truyền (南傳上座部佛教). Bộ này gồm 16 tập kinh chứa đựng nhiều bài kinh lẻ, thi kệ, đoạn kinh ngắn về chân lý, lộ trình tu tập, đạo đức sống và tư liệu lịch sử, phần lớn do đức Phật giảng và một số do các Thánh Tăng A-la-hán giảng hay biên tập.

Từ "*Khuddaka*" trong tiếng Pāli có nghĩa là "tiểu" (小) hay "tạp" (雜), tương đương trong tiếng Sanskrit là "*Kṣudraka.*" Trong văn học Hán tạng, chữ "*Nikāya*" thường được phiên âm là "Ni-kha-da" (尼柯耶), tương đương với từ "*Āgama*" trong tiếng Sanskrit mà Phật giáo Đại thừa thường sử dụng và được phiên âm trong Hán ngữ là "A-hàm" (阿含) hoặc "A-cấp-ma" (阿笈摩).

Cụm từ "*Khuddaka Nikāya*" (小部經) được phiên âm trong Hán ngữ là "Khuất-đà-ca Ni-kha-da" (屈陀迦尼柯耶). *Thiện Kiến luật Tỳ-bà-sa* (善見律毘婆沙) gọi *Tiểu bộ kinh* là "Khuất-đà-ca kinh" (屈陀迦經).[1] Bộ tương đương với *Khuất-đà-ca kinh* gọi là "Khuất-đà-già A-hàm" (屈陀伽阿含). Tổng hợp vừa dịch nghĩa vừa phiên âm, "*Khuddaka Nikāya*" trong tiếng Pāli và từ tương đương "*Kṣudraka Āgama*" trong tiếng Sanskrit thường được dịch trong tiếng Hán là "Tiểu Ni-kha-da" (小尼柯耶), trong đó "tiểu" có nghĩa là nhỏ, "Ni-kha-da" là từ phiên âm Hán Việt. Phật-đà-thập (Buddhajīva) và Trúc Đạo Sinh trong *Ngũ phần luật* (五分律) gọi là "Tạp tạng" (雜藏),[2] còn Ngài Huyền Trang dịch là "Tạp loại A-cấp-ma" (雜類阿笈摩).[3]

---

[1] Xem *T*.24. 1462.1. 0675b19-20: 何謂為五部？答曰：長阿鋡經，中阿鋡經，僧述多經，殃堀多羅經，屈陀迦經。

[2] *Di-sa-tắc bộ Hòa-hê Ngũ phần luật* (彌沙塞部和醯五分律) (*T*.22. 1421.30. 0191a24) ghi: 此是長經, 今集為一部, 名長阿含; 此是不長, 不短, 今集為一部, 名為中阿含; 此是雜說, 為比丘, 比丘尼, 優婆塞, 優婆夷, 天子, 天女說, 今集為一部, 名雜阿含; 此是從一法, 增至十一法, 今集為一部, 名增一阿含;自餘雜說, 今集為一部, 名為雜藏, 合名為修多羅藏。

[3] Xem *Đại A-la-hán Nan-đề Mật-đa-la sở thuyết pháp trụ ký* 大阿羅漢難提蜜多羅所說法住記 (*T*.49. 2030. 0014b06): 有五阿笈摩, 謂長阿笈摩, 中阿笈摩, 增一阿笈摩, 相應阿笈摩, 雜類阿笈摩。

Về từ nguyên, "*Nikāya*" có nghĩa là: (i) Giáo phái (教派, *school*), bộ phái (部派, *sect*), (ii) Đoàn thể (團體, *body, assembly*), nhóm (部類, *group*),[4] (iii) Bộ sưu tập hay tuyển tập các bài kinh (收集, *collection*).[5] Trong ngữ cảnh văn học Pāli, "*Nikāya*" được hiểu là tuyển tập các bài kinh Phật (*collection of Buddhist suttas*). Theo từ điển *Pāli-English Dictionary,* tựa đề *Kinh Tiểu bộ* phát xuất từ thực tế rằng đây là tuyển tập các bài kinh ngắn so với bốn bộ kinh Pāli.[6] Theo tác phẩm *Chú giải Tiểu tụng* (*Paramatthajotikā*), tựa đề *Kinh Tiểu bộ* là do 15 bản văn của tuyển tập kinh điển này, chứa đựng nhiều chủ đề và sắc thái Phật học khác nhau.[7]

Phật Quang đại từ điển cho rằng: "Sở dĩ bộ kinh này có tên gọi là *Kinh Tiểu bộ* vì tuyển tập này tập hợp các truyền thuyết, kệ tụng và cách ngôn trong bốn bộ kinh Pāli gồm *Kinh Trường bộ, Kinh Trung bộ, Kinh Tương ưng bộ* và *Kinh Tăng chi bộ* thành các bài kinh ngắn."[8] Quan điểm này chỉ đúng một phần, vì trên thực tế có nhiều bài kinh, chương, đoạn và thi kệ trong *Kinh Tiểu bộ* hoàn toàn độc lập với bốn bộ kinh nêu trên. Từ góc độ nội dung, 15 bản văn kết hợp với bản *Milinda vấn đạo* (trong ấn bản *TTTĐPGVN* này) của *Kinh Tiểu bộ* là kho tàng văn học Phật giáo về những gì chưa được đề cập hoặc đã đề cập một phần trong bốn bộ kinh Pāli, chứa đựng các bản văn giai đoạn đầu và giai đoạn sau.[9] Đây chính là một trong những đóng góp quan trọng của *Kinh Tiểu bộ* trong văn học Kinh tạng Pāli.

2. Thể tài văn học của *Kinh Tiểu bộ*

Về thể loại, *Kinh Tiểu bộ* là tuyển tập hỗn hợp hay tạp kinh (雜文, *miscellaneous collection*) gồm thể tài văn xuôi và phần lớn là thi kệ (*gāthā,* 偈頌, *verse*). Bên cạnh một số chương và phẩm được thể hiện dưới dạng văn xuôi, nhiều nội dung của 16 tập kinh này là thi kệ, bao hàm các bài kệ thơ ngắn gọn, đa dạng, đặc sắc, thể hiện tính văn học và triết học Phật giáo sâu sắc.

Các tập kinh trong *Kinh Tiểu bộ* có độ dài ngắn không đồng nhất. Ngắn nhất

---

[4] Xem mục từ "*Nikāya*" trong *Từ điển Pāli - Hán* (巴漢詞典) của Bhikkhu Mahāñāṇo, cũng như ấn bản tương tự do Tôn giả Minh Pháp (明法尊者) hiệu đính.

[5] Xem mục từ "*Nikāya*" trong từ điển *Pāli-English Dictionary* của Hội Thánh điển Pāli (Pali Text Society) và tương tự mục từ "*Nikāya*" trong từ điển *Concise Pāli-English Dictionary* của A. P. Buddhadatta Mahāthera, tr. 170.

[6] Nguyên tác: "The name *Khuddaka Nikāya* is taken from the fact that it is a collection of books-short, that is as compared with the Four Nikāyas." *The Anagatavaṃsa* (*JPTS.* 1886), p. 35; *The Gandhavaṃsa* (*JPTS.* 1886), p. 57.

[7] Xem H. Smith, (ed.), *The Khuddaka-Pāṭha Together with Its Commentary Paramatthajotikā* I (London: PTS, 1915), p. 12.

[8] Nguyên tác: 係集輯長，中，相應，增支等四尼迦耶之傳說，偈頌，格言等而成，概為短篇，故稱小部。

[9] Hirakawa Akira, *A History of Indian Buddhism*, tr. and ed. by Paul Groner (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers, 1993), p. 128: "It has been suggested that the *Khuddaka Nikāya* was the repository for materials that were left out of the four Nikāyas (the *Dīgha Nikāya, Majjhima Nikāya, Saṃyutta Nikāya* and *Aṅguttara Nikāya*) and thus included both early and late texts."

là *Tiểu tụng,* chưa đầy 10 trang Pāli trong ấn bản của PTS, trong khi *Chuyện Tiền thân* với 547 câu chuyện có số trang lên đến cả ngàn. Trong mỗi tập kinh, có những bài kinh vài trang, nhưng cũng có những bài kinh rất ngắn với 4-5 hàng Pāli, chứa đựng những lời dạy minh triết mang tính trị liệu cao.

3. Vị trí của *Kinh Tiểu bộ* trong các thể tài kinh

Tam tạng Pāli (*Tipiṭaka*) phân loại 9 thể tài kinh,[10] vốn được Thượng Tọa bộ chủ trương và được sự chấp nhận cao trong Phật giáo bộ phái. Tam tạng Phật giáo Đại thừa phân loại thành 12 thể tài kinh (S. *dvādaśāṅga-dharma-pravacana*),[11] vốn bắt nguồn từ *Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Tỳ-nại-da tạp sự* (根本說一切有部毘奈耶雜事)[12] và được chấp nhận trong Pháp Tạng bộ (法藏部, S. Dharmaguptaka, P. Dhammaguptaka), Hóa Địa bộ (化地部, S. Mahīśāsaka, P. Mahisāsaka) và Đại Chúng bộ (大眾部, S. Mahāsaṁghika, P. Mahāsaṅghika).

Thứ tự về 9 thể tài kinh[13] và 12 thể tài kinh[14] được tìm thấy khác nhau trong văn học Kinh tạng chữ Hán như sau:

1. **Kinh** (經, S. *Sūtra,* P. *Sutta*) hoặc Khế kinh (契經), hay Trường hàng (長行), phiên âm là Tu-đa-la (修多羅), chỉ chung các bài kinh do Phật thuyết giảng.

2. **Trùng tụng** (重頌, S. *Geya,* P. *Geyya*) còn dịch là Ứng tụng (應頌), phiên âm là Kỳ-dạ (祇夜), loại kệ tụng có nhiều câu được lặp lại.

---

[10] Còn gọi là 9 phần giáo (九分教), 9 bộ kinh (九部經), 9 bộ pháp (九部法), 9 kinh (九經). Tham chiếu danh mục chín thể tài kinh trong *Phật Quang đại từ điển*: https://www.fgs.org.tw/fgs_book/fgs_drser.aspx/ (truy cập ngày 11/02/2021).

[11] Còn gọi là thập nhị bộ kinh (十二部經), thập nhị phần giáo (十二分教), thập nhị phần Thánh giáo (十二分聖教), thập nhị phần kinh (十二分經). Tham chiếu danh mục 12 thể tài kinh trong *Phật Quang đại từ điển*: https://www.fgs.org.tw/fgs_book/fgs_drser.aspx/ (truy cập ngày 11/02/2021). Tham chiếu: *Thanh tịnh kinh* 清淨經 (*T*.01. 0001.17. 0074b19-23); *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.49.1. 0794b14); *Đại trí độ luận* 大智度論 (*T*.25. 1509.33. 0306c17-19): 修多羅, 祇夜, 受記經, 伽陀, 優陀那, 因緣經, 阿波陀那, 如是語經, 本生經, 廣經, 未曾有經, 論議經。 Cách dụng ngữ không chính xác trong cước chú trên và trong cước chú này đã gây ngộ nhận cho nhiều độc giả khi chưa hiểu bản chất của 9 hoặc 12 thể loại văn học.

[12] (*T*.24. 1451.38. 0398c25-27): 契經, 應頌, 記別, 諷頌, 自說, 因緣, 本事, 本生, 方廣, 希有, 譬喻, 論議。

[13] *Ma-ha-tăng-kỳ luật* 摩訶僧祇律 (*T*.22. 1425.1. 0227b11): 爾時佛告舍利弗, 有如來不為弟子廣說修多羅, 祇夜, 授記, 伽陀, 憂陀那, 如是語, 本生, 方廣, 未曾有經。舍利弗, 諸佛如來不為聲聞制戒, 不立說波羅提木叉法, 是故如來滅度之後法不久住。Trật tự trong *Luật tạng Pāli* như sau: (巴利律藏): 舍利弗！拘樓孫佛, 拘那含牟尼佛, 迦葉佛, 不疲厭為聲聞弟子廣說正法, 多為彼等說契經, 祇夜經, 授記經, 偈經, 自說經, 因緣經, 本生經, 未曾有經, 方等經, 為弟子制立學處, 教示波羅提木叉。

[14] *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.1138. 0300c05): 佛告二比丘。汝等持我所說修多羅, 祇夜, 受記, 伽陀, 優陀那, 尼陀那, 阿波陀那, 伊帝目多伽, 闍多伽, 毘富羅, 阿浮多達摩, 優波提舍等法。Trật tự trong *Tứ phần luật* (四分律 (*T*.22. 1428.1. 0569b03): 佛告舍利弗。拘那含牟尼佛, 隨葉佛。不廣為諸弟子說法。契經, 祇夜經, 授記經, 偈經, 句經, 因緣經, 本生經, 善道經, 方等經, 未曾有經, 譬喻經, 優波提舍經。 如是生經, 本經, 善因緣經, 方等經, 未曾有經, 譬喻經, 優婆提舍經, 句義經, 法句經, 波羅延經, 雜難經, 聖偈經, 如是集為雜藏。Trong *Ngũ phần luật* 五分律 (*T*.22. 1421.1. 0001b25): 舍利弗。拘樓孫佛, 拘那含牟尼佛, 迦葉佛, 廣為弟子說法。無有疲厭所謂修多羅, 祇夜, 受記, 伽陀, 憂陀那, 尼陀那, 育多伽婆, 本生, 毘富羅, 未曾有, 阿婆陀那, 憂波提舍, 自餘雜說今集為一部, 名為雜藏。

3. **Ký thuyết** (記說, S. *Vyākaraṇa,* P. *Veyyākaraṇa*) còn gọi là Thọ ký (受記), phiên âm là Hoa-già-la-na (華遮羅那) hay Hòa-già-la-na (和伽羅那), bao gồm lời Phật chứng nhận cho các đệ tử sẽ thành Phật trong tương lai.

4. **Kệ-đà** (偈陀, S=P. *Gāthā*) thường dịch là Phúng tụng (諷頌) hay Ký chú (記註), gồm những bài thi kệ không có văn xuôi ở trước.

5. **Tự thuyết** (自說, S=P. *Udāna*) còn gọi là Vô vấn tự thuyết (無問自說) hoặc Tán thán kinh (讚歎經), phiên âm là Ưu-đà-na (憂陀那), gồm những bài kinh đức Phật giảng do cảm hứng tự nhiên, không có người thỉnh cầu.

6. **Nhân duyên** (因緣, S. *Nidāna*) còn dịch là Quảng thuyết (廣說), phiên âm là Ni-đà-na (尼陀那), gồm những bài kinh giảng về nhân duyên thuyết pháp.

7. **Thí dụ** (譬喻, S. *Avadāna*) còn gọi là Diễn thuyết giải ngộ kinh (演說解悟經), phiên âm là A-ba-đà-na (阿波陀那), gồm những kinh chứa nhiều thí dụ, ẩn dụ, ngụ ngôn để giải thích chân lý cho dễ hiểu hơn.

8. **Như thị ngữ** (如是語, S. *Itivṛttaka,* P. *Itivuttaka*) còn gọi là Bổn sự kinh (本事經), phiên âm là Y-đế-mục-đa-già (醫帝目多伽), gồm những bài kinh nói pháp tu tập của các đệ tử Thánh trong quá khứ và vị lai.

9. **Bổn sanh kinh** (本生經, S=P. *Jātaka*), phiên âm là Xà-đà-già (闍陀伽) gồm các bài kinh nói về tiền thân của đức Phật Thích-ca.

10. **Phương quảng** (方廣) còn gọi là Phương đẳng (方等, S. *Vaipulya,* P. *Vedalla*) hoặc Quảng kinh (廣經), phiên âm là Tỳ-phật-lược (毗佛略), gồm các bài kinh do đức Phật hay các đệ tử Thánh trao đổi, giảng giải, triển khai sâu rộng với các vị Tăng, Ni hay cư sĩ.

11. **Vị tằng hữu** (未曾有, S. *Adbhutadharma,* P. *Abbhutadhamma*) còn gọi là Hy pháp (希法), phiên âm là A-phù-đà-đạt-ma (阿浮陀達磨), gồm các kinh nói về thần lực siêu phàm của đức Phật mà người đời khó hiểu được.

12. **Luận nghị** (論議, S. *Upadeśa*) còn gọi là Cận sự thỉnh vấn kinh (近事請問經), phiên âm là Ưu-ba-đề-xá (優波提舍), gồm các bài kinh thiên nặng về lý luận và phân tích chi tiết các khái niệm Phật học.

Danh mục 9 thể tài kinh trong văn học Pāli gồm có: 1, 2, 3, 4, 5, 8, 9, 10, 11, tức không bao gồm ba thể loại "Nhân duyên" (thứ 6), "Thí dụ" (thứ 7) và "Luận nghị" (thứ 12) như trong văn học Phật giáo Đại thừa. *Kinh Ví dụ con rắn*", số 22, trong *Trung bộ* và một số kinh khác trong *Tăng chi bộ, Luật tạng* và *Luận tạng* đều thống nhất một danh sách 9 thể loại văn học: Kinh (*Sutta*), Ứng tụng (*Geyya*), Ký thuyết (*Veyyākaraṇa*), Kệ tụng (*Gāthā*), Cảm hứng ngữ (*Udāna*), Như thị ngữ (*Itivuttaka*), Bổn sanh (*Jātaka)*, Vị tằng hữu pháp (*Abbhutadhamma*), Phương quảng (*Vedalla*).[15]

[15] Xem *A*. II. 6, 103, 177; *Vin*. III. 8; *Pug*. 43.

Có thể nói, văn học *Kinh Tiểu bộ* bao gồm tất cả 9 thể tài văn học này. Các thể tài văn học "Nhân duyên", "Thí dụ" và "Luận nghị" tuy không được đề cập trong văn học Thượng Tọa bộ, nhưng trên thực tế, văn học Kinh tạng Pāli đều có các nội dung này. Do đó, có thể khẳng định rằng 16 tập trong *Kinh Tiểu bộ* có mối quan hệ mật thiết với hai hệ thống thể tài văn học của Thượng Tọa bộ và Đại thừa.

4. Niên đại và tác giả của *Kinh Tiểu bộ*

Đại Chúng bộ, Hóa Địa bộ và Pháp Tạng bộ chấp nhận đưa *Kinh Tiểu bộ* vào danh mục Kinh tạng của mình, đang khi một số bộ phái chỉ chấp nhận bốn bộ kinh Pāli. Ở chừng mực nào đó, *Kinh Tiểu bộ* của Phật giáo Thượng Tọa bộ là ví dụ mở rộng của Tiểu tạng (*Khuddaka Piṭaka*).[16]

Dựa vào văn bản học, chúng ta có thể truy nguyên niên đại của *Kinh Tiểu bộ* gồm giai đoạn đầu và giai đoạn sau khác nhau.[17] Sáu tuyển tập của *Kinh Tiểu bộ* được ra đời trong giai đoạn đầu gồm *Kinh Pháp cú, Kinh Phật tự thuyết, Kinh Phật thuyết như vậy, Kinh tập, Trưởng lão Tăng kệ* và *Trưởng lão Ni kệ*. Tuyển tập ra đời trong giai đoạn sau gồm *Chuyện Thiên cung, Chuyện Ngạ quỷ, Diễn giải* (*Nghĩa thích*), *Phân tích đạo* (*Vô ngại giải đạo*), *Thánh nhân ký sự, Phật sử, Hạnh tạng, Tiểu tụng* và sau nhất là *Milinda vấn đạo*. Riêng *Chuyện Tiền thân* có hơn 500 câu chuyện ra đời trong giai đoạn đầu và một số câu chuyện được bổ sung trong giai đoạn sau.

Về niên đại ra đời, Giáo sư Oliver Abeynayaka cho rằng *Kinh Tiểu bộ* được ra đời gần với giai đoạn hình thành văn học A-tỳ-đạt-ma.[18] *Kinh Tiểu bộ* được hình thành và phát triển trong khoảng thời gian dài, bắt đầu từ thời đức Phật qua hình thức khẩu truyền cho đến Đại hội Kết tập kinh điển lần thứ 3 (*The Third Buddhist Council*) vào thế kỷ III TTL tại Pāṭaliputta, thủ phủ của Đại đế Asoka.[19] Giáo sư Rhys Davids dựa vào việc sử dụng khái niệm "người thông suốt năm bộ kinh Pāli" (*pañcanekāyika*) trên các chỉ dụ vào thế kỷ III TTL, gián tiếp chứng minh rằng *Kinh Tiểu bộ* ra đời vào thế kỷ III TTL.[20]

---

[16] Xem chi tiết trong Hirakawa Akira, *A History of Indian Buddhism*, tr. and ed. by Paul Groner (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers, 1993), p. 128: "Though Buddhist schools such as the Mahisāsaka, Dharmaguptaka and Mahāsaṁghika included a *Khuddaka Piṭaka* in their canons, the *Khuddaka Nikāya* of the Theravāda school is the only extant example of such a *Khuddaka Piṭaka*."

[17] Giáo sư Oliver Abeynayake, "*A Textual and Historical Analysis of the Khuddaka Nikāya*" (*Phân tích phương diện lịch sử và văn bản của Kinh Tiểu bộ*) (Colombo: Tisara Press, 1984), p. 113, đưa ra luận điểm này với nhiều dẫn chứng thuyết phục: "The *Khuddaka Nikāya* can easily be divided into two strata, one being early and the other late. The texts *Sutta Nipāta*, *Itivuttaka*, *Dhammapada*, *Therīgāthā*, *Theragāthā*, *Udāna* and *Jātaka* belong to the early stratum and the texts *Khuddakapāṭha*, *Vimānavatthu*, *Petavatthu*, *Niddesa*, *Paṭisambhida*, *Apadāna*, *Buddhavaṃsa* and *Cariyapiṭaka* can be categorized in the later stratum."

[18] Xem Oliver Abeynayaka, *A Textual and Historical Analysis of the Khuddaka Nikāya* (Colombo: Tisara Press, 1984), p. 116.

[19] Xem chi tiết tại sách, Charles Willemen, Bart Dessein, Collett Cox, *Sarvāstivāda Buddhist Scholasticism* (*Handbuch Der Orientalistik*) (Leiden: Brill, 1998), p. 45.

[20] Xem T. W. Rhys Davids, *Buddhist India* (London: G. P. Putnam's Sons, 1903), p. 168.

Về tác giả, phần lớn các học giả Phật giáo Nam truyền đều cho rằng đức Phật và một số vị A-la-hán là tác giả truyền miệng của 15 tập kinh đầu, đang khi hai tập 16-17 do Ngài Kaccāna (Ca-chiên-diên) làm tác giả, và tập 18[21] do Ngài Nāgasena trước tác. Bằng phương pháp phân tích văn bản học, Giáo sư Oliver Abeynayaka chứng minh rằng nếu bốn bộ kinh điển Pāli là do đức Phật thuyết giảng thì các bản văn thuộc *Kinh Tiểu bộ* do các vị đệ tử Thánh của đức Phật thuyết giảng hoặc biên tập.[22] Giáo sư A. K. Warder cho rằng tính tác giả của *Kinh Tiểu bộ* rất khó chứng minh rõ ràng. Có nhiều bài kinh do đức Phật giảng, đang khi nhiều bài kinh khác có thể do các vị đệ tử Thánh thuyết giảng hoặc biên tập.[23]

5. Phân loại và số lượng bản văn thuộc *Kinh Tiểu bộ*

Có bốn phân loại chính về *Kinh Tiểu bộ*: Bộ 14 tập, 15 tập, 17 tập và 18 tập. Theo *Thiện Kiến luật Tỳ-bà-sa* (善見律毘婆沙) quyển 1, *Kinh Tiểu bộ* chỉ có 14 tập, không bao gồm *Tiểu tụng* (*Khuddakapāṭha,* 小誦).[24]

Căn cứ theo *Chú giải Luật tạng* (*Samantapāsādika*) bản Pāli, cũng như lời tựa của bản *Chú giải Kinh Trường bộ* (*Sumaṅgalavilāsinī*) bản Pāli, do có bổ sung *Tiểu tụng* nên *Kinh Tiểu bộ* gồm có 15 tập.[25] Số lượng tuyển tập này tương ứng với phân loại Tam tạng Phật giáo Thái Lan (泰國所傳巴利三藏). Theo Étienne Lamotte, *Kinh Tiểu bộ* gồm 15 tập kinh thuộc Phật giáo Thượng Tọa bộ, trường phái Phật giáo duy nhất có đầy đủ *Kinh Tiểu bộ*.[26]

Căn cứ vào Lời tựa của ấn bản đầu trong *Chú giải Kinh Trường bộ* do Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) biên soạn vào thế kỷ V, các nhà đọc tụng *Kinh Trường bộ* (*Dīgha-bhāṇaka,* 長部誦者, 長部誦師) chỉ liệt dẫn ra các tập 2-12 trong *Kinh Tiểu bộ*, trong khi các nhà đọc tụng *Kinh Trung bộ* (*Majjhima-bhāṇaka,* 中部誦者, 中部誦師) liệt dẫn ra 14 tập gồm 2-15 trong

---

[21] Theo cách phân loại Tam tạng của Phật giáo Miến Điện, *Tiểu bộ* có tất cả 18 tập, trong đó tập 16 là *Chỉ đạo luận* hay còn gọi là *Cẩm nang học Phật* (*Nettipakaraṇa*) và tập 17 là *Tạng thích* hay còn gọi là *Chú thích Kinh tạng* (*Peṭakopadesa*).

[22] Xem Oliver Abeynayaka, *A Textual and Historical Analysis of the Khuddaka Nikāya* (Colombo: Tisara Press, 1984), p. 16: "It is believed that the first four *Nikāyas* contain discourses preached by the Buddha, whereas the texts of the *Khuddaka Nikāya* are compositions of the disciples."

[23] Xem A. K. Warder, *Indian Buddhism* (Delhi: Motilal Banarsidass, 2000), p. 202-03.

[24] *Thiện Kiến luật Tỳ-bà-sa* 善見律毘婆沙 (*T*.04. 1462.1 0676a07-10): 法句, 喻, 軀陀那, 伊諦佛多伽, 尼波多, 毘摩那卑, 多涕羅, 涕利, 伽陀, 本生, 尼涕婆波, 致參毘陀, 佛種性經, 若用藏者, 悉入屈陀迦。

[25] Tác phẩm *Samantapāṣādikā*, còn có tên khác là *Pārājikakaṇḍa-aṭṭhakathā* (*paṭhamo bhāgo*). Chú giải chương Ba-la-di, phần mở đầu đã nêu: "Khuddakapāṭha-dhammapada-udāna-itivuttaka-suttanipāta-vimānavatthu-petavatthu-theragāthā-therīgāthā-jātaka-niddesa-paṭisambhidā-apadāna-buddhavaṃsa-cariyāpiṭakavasena pannaraṣappabhedo khuddakanikāyoti." Bản Hán dịch tác phẩm này cũng ghi nhận tương tự như vậy. Xem *Nhất thiết Thiện Kiến luật chú tự* 一切善見律註序 (*N*.70. 0036.1. 0019a06-08): 由小誦經, 法句經, 自說經, 如是語經, 小經, 集經, 天宮事經, 餓鬼事經, 長老長老尼偈經, 本生經, 義釋經, 無礙解道經, 譬喻經, 佛種姓經, 所行藏經, 之十五分為小部。 Trong đoạn này cũng có sự nhầm lẫn nhỏ, dịch giả xưa đã thêm "*Tiểu kinh*" (小經) vào danh sách *Kinh Tiểu bộ* này, và gộp "*Trưởng lão Tăng kệ*" và "*Trưởng lão Ni kệ*" thành một.

[26] Étienne Lamotte, (1956) "Problèmes Concernant les Textes Canoniques *Mineurs*", *Journal Asiatique*, số 244, tr. 249-64.

Kinh Tiểu bộ. Bản *Chú giải Luật tạng* (*Samantapāsādikā*)[27] giới thiệu *Kinh Tiểu bộ* gồm tập 1-15 như ấn bản chúng ta có hiện nay, đang khi tác phẩm *Aṭṭhasālinī*, bản *Chú giải A-tỳ-đạt-ma*[28] đề cập chỉ có 14 bản văn, không có *Tiểu tụng* (*Khuddakapāṭha*).[29]

Chú giải về Lời tựa Kinh Trường bộ bằng tiếng Pāli cho rằng chỉ có sự khác biệt về cách phân loại số lượng các tập kinh trực thuộc, hoàn toàn không khác biệt về nội dung của *Kinh Tiểu bộ*. Sở dĩ có sự khác biệt về số lượng các tập kinh trong *Kinh Tiểu bộ* là do tình trạng gộp lại của một số tập kinh, trong khi một số nhà đọc tụng *Kinh Trường bộ* và *Kinh Trung bộ* có khuynh hướng tách lập các bộ kinh riêng biệt. Chẳng hạn các nhà đọc tụng *Kinh Trường bộ* đề cập đến việc trùng tuyên 11 bản văn (ngoại trừ *Tiểu tụng, Thánh nhân ký sự, Phật sử* và *Hạnh tạng*). Trên thực tế, các bản văn này đã được gộp vào trong ấn bản của 11 bản văn trước.[30]

Theo phân loại của Tam tạng Phật giáo Tích Lan, *Kinh Tiểu bộ* có 17 tập kinh do bổ sung hai tuyển tập gồm "*Chỉ đạo luận*" hay còn gọi là "*Cẩm nang học Phật*" (*Nettippakaraṇa*, 指導論) và "*Tạng thích*" hay "*Giải thích kinh*" (*Peṭakopadesa*, 藏釋). Tam tạng Phật giáo Miến Điện bổ sung tập *Milindapañha* (*Milinda vấn đạo*), tức bản tiếng Hán "*Di-lan vương vấn*" (彌蘭王問) hay *Di-lan-đà vấn* (彌蘭陀問) nên *Kinh Tiểu bộ* của Miến Điện gồm 18 tập.[31]

Ấn bản *Kinh Tiểu bộ* gồm 18 tập của Phật giáo Miến Điện được biên tập trong Đại hội Kết tập Tam tạng Phật giáo lần thứ 5 (*Pañcamasaṃgāyanā, The Fifth Buddhist Council*) tại thành phố Mandalay, Miến Điện vào năm 1871, dưới sự bảo trợ của Vua Mindon.[32] Tại Đại hội Kết tập Tam tạng Phật giáo lần thứ 6 (*Chaṭṭha Saṅgāyana, The Sixth Buddhist Council*) vào năm 1954 tại chùa Kaba Aye, thành phố Yangon, Miến Điện, nhân dịp nước này kỷ niệm 2500 năm đức Phật nhập Niết-bàn, Tam tạng Thánh điển Pāli được thống nhất một lần nữa, từ đó Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka (CST) chính thức ra đời, và *Kinh Tiểu bộ* cũng có 18 tập.

[27] J. Takakusu and M. Nagai (eds.), *Samantapāsādikā*: *Buddhaghosa's Commentary on the Vinaya Piṭaka*, 8 vols, (London: PTS, 1947-75), p. 12-15.

[28] Edward Müller (ed.), *The Aṭṭhasālinī*: *Buddhaghosa's Commentary on the Dhammasaṅginī* (London: PTS, 1979), p. 26.

[29] Xem Oskar von Hinüber, *A Handbook of Pāli Literature* (New Delhi: Munshiram Manoharlal, 1997), p. 42.

[30] Tham chiếu: T. W. Rhys Davids, J. E. Carpenter and W. Stede (eds.), *The Sumaṅgalavilāsinī*: *Buddhaghosa's Commentary on the Dīgha Nikāya*, vol. I. (London: PTS, 1886-1932), p. 15.

[31] Trong tác phẩm *An Introduction to Pāli Literature* (Calcutta, India: Punthi Pustak, 1964), p. 43, S. C. Banerji cho rằng: "*Kinh Tiểu bộ* theo truyền thống Miến Điện có tất cả 19 tập, bao gồm 15 tập trên và các tập sau: 1) *Milindapañha*, 2) *Suttasaṃgaha*, 3) *Peṭakopadesa*, 4) *Netti* hay *Nettipakaraṇa*." *Phật Quang đại từ điển* cũng cho rằng ấn bản *Kinh Tiểu bộ* của Phật giáo Miến Điện gồm có 19 tập (十九部), tức là tính thêm bộ *Suttasaṃgaha* (經集). Tham chiếu tại đường dẫn: http://buddhaspace.org/dict/fk/data/ (truy cập ngày 13/01/2021).

[32] Xem thông tin chi tiết trong sách: Mendelson, *Sangha and State in Burma* (*Tăng đoàn và Nhà nước tại Miến Điện*), (Ithaca, New York: Cornell University Press, 1975), pp. 276ff.

Tựa tiếng Việt, Pāli, Hán	**Tiếng Anh**	**Ấn bản**
(1) *Tiểu tụng* (*Khuddakapāṭha*, 小誦)	*The Short Passages*	PTS, Tích Lan, Thái Lan, Miến Điện, CST, CBETA
(2) *Kinh Pháp cú* (*Dhammapada*, 法句)	*Verses on Dhamma*	- nt -
(3) *Kinh Phật tự thuyết* (*Udāna*, 自說)	*Inspired Utterances*	- nt -
(4) *Kinh Phật thuyết như vậy* (*Itivuttaka*, 如是語)	*Thus It Was Said*	- nt -
(5) *Kinh tập* (*Suttanipāta*, 經集)	*Group of Discourses*	- nt -
(6) *Chuyện Thiên cung* (*Vimānavatthu*, 天宮事)	*Stories of Heavenly Abodes*	- nt -
(7) *Chuyện Ngạ quỷ* (*Petavatthu*, 餓鬼事)	*Stories of Hungry Ghosts*	- nt -
(8) *Trưởng lão Tăng kệ* (*Theragāthā*, 長老偈)	*Verses of the Male Elders*	- nt -
(9) *Trưởng lão Ni kệ* (*Therīgāthā*, 長老尼偈)	*Verses of the Female Elders*	- nt -
(10) *Chuyện Tiền thân* (*Jātaka*, 本生)	*Birth Stories*	- nt -
(11) *Diễn giải* (*Niddesa*, 義釋)	*Exposition*	- nt -
(12) *Phân tích đạo* (*Paṭisambhidāmagga*, 無礙解道)	*Way of Analysis*	- nt -
(13) *Thánh nhân ký sự* (*Apadāna*, 譬喻)	*Legends*	- nt -
(14) *Phật sử* (*Buddhavaṃsa*, 佛種姓)	*Lineage of the Buddhas*	- nt -
(15) *Hạnh tạng* (*Cariyāpiṭaka*, 行藏)	*Basket of Conduct*	- nt -
(16) *Chỉ đạo luận* (*Nettipakaraṇa*, 指導論)	*The Guide*	PTS, Tích Lan, Miến Điện và CST

(17) *Tạng thích* (*Peṭakopadesa*, 藏釋)	*Piṭaka Disclosure*	PTS, Tích Lan, Miến Điện và CST
(18) *Milinda vấn đạo* (*Milindapañha*, 彌蘭王問)	*Questions of Milinda*	PTS, Miến Điện và CST.

Kế thừa việc bổ sung và chọn lọc ấn bản *Kinh Tiểu bộ* của các nước Phật giáo Nam truyền, Ban Biên tập đã thống nhất ấn bản *Kinh Tiểu bộ* thuộc *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* có 16 tập, gồm 15 tập đầu theo truyền thống chú giải của Phật giáo Thượng Tọa bộ từ thời Ngài Buddhaghosa và thêm tập thứ 18 như ấn bản PTS, Miến Điện và Ấn Độ (CST) ngày nay.

6. Dịch giả, bản dịch và nguyên tác *Kinh Tiểu bộ*

Trong bộ này có tất cả 16 tuyển tập, với ba dịch giả: Hòa thượng Thích Minh Châu, cư sĩ Nguyên Tâm – Trần Phương Lan và Tỳ-khưu Indacanda.

(1) Hòa thượng Thích Minh Châu dịch 7 tập, gồm: *Tiểu tụng, Kinh Pháp cú, Kinh Phật tự thuyết, Kinh Phật thuyết như vậy, Kinh tập, Trưởng lão Tăng kệ, Trưởng lão Ni kệ* và 120 câu chuyện đầu của *Chuyện Tiền thân.*

Đối với *Trưởng lão Tăng kệ* và *Trưởng lão Ni kệ*, Hòa thượng dựa vào bản *Chú giải* (*Aṭṭhakathā*) của hai bản kinh này để dịch và có tham khảo bản tiếng Anh "*Psalms of the Early Buddhist*" do Bà Rhys Davids dịch, PTS xuất bản năm 1909 (*Psalms of the Sisters*) và 1913 (*Psalms of the Brethren*).

(2) Cư sĩ Nguyên Tâm – Trần Phương Lan đã tham gia công tác phiên dịch cao quý này với hai tuyển tập *Chuyện Thiên cung* (*Thiên cung sự*), *Chuyện Ngạ quỷ* (*Ngạ quỷ sự*) và 427 câu chuyện tiền thân còn lại từ nguyên tác tiếng Anh, vốn được dịch từ *Chú giải.*

Về bản dịch *Chuyện Thiên cung* và *Chuyện Ngạ quỷ*, dịch giả dựa vào bản dịch tiếng Anh: *The Minor Anthologies of the Pali Canon (Part IV) - Vimāna Vatthu: Stories of Mansion, Peta Vatthu: Stories of the Departed* của Jean Kennedy và Henry S. Gehman, do Bà Rhys Davids biên tập và viết lời giới thiệu, PTS xuất bản năm 1942.

Tập *Chuyện Tiền thân đức Phật* (*Bổn sanh*) gồm 547 câu chuyện, được Robert Chalmers, W. H. D. Rouse, H. T. Francis, R. A. Neil, E. B. Cowell dịch sang Anh ngữ và được E. B. Cowell biên tập thành 6 tập, do PTS xuất bản năm 1895.

Điểm lưu ý khác, bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu và cư sĩ Nguyên Tâm – Trần Phương Lan dựa vào nguyên tác Pāli của Hội PTS ấn hành, khá khớp với phiên bản CST, do đó, Ban Biên tập đã đánh số bản dịch Việt theo CST, đồng bộ với 4 bộ đã ấn hành để tiện việc tra cứu. Nhiều thi kệ trong

tập *Chuyện Tiền thân* của ấn bản trước bị tỉnh lược và dịch ra Việt văn bằng văn xuôi, Ban Biên tập thống nhất dịch đủ và đúng theo thể văn vần như trong nguyên tác vốn có, để giữ được tính thi ca trong văn học Pāli, đồng thời bổ sung thêm những câu, đoạn bị thiếu, hoặc đánh máy nhầm, sai sót.

(3) Vị thứ ba đóng vai trò khá quan trọng trong việc hoàn thiện Tam tạng Thánh điển Pāli này là Tỳ-khưu Indacanda. Với sự nhẫn nại, kiên trì và hoài bão đóng góp cho kho tàng Pháp bảo Phật giáo Việt Nam, Tỳ-khưu Indacanda đã và đang dịch các kinh, luật, luận, chú giải chưa được dịch sang tiếng Việt.[33] Đối với Kinh tạng của bộ *TTTĐPGVN* này, có 6 dịch phẩm của Tỳ-khưu Indacanda được đưa vào: *Diễn giải* (*Đại diễn giải* và *Tiểu diễn giải*), *Phân tích đạo, Thánh nhân ký sự, Phật sử, Hạnh tạng* và *Milinda vấn đạo.* Trong 6 bản dịch này, với tính đặc thù của nguyên tác Pāli Tích Lan, Ban Biên tập giữ nguyên theo cách chữ đậm, chữ nghiêng, đánh số bản dịch của dịch giả.

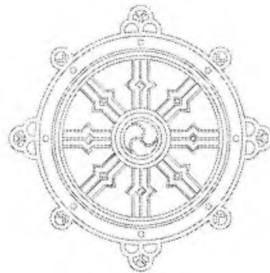
Nội dung khái lược của từng tập trong bộ này được giới thiệu trước mỗi tập trong *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam.*

Cẩn chí,

Mùa An cư PL. 2565 – DL. 2021

TT.TS. Thích Nhật Từ

(Đồng Tổng Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam)



[33] Xem các bản dịch *Tam tạng Pāli-Việt* của Tỳ-khưu Indacanda (Sri Lanka: Buddhist Cultural Center), xuất bản từ năm 2007-2018, hoặc https://www:tamtangpaliviet.net/.

MỤC LỤC

ĐẠI DIỄN GIẢI

TIỂU DIỄN GIẢI

PHÂN TÍCH ĐẠO

ĐẠI DIỄN GIẢI
(*MAHĀNIDDESAPĀḶI*)

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU CỦA DỊCH GIẢ

Niddesa là tựa đề của tập kinh thứ 11 trong 15 tập[1] thuộc *Khuddakanikāya* (*Tiểu bộ*) - bộ thứ năm của *Suttantapiṭaka* (tạng Kinh) sau *Dīghanikāya* (*Trường bộ*), *Majjhimanikāya* (*Trung bộ*), *Saṃyuttanikāya* (*Tương ưng bộ*) và *Aṅguttaranikāya* (*Tăng chi bộ*). Việc xác định *Khuddakanikāya* gồm có 15 tập (*pannarasappabhedo khuddakanikāyo*) được căn cứ vào một số văn bản Chú giải do công soạn thảo của Ngài Buddhaghosa với thứ tự như được trình bày dưới đây:

1. *Khuddakapāṭha* (*Tiểu tụng*)
2. *Dhammapada* (*Pháp cú*)
3. *Udāna* (*Phật tự thuyết*)
4. *Itivuttaka* (*Phật thuyết như vậy*)
5. *Suttanipāta* (*Kinh tập*)
6. *Vimānavatthu* (*Chuyện Thiên cung*)
7. *Petavatthu* (*Chuyện Ngạ quỷ*)
8. *Theragāthā* (*Trưởng lão kệ*)
9. *Therīgāthā* (*Trưởng lão Ni kệ*)
10. *Jātaka* (*Bổn sanh*)
11. *Niddesa* (*Diễn giải*)
12. *Paṭisambhidāmagga* (*Phân tích đạo*)
13. *Apadāna* (*Thánh nhân ký sự*)
14. *Buddhavaṃsa* (*Phật sử*)
15. *Cariyāpiṭaka* (*Hạnh tạng*)[2]

Niddesa là danh từ nam tánh, có ý nghĩa là "sự chỉ ra, sự phân tích" và được phát xuất từ động từ *niddisati* (ni+√dis+a) có ý nghĩa là "chỉ ra, giải ra, định rõ." Chúng tôi chọn tựa đề tiếng Việt cho tập *Kinh Niddesa* là "*Diễn giải.*" *Kinh Niddesa* được trình bày thành 2 cuốn: *Mahāniddesa* (*Đại diễn giải*) và *Cullaniddesa* / *Cūḷaniddesa* (*Tiểu diễn giải*). Từ Pāḷi được gắn thêm sau mỗi tựa đề *Mahāniddesapāḷi* và *Cullaniddesapāḷi*, để khẳng định rằng

---

[1] *Tiểu bộ* thuộc *Tam tạng Thánh điển PGVN* có 16 tập. (BBT)

[2] *DA*. I. 17; *VinA*. I. 18; *DhsA*. 18.

văn bản này thuộc về Chánh tạng của Tam tạng (*Tipiṭaka*). Theo quan điểm cá nhân, chúng tôi hiểu rằng hai tính từ "*mahā*" và "*culla*" (hoặc "*cūḷa*" do sự khác biệt về cách phát âm) được thêm vào trước tựa đề của các tập sách hoặc bài kinh có thể hiểu theo nghĩa "đại" và "tiểu" (lớn và nhỏ), hoặc "thượng" và "hạ" (trên và dưới), hay đơn giản hơn chỉ là "tập 1" và "tập 2" (trước và sau). Nội dung *Mahāniddesapāḷi* và *Cullaniddesapāḷi* được ghi nhận như sau:

- *Mahāniddesapāḷi* giải thích về 210 câu kệ (*gāthā*) của 16 bài kinh (*sutta*) thuộc *Aṭṭhakavagga* (*Phẩm Nhóm tám*) của tập *Suttanipātapāḷi* (*Kinh tập*) thuộc *Tiểu bộ*, tạng Kinh.

- *Cullaniddesapāḷi* giải thích về 119 câu kệ thuộc *Pārāyanavagga* (*Phẩm Đường đi đến bờ kia*), cộng thêm vào 41 câu kệ của bài *Khaggavisāṇasutta* (*Kinh Sừng tê ngưu*) thuộc *Uragavagga* (*Phẩm Rắn*) cũng của tập *Suttanipātapāḷi* thuộc *Tiểu bộ*, tạng Kinh.

Tác giả của *Niddesa* được ghi nhận là Ngài Sāriputta, vị Thượng thủ Thinh văn của đức Phật. Điều này được thấy ghi lại ở phần mở đầu (*ganthārambhakathā*) của tài liệu *Chú giải Saddhammapajjotikā* của tập kinh này.[3] Phần cuối của tập sách cho biết: *Chú giải* này[4] còn có tên gọi khác nữa là *Niddesavaṇṇanā* và đã được thực hiện bởi vị Đại Trưởng lão Upasena lúc vị ấy cư ngụ ở một gian phòng được xây dựng bởi Kittisena tại phía Tây của Mahāthūpa thuộc Mahāvihāra (Đại tự), ở khu vực phía Nam của kinh thành Anurādhapura vào năm thứ 26 thuộc triều đại của đức Vua Sirinivāsa Sirisaṅghabodhi.[5] Cũng có thể gọi tập *Chú giải* này với tên *Niddesa-aṭṭhakathā*, hoặc có thể gọi theo tên gọi riêng của từng tập là *Mahāniddesa-aṭṭhakathā* và *Cullaniddesa-aṭṭhakathā* theo sự phân chia thành hai tập như đã được đề cập ở trên.

Về thời điểm của tập *Niddesa* như đã được xác định bởi vị Đại Trưởng lão Upasena, tác giả của tài liệu *Chú giải Saddhammapajjotikā*, thì tập này đã có từ thời đức Phật còn tại tiền. Căn cứ vào những chứng cứ cụ thể qua văn tự được báo hiệu bởi cụm từ: "*Vuttaṃ hetaṃ bhagavatā*" (bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến) và không có ghi thêm xuất xứ nào khác, chúng ta có thể đưa ra nhận xét rằng tập *Niddesa* được hình thành rất sớm, lúc lời dạy đức Phật đã được lưu truyền trong chúng đệ tử của Ngài, nhưng còn chưa được phân chia thành Tam tạng như cách trình bày hiện tại. Ngày nay, chúng ta có thể sử dụng máy vi tính để tìm thấy những trích dẫn ấy ở các văn bản Pāḷi thuộc tạng Kinh như là: *Dīghanikāya*, *Majjhimanikāya*, *Saṃyuttanikāya*, *Aṅguttaranikāya*, và các tập kinh thuộc *Khuddakanikāya* như là: *Dhammapada*, *Jātaka*, *Udāna*, *Itivuttaka*, *Theragāthā*, v.v... Bên cạnh đó, còn có một số câu trích dẫn được tìm thấy ở tạng

[3] *MNidA*. I. 1.

[4] *CNidA*. 151.

[5] Vị vua này được xác định là Aggabodhi (564-598) (*Encyclopaedia of Buddhism*, vol. VII, The Department of Buddhist Affairs, Ministry of Buddhasāsana, Sri Lanka, 2003, trang 170).

Abhidhamma (*Vi diệu pháp*) nữa. Một yếu tố về thời gian khác nữa là *Chú giải Samantapāsādikā* về tạng Luật có ghi lại câu chuyện rằng: Có một thời kỳ chỉ còn lại chỉ một vị thuộc lòng tập *Niddesa*,[6] và điều này làm tiền đề cho việc kết tập Tam tạng lần thứ IV tại Sri Lanka, rồi được ghi xuống bằng chữ viết trên lá buông vào thế kỷ I TTL. Như vậy, có thể kết luận rằng tập *Kinh Niddesa* vốn đã được lưu truyền trước thời kỳ kết tập ấy.

Xét về thể loại, Giáo sư Oliver Abeynayake nhận xét ở sách *A Textual and Historical Analysis of the Khuddaka Nikāya* như sau: "*Niddesa* được xếp vào thể loại *Sutta* trong chín thể loại (*navaṅga*) bởi Chú giải sư Buddhaghosa. Ở tập *Chú giải của Nettipakaraṇa*, Chú giải sư Dhammapāla công nhận quan điểm của Ngài Buddhaghosa. Về vấn đề này, vị Upasena, tác giả của tập *Chú giải Niddesa* có quan điểm khác biệt. Vị ấy có ý kiến là *Niddesa* nên được xếp vào thể loại *Gāthā* và *Veyyākaraṇa* (*gāthāveyyākaraṇaṅgaddvaya saṅgahīto*). Điều đáng lưu ý ở đây là ý kiến của vị Upasena đã bị phê phán ở *Sāratthadīpanī* (Sớ giải của Chú giải *Samantapāsādikā*) được viết bởi vị Sāriputta ở thời kỳ Polonnaruwa (thế kỷ XII). Tác giả của *Sāratthadīpanī* có vẻ tán thành quan điểm của Buddhaghosa và Dhammapāla, mặc dầu vị ấy thừa nhận việc sắp xếp *Niddesa* vào thể loại *Veyyākaraṇa* là hợp lý, dựa trên nền tảng là các câu hỏi và các câu trả lời (*pucchāvissajjanā*) được tìm thấy ở *Niddesa*. Vị ấy hướng sự chú ý của chúng ta đến câu hỏi là *Niddesa* có nên hay không nên được xếp vào thể loại *Gāthā*. Phần trình bày ở *Sāratthadīpanī* dẫu sao cũng có ý nghĩa quan trọng trong việc trình bày về sự tranh luận phổ biến có tính chất truyền thống liên quan đến tập *Niddesa* của chúng ta" (160-161).

Về nội dung, *Niddesa* được xem là một tài liệu chú giải cổ. Cách thức giải thích của *Niddesa* có nhiều khác biệt so với các văn bản chú giải của các Chú giải sư Buddhadatta, Buddhaghosa, Dhammapāla, v.v... từ thế kỷ V Tây lịch trở về sau. Cách thức giải thích được thấy ở *Niddesa* thường là một danh sách dài các từ đồng nghĩa, và sự giải thích như vậy được lặp lại mỗi khi từ cần giải thích xuất hiện. Một điểm được ghi nhận khác nữa là *Niddesa* chú trọng đến việc giải thích từng từ, nhóm từ hoặc một phần của kệ ngôn; qua việc làm đó, ý nghĩa của câu kệ được phô bày, chứ không có phần giải thích ý nghĩa tổng thể của toàn bộ câu kệ. Nhiều chỗ, việc giải thích được thực hiện bằng cách trích dẫn các lời dạy của đức Phật. *Niddesa* cũng không trình bày các giai thoại, các tích truyện có liên quan đến vấn đề đang được giải thích. Các thuật ngữ về văn phạm không được tìm thấy, nhưng lại có định nghĩa của một số từ vựng, ví dụ như: *iti*, *addha*, *āyasmā*, *na*, v.v... Hoặc một số thuật ngữ hầu như chỉ có riêng ở *Niddesa* mà không thấy ở các tập kinh khác, ví dụ như việc phân tích và giải nghĩa về 6 hạng *Muni*: *Agāramuni* (Hiền trí tại gia), *Anagāramuni* (Hiền trí xuất gia), *Sekhamuni* (Hiền

[6] *VinA*. III. 695.

trí Hữu học), *Asekhamuni* (Hiền trí Vô học), *Paccekamuni* (Hiền trí Độc giác), *Munimuni* (Hiền trí của các bậc Hiền trí, Hiền trí Toàn Giác); 2 loại *kāma* (dục): *vatthukāma* (vật dục) và *kilesakāma* (ô nhiễm dục); 5 loại con mắt đã được khai mở (*vivaṭacakkhu*) của đức Phật: *maṃsacakkhu* (nhục nhãn), *dibbacakkhu* (thiên nhãn), *paññācakkhu* (tuệ nhãn), *Buddhacakkhu* (Phật nhãn), *samantacakkhu* (toàn nhãn), v.v... Tuy nội dung của *Niddesa* có tính chất chú giải, nhưng vẫn là văn bản được xếp vào *Tiểu bộ*, tạng Kinh, thuộc *Chánh tạng* như đã được ghi lại bởi Chú giải sư Buddhaghosa.

Nội dung của tập thứ nhất, *Mahāniddesapāḷi*, được chia thành 16 phần dựa theo 16 bài kinh (*sutta*) ở văn bản gốc (*Suttanipātapāḷi*, *Kinh tập*) cụ thể như sau:

1. *Kāmasuttaniddeso* (*Diễn giải kinh về dục*)
2. *Guhaṭṭhakasuttaniddeso* (*Diễn giải kinh nhóm tám về hang*)
3. *Duṭṭhaṭṭhakasuttaniddeso* (*Diễn giải kinh nhóm tám về xấu xa*)
4. *Suddhaṭṭhakasuttaniddeso* (*Diễn giải kinh nhóm tám về trong sạch*)
5. *Paramaṭṭhakasuttaniddeso* (*Diễn giải kinh nhóm tám về tối thắng*)
6. *Jarāsuttaniddeso* (*Diễn giải kinh về sự già*)
7. *Tissametteyyasuttaniddeso* (*Diễn giải kinh về Tissametteyya*)
8. *Pasūrasuttaniddeso* (*Diễn giải kinh về Pasūra*)
9. *Māgandiyasuttaniddeso* (*Diễn giải kinh về Māgandiya*)
10. *Purābhedasuttaniddeso* (*Diễn giải kinh trước khi hoại rã*)
11. *Kalahavivādasuttaniddeso* (*Diễn giải kinh cãi cọ và tranh cãi*)
12. *Cūlaviyūhasuttaniddeso* (*Diễn giải kinh sự dàn trận nhỏ*)
13. *Mahāviyūhasuttaniddeso* (*Diễn giải kinh sự dàn trận lớn*)
14. *Tuvaṭakasuttaniddeso* (*Diễn giải kinh một cách nhanh chóng*)
15. *Attadaṇḍasuttaniddeso* (*Diễn giải kinh uế hạnh của bản thân*)
16. *Sāriputtasuttaniddeso* (*Diễn giải kinh về Sāriputta*)

Các kệ ngôn trong tổng số 210 kệ ngôn của 16 phần trên được giải thích tuần tự đúng theo thứ tự ở tập *Suttanipātapāḷi* và được trình bày theo chữ nghiêng hay tô đậm để tiện việc phân biệt.

Một cách tóm tắt, tập *Mahāniddesapāḷi* giúp cho người học Phật củng cố về mặt tri kiến, cũng như về lãnh vực tu tập với lời giải thích chi tiết phần giáo lý về các dục và sự đắm nhiễm tham ái của bản thân, từ đó dẫn đến các trạng thái ô nhiễm và chấp thủ tà kiến khiến con người không nắm được bản thể thật của thế gian, sanh-già-bệnh-chết, rồi lao vào các cuộc tranh cãi, sanh khởi ngã mạn, chìm đắm vào trạng thái mê muội và xa lìa sự giác ngộ.

Về phương diện dịch thuật và trình bày văn bản tiếng Việt, chúng tôi đã ghi nghĩa Việt của các kệ ngôn bằng văn xuôi nhằm diễn tả trọn vẹn ý nghĩa của văn bản gốc. Trong phần nhiều các trường hợp, hai dòng kệ ngôn gồm bốn *pāda* là được hoàn chỉnh về ý nghĩa. Nhưng có một vài trường hợp, ý nghĩa được nối từ kệ ngôn này sang kệ ngôn khác, thì chúng tôi dịch gom chung các kệ ngôn có liên quan lại với nhau. Trong trường hợp một số các kệ ngôn Pāḷi gồm 3 hoặc 4 dòng có ý nghĩa được tách biệt theo từng dòng một, chúng tôi ngắt câu dịch Việt thành từng dòng riêng biệt tương ứng với từng câu Pāḷi để tiện việc đối chiếu, so sánh, tìm hiểu và học hỏi.

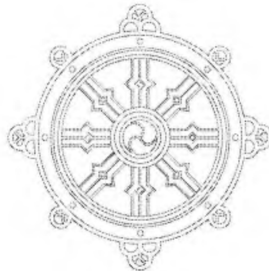
Về văn phong của lời dịch, chúng tôi chủ trương ghi lại lời tiếng Việt sát theo văn bản gốc và cố gắng không bỏ sót từ nào không dịch. Lời văn tiếng Việt của chúng tôi có chứa đựng những mấu chốt giúp cho những ai có ý thích nghiên cứu Pāḷi thấy ra được cấu trúc của loại ngôn ngữ này, đồng thời tạo sự thuận tiện cho công việc hiệu đính trong tương lai. Việc làm này của chúng tôi không hẳn đã được hoàn hảo, dẫu sao cũng là bước khởi đầu nhằm thúc đẩy phong trào nghiên cứu cổ ngữ Phật học của người Việt Nam. Tuy nhiên, một số sai sót trong quá trình phiên dịch đương nhiên không thể tránh khỏi, chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về trình độ có hạn.

Cuối cùng, ngưỡng mong phước báu phát sanh trong công việc soạn thảo tập kinh này được thành tựu đến Thầy Tổ, song thân và tất cả chúng sanh trong tam giới. Nguyện cho hết thảy đều được an vui, sức khỏe, có trí tuệ và tinh tấn tu tập ngõ hầu thành đạt cứu cánh giải thoát, chấm dứt khổ đau.

Kính bút,

Ngày 16 tháng 4 năm 2018

Tỳ-khưu Indacanda (Trương Đình Dũng)



1. DIỄN GIẢI KINH VỀ DỤC
(*KĀMASUTTANIDDESO*)

1.1. *Đối với người ham muốn về dục, nếu điều ấy thành tựu đến người ấy, đương nhiên [người ấy] có ý vui mừng sau khi đã đạt được điều mà con người ước muốn.*

Đối với người ham muốn về dục.

Dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. Các loại nào là vật dục? Các sắc hợp ý, các thinh hợp ý, các hương hợp ý, các vị hợp ý, các xúc hợp ý, các vật trải lót, các vật đắp, các tôi trai và tớ gái, dê, cừu, gà, heo, voi, bò, ngựa, lừa, ruộng, đất, vàng, bạc, làng mạc, thị trấn, kinh thành, quốc độ, xứ sở, khu trại và nhà kho; bất cứ vật gì đưa đến sự luyến ái là vật dục.

Thêm nữa là các dục quá khứ, các dục vị lai, các dục hiện tại, các dục nội phần, các dục ngoại phần, các dục nội và ngoại phần, các dục hạ liệt, các dục trung bình, các dục cao quý; các dục thuộc địa ngục, các dục thuộc loài người, các dục thuộc cõi trời; các dục hiện tiền, các dục được tạo ra, các dục được người khác tạo ra, các dục không được tạo ra, các dục thuộc sở hữu, các dục không thuộc sở hữu, các dục được chấp là của ta, các dục không được chấp là của ta; tính luôn tất cả các pháp dục giới, tất cả các pháp sắc giới, tất cả các pháp vô sắc giới; các dục có nền tảng là tham ái, có cảnh giới là tham ái, với ý nghĩa đưa đến sự ham muốn, với ý nghĩa đưa đến sự luyến ái, với ý nghĩa đưa đến sự say đắm.

Các điều này được gọi là vật dục.

Các loại nào là ô nhiễm dục? Mong muốn là dục, luyến ái là dục, mong muốn và luyến ái là dục, tư duy là dục, luyến ái là dục, tư duy và luyến ái là dục; [ô nhiễm dục] là sự mong muốn về dục, sự luyến ái về dục, niềm vui về dục, sự tham ái về dục, sự yêu mến về dục, sự nồng nhiệt về dục, sự mê mẩn về dục, sự bám chặt vào dục, sự lôi cuốn của dục, sự gắn bó với dục, sự chấp thủ ở dục, sự che lấp do mong muốn về dục liên quan đến ngũ dục.

"Này dục, ta đã nhìn thấy gốc rễ của ngươi. Này dục, ngươi sanh lên từ sự tư duy. Ta sẽ không tư duy về ngươi nữa. Này dục, như vậy ngươi sẽ không hình thành."[1]

Các điều này được gọi là ô nhiễm dục.

---

[1] *Bổn sanh* "Thợ cạo Gaṅgamāla" (*Gaṅgamālajātakaṃ*), số 421, *TTPV*, tập 32, trang 311, câu kệ 1185. (ND)

Đối với người ham muốn: Đối với người đang ham muốn, đối với người đang ước muốn, đối với người đang ưng thuận, đối với người đang ước nguyện, đối với người đang mong cầu, đối với người đang nguyện cầu.

"Đối với người ham muốn về dục" là như thế.

Nếu điều ấy thành tựu đến người ấy.

Đến người ấy: Đến người ấy tức là đến vị Sát-đế-ly, hoặc đến vị Bà-la-môn, hoặc đến thương nhân, hoặc đến kẻ nô lệ, hoặc đến người tại gia, hoặc đến vị xuất gia, hoặc đến vị trời, hoặc đến loài người.

Điều ấy: Tức là nói đến các vật dục: Các sắc hợp ý, các thinh hợp ý, các hương hợp ý, các vị hợp ý, các xúc hợp ý.

Thành tựu: Tức là có kết quả, thành tựu, đạt được, tiếp nhận, đạt đến, tìm thấy.

"Nếu điều ấy thành tựu đến người ấy" là như thế.

Đương nhiên [người ấy] có ý vui mừng.

Đương nhiên: Từ "đương nhiên" này là lời nói nhất định, lời nói không ngờ vực, lời nói không nghi ngờ, lời nói không hai nghĩa, lời nói không gây ra sự lưỡng lự, lời nói bảo đảm, lời nói không sai trái, lời nói khẳng định.

Vui mừng: Vui mừng là sự hân hoan, sự tùy hỷ, sự vui thích, sự cười đùa, sự hài hước, sự vui lòng, sự vui sướng, sự phấn khởi, sự hoan hỷ, sự sung sướng của tâm có liên quan đến năm loại dục.

Ý: Tức là tâm, ý, ý thức, trái tim, chất xám; ý, ý xứ, ý quyền, thức, thức uẩn, từ đó ý thức giới sanh lên; điều này được gọi là ý. Ý này với sự vui mừng này là đồng hành, đồng sanh, được gắn bó, được gắn liền, cùng sanh, cùng diệt, chung một nền tảng, chung một đối tượng.

Có ý vui mừng: Có ý vui mừng là có ý vui vẻ, có ý vui thích, có ý thích thú, có ý hoan hỷ, có ý phấn khởi, có ý hài lòng, có ý mừng rỡ.

"Đương nhiên [người ấy] có ý vui mừng" là như thế.

Sau khi đã đạt được điều mà con người ước muốn.

Sau khi đã đạt được: Là sau khi nhận được, sau khi đạt đến, sau khi tìm thấy, sau khi tiếp nhận.

Con người: Là chúng sanh, đàn ông, thanh niên, người nam, cá nhân, mạng sống, người còn sanh tử, loài người, người đi theo nghiệp, nhân loại.

Điều mà con người ước muốn: Điều mà con người ước muốn là điều mà con người ưng thuận, điều mà con người ước nguyện, điều mà con người mong cầu, điều mà con người nguyện cầu: Hoặc là sắc, hoặc là thinh, hoặc là hương, hoặc là vị, hoặc là xúc.

"Sau khi đã đạt được điều mà con người ước muốn" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Đối với người ham muốn về dục, nếu điều ấy thành tựu đến người ấy, đương nhiên [người ấy] có ý vui mừng sau khi đã đạt được điều mà con người ước muốn."

1.2. *Nếu đối với người ấy, [tức là] đối với người đang ham muốn, đối với người có sự mong muốn đã sanh khởi; các dục ấy bị suy giảm thì [người ấy] bị khổ sở như là bị đâm xuyên bởi mũi tên.*

Nếu đối với người ấy, [tức là] đối với người đang ham muốn.

Nếu đối với người ấy: Tức là đối với vị Sát-đế-ly, hoặc đối với vị Bà-la-môn, hoặc đối với thương nhân, hoặc đối với kẻ nô lệ, hoặc đối với người tại gia, hoặc đối với vị xuất gia, hoặc đối với vị trời, hoặc đối với người nhân loại ấy.

Đối với người đang ham muốn: Là đối với người đang ước muốn, đối với người đang ưng thuận, đối với người đang ước nguyện, đối với người đang mong cầu, đối với người đang nguyện cầu các dục; hoặc là người bị đưa đi, bị dẫn đi, bị lôi đi, bị mang đi bởi sự tham ái về dục. Giống như người bị đưa đi, bị dẫn đi, bị lôi đi, bị mang đi bằng xe voi kéo, bằng xe ngựa kéo, bằng xe bò kéo, bằng xe dê kéo, bằng xe cừu kéo, bằng xe lạc đà kéo, bằng xe lừa kéo; tương tự như vậy là người bị đưa đi, bị dẫn đi, bị lôi đi, bị mang đi bởi sự tham ái về dục.

"Nếu đối với người ấy, [tức là] đối với người đang ham muốn" là như thế.

Đối với người có sự mong muốn đã sanh khởi.

Mong muốn: Là sự mong muốn về dục, sự luyến ái về dục, niềm vui về dục, sự tham ái về dục, sự yêu mến về dục, sự nồng nhiệt về dục, sự mê mẩn về dục, sự bám chặt vào dục, sự lôi cuốn của dục, sự gắn bó với dục, sự chấp thủ ở dục, sự che lấp do mong muốn ở các dục. Đối với người ấy, sự mong muốn về dục đã sanh ra, đã sanh khởi, đã hạ sanh, đã phát sanh, đã xuất hiện.

Đối với người: Là đối với chúng sanh, đối với đàn ông, đối với thanh niên, đối với người nam, đối với cá nhân, đối với mạng sống, đối với người còn sanh tử, đối với con người, đối với người đi theo nghiệp, đối với nhân loại.

"Đối với người có sự mong muốn đã sanh khởi" là như thế.

Các dục ấy bị suy giảm: Hoặc là các dục ấy bị suy giảm, hoặc là người ấy bị suy giảm về các dục. Các dục ấy bị suy giảm bằng cách nào? Ngay trong khi người ấy đang gìn giữ, các vị vua lấy đi các tài sản của người ấy, hoặc các kẻ trộm lấy đi, hoặc lửa thiêu đốt, hoặc nước cuốn trôi, hoặc những người thừa tự không được yêu mến lấy đi, hoặc không đạt được vật đã chôn giấu, hoặc các công việc bị đổ vỡ do xử lý kém, hoặc kẻ phá gia xuất hiện ở gia đình làm phân tán, tàn phá, hủy hoại các tài sản ấy, tính luôn tính chất vô thường là thứ tám.[2] Các dục ấy bị giảm thiểu, bị suy giảm, bị mất mát, đổ vỡ, biến mất, tiêu hoại là như vậy.

[2] Ở đây, có đến 9 yếu tố đã được trình bày. Lẽ ra phải ghi: "*Tính chất vô thường là thứ chín*". (ND)

Người ấy bị suy giảm về các dục bằng cách nào? Ngay trong khi các tài sản ấy còn đang tồn tại thì người ấy từ trần, chết đi, biến mất, tiêu hoại. Như vậy, người ấy bị giảm thiểu, bị suy giảm, bị thiếu thốn, thất bại, mất mát, bị tiêu hoại về các dục.

1. *"Các kẻ trộm, các vị vua lấy đi, lửa đốt, bị mất mát, rồi cuối cùng thì người cũng phải từ bỏ thân mạng cùng với vật sở hữu.*

2. *Hiểu thông được điều này, các bậc thông minh nên thọ dụng và nên bố thí. Sau khi bố thí và thọ dụng tùy theo khả năng thì không bị chê trách và đi đến cõi trời."*

Các dục ấy bị suy giảm, thì [người ấy] bị khổ sở như là bị đâm xuyên bởi mũi tên: Giống như bị đâm xuyên bởi mũi tên làm bằng sắt, hoặc bị đâm xuyên bởi mũi tên làm bằng xương, hay bởi mũi tên làm bằng ngà, hay bởi mũi tên làm bằng sừng, hay bởi mũi tên làm bằng gỗ thì bị khổ sở, bị bực tức, bị đụng chạm, bị hành hạ, bị bệnh hoạn, bị ưu phiền, tương tự y như thế, do trạng thái biến hoại và đổi khác của các vật dục, sầu-bi-khổ-ưu-não sanh lên. Bị đâm xuyên bởi mũi tên [ngũ] dục và mũi tên sầu muộn, người ấy bị khổ sở, bị bực tức, bị đụng chạm, bị hành hạ, bị bệnh hoạn, bị ưu phiền.

"Bị khổ sở như là bị đâm xuyên bởi mũi tên" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Nếu đối với người ấy, [tức là] đối với người đang ham muốn, đối với người có sự mong muốn đã sanh khởi. Các dục ấy bị suy giảm, thì [người ấy] bị khổ sở như là bị đâm xuyên bởi mũi tên."

1.3. *Người nào lánh xa các dục tựa như các bàn chân [lánh xa] đầu của con rắn, người ấy có niệm, vượt qua hẳn sự vướng mắc này ở thế gian.*

Người nào lánh xa các dục.

Người nào: Người nào là người như thế, được gắn bó như thế, được định đặt như thế, có biểu hiện như thế, đã đạt đến địa vị ấy, đã thành tựu phẩm chất ấy; hoặc là vị Sát-đế-ly, hoặc là vị Bà-la-môn, hoặc là thương nhân, hoặc là kẻ nô lệ, hoặc là người tại gia, hoặc là vị xuất gia, hoặc là vị thiên, hoặc là người nhân loại.

Lánh xa các dục.

Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. … (nt) ... Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là ô nhiễm dục.

Lánh xa các dục: Lánh xa các dục bởi hai lý do: Bởi sự đè nén hoặc bởi sự đoạn trừ.

Thế nào là bởi sự đè nén mà lánh xa các dục?

Trong khi nhìn thấy "các dục như là đống xương [không còn thịt] với ý nghĩa chút ít hứng thú" thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn

thấy "các dục như là miếng thịt [bị diều hâu tha đi] với ý nghĩa vật chung của số đông" thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn thấy "các dục như là cây đuốc cỏ với ý nghĩa thiêu đốt" thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn thấy "các dục như là hố than hừng với ý nghĩa nóng bức dữ dội" thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn thấy "các dục như là giấc mơ với ý nghĩa hiện diện ngắn ngủi" thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn thấy "các dục như là vật vay mượn với ý nghĩa tạm thời" thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn thấy "các dục như là trái trên cây với ý nghĩa gãy đổ" thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn thấy "các dục như là lò sát sanh với ý nghĩa chặt chém" thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn thấy "các dục như là mũi lao nhọn với ý nghĩa đâm thủng" thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn thấy "các dục như là đầu rắn độc với ý nghĩa có sự sợ hãi" thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn thấy "các dục như là đống lửa với ý nghĩa nóng bức dữ dội" thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục.

Ngay cả trong khi tu tập tùy niệm Phật thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục, ngay cả trong khi tu tập tùy niệm Pháp,... (nt)... ngay cả trong khi tu tập tùy niệm Tăng, ngay cả trong khi tu tập tùy niệm giới, ngay cả trong khi tu tập tùy niệm xả thí, ngay cả trong khi tu tập tùy niệm thiên, ngay cả trong khi tu tập niệm hơi thở vào hơi thở ra, ngay cả trong khi tu tập niệm sự chết, ngay cả trong khi tu tập niệm đặt ở thân, ngay cả trong khi tu tập tùy niệm Niết-bàn thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục.

Ngay cả trong khi tu tập Sơ thiền thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục, ngay cả trong khi tu tập Nhị thiền, ngay cả trong khi tu tập Tam thiền, ngay cả trong khi tu tập Tứ thiền, ngay cả trong khi tu tập sự chứng đạt Không vô biên xứ, ngay cả trong khi tu tập sự chứng đạt Thức vô biên xứ, ngay cả trong khi tu tập sự chứng đạt Vô sở hữu xứ, ngay cả trong khi tu tập sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Bởi sự đè nén mà lánh xa các dục là như vậy.

Thế nào là bởi sự đoạn trừ mà lánh xa các dục?

Ngay cả trong khi tu tập đạo Nhập lưu thì bởi sự đoạn trừ mà lánh xa các dục đưa đến khổ cảnh. Ngay cả trong khi tu tập đạo Nhất lai thì bởi sự đoạn trừ mà lánh xa các dục thô thiển. Ngay cả trong khi tu tập đạo Bất lai thì bởi sự đoạn trừ mà lánh xa các dục có tính chất vi tế. Ngay cả trong khi tu tập đạo A-la-hán thì bởi sự đoạn trừ mà lánh xa các dục, tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót.

"Người nào lánh xa các dục" là như thế.

Tựa như các bàn chân [lánh xa] đầu của con rắn.

Con rắn: [*Sappa*] được gọi là *ahi*. Con rắn với ý nghĩa gì? *Sappo* là vì "nó di chuyển theo lối bò trườn", *bhujago* là vì "nó di chuyển ngoằn ngoèo", *urago* là vì "nó di chuyển bằng ngực", *pannago* là vì "nó di chuyển với cái đầu ở tư

thế nằm”, *siriṃsapo* là vì “nó ngủ bằng cái đầu”, *bilāsayo* là vì “nó nằm trong động”, *guhāsayo* là vì “nó nằm trong hang”, *dāṭhāvudho* là vì “răng nanh của nó là vũ khí”, *ghoraviso* là vì “chất độc của nó là dữ dội”, *dvijivho* là vì “lưỡi của nó có hai phần”, *dvirasaññū* là vì “nó nếm vị bằng hai cái lưỡi.”[3] Người đàn ông ham muốn sống, ham muốn không bị chết, ham muốn lạc, chán ghét khổ nên tránh né, nên lánh xa, nên tránh thật xa cái đầu con rắn bằng bàn chân như thế nào thì người ham muốn lạc, chán ghét khổ nên tránh né, nên tránh xa, nên lánh xa, nên tránh thật xa các dục y như thế ấy.

“Tựa như các bàn chân [lánh xa] đầu của con rắn” là như thế.

Người ấy có niệm, vượt qua hẳn sự vướng mắc này ở thế gian.

Người ấy: Là người lánh xa các dục.

Sự vướng mắc: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt, sự say đắm, sự chiều chuộng, niềm vui, niềm vui và luyến ái, sự luyến ái mãnh liệt của tâm, ước muốn, mê mẩn, bám chặt, thèm khát, thèm thuồng, quyến luyến, đắm nhiễm, dục vọng, xảo trá, liên quan tái sanh, sự tạo ra khổ, người thợ may, cái lưới bẫy, sự cuốn trôi, sự vướng mắc, sợi chỉ trói, sự lan rộng, có sự ra sức, bạn đời, nguyện vọng, lối dẫn đến hữu, rừng cây, bụi rậm, sự thân thiết, sự thương yêu, sự trông mong, sự thân mật, sự mong mỏi, sự mong ước, trạng thái mong ước, sự mong mỏi về sắc, mong mỏi về thinh, mong mỏi về hương, mong mỏi về vị, mong mỏi về xúc, mong mỏi về lợi lộc, mong mỏi về tài sản, mong mỏi về con trai, mong mỏi về mạng sống, tham muốn, khởi tham muốn, nguyện cầu, biểu hiện tham muốn, trạng thái tham muốn, tham lam, biểu hiện tham lam, trạng thái tham lam, xao xuyến, ham muốn vật vừa ý, luyến ái sai pháp, tham sai trái, đeo đuổi, khao khát, ước nguyện, mong cầu, ước nguyện tốt đẹp, dục ái, hữu ái, phi hữu ái, ái cõi sắc, ái cõi vô sắc, ái Niết-bàn, ái cảnh sắc, ái cảnh thinh, ái cảnh khí, ái cảnh vị, ái cảnh xúc, ái cảnh pháp, dòng nước lũ, sự ràng buộc, trói buộc, chấp thủ, ngăn trở, ngăn che, che đậy, cột trói, làm ô nhiễm, tiềm ẩn, thâm nhập, quấn lấy, sự keo kiệt, cội nguồn của khổ, căn nguyên của khổ, nguồn sanh khổ, cạm bẫy của Ma vương, lưỡi câu của Ma vương, lãnh địa của Ma vương, ái ví như dòng sông, ái ví như tấm lưới, ái ví như dây xích, ái ví như biển, tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Sự vướng mắc: Sự vướng mắc với ý nghĩa gì? “Được trải rộng” là vướng mắc, “bao quát” là vướng mắc, “được lan rộng” là vướng mắc, “nó lôi kéo theo” là vướng mắc, “nó mang lại chất độc” là vướng mắc, “truyền bá chất độc” là vướng mắc, “gốc rễ của chất độc” là vướng mắc, “kết quả của chất độc” là vướng mắc, “sự thọ dụng độc hại” là vướng mắc. Hoặc hơn nữa, “tham ái ấy là bao quát ở sắc, ở thinh, ở hương, ở vị, ở xúc, ở gia tộc, ở đồ chúng, ở chỗ ngụ, ở lợi lộc, ở danh vọng, ở lời khen, ở hạnh phúc; ở y phục, ở đồ ăn khất thực, ở chỗ nằm ngồi, ở vật dụng là thuốc men chữa bệnh; ở dục giới, ở sắc giới, ở vô

[3] Ở Pāḷi các từ *sappo, ahi, bhujago, urago, pannago, siriṃsapo, bilāsayo, guhāsayo, dāṭhāvudho, ghoraviso, dvijivho, dvirasaññū* đều là tên gọi của loài rắn.

sắc giới; ở cõi dục, ở cõi sắc, ở cõi vô sắc, ở cõi hữu tưởng, ở cõi vô tưởng, ở cõi phi tưởng phi phi tưởng; ở cõi một uẩn, ở cõi bốn uẩn, ở cõi năm uẩn; ở quá khứ, ở vị lai, ở hiện tại; ở các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, được trải rộng, được lan rộng" là vướng mắc.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ.

Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân,... (nt)... trên các thọ,... (nt)... trên tâm, có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát pháp trên các pháp. Có niệm còn bởi bốn lý do khác: Có niệm do lánh xa thất niệm, có niệm do trạng thái đã thực hành các pháp cần phải thực hành đối với niệm, có niệm do trạng thái đã tiêu diệt các pháp đối nghịch với niệm, có niệm do trạng thái không lơ là đối với các pháp ấn chứng của niệm. Có niệm còn bởi bốn lý do khác: Có niệm do trạng thái đã thành tựu về niệm, có niệm do trạng thái đã trú ở niệm, có niệm do trạng thái quen thuộc với niệm, có niệm do trạng thái không thối thất đối với niệm. Có niệm còn bởi bốn lý do khác: Có niệm do trạng thái tự tại, có niệm do trạng thái được an tịnh, có niệm do trạng thái được yên lặng, có niệm do trạng thái đã thành tựu pháp của bậc chân nhân. Có niệm do tùy niệm Phật, có niệm do tùy niệm Pháp, có niệm do tùy niệm Tăng, có niệm do tùy niệm giới, có niệm do tùy niệm xả thí, có niệm do tùy niệm thiên, có niệm do niệm hơi thở vào hơi thở ra, có niệm do tùy niệm sự chết, có niệm do niệm đặt ở thân, có niệm do tùy niệm Niết-bàn. Niệm là sự tùy niệm, niệm hiện tiền; niệm là trạng thái ghi nhớ, trạng thái ghi nhận, trạng thái không lơ là, trạng thái không quên lãng; niệm là niệm quyền, niệm lực, chánh niệm, niệm giác chi, con đường độc đạo;[4] điều này được gọi là niệm. Người đã tiến đến, đã tiến gần, đã đến gần, đã tiến vào, đã đạt đến, đã tròn đủ, đã thành tựu niệm này, người ấy được gọi là có niệm.

Người ấy có niệm, vượt qua hẳn sự vướng mắc này ở thế gian: Sự vướng mắc này là ở ngay tại thế gian. Người có niệm vượt qua, vượt lên, vượt khỏi, vượt qua hẳn, vượt qua khỏi sự vướng mắc này ở ngay tại thế gian.

"Người ấy có niệm, vượt qua hẳn sự vướng mắc này ở thế gian" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Người nào lánh xa các dục tựa như các bàn chân [lánh xa] đầu của con rắn, người ấy có niệm, vượt qua hẳn sự vướng mắc này ở thế gian."

1.4. *Người nam nào thèm muốn ruộng, đất, hoặc vàng, gia súc, ngựa, tôi tớ, người hầu, người nữ, thân quyến, vô số các dục.*

Ruộng, đất, hoặc vàng.

---

[4] "Con đường độc đạo" hiểu theo nghĩa "con đường chỉ có một lối đi duy nhất, không rẽ thành hai nhánh", không hiểu theo nghĩa "con đường duy nhất, con đường độc nhất." *Ekāyanamaggo ti ekamaggo; ayaṃ maggo na dvedhāpathabhūto ti evam attho daṭṭhabbo* (*NidA*. I. 52).

Ruộng: Là ruộng lúa sāli, ruộng lúa mùa, ruộng đậu xanh, ruộng đậu māsa, ruộng lúa mạch, ruộng lúa mì, ruộng mè.

Đất: Là đất nhà, đất cổng ra vào, đất phía trước nhà, đất phía sau nhà, đất vườn, đất thổ cư.

Vàng: Vàng nói đến tiền vàng.

"Ruộng, đất, hoặc vàng" là như thế.

Gia súc, ngựa, tôi tớ, người hầu.

Gia súc: Là nói đến trâu bò.

Ngựa: Là nói đến các con thú như là dê, v.v...

Tôi tớ: Có bốn loại tôi tớ: Tôi tớ bẩm sinh, tôi tớ được mua bằng tài sản, hoặc tự nguyện trở thành tôi tớ, hoặc trở thành tôi tớ do sự ép buộc.

"Nhiều người trở thành tôi tớ do mẹ là tôi tớ,
Thậm chí do được mua bởi tài sản mà trở thành tôi tớ,
Và nhiều người tự nguyện trở thành tôi tớ,
Cũng có những người do sự sợ hãi mà bị bắt đi trở thành tôi tớ."

Người hầu: Có ba hạng người hầu: Người làm thuê, người làm công, người sống nhờ.

"Gia súc, ngựa, tôi tớ, người hầu" là như thế.

Người nữ, thân quyến, vô số các dục.

Người nữ: Là nói đến sự sở hữu thân người nữ.

Thân quyến: Có bốn loại thân quyến: Thân quyến của cha mẹ là thân quyến, thân quyến của dòng tộc là thân quyến, thân quyến do [cùng học] chú thuật, thân quyến do [cùng học] nghề nghiệp.

Vô số các dục: Là nhiều loại dục. Vô số các dục này là các sắc hợp ý,... (nt)... các xúc hợp ý.

"Người nữ, thân quyến, vô số các dục" là như thế.

Người nam nào thèm muốn.

Người nào: Người nào là người như thế, được gắn bó như thế, được định đặt như thế, có biểu hiện như thế, đã đạt đến địa vị ấy, đã thành tựu phẩm chất ấy, hoặc là vị Sát-đế-ly, hoặc là vị Bà-la-môn, hoặc là thương nhân, hoặc là kẻ nô lệ, hoặc là người tại gia, hoặc là vị xuất gia, hoặc là vị thiên, hoặc là người nhân loại.

Người nam: Là chúng sanh, đàn ông, thanh niên, nam nhân, cá nhân, mạng sống, người còn sanh tử, loài người, người đi theo nghiệp, nhân loại.

Thèm muốn: Là thèm khát, thèm muốn, thèm thuồng về ô nhiễm dục, về các vật dục.

"Người nam nào thèm muốn" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Người nam nào thèm muốn ruộng, đất, hoặc vàng, gia súc, ngựa, tôi tớ, người hầu, người nữ, thân quyến, vô số các dục."

1.5. *Các [ô nhiễm] yếu ớt khuất phục người ấy, các hiểm họa chà đạp người ấy; do việc ấy, khổ đau đi theo người ấy tựa như nước [tràn vào] chiếc thuyền đã bị vỡ.*

Các [ô nhiễm] yếu ớt khuất phục người ấy.

Yếu ớt: Các ô nhiễm là yếu ớt, yếu sức, thiếu lực, thiếu dũng mãnh, thấp hèn, hèn kém, hèn mọn, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi. Các ô nhiễm ấy khống chế, áp chế, ngự trị, đè bẹp, trấn áp, chà đạp cá nhân ấy. "Các [ô nhiễm] yếu ớt khuất phục người ấy" là như vậy. Hoặc là [đề cập đến] nhân vật yếu ớt, yếu sức, thiếu lực, thiếu dũng mãnh, thấp hèn, hèn kém, hèn mọn, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi, là người không có tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực, tàm lực, quý lực; các ô nhiễm ấy khống chế, áp chế, ngự trị, đè bẹp, trấn áp, chà đạp cá nhân ấy.

"Các [ô nhiễm] yếu ớt khuất phục người ấy" còn là như vậy.

Các hiểm họa chà đạp người ấy.

Các hiểm họa: Có hai loại hiểm họa: Hiểm họa hiển hiện và hiểm họa khuất lấp.

Các điều nào là hiểm họa hiển hiện? Các con sư tử, hổ, báo, gấu, chó rừng, chó sói, trâu rừng, voi, rắn, bò cạp, rết, hoặc có thể là các kẻ cướp hay những kẻ tàn bạo có hành động gây sự hoặc chưa có hành động gây sự; bệnh ở mắt, bệnh ở tai trong, bệnh ở mũi, bệnh ở lưỡi, bệnh ở thân, bệnh ở đầu, bệnh ở lỗ tai, bệnh ở miệng, bệnh ở răng, ho, suyễn, sổ mũi, nhiệt, cảm sốt, đau bụng, xây xẩm, kiết lỵ, đau bụng bão, dịch tả, phong cùi, khối u, bệnh chàm, lao phổi, động kinh, mụt, nhọt, ghẻ ngứa, sảy, loét tay chân, máu và mật, bệnh tiểu đường, bệnh trĩ, ghẻ lở, loét hậu môn, bệnh phát khởi từ mật, bệnh phát khởi từ đàm, bệnh phát khởi từ gió, [bệnh tổng hợp do mật-đàm-gió] bệnh sanh lên vì thay đổi thời tiết, bệnh sanh lên vì bốn oai nghi không đồng đều, bệnh thuộc dạng cấp tính, bệnh sanh lên vì quả của nghiệp; lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiểu tiện, các xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát, hoặc là như thế; các điều này được gọi là hiểm họa hiển hiện.

Các điều nào là hiểm họa khuất lấp? Uế hạnh về thân, uế hạnh về khẩu, uế hạnh về ý; pháp che lấp "mong muốn về dục", pháp che lấp "sân hận", pháp che lấp "dã dượi buồn ngủ", pháp che lấp "phóng dật và hối hận", pháp che lấp "hoài nghi"; sự luyến ái, sân hận, si mê, giận dữ, thù hằn, gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bỏn xẻn, xảo trá, lừa gạt, bướng bỉnh, hung hăng, ngã mạn, cao ngạo, đam mê, xao lãng; tất cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bực bội, [mọi sự nóng nảy] tất cả các pháp tạo tác bất thiện; các điều này được gọi là hiểm họa khuất lấp.

Các hiểm họa: Các hiểm họa với ý nghĩa gì? Các hiểm họa bởi vì "chúng áp chế", các hiểm họa bởi vì "chúng đưa đến sự suy giảm", các hiểm họa bởi vì "nơi ấy là chỗ trú."

Các hiểm họa bởi vì "chúng áp chế" nghĩa là thế nào? Các hiểm họa ấy khống chế, áp chế, ngự trị, đè bẹp, trấn áp, chà đạp cá nhân ấy. Các hiểm họa bởi vì "chúng áp chế" nghĩa là như vậy.

Các hiểm họa bởi vì "chúng đưa đến sự suy giảm" nghĩa là thế nào? Các hiểm họa ấy đưa đến sự nguy hiểm, đến sự suy giảm đối với các thiện pháp. Đối với các thiện pháp nào? Đối với sự thực hành đúng đắn, đối với sự thực hành phù hợp, đối với sự thực hành không trái ngược, đối với sự thực hành không đối chọi, đối với sự thực hành đưa đến lợi ích, đối với sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, đối với việc làm đầy đủ các giới, đối với việc phòng vệ các giác quan, đối với việc biết chừng mực về vật thực, đối với sự luyện tập về tỉnh thức, đối với niệm và sự nhận biết rõ, đối với sự chuyên cần tu tập bốn sự thiết lập niệm, đối với sự chuyên cần tu tập bốn chánh cần, đối với sự chuyên cần tu tập bốn nền tảng của thần thông, đối với sự chuyên cần tu tập năm quyền, đối với sự chuyên cần tu tập năm lực, đối với sự chuyên cần tu tập bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đối với sự chuyên cần tu tập đạo lộ Thánh thiện tám chi phần; chúng đưa đến sự nguy hiểm, đến sự suy giảm đối với các thiện pháp này. Các hiểm họa bởi vì "chúng đưa đến sự suy giảm" nghĩa là như vậy.

Các hiểm họa bởi vì "nơi ấy là chỗ trú" nghĩa là thế nào? "Các ác bất thiện pháp này sanh lên ở nơi ấy thì có bản ngã [của người ấy] là nơi nương tựa. Giống như các sinh vật 'có hang là chỗ trú' thì ngụ ở hang, các sinh vật có 'nước là chỗ trú' thì ngụ ở nước, các sinh vật 'có rừng là chỗ trú' thì ngụ ở rừng, các sinh vật 'có cây cối là chỗ trú' thì ngụ ở cây cối, tương tự y như thế, các ác bất thiện pháp này sanh lên ở nơi ấy thì có bản ngã [của người ấy] là nơi nương tựa." Các hiểm họa bởi vì "nơi ấy là chỗ trú" còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

"Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có học trò, có thầy dạy học, sống khổ sở không thoải mái. Và này các Tỳ-khưu, thế nào là vị Tỳ-khưu có học trò, có thầy dạy học, sống khổ sở không thoải mái? Này các Tỳ-khưu, ở đây, đối với vị Tỳ-khưu, sau khi nhìn thấy cảnh sắc bằng mắt, các ác bất thiện pháp nào có sự di chuyển [ở các đối tượng] và có sự tư duy đưa đến sự ràng buộc sanh khởi đến vị ấy, các ác bất thiện pháp ấy trú ngụ, chiếm ngự bên trong vị ấy; vì thế, được gọi là 'có học trò'. Chúng chi phối vị ấy, 'các ác bất thiện pháp chi phối vị ấy'; vì thế, được gọi là 'có thầy dạy học'. Và thêm nữa, này các Tỳ-khưu, đối với vị Tỳ-khưu, sau khi nghe âm thanh bằng tai,... (nt)... sau khi ngửi hương bằng mũi,... (nt)... sau khi nếm vị bằng lưỡi,... (nt)... sau khi xúc chạm bằng thân,... (nt)... sau khi nhận thức pháp bằng ý, các ác bất thiện pháp nào có sự di chuyển [ở các đối tượng] và có sự tư duy đưa đến sự ràng buộc sanh khởi đến vị ấy, các ác bất thiện pháp ấy trú ngụ, chiếm ngự bên trong vị ấy; vì thế, được gọi là

'có học trò'. Chúng chi phối vị ấy, 'các ác bất thiện pháp chi phối vị ấy', vì thế, được gọi là 'có thầy dạy học'. Này các Tỳ-khưu, quả là như vậy, vị Tỳ-khưu có học trò, có thầy dạy học, sống khổ sở không thoải mái." Các hiểm họa bởi vì "nơi ấy là chỗ trú" còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

"Này các Tỳ-khưu, có ba pháp này là các vết nhơ bên trong, các kẻ thù bên trong, các đối thủ bên trong, các kẻ giết chóc bên trong, các kẻ đối nghịch bên trong. Ba pháp nào? Này các Tỳ-khưu, tham là vết nhơ bên trong, kẻ thù bên trong, đối thủ bên trong, kẻ giết chóc bên trong, kẻ đối nghịch bên trong. Này các Tỳ-khưu, sân... (nt)... Này các Tỳ-khưu, si là vết nhơ bên trong, kẻ thù bên trong, đối thủ bên trong, kẻ giết chóc bên trong, kẻ đối nghịch bên trong. Thật vậy, này các Tỳ-khưu, ba pháp này là các vết nhơ bên trong, các kẻ thù bên trong, các đối thủ bên trong, các kẻ giết chóc bên trong, các kẻ đối nghịch bên trong."

1. *"Tham là sự sanh ra điều không lợi ích, tham là sự rối loạn của tâm. Người đời không thấu hiểu sự nguy hiểm ấy đã được sanh ra từ bên trong.*

2. *Người bị khởi tham không biết được điều lợi ích, người bị khởi tham không nhìn thấy lý lẽ. Tham khống chế người nào, lúc ấy có sự mù quáng tối tăm hiện diện.*

3. *Sân là sự sanh ra điều không lợi ích, sân là sự rối loạn của tâm. Người đời không thấu hiểu sự nguy hiểm ấy đã được sanh ra từ bên trong.*

4. *Người bị nóng giận không biết được điều lợi ích, người bị nóng giận không nhìn thấy lý lẽ. Sự nóng giận khống chế người nào, lúc ấy có sự mù quáng tối tăm hiện diện.*

5. *Si là sự sanh ra điều không lợi ích, si là sự rối loạn của tâm. Người đời không thấu hiểu sự nguy hiểm ấy đã được sanh ra từ bên trong.*

6. *Người bị si mê không biết được điều lợi ích, người bị si mê không nhìn thấy lý lẽ. Si khống chế người nào, lúc ấy có sự mù quáng tối tăm hiện diện."*

Các hiểm họa bởi vì "nơi ấy là chỗ trú" còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

"Tâu Đại vương, quả thật có ba pháp được sanh lên thuộc nội phần; chúng sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khổ đau, sự sống không thoải mái cho con người. Ba pháp nào? Tham, tâu Đại vương, quả thật là pháp được sanh lên thuộc nội phần; nó sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khổ đau, sự sống không thoải mái cho con người. Sân, tâu Đại vương, quả thật là pháp được sanh lên thuộc nội phần; nó sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khổ đau, sự sống không thoải mái cho con người. Si, tâu Đại vương, quả thật là pháp được sanh lên thuộc nội phần; nó sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khổ đau, sự sống không thoải mái cho con người. Tâu Đại vương, quả thật ba pháp này được sanh lên thuộc nội phần, chúng sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khổ đau, sự sống không thoải mái cho con người."

7. *"Tham, sân và si hiện hữu ở bản thân, hãm hại người có tâm ý xấu xa; tựa như việc kết trái hãm hại cây tre."*

Các hiểm họa bởi vì "nơi ấy là chỗ trú" còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

8. *"Luyến ái và sân hận có căn nguyên từ nơi [bản ngã] này.*
Ghét, thương, sự rởn lông sanh lên từ nơi [bản ngã] này.
Sự suy tư của tâm có nguồn sanh khởi từ nơi [bản ngã] này,
Tựa như những bé trai buông lơi con quạ [bị cột chân bởi sợi chỉ dài]."

Các hiểm họa bởi vì "nơi ấy là chỗ trú" còn là như vậy.

Các hiểm họa chà đạp người ấy: Các hiểm họa ấy khống chế, áp chế, ngự trị, đè bẹp, trấn áp, chà đạp cá nhân ấy.

"Các hiểm họa chà đạp người ấy" là như thế.

Do việc ấy khổ đau đi theo người ấy.

Do việc ấy: Là do hiểm họa từ việc ấy, khổ đau đi theo, đi đến gần, đạt đến được cá nhân ấy; khổ sanh đi theo, đi đến gần, đạt đến được; khổ già đi theo, đi đến gần, đạt đến được; khổ bệnh đi theo, đi đến gần, đạt đến được; khổ chết đi theo, đi đến gần, đạt đến được; khổ do sầu-bi-khổ-ưu-não đi theo, đi đến gần, đạt đến được; khổ ở địa ngục... (nt)... khổ ở loài thú... (nt)... khổ ở thân phận ngạ quỷ... (nt)... khổ của loài người... (nt)... khổ bắt nguồn từ việc nhập thai... (nt)... khổ bắt nguồn từ việc trụ thai... (nt)... khổ bắt nguồn từ việc ra khỏi thai... (nt)... khổ gắn liền sau khi sanh ra... (nt)... khổ do kẻ khác áp đặt sau khi sanh ra... (nt)... khổ do sự ra sức của bản thân... (nt)... khổ do sự ra sức của kẻ khác... (nt)... khổ do [thọ] khổ đi theo, đi đến gần, đạt đến được; khổ do pháp tạo tác... (nt)... khổ do sự biến đổi... (nt)... bệnh ở mắt, bệnh ở tai trong, bệnh ở mũi, bệnh ở lưỡi, bệnh ở thân, bệnh ở lỗ tai, bệnh ở miệng, bệnh ở răng, ho, suyễn, sổ mũi, nhiệt, cảm sốt, đau bụng, xây xẩm, kiết lỵ, đau bụng bão, dịch tả, phong cùi, khối u, bệnh chàm, lao phổi, động kinh, mụt, nhọt, ghẻ ngứa, sảy, loét tay chân, máu và mật, bệnh tiểu đường, bệnh trĩ, ghẻ lở, loét hậu môn, bệnh phát khởi từ mật, bệnh phát khởi từ đàm, bệnh phát khởi từ gió, bệnh tổng hợp do mật-đàm-gió, bệnh sanh lên vì thay đổi thời tiết, bệnh sanh lên vì bốn oai nghi không đồng đều, bệnh thuộc dạng cấp tính, bệnh sanh lên vì quả của nghiệp, lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiểu tiện, các xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát là khổ... (nt)... cái chết của mẹ là khổ... (nt)... cái chết của cha là khổ... (nt)... cái chết của anh [em] trai là khổ... (nt)... cái chết của chị [em] gái là khổ... (nt)... cái chết của con trai là khổ... (nt)... cái chết của con gái là khổ... (nt)... sự tổn hại về thân quyến là khổ... (nt)... sự tổn hại về của cải là khổ... (nt)... sự tổn hại vì bệnh tật là khổ... (nt)... sự tổn hại về giới là khổ... (nt)... sự tổn hại về kiến thức là khổ đi theo, đi đến gần, đạt đến được cá nhân ấy.

"Do việc ấy khổ đau đi theo người ấy" là như thế.

Tựa như nước [tràn vào] chiếc thuyền đã bị vỡ: Giống như do sự xâm nhập của nước, nước từ chỗ này chỗ khác đi theo, đi đến gần, đạt đến được; nước từ bên trên đi theo, đi đến gần, đạt đến được; nước từ bên dưới đi theo, đi đến gần, đạt đến được; nước từ bên hông đi theo, đi đến gần, đạt đến được chiếc thuyền đã bị vỡ; tương tự y như thế, do hiểm họa từ việc này, từ việc khác, khổ đau đi theo, đi đến gần, đạt đến được... (nt)... sự tổn hại về kiến thức là khổ đi theo, đi đến gần, đạt đến được cá nhân ấy.

"Tựa như nước [tràn vào] chiếc thuyền đã bị vỡ" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Các [ô nhiễm] yếu ớt thống trị người ấy, các hiểm họa chà đạp người ấy; do việc ấy khổ đau đi theo người ấy tựa như nước [tràn vào] chiếc thuyền đã bị vỡ."

1.6. *Do đó, người luôn luôn có niệm có thể lánh xa các dục, sau khi dứt bỏ chúng thì có thể vượt qua dòng nước lũ; tựa như sau khi tát cạn chiếc thuyền, là người đi đến bờ kia.*

Do đó, người luôn luôn có niệm.

Do đó: Là do điều ấy, bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy, trong khi nhìn thấy rõ sự bất lợi này ở các dục. "Do đó" là như thế.

Người: Là chúng sanh, đàn ông, thanh niên, người nam, cá nhân, mạng sống, người còn sanh tử, loài người, người đi theo nghiệp, nhân loại.

Luôn luôn: Luôn luôn là mọi lúc, mọi thời, thường khi, luôn khi, thường xuyên, liên tục, không gián đoạn, tiếp nối liên tục, sanh lên tuần tự [như sóng nước], không lưa thưa, không đứt khoảng, không ngừng lại, được liền lặn, trước bữa ăn, sau bữa ăn, vào canh đầu, vào canh giữa, vào canh cuối, vào hậu bán nguyệt, vào tiền bán nguyệt, vào mùa mưa, vào mùa lạnh, vào mùa nóng, ở chặng đầu của tuổi thọ, ở chặng giữa của tuổi thọ, ở chặng cuối của tuổi thọ.

Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân,... (nt)... trên các thọ,... (nt)... trên tâm, có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát pháp trên các pháp. Có niệm còn bởi bốn lý do khác: ... (nt)... người ấy được gọi là có niệm.

"Do đó, người luôn luôn có niệm" là như thế.

Có thể lánh xa các dục.

Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là ô nhiễm dục.

Có thể lánh xa các dục: Có thể lánh xa các dục bởi hai lý do: Bởi sự đè nén hoặc bởi sự đoạn trừ. Thế nào là bởi sự đè nén mà lánh xa các dục? Trong khi nhìn thấy "các dục như là đống xương [không còn thịt] với ý nghĩa chút ít hứng thú" thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn thấy "các dục như là

miếng thịt [bị diều hâu tha đi] với ý nghĩa vật chung của số đông" thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn thấy "các dục như là cây đuốc cỏ với ý nghĩa thiêu đốt" thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. ... (nt)... Ngay cả trong khi tu tập sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Bởi sự đè nén mà lánh xa các dục là như vậy. ... (nt)... Bởi sự đoạn trừ mà lánh xa các dục là như vậy.

Sau khi dứt bỏ chúng thì có thể vượt qua dòng nước lũ.

Chúng: Sau khi biết toàn diện về các vật dục, sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu các ô nhiễm dục; sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu pháp che lấp "mong muốn về dục",... (nt)... pháp che lấp "sân hận",... (nt)... pháp che lấp "dã dượi buồn ngủ",... (nt)... pháp che lấp "phóng dật và hối hận"; sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu pháp che lấp "hoài nghi" thì có thể vượt qua, có thể vượt lên, có thể vượt khỏi, có thể vượt qua hẳn, có thể vượt qua khỏi dòng lũ [ngũ] dục, [dòng lũ của hữu] dòng lũ tà kiến, dòng lũ vô minh.

"Sau khi dứt bỏ chúng thì có thể vượt qua dòng nước lũ" là như thế.

Tựa như sau khi tát cạn chiếc thuyền, là người đi đến bờ kia: Giống như sau khi tát cạn, sau khi tát sạch, sau khi đổ bỏ nước ra khỏi chiếc thuyền nặng nề chứa đầy nước thì có thể tức thời nhanh chóng đi đến bờ kia bằng chiếc thuyền nhẹ nhàng chỉ với chút ít khó nhọc; tương tự như vậy, sau khi biết toàn diện về các vật dục, sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu các ô nhiễm dục, sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu pháp che lấp "mong muốn về dục",... (nt)... pháp che lấp "sân hận",... (nt)... pháp che lấp "dã dượi buồn ngủ",... (nt)... pháp che lấp "phóng dật và hối hận",... (nt)... pháp che lấp "hoài nghi" thì có thể tức thời nhanh chóng đi đến bờ kia chỉ với chút ít khó nhọc.

Bờ kia: Nói đến bất tử, Niết-bàn, là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn.

Có thể đi đến bờ kia: Có thể chứng đắc bờ kia, có thể chạm đến bờ kia, có thể chứng ngộ bờ kia.

***Pāragū* (người đi đến bờ kia):** Luôn cả người nào có ý muốn đi đến bờ kia, người ấy cũng là *pāragū*; luôn cả người nào đang đi đến bờ kia, người ấy cũng là *pāragū*; luôn cả người nào đã đi đến bờ kia, người ấy cũng là *pāragū*.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

"Này các Tỳ-khưu, quả vậy, 'người đã vượt qua, đã đi đến bờ kia, đứng ở đất liền là Bà-la-môn', tên gọi này là dành cho vị A-la-hán. Vị ấy là *pāragū* (người đi đến bờ kia) do việc biết rõ, *pāragū* do việc biết toàn diện, *pāragū* do

việc dứt bỏ, *pāragū* do việc tu tập, *pāragū* do việc chứng ngộ, *pāragū* do việc chứng đạt [các thiền]; là *pāragū* do việc biết rõ tất cả các pháp, *pāragū* do việc biết toàn diện tất cả các khổ, *pāragū* do việc dứt bỏ tất cả các ô nhiễm, *pāragū* do việc tu tập bốn Thánh đạo, *pāragū* do việc chứng ngộ sự Tịch diệt, *pāragū* do việc chứng đạt mọi sự chứng đạt. Vị ấy đã đạt được năng lực, đã đạt được sự toàn hảo ở Thánh giới; đã đạt được năng lực, đã đạt được sự toàn hảo ở Thánh định; đã đạt được năng lực, đã đạt được sự toàn hảo ở Thánh tuệ; đã đạt được năng lực, đã đạt được sự toàn hảo ở Thánh giải thoát. Vị ấy đã đi đến bờ kia, đã đạt đến bờ kia, đã đi đến điểm cuối, đã đạt đến điểm cuối, đã đi đến đỉnh, đã đạt đến đỉnh, đã đi đến tận cùng, đã đạt đến tận cùng, đã đi đến sự hoàn tất, đã đạt đến sự hoàn tất, đã đi đến nơi nương náu, đã đạt đến nơi nương náu, đã đi đến nơi trú ẩn, đã đạt đến nơi trú ẩn, đã đi đến nơi nương nhờ, đã đạt đến nơi nương nhờ, đã đi đến nơi không sợ hãi, đã đạt đến nơi không sợ hãi, đã đi đến bất hoại, đã đạt đến bất hoại, đã đi đến bất tử, đã đạt đến bất tử, đã đi đến Niết-bàn, đã đạt đến Niết-bàn. Vị ấy đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành, đã hoàn mãn cuộc hành trình, đã hoàn mãn hướng đi, đã đi đến điểm cuối cùng, đã hộ trì Phạm hạnh, đã đạt đến kiến tối thượng, đã tu tập đạo lộ, đã dứt bỏ ô nhiễm, đã thấu triệt sự không chuyển đổi, đã chứng ngộ diệt đế.

Đối với vị ấy, khổ đã được biết toàn diện, tập đã được dứt bỏ, đạo đã được tu tập, diệt đã được chứng ngộ. Điều cần được biết rõ đã được biết rõ, điều cần được biết toàn diện đã được biết toàn diện, điều cần được dứt bỏ đã được dứt bỏ, điều cần được tu tập đã được tu tập, điều cần được chứng ngộ đã được chứng ngộ. Vị ấy đã hất tung rào chắn [vô minh], đã san lấp mương rãnh [luân hồi tái sanh], đã nhổ lên cột trụ [tham ái], không còn chốt cửa, là thánh thiện, đã hạ xuống ngọn cờ [ngã mạn], đã đặt xuống gánh nặng, đã tháo khỏi ách, đã dứt bỏ hẳn ngũ dục, đã thành tựu sáu căn, có một sự bảo hộ [niệm], có bốn sự nâng đỡ,[5] đã xua đi sự độc đoán, có sự tầm cầu đã được hoàn toàn cởi bỏ, có tâm tư không bị xáo trộn, có thân hành đã được an tịnh, có tâm khéo được giải thoát, có tuệ khéo được giải thoát, có sự toàn hảo, đã được hoàn mãn, là con người tối thượng, con người tột đỉnh, đã đạt được sự thành đạt tột đỉnh.

Vị ấy không tích lũy [nghiệp] cũng không loại trừ, tồn tại sau khi đã loại trừ [ô nhiễm]; không dứt bỏ [ô nhiễm] cũng không chấp thủ, tồn tại sau khi đã dứt bỏ; không tự kết nối [tham ái] cũng không tháo gỡ, tồn tại sau khi đã tháo gỡ; không dập tắt [lửa phiền não] cũng không đốt cháy, tồn tại sau khi đã dập tắt; tồn tại với trạng thái đã được thành tựu về giới uẩn của bậc Vô học, tồn tại với trạng thái đã được thành tựu về định uẩn của bậc Vô học, về tuệ uẩn của bậc Vô học, về giải thoát uẩn của bậc Vô học, về giải thoát tri kiến uẩn[6] của bậc Vô học; tồn tại sau khi đã thấu suốt chân lý; tồn tại sau khi đã vượt qua hẳn dục

[5] Bốn sự nâng đỡ (*caturāpassena*): "Vị Tỳ-khưu sau khi suy xét rồi thọ dụng, sau khi suy xét rồi chịu đựng, sau khi suy xét rồi tránh xa, sau khi suy xét rồi xua đuổi" (*D.* 33, *Saṅgītisuttaṃ*).

[6] *Vimuttiñāṇadassana* được chúng tôi ghi nghĩa là "tri kiến về giải thoát" hoặc "sự biết và thấy về giải thoát." Trường hợp liên kết với từ *khandha* (uẩn, khối, đống) như ở trên, *vimuttiñāṇadassanakkhandha* (tập hợp sự biết và thấy về giải thoát) được ghi nghĩa là "giải thoát tri kiến uẩn". (ND)

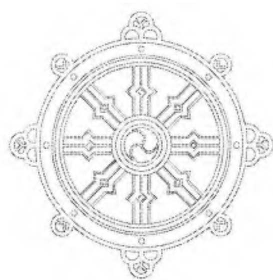
vọng; tồn tại sau khi đã trấn áp lửa phiền não; tồn tại do không xoay vòng [ở luân hồi]; tồn tại sau khi đã thọ trì lời giảng; tồn tại do thân cận với giải thoát; tồn tại với sự thanh tịnh của từ; tồn tại với sự thanh tịnh của bi, của hỷ, của xả; tồn tại với sự thanh tịnh tột cùng; tồn tại với sự thanh tịnh của trạng thái không còn tham ái, tà kiến và ngã mạn; tồn tại với trạng thái đã được giải thoát, tồn tại với trạng thái đã được hài lòng; tồn tại trong giai đoạn cuối của các uẩn; tồn tại trong giai đoạn cuối của các giới; tồn tại trong giai đoạn cuối của các xứ; tồn tại trong giai đoạn cuối của cảnh giới tái sanh; tồn tại trong giai đoạn cuối của sự tái sanh; tồn tại trong giai đoạn cuối của sự nối liền tái sanh; [tồn tại trong giai đoạn cuối của hiện hữu] tồn tại trong giai đoạn cuối của luân hồi; tồn tại trong giai đoạn cuối của sự luân chuyển; tồn tại trong kiếp sống cuối cùng; tồn tại trong thân xác cuối cùng, với việc duy trì thân xác cuối cùng, là vị A-la-hán."

"Đối với vị ấy, đây là lần cuối cùng, thân xác này là sau chót,
Việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vị ấy";
"Tựa như sau khi tát cạn chiếc thuyền, là người đi đến bờ kia" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Do đó, người luôn luôn có niệm có thể lánh xa các dục, sau khi dứt bỏ chúng thì có thể vượt qua dòng nước lũ, tựa như sau khi tát cạn chiếc thuyền, là người đi đến bờ kia."

"Diễn giải kinh về dục" được đầy đủ - Phần thứ nhất.



2. DIỄN GIẢI KINH NHÓM TÁM VỀ HANG (*GUHAṬṬHAKASUTTANIDDESO*)

Giờ phần "Diễn giải kinh nhóm tám về hang" được nói đến:

2.1. *Bị dính mắc ở hang [thân xác], bị che đậy bởi nhiều [ô nhiễm], con người trong khi tồn tại, bị đắm chìm trong sự say mê [ngũ dục]. Người thuộc hạng như thế ấy quả thật cách xa sự viễn ly, bởi vì các dục ở thế gian thật không dễ gì dứt bỏ.*

Bị dính mắc ở hang [thân xác], bị che đậy bởi nhiều [ô nhiễm].

Satto: [Với ý nghĩa "chúng sanh"] quả đã được nói đến. Vả lại, cũng nên nói về từ *guhā*.

Guhā: Nói đến thân. "Thân" hay là "hang", [hay là "thân thể"] hay là "thân hình", hay là "con thuyền", hay là "cỗ xe", hay là "lá cờ", hay là "ổ mối", hay là "thành phố", hay là "cái tổ", hay là "cốc liêu", hay là "khối u", hay là "cái chum", [hay là "con voi"] từ này là tên định đặt cho thân.[1]

Bị dính mắc ở hang [thân xác]: Là bị dính mắc, bị dính liền, bị dính vào, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại ở hang [thân xác]. Giống như gói hàng bị dính mắc, bị dính liền, bị dính vào, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại ở chốt gắn trên tường hoặc ở móc ngà voi; tương tự như vậy là bị dính mắc, bị dính liền, bị dính vào, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại ở hang [thân xác].

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

"Này Rādha, quả vậy mong muốn nào, luyến ái nào, niềm vui nào, tham ái nào, các sự vướng bận và chấp thủ nào là sự quyết định; sự chấp chặt, và sự tiềm ẩn của tâm ở sắc, bị dính mắc (*satto*) vào đó, bị dính liền (*visatto*) vào đó, vì thế được gọi là '*satto*' (chúng sanh). Này Rādha, quả vậy mong muốn nào, luyến ái nào, niềm vui nào, tham ái nào, các sự vướng bận và chấp thủ nào là sự quyết định; sự chấp chặt, và sự tiềm ẩn của tâm ở thọ... (nt)... ở tưởng... (nt)... ở các hành... (nt)... ở thức, bị dính mắc (*satto*) vào đó, bị dính liền (*visatto*) vào đó, vì thế được gọi là '*satto*'[2] (chúng sanh)."

---

[1] Các từ *guhā, deho, sandeho, nāvā, ratho, dhajo, vammiko, nagaraṃ, nīḍaṃ, kuṭi, gaṇḍo, kumbho, nāgo* đã được đức Phật sử dụng để ví von với cái thân (*kāyo*) này.

[2] *Satto* là quá khứ phân từ của *sajjati* với ý nghĩa "bị dính mắc", và danh động từ *satto* là từ gọi chung cho những "kẻ bị dính mắc"; trong trường hợp này, nghĩa dịch Việt ghi là "chúng sanh." Đoạn văn trên giải thích rằng, bởi vì "chúng sanh" bị dính mắc (*satto*) vào xác thân ngũ uẩn nên từ *satto* trở thành tên định đặt cho "chúng sanh". (ND)

"*Satto*" là từ định đặt cho sự vướng vào. "Bị dính mắc ở hang [thân xác]" là như thế.

Bị che đậy bởi nhiều [ô nhiễm] là bị che đậy bởi nhiều loại ô nhiễm: Bị che đậy bởi luyến ái, bị che đậy bởi sân hận, bị che đậy bởi si mê, bị che đậy bởi giận dữ, bị che đậy bởi thù hằn, bị che đậy bởi giềm pha, bị che đậy bởi ác ý, bị che đậy bởi ganh tỵ, bị che đậy bởi bỏn xẻn, bị che đậy bởi xảo trá, bị che đậy bởi lừa gạt, bị che đậy bởi bướng bỉnh, bị che đậy bởi hung hăng, bị che đậy bởi ngã mạn, bị che đậy bởi cao ngạo, bị che đậy bởi đam mê, bị che đậy bởi xao lãng, bị che đậy bởi tất cả ô nhiễm, bởi tất cả uế hạnh, bởi mọi sự lo lắng, bởi mọi sự bực bội, bởi mọi sự nóng nảy, bởi tất cả các pháp tạo tác bất thiện, bị che đậy lên, bị bao bọc, bị bao trùm, bị bao kín, bị che lại, bị che kín, bị đậy kín.

"Bị dính mắc ở hang [thân xác], bị che đậy bởi nhiều [ô nhiễm]" là như thế.

Con người trong khi tồn tại, bị đắm chìm trong sự say mê [ngũ dục].

Con người trong khi tồn tại: Trong lúc đang tồn tại, kẻ bị luyến ái tồn tại do tác động của luyến ái, kẻ bị sân hận tồn tại do tác động của sân hận, kẻ bị si mê tồn tại do tác động của si mê, kẻ bị trói buộc tồn tại do tác động của ngã mạn, kẻ bị bám víu tồn tại do tác động của tà kiến, kẻ bị tán loạn tồn tại do tác động của phóng dật, kẻ không dứt khoát tồn tại do tác động của hoài nghi, kẻ cứng cỏi tồn tại do tác động của pháp tiềm ẩn. "Con người trong khi tồn tại" là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

"Này các Tỳ-khưu, có các sắc được nhận thức bởi mắt là đáng mong, đáng muốn, đáng mến, đáng yêu, liên hệ đến dục, gợi tình; nếu vị Tỳ-khưu thích thú điều ấy, tán thưởng, bám chặt rồi tồn tại. Này các Tỳ-khưu, có các thinh được nhận thức bởi tai... (nt)... các hương được nhận thức bởi mũi... (nt)... các vị được nhận thức bởi lưỡi... (nt)... các xúc được nhận thức bởi thân... (nt)... các pháp được nhận thức bởi ý là đáng mong, đáng muốn, đáng mến, đáng yêu, liên hệ đến dục, gợi tình; nếu vị Tỳ-khưu thích thú điều ấy, tán thưởng, bám chặt rồi tồn tại." "Con người trong khi tồn tại" còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

"Này các Tỳ-khưu, có sự vướng bận với sắc thì thức, trong khi tồn tại, [sẽ] tồn tại có đối tượng là sắc, có chỗ nâng đỡ là sắc, có sự rải rắc niềm vui, và [sẽ] đạt đến sự phát triển, sự tăng trưởng, sự lớn mạnh. Này các Tỳ-khưu, hoặc là có sự vướng bận với thọ,... (nt)... Này các Tỳ-khưu, hoặc là có sự vướng bận với tưởng,... (nt)... Này các Tỳ-khưu, hoặc là có sự vướng bận với các hành, thì thức, trong khi tồn tại, [sẽ] tồn tại có đối tượng là các hành, có chỗ nâng đỡ là các hành, có sự rải rắc niềm vui, và [sẽ] đạt đến sự phát triển, sự tăng trưởng, sự lớn mạnh." "Con người trong khi tồn tại" còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

"Này các Tỳ-khưu, nếu ở đoàn thực mà có sự luyến ái, có sự vui mừng, có

sự tham ái thì ở nơi ấy thức được thiết lập, được tăng trưởng. Ở nơi nào thức được thiết lập, được tăng trưởng; ở nơi ấy có sự hạ sanh của danh sắc. Ở nơi nào có sự hạ sanh của danh sắc, ở nơi ấy có sự phát triển của các hành. Ở nơi nào có sự phát triển của các hành, ở nơi ấy có sự sanh ra và hiện hữu lần nữa trong tương lai. Ở nơi nào có sự sanh ra và hiện hữu lần nữa trong tương lai, ở nơi ấy có sanh-già-chết trong tương lai. Ở nơi nào có sanh-già-chết trong tương lai, này các Tỳ-khưu, ta nói rằng việc ấy có sầu muộn, có phiền muộn, có lo âu." "Con người trong khi tồn tại" còn là như vậy.

"Này các Tỳ-khưu, nếu ở xúc thực... (nt)... "Này các Tỳ-khưu, nếu ở tư niệm thực... (nt)... "Này các Tỳ-khưu, nếu ở thức thực mà có sự luyến ái, có sự vui mừng, có sự tham ái thì ở nơi ấy thức được thiết lập, được tăng trưởng. Ở nơi nào thức được thiết lập, được tăng trưởng; ở nơi ấy có sự hạ sanh của danh sắc. Ở nơi nào có sự hạ sanh của danh sắc, ở nơi ấy có sự phát triển của các hành. Ở nơi nào có sự phát triển của các hành, ở nơi ấy có sự sanh ra và hiện hữu lần nữa trong tương lai. Ở nơi nào có sự sanh ra và hiện hữu lần nữa trong tương lai, ở nơi ấy có sanh-già-chết trong tương lai. Ở nơi nào có sanh-già-chết trong tương lai, này các Tỳ-khưu, ta nói rằng việc ấy có sầu muộn, có phiền muộn, có lo âu." "Con người trong khi tồn tại" còn là như vậy.

Bị đắm chìm trong sự say mê [ngũ dục]: Các sự say mê được gọi là năm loại dục: Các sắc được nhận thức bởi mắt là đáng mong, đáng muốn, đáng mến, đáng yêu, liên hệ đến dục, gợi tình, các thinh được nhận thức bởi tai... (nt)... các hương được nhận thức bởi mũi... (nt)... các vị được nhận thức bởi lưỡi... (nt)... các xúc được nhận thức bởi thân... (nt)... các pháp được nhận thức bởi ý là đáng mong, đáng muốn, đáng mến, đáng yêu, liên hệ đến dục, gợi tình. Vì lý do gì mà các sự say mê được gọi là năm loại dục? Phần nhiều chư thiên và loài người mê mẩn, mê đắm, mê muội, bị mê mẩn, bị mê đắm, bị mê muội, bị vô minh làm mù, bị bao bọc, bị bao trùm, bị bao kín, bị che lại, bị che kín, bị đậy kín trong năm loại dục; vì lý do ấy mà các sự say mê được gọi là năm loại dục.

Bị đắm chìm trong sự say mê [ngũ dục]: Là bị đắm chìm, bị đắm xuống, bị chìm xuống trong sự say mê [ngũ dục].

"Con người trong khi tồn tại, bị đắm chìm trong sự say mê [ngũ dục]" là như thế.

Người thuộc hạng như thế ấy quả thật cách xa sự viễn ly.

Sự viễn ly: Có ba sự viễn ly: Viễn ly về thân, viễn ly về tâm, viễn ly về mầm tái sanh.

Thế nào là viễn ly về thân? Ở đây, vị Tỳ-khưu thân cận chỗ trú ngụ tách biệt, khu rừng rậm, gốc cây, sườn núi, thung lũng, khe núi, bãi tha ma, khu rừng thưa, đồng trống, đống rơm, và sống tách biệt về thân. Vị ấy đi một mình, đứng một mình, ngồi một mình, nằm một mình, đi vào làng để khất thực một mình, đi trở về một mình, ngồi nơi vắng vẻ một mình, quyết định kinh hành một mình,

thực hành, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng một mình. Đây là viễn ly về thân.

Thế nào là viễn ly về tâm? Đối với vị thể nhập Sơ thiền, tâm được tách biệt khỏi các pháp che lấp. Đối với vị thể nhập Nhị thiền, tâm được tách biệt khỏi tầm và tứ. Đối với vị thể nhập Tam thiền, tâm được tách biệt khỏi hỷ. Đối với vị thể nhập Tứ thiền, tâm được tách biệt khỏi lạc và khổ. Đối với vị thể nhập Không vô biên xứ, tâm được tách biệt khỏi sắc tưởng, bất bình tưởng, dị biệt tưởng. Đối với vị thể nhập Thức vô biên xứ, tâm được tách biệt khỏi Không vô biên xứ tưởng. Đối với vị thể nhập Vô sở hữu xứ, tâm được tách biệt khỏi Thức vô biên xứ tưởng. Đối với vị thể nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ, tâm được tách biệt khỏi Vô sở hữu xứ tưởng. Đối với vị Nhập lưu, tâm được tách biệt khỏi sự nhận thức sai trái về thân, sự hoài nghi, sự bám víu vào giới và phận sự, tà kiến tiềm ẩn, hoài nghi tiềm ẩn, và các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy. Đối với vị Nhất lai, tâm được tách biệt khỏi sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất thô thiển, ái dục tiềm ẩn và bất bình tiềm ẩn có tính chất thô thiển, và các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy. Đối với vị Bất lai, tâm được tách biệt khỏi sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất vi tế, ái dục tiềm ẩn và bất bình tiềm ẩn có tính chất vi tế, và các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy. Đối với vị A-la-hán, tâm được tách biệt khỏi ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật, vô minh, ngã mạn tiềm ẩn, [hữu ái tiềm ẩn] vô minh tiềm ẩn, các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy, và mọi hiện tướng ở bên ngoài. Đây là viễn ly về tâm.

Thế nào là viễn ly về mầm tái sanh? Mầm tái sanh nói đến các ô nhiễm, các uẩn và các hành. Viễn ly về mầm tái sanh nói đến bất tử, Niết-bàn; là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Đây là viễn ly về mầm tái sanh.

Viễn ly về thân là đối với các vị có thân đã lui về nơi ẩn dật, đã thích thú trong việc xuất ly; viễn ly về tâm là đối với các vị có tâm hoàn toàn trong sạch, đã đạt đến sự trong trắng tuyệt đối; và viễn ly về mầm tái sanh là đối với các cá nhân không còn mầm tái sanh, đã đạt đến việc lìa khỏi các pháp tạo tác.

Quả thật cách xa sự viễn ly: Người nào bị dính mắc ở hang [thân xác], như vậy, và bị che đậy bởi nhiều ô nhiễm như vậy, bị đắm chìm trong sự say mê [ngũ dục] như vậy; người ấy là cách xa sự viễn ly về thân, cách xa sự viễn ly về tâm, cách xa sự viễn ly về mầm tái sanh, cách xa hẳn, cách xa lắm, không ở gần, không ở bên cạnh, không ở kề cận, ở nơi tách biệt.

Thuộc hạng như thế: Là giống như thế ấy, được tồn tại thế ấy, có kiểu cách ấy, có biểu hiện ấy; người ấy bị đắm chìm trong sự say mê [ngũ dục].

"Người thuộc hạng như thế ấy quả thật cách xa sự viễn ly" là như thế.

Bởi vì các dục ở thế gian thật không dễ gì dứt bỏ.

Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục.

Các loại nào là vật dục? Các sắc hợp ý, các thinh hợp ý, các hương hợp ý, các vị hợp ý, các xúc hợp ý, các vật trải lót, các vật đắp, các tôi trai và tớ gái, dê, cừu, gà, heo, voi, bò, ngựa, lừa, ruộng, đất, vàng, bạc, làng mạc, thị trấn, kinh thành, quốc độ, xứ sở, khu trại, nhà kho, và bất cứ vật gì đưa đến sự luyến ái là vật dục.

Thêm nữa là các dục quá khứ, các dục vị lai, các dục hiện tại, các dục nội phần, các dục ngoại phần, các dục nội và ngoại phần, các dục hạ liệt, các dục trung bình, các dục cao quý, các dục thuộc địa ngục, các dục thuộc loài người, các dục thuộc cõi trời, các dục hiện tiền, các dục được tạo ra, các dục được người khác tạo ra, các dục không được tạo ra, các dục thuộc sở hữu, các dục không thuộc sở hữu, các dục được chấp là của ta, các dục không được chấp là của ta, tính luôn tất cả các pháp dục giới, tất cả các pháp sắc giới, tất cả các pháp vô sắc giới, các dục có nền tảng là tham ái, có cảnh giới là tham ái, với ý nghĩa đưa đến sự ham muốn, với ý nghĩa đưa đến sự luyến ái, với ý nghĩa đưa đến sự say đắm. Các điều này được gọi là vật dục.

Ô nhiễm dục là các loại nào? Mong muốn là dục, luyến ái là dục, mong muốn và luyến ái là dục, tư duy là dục, luyến ái là dục, tư duy và luyến ái là dục, là sự mong muốn về dục, sự luyến ái về dục, niềm vui về dục, sự tham ái về dục, sự yêu mến về dục, sự nồng nhiệt về dục, sự mê mẩn về dục, sự bám chặt vào dục, sự lôi cuốn của dục, sự gắn bó với dục, sự chấp thủ ở dục, sự che lấp do mong muốn về dục ở các dục.

"Này dục, ta đã nhìn thấy gốc rễ của ngươi. Này dục, ngươi sanh lên từ sự tư duy. Ta sẽ không tư duy về ngươi nữa. Này dục, như vậy ngươi sẽ không hình thành."[3]

Các điều này được gọi là ô nhiễm dục.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ.

Bởi vì các dục ở thế gian thật không dễ gì dứt bỏ: Bởi vì các dục ở thế gian là khó dứt bỏ, khó từ bỏ, khó từ bỏ hẳn, khó đè nén, khó tháo gỡ, khó tháo bỏ, khó vượt lên, khó vượt khỏi, khó vượt qua hẳn, khó vượt qua khỏi.

"Bởi vì các dục ở thế gian thật không dễ gì dứt bỏ" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Bị dính mắc ở hang [thân xác], bị che đậy bởi nhiều [ô nhiễm], con người trong khi tồn tại, bị đắm chìm trong sự say mê [ngũ dục]. Người thuộc hạng như thế ấy quả thật cách xa sự viễn ly, bởi vì các dục ở thế gian thật không dễ gì dứt bỏ."

[3] *Bổn sanh* "Thợ cạo Gaṅgamāla" (*Gaṅgamālajātakaṃ*), số 421, *TTPV*, tập 32, trang 311, câu kệ 1185.

2.2. *Có ước muốn là căn nguyên, bị trói buộc vào lạc thú ở hiện hữu, đang trông mong về sau này hoặc luôn cả trước đây, đang tham muốn chính các dục này đây hoặc vào thời trước đây, những kẻ ấy là khó giải thoát, đương nhiên không thể giúp cho những người khác giải thoát.*

Có ước muốn là căn nguyên, bị trói buộc vào lạc thú ở hiện hữu.

Ước muốn: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt, sự say đắm, sự chiều chuộng, niềm vui, niềm vui và luyến ái, sự luyến ái mãnh liệt của tâm, ước muốn, mê mẩn, bám chặt, thèm khát, thèm thuồng, quyến luyến, đắm nhiễm, dục vọng, xảo trá, liên quan tái sanh, sự tạo ra khổ, người thợ may, cái lưới bẫy, sự cuốn trôi, sự vướng mắc, sợi chỉ trói, sự lan rộng, có sự ra sức, bạn đời, nguyện vọng, lối dẫn đến hữu, rừng cây, bụi rậm, sự thân thiết, sự thương yêu, sự trông mong, sự thân mật, sự mong mỏi, sự mong ước, trạng thái mong ước, sự mong mỏi về sắc, mong mỏi về thinh, mong mỏi về hương, mong mỏi về vị, mong mỏi về xúc, mong mỏi về lợi lộc, mong mỏi về tài sản, mong mỏi về con trai, mong mỏi về mạng sống, tham muốn, khởi tham muốn, nguyện cầu, biểu hiện tham muốn, trạng thái tham muốn, tham lam, biểu hiện tham lam, trạng thái tham lam, xao xuyến, ham muốn vật vừa ý, luyến ái sai pháp, tham sai trái, đeo đuổi, khao khát, ước nguyện, mong cầu, ước nguyện tốt đẹp, dục ái, hữu ái, phi hữu ái, ái cõi sắc, ái cõi vô sắc, ái Niết-bàn, ái cảnh sắc, ái cảnh thinh, ái cảnh khí, ái cảnh vị, ái cảnh xúc, ái cảnh pháp, dòng nước lũ, sự ràng buộc, trói buộc, chấp thủ, ngăn trở, ngăn che, che đậy, cột trói, làm ô nhiễm, tiềm ẩn, thâm nhập, quấn lấy, sự keo kiệt, cội nguồn của khổ, căn nguyên của khổ, nguồn sanh khổ, cạm bẫy của Ma vương, lưỡi câu của Ma vương, lãnh địa của Ma vương, ái ví như dòng sông, ái ví như tấm lưới, ái ví như dây xích, ái ví như biển, tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Có ước muốn là căn nguyên. Có ước muốn là căn nguyên: Có ước muốn là nhân, có ước muốn là duyên, có ước muốn là lý do, có ước muốn là nguồn phát khởi. "Có ước muốn là căn nguyên" là như thế.

Bị trói buộc vào lạc thú ở hiện hữu: Một lạc thú ở hiện hữu: Cảm thọ lạc. Hai lạc thú ở hiện hữu: Cảm thọ lạc và sự việc được ước muốn. Ba lạc thú ở hiện hữu: Tuổi trẻ, sức khỏe, mạng sống. Bốn lạc thú ở hiện hữu: Lợi lộc, danh vọng, lời khen, hạnh phúc. Năm lạc thú ở hiện hữu: Các sắc hợp ý, các thinh hợp ý, các hương hợp ý, các vị hợp ý, các xúc hợp ý. Sáu lạc thú ở hiện hữu: Sự thỏa mãn của mắt, sự thỏa mãn của tai, sự thỏa mãn của mũi, sự thỏa mãn của lưỡi, sự thỏa mãn của thân, sự thỏa mãn của ý.

Bị trói buộc vào lạc thú ở hiện hữu: Bị dính mắc, bị trói buộc vào cảm thọ lạc, vào sự việc được ước muốn, bị trói buộc vào tuổi trẻ, bị trói buộc vào sức khỏe, bị trói buộc vào mạng sống, bị trói buộc vào lợi lộc, bị trói buộc vào danh vọng, bị trói buộc vào lời khen, bị trói buộc vào hạnh phúc, bị trói buộc vào các sắc hợp ý, các thinh… các hương… các vị hợp ý, bị trói buộc vào các

xúc hợp ý, bị trói buộc vào sự thỏa mãn của mắt, bị trói buộc vào sự thỏa mãn của tai, bị trói buộc vào sự thỏa mãn của mũi… lưỡi… thân… ý, bị trói chặt, bị trói vào, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại.

"Có ước muốn là căn nguyên, bị trói buộc vào lạc thú ở hiện hữu" là như thế.

Những kẻ ấy là khó giải thoát, đương nhiên không thể giúp cho những người khác giải thoát: Các sự việc lạc thú ở hiện hữu ấy là khó giải thoát, hoặc là chúng sanh khó được giải thoát khỏi sự việc ấy.[4]

Các sự việc lạc thú ở hiện hữu ấy là khó giải thoát nghĩa là thế nào? Cảm thọ lạc là khó giải thoát, sự việc được ước muốn là khó giải thoát, tuổi trẻ là khó giải thoát, sức khỏe là khó giải thoát, mạng sống là khó giải thoát, lợi lộc là khó giải thoát, danh vọng là khó giải thoát, lời khen là khó giải thoát, hạnh phúc là khó giải thoát, các sắc hợp ý là khó giải thoát, các thinh… các hương… các vị… các xúc hợp ý là khó giải thoát, sự thỏa mãn của mắt là khó giải thoát, sự thỏa mãn của tai, mũi, lưỡi, thân, ý là khó giải thoát, khó được giải thoát, khó được phóng thích, khó tháo gỡ, khó tháo bỏ, khó vượt lên, khó vượt khỏi, khó vượt qua hẳn, khó vượt qua khỏi. Các sự việc lạc thú ở hiện hữu ấy là khó giải thoát nghĩa là như vậy.

Chúng sanh khó được giải thoát khỏi sự việc ấy nghĩa là thế nào? Chúng sanh là khó được giải thoát khỏi cảm thọ lạc, khó được giải thoát khỏi sự việc được ước muốn, khó được giải thoát khỏi tuổi trẻ, khó được giải thoát khỏi sức khỏe, khó được giải thoát khỏi mạng sống, khó được giải thoát khỏi lợi lộc, khó được giải thoát khỏi danh vọng, khó được giải thoát khỏi lời khen, khó được giải thoát khỏi hạnh phúc, khó được giải thoát khỏi các sắc hợp ý, khó được giải thoát khỏi các thinh… các hương… các vị… các xúc hợp ý, khó được giải thoát khỏi sự thỏa mãn của mắt, khó được giải thoát khỏi sự thỏa mãn của tai, mũi, lưỡi, thân, ý, khó được phóng thích, khó nâng lên, khó nâng bổng, khó nhấc lên, khó nhấc bổng, khó tháo gỡ, khó tháo bỏ, khó vượt lên, khó vượt khỏi, khó vượt qua hẳn, khó vượt qua khỏi. Chúng sanh khó được giải thoát khỏi sự việc ấy nghĩa là như vậy. "Những kẻ ấy là khó giải thoát" là như thế.

Đương nhiên không thể giúp cho những người khác giải thoát: Những kẻ ấy, tự thân đã bị lún ở bãi lầy, không thể nâng lên kẻ khác đã bị lún ở bãi lầy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

"Này Cunda, thật vậy, kẻ ấy tự thân đã bị lún ở bãi lầy, sẽ nâng lên kẻ khác đã bị lún ở bãi lầy, sự kiện này không thể có được. Này Cunda, thật vậy, kẻ ấy tự thân không được thuần phục, không được huấn luyện, không được hoàn toàn tịch diệt, sẽ thuần phục, sẽ huấn luyện, sẽ giúp cho kẻ khác hoàn toàn tịch diệt; sự kiện này không thể có được." "Đương nhiên không thể giúp cho những người khác giải thoát" là như vậy.

[4] *Te duppamuñcā*: Cụm từ này được giải thích theo hai cách như văn bản đã trình bày ở trên, chúng tôi ghi nghĩa theo cách thứ hai. (ND)

Hoặc là, không có kẻ nào khác là người giúp cho giải thoát.[5] Nếu họ có thể giải thoát, thì có thể giải thoát bằng sức mạnh của mình, bằng năng lực của mình, bằng tinh tấn của mình, bằng nỗ lực của mình, bằng sức mạnh con người của mình, bằng năng lực con người của mình, bằng tinh tấn con người của mình, bằng nỗ lực con người của mình, trong khi tự thân thực hành sự thực hành đúng đắn, sự thực hành phù hợp, sự thực hành không trái ngược, sự thực hành đưa đến lợi ích, sự thực hành đúng pháp và thuận pháp. "Đương nhiên không thể giúp cho những người khác giải thoát" còn là như vậy.

Bởi vì, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến:

1. *"Ta sẽ không có khả năng về việc giúp cho giải thoát bất cứ người nào có nỗi nghi hoặc ở thế gian, này Dhotaka. Nhưng trong khi biết rõ giáo pháp tối thượng, như vậy ngươi có thể vượt qua dòng lũ này."*[6] "Đương nhiên không thể giúp cho những người khác giải thoát" còn là như vậy.

Bởi vì, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến:

2. *"Việc ác đã được làm bởi chính bản thân, trở thành ô nhiễm bởi bản thân. Việc ác đã không được làm bởi bản thân, trở thành trong sạch bởi chính bản thân. Trong sạch [hay] không trong sạch tùy thuộc vào bản thân, không ai có thể làm cho người khác trở thành trong sạch."*[7] "Đương nhiên không thể giúp cho những người khác giải thoát" còn là như vậy.

Bởi vì, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến:

"Này Bà-la-môn, tương tự y như thế, Niết-bàn quả là có thật, con đường đưa đến Niết-bàn là có thật, Ta là người chỉ dẫn là có thật, và hơn nữa các đệ tử của Ta, trong khi được Ta giáo huấn như vậy, trong khi được chỉ dạy như vậy, một số đệ tử đạt đến mục đích tột cùng là Niết-bàn, một số không đạt đến. Này Bà-la-môn, ở đây Ta làm được điều gì? Này Bà-la-môn, Như Lai là người chỉ đường. Đức Phật chỉ ra con đường. Chúng sanh, trong khi tự thân thực hành, thì có thể giải thoát." "Đương nhiên không thể giúp cho những người khác giải thoát" còn là như vậy.

"Những kẻ ấy là khó giải thoát, đương nhiên không thể giúp cho những người khác giải thoát" là như thế.

Đang trông mong về sau này hoặc luôn cả trước đây: Sau này nói đến tương lai. Trước đây nói đến quá khứ. Thêm nữa, so sánh với quá khứ, tương lai và hiện tại là sau này; so sánh với tương lai, quá khứ và hiện tại là trước đây.

Thế nào là "tiến hành sự trông mong về trước đây"? [Nghĩ rằng:] "Ta đã có sắc như vầy vào thời quá khứ", rồi tự lấy làm vui mừng về điều ấy; "Ta đã có thọ như vầy... (nt)... "Ta đã có tưởng như vầy... (nt)... "Ta đã có hành như vầy... (nt)... "Ta đã có thức như vầy vào thời quá khứ", rồi tự lấy làm vui mừng

---

[5] *Na hi aññamokkhā*: Cụm từ này cũng được giải thích theo 2 cách như văn bản đã trình bày ở trên, chúng tôi ghi nghĩa theo cách thứ nhất. (ND)

[6] *Suttanipātapāḷi* (*Kinh tập*), *TTPV*, tập 29, trang 327, câu kệ 1068. (ND)

[7] *Dhammapadapāḷi* (*Pháp cú*), *TTPV*, tập 28, trang 67, câu kệ 165. (ND)

về điều ấy; như vậy là "tiến hành sự trông mong về trước đây." Hoặc là [nghĩ rằng:] "Mắt của ta đã là như vầy vào thời quá khứ, các sắc đã là như vầy", thức bị trói buộc vào sự mong muốn và luyến ái về điều ấy. Do trạng thái bị trói buộc vào sự mong muốn và luyến ái của thức, rồi thích thú điều ấy; trong khi thích thú điều ấy, như vậy cũng là "tiến hành sự trông mong về trước đây." Hoặc là [nghĩ rằng:] "Tai của ta đã là như vầy vào thời quá khứ, các thinh đã là như vầy",... (nt)... "Mũi của ta đã là như vầy vào thời quá khứ, các hương đã là như vầy",... (nt)... "Lưỡi của ta đã là như vầy vào thời quá khứ, các vị đã là như vầy",... (nt)... "Thân của ta đã là như vầy vào thời quá khứ, các xúc đã là như vầy",... (nt)... "Ý của ta đã là như vầy vào thời quá khứ, các pháp đã là như vầy", thức bị trói buộc vào sự mong muốn và luyến ái về điều ấy. Do trạng thái bị trói buộc vào sự mong muốn và luyến ái của thức, rồi thích thú điều ấy; trong khi thích thú điều ấy, như vậy cũng là "tiến hành sự trông mong về trước đây." Hoặc là, người ấy có các việc cười hớt, chuyện trò, đùa giỡn với người nữ lúc trước đây, rồi hứng thú điều ấy, khao khát điều ấy, và do điều ấy đạt được sự vui lòng; như vậy cũng là "tiến hành sự trông mong về trước đây."

Thế nào là "tiến hành sự trông mong về sau này"? [Nghĩ rằng:] "Ta sẽ có sắc như vầy vào thời vị lai", rồi tự lấy làm vui mừng về điều ấy. "Ta sẽ có thọ như vầy... (nt)... "Ta sẽ có tưởng như vầy... (nt)... "Ta sẽ có hành như vầy... (nt)... "Ta sẽ có thức như vầy vào thời vị lai", rồi tự lấy làm vui mừng về điều ấy; như vậy là "tiến hành sự trông mong về sau này." Hoặc là [nghĩ rằng:] "Mắt của ta sẽ là như vầy vào thời vị lai, các sắc sẽ là như vầy", rồi chuyên chú tâm vào việc đạt được điều chưa đạt được. Do duyên chuyên chú của tâm, rồi thích thú điều ấy; trong khi thích thú điều ấy, như vậy cũng là "tiến hành sự trông mong về sau này." Hoặc là [nghĩ rằng:] "Tai của ta sẽ là như vầy vào thời vị lai, các thinh sẽ là như vầy",... (nt)... "Mũi của ta sẽ là như vầy vào thời vị lai, các hương sẽ là như vầy",... (nt)... "Lưỡi của ta sẽ là như vầy vào thời vị lai, các vị sẽ là như vầy",... (nt)... "Thân của ta sẽ là như vầy vào thời vị lai, các xúc sẽ là như vầy",... (nt)... "Ý của ta sẽ là như vầy vào thời vị lai, các pháp sẽ là như vầy", rồi chuyên chú tâm vào việc đạt được điều chưa đạt được. Do duyên chuyên chú của tâm, rồi thích thú điều ấy; trong khi thích thú điều ấy, như vậy cũng là "tiến hành sự trông mong về sau này." Hoặc là [nghĩ rằng:] "Với giới này, hay với phận sự này, hay với sự khắc khổ này, hay với Phạm hạnh này, ta sẽ trở thành Thiên vương hoặc một thiên nhân nào đó", rồi chuyên chú tâm vào việc đạt được điều chưa đạt được. Do duyên chuyên chú của tâm, rồi thích thú điều ấy; trong khi thích thú điều ấy, như vậy cũng là "tiến hành sự trông mong về sau này."

"Đang trông mong về sau này hoặc luôn cả trước đây" là như thế.

Đang tham muốn chính các dục này đây hoặc vào thời trước đây.

Chính các dục này đây: Trong khi ước muốn, trong khi ưng thuận, trong khi ước nguyện, trong khi nguyện cầu năm loại dục trong hiện tại.

Đang tham muốn [các dục] vào thời trước đây: Trong khi tham muốn, trong khi khởi tham muốn, trong khi nguyện cầu năm loại dục ở quá khứ.

"Đang tham muốn chính các dục này đây hoặc vào thời trước đây" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Có ước muốn là căn nguyên, bị trói buộc vào lạc thú ở hiện hữu, đang trông mong về sau này hoặc luôn cả trước đây, đang tham muốn chính các dục này đây hoặc vào thời trước đây, những kẻ ấy là khó giải thoát, đương nhiên không thể giúp cho những người khác giải thoát."

2.3. *Bị thèm khát ở các dục, bị đeo níu, bị mê đắm, là những người thấp kém,*
họ đã lún sâu vào [sở hành] sai trái.
Bị dẫn dắt đến khổ đau, họ than vãn: "Vậy chúng ta sẽ trở thành cái gì
sau khi đã chết từ nơi đây?"

Bị thèm khát ở các dục, bị đeo níu, bị mê đắm.

Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là ô nhiễm dục.

Thèm khát: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Bị luyến ái, bị thèm khát, bị buộc trói, bị mê mẩn, bị gần gũi, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại ở ô nhiễm dục, ở các vật dục. "Bị thèm khát ở các dục" là như thế.

Bị đeo níu: Những kẻ nào tìm kiếm, tìm tòi, tầm cầu các dục, rồi đi theo nó, phát triển theo nó, xem trọng nó, nghiêng theo nó, chiều theo nó, xuôi theo nó, hướng đến nó, xem nó là chủ đạo; những kẻ ấy là bị đeo níu ở các dục. Những kẻ nào, do tác động của tham ái, tìm kiếm, tìm tòi, tầm cầu các sắc... (nt)... các thinh... (nt)... các hương... (nt)... các vị... (nt)... tìm kiếm, tìm tòi, tầm cầu các xúc, rồi đi theo nó, phát triển theo nó, xem trọng nó, nghiêng theo nó, chiều theo nó, xuôi theo nó, hướng đến nó, xem nó là chủ đạo; những kẻ ấy là bị đeo níu ở các dục. Những kẻ nào, do tác động của tham ái, tiếp nhận các sắc... (nt)... các thinh... (nt)... các hương... (nt)... các vị... (nt)... tiếp nhận các xúc, rồi đi theo nó, phát triển theo nó, xem trọng nó, nghiêng theo nó, chiều theo nó, xuôi theo nó, hướng đến nó, xem nó là chủ đạo; những kẻ ấy là bị đeo níu ở các dục. Những kẻ nào, do tác động của tham ái, thọ hưởng các sắc... (nt)... các thinh... (nt)... các hương... (nt)... các vị... (nt)... thọ hưởng các xúc, rồi đi theo nó, phát triển theo nó, xem trọng nó, nghiêng theo nó, chiều theo nó, xuôi theo nó, hướng đến nó, xem nó là chủ đạo; những kẻ ấy là bị đeo níu ở các dục. Giống như người gây nên sự cãi cọ thì bị đeo níu ở sự cãi cọ, người làm công việc thì bị đeo níu ở công việc, người đang sống ở nơi sinh sống thì bị đeo níu ở nơi sinh sống, người có thiền thì bị đeo níu bởi thiền; tương tự như vậy, những kẻ nào tìm kiếm, tìm tòi, tầm cầu các dục, rồi đi theo nó, phát triển theo nó, xem

trọng nó, nghiêng theo nó, chiều theo nó, xuôi theo nó, hướng đến nó, xem nó là chủ đạo; những kẻ ấy là bị đeo níu ở các dục. Những kẻ nào, do tác động của tham ái, tìm kiếm, tìm tòi, tầm cầu các sắc... (nt)... các thinh... (nt)... các hương... (nt)... các vị... (nt)... tìm kiếm, tìm tòi, tầm cầu các xúc, rồi đi theo nó, phát triển theo nó, xem trọng nó, nghiêng theo nó, chiều theo nó, xuôi theo nó, hướng đến nó, xem nó là chủ đạo; những kẻ ấy là bị đeo níu ở các dục. Những kẻ nào, do tác động của tham ái, tiếp nhận các sắc... (nt)... các thinh... (nt)... các hương... (nt)... các vị... (nt)... tiếp nhận các xúc, rồi đi theo nó, phát triển theo nó, xem trọng nó, nghiêng theo nó, chiều theo nó, xuôi theo nó, hướng đến nó, xem nó là chủ đạo; những kẻ ấy là bị đeo níu ở các dục. Những kẻ nào, do tác động của tham ái, thọ hưởng các sắc... (nt)... các thinh... (nt)... các hương... (nt)... các vị... (nt)... thọ hưởng các xúc, rồi đi theo nó, phát triển theo nó, xem trọng nó, nghiêng theo nó, chiều theo nó, xuôi theo nó, hướng đến nó, xem nó là chủ đạo; những kẻ ấy là bị đeo níu ở các dục.

Bị mê đắm: Phần nhiều chư thiên và loài người mê mẩn, mê đắm, mê muội, mê mệt, bị mê mẩn, bị mê đắm, bị mê muội, bị mê mệt, bị vô minh làm mù, bị bao bọc, bị bao trùm, bị bao kín, bị che lại, bị che kín, bị đậy kín trong năm loại dục.

"Bị thèm khát ở các dục, bị đeo níu, bị mê đắm" là như thế.

Là những người thấp kém, họ đã lún sâu vào [sở hành] sai trái.

Những người thấp kém: "Những người đi xuống" là những người thấp kém, những người bỏn xẻn được gọi là những người thấp kém, "những người không nắm giữ lời nói, lời giải bày, lời chỉ bảo, lời khuyên bảo của chư Phật, của chư Thinh văn của đức Phật" là những người thấp kém.

"Những người đi xuống" là những người thấp kém nghĩa là thế nào? "Những người đi xuống" là những người đi đến địa ngục, [đi đến loài thú] đi đến thân phận ngạ quỷ, "những người đi xuống" là những người thấp kém nghĩa là như vậy.

Những người bỏn xẻn được gọi là những người thấp kém nghĩa là thế nào? Có năm loại bỏn xẻn: Bỏn xẻn về chỗ ở, bỏn xẻn về gia tộc, bỏn xẻn về lợi lộc, bỏn xẻn về danh tiếng, bỏn xẻn về pháp; bỏn xẻn nào có hình thức như vậy là biểu hiện của bỏn xẻn, trạng thái của bỏn xẻn, sự hám lợi, keo kiệt, tính chất bủn xỉn, trạng thái bị nắm giữ của tâm; điều này được gọi là bỏn xẻn. Còn nữa, bỏn xẻn về uẩn cũng là bỏn xẻn, bỏn xẻn về giới cũng là bỏn xẻn, bỏn xẻn về xứ cũng là bỏn xẻn, sự nắm lấy, điều này được gọi là bỏn xẻn.[8] Do sự bỏn xẻn này, những người không có sự hào phóng trở nên xao lãng, "những người bỏn xẻn được gọi là những người thấp kém" nghĩa là như vậy.

[8] Ở các trang 114, 205, 315, 347 trong tập này được thấy ghi: "*Gāho vuccaṭi macchariyaṃ*" (sự nắm lấy được gọi là bỏn xẻn), thay vì: "*Gāho, idaṃ vuccati macchariyaṃ*" (sự nắm lấy, điều này được gọi là bỏn xẻn) như ở đây và ở trang 186. (ND)

"Những người không nắm giữ lời nói, lời giải bày, lời chỉ bảo, lời giáo huấn của chư Phật, của chư Thinh văn của đức Phật" là những người thấp kém nghĩa là thế nào? "Những người không nắm giữ, không lắng nghe, không để tai, không lập tâm để hiểu lời nói, lời giải bày, lời chỉ bảo, lời giáo huấn của chư Phật, của chư Thinh văn của đức Phật" là những người không nghe theo, không làm theo lời dạy, có hành vi nghịch lại, quay mặt về hướng khác. "Những người không nắm giữ lời nói, lời giải bày, lời chỉ bảo, lời giáo huấn của chư Phật, của chư Thinh văn của đức Phật" là những người thấp kém nghĩa là như vậy. "Những người thấp kém" là như thế.

Họ đã lún sâu vào [sở hành] sai trái.

[Sở hành] sai trái: Họ đã lún sâu vào thân nghiệp sai trái, đã lún sâu vào khẩu nghiệp sai trái, đã lún sâu vào ý nghiệp sai trái, đã lún sâu vào việc giết hại sinh mạng sai trái, đã lún sâu vào việc trộm cắp sai trái, đã lún sâu vào tà hạnh trong các dục sai trái, đã lún sâu vào việc nói dối sai trái, đã lún sâu vào việc nói đâm thọc sai trái, đã lún sâu vào việc nói thô lỗ sai trái, đã lún sâu vào việc nói nhảm nhí sai trái, đã lún sâu vào tham đắm sai trái, đã lún sâu vào sân hận sai trái, đã lún sâu vào tà kiến sai trái, đã lún sâu vào các pháp tạo tác sai trái, đã lún sâu vào năm loại dục sai trái, đã lún sâu vào năm pháp che lấp sai trái, đã đi theo vào, đã thiết lập, đã bám vào, đã đến gần, đã bám chặt, đã hướng đến, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại.

"Là những người thấp kém, họ đã lún sâu vào [sở hành] sai trái" là như thế.

Bị dẫn dắt đến khổ đau, họ than vãn.

Bị dẫn dắt đến khổ đau: Đã đi đến khổ đau, đã đạt đến khổ đau, đã đến gần khổ đau, đã đi đến Ma vương, đã đạt đến Ma vương, đã đến gần Ma vương, đã đi đến sự chết, đã đạt đến sự chết, đã đến gần sự chết.

Họ than vãn: Họ rên rỉ, lảm nhảm, sầu muộn, mệt mỏi, than vãn, đấm ngực khóc lóc, đi đến sự mê muội.

"Bị dẫn dắt đến khổ đau, họ than vãn" là như thế.

Vậy chúng ta sẽ trở thành cái gì sau khi đã chết từ nơi đây? Họ bị rơi vào ngờ vực, bị rơi vào nhầm lẫn, bị sanh lên sự lưỡng lự rằng: "Sau khi chết từ nơi đây, chúng ta sẽ trở thành cái gì? Chúng ta sẽ trở thành người địa ngục? Sẽ trở thành loài thú? Sẽ trở thành thân phận ngạ quỷ? Sẽ trở thành loài người? Sẽ trở thành chư thiên? Sẽ trở thành hữu sắc? Sẽ trở thành vô sắc? Sẽ trở thành hữu tưởng? Sẽ trở thành vô tưởng? Sẽ trở thành phi tưởng phi phi tưởng? Phải chăng chúng ta sẽ hiện hữu trong thời vị lai? Phải chăng chúng ta sẽ không hiện hữu trong thời vị lai? Chúng ta sẽ trở thành cái gì trong thời vị lai? Chúng ta sẽ hiện hữu trong thời vị lai như thế nào? Chúng ta sẽ trở thành cái gì rồi sẽ trở thành cái gì trong thời vị lai?" Họ rên rỉ, lảm nhảm, sầu muộn, mệt mỏi, than vãn, đấm ngực khóc lóc, đi đến sự mê muội.

"Vậy chúng ta sẽ trở thành cái gì sau khi đã chết từ nơi đây?" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Bị thèm khát ở các dục, bị đeo níu, bị mê đắm, là những người thấp kém, họ đã lún sâu vào [sở hành] sai trái.

Bị dẫn dắt đến khổ đau, họ than vãn: 'Vậy chúng ta sẽ trở thành cái gì sau khi đã chết từ nơi đây?'"

2.4. *Chính vì điều ấy, con người ở ngay tại đây nên học tập,*
Nên biết bất cứ điều gì là "sai trái" ở thế gian,
Không nên thực hành điều sai trái do nhân của điều ấy,
Bởi vì các bậc sáng trí đã nói mạng sống này là ngắn ngủi.

Chính vì điều ấy, con người ở ngay tại đây nên học tập.

Vì điều ấy: Vì điều ấy là bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy, trong khi nhìn thấy điều bất lợi này ở các dục. "Vì điều ấy" là như thế.

Nên học tập: Có ba sự học tập: Học tập về thắng giới, học tập về thắng tâm, học tập về thắng tuệ.

Việc nào là sự học tập về thắng giới? Ở đây, vị Tỳ-khưu là vị có giới, sống thu thúc với sự thu thúc của Giới bổn (*Pātimokkha*), thành tựu về hạnh kiểm và hành xứ, thấy sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhặt, thọ trì và thực hành trong các điều học. Nhóm giới nhỏ, nhóm giới lớn, giới là nền tảng, phần khởi đầu, sự thực hành, sự ngăn giữ, sự thu thúc, sự mở đầu, sự dẫn đầu nhằm chứng đạt các thiện pháp; việc này là sự học tập về thắng giới.

Việc nào là sự học tập về thắng tâm? Ở đây, vị Tỳ-khưu ngay sau khi tách ly khỏi các dục, tách ly khỏi các bất thiện pháp, đạt đến và trú thiền thứ nhất, có tầm, có tứ, có hỷ lạc sanh lên do sự tách ly; do sự vắng lặng của tầm và tứ, đạt đến và trú thiền thứ nhì, có sự tĩnh lặng thuộc nội phần, có trạng thái chuyên nhất của tâm, không tầm không tứ, có hỷ lạc sanh lên do định; do sự không còn luyến ái ở hỷ, an trú xả, có niệm và có sự nhận biết rõ, và cảm nhận lạc bằng thân, đó là điều mà các bậc Thánh gọi là: "Có xả, có niệm, có sự trú vào lạc", đạt đến và trú thiền thứ ba; và do sự từ bỏ lạc, do sự từ bỏ khổ [ở thân], do sự biến mất của hỷ tâm và ưu phiền [đã có] ngay trước đó, đạt đến và trú thiền thứ tư, có sự thanh tịnh của xả và niệm, không khổ không lạc; việc này là sự học tập về thắng tâm.

Việc nào là sự học tập về thắng tuệ? Ở đây, vị Tỳ-khưu là vị có tuệ, thành tựu về tuệ hướng đến sự sanh diệt, góp phần vào sự thấu triệt cao thượng, dẫn đến việc cạn kiệt hoàn toàn của khổ. Vị ấy nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là khổ", nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là nhân sanh khổ", nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là sự diệt tận khổ", nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ", nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là các lậu hoặc", nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là nhân sanh các lậu hoặc", nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là sự diệt tận các lậu hoặc", nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận các lậu hoặc"; việc này là sự học tập về thắng tuệ.

Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này, thì nên học tập; trong khi biết, thì nên học tập; trong khi thấy, thì nên học tập; trong khi quán xét lại, thì nên học tập; trong khi quyết định tâm, thì nên học tập; trong khi hướng đến đức tin, thì nên học tập; trong khi ra sức tinh tấn, thì nên học tập; trong khi thiết lập niệm, thì nên học tập; trong khi tập trung tâm, thì nên học tập; trong khi nhận biết bằng tuệ, thì nên học tập; trong khi biết rõ pháp cần được biết rõ, thì nên học tập; trong khi biết toàn diện pháp cần được biết toàn diện, thì nên học tập; trong khi dứt bỏ pháp cần được dứt bỏ, thì nên học tập; trong khi tu tập pháp cần được tu tập, thì nên học tập; trong khi chứng ngộ pháp cần được chứng ngộ, thì nên học tập, nên hành xử, nên hành theo, nên thọ trì và vận dụng.

Ở tại đây: Ở quan điểm này, ở sự chấp nhận này, ở sự ưa thích này, ở sự nắm giữ này, ở Pháp này, ở Luật này, ở Pháp và Luật này, ở giáo lý này, ở Phạm hạnh này, ở lời dạy này của bậc Đạo sư, ở bản ngã này, ở thế giới loài người này; vì thế được gọi là "ở tại đây."

Con người là chúng sanh, đàn ông,... (nt)... nhân loại.

"Chính vì điều ấy, con người ở ngay tại đây nên học tập" là như thế.

Nên biết bất cứ điều gì là "sai trái" ở thế gian.

Bất cứ điều gì: Tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, cụm từ "*yaṃ kiñci*" này là lối nói của sự bao gồm.

Nên biết là "sai trái": Nên biết thân nghiệp sai trái là "sai trái", nên biết khẩu nghiệp sai trái là "sai trái", nên biết ý nghiệp sai trái là "sai trái", nên biết việc giết hại sinh mạng sai trái là "sai trái", nên biết việc trộm cắp sai trái là "sai trái", nên biết tà hạnh trong các dục sai trái là "sai trái", nên biết việc nói dối sai trái là "sai trái", nên biết việc nói đâm thọc sai trái là "sai trái", nên biết việc nói thô lỗ sai trái là "sai trái", nên biết việc nói nhảm nhí sai trái là "sai trái", nên biết tham đắm sai trái là "sai trái", nên biết sân hận sai trái là "sai trái", nên biết tà kiến sai trái là "sai trái", nên biết các hành sai trái là "sai trái", nên biết năm loại dục sai trái là "sai trái", nên biết năm pháp che lấp sai trái là "sai trái", nên biết, nên hiểu, nên nhận thức, nên thừa nhận, nên thấu triệt.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh,... (nt)... ở thế gian của các xứ.

"Nên biết bất cứ điều gì là 'sai trái' ở thế gian" là như thế.

Không nên thực hành điều sai trái do nhân của điều ấy: Không nên thực hành điều sai trái do nhân của thân nghiệp sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của khẩu nghiệp sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của ý nghiệp sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của việc giết hại sinh mạng sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của việc trộm cắp sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của tà hạnh trong các dục sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của việc nói dối sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của việc nói đâm thọc sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của việc nói thô lỗ sai trái, không nên thực

hành điều sai trái do nhân của việc nói nhảm nhí sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của tham đắm sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của sân hận sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của tà kiến sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của các pháp tạo tác sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của năm loại dục sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của năm pháp che lấp sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của ý định sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của ước nguyện sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của nguyện vọng sai trái, không nên hành xử, không nên hành theo, không nên thọ trì và vận dụng.

"Không nên thực hành điều sai trái do nhân của điều ấy" là như thế.

Bởi vì các bậc sáng trí đã nói mạng sống này là ngắn ngủi.

Mạng sống: Là tuổi thọ, sự tồn tại, sự di chuyển, sự làm cho di chuyển, sự thay đổi oai nghi, sự vận hành, sự hộ trì, mạng sống, mạng quyền. Và hơn nữa, mạng sống là ngắn ngủi bởi hai lý do: Mạng sống là ngắn ngủi vì tính chất nhỏ nhoi của sự tồn tại, hoặc là mạng sống là ngắn ngủi vì tính chất nhỏ nhoi của phẩm chất. Mạng sống là ngắn ngủi vì tính chất nhỏ nhoi của sự tồn tại nghĩa là thế nào? Đã sống ở sát-na tâm quá khứ thì không sống [ở hiện tại], thì sẽ không sống [ở vị lai]; sẽ sống ở sát-na tâm vị lai thì không sống [ở hiện tại], thì đã không sống [ở quá khứ]; đang sống ở sát-na tâm hiện tại thì đã không sống [ở quá khứ], thì sẽ không sống [ở vị lai].

1. *"Mạng sống, bản ngã, toàn bộ hạnh phúc và khổ đau được gắn liền với một [sát-na] tâm; và sát-na [tâm] trôi qua một cách nhanh chóng.*[9]

2. *Ngay cả những vị thiên nhân tồn tại tám vạn bốn ngàn kiếp cũng không có trường hợp các vị ấy sinh tồn với hai tâm đã được kết hợp chung lại [trong cùng một sát-na, mà sinh tồn theo từng tâm một].*

3. *Các uẩn nào của người đang chết hoặc đang tồn tại ở thế gian này mà đã bị diệt tận, hết thảy tất cả các uẩn ấy là tương tự nhau; chúng đã ra đi, không tiếp nối sanh lên nữa.*

4. *Và các uẩn đã bị tan rã liền trước đó, các uẩn sẽ bị tan rã ở tương lai, đối với các uẩn [đang] bị diệt tận vào khoảng giữa của chúng [ở hiện tại], không có trạng thái khác nhau về tướng trạng.*

5. *Với uẩn chưa hạ sanh thì chưa được sanh ra, con người sống với uẩn hiện tại, thân này bị chết đi do sự tan rã của tâm thức, [đây là] định luật theo ý nghĩa tuyệt đối.*

6. *Nước di chuyển đến các chỗ thấp như thế nào, thì con người bị thay đổi vì sự mong muốn như thế ấy. Các dòng chảy không bị đứt đoạn [của tâm] vận hành do duyên của sáu xứ.*

---

[9] Đa phần các câu kệ ở đây được ghi nghĩa Việt dựa theo *Chú giải*. (ND)

7. *Các uẩn không đi đến việc tồn trữ, chúng bị tan rã. Không có sự tích lũy của các uẩn ở tương lai. Chúng tồn tại ngay khi vừa được sanh lên, tương tự như hạt cải ở đầu mũi kim.*

8. *Và đối với các pháp đã được sanh lên, sự tan rã của chúng là ở phía trước. Các uẩn có trạng thái tiêu hoại, chúng tồn tại không bị trộn lẫn với các uẩn trước đó.*

9. *Chúng đi đến không được nhìn thấy; bị tan rã, chúng ra đi không được nhìn thấy. Chúng sanh lên và diệt đi tựa như sự xuất hiện của tia chớp ở không trung."*

Mạng sống là ngắn ngủi vì tính chất nhỏ nhoi của sự tồn tại nghĩa là như vậy.

Mạng sống là ngắn ngủi vì tính chất nhỏ nhoi của phẩm chất nghĩa là thế nào? Mạng sống được gắn liền với hơi thở ra, mạng sống được gắn liền với hơi thở vào, mạng sống được gắn liền với hơi thở ra và hơi thở vào, mạng sống được gắn liền với bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió], mạng sống được gắn liền với vật thực ăn uống, mạng sống được gắn liền với hơi nóng, mạng sống được gắn liền với thức; nguồn gốc của các pháp này là yếu ớt, nhân quá khứ của các pháp này cũng là yếu ớt, các pháp nào là duyên các pháp ấy cũng là yếu ớt, pháp nào là nguồn sanh khởi pháp ấy cũng là yếu ớt, các pháp cùng hiện hữu của các pháp này cũng là yếu ớt, các pháp kết hợp với các pháp này cũng là yếu ớt, các pháp đồng sanh của các pháp này cũng là yếu ớt, pháp nào nối tiếp pháp ấy cũng là yếu ớt, các pháp này luôn yếu ớt giống như nhau, các pháp này không trụ lại cùng với nhau, các pháp này tiêu hoại giống như nhau, không có sự bảo vệ giữa chúng với nhau, và các pháp này cũng không củng cố lẫn nhau; pháp nào sản sinh ra [pháp khác] thì nó không còn hiện hữu.

10. *"Và không có cái nào bị loại bỏ bởi cái nào, bởi vì toàn bộ những cái này đều đạt đến sự tan rã. Do những cái trước mà những cái này được tạo ra, những cái là nguồn phát sanh trước đó rồi cũng bị chết đi, thậm chí những cái trước và luôn cả những cái sau không bao giờ nhìn thấy lẫn nhau."*

Mạng sống là ngắn ngủi vì tính chất nhỏ nhoi của phẩm chất nghĩa là như vậy.

Và hơn nữa, so sánh với mạng sống của chư thiên cõi Tứ Đại Thiên Vương thì loài người có mạng sống ngắn ngủi, có mạng sống nhỏ nhoi, có mạng sống chút ít, có mạng sống chớp nhoáng, có mạng sống mau lẹ, có mạng sống chóng qua, có mạng sống không lâu dài, có mạng sống không tồn lại lâu. So sánh với mạng sống của chư thiên cõi Đạo-lợi... (nt)... của chư thiên cõi Dạ-ma... (nt)... của chư thiên cõi Đẩu-suất... (nt)... của chư thiên cõi Hóa Lạc... (nt)... của chư thiên cõi Tha Hóa Tự Tại... (nt)... của chư thiên thuộc Phạm Chúng thiên thì loài người có mạng sống ngắn ngủi, có mạng sống nhỏ nhoi, có mạng sống chút ít, có mạng sống chớp nhoáng, có mạng sống mau lẹ, có mạng sống chóng qua, có mạng sống không lâu dài, có mạng sống không tồn lại lâu. Và điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến:

"Này các Tỳ-khưu, tuổi thọ này của loài người là ngắn ngủi, kiếp sau rồi sẽ

được đi đến, nên làm cho giác ngộ nhờ vào trí tuệ, nên làm việc thiện, nên thực hành Phạm hạnh, đã được sanh ra không có việc không chết. Này các Tỳ-khưu, người nào sống lâu, người ấy sống một trăm năm, ít hơn hoặc nhiều hơn.

11. *Tuổi thọ của loài người là ngắn ngủi, bậc thiện nhân nên xem thường nó, nên thực hành tựa như người có cái đầu đã bị cháy rực, việc không xảy đến cái chết là không có.*

12. *Ngày và đêm trôi qua, mạng sống bị hoại diệt, tuổi thọ của loài người bị cạn kiệt, tựa như nước của những con rạch nhỏ."*

Bởi vì các bậc sáng trí đã nói mạng sống này là ngắn ngủi.

Các bậc sáng trí: "Có trí hiểu biết" là các bậc sáng trí, "thành tựu trí hiểu biết" là các bậc sáng trí, "nhờm gớm việc ác" là các bậc sáng trí. Sáng trí nói đến tuệ. Tuệ là sự nhận biết, sự chọn lựa, sự khám phá, sự chọn lựa pháp, sự quan sát, sự suy xét, sự phân biệt, sự thông thái, sự thông thạo, sự khôn khéo, sự thông suốt, sự cân nhắc, sự có trí, sự khảo sát, sự hiểu biết rộng rãi, sự thông minh, pháp dẫn đầu, sự thấy rõ, sự nhận biết rõ, vật xuyên thủng; tuệ là tuệ quyền, tuệ lực, tuệ là vũ khí, tuệ là lâu đài, tuệ là ánh sáng, tuệ là hào quang, tuệ là cây đèn, tuệ là báu vật; sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến, trạng thái thành tựu với tuệ ấy là sáng trí. Thêm nữa, sáng trí về uẩn, sáng trí về giới, sáng trí về xứ, sáng trí về tùy thuận duyên khởi, sáng trí về việc thiết lập niệm, sáng trí về chánh cần, [sáng trí về nền tảng của thần thông] sáng trí về quyền, [sáng trí về lực] sáng trí về yếu tố đưa đến giác ngộ, sáng trí về Đạo, sáng trí về Quả, sáng trí về Niết-bàn.

Các bậc sáng trí ấy đã nói như vầy: "Loài người có mạng sống ngắn ngủi, có mạng sống nhỏ nhoi, có mạng sống chút ít, có mạng sống mau lẹ, có mạng sống chóng qua, có mạng sống không lâu dài, có mạng sống không tồn lại lâu." Các vị đã nói như vậy, thuyết như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy.

"Bởi vì các bậc sáng trí đã nói mạng sống này là ngắn ngủi" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Chính vì điều ấy, con người ở ngay tại đây nên học tập,
Nên biết bất cứ điều gì là 'sai trái' ở thế gian,
Không nên thực hành điều sai trái do nhân của điều ấy,
Bởi vì các bậc sáng trí đã nói mạng sống này là ngắn ngủi."

2.5. *Ta nhìn thấy con người này, bị nhiễm tham ái trong các cõi, đang chao đảo ở thế gian. Những người thấp hèn, chưa xa lìa tham ái ở hữu và phi hữu, rên rỉ ở cửa miệng tử thần.*

Ta nhìn thấy [người] đang chao đảo ở thế gian.

Ta nhìn thấy: Ta nhìn thấy bằng nhục nhãn, Ta nhìn thấy bằng thiên nhãn,

Ta nhìn thấy bằng tuệ nhãn, Ta nhìn thấy bằng Phật nhãn, Ta nhìn thấy bằng toàn nhãn, Ta nhận thấy, Ta quan sát, Ta suy xét, Ta khảo sát.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ.

[Người] đang chao đảo: Đang chao động với sự chao động bởi tham ái, đang chao động với sự chao động bởi tà kiến, đang chao động với sự chao động bởi ô nhiễm, đang chao động với sự chao động bởi sự kết nối, đang chao động với sự chao động bởi nghiệp quả, đang chao động với sự chao động bởi uế hạnh; kẻ bị luyến ái đang chao động bởi luyến ái; kẻ bị sân hận đang chao động bởi sân hận; kẻ bị si mê đang chao động bởi si mê; kẻ bị trói buộc đang chao động bởi ngã mạn; kẻ bị bám víu đang chao động bởi tà kiến; kẻ bị tán loạn đang chao động bởi sự phóng dật; kẻ không dứt khoát đang chao động bởi hoài nghi; kẻ cứng cỏi đang chao động bởi các pháp tiềm ẩn, đang chao động bởi lợi lộc, đang chao động bởi không lợi lộc, đang chao động bởi danh vọng, đang chao động bởi không danh vọng, đang chao động bởi lời khen, đang chao động bởi tiếng chê, đang chao động bởi hạnh phúc, đang chao động bởi khổ đau, đang chao động bởi sanh, đang chao động bởi già, đang chao động bởi bệnh, đang chao động bởi chết, đang chao động bởi sầu-bi-khổ-ưu-não, đang chao động bởi khổ ở địa ngục, đang chao động bởi khổ ở loài thú, đang chao động bởi khổ ở thân phận ngạ quỷ, đang chao động bởi khổ của loài người, đang chao động bởi khổ bắt nguồn từ việc nhập thai, đang chao động bởi khổ bắt nguồn từ việc trụ thai, đang chao động bởi khổ bắt nguồn từ việc ra khỏi thai, đang chao động bởi khổ gắn liền sau khi sanh ra, đang chao động bởi khổ do kẻ khác áp đặt sau khi sanh ra, đang chao động bởi khổ do sự ra sức của bản thân, đang chao động bởi khổ do sự ra sức của kẻ khác, đang chao động bởi khổ do [thọ] khổ, đang chao động bởi khổ do pháp tạo tác, đang chao động bởi khổ do sự biến đổi, đang chao động bởi khổ do bệnh ở mắt, đang chao động bởi khổ do bệnh ở tai trong, bởi khổ do bệnh ở mũi, bởi khổ do bệnh ở lưỡi, bởi khổ do bệnh ở thân, [bởi khổ do bệnh ở đầu] bởi khổ do bệnh ở lỗ tai, bởi khổ do bệnh ở miệng, bởi khổ do bệnh ở răng, bởi ho, bởi suyễn, bởi sổ mũi, bởi nhiệt, bởi cảm sốt, bởi đau bụng, bởi xây xẩm, bởi kiết lỵ, bởi đau bụng bão, bởi dịch tả, bởi phong cùi, bởi khối u, bởi bệnh chàm, bởi lao phổi, bởi động kinh, bởi mụt, bởi nhọt, bởi ghẻ ngứa, bởi sảy, bởi loét tay chân, bởi máu, bởi mật, bởi bệnh tiểu đường, bởi bệnh trĩ, bởi ghẻ lở, bởi loét hậu môn, bởi bệnh phát khởi từ mật, bởi bệnh phát khởi từ đàm, bởi bệnh phát khởi từ gió, bởi bệnh tổng hợp do mật-đàm-gió, bởi bệnh sanh lên vì thay đổi thời tiết, bởi bệnh sanh lên vì bốn oai nghi không đồng đều, bởi bệnh thuộc dạng cấp tính, bởi bệnh sanh lên vì quả của nghiệp, lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiểu tiện, bởi khổ do sự xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát, bởi khổ do cái chết của mẹ, bởi khổ do cái chết của cha, bởi khổ do cái chết của anh [em] trai, bởi khổ do cái chết của chị [em] gái, bởi khổ do cái chết của con trai, bởi khổ do cái chết

của con gái, bởi khổ do sự tổn hại về thân quyến, bởi khổ do sự tổn hại về của cải, bởi khổ do sự tổn hại vì bệnh tật, bởi khổ do sự tổn hại về giới, bởi khổ do sự tổn hại về kiến thức; Ta nhìn thấy, Ta nhận thấy, Ta quan sát, Ta suy xét, Ta khảo sát người đang chao động, đang lay động, đang xáo động, đang run rẩy, đang chấn động, đang rúng động.

"Ta nhìn thấy [người] đang chao đảo ở thế gian" là như thế.

Con người này bị nhiễm tham ái trong các cõi.

Con người: Là tên gọi cho chúng sanh.

Tham ái: Là ái cảnh sắc, ái cảnh thinh, ái cảnh khí, ái cảnh vị, ái cảnh xúc, ái cảnh pháp, hữu ái, phi hữu ái, đi theo tham ái, di chuyển theo tham ái, đạt đến tham ái, bị rơi vào tham ái, bị ngự trị, có tâm bị khuất phục.

Trong các cõi: Ở dục giới, ở sắc giới, ở vô sắc giới.

"Con người này, bị nhiễm tham ái trong các cõi" là như thế.

Những người thấp hèn rên rỉ ở cửa miệng tử thần.

Những người thấp hèn: "Người có thân nghiệp thấp hèn" là những người thấp hèn, "người có khẩu nghiệp thấp hèn" là những người thấp hèn, "người có ý nghiệp thấp hèn" là những người thấp hèn, "người có việc giết hại sinh mạng thấp hèn" là những người thấp hèn, "người có việc trộm cắp thấp hèn… tà hạnh thấp hèn trong các dục… việc nói dối thấp hèn… việc nói đâm thọc thấp hèn… việc nói thô lỗ thấp hèn… việc nói nhảm nhí thấp hèn… tham đắm thấp hèn… sân hận thấp hèn… tà kiến thấp hèn… các pháp tạo tác thấp hèn… năm loại dục thấp hèn… năm pháp che lấp thấp hèn… ý định thấp hèn… ước nguyện thấp hèn… nguyện vọng thấp hèn" là thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi. "Những người thấp hèn" là như thế.

Rên rỉ ở cửa miệng tử thần.

Ở cửa miệng tử thần: Ở cửa miệng Ma vương, ở cửa miệng sự chết. Đã đi đến tử thần, đã đạt đến tử thần, đã đến gần tử thần, đã đi đến Ma vương, đã đạt đến Ma vương, đã đến gần Ma vương, đã đi đến sự chết, đã đạt đến sự chết, đã đến gần sự chết; họ rên rỉ, họ lảm nhảm, họ sầu muộn, họ mệt mỏi, họ than vãn, họ đấm ngực khóc lóc, họ đi đến sự mê muội.

"Những người thấp hèn rên rỉ ở cửa miệng tử thần" là như thế.

Chưa xa lìa tham ái ở hữu và phi hữu.

Tham ái: Ái cảnh sắc,… (nt)… ái cảnh pháp.

Ở hữu và phi hữu: Ở dục giới, sắc giới, vô sắc giới, ở sự hiện hữu của nghiệp, ở sự hiện hữu lần nữa; ở sự hiện hữu của nghiệp là dục giới, ở sự hiện hữu lần nữa là dục giới, ở sự hiện hữu của nghiệp là sắc giới, ở sự hiện hữu lần nữa là sắc giới, ở sự hiện hữu của nghiệp là vô sắc giới, ở sự hiện hữu lần nữa là vô sắc giới; ở sự hiện hữu được lặp đi lặp lại, ở cảnh giới tái sanh được lặp đi lặp lại, ở sự tiếp nối tái sanh được lặp đi lặp lại, ở sự sanh ra của bản ngã được lặp đi lặp lại; [những kẻ ấy] có tham ái chưa được xa lìa, có tham ái

chưa được tách lìa, có tham ái chưa được từ bỏ, có tham ái chưa được tẩy trừ, có tham ái chưa được giải thoát, có tham ái chưa được dứt bỏ, có tham ái chưa được buông bỏ.

"Chưa xa lìa tham ái ở hữu và phi hữu" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Ta nhìn thấy con người này, bị nhiễm tham ái trong các cõi, đang chao đảo ở thế gian. Những người thấp hèn, chưa xa lìa tham ái ở hữu và phi hữu, rên rỉ ở cửa miệng tử thần."

2.6. *Hãy nhìn xem những kẻ đang chao động về vật đã được chấp là của ta tựa như những con cá ở chỗ ít nước, ở dòng chảy bị cạn kiệt. Và sau khi nhìn thấy điều ấy, nên sống không chấp là của ta, không tạo nên sự dính mắc ở các hữu.*

Hãy nhìn xem những kẻ đang chao động về vật đã được chấp là của ta.

Trạng thái chấp là của ta: Có hai trạng thái chấp là của ta: Trạng thái chấp là của ta do tham ái và trạng thái chấp là của ta do tà kiến.

Trạng thái chấp là của ta do tham ái là điều nào? Cho đến vật đã được tạo lập ranh giới, đã được tạo lập biên giới, đã được tạo lập giới hạn, đã được tạo lập hạn định, đã thuộc sở hữu, đã được chấp là của ta bởi cái gọi là tham ái rằng: Cái này là của tôi, cái ấy là của tôi, chừng này là của tôi, cho đến chừng này là của tôi; các sắc, các thinh, các hương, các vị, các xúc, các vật trải, các vật đắp, các tôi trai, tớ gái, các con dê, cừu, các con gà, heo, voi, bò, ngựa, lừa, ruộng, đất, vàng, bạc, làng mạc, thị trấn, kinh thành, quốc độ, xứ sở, khu trại, nhà kho của tôi; và luôn cả toàn thể đại địa cầu đều được chấp là của ta do tác động của tham ái, được giải rộng ra cho đến một trăm lẻ tám ái; điều này là trạng thái chấp là của ta do tham ái.

Trạng thái chấp là của ta do tà kiến là điều nào? Thân kiến có hai mươi nền tảng, tà kiến có mười nền tảng, hữu biên kiến có mười nền tảng; quan điểm nào có hình thức như vậy là sự đi đến tà kiến, có sự nắm giữ của tà kiến, có sự hiểm trở của tà kiến, có sự bóp méo của tà kiến, có sự xáo động của tà kiến, có sự ràng buộc của tà kiến; là sự nắm lấy, sự chấp nhận, sự chấp chặt, sự bám víu, con đường xấu, con đường sai trái, bản thể sai trái, ngoại giáo, sự nắm lấy đường lối trái nghịch, sự nắm lấy điều sai lệch, sự nắm lấy điều trái khuấy, sự nắm lấy điều sai trái, sự nắm lấy điều không xác đáng cho là xác đáng, cho đến sáu mươi hai tà kiến; điều này là trạng thái chấp là của ta do tà kiến.

Hãy nhìn xem những kẻ đang chao động về vật đã được chấp là của ta: Có sự lo âu về việc chiếm đoạt vật đã được chấp là của ta nên họ chao động, trong khi đang bị chiếm đoạt họ cũng chao động, khi đã bị chiếm đoạt họ cũng chao động; có sự lo âu về việc biến đổi của vật đã được chấp là của ta nên họ chao động, trong khi vật đang biến đổi họ cũng chao động, khi vật đã bị biến

đổi họ cũng chao động, họ lay động, họ xáo động, họ run rẩy, họ chấn động, họ rúng động. Trong khi họ đang chao động, đang lay động, đang xáo động, đang run rẩy, đang chấn động, đang rúng động như vậy; các ngươi hãy nhìn xem, hãy nhận thấy, hãy quan sát, hãy suy xét, hãy khảo sát họ.

"Hãy nhìn xem những kẻ đang chao động về vật đã được chấp là của ta" là như thế.

Tựa như những con cá ở chỗ ít nước, ở dòng chảy bị cạn kiệt: Giống như những con cá ở chỗ ít nước, ở chỗ cạn nước, ở chỗ kiệt nước, đang bị tấn công, đang bị gắp lên, đang bị ngấu nghiến bởi những con quạ, bởi những con diều hâu, bởi những con hạc nâu, chúng chao động, chúng lay động, chúng xáo động, chúng run rẩy, chúng chấn động, chúng rúng động; tương tự như vậy, những người có sự lo âu về việc chiếm đoạt vật đã được chấp là của ta nên họ chao động, trong khi đang bị chiếm đoạt họ cũng chao động, khi đã bị chiếm đoạt họ cũng chao động; [những người] có sự lo âu về việc biến đổi của vật đã được chấp là của ta nên họ chao động, trong khi vật đang biến đổi họ cũng chao động, khi vật đã bị biến đổi họ cũng chao động, họ lay động, họ xáo động, họ run rẩy, họ chấn động, họ rúng động.

"Tựa như những con cá ở chỗ ít nước, ở dòng chảy bị cạn kiệt" là như thế.

Và sau khi nhìn thấy điều ấy, nên sống không chấp là của ta: Sau khi nhìn thấy, sau khi nhìn xem, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt điều bất lợi ấy ở các trạng thái chấp là của ta. "Và sau khi nhìn thấy điều ấy" là như thế.

Nên sống không chấp là của ta.

Trạng thái chấp là của ta: Có hai trạng thái chấp là của ta: Trạng thái chấp là của ta do tham ái và trạng thái chấp là của ta do tà kiến. ... (nt)... điều này là trạng thái chấp là của ta do tham ái. ... (nt)... điều này là trạng thái chấp là của ta do tà kiến. Sau khi dứt bỏ trạng thái chấp là của ta do tham ái, sau khi buông bỏ trạng thái chấp là của ta do tà kiến, trong khi không chấp mắt là của ta, trong khi không chấp tai là của ta, trong khi không chấp mũi là của ta, trong khi không chấp lưỡi là của ta, trong khi không chấp thân là của ta, trong khi không chấp ý là của ta, trong khi không chấp các sắc, các thinh, các hương, các vị, các xúc, các pháp, gia tộc, đồ chúng, chỗ ngụ, lợi lộc, danh vọng, lời khen, hạnh phúc, y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, dục giới, sắc giới, vô sắc giới, cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc, cõi hữu tưởng, cõi vô tưởng, cõi phi tưởng phi phi tưởng, cõi một uẩn, cõi bốn uẩn, cõi năm uẩn, quá khứ, vị lai, hiện tại, các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, trong khi không nắm lấy, trong khi không bám víu, trong khi không chấp chặt, nên thực hành, nên trú ngụ, nên sinh hoạt, nên vận hành, nên bảo hộ, nên hộ trì, nên bảo dưỡng.

"Và sau khi nhìn thấy điều ấy, nên sống không chấp là của ta" là như thế.

Không tạo nên sự dính mắc ở các hữu.

Ở các hữu: Ở dục hữu, ở sắc hữu, ở vô sắc hữu. Sự dính mắc: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Không tạo nên sự dính mắc ở các hữu: Không tạo nên, không làm sanh ra, không làm sanh khởi, không làm hạ sanh sự mong muốn, sự yêu thương, sự luyến ái, sự chấp nhận.

"Không tạo nên sự dính mắc ở các hữu" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Hãy nhìn xem những kẻ đang chao động về vật đã được chấp là của ta tựa như những con cá ở chỗ ít nước, ở dòng chảy bị cạn kiệt. Và sau khi nhìn thấy điều ấy, nên sống không chấp là của ta, không tạo nên sự dính mắc ở các hữu."

2.7. *Sau khi dẹp bỏ sự mong muốn ở cả hai thái cực, sau khi biết toàn diện về xúc, không còn thèm khát, có sự chê trách bản thân về điều nào thì không làm điều ấy, người sáng trí không bị lấm nhơ ở những điều đã được thấy, đã được nghe.*

Sau khi dẹp bỏ sự mong muốn ở cả hai thái cực.

Thái cực: Có hai thái cực: Xúc là một thái cực, nhân sanh ra xúc là thái cực thứ hai. Quá khứ là một thái cực, vị lai là thái cực thứ hai. Cảm thọ lạc là một thái cực, cảm thọ khổ là thái cực thứ hai. Danh là một thái cực, sắc là thái cực thứ hai. Sáu nội xứ là một thái cực, sáu ngoại xứ là thái cực thứ hai. Sự chấp thân này là một thái cực, nhân sanh ra sự chấp thân này là thái cực thứ hai.

Mong muốn: Là sự mong muốn về dục, sự luyến ái về dục, niềm vui về dục, sự tham ái về dục, sự yêu mến về dục, sự nồng nhiệt về dục, sự mê mẩn về dục, sự bám chặt vào dục, sự lôi cuốn của dục, sự gắn bó với dục, sự chấp thủ ở dục, sự che lấp do mong muốn về dục ở các dục.

Sau khi dẹp bỏ sự mong muốn ở cả hai thái cực: Là sau khi dẹp bỏ, sau khi dẹp hẳn, sau khi dứt bỏ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu sự mong muốn ở cả hai thái cực.

"Sau khi dẹp bỏ sự mong muốn ở cả hai thái cực" là như thế.

Sau khi biết toàn diện về xúc, không còn thèm khát.

Xúc: Là nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc, xúc do diễn đạt [xúc thông qua ý môn], xúc do va chạm [xúc thông qua ngũ môn], xúc tạo ra thọ lạc, xúc tạo ra thọ khổ, xúc tạo ra thọ không khổ không lạc, xúc [ở tâm] thiện, xúc [ở tâm] bất thiện, xúc [ở tâm] vô ký, xúc thuộc dục giới, xúc thuộc sắc giới, xúc thuộc vô sắc giới, xúc [do quán xét] không tánh, xúc [do quán xét] vô tướng, xúc [do quán xét] vô nguyện, xúc hiệp thế, xúc xuất thế, xúc quá khứ, xúc vị lai, xúc hiện tại, xúc nào có hình thức như vậy là sự chạm vào, biểu hiện chạm vào, trạng thái chạm vào; điều này được gọi là xúc.

Sau khi biết toàn diện về xúc: Sau khi biết toàn diện về xúc với ba trường hợp biết toàn diện: Biết toàn diện về điều đã được biết, biết toàn diện về sự xét đoán và biết toàn diện về sự dứt bỏ.

Biết toàn diện về điều đã được biết là những gì? Biết về xúc. Biết rằng, thấy rằng: "Cái này là nhãn xúc, cái này là nhĩ xúc, cái này là tỷ xúc, cái này là thiệt xúc, cái này là thân xúc, cái này là ý xúc, cái này là xúc do diễn đạt [xúc thông qua ý môn], cái này là xúc do va chạm [xúc thông qua ngũ môn], cái này là xúc tạo ra thọ lạc, cái này là xúc tạo ra thọ khổ, cái này là xúc tạo ra thọ không khổ không lạc, cái này là xúc [ở tâm] thiện, cái này là xúc [ở tâm] bất thiện, cái này là xúc [ở tâm] vô ký, cái này là xúc thuộc dục giới, cái này là xúc thuộc sắc giới, cái này là xúc thuộc vô sắc giới, cái này là xúc [do quán xét] không tánh, cái này là xúc [do quán xét] vô tướng, cái này là xúc [do quán xét] vô nguyện, cái này là xúc hiệp thế, cái này là xúc xuất thế, cái này là xúc quá khứ, cái này là xúc vị lai, cái này là xúc hiện tại"; điều này là sự biết toàn diện về điều đã được biết.

Biết toàn diện về sự xét đoán là những gì? Sau khi thực hiện điều đã được biết như thế thì xét đoán về xúc, xét đoán là vô thường, là khổ, là cơn bệnh, là mụt ghẻ, là mũi tên, là tai ương, là tật nguyền, là không sai khiến được, là biến hoại, là tai họa, là bất hạnh, là sợ hãi, là nguy cơ, là thay đổi, là mảnh mai, là không bền, là không nơi nương náu, là không nơi trú ẩn, là không nơi nương nhờ, là trạng thái không có nơi nương nhờ, là trống rỗng, là rỗng không, là trống không, là vô ngã, là bất lợi, là có bản chất biến đổi, là không có cốt lõi, là gốc gác của tai ương, là kẻ giết hại, là vật hư hỏng, là có sự rò rỉ, là bị tạo tác, là mồi nhử của Ma vương, là có bản chất sanh ra, là có bản chất già, là có bản chất bệnh, là có bản chất chết, là có bản chất sầu-bi-khổ-ưu-não, là có bản chất ô nhiễm, là nhân sanh khởi, là sự tiêu hoại, là sự hứng thú, là sự bất lợi, là sự thoát ra; điều này là sự biết toàn diện về sự xét đoán.

Biết toàn diện về sự dứt bỏ là những gì? Sau khi xét đoán như vậy thì dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu sự mong muốn và luyến ái ở xúc.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

"Này các Tỳ-khưu, cái gì là sự mong muốn và luyến ái ở các xúc, các ngươi hãy dứt bỏ cái ấy. Như vậy, xúc ấy sẽ được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai"; điều này là sự biết toàn diện về sự dứt bỏ.

Sau khi biết toàn diện về xúc: Sau khi biết toàn diện về xúc với ba trường hợp biết toàn diện này.

Không còn thèm khát.

Thèm khát: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với người nào, sự thèm khát ấy là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; người ấy được gọi

là không còn thèm khát. Người ấy không thèm khát ở sắc, không thèm khát ở thinh, không thèm khát ở hương, không thèm khát ở vị, không thèm khát ở xúc, không thèm khát ở gia tộc, ở đồ chúng, ở chỗ ngụ, ở lợi lộc, ở danh vọng, ở lời khen, ở hạnh phúc, ở y phục, ở đồ ăn khất thực, ở chỗ nằm ngồi, ở vật dụng là thuốc men chữa bệnh, ở dục giới, ở sắc giới, ở vô sắc giới, ở cõi dục, ở cõi sắc, ở cõi vô sắc, ở cõi hữu tưởng, ở cõi vô tưởng, ở cõi phi tưởng phi phi tưởng, ở cõi một uẩn, ở cõi bốn uẩn, ở cõi năm uẩn, ở quá khứ, ở vị lai, ở hiện tại, ở các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, không bị buộc trói, không bị mê mẩn, không bị gần gũi, có sự thèm khát đã được xa lìa, có sự thèm khát đã được tách lìa, có sự thèm khát đã được từ bỏ, có sự thèm khát đã được tẩy trừ, có sự thèm khát đã được giải thoát, có sự thèm khát đã được dứt bỏ, có sự thèm khát đã được buông bỏ, có sự luyến ái đã được xa lìa, có sự luyến ái đã được tách lìa, có sự luyến ái đã được từ bỏ, có sự luyến ái đã được tẩy trừ, có sự luyến ái đã được giải thoát, có sự luyến ái đã được dứt bỏ, có sự luyến ái đã được buông bỏ, không còn khao khát, được tịch diệt, có trạng thái mát mẻ, có sự cảm thọ lạc, sống với trạng thái cao thượng tự thân.

"Sau khi biết toàn diện về xúc, không còn thèm khát" là như thế.

Có sự chê trách bản thân về điều nào thì không làm điều ấy.

Điều nào: Là việc nào.

Có sự chê trách bản thân: Chê trách bản thân bởi hai lý do: Do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm.

Chê trách bản thân do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm [nghĩa] là thế nào? Chê trách bản thân rằng: "Ta đã làm uế hạnh về thân, ta đã không làm thiện hạnh về thân." Chê trách bản thân rằng: "Ta đã làm uế hạnh về khẩu, ta đã không làm thiện hạnh về khẩu." Chê trách bản thân rằng: "Ta đã làm uế hạnh về ý, ta đã không làm thiện hạnh về ý." Chê trách bản thân rằng: "Ta đã giết hại sinh mạng, ta đã không tránh xa sự giết hại sinh mạng." Chê trách bản thân rằng: "Ta đã trộm cắp, ta đã không tránh xa sự trộm cắp." Chê trách bản thân rằng: "Ta đã làm tà hạnh trong các dục, ta đã không tránh xa sự tà hạnh trong các dục." Chê trách bản thân rằng: "Ta đã nói dối, ta đã không tránh xa việc nói dối." Chê trách bản thân rằng: "Ta đã nói đâm thọc, ta đã không tránh xa việc nói đâm thọc." Chê trách bản thân rằng: "Ta đã nói thô lỗ, ta đã không tránh xa việc nói thô lỗ." Chê trách bản thân rằng: "Ta đã nói nhảm nhí, ta đã không tránh xa việc nói nhảm nhí." Chê trách bản thân rằng: "Ta đã hành động tham đắm, ta đã không hành động không tham đắm." Chê trách bản thân rằng: "Ta đã hành động sân hận, ta đã không hành động không sân hận." Chê trách bản thân rằng: "Ta đã thực hành tà kiến, ta đã không thực hành chánh kiến." Chê trách bản thân do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm [nghĩa] là như vậy. Hoặc là, chê trách bản thân rằng: "Ta không phải là người thực hành đầy đủ các giới." Chê trách bản thân rằng: "Ta là người có các giác quan không được gìn giữ." Chê trách bản thân rằng: "Ta là người không biết chừng mực về vật thực." Chê trách bản thân rằng:

"Ta không luyện tập về tỉnh thức." Chê trách bản thân rằng: "Ta không có niệm và sự nhận biết rõ." Chê trách bản thân rằng: "Bốn sự thiết lập niệm chưa được ta tu tập." Chê trách bản thân rằng: "Bốn chánh cần chưa được ta tu tập." Chê trách bản thân rằng: "Bốn nền tảng của thần thông chưa được ta tu tập." Chê trách bản thân rằng: "Năm quyền chưa được ta tu tập." Chê trách bản thân rằng: "Năm lực chưa được ta tu tập." Chê trách bản thân rằng: "Bảy yếu tố đưa đến giác ngộ chưa được ta tu tập." Chê trách bản thân rằng: "Đạo lộ Thánh thiện tám chi phần chưa được ta tu tập." Chê trách bản thân rằng: "Khổ chưa được ta biết toàn diện." Chê trách bản thân rằng: "Tập chưa được ta dứt bỏ." Chê trách bản thân rằng: "Đạo chưa được ta tu tập." Chê trách bản thân rằng: "Diệt chưa được ta chứng ngộ." Chê trách bản thân do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm [nghĩa] là như vậy. Không tạo ra, không làm sanh ra, không làm sanh khởi, không làm hạ sanh, không làm phát sanh ra nghiệp khiến cho có sự chê trách bản thân [nghĩa] là như vậy.

"Có sự chê trách bản thân về điều nào thì không làm điều ấy" là như thế.

Người sáng trí không bị lấm nhơ ở những điều đã được thấy, đã được nghe.

Lấm nhơ: Có hai sự lấm nhơ: Lấm nhơ do tham ái và lấm nhơ do tà kiến. ... (nt)... điều này là lấm nhơ do tham ái. ... (nt)... điều này là lấm nhơ do tà kiến.

Người sáng trí: Người sáng trí là người sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh. Người sáng trí sau khi dứt bỏ lấm nhơ do tham ái, sau khi buông bỏ lấm nhơ do tà kiến, không bị lấm nhơ ở điều đã được thấy, không bị lấm nhơ ở điều đã được nghe, không bị lấm nhơ ở điều đã được cảm giác, không bị lấm nhơ ở điều đã được nhận thức, không bị nhiễm bẩn, không bị vấy bẩn, [là người] đã không bị lấm nhơ, đã không bị nhiễm bẩn, đã không bị vấy bẩn, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

"Người sáng trí không bị lấm nhơ ở những điều đã được thấy, đã được nghe" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Sau khi dẹp bỏ sự mong muốn ở cả hai thái cực, sau khi biết toàn diện về xúc, không còn thèm khát, có sự chê trách bản thân về điều nào thì không làm điều ấy, người sáng trí không bị lấm nhơ ở những điều đã được thấy, đã được nghe."

2.8. *Sau khi biết toàn diện về tưởng, có thể vượt khỏi dòng lũ,*
Bậc Hiền trí không bị vấy bẩn ở các sự sở hữu,
Có mũi tên đã được lấy ra, không bị xao lãng trong khi sống,
Không mong ước đời này và đời khác.

Sau khi biết toàn diện về tưởng, có thể vượt khỏi dòng lũ.

Tưởng: Dục tưởng, sân tưởng, hại tưởng, xuất ly tưởng, vô sân tưởng, vô hại tưởng, sắc tưởng, thinh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng; tưởng nào có hình thức như vậy là biểu hiện của tưởng, trạng thái của tưởng; điều này được gọi là tưởng.

Sau khi biết toàn diện về tưởng: Sau khi biết toàn diện về tưởng với ba trường hợp biết toàn diện: Biết toàn diện về điều đã được biết, biết toàn diện về sự xét đoán và biết toàn diện về sự dứt bỏ.

Biết toàn diện về điều đã được biết là những gì? Biết về tưởng là biết rằng, thấy rằng: "Cái này là dục tưởng, cái này là sân tưởng, cái này là hại tưởng, cái này là xuất ly tưởng, cái này là vô sân tưởng, cái này là vô hại tưởng, cái này là sắc tưởng, cái này là thinh tưởng, cái này là hương tưởng, cái này là vị tưởng, cái này là xúc tưởng, cái này là pháp tưởng"; điều này là sự biết toàn diện về điều đã được biết.

Biết toàn diện về sự xét đoán là những gì? Sau khi thực hiện điều đã được biết như thế thì xét đoán về tưởng, xét đoán là vô thường, là khổ, là cơn bệnh, là mụt ghẻ, là mũi tên, là tai ương, là tật nguyền, là không sai khiến được, là sự biến hoại, là tai họa, là bất hạnh, là sợ hãi, là nguy cơ, là thay đổi, là mảnh mai,... (nt)... là nhân sanh khởi, là sự tiêu hoại, là sự hứng thú, là sự bất lợi, là sự thoát ra; điều này là sự biết toàn diện về sự xét đoán.

Biết toàn diện về sự dứt bỏ là những gì? Sau khi thực hiện điều đã được biết như vậy, sau khi xét đoán như vậy thì dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu sự mong muốn và luyến ái ở tưởng.

Bởi vì, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến:

"Này các Tỳ-khưu, cái gì là sự mong muốn và luyến ái ở tưởng, các ngươi hãy dứt bỏ cái ấy. Như vậy, tưởng ấy sẽ được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai"; điều này là sự biết toàn diện về sự dứt bỏ.

Sau khi biết toàn diện về tưởng: Sau khi biết toàn diện về tưởng với ba trường hợp biết toàn diện.

Có thể vượt khỏi dòng lũ: Có thể vượt qua, có thể vượt lên, có thể vượt khỏi, có thể vượt qua hẳn, có thể vượt qua khỏi dòng lũ [ngũ] dục, dòng lũ của hữu, dòng lũ tà kiến, dòng lũ vô minh.

"Sau khi biết toàn diện về tưởng, có thể vượt khỏi dòng lũ" là như thế.

Bậc Hiền trí không bị vấy bẩn ở các sự sở hữu.

Các sự sở hữu: Có hai sự sở hữu: Sự sở hữu do tham ái và sự sở hữu do tà kiến. ... (nt)... điều này là sở hữu do tham ái. ... (nt)... điều này là sở hữu do tà kiến.

Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí, tức là tuệ, là sự nhận biết,... (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến; được thành tựu với trí ấy bậc Hiền trí có sự đạt đến bản thể hiền trí.

Ba hiền trí hạnh: Hiền trí hạnh về thân, hiền trí hạnh về khẩu, hiền trí hạnh về ý.

Hiền trí hạnh về thân là điều nào? Sự dứt bỏ ba loại uế hạnh về thân là hiền trí hạnh về thân, ba loại thiện hạnh về thân là hiền trí hạnh về thân, trí ở đối tượng thân là hiền trí hạnh về thân, sự biết toàn diện về thân là hiền trí hạnh về thân, đạo đồng hành với sự biết toàn diện là hiền trí hạnh về thân, sự dứt bỏ mong muốn và luyến ái ở thân là hiền trí hạnh về thân, sự chứng đạt tứ thiền có sự diệt của thân hành là hiền trí hạnh về thân; điều này là hiền trí hạnh về thân.

Hiền trí hạnh về khẩu là điều nào? Sự dứt bỏ bốn loại uế hạnh về khẩu là hiền trí hạnh về khẩu, bốn loại thiện hạnh về khẩu là hiền trí hạnh về khẩu, trí ở đối tượng khẩu là hiền trí hạnh về khẩu, sự biết toàn diện về khẩu là hiền trí hạnh về khẩu, đạo đồng hành với sự biết toàn diện là hiền trí hạnh về khẩu, sự dứt bỏ mong muốn và luyến ái ở khẩu là hiền trí hạnh về khẩu, sự chứng đạt nhị thiền có sự diệt của khẩu hành là hiền trí hạnh về khẩu; điều này là hiền trí hạnh về khẩu.

Hiền trí hạnh về ý là điều nào? Sự dứt bỏ ba loại uế hạnh về ý là hiền trí hạnh về ý, ba loại thiện hạnh về ý là hiền trí hạnh về ý, trí ở đối tượng tâm là hiền trí hạnh về ý, sự biết toàn diện về tâm là hiền trí hạnh về ý, đạo đồng hành với sự biết toàn diện là hiền trí hạnh về ý, sự dứt bỏ mong muốn và luyến ái ở tâm là hiền trí hạnh về ý, sự chứng đạt Diệt thọ tưởng có sự diệt của tâm hành là hiền trí hạnh về ý; điều này là hiền trí hạnh về ý.

1. "*[Chư Phật] đã nói về bậc Hiền trí về thân, bậc Hiền trí về khẩu, bậc Hiền trí về ý, bậc không còn lậu hoặc, bậc Hiền trí thành tựu hiền trí hạnh là bậc có sự dứt bỏ tất cả.*

2. *[Chư Phật] đã nói về bậc Hiền trí về thân, bậc Hiền trí về khẩu, bậc Hiền trí về ý, bậc không còn lậu hoặc, bậc Hiền trí thành tựu hiền trí hạnh là bậc có điều ác đã được rửa sạch."*

Được thành tựu ba pháp hiền trí hạnh này là sáu hạng hiền trí: Các bậc Hiền trí tại gia, các bậc Hiền trí xuất gia, các bậc Hiền trí Hữu học, các bậc Hiền trí Vô học, các bậc Hiền trí Độc Giác, các bậc Hiền trí của các bậc Hiền trí. Các bậc Hiền trí tại gia là các hạng nào? Những người tại gia đã thấy Niết-bàn, đã nhận thức giáo pháp, là các bậc Hiền trí tại gia. Các bậc Hiền trí xuất gia là các hạng nào? Những vị xuất gia đã thấy Niết-bàn, đã nhận thức giáo pháp, là các bậc Hiền trí xuất gia. Bảy hạng Hữu học là các bậc Hiền trí Hữu học. Các vị A-la-hán là các bậc Hiền trí Vô học. Các vị Phật Độc Giác là các bậc Hiền trí Độc Giác. Các đức Như Lai, A-la-hán Chánh Đẳng Giác là các bậc Hiền trí của các bậc Hiền trí.

3. "*Không phải do trạng thái im lặng mà kẻ có bộ dạng khờ khạo, ngu dốt trở thành bậc Hiền trí. Nhưng người nào, tựa như người cầm lấy cái cân rồi chọn lấy vật quý giá, là người sáng suốt.*

4. *Người lánh xa hẳn các điều ác, người ấy là bậc Hiền trí; do việc ấy,*

người ấy trở thành bậc Hiền trí. Người nào hiểu rõ cả hai thế giới [nội tâm và ngoại cảnh], do việc ấy được gọi là bậc Hiền trí.

5. *Vị biết được bản chất của những kẻ xấu và của những người tốt, nội phần và ngoại phần, ở tất cả thế gian, vị được tôn vinh bởi chư thiên và nhân loại, vị đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là bậc Hiền trí."*

Lấm nhơ. Có hai sự lấm nhơ: Lấm nhơ do tham ái và lấm nhơ do tà kiến. ... (nt)... điều này là lấm nhơ do tham ái. ... (nt)... điều này là lấm nhơ do tà kiến. Bậc Hiền trí sau khi dứt bỏ lấm nhơ do tham ái, sau khi buông bỏ lấm nhơ do tà kiến, không bị lấm nhơ ở các sự sở hữu, không bị nhiễm bẩn, không bị vấy bẩn, [là người] đã không bị lấm nhơ, đã không bị nhiễm bẩn, đã không bị vấy bẩn, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

"Bậc Hiền trí không bị vấy bẩn ở các sự sở hữu" là như thế.

Có mũi tên đã được lấy ra, không bị xao lãng trong khi sống.

Mũi tên: Có bảy mũi tên: Mũi tên luyến ái, mũi tên sân hận, mũi tên si mê, mũi tên ngã mạn, mũi tên tà kiến, mũi tên sầu muộn, mũi tên uế hạnh. Đối với người nào, những mũi tên này là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; người ấy được gọi là có mũi tên đã được lấy lên, có mũi tên đã được lấy ra, có mũi tên đã được nhổ lên, có mũi tên đã được nhổ ra, có mũi tên đã được rút lên, có mũi tên đã được rút ra, có mũi tên đã được từ bỏ, có mũi tên đã được tẩy trừ, có mũi tên đã được giải thoát, có mũi tên đã được dứt bỏ, có mũi tên đã được buông bỏ, không còn khao khát, được tịch diệt, có trạng thái mát mẻ, có sự cảm thọ lạc, sống với trạng thái cao thượng tự thân. "Có mũi tên đã được lấy ra" là như thế.

Trong khi sống: Là trong khi thực hành, trong khi trú ngụ, trong khi sinh hoạt, trong khi vận hành, trong khi bảo hộ, trong khi hộ trì, trong khi bảo dưỡng.

Không bị xao lãng: Là có sự thực hành nghiêm trang, có sự thực hành liên tục, có sự thực hành không ngừng nghỉ, có thói quen không biếng nhác, không buông bỏ mong muốn, không buông bỏ bổn phận trong các thiện pháp. [Nghĩ rằng:] "Bằng cách nào ta có thể làm đầy đủ giới uẩn chưa được đầy đủ, hoặc có thể bảo vệ giới uẩn đã được đầy đủ tại chỗ kia tại chỗ nọ bằng trí tuệ?" Điều này, trong trường hợp ấy, là sự mong muốn, sự cần cù, sự gắng sức, sự ráng sức, sự không thối chí, niệm, sự nhận biết rõ, sự nhiệt tâm, sự cần mẫn, sự quyết tâm, sự chuyên cần, sự không xao lãng trong các thiện pháp. [Nghĩ rằng:] "Bằng cách nào ta có thể làm đầy đủ định uẩn chưa được đầy đủ, hoặc có thể bảo vệ định uẩn đã được đầy đủ tại chỗ kia tại chỗ nọ bằng trí tuệ?" ... (nt)... trong các thiện pháp. [Nghĩ rằng:] "Bằng cách nào ta có thể làm đầy đủ tuệ uẩn chưa được đầy đủ,... (nt)... có thể làm đầy đủ giải thoát uẩn... (nt)... giải thoát tri kiến uẩn chưa được đầy đủ, hoặc có thể bảo vệ giải thoát tri kiến uẩn đã được

đầy đủ tại chỗ kia tại chỗ nọ bằng trí tuệ?" Điều này, trong trường hợp ấy, là sự mong muốn, sự cần cù, sự gắng sức, sự ráng sức, sự không thối chí, niệm, sự nhận biết rõ, sự nhiệt tâm, sự cần mẫn, sự quyết tâm, sự chuyên cần, sự không xao lãng trong các thiện pháp. [Nghĩ rằng:] "Bằng cách nào ta có thể biết toàn diện về Khổ chưa được biết toàn diện, hoặc có thể dứt bỏ các ô nhiễm chưa được dứt bỏ, hoặc có thể tu tập đạo chưa được tu tập, hoặc có thể chứng ngộ diệt chưa được chứng ngộ?" Điều này, trong trường hợp ấy, là sự mong muốn, sự cần cù, sự gắng sức, sự ráng sức, sự không thối chí, niệm, sự nhận biết rõ, sự nhiệt tâm, sự cần mẫn, sự quyết tâm, sự chuyên cần, sự không xao lãng trong các thiện pháp.

"Có mũi tên đã được lấy ra, không bị xao lãng trong khi sống" là như thế.

Không mong ước đời này và đời khác: Không mong ước đời này tức là bản ngã của bản thân, không mong ước đời khác tức là bản ngã ở đời khác; không mong ước đời này tức là sắc-thọ-tưởng-hành-thức của bản thân, không mong ước đời khác tức là sắc-thọ-tưởng-hành-thức ở đời khác; không mong ước đời này tức là sáu nội xứ, không mong ước đời khác tức là sáu ngoại xứ; không mong ước đời này tức là thế giới loài người, không mong ước đời khác tức là thế giới chư thiên; không mong ước đời này tức là dục giới, không mong ước đời khác tức là sắc giới, vô sắc giới; không mong ước đời này tức là dục giới, sắc giới, không mong ước đời khác tức là vô sắc giới; không mong ước, không ước muốn, không ưng thuận, không ước nguyện, không mong cầu, không nguyện cầu cảnh giới tái sinh, sự tái sinh, sự nối liền tái sanh, sự hiện hữu, sự luân hồi, hoặc sự luân chuyển.

"Không mong ước đời này và đời khác" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Sau khi biết toàn diện về tưởng, có thể vượt khỏi dòng lũ,
Bậc Hiền trí không bị vấy bẩn ở các sự sở hữu,
Có mũi tên đã được lấy ra, không bị xao lãng trong khi sống,
Không mong ước đời này và đời khác."

"Diễn giải kinh nhóm tám về hang" - Phần thứ nhì.

3. DIỄN GIẢI KINH NHÓM TÁM VỀ XẤU XA
(*DUṬṬHAṬṬHAKASUTTANIDDESO*)

Giờ sẽ nói đến "Diễn giải kinh nhóm tám về xấu xa":

3.1. *Thật vậy, một số người nói [bôi nhọ] với tâm ý xấu xa.*
Quả vậy, một số người có tâm ý chân thật cũng nói [bôi nhọ].
Bậc Hiền trí không tiếp cận lời nói [bôi nhọ] đã khởi lên,
Bởi vậy, bậc Hiền trí không có sự cứng cỏi ở bất cứ đâu.

Thật vậy, một số người nói [bôi nhọ] với tâm ý xấu xa: Một số ngoại đạo, với tâm ý xấu xa, với tâm ý tồi bại, với tâm ý chống đối, với tâm ý đối chọi, với tâm ý hằn học, với tâm ý thù hằn, với tâm ý căm hờn, với tâm ý thù hận, nói [bôi nhọ], gièm pha đức Thế Tôn và hội chúng Tỳ-khưu với việc không có thật.

"Thật vậy, một số người nói [bôi nhọ] với tâm ý xấu xa" là như thế.

Quả vậy, một số người có tâm ý chân thật cũng nói [bôi nhọ]: Là những người đang tin tưởng, đang tin cậy, đang hướng đến, có tâm ý chân thật, có suy nghĩ chân thật, có tâm ý ngay thật, có suy nghĩ ngay thật, có tâm ý đúng đắn, có suy nghĩ đúng đắn, có tâm ý xác đáng, có suy nghĩ xác đáng, có tâm ý không sái quấy, có suy nghĩ không sái quấy đối với những kẻ ngoại đạo ấy; họ nói [bôi nhọ], gièm pha đức Thế Tôn và hội chúng Tỳ-khưu với việc không có thật.

"Quả vậy, một số người có tâm ý chân thật cũng nói [bôi nhọ]" là như thế.

Bậc Hiền trí không tiếp cận lời nói [bôi nhọ] đã khởi lên: Lời nói [bôi nhọ] ấy là đã được sanh ra, đã được sanh khởi, đã được hạ sanh, đã được phát sanh, đã được xuất hiện, là tiếng nói từ những người khác, là sự sỉ vả, sự gièm pha về đức Thế Tôn và hội chúng Tỳ-khưu với việc không có thật.

"Lời nói [bôi nhọ] đã khởi lên" là như thế.

Bậc Hiền trí không tiếp cận.

Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí, tức là tuệ, là sự nhận biết,… (nt)… sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến; được thành tựu với trí ấy bậc Hiền trí đạt đến bản thể hiền trí. ... (nt)… đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là Hiền trí. Người nào tiếp cận lời nói [bôi nhọ], người ấy tiếp cận lời nói [bôi nhọ] bởi hai lý do: Người đã làm tiếp cận lời nói [bôi nhọ] do tình trạng [vị ấy] là người đã làm; hoặc là, trong khi bị nói [bôi nhọ], trong khi bị gièm pha, [vị ấy] bị bực tức, tức giận, phản kháng, rồi bày tỏ sự bực tức, sự sân hận, sự không bằng lòng rằng: "Tôi không có làm." Người nào tiếp cận lời nói [bôi nhọ], người ấy tiếp cận lời nói [bôi nhọ] bởi hai lý do

này. Bậc Hiền trí không tiếp cận lời nói [bôi nhọ] bởi hai lý do: Không phải là người đã làm, bậc Hiền trí không tiếp cận lời nói [bôi nhọ] do tình trạng không phải là người đã làm; hoặc là, trong khi bị nói [bôi nhọ], trong khi bị gièm pha, [vị ấy] không bị bực tức, không tức giận, không phản kháng, không bày tỏ sự bực tức, sự sân hận, sự không bằng lòng rằng: "Tôi không có làm." Bậc Hiền trí không tiếp cận, không đi đến gần, không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt lời nói [bôi nhọ] bởi hai lý do này.

"Bậc Hiền trí không tiếp cận lời nói [bôi nhọ] đã khởi lên" là như thế.

Bởi vậy, bậc Hiền trí không có sự cứng cỏi ở bất cứ đâu.

Bởi vậy: Là do điều ấy, bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy, đối với bậc Hiền trí, trạng thái tâm hằn học, bản tánh cứng cỏi là không có và năm sự cứng cỏi của tâm[1] cũng là không có. Ba sự cứng cỏi cũng là không có: Sự cứng cỏi của luyến ái, sự cứng cỏi của sân hận, sự cứng cỏi của si mê là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

Ở bất cứ đâu: Ở bất cứ đâu, về bất cứ điều gì, ở bất cứ chỗ nào, thuộc nội phần, hoặc ngoại phần, hoặc thuộc nội phần và ngoại phần.

"Bởi vậy, bậc Hiền trí không có sự cứng cỏi ở bất cứ đâu" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Thật vậy, một số người nói [bôi nhọ] với tâm ý xấu xa.
Quả vậy, một số người có tâm ý chân thật cũng nói [bôi nhọ].
Bậc Hiền trí không tiếp cận lời nói [bôi nhọ] đã khởi lên,
Bởi vậy, bậc Hiền trí không có sự cứng cỏi ở bất cứ đâu."

3.2. *Bị dẫn dắt bởi lòng mong muốn, đã đi theo sự ưa thích,*
Trong khi tự mình làm cho [các quan điểm trở nên] đầy đủ,
Làm thế nào có thể vượt trội quan điểm của chính mình?
Bởi vì người biết thế nào thì sẽ nói thế ấy.

Làm thế nào có thể vượt trội quan điểm của chính mình: Những kẻ ngoại đạo sau khi giết chết nữ du sĩ Sundarī rồi vu khống cho các vị Sa-môn, những người con trai dòng Sakya [nghĩ rằng]: "Như vậy chúng ta sẽ đoạt lại lợi lộc, danh vọng, sự trọng vọng, sự kính nể này." Với quan điểm như vậy, với sự chấp nhận như vậy, với sự ưa thích như vậy, với quan niệm như vậy, với ý định như vậy, với chủ tâm như vậy; họ đã không có thể bước qua quan điểm của mình, sự chấp nhận của mình, sự ưa thích của mình, quan niệm của mình, ý

[1] Năm sự cứng cỏi của tâm: Dịch theo sự hiệu đính của Tam tạng Miến Điện, Thái Lan và PTS. Năm sự cứng cỏi của tâm (*cetokhīlā*): Là 5 bản tánh cứng cỏi của tâm đối với đức Phật, Giáo pháp, Tăng chúng, việc học tập, và các vị đồng Phạm hạnh (*NidA*. II. 469). Năm sự cứng cỏi của tâm là: Nghi ngờ bậc Đạo sư; nghi ngờ Giáo pháp; nghi ngờ Hội chúng; nghi ngờ việc học tập; bị bực tức, không hoan hỷ, có trạng thái tâm hằn học, có bản tánh cứng cỏi đối với các vị đồng Phạm hạnh (*M*. 16, *Cetokhilasuttaṃ*). (ND)

định của mình, chủ tâm của mình. Sau đó, chính sự mất danh vọng đã quay trở về với họ. "Làm thế nào có thể vượt trội quan điểm của chính mình" là như vậy.

Hoặc là, người nào có học thuyết như vầy: "Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại", người ấy làm thế nào có thể vượt trội, có thể vượt quá, có thể vượt qua hẳn, có thể vượt qua khỏi quan điểm của mình, sự chấp nhận của mình, sự ưa thích của mình, quan niệm của mình, ý định của mình, chủ tâm của mình? Điều ấy có nguyên nhân là gì? Đối với người ấy, quan điểm ấy như thế là được đầy đủ, được thọ trì, được nắm lấy, được bám víu, được chấp chặt, được bám chặt, được hướng đến. "Làm thế nào có thể vượt trội quan điểm của chính mình" còn là như vậy.

Hoặc là, người nào có học thuyết như vầy: "Thế giới là không thường còn, thế giới là có giới hạn, thế giới là không có giới hạn, mạng sống và thân thể là một, mạng sống và thân thể là khác, chúng sanh[2] hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh hiện hữu và không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại", người ấy làm thế nào có thể vượt trội, có thể vượt quá, có thể vượt qua hẳn, có thể vượt qua khỏi quan điểm của mình, sự chấp nhận của mình, sự ưa thích của mình, quan niệm của mình, ý định của mình, chủ tâm của mình? Điều ấy có nguyên nhân là gì? Đối với người ấy, quan điểm ấy như thế là được đầy đủ, được thọ trì, được nắm lấy, được bám víu, được chấp chặt, được bám chặt, được hướng đến.

"Làm thế nào có thể vượt trội quan điểm của chính mình" còn là như vậy.

Bị dẫn dắt bởi lòng mong muốn, đã đi theo sự ưa thích.

Bị dẫn dắt bởi lòng mong muốn: Bị đưa đi, bị dẫn đi, bị lôi đi, bị mang đi bởi quan điểm của mình, bởi sự chấp nhận của mình, bởi sự ưa thích của mình, bởi quan niệm của mình. Giống như người bị đưa đi, bị dẫn đi, bị lôi đi, bị mang đi bằng phương tiện voi, bằng phương tiện ngựa, bằng phương tiện bò, bằng phương tiện cừu, bằng phương tiện lạc đà; tương tự như vậy, là người bị đưa đi, bị dẫn đi, bị lôi đi, bị mang đi bởi quan điểm của mình, bởi sự chấp nhận của mình, bởi sự ưa thích của mình, bởi quan niệm của mình. "Bị dẫn dắt bởi lòng mong muốn" là như thế.

Đã đi theo sự ưa thích: Đã đi theo, đã thiết lập, đã bám vào, đã đến gần, đã bám chặt, đã hướng đến quan điểm của mình, sự chấp nhận của mình, sự ưa thích của mình, quan niệm của mình.

"Bị dẫn dắt bởi lòng mong muốn, đã đi theo sự ưa thích" là như thế.

Trong khi tự mình làm cho [các quan điểm trở nên] đầy đủ: Tự mình làm cho đủ, làm cho hoàn hảo, làm cho không thiếu sót, làm cho cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý. [Nghĩ rằng:] "Bậc Đạo sư này là

---

[2] Từ *tathāgata* ở đây được *Chú giải* giải thích là *satta*, nghĩa là "chúng sanh, sinh vật, loài hữu tình" (*NidA*. I. 194), chứ không phải là danh hiệu "Như Lai" của đức Thế Tôn. (ND)

đấng Toàn tri" rồi tự mình làm cho đủ, làm cho hoàn hảo, làm cho không thiếu sót, làm cho cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý. [Nghĩ rằng:] "Giáo pháp này khéo được thuyết giảng, tập thể này đã thực hành tốt đẹp, quan điểm này là tốt lành, lối thực hành này đã khéo được quy định, đạo lộ này dẫn dắt ra khỏi"; rồi tự mình làm cho đủ, làm cho hoàn hảo, làm cho không thiếu sót, làm cho cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý, làm sanh ra, làm sanh khởi, làm hạ sanh, làm phát sanh.

"Trong khi tự mình làm cho [các quan điểm trở nên] đầy đủ" là như thế.

Bởi vì người biết thế nào thì sẽ nói thế ấy: Người biết thế nào thì sẽ nói, sẽ thuyết, sẽ phát ngôn, sẽ giảng giải, sẽ diễn tả thế ấy. Người biết thế nào về: "Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại" thì sẽ nói, sẽ thuyết, sẽ phát ngôn, sẽ giảng giải, sẽ diễn tả thế ấy. Người biết thế nào về: "Thế giới là không thường còn,... (nt)... chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại" thì sẽ nói, sẽ thuyết, sẽ phát ngôn, sẽ giảng giải, sẽ diễn tả thế ấy.

"Bởi vì người biết thế nào thì sẽ nói thế ấy" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Bị dẫn dắt bởi lòng mong muốn, đã đi theo sự ưa thích,
Trong khi tự mình làm cho [các quan điểm trở nên] đầy đủ,
Làm thế nào có thể vượt trội quan điểm của chính mình?
Bởi vì người biết thế nào thì sẽ nói thế ấy."

3.3. *Người nào, dầu không được hỏi đến, mà nói với những người khác về giới và phận sự của bản thân, người nào tự chính mình nói về bản thân, các bậc thiện xảo đã nói kẻ ấy là không có Thánh pháp.*

Người nào... về giới và phận sự của bản thân.

Người nào: Người nào là người như thế, được gắn bó như thế, được định đặt như thế, có biểu hiện như thế, đã đạt đến địa vị ấy, đã thành tựu phẩm chất ấy; hoặc là vị Sát-đế-ly, hoặc là vị Bà-la-môn, hoặc là thương nhân, hoặc là kẻ nô lệ, hoặc là người tại gia, hoặc là vị xuất gia, hoặc là vị thiên nhân, hoặc là người nhân loại.

Giới và phận sự: Có việc là giới và còn là phận sự, có việc là phận sự mà không phải là giới.

Việc nào là giới và còn là phận sự? Ở đây, vị Tỳ-khưu là người có giới, sống thu thúc với sự thu thúc trong Giới bổn (*Pātimokkha*), thành tựu về hạnh kiểm và hành xử, thấy sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhặt, thọ trì và thực hành trong các điều học. Việc nào, trong trường hợp ấy, là sự tự chế ngự, sự thu thúc, sự không vi phạm; cái này là giới. Cái nào là sự thọ trì, cái ấy là phận sự. Giới với ý nghĩa thu thúc, phận sự với ý nghĩa thọ trì. Việc này được gọi là giới và còn là phận sự.

Việc nào là phận sự mà không phải là giới? Tám pháp từ khước: Pháp của vị ngụ ở rừng, pháp của vị chuyên đi khất thực, pháp của vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ, pháp của vị chỉ sử dụng ba y, pháp của vị đi khất thực tuần tự theo từng nhà, pháp của vị không ăn vật thực dâng sau, pháp của vị chuyên về oai nghi ngồi (không nằm), pháp của vị ngụ ở chỗ đã được chỉ định; việc này được gọi là phận sự mà không phải là giới. Việc thọ trì sự tinh tấn được gọi là phận sự mà không phải là giới. Vị ra sức và xác định tâm rằng: "Hãy sẵn lòng để cho còn lại chỉ da, gân, xương; hãy để cho thịt và máu ở thân xác khô cạn. Việc nào có thể đạt được với sức mạnh của người nam, với sức lực của người nam, với tinh tấn của người nam, với nỗ lực của người nam; khi còn chưa đạt được việc ấy thì sẽ không ngừng lại sự tinh tấn." Việc thọ trì sự tinh tấn có hình thức như vậy được gọi là phận sự mà không phải là giới.

Vị ra sức và xác định tâm rằng: "Khi mũi tên tham ái chưa được nhổ lên, ta sẽ không ăn, ta sẽ không uống, ta không đi ra khỏi trú xá, ta cũng sẽ không nằm xuống một bên hông"; việc thọ trì sự tinh tấn có hình thức như vậy cũng được gọi là phận sự mà không phải là giới. Vị ra sức và xác định tâm rằng: "Ta sẽ không lìa khỏi tư thế kiết-già này cho đến khi nào tâm của ta còn chưa giải thoát khỏi các lậu hoặc không còn chấp thủ"; việc thọ trì sự tinh tấn có hình thức như vậy được gọi là phận sự mà không phải là giới. Vị ra sức và xác định tâm rằng: "Ta sẽ không đứng dậy khỏi chỗ ngồi này, ta sẽ không bước khỏi đường kinh hành, ta sẽ không rời khỏi trú xá, ta sẽ không rời khỏi nhà một mái, ta sẽ không rời khỏi tòa lâu đài, ta sẽ không rời khỏi tòa nhà dài, ta sẽ không rời khỏi hang động, ta sẽ không rời khỏi thạch thất, ta sẽ không rời khỏi cốc liêu, ta sẽ không rời khỏi nhà mái nhọn, ta sẽ không rời khỏi chòi canh, ta sẽ không rời khỏi ngôi nhà tròn, ta sẽ không rời khỏi căn lều, ta sẽ không rời khỏi hội trường, ta sẽ không rời khỏi mái che, ta sẽ không rời khỏi gốc cây này cho đến khi nào tâm của ta còn chưa giải thoát khỏi các lậu hoặc không còn chấp thủ"; việc thọ trì sự tinh tấn có hình thức như vậy được gọi là phận sự mà không phải là giới. Vị ra sức và xác định tâm rằng: "Ta sẽ đem lại, ta sẽ hoàn tất, ta sẽ chứng đắc, ta sẽ chạm đến, ta sẽ chứng ngộ Thánh pháp ngay trong buổi sáng này"; việc thọ trì sự tinh tấn có hình thức như vậy được gọi là phận sự mà không phải là giới. Vị ra sức và xác định tâm rằng: "Ta sẽ đem lại, ta sẽ hoàn tất, ta sẽ chứng đắc, ta sẽ chạm đến, ta sẽ chứng ngộ Thánh pháp ngay trong buổi trưa này… (nt)… trong buổi chiều… trước bữa ăn… sau bữa ăn… vào canh đầu… vào canh giữa… vào canh cuối… vào hậu bán nguyệt… vào tiền bán nguyệt… vào mùa mưa… vào mùa lạnh… vào mùa nóng… ở chặng đầu của tuổi thọ… ở chặng giữa của tuổi thọ… ở chặng cuối của tuổi thọ"; việc thọ trì sự tinh tấn có hình thức như vậy cũng được gọi là phận sự mà không phải là giới.

Người: Là chúng sanh, đàn ông, thanh niên, người nam, cá nhân, mạng sống, người còn sanh tử, loài người, người đi theo nghiệp, sinh vật, nhân loại.

"Người nào... về giới và phận sự của bản thân" là như thế.

Dầu không được hỏi đến, mà nói với những người khác.

Với những người khác: Với các vị Sát-đế-ly, với các vị Bà-la-môn, với các thương buôn, với các kẻ nô lệ, với các người tại gia, với các vị xuất gia, với chư thiên, với loài người.

Không được hỏi đến: Không được hỏi, không được vấn, không được yêu cầu, không được thỉnh cầu, không được đặt niềm tin.

Mà nói: Phát biểu về giới, hoặc về phận sự, hoặc về giới và phận sự của bản thân rằng: "Tôi thành tựu về giới", hoặc "tôi thành tựu về phận sự", hoặc "tôi thành tựu về giới và phận sự"; phát biểu, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả về xuất thân, về dòng dõi, về con nhà gia thế, về vẻ đẹp của làn da, về tài sản, về học vấn, về công việc, về tài nghệ, về kiến thức, về sự học hỏi, về tài biện giải, hoặc về sự việc này khác rằng: "Tôi xuất gia từ gia tộc thượng lưu", hoặc "tôi xuất gia từ gia tộc lớn", hoặc "tôi xuất gia từ gia tộc có nhiều của cải", hoặc "tôi xuất gia từ gia tộc có của cải quý giá", hoặc "tôi được biết tiếng, có danh vọng trong số các hàng tại gia và xuất gia", hoặc "tôi có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh", hoặc "tôi là vị trì Luật", hoặc "tôi là vị chuyên về Kinh", hoặc "tôi là vị thuyết Pháp", hoặc "tôi là vị ngụ ở rừng", hoặc "tôi là vị ngụ ở gốc cây", hoặc "tôi là vị chuyên đi khất thực", hoặc "tôi là vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ", hoặc "tôi là vị chỉ sử dụng ba y", hoặc "tôi là vị đi khất thực tuần tự theo từng nhà", hoặc "tôi là vị không ăn vật thực dâng sau", hoặc "tôi là vị chuyên về oai nghi ngồi" (không nằm), "tôi là vị ở chỗ đã được chỉ định", hoặc "tôi đạt Sơ thiền", hoặc "tôi đạt Nhị thiền", hoặc "tôi đạt Tam thiền", hoặc "tôi đạt Tứ thiền", hoặc "tôi đạt sự thể nhập Không vô biên xứ", hoặc "tôi đạt sự thể nhập Thức vô biên xứ", hoặc "tôi đạt sự thể nhập Vô sở hữu xứ", hoặc "tôi đạt sự thể nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ."

"Dầu không được hỏi đến, mà nói với những người khác" là như thế.

Các bậc thiện xảo đã nói kẻ ấy là không có Thánh pháp.

Các bậc thiện xảo: Là các bậc thiện xảo về uẩn, thiện xảo về giới, thiện xảo về xứ, thiện xảo về pháp tùy thuận sanh khởi, thiện xảo về sự thiết lập niệm, thiện xảo về chánh cần, thiện xảo về nền tảng của thần thông, thiện xảo về quyền, thiện xảo về lực, thiện xảo về giác chi, thiện xảo về Đạo, thiện xảo về Quả, thiện xảo về Niết-bàn. Các bậc thiện xảo ấy đã nói như vầy: "Việc ấy là pháp của các kẻ không phải Thánh, việc ấy không phải là pháp của các bậc Thánh, việc ấy là pháp của các kẻ ngu, việc ấy không phải là pháp của các bậc sáng suốt, việc ấy là pháp của các kẻ phi chân nhân, việc ấy không phải là pháp của các bậc chân nhân"; các vị đã nói như vậy, các vị thuyết như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy.

"Các bậc thiện xảo đã nói kẻ ấy là không có Thánh pháp" là như thế.

Người nào tự chính mình nói về bản thân.

Bản thân: Nói đến tự ngã.

Tự chính mình nói: Tự chính mình phát biểu về bản thân rằng: "Tôi thành tựu về giới", hoặc "tôi thành tựu về phận sự", hoặc "tôi thành tựu về giới và phận sự"; phát biểu, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả về xuất thân, về dòng dõi, về con nhà gia thế, về vẻ đẹp của làn da, về tài sản, về học vấn, [về công việc] về tài nghệ, về kiến thức, về sự học hỏi, về tài biện giải; hoặc về sự việc này khác rằng: "Tôi xuất gia từ gia tộc thượng lưu", hoặc "tôi xuất gia từ gia tộc lớn", hoặc "tôi xuất gia từ gia tộc có nhiều của cải", hoặc "tôi xuất gia từ gia tộc có của cải quý giá", hoặc "tôi được biết tiếng, có danh vọng trong số các hàng tại gia và xuất gia", hoặc "tôi có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh", hoặc "tôi là vị chuyên về Kinh", hoặc "tôi là vị trì Luật", hoặc "tôi là vị thuyết Pháp", hoặc "tôi là vị ngụ ở rừng", hoặc "tôi là vị chuyên đi khất thực", hoặc "tôi là vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ", hoặc "tôi là vị chỉ sử dụng ba y", hoặc "tôi là vị đi khất thực tuần tự theo từng nhà", hoặc "tôi là vị không ăn vật thực dâng sau", hoặc "Tôi là vị chuyên về oai nghi ngồi" (không nằm), hoặc "tôi là vị ở chỗ đã được chỉ định", hoặc "tôi đạt Sơ thiền", hoặc "tôi đạt Nhị thiền", hoặc "tôi đạt Tam thiền", hoặc "tôi đạt Tứ thiền", hoặc "tôi đạt sự thể nhập Không vô biên xứ", hoặc "tôi đạt sự thể nhập Thức vô biên xứ", hoặc "tôi đạt sự thể nhập Vô sở hữu xứ", hoặc "tôi đạt sự thể nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ."

"Người nào tự chính mình nói về bản thân" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Người nào, dầu không được hỏi đến, mà nói với những người khác về giới và phận sự của bản thân, người nào tự chính mình nói về bản thân, các bậc thiện xảo đã nói kẻ ấy là không có Thánh pháp."

3.4. *Và vị Tỳ-khưu an tịnh, có trạng thái đã được hoàn toàn diệt tắt,*
Không khoe khoang về các giới rằng: "Tôi là thế này",
Đối với vị nào không có các sự kiêu ngạo ở bất cứ đâu ở thế gian,
Các bậc thiện xảo nói vị ấy là có Thánh pháp.

Và vị Tỳ-khưu an tịnh, có trạng thái đã được hoàn toàn diệt tắt.

An tịnh: Trạng thái được yên lặng của luyến ái là an tịnh, trạng thái được yên lặng của sân hận là an tịnh, trạng thái được yên lặng của si mê là an tịnh, trạng thái được an tịnh, trạng thái được yên lặng, trạng thái được vắng lặng, trạng thái được thiêu hủy, trạng thái được tịch diệt, trạng thái được tách lìa, trạng thái được tịch tịnh của giận dữ, của thù hằn, của gièm pha, của ác ý, của ganh tỵ, của bỏn xẻn, của xảo trá, của lừa gạt, của bướng bỉnh, của hung hăng, của ngã mạn, của cao ngạo, của đam mê, của xao lãng, của tất cả ô nhiễm, của tất cả uế hạnh, của mọi sự lo lắng, của mọi sự bực bội, của mọi sự nóng nảy, của tất cả các pháp tạo tác bất thiện là an tịnh, yên tịnh, vắng lặng, tịch diệt, tịch tịnh. "An tịnh" là như thế.

Vị Tỳ-khưu: Tỳ-khưu do trạng thái đã phá vỡ bảy pháp: Thân kiến được

phá vỡ, hoài nghi được phá vỡ, sự bám víu vào giới và phận sự được phá vỡ, luyến ái được phá vỡ, sân hận được phá vỡ, si mê được phá vỡ, ngã mạn được phá vỡ; các ác bất thiện pháp, các điều ô nhiễm đưa đến tái sanh, có sự phiền muộn, có kết quả khổ, đưa đến sanh-già-chết ở vị lai của vị này được phá vỡ.

[Đức Thế Tôn nói: "Này Sabhiya] vị đã tự mình thực hành theo đường lối, đã đi đến sự tịch diệt hoàn toàn [ô nhiễm], đã vượt khỏi sự nghi ngờ, đã lìa bỏ [hai thái cực] phi hữu và hữu, đã được hoàn mãn, có sự tái sanh đã được cạn kiệt; vị ấy là 'Tỳ-khưu'."[3]

Và vị Tỳ-khưu an tịnh, có trạng thái đã được hoàn toàn diệt tắt: Do trạng thái đã được tịch diệt luyến ái, vị ấy có trạng thái đã được hoàn toàn diệt tắt; do trạng thái đã được tịch diệt sân hận, vị ấy có trạng thái đã được hoàn toàn diệt tắt; do trạng thái đã được tịch diệt si mê, vị ấy có trạng thái đã được hoàn toàn diệt tắt; do trạng thái đã được tịch diệt sự giận dữ, thù hằn, gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bỏn xẻn, xảo trá, lừa gạt, bướng bỉnh, hung hăng, ngã mạn, cao ngạo, đam mê, xao lãng, tất cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bực bội, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bất thiện, vị ấy có trạng thái đã được hoàn toàn diệt tắt.

"Và vị Tỳ-khưu an tịnh, có trạng thái đã được hoàn toàn diệt tắt" là như thế.

Không khoe khoang về các giới rằng: "Tôi là thế này."

Tôi là thế này: Từ "*itihan*" này là sự nối liền các câu văn, sự kết hợp các câu văn, sự làm đầy đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuốt từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn.[4]

Không khoe khoang về các giới: Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó là có sự khoe khoang, có sự phô trương; vị ấy khoe khoang rằng: "Tôi thành tựu về giới", hoặc "Tôi thành tựu về phận sự", hoặc "Tôi thành tựu về giới và phận sự"; khoe khoang, phô trương về xuất thân, về dòng dõi, về con nhà gia thế, về vẻ đẹp của làn da,... (nt)... "Tôi đạt sự thể nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ." Vị không khoe khoang, không phô trương như vậy là đã tránh khỏi sự khoe khoang, đã xa lánh, đã tránh xa, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

"Không khoe khoang về các giới rằng: Tôi là thế này" là như thế.

Các bậc thiện xảo nói vị ấy là có Thánh pháp.

Các bậc thiện xảo: Là các bậc thiện xảo về uẩn, thiện xảo về giới, thiện xảo về xứ, thiện xảo về pháp tùy thuận sanh khởi, thiện xảo về sự thiết lập niệm, thiện xảo về chánh cần, thiện xảo về nền tảng của thần thông, thiện xảo về quyền, thiện xảo về lực, thiện xảo về giác chi, thiện xảo về Đạo, thiện xảo về Quả, thiện xảo về Niết-bàn, các bậc thiện xảo ấy nói như vầy: "Việc ấy là pháp của các bậc Thánh, việc ấy không phải là pháp của các kẻ không phải Thánh;

[3] *Suttanipātapāḷi* (*Kinh tập*), *TTPV*, tập 29, trang 157, câu kệ 517. (ND)

[4] Ở đây, *itihanti* được hiểu là "*iti ahaṃ ti*" và tương đương với nghĩa Việt là: "Tôi là thế này". (ND)

việc ấy là pháp của các bậc sáng suốt, việc ấy không phải là pháp của các kẻ ngu; việc ấy là pháp của bậc chân nhân, việc ấy không phải là pháp của các các kẻ phi chân nhân"; các vị nói như vậy, thuyết như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy.

"Các bậc thiện xảo nói vị ấy là có Thánh pháp" là như thế.

Đối với vị nào không có các sự kiêu ngạo ở bất cứ đâu ở thế gian.

Đối với vị nào: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Các sự kiêu ngạo. Có bảy sự kiêu ngạo: Kiêu ngạo do luyến ái, kiêu ngạo do sân hận, kiêu ngạo do si mê, kiêu ngạo do ngã mạn, kiêu ngạo do tà kiến, kiêu ngạo do ô nhiễm, kiêu ngạo do nghiệp. Đối với vị ấy, các sự kiêu ngạo này là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

Ở bất cứ đâu: Ở bất cứ đâu, về bất cứ điều gì, ở bất cứ chỗ nào, thuộc nội phần, hoặc ngoại phần, hoặc thuộc nội phần và ngoại phần.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ.

"Đối với vị nào không có các sự kiêu ngạo ở bất cứ đâu ở thế gian" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Và vị Tỳ-khưu an tịnh, có trạng thái đã được hoàn toàn diệt tắt,
Không khoe khoang về các giới rằng: 'Tôi là thế này',
Đối với vị nào không có các sự kiêu ngạo ở bất cứ đâu ở thế gian,
Các bậc thiện xảo nói vị ấy là có Thánh pháp."

3.5. *Các quan điểm của người nào là được xếp đặt, được tạo tác,*
Được chú trọng, [thì các quan điểm ấy] là không trong sạch,
[Người ấy] nhìn thấy điều nào có lợi ích cho bản thân,
Thì nương vào điều ấy, vào sự an tịnh bị thay đổi, thuận theo điều kiện.

Các quan điểm của người nào là được xếp đặt, được tạo tác.

Sự xếp đặt: Có hai sự xếp đặt: Xếp đặt do tham ái và xếp đặt do tà kiến. ...(nt)... điều này là xếp đặt do tham ái. ... (nt)... điều này là xếp đặt do tà kiến. Đây là hai sự xếp đặt.

Được tạo tác: Được tạo tác là được tạo lập, được tác thành, được thành lập. "Được tạo tác" là như thế; hoặc là, không thường còn, được tạo tác, được sanh lên thuận theo điều kiện, có sự hoại, có sự diệt, có sự suy giảm, có sự chấm dứt. "Được tạo tác" còn là như thế.

Của người nào: Của người có tà kiến.

Các quan điểm: Nói đến sáu mươi hai tà kiến.

"Các quan điểm của người nào là được xếp đặt, được tạo tác" là như thế.

Được chú trọng, [thì các quan điểm ấy] là không trong sạch.

Được chú trọng: Có hai sự chú trọng: Chú trọng do tham ái và chú trọng do tà kiến. ... (nt)… điều này là chú trọng do tham ái. ... (nt)… điều này là chú trọng do tà kiến. Đối với vị ấy, sự chú trọng do tham ái chưa được dứt bỏ, sự chú trọng do tà kiến chưa được buông bỏ. Đối với vị ấy, do trạng thái chưa được dứt bỏ đối với sự chú trọng do tham ái, do trạng thái chưa được buông bỏ đối với sự chú trọng do tà kiến; vị ấy sống, chú trọng tham ái hoặc tà kiến. Có tham ái là ngọn cờ, có tham ái là biểu hiện, có tham ái là chủ đạo, có tà kiến là ngọn cờ, có tà kiến là biểu hiện, có tà kiến là chủ đạo; vị ấy sống, bị vây quanh bởi tham ái hoặc bởi tà kiến. "Được chú trọng" là như thế.

Là: Hiện hữu, được tìm thấy, có, được tồn tại.

Không trong sạch: Không trong sạch là không trong trắng, không thanh tịnh, bị ô nhiễm, liên quan phiền não.

"Được chú trọng, [thì các quan điểm ấy] là không trong sạch" là như thế.

[Người ấy] nhìn thấy điều nào có lợi ích cho bản thân.

Điều nào... cho bản thân: Điều nào... liên quan đến bản thân. Bản thân: Nói đến việc đi theo tà kiến [của bản thân]. Do quan điểm của bản thân, [người ấy] nhìn thấy hai sự lợi ích: Lợi ích ở đời hiện tại và lợi ích ở đời vị lai.

Lợi ích ở đời hiện tại do quan điểm là lợi ích nào? Vị thầy có quan điểm nào thì các đệ tử có cùng quan điểm ấy. Các đệ tử trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, nể nang vị thầy có quan điểm ấy. Và do điều đó, [vị thầy] nhận được y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Điều này là lợi ích ở đời hiện tại do quan điểm.

Lợi ích ở đời vị lai do quan điểm là lợi ích nào? Là người có sự mong đợi kết quả ở vị lai rằng: "Quan điểm này đủ để đưa đến bản thể loài rồng, hoặc đưa đến bản thể nhân điểu, hoặc đưa đến bản thể dạ-xoa, hoặc đưa đến bản thể a-tu-la, hoặc đưa đến bản thể càn-thát-bà, hoặc đưa đến bản thể Đại Thiên vương, hoặc đưa đến bản thể Thiên chủ, hoặc đưa đến bản thể Phạm thiên, hoặc đưa đến bản thể thiên nhân. Quan điểm này đủ để đưa đến sự trong sạch, đưa đến sự thanh tịnh, đưa đến sự hoàn toàn trong sạch, đưa đến sự thoát khỏi, đưa đến sự giải thoát, đưa đến sự hoàn toàn thoát khỏi. Do quan điểm này, họ trở nên trong sạch, họ trở nên thanh tịnh, họ trở nên hoàn toàn trong sạch, họ được thoát khỏi, họ được giải thoát, họ được hoàn toàn thoát khỏi. Do quan điểm này, ta sẽ trở nên trong sạch, ta sẽ trở nên thanh tịnh, ta sẽ trở nên hoàn toàn trong sạch, ta sẽ được thoát khỏi, ta sẽ được giải thoát, ta sẽ được hoàn toàn thoát khỏi." Điều này là lợi ích ở đời vị lai do quan điểm. Do quan điểm của bản thân, [người ấy] nhìn thấy, nhận thấy, quan sát, suy xét, khảo sát hai sự lợi ích này.

"[Người ấy] nhìn thấy điều nào có lợi ích cho bản thân" là như thế.

Thì nương vào điều ấy, vào sự an tịnh bị thay đổi, thuận theo điều kiện. Có ba sự an tịnh: Sự an tịnh tột cùng, sự an tịnh tạm thời, sự an tịnh theo quy ước.

Sự an tịnh tột cùng là điều nào? Sự an tịnh tột cùng nói đến bất tử, Niết-bàn, là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Đây là sự an tịnh tột cùng.

Sự an tịnh tạm thời là điều nào? Đối với vị đã thể nhập Sơ thiền, các pháp che lấp [thiền định] được an tịnh. Đối với vị thể nhập Nhị thiền, tầm và tứ được an tịnh. Đối với vị thể nhập Tam thiền, hỷ được an tịnh. Đối với vị thể nhập Tứ thiền, lạc và khổ được an tịnh. Đối với vị thể nhập Không vô biên xứ, sắc tưởng, bất bình tưởng, dị biệt tưởng được an tịnh. Đối với vị thể nhập Thức vô biên xứ, Không vô biên xứ tưởng được an tịnh. Đối với vị thể nhập Vô sở hữu xứ, Thức vô biên xứ tưởng được an tịnh. Đối với vị thể nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Vô sở hữu xứ tưởng được an tịnh. Đây là sự an tịnh tạm thời.

Sự an tịnh theo quy ước là điều nào? Sự an tịnh theo quy ước nói đến sáu mươi hai tà kiến, các điều này là sự an tịnh của tà kiến. Thêm nữa, sự an tịnh theo quy ước là sự an tịnh được đề cập ở ý nghĩa này.

Thì nương vào điều ấy, vào sự an tịnh bị thay đổi, thuận theo điều kiện: Thì [người ấy] nương tựa, dựa dẫm, bám vào, đến gần, bám chặt, hướng đến sự an tịnh bị thay đổi, sự an tịnh bị khuấy động, sự an tịnh bị di động, sự an tịnh bị chuyển động, sự an tịnh bị dao động, sự an tịnh bị đụng chạm, sự an tịnh được sắp đặt, sự an tịnh được xếp đặt, không thường còn, bị tạo tác, được sanh lên thuận theo điều kiện, có sự hoại, có sự diệt, có sự suy giảm, có sự chấm dứt.

"Thì nương vào điều ấy, vào sự an tịnh bị thay đổi, thuận theo điều kiện" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Các quan điểm của người nào là được xếp đặt, được tạo tác,
Được chú trọng, [thì các quan điểm ấy] là không trong sạch,
[Người ấy] nhìn thấy điều nào có lợi ích cho bản thân,
Thì nương vào điều ấy, vào sự an tịnh bị thay đổi, thuận theo điều kiện."

3.6. *Các sự chấp chặt vào tà kiến quả thật không dễ vượt qua*
Sau khi suy xét về điều đã được nắm bắt trong số các pháp [tà kiến].
Vì thế, trong số các sự chấp chặt ấy, loài người
Rời bỏ và nắm giữ tà kiến [này đến tà kiến khác].

Các sự chấp chặt vào tà kiến quả thật không dễ vượt qua.

Các sự chấp chặt vào tà kiến: Sự chấp chặt và bám víu rằng: "Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại" là sự chấp chặt vào tà kiến. Sự chấp chặt và bám víu rằng: "Thế giới là không thường còn, thế giới là có giới hạn, thế giới là không có giới hạn, mạng sống và thân thể là một, mạng

sống và thân thể là khác, chúng sanh hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh hiện hữu và không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại" là sự chấp chặt vào tà kiến. "Các sự chấp chặt vào tà kiến" là như thế.

Quả thật không dễ vượt qua: Các sự chấp chặt vào tà kiến quả thật không dễ vượt qua, khó vượt qua, khó vượt lên, khó vượt khỏi, khó vượt qua hẳn, khó vượt qua khỏi.

"Các sự chấp chặt vào tà kiến quả thật không dễ vượt qua" là như thế.

Sau khi suy xét về điều đã được nắm bắt trong số các pháp.

Trong số các pháp: Trong số sáu mươi hai tà kiến.

Sau khi suy xét: Sau khi đã suy xét, sau khi đã suy cứu, sau khi đã suy gẫm, sau khi đã suy nghiệm, sau khi đã cân nhắc, sau khi đã xác định, sau khi đã minh định, sau khi đã làm rõ rệt.

Điều đã được nắm bắt: Là sự nắm lấy có giới hạn, sự nắm lấy từng phần, sự nắm lấy phần quan trọng nhất, sự nắm lấy một khối, sự nắm lấy theo số lượng, sự nắm lấy tổng thể ở các sự chấp chặt rằng: "Điều này là sự thật, là đúng đắn, là thực thể, là đang xảy ra, có bản thể thật, không bị sai lệch", được nắm lấy, được bám víu, được chấp chặt, được bám chặt, được hướng đến.

"Sau khi suy xét về điều đã được nắm bắt trong số các pháp" là như thế.

Vì thế, trong số các sự chấp chặt ấy, loài người.

Vì thế: Bởi điều ấy, bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy.

Loài người: Là chúng sanh, đàn ông, thanh niên, người nam, cá nhân, mạng sống, người còn sanh tử, con người, người đi theo nghiệp, sinh vật, nhân loại.

Trong số các sự chấp chặt ấy: Trong số các sự chấp chặt vào tà kiến ấy.

"Vì thế, trong số các sự chấp chặt ấy, loài người" là như thế.

Rời bỏ và nắm giữ tà kiến.

Rời bỏ: Rời bỏ bởi hai lý do: Rời bỏ do sự can ngăn của người khác, hoặc là trong khi không thành tựu rồi rời bỏ.

Rời bỏ do sự can ngăn của người khác là thế nào? Người khác can ngăn rằng: "Vị Đạo sư ấy không phải là đấng Toàn tri, pháp không khéo được thuyết giảng, tập thể không thực hành tốt đẹp, quan điểm không tốt lành, lối thực hành không khéo được quy định, đạo lộ không dẫn dắt ra khỏi; ở đây không có sự trong sạch, hay sự thanh tịnh, hay sự hoàn toàn trong sạch, hay sự thoát khỏi, hay sự giải thoát, hay sự hoàn toàn thoát khỏi; ở đây không có những người được trong sạch, hay được thanh tịnh, hay được hoàn toàn trong sạch, hay được thoát khỏi, hay được giải thoát, hay được hoàn toàn thoát khỏi; họ thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi." "Người khác can ngăn" là như

vậy. Trong khi bị can ngăn như vậy rồi rời bỏ vị Đạo sư, rời bỏ giáo lý, rời bỏ tập thể, rời bỏ quan điểm, rời bỏ lối thực hành, rời bỏ đạo lộ. "Rời bỏ do sự can ngăn của người khác" là như vậy.

Trong khi không thành tựu rồi rời bỏ là thế nào? Trong khi không thành tựu giới rồi rời bỏ giới, trong khi không thành tựu phận sự rồi rời bỏ phận sự, trong khi không thành tựu giới và phận sự rồi rời bỏ giới và phận sự.

Và nắm giữ tà kiến: Nắm lấy vị thầy, nắm lấy giáo lý, nắm lấy tập thể, nắm lấy quan điểm, nắm lấy lối thực hành, nắm lấy đạo lộ, rồi bám víu, chấp chặt.

"Rời bỏ và nắm giữ tà kiến" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Các sự chấp chặt vào tà kiến quả thật không dễ vượt qua
Sau khi suy xét về điều đã được nắm bắt trong số các pháp [tà kiến].
Vì thế, trong số các sự chấp chặt ấy, loài người
Rời bỏ và nắm giữ tà kiến [này đến tà kiến khác]."

3.7. *Quả thật, đối với vị đã rũ sạch thì không có quan điểm được xếp đặt liên quan đến hữu và phi hữu ở bất cứ đâu ở thế gian. Vị đã rũ sạch sau khi dứt bỏ xảo trá và ngã mạn, thì bởi điều gì mà vị ấy có thể đi [tái sanh] khi vị ấy không có sự vướng bận?*

Quả thật, đối với vị đã rũ sạch thì không có quan điểm được xếp đặt liên quan đến hữu và phi hữu ở bất cứ đâu ở thế gian.

Vị đã rũ sạch: Việc rũ sạch được gọi là tuệ. Tuệ là sự nhận biết, sự chọn lựa, sự khám phá, sự chọn lựa pháp, sự quan sát, sự suy xét, sự phân biệt, sự thông thái, sự thông thạo, sự khôn khéo, sự thông suốt, sự cân nhắc, sự khảo sát, sự hiểu biết rộng rãi, sự thông minh, pháp dẫn đầu, sự thấy rõ, sự nhận biết rõ, vật xuyên thủng; tuệ là tuệ quyền, tuệ lực, tuệ là vũ khí, tuệ là lâu đài, tuệ là ánh sáng, tuệ là hào quang, tuệ là báu vật, là sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến.

Vì lý do gì mà việc rũ sạch được gọi là tuệ? Nhờ vào tuệ ấy, uế hạnh về thân được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; uế hạnh về khẩu được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; uế hạnh về ý được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; sự luyến ái được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; sân hận… si mê… giận dữ… thù hằn… gièm pha… ác ý được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; ganh tỵ được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; lừa gạt được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; bướng bỉnh được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; hung hăng… ngã mạn… cao ngạo… đam mê… xao lãng được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; tất cả ô nhiễm… tất cả uế hạnh… mọi sự lo lắng… mọi sự bực bội… mọi sự nóng nảy… tất cả các pháp tạo tác bất thiện được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch. Vì lý do ấy mà việc rũ sạch được gọi là tuệ.

Hoặc là, nhờ vào chánh kiến, tà kiến được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; nhờ vào chánh tư duy, tà tư duy được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; nhờ vào chánh ngữ, tà ngữ được rũ bỏ…; nhờ vào chánh nghiệp, tà nghiệp được rũ bỏ…; nhờ vào chánh mạng, tà mạng được rũ bỏ…; nhờ vào chánh tinh tấn, tà tinh tấn được rũ bỏ…; nhờ vào chánh niệm, tà niệm được rũ bỏ…; nhờ vào chánh định, tà định được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; nhờ vào chánh trí, tà trí được rũ bỏ…; nhờ vào chánh giải thoát, tà giải thoát được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch.

Hoặc là, nhờ vào đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, tất cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bực bội, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bất thiện được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch. Bậc A-la-hán đã tiến đến, đã tiến gần, đã đến gần, đã tiến vào, đã đạt đến, đã tròn đủ, đã thành tựu các pháp cần được rũ sạch này; vì thế, bậc A-la-hán là vị đã được rũ sạch. Vị ấy có luyến ái đã được rũ bỏ, có điều ác đã được rũ bỏ, có ô nhiễm đã được rũ bỏ, có sự bực bội đã được rũ bỏ. "Vị đã rũ sạch" là như thế.

Ở bất cứ đâu: Ở bất cứ đâu, về bất cứ điều gì, ở bất cứ chỗ nào, thuộc nội phần, hoặc ngoại phần, hoặc thuộc nội phần và ngoại phần.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ.

Được xếp đặt: Có hai sự xếp đặt: Xếp đặt do tham ái và xếp đặt do tà kiến. ... (nt)… điều này là xếp đặt do tham ái. ... (nt)… điều này là xếp đặt do tà kiến.

Ở hữu và phi hữu: Ở dục giới, sắc giới, vô sắc giới, ở sự hiện hữu của nghiệp, ở sự hiện hữu lần nữa; ở sự hiện hữu của nghiệp là dục giới, ở sự hiện hữu lần nữa là dục giới, ở sự hiện hữu của nghiệp là sắc giới, ở sự hiện hữu lần nữa là sắc giới, ở sự hiện hữu của nghiệp là vô sắc giới, ở sự hiện hữu lần nữa là vô sắc giới; ở sự hiện hữu được lặp đi lặp lại, ở cảnh giới tái sanh được lặp đi lặp lại, ở sự tiếp nối tái sanh được lặp đi lặp lại, ở sự sanh ra của bản ngã được lặp đi lặp lại.

Quả thật, đối với vị đã rũ sạch thì không có quan điểm được xếp đặt liên quan đến hữu và phi hữu ở bất cứ đâu ở thế gian: Đối với vị đã rũ sạch, quan điểm đã được sắp đặt, [đã được xếp đặt] đã được tác thành, đã được thành lập liên quan đến hữu và phi hữu ở bất cứ đâu ở thế gian thì không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

"Quả thật, đối với vị đã rũ sạch thì không có quan điểm được xếp đặt liên quan đến hữu và phi hữu ở bất cứ đâu ở thế gian" là như thế.

Vị đã rũ sạch sau khi dứt bỏ xảo trá và ngã mạn.

Xảo trá: Nói đến hành vi tráo trở. Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó, sau khi làm uế hạnh bằng thân, sau khi làm uế hạnh bằng lời nói, sau khi làm uế hạnh

bằng ý, vì nguyên nhân che đậy việc ấy mà hoạch định ước muốn xấu xa; [vị ấy] ước muốn rằng: "Chớ ai biết về ta", tư duy rằng: "Chớ ai biết về ta", nói lời rằng: "Chớ ai biết về ta", nỗ lực bằng thân rằng: "Chớ ai biết về ta." Sự xảo trá nào có hình thức như vậy là trạng thái xảo trá, sự cố tình không nhớ, sự tráo trở, gian lận, thay đổi, tránh né, cất giấu, che giấu, che đậy, che lấp, không phơi bày, không làm rõ, khéo che đậy việc làm ác; điều này được gọi là xảo trá.

Ngã mạn: Ngã mạn theo một loại: Là sự kiêu hãnh của tâm. Ngã mạn theo hai loại: Ngã mạn do tâng bốc bản thân và ngã mạn do khinh bỉ người khác. Ngã mạn theo ba loại: [Nghĩ rằng:] "Ta là tốt hơn" là ngã mạn, [nghĩ rằng:] "Ta là ngang bằng" là ngã mạn, [nghĩ rằng:] "Ta là thua kém" là ngã mạn. Ngã mạn theo bốn loại: Do lợi lộc rồi sanh khởi ngã mạn, do danh vọng rồi sanh khởi ngã mạn, do khen ngợi rồi sanh khởi ngã mạn, do sung sướng rồi sanh khởi ngã mạn. Ngã mạn theo năm loại: [Nghĩ rằng:] "Ta đạt được các sắc hợp ý" rồi sanh khởi ngã mạn, [nghĩ rằng:] "Ta đạt được các thinh… các hương… các vị… các xúc hợp ý" rồi sanh khởi ngã mạn. Ngã mạn theo sáu loại: Do sự thành tựu của mắt rồi sanh khởi ngã mạn, do sự thành tựu của tai… do sự thành tựu của mũi… do sự thành tựu của lưỡi… do sự thành tựu của thân… do sự thành tựu của ý rồi sanh khởi ngã mạn. Ngã mạn theo bảy loại: Ngã mạn, cao ngạo, cao ngạo dựa trên ngã mạn, tự ti, tăng thượng mạn, ngã mạn về bản thân, ngã mạn do hiểu biết sai trái. Ngã mạn theo tám loại: Do lợi lộc rồi sanh khởi ngã mạn, do không có lợi lộc rồi sanh khởi tự ti, do danh vọng rồi sanh khởi ngã mạn, do không có danh vọng rồi sanh khởi tự ti, do lời khen rồi sanh khởi ngã mạn, do lời chê rồi sanh khởi tự ti, do sung sướng rồi sanh khởi ngã mạn, do khổ rồi sanh khởi tự ti. Ngã mạn theo chín loại: [Nghĩ rằng:] "Ta là tốt hơn so với người tốt hơn" là ngã mạn, "ta là ngang bằng so với người tốt hơn" là ngã mạn, "ta là thua kém so với người tốt hơn" là ngã mạn, "ta là tốt hơn so với người ngang bằng" là ngã mạn, "ta là ngang bằng so với người ngang bằng" là ngã mạn, "ta là thua kém so với người ngang bằng" là ngã mạn, "ta là tốt hơn so với người thua kém" là ngã mạn, "ta là ngang bằng so với người thua kém" là ngã mạn, "ta là thua kém so với người thua kém" là ngã mạn. Ngã mạn theo mười loại: Ở đây một người nào đó sanh khởi ngã mạn về xuất thân, hoặc về dòng dõi, hoặc về con nhà gia thế; hoặc về vẻ đẹp của làn da; hoặc về tài sản; hoặc về học vấn; hoặc về công việc; hoặc về tài nghệ; hoặc về kiến thức; hoặc về sự học hỏi; hoặc về tài biện giải; hoặc về sự việc này khác. Ngã mạn nào có hình thức như vậy là biểu hiện của ngã mạn, trạng thái của ngã mạn, sự kiêu hãnh, sự hãnh diện, sự giương lên [như ngọn cờ], sự tự nâng lên, sự mong muốn nổi bật của tâm; điều này được gọi là ngã mạn.

Vị đã rũ sạch sau khi dứt bỏ xảo trá và ngã mạn: Vị đã rũ sạch sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu xảo trá và ngã mạn.

"Vị đã rũ sạch sau khi dứt bỏ xảo trá và ngã mạn" là như thế.

Bởi điều gì mà vị ấy có thể đi [tái sanh] khi vị ấy không có sự vướng bận?

Sự vướng bận: Có hai sự vướng bận: Sự vướng bận do tham ái và sự vướng bận do tà kiến. ... (nt)... điều này là sự vướng bận do tham ái. ... (nt)... điều này là sự vướng bận do tà kiến. Đối với vị ấy, sự vướng bận do tham ái đã được dứt bỏ, sự vướng bận do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự vướng bận do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự vướng bận do tà kiến, thì vị không có sự vướng bận có thể đi [tái sanh] bởi sự luyến ái gì, có thể đi [tái sanh] bởi sự sân hận gì, có thể đi [tái sanh] bởi sự si mê gì, có thể đi [tái sanh] bởi sự ngã mạn gì, có thể đi [tái sanh] bởi tà kiến gì, có thể đi [tái sanh] bởi sự phóng dật gì, có thể đi [tái sanh] bởi hoài nghi gì, có thể đi [tái sanh] bởi các pháp tiềm ẩn gì; [làm thế nào có thể là] "kẻ bị luyến ái", hoặc là "kẻ bị sân hận", hoặc là "kẻ bị si mê", hoặc là "kẻ bị trói buộc", hoặc là "kẻ bị bám víu", hoặc là "kẻ bị tán loạn", [hoặc là "kẻ không dứt khoát"] hoặc là "kẻ cứng cỏi"? [Đối với vị ấy] các pháp tạo tác ấy là đã được dứt bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với các pháp tạo tác, thì bởi điều gì vị ấy có thể đi đến cảnh giới tái sanh [trở thành] "người địa ngục", hoặc là "loài thú", hoặc là "thân phận ngạ quỷ", hoặc là "loài người", hoặc là "thiên nhân", hoặc là "người hữu sắc", hoặc là "người vô sắc", hoặc là "người hữu tưởng", hoặc là "người vô tưởng", hoặc là "người phi tưởng phi phi tưởng"? Không có nhân, không có duyên, không có lý do, mà bởi điều ấy vị ấy có thể đi [tái sanh].

"Bởi điều gì mà vị ấy có thể đi [tái sanh] khi vị ấy không có sự vướng bận?" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Quả thật, đối với vị đã rũ sạch thì không có quan điểm được xếp đặt liên quan đến hữu và phi hữu ở bất cứ đâu ở thế gian. Vị đã rũ sạch sau khi dứt bỏ xảo trá và ngã mạn, thì bởi điều gì mà vị ấy có thể đi [tái sanh] khi vị ấy không có sự vướng bận?"

3.8. *Quả thật, kẻ có sự vướng bận tiếp cận sự tranh luận về các pháp,*
Bởi điều gì, bằng cách nào, có thể nói về vị không có sự vướng bận?
Bởi vì điều nắm giữ và được rời bỏ là không có đối với vị ấy;
Vị ấy đã rũ bỏ mọi tà kiến ở ngay tại nơi đây.

Quả thật, kẻ có sự vướng bận tiếp cận sự tranh luận về các pháp.

Vướng bận: Có hai sự vướng bận: Sự vướng bận do tham ái và sự vướng bận do tà kiến. ... (nt)... điều này là sự vướng bận do tham ái. ... (nt)... điều này là sự vướng bận do tà kiến. Đối với kẻ ấy, sự vướng bận do tham ái chưa được dứt bỏ, sự vướng bận do tà kiến chưa được buông bỏ. Do trạng thái chưa được dứt bỏ đối với sự vướng bận do tham ái, do trạng thái chưa được buông bỏ đối với sự vướng bận do tà kiến, kẻ ấy tiếp cận sự tranh luận về các pháp [nói rằng]: "[Ngươi là] 'kẻ bị luyến ái', hoặc là 'kẻ bị sân hận', hoặc là 'kẻ bị si mê', hoặc là 'kẻ bị trói buộc', hoặc là 'kẻ bị bám víu', hoặc là 'kẻ bị tán loạn', hoặc là 'kẻ không dứt khoát', hoặc là 'kẻ cứng cỏi'." [Đối với kẻ ấy] các pháp tạo

tác ấy chưa được dứt bỏ. Do trạng thái chưa được dứt bỏ đối với các pháp tạo tác, kẻ ấy tiếp cận sự tranh luận về cảnh giới tái sanh [nói rằng]: "[Ngươi sẽ trở thành] 'người địa ngục', hoặc là 'loài thú', hoặc là 'thân phận ngạ quỷ', hoặc là 'loài người', hoặc là 'thiên nhân', hoặc là 'người hữu sắc', hoặc là 'người vô sắc', hoặc là 'người hữu tưởng', hoặc là 'người vô tưởng', hoặc là 'người phi tưởng phi phi tưởng'", kẻ ấy tiếp cận sự tranh luận, đi đến gần, nắm lấy, bám víu, chấp chặt.

"Quả thật, kẻ có sự vướng bận tiếp cận sự tranh luận về các pháp" là như thế.

Bởi điều gì, bằng cách nào có thể nói về vị không có sự vướng bận?

Vướng bận: Có hai sự vướng bận: Sự vướng bận do tham ái và sự vướng bận do tà kiến. ... (nt)... điều này là sự vướng bận do tham ái. ... (nt)... điều này là sự vướng bận do tà kiến. Đối với vị ấy, sự vướng bận do tham ái đã được dứt bỏ, sự vướng bận do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự vướng bận do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự vướng bận do tà kiến, thì [kẻ có sự vướng bận] có thể nói bởi sự luyến ái gì, có thể nói bởi sự sân hận gì, có thể nói bởi sự si mê gì, có thể nói bởi sự ngã mạn gì, có thể nói bởi tà kiến gì, có thể nói bởi sự phóng dật gì, có thể nói bởi hoài nghi gì, có thể nói bởi các pháp tiềm ẩn gì về vị không có sự vướng bận [rằng]: "[Ngươi là] 'kẻ bị luyến ái', hoặc là 'kẻ bị sân hận', hoặc là 'kẻ bị si mê', hoặc là 'kẻ bị trói buộc', hoặc là 'kẻ bị bám víu', hoặc là 'kẻ bị tán loạn', hoặc là 'kẻ không dứt khoát', hoặc là 'kẻ cứng cỏi'?" [Đối với vị ấy] các pháp tạo tác ấy là đã được dứt bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với các pháp tạo tác, thì bởi điều gì có thể nói về cảnh giới tái sanh [của vị ấy] là: "[Ngươi sẽ trở thành] 'người địa ngục',... (nt)... hoặc là 'người phi tưởng phi phi tưởng'?" Không có nhân, không có duyên, không có lý do mà bởi điều ấy có thể nói, có thể thuyết, có thể phát ngôn, có thể giảng giải, có thể diễn tả [về vị ấy].

"Bởi điều gì, bằng cách nào có thể nói về vị không có sự vướng bận?" là như thế.

Bởi vì điều nắm giữ và được rời bỏ là không có đối với vị ấy: Không có thường kiến rằng: "Có tự ngã." Không có đoạn kiến rằng: "Không có tự ngã."[5] Không có điều đã được nắm lấy rằng: "Có tự ngã." Không có điều cần được giải thoát rằng: "Không có tự ngã." Người nào có điều đã được nắm lấy thì người ấy có điều cần được giải thoát, người nào có điều cần được giải thoát thì người ấy có điều đã được nắm lấy. Trong khi vượt qua hẳn việc nắm giữ và việc giải thoát, bậc A-la-hán vượt qua khỏi sự tiến tu và sự thối thất. Vị ấy đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành, đã đi qua cuộc hành trình, đã đi đến nơi. Việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vị ấy.

---

[5] Ở đây có trường hợp chơi chữ giữa *attaṃ, nirattaṃ* (điều nắm giữ, được rời bỏ) và *attā, nirattā* (có tự ngã, không có tự ngã). Có thể phân tích hai từ *attaṃ* và *nirattaṃ* như sau: 1. *Atta* là quá khứ phân từ của *ādadāti*, còn *niratta* (*nir-atta*) là từ phản nghĩa; 2. *Atta* là quá khứ phân từ của *ādiyati*, còn *niratta* là quá khứ phân từ của *nirassati*. (ND)

"Bởi vì điều nắm giữ và được rời bỏ là không có đối với vị ấy" là như thế.

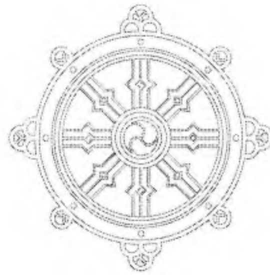
Vị ấy đã rũ bỏ mọi tà kiến ở ngay tại nơi đây. Đối với vị ấy, sáu mươi hai tà kiến là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ. Vị ấy đã rũ bỏ, đã giũ bỏ, đã giũ đi, đã giũ sạch, đã từ bỏ, đã dứt bỏ, đã xua đi, đã làm chấm dứt, đã làm cho không còn hiện hữu mọi tà kiến ở ngay tại nơi đây.

"Vị ấy đã rũ bỏ mọi tà kiến ở ngay tại nơi đây" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Quả thật, kẻ có sự vướng bận tiếp cận sự tranh luận về các pháp,
Bởi điều gì, bằng cách nào, có thể nói về vị không có sự vướng bận?
Bởi vì điều nắm giữ và được rời bỏ là không có đối với vị ấy;
Vị ấy đã rũ bỏ mọi tà kiến ở ngay tại nơi đây."

"Diễn giải kinh nhóm tám về xấu xa" - Phần thứ ba.



4. DIỄN GIẢI KINH NHÓM TÁM VỀ TRONG SẠCH (*SUDDHAṬṬHAKASUTTANIDDESO*)

Giờ phần "Diễn giải kinh nhóm tám về trong sạch" được nói đến:

4.1. *"Tôi nhìn thấy đối tượng trong sạch là tối thắng, không bệnh.*
Do việc nhìn thấy, con người có được sự thanh khiết",
Trong khi biết rõ như thế, sau khi biết [việc ấy] là "tối thắng",
Kẻ có sự quan sát đối tượng trong sạch tin rằng [điều ấy] là trí tuệ.

Tôi nhìn thấy đối tượng trong sạch là tối thắng, không bệnh.

Tôi nhìn thấy đối tượng trong sạch: Tôi nhìn thấy đối tượng trong sạch là tôi nhận thấy đối tượng trong sạch, tôi quan sát đối tượng trong sạch, tôi suy xét đối tượng trong sạch, tôi khảo sát đối tượng trong sạch.

Tối thắng, không bệnh: Là tối thắng, đạt đến sự không bệnh, đạt đến sự an toàn, đạt đến nơi nương náu, đạt đến nơi trú ẩn, đạt đến nơi nương nhờ, đạt đến nơi không sợ hãi, đạt đến bất hoại, đạt đến bất tử, đạt đến Niết-bàn.

"Tôi nhìn thấy đối tượng trong sạch là tối thắng, không bệnh" là như thế.

Do việc nhìn thấy, con người có được sự thanh khiết: Do sự nhận thức của mắt, do việc nhìn thấy sắc, sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi thành tựu đến con người; con người được trong sạch, được thanh tịnh, được hoàn toàn trong sạch, được thoát khỏi, được giải thoát, được hoàn toàn thoát khỏi.

"Do việc nhìn thấy, con người có được sự thanh khiết" là như thế.

Trong khi biết rõ như thế, sau khi biết [việc ấy] là "tối thắng": Trong khi biết rõ, trong khi hiểu, trong khi nhận thức, trong khi thừa nhận, trong khi thấu triệt như vậy; sau khi biết, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: "Việc này là tối thắng, cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý."

"Trong khi biết rõ như thế, sau khi biết [việc ấy] là tối thắng" là như thế.

Kẻ có sự quan sát đối tượng trong sạch tin rằng [điều ấy] là trí tuệ: Người nào nhìn thấy đối tượng trong sạch, người ấy có sự quan sát đối tượng trong sạch.

Tin rằng [điều ấy] là trí tuệ: Do sự nhận thức của mắt, do việc nhìn thấy sắc, [kẻ ấy] tin rằng [điều ấy] là "trí tuệ", tin rằng [điều ấy] là "đạo lộ", tin rằng [điều ấy] là "con đường", tin rằng [điều ấy] là "lối dẫn dắt ra khỏi."

"Kẻ có sự quan sát đối tượng trong sạch tin rằng [điều ấy] là trí tuệ" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"'Tôi nhìn thấy đối tượng trong sạch là tối thắng, không bệnh.
Do việc nhìn thấy, con người có được sự thanh khiết',
Trong khi biết rõ như thế, sau khi biết [việc ấy] là 'tối thắng',
Kẻ có sự quan sát đối tượng trong sạch tin rằng [điều ấy] là trí tuệ."

4.2. *Nếu do nhìn thấy mà con người có được sự trong sạch, hoặc do nhận biết mà người ấy dứt bỏ khổ, thì người ấy (người còn mầm mống tái sanh) được trong sạch do [đạo lộ] khác [so với Thánh đạo], chính quan điểm [thế ấy] phát biểu về người ấy trong khi người ấy nói như thế.*

Nếu do nhìn thấy mà con người có được sự trong sạch: Nếu do sự nhận thức của mắt, do việc nhìn thấy sắc, mà sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi thành tựu đến con người; con người được trong sạch, được thanh tịnh, được hoàn toàn trong sạch, được thoát khỏi, được giải thoát, được hoàn toàn thoát khỏi.

"Nếu do nhìn thấy mà con người có được sự trong sạch" là như thế.

Hoặc do nhận biết mà người ấy dứt bỏ khổ: Nếu do sự nhận thức của mắt, do việc nhìn thấy sắc, mà con người dứt bỏ khổ sanh, dứt bỏ khổ già, dứt bỏ khổ bệnh, dứt bỏ khổ chết, dứt bỏ khổ do sầu-bi-khổ-ưu-não.

"Hoặc do nhận biết mà người ấy dứt bỏ khổ" là như thế.

Thì người ấy (người còn mầm mống tái sanh) được trong sạch do [đạo lộ] khác [so với Thánh đạo]: Do [đạo lộ] khác là do đạo lộ không trong sạch, do cách thực hành sai trái, do đường lối không dẫn dắt ra khỏi, ngoại trừ các sự thiết lập niệm, ngoại trừ các chánh cần, ngoại trừ các nền tảng của thần thông, ngoại trừ các quyền, ngoại trừ các lực, ngoại trừ các yếu tố đưa đến giác ngộ, ngoại trừ đạo lộ Thánh thiện tám chi phần; con người được trong sạch, được thanh tịnh, được hoàn toàn trong sạch, được thoát khỏi, được giải thoát, được hoàn toàn thoát khỏi.

Còn mầm mống tái sanh: Là có luyến ái, có sân hận, có si mê, có ngã mạn, có tham ái, có tà kiến, có ô nhiễm, có chấp thủ.

"Thì người ấy – người còn mầm mống tái sanh – được trong sạch do [đạo lộ] khác [so với Thánh đạo]" là như thế.

Chính quan điểm [thế ấy] phát biểu về người ấy trong khi người ấy nói như thế: Và quan điểm ấy phát biểu về nhân vật ấy rằng: "Và như vậy thì người này là người có tà kiến, có cái nhìn sai lệch."

Trong khi người ấy nói như thế: Là trong khi đang nói, đang thuyết, đang phát ngôn, đang giảng giải, đang diễn tả như thế; trong khi đang nói, đang thuyết, đang phát ngôn, đang giảng giải, đang diễn tả như thế này: "Thế giới là

thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại"; trong khi đang nói, đang thuyết, đang phát ngôn, đang giảng giải, đang diễn tả như thế này: "Thế giới là không thường còn, thế giới là có giới hạn, thế giới là không có giới hạn, mạng sống và thân thể là một, mạng sống và thân thể là khác, chúng sanh hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh hiện hữu và không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại."

"Chính quan điểm [thế ấy] phát biểu về người ấy trong khi người ấy nói như thế" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Nếu do nhìn thấy mà con người có được sự trong sạch, hoặc do nhận biết mà người ấy dứt bỏ khổ, thì người ấy (người còn mầm mống tái sanh) được trong sạch do [đạo lộ] khác [so với Thánh đạo], chính quan điểm [thế ấy] đã phát biểu về người ấy trong khi người ấy nói như thế."

4.3. *Vị Bà-la-môn đã nói rằng sự trong sạch là không do [đạo lộ] khác, không liên quan đến điều đã được thấy, đến điều đã được nghe, đến giới và phận sự, hoặc đến điều đã được cảm giác, là người không bị vấy bẩn bởi phước và tội, buông bỏ điều đã được nắm giữ, không tạo ra [nghiệp gì] ở nơi đây.*

Vị Bà-la-môn đã nói rằng sự trong sạch là không do [đạo lộ] khác, không liên quan đến điều đã được thấy, đến điều đã được nghe, đến giới và phận sự, hoặc đến điều đã được cảm giác.

Không: Là sự phủ định.

Bà-la-môn: Bà-la-môn do trạng thái đã loại trừ bảy pháp: Sự nhận thức sai trái về thân được loại trừ, sự hoài nghi được loại trừ, sự bám víu vào giới và phận sự được loại trừ, luyến ái được loại trừ, sân hận được loại trừ, si mê được loại trừ, ngã mạn được loại trừ; các ác bất thiện pháp, các điều ô nhiễm đưa đến tái sanh, có sự phiền muộn, có kết quả khổ, đưa đến sanh-già-chết ở vị lai của vị này là đã được loại trừ.

[Đức Thế Tôn nói: "Này Sabhiya] sau khi loại trừ tất cả các điều ác, là người không còn vết nhơ, tốt lành, định tĩnh, có bản thân vững chãi, vị ấy đã vượt qua luân hồi, có sự toàn hảo, không nương nhờ, tự tại; vị ấy được gọi là Bà-la-môn."

Vị Bà-la-môn đã nói rằng sự trong sạch là không do [đạo lộ] khác: Vị Bà-la-môn đã không nói, không thuyết, không phát ngôn, không giảng giải, không diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi do [đạo lộ] khác, do đạo lộ không trong sạch, do cách thực hành sai trái, do đường lối không dẫn dắt ra khỏi, ngoại trừ các sự thiết lập niệm, ngoại trừ các chánh cần, ngoại trừ các nền

tảng của thần thông, ngoại trừ các quyền, ngoại trừ các lực, ngoại trừ các yếu tố đưa đến giác ngộ, ngoại trừ đạo lộ Thánh thiện tám chi phần. "Vị Bà-la-môn đã nói rằng sự trong sạch là không do [đạo lộ] khác" là như thế.

Liên quan đến điều đã được thấy, đến điều đã được nghe, đến giới và phận sự, hoặc đến điều đã được cảm giác: Có một số Sa-môn và Bà-la-môn theo quan điểm trong sạch do điều đã được thấy. Các vị ấy tin rằng việc nhìn thấy một số cảnh sắc là điềm lành, tin rằng việc nhìn thấy một số cảnh sắc là điềm gở.

Họ tin rằng việc nhìn thấy các cảnh sắc nào là điềm lành? Các vị ấy, sau khi thức dậy vào lúc sáng sớm, nhìn thấy các cảnh sắc đem lại điều tốt lành: Nhìn thấy chim bồ cắt, nhìn thấy chồi măng vào mùa lễ hội Phussa, nhìn thấy phụ nữ mang thai, nhìn thấy người đang đi có đứa bé trai được đặt ở vai, nhìn thấy cái chậu đầy [nước], nhìn thấy cá hồng, nhìn thấy ngựa nòi, nhìn thấy cỗ xe kéo bởi ngựa nòi, nhìn thấy bò mộng, nhìn thấy bò cái màu hung; họ tin rằng việc nhìn thấy các cảnh sắc có hình thức như thế là điềm lành.

Họ tin rằng việc nhìn thấy các cảnh sắc nào là điềm gở? Họ nhìn thấy đống vỏ trấu, nhìn thấy chậu bơ sữa, nhìn thấy chậu trống rỗng, nhìn thấy vũ công, nhìn thấy vị Sa-môn lõa thể, nhìn thấy con lừa, nhìn thấy xe lừa kéo, nhìn thấy xe do một con thú kéo, nhìn thấy người chột, nhìn thấy người cụt tay, nhìn thấy người què, nhìn thấy người bại liệt, nhìn thấy người già, nhìn thấy người bệnh, nhìn thấy người chết; họ tin rằng việc nhìn thấy các cảnh sắc có hình thức như thế là điềm gở.

Các vị Sa-môn và Bà-la-môn này đây theo quan điểm trong sạch do điều đã được thấy. Các vị ấy tin rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi do điều đã được thấy.

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn theo quan điểm trong sạch do điều đã được nghe. Các vị ấy tin rằng việc nghe được một số âm thanh là điềm lành, tin rằng việc nghe được một số âm thanh là điềm gở.

Họ tin rằng việc nghe các âm thanh nào là điềm lành? Các vị ấy, sau khi thức dậy vào lúc sáng sớm, nghe các âm thanh đem lại điều tốt lành: "Tăng trưởng", "đang tăng trưởng", "tràn đầy", "may mắn", "vô ưu", "thiện ý", "sao tốt", "điềm rất lành", "thịnh vượng", hoặc "thịnh vượng và phát triển"; họ tin rằng việc nghe các âm thanh có hình thức như thế là điềm lành.

Họ tin rằng việc nghe các âm thanh nào là điềm gở? [Nghe rằng:] "Chột", "cụt tay", "què", "bại liệt", "già", "bệnh", "chết", "bị đứt", "bị vỡ", "bị cháy", "bị mất", hoặc "không có"; họ tin rằng việc nghe các âm thanh có hình thức như thế là điềm gở.

Các vị Sa-môn và Bà-la-môn này đây theo quan điểm trong sạch do điều đã được nghe. Các vị ấy tin rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi do điều đã được nghe.

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn theo quan điểm trong sạch do giới. Các vị ấy tin rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi chỉ với giới, chỉ với sự ngăn giữ, chỉ với sự thu thúc, chỉ với sự không vi phạm.

Sa-môn Maṇḍikāputta đã nói như vầy: "Này ông thợ mộc, ta tuyên bố rằng một người nam được thành tựu bốn pháp là người có thiện pháp đầy đủ, có thiện pháp tối thắng, là vị Sa-môn đã đạt được sự chứng đạt tối thượng, không bị đánh bại. Với bốn pháp nào? Này ông thợ mộc, ở đây là không làm việc ác bằng thân, không nói lời nói ác, không tư duy ý nghĩ ác, không sống theo lối nuôi mạng ác xấu. Này ông thợ mộc, ta tuyên bố rằng một người nam được thành tựu bốn pháp này là người có thiện pháp đầy đủ, có thiện pháp tối thắng, là vị Sa-môn đã đạt được sự chứng đạt tối thượng, không bị đánh bại." Tương tự y như thế, có một số Sa-môn và Bà-la-môn theo quan điểm trong sạch do giới. Các vị ấy tin rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi chỉ với giới, chỉ với sự ngăn giữ, chỉ với sự thu thúc, chỉ với sự không vi phạm.

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn theo quan điểm trong sạch do phận sự. Các vị ấy là người hành trì hạnh loài voi, là người hành trì hạnh loài ngựa, là người hành trì hạnh loài bò, là người hành trì hạnh loài chó, là người hành trì hạnh loài quạ, là người hành trì hạnh thần tài, là người hành trì hạnh thần sức mạnh, là người hành trì hạnh thần Puṇṇabhaddā, là người hành trì hạnh thần Maṇibhaddā, là người hành trì hạnh của lửa, là người hành trì hạnh loài rồng, là người hành trì hạnh linh điểu, là người hành trì hạnh dạ-xoa, là người hành trì hạnh a-tu-la, là người hành trì hạnh càn-thát-bà, là người hành trì hạnh đại vương, là người hành trì hạnh mặt trăng, là người hành trì hạnh mặt trời, là người hành trì hạnh Thiên vương, là người hành trì hạnh Phạm thiên, là người hành trì hạnh thiên nhân, là người hành trì hạnh [lễ bái theo] phương hướng. Các vị Sa-môn và Bà-la-môn này đây theo quan điểm trong sạch do phận sự. Các vị ấy tin rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi do phận sự.

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn theo quan điểm trong sạch do điều đã được cảm giác. Các vị ấy, sau khi thức dậy vào lúc sáng sớm, chạm vào mặt đất, chạm vào cây xanh, chạm vào phân bò, chạm vào con rùa, đạp lên lưỡi cày, chạm vào xe chở hạt mè, nhai hạt mè trắng, thoa dầu mè trắng, nhai tăm xỉa răng màu trắng, tắm đất sét trắng, mặc vải trắng, quấn khăn trắng. Các vị Sa-môn và Bà-la-môn này đây theo quan điểm trong sạch do điều đã được cảm giác. Các vị ấy tin rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi do điều đã được cảm giác.

Vị Bà-la-môn đã nói rằng sự trong sạch là không do [đạo lộ] khác, không liên quan đến điều đã được thấy, đến điều đã được nghe, đến giới và phận sự, hoặc đến điều đã được cảm giác: Vị Bà-la-môn đã không nói rằng

sự trong sạch nhờ vào sự trong sạch do điều đã được thấy, đã không nói rằng sự trong sạch nhờ vào sự trong sạch do điều đã được nghe, đã không nói rằng sự trong sạch nhờ vào sự trong sạch do giới, đã không nói rằng sự trong sạch nhờ vào sự trong sạch do phận sự, đã không nói rằng sự trong sạch nhờ vào sự trong sạch do điều đã được cảm giác, không thuyết, không phát ngôn, không giảng giải, không diễn tả.

"Vị Bà-la-môn đã nói rằng sự trong sạch là không do [đạo lộ] khác, không liên quan đến điều đã được thấy, đến điều đã được nghe, đến giới và phận sự, hoặc đến điều đã được cảm giác" là như thế.

Là người không bị vấy bẩn bởi phước và tội: Phước nói đến bất cứ pháp tạo tác thiện nào thuộc tam giới, vô phước nói đến tất cả các pháp bất thiện. Khi nào phúc hành, phi phúc hành và bất động hành[1] được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã đi đến sự không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai, cho đến như thế thì [vị ấy] không bị lấm nhơ ở phước và tội, không bị nhiễm bẩn, không bị vấy bẩn, [là người] đã không bị lấm nhơ, đã không bị nhiễm bẩn, đã không bị vấy bẩn, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

"Là người không bị vấy bẩn bởi phước và tội" là như thế.

Buông bỏ điều đã được nắm giữ, không tạo ra [nghiệp gì] ở nơi đây.

Buông bỏ điều đã được nắm giữ: Là buông bỏ tà kiến đã được nắm giữ; "buông bỏ điều đã được nắm giữ" là buông bỏ sự nắm lấy; "buông bỏ điều đã được nắm giữ" là điều [nào] đã bị nắm lấy, đã bị bám víu, đã bị chấp chặt, đã bị bám chặt, đã bị hướng đến do tác động của tham ái, do tác động của tà kiến, toàn bộ điều ấy là đã được từ bỏ, đã được tẩy trừ, đã được giải thoát, đã được dứt bỏ, đã được buông bỏ.

Không tạo ra [nghiệp gì] ở nơi đây: Trong khi không tạo nên, trong khi không làm sanh ra, trong khi không làm sanh khởi, trong khi không làm hạ sanh, trong khi không làm phát sanh ra phúc hành, phi phúc hành, hoặc bất động hành.

"Buông bỏ điều đã được nắm lấy, không tạo ra [nghiệp gì] ở nơi đây" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Vị Bà-la-môn đã nói rằng sự trong sạch là không do [đạo lộ] khác, không liên quan đến điều đã được thấy, đến điều đã được nghe, đến giới và phận sự, hoặc đến điều đã được cảm giác, là người không bị vấy bẩn bởi phước và tội, buông bỏ điều đã được nắm lấy, không tạo ra [nghiệp gì] ở nơi đây."

---

[1] Phúc hành, phi phúc hành, bất động hành: Phúc hành là hành vi tạo tác thiện có quả đưa đi tái sanh ở cõi người, các cõi trời dục giới và sắc giới. Phi phúc hành là hành vi tạo tác bất thiện có quả đưa đi tái sanh ở 4 cõi khổ. Bất động hành là hành vi tạo tác thiện có quả đưa đi tái sanh ở vô sắc giới.

4.4. *Dứt bỏ cái trước rồi nương vào cái khác, đeo đuổi dục vọng, những người ấy không vượt qua sự quyến luyến. Họ nắm bắt rồi rời bỏ, tựa như con khỉ với việc nắm lấy cành cây trước mặt.*

Dứt bỏ cái trước rồi nương vào cái khác: Dứt bỏ bậc Đạo sư trước rồi nương tựa bậc Đạo sư khác, dứt bỏ giáo lý trước rồi nương tựa giáo lý khác, dứt bỏ tập thể trước rồi nương tựa tập thể khác, dứt bỏ quan điểm trước rồi nương tựa quan điểm khác, dứt bỏ lối thực hành trước rồi nương tựa lối thực hành khác, dứt bỏ đạo lộ trước rồi nương tựa đạo lộ khác, nương tựa vào, bám vào, đến gần, bám chặt, hướng đến.

"Dứt bỏ cái trước rồi nương vào cái khác" là như thế.

Đeo đuổi dục vọng, những người ấy không vượt qua sự quyến luyến.

Dục vọng: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,… (nt)… tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Đeo đuổi dục vọng: Đeo đuổi dục vọng là đi theo dục vọng, di chuyển theo dục vọng, đạt đến dục vọng, bị rơi vào, bị ngự trị, có tâm bị khuất phục.

Những người ấy không vượt qua sự quyến luyến: Không vượt qua, không vượt lên, không vượt qua hẳn, không vượt qua khỏi sự quyến luyến bởi luyến ái, sự quyến luyến bởi sân hận, sự quyến luyến bởi si mê, sự quyến luyến bởi ngã mạn, sự quyến luyến bởi tà kiến, sự quyến luyến bởi ô nhiễm, sự quyến luyến bởi uế hạnh.

"Đeo đuổi dục vọng, những người ấy không vượt qua sự quyến luyến" là như thế.

Họ nắm bắt rồi rời bỏ: Họ nắm lấy bậc Đạo sư, rồi buông vị ấy ra và nắm lấy bậc Đạo sư khác; họ nắm lấy giáo lý, rồi buông giáo lý ấy ra và nắm lấy giáo lý khác; họ nắm lấy tập thể, rồi buông tập thể ấy ra và nắm lấy tập thể khác; họ nắm lấy quan điểm, rồi buông quan điểm ấy ra và nắm lấy quan điểm khác; họ nắm lấy lối thực hành, rồi buông lối thực hành ấy ra và nắm lấy lối thực hành khác; họ nắm lấy đạo lộ, rồi buông đạo lộ ấy ra và nắm lấy đạo lộ khác; họ nắm lấy và buông ra, họ nắm giữ và rời bỏ.

"Họ nắm bắt rồi rời bỏ" là như thế.

Tựa như con khỉ với việc nắm lấy cành cây trước mặt: Giống như con khỉ trong khi di chuyển ở khu rừng nhỏ, ở khu rừng lớn thì nắm lấy cành cây, rồi buông cành cây ấy ra và nắm lấy cành cây khác, rồi lại buông cành cây khác ấy ra và nắm lấy cành cây khác nữa; tương tự y như thế, các vị Sa-môn và Bà-la-môn khác nhau nắm lấy và buông ra, nắm giữ và rời bỏ các tà kiến khác nhau.

"Tựa như con khỉ với việc nắm lấy cành cây trước mặt" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Dứt bỏ cái trước rồi nương vào cái khác, đeo đuổi dục vọng, những người ấy không vượt qua sự quyến luyến. Họ nắm bắt rồi rời bỏ, tựa như con khỉ với việc nắm lấy cành cây trước mặt."

4.5. *Sau khi tự mình thọ trì các phận sự, con người*
Đi đến chỗ cao chỗ thấp, bị dính mắc vào tưởng;
Còn người có sự hiểu biết, sau khi thông hiểu pháp nhờ các sự hiểu biết,
Không đi đến chỗ cao chỗ thấp, là người có tuệ bao la.

Sau khi tự mình thọ trì các phận sự, con người.

Sau khi tự mình thọ trì: Là sau khi thọ trì cho mình.

Các phận sự: Là sau khi nhận lấy, sau khi thọ trì, sau khi nắm giữ, sau khi nắm giữ đúng đắn, sau khi nắm lấy, sau khi bám víu, sau khi chấp chặt hạnh loài voi, hoặc hạnh loài ngựa, hoặc hạnh loài bò, hoặc hạnh loài chó, hoặc hạnh loài quạ, hoặc hạnh thần tài, hoặc hạnh thần sức mạnh, hoặc hạnh thần Puṇṇabhaddā, hoặc hạnh thần Maṇibhaddā, hoặc hạnh của lửa, hoặc hạnh loài rồng, hoặc hạnh linh điểu, hoặc hạnh dạ-xoa, hoặc hạnh a-tu-la,... (nt)... hoặc hạnh [lễ bái theo] phương hướng.

Con người: Là chúng sanh, đàn ông,... (nt)... nhân loại.

"Người sau khi tự mình thọ trì các phận sự" là như thế.

Đi đến chỗ cao chỗ thấp, bị dính mắc vào tưởng: Là từ bậc Đạo sư [này] đi đến bậc Đạo sư [khác], từ giáo lý [này] đi đến giáo lý [khác], từ tập thể [này] đi đến tập thể [khác], từ quan điểm [này] đi đến quan điểm [khác], từ lối thực hành [này] đi đến lối thực hành [khác], từ đạo lộ [này] đi đến đạo lộ [khác].

Bị dính mắc vào tưởng: Là bị dính mắc, bị dính liền, bị dính vào, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại dục tưởng, ở sân tưởng, ở hại tưởng, ở tà kiến tưởng. Giống như gói hàng bị dính mắc, bị dính liền, bị dính vào, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại ở chốt gắn trên tường hoặc ở móc ngà voi, tương tự y như thế, là bị dính mắc, bị dính liền, bị dính vào, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại ở dục tưởng, ở sân tưởng, ở hại tưởng, ở tà kiến tưởng.

"Đi đến chỗ cao chỗ thấp, bị dính mắc vào tưởng" là như thế.

Còn người có sự hiểu biết, sau khi thông hiểu pháp nhờ các sự hiểu biết.

Người có sự hiểu biết: Người có sự hiểu biết là người đã đạt đến kiến thức, có trí, [có sự giác ngộ] có sự rành rẽ, có sự thông minh.

Nhờ các sự hiểu biết: Các sự hiểu biết nói đến trí ở bốn đạo, tuệ, tuệ quyền, tuệ lực, trạch pháp giác chi, sự thẩm xét, sự thấy rõ, chánh kiến. Với các sự hiểu biết ấy, [vị ấy] đã đi đến điểm cuối đối với sanh-già-chết, đã đạt đến điểm cuối, đã đi đến đỉnh, đã đạt đến đỉnh, đã đi đến tận cùng, đã đạt đến tận cùng, đã đi đến sự hoàn tất, đã đạt đến sự hoàn tất, đã đi đến nơi nương náu, đã đạt đến nơi nương náu, đã đi đến nơi trú ẩn, đã đạt đến nơi trú ẩn, đã đi đến nơi nương nhờ, đã đạt đến nơi nương nhờ, đã đi đến nơi không sợ hãi, đã đạt đến nơi không sợ hãi, đã đi đến bất hoại, đã đạt đến bất hoại, đã đi đến bất tử, đã đạt đến bất tử, đã đi đến Niết-bàn, đã đạt đến Niết-bàn. "Người đã đi đến điểm cuối của các sự hiểu biết" là bậc đã đạt được sự hiểu biết, hoặc "người đã đi đến điểm cuối nhờ vào các sự hiểu biết" là bậc đã đạt được sự hiểu biết, hoặc "do trạng thái đã

hiểu biết về bảy pháp: Sự nhận thức sai trái về thân đã được hiểu biết, sự hoài nghi đã được hiểu biết, sự bám víu vào giới và phận sự đã được hiểu biết, sự luyến ái đã được hiểu biết, sân hận đã được hiểu biết, si mê đã được hiểu biết, ngã mạn đã được hiểu biết" là bậc đã đạt được sự hiểu biết; đối với người này, các ác bất thiện pháp, các điều ô nhiễm đưa đến tái sanh, có sự phiền muộn, có kết quả khổ, đưa đến sanh-già-chết ở vị lai là đã được hiểu biết.

[Đức Thế Tôn nói: "Này Sabhiya] vị đã suy gẫm toàn bộ các loại kiến thức thuộc về các Sa-môn, thuộc về các Bà-la-môn, vị đã xa lìa sự luyến ái ở tất cả các cảm thọ, vị đã vượt qua mọi kiến thức, vị ấy là bậc đã đạt được sự hiểu biết."

Còn người có sự hiểu biết, sau khi thông hiểu pháp nhờ các sự hiểu biết: Sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp; sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp: "Tất cả các hành là vô thường"; sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp: "Tất cả các hành là khổ"; sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp: "Tất cả các pháp là vô ngã"; sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp: "Vô minh duyên cho các hành"; sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp: "Các hành duyên cho thức"; sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp: "Thức duyên cho danh sắc";... "Danh sắc duyên cho sáu xứ";... "Sáu xứ duyên cho xúc";... "Xúc duyên cho thọ";... "Thọ duyên cho ái";... "Ái duyên cho thủ";... "Thủ duyên cho hữu";... "Hữu duyên cho sanh";... "Sanh duyên cho lão, tử"; sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp: "Do sự diệt tận của vô minh [đưa đến] sự diệt tận của các hành"; sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp: "Do sự diệt tận của các hành [đưa đến] sự diệt tận của thức"; sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp: "Do sự diệt tận của thức [đưa đến] sự diệt tận của danh sắc";... "Do sự diệt tận của danh sắc [đưa đến] sự diệt tận của sáu xứ";... "Do sự diệt tận của sáu xứ [đưa đến] sự diệt tận của xúc";... "Do sự diệt tận của xúc [đưa đến] sự diệt tận của thọ";... "Do sự diệt tận của thọ [đưa đến] sự diệt tận của ái";... "Do sự diệt tận của ái [đưa đến] sự diệt tận của thủ";... "Do sự diệt tận của thủ [đưa đến] sự diệt tận của hữu";... "Do sự diệt tận của hữu [đưa đến] sự diệt tận của sanh";... "Do sự diệt tận của sanh [đưa đến] sự diệt tận của lão, tử"; sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp: "Đây là khổ"; sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp: "Đây là nhân sanh khổ";... "Đây là sự diệt tận khổ";... "Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ"; sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp: "Đây là các lậu hoặc"; sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp: "Đây là nhân sanh các lậu hoặc";... "Đây là sự diệt tận các lậu hoặc";... "Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận các lậu hoặc"; sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp: "Các pháp này cần được biết rõ"; sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp: "Các pháp này cần được biết toàn diện";... "Các pháp này cần được dứt bỏ";... "Các pháp này cần được tu tập";... "Các pháp này cần được chứng ngộ"; sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp là nhân sanh khởi, sự tiêu hoại, sự hứng thú, sự bất lợi, và sự thoát ra đối với sáu xúc xứ; sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp là nhân sanh khởi, sự tiêu hoại, sự hứng thú, sự bất lợi, và sự thoát ra đối với năm thủ uẩn; sau khi thông hiểu, sau khi thấu

hiểu pháp là nhân sanh khởi, sự tiêu hoại, sự hứng thú, sự bất lợi, và sự thoát ra đối với bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió]; sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

"Còn người có sự hiểu biết, sau khi thông hiểu pháp nhờ các sự hiểu biết" là như thế.

Không đi đến chỗ cao chỗ thấp, là người có tuệ bao la: Là không từ bậc Đạo sư [này] đi đến bậc Đạo sư [khác], không từ giáo lý [này] đi đến giáo lý [khác], không từ tập thể [này] đi đến tập thể [khác], không từ quan điểm [này] đi đến quan điểm [khác], không từ lối thực hành [này] đi đến lối thực hành [khác], không từ đạo lộ [này] đi đến đạo lộ [khác].

Người có tuệ bao la: Người có tuệ bao la là người có tuệ vĩ đại, có tuệ rộng lớn, có tuệ vi tiếu, có tuệ tốc hành, có tuệ sắc bén, có tuệ thấu suốt; bao la nói đến trái đất, là người được thành tựu với tuệ ấy, [là tuệ] bao quát, trải rộng, sánh bằng trái đất.

"Không đi đến chỗ cao chỗ thấp, là người có tuệ bao la" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Sau khi tự mình thọ trì các phận sự, con người
Đi đến chỗ cao chỗ thấp, bị dính mắc vào tưởng;
Còn người có sự hiểu biết, sau khi thông hiểu pháp nhờ các sự hiểu biết,
Không đi đến chỗ cao chỗ thấp, là người có tuệ bao la."

4.6. *Vị ấy là người diệt đạo binh [ô nhiễm] ở tất cả các pháp,*
Ở bất cứ điều gì đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác.
Vị ấy, người có nhãn quan, đang hành xử một cách minh bạch,
Bởi điều gì có thể sắp xếp vị ấy ở thế gian này đây?

Vị ấy là người diệt đạo binh [ô nhiễm] ở tất cả các pháp, ở bất cứ điều gì đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác: Đạo binh nói đến đạo binh của Ma vương; uế hạnh về thân là đạo binh của Ma vương, uế hạnh về khẩu là đạo binh của Ma vương, uế hạnh về ý là đạo binh của Ma vương, sự luyến ái là đạo binh của Ma vương, sân hận là đạo binh của Ma vương, si mê là đạo binh của Ma vương, giận dữ… thù hằn… (nt)… tất cả các pháp tạo tác bất thiện là đạo binh của Ma vương. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

1. *"Các dục là đạo binh thứ nhất của ngươi, thứ nhì nói đến sự không thích thú, thứ ba của ngươi là đói và khát, thứ tư gọi là tham ái.*

2. *Thứ năm của ngươi là dã dượi và buồn ngủ, thứ sáu gọi là sự khiếp đảm, thứ bảy của ngươi là hoài nghi, thứ tám của ngươi là gièm pha, bướng bỉnh.*

3. *Lợi lộc, sự nổi tiếng, sự trọng vọng và danh vọng nào đã đạt được một cách sai trái; kẻ nào đề cao bản thân và khi dễ những người khác.*

4. – *Này Namuci, chúng là đạo binh của ngươi, là quân xung kích của Hắc ám. Kẻ khiếp nhược không chiến thắng nó, và vị đã chiến thắng thì đạt được sự an lạc.”*

Khi nào tất cả các đạo binh của Ma vương và tất cả các ô nhiễm có hành động đối kháng đã bị đánh bại và đã bị khuất phục, đã bị đổ vỡ, đã bị tan rã, không còn hiện diện nhờ vào bốn Thánh đạo; vị ấy được gọi là người diệt đạo binh; vị ấy là người diệt đạo binh ở điều đã được thấy, người diệt đạo binh ở điều đã được nghe, người diệt đạo binh ở điều đã được cảm giác, người diệt đạo binh ở điều đã được nhận thức.

“Vị ấy là người diệt đạo binh [ô nhiễm] ở tất cả các pháp, ở bất cứ điều gì đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác” là như thế.

Vị ấy, người có nhãn quan, đang hành xử một cách minh bạch: Vị ấy có nhãn quan trong sạch, có nhãn quan thanh tịnh, có nhãn quan hoàn toàn trong sạch, có nhãn quan tinh khiết, có nhãn quan hoàn toàn tinh khiết; hoặc là có cái nhìn trong sạch, có cái nhìn thanh tịnh, có cái nhìn hoàn toàn trong sạch, có cái nhìn tinh khiết, có cái nhìn hoàn toàn tinh khiết.

Một cách minh bạch: Sự che đậy do tham ái, sự che đậy do tà kiến, sự che đậy do ô nhiễm, sự che đậy do uế hạnh, các sự che đậy ấy được mở ra, được hủy hoại, được mở rộng, được mở toang, được dứt bỏ, được trừ tuyệt, được vắng lặng, được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

Đang hành xử: Là đang thực hành, đang cư xử, [đang trú ngụ] đang sinh hoạt, đang vận hành, đang bảo hộ, đang hộ trì, đang bảo dưỡng.

“Vị ấy, người có nhãn quan, đang hành xử một cách minh bạch” là như thế.

Bởi điều gì có thể sắp xếp vị ấy ở thế gian này đây.

Sắp đặt: Có hai sự sắp đặt: Sự sắp đặt do tham ái và sự sắp đặt do tà kiến. ... (nt)... điều này là sự sắp đặt do tham ái. ... (nt)... điều này là sự sắp đặt do tà kiến. Đối với vị ấy, sự sắp đặt do tham ái đã được dứt bỏ, sự sắp đặt do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự sắp đặt do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự sắp đặt do tà kiến thì có thể sắp đặt bởi luyến ái gì, có thể sắp đặt bởi sân hận gì, có thể sắp đặt bởi si mê gì, có thể sắp đặt bởi ngã mạn gì, có thể sắp đặt bởi tà kiến gì, có thể sắp đặt bởi phóng dật gì, có thể sắp đặt bởi hoài nghi gì, có thể sắp đặt bởi các pháp tiềm ẩn gì [nghĩ rằng]: “[Vị này là] ‘kẻ bị luyến ái’, hoặc là ‘kẻ bị sân hận’, hoặc là ‘kẻ bị si mê’, hoặc là ‘kẻ bị trói buộc’, hoặc là ‘kẻ bị bám víu’, hoặc là ‘kẻ bị tán loạn’, hoặc là ‘kẻ không dứt khoát’, hoặc là ‘kẻ cứng cỏi’”? [Đối với vị ấy] các pháp tạo tác ấy là đã được dứt bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với các pháp tạo tác thì bởi điều gì có thể sắp đặt về cảnh giới tái sanh [của vị ấy rằng]: “[Vị này sẽ trở thành] ‘người địa ngục’, hoặc là ‘loài thú’, hoặc là ‘thân phận ngạ quỷ’, hoặc là ‘loài người’, hoặc là ‘thiên nhân’, hoặc là ‘người hữu sắc’, hoặc là ‘người vô

sắc', hoặc là 'người hữu tưởng', hoặc là 'người vô tưởng', hoặc là 'người phi tưởng phi phi tưởng'"? Không có nhân, không có duyên, không có lý do, mà bởi điều ấy có thể sắp đặt, có thể sắp xếp, có thể đạt đến việc sắp xếp.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ.

"Bởi điều gì có thể sắp xếp vị ấy ở thế gian này đây" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Vị ấy là người diệt đạo binh [ô nhiễm] ở tất cả các pháp,
Ở bất cứ điều gì đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác.
Vị ấy, người có nhãn quan, đang hành xử một cách minh bạch,
Bởi điều gì có thể sắp xếp vị ấy ở thế gian này đây?"

4.7. *Các vị ấy không sắp đặt, không chú trọng,*
Không nói về 'sự trong sạch tột cùng'.
Sau khi tháo gỡ sự trói buộc vào chấp thủ đã bị buộc trói,
Các vị không tạo lập sự mong mỏi ở bất cứ đâu ở thế gian.

Không sắp đặt, không chú trọng.

Sắp đặt: Có hai sự sắp đặt: Sự sắp đặt do tham ái và sự sắp đặt do tà kiến. ... (nt)… điều này là sự sắp đặt do tham ái. ... (nt)… điều này là sự sắp đặt do tà kiến. Đối với các vị ấy, sự sắp đặt do tham ái đã được dứt bỏ, sự sắp đặt do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự sắp đặt do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự sắp đặt do tà kiến; các vị không sắp đặt, không làm sanh ra, không làm sanh khởi, không làm hạ sanh, không làm phát sanh ra sự sắp đặt do tham ái hoặc sự sắp đặt do tà kiến. "Không sắp đặt" là như thế.

Không chú trọng.

Chú trọng: Có hai sự chú trọng: Chú trọng do tham ái và chú trọng do tà kiến. ... (nt)… điều này là chú trọng do tham ái. ... (nt)… điều này là chú trọng do tà kiến. Đối với các vị ấy, sự chú trọng do tham ái đã được dứt bỏ, sự chú trọng do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự chú trọng do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự chú trọng do tà kiến, các vị sống, chú trọng không phải là tham ái hoặc không phải là tà kiến, không có tham ái là ngọn cờ, không có tham ái là biểu hiện, không có tham ái là chủ đạo, không có tà kiến là ngọn cờ, không có tà kiến là biểu hiện, không có tà kiến là chủ đạo; các vị sống, được vây quanh không bởi tham ái hoặc không bởi tà kiến.

"Không sắp đặt, không chú trọng" là như thế.

Các vị ấy không nói về "sự trong sạch tột cùng": Các vị không nói, không thuyết, không phát ngôn, không giảng giải, không diễn tả về sự trong

sạch tột cùng, về sự trong sạch do luân hồi, về quan điểm không hành động, về học thuyết thường còn.

"Các vị ấy không nói về 'sự trong sạch tột cùng'" là như thế.

Sau khi tháo gỡ sự trói buộc vào chấp thủ đã bị buộc trói.

Sự trói buộc: Có bốn sự trói buộc: Tham đắm là sự trói buộc về thân, sân hận là sự trói buộc về thân, sự bám víu vào giới và phận sự là sự trói buộc về thân, sự chấp chặt "chỉ điều này là chân lý" là sự trói buộc về thân. Sự luyến ái, tham đắm vào quan điểm của bản thân là sự trói buộc về thân. Sự tức tối, sự không bằng lòng, sự sân hận đối với các học thuyết của những người khác là sự trói buộc về thân. Sự bám víu vào giới và phận sự rằng: "Họ bám víu vào giới, hoặc phận sự, hoặc giới và phận sự của bản thân" là sự trói buộc về thân. Quan điểm của bản thân có sự chấp chặt "chỉ điều này là chân lý" là sự trói buộc về thân. Vì lý do gì được gọi là sự trói buộc vào chấp thủ? Bởi vì các sự trói buộc ấy, họ nắm giữ, họ chấp thủ, họ nắm lấy, họ bám víu, họ chấp chặt về sắc; họ nắm giữ, họ chấp thủ, họ nắm lấy, họ bám víu, họ chấp chặt về thọ, tưởng, các hành, thức, cảnh giới tái sanh, sự tái sinh, sự nối liền tái sanh, sự hiện hữu, sự luân hồi và sự luân chuyển. Vì lý do ấy được gọi là sự trói buộc vào chấp thủ.

Sau khi tháo gỡ: Sau khi cởi bỏ hoặc sau khi tháo gỡ các sự trói buộc; hoặc là sau khi tháo rời hay sau khi tháo gỡ các sự trói buộc, các vật bị buộc trói, các vật bị buộc ràng, các vật bị cột chặt, các vật bị cột kỹ, các vật bị cột chằng chịt, các vật bị máng vào, các vật bị vướng vào, các vật bị giữ lại, các sự trói chặt. Giống như những người thực hiện sự tháo gỡ, phá vỡ cái kiệu khiêng, hoặc cỗ xe, hoặc xe tải, hoặc cỗ xe kéo liền lặn, tương tự như vậy, sau khi cởi bỏ hoặc sau khi tháo gỡ các sự trói buộc; hoặc là sau khi tháo rời, hay sau khi tháo gỡ các sự trói buộc, các vật bị buộc trói, các vật bị buộc ràng, các vật bị cột chặt, các vật bị cột kỹ, các vật bị cột chằng chịt, các vật bị máng vào, các vật bị vướng vào, các vật bị giữ lại, các sự trói chặt.

"Sau khi tháo gỡ sự trói buộc vào chấp thủ đã bị buộc trói" là như thế.

Các vị không tạo lập sự mong mỏi ở bất cứ đâu ở thế gian.

Sự mong mỏi: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Không tạo lập sự mong mỏi: Không tạo lập, không làm sanh ra, không làm sanh khởi, không làm hạ sanh, không làm phát sanh niềm mong mỏi.

Ở bất cứ đâu: Ở bất cứ đâu, về bất cứ điều gì, ở bất cứ chỗ nào, thuộc nội phần, hoặc ngoại phần, hoặc thuộc nội phần và ngoại phần.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh,... (nt)... ở thế gian của các xứ.

"Các vị không tạo lập sự mong mỏi ở bất cứ đâu ở thế gian" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Các vị ấy không sắp đặt, không chú trọng,
Không nói về 'sự trong sạch tột cùng'.
Sau khi tháo gỡ sự trói buộc vào chấp thủ đã bị cột trói,
Các vị không tạo lập sự mong mỏi ở bất cứ đâu ở thế gian."

4.8. *Vị Bà-la-môn, có sự vượt quá ranh giới, đối với vị ấy không có điều gì được nắm bắt, sau khi đã biết và sau khi đã thấy,*
Không có sự luyến ái với ái dục, không bị luyến ái ở pháp ly ái dục;
Đối với vị ấy, không có điều đã được nắm bắt là tối thắng ở nơi đây.

Vị Bà-la-môn, có sự vượt quá ranh giới, đối với vị ấy không có điều gì được nắm bắt, sau khi đã biết và sau khi đã thấy.

Ranh giới: Có bốn ranh giới: Sự nhận thức sai trái về thân, sự hoài nghi, sự bám víu vào giới và phận sự, tà kiến tiềm ẩn, hoài nghi tiềm ẩn, và các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy; đây là ranh giới thứ nhất. Sự ràng buộc của ái dục [luyến ái về dục] và sự ràng buộc của bất bình có tính chất thô thiển, ái dục tiềm ẩn và bất bình tiềm ẩn có tính chất thô thiển, và các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy; đây là ranh giới thứ nhì. Sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất vi tế, ái dục tiềm ẩn và bất bình tiềm ẩn có tính chất vi tế, và các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy; đây là ranh giới thứ ba. Ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật, vô minh, ngã mạn tiềm ẩn, hữu ái tiềm ẩn, vô minh tiềm ẩn, các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy; đây là ranh giới thứ tư. Và khi nào bốn ranh giới này đã được vượt quá, đã được vượt qua hẳn, đã được vượt qua khỏi nhờ vào bốn Thánh đạo; vị ấy được gọi là có sự vượt quá ranh giới.

Vị Bà-la-môn: Bà-la-môn do trạng thái đã loại trừ bảy pháp: Sự nhận thức sai trái về thân được loại trừ, sự hoài nghi được loại trừ, sự bám víu vào giới và phận sự được loại trừ,… (nt)... Không nương nhờ, tự tại; vị ấy được gọi là Bà-la-môn.

Đối với vị ấy: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã cạn kiệt.

Sau khi đã biết: Sau khi đã biết bằng trí biết tâm người khác hoặc sau khi đã biết bằng trí nhớ về các kiếp sống trước.

Sau khi đã thấy: Sau khi đã thấy bằng nhục nhãn hoặc sau khi đã thấy bằng thiên nhãn.

Vị Bà-la-môn, có sự vượt quá ranh giới, đối với vị ấy không có điều gì được nắm bắt, sau khi đã biết và sau khi đã thấy: Đối với vị ấy, điều đã được nắm lấy, đã được bám víu, đã được chấp chặt, đã được hướng đến [rằng]: "Cái này là tối thắng, cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý" là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

"Vị Bà-la-môn, có sự vượt quá ranh giới, đối với vị ấy không có điều gì được nắm bắt, sau khi đã biết và sau khi đã thấy" là như thế.

Không có sự luyến ái với ái dục, không bị luyến ái ở pháp ly ái dục: Bị luyến ái ở ái dục nói đến những người nào bị luyến ái, bị thèm khát, bị buộc trói, bị mê mẩn, bị gần gũi, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại ở năm loại dục. Bị luyến ái ở pháp ly ái dục nói đến những người nào bị luyến ái, bị thèm khát, bị buộc trói, bị mê mẩn, bị gần gũi, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại ở các sự thể nhập vào sắc giới và vô sắc giới.

Không có sự luyến ái với ái dục, không bị luyến ái ở pháp ly ái dục: Khi nào sự luyến ái ở dục giới, sự luyến ái ở sắc giới và sự luyến ái ở vô sắc giới được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai, cho đến như thế thì "không có sự luyến ái với ái dục, không bị luyến ái ở pháp ly ái dục."

Đối với vị ấy, không có điều đã được nắm bắt là tối thắng ở nơi đây.

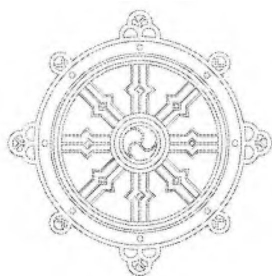
Đối với vị ấy: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã cạn kiệt. Đối với vị ấy, điều đã được nắm lấy, đã được bám víu, đã được chấp chặt, đã được bám chặt, đã được hướng đến [rằng]: "Cái này là tối thắng, cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý" là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

"Đối với vị ấy, không có điều đã được nắm bắt là tối thắng ở nơi đây" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Vị Bà-la-môn, có sự vượt quá ranh giới, đối với vị ấy không có điều gì được nắm bắt, sau khi đã biết và sau khi đã thấy,
Không có sự luyến ái với ái dục, không bị luyến ái ở pháp ly ái dục;
Đối với vị ấy, không có điều đã được nắm bắt là tối thắng ở nơi đây."

"Diễn giải kinh nhóm tám về trong sạch" - Phần thứ tư.



5. DIỄN GIẢI KINH NHÓM TÁM VỀ TỐI THẮNG (*PARAMAṬṬHAKASUTTANIDDESO*)

Giờ phần "Diễn giải kinh nhóm tám về tối thắng" được nói đến:

5.1. *Trong khi sống theo các tà kiến, [nghĩ rằng:] "[Điều này] là tối thắng",*
Con người làm nổi trội điều ấy ở thế gian,
Rồi đã nói tất cả những điều khác là "thấp hèn" so với điều ấy,
Vì thế không vượt qua khỏi các sự tranh cãi.

Trong khi sống theo các tà kiến, [nghĩ rằng:] "[Điều này] là tối thắng": Có một số Sa-môn và Bà-la-môn là những người theo tà kiến. Các vị ấy chấp nhận, tiếp thu, nắm lấy, bám víu, chấp chặt rằng: "Điều này là tối thắng, cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý" rồi trú, cư trú, lưu trú theo tà kiến của riêng mình. Giống như những người tại gia trú trong các ngôi nhà, những người có tội lỗi trú trong các tội lỗi, những người có ô nhiễm trú trong các ô nhiễm; tương tự y như thế, có một số Sa-môn và Bà-la-môn là những người theo tà kiến. Các vị ấy chấp nhận, tiếp thu, nắm lấy, bám víu, chấp chặt rằng: "Điều này là tối thắng, cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý" rồi trú, cư trú, lưu trú theo tà kiến của riêng mình.

"Trong khi sống theo các tà kiến, [nghĩ rằng:] '[Điều này] là tối thắng'" là như thế.

Con người làm nổi trội điều ấy ở thế gian.

Điều ấy: Là điều nào đó.

Làm nổi trội: Là làm cho nổi trội, làm thành tối thắng, cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý. Làm cho nổi trội, làm thành tối thắng, cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý rằng: "Bậc Đạo sư này là đấng Toàn tri." Làm cho nổi trội, làm thành tối thắng, cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý, làm sanh khởi, làm phát sanh ra rằng: "Giáo pháp này khéo được thuyết giảng, tập thể này đã thực hành tốt đẹp, quan điểm này là tốt lành, lối thực hành này đã khéo được quy định, đạo lộ này dẫn dắt ra khỏi."

Con người: Là chúng sanh, đàn ông,... (nt)... nhân loại.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh,... (nt)... ở thế gian của các xứ.

"Con người làm nổi trội điều ấy ở thế gian" là như thế.

Rồi đã nói tất cả những điều khác là "thấp hèn" so với điều ấy: Quăng bỏ, ném bỏ, vất bỏ tất cả các học thuyết khác ngoại trừ bậc Đạo sư, giáo lý, tập

thể, quan điểm, lối thực hành, đạo lộ của bản thân, rồi đã nói như vầy: "Vị Đạo sư ấy không là đấng Toàn tri, pháp không khéo được thuyết giảng, tập thể đã thực hành không tốt đẹp, quan điểm không tốt lành, lối thực hành không khéo được quy định, đạo lộ không dẫn dắt ra khỏi; ở nơi ấy không có sự trong sạch, hay sự thanh tịnh, hay sự hoàn toàn trong sạch, hay sự thoát khỏi, hay sự giải thoát, hay sự hoàn toàn thoát khỏi; ở đây không có những người được trong sạch, hay được thanh tịnh, hay được hoàn toàn trong sạch, hay được thoát khỏi, hay được giải thoát, hay được hoàn toàn thoát khỏi; họ thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi." Họ thuyết như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy.

"Rồi đã nói tất cả những điều khác là 'thấp hèn' so với điều ấy" là như thế.

Vì thế không vượt qua khỏi các sự tranh cãi.

Vì thế: Là do điều ấy, bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy.

Các sự tranh cãi: Các sự cãi cọ về quan điểm, các sự cãi lộn về quan điểm, các sự cãi vã về quan điểm, các sự tranh cãi về quan điểm, các sự gây gổ về quan điểm.

Không vượt qua khỏi: Trong khi không vượt quá, không vượt qua hẳn, không vượt qua khỏi.

"Vì thế không vượt qua khỏi các sự tranh cãi" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Trong khi sống theo các tà kiến, [nghĩ rằng:] '[Điều này] là tối thắng',
Con người làm nổi trội điều ấy ở thế gian,
Rồi đã nói tất cả những điều khác là 'thấp hèn' so với điều ấy,
Vì thế không vượt qua khỏi các sự tranh cãi."

5.2. *[Người ấy] nhìn thấy điều nào có lợi ích cho bản thân ở điều đã được thấy, ở điều đã được nghe, ở giới và phận sự, hoặc ở điều đã được cảm giác, sau khi nắm bắt chính cái ấy ở điều ấy; người ấy nhìn thấy mọi điều khác đều là hèn kém.*

[Người ấy] nhìn thấy điều nào có lợi ích cho bản thân ở điều đã được thấy, ở điều đã được nghe, ở giới và phận sự, hoặc ở điều đã được cảm giác.

Điều nào... cho bản thân: Điều nào... liên quan đến bản thân. Bản thân: Nói đến việc đi theo tà kiến [của bản thân]. Do quan điểm của bản thân, [người ấy] nhìn thấy hai sự lợi ích: Lợi ích ở đời hiện tại và lợi ích ở đời vị lai.

Lợi ích ở đời hiện tại do quan điểm là lợi ích nào? Vị thầy có quan điểm nào thì các đệ tử có cùng quan điểm ấy. Các đệ tử trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường vị thầy có quan điểm ấy. Và do điều đó, [vị thầy] nhận được y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Điều này là lợi ích ở đời hiện tại do quan điểm.

Lợi ích ở đời vị lai do quan điểm là lợi ích nào? Là người có sự mong đợi kết quả ở vị lai rằng: "Quan điểm này đủ để đưa đến bản thể loài rồng, hoặc đưa đến bản thể nhân điểu, hoặc đưa đến bản thể dạ-xoa, hoặc đưa đến bản thể a-tu-la, hoặc đưa đến bản thể càn-thát-bà, hoặc đưa đến bản thể Đại Thiên vương, hoặc đưa đến bản thể Thiên chủ, hoặc đưa đến bản thể Phạm thiên, hoặc đưa đến bản thể thiên nhân. Quan điểm này đủ để đưa đến sự trong sạch, đưa đến sự thanh tịnh, đưa đến sự hoàn toàn trong sạch, đưa đến sự thoát khỏi, đưa đến sự giải thoát, đưa đến sự hoàn toàn thoát khỏi. Do quan điểm này, họ trở nên trong sạch, họ trở nên thanh tịnh, họ trở nên hoàn toàn trong sạch, họ được thoát khỏi, họ được giải thoát, họ được hoàn toàn thoát khỏi. Do quan điểm này, ta sẽ trở nên trong sạch, ta sẽ trở nên thanh tịnh, ta sẽ trở nên hoàn toàn trong sạch, ta sẽ được thoát khỏi, ta sẽ được giải thoát, ta sẽ được hoàn toàn thoát khỏi." Điều này là lợi ích ở đời vị lai do quan điểm. Do quan điểm của bản thân, [người ấy] nhìn thấy hai sự lợi ích này.

Cũng nhờ vào sự trong sạch do điều đã được thấy, [người ấy] nhìn thấy hai sự lợi ích… Cũng nhờ vào sự trong sạch do điều đã được nghe, [người ấy] nhìn thấy hai sự lợi ích… Cũng nhờ vào sự trong sạch do giới, [người ấy] nhìn thấy hai sự lợi ích… Cũng nhờ vào sự trong sạch do phận sự, [người ấy] nhìn thấy hai sự lợi ích… Cũng nhờ vào sự trong sạch do điều đã được cảm giác, [người ấy] nhìn thấy hai sự lợi ích: Lợi ích ở đời hiện tại và lợi ích ở đời vị lai.

Lợi ích ở đời hiện tại nhờ vào sự trong sạch do điều đã được cảm giác là lợi ích nào? Vị thầy có quan điểm nào thì các đệ tử có cùng quan điểm ấy. ...(nt)… Điều này là lợi ích ở đời hiện tại nhờ vào sự trong sạch do điều đã được cảm giác.

Lợi ích ở đời vị lai nhờ vào sự trong sạch do điều đã được cảm giác là lợi ích nào? [Là người có sự mong đợi kết quả ở vị lai rằng:] "Quan điểm này đủ để đưa đến bản thể loài rồng,… (nt)…" Điều này là lợi ích ở đời vị lai nhờ vào sự trong sạch do điều đã được cảm giác. Cũng nhờ vào sự trong sạch do điều đã được cảm giác, [người ấy] nhìn thấy, nhận thấy, quan sát, suy xét, khảo sát hai sự lợi ích này.

"[Người ấy] nhìn thấy điều nào có lợi ích cho bản thân ở điều đã được thấy, ở điều đã được nghe, ở giới và phận sự, hoặc ở điều đã được cảm giác" là như thế.

Người ấy sau khi nắm bắt chính cái ấy ở điều ấy.

Chính cái ấy: Là việc đi đến tà kiến ấy.

Ở điều ấy: Là ở quan điểm của mình, ở sự chấp nhận của mình, ở sự ưa thích của mình, ở quan niệm của mình.

Sau khi nắm bắt: Sau khi chấp nhận, sau khi tiếp thu, sau khi nắm lấy, sau khi bám víu, sau khi chấp chặt rằng: "Điều này là tối thắng, cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý."

"Người ấy sau khi nắm bắt chính cái ấy ở điều ấy" là như thế.

Nhìn thấy mọi điều khác đều là hèn kém: Là nhìn xem, nhìn thấy, nhận thấy, quan sát, suy xét, khảo sát bậc Đạo sư, giáo lý, tập thể, quan điểm, lối thực hành, đạo lộ khác đều là thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi.

"Nhìn thấy mọi điều khác đều là hèn kém" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"[Người ấy] nhìn thấy điều nào có lợi ích cho bản thân ở điều đã được thấy, ở điều đã được nghe, ở giới và phận sự, hoặc ở điều đã được cảm giác, sau khi nắm bắt chính cái ấy ở điều ấy; người ấy nhìn thấy mọi điều khác đều là hèn kém."

5.3. *Hơn nữa, các bậc thiện xảo gọi điều ấy là sự trói buộc, người nương tựa vào điều ấy nhìn thấy điều khác là thấp hèn. Chính vì thế, vị Tỳ-khưu không nên nương tựa vào điều đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, hoặc vào giới và phận sự.*

Hơn nữa, các bậc thiện xảo gọi điều ấy là sự trói buộc.

Các bậc thiện xảo: Các bậc thiện xảo về uẩn, thiện xảo về giới, thiện xảo về xứ, thiện xảo về tùy thuận sanh khởi, thiện xảo về việc thiết lập niệm, thiện xảo về chánh cần, thiện xảo về nền tảng của thần thông, thiện xảo về quyền, thiện xảo về lực, thiện xảo về yếu tố đưa đến giác ngộ, thiện xảo về Đạo, thiện xảo về Quả, thiện xảo về Niết-bàn; các bậc thiện xảo ấy nói như vầy: "Điều này là sự trói buộc, điều này là sự vướng mắc, điều này là sự cột trói, điều này là sự vướng bận"; các vị nói như vậy, thuyết như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy.

"Hơn nữa, các bậc thiện xảo gọi điều ấy là sự trói buộc" là như thế.

Người nương tựa vào điều ấy nhìn thấy điều khác là thấp hèn.

Nương tựa vào điều ấy: Là nương tựa, nương tựa vào, bám vào, đến gần, bám chặt, hướng đến bậc Đạo sư, giáo lý, tập thể, quan điểm, lối thực hành, đạo lộ ấy.

Nhìn thấy điều khác là thấp hèn: Là nhìn xem, nhìn thấy, nhận thấy, quan sát, suy xét, nhận xét, khảo sát bậc Đạo sư, giáo lý, tập thể, quan điểm, lối thực hành, đạo lộ khác là thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi.

"Người nương tựa vào điều ấy nhìn thấy điều khác là thấp hèn" là như thế.

Chính vì thế, vị Tỳ-khưu không nên nương tựa vào điều đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, hoặc vào giới và phận sự.

Vì thế: Là do điều ấy, bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy, không nên nương tựa, không nên nắm lấy, không nên bám víu, không nên chấp chặt vào điều đã được thấy hoặc sự trong sạch do điều đã được thấy, vào điều đã được nghe hoặc sự trong sạch do điều đã được nghe, vào điều

đã được cảm giác hoặc sự trong sạch do điều đã được cảm giác, vào giới hoặc sự trong sạch do giới, vào phận sự hoặc sự trong sạch do phận sự.

"Chính vì thế, vị Tỳ-khưu không nên nương tựa vào điều đã được thấy, vào điều đã được nghe, vào điều đã được cảm giác, hoặc vào giới và phận sự" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"*Hơn nữa, các bậc thiện xảo gọi điều ấy là sự trói buộc, người nương tựa vào điều ấy nhìn thấy điều khác là thấp hèn. Chính vì thế, vị Tỳ-khưu không nên nương tựa vào điều đã được thấy, vào điều đã được nghe, vào điều đã được cảm giác, hoặc vào giới và phận sự.*"

5.4. *Cũng không nên hình thành quan điểm [nào nữa] ở thế gian dựa vào trí [chứng đắc] hoặc dựa vào giới và phận sự.*
Không nên tự nhủ bản thân là "ngang bằng",
Không nên nghĩ mình là thấp hèn hoặc là có sự đặc biệt.

Cũng không nên hình thành quan điểm [nào nữa] ở thế gian dựa vào trí [chứng đắc] hoặc dựa vào giới và phận sự: Không nên hình thành, không nên làm sanh ra, không nên làm sanh khởi, không nên làm hạ sanh, không nên làm phát sanh ra quan điểm [nào nữa] dựa vào trí của tám sự chứng đạt [về thiền], hoặc dựa vào trí của năm thắng trí, hoặc dựa vào trí sái quấy, hoặc dựa vào giới, hoặc dựa vào phận sự, hoặc dựa vào giới và phận sự.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh,... (nt)... ở thế gian của các xứ.

"Cũng không nên hình thành quan điểm [nào nữa] ở thế gian dựa vào trí [chứng đắc] hoặc dựa vào giới và phận sự" là như thế.

Không nên tự nhủ bản thân là "ngang bằng." Không nên tự nhủ bản thân rằng: "Ta là ngang bằng" dựa vào sự xuất thân, dựa vào dòng dõi, dựa vào con nhà gia thế, dựa vào vẻ đẹp của làn da, dựa vào tài sản, dựa vào học vấn, dựa vào công việc, dựa vào tài nghệ, dựa vào kiến thức, dựa vào sự học hỏi, dựa vào tài biện giải, hoặc dựa vào sự việc này khác.

"Không nên tự nhủ bản thân là 'ngang bằng'" là như thế.

Không nên nghĩ mình là thấp hèn hoặc là có sự đặc biệt. Không nên tự nhủ bản thân rằng: "Ta là thua kém" dựa vào sự xuất thân, dựa vào dòng dõi,... (nt)... hoặc dựa vào sự việc này khác. Không nên tự nhủ bản thân rằng: "Ta là tốt hơn" dựa vào sự xuất thân, dựa vào dòng dõi,... (nt)... hoặc dựa vào sự việc này khác.

"Không nên nghĩ mình là thấp hèn hoặc là có sự đặc biệt" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Cũng không nên hình thành quan điểm [nào nữa] ở thế gian dựa vào trí [chứng đắc] hoặc dựa vào giới và phận sự.

Không nên tự nhủ bản thân là 'ngang bằng',
Không nên nghĩ mình là thấp hèn hoặc là có sự đặc biệt."

5.5. *Sau khi dứt bỏ điều đã nắm giữ, không còn chấp thủ,*
Vị ấy không tạo lập sự nương tựa dầu là ở trí.
Quả vậy, giữa những người đã bị phân ly, vị ấy không theo phe nhóm,
Vị ấy không quay trở lại bất cứ tà kiến nào nữa.

Sau khi dứt bỏ điều đã nắm giữ, không còn chấp thủ.

Sau khi dứt bỏ điều đã nắm giữ: Sau khi dứt bỏ tà kiến đã nắm giữ. Sau khi dứt bỏ điều đã nắm giữ là sau khi dứt bỏ sự nắm lấy đã nắm giữ. Sau khi dứt bỏ điều đã nắm giữ là sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu điều đã bị nắm lấy, đã bị bám víu, đã bị chấp chặt, đã bị bám chặt, đã bị hướng đến do tác động của tham ái, do tác động của tà kiến. "Sau khi dứt bỏ điều đã nắm giữ" là như thế.

Không còn chấp thủ: Trong khi không còn chấp thủ, không còn nắm lấy, không còn bám víu, không còn chấp chặt vào bốn điều chấp thủ.

"Sau khi dứt bỏ điều đã nắm giữ, không còn chấp thủ" là như thế.

Vị ấy không tạo lập sự nương tựa dầu là ở trí: Là không tạo lập, không làm sanh ra, không làm sanh khởi, không làm hạ sanh, không làm phát sanh ra sự nương tựa vào tham ái hoặc sự nương tựa vào tà kiến dựa vào trí của tám sự chứng đạt [về thiền], hoặc dựa vào trí của năm thắng trí, hoặc dựa vào trí sái quấy.

"Vị ấy không tạo lập sự nương tựa dầu là ở trí" là như thế.

Quả vậy, giữa những người đã bị phân ly, vị ấy không theo phe nhóm: Quả vậy, giữa những người đã bị phân ly, đã bị chia rẽ, đã bị phân thành hai, đã bị sanh làm hai, có quan điểm khác biệt, có sự chấp nhận khác biệt, có sự ưa thích khác biệt, có quan niệm khác biệt, đã nương tựa vào những quan điểm khác biệt; giữa những người đi đến sự thiên vị vì mong muốn, đi đến sự thiên vị vì sân hận, đi đến sự thiên vị vì si mê, đi đến sự thiên vị vì sợ hãi, vị ấy không đi đến sự thiên vị vì mong muốn, không đi đến sự thiên vị vì sân hận, không đi đến sự thiên vị vì si mê, không đi đến sự thiên vị vì sợ hãi; không đi đến do tác động của luyến ái, không đi đến do tác động của sân hận, không đi đến do tác động của si mê, không đi đến do tác động của ngã mạn, không đi đến do tác động của tà kiến, không đi đến do tác động của phóng dật, không đi đến do tác động của hoài nghi, không đi đến do tác động của pháp tiềm ẩn, không bị đưa đi, không bị dẫn đi, không bị lôi đi, không bị mang đi bởi các pháp có tính chất phe nhóm.

"Quả vậy, giữa những người đã bị phân ly, vị ấy không theo phe nhóm" là như thế.

Vị ấy không quay trở lại bất cứ tà kiến nào nữa: Đối với vị ấy, sáu mươi hai tà kiến là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được

tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ. Vị ấy không quay trở lại, không quay về lại bất cứ tà kiến nào nữa.

"Vị ấy không quay trở lại bất cứ tà kiến nào nữa" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Sau khi dứt bỏ điều đã nắm giữ, không còn chấp thủ, Vị ấy không tạo lập sự nương tựa dầu là ở trí.

Quả vậy, giữa những người đã bị phân ly, vị ấy không theo phe nhóm,
Vị ấy không quay trở lại bất cứ tà kiến nào nữa."

5.6. *Đối với vị nào, ở đây, không có nguyện vọng về cả hai thái cực, về hữu và phi hữu, về đời này hay đời khác,*
Đối với vị ấy, không có bất cứ các sự chấp chặt nào
Sau khi suy xét về điều đã được nắm bắt trong số các pháp [tà kiến].

Đối với vị nào, ở đây, không có nguyện vọng về cả hai thái cực, về hữu và phi hữu, về đời này hay đời khác.

Đối với vị nào: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Thái cực: Xúc là một thái cực, nhân sanh ra xúc là thái cực thứ hai. Quá khứ là một thái cực, vị lai là thái cực thứ hai. Cảm thọ lạc là một thái cực, cảm thọ khổ là thái cực thứ hai. Danh là một thái cực, sắc là thái cực thứ hai. Sáu nội xứ là một thái cực, sáu ngoại xứ là thái cực thứ hai. Sự chấp thân này là một thái cực, nhân sanh ra sự chấp thân này là thái cực thứ hai.

Nguyện vọng: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Về hữu và phi hữu: Về dục giới, sắc giới, vô sắc giới, về sự hiện hữu của nghiệp, về sự hiện hữu lần nữa; về sự hiện hữu của nghiệp là dục giới, về sự hiện hữu lần nữa là dục giới, về sự hiện hữu của nghiệp là sắc giới, về sự hiện hữu lần nữa là sắc giới, về sự hiện hữu của nghiệp là vô sắc giới, về sự hiện hữu lần nữa là vô sắc giới; về sự hiện hữu được lặp đi lặp lại, về cảnh giới tái sanh được lặp đi lặp lại, về sự tiếp nối tái sanh được lặp đi lặp lại, về sự sanh ra của bản ngã được lặp đi lặp lại.

Đời này: Là bản ngã của bản thân. **Đời khác:** Là bản ngã của người khác. Đời này là sắc-thọ-tưởng-hành-thức của bản thân; đời khác là sắc-thọ-tưởng-hành-thức của người khác. Đời này là sáu nội xứ; đời khác là sáu ngoại xứ. Đời này là thế giới loài người; đời khác là thế giới chư thiên. Đời này là dục giới; đời khác là sắc giới, vô sắc giới. Đời này là dục giới, sắc giới; đời khác là vô sắc giới.

Đối với vị nào, ở đây, không có nguyện vọng về cả hai thái cực, về hữu và phi hữu, về đời này hay đời khác: Đối với vị nào, nguyện vọng, tham ái về cả hai thái cực, về hữu và phi hữu, về đời này và đời khác là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã

được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

"Đối với vị nào, ở đây, không có nguyện vọng về cả hai thái cực, về hữu và phi hữu, về đời này hay đời khác" là như thế.

Đối với vị ấy, không có bất cứ các sự chấp chặt nào.

Các sự chấp chặt: Có hai sự chấp chặt: Sự chấp chặt do tham ái và sự chấp chặt do tà kiến. ... (nt)... điều này là sự chấp chặt do tham ái. ... (nt)... điều này là sự chấp chặt do tà kiến.

Đối với vị ấy: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Đối với vị ấy, không có bất cứ các sự chấp chặt nào: Đối với vị ấy, bất cứ các sự chấp chặt nào là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

"Đối với vị ấy, không có bất cứ các sự chấp chặt nào" là như thế.

Sau khi suy xét về điều đã được nắm bắt trong số các pháp.

Trong số các pháp: Là trong số sáu mươi hai tà kiến.

Sau khi suy xét: Sau khi đã suy xét, sau khi đã suy gẫm, sau khi đã suy nghiệm, sau khi đã cân nhắc, sau khi đã xác định, sau khi đã minh định, sau khi đã làm rõ rệt.

Điều đã được nắm bắt: Là sự nắm lấy có giới hạn, sự nắm lấy từng phần, sự nắm lấy phần quan trọng nhất, sự nắm lấy một khối, sự nắm lấy theo số lượng, sự nắm lấy tổng thể rằng: "Điều này là sự thật, là đúng đắn, là thực thể, là đang xảy ra, là xác đáng, là không bị sai lệch"; điều đã được nắm lấy, đã được bám víu, đã được chấp chặt, đã được bám chặt, đã được hướng đến như thế là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

"Sau khi suy xét về điều đã được nắm bắt trong số các pháp" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Đối với vị nào, ở đây, không có nguyện vọng về cả hai thái cực, về hữu và phi hữu, về đời này hay đời khác,
Đối với vị ấy, không có bất cứ các sự chấp chặt nào
Sau khi suy xét về điều đã được nắm bắt trong số các pháp [tà kiến]."

5.7. *Tưởng được xếp đặt liên quan đến điều đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác ở nơi đây, dầu là nhỏ nhoi, cũng không có đối với vị ấy; vị Bà-la-môn ấy không nắm giữ tà kiến, bởi điều gì có thể sắp xếp vị ấy ở thế gian này đây?*

Tưởng được xếp đặt liên quan đến điều đã được thấy, đã được nghe,

hoặc đã được cảm giác ở nơi đây, dầu là nhỏ nhoi, cũng không có đối với vị ấy.

Đối với vị ấy: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt. Đối với vị ấy, tà kiến liên quan đến điều đã được thấy hoặc sự trong sạch do điều đã được thấy, liên quan đến điều đã được nghe hoặc sự trong sạch do điều đã được nghe, liên quan đến điều đã được cảm giác hoặc sự trong sạch do điều đã được cảm giác, có sự dẫn đầu của tưởng, có sự sắp xếp của tưởng, đã được lập nên, đã được thiết lập, đã được sắp đặt, đã được xếp đặt, đã được tạo tác, đã được tác thành, đã được thành lập do tưởng, do sự chiếm lấy của tưởng; [tà kiến ấy] là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

"Tưởng được xếp đặt liên quan đến điều đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác ở nơi đây, dầu là nhỏ nhoi, cũng không có đối với vị ấy" là như thế.

Vị Bà-la-môn ấy không nắm giữ tà kiến.

Bà-la-môn: Bà-la-môn do trạng thái đã loại trừ bảy pháp: Sự nhận thức sai trái về thân được loại trừ,… (nt)... Không nương nhờ, tự tại; vị ấy được gọi là Bà-la-môn.

Vị Bà-la-môn ấy không nắm giữ tà kiến: Vị Bà-la-môn ấy trong khi không nắm giữ, trong khi không nắm lấy, trong khi không bám víu, trong khi không chấp chặt tà kiến.

"Vị Bà-la-môn ấy không nắm giữ tà kiến" là như thế.

Bởi điều gì có thể sắp xếp vị ấy ở thế gian này đây.

Sắp đặt: Có hai sự sắp đặt: Sự sắp đặt do tham ái và sự sắp đặt do tà kiến. ... (nt)… điều này là sự sắp đặt do tham ái. ... (nt)… điều này là sự sắp đặt do tà kiến. Đối với vị ấy, sự sắp đặt do tham ái đã được dứt bỏ, sự sắp đặt do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự sắp đặt do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự sắp đặt do tà kiến, thì có thể sắp đặt bởi luyến ái gì, có thể sắp đặt bởi sân hận gì, có thể sắp đặt bởi si mê gì, có thể sắp đặt bởi ngã mạn gì, có thể sắp đặt bởi tà kiến gì, có thể sắp đặt bởi phóng dật gì, có thể sắp đặt bởi hoài nghi gì, có thể sắp đặt bởi các pháp tiềm ẩn gì [nghĩ rằng]: "[Vị này là] 'kẻ bị luyến ái', hoặc là 'kẻ bị sân hận', hoặc là 'kẻ bị si mê', hoặc là 'kẻ bị trói buộc', hoặc là 'kẻ bị bám víu', hoặc là 'kẻ bị tán loạn', hoặc là 'kẻ không dứt khoát', hoặc là 'kẻ cứng cỏi'"? [Đối với vị ấy], các pháp tạo tác ấy là đã được dứt bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với các pháp tạo tác, thì bởi điều gì có thể sắp đặt về cảnh giới tái sanh [của vị ấy rằng]: "[Vị này sẽ trở thành] 'người địa ngục', hoặc là 'loài thú', hoặc là 'thân phận ngạ quỷ', hoặc là 'loài người', hoặc là 'thiên nhân', hoặc là 'người hữu sắc', hoặc là 'người vô sắc', hoặc là 'người hữu tưởng', hoặc là 'người vô tưởng', hoặc là

'người phi tưởng phi phi tưởng'"? Không có nhân, không có duyên, không có lý do, mà bởi điều ấy có thể sắp đặt, có thể sắp xếp, có thể đạt đến việc sắp xếp.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ.

"Bởi điều gì có thể sắp xếp vị ấy ở thế gian này đây" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Tưởng được xếp đặt liên quan đến điều đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác ở nơi đây, dầu là nhỏ nhoi, cũng không có đối với vị ấy; vị Bà-la-môn ấy không nắm giữ tà kiến, bởi điều gì có thể sắp xếp vị ấy ở thế gian này đây?"

5.8. *[Các bậc A-la-hán] không sắp đặt, không chú trọng*
Luôn cả các pháp [tà kiến] đối với các vị ấy đều không được chấp nhận.
Vị Bà-la-môn không bị dẫn dắt đi bởi giới và phận sự,
Là bậc Tự tại, đã đi đến bờ kia, không quay trở lại.

[Các bậc A-la-hán] không sắp đặt, không chú trọng.

Sắp đặt: Có hai sự sắp đặt: Sự sắp đặt do tham ái và sự sắp đặt do tà kiến.

Điều nào là sự sắp đặt do tham ái? Cho đến vật đã được tạo lập ranh giới, đã được tạo lập biên giới, đã được tạo lập giới hạn, đã được tạo lập hạn định, đã thuộc sở hữu, đã chấp là của ta bởi cái gọi là tham ái rằng: Cái này là của tôi, cái ấy là của tôi, chừng này là của tôi, cho đến chừng này là của tôi; các sắc, các thinh, các hương, các vị, các xúc, các vật trải, các vật đắp, các tôi trai, tớ gái, các con dê, cừu, các con gà, heo, voi, bò, ngựa, lừa, ruộng, đất, vàng, bạc, làng mạc, thị trấn, kinh thành, quốc độ, xứ sở, khu trại, nhà kho của tôi, và luôn cả toàn thể đại địa cầu, đều được chấp là của ta do tác động của tham ái, được giải rộng ra cho đến một trăm lẻ tám ái; điều này là sự sắp đặt do tham ái.

Điều nào là sự sắp đặt do tà kiến? Thân kiến có hai mươi nền tảng, tà kiến có mười nền tảng, hữu biên kiến có mười nền tảng, quan điểm nào có hình thức như vậy là sự đi đến tà kiến, có sự nắm giữ của tà kiến, có sự hiểm trở của tà kiến, có sự bóp méo của tà kiến, có sự xáo động của tà kiến, có sự ràng buộc của tà kiến, là sự nắm lấy, sự chấp nhận, sự chấp chặt, sự bám víu, con đường xấu, con đường sai trái, bản thể sai trái, ngoại giáo, sự nắm lấy đường lối trái nghịch, sự nắm lấy điều sai lệch, sự nắm lấy điều trái khuấy, sự nắm lấy điều sai trái, sự nắm lấy điều không xác đáng cho là xác đáng, cho đến sáu mươi hai tà kiến; điều này là sự sắp đặt do tà kiến.

Đối với các vị ấy, sự sắp đặt do tham ái đã được dứt bỏ, sự sắp đặt do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự sắp đặt do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự sắp đặt do tà kiến, các vị ấy không sắp đặt, không làm sanh ra, không làm sanh khởi, không làm hạ sanh, không

làm phát sanh ra sự sắp đặt do tham ái hoặc sự sắp đặt do tà kiến. "Không sắp đặt" là như thế.

Không chú trọng.

Chú trọng: Có hai sự chú trọng: Chú trọng do tham ái và chú trọng do tà kiến. ... (nt)… điều này là chú trọng do tham ái. ... (nt)… điều này là chú trọng do tà kiến. Đối với các vị ấy, sự chú trọng do tham ái đã được dứt bỏ, sự chú trọng do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự chú trọng do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự chú trọng do tà kiến; các vị sống, chú trọng không phải là tham ái hoặc không phải là tà kiến; không có tham ái là ngọn cờ, không có tham ái là biểu hiện, không có tham ái là chủ đạo, không có tà kiến là ngọn cờ, không có tà kiến là biểu hiện, không có tà kiến là chủ đạo; các vị sống, được vây quanh không bởi tham ái hoặc không bởi tà kiến.

"Không sắp đặt, không chú trọng" là như thế.

Luôn cả các pháp [tà kiến] đối với các vị ấy đều không được chấp nhận.

Các pháp: Nói đến sáu mươi hai tà kiến.

Đối với các vị ấy: Đối với các vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt ấy.

Không được chấp nhận: "Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại" là không được chấp nhận. "Thế giới là không thường còn, thế giới là có giới hạn, thế giới là không có giới hạn, mạng sống và thân thể là một, mạng sống và thân thể là khác, chúng sanh hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh hiện hữu và không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại" là không được chấp nhận.

"Luôn cả các pháp [tà kiến] đối với các vị ấy đều không được chấp nhận" là như thế.

Vị Bà-la-môn không bị dẫn dắt đi bởi giới và phận sự.

Không: Là sự phủ định.

Bà-la-môn: Bà-la-môn do trạng thái đã loại trừ bảy pháp: ... (nt)… Không nương nhờ, tự tại, vị ấy được gọi là Bà-la-môn.

Vị Bà-la-môn không bị dẫn dắt đi bởi giới và phận sự: Vị Bà-la-môn không bị đưa đi, không bị dẫn đi, không bị lôi đi, không bị mang đi bởi giới, hoặc bởi phận sự, hoặc bởi giới và phận sự.

"Vị Bà-la-môn không bị dẫn dắt đi bởi giới và phận sự" là như thế.

Là bậc Tự tại, đã đi đến bờ kia, không quay trở lại.

Bờ kia: Nói đến bất tử, Niết-bàn, là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Vị ấy đã đi đến bờ kia, đã đạt đến bờ kia, đã đi đến điểm

cuối, đã đạt đến điểm cuối, đã đi đến đỉnh, đã đạt đến đỉnh [có sự giảng rộng], việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vị ấy. "Đã đi đến bờ kia" là như thế.

Không quay trở lại: Các ô nhiễm nào được dứt bỏ do đạo Nhập lưu, vị ấy không đi đến nữa, không quay trở lại, không quay về lại các ô nhiễm ấy. Các ô nhiễm nào được dứt bỏ do đạo Nhất lai, vị ấy không đi đến nữa, không quay trở lại, không quay về lại các ô nhiễm ấy. Các ô nhiễm nào được dứt bỏ do đạo Bất lai, vị ấy không đi đến nữa, không quay trở lại, không quay về lại các ô nhiễm ấy. Các ô nhiễm nào được dứt bỏ do đạo A-la-hán, vị ấy không đi đến nữa, không quay trở lại, không quay về lại các ô nhiễm ấy. "Đã đi đến bờ kia, không quay trở lại" là như thế.

Bậc Tự tại: Bậc A-la-hán tự tại với năm biểu hiện: Tự tại về đối tượng ước muốn và không ước muốn, tự tại với ý nghĩa "đã từ bỏ", tự tại với ý nghĩa "đã vượt qua", tự tại với ý nghĩa "đã giải thoát", tự tại với việc diễn giải điều ấy.

Bậc A-la-hán tự tại về đối tượng ước muốn và không ước muốn nghĩa là thế nào? Bậc A-la-hán là tự tại về lợi lộc, tự tại về không lợi lộc, tự tại về danh vọng, tự tại về không danh vọng, tự tại về lời khen, tự tại về lời chê, tự tại về hạnh phúc, tự tại về khổ đau; nếu người ta thoa một cánh tay với dầu thơm, nếu người ta đẽo một cánh tay với cái rìu, thì không có sự luyến ái về việc ấy, không có sự bất bình về việc ấy; vị đã lìa bỏ sự ưa chuộng và bất bình, đã vượt qua khỏi sự hưng phấn và chán nản, đã vượt qua hẳn sự chiều chuộng và chống đối; bậc A-la-hán tự tại về đối tượng ước muốn và không ước muốn nghĩa là như vậy.

Bậc A-la-hán tự tại với ý nghĩa "đã từ bỏ" nghĩa là thế nào? Đối với bậc A-la-hán, sự luyến ái đã được từ bỏ, đã được tẩy trừ, đã được giải thoát, đã được dứt bỏ, đã được buông bỏ; sự sân hận, si mê, giận dữ, thù hằn, gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bỏn xẻn, xảo trá, lừa gạt, bướng bỉnh, hung hăng, ngã mạn, cao ngạo, đam mê, xao lãng, tất cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bực bội, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bất thiện đã được từ bỏ, đã được tẩy trừ, đã được giải thoát, đã được dứt bỏ, đã được buông bỏ; bậc A-la-hán tự tại với ý nghĩa "đã từ bỏ" nghĩa là như vậy.

Bậc A-la-hán tự tại với ý nghĩa "đã vượt qua" nghĩa là thế nào? Bậc A-la-hán đã vượt qua dòng lũ [ngũ] dục, đã vượt qua dòng lũ của hữu, đã vượt qua dòng lũ tà kiến, đã vượt qua dòng lũ vô minh, đã vượt qua mọi nẻo đường luân hồi, đã vượt lên, đã vượt ra khỏi, đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi. Vị ấy đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành, việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vị ấy; bậc A-la-hán tự tại với ý nghĩa "đã vượt qua" nghĩa là như vậy.

Bậc A-la-hán tự tại với ý nghĩa "đã giải thoát" nghĩa là thế nào? Đối với bậc A-la-hán, tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi sự luyến ái; tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi sự sân

hận; tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi sự si mê; tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi sự giận dữ, thù hằn, gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bỏn xẻn, xảo trá, lừa gạt, bướng bỉnh, hung hăng, ngã mạn, cao ngạo, đam mê, xao lãng, tất cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bực bội, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bất thiện; bậc A-la-hán tự tại với ý nghĩa "đã giải thoát" nghĩa là như vậy.

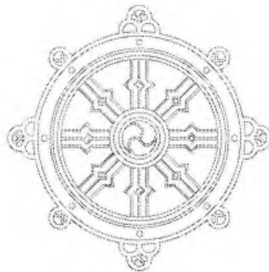
Bậc A-la-hán tự tại với việc diễn giải điều ấy nghĩa là thế nào? Bậc A-la-hán, khi giới hiện diện, tự tại với việc diễn giải điều ấy rằng: "Ta có giới"; khi tín hiện diện, tự tại với việc diễn giải điều ấy rằng: "Ta có tín"; khi tấn hiện diện, tự tại với việc diễn giải điều ấy rằng: "Ta có tấn"; khi niệm hiện diện, tự tại với việc diễn giải điều ấy rằng: "Ta có niệm"; khi định hiện diện, tự tại với việc diễn giải điều ấy rằng: "Ta được định tĩnh"; khi tuệ hiện diện, tự tại với việc diễn giải điều ấy rằng: "Ta có tuệ"; khi minh hiện diện, tự tại với việc diễn giải điều ấy rằng: "Ta có ba minh"; khi thắng trí hiện diện, tự tại với việc diễn giải điều ấy rằng: "Ta có sáu thắng trí"; bậc A-la-hán tự tại với việc diễn giải điều ấy nghĩa là như vậy.

"Là bậc Tự tại, đã đi đến bờ kia, không quay trở lại" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"[Các bậc A-la-hán] không sắp đặt, không chú trọng
Luôn cả các pháp [tà kiến] đối với các vị ấy đều không được chấp nhận.
Vị Bà-la-môn không bị dẫn dắt đi bởi giới và phận sự,
Là bậc Tự tại, đã đi đến bờ kia, không quay trở lại."

"Diễn giải kinh nhóm tám về tối thắng" - Phần thứ năm.



6. DIỄN GIẢI KINH VỀ SỰ GIÀ
(*JARĀSUTTANIDDESO*)

Giờ phần "Diễn giải kinh về sự già" được nói đến:

6.1. *Quả thật, mạng sống này là ngắn ngủi,*
Thậm chí kém hơn trăm tuổi cũng chết rồi.
Nếu người nào vượt qua [hạn tuổi ấy] vẫn còn sống,
Người ấy rồi cũng chết vì già.

Quả thật, mạng sống này là ngắn ngủi.

Mạng sống: Là tuổi thọ, sự tồn tại, sự di chuyển, sự làm cho di chuyển, sự thay đổi oai nghi, sự vận hành, sự hộ trì, mạng sống, mạng quyền. Và hơn nữa, mạng sống là ngắn ngủi, mạng sống là chút ít bởi hai lý do: Mạng sống là ngắn ngủi vì tính chất nhỏ nhoi của sự tồn tại, hoặc mạng sống là ngắn ngủi vì tính chất nhỏ nhoi của phẩm chất.

Mạng sống là ngắn ngủi vì tính chất nhỏ nhoi của sự tồn tại nghĩa là thế nào? Đã sống ở sát-na tâm quá khứ thì không sống [ở hiện tại], sẽ không sống [ở vị lai]; sẽ sống ở sát-na tâm vị lai thì không sống [ở hiện tại], đã không sống [ở quá khứ]; đang sống ở sát-na tâm hiện tại thì đã không sống [ở quá khứ], sẽ không sống [ở vị lai].

1. *"Mạng sống, bản ngã, toàn bộ hạnh phúc và khổ đau được gắn liền với một [sát-na] tâm; và sát-na [tâm] trôi qua một cách nhanh chóng.*[1]

2. *Ngay cả những vị thiên nhân tồn tại tám mươi bốn ngàn kiếp cũng không có trường hợp các vị ấy sinh tồn với hai tâm đã được kết hợp chung lại [trong cùng một sát-na].*

3. *Các uẩn nào của người đang chết, hoặc đang tồn tại ở thế gian này, mà đã bị diệt tận, hết thảy tất cả các uẩn ấy là tương tự nhau, chúng đã ra đi, không tiếp nối sanh lên nữa.*

4. *Và các uẩn đã bị tan rã liền trước đó, các uẩn sẽ bị tan rã ở tương lai, đối với các uẩn [đang] bị diệt tận vào khoảng giữa của chúng [ở hiện tại], không có trạng thái khác nhau về tướng trạng.*

5. *Với uẩn chưa hạ sanh thì chưa được sanh ra, con người sống với uẩn hiện tại, thân này bị chết đi do sự tan rã của tâm thức, [đây là] định luật theo ý nghĩa tuyệt đối.*

[1] Một số trong các câu kệ ở đây được ghi nghĩa Việt dựa theo *Chú giải*. (ND)

6. *Nước di chuyển đến các chỗ thấp như thế nào, thì con người bị thay đổi vì sự mong muốn như thế ấy. Các dòng chảy không bị đứt đoạn [của tâm] vận hành do duyên của sáu xứ.*

7. *Các uẩn không đi đến việc tồn trữ, chúng bị tan rã. Không có sự tích lũy của các uẩn ở tương lai. Chúng tồn tại chỉ trong khi vừa được sanh lên, tương tự như hạt cải ở đầu mũi kim.*

8. *Và đối với các pháp đã được sanh lên, sự tan rã của chúng là ở phía trước. Các uẩn có trạng thái tiêu hoại, chúng tồn tại không bị trộn lẫn với các uẩn trước đó.*

9. *Chúng đi đến không được nhìn thấy; bị tan rã, chúng ra đi không được nhìn thấy. Chúng sanh lên và diệt đi tựa như sự xuất hiện của tia chớp ở không trung."* Mạng sống là ngắn ngủi vì tính chất nhỏ nhoi của sự tồn tại nghĩa là như vậy.

Mạng sống là ngắn ngủi vì tính chất nhỏ nhoi của phẩm chất nghĩa là thế nào? Mạng sống được gắn liền với hơi thở ra, mạng sống được gắn liền với hơi thở vào, mạng sống được gắn liền với hơi thở ra và hơi thở vào, mạng sống được gắn liền với bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió], mạng sống được gắn liền với vật thực ăn uống, mạng sống được gắn liền với hơi nóng, mạng sống được gắn liền với thức. Nguồn gốc của các pháp này là yếu ớt, nhân quá khứ của các pháp này cũng là yếu ớt, các pháp nào là duyên các pháp ấy cũng là yếu ớt, pháp nào là nguồn sanh khởi pháp ấy cũng là yếu ớt, các pháp cùng hiện hữu của các pháp này cũng là yếu ớt, các pháp kết hợp với các pháp này cũng là yếu ớt, các pháp đồng sanh của các pháp này cũng là yếu ớt, pháp nào chỉ huy thì pháp ấy cũng là yếu ớt, các pháp này luôn yếu ớt giống như nhau, các pháp này không trụ lại cùng với nhau, các pháp này tiêu hoại giống như nhau, không có sự bảo vệ giữa chúng với nhau, các pháp này cũng không củng cố lẫn nhau. Pháp nào sản sinh ra [pháp khác] thì nó không còn hiện hữu.

10. *"Và không có cái nào bị loại trừ bởi cái nào, bởi vì toàn bộ những cái này đều đạt đến sự tan rã. Do những cái trước mà những cái này được tạo ra, những cái là nguồn phát sanh trước đó rồi cũng bị chết đi, thậm chí những cái trước và luôn cả những cái sau không bao giờ nhìn thấy lẫn nhau."* Mạng sống là ngắn ngủi vì tính chất nhỏ nhoi của phẩm chất nghĩa là như vậy.

Và hơn nữa, so sánh với mạng sống của chư thiên cõi Tứ Đại Thiên Vương thì loài người có mạng sống ngắn ngủi, có mạng sống nhỏ nhoi, có mạng sống chút ít, có mạng sống chớp nhoáng, có mạng sống mau lẹ, có mạng sống chóng qua, có mạng sống không lâu dài, có mạng sống không tồn lại lâu. So sánh với mạng sống của chư thiên cõi Đạo-lợi… (nt)… của chư thiên cõi Dạ-ma… (nt)… của chư thiên cõi Đẩu-suất… (nt)… của chư thiên cõi Hóa Lạc… (nt)… của chư thiên cõi Tha Hóa Tự Tại… (nt)… của chư thiên thuộc Phạm Chúng thiên thì loài người có mạng sống ngắn ngủi, có mạng sống nhỏ nhoi, có mạng

sống chút ít, có mạng sống chớp nhoáng, có mạng sống mau lẹ, có mạng sống chóng qua, có mạng sống không lâu dài, có mạng sống không tồn lại lâu. Và điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến:

"Này các Tỳ-khưu, tuổi thọ này của loài người là ngắn ngủi, kiếp sau rồi sẽ được đi đến, nên làm cho giác ngộ nhờ vào trí tuệ, nên làm việc thiện, nên thực hành Phạm hạnh, đã được sanh ra không có việc không chết. Này các Tỳ-khưu, người nào sống lâu, người ấy sống một trăm năm, ít hơn hoặc nhiều hơn.

11. *Tuổi thọ của loài người là ngắn ngủi, bậc thiện nhân nên xem thường nó, nên thực hành tựa như người có cái đầu đã bị cháy rực, việc không xảy đến cái chết là không có.*

12. *Ngày và đêm trôi qua, mạng sống bị hoại diệt, tuổi thọ của loài người bị cạn kiệt, tựa như nước của những con rạch nhỏ."*

"Quả thật, mạng sống này là ngắn ngủi" là như thế.

Thậm chí kém hơn trăm tuổi cũng chết rồi: Có người từ trần, chết đi, quá vãng, lìa đời ở giai đoạn thai một tuần tuổi; từ trần, chết đi, quá vãng, lìa đời ở giai đoạn thai hai tuần tuổi; từ trần, chết đi, quá vãng, lìa đời ở giai đoạn thai ba tuần tuổi; từ trần, chết đi, quá vãng, lìa đời ở giai đoạn thai bốn tuần tuổi; từ trần, chết đi, quá vãng, lìa đời ở giai đoạn thai hai tháng tuổi; từ trần, chết đi, quá vãng, lìa đời ngay khi vừa được sanh ra; từ trần, chết đi, quá vãng, lìa đời ở tại nhà bảo sanh; từ trần, chết đi, quá vãng, lìa đời lúc nửa tháng tuổi; từ trần, chết đi, quá vãng, lìa đời lúc một tháng tuổi; từ trần, chết đi, quá vãng, lìa đời lúc hai tháng tuổi, lúc ba tháng tuổi, lúc bốn tháng tuổi, lúc năm tháng tuổi; từ trần, chết đi, quá vãng, lìa đời lúc sáu tháng tuổi, lúc bảy tháng tuổi, lúc tám tháng tuổi, lúc chín tháng tuổi, lúc mười tháng tuổi, lúc tròn một năm; từ trần, chết đi, quá vãng, lìa đời lúc hai năm, lúc ba năm, lúc bốn năm, lúc năm năm, lúc sáu năm, lúc bảy năm, lúc tám năm, lúc chín năm, lúc mười năm, lúc hai mươi năm, lúc ba mươi năm, lúc bốn mươi năm, lúc năm mươi năm, lúc sáu mươi năm, lúc bảy mươi năm, lúc tám mươi năm, lúc chín mươi năm.

"Thậm chí kém hơn trăm tuổi cũng chết rồi" là như thế.

Nếu người nào vượt qua [hạn tuổi ấy] vẫn còn sống: Người nào còn sống sau khi vượt qua một trăm tuổi, người ấy hoặc là sống thêm một năm, hoặc sống thêm hai năm, hoặc sống thêm ba năm, hoặc sống thêm bốn năm, hoặc sống thêm năm năm, hoặc sống thêm mười năm, hoặc sống thêm hai mươi năm, hoặc sống thêm ba mươi năm, hoặc sống thêm bốn mươi năm.

"Nếu người nào vượt qua [hạn tuổi ấy] vẫn còn sống" là như thế.

Người ấy rồi cũng chết vì già: Vào lúc già yếu, lớn tuổi, trưởng thượng, đã trải qua cuộc đời, đã đạt đến tuổi thọ, răng rụng, tóc bạc, lưa thưa, đầu sói, nhăn nheo, thân thể điểm đồi mồi, lưng còng, lọm khọm, chống gậy; người ấy từ trần, chết đi, quá vãng, lìa đời cũng vì tuổi già, không có việc thoát khỏi sự chết.

13. *Giống như nỗi sợ hãi về sự rơi rụng vào buổi sáng của những trái cây đã chín, nỗi sợ hãi thường xuyên về sự chết của những con người đã được sanh ra là như vậy.*

14. *Cũng giống như bát đĩa bằng đất sét đã được làm ra bởi người thợ gốm, tất cả có sự bể vỡ là chặng cuối, mạng sống của loài người là như vậy.*

15. *Những ai ngu si và những ai sáng suốt, các trẻ con và những người lớn, tất cả đều sa vào quyền lực của thần chết, tất cả đều có sự chết là nơi cuối cùng.*

16. *"Đối với những người ấy, đã bị chế ngự bởi thần chết và đang đi đến thế giới khác, người cha không thể bảo vệ con trai, hoặc ngay cả thân nhân không thể bảo vệ các quyến thuộc.*

17. *Hãy xem, trong số các thân quyến thật sự đang nhìn, đang than khóc thê thảm, và từng người một trong số loài người bị đưa đi, ví như loài bò là để giết thịt; thế gian bị hành hạ như vậy bởi cái chết và sự già."*

"Người ấy rồi cũng chết vì già" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Quả thật, mạng sống này là ngắn ngủi,
Thậm chí kém hơn trăm tuổi cũng chết rồi.
Nếu người nào vượt qua [hạn tuổi ấy] vẫn còn sống,
Người ấy rồi cũng chết vì già."

6.2. *Loài người sầu muộn về vật đã được chấp là của ta,*
Bởi vì các sự sở hữu được trường tồn là không có,
Sự chia lìa này thật sự đang hiện diện,
Sau khi nhìn thấy như thế thì không nên sống đời tại gia.

Loài người sầu muộn về vật đã được chấp là của ta.

Loài người: Là các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, các thương buôn, các nô lệ, các người tại gia, các vị xuất gia, chư thiên và loài người.

Trạng thái chấp là của ta: Có hai trạng thái chấp là của ta: Trạng thái chấp là của ta do tham ái và trạng thái chấp là của ta do tà kiến. ... (nt)… điều này là trạng thái chấp là của ta do tham ái. ... (nt)… điều này là trạng thái chấp là của ta do tà kiến. Có sự lo âu về việc chiếm đoạt vật đã được chấp là của ta nên họ sầu muộn, trong khi đang bị chiếm đoạt họ cũng sầu muộn, khi đã bị chiếm đoạt họ cũng sầu muộn. Có sự lo âu về việc biến đổi của vật đã được chấp là của ta nên họ sầu muộn; trong khi vật đang biến đổi, họ cũng sầu muộn; khi vật đã bị biến đổi, họ cũng sầu muộn, mệt mỏi, than vãn, đấm ngực khóc lóc, đi đến sự mê muội.

"Loài người sầu muộn về vật đã được chấp là của ta" là như thế.

Bởi vì các sự sở hữu được trường tồn là không có.

Các sự sở hữu: Có hai sự sở hữu: Sự sở hữu do tham ái và sự sở hữu do tà

kiến. ... (nt)… điều này là sở hữu do tham ái. ... (nt)… điều này là sở hữu do tà kiến. Sự sở hữu do tham ái là không thường còn, bị tạo tác, được sanh lên thuận theo điều kiện, có sự hoại, có sự diệt, có sự suy giảm, có sự chấm dứt, có sự biến đổi. Sự sở hữu do tà kiến là không thường còn, bị tạo tác, được sanh lên thuận theo điều kiện, có sự hoại, có sự diệt, có sự suy giảm, có sự chấm dứt, có sự biến đổi.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

"Này các Tỳ-khưu, các ngươi có thấy sự sở hữu nào là thường còn, bền vững, trường tồn, không có sự biến đổi, sẽ tồn tại y như thế một cách vĩnh viễn?"

"Bạch Ngài, điều ấy không đúng."

"Này các Tỳ-khưu, tốt lắm! Này các Tỳ-khưu, Ta cũng không nhìn thấy sự sở hữu nào là thường còn, bền vững, trường tồn, không có sự biến đổi, sẽ tồn tại y như thế một cách vĩnh viễn."

Các sự sở hữu thường còn, bền vững, trường tồn, không có sự biến đổi là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại.

"Bởi vì các sự sở hữu được trường tồn là không có" là như thế.

Sự chia lìa này thật sự đang hiện diện: Trong khi bản tánh thay đổi, bản tánh chia lìa, bản tánh đổi khác đang hiện hữu, đang được tìm thấy, đang được tồn tại. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này Ānanda, thôi đi! Chớ sầu muộn, chớ than vãn. Này Ānanda, chẳng phải điều này đã được Ta nói ngay từ trước rằng: 'Với tất cả các vật đáng yêu đáng mến, thì đều có bản tánh thay đổi, bản tánh chia lìa, bản tánh đổi khác'? Này Ānanda, ở đây làm sao có thể đạt được sự kiện ấy? Là sự kiện vật được sanh ra, được hiện hữu, bị tạo tác, có pháp tiêu hoại, nhưng mà vật ấy chớ có tiêu hoại, sự kiện này không được biết đến." Do bản tánh biến hoại và đổi khác của các uẩn, của các giới, của các xứ ngay trước đây mà các uẩn, các giới và các xứ kế liền đó vận hành.

"Sự chia lìa này thật sự đang hiện diện" là như thế.

Sau khi nhìn thấy như thế thì không nên sống đời tại gia.

Như thế: Từ "*iti*" này gọi là sự nối liền các câu văn, sự kết hợp các câu văn, sự làm đầy đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuốt từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn.

Sau khi nhìn thấy như thế: Sau khi nhìn xem, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt về các trạng thái chấp là của ta. "Sau khi nhìn thấy như thế" là như thế.

Không nên sống đời tại gia: Sau khi cắt đứt mọi sự vướng bận của đời sống tại gia; sau khi cắt đứt sự vướng bận về vợ con; sau khi cắt đứt sự vướng bận về thân quyến; sau khi cắt đứt sự vướng bận về bạn bè và thân hữu; sau khi cắt đứt sự vướng bận về việc tích trữ; sau khi cạo bỏ râu tóc, khoác lên các tấm vải màu ca-sa, rời nhà xuất gia sống không nhà; sau khi đi đến trạng thái không

có gì, một mình sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng. "Không nên sống đời tại gia" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Loài người sầu muộn về vật đã được chấp là của ta,
Bởi vì các sự sở hữu được trường tồn là không có,
Sự chia lìa này thật sự đang hiện diện,
Sau khi nhìn thấy như thế thì không nên sống đời tại gia."

6.3. *Cái nào mà người suy nghĩ rằng: "Cái này là của tôi",*
Cái ấy bị dứt bỏ cũng bởi sự chết.
Sau khi nhìn thấy điều này, vị sáng suốt,
Là người [đệ tử] thành tín, không nên thiên về trạng thái chấp là của ta.

Cái ấy bị dứt bỏ cũng bởi sự chết.

Sự chết: Là sự quá vãng, trạng thái hủy diệt, sự tan rã, sự biến mất, sự tử vong, sự chết, sự qua đời, sự tan rã của các uẩn, sự quăng bỏ thân xác, sự bẻ gãy mạng quyền khỏi từng chủng loại này khác của các chúng sanh này khác.

Cái ấy: Liên quan đến sắc, liên quan đến thọ, liên quan đến tưởng, liên quan đến hành, liên quan đến thức.

Bị dứt bỏ: Bị dứt bỏ là bị từ bỏ, bị lìa bỏ, bị biến mất, bị tiêu hoại.

Bởi vì, điều này cũng đã được nói đến:

1. *Các của cải rời bỏ con người trước [của cải bị mất mát lúc còn sống],*
Hoặc con người lìa bỏ các của cải trước [chết không đem theo của cải].
Này kẻ mong muốn ngũ dục, các của cải không được trường tồn,
Vì thế, Ta không sầu muộn ở thời điểm của sầu muộn.

2. *Mặt trăng mọc lên, tròn dần rồi lại khuyết.*
Mặt trời sau khi lặn xuống thì biến mất.
Này Sattuka, các pháp thế gian đã được Ta nhận biết;
Vì thế, Ta không sầu muộn ở thời điểm của sầu muộn.[2]

"Cái ấy bị dứt bỏ cũng bởi sự chết" là như thế.

Cái nào mà người suy nghĩ rằng: "Cái này là của tôi."

Cái nào: Liên quan đến sắc, liên quan đến thọ, liên quan đến tưởng, liên quan đến hành, liên quan đến thức.

Người: Là sự ấn định, sự chỉ định, sự quy định, sự diễn tả, tên gọi, sự đặt tên, sự định danh, từ mô tả, tên hiệu, từ kêu gọi.

Suy nghĩ rằng: "Cái này là của tôi." Là suy nghĩ với sự suy nghĩ bởi tham ái, suy nghĩ với sự suy nghĩ bởi tà kiến, suy nghĩ với sự suy nghĩ bởi ngã mạn, suy nghĩ với sự suy nghĩ bởi ô nhiễm, suy nghĩ với sự suy nghĩ bởi

---

[2] *Bổn sanh* "Bông tai ngọc ma-ni" (*Maṇikuṇḍalajātakaṃ*), số 351, *TTPV*, tập 32, trang 207, câu kệ 709, 710. (ND)

uế hạnh, suy nghĩ với sự suy nghĩ bởi thực dụng, suy nghĩ với sự suy nghĩ bởi kết quả.

"Cái nào mà người suy nghĩ rằng: 'Cái này là của tôi'" là như thế.

Sau khi nhìn thấy điều này, vị sáng suốt: Sau khi nhận biết, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt điều bất lợi này ở các trạng thái chấp là của ta. "Sau khi nhìn thấy điều này" là như thế.

Vị sáng suốt: Là người sáng trí, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh.

"Sau khi nhìn thấy điều này, vị sáng suốt" là như thế.

Là người thành tín, không nên thiên về trạng thái chấp là của ta.

Trạng thái chấp là của ta: Có hai trạng thái chấp là của ta: Trạng thái chấp là của ta do tham ái và trạng thái chấp là của ta do tà kiến. ... (nt)... điều này là trạng thái chấp là của ta do tham ái. ... (nt)... điều này là trạng thái chấp là của ta do tà kiến.

Là người thành tín: Người thành tín là người thành tín với đức Phật, người thành tín với giáo pháp, người thành tín với Tăng chúng; người ấy thành tín với đức Thế Tôn ấy, đức Thế Tôn thừa nhận người ấy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

"Này các Tỳ-khưu, những vị Tỳ-khưu nào là gạt gẫm, ương ngạnh, nói nhiều, lừa đảo, khoác lác, không định tĩnh, này các Tỳ-khưu, đối với Ta, các vị Tỳ-khưu ấy không phải là những người đệ tử thành tín. Và này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy là đã lìa khỏi Pháp và Luật này; hơn nữa, các vị Tỳ-khưu ấy không đạt được sự phát triển, tăng trưởng, lớn mạnh trong Pháp và Luật này. Và này các Tỳ-khưu, những vị Tỳ-khưu nào là không gạt gẫm, không nói nhiều, thông minh, không ương ngạnh, khéo định tĩnh, này các Tỳ-khưu, đối với Ta, các vị Tỳ-khưu ấy là những người đệ tử thành tín. Và này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy là không lìa khỏi Pháp và Luật này; các vị Tỳ-khưu ấy đạt được sự phát triển, tăng trưởng, lớn mạnh trong Pháp và Luật này."

3. *"Những kẻ gạt gẫm, ương ngạnh, nói nhiều, lừa đảo, khoác lác, không định tĩnh, những người ấy không tiến triển trong giáo pháp đã được đấng Chánh Đẳng Giác chỉ bảo.*

4. *Các vị không gạt gẫm, không nói nhiều, sáng trí, không ương ngạnh, khéo định tĩnh, thật vậy các vị ấy tiến triển trong giáo pháp đã được đấng Chánh Đẳng Giác chỉ bảo."*

Là người [đệ tử] thành tín, không nên thiên về trạng thái chấp là của ta: Người [đệ tử] thành tín sau khi dứt bỏ trạng thái chấp là của ta do tham ái, sau khi buông bỏ trạng thái chấp là của ta do tà kiến, không nên thiên về, không nên nghiêng xuống, không nên nghiêng theo nó, không chiều theo nó, không xuôi theo nó, không hướng đến nó, không xem nó là chủ đạo.

"Là người [đệ tử] thành tín, không nên thiên về trạng thái chấp là của ta" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Cái nào mà người suy nghĩ rằng: 'Cái này là của tôi',
Cái ấy bị dứt bỏ cũng bởi sự chết.
Sau khi nhìn thấy điều này, vị sáng suốt,
Là người [đệ tử] thành tín, không nên thiên về trạng thái chấp là của ta."

6.4. *Cũng giống như sự việc đã được gặp gỡ qua giấc chiêm bao,*
Khi thức giấc, người không còn nhìn thấy,
Tương tự như vậy, với người được yêu mến
Đã từ trần, đã qua đời, thì không nhìn thấy nữa.

Cũng giống như sự việc đã được gặp gỡ qua giấc chiêm bao: Sự việc đã được gặp gỡ, đã được hợp lại, đã được tập trung, đã được tụ hội.

"Cũng giống như sự việc đã được gặp gỡ qua giấc chiêm bao" là như thế.

Khi thức giấc, người không còn nhìn thấy: Giống như người ở trong giấc chiêm bao nhìn thấy mặt trăng, nhìn thấy mặt trời, nhìn thấy đại dương, nhìn thấy núi chúa Sineru, nhìn thấy voi, nhìn thấy ngựa, nhìn thấy cỗ xe, nhìn thấy người lính, nhìn thấy đoàn quân, nhìn thấy khu vườn đáng yêu, nhìn thấy cánh rừng đáng yêu, nhìn thấy vùng đất đáng yêu, nhìn thấy hồ nước đáng yêu; khi thức giấc thì không còn nhìn thấy bất cứ thứ gì.

"Khi thức giấc, người không còn nhìn thấy" là như thế.

Tương tự như vậy, với người được yêu mến.

Tương tự như vậy: Là phương thức của sự so sánh.

Với người được yêu mến: Với người được yêu mến, đã được chấp là của ta, là mẹ, hoặc cha, hoặc anh [em] trai, hoặc chị [em] gái, hoặc con trai, hoặc con gái, hoặc bạn bè, hoặc thân hữu, hoặc thân quyến và những người cùng huyết thống.

"Tương tự như vậy, với người được yêu mến" là như thế.

Đã từ trần, đã qua đời, thì không nhìn thấy nữa: Đã từ trần nói đến đã chết, đã qua đời, với người đã từ trần ấy thì không nhìn thấy nữa, không trông thấy nữa, không đạt đến nữa, không tìm thấy nữa, không đạt được nữa.

"Đã từ trần, đã qua đời, thì không nhìn thấy nữa" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Cũng giống như sự việc đã được gặp gỡ qua giấc chiêm bao,
Khi thức giấc, người không còn nhìn thấy,
Tương tự như vậy, với người được yêu mến
Đã từ trần, đã qua đời, thì không nhìn thấy nữa."

6.5. *Những người ấy dầu đã được thấy, dầu đã được nghe,*
Đề cập đến họ, tên gọi này được nói ra.
Chỉ mỗi tên gọi sẽ còn ở lại,
Sẽ được nhắc đến đối với người đã từ trần.

Những người ấy dầu đã được thấy, dầu đã được nghe.

Đã được thấy: Những gì được hình thành nhờ vào nhãn thức.

Đã được nghe: Những gì được hình thành nhờ vào nhĩ thức.

Những người ấy: Là các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, các thương buôn, các nô lệ, các người tại gia, các vị xuất gia, chư thiên và loài người.

"Những người ấy dầu đã được thấy, dầu đã được nghe" là như thế.

Đề cập đến họ, tên gọi này được nói ra.

Đề cập đến họ: Đề cập đến các Sát-đế-ly, đề cập đến các Bà-la-môn, đề cập đến các thương buôn, đề cập đến các nô lệ, đề cập đến các người tại gia, đề cập đến các vị xuất gia, đề cập đến chư thiên, đề cập đến loài người.

Tên gọi: Là sự ấn định, sự chỉ định, sự quy định, sự diễn tả, tên gọi, sự đặt tên, sự định danh, từ mô tả, tên hiệu, từ kêu gọi.

Được nói ra: Được gọi là, được nói ra, được thuyết giảng, được phát ngôn, được giảng giải, được diễn tả.

"Đề cập đến họ, tên gọi này được nói ra" là như thế.

Chỉ mỗi tên gọi sẽ còn ở lại, sẽ được nhắc đến: Cái liên quan đến sắc, liên quan đến thọ, liên quan đến tưởng, liên quan đến hành, liên quan đến thức [đã được sanh lên đều] bị dứt bỏ, bị từ bỏ, bị rời bỏ, bị biến mất, bị tiêu hoại. "Chỉ mỗi tên gọi sẽ còn ở lại" là như thế.

Sẽ được nhắc đến: Để nhắc đến, để thuyết, để phát ngôn, để giảng giải, để diễn tả.

"Chỉ mỗi tên gọi sẽ còn ở lại, sẽ được nhắc đến" là như thế.

Đối với người đã từ trần.

Đã từ trần: Đã từ trần là đã qua đời.

Đối với người: Là đối với chúng sanh, đối với đàn ông, đối với thanh niên, đối với người nam, đối với cá nhân, đối với mạng sống, đối với người còn sanh tử, đối với con người, đối với người đi theo nghiệp, đối với sinh vật, đối với nhân loại.

"Sẽ được nhắc đến đối với người đã từ trần" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Những người ấy dầu đã được thấy, dầu đã được nghe,
Đề cập đến họ, tên gọi này được nói ra.
Chỉ mỗi tên gọi sẽ còn ở lại,
Sẽ được nhắc đến đối với người đã từ trần."

6.6. *Những người bị thèm khát ở vật đã được chấp là của ta, không từ bỏ sầu muộn, than vãn và bỏn xẻn. Do đó, các bậc Hiền trí, với việc nhìn thấy sự an toàn, sau khi từ bỏ sự sở hữu, đã du hành.*

Những người bị thèm khát ở vật đã được chấp là của ta không từ bỏ sầu muộn, than vãn và bỏn xẻn.

Sầu muộn: Sầu muộn là sự buồn rầu, trạng thái buồn rầu, sự sầu muộn ở nội tâm, sự buồn thảm ở nội tâm, sự nóng nảy ở nội tâm, sự bực tức ở nội tâm, nỗi ưu phiền do trạng thái bực bội của tâm, mũi tên sầu muộn của người bị tác động bởi sự tổn hại về thân quyến, bị tác động bởi sự tổn hại về của cải, bị tác động bởi sự tổn hại vì bệnh tật, bị tác động bởi sự suy giảm về giới hạnh, bị tác động bởi sự suy giảm về kiến thức, bị gặp phải sự rủi ro này hoặc sự rủi ro khác, hoặc bị tác động bởi sự khổ này hoặc sự khổ khác.

Than vãn: Sự than van, sự than trách, sự than thở, sự than vãn, trạng thái than van, trạng thái than trách, lời nói, nói lảm nhảm, nói huyên thuyên, nói kể lể, lối nói kể lể, trạng thái nói kể lể của người bị tác động bởi sự tổn hại về thân quyến, bị tác động bởi sự tổn hại về của cải, bị tác động bởi sự tổn hại vì bệnh tật, bị tác động bởi sự suy giảm về giới hạnh, bị tác động bởi sự suy giảm về kiến thức, bị gặp phải sự rủi ro này hoặc sự rủi ro khác, hoặc bị tác động bởi sự khổ này hoặc sự khổ khác.

Bỏn xẻn: Có năm sự bỏn xẻn: Bỏn xẻn về chỗ ở, bỏn xẻn về gia tộc, bỏn xẻn về lợi lộc, bỏn xẻn về danh tiếng, bỏn xẻn về pháp; bỏn xẻn nào có hình thức như vậy là biểu hiện của bỏn xẻn, trạng thái của bỏn xẻn, sự hám lợi, keo kiệt, tính chất bủn xỉn, trạng thái bị nắm giữ của tâm; điều này được gọi là bỏn xẻn. Còn nữa, bỏn xẻn về uẩn cũng là bỏn xẻn, bỏn xẻn về giới cũng là bỏn xẻn, bỏn xẻn về xứ cũng là bỏn xẻn, sự nắm lấy; điều này được gọi là bỏn xẻn.

Thèm khát: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Trạng thái chấp là của ta: Có hai trạng thái chấp là của ta: Trạng thái chấp là của ta do tham ái và trạng thái chấp là của ta do tà kiến. ... (nt)... điều này là trạng thái chấp là của ta do tham ái. ... (nt)... điều này là trạng thái chấp là của ta do tà kiến. Có sự lo âu về việc chiếm đoạt vật đã được chấp là của ta nên họ sầu muộn, trong khi đang bị chiếm đoạt họ cũng sầu muộn, khi đã bị chiếm đoạt họ cũng sầu muộn. Có sự lo âu về việc biến đổi của vật đã được chấp là của ta nên họ sầu muộn, trong khi vật đang bị biến đổi họ cũng sầu muộn, [khi vật đã bị biến đổi họ cũng sầu muộn.] Có sự lo âu về việc chiếm đoạt vật đã được chấp là của ta nên họ than vãn, trong khi đang bị chiếm đoạt họ cũng than vãn, khi đã bị chiếm đoạt họ cũng than vãn. Có sự lo âu về việc biến đổi của vật đã được chấp là của ta nên họ than vãn, trong khi vật đang bị biến đổi họ cũng than vãn, khi vật đã bị biến đổi họ cũng than vãn. Họ bảo vệ, gìn giữ, bám giữ, sở hữu, bỏn xẻn vật đã được chấp là của ta. Họ [sầu muộn] không từ bỏ sự sầu muộn liên quan đến vật đã được chấp là của ta, không từ bỏ sự than vãn, không từ bỏ

sự bỏn xẻn, không từ bỏ sự thèm khát, không dứt bỏ, không xua đi, không làm chấm dứt, không làm cho không còn hiện hữu.

"Những người bị thèm khát ở vật đã được chấp là của ta không từ bỏ sầu muộn, than vãn và bỏn xẻn" là như thế.

Do đó, các bậc Hiền trí, với việc nhìn thấy sự an toàn, sau khi từ bỏ sự sở hữu, đã du hành.

Do đó: Do đó là bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy, trong khi nhìn thấy điều bất lợi này ở các trạng thái chấp là của ta. "Do đó" là như thế.

Các bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí, tức là tuệ, sự nhận biết,... (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến; được thành tựu với trí ấy, các bậc Hiền trí đạt đến bản thể hiền trí. Ba hiền trí hạnh: Hiền trí hạnh về thân, hiền trí hạnh về khẩu, hiền trí hạnh về ý... (nt)... đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến]; vị ấy là Hiền trí.

Sự sở hữu: Có hai sự sở hữu: Sự sở hữu do tham ái và sự sở hữu do tà kiến. ... (nt)... điều này là sở hữu do tham ái. ... (nt)... điều này là sở hữu do tà kiến. Sau khi từ bỏ hoàn toàn sự sở hữu do tham ái, sau khi buông bỏ sự sở hữu do tà kiến, sau khi từ bỏ, sau khi từ bỏ hoàn toàn, sau khi dứt bỏ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu; các bậc Hiền trí đã sống, đã cư xử, đã sinh hoạt, đã vận hành, đã bảo hộ, đã hộ trì, đã bảo dưỡng.

Với việc nhìn thấy sự an toàn.

Sự an toàn: Nói đến bất tử, Niết-bàn, là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn.

Với việc nhìn thấy sự an toàn: Nhìn thấy sự an toàn là nhìn thấy nơi nương náu, nhìn thấy nơi trú ẩn, nhìn thấy nơi nương nhờ, nhìn thấy nơi không sợ hãi, nhìn thấy bất hoại, nhìn thấy bất tử, nhìn thấy Niết-bàn.

"Do đó, các bậc Hiền trí, với việc nhìn thấy sự an toàn, sau khi từ bỏ sự sở hữu, đã du hành" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Những người bị thèm khát ở vật đã được chấp là của ta, không từ bỏ sầu muộn, than vãn và bỏn xẻn. Do đó, các bậc Hiền trí, với việc nhìn thấy sự an toàn, sau khi từ bỏ sự sở hữu, đã du hành."

6.7. *Đối với vị Tỳ-khưu có hạnh sống tách ly,*
Đang thân cận chỗ ngồi tách biệt,
Các vị đã nói rằng có sự hợp nhất này dành cho vị ấy,
Vị ấy sẽ không thị hiện bản thân ở cảnh giới [tái sanh nào nữa].

Đối với vị Tỳ-khưu có hạnh sống tách ly.

Có hạnh sống tách ly: Được gọi là bảy hạng Hữu học; bậc A-la-hán là bậc đã tách ly. Vì lý do gì có hạnh sống tách ly được gọi là bảy hạng Hữu học? Các vị ấy, trong khi thâu hẹp tâm, co rút tâm, cuốn tròn lại, kiềm chế, khống chế, ngăn chặn, bảo vệ, gìn giữ tâm đối với cảnh này, cảnh khác, sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng [bản thân]. Trong khi thâu hẹp tâm, co rút tâm, cuốn tròn lại, kiềm chế, khống chế, ngăn chặn, bảo vệ, gìn giữ tâm ở nhãn môn; các vị sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng [bản thân]. Trong khi thâu hẹp tâm, co rút tâm, cuốn tròn lại, kiềm chế, khống chế, ngăn chặn, bảo vệ, gìn giữ tâm ở nhĩ môn… tâm ở tỷ môn… tâm ở thiệt môn… tâm ở thân môn… tâm ở ý môn, các vị sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng [bản thân]. Giống như cọng lông gà, hoặc sợi dây gân, bị ném vào ngọn lửa thì bị thâu hẹp, bị co rút, bị cuốn tròn lại, không được duỗi ra; tương tự như vậy, các vị ấy, trong khi thâu hẹp tâm, co rút tâm, cuốn tròn lại, kiềm chế, khống chế, ngăn chặn, bảo vệ, gìn giữ tâm đối với cảnh này, cảnh khác, sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng [bản thân]. Trong khi thâu hẹp tâm, co rút tâm, cuốn tròn lại, kiềm chế, khống chế, ngăn chặn, bảo vệ, gìn giữ tâm ở nhãn môn… tâm ở nhĩ môn… tâm ở tỷ môn… tâm ở thiệt môn… tâm ở thân môn… tâm ở ý môn; các vị sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng [bản thân]. Vì lý do ấy, có hạnh sống tách ly được gọi là bảy hạng Hữu học.

Đối với vị Tỳ-khưu: Đối với vị Tỳ-khưu phàm nhân tốt lành hoặc đối với vị Tỳ-khưu là bậc Hữu học.

"Đối với vị Tỳ-khưu có hạnh sống tách ly" là như thế.

Đang thân cận chỗ ngồi tách biệt.

Chỗ ngồi: Nói đến nơi nào các vị ngồi xuống, là cái giường, cái ghế, nệm, thảm đan, tấm da thú, thảm cỏ, thảm lá, thảm rơm. Chỗ ngồi ấy là trống vắng, tách biệt, tách rời với việc thấy các cảnh sắc không thích hợp; là trống vắng, tách biệt, tách rời với việc nghe các âm thanh không thích hợp… với việc ngửi các hương không thích hợp… với việc nếm các vị không thích hợp… với việc đụng chạm các xúc không thích hợp… với năm loại dục không thích hợp; đối với vị đang thân cận, đang gần gũi, đang phục vụ, đang phục dịch, đang kề cận, đang sử dụng chỗ ngồi tách biệt ấy.

"Đang thân cận chỗ ngồi tách biệt" là như thế.

Các vị đã nói rằng có sự hợp nhất này dành cho vị ấy, vị ấy sẽ không thị hiện bản thân ở cảnh giới [tái sanh nào nữa].

Sự hợp nhất: Có ba sự hợp nhất: Sự hợp nhất của nhóm, sự hợp nhất của pháp, sự hợp nhất ở việc vô sanh.

Sự hợp nhất của nhóm là việc nào? Nếu nhiều vị Tỳ-khưu sống có sự hợp nhất, thân thiện, không tranh cãi, có trạng thái như sữa với nước, nhìn nhau bằng những ánh mắt yêu mến; đây là sự hợp nhất của nhóm.

Sự hợp nhất của pháp là việc nào? Bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần; các pháp ấy tiến vào, có niềm tin, tự thiết lập vững chắc, được giải thoát đồng nhau. Không có sự tranh cãi, sự tranh chấp giữa các pháp ấy; đây là sự hợp nhất của pháp.

Sự hợp nhất ở việc vô sanh là việc nào? Nếu nhiều vị Tỳ-khưu vô dư Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn không còn dư sót, không vì điều ấy mà cảnh giới Niết-bàn được xem là vơi hay đầy; đây là sự hợp nhất ở việc vô sanh.

Ở cảnh giới [tái sanh nào nữa]: Đối với các người ở địa ngục, địa ngục là cảnh giới; đối với các loài thú, loài thú là cảnh giới; đối với các thân phận ngạ quỷ, thân phận ngạ quỷ là cảnh giới; đối với loài người, thế giới loài người là cảnh giới; đối với chư thiên, thế giới chư thiên là cảnh giới.

Các vị đã nói rằng có sự hợp nhất này dành cho vị ấy, vị ấy sẽ không thị hiện bản thân ở cảnh giới [tái sanh nào nữa]: Sự hợp nhất ấy là dành cho vị ấy, điều này là thích đáng, điều này là phù hợp, điều này là đúng đắn, điều này là hợp lẽ; là vị khi đã thực hành như vậy thì sẽ không thị hiện bản thân ở địa ngục, sẽ không thị hiện bản thân ở loài thú, sẽ không thị hiện bản thân ở thân phận ngạ quỷ, sẽ không thị hiện bản thân ở thế giới loài người, sẽ không thị hiện bản thân ở thế giới chư thiên. Các vị đã nói như vậy, đã thốt ra như vậy, thuyết như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy.

"Các vị đã nói rằng có sự hợp nhất này dành cho vị ấy, vị ấy sẽ không thị hiện bản thân ở cảnh giới [tái sanh nào nữa]" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Đối với vị Tỳ-khưu có hạnh sống tách ly,
Đang thân cận chỗ ngồi tách biệt,
Các vị đã nói rằng có sự hợp nhất này dành cho vị ấy,
Vị ấy sẽ không thị hiện bản thân ở cảnh giới [tái sanh nào nữa]."

6.8. *Bậc Hiền trí không nương tựa vào tất cả các nơi,*
Không tạo ra vật yêu mến cũng không tạo ra vật không yêu mến,
Than vãn và bỏn xẻn không làm lấm nhơ ở vị ấy,
Giống như nước không làm lấm nhơ ở lá sen.[3]

Bậc Hiền trí không nương tựa vào tất cả các nơi: Tất cả nói đến mười hai xứ: Mắt và các sắc, tai và các thinh, mũi và các hương, lưỡi và các vị, thân và các xúc, ý và các pháp.

Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí,... (nt)... đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là Hiền trí.

---

[3] *Lippati* là động từ thụ động, "bị lấm nhơ." Tam tạng Miến Điện, Thái Lan, PTS hiệu đính là *limpati*, "làm lấm nhơ." *Pāli - English Dictionary* của PTS giới thiệu nghĩa trừu tượng là "bị dính vào" và "dính vào." Trong trường hợp này, chúng tôi chọn cách hiệu đính *limpati* của ba bộ Tam tạng kia và ghi nghĩa Việt là "làm lấm nhơ". (ND)

Không nương tựa: Có hai sự nương tựa: Sự nương tựa vào tham ái và sự nương tựa vào tà kiến. ... (nt)… điều này là sự nương tựa vào tham ái. ... (nt)… điều này là sự nương tựa vào tà kiến. Bậc Hiền trí sau khi dứt bỏ sự nương tựa vào tham ái, sau khi buông bỏ sự nương tựa vào tà kiến; không nương tựa vào mắt, không nương tựa vào tai, không nương tựa vào mũi, không nương tựa vào lưỡi, không nương tựa vào thân, không nương tựa vào ý; không nương tựa vào các sắc, các thinh, các hương, các vị, các xúc, các pháp, gia tộc, đồ chúng, chỗ ngụ, lợi lộc, danh vọng, lời khen, hạnh phúc, y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, dục giới, sắc giới, vô sắc giới, cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc, cõi hữu tưởng, cõi vô tưởng, cõi phi tưởng phi phi tưởng, cõi một uẩn, cõi bốn uẩn, cõi năm uẩn, quá khứ, vị lai, hiện tại, điều đã được thấy, điều đã được nghe, điều đã được cảm giác, điều đã được nhận thức; [bậc Hiền trí] không nương tựa vào tất cả các pháp, không bám vào, không đến gần, không bám chặt, không hướng đến, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

"Bậc Hiền trí, không nương tựa vào tất cả các nơi" là như thế.

Không tạo ra vật yêu mến cũng không tạo ra vật không yêu mến.

Vật yêu mến: Có hai đối tượng được yêu mến: Các chúng sanh hoặc các pháp tạo tác. Những người nào là các chúng sanh được yêu mến? Ở đây, đối với người nào mà những người ấy có lòng mong muốn điều tốt đẹp, có lòng mong muốn điều lợi ích, có lòng mong muốn sự thoải mái, có lòng mong muốn sự an toàn trong mối ràng buộc: Là người mẹ, hoặc người cha, hoặc anh [em] trai, hoặc chị [em] gái, hoặc con trai, hoặc con gái, hoặc các bạn bè, hoặc các thân hữu, hoặc các thân quyến, hoặc những người cùng huyết thống; những người này là các chúng sanh được yêu mến. Các pháp nào là các pháp tạo tác được yêu mến? Các sắc hợp ý, các thinh hợp ý, các hương hợp ý, các vị hợp ý, các xúc hợp ý; các pháp này là các pháp tạo tác được yêu mến.

Vật không yêu mến: Có hai đối tượng không được yêu mến: Các chúng sanh hoặc các pháp tạo tác. Những người nào là các chúng sanh không được yêu mến? Ở đây, đối với người nào mà những người ấy không có lòng mong muốn sự tấn hóa, không có lòng mong muốn điều lợi ích, không có lòng mong muốn sự thoải mái, không có lòng mong muốn sự an toàn trong mối ràng buộc, có lòng mong muốn đoạt lấy mạng sống; những người này là các chúng sanh không được yêu mến. Các pháp nào là các pháp tạo tác không được yêu mến? Các sắc không hợp ý, các thinh không hợp ý, các hương không hợp ý, các vị không hợp ý, các xúc không hợp ý; các pháp này là các pháp tạo tác không được yêu mến.

Không tạo ra vật yêu mến cũng không tạo ra vật không yêu mến: Không tạo ra vật yêu mến do tác động của luyến ái rằng: "Người này được tôi yêu mến, và các pháp tạo tác này hợp ý tôi." Không tạo ra vật không yêu mến do tác động của bất bình rằng: "Người này không được tôi yêu mến, các pháp tạo tác này

không hợp ý tôi", không làm sanh ra, không làm sanh khởi, không làm hạ sanh, không làm phát sanh.

"Không tạo ra vật yêu mến cũng không tạo ra vật không yêu mến" là như thế.

Than vãn và bỏn xẻn không làm lấm nhơ ở vị ấy, giống như nước không làm lấm nhơ ở lá sen.

Ở vị ấy: Ở cá nhân vị A-la-hán không còn lậu hoặc ấy.

Than vãn: Sự than van, sự than trách, sự than thở, sự than vãn, trạng thái than van, trạng thái than trách, lời nói, nói lảm nhảm, nói huyên thuyên, nói kể lể, lối nói kể lể, trạng thái nói kể lể của người bị tác động bởi sự tổn hại về thân quyến, bị tác động bởi sự tổn hại về của cải, bị tác động bởi sự tổn hại vì bệnh tật, bị tác động bởi sự suy giảm về giới hạnh, bị tác động bởi sự suy giảm về kiến thức, bị gặp phải sự rủi ro này hoặc sự rủi ro khác, hoặc bị tác động bởi sự khổ này hoặc sự khổ khác.

Bỏn xẻn: Có năm sự bỏn xẻn: Bỏn xẻn về chỗ ở, bỏn xẻn về gia tộc, bỏn xẻn về lợi lộc, bỏn xẻn về danh tiếng, bỏn xẻn về pháp; bỏn xẻn nào có hình thức như vậy là biểu hiện của bỏn xẻn, trạng thái của bỏn xẻn, sự hám lợi, keo kiệt, tính chất bủn xỉn, trạng thái bị nắm giữ của tâm, điều này được gọi là bỏn xẻn. Còn nữa, bỏn xẻn về uẩn cũng là bỏn xẻn, bỏn xẻn về giới cũng là bỏn xẻn, bỏn xẻn về xứ cũng là bỏn xẻn, sự nắm lấy được gọi là bỏn xẻn.

Giống như nước không làm lấm nhơ ở lá cây.

Lá cây: Nói đến cánh hoa sen trắng.

Nước: Nói đến nước [thông thường]. Giống như nước không làm lấm nhơ, không làm nhiễm bẩn, không làm vấy bẩn, [là] đã không bị lấm nhơ, đã không bị nhiễm bẩn, đã không bị vấy bẩn ở cánh hoa sen trắng; tương tự như vậy, than vãn và bỏn xẻn không làm lấm nhơ, không làm nhiễm bẩn, không làm vấy bẩn, [là] đã không bị lấm nhơ, đã không bị nhiễm bẩn, đã không bị vấy bẩn ở cá nhân vị A-la-hán không còn lậu hoặc ấy; và cá nhân vị ấy không bị lấm nhơ, không bị nhiễm bẩn, không bị vấy bẩn bởi các ô nhiễm ấy, [là] đã không bị lấm nhơ, đã không bị nhiễm bẩn, đã không bị vấy bẩn, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

"Than vãn và bỏn xẻn không làm lấm nhơ ở vị ấy, giống như nước không làm lấm nhơ ở lá sen" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Bậc Hiền trí không nương tựa vào tất cả các nơi,
Không tạo ra vật yêu mến cũng không tạo ra vật không yêu mến,
Than vãn và bỏn xẻn không làm lấm nhơ ở vị ấy,
Giống như nước không làm lấm nhơ ở lá sen."

6.9. *Cũng giống như giọt nước ở lá sen,*
Giống như nước không làm lấm nhơ ở hoa sen,
Tương tự như vậy, bậc Hiền trí không bị vấy bẩn
Ở những điều đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác.

Cũng giống như giọt nước ở lá sen.

Giọt nước: Nói đến một giọt nước.

Lá sen: Nói đến cánh hoa sen trắng. Giống như giọt nước không làm lấm nhơ, không làm nhiễm bẩn, không làm vấy bẩn, [là] đã không bị lấm nhơ, đã không bị nhiễm bẩn, đã không bị vấy bẩn ở cánh hoa sen trắng.

"Cũng giống như giọt nước ở lá sen" là như thế.

Giống như nước không làm lấm nhơ ở hoa sen.

Hoa sen: Nói đến bông sen trắng.

Nước: Nói đến nước [thông thường]. Giống như nước không làm lấm nhơ, không làm nhiễm bẩn, không làm vấy bẩn, đã không bị lấm nhơ, đã không bị nhiễm bẩn, đã không bị vấy bẩn ở bông sen trắng.

"Giống như nước không làm lấm nhơ ở hoa sen" là như thế.

Tương tự như vậy, bậc Hiền trí không bị vấy bẩn ở những điều đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác.

Tương tự như vậy: Là phương thức của sự so sánh.

Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí,... (nt)... đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là Hiền trí.

Lấm nhơ: Có hai sự lấm nhơ: Lấm nhơ do tham ái và lấm nhơ do tà kiến. ... (nt)... điều này là lấm nhơ do tham ái. ... (nt)... điều này là lấm nhơ do tà kiến. Bậc Hiền trí, sau khi dứt bỏ sự lấm nhơ do tham ái, sau khi buông bỏ sự lấm nhơ do tà kiến, không bị lấm nhơ ở điều đã được thấy, không bị lấm nhơ ở điều đã được nghe, không bị lấm nhơ ở điều đã được cảm giác, không bị lấm nhơ ở điều đã được nhận thức, không bị nhiễm bẩn, không bị vấy bẩn; [là người] đã không bị lấm nhơ, đã không bị nhiễm bẩn, đã không bị vấy bẩn, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

"Tương tự như vậy, bậc Hiền trí không bị vấy bẩn ở những điều đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Cũng giống như giọt nước ở lá sen,
Giống như nước không làm lấm nhơ ở hoa sen,
Tương tự như vậy, bậc Hiền trí không bị vấy bẩn
Ở những điều đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác."

6.10. *Thật vậy, vị đã rũ sạch không suy nghĩ theo lối ấy, tức là về những điều đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác, [cũng] không ước muốn sự thanh tịnh theo cách nào khác, bởi vì vị ấy không luyến ái, [cũng] không lìa luyến ái.*

Thật vậy, vị đã rũ sạch không suy nghĩ theo lối ấy, tức là về những điều đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác.

Vị đã rũ sạch: Việc rũ sạch được gọi là tuệ. Tuệ là sự nhận biết,… (nt)… sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến.

Vì lý do gì mà việc rũ sạch được gọi là tuệ? Nhờ vào tuệ ấy, uế hạnh về thân được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; uế hạnh về khẩu được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; uế hạnh về ý được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; sự luyến ái được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; sân hận… si mê… giận dữ… thù hằn… gièm pha… ác ý… ganh tỵ… bỏn xẻn… xảo trá… lừa gạt… bướng bỉnh… hung hăng… ngã mạn… cao ngạo… đam mê… xao lãng… tất cả ô nhiễm… tất cả uế hạnh… mọi sự lo lắng… mọi sự bực bội… mọi sự nóng nảy… tất cả các pháp tạo tác bất thiện được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch. Vì lý do ấy mà việc rũ sạch được gọi là tuệ.

Hoặc là, nhờ vào chánh kiến, tà kiến được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; nhờ vào chánh tư duy, tà tư duy được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; nhờ vào chánh ngữ, tà ngữ được rũ bỏ, được rũ sạch… nhờ vào chánh nghiệp, tà nghiệp được rũ bỏ, được rũ sạch… nhờ vào chánh mạng, tà mạng được rũ bỏ, được rũ sạch… nhờ vào chánh tinh tấn, tà tinh tấn được rũ bỏ, được rũ sạch… nhờ vào chánh niệm, tà niệm được rũ bỏ, được rũ sạch… nhờ vào chánh định, tà định được rũ bỏ, được rũ sạch… nhờ vào chánh trí, tà trí được rũ bỏ, được rũ sạch… nhờ vào chánh giải thoát, tà giải thoát được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch.

Hoặc là, nhờ vào đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, tất cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bực bội, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bất thiện được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch. Bậc A-la-hán đã tiến đến, đã tiến gần, đã đi đến gần, đã tiến đến gần, đã đạt đến, đã tròn đủ, đã thành tựu các pháp cần được rũ sạch này; vì thế, bậc A-la-hán là vị đã rũ sạch. Vị ấy có luyến ái đã được rũ bỏ, có điều ác đã được rũ bỏ, có ô nhiễm đã được rũ bỏ, có sự bực bội đã được rũ bỏ. "Vị đã rũ sạch" là như thế.

Thật vậy, vị đã rũ sạch không suy nghĩ theo lối ấy, tức là về những điều đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác: Vị đã rũ sạch không suy nghĩ đến điều đã được thấy, không suy nghĩ về điều đã được thấy, không suy nghĩ theo điều đã được thấy; không suy nghĩ đến điều đã được nghe, không suy nghĩ về điều đã được nghe, không suy nghĩ theo điều đã được nghe; không suy nghĩ đến điều đã được cảm giác, không suy nghĩ về điều đã được cảm giác, không suy nghĩ theo điều đã được cảm giác; không suy nghĩ đến điều đã được

nhận thức, không suy nghĩ về điều đã được nhận thức, không suy nghĩ theo điều đã được nhận thức, không suy nghĩ rằng: "Điều đã được nhận thức của tôi." Bởi vì, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến:

"Này các Tỳ-khưu, 'tôi là' điều này là sự suy nghĩ; 'tôi là cái này' điều này là sự suy nghĩ; 'tôi sẽ là' điều này là sự suy nghĩ; 'tôi sẽ không là' điều này là sự suy nghĩ; 'tôi sẽ là có sắc' điều này là sự suy nghĩ; 'tôi sẽ là vô sắc' điều này là sự suy nghĩ; 'tôi sẽ là có tưởng' điều này là sự suy nghĩ; 'tôi sẽ là vô tưởng' điều này là sự suy nghĩ; 'tôi sẽ là phi tưởng phi phi tưởng' điều này là sự suy nghĩ. Này các Tỳ-khưu, sự suy nghĩ là bệnh tật, sự suy nghĩ là mụt ghẻ, sự suy nghĩ là mũi tên, sự suy nghĩ là sự bất hạnh. Này các Tỳ-khưu, vì thế ở đây chúng ta sẽ sống với tâm ý không suy nghĩ. Này các Tỳ-khưu, các ngươi nên học tập đúng như vậy."[4]

"Thật vậy, vị đã rũ sạch không suy nghĩ theo lối ấy, tức là về những điều đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác" là như thế.

Không ước muốn sự thanh tịnh theo cách nào khác: Vị đã rũ sạch không ước muốn, không ưng thuận, không ước nguyện, không mong cầu, không nguyện cầu sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi theo đạo lộ không trong sạch khác, theo sự thực hành sai trái, theo đường lối không dẫn dắt ra khỏi, ngoại trừ bốn sự thiết lập niệm, ngoại trừ bốn chánh cần, ngoại trừ bốn nền tảng của thần thông, ngoại trừ năm quyền, ngoại trừ năm lực, ngoại trừ bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, ngoại trừ đạo lộ Thánh thiện tám chi phần.

"Không ước muốn sự thanh tịnh theo cách nào khác" là như thế.

Bởi vì vị ấy không luyến ái, [cũng] không lìa luyến ái: Tất cả phàm nhân ngu si đều luyến ái. Bảy hạng Thánh Hữu học tính luôn phàm nhân tốt lành lìa luyến ái. Bậc A-la-hán chẳng những không luyến ái mà cũng không lìa luyến ái. Vị ấy đã lìa luyến ái, do sự cạn kiệt của luyến ái có trạng thái luyến ái đã được xa lìa, do sự cạn kiệt của sân hận có trạng thái sân hận đã được xa lìa, do sự cạn kiệt của si mê có trạng thái si mê đã được xa lìa. Vị ấy đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành… (nt)… việc sanh-lão-tử luân hồi, việc hiện hữu lần nữa không có đối với vị ấy.

"Bởi vì vị ấy không luyến ái, [cũng] không lìa luyến ái" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Thật vậy, vị đã rũ sạch không suy nghĩ theo lối ấy, tức là về những điều đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác, [cũng] không ước muốn sự thanh tịnh theo cách nào khác, bởi vì vị ấy không luyến ái, [cũng] không lìa luyến ái."

"Diễn giải kinh về sự già" - Phần thứ sáu.

[4] Xem *S.* IV. 173, *Āsīvisavagga* (*Phẩm Rắn độc*).

7. DIỄN GIẢI KINH VỀ TISSA METTEYYA (*TISSAMETTEYYASUTTANIDDESO*)

Giờ phần "Diễn giải kinh về Tissa Metteyya" được nói đến:

7.1. *"Thưa Ngài, xin Ngài hãy nói về sự tàn hại dành cho kẻ đeo bám việc đôi lứa. Sau khi lắng nghe lời dạy của Ngài, chúng con sẽ học tập về hạnh viễn ly"[vị Đại đức Tissa Metteyya đã nói thế ấy].*

Dành cho kẻ đeo bám việc đôi lứa.

Pháp đôi lứa: Nghĩa là việc làm không tốt đẹp, việc làm của các dân làng, việc làm của những người thấp kém, là xấu xa, có kết cuộc phải dùng nước tẩy rửa, là việc bí mật, là việc kết hợp của hai người, theo từng cặp. Vì lý do gì được gọi là pháp đôi lứa? Khi cả hai bị luyến ái, bị luyến ái nặng, bị nhiễm dục, bị khởi dục, có tâm bị khuất phục, cả hai là tương tự nhau về bản thể; vì lý do ấy được gọi là pháp đôi lứa. Giống như hai người gây nên sự cãi cọ được gọi là tay đôi, hai người gây nên sự cãi lộn được gọi là tay đôi, hai người gây nên cuộc nói chuyện nhảm nhí được gọi là tay đôi, hai người gây nên sự tranh cãi được gọi là tay đôi, hai người gây nên sự tranh tụng được gọi là tay đôi, hai người tranh luận được gọi là tay đôi, hai người chuyện trò được gọi là tay đôi; tương tự như vậy, khi cả hai bị luyến ái, bị luyến ái nặng, bị nhiễm dục, bị khởi dục, có tâm bị khuất phục, cả hai là tương tự nhau về bản thể; vì lý do ấy được gọi là pháp đôi lứa.

Dành cho kẻ đeo bám việc đôi lứa: Dành cho kẻ gắn bó, gắn vào, gắn chặt, gắn liền ở pháp đôi lứa, đi theo nó, phát triển theo nó, xem trọng nó, nghiêng theo nó, chiều theo nó, xuôi theo nó, hướng đến nó, xem nó là chủ đạo.

"Dành cho kẻ đeo bám việc đôi lứa" là như thế.

Đại đức Tissa Metteyya đã nói thế ấy.

Thế ấy: Từ "*icca*" này gọi là sự nối liền các câu văn, sự kết hợp các câu văn, sự làm đầy đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuốt từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn.

Đại đức: Từ "*āyasmā*" này là lời nói yêu mến, lời nói kính trọng, lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng.

Tissa: Là tên của vị Trưởng lão ấy, là sự ấn định, sự chỉ định, sự quy định, sự diễn tả, tên gọi, sự đặt tên, sự định danh, từ mô tả, tên hiệu, từ kêu gọi.

Metteyya: Là họ của vị Trưởng lão ấy, là sự ấn định, sự chỉ định, sự quy định, sự diễn tả.

"Vị Tissa Metteyya đã nói thế ấy" là như thế.

Thưa Ngài, xin Ngài hãy nói về sự tàn hại.

Sự tàn hại: Sự tàn hại là sự phá hại, sự hành hạ, sự đụng chạm, sự bất hạnh, sự nguy cơ.

Xin Ngài hãy nói: Xin Ngài hãy nêu ra, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ.

Thưa Ngài: Từ "*mārisa*" này là lời nói yêu mến, lời nói kính trọng, lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng.

"Thưa Ngài, xin Ngài hãy nói về sự tàn hại" là như thế.

Sau khi lắng nghe lời dạy của Ngài: Sau khi lắng nghe, sau khi nghe được, sau khi tiếp thu, sau khi tiếp nhận, sau khi suy xét lời nói, lời giải bày, lời chỉ bảo, lời chỉ dạy, lời khuyên bảo của Ngài.

"Sau khi lắng nghe lời dạy của Ngài" là như thế.

Chúng con sẽ học tập về hạnh viễn ly.

Hạnh viễn ly: Có ba hạnh viễn ly: Viễn ly về thân, viễn ly về tâm, viễn ly về mầm tái sanh.

Thế nào là viễn ly về thân? Ở đây, vị Tỳ-khưu thân cận chỗ trú ngụ tách biệt, khu rừng rậm, gốc cây, sườn núi, thung lũng, khe núi, bãi tha ma, khu rừng thưa, đồng trống, đống rơm, và sống tách biệt về thân. Vị ấy đi một mình, đứng một mình, ngồi một mình, nằm một mình, đi vào làng để khất thực một mình, đi trở về một mình, ngồi nơi vắng vẻ một mình, quyết định kinh hành một mình, sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng một mình. Đây là viễn ly về thân.

Thế nào là viễn ly về tâm? Đối với vị thể nhập Sơ thiền, tâm được tách biệt khỏi các pháp che lấp. Đối với vị thể nhập Nhị thiền, tâm được tách biệt khỏi tầm và tứ. Đối với vị thể nhập Tam thiền, tâm được tách biệt khỏi hỷ. Đối với vị thể nhập Tứ thiền, tâm được tách biệt khỏi lạc và khổ. Đối với vị thể nhập Không vô biên xứ, tâm được tách biệt khỏi sắc tưởng, bất bình tưởng, dị biệt tưởng. Đối với vị thể nhập thức Vô biên xứ, tâm được tách biệt khỏi Không vô biên xứ tưởng. Đối với vị thể nhập Vô sở hữu xứ, tâm được tách biệt khỏi Thức vô biên xứ tưởng. Đối với vị thể nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ, tâm được tách biệt khỏi Vô sở hữu xứ tưởng. Đối với vị Nhập lưu, tâm được tách biệt khỏi sự nhận thức sai trái về thân, sự hoài nghi, sự bám víu vào giới và phận sự, tà kiến tiềm ẩn, hoài nghi tiềm ẩn, và các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy. Đối với vị Nhất lai, tâm được tách biệt khỏi sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất thô thiển, ái dục tiềm ẩn và bất bình tiềm ẩn có tính chất thô thiển, và các phiền não đồng hành theo với mỗi pháp ấy. Đối với vị Bất lai, tâm được tách biệt khỏi sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất vi tế, ái dục tiềm ẩn và bất bình tiềm ẩn có tính chất vi tế,

và các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy. Đối với vị A-la-hán, tâm được tách biệt khỏi ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật, vô minh, ngã mạn tiềm ẩn, hữu ái tiềm ẩn, vô minh tiềm ẩn, các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy, và mọi hiện tướng ở bên ngoài. Đây là viễn ly về tâm.

Thế nào là viễn ly về mầm tái sanh? Mầm tái sanh nói đến các ô nhiễm, các uẩn và các hành. Viễn ly về mầm tái sanh nói đến bất tử, Niết-bàn, là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Đây là viễn ly về mầm tái sanh.

Viễn ly về thân là đối với các vị có thân đã lui về nơi ẩn dật, đã thích thú trong việc xuất ly; viễn ly về tâm là đối với các vị có tâm hoàn toàn trong sạch, đã đạt đến sự trong trắng tuyệt đối; và viễn ly về mầm tái sanh là đối với các cá nhân không còn mầm tái sanh, đã đạt đến việc lìa khỏi các pháp tạo tác.

Chúng con sẽ học tập về hạnh viễn ly: Vị Trưởng lão ấy có việc học tập đã được học tập bình thường. Và thêm nữa, liên quan đến việc chỉ bảo giáo pháp, trong khi thỉnh cầu sự chỉ bảo giáo pháp, vị Trưởng lão ấy đã nói như vầy: "Chúng con sẽ học tập về hạnh viễn ly."

Vì thế, [Trưởng lão] Tissa Metteyya đã nói rằng:

"Thưa Ngài, xin Ngài hãy nói về sự tàn hại dành cho kẻ đeo bám việc đôi lứa. Sau khi lắng nghe lời dạy của Ngài, chúng con sẽ học tập về hạnh viễn ly"[vị Đại đức Tissa Metteyya đã nói thế ấy].

7.2. *[Đức Thế Tôn đã nói rằng: "Này Metteyya] đối với kẻ đeo bám việc đôi lứa, lời giảng dạy thậm chí còn bị quên lãng và là kẻ thực hành sai trái; điều này ở kẻ ấy là không Thánh thiện."*

Đối với kẻ đeo bám việc đôi lứa.

Pháp đôi lứa: Nghĩa là việc làm không tốt đẹp, việc làm của các dân làng, việc làm của những người thấp kém, là xấu xa, có kết cuộc phải dùng nước tẩy rửa, là việc bí mật, là việc kết hợp của hai người, theo từng cặp. Vì lý do gì mà được gọi là pháp đôi lứa? Khi cả hai bị luyến ái, bị luyến ái nặng, bị nhiễm dục, bị khởi dục, có tâm bị khuất phục, cả hai là tương tự nhau về bản thể; vì lý do ấy mà được gọi là pháp đôi lứa. Giống như hai người gây nên sự cãi cọ được gọi là tay đôi, hai người gây nên sự cãi lộn được gọi là tay đôi, hai người gây nên cuộc nói chuyện nhảm nhí được gọi là tay đôi, hai người gây nên sự tranh luận được gọi là tay đôi, hai người gây nên sự tranh tụng được gọi là tay đôi, hai người tranh luận được gọi là tay đôi, hai người chuyện trò được gọi là tay đôi; tương tự như vậy, khi cả hai bị luyến ái, bị luyến ái nặng, bị nhiễm dục, bị khởi dục, có tâm bị khuất phục, cả hai là tương tự nhau về bản thể; vì lý do ấy mà được gọi là pháp đôi lứa.

Đối với kẻ đeo bám việc đôi lứa: Đối với kẻ gắn bó, gắn vào, gắn chặt, gắn liền ở pháp đôi lứa, đi theo nó, phát triển theo nó, xem trọng nó, nghiêng theo nó, chiều theo nó, xuôi theo nó, hướng đến nó, xem nó là chủ đạo.

"Đối với kẻ đeo bám việc đôi lứa" là như thế.

Metteyya: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Trưởng lão ấy bằng họ.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính. Thêm nữa, "vị có luyến ái đã được phá vỡ" là đức Thế Tôn; "vị có sân hận đã được phá vỡ" là đức Thế Tôn; "vị có si mê đã được phá vỡ" là đức Thế Tôn; "vị có ngã mạn đã được phá vỡ" là đức Thế Tôn; "vị có tà kiến đã được phá vỡ" là đức Thế Tôn; "vị có cây gai đã được phá vỡ" là đức Thế Tôn; "vị có ô nhiễm đã được phá vỡ" là đức Thế Tôn; "vị đã phân phát, đã phân chia, đã phân phối Pháp bảo" là đức Thế Tôn; "vị thực hiện sự chấm dứt các hữu" là đức Thế Tôn; "vị có thân đã được tu tập, có giới đã được tu tập, có tâm đã được tu tập, có tuệ đã được tu tập" là đức Thế Tôn; "vị đã thân cận các khu rừng, các nơi heo hút, các chỗ trú ngụ xa vắng có ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh" là đức Thế Tôn; "vị có dự phần hoặc sở hữu về y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh" là đức Thế Tôn; "vị có dự phần hoặc sở hữu về vị của mục đích, về vị của Pháp, về vị của giải thoát, về thắng giới, về thắng tâm, về thắng tuệ" là đức Thế Tôn; "vị có dự phần hoặc sở hữu về bốn thiền, về bốn vô lượng [tâm], về bốn sự thể nhập vô sắc" là đức Thế Tôn; "vị có dự phần hoặc sở hữu về tám giải thoát, về tám thắng xứ [của thiền], về chín sự thể nhập và an trú theo tuần tự" là đức Thế Tôn; "vị có dự phần hoặc sở hữu về mười sự tu tập về tưởng, về mười sự thể nhập các đề mục *kasiṇa*, về định niệm hơi thở vào hơi thở ra, về sự thể nhập các đề mục tử thi" là đức Thế Tôn; "vị có dự phần hoặc sở hữu về bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần" là đức Thế Tôn; "vị có dự phần hoặc sở hữu về mười Như Lai lực, về bốn pháp tự tin, về bốn tuệ phân tích, về sáu thắng trí, về sáu pháp của đức Phật" là đức Thế Tôn. Tên gọi "Thế Tôn" này không do mẹ tạo ra, không do cha tạo ra, không do anh [em] trai tạo ra, không do chị [em] gái tạo ra, không do bạn bè hoặc thân hữu tạo ra, không do các thân quyến và những người cùng huyết thống tạo ra, không do các Sa-môn hoặc Bà-la-môn tạo ra, không do chư thiên tạo ra, sự tận cùng của giải thoát này là sự quy định thuộc về chư Phật Thế Tôn do sự đạt được, do sự chứng ngộ trí Toàn tri ở cội cây Bồ-đề, tức là "đức Thế Tôn."

"Đức Thế Tôn đã nói rằng: Này Metteyya" là như thế.

Lời giảng dạy thậm chí còn bị quên lãng: Lời giảng dạy bị quên lãng bởi hai lý do: Lời giảng dạy về pháp học bị quên lãng, lời giảng dạy về pháp hành bị quên lãng. Lời giảng dạy về pháp học ấy là lời giảng dạy nào? Điều nào đã

được học bởi vị ấy, là *Sutta, Geyya, Veyyākaraṇa, Gāthā, Udāna, Itivuttaka, Jātaka, Abbhutadhamma, Vedalla,*[1] đây là lời giảng dạy về pháp học; điều ấy cũng bị quên lãng, bị quên hẳn, bị quên lửng, bị quên bẵng, là hoàn toàn xa lạ. "Lời giảng dạy thậm chí còn bị quên lãng" là như vậy. Lời giảng dạy về pháp hành là lời giảng dạy nào? Là sự thực hành đúng đắn, sự thực hành phù hợp, sự thực hành không trái ngược, sự thực hành đưa đến lợi ích, sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, việc làm đầy đủ các giới, việc phòng vệ các giác quan, việc biết chừng mực về vật thực, sự luyện tập về tỉnh thức, niệm và sự nhận biết rõ, bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, đây là lời giảng dạy về pháp hành; điều ấy cũng bị quên lãng, bị quên hẳn, bị quên lửng, bị quên bẵng, là hoàn toàn xa lạ.

"Lời giảng dạy thậm chí còn bị quên lãng" là như vậy.

Và là kẻ thực hành sai trái: Giết hại sanh mạng, lấy vật không được cho, đột nhập gia cư, mang đi vật cướp được, làm kẻ đạo tặc, đứng cướp dọc đường, đi đến với vợ người khác, nói lời dối trá.

"Và là kẻ thực hành sai trái" là như thế.

Điều này ở kẻ ấy là không Thánh thiện: Điều này ở kẻ ấy là pháp không Thánh thiện, là pháp ngu dốt, là pháp lầm lạc, là pháp vô trí, là pháp trườn uốn như con lươn [không thể nắm bắt], tức là lối thực hành sai trái.

"Điều này ở kẻ ấy là không Thánh thiện" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn đã nói rằng: "Này Metteyya] đối với kẻ đeo bám việc đôi lứa, lời giảng dạy thậm chí còn bị quên lãng, và là kẻ thực hành sai trái; điều này ở kẻ ấy là không Thánh thiện."

---

[1] Chín thể loại giáo pháp: Ở tài liệu *Saddhammasaṅgaha* (*Diệu pháp yếu lược*) có lời giải thích chi tiết về 9 thể loại này như sau: "Thế nào là có 9 phần khi nói về thể (*aṅga*)? Bởi vì toàn bộ gồm có 9 hình thức khác biệt, đó là *Sutta, Geyya, Veyyākaraṇa, Gāthā, Udāna, Itivuttaka, Jātaka, Abbhutadhamma, Vedalla*. Trong trường hợp này, *Ubhatovibhaṅga, Niddesa, Khandhaka, Parivāra,* các bài kinh *Maṅgalasutta, Ratanasutta, Nalakasutta, Tuvaṭakasutta* trong *Suttanipāta* (*Kinh tập*) và các lời dạy của đấng Như Lai có tựa đề là *Kinh* (*suttaṃ*) thì được xếp vào thể *Sutta*. Các bài kinh có xen các bài kệ vào được biết là thể *Geyya*; đặc biệt toàn bộ *Thiên có kệ* (*Sagāthāvagga*) trong *Kinh Tương ưng bộ* là thể *Geyya*. Toàn bộ tạng *Vi diệu pháp*, các bài kinh không có xen các bài kệ, và các lời dạy khác của đức Phật không thuộc 8 loại trên được xếp vào thể *Veyyākaraṇa*. *Kinh Pháp cú, Trưởng lão Tăng kệ, Trưởng lão Ni kệ*, các bài có tên là kinh nhưng chỉ là kệ trong *Suttanipāta* (*Kinh tập*) thì được xếp vào thể *Gāthā*. Tám mươi hai bài kinh liên quan đến các bài kệ do tuệ giác hoan hỷ được xếp vào thể *Udāna*. Một trăm mười hai bài kinh được giới thiệu bằng: "*Vuttaṃ h'etaṃ Bhagavatā ti*" (Đức Thế Tôn thuyết về điều ấy như vầy) thì được xếp vào thể *Itivuttaka*. Năm trăm năm mươi câu chuyện *Bổn sanh* bắt đầu bằng *Bổn sanh Apannaka* được xếp vào thể *Jātaka*. Tất cả các bài kinh liên quan đến pháp kỳ diệu phi thường và được giới thiệu như sau: "Này các Tỳ-khưu, có bốn pháp kỳ diệu phi thường ở Ānanda", được xếp vào thể *Abbhutadhamma*. Tất cả các bài kinh được hỏi và được liên tục ghi nhận trong sự hiểu biết và hoan hỷ như các bài kinh *Cullavedalla, Mahāvedalla, Sammādiṭṭhi, Sakkapañhā, Saṅkhāra-bhājaniya, Mahāpuṇṇama*, v.v… được xếp vào thể *Vedalla*. Như thế, khi đề cập đến thể loại thì có 9 phần" (*Saddhammasaṅgaha - Diệu pháp yếu lược*, chương I, câu 28).

7.3. *Sau khi sống một mình trước đây,*
Kẻ nào [giờ] phục dịch việc đôi lứa,
Kẻ ấy ở thế gian, tựa như chiếc xe bị chao đảo,
Người ta đã gọi là kẻ phàm phu thấp hèn.

Sau khi sống một mình trước đây: Đã sống một mình trước đây bởi hai lý do: Với việc đã chấp nhận đời sống xuất gia hoặc với ý nghĩa rời xa tập thể.

Thế nào là đã sống một mình trước đây với việc đã chấp nhận đời sống xuất gia? Sau khi cắt đứt mọi sự vướng bận của đời sống tại gia, sau khi cắt đứt sự vướng bận về vợ con, sau khi cắt đứt sự vướng bận về thân quyến, sau khi cắt đứt sự vướng bận về bạn bè và thân hữu, sau khi cắt đứt sự vướng bận về việc tích trữ, sau khi cạo bỏ râu tóc, khoác lên các tấm vải màu ca-sa, rời nhà xuất gia sống không nhà, sau khi đi đến trạng thái không có gì, một mình sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng. Như vậy là đã sống một mình trước đây với việc đã chấp nhận đời sống xuất gia.

Thế nào là đã sống một mình trước đây với ý nghĩa rời xa tập thể? Trong khi đã được xuất gia như vậy, vị ấy một mình thân cận các khu rừng, các nơi heo hút, các chỗ trú ngụ xa vắng có ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh. Vị ấy đi một mình, đứng một mình, ngồi một mình, nằm một mình, đi vào làng để khất thực một mình, đi trở về một mình, ngồi nơi vắng vẻ một mình, quyết định kinh hành một mình, sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng một mình. Như vậy là đã sống một mình trước đây với ý nghĩa rời xa tập thể.

Kẻ nào [giờ] phục dịch việc đôi lứa.

Pháp đôi lứa: Nghĩa là việc làm không tốt đẹp,… (nt)… việc kết hợp của hai người, theo từng cặp. ... (nt)… vì lý do ấy mà được gọi là pháp đôi lứa.

Kẻ nào [giờ] phục dịch việc đôi lứa: Kẻ nào, vào lúc khác, sau khi lìa bỏ đức Phật, Giáo pháp, Tăng chúng và việc học tập, đã quay trở lại cuộc sống thấp hèn rồi phục vụ, phục dịch, kề cận, thực hiện việc đôi lứa.

"Kẻ nào [giờ] phục dịch việc đôi lứa" là như thế.

Kẻ ấy ở thế gian, tựa như chiếc xe bị chao đảo.

Chiếc xe: Là xe voi kéo, xe ngựa kéo, xe bò kéo, xe dê kéo, xe cừu kéo, xe lạc đà kéo, xe lừa kéo, đã bị chao đảo, không được kiềm chế, không được xử lý, không được điều khiển, chọn lấy lối đi sai trái, va vào chỗ gập ghềnh, gốc cây, tảng đá, làm bể vỡ chiếc xe luôn cả người cỡi xe và rơi xuống vực thẳm.

Giống như chiếc xe đã bị chao đảo ấy không được kiềm chế, không được xử lý, không được điều khiển, chọn lấy lối đi sai trái, tương tự như vậy, kẻ hoàn tục ấy, tựa như chiếc xe đã bị chao đảo, chọn lấy lối đi sai trái, chọn lấy tà kiến,… (nt)… chọn lấy tà định.

Giống như chiếc xe đã bị chao đảo ấy không được kiềm chế, không được

xử lý, không được điều khiển, va vào chỗ gập ghềnh, gốc cây, tảng đá, tương tự như vậy, kẻ hoàn tục ấy, tựa như chiếc xe đã bị chao đảo, phạm vào thân nghiệp sai trái, phạm vào khẩu nghiệp sai trái, phạm vào ý nghiệp sai trái, phạm vào việc sát sanh sai trái, phạm vào việc trộm cắp sai trái, phạm vào việc tà hạnh trong các dục sai trái, phạm vào việc nói dối sai trái, phạm vào việc nói đâm thọc sai trái, phạm vào việc nói thô lỗ sai trái, phạm vào việc nói nhảm nhí sai trái, phạm vào việc tham đắm sai trái, phạm vào việc sân hận sai trái, phạm vào tà kiến sai trái, phạm vào các hành sai trái, phạm vào năm loại dục sai trái, phạm vào năm pháp che lấp sai trái.

Giống như chiếc xe đã bị chao đảo ấy không được kiềm chế, không được xử lý, không được điều khiển, làm bể vỡ chiếc xe luôn cả người cỡi xe; tương tự như vậy, kẻ hoàn tục ấy, tựa như chiếc xe đã bị chao đảo, làm đổ vỡ bản thân ở địa ngục, làm đổ vỡ bản thân ở loài thú, làm đổ vỡ bản thân ở thân phận ngạ quỷ, làm đổ vỡ bản thân ở thế giới loài người, làm đổ vỡ bản thân ở thế giới chư thiên.

Giống như chiếc xe đã bị chao đảo ấy không được kiềm chế, không được xử lý, không được điều khiển, rơi xuống vực thẳm; tương tự như vậy, kẻ hoàn tục ấy, tựa như chiếc xe đã bị chao đảo, rơi xuống vực thẳm của sự sinh, rơi xuống vực thẳm của sự già, rơi xuống vực thẳm của bệnh tật, rơi xuống vực thẳm của sự chết, rơi xuống vực thẳm của sầu-bi-khổ-ưu-não.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh… (nt)… ở thế gian của loài người.

"Tựa như chiếc xe bị chao đảo, kẻ ấy ở thế gian" là như thế.

Người ta đã gọi là kẻ phàm phu thấp hèn.

Phàm phu: Phàm phu với ý nghĩa gì? "Những người sản sanh ra các ô nhiễm khác nhau" là phàm phu. "Những người có sự nhận thức sai trái về thân khác nhau chưa được phá tan" là phàm phu. "Những người tin theo nhiều vị thầy khác nhau" là phàm phu. "Những người chưa được ra khỏi mọi cảnh giới tái sanh khác nhau" là phàm phu. "Những người tạo ra các sự tạo tác khác nhau" là phàm phu. "Những người bị cuốn trôi bởi nhiều dòng lũ khác nhau" là phàm phu. "Những người bị nóng nảy bởi nhiều sự nóng nảy khác nhau" là phàm phu. "Những người bị thiêu đốt bởi nhiều sự bực bội khác nhau" là phàm phu. "Những người bị luyến ái, bị thèm khát, bị buộc trói, bị mê mẩn, bị gần gũi, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại ở năm loại dục đa dạng" là phàm phu. "Những người bị bao bọc, bị bao trùm, bị bao kín, bị che lại, bị che kín, bị đậy kín bởi năm pháp che lấp đa dạng" là phàm phu.

Người ta đã gọi là kẻ phàm phu thấp hèn: "Phàm phu là thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi", các vị đã nói như vậy, thuyết như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy.

"Người ta đã gọi là kẻ phàm phu thấp hèn" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Sau khi sống một mình trước đây,
Kẻ nào [giờ] phục dịch việc đôi lứa,
Kẻ ấy ở thế gian, tựa như chiếc xe bị chao đảo,
Người ta đã gọi là kẻ phàm phu thấp hèn."

7.4. *Danh vọng và tiếng tăm nào [đã có] trước đây,*
Điều ấy của kẻ ấy [giờ] hiển nhiên cũng bị giảm thiểu.
Sau khi nhìn thấy điều này, nên học tập
Nhằm dứt bỏ hẳn việc đôi lứa.

Danh vọng và tiếng tăm nào [đã có] trước đây, điều ấy của kẻ ấy [giờ] hiển nhiên cũng bị giảm thiểu: Danh vọng nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó trước đây được trọng vọng, được cung kính, được sùng bái, được cúng dường, được nể nang, có nhận được y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và vật dụng là thuốc men chữa bệnh; điều này là danh vọng.

Tiếng tăm nào? Ở đây, một người nào đó trước đây trong bản thể Sa-môn đã duy trì tiếng tăm và đức hạnh: Là vị sáng suốt, kinh nghiệm, thông minh, nghe nhiều, có tài nói năng uyên bác, có tài ứng đối nhanh nhạy, là "vị chuyên về Kinh", hoặc là "vị trì Luật", hoặc là "vị thuyết giảng Pháp", hoặc là "vị ngụ ở rừng", hoặc là "vị chuyên đi khất thực", hoặc là "vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ", hoặc là "vị chỉ sử dụng ba y", hoặc là "vị đi khất thực tuần tự theo từng nhà", hoặc là "vị không ăn vật thực dâng sau", hoặc là "vị chuyên về oai nghi ngồi" (không nằm), hoặc là "vị ngụ ở chỗ đã được chỉ định", hoặc là "vị có đạt Sơ thiền", hoặc là "vị có đạt Nhị thiền", hoặc là "vị có đạt Tam thiền", hoặc là "vị có đạt Tứ thiền", hoặc là "vị có đạt Không vô biên xứ", hoặc là "vị có đạt Thức vô biên xứ", hoặc là "vị có đạt Vô sở hữu xứ", hoặc là "vị có đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ." Điều này là tiếng tăm. "Danh vọng và tiếng tăm trước đây" là như thế.

Điều ấy của kẻ ấy [giờ] hiển nhiên cũng bị giảm thiểu: Đối với vị ấy, vào lúc khác, sau khi lìa bỏ đức Phật, Giáo pháp, Tăng chúng và việc học tập, danh vọng ấy và tiếng tăm ấy của vị đã quay trở lại cuộc sống thấp hèn bị giảm thiểu, bị suy giảm, bị mất mát, đổ vỡ, biến mất, tiêu hoại.

"Danh vọng và tiếng tăm nào [đã có] trước đây, điều ấy của kẻ ấy [giờ] hiển nhiên cũng bị giảm thiểu" là như thế.

Sau khi nhìn thấy điều này, nên học tập nhằm dứt bỏ hẳn việc đôi lứa.

Điều này: Trước đây ở bản thể Sa-môn có tiếng tăm và đức hạnh, vào lúc khác, sau khi lìa bỏ đức Phật, Giáo pháp, Tăng chúng và việc học tập, vị đã quay trở lại cuộc sống thấp hèn có sự mất danh vọng và mất tiếng tăm; điều này là sự hư hỏng về thành đạt.

Sau khi nhìn thấy: Là sau khi nhìn xem, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt. "Sau khi nhìn thấy điều này" là như thế.

Nên học tập: Có ba sự học tập: Học tập về thắng giới, học tập về thắng tâm, học tập về thắng tuệ.

Việc nào là sự học tập về thắng giới? Ở đây, vị Tỳ-khưu là vị có giới, sống thu thúc với sự thu thúc của Giới bổn (*Pātimokkha*), thành tựu về hạnh kiểm và hành xứ, thấy sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhặt, thọ trì và thực hành trong các điều học. Nhóm giới nhỏ, nhóm giới lớn, giới là nền tảng, phần khởi đầu, sự thực hành, sự ngăn giữ, sự thu thúc, sự mở đầu, sự dẫn đầu nhằm chứng đạt các thiện pháp; việc này là sự học tập về thắng giới.

Việc nào là sự học tập về thắng tâm? Ở đây, vị Tỳ-khưu ngay sau khi tách ly khỏi các dục, tách ly khỏi các bất thiện pháp, đạt đến và trú thiền thứ nhất, có tầm có tứ, có hỷ lạc sanh lên do sự tách ly;... (nt)... đạt đến và trú thiền thứ nhì... (nt)... thiền thứ ba... (nt)... thiền thứ tư; việc này là sự học tập về thắng tâm.

Việc nào là sự học tập về thắng tuệ? Ở đây, vị Tỳ-khưu là vị có tuệ, thành tựu về tuệ hướng đến sự sanh diệt, góp phần vào sự thấu triệt cao thượng, dẫn đến việc cạn kiệt hoàn toàn của khổ. Vị ấy nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là khổ", nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là nhân sanh khổ", nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là sự diệt tận khổ", nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ", nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là các lậu hoặc", nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là nhân sanh các lậu hoặc", nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là sự diệt tận các lậu hoặc", nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận các lậu hoặc"; việc này là sự học tập về thắng tuệ.

Pháp đôi lứa: Nghĩa là việc làm không tốt đẹp,... (nt)... việc kết hợp của hai người, theo từng cặp. ... (nt)... vì lý do ấy mà được gọi là pháp đôi lứa.

Sau khi nhìn thấy điều này, nên học tập nhằm dứt bỏ hẳn việc đôi lứa: Nhằm dứt bỏ, nhằm làm vắng lặng, nhằm buông bỏ, nhằm tịch tịnh pháp đôi lứa, nên học tập về thắng giới, nên học tập về thắng tâm, nên học tập về thắng tuệ. Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này, thì nên học tập; trong khi biết, thì nên học tập; trong khi thấy, thì nên học tập; trong khi quán xét lại, thì nên học tập; trong khi quyết định tâm, thì nên học tập; trong khi hướng đến đức tin, thì nên học tập; trong khi ra sức tinh tấn, thì nên học tập; trong khi thiết lập niệm, thì nên học tập; trong khi tập trung tâm, thì nên học tập; trong khi nhận biết bằng tuệ, thì nên học tập; trong khi biết rõ pháp cần được biết rõ, thì nên học tập; trong khi biết toàn diện pháp cần được biết toàn diện, thì nên học tập; trong khi dứt bỏ pháp cần được dứt bỏ, thì nên học tập; trong khi tu tập pháp cần được tu tập, thì nên học tập; trong khi chứng ngộ pháp cần được chứng ngộ, thì nên học tập, nên hành xử, nên hành theo, nên thọ trì và vận dụng.

"Sau khi nhìn thấy điều này, nên học tập nhằm dứt bỏ hẳn việc đôi lứa" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Danh vọng và tiếng tăm nào [đã có] trước đây,
Điều ấy của kẻ ấy [giờ] hiển nhiên cũng bị giảm thiểu.
Sau khi nhìn thấy điều này, nên học tập
Nhằm dứt bỏ hẳn việc đôi lứa."

7.5. *Kẻ ấy bị chế ngự bởi các tư duy,*
Trầm tư như là kẻ khốn khổ.
Sau khi lắng nghe lời tuyên bố của những người khác,
Kẻ thuộc hạng như thế trở nên tủi hổ.

Kẻ ấy bị chế ngự bởi các tư duy, trầm tư như là kẻ khốn khổ: Bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu, bị bao trùm bởi các tư duy về dục, bởi các tư duy về sân hận, bởi các tư duy về hãm hại, bởi các tư duy về tà kiến; như là kẻ khốn khổ, như là kẻ ngu khờ, như là kẻ ngớ ngẩn trầm tư, suy gẫm, suy xét, suy tưởng. Giống như con chim cú ở cành cây đang rình bắt chuột, trầm tư, suy gẫm, suy xét, suy tưởng; giống như con chó rừng ở bờ sông đang rình bắt những con cá, trầm tư, suy gẫm, suy xét, suy tưởng; giống như con mèo đang rình bắt chuột ở cống rãnh, ở đống rác dơ bẩn, ở bờ sông, trầm tư, suy gẫm, suy xét, suy tưởng; giống như con lừa được trút bỏ gánh nặng, trầm tư, suy gẫm, suy xét, suy tưởng ở cống rãnh, ở đống rác dơ bẩn, ở bờ sông; tương tự như vậy, kẻ hoàn tục ấy, bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu, bị bao trùm bởi các tư duy về dục, bởi các tư duy về sân hận, bởi các tư duy về hãm hại, bởi các tư duy về tà kiến; như là kẻ khốn khổ, như là kẻ ngu khờ, như là kẻ ngớ ngẩn trầm tư, suy gẫm, suy xét, suy tưởng.

"Kẻ ấy bị chế ngự bởi các tư duy, trầm tư như là kẻ khốn khổ" là như thế.

Sau khi lắng nghe lời quở trách của những người khác, kẻ thuộc hạng như thế trở nên tủi hổ.

Của những người khác: Các vị thầy tế độ, hoặc các vị thầy dạy học, hoặc các vị đồng thầy tế độ, hoặc các vị đồng thầy dạy học, hoặc các bạn bè, hoặc các vị đồng quan điểm, hoặc các vị thân thiết, hoặc các đồng đạo khiển trách rằng: "Này Đại đức, ngươi đây có sự bất lợi, ngươi đây đã nhận lãnh điều tệ hại, là việc sau khi đạt được bậc Đạo sư cao quý như vậy, sau khi đã xuất gia ở Pháp và Luật được khéo thuyết giảng như vậy, thậm chí sau khi đạt được hội chúng Thánh nhân như vậy, vì lý do của pháp đôi lứa ấy, ngươi đã lìa bỏ đức Phật, Giáo pháp, Tăng chúng và việc học tập, rồi quay trở lại cuộc sống thấp hèn. Luôn cả cái gọi là đức tin trong các thiện pháp đã không có ở ngươi. Luôn cả cái gọi là tàm ở các thiện pháp đã không có ở ngươi. Luôn cả cái gọi là quý trong các thiện pháp đã không có ở ngươi. Luôn cả cái gọi là tinh tấn trong các thiện pháp đã không có ở ngươi. Luôn cả cái gọi là niệm trong các thiện pháp đã không có ở ngươi. Luôn cả cái gọi là tuệ trong các thiện pháp đã không có ở ngươi."

Sau khi lắng nghe: Sau khi nghe được, sau khi tiếp thu, sau khi tiếp nhận,

sau khi suy xét lời nói, lời phát biểu, lời chỉ bảo, lời chỉ dạy, lời khuyên bảo của các vị ấy, thì **trở nên tủi hổ**: Bị dằn vặt, bị đụng chạm, bị bệnh hoạn, bị ưu phiền.

Kẻ thuộc hạng như thế: Thuộc hạng như thế là giống như thế ấy, được tồn tại thế ấy, có kiểu cách ấy, có biểu hiện ấy, là kẻ hoàn tục.

"Sau khi lắng nghe lời quở trách của những người khác, kẻ thuộc hạng như thế trở nên tủi hổ" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Kẻ ấy bị chế ngự bởi các tư duy,
Trầm tư như là kẻ khốn khổ.
Sau khi lắng nghe lời quở trách của những người khác,
Kẻ thuộc hạng như thế trở nên tủi hổ."

7.6. *Rồi [kẻ ấy] tự tạo ra các vũ khí [các uế hạnh về thân, khẩu, ý],*
[Khi] bị khiển trách bởi các lời nói của những người khác.
Điều ấy, đối với kẻ này, quả là sự vướng víu lớn lao;
[Kẻ ấy] lún sâu vào việc nói lời dối trá.

Rồi [kẻ ấy] tự tạo ra các vũ khí, [khi] bị khiển trách bởi các lời nói của những người khác.

Rồi: Từ "*atha*" này gọi là sự nối liền các câu văn, sự kết hợp các câu văn, sự làm đầy đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuốt từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn.

Các vũ khí: Có ba loại vũ khí: Vũ khí bằng thân, vũ khí bằng khẩu, vũ khí bằng ý. Ba loại uế hạnh về thân là vũ khí bằng thân, bốn loại uế hạnh về khẩu là vũ khí bằng khẩu, ba loại uế hạnh về ý là vũ khí bằng ý.

Bị khiển trách bởi các lời nói của những người khác: Bị khiển trách bởi các vị thầy tế độ, hoặc bởi các vị thầy dạy học, hoặc bởi các vị đồng thầy tế độ, hoặc bởi các vị đồng thầy dạy học, hoặc bởi các bạn bè, hoặc bởi các vị đồng quan điểm, hoặc bởi các vị thân thiết, hoặc bởi các đồng đạo, rồi cố tình nói điều dối trá rằng: "Thưa ngài, tôi đã được thỏa thích trong việc xuất gia. Mẹ cần được tôi nuôi; vì thế tôi hoàn tục"; nói rằng: "Cha cần được tôi nuôi; vì thế tôi hoàn tục"; nói rằng: "Anh [em] trai cần được tôi nuôi; vì thế tôi hoàn tục"; nói rằng: "Chị [em] gái cần được tôi nuôi; vì thế tôi hoàn tục"; nói rằng: "Con trai cần được tôi nuôi, thân quyến cần được tôi nuôi, những người cùng huyết thống cần được tôi nuôi; vì thế tôi hoàn tục." [Kẻ ấy] tạo ra, tự làm ra, làm sanh ra, làm sanh khởi, làm hạ sanh, làm phát sanh ra vũ khí bằng khẩu.

"Rồi [kẻ ấy] tự tạo ra các vũ khí [các uế hạnh về thân, khẩu, ý], [khi] bị khiển trách bởi các lời nói của những người khác" là như thế.

Điều ấy, đối với kẻ này, quả là sự vướng víu lớn lao: Điều ấy quả là sự vướng víu lớn lao của kẻ ấy, là khu rừng lớn lao, khu rừng rậm lớn lao, bãi sa mạc lớn lao, khu vực gập ghềnh lớn lao, khúc quanh co lớn lao, bãi lầy lớn

lao, ao hồ lớn lao, sự vướng bận lớn lao, sự trói buộc lớn lao; tức là việc cố tình nói dối.

"Điều ấy, đối với kẻ này, quả là sự vướng víu lớn lao" là như thế.

[Kẻ ấy] lún sâu vào việc nói lời dối trá.

Việc nói lời dối trá: Nói đến việc nói dối. Ở đây, một người nào đó đi đến đoàn thể, hoặc đi đến hội chúng, hoặc đi đến giữa thân quyến, hoặc đi đến giữa đoàn thể, hoặc đi đến giữa các vương tộc, rồi bị mời đến, bị tra hỏi rằng: "Thưa ông, hãy đến. Ông biết điều nào thì ông hãy nói điều ấy." Kẻ ấy trong khi không biết đã nói là: "Tôi biết", hoặc trong khi biết đã nói là: "Tôi không biết", hoặc trong khi không thấy đã nói là: "Tôi thấy", hoặc trong khi thấy đã nói là: "Tôi không thấy." Như thế, vì nguyên nhân bản thân, hoặc vì nguyên nhân người khác, hoặc vì nguyên nhân tài sản, hoặc vì nguyên nhân vật chất nhỏ nhen rồi cố tình nói dối; việc này được gọi là việc nói lời dối trá.

Thêm nữa, việc nói dối là với ba yếu tố: Ngay trước đó, vị này khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói." Thêm nữa, việc nói dối là với bốn yếu tố: Ngay trước đó, vị này khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm. Thêm nữa, việc nói dối là với năm yếu tố ... với sáu yếu tố ... với bảy yếu tố ... với tám yếu tố: Ngay trước đó, vị này khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều chấp nhận, đã che giấu điều ưa thích, đã che giấu ý tưởng, đã che giấu sự việc. Việc nói dối là với tám yếu tố này.

Lún sâu vào việc nói lời dối trá: Lún sâu, chìm xuống, chìm sâu xuống, đi vào việc nói lời dối trá.

"[Kẻ ấy] lún sâu vào việc nói lời dối trá" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Rồi [kẻ ấy] tự tạo ra các vũ khí [các uế hạnh về thân, khẩu, ý],
[Khi] bị khiển trách bởi các lời nói của những người khác.
Điều ấy, đối với kẻ này, quả là sự vướng víu lớn lao,
[Kẻ ấy] lún sâu vào việc nói lời dối trá."

7.7. ***Đã được công nhận là "bậc sáng suốt", đã phát nguyện hạnh sống một mình, nếu cũng gắn bó vào việc đôi lứa, tựa như gã ngu khờ, bị sầu muộn.***

Đã được công nhận là "bậc sáng suốt": Ở đây, một người nào đó, trước đây ở bản thể Sa-môn, đã duy trì tiếng tăm và đức hạnh: Là vị sáng suốt, kinh nghiệm, thông minh, nghe nhiều, có tài nói năng uyên bác, có tài ứng đối nhanh nhạy, là "vị chuyên về Kinh", hoặc là "vị trì Luật", hoặc là "vị thuyết giảng

Pháp",… (nt)… hoặc là "vị có đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ", đã được biết đến, đã được nhận biết, đã được công nhận như vậy.

"Đã được công nhận là bậc sáng suốt" là như thế.

Đã phát nguyện hạnh sống một mình: Đã phát nguyện hạnh sống một mình bởi hai lý do: Với việc đã chấp nhận đời sống xuất gia hoặc với ý nghĩa rời xa tập thể. Thế nào là đã phát nguyện hạnh sống một mình với việc đã chấp nhận đời sống xuất gia? Sau khi cắt đứt mọi sự vướng bận của đời sống tại gia,… (nt)... Như vậy là đã phát nguyện hạnh sống một mình với việc đã chấp nhận đời sống xuất gia. Thế nào là đã phát nguyện hạnh sống một mình với ý nghĩa rời xa tập thể? Trong khi đã được xuất gia như vậy, vị ấy một mình thân cận các khu rừng, các khu rừng thưa,… (nt)... Như vậy là đã phát nguyện hạnh sống một mình với ý nghĩa rời xa tập thể.

"Đã phát nguyện hạnh sống một mình" là như thế.

Nếu cũng gắn bó vào việc đôi lứa.

Pháp đôi lứa: Nghĩa là việc làm không tốt đẹp, việc làm của các dân làng, việc làm của những người thấp kém,… (nt)… vì lý do ấy mà được gọi là pháp đôi lứa.

Nếu cũng gắn bó vào việc đôi lứa: Kẻ ấy, vào lúc khác, sau khi lìa bỏ đức Phật, Giáo pháp, Tăng chúng và việc học tập, đã quay trở lại cuộc sống thấp hèn, rồi gắn bó, gần gũi, gắn vào, gắn chặt, gắn liền ở pháp đôi lứa. "Nếu cũng gắn bó vào việc đôi lứa" là như thế.

Tựa như gã ngu khờ, bị sầu muộn: Tựa như kẻ khốn khổ, tựa như kẻ ngu khờ, tựa như kẻ ngớ ngẩn bị phiền muộn, bị sầu muộn, bị sầu khổ rồi giết hại sanh mạng, lấy vật không được cho, đột nhập gia cư, mang đi vật cướp được, làm kẻ đạo tặc, đứng cướp dọc đường, đi đến với vợ người khác, nói lời dối trá. Bị phiền muộn, bị sầu muộn, bị sầu khổ là như vậy.

Các vị vua sau khi bắt giữ chính kẻ ấy rồi cho áp dụng các hình phạt nhiều loại: Họ đánh đập bằng những cây roi, họ đánh đập bằng các dây mây, họ đánh đập bằng các gậy ngắn, họ chặt bàn tay, họ chặt bàn chân, họ chặt bàn tay và bàn chân, họ cắt tai, họ xẻo mũi, họ cắt tai và xẻo mũi, họ [đập vỡ đầu] làm thành như hũ cháo chua, họ lột da đầu, họ đốt lửa ở miệng, họ thiêu sống, họ đốt cháy ở bàn tay, họ lột da thành sợi, họ lột da thành đống để ở chân, họ kéo căng thân người ở trên đất, họ xiên da thịt bằng lưỡi câu, họ khoét thịt thành đồng tiền, họ chà xát với chất kiềm, họ quay tròn ở trên thập tự giá, họ đánh cho nhừ tử, họ rưới bằng dầu sôi, họ cho những con chó gặm, họ đặt trên giáo nhọn lúc còn sống, họ chặt đầu bằng gươm. Bị phiền muộn, bị sầu muộn, bị sầu khổ còn là như vậy.

Hoặc là, kẻ ấy bị ngự trị bởi tham ái về dục, có tâm bị khuất phục, dùng tàu thuyền lao vào đại dương tầm cầu các của cải, đối diện sự lạnh, đối diện sự nóng, trong khi bị khổ sở bởi ruồi, muỗi, gió, nắng, bị chết bởi đói khát,

đi đến Tigumba, đi đến Takkola, đi đến Takkasilā, đi đến Kālamukha, đi đến Parammukha, đi đến Vesuṅga, đi đến Verāpatha, đi đến Java, đi đến Tāmalī, đi đến Vaṅga, đi đến Eḷavaddhana, đi đến Suvaṇṇakūṭa, đi đến Suvaṇṇabhūmi, đi đến Tambapaṇṇī, đi đến Suppāraka, đi đến Bharukaccha, đi đến Suraṭṭha, đi đến Aṅgaloka, đi đến Gaṅgaṇa, đi đến Paramagaṅgaṇa, đi đến Yona, đi đến Paramayona, đi đến Allasanda, đi đến Navaka, đi đến Mūlapada, đi đến sa mạc cát, đi đến lối đi phải bò gối, đi đến lối đi của dê, đi đến lối đi của cừu, đi đến lối đi phải chống gậy, đi đến lối đi bằng dù, đi đến lối đi phía trên lùm tre, đi đến lối đi của loài chim, đi đến lối đi của loài chuột, đi đến lối đi khe núi, đi đến lối đi vịn vào lau sậy. Bị phiền muộn, bị sầu muộn, bị sầu khổ còn là như vậy.

Trong khi tìm kiếm nhưng không đạt được, rồi cảm thọ khổ ưu phát xuất từ việc không có lợi lộc. Bị phiền muộn, bị sầu muộn, bị sầu khổ còn là như vậy. Trong khi tìm kiếm mà đạt được, và do đã đạt được mà cảm thọ khổ ưu phát xuất từ việc bảo vệ [nghĩ rằng]: "Làm cách nào để các vị vua không có thể lấy đi, các kẻ trộm cướp không thể mang đi, lửa không thể thiêu cháy, nước không thể cuốn đi, những kẻ thừa tự không được yêu mến không thể lấy đi các của cải của ta?" Trong khi được kẻ ấy bảo vệ, gìn giữ như vậy, các của cải ấy bị hư hoại. Kẻ ấy cảm thọ khổ ưu phát xuất từ việc xa lìa. Bị phiền muộn, bị sầu muộn, bị sầu khổ còn là như vậy.

"Nếu cũng gắn bó vào việc đôi lứa, tựa như gã ngu khờ, bị sầu muộn" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Đã được công nhận là 'bậc sáng suốt', đã phát nguyện hạnh sống một mình, nếu cũng gắn bó vào việc đôi lứa, tựa như gã ngu khờ, bị sầu muộn."

7.8. *Sau khi biết được điều bất lợi này, ở đây bậc Hiền trí trước đó và sau này, nên thực hành vững chãi hạnh sống một mình, không nên phục dịch việc đôi lứa.*

Sau khi biết được điều bất lợi này, ở đây bậc Hiền trí trước đó và sau này.

Điều này: Trước đây ở bản thể Sa-môn có tiếng tăm và đức hạnh, vào lúc khác, sau khi lìa bỏ đức Phật, Giáo pháp, Tăng chúng và việc học tập, vị đã quay trở lại cuộc sống thấp hèn có sự mất danh vọng và mất tiếng tăm; điều này là sự hư hỏng về thành đạt. Sau khi nhận biết, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt.

Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí, tức là tuệ, là sự nhận biết,... (nt)... đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là Hiền trí.

Ở đây: Ở quan điểm này, ở sự chấp nhận này, ở sự ưa thích này, ở sự nắm giữ này, ở Pháp này, ở Luật này, ở Pháp và Luật này, ở giáo lý này, ở lời dạy này của bậc Đạo sư, ở Phạm hạnh này, ở bản ngã này, ở thế giới loài người này.

"Sau khi biết được điều bất lợi này, ở đây bậc Hiền trí trước đó và sau này" là như thế.

Nên thực hành vững chãi hạnh sống một mình: Nên thực hành vững chãi hạnh sống một mình bởi hai lý do: Với việc đã chấp nhận đời sống xuất gia hoặc với ý nghĩa rời xa tập thể.

Thế nào là nên thực hành vững chãi hạnh sống một mình với việc đã chấp nhận đời sống xuất gia? Sau khi cắt đứt mọi sự vướng bận của đời sống tại gia, sau khi cắt đứt sự vướng bận về vợ con, sau khi cắt đứt sự vướng bận về thân quyến, sau khi cắt đứt sự vướng bận về bạn bè và thân hữu, sau khi cắt đứt sự vướng bận về việc tích trữ, sau khi cạo bỏ râu tóc, khoác lên các tấm vải màu ca-sa, rời nhà xuất gia sống không nhà, sau khi đi đến trạng thái không có gì, một mình nên thực hành, nên trú ngụ, nên sinh hoạt, nên vận hành, nên bảo hộ, nên hộ trì, nên bảo dưỡng. Như vậy là nên thực hành vững chãi hạnh sống một mình với việc đã chấp nhận đời sống xuất gia.

Thế nào là nên thực hành vững chãi hạnh sống một mình với ý nghĩa rời xa tập thể? Trong khi đã được xuất gia như vậy, vị ấy một mình thân cận các khu rừng, các nơi heo hút, các chỗ trú ngụ xa vắng có ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh. Vị ấy nên đi một mình, nên đứng một mình, nên ngồi một mình, nên nằm một mình, nên đi vào làng để khất thực một mình, nên đi trở về một mình, nên ngồi nơi vắng vẻ một mình, nên quyết định kinh hành một mình, nên thực hành, nên trú ngụ, nên sinh hoạt, nên vận hành, nên bảo hộ, nên hộ trì, nên bảo dưỡng một mình. Như vậy là nên thực hành vững chãi hạnh sống một mình với ý nghĩa rời xa tập thể, nên thực hành chắc chắn, nên thực hành tinh tấn, nên có sự thọ trì vững chãi, nên có sự thọ trì kiên định trong các thiện pháp.

"Nên thực hành vững chãi hạnh sống một mình" là như thế.

Không nên phục dịch việc đôi lứa.

Pháp đôi lứa: Nghĩa là việc làm không tốt đẹp, việc làm của các dân làng,… (nt)… vì lý do ấy mà được gọi là pháp đôi lứa. Không nên phục vụ, không nên phục dịch, không nên kề cận, không nên thực hiện, không nên thực hành, không nên hành theo, không nên thọ trì và vận dụng pháp đôi lứa.

"Không nên phục dịch việc đôi lứa" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Sau khi biết được điều bất lợi này, ở đây bậc Hiền trí trước đó và sau này, nên thực hành vững chãi hạnh sống một mình, không nên phục dịch việc đôi lứa."

7.9. *Nên học tập chỉ mỗi hạnh viễn ly, điều này đối với các bậc Thánh là tối thượng, với điều ấy không nên nghĩ [bản thân] là hạng nhất; vị ấy quả nhiên ở gần Niết-bàn.*

Nên học tập chỉ mỗi hạnh viễn ly.

Sự viễn ly: Có ba sự viễn ly: Viễn ly về thân, viễn ly về tâm, viễn ly về mầm tái sanh. Thế nào là viễn ly về thân? ... (nt)… đây là viễn ly về mầm tái sanh. Viễn ly về thân là đối với các vị có thân đã lui về nơi ẩn dật, đã thích thú trong việc xuất ly. Viễn ly về tâm là đối với các vị có tâm hoàn toàn trong sạch, đã đạt đến sự trong trắng tuyệt đối. Và viễn ly về mầm tái sanh là đối với các cá nhân không còn mầm tái sanh, đã đạt đến việc lìa khỏi các pháp tạo tác.

Sự học tập: Có ba sự học tập: Học tập về thắng giới, học tập về thắng tâm, học tập về thắng tuệ. ... (nt)… việc này là sự học tập về thắng tuệ.

Nên học tập chỉ mỗi hạnh viễn ly: Nên học tập, nên thực hành, nên hành theo, nên tiếp nhận và duy trì chỉ mỗi hạnh viễn ly.

"Nên học tập chỉ mỗi hạnh viễn ly" là như thế.

Điều này đối với các bậc Thánh là tối thượng.

Các bậc Thánh: Nói đến chư Phật, các vị đệ tử của đức Phật và các vị Phật Độc Giác. Đối với các bậc Thánh, điều này là cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý, tức là sự thực hành hạnh viễn ly.

"Điều này đối với các bậc Thánh là tối thượng" là như thế.

Với điều ấy không nên nghĩ [bản thân] là hạng nhất: Với sự thực hành hạnh viễn ly ấy, không nên tạo sự kiêu hãnh, không nên tạo sự hãnh diện, không nên tạo sự ngã mạn, không nên tạo sự mạnh bạo, không nên tạo sự bướng bỉnh, không do điều ấy mà sanh ra ngã mạn, không do điều ấy mà trở nên ương ngạnh, ương bướng, ngẩng cao đầu.

"Với điều ấy không nên nghĩ [bản thân] là hạng nhất" là như thế.

Vị ấy quả nhiên ở gần Niết-bàn: Vị ấy ở gần, ở xung quanh, ở tại chỗ ngồi, ở không xa, ở kế bên Niết-bàn.

"Vị ấy quả nhiên ở gần Niết-bàn" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Nên học tập chỉ mỗi hạnh viễn ly, điều này đối với các bậc Thánh là tối thượng, với điều ấy không nên nghĩ [bản thân] là hạng nhất; vị ấy quả nhiên ở gần Niết-bàn."

7.10. *Đối với bậc Hiền trí đang sống, trống vắng [mọi ô nhiễm], không có sự trông mong các dục, đối với vị đã vượt qua [bốn] dòng nước lũ, người đời, bị buộc trói ở các dục, mong cầu [được như vị ấy].*

Đối với bậc Hiền trí đang sống, trống vắng [mọi ô nhiễm].

Trống vắng: Trống vắng, tách biệt, tách rời là trống vắng, tách biệt, tách rời với uế hạnh về thân; trống vắng, tách biệt, tách rời với uế hạnh về khẩu; trống vắng, tách biệt, tách rời với uế hạnh về ý; trống vắng, tách biệt, tách rời với sự luyến ái, sân hận, si mê, giận dữ, thù hằn, gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bỏn xẻn, xảo trá, lừa gạt, bướng bỉnh, hung hăng, ngã mạn, cao ngạo, đam mê, xao lãng, tất

cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bực bội, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bất thiện.

Đối với bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí,… (nt)… đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là Hiền trí.

Đang sống: Là đang thực hành, đang trú ngụ, đang sinh hoạt, đang vận hành, đang bảo hộ, đang hộ trì, đang bảo dưỡng.

"Đối với bậc Hiền trí đang sống, trống vắng [mọi ô nhiễm]" là như thế.

Không có sự trông mong các dục.

Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt)… Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)… Các điều này được gọi là ô nhiễm dục. Sau khi biết toàn diện về các vật dục, sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu các ô nhiễm dục; trong khi không trông mong các dục, dục được từ bỏ, dục được tẩy trừ, dục được giải thoát, dục được dứt bỏ, dục được buông bỏ, luyến ái được xa lìa, luyến ái được từ bỏ, luyến ái được tẩy trừ, luyến ái được giải thoát, luyến ái được dứt bỏ, luyến ái được buông bỏ, không còn khao khát, được tịch diệt, có trạng thái mát mẻ, có sự cảm thọ lạc, sống với trạng thái cao thượng tự thân.

"Không có sự trông mong các dục" là như thế.

Đối với vị đã vượt qua [bốn] dòng nước lũ, người đời bị buộc trói ở các dục, mong cầu [được như vị ấy].

Người đời: Là từ ngữ đề cập đến chúng sanh; người đời bị luyến ái, bị thèm khát, bị buộc trói, bị mê mẩn, bị gần gũi, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại ở các dục. Những người ấy ước muốn, ưng thuận, ước nguyện, mong cầu, nguyện cầu đối với vị đã vượt qua dòng lũ [ngũ] dục, đã vượt qua dòng lũ của hữu, đã vượt qua dòng lũ tà kiến, đã vượt qua dòng lũ vô minh, đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt ra khỏi, đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi mọi nẻo đường luân hồi, đã đi đến bờ kia, đã đạt đến bờ kia, đã đi đến điểm cuối, đã đạt đến điểm cuối, đã đi đến đỉnh, đã đạt đến đỉnh, đã đi đến tận cùng, đã đạt đến tận cùng, đã đi đến sự hoàn tất, đã đạt đến sự hoàn tất, đã đi đến nơi nương náu, đã đạt đến nơi nương náu, đã đi đến nơi trú ẩn, đã đạt đến nơi trú ẩn, đã đi đến nơi nương nhờ, đã đạt đến nơi nương nhờ, đã đi đến nơi không sợ hãi, đã đạt đến nơi không sợ hãi, đã đi đến bất hoại, đã đạt đến sự bất hoại, đã đi đến bất tử, đã đạt đến bất tử, đã đi đến Niết-bàn, đã đạt đến Niết-bàn.

Giống như những người thiếu nợ ước nguyện, mong cầu việc thoát khỏi nợ; giống như những người bệnh ước nguyện, mong cầu việc hết bệnh; giống như những người bị trói buộc vào sự cột trói ước nguyện, mong cầu việc thoát khỏi sự cột trói; giống như những người nô lệ ước nguyện, mong cầu sự tự do, giống như những người lao vào đường xa hiểm trở ước nguyện, mong cầu vùng đất an toàn; tương tự như vậy, người đời bị luyến ái, bị thèm khát, bị buộc trói, bị mê mẩn, bị gần gũi, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại ở các dục. Những người

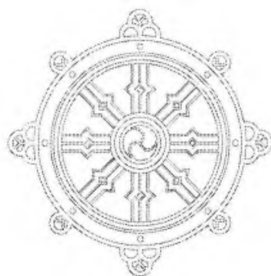
ấy ước muốn, ưng thuận, ước nguyện, mong cầu, nguyện cầu đối với vị đã vượt dòng lũ [ngũ] dục, đã vượt dòng lũ của hữu… (nt)… đã đi đến Niết-bàn, đã đạt đến Niết-bàn.

"Đối với vị đã vượt qua [bốn] dòng nước lũ, người đời, bị buộc trói ở các dục, mong cầu [được như vị ấy]" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Đối với bậc Hiền trí đang sống, trống vắng [mọi ô nhiễm], không có sự trông mong các dục, đối với vị đã vượt qua [bốn] dòng nước lũ, người đời, bị buộc trói ở các dục, mong cầu [được như vị ấy]."

"Diễn giải kinh về Tissametteyya" - Phần thứ bảy.



8. DIỄN GIẢI KINH VỀ PASŪRA (*PASŪRASUTTANIDDESO*)

Giờ phần "Diễn giải kinh về Pasūra" được nói đến:

8.1. *Họ [những kẻ theo tà kiến] nói rằng: "Chính ở đây là trong sạch."*
Họ đã nói sự thanh tịnh không có ở các giáo pháp khác.
Nương tựa vào nơi nào, họ nói sự tốt đẹp về nơi ấy,
Phần đông đã đi theo những chân lý riêng biệt.

Họ nói rằng: "Chính ở đây là trong sạch": Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả về sự trong sạch, về sự thanh tịnh, về sự hoàn toàn trong sạch, về sự thoát khỏi, về sự giải thoát, về sự hoàn toàn thoát khỏi ở chính nơi đây. Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả về sự trong sạch, về sự thanh tịnh, về sự hoàn toàn trong sạch, về sự thoát khỏi, về sự giải thoát, về sự hoàn toàn thoát khỏi rằng: "Thế giới là thường còn, thế giới là không thường còn, thế giới là có giới hạn, thế giới là không có giới hạn, mạng sống và thân thể là một, mạng sống và thân thể là khác, chúng sanh hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh hiện hữu và không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại."

"Họ nói rằng: 'Chính ở đây là trong sạch'" là như thế.

Họ đã nói sự thanh tịnh không có ở các giáo pháp khác: Họ quăng bỏ, ném bỏ, vất bỏ tất cả các học thuyết khác, ngoại trừ bậc Đạo sư, giáo lý, tập thể, quan điểm, lối thực hành, đạo lộ của bản thân. Họ đã nói như vầy: "Bậc Đạo sư ấy không là đấng Toàn tri, giáo pháp ấy không khéo được thuyết giảng, tập thể ấy đã không thực hành tốt đẹp, quan điểm ấy không tốt đẹp, lối thực hành ấy đã không khéo được quy định, đạo lộ ấy không dẫn dắt ra khỏi, ở nơi ấy không có sự trong sạch, hay sự thanh tịnh, hay sự hoàn toàn trong sạch, hay sự thoát khỏi, hay sự giải thoát, hay sự hoàn toàn thoát khỏi; ở nơi ấy không có những người được trong sạch, hay được thanh tịnh, hay được hoàn toàn trong sạch, hay được thoát khỏi, hay được giải thoát, hay được hoàn toàn thoát khỏi, họ là thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi", họ nói như vậy, họ thuyết như vậy, họ phát ngôn như vậy, họ giảng giải như vậy, họ diễn tả như vậy.

"Họ đã nói sự thanh tịnh không có ở các giáo pháp khác" là như thế.

Nương tựa vào nơi nào, họ nói sự tốt đẹp về nơi ấy.

Nương tựa vào nơi nào: Vào bậc Đạo sư, vào giáo lý, vào tập thể, vào quan điểm, vào lối thực hành, vào đạo lộ nào mà họ đã nương tựa, đã nương nhờ, đã bám vào, đã đến gần, đã bám chặt, đã hướng đến.

Về nơi ấy: Là về quan điểm của mình, về sự chấp nhận của mình, về sự ưa thích của mình, về quan niệm của mình.

Họ nói sự tốt đẹp: Là có học thuyết tốt đẹp, có học thuyết lịch sự, có học thuyết sáng suốt, có học thuyết vững chắc, có học thuyết đúng đắn, có học thuyết thực tiễn, có học thuyết rõ rệt, có học thuyết gương mẫu, có học thuyết giá trị dựa theo quan niệm của mình.

"Nương tựa vào nơi nào, họ nói sự tốt đẹp về nơi ấy" là như thế.

Phần đông đã đi theo những chân lý riêng biệt: Phần đông các Sa-môn và Bà-la-môn đã đi theo, đã thiết lập, đã bám vào, đã đến gần, đã bám chặt, đã hướng đến những chân lý riêng biệt của cá nhân. Họ đã đi theo, đã thiết lập, đã bám vào, đã đến gần, đã bám chặt, đã hướng đến rằng: "Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại"; họ đã đi theo, đã thiết lập, đã bám vào, đã đến gần, đã bám chặt, đã hướng đến rằng: "Thế giới là không thường còn,... (nt)... chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại."

"Phần đông đã đi theo những chân lý riêng biệt" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Họ [những kẻ theo tà kiến] nói rằng: 'Chính ở đây là trong sạch.'
Họ đã nói sự thanh tịnh không có ở các giáo pháp khác.
Nương tựa vào nơi nào, họ nói sự tốt đẹp về nơi ấy.
Phần đông đã đi theo những chân lý riêng biệt."

8.2. *Mong muốn tranh luận, những kẻ ấy sau khi chen vào hội chúng,*
Từng đôi, chúng đánh giá lẫn nhau là ngu dốt.
Dựa dẫm vào người khác, chúng nói lời bàn cãi,
Mong muốn lời ca ngợi, chúng nói [học thuyết] là thiện xảo.

Mong muốn tranh luận, những kẻ ấy sau khi chen vào hội chúng.

Mong muốn tranh luận, những kẻ ấy: Những kẻ ấy có sự mong muốn tranh luận, có mục đích tranh luận, có chủ tâm tranh luận, có sự chú trọng tranh luận, có sự tầm cầu tranh luận trong khi đi đến.

Sau khi chen vào hội chúng: Là sau khi chen vào, sau khi xen vào, sau khi lặn sâu vào, sau khi đi vào hội chúng Sát-đế-lỵ, hội chúng Bà-la-môn, hội chúng gia chủ, hội chúng Sa-môn.[1]

"Mong muốn tranh luận, những kẻ ấy sau khi chen vào hội chúng" là như thế.

Từng đôi, chúng đánh giá lẫn nhau là ngu dốt.

---

[1] Đã dịch theo sự hiệu đính của Tam tạng Miến Điện, Thái Lan và PTS. (ND)

Từng đôi: Là hai người, hai người gây nên sự cãi cọ, hai người gây nên sự cãi lộn, hai người gây nên cuộc nói chuyện nhảm nhí, hai người gây nên sự tranh cãi, hai người gây nên sự tranh tụng, hai người tranh luận, hai người chuyện trò. Chúng đánh giá, nhìn thấy, nhận thấy, quan sát, suy xét, khảo sát lẫn nhau là thấp hèn, là hèn kém, là thấp kém, là thấp thỏi, là tồi tệ, là nhỏ nhoi.

"Từng đôi, chúng đánh giá lẫn nhau là ngu dốt" là như thế.

Dựa dẫm vào người khác, chúng nói lời bàn cãi: Những người ấy nương tựa, dựa dẫm, bám vào, đến gần, bám chặt, hướng đến bậc Đạo sư, giáo lý, tập thể, quan điểm, lối thực hành, đạo lộ khác.

Lời bàn cãi: Nói đến sự cãi cọ, sự cãi lộn, sự cãi vã, sự tranh cãi, sự gây gổ. Hoặc là, **lời bàn cãi**: Lời nói ấy là vô bổ. Chúng nói lời bàn cãi, nói lời cãi cọ, nói lời cãi lộn, nói lời cãi vã, nói lời tranh cãi, nói lời gây gổ, chúng thuyết, chúng phát ngôn, chúng giảng giải, chúng diễn tả.

"Dựa dẫm vào người khác, chúng nói lời bàn cãi" là như thế.

Mong muốn lời ca ngợi, chúng nói [học thuyết] là thiện xảo.

Mong muốn lời ca ngợi: Là có sự mong muốn lời ca ngợi, có mục đích về lời ca ngợi, có chủ tâm về lời ca ngợi, có sự chú trọng về lời ca ngợi, có sự tầm cầu về lời ca ngợi trong khi đi đến.

Chúng nói là thiện xảo: Là có học thuyết thiện xảo, có học thuyết sáng suốt, có học thuyết vững chắc, có học thuyết đúng đắn, có học thuyết thực tiễn, có học thuyết rõ rệt, có học thuyết gương mẫu, có học thuyết giá trị dựa theo quan niệm của mình.

"Mong muốn lời ca ngợi, chúng nói [học thuyết] là thiện xảo" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Mong muốn tranh luận, những kẻ ấy sau khi chen vào hội chúng,
Từng đôi, chúng đánh giá lẫn nhau là ngu dốt.
Dựa dẫm vào người khác, chúng nói lời bàn cãi,
Mong muốn lời ca ngợi, chúng nói [học thuyết] là thiện xảo."

8.3. *Kẻ gắn bó với sự phát biểu ở giữa hội chúng,*
Trong khi ước muốn lời ca ngợi, thì trở nên lo lắng.
Hơn nữa, khi bị bác bỏ thì trở nên xấu hổ,
Vì sự chê bai, kẻ ấy bị bực tức, có sự tìm kiếm điểm thiếu sót.

Kẻ gắn bó với sự phát biểu ở giữa hội chúng: Kẻ gắn bó, gắn vào, gắn chặt, gắn liền, kết gắn với sự phát biểu của bản thân ở hội chúng Sát-đế-ly, hoặc ở hội chúng Bà-la-môn, hoặc ở hội chúng gia chủ, hoặc ở hội chúng Sa-môn để phát biểu.

"Kẻ gắn bó với sự phát biểu ở giữa hội chúng" là như thế.

Trong khi ước muốn lời ca ngợi, thì trở nên lo lắng.

Trong khi ước muốn lời ca ngợi: Trong khi ước muốn là trong khi ước nguyện, trong khi mong cầu, trong khi nguyện cầu lời ca ngợi, sự tán dương, sự nổi tiếng, sự rạng danh.

Thì trở nên lo lắng: Ngay trước cuộc nói chuyện thì có nỗi nghi hoặc, có sự lo lắng rằng: "Phải chăng sẽ có sự chiến thắng cho ta? Phải chăng sẽ có sự thất bại cho ta? Ta sẽ thực hiện việc chỉ trích như thế nào? Ta sẽ thực hiện việc bào chữa như thế nào? Ta sẽ tạo sự đề cao như thế nào? Ta sẽ tạo sự gây ấn tượng như thế nào? Ta sẽ tạo sự gút mắc như thế nào? Ta sẽ tạo sự gỡ rối như thế nào? Ta sẽ tạo sự cắt ngang như thế nào? Ta sẽ tạo sự kết nối như thế nào?" Ngay trước cuộc nói chuyện thì có nỗi nghi hoặc, có sự lo lắng là như vậy.

"Trong khi ước muốn lời ca ngợi, thì trở nên lo lắng" là như thế.

Hơn nữa, khi bị bác bỏ thì trở nên xấu hổ: Những người nào là các vị xem xét câu hỏi, các hội đoàn, các thành viên, các kiểm tra viên, những người ấy bác bỏ. Họ bác bỏ vì ý nghĩa: "Điều đã nói xa rời ý nghĩa." Họ bác bỏ vì văn tự: "Điều đã nói xa rời văn tự." Họ bác bỏ vì ý nghĩa và văn tự: "Điều đã nói xa rời ý nghĩa và văn tự." Họ bác bỏ rằng: "Ý nghĩa đã được ông trình bày sai, văn tự đã được ông trích dẫn tồi, nghĩa và văn tự đã được ông trình bày sai và trích dẫn tồi, ông đã không thực hiện việc chỉ trích, ông đã thực hiện tồi việc bào chữa, ông đã không tạo sự đề cao, ông đã làm dở việc gây ấn tượng, ông đã không tạo sự gút mắc, ông đã làm dở việc gỡ rối, ông đã không tạo sự cắt ngang, ông đã làm dở việc kết nối. Điều đã thuyết là không suông sẻ, đã được thuyết dở, đã được phát ngôn dở, đã được đối đáp tồi, đã được thốt ra tồi, đã bị nói vụng về."

Hơn nữa, khi bị bác bỏ thì trở nên xấu hổ: Khi bị chối từ thì trở nên xấu hổ, bị dằn vặt, bị đụng chạm, bị bệnh hoạn, bị ưu phiền.

"Hơn nữa, khi bị bác bỏ thì trở nên xấu hổ" là như thế.

Vì sự chê bai, kẻ ấy bị bực tức, có sự tìm kiếm điểm thiếu sót: Vì sự chê bai, vì sự chê trách, vì sự không nổi tiếng, vì sự không ca tụng, nên bị bực tức, tức giận, phản kháng bày tỏ sự bực tức, sự sân hận, sự không bằng lòng. "Vì sự chê bai, kẻ ấy bị bực tức" là như thế.

Có sự tìm kiếm điểm thiếu sót: Có sự tìm kiếm điểm thiếu sót là có sự tìm kiếm chỗ thủng, có sự tìm kiếm khuyết điểm, có sự tìm kiếm sự lầm lỡ, có sự tìm kiếm sự vấp ngã, có sự tìm kiếm sự đụng chạm, có sự tìm kiếm kẽ hở.

"Vì sự chê bai, kẻ ấy bị bực tức, có sự tìm kiếm điểm thiếu sót" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Kẻ gắn bó với sự phát biểu ở giữa hội chúng,
Trong khi ước muốn lời ca ngợi, thì trở nên lo lắng.
Hơn nữa, khi bị bác bỏ thì trở nên xấu hổ,
Vì sự chê bai, kẻ ấy bị bực tức, có sự tìm kiếm điểm thiếu sót."

8.4. *Họ đã nói rằng cuộc tranh luận của người này là hèn mọn,*
Những vị xem xét câu hỏi đã bác bỏ.
Người có cuộc tranh luận thấp hèn than vãn, sầu muộn,
Phàn nàn rằng: *"Kẻ ấy đã vượt hẳn tôi."*

Họ đã nói rằng cuộc tranh luận của người này là hèn mọn: Cho rằng cuộc tranh luận của người này là thấp hèn, hèn kém, hèn mọn, bị bỏ qua, không được hoàn hảo; các vị đã nói như vậy, thuyết như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy.

"Họ đã nói rằng cuộc tranh luận của người này là hèn mọn" là như thế.

Những vị xem xét câu hỏi đã bác bỏ: Những người nào là các vị xem xét câu hỏi, các hội đoàn, các thành viên, các kiểm tra viên, những người ấy bác bỏ. Họ bác bỏ vì ý nghĩa: "Điều đã nói xa rời ý nghĩa." Họ bác bỏ vì văn tự: "Điều đã nói xa rời văn tự." Họ bác bỏ vì ý nghĩa và văn tự: "Điều đã nói xa rời ý nghĩa và văn tự." Họ bác bỏ rằng: "Ý nghĩa của ông được trình bày sai, văn tự của ông được trích dẫn tồi, ý nghĩa và văn tự của ông được trình bày sai và được trích dẫn tồi, ông đã không thực hiện việc chỉ trích, ông đã thực hiện tồi việc bào chữa, ông đã không tạo sự đề cao, ông đã làm dở việc gây ấn tượng, ông đã không tạo sự gút mắc, ông đã làm dở việc gỡ rối, ông đã không tạo sự cắt ngang, ông đã làm dở việc kết nối. Điều đã thuyết là không suông sẻ, đã được thuyết dở, đã được phát ngôn dở, đã được đối đáp tồi, đã được thốt ra tồi, đã bị nói vụng về."

"Những vị xem xét câu hỏi đã bác bỏ" là như thế.

Người có cuộc tranh luận thấp hèn than vãn, sầu muộn.

Than vãn [rằng]: "Ta đã suy tính cách khác, đã suy nghĩ cách khác, đã suy luận cách khác, đã học tập cách khác, đã suy xét cách khác. Kẻ ấy có phe cánh đông hơn, có hội chúng đông hơn, có tùy tùng đông hơn. Hội chúng này là phe nhóm, không hợp nhất. Hãy có cuộc thuyết giảng và nói chuyện ở hội chúng hợp nhất, ta sẽ bẻ gãy lại", lời nói nào có hình thức như vậy là nói lảm nhảm, nói huyên thuyên, nói kể lể, lối nói kể lể, trạng thái nói kể lể. "Than vãn" là như thế.

Sầu muộn: Sầu muộn rằng: "Chiến thắng thuộc về kẻ ấy", sầu muộn rằng: "Thất bại thuộc về ta", sầu muộn rằng: "Lợi lộc thuộc về kẻ ấy", sầu muộn rằng: "Thất lợi thuộc về ta", sầu muộn rằng: "Danh vọng thuộc về kẻ ấy", sầu muộn rằng: "Không danh vọng thuộc về ta", sầu muộn rằng: "Khen ngợi thuộc về kẻ ấy", sầu muộn rằng: "Chê bai thuộc về ta", sầu muộn rằng: "Hạnh phúc thuộc về kẻ ấy", sầu muộn rằng: "Đau khổ thuộc về ta." Sầu muộn rằng: "Kẻ ấy được trọng vọng, được cung kính, được sùng bái, được cúng dường, được nể nang, có nhận được y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và vật dụng là thuốc men chữa bệnh; ta không được trọng vọng, không được cung kính, không được sùng bái, không được cúng dường, không được nể nang, không nhận được y phục,

vật thực, chỗ trú ngụ và vật dụng là thuốc men chữa bệnh”; rồi mệt mỏi, than vãn, đấm ngực khóc lóc, đi đến sự mê muội. “Than vãn, sầu muộn” là như thế.

Cuộc tranh luận thấp hèn: Cuộc tranh luận thấp hèn là cuộc tranh luận hèn mọn, cuộc tranh luận bị bỏ qua, cuộc tranh luận không được hoàn hảo.

“Người có cuộc tranh luận thấp hèn than vãn, sầu muộn” là như thế.

Phàn nàn rằng: “Kẻ ấy đã vượt hẳn tôi.” “Kẻ ấy đã vượt trội, đã vượt khỏi, là đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi tôi trong lúc tranh luận với tôi bằng cuộc tranh luận.” “Kẻ ấy đã vượt hẳn tôi” là như vậy. Hoặc là, “Trong lúc tranh luận với tôi bằng cuộc tranh luận, sau khi ngự trị, sau khi đè bẹp, sau khi trấn áp, sau khi chà đạp tôi, kẻ ấy sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng.” “Kẻ ấy đã vượt hẳn tôi” còn là như vậy.

Phàn nàn: Đề cập đến lời nói, việc nói lảm nhảm, việc nói huyên thuyên, việc nói kể lể, lối nói kể lể, trạng thái nói kể lể.

“Phàn nàn rằng: ‘Kẻ ấy đã vượt hẳn tôi’” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Họ đã nói rằng cuộc tranh luận của người này là hèn mọn,
Những vị xem xét câu hỏi đã bác bỏ.
Người có cuộc tranh luận thấp hèn than vãn, sầu muộn,
Phàn nàn rằng: ‘Kẻ ấy đã vượt hẳn tôi.’”

8.5. *Những sự tranh cãi này đã sanh khởi giữa các vị Sa-môn.*
Ở những việc này có sự hưng phấn và chán nản.
Sau khi nhìn thấy luôn cả điều này, nên xa lánh sự bàn cãi,
Bởi vì không có lợi ích nào khác ngoài việc đạt được lời ca ngợi.

Những sự tranh cãi này đã sanh khởi giữa các vị Sa-môn.

Các vị Sa-môn: Bất cứ những vị nào đã đi đến hạnh du sĩ, đã thành tựu hạnh du sĩ bên ngoài giáo pháp này. Các sự cãi cọ về quan điểm, các sự cãi lộn về quan điểm, các sự cãi vã về quan điểm, các sự tranh cãi về quan điểm, các sự gây gổ về quan điểm này đã sanh ra, đã sanh khởi, đã hạ sanh, đã phát sanh, đã xuất hiện giữa các vị Sa-môn.

“Những sự tranh cãi này đã sanh khởi giữa các vị Sa-môn” là như thế.

Ở những việc này có sự hưng phấn và chán nản: Là có chiến thắng và thất bại, có lợi lộc và không lợi lộc, có danh vọng và không danh vọng, có ca ngợi và chê bai, có hạnh phúc và khổ đau, có hỷ tâm và ưu tâm, có ưa thích và không ưa thích, có ưa chuộng và bất bình, có hưng phấn và chán nản, có chiều chuộng và chống đối; do chiến thắng tâm được hưng phấn, do thất bại tâm bị chán nản; do có lợi lộc tâm được hưng phấn, do không có lợi lộc tâm bị chán nản; do có danh vọng tâm được hưng phấn, do không có danh vọng tâm bị chán nản; do lời ca ngợi tâm được hưng phấn, do lời chê bai tâm bị chán nản; do hạnh phúc tâm được hưng phấn, do khổ đau tâm bị chán nản; do hỷ tâm tâm được

hưng phấn, do ưu tâm tâm bị chán nản; do kiêu hãnh tâm được hưng phấn, do mặc cảm tâm bị chán nản.

"Ở những việc này có sự hưng phấn và chán nản" là như thế.

Sau khi nhìn thấy luôn cả điều này, nên xa lánh sự bàn cãi.

Sau khi nhìn thấy luôn cả điều này: Sau khi nhìn thấy, sau khi nhìn xem, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt điều bất lợi này ở các sự cãi cọ về quan điểm, ở các sự cãi lộn về quan điểm, ở các sự cãi vã về quan điểm, ở các sự tranh cãi về quan điểm, ở các sự gây gổ về quan điểm. "Sau khi nhìn thấy luôn cả điều này" là như thế.

Nên xa lánh sự bàn cãi: Sự bàn cãi nói đến sự cãi cọ, sự cãi lộn, sự cãi vã, sự tranh cãi, sự gây gổ. Hoặc là, **sự bàn cãi:** Lời nói ấy là vô bổ. Không nên tạo ra sự bàn cãi, không nên tạo ra sự cãi cọ, không nên tạo ra sự cãi lộn, không nên tạo ra sự cãi vã, không nên tạo ra sự tranh cãi, không nên tạo ra sự gây gổ; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu sự cãi cọ, cãi lộn, cãi vã, tranh cãi, gây gổ; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với sự cãi cọ, cãi lộn, tranh luận, tranh cãi, gây gổ, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

"Sau khi nhìn thấy luôn cả điều này, nên xa lánh sự bàn cãi" là như thế.

Bởi vì không có lợi ích nào khác ngoài việc đạt được lời ca ngợi: Ngoài việc đạt được lời ca ngợi, không có lợi ích nào khác, lợi ích cho bản thân hay lợi ích cho người khác hoặc lợi ích cho cả hai, lợi ích liên quan đời này hay lợi ích liên quan đời sau, lợi ích hời hợt hay lợi ích thâm sâu, lợi ích được giấu kín hay lợi ích được che đậy, lợi ích tiềm tàng hoặc lợi ích hiển hiện, lợi ích có tội lỗi hay lợi ích không ô nhiễm, lợi ích trong trắng hay lợi ích tối thượng là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại.

"Bởi vì không có lợi ích nào khác ngoài việc đạt được lời ca ngợi" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Những sự tranh cãi này đã sanh khởi giữa các vị Sa-môn.
Ở những việc này có sự hưng phấn và chán nản.
Sau khi nhìn thấy luôn cả điều này, nên xa lánh sự bàn cãi,
Bởi vì không có lợi ích nào khác ngoài việc đạt được lời ca ngợi."

8.6. *Hoặc hơn nữa, kẻ được ca ngợi ở nơi ấy,*
Sau khi đã nói lên lời tranh luận ở giữa hội chúng,
Kẻ ấy cười về điều ấy, kiêu hãnh vì điều ấy,
Sau khi đã đạt được mục đích ấy theo như ý định đã có.

Hoặc hơn nữa, kẻ được ca ngợi ở nơi ấy.

Ở nơi ấy: Được ca ngợi, được tán dương, được nổi tiếng, được rạng danh bởi quan điểm của mình, bởi sự chấp nhận của mình, bởi sự ưa thích của mình, bởi quan niệm của mình.

"Hoặc hơn nữa, kẻ được ca ngợi ở nơi ấy" là như thế.

Sau khi đã nói lên lời tranh luận ở giữa hội chúng: Sau khi đã nói lên, sau khi đã nêu ra lời tranh luận; sau khi đã nói lên, sau khi đã nêu ra, sau khi đã kiện toàn, sau khi đã tăng cường, sau khi đã giảng giải, sau khi đã làm rõ, sau khi đã diễn tả, sau khi đã nắm vững lời biện luận của mình ở giữa hội chúng Sát-đế-ly, hội chúng Bà-la-môn, hội chúng gia chủ, hội chúng Sa-môn.

"Sau khi đã nói lên lời tranh luận ở giữa hội chúng" là như thế.

Kẻ ấy cười về điều ấy, kiêu hãnh vì điều ấy: Kẻ ấy với thắng lợi ấy trở nên vui sướng, vui vẻ, thích thú, hoan hỷ, có tâm tư được trọn vẹn; hoặc là trong lúc cười nhe răng, kẻ ấy cười.

Kiêu hãnh vì điều ấy: Kẻ ấy được kiêu hãnh với thắng lợi ấy. Sự kiêu hãnh, sự giương lên [như ngọn cờ], sự tự nâng lên, sự mong muốn nổi bật của tâm.

"Kẻ ấy cười về điều ấy, kiêu hãnh vì điều ấy" là như thế.

Sau khi đã đạt được mục đích ấy theo như ý định đã có: Sau khi đã đạt được, sau khi đã đến nơi, sau khi đã đạt đến, sau khi đã tìm thấy, sau khi đã tiếp nhận thắng lợi ấy.

Theo như ý định đã có: Theo như ý định đã có là theo như tâm ý đã có, theo như tâm tư đã có, theo như tâm thức đã có.

"Sau khi đã đạt được mục đích ấy theo như ý định đã có" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Hoặc hơn nữa, kẻ được ca ngợi ở nơi ấy,
Sau khi đã nói lên lời tranh luận ở giữa hội chúng,
Kẻ ấy cười về điều ấy, kiêu hãnh vì điều ấy,
Sau khi đã đạt được mục đích ấy theo như ý định đã có."

8.7. *Cái nào là sự kiêu hãnh, cái ấy đối với kẻ ấy là vùng đất tiêu diệt.*
Hơn nữa, kẻ ấy nói một cách ngã mạn và cao ngạo.
Sau khi nhìn thấy luôn cả điều này, không nên tranh cãi,
Bởi vì các bậc thiện xảo nói sự trong sạch là không do việc ấy.

Cái nào là sự kiêu hãnh, cái ấy đối với kẻ ấy là vùng đất tiêu diệt.

Cái nào: Cái nào là sự hãnh diện, sự giương lên [như ngọn cờ], sự tự nâng lên, sự mong muốn nổi bật của tâm; "cái nào là sự kiêu hãnh" là như thế.

Cái ấy đối với kẻ ấy là vùng đất tiêu diệt: Cái ấy là vùng đất tiêu diệt, vùng đất phá hại, vùng đất hành hạ, vùng đất đụng chạm, vùng đất bất hạnh, vùng đất nguy cơ đối với kẻ ấy.

"Cái nào là sự kiêu hãnh, cái ấy đối với kẻ ấy là vùng đất tiêu diệt" là như thế.

Hơn nữa, kẻ ấy nói một cách ngã mạn và cao ngạo: Nhân vật ấy nói một cách ngã mạn và nói một cách cao ngạo.

"Hơn nữa, kẻ ấy nói một cách ngã mạn và cao ngạo" là như thế.

Sau khi nhìn thấy luôn cả điều này, không nên tranh cãi: Sau khi nhìn thấy, sau khi nhìn xem, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt điều bất lợi này ở các sự cãi cọ về quan điểm, ở các sự cãi lộn về quan điểm, ở các sự cãi vã về quan điểm, ở các sự tranh cãi về quan điểm, ở các sự gây gổ về quan điểm. "Sau khi nhìn thấy luôn cả điều này" là như thế.

Không nên tranh cãi: Không nên tạo ra sự cãi cọ, không nên tạo ra sự cãi lộn, không nên tạo ra sự cãi vã, không nên tạo ra sự tranh cãi, không nên tạo ra sự gây gổ; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu sự cãi cọ, cãi lộn, cãi vã, tranh cãi, gây gổ; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với sự cãi cọ, cãi lộn, cãi vã, tranh cãi, gây gổ, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

"Sau khi nhìn thấy luôn cả điều này, không nên tranh cãi" là như thế.

Bởi vì các bậc thiện xảo nói sự trong sạch là không do việc ấy.

Các bậc thiện xảo: Những bậc thiện xảo về uẩn, thiện xảo về giới, thiện xảo về xứ, thiện xảo về tùy thuận duyên khởi, thiện xảo về việc thiết lập niệm, thiện xảo về chánh cần, thiện xảo về nền tảng của thần thông, thiện xảo về quyền, thiện xảo về lực, thiện xảo về yếu tố đưa đến giác ngộ, thiện xảo về Đạo, thiện xảo về Quả, thiện xảo về Niết-bàn, [các bậc thiện xảo ấy] không nói, không thuyết, không phát ngôn, không giảng giải, không diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do sự cãi cọ về quan điểm, do sự cãi lộn về quan điểm, do sự cãi vã về quan điểm, do sự tranh cãi về quan điểm, do sự gây gổ về quan điểm.

"Bởi vì các bậc thiện xảo nói sự trong sạch là không do việc ấy" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Cái nào là sự kiêu hãnh, cái ấy đối với kẻ ấy là vùng đất tiêu diệt.
Hơn nữa, kẻ ấy nói một cách ngã mạn và cao ngạo.
Sau khi nhìn thấy luôn cả điều này, không nên tranh cãi,
Bởi vì các bậc thiện xảo nói sự trong sạch là không do việc ấy."

8.8. *Giống như vị dũng sĩ, được chu cấp với thức ăn của nhà vua,*
Đi đến, la hét, ước muốn có dũng sĩ đối địch.
Này dũng sĩ, ngươi hãy đi đến nơi kẻ [dũng sĩ đối địch] ấy,
Quả thật trước đây đã không còn [ô nhiễm] gì để mà chiến đấu.

Giống như vị dũng sĩ, được chu cấp với thức ăn của vua.

Vị dũng sĩ: Vị dũng sĩ là vị anh hùng, quả cảm, không nhút nhát, không kinh hãi, không sợ sệt, không trốn chạy.

Được chu cấp với thức ăn của vua: Được chu cấp, được nuôi dưỡng, được cung cấp, được tăng trưởng nhờ vào vật thực cứng của nhà vua, nhờ vào vật thực mềm của nhà vua.

"Giống như vị dũng sĩ, được chu cấp với thức ăn của nhà vua" là như thế.

Đi đến, la hét, ước muốn có dũng sĩ đối địch: Vị ấy đi đến, tiếp cận, đi đến gần, vừa kêu la, vừa la lên, vừa la hét, trong khi ước muốn, trong khi ưng thuận, trong khi ước nguyện, trong khi mong cầu, trong khi nguyện cầu có dũng sĩ đối địch, có người nam đối địch, có kẻ thù đối địch, có võ sĩ đối địch.

"Đi đến, la hét, ước muốn có dũng sĩ đối địch" là như thế.

Này dũng sĩ, ngươi hãy đi đến nơi kẻ [dũng sĩ đối địch] ấy: Kẻ theo tà kiến ấy hiện ở nơi nào, thì ngươi hãy đi đến nơi ấy, hãy tiến đến nơi ấy, hãy đến gần nơi ấy, hãy tiến về nơi ấy. Kẻ ấy là dũng sĩ đối địch, người nam đối địch, kẻ thù đối địch, võ sĩ đối địch của ngươi.

"Này dũng sĩ, ngươi hãy đi đến nơi kẻ [dũng sĩ đối địch] ấy" là như thế.

Quả thật trước đây đã không còn [ô nhiễm] gì để mà chiến đấu: Quả thật trước đây ở gốc cây Bồ-đề, những ô nhiễm có hành động đối kháng, có hành động đối nghịch, có hành động chống đối, có hành động đối lập là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

Để mà chiến đấu: Tức là nhằm mục đích chiến đấu, nhằm mục đích cãi cọ, nhằm mục đích cãi lộn, nhằm mục đích cãi vã, nhằm mục đích tranh cãi, nhằm mục đích gây gổ.

"Quả thật trước đây đã không còn [ô nhiễm] gì để mà chiến đấu" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Giống như vị dũng sĩ, được chu cấp với thức ăn của nhà vua,
Đi đến, la hét, ước muốn có dũng sĩ đối địch.
Này dũng sĩ, ngươi hãy đi đến nơi kẻ [dũng sĩ đối địch] ấy,
Quả thật trước đây đã không còn [ô nhiễm] gì để mà chiến đấu."

8.9. *Những kẻ nào sau khi tiếp thu tà kiến, rồi tranh cãi và nói rằng: "Chỉ mỗi điều này là chân lý." Ngươi hãy nói với những kẻ ấy rằng: "Khi cuộc tranh luận sanh khởi, người đối kháng với ngươi ở đây thật sự không có."*

Những kẻ nào sau khi tiếp thu tà kiến, rồi tranh cãi: Những kẻ nào sau khi chấp nhận, sau khi nắm lấy, sau khi tiếp thu, sau khi bám víu, sau khi chấp chặt bất cứ tà kiến nào thuộc về sáu mươi hai tà kiến rồi tranh cãi, rồi gây ra sự cãi cọ, gây ra sự cãi lộn, gây ra sự cãi vã, gây ra sự tranh cãi, gây ra sự gây gổ rằng: "Ngươi không biết Pháp và Luật này, ta biết Pháp và Luật này, ngươi sẽ biết gì về Pháp và Luật này? Ngươi thực hành sai trái, ta thực hành đúng đắn, có lợi ích cho ta, không có lợi ích cho ngươi, điều nên nói trước đã nói sau, điều nên nói sau đã nói trước, lề thói của ngươi đã bị đảo lộn, học thuyết của ngươi đã bị lên án, ngươi bị phản đối, ngươi hãy hành xử cho việc thoát ra khỏi lời nói [của mình], hoặc ngươi hãy gỡ rối nếu ngươi có khả năng."

"Những kẻ nào sau khi tiếp thu tà kiến, rồi tranh cãi" là như thế.

Và nói rằng: "Chỉ mỗi điều này là chân lý": Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng: "Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại"; họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng: "Thế giới là không thường còn,... (nt)... chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại."

"Và nói rằng: Chỉ mỗi điều này là chân lý" là như thế.

Ngươi hãy nói với những kẻ ấy rằng: "Khi cuộc tranh luận sanh khởi, người đối kháng với ngươi ở đây thật sự không có": Ngươi hãy nói với những kẻ theo tà kiến ấy về sự tranh luận bằng sự tranh luận, về sự chỉ trích bằng sự chỉ trích, về sự bào chữa bằng sự bào chữa, về sự đề cao bằng sự đề cao, về sự gây ấn tượng bằng sự gây ấn tượng, về sự gút mắc bằng sự gút mắc, về sự gỡ rối bằng sự gỡ rối, về sự cắt ngang bằng sự cắt ngang, về sự kết nối bằng sự kết nối. Ngươi hãy nói với những kẻ ấy rằng: "Những người ấy là các dũng sĩ đối địch, các người nam đối địch, các kẻ thù đối địch, các võ sĩ đối địch đối với ngươi."

"Khi cuộc tranh luận sanh khởi, người đối kháng với ngươi ở đây thật sự không có": Khi cuộc tranh luận đã sanh ra, đã sanh khởi, đã hạ sanh, đã phát sanh, đã xuất hiện, những người nào thật sự là những người đối kháng, những người đối nghịch, những người chống đối, những người đối lập có thể tạo ra sự cãi cọ, có thể tạo ra sự cãi lộn, có thể tạo ra sự cãi vã, có thể tạo ra sự tranh cãi, có thể tạo ra sự gây gổ; những người ấy là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

"Ngươi hãy nói với những kẻ ấy rằng: 'Khi cuộc tranh luận sanh khởi, người đối kháng với ngươi ở đây thật sự không có'" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Những kẻ nào sau khi tiếp thu tà kiến, rồi tranh cãi và nói rằng: 'Chỉ mỗi điều này là chân lý.' Ngươi hãy nói với những kẻ ấy rằng: 'Khi cuộc tranh luận sanh khởi, người đối kháng với ngươi ở đây thật sự không có.'"

8.10. *Hơn nữa, sau khi tiêu diệt đạo binh [ô nhiễm], những vị nào sống không chống đối quan điểm [này] bằng các quan điểm [khác], này Pasūra, ngươi có thể đạt được gì ở những vị ấy, là những vị ở đây không có điều gì được nắm bắt là tối thắng.*

Hơn nữa, sau khi tiêu diệt đạo binh [ô nhiễm], những vị nào sống: Đạo binh nói đến đạo binh của Ma vương; uế hạnh về thân là đạo binh của Ma vương; uế hạnh về khẩu là đạo binh của Ma vương; uế hạnh về ý là đạo binh của Ma vương; tham lam là đạo binh của Ma vương; sân hận là đạo binh của Ma vương; si mê là đạo binh của Ma vương; giận dữ là đạo binh của Ma vương;

thù hằn là đạo binh của Ma vương; gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bỏn xẻn, xảo trá, lừa gạt, bướng bỉnh, hung hăng, ngã mạn, cao ngạo, đam mê, xao lãng, tất cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bực bội, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bất thiện là đạo binh của Ma vương.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

"Các dục là đạo binh thứ nhất của ngươi, thứ nhì nói đến sự không thích thú,... (nt)... và vị đã chiến thắng thì đạt được sự an lạc."[2]

Vào lúc tất cả các đạo binh của Ma vương và tất cả các ô nhiễm có hành động đối kháng đã bị đánh bại và đã bị khuất phục, đã bị đổ vỡ, đã bị tan rã, không còn hiện diện, nhờ vào bốn Thánh đạo; vì thế, được gọi là "sau khi tiêu diệt đạo binh [ô nhiễm]."

Những vị nào: Là các bậc A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Sống: Các vị sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng.

"Hơn nữa, sau khi tiêu diệt đạo binh [ô nhiễm], những vị nào sống" là như thế.

Không chống đối quan điểm [này] bằng các quan điểm [khác]: Đối với những vị nào, sáu mươi hai tà kiến đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, những vị ấy không chống đối, không chống báng, không đụng chạm, không công kích, không phản công quan điểm [này] bằng các quan điểm [khác].

"Không chống đối quan điểm [này] bằng các quan điểm [khác]" là như thế.

Này Pasūra, ngươi có thể đạt được gì ở những vị ấy: Ngươi có thể đạt được dũng sĩ đối địch, người nam đối địch, kẻ thù đối địch, võ sĩ đối địch gì ở các bậc A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt ấy?

"Này Pasūra, ngươi có thể đạt được gì ở những vị ấy" là như thế.

Là những vị ở đây không có điều gì được nắm bắt là tối thắng: Đối với các bậc A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt, điều được nắm lấy, được bám víu, được chấp chặt, được bám chặt, được hướng đến rằng: "Điều này là tối thắng, cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý" thì không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

"Là những vị ở đây không có điều gì được nắm bắt là tối thắng" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Hơn nữa, sau khi tiêu diệt đạo binh [ô nhiễm], những vị nào sống không chống đối quan điểm [này] bằng các quan điểm [khác], này Pasūra, ngươi có thể đạt được gì ở những vị ấy, là những vị ở đây không có điều gì được nắm bắt là tối thắng."

---

[2] Xem đầy đủ ở câu kệ 4.6, trang 81. (ND)

8.11. *Giờ ngươi đã đi đến sự suy xét,*
Trong khi dùng ý suy nghĩ về các tà kiến.
Ngươi đã gặp gỡ đối đầu với vị đã rũ sạch,
Ngươi quả không có khả năng để đi cùng.

Giờ ngươi đã đi đến sự suy xét.

Giờ: Từ "*atha*" này gọi là sự nối liền các câu văn, sự kết hợp các câu văn, sự làm đầy đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuốt từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn.

Đã đi đến sự suy xét: Trong khi suy nghĩ, trong khi suy tư, trong khi tư duy rằng: "Phải chăng sẽ có sự chiến thắng cho ta? Phải chăng sẽ có sự thất bại cho ta? Ta sẽ thực hiện việc chỉ trích như thế nào? Ta sẽ thực hiện việc bào chữa như thế nào? Ta sẽ tạo sự đề cao như thế nào? Ta sẽ tạo việc gây ấn tượng như thế nào? Ta sẽ tạo sự gút mắc như thế nào? Ta sẽ tạo sự gỡ rối như thế nào? Ta sẽ tạo sự cắt ngang như thế nào? Ta sẽ tạo sự kết nối như thế nào?" Trong khi suy nghĩ, trong khi suy tư, trong khi tư duy như vậy, ngươi đã đi đến, ngươi đã đi đến gần, ngươi đã đạt đến, ngươi đã đi đến gặp gỡ ta.

"Giờ ngươi đã đi đến sự suy xét" là như thế.

Trong khi dùng ý suy nghĩ về các tà kiến.

Ý: Tức là tâm, ý, ý thức, trái tim, chất xám; ý, ý xứ, ý quyền, thức, thức uẩn, từ đó ý thức giới sanh lên. Trong khi nghĩ đến, trong khi nghĩ về tà kiến bằng tâm rằng: "Thế giới là thường còn", hoặc "thế giới là không thường còn",… (nt)… hoặc "chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết."

"Trong khi dùng ý suy nghĩ về các tà kiến" là như thế.

Ngươi đã gặp gỡ đối đầu với vị đã rũ sạch, ngươi quả không có khả năng để đi cùng.

Việc rũ sạch: Được gọi là tuệ. Tuệ là sự nhận biết,… (nt)… sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến. Vì lý do gì mà việc rũ sạch được gọi là tuệ? Nhờ vào tuệ ấy, uế hạnh về thân được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; uế hạnh về khẩu… (nt)… tất cả các pháp tạo tác bất thiện được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch. Hoặc là, nhờ vào chánh kiến, tà kiến được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; nhờ vào chánh tư duy, tà tư duy… (nt)… nhờ vào chánh giải thoát, tà giải thoát được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch. Hoặc là, nhờ vào đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, tất cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bực bội, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bất thiện được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch. Đức Thế Tôn đã tiến đến, đã tiến gần, đã đi đến gần, đã tiến đến gần, đã đạt đến, đã tròn đủ, đã thành tựu các pháp cần được rũ sạch này, vì thế đức Thế Tôn là vị đã được rũ sạch. Vị ấy có luyến ái đã được rũ bỏ, có điều ác đã được rũ bỏ, có ô nhiễm đã được rũ bỏ, có sự bực bội đã được rũ bỏ. "Vị đã rũ sạch" là như thế.

Ngươi đã gặp gỡ đối đầu với vị đã rũ sạch, ngươi quả không có khả năng để đi cùng: Du sĩ ngoại đạo Pasūra không có khả năng để đi đến gặp gỡ đối đầu, để nắm lấy sự cạnh tranh, để đàm luận, để thảo luận, để đạt đến sự đàm luận cùng với đức Phật, với đức Thế Tôn. Điều ấy có nguyên nhân là gì? Du sĩ ngoại đạo Pasūra là thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi; còn đức Thế Tôn ấy là cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng và cao quý. Giống như con thỏ không có khả năng để đi đến gặp gỡ đối đầu, để nắm lấy sự cạnh tranh cùng với con voi về khối lượng; giống như con chó rừng không có khả năng để đi đến gặp gỡ đối đầu, để nắm lấy sự cạnh tranh cùng với con sư tử, vua của loài thú; giống như con bê còn nhỏ đang bú mẹ không có khả năng để đi đến gặp gỡ đối đầu, để nắm lấy sự cạnh tranh cùng với con bò đực về mức độ di chuyển; giống như con quạ không có khả năng để đi đến gặp gỡ đối đầu, để nắm lấy sự cạnh tranh cùng với con nhơn điểu là loài linh thú; giống như hạng người hạ tiện không có khả năng để đi đến gặp gỡ đối đầu, để nắm lấy sự cạnh tranh cùng với đức vua là vị Chuyển Luân Vương; giống như loài địa tinh không có khả năng để đi đến gặp gỡ đối đầu, để nắm lấy sự cạnh tranh cùng với vị Inda, vua của chư thiên; tương tự như vậy, du sĩ ngoại đạo Pasūra không có khả năng để đi đến gặp gỡ đối đầu, để nắm lấy sự cạnh tranh, để đàm luận, để thảo luận, để đạt đến sự đàm luận cùng với đức Phật, với đức Thế Tôn, bậc đã rũ sạch. Điều ấy có nguyên nhân là gì? Du sĩ ngoại đạo Pasūra là có tuệ thấp hèn, có tuệ hèn kém, có tuệ thấp kém, có tuệ thấp thỏi, có tuệ tồi tệ, có tuệ nhỏ nhoi; còn đức Thế Tôn ấy có tuệ vĩ đại, có tuệ rộng lớn, có tuệ vi tiếu, có tuệ tốc hành, có tuệ sắc bén, có tuệ thấu suốt, bậc thiện xảo trong việc chia chẻ bằng tuệ, có trí đã được phát triển, đã đạt đến tuệ phân tích, đã đạt được bốn pháp tự tin, có sự duy trì mười lực, là bậc Nhân Ngưu, bậc Nhân Sư, bậc Nhân Tượng, bậc Nhân Kiệt, bậc Nhân Đạo, bậc có trí vô biên, có oai lực vô biên, có danh vọng vô biên, giàu có [về trí tuệ], có tài sản lớn [về trí tuệ], sở hữu tài sản [về trí tuệ], là bậc Hướng Đạo, bậc Hướng Dẫn, bậc Đoạn Nghi, bậc Truyền Đạt, bậc Truyền Thụ, bậc Khơi Mở, bậc Khởi Tín.

Chính đức Thế Tôn ấy là vị làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi, là vị làm sanh ra đạo lộ chưa được sanh ra, là vị tuyên thuyết đạo lộ chưa được tuyên thuyết, là vị biết về đạo lộ, là vị hiểu rõ về đạo lộ, là vị rành rẽ về đạo lộ. Và hơn nữa, những người đi theo đạo lộ, là các đệ tử của Ngài, hiện nay đang an trú và sau này sẽ thành tựu [đạo lộ ấy].

Chính đức Thế Tôn ấy biết [đúng bản thể] điều cần phải biết, thấy [đúng bản thể] điều cần phải thấy, là bậc có bản thể của mắt, có bản thể của trí, có bản thể của pháp, có bản thể của Phạm thiên, là vị công bố, là vị tuyên thuyết, là vị chỉ dẫn mục đích, là vị ban cho bất tử, là bậc Pháp Chủ, là đức Như Lai. Đối với đức Thế Tôn ấy, không có việc không biết, không thấy, không hiểu rõ, không chứng ngộ, không chạm đến bằng tuệ. Tất cả các pháp liên quan đến quá khứ, tương lai, hiện tại với mọi biểu hiện đều đi đến phạm vi ở trong tầm trí tuệ của đức Phật Thế Tôn. Bất cứ điều gì có thể biết, nghĩa là có pháp cần phải

biết, có lợi ích cho mình, hoặc có lợi ích cho người khác, hoặc có lợi ích cho cả hai, hoặc có lợi ích liên quan đời này, hoặc có lợi ích liên quan đời sau, hoặc có lợi ích hời hợt, hoặc có lợi ích sâu sắc, hoặc có lợi ích được giấu kín, hoặc có lợi ích được che đậy, hoặc có lợi ích tiềm tàng, hoặc có lợi ích hiển hiện, hoặc có lợi ích không tội lỗi, hoặc có lợi ích không ô nhiễm, hoặc có lợi ích trong sạch, hoặc có lợi ích là lợi ích tối thượng; tất cả [các] điều ấy đều vận hành ở bên trong trí của đức Phật. Tất cả thân nghiệp của đức Phật Thế Tôn đều vận hành theo trí. Tất cả khẩu nghiệp đều vận hành theo trí. Tất cả ý nghiệp đều vận hành theo trí.

Đức Phật Thế Tôn có trí không bị chướng ngại về quá khứ, có trí không bị chướng ngại về vị lai, có trí không bị chướng ngại về hiện tại. Điều-có-thể-biết là chừng nào thì trí là chừng ấy, trí là chừng nào thì điều-có-thể-biết là chừng ấy. Trí có điều-có-thể-biết là giới hạn, điều-có-thể-biết có trí là giới hạn; vượt qua điều-có-thể-biết thì trí không vận hành, vượt qua trí thì không có hành trình của điều-có-thể-biết; các pháp ấy có sự xác lập giới hạn tương xứng với nhau. Giống như hai nắp đậy của cái hộp được gắn liền đúng đắn, nắp đậy bên dưới không lệch nắp trên, nắp đậy bên trên không lệch nắp dưới, chúng có sự xác lập giới hạn tương xứng với nhau; tương tự như vậy, điều-có-thể-biết và trí của đức Phật Thế Tôn có sự xác lập giới hạn tương xứng với nhau. Điều-có-thể-biết là chừng nào thì trí là chừng ấy, trí là chừng nào thì điều-có-thể-biết là chừng ấy. Trí có điều-có-thể-biết là giới hạn, điều-có-thể-biết có trí là giới hạn; vượt qua điều-có-thể-biết thì trí không vận hành, vượt qua trí thì không có hành trình của điều-có-thể-biết; các pháp ấy có sự xác lập giới hạn tương xứng với nhau. Trí của đức Phật Thế Tôn vận hành ở tất cả các pháp.

Tất cả các pháp được gắn liền với sự hướng tâm, được gắn liền với sự mong muốn, được gắn liền với sự chú tâm, được gắn liền với sự khởi tâm của đức Phật Thế Tôn. Trí của đức Phật Thế Tôn vận hành ở tất cả chúng sanh. Và đức Thế Tôn biết tính tình, biết tiềm năng, biết nết hạnh, biết khuynh hướng của tất cả chúng sanh. Ngài nhận biết các chúng sanh có tầm nhìn bị vấy bụi ít và có tầm nhìn bị vấy bụi nhiều, có giác quan sắc sảo và có giác quan cùn lụt, có tánh khí tốt và có tánh khí tồi, có thể hiểu được một cách nhanh chóng và có thể hiểu được một cách khó khăn, có khả năng và không có khả năng. Thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, các hạng chư thiên và loài người, chuyển vận ở bên trong trí của đức Phật. Giống như bất cứ những loài cá và rùa nào, thậm chí luôn cả cá ông và cá voi, chuyển vận ở bên trong đại dương; tương tự như vậy, thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, các hạng chư thiên và loài người, chuyển vận ở bên trong trí của đức Phật. Giống như bất cứ những loài có cánh nào, thậm chí luôn cả loài nhân điểu là loài linh thú, chuyển vận ở phạm vi thuộc bầu trời; tương tự như vậy, những vị nào tương đương với vị Sāriputta về tuệ, những vị ấy cũng chuyển vận ở phạm vi thuộc Phật trí.

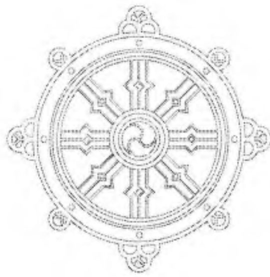
Phật trí thâm nhập tuệ của chư thiên và loài người, ngự trị và còn trụ lại. Những vị Sát-đế-ly sáng suốt, những vị Bà-la-môn sáng suốt, những gia chủ sáng suốt, những vị Sa-môn sáng suốt, tinh tế, quen thuộc với học thuyết của những người khác như người cung thủ có thể bắn trúng cọng tóc, nghĩ rằng họ hành xử với sự thành tựu của tuệ trong khi bẻ đôi các tà kiến. Sau khi chuẩn bị các câu hỏi, họ đi đến gặp đức Như Lai rồi hỏi các điều bí mật và đã được che giấu. Được đức Thế Tôn giảng giải và trả lời, các câu hỏi ấy trở nên rõ ràng. Những người ấy đều quy thuận với đức Thế Tôn. Khi ấy, chính đức Thế Tôn, trong trường hợp ấy, chói sáng rực rỡ; điều ấy là nhờ vào tuệ.

"Ngươi đã gặp gỡ đối đầu với vị đã rũ sạch, ngươi quả không có khả năng để đi cùng" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Giờ ngươi đã đi đến sự suy xét,
Trong khi dùng ý suy nghĩ về các tà kiến.
Ngươi đã gặp gỡ đối đầu với vị đã rũ sạch,
Ngươi quả không có khả năng để đi cùng."

"Diễn giải kinh về Pasūra" - Phần thứ tám.



9. DIỄN GIẢI KINH VỀ MĀGANDIYA (*MĀGANDIYASUTTANIDDESO*)

Giờ phần "Diễn giải kinh về Māgandiya" được nói đến:

9.1. *Sau khi nhìn thấy tham ái, bất mãn và luyến ái,*
Ngay cả sự mong muốn về việc đôi lứa đã không có.
Vật được chứa đầy nước tiểu và phân này là cái gì đây?
Ta không muốn chạm đến nó dầu là bàn chân.

Sau khi nhìn thấy tham ái, bất mãn và luyến ái, ngay cả sự mong muốn về việc đôi lứa đã không có: Sau khi nhìn thấy ba người con gái của Ma vương là Taṇhā, Aratī và Ragā (tham ái, bất mãn và luyến ái), sự mong muốn về việc đôi lứa, hoặc luyến ái, hoặc yêu thương đã không hiện hữu.

"Sau khi nhìn thấy tham ái, bất mãn và luyến ái, ngay cả sự mong muốn về việc đôi lứa đã không có" là như thế.

Vật được chứa đầy nước tiểu và phân này là cái gì đây? Ta không muốn chạm đến nó dầu là bàn chân: Thân xác này được chứa đầy nước tiểu, được chứa đầy phân, được chứa đầy mủ, được chứa đầy máu, được kết nối bởi những khúc xương, được buộc chung lại bằng những sợi gân, được bôi trét với máu và thịt, được bao bọc bởi lớp da trong, được che đậy bởi lớp da ngoài, được đục thủng ở nhiều lỗ đang rò rỉ bên trên, đang rò rỉ bên dưới, được lai vãng bởi tập thể dòi bọ, được tràn đầy bởi những thứ xấu xa dơ bẩn nhiều loại, là cái gì đây? Ta không muốn đặt bàn chân lên nó, vậy thì làm sao có được sự sống chung hay sự kết hợp với nhau?

"Vật được chứa đầy nước tiểu và phân này là cái gì đây? Ta không muốn chạm đến nó dầu là bàn chân" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Sau khi nhìn thấy tham ái, bất mãn và luyến ái,
Ngay cả sự mong muốn về việc đôi lứa đã không có.
Vật được chứa đầy nước tiểu và phân này là cái gì đây?
Ta không muốn chạm đến nó dầu là bàn chân."

9.2. *Nếu Ngài không ước muốn báu vật như thế này, một người nữ được ước nguyện bởi nhiều vị vua chúa, vậy Ngài nói về quan điểm, về giới, về phận sự, về cuộc sống, và về sự sanh lên của hiện hữu [của bản thân] thuộc loại như thế nào?*

Māgandiya hỏi rằng: "Con người trong khi ước nguyện các dục ở cõi trời

thì không ước muốn các dục thuộc loài người, hoặc là trong khi ước nguyện các dục thuộc loài người thì không ước muốn các dục ở cõi trời, điều này không kỳ lạ chút nào; còn Ngài lại không ước muốn, không ưng thuận, không ước nguyện, không mong cầu, không nguyện cầu luôn cả hai điều này, vậy quan điểm của Ngài là gì? Ngài có quan điểm thuộc loại nào?"

"Nếu Ngài không ước muốn báu vật như thế này, một người nữ được ước nguyện bởi nhiều vị vua chúa, vậy Ngài nói về quan điểm, về giới, về phận sự, về cuộc sống, và về sự sanh lên của hiện hữu [của bản thân] thuộc loại như thế nào?"

9.3. *[Đức Thế Tôn nói: "Này Māgandiya] việc: 'Ta nói điều này' là không có đối với Ta đây, sau khi suy xét về điều đã được nắm bắt trong số các pháp [tà kiến]. Và trong khi nhìn thấy mà không bám níu vào các tà kiến, trong khi khảo xét, Ta đã nhìn thấy sự an tịnh ở nội phần."*

Việc: "Ta nói điều này" là không có đối với Ta đây.

Ta nói điều này: Ta nói điều này, Ta nói điều ấy, Ta nói chừng này, Ta nói bấy nhiêu, Ta nói tà kiến này: "Thế giới là thường còn",... (nt)... hoặc "Chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết."

Là không có đối với Ta đây: Là không thuộc về Ta; việc "Ta nói bấy nhiêu" là không có đối với Ta đây.

"Việc: 'Ta nói điều này' là không có đối với Ta đây" là như thế.

Māgandiya: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính. ... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "đức Thế Tôn."

"Đức Thế Tôn nói: Này Māgandiya" là như thế.

Sau khi suy xét về điều đã được nắm bắt trong số các pháp.

Trong số các pháp: Trong số sáu mươi hai tà kiến.

Sau khi suy xét: Sau khi đã suy xét, sau khi đã suy cứu, sau khi đã suy gẫm, sau khi đã suy nghiệm, sau khi đã cân nhắc, sau khi đã xác định, sau khi đã minh định, sau khi đã làm rõ rệt, sự nắm lấy có giới hạn, sự nắm lấy từng phần, sự nắm lấy phần quan trọng nhất, sự nắm lấy một khối, sự nắm lấy theo số lượng, sự nắm lấy tổng thể rằng: "Điều này là sự thật, là đúng đắn, là thực thể, là đang xảy ra, là xác đáng, là không bị sai lệch", điều đã được nắm lấy, đã được bám víu, đã được chấp chặt, đã được bám chặt, đã được hướng đến như thế là không có, không hiện diện, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

"Sau khi suy xét về điều đã được nắm bắt trong số các pháp" là như thế.

Và trong khi nhìn thấy mà không bám níu vào các tà kiến: Trong khi

nhìn thấy sự bất lợi ở các tà kiến, Ta không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt các tà kiến; hoặc là, không nên nắm lấy, không nên bám víu, không nên chấp chặt. "Và trong khi nhìn thấy mà không bám níu vào các tà kiến" là như vậy.

Hoặc là "'thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại', điều này là sự đi đến tà kiến, có sự nắm giữ của tà kiến, có sự hiểm trở của tà kiến, có sự bóp méo của tà kiến, có sự xáo động của tà kiến, có sự ràng buộc của tà kiến, có sự khổ, có sự tàn hại, có sự lo âu, có sự bực bội, không đưa đến nhàm chán, không đưa đến việc xa lìa luyến ái, không đưa đến sự tịch diệt, không đưa đến sự yên tịnh, không đưa đến thắng trí, không đưa đến sự giác ngộ, không đưa đến Niết-bàn", trong khi nhìn thấy sự bất lợi ở các tà kiến như thế, Ta không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt các tà kiến; hoặc là không nên nắm lấy, không nên bám víu, không nên chấp chặt. "Và trong khi nhìn thấy mà không bám níu vào các tà kiến" là như vậy.

Hoặc là "'thế giới là không thường còn, thế giới là có giới hạn, thế giới là không có giới hạn, mạng sống và thân thể là một, mạng sống và thân thể là khác, chúng sanh hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh hiện hữu và không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại', điều này là sự đi đến tà kiến, có sự nắm giữ của tà kiến, có sự hiểm trở của tà kiến, có sự bóp méo của tà kiến, có sự xáo động của tà kiến, có sự ràng buộc của tà kiến, có sự khổ, có sự tàn hại, có sự lo âu, có sự bực bội, không đưa đến nhàm chán, không đưa đến việc xa lìa luyến ái, không đưa đến sự tịch diệt, không đưa đến sự yên tịnh, không đưa đến thắng trí, không đưa đến sự giác ngộ, không đưa đến Niết-bàn", trong khi nhìn thấy sự bất lợi ở các tà kiến như thế, Ta không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt các tà kiến; hoặc là không nên nắm lấy, không nên bám víu, không nên chấp chặt. "Và trong khi nhìn thấy mà không bám níu vào các tà kiến" còn là như vậy.

Hoặc là "các tà kiến này được nắm lấy như vậy, được bám víu như vậy sẽ có cảnh giới tái sanh như vậy, có đời sống sau như vậy", trong khi nhìn thấy sự bất lợi ở các tà kiến như thế, Ta không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt các tà kiến; hoặc là không nên nắm lấy, không nên bám víu, không nên chấp chặt. "Và trong khi nhìn thấy mà không bám níu vào các tà kiến" còn là như vậy.

Hoặc là "các tà kiến này dẫn đến địa ngục, dẫn đến loài thú, dẫn đến thân phận ngạ quỷ", trong khi nhìn thấy sự bất lợi ở các tà kiến như thế, Ta không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt các tà kiến; hoặc là không nên nắm lấy, không nên bám víu, không nên chấp chặt. "Và trong khi nhìn thấy mà không bám níu vào các tà kiến" còn là như vậy.

Hoặc là "các tà kiến này là không thường còn, bị tạo tác, được sanh lên thuận theo điều kiện, có sự hoại, có sự diệt, có sự suy giảm, có sự chấm dứt", trong khi nhìn thấy sự bất lợi ở các tà kiến như thế, Ta không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt các tà kiến; hoặc là, không nên nắm lấy, không nên bám víu, không nên chấp chặt.

"Và trong khi nhìn thấy mà không bám níu vào các tà kiến" còn là như vậy.

Trong khi khảo xét, Ta đã nhìn thấy sự an tịnh ở nội phần.

Sự an tịnh ở nội phần: Là sự an tịnh của luyến ái, sự an tịnh của sân hận, sự an tịnh của si mê; sự an tịnh, sự yên tịnh, sự vắng lặng, sự tịch diệt, sự tịch tịnh của giận dữ;... của thù hằn;... của giềm pha;... của ác ý;... của ganh tỵ;... của bỏn xẻn;... của xảo trá;... của lừa gạt;... của bướng bỉnh;... của hung hăng;... của ngã mạn;... của cao ngạo;... của đam mê;... của xao lãng;... của tất cả ô nhiễm;... của tất cả uế hạnh;... của mọi sự lo lắng;... của mọi sự bực bội;... của mọi sự nóng nảy;... của tất cả các pháp tạo tác bất thiện thuộc nội phần.

Trong khi khảo xét: Là đang khảo xét, đang suy gẫm, đang suy nghiệm, đang cân nhắc, đang xác định, đang minh định, đang làm rõ rệt; đang khảo xét, đang suy gẫm, đang suy nghiệm, đang cân nhắc, đang xác định, đang minh định, đang làm rõ rệt rằng: "Tất cả các hành là vô thường"; đang khảo xét, đang suy gẫm, đang suy nghiệm, đang cân nhắc, đang xác định, đang minh định, đang làm rõ rệt rằng: "Tất cả các hành là khổ";... (nt)... "Tất cả các pháp là vô ngã"; đang khảo xét, đang suy gẫm, đang suy nghiệm, đang cân nhắc, đang xác định, đang minh định, đang làm rõ rệt rằng: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

Ta đã nhìn thấy: Ta đã nhìn thấy là Ta đã nhận thấy, Ta đã nhìn xem, Ta đã thấu triệt.

"Trong khi khảo xét, Ta đã nhìn thấy sự an tịnh ở nội phần" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: "Này Māgandiya] việc: 'Ta nói điều này' là không có đối với Ta đây, sau khi suy xét về điều đã được nắm bắt trong số các pháp [tà kiến]. Và trong khi nhìn thấy mà không bám níu vào các tà kiến, trong khi khảo xét, Ta đã nhìn thấy sự an tịnh ở nội phần."

9.4. *[Māgandiya nói rằng:] "Các phán đoán nào đã được xếp đặt, này bậc Hiền trí, Ngài nói về chính chúng mà không bám níu. Điều nào có ý nghĩa là 'sự an tịnh ở nội phần', điều ấy đã được tuyên bố thế nào bởi các bậc sáng trí?"*

Các phán đoán nào đã được xếp đặt.

Các phán đoán: Nói đến sáu mươi hai tà kiến.

Đã được xếp đặt: Đã được sắp đặt, đã được xếp đặt, đã được tác thành, đã được thành lập. "Đã được xếp đặt" là như thế. Hoặc là, không thường còn, bị tạo tác, được sanh lên thuận theo điều kiện, có sự hoại, có sự diệt, có sự suy giảm, có sự chấm dứt, có sự biến đổi. "Đã được xếp đặt" còn là như thế.

"Các phán đoán nào đã được xếp đặt" là như thế.

Māgandiya nói rằng.

Rằng: Từ "*iti*" này gọi là sự nối liền các câu văn, sự kết hợp các câu văn, sự làm đầy đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuốt từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn.

Māgandiya: Là tên gọi, sự ấn định, sự chỉ định, sự quy định, sự diễn tả về người Bà-la-môn ấy.

"Māgandiya nói rằng" là như thế.

Này bậc Hiền trí, ngài nói về chính chúng mà không bám níu. Điều nào có ý nghĩa là "sự an tịnh ở nội phần."

Chính chúng: Là sáu mươi hai tà kiến.

Này bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí,... (nt)... đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là Hiền trí.

Mà không bám níu: Ngài nói rằng: "Trong khi nhìn thấy sự bất lợi ở các tà kiến, Ta không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt các tà kiến", và Ngài nói rằng: "Sự an tịnh ở nội phần."

Điều nào có ý nghĩa: Điều nào có ý nghĩa tuyệt đối.

"Này bậc Hiền trí, Ngài nói về chính chúng mà không bám níu. Điều nào có ý nghĩa là 'sự an tịnh ở nội phần'" là như thế.

Điều ấy đã được tuyên bố thế nào bởi các bậc sáng trí?

Thế nào? Các cụm từ "*evannu kho*", "*na nu kho*", "*kinnu kho*", "*kathannu kho*" là câu hỏi do ngờ vực, câu hỏi do nhầm lẫn, câu hỏi vì hai nghĩa, câu hỏi do không dứt khoát. "Thế nào?" là như thế.

Bởi các bậc sáng trí: Do các bậc sáng trí, bởi các bậc sáng suốt, bởi các bậc có tuệ, bởi các bậc có sự giác ngộ, bởi các bậc có trí, bởi các bậc rành rẽ, bởi các bậc thông minh.

Đã được tuyên bố: Đã được cho biết, đã được tuyên bố, đã được nêu ra, đã được chỉ bảo, đã được quy định, đã được thiết lập, đã được giải bày, đã được phơi bày, đã được tuyên thuyết.

"Điều ấy đã được tuyên bố thế nào bởi các bậc sáng trí?" là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn đã nói rằng:

[Māgandiya nói rằng:] "Các phán đoán nào đã được xếp đặt, này bậc Hiền trí, Ngài nói về chính chúng mà không bám níu. Điều nào có ý nghĩa là 'sự an tịnh ở nội phần', điều ấy đã được tuyên bố thế nào bởi các bậc sáng trí?"

9.5. *[Đức Thế Tôn nói: "Này Māgandiya] người ta đã nói rằng sự trong sạch không phải do thấy, không phải do nghe, không phải do trí, không phải do giới và phận sự, cũng không phải do [không có] điều ấy là do không thấy, do không nghe, do không trí, do không giới, do không phận sự. Và sau khi đã xả bỏ, không bám níu vào các điều này, được an tịnh, không nương tựa, thì không còn tham muốn hữu."*

Không phải do thấy, không phải do nghe, không phải do trí: Người ta đã không nói, đã không thuyết, đã không phát ngôn, đã không giảng giải, đã không diễn tả[1] sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do thấy. Người ta đã không nói, đã không thuyết, đã không phát ngôn, đã không giảng giải, đã không diễn tả sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do nghe. Người ta đã không nói, đã không thuyết, đã không phát ngôn, đã không giảng giải, đã không diễn tả sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do thấy và chỉ do nghe. Người ta đã không nói, đã không thuyết, đã không phát ngôn, đã không giảng giải, đã không diễn tả sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do trí.

"Không phải do thấy, không phải do nghe, không phải do trí" là như thế.

Đức Thế Tôn nói: Này Māgandiya.

Māgandiya: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính. ... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "đức Thế Tôn."

"Đức Thế Tôn nói: Này Māgandiya" là như thế.

Người ta đã nói rằng sự trong sạch không phải do giới và phận sự: Người ta đã không nói, đã không thuyết, đã không phát ngôn, đã không giảng giải, đã không diễn tả sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do giới. Người ta đã không nói, đã không thuyết, đã không phát ngôn, đã không giảng giải, đã không diễn tả sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do phận sự. Người ta đã không nói, đã không thuyết, đã không phát ngôn, đã không giảng giải, đã không diễn tả sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do giới và phận sự.

"Người ta đã nói rằng sự trong sạch không phải do giới và phận sự" là như thế.

Cũng không phải do [không có] điều ấy là do không thấy, do không

[1] Các động từ này đã được dịch theo văn bản của Miến Điện, Thái Lan và PTS. (ND)

nghe, do không trí, do không giới, do không phận sự: Thấy cũng cần được mong muốn là việc thấy đúng [chánh kiến] về mười sự việc: Có bố thí, có dâng hiến, có cúng tế, có kết quả và sự thành tựu quả của các nghiệp đã được làm tốt hoặc được làm xấu, có đời này, có đời sau, có mẹ, có cha, có các chúng sanh thuộc loại hóa sanh, có ở thế gian các vị Sa-môn và Bà-la-môn sống chân chánh, thực hành đúng đắn là những vị với thắng trí của mình chứng ngộ và công bố về thế giới này và thế giới khác. Nghe cũng cần được mong muốn là âm thanh từ người khác: [Gồm chín thể loại] *Sutta, Geyya, Veyyākaraṇa, Gāthā, Udāna, Itivuttaka, Jātaka, Abbhutadhamma, Vedalla.*[2] Trí cũng cần được mong muốn là trí về nghiệp của mình đã tạo, trí thuận theo chân lý, trí nhờ vào thắng trí và trí do sự chứng đạt. Giới cũng cần được mong muốn là sự thu thúc theo Giới bổn (*Pātimokkha*). Phận sự cũng cần được mong muốn là tám pháp từ khước: Pháp của vị ngụ ở rừng, pháp của vị chuyên đi khất thực, pháp của vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ, pháp của vị chỉ sử dụng ba y, pháp của vị đi khất thực tuần tự theo từng nhà, pháp của vị không ăn vật thực dâng sau, pháp của vị chuyên về oai nghi ngồi (không nằm), pháp của vị ngụ ở chỗ đã được chỉ định. "Do không thấy, do không nghe, do không trí, do không giới, do không phận sự" là như thế.

Cũng không phải do [không có] điều ấy: Người đã đạt được sự an tịnh ở nội phần không phải chỉ nhờ vào việc thấy đúng [chánh kiến], không phải chỉ nhờ vào nghe, không phải chỉ nhờ vào trí, không phải chỉ nhờ vào giới, không phải chỉ nhờ vào phận sự. Tuy nhiên, thiếu vắng các pháp ấy thì cũng không đạt đến sự an tịnh ở nội phần. Và hơn nữa, các pháp này là cần thiết để đạt đến, để chứng đắc, để chạm đến, để chứng ngộ sự an tịnh ở nội phần.

"Cũng không phải do [không có] điều ấy là do không thấy, do không nghe, do không trí, do không giới, do không phận sự" là như thế.

Và sau khi đã xả bỏ, không bám níu vào các điều này.

Các điều này: Sự dứt bỏ do việc thủ tiêu đối với các pháp thuộc phần đen là cần được mong muốn, trạng thái không còn tham ái ở các pháp thiện thuộc tam giới là cần được mong muốn. Khi nào các pháp thuộc phần đen được dứt bỏ nhờ vào sự dứt bỏ do việc thủ tiêu, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai, và có trạng thái không còn tham ái ở các pháp thiện thuộc tam giới, cho đến như thế thì [vị ấy] không còn nắm lấy, không còn bám víu, không còn chấp chặt [các pháp ấy]; hoặc là [các pháp ấy] sẽ không được nắm lấy, sẽ không được bám víu, sẽ không được chấp chặt. "Và sau khi đã xả bỏ, không bám níu vào các điều này" là như vậy. Khi nào tham ái, tà kiến và ngã mạn được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong

---

[2] Xem chú thích về 'Chín thể loại giáo pháp' ở trang 122. (ND)

tương lai, cho đến như thế thì [vị ấy] không còn nắm lấy, không còn bám víu, không còn chấp chặt [các pháp ấy]. "Và sau khi đã xả bỏ, không bám níu vào các điều này" còn là như vậy. Khi nào phúc hành, phi phúc hành, và bất động hành[3] được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai, cho đến như thế thì [vị ấy] không còn nắm lấy, không còn bám víu, không còn chấp chặt.

"Và sau khi đã xả bỏ, không bám níu vào các điều này" còn là như vậy.

Được an tịnh, không nương tựa, thì không còn tham muốn hữu.

Được an tịnh: Trạng thái được yên lặng của luyến ái là an tịnh, trạng thái được yên lặng của sân hận là an tịnh, trạng thái được yên lặng của si mê là an tịnh; trạng thái được an tịnh, trạng thái được yên lặng, trạng thái được vắng lặng, trạng thái được thiêu hủy, trạng thái được tịch diệt, trạng thái được tách lìa, trạng thái được tịch tịnh của giận dữ;... của thù hằn;... của giềm pha;... của ác ý;... của ganh ty;... của bỏn xẻn;... của xảo trá;... của lừa gạt;... của bướng bỉnh;... của hung hăng;... của ngã mạn;... của cao ngạo;... của đam mê;... của xao lãng;... của tất cả ô nhiễm;... của tất cả uế hạnh;... của mọi sự lo lắng;... của mọi sự bực bội;... của mọi sự nóng nảy;... của tất cả các pháp tạo tác bất thiện là an tịnh, yên tịnh, vắng lặng, tịch diệt, tịch tịnh. "Được an tịnh" là như thế.

Không nương tựa: Có hai sự nương tựa: Nương tựa vào tham ái và nương tựa vào tà kiến. ... (nt)... điều này là sự nương tựa vào tham ái. ... (nt)... điều này là sự nương tựa vào tà kiến. Sau khi dứt bỏ sự nương tựa vào tham ái, sau khi buông bỏ sự nương tựa vào tà kiến, không nương tựa vào mắt, không nương tựa vào tai, không nương tựa vào mũi, không nương tựa vào lưỡi, không nương tựa vào thân, không nương tựa vào ý, không nương tựa vào các sắc, các thinh, các hương, các vị, các xúc, các pháp, gia tộc, đồ chúng, chỗ ngụ, lợi lộc, danh vọng, lời khen, hạnh phúc, y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, dục giới, sắc giới, vô sắc giới, cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc, cõi hữu tưởng, cõi vô tưởng, cõi phi tưởng phi phi tưởng, cõi một uẩn, cõi bốn uẩn, cõi năm uẩn, quá khứ, vị lai, hiện tại, các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt. "Được an tịnh, không nương tựa" là như thế.

Thì không còn tham muốn hữu: Sẽ không tham muốn dục hữu, sẽ không tham muốn sắc hữu, sẽ không tham muốn vô sắc hữu, sẽ không khởi tham muốn, sẽ không nguyện cầu.

"Được an tịnh, không nương tựa, thì không còn tham muốn hữu" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

---

[3] Xem chú thích về "phúc hành, phi phúc hành, bất động hành" ở trang 77. (ND)

[Đức Thế Tôn nói: "Này Māgandiya] người ta đã nói rằng sự trong sạch không phải do thấy, không phải do nghe, không phải do trí, không phải do giới và phận sự, cũng không phải do [không có] điều ấy là do không thấy, do không nghe, do không trí, do không giới, do không phận sự. Và sau khi đã xả bỏ, không bám níu vào các điều này, được an tịnh, không nương tựa, thì không còn tham muốn hữu."

9.6. *[Māgandiya nói rằng:] "Nếu nói rằng sự trong sạch không phải do thấy, không phải do nghe, không phải do trí, không phải do giới và phận sự, cũng không phải do [không có] điều ấy là do không thấy, do không nghe, do không trí, do không giới, do không phận sự, tôi nghĩ rằng giáo lý [ấy] thật mù mờ; một số người tin rằng trong sạch là do thấy."*

Nếu nói rằng sự trong sạch không phải do thấy, không phải do nghe, không phải do trí: Người ta đã không nói, đã không thuyết, đã không phát ngôn, đã không giảng giải, đã không diễn tả sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do thấy; người ta đã không nói, đã không thuyết, đã không phát ngôn, đã không giảng giải, đã không diễn tả sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do nghe;... sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do thấy và chỉ do nghe;... sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do trí.

"Nếu nói rằng sự trong sạch không phải do thấy, không phải do nghe, không phải do trí" là như thế.

Māgandiya nói rằng:

Rằng: Là sự nối liền các câu văn,... (nt).

Māgandiya: Tên của vị Bà-la-môn ấy... (nt).

"Māgandiya nói rằng" là như thế.

Người ta đã nói rằng sự trong sạch không phải do giới và phận sự: Người ta đã không nói, đã không thuyết, đã không phát ngôn, đã không giảng giải, đã không diễn tả sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do giới;... (nt)... sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do phận sự;... (nt)... sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do giới và phận sự.

"Người ta đã nói rằng sự trong sạch không phải do giới và phận sự" là như thế.

Cũng không phải do [không có] điều ấy là do không thấy, do không nghe, do không trí, do không giới, do không phận sự: Người ta đã nói như

vậy: "Thấy cũng cần được mong muốn." Người ta đã nói như vậy: "Nghe cũng cần được mong muốn." Người ta đã nói như vậy: "Trí cũng cần được mong muốn." Người ta đã nói như vậy: "Giới cũng cần được mong muốn." Người ta đã nói như vậy: "Phận sự cũng cần được mong muốn." Người ta đã không thể chấp thuận một cách dứt khoát, người ta đã không thể phủ nhận một cách dứt khoát.

"Cũng không phải do [không có] điều ấy là do không thấy, do không nghe, do không trí, do không giới, do không phận sự" là như thế.

Tôi nghĩ rằng giáo lý [ấy] thật mù mờ: "Giáo lý mù mờ này của Ngài là giáo lý ngu dốt, là giáo lý lầm lạc, là giáo lý vô lý trí, là giáo lý trườn uốn như con lươn [không thể nắm bắt]"; tôi nghĩ như vậy, tôi biết như vậy, tôi hiểu như vậy, tôi nhận thức như vậy, tôi thừa nhận như vậy, tôi thấu triệt như vậy.

"Tôi nghĩ rằng giáo lý [ấy] thật mù mờ" là như thế.

Một số người tin rằng trong sạch là do thấy: Một số Sa-môn và Bà-la-môn tin rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do thấy. Một số Sa-môn và Bà-la-môn tin rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do thấy [rằng]: "Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại." Một số Sa-môn và Bà-la-môn tin rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do thấy [rằng]: "Thế giới là không thường còn,... (nt)... chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại."

"Một số người tin rằng trong sạch là do thấy" là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn đã nói rằng:

[Māgandiya nói rằng:] "Nếu nói rằng sự trong sạch không phải do thấy, không phải do nghe, không phải do trí, không phải do giới và phận sự, cũng không phải do [không có] điều ấy là do không thấy, do không nghe, do không trí, do không giới, do không phận sự, tôi nghĩ rằng giáo lý [ấy] thật mù mờ; một số người tin rằng trong sạch là do thấy."

9.7. *[Đức Thế Tôn nói: "Này Māgandiya] sau khi nương tựa vào việc thấy, trong khi tìm hiểu, ngươi đã đi đến sự mê muội ở những điều đã được nắm bắt. Và từ đây ngươi đã không tiếp thâu sự nhận thức dầu là nhỏ nhoi; do đó, ngươi ghi nhận [điều ấy] là mù mờ."*

Sau khi nương tựa vào việc thấy, trong khi tìm hiểu: Bà-la-môn Māgandiya nương tựa vào việc thấy rồi hỏi về việc thấy, nương tựa vào sự dính mắc rồi hỏi về sự dính mắc, nương tựa vào sự cột trói rồi hỏi về sự cột trói, nương tựa vào sự vướng bận rồi hỏi về sự vướng bận.

Trong khi tìm hiểu: Là hỏi đi hỏi lại.

"Sau khi nương tựa vào việc thấy, trong khi tìm hiểu" là như thế.

Māgandiya: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính. ... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "đức Thế Tôn."

"Đức Thế Tôn nói: Này Māgandiya" là như thế.

Ngươi đã đi đến sự mê muội ở những điều đã được nắm bắt: Việc thấy nào đã được nắm lấy, đã được bám víu, đã được chấp chặt, đã được bám chặt, đã được hướng đến bởi ngươi; chính do bởi việc thấy ấy ngươi bị mê mẩn, ngươi bị mê đắm, ngươi bị mê muội, ngươi đã đi đến sự mê mẩn, ngươi đã đi đến sự mê đắm, ngươi đã đi đến sự mê muội, ngươi đã lao vào bóng tối.

"Ngươi đã đi đến sự mê muội ở những điều đã được nắm bắt" là như thế.

Và từ đây ngươi đã không tiếp thâu sự nhận thức dầu là nhỏ nhoi: Từ đây là từ sự an tịnh ở nội phần, hoặc từ sự thực hành, hoặc từ sự chỉ bảo pháp, [nếu] ngươi không đạt được sự nhận thức đúng đắn, hoặc sự nhận thức chính xác, hoặc sự nhận thức về tướng trạng, hoặc sự nhận thức về nguyên nhân, hoặc sự nhận thức về sự việc, thì từ đâu mà ngươi đạt được trí? "Và từ đây ngươi đã không tiếp thâu sự nhận thức dầu là nhỏ nhoi" là như vậy. Hoặc là [nếu] ngươi không đạt được vô thường, hoặc sự phù hợp với nhận thức về vô thường, hoặc khổ não, hoặc sự phù hợp với nhận thức về khổ não, hoặc vô ngã, hoặc sự phù hợp với nhận thức về vô ngã, hoặc hiện tượng sanh khởi của tưởng, hoặc ấn chứng về tưởng, thì từ đâu mà ngươi đạt được trí?

"Và từ đây ngươi đã không tiếp thâu sự nhận thức dầu là nhỏ nhoi" còn là như vậy.

Do đó, ngươi ghi nhận [điều ấy] là mù mờ.

Do đó: Là do điều ấy, bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy. Ngươi ghi nhận, ngươi nhìn thấy, ngươi nhận thấy, ngươi quan sát, ngươi suy xét, ngươi khảo sát là giáo lý ngu dốt, là giáo lý lầm lạc, là giáo lý vô trí, là giáo lý trườn uốn như con lươn [không thể nắm bắt].

"Do đó, ngươi ghi nhận [điều ấy] là mù mờ" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: "Này Māgandiya] sau khi nương tựa vào việc thấy, trong khi tìm hiểu, ngươi đã đi đến sự mê muội ở những điều đã được nắm bắt. Và từ đây ngươi đã không tiếp thâu sự nhận thức dầu là nhỏ nhoi; do đó, ngươi ghi nhận [điều ấy] là mù mờ."

9.8. *Bằng nhau, đặc biệt, hoặc thấp kém,*
Kẻ nào nghĩ vậy, kẻ ấy sẽ tranh cãi vì điều ấy.
Người không lay động ở ba trạng thái kiêu mạn,
Đối với người ấy không có [ý nghĩ]: "Bằng nhau" hay "đặc biệt."

Bằng nhau, đặc biệt, hoặc thấp kém, kẻ nào nghĩ vậy, kẻ ấy sẽ tranh cãi

vì điều ấy: Kẻ nào nghĩ rằng: "Ta là ngang bằng", hoặc "ta là tốt hơn", hoặc "ta là thua kém", do ngã mạn ấy, do quan điểm ấy, kẻ ấy gây ra sự cãi cọ, gây ra sự cãi lộn, gây ra sự cãi vã, gây ra sự tranh cãi, gây ra sự gây gổ với người kia rằng: "Ngươi không biết Pháp và Luật này, ta biết Pháp và Luật này, ngươi sẽ biết gì về Pháp và Luật này? Ngươi thực hành sai trái, ta thực hành đúng đắn, có lợi ích cho ta, không có lợi ích cho ngươi, điều nên nói trước đã nói sau, điều nên nói sau đã nói trước, lề thói của ngươi đã bị đảo lộn, học thuyết của ngươi đã bị lên án, ngươi bị phản đối, ngươi hãy hành xử cho việc thoát ra khỏi lời nói [của mình], hoặc ngươi hãy gỡ rối nếu ngươi có khả năng."

"Bằng nhau, đặc biệt, hoặc thấp kém, kẻ nào nghĩ vậy, kẻ ấy sẽ tranh cãi vì điều ấy" là như thế.

Người không lay động ở ba trạng thái kiêu mạn, đối với người ấy không có [ý nghĩ]: "Bằng nhau" hay "đặc biệt": Đối với người nào, ba trạng thái kiêu mạn này là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, người ấy không rung động, không lay động ở ba trạng thái kiêu mạn. Đối với người không lay động [ý nghĩ]: "Ta là ngang bằng", hoặc "ta là tốt hơn", hoặc "ta là thua kém."

Đối với người ấy không có: Đối với ta không có.

"Người không lay động ở ba trạng thái kiêu mạn, đối với người ấy không có [ý nghĩ]: 'Bằng nhau' hay 'đặc biệt'" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Bằng nhau, đặc biệt, hoặc thấp kém,
Kẻ nào nghĩ vậy, kẻ ấy sẽ tranh cãi vì điều ấy.
Người không lay động ở ba trạng thái kiêu mạn,
Đối với người ấy không có [ý nghĩ]: 'Bằng nhau' hay 'đặc biệt'."

9.9. *Vị Bà-la-môn ấy có thể nói gì [cho rằng]: "Đây là chân lý"?*
Hoặc vị ấy có thể tranh cãi với ai rằng: "Đây là sai trái"?
Ở vị nào [ý niệm so sánh] bằng nhau hay không bằng nhau là không có,
Vị ấy có thể vướng víu vào sự tranh luận với ai đây?

Vị Bà-la-môn ấy có thể nói gì [cho rằng]: "Đây là chân lý"?

Bà-la-môn: Do trạng thái đã loại trừ bảy pháp:[4] ... (nt)... Không nương nhờ, tự tại, vị ấy được gọi là Bà-la-môn.

Vị Bà-la-môn ấy có thể nói gì [cho rằng]: "Đây là chân lý"? Vị Bà-la-môn có thể nói gì, có thể thuyết gì, có thể phát ngôn gì, có thể giảng giải gì, có thể diễn tả gì [cho rằng]: "Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại"? Và vị Bà-la-môn có thể nói gì, có thể thuyết gì, có thể phát

[4] Bà-la-môn do trạng thái đã loại trừ 7 pháp: Sự nhận thức sai trái về thân được loại trừ, sự hoài nghi được loại trừ, v.v... (xem 7 pháp ở trang 74). (ND)

ngôn gì, có thể giảng giải gì, có thể diễn tả gì [cho rằng]: "Thế giới là không thường còn,... (nt)... chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại."

"Vị Bà-la-môn ấy có thể nói gì [cho rằng]: Đây là chân lý?" là như thế.

Hoặc vị ấy có thể tranh cãi với ai rằng: "Đây là sai trái"? Do ngã mạn gì, do quan điểm gì mà vị Bà-la-môn [nghĩ rằng]: "Chân lý thuộc về chính ta, sai trái thuộc về ngươi", rồi gây ra sự cãi cọ, gây ra sự cãi lộn, gây ra sự cãi vã, gây ra sự tranh cãi, gây ra sự gây gổ với người nào rằng: "Ngươi không biết Pháp và Luật này... (nt)... hoặc ngươi hãy gỡ rối nếu ngươi có khả năng"?

"Hoặc vị ấy có thể tranh cãi với ai rằng: Đây là sai trái?" là như thế.

Ở vị nào [ý niệm so sánh] bằng nhau hay không bằng nhau là không có.

Ở vị nào: Ở người nào là bậc A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt, sự ngã mạn [với ý nghĩ]: "Ta là ngang bằng" là không có, sự cao ngạo [với ý nghĩ]: "Ta là tốt hơn" là không có, sự tự ti [với ý nghĩ]: "Ta là thua kém" là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

"Ở vị nào [ý niệm so sánh] bằng nhau hay không bằng nhau là không có" là như thế.

Vị ấy có thể vướng víu vào sự tranh luận với ai đây? Do ngã mạn gì, do quan điểm gì, vị ấy có thể vướng víu vào sự tranh luận, có thể công kích, có thể gây ra sự cãi cọ, có thể gây ra sự cãi lộn, có thể gây ra sự cãi vã, có thể gây ra sự tranh cãi, có thể gây ra sự gây gổ với người nào rằng: "Ngươi không biết Pháp và Luật này... (nt)... hoặc ngươi hãy gỡ rối nếu ngươi có khả năng"?

"Vị ấy có thể vướng víu vào sự tranh luận với ai đây?" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Vị Bà-la-môn ấy có thể nói gì [cho rằng]: 'Đây là chân lý'?
Hoặc vị ấy có thể tranh cãi với ai rằng: 'Đây là sai trái'?
Ở vị nào [ý niệm so sánh] bằng nhau hay không bằng nhau là không có,
Vị ấy có thể vướng víu vào sự tranh luận với ai đây?"

9.10. *Sau khi từ bỏ chỗ ngụ, không có sự vương vấn nhà ở,*
Vị Hiền trí không tạo ra các sự thân thiết ở trong làng,
[Vị ấy] là trống vắng đối với các dục, không ước vọng,
Không tạo ra cuộc nói chuyện cãi vã với người [khác].

Khi ấy, gia chủ Haliddakānī đã đi đến gặp Đại đức Mahākaccāna, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Mahākaccāna rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống ở một bên, gia chủ Haliddakānī đã nói với Đại đức Mahākaccāna điều này: "Thưa Ngài Kaccāna, điều này đã được nói đến bởi đức Thế Tôn ở câu hỏi của Māgandiya thuộc *Phẩm Nhóm tám*:

"Sau khi từ bỏ chỗ ngụ, không có sự vương vấn nhà ở,
Vị Hiền trí không tạo ra các sự thân thiết ở trong làng,
[Vị ấy] là trống vắng đối với các dục, không ước vọng,
Không tạo ra cuộc nói chuyện cãi vã với người [khác]."[5]

"Thưa ngài Kaccāna, ý nghĩa của lời đã được đức Thế Tôn nói một cách vắn tắt này nên được hiểu một cách rộng rãi như thế nào?"

"Này gia chủ, sắc giới[6] là **chỗ ngụ** của thức. Hơn nữa, thức bị trói buộc bởi sự luyến ái ở sắc giới được gọi là 'có sự vương vấn chỗ ngụ'. Này gia chủ, thọ giới… Này gia chủ, tưởng giới… Này gia chủ, hành giới là chỗ ngụ của thức. Hơn nữa, thức bị trói buộc bởi sự luyến ái ở hành giới được gọi là 'có sự vương vấn chỗ ngụ'. Này gia chủ, 'có sự vương vấn chỗ ngụ' là như vậy."

Và này gia chủ, thế nào là **không có sự vương vấn chỗ ngụ**? Này gia chủ, mong muốn nào, luyến ái nào, niềm vui nào, tham ái nào, các sự vướng bận và chấp thủ nào là sự quyết định, sự chấp chặt, và sự tiềm ẩn của tâm ở sắc giới, đối với đức Như Lai các việc ấy đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế đức Như Lai được gọi là "không có sự vương vấn chỗ ngụ." Này gia chủ, mong muốn nào, luyến ái nào, niềm vui nào, tham ái nào, các sự vướng bận và chấp thủ nào là sự quyết định, sự chấp chặt, và sự tiềm ẩn của tâm ở thọ giới… Này gia chủ,... ở tưởng giới… Này gia chủ,... ở hành giới… Này gia chủ,... ở thức giới, đối với đức Như Lai các việc ấy đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế đức Như Lai được gọi là "không có sự vương vấn chỗ ngụ." Này gia chủ, "không có sự vương vấn chỗ ngụ" là như vậy.

Và này gia chủ, thế nào là **có sự vương vấn nhà ở**? Này gia chủ, các sự vương vấn và trói buộc vào nét đặc trưng của sắc tướng được gọi là "có sự vương vấn nhà ở." Này gia chủ, các sự vương vấn và trói buộc vào nét đặc trưng của thinh tướng… của hương tướng… của vị tướng… của xúc tướng… của pháp tướng được gọi là "có sự vương vấn nhà ở." Này gia chủ, "có sự vương vấn nhà ở" là như vậy.

Và này gia chủ, thế nào là **không có sự vương vấn nhà ở**? Này gia chủ, đối với đức Như Lai, các sự vương vấn và trói buộc vào nét đặc trưng của sắc tướng đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế đức Như Lai được gọi là "không có sự vương vấn nhà ở." Này gia chủ, đối với đức Như Lai, các sự vương vấn và trói buộc vào nét đặc trưng của thinh tướng… của hương tướng… của vị tướng… của xúc tướng… của pháp

[5] *Suttanipātapāḷi* (*Kinh tập*), *TTPV*, tập 29, trang 269. (ND)
[6] Theo *Chú giải*, sắc giới có nghĩa là sắc uẩn, "*rūpadhātūti rūpakkhandho adhippeto*" (*NidA*. II. 310).

tướng đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế đức Như Lai được gọi là "không có sự vương vấn nhà ở." Này gia chủ, "không có sự vương vấn nhà ở" là như vậy.

Và này gia chủ, thế nào là **đã sanh ra các sự thân thiết ở trong làng**? Này gia chủ, ở đây có vị Tỳ-khưu sống gắn bó với hàng tại gia: Cùng vui, cùng buồn, hạnh phúc khi họ hạnh phúc, đau khổ khi họ đau khổ, tự mình tham gia hợp tác khi có các công việc cần phải làm. Này gia chủ, đã sanh ra các sự thân thiết ở trong làng là như vậy.

Và này gia chủ, thế nào là **đã không sanh ra các sự thân thiết ở trong làng**? Này gia chủ, ở đây có vị Tỳ-khưu sống không gắn bó với hàng tại gia: Không cùng vui, không cùng buồn, không hạnh phúc khi họ hạnh phúc, không đau khổ khi họ đau khổ, không tự mình tham gia hợp tác khi có các công việc cần phải làm. Này gia chủ, đã không sanh ra các sự thân thiết ở trong làng là như vậy.

Và này gia chủ, thế nào là **không trống vắng đối với các dục**? Này gia chủ, ở đây có vị Tỳ-khưu không xa lìa sự luyến ái, không xa lìa sự mong muốn, không xa lìa sự yêu mến, không xa lìa sự khát khao, không xa lìa sự nồng nhiệt, không xa lìa tham ái ở các dục. Này gia chủ, không trống vắng đối với các dục là như vậy.

Và này gia chủ, thế nào là **trống vắng đối với các dục**? Này gia chủ, ở đây có vị Tỳ-khưu xa lìa sự luyến ái, xa lìa sự mong muốn, xa lìa sự yêu mến, xa lìa sự khát khao, xa lìa sự nồng nhiệt, xa lìa tham ái ở các dục. Này gia chủ, trống vắng đối với các dục là như vậy.

Và này gia chủ, thế nào là **có ước vọng**? Này gia chủ, ở đây có vị Tỳ-khưu khởi ý như vầy: "Mong sao có sắc như vầy ở thời vị lai", rồi tự lấy làm vui mừng về điều ấy; "Mong sao có thọ như vầy… "Mong sao có tưởng như vầy… "Mong sao có hành như vầy… "Mong sao có thức như vầy ở thời vị lai", rồi tự lấy làm vui mừng về điều ấy. Này gia chủ, có ước vọng là như vậy.

Và này gia chủ, thế nào là **không ước vọng**? Này gia chủ, ở đây có vị Tỳ-khưu khởi ý như vầy: "Mong sao có sắc như vầy ở thời vị lai", rồi không tự lấy làm vui mừng về điều ấy; "Mong sao có thọ như vầy… "Mong sao có tưởng như vầy… "Mong sao có hành như vầy… "Mong sao có thức như vầy ở thời vị lai", rồi không tự lấy làm vui mừng về điều ấy. Này gia chủ, không ước vọng là như vậy.

Và này gia chủ, thế nào là người **tạo ra cuộc nói chuyện cãi vã với người [khác]**? Này gia chủ, ở đây có vị Tỳ-khưu là người tạo ra cuộc nói chuyện có hình thức như vầy: "Ngươi không biết Pháp và Luật này,... (nt)... hoặc ngươi hãy gỡ rối nếu ngươi có khả năng." Này gia chủ, người tạo ra cuộc nói chuyện cãi vã với người [khác] là như vậy.

Và này gia chủ, thế nào là người **tạo ra cuộc nói chuyện không cãi vã**

với người [khác]? Này gia chủ, ở đây có vị Tỳ-khưu là người tạo ra cuộc nói chuyện không có hình thức như vầy: "Ngươi không biết Pháp và Luật này,... (nt)... hoặc ngươi hãy gỡ rối nếu ngươi có khả năng." Này gia chủ, người tạo ra cuộc nói chuyện không cãi vã với người [khác] là như vậy. Này gia chủ, như thế là điều đã được nói đến bởi đức Thế Tôn ở câu hỏi của Māgandiya thuộc *Phẩm Nhóm tám*:

"Sau khi từ bỏ chỗ ngụ, không có sự vương vấn nhà ở,
Vị Hiền trí không tạo ra các sự thân thiết ở trong làng,
[Vị ấy] là trống vắng đối với các dục, không ước vọng,
Không tạo ra cuộc nói chuyện cãi vã với người [khác]."

Này gia chủ, ý nghĩa của lời đã được đức Thế Tôn nói một cách vắn tắt này nên được hiểu một cách rộng rãi như vậy.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Sau khi từ bỏ chỗ ngụ, không có sự vương vấn nhà ở,
Vị Hiền trí không tạo ra các sự thân thiết ở trong làng,
[Vị ấy] là trống vắng đối với các dục, không ước vọng,
Không tạo ra cuộc nói chuyện cãi vã với người [khác]."

9.11. *Sống ở thế gian, [bản thân] đã được tách biệt với những điều nào,*
Bậc Long Tượng sẽ không tiếp thu và sẽ không nói về những điều ấy.
Giống như cây sen có gai [ở cuống], được sanh ra ở trong nước, không bị vấy bẩn bởi nước và bùn,
Tương tự như vậy, bậc Hiền trí nói về sự an tịnh, không bị thèm khát, không bị vấy bẩn ở dục và ở thế gian.

Sống ở thế gian, [bản thân] đã được tách biệt với những điều nào.

Với những điều nào: Là với những tà kiến nào.

Đã được tách biệt: Là đã được trống vắng, đã được tách biệt, đã được tách rời với uế hạnh về thân; đã được trống vắng, đã được tách biệt, đã được tách rời với uế hạnh về khẩu… với uế hạnh về ý… với luyến ái... (nt)... với tất cả các pháp tạo tác bất thiện.

Sống: Là thực hành, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh,... (nt)... ở thế gian của các xứ.

"Sống ở thế gian, [bản thân] đã được tách biệt với những điều nào" là như thế.

Bậc Long Tượng sẽ không tiếp thu và sẽ không nói về những điều ấy.

Bậc Long Tượng: "Vị không làm điều tội lỗi" là bậc Long Tượng, "vị không đi đến" là bậc Long Tượng, "vị không trở về" là bậc Long Tượng.

"Vị không làm điều tội lỗi" là bậc Long Tượng, nghĩa là thế nào? Điều tội

lỗi nói đến các ác bất thiện pháp, các điều ô nhiễm đưa đến tái sanh, có sự phiền muộn, có kết quả khổ, đưa đến sanh-già-chết ở vị lai.

"Vị không làm bất cứ điều tội lỗi nào ở thế gian, sau khi tháo gỡ tất cả các sự ràng buộc [và] các sự trói buộc, không bám víu vào bất cứ nơi đâu, đã được giải thoát, vị tự tại, có bản thể như thế, được gọi là 'bậc Long Tượng.'"[7]

"Vị không làm điều tội lỗi" là bậc Long Tượng, nghĩa là như vậy.

"Vị không đi đến" là bậc Long Tượng, nghĩa là thế nào? Vị không đi đến sự thiên vị vì mong muốn, không đi đến sự thiên vị vì sân hận, không đi đến sự thiên vị vì si mê, không đi đến sự thiên vị vì sợ hãi, không đi đến do tác động của luyến ái, không đi đến do tác động của sân hận, không đi đến do tác động của si mê, không đi đến do tác động của ngã mạn, không đi đến do tác động của tà kiến, không đi đến do tác động của phóng dật, không đi đến do tác động của hoài nghi, không đi đến do tác động của pháp tiềm ẩn, không bị đưa đi, không bị dẫn đi, không bị lôi đi, không bị mang đi bởi các pháp có tính chất phe nhóm. "Vị không đi đến" là bậc Long Tượng, nghĩa là như vậy.

"Vị không trở về" là bậc Long Tượng, nghĩa là thế nào? Các ô nhiễm nào đã được dứt bỏ bởi đạo Nhập lưu, các ô nhiễm ấy không đi về lại, không quay trở lại, không quay về lại. Các ô nhiễm nào đã được dứt bỏ bởi đạo Nhất lai... bởi đạo Bất lai... bởi đạo A-la-hán, các ô nhiễm ấy không đi về lại, không quay trở lại, không quay về lại. "Vị không quay về" là bậc Long Tượng, nghĩa là như vậy.

Bậc Long Tượng sẽ không tiếp thu và sẽ không nói về những điều ấy: Không có trường hợp bậc Long Tượng sẽ chấp nhận, sẽ tiếp thu, sẽ nắm lấy, sẽ bám víu, sẽ chấp chặt; rồi sẽ nói, sẽ thuyết, sẽ phát ngôn, sẽ giảng giải, sẽ diễn tả các tà kiến ấy rằng: "Thế giới là thường còn,... (nt)... chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại."

"Bậc Long Tượng sẽ không tiếp thu và sẽ không nói về những điều ấy" là như thế.

Giống như cây sen có gai [ở cuống], được sanh ra ở trong nước, không bị vấy bẩn bởi nước và bùn.

Elaṃ: Nói đến nước.

Ambujaṃ: Nói đến cây sen.

Có gai [ở cuống]: Nói đến có cuống sần sùi.

Vāri: Nói đến nước.

Được sanh ra ở trong nước: Nói đến cây sen có nguồn sanh khởi từ nước.

Jalaṃ: Nói đến nước.

---

[7] *Suttanipātapāḷi* (*Kinh tập*), *TTPV,* tập 29, trang 159, câu kệ 525. (ND)

Bùn: Nói đến đất lầy. Giống như hoa sen được sanh ra ở trong nước, có nguồn sanh khởi từ nước, không bị lấm nhơ, không bị nhiễm bẩn, không bị vấy bẩn, [là] đã không bị lấm nhơ, đã không bị nhiễm bẩn, đã không bị vấy bẩn bởi nước và bùn.

"Giống như cây sen có gai [ở cuống], được sanh ra ở trong nước, không bị vấy bẩn bởi nước và bùn" là như thế.

Tương tự như vậy, bậc Hiền trí nói về sự an tịnh, không bị thèm khát, không bị vấy bẩn ở dục và ở thế gian.

Tương tự như vậy: Là phương thức của sự so sánh.

Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí,... (nt)... đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là Hiền trí.

Nói về sự an tịnh: Bậc Hiền trí nói về sự an tịnh, nói về nơi nương náu, nói về nơi trú ẩn, nói về nơi nương nhờ, nói về nơi không sợ hãi, nói về bất hoại, nói về bất tử, nói về Niết-bàn. "Tương tự như vậy, bậc Hiền trí nói về sự an tịnh" là như thế.

Không bị thèm khát: Thèm khát nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với vị nào, thèm khát ấy đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vị ấy được gọi là không bị thèm khát. Vị ấy không bị thèm khát ở sắc, không bị thèm khát ở thinh… ở hương… ở vị… ở xúc… ở gia tộc… ở đồ chúng… ở chỗ ngụ… ở lợi lộc… ở danh vọng… ở lời khen… ở hạnh phúc… ở y phục… ở đồ ăn khất thực… ở chỗ nằm ngồi và ở vật dụng là thuốc men chữa bệnh… ở dục giới… ở sắc giới… ở vô sắc giới… ở cõi dục… ở cõi sắc… ở cõi vô sắc… ở cõi hữu tưởng… ở cõi vô tưởng… ở cõi phi tưởng phi phi tưởng… ở cõi một uẩn… ở cõi bốn uẩn… ở cõi năm uẩn… ở quá khứ… ở vị lai… ở hiện tại… ở các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, không bị buộc trói, không bị mê mẩn, không bị gần gũi, có sự thèm khát đã được xa lìa, có sự thèm khát đã được tách lìa, có sự thèm khát đã được từ bỏ, có sự thèm khát đã được tẩy trừ, có sự thèm khát đã được giải thoát, có sự thèm khát đã được dứt bỏ, có sự thèm khát đã được buông bỏ, có sự luyến ái đã được xa lìa, có sự luyến ái đã được tách lìa, có sự luyến ái đã được từ bỏ, có sự luyến ái đã được tẩy trừ, có sự luyến ái đã được giải thoát, có sự luyến ái đã được dứt bỏ, có sự luyến ái đã được buông bỏ, không còn khao khát, được tịch diệt, có trạng thái mát mẻ, có sự cảm thọ lạc, sống với trạng thái cao thượng tự thân. "Tương tự như vậy, bậc Hiền trí nói về sự an tịnh, không bị thèm khát" là như thế.

Không bị vấy bẩn ở dục và ở thế gian.

Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là ô nhiễm dục.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ.

Lấm nhơ: Có hai sự lấm nhơ: Lấm nhơ do tham ái và lấm nhơ do tà kiến. ... (nt)... điều này là lấm nhơ do tham ái. ... (nt)... điều này là lấm nhơ do tà kiến. Bậc Hiền trí sau khi dứt bỏ lấm nhơ do tham ái, sau khi buông bỏ lấm nhơ do tà kiến, không bị lấm nhơ ở dục và ở thế gian, không bị nhiễm bẩn, không bị vấy bẩn, [là người] đã không bị lấm nhơ, đã không bị nhiễm bẩn, đã không bị vấy bẩn, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

"Tương tự như vậy, bậc Hiền trí nói về sự an tịnh, không bị thèm khát, không bị vấy bẩn ở dục và ở thế gian" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Sống ở thế gian, [bản thân] đã được tách biệt với những điều nào,
Bậc Long Tượng sẽ không tiếp thu và sẽ không nói về những điều ấy.
Giống như cây sen có gai [ở cuống], được sanh ra ở trong nước, không bị vấy bẩn bởi nước và bùn,
Tương tự như vậy, bậc Hiền trí nói về sự an tịnh, không bị thèm khát, không bị vấy bẩn ở dục và ở thế gian."

9.12. *Bậc đã đạt được sự hiểu biết không do tà kiến, không do cảm giác mà vị ấy đi đến ngã mạn, bởi vì vị ấy không có điều ấy là bản tính. Không do hành động, cũng không do điều đã được nghe mà vị ấy có thể bị dẫn đi; vị ấy không bị dẫn dắt vào trong các sự chấp chặt.*

Bậc đã đạt được sự hiểu biết không do tà kiến, không do cảm giác mà vị ấy đi đến ngã mạn.

Không: Là sự phủ định.

Bậc đã đạt được sự hiểu biết: Sự hiểu biết nói đến trí [ở bốn đạo], tuệ, tuệ quyền, tuệ lực, trạch pháp giác chi, sự thẩm xét, sự thấy rõ, chánh kiến ở bốn đạo. Với các sự hiểu biết ấy, [vị ấy] đã đi đến điểm cuối đối với sanh-già-chết, đã đạt đến điểm cuối, đã đi đến đỉnh, đã đạt đến đỉnh, đã đi đến tận cùng, đã đạt đến tận cùng, đã đi đến sự hoàn tất, đã đạt đến sự hoàn tất, đã đi đến nơi nương náu, đã đạt đến nơi nương náu, đã đi đến nơi trú ẩn, đã đạt đến nơi trú ẩn, đã đi đến nơi nương nhờ, đã đạt đến nơi nương nhờ, đã đi đến nơi không sợ hãi, đã đạt đến nơi không sợ hãi, đã đi đến bất hoại, đã đạt đến bất hoại, đã đi đến bất tử, đã đạt đến bất tử, đã đi đến Niết-bàn, đã đạt đến Niết-bàn đối với sanh-già-chết. "Người đã đi đến điểm cuối của các sự hiểu biết" là bậc đã đạt được sự hiểu biết, hoặc "người đã đi đến điểm cuối nhờ vào các sự hiểu biết" là bậc đã đạt được sự hiểu biết, hoặc bậc đã đạt được sự hiểu biết là người có trạng thái đã hiểu biết về bảy pháp: Sự nhận thức sai trái về thân đã được hiểu biết, sự hoài

nghi đã được hiểu biết, sự bám víu vào giới và phận sự đã được hiểu biết, sự luyến ái đã được hiểu biết, sân hận đã được hiểu biết, si mê đã được hiểu biết, ngã mạn đã được hiểu biết; đối với người này, các ác bất thiện pháp, các điều ô nhiễm đưa đến tái sanh, có sự phiền muộn, có kết quả khổ, đưa đến sanh-già-chết ở vị lai là đã được hiểu biết.

[Đức Thế Tôn nói: "Này Sabhiya] vị đã suy gẫm toàn bộ các loại kiến thức thuộc về các Sa-môn, thuộc về các Bà-la-môn, vị đã xa lìa sự luyến ái ở tất cả các cảm thọ, vị đã vượt qua mọi kiến thức, vị ấy là 'bậc đã đạt được sự hiểu biết.'"[8]

Không do tà kiến: Đối với vị ấy, sáu mươi hai tà kiến là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ. Vị ấy không bị đưa đi, không bị dẫn đi, không bị lôi đi, không bị mang đi bởi tà kiến, cũng không xem tà kiến ấy là có cốt lõi và cũng không quay về lại. "Bậc đã đạt được sự hiểu biết không do tà kiến" là như thế.

Không do cảm giác mà vị ấy đi đến ngã mạn: Vị ấy không đi đến ngã mạn do [hương, vị, xúc] đã được cảm giác, hoặc do thinh từ người khác, hoặc do quy ước của số đông người, không tiếp cận, không đi đến gần, không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt.

"Bậc đã đạt được sự hiểu biết không do tà kiến, không do cảm giác mà vị ấy đi đến ngã mạn" là như thế.

Bởi vì vị ấy không có điều ấy là bản tính: Không do tác động của tham ái, không do tác động của tà kiến mà [vị ấy] có điều ấy là bản tính, có điều ấy là tối hậu, có điều ấy là cứu cánh. Khi nào tham ái, tà kiến và ngã mạn của vị này là được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai; cho đến như thế thì [vị ấy] không có điều ấy là bản tính, không có điều ấy là tối hậu, không có điều ấy là cứu cánh.

"Bởi vì vị ấy không có điều ấy là bản tính" là như thế.

Không do hành động, cũng không do điều đã được nghe mà vị ấy có thể bị dẫn đi.

Không do hành động: Vị ấy không bị đưa đi, không bị dẫn đi, không bị lôi đi, không bị mang đi bởi phúc hành, hoặc bởi phi phúc hành, hoặc bởi bất động hành.[9] "Không do hành động" là như thế.

Cũng không do điều đã được nghe mà vị ấy có thể bị dẫn đi: Vị ấy không bị đưa đi, không bị dẫn đi, không bị lôi đi, không bị mang đi bởi sự trong sạch do điều đã được nghe, hoặc do nghe từ người khác, hoặc do quy ước của số đông người.

---

[8] *Suttanipātapāḷi* (*Kinh tập*), *TTPV*, tập 29, trang 161, câu kệ 532. (ND)

[9] Xem chú thích về "phúc hành, phi phúc hành, bất động hành" ở trang 77. (ND)

"Không do hành động, cũng không do điều đã được nghe mà vị ấy có thể bị dẫn đi" là như thế.

Vị ấy không bị dẫn dắt vào trong các sự chấp chặt.

Sự vướng bận: Có hai sự vướng bận: Sự vướng bận do tham ái và sự vướng bận do tà kiến. ... (nt)... điều này là sự vướng bận do tham ái. ... (nt)... điều này là sự vướng bận do tà kiến. Đối với vị ấy, sự vướng bận do tham ái đã được dứt bỏ, sự vướng bận do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự vướng bận do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự vướng bận do tà kiến, vị ấy không bị dẫn dắt vào các sự chấp chặt, không bị vấy bẩn, không tiến vào, không bám chặt, không hướng đến, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

"Vị ấy không bị dẫn dắt vào trong các sự chấp chặt" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Bậc đã đạt được sự hiểu biết không do tà kiến, không do cảm giác mà vị ấy đi đến ngã mạn, bởi vì vị ấy không có điều ấy là bản tính. Không do hành động, cũng không do điều đã được nghe mà vị ấy có thể bị dẫn đi; vị ấy không bị dẫn dắt vào trong các sự chấp chặt."

9.13. *Đối với vị đã xa lìa tưởng, các trói buộc không hiện hữu,*
Đối với vị đã được giải thoát do tuệ, các si mê không hiện hữu.
Và những người nào nắm giữ tưởng và tà kiến,
Những người ấy sống, gây đụng chạm ở thế gian.

Đối với vị đã xa lìa tưởng, các trói buộc không hiện hữu: Vị nào tu tập Thánh đạo có thiền chỉ tịnh là yếu tố đi trước, các trói buộc liên quan đến giai đoạn đầu của vị ấy được đè nén; khi đạt đến quả vị A-la-hán, các trói buộc, các si mê, các pháp che lấp, và các dục tưởng, sân tưởng, hại tưởng, tà kiến tưởng được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai.

"Đối với vị đã xa lìa tưởng, các trói buộc không hiện hữu" là như thế.

Đối với vị đã được giải thoát do tuệ, các si mê không hiện hữu: Vị nào tu tập Thánh đạo có thiền minh sát là yếu tố đi trước, các si mê liên quan đến giai đoạn đầu của vị ấy được đè nén; khi đạt đến quả vị A-la-hán, các si mê, các trói buộc, các pháp che lấp, và các dục tưởng, sân tưởng, hại tưởng, tà kiến tưởng được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai.

"Đối với vị đã được giải thoát do tuệ, các si mê không hiện hữu" là như thế.

Và những người nào nắm giữ tưởng và tà kiến, những người ấy sống, gây đụng chạm ở thế gian: Những kẻ nào nắm lấy tưởng, dục tưởng, sân tưởng, hại tưởng; do tác động của tưởng, những kẻ ấy gây đụng chạm, gây xung

đột. Các vị vua tranh cãi với các vị vua, các Sát-đế-lỵ tranh cãi với các Sát-đế-lỵ, các Bà-la-môn tranh cãi với các Bà-la-môn, các gia chủ tranh cãi với các gia chủ, mẹ tranh cãi với con trai, con trai tranh cãi với mẹ, cha tranh cãi với con trai, con trai tranh cãi với cha, anh [em] trai tranh cãi với anh [em] trai, chị [em] gái tranh cãi với chị [em] gái, anh [em] trai tranh cãi với chị [em] gái, chị [em] gái tranh cãi với anh [em] trai, bạn bè tranh cãi với bạn bè. Tại nơi ấy, chúng đạt đến sự cãi cọ, sự cãi vã, sự tranh cãi, rồi công kích lẫn nhau bằng những bàn tay, công kích lẫn nhau bằng những cục đất, công kích lẫn nhau bằng những gậy gộc, công kích lẫn nhau bằng những gươm đao. Tại nơi ấy, chúng đi đến cái chết, thậm chí sự khổ đau kề cận cái chết. Những kẻ nào nắm lấy tà kiến rằng: "Thế giới là thường còn",... (nt)... hoặc: "Chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết"; do tác động của tà kiến, những kẻ ấy gây đụng chạm, gây xung đột; chúng gây đụng chạm bậc Đạo sư [này] với bậc Đạo sư [khác], chúng gây đụng chạm giáo lý [này] với giáo lý [khác], chúng gây đụng chạm tập thể [này] với tập thể [khác], chúng gây đụng chạm quan điểm [này] với quan điểm [khác], chúng gây đụng chạm lối thực hành [này] với lối thực hành [khác], gây đụng chạm đạo lộ [này] với đạo lộ [khác].

Hoặc là, chúng tranh cãi, rồi gây ra sự cãi cọ, gây ra sự cãi lộn, gây ra sự cãi vã, gây ra sự tranh cãi, gây ra sự gây gổ rằng: "Ngươi không biết Pháp và Luật này... (nt)... hoặc ngươi hãy gỡ rối nếu ngươi có khả năng." Các sự tạo tác của chúng chưa được dứt bỏ; do trạng thái chưa được dứt bỏ của các sự tạo tác, chúng gây đụng chạm ở địa ngục, chúng gây đụng chạm ở loài thú, chúng gây đụng chạm ở thân phận ngạ quỷ, chúng gây đụng chạm ở nhân giới, chúng gây đụng chạm ở thiên giới, chúng gây đụng chạm, chúng gây xung đột cảnh giới tái sanh [này] với cảnh giới tái sanh [khác], sự tái sanh [này] với sự tái sanh [khác], sự nối liền tái sanh [này] với sự nối liền tái sanh [khác], sự hiện hữu [này] với sự hiện hữu [khác], sự luân hồi [này] với sự luân hồi [khác], sự luân chuyển [này] với sự luân chuyển [khác]. Trong khi gây đụng chạm, chúng sống, cư xử, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh... (nt)... ở thế gian của loài người.

"Và những người nào nắm giữ tưởng và tà kiến, những người ấy sống, gây đụng chạm ở thế gian" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Đối với vị đã xa lìa tưởng, các trói buộc không hiện hữu,
Đối với vị đã được giải thoát do tuệ, các si mê không hiện hữu.
Và những người nào nắm giữ tưởng và tà kiến,
Những người ấy sống, gây đụng chạm ở thế gian."

"Diễn giải kinh về Māgandiya" - Phần thứ chín.

10. DIỄN GIẢI KINH TRƯỚC KHI HOẠI RÃ (*PURĀBHEDASUTTANIDDESO*)

Giờ phần "Diễn giải kinh trước khi hoại rã" được nói đến:

10.1. *Có sự hiểu biết thế nào, có giới thế nào, được gọi là "yên tịnh"? Thưa Ngài Gotama, được hỏi về con người tối thượng, xin Ngài hãy nói cho tôi về vị ấy.*

Có sự hiểu biết thế nào, có giới thế nào, được gọi là "yên tịnh"?

Có sự hiểu biết thế nào: Được thành tựu sự hiểu biết như thế nào, được hình thành thế nào, có kiểu cách gì, có biểu hiện gì. "Có sự hiểu biết thế nào" là như thế.

Có giới thế nào: Được thành tựu giới như thế nào, được hình thành thế nào, có kiểu cách gì, có biểu hiện gì. "Có sự hiểu biết thế nào, có giới thế nào" là như thế.

Được gọi là "yên tịnh": Được gọi là, được nói ra, được thuyết giảng, được phát ngôn, được giảng giải, được diễn tả là an tịnh, yên tịnh, vắng lặng, không còn khao khát, tịch diệt, tịch tịnh. "Có sự hiểu biết thế nào" là hỏi về thắng tuệ; "có giới thế nào" là hỏi về thắng giới; "yên tịnh" là hỏi về thắng tâm.

"Có sự hiểu biết thế nào, có giới thế nào, được gọi là 'yên tịnh'?" là như thế.

Thưa Ngài Gotama, xin Ngài hãy nói cho tôi về vị ấy.

Vị ấy: Là vị tôi hỏi, vị tôi yêu cầu, vị tôi thỉnh cầu, vị tôi đặt niềm tin.

Thưa Ngài Gotama: Vị [Phật] đã được hóa hiện ấy xưng hô với đức Phật Thế Tôn bằng họ.

Xin Ngài hãy nói về: Xin Ngài hãy nói, hãy nêu ra, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ.

"Thưa Ngài Gotama, xin Ngài hãy nói cho tôi về vị ấy" là như thế.

Được hỏi về con người tối thượng.

Được hỏi về: Được vấn, được hỏi, được yêu cầu, được thỉnh cầu, được đặt niềm tin.

Con người tối thượng: Là con người cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý.

"Được hỏi về con người tối thượng" là như thế.

Vì thế, vị [Phật] do thần thông biến hóa ra[1] đã hỏi rằng:

"Có sự hiểu biết thế nào, có giới thế nào, được gọi là 'yên tịnh'? Thưa Ngài Gotama, được hỏi về con người tối thượng, xin Ngài hãy nói cho tôi về vị ấy."

10.2. *[Đức Thế Tôn nói:] "Vị có tham ái đã được xa lìa trước khi hoại rã [thân xác] thì không nương tựa vào thời gian trước [quá khứ], không thể phân hạng vào khoảng giữa [hiện tại]; đối với vị ấy, việc chú trọng [vị lai] là không có."*

Vị có tham ái đã được xa lìa trước khi hoại rã [thân xác]: Trước khi hoại rã thân thể, trước khi hoại rã bản thân, trước khi quăng bỏ thân xác, trước khi cắt đứt mạng quyền, vị có tham ái đã được xa lìa, có tham ái đã được tách lìa, có tham ái đã được từ bỏ, có tham ái đã được tẩy trừ, có tham ái đã được giải thoát, có tham ái đã được dứt bỏ, có tham ái đã được buông bỏ, có luyến ái đã được xa lìa, có luyến ái đã được tách lìa, có luyến ái đã được từ bỏ, có luyến ái đã được tẩy trừ, có luyến ái đã được giải thoát, có luyến ái đã được dứt bỏ, có luyến ái đã được buông bỏ, không còn khao khát, được tịch diệt, có trạng thái mát mẻ, có sự cảm thọ lạc, sống với trạng thái cao thượng tự thân.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính. Thêm nữa, "vị có luyến ái đã được phá vỡ" là đức Thế Tôn; "vị có sân hận đã được phá vỡ" là đức Thế Tôn; "vị có si mê đã được phá vỡ" là đức Thế Tôn; "vị có ngã mạn đã được phá vỡ" là đức Thế Tôn; "vị có tà kiến đã được phá vỡ" là đức Thế Tôn; "vị có cây gai đã được phá vỡ" là đức Thế Tôn; "vị có ô nhiễm đã được phá vỡ" là đức Thế Tôn; "vị đã phân phát, đã phân chia, đã phân phối Pháp bảo" là đức Thế Tôn; "vị thực hiện sự chấm dứt các hữu" là đức Thế Tôn; "vị có thân đã được tu tập, có giới đã được tu tập, có tâm đã được tu tập, có tuệ đã được tu tập" là đức Thế Tôn; "vị đã thân cận các khu rừng, các nơi heo hút, các chỗ trú ngụ xa vắng có ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh" là đức Thế Tôn; "vị có dự phần hoặc sở hữu về y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh" là đức Thế Tôn; "vị có dự phần hoặc sở hữu về vị của mục đích, về vị của pháp, về vị của giải thoát, về thắng giới, về thắng tâm, về thắng tuệ" là đức Thế Tôn; "vị có dự phần hoặc sở hữu về bốn thiền, về bốn vô lượng [tâm], về bốn sự thể nhập vô sắc" là đức Thế Tôn; "vị có dự phần hoặc sở hữu về tám giải thoát, về tám thắng xứ [của thiền], về chín sự thể nhập và an trú theo tuần tự" là đức Thế Tôn; "vị có dự phần hoặc sở hữu về mười sự tu tập về tưởng, về mười sự thể nhập các đề mục *kasiṇa*, về định niệm hơi thở vào hơi thở ra, về sự thể nhập các đề mục tử thi" là đức Thế Tôn; "vị có dự phần hoặc sở hữu về bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa

[1] Nhằm tế độ chư thiên và nhân loại thuộc 6 tánh khác nhau (tánh tham, tánh sân, tánh si, tánh tầm, tánh tín, tánh giác), đức Phật đã dùng thần thông hóa hiện ra một vị Phật thứ hai cùng với 1.250 vị Tỳ-khưu đi đến nơi ấy bằng đường không trung, và vị Phật đã được hóa hiện ra ấy đã hỏi câu hỏi trên. Đức Phật đã hướng tâm đến các chúng sanh có tánh giác trong lúc thuyết bài *Kinh Purābheda* này (*NidA*. II. 316).

đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần" là đức Thế Tôn; "vị có dự phần hoặc sở hữu về mười Như Lai lực, về bốn pháp tự tin, về bốn tuệ phân tích, về sáu thắng trí, về sáu pháp của đức Phật" là đức Thế Tôn.

Thế Tôn: Tên gọi này không do mẹ tạo ra, không do cha tạo ra, không do anh [em] trai tạo ra, không do chị [em] gái tạo ra, không do bạn bè hoặc thân hữu tạo ra, không do các thân quyến và những người cùng huyết thống tạo ra, không do các Sa-môn hoặc Bà-la-môn tạo ra, không do chư thiên tạo ra, sự tận cùng của giải thoát này là sự quy định thuộc về chư Phật Thế Tôn do sự đạt được, do sự chứng ngộ trí Toàn tri ở cội cây Bồ-đề, tức là "đức Thế Tôn."

"Vị có tham ái đã được xa lìa trước khi hoại rã [thân xác]" là như thế.

Không nương tựa vào thời gian trước: Thời gian trước nói đến thời quá khứ. Liên quan đến thời quá khứ, tham ái là đã được dứt bỏ, tà kiến là đã được buông bỏ; do trạng thái đã được dứt bỏ đối với tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với tà kiến. Như vậy là "không nương tựa vào thời gian trước." Hoặc là [nghĩ rằng]: "Ta đã có sắc như vầy vào thời quá khứ", rồi không tự lấy làm vui mừng về điều ấy. "Ta đã có thọ như vầy… "Ta đã có tưởng như vầy… "Ta đã có hành như vầy… "Ta đã có thức như vầy vào thời quá khứ", rồi không tự lấy làm vui mừng về điều ấy. Như vậy cũng là "không nương tựa vào thời gian trước." Hoặc là [nghĩ rằng]: "Mắt của ta đã là như vầy vào thời quá khứ, các sắc đã là như vầy", thức không bị trói buộc vào sự mong muốn và luyến ái về điều ấy; do không có trạng thái bị trói buộc vào sự mong muốn và luyến ái của thức, nên không thích thú điều ấy; trong khi không thích thú điều ấy. Như vậy cũng là "không nương tựa vào thời gian trước." "Tai của ta đã là như vầy vào thời quá khứ, các thinh đã là như vầy",… "Mũi của ta đã là như vầy vào thời quá khứ, các hương đã là như vầy",… "Lưỡi của ta đã là như vầy vào thời quá khứ, các vị đã là như vầy",… "Thân của ta đã là như vầy vào thời quá khứ, các xúc đã là như vầy",… "Ý của ta đã là như vầy vào thời quá khứ, các pháp đã là như vầy", thức không bị trói buộc vào sự mong muốn và luyến ái về điều ấy; do trạng thái không bị trói buộc vào sự mong muốn và luyến ái của thức, nên không thích thú điều ấy; trong khi không thích thú điều ấy. Như vậy cũng là "không nương tựa vào thời gian trước." Hoặc là các việc cười hớt, chuyện trò, đùa giỡn nào với người nữ đã có trước đây, thì không hứng thú điều ấy, không khao khát điều ấy, và không do điều ấy mà đạt được sự vui lòng.

Như vậy cũng là "không nương tựa vào thời gian trước."

Không thể phân hạng vào khoảng giữa: Khoảng giữa nói đến thời hiện tại. Liên quan đến thời hiện tại, tham ái là đã được dứt bỏ, tà kiến là đã được buông bỏ; do trạng thái đã được dứt bỏ đối với tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với tà kiến, không thể phân hạng là "bị luyến ái", không thể phân hạng là "bị sân hận", không thể phân hạng là "bị si mê", không thể phân hạng là "bị trói buộc", không thể phân hạng là "bị bám víu", không thể phân hạng là "bị tán loạn", không thể phân hạng là "không dứt khoát", không thể phân hạng là

"cứng cỏi"; các pháp tạo tác ấy là đã được dứt bỏ; do trạng thái đã được dứt bỏ đối với các pháp tạo tác, không thể phân hạng theo cảnh giới tái sanh là "người địa ngục", hoặc "loài thú", hoặc "thân phận ngạ quỷ", hoặc "loài người", hoặc "thiên nhân", hoặc "người hữu sắc", hoặc "người vô sắc", hoặc "người hữu tưởng", hoặc "người vô tưởng", hoặc "người phi tưởng phi phi tưởng"? Không có nhân, không có duyên, không có lý do, mà bởi điều ấy vị ấy có thể đi đến sự phân hạng.

"Không thể phân hạng vào khoảng giữa" là như thế.

Đối với vị ấy, việc chú trọng là không có.

Đối với vị ấy: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Việc chú trọng: Có hai sự chú trọng: Chú trọng do tham ái và chú trọng do tà kiến… (nt)… điều này là chú trọng do tham ái… (nt)… điều này là chú trọng do tà kiến. Đối với vị ấy, sự chú trọng do tham ái đã được dứt bỏ, sự chú trọng do tà kiến đã được buông bỏ; do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự chú trọng do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự chú trọng do tà kiến, vị ấy sống không chú trọng tham ái hoặc tà kiến, không có tham ái là ngọn cờ, không có tham ái là biểu hiện, không có tham ái là chủ đạo, không có tà kiến là ngọn cờ, không có tà kiến là biểu hiện, không có tà kiến là chủ đạo, vị ấy sống không bị vây quanh bởi tham ái hoặc bởi tà kiến. "Đối với vị ấy, việc chú trọng là không có" là như vậy. Hoặc là [nghĩ rằng]: "Ta sẽ có sắc như vầy vào thời vị lai", rồi không tự lấy làm vui mừng về điều ấy. Như vậy là "đối với vị ấy, việc chú trọng là không có." "Ta sẽ có thọ như vầy… "Ta sẽ có tưởng như vầy… "Ta sẽ có hành như vầy… "Ta sẽ có thức như vầy vào thời vị lai", rồi không tự lấy làm vui mừng về điều ấy. Như vậy cũng là "đối với vị ấy, việc chú trọng là không có." Hoặc là [nghĩ rằng]: "Mắt của ta sẽ là như vầy vào thời vị lai, các sắc sẽ là như vầy", rồi không chuyên chú tâm vào việc đạt được điều chưa đạt được; do duyên không chuyên chú của tâm nên không thích thú điều ấy; trong khi không thích thú điều ấy. Như vậy cũng là "đối với vị ấy, việc chú trọng là không có"; "Tai của ta sẽ là như vầy vào thời vị lai, các thinh sẽ là như vầy",… "Mũi của ta sẽ là như vầy vào thời vị lai, các hương sẽ là như vầy",… "Lưỡi của ta sẽ là như vầy vào thời vị lai, các vị sẽ là như vầy",… "Thân của ta sẽ là như vầy vào thời vị lai, các xúc sẽ là như vầy",… "Ý của ta sẽ là như vầy vào thời vị lai, các pháp sẽ là như vầy", rồi không chuyên chú tâm vào việc đạt được điều chưa đạt được; do duyên không chuyên chú của tâm nên không thích thú điều ấy; trong khi không thích thú điều ấy. Như vậy cũng là "đối với vị ấy, việc chú trọng là không có." Hoặc là: "Với giới này, hay với phận sự này, hay với sự khắc khổ này, hay với Phạm hạnh này, ta sẽ trở thành Thiên vương hoặc một thiên nhân nào đó", rồi không chuyên chú tâm vào việc đạt được điều chưa đạt được; do duyên không chuyên chú của tâm nên không thích thú điều ấy; trong khi không thích thú điều ấy.

Như vậy cũng là "đối với vị ấy, việc chú trọng là không có."

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói:] "Vị có tham ái đã được xa lìa trước khi hoại rã [thân xác] thì không nương tựa vào thời gian trước [quá khứ]; không thể phân hạng vào khoảng giữa [hiện tại]; đối với vị ấy, việc chú trọng [vị lai] là không có."

10.3. *Không có sự giận dữ, không có sự kinh sợ, không có sự phô trương, không có sự hối hận, có lời nói khôn khéo, không bị phóng túng; vị ấy quả thật là bậc Hiền trí đã kiềm chế về khẩu.*

Không có sự giận dữ, không có sự kinh sợ.

Bởi vì "**sự không giận dữ**" được nói đến, như thế sự giận dữ cũng nên được nói đến. Sự giận dữ sanh khởi theo mười biểu hiện: [Nghĩ rằng:] "Nó đã làm điều bất lợi cho ta", giận dữ sanh khởi; [nghĩ rằng:] "Nó đang làm điều bất lợi cho ta", giận dữ sanh khởi; [nghĩ rằng:] "Nó sẽ làm điều bất lợi cho ta", giận dữ sanh khởi; [nghĩ rằng:] "Nó đã làm điều bất lợi... đang làm điều bất lợi... sẽ làm điều bất lợi cho người yêu quý, hợp ý của ta", giận dữ sanh khởi; [nghĩ rằng:] "Nó đã làm điều có lợi... đang làm điều có lợi... sẽ làm điều có lợi cho người không yêu quý, không hợp ý của ta", giận dữ sanh khởi; thêm nữa là sự giận dữ sanh khởi vô cớ. Sự tức tối nào của tâm có hình thức như vậy là sự tức giận, sự thù hận, sự đối chọi, sự căm giận, sự căm hờn, sự căm ghét, sự sân hận, sự khởi sân, sự sân nộ, sự độc ác của tâm, sự khởi sân của ý, sự giận dữ, biểu hiện giận dữ, trạng thái giận dữ, sự sân hận, biểu hiện sân hận, trạng thái sân hận, sự tức giận, biểu hiện tức giận, trạng thái tức giận, sự chống đối, sự đối chọi, sự tàn nhẫn, sự lỗ mãng, trạng thái không hoan hỷ của tâm; điều này được gọi là sự giận dữ.

Thêm nữa, trạng thái nhiều ít của sự giận dữ nên được biết đến: Có lúc sự giận dữ là ở mức độ làm xáo trộn tâm, nhưng chưa nhíu mày nhăn mặt; có lúc sự giận dữ là ở mức độ nhíu mày nhăn mặt, nhưng chưa nghiến hai hàm răng; có lúc sự giận dữ là ở mức độ nghiến hai hàm răng, nhưng chưa thốt ra lời nói thô lỗ; có lúc sự giận dữ là ở mức độ thốt ra lời nói thô lỗ, nhưng chưa nhìn quanh các hướng [tìm vũ khí]; có lúc sự giận dữ là ở mức độ nhìn quanh các hướng [tìm vũ khí], nhưng chưa nắm lấy gậy gộc gươm đao; có lúc sự giận dữ là ở mức độ nắm lấy gậy gộc gươm đao, nhưng chưa giơ gậy gộc gươm đao lên; có lúc sự giận dữ là ở mức độ giơ gậy gộc gươm đao lên, nhưng chưa giáng gậy gộc gươm đao xuống; có lúc sự giận dữ là ở mức độ giáng gậy gộc gươm đao xuống, nhưng chưa làm việc băm chém; có lúc sự giận dữ là ở mức độ làm việc băm chém, nhưng chưa có sự tổn thương gãy vỡ; có lúc sự giận dữ là ở mức độ có sự tổn thương gãy vỡ, nhưng chưa có sự đứt lìa các phần cơ thể; có lúc sự giận dữ là ở mức độ có sự đứt lìa các phần cơ thể, nhưng chưa có sự đoạt lấy mạng sống; có lúc sự giận dữ là ở mức độ có sự đoạt lấy mạng sống, nhưng chưa đến mức buông bỏ tất cả, luôn cả việc tự sát. Khi nào sự giận dữ khiến cho giết chết người khác rồi giết chết mình, đến chừng ấy thì sự giận dữ [của người ấy] đã đạt đến mức quá lố, đã đạt đến mức tận cùng.

Đối với người nào, sự giận dữ ấy đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, người ấy được gọi là không có sự giận dữ. Trạng thái đã dứt bỏ đối với sự giận dữ là "không có sự giận dữ." Trạng thái đã biết toàn diện về nền tảng của sự giận dữ là "không có sự giận dữ." Trạng thái đã chặt đứt nhân của sự giận dữ là "không có sự giận dữ." "Không có sự giận dữ" là như thế.

Không có sự kinh sợ: Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó có sự run sợ, có sự khiếp sợ, có sự hoảng sợ, vị ấy run sợ, khiếp sợ, hoảng sợ, sợ hãi, rơi vào sự kinh sợ [nghĩ rằng]: "Tôi không đạt được gia đình, tôi không đạt được đồ chúng, tôi không đạt được chỗ ngụ, tôi không đạt được lợi lộc, tôi không đạt được danh vọng, tôi không đạt được sự khen ngợi, tôi không đạt được hạnh phúc, tôi không đạt được y phục, tôi không đạt được vật thực, tôi không đạt được chỗ ở, tôi không đạt được vật dụng là thuốc men chữa bệnh, hoặc tôi không đạt được người chăm sóc bệnh, tôi không được biết đến"; như thế là run sợ, khiếp sợ, hoảng sợ, sợ hãi, rơi vào sự kinh sợ.

Ở đây, vị Tỳ-khưu là không có sự kinh sợ, không có sự khiếp sợ, không có sự hoảng sợ, vị ấy không run sợ, không khiếp sợ, không hoảng sợ, không sợ hãi, không rơi vào sự kinh sợ [nghĩ rằng]: "Tôi không đạt được gia đình, tôi không đạt được đồ chúng, tôi không đạt được chỗ ngụ, tôi không đạt được lợi lộc, tôi không đạt được danh vọng, tôi không đạt được sự khen ngợi, tôi không đạt được hạnh phúc, tôi không đạt được y phục, tôi không đạt được vật thực, tôi không đạt được chỗ ở, tôi không đạt được vật dụng là thuốc men chữa bệnh, hoặc tôi không đạt được người chăm sóc bệnh, tôi không được biết đến"; như thế là không run sợ, không khiếp sợ, không hoảng sợ, không sợ hãi, không rơi vào sự kinh sợ.

"Không có sự giận dữ, không có sự kinh sợ" là như thế.

Không có sự phô trương, không có sự hối hận: Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó có sự khoe khoang, có sự phô trương, vị ấy khoe khoang, phô trương rằng: "Tôi thành tựu về giới", hoặc "tôi thành tựu về phận sự", hoặc "tôi thành tựu về giới và phận sự"; khoe khoang, phô trương về xuất thân, về dòng họ, về con nhà gia thế, về vẻ đẹp của làn da, về tài sản, về học vấn, về công việc, về tài nghệ, về kiến thức, về sự học hỏi, về tài biện giải, hoặc về sự việc này khác rằng: "Tôi xuất gia từ gia tộc thượng lưu", hoặc "tôi xuất gia từ gia tộc lớn", hoặc "tôi xuất gia từ gia tộc có nhiều của cải", hoặc "tôi xuất gia từ gia tộc có của cải quý giá", hoặc "tôi được biết tiếng, có danh vọng trong số các hàng tại gia và xuất gia", hoặc "tôi có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh", hoặc "tôi là vị chuyên về kinh", hoặc "tôi là vị trì luật", hoặc "tôi là vị thuyết pháp", hoặc "tôi là vị ngụ ở rừng", hoặc "tôi là vị ngụ ở gốc cây", hoặc "tôi là vị chuyên đi khất thực", hoặc "tôi là vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ", hoặc "tôi là vị chỉ sử dụng ba y", hoặc "tôi là vị đi

khất thực tuần tự theo từng nhà", hoặc "tôi là vị không ăn vật thực dâng sau", hoặc "tôi là vị chuyên về oai nghi ngồi" (không nằm), "tôi là vị ở chỗ đã được chỉ định", hoặc "tôi đạt Sơ thiền", hoặc "tôi đạt Nhị thiền", hoặc "tôi đạt Tam thiền", hoặc "tôi đạt Tứ thiền", hoặc "tôi đạt sự thể nhập Không vô biên xứ", hoặc "tôi đạt sự thể nhập Thức vô biên xứ", hoặc "tôi đạt sự thể nhập Vô sở hữu xứ", hoặc "tôi đạt sự thể nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ." Vị không khoe khoang, không phô trương như vậy là vị đã tránh khỏi sự khoe khoang, khỏi sự phô trương, đã xa lánh, đã tránh xa, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Không có sự phô trương" là như thế.

Không có sự hối hận.

Hối hận: Vẻ bối rối ở bàn tay cũng là hối hận, vẻ bối rối ở bàn chân cũng là hối hận, vẻ bối rối ở bàn tay và bàn chân cũng là hối hận, lầm tưởng là được phép trong việc không được phép, lầm tưởng là không được phép trong việc được phép, lầm tưởng là đúng thời vào lúc phi thời, lầm tưởng là phi thời vào lúc đúng thời, lầm tưởng là có tội ở việc vô tội, lầm tưởng là vô tội ở việc có tội. Sự hối hận nào có hình thức như vậy là biểu hiện hối hận, trạng thái hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý, việc này gọi là hối hận.

Thêm nữa, sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên do hai nguyên nhân: Do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm. Thế nào là sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên do trạng thái đã làm và do trạng thái không làm? Sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên rằng: "Ta đã làm uế hạnh về thân, ta đã không làm thiện hạnh về thân." Sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên rằng: "Ta đã làm uế hạnh về khẩu, ta đã không làm thiện hạnh về khẩu." Sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên rằng: "Ta đã làm uế hạnh về ý, ta đã không làm thiện hạnh về ý." Sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên rằng: "Ta đã giết hại sinh mạng, ta đã không tránh xa sự giết hại sinh mạng." Sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên rằng: "Ta đã trộm cắp, ta đã không tránh xa sự trộm cắp." Sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên rằng: "Ta đã tà hạnh trong các dục, ta đã không tránh xa sự tà hạnh trong các dục." Sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên rằng: "Ta đã nói dối, ta đã không tránh xa việc nói dối."... "Ta đã nói đâm thọc, ta đã không tránh xa việc nói đâm thọc."... "Ta đã nói thô lỗ, ta đã không tránh xa việc nói thô lỗ."... "Ta đã nói nhảm nhí, ta đã không tránh xa việc nói nhảm nhí."... "Ta đã hành động tham đắm, ta đã không hành động không tham đắm."... "Ta đã hành động sân hận, ta đã không hành động không sân hận."... "Ta đã thực hành tà kiến, ta đã không thực hành chánh kiến." Như vậy là sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm.

Hoặc là sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên rằng: "Ta không phải là người thực hành đầy đủ các giới." Sự hối hận, sự ăn năn của tâm,

sự bối rối của ý sanh lên rằng: "Ta là người có các giác quan không được gìn giữ."... "Ta là người không biết chừng mực về vật thực."... "Ta chưa luyện tập về tỉnh thức."... "Ta chưa đầy đủ niệm và sự nhận biết rõ."... "Bốn sự thiết lập niệm chưa được ta tu tập."... "Bốn chánh cần chưa được ta tu tập."... "Bốn nền tảng của thần thông chưa được ta tu tập."... "Năm quyền chưa được ta tu tập."... "Năm lực chưa được ta tu tập."... "Bảy yếu tố đưa đến giác ngộ chưa được ta tu tập."... "Đạo lộ Thánh thiện tám chi phần chưa được ta tu tập."... "Khổ chưa được ta biết toàn diện."... "Tập chưa được ta dứt bỏ."... "Đạo chưa được ta tu tập."... "Diệt chưa được ta chứng ngộ." Đối với người nào, sự hối hận ấy đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, người ấy được gọi là không có sự hối hận.

"Không có sự phô trương, không có sự hối hận" là như thế.

Có lời nói khôn khéo, không bị phóng túng. Khôn khéo được gọi là tuệ. Tuệ là sự nhận biết,... (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến. Sau khi nắm vững sự khôn khéo rồi nói lời nói, dầu thuyết nhiều, dầu phát ngôn nhiều, dầu giảng giải nhiều, dầu diễn tả nhiều, cũng không nói lời nói được thuyết vụng về, được phát ngôn vụng về, được đối đáp vụng về, được thốt ra vụng về, được nói vụng về. "Có lời nói khôn khéo" là như thế.

Không bị phóng túng: Ở nơi ấy, sự phóng dật là việc nào? Sự phóng dật nào của tâm là sự không vắng lặng, là sự tán loạn của ý, là trạng thái bị rối loạn của tâm, việc này là sự phóng dật của tâm. Đối với người nào, sự phóng dật ấy đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; người ấy được gọi là không bị phóng túng.

"Có lời nói khôn khéo, không bị phóng túng" là như thế.

Vị ấy quả thật là bậc Hiền trí đã kiềm chế về khẩu: Ở đây, vị Tỳ-khưu sau khi dứt bỏ việc nói dối, là người tránh xa việc nói dối, có lời nói chân thật, liên quan đến sự thật, chắc chắn, đáng tin, không lường gạt thế gian. Sau khi dứt bỏ lời nói đâm thọc, là người tránh xa lời nói đâm thọc; sau khi nghe ở chỗ này, không là người nói lại ở chỗ kia nhằm chia rẽ những người này, hoặc là sau khi nghe ở chỗ kia, không là người nói lại cho những người này nhằm chia rẽ những người kia; như vậy là người kết hợp những kẻ đã bị chia rẽ, là người khuyến khích những kẻ hòa hợp, là người thỏa thích việc hợp nhất, thích thú việc hợp nhất, hân hoan việc hợp nhất, là người nói lời tạo ra sự hợp nhất. Sau khi dứt bỏ lời nói thô lỗ, là người tránh xa lời nói thô lỗ; lời nói nào là dịu ngọt, êm tai, đáng yêu, đi vào tim, tao nhã, làm đẹp lòng nhiều người, làm hợp ý nhiều người, là người nói lời có hình thức như thế. Sau khi dứt bỏ việc nói nhảm nhí, là người tránh xa việc nói nhảm nhí, là người nói đúng thời, nói về sự thật, nói về mục đích, nói về Pháp, nói về Luật, là người nói lời có giá trị, hợp thời, có lý lẽ, có chủ đề, liên quan đến mục đích. Là người được thành tựu

bốn thiện hạnh về khẩu, [vị ấy] nói lời nói tránh xa bốn sự sai trái, là vị đã tránh khỏi ba mươi hai việc nói phù phiếm, đã xa lánh, đã tránh xa, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

Là người nói về mười đề tài nói chuyện, như là nói về ít ham muốn, nói về sự tự biết đủ, nói về viễn ly, nói về không giao du, nói về sự ra sức tinh tấn, nói về giới, nói về định, nói về tuệ, nói về giải thoát, nói về sự biết và thấy về giải thoát,[2] nói về sự thiết lập niệm, nói về chánh cần, nói về nền tảng của thần thông, nói về quyền, nói về lực, nói về yếu tố đưa đến giác ngộ, nói về Đạo, nói về Quả, nói về Niết-bàn; là người đã kiềm chế ở lời nói, đã cố sức, đã kiềm giữ, đã bảo vệ, đã gìn giữ, đã hộ trì, đã vắng lặng.

Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí, tức là tuệ, là sự nhận biết,… (nt)… sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến,… (nt)… đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là Hiền trí.

"Vị ấy quả thật là bậc Hiền trí đã kiềm chế về khẩu" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Không có sự giận dữ, không có sự kinh sợ, không có sự phô trương, không có sự hối hận, có lời nói khôn khéo, không bị phóng túng; vị ấy quả thật là bậc Hiền trí đã kiềm chế về khẩu."

10.4. *Vị không có sự dính mắc ở tương lai, không sầu muộn về quá khứ, nhìn thấy sự viễn ly ở các xúc, và không bị dẫn đi bởi các tà kiến.*

Vị không có sự dính mắc ở tương lai: Sự dính mắc nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,… (nt)… tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với người nào, sự dính mắc, tham ái ấy đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ. Như vậy là "vị không có sự dính mắc ở tương lai." Hoặc là [nghĩ rằng:] "Ta sẽ có sắc như vầy vào thời vị lai", rồi không tự lấy làm vui mừng về điều ấy; "Ta sẽ có thọ như vầy… "Ta sẽ có tưởng như vầy... "Ta sẽ có hành như vầy… "Ta sẽ có thức như vầy vào thời vị lai", rồi không tự lấy làm vui mừng về điều ấy. Như vậy cũng là "vị không có sự dính mắc ở tương lai." Hoặc là [nghĩ rằng:] "Mắt của ta sẽ là như vầy vào thời vị lai, các sắc sẽ là như vầy", rồi không chuyên chú tâm vào việc đạt được điều chưa đạt được. Do duyên không chuyên chú của tâm, rồi không thích thú điều ấy; trong khi không thích thú điều ấy. Như vậy cũng là "vị không có sự dính mắc ở tương lai." "Tai của ta sẽ là như vầy vào thời vị lai, các thinh sẽ là như vầy",… "Ý của ta sẽ là như vầy vào thời vị lai, các pháp sẽ là như vầy", rồi không chuyên chú tâm vào việc đạt được điều chưa đạt được. Do duyên không chuyên chú của tâm, rồi không thích thú điều ấy; trong khi không thích thú điều ấy. Như vậy cũng là "vị

[2] Xem chú thích 6 ở trang 23. (ND)

không có sự dính mắc ở tương lai." Hoặc là [nghĩ rằng:] "Với giới này, hay với phận sự này, hay với sự khắc khổ này, hay với Phạm hạnh này, ta sẽ trở thành Thiên vương hoặc một thiên nhân nào đó", rồi không chuyên chú tâm vào việc đạt được điều chưa đạt được. Do duyên không chuyên chú của tâm, rồi không thích thú điều ấy; trong khi không thích thú điều ấy.

Như vậy cũng là "vị không có sự dính mắc ở tương lai."

Không sầu muộn về quá khứ: Không sầu muộn về vật đã bị biến đổi; hoặc không sầu muộn khi vật bị biến đổi; [nghĩ rằng:] "Mắt của ta bị biến đổi" mà không sầu muộn; [nghĩ rằng:] "Tai của ta... Mũi của ta... Lưỡi của ta... Thân của ta... Các sắc của ta... Các thinh của ta... Các hương của ta... Các vị của ta... Các xúc của ta... Gia tộc của ta... Đồ chúng của ta... Chỗ ngụ của ta... Lợi lộc của ta... Danh vọng của ta... Lời khen của ta... Hạnh phúc của ta... Y phục của ta... Đồ ăn khất thực của ta... Chỗ nằm ngồi của ta... Vật dụng là thuốc men chữa bệnh của ta... Mẹ của ta... Cha của ta... Anh [em] trai của ta... Chị [em] gái của ta... Con trai của ta... Con gái của ta... Bạn bè của ta... Thân hữu của ta... Thân quyến của ta... Những người cùng huyết thống của ta bị biến đổi" mà không sầu muộn, không mệt mỏi, không than vãn, không đấm ngực khóc lóc, không đi đến sự mê muội.

"Không sầu muộn về quá khứ" là như thế.

Nhìn thấy sự viễn ly ở các xúc.

Xúc: Là nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc, xúc do diễn đạt [xúc thông qua ý môn], xúc do va chạm [xúc thông qua ngũ môn], xúc tạo ra thọ lạc, xúc tạo ra thọ khổ, xúc tạo ra thọ không khổ không lạc, xúc [ở tâm] thiện, xúc [ở tâm] bất thiện, xúc [ở tâm] vô ký, xúc thuộc dục giới, xúc thuộc sắc giới, xúc thuộc vô sắc giới, xúc [do quán xét] không tánh, xúc [do quán xét] vô tướng, xúc [do quán xét] vô nguyện, xúc hiệp thế, xúc xuất thế, xúc quá khứ, xúc vị lai, xúc hiện tại, xúc nào có hình thức như vậy là sự chạm vào, biểu hiện chạm vào, trạng thái chạm vào; điều này được gọi là xúc.

Nhìn thấy sự viễn ly ở các xúc: Nhìn thấy nhãn xúc được tách biệt với tự ngã, hoặc với vật thuộc về tự ngã, hoặc với nghĩa thường còn, hoặc với nghĩa bền vững, hoặc với nghĩa trường tồn, hoặc với tình trạng không bị biến đổi; nhìn thấy nhĩ xúc được tách biệt... nhìn thấy tỷ xúc được tách biệt... nhìn thấy thiệt xúc được tách biệt... nhìn thấy thân xúc được tách biệt... nhìn thấy ý xúc được tách biệt... nhìn thấy xúc do diễn đạt [xúc thông qua ý môn] được tách biệt... nhìn thấy xúc do va chạm [xúc thông qua ngũ môn] được tách biệt... nhìn thấy xúc tạo ra thọ lạc... xúc tạo ra thọ khổ... xúc tạo ra thọ không khổ không lạc... xúc [ở tâm] thiện... xúc [ở tâm] bất thiện... xúc [ở tâm] vô ký... xúc thuộc dục giới... xúc thuộc sắc giới... xúc thuộc vô sắc giới... xúc hiệp thế được tách biệt với tự ngã, hoặc với vật thuộc về tự ngã, hoặc với nghĩa thường còn, hoặc với nghĩa bền vững, hoặc với nghĩa trường tồn, hoặc với tình trạng không bị biến đổi. Hoặc là nhìn thấy xúc quá khứ được tách biệt với các xúc vị

lai và hiện tại, nhìn thấy xúc vị lai được tách biệt với các xúc quá khứ và hiện tại, nhìn thấy xúc hiện tại được tách biệt với các xúc quá khứ và vị lai. Hoặc là những xúc nào thuộc bậc Thánh, không có lậu hoặc, thuộc siêu thế, liên hệ với không tánh, thì nhìn thấy những xúc ấy được tách biệt với luyến ái, với sân hận, với si mê, với giận dữ, với thù hằn, với gièm pha, với ác ý, với ganh tỵ, với bỏn xẻn, với xảo trá, với lừa gạt, với bướng bỉnh, với hung hăng, với ngã mạn, với cao ngạo, với đam mê, với xao lãng, với tất cả ô nhiễm, với tất cả uế hạnh, với mọi sự lo lắng, với mọi sự bực bội, với mọi sự nóng nảy, với tất cả các pháp tạo tác bất thiện.

"Nhìn thấy sự viễn ly ở các xúc" là như thế.

Và không bị dẫn đi bởi các tà kiến: Đối với vị ấy, sáu mươi hai tà kiến là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ. Vị ấy không bị đưa đi, không bị dẫn đi, không bị lôi đi, không bị mang đi bởi tà kiến; cũng không xem tà kiến ấy là có cốt lõi và cũng không quay về lại.

"Và không bị dẫn đi bởi các tà kiến" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Vị không có sự dính mắc ở tương lai, không sầu muộn về quá khứ, nhìn thấy sự viễn ly ở các xúc, và không bị dẫn đi bởi các tà kiến."

10.5. *Vị đã xa rời [các bất thiện pháp], không gạt gẫm, không mong cầu, không bỏn xẻn, không xấc xược, không đáng nhờm gớm, và không dính dấp đến việc nói đâm thọc.*

Vị đã xa rời [các bất thiện pháp], không gạt gẫm.

Đã xa rời: Đã xa rời do trạng thái đã được dứt bỏ đối với luyến ái, đã xa rời do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sân hận, đã xa rời do trạng thái đã được dứt bỏ đối với si mê, đã xa rời do trạng thái đã được dứt bỏ đối với giận dữ… đối với thù hằn… đối với gièm pha… đối với ác ý… đối với ganh tỵ… đối với bỏn xẻn… (nt)… đối với tất cả các pháp tạo tác bất thiện. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Và này các Tỳ-khưu, thế nào vị Tỳ-khưu đã xa rời? Này các Tỳ-khưu, ngã mạn về bản thân của vị Tỳ-khưu này đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu đã xa rời là như vậy." "Vị đã xa rời" là như thế.

Không gạt gẫm: Ba kiểu cách gạt gẫm: Kiểu cách gạt gẫm liên quan đến việc sử dụng [bốn món] vật dụng, kiểu cách gạt gẫm liên quan đến các oai nghi, kiểu cách gạt gẫm liên quan đến việc nói gần nói xa.

Kiểu cách gạt gẫm liên quan đến việc sử dụng [bốn món] vật dụng là kiểu cách nào? Ở đây, các gia chủ thỉnh mời vị Tỳ-khưu về y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Vị ấy có ước muốn xấu xa,

bị thúc đẩy bởi ước muốn, có sự tầm cầu, do sự mong muốn được nhiều hơn về y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh; rồi từ chối y phục, từ chối đồ ăn khất thực, từ chối chỗ nằm ngồi, từ chối vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Vị ấy đã nói như sau: "Lợi ích gì cho vị Sa-môn với y phục đắt giá? Điều đúng đắn là vị Sa-môn nên nhặt các mảnh vải từ bãi tha ma, hoặc từ đống rác, hoặc từ vải bỏ của tiệm vải, rồi làm y hai lớp và mặc vào. Lợi ích gì cho vị Sa-môn với đồ ăn khất thực đắt giá? Điều đúng đắn là vị Sa-môn nên duy trì mạng sống bằng vắt thức ăn do việc đi khất thực. Lợi ích gì cho vị Sa-môn với chỗ nằm ngồi đắt giá? Điều đúng đắn là vị Sa-môn nên ngụ ở gốc cây, hoặc là ngụ ở mộ địa, hoặc là ngụ ở ngoài trời. Lợi ích gì cho vị Sa-môn với vật dụng là thuốc men chữa bệnh đắt giá? Điều đúng đắn là vị Sa-môn nên chế tạo thuốc men với nước tiểu bò hoặc với mẩu cây harītakī." Từ đó trở đi, vị ấy mặc y thô tệ, ăn đồ ăn khất thực thô tệ, sử dụng chỗ nằm ngồi thô tệ, sử dụng vật dụng là thuốc men chữa bệnh thô tệ. Các gia chủ biết về vị ấy như vầy: "Vị Sa-môn này ít ham muốn, tự biết đủ, sống tách biệt, không giao du, có sự ra sức tinh tấn, thuyết về hạnh từ khước"; rồi thỉnh mời [vị ấy] về y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh nhiều hơn nữa. Vị ấy đã nói như sau: "Do sự hiện diện của ba pháp, người thiện tín tạo ra nhiều phước báu; do sự hiện diện của đức tin, người thiện tín tạo ra nhiều phước báu; do sự hiện diện của vật thí, người thiện tín tạo ra nhiều phước báu; do sự hiện diện của các bậc xứng đáng được cúng dường, người thiện tín tạo ra nhiều phước báu. Và các người là có đức tin, có vật thí, còn tôi là người thọ nhận. Nếu tôi không thọ nhận, như vậy các người sẽ mất phần phước báu. Không có lợi ích gì cho tôi với việc này, nhưng vì lòng thương tưởng đến các người mà tôi thọ nhận." Từ đó trở đi, vị ấy thọ nhận nhiều y phục, thọ nhận nhiều đồ ăn khất thực, thọ nhận nhiều chỗ nằm ngồi, thọ nhận nhiều vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Những sự nhíu mày có hình thức như vậy là trạng thái nhíu mày, sự gạt gẫm, thái độ gạt gẫm, trạng thái gạt gẫm; đây là kiểu cách gạt gẫm liên quan đến việc sử dụng [bốn món] vật dụng.

Kiểu cách gạt gẫm liên quan đến các oai nghi là kiểu cách nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó có ước muốn xấu xa, bị thúc đẩy bởi ước muốn, mong muốn sự tôn kính [nghĩ rằng]: "Như vầy mọi người sẽ tôn kính ta", rồi tạo dáng đi, tạo dáng đứng, tạo dáng ngồi, tạo dáng nằm, lập nguyện rồi mới đi, lập nguyện rồi mới đứng, lập nguyện rồi mới ngồi, lập nguyện rồi mới nằm, đi như là đã đắc định, đứng như là đã đắc định, ngồi như là đã đắc định, nằm như là đã đắc định, là người tham thiền giữa công chúng. Những việc tạo dáng ra vẻ nghiêm trang của các oai nghi có hình thức như vậy là biểu hiện tạo dáng, việc tạo dáng, sự nhíu mày, trạng thái nhíu mày, sự gạt gẫm, thái độ gạt gẫm, trạng thái gạt gẫm; đây là kiểu cách gạt gẫm liên quan đến các oai nghi.

Kiểu cách gạt gẫm liên quan đến việc nói gần nói xa là kiểu cách nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó có ước muốn xấu xa, bị thúc đẩy bởi ước muốn, mong muốn sự tôn kính [nghĩ rằng]: "Như vầy mọi người sẽ tôn kính ta", rồi

nói lời liên quan đến Thánh pháp. Nói rằng: "Vị nào mặc y như vầy, vị ấy là Sa-môn có uy lực lớn." Nói rằng: "Vị nào mang bình bát như vầy, mang bát nhỏ bằng đồng, mang bình nước, mang đồ lọc nước, mang chìa khóa, mang dép, mang dây thắt lưng, mang dây buộc, vị ấy là Sa-môn có uy lực lớn." Nói rằng: "Vị nào có thầy tế độ như vầy, vị ấy là Sa-môn có uy lực lớn." Nói rằng: "Vị nào có thầy dạy học như vầy, có các vị đồng thầy tế độ, có các vị đồng thầy dạy học, có các bạn bè, có các vị đồng quan điểm, có các vị thân thiết, có các vị thân hữu như vầy, vị ấy là Sa-môn có uy lực lớn." Nói rằng: "Vị nào ngụ ở trú xá như vầy, vị ấy là Sa-môn có uy lực lớn." Nói rằng: "Vị nào ngụ ở nhà một mái, ngụ ở tòa lâu đài, ngụ ở tòa nhà dài, ngụ ở hang động, ngụ ở thạch thất, ngụ ở cốc liêu, ngụ ở nhà mái nhọn, ngụ ở chòi canh, ngụ ở ngôi nhà tròn, ngụ ở căn lều, ngụ ở hội trường, ngụ ở mái che, ngụ ở gốc cây như vầy, vị ấy là Sa-môn có uy lực lớn."

Hoặc là vị giả nhân giả nghĩa, vị nhíu mặt nhăn mày, vị gạt gẫm lừa dối, vị tỉ tê nài nỉ, thể hiện ở khuôn mặt [để người khác hiểu lầm rằng]: "Vị Sa-môn này đã đạt được các sự thể nhập an tịnh có hình thức như thế này", rồi thuyết bài giảng thâm sâu, bí hiểm, vi tế, ẩn tàng, vô thượng ở thế gian, gắn liền với không tánh có tính chất như thế ấy. Những sự nhíu mày có hình thức như vậy là trạng thái nhíu mày, sự gạt gẫm, thái độ gạt gẫm, trạng thái gạt gẫm; đây là kiểu cách gạt gẫm liên quan đến việc nói gần nói xa.

Đối với vị nào, ba kiểu cách gạt gẫm này là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vị ấy được gọi là không gạt gẫm

"Vị đã xa rời [các bất thiện pháp], không gạt gẫm" là như thế.

Không mong cầu, không bỏn xẻn.

Mong cầu: Nói đến tham ái, nghĩa là luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với vị nào, sự mong cầu, tham ái này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vị ấy được gọi là không mong cầu. Vị ấy không mong cầu các sắc, không mong cầu các thinh, các hương, các vị, các xúc, các pháp, gia tộc, đồ chúng, chỗ ngụ, lợi lộc, danh vọng, lời khen, hạnh phúc, y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, dục giới, sắc giới, vô sắc giới, cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc, cõi hữu tưởng, cõi vô tưởng, cõi phi tưởng phi phi tưởng, cõi một uẩn, cõi bốn uẩn, cõi năm uẩn, quá khứ, vị lai, hiện tại, các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, không ước muốn, không ưng thuận, không ước nguyện, không nguyện cầu. "Không mong cầu" là như thế.

Không bỏn xẻn: Có năm loại bỏn xẻn: Bỏn xẻn về chỗ ở, bỏn xẻn về gia tộc, bỏn xẻn về danh tiếng, bỏn xẻn về lợi lộc, bỏn xẻn về pháp; bỏn xẻn nào có hình thức như vậy là biểu hiện của bỏn xẻn, trạng thái của bỏn xẻn, sự hám lợi, keo kiệt, tính chất bủn xỉn, trạng thái bị nắm giữ của tâm, điều này được gọi là

bỏn xẻn. Còn nữa, bỏn xẻn về uẩn cũng là bỏn xẻn, bỏn xẻn về giới cũng là bỏn xẻn, bỏn xẻn về xứ cũng là bỏn xẻn, sự nắm lấy, điều này được gọi là bỏn xẻn. Đối với vị nào, sự bỏn xẻn này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vị ấy được gọi là không bỏn xẻn.

"Không mong cầu, không bỏn xẻn" là như thế.

Không xấc xược, không đáng nhờm gớm.

Xấc xược: Có ba sự xấc xược: Xấc xược bằng thân, xấc xược bằng khẩu, xấc xược bằng ý.

Xấc xược bằng thân là việc nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến hội chúng, thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến tập thể, thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến nhà ăn, thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến nhà tắm hơi, thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến bến nước, thể hiện sự xấc xược bằng thân trong khi đi vào xóm nhà, thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đã đi vào xóm nhà.

Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến hội chúng? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến hội chúng: [Vị ấy] đụng chạm các vị Tỳ-khưu trưởng lão khi đứng, đụng chạm khi ngồi, đứng ở phía trước, ngồi ở phía trước, ngồi chỗ cao hơn, ngồi trùm đầu, đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến hội chúng.

Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến tập thể? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến tập thể: [Vị ấy] đi kinh hành có mang dép trong khi các vị Tỳ-khưu trưởng lão đi kinh hành không mang dép, đi kinh hành ở đường kinh hành cao hơn trong khi các ngài đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, đi kinh hành ở đường kinh hành trong khi các ngài đi kinh hành ở nền đất, đụng chạm khi đứng, đụng chạm khi ngồi, đứng ở phía trước, ngồi ở phía trước, ngồi chỗ cao hơn, ngồi trùm đầu, đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến tập thể.

Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng thân ở nhà ăn? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó thể hiện thái độ vô lễ ở nhà ăn: [Vị ấy] chen vào [chỗ] các Tỳ-khưu trưởng lão rồi ngồi xuống, xua đuổi các Tỳ-khưu mới tu khỏi chỗ ngồi, đụng chạm khi đứng, đụng chạm khi ngồi, đứng ở phía trước, ngồi ở phía trước, ngồi chỗ cao hơn, ngồi trùm đầu, đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xấc xược bằng thân ở nhà ăn.

Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng thân ở nhà tắm hơi? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó thể hiện thái độ vô lễ ở nhà tắm hơi: [Vị ấy] đụng chạm các vị Tỳ-khưu trưởng lão khi đứng, đụng chạm khi ngồi, đứng ở phía trước, ngồi ở phía trước, ngồi chỗ cao hơn, thêm củi lửa vào không hỏi [xin phép], đóng cửa nhà tắm hơi không hỏi [xin phép], vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xấc xược bằng thân ở nhà tắm hơi.

Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng thân ở bến nước? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó thể hiện thái độ vô lễ ở bến nước: [Vị ấy] đụng chạm các vị Tỳ-khưu trưởng lão khi đi xuống, đi xuống ở phía trước, đụng chạm khi tắm, tắm ở phía trước, tắm ở phía trên, đụng chạm khi đi lên, đi lên ở phía trước, đi lên ở phía trên. Như vậy là thể hiện sự xấc xược bằng thân ở bến nước.

Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng thân trong khi đi vào xóm nhà? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó thể hiện thái độ vô lễ trong khi đi vào xóm nhà: [Vị ấy] đụng chạm các vị Tỳ-khưu trưởng lão khi đi, đi ở phía trước, vượt qua các vị Tỳ-khưu trưởng lão rồi đi ở phía trước. Như vậy là thể hiện sự xấc xược bằng thân trong khi đi vào xóm nhà.

Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đã đi vào xóm nhà? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó khi đã đi vào xóm nhà, trong khi được nói rằng: "Thưa ngài, xin chớ đi vào" vẫn đi vào; trong khi được nói rằng: "Thưa ngài, xin chớ đứng" vẫn đứng; trong khi được nói rằng: "Thưa ngài, xin chớ ngồi" vẫn ngồi; đi vào nơi không thích hợp, đứng ở nơi không thích hợp, ngồi ở nơi không thích hợp, những nội phòng bí mật và kín đáo của gia đình, là nơi có các phụ nữ, các cô con gái, các cô con dâu, các cô thiếu nữ của gia đình đang ngồi, [vị ấy] đi vào nơi ấy một cách vội vã và xoa đầu bé trai. Như vậy là thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đã đi vào xóm nhà. Đây là sự xấc xược bằng thân.

Xấc xược bằng khẩu là việc nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó thể hiện sự xấc xược bằng khẩu khi đi đến hội chúng, thể hiện sự xấc xược bằng khẩu khi đi đến tập thể, thể hiện sự xấc xược bằng khẩu khi đã đi vào xóm nhà.

Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng khẩu khi đi đến hội chúng? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến hội chúng: Khi chưa xin phép các Tỳ-khưu trưởng lão hoặc chưa được yêu cầu mà [vị ấy] nói pháp, trả lời câu hỏi, tụng đọc Giới bổn (*Pātimokkha*), đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xấc xược bằng khẩu khi đi đến hội chúng.

Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng khẩu khi đi đến tập thể? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến tập thể: Khi chưa xin phép các Tỳ-khưu trưởng lão hoặc chưa được yêu cầu mà [vị ấy] nói pháp cho các vị Tỳ-khưu đi đến tu viện, trả lời câu hỏi, đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói, nói pháp cho các vị Tỳ-khưu-ni, các nam cư sĩ, các nữ cư sĩ đi đến tu viện, trả lời câu hỏi, đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xấc xược bằng khẩu khi đi đến tập thể.

Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng khẩu khi đã đi vào xóm nhà? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó khi đã đi vào xóm nhà, đã nói với người phụ nữ hoặc cô thiếu nữ như vầy: "Này cô tên thế này, này cô họ thế này, có vật gì không? Có cháo không, có thức ăn không, có đồ uống không? Chúng tôi sẽ uống gì, chúng tôi sẽ ăn gì, chúng tôi sẽ nhai gì?" Hoặc là nói lải nhải: "Có vật gì không?", hoặc: "Cô sẽ bố thí cái gì?" Như vậy là thể hiện sự xấc xược bằng khẩu khi đã đi vào xóm nhà. Đây là sự xấc xược bằng khẩu.

Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng ý? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó trong khi được xuất gia không phải từ gia tộc thượng lưu mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vị xuất gia từ gia tộc thượng lưu, trong khi được xuất gia không phải từ gia tộc lớn mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vị xuất gia từ gia tộc lớn, trong khi được xuất gia không phải từ gia tộc có nhiều của cải mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vị xuất gia từ gia tộc có nhiều của cải,... trong khi được xuất gia không phải từ gia tộc có của cải quý giá... trong khi không phải là vị chuyên về Kinh mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vị chuyên về Kinh, trong khi không phải là vị trì Luật... trong khi không phải là vị thuyết giảng pháp... trong khi không phải là vị ngụ ở rừng... trong khi không phải là vị chuyên đi khất thực... trong khi không phải là vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ... trong khi không phải là vị chỉ sử dụng ba y... trong khi không phải là vị đi khất thực tuần tự theo từng nhà... trong khi không phải là vị không ăn vật thực dâng sau... trong khi không phải là vị chuyên về oai nghi ngồi (không nằm)... trong khi không phải là vị ngụ ở chỗ đã được chỉ định... trong khi không phải là vị có đạt sơ thiền mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vị có đạt sơ thiền... (nt)... trong khi không phải là vị có đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vị có đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Đây là sự xấc xược bằng ý.

Đối với vị nào, ba sự xấc xược này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vị ấy được gọi là không xấc xược. "Không xấc xược" là như thế.

Không đáng nhờm gớm: Có người đáng nhờm gớm, có người không đáng nhờm gớm. Và người nào là người đáng nhờm gớm? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó có giới tồi, có ác pháp, có sở hành bất tịnh và đáng nghi ngờ, có hành động che giấu, không phải là Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn, không có Phạm hạnh mà tự xưng là có Phạm hạnh, nội tâm thối nát, nhiễm dục vọng, có bản chất dơ bẩn; người này được gọi là người đáng nhờm gớm. Hoặc là, người có sự giận dữ, có nhiều lo âu, trong khi bị nói đến chút ít thì nổi giận, bực tức, tức giận, phản kháng, bày tỏ sự bực tức, sự sân hận và sự không bằng lòng; người này được gọi là người đáng nhờm gớm. Hoặc là, người có sự giận dữ, có sự thù hằn, gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bỏn xẻn, lừa gạt, xảo trá, ương ngạnh, cao ngạo, có ham muốn xấu xa, có tà kiến, bám víu vào quan điểm của mình, nắm giữ điều đã chấp nhận, khó buông bỏ; người này được gọi là người đáng nhờm gớm.

Và người không đáng nhờm gớm là người nào? Ở đây, vị Tỳ-khưu là vị có giới, sống thu thúc với sự thu thúc của Giới bổn (*Pātimokkha*), thành tựu về hạnh kiểm và hành xử, thấy sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhặt, thọ trì và thực hành trong các điều học; người này được gọi là người không đáng nhờm gớm. Hoặc là, người không có sự giận dữ, không có nhiều lo âu, trong khi bị nói đến nhiều vẫn không nổi giận, không bực tức, không tức giận, không phản kháng, không

bày tỏ sự bực tức, sự sân hận và sự không bằng lòng; người này được gọi là người không đáng nhờm gớm. Hoặc là, người không có sự giận dữ, không có sự thù hằn, không gièm pha, không ác ý, không ganh tỵ, không bỏn xẻn, không lừa gạt, không xảo trá, không ương ngạnh, không cao ngạo, không có ham muốn xấu xa, không có tà kiến, không bám víu vào quan điểm của mình, không nắm giữ điều đã chấp nhận, dễ buông bỏ; người này được gọi là người không đáng nhờm gớm. Tất cả phàm phu ngu si là người đáng nhờm gớm. Tám hạng Thánh nhân tính luôn phàm nhân tốt lành là những người không đáng nhờm gớm.

"Không xấc xược, không đáng nhờm gớm" là như thế.

Và không dính dấp đến việc nói đâm thọc.

Việc nói đâm thọc: Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó có lời nói đâm thọc: Sau khi nghe ở chỗ này, là người nói lại ở chỗ kia nhằm chia rẽ những người này, hoặc là sau khi nghe ở chỗ kia, là người nói lại cho những người này nhằm chia rẽ những người kia; như vậy là người chia rẽ những kẻ đã được hợp nhất, là người khuyến khích những kẻ chia rẽ, là người thỏa thích phe nhóm, thích thú phe nhóm, hân hoan phe nhóm, là người nói lời tạo ra phe nhóm; điều này được gọi là việc nói đâm thọc.

Thêm nữa, người đem lại việc nói đâm thọc vì hai lý do: Vì mong muốn được thương, hoặc là vì ý định chia rẽ. Đem lại việc nói đâm thọc vì mong muốn được thương nghĩa là thế nào? [Nghĩ rằng:] "Ta sẽ được người này yêu mến, ta sẽ được quý mến, ta sẽ được tin cậy, ta sẽ trở thành thân tín, ta sẽ trở thành tâm phúc"; đem lại việc nói đâm thọc vì mong muốn được thương nghĩa là như vậy. Đem lại việc nói đâm thọc vì ý định chia rẽ nghĩa là thế nào? [Nghĩ rằng:] "Làm thế nào để những người này trở thành xa lạ, trở thành riêng rẽ, trở thành phe nhóm, trở thành hai phần, trở thành hai phía, trở thành hai nhánh, bị chia rẽ, không thể hội tụ, sống khổ sở không thoải mái?" Đem lại việc nói đâm thọc vì ý định chia rẽ nghĩa là như vậy. Đối với người nào, việc nói đâm thọc này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, người ấy không dính dấp, không gắn bó, không gắn vào, không gắn liền với việc nói đâm thọc.

"Và không dính dấp đến việc nói đâm thọc" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Vị đã xa rời [các bất thiện pháp], không gạt gẫm, không mong cầu, không bỏn xẻn, không xấc xược, không đáng nhờm gớm, và không dính dấp đến việc nói đâm thọc."

10.6. *Vị không có sự buông xuôi theo các khoái lạc, không dính dấp đến vi cao ngạo, nhuần nhuyễn và có tài biện giải, không cả tin, không lìa luyến ái.*

Vị không có sự buông xuôi theo các khoái lạc.

Khoái lạc: Là nói đến năm loại dục. Vì lý do gì khoái lạc là nói đến năm loại dục? Phần đông chư thiên và nhân loại ước muốn, ưng thuận, ước nguyện, mong cầu, nguyện cầu năm loại dục, vì lý do ấy khoái lạc là nói đến năm loại dục. Đối với những người nào, khoái lạc tham ái này chưa được dứt bỏ, đối với những người ấy tham ái ở sắc từ con mắt chảy tràn, chảy xuống, tuôn chảy, chảy liên tục, tham ái ở thinh từ lỗ tai… tham ái ở hương từ lỗ mũi… tham ái ở vị từ lưỡi… tham ái ở xúc từ thân… tham ái ở pháp từ ý chảy tràn, chảy xuống, tuôn chảy, chảy liên tục. Đối với những vị nào, khoái lạc tham ái này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, đối với những vị ấy tham ái ở sắc từ con mắt không chảy tràn, không chảy xuống, không tuôn chảy, không chảy liên tục, tham ái ở thinh từ lỗ tai… (nt)… tham ái ở pháp từ ý không chảy tràn, không chảy xuống, không tuôn chảy, không chảy liên tục.

"Vị không có sự buông xuôi theo các khoái lạc" là như thế.

Không dính dấp đến việc cao ngạo: Cao ngạo là việc nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó khinh khi người khác theo sự sanh ra, hoặc theo dòng họ,… (nt)… hoặc theo sự việc này khác. Ngã mạn nào có hình thức như vậy là biểu hiện của ngã mạn, trạng thái của ngã mạn, sự kiêu hãnh, sự hãnh diện, sự giương lên [như ngọn cờ], sự tự nâng lên, sự mong muốn nổi bật của tâm, việc này được gọi là cao ngạo. Đối với vị nào, cao ngạo này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vị ấy là không dính dấp, không gắn bó, không gắn vào, không gắn liền với việc cao ngạo.

"Không dính dấp đến việc cao ngạo" là như thế.

Nhuần nhuyễn và có tài biện giải.

Nhuần nhuyễn: "Có thân nghiệp nhuần nhuyễn" là nhuần nhuyễn, "có khẩu nghiệp nhuần nhuyễn" là nhuần nhuyễn, "có ý nghiệp nhuần nhuyễn" là nhuần nhuyễn, "có các sự thiết lập niệm nhuần nhuyễn" là nhuần nhuyễn, "có các chánh cần nhuần nhuyễn"… "có các nền tảng của thần thông nhuần nhuyễn"… "có các quyền nhuần nhuyễn"… "có các lực nhuần nhuyễn"… "có các yếu tố đưa đến giác ngộ nhuần nhuyễn" là nhuần nhuyễn; "có đạo lộ Thánh thiện tám chi phần nhuần nhuyễn" là nhuần nhuyễn.

Có tài biện giải: Có ba hạng người có tài biện giải: Có tài biện giải do pháp học, có tài biện giải do vấn hỏi, có tài biện giải do chứng đắc.

Có tài biện giải do pháp học là thế nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó được học tinh thông một cách tự nhiên về *Sutta, Geyya, Veyyākaraṇa, Gāthā, Udāna, Itivuttaka, Jātaka, Abbhutadhamma, Vedalla*;[3] nhờ vào pháp học, vấn đề được sáng tỏ đối với vị ấy. Đây là hạng người có tài biện giải do pháp học.

[3] Xem chú thích về "Chín thể loại giáo pháp" ở trang 122. (ND)

Có tài biện giải do vấn hỏi là thế nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó là người vấn hỏi về mục đích của bản thân, về ý nghĩa của cách thức, về tướng trạng, về nguyên nhân và về tính chất hợp lý hay không hợp lý; nhờ vào việc vấn hỏi, điều ấy được sáng tỏ đối với vị ấy. Đây là hạng người có tài biện giải do vấn hỏi.

Có tài biện giải do chứng đắc là thế nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó đạt đến bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, bốn Thánh đạo, bốn quả vị Sa-môn, bốn tuệ phân tích, sáu thắng trí; đối với vị ấy, ý nghĩa đã được biết, pháp đã được biết, ngôn từ đã được biết. Khi ý nghĩa đã được biết thì ý nghĩa được sáng tỏ, khi pháp đã được biết thì pháp được sáng tỏ, khi ngôn từ đã được biết thì ngôn từ được sáng tỏ, trí ở ba sự nhận biết này là tuệ phân tích về phép biện giải. Vị đã tiến đến, đã tiến gần, đã đến gần, đã tiến vào, đã đạt đến, đã tròn đủ, đã thành tựu tuệ phân tích về phép biện giải này, vị ấy được gọi là người có tài biện giải.

Đối với người nào, pháp học không có, vấn hỏi không có, chứng đắc không có, đối với người ấy, cái gì sẽ được sáng tỏ?

"Nhuần nhuyễn và có tài biện giải" là như thế.

Không cả tin, không lìa luyến ái.

Không cả tin: Khi pháp đã được chính bản thân biết rõ, đã được tự thân quán xét thì không cần đặt niềm tin vào bất cứ ai, vào vị Sa-môn khác, hoặc Bà-la-môn, hoặc Thiên nhân, hoặc Ma vương, hoặc Phạm thiên. Khi "tất cả các hành là vô thường" đã được chính bản thân biết rõ... (nt)... Khi "tất cả các hành là khổ"... (nt)... Khi "tất cả các pháp là vô ngã"... (nt)... Khi "vô minh duyên cho các hành"... (nt)... Khi "sanh duyên cho lão, tử"... (nt)... Khi "do sự diệt tận của vô minh [đưa đến] sự diệt tận của các hành"... (nt)... Khi "do sự diệt tận của sanh [đưa đến] sự diệt tận của lão, tử"... (nt)... Khi "đây là khổ"... (nt)... Khi "đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ"... (nt)... Khi "đây là các lậu hoặc"... (nt)... Khi "đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận các lậu hoặc"... (nt)... Khi "các pháp này cần được biết rõ"... (nt)... Khi "các pháp này cần được chứng ngộ" đã được chính bản thân biết rõ... (nt)... Khi nhân sanh khởi, sự tiêu hoại, sự hứng thú, sự bất lợi và sự thoát ra đối với sáu xúc xứ... (nt)... Khi nhân sanh khởi... đối với năm thủ uẩn... (nt)... Khi nhân sanh khởi, sự tiêu hoại, sự hứng thú, sự bất lợi và sự thoát ra đối với bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió] đã được chính bản thân biết rõ... (nt)... Khi "điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt" đã được chính bản thân biết rõ, đã được tự thân quán xét, thì không cần đặt niềm tin vào bất cứ ai, vào vị Sa-môn khác, hoặc Bà-la-môn, hoặc Thiên nhân, hoặc Ma vương, hoặc Phạm thiên.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

"Này Sāriputta, ngươi có tin rằng: 'Tín quyền được tu tập, được thực hành thường xuyên thì có được sự thể nhập vào bất tử, có bất tử là đích đến, có bất tử là điểm cuối cùng? Tấn quyền… Niệm quyền… Định quyền… Tuệ quyền được tu tập, được thực hành thường xuyên thì có được sự thể nhập vào bất tử, có bất tử là đích đến, có bất tử là điểm cuối cùng'?" "Bạch Ngài, về điều này quả thật không phải do niềm tin đối với đức Thế Tôn mà con đi đến [ý niệm] rằng: 'Tín quyền… Tấn quyền… Niệm quyền… Định quyền… Tuệ quyền được tu tập, được thực hành thường xuyên thì có được sự thể nhập vào bất tử, có bất tử là đích đến, có bất tử là điểm cuối cùng.' Bạch Ngài, nhưng đối với những người nào điều này là không được biết, không được thấy, không được hiểu, không được chứng ngộ, không được chạm đến bằng tuệ, những người ấy do niềm tin đối với những người khác mà đi đến điều ấy [ý niệm] rằng: 'Tín quyền… Tấn quyền… Niệm quyền… Định quyền… Tuệ quyền được tu tập, được thực hành thường xuyên thì có được sự thể nhập vào bất tử, có bất tử là đích đến, có bất tử là điểm cuối cùng.' Bạch Ngài, còn đối với những người nào điều này là được biết, được thấy, được hiểu, được chứng ngộ, được chạm đến bằng tuệ, không có nghi ngờ, những người ấy không có hoài nghi về điều ấy rằng: 'Tín quyền được tu tập, được thực hành thường xuyên thì có được sự thể nhập vào bất tử, có bất tử là đích đến, có bất tử là điểm cuối cùng. Tấn quyền… Niệm quyền… Định quyền… Tuệ quyền được tu tập, được thực hành thường xuyên thì có được sự thể nhập vào bất tử, có bất tử là đích đến, có bất tử là điểm cuối cùng.' Bạch Ngài, đối với con, quả thật điều này là được biết, được thấy, được hiểu, được chứng ngộ, được chạm đến bằng tuệ. Con không có nghi ngờ, không có hoài nghi về điều ấy rằng: 'Tín quyền… Tấn quyền… Niệm quyền… Định quyền… Tuệ quyền được tu tập, được thực hành thường xuyên thì có được sự thể nhập vào bất tử, có bất tử là đích đến, có bất tử là điểm cuối cùng.'" "Này Sāriputta, tốt lắm, tốt lắm! Này Sāriputta, bởi vì đối với những người nào, điều này là không được biết, không được thấy, không được hiểu, không được chứng ngộ, không được chạm đến bằng tuệ, những người ấy do niềm tin đối với những người khác mà đi đến điều ấy [ý niệm] rằng: 'Tín quyền… Tuệ quyền được tu tập, được thực hành thường xuyên thì có được sự thể nhập vào bất tử, có bất tử là đích đến, có bất tử là điểm cuối cùng.'"

"Người nào, không phải do niềm tin, biết sự không tạo tác [Niết-bàn], cắt đứt sự tiếp nối [tái sanh], đã tiêu diệt duyên cớ, đã buông bỏ niềm ước muốn, chính vị ấy là con người tối thượng."

Không lìa luyến ái: Tất cả phàm phu ngu si đều luyến ái. Bảy hạng Hữu học tính luôn phàm nhân tốt lành lìa luyến ái. Bậc A-la-hán chẳng những không luyến ái mà cũng không lìa luyến ái. Vị ấy đã được xa lìa luyến ái do sự cạn kiệt của luyến ái, do trạng thái đã xa lìa luyến ái, do sự cạn kiệt của sân hận, do trạng thái đã xa lìa sân hận, do sự cạn kiệt của si mê, do trạng thái đã xa lìa si mê. Vị ấy đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành,… (nt)… việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vị ấy.

"Không cả tin, không lìa luyến ái" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Vị không có sự buông xuôi theo các khoái lạc, không dính dấp đến việc cao ngạo, nhuần nhuyễn, và có tài biện giải, không cả tin, không lìa luyến ái."

10.7. *Vị học tập không vì ham muốn lợi lộc và không bực tức khi không được lợi lộc, không chống đối, và không thèm muốn các vị nếm do tham ái.*

Vị học tập không vì ham muốn lợi lộc và không bực tức khi không được lợi lộc: Thế nào là vị học tập vì ham muốn lợi lộc? "Ở đây, vị Tỳ-khưu nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh." Vị ấy khởi ý như vầy: "Vì điều gì mà vị Đại đức này có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh?" Vị ấy khởi ý như vầy: "Vị Đại đức này là vị chuyên về Kinh; vì thế, vị Đại đức này có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh." Vị ấy, do nhân lợi lộc, do duyên lợi lộc, vì lý do lợi lộc, vì sự phát sinh lợi lộc, trong khi làm cho thành tựu lợi lộc, vị ấy học kỹ lưỡng về Kinh. Như vậy là vị học tập vì ham muốn lợi lộc.

Hoặc là, vị Tỳ-khưu nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Vị ấy khởi ý như vầy: "Vì điều gì mà vị Đại đức này có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh?" Vị ấy khởi ý như vầy: "Vị Đại đức này là vị trì Luật… (nt)… là vị thuyết Pháp; vì thế, vị Đại đức này có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh." Vị ấy, do nhân lợi lộc, do duyên lợi lộc, vì lý do lợi lộc, vì sự phát sinh lợi lộc, trong khi làm cho thành tựu lợi lộc, vị ấy học kỹ lưỡng về Thắng pháp. Như vậy cũng là vị học tập vì ham muốn lợi lộc.

Hoặc là, vị Tỳ-khưu nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Vị ấy khởi ý như vầy: "Vì điều gì mà vị Đại đức này có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh?" Vị ấy khởi ý như vầy: "Vị Đại đức này là vị ngụ ở rừng… là vị chuyên đi khất thực… là vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ… là vị chỉ sử dụng ba y… là vị đi khất thực tuần tự theo từng nhà… là vị không ăn vật thực dâng sau… là vị chuyên về oai nghi ngồi (không nằm)… là vị ngụ ở chỗ đã được chỉ định; vì thế, vị Đại đức này có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh." Vị ấy, do nhân lợi lộc, do duyên lợi lộc, vì lý do lợi lộc, vì sự phát sinh lợi lộc, trong khi làm cho thành tựu lợi lộc, vị ấy là vị hành pháp chuyên đi khất thực… (nt)… là vị hành pháp ngụ ở chỗ đã được chỉ định. Như vậy cũng là vị học tập vì ham muốn lợi lộc.

Thế nào là vị học tập không vì ham muốn lợi lộc? Ở đây, vị Tỳ-khưu không do nhân lợi lộc, không do duyên lợi lộc, không vì lý do lợi lộc, không vì sự

phát sinh lợi lộc, trong khi không làm cho thành tựu lợi lộc, vị ấy học kỹ lưỡng về Kinh, học kỹ lưỡng về Luật, học kỹ lưỡng về Thắng pháp chỉ để nhắm đến mục đích huấn luyện bản thân, đến mục đích yên lặng bản thân, đến mục đích diệt tắt hoàn toàn [ô nhiễm] của bản thân. Như vậy là vị học tập không vì ham muốn lợi lộc.

Hoặc là, vị Tỳ-khưu không do nhân lợi lộc, không do duyên lợi lộc, không vì lý do lợi lộc, không vì sự phát sinh lợi lộc, trong khi không làm cho thành tựu lợi lộc, vị ấy là vị ngụ ở rừng, là vị chuyên đi khất thực, là vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ, là vị chỉ sử dụng ba y, là vị đi khất thực tuần tự theo từng nhà, là vị không ăn vật thực dâng sau, là vị chuyên về oai nghi ngồi (không nằm), là vị ngụ ở chỗ đã được chỉ định, chỉ để nương vào sự ít ham muốn, để nương vào sự tự biết đủ, để nương vào sự đoạn giảm [ô nhiễm], để nương vào sự viễn ly, để nương vào sự hiện diện của các thiện pháp. Như vậy cũng là vị học tập không vì ham muốn lợi lộc. "Vị học tập không vì ham muốn lợi lộc" là như thế.

Và không bực tức khi không được lợi lộc. Thế nào là bực tức khi không được lợi lộc? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó [nghĩ rằng]: "Tôi không đạt được gia đình, tôi không đạt được đồ chúng, tôi không đạt được chỗ ngụ, tôi không đạt được lợi lộc, tôi không đạt được danh vọng, tôi không đạt được sự khen ngợi, tôi không đạt được hạnh phúc, tôi không đạt được y phục, tôi không đạt được vật thực, tôi không đạt được chỗ ở, tôi không đạt được vật dụng là thuốc men chữa bệnh, hoặc tôi không đạt được người chăm sóc bệnh, tôi không được biết đến", rồi bực tức, tức giận, phản kháng, bày tỏ sự bực tức, sự sân hận, sự không bằng lòng. Như vậy là bực tức khi không được lợi lộc.

Thế nào là không bực tức khi không được lợi lộc? Ở đây, có vị Tỳ-khưu [nghĩ rằng]: "Tôi không đạt được gia đình, tôi không đạt được đồ chúng,… (nt)… tôi không được biết đến", rồi không bực tức, không tức giận, không phản kháng, không bày tỏ sự bực tức, sự sân hận, sự không bằng lòng. Như vậy là không bực tức khi không được lợi lộc.

"Vị học tập không vì ham muốn lợi lộc và không bực tức khi không được lợi lộc" là như thế.

Không chống đối, và không thèm muốn các vị nếm do tham ái.

Không chống đối: Sự tức tối nào của tâm là sự tức giận, sự thù hận, sự đối chọi, sự căm giận, sự căm hờn, sự căm ghét, sự sân hận, sự khởi sân, sự sân nộ, sự độc ác của tâm, sự khởi sân của ý, sự giận dữ, biểu hiện giận dữ, trạng thái giận dữ, sự sân hận, biểu hiện sân hận, trạng thái sân hận, sự độc ác, biểu hiện độc ác, trạng thái độc ác, sự chống đối, sự đối chọi, sự tàn nhẫn, sự lỗ mãng, trạng thái không hoan hỷ của tâm; điều này được gọi là sự chống đối. Đối với người nào, sự chống đối này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; người ấy được gọi là không chống đối.

Tham ái: Tham ái đối với cảnh sắc, tham ái đối với cảnh thinh, tham ái đối với cảnh khí, tham ái đối với cảnh vị, tham ái đối với cảnh xúc, tham ái đối với cảnh pháp.

Vị nếm: Vị của rễ củ, vị của thân cây, vị của vỏ cây, vị của lá cây, vị của hoa, vị của trái, chua, ngọt, đắng, cay, mặn, lạt, gắt, chát, dễ chịu, khó chịu, lạnh, nóng. Có một số Sa-môn và Bà-la-môn thèm khát vị nếm, họ lang thang đó đây tầm cầu các vị nếm tuyệt vời bằng đầu lưỡi. Có được vị chua, họ tầm cầu vị không chua; có được vị không chua, họ tầm cầu vị chua. Có được vị ngọt, họ tầm cầu vị không ngọt; có được vị không ngọt, họ tầm cầu vị ngọt. Có được vị đắng, họ tầm cầu vị không đắng; có được vị không đắng, họ tầm cầu vị đắng. Có được vị cay, họ tầm cầu vị không cay; có được vị không cay, họ tầm cầu vị cay. Có được vị mặn, họ tầm cầu vị không mặn; có được vị không mặn, họ tầm cầu vị mặn. Có được vị lạt, họ tầm cầu vị không lạt; có được vị không lạt, họ tầm cầu vị lạt. Có được vị gắt, họ tầm cầu vị chát; có được vị chát, họ tầm cầu vị gắt. Có được vị dễ chịu, họ tầm cầu vị khó chịu; có được vị khó chịu, họ tầm cầu vị dễ chịu. Có được vị lạnh, họ tầm cầu vị nóng; có được vị nóng, họ tầm cầu vị lạnh. Khi có được vị nếm nào thì họ lại không vừa lòng với vị nếm ấy, và tiếp tục tầm cầu, họ bị luyến ái ở các vị nếm hợp ý, bị thèm khát, bị buộc trói, bị mê mẩn, bị gần gũi, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại. Đối với người nào, tham ái ấy ở vị nếm đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; người ấy suy xét đúng đắn rồi mới thọ dụng vật thực: "Không vì vui đùa, không vì đam mê, không vì việc trang sức, không vì việc điểm tô, mà chỉ để duy trì thân này, để nuôi sống, để ngăn sự hư hoại, để nâng đỡ Phạm hạnh, như thế ta diệt trừ cảm thọ cũ, và sẽ không làm sanh khởi cảm thọ mới. Ta sẽ có được sự tồn tại, sự không lầm lỗi, và sự sống được thoải mái."

Giống như người bôi thuốc ở vết thương chỉ nhắm đến mục đích làm cho lành lặn, hoặc giống như người nhỏ dầu ở trục xe chỉ nhắm đến mục đích chuyên chở khối hàng, hoặc giống như người thọ dụng thức ăn là thịt của đứa con trai chỉ nhắm đến mục đích thoát khỏi bãi sa mạc; tương tự y như thế, vị Tỳ-khưu suy xét đúng đắn rồi mới thọ dụng vật thực: "Không vì vui đùa, không vì đam mê, không vì việc trang sức, không vì việc điểm tô, mà chỉ để duy trì thân này, để nuôi sống, để ngăn sự hư hoại, để nâng đỡ Phạm hạnh, như thế ta diệt trừ cảm thọ cũ, và không làm sanh khởi cảm thọ mới. Ta sẽ có được sự tồn tại, sự không lầm lỗi, và sự sống được thoải mái"; rồi dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu tham ái ở vị nếm. Nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với tham ái ở vị nếm, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

"Không chống đối, và không thèm muốn các vị nếm do tham ái" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Vị học tập không vì ham muốn lợi lộc, và không bực tức khi không được lợi lộc, không chống đối, và không thèm muốn các vị nếm do tham ái."

10.8. *Vị hành xả, luôn luôn có niệm, ở thế gian không nghĩ [bản thân] là ngang bằng, không [nghĩ] là có sự ưu việt, không [nghĩ] là thấp kém; đối với vị ấy, không có các sự kiêu ngạo.*

Vị hành xả, luôn luôn có niệm.

Vị hành xả: Là vị có pháp hành xả ở sáu tình huống: Sau khi thấy cảnh sắc bằng mắt, không có ý ưa thích, không có ý ghét bỏ, vị hành xả sống có niệm, có sự nhận biết rõ; sau khi nghe âm thanh bằng tai,… (nt)… sau khi ngửi hương bằng mũi,… (nt)… sau khi nếm vị bằng lưỡi,… (nt)… sau khi xúc chạm bằng thân,… (nt)… sau khi nhận thức pháp bằng ý, không có ý ưa thích, không có ý ghét bỏ, vị hành xả sống có niệm, có sự nhận biết rõ.

Sau khi thấy cảnh sắc bằng mắt, đối với sắc hợp ý, [vị ấy] không khao khát, không vui mừng, không làm sanh khởi luyến ái; thân của vị ấy trụ vững, tâm của vị ấy trú ở nội phần, khéo được tồn tại, khéo được giải thoát. Trái lại, sau khi thấy cảnh sắc bằng mắt, đối với sắc không hợp ý, [vị ấy] không khó chịu, không có tâm bực bội, không có ý lui sụt, không có ý tức giận; thân của vị ấy trụ vững, tâm của vị ấy trú ở nội phần, khéo được tồn tại, khéo được giải thoát.

Sau khi nghe âm thanh bằng tai,… (nt)… Sau khi ngửi hương bằng mũi,… (nt)… Sau khi nếm vị bằng lưỡi,… (nt)… Sau khi xúc chạm bằng thân,… (nt)… Sau khi nhận thức pháp bằng ý, [vị ấy] không khao khát, không vui mừng, không làm sanh khởi luyến ái; thân của vị ấy trụ vững, tâm của vị ấy trú ở nội phần, khéo được tồn tại, khéo được giải thoát. Trái lại, sau khi nhận thức pháp bằng ý, đối với pháp không hợp ý, [vị ấy] không khó chịu, không có tâm bực bội, không có ý lui sụt, không có ý tức giận; thân của vị ấy trụ vững, tâm của vị ấy trú ở nội phần, khéo được tồn tại, khéo được giải thoát. Sau khi thấy cảnh sắc bằng mắt, đối với sắc hợp ý hay không hợp ý, thân của vị ấy trụ vững, tâm của vị ấy trú ở nội phần, khéo được tồn tại, khéo được giải thoát. Sau khi nghe âm thanh bằng tai,… (nt)… Sau khi ngửi hương bằng mũi,… (nt)… Sau khi nếm vị bằng lưỡi,… (nt)… Sau khi xúc chạm bằng thân,… (nt)… Sau khi nhận thức pháp bằng ý, đối với pháp hợp ý hay không hợp ý, thân của vị ấy trụ vững, tâm của vị ấy trú ở nội phần, khéo được tồn tại, khéo được giải thoát.

Sau khi thấy cảnh sắc bằng mắt, [vị ấy] không bị luyến ái ở vật đáng luyến ái, không bị sân hận ở vật đáng sân hận, không bị si mê ở vật đáng si mê, không bị bực tức ở vật đáng bực tức, không bị ô nhiễm ở vật đáng ô nhiễm, không bị say đắm ở vật đáng say đắm. Sau khi nghe âm thanh bằng tai,… (nt)… Sau khi nhận thức pháp bằng ý, [vị ấy] không bị luyến ái ở vật đáng luyến ái, không bị sân hận ở vật đáng sân hận, không bị si mê ở vật đáng si mê, không bị bực tức ở vật đáng bực tức, không bị ô nhiễm ở vật đáng ô nhiễm,

không bị say đắm ở vật đáng say đắm. Ở điều đã được nghe chỉ là điều đã được nghe, ở điều đã được thấy chỉ là điều đã được thấy, ở điều đã được cảm giác chỉ là điều đã được cảm giác, ở điều đã được nhận thức chỉ là điều đã được nhận thức, [vị ấy] không bị lấm nhơ ở điều đã được thấy, không bị lấm nhơ ở điều đã được nghe, không bị lấm nhơ ở điều đã được cảm giác, không bị lấm nhơ ở điều đã được nhận thức. Về điều đã được thấy, [vị ấy] không có sự đến gần, không có sự xa lánh, không nương tựa, không bị trói buộc, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. Về điều đã được nghe, về điều đã được cảm giác, về điều đã được nhận thức, [vị ấy] không có sự đến gần, không có sự xa lánh, không nương tựa, không bị trói buộc, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

Mắt của vị A-la-hán hiện hữu, vị A-la-hán nhìn cảnh sắc bằng mắt. Mong muốn và luyến ái của vị A-la-hán không có, vị A-la-hán có tâm khéo được giải thoát. Tai của vị A-la-hán hiện hữu, vị A-la-hán nghe âm thanh bằng tai. Mong muốn và luyến ái của vị A-la-hán không có, vị A-la-hán có tâm khéo được giải thoát. Mũi của vị A-la-hán hiện hữu, vị A-la-hán ngửi hương bằng mũi. Mong muốn và luyến ái của vị A-la-hán không có, vị A-la-hán có tâm khéo được giải thoát. Lưỡi của vị A-la-hán hiện hữu, vị A-la-hán nếm vị bằng lưỡi. Mong muốn và luyến ái của vị A-la-hán không có, vị A-la-hán có tâm khéo được giải thoát. Thân của vị A-la-hán hiện hữu, vị A-la-hán xúc chạm bằng thân… (nt)… Ý của vị A-la-hán hiện hữu, vị A-la-hán nhận thức pháp bằng ý. Mong muốn và luyến ái của vị A-la-hán không có, vị A-la-hán có tâm khéo được giải thoát.

Mắt có sự thỏa thích ở sắc, thích thú ở sắc, vui thích ở sắc; mắt của vị A-la-hán đã được rèn luyện, đã được bảo vệ, đã được hộ trì, đã được thu thúc; và vị ấy thuyết pháp về sự thu thúc đối với mắt. Tai có sự thỏa thích ở âm thanh… (nt)… Mũi có sự thỏa thích ở hương… Lưỡi có sự thỏa thích ở vị nếm, thích thú ở vị nếm, vui thích ở vị nếm; lưỡi của vị A-la-hán đã được rèn luyện, đã được bảo vệ, đã được hộ trì, đã được thu thúc; và vị ấy thuyết pháp về sự thu thúc đối với lưỡi. Thân có sự thỏa thích ở xúc chạm… (nt)… Ý có sự thỏa thích ở pháp, thích thú ở pháp, vui thích ở pháp; ý của vị A-la-hán đã được rèn luyện, đã được bảo vệ, đã được hộ trì, đã được thu thúc; và vị ấy thuyết pháp về sự thu thúc đối với ý.

1. *"Người ta đưa [ngựa] đã được rèn luyện đến nơi tụ hội. Đức vua cỡi lên [ngựa] đã được rèn luyện. Người đã được rèn luyện chịu đựng lời mắng nhiếc là hạng nhất giữa loài người.*

2. *Quý báu thay những con lừa đã được thuần hóa, những con ngựa Sindhu thuần chủng, và những con voi thuộc loài khổng tượng; người đã tự rèn luyện bản thân là quý báu hơn cả.*

3. *Bởi vì chẳng phải nhờ vào những cỗ xe ấy mà có thể đi đến nơi chưa đi*

đến [Niết-bàn], như là nhờ vào bản thân đã khéo được rèn luyện. Do nhờ đã được rèn luyện mà người đã được rèn luyện đi đến [Niết-bàn].

4. *Các vị không lay động ở các trạng thái kiêu mạn, đã được thoát khỏi việc sanh ra lần nữa, đã đạt đến lãnh vực của các bậc đã được rèn luyện; các vị ấy là những người chiến thắng ở thế gian.*

5. *Vị nào có các giác quan đã được tu tập, ở nội phần, ở ngoại phần, và ở toàn thể thế gian, sau khi thấu hiểu đời này và đời sau, vị đã được tu tập chờ đợi thời điểm, vị ấy là đã được huấn luyện."*

Vị hành xả, luôn luôn có niệm.

Luôn luôn: Là mọi lúc, mọi thời, thường khi, luôn khi,… (nt)… ở chặng cuối của tuổi thọ.

Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân,… (nt)… trên các thọ,… (nt)… trên tâm, có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát pháp trên các pháp. ... (nt)… vị ấy được gọi là có niệm.

"Vị hành xả, luôn luôn có niệm" là như thế.

Ở thế gian không nghĩ [bản thân] là ngang bằng: Không làm sanh khởi ngã mạn [nghĩ rằng]: "Ta là ngang bằng" về xuất thân, hoặc về dòng dõi,… (nt)… hoặc về sự việc này khác.

"Ở thế gian không nghĩ [bản thân] là ngang bằng" là như thế.

Không [nghĩ] là có sự ưu việt, không [nghĩ] là thấp kém. Không làm sanh khởi cao ngạo [nghĩ rằng]: "Ta là tốt hơn" về xuất thân, hoặc về dòng dõi,… (nt)… hoặc về sự việc này khác. Không làm sanh khởi ngã mạn [nghĩ rằng]: "Ta là thua kém" về xuất thân, hoặc về dòng dõi,… (nt)… hoặc về sự việc này khác.

"Không [nghĩ] là có sự ưu việt, không [nghĩ] là thấp kém" là như thế.

Đối với vị ấy, không có các sự kiêu ngạo.

Đối với vị ấy: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Các sự kiêu ngạo: Có bảy sự kiêu ngạo: Kiêu ngạo do luyến ái, kiêu ngạo do sân hận, kiêu ngạo do si mê, kiêu ngạo do ngã mạn, kiêu ngạo do tà kiến, kiêu ngạo do ô nhiễm, kiêu ngạo do nghiệp. Đối với vị ấy, các sự kiêu ngạo này là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

"Đối với vị ấy, không có các sự kiêu ngạo" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Vị hành xả, luôn luôn có niệm, ở thế gian không nghĩ [bản thân] là ngang bằng, không [nghĩ] là có sự ưu việt, không [nghĩ] là thấp kém; đối với vị ấy, không có các sự kiêu ngạo."

10.9. *Đối với vị nào không có trạng thái nương tựa, sau khi đã hiểu biết giáo pháp thì không còn nương tựa, đối với vị ấy tham ái ở hữu và phi hữu không tìm thấy.*

Đối với vị nào không có trạng thái nương tựa.

Đối với vị nào: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Trạng thái nương tựa: Có hai sự nương tựa: Sự nương tựa vào tham ái và sự nương tựa vào tà kiến. ... (nt)… điều này là sự nương tựa vào tham ái. ... (nt)… điều này là sự nương tựa vào tà kiến. Đối với vị ấy, sự nương tựa vào tham ái được dứt bỏ, sự nương tựa vào tà kiến được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự nương tựa vào tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự nương tựa vào tà kiến; đối với vị ấy sự nương tựa là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

"Đối với vị nào không có trạng thái nương tựa" là như thế.

Sau khi đã hiểu biết giáo pháp thì không còn nương tựa.

Sau khi đã hiểu biết: Sau khi đã hiểu biết là sau khi đã biết được, sau khi đã cân nhắc, sau khi đã xác định, sau khi đã minh định, sau khi đã làm rõ rệt. Sau khi đã hiểu biết, sau khi đã biết được, sau khi đã cân nhắc, sau khi đã xác định, sau khi đã minh định, sau khi đã làm rõ rệt rằng: "Tất cả các hành là vô thường", "Tất cả các hành là khổ", "Tất cả các pháp là vô ngã",… (nt)… "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

Không còn nương tựa: Có hai sự nương tựa: Sự nương tựa vào tham ái và sự nương tựa vào tà kiến. ... (nt)… điều này là sự nương tựa vào tham ái. ... (nt)… điều này là sự nương tựa vào tà kiến. Sau khi dứt bỏ sự nương tựa vào tham ái, sau khi buông bỏ sự nương tựa vào tà kiến thì không nương tựa vào mắt, không nương tựa vào tai, không nương tựa vào mũi, không nương tựa vào lưỡi, không nương tựa vào thân, không nương tựa vào ý, không nương tựa vào các sắc, các thinh, các hương, các vị, các xúc, gia tộc, đồ chúng, chỗ ngụ,… (nt)… các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, không bám vào, không đến gần, không bám chặt, không hướng đến, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

"Sau khi đã hiểu biết giáo pháp thì không còn nương tựa" là như thế.

Đối với vị ấy tham ái ở hữu và phi hữu không tìm thấy.

Tham ái: Là tham ái cảnh sắc, tham ái cảnh thinh, tham ái cảnh khí, tham ái cảnh vị, tham ái cảnh xúc, tham ái cảnh pháp.

Đối với vị ấy: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Ở hữu: Ở hữu kiến; **ở phi hữu:** Phi hữu kiến; **ở hữu:** Ở thường kiến; **ở phi hữu:** Ở đoạn kiến; **ở hữu:** Ở sự sanh lên được lặp đi lặp lại, ở cảnh giới tái

sanh được lặp đi lặp lại, ở sự tiếp nối tái sanh được lặp đi lặp lại, ở sự sanh ra của bản ngã được lặp đi lặp lại. Đối với vị ấy, tham ái là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

"Đối với vị ấy tham ái ở hữu và phi hữu không tìm thấy" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Đối với vị nào không có trạng thái nương tựa, sau khi đã hiểu biết giáo pháp thì không còn nương tựa, đối với vị ấy tham ái ở hữu và phi hữu không tìm thấy."

10.10. *Ta nói rằng vị ấy là "bậc Yên tịnh" không trông mong về các dục. Đối với vị ấy, các sự trói buộc không tìm thấy; vị ấy đã vượt qua sự vướng mắc.*

Ta nói rằng vị ấy là "bậc Yên tịnh": Ta nói về vị ấy, Ta thuyết về vị ấy, Ta phát ngôn về vị ấy, Ta giảng giải về vị ấy, Ta diễn tả về vị ấy là "bậc Yên tịnh, bậc Vắng lặng, bậc Tịch diệt, bậc Tịch tịnh."

Ta nói rằng vị ấy là "bậc Yên tịnh" là như thế.

Không trông mong về các dục.

Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt)… Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)… Các điều này được gọi là ô nhiễm dục. Sau khi biết toàn diện về các vật dục, sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi khiến cho không còn hiện hữu các ô nhiễm dục; vị **không trông mong về các dục:** Là vị có dục đã được xa lìa, có dục đã được từ bỏ, có dục đã được tẩy trừ, có dục đã được giải thoát, có dục đã được dứt bỏ, có dục đã được buông bỏ; là vị có luyến ái ở các dục đã được xa lìa, có luyến ái đã được tách lìa, có luyến ái đã được từ bỏ, có luyến ái đã được tẩy trừ, có luyến ái đã được giải thoát, có luyến ái đã được dứt bỏ, có luyến ái đã được buông bỏ, đã không còn khao khát, đã được tịch diệt, có trạng thái mát mẻ, có sự cảm thọ lạc, sống với trạng thái cao thượng tự thân.

"Không trông mong về các dục" là như thế.

Đối với vị ấy các sự trói buộc không tìm thấy.

Các sự trói buộc: Có bốn sự trói buộc: Tham đắm là sự trói buộc về thân, sân hận là sự trói buộc về thân, sự bám víu vào giới và phận sự là sự trói buộc về thân, sự chấp chặt "chỉ điều này là chân lý" là sự trói buộc về thân. Sự luyến ái, tham đắm vào quan điểm của bản thân là sự trói buộc về thân. Sự tức tối, sự không bằng lòng, sự sân hận về các học thuyết khác là sự trói buộc về thân. Sự bám víu vào giới và phận sự rằng: "Họ bám víu vào giới, hoặc phận sự, hoặc giới và phận sự của bản thân" là sự trói buộc về thân. Quan điểm của bản thân có sự chấp chặt "chỉ điều này là chân lý" là sự trói buộc về thân.

Đối với vị ấy: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã cạn kiệt; đối với vị ấy,

các sự trói buộc là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

"Đối với vị ấy các sự trói buộc không tìm thấy" là như thế.

Vị ấy đã vượt qua sự vướng mắc.

Sự vướng mắc: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Sự vướng mắc: Sự vướng mắc với ý nghĩa gì? "Được trải rộng" là vướng mắc, "bao quát" là vướng mắc, "được lan rộng" là vướng mắc, "nó lôi kéo theo" là vướng mắc, "nó mang lại chất độc" là vướng mắc, "truyền bá chất độc" là vướng mắc, "gốc rễ của chất độc" là vướng mắc, "kết quả của chất độc" là vướng mắc, "sự thọ dụng chất độc" là vướng mắc. Hoặc hơn nữa, "tham ái ấy là bao quát ở sắc, ở thinh, ở hương, ở vị, ở xúc, ở gia tộc, ở đồ chúng, ở chỗ ngụ,... (nt)... ở các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, được trải rộng, được lan rộng" là vướng mắc.

Vị ấy đã vượt qua sự vướng mắc: Vị ấy đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt khỏi, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi sự vướng mắc, tham ái này.

"Vị ấy đã vượt qua sự vướng mắc" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Ta nói rằng vị ấy là 'bậc Yên tịnh' không trông mong về các dục. Đối với vị ấy, các sự trói buộc không tìm thấy; vị ấy đã vượt qua sự vướng mắc."

10.11. *Đối với vị ấy, không có con cái [và] các thú nuôi, ruộng vườn và đất đai không tìm thấy. Có bản ngã hoặc không có bản ngã đều không tồn tại ở vị ấy.*

Đối với vị ấy, không có con cái [và] các thú nuôi, ruộng vườn và đất đai không tìm thấy.

Không: Là sự phủ định.

Đối với vị ấy: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Con cái: Có bốn loại con cái: Con ruột là con, con nhặt được là con, con nuôi là con, học trò là con.

Các thú nuôi: Dê, cừu, gà, heo, voi, bò, ngựa, lừa.

Ruộng: Là ruộng lúa sāli, ruộng lúa mùa, ruộng đậu xanh, ruộng đậu māsa, ruộng lúa mạch, ruộng lúa mì, ruộng mè.

Đất: Là đất nhà, đất cổng ra vào, đất phía trước nhà, đất phía sau nhà, đất vườn, đất thổ cư.

Đối với vị ấy, không có con cái [và] các thú nuôi, ruộng vườn và đất đai không tìm thấy: Đối với vị ấy, sở hữu về con cái, hoặc sở hữu về các thú nuôi, hoặc sở hữu về ruộng vườn, hoặc sở hữu về đất đai là không có, không

hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

"Đối với vị ấy, không có con cái [và] các thú nuôi, ruộng vườn và đất đai không tìm thấy" là như thế.

Có bản ngã hoặc không có bản ngã đều không tồn tại ở vị ấy: Không có thường kiến rằng: "Có tự ngã." Không có đoạn kiến rằng: "Không có tự ngã." Không có điều đã được nắm lấy rằng: "Có tự ngã." Không có điều cần được giải thoát rằng: "Không có tự ngã." Người nào không có điều đã được nắm lấy thì người ấy không có điều cần được giải thoát, người nào không có điều cần được giải thoát thì người ấy không có điều đã được nắm lấy. Trong khi vượt qua hẳn việc nắm giữ và việc giải thoát, bậc A-la-hán vượt qua khỏi sự tiến tu và thối thất. Vị ấy đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành,... (nt)... việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vị ấy.

"Có bản ngã hoặc không có bản ngã đều không tồn tại ở vị ấy" là như thế.[4]

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng :

"Đối với vị ấy, không có con cái [và] các thú nuôi, ruộng vườn và đất đai không tìm thấy. Có bản ngã hoặc không có bản ngã đều không tồn tại ở vị ấy."

10.12. *Vì việc nào mà các phàm phu, rồi các Sa-môn và các Bà-la-môn có thể nói về vị ấy, việc ấy đối với vị ấy là không được chú trọng; vì thế, vị ấy không xao động vì những lời nói [buộc tội].*

Vì việc nào mà các phàm phu, rồi các Sa-môn và các Bà-la-môn có thể nói về vị ấy.

Các phàm phu: "Những người sản sanh ra các ô nhiễm khác nhau" là phàm phu. "Những người có sự nhận thức sai trái về thân khác nhau chưa được phá tan" là phàm phu. "Những người tin theo nhiều vị thầy khác nhau" là phàm phu. "Những người chưa được ra khỏi mọi cảnh giới tái sanh khác nhau" là phàm phu. "Những người tạo ra các sự tạo tác khác nhau" là phàm phu. "Những người bị cuốn trôi bởi nhiều dòng lũ khác nhau" là phàm phu. "Những người bị nóng nảy bởi nhiều sự nóng nảy khác nhau" là phàm phu. "Những người bị thiêu đốt bởi nhiều sự bực bội khác nhau" là phàm phu. "Những người bị luyến ái, bị thèm khát, bị buộc trói, bị mê mẩn, bị gần gũi, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại ở năm loại dục đa dạng" là phàm phu. "Những người bị bao bọc, bị bao trùm, bị bao kín, bị che lại, bị che kín, bị đậy kín bởi năm pháp che lấp đa dạng" là phàm phu.

Các Sa-môn: Bất cứ những người nào đã đi đến hạnh du sĩ, đã thành tựu hạnh du sĩ bên ngoài giáo pháp này.

Các Bà-la-môn: Bất cứ những người nào xưng hô với từ "ông."

---

[4] Xem đoạn dịch tương tự ở trang 70. (ND)

Vì việc nào mà các phàm phu, rồi các Sa-môn và các Bà-la-môn có thể nói về vị ấy: Các phàm phu vì sự luyến ái nào mà có thể nói, vì sự sân hận nào mà có thể nói, vì sự si mê nào mà có thể nói, vì sự ngã mạn nào mà có thể nói, vì tà kiến nào mà có thể nói, vì sự phóng dật nào mà có thể nói, vì hoài nghi nào mà có thể nói, vì các pháp tiềm ẩn nào mà có thể nói [rằng]: "Ngài là 'kẻ bị luyến ái', hoặc là 'kẻ bị sân hận', hoặc là 'kẻ bị si mê', hoặc là 'kẻ bị trói buộc', hoặc là 'kẻ bị bám víu', hoặc là 'kẻ bị tán loạn', hoặc là 'kẻ không dứt khoát', hoặc là 'kẻ cứng cỏi.'" Các pháp tạo tác ấy là đã được dứt bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với các pháp tạo tác thì với cảnh giới tái sanh nào mà chúng có thể nói về vị ấy [rằng]: "[Ngài sẽ trở thành] 'người địa ngục', hoặc là 'loài thú', hoặc là 'thân phận ngạ quỷ', hoặc là 'loài người', hoặc là 'thiên nhân', hoặc là 'người hữu sắc', hoặc là 'người vô sắc', hoặc là 'người hữu tưởng', hoặc là 'người vô tưởng', hoặc là 'người phi tưởng phi phi tưởng.'" Không có nhân, không có duyên, không có lý do, mà vì việc ấy họ có thể nói, có thể thuyết, có thể phát ngôn, có thể giảng giải, có thể diễn tả về vị ấy.

"Vì việc nào mà các phàm phu, rồi các Sa-môn và các Bà-la-môn có thể nói về vị ấy" là như thế.

Việc ấy đối với vị ấy là không được chú trọng.

Đối với vị ấy: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Được chú trọng: Có hai sự chú trọng: Chú trọng do tham ái và chú trọng do tà kiến. ... (nt)... điều này là chú trọng do tham ái. ... (nt)... điều này là chú trọng do tà kiến. Đối với vị ấy, sự chú trọng do tham ái đã được dứt bỏ, sự chú trọng do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự chú trọng do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự chú trọng do tà kiến; vị ấy sống, không chú trọng tham ái hoặc tà kiến, không có tham ái là ngọn cờ, không có tham ái là biểu hiện, không có tham ái là chủ đạo, không có tà kiến là ngọn cờ, không có tà kiến là biểu hiện, không có tà kiến là chủ đạo; vị ấy sống không bị vây quanh bởi tham ái hoặc bởi tà kiến.

"Việc ấy đối với vị ấy là không được chú trọng" là như thế.

Vì thế, vị ấy không chao đảo vì những lời nói [buộc tội].

Vì thế: Bởi điều ấy, bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy, vị ấy không chao đảo, không xao động, không dao động, không run rẩy, không chấn động, không rúng động vì những lời nói [buộc tội], vì những lời gièm pha, vì sự chê bai, vì sự chê trách, vì sự không nổi tiếng, vì sự không ca tụng.

"Vì thế, vị ấy không chao đảo vì những lời nói [buộc tội]" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Vì việc nào mà các phàm phu, rồi các Sa-môn và các Bà-la-môn có thể nói về vị ấy, việc ấy đối với vị ấy là không được chú trọng; vì thế, vị ấy không chao đảo vì những lời nói [buộc tội]."

10.13. *Có sự thèm khát đã được xa lìa, không bỏn xẻn, bậc Hiền trí không mô tả [bản thân] là trong số những người ưu việt, không là trong số những người ngang bằng, không là trong số những người thấp kém, là vị không bị sắp đặt, không đi đến sự sắp đặt [bởi tham ái và tà kiến].*

Có sự thèm khát đã được xa lìa, không bỏn xẻn.

Thèm khát: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với người nào, sự thèm khát ấy là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, người ấy được gọi là không còn thèm khát. Người ấy không thèm khát ở sắc,... (nt)... không thèm khát ở các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, không bị buộc trói, không bị mê mẩn, không bị gần gũi, có sự thèm khát đã được xa lìa, có sự thèm khát đã được tách lìa, có sự thèm khát đã được từ bỏ, có sự thèm khát đã được tẩy trừ, có sự thèm khát đã được giải thoát, có sự thèm khát đã được dứt bỏ, có sự thèm khát đã được buông bỏ, không còn khao khát,... (nt)... sống với trạng thái cao thượng tự thân. "Có sự thèm khát đã được xa lìa" là như thế.

Không bỏn xẻn.

Bỏn xẻn: Có năm sự bỏn xẻn: Bỏn xẻn về chỗ ở, bỏn xẻn về gia tộc, bỏn xẻn về lợi lộc, bỏn xẻn về danh tiếng, bỏn xẻn về pháp; bỏn xẻn có hình thức như vậy là... (nt)... sự nắm lấy được gọi là bỏn xẻn. Đối với người nào, sự bỏn xẻn này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; người ấy được gọi là không bỏn xẻn.

"Có sự thèm khát đã được xa lìa, không bỏn xẻn" là như thế.

Bậc Hiền trí không mô tả [bản thân] là trong số những người ưu việt, không là trong số những người ngang bằng, không là trong số những người thấp kém.

Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí,... (nt)... đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là bậc Hiền trí. [Bậc Hiền trí] không nói, không thuyết, không phát ngôn, không giảng giải, không diễn tả rằng: "Ta là tốt hơn", hoặc "Ta là ngang bằng", hoặc "Ta là thua kém."

"Bậc Hiền trí không mô tả [bản thân] là trong số những người ưu việt, không là trong số những người ngang bằng, không là trong số những người thấp kém" là như thế.

Là vị không bị sắp đặt, không đi đến sự sắp đặt [bởi tham ái và tà kiến].

Sắp đặt: Có hai sự sắp đặt: Sự sắp đặt do tham ái và sự sắp đặt do tà kiến. ... (nt)... điều này là sự sắp đặt do tham ái. ... (nt)... điều này là sự sắp đặt do tà kiến. Đối với vị ấy, sự sắp đặt do tham ái đã được dứt bỏ, sự sắp đặt do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự sắp đặt do tham ái,

do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự sắp đặt do tà kiến; vị ấy không đi đến, không tiếp cận, không đi đến gần, không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt sự sắp đặt do tham ái hoặc sự sắp đặt do tà kiến. "Không đi đến sự sắp đặt [bởi tham ái và tà kiến]" là như thế.

Là vị không bị sắp đặt.

Sắp đặt: Có hai sự sắp đặt: Sự sắp đặt do tham ái và sự sắp đặt do tà kiến. ... (nt)... điều này là sự sắp đặt do tham ái. ... (nt)... điều này là sự sắp đặt do tà kiến. Đối với vị ấy, sự sắp đặt do tham ái đã được dứt bỏ, sự sắp đặt do tà kiến đã được buông bỏ. Đối với vị ấy, do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự sắp đặt do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự sắp đặt do tà kiến, vị ấy không sắp đặt, không làm sanh ra, không làm sanh khởi, không làm hạ sanh, không làm phát sanh ra sự sắp đặt do tham ái hoặc sự sắp đặt do tà kiến.

"Là vị không bị sắp đặt, không đi đến sự sắp đặt [bởi tham ái và tà kiến]" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Có sự thèm khát đã được xa lìa, không bỏn xẻn, bậc Hiền trí không mô tả [bản thân] là trong số những người ưu việt, không là trong số những người ngang bằng, không là trong số những người thấp kém, là vị không bị sắp đặt, không đi đến sự sắp đặt [bởi tham ái và tà kiến]."

10.14. *Đối với vị nào ở thế gian, vật sở hữu là không có, [là vị] không sầu muộn do tình trạng không có, và không đi đến [sự lầm lẫn] ở các pháp; thật vậy, vị ấy được gọi là "bậc An tịnh."*

Đối với vị nào ở thế gian, vật sở hữu là không có.

Đối với vị nào: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Vật sở hữu là không có: Đối với vị nào, bất cứ điều gì liên quan đến sắc, liên quan đến thọ, liên quan đến tưởng, liên quan đến hành, liên quan đến thức đã được nắm lấy, đã được bám víu, đã được chấp chặt, đã được bám chặt, đã được hướng đến [rằng]: "Hoặc là cái này thuộc về tôi, hoặc là cái này thuộc về những người khác" là không có, không hiện diện,... (nt)... đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

"Đối với vị nào ở thế gian, vật sở hữu là không có" là như thế.

Không sầu muộn do tình trạng không có: Không sầu muộn về vật đã bị biến đổi, hoặc là không sầu muộn khi vật bị biến đổi; [nghĩ rằng:] "Mắt của ta bị biến đổi" mà không sầu muộn; [nghĩ rằng:] "Tai của ta... Mũi của ta... Lưỡi của ta... Thân của ta... Ý của ta... Các sắc của ta... Các thinh của ta... Các hương của ta... Các vị của ta... Các xúc của ta... Gia tộc của ta... Đồ chúng của ta... Chỗ ngụ của ta... Lợi lộc của ta... Danh vọng của ta... Lời khen của ta... Hạnh phúc của ta... Y phục của ta... Đồ ăn khất thực của ta... Chỗ nằm ngồi của ta... Vật dụng là thuốc men chữa bệnh của ta... Mẹ của ta... Cha của

ta… Anh [em] trai của ta… Chị [em] gái của ta… Con trai của ta… Con gái của ta… Bạn bè của ta… Thân hữu của ta… Thân quyến của ta… Những người cùng huyết thống của ta bị biến đổi” mà không sầu muộn, không mệt mỏi, không than vãn, không đấm ngực khóc lóc, không đi đến sự mê muội. “Không sầu muộn do tình trạng không có” là như vậy.

Hoặc là, bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi thọ khổ không có khoái lạc, mà không sầu muộn, không mệt mỏi, không than vãn, không đấm ngực khóc lóc, không đi đến sự mê muội. Bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi bệnh ở mắt mà không sầu muộn, không mệt mỏi, không than vãn, không đấm ngực khóc lóc, không đi đến sự mê muội. Bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi bệnh ở tai trong, bởi bệnh ở mũi, bởi bệnh ở lưỡi, bởi bệnh ở thân, bởi bệnh ở đầu, bởi bệnh ở lỗ tai, bởi bệnh ở miệng, bởi bệnh ở răng, bởi ho, bởi suyễn, bởi sổ mũi, bởi nhiệt, bởi cảm sốt, bởi đau bụng, bởi xây xẩm, bởi kiết lỵ, bởi đau bụng bão, bởi dịch tả, bởi phong cùi, bởi khối u, bởi bệnh chàm, bởi lao phổi, bởi động kinh, bởi mụt, bởi nhọt, bởi ghẻ ngứa, bởi sảy, bởi loét tay chân, bởi máu, bởi mật, bởi bệnh tiểu đường, bởi bệnh trĩ, bởi ghẻ lở, bởi loét hậu môn, bởi bệnh phát khởi từ mật, bởi bệnh phát khởi từ đàm, bởi bệnh phát khởi từ gió, bởi bệnh tổng hợp từ mật-đàm-gió, bởi bệnh sanh lên vì thay đổi thời tiết, bởi bệnh sanh lên vì bốn oai nghi không đồng đều, bởi bệnh thuộc dạng cấp tính, bởi bệnh sanh lên vì quả của nghiệp, bởi lạnh, bởi nóng, bởi đói, bởi khát, bởi các xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát, mà không sầu muộn, không mệt mỏi, không than vãn, không đấm ngực khóc lóc, không đi đến sự mê muội. “Không sầu muộn do tình trạng không có” còn là như vậy.

Hoặc là, trong khi không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại [nghĩ rằng]: “Quả thật đã có cho ta chăng? Cái ấy quả thật không có cho ta! Quả thật sẽ có cho ta chăng? Quả thật ta không đạt được cái ấy!”, mà không sầu muộn, không mệt mỏi, không than vãn, không đấm ngực khóc lóc, không đi đến sự mê muội.

“Không sầu muộn do tình trạng không có” còn là như vậy.

Và không đi đến [sự lầm lẫn] ở các pháp: Vị không đi đến sự thiên vị vì mong muốn, không đi đến sự thiên vị vì sân hận, không đi đến sự thiên vị vì si mê, không đi đến sự thiên vị vì sợ hãi, không đi đến do tác động của luyến ái, không đi đến do tác động của sân hận, không đi đến do tác động của si mê, không đi đến do tác động của ngã mạn, không đi đến do tác động của tà kiến, không đi đến do tác động của phóng dật, không đi đến do tác động của hoài nghi, không đi đến do tác động của pháp tiềm ẩn, và không bởi các pháp có tính chất phe nhóm mà bị đưa đi, bị dẫn đi, bị lôi đi, bị mang đi.

“Và không đi đến [sự lầm lẫn] ở các pháp” là như thế.

Thật vậy, vị ấy được gọi là “bậc An tịnh”: Vị ấy được gọi là, được nói ra,

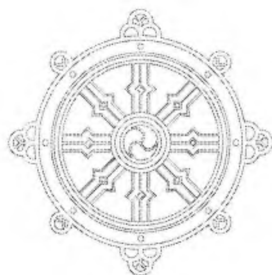
được thuyết giảng, được phát ngôn, được giảng giải, được diễn tả là: "Bậc An tịnh, bậc Yên tịnh, bậc Vắng lặng, bậc Tịch diệt, bậc Tịch tịnh."

"Thật vậy, vị ấy được gọi là 'bậc An tịnh'" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Đối với vị nào ở thế gian, vật sở hữu là không có, [là vị] không sầu muộn do tình trạng không có, và không đi đến [sự lầm lẫn] ở các pháp; thật vậy, vị ấy được gọi là 'bậc An tịnh'."

"Diễn giải kinh trước khi hoại rã" - Phần thứ mười.



11. DIỄN GIẢI KINH CÃI CỌ VÀ TRANH CÃI (*KALAHAVIVĀDASUTTANIDDESO*)

Giờ phần "Diễn giải kinh cãi cọ và tranh cãi" được nói đến:

1.1. *Từ đâu phát khởi các sự cãi cọ, các sự tranh cãi,*
Các sự than vãn, các nỗi sầu muộn và thêm các sự bỏn xẻn,
Các sự ngã mạn và cao ngạo, rồi thêm các việc nói đâm thọc?
Từ đâu chúng phát khởi? Nào, xin Ngài hãy nói về điều ấy.

Từ đâu phát khởi các sự cãi cọ, các sự tranh cãi.

Sự cãi cọ: Theo một cách thức, sự cãi cọ và sự tranh cãi cũng y như nhau; cái nào là cãi cọ, cái ấy là tranh cãi; cái nào là tranh cãi, cái ấy là cãi cọ. Hoặc là, theo một cách thức khác nói về tranh cãi: Tranh cãi là phần đi trước của cãi cọ. Các vị vua tranh cãi với các vị vua, các Sát-đế-ly tranh cãi với các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn tranh cãi với các Bà-la-môn, các gia chủ tranh cãi với các gia chủ, mẹ tranh cãi với con trai, con trai tranh cãi với mẹ, cha tranh cãi với con trai, con trai tranh cãi với cha, anh [em] trai tranh cãi với anh [em] trai, chị [em] gái tranh cãi với chị [em] gái, anh [em] trai tranh cãi với chị [em] gái, chị [em] gái tranh cãi với anh [em] trai, bạn bè tranh cãi với bạn bè; việc này là tranh cãi.

Sự cãi cọ là việc nào? Các người tại gia, [trong khi tức giận] cầm lấy gậy gộc, thực hiện việc cãi cọ bằng thân, bằng khẩu; các bậc xuất gia, trong khi vi phạm tội, thực hiện việc cãi cọ bằng thân, bằng khẩu; việc này là cãi cọ.

Từ đâu phát khởi các sự cãi cọ, các sự tranh cãi: Là hỏi về nguồn gốc, hỏi về nguyên nhân, hỏi về căn nguyên, hỏi về sự xuất phát, hỏi về nguồn sanh khởi, hỏi về nguồn phát khởi, hỏi về yếu tố nuôi dưỡng, hỏi về đối tượng, hỏi về duyên khởi, hỏi về nhân sanh khởi của sự cãi cọ và sự tranh cãi: "Các sự cãi cọ và các sự tranh cãi phát khởi từ đâu, sanh ra từ đâu, sanh khởi từ đâu, hạ sanh từ đâu, phát sanh từ đâu, xuất hiện từ đâu, có cái gì là căn nguyên, có cái gì là nhân sanh khởi, có cái gì là mầm sanh khởi, có cái gì là nguồn sanh khởi?" là chất vấn, là yêu cầu, là thỉnh cầu, là đặt niềm tin.

"Từ đâu phát khởi các sự cãi cọ, các sự tranh cãi" là như thế.

Các sự than vãn, các nỗi sầu muộn và thêm các sự bỏn xẻn.

Sự than vãn: Là sự than van, sự than trách, sự than thở, sự than vãn, trạng thái than van, trạng thái than trách, lời nói, nói lảm nhảm, nói huyên thuyên, nói kể lể, lối nói kể lể, trạng thái nói kể lể của người bị tác động bởi sự tổn hại về thân quyến, bị tác động bởi sự tổn hại về của cải, bị tác động bởi sự tổn hại vì

bệnh tật, bị tác động bởi sự suy giảm về giới hạnh, bị tác động bởi sự suy giảm về kiến thức, bị gặp phải sự rủi ro này hoặc sự rủi ro khác, hoặc bị tác động bởi sự khổ này hoặc sự khổ khác.

Nỗi sầu muộn: Nỗi sầu muộn là sự buồn rầu, trạng thái buồn phiền, sự sầu muộn ở nội tâm, sự buồn thảm ở nội tâm, sự nóng nảy ở nội tâm, sự bực tức ở nội tâm, nỗi ưu phiền do trạng thái bực bội của tâm, mũi tên sầu muộn của người bị tác động bởi sự tổn hại về thân quyến, bị tác động bởi sự tổn hại về của cải, bị tác động bởi sự tổn hại vì bệnh tật, bị tác động bởi sự suy giảm về giới hạnh, bị tác động bởi sự suy giảm về kiến thức, bị gặp phải sự rủi ro này hoặc sự rủi ro khác, hoặc bị tác động bởi sự khổ này hoặc sự khổ khác.

Sự bỏn xẻn: Có năm loại bỏn xẻn: Bỏn xẻn về chỗ ở, bỏn xẻn về gia tộc, bỏn xẻn về lợi lộc, bỏn xẻn về danh tiếng, bỏn xẻn về pháp. Bỏn xẻn có hình thức như vậy là biểu hiện của bỏn xẻn, trạng thái của bỏn xẻn, sự hám lợi, keo kiệt, tính chất bủn xỉn, trạng thái bị nắm giữ của tâm, điều này được gọi là bỏn xẻn. Còn nữa, bỏn xẻn về uẩn cũng là bỏn xẻn, bỏn xẻn về giới cũng là bỏn xẻn, bỏn xẻn về xứ cũng là bỏn xẻn, sự nắm lấy được gọi là bỏn xẻn.

"Các sự than vãn, các nỗi sầu muộn và thêm các sự bỏn xẻn" là như thế.

Các sự ngã mạn và cao ngạo, rồi thêm các việc nói đâm thọc.

Ngã mạn: Ở đây một người nào đó sanh khởi ngã mạn về xuất thân, về dòng dõi, về con nhà gia thế, về vẻ đẹp của làn da, về tài sản, về học vấn, về công việc, về tài nghệ, về kiến thức, về sự học hỏi, về tài biện giải, hoặc về sự việc này khác.

Cao ngạo: Ở đây một người nào đó khinh khi người khác theo sự sanh ra, theo dòng họ,... (nt)... hoặc theo sự việc này khác.

Việc nói đâm thọc: Ở đây, một người nào đó có lời nói đâm thọc: Sau khi nghe ở chỗ này, là người nói lại ở chỗ kia nhằm chia rẽ những người này, hoặc là sau khi nghe ở chỗ kia, là người nói lại cho những người này nhằm chia rẽ những người kia; như vậy là người chia rẽ những kẻ đã được hợp nhất, là người khuyến khích những kẻ chia rẽ, là người thỏa thích phe nhóm, thích thú phe nhóm, hân hoan phe nhóm, là người nói lời tạo ra phe nhóm; điều này được gọi là việc nói đâm thọc. Thêm nữa, người đem lại việc nói đâm thọc vì hai lý do: Vì mong muốn được thương, hoặc là vì ý định chia rẽ. Đem lại việc nói đâm thọc vì mong muốn được thương nghĩa là thế nào? [Nghĩ rằng:] "Đối với người này, ta sẽ được yêu thương, ta sẽ được quý mến, ta sẽ được tin cậy, ta sẽ trở thành thân tín, ta sẽ trở thành tâm phúc." Đem lại việc nói đâm thọc vì mong muốn được thương nghĩa là như vậy. Đem lại việc nói đâm thọc vì ý định chia rẽ nghĩa là thế nào? [Nghĩ rằng:] "Làm thế nào để những người này trở thành xa lạ, trở thành riêng rẽ, trở thành phe nhóm, trở thành hai phần, trở thành hai phía, trở thành hai nhánh, bị chia rẽ, không thể hội tụ, sống khổ sở không thoải mái?" Đem lại việc nói đâm thọc vì ý định chia rẽ nghĩa là như vậy.

"Các sự ngã mạn và cao ngạo, rồi thêm các việc nói đâm thọc" là như thế.

Từ đâu chúng phát khởi? Nào, xin Ngài hãy nói về điều ấy: Sự cãi cọ, sự tranh cãi, sự than vãn, nỗi sầu muộn, sự bỏn xẻn, sự ngã mạn, sự cao ngạo và việc nói đâm thọc; tám điều ô nhiễm này phát khởi từ đâu, sanh ra từ đâu, sanh khởi từ đâu, hạ sanh từ đâu, phát sanh từ đâu, xuất hiện từ đâu, có cái gì là căn nguyên, có cái gì là nhân sanh khởi, có cái gì là mầm sanh khởi, có cái gì là nguồn sanh khởi? [Vị ấy] hỏi về nguồn gốc, hỏi về nhân, hỏi về căn nguyên, hỏi về sự xuất phát, hỏi về nguồn sanh khởi, hỏi về nguồn phát khởi, hỏi về yếu tố nuôi dưỡng, hỏi về đối tượng, hỏi về duyên khởi, hỏi về nhân sanh khởi của tám điều ô nhiễm này, chất vấn, yêu cầu, thỉnh cầu, đặt niềm tin. "Từ đâu chúng phát khởi? Nào, xin Ngài hãy nói về điều ấy" là như thế. Nào, xin Ngài hãy nói, hãy nêu ra, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ.

"Từ đâu chúng phát khởi? Nào, xin Ngài hãy nói về điều ấy" là như thế.

Vì thế, vị [Phật] do thần thông biến hóa ra đã hỏi rằng:

"Từ đâu phát khởi các sự cãi cọ, các sự tranh cãi,
Các sự than vãn, các nỗi sầu muộn và thêm các sự bỏn xẻn,
Các sự ngã mạn và cao ngạo, rồi thêm các việc nói đâm thọc?
Từ đâu chúng phát khởi? Nào, xin Ngài hãy nói về điều ấy."

11.2. *Từ vật được yêu mến phát khởi các sự cãi cọ, các sự tranh cãi,*
Các sự than vãn, các nỗi sầu muộn và thêm các sự bỏn xẻn,
Các sự ngã mạn và cao ngạo, rồi thêm các việc nói đâm thọc.
Các sự cãi cọ, các sự tranh cãi là có liên quan đến sự bỏn xẻn.
Và ở các cuộc tranh cãi đã được sanh ra, có các việc nói đâm thọc.

Từ vật được yêu mến phát khởi các sự cãi cọ, các sự tranh cãi, các sự than vãn, các nỗi sầu muộn và thêm các sự bỏn xẻn.

Vật được yêu mến: Có hai đối tượng được yêu mến: Các chúng sanh hoặc các pháp tạo tác. Những người nào là các chúng sanh được yêu mến? Ở đây, đối với người nào mà những người ấy có lòng mong muốn điều tốt đẹp, có lòng mong muốn điều lợi ích, có lòng mong muốn sự thoải mái, có lòng mong muốn sự an toàn trong mối ràng buộc: Là người mẹ, hoặc người cha, hoặc anh [em] trai, hoặc chị [em] gái, hoặc con trai, hoặc con gái, hoặc các bạn bè, hoặc các thân hữu, hoặc các thân quyến, hoặc những người cùng huyết thống; những người này là các chúng sanh được yêu mến. Các pháp nào là các pháp tạo tác được yêu mến? Các sắc hợp ý, các thinh hợp ý, các hương hợp ý, các vị hợp ý, các xúc hợp ý; các pháp tạo tác này là được yêu mến.

Có sự lo âu về việc chiếm đoạt vật được yêu mến, họ gây ra cãi cọ; trong khi đang bị chiếm đoạt, họ gây ra cãi cọ; khi đã bị chiếm đoạt, họ gây ra cãi cọ. Có sự lo âu về việc biến đổi của vật được yêu mến, họ gây ra cãi cọ; trong khi vật đang bị biến đổi, họ gây ra cãi cọ; khi vật đã bị biến đổi, họ gây ra cãi cọ. Có sự lo âu về việc chiếm đoạt vật được yêu mến, họ tranh cãi; trong khi đang bị

chiếm đoạt, họ tranh cãi; khi đã bị chiếm đoạt, họ tranh cãi. Có sự lo âu về việc biến đổi của vật được yêu mến, họ tranh cãi; trong khi vật đang bị biến đổi, họ tranh cãi; khi vật đã bị biến đổi, họ tranh cãi. Có sự lo âu về việc chiếm đoạt vật được yêu mến, họ than vãn; trong khi đang bị chiếm đoạt, họ than vãn; khi đã bị chiếm đoạt, họ than vãn. Có sự lo âu về việc biến đổi của vật được yêu mến, họ than vãn; trong khi vật đang bị biến đổi, họ than vãn; khi vật đã bị biến đổi, họ than vãn. Có sự lo âu về việc chiếm đoạt vật được yêu mến, họ sầu muộn; trong khi đang bị chiếm đoạt, họ sầu muộn; khi đã bị chiếm đoạt, họ sầu muộn. Có sự lo âu về việc biến đổi của vật được yêu mến, họ sầu muộn; trong khi vật đang bị biến đổi, họ sầu muộn; khi vật đã bị biến đổi, họ sầu muộn. Họ bảo vệ, gìn giữ, sở hữu, chấp là của tôi, bỏn xẻn vật được yêu mến.

Các sự ngã mạn và cao ngạo, rồi thêm các việc nói đâm thọc: Nương vào vật được yêu mến, họ sanh khởi ngã mạn; nương vào vật được yêu mến, họ sanh khởi cao ngạo. Nương vào vật được yêu mến, họ sanh khởi ngã mạn nghĩa là thế nào? [Nghĩ rằng:] "Chúng ta có sự đạt được các sắc, các thinh, các hương, các vị, các xúc hợp ý. Còn những người này, những người khác không có sự đạt được các sắc, các thinh, các hương, các vị, các xúc hợp ý"; nương vào vật được yêu mến, họ sanh khởi ngã mạn nghĩa là như vậy. Nương vào vật được yêu mến, họ sanh khởi cao ngạo nghĩa là thế nào? [Nghĩ rằng:] "Chúng ta có sự đạt được các sắc, các thinh, các hương, các vị, các xúc hợp ý. Còn những người này, những người khác không có sự đạt được các sắc, các thinh, các hương, các vị, các xúc hợp ý"; nương vào vật được yêu mến, họ sanh khởi cao ngạo nghĩa là như vậy.

Việc nói đâm thọc: Ở đây, một người nào đó có lời nói đâm thọc: Sau khi nghe ở chỗ này, là người nói lại ở chỗ kia nhằm chia rẽ những người này,... (nt)... đem lại việc nói đâm thọc vì ý định chia rẽ nghĩa là như vậy.

"Các sự ngã mạn và cao ngạo, rồi thêm các việc nói đâm thọc" là như thế.

Các sự cãi cọ, các sự tranh cãi là có liên quan đến sự bỏn xẻn: Sự cãi cọ, sự tranh cãi, sự than vãn, nỗi sầu muộn, sự ngã mạn, sự cao ngạo và việc nói đâm thọc; bảy điều ô nhiễm này được gắn bó, được gắn vào, được gắn chặt, được gắn liền với sự bỏn xẻn.

"Các sự cãi cọ, các sự tranh cãi là có liên quan đến sự bỏn xẻn" là như thế.

Và ở các cuộc tranh cãi đã được sanh ra, có các việc nói đâm thọc: Khi cuộc tranh cãi đã sanh ra, đã sanh khởi, đã hạ sanh, đã phát sanh, đã xuất hiện, họ đem lại việc nói đâm thọc: Sau khi nghe ở chỗ này, là người nói lại ở chỗ kia nhằm chia rẽ những người này, hoặc là sau khi nghe ở chỗ kia, là người nói lại cho những người này nhằm chia rẽ những người kia; như vậy là những người chia rẽ những kẻ đã được hợp nhất, là những người khuyến khích những kẻ chia rẽ, là những người thỏa thích phe nhóm, thích thú phe nhóm, hân hoan phe nhóm, là những người nói lời tạo ra phe nhóm; điều này được gọi là việc nói đâm thọc. Thêm nữa, những người đem lại việc nói đâm thọc vì hai lý do:

Vì mong muốn được thương, hoặc là vì ý định chia rẽ. Đem lại việc nói đâm thọc vì mong muốn được thương nghĩa là thế nào? [Nghĩ rằng:] "Chúng ta sẽ được người này yêu thương, chúng ta sẽ được quý mến, chúng ta sẽ được tin cậy, chúng ta sẽ trở thành thân tín, chúng ta sẽ trở thành tâm phúc"; đem lại việc nói đâm thọc vì mong muốn được thương nghĩa là như vậy. Đem lại việc nói đâm thọc vì ý định chia rẽ nghĩa là thế nào? [Nghĩ rằng:] "Làm thế nào để những người này trở thành xa lạ, trở thành riêng rẽ, trở thành phe nhóm, trở thành hai phần, trở thành hai phía, trở thành hai nhánh, bị chia rẽ, không thể hội tụ, sống khổ sở không thoải mái?" Đem lại việc nói đâm thọc vì ý định chia rẽ nghĩa là như vậy.

"Và ở các cuộc tranh cãi đã được sanh ra, có các việc nói đâm thọc" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Từ vật được yêu mến, phát khởi các sự cãi cọ, các sự tranh cãi,
Các sự than vãn, các nỗi sầu muộn và thêm các sự bỏn xẻn,
Các sự ngã mạn và cao ngạo, rồi thêm các việc nói đâm thọc.
Các sự cãi cọ, các sự tranh cãi là có liên quan đến sự bỏn xẻn.
Và ở các cuộc tranh cãi đã được sanh ra, có các việc nói đâm thọc."

11.3. *Vậy các vật được yêu mến ở thế gian có căn nguyên từ đâu, và luôn cả những ai sống ở thế gian cũng do tham, [tham ấy có căn nguyên từ đâu]? Mong mỏi và sự thành tựu, những sự việc đưa đến đời sống kế tiếp của con người, có căn nguyên từ đâu?*

Vậy các vật được yêu mến ở thế gian có căn nguyên từ đâu: Là hỏi về nguồn gốc... (nt)... hỏi về nhân sanh khởi của các vật được yêu mến: "Các vật được yêu mến phát khởi từ đâu, sanh ra từ đâu, sanh khởi từ đâu, hạ sanh từ đâu, phát sanh từ đâu, xuất hiện từ đâu, có cái gì là căn nguyên, có cái gì là nhân sanh khởi, có cái gì là mầm sanh khởi, có cái gì là nguồn sanh khởi?" là chất vấn, yêu cầu, thỉnh cầu, đặt niềm tin.

"Vậy các vật được yêu mến ở thế gian có căn nguyên từ đâu" là như thế.

Và luôn cả những ai sống ở thế gian cũng do tham.

Và luôn cả những ai: Là các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, các thương buôn, các nô lệ, các người tại gia, các vị xuất gia, chư thiên và loài người.

Do tham: Tức là sự tham lam, biểu hiện tham lam, trạng thái tham lam, sự luyến ái mãnh liệt, biểu hiện luyến ái mãnh liệt, trạng thái luyến ái mãnh liệt, tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Sống: Là cư xử, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ.

"Và luôn cả những ai sống ở thế gian cũng do tham" là như thế.

Mong mỏi và sự thành tựu có căn nguyên từ đâu: Là hỏi về nguồn gốc… (nt)… hỏi về nhân sanh khởi của mong mỏi và sự thành tựu [của mong mỏi]: "Mong mỏi và sự thành tựu phát khởi từ đâu, sanh ra từ đâu, sanh khởi từ đâu, hạ sanh từ đâu, phát sanh từ đâu, xuất hiện từ đâu, có cái gì là căn nguyên, có cái gì là nhân sanh khởi, có cái gì là mầm sanh khởi, có cái gì là nguồn sanh khởi?" là chất vấn, yêu cầu, thỉnh cầu, đặt niềm tin.

"Mong mỏi và sự thành tựu có căn nguyên từ đâu" là như thế.

Những sự việc đưa đến đời sống kế tiếp của con người: Những gì là sự nâng đỡ, là hòn đảo, là nơi nương tựa, là nơi trú ẩn, là nơi nương nhờ của con người. Con người có sự thành tựu nhờ vào sự nâng đỡ.

"Những sự việc đưa đến đời sống kế tiếp của con người" là như thế.

Vì thế, vị [Phật] do thần thông biến hóa ra đã hỏi rằng:

"Vậy các vật được yêu mến ở thế gian có căn nguyên từ đâu, và luôn cả những ai sống ở thế gian cũng do tham, [tham ấy có căn nguyên từ đâu]? Mong mỏi và sự thành tựu, những sự việc đưa đến đời sống kế tiếp của con người, có căn nguyên từ đâu?"

11.4. *Các vật được yêu mến ở thế gian có mong muốn là căn nguyên, và luôn cả những ai sống ở thế gian cũng do tham, [tham ấy có căn nguyên từ mong muốn]. Mong mỏi và sự thành tựu "những sự việc đưa đến đời sống kế tiếp của con người" có căn nguyên từ đây.*

Các vật được yêu mến ở thế gian có mong muốn là căn nguyên.

Mong muốn: Là sự mong muốn về dục, sự luyến ái về dục, niềm vui về dục, sự tham ái về dục, sự yêu mến về dục, sự nồng nhiệt về dục, sự mê mẩn về dục, sự bám chặt vào dục, sự lôi cuốn của dục, sự gắn bó với dục, sự chấp thủ ở dục, sự che lấp do mong muốn về dục ở các dục. Thêm nữa, có năm sự mong muốn: Mong muốn tầm cầu, mong muốn đạt được, mong muốn thọ dụng, mong muốn tích lũy, mong muốn ban phát.

Mong muốn tầm cầu là việc nào? Ở đây, một người nào đó bị dính mắc, có ý định, đã sanh khởi lòng mong muốn, rồi tầm cầu các sắc, tầm cầu các thinh… các hương… các vị… các xúc; việc này là mong muốn tầm cầu.

Mong muốn đạt được là việc nào? Ở đây, một người nào đó bị dính mắc, có ý định, đã sanh khởi lòng mong muốn, rồi đạt được các sắc, đạt được các thinh… các hương… các vị… các xúc; việc này là mong muốn đạt được.

Mong muốn thọ dụng là việc nào? Ở đây, một người nào đó bị dính mắc, có ý định, đã sanh khởi lòng mong muốn, rồi thọ dụng các sắc, thọ dụng các thinh… các hương… các vị… các xúc; việc này là mong muốn thọ dụng.

Mong muốn tích lũy là việc nào? Ở đây, một người nào đó bị dính mắc, có

ý định, đã sanh khởi lòng mong muốn, rồi thực hiện việc tích lũy tài sản [nghĩ rằng]: "Sẽ dùng vào những lúc rủi ro"; việc này là mong muốn tích lũy.

Mong muốn ban phát là việc nào? Ở đây, một người nào đó bị dính mắc, có ý định, đã sanh khởi lòng mong muốn, rồi ban phát tài sản đến các tượng phu, các mã phu, các xa phu, các cung thủ, các binh lính [nghĩ rằng]: "Những người này sẽ bảo vệ, sẽ gìn giữ, sẽ tháp tùng ta"; việc này là mong muốn ban phát.

Vật được yêu mến: Có hai đối tượng được yêu mến: Các chúng sanh hoặc các pháp tạo tác. ... (nt)... các chúng sanh này là được yêu mến. ... (nt)... các pháp tạo tác này là được yêu mến.

Các vật được yêu mến ở thế gian có mong muốn là căn nguyên: Vật được yêu mến có mong muốn là căn nguyên, có mong muốn là nhân sanh khởi, có mong muốn là mầm sanh khởi, có mong muốn là nguồn sanh khởi.

"Các vật được yêu mến ở thế gian có mong muốn là căn nguyên" là như thế.

Và luôn cả những ai sống ở thế gian cũng do tham.

Và luôn cả những ai: Là các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, các thương buôn, các nô lệ, các người tại gia, các vị xuất gia, chư thiên và loài người.

Do tham: Tức là sự tham lam, biểu hiện tham lam, trạng thái tham lam, sự luyến ái mãnh liệt, biểu hiện luyến ái mãnh liệt, trạng thái luyến ái mãnh liệt, tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Sống: Là cư xử, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh,... (nt)... ở thế gian của các xứ.

"Và luôn cả những ai sống ở thế gian cũng do tham" là như thế.

Mong mỏi và sự thành tựu có căn nguyên từ đây: Mong mỏi nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Sự thành tựu: Ở đây, một người nào đó, trong lúc tầm cầu các sắc và đạt được sắc, là có sự thành tựu về sắc; trong lúc tầm cầu các thinh... các hương... các vị... các xúc... gia tộc... đồ chúng... chỗ ngụ... lợi lộc... danh vọng... lời khen... hạnh phúc... y phục... đồ ăn khất thực... chỗ nằm ngồi... vật dụng là thuốc men chữa bệnh... Kinh... Luật... Thắng pháp... pháp của vị ngụ ở rừng... pháp của vị chuyên đi khất thực... pháp của vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ... pháp của vị chỉ sử dụng ba y... pháp của vị đi khất thực tuần tự theo từng nhà... pháp của vị không ăn vật thực dâng sau... pháp của vị chuyên về oai nghi ngồi (không nằm)... pháp của vị ngụ ở chỗ đã được chỉ định... Sơ thiền... Nhị thiền... Tam thiền... Tứ thiền... sự thể nhập Không vô biên xứ... sự thể nhập Thức vô biên xứ... sự thể nhập Vô sở hữu xứ... sự thể nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ và đạt được sự thể nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ, là có sự thành tựu về sự thể nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

"Thửa ruộng được cày với sự mong mỏi, hạt giống được gieo với sự mong

mỏi, những thương buôn là những người mang theo của cải đi biển với sự mong mỏi. Với sự mong mỏi nào mà tôi đứng [ở đây], mong rằng sự mong mỏi ấy của tôi được thành tựu."

Sự thành đạt do mong mỏi được gọi là sự thành tựu.

Mong mỏi và sự thành tựu có căn nguyên từ đây: Mong mỏi và sự thành tựu là từ đây, có mong muốn là căn nguyên, có mong muốn là nhân sanh khởi, có mong muốn là mầm sanh khởi, có mong muốn là nguồn sanh khởi.

"Mong mỏi và sự thành tựu có căn nguyên từ đây" là như thế.

Những sự việc đưa đến đời sống kế tiếp của con người: Những gì là sự nâng đỡ, là hòn đảo, là nơi nương náu, là nơi trú ẩn, là nơi nương nhờ của con người. Con người có sự thành tựu là sự nâng đỡ.

"Những sự việc đưa đến đời sống kế tiếp của con người" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"*Các vật được yêu mến ở thế gian có mong muốn là căn nguyên, và luôn cả những ai sống ở thế gian cũng do tham [tham ấy có căn nguyên từ mong muốn]. Mong mỏi và sự thành tựu 'những sự việc đưa đến đời sống kế tiếp của con người' có căn nguyên từ đây.*"

11.5. *Vậy mong muốn ở thế gian có căn nguyên từ đâu?*
Và luôn cả các phán đoán được phát khởi từ đâu?
Sự giận dữ, lời nói giả dối và nỗi nghi hoặc,
Và luôn cả các pháp nào đã được bậc Sa-môn nói đến?

Vậy mong muốn ở thế gian có căn nguyên từ đâu? Là hỏi về nguồn gốc... (nt)... hỏi về nhân sanh khởi của mong muốn: "Mong muốn phát khởi từ đâu, sanh ra từ đâu, sanh khởi từ đâu, hạ sanh từ đâu, phát sanh từ đâu, xuất hiện từ đâu, có cái gì là căn nguyên, có cái gì là nhân sanh khởi, có cái gì là mầm sanh khởi, có cái gì là nguồn sanh khởi?" là chất vấn, yêu cầu, thỉnh cầu, đặt niềm tin.

"Vậy mong muốn ở thế gian có căn nguyên từ đâu?" là như thế.

Và luôn cả các phán đoán được phát khởi từ đâu? Là hỏi về nguồn gốc... (nt)... về nhân sanh khởi của các phán đoán: "Các phán đoán phát khởi từ đâu, sanh ra từ đâu, sanh khởi từ đâu, hạ sanh từ đâu, phát sanh từ đâu, xuất hiện từ đâu, có cái gì là căn nguyên, có cái gì là nhân sanh khởi, có cái gì là mầm sanh khởi, có cái gì là nguồn sanh khởi?" là chất vấn, yêu cầu, thỉnh cầu, đặt niềm tin.

"Và luôn cả các phán đoán được phát khởi từ đâu?" là như thế.

Sự giận dữ, lời nói giả dối và nỗi nghi hoặc.

Sự giận dữ: Sự tức tối nào của tâm có hình thức như vậy là sự tức giận, sự thù hận, sự đối chọi, sự căm giận, sự căm hờn, sự căm ghét, sự sân hận, sự khởi

sân, sự sân nộ, sự độc ác của tâm, sự khởi sân của ý, sự giận dữ, biểu hiện giận dữ, trạng thái giận dữ, sự sân hận, biểu hiện sân hận, trạng thái sân hận, sự độc ác, biểu hiện độc ác, trạng thái độc ác, sự chống đối, sự đối chọi, sự tàn nhẫn, sự lỗ mãng, trạng thái không hoan hỷ của tâm.

Lời nói giả dối: Nói đến việc nói dối.

Nỗi nghi hoặc: Nói đến sự hoài nghi.

"Sự giận dữ, lời nói giả dối và nỗi nghi hoặc" là như thế.

Và luôn cả các pháp nào đã được bậc Sa-môn nói đến.

Và luôn cả các pháp nào: Là những pháp đồng hành, đồng sanh, được gắn bó, được gắn liền, cùng sanh, cùng diệt, chung một nền tảng, chung một đối tượng với sự giận dữ, với lời nói giả dối và với nỗi nghi hoặc; các điều này được gọi là "và luôn cả các pháp nào." Hoặc là, những ô nhiễm có bản thể khác, được tồn tại với trạng thái khác; các ô nhiễm này được gọi là "và luôn cả các pháp nào."

Đã được bậc Sa-môn nói đến: Đã được nói, đã được phát biểu, đã được nêu ra, đã được chỉ bảo, đã được thông báo, đã được ấn định, đã được khai mở, đã được chia sẻ, đã được làm rõ, đã được bày tỏ bởi bậc Sa-môn có điều ác xấu đã được yên lặng, bởi vị Bà-la-môn có ác pháp đã được loại trừ, bởi vị Tỳ-khưu có gốc rễ ô nhiễm đã được phá vỡ, đã được thoát khỏi sự trói buộc của tất cả gốc rễ bất thiện.

"Và luôn cả các pháp nào đã được bậc Sa-môn nói đến" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Vậy mong muốn ở thế gian có căn nguyên từ đâu?
Và luôn cả các phán đoán được phát khởi từ đâu?
Sự giận dữ, lời nói giả dối và nỗi nghi hoặc,
Và luôn cả các pháp nào đã được bậc Sa-môn nói đến?"

11.6. *Khoái lạc, không khoái lạc là điều con người ở thế gian đã nói;*
Nương tựa vào điều ấy, mong muốn phát khởi.
Sau khi nhìn thấy sự hiện hữu và không hiện hữu ở các sắc,
Con người ở thế gian thực hiện sự phán đoán.

Khoái lạc, không khoái lạc là điều con người ở thế gian đã nói.

Khoái lạc: Là cảm thọ lạc và sự việc được ước muốn.

Không khoái lạc: Là cảm thọ khổ và sự việc không được ước muốn.

Là điều con người ở thế gian đã nói: Là điều họ đã nói, điều họ thuyết, điều họ phát ngôn, điều họ giảng giải, điều họ diễn tả.

"Khoái lạc, không khoái lạc là điều con người ở thế gian đã nói" là như thế.

Nương tựa vào điều ấy, mong muốn phát khởi: Nương tựa vào khoái lạc và không khoái lạc, nương tựa vào hạnh phúc và khổ đau, nương tựa vào hỷ tâm

và ưu tâm, nương tựa vào vật ước muốn và không ước muốn, nương tựa vào sự ưa chuộng và bất bình, mong muốn hiện diện, phát khởi, phát xuất, sanh ra, sanh khởi, hạ sanh, phát sanh.

"Nương tựa vào điều ấy, mong muốn phát khởi" là như thế.

Sau khi nhìn thấy sự hiện hữu và không hiện hữu ở các sắc.

Ở các sắc: Là bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió] và sắc liên quan đến bốn yếu tố chính. Sự hiện hữu của các sắc là việc nào? Là sự hiện hữu, sự sanh ra, sự sanh khởi, sự hạ sanh, sự phát sanh, sự xuất hiện của các sắc; việc này là sự hiện hữu của các sắc. Sự không hiện hữu của các sắc là việc nào? Là sự tiêu hoại, sự hoại diệt, sự tan rã, sự sụp đổ, trạng thái không thường còn, sự biến mất của các sắc; việc này là sự không hiện hữu của các sắc.

Sau khi nhìn thấy sự hiện hữu và không hiện hữu ở các sắc: Là sau khi nhìn thấy, sau khi nhìn xem, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt sự hiện hữu và không hiện hữu ở các sắc.

"Sau khi nhìn thấy sự hiện hữu và không hiện hữu ở các sắc" là như thế.

Con người ở thế gian thực hiện sự phán đoán.

Sự phán đoán: Có hai sự phán đoán: Sự phán đoán do tham ái và sự phán đoán do tà kiến.

Thực hiện sự phán đoán do tham ái là thế nào? Ở đây, các của cải của một người nào đó còn chưa được sanh lên thì không sanh lên, và các tài sản đã được sanh lên thì đi đến hoại diệt. Người ấy khởi ý như sau: "Bởi cách thức gì mà các của cải của ta còn chưa được sanh lên thì không sanh lên, và các tài sản đã được sanh lên thì đi đến hoại diệt?" Người ấy lại khởi ý như sau: "Khi ta gắn bó với việc dể duôi uống chất say là rượu và chất lên men, các của cải của ta còn chưa được sanh lên thì không sanh lên, và các tài sản đã được sanh lên thì đi đến hoại diệt. Khi ta gắn bó với việc lai vãng ở các đường phố vào ban đêm, các của cải của ta còn chưa được sanh lên thì không sanh lên, và các tài sản đã được sanh lên thì đi đến hoại diệt. Khi ta gắn bó với việc thăm viếng các cuộc hội hè,… Khi ta gắn bó với việc dể duôi ở các trò cờ bạc,… Khi ta gắn bó với các bạn ác xấu, các của cải của ta còn chưa được sanh lên thì không sanh lên, và các tài sản đã được sanh lên thì đi đến hoại diệt. Khi ta gắn bó với việc lười biếng, các của cải của ta còn chưa được sanh lên thì không sanh lên, và các tài sản đã được sanh lên thì đi đến hoại diệt." Sau khi lập trí như vậy thì không thân cận với sáu đường lối làm tiêu tán của cải và thân cận với sáu đường lối đem lại của cải; thực hiện sự phán đoán do tham ái là như vậy. Hoặc là, thực hành nghề nông, hoặc nghề buôn bán, hoặc chăn trâu bò, hoặc nghề bắn cung, hoặc hầu hạ vua chúa, hoặc một nghề nghiệp nào đó; thực hiện sự phán đoán do tham ái còn là như vậy.

Thực hiện sự phán đoán do tà kiến là thế nào? Khi mắt sanh lên thì biết rằng: "Tự ngã của ta sanh lên." Khi mắt biến mất thì biết rằng: "Tự ngã của ta

biến mất, tự ngã của ta đã đi khỏi"; thực hiện sự phán đoán do tà kiến là như vậy. Khi tai... Khi mũi... Khi lưỡi... Khi thân... Khi sắc... Khi thinh... Khi hương... Khi vị... Khi xúc sanh lên thì biết rằng: "Tự ngã của ta sanh lên." Khi xúc biến mất thì biết rằng: "Tự ngã của ta biến mất, tự ngã của ta đã đi khỏi"; thực hiện sự phán đoán do tà kiến, làm sanh ra, làm sanh khởi, làm hạ sanh, làm phát sanh còn là như vậy.

Con người: Là chúng sanh, đàn ông, thanh niên,... (nt)... nhân loại.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh,... (nt)... ở thế gian của các xứ .

"Con người ở thế gian thực hiện sự phán đoán" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Khoái lạc, không khoái lạc là điều con người ở thế gian đã nói;
Nương tựa vào điều ấy, mong muốn phát khởi.
Sau khi nhìn thấy sự hiện hữu và không hiện hữu ở các sắc,
Con người ở thế gian thực hiện sự phán đoán."

11.7. *Sự giận dữ, lời nói giả dối và nỗi nghi hoặc,*
Các pháp này [sanh lên] trong khi cặp đôi[1] có mặt.
Kẻ có nỗi nghi hoặc nên học tập theo đường lối của trí.
Sau khi hiểu biết, các pháp đã được bậc Sa-môn nói lên.

Sự giận dữ, lời nói giả dối và nỗi nghi hoặc.

Sự giận dữ: Sự tức tối nào của tâm có hình thức như vậy là sự tức giận,... (nt)...

Lời nói giả dối: Nói đến việc nói dối.

Nỗi nghi hoặc: Nói đến sự hoài nghi. Sự giận dữ sanh ra nương vào sự việc được ước muốn, sự giận dữ sanh ra cũng nương vào sự việc không được ước muốn. Sự nói dối sanh ra nương vào sự việc được ước muốn, sự nói dối sanh ra cũng nương vào sự việc không được ước muốn. Nỗi nghi hoặc sanh ra nương vào sự việc được ước muốn, nỗi nghi hoặc sanh ra cũng nương vào sự việc không được ước muốn.

Sự giận dữ sanh ra nương vào sự việc không được ước muốn nghĩa là thế nào? Thông thường, sự giận dữ sanh ra nương vào sự việc không được ước muốn: "Nó đã làm điều bất lợi cho ta", [nghĩ vậy] giận dữ sanh ra. "Nó đang làm điều bất lợi cho ta", [nghĩ vậy] giận dữ sanh ra. "Nó sẽ làm điều bất lợi cho ta", [nghĩ vậy] giận dữ sanh ra. "Nó đã làm điều bất lợi... đang làm điều bất lợi... sẽ làm điều bất lợi cho người yêu quý, hợp ý của ta", [nghĩ vậy] giận dữ sanh ra. "Nó đã làm điều có lợi... đang làm điều có lợi... sẽ làm điều có lợi cho người không yêu quý, không hợp ý của ta", [nghĩ vậy] giận dữ sanh ra; sự giận dữ sanh ra nương vào sự việc không được ước muốn nghĩa là như vậy.

[1] Là khoái lạc và không khoái lạc (*NidA*. II. 355).

Sự giận dữ sanh ra nương vào sự việc được ước muốn nghĩa là thế nào? Người có sự lo âu về việc chiếm đoạt vật đã được chấp là của ta thì giận dữ sanh ra; trong khi đang bị chiếm đoạt, giận dữ sanh ra; khi đã bị chiếm đoạt, giận dữ sanh ra. Người có sự lo âu về việc biến đổi của vật đã được chấp là của ta thì giận dữ sanh ra; trong khi vật đang bị biến đổi, giận dữ sanh ra; khi vật đã bị biến đổi, giận dữ sanh ra; sự giận dữ sanh ra nương vào sự việc được ước muốn nghĩa là như vậy.

Sự nói dối sanh ra nương vào sự việc không được ước muốn nghĩa là thế nào? Ở đây, một người nào đó bị giam cầm với việc trói bằng xiềng, rồi cố tình nói dối nhằm thoát khỏi sự giam cầm ấy; ... hoặc bị giam cầm với việc trói bằng dây thừng, hoặc bị giam cầm với việc trói bằng dây xích, hoặc bị giam cầm với việc trói bằng dây mây, hoặc bị giam cầm với việc trói bằng dây leo, hoặc bị giam cầm với việc giam trong hố, hoặc bị giam cầm với việc giam trong hào, hoặc bị giam cầm với việc giam trong làng, trong thị trấn, trong thành phố, hay trong quốc độ, hoặc bị giam cầm với việc giam trong xứ sở, rồi cố tình nói dối nhằm thoát khỏi sự giam cầm ấy; sự nói dối sanh ra nương vào sự việc không được ước muốn nghĩa là như vậy.

Sự nói dối sanh ra nương vào sự việc được ước muốn nghĩa là thế nào? Ở đây, một người nào đó vì nhân các sắc hợp ý rồi cố tình nói dối… vì nhân các thinh… các hương… các vị… các xúc… vì nhân y phục… vì nhân đồ ăn khất thực… vì nhân chỗ nằm ngồi… vì nhân vật dụng là thuốc men chữa bệnh hợp ý rồi cố tình nói dối; sự nói dối sanh ra nương vào sự việc được ước muốn nghĩa là như vậy.

Nỗi nghi hoặc sanh ra nương vào sự việc không được ước muốn nghĩa là thế nào? [Nghĩ rằng:] "Phải chăng ta sẽ thoát khỏi bệnh ở mắt, phải chăng ta sẽ không thoát khỏi bệnh ở mắt? Phải chăng ta sẽ thoát khỏi bệnh ở tai trong… khỏi bệnh ở mũi… khỏi bệnh ở lưỡi… khỏi bệnh ở thân… khỏi bệnh ở đầu… khỏi bệnh ở lỗ tai… khỏi bệnh ở miệng? Phải chăng ta sẽ thoát khỏi bệnh ở răng, phải chăng ta sẽ không thoát khỏi bệnh ở răng?" Nỗi nghi hoặc sanh ra nương vào sự việc không được ước muốn nghĩa là như vậy.

Nỗi nghi hoặc sanh ra nương vào sự việc được ước muốn nghĩa là thế nào? [Nghĩ rằng:] "Phải chăng ta sẽ đạt được các sắc hợp ý, phải chăng ta sẽ không đạt được các sắc hợp ý? Phải chăng ta sẽ đạt được các thinh, các hương, các vị, các xúc, gia tộc, đồ chúng, chỗ ngụ, lợi lộc, danh vọng, lời khen, hạnh phúc, y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh hợp ý?" Nỗi nghi hoặc sanh ra nương vào sự việc được ước muốn nghĩa là như vậy.

"Sự giận dữ, lời nói giả dối và nỗi nghi hoặc" là như thế.

Các pháp này [sanh lên] trong khi cặp đôi có mặt: Trong khi khoái lạc và không khoái lạc có mặt, trong khi hạnh phúc và khổ đau có mặt, trong khi hỷ tâm và ưu phiền có mặt, trong khi ước muốn và không ước muốn có mặt, trong

khi thiện cảm và bất bình có mặt, trong khi đang được tìm thấy, đang có, trong khi đang tồn tại.

"Các pháp này [sanh lên] trong khi cặp đôi có mặt" là như thế.

Kẻ có nỗi nghi hoặc nên học tập theo đường lối của trí: Trí cũng là đường lối của trí, đối tượng của trí cũng là đường lối của trí, các pháp sanh cùng với trí cũng là đường lối của trí. Giống như Thánh đạo là đường đi của các bậc Thánh, Thiên đạo là đường đi của chư thiên, Phạm thiên đạo là đường đi của Phạm thiên; tương tự y như thế, trí cũng là đường lối của trí, đối tượng của trí cũng là đường lối của trí, các pháp sanh cùng với trí cũng là đường lối của trí.

Nên học tập: Có ba sự học tập: Học tập về thắng giới, học tập về thắng tâm, học tập về thắng tuệ.

Việc nào là sự học tập về thắng giới? Ở đây, vị Tỳ-khưu là vị có giới, sống thu thúc với sự thu thúc của Giới bổn (*Pātimokkha*), thành tựu về hạnh kiểm và hành xứ, thấy sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhặt, thọ trì và thực hành trong các điều học. Nhóm giới nhỏ, nhóm giới lớn, giới là nền tảng, phần khởi đầu, sự thực hành, sự ngăn giữ, sự thu thúc, sự mở đầu, sự dẫn đầu nhằm chứng đạt các thiện pháp. Việc này là sự học tập về thắng giới.

Việc nào là sự học tập về thắng tâm? Ở đây, vị Tỳ-khưu ngay sau khi tách ly khỏi các dục... (nt)... đạt đến và trú thiền thứ tư. Việc này là sự học tập về thắng tâm.

Việc nào là sự học tập về thắng tuệ? Ở đây, vị Tỳ-khưu là vị có tuệ, thành tựu về tuệ hướng đến sự sanh diệt, góp phần vào sự thấu triệt cao thượng, dẫn đến việc cạn kiệt hoàn toàn của khổ. Vị ấy nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là khổ",... (nt)... nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ", nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là các lậu hoặc",... (nt)... nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận các lậu hoặc." Việc này là sự học tập về thắng tuệ.

Kẻ có nỗi nghi hoặc nên học tập theo đường lối của trí: Người có nỗi nghi hoặc, có sự nghi ngờ, có sự bối rối, có sự lưỡng lự, có sự hoài nghi nên học tập về thắng giới, nên học tập về thắng tâm, nên học tập về thắng tuệ nhằm chứng đắc trí, nhằm chạm đến trí, nhằm chứng ngộ trí; trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này thì nên học tập; trong khi biết thì nên học tập; trong khi thấy thì nên học tập; trong khi quán xét lại thì nên học tập; trong khi quyết định tâm thì nên học tập; trong khi hướng đến đức tin thì nên học tập; trong khi ra sức tinh tấn thì nên học tập; trong khi thiết lập niệm thì nên học tập; trong khi tập trung tâm thì nên học tập; trong khi nhận biết bằng tuệ thì nên học tập; trong khi biết rõ pháp cần được biết rõ thì nên học tập; trong khi biết toàn diện pháp cần được biết toàn diện thì nên học tập; trong khi dứt bỏ pháp cần được dứt bỏ thì nên học tập; trong khi tu tập pháp cần được tu tập thì nên học tập; trong khi

chứng ngộ pháp cần được chứng ngộ thì nên học tập, nên hành xử, nên hành theo, nên thọ trì và vận dụng.

"Kẻ có nỗi nghi hoặc nên học tập theo đường lối của trí" là như thế.

Sau khi hiểu biết, các pháp đã được bậc Sa-môn nói lên.

Sau khi hiểu biết: Sau khi đã hiểu biết, sau khi đã biết được, sau khi đã cân nhắc, sau khi đã xác định, sau khi đã minh định, sau khi đã làm rõ rệt thì đã được nói ra, đã được nói lên, đã được nêu ra, đã được chỉ bảo, đã được thông báo, đã được ấn định, đã được khai mở, đã được chia sẻ, đã được làm rõ, đã được bày tỏ. Sau khi đã hiểu biết, sau khi đã biết được, sau khi đã cân nhắc, sau khi đã xác định, sau khi đã minh định, sau khi đã làm rõ rệt. "Tất cả các hành là vô thường" đã được nói lên, đã được phát biểu, đã được nêu ra, đã được chỉ bảo, đã được thông báo, đã được ấn định, đã được khai mở, đã được chia sẻ, đã được làm rõ, đã được bày tỏ. Sau khi đã hiểu biết, sau khi đã biết được, sau khi đã cân nhắc, sau khi đã xác định, sau khi đã minh định, sau khi đã làm rõ rệt. "Tất cả các hành là khổ"... (nt)... "Tất cả các pháp là vô ngã"... (nt)... "Vô minh duyên cho các hành"... (nt)... "Sanh duyên cho lão, tử"... (nt)... "Do sự diệt tận của vô minh [đưa đến] sự diệt tận của các hành"... (nt)... "Do sự diệt tận của sanh [đưa đến] sự diệt tận của lão, tử"... (nt)... "Đây là khổ"... (nt)... "Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ"... (nt)... "Đây là các lậu hoặc"... (nt)... "Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận các lậu hoặc"... "Các pháp này cần được biết rõ"... "Các pháp này cần được biết toàn diện"... "Các pháp này cần được dứt bỏ"... "Các pháp này cần được tu tập"... "Các pháp này cần được chứng ngộ"... nhân sanh khởi, sự tiêu hoại, sự hứng thú, sự bất lợi, và sự thoát ra đối với sáu xúc xứ, đối với năm thủ uẩn, đối với bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió]. "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt" đã được nói lên, đã được phát biểu, đã được nêu ra, đã được chỉ bảo, đã được thông báo, đã được ấn định, đã được khai mở, đã được chia sẻ, đã được làm rõ, đã được bày tỏ.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, Ta thuyết giảng giáo pháp với sự biết rõ, không phải với sự không biết rõ. Này các Tỳ-khưu, Ta thuyết giảng giáo pháp có nhân duyên, không phải không có nhân duyên. Này các Tỳ-khưu, Ta thuyết giảng giáo pháp có lợi ích giải thoát, không phải không có lợi ích giải thoát. Này các Tỳ-khưu, trong khi Ta đây đang thuyết giảng giáo pháp với sự biết rõ, không phải với sự không biết rõ; trong khi Ta đây đang thuyết giảng giáo pháp có nhân duyên, không phải không có nhân duyên; trong khi Ta đây đang thuyết giảng giáo pháp có lợi ích giải thoát, không phải không có lợi ích giải thoát, lời giáo huấn của Ta nên được thực hành, lời chỉ dạy của Ta nên được thực hành. Hơn nữa, này các Tỳ-khưu, đối với các ngươi là vừa đủ để vui mừng, vừa đủ để hân hoan, vừa đủ để hài lòng rằng: 'Đức Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, giáo pháp đã khéo

được tuyên thuyết, hội chúng đã thực hành tốt đẹp.' Và hơn nữa, trong khi bài giảng này đang được nói ra, mười ngàn thế giới[2] đã rung động."

"Sau khi hiểu biết, các pháp đã được bậc Sa-môn nói lên" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Sự giận dữ, lời nói giả dối và nỗi nghi hoặc,
Các pháp này [sanh lên] trong khi cặp đôi có mặt.
Kẻ có nỗi nghi hoặc nên học tập theo đường lối của trí.
Sau khi hiểu biết, các pháp đã được bậc Sa-môn nói lên."

11.8. *Khoái lạc và không khoái lạc có căn nguyên từ đâu?*
Khi cái gì không có mặt thì hai pháp này không có mặt?
Về sự hiện hữu và không hiện hữu, điều nào là ý nghĩa?
Xin Ngài hãy nói cho tôi điều ấy có căn nguyên từ đâu?

Khoái lạc và không khoái lạc có căn nguyên từ đâu? Là hỏi về nguồn gốc... (nt)... hỏi về nhân sanh khởi của khoái lạc và không khoái lạc: "Khoái lạc và không khoái lạc có căn nguyên từ đâu, sanh ra từ đâu, sanh khởi từ đâu, hạ sanh từ đâu, phát sanh từ đâu, xuất hiện từ đâu, có cái gì là căn nguyên, có cái gì là nhân sanh khởi, có cái gì là mầm sanh khởi, có cái gì là nguồn sanh khởi?" là chất vấn, yêu cầu, thỉnh cầu, đặt niềm tin.

"Khoái lạc và không khoái lạc có căn nguyên từ đâu?" là như thế.

Khi cái gì không có mặt thì hai pháp này không có mặt? Khi cái gì không có mặt, không được tìm thấy, không có, không tồn tại, thì khoái lạc và không khoái lạc không có mặt, không sanh ra, không sanh khởi, không hạ sanh, không phát sanh?

"Khi cái gì không có mặt thì hai pháp này không có mặt?" là như thế.

Về sự hiện hữu và không hiện hữu, điều nào là ý nghĩa? Sự hiện hữu của khoái lạc và không khoái lạc là việc nào? Là sự hiện hữu, sự phát khởi, sự sanh ra, sự sanh khởi, sự hạ sanh, sự phát sanh, sự xuất hiện của khoái lạc và không khoái lạc; việc này là sự hiện hữu của khoái lạc và không khoái lạc. Sự không hiện hữu của khoái lạc và không khoái lạc là việc nào? Là sự tiêu hoại, sự hoại diệt, sự tan rã, sự sụp đổ, trạng thái không thường còn, sự biến mất của khoái lạc và không khoái lạc; việc này là sự không hiện hữu của khoái lạc và không khoái lạc. Điều nào là ý nghĩa? Điều nào là ý nghĩa tuyệt đối?

"Về sự hiện hữu và không hiện hữu, điều nào là ý nghĩa?" là như thế.

Xin Ngài hãy nói cho tôi điều ấy có căn nguyên từ đâu?

---

[2] *Lokadhātu* (thế giới) tức là *cakkavāḷa* (vũ trụ, thái dương hệ) (*NidA*. II. 383). Trung tâm của vũ trụ là núi Sineru. Xung quanh núi Sineru là 7 rặng núi có tên theo thứ tự là Yugandhara, Isadhara, Karavīka, Sudassana, Nemindhara, Vinataka và Assakanna. Thuộc về vũ trụ còn có mặt trăng, mặt trời, cõi Tam Thập Tam, cõi A-tu-la, đại địa ngục Avīci, và bốn đại lục là Jambudīpa, Aparagoyāna, Pubbavideha và Uttarakuru (xem *DPPN*). (ND)

Điều ấy: Là điều mà tôi hỏi, điều mà tôi yêu cầu, điều mà tôi thỉnh cầu, điều mà tôi đặt niềm tin.

Xin Ngài hãy nói: Xin Ngài hãy nói ra, hãy nói về, hãy nêu ra, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ. "Xin Ngài hãy nói cho tôi điều ấy" là như thế.

Có căn nguyên từ đâu? Là có cái nào là căn nguyên, có cái nào là nhân sanh khởi, có cái nào là mầm sanh khởi, có cái nào là nguồn sanh khởi?

"Xin Ngài hãy nói cho tôi điều ấy có căn nguyên từ đâu?" là như thế.

Vì thế, vị [Phật] do thần thông biến hóa ra đã hỏi rằng:

"Khoái lạc và không khoái lạc có căn nguyên từ đâu?
Khi cái gì không có mặt thì hai pháp này không có mặt?
Về sự hiện hữu và không hiện hữu, điều nào là ý nghĩa?
Xin Ngài hãy nói cho tôi điều ấy có căn nguyên từ đâu?"

11.9. *Khoái lạc và không khoái lạc có xúc là căn nguyên.*
Khi xúc không có mặt thì hai pháp này không có mặt.
Về sự hiện hữu và không hiện hữu, điều nào là ý nghĩa,
Ta nói cho ngài điều ấy có căn nguyên từ đây.

Khoái lạc và không khoái lạc có xúc là căn nguyên: Do duyên xúc tương ưng với thọ lạc, cảm thọ lạc sanh lên. Do sự diệt tận của xúc tương ưng với chính thọ lạc ấy, cảm thọ lạc nào đã sanh lên do duyên xúc tương ưng với thọ lạc đã được cảm thọ, đã được sanh lên từ xúc ấy; cảm thọ ấy được diệt tận, được yên lặng. Do duyên xúc tương ưng với thọ khổ, cảm thọ khổ sanh lên. Do sự diệt tận của xúc tương ưng với chính thọ khổ ấy, cảm thọ khổ nào đã sanh lên do duyên xúc tương ưng với thọ khổ đã được cảm thọ, đã được sanh lên từ xúc ấy; cảm thọ ấy được diệt tận, được yên lặng. Do duyên xúc tương ưng với thọ không khổ không lạc, cảm thọ không khổ không lạc sanh lên. Do sự diệt tận của xúc tương ưng với chính thọ không khổ không lạc ấy, cảm thọ không khổ không lạc nào đã sanh lên do duyên xúc tương ưng với thọ không khổ không lạc đã được cảm thọ, đã được sanh lên từ xúc ấy; cảm thọ ấy được diệt tận, được yên lặng.

Khoái lạc và không khoái lạc có xúc là căn nguyên: Khoái lạc và không khoái lạc có xúc là căn nguyên, có xúc là nhân sanh khởi, có xúc là mầm sanh khởi, có xúc là nguồn sanh khởi.

"Khoái lạc và không khoái lạc có xúc là căn nguyên" là như thế.

Khi xúc không có mặt thì hai pháp này không có mặt: Khi xúc không có mặt, không được tìm thấy, không có, không tồn tại, thì khoái lạc và không khoái lạc không có mặt, không phát khởi, không sanh ra, không sanh khởi, không hạ sanh, không phát sanh, không xuất hiện.

"Khi xúc không có mặt thì hai pháp này không có mặt" là như thế.

Về sự hiện hữu và không hiện hữu, điều nào là ý nghĩa: Quan điểm về hiện hữu có xúc là căn nguyên, quan điểm về không hiện hữu cũng có xúc là căn nguyên.

Điều nào là ý nghĩa: Điều nào là ý nghĩa tuyệt đối.

"Về sự hiện hữu và không hiện hữu, điều nào là ý nghĩa" là như thế.

Ta nói cho ngài điều ấy có căn nguyên từ đây.

Điều ấy: Là điều mà ngài hỏi, điều mà ngài yêu cầu, điều mà ngài thỉnh cầu, điều mà ngài đặt niềm tin.

Ta nói: Ta nói về, Ta nêu ra, Ta chỉ bảo, Ta thông báo, Ta ấn định, Ta khai mở, Ta chia sẻ, Ta làm rõ, Ta bày tỏ. "Ta nói cho ngài điều ấy" là như thế.

Có căn nguyên từ đây: Từ đây là có xúc là căn nguyên, có xúc là nhân sanh khởi, có xúc là mầm sanh khởi, có xúc là nguồn sanh khởi.

"Ta nói cho ngài điều ấy có căn nguyên từ đây" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Khoái lạc và không khoái lạc có xúc là căn nguyên.
Khi xúc không có mặt thì hai pháp này không có mặt.
Về sự hiện hữu và không hiện hữu, điều nào là ý nghĩa,
Ta nói cho ngài điều ấy có căn nguyên từ đây."

11.10. *Vậy xúc ở thế gian có căn nguyên từ đâu?*
Và các sự sở hữu được khởi sanh từ đâu?
Khi cái gì không có mặt thì không có trạng thái chấp là của ta?
Khi cái gì không hiện hữu thì các xúc không xúc chạm?

Vậy xúc ở thế gian có căn nguyên từ đâu? Là hỏi về nguồn gốc, hỏi về nhân… (nt)… hỏi về nhân sanh khởi của xúc: "Xúc có căn nguyên từ đâu, sanh ra từ đâu, sanh khởi từ đâu, hạ sanh từ đâu, phát sanh từ đâu, xuất hiện từ đâu, có cái gì là căn nguyên, có cái gì là nhân sanh khởi, có cái gì là mầm sanh khởi, có cái gì là nguồn sanh khởi?" là chất vấn, yêu cầu, thỉnh cầu, đặt niềm tin.

"Vậy xúc ở thế gian có căn nguyên từ đâu?" là như thế.

Và các sự sở hữu được khởi sanh từ đâu? Là hỏi về nguồn gốc, hỏi về nhân… (nt)… hỏi về nhân sanh khởi của các sự sở hữu: "Các sự sở hữu phát khởi từ đâu, sanh ra từ đâu, sanh khởi từ đâu, hạ sanh từ đâu, phát sanh từ đâu, xuất hiện từ đâu, có cái gì là căn nguyên, có cái gì là nhân sanh khởi, có cái gì là mầm sanh khởi, có cái gì là nguồn sanh khởi?" là chất vấn, yêu cầu, thỉnh cầu, đặt niềm tin.

"Và các sự sở hữu được khởi sanh từ đâu?" là như thế.

Khi cái gì không có mặt thì không có trạng thái chấp là của ta? Khi cái gì không có mặt, không được tìm thấy, không có, không tồn tại, thì trạng thái chấp là của ta là không có, không có mặt, không được tìm thấy, không tồn tại,

đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

"Khi cái gì không có mặt thì không có trạng thái chấp là của ta?" là như thế.

Khi cái gì không hiện hữu thì các xúc không xúc chạm? Khi cái gì không hiện hữu, không có mặt, đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi thì các xúc không xúc chạm.

"Khi cái gì không hiện hữu thì các xúc không xúc chạm?" là như thế.

Vì thế, vị [Phật] do thần thông biến hóa ra đã hỏi rằng:

"Vậy xúc ở thế gian có căn nguyên từ đâu?
Và các sự sở hữu được khởi sanh từ đâu?
Khi cái gì không có mặt thì không có trạng thái chấp là của ta?
Khi cái gì không hiện hữu thì các xúc không xúc chạm?"

11.11. *Xúc tùy thuộc vào danh và sắc.*
Và các sự sở hữu có ước muốn là căn nguyên.
Khi ước muốn không có mặt thì không có trạng thái chấp là của ta.
Khi sắc không hiện hữu thì các xúc không xúc chạm.

Xúc tùy thuộc vào danh và sắc: Tùy thuộc vào mắt và các cảnh sắc, nhãn thức sanh lên; sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Mắt và các cảnh sắc là thuộc về sắc, các pháp có liên quan ngoại trừ nhãn xúc là thuộc về danh; xúc tùy thuộc vào danh và sắc là như vậy.

Tùy thuộc vào tai và các cảnh thinh, nhĩ thức sanh lên; sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Tai và các cảnh thinh là thuộc về sắc, các pháp có liên quan ngoại trừ nhĩ xúc là thuộc về danh; xúc tùy thuộc vào danh và sắc còn là như vậy. Tùy thuộc vào mũi và các cảnh khí, tỷ thức sanh lên; sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Mũi và các cảnh khí là thuộc về sắc, các pháp có liên quan ngoại trừ tỷ xúc là thuộc về danh; xúc tùy thuộc vào danh và sắc còn là như vậy. Tùy thuộc vào lưỡi và các cảnh vị, thiệt thức sanh lên; sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Lưỡi và các cảnh vị là thuộc về sắc, các pháp có liên quan ngoại trừ thiệt xúc là thuộc về danh; xúc tùy thuộc vào danh và sắc còn là như vậy. Tùy thuộc vào thân và các cảnh xúc, thân thức sanh lên; sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Thân và các cảnh xúc là thuộc về sắc, các pháp có liên quan ngoại trừ thân xúc là thuộc về danh; xúc tùy thuộc vào danh và sắc còn là như vậy. Tùy thuộc vào ý và các cảnh pháp, ý thức sanh lên; sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Sắc ý vật là thuộc về sắc, các pháp có sắc là thuộc về sắc, các pháp có liên quan ngoại trừ ý xúc là thuộc về danh; xúc tùy thuộc vào danh và sắc còn là như vậy.

Và các sự sở hữu có ước muốn là căn nguyên: Ước muốn nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Sự sở hữu: Có hai sự sở hữu: Sự sở hữu do tham ái và sự sở hữu do tà kiến. ... (nt)… điều này là sở hữu do tham ái. ... (nt)… điều này là sở hữu do tà kiến.

Và các sự sở hữu có ước muốn là căn nguyên: Các sự sở hữu có ước muốn là căn nguyên, có ước muốn là nhân, có ước muốn là duyên, có ước muốn là lý do, có ước muốn là nguồn sanh khởi.

"Và các sự sở hữu có ước muốn là căn nguyên" là như thế.

Khi ước muốn không có mặt thì không có trạng thái chấp là của ta: Ước muốn nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,… (nt)… tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Trạng thái chấp là của ta: Có hai trạng thái chấp là của ta: Trạng thái chấp là của ta do tham ái và trạng thái chấp là của ta do tà kiến. ... (nt)… điều này là trạng thái chấp là của ta do tham ái. ... (nt)… điều này là trạng thái chấp là của ta do tà kiến.

Khi ước muốn không có mặt thì không có trạng thái chấp là của ta: Khi ước muốn không có mặt, không được tìm thấy, không có, không tồn tại thì trạng thái chấp là của ta là không có, không có mặt, không được tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

"Khi ước muốn không có mặt thì không có trạng thái chấp là của ta" là như thế.

Khi sắc không hiện hữu thì các xúc không xúc chạm.

Sắc: Bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió], và sắc liên quan đến bốn yếu tố chính.

Khi sắc không hiện hữu: Sắc không hiện hữu với bốn hình thức: Với việc không hiện hữu do đã được biết, với việc không hiện hữu do sự xét đoán, với việc không hiện hữu do sự dứt bỏ, với việc không hiện hữu do sự vượt qua.

Sắc không hiện hữu với việc không hiện hữu do đã được biết nghĩa là thế nào? Vị ấy biết về sắc. Vị ấy biết và thấy rằng: "Bất cứ loại sắc nào, mọi loại sắc đều là bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió], và sắc liên quan đến bốn yếu tố chính"; sắc không hiện hữu với việc không hiện hữu do đã được biết nghĩa là như vậy.

Sắc không hiện hữu với việc không hiện hữu do sự xét đoán nghĩa là thế nào? Sau khi đã được biết như vậy, vị ấy xét đoán về sắc. Vị ấy xét đoán là vô thường, là khổ, là cơn bệnh, là mụt ghẻ, là mũi tên, là tai ương, là tật nguyền, là không sai khiến được, là biến hoại, là tai họa, là bất hạnh, là sợ hãi, là nguy cơ, là thay đổi, là mảnh mai, là không bền, là không nơi nương náu, là không nơi trú ẩn, là không nơi nương nhờ, là trống rỗng, là rỗng không, là trống không, là vô ngã, là bất lợi, là có bản chất biến đổi, là không có cốt lõi, là gốc gác của tai ương, là kẻ giết hại, là vật hư hỏng, là có sự rò rỉ, là bị tạo tác, là mồi nhử của Ma vương, là có bản chất sanh ra, là có bản chất già, là có bản chất bệnh, là có

bản chất chết, là có bản chất sầu-bi-khổ-ưu-não, là có bản chất ô nhiễm, là nhân sanh khởi, là sự tiêu hoại, là sự hứng thú, là sự bất lợi, là sự thoát ra; sắc không hiện hữu với việc không hiện hữu do sự xét đoán nghĩa là như vậy.

Sắc không hiện hữu với việc không hiện hữu do sự dứt bỏ nghĩa là thế nào? Sau khi xét đoán như vậy thì vị ấy dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu sự mong muốn và luyến ái ở sắc. Bởi vì, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, cái gì là sự mong muốn và luyến ái ở sắc, các ngươi hãy dứt bỏ cái ấy. Như vậy sắc ấy sẽ được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai"; sắc không hiện hữu với việc không hiện hữu do sự dứt bỏ nghĩa là như vậy.

Sắc không hiện hữu với việc không hiện hữu do sự vượt qua nghĩa là thế nào? Đối với người đã đạt được bốn sự chứng đạt về vô sắc thì các sắc không còn hiện hữu, không có mặt, đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi; sắc không hiện hữu với việc không hiện hữu do sự vượt qua nghĩa là như vậy. Sắc không hiện hữu với bốn lý do này.

Khi sắc không hiện hữu thì các xúc không xúc chạm: Khi sắc không hiện hữu, không có mặt, đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi thì năm xúc: Nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc không xúc chạm.

"Khi sắc không hiện hữu thì các xúc không xúc chạm" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Xúc tùy thuộc vào danh và sắc.
Và các sự sở hữu có ước muốn là căn nguyên.
Khi ước muốn không có mặt thì không có trạng thái chấp là của ta.
Khi sắc không hiện hữu thì các xúc không xúc chạm."

11.12. *Đối với vị đã thành đạt thế nào thì sắc không hiện hữu?*
Hạnh phúc hoặc luôn cả khổ đau không hiện hữu như thế nào?
Xin Ngài hãy nói cho tôi điều ấy không hiện hữu ra sao,
"Chúng tôi sẽ biết điều ấy", ý nghĩ của tôi đã là thế ấy.

Đối với vị đã thành đạt thế nào thì sắc không hiện hữu?

Đối với vị đã thành đạt thế nào: Đối với vị đã thành đạt thế nào là đối với vị đã thực hành thế nào, đối với vị đã sinh hoạt thế nào, đối với vị đã vận hành thế nào, đối với vị đã bảo hộ thế nào, đối với vị đã hộ trì thế nào, đối với vị đã bảo dưỡng thế nào thì sắc không hiện hữu, không có mặt, đã được vượt quá, đã được vượt qua hẳn, đã được vượt qua khỏi.

"Đối với vị đã thành đạt thế nào thì sắc không hiện hữu?" là như thế.

Hạnh phúc hoặc luôn cả khổ đau không hiện hữu như thế nào? Hạnh phúc và khổ đau không hiện hữu, không có mặt, đã được vượt quá, đã được vượt qua hẳn, đã được vượt qua khỏi như thế nào?

"Hạnh phúc hoặc luôn cả khổ đau không hiện hữu như thế nào?" là như thế.

Xin Ngài hãy nói cho tôi điều ấy không hiện hữu ra sao.

Điều ấy: Là điều mà tôi hỏi, điều mà tôi yêu cầu, điều mà tôi thỉnh cầu, điều mà tôi đặt niềm tin.

Xin Ngài hãy nói cho tôi: Xin Ngài hãy nói ra, hãy nói về, hãy nêu ra, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ cho tôi. "Xin Ngài hãy nói cho tôi điều ấy" là như thế.

Không hiện hữu ra sao: Không hiện hữu, không có mặt, đã được vượt quá, đã được vượt qua hẳn, đã được vượt qua khỏi ra sao.

"Xin Ngài hãy nói cho tôi điều ấy không hiện hữu ra sao" là như thế.

"Chúng tôi sẽ biết điều ấy", ý nghĩ của tôi đã là thế ấy.

Chúng tôi sẽ biết điều ấy: Chúng tôi có thể biết, chúng tôi có thể hiểu biết, chúng tôi có thể nhận thức, chúng tôi có thể thừa nhận, chúng tôi có thể thấu triệt điều ấy. "Chúng tôi sẽ biết điều ấy" là như thế.

Ý nghĩ của tôi đã là thế ấy: Ý của tôi đã là thế ấy, tâm của tôi đã là thế ấy, tư duy của tôi đã là thế ấy, nhận thức của tôi đã là thế ấy.

"Chúng tôi sẽ biết điều ấy, ý nghĩ của tôi đã là thế ấy" là như thế.

Vì thế, vị [Phật] do thần thông biến hóa ra đã hỏi rằng:

"Đối với vị đã thành đạt thế nào thì sắc không hiện hữu?
Hạnh phúc hoặc luôn cả khổ đau không hiện hữu như thế nào?
Xin Ngài hãy nói cho tôi điều ấy không hiện hữu ra sao,
'Chúng tôi sẽ biết điều ấy', ý nghĩ của tôi đã là thế ấy."

11.13. *Không phải là có tưởng do tưởng, không phải là có tưởng do tưởng sai lệch, cũng không phải là không có tưởng, không phải là có tưởng không được hiện hữu; đối với vị đã thành đạt như vậy thì sắc không hiện hữu, bởi vì cái gọi là vọng tưởng có tưởng là căn nguyên.*

Không phải là có tưởng do tưởng, không phải là có tưởng do tưởng sai lệch: Những người có tưởng do tưởng nói đến những người trú vào tưởng bình thường, vị ấy cũng không trú vào tưởng bình thường. Những người có tưởng do tưởng sai lệch nói đến những người bị điên hoặc có tâm bị rối loạn; vị ấy không phải là người bị điên, cũng không phải là người có tâm bị rối loạn.

"Không phải là có tưởng do tưởng, không phải là có tưởng do tưởng sai lệch" là như thế.

Cũng không phải là không có tưởng, không phải là có tưởng không được hiện hữu: Những người không có tưởng nói đến những vị đã đạt đến Diệt thọ tưởng định hoặc các chúng sanh cõi vô tưởng; vị ấy không phải là người đã đạt đến Diệt thọ tưởng định, cũng không phải là chúng sanh cõi vô tưởng. Những người có tưởng không được hiện hữu nói đến những vị có sự đạt đến

sự chứng đạt bốn thiền vô sắc; vị ấy cũng không phải là người có sự đạt đến sự chứng đạt bốn thiền vô sắc.

"Cũng không phải là không có tưởng, không phải là có tưởng không được hiện hữu" là như thế.

Đối với vị đã thành đạt như vậy thì sắc không hiện hữu: Ở đây, vị Tỳ-khưu do sự từ bỏ lạc… (nt)… đạt đến và trú Thiền thứ tư. Khi tâm được định tĩnh, thuần tịnh, tinh khiết, không bợn nhơ, lìa khỏi phiền não, nhu thuận, có thể sử dụng, ổn định, đã đạt đến trạng thái vững chắc như thế, vị ấy đem tâm, hướng dẫn tâm nhằm mục đích đạt đến sự chứng đạt Không vô biên xứ, là vị có được đạo lộ vô sắc.

Đối với vị đã thành đạt như vậy: Là đối với vị đã thực hành như vậy, đối với vị đã sinh hoạt như vậy, đối với vị đã vận hành như vậy, đối với vị đã bảo hộ như vậy, đối với vị đã hộ trì như vậy, đối với vị đã bảo dưỡng như vậy thì sắc không hiện hữu, không có mặt, đã được vượt quá, đã được vượt qua hẳn, đã được vượt qua khỏi.

"Đối với vị đã thành đạt như vậy thì sắc không hiện hữu" là như thế.

Bởi vì cái gọi là vọng tưởng có tưởng là căn nguyên: Vọng tưởng chính là các pháp có tên gọi là vọng tưởng; tham ái có tên gọi là vọng tưởng, tà kiến có tên gọi là vọng tưởng, ngã mạn có tên gọi là vọng tưởng, có tưởng là căn nguyên, có tưởng là nhân sanh khởi, có tưởng là mầm sanh khởi, có tưởng là nguồn sanh khởi.

"Bởi vì cái gọi là vọng tưởng có tưởng là căn nguyên" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Không phải là có tưởng do tưởng, không phải là có tưởng do tưởng sai lệch, cũng không phải là không có tưởng, không phải là có tưởng không được hiện hữu; đối với vị đã thành đạt như vậy thì sắc không hiện hữu, bởi vì cái gọi là vọng tưởng có tưởng là căn nguyên."

11.14. *Điều mà chúng tôi đã hỏi Ngài, Ngài đã trả lời chúng tôi. Chúng tôi hỏi Ngài điều khác. Nào, xin Ngài hãy nói về điều ấy. Có phải một số bậc sáng suốt ở nơi đây nói rằng sự trong sạch của hàng dạ-xoa đến chừng này là cao nhất,*[3] *hay là họ còn nói về điều khác so với điều này?*

Điều mà chúng tôi đã hỏi Ngài, Ngài đã trả lời chúng tôi: Điều mà chúng tôi đã hỏi, đã yêu cầu, đã thỉnh cầu, đã đặt niềm tin vào Ngài.

Ngài đã trả lời chúng tôi: Là [điều mà chúng tôi hỏi] đã được trả lời, đã được nêu ra, đã được chỉ bảo, đã được thông báo, đã được ấn định, đã được khai mở, đã được chia sẻ, đã được làm rõ, đã được bày tỏ.

"Điều mà chúng tôi đã hỏi Ngài, Ngài đã trả lời chúng tôi" là như thế.

---

[3] Nói về sự chứng đạt các tầng thiền vô sắc (*NidA*. II. 359).

Chúng tôi hỏi Ngài điều khác. Nào, xin Ngài hãy nói về điều ấy: Chúng tôi hỏi Ngài điều khác là chúng tôi chất vấn Ngài điều khác, chúng tôi yêu cầu Ngài điều khác, chúng tôi thỉnh cầu Ngài điều khác, chúng tôi đặt niềm tin vào Ngài điều khác, chúng tôi hỏi Ngài thêm điều nữa.

Nào, xin Ngài hãy nói về điều ấy: Nào, xin Ngài hãy nói, hãy nêu ra, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ.

"Chúng tôi hỏi Ngài điều khác. Nào, xin Ngài hãy nói về điều ấy" là như thế.

Có phải một số bậc sáng suốt ở nơi đây nói rằng sự trong sạch của hàng dạ-xoa đến chừng này là cao nhất: Một số Sa-môn và Bà-la-môn nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả rằng các sự chứng đạt về vô sắc này là cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý.

Của hàng dạ-xoa: Là của chúng sanh, của đàn ông, của thanh niên, của người nam, của cá nhân, của mạng sống, của người còn sanh tử, của con người, của người đi theo nghiệp, của nhân loại.

Sự trong sạch: Sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi.

[Một số] bậc sáng suốt ở nơi đây: Ở đây, các vị có học thuyết sáng suốt, có học thuyết vững chắc, có học thuyết đúng đắn, có học thuyết thực tiễn, có học thuyết rõ rệt, có học thuyết gương mẫu, có học thuyết giá trị dựa theo quan niệm của mình.

"Có phải một số bậc sáng suốt ở nơi đây nói rằng sự trong sạch của hàng dạ-xoa đến chừng này là cao nhất" là như thế.

Hay là họ còn nói về điều khác so với điều này: Hay là một số Sa-môn và Bà-la-môn sau khi đã vượt quá, sau khi đã vượt qua hẳn, sau khi đã vượt qua khỏi các sự chứng đạt về vô sắc này; [các vị ấy] nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả rằng có sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi của hàng dạ-xoa là sự vượt trội khác so với sự chứng đạt về vô sắc này.

"Hay là họ còn nói về điều khác so với điều này" là như thế.

Vì thế, vị [Phật] do thần thông biến hóa ra đã hỏi rằng:

"Điều mà chúng tôi đã hỏi Ngài, Ngài đã trả lời chúng tôi. Chúng tôi hỏi Ngài điều khác. Nào, xin Ngài hãy nói về điều ấy. Có phải một số bậc sáng suốt ở nơi đây nói rằng sự trong sạch của hàng dạ-xoa đến chừng này là cao nhất, hay là họ còn nói về điều khác so với điều này?"

11.15. *Một số bậc sáng suốt ở nơi đây nói rằng sự trong sạch của hàng dạ-xoa chỉ đến chừng này là cao nhất. Trái lại, một số trong số đó nói về sự tịch diệt (đoạn kiến), trong khi tuyên bố là thiện xảo về trạng thái không còn dư sót.*

Một số bậc sáng suốt ở nơi đây nói rằng sự trong sạch của hàng dạ-xoa

chỉ đến chừng này là cao nhất: Có một số Sa-môn và Bà-la-môn theo học thuyết về thường kiến nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả rằng các sự chứng đạt về vô sắc này là cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý.

Của hàng dạ-xoa: Của chúng sanh, của đàn ông, của thanh niên, của người nam, của cá nhân, của mạng sống, của người còn sanh tử, của con người, của người đi theo nghiệp, của nhân loại.

Sự trong sạch: Sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi.

[Một số] bậc sáng suốt ở nơi đây: Ở đây, các vị có học thuyết sáng suốt, có học thuyết vững chắc, có học thuyết đúng đắn, có học thuyết thực tiễn, có học thuyết rõ rệt, có học thuyết gương mẫu, có học thuyết giá trị dựa theo quan niệm của mình.

"Một số bậc sáng suốt ở nơi đây nói rằng sự trong sạch của hàng dạ-xoa chỉ đến chừng này là cao nhất" là như thế.

Trái lại, một số trong số đó nói về sự tịch diệt (đoạn kiến), trong khi tuyên bố là thiện xảo về trạng thái không còn dư sót: Ngay trong số các Sa-môn và Bà-la-môn ấy, một số Sa-môn và Bà-la-môn theo học thuyết về đoạn kiến, khiếp sợ sự hiện hữu, thích thú sự không hiện hữu. Các vị ấy nói về sự an tịnh, sự yên tịnh, sự vắng lặng, sự tịch diệt, sự tịch tịnh của chúng sanh rằng: "Thưa ngài, nghe nói khi nào bản thân này, do sự hoại rã của thân thể, bị hủy hoại, bị tiêu hoại, không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; cho đến chừng ấy là trạng thái không còn dư sót."

Trong khi tuyên bố là thiện xảo: Là có học thuyết thiện xảo, có học thuyết sáng suốt, có học thuyết vững chắc, có học thuyết đúng đắn, có học thuyết thực tiễn, có học thuyết rõ rệt, có học thuyết gương mẫu, có học thuyết giá trị dựa theo quan niệm của mình.

"Trái lại, một số trong số đó nói về sự tịch diệt (đoạn kiến), trong khi tuyên bố là thiện xảo về trạng thái không còn dư sót" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Một số bậc sáng suốt ở nơi đây nói rằng sự trong sạch của chúng sanh chỉ đến chừng này là cao nhất. Trái lại, một số trong số đó nói về sự tịch diệt (đoạn kiến), trong khi tuyên bố là thiện xảo về trạng thái không còn dư sót."

11.16. *Và sau khi nhận biết những người này là những kẻ nương tựa,*[4]
Sau khi nhận biết, bậc Hiền trí ấy có sự cân nhắc về các sự nương tựa,
Sau khi nhận biết, bậc đã được giải thoát không đi đến tranh cãi,
Bậc sáng trí không đi đến tái sanh ở hữu và phi hữu.

Và sau khi nhận biết những người này là những kẻ nương tựa.

[4] Những người này nương tựa vào thường kiến hoặc đoạn kiến (*NidA*. II. 359).

Những người này: Những người theo tà kiến.

Những kẻ nương tựa: Sau khi nhận biết là "những kẻ nương theo thường kiến", sau khi nhận biết là "những kẻ nương theo đoạn kiến", sau khi nhận biết là "những kẻ nương theo thường và đoạn kiến", sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt.

"Và sau khi nhận biết những người này là những kẻ nương tựa" là như thế.

Sau khi nhận biết, bậc Hiền trí ấy có sự cân nhắc về các sự nương tựa.

Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí,... (nt)... đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là Hiền trí. Bậc Hiền trí sau khi nhận biết là "những kẻ nương theo thường kiến", sau khi nhận biết là "những kẻ nương theo đoạn kiến", sau khi nhận biết là "những kẻ nương theo thường và đoạn kiến", sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt.

Vị ấy có sự cân nhắc: Là vị sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh.

"Sau khi nhận biết, bậc Hiền trí ấy có sự cân nhắc về các sự nương tựa" là như thế.

Sau khi nhận biết, bậc đã được giải thoát không đi đến tranh cãi: Sau khi nhận biết là sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt.

Đã được giải thoát: Là đã được thoát khỏi, đã được giải thoát, đã khéo được giải thoát, đã được giải thoát hoàn toàn với sự giải thoát tuyệt đối không còn chấp thủ. Sau khi nhận biết, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: "Tất cả các hành là vô thường", thì đã được thoát khỏi, đã được giải thoát, đã khéo được giải thoát, đã được giải thoát hoàn toàn với sự giải thoát tuyệt đối không còn chấp thủ. Sau khi nhận biết, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: "Tất cả các hành là khổ",... (nt)... "Tất cả các pháp là vô ngã",... (nt)... "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt", thì đã được thoát khỏi, đã được giải thoát, đã khéo được giải thoát, đã được giải thoát hoàn toàn với sự giải thoát tuyệt đối không còn chấp thủ. "Sau khi nhận biết, bậc đã được giải thoát" là như thế.

Không đi đến tranh cãi: Không gây ra sự cãi cọ, không gây ra sự cãi lộn, không gây ra sự cãi vã, không gây ra sự tranh cãi, không gây ra sự gây gổ. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này Aggivessana, với tâm đã được giải thoát như vậy, vị Tỳ-khưu không nói hùa theo bất cứ ai, không tranh cãi với bất cứ ai, sử dụng ngôn từ được thông dụng ở thế gian và không bám víu [vào ngôn từ ấy]."

"Sau khi nhận biết, bậc đã được giải thoát không đi đến tranh cãi" là như thế.

Bậc sáng trí không đi đến tái sanh ở hữu và phi hữu.

Ở hữu và phi hữu: Ở dục giới, sắc giới, vô sắc giới, ở sự hiện hữu của nghiệp, ở sự hiện hữu lần nữa; ở sự hiện hữu của nghiệp là dục giới, ở sự hiện hữu lần nữa là dục giới, ở sự hiện hữu của nghiệp là sắc giới, ở sự hiện hữu lần nữa là sắc giới, ở sự hiện hữu của nghiệp là vô sắc giới, ở sự hiện hữu lần nữa là vô sắc giới; ở sự hiện hữu được lặp đi lặp lại, ở cảnh giới tái sanh được lặp đi lặp lại, ở sự tiếp nối tái sanh được lặp đi lặp lại, ở sự tái sanh của bản ngã được lặp đi lặp lại; không đi đến tái sanh, không đi đến gặp gỡ, không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt.

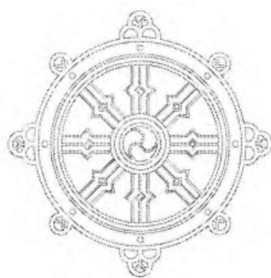
Bậc sáng trí: Bậc sáng trí là vị sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh.

"Bậc sáng trí không đi đến tái sanh ở hữu và phi hữu" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Và sau khi nhận biết những người này là những kẻ nương tựa,
Sau khi nhận biết, bậc Hiền trí ấy có sự cân nhắc về các sự nương tựa,
Sau khi nhận biết, bậc đã được giải thoát không đi đến tranh cãi,
Bậc sáng trí không đi đến tái sanh ở hữu và phi hữu."

"Diễn giải kinh cãi cọ và tranh cãi" được đầy đủ - Phần thứ mười một.



12. DIỄN GIẢI KINH SỰ DÀN TRẬN NHỎ (*CŪḶAVIYŪHASUTTANIDDESO*)

Giờ phần "Diễn giải kinh sự dàn trận nhỏ" được nói đến:

12.1. *Trong khi sống theo quan điểm riêng của từng cá nhân, nhiều vị [tự xưng là] thiện xảo, giữ khư khư [quan điểm của mình], rồi nói khác nhau [rằng]: Người nào nhận biết như vầy, người ấy đã hiểu biết pháp. Kẻ khinh miệt điều này, kẻ ấy là không toàn hảo.*

Trong khi sống theo quan điểm riêng của từng cá nhân: Có một số Sa-môn và Bà-la-môn là những người theo tà kiến. Họ chấp nhận, tiếp thu, nắm lấy, bám víu, chấp chặt tà kiến này khác trong số sáu mươi hai tà kiến, rồi trú, cộng trú, cư trú, lưu trú theo tà kiến của riêng mình. Giống như những người tại gia trú trong các ngôi nhà, những người có tội lỗi trú trong các tội lỗi, những người có ô nhiễm trú trong các ô nhiễm; tương tự như vậy, có một số Sa-môn và Bà-la-môn là những người theo tà kiến. Họ chấp nhận, tiếp thu, nắm lấy, bám víu, chấp chặt tà kiến này khác trong số sáu mươi hai tà kiến, rồi trú, cộng trú, cư trú, lưu trú theo tà kiến của riêng mình.

"Trong khi sống theo quan điểm riêng của từng cá nhân" là như thế.

Nhiều vị [tự xưng là] thiện xảo, giữ khư khư [quan điểm của mình], rồi nói khác nhau.

Giữ khư khư [quan điểm của mình]: Sau khi chấp nhận, sau khi tiếp thu, sau khi nắm lấy, sau khi bám víu, sau khi chấp chặt [quan điểm của mình], rồi nói khác nhau, nói khác biệt, nói cách này cách khác, nói một cách riêng biệt, nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả không đồng nhất.

Thiện xảo: Là có học thuyết thiện xảo, có học thuyết sáng suốt, có học thuyết vững chắc, có học thuyết đúng đắn, có học thuyết thực tiễn, có học thuyết rõ rệt, có học thuyết gương mẫu, có học thuyết giá trị dựa theo quan niệm của mình.

"Nhiều vị [tự xưng là] thiện xảo, giữ khư khư [quan điểm của mình], rồi nói khác nhau" là như thế.

Người nào nhận biết như vầy, người ấy đã hiểu biết pháp: Người nào nhận biết pháp, quan điểm, cách thực hành, đạo lộ này, người ấy đã hiểu biết, đã thông hiểu, đã nhìn thấy, đã thấu triệt pháp.

"Người nào nhận biết như vầy, người ấy đã hiểu biết pháp" là như thế.

Kẻ khinh miệt điều này, kẻ ấy là không toàn hảo: Kẻ nào khinh miệt pháp, quan điểm, cách thực hành, đạo lộ này, kẻ ấy là không toàn hảo, không đầy đủ, không tròn đủ, là thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi.

"Kẻ khinh miệt điều này, kẻ ấy là không toàn hảo" là như thế.

Vì thế, vị [Phật] do thần thông biến hóa ra đã hỏi rằng:

"Trong khi sống theo quan điểm riêng của từng cá nhân, nhiều vị [tự xưng là] thiện xảo, giữ khư khư [quan điểm của mình], rồi nói khác nhau [rằng]: Người nào nhận biết như vậy, người ấy đã hiểu biết pháp. Kẻ khinh miệt điều này, kẻ ấy là không toàn hảo."

12.2. *Sau khi giữ khư khư [quan điểm của mình] như vậy, chúng tranh cãi, và đã nói rằng: "Người khác là ngu si, không thiện xảo." Vậy thì lời nói nào trong số này là chân lý, bởi vì tất cả những người này đều tuyên bố [họ] là hiện xảo?*

Sau khi giữ khư khư [quan điểm của mình] như vậy, chúng tranh cãi: Sau khi chấp nhận, sau khi tiếp thu, sau khi nắm lấy, sau khi bám víu, sau khi chấp chặt [quan điểm của mình] như vậy, chúng tranh cãi, chúng gây ra sự cãi cọ, gây ra sự cãi lộn, gây ra sự cãi vã, gây ra sự tranh cãi, gây ra sự gây gổ rằng: "Ngươi không biết Pháp và Luật này… (nt)… hoặc ngươi hãy gỡ rối nếu ngươi có khả năng."

"Sau khi giữ khư khư [quan điểm của mình] như vậy, chúng tranh cãi" là như thế.

Và đã nói rằng: "Người khác là ngu si, không thiện xảo." "Người khác là ngu si, thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi, không thiện xảo, không có sự hiểu biết, không đạt đến kiến thức, không có trí, không có sự rành rẽ, có tuệ tồi", chúng đã nói như vậy, thuyết giảng như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy.

"Và đã nói rằng: Người khác là ngu si, không thiện xảo" là như thế.

Vậy thì lời nói nào trong số này là chân lý: Lời nói nào trong số các Sa-môn và Bà-la-môn này là chân lý, là đúng đắn, là thực thể, là đang xảy ra, là xác đáng, là không bị sai lệch.

"Vậy thì lời nói nào trong số này là chân lý" là như thế.

Bởi vì tất cả những người này đều tuyên bố [họ] là thiện xảo: Tất cả những Sa-môn và Bà-la-môn này đều là có học thuyết thiện xảo, có học thuyết sáng suốt, có học thuyết vững chắc, có học thuyết đúng đắn, có học thuyết thực tiễn, có học thuyết rõ rệt, có học thuyết gương mẫu, có học thuyết giá trị dựa theo quan niệm của mình.

"Bởi vì tất cả những người này đều tuyên bố [họ] là thiện xảo" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Sau khi giữ khư khư [quan điểm của mình] như vậy, chúng tranh cãi, và đã nói rằng: 'Người khác là ngu si, không thiện xảo.' Vậy thì lời nói nào trong số này là chân lý, bởi vì tất cả những người này đều tuyên bố [họ] là thiện xảo?"

12.3. *Nếu kẻ không thừa nhận pháp của người khác,*
[Cho rằng người khác] là ngu si, là loài thú, là có tuệ thấp kém,
Thì tất cả quả là những kẻ ngu si, có tuệ vô cùng thấp kém,
Tất cả những người này quả đang sống theo quan điểm [của mình].

Nếu kẻ không thừa nhận pháp của người khác: Trong khi không chấp thuận, trong khi không nhìn nhận, trong khi không tùy thuận, trong khi không thừa nhận, trong khi không tùy hỷ pháp, quan điểm, cách thực hành, đạo lộ của người khác.

"Nếu kẻ không thừa nhận pháp của người khác" là như thế.

[Cho rằng người khác] là ngu si, là loài thú, là có tuệ thấp kém: Người khác là ngu si,[1] thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi, có tuệ thấp hèn, có tuệ hèn kém, có tuệ thấp kém, có tuệ thấp thỏi, có tuệ tồi tệ, có tuệ nhỏ nhoi.

"[Cho rằng người khác] là ngu si, là loài thú, là có tuệ thấp kém" là như thế.

Thì tất cả quả là những kẻ ngu si, có tuệ vô cùng thấp kém: Tất cả những Sa-môn và Bà-la-môn này quả là ngu si, thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi, tất cả quả là có tuệ thấp hèn, có tuệ hèn kém, có tuệ thấp kém, có tuệ thấp thỏi, có tuệ tồi tệ, có tuệ nhỏ nhoi.

"Thì tất cả quả là những kẻ ngu si, có tuệ vô cùng thấp kém" là như thế.

Tất cả những người này quả đang sống theo quan điểm [của mình]: Tất cả những Sa-môn và Bà-la-môn này quả là những người theo tà kiến. Chúng chấp nhận, tiếp thu, nắm lấy, bám víu, chấp chặt tà kiến này khác trong số sáu mươi hai tà kiến, rồi trú, cộng trú, cư trú, lưu trú theo tà kiến của riêng mình. Giống như những người tại gia trú trong các ngôi nhà, những người có tội lỗi trú trong các tội lỗi, những người có ô nhiễm trú trong các ô nhiễm, tương tự như vậy, tất cả những Sa-môn và Bà-la-môn này quả là những người theo tà kiến. … (nt)… rồi trú, cộng trú, cư trú, lưu trú theo tà kiến của riêng mình.

"Tất cả những người này quả đang sống theo quan điểm [của mình]" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

---

[1] Theo cấu trúc văn phạm của 2 dòng kệ đầu: "Kẻ không thừa nhận pháp của người khác" và các từ "ngu si", "loài thú", "có tuệ thấp kém" đều là chủ cách, số ít, nên "kẻ không thừa nhận pháp của người khác" quả "là kẻ ngu, là loài thú, là có tuệ thấp kém." Tuy nhiên, lời giải thích ở trên có phần khác biệt; vì để phù hợp với lời giải thích ấy mà cụm từ ở trong ngoặc vuông [cho rằng người khác] đã được thêm vào. (ND)

"Nếu kẻ không thừa nhận pháp của người khác,
[Cho rằng người khác] là ngu si, là loài thú, là có tuệ thấp kém,
Thì tất cả quả là những kẻ ngu si, có tuệ vô cùng thấp kém,
Tất cả những người này quả đang sống theo quan điểm [của mình]."

12.4. *Và nếu do quan điểm của mình, những kẻ không trong trắng*
Trở nên có tuệ thanh khiết, thiện xảo, có sự nhận thức,
Thì không ai trong số họ là có tuệ hoàn toàn thấp kém,
Bởi vì quan điểm của họ đã được thâu nhận cũng là như thế ấy.

Và nếu do quan điểm của mình, những kẻ không trong trắng: Do quan điểm của mình, do sự chấp nhận của mình, do sự ưa thích của mình, do quan niệm của mình, những kẻ không là người trong trắng, là người không trong trắng, không thuần khiết, có ô nhiễm.

"Và nếu do quan điểm của mình, những kẻ không trong trắng" là như thế.

Trở nên có tuệ thanh khiết, thiện xảo, có sự nhận thức.

Có tuệ thanh khiết: Là có tuệ trong sạch, có tuệ hoàn toàn trong sạch, có tuệ trong trắng, có tuệ thuần khiết. Hoặc là, có sự thấy trong sạch, có sự thấy thanh tịnh, có sự thấy hoàn toàn trong sạch, có sự thấy trong trắng, có sự thấy thuần khiết. "Có tuệ thanh khiết" là như thế.

Thiện xảo: Thiện xảo là sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh. "Trở nên có tuệ thanh khiết, thiện xảo" là như thế.

Có sự nhận thức: Có sự nhận thức là sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh.

"Trở nên có tuệ thanh khiết, thiện xảo, có sự nhận thức" là như thế.

Thì không ai trong số họ là có tuệ hoàn toàn thấp kém: Không có ai trong số các Sa-môn và Bà-la-môn ấy là có tuệ thấp hèn, có tuệ hèn kém, có tuệ thấp kém, có tuệ thấp thỏi, có tuệ tồi tệ, có tuệ nhỏ nhoi; toàn bộ tất cả [các vị ấy] đều có tuệ nhất hạng, có tuệ thù thắng, có tuệ dẫn đầu, có tuệ tối thượng, có tuệ cao quý.

"Thì không ai trong số họ là có tuệ hoàn toàn thấp kém" là như thế.

Bởi vì quan điểm của họ đã được thâu nhận cũng là như thế ấy: Quan điểm của các Sa-môn và Bà-la-môn ấy là được thâu nhận, được thọ trì, được nắm lấy, được bám víu, được chấp chặt, được bám chặt, được hướng đến là như thế ấy.

"Bởi vì quan điểm của họ đã được thâu nhận cũng là như thế ấy" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Và nếu do quan điểm của mình, những kẻ không trong trắng
Trở nên có tuệ thanh khiết, thiện xảo, có sự nhận thức,
Thì không ai trong số họ là có tuệ hoàn toàn thấp kém,
Bởi vì quan điểm của họ đã được thâu nhận cũng là như thế ấy."

12.5. *Nhưng Ta không nói rằng: "Điều ấy là bản thể thật",*
Là điều mà các kẻ ngu đã nói đối chọi lẫn nhau.
Chúng đã tạo lập quan điểm riêng của từng cá nhân là chân lý;
Chính vì điều ấy, chúng xem người khác là "kẻ ngu si."

Nhưng Ta không nói rằng: "Điều ấy là bản thể thật."

Không: Là sự phủ định.

Điều ấy: Là sáu mươi hai tà kiến. Không có việc Ta nói, Ta nêu ra, Ta chỉ bảo, Ta thông báo, Ta ấn định, Ta khai mở, Ta chia sẻ, Ta làm rõ, Ta bày tỏ rằng: "Điều ấy là đúng đắn, là thực thể, là đang xảy ra, là xác đáng, là không bị sai lệch."

"Nhưng Ta không nói rằng: Điều ấy là bản thể thật" là như thế.

Là điều mà các kẻ ngu đã nói đối chọi lẫn nhau.

Đối chọi: Là hai người, hai người gây nên sự cãi cọ, hai người gây nên sự cãi lộn, hai người gây nên cuộc nói chuyện nhảm nhí, hai người gây nên sự tranh cãi, hai người gây nên sự tranh tụng, hai người tranh luận, hai người chuyện trò. Chúng đã nói như vậy, thuyết như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy [đối chọi] lẫn nhau là ngu si, là thấp hèn, là hèn kém, là thấp kém, là thấp thỏi, là tồi tệ, là nhỏ nhoi.

"Là điều mà các kẻ ngu đã nói đối chọi lẫn nhau" là như thế.

Chúng đã tạo lập quan điểm riêng của từng cá nhân là chân lý: Chúng đã tạo lập quan điểm riêng của từng cá nhân là chân lý rằng: "Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại";... (nt)... "Thế giới là không thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại";... (nt)... "Chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại."

"Chúng đã tạo lập quan điểm riêng của từng cá nhân là chân lý" là như thế.

Chính vì điều ấy, chúng xem người khác là "kẻ ngu si."

Vì điều ấy: Vì điều ấy là bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy, chúng đánh giá, nhìn thấy, nhận thấy, quan sát, suy xét, khảo sát người khác là ngu si, là thấp hèn, là hèn kém, là thấp kém, là thấp thỏi, là tồi tệ, là nhỏ nhoi.

"Chính vì điều ấy, chúng xem người khác là 'kẻ ngu si'" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Nhưng Ta không nói rằng: 'Điều ấy là bản thể thật',
Là điều mà các kẻ ngu đã nói đối chọi lẫn nhau.
Chúng đã tạo lập quan điểm riêng của từng cá nhân là chân lý;
Chính vì điều ấy, chúng xem người khác là 'kẻ ngu si'."

12.6. *Điều mà một số kẻ đã nói: "Là chân lý, là bản thể thật",*
Những kẻ khác đã nói điều ấy: "Là rỗng không, là sai trái."
Sau khi giữ khư khư [quan điểm của mình] như vậy, họ tranh cãi.
Vì sao các vị Sa-môn nói không đồng nhất?

Điều mà một số kẻ đã nói: "Là chân lý, là bản thể thật": Giáo pháp, quan điểm, cách thực hành, đạo lộ nào mà một số Sa-môn và Bà-la-môn đã nói như vậy, thuyết như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy [rằng]: "Điều này là đúng đắn, là thực thể, là đang xảy ra, là xác đáng, là không bị sai lệch."

"Điều mà một số kẻ đã nói: 'Là chân lý, là bản thể thật'" là như thế.

Những kẻ khác đã nói điều ấy: "Là rỗng không, là sai trái": Một số Sa-môn và Bà-la-môn đã nói như vậy, thuyết như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy về giáo pháp, quan điểm, cách thực hành, đạo lộ ấy rằng: "Điều ấy là rỗng không, điều ấy là sai trái, điều ấy là không xảy ra, điều ấy là không thật, điều ấy là không xác đáng."

"Những kẻ khác đã nói điều ấy: 'Là rỗng không, là sai trái'" là như thế.

Sau khi giữ khư khư [quan điểm của mình] như vậy, họ tranh cãi: Sau khi chấp nhận, sau khi tiếp thu, sau khi nắm lấy, sau khi bám víu, sau khi chấp chặt [quan điểm của mình] như vậy, họ tranh cãi, họ gây ra sự cãi cọ, gây ra sự cãi lộn, gây ra sự cãi vã, gây ra sự tranh cãi, gây ra sự gây gổ rằng: "Ngươi không biết Pháp và Luật này… (nt)… hoặc ngươi hãy gỡ rối nếu ngươi có khả năng."

"Sau khi giữ khư khư [quan điểm của mình] như vậy, họ tranh cãi" là như thế.

Vì sao các vị Sa-môn nói không đồng nhất?

Vì sao: Là vì điều gì, bởi lý do gì, bởi nhân gì, bởi duyên gì, bởi căn nguyên gì, bởi nhân sanh khởi gì, bởi mầm sanh khởi gì, bởi nguồn sanh khởi gì, họ nói không đồng nhất, nói khác nhau, nói khác biệt, nói cách này cách khác, họ nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả một cách riêng biệt.

"Vì sao các vị Sa-môn nói không đồng nhất?" là như thế.

Vì thế, vị [Phật] do thần thông biến hóa ra đã hỏi rằng:

"Điều mà một số kẻ đã nói: 'Là chân lý, là bản thể thật',
Những kẻ khác đã nói điều ấy: 'Là rỗng không, là sai trái.'
Sau khi giữ khư khư [quan điểm của mình] như vậy, họ tranh cãi.
Vì sao các vị Sa-môn nói không đồng nhất?"

12.7. *Bởi vì chân lý chỉ có một, không có cái thứ hai,*
Trong khi nhận biết về điều ấy, loài người sẽ không tranh cãi.
Chúng tự mình kể lể về các sự thật khác nhau;
Vì thế, các vị Sa-môn nói không đồng nhất.

Bởi vì chân lý chỉ có một, không có cái thứ hai: Một chân lý nói đến sự

diệt khổ, Niết-bàn, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Hoặc là, một chân lý nói đến chân lý về đạo lộ, chân lý về lối dẫn dắt ra khỏi, sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần tức là: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

"Bởi vì chân lý chỉ có một, không có cái thứ hai" là như thế.

Trong khi nhận biết về điều ấy, loài người sẽ không tranh cãi.

Về điều ấy: Về chân lý ấy.

Loài người: Là tên gọi cho chúng sanh.

Trong khi nhận biết: Trong khi nhận biết, trong khi nhận thức, trong khi thừa nhận, trong khi thấu triệt chân lý ấy, chúng sẽ không gây ra sự cãi cọ, sẽ không gây ra sự cãi lộn, sẽ không gây ra sự cãi vã, sẽ không gây ra sự tranh cãi, sẽ không gây ra sự gây gổ, chúng sẽ dứt bỏ, sẽ xua đi, sẽ làm chấm dứt, sẽ làm cho không còn hiện hữu sự cãi cọ, sự cãi lộn, sự cãi vã, sự tranh cãi, sự gây gổ.

"Trong khi nhận biết về điều ấy, loài người sẽ không tranh cãi" là như thế.

Chúng tự mình kể lể về các chân lý khác nhau: Chúng tự mình kể lể, nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả về các chân lý khác nhau. Chúng tự mình kể lể, nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả về các chân lý khác nhau rằng: "Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại." Chúng tự mình kể lể, nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả về các chân lý khác nhau rằng: "Thế giới là không thường còn,… (nt)… chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại."

"Chúng tự mình kể lể về các chân lý khác nhau" là như thế.

Vì thế, các vị Sa-môn nói không đồng nhất.

Vì thế: Là do điều ấy, bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy, chúng nói không đồng nhất, nói khác nhau, nói khác biệt, nói cách này cách khác, chúng nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả một cách riêng biệt.

"Vì thế, các vị Sa-môn nói không đồng nhất" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Bởi vì chân lý chỉ có một, không có cái thứ nhì,
Trong khi nhận biết về điều ấy, loài người sẽ không tranh cãi.
Chúng tự mình kể lể về các chân lý khác nhau;
Vì thế, các vị Sa-môn nói không đồng nhất."

12.8. *Nhưng vì sao họ, những nhà biện luận tuyên bố [mình] là thiện xảo, lại nói về các chân lý khác nhau? Phải chăng các chân lý đã được nghe là có nhiều và khác nhau? Hay là các vị ấy theo đuổi sự suy tư [của riêng mình]?*

Nhưng vì sao họ lại nói về các chân lý khác nhau?

Vì sao: Là vì điều gì, bởi lý do gì, bởi nhân gì, bởi duyên gì, bởi căn nguyên gì, họ nói khác nhau về các chân lý, họ nói về các loại khác biệt, họ nói cách này cách khác, họ nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả nhiều cách riêng biệt.

"Nhưng vì sao họ lại nói về các chân lý khác nhau?" là như thế.

Những nhà biện luận tuyên bố [mình] là thiện xảo.

Tuyên bố: "Họ phát biểu dứt khoát" cũng là tuyên bố. Hoặc là, họ phát biểu, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả quan điểm riêng của từng cá nhân. Họ phát biểu, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả rằng: "Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại." Họ phát biểu, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả rằng: "Thế giới là không thường còn,... (nt)... chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại."

Những nhà biện luận thiện xảo: Là những người có học thuyết thiện xảo, có học thuyết sáng suốt, có học thuyết vững chắc, có học thuyết đúng đắn, có học thuyết thực tiễn, có học thuyết rõ rệt, có học thuyết gương mẫu, có học thuyết giá trị dựa theo quan niệm của mình.

"Những nhà biện luận tuyên bố [mình] là thiện xảo" là như thế.

Phải chăng các chân lý đã được nghe là có nhiều và khác nhau? Phải chăng các chân lý đã được nghe là có nhiều, khác nhau, nhiều loại khác biệt, các loại này loại khác, nhiều loại riêng biệt?

"Phải chăng các chân lý đã được nghe là có nhiều và khác nhau?" là như thế.

Hay là các vị ấy theo đuổi sự suy tư [của riêng mình]? Hay là họ bị đưa đi, bị dẫn đi, bị lôi đi, bị mang đi bởi sự suy tư, bởi sự suy tầm, bởi sự tư duy. "Hay là các vị ấy theo đuổi sự suy tư [của riêng mình]?" là như vậy. Hoặc là, họ nói, họ thuyết giảng, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả về điều đã thu thập được do sự suy tư, về điều đã đeo đuổi với sự thẩm xét, về điều phát hiện của bản thân.

"Hay là các vị ấy theo đuổi sự suy tư [của riêng mình]?" còn là như vậy.

Vì thế, vị [Phật] do thần thông biến hóa ra đã hỏi rằng:

"Nhưng vì sao họ, những nhà biện luận tuyên bố [mình] là thiện xảo, lại nói về các chân lý khác nhau? Phải chăng các chân lý đã được nghe là có nhiều và khác nhau? Hay là các vị ấy theo đuổi sự suy tư [của riêng mình]?"

12.9. *Đương nhiên là không có nhiều chân lý khác nhau và thường còn ở thế gian, ngoại trừ [các chân lý] do tưởng [tạo ra]. Và sau khi xếp đặt sự suy tư về các quan điểm [do chúng tạo ra], chúng đã nói về hai pháp là: Đúng và sai.*

Đương nhiên là không có nhiều chân lý khác nhau: Đương nhiên là không có các chân lý nhiều loại, khác nhau, nhiều loại khác biệt, các loại này loại khác, nhiều loại riêng biệt.

"Đương nhiên là không có nhiều chân lý khác nhau" là như thế.

Và thường còn ở thế gian, ngoại trừ [các chân lý] do tưởng [tạo ra]: Ngoại trừ việc nắm bắt thường xuyên do tưởng, chỉ có một chân lý ở thế gian được thuyết giảng, được phát ngôn, được giảng giải, được diễn tả là sự diệt khổ, Niết-bàn, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Hoặc là, một chân lý nói đến chân lý về đạo lộ, chân lý về lối dẫn dắt ra khỏi, sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần tức là: Chánh kiến,... (nt)... chánh định.

"Và thường còn ở thế gian, ngoại trừ [các chân lý] do tưởng [tạo ra]" là như thế.

Và sau khi xếp đặt sự suy tư về các quan điểm [do chúng tạo ra], chúng đã nói về hai pháp là: Đúng và sai: Sau khi suy tư, sau khi suy tầm, sau khi tư duy về sự suy tư, về sự suy tầm, về sự tư duy, chúng làm sanh ra, làm sanh khởi, làm hạ sanh, làm phát sanh các quan điểm; sau khi làm sanh ra, sau khi làm sanh khởi, sau khi làm hạ sanh, sau khi làm phát sanh các quan điểm, [rồi cho rằng:] "Của tôi là đúng, của anh là sai", chúng đã nói như vậy, thuyết giảng như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy.

"Và sau khi xếp đặt sự suy tư về các quan điểm [do chúng tạo ra], chúng đã nói về hai pháp là: Đúng và sai" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Đương nhiên là không có nhiều chân lý khác nhau và thường còn ở thế gian, ngoại trừ [các chân lý] do tưởng [tạo ra]. Và sau khi xếp đặt sự suy tư về các quan điểm [do chúng tạo ra], chúng đã nói về hai pháp là: Đúng và sai."

12.10. *Liên quan đến điều đã được thấy, đến điều đã được nghe, đến giới và phận sự, hoặc đến điều đã được cảm giác, sau khi nương tựa vào những điều này, rồi có sự coi khinh [người khác], sau khi ỷ vào các sự phán đoán, trong lúc hớn hở, [kẻ ấy] đã nói rằng: "Người khác là ngu si, là không thiện xảo."*

Liên quan đến điều đã được thấy, đến điều đã được nghe, đến giới và phận sự, hoặc đến điều đã được cảm giác, sau khi nương tựa vào những điều này, rồi có sự coi khinh [người khác]: Sau khi nương tựa, sau khi dựa

vào, sau khi nắm lấy, sau khi bám víu, sau khi chấp chặt vào điều đã được thấy hoặc sự trong sạch do điều đã được thấy, vào điều đã được nghe hoặc sự trong sạch do điều đã được nghe, vào giới hoặc sự trong sạch do giới, vào phận sự hoặc sự trong sạch do phận sự, vào điều đã được cảm giác hoặc sự trong sạch do điều đã được cảm giác. "Liên quan đến điều đã được thấy, đến điều đã được nghe, đến giới và phận sự, hoặc đến điều đã được cảm giác" là như thế.

Sau khi nương tựa vào những điều này, rồi có sự coi khinh [người khác]: "Kẻ không kính nể" là có sự coi khinh. Hoặc là, "kẻ làm sanh ra sự ưu phiền" cũng có sự coi khinh.

"Liên quan đến điều đã được thấy, đến điều đã được nghe, đến giới và phận sự, hoặc đến điều đã được cảm giác, sau khi nương tựa vào những điều này, rồi có sự coi khinh [người khác]" là như thế.

Sau khi ỷ vào các sự phán đoán, trong lúc hớn hở: Các sự phán đoán nói đến sáu mươi hai quan điểm sai trái. Sau khi ỷ vào, sau khi thiết lập, sau khi nắm lấy, sau khi bám víu, sau khi chấp chặt vào sự phán đoán theo quan điểm sai trái, vào quan điểm sai trái của sự phán đoán. "Sau khi ỷ vào các sự phán đoán" là như thế.

Trong lúc hớn hở: Là trở nên vui sướng, vui vẻ, thích thú, hoan hỷ, có tâm tư được trọn vẹn. Hoặc là, nhe răng trong lúc [cười] hớn hở.

"Sau khi ỷ vào các sự phán đoán, trong lúc hớn hở" là như thế.

[Kẻ ấy] đã nói rằng: "Người khác là ngu si, là không thiện xảo": "Người khác là ngu si, thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi, không thiện xảo, không có sự hiểu biết, không đạt đến kiến thức, không có trí, không có sự rành rẽ, không có sự thông minh, có tuệ tồi", [kẻ ấy] đã nói như vậy, thuyết giảng như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy.

"[Kẻ ấy] đã nói rằng: 'Người khác là ngu si, là không thiện xảo'" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Liên quan đến điều đã được thấy, đến điều đã được nghe, đến giới và phận sự, hoặc đến điều đã được cảm giác, sau khi nương tựa vào những điều này, rồi có sự coi khinh [người khác], sau khi ỷ vào các sự phán đoán, trong lúc hớn hở, [kẻ ấy] đã nói rằng: 'Người khác là ngu si, là không thiện xảo.'"

12.11. *Bởi chính lý do nào mà kẻ ấy đánh giá người khác là "ngu si",*
Thì bởi lý do ấy kẻ ấy đã nói về bản thân là "thiện xảo."
Kẻ ấy, trong khi tự mình tuyên bố chính mình là thiện xảo,
Rồi khinh thường người khác và phát biểu chính điều ấy.

Bởi chính lý do nào mà kẻ ấy đánh giá người khác là "ngu si": Bởi chính nhân nào, duyên nào, lý do nào, nguồn sanh khởi nào mà kẻ ấy đánh giá, nhìn thấy, nhận thấy, quan sát, suy xét, khảo sát người khác là ngu si, là thấp hèn, là hèn kém, là thấp kém, là thấp thỏi, là tồi tệ, là nhỏ nhoi.

"Bởi chính lý do nào mà kẻ ấy đánh giá người khác là 'ngu si'" là như thế.

Thì bởi lý do ấy kẻ ấy đã nói về bản thân là "thiện xảo."

Bản thân: Đề cập đến mình. Kẻ ấy bởi chính nhân nào, duyên nào, lý do nào, nguồn sanh khởi nào đã nói về mình rằng: "Ta là thiện xảo, sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh."

"Thì bởi lý do ấy kẻ ấy đã nói về bản thân là 'thiện xảo'" là như thế.

Kẻ ấy, trong khi tự mình tuyên bố chính mình là thiện xảo: Tự chính mình [tuyên bố] về mình là có học thuyết thiện xảo, có học thuyết sáng suốt, có học thuyết vững chắc, có học thuyết đúng đắn, có học thuyết thực tiễn, có học thuyết rõ rệt, có học thuyết gương mẫu, có học thuyết giá trị dựa theo quan niệm của mình.

"Kẻ ấy, trong khi tự mình tuyên bố chính mình là thiện xảo" là như thế.

Rồi khinh thường người khác và phát biểu chính điều ấy: "Kẻ không kính nể" là khinh thường người khác. Hoặc là, "kẻ làm sanh ra sự ưu phiền" cũng là khinh thường người khác.

Phát biểu chính điều ấy: Phát biểu về chính tà kiến ấy rằng: "Như vậy thì người này là người có tà kiến, có cái nhìn sai lệch."

"Rồi khinh thường người khác và phát biểu chính điều ấy" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Bởi chính lý do nào mà kẻ ấy đánh giá người khác là 'ngu si',
Thì bởi lý do ấy kẻ ấy đã nói về bản thân là 'thiện xảo'.
Kẻ ấy, trong khi tự mình tuyên bố chính mình là thiện xảo,
Rồi khinh thường người khác và phát biểu chính điều ấy."

12.12. *Với quan điểm vượt quá giới hạn, kẻ ấy được thỏa mãn,*
Bị say đắm vì ngã mạn, có sự tự cao là toàn vẹn,
Rồi tự chính mình đăng quang cho mình bằng tâm ý;
Chính quan điểm ấy của kẻ ấy đã được thâu nhận như thế.

Với quan điểm vượt quá giới hạn, kẻ ấy được thỏa mãn: Các quan điểm vượt quá giới hạn nói đến sáu mươi hai tà kiến. Vì lý do gì mà các quan điểm vượt quá giới hạn là nói đến sáu mươi hai tà kiến? Tất cả các quan điểm ấy là vượt quá lý lẽ, vượt quá đặc tính, vượt quá nền tảng; vì lý do ấy mà các quan điểm vượt quá giới hạn là nói đến sáu mươi hai tà kiến; tất cả các ngoại đạo[2] đều có quan điểm vượt quá giới hạn. Vì lý do gì mà tất cả các ngoại đạo đều được gọi là có quan điểm vượt quá giới hạn? Chúng sau khi vượt quá, sau khi vượt qua hẳn, sau khi vượt qua khỏi lẫn nhau, thì làm sanh ra, làm sanh khởi, làm hạ sanh, làm phát sanh ra các tà kiến; vì lý do ấy mà các ngoại đạo đều được gọi là có quan điểm vượt quá giới hạn.

[2] Dịch theo sự hiệu đính của Tam tạng Thái Lan và PTS. (ND)

Với quan điểm vượt quá giới hạn, kẻ ấy được thỏa mãn: Nhờ vào quan điểm vượt quá giới hạn, [kẻ ấy] được thỏa mãn, được toàn vẹn, không thiếu sót.

"Với quan điểm vượt quá giới hạn, kẻ ấy được thỏa mãn" là như thế.

Bị say đắm vì ngã mạn, có sự tự cao là toàn vẹn: Bị say đắm, bị xao lãng, bị điên cuồng, bị say đắm thái quá bởi tà kiến, bởi sự ngã mạn do tà kiến của mình. "Bị say đắm vì ngã mạn" là như thế.

Có sự tự cao là toàn vẹn: Có sự tự cao là toàn vẹn, có sự tự cao là đầy đủ, có sự tự cao là không thiếu sót.

"Bị say đắm vì ngã mạn, có sự tự cao là toàn vẹn" là như thế.

Rồi tự chính mình đăng quang cho mình bằng tâm ý: Tự chính mình đăng quang cho bản thân bằng tâm rằng: "Ta là thiện xảo, sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh."

"Rồi tự chính mình đăng quang cho mình bằng tâm ý" là như thế.

Chính quan điểm ấy của kẻ ấy đã được thâu nhận như thế: Quan điểm ấy của kẻ ấy là đã được thâu nhận, đã được thọ trì, đã được nắm lấy, đã được bám víu, đã được chấp chặt, đã được bám chặt, đã được hướng đến như thế.

"Chính quan điểm ấy của kẻ ấy đã được thâu nhận như thế" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Với quan điểm vượt quá giới hạn, kẻ ấy được thỏa mãn,
Bị say đắm vì ngã mạn, có sự tự cao là toàn vẹn,
Rồi tự chính mình đăng quang cho mình bằng tâm ý;
Chính quan điểm ấy của kẻ ấy đã được thâu nhận như thế."

12.13. *Bởi vì, nếu do lời nói của kẻ khác mà trở thành thấp kém,*
Thì bản thân [kẻ nói], do điều ấy[3] *[cũng] trở thành có tuệ thấp kém.*
Còn nếu do tự mình mà trở thành người thông hiểu, sáng trí,
Thì không có bất cứ người nào là kẻ ngu trong số các vị Sa-môn.

Bởi vì, nếu do lời nói của kẻ khác mà trở thành thấp kém: Nếu do lời nói, do việc nói, bởi lý do bị chê bai, bởi lý do bị chê trách, bởi lý do bị gièm pha của kẻ khác, mà người khác trở thành ngu si, thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi.

"Bởi vì, nếu do lời nói của kẻ khác mà trở thành thấp kém" là như thế.

Thì bản thân [kẻ nói], do điều ấy [cũng] trở thành có tuệ thấp kém: Kẻ ấy, cũng do chính điều ấy, trở thành có tuệ ngu si, có tuệ thấp hèn, có tuệ hèn kém, có tuệ thấp kém, có tuệ thấp thỏi, có tuệ tồi tệ, có tuệ nhỏ nhoi.

"Thì bản thân [kẻ nói], do điều ấy [cũng] trở thành có tuệ thấp kém" là như thế.

---

[3] Do việc kẻ khác cũng khinh chê lại người này như vậy (*SnA*. II. 256).

Còn nếu do tự mình mà trở thành người thông hiểu, sáng trí: Còn nếu do tự mình mà trở thành người thông hiểu, sáng trí, sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh.

"Còn nếu do tự mình mà trở thành người thông hiểu, sáng trí" là như thế.

Thì không có bất cứ người nào là kẻ ngu trong số các vị Sa-môn: Thì trong số các vị Sa-môn, không có người nào là ngu si, thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi, toàn bộ tất cả [các vị ấy] đều có tuệ nhất hạng, có tuệ thù thắng, có tuệ dẫn đầu, có tuệ tối thượng, có tuệ cao quý.

"Thì không có bất cứ người nào là kẻ ngu trong số các vị Sa-môn" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Bởi vì, nếu do lời nói của kẻ khác mà trở thành thấp kém,
Thì bản thân [kẻ nói], do điều ấy [cũng] trở thành có tuệ thấp kém.
Còn nếu do tự mình mà trở thành người thông hiểu, sáng trí,
Thì không có bất cứ người nào là kẻ ngu trong số các vị Sa-môn."

12.14. *Những kẻ nào thuyết về pháp khác so với điều này,*
Những kẻ ấy bị thất bại về [đạo lộ] trong sạch; chúng không toàn hảo.
Những kẻ ngoại đạo cũng nói như vậy theo nhiều cách khác nhau,
Bởi vì chúng bị nhiễm nặng do sự luyến ái với quan điểm của mình.

Những kẻ nào thuyết về pháp khác so với điều này, những kẻ ấy bị thất bại về [đạo lộ] trong sạch; chúng không toàn hảo: Những kẻ nào thuyết về pháp, quan điểm, cách thực hành, đạo lộ khác so với điều này, những kẻ ấy bị mất mát, bị thất bại, bị lầm lỡ, bị rơi khỏi đạo lộ trong sạch, đạo lộ thanh tịnh, đạo lộ hoàn toàn trong sạch, đạo lộ trong trắng, đạo lộ thuần khiết, bị thất bại do không hiểu biết. **Chúng không toàn hảo:** Chúng không được đầy đủ, chúng không được toàn vẹn, chúng là thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi.

"Những kẻ nào thuyết về pháp khác so với điều này, những kẻ ấy bị thất bại về [đạo lộ] trong sạch; chúng không toàn hảo" là như thế.

Những kẻ ngoại đạo cũng nói như vậy theo nhiều cách khác nhau: Ngoại đạo nói đến tà kiến.

Những kẻ ngoại đạo: Nói đến những kẻ theo tà kiến. Vô số kẻ ngoại đạo nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả vô số tà kiến.

"Những kẻ ngoại đạo cũng nói như vậy theo nhiều cách khác nhau" là như thế.

Bởi vì chúng bị nhiễm nặng do sự luyến ái với quan điểm của mình: Chúng bị luyến ái, bị luyến ái nặng bởi quan điểm, bởi sự luyến ái với quan điểm của mình.

"Bởi vì chúng bị nhiễm nặng do sự luyến ái với quan điểm của mình" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Những kẻ nào thuyết về pháp khác so với điều này,
Những kẻ ấy bị thất bại về [đạo lộ] trong sạch; chúng không toàn hảo.
Những kẻ ngoại đạo cũng nói như vậy theo nhiều cách khác nhau,
Bởi vì chúng bị nhiễm nặng do sự luyến ái với quan điểm của mình."

12.15. *"Chỉ nơi đây có sự trong sạch", chúng nói như thế ấy;*
Chúng đã nói sự thanh tịnh không có ở các giáo pháp khác.
Những kẻ ngoại đạo cũng đã gầy dựng như vậy theo kiểu cách riêng
Về đường lối của mình, trong khi nói một cách chắc chắn về điều ấy.

"Chỉ nơi đây có sự trong sạch", chúng nói như thế ấy: Chúng nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả về sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi ở nơi đây. Chúng nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả về sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi ở nơi đây rằng: "Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại." Chúng nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả về sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi ở nơi đây rằng: "Thế giới là không thường còn,… (nt)… chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại."

"'Chỉ nơi đây có sự trong sạch', chúng nói như thế ấy" là như thế.

Chúng đã nói sự thanh tịnh không có ở các giáo pháp khác: Chúng quăng bỏ, ném bỏ, vất bỏ tất cả các học thuyết khác ngoại trừ bậc Đạo sư, giáo lý, tập thể, quan điểm, lối thực hành, đạo lộ của bản thân, rồi đã nói như vầy: "Bậc Đạo sư ấy không là đấng Toàn tri, pháp không khéo được thuyết giảng, tập thể không thực hành tốt đẹp, quan điểm không tốt lành, lối thực hành không khéo được quy định, đạo lộ không dẫn dắt ra khỏi; ở đây không có sự trong sạch, hay sự thanh tịnh, hay sự hoàn toàn trong sạch, hay sự thoát khỏi, hay sự giải thoát, hay sự hoàn toàn thoát khỏi; ở đây không có những người được trong sạch, hay được thanh tịnh, hay được hoàn toàn trong sạch, hay được thoát khỏi, hay được giải thoát, hay được hoàn toàn thoát khỏi; họ thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi"; chúng thuyết giảng như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy.

"Chúng đã nói sự thanh tịnh không có ở các giáo pháp khác" là như thế.

Những kẻ ngoại đạo cũng đã gầy dựng như vậy theo kiểu cách riêng: Ngoại đạo nói đến tà kiến. Những kẻ ngoại đạo nói đến những kẻ theo tà kiến. Những kẻ ngoại đạo khác biệt đã gầy dựng, đã thiết lập, đã bám vào, đã đến gần, đã bám chặt, đã hướng đến những tà kiến khác biệt nhau.

"Những kẻ ngoại đạo cũng đã gầy dựng như vậy theo kiểu cách riêng" là như thế.

Về đường lối của mình, trong khi nói một cách chắc chắn về điều ấy: Pháp là đường lối của mình, quan điểm là đường lối của mình, lối thực hành là đường lối của mình, đạo lộ là đường lối của mình; chúng có lời nói chắc chắn, có lời nói vững chắc, có lời nói vững mạnh, có lời nói kiên định về đường lối của mình.

"Về đường lối của mình, trong khi nói một cách chắc chắn về điều ấy" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"'Chỉ nơi đây có sự trong sạch', chúng nói như thế ấy;
Chúng đã nói sự thanh tịnh không có ở các giáo pháp khác.
Những kẻ ngoại đạo cũng đã gầy dựng như vậy theo kiểu cách riêng
Về đường lối của mình, trong khi nói một cách chắc chắn về điều ấy."

12.16. *Và trong khi nói một cách chắc chắn về đường lối của mình,*
Người nào khác ở đó mà kẻ ấy có thể đánh giá là "ngu si"?
Kẻ ấy tự chính mình đem lại sự gây gổ,
Trong khi nói người khác là ngu si, là có pháp không trong sạch.

Và trong khi nói một cách chắc chắn về đường lối của mình: Pháp là đường lối của mình, quan điểm là đường lối của mình, lối thực hành là đường lối của mình, đạo lộ là đường lối của mình; chúng có lời nói chắc chắn, có lời nói vững chắc, có lời nói vững mạnh, có lời nói kiên định về đường lối của mình.

"Và trong khi nói một cách chắc chắn về đường lối của mình" là như thế.

Người nào khác ở đó mà kẻ ấy có thể đánh giá là "ngu si"?

Ở đó: Ở quan điểm của mình, ở sự chấp nhận của mình, ở sự ưa thích của mình, ở quan niệm của mình, [kẻ ấy] có thể đánh giá người nào, có thể nhìn thấy người nào, có thể nhận thấy người nào, có thể quan sát người nào, có thể suy xét người nào, có thể khảo sát người nào khác là thấp hèn, là hèn kém, là thấp kém, là thấp thỏi, là tồi tệ, là nhỏ nhoi.

"Người nào khác ở đó mà kẻ ấy có thể đánh giá là 'ngu si'?" là như thế.

Kẻ ấy tự chính mình đem lại sự gây gổ, trong khi nói người khác là ngu si, là có pháp không trong sạch: "Người khác là ngu si, thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi, có pháp không trong sạch, có pháp không thanh tịnh, có pháp không hoàn toàn trong sạch, có pháp không trong trắng", trong khi nói như vậy, trong khi thuyết giảng như vậy, trong khi phát ngôn như vậy, trong khi giảng giải như vậy, trong khi diễn tả như vậy, tự chính mình có thể đem lại, có thể đem lại trọn vẹn, có thể mang đến, có thể mang đến trọn vẹn,

có thể kéo đến, có thể kéo đến trọn vẹn, có thể nắm lấy, có thể bám víu, có thể chấp chặt vào sự cãi cọ, sự cãi lộn, sự cãi vã, sự tranh cãi, sự gây gổ.

"Kẻ ấy tự chính mình đem lại sự gây gổ, trong khi nói người khác là ngu si, là có pháp không trong sạch" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Và trong khi nói một cách chắc chắn về đường lối của mình,
Người nào khác ở đó mà kẻ ấy có thể đánh giá là 'ngu si'?
Kẻ ấy tự chính mình đem lại sự gây gổ,
Trong khi nói người khác là ngu si, là có pháp không trong sạch."

12.17. *Sau khi đứng vững ở sự phán đoán, sau khi tự mình ước lượng,*
Kẻ ấy đi đến sự tranh cãi còn ở phía trước ở thế gian.
Sau khi từ bỏ tất cả các sự phán đoán,
Con người không tạo ra sự gây gổ ở thế gian.

Sau khi đứng vững ở sự phán đoán, sau khi tự mình ước lượng: Các sự phán đoán nói đến sáu mươi hai tà kiến. Sau khi đứng vững ở quan điểm của sự phán đoán, sau khi thiết lập, sau khi nắm lấy, sau khi bám víu, sau khi chấp chặt. "Sau khi đứng vững ở sự phán đoán" là như thế.

Sau khi tự mình ước lượng: Sau khi tự mình ước lượng, sau khi xác định. Sau khi tự mình ước lượng, sau khi xác định rằng: "Bậc Đạo sư này là đấng Toàn tri"; sau khi tự mình ước lượng, sau khi xác định rằng: "Giáo pháp này khéo được thuyết giảng, tập thể này đã thực hành tốt đẹp, quan điểm này là tốt lành, lối thực hành này đã khéo được quy định, đạo lộ này dẫn dắt ra khỏi."

"Sau khi đứng vững ở sự phán đoán, sau khi tự mình ước lượng" là như thế.

Kẻ ấy đi đến sự tranh cãi còn ở phía trước ở thế gian.

Còn ở phía trước: Nói đến thời vị lai. Trừ ra sự tranh luận còn ở phía trước của bản thân, kẻ ấy tự chính mình tiếp cận, đi đến gần, nắm lấy, bám víu, chấp chặt sự cãi cọ, sự cãi lộn, sự cãi vã, sự tranh cãi, sự gây gổ. "Kẻ ấy đi đến sự tranh cãi còn ở phía trước ở thế gian" là như vậy. Hoặc là, với sự tranh luận khác còn ở phía trước, kẻ ấy gây ra sự cãi cọ, gây ra sự cãi lộn, gây ra sự cãi vã, gây ra sự tranh cãi, gây ra sự gây gổ rằng: "Ngươi không biết Pháp và Luật này… (nt)… hoặc ngươi hãy gỡ rối nếu ngươi có khả năng."

"Kẻ ấy đi đến sự tranh cãi còn ở phía trước ở thế gian" còn là như vậy.

Sau khi từ bỏ tất cả các sự phán đoán: Các sự phán đoán nói đến sáu mươi hai tà kiến; sau khi từ bỏ, sau khi phế bỏ, sau khi buông bỏ, sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu tất cả các sự phán đoán từ sự phán đoán về quan điểm.

"Sau khi từ bỏ tất cả các sự phán đoán" là như thế.

Con người không tạo ra sự gây gổ ở thế gian: Không gây ra sự cãi cọ, không gây ra sự cãi lộn, không gây ra sự cãi vã, không gây ra sự tranh cãi,

không gây ra sự gây gổ. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này Aggivessana, với tâm đã được giải thoát như vậy, vị Tỳ-khưu không nói hùa theo bất cứ ai, không tranh cãi với bất cứ ai, sử dụng ngôn từ được thông dụng ở thế gian và không bám víu [vào ngôn từ ấy].”

Con người: Là chúng sanh, đàn ông, thanh niên, người nam, cá nhân, mạng sống, người còn sanh tử, con người, người đi theo nghiệp, nhân loại.

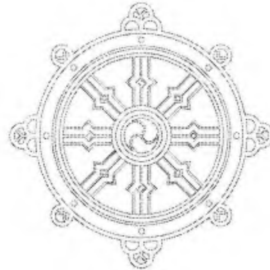
Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh,… (nt)… ở thế gian của các xứ.

“Con người không tạo ra sự gây gổ ở thế gian” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Sau khi đứng vững ở sự phán đoán, sau khi tự mình ước lượng,
Kẻ ấy đi đến sự tranh cãi còn ở phía trước ở thế gian.
Sau khi từ bỏ tất cả các sự phán đoán,
Con người không tạo ra sự gây gổ ở thế gian.”

“Diễn giải kinh sự dàn trận nhỏ” được đầy đủ - Phần thứ mười hai.



13. DIỄN GIẢI KINH SỰ DÀN TRẬN LỚN (*MAHĀVIYŪHASUTTANIDDESO*)

Giờ phần "Diễn giải kinh sự dàn trận lớn" được nói đến:

13.1. *Bất cứ những người nào, trong khi sống theo quan điểm [riêng của cá nhân], tranh cãi rằng: "Chỉ điều này là chân lý", phải chăng tất cả những người ấy đều mang lại sự chê bai, hay họ cũng đạt được sự khen ngợi về việc ấy?*

Bất cứ những người nào, trong khi sống theo quan điểm [riêng của cá nhân].

Bất cứ những người nào: Tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, cụm từ "*ye kecī*" này là lối nói của sự bao gồm.

Trong khi sống theo quan điểm [riêng của cá nhân]: Có một số Sa-môn và Bà-la-môn là những người theo tà kiến. Các vị ấy chấp nhận, tiếp thu, nắm lấy, bám víu, chấp chặt tà kiến này khác trong số sáu mươi hai tà kiến, rồi trú, cộng trú, cư trú, lưu trú theo tà kiến của riêng mình. Giống như những người tại gia trú trong các ngôi nhà, những người có tội lỗi trú trong các tội lỗi, những người có ô nhiễm trú trong các ô nhiễm, tương tự như vậy, có một số… (nt)… lưu trú theo tà kiến của riêng mình.

"Bất cứ những người nào, trong khi sống theo quan điểm [riêng của cá nhân]" là như thế.

Tranh cãi rằng: "Chỉ điều này là chân lý": Họ nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả rằng: "Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại." Họ nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả rằng: "Thế giới là không thường còn,… (nt)… chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại."

"Tranh cãi rằng: 'Chỉ điều này là chân lý'" là như thế.

Phải chăng tất cả những người ấy đều mang lại sự chê bai: Có phải tất cả các Sa-môn và Bà-la-môn ấy đều đi đến sự chê bai, đều đi đến sự chê trách, đều đi đến sự không nổi tiếng; có phải tất cả đều bị chê bai, tất cả đều bị chê trách, tất cả đều không được nổi tiếng?

"Phải chăng tất cả những người ấy đều mang lại sự chê bai" là như thế.

Hay họ cũng đạt được sự khen ngợi về việc ấy? Về việc ấy, do quan điểm của mình, do sự chấp nhận của mình, do sự ưa thích của mình, do quan niệm của mình, họ đạt được, họ tiếp nhận, họ đạt đến, họ tìm thấy sự ca ngợi, sự khen ngợi, sự nổi tiếng, sự ca tụng.

"Hay họ cũng đạt được sự khen ngợi về việc ấy?" là như thế.

Vì thế, vị [Phật] do thần thông biến hóa ra đã hỏi rằng:

"Bất cứ những người nào, trong khi sống theo quan điểm [riêng của cá nhân], tranh cãi rằng: 'Chỉ điều này là chân lý', phải chăng tất cả những người ấy đều mang lại sự chê bai, hay họ cũng đạt được sự khen ngợi về việc ấy?"

13.2. *Bởi vì việc [ca ngợi] này là ít ỏi, không đủ để đưa đến sự yên lặng. Ta nói đến hai kết quả của sự tranh cãi. Và sau khi nhìn thấy như vậy thì không nên tạo ra sự tranh cãi, trong khi nhận thấy vùng đất không tranh cãi là an toàn [Niết-bàn].*

Bởi vì việc [ca ngợi] này là ít ỏi, không đủ để đưa đến sự yên lặng.

Bởi vì việc [ca ngợi] này là ít ỏi: Việc này là ít ỏi, việc này là thấp kém, việc này là chút ít, việc này là thấp thỏi, việc này là tồi tệ, việc này là nhỏ nhoi. "Bởi vì việc [ca ngợi] này là ít ỏi" là như thế.

Không đủ để đưa đến sự yên lặng: Là không đủ để đưa đến sự yên lặng của luyến ái, để đưa đến sự yên lặng của sân hận, để đưa đến sự yên lặng của si mê, để đưa đến sự yên lặng, sự an tịnh, sự vắng lặng, sự tịch diệt, sự buông bỏ, sự tịch tịnh của giận dữ, của thù hằn, của gièm pha, của ác ý, của ganh tỵ, của bỏn xẻn, của xảo trá, của lừa gạt, của bướng bỉnh, của hung hăng, của ngã mạn, của cao ngạo, của đam mê, của xao lãng, của tất cả ô nhiễm, của tất cả uế hạnh, của mọi sự lo lắng, của mọi sự bực bội, của mọi sự nóng nảy, của tất cả các pháp tạo tác bất thiện.

"Bởi vì việc [ca ngợi] này là ít ỏi, không đủ để đưa đến sự yên lặng" là như thế.

Ta nói đến hai kết quả của sự tranh cãi: Ta nói, Ta nêu ra, Ta chỉ bảo, Ta thông báo, Ta ấn định, Ta khai mở, Ta chia sẻ, Ta làm rõ, Ta bày tỏ rằng: "Đối với sự cãi cọ về quan điểm, đối với sự cãi lộn về quan điểm, đối với sự cãi vã về quan điểm, đối với sự tranh cãi về quan điểm, đối với sự gây gổ về quan điểm, có hai kết quả: Là chiến thắng và thất bại, là lợi lộc và không lợi lộc, là danh vọng và không danh vọng, là chê bai và ca ngợi, là hạnh phúc và khổ đau, là hỷ tâm và ưu tâm, là ưa thích và không ưa thích, là ưa chuộng và bất bình, là hưng phấn và chán nản, là chiều chuộng và chống đối. Hoặc là, việc làm ấy dẫn đến địa ngục, dẫn đến loài thú, dẫn đến thân phận ngạ quỷ."

"Ta nói đến hai kết quả của sự tranh cãi" là như thế.

Và sau khi nhìn thấy như vậy thì không nên tạo ra sự tranh cãi.

Và sau khi nhìn thấy như vậy: Sau khi nhìn thấy, sau khi nhìn xem, sau

khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt sự bất lợi này ở các sự cãi cọ về quan điểm, ở các sự cãi lộn về quan điểm, ở các sự cãi vã về quan điểm, ở các sự tranh cãi về quan điểm, ở các sự gây gổ về quan điểm. "Và sau khi nhìn thấy như vậy" là như thế.

Thì không nên tạo ra sự tranh cãi: Là không nên tạo ra sự cãi cọ, không nên tạo ra sự cãi lộn, không nên tạo ra sự cãi vã, không nên tạo ra sự tranh cãi, không nên tạo ra sự gây gổ; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu sự cãi cọ, sự cãi lộn, sự cãi vã, sự tranh cãi, sự gây gổ; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với sự cãi cọ, với sự cãi lộn, với sự cãi vã, với sự tranh cãi, với sự gây gổ; nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

"Và sau khi nhìn thấy như vậy thì không nên tạo ra sự tranh cãi" là như thế.

Trong khi nhận thấy vùng đất không tranh cãi là an toàn [Niết-bàn]: Vùng đất không tranh cãi nói đến bất tử, Niết-bàn, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Trong khi nhìn thấy, trong khi nhận thấy, trong khi quan sát, trong khi suy xét, trong khi khảo sát vùng đất không tranh cãi này là an toàn, là nơi nương tựa, là nơi trú ẩn, là nơi nương nhờ, là nơi không sợ hãi, là bất hoại, là bất tử, là Niết-bàn.

"Trong khi nhận thấy vùng đất không tranh cãi là an toàn [Niết-bàn]" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Bởi vì việc [ca ngợi] này là ít ỏi, không đủ để đưa đến sự yên lặng. Ta nói đến hai kết quả của sự tranh cãi. Và sau khi nhìn thấy như vậy thì không nên tạo ra sự tranh cãi, trong khi nhận thấy vùng đất không tranh cãi là an toàn [Niết-bàn]."

13.3. *Bất cứ những quy ước nào được sanh ra từ số đông, bậc đã hiểu biết không tiếp cận tất cả những điều ấy. Trong khi không thể hiện sự chấp nhận ở điều đã được thấy, ở điều đã được nghe, vị ấy không có sự vướng bận, tại sao lại đi đến với sự vướng bận?*

Bất cứ những quy ước nào được sanh ra từ số đông.

Bất cứ những [quy ước] nào: Là tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, cụm từ "*yā kācī*" này là lối nói của sự bao gồm.

Những quy ước: Những quy ước nói đến sáu mươi hai tà kiến là những quy ước về quan điểm.

Được sanh ra từ số đông: "Các quy ước được tạo ra bởi các phàm nhân." "Được sanh ra bởi số đông" là như thế, hoặc "các quy ước được tạo ra bởi số đông gồm nhiều người khác nhau." "Được sanh ra bởi số đông" là như thế.

"Bất cứ những quy ước nào được sanh ra từ số đông" là như thế.

Bậc đã hiểu biết không tiếp cận tất cả những điều ấy: Bậc đã hiểu biết, người đã đạt đến kiến thức, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh không đi đến, không tiếp cận, không đi đến gần, không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt toàn bộ tất cả những quy ước về quan điểm ấy.

"Bậc đã hiểu biết không tiếp cận tất cả những điều ấy" là như thế.

Vị ấy không có sự vướng bận, tại sao lại đi đến với sự vướng bận?

Sự vướng bận: Có hai sự vướng bận: Sự vướng bận do tham ái và sự vướng bận do tà kiến. ... (nt)… điều này là sự vướng bận do tham ái. ... (nt)… điều này là sự vướng bận do tà kiến. Đối với vị ấy, sự vướng bận do tham ái đã được dứt bỏ, sự vướng bận do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự vướng bận do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự vướng bận do tà kiến, là người không có sự vướng bận; vị ấy có thể tiếp cận, đi đến gần, nắm lấy, bám víu, chấp chặt vào sắc gì, [nghĩ rằng]: "Tự ngã của ta" có thể tiếp cận, đi đến gần, nắm lấy, bám víu, chấp chặt vào thọ gì, … tưởng gì, … các hành gì, … thức gì, … cảnh giới tái sanh gì, … sự tái sanh gì, … sự nối liền tái sanh gì, … sự hiện hữu gì, … sự luân hồi gì, … sự luân chuyển gì?

"Vị ấy, không có sự vướng bận, tại sao lại đi đến với sự vướng bận?" là như thế.

Trong khi không thể hiện sự chấp nhận ở điều đã được thấy, ở điều đã được nghe: Trong khi không tạo nên sự chấp nhận, trong khi không tạo nên sự mong muốn, trong khi không tạo nên sự yêu thương, trong khi không tạo nên sự luyến ái ở điều đã được thấy hoặc ở sự trong sạch do điều đã được thấy, ở điều đã được nghe hoặc ở sự trong sạch do điều đã được nghe, trong khi không làm sanh ra, trong khi không làm sanh khởi, trong khi không làm hạ sanh, trong khi không làm phát sanh.

"Trong khi không thể hiện sự chấp nhận ở điều đã được thấy, ở điều đã được nghe" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Bất cứ những quy ước nào được sanh ra từ số đông, bậc đã hiểu biết không tiếp cận tất cả những điều ấy. Trong khi không thể hiện sự chấp nhận ở điều đã được thấy, ở điều đã được nghe, vị ấy không có sự vướng bận, tại sao lại đi đến với sự vướng bận?"

13.4. *Những kẻ chủ trương giới là tối thượng đã nói sự trong sạch là do sự tự chế ngự. Sau khi thọ trì phận sự, họ duy trì [nghĩ rằng]: "Chúng ta hãy học tập ở lãnh vực này thôi, rồi sẽ có sự trong sạch"; họ bị dẫn dắt đến hữu trong khi tuyên bố [mình] là thiện xảo.*

Những kẻ chủ trương giới là tối thượng đã nói sự trong sạch là do sự tự chế ngự: Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết cho rằng giới là tối

thượng. Các vị ấy đã nói, phát biểu, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do giới, chỉ do sự thu thúc, chỉ do sự phòng hộ, chỉ do sự không vi phạm. Người con trai của Samaṇamuṇḍikā đã nói như vầy: "Này ông thợ mộc, ta tuyên bố rằng một người nam được thành tựu bốn pháp là người có thiện pháp đầy đủ, có thiện pháp tối thắng, là vị Sa-môn đã đạt được sự chứng đạt tối thượng, không bị đánh bại. Với bốn pháp nào?

Này ông thợ mộc, ở đây là không làm việc ác bằng thân, không nói lời nói ác, không tư duy ý nghĩ ác, không nuôi mạng theo lối nuôi mạng ác xấu. Này ông thợ mộc, ta tuyên bố rằng một người nam được thành tựu bốn pháp này là người có thiện pháp đầy đủ, có thiện pháp tối thắng, là vị Sa-môn đã đạt được sự chứng đạt tối thượng, không bị đánh bại." Tương tự như vậy, có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết cho rằng giới là tối thượng. Các vị ấy đã nói, phát biểu, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do giới, chỉ do sự thu thúc, chỉ do sự phòng hộ, chỉ do sự không vi phạm.

"Những kẻ chủ trương giới là tối thượng đã nói sự trong sạch là do sự tự chế ngự" là như thế.

Sau khi thọ trì phận sự, họ duy trì.

Phận sự: Sau khi nhận lấy, sau khi thọ trì, sau khi nhận lấy cho mình, sau khi thọ trì cho mình, sau khi nắm lấy, sau khi bám víu, sau khi chấp chặt hạnh loài voi, hoặc hạnh loài ngựa, hoặc hạnh loài bò, hoặc hạnh loài chó, hoặc hạnh loài quạ, hoặc hạnh thần tài, hoặc hạnh thần sức mạnh, hoặc hạnh thần Puṇṇabhaddā, hoặc hạnh thần Maṇibhaddā, hoặc hạnh của lửa, hoặc hạnh loài rồng, hoặc hạnh linh điểu, hoặc hạnh dạ-xoa, hoặc hạnh a-tu-la, hoặc hạnh càn-thát-bà, hoặc hạnh đại vương, hoặc hạnh mặt trăng, hoặc hạnh mặt trời, hoặc hạnh Thiên vương, hoặc hạnh Phạm thiên, hoặc hạnh thiên nhân, hoặc hạnh [lễ bái theo] phương hướng, họ đã duy trì, đã thiết lập, đã bám vào, đã đến gần, đã bám chặt, đã hướng đến.

"Sau khi thọ trì phận sự, họ duy trì" là như thế.

Chúng ta hãy học tập ở lãnh vực này thôi, rồi sẽ có sự trong sạch.

Ở lãnh vực này: Ở quan điểm của mình, ở sự chấp nhận của mình, ở sự ưa thích của mình, ở quan niệm của mình.

Chúng ta hãy học tập: Chúng ta hãy học tập, hãy hành xử, hãy hành theo, hãy thọ trì và vận dụng. "Chúng ta hãy học tập ở lãnh vực này thôi" là như thế.

Rồi sẽ có sự trong sạch: Rồi sẽ có sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi.

"Chúng ta hãy học tập ở lãnh vực này thôi, rồi sẽ có sự trong sạch" là như thế.

Họ bị dẫn dắt đến hữu trong khi tuyên bố [mình] là thiện xảo.

Họ bị dẫn dắt đến hữu: Họ bị dẫn dắt đến hữu là họ đến gần hữu, bám chặt hữu, hướng đến hữu. "Họ bị dẫn dắt đến hữu" là như thế.

Trong khi tuyên bố [mình] là thiện xảo: Là có học thuyết thiện xảo, có học thuyết sáng suốt, có học thuyết vững chắc, có học thuyết đúng đắn, có học thuyết thực tiễn, có học thuyết rõ rệt, có học thuyết gương mẫu, có học thuyết giá trị dựa theo quan niệm của mình.

"Họ bị dẫn dắt đến hữu trong khi tuyên bố [mình] là thiện xảo" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Những kẻ chủ trương giới là tối thượng đã nói sự trong sạch là do sự tự chế ngự. Sau khi thọ trì phận sự, họ duy trì [nghĩ rằng]: 'Chúng ta hãy học tập ở lãnh vực này thôi, rồi sẽ có sự trong sạch'; họ bị dẫn dắt đến hữu trong khi tuyên bố [mình] là thiện xảo."

13.5. *Nếu đã lìa khỏi giới và phận sự, kẻ ấy run rẩy sau khi thất bại về hành động; kẻ ấy tham muốn và ước nguyện sự trong sạch, ví như người bị thất lạc với đoàn lữ hành trong khi sống xa nhà.*

Nếu đã lìa khỏi giới và phận sự: Lìa khỏi giới và phận sự bởi hai lý do: Lìa khỏi do sự can ngăn của người khác, hoặc là trong khi không thành tựu rồi lìa khỏi. Lìa khỏi do sự can ngăn của người khác là thế nào? Người khác can ngăn rằng: "Vị Đạo sư ấy không là đấng Toàn tri, pháp không khéo được thuyết giảng, tập thể không thực hành tốt đẹp, quan điểm không tốt lành, lối thực hành không khéo được quy định, đạo lộ không dẫn dắt ra khỏi; ở đây không có sự trong sạch, hay sự thanh tịnh, hay sự hoàn toàn trong sạch, hay sự thoát khỏi, hay sự giải thoát, hay sự hoàn toàn thoát khỏi; ở đây không có những người được trong sạch, hay được thanh tịnh, hay được hoàn toàn trong sạch, hay được thoát khỏi, hay được giải thoát, hay được hoàn toàn thoát khỏi; họ là thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi." "Người khác can ngăn" là như vậy. Trong khi bị can ngăn như vậy rồi lìa khỏi vị Đạo sư, lìa khỏi giáo lý, lìa khỏi tập thể, lìa khỏi quan điểm, lìa khỏi lối thực hành, lìa khỏi đạo lộ. "Lìa khỏi do sự can ngăn của người khác" là như vậy. Trong khi không thành tựu rồi lìa khỏi là thế nào? Trong khi không thành tựu giới rồi lìa khỏi giới, trong khi không thành tựu phận sự rồi lìa khỏi phận sự, trong khi không thành tựu giới và phận sự rồi lìa khỏi giới và phận sự. "Trong khi không thành tựu rồi lìa khỏi" là như vậy.

"Nếu đã lìa khỏi giới và phận sự" là như thế.

Kẻ ấy run rẩy sau khi thất bại về hành động.

Kẻ ấy run rẩy: "Ta bị mất mát, ta bị thất bại, ta bị lầm lỡ, ta bị rơi khỏi giới, hoặc phận sự, hay giới và phận sự; ta bị thất bại do không hiểu biết", [nghĩ vậy] kẻ ấy run rẩy, chấn động, rúng động. "Kẻ ấy run rẩy" là như thế.

Sau khi thất bại về hành động: "Ta bị mất mát, ta bị thất bại, ta bị lầm lỡ,

ta bị rơi khỏi phúc hành, hoặc phi phúc hành, hoặc bất động hành;[1] ta bị thất bại do không hiểu biết", [nghĩ vậy] kẻ ấy run rẩy, chấn động, rúng động.

"Kẻ ấy run rẩy sau khi thất bại về hành động" là như thế.

Kẻ ấy tham muốn và ước nguyện sự trong sạch.

Kẻ ấy tham muốn: Là tham muốn giới, hoặc tham muốn phận sự, hoặc tham muốn giới và phận sự, khởi tham muốn, nguyện cầu. "Kẻ ấy tham muốn" là như thế.

Và ước nguyện sự trong sạch: Là ước nguyện sự trong sạch về giới, hoặc ước nguyện sự trong sạch về phận sự, hoặc ước nguyện sự trong sạch về giới và phận sự, mong cầu, nguyện cầu.

"Kẻ ấy tham muốn và ước nguyện sự trong sạch" là như thế.

Ví như người bị thất lạc với đoàn lữ hành trong khi sống xa nhà: Giống như người nam, trong lúc rời khỏi nhà sống cùng đoàn lữ hành và bị rớt lại phía sau đoàn lữ hành, thì: Hoặc là đuổi theo đoàn lữ hành ấy, hoặc là trở về lại nhà của mình; tương tự y như thế, kẻ theo tà kiến ấy nắm lấy vị Đạo sư ấy hoặc là nắm lấy vị Đạo sư khác, nắm lấy giáo lý ấy hoặc là nắm lấy giáo lý khác, nắm lấy tập thể ấy hoặc là nắm lấy tập thể khác, nắm lấy quan điểm ấy hoặc là nắm lấy quan điểm khác, nắm lấy lối thực hành ấy, hoặc là nắm lấy lối thực hành khác, nắm lấy đạo lộ ấy hoặc là nắm lấy đạo lộ khác, bám víu, chấp chặt.

"Ví như người bị thất lạc với đoàn lữ hành trong khi sống xa nhà" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Nếu đã lìa khỏi giới và phận sự, kẻ ấy run rẩy sau khi thất bại về hành động; kẻ ấy tham muốn và ước nguyện sự trong sạch, ví như người bị thất lạc với đoàn lữ hành trong khi sống xa nhà."

13.6. *Và sau khi đã dứt bỏ tất cả giới và phận sự,*
Cùng hành động có tội hoặc không có tội ấy,
Trong khi không ước nguyện "sự trong sạch hay không trong sạch",
Đã xa lánh, vị ấy sống, không nắm bắt sự an tịnh [do tà kiến].

Và sau khi đã dứt bỏ tất cả giới và phận sự: Sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu tất cả các sự trong sạch do giới; sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu tất cả các sự trong sạch do phận sự; sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu tất cả các sự trong sạch do giới và phận sự.

"Và sau khi đã dứt bỏ tất cả giới và phận sự" là như thế.

---

[1] Xem chú thích về "phúc hành, phi phúc hành, bất động hành" ở trang 77. (ND)

Cùng hành động có tội hoặc không có tội ấy: Hành động có tội nói đến pháp đen với quả thành tựu đen; hành động không có tội nói đến pháp trắng với quả thành tựu trắng. Sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu hành động có tội và hành động không có tội.

"Cùng hành động có tội hoặc không có tội ấy" là như thế.

Trong khi không ước nguyện "sự trong sạch hay không trong sạch."

Sự không trong sạch: Ước nguyện sự không trong sạch là ước nguyện các pháp bất thiện. **Sự trong sạch:** Ước nguyện sự trong sạch là ước nguyện năm loại dục. Ước nguyện sự không trong sạch là ước nguyện các pháp bất thiện, ước nguyện năm loại dục; ước nguyện sự trong sạch là ước nguyện sáu mươi hai tà kiến; ước nguyện sự không trong sạch là ước nguyện các pháp bất thiện, ước nguyện năm loại dục, ước nguyện sáu mươi hai tà kiến; ước nguyện sự trong sạch là ước nguyện các pháp thiện liên quan đến Tam giới; ước nguyện sự không trong sạch là ước nguyện các pháp bất thiện, ước nguyện năm loại dục, ước nguyện sáu mươi hai tà kiến, ước nguyện các pháp thiện liên quan đến Tam giới; ước nguyện sự trong sạch là các phàm phu tốt lành ước nguyện sự nhập vào dòng Thánh, các bậc Hữu học ước nguyện pháp tột đỉnh là phẩm vị A-la-hán; khi đã đạt được phẩm vị A-la-hán, bậc A-la-hán không còn ước nguyện các pháp bất thiện, cũng không ước nguyện năm loại dục, cũng không ước nguyện sáu mươi hai tà kiến, cũng không ước nguyện các pháp thiện liên quan đến Tam giới, cũng không ước nguyện sự nhập vào dòng Thánh, cũng không ước nguyện pháp tột đỉnh là phẩm vị A-la-hán. Trong khi vượt qua hẳn sự ước nguyện, bậc A-la-hán đã vượt qua khỏi sự tiến tu và thối thất, vị ấy đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành, đã vượt khỏi việc sanh-lão-tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vị ấy.

"Trong khi không ước nguyện 'sự trong sạch hay không trong sạch'" là như thế.

Đã xa lánh, vị ấy sống, không nắm bắt sự an tịnh [do tà kiến].

Đã xa lánh: Đã xa lánh, đã tránh khỏi, đã tránh xa, đã đi ra ngoài, đã rời ra, đã thoát khỏi, không bị ràng buộc với sự trong sạch và không trong sạch, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

Vị ấy sống: Vị ấy sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng. "Đã xa lánh, vị ấy sống" là như thế.

Không nắm bắt sự an tịnh [do tà kiến]: Các sự an tịnh nói đến sáu mươi hai tà kiến; trong khi không nắm lấy, trong khi không bám víu, trong khi không chấp chặt các sự an tịnh do tà kiến.

"Đã xa lánh, vị ấy sống, không nắm bắt sự an tịnh [do tà kiến]" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Và sau khi đã dứt bỏ tất cả giới và phận sự,
Cùng hành động có tội hoặc không có tội ấy,
Trong khi không ước nguyện 'sự trong sạch hay không trong sạch',
Đã xa lánh, vị ấy sống, không nắm bắt sự an tịnh [do tà kiến]."

13.7. *Sau khi nương tựa vào điều đã bị chán ghét ấy [khổ hạnh], hoặc vào điều đã được thấy, vào điều đã được nghe, hoặc vào điều đã được cảm giác, những kẻ chủ trương luân hồi hướng thượng kể lể về sự trong sạch, họ chưa xa lìa tham ái ở hữu và phi hữu.*

Sau khi nương tựa vào điều đã bị chán ghét ấy [khổ hạnh]: Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết chán ghét khổ hạnh, có chủ trương chán ghét khổ hạnh, đã nương tựa, đã nương nhờ, đã bám vào, đã đến gần, đã bám chặt, đã hướng đến sự chán ghét khổ hạnh.

"Sau khi nương tựa vào điều đã bị chán ghét ấy [khổ hạnh]" là như thế.

Hoặc vào điều đã được thấy, vào điều đã được nghe, hoặc vào điều đã được cảm giác: Sau khi nương tựa, sau khi dựa vào, sau khi nắm lấy, sau khi bám víu, sau khi chấp chặt vào điều đã được thấy hoặc sự trong sạch do điều đã được thấy, vào điều đã được nghe hoặc sự trong sạch do điều đã được nghe, vào điều đã được cảm giác hoặc sự trong sạch do điều đã được cảm giác.

"Hoặc vào điều đã được thấy, vào điều đã được nghe, hoặc vào điều đã được cảm giác" là như thế.

Những kẻ chủ trương luân hồi hướng thượng kể lể về sự trong sạch: Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết luân hồi hướng thượng. Các Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết luân hồi hướng thượng ấy là các vị nào? Các Sa-môn và Bà-la-môn nào là các vị tin vào sự trong sạch tột cùng, các vị tin rằng sự trong sạch do luân hồi, các vị theo quan điểm không hành động, các vị có học thuyết thường còn, các vị này là các Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết luân hồi hướng thượng. Các vị ấy kể lể, nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là thông qua sự tái sanh luân hồi.

"Những kẻ chủ trương luân hồi hướng thượng kể lể về sự trong sạch" là như thế.

Chúng chưa xa lìa tham ái ở hữu và phi hữu.

Tham ái: Ái cảnh sắc, ái cảnh thinh, ái cảnh khí, ái cảnh vị, ái cảnh xúc, ái cảnh pháp.

Ở hữu và phi hữu: Ở dục giới, sắc giới, vô sắc giới, ở sự hiện hữu của nghiệp, ở sự hiện hữu lần nữa; ở sự hiện hữu của nghiệp là dục giới, ở sự hiện hữu lần nữa là dục giới, ở sự hiện hữu của nghiệp là sắc giới, ở sự hiện hữu lần nữa là sắc giới, ở sự hiện hữu của nghiệp là vô sắc giới, ở sự hiện hữu lần nữa là vô sắc giới; ở sự

hiện hữu được lặp đi lặp lại, ở cảnh giới tái sanh được lặp đi lặp lại, ở sự tiếp nối tái sanh được lặp đi lặp lại, ở sự sanh ra của bản ngã được lặp đi lặp lại, [các vị ấy] có tham ái chưa được xa lìa, có tham ái chưa được tách lìa, có tham ái chưa được từ bỏ, có tham ái chưa được tẩy trừ, có tham ái chưa được giải thoát, có tham ái chưa được dứt bỏ, có tham ái chưa được buông bỏ.

"Chúng chưa xa lìa tham ái ở hữu và phi hữu" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Sau khi nương tựa vào điều đã bị chán ghét ấy [khổ hạnh], hoặc vào điều đã được thấy, vào điều đã được nghe, hoặc vào điều đã được cảm giác, những kẻ chủ trương luân hồi hướng thượng kể lể về sự trong sạch, chúng chưa xa lìa tham ái ở hữu và phi hữu."

13.8. *Bởi vì, người trong khi ước nguyện thì có các sự tham muốn,*
Thậm chí còn có sự run sợ về các điều đã được xếp đặt.
Ở đây, đối với vị nào tử và sanh là không có,
Vị ấy có thể run rẩy vì cái gì, có thể tham muốn về cái gì?

Bởi vì, người trong khi ước nguyện thì có các sự tham muốn: Ước nguyện nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Người trong khi ước nguyện: Đối với người đang ước nguyện, đối với người đang ước muốn, đối với người đang ưng thuận, đối với người đang mong cầu, đối với người đang nguyện cầu. "Bởi vì, người trong khi ước nguyện" là như thế.

Các sự tham muốn: Tham muốn nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

"Bởi vì, người trong khi ước nguyện thì có các sự tham muốn" là như thế.

Thậm chí còn có sự run sợ về các điều đã được xếp đặt.

Sự xếp đặt: Có hai sự xếp đặt: Xếp đặt do tham ái và xếp đặt do tà kiến. ... (nt)... điều này là xếp đặt do tham ái. ... (nt)... điều này là xếp đặt do tà kiến.

Thậm chí còn có sự run sợ về các điều đã được xếp đặt: Có sự lo âu về việc chiếm đoạt vật đã được xếp đặt nên chúng run rẩy, trong khi đang bị chiếm đoạt chúng run rẩy, khi đã bị chiếm đoạt chúng run rẩy; có sự lo âu về việc biến đổi của vật đã được xếp đặt nên chúng run rẩy, trong khi vật đang bị biến đổi chúng run rẩy, khi vật đã bị biến đổi chúng run rẩy, chúng run sợ, chúng rúng động.

"Thậm chí còn có sự run sợ về các điều đã được xếp đặt" là như thế.

Ở đây, đối với vị nào tử và sanh là không có.

Đối với vị nào: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt; đối với vị ấy sự ra đi, sự đi đến, sự ra đi và đi đến, thời điểm [từ trần], cảnh giới tái sanh,

hữu và phi hữu, sự tử vong, sự tái sanh, sự hạ sanh, sự tan rã, sự sanh-già-chết là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

"Ở đây, đối với vị nào tử và sanh là không có" là như thế.

Vị ấy có thể run rẩy vì cái gì, có thể tham muốn về cái gì? Vị ấy có thể run rẩy bởi sự luyến ái gì, có thể run rẩy bởi sự sân hận gì, có thể run rẩy bởi sự si mê gì, có thể run rẩy bởi sự ngã mạn gì, có thể run rẩy bởi tà kiến gì, có thể run rẩy bởi sự phóng dật gì, có thể run rẩy bởi hoài nghi gì, có thể run rẩy bởi các pháp tiềm ẩn gì, [nghĩ rằng]: "Có phải ta là 'kẻ bị luyến ái', hoặc là 'kẻ bị sân hận', hoặc là 'kẻ bị si mê', hoặc là 'kẻ bị trói buộc', hoặc là 'kẻ bị bám víu', hoặc là 'kẻ bị tán loạn', hoặc là 'kẻ không dứt khoát', hoặc là 'kẻ cứng cỏi'?" Các pháp tạo tác ấy là đã được dứt bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với các pháp tạo tác, thì do điều gì vị ấy có thể run rẩy về cảnh giới tái sanh, [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở thành 'người địa ngục', hoặc là 'loài thú', hoặc là 'thân phận ngạ quỷ', hoặc là 'loài người', hoặc là 'thiên nhân', hoặc là 'người hữu sắc', hoặc là 'người vô sắc', hoặc là 'người hữu tưởng', hoặc là 'người vô tưởng', hoặc là 'người phi tưởng phi phi tưởng'?" Không có nhân, không có duyên, không có lý do, mà bởi điều ấy vị ấy có thể run rẩy, run sợ, rúng động. "Vị ấy có thể run rẩy vì cái gì?" là như thế.

Có thể tham muốn về cái gì: Hoặc là có thể tham muốn về chỗ nào, có thể tham muốn về điều gì, có thể tham muốn, có thể khởi tham muốn, có thể nguyện cầu về nơi nào.

"Vị ấy có thể run rẩy vì cái gì, có thể tham muốn về cái gì?" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Bởi vì, người trong khi ước nguyện thì có các sự tham muốn,
Thậm chí còn có sự run sợ về các điều đã được xếp đặt.
Ở đây, đối với vị nào tử và sanh là không có,
Vị ấy có thể run rẩy vì cái gì, có thể tham muốn về cái gì?"

13.9. *Pháp nào mà một số vị đã nói là "tối thắng",*
Trái lại, những vị khác đã nói về pháp ấy là "thấp hèn";
Vậy trong số những vị này, lời nói nào là sự thật,
Bởi vì tất cả các vị này đều tuyên bố [mình] là thiện xảo?

Pháp nào mà một số vị đã nói là "tối thắng": Giáo pháp, quan điểm, cách thực hành, đạo lộ nào mà một số Sa-môn và Bà-la-môn đã nói như vầy, thuyết như vầy, phát ngôn như vầy, giảng giải như vầy, diễn tả như vầy: "Điều này là tối thắng, cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý."

"Pháp nào mà một số vị đã nói là 'tối thắng'" là như thế.

Trái lại, những vị khác đã nói về pháp ấy là thấp hèn: Một số Sa-môn và

Bà-la-môn đã nói như vầy, thuyết như vầy, phát ngôn như vầy, giảng giải như vầy, diễn tả như vầy về giáo pháp, về quan điểm, về cách thực hành, về đạo lộ ấy rằng: "Điều ấy là thấp hèn, điều ấy là hèn kém, điều ấy là thấp kém, điều ấy là thấp thỏi, điều ấy là tồi tệ, điều ấy là nhỏ nhoi."

"Trái lại, những vị khác đã nói về pháp ấy là 'thấp hèn'" là như thế.

Vậy trong số những vị này, lời nói nào là sự thật: Trong số các Sa-môn và Bà-la-môn này, lời nói nào là sự thật, là đúng đắn, là thực thể, là đang xảy ra, là chính xác, là không bị sai lệch.

"Vậy trong số những vị này, lời nói nào là sự thật" là như thế.

Bởi vì tất cả các vị này đều tuyên bố [mình] là thiện xảo: Toàn bộ tất cả các Sa-môn và Bà-la-môn này đều có học thuyết thiện xảo, có học thuyết sáng suốt, có học thuyết vững chắc, có học thuyết đúng đắn, có học thuyết thực tiễn, có học thuyết rõ rệt, có học thuyết gương mẫu, có học thuyết giá trị dựa theo quan niệm của mình.

"Bởi vì tất cả các vị này đều tuyên bố [mình] là thiện xảo" là như thế.

Vì thế, vị [Phật] do thần thông biến hóa ra đã hỏi rằng:

"Pháp nào mà một số vị đã nói là 'tối thắng',
Trái lại, những vị khác đã nói về pháp ấy là 'thấp hèn';
Vậy trong số những vị này, lời nói nào là sự thật,
Bởi vì tất cả các vị này đều tuyên bố [mình] là thiện xảo?"

13.10. *Chúng đã tuyên bố pháp của chính mình là hoàn hảo,*
Hơn nữa, chúng đã tuyên bố pháp của người khác là thấp hèn.
Sau khi giữ khư khư [quan điểm của mình] như vậy, chúng tranh cãi,
Và đã tuyên bố quan điểm riêng của từng cá nhân là chân lý.

Chúng đã tuyên bố pháp của chính mình là hoàn hảo: Một số Sa-môn và Bà-la-môn đã nói như vầy, thuyết như vầy, phát ngôn như vầy, giảng giải như vầy, diễn tả như vầy về giáo pháp, về quan điểm, về cách thực hành, về đạo lộ của chính mình rằng: "Điều này là đầy đủ, hoàn hảo, không thiếu sót."

"Chúng đã tuyên bố pháp của chính mình là hoàn hảo" là như vậy.

Hơn nữa, chúng đã tuyên bố pháp của người khác là thấp hèn: Một số Sa-môn và Bà-la-môn đã nói như vầy, thuyết như vầy, phát ngôn như vầy, giảng giải như vầy, diễn tả như vầy về giáo pháp, về quan điểm, về cách thực hành, về đạo lộ của người khác rằng: "Điều ấy là thấp hèn, điều ấy là hèn kém, điều ấy là thấp kém, điều ấy là thấp thỏi, điều ấy là tồi tệ, điều ấy là nhỏ nhoi."

"Hơn nữa, chúng đã tuyên bố pháp của người khác là thấp hèn" là như thế.

Sau khi giữ khư khư [quan điểm của mình] như vậy, chúng tranh cãi: Sau khi chấp nhận, sau khi tiếp thu, sau khi nắm lấy, sau khi bám víu, sau khi chấp chặt như vậy, chúng tranh cãi, thực hiện sự cãi cọ, thực hiện sự cãi lộn,

thực hiện sự cãi vã, thực hiện sự tranh cãi, thực hiện sự gây gổ rằng: "Ngươi không biết Pháp và Luật này… (nt)… hoặc ngươi hãy gỡ rối nếu ngươi có khả năng."

"Sau khi giữ khư khư [quan điểm của mình] như vậy, chúng tranh cãi" là như thế.

Và đã tuyên bố quan điểm riêng của từng cá nhân là chân lý: Chúng đã tuyên bố quan điểm riêng của từng cá nhân là chân lý rằng: "Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại"; chúng đã tuyên bố quan điểm riêng của từng cá nhân là chân lý rằng: "Thế giới là không thường còn,… (nt)… chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại."

"Và đã tuyên bố quan điểm riêng của từng cá nhân là chân lý" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Chúng đã tuyên bố pháp của chính mình là hoàn hảo,
Hơn nữa, chúng đã tuyên bố pháp của người khác là thấp hèn.
Sau khi giữ khư khư [quan điểm của mình] như vậy, chúng tranh cãi,
Và đã tuyên bố quan điểm riêng của từng cá nhân là chân lý."

13.11. *Nếu là thấp hèn do việc bị khinh miệt của người khác,*
Thì không có pháp nào là đặc biệt trong số các pháp,
Bởi vì số đông tuyên bố pháp của người khác là thấp hèn,
Trong khi nói một cách chắc chắn về [pháp] của chính mình.

Nếu là thấp hèn do việc bị khinh miệt của người khác: Nếu bởi lý do bị khinh miệt, bởi lý do bị chê bai, bởi lý do bị chê trách, bởi lý do bị gièm pha của người khác, mà kẻ khác trở thành ngu si, thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi.

"Nếu là thấp hèn do việc bị khinh miệt của người khác" là như thế.

Thì không có pháp nào là đặc biệt trong số các pháp: Thì trong số các pháp, không có pháp nào là cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý.

"Thì không có pháp nào là đặc biệt trong số các pháp" là như thế.

Bởi vì số đông tuyên bố pháp của người khác là thấp hèn: Nhiều người tuyên bố, gièm pha, chê bai, chê trách pháp của nhiều người là thấp hèn, là hèn kém, là thấp kém, là thấp thỏi, là tồi tệ, là nhỏ nhoi; nhiều người tuyên bố, gièm pha, chê bai, chê trách pháp của một người là thấp hèn, là hèn kém, là thấp kém, là thấp thỏi, là tồi tệ, là nhỏ nhoi; một người tuyên bố, gièm pha, chê bai, chê trách pháp của nhiều người là thấp hèn, là hèn kém, là thấp kém, là thấp thỏi, là tồi tệ, là nhỏ nhoi; một người tuyên bố, gièm pha, chê bai, chê trách pháp của một người là thấp hèn, là hèn kém, là thấp kém, là thấp thỏi, là tồi tệ, là nhỏ nhoi.

"Bởi vì số đông tuyên bố pháp của người khác là thấp hèn" là như thế.

Trong khi nói một cách chắc chắn về [pháp] của chính mình: Pháp là đường lối của mình, quan điểm là đường lối của mình, lối thực hành là đường lối của mình, đạo lộ là đường lối của mình; chúng có lời nói chắc chắn, có lời nói vững chắc, có lời nói vững mạnh, có lời nói kiên định về đường lối của mình.

"Trong khi nói một cách chắc chắn về [pháp] của chính mình" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Nếu là thấp hèn do việc bị khinh miệt của người khác,
Thì không có pháp nào là đặc biệt trong số các pháp,
Bởi vì số đông tuyên bố pháp của người khác là thấp hèn,
Trong khi nói một cách chắc chắn về [pháp] của chính mình."

13.12. *Hơn nữa, việc tôn vinh pháp của chính mình sẽ là như thế ấy,*
Giống như cách chúng ngợi khen đường lối của mình.
Toàn bộ tất cả các học thuyết có thể là đúng đắn,
Bởi vì sự trong sạch của chúng chỉ liên quan đến cá nhân.

Hơn nữa, việc tôn vinh pháp của chính mình sẽ là như thế ấy: Việc tôn vinh pháp của chính mình là việc nào? Họ trọng vọng, cung kính, sùng bái, tôn vinh bậc Đạo sư của mình rằng: "Bậc Đạo sư này là đấng Toàn tri"; việc này là việc tôn vinh pháp của chính mình. Họ trọng vọng, cung kính, sùng bái, tôn vinh giáo lý của mình,... tập thể của mình,... quan điểm của mình,... lối thực hành của mình,... đạo lộ của mình rằng: "Đạo lộ này dẫn dắt ra khỏi"; việc này là việc tôn vinh pháp của chính mình.

Hơn nữa, việc tôn vinh pháp của chính mình sẽ là như thế ấy: Việc tôn vinh pháp của chính mình là như thế, là đúng đắn, là đang xảy ra, là chính xác, là không bị sai lệch.

"Hơn nữa, việc tôn vinh pháp của chính mình sẽ là như thế ấy" là như thế.

Giống như cách chúng ngợi khen đường lối của mình: Pháp là đường lối của mình, quan điểm là đường lối của mình, lối thực hành là đường lối của mình, đạo lộ là đường lối của mình; chúng ca ngợi, khen ngợi, tán dương, ca tụng đường lối của mình.

"Giống như cách chúng ngợi khen đường lối của mình" là như thế.

Toàn bộ tất cả các học thuyết có thể là đúng đắn: Toàn bộ tất cả các học thuyết có thể là như thế, là đúng đắn, là đang xảy ra, là chính xác, là không bị sai lệch.

"Toàn bộ tất cả các học thuyết có thể là đúng đắn" là như thế.

Bởi vì sự trong sạch của chúng chỉ liên quan đến cá nhân: Sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi của các Sa-môn và Bà-la-môn ấy chỉ liên quan đến cá nhân.

"Bởi vì sự trong sạch của chúng chỉ liên quan đến cá nhân" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Hơn nữa, việc tôn vinh pháp của chính mình sẽ là như thế ấy,
Giống như cách chúng ngợi khen đường lối của mình.
Toàn bộ tất cả các học thuyết có thể là đúng đắn,
Bởi vì sự trong sạch của chúng chỉ liên quan đến cá nhân."

13.13. *Đối với vị Bà-la-môn, không có việc bị dẫn dắt bởi người khác sau khi suy xét điều đã được nắm bắt trong số các pháp [tà kiến]. Do điều ấy, vị Bà-la-môn vượt lên trên các sự tranh cãi, bởi vì vị Bà-la-môn không nhìn thấy học thuyết khác là tối thắng.*

Đối với vị Bà-la-môn, không có việc bị dẫn dắt bởi người khác.

Không: Là sự phủ định.

Vị Bà-la-môn: Bà-la-môn do trạng thái đã loại trừ bảy pháp:... (nt)... Không nương nhờ, tự tại, vị ấy được gọi là Bà-la-môn.

Đối với vị Bà-la-môn, không có việc bị dẫn dắt bởi người khác: Đối với vị Bà-la-môn, không có trạng thái bị dẫn dắt bởi người khác; vị Bà-la-môn không bị dẫn dắt bởi người khác, không phụ thuộc người khác, không trông cậy người khác, không đi đến sự bị trói buộc với người khác, vị biết, vị thấy, không bị mê muội, có sự nhận biết rõ, có niệm. Đối với vị Bà-la-môn, không có trạng thái bị dẫn dắt bởi người khác [để hiểu] rằng: "Tất cả các hành là vô thường"; vị Bà-la-môn không bị dẫn dắt bởi người khác, không phụ thuộc người khác, không trông cậy người khác, không đi đến sự bị trói buộc với người khác, vị biết, vị thấy, không bị mê muội, có sự nhận biết rõ, có niệm. Đối với vị Bà-la-môn, không có trạng thái bị dẫn dắt bởi người khác [để hiểu] rằng: "Tất cả các hành là khổ";... (nt)... "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt"; vị Bà-la-môn không bị dẫn dắt bởi người khác, không phụ thuộc người khác, không trông cậy người khác, không đi đến sự bị trói buộc với người khác, vị biết, vị thấy, không bị mê muội, có sự nhận biết rõ, có niệm.

"Đối với vị Bà-la-môn, không có việc bị dẫn dắt bởi người khác" là như thế.

Sau khi suy xét điều đã được nắm bắt trong số các pháp.

Trong số các pháp: Là trong số sáu mươi hai tà kiến.

Sau khi suy xét: Sau khi đã suy xét, sau khi đã suy cứu, sau khi đã suy gẫm, sau khi đã suy nghiệm, sau khi đã cân nhắc, sau khi đã xác định, sau khi đã minh định, sau khi đã làm rõ rệt, sự nắm lấy có giới hạn, sự nắm lấy từng phần, sự nắm lấy phần quan trọng nhất, sự nắm lấy một khối, sự nắm lấy theo số lượng, sự nắm lấy tổng thể rằng: "Điều này là sự thật, là đúng đắn, là thực thể, là đang xảy ra, là xác đáng, là không bị sai lệch"; điều đã được nắm lấy, đã được bám víu, đã được chấp chặt, đã được bám chặt, đã được hướng đến như

thế là không có, không hiện diện, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

"Sau khi suy xét điều đã được nắm bắt trong số các pháp [tà kiến]" là như thế.

Do điều ấy, vị Bà-la-môn vượt lên trên các sự tranh cãi.

Do điều ấy: Do điều ấy là bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy, vị Bà-la-môn vượt lên trên, vượt quá, vượt qua hẳn, vượt qua khỏi các sự cãi cọ về quan điểm, các sự cãi lộn về quan điểm, các sự cãi vã về quan điểm, các sự tranh cãi về quan điểm, các sự gây gổ về quan điểm.

"Do điều ấy, vị Bà-la-môn vượt lên trên các sự tranh cãi" là như thế.

Bởi vì vị Bà-la-môn không nhìn thấy học thuyết khác là tối thắng: Vị Bà-la-môn không nhìn thấy, không nhận thấy, không quan sát, không suy xét, không khảo sát bậc Đạo sư khác, giáo lý khác, tập thể khác, quan điểm khác, lối thực hành khác, đạo lộ khác là pháp cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý; ngoại trừ các sự thiết lập niệm, ngoại trừ các chánh cần, ngoại trừ các nền tảng của thần thông, ngoại trừ các quyền, ngoại trừ các lực, ngoại trừ các yếu tố đưa đến giác ngộ, ngoại trừ đạo lộ Thánh thiện tám chi phần.

"Bởi vì vị Bà-la-môn không nhìn thấy học thuyết khác là tối thắng" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Đối với vị Bà-la-môn, không có việc bị dẫn dắt bởi người khác sau khi suy xét điều đã được nắm bắt trong số các pháp [tà kiến]. Do điều ấy, vị Bà-la-môn vượt lên trên các sự tranh cãi, bởi vì vị Bà-la-môn không nhìn thấy học thuyết khác là tối thắng."

13.14. *[Nói rằng:] "Tôi biết, tôi thấy điều ấy chắc chắn là như thế",*
Một số tin rằng sự trong sạch là do việc thấy.
Nếu đã nhìn thấy, điều gì có được cho bản thân với việc [thấy] ấy?
Sau khi bỏ qua, chúng nói về sự trong sạch theo cách khác.

Tôi biết, tôi thấy điều ấy chắc chắn là như thế.

Tôi biết: Tôi biết bằng trí nhận biết tâm của người khác, hoặc tôi biết bằng trí nhớ lại các kiếp sống quá khứ.

Tôi thấy: Tôi thấy bằng nhục nhãn, hoặc tôi thấy bằng thiên nhãn.

Điều ấy chắc chắn là như thế: Điều ấy là đúng đắn, là đang xảy ra, là xác đáng, là không bị sai lệch.

"Tôi biết, tôi thấy điều ấy chắc chắn là như thế" là như thế.

Một số tin rằng sự trong sạch là do việc thấy: Một số Sa-môn và Bà-la-môn tin rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do việc thấy. Một số Sa-môn và

Bà-la-môn tin rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do việc thấy rằng: "Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại." Một số Sa-môn và Bà-la-môn tin rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do việc thấy rằng: "Thế giới là không thường còn,... (nt)... chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại."

"Một số tin rằng sự trong sạch là do việc thấy" là như thế.

Nếu đã nhìn thấy, điều gì có được cho bản thân với việc [thấy] ấy?

Đã nhìn thấy: Đã nhìn thấy bằng trí nhận biết tâm của người khác, hoặc đã nhìn thấy bằng trí nhớ lại các kiếp sống quá khứ, hoặc đã nhìn thấy bằng nhục nhãn, hoặc đã nhìn thấy bằng thiên nhãn. "Nếu đã nhìn thấy" là như thế.

Điều gì có được cho bản thân với việc [thấy] ấy? Với việc nhìn thấy ấy của vị ấy thì đã làm được gì? Không có sự biết toàn diện về khổ, không có sự dứt bỏ tập, không có sự tu tập đạo, không có sự dứt bỏ do đoạn trừ luyến ái, không có sự dứt bỏ do đoạn trừ sân hận, không có sự dứt bỏ do đoạn trừ si mê, không có sự dứt bỏ do đoạn trừ các ô nhiễm, không có sự bẻ gãy vòng quay luân hồi.

"Nếu đã nhìn thấy, điều gì có được cho bản thân với việc [thấy] ấy?" là như thế.

Sau khi bỏ qua, chúng nói về sự trong sạch theo cách khác: Những kẻ ngoại đạo ấy, sau khi đã vượt quá, sau khi đã vượt qua hẳn, sau khi đã vượt qua khỏi đạo lộ trong sạch, đạo lộ thanh tịnh, đạo lộ hoàn toàn trong sạch, đạo lộ trong trắng, đạo lộ thuần khiết, chúng nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả về sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi, ngoại trừ các sự thiết lập niệm, ngoại trừ các chánh cần, ngoại trừ các nền tảng của thần thông, ngoại trừ các quyền, ngoại trừ các lực, ngoại trừ các yếu tố đưa đến giác ngộ, ngoại trừ đạo lộ Thánh thiện tám chi phần. "Sau khi bỏ qua, chúng nói về sự trong sạch theo cách khác" là như vậy.

Hoặc là, chư Phật, chư Thinh văn của đức Phật và chư Phật Độc Giác, sau khi đã vượt quá, sau khi đã vượt qua hẳn, sau khi đã vượt qua khỏi đạo lộ không trong sạch, đạo lộ không thanh tịnh, đạo lộ không hoàn toàn trong sạch, đạo lộ không trong trắng, đạo lộ không thuần khiết của những kẻ ngoại đạo ấy, các Ngài nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả về sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi do bốn sự thiết lập niệm, do bốn chánh cần, do bốn nền tảng của thần thông, do năm quyền, do năm lực, do bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, do đạo lộ Thánh thiện tám chi phần.

"Sau khi bỏ qua, chúng nói về sự trong sạch theo cách khác" còn là như vậy.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"[Nói rằng:] 'Tôi biết, tôi thấy điều ấy chắc chắn là như thế',
Một số tin rằng sự trong sạch là do việc thấy.
Nếu đã nhìn thấy, điều gì có được cho bản thân với việc [thấy] ấy?
Sau khi bỏ qua, chúng nói về sự trong sạch theo cách khác."

13.15. *Một người, trong khi nhìn, sẽ nhìn thấy danh và sắc,*
Hoặc sau khi nhìn thấy thì sẽ biết chỉ mỗi chúng mà thôi.
Hãy để người ấy nhìn nhiều hay ít theo ý thích,
Các bậc thiện xảo hẳn nhiên không nói sự trong sạch là do điều ấy.

Một người, trong khi nhìn, sẽ nhìn thấy danh và sắc: Một người trong khi nhìn bằng trí nhận biết tâm của người khác, hoặc trong khi nhìn bằng trí nhớ lại các kiếp sống quá khứ, hoặc trong khi nhìn bằng nhục nhãn, hoặc trong khi nhìn bằng thiên nhãn thì nhìn thấy danh và sắc là thường còn, là hạnh phúc, là tự ngã, không nhìn thấy nhân sanh khởi, hoặc sự biến hoại, hoặc sự hứng thú, hoặc sự bất lợi, hoặc sự thoát ra đối với các pháp ấy.

"Một người, trong khi nhìn, sẽ nhìn thấy danh và sắc" là như thế.

Hoặc sau khi nhìn thấy thì sẽ biết chỉ mỗi chúng mà thôi.

Sau khi nhìn thấy: Sau khi nhìn bằng trí nhận biết tâm của người khác, hoặc sau khi nhìn bằng trí nhớ lại các kiếp sống quá khứ, hoặc sau khi nhìn bằng nhục nhãn, hoặc sau khi nhìn bằng thiên nhãn, sau khi nhìn thấy danh và sắc thì sẽ được biết chúng là thường còn, là hạnh phúc, là tự ngã, sẽ không được biết nhân sanh khởi, sự tiêu hoại, sự hứng thú, sự bất lợi, hoặc sự thoát ra đối với các pháp ấy.

"Hoặc sau khi nhìn thấy thì sẽ biết chỉ mỗi chúng mà thôi" là như thế.

Hãy để người ấy nhìn nhiều hay ít theo ý thích: Trong khi nhìn thấy danh và sắc nhiều hay ít tùy theo ý thích là thường còn, là hạnh phúc, là tự ngã.

"Hãy để người ấy nhìn nhiều hay ít theo ý thích" là như thế.

Các bậc thiện xảo hẳn nhiên không nói sự trong sạch là do điều ấy.

Các bậc thiện xảo: Là các bậc thiện xảo về uẩn, thiện xảo về giới, thiện xảo về xứ, thiện xảo về pháp tùy thuận sanh khởi, thiện xảo về sự thiết lập niệm, thiện xảo về chánh cần, thiện xảo về nền tảng của thần thông, thiện xảo về quyền, thiện xảo về lực, thiện xảo về giác chi, thiện xảo về Đạo, thiện xảo về Quả, thiện xảo về Niết-bàn; các bậc thiện xảo ấy không nói, không thuyết giảng, không phát ngôn, không giảng giải, không diễn tả về sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do việc thấy danh và sắc bằng trí nhận biết tâm của người khác, hoặc bằng trí nhớ lại các kiếp sống quá khứ, hoặc bằng nhục nhãn, hoặc bằng thiên nhãn.

"Các bậc thiện xảo hẳn nhiên không nói sự trong sạch là do điều ấy" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Một người, trong khi nhìn, sẽ nhìn thấy danh và sắc,
Hoặc sau khi nhìn thấy thì sẽ biết chỉ mỗi chúng mà thôi.
Hãy để người ấy nhìn nhiều hay ít theo ý thích,
Các bậc thiện xảo hẳn nhiên không nói sự trong sạch là do điều ấy."

13.16. *Kẻ chấp chặt vào học thuyết quả thật không dễ hướng dẫn,*
Kẻ đang chú trọng quan điểm đã được xếp đặt.
Nương tựa vào cái gì thì nói điều tốt đẹp về cái ấy,
Với lời tuyên bố về sự trong sạch, kẻ ấy đã nhìn thấy thực thể ở nơi ấy.

Kẻ chấp chặt vào học thuyết quả thật không dễ hướng dẫn: Kẻ chấp chặt vào học thuyết rằng: "Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại." Kẻ chấp chặt vào học thuyết rằng: "Thế giới là không thường còn,… (nt)… chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại."

Quả thật không dễ hướng dẫn: Kẻ chấp chặt vào học thuyết là khó hướng dẫn, khó làm cho hiểu được, khó làm cho lưu tâm, khó giúp cho thấy, khó tạo được niềm tin.

"Kẻ chấp chặt vào học thuyết quả thật không dễ hướng dẫn" là như thế.

Kẻ đang chú trọng quan điểm đã được xếp đặt: Kẻ ấy sống, chú trọng quan điểm đã được sắp đặt, đã được xếp đặt, đã được tạo tác, đã được thành lập, có quan điểm là ngọn cờ, có quan điểm là biểu hiện, có quan điểm là chủ đạo, kẻ ấy sống, được vây quanh bởi quan điểm.

"Kẻ đang chú trọng quan điểm đã được xếp đặt" là như thế.

Nương tựa vào cái gì thì nói điều tốt đẹp về cái ấy.

Nương tựa vào cái gì: Nương tựa, nương nhờ, bám vào, đến gần, bám chặt, hướng đến bậc Đạo sư nào, giáo lý nào, tập thể nào, quan điểm nào, lối thực hành nào, đạo lộ nào. "Nương tựa vào cái gì" là như thế.

Về cái ấy: Về quan điểm của mình, về sự chấp nhận của mình, về sự ưa thích của mình, về quan niệm của mình.

Nói điều tốt đẹp: Nói lời tốt đẹp, nói lời lịch sự, nói lời sáng suốt, nói lời vững chắc, nói lời đúng đắn, nói lời thực tiễn, nói lời rõ rệt, nói lời gương mẫu, nói lời giá trị dựa theo quan niệm của mình.

"Nương tựa vào cái gì thì nói điều tốt đẹp về cái ấy" là như thế.

Với lời tuyên bố về sự trong sạch, kẻ ấy đã nhìn thấy thực thể ở nơi ấy: Với lời tuyên bố về sự trong sạch, với lời tuyên bố về sự thanh tịnh, với lời

tuyên bố về sự hoàn toàn trong sạch, với lời tuyên bố về sự thuần khiết; hoặc là với sự thấy trong sạch, với sự thấy thanh tịnh, với sự thấy hoàn toàn trong sạch, với sự thấy trong trắng, với sự thấy thuần khiết. "Với lời tuyên bố về sự trong sạch" là như thế.

Ở nơi ấy: Ở quan điểm của mình, ở sự chấp nhận của mình, ở sự ưa thích của mình, ở quan niệm của mình, kẻ ấy đã nhìn thấy, đã nhận thấy, đã nhìn xem, đã thấu triệt thực thể, sự đúng đắn, việc đang xảy ra, sự xác đáng, sự không bị sai lệch.

"Với lời tuyên bố về sự trong sạch, kẻ ấy đã nhìn thấy thực thể ở nơi ấy" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Kẻ chấp chặt vào học thuyết quả thật không dễ hướng dẫn,
Kẻ đang chú trọng quan điểm đã được xếp đặt.
Nương tựa vào cái gì thì nói điều tốt đẹp về cái ấy,
Với lời tuyên bố về sự trong sạch, kẻ ấy đã nhìn thấy thực thể ở nơi ấy."

13.17. *Sau khi cân nhắc, vị Bà-la-môn không tiếp cận sự sắp đặt [do tham ái hoặc tà kiến], không có sự hùa theo tà kiến, cũng không có sự trói buộc [sanh ra] do các loại trí. Và vị ấy, sau khi biết các quy ước được sanh ra từ số đông, thì hành xả, còn những kẻ khác tiếp thu.*

Sau khi cân nhắc, vị Bà-la-môn không tiếp cận sự sắp đặt [do tham ái hoặc tà kiến].

Không: Là sự phủ định.

Vị Bà-la-môn: Bà-la-môn do trạng thái đã loại trừ bảy pháp:... (nt)... Không nương nhờ, tự tại, vị ấy được gọi là Bà-la-môn.

Sắp đặt: Có hai sự sắp đặt: Sự sắp đặt do tham ái và sự sắp đặt do tà kiến. ... (nt)... điều này là sự sắp đặt do tham ái. ... (nt)... điều này là sự sắp đặt do tà kiến.

Sự cân nhắc: Nói đến trí, tức là tuệ, là sự nhận biết,... (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến.

Sau khi cân nhắc, vị Bà-la-môn không tiếp cận sự sắp đặt [do tham ái hoặc tà kiến]: Vị Bà-la-môn, sau khi cân nhắc, sau khi biết được, sau khi suy xét, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: "Tất cả các hành là vô thường", "Tất cả các hành là khổ",... (nt)... "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt", sau khi cân nhắc, sau khi biết được, sau khi suy xét, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt, [vị ấy] không đi đến, không tiếp cận, không đi đến gần, không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt sự sắp đặt do tham ái hoặc sự sắp đặt do tà kiến.

"Sau khi cân nhắc, vị Bà-la-môn không tiếp cận sự sắp đặt [do tham ái hoặc tà kiến]" là như thế.

Không có sự hùa theo tà kiến, cũng không có sự trói buộc [sanh ra] do các loại trí: Đối với vị ấy, sáu mươi hai tà kiến là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ. Vị ấy không bị đưa đi, không bị dẫn đi, không bị lôi đi, không bị mang đi bởi tà kiến, cũng không xem tà kiến ấy là có cốt lõi, và cũng không quay về lại. "Không có sự hùa theo tà kiến" là như thế.

Cũng không có sự trói buộc [sanh ra] do các loại trí: Là không tạo lập, không làm sanh ra, không làm sanh khởi, không làm hạ sanh, không làm phát sanh ra sự trói buộc vào tham ái hoặc sự trói buộc vào tà kiến do trí của tám sự chứng đạt [về thiền], hoặc do trí của năm thắng trí, hoặc do trí sái quấy.

"Không có sự hùa theo tà kiến, cũng không có sự trói buộc [sanh ra] do các loại trí" là như thế.

Và vị ấy, sau khi biết các quy ước được sanh ra từ số đông.

Sau khi biết: Sau khi nhận biết, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt. Sau khi nhận biết, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: "Tất cả các hành là vô thường." Sau khi nhận biết, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: "Tất cả các hành là khổ",... (nt)... "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt." "Và vị ấy, sau khi biết" là như thế.

Các quy ước: Nói đến các quy ước về quan điểm là sáu mươi hai tà kiến.

Được sanh ra từ số đông: "Các quy ước ấy được tạo ra bởi các phàm nhân", "được sanh ra bởi số đông" là như thế; hoặc là "các quy ước ấy được tạo ra bởi số đông gồm nhiều người khác nhau." "Được sanh ra từ số đông" là như thế.

"Và vị ấy, sau khi biết các quy ước được sanh ra từ số đông" là như thế.

Thì hành xả, còn những kẻ khác tiếp thu: Những kẻ khác nắm lấy, bám víu, chấp chặt do tác động của tham ái, do tác động của tà kiến; bậc A-la-hán hành xả, không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt.

"Thì hành xả, còn những kẻ khác tiếp thu" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Sau khi cân nhắc, vị Bà-la-môn không tiếp cận sự sắp đặt [do tham ái hoặc tà kiến], không có sự hùa theo tà kiến, cũng không có sự trói buộc [sanh ra] do các loại trí. Và vị ấy, sau khi biết các quy ước được sanh ra từ số đông, thì hành xả, còn những kẻ khác tiếp thu."

13.18. *Sau khi tháo gỡ các sự trói buộc ở nơi thế gian này, bậc Hiền trí*
Không hùa theo phe nhóm ở các cuộc tranh cãi đã được sanh lên.
An tịnh giữa những người không an tịnh, vị ấy hành xả,
Không tiếp thu, còn những kẻ khác tiếp thu.

Sau khi tháo gỡ các sự trói buộc ở nơi thế gian này, bậc Hiền trí.

Các sự trói buộc: Có bốn sự trói buộc: Tham đắm là sự trói buộc về thân, tức giận là sự trói buộc về thân, sự bám víu vào giới và phận sự là sự trói buộc về thân, sự chấp chặt "chỉ điều này là chân lý" là sự trói buộc về thân. Sự luyến ái, tham đắm vào quan điểm của mình là sự trói buộc về thân. Sự tức tối, không bằng lòng, tức giận đối với các học thuyết của kẻ khác là sự trói buộc về thân. Có kẻ bám víu vào giới, hoặc phận sự, hoặc giới và phận sự của bản thân; sự bám víu vào giới và phận sự là sự trói buộc về thân. Quan điểm của bản thân có sự chấp chặt "chỉ điều này là chân lý" là sự trói buộc về thân.

Sau khi tháo gỡ: Sau khi cởi bỏ hoặc sau khi tháo gỡ các sự trói buộc; hoặc là sau khi tháo rời hay sau khi tháo gỡ các sự trói buộc, các vật bị buộc trói, các vật bị buộc ràng, các vật bị cột chặt, các vật bị cột kỹ, các vật bị cột chằng chịt, các vật bị máng vào, các vật bị vướng vào, các vật bị giữ lại, các sự trói chặt. Giống như những người thực hiện sự tháo gỡ, phá vỡ cái kiệu khiêng, hoặc cỗ xe, hoặc xe tải, hoặc cỗ xe kéo liền lặn; tương tự như vậy, sau khi cởi bỏ hoặc sau khi tháo gỡ các sự trói buộc, hoặc là sau khi tháo rời, hay sau khi tháo gỡ các sự trói buộc, các vật bị buộc trói, các vật bị buộc ràng, các vật bị cột chặt, các vật bị cột kỹ, các vật bị cột chằng chịt, các vật bị máng vào, các vật bị vướng vào, các vật bị giữ lại, các sự trói chặt.

Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí,... (nt)... đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là bậc Hiền trí.

Ở nơi này: Ở quan điểm này,... (nt)... ở thế giới loài người này.

"Sau khi tháo gỡ các sự trói buộc ở nơi thế gian này, bậc Hiền trí" là như thế.

Không hùa theo phe nhóm ở các cuộc tranh cãi đã được sanh lên: Khi cuộc tranh cãi đã sanh lên, đã sanh khởi, đã hạ sanh, đã phát sanh, đã xuất hiện giữa những người thiên vị vì mong muốn, giữa những người thiên vị vì sân hận, giữa những người thiên vị vì sợ hãi, giữa những người thiên vị vì si mê, vị ấy không đi đến sự thiên vị vì ưa thích, không đi đến sự thiên vị vì sân hận, không đi đến sự thiên vị vì sợ hãi, không đi đến sự thiên vị vì si mê, không đi đến do tác động của luyến ái, không đi đến do tác động của sân hận, không đi đến do tác động của si mê, không đi đến do tác động của ngã mạn, không đi đến do tác động của tà kiến, không đi đến do tác động của phóng dật, không đi đến do tác động của hoài nghi, không đi đến do tác động của pháp tiềm ẩn, không bị đưa đi, không bị dẫn đi, không bị lôi đi, không bị mang đi bởi các pháp có tính chất phe nhóm.

"Không hùa theo phe nhóm ở các cuộc tranh cãi đã được sanh lên" là như thế.

An tịnh giữa những người không an tịnh, vị ấy hành xả.

An tịnh: Trạng thái được an tịnh của luyến ái là an tịnh, trạng thái được an tịnh của sân hận là an tịnh, trạng thái được an tịnh của si mê là an tịnh,... (nt)... trạng thái được an tịnh, trạng thái được yên lặng, trạng thái được vắng lặng, trạng thái được thiêu hủy, trạng thái được tịch diệt, trạng thái được tách lìa, trạng thái được tịch tịnh của tất cả các pháp tạo tác bất thiện là an tịnh, yên tịnh, vắng lặng, tịch diệt, tịch tịnh. "An tịnh" là như thế.

Giữa những người không an tịnh: Giữa những người không an tịnh, giữa những người không yên tịnh, giữa những người không vắng lặng, giữa những người không tịch diệt, giữa những người không tịch tịnh. "An tịnh giữa những người không an tịnh" là như thế.

Vị ấy hành xả: Bậc A-la-hán có pháp hành xả ở sáu tình huống: Sau khi thấy cảnh sắc bằng mắt, không có ý ưa thích, không có ý ghét bỏ, hành xả, vị ấy sống, có niệm, có sự nhận biết rõ; sau khi nghe âm thanh bằng tai,... (nt)... vị có bản thân đã được tu tập, đã được huấn luyện chờ đợi thời điểm.

"An tịnh giữa những người không an tịnh, vị ấy hành xả" là như thế.

Không tiếp thu, còn những kẻ khác tiếp thu: Những kẻ khác nắm lấy, bám víu, chấp chặt do tác động của tham ái, do tác động của tà kiến; bậc A-la-hán hành xả, không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt.

"Không tiếp thu, còn những kẻ khác tiếp thu" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Sau khi tháo gỡ các sự trói buộc ở nơi thế gian này, bậc Hiền trí không hùa theo phe nhóm ở các cuộc tranh cãi đã được sanh lên. Vị ấy hành xả, an tịnh giữa những người không an tịnh, không tiếp thu, còn những kẻ khác tiếp thu."

13.19. *Sau khi từ bỏ các lậu hoặc trước đây, không tạo ra những lậu hoặc mới, không là người đi theo sự [tác động của] mong muốn, cũng không phải là kẻ chấp chặt vào học thuyết; vị ấy đã được giải thoát khỏi các tà kiến, là bậc sáng trí, không bị lấm nhơ ở thế gian, không có sự chê trách bản thân.*

Sau khi từ bỏ các lậu hoặc trước đây, không tạo ra những lậu hoặc mới: Các lậu hoặc trước đây nói đến sắc-thọ-tưởng-hành-thức thuộc quá khứ. Những ô nhiễm nào sanh lên liên quan đến các hành thuộc quá khứ, sau khi từ bỏ, sau khi phế bỏ, sau khi buông bỏ, sau khi dứt bỏ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu các ô nhiễm ấy. "Sau khi từ bỏ các lậu hoặc trước đây" là như thế.

Không tạo ra những lậu hoặc mới: Những lậu hoặc mới nói đến sắc-thọ-tưởng-hành-thức thuộc vị lai. Trong khi không tạo nên sự mong muốn, trong

khi không tạo nên sự yêu thương, trong khi không tạo nên, trong khi không làm sanh ra, trong khi không làm sanh khởi, trong khi không làm hạ sanh, trong khi không làm phát sanh ra sự luyến ái liên quan đến các hành thuộc vị lai.

"Sau khi từ bỏ các lậu hoặc trước đây, không tạo ra những lậu hoặc mới" là như thế.

Không là người đi theo sự [tác động của] mong muốn, cũng không phải là kẻ chấp chặt vào học thuyết: Vị ấy không đi đến sự thiên vị vì ưa thích, không đi đến sự thiên vị vì sân hận, không đi đến sự thiên vị vì sợ hãi, không đi đến sự thiên vị vì si mê, không đi đến do tác động của luyến ái, không đi đến do tác động của sân hận, không đi đến do tác động của si mê, không đi đến do tác động của ngã mạn, không đi đến do tác động của tà kiến, không đi đến do tác động của phóng dật, không đi đến do tác động của hoài nghi, không đi đến do tác động của pháp tiềm ẩn, không bị đưa đi, không bị dẫn đi, không bị lôi đi, không bị mang đi bởi các pháp có tính chất phe nhóm. "Không là người đi theo sự [tác động của] mong muốn" là như thế.

Cũng không phải là kẻ chấp chặt vào học thuyết: Kẻ chấp chặt vào học thuyết rằng: "Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại."… (nt)… Kẻ chấp chặt vào học thuyết rằng: "Chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại."

"Không là người đi theo sự [tác động của] mong muốn, cũng không phải là kẻ chấp chặt vào học thuyết" là như thế.

Vị ấy đã được giải thoát khỏi các tà kiến, là bậc sáng trí: Đối với vị ấy, sáu mươi hai tà kiến là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; vị ấy đã được thoát khỏi các tà kiến, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

Bậc sáng trí: Bậc sáng trí là người sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh.

"Vị ấy đã được giải thoát khỏi các tà kiến, là bậc sáng trí" là như thế.

Không bị lấm nhơ ở thế gian, không có sự chê trách bản thân.

Lấm nhơ: Có hai sự lấm nhơ: Lấm nhơ do tham ái và lấm nhơ do tà kiến. ... (nt)… điều này là lấm nhơ do tham ái. ... (nt)… điều này là lấm nhơ do tà kiến. Đối với vị ấy, sự lấm nhơ do tham ái đã được dứt bỏ, sự lấm nhơ do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự lấm nhơ do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự lấm nhơ do tà kiến, vị không bị vấy bẩn không bị lấm nhơ ở thế gian của khổ cảnh, không bị lấm nhơ ở thế gian của loài người, không bị lấm nhơ ở thế gian của chư thiên, không bị lấm nhơ ở thế gian của các uẩn, không bị lấm nhơ ở thế gian của các giới, không bị lấm nhơ ở thế gian của các xứ, không bị nhiễm bẩn, không vấy bẩn, [là người] đã không bị

lấm nhơ, đã không bị nhiễm bẩn, đã không bị vấy bẩn, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Không bị lấm nhơ ở thế gian" là như thế.

Không có sự chê trách bản thân: Chê trách bản thân bởi hai lý do: Do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm. Thế nào là chê trách bản thân do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm? Chê trách bản thân rằng: "Ta đã làm uế hạnh về thân, ta đã không làm thiện hạnh về thân." Chê trách bản thân rằng: "Ta đã làm uế hạnh về khẩu… "Ta đã làm uế hạnh về ý… "Ta đã giết hại sinh mạng… "Ta đã thực hành tà kiến, ta đã không thực hành chánh kiến"; như vậy là chê trách bản thân do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm. Hoặc là, chê trách bản thân rằng: "Ta không phải là người thực hành đầy đủ các giới." Chê trách bản thân rằng: "Ta là người có các giác quan không được gìn giữ." … "Ta là người không biết chừng mực về vật thực." … "Ta không luyện tập về tỉnh thức." … "Ta không có niệm và sự nhận biết rõ." … "Bốn sự thiết lập niệm chưa được ta tu tập." … "Bốn chánh cần chưa được ta tu tập." … "Bốn nền tảng của thần thông chưa được ta tu tập." … "Năm quyền chưa được ta tu tập." … "Năm lực chưa được ta tu tập." … "Bảy yếu tố đưa đến giác ngộ chưa được ta tu tập." … "Đạo lộ Thánh thiện tám chi phần chưa được ta tu tập." … "Khổ chưa được ta biết toàn diện." … "Tập chưa được ta dứt bỏ." … "Đạo chưa được ta tu tập." … "Diệt chưa được ta chứng ngộ"; như vậy là chê trách bản thân do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm. Trong khi không tạo nên, trong khi không làm sanh ra, trong khi không làm sanh khởi, trong khi không làm hạ sanh, trong khi không làm phát sanh ra nghiệp đã làm có sự chê trách bản thân như vậy, thì không có sự chê trách bản thân.

"Không bị lấm nhơ ở thế gian, không có sự chê trách bản thân" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Sau khi từ bỏ các lậu hoặc trước đây, không tạo ra những lậu hoặc mới, không là người đi theo sự [tác động của] mong muốn, cũng không phải là kẻ chấp chặt vào học thuyết; vị ấy đã được giải thoát khỏi các tà kiến, là bậc sáng trí, không bị lấm nhơ ở thế gian, không có sự chê trách bản thân."

13.20. *Vị ấy là người diệt đạo binh ở tất cả các pháp, ở bất cứ điều gì đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác. Vị ấy, có gánh nặng đã được đặt xuống, là bậc Hiền trí đã được thoát ra khỏi, không chịu sự sắp đặt, không phải kiêng chừa, không có ước nguyện, [đức Thế Tôn nói vậy].*

Vị ấy là người diệt đạo binh ở tất cả các pháp, ở bất cứ điều gì đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác: Đạo binh nói đến đạo binh của Ma vương; uế hạnh về thân là đạo binh của Ma vương, uế hạnh về khẩu là đạo binh của Ma vương, uế hạnh về ý là đạo binh của Ma vương; sự luyến ái, sân hận, si mê, giận dữ, thù hằn, gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bỏn xẻn, xảo trá, lừa gạt, bướng bỉnh, hung hăng, ngã mạn, cao ngạo, đam mê, xao lãng, tất cả ô nhiễm,

tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bực bội, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bất thiện là đạo binh của Ma vương.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

1. *"Các dục là đạo binh thứ nhất của ngươi, thứ nhì nói đến sự không thích thú, thứ ba của ngươi là đói và khát, thứ tư gọi là tham ái.*

2. *Thứ năm của ngươi là dã dượi và buồn ngủ, thứ sáu gọi là sự khiếp đảm, thứ bảy của ngươi là hoài nghi, thứ tám của ngươi là gièm pha, bướng bỉnh.*

3. *Lợi lộc, sự nổi tiếng, sự trọng vọng, và danh vọng nào đã đạt được một cách sai trái, kẻ nào đề cao bản thân và khi dễ những người khác.*

4. *– Này Namuci, chúng là đạo binh của ngươi, là quân xung kích của Hắc ám. Kẻ khiếp nhược không chiến thắng nó, và vị đã chiến thắng thì đạt được sự an lạc."*

Khi nào tất cả các đạo binh của Ma vương và tất cả các ô nhiễm có hành động đối kháng đã bị đánh bại và đã bị khuất phục, đã bị đổ vỡ, đã bị tan rã, không còn hiện diện, nhờ vào bốn Thánh đạo, vị ấy được gọi là người diệt đạo binh. Vị ấy là người diệt đạo binh ở điều đã được thấy, người diệt đạo binh ở điều đã được nghe, ở điều đã được cảm giác, ở điều đã được nhận thức.

"Vị ấy là người diệt đạo binh [ô nhiễm] ở tất cả các pháp, ở bất cứ điều gì đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác" là như thế.

Vị ấy, có gánh nặng đã được đặt xuống, là bậc Hiền trí đã được thoát ra khỏi.

Gánh nặng: Có ba gánh nặng: Gánh nặng các uẩn, gánh nặng ô nhiễm, gánh nặng các hành. Gánh nặng các uẩn là cái nào? Sắc, thọ, tưởng, các hành, thức ở sự nối liền tái sanh; cái này là gánh nặng các uẩn. Gánh nặng ô nhiễm là cái nào? Luyến ái, sân hận, si mê,... (nt)... tất cả các pháp tạo tác bất thiện; cái này là gánh nặng ô nhiễm. Gánh nặng các hành là cái nào? Phúc hành, phi phúc hành, bất động hành;[2] cái này là gánh nặng các hành. Khi nào gánh nặng các uẩn, gánh nặng ô nhiễm và gánh nặng các hành được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai; vị ấy được gọi là có gánh nặng đã được đặt xuống, có gánh nặng đã được bỏ xuống, có gánh nặng đã được để xuống, có gánh nặng đã được buông xuống, có gánh nặng đã được quăng xuống, có gánh nặng đã được tịch tịnh.

Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí, tức là tuệ, là sự nhận biết, sự chọn lựa, sự khám phá, sự chọn lựa pháp, sự quan sát, sự suy xét, sự phân biệt, sự thông thái, sự thông thạo, sự khôn khéo, sự thông suốt, sự cân nhắc, sự khảo sát, sự hiểu biết rộng rãi, sự thông minh, pháp dẫn đầu, sự thấy rõ, sự nhận biết rõ, vật xuyên thủng, tuệ, tuệ quyền, tuệ lực, tuệ là vũ khí, tuệ là lâu đài, tuệ là

[2] Xem chú thích về "phúc hành, phi phúc hành, bất động hành" ở trang 77. (ND)

ánh sáng, tuệ là hào quang, tuệ là cây đèn, tuệ là báu vật, sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến; được thành tựu với trí ấy, bậc Hiền trí đạt đến bản thể hiền trí.

Ba hiền trí hạnh: Hiền trí hạnh về thân, hiền trí hạnh về khẩu, hiền trí hạnh về ý.

Hiền trí hạnh về thân là điều nào? Sự dứt bỏ ba loại uế hạnh về thân là hiền trí hạnh về thân, ba loại thiện hạnh về thân là hiền trí hạnh về thân, trí ở đối tượng thân là hiền trí hạnh về thân, sự biết toàn diện về thân là hiền trí hạnh về thân, đạo đồng hành với sự biết toàn diện là hiền trí hạnh về thân, sự dứt bỏ mong muốn và luyến ái ở thân là hiền trí hạnh về thân, sự chứng đạt tứ thiền có sự diệt của thân hành là hiền trí hạnh về thân; điều này là hiền trí hạnh về thân.

Hiền trí hạnh về khẩu là điều nào? Sự dứt bỏ bốn loại uế hạnh về khẩu là hiền trí hạnh về khẩu, bốn loại thiện hạnh về khẩu là hiền trí hạnh về khẩu, trí ở đối tượng khẩu là hiền trí hạnh về khẩu, sự biết toàn diện về khẩu là hiền trí hạnh về khẩu, đạo đồng hành với sự biết toàn diện là hiền trí hạnh về khẩu, sự dứt bỏ mong muốn và luyến ái ở khẩu là hiền trí hạnh về khẩu, sự chứng đạt nhị thiền có sự diệt của khẩu hành là hiền trí hạnh về khẩu; điều này là hiền trí hạnh về khẩu.

Hiền trí hạnh về ý là điều nào? Sự dứt bỏ ba loại uế hạnh về ý là hiền trí hạnh về ý, ba loại thiện hạnh về ý là hiền trí hạnh về ý, trí ở đối tượng tâm là hiền trí hạnh về ý, sự biết toàn diện về tâm là hiền trí hạnh về ý, đạo đồng hành với sự biết toàn diện là hiền trí hạnh về ý, sự dứt bỏ mong muốn và luyến ái ở tâm là hiền trí hạnh về ý, sự chứng đạt Diệt thọ tưởng có sự diệt của tâm hành là hiền trí hạnh về ý; điều này là hiền trí hạnh về ý.

5. *[Chư Phật] đã nói về bậc Hiền trí về thân, bậc Hiền trí về khẩu, bậc Hiền trí về ý, bậc không còn lậu hoặc, bậc Hiền trí thành tựu hiền trí hạnh là bậc có sự dứt bỏ tất cả.*

6. *[Chư Phật] đã nói về bậc Hiền trí về thân, bậc Hiền trí về khẩu, bậc Hiền trí về ý, bậc không còn lậu hoặc, bậc Hiền trí thành tựu hiền trí hạnh là bậc có điều ác đã được rửa sạch.*

Được thành tựu ba pháp hiền trí hạnh này là sáu hạng hiền trí: Các bậc Hiền trí tại gia, các bậc Hiền trí xuất gia, các bậc Hiền trí Hữu học, các bậc Hiền trí Vô học, các bậc Hiền trí Độc Giác, các bậc Hiền trí của các bậc Hiền trí.

Các bậc Hiền trí tại gia là các hạng nào? Những người tại gia đã thấy Niết-bàn, đã nhận thức giáo pháp, là các bậc Hiền trí tại gia. Các bậc Hiền trí xuất gia là các hạng nào? Những người xuất gia đã thấy Niết-bàn, đã nhận thức giáo pháp, là các bậc Hiền trí xuất gia. Bảy hạng Hữu học là các bậc Hiền trí Hữu học. Các vị A-la-hán là các bậc Hiền trí Vô học. Các vị Phật Độc Giác là các bậc Hiền trí Độc Giác. Các đức Như Lai, A-la-hán Chánh Đẳng Giác là các bậc Hiền trí của các bậc Hiền trí.

7. *Không phải do trạng thái im lặng mà kẻ có bộ dạng khờ khạo, ngu dốt trở thành bậc Hiền trí. Nhưng người nào, tựa như người cầm lấy cái cân rồi chọn lấy vật quý giá, là người sáng suốt.*

8. *Người lánh xa hẳn các điều ác, người ấy là bậc Hiền trí; do việc ấy người ấy trở thành bậc Hiền trí. Người nào hiểu rõ cả hai thế giới (nội tâm và ngoại cảnh), do việc ấy được gọi là bậc Hiền trí.*

9. *Vị biết được bản chất của những kẻ xấu và của những người tốt, nội phần và ngoại phần, ở tất cả thế gian, vị được tôn vinh bởi chư thiên và nhân loại, vị đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến]; vị ấy là bậc Hiền trí.*

Đã được thoát khỏi: Bậc Hiền trí có tâm đã được thoát khỏi, đã được giải thoát, đã khéo được giải thoát khỏi sự luyến ái, có tâm khỏi sự sân hận, có tâm đã được thoát khỏi, đã được giải thoát, đã khéo được giải thoát khỏi sự si mê,... (nt)... có tâm đã được thoát khỏi, đã được giải thoát, đã khéo được giải thoát khỏi tất cả các pháp tạo tác bất thiện.

"Vị ấy, có gánh nặng đã được đặt xuống, là bậc Hiền trí đã được thoát ra khỏi" là như thế.

Không chịu sự sắp đặt, không phải kiêng chừa, không có ước nguyện, [đức Thế Tôn nói vậy].

Sắp đặt: Có hai sự sắp đặt: Sự sắp đặt do tham ái và sự sắp đặt do tà kiến. ... (nt)... điều này là sự sắp đặt do tham ái. ... (nt)... điều này là sự sắp đặt do tà kiến. Đối với vị ấy, sự sắp đặt do tham ái đã được dứt bỏ, sự sắp đặt do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự sắp đặt do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự sắp đặt do tà kiến, vị ấy không sắp đặt, không làm sanh ra, không làm sanh khởi, không làm hạ sanh, không làm phát sanh ra sự sắp đặt do tham ái hoặc sự sắp đặt do tà kiến. "Không chịu sự sắp đặt" là như thế.

Không phải kiêng chừa: Tất cả phàm nhân ngu si bị luyến ái; tất cả các bậc Hữu học, tính luôn phàm nhân tốt lành thì tránh khỏi, xa lánh, tránh xa [luyến ái] nhằm đạt đến pháp chưa đạt đến, nhằm chứng đắc pháp chưa chứng đắc, nhằm chứng ngộ pháp chưa chứng ngộ; vị A-la-hán là đã tránh khỏi, đã xa lánh, đã tránh xa, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Không chịu sự sắp đặt, không phải kiêng chừa" là như thế.

Không có ước nguyện.

Ước nguyện: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với vị nào, sự ước nguyện tham ái ấy là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; vị ấy được gọi là không có ước nguyện.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính. Thêm nữa, “vị có luyến ái đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có sân hận đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có si mê đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có ngã mạn đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có tà kiến đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có cây gai đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có ô nhiễm đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị đã phân phát, đã phân chia, đã phân phối Pháp bảo” là đức Thế Tôn; “vị thực hiện sự chấm dứt các hữu” là đức Thế Tôn; “vị có thân đã được tu tập, có giới đã được tu tập, có tâm đã được tu tập, có tuệ đã được tu tập” là đức Thế Tôn; “vị đã thân cận các khu rừng, các nơi heo hút, các chỗ trú ngụ xa vắng có ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về vị của mục đích, về vị của pháp, về vị của giải thoát, về thắng giới, về thắng tâm, về thắng tuệ” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về bốn thiền, về bốn vô lượng [tâm], về bốn sự thể nhập vô sắc” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về tám giải thoát, về tám thắng xứ [của thiền], về chín sự thể nhập và an trú theo tuần tự” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về mười sự tu tập về tưởng, về mười sự thể nhập các đề mục *kasiṇa*, về định niệm hơi thở vào hơi thở ra, về sự thể nhập các đề mục tử thi” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về mười Như Lai lực, về bốn pháp tự tin, về bốn tuệ phân tích, về sáu thắng trí, về sáu pháp của đức Phật” là đức Thế Tôn. Tên gọi “Thế Tôn” này không do mẹ tạo ra, không do cha tạo ra, không do anh [em] trai tạo ra, không do chị [em] gái tạo ra, không do bạn bè hoặc thân hữu tạo ra, không do các thân quyến và những người cùng huyết thống tạo ra, không do các Sa-môn hoặc Bà-la-môn tạo ra, không do chư thiên tạo ra, sự tận cùng của giải thoát này là sự quy định thuộc về chư Phật Thế Tôn do sự đạt được, do sự chứng ngộ trí Toàn tri ở cội cây Bồ-đề, tức là “đức Thế Tôn.”

“Không chịu sự sắp đặt, không phải kiêng chừa, không có ước nguyện, [đức Thế Tôn nói vậy]” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Vị ấy là người diệt đạo binh ở tất cả các pháp, ở bất cứ điều gì đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác. Vị ấy, có gánh nặng đã được đặt xuống, là bậc Hiền trí đã được thoát ra khỏi, không chịu sự sắp đặt, không phải kiêng chừa, không có ước nguyện”, [đức Thế Tôn nói vậy].

“Diễn giải kinh sự dàn trận lớn” được đầy đủ - Phần thứ mười ba.

14. DIỄN GIẢI KINH MỘT CÁCH NHANH CHÓNG (*TUVAṬAKASUTTANIDDESO*)

Giờ phần "Diễn giải kinh một cách nhanh chóng" được nói đến:

14.1. *Tôi hỏi Ngài, đấng Quyến Thuộc Của Mặt Trời,*
Bậc Đại Ẩn sĩ về sự viễn ly và vị thế an tịnh.
Sau khi nhìn thấy như thế nào, vị Tỳ-khưu được tịch diệt,
Không còn chấp thủ bất cứ cái gì ở thế gian?

Tôi hỏi Ngài, đấng Quyến Thuộc Của Mặt Trời.

Câu hỏi: Có ba loại câu hỏi: Câu hỏi để làm sáng tỏ điều chưa thấy, câu hỏi để trao đổi điều đã thấy, câu hỏi để cắt đứt sự nhầm lẫn.

Câu hỏi để làm sáng tỏ điều chưa thấy là loại nào? Thông thường, đối với tướng trạng chưa được biết, chưa được thấy, chưa được cân nhắc, chưa được xác định, chưa được rõ rệt, chưa được minh định thì người ta hỏi câu hỏi để biết, để thấy, để cân nhắc, để xác định, để phân biệt về điều ấy. Đây là câu hỏi để làm sáng tỏ điều chưa thấy.

Câu hỏi để trao đổi điều đã thấy là loại nào? Thông thường, đối với tướng trạng đã được biết, đã được thấy, đã được cân nhắc, đã được xác định, đã được rõ rệt, đã được minh định thì người ta hỏi câu hỏi nhằm mục đích trao đổi cùng với các vị sáng suốt khác. Đây là câu hỏi để trao đổi điều đã thấy.

Câu hỏi để cắt đứt sự nhầm lẫn là loại nào? Thông thường, người bị rơi vào sự ngờ vực, bị rơi vào sự nhầm lẫn, bị sanh lên sự lưỡng lự rằng: "Phải chăng như vầy là đúng, phải chăng là không đúng, là cái gì đây, là thế nào đây?" Người ấy hỏi câu hỏi nhằm mục đích cắt đứt sự nhầm lẫn. Đây là câu hỏi để cắt đứt sự nhầm lẫn. Đây là ba loại câu hỏi.

Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi của loài người, câu hỏi của phi nhân, câu hỏi của vị [Phật] đã được hóa hiện ra.

Câu hỏi của loài người là loại nào? Loài người đi đến gặp đức Phật Thế Tôn và hỏi câu hỏi: Các vị Tỳ-khưu hỏi, các vị Tỳ-khưu-ni hỏi, các nam cư sĩ hỏi, các nữ cư sĩ hỏi, các vị vua hỏi, các vị Sát-đế-ly hỏi, các vị Bà-la-môn hỏi, các thương buôn hỏi, các kẻ nô lệ hỏi, các người tại gia hỏi, các vị xuất gia hỏi. Đây là câu hỏi của loài người.

Câu hỏi của phi nhân là loại nào? Các phi nhân đi đến gặp đức Phật Thế Tôn và hỏi câu hỏi: Các loài rồng hỏi, các loài linh điểu hỏi, các dạ-xoa hỏi, các

a-tu-la hỏi, các càn-thát-bà hỏi, các vị Đại Thiên vương hỏi, các Thiên chủ hỏi, các Phạm thiên hỏi, các thiên nhân hỏi. Đây là câu hỏi của phi nhân.

Câu hỏi của vị [Phật] do thần thông biến hóa ra là loại nào? Đức Thế Tôn hóa hiện ra hình dáng [vị Phật] được tạo thành bởi ý, có tất cả các bộ phận thân thể lớn nhỏ, có giác quan không bị khiếm khuyết. Vị [Phật] do thần thông biến hóa ra ấy đi đến gặp đức Phật Thế Tôn và hỏi câu hỏi, đức Thế Tôn trả lời. Đây là câu hỏi của vị [Phật] đã được hóa hiện ra. Đây là ba loại câu hỏi.

Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về lợi ích của bản thân, câu hỏi về lợi ích của người khác, câu hỏi về lợi ích của cả hai. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về lợi ích trong đời này, câu hỏi về lợi ích trong đời sau, câu hỏi về lợi ích tối thượng. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về lợi ích của sự không tội lỗi, câu hỏi về lợi ích của sự không ô nhiễm, câu hỏi về lợi ích của sự trong sạch. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về quá khứ, câu hỏi về vị lai, câu hỏi về hiện tại. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về nội phần, câu hỏi về ngoại phần, câu hỏi về nội phần và ngoại phần. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về thiện, câu hỏi về bất thiện, câu hỏi về vô ký. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về uẩn, câu hỏi về giới, câu hỏi về xứ. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về thiết lập niệm, câu hỏi về chánh cần, câu hỏi về nền tảng của thần thông. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về quyền, câu hỏi về lực, câu hỏi về giác chi. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về Đạo, câu hỏi về Quả, câu hỏi về Niết-bàn.

Tôi hỏi Ngài: Tôi hỏi Ngài, tôi yêu cầu Ngài, tôi thỉnh cầu Ngài, tôi đặt niềm tin ở Ngài, xin Ngài hãy thuyết giảng cho tôi. "Tôi hỏi Ngài" là như thế.

Đấng Quyến Thuộc Của Mặt Trời: Mặt trời nói đến Thái Dương. Thái Dương là Gotama theo dòng tộc, đức Thế Tôn cũng là Gotama theo dòng tộc. Đức Thế Tôn là bà con trong dòng tộc, là quyến thuộc trong dòng tộc của Thái Dương; vì thế, đức Phật là quyến thuộc của mặt trời.

"Tôi hỏi Ngài, đấng Quyến Thuộc Của Mặt Trời" là như thế.

Bậc Đại Ẩn sĩ về sự viễn ly và vị thế an tịnh.

Sự viễn ly: Có ba sự viễn ly: Viễn ly về thân, viễn ly về tâm, viễn ly về mầm tái sanh.

Thế nào là **viễn ly về thân**? Ở đây, vị Tỳ-khưu thân cận chỗ trú ngụ tách biệt, khu rừng rậm, gốc cây, sườn núi, thung lũng, khe núi, bãi tha ma, khu rừng thưa, đồng trống, đống rơm, và sống tách biệt về thân. Vị ấy đi một mình, đứng một mình, ngồi một mình, nằm một mình, đi vào làng để khất thực một mình, đi trở về một mình, ngồi nơi vắng vẻ một mình, quyết định kinh hành một mình, thực hành, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng một mình. Đây là viễn ly về thân.

Thế nào là **viễn ly về tâm**? Đối với vị thể nhập Sơ thiền, tâm được tách biệt

khỏi các pháp che lấp. Đối với vị thể nhập Nhị thiền, tâm được tách biệt khỏi tầm và tứ. Đối với vị thể nhập Tam thiền, tâm được tách biệt khỏi hỷ. Đối với vị thể nhập Tứ thiền, tâm được tách biệt khỏi lạc và khổ. Đối với vị thể nhập Không vô biên xứ, tâm được tách biệt khỏi sắc tưởng, bất bình tưởng, dị biệt tưởng. Đối với vị thể nhập Thức vô biên xứ, tâm được tách biệt khỏi Không vô biên xứ tưởng. Đối với vị thể nhập Vô sở hữu xứ, tâm được tách biệt khỏi Thức vô biên xứ tưởng. Đối với vị thể nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ, tâm được tách biệt khỏi Vô sở hữu xứ tưởng. Đối với vị Nhập lưu, tâm được tách biệt khỏi sự nhận thức sai trái về thân, sự hoài nghi, sự bám víu vào giới và phận sự, tà kiến tiềm ẩn, hoài nghi tiềm ẩn, và các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy. Đối với vị Nhất lai, tâm được tách biệt khỏi sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất thô thiển, ái dục tiềm ẩn và bất bình tiềm ẩn có tính chất thô thiển, và các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy. Đối với vị Bất lai, tâm được tách biệt khỏi sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất vi tế, ái dục tiềm ẩn và bất bình tiềm ẩn có tính chất vi tế, và các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy. Đối với vị A-la-hán, tâm được tách biệt khỏi ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật, vô minh, ngã mạn tiềm ẩn, hữu ái tiềm ẩn, vô minh tiềm ẩn, các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy, và mọi hiện tướng ở bên ngoài. Đây là viễn ly về tâm.

Thế nào là **viễn ly về mầm tái sanh**? Mầm tái sanh nói đến các ô nhiễm, các uẩn và các hành. Viễn ly về mầm tái sanh nói đến bất tử, Niết-bàn, là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Đây là viễn ly về mầm tái sanh.

Viễn ly về thân là đối với các vị có thân đã lui về nơi ẩn dật, đã thích thú trong việc xuất ly; viễn ly về tâm là đối với các vị có tâm hoàn toàn trong sạch, đã đạt đến sự trong trắng tuyệt đối; và viễn ly về mầm tái sanh là đối với các cá nhân không còn mầm tái sanh, đã đạt đến việc lìa khỏi các pháp tạo tác.

An tịnh: Theo một khía cạnh, an tịnh và vị thế an tịnh cũng y như nhau, đều là bất tử, Niết-bàn, là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Vị thế này là an tịnh, vị thế này là hảo hạng, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn." Hoặc là, theo một khía cạnh khác, các pháp nào vận hành đưa đến việc chứng đắc sự an tịnh, đưa đến việc chạm đến sự an tịnh, đưa đến việc chứng ngộ sự an tịnh, như là: Bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần. Các pháp này gọi là vị thế an tịnh, vị thế nương tựa, vị thế trú ẩn, vị thế nương nhờ, vị thế không sợ hãi, vị thế bất hoại, vị thế bất tử, vị thế Niết-bàn.

Bậc Đại Ẩn Sĩ: Đức Thế Tôn là bậc Đại Ẩn Sĩ. "Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu giới uẩn lớn lao" là bậc Đại Ẩn Sĩ. "Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu định uẩn lớn lao, … tuệ uẩn lớn lao, … giải thoát uẩn lớn lao, … giải thoát tri kiến uẩn lớn lao" là bậc Đại Ẩn Sĩ. "Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu sự phá tan khối tăm tối lớn lao, sự phá vỡ điều trái khuấy lớn lao, sự nhổ lên mũi tên tham ái lớn lao, sự tháo tung mối rối rắm tà kiến lớn lao, sự xô ngã ngọn cờ ngã mạn lớn lao, sự vắng lặng pháp tạo tác lớn lao, sự thoát khỏi dòng lũ lớn lao, sự quăng bỏ gánh nặng lớn lao, sự cắt đứt vòng quay luân hồi lớn lao, việc dập tắt sự nóng nảy lớn lao, việc tịch tịnh sự bực bội lớn lao, việc nâng lên ngọn cờ giáo pháp lớn lao" là bậc Đại Ẩn Sĩ. "Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu các sự thiết lập niệm lớn lao, … các chánh cần lớn lao, … các nền tảng của thần thông lớn lao, … các quyền lớn lao, … các lực lớn lao, … các yếu tố đưa đến giác ngộ lớn lao,… đạo lộ Thánh thiện tám chi phần lớn lao, … chân lý tuyệt đối lớn lao, bất tử, Niết-bàn" là bậc Đại Ẩn Sĩ. "Vị được tầm cầu, được tìm tòi, được tìm kiếm bởi các chúng sanh có uy lực lớn lao [hỏi rằng]: Đức Phật ngự ở đâu? Đức Thế Tôn ngự ở đâu? Chúa của chư thiên ngự ở đâu? Đấng Nhân Ngưu ngự ở đâu?" là bậc Đại Ẩn Sĩ.

"Bậc Đại Ẩn Sĩ về sự viễn ly và vị thế an tịnh" là như thế.

Sau khi nhìn thấy như thế nào, vị Tỳ-khưu được tịch diệt? Sau khi nhìn thấy, sau khi nhìn xem, sau khi cân nhắc, sau khi xét đoán, sau khi phân biệt, sau khi làm rõ rệt như thế nào mà [vị Tỳ-khưu] dập tắt luyến ái, dập tắt sân hận, dập tắt si mê, dập tắt, làm an tịnh, làm yên tịnh, làm vắng lặng, làm tịch tịnh sự giận dữ, thù hằn, gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bỏn xẻn, xảo trá, lừa gạt, bướng bỉnh, hung hăng, ngã mạn, cao ngạo, đam mê, xao lãng, tất cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bực bội, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bất thiện của bản thân?

Vị Tỳ-khưu: Là vị Tỳ-khưu phàm nhân tốt lành hoặc vị Tỳ-khưu là bậc Hữu học.

"Sau khi nhìn thấy như thế nào, vị Tỳ-khưu được tịch diệt?" là như thế.

Không còn chấp thủ bất cứ cái gì ở thế gian: Trong khi không chấp thủ, trong khi không nắm lấy, trong khi không bám víu, trong khi không chấp chặt đối với bốn thủ.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ.

Bất cứ cái gì: Bất cứ cái gì liên quan đến sắc, liên quan đến thọ, liên quan đến tưởng, liên quan đến hành, liên quan đến thức.

"Không còn chấp thủ bất cứ cái gì ở thế gian" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Tôi hỏi Ngài, đấng Quyến Thuộc Của Mặt Trời,
Bậc Đại Ẩn Sĩ về sự viễn ly và vị thế an tịnh.
Sau khi nhìn thấy như thế nào, vị Tỳ-khưu được tịch diệt,
Không còn chấp thủ bất cứ cái gì ở thế gian?"

14.2. *Đức Thế Tôn nói: "Nên chặn đứng toàn bộ gốc rễ của cái được gọi là vọng tưởng và [ngã mạn] 'tôi là' nhờ vào trí tuệ. Bất cứ những tham ái nào thuộc nội phần để loại trừ chúng, nên học tập, luôn luôn có niệm."*

Đức Thế Tôn nói: Nên chặn đứng toàn bộ gốc rễ của cái được gọi là vọng tưởng và [ngã mạn] 'tôi là' nhờ vào trí tuệ: Vọng tưởng chính là các pháp có tên gọi là vọng tưởng; tham ái có tên gọi là vọng tưởng, tà kiến có tên gọi là vọng tưởng. Gốc rễ của vọng tưởng tham ái là điều nào? Vô minh là gốc rễ, tác ý không đúng đường lối là gốc rễ, ngã mạn về bản thân là gốc rễ, không hổ thẹn [tội lỗi] là gốc rễ, không ghê sợ [tội lỗi] là gốc rễ, phóng dật là gốc rễ; điều này là gốc rễ của vọng tưởng tham ái. Gốc rễ của vọng tưởng tà kiến là điều nào? Vô minh là gốc rễ, tác ý không đúng đường lối là gốc rễ, ngã mạn về bản thân là gốc rễ, không hổ thẹn [tội lỗi] là gốc rễ, không ghê sợ [tội lỗi] là gốc rễ, phóng dật là gốc rễ; điều này là gốc rễ của vọng tưởng tà kiến.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính. Thêm nữa, "vị có luyến ái đã được phá vỡ" là đức Thế Tôn; "vị có sân hận đã được phá vỡ" là đức Thế Tôn; "vị có si mê đã được phá vỡ" là đức Thế Tôn; "vị có ngã mạn đã được phá vỡ" là đức Thế Tôn; "vị có tà kiến đã được phá vỡ" là đức Thế Tôn; "vị có cây gai đã được phá vỡ" là đức Thế Tôn; "vị có ô nhiễm đã được phá vỡ" là đức Thế Tôn; "vị đã phân phát, đã phân chia, đã phân phối Pháp bảo" là đức Thế Tôn; "vị thực hiện sự chấm dứt các hữu" là đức Thế Tôn; "vị có thân đã được tu tập" là đức Thế Tôn; "vị có giới đã được tu tập, có tâm đã được tu tập, có tuệ đã được tu tập" là đức Thế Tôn; "vị đã thân cận các khu rừng, các nơi heo hút, các chỗ trú ngụ xa vắng có ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh" là đức Thế Tôn; "vị có dự phần hoặc sở hữu về y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi và vật dụng là thuốc men chữa bệnh" là đức Thế Tôn; "vị có dự phần hoặc sở hữu về vị của mục đích, về vị của pháp, về vị của giải thoát, về thắng giới, về thắng tâm, về thắng tuệ" là đức Thế Tôn; "vị có dự phần hoặc sở hữu về bốn thiền, về bốn vô lượng [tâm], về bốn sự thể nhập vô sắc" là đức Thế Tôn; "vị có dự phần hoặc sở hữu về tám giải thoát, về tám thắng xứ [của thiền], về chín sự thể nhập và an trú theo tuần tự" là đức Thế Tôn; "vị có dự phần hoặc sở hữu về mười sự tu tập về tưởng, về mười sự thể nhập các đề mục *kasiṇa*, về định niệm hơi thở vào hơi thở ra, về sự thể nhập các đề mục tử thi" là đức Thế Tôn; "vị có dự phần hoặc sở hữu về bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần" là đức Thế Tôn; "vị có dự phần hoặc sở hữu về mười Như Lai lực, về bốn pháp tự tin, về

bốn tuệ phân tích, về sáu thắng trí, về sáu pháp của đức Phật" là đức Thế Tôn. Tên gọi "Thế Tôn" này không do mẹ tạo ra, không do cha tạo ra, không do anh [em] trai tạo ra, không do chị [em] gái tạo ra, không do bạn bè hoặc thân hữu tạo ra, không do các thân quyến và những người cùng huyết thống tạo ra, không do các Sa-môn hoặc Bà-la-môn tạo ra, không do chư thiên tạo ra, sự tận cùng của giải thoát này là sự quy định thuộc về chư Phật Thế Tôn do sự đạt được, do sự chứng ngộ trí Toàn tri ở cội cây Bồ-đề, tức là "đức Thế Tôn." "Đức Thế Tôn nói: Gốc rễ của cái được gọi là vọng tưởng" là như thế.

Nên chặn đứng toàn bộ... [ngã mạn] "tôi là" nhờ vào trí tuệ.

Trí tuệ: Được gọi là tuệ; tuệ là sự nhận biết,... (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến.

Tôi là: Ngã mạn "tôi là", mong muốn "tôi là", sự tiềm ẩn "tôi là", ở sắc; ngã mạn "tôi là", mong muốn "tôi là", sự tiềm ẩn "tôi là" ở thọ;... ở tưởng;... ở các hành;... ở thức. "Đức Thế Tôn nói: Gốc rễ của cái được gọi là vọng tưởng" là như thế.

Nên chặn đứng toàn bộ... [ngã mạn] "tôi là" nhờ vào trí tuệ: Nên ngăn cản, nên chặn đứng, nên làm tịch diệt, nên làm vắng lặng, nên làm biến hoại, nên làm tịch tịnh toàn bộ gốc rễ của cái được gọi là vọng tưởng và ngã mạn "tôi là" nhờ vào trí tuệ.

"Đức Thế Tôn nói: Nên chặn đứng toàn bộ gốc rễ của cái được gọi là vọng tưởng và [ngã mạn] 'tôi là' nhờ vào trí tuệ" là như thế.

Bất cứ những tham ái nào thuộc nội phần.

Bất cứ điều gì: Tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, cụm từ "*yā kācī*" này là lối nói của sự bao gồm.

Tham ái: Tham ái về cảnh sắc,... (nt)... tham ái về cảnh pháp.

Nội phần: Tham ái ấy có sự sanh lên ở nội phần. "Nội phần" là như thế. Hoặc là, nội phần nói đến tâm, tức là tâm, ý, ý thức, trái tim, chất xám; ý, ý xứ, ý quyền, thức, thức uẩn, từ đó ý thức giới sanh lên. Tham ái ấy là đồng hành, đồng sanh, được gắn bó, được gắn liền, cùng sanh, cùng diệt, chung một nền tảng, chung một đối tượng với tâm. "Nội phần" còn là như thế.

"Bất cứ những tham ái nào thuộc nội phần" là như thế.

Để loại trừ chúng, nên học tập, luôn luôn có niệm.

Luôn luôn: Luôn luôn là mọi lúc, mọi thời, thường khi, luôn khi, thường xuyên, liên tục, không gián đoạn, tiếp nối liên tục, sanh lên tuần tự [như sóng nước], không lưa thưa, không đứt khoảng, không ngừng lại, được liền lặn, trước bữa ăn, sau bữa ăn, vào canh đầu, vào canh giữa, vào canh cuối, vào hậu bán nguyệt, vào tiền bán nguyệt, vào mùa mưa, vào mùa lạnh, vào mùa nóng, ở chặng đầu của tuổi thọ, ở chặng giữa của tuổi thọ, ở chặng cuối của tuổi thọ.

Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm

ở việc quan sát thân trên thân,... (nt)... trên các thọ,... (nt)... trên tâm, có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát pháp trên các pháp. Có niệm còn bởi bốn lý do khác: Có niệm do lánh xa thất niệm, có niệm do trạng thái đã thực hành các pháp cần phải thực hành đối với niệm, có niệm do trạng thái đã tiêu diệt các pháp đối nghịch với niệm, có niệm do trạng thái không lơ là đối với các pháp ấn chứng của niệm. Có niệm còn bởi bốn lý do khác: Có niệm do trạng thái đã thành tựu về niệm, có niệm do trạng thái đã trú ở niệm, có niệm do trạng thái quen thuộc với niệm, có niệm do trạng thái không thối thất đối với niệm. Có niệm còn bởi bốn lý do khác: Có niệm do trạng thái tự tại, có niệm do trạng thái được yên lặng, có niệm do trạng thái được an tịnh, có niệm do trạng thái đã thành tựu pháp của bậc chân nhân. Có niệm do tùy niệm Phật, có niệm do tùy niệm Pháp, có niệm do tùy niệm Tăng, có niệm do tùy niệm giới, có niệm do tùy niệm xả thí, có niệm do tùy niệm thiên, có niệm do niệm hơi thở vào hơi thở ra, có niệm do tùy niệm sự chết, có niệm do niệm đặt ở thân, có niệm do tùy niệm Niết-bàn. Niệm là sự tùy niệm, niệm hiện tiền; niệm là trạng thái ghi nhớ, trạng thái ghi nhận, trạng thái không lơ là, trạng thái không quên lãng; niệm là niệm quyền, niệm lực, chánh niệm, niệm giác chi, con đường độc đạo; điều này được gọi là niệm. Người đã tiến đến, đã tiến gần, đã đến gần, đã tiến vào, đã đạt đến, đã tròn đủ, đã thành tựu niệm này, người ấy được gọi là có niệm.

Nên học tập: Có ba sự học tập: Học tập về thắng giới, học tập về thắng tâm, học tập về thắng tuệ.

Việc nào là sự học tập về thắng giới? Ở đây, vị Tỳ-khưu là vị có giới, sống thu thúc với sự thu thúc của Giới bổn (*Pātimokkha*), thành tựu về hạnh kiểm và hành xứ, thấy sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhặt, thọ trì và thực hành trong các điều học. Nhóm giới nhỏ, nhóm giới lớn, giới là nền tảng, phần khởi đầu, sự thực hành, sự ngăn giữ, sự thu thúc, sự mở đầu, sự dẫn đầu nhằm chứng đạt các thiện pháp. Việc này là sự học tập về thắng giới.

Việc nào là **sự học tập về thắng tâm?** Ở đây, vị Tỳ-khưu ngay sau khi tách ly khỏi các dục, tách ly khỏi các bất thiện pháp, đạt đến và trú thiền thứ nhất, có tầm có tứ, có hỷ lạc sanh lên do sự tách ly; do sự vắng lặng của tầm và tứ, đạt đến và trú thiền thứ nhì, có sự tĩnh lặng thuộc nội phần, có trạng thái chuyên nhất của tâm, không tầm không tứ, có hỷ lạc sanh lên do định; do sự không còn luyến ái ở hỷ, an trú xả, có niệm và có sự nhận biết rõ, và cảm nhận lạc bằng thân, đó là điều mà các bậc Thánh gọi là: "Có xả, có niệm, có sự trú vào lạc", đạt đến và trú thiền thứ ba; và do sự từ bỏ lạc, do sự từ bỏ khổ [ở thân], do sự biến mất của hỷ tâm và ưu phiền [đã có] ngay trước đó, đạt đến và trú thiền thứ tư, có sự thanh tịnh của xả và niệm, không khổ không lạc. Việc này là sự học tập về thắng tâm.

Việc nào là **sự học tập về thắng tuệ?** Ở đây, vị Tỳ-khưu là vị có tuệ, thành tựu về tuệ hướng đến sự sanh diệt, góp phần vào sự thấu triệt cao thượng, dẫn đến việc cạn kiệt hoàn toàn của khổ. Vị ấy nhận biết đúng theo thực thể rằng:

"Đây là khổ", nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là nhân sanh khổ", nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là sự diệt tận khổ", nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ", nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là các lậu hoặc", nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là nhân sanh các lậu hoặc", nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là sự diệt tận các lậu hoặc", nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận các lậu hoặc." Việc này là sự học tập về thắng tuệ.

Để loại trừ chúng, nên học tập, luôn luôn có niệm: Nên học tập về thắng giới, nên học tập về thắng tâm, nên học tập về thắng tuệ nhằm loại bỏ, nhằm bài trừ, nhằm dứt bỏ, nhằm làm vắng lặng, nhằm buông bỏ, nhằm tịch tịnh các tham ái ấy. Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này thì nên học tập; trong khi biết thì nên học tập; trong khi thấy thì nên học tập; trong khi quán xét lại thì nên học tập; trong khi quyết định tâm thì nên học tập; trong khi hướng đến đức tin thì nên học tập; trong khi ra sức tinh tấn thì nên học tập; trong khi thiết lập niệm thì nên học tập; trong khi tập trung tâm thì nên học tập; trong khi nhận biết bằng tuệ thì nên học tập; trong khi biết rõ pháp cần được biết rõ thì nên học tập; trong khi biết toàn diện pháp cần được biết toàn diện thì nên học tập; trong khi dứt bỏ pháp cần được dứt bỏ thì nên học tập; trong khi tu tập pháp cần được tu tập thì nên học tập; trong khi chứng ngộ pháp cần được chứng ngộ thì nên học tập, nên hành xử, nên hành theo, nên thọ trì và vận dụng.

"Để loại trừ chúng, nên học tập, luôn luôn có niệm" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

Đức Thế Tôn nói: "Nên chặn đứng toàn bộ gốc rễ của cái được gọi là vọng tưởng và [ngã mạn] 'tôi là' nhờ vào trí tuệ. Bất cứ những tham ái nào thuộc nội phần để loại trừ chúng, nên học tập, luôn luôn có niệm."

14.3. *Bất cứ pháp [đức tính] nào có thể biết rõ*
Thuộc nội phần [nơi bản thân] hay là thuộc ngoại phần [nơi người khác],
Không vì điều ấy mà thể hiện sự ngang tàng,
Bởi vì điều ấy không được các bậc thiện nhân gọi là sự tịch diệt.

Bất cứ pháp [đức tính] nào có thể biết rõ thuộc nội phần [nơi bản thân]: Nên nhận biết bất cứ đức tính nào của bản thân, là các pháp thiện hay là các pháp vô ký. Các điều nào là đức tính của bản thân? Ta xuất gia từ gia tộc thượng lưu; hoặc là, ta xuất gia từ gia tộc có nhiều của cải; hoặc là, ta xuất gia từ gia tộc có của cải quý giá; hoặc là, ta được biết tiếng, có danh vọng trong số các hàng tại gia và xuất gia; hoặc là, ta có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh; hoặc là, ta là vị chuyên về Kinh; hoặc là, ta có sự ghi nhớ về Luật; hoặc là, ta là vị thuyết Pháp; hoặc là, ta là vị ngụ ở rừng; hoặc là, ta là vị chuyên đi khất thực; hoặc là, ta là vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ; hoặc là, ta là vị chỉ sử dụng ba y; hoặc là, ta là vị đi khất thực tuần tự theo từng nhà; hoặc là, ta là vị không ăn vật thực dâng sau; hoặc là, ta là

vị chuyên về oai nghi ngồi (không nằm); hoặc là, ta là vị ngụ ở chỗ đã được chỉ định; hoặc là, ta là "vị đạt Sơ thiền"; hoặc là, ta là "vị đạt Nhị thiền"; hoặc là, ta là "vị đạt Tam thiền"; hoặc là, ta là "vị đạt Tứ thiền"; hoặc là, ta là "vị đạt sự thể nhập Không vô biên xứ"; hoặc là, ta là "vị đạt sự thể nhập Thức vô biên xứ, … sự thể nhập Vô sở hữu xứ, … sự thể nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ"; các điều này là các đức tính của bản thân. Nên nhận biết, nên hiểu biết, nên nhận thức, nên thừa nhận, nên thấu triệt bất cứ đức tính nào của bản thân.

"Bất cứ pháp (đức tính) nào có thể biết rõ thuộc nội phần [nơi bản thân]" là như thế.

Hay là thuộc ngoại phần [nơi người khác]: Các đức tính ấy là của vị thầy tế độ hoặc của vị thầy dạy học.

"Hay là thuộc ngoại phần [nơi người khác]" là như thế.

Không vì điều ấy mà thể hiện sự ngang tàng: Không nên thể hiện sự ngang tàng, không nên thể hiện sự bướng bỉnh, không nên thể hiện sự ngã mạn, không nên thể hiện sự kiêu hãnh, không nên thể hiện sự hãnh diện vì đức tính của bản thân hoặc vì đức tính của những người khác, không vì điều ấy mà sanh ra ngã mạn, không vì điều ấy mà trở nên ương ngạnh, ương bướng, ngẩng cao đầu.

"Không vì điều ấy mà thể hiện sự ngang tàng" là như thế.

Bởi vì điều ấy không được các bậc thiện nhân gọi là sự tịch diệt: Các bậc thiện nhân, các bậc an tịnh, các bậc chân nhân, các vị Phật, các vị Thinh văn của đức Phật, các vị Phật Độc Giác không nói, không phát biểu, không nêu ra, không chỉ bảo, không thông báo, không ấn định, không khai mở, không chia sẻ, không làm rõ, không bày tỏ rằng: "Điều ấy là sự tịch diệt."

"Bởi vì điều ấy không được các bậc thiện nhân gọi là sự tịch diệt" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Bất cứ pháp [đức tính] nào có thể biết rõ
Thuộc nội phần [nơi bản thân] hay là thuộc ngoại phần [nơi người khác],
Không vì điều ấy mà thể hiện sự ngang tàng,
Bởi vì điều ấy không được các bậc thiện nhân gọi là sự tịch diệt."

14.4. *Không nên vì việc ấy mà nghĩ rằng [bản thân] là tốt hơn,*
Kém thua, hoặc thậm chí là tương đương.
Bị tác động bởi nhiều hình thức,
Trong khi sắp xếp về bản thân, không nên dừng lại [ở điều ấy].

Không nên vì việc ấy mà nghĩ rằng [bản thân] là tốt hơn: Không nên sanh khởi cao ngạo rằng: "Ta là tốt hơn" về xuất thân, về dòng dõi, về con nhà gia thế, về vẻ đẹp của làn da, về tài sản, về học vấn, về công việc, về tài nghệ, về kiến thức, về sự học hỏi, về tài biện giải, hoặc về sự việc này khác.

"Không nên vì việc ấy mà nghĩ rằng [bản thân] là tốt hơn" là như thế.

Kém thua, hoặc thậm chí là tương đương: Không nên sanh khởi tự ti rằng: "Ta là thua kém" về xuất thân, về dòng dõi,... (nt)... hoặc về sự việc này khác. Không nên sanh khởi ngã mạn rằng: "Ta là ngang bằng" về xuất thân, về dòng dõi, về con nhà gia thế, về vẻ đẹp của làn da, về tài sản, về học vấn, về công việc, về tài nghệ, về kiến thức, về sự học hỏi, về tài biện giải, hoặc về sự việc này khác.

"Kém thua, hoặc thậm chí là tương đương" là như thế.

Bị tác động bởi nhiều hình thức: Bị tác động, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi những kiểu cách theo nhiều loại.

"Bị tác động bởi nhiều hình thức" là như thế.

Trong khi sắp xếp về bản thân, không nên dừng lại [ở điều ấy]: Bản thân nói đến tự ngã. Trong khi sắp đặt, trong khi sắp xếp, trong khi đi đến việc sắp xếp về bản thân (như là: "Ta xuất gia từ gia tộc thượng lưu", v.v...), không nên dừng lại [ở điều ấy].

"Trong khi sắp xếp về bản thân, không nên dừng lại [ở điều ấy]" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Không nên vì việc ấy mà nghĩ rằng [bản thân] là tốt hơn,
Kém thua, hoặc thậm chí là tương đương.
Bị tác động bởi nhiều hình thức,
Trong khi sắp xếp về bản thân, không nên dừng lại [ở điều ấy]."

14.5. *Nên làm yên tịnh ngay ở nội tâm,*
Vị Tỳ-khưu không nên tìm kiếm sự an tịnh bằng [đạo lộ] khác.
Đối với vị đã được yên tịnh ở nội tâm,
Điều nắm giữ là không có, từ đâu có điều được rời bỏ?

Nên làm yên tịnh ngay ở nội tâm: Nên làm yên lặng luyến ái, nên làm yên lặng sân hận; nên làm yên lặng si mê, nên làm yên lặng; nên làm yên tịnh, nên làm vắng lặng; nên làm tịch diệt, nên làm tịch tịnh sự giận dữ, thù hằn, gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bỏn xẻn, xảo trá, lừa gạt, bướng bỉnh, hung hăng, ngã mạn, cao ngạo, đam mê, xao lãng, tất cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bực bội, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bất thiện ở nội tâm.

"Nên làm yên tịnh ngay ở nội tâm" là như thế.

Vị Tỳ-khưu không nên tìm kiếm sự an tịnh bằng [đạo lộ] khác: Không nên tìm kiếm, không nên tìm tòi, không nên tầm cầu sự an tịnh, sự yên tịnh, sự vắng lặng, sự tịch diệt, sự tịch tịnh bằng [đạo lộ] khác, bằng đạo lộ không trong sạch, bằng cách thực hành sai trái, bằng đường lối không dẫn dắt ra khỏi, ngoại trừ các sự thiết lập niệm; ngoại trừ các chánh cần, ngoại trừ các nền tảng của thần thông, ngoại trừ các quyền, ngoại trừ các lực, ngoại trừ các yếu tố đưa đến giác ngộ, ngoại trừ đạo lộ Thánh thiện tám chi phần.

"Vị Tỳ-khưu không nên tìm kiếm sự an tịnh bằng [đạo lộ] khác" là như thế.

Đối với vị đã được yên tịnh ở nội tâm: Đối với vị đã được an tịnh luyến ái, đối với vị đã được an tịnh sân hận, đối với vị đã được an tịnh si mê,... (nt)... đối với vị đã được an tịnh, đã được yên tịnh, đã được vắng lặng, đã được tịch diệt, đã được tịch tịnh tất cả các pháp tạo tác bất thiện ở nội tâm.

"Đối với vị đã được yên tịnh ở nội tâm" là như thế.

Điều nắm giữ là không có, từ đâu có điều được rời bỏ?

Không có: Là sự phủ định. Không có ngã kiến rằng: **"Có tự ngã."** Không có đoạn kiến rằng: **"Không có tự ngã."** Không có điều đã được nắm lấy rằng: **"Có tự ngã."** Không có điều cần được giải thoát rằng: **"Không có tự ngã."** Người nào không có điều đã được nắm lấy thì người ấy không có điều cần được giải thoát, người nào không có điều cần được giải thoát thì người ấy không có điều đã được nắm lấy. Trong khi vượt qua hẳn việc nắm giữ và việc giải thoát, bậc A-la-hán vượt qua khỏi sự tiến tu và thối thất. Vị ấy đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành,... (nt)... việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vị ấy.

"Điều nắm giữ là không có, từ đâu có điều được rời bỏ?" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Nên làm yên tịnh ngay ở nội tâm,
Vị Tỳ-khưu không nên tìm kiếm sự an tịnh bằng [đạo lộ] khác.
Đối với vị đã được yên tịnh ở nội tâm,
Điều nắm giữ là không có, từ đâu có điều được rời bỏ?"

14.6. *Giống như ở phần giữa của biển cả*
Là đứng yên, sóng biển không được sanh ra,
Tương tự như vậy, nên trầm tĩnh, không dục vọng,
Vị Tỳ-khưu không nên tạo ra [thái độ] kiêu ngạo ở bất cứ đâu.

Giống như ở phần giữa của biển cả là đứng yên, sóng biển không được sanh ra: Biển cả là sâu thẳm với độ sâu tám vạn bốn ngàn do-tuần. Bốn vạn do-tuần ở phần dưới, nước rung động bởi các loài cá và rùa. Bốn vạn do-tuần ở phần trên, nước rung động bởi các cơn gió. Bốn ngàn do-tuần ở phần giữa, nước không rung động, không lay động, không dao động, không run rẩy, không chấn động, không rúng động; biển cả là không bị di động, không bị đụng chạm, không bị dao động, không bị loạn động, không bị quay cuồng, được vắng lặng; tại nơi ấy sóng biển không được sanh ra, biển cả là đứng yên. "Giống như ở phần giữa của biển cả là đứng yên, sóng biển không được sanh ra" là như vậy. Hoặc là, ở bên trong của bảy ngọn núi[1] có bảy đại dương Sīdantarā; tại nơi ấy nước không rung động, không lay động, không dao động, không run rẩy, không

[1] Là 7 ngọn núi của dãy Hy-mã-lạp có tên theo thứ tự là Yugandhara, Isadhara, Karavīka, Sudassana, Nemindhara, Vinataka và Assakanna (xem *DPPN*). (ND)

chấn động, không rúng động; đại dương là không bị di động, không bị đụng chạm, không bị dao động, không bị loạn động, không bị quay cuồng, được vắng lặng; tại nơi ấy sóng biển không được sanh ra, biển cả là đứng yên.

"Giống như ở phần giữa của biển cả là đứng yên, sóng biển không được sanh ra" còn là như vậy.

Tương tự như vậy, nên trầm tĩnh, không dục vọng.

Tương tự như vậy: Là phương thức của sự so sánh.

Trầm tĩnh: Là không rung động vì lợi lộc, không rung động vì không lợi lộc, không rung động vì danh vọng, không rung động vì không danh vọng, không rung động vì lời khen, không rung động vì lời chê, không rung động vì hạnh phúc, không rung động vì khổ đau, không lay động, không dao động, không run rẩy, không chấn động, không rúng động. "Tương tự như vậy, nên trầm tĩnh" là như thế.

Không dục vọng: Dục vọng nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,… (nt)… tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với người nào dục vọng tham ái ấy đã được dứt bỏ, đã được cắt lìa, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; người ấy được gọi là không dục vọng. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với dục vọng mà trở thành không dục vọng. Người ấy không xao động vì lợi lộc, không xao động vì không lợi lộc, không xao động vì danh vọng, không xao động vì không danh vọng, không xao động vì lời khen, không xao động vì lời chê, không xao động vì hạnh phúc, không xao động vì khổ đau, không dao động, không run rẩy, không chấn động, không rúng động.

"Tương tự như vậy, nên trầm tĩnh, không dục vọng" là như thế.

Vị Tỳ-khưu không nên tạo ra [thái độ] kiêu ngạo ở bất cứ đâu.

Kiêu ngạo: Có bảy sự kiêu ngạo. Không nên tạo ra, không nên làm sanh ra, không nên làm sanh khởi, không nên làm hạ sanh, không nên làm phát sanh ra [thái độ] kiêu ngạo do luyến ái, kiêu ngạo do sân hận, kiêu ngạo do si mê, kiêu ngạo do ngã mạn, kiêu ngạo do tà kiến, kiêu ngạo do ô nhiễm, kiêu ngạo do nghiệp.

Ở bất cứ đâu: Ở bất cứ đâu là ở bất cứ nơi nào, ở một nơi nào đó, ở bên trong, hoặc ở bên ngoài, hoặc ở bên trong và bên ngoài.

"Vị Tỳ-khưu không nên tạo ra [thái độ] kiêu ngạo ở bất cứ đâu" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Giống như ở phần giữa của biển cả
Là đứng yên, sóng biển không được sanh ra,
Tương tự như vậy, nên trầm tĩnh, không dục vọng,
Vị Tỳ-khưu không nên tạo ra [thái độ] kiêu ngạo ở bất cứ đâu."

14.7. *Bậc có mắt được mở ra đã nói về*
Pháp thực chứng, có sự loại trừ các hiểm họa.
Thưa Ngài Đại đức, xin Ngài hãy nói về đường lối thực hành,
Về giới giải thoát và luôn cả về định nữa.

Bậc có mắt được mở ra đã nói về.

Đã nói về: Là đã được trả lời, đã được nêu ra, đã được chỉ bảo, đã được thông báo, đã được ấn định, đã được khai mở, đã được chia sẻ, đã được làm rõ, đã được bày tỏ. "Đã nói về" là như thế.

Bậc có mắt được mở ra: Đức Thế Tôn có mắt được mở ra với năm loại mắt: Có mắt được mở ra với nhục nhãn, có mắt được mở ra với thiên nhãn, có mắt được mở ra với tuệ nhãn, có mắt được mở ra với Phật nhãn, và có mắt được mở ra với toàn nhãn.

Đức Thế Tôn có mắt được mở ra **với nhục nhãn** nghĩa là thế nào? Ở nhục nhãn của đức Thế Tôn hiện hữu năm màu sắc: Màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu đen và màu trắng. Và các lông mi của đức Thế Tôn: Nơi nào các lông mi mọc, màu xanh ở nơi ấy là màu xanh tuyền, duyên dáng, đáng nhìn, như là hoa của cây ummā. Phần bên ngoài xung quanh nơi ấy có màu vàng, là màu vàng tuyền, màu của kim loại vàng, duyên dáng, đáng nhìn, như là hoa của cây kaṇikāra. Hai bên đuôi mắt của đức Thế Tôn có màu đỏ, là màu đỏ tuyền, duyên dáng, đáng nhìn, như là màu của loài mối cánh. Chính giữa [hai con mắt] có màu đen, là màu đen tuyền, không sần sùi, bóng láng, duyên dáng, đáng nhìn, như là màu trái addāriṭṭhaka. Phần bên ngoài xung quanh nơi ấy có màu trắng, là màu trắng tuyền, trắng tinh, trắng sáng, duyên dáng, đáng nhìn, như là ngôi sao osadhī. Nhục nhãn tự nhiên ấy, nương ở kim thân, đã được sanh lên do hạnh nghiệp tốt đẹp trong thời quá khứ; thông qua nó, đức Thế Tôn nhìn thấy xung quanh một do-tuần, ban ngày và luôn cả ban đêm. Ngay cả vào lúc tối tăm hội đủ bốn yếu tố: Mặt trời đã lặn xuống, vào ngày trai giới thuộc hạ huyền [đêm cuối tháng âm lịch], nơi khu rừng già sâu thẳm và có đám mây đen lớn trỗi dậy; ngay cả vào lúc tối tăm hội đủ bốn yếu tố có hình thức như thế, Ngài cũng vẫn nhìn thấy xung quanh một do-tuần. Ở nơi nào dầu có vách tường, cánh cửa, tường thành, ngọn núi, bụi rậm, hoặc dây leo, cũng không là sự ngăn trở việc nhìn thấy các hình thể. Nếu sau khi làm dấu một hạt mè rồi ném vào cỗ xe chở hạt mè, Ngài vẫn có thể nhặt lên chính hạt mè ấy. Nhục nhãn tự nhiên của đức Thế Tôn là thanh tịnh như vậy. Đức Thế Tôn có mắt được mở ra với nhục nhãn nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn có mắt được mở ra **với thiên nhãn** nghĩa là thế nào? Đức Thế Tôn, với thiên nhãn thanh tịnh vượt trội loài người, nhìn thấy các chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại [trở thành] hạ tiện, cao quý, đẹp đẽ, xấu xí, sung sướng, [hay] đau khổ, Ngài biết được rằng các chúng sanh đều đi theo nghiệp tương ứng: "Quả vậy, những chúng sanh đang hiện hữu này có uế hạnh về thân, có uế hạnh về khẩu, có uế hạnh về ý, vu khống các bậc Thánh, theo tà kiến, tán

thành các hành động do tà kiến. Những kẻ ấy, khi tan rã thân xác và chết đi, bị sanh vào đọa xứ, cõi khổ, nơi trừng phạt, địa ngục. Trái lại, những chúng sanh đang hiện hữu này có thiện hạnh về thân, có thiện hạnh về khẩu, có thiện hạnh về ý, không vu khống các bậc Thánh, theo chánh kiến, tán thành các hành động do chánh kiến. Những người ấy, khi tan rã thân xác và chết đi, được sanh vào chốn an vui, cõi trời, thế gian [này].” Như thế, bằng thiên nhãn thanh tịnh vượt trội loài người, Ngài nhìn thấy các chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại [trở thành] hạ tiện, cao quý, đẹp đẽ, xấu xí, sung sướng, [hay] đau khổ, Ngài biết được rằng các chúng sanh đều đi theo nghiệp tương ứng. Và trong khi mong muốn, đức Thế Tôn có thể nhìn thấy một thế giới,[2] có thể nhìn thấy hai thế giới, có thể nhìn thấy ba thế giới, có thể nhìn thấy bốn thế giới, có thể nhìn thấy năm thế giới, có thể nhìn thấy mười thế giới, có thể nhìn thấy hai mươi thế giới, có thể nhìn thấy ba mươi thế giới, có thể nhìn thấy bốn mươi thế giới, có thể nhìn thấy năm mươi thế giới, có thể nhìn thấy nhất thiên (tức tiểu thế giới), có thể nhìn thấy nhị thiên (tức trung thế giới), có thể nhìn thấy tam thiên (tức đại thiên thế giới).[3] Hơn nữa, Ngài mong muốn đến chừng nào thì Ngài có thể nhìn thấy đến chừng ấy. Thiên nhãn của đức Thế Tôn là thanh tịnh như vậy. Đức Thế Tôn có mắt được mở ra với thiên nhãn nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn có mắt được mở ra **với tuệ nhãn** nghĩa là thế nào? Đức Thế Tôn là bậc có tuệ vĩ đại, có tuệ rộng lớn, có tuệ vi tiếu, có tuệ tốc hành, có tuệ sắc bén, có tuệ thấu suốt, là bậc thiện xảo trong việc chia chẻ bằng tuệ, bậc có trí đã được phát triển, đã đạt đến tuệ phân tích, đã đạt được bốn pháp tự tin, có sự duy trì mười lực, là bậc Nhân Ngưu, bậc Nhân Sư, bậc Nhân Tượng, bậc Nhân Kiệt, bậc Nhân Đạo, bậc có trí vô biên, có oai lực vô biên, có danh vọng vô biên, giàu có [về trí tuệ], có tài sản lớn [về trí tuệ], sở hữu tài sản [về trí tuệ], là bậc Hướng Đạo, bậc Hướng Dẫn, bậc Đoạn Nghi, bậc Truyền Đạt, bậc Truyền Thụ, bậc Khơi Mở, bậc Khởi Tín. Chính đức Thế Tôn ấy là vị làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi, là vị làm sanh ra đạo lộ chưa được sanh ra, là vị tuyên thuyết đạo lộ chưa được tuyên thuyết, là vị biết về đạo lộ, là vị hiểu rõ về đạo lộ, là vị rành rẽ về đạo lộ. Và hơn nữa, những người đi theo đạo lộ, là các đệ tử của Ngài, hiện nay đang an trú và sau này sẽ thành tựu [đạo lộ ấy].

Chính đức Thế Tôn ấy biết [đúng bản thể] điều cần phải biết, thấy [đúng bản thể] điều cần phải thấy, là bậc có bản thể của mắt, có bản thể của trí, có bản

---

[2] Xem chú thích về “*Lokadhātu*” (Thế giới) ở trang 223. (ND)

[3] Nhất thiện (tiểu thế giới), nhị thiên (trung thế giới), tam thiên (đại thiên thế giới):
a/ 1.000 lần (*sahassī*, nhất thiên) thế giới (*lokadhātu*) là một tiểu thế giới (*cūḷanikā lokadhātu*).
b/ 1.000 lần tiểu thế giới 1.000 x 1.000 hay 1.000 lũy thừa hai (*dvisahassī*, nhị thiên) của thế giới là một trung thế giới (*majjhimakā lokadhātu*).
c/ Theo cách tính trên, 1.000 lũy thừa ba (*tisahassī*, tam thiên) của thế giới và nhiều ngàn lần hơn nữa thì được gọi là đại thiên thế giới. Và thế gian bao gồm *koṭisatasahassacakkavāḷa* (10.000.000 x 100.000 vũ trụ) được nhìn thấy (*NidA*. II. 383). Ở đây, nhị thiên, tam thiên, đại thiên nên được hiểu theo nghĩa lũy thừa, nghĩa là 1.000 lũy thừa hai, 1.000 lũy thừa ba, và 1.000 lũy thừa của các số lớn hơn 3, chứ không phải là hai ngàn, ba ngàn, nhiều ngàn như nghĩa thông thường.

thể của pháp, có bản thể của Phạm thiên, là vị công bố, vị tuyên thuyết, vị chỉ dẫn mục đích, vị ban cho bất tử, bậc Pháp Chủ, đức Như Lai. Đối với đức Thế Tôn ấy, không có việc không biết, không thấy, không hiểu rõ, không chứng ngộ, không chạm đến bằng tuệ. Tất cả các pháp liên quan đến quá khứ, tương lai, hiện tại, với mọi biểu hiện, đều đi đến phạm vi ở trong tầm trí tuệ của đức Phật Thế Tôn. Bất cứ điều gì có thể biết, nghĩa là có pháp cần phải biết, có lợi ích cho mình, hoặc có lợi ích cho người khác, hoặc có lợi ích cho cả hai, hoặc có lợi ích liên quan đời này, hoặc có lợi ích liên quan đời sau, hoặc có lợi ích hời hợt, hoặc có lợi ích thâm sâu, hoặc có lợi ích được giấu kín, hoặc có lợi ích được che đậy, hoặc có lợi ích tiềm tàng, hoặc có lợi ích hiển hiện, hoặc có lợi ích không tội lỗi, hoặc có lợi ích không ô nhiễm, hoặc có lợi ích trong sạch, hoặc có lợi ích là lợi ích tối thượng, tất cả [các] điều ấy đều vận hành ở bên trong trí của đức Phật.

Tất cả thân nghiệp của đức Phật Thế Tôn đều vận hành theo trí, tất cả khẩu nghiệp … tất cả ý nghiệp của đức Phật Thế Tôn đều vận hành theo trí. Đức Phật Thế Tôn có trí không bị chướng ngại về quá khứ, … về vị lai, có trí không bị chướng ngại về hiện tại. Điều-có-thể-biết là chừng nào thì trí là chừng ấy, trí là chừng nào thì điều-có-thể-biết là chừng ấy. Trí có điều-có-thể-biết là giới hạn, điều-có-thể-biết có trí là giới hạn; vượt qua điều-có-thể-biết thì trí không vận hành, vượt qua trí thì không có hành trình của điều-có-thể-biết; các pháp ấy có sự xác lập giới hạn tương xứng với nhau. Giống như hai nắp đậy của cái hộp được gắn liền đúng đắn, nắp đậy bên dưới không lệch nắp trên, nắp đậy bên trên không lệch nắp dưới, chúng có sự xác lập giới hạn tương xứng với nhau; tương tự như vậy, điều-có-thể-biết và trí của đức Phật Thế Tôn có sự xác lập giới hạn tương xứng với nhau. Điều-có-thể-biết là chừng nào thì trí là chừng ấy, trí là chừng nào thì điều-có-thể-biết là chừng ấy. Trí có điều-có-thể-biết là giới hạn, điều-có-thể-biết có trí là giới hạn; vượt qua điều-có-thể-biết thì trí không vận hành, vượt qua trí thì không có hành trình của điều-có-thể-biết; các pháp ấy có sự xác lập giới hạn tương xứng với nhau.

Trí của đức Phật Thế Tôn vận hành ở tất cả các pháp. Tất cả các pháp được gắn liền với sự hướng tâm, được gắn liền với sự mong muốn, được gắn liền với sự chú tâm, được gắn liền với sự khởi tâm của đức Phật Thế Tôn. Trí của đức Phật Thế Tôn vận hành ở tất cả chúng sanh. Đức Thế Tôn biết tính tình, biết tiềm năng, biết nết hạnh, biết khuynh hướng của tất cả chúng sanh. Ngài nhận biết các chúng sanh có tầm nhìn bị vấy bụi ít và có tầm nhìn bị vấy bụi nhiều, có giác quan sắc sảo và có giác quan cùn lụt, có tánh khí tốt và có tánh khí tồi, có thể hiểu được một cách nhanh chóng và có thể hiểu được một cách khó khăn, có khả năng và không có khả năng. Thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, các hạng chư thiên và loài người, chuyển vận ở bên trong trí của đức Phật.

Giống như bất cứ những loài cá và rùa nào, thậm chí luôn cả cá ông và cá voi, chuyển vận ở bên trong đại dương; tương tự như vậy, thế gian tính luôn

cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, các hạng chư thiên và loài người, chuyển vận ở bên trong trí của đức Phật. Giống như bất cứ những loài có cánh nào, thậm chí luôn cả loài nhân điểu là loài linh thú, chuyển vận ở phạm vi thuộc bầu trời; tương tự như vậy, những vị nào tương đương với vị Sāriputta về tuệ, những vị ấy cũng chuyển vận ở phạm vi thuộc Phật trí; Phật trí thâm nhập tuệ của chư thiên và loài người, ngự trị và trụ lại. Những vị Sát-đế-lỵ sáng suốt, những vị Bà-la-môn sáng suốt, những gia chủ sáng suốt, những vị Sa-môn sáng suốt, tinh tế, quen thuộc với học thuyết của những người khác như người cung thủ có thể bắn trúng cọng tóc, nghĩ rằng họ hành xử với sự thành tựu của tuệ trong khi bẻ đôi các tà kiến. Sau khi chuẩn bị các câu hỏi, họ đi đến gặp đức Như Lai rồi hỏi các điều bí mật và đã được che giấu. Được đức Thế Tôn giảng giải và trả lời, các câu hỏi ấy trở nên rõ ràng. Những người ấy đều quy thuận với đức Thế Tôn. Khi ấy, chính đức Thế Tôn, trong trường hợp ấy, chói sáng rực rỡ; điều ấy là nhờ vào tuệ. Đức Thế Tôn có mắt được mở ra với tuệ nhãn nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn có mắt được mở ra **với Phật nhãn** nghĩa là thế nào? Đức Thế Tôn, trong khi dùng Phật nhãn quán xét thế gian, đã nhìn thấy các chúng sanh có tầm nhìn bị vấy bụi ít và có tầm nhìn bị vấy bụi nhiều, có giác quan sắc sảo và có giác quan cùn lụt, có tánh khí tốt và có tánh khí tồi, có thể hiểu được một cách nhanh chóng và có thể hiểu được một cách khó khăn, [đã nhìn thấy] một số chúng sanh đang sống có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong tội lỗi và [sự tái sanh vào] những đời sống khác, một số chúng sanh đang sống không có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong tội lỗi và [sự tái sanh vào] những đời sống khác. Cũng giống như ở hồ sen xanh hoặc ở hồ sen hồng hoặc ở hồ sen trắng, có một số sen xanh, hoặc sen hồng, hoặc sen trắng được sanh ra ở trong nước, được phát triển ở trong nước, không vươn ra khỏi nước, và được nuôi dưỡng chìm ở bên trong [nước]; có một số sen xanh, hoặc sen hồng, hoặc sen trắng được sanh ra ở trong nước, được phát triển ở trong nước, sống ngang bằng mặt nước; và có một số sen xanh, hoặc sen hồng, hoặc sen trắng được sanh ra ở trong nước, được phát triển ở trong nước, vươn lên khỏi nước, và tồn tại không bị vấy bẩn bởi nước; tương tự như vậy, đức Thế Tôn trong khi dùng Phật nhãn quán xét thế gian đã nhìn thấy các chúng sanh có tầm nhìn bị vấy bụi ít và có tầm nhìn bị vấy bụi nhiều, có giác quan sắc sảo và có giác quan cùn lụt, có tánh khí tốt và có tánh khí tồi, có thể hiểu được một cách nhanh chóng và có thể hiểu được một cách khó khăn, [đã nhìn thấy] một số chúng sanh đang sống có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong tội lỗi và [sự tái sanh vào] những đời sống khác, một số chúng sanh đang sống không có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong tội lỗi và [sự tái sanh vào] những đời sống khác.

Đức Thế Tôn biết rằng: "Người này có tánh luyến ái, người này có tánh sân, người này có tánh si, người này có tánh tầm, người này có tánh tín, người này có tánh giác." Đối với người có tánh luyến ái, đức Thế Tôn thuyết bài giảng về

đề mục tử thi. Đối với người có tánh sân, đức Thế Tôn chỉ dạy sự tu tập về tâm từ. Đối với người có tánh si, đức Thế Tôn dạy bảo việc đọc tụng, việc vấn hỏi, việc lắng nghe giáo pháp lúc hợp thời, việc bàn luận giáo pháp lúc hợp thời, việc cộng trú với vị thầy. Đối với người có tánh tầm, đức Thế Tôn chỉ dạy về niệm hơi thở vào hơi thở ra. Đối với người có tánh tín, đức Thế Tôn chỉ dạy về biểu hiện đem lại sự thành tín: Sự giác ngộ tốt đẹp của đức Phật, tính chất tốt đẹp của giáo pháp, sự hành trì tốt đẹp của chúng Tăng và các giới của bản thân. Đối với người có tánh giác, đức Thế Tôn chỉ dạy về ấn chứng của pháp minh sát: Biểu hiện của vô thường, biểu hiện của khổ, biểu hiện của vô ngã.

1. *"Giống như người đứng ở đỉnh của ngọn núi đá, cũng giống như người có thể nhìn thấy dân chúng ở xung quanh, tương tự như thế ấy, bạch đấng Khôn Ngoan, bạch đấng Toàn Nhãn, sau khi bước lên tòa lâu đài làm bằng giáo pháp, xin bậc đã xa lìa sầu muộn hãy quan sát chúng sanh bị rơi vào sầu muộn, bị ngự trị bởi sanh và già."*

Đức Thế Tôn có mắt được mở ra với Phật nhãn nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn có mắt được mở ra với toàn nhãn nghĩa là thế nào? Toàn nhãn nói đến trí toàn giác. Đức Thế Tôn đã tiến đến, đã tiến gần, đã đến gần, đã tiến vào, đã đạt đến, đã đầy đủ, đã thành tựu với trí toàn giác.

2. *"Đối với Ngài, không có bất cứ điều gì ở nơi đây là không được nhìn thấy, không được nhận thức, hoặc không thể biết được. Điều nào có thể biết được, Ngài đã biết rõ tất cả; vì thế đức Như Lai là bậc Toàn Nhãn."*

Đức Thế Tôn có mắt được mở ra với toàn nhãn nghĩa là như vậy.

"Bậc có mắt được mở ra đã nói về" là như thế.

Pháp thực chứng có sự loại trừ các hiểm họa.

Pháp thực chứng: Pháp không do nghe lời đồn đãi, không do nghe nói như thế, không do sự truyền thừa, không do sự thành tựu của việc thu thập kiến thức, không do nhân suy nghĩ, không do nhân suy luận, không do suy đoán theo biểu hiện, không do sự suy xét và chấp nhận về quan điểm, đã được chính bản thân biết rõ, đã được tự thân quán xét. "Pháp thực chứng" là như thế.

Có sự loại trừ các hiểm họa.

Các hiểm họa: Có hai loại hiểm họa: Hiểm họa hiển hiện và hiểm họa khuất lấp.

Các điều nào là hiểm họa hiển hiện? Các con sư tử, hổ, báo, gấu, chó rừng, chó sói, trâu rừng, voi, rắn, bò cạp, rết, hoặc có thể là các kẻ cướp hay những kẻ tàn bạo có hành động gây sự hoặc chưa có hành động gây sự, bệnh ở mắt, bệnh ở tai trong, bệnh ở mũi, bệnh ở lưỡi, bệnh ở thân, bệnh ở đầu, bệnh ở lỗ tai, bệnh ở miệng, bệnh ở răng, ho, suyễn, sổ mũi, nhiệt, cảm sốt, đau bụng, xây xẩm, kiết lỵ, đau bụng bão, dịch tả, phong cùi, khối u, bệnh chàm, lao phổi, động kinh, mụt, nhọt, ghẻ ngứa, sảy, loét tay chân, máu và mật, bệnh tiểu đường, bệnh trĩ, ghẻ lở, loét hậu môn, bệnh phát khởi từ mật, bệnh phát khởi

từ đàm, bệnh phát khởi từ gió, bệnh tổng hợp do mật-đàm-gió, bệnh sanh lên vì thay đổi thời tiết, bệnh sanh lên vì bốn oai nghi không đồng đều, bệnh thuộc dạng cấp tính, bệnh sanh lên vì quả của nghiệp, lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiểu tiện, các xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát, hoặc là như thế; các điều này được gọi là hiểm họa hiển hiện.

Các điều nào là hiểm họa khuất lấp? Uế hạnh về thân, uế hạnh về khẩu, uế hạnh về ý, pháp che lấp "mong muốn về dục", pháp che lấp "sân hận", pháp che lấp "dã dượi buồn ngủ", pháp che lấp "phóng dật và hối hận", pháp che lấp "hoài nghi", sự luyến ái, sân hận, si mê, giận dữ, thù hằn, gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bỏn xẻn, xảo trá, lừa gạt, bướng bỉnh, hung hăng, ngã mạn, cao ngạo, đam mê, xao lãng, tất cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bực bội, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bất thiện; các điều này được gọi là hiểm họa khuất lấp.

Các hiểm họa: Các hiểm họa với ý nghĩa gì? Các hiểm họa bởi vì "chúng áp chế", các hiểm họa bởi vì "chúng đưa đến sự suy giảm", các hiểm họa bởi vì "nơi ấy là chỗ trú."

Các hiểm họa bởi vì "chúng áp chế" nghĩa là thế nào? Các hiểm họa ấy khống chế, áp chế, ngự trị, đè bẹp, trấn áp, chà đạp cá nhân ấy. Các hiểm họa bởi vì "chúng áp chế" nghĩa là như vậy.

Các hiểm họa bởi vì "chúng đưa đến sự suy giảm" nghĩa là thế nào? Các hiểm họa ấy đưa đến sự nguy hiểm, đến sự suy giảm đối với các thiện pháp. Đối với các thiện pháp nào? Đối với sự thực hành đúng đắn, đối với sự thực hành phù hợp, đối với sự thực hành không trái ngược, đối với sự thực hành đưa đến lợi ích, đối với sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, đối với việc làm đầy đủ các giới, đối với việc phòng vệ các giác quan, đối với việc biết chừng mực về vật thực, đối với sự luyện tập về tỉnh thức, đối với niệm và sự nhận biết rõ, đối với sự chuyên cần tu tập về bốn sự thiết lập niệm, đối với sự chuyên cần tu tập về bốn chánh cần,... về bốn nền tảng của thần thông,... về năm quyền,... về năm lực,... về bảy yếu tố đưa đến giác ngộ,... về đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, chúng đưa đến sự nguy hiểm, đến sự suy giảm đối với các thiện pháp này. Các hiểm họa bởi vì "chúng đưa đến sự suy giảm" nghĩa là như vậy.

Các hiểm họa bởi vì "nơi ấy là chỗ trú" nghĩa là thế nào? Các ác bất thiện pháp này sanh lên ở nơi ấy thì có bản ngã [của người ấy] là nơi nương tựa. Giống như các sinh vật "có hang là chỗ trú" thì ngụ ở hang, các sinh vật có "nước là chỗ trú" thì ngụ ở nước, các sinh vật "có rừng là chỗ trú" thì ngụ ở rừng, các sinh vật "có cây cối là chỗ trú" thì ngụ ở cây cối; tương tự như vậy, các ác bất thiện pháp này sanh lên ở nơi ấy thì có bản ngã [của người ấy] là nơi nương tựa. Các hiểm họa bởi vì "nơi ấy là chỗ trú" còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

"Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có học trò, có thầy dạy học, sống khổ sở không thoải mái. Và này các Tỳ-khưu, thế nào là vị Tỳ-khưu có học trò, có thầy

dạy học, sống khổ sở không thoải mái? Này các Tỳ-khưu, ở đây, đối với vị Tỳ-khưu, sau khi nhìn thấy cảnh sắc bằng mắt, các ác bất thiện pháp nào có sự di chuyển [ở các đối tượng] và có sự tư duy đưa đến sự ràng buộc sanh khởi đến vị ấy, các ác bất thiện pháp ấy trú ngụ, chiếm ngự bên trong vị ấy; vì thế, được gọi là 'có học trò'. Chúng chi phối vị ấy, 'các ác bất thiện pháp chi phối vị ấy'; vì thế, được gọi là 'có thầy dạy học'. Và thêm nữa, này các Tỳ-khưu, đối với vị Tỳ-khưu, sau khi nghe âm thanh bằng tai,… sau khi ngửi hương bằng mũi,… sau khi nếm vị bằng lưỡi,… sau khi xúc chạm bằng thân,… sau khi nhận thức pháp bằng ý, các ác bất thiện pháp nào có sự di chuyển [ở các đối tượng] và có sự tư duy đưa đến sự ràng buộc sanh khởi đến vị ấy, các ác bất thiện pháp ấy trú ngụ, chiếm ngự bên trong vị ấy; vì thế, được gọi là 'có học trò'. Chúng chi phối vị ấy, 'các ác bất thiện pháp chi phối vị ấy'; vì thế, được gọi là 'có thầy dạy học'. Này các Tỳ-khưu, quả là như vậy, vị Tỳ-khưu có học trò, có thầy dạy học, sống khổ sở không thoải mái." Các hiểm họa bởi vì "nơi ấy là chỗ trú" còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

"Này các Tỳ-khưu, có ba pháp này là các vết nhơ bên trong, các kẻ thù bên trong, các đối thủ bên trong, các kẻ giết chóc bên trong, các kẻ đối nghịch bên trong. Ba pháp nào? Này các Tỳ-khưu, tham là vết nhơ bên trong, kẻ thù bên trong, đối thủ bên trong, kẻ giết chóc bên trong, kẻ đối nghịch bên trong. Này các Tỳ-khưu, sân… (nt)… Này các Tỳ-khưu, si là vết nhơ bên trong, kẻ thù bên trong, đối thủ bên trong, kẻ giết chóc bên trong, kẻ đối nghịch bên trong."

3. *"Tham là sự sanh ra điều không lợi ích, tham là sự rối loạn của tâm. Người đời không thấu hiểu sự nguy hiểm ấy đã được sanh ra từ bên trong.*

4. *Người bị khởi tham không biết được điều lợi ích, người bị khởi tham không nhìn thấy lý lẽ. Tham không chế người nào, lúc ấy có sự mù quáng tối tăm hiện diện.*

5. *Sân là sự sanh ra điều không lợi ích, sân là sự rối loạn của tâm. Người đời không thấu hiểu sự nguy hiểm ấy đã được sanh ra từ bên trong.*

6. *Người bị nóng giận không biết được điều lợi ích, người bị nóng giận không nhìn thấy lý lẽ. Sự nóng giận không chế người nào, lúc ấy có sự mù quáng tối tăm hiện diện.*

7. *Si là sự sanh ra điều không lợi ích, si là sự rối loạn của tâm. Người đời không thấu hiểu sự nguy hiểm ấy đã được sanh ra từ bên trong.*

8. *Người bị si mê không biết được điều lợi ích, người bị si mê không nhìn thấy lý lẽ. Si không chế người nào, lúc ấy có sự mù quáng tối tăm hiện diện."*

Các hiểm họa bởi vì "nơi ấy là chỗ trú" còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

"Tâu Đại vương, quả thật có ba pháp này được sanh lên thuộc nội phần; chúng sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khổ đau, sự sống không thoải mái cho

con người. Ba pháp nào? Tham, tâu Đại vương, quả thật là pháp được sanh lên thuộc nội phần; nó sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khổ đau, sự sống không thoải mái cho con người. Sân, tâu Đại vương, quả thật… (nt)... Si, tâu Đại vương, quả thật là pháp được sanh lên thuộc nội phần; nó sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khổ đau, sự sống không thoải mái cho con người. Tâu Đại vương, quả thật ba pháp này được sanh lên thuộc nội phần, chúng sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khổ đau, sự sống không thoải mái cho con người."

9. *"Tham, sân và si hiện hữu ở bản thân, hãm hại người có tâm ý xấu xa, tựa như việc kết trái hãm hại cây tre."*

Các hiểm họa bởi vì "nơi ấy là chỗ trú" còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

10. *"Luyến ái, sân hận và si mê có căn nguyên từ nơi [bản ngã] này. Ghét, thương, sự rởn lông sanh lên từ nơi [bản ngã] này. Sự suy tư của tâm có nguồn sanh khởi từ nơi [bản ngã] này, tựa như những bé trai buông lơi con quạ [bị cột chân bởi sợi chỉ dài]."*

Các hiểm họa bởi vì "nơi ấy là chỗ trú" còn là như vậy.

Có sự loại trừ các hiểm họa: Sự loại trừ các hiểm họa là sự dứt bỏ các hiểm họa, sự vắng lặng các hiểm họa, sự buông bỏ các hiểm họa, sự tịch tịnh các hiểm họa, bất tử, Niết-bàn.

"Pháp thực chứng có sự loại trừ các hiểm họa" là như thế.

Thưa Ngài Đại đức, xin Ngài hãy nói về đường lối thực hành.

Xin Ngài hãy nói về đường lối thực hành: Xin Ngài hãy nói, hãy nêu ra, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ về sự thực hành đúng đắn, sự thực hành phù hợp, sự thực hành không trái ngược, sự thực hành đưa đến lợi ích, sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, việc làm đầy đủ các giới, việc phòng vệ các giác quan, việc biết chừng mực về vật thực, sự luyện tập về tỉnh thức, niệm và sự nhận biết rõ, bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, Niết-bàn và đường lối thực hành đưa đến Niết-bàn. "Xin Ngài hãy nói về đường lối thực hành" là như thế.

Thưa Ngài Đại đức: Vị [Phật] đã được hóa hiện ấy xưng hô với đức Phật Thế Tôn. Hoặc là pháp nào mà Ngài đã nêu ra, đã chỉ bảo, đã thông báo, đã ấn định, đã khai mở, đã chia sẻ, đã làm rõ, đã bày tỏ, mọi điều ấy là tốt đẹp, tốt lành, thiện, không bị chê trách, nên được thực hành.

"Thưa Ngài Đại đức, xin Ngài hãy nói về đường lối thực hành" là như thế.

Về giới giải thoát và luôn cả về định nữa.

Về giới giải thoát: Giới là nền tảng, phần khởi đầu, sự thực hành, sự ngăn giữ, sự thu thúc, sự mở đầu, sự dẫn đầu nhằm chứng đạt các thiện pháp.

Và luôn cả về định nữa: Là sự ổn định, sự đứng vững, sự kiên định, sự không rối loạn, sự không tán loạn, trạng thái tâm ý không bị phân tán, sự vắng lặng, định quyền, định lực, chánh định của tâm.

"Về giới giải thoát và luôn cả về định nữa" là như thế.

Vì thế, vị [Phật] do thần thông biến hóa ra đã hỏi rằng:

"Bậc có mắt được mở ra đã nói về
Pháp thực chứng, có sự loại trừ các hiểm họa.
Thưa Ngài Đại đức, xin Ngài hãy nói về đường lối thực hành,
Về giới giải thoát và luôn cả về định nữa."

14.8. *Không nên buông thả với đôi mắt,*
Nên che đậy lỗ tai đối với chuyện làng xóm,
Không nên thèm muốn ở các vị nếm,
Và không nên chấp là của ta về bất cứ thứ gì ở thế gian.

Không nên buông thả với đôi mắt: Buông thả con mắt là thế nào? Ở đây, một vị Tỳ-khưu nào đó buông thả con mắt, có trạng thái buông thả ở mắt [nghĩ rằng]: "Nên thấy điều chưa thấy, nên bỏ qua điều đã thấy", rồi từ tu viện này đến tu viện khác, từ vườn hoa này đến vườn hoa khác, từ ngôi làng này đến ngôi làng khác, từ thị trấn này đến thị trấn khác, từ thành phố này đến thành phố khác, từ quốc độ này đến quốc độ khác, từ xứ sở này đến xứ sở khác, đeo đuổi cuộc du hành lâu dài, cuộc du hành bất định để nhìn ngắm cảnh sắc; buông thả con mắt là như vậy.

Hoặc là, vị Tỳ-khưu, khi đã vào đến xóm nhà, khi đi dọc theo con đường thì đi không thu thúc: Vị ấy vừa đi vừa nhìn voi, nhìn ngựa, nhìn xe, nhìn người đi bộ, nhìn các phụ nữ, nhìn các nam nhân, nhìn các cậu trai, nhìn các cô gái, nhìn các cửa tiệm, nhìn mặt tiền của các căn nhà, nhìn lên, nhìn xuống, nhìn xem hướng chính hướng phụ; buông thả con mắt còn là như vậy.

Hoặc là, vị Tỳ-khưu, sau khi nhìn thấy cảnh sắc bằng mắt, có sự nắm giữ hình tướng, có sự nắm giữ chi tiết. Do nguyên nhân nào mà vị ấy, trong khi sống, có nhãn quyền không được thu thúc, khiến các sự tham đắm, ưu phiền, các ác bất thiện pháp có thể xâm nhập, vị ấy không thực hành sự thu thúc đối với nguyên nhân ấy, không hộ trì nhãn quyền, không tiến hành sự thu thúc ở nhãn quyền; buông thả con mắt còn là như vậy.

Hoặc hơn nữa, giống như một số Tôn giả Sa-môn và Bà-la-môn, sau khi thọ thực các bữa ăn được bố thí do đức tin, các vị ấy lại sống, đeo đuổi việc xem trình diễn có hình thức như vầy: Tức là múa, hát, đờn, vũ hội, nghe kể chuyện, vỗ tay theo nhịp, đánh chiêng, đánh trống, biểu diễn thời trang, trò chơi với banh sắt, trò tung hứng tre, lễ bốc mộ, đấu voi, đấu ngựa, đấu trâu, đấu bò mộng, đấu bò đực, đấu dê, đấu cừu, đấu gà, đấu chim cút, đấu gậy, đánh bốc, đấu vật, tập trận, dàn quân, đóng quân, xem sự điều quân, hoặc là như thế; buông thả con mắt còn là như vậy.

Không buông thả con mắt là thế nào? Ở đây, một vị Tỳ-khưu nào đó không buông thả con mắt, không có trạng thái buông thả ở mắt [không nghĩ rằng]: "Nên thấy điều chưa thấy, nên bỏ qua điều đã thấy", rồi không từ tu viện này đến tu viện khác, không từ vườn hoa này đến vườn hoa khác, không từ ngôi làng này đến ngôi làng khác, không từ thị trấn này đến thị trấn khác, không từ thành phố này đến thành phố khác, không từ quốc độ này đến quốc độ khác, không từ xứ sở này đến xứ sở khác, không đeo đuổi cuộc du hành lâu dài, cuộc du hành bất định để nhìn ngắm cảnh sắc; không buông thả con mắt là như vậy.

Hoặc là, vị Tỳ-khưu, khi đã vào đến xóm nhà, khi đi dọc theo con đường thì đi thu thúc: Vị ấy đi mà không nhìn voi, không nhìn ngựa, không nhìn xe, không nhìn người đi bộ, không nhìn các phụ nữ, không nhìn các nam nhân, không nhìn các cậu trai, không nhìn các cô gái, không nhìn các cửa tiệm, không nhìn mặt tiền của các căn nhà, không nhìn lên, không nhìn xuống, không nhìn xem hướng chính hướng phụ; không buông thả con mắt còn là như vậy.

Hoặc là, vị Tỳ-khưu, sau khi nhìn thấy cảnh sắc bằng mắt, không có sự nắm giữ hình tướng, không có sự nắm giữ chi tiết. Do nguyên nhân nào mà vị ấy, trong khi sống, có nhãn quyền không được thu thúc, khiến các sự tham đắm, ưu phiền, các ác bất thiện pháp có thể xâm nhập. Vị ấy thực hành sự thu thúc đối với việc ấy, hộ trì nhãn quyền, tiến hành sự thu thúc ở nhãn quyền; không buông thả con mắt còn là như vậy. Hoặc hơn nữa, giống như một số Tôn giả Sa-môn và Bà-la-môn, sau khi thọ thực các bữa ăn được bố thí do đức tin, các vị ấy lại sống, đeo đuổi việc xem trình diễn có hình thức như vầy: Tức là múa, hát, đờn, vũ hội, nghe kể chuyện,… (nt)… xem sự điều quân, hoặc là như thế. Vị ấy tránh xa việc xem trình diễn có hình thức như thế ấy; không buông thả con mắt còn là như vậy.

Không nên buông thả với đôi mắt: Nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu trạng thái buông thả ở mắt. Nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với trạng thái buông thả ở mắt, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

"Không nên buông thả với đôi mắt" là như thế.

Nên che đậy lỗ tai đối với chuyện làng xóm: Chuyện làng xóm nói đến ba mươi hai việc nói chuyện phù phiếm, như là: Câu chuyện về vua chúa, câu chuyện về trộm cướp, câu chuyện về đại thần, câu chuyện về binh lính, câu chuyện hãi hùng, câu chuyện về chiến tranh, câu chuyện về thức ăn, câu chuyện về thức uống, câu chuyện về vải vóc, câu chuyện về xe cộ, câu chuyện về giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện về hương liệu, câu chuyện về thân quyến, câu chuyện về làng xóm, câu chuyện về thị tứ, câu chuyện về phố phường, câu chuyện về quốc độ, câu chuyện về đàn bà, câu chuyện về đàn ông, câu chuyện về vị anh hùng, câu chuyện về đường xá, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện về người đã chết, các câu chuyện tạp thoại nói về hiện

trạng của thế giới, nói về hiện trạng của đại dương, câu chuyện về sự hiện hữu và không hiện hữu, hoặc là như thế.

Nên che đậy lỗ tai đối với chuyện làng xóm: Nên che đậy lỗ tai đối với chuyện làng xóm, nên khống chế, nên ngăn chặn, nên bảo vệ, nên gìn giữ, nên đóng lại, nên cắt đứt.

"Nên che đậy lỗ tai đối với chuyện làng xóm" là như thế.

Không nên thèm muốn ở các vị nếm.

Vị nếm: Vị của rễ củ, vị của thân cây, vị của vỏ cây, vị của lá cây, vị của hoa, vị của trái, chua, ngọt, đắng, cay, mặn, nhạt, gắt, chát, dễ chịu, khó chịu, lạnh, nóng. Có một số Sa-môn và Bà-la-môn thèm khát vị nếm, họ lang thang đó đây tầm cầu các vị nếm tuyệt vời bằng đầu lưỡi. Có được vị chua, họ tầm cầu vị không chua; có được vị không chua, họ tầm cầu vị chua. ... (nt)… có được vị lạnh, họ tầm cầu vị nóng; có được vị nóng, họ tầm cầu vị lạnh. Khi có được vị nếm nào thì họ lại không vừa lòng với vị nếm ấy và tiếp tục tầm cầu, họ bị luyến ái ở các vị nếm hợp ý, bị thèm khát, bị buộc trói, bị mê mẩn, bị gần gũi, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại. Đối với vị nào, tham ái này ở vị nếm đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt,… (nt)… đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vị ấy suy xét đúng đắn rồi mới thọ dụng vật thực: "Không vì vui đùa,… (nt)… sự không lầm lỗi, và sự sống được thoải mái."

Giống như người bôi thuốc ở vết thương chỉ nhắm đến mục đích làm cho lành lặn, hoặc giống như người nhỏ dầu ở trục xe chỉ nhắm đến mục đích chuyên chở khối hàng, hoặc giống như người thọ dụng thức ăn là thịt của đứa con trai chỉ nhắm đến mục đích thoát khỏi bãi sa mạc, tương tự y như thế, vị Tỳ-khưu suy xét đúng đắn rồi mới thọ dụng vật thực: "Không vì vui đùa,… (nt)… sự không lầm lỗi, và sự sống được thoải mái." Nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu tham ái ở vị nếm. Nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với tham ái ở vị nếm, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

"Không nên thèm muốn ở các vị nếm" là như thế.

Và không nên chấp là của ta về bất cứ thứ gì ở thế gian.

Trạng thái chấp là của ta: Có hai trạng thái chấp là của ta: Trạng thái chấp là của ta do tham ái và trạng thái chấp là của ta do tà kiến. ... (nt)… điều này là trạng thái chấp là của ta do tham ái. ... (nt)… điều này là trạng thái chấp là của ta do tà kiến. Sau khi dứt bỏ trạng thái chấp là của ta do tham ái, sau khi buông bỏ trạng thái chấp là của ta do tà kiến, không nên chấp mắt là của ta, không nên nắm lấy, không nên bám víu, không nên chấp chặt; không nên chấp tai, mũi, lưỡi, thân, các sắc, các thinh, các hương, các vị, các xúc, gia tộc, đồ chúng, chỗ ngụ, lợi lộc, danh vọng, lời khen, hạnh phúc, y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, dục giới, sắc giới, vô sắc giới, cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc, cõi hữu tưởng, cõi vô tưởng, cõi phi tưởng phi phi tưởng, cõi

một uẩn, cõi bốn uẩn, cõi năm uẩn, quá khứ, vị lai, hiện tại, các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức là của ta, không nên nắm lấy, không nên bám víu, không nên chấp chặt.

Bất cứ cái gì: Bất cứ cái gì liên quan đến sắc, liên quan đến thọ, liên quan đến tưởng, liên quan đến hành, liên quan đến thức.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh,... (nt)... ở thế gian của các xứ.

"Và không nên chấp là của ta về bất cứ thứ gì ở thế gian" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Không nên buông thả với đôi mắt,
Nên che đậy lỗ tai đối với chuyện làng xóm,
Không nên thèm muốn ở các vị nếm,
Và không nên chấp là của ta về bất cứ thứ gì ở thế gian."

14.9. *Khi nào bị xúc chạm bởi xúc [bất hạnh],*
Vị Tỳ-khưu không nên thể hiện sự than vãn về bất cứ điều gì,
Không nên tham đắm sự hiện hữu,
Và không nên rúng động vì các sự khiếp đảm.

Khi nào bị xúc chạm bởi xúc [bất hạnh].

Xúc: Xúc do bệnh. [Vị Tỳ-khưu] có thể bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi xúc do bệnh; có thể bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi xúc do bệnh ở mắt; bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi xúc do bệnh ở tai trong, do bệnh ở mũi, do bệnh ở lưỡi, do bệnh ở thân, do bệnh ở đầu, do bệnh ở lỗ tai, do bệnh ở miệng, do bệnh ở răng, do ho, do suyễn, do sổ mũi, do nhiệt, do cảm sốt, do đau bụng, do xây xẩm, do kiết lỵ, do đau bụng bão, do dịch tả, do phong cùi, do khối u, do bệnh chàm, do lao phổi, do động kinh, do mụt, do nhọt, do ghẻ ngứa, do sảy, do loét tay chân, do máu, do mật, do bệnh tiểu đường, do bệnh trĩ, do ghẻ lở, do loét hậu môn, do bệnh phát khởi từ mật, do bệnh phát khởi từ đàm, do bệnh phát khởi từ gió, do bệnh tổng hợp từ mật-đàm-gió, do bệnh sanh lên vì thay đổi thời tiết, do bệnh sanh lên vì bốn oai nghi không đồng đều, do bệnh thuộc dạng cấp tính, do bệnh sanh lên vì quả của nghiệp, do lạnh, do nóng, do đói, do khát, do đại tiện, do tiểu tiện, bởi các xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát.

"Khi nào bị xúc chạm bởi xúc [bất hạnh]" là như thế.

Vị Tỳ-khưu không nên thể hiện sự than vãn về bất cứ điều gì: Không nên tạo ra, không nên làm sanh ra, không nên làm sanh khởi, không nên làm hạ sanh, không nên làm phát sanh ra sự than van, sự than trách, sự than thở, sự than vãn, trạng thái than van, trạng thái than trách, lời nói, nói lảm nhảm, nói huyên thuyên, nói kể lể, lối nói kể lể, trạng thái nói kể lể.

Bất cứ điều gì: Là ở bất cứ đâu, về bất cứ điều gì, ở bất cứ chỗ nào, thuộc nội phần, hoặc ngoại phần, hoặc thuộc nội phần và ngoại phần.

"Vị Tỳ-khưu không nên thể hiện sự than vãn về bất cứ điều gì" là như thế.

Không nên tham đắm sự hiện hữu: Không nên tham muốn dục hữu, không nên tham muốn sắc hữu, không nên tham muốn vô sắc hữu, không nên khởi tham muốn, không nên tham đắm.

"Không nên tham đắm sự hiện hữu" là như thế.

Và không nên rúng động vì các sự khiếp đảm.

Sự khiếp đảm: Sự sợ hãi và sự khiếp đảm cũng y như nhau, với cùng một biểu hiện. Bởi vì, điều này đã được đức Thế Tôn đề cập đến: "Phải chăng là điều này, là sự sợ hãi và khiếp đảm ấy đang đến?" Đối tượng bên ngoài đã được nói đến là: Các con sư tử, hổ, báo, gấu, chó rừng, chó sói, trâu rừng, ngựa, voi, rắn, bò cạp, rết, hoặc có thể là các kẻ cướp, hay những kẻ tàn bạo có hành động gây sự hoặc chưa có hành động gây sự. Theo một kiểu cách khác, sự sợ hãi được nói đến là sự sợ hãi, trạng thái sợ hãi, trạng thái kinh hãi, sự rởn lông, sự hốt hoảng, sự khiếp sợ có nguồn sanh khởi ở tâm, thuộc nội phần: Sợ hãi sự sanh, sợ hãi sự già, sợ hãi sự bệnh, sợ hãi sự chết, sợ hãi vua chúa, sợ hãi kẻ trộm, sợ hãi lửa, sợ hãi nước, sợ hãi sự chỉ trích của bản thân, sợ hãi sự chỉ trích của người khác, sợ hãi hình phạt, sợ hãi khổ cảnh, sợ hãi sóng nước, sợ hãi cá sấu, sợ hãi xoáy nước, sợ hãi cá dữ, sợ hãi về sinh kế, sợ hãi sự quở trách, sợ hãi do sự nhút nhát ở tập thể, sợ hãi do sự say sưa, sợ hãi do khổ cảnh; trạng thái sợ hãi, trạng thái kinh hãi, sự rởn lông, sự hốt hoảng, sự khiếp sợ của tâm.

Và không nên rúng động vì các sự khiếp đảm: Sau khi nhìn thấy, hoặc sau khi nghe nhiều điều khiếp đảm, thì không nên run rẩy, không nên chấn động, không nên rúng động, không nên run sợ, không nên khiếp sợ, không nên hoảng sợ, không nên sợ hãi, không nên rơi vào sự kinh sợ, nên có tánh không nhút nhát, không kinh hãi, không sợ sệt, không trốn chạy, [vị Tỳ-khưu] nên sống, có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ, có sự rởn lông đã được xa lìa.

"Và không nên rúng động vì các sự khiếp đảm" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Khi nào bị xúc chạm bởi xúc [bất hạnh],
Vị Tỳ-khưu không nên thể hiện sự than vãn về bất cứ điều gì,
Không nên tham đắm sự hiện hữu,
Và không nên rúng động vì các sự khiếp đảm."

14.10. *Đối với các thức ăn, rồi đối với các thức uống, Đối với các vật thực nhai, rồi đối với các loại vải vóc,*
Sau khi nhận được, không nên tạo ra sự cất giữ,
Và không nên hoảng sợ trong khi không nhận được chúng.

Đối với các thức ăn, rồi đối với các thức uống, đối với các vật thực nhai, rồi đối với các loại vải vóc.

Đối với các thức ăn: Là cơm, cháo chua, bánh bột, cá, thịt.

Đối với các thức uống: Có tám loại thức uống: Nước xoài, nước mận, nước chuối hột, nước chuối không hột, nước mật ong, nước nho, nước ngó sen, nước dâu. Còn có tám loại thức uống khác nữa: Nước trái kosamba, nước táo ta, nước táo, nước bơ lỏng, nước dầu ăn, nước sữa, nước cháo, nước rau cải.

Đối với các vật thực nhai: Bột là vật thực nhai, bánh là vật thực nhai, rễ cây là vật thực nhai, vỏ cây là vật thực nhai, lá cây là vật thực nhai, bông hoa là vật thực nhai, trái cây là vật thực nhai.

Đối với các loại vải vóc: Có sáu loại y: Loại bằng sợi lanh, loại bằng bông vải, loại bằng tơ lụa, loại bằng sợi len, loại bằng gai thô, loại bằng chỉ bố.

"Đối với các thức ăn, rồi đối với các thức uống, đối với các vật thực nhai, rồi đối với các loại vải vóc" là như thế.

Sau khi nhận được, không nên tạo ra sự cất giữ.

Sau khi nhận được: Sau khi nhận được là sau khi đạt được, sau khi đạt đến, sau khi tìm thấy, sau khi tiếp nhận không do gạt gẫm, không do tán phét, không do gợi ý, không do lừa bịp, không do việc thèm muốn lợi lộc bằng lợi lộc, không do việc cho củi [gỗ], không do việc cho tre, không do việc cho lá, không do việc cho bông hoa, không do việc cho trái cây, không do việc cho cây cọ rửa, không do việc cho bột tắm, không do việc cho đất sét, không do việc cho gỗ chà răng, không do việc cho nước súc miệng, không do việc nịnh hót, không do việc tâng bốc, không do việc chiều chuộng, không do việc nói lén sau lưng, không nhờ vào khoa địa lý, không nhờ vào kiến thức thế tục, không nhờ vào khoa bói tướng, không nhờ vào khoa chiêm tinh, không do việc đi làm sứ giả, không do việc đi theo sự sai bảo, không do việc chuyển tin bằng đôi chân, không do công việc thầy thuốc, không do công việc xây dựng, không do thức ăn đổi thức ăn, không do phát sanh bởi quà cáp; sau khi nhận được, sau khi đạt được, sau khi đạt đến, sau khi tìm thấy, sau khi tiếp nhận đúng theo pháp, một cách ngay thẳng. "Sau khi nhận được" là như thế.

Không nên tạo ra sự cất giữ: Không nên tạo ra, không nên làm sanh ra, không nên làm sanh khởi, không nên làm hạ sanh, không nên làm phát sanh ra sự cất giữ thức ăn, sự cất giữ thức uống, sự cất giữ vải vóc, sự cất giữ xe thuyền, sự cất giữ chỗ nằm, sự cất giữ vật thơm, sự cất giữ tài vật.

"Sau khi nhận được, không nên tạo ra sự cất giữ" là như thế.

Và không nên hoảng sợ trong khi không nhận được chúng [nghĩ rằng:] "Tôi không đạt được thức ăn, tôi không đạt được thức uống, tôi không đạt được vải vóc, tôi không đạt được gia đình, tôi không đạt được đồ chúng, tôi không đạt được chỗ ngụ, tôi không đạt được lợi lộc, tôi không đạt được danh vọng, tôi không đạt được sự khen ngợi, tôi không đạt được hạnh phúc, tôi không đạt được y phục, tôi không đạt được vật thực, tôi không đạt được chỗ ở, tôi không đạt được vật dụng là thuốc men chữa bệnh, hoặc tôi không đạt được người chăm sóc bệnh, tôi không được biết đến" thì không nên run sợ, không nên khiếp sợ, không nên hoảng sợ, không nên sợ hãi, không nên rơi vào sự kinh sợ, nên có

tánh không nhút nhát, không kinh hãi, không sợ sệt, không trốn chạy, [vị Tỳ-khưu] nên sống, có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ, có sự rởn lông đã được xa lìa.

"Và không nên hoảng sợ trong khi không nhận được chúng" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Đối với các thức ăn, rồi đối với các thức uống,
Đối với các vật thực nhai, rồi đối với các loại vải vóc,
Sau khi nhận được, không nên tạo ra sự cất giữ,
Và không nên hoảng sợ trong khi không nhận được chúng."

14.11. *Nên là vị có thiền chứng, không nên buông thả bàn chân [đi đó đây],*
Nên xa lánh trạng thái hối hận, không nên xao lãng,
Và ở những chỗ ngồi, ở những chỗ nằm,
Ở những nơi có ít tiếng động, vị Tỳ-khưu nên cư trú.

Nên là vị có thiền chứng, không nên buông thả bàn chân [đi đó đây].

Có thiền chứng: Là có thiền chứng với sơ thiền, có thiền chứng với nhị thiền, có thiền chứng với tam thiền, có thiền chứng với tứ thiền, có thiền chứng với thiền có tầm có tứ, có thiền chứng với thiền không có tầm chỉ có tứ, có thiền chứng với thiền không có tầm không có tứ, có thiền chứng với thiền có hỷ, có thiền chứng với thiền không có hỷ, có thiền chứng với thiền đồng hành với hỷ, có thiền chứng với thiền đồng hành với khoái lạc, có thiền chứng với thiền đồng hành với lạc, có thiền chứng với thiền đồng hành với xả, có thiền chứng với thiền không tánh, có thiền chứng với thiền vô tướng, có thiền chứng với thiền vô nguyện, có thiền chứng với thiền hợp thế, có thiền chứng với thiền xuất thế, thích thú với thiền, gắn bó với trạng thái đơn độc, chú trọng mục đích của mình. "Có thiền chứng" là như thế.

Không nên buông thả bàn chân [đi đó đây]: Buông thả bàn chân là thế nào? Ở đây, một vị Tỳ-khưu nào đó buông thả bàn chân, có trạng thái buông thả ở bàn chân, từ tu viện này đến tu viện khác, từ vườn hoa này đến vườn hoa khác, từ ngôi làng này đến ngôi làng khác, từ thị trấn này đến thị trấn khác, từ thành phố này đến thành phố khác, từ quốc độ này đến quốc độ khác, từ xứ sở này đến xứ sở khác, vị ấy sống, đeo đuổi cuộc du hành lâu dài, cuộc du hành bất định; buông thả bàn chân là như vậy. Hoặc là, vị Tỳ-khưu, thậm chí ở bên trong tu viện của hội chúng, cũng buông thả bàn chân, có trạng thái buông thả ở bàn chân, không phải vì sự lợi ích là nguyên nhân, không phải vì công việc là nguyên nhân, bị phóng túng, có tâm không được vắng lặng, rồi từ gian phòng này đi đến gian phòng khác, từ trú xá này đi đến trú xá khác, từ nhà một mái này đi đến nhà một mái khác, từ tòa lâu đài này đi đến tòa lâu đài khác, từ tòa nhà dài này đi đến tòa nhà dài khác, từ hang động này đi đến hang động khác, từ thạch thất này đến thạch thất khác, từ cốc liêu này đi đến cốc liêu khác, từ nhà mái nhọn này đi đến nhà mái nhọn khác, từ chòi canh này đi đến chòi canh

khác, từ ngôi nhà tròn này đi đến ngôi nhà tròn khác, từ căn lều này đi đến căn lều khác, từ nhà kho này đến nhà kho khác, từ hội trường này đi đến hội trường khác, từ mái che này đi đến mái che khác, từ gốc cây này đi đến gốc cây khác. Hoặc nữa, các vị Tỳ-khưu ngồi nơi nào thì [vị ấy] đi đến nơi ấy, tại đó trở thành người thứ hai của một vị, trở thành người thứ ba của hai vị, trở thành người thứ tư của ba vị, tại đó nói huyên thuyên, việc nói nhảm nhí như là: Chuyện về vua chúa, chuyện về trộm cướp, chuyện về đại thần, chuyện về binh lính, chuyện hãi hùng, chuyện về chiến tranh, chuyện về thức ăn, chuyện về thức uống, chuyện về vải vóc, chuyện về xe cộ, chuyện về giường nằm, chuyện về vòng hoa, chuyện về hương liệu, chuyện về thân quyến, chuyện về làng xóm, chuyện về thị tứ, chuyện về thành phố, chuyện về quốc độ, chuyện về đàn bà, chuyện về đàn ông, chuyện về vị anh hùng, chuyện về đường xá, chuyện tại chỗ lấy nước, chuyện về người đã chết, các chuyện tạp thoại nói về hiện trạng của thế giới, nói về hiện trạng của đại dương, chuyện về sự hiện hữu và không hiện hữu là như vầy, hoặc là như thế; buông thả bàn chân còn là như vậy.

Không nên buông thả bàn chân: Nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu trạng thái buông thả ở bàn chân. Nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với việc buông thả bàn chân, nên trú ngụ, nên thực hành, nên cư xử, nên sinh hoạt, nên vận hành, nên bảo hộ, nên hộ trì, nên bảo dưỡng với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. Nên có sự thích thú trong việc thiền tịnh, được thích thú trong việc thiền tịnh, gắn bó với sự vắng lặng của tâm thuộc nội phần, có thiền không bị xa rời, thành tựu minh sát, là người gia tăng việc ngụ ở các ngôi nhà trống vắng, chứng thiền, thích thú với thiền, gắn bó với trạng thái đơn độc, chú trọng mục đích của mình.

"Nên là vị có thiền chứng, không nên buông thả bàn chân [đi đó đây]" là như thế.

Nên xa lánh trạng thái hối hận, không nên xao lãng.

Hối hận: Vẻ bối rối ở bàn tay cũng là hối hận, vẻ bối rối ở bàn chân cũng là hối hận, vẻ bối rối ở bàn tay và bàn chân cũng là hối hận, lầm tưởng là được phép trong việc không được phép, lầm tưởng là không được phép trong việc được phép, lầm tưởng là có tội ở việc vô tội, lầm tưởng là vô tội ở việc có tội. Việc nào có hình thức là sự hối hận, biểu hiện hối hận, trạng thái hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý, việc này gọi là hối hận.

Thêm nữa, sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên do hai nguyên nhân: Do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm. Thế nào là sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên do trạng thái đã làm và do trạng thái không làm? [Nghĩ rằng:] "Ta đã làm uế hạnh về thân, ta đã không làm thiện hạnh về thân", sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên; "ta đã làm uế hạnh về khẩu, ta đã không làm thiện hạnh về khẩu", sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên; "ta đã làm uế hạnh về ý, ta

đã không làm thiện hạnh về ý”,… (nt)… “ta đã giết hại sinh mạng, ta đã không tránh xa sự giết hại sinh mạng”, sự hối hận,… (nt)… sự bối rối của ý sanh lên; “ta đã trộm cắp,… “ta đã tà hạnh trong các dục,… “ta đã nói dối,… “ta đã nói đâm thọc,… “ta đã nói thô lỗ,… “ta đã nói nhảm nhí,… “ta đã hành động tham đắm,… “ta đã hành động sân hận,… “ta đã thực hành tà kiến, ta đã không thực hành chánh kiến”, sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên. Như vậy là sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm.

Hoặc là, [nghĩ rằng:] “Ta không phải là người thực hành đầy đủ các giới”, sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên; “ta là người có các giác quan không được gìn giữ”,… “ta là người không biết chừng mực về vật thực”,… “ta không luyện tập về tỉnh thức”,… “ta không đầy đủ niệm và sự nhận biết rõ”,… “bốn sự thiết lập niệm chưa được ta tu tập”,… “bốn chánh cần chưa được ta tu tập”,… “bốn nền tảng của thần thông chưa được ta tu tập”,… “năm quyền chưa được ta tu tập”,… “năm lực chưa được ta tu tập”,… “bảy yếu tố đưa đến giác ngộ chưa được ta tu tập”,… “đạo lộ Thánh thiện tám chi phần chưa được ta tu tập”,… “khổ chưa được ta biết toàn diện”,… “tập chưa được ta dứt bỏ”,… “đạo chưa được ta tu tập”,… “diệt chưa được ta chứng ngộ”, sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên.

Nên xa lánh trạng thái hối hận: Nên tránh khỏi, nên xa lánh, nên tránh xa trạng thái hối hận; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu trạng thái hối hận; nên tránh khỏi, nên xa lánh, nên tránh xa, nên đi ra ngoài, nên rời ra, nên thoát khỏi, không bị ràng buộc với trạng thái hối hận, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. “Nên xa lánh trạng thái hối hận” là như thế.

Không nên xao lãng: Nên là người có sự thực hành nghiêm trang, có sự thực hành liên tục, có sự thực hành không ngừng nghỉ, có thói quen không biếng nhác, không buông bỏ mong muốn, không buông bỏ bổn phận trong các thiện pháp, [nghĩ rằng:] “Khi nào ta có thể làm đầy đủ giới uẩn chưa được đầy đủ, hoặc có thể bảo vệ giới uẩn đã được đầy đủ tại chỗ kia tại chỗ nọ bằng trí tuệ?” Điều này, trong trường hợp ấy, là sự mong muốn, sự tinh tấn, sự gắng sức, sự ráng sức, sự dõng mãnh, sự không thối chí, niệm, sự nhận biết rõ, sự nhiệt tâm, sự cần mẫn, sự quyết tâm, sự chuyên cần, sự không xao lãng trong các thiện pháp, [nghĩ rằng:] “Khi nào ta có thể làm đầy đủ định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn chưa được đầy đủ?... (nt)… “Khi nào ta có thể biết toàn diện về khổ chưa được biết toàn diện, hoặc có thể dứt bỏ các ô nhiễm chưa được dứt bỏ, hoặc tu tập đạo chưa được tu tập, hoặc chứng ngộ diệt chưa được chứng ngộ?” Điều này, trong trường hợp ấy, là sự mong muốn, sự tinh tấn, sự gắng sức, sự ráng sức, sự dõng mãnh, sự không thối chí, niệm, sự nhận biết rõ, sự nhiệt tâm, sự cần mẫn, sự quyết tâm, sự chuyên cần, sự không xao lãng trong các thiện pháp.

"Nên xa lánh trạng thái hối hận, không nên xao lãng" là như thế.

Và ở những chỗ ngồi, ở những chỗ nằm, ở những nơi có ít tiếng động, vị Tỳ-khưu nên cư trú.

Và: Là sự nối liền các câu văn,... (nt)...

Chỗ ngồi: Nói đến nơi nào vị ấy ngồi xuống, là cái giường, cái ghế, nệm, thảm đan, tấm da thú, thảm cỏ, thảm lá, thảm rơm.

Chỗ nằm: Nói đến chỗ ngụ: Trú xá, nhà một mái, tòa lâu đài, tòa nhà dài, hang động. "Và ở những chỗ ngồi, ở những chỗ nằm" là như thế.

Ở những nơi có ít tiếng động, vị Tỳ-khưu nên cư trú: Nên thực hành, nên cư xử, nên trú ngụ, nên sinh hoạt, nên vận hành, nên bảo hộ, nên hộ trì, nên bảo dưỡng ở các chỗ trú ngụ xa vắng có ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh.

"Và ở những chỗ ngồi, ở những chỗ nằm, ở những nơi có ít tiếng động, vị Tỳ-khưu nên cư trú" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Nên là vị có thiền chứng, không nên buông thả bàn chân [đi đó đây],
Nên xa lánh trạng thái hối hận, không nên xao lãng,
Và ở những chỗ ngồi, ở những chỗ nằm,
Ở những nơi có ít tiếng động, vị Tỳ-khưu nên cư trú."

14.12. *Không nên thực hiện nhiều việc ngủ nghỉ. Nên thân cận sự tỉnh thức, có sự nhiệt tâm. Nên dứt bỏ hẳn sự uể oải, xảo trá, cười cợt, đùa giỡn, việc đôi lứa, cùng với việc trang điểm.*

Không nên thực hiện nhiều việc ngủ nghỉ: Sau khi phân chia đêm và ngày thành sáu phần, nên thức năm phần, nên nằm xuống một phần.

"Không nên thực hiện nhiều việc ngủ nghỉ" là như thế.

Nên thân cận sự tỉnh thức, có sự nhiệt tâm: Ở đây, vị Tỳ-khưu, vào ban ngày làm trong sạch tâm khỏi các pháp ngăn trở bằng việc kinh hành, bằng việc ngồi; vào ban đêm trong canh đầu làm trong sạch tâm khỏi các pháp ngăn trở bằng việc kinh hành, bằng việc ngồi; vào ban đêm trong canh giữa áp dụng thế nằm của sư tử bằng sườn bên phải, đặt bàn chân chồng lên bàn chân, có niệm, có sự nhận biết rõ, chú tâm đến ý tưởng của việc thức dậy; vào ban đêm trong canh cuối sau khi thức dậy, làm trong sạch tâm khỏi các pháp ngăn trở bằng việc kinh hành, bằng việc ngồi.

Nên thân cận sự tỉnh thức: Nên thân cận, nên gần gũi, nên phục vụ, nên phục dịch, nên kề cận, nên thực hiện sự tỉnh thức. "Nên thân cận sự tỉnh thức" là như thế.

Có sự nhiệt tâm: Sự nhiệt tâm nói đến sự tinh tấn, là pháp thuộc về tâm, là sự ra sức tinh tấn, sự cố gắng, sự nỗ lực, sự siêng năng, sự tinh tấn, sự gắng sức,

sự ráng sức, sự dõng mãnh, nghị lực, trạng thái không lơi lỏng sự nỗ lực, trạng thái không buông bỏ sự mong muốn, trạng thái không buông bỏ trách nhiệm, sự đề cao trách nhiệm, sự tinh tấn, tấn quyền, tấn lực, chánh tinh tấn. Người đã tiến đến, đã tiến gần, đã đến gần, đã tiến vào, đã đạt đến, đã đầy đủ, đã thành tựu sự nhiệt tâm này, người ấy được gọi là có sự nhiệt tâm.

"Nên thân cận sự tỉnh thức, có sự nhiệt tâm" là như thế.

Nên dứt bỏ hẳn sự uể oải, xảo trá, cười cợt, đùa giỡn, việc đôi lứa, cùng với việc trang điểm.

Sự uể oải: Sự uể oải, biểu hiện uể oải, trạng thái tâm uể oải, sự lười biếng, biểu hiện lười biếng, trạng thái lười biếng; điều này được gọi là sự uể oải.

Xảo trá: Xảo trá nói đến hành vi tráo trở. Ở đây một vị [Tỳ-khưu] nào đó sau khi làm uế hạnh bằng thân, sau khi làm uế hạnh bằng lời nói, sau khi làm uế hạnh bằng ý, vì nguyên nhân che đậy việc ấy, định liệu ước muốn xấu xa: [Vị ấy] ước muốn rằng: "Chớ ai biết về tôi", suy tư rằng: "Chớ ai biết về tôi", nói lời rằng: "Chớ ai biết về tôi", nỗ lực bằng thân rằng: "Chớ ai biết về tôi." Việc xảo trá nào có hình thức như vậy là trạng thái xảo trá, sự cố tình không nhớ, sự tráo trở, gian lận, thay đổi, tránh né, cất giấu, che giấu, che đậy, che lấp, không phơi bày, không làm rõ, khéo che đậy, việc làm ác; điều này được gọi là xảo trá.

Cười cợt: Ở đây một vị [Tỳ-khưu] nào đó cười quá trớn, hở cả răng. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, điều này là việc làm trẻ con trong Luật của bậc Thánh, tức là việc cười quá trớn, hở cả răng."

Đùa giỡn: Có hai sự đùa giỡn: Đùa giỡn về thân và đùa giỡn về khẩu. Những việc nào là đùa giỡn về thân? Họ chơi đùa với các con voi, họ chơi đùa với các con ngựa, họ chơi đùa với các cỗ xe, họ chơi đùa với các cây cung, họ tiêu khiển cờ tám ô vuông, họ tiêu khiển cờ mười ô vuông, họ chơi với bàn cờ tưởng tượng ở trên không, họ chơi trò nhảy cóc, họ chơi lối rút quân cờ, họ chơi ném xúc xắc, họ chơi đánh khăng, họ chơi trò đoán hình vẽ bằng tay, họ chơi trái cầu, họ chơi trò thổi kèn bằng lá cây, họ chơi trò kéo cày, họ chơi trò nhào lộn, họ chơi chong chóng, họ chơi trò đo lường, họ chơi trò đua xe, họ chơi bắn cung, họ chơi trò đố chữ, họ chơi trò đoán ý, họ chơi trò nhái điệu bộ; đây là sự đùa giỡn về thân. Những việc nào là đùa giỡn về khẩu? Nhại tiếng trống bằng miệng, làm nhạc trống bằng miệng, làm tiếng trống vỗ bằng miệng, huýt sáo bằng miệng, đánh trống miệng, làm tiếng trống daddarī bằng miệng, diễn kịch, reo hò, ca hát, cười giỡn; đây là sự đùa giỡn về khẩu.

Pháp đôi lứa: Nghĩa là việc làm không tốt đẹp, việc làm của các dân làng, việc làm của những người thấp kém, là xấu xa, có kết cuộc phải dùng nước tẩy rửa, là việc bí mật, là việc kết hợp của hai người, theo từng cặp. Vì lý do gì mà được gọi là pháp đôi lứa? Khi cả hai bị luyến ái, bị luyến ái nặng, bị nhiễm dục, bị khởi dục, có tâm bị khuất phục, cả hai là tương tự nhau về bản thể; vì lý do ấy mà được gọi là pháp đôi lứa. Giống như hai người gây nên sự cãi cọ được gọi là tay đôi, hai người gây nên sự cãi lộn, hai người gây nên cuộc nói

chuyện nhảm nhí, hai người gây nên sự tranh cãi, hai người gây nên sự tranh tụng, hai người tranh luận, hai người chuyện trò được gọi là tay đôi. Tương tự như vậy, khi cả hai bị luyến ái, bị luyến ái nặng, bị nhiễm dục, bị khởi dục, có tâm bị khuất phục, cả hai là tương tự nhau về bản thể; vì lý do ấy mà được gọi là pháp đôi lứa.

Việc trang điểm: Có hai sự trang điểm: Có sự trang điểm của người tại gia, có sự trang điểm của bậc xuất gia. Việc trang điểm của người tại gia là các việc nào? Đầu tóc, bộ râu, tràng hoa, vật thơm, vật thoa, đồ trang sức, vật tô điểm, vải vóc, áo khoác, khăn đội đầu, việc kỳ cọ, việc đấm bóp, việc cho người tắm rửa, vật đập vỗ, gương soi, việc tô mắt, vật tẩm hoa thơm, phấn thoa ở mặt, việc bôi dầu ở mặt, vật buộc cánh tay, nơ thắt ở đầu, gậy chống, ống cây, thanh gươm, dù che, giày dép sặc sỡ, khăn bịt đầu, ngọc ma-ni, cây phất trần, [quấn] các tấm vải trắng có đường biên rộng, hoặc là như thế; điều này là việc trang điểm của người tại gia. Việc trang điểm của bậc xuất gia là các việc nào? Việc trang hoàng y phục, việc trang hoàng bình bát, việc trang hoàng chỗ nằm ngồi, việc trang hoàng, trang điểm, tiêu khiển, giải trí, trạng thái mong muốn, bản tính mong muốn, hành động tô điểm, trạng thái tô điểm đối với các phần bên ngoài của cơ thể hôi thối này hoặc các vật dụng; điều này là việc trang điểm của người xuất gia.

Nên dứt bỏ hẳn sự uể oải, xảo trá, cười cợt, đùa giỡn, việc đôi lứa, cùng với việc trang điểm: Nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu sự uể oải, xảo trá, cười cợt, đùa giỡn, việc đôi lứa, cùng với việc trang điểm luôn cả vật phụ tùng, luôn cả vật có liên quan, luôn cả vật dụng.

"Nên dứt bỏ hẳn sự uể oải, xảo trá, cười cợt, đùa giỡn, việc đôi lứa, cùng với việc trang điểm" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Không nên thực hiện nhiều việc ngủ nghỉ. Nên thân cận sự tỉnh thức, có sự nhiệt tâm. Nên dứt bỏ hẳn sự uể oải, xảo trá, cười cợt, đùa giỡn, việc đôi lứa, cùng với việc trang điểm."

14.13. *Không nên luyện tập chú thuật, giải mộng, xem tướng và luôn cả chiêm tinh. Người đệ tử thành tín không nên phục vụ việc giải đoán tiếng thú kêu, việc thụ thai và việc chữa bệnh.*

Không nên luyện tập chú thuật, giải mộng, xem tướng và luôn cả chiêm tinh: Các nhà bùa chú ứng dụng chú thuật ở thành phố bị bao vây hoặc ở cuộc chiến đang diễn ra, họ làm sanh lên tai họa, họ làm sanh lên bất hạnh, họ làm sanh lên bệnh tật, họ gây ra dịch sốt, họ gây ra dịch cương thi, họ gây ra bệnh dịch tả, họ gây ra bệnh kiết lỵ ở đội quân đối địch, ở những kẻ đối nghịch, ở những kẻ thù địch; các nhà bùa chú ứng dụng chú thuật là như vậy.

Những người giải mộng giải thích về giấc mơ: "Người mơ vào buổi sáng thì

kết quả là như vầy. Người mơ vào buổi trưa thì kết quả là như vầy. Người mơ vào buổi tối thì kết quả là như vầy. Người mơ vào canh đầu… Người mơ vào canh giữa… Người mơ vào canh cuối… Người mơ lúc nằm nghiêng bên phải… Người mơ lúc nằm nghiêng bên trái… Người mơ lúc nằm ngửa… Người mơ lúc nằm sấp… Người mơ thấy mặt trăng, người mơ thấy mặt trời, người mơ thấy đại dương, người mơ thấy núi chúa Sineru, người mơ thấy voi, người mơ thấy ngựa, người mơ thấy cỗ xe, người mơ thấy người lính, người mơ thấy đoàn quân, người mơ thấy khu vườn đáng yêu, người mơ thấy cánh rừng đáng yêu, người mơ thấy vùng đất đáng yêu, người mơ thấy hồ nước đáng yêu thì kết quả là như vầy"; những người giải mộng giải thích về giấc mơ là như vậy.

Những người xem tướng giải thích về tướng mạo: "Tướng của ngọc ma-ni, tướng của cây gậy, tướng của vải vóc, tướng của thanh gươm, tướng của mũi tên, tướng của cây cung, tướng của vũ khí, tướng của đàn bà, tướng của đàn ông, tướng của thiếu nữ, tướng của thiếu niên, tướng của tớ gái, tướng của tôi trai, tướng của voi, tướng của ngựa, tướng của trâu, tướng của bò mộng, tướng của bò đực, tướng của dê, tướng của cừu, tướng của gà, tướng của chim cút, tướng của kỳ đà, tướng của bông tai, tướng của rùa, tướng của nai, hoặc là như thế"; những người xem tướng giải thích về tướng mạo là như vậy.

Những nhà chiêm tinh giải thích về tinh tú: "Có hai mươi tám thời điểm tốt (tính theo thời điểm xuất hiện của các vì tinh tú). Nên tiến hành việc nhập gia vào thời điểm tốt này, nên gắn đồ trang sức vào thời điểm tốt này, nên làm lễ cưới vào thời điểm tốt này, nên gieo hạt giống vào thời điểm tốt này, nên đi đến sống chung vào thời điểm tốt này"; những nhà chiêm tinh giải thích về tinh tú là như vậy.

Không nên luyện tập chú thuật, giải mộng, xem tướng và luôn cả chiêm tinh: Không nên luyện tập, không nên thực hành, không nên hành theo, không nên thọ trì và vận dụng chú thuật, giải mộng, xem tướng và luôn cả chiêm tinh; hoặc là không nên nắm lấy, không nên duy trì, không nên tiếp nhận, không nên ứng dụng.

"Không nên luyện tập chú thuật, giải mộng, xem tướng và luôn cả chiêm tinh" là như thế.

Người đệ tử thành tín không nên phục vụ việc giải đoán tiếng thú kêu, việc thụ thai và việc chữa bệnh.

Tiếng thú kêu: Nói đến tiếng kêu của loài thú. Các nhà giải đoán tiếng thú kêu giải thích về tiếng kêu của loài thú: Họ biết tiếng kêu, tiếng gọi của các loài chim hoặc của các loài bốn chân; các nhà giải đoán tiếng thú kêu giải thích về tiếng kêu của loài thú là như thế.

Việc thụ thai: Những người hỗ trợ việc thụ thai làm cho thành tựu bào thai. Bào thai không thành lập bởi hai lý do: Bởi các vi sinh vật hoặc bởi các sự rối loạn của gió. Họ cho thuốc để diệt trừ các vi sinh vật hoặc các sự rối loạn của gió; những người hỗ trợ việc thụ thai làm cho thành tựu bào thai là như vậy.

Việc chữa bệnh: Có năm cách chữa bệnh: Thuật châm kim, thuật mổ xẻ, thuật chữa bệnh về cơ thể, thuật trừ tà, thuật chữa bệnh trẻ em.

Người đệ tử thành tín: Là người đệ tử thành tín với đức Phật, người đệ tử thành tín với Giáo pháp, người đệ tử thành tín với Tăng chúng; người ấy thành tín với đức Thế Tôn, hoặc đức Thế Tôn thừa nhận con người ấy. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, những vị Tỳ-khưu nào là gạt gẫm, ương ngạnh, nói nhiều, lừa đảo, khoác lác, không định tĩnh, này các Tỳ-khưu, đối với Ta, các vị Tỳ-khưu ấy không phải là những người đệ tử thành tín. Và này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy là đã lìa khỏi Pháp và Luật này; các vị Tỳ-khưu ấy không đạt được sự phát triển, tăng trưởng, lớn mạnh trong Pháp và Luật này. Và này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu nào là không gạt gẫm, không nói nhiều, sáng trí, không ương ngạnh, khéo định tĩnh, này các Tỳ-khưu, đối với Ta, các vị Tỳ-khưu ấy là những người đệ tử thành tín. Và này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy là không lìa khỏi Pháp và Luật này; các vị Tỳ-khưu ấy đạt được sự phát triển, tăng trưởng, lớn mạnh trong Pháp và Luật này.

1. *Những kẻ gạt gẫm, ương ngạnh, nói nhiều, lừa đảo, khoác lác, không định tĩnh, những người ấy không tiến triển trong giáo pháp đã được đấng Chánh Đẳng Giác chỉ bảo.*

2. *Các vị không gạt gẫm, không nói nhiều, sáng trí, không ương ngạnh, khéo định tĩnh, thật vậy các vị ấy tiến triển trong giáo pháp đã được đấng Chánh Đẳng Giác thuyết giảng."*

Người đệ tử thành tín không nên phục vụ việc giải đoán tiếng thú kêu, việc thụ thai và việc chữa bệnh: Người đệ tử thành tín không nên phục vụ, không nên phục dịch, không nên kề cận, không nên thực hiện, không nên thực hành, không nên hành theo, không nên thọ trì và vận dụng việc giải đoán tiếng thú kêu, việc thụ thai và việc chữa bệnh; hoặc là không nên nắm lấy, không nên tiếp thu, không nên tiếp nhận, không nên suy xét, không nên ứng dụng.

"Người đệ tử thành tín không nên phục vụ việc giải đoán tiếng thú kêu, việc thụ thai và việc chữa bệnh" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Không nên luyện tập chú thuật, giải mộng, xem tướng và luôn cả chiêm tinh. Người đệ tử thành tín không nên phục vụ việc giải đoán tiếng thú kêu, việc thụ thai và việc chữa bệnh."

14.14. *Không nên chấn động vì sự chê bai, vị Tỳ-khưu khi được ca ngợi không nên kiêu hãnh, nên xua đuổi sự tham lam cùng với sự bỏn xẻn, sự giận dữ và việc nói đâm thọc.*

Không nên chấn động vì sự chê bai: Ở đây, một số người nào đó chê bai vị Tỳ-khưu: Họ chê bai, chê trách, gièm pha về xuất thân, về dòng dõi, về con nhà gia thế, về vẻ đẹp của làn da, về tài sản, về học vấn, về công việc, về tài nghệ, về

kiến thức, về sự học hỏi, về tài biện giải, hoặc về sự việc này khác. Khi bị chê bai, bị chê trách, bị gièm pha, [vị ấy] không nên run rẩy, không nên chấn động, không nên rúng động, không nên run sợ, không nên khiếp sợ, không nên hoảng sợ, không nên sợ hãi, không nên rơi vào sự kinh sợ vì sự chê bai, vì sự chê trách, vì sự gièm pha, vì sự không nổi tiếng, vì sự không ca tụng; nên có tánh không nhút nhát, không kinh hãi, không sợ sệt, không trốn chạy, nên sống có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ, có sự rởn lông đã được xa lìa.

"Không nên chấn động vì sự chê bai" là như thế.

Vị Tỳ-khưu khi được ca ngợi không nên kiêu hãnh: Ở đây, một số người nào đó ca ngợi vị Tỳ-khưu: Họ ca ngợi, khen ngợi, tán dương, ca tụng về xuất thân, về dòng dõi, về con nhà gia thế, về vẻ đẹp của làn da, về tài sản, về học vấn, về công việc, về tài nghệ, về kiến thức, về sự học hỏi, về tài biện giải, hoặc về sự việc này khác. Khi được ca ngợi, được khen ngợi, được tán dương, được ca tụng, do sự ca ngợi, do sự khen ngợi, do sự nổi tiếng, do sự ca tụng, [vị ấy] không nên thể hiện sự kiêu hãnh, không nên thể hiện sự hãnh diện, không nên thể hiện sự ngã mạn, không nên thể hiện sự bướng bỉnh, do điều ấy không nên sanh ra ngã mạn, do điều ấy không nên ương ngạnh, ương bướng, ngẩng cao đầu.

"Vị Tỳ-khưu khi được ca ngợi không nên kiêu hãnh" là như thế.

Nên xua đuổi sự tham lam cùng với sự bỏn xẻn, sự giận dữ và việc nói đâm thọc.

Sự tham lam: Sự tham lam, biểu hiện tham lam, trạng thái tham lam, sự luyến ái mãnh liệt, biểu hiện luyến ái mãnh liệt, trạng thái luyến ái mãnh liệt, tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Sự bỏn xẻn: Có năm loại bỏn xẻn: Bỏn xẻn về chỗ ở,... (nt)... sự nắm lấy được gọi là bỏn xẻn.

Sự giận dữ: Là sự tức tối của tâm, sự tức giận, sự thù hận, sự đối chọi, sự căm giận, sự căm hờn, sự căm ghét, sự sân hận, sự khởi sân, sự sân nộ, sự độc ác của tâm, sự khởi sân của ý, sự giận dữ, biểu hiện giận dữ, trạng thái giận dữ, sự sân hận, biểu hiện sân hận, trạng thái sân hận, sự độc ác, biểu hiện độc ác, trạng thái độc ác, sự chống đối, sự đối chọi, sự tàn nhẫn, sự lỗ mãng, trạng thái không hoan hỷ của tâm.

Việc nói đâm thọc: Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó có lời nói đâm thọc: Sau khi nghe ở chỗ này, là người nói lại ở chỗ kia nhằm chia rẽ những người này, hoặc là sau khi nghe ở chỗ kia, là người nói lại cho những người này nhằm chia rẽ những người kia; như vậy là người chia rẽ những kẻ đã được hợp nhất, là người khuyến khích những kẻ chia rẽ, là người thỏa thích phe nhóm, thích thú phe nhóm, hân hoan phe nhóm, là người nói lời tạo ra phe nhóm; điều này được gọi là việc nói đâm thọc. Thêm nữa, người đem lại việc nói đâm thọc vì hai lý do: Vì mong muốn được thương, hoặc là vì ý định chia rẽ.

Đem lại việc nói đâm thọc vì mong muốn được thương nghĩa là thế nào?

[Nghĩ rằng:] "Ta sẽ được người này yêu mến, ta sẽ được quý mến, ta sẽ được tin cậy, ta sẽ trở thành thân tín, ta sẽ trở thành tâm phúc"; đem lại việc nói đâm thọc vì mong muốn được thương nghĩa là như vậy.

Đem lại việc nói đâm thọc vì ý định chia rẽ nghĩa là thế nào? [Nghĩ rằng:] "Làm thế nào để những người này trở thành xa lạ, trở thành riêng rẽ, trở thành phe nhóm, trở thành hai phần, trở thành hai phía, trở thành hai nhánh, bị chia rẽ, không thể hội tụ, sống khổ sở không thoải mái?" Đem lại việc nói đâm thọc vì ý định chia rẽ nghĩa là như vậy.

Nên xua đuổi sự tham lam cùng với sự bỏn xẻn, sự giận dữ và việc nói đâm thọc: Nên đuổi đi, nên xua đuổi, nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu sự tham lam, sự bỏn xẻn, sự giận dữ và việc nói đâm thọc.

"Nên xua đuổi sự tham lam cùng với sự bỏn xẻn, sự giận dữ và việc nói đâm thọc" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Không nên chấn động vì sự chê bai, vị Tỳ-khưu khi được ca ngợi không nên kiêu hãnh, nên xua đuổi sự tham lam cùng với sự bỏn xẻn, sự giận dữ và việc nói đâm thọc."

14.15. *Không nên tham dự việc mua bán,*
Vị Tỳ-khưu không nên tạo sự chê trách ở bất cứ nơi nào,
Và không nên bị ràng buộc vào làng xóm,
Không nên tỉ tê với người [thế tục] vì mong muốn lợi lộc.

Không nên tham dự việc mua bán: Các việc mua bán là bị cấm đoán ở Luật, các việc ấy không được ám chỉ đến trong ý nghĩa này. Thế nào là tham dự việc mua bán? Vị [Tỳ-khưu] trao đổi bình bát, y, hoặc bất cứ vật dụng nào khác với năm hạng người [đồng đạo][4] trong khi thực hiện sự tráo trở hoặc mong muốn lợi nhuận; tham dự việc mua bán nghĩa là như vậy. Thế nào là không tham dự việc mua bán? Vị [Tỳ-khưu] trao đổi bình bát, y, hoặc bất cứ vật dụng nào khác với năm hạng người [đồng đạo] trong khi không thực hiện sự tráo trở hoặc không mong muốn lợi nhuận; không tham dự việc mua bán nghĩa là như vậy.

Không nên tham dự việc mua bán: Không nên tham dự, không nên tham gia việc mua bán; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu việc mua bán; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với việc mua bán, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

"Không nên tham dự việc mua bán" là như thế.

[4] Năm hạng người đồng đạo: Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, nữ tu tập sự, Sa-di, Sa-di-ni (*NidA*. II. 418).

Vị Tỳ-khưu không nên tạo sự chê trách ở bất cứ nơi nào: Các ô nhiễm gây nên sự chê trách là các ô nhiễm nào? Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có thần lực, có thiên nhãn, biết được tâm người khác. Các vị ấy nhìn thấy từ đàng xa, và không được nhìn thấy mặc dầu ở gần bên; các vị ấy nhận biết tâm bằng tâm. Các vị thiên nhân cũng có thần lực, có thiên nhãn. Các vị ấy nhìn thấy từ đàng xa, và không được nhìn thấy mặc dầu ở gần bên; các vị ấy nhận biết tâm bằng tâm. Họ có thể chê trách do [tác động của] các ô nhiễm thô thiển, hoặc do các ô nhiễm trung bình, hoặc do các ô nhiễm vi tế. Ô nhiễm thô thiển là các ô nhiễm nào? Uế hạnh về thân, uế hạnh về khẩu, uế hạnh về ý; các điều này được gọi là ô nhiễm thô thiển. Ô nhiễm trung bình là các ô nhiễm nào? Sự suy tư về dục, suy tư về sân hận, suy tư về hãm hại; các điều này được gọi là ô nhiễm trung bình. Ô nhiễm vi tế là các ô nhiễm nào? Sự suy tư về thân quyến, suy tư về xứ sở, suy tư về việc [hành xác để được] bất tử, suy tư liên quan đến sự trắc ẩn đối với người khác, suy tư liên quan đến lợi lộc, sự trọng vọng và sự nổi tiếng, suy tư liên quan đến việc không bị khi dễ; các điều này được gọi là ô nhiễm vi tế. Không nên chê trách, không nên thực hiện việc chê trách do [tác động của] các ô nhiễm thô thiển, hoặc do các ô nhiễm trung bình, hoặc do các ô nhiễm vi tế ấy; không nên tạo ra, không nên làm sanh ra, không nên làm sanh khởi, không nên làm hạ sanh, không nên làm phát sanh ra các ô nhiễm gây nên sự chê trách; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu các ô nhiễm gây nên sự chê trách; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với các ô nhiễm gây nên sự chê trách, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

Ở bất cứ nơi nào: Ở bất cứ đâu, về bất cứ điều gì, ở bất cứ chỗ nào, thuộc nội phần, hoặc ngoại phần, hoặc thuộc nội phần và ngoại phần.

"Vị Tỳ-khưu không nên tạo sự chê trách ở bất cứ nơi nào" là như thế.

Và không nên bị ràng buộc vào làng xóm: Dính mắc vào làng xóm là thế nào? Ở đây, vị Tỳ-khưu sống gắn bó với hàng tại gia ở làng xóm: Cùng vui, cùng buồn, hạnh phúc khi họ hạnh phúc, đau khổ khi họ đau khổ, tự mình tham gia hợp tác khi có các công việc cần phải làm. Dính mắc vào làng xóm là như vậy. Hoặc là, vị Tỳ-khưu vào buổi sáng quấn y [nội], rồi cầm lấy bình bát và y đi vào làng hoặc thị trấn để khất thực, với thân không được hộ trì, với khẩu không được hộ trì, với tâm không được hộ trì, với niệm không được thiết lập, với các giác quan không được thu thúc. Vị ấy dính mắc vào chỗ này chỗ khác, nắm lấy cảnh này cảnh khác, bị trói buộc vào nơi này nơi khác, đạt đến sự bất hạnh và tổn hại ở nơi này nơi khác. Dính mắc vào làng xóm còn là như vậy.

Không dính mắc vào làng xóm là thế nào? Ở đây, vị Tỳ-khưu sống không gắn bó với hàng tại gia ở làng xóm: Không cùng vui, không cùng buồn, không hạnh phúc khi họ hạnh phúc, không đau khổ khi họ đau khổ, không tự mình tham gia hợp tác khi có các công việc cần phải làm. Không dính mắc vào làng xóm là như vậy. Hoặc là, vị Tỳ-khưu vào buổi sáng quấn y [nội], rồi cầm lấy

bình bát và y đi vào làng hoặc thị trấn để khất thực, với thân được hộ trì, với khẩu được hộ trì, với tâm được hộ trì, với niệm được thiết lập, với các giác quan được thu thúc. Vị ấy không dính mắc vào chỗ này chỗ khác, không nắm lấy cảnh này cảnh khác, không bị trói buộc vào nơi này nơi khác, không đạt đến sự bất hạnh và tổn hại ở nơi này nơi khác. Không dính mắc vào làng xóm còn là như vậy.

Và không nên bị ràng buộc vào làng xóm: Không nên dính mắc, không nên nắm lấy, không nên bị trói buộc, không nên bị giữ lại ở làng xóm; nên là người không thèm khát, không bị buộc trói, không bị mê mẩn, không bị gần gũi, có sự thèm khát đã được xa lìa, có sự thèm khát đã được tách lìa, có sự thèm khát đã được từ bỏ,... (nt)... nên sống với trạng thái cao thượng tự thân.

"Và không nên bị ràng buộc vào làng xóm" là như thế.

Không nên tỉ tê với người [thế tục] vì mong muốn lợi lộc: Việc tỉ tê là việc nào? Là nói lời chào đón, nói lời tỉ tê, nói lời tỉ tê khôn khéo, nói lời tâng bốc, nói lời tâng bốc khôn khéo, nói lời ràng buộc, nói lời ràng buộc khôn khéo, nói lời khoa trương, nói lời khoa trương khôn khéo, nói lời đường mật, nói lời nịnh hót, nói lời ngon ngọt, nói lời bợ đỡ, nói lời đâm thọc đối với những người khác của kẻ nương tựa vào lợi lộc, vào sự trọng vọng, và sự nổi tiếng của kẻ có ước muốn xấu xa, của kẻ bị thúc đẩy bởi ước muốn, của kẻ xem trọng tài vật, của kẻ chú trọng về pháp thế gian đối với những người khác. Việc nói lời mềm mỏng, nói lời dịu dàng, nói lời dễ dãi, nói lời không thô lỗ trong trường hợp ấy được gọi là tỉ tê. Thêm nữa, kẻ nói tỉ tê với người [thế tục] bởi vì hai lý do: Hoặc là nói tỉ tê với người [thế tục] bằng cách hạ thấp bản thân và nâng cao người khác, hoặc là nói tỉ tê với người [thế tục] bằng cách nâng cao bản thân và hạ thấp người khác.

Nói tỉ tê với người [thế tục] bằng cách hạ thấp bản thân và nâng cao người khác nghĩa là thế nào? [Nói rằng:] "Các người có nhiều sự hỗ trợ cho tôi. Nương tựa vào các người tôi có được y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Có những người khác nương theo các người, trong khi nhìn thấy các người, cũng suy nghĩ để bố thí hoặc làm cho tôi. Ngay cả tên gọi trước đây của mẹ cha đặt, tên ấy của tôi cũng đã không còn. Nhờ vào các người, tôi được biết là vị thường tới lui với gia đình của người nam nọ, là vị thường tới lui với gia đình của người nữ kia." Nói tỉ tê với người [thế tục] bằng cách hạ thấp bản thân và nâng cao người khác nghĩa là như vậy.

Nói tỉ tê với người [thế tục] bằng cách nâng cao bản thân và hạ thấp người khác nghĩa là thế nào? "Tôi có nhiều sự hỗ trợ cho các người. Sau khi đến với tôi, các người đã đi đến nương nhờ đức Phật, đã đi đến nương nhờ giáo pháp, đã đi đến nương nhờ Tăng chúng, đã tránh xa việc giết hại sinh mạng, đã tránh xa việc lấy vật không được cho, đã tránh xa hành vi sai trái trong các dục, đã tránh xa việc nói dối, đã tránh xa trường hợp dể duôi uống chất say là rượu và chất lên men. Tôi ban bố việc chỉ bảo cho các người, tôi ban bố sự hỏi han, tôi

nói về ngày trai giới, tôi chú nguyện việc xây dựng. Vậy mà ngược lại, các vị lại bỏ rơi tôi, các vị trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường các vị khác." Nói tỉ tê với người [thế tục] bằng cách nâng cao bản thân và hạ thấp người khác nghĩa là như vậy.

Không nên tỉ tê với người [thế tục] vì mong muốn lợi lộc: Do nhân lợi lộc, do duyên lợi lộc, vì lý do lợi lộc, vì sự phát sinh lợi lộc, trong khi làm cho thành tựu lợi lộc, không nên tỉ tê với người [thế tục]; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu việc tỉ tê; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với việc tỉ tê, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

"Không nên tỉ tê với người [thế tục] vì mong muốn lợi lộc" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Không nên tham dự việc mua bán,
Vị Tỳ-khưu không nên tạo sự chê trách ở bất cứ nơi nào,
Và không nên bị ràng buộc vào làng xóm,
Không nên tỉ tê với người [thế tục] vì mong muốn lợi lộc."

14.16. *Và vị Tỳ-khưu không nên là kẻ nói khoe khoang,*
Và không nên nói lời nói ám chỉ [liên quan bốn món vật dụng],
Không nên học tập lối cư xử xấc xược,
Không nên nói ra ngôn từ đưa đến sự cãi vã.

Và vị Tỳ-khưu không nên là kẻ nói khoe khoang: Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó là có sự khoe khoang, có sự phô trương. Vị ấy khoe khoang, phô trương rằng: "Tôi thành tựu về giới", hoặc "tôi thành tựu về phận sự", hoặc "tôi thành tựu về giới và phận sự"; khoe khoang, phô trương về xuất thân, về dòng dõi, về con nhà gia thế, về vẻ đẹp của làn da, về tài sản, về học vấn, về công việc, về tài nghệ, về kiến thức, về sự học hỏi, về tài biện giải, hoặc về sự việc này khác rằng: "Tôi xuất gia từ gia tộc thượng lưu", hoặc "tôi xuất gia từ gia tộc có nhiều của cải", hoặc "tôi xuất gia từ gia tộc có của cải quý giá", hoặc "tôi là vị chuyên về Kinh", hoặc "tôi là vị trì Luật", hoặc "tôi là vị thuyết pháp", hoặc "tôi là vị ngụ ở rừng",... (nt)... hoặc "tôi đạt sự thể nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ." Không nên khoe khoang, không nên phô trương như vậy; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên khiến cho không còn hiện hữu việc khoe khoang; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với sự khoe khoang, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

"Và vị Tỳ-khưu không nên là kẻ nói khoe khoang" là như thế.

Và không nên nói lời nói ám chỉ [liên quan bốn món vật dụng]: Việc nói ám chỉ là việc nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó nói lời nói ám chỉ về y, nói lời nói ám chỉ về đồ ăn khất thực, nói lời nói ám chỉ về chỗ nằm ngồi, nói lời nói

ám chỉ về vật dụng là thuốc men chữa bệnh; điều này gọi là lời nói ám chỉ. Hoặc là, vì nguyên nhân y phục, vì nguyên nhân đồ ăn khất thực, vì nguyên nhân chỗ nằm ngồi, vì nguyên nhân vật dụng là thuốc men chữa bệnh, [vị ấy] nói sự thật, nói điều dối trá, nói đâm thọc, nói không đâm thọc, nói thô lỗ, nói không thô lỗ, nói nhảm nhí, nói không nhảm nhí, nói lời khôn khéo; điều này cũng gọi là lời nói ám chỉ. Hoặc là, vị có tâm tịnh tín chỉ bảo giáo pháp cho những người khác rằng: "Ồ, quả thật họ nên lắng nghe giáo pháp của ta, sau khi lắng nghe họ nên tịnh tín vào giáo pháp, và họ nên bày tỏ biểu hiện của người đã được tịnh tín ở ta"; điều này cũng gọi là lời nói ám chỉ. **Và không nên nói lời nói ám chỉ [liên quan bốn món vật dụng]:** Thậm chí ở lời chỉ bảo giáo pháp, không nên nói, không nên thuyết, không nên phát ngôn, không nên giảng giải, không nên diễn tả lời nói ám chỉ; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu lời nói ám chỉ; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với lời nói ám chỉ, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

"Và không nên nói lời nói ám chỉ [liên quan bốn món vật dụng]" là như thế.

Không nên học tập lối cư xử xấc xược.

Sự xấc xược: Có ba sự xấc xược: Xấc xược bằng thân, xấc xược bằng khẩu, xấc xược bằng ý.

Xấc xược bằng thân là việc nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến hội chúng, thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến tập thể, thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến nhà ăn, thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến nhà tắm hơi, thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến bến nước, thể hiện sự xấc xược bằng thân trong khi đi vào xóm nhà, thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đã đi vào xóm nhà.

Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến hội chúng? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến hội chúng: Đối với các vị Tỳ-khưu trưởng lão, [vị ấy] đụng chạm khi đứng, đụng chạm khi ngồi, đứng ở phía trước, ngồi ở phía trước, ngồi chỗ cao hơn, ngồi trùm đầu, đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến hội chúng.

Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến tập thể? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến tập thể: Đối với các vị Tỳ-khưu trưởng lão, [vị ấy] đi kinh hành có mang dép trong khi các ngài đi kinh hành không mang dép, đi kinh hành ở đường kinh hành cao hơn trong khi các ngài đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, đi kinh hành ở đường kinh hành trong khi các ngài đi kinh hành ở nền đất, đụng chạm khi đứng, đụng chạm khi ngồi, đứng ở phía trước, ngồi ở phía trước, ngồi chỗ cao hơn, ngồi trùm đầu, đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến tập thể.

Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến nhà ăn? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến nhà ăn: [Vị ấy] chen vào [chỗ] các Tỳ-khưu trưởng lão rồi ngồi xuống, xua đuổi các Tỳ-khưu mới tu khỏi chỗ ngồi, đụng chạm khi đứng, đụng chạm khi ngồi, đứng ở phía trước, ngồi ở phía trước, ngồi chỗ cao hơn, ngồi trùm đầu, đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến nhà ăn.

Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến nhà tắm hơi? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến nhà tắm hơi: Đối với các vị Tỳ-khưu trưởng lão, [vị ấy] đụng chạm khi đứng, đụng chạm khi ngồi, đứng ở phía trước, ngồi ở phía trước, ngồi chỗ cao hơn, thêm củi lửa vào không hỏi [xin phép], đóng cửa nhà tắm hơi không hỏi [xin phép], vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến nhà tắm hơi.

Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến bến nước? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến bến nước: Đối với các vị Tỳ-khưu trưởng lão, [vị ấy] đụng chạm khi đi xuống, đi xuống ở phía trước, đụng chạm khi tắm, tắm ở phía trước, tắm ở phía trên, đụng chạm khi đi lên, đi lên ở phía trước, đi lên ở phía trên. Như vậy là thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến bến nước.

Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng thân trong khi đi vào xóm nhà? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó thể hiện thái độ vô lễ trong khi đi vào xóm nhà: [Vị ấy] đụng chạm các vị Tỳ-khưu trưởng lão khi đi, đi ở phía trước, vượt qua rồi đi ở phía trước các vị Tỳ-khưu trưởng lão. Như vậy là thể hiện sự xấc xược bằng thân trong khi đi vào xóm nhà.

Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đã đi vào xóm nhà? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó khi đã đi vào xóm nhà, trong khi được nói rằng: "Thưa ngài, xin chớ đi vào" vẫn đi vào; trong khi được nói rằng: "Thưa ngài, xin chớ đứng" vẫn đứng; trong khi được nói rằng: "Thưa ngài, xin chớ ngồi" vẫn ngồi; đi vào nơi không thích hợp, đứng ở nơi không thích hợp, ngồi ở nơi không thích hợp, những nội phòng bí mật và kín đáo của gia đình, là nơi có các phụ nữ, các cô con gái, các cô con dâu, các cô thiếu nữ của gia đình đang ngồi, [vị ấy] đi vào nơi ấy một cách vội vã và xoa đầu bé trai. Như vậy là thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đã đi vào xóm nhà. Đây là sự xấc xược bằng thân.

Xấc xược bằng khẩu là việc nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó thể hiện sự xấc xược bằng khẩu khi đi đến hội chúng, thể hiện sự xấc xược bằng khẩu khi đi đến tập thể, thể hiện sự xấc xược bằng khẩu khi đã đi vào xóm nhà.

Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng khẩu khi đi đến hội chúng? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến hội chúng: Khi chưa xin phép các Tỳ-khưu trưởng lão hoặc chưa được yêu cầu mà [vị ấy] nói pháp, trả lời câu hỏi, tụng đọc Giới bổn (*Pātimokkha*), đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xấc xược bằng khẩu khi đi đến hội chúng.

Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng khẩu khi đi đến tập thể? Ở đây, một

vị [Tỳ-khưu] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến tập thể: Khi chưa xin phép các Tỳ-khưu trưởng lão hoặc chưa được yêu cầu mà [vị ấy] nói pháp cho các vị Tỳ-khưu đi đến tu viện, trả lời câu hỏi, đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói, nói pháp cho các vị Tỳ-khưu-ni, các nam cư sĩ, các nữ cư sĩ đi đến tu viện, trả lời câu hỏi, đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xấc xược bằng khẩu khi đi đến hội chúng.

Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng khẩu khi đã đi vào xóm nhà? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó khi đã đi vào xóm nhà, đã nói với người phụ nữ hoặc cô thiếu nữ như vầy: "Này cô tên thế này, này cô họ thế này, có vật gì không, có cháo không, có thức ăn không, có đồ uống không, chúng tôi sẽ uống gì, chúng tôi sẽ ăn gì, chúng tôi sẽ nhai gì?" Hoặc là nói lải nhải: "Có vật gì không?" Hoặc: "Cô sẽ bố thí cái gì?" Như vậy là thể hiện sự xấc xược bằng khẩu khi đã đi vào xóm nhà. Đây là sự xấc xược bằng khẩu.

Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng ý? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó trong khi được xuất gia không phải từ gia tộc thượng lưu mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vị xuất gia từ gia tộc thượng lưu, trong khi được xuất gia không phải từ gia tộc lớn mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vị xuất gia từ gia tộc lớn, trong khi được xuất gia không phải từ gia tộc có nhiều của cải mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vị xuất gia từ gia tộc có nhiều của cải, trong khi được xuất gia không phải từ gia tộc có của cải quý giá…, trong khi không phải là vị chuyên về Kinh mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vị chuyên về Kinh, trong khi không phải là vị trì Luật…, trong khi không phải là vị thuyết giảng pháp…, trong khi không phải là vị ngụ ở rừng…, trong khi không phải là vị chuyên đi khất thực…, trong khi không phải là vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ…, trong khi không phải là vị chỉ sử dụng ba y…, trong khi không phải là vị đi khất thực tuần tự theo từng nhà…, trong khi không phải là vị không ăn vật thực dâng sau…, trong khi không phải là vị chuyên về oai nghi ngồi (không nằm)…, trong khi không phải là vị ngụ ở chỗ đã được chỉ định…, trong khi không phải là vị có đạt sơ thiền mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vị có đạt sơ thiền… (nt)… trong khi không phải là vị có đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vị có đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Đây là sự xấc xược bằng ý.

Không nên học tập lối cư xử xấc xược: Không nên học tập, không nên thực hành, không nên hành xử, không nên hành theo, không nên thọ trì và vận dụng lối cư xử xấc xược; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu lối cư xử xấc xược; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với lối cư xử xấc xược, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

"Không nên học tập lối cư xử xấc xược" là như thế.

Không nên nói ra ngôn từ đưa đến sự cãi vã: Ngôn từ đưa đến sự cãi vã là loại nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó là người nói ngôn từ có hình thức

như vầy: "Ngươi không biết Pháp và Luật này,... (nt)... hoặc ngươi hãy gỡ rối nếu ngươi có khả năng." Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này Moggallāna, khi có ngôn từ đưa đến sự cãi vã, việc nhiều lời là điều mong đợi. Khi có nhiều lời, [sẽ có] sự phóng dật, đối với người bị phóng dật [sẽ có] sự không thu thúc, đối với người không thu thúc, tâm [sẽ] xa lìa định."

Không nên nói ra ngôn từ đưa đến sự cãi vã: Không nên thuyết, không nên phát ngôn, không nên giảng giải, không nên diễn tả ngôn từ đưa đến sự cãi vã; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu ngôn từ đưa đến sự cãi vã; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với ngôn từ đưa đến sự cãi vã, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

"Không nên nói ra ngôn từ đưa đến sự cãi vã" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Và vị Tỳ-khưu không nên là kẻ nói khoe khoang,
Và không nên nói lời nói ám chỉ [liên quan bốn món vật dụng],
Không nên học tập lối cư xử xấc xược,
Không nên nói ra ngôn từ đưa đến sự cãi vã."

14.17. *Không nên bị lôi kéo vào việc nói lời dối trá, không nên cố tình thực hiện các sự lừa gạt, và không nên khinh khi người khác về sự sinh sống, về sự nhận thức, về giới và phận sự.*

Không nên bị lôi kéo vào việc nói lời dối trá.

Việc nói lời dối trá: Nói đến việc nói dối. Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó đi đến cuộc hội họp hoặc đi đến tập thể... (nt)... vì nguyên nhân về chút ít vật chất đã cố tình nói dối; việc này được gọi là việc nói lời dối trá. Thêm nữa, với ba biểu hiện này thì việc nói dối được hình thành: Ngay trước đó, vị này khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói"; việc nói dối được hình thành với ba biểu hiện này. Thêm nữa, với bốn biểu hiện,... (nt)... với năm biểu hiện,... (nt)... với sáu biểu hiện,... (nt)... với bảy biểu hiện,... (nt)... với tám biểu hiện thì việc nói dối được hình thành: Ngay trước đó, vị này khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều chấp nhận, đã che giấu điều ưa thích, đã che giấu ý tưởng, đã che giấu sự việc; việc nói dối được hình thành với tám biểu hiện này.

Không nên bị lôi kéo vào việc nói lời dối trá: Không nên bị đưa đi, không nên bị dẫn đi, không nên bị lôi đi, không nên bị mang đi trong việc nói lời dối trá; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu việc nói lời dối trá; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với việc nói lời dối trá, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

"Không nên bị lôi kéo vào việc nói lời dối trá" là như thế.

Không nên cố tình thực hiện các sự lừa gạt: Sự lừa gạt là việc nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó là lừa gạt, lừa dối. Ở người ấy có sự lừa gạt, biểu hiện lừa gạt, trạng thái lừa gạt, biểu hiện thô tháo, trạng thái thô tháo, biểu hiện gian dối, trạng thái gian dối; điều này gọi là sự lừa gạt.

Không nên cố tình thực hiện các sự lừa gạt: Sau khi có sự cố tình, [sau khi có sự nhận biết mình] không nên làm sanh ra, không nên làm sanh khởi, không nên làm hạ sanh, không nên làm phát sanh ra sự lừa gạt; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu sự lừa gạt; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với sự lừa gạt, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

"Không nên cố tình thực hiện các sự lừa gạt" là như thế.

Và không nên khinh khi người khác về sự sinh sống, về sự nhận thức, về giới và phận sự.

Và: Từ "*atha*" này là sự nối liền các câu văn… (nt)… tính chất tuần tự của các câu văn. Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó, trong khi sống cuộc sống khốn khó, khinh khi vị khác đang sống cuộc sống cao sang rằng: "Tại sao người này lại có cuộc sống đầy đủ, thọ thực mọi thứ như là: Mầm giống từ rễ, mầm giống từ thân, mầm giống từ mắt chồi, mầm giống từ phần ngọn, mầm giống từ hạt là loại thứ năm, với hàm răng búa tạ như quầng sáng của tia chớp mà còn có danh xưng là Sa-môn?" Vị ấy, do cuộc sống khốn khó ấy, khinh khi vị khác đang sống cuộc sống cao sang. Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó, trong khi sống cuộc sống cao sang, khinh khi vị khác đang sống cuộc sống khốn khó rằng: "Tại sao người này lại ít phước, ít kẻ hộ độ, không có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh?" Vị ấy, do cuộc sống cao sang ấy, khinh khi vị khác đang sống cuộc sống khốn khó. Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó được thành tựu về tuệ. Vị ấy trả lời câu hỏi khi được chất vấn. Vị ấy suy nghĩ như vầy: "Ta được thành tựu về tuệ, còn những vị khác không được thành tựu về tuệ." Vị ấy, do sự thành tựu về tuệ ấy, khinh khi vị khác. Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó được thành tựu về giới, sống thu thúc với sự thu thúc của Giới bổn (*Pātimokkha*), thành tựu về hạnh kiểm và hành xứ, thấy sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhặt, thọ trì và thực hành trong các điều học. Vị ấy suy nghĩ như vầy: "Ta được thành tựu về giới, còn những vị Tỳ-khưu khác có giới tồi, có ác pháp." Vị ấy, do sự thành tựu về giới ấy, khinh khi vị khác. Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó được thành tựu về phận sự: Là vị ngụ ở rừng, hoặc là vị ngụ ở gốc cây, hoặc là vị chuyên đi khất thực, hoặc là vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ, hoặc là vị chỉ sử dụng ba y, hoặc là vị đi khất thực tuần tự theo từng nhà, hoặc là vị không ăn vật thực dâng sau, hoặc là vị chuyên về oai nghi ngồi (không nằm), là vị ở chỗ đã được chỉ định. Vị ấy suy nghĩ như vầy: "Ta được thành tựu về phận sự, còn những vị khác không thành tựu về phận sự." Vị ấy, do sự thành tựu về phận sự ấy, khinh khi vị khác.

Và không nên khinh khi người khác về sự sinh sống, về sự nhận thức, về giới và phận sự: Do cuộc sống khốn khó, hoặc do cuộc sống cao sang, hoặc do sự thành tựu về tuệ, hoặc do sự thành tựu về giới, hoặc do sự thành tựu về phận sự, không nên khinh khi, không nên khi dễ người khác; không vì điều ấy mà sanh ra ngã mạn, không vì điều ấy mà trở nên ương ngạnh, ương bướng, ngẩng cao đầu.

"Và không nên khinh khi người khác về sự sinh sống, về sự nhận thức, về giới và phận sự" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"*Không nên bị lôi kéo vào việc nói lời dối trá, không nên cố tình thực hiện các sự lừa gạt, và không nên khinh khi người khác về sự sinh sống, về sự nhận thức, về giới và phận sự.*"

14.18. *Bị bôi nhọ sau khi nghe nhiều lời nói*
Của các vị Sa-môn, của những kẻ phàm phu,
Không nên đáp trả lại những kẻ ấy một cách thô lỗ,
Bởi vì các bậc an tịnh không thể hiện sự phản kháng.

Bị bôi nhọ sau khi nghe nhiều lời nói của các vị Sa-môn, của những kẻ phàm phu.

Bị bôi nhọ: Bị bôi nhọ là bị mắng nhiếc, bị đụng chạm, bị khinh bỉ, bị chê trách, bị gièm pha.

Các vị Sa-môn: Bất cứ những vị nào đã đi đến hạnh du sĩ, đã thành tựu hạnh du sĩ bên ngoài giáo pháp này.

Lời nói của những kẻ phàm phu: Các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, các thương buôn, các nô lệ, các người tại gia, các vị xuất gia, chư thiên và loài người; những người ấy sỉ vả, chê bai, gây khó chịu, gây bực mình, gây tổn hại, hãm hại, quấy rối, ức hiếp, hủy hoại, phá hại, hoặc gây nên sự phá hại bằng nhiều lời nói không đáng mong, không đáng muốn, không đáng mến; sau khi nghe, sau khi lắng nghe, sau khi tiếp thu, sau khi tiếp nhận, sau khi suy xét nhiều lời nói không đáng mong, không đáng muốn, không đáng mến của những người ấy.

"Bị bôi nhọ sau khi nghe nhiều lời nói của các vị Sa-môn, của những kẻ phàm phu" là như thế.

Không nên đáp trả lại những kẻ ấy một cách thô lỗ.

Một cách thô lỗ: Một cách thô lỗ là một cách thô bạo.

Không nên đáp trả lại: Không nên nói lại, không nên sỉ vả lại người đang sỉ vả, không nên chọc giận lại người đang chọc giận, không nên cãi lộn với người đang cãi lộn, không nên tạo ra sự cãi cọ, không nên tạo ra sự cãi lộn, không nên tạo ra sự cãi vã, không nên tạo ra sự tranh cãi, không nên tạo ra sự gây gổ; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện

hữu sự cãi cọ, cãi lộn, tranh luận, tranh cãi, gây gổ; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với sự cãi cọ, cãi lộn, tranh luận, tranh cãi, gây gổ, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

"Không nên đáp trả lại những kẻ ấy một cách thô lỗ" là như thế.

Bởi vì các bậc an tịnh không thể hiện sự phản kháng.

Các bậc an tịnh: Trạng thái được an tịnh của luyến ái là an tịnh, trạng thái được an tịnh, trạng thái được yên lặng, trạng thái được vắng lặng, trạng thái được thiêu hủy, trạng thái được tịch diệt, trạng thái được tách lìa; trạng thái được tịch tịnh của sân hận, của si mê, của giận dữ, của thù hằn… (nt)… của tất cả các pháp tạo tác bất thiện là an tịnh, yên tịnh, vắng lặng, tịch diệt, tịch tịnh. "An tịnh" là như thế.

Bởi vì các bậc an tịnh không thể hiện sự phản kháng: Các bậc an tịnh không thể hiện, không làm sanh ra, không làm sanh khởi, không làm hạ sanh, không làm phát sanh sự phản kháng, sự đối kháng, sự gây gổ, sự chống báng.

"Bởi vì các bậc an tịnh không thể hiện sự phản kháng" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Bị bôi nhọ sau khi nghe nhiều lời nói
Của các vị Sa-môn, của những kẻ phàm phu,
Không nên đáp trả lại những kẻ ấy một cách thô lỗ,
Bởi vì các bậc an tịnh không thể hiện sự phản kháng."

14.19. *Và sau khi hiểu thông giáo pháp này,*
Trong khi suy gẫm, vị Tỳ-khưu nên học tập, luôn luôn có niệm,
Sau khi biết được sự diệt tắt là "an tịnh",
Không nên xao lãng về lời giáo huấn của đức Gotama.

Và sau khi hiểu thông giáo pháp này.

Này: Là điều đã được nêu ra, đã được chỉ bảo, đã được thông báo, đã được ấn định, đã được khai mở, đã được chia sẻ, đã được làm rõ, đã được bày tỏ.

Sau khi hiểu thông giáo pháp: Sau khi biết, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt. "Và sau khi hiểu thông giáo pháp này" là như vậy. Hoặc là, sau khi hiểu thông, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt giáo pháp là đúng đắn, là sai trái, là đúng đường lối, là sai đường lối, là có tội lỗi, là không có tội lỗi, là thấp kém, là cao quý, là đen, là trắng, là bị người hiểu biết chê trách, là được người hiểu biết khen ngợi. "Và sau khi hiểu thông giáo pháp này" còn là như vậy. Hoặc là, sau khi hiểu thông, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt giáo pháp là sự thực hành đúng đắn, sự thực hành phù hợp, sự thực hành không trái ngược, sự thực hành đưa đến lợi ích, sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, việc làm đầy đủ các

giới, việc phòng vệ các giác quan, việc biết chừng mực về vật thực, sự luyện tập về tỉnh thức, niệm và sự nhận biết rõ, bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, Niết-bàn và sự thực hành đưa đến Niết-bàn.

"Và sau khi hiểu thông giáo pháp này" còn là như vậy.

Trong khi suy gẫm, vị Tỳ-khưu nên học tập, luôn luôn có niệm.

Trong khi suy gẫm: Là đang suy gẫm, đang suy nghiệm, đang cân nhắc, đang xác định, đang minh định, đang làm rõ rệt. Đang suy gẫm, đang suy nghiệm, đang cân nhắc, đang xác định, đang minh định, đang làm rõ rệt rằng: "Tất cả các hành là vô thường";... (nt)... "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt." "Vị Tỳ-khưu, trong khi suy gẫm" là như thế.

Luôn luôn: Luôn luôn là mọi lúc, mọi thời,... (nt)... ở chặng cuối của tuổi thọ.

Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân... (nt)... người ấy được gọi là có niệm.

Nên học tập: Có ba sự học tập: Học tập về thắng giới, học tập về thắng tâm, học tập về thắng tuệ. ... (nt)... việc này là sự học tập về thắng tuệ. Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này thì nên học tập;... (nt)... nên học tập, nên hành xử, nên hành theo, nên thọ trì và vận dụng.

"Trong khi suy gẫm, vị Tỳ-khưu nên học tập, luôn luôn có niệm" là như thế.

Sau khi biết được sự diệt tắt là "an tịnh": Sau khi biết được sự diệt tắt của luyến ái là "an tịnh", sau khi biết được sự diệt tắt của sân hận... của si mê... (nt)... của tất cả các pháp tạo tác bất thiện là "an tịnh", sau khi nhận biết, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt.

"Sau khi biết được sự diệt tắt là 'an tịnh'" là như thế.

Không nên xao lãng về lời giáo huấn của đức Gotama: Về lời giáo huấn của đức Gotama, về lời giáo huấn của đức Phật, về lời giáo huấn của đấng Chiến Thắng, về lời giáo huấn của đức Như Lai, về lời giáo huấn của vị Chúa của chư thiên, về lời giáo huấn của bậc A-la-hán.

Không nên xao lãng: Là nên có sự thực hành nghiêm trang, có sự thực hành liên tục, có sự thực hành không ngừng nghỉ, có thói quen không biếng nhác, không buông bỏ mong muốn, không buông bỏ bổn phận trong các thiện pháp, [nghĩ rằng:] "Khi nào ta có thể làm đầy đủ hoặc giới uẩn chưa được đầy đủ,... (nt)... hoặc định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn chưa được đầy đủ? Khi nào ta có thể biết toàn diện về khổ chưa được biết toàn diện, hoặc có thể dứt bỏ các ô nhiễm chưa được dứt bỏ, hoặc tu tập đạo chưa được tu tập, hoặc chứng ngộ diệt chưa được chứng ngộ?" Điều này, trong trường hợp ấy, là sự mong muốn, sự tinh tấn, sự gắng sức, sự ráng sức, sự dõng mãnh, sự không thối chí, niệm, sự nhận biết rõ, sự nhiệt tâm, sự cần mẫn, sự quyết tâm, sự chuyên cần, sự không xao lãng trong các thiện pháp.

"Không nên xao lãng về lời giáo huấn của đức Gotama" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Và sau khi hiểu thông giáo pháp này,
Trong khi suy gẫm, vị Tỳ-khưu nên học tập, luôn luôn có niệm,
Sau khi biết được sự diệt tắt là 'an tịnh',
Không nên xao lãng về lời giáo huấn của đức Gotama."

14.20. *"Bởi vì, vị ấy là người chiến thắng, bậc không bị ngự trị, vị đã nhìn thấy pháp thực chứng, không do nghe lời đồn đãi. Chính vì thế, luôn luôn không xao lãng, trong lúc kính lễ, nên học tập theo ở lời giáo huấn của đức Thế Tôn ấy" [đức Thế Tôn nói vậy].*

Bởi vì, vị ấy là người chiến thắng, bậc không bị ngự trị.

Người chiến thắng: Người chiến thắng các sắc, người chiến thắng các thinh, người chiến thắng các hương, người chiến thắng các vị, người chiến thắng các xúc, người chiến thắng các pháp, không bị ngự trị bởi bất cứ ô nhiễm nào; vị đã ngự trị các ác bất thiện pháp hạ liệt ấy, các điều ô nhiễm đưa đến tái sanh, có sự phiền muộn, có kết quả khổ, đưa đến sanh-già-chết ở vị lai.

"Bởi vì, vị ấy là người chiến thắng, bậc không bị ngự trị" là như thế.

Vị đã nhìn thấy pháp thực chứng, không do nghe lời đồn đãi.

Pháp thực chứng: [Vị ấy] đã nhìn thấy, đã nhìn xem, đã nhận thấy, đã thấu triệt pháp đã được chính bản thân biết rõ, đã được tự thân quán xét, không do nghe lời đồn đãi, không do nghe nói như thế, không do sự truyền thừa, không do sự thành tựu của việc thu thập kiến thức, không do nhân suy nghĩ, không do nhân suy luận, không do suy đoán theo biểu hiện, không do sự suy xét và chấp nhận về quan điểm.

"Vị đã nhìn thấy pháp thực chứng, không do nghe lời đồn đãi" là như thế.

Chính vì thế,... ở lời giáo huấn của đức Thế Tôn ấy.

Vì thế: Vì thế là bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy.

Ở lời giáo huấn của đức Thế Tôn ấy: Ở lời giáo huấn của đức Thế Tôn ấy là ở lời giáo huấn của đức Gotama, ở lời giáo huấn của đức Phật, ở lời giáo huấn của đấng Chiến Thắng, ở lời giáo huấn của đức Như Lai, ở lời giáo huấn của vị Chúa của chư thiên, ở lời giáo huấn của bậc A-la-hán.

"Chính vì thế,... ở lời giáo huấn của đức Thế Tôn ấy" là như thế.

Luôn luôn không xao lãng, trong lúc kính lễ, nên học tập theo [đức Thế Tôn nói vậy].

Không xao lãng: Là có sự thực hành nghiêm trang,... (nt)... sự không xao lãng trong các thiện pháp.

Luôn luôn: Luôn luôn là mọi lúc, mọi thời,... (nt)... ở chặng cuối của tuổi thọ.

Trong lúc kính lễ: Trong lúc đang kính lễ bằng thân, hoặc đang kính lễ bằng khẩu, hoặc đang kính lễ bằng tâm, hoặc đang kính lễ bằng hành động thuận theo đạo lý, hoặc đang kính lễ bằng sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, hoặc đang thể hiện sự trọng vọng, đang thể hiện sự kính trọng, đang sùng bái, đang cúng dường, đang nể nang.

Nên học tập theo: Có ba sự học tập: Học tập về thắng giới, học tập về thắng tâm, học tập về thắng tuệ. ... (nt)… việc này là sự học tập về thắng tuệ. Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này thì nên học tập;… (nt)… trong khi chứng ngộ pháp cần được chứng ngộ thì nên học tập, nên thực hành, nên hành xử, nên hành theo, nên thọ trì và vận dụng.

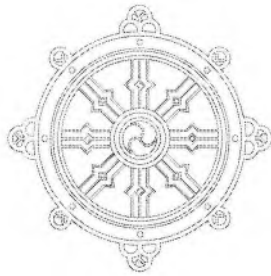
Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính. ... (nt)… sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "đức Thế Tôn."

"Luôn luôn không xao lãng, trong lúc kính lễ, nên học tập theo [đức Thế Tôn nói vậy]" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Bởi vì, vị ấy là người chiến thắng, bậc không bị ngự trị, vị đã nhìn thấy pháp thực chứng, không do nghe lời đồn đãi. Chính vì thế, luôn luôn không xao lãng, trong lúc kính lễ, nên học tập theo ở lời giáo huấn của đức Thế Tôn ấy" [đức Thế Tôn nói vậy].

"Diễn giải kinh một cách nhanh chóng" được đầy đủ - Phần thứ mười bốn.



15. DIỄN GIẢI KINH UẾ HẠNH CỦA BẢN THÂN (*ATTADAṆḌASUTTANIDDESO*)

Giờ phần "Diễn giải kinh uế hạnh của bản thân" được nói đến:

15.1. *Sự sợ hãi sanh lên do uế hạnh của bản thân.*[1]
Các ngươi hãy nhìn xem loài người đang gây gổ.
Ta sẽ thuật lại trạng thái chấn động
Đúng theo sự việc đã làm cho Ta bị chấn động.

Sự sợ hãi sanh lên do uế hạnh của bản thân.

Uế hạnh: Có ba uế hạnh: Uế hạnh về thân, uế hạnh về khẩu, uế hạnh về ý. Ba loại hành động xấu xa của thân là uế hạnh về thân, bốn loại hành động xấu xa của khẩu là uế hạnh về khẩu, ba loại hành động xấu xa của ý là uế hạnh về ý.

Sự sợ hãi: Có hai sự sợ hãi: Sợ hãi liên quan đời này và sợ hãi liên quan đời sau.

Sợ hãi liên quan đời này là việc nào? Ở đây, một người nào đó làm hành động xấu xa bằng thân, làm hành động xấu xa bằng khẩu, làm hành động xấu xa bằng ý, giết hại mạng sống, lấy vật không được cho, đột nhập gia cư, mang đi vật cướp được, làm kẻ đạo tặc, đứng cướp dọc đường, đi đến với vợ người khác, nói lời dối trá. Dân chúng sau khi bắt lấy kẻ ấy rồi trình lên đức vua: "Tâu bệ hạ, gã trộm cướp này là kẻ làm điều tội lỗi. Đối với kẻ này, xin ngài hãy giáng hình phạt theo ý muốn." Đức vua mắng nhiếc kẻ ấy. Kẻ ấy, do duyên mắng nhiếc, khởi lên sự sợ hãi, cảm thọ khổ ưu. Sự sợ hãi, khổ ưu này do đâu mà xảy đến cho kẻ ấy? Do uế hạnh của bản thân mà việc ấy đã sanh ra, đã sanh khởi, đã hạ sanh, đã phát sanh, đã xuất hiện.

Chỉ với chừng ấy, đức vua không được vui. Đức vua ra lệnh giam cầm kẻ ấy với việc trói bằng xiềng, hoặc trói bằng dây thừng, hoặc trói bằng dây xích, hoặc trói bằng dây mây, hoặc trói bằng dây leo, hoặc với việc giam trong hố, hoặc giam trong hào, hoặc giam trong làng, hoặc giam trong thị trấn, hoặc giam trong thành phố, hoặc giam trong quốc độ, hoặc giam trong xứ sở, thậm chí còn khuyên bảo rằng: "Ngươi không được phép ra khỏi nơi này." Kẻ ấy, do duyên giam cầm, cảm thọ khổ ưu. Sự sợ hãi, khổ ưu này do đâu mà xảy đến cho kẻ ấy? Do uế hạnh của bản thân mà việc ấy đã sanh ra, đã sanh khởi, đã hạ sanh, đã phát sanh, đã xuất hiện.

---

[1] *Attadaṇḍā* được dịch là "uế hạnh của bản thân" căn cứ vào lời giải thích của *Chú giải*: "*Attadaṇḍābhayaṃ jātaṃ attano duccaritakāraṇā jātaṃ*" (*SnA*. II. 566; *NidA*. II. 423) và "*daṇḍātiduccaritā*" (*Sdd.*). Tựa đề của bài kinh đã được ghi theo ý nghĩa ấy. (ND)

Chỉ với chừng ấy, đức vua không được vui. Đức vua ra lệnh đem lại tài sản của kẻ ấy: Một trăm, một ngàn, hoặc một trăm ngàn. Kẻ ấy, do duyên mất mát tài sản, cảm thọ khổ ưu. Sự sợ hãi, khổ ưu này do đâu mà xảy đến cho kẻ ấy? Do uế hạnh của bản thân mà việc ấy đã sanh ra, đã sanh khởi, đã hạ sanh, đã phát sanh, đã xuất hiện.

Chỉ với chừng ấy, đức vua không được vui. Đức vua ra lệnh thực hiện nhiều loại hình phạt ở thân đối với kẻ ấy: Đánh bằng các cây roi, đánh bằng các dây mây, đánh bằng các gậy ngắn, chặt bàn tay, chặt bàn chân, chặt bàn tay và bàn chân, cắt tai, xẻo mũi, cắt tai và xẻo mũi, [đập vỡ đầu] làm thành như hũ cháo chua, lột da đầu, đốt lửa ở miệng, thiêu sống, đốt cháy ở bàn tay, lột da thành sợi, lột da thành đống để ở chân, kéo căng thân người ở trên đất, xiên da thịt bằng lưỡi câu, khoét thịt thành đồng tiền, chà xát với chất kiềm, quay tròn ở trên thập tự giá, đánh cho nhừ tử, rưới bằng dầu sôi, cho những con chó gặm, đặt trên giáo nhọn lúc còn sống, chặt đầu bằng gươm. Kẻ ấy, do duyên các hình phạt ở thân, cảm thọ khổ ưu. Sự sợ hãi, khổ ưu này do đâu mà xảy đến cho kẻ ấy? Do uế hạnh của bản thân mà việc ấy đã sanh ra, đã sanh khởi, đã hạ sanh, đã phát sanh, đã xuất hiện. Đức vua là chúa tể của bốn hình phạt này.

Kẻ ấy, với nghiệp của mình, do sự hoại rã của thân, do sự chết đi, bị sanh vào chốn bất hạnh, cõi khổ, nơi trừng phạt, địa ngục. Những người giữ địa ngục cho thực hiện hình phạt "trói buộc năm cách" đối với kẻ ấy: Họ dùng cọc sắt đã được đốt nóng đóng vào ở bàn tay, họ dùng cọc sắt đã được đốt nóng đóng vào ở bàn tay thứ hai, họ dùng cọc sắt đã được đốt nóng đóng vào ở bàn chân, họ dùng cọc sắt đã được đốt nóng đóng vào ở bàn chân thứ hai, họ dùng cọc sắt đã được đốt nóng đóng vào ở giữa ngực. Kẻ ấy, ở tại nơi ấy, cảm nhận các thọ khổ, nhức nhối, sắc bén; nhưng kẻ ấy không thể chết đi chừng nào ác nghiệp ấy còn chưa chấm dứt. Sự sợ hãi, khổ ưu này do đâu mà xảy đến cho kẻ ấy? Do uế hạnh của bản thân mà việc ấy đã sanh ra, đã sanh khởi, đã hạ sanh, đã phát sanh, đã xuất hiện.

Những người giữ địa ngục bắt kẻ ấy nằm xuống và dùng những cái rìu băm nát. Kẻ ấy, ở tại nơi ấy, cảm nhận các thọ khổ, sắc bén, nhức nhối; nhưng kẻ ấy không thể chết đi chừng nào ác nghiệp ấy còn chưa chấm dứt. Những người giữ địa ngục nắm lấy kẻ ấy, chân phía trên đầu phía dưới và dùng những cái búa băm nát. Những người giữ địa ngục cột kẻ ấy vào cỗ xe rồi cho kéo tới kéo lui ở trên đất đã được đốt cháy, sáng rực, đỏ rực. ... (nt)… Những người giữ địa ngục bắt kẻ ấy trèo lên, trèo xuống ở ngọn núi than hừng to lớn đã được đốt cháy, sáng rực, đỏ rực. ... (nt)… Những người giữ địa ngục nắm lấy kẻ ấy, chân phía trên đầu phía dưới, rồi ném vào chảo đồng đã được đốt nóng, đốt cháy, sáng rực, đỏ rực. Kẻ ấy, ở tại nơi ấy, bị nung nấu ở bọt nước sôi sục. Kẻ ấy, ở tại nơi ấy, trong khi bị nung nấu ở bọt nước sôi sục, lúc thì nổi lên trên, lúc thì chìm xuống dưới, lúc thì trôi ngang. Kẻ ấy, ở tại nơi ấy, cảm nhận các thọ khổ, sắc bén, nhức nhối; nhưng kẻ ấy không thể chết đi chừng nào ác nghiệp ấy còn chưa chấm dứt. Sự sợ hãi, khổ ưu này do đâu mà xảy đến cho kẻ ấy? Do uế hạnh

của bản thân mà việc ấy đã sanh ra, đã sanh khởi, đã hạ sanh, đã phát sanh, đã xuất hiện. Những người giữ địa ngục ném kẻ ấy vào đại địa ngục. Quả vậy, đại địa ngục ấy là:

1. *[Đại địa ngục] có bốn góc, có bốn cửa lớn*
Được chia thành các phần cân đối,
Được bao quanh bằng tường sắt,
Được đậy lại bằng mái sắt.

2. *Nền của [đại địa ngục] làm bằng sắt,*
Được thiêu đốt, cháy với lửa ngọn,
Luôn luôn tỏa khắp và tồn tại
Xung quanh một trăm do-tuần.

3. *[Các đại địa ngục] có sự đốt nóng khổ sở, ghê rợn, có ngọn lửa khó lại gần, có hình dạng làm rởn lông, ghê rợn, gây ra sự sợ hãi, khó chịu.*[2]

4. *Khối lửa được phát khởi ở bức tường hướng Đông, trong khi thiêu đốt những kẻ có ác nghiệp, đi đến chạm vào [khối lửa] ở hướng Tây.*

5. *Khối lửa được phát khởi ở bức tường hướng Tây, trong khi thiêu đốt những kẻ có ác nghiệp, đi đến chạm vào [khối lửa] ở hướng Đông.*

6. *Khối lửa được phát khởi ở bức tường hướng Bắc, trong khi thiêu đốt những kẻ có ác nghiệp, đi đến chạm vào [khối lửa] ở hướng Nam.*

7. *Khối lửa được phát khởi ở bức tường hướng Nam, trong khi thiêu đốt những kẻ có ác nghiệp, đi đến chạm vào [khối lửa] ở hướng Bắc.*

8. *Khối lửa khủng khiếp phát xuất từ bên dưới, trong khi thiêu đốt những kẻ có ác nghiệp, đi đến chạm vào [khối lửa] ở mái che [bên trên].*

9. *Khối lửa khủng khiếp phát xuất từ mái che, trong khi thiêu đốt những kẻ có ác nghiệp, đi đến chạm vào [khối lửa] ở mặt đất [bên dưới].*

10. *Cái chảo sắt đã được đốt cháy, nóng đỏ, sáng chói như thế nào thì địa ngục Avīci, ở bên dưới, bên trên và bên hông là như vậy.*

11. *Ở nơi ấy, những chúng sanh vô cùng hung dữ, đã gây ra trọng tội, có hành động cực kỳ ác độc, bị nung nấu và không thể chết đi.*

12. *Thân thể của họ, những cư dân ở địa ngục, giống như ngọn lửa. Hãy nhìn xem tính chất vững bền của nghiệp, không như tro, không như bụi.*

13. *Họ chạy về hướng Đông, rồi từ đó chạy về hướng Tây. Họ chạy về hướng Bắc, rồi từ đó họ chạy về hướng Nam.*

14. *Họ chạy đến bất cứ hướng nào, cánh cửa hướng ấy đều được đóng lại. Với niềm mong mỏi được thoát ra, các chúng sanh ấy có sự tìm kiếm lối thoát.*

15. *Họ không thể đi ra khỏi nơi ấy bởi vì nghiệp duyên, khi ác nghiệp của họ đã tạo có nhiều và còn chưa trả xong.*

---

[2] *Bổn sanh* "Ẩn sĩ Saṅkicca" (*Saṅkiccajātakaṃ*), số 530, *TTPV*, tập 33, trang 275, câu kệ 3483. (ND)

Sự sợ hãi, khổ ưu này do đâu mà xảy đến cho kẻ ấy? Do uế hạnh của bản thân mà việc ấy đã sanh ra, đã sanh khởi, đã hạ sanh, đã phát sanh, đã xuất hiện. Những khổ đau ở địa ngục, những khổ đau ở loài thú, những khổ đau ở thân phận ngạ quỷ, những khổ đau ở cõi người, những khổ đau ấy do đâu đã được sanh ra, do đâu đã được sanh khởi, do đâu đã được hạ sanh, do đâu đã được phát sanh, do đâu đã được xuất hiện? Do uế hạnh của bản thân mà chúng đã được sanh ra, đã được sanh khởi, đã được hạ sanh, đã được phát sanh, đã được xuất hiện.

"Sự sợ hãi sanh lên do uế hạnh của bản thân" là như thế.

Các ngươi hãy nhìn xem loài người đang gây gổ: Này các Sát-đế-lỵ, các Bà-la-môn, các thương buôn, các nô lệ, các người tại gia, các vị xuất gia, chư thiên và loài người, các ngươi hãy nhìn xem, hãy nhận thấy, hãy quan sát, hãy suy xét, hãy khảo sát loài người đang gây gổ, loài người đang cãi cọ, loài người đang chống đối, loài người đang đối chọi, loài người đang hằn học, loài người đang thù hằn, loài người đang căm hờn, loài người đang thù hận.

"Các ngươi hãy nhìn xem loài người đang gây gổ" là như thế.

Ta sẽ thuật lại trạng thái chấn động: Trạng thái chấn động là sự hốt hoảng, sự khiếp sợ, sự sợ hãi, sự hành hạ, sự đụng chạm, sự bất hạnh, sự nguy cơ.

Ta sẽ thuật lại: Ta sẽ giải bày, Ta sẽ nêu ra, Ta sẽ chỉ bảo, Ta sẽ thông báo, Ta sẽ ấn định, Ta sẽ khai mở, Ta sẽ chia sẻ, Ta sẽ làm rõ, Ta sẽ bày tỏ.

"Ta sẽ thuật lại trạng thái chấn động" là như thế.

Đúng theo sự việc đã làm cho Ta bị chấn động: Đúng theo sự việc đã làm cho chính bản thân Ta bị chấn động, bị hốt hoảng, bị đưa đến trạng thái chấn động.

"Đúng theo sự việc đã làm cho Ta bị chấn động" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Sự sợ hãi sanh lên do uế hạnh của bản thân.
Các ngươi hãy nhìn xem loài người đang gây gổ.
Ta sẽ thuật lại trạng thái chấn động
Đúng theo sự việc đã làm cho Ta bị chấn động."

15.2. *Sau khi nhìn thấy nhân loại đang chao động tựa như những con cá ở chỗ ít nước, sau khi nhìn thấy chúng chống đối lẫn nhau, sự sợ hãi đã tiến đến Ta.*

Sau khi nhìn thấy nhân loại đang chao động.

Nhân loại: Là từ gọi chúng sanh. Nhân loại đang chao động với sự chao động bởi tham ái, đang chao động với sự chao động bởi tà kiến, đang chao động với sự chao động bởi ô nhiễm, đang chao động với sự chao động bởi uế hạnh, đang chao động với sự chao động bởi sự ra sức, đang chao động với sự

chao động bởi nghiệp quả; kẻ bị luyến ái đang chao động bởi luyến ái, kẻ bị sân hận đang chao động bởi sân hận, kẻ bị si mê đang chao động bởi si mê, kẻ bị trói buộc đang chao động bởi ngã mạn, kẻ bị tán loạn đang chao động bởi sự phóng dật, kẻ không dứt khoát đang chao động bởi hoài nghi, kẻ cứng cỏi đang chao động bởi các pháp tiềm ẩn, đang chao động bởi lợi lộc, đang chao động bởi không lợi lộc, đang chao động bởi danh vọng, đang chao động bởi không danh vọng, đang chao động bởi lời khen, đang chao động bởi tiếng chê, đang chao động bởi hạnh phúc, đang chao động bởi khổ đau, đang chao động bởi sanh, đang chao động bởi già, đang chao động bởi bệnh, đang chao động bởi chết, đang chao động bởi sầu-bi-khổ-ưu-não, đang chao động bởi khổ ở địa ngục, đang chao động bởi khổ ở loài thú, đang chao động bởi khổ ở thân phận ngạ quỷ, đang chao động bởi khổ của loài người,... bởi khổ bắt nguồn từ việc nhập thai,... bởi khổ bắt nguồn từ việc trụ thai,... bởi khổ bắt nguồn từ việc ra khỏi thai,... bởi khổ gắn liền sau khi sanh ra,... bởi khổ do kẻ khác áp đặt sau khi sanh ra,... bởi khổ do sự ra sức của bản thân,... bởi khổ do sự ra sức của kẻ khác,... bởi khổ do [thọ] khổ,... bởi khổ do pháp tạo tác,... bởi khổ do sự biến đổi,... bởi khổ do bệnh ở mắt,... do bệnh ở tai trong,... do bệnh ở mũi,... do bệnh ở lưỡi,... do bệnh ở thân,... do bệnh ở đầu,... do bệnh ở lỗ tai,... do bệnh ở miệng,... do bệnh ở răng,... bởi ho,... bởi suyễn,... bởi sổ mũi,... bởi nhiệt,... bởi cảm sốt,... bởi đau bụng,... bởi xây xẩm,... bởi kiết lỵ,... bởi đau bụng bão,... bởi dịch tả,... bởi phong cùi,... bởi khối u,... bởi bệnh chàm,... bởi lao phổi,... bởi động kinh,... bởi mụt,... bởi nhọt,... bởi ghẻ ngứa,... bởi sảy,... bởi loét tay chân,... bởi máu,... bởi mật,... bởi bệnh tiểu đường,... bởi bệnh trĩ,... bởi ghẻ lở,... bởi loét hậu môn,... bởi bệnh phát khởi từ mật,... bởi bệnh phát khởi từ đàm,... bởi bệnh phát khởi từ gió,... bởi bệnh tổng hợp do mật-đàm-gió,... bởi bệnh sanh lên vì thay đổi thời tiết,... bởi bệnh sanh lên vì bốn oai nghi không đồng đều,... bởi bệnh thuộc dạng cấp tính,... bởi bệnh sanh lên vì quả của nghiệp,... bởi lạnh,... bởi nóng,... bởi đói,... bởi khát,... bởi đại tiện,... bởi tiểu tiện,... bởi khổ do sự xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát,... bởi khổ do cái chết của mẹ,... bởi khổ do cái chết của cha,... bởi khổ do cái chết của anh [em] trai,... bởi khổ do cái chết của chị [em] gái,... bởi khổ do cái chết của con trai,... bởi khổ do cái chết của con gái,... bởi khổ do cái chết của thân quyến,... bởi khổ do sự tổn hại về của cải,... bởi khổ do sự tổn hại vì bệnh tật,... bởi khổ do sự tổn hại về giới, đang chao động bởi khổ do sự tổn hại về kiến thức, đang lay động, đang xáo động, đang run rẩy, đang chấn động, đang rúng động.

Sau khi nhìn thấy: Sau khi nhìn thấy, sau khi nhìn xem, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt.

"Sau khi nhìn thấy nhân loại đang chao động" là như thế.

Tựa như những con cá ở chỗ ít nước: Giống như những con cá ở chỗ ít nước, ở chỗ kiệt nước, trong khi bị những con quạ, những con diều hâu, những

con cò tấn công, tha đi, rỉa rói, chúng chao động, lay động, xáo động, run rẩy, chấn động, rúng động; tương tự như vậy, nhân loại chao động do sự chao động bởi tham ái… (nt)… chao động bởi khổ do sự tổn hại về kiến thức, lay động, xáo động, run rẩy, chấn động, rúng động.

"Tựa như những con cá ở chỗ ít nước" là như thế.

Chúng chống đối lẫn nhau: Chúng sanh chống đối, đối chọi, hằn học, thù hằn, căm hờn, thù hận lẫn nhau: Các vị vua tranh cãi với các vị vua, các Sát-đế-lỵ tranh cãi với các Sát-đế-lỵ, các Bà-la-môn tranh cãi với các Bà-la-môn, các gia chủ tranh cãi với các gia chủ, mẹ tranh cãi với con trai, con trai tranh cãi với mẹ, cha tranh cãi với con trai, con trai tranh cãi với cha, anh [em] trai tranh cãi với anh [em] trai, chị [em] gái tranh cãi với chị [em] gái, anh [em] trai tranh cãi với chị em] gái, chị [em] gái tranh cãi với anh [em] trai, bạn bè tranh cãi với bạn bè. Tại nơi ấy, chúng đạt đến sự cãi cọ, sự cãi vã, sự tranh cãi, rồi công kích lẫn nhau bằng những bàn tay, công kích lẫn nhau bằng những cục đất, công kích lẫn nhau bằng những gậy gộc, công kích lẫn nhau bằng những gươm dao. Tại nơi ấy, chúng đi đến cái chết, thậm chí sự khổ đau kề cận cái chết.

"Chúng chống đối lẫn nhau" là như thế.

Sau khi nhìn thấy, sự sợ hãi đã tiến đến Ta.

Sau khi nhìn thấy: Sau khi nhìn thấy, sau khi nhìn xem, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt, sự sợ hãi, sự hành hạ, sự đụng chạm, sự bất hạnh, sự nguy cơ đã tiến đến.

"Sau khi nhìn thấy, sự sợ hãi đã tiến đến Ta" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Sau khi nhìn thấy nhân loại đang chao động tựa như những con cá ở chỗ ít nước, sau khi nhìn thấy chúng chống đối lẫn nhau, sự sợ hãi đã tiến đến Ta."

15.3. *Toàn bộ thế giới là không có cốt lõi,*
Tất cả các phương đều bị chuyển động.
Trong khi ước muốn chỗ trú ngụ cho bản thân,
Ta đã không nhìn thấy [một nơi nào là] không bị áp chế.

Toàn bộ thế giới là không có cốt lõi.

Thế giới: Thế giới địa ngục, thế giới loài thú, thế giới ngạ quỷ, thế giới loài người, thế giới chư thiên, thế giới của các uẩn, thế giới của các giới, thế giới của các xứ, thế giới này, thế giới khác, thế giới Phạm thiên, thế giới chư thiên; đây gọi là thế giới. Thế giới địa ngục là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi so với cái cốt lõi được gọi là cốt lõi thường còn, hoặc so với cái cốt lõi được gọi là cốt lõi an lạc, hoặc so với cái cốt lõi được gọi là cốt lõi tự ngã, hoặc theo nghĩa thường còn, hoặc theo nghĩa bền vững, hoặc theo nghĩa trường tồn, hoặc so với tình trạng không bị biến đổi. Thế giới loài thú… Thế giới ngạ quỷ… Thế giới loài người… Thế giới chư thiên… Thế giới của các

uẩn… Thế giới của các giới… Thế giới của các xứ… Thế giới này… Thế giới khác… Thế giới Phạm thiên… Thế giới chư thiên là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi so với cái cốt lõi được gọi là cốt lõi thường còn, hoặc so với cái cốt lõi được gọi là cốt lõi an lạc, hoặc so với cái cốt lõi được gọi là cốt lõi tự ngã, hoặc theo nghĩa thường còn, hoặc theo nghĩa bền vững, hoặc theo nghĩa trường tồn, hoặc so với tình trạng không bị biến đổi.

Giống như cây sậy là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giống như cây đu đủ là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giống như cây sung là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giống như cây san hô là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giống như cây pāribhaddaka là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giống như bọt nước là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giống như bong bóng nước là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giống như ảo ảnh là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giống như thân cây chuối là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giống như xảo thuật là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; tương tự như vậy, thế giới địa ngục là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi so với cái cốt lõi được gọi là cốt lõi thường còn, hoặc so với cái cốt lõi được gọi là cốt lõi an lạc, hoặc so với cái cốt lõi được gọi là cốt lõi tự ngã, hoặc theo nghĩa thường còn, hoặc theo nghĩa vững chắc, hoặc theo nghĩa trường tồn, hoặc so với tình trạng không bị biến đổi. Thế giới loài thú… Thế giới ngạ quỷ… Thế giới loài người… Thế giới chư thiên là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi so với cái cốt lõi được gọi là cốt lõi thường còn, hoặc so với cái cốt lõi được gọi là cốt lõi an lạc, hoặc so với cái cốt lõi được gọi là cốt lõi tự ngã, hoặc theo nghĩa thường còn, hoặc theo nghĩa vững chắc, hoặc theo nghĩa trường tồn, hoặc so với tình trạng không bị biến đổi. Thế giới của các uẩn… Thế giới của các giới… Thế giới của các xứ… Thế giới này… Thế giới khác… Thế giới Phạm thiên… Thế giới chư thiên là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi so với cái cốt lõi được gọi là cốt lõi thường còn, hoặc so với cái cốt lõi được gọi là cốt lõi an lạc, hoặc so với cái cốt lõi được gọi là cốt lõi tự ngã, hoặc theo nghĩa thường còn, hoặc theo nghĩa vững chắc, hoặc theo nghĩa trường tồn, hoặc so với tình trạng không bị biến đổi.

"Toàn bộ thế giới là không có cốt lõi" là như thế.

Tất cả các phương đều bị chuyển động: Các pháp tạo tác nào ở phương Đông, chúng đều bị di động, bị chuyển động, bị dao động, bị đụng chạm bởi tính chất vô thường, bị theo sau bởi sanh, bị đeo đuổi bởi già, bị ngự trị bởi bệnh, bị hành hạ bởi chết, được thiết lập ở khổ, là không nơi nương náu, không nơi trú ẩn, không nơi nương nhờ, có trạng thái không nơi nương nhờ. Các pháp tạo tác nào ở phương Tây… Các pháp tạo tác nào ở phương Bắc… Các pháp tạo tác nào ở phương Nam… Các pháp tạo tác nào ở phương Đông

Nam… Các pháp tạo tác nào ở phương Tây Bắc… Các pháp tạo tác nào ở phương Đông Bắc… Các pháp tạo tác nào ở phương Tây Nam… Các pháp tạo tác nào ở phương dưới… Các pháp tạo tác nào ở phương trên… Các pháp tạo tác nào ở mười phương, chúng đều bị di động, bị chuyển động, bị dao động, bị đụng chạm bởi tính chất vô thường, bị theo sau bởi sanh, bị đeo đuổi bởi già, bị ngự trị bởi bệnh, bị hành hạ bởi chết, được thiết lập ở khổ, là không nơi nương náu, là không nơi trú ẩn, là không nơi nương nhờ, có trạng thái không nơi nương nhờ.

Và điều này cũng đã được nói đến:

1. *"Mặc dầu cung điện ấy của Ngài rực sáng,*
Trong khi đang chiếu sáng ở phương Bắc.
Sau khi nhìn thấy khuyết tật ở sắc, luôn luôn bị biến động,
Vì thế, bậc Thiện trí không vui thích ở sắc."
2. *"Thế gian bị hành hạ bởi chết, bị bao trùm bởi già,*
Bị đâm vào bởi mũi tên tham ái, luôn luôn cháy âm ỉ bởi ước muốn."
3. *"Toàn bộ thế giới bị đốt cháy, toàn bộ thế giới bị bốc khói,*
Toàn bộ thế giới bị phát cháy, toàn bộ thế giới bị lay động."

"Tất cả các phương đều bị chuyển động" là như thế.

Trong khi ước muốn chỗ trú ngụ cho bản thân: Trong khi ước muốn, trong khi ưng thuận, trong khi ước nguyện, trong khi mong cầu, trong khi nguyện cầu chỗ trú ngụ, nơi nương náu, nơi trú ẩn, nơi nương nhờ, đích đến, lối đi khác.

"Trong khi ước muốn chỗ trú ngụ cho bản thân" là như thế.

Ta đã không nhìn thấy [một nơi nào là] không bị áp chế: Ta chỉ nhìn thấy sự bị áp bức, Ta đã không nhìn thấy sự không bị áp bức. Mọi trạng thái trẻ trung bị sự già áp chế, mọi trạng thái khỏe mạnh bị bệnh hoạn áp chế, mọi sự sống bị cái chết áp chế, mọi lợi lộc bị không lợi lộc áp chế, mọi danh vọng bị không danh vọng áp chế, mọi sự khen ngợi bị sự chê bai áp chế, mọi hạnh phúc bị khổ đau áp chế.

4. *"Lợi lộc và không lợi lộc, không danh vọng và danh vọng,*
Khen ngợi và chê bai, hạnh phúc và khổ đau,
Các pháp này ở nơi loài người là vô thường,
Không trường tồn, có tánh chất biến đổi."

"Ta đã không nhìn thấy [một nơi nào là] không bị áp chế" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Toàn bộ thế giới là không có cốt lõi,
Tất cả các phương đều bị chuyển động.
Trong khi ước muốn chỗ trú ngụ cho bản thân,
Ta đã không nhìn thấy [một nơi nào là] không bị áp chế."

15.4. *Nhưng sau khi nhìn thấy chúng chống chọi ở giai đoạn kết thúc, sự không ưa thích đã khởi lên ở Ta. Và ở đây, Ta đã nhìn thấy mũi tên khó có thể nhìn thấy đã được cắm vào trái tim (tâm thức).*

Chúng chống chọi ở giai đoạn kết thúc.

Ở giai đoạn kết thúc: Sự già kết thúc mọi trạng thái trẻ trung, bệnh hoạn kết thúc mọi trạng thái khỏe mạnh, cái chết kết thúc mọi sự sống, không lợi lộc kết thúc mọi lợi lộc, không danh vọng kết thúc mọi danh vọng, sự chê bai kết thúc mọi sự khen ngợi, khổ đau kết thúc mọi hạnh phúc. "Ở giai đoạn kết thúc" là như thế.

Chúng chống chọi: Các chúng sanh có sự ham muốn trạng thái trẻ trung đối chọi với sự già, các chúng sanh có sự ham muốn trạng thái khỏe mạnh đối chọi với bệnh hoạn, các chúng sanh có sự ham muốn sự sống đối chọi với cái chết, các chúng sanh có sự ham muốn lợi lộc đối chọi với không lợi lộc, các chúng sanh có sự ham muốn danh vọng đối chọi với không danh vọng, các chúng sanh có sự ham muốn sự khen ngợi đối chọi với sự chê bai, các chúng sanh có sự ham muốn hạnh phúc đối chọi với khổ đau; chúng hằn học, thù hằn, căm hờn, thù hận.

"Chúng chống chọi ở giai đoạn kết thúc" là như thế.

Sau khi nhìn thấy, sự không ưa thích đã khởi lên ở Ta.

Sau khi nhìn thấy: Sau khi nhìn thấy, sau khi nhìn xem, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt. "Sau khi nhìn thấy" là như thế.

Sự không ưa thích [đã khởi lên] ở Ta: Sự không ưa thích, sự không thích thú, biểu hiện không thích thú, trạng thái ngao ngán, sự chán ngấy đã khởi lên.

"Sau khi nhìn thấy, sự không ưa thích đã khởi lên ở Ta" là như thế.

Và ở đây, Ta đã nhìn thấy mũi tên.

Và: Từ "*atha*" này là sự nối liền các câu văn… (nt)… tính chất tuần tự của các câu văn.

Ở đây: Ở các chúng sanh.

Mũi tên: Có bảy mũi tên: Mũi tên luyến ái, mũi tên sân hận, mũi tên si mê, mũi tên ngã mạn, mũi tên tà kiến, mũi tên sầu muộn, mũi tên nghi hoặc.

Ta đã nhìn thấy: Ta đã nhìn xem, Ta đã nhìn thấy, Ta đã nhận thấy, Ta đã thấu triệt.

"Và ở đây, Ta đã nhìn thấy mũi tên" là như thế.

Khó có thể nhìn thấy đã được cắm vào trái tim (tâm thức).

Khó có thể nhìn thấy: Khó nhìn thấy, khó nhận thấy, khó nhìn xem, khó hiểu biết, khó thấu hiểu, khó thấu triệt. "Khó có thể nhìn thấy" là như thế.

Đã được cắm vào trái tim: Trái tim nói đến tâm; tâm tức là ý, ý thức, trái tim, chất xám; ý, ý xứ, ý quyền, thức, thức uẩn; từ đó ý thức giới sanh lên; đã

được cắm vào trái tim, đã được nương vào trái tim, đã được cắm vào tâm, đã được nương vào tâm, là đồng hành, đồng sanh, được gắn bó, được gắn liền, cùng sanh, cùng diệt, chung một nền tảng, chung một đối tượng với tâm.

"Khó có thể nhìn thấy đã được cắm vào trái tim (tâm thức)" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Nhưng sau khi nhìn thấy chúng chống chọi ở giai đoạn kết thúc, sự không ưa thích đã khởi lên ở Ta. Và ở đây, Ta đã nhìn thấy mũi tên khó có thể nhìn thấy đã được cắm vào trái tim (tâm thức)."

15.5. *Kẻ đã bị mũi tên đâm vào chạy khắp tất cả các phương [luân hồi khắp các cõi], sau khi đã nhổ chính mũi tên ấy lên thì không chạy, [và] không chìm xuống.*

Kẻ đã bị mũi tên đâm vào chạy khắp tất cả các phương.

Mũi tên: Có bảy mũi tên: Mũi tên luyến ái, mũi tên sân hận, mũi tên si mê, mũi tên ngã mạn, mũi tên tà kiến, mũi tên sầu muộn, mũi tên nghi hoặc.

Mũi tên luyến ái là cái nào? Sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt, sự say đắm, sự chiều chuộng, niềm vui, niềm vui và luyến ái, sự luyến ái mãnh liệt của tâm... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện; cái này là mũi tên luyến ái.

Mũi tên sân hận là cái nào? [Nghĩ rằng:] "Nó đã làm điều bất lợi cho ta", tức tối sanh khởi; [nghĩ rằng:] "Nó đang làm điều bất lợi cho ta", tức tối sanh khởi; [nghĩ rằng:] "Nó sẽ làm điều bất lợi cho ta", tức tối sanh khởi... (nt)... sự tàn nhẫn, sự lỗ mãng, trạng thái không hoan hỷ của tâm; cái này là mũi tên sân hận.

Mũi tên si mê là cái nào? Sự không biết về khổ... (nt)... sự không biết về sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ, sự không biết về điểm khởi đầu, sự không biết về điểm kết thúc, sự không biết về điểm khởi đầu và điểm kết thúc, sự không biết về các pháp tùy thuận duyên khởi này; sự không nhìn thấy nào có hình thức như vậy là sự không chứng ngộ, không thấu hiểu, không giác ngộ, không thấu triệt, không thu thập, không thâm nhập, không xem xét, không quán xét, không làm cho thấy rõ, không trong sáng, trạng thái ngu si, sự si mê, sự mê ám, sự mê muội, vô minh, sự lôi cuốn vào vô minh, sự gắn bó với vô minh, sự tiềm ẩn của vô minh, sự ngự trị của vô minh, sự ngăn trở của vô minh, si mê là gốc rễ của bất thiện; cái này là mũi tên si mê.

Mũi tên ngã mạn là cái nào? [Nghĩ rằng:] "Ta là tốt hơn" là ngã mạn, [nghĩ rằng:] "Ta là ngang bằng" là ngã mạn, [nghĩ rằng:] "Ta là thua kém" là ngã mạn; ngã mạn nào có hình thức như vậy là biểu hiện của ngã mạn, trạng thái của ngã mạn, sự kiêu hãnh, sự hãnh diện, sự giương lên [như ngọn cờ], sự tự nâng lên, sự mong muốn nổi bật của tâm; cái này là mũi tên ngã mạn.

Mũi tên tà kiến là cái nào? Thân kiến có hai mươi nền tảng, tà kiến có mười nền tảng, hữu biên kiến có mười nền tảng, quan điểm nào có hình thức như vậy là sự đi đến tà kiến, có sự nắm giữ của tà kiến, có sự hiểm trở của tà kiến, có sự

bóp méo của tà kiến, có sự xáo động của tà kiến, có sự ràng buộc của tà kiến, là sự nắm lấy, sự chấp nhận, sự chấp chặt, sự bám víu, con đường xấu, con đường sai trái, bản thể sai trái, ngoại giáo, sự nắm lấy đường lối trái nghịch, sự nắm lấy điều sai lệch, sự nắm lấy điều trái khuấy, sự nắm lấy điều sai trái, sự nắm lấy điều không xác đáng cho là xác đáng, cho đến sáu mươi hai tà kiến; cái này là mũi tên tà kiến.

Mũi tên sầu muộn là cái nào? Sự sầu muộn, sự buồn rầu, trạng thái buồn phiền, sự sầu muộn ở nội tâm, sự buồn thảm ở nội tâm, sự nóng nảy ở nội tâm, sự bực tức ở nội tâm, sự bực bội của tâm, nỗi ưu phiền của người bị tác động bởi sự tổn hại về thân quyến, bị tác động bởi sự tổn hại về của cải, bị tác động bởi sự tổn hại vì bệnh tật, bị tác động bởi sự suy giảm về giới hạnh, bị tác động bởi sự suy giảm về kiến thức, bị gặp phải sự rủi ro này hoặc sự rủi ro khác, hoặc bị tác động bởi sự khổ này hoặc sự khổ khác; cái này là mũi tên sầu muộn.

Mũi tên nghi hoặc là cái nào? Nghi ngờ về khổ, nghi ngờ về nhân sanh khổ, nghi ngờ về sự diệt tận khổ, nghi ngờ về sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ, nghi ngờ về điểm khởi đầu, nghi ngờ về điểm kết thúc, nghi ngờ về điểm khởi đầu và điểm kết thúc, nghi ngờ về các pháp tùy thuận duyên khởi này; sự nghi ngờ nào có hình thức như vậy là biểu hiện nghi ngờ, trạng thái nghi ngờ, sự nhầm lẫn, sự hoài nghi, sự lưỡng lự, sự phân vân, sự ngờ vực, sự không nắm chắc, sự không quyết định, sự không quả quyết, sự không thể xác quyết, trạng thái sửng sốt, sự bối rối của tâm; cái này là mũi tên nghi hoặc.

Kẻ đã bị mũi tên đâm vào chạy khắp tất cả các phương: Kẻ bị đâm vào, bị xuyên thủng, bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi mũi tên luyến ái [sẽ] làm hành động xấu xa bằng thân, làm hành động xấu xa bằng khẩu, làm hành động xấu xa bằng ý, giết hại mạng sống, lấy vật không được cho, đột nhập gia cư, mang đi vật cướp được, làm kẻ đạo tặc, đứng cướp dọc đường, đi đến với vợ người khác, nói lời dối trá. Kẻ bị đâm vào, bị xuyên thủng, bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi mũi tên luyến ái [sẽ] chạy, chạy khắp, chạy vội, di chuyển đó đây là như vậy.

Hoặc là, kẻ bị đâm vào, bị xuyên thủng, bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi mũi tên luyến ái, trong khi tầm cầu của cải, [sẽ] dùng thuyền lao vào đại dương, đương đầu với lạnh, đương đầu với nóng, bị khổ sở bởi các xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát, bị chết bởi các cơn đói khát, đi đến Tigumba, đi đến Takkola, đi đến Takkasilā, đi đến Kālamukha, đi đến Parammukha, đi đến Vesuṅga, đi đến Verāpatha, đi đến Java, đi đến Tāmalī, đi đến Vaṅga, đi đến Eḷavaddhana, đi đến Suvaṇṇakūṭa, đi đến Suvaṇṇabhūmi, đi đến Tambapaṇṇī, đi đến Suppāraka, đi đến Bharukaccha, đi đến Suraṭṭha, đi đến Aṅgaloka, đi đến Gaṅgaṇa, đi đến Paramagaṅgaṇa, đi đến Yona, đi đến Paramayona, đi đến Navaka, đi đến Mūlapada, đi đến sa mạc cát, đi đến lối đi phải bò gối, đi đến lối đi của dê, đi đến lối đi của cừu, đi đến lối đi phải chống gậy, đi đến lối đi bằng dù, đi đến lối đi phía trên lùm tre, đi đến lối đi của loài

chim, đi đến lối đi của loài chuột, đi đến lối đi khe núi, đi đến lối đi vịn vào lau sậy. Trong khi tầm cầu mà không đạt được thì cảm thọ khổ ưu phát xuất từ việc không có lợi lộc. Trong khi tầm cầu mà đạt được, do đã đạt được mà cảm thọ khổ ưu phát xuất từ việc bảo vệ [nghĩ rằng]: "Làm cách nào để các vị vua không có thể lấy đi, các kẻ trộm cướp không thể mang đi, lửa không thể thiêu cháy, nước không thể cuốn đi, những kẻ thừa tự không được yêu mến không thể lấy đi các của cải của ta?" Trong khi được kẻ ấy bảo vệ, gìn giữ như vậy, các của cải ấy bị hư hoại. Kẻ ấy cảm thọ khổ ưu phát xuất từ việc xa lìa. Kẻ bị đâm vào, bị xuyên thủng, bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi mũi tên luyến ái [sẽ] chạy, chạy khắp, chạy vội, di chuyển đó đây còn là như vậy.

Kẻ bị đâm vào, bị xuyên thủng, bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi mũi tên sân hận, bởi mũi tên si mê, bởi mũi tên ngã mạn [sẽ] làm hành động xấu xa bằng thân, làm hành động xấu xa bằng khẩu, làm hành động xấu xa bằng ý, giết hại mạng sống, lấy vật không được cho, đột nhập gia cư, mang đi vật cướp được, làm kẻ đạo tặc, đứng cướp dọc đường, đi đến với vợ người khác, nói lời dối trá. Kẻ bị đâm vào, bị xuyên thủng, bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi mũi tên ngã mạn [sẽ] chạy, chạy khắp, chạy vội, di chuyển đó đây là như vậy.

Kẻ bị đâm vào, bị xuyên thủng, bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi mũi tên tà kiến [sẽ] trở thành người tu lõa thể, có hành vi phóng túng, liếm tay cho sạch, [khi đi khất thực] không đi đến khi được mời đi đến, không dừng lại khi được mời dừng lại, không nhận vật thực được mang đến, hoặc được chỉ định, không ưng thuận sự mời thỉnh. Kẻ ấy không thọ nhận [vật thực] lấy từ miệng nồi, không thọ nhận từ miệng thau chậu, không thọ nhận [vật thực] đưa qua ngưỡng cửa, hoặc đưa qua cây gậy, hoặc đưa qua cái chày, không nhận [vật thực] từ hai người đang ăn, từ người nữ mang thai, từ người nữ đang cho con bú, từ người nữ ở trong lòng người nam, hoặc từ những sự quyên góp, không nhận [vật thực] ở nơi có con chó chầu chực, ở nơi có nhiều ruồi bu, không thọ nhận thịt, cá, không uống rượu, chất say, chất lên men. Kẻ ấy nhận vật thực ở một nhà và ăn chỉ một vắt, nhận vật thực ở hai nhà và ăn chỉ hai vắt,... (nt)... nhận vật thực ở bảy nhà và ăn chỉ bảy vắt. Kẻ ấy nuôi sống chỉ với một chén, nuôi sống chỉ với hai chén,... (nt)... nuôi sống chỉ với bảy chén. Kẻ ấy thọ thực một ngày một bữa, thọ thực hai ngày một bữa, thọ thực bảy ngày một bữa. Với hình thức như vậy, kẻ ấy sống gắn bó và đeo đuổi việc thọ dụng thức ăn theo phương thức nửa tháng một lần. Kẻ bị đâm vào, bị xuyên thủng, bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi mũi tên tà kiến [sẽ] chạy, chạy khắp, chạy vội, di chuyển đó đây là như vậy.

Hoặc là, bị đâm vào, bị xuyên thủng, bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi mũi tên tà kiến, kẻ ấy trở thành người ăn rau, hoặc trở thành người ăn hạt kê, hoặc trở thành người ăn lúa dại, hoặc trở thành người ăn da vụn, hoặc trở thành người ăn rêu, hoặc trở thành người ăn cám, hoặc trở thành người ăn

bọt nước cơm, hoặc trở thành người ăn bột vừng, hoặc trở thành người ăn hạt mè, hoặc trở thành người ăn cỏ, hoặc trở thành người ăn phân bò, hoặc nuôi sống với thức ăn là rễ và trái cây ở trong rừng, với thực phẩm là trái cây rụng xuống. Kẻ ấy mặc các loại vải sợi gai, mặc các loại vải sợi gai pha tạp, mặc các tấm vải quấn tử thi, mặc các tấm vải bị quăng bỏ, mặc các loại vỏ cây, mặc các tấm da sơn dương, mặc các tấm da báo, mặc y phục sợi cỏ kusa, mặc y phục sợi vỏ cây, mặc y phục vỏ bào của gỗ, mặc mền kết bằng sợi tóc, mặc mền kết bằng lông đuôi thú, mặc y phục kết bằng lông chim cú, là người theo hạnh nhổ râu tóc, sống gắn bó và đeo đuổi việc nhổ râu tóc. Kẻ ấy trở thành người theo hạnh đứng thẳng, chối từ chỗ ngồi, trở thành người theo hạnh ngồi chò hỏ, gắn bó và đeo đuổi việc tinh tấn ngồi chò hỏ, trở thành người đi đứng ở thảm cắm chông, sắp xếp việc nằm ở thảm cắm chông, sắp xếp việc nằm ở ván gỗ, sắp xếp việc nằm ở mô đất cứng, trở thành người nằm một bên hông, có thân thể đầy bụi bám và chất dơ, trở thành người theo hạnh sống ngoài trời, ngụ ở chỗ đã nhận được, trở thành người theo hạnh ăn phân, gắn bó và đeo đuổi việc thọ dụng phân, trở thành người theo hạnh không uống nước lạnh, gắn bó và đeo đuổi việc không uống nước lạnh, sống gắn bó và đeo đuổi việc lội xuống nước tắm một đêm ba lần. Với hình thức như vậy theo nhiều cách, kẻ ấy sống gắn bó và đeo đuổi việc khổ hạnh và hành hạ thân thể. Kẻ bị đâm vào, bị xuyên thủng, bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi mũi tên tà kiến [sẽ] chạy, chạy khắp, chạy vội, di chuyển đó đây là như vậy.

Kẻ bị đâm vào, bị xuyên thủng, bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi mũi tên sầu muộn [sẽ] sầu muộn, mệt mỏi, than vãn, đấm ngực khóc lóc, đi đến sự mê muội. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

"Này Bà-la-môn, vào thời quá khứ, ở ngay tại Sāvatthi này, một người đàn bà nọ có mẹ đã qua đời. Do việc qua đời của mẹ, người đàn bà này bị điên, có tâm bị tán loạn, đã đi từ đường phố này đến đường phố khác, từ ngã tư này đến ngã tư khác, và đã nói như vầy: 'Ông có nhìn thấy mẹ của tôi không? Ông có nhìn thấy mẹ của tôi không?'

Này Bà-la-môn, vào thời quá khứ, ở ngay tại Sāvatthi này, một người đàn bà nọ có cha đã qua đời, có anh [em] trai đã qua đời, có chị [em] gái đã qua đời, có con trai đã qua đời, có con gái đã qua đời, có người chồng đã qua đời. Do việc qua đời của chồng, người đàn bà này bị điên, có tâm bị tán loạn, đã đi từ đường phố này đến đường phố khác, từ ngã tư này đến ngã tư khác, và đã nói như vầy: 'Ông có nhìn thấy chồng của tôi không? Ông có nhìn thấy chồng của tôi không?'

Này Bà-la-môn, vào thời quá khứ, ở ngay tại Sāvatthi này, một người đàn ông nọ có mẹ đã qua đời. Do việc qua đời của mẹ, người đàn ông này bị điên, có tâm bị tán loạn, đã đi từ đường phố này đến đường phố khác, từ ngã tư này đến ngã tư khác, và đã nói như vầy: 'Ông có nhìn thấy mẹ của tôi không? Ông có nhìn thấy mẹ của tôi không?'

Này Bà-la-môn, vào thời quá khứ, ở ngay tại Sāvatthi này, một người đàn ông nọ có cha đã qua đời, có anh [em] trai đã qua đời, có chị [em] gái đã qua đời, có con trai đã qua đời, có con gái đã qua đời, có người vợ đã qua đời. Do việc qua đời của vợ, người đàn ông này bị điên, có tâm bị tán loạn, đã đi từ đường phố này đến đường phố khác, từ ngã tư này đến ngã tư khác, và đã nói như vầy: 'Ông có nhìn thấy vợ của tôi không? Ông có nhìn thấy vợ của tôi không?'

Này Bà-la-môn, vào thời quá khứ, ở ngay tại Sāvatthi này, một người đàn bà nọ đã đi đến thăm nhà bà con. Những người bà con ấy có ý muốn chia cắt người chồng với cô ấy rồi gả cô ấy cho một người khác. Nhưng cô ấy không muốn gã đàn ông kia. Khi ấy, người đàn bà ấy đã nói với chồng điều này: 'Này phu quân, những người bà con này có ý muốn chia cắt chàng với thiếp rồi gả thiếp cho một người khác. Cả hai chúng ta hãy chết đi.' Khi ấy, người đàn ông ấy đã chặt người đàn bà ấy làm hai rồi tự vẫn, [nghĩ rằng:] 'Cả hai chúng ta sẽ chung sống sau khi chết.'" Kẻ bị đâm vào, bị xuyên thủng, bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi mũi tên sầu muộn [sẽ] chạy, chạy khắp, chạy vội, di chuyển đó đây là như vậy.

Kẻ bị đâm vào, bị xuyên thủng, bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi mũi tên nghi hoặc [sẽ] bị rơi vào ngờ vực, bị rơi vào nhầm lẫn, bị sanh lên sự lưỡng lự rằng: "Phải chăng ta đã hiện hữu trong thời quá khứ? Phải chăng ta đã không hiện hữu trong thời quá khứ? Ta đã là cái gì trong thời quá khứ? Ta đã hiện hữu trong thời quá khứ như thế nào? Ta đã trở thành cái gì và đã trở thành cái gì trong thời quá khứ? Phải chăng ta sẽ hiện hữu trong thời vị lai? Phải chăng ta sẽ không hiện hữu trong thời vị lai? Ta sẽ là cái gì trong thời vị lai? Ta sẽ hiện hữu trong thời vị lai như thế nào? Ta sẽ trở thành cái gì, rồi sẽ trở thành cái gì trong thời vị lai?" Hoặc bây giờ, có sự nghi hoặc liên quan đến thời hiện tại rằng: "Phải chăng ta hiện hữu? Phải chăng ta không hiện hữu? Ta là cái gì? Ta hiện hữu như thế nào? Ta là chúng sanh từ đâu đến? Ta đây sẽ đi đâu?" Kẻ bị đâm vào, bị xuyên thủng, bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi mũi tên nghi hoặc [sẽ] chạy, chạy khắp, chạy vội, di chuyển đó đây là như vậy.

Trong khi tạo tác ra những mũi tên ấy, kẻ tạo tác ra những mũi tên ấy chạy đến hướng Đông, chạy đến hướng Tây, chạy đến hướng Bắc, chạy đến hướng Nam do tác động của việc tạo tác ra mũi tên. Các việc tạo tác ra mũi tên ấy là chưa được dứt bỏ; do trạng thái chưa được dứt bỏ của các việc tạo tác ra mũi tên, mà [sẽ] chạy đến cảnh giới tái sanh, chạy đến địa ngục, chạy đến loài thú, chạy đến thân phận ngạ quỷ, chạy đến thế giới loài người, chạy đến thế giới chư thiên, chạy, chạy khắp, chạy vội, di chuyển đó đây từ cảnh giới tái sanh này đến cảnh giới tái sanh khác, từ sự tái sanh này đến sự tái sanh khác, từ sự nối liền tái sanh này đến sự nối liền tái sanh khác, từ sự hiện hữu này đến sự hiện hữu khác, từ sự luân hồi này đến sự luân hồi khác, từ sự luân chuyển này đến sự luân chuyển khác.

"Kẻ đã bị mũi tên đâm vào chạy khắp tất cả các phương" là như vậy.

Sau khi đã nhổ chính mũi tên ấy lên thì không chạy, [và] không chìm xuống: Sau khi nhổ lên, sau khi kéo ra, sau khi lấy lên, sau khi lấy ra, sau khi rút lên, sau khi rút ra, sau khi dứt bỏ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu chính mũi tên luyến ái, mũi tên sân hận, mũi tên si mê, mũi tên ngã mạn, mũi tên tà kiến, mũi tên sầu muộn, mũi tên nghi hoặc ấy thì chẳng những không chạy đến hướng Đông, mà còn không chạy đến hướng Tây, không chạy đến hướng Bắc, không chạy đến hướng Nam. Các việc tạo tác ra mũi tên ấy là đã được dứt bỏ; do trạng thái đã được dứt bỏ đối với các việc tạo tác ra mũi tên, mà không chạy đến cảnh giới tái sanh, không chạy đến địa ngục, không chạy đến loài thú, không chạy đến thân phận ngạ quỷ, không chạy đến thế giới loài người, không chạy đến thế giới chư thiên, không chạy, không chạy khắp, không chạy vội, không di chuyển đó đây từ cảnh giới tái sanh này đến cảnh giới tái sanh khác,… từ sự tái sanh này đến sự tái sanh khác,… từ sự nối liền tái sanh này đến sự nối liền tái sanh khác,… từ sự hiện hữu này đến sự hiện hữu khác,… từ sự luân hồi này đến sự luân hồi khác,… từ sự luân chuyển này đến sự luân chuyển khác. "Sau khi đã nhổ chính mũi tên ấy lên thì không chạy" là như thế.

Không chìm xuống: Không chìm xuống dòng lũ [ngũ] dục, không chìm xuống dòng lũ của hữu, không chìm xuống dòng lũ tà kiến, không chìm xuống dòng lũ vô minh, không chìm hẳn xuống, không chìm đắm, không đi đến, không đi xuống.

"Sau khi đã nhổ chính mũi tên ấy lên thì không chạy, [và] không chìm xuống" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Kẻ đã bị mũi tên đâm vào chạy khắp tất cả các phương [luân hồi khắp các cõi], sau khi đã nhổ chính mũi tên ấy lên thì không chạy, [và] không chìm xuống."

15.6. *Ở nơi ấy, các môn học tập được truyền tụng,*
Những sự trói buộc nào ở thế gian,
Thì không nên quan tâm đến chúng.
Sau khi thấu suốt các dục về mọi phương diện,
Nên học tập về sự diệt tắt cho bản thân.

Ở nơi ấy, các môn học tập được truyền tụng, những sự trói buộc nào ở thế gian.

Các môn học tập: Môn học tập về voi, môn học tập về ngựa, môn học tập về cỗ xe, thuật châm kim, thuật mổ xẻ, thuật chữa bệnh về cơ thể, thuật trừ tà, thuật chữa bệnh trẻ em.

Được đọc tụng: Được trì tụng, được thuyết giảng, được phát ngôn, được

giảng giải, được diễn tả. Hoặc là, **được đọc tụng:** Được nắm lấy, được tiếp thu, được duy trì, được tiếp nhận, được suy xét nhằm việc đạt được các sự trói buộc. Các sự trói buộc nói đến năm loại dục: Các sắc được nhận thức bởi mắt là đáng mong, đáng muốn, đáng mến, đáng yêu, liên hệ đến dục, gợi tình.[3] Vì lý do gì năm loại dục được gọi là các sự trói buộc? Phần lớn chư thiên và nhân loại ước muốn, ưng thuận, ước nguyện, mong cầu, nguyện cầu năm loại dục; vì lý do đó, năm loại dục được gọi là các sự trói buộc.

Ở thế gian: Ở thế gian của loài người.

"Ở nơi ấy, các môn học tập được truyền tụng, những sự trói buộc nào ở thế gian" là như thế.

Thì không nên quan tâm đến chúng: Không nên quan tâm đến các môn học tập ấy hoặc năm loại dục ấy, không nên nghiêng theo chúng, không nên chiều theo chúng, không nên xuôi theo chúng, không nên hướng đến chúng, không nên xem chúng là chủ đạo.

"Thì không nên quan tâm đến chúng" là như thế.

Sau khi thấu suốt các dục về mọi phương diện.

Sau khi thấu suốt: Sau khi thấu triệt; sau khi thấu triệt rằng: "Tất cả các hành là vô thường", sau khi thấu triệt rằng: "Tất cả các hành là khổ",… (nt)… sau khi thấu triệt rằng: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

Về mọi phương diện: Là tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, từ "*sabbaso*" này là lối nói của sự bao gồm.

Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt)… Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)… Các điều này được gọi là ô nhiễm dục.

"Sau khi thấu suốt các dục về mọi phương diện" là như thế.

Nên học tập về sự diệt tắt cho bản thân.

Học tập: Có ba sự học tập: Học tập về thắng giới, học tập về thắng tâm, học tập về thắng tuệ. ... (nt)… việc này là sự học tập về thắng tuệ.

Sự diệt tắt cho bản thân: Nhằm làm diệt tắt sự luyến ái, nhằm làm diệt tắt sự sân hận, nhằm làm diệt tắt sự si mê,… (nt)… nhằm yên lặng, nhằm yên tịnh, nhằm vắng lặng, nhằm làm diệt tắt, nhằm buông bỏ, nhằm tịch tịnh tất cả các pháp tạo tác bất thiện của bản thân, nên học tập về thắng giới, nên học tập về thắng tâm, nên học tập về thắng tuệ.

---

[3] Nên thêm vào "các thinh được nhận thức bởi tai… (như trên)… các hương được nhận thức bởi mũi, các vị được nhận thức bởi lưỡi, các xúc được nhận thức bởi thân là đáng mong, đáng muốn, đáng mến, đáng yêu, liên hệ đến dục, gợi tình" như ở văn bản Miến Điện. Các văn bản Sri Lanka, Thái Lan, PTS của Anh quốc chỉ đơn giản như đã được trình bày ở trên. (ND)

Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này thì nên học tập; trong khi biết thì nên học tập;... (nt)... trong khi chứng ngộ pháp cần được chứng ngộ thì nên học tập, nên hành xử, nên hành theo, nên thọ trì và vận dụng.

"Nên học tập về sự diệt tắt cho bản thân" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Ở nơi ấy, các môn học tập được truyền tụng,
Những sự trói buộc nào ở thế gian,
Thì không nên quan tâm đến chúng.
Sau khi thấu suốt các dục về mọi phương diện,
Nên học tập về sự diệt tắt cho bản thân."

15.7. *Nên chân thật, không xấc xược, không xảo trá, việc nói đâm thọc không còn nữa, không giận dữ, bậc Hiền trí có thể vượt khỏi hẳn sự xấu xa của tham [và] sự keo kiệt.*

Nên chân thật, không xấc xược.

Nên chân thật: Nên là người thành tựu lời nói chân thật, nên là người thành tựu chánh kiến, nên là người thành tựu đạo lộ Thánh thiện tám chi phần. "Nên chân thật" là như thế.

Không xấc xược: Có ba sự xấc xược: Xấc xược bằng thân, xấc xược bằng khẩu, xấc xược bằng ý. ... (nt)... Đây là sự xấc xược bằng ý. Đối với người nào, ba sự xấc xược này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, người ấy được gọi là không xấc xược. "Không xấc xược" là như thế.

"Nên chân thật, không xấc xược" là như thế.

Không xảo trá, việc nói đâm thọc không còn nữa.

Xảo trá: Nói đến hành vi tráo trở. Ở đây một người nào đó sau khi làm uế hạnh bằng thân, sau khi làm uế hạnh bằng lời nói, sau khi làm uế hạnh bằng ý, vì nguyên nhân che đậy việc ấy, định liệu ước muốn xấu xa. [Người ấy] ước muốn rằng: "Chớ ai biết về tôi", tư duy rằng: "Chớ ai biết về tôi", nói lời rằng: "Chớ ai biết về tôi", nỗ lực bằng thân rằng: "Chớ ai biết về tôi." Việc xảo trá nào có hình thức như vậy là trạng thái xảo trá, sự cố tình không nhớ, sự tráo trở, gian lận, thay đổi, tránh né, cất giấu, che giấu, che đậy, che lấp, không phơi bày, không làm rõ, khéo che đậy, việc làm ác; điều này được gọi là xảo trá. Đối với người nào, sự xảo trá này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, người ấy được gọi là không xảo trá.

Việc nói đâm thọc không còn nữa.

Việc nói đâm thọc: Ở đây, một người nào đó có lời nói đâm thọc:... (nt)... đem lại việc nói đâm thọc vì ý định chia rẽ nghĩa là như vậy. Đối với người nào,

việc nói đâm thọc này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; người ấy được gọi là người có việc nói đâm thọc đã được trống vắng, có việc nói đâm thọc đã được tách biệt, có việc nói đâm thọc đã được tách rời.

"Không xảo trá, việc nói đâm thọc không còn nữa" là như thế.

Không giận dữ, bậc Hiền trí có thể vượt khỏi hẳn sự xấu xa của tham [và] sự keo kiệt: Bởi vì "không giận dữ" đã được nói đến thì sự giận dữ cũng nên được nói đến. Sự giận dữ sanh lên theo mười biểu hiện, [nghĩ rằng:] "Nó đã làm điều bất lợi cho ta", giận dữ sanh khởi;… (nt)… Đối với người nào, sự giận dữ ấy đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; người ấy được gọi là có sự "không giận dữ." Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự giận dữ thì có sự "không giận dữ." Do trạng thái đã biết toàn diện về nền tảng của sự giận dữ thì có sự "không giận dữ." Do trạng thái đã chặt đứt nhân của sự giận dữ thì có sự "không giận dữ."

Tham: Sự tham lam, biểu hiện tham lam, trạng thái tham lam,… (nt)… tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Sự keo kiệt: Nói đến năm loại bỏn xẻn: Bỏn xẻn về chỗ ở,… (nt)… sự nắm lấy được gọi là bỏn xẻn.

Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí,… (nt)… đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là hiền trí.

Không giận dữ, bậc Hiền trí có thể vượt khỏi hẳn sự xấu xa của tham [và] sự keo kiệt: Bậc Hiền trí đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt khỏi, đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi sự xấu xa của tham và sự keo kiệt.

"Không giận dữ, bậc Hiền trí có thể vượt khỏi hẳn sự xấu xa của tham [và] sự keo kiệt" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Nên chân thật, không xấc xược, không xảo trá, việc nói đâm thọc không còn nữa, không giận dữ, bậc Hiền trí có thể vượt khỏi hẳn sự xấu xa của tham [và] sự keo kiệt."

15.8. *Người có tâm ý hướng Niết-bàn nên khắc phục trạng thái ngủ gà ngủ gật, sự uể oải, sự dã dượi, không nên cộng trú với sự xao lãng, không nên trụ lại ở sự cao ngạo.*

Nên khắc phục trạng thái ngủ gà ngủ gật, sự uể oải, sự dã dượi.

Trạng thái ngủ gà ngủ gật: Là trạng thái không sẵn sàng của thân, trạng thái không thích ứng, sự ngừng lại, sự trì trệ, sự bế tắc ở bên trong, sự buồn ngủ, sự ngủ gục, sự mơ màng, sự ngủ, biểu hiện ngủ, trạng thái ngủ.

Sự uể oải: Là sự uể oải, biểu hiện uể oải, sự mệt mỏi, sự thụ động, sự lờ đờ, biểu hiện lờ đờ, trạng thái lờ đờ.

Sự dã dượi: Là trạng thái không sẵn sàng của tâm, trạng thái không thích ứng, sự chây lười, sự biếng nhác, sự lười biếng, biểu hiện lười biếng, trạng thái lười biếng, sự dã dượi, biểu hiện dã dượi, trạng thái dã dượi của tâm.

Nên khắc phục trạng thái ngủ gà ngủ gật, sự uể oải, sự dã dượi: Nên khắc phục, nên khắc chế, nên áp chế, nên ngự trị, nên đè bẹp, nên trấn áp, nên chà đạp trạng thái ngủ gà ngủ gật, sự uể oải và sự dã dượi.

"Nên khắc phục trạng thái ngủ gà ngủ gật, sự uể oải, sự dã dượi" là như thế.

Không nên cộng trú với sự xao lãng.

Sự xao lãng cần được nói đến: Là sự buông thả hoặc sự buông xuôi trong việc buông thả của tâm ở uế hạnh về thân, ở uế hạnh về khẩu, ở uế hạnh về ý, hoặc ở năm loại dục, hoặc là trạng thái thực hành không nghiêm trang, trạng thái thực hành không liên tục, trạng thái thực hành không ổn định, có thói quen biếng nhác, trạng thái buông bỏ mong muốn, trạng thái buông bỏ bổn phận, sự không tập luyện, sự không tu tập, sự không làm thường xuyên, sự không quyết tâm, sự không chuyên cần, sự xao lãng trong việc tu tập các thiện pháp; sự xao lãng nào có hình thức như vậy là biểu hiện xao lãng, trạng thái xao lãng; việc này được gọi là sự xao lãng.

Không nên cộng trú với sự xao lãng: Không nên trú, không nên cộng trú, không nên cư trú, không nên lưu trú với sự xao lãng; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu sự xao lãng; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với sự xao lãng, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

"Không nên cộng trú với sự xao lãng" là như thế.

Không nên trụ lại ở sự cao ngạo.

Sự cao ngạo: Ở đây, một người nào đó khinh khi người khác theo sự sanh ra, hoặc theo dòng họ,... (nt)... hoặc theo sự việc này khác. Ngã mạn nào có hình thức như vậy là biểu hiện của ngã mạn, trạng thái của ngã mạn, sự kiêu hãnh, sự hãnh diện, sự giương lên [như ngọn cờ], sự tự nâng lên, sự mong muốn nổi bật của tâm; điều này được gọi là cao ngạo.

Không nên trụ lại ở sự cao ngạo: Không nên trụ lại, không nên trụ vững trong sự cao ngạo; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu sự cao ngạo; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với sự cao ngạo, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

"Không nên trụ lại ở sự cao ngạo" là như thế.

Người có tâm ý hướng Niết-bàn: Ở đây, một người nào đó trong khi bố thí vật thí, trong khi thọ trì giới, trong khi thực hành trai giới, trong khi xếp đặt nước uống nước rửa, trong khi quét dọn phòng ốc, trong khi đảnh lễ bảo tháp, trong khi treo hương thơm và vòng hoa ở bảo điện, trong khi nhiễu quanh bảo điện, trong khi tạo tác bất cứ pháp tạo tác thiện nào liên quan đến tam giới,

không vì nguyên nhân là cảnh giới tái sanh, không vì nguyên nhân là sự tái sanh, không vì nguyên nhân là sự nối liền tái sanh, không vì nguyên nhân là sự hiện hữu, không vì nguyên nhân là sự luân hồi, không vì nguyên nhân là sự xoay vần, tạo tác mọi việc ấy với ý nghĩa lìa khỏi sự ràng buộc, nghiêng về Niết-bàn, chiều theo Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn; người có tâm ý hướng Niết-bàn là như vậy. Hoặc là, sau khi đưa tâm ra khỏi nhân tố của tất cả các pháp tạo tác, [vị ấy] đem tâm vào nhân tố bất tử [biết rằng]: "Cái này là an tịnh, cái này là hảo hạng, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn." Người có tâm ý hướng Niết-bàn còn là như vậy.

1. *"Các bậc sáng suốt không bố thí các vật thí vì nguyên nhân an lạc ở sự tiếp nối tái sanh để sanh ra lần nữa, nhưng các vị ấy tự nguyện bố thí các vật thí vì sự cạn kiệt hoàn toàn các mầm tái sanh để không sanh ra lần nữa.*

2. *Các bậc sáng suốt không tu tập các tầng thiền vì nguyên nhân an lạc ở sự tiếp nối tái sanh để sanh ra lần nữa, nhưng các vị ấy tự nguyện tu tập các tầng thiền vì sự cạn kiệt hoàn toàn các mầm tái sanh để không sanh ra lần nữa.*

3. *Trong khi mong mỏi sự tịch diệt, các vị ấy bố thí với tâm nghiêng theo điều ấy, hướng đến điều ấy. Giống như các con sông tiến đến gần biển cả, các vị ấy có Niết-bàn là mục tiêu chính yếu."*

"Người có tâm ý hướng Niết-bàn" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Người có tâm ý hướng Niết-bàn nên khắc phục trạng thái ngủ gà ngủ gật, sự uể oải, sự dã dượi, không nên cộng trú với sự xao lãng, không nên trụ lại ở sự cao ngạo."

15.9. *Không nên bị lôi kéo vào việc nói lời dối trá,*
Không nên tạo ra sự yêu mến ở sắc,
Và nên biết toàn diện về ngã mạn,
Nên hành xử tránh xa sự vội vàng.

Không nên bị lôi kéo vào việc nói lời dối trá: Việc nói lời dối trá đề cập đến việc nói dối. Ở đây, một người nào đó đi đến hiệp hội, hoặc đi đến tập thể, hoặc đi đến giữa thân quyến, hoặc đi đến giữa đoàn thể, hoặc đi đến giữa các vương tộc, rồi bị mời đến, bị hỏi cung rằng: "Thưa ông, hãy đến. Ông biết điều nào thì ông hãy nói điều ấy." Kẻ ấy trong khi không biết đã nói là: "Tôi biết", hoặc biết đã nói là: "Tôi không biết", hoặc không thấy đã nói là: "Tôi thấy", hoặc thấy đã nói là: "Tôi không thấy." Như thế, vì nguyên nhân bản thân, hoặc vì nguyên nhân người khác, hoặc vì nguyên nhân tài sản, hoặc vì nguyên nhân vật chất nhỏ nhen rồi cố tình nói dối; việc này được gọi là việc nói lời dối trá. Thêm nữa, việc nói dối là với ba yếu tố, với bốn yếu tố, với năm yếu tố, với sáu yếu tố, với bảy yếu tố, với tám yếu tố... (nt)... việc nói dối là với tám yếu tố này.

Không nên bị lôi kéo vào việc nói lời dối trá: Không nên bị đưa đi, không nên bị dẫn đi, không nên bị lôi đi, không nên bị mang đi trong việc nói lời dối trá; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu việc nói lời dối trá; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với việc nói lời dối trá, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

"Không nên bị lôi kéo vào việc nói lời dối trá" là như thế.

Không nên tạo ra sự yêu mến ở sắc.

Sắc: Là bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió], và sắc liên quan đến bốn yếu tố chính.

Không nên tạo ra sự yêu mến ở sắc: Không nên tạo ra sự yêu mến ở sắc, không nên tạo ra sự mong muốn ở sắc, không nên tạo ra sự yêu thương ở sắc, không nên tạo ra sự luyến ái ở sắc, không nên làm sanh ra, không nên làm sanh khởi, không nên làm hạ sanh, không nên làm phát sanh.

"Không nên tạo ra sự yêu mến ở sắc" là như thế.

Và nên biết toàn diện về ngã mạn.

Ngã mạn: Ngã mạn theo một loại: Là sự kiêu hãnh của tâm. Ngã mạn theo hai loại: Ngã mạn do tâng bốc bản thân và ngã mạn do khinh bỉ người khác. Ngã mạn theo ba loại, [nghĩ rằng:] "Ta là tốt hơn" là ngã mạn, [nghĩ rằng:] "Ta là ngang bằng" là ngã mạn, [nghĩ rằng:] "Ta là thua kém" là ngã mạn. Ngã mạn theo bốn loại: Do lợi lộc rồi sanh khởi ngã mạn, do danh vọng rồi sanh khởi ngã mạn, do khen ngợi rồi sanh khởi ngã mạn, do sung sướng rồi sanh khởi ngã mạn. Ngã mạn theo năm loại, [nghĩ rằng:] "Ta đạt được các sắc hợp ý" rồi sanh khởi ngã mạn, [nghĩ rằng:] "Ta đạt được các thinh, các hương, các vị, các xúc hợp ý" rồi sanh khởi ngã mạn. Ngã mạn theo sáu loại: Do sự thành tựu của mắt rồi sanh khởi ngã mạn, do sự thành tựu của tai... do sự thành tựu của mũi... do sự thành tựu của lưỡi... do sự thành tựu của thân... do sự thành tựu của ý rồi sanh khởi ngã mạn. Ngã mạn theo bảy loại: Ngã mạn, cao ngạo, cao ngạo dựa trên ngã mạn, tự ti, tăng thượng mạn, ngã mạn về bản thân, ngã mạn do hiểu biết sai trái. Ngã mạn theo tám loại: Do lợi lộc rồi sanh khởi ngã mạn, do không có lợi lộc rồi sanh khởi tự ti; do danh vọng rồi sanh khởi ngã mạn, do không có danh vọng rồi sanh khởi tự ti; do lời khen rồi sanh khởi ngã mạn, do lời chê rồi sanh khởi tự ti; do sung sướng rồi sanh khởi ngã mạn, do đau khổ rồi sanh khởi tự ti. Ngã mạn theo chín loại, [nghĩ rằng:] "Ta là tốt hơn so với người tốt hơn" là ngã mạn, "ta là ngang bằng so với người tốt hơn" là ngã mạn, "ta là thua kém so với người tốt hơn" là ngã mạn, "ta là tốt hơn so với người ngang bằng" là ngã mạn, "ta là ngang bằng so với người ngang bằng" là ngã mạn, "ta là thua kém so với người ngang bằng" là ngã mạn, "ta là tốt hơn so với người thua kém" là ngã mạn, "ta là ngang bằng so với người thua kém" là ngã mạn, "ta là thua kém so với người thua kém" là ngã mạn. Ngã mạn theo mười loại: Ở đây một người nào đó sanh khởi ngã mạn về xuất thân, hoặc về dòng dõi,...

(nt)... hoặc về sự việc này khác. Ngã mạn nào có hình thức như vậy là biểu hiện của ngã mạn, trạng thái của ngã mạn, sự kiêu hãnh, sự hãnh diện, sự giương lên [như ngọn cờ], sự tự nâng lên, sự mong muốn nổi bật của tâm, điều này được gọi là ngã mạn.

Và nên biết toàn diện về ngã mạn: Nên biết toàn diện về ngã mạn với ba trường hợp biết toàn diện: Biết toàn diện về điều đã được biết, biết toàn diện về sự xét đoán, biết toàn diện về sự dứt bỏ.

Biết toàn diện về điều đã được biết là những gì? Biết về ngã mạn: Biết rằng, thấy rằng: "Cái này là ngã mạn theo một loại: Là sự kiêu hãnh của tâm. Cái này là ngã mạn theo hai loại: Ngã mạn do tâng bốc bản thân và ngã mạn do khinh bỉ người khác. ... (nt)... Cái này là ngã mạn theo mười loại: Ở đây, một người nào đó sanh khởi ngã mạn về xuất thân, hoặc về dòng dõi,... (nt)... hoặc về sự việc này khác"; điều này là sự biết toàn diện về điều đã được biết.

Biết toàn diện về sự xét đoán là những gì? Sau khi thực hiện điều đã được biết như thế thì xét đoán về ngã mạn: Xét đoán là vô thường, là khổ,... (nt)... là không phải sự thoát ra;[4] điều này là sự biết toàn diện về sự xét đoán.

Biết toàn diện về sự dứt bỏ là những gì? Sau khi xét đoán như vậy thì dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu ngã mạn; điều này là sự biết toàn diện về sự dứt bỏ.

Và nên biết toàn diện về ngã mạn: Nên biết toàn diện về ngã mạn với ba trường hợp biết toàn diện này.

"Và nên biết toàn diện về ngã mạn" là như thế.

Nên hành xử tránh xa sự vội vàng: Hành vi vội vàng là việc nào? Hành vi luyến ái của kẻ bị luyến ái là hành vi vội vàng, hành vi sân hận của kẻ bị sân hận là hành vi vội vàng, hành vi si mê của kẻ bị si mê là hành vi vội vàng, hành vi ngã mạn của kẻ bị trói buộc là hành vi vội vàng, hành vi tà kiến của kẻ bị bám víu là hành vi vội vàng, hành vi phóng dật của kẻ bị tán loạn là hành vi vội vàng, hành vi hoài nghi của kẻ không dứt khoát là hành vi vội vàng, hành vi tiềm ẩn của kẻ cứng cỏi là hành vi vội vàng; việc này là hành vi vội vàng.

Nên hành xử tránh xa sự vội vàng: Nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với hành vi vội vàng, nên an trú, nên thực hành, nên cư xử, nên sinh hoạt, nên vận hành, nên bảo hộ, nên hộ trì, nên bảo dưỡng với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

"Nên hành xử tránh xa sự vội vàng" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Không nên bị lôi kéo vào việc nói lời dối trá,
Không nên tạo ra sự yêu mến ở sắc,
Và nên biết toàn diện về ngã mạn,
Nên hành xử tránh xa sự vội vàng."

---
[4] Văn bản Miến Điện và PTS ghi "*nissaraṇato* là sự thoát ra." (ND)

15.10. *Không nên thích thú cái cũ [ngũ uẩn quá khứ],*
Không nên tạo ra sự chấp nhận cái mới [ngũ uẩn hiện tại],
Trong khi [cái gì] đang bị tiêu hoại,
Không nên sầu muộn,
Không nên phụ thuộc vào sự lôi cuốn.

Không nên thích thú cái cũ [ngũ uẩn quá khứ].

Cái cũ: Nói đến các sắc-thọ-tưởng-hành-thức thuộc quá khứ. Không nên thích thú, không nên tán thưởng, không nên bám chặt các hành thuộc quá khứ do tác động của tham ái, do tác động của tà kiến; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu sự thích thú, sự tán thưởng, sự bám chặt, sự nắm lấy, sự bám víu, sự chấp chặt.

"Không nên thích thú cái cũ [ngũ uẩn quá khứ]" là như thế.

Không nên tạo ra sự chấp nhận cái mới [ngũ uẩn hiện tại].

Cái mới: Nói đến các sắc-thọ-tưởng-hành-thức thuộc hiện tại. Không nên tạo ra sự chấp nhận, không nên tạo ra sự mong muốn, không nên tạo ra sự yêu thương, không nên tạo ra sự luyến ái, không nên làm sanh ra, không nên làm sanh khởi, không nên làm hạ sanh, không nên làm phát sanh các hành thuộc hiện tại do tác động của tham ái, do tác động của tà kiến.

"Không nên tạo ra sự chấp nhận cái mới [ngũ uẩn hiện tại]" là như thế.

Trong khi [cái gì] đang bị tiêu hoại, không nên sầu muộn: Trong khi [cái gì] đang bị tiêu hoại, đang bị giảm thiểu, đang bị suy giảm, không còn hiện hữu, đang bị đi mất, đang bị biến mất, thì không nên sầu muộn, không nên mệt mỏi, không nên bám víu, không nên than vãn, không nên đấm ngực khóc lóc, không nên đi đến sự mê muội. Trong khi mắt đang bị tiêu hoại, đang bị giảm thiểu, đang bị suy giảm, không còn hiện hữu, đang bị đi mất, đang bị biến mất,... trong khi tai... mũi... lưỡi... thân... sắc... thinh... hương... vị... xúc... gia tộc... đồ chúng... chỗ ngụ... lợi lộc... danh vọng... lời khen... hạnh phúc... y phục... đồ ăn khất thực... chỗ nằm ngồi... vật dụng là thuốc men chữa bệnh đang bị tiêu hoại, đang bị giảm thiểu, đang bị suy giảm, không còn hiện hữu, đang bị đi mất, đang bị biến mất thì không nên sầu muộn, không nên mệt mỏi, không nên bám víu, không nên than vãn, không nên đấm ngực khóc lóc, không nên đi đến sự mê muội.

"Trong khi [cái gì] đang bị tiêu hoại, không nên sầu muộn" là như thế.

Không nên phụ thuộc vào sự lôi cuốn.

Sự lôi cuốn: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Vì lý do gì mà lôi cuốn được gọi là tham ái? Do tham ái, [chúng sanh] lôi kéo, lôi theo, nắm lấy, bám víu, chấp chặt vào sắc, [chúng sanh] lôi kéo, lôi theo, nắm lấy, bám víu, chấp chặt vào thọ... tưởng... các hành... thức... cảnh giới tái sanh... sự tái sanh... sự nối liền tái sanh... sự hiện hữu... sự luân hồi... sự luân chuyển; vì lý do ấy mà lôi cuốn được gọi là tham ái.

Không nên phụ thuộc vào sự lôi cuốn: Không nên nương tựa tham ái, nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu tham ái; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với tham ái, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

"Không nên phụ thuộc vào sự lôi cuốn" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Không nên thích thú cái cũ [ngũ uẩn quá khứ],
Không nên tạo ra sự chấp nhận cái mới [ngũ uẩn hiện tại],
Trong khi [cái gì] đang bị tiêu hoại, không nên sầu muộn,
Không nên phụ thuộc vào sự lôi cuốn."

15.11. *Ta nói thèm khát là "dòng lũ lớn",*
Ta nói tham muốn là dòng nước mạnh,
[Sự bám vào] đối tượng là sự chấn động,
Dục là bãi lầy khó vượt qua được.

Ta nói thèm khát là "dòng lũ lớn": Thèm khát nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,… (nt)… tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Dòng lũ lớn nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,… (nt)… tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Ta nói thèm khát là "dòng lũ lớn": Ta nói về, Ta nêu ra, Ta chỉ bảo, Ta thông báo, Ta ấn định, Ta khai mở, Ta chia sẻ, Ta làm rõ, Ta bày tỏ rằng: "Thèm khát là 'dòng lũ lớn.'"

"Ta nói thèm khát là 'dòng lũ lớn'" là như thế.

Ta nói tham muốn là dòng nước mạnh: Dòng nước mạnh nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,… (nt)… tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Tham muốn nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,… (nt)… tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Ta nói tham muốn là dòng nước mạnh: Ta nói về, Ta nêu ra,… (nt)… Ta làm rõ, Ta bày tỏ rằng: "Tham muốn là dòng nước mạnh."

"Ta nói tham muốn là dòng nước mạnh" là như thế.

[Sự bám vào] đối tượng là sự chấn động: [Sự bám vào] đối tượng nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,… (nt)… tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Sự chấn động nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,… (nt)… tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

"[Sự bám vào] đối tượng là sự chấn động" là như thế.

Dục là bãi lầy khó vượt qua được: Dục là bãi lầy, dục là vũng bùn, dục là ô nhiễm, dục là đầm lầy, dục là sự vướng bận khó vượt qua, khó vượt trội, khó vượt lên, khó vượt khỏi, khó vượt qua hẳn, khó vượt qua khỏi.

"Dục là bãi lầy khó vượt qua được" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Ta nói thèm khát là 'dòng lũ lớn', Ta nói tham muốn là dòng nước mạnh, [sự bám vào] đối tượng là sự chấn động, dục là bãi lầy khó vượt qua được."

15.12. *Trong khi không chệch khỏi sự thật, bậc Hiền trí, vị Bà-la-môn, đứng ở đất liền. Vị ấy sau khi buông bỏ tất cả, vị ấy quả thật được gọi là "bậc An tịnh."*

Trong khi không chệch khỏi sự thật, bậc Hiền trí: Trong khi không chệch khỏi lời nói chân thật, trong khi không chệch khỏi chánh kiến, trong khi không chệch khỏi đạo lộ Thánh thiện tám chi phần.

Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí,... (nt)... đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là hiền trí.

"Trong khi không chệch khỏi sự thật, bậc Hiền trí" là như thế.

Vị Bà-la-môn, đứng ở đất liền: Đất liền nói đến bất tử, Niết-bàn, là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn.

Vị Bà-la-môn: Bà-la-môn do trạng thái đã loại trừ bảy pháp:... (nt)... Không nương nhờ, tự tại, vị ấy được gọi là Bà-la-môn.

Vị Bà-la-môn, đứng ở đất liền: Đứng ở đất liền là đứng ở hòn đảo, đứng ở nơi nương náu, đứng ở nơi trú ẩn, đứng ở nơi nương nhờ, đứng ở nơi không sợ hãi, đứng ở bất hoại, đứng ở bất tử, đứng ở Niết-bàn.

"Vị Bà-la-môn, đứng ở đất liền" là như thế.

Vị ấy sau khi buông bỏ tất cả: Tất cả nói đến mười hai xứ: Mắt và các sắc, tai và các thinh,... (nt)... ý và các pháp. Khi nào sự mong muốn và luyến ái ở các xứ thuộc nội phần và ngoại phần được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai, cho đến như thế thì tất cả là đã được từ bỏ, đã được tẩy trừ, đã được giải thoát, đã được dứt bỏ, đã được buông bỏ. Khi nào tham ái, tà kiến và ngã mạn được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai, cho đến như thế thì tất cả là đã được từ bỏ, đã được tẩy trừ, đã được giải thoát, đã được dứt bỏ, đã được buông bỏ. Khi nào phúc hành, phi phúc hành và bất động hành được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai, cho đến như thế thì tất cả là đã được từ bỏ, đã được tẩy trừ, đã được giải thoát, đã được dứt bỏ, đã được buông bỏ.

"Vị ấy sau khi buông bỏ tất cả" là như thế.

Vị ấy quả thật được gọi là "bậc An tịnh": Vị ấy được gọi, được thuyết, được phát ngôn, được giảng giải, được diễn tả là "bậc An tịnh, bậc Yên tịnh, bậc Vắng lặng, bậc Tịch diệt, bậc Tịch tịnh."

"Vị ấy quả thật được gọi là bậc 'An tịnh'" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Trong khi không chệch khỏi sự thật, bậc Hiền trí, vị Bà-la-môn, đứng ở đất liền. Vị ấy sau khi buông bỏ tất cả, vị ấy quả thật được gọi là 'bậc An tịnh'."

15.13. *Quả thật, vị ấy là bậc đã hiểu biết, vị ấy là bậc đã đạt được sự thông hiểu; sau khi biết được giáo pháp, vị ấy không nương tựa [vào tham ái và tà kiến]. Vị ấy, trong khi cư xử chân chánh ở thế gian, không mong cầu đối với bất cứ người nào ở nơi đây.*

Quả thật, vị ấy là bậc đã hiểu biết, vị ấy là bậc đã đạt được sự thông hiểu.

Bậc đã hiểu biết: Bậc đã hiểu biết là vị đã đạt đến kiến thức, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh.

Bậc đã đạt được sự thông hiểu: Sự thông hiểu nói đến trí ở bốn đạo,... (nt)... đã xa lìa sự luyến ái đối với tất cả các cảm thọ, sau khi đã vượt qua mọi hiểu biết, vị ấy là bậc đã đạt được sự thông hiểu.

"Quả thật, vị ấy là bậc đã hiểu biết, vị ấy là bậc đã đạt được sự thông hiểu" là như thế.

Sau khi biết được giáo pháp, vị ấy không nương tựa [vào tham ái và tà kiến].

Sau khi biết: Là sau khi nhận biết, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt. Sau khi nhận biết, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: "Tất cả các hành là vô thường"; sau khi nhận biết, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: "Tất cả các hành là khổ";... (nt)... "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

Không nương tựa: Có hai sự nương tựa: Sự nương tựa vào tham ái và sự nương tựa vào tà kiến. ... (nt)... điều này là sự nương tựa vào tham ái. ... (nt)... điều này là sự nương tựa vào tà kiến. Sau khi dứt bỏ sự nương tựa vào tham ái, sau khi buông bỏ sự nương tựa vào tà kiến, không nương tựa vào mắt,... không nương tựa vào tai,... không nương tựa vào mũi,... (nt)... không nương tựa vào các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, không bám vào, không đến gần, không bám chặt, không hướng đến, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

"Sau khi biết được giáo pháp, vị ấy không nương tựa [vào tham ái và tà kiến]" là như thế.

Vị ấy, trong khi cư xử chân chánh ở thế gian: Khi nào sự mong muốn và luyến ái ở các xứ thuộc nội phần và ngoại phần được dứt bỏ, có rễ đã được cắt

lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai; cho đến như thế [vị ấy] sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng chân chánh ở thế gian. Khi nào phúc hành, phi phúc hành và bất động hành[5] được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai; cho đến như thế [vị ấy] sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng chân chánh ở thế gian.

"Vị ấy, trong khi cư xử chân chánh ở thế gian" là như thế.

Không mong cầu đối với bất cứ người nào ở nơi đây: Mong cầu nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với vị nào, sự mong cầu tham ái này là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vị ấy không mong cầu đối với bất cứ vị Sát-đế-ly, hoặc vị Bà-la-môn, hoặc thương buôn, hoặc kẻ nô lệ, hoặc người tại gia, hoặc vị xuất gia, hoặc vị trời, hoặc người nhân loại nào ở nơi đây.

"Không mong cầu đối với bất cứ người nào ở nơi đây" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Quả thật, vị ấy là bậc đã hiểu biết, vị ấy là bậc đã đạt được sự thông hiểu; sau khi biết được giáo pháp, vị ấy không nương tựa [vào tham ái và tà kiến]. Vị ấy, trong khi cư xử chân chánh ở thế gian, không mong cầu đối với bất cứ người nào ở nơi đây."

15.14. *Ở đây, vị nào vượt qua các dục,*
Sự quyến luyến ở thế gian khó vượt qua được,
Vị ấy không sầu muộn, không ưu tư,
Có dòng chảy đã được cắt đứt, không còn sự trói buộc.

Ở đây, vị nào vượt qua các dục, sự quyến luyến ở thế gian khó vượt qua được.

Vị nào: Vị nào là người như thế, được gắn bó như thế, được định đặt như thế, có biểu hiện như thế, đã đạt đến địa vị ấy, đã thành tựu phẩm chất ấy, hoặc là vị Sát-đế-ly, hoặc là vị Bà-la-môn, hoặc là thương nhân, hoặc là kẻ nô lệ, hoặc là người tại gia, hoặc là vị xuất gia, hoặc là vị thiên nhân, hoặc là người nhân loại.

Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ...(nt)... Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là ô nhiễm dục.

Sự quyến luyến: Có bảy sự quyến luyến: Quyến luyến do luyến ái, quyến luyến do sân hận, quyến luyến do si mê, quyến luyến do ngã mạn, quyến luyến do tà kiến, quyến luyến do ô nhiễm, quyến luyến do uế hạnh.

---

[5] Xem chú thích về "phúc hành, phi phúc hành, bất động hành" ở trang 77. (ND)

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ.

Sự quyến luyến ở thế gian khó vượt qua được: Vị nào đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt khỏi, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi các dục và các sự quyến luyến ở thế gian [là các pháp] khó vượt qua, khó vượt trội, khó vượt lên, khó vượt khỏi, khó vượt qua hẳn, khó vượt qua khỏi.

"Ở đây, vị nào vượt qua các dục, sự quyến luyến ở thế gian khó vượt qua được" là như thế.

Vị ấy không sầu muộn, không ưu tư: [Vị ấy] không sầu muộn về vật đã bị biến đổi; không sầu muộn khi vật bị biến đổi; [nghĩ rằng:] "Mắt của ta bị biến đổi" mà không sầu muộn; [nghĩ rằng:] "Tai của ta... "Mũi của ta... "Lưỡi của ta... "Thân của ta... "Các sắc của ta... "Các thinh của ta... "Các hương của ta... "Các vị của ta... "Các xúc của ta... "Gia tộc của ta... "Đồ chúng của ta... "Chỗ ngụ của ta... "Lợi lộc của ta... "Danh vọng của ta... "Lời khen của ta... "Hạnh phúc của ta... "Y phục của ta... "Đồ ăn khất thực của ta... "Chỗ nằm ngồi của ta... "Vật dụng là thuốc men chữa bệnh của ta... "Mẹ của ta... "Cha của ta... "Anh [em] trai của ta... "Chị [em] gái của ta... "Con trai của ta... "Con gái của ta... "Bạn bè của ta... "Thân hữu của ta... "Thân quyến của ta... "Những người cùng huyết thống của ta bị biến đổi" mà không sầu muộn, không mệt mỏi, không than vãn, không đấm ngực khóc lóc, không đi đến sự mê muội. "Không sầu muộn" là như thế.

Không ưu tư: Không ưu tư là không có ưu tư, không nhận xét, không suy xét, không suy gẫm; hoặc là không bị sanh, không bị già, không bị chết, không từ trần, không sanh ra; "không ưu tư" là như thế.

"Vị ấy không sầu muộn, không ưu tư" là như thế.

Có dòng chảy đã được cắt đứt, không còn sự trói buộc: Dòng chảy nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với vị nào, dòng chảy tham ái ấy đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt,... (nt)... đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vị ấy được gọi là có dòng chảy đã được cắt đứt.

Không còn sự trói buộc: Là sự trói buộc của luyến ái, sự trói buộc của sân hận, sự trói buộc của si mê, sự trói buộc của ngã mạn, sự trói buộc của tà kiến, sự trói buộc của ô nhiễm, sự trói buộc của uế hạnh. Đối với vị nào, các sự trói buộc này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt,... (nt)... đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; vị ấy được gọi là không còn sự trói buộc.

"Có dòng chảy đã được cắt đứt, không còn sự trói buộc" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Ở đây, vị nào vượt qua các dục,
Sự quyến luyến ở thế gian khó vượt qua được,
Vị ấy không sầu muộn, không ưu tư,
Có dòng chảy đã được cắt đứt, không còn sự trói buộc."

15.15. *Điều nào trước đây [quá khứ], ngươi hãy làm khô héo điều ấy.*
Chớ có sự vướng bận sanh khởi đến ngươi sau này [vị lai].
Nếu ngươi không nắm lấy [điều gì] ở khoảng giữa [hiện tại],
Ngươi sẽ sống, được yên tịnh.

Điều nào trước đây [quá khứ], ngươi hãy làm khô héo điều ấy: "Những ô nhiễm nào sanh lên liên quan đến các pháp tạo tác thuộc quá khứ, ngươi hãy làm khô cạn, hãy làm khô héo, hãy làm khô ráo, hãy làm khô queo, hãy làm không còn mầm giống, hãy dứt bỏ, hãy xua đi, hãy làm chấm dứt, hãy làm cho không còn hiện hữu các ô nhiễm ấy." "Điều nào trước đây [quá khứ], ngươi hãy làm khô héo điều ấy" là như vậy. Hoặc là, "các pháp tạo tác là các nghiệp thuộc quá khứ chưa chín muồi, hoặc đã trổ quả, ngươi hãy làm khô cạn, hãy làm khô héo, hãy làm khô ráo, hãy làm khô queo, hãy làm không còn mầm giống, hãy dứt bỏ, hãy xua đi, hãy làm chấm dứt, hãy làm cho không còn hiện hữu các pháp tạo tác là các nghiệp ấy."

"Điều nào trước đây [quá khứ], ngươi hãy làm khô héo điều ấy" còn là như vậy.

Chớ có điều vướng bận sanh khởi đến ngươi sau này [vị lai]: "Sau này là nói đến thời vị lai. Những điều [vướng bận] nào sanh lên liên quan đến các pháp tạo tác thuộc vị lai: Luyến ái là vướng bận, sân hận là vướng bận, si mê là vướng bận, ngã mạn là vướng bận, tà kiến là vướng bận, ô nhiễm là vướng bận, uế hạnh là vướng bận, mong rằng những điều vướng bận này chớ sanh khởi, chớ xuất hiện đến ngươi; ngươi chớ làm sanh ra, chớ làm sanh khởi, chớ làm hạ sanh, chớ làm phát sanh, ngươi hãy dứt bỏ, hãy xua đi, hãy làm chấm dứt, hãy làm cho không còn hiện hữu những điều vướng bận này."

"Chớ có điều vướng bận sanh khởi đến ngươi sau này [vị lai]" là như thế.

Nếu ngươi không nắm lấy [điều gì] ở khoảng giữa [hiện tại]: "Khoảng giữa nói đến các sắc, thọ, tưởng, hành, thức thuộc hiện tại. Ngươi sẽ không chấp nhận, ngươi sẽ không tiếp thu, ngươi sẽ không nắm lấy, ngươi sẽ không bám víu, ngươi sẽ không tán thưởng, ngươi sẽ không bám chặt các pháp tạo tác thuộc hiện tại do tác động của tham ái, do tác động của tà kiến; ngươi sẽ dứt bỏ, sẽ xua đi, sẽ làm chấm dứt, sẽ làm cho không còn hiện hữu sự thích thú, sự tán thưởng, sự bám chặt, sự nắm lấy, sự bám víu, sự chấp chặt."

"Nếu ngươi không nắm lấy [điều gì] ở khoảng giữa [hiện tại]" là như thế.

Ngươi sẽ sống, được yên tịnh: "Do trạng thái đã được an tịnh, do trạng thái đã được yên lặng, do trạng thái đã được yên tịnh đối với luyến ái, do trạng thái đã được an tịnh, do trạng thái đã được yên lặng, do trạng thái đã được yên tịnh đối với sân hận,… (nt)… do trạng thái đã được an tịnh, do trạng thái đã được yên lặng, do trạng thái đã được yên tịnh, do trạng thái đã được vắng lặng, do trạng thái đã được thiêu hủy, do trạng thái đã được tịch diệt, do trạng thái đã được tách lìa, do trạng thái đã được tịch tịnh đối với tất cả các pháp tạo tác bất thiện, được an tịnh, được yên tịnh, được vắng lặng, được tịch diệt, được tịch

tịnh; ngươi sẽ sống, sẽ trú ngụ, sẽ sinh hoạt, sẽ vận hành, sẽ bảo hộ, sẽ hộ trì, sẽ bảo dưỡng."

"Ngươi sẽ sống, được yên tịnh" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Điều nào trước đây [quá khứ], ngươi hãy làm khô héo điều ấy. Chớ có sự vướng bận sanh khởi đến ngươi sau này [vị lai]. Nếu ngươi không nắm lấy [điều gì] ở khoảng giữa [hiện tại], ngươi sẽ sống, được yên tịnh."

15.16. *Đối với vị nào không có vật đã được chấp là của ta*
Liên quan đến danh và sắc về mọi phương diện,
Và [là vị] không sầu muộn do tình trạng không có,
Vị ấy quả thật không bị thua thiệt ở thế gian.

Đối với vị nào không có vật đã được chấp là của ta liên quan đến danh và sắc về mọi phương diện.

Về mọi phương diện: Là tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, từ "*sabbaso*" này là lối nói của sự bao gồm.

Danh: Bốn nhóm không có sắc.[6]

Sắc: Là bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió] và sắc liên quan đến bốn yếu tố chính.

Đối với vị nào: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Vật đã được chấp là của ta: Có hai trạng thái chấp là của ta: Trạng thái chấp là của ta do tham ái và trạng thái chấp là của ta do tà kiến. ... (nt)… điều này là trạng thái chấp là của ta do tham ái. ... (nt)… điều này là trạng thái chấp là của ta do tà kiến.

Đối với vị nào không có vật đã được chấp là của ta liên quan đến danh và sắc về mọi phương diện: Trạng thái chấp là của ta liên quan đến danh và sắc về mọi phương diện đối với vị nào là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

"Đối với vị nào không có vật đã được chấp là của ta liên quan đến danh và sắc về mọi phương diện" là như thế.

Và [là vị] không sầu muộn do tình trạng không có: [Vị ấy] không sầu muộn về vật đã bị biến đổi; không sầu muộn khi vật bị biến đổi; [nghĩ rằng:] "Mắt của ta bị biến đổi" mà không sầu muộn; [nghĩ rằng:] "Tai của ta… "Mũi của ta… "Lưỡi của ta… "Thân của ta… "Các sắc của ta… "Các thinh của ta… "Các hương của ta… "Các vị của ta… "Các xúc của ta… "Gia tộc của ta… "Đồ chúng của ta… "Chỗ ngụ của ta… "Lợi lộc của ta… (nt)… "Những người cùng huyết thống của ta bị biến đổi" mà không sầu muộn, không mệt mỏi, không

[6] Bốn nhóm không có sắc: Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn. (ND)

than vãn, không đấm ngực khóc lóc, không đi đến sự mê muội. "Và [là vị] không sầu muộn do tình trạng không có" là như vậy. Hoặc là, bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi tình trạng không có, bởi cảm thọ khổ, mà không sầu muộn, không mệt mỏi, không than vãn, không đấm ngực khóc lóc, không đi đến sự mê muội. "Và [là vị] không sầu muộn do tình trạng không có" còn là như vậy. Hoặc là, bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi xúc do bệnh ở mắt... (nt)... bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát, mà không sầu muộn, không mệt mỏi, không than vãn, không đấm ngực khóc lóc, không đi đến sự mê muội. "Và [là vị] không sầu muộn do tình trạng không có" còn là như vậy. Hoặc là, trong khi không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại [nghĩ rằng]: "Quả thật đã có cho ta chăng? Cái ấy quả thật không có cho ta! Quả thật sẽ có cho ta chăng? Quả thật ta không đạt được cái ấy!", mà không sầu muộn, không mệt mỏi, không than vãn, không đấm ngực khóc lóc, không đi đến sự mê muội. "Và [là vị] không sầu muộn do tình trạng không có" còn là như vậy.

Vị ấy quả thật không bị thua thiệt ở thế gian: Đối với vị nào, có bất cứ điều gì liên quan đến sắc, liên quan đến thọ, liên quan đến tưởng, liên quan đến hành, liên quan đến thức đã được nắm lấy, đã được bám víu, đã được chấp chặt, đã được bám chặt, đã được hướng đến [rằng]: "Hoặc là cái này thuộc về tôi, hoặc là cái này thuộc về những người khác", đối với vị ấy, có sự mất mát. Bởi vì, điều này cũng đã được nói đến:

1. *"Khi cỗ xe và ngựa, ngọc ma-ni và bông tai bị mất mát,*
   Khi con và vợ bị mất mát tương tự y như thế,
   Khi tất cả của cải không còn được sử dụng,
   Tại sao Ngài không buồn bực ở thời điểm sầu muộn?
2. *Các của cải rời bỏ con người trước (của cải bị mất mát lúc còn sống),*
   Hoặc con người lìa bỏ các của cải trước (chết không đem theo của cải).
   Này kẻ mong muốn ngũ dục, các của cải không được trường tồn,
   Vì thế, Ta không sầu muộn ở thời điểm sầu muộn.
3. *Mặt trăng mọc lên, tròn dần rồi lại khuyết.*
   Mặt trời sau khi lặn xuống thì biến mất.
   Này Sattuka, các pháp thế gian đã được Ta nhận biết;
   Vì thế, Ta không sầu muộn ở thời điểm sầu muộn."[7]

Đối với vị nào, không có bất cứ điều gì liên quan đến sắc, liên quan đến thọ, liên quan đến tưởng, liên quan đến hành, liên quan đến thức đã được nắm lấy, đã được bám víu, đã được chấp chặt, đã được bám chặt, đã được hướng đến [rằng]: "Hoặc là cái này thuộc về tôi, hoặc là cái này thuộc về những người khác", đối với vị ấy, không có sự mất mát. Bởi vì, điều này cũng đã được nói

[7] *Bổn sanh* "Bông tai ngọc ma-ni" (*Maṇikuṇḍalajātakaṃ*), số 351, *TTPV*, tập 32, trang 207, câu kệ 709, 710. (ND)

đến: "Thưa Sa-môn, Ngài có vui thích không?" "Này Thiên tử, đã đạt được cái gì [mà vui thích]?" "Thưa Sa-môn, vậy thì Ngài có sầu muộn không?" "Này Thiên tử, cái gì bị mất mát [mà phải sầu muộn]?" "Thưa Sa-môn, vậy thì Ngài không vui thích và không sầu muộn?" "Này Thiên tử, đúng vậy."

4. *"Quả thật, sau một thời gian dài, chúng ta nhìn thấy vị Bà-la-môn đã được diệt tắt hoàn toàn, là vị Tỳ-khưu không có vui thích, không có phiền muộn, đã vượt qua sự vướng mắc này ở thế gian."*

"Vị ấy quả thật không bị thua thiệt ở thế gian" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Đối với vị nào không có vật đã được chấp là của ta
Liên quan đến danh và sắc về mọi phương diện,
Và [là vị] không sầu muộn do tình trạng không có,
Vị ấy quả thật không bị thua thiệt ở thế gian."

15.17. *Đối với vị nào không có [ý nghĩ]: "Cái này thuộc về tôi",*
Hoặc "[cái này] thuộc về những người khác" về bất cứ điều gì,
Vị ấy trong lúc không tìm kiếm trạng thái chấp là của ta,
[Biết rằng:] "Không có gì thuộc về ta", nhờ thế không sầu muộn.

Đối với vị nào không có [ý nghĩ]: "Cái này thuộc về tôi", hoặc "[Cái này] thuộc về những người khác" về bất cứ điều gì.

Đối với vị nào: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt. Đối với vị nào, bất cứ điều gì liên quan đến sắc, liên quan đến thọ, liên quan đến tưởng, liên quan đến hành, liên quan đến thức đã được nắm lấy, đã được bám víu, đã được chấp chặt, đã được bám chặt, đã được hướng đến [rằng]: "Hoặc là cái này thuộc về tôi, hoặc là cái này thuộc về những người khác" là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; "đối với vị nào không có [ý nghĩ]: 'Cái này thuộc về tôi', hoặc '[cái này] thuộc về những người khác' về bất cứ điều gì" là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, thân này không thuộc về các ngươi, cũng không thuộc về những người khác. Này các Tỳ-khưu, thân này nên được xem là nghiệp cũ đã được tạo tác, đã được cố ý, [và] được cảm thọ. Này các Tỳ-khưu, về điều ấy, vị đệ tử của các bậc Thánh, có sự nghe nhiều, khéo léo tác ý đúng đường lối về pháp tùy thuận duyên khởi như vầy: Khi cái này có mặt, cái kia có mặt; do sự sanh khởi của cái này, cái kia sanh khởi. Khi cái này không có mặt, cái kia không có mặt; do sự diệt tận của cái này, cái kia diệt tận. Tức là, do duyên vô minh, các hành [sanh khởi]; do duyên các hành, thức [sanh khởi];... (nt)... Như thế là sự sanh lên của toàn bộ khổ uẩn này. Nhưng chính do sự diệt tận hoàn toàn không còn luyến ái đối với vô minh, có sự diệt tận của các hành... (nt)... Như thế là sự diệt tận của toàn bộ

khổ uẩn này." "Đối với vị nào không có [ý nghĩ]: 'Cái này thuộc về tôi', hoặc '[cái này] thuộc về những người khác' về bất cứ điều gì" còn là như vậy.

Bởi vì, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến:

1. *"Ngươi hãy xem xét thế giới là trống không,*
Này Mogharāja, hãy luôn luôn có niệm.
Sau khi nhổ lên tà kiến về tự ngã,
Như vậy có thể vượt qua sự chết.
Người đang xem xét thế giới như vậy,
Thần chết không nhìn thấy [người ấy]."

"Đối với vị nào không có [ý nghĩ]: 'Cái này thuộc về tôi', hoặc '[cái này] thuộc về những người khác' về bất cứ điều gì" còn là như vậy.

Bởi vì, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, cái gì không thuộc về các ngươi, các ngươi hãy dứt bỏ nó. Cái ấy, khi được các ngươi dứt bỏ, sẽ đưa đến sự lợi ích, sự hạnh phúc lâu dài cho các ngươi. Và này các Tỳ-khưu, cái gì không thuộc về các ngươi? Này các Tỳ-khưu, sắc không thuộc về các ngươi, các ngươi hãy dứt bỏ nó. Cái ấy, khi được các ngươi dứt bỏ, sẽ đưa đến sự lợi ích, sự hạnh phúc lâu dài cho các ngươi. Thọ... Tưởng... Các hành... Thức không thuộc về các ngươi, các ngươi hãy dứt bỏ nó. Cái ấy, khi được các ngươi dứt bỏ, sẽ đưa đến sự lợi ích, sự hạnh phúc lâu dài cho các ngươi. Này các Tỳ-khưu, các ngươi nghĩ gì về điều ấy, là việc người ta có thể mang đi cỏ, củi, cành, lá ở khu rừng Jeta này, hoặc có thể đốt cháy chúng, hoặc có thể hành xử chúng tùy theo nhu cầu? Thậm chí ý nghĩ như vầy có thể khởi lên ở các ngươi rằng: 'Có phải người ta mang chúng ta đi, hoặc đốt cháy chúng ta, hoặc hành xử chúng ta tùy theo nhu cầu không'?" "Bạch Ngài, điều này không đúng." "Điều ấy có nguyên nhân là gì?" "Bạch Ngài, bởi vì cái ấy [cỏ, củi, cành, lá] không phải là tự ngã của chúng con hoặc thuộc về tự ngã của chúng con." "Này các Tỳ-khưu, tương tự y như thế, cái gì không thuộc về các ngươi, các ngươi hãy dứt bỏ nó. Cái ấy, khi được các ngươi dứt bỏ, sẽ đưa đến sự lợi ích, sự hạnh phúc lâu dài cho các ngươi. Và này các Tỳ-khưu, cái gì không thuộc về các ngươi? Này các Tỳ-khưu, sắc không thuộc về các ngươi, các ngươi hãy dứt bỏ nó. Cái ấy, khi được các ngươi dứt bỏ, sẽ đưa đến sự lợi ích, sự hạnh phúc lâu dài cho các ngươi. Thọ... Tưởng... Các hành... Thức không thuộc về các ngươi, các ngươi hãy dứt bỏ nó. Cái ấy, khi được các ngươi dứt bỏ, sẽ đưa đến sự lợi ích, sự hạnh phúc lâu dài cho các ngươi." "Đối với vị nào không có [ý nghĩ]: 'Cái này thuộc về tôi', hoặc '[cái này] thuộc về những người khác' về bất cứ điều gì" còn là như vậy.

Bởi vì, điều này cũng đã được nói đến:

2. *"Này trưởng làng, đối với người đang nhìn thấy đúng theo bản thể sự sanh lên của các pháp một cách rõ rệt, sự liên tục của các hành một cách rõ rệt thì không có sự sợ hãi.*

3. *Khi nào bằng trí tuệ nhìn thấy thế gian giống như cỏ và củi thì không ước nguyện bất cứ điều gì khác, ngoại trừ sự không còn nối liền tái sanh."*

"Đối với vị nào không có [ý nghĩ]: 'Cái này thuộc về tôi', hoặc '[cái này] thuộc về những người khác' về bất cứ điều gì" còn là như vậy.

Tỳ-khưu-ni Vajirā đã nói với Ma vương ác độc điều này:

4. *"Này Ma vương, sao ngươi khẳng định là 'chúng sanh'? Phải chăng đó là tà kiến của ngươi? Cái này thuần túy là sự chồng chất của các hành. Ở đây, chúng sanh không được tìm thấy.*

5. *Giống y như việc ráp chung lại các bộ phận thì có tiếng gọi là 'cỗ xe'; tương tự như vậy, khi các uẩn hiện diện thì có sự công nhận là 'con người'.*

6. *Bởi vì chỉ có khổ được hình thành,*
Khổ tồn tại và tiêu hoại
Không gì khác ngoại trừ khổ được hình thành
Không cái gì khác ngoài khổ được diệt tận."

"Đối với vị nào không có [ý nghĩ]: 'Cái này thuộc về tôi', hoặc '[cái này] thuộc về những người khác' về bất cứ điều gì" còn là như vậy.

"Này các Tỳ-khưu, tương tự y như thế, vị Tỳ-khưu quán sát sắc đến luôn cả tiến trình của sắc, quán sát thọ… tưởng… các hành… thức đến luôn cả tiến trình của thức. Trong khi vị ấy đang quán sát sắc đến luôn cả tiến trình của sắc, trong khi đang quán sát thọ… tưởng… các hành… thức đến luôn cả tiến trình của thức, ý niệm về 'tôi' hay 'thuộc về tôi' hay 'tôi là' đều không khởi lên ở vị ấy." "Đối với vị nào không có [ý nghĩ]: 'Cái này thuộc về tôi', hoặc '[cái này] thuộc về những người khác' về bất cứ điều gì" còn là như vậy.

Đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này: "Bạch Ngài, 'thế giới là trống không, thế giới là trống không' là điều được nói đến. Bạch Ngài, về phương diện nào thì được gọi là: 'Thế giới là trống không'?" "Này Ānanda, bởi vì quả thật là trống không với tự ngã hoặc với cái thuộc về tự ngã; vì thế được gọi là: 'Thế giới là trống không.' Và này Ānanda, cái gì là trống không với tự ngã hoặc với cái thuộc về tự ngã? Này Ānanda, mắt là trống không với tự ngã hoặc với cái thuộc về tự ngã. Các sắc là trống không… Nhãn thức là trống không… Nhãn xúc là trống không… Cảm thọ nào sanh lên do duyên nhãn xúc, dầu là lạc, hay là khổ, hay là không khổ không lạc; cảm thọ ấy cũng là trống không. Tai là trống không… Các thinh là trống không… Mũi là trống không… Các hương là trống không… Lưỡi là trống không… Các vị là trống không… Thân là trống không… Các xúc là trống không… Ý là trống không… Các pháp là trống không… Ý thức là trống không… Ý xúc là trống không… Cảm thọ nào sanh lên do duyên ý xúc, dầu là lạc, hay là khổ, hay là không khổ không lạc, cảm thọ ấy cũng là trống không với tự ngã hoặc với cái thuộc về tự ngã. Này Ānanda, bởi vì quả thật là trống không với tự ngã hoặc với cái thuộc về tự ngã; vì thế được gọi là: 'Thế giới là trống không.'"

"Đối với vị nào không có [ý nghĩ]: 'Cái này thuộc về tôi', hoặc '[cái này] thuộc về những người khác' về bất cứ điều gì" còn là như vậy.

Vị ấy trong lúc không tìm kiếm trạng thái chấp là của ta.

Trạng thái chấp là của ta: Có hai trạng thái chấp là của ta: Trạng thái chấp là của ta do tham ái và trạng thái chấp là của ta do tà kiến. ... (nt)... điều này là trạng thái chấp là của ta do tham ái. ... (nt)... điều này là trạng thái chấp là của ta do tà kiến. Sau khi dứt bỏ trạng thái chấp là của ta do tham ái, sau khi buông bỏ trạng thái chấp là của ta do tà kiến, trong khi không tìm thấy, trong khi không tìm kiếm, trong khi không đạt đến, trong khi không đạt được.

"Vị ấy trong lúc không tìm kiếm trạng thái chấp là của ta" là như thế.

[Biết rằng:] "Không có gì thuộc về ta", nhờ thế không sầu muộn: [Vị ấy] không sầu muộn về vật đã bị biến đổi; không sầu muộn khi vật bị biến đổi. [Nghĩ rằng:] "Mắt của ta bị biến đổi", vị ấy không sầu muộn. [Nghĩ rằng:] "Tai của ta... (nt)... "Những người cùng huyết thống của ta bị biến đổi", vị ấy không sầu muộn, không mệt mỏi, không than vãn, không đấm ngực khóc lóc, không đi đến sự mê muội.

"[Biết rằng:] 'Không có gì thuộc về ta', nhờ thế không sầu muộn" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Đối với vị nào, không có [ý nghĩ]: 'Cái này thuộc về tôi',
Hoặc '[cái này] thuộc về những người khác' về bất cứ điều gì,
Vị ấy trong lúc không tìm kiếm trạng thái chấp là của ta,
[Biết rằng:] 'Không có gì thuộc về ta', nhờ thế không sầu muộn."

15.18. *Không ganh ghét, không thèm khát,*
Không dục vọng, bình đẳng ở mọi nơi,
Điều ấy là sự lợi ích mà Ta nói,
Khi được hỏi về vị không lay động.

Không ganh ghét, không thèm khát, không dục vọng, bình đẳng ở mọi nơi: Điều nào là sự ganh ghét? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó là có sự ganh ghét, rồi ganh tỵ, khó chịu, trói buộc lòng ganh tỵ với sự lợi lộc, trọng vọng, cung kính, sùng bái, kính lễ, cúng dường của vị khác; sự ganh ghét nào có hình thức như vậy là hành động ganh ghét, sự ganh tỵ, biểu hiện ganh tỵ, trạng thái ganh tỵ, sự khó chịu, biểu hiện khó chịu, trạng thái khó chịu; điều này được gọi là sự ganh ghét. Đối với vị nào, sự ganh ghét này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt,... (nt)... đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; vị ấy được gọi là không ganh ghét.

Không thèm khát: Thèm khát nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với vị nào, sự thèm khát ấy đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt,... (nt)... đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vị ấy được gọi là không thèm khát. Vị ấy không thèm khát ở

sắc, ở thinh,… (nt)… không thèm khát ở các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, không bị buộc trói, không bị mê mẩn, không bị gần gũi, có sự thèm khát đã được xa lìa, có sự thèm khát đã được tách lìa, có sự thèm khát đã được từ bỏ, có sự thèm khát đã được tẩy trừ, có sự thèm khát đã được giải thoát, có sự thèm khát đã được dứt bỏ, có sự thèm khát đã được buông bỏ, có sự luyến ái đã được xa lìa, có sự luyến ái đã được tách lìa, có sự luyến ái đã được từ bỏ, có sự luyến ái đã được tẩy trừ, có sự luyến ái đã được giải thoát, có sự luyến ái đã được dứt bỏ, có sự luyến ái đã được buông bỏ, không còn khao khát, được tịch diệt, có trạng thái mát mẻ, có sự cảm thọ lạc, sống với trạng thái cao thượng tự thân. “Không ganh ghét, không thèm khát” là như thế.

Không dục vọng, bình đẳng ở mọi nơi.

Dục vọng: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,… (nt)… tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với vị nào, dục vọng tham ái ấy đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt,… (nt)… đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vị ấy được gọi là không dục vọng. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với dục vọng mà trở thành không dục vọng. Vị ấy không xao động vì lợi lộc, không xao động vì không lợi lộc, không xao động vì danh vọng, không xao động vì không danh vọng, không xao động vì lời khen, không xao động vì lời chê, không xao động vì hạnh phúc, không xao động vì khổ đau, không dao động, không run rẩy, không chấn động, không rúng động. “Không dục vọng” là như thế.

Bình đẳng ở mọi nơi: Mọi nơi nói đến mười hai xứ: Mắt và các sắc,… (nt)… ý và các pháp. Khi nào sự mong muốn và luyến ái ở các xứ thuộc nội phần và ngoại phần được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai; vị ấy được gọi là bình đẳng ở mọi nơi. Vị ấy tự tại ở tất cả các nơi, trung dung ở tất cả các nơi, hành xả ở tất cả các nơi. “Không dục vọng, bình đẳng ở mọi nơi” là như thế.

“Không ganh ghét, không thèm khát, không dục vọng, bình đẳng ở mọi nơi” là như thế.

Điều ấy là sự lợi ích mà Ta nói, khi được hỏi về vị không lay động: Khi được hỏi về người không lay động, khi được vấn, được yêu cầu, được thỉnh cầu, được đặt niềm tin, Ta nói về bốn điều lợi ích này; Ta nói, Ta nêu ra,… (nt)… Ta bày tỏ rằng: “Vị ấy không ganh ghét, không thèm khát, không dục vọng, bình đẳng ở mọi nơi.”

“Điều ấy là sự lợi ích mà Ta nói, khi được hỏi về vị không lay động” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Không ganh ghét, không thèm khát,
Không dục vọng, bình đẳng ở mọi nơi,

Điều ấy là sự lợi ích mà Ta nói,
Khi được hỏi về vị không lay động."

15.19. *Đối với vị không dục vọng, đang nhận thức,*
Thì không có bất cứ sự tích lũy nghiệp nào.
Vị ấy đã tránh xa khỏi sự tạo nghiệp,
Nhìn thấy an toàn ở mọi nơi.

Đối với vị không dục vọng, đang nhận thức: Dục vọng nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,… (nt)… tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với vị nào, dục vọng tham ái ấy đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt,… (nt)… đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vị ấy được gọi là không dục vọng. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với dục vọng mà trở thành không dục vọng. Vị ấy không xao động vì lợi lộc, không xao động vì không lợi lộc, không xao động vì danh vọng, không xao động vì không danh vọng, không xao động vì lời khen, không xao động vì lời chê, không xao động vì hạnh phúc, không xao động vì khổ đau, không dao động, không run rẩy, không chấn động, không rúng động. "Đối với vị không dục vọng" là như thế.[8]

Đang nhận thức: Đang hiểu biết, đang nhận biết, đang nhận thức, đang thừa nhận, đang thấu triệt. Đối với vị đang hiểu biết, đang nhận biết, đang nhận thức, đang thừa nhận, đang thấu triệt rằng: "Tất cả các hành là vô thường"; đối với vị đang hiểu biết, đang nhận biết, đang nhận thức, đang thừa nhận, đang thấu triệt rằng: "Tất cả các hành là khổ";… (nt)… "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

"Đối với vị không dục vọng, đang nhận thức" là như thế.

Thì không có bất cứ sự tích lũy nghiệp nào: Các sự tích lũy nghiệp nói đến phúc hành, phi phúc hành và bất động hành.[9] Khi nào phúc hành, phi phúc hành và bất động hành được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai; cho đến như thế thì các sự tích lũy nghiệp là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

"Thì không có bất cứ sự tích lũy nghiệp nào" là như thế.

Vị ấy đã tránh xa khỏi sự tạo nghiệp: Sự tạo nghiệp nói đến phúc hành, phi phúc hành và bất động hành. Khi nào phúc hành, phi phúc hành và bất động hành được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai, cho đến như thế nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi,

---

[8] Dịch theo văn bản Pāḷi của Tam tạng Miến Điện, Thái Lan và PTS. (ND)

[9] Xem chú thích về "phúc hành, phi phúc hành, bất động hành" ở trang 77. (ND)

không bị ràng buộc với khởi đầu, với sự tạo nghiệp, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

"Vị ấy đã tránh xa khỏi sự tạo nghiệp" là như thế.

Nhìn thấy an toàn ở mọi nơi: Luyến ái là nhân tố gây ra sợ hãi, sân hận là nhân tố gây ra sợ hãi, si mê là nhân tố gây ra sợ hãi,... (nt)... các ô nhiễm là các nhân tố gây ra sợ hãi. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với nhân tố gây ra sợ hãi là luyến ái... (nt)... Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với các nhân tố gây ra sợ hãi là các ô nhiễm, vị ấy nhìn thấy an toàn ở mọi nơi, nhìn thấy không sợ hãi ở mọi nơi, nhìn thấy không tai họa ở mọi nơi, nhìn thấy không bất hạnh ở mọi nơi, nhìn thấy không nguy hiểm ở mọi nơi.

"Nhìn thấy an toàn ở mọi nơi" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Đối với vị không dục vọng, đang nhận thức,
Thì không có bất cứ sự tích lũy nghiệp nào.
Vị ấy đã tránh xa khỏi sự tạo nghiệp,
Nhìn thấy an toàn ở mọi nơi."

15.20. *"Bậc Hiền trí không mô tả [bản thân] là trong số những người ngang bằng, không là trong số những người thấp kém, không là trong số những người ưu việt. Được an tịnh, đã xa lìa sự bỏn xẻn, vị ấy không nắm giữ, không rời bỏ" [đức Thế Tôn nói vậy].*

Bậc Hiền trí không mô tả [bản thân] là trong số những người ngang bằng, không là trong số những người thấp kém, không là trong số những người ưu việt.

Bản thể hiền trí: Nói đến trí, tức là tuệ, sự nhận biết... (nt)... đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là hiền trí. Bậc Hiền trí không mô tả, không thuyết, không phát ngôn, không giảng giải, không diễn tả rằng: "Ta là ngang bằng", hoặc "ta là tốt hơn", hoặc "ta là thua kém."

"Bậc Hiền trí không mô tả [bản thân] là trong số những người ngang bằng, không là trong số những người thấp kém, không là trong số những người ưu việt" là như thế.

Được an tịnh, vị ấy đã xa lìa sự bỏn xẻn.

An tịnh: Trạng thái được an tịnh, trạng thái được yên lặng đối với luyến ái là an tịnh; trạng thái được an tịnh, trạng thái được yên lặng, trạng thái được vắng lặng, trạng thái được thiêu hủy, trạng thái được tịch diệt, trạng thái được tách lìa, trạng thái được tịch tịnh đối với sân hận... đối với si mê... (nt)... đối với tất cả các pháp tạo tác bất thiện là an tịnh, yên tịnh, vắng lặng, tịch diệt, tịch tịnh. "Vị ấy được an tịnh" là như thế.

Đã xa lìa sự bỏn xẻn: Có năm loại bỏn xẻn: Bỏn xẻn về chỗ ở... (nt)... sự nắm lấy, điều này được gọi là bỏn xẻn. Đối với vị nào, sự bỏn xẻn này đã được

dứt bỏ, đã được trừ tuyệt,… (nt)… đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; vị ấy được gọi là có sự bỏn xẻn đã được xa lìa, có sự bỏn xẻn đã được tách lìa, có sự bỏn xẻn đã được từ bỏ, có sự bỏn xẻn đã được tẩy trừ, có sự bỏn xẻn đã được giải thoát, có sự bỏn xẻn đã được dứt bỏ, có sự bỏn xẻn đã được buông bỏ.

"Được an tịnh, vị ấy đã xa lìa sự bỏn xẻn" là như thế.

Vị ấy không nắm giữ, không rời bỏ.

Không nắm giữ: Vị ấy không nắm giữ, không chấp thủ, không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt sắc. Vị ấy không nắm giữ, không chấp thủ, không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt thọ… tưởng… các hành… thức… cảnh giới tái sanh… sự tái sanh… sự nối liền tái sanh… sự hiện hữu… sự luân hồi… sự luân chuyển. "Không nắm giữ" là như thế. **Không rời bỏ**: Vị ấy không dứt bỏ, không xua đi, không làm chấm dứt, không làm cho không còn hiện hữu sắc. Vị ấy không dứt bỏ, không xua đi, không làm chấm dứt, không làm cho không còn hiện hữu thọ… tưởng… các hành… thức… cảnh giới tái sanh… sự tái sanh… sự nối liền tái sanh… sự hiện hữu… sự luân hồi… sự luân chuyển.

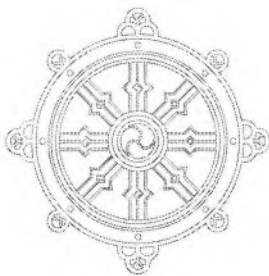
Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính. ... (nt)… sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "đức Thế Tôn."

"Vị ấy không nắm giữ, không rời bỏ" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Bậc Hiền trí không mô tả [bản thân] là trong số những người ngang bằng, không là trong số những người thấp kém, không là trong số những người ưu việt. Được an tịnh, đã xa lìa sự bỏn xẻn, vị ấy không nắm giữ, không rời bỏ" [đức Thế Tôn nói vậy].

"Diễn giải kinh uế hạnh của bản thân" được đầy đủ - Phần thứ mười lăm.



16. DIỄN GIẢI KINH VỀ SĀRIPUTTA (*SĀRIPUTTASUTTANIDDESO*)

Giờ phần "Diễn giải kinh về Sāriputta" được nói đến:

16.1. *Từ đây trở về trước, con chưa từng được thấy,*
[Đại đức Sāriputta đã nói thế ấy]
Hoặc chưa từng được nghe của bất cứ người nào.
Bậc Đạo Sư, vị có giọng nói êm dịu như thế,
Bậc Có Đồ Chúng, đã đi đến từ cõi trời Tusitā.

Từ đây trở về trước, con chưa từng được thấy: Từ đây trở về trước, đức Thế Tôn ấy chưa được thấy trước đây bởi chính con bằng con mắt này, bởi bản ngã này; vào lúc đức Thế Tôn, sau khi trải qua [an cư] mùa mưa ở cung trời Tam Thập Tam, tại gốc cây san hô, nơi bảo tọa của đức trời Sakka,[1] được tháp tùng bởi hội chúng chư thiên, đã ngự xuống thành Saṅkassa bằng cầu thang làm bằng ngọc ma-ni [đặt] ở chính giữa; cảnh tượng này trước đây chưa được nhìn thấy.

"Từ đây trở về trước, con chưa từng được thấy" là như thế.

Đại đức Sāriputta đã nói thế ấy.

Thế ấy: Từ "*iccā*" này là sự nối liền các câu văn, sự kết hợp các câu văn, sự làm đầy đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuốt từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn.

Đại đức: Từ "*āyasmā*" này là lời nói yêu mến, lời nói kính trọng, lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng.

Sāriputta: Là tên của vị Trưởng lão ấy, là sự ấn định, sự chỉ định, sự quy định, sự diễn tả, tên gọi, sự đặt tên, sự định danh, từ mô tả, tên hiệu, từ kêu gọi.

"Đại đức Sāriputta đã nói thế ấy" là như thế.

Hoặc chưa từng được nghe của bất cứ người nào.

Chưa từng: Là sự phủ định.

Hoặc: Từ "*udā*" này là sự nối liền các câu văn, sự kết hợp các câu văn, sự làm đầy đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuốt từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn.

Của bất cứ người nào: Của bất cứ ai, của vị Sát-đế-ly, hoặc của vị Bà-la-môn,

[1] *Paṇḍukambalasilāyaṃ*: Dịch sát nghĩa là "ở tảng đá phủ tấm mền màu cam". (ND)

hoặc của thương buôn, hoặc của kẻ nô lệ, hoặc của người tại gia, hoặc của vị xuất gia, hoặc của vị trời, hoặc của người nhân loại.

"Hoặc chưa từng được nghe của bất cứ người nào" là như thế.

Bậc Đạo Sư, vị có giọng nói êm dịu như thế: Giọng nói êm dịu như thế là giọng nói ngọt ngào, giọng nói đáng yêu, giọng nói đi vào trái tim, có âm thanh dịu dàng như tiếng hót của loài chim Karavīka. Hơn nữa, âm thanh phát ra từ miệng của đức Thế Tôn ấy có tám yếu tố: Không bị lắp bắp, có thể hiểu được, dịu dàng, nghe êm tai, chắc nịch, không bị loãng, sâu sắc và có âm vang. Hơn nữa, đức Thế Tôn ấy giảng giải cho hội chúng như thế ấy bằng tiếng nói; âm giọng của Ngài không thoát ra bên ngoài của hội chúng. Hơn nữa, đức Thế Tôn ấy có âm thanh của Phạm thiên, có giọng nói của loài chim karavīka. "Vị có giọng nói êm dịu" là như thế.

Bậc Đạo Sư: Bậc Đạo Sư là đức Thế Tôn, người chỉ đạo đoàn xe. Giống như người chỉ đạo đoàn xe giúp chúng sanh vượt qua hiểm lộ, giúp vượt qua hiểm lộ có trộm cướp, giúp vượt qua hiểm lộ có thú dữ, giúp vượt qua hiểm lộ có khó khăn về vật thực, giúp vượt qua hiểm lộ không có nước, giúp cho vượt lên, giúp cho vượt ra, giúp cho vượt khỏi, giúp cho đạt đến vùng đất hoàn toàn an ổn; tương tự như vậy, đức Thế Tôn là người chỉ đạo đoàn xe giúp chúng sanh vượt qua hiểm lộ, giúp vượt qua hiểm lộ của sanh, giúp vượt qua hiểm lộ của già, giúp vượt qua hiểm lộ của bệnh, giúp vượt qua hiểm lộ của chết, giúp vượt qua hiểm lộ của sầu muộn, giúp vượt qua hiểm lộ của than vãn, giúp vượt qua hiểm lộ của khổ, giúp vượt qua hiểm lộ của ưu phiền và lo âu, giúp vượt qua hiểm lộ của luyến ái, giúp vượt qua hiểm lộ của sân hận, giúp vượt qua hiểm lộ của si mê, giúp vượt qua hiểm lộ của ngã mạn, giúp vượt qua hiểm lộ của tà kiến, giúp vượt qua hiểm lộ của ô nhiễm, giúp vượt qua hiểm lộ của uế hạnh, giúp vượt qua sự nắm giữ của luyến ái, giúp vượt qua sự nắm giữ của sân hận, giúp vượt qua sự nắm giữ của si mê, giúp vượt qua sự nắm giữ của ngã mạn, giúp vượt qua sự nắm giữ của tà kiến, giúp vượt qua sự nắm giữ của ô nhiễm, giúp vượt qua sự nắm giữ của uế hạnh, giúp cho vượt lên, giúp cho vượt ra, giúp cho vượt khỏi, giúp cho đạt đến vùng đất hoàn toàn an ổn, bất tử, Niết-bàn. "Đức Thế Tôn, người chỉ đạo đoàn xe" là như vậy.

Hoặc là, đức Thế Tôn là bậc Hướng Đạo, bậc Hướng Dẫn, bậc Đoạn Nghi, bậc Truyền Đạt, bậc Truyền Thụ, bậc Khơi Mở, bậc Khởi Tín. "Đức Thế Tôn, người chỉ đạo đoàn xe" còn là như vậy.

Hoặc là, đức Thế Tôn là vị làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi, là vị làm sanh ra đạo lộ chưa được sanh ra, là vị tuyên thuyết đạo lộ chưa được tuyên thuyết, là vị biết về đạo lộ, là vị hiểu rõ về đạo lộ, là vị rành rẽ về đạo lộ. Và hơn nữa, những người đi theo đạo lộ, là các đệ tử của Ngài, hiện nay đang an trú và sau này sẽ thành tựu [đạo lộ ấy]. "Đức Thế Tôn, người chỉ đạo đoàn xe" còn là như vậy.

"Bậc Đạo Sư, vị có giọng nói êm dịu như thế" là như vậy.

Bậc Có Đồ Chúng, đã đi đến từ cõi trời Tusitā: Đức Thế Tôn, sau khi lìa khỏi hội chúng Tusitā, có niệm, có sự nhận biết rõ, đã ngự xuống vào thai bào của người mẹ. "Bậc có đồ chúng, đã đi đến từ cõi trời Tusitā" là như vậy. Hoặc là, chư thiên được gọi là Tusitā; các vị ấy vui sướng, vừa lòng, hoan hỷ, vui mừng, sanh tâm phỉ lạc; Ngài đã đi đến vị thế của bậc có đồ chúng từ thế giới chư thiên. "Bậc có đồ chúng, đã đi đến từ cõi trời Tusitā" còn là như vậy. Hoặc là, các vị A-la-hán được gọi là Tusitā; các vị ấy vui sướng, vừa lòng, hoan hỷ, có tâm tư hoàn mãn; Ngài đã đi đến vị thế của bậc có đồ chúng của các vị A-la-hán. "Bậc có đồ chúng, đã đi đến từ cõi trời Tusitā" còn là như vậy.

Bậc Có Đồ Chúng: Đức Thế Tôn là bậc Có Đồ Chúng; "vị Thầy của đồ chúng" là bậc có đồ chúng; "bậc Đạo Sư của đồ chúng" là bậc có đồ chúng; "vị chăm nom đồ chúng" là bậc có đồ chúng; "vị giáo huấn đồ chúng" là bậc có đồ chúng; "vị chỉ dạy đồ chúng" là bậc có đồ chúng; "vị tự tin tiếp cận đồ chúng" là bậc có đồ chúng; "đối với Ngài, đồ chúng lắng nghe, lóng tai nghe, thiết lập tâm mong muốn hiểu biết" là bậc có đồ chúng; "vị đưa đồ chúng ra khỏi bất thiện pháp và sách tấn thiện pháp" là bậc có đồ chúng; vị có đồ chúng Tỳ-khưu là bậc có đồ chúng; vị có đồ chúng Tỳ-khưu-ni là bậc có đồ chúng; vị có đồ chúng nam cư sĩ là bậc có đồ chúng; vị có đồ chúng nữ cư sĩ là bậc có đồ chúng; vị có đồ chúng vua chúa là bậc có đồ chúng; vị có đồ chúng Sát-đế-ly... vị có đồ chúng Bà-la-môn... vị có đồ chúng thương buôn... vị có đồ chúng nô lệ... vị có đồ chúng chư thiên... vị có đồ chúng Phạm thiên là bậc có đồ chúng; vị có hội chúng là bậc có đồ chúng, là vị Thầy của đồ chúng.

Đã đi đến: Đã đi đến, đã đi đến gần, đã tiến đến gần, đã đạt đến thành Saṅkassa.

"Bậc có đồ chúng, đã đi đến từ cõi trời Tusitā" là như thế.

Vì thế, Trưởng lão Sāriputta đã nói rằng:

"Từ đây trở về trước, con chưa từng được thấy,
[Đại đức Sāriputta đã nói thế ấy]
Hoặc chưa từng được nghe của bất cứ người nào,
Bậc Đạo Sư, vị có giọng nói êm dịu như thế,
Bậc Có Đồ Chúng, đã đi đến từ cõi trời Tusitā."

16.2. *Đối với thế gian có cả chư thiên,*
Bậc Hữu Nhãn được nhìn thấy là như thế.
Sau khi xua đi tất cả tăm tối,
Chỉ một mình, Ngài đã đạt đến sự khoái cảm.

Đối với thế gian có cả chư thiên: Đối với thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người.

"Đối với thế gian có cả chư thiên" là như thế.

Bậc Hữu Nhãn được nhìn thấy là như thế: Chư thiên nhìn thấy đức Thế Tôn ngồi ở cung trời Tam Thập, tại gốc cây san hô, nơi bảo tọa của đức trời Sakka đang thuyết pháp như thế nào, loài người nhìn thấy như thế ấy; loài người nhìn thấy như thế nào, chư thiên nhìn thấy như thế ấy; Ngài được nhìn thấy giữa chư thiên như thế nào, Ngài được nhìn thấy giữa loài người như thế ấy; Ngài được nhìn thấy giữa loài người như thế nào, Ngài được nhìn thấy giữa chư thiên như thế ấy. "Bậc Hữu Nhãn được nhìn thấy là như thế" là như vậy. Hoặc ngược lại, giống như một số Tôn giả Sa-môn và Bà-la-môn, không rèn luyện, được nhìn thấy có vẻ đã được rèn luyện; không an tịnh, được nhìn thấy có vẻ đã được an tịnh; không yên tịnh, được nhìn thấy có vẻ đã được yên tịnh; không tịch tịnh, được nhìn thấy có vẻ đã được tịch tịnh.

1. *"Tựa như bông tai làm bằng đất sét là đồ giả mạo,*
Tựa như một nửa tiền bằng đồng được phủ lên lớp vàng,
Chúng sống ở thế gian, được che đậy dưới lớp vỏ bọc,
Bên trong thì không trong sạch, bên ngoài thì sáng rỡ."

Đức Thế Tôn được nhìn thấy không là như vậy.

Đức Thế Tôn, theo sự thật, với sự đúng đắn, bằng thực thể, với sự xác đáng, với sự không bị sai lệch, với sự đúng theo bản thể; đã được rèn luyện, Ngài được nhìn thấy với sắc thái đã được rèn luyện; đã được an tịnh, Ngài được nhìn thấy với sắc thái đã được an tịnh; đã được yên tịnh, Ngài được nhìn thấy với sắc thái đã được yên tịnh; đã được tịch tịnh, Ngài được nhìn thấy với sắc thái đã được tịch tịnh; và chư Phật Thế Tôn có các oai nghi không phải sắp đặt [trước], các Ngài đã thành tựu về nguyện vọng. "Bậc Hữu Nhãn được nhìn thấy là như thế" còn là như vậy. Hoặc là, đức Thế Tôn có thanh danh, đã đạt đến danh thơm và tiếng tốt như thế này, như thế khác, và còn hơn thế nữa ở cõi rồng, ở cõi linh điểu, ở cõi dạ-xoa, ở cõi a-tu-la, ở cõi càn-thát-bà, ở cõi Tứ Đại Thiên Vương, ở cõi trời Đế-thích, ở cõi Phạm thiên và ở cõi chư thiên. "Bậc Hữu Nhãn được nhìn thấy là như thế" còn là như vậy. Hoặc là, đức Thế Tôn đã được thành tựu mười lực, bốn pháp tự tin, bốn tuệ phân tích, sáu thắng trí, sáu pháp của vị Phật; Ngài được nhìn thấy, được biết, được nhận biết do oai lực, do năng lực, do đức hạnh, do sự tinh tấn và do tuệ.

2. *"Những người tốt tỏa sáng ở nơi xa, ví như núi Hy-mã-lạp. Những kẻ xấu ở đây [vẫn] không được nhìn thấy, giống như những mũi tên được bắn ra vào ban đêm."*

"Bậc Hữu Nhãn được nhìn thấy là như thế" còn là như vậy.

Bậc Hữu Nhãn: Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhãn với năm loại nhãn [con mắt]: Bậc Hữu Nhãn với nhục nhãn, bậc Hữu Nhãn với thiên nhãn, bậc Hữu Nhãn với tuệ nhãn, bậc Hữu Nhãn với Phật nhãn, bậc Hữu Nhãn với toàn nhãn.

Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhãn với nhục nhãn nghĩa là thế nào? Ở nhục nhãn của đức Thế Tôn hiện hữu năm màu sắc: Màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu đen và màu trắng. Và các lông mi của đức Thế Tôn: Nơi nào các lông mi

mọc, màu xanh ở nơi ấy là màu xanh tuyền, duyên dáng, đáng nhìn, như là hoa của cây ummā. Phần bên ngoài xung quanh nơi ấy có màu vàng, là màu vàng tuyền, màu của kim loại vàng, duyên dáng, đáng nhìn, như là hoa của cây kaṇikāra. Hai bên đuôi mắt của đức Thế Tôn có màu đỏ, là màu đỏ tuyền, duyên dáng, đáng nhìn, như là màu của loài mối cánh. Chính giữa [hai con mắt] có màu đen, là màu đen tuyền, không sần sùi, bóng láng, duyên dáng, đáng nhìn, như là màu trái addāriṭṭhaka. Phần bên ngoài xung quanh nơi ấy có màu trắng, là màu trắng tuyền, trắng tinh, trắng sáng, duyên dáng, đáng nhìn, như là ngôi sao osadhī. Nhục nhãn tự nhiên ấy, nương ở kim thân, đã được sanh lên do hạnh nghiệp tốt đẹp trong thời quá khứ; thông qua nó, đức Thế Tôn nhìn thấy xung quanh một do-tuần, ban ngày và luôn cả ban đêm.

Ngay cả vào lúc tối tăm nhất hội đủ bốn yếu tố: Mặt trời đã lặn xuống, vào ngày trai giới thuộc hạ huyền [đêm cuối tháng âm lịch], nơi khu rừng già sâu thẳm và có đám mây đen lớn trỗi dậy; ngay cả vào lúc tối tăm hội đủ bốn yếu tố có hình thức như thế, Ngài cũng vẫn nhìn thấy xung quanh một do-tuần. Ở nơi nào dầu có vách tường, cánh cửa, tường thành, ngọn núi, bụi rậm, hoặc dây leo, cũng không là sự ngăn trở việc nhìn thấy các hình thể. Nếu sau khi làm dấu một hạt mè rồi ném vào cỗ xe chở hạt mè, Ngài vẫn có thể nhặt lên chính hạt mè ấy. Nhục nhãn tự nhiên của đức Thế Tôn là thanh tịnh như vậy. Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhãn với nhục nhãn nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhãn với thiên nhãn nghĩa là thế nào? Đức Thế Tôn, với thiên nhãn thanh tịnh vượt trội loài người, nhìn thấy các chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại [trở thành] hạ tiện, cao quý, đẹp đẽ, xấu xí, sung sướng, [hay] đau khổ, vị ấy biết được rằng các chúng sanh đều đi theo nghiệp tương ứng: "Quả vậy, những chúng sanh đang hiện hữu này có uế hạnh về thân, có uế hạnh về khẩu, có uế hạnh về ý, vu khống các bậc Thánh, theo tà kiến, tán thành các hành động do tà kiến. Những kẻ ấy, khi tan rã thân xác và chết đi, bị sanh vào đọa xứ, cõi khổ, nơi trừng phạt, địa ngục. Trái lại, những chúng sanh đang hiện hữu này có thiện hạnh về thân, có thiện hạnh về khẩu, có thiện hạnh về ý, không vu khống các bậc Thánh, theo chánh kiến, tán thành các hành động do chánh kiến. Những người ấy, khi tan rã thân xác và chết đi, được sanh vào chốn an vui, cõi trời, thế gian [này]." Như thế, bằng thiên nhãn thanh tịnh vượt trội loài người, Ngài nhìn thấy các chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại [trở thành] hạ tiện, cao quý, đẹp đẽ, xấu xí, sung sướng, [hay] đau khổ, Ngài biết được rằng các chúng sanh đều đi theo nghiệp tương ứng. Và trong khi mong muốn, đức Thế Tôn có thể nhìn thấy một thế giới,[2] có thể nhìn thấy hai thế giới, có thể nhìn thấy ba thế giới, có thể nhìn thấy bốn thế giới, có thể nhìn thấy năm thế giới, có thể nhìn thấy mười thế giới, có thể nhìn thấy hai mươi thế giới, có thể nhìn thấy ba mươi thế giới, có thể nhìn thấy bốn mươi thế giới, có thể nhìn thấy năm mươi thế giới, có thể nhìn thấy nhất thiên tức tiểu thế giới, có thể

[2] Xem chú thích về "*Lokadhātu*" (Thế giới) ở trang 223. (ND)

nhìn thấy nhị thiên tức trung thế giới, có thể nhìn thấy tam thiên tức đại thiên thế giới.[3] Hơn nữa, Ngài mong muốn đến chừng nào thì Ngài có thể nhìn thấy đến chừng ấy. Thiên nhãn của đức Thế Tôn là thanh tịnh như vậy. Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhãn với thiên nhãn nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhãn với tuệ nhãn nghĩa là thế nào? Đức Thế Tôn là bậc có tuệ vĩ đại, có tuệ rộng lớn, có tuệ vi tiểu, có tuệ tốc hành, có tuệ sắc bén, có tuệ thấu suốt, là bậc thiện xảo trong việc chia chẻ bằng tuệ, bậc có trí đã được phát triển, đã đạt đến tuệ phân tích, đã đạt được bốn pháp tự tin, có sự duy trì mười lực, là bậc Nhân Ngưu, bậc Nhân Sư, bậc Nhân Tượng, bậc Nhân Kiệt, bậc Nhân Đạo, bậc có trí vô biên, có oai lực vô biên, có danh vọng vô biên, giàu có [về trí tuệ], có tài sản lớn [về trí tuệ], sở hữu tài sản [về trí tuệ], là bậc Hướng Đạo, bậc Hướng Dẫn, bậc Đoạn Nghi, bậc Truyền Đạt, bậc Truyền Thụ, bậc Khơi Mở, bậc Khởi Tín.

Chính đức Thế Tôn ấy là vị làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi, là vị làm sanh ra đạo lộ chưa được sanh ra, là vị tuyên thuyết đạo lộ chưa được tuyên thuyết, là vị biết về đạo lộ, là vị hiểu rõ về đạo lộ, là vị rành rẽ về đạo lộ. Và hơn nữa, những người đi theo đạo lộ, là các đệ tử của Ngài, hiện nay đang an trú và sau này sẽ thành tựu [đạo lộ ấy]. Chính đức Thế Tôn ấy biết [đúng bản thể] điều cần phải biết, thấy [đúng bản thể] điều cần phải thấy, là bậc có bản thể của mắt, có bản thể của trí, có bản thể của pháp, có bản thể của Phạm thiên, là vị công bố, vị tuyên thuyết, vị chỉ dẫn mục đích, vị ban cho bất tử, bậc Pháp Chủ, đức Như Lai.

Đối với đức Thế Tôn ấy, không có việc không biết, không thấy, không hiểu rõ, không chứng ngộ, không chạm đến bằng tuệ. Tất cả các pháp liên quan đến quá khứ, tương lai, hiện tại, với mọi biểu hiện, đều đi đến phạm vi ở trong tầm trí tuệ của đức Phật Thế Tôn. Bất cứ điều gì có thể biết, nghĩa là có pháp cần phải biết, có lợi ích cho mình, hoặc có lợi ích cho người khác, hoặc có lợi ích cho cả hai, hoặc có lợi ích liên quan đời này, hoặc có lợi ích liên quan đời sau, hoặc có lợi ích hời hợt, hoặc có lợi ích thâm sâu, hoặc có lợi ích được giấu kín, hoặc có lợi ích được che đậy, hoặc có lợi ích tiềm tàng, hoặc có lợi ích hiển hiện, hoặc có lợi ích không tội lỗi, hoặc có lợi ích không ô nhiễm, hoặc có lợi ích trong sạch, hoặc có lợi ích là lợi ích tối thượng, tất cả [các] điều ấy đều vận hành ở bên trong trí của đức Phật. Tất cả thân nghiệp của đức Phật Thế Tôn đều vận hành theo trí, tất cả khẩu nghiệp, tất cả ý nghiệp của đức Phật Thế Tôn đều vận hành theo trí. Đức Phật Thế Tôn có trí không bị chướng ngại về quá khứ, có trí không bị chướng ngại về vị lai, có trí không bị chướng ngại về hiện tại. Điều-có-thể-biết là chừng nào thì trí là chừng ấy, trí là chừng nào thì điều-có-thể-biết là chừng ấy. Trí có điều-có-thể-biết là giới hạn, điều-có-thể-biết có trí là giới hạn; vượt qua điều-có-thể-biết thì trí không vận hành, vượt qua trí thì không có hành trình

[3] Xem chú thích về Nhất thiên (Tiểu thế giới), Nhị thiên (Trung thế giới), Tam thiên (Đại thiên thế giới) ở trang 294. (ND)

của điều-có-thể-biết; các pháp ấy có sự xác lập giới hạn tương xứng với nhau. Giống như hai nắp đậy của cái hộp được gắn liền đúng đắn, nắp đậy bên dưới không lệch nắp trên, nắp đậy bên trên không lệch nắp dưới, chúng có sự xác lập giới hạn tương xứng với nhau; tương tự như vậy, điều-có-thể-biết và trí của đức Phật Thế Tôn có sự xác lập giới hạn tương xứng với nhau. Điều-có-thể-biết là chừng nào thì trí là chừng ấy, trí là chừng nào thì điều-có-thể-biết là chừng ấy. Trí có điều-có-thể-biết là giới hạn, điều-có-thể-biết có trí là giới hạn; vượt qua điều-có-thể-biết thì trí không vận hành, vượt qua trí thì không có hành trình của điều-có-thể-biết; các pháp ấy có sự xác lập giới hạn tương xứng với nhau.

Trí của đức Phật Thế Tôn vận hành ở tất cả các pháp. Tất cả các pháp được gắn liền với sự hướng tâm, được gắn liền với sự mong muốn, được gắn liền với sự chú tâm, được gắn liền với sự khởi tâm của đức Phật Thế Tôn.

Trí của đức Phật Thế Tôn vận hành ở tất cả chúng sanh. Đức Thế Tôn biết tính tình, biết tiềm năng, biết nết hạnh, biết khuynh hướng của tất cả chúng sanh. Ngài nhận biết các chúng sanh có tầm nhìn bị vấy bụi ít và có tầm nhìn bị vấy bụi nhiều, có giác quan sắc sảo và có giác quan cùn lụt, có tánh khí tốt và có tánh khí tồi, có thể hiểu được một cách nhanh chóng và có thể hiểu được một cách khó khăn, có khả năng và không có khả năng. Thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, các hạng chư thiên và loài người, chuyển vận ở bên trong trí của đức Phật. Giống như bất cứ những loài cá và rùa nào, thậm chí luôn cả cá ông và cá voi, chuyển vận ở bên trong đại dương; tương tự như vậy, thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, các hạng chư thiên và loài người, chuyển vận ở bên trong trí của đức Phật. Giống như bất cứ những loài có cánh nào, thậm chí luôn cả loài nhân điểu là loài linh thú, chuyển vận ở phạm vi thuộc bầu trời; tương tự như vậy, những vị nào tương đương với vị Sāriputta về tuệ, những vị ấy cũng chuyển vận ở phạm vi thuộc Phật trí; Phật trí thâm nhập tuệ của chư thiên và loài người, ngự trị, và trụ lại. Những vị Sát-đế-ly sáng suốt, những vị Bà-la-môn sáng suốt, những gia chủ sáng suốt, những vị Sa-môn sáng suốt, tinh tế, quen thuộc với học thuyết của những người khác như người cung thủ có thể bắn trúng cọng tóc, nghĩ rằng họ hành xử với sự thành tựu của tuệ trong khi bẻ đôi các tà kiến. Sau khi chuẩn bị các câu hỏi, họ đi đến gặp đức Như Lai rồi hỏi các điều bí mật và đã được che giấu. Được đức Thế Tôn giảng giải và trả lời, các câu hỏi ấy trở nên rõ ràng. Những người ấy đều quy thuận với đức Thế Tôn. Khi ấy, chính đức Thế Tôn, trong trường hợp ấy, chói sáng rực rỡ; điều ấy là nhờ vào tuệ. Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhãn với tuệ nhãn nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhãn với Phật nhãn nghĩa là thế nào? Đức Thế Tôn, trong khi dùng Phật nhãn quán xét thế gian, đã nhìn thấy các chúng sanh có tầm nhìn bị vấy bụi ít và có tầm nhìn bị vấy bụi nhiều, có giác quan sắc sảo và có giác quan cùn lụt, có tánh khí tốt và có tánh khí tồi, có thể hiểu được một

cách nhanh chóng và có thể hiểu được một cách khó khăn, [đã nhìn thấy] một số chúng sanh đang sống có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong tội lỗi và [sự tái sanh vào] những đời sống khác, một số chúng sanh đang sống không có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong tội lỗi và [sự tái sanh vào] những đời sống khác. Cũng giống như ở hồ sen xanh hoặc ở hồ sen hồng hoặc ở hồ sen trắng, có một số sen xanh, hoặc sen hồng, hoặc sen trắng được sanh ra ở trong nước, được phát triển ở trong nước, không vươn ra khỏi nước, và được nuôi dưỡng chìm ở bên trong [nước]; có một số sen xanh, hoặc sen hồng, hoặc sen trắng được sanh ra ở trong nước, được phát triển ở trong nước, sống ngang bằng mặt nước; và có một số sen xanh, hoặc sen hồng, hoặc sen trắng được sanh ra ở trong nước, được phát triển ở trong nước, vươn lên khỏi nước và tồn tại không bị vấy bẩn bởi nước; tương tự như vậy, đức Thế Tôn trong khi dùng Phật nhãn quán xét thế gian đã nhìn thấy các chúng sanh có tầm nhìn bị vấy bụi ít và có tầm nhìn bị vấy bụi nhiều, có giác quan sắc sảo và có giác quan cùn lụt, có tánh khí tốt và có tánh khí tồi, có thể hiểu được một cách nhanh chóng và có thể hiểu được một cách khó khăn, [đã nhìn thấy] một số chúng sanh đang sống có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong tội lỗi và [sự tái sanh vào] những đời sống khác, một số chúng sanh đang sống không có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong tội lỗi và [sự tái sanh vào] những đời sống khác.

Đức Thế Tôn biết rằng: "Người này có tánh luyến ái, người này có tánh sân, người này có tánh si, người này có tánh tầm, người này có tánh tín, người này có tánh giác." Đối với người có tánh luyến ái, đức Thế Tôn thuyết bài giảng về đề mục tử thi. Đối với người có tánh sân, đức Thế Tôn chỉ dạy sự tu tập về tâm từ. Đối với người có tánh si, đức Thế Tôn dạy bảo việc đọc tụng, việc vấn hỏi, việc lắng nghe giáo pháp lúc hợp thời, việc bàn luận giáo pháp lúc hợp thời, việc cộng trú với vị thầy. Đối với người có tánh tầm, đức Thế Tôn chỉ dạy về niệm hơi thở vào hơi thở ra. Đối với người có tánh tín, đức Thế Tôn chỉ dạy về biểu hiện đem lại sự thành tín: Sự giác ngộ tốt đẹp của đức Phật, tính chất tốt đẹp của giáo pháp, sự hành trì tốt đẹp của chúng Tăng, và các giới của bản thân. Đối với người có tánh giác, đức Thế Tôn chỉ dạy về ấn chứng của pháp minh sát: Biểu hiện của vô thường, biểu hiện của khổ, biểu hiện của vô ngã.

3. *"Giống như người đứng ở đỉnh đầu của ngọn núi đá, cũng giống như người có thể nhìn thấy dân chúng ở xung quanh, tương tự như thế ấy, bạch đấng Khôn Ngoan, bạch đấng Toàn Nhãn, sau khi bước lên tòa lâu đài làm bằng giáo pháp, xin bậc đã xa lìa sầu muộn hãy quan sát chúng sanh bị rơi vào sầu muộn, bị ngự trị bởi sanh và già."*

Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhãn với Phật nhãn nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhãn với toàn nhãn nghĩa là thế nào? Toàn nhãn nói đến trí toàn giác. Đức Thế Tôn đã tiến đến, đã tiến gần, đã đến gần, đã tiến vào, đã đạt đến, đã đầy đủ, đã thành tựu với trí toàn giác.

4. *"Đối với Ngài, không có bất cứ điều gì ở nơi đây là không được nhìn*

thấy, không được nhận thức, hoặc không thể biết được. Điều nào có thể biết được, Ngài đã biết rõ tất cả; vì thế đức Như Lai là bậc Toàn Nhãn."

Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhãn với toàn nhãn nghĩa là như vậy.

"Bậc Hữu Nhãn được nhìn thấy là như thế" là như thế.

Sau khi xua đi tất cả tăm tối: Sau khi xóa đi, sau khi đuổi đi, sau khi từ bỏ, sau khi dứt bỏ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu tất cả sự tăm tối bởi luyến ái, sự tăm tối bởi sân hận, sự tăm tối bởi si mê, sự tăm tối bởi ngã mạn, sự tăm tối bởi tà kiến, sự tăm tối bởi ô nhiễm, sự tăm tối bởi uế hạnh, sự tạo ra tăm tối, sự làm cho mù mắt, sự tạo ra vô trí, sự diệt tận tuệ, đem đến sự buồn phiền, không vận hành đến Niết-bàn.

"Sau khi xua đi tất cả tăm tối" là như thế.

Chỉ một mình, Ngài đã đạt đến sự khoái cảm: Đức Thế Tôn là một mình, một mình theo quy định của đời sống xuất gia, một mình với ý nghĩa không người thứ hai, một mình với ý nghĩa dứt bỏ tham ái, một mình "có luyến ái đã được xa lìa hoàn toàn", một mình "có sân hận đã được xa lìa hoàn toàn", một mình "có si mê đã được xa lìa hoàn toàn", một mình "hoàn toàn không còn ô nhiễm", một mình "đã đi con đường độc đạo", một mình "đã giác ngộ quả vị Chánh đẳng giác vô thượng." "Một mình" là như thế.

Đức Thế Tôn là một mình theo quy định của đời sống xuất gia nghĩa là thế nào? Đức Thế Tôn, trong lúc đang còn thanh xuân, có tóc đen nhánh của tuổi trẻ, được thành tựu tuổi thanh niên tốt lành, vào giai đoạn đầu của tuổi thọ, trong khi mẹ và cha không mong muốn, với khuôn mặt đầy nước mắt, đang khóc lóc, đang than van; Ngài, sau khi cắt đứt mọi sự vướng bận của đời sống tại gia, sau khi cắt đứt sự vướng bận về vợ con, sau khi cắt đứt sự vướng bận về thân quyến, [sau khi cắt đứt sự vướng bận về bạn bè và thân hữu,][4] sau khi cắt đứt sự vướng bận về việc tích trữ, sau khi cạo bỏ râu tóc, khoác lên các tấm vải màu ca-sa, rời nhà xuất gia sống không nhà, sau khi đi đến trạng thái không có gì, một mình sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng. Đức Thế Tôn là một mình theo quy định của đời sống xuất gia nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn là một mình với ý nghĩa không người thứ hai nghĩa là thế nào? Trong khi đã được xuất gia như vậy, Ngài một mình thân cận các khu rừng, các nơi heo hút, các chỗ trú ngụ xa vắng có ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh. Ngài sống một mình, đi một mình, đứng một mình, nằm một mình, đi vào làng để khất thực một mình, đi trở về một mình, ngồi nơi vắng vẻ một mình, quyết định kinh hành một mình, sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng một mình. Đức Thế Tôn là một mình với ý nghĩa không người thứ hai nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn là một mình với ý nghĩa dứt bỏ tham ái nghĩa là thế nào? Ngài

---

[4] Đoạn này được thêm vào theo các tạng Miến Điện, Thái Lan và PTS; tạng Tích Lan không có. (ND)

một mình như vậy, không người thứ hai, trong khi sống không bị xao lãng, có nhiệt tâm, có bản tánh cương quyết, ở bờ sông Nerañjarā, nơi gốc cây Bồ-đề, trong khi đang nỗ lực sự nỗ lực vĩ đại, sau khi đã phá tan Ma vương, Thần chết, Hắc ám, thân quyến của những kẻ bị xao lãng, cùng với đạo quân binh; Ngài đã dứt bỏ, đã xua đi, đã làm chấm dứt, đã làm cho không còn hiện hữu sự vướng mắc là mạng lưới tham ái.

5. *"Có tham ái là bạn lữ, trong khi luân chuyển một thời gian dài đến cõi này và cõi khác, con người không vượt qua được luân hồi.*

6. *Sau khi biết được sự bất lợi như vậy, [biết được] tham ái là nguồn sanh khởi của khổ, vị Tỳ-khưu, có tham ái đã được xa lìa, không có sự nắm giữ, có niệm, nên ra đi du phương."*

Đức Thế Tôn là một mình với ý nghĩa dứt bỏ tham ái nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn là vị một mình "có luyến ái đã được xa lìa hoàn toàn" nghĩa là thế nào? Là vị một mình "có luyến ái đã được xa lìa hoàn toàn" do trạng thái đã được dứt bỏ đối với luyến ái, là vị một mình "có sân hận đã được xa lìa hoàn toàn" do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sân hận, là vị một mình "có si mê đã được xa lìa hoàn toàn" do trạng thái đã được dứt bỏ đối với si mê, là vị một mình "hoàn toàn không còn ô nhiễm" do trạng thái đã được dứt bỏ đối với các ô nhiễm.

Đức Thế Tôn là vị một mình "đã đi con đường độc đạo" nghĩa là thế nào? Con đường độc đạo nói đến bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần.

7. *"Vị nhìn thấy sự tiêu hoại và chấm dứt của sanh, có lòng thương tưởng đến điều lợi ích, nhận biết con đường độc đạo. Trong thời quá khứ các vị đã vượt qua, [trong thời vị lai] các vị sẽ vượt qua, và [trong thời hiện tại] các vị đang vượt qua dòng lũ bằng con đường này."*

Đức Thế Tôn là vị một mình "đã đi con đường độc đạo" nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn là vị một mình "đã giác ngộ quả vị Chánh đẳng giác vô thượng" nghĩa là thế nào? Giác ngộ nói đến trí ở bốn đạo, tuệ, tuệ quyền, tuệ lực, trạch pháp giác chi, sự thẩm xét, sự thấy rõ, chánh kiến. Nhờ vào trí giác ngộ ấy, đức Thế Tôn đã giác ngộ rằng: "Tất cả các hành là vô thường", đã giác ngộ rằng: "Tất cả các hành là khổ", đã giác ngộ rằng: "Tất cả các pháp là vô ngã", đã giác ngộ rằng: "Vô minh duyên cho các hành",... (nt)... đã giác ngộ rằng: "Sanh duyên cho lão, tử", đã giác ngộ rằng: "Do sự diệt tận của vô minh [đưa đến] sự diệt tận của các hành",... (nt)... đã giác ngộ rằng: "Do sự diệt tận của sanh [đưa đến] sự diệt tận của lão, tử", đã giác ngộ rằng: "Đây là khổ", đã giác ngộ rằng: "Đây là nhân sanh khổ", đã giác ngộ rằng: "Đây là sự diệt tận khổ", đã giác ngộ rằng: "Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ", đã giác ngộ rằng: "Đây là các lậu hoặc",... (nt)... đã giác ngộ rằng: "Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận các lậu hoặc", đã giác ngộ rằng: "Các pháp này cần

được biết toàn diện", đã giác ngộ rằng:... cần được dứt bỏ... cần được tu tập... cần được chứng ngộ", đã giác ngộ về nhân sanh khởi, sự tiêu hoại, sự hứng thú, sự bất lợi, và sự thoát ra của sáu xúc xứ; đã giác ngộ về nhân sanh khởi, sự tiêu hoại, sự hứng thú, sự bất lợi, và sự thoát ra năm thủ uẩn; đã giác ngộ về nhân sanh khởi, sự tiêu hoại, sự hứng thú, sự bất lợi và sự thoát ra bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió]; đã giác ngộ rằng: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt." Hoặc là, điều gì có thể giác ngộ [bởi Sơ đạo], có thể giác ngộ [bởi Nhị đạo], có thể giác ngộ [bởi Tam đạo], có thể giác ngộ [bởi Tứ đạo],[5] có thể chứng đắc, có thể chạm đến, có thể chứng ngộ, Ngài đã giác ngộ [Sơ đạo], đã giác ngộ [Nhị đạo], đã giác ngộ [Tam đạo], đã giác ngộ [Tứ đạo], đã giác ngộ đúng đắn, đã chứng đắc, đã chạm đến, đã chứng ngộ toàn bộ điều ấy nhờ vào trí giác ngộ ấy. Đức Thế Tôn là vị một mình "đã giác ngộ quả vị Chánh đẳng giác vô thượng" nghĩa là như vậy.

Đã đạt đến sự khoái cảm.

Sự khoái cảm: Khoái cảm của việc xuất gia, khoái cảm của sự viễn ly, khoái cảm của sự yên tịnh, khoái cảm của sự giác ngộ.

Đã đạt đến: Đã chứng đắc, đã chạm đến, đã chứng ngộ.

"Chỉ một mình, Ngài đã đạt đến sự khoái cảm" là như thế.

Vì thế, Trưởng lão Sāriputta đã nói rằng:

"Đối với thế gian có cả chư thiên,
Bậc Hữu Nhãn được nhìn thấy là như thế.
Sau khi xua đi tất cả tăm tối,
Chỉ một mình, Ngài đã đạt đến sự khoái cảm."

16.3. *Với ý định [hỏi] câu hỏi cho số đông đã được gắn bó ở nơi này, con đã đi đến gặp Ngài, đức Phật, bậc Không Nương Nhờ, đấng Tự Tại, vị Không Gạt Gẫm, bậc Có Đồ Chúng đã đi đến.*

Ngài, đức Phật, bậc Không Nương Nhờ, đấng Tự Tại.

Đức Phật: Vị ấy là đức Thế Tôn, đấng Tự Chủ, vị không có thầy, đã tự mình giác ngộ hoàn toàn các sự thật về các pháp chưa từng được nghe trước đây. Ngài đã đạt được trạng thái toàn tri về các pháp ấy và đã đạt được bản thể năng lực về các lực.

Đức Phật: Với ý nghĩa gì là đức Phật? "Vị đã giác ngộ các chân lý" là đức Phật. "Vị đã giúp cho chúng sanh giác ngộ" là đức Phật. Do trạng thái toàn tri là đức Phật. Do trạng thái nhìn thấy tất cả là đức Phật. Do trạng thái không bị người khác dẫn dắt là đức Phật. Do trạng thái nở rộ [các đức hạnh] là đức Phật. Do được công nhận đã cạn kiệt các lậu hoặc là đức Phật. Do được công nhận

[5] Bốn động từ *bujjhati, anubujjhati, paṭibujjhati và sambujjhati* có cùng một gốc động từ là √*budh*, có nghĩa là "giác ngộ", được thêm vào các tiếp đầu ngữ *anu, paṭi, sam* để tạo thành ba động từ khác với ý nghĩa đã được thay đổi ít nhiều. Ý nghĩa của bốn động từ trên đã được viết theo sự giải thích của *Chú giải* (*NidA*. II. 440). (ND)

không có tùy phiền não là đức Phật. "Vị có luyến ái đã được xa lìa hoàn toàn" là đức Phật. "Vị có sân hận đã được xa lìa hoàn toàn" là đức Phật. "Vị có si mê đã được xa lìa hoàn toàn" là đức Phật. "Vị hoàn toàn không còn ô nhiễm" là đức Phật. "Vị đã đi con đường độc đạo" là đức Phật. "Vị độc nhất đã giác ngộ quả vị Chánh đẳng giác vô thượng" là đức Phật. Do trạng thái đã phá tan sự không giác ngộ là đức Phật. Do việc đạt được sự giác ngộ là đức Phật. "Đức Phật", tên gọi này không do mẹ tạo ra, không do cha tạo ra, không do anh [em] trai tạo ra, không do chị [em] gái tạo ra, không do bạn bè hoặc thân hữu tạo ra, không do các thân quyến và những người cùng huyết thống tạo ra, không do các Sa-môn hoặc Bà-la-môn tạo ra, không do chư thiên tạo ra. Sự tận cùng của giải thoát này là sự quy định thuộc về chư Phật Thế Tôn, do sự đạt được, do sự chứng ngộ trí Toàn tri ở cội cây Bồ-đề, tức là "đức Phật." "Ngài, đức Phật" là như thế.

Bậc Không Nương Nhờ: Có hai sự nương tựa: Nương tựa vào tham ái và nương tựa vào tà kiến.

Việc nào là nương tựa vào tham ái? Cho đến vật đã được tạo lập ranh giới, đã được tạo lập biên giới, đã được tạo lập giới hạn, đã được tạo lập hạn định, đã thuộc sở hữu, đã được chấp là của ta bởi cái gọi là tham ái rằng: Cái này là của tôi, cái ấy là của tôi, chừng này là của tôi, cho đến chừng này là của tôi, các sắc, các thinh, các hương, các vị, các xúc, các vật trải lót, các vật đắp, các tôi trai và tớ gái, dê, cừu, gà, heo, voi, bò, ngựa, lừa, ruộng, đất, vàng, bạc, làng mạc, thị trấn, kinh thành, quốc độ, xứ sở, khu trại và nhà kho của tôi, và luôn cả toàn thể đại địa cầu, đều được chấp là của ta do tác động của tham ái, được giải rộng ra cho đến một trăm lẻ tám ái; việc này là nương tựa vào tham ái.

Việc nào là nương tựa vào tà kiến? Thân kiến có hai mươi nền tảng, tà kiến có mười nền tảng, hữu biên kiến có mười nền tảng, quan điểm nào có hình thức như vậy là sự đi đến tà kiến, có sự nắm giữ của tà kiến, có sự hiểm trở của tà kiến, có sự bóp méo của tà kiến, có sự xáo động của tà kiến, có sự ràng buộc của tà kiến; là sự nắm lấy, sự chấp nhận, sự chấp chặt, sự bám víu, con đường xấu, con đường sai trái, bản thể sai trái, ngoại giáo, sự nắm lấy đường lối trái nghịch, sự nắm lấy điều sai lệch, sự nắm lấy điều trái khuấy, sự nắm lấy điều sai trái, sự nắm lấy điều không xác đáng cho là xác đáng, cho đến sáu mươi hai tà kiến; việc này là nương tựa vào tà kiến.

Đối với đức Phật Thế Tôn, sự nương tựa vào tham ái được dứt bỏ, sự nương tựa vào tà kiến được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự nương tựa vào tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự nương tựa vào tà kiến; đức Thế Tôn không nương nhờ mắt, không nương nhờ tai, mũi, lưỡi, thân, ý, không nương nhờ các sắc, các thinh, các hương, các vị, các xúc, các pháp, gia tộc, đồ chúng, chỗ ngụ, lợi lộc, danh vọng, lời khen, hạnh phúc, y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, dục giới, sắc giới, vô sắc giới, cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc, cõi hữu tưởng, cõi vô tưởng, cõi phi tưởng phi phi tưởng, cõi một uẩn, cõi bốn uẩn, cõi năm uẩn, quá khứ, vị lai, hiện tại, các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được

nhận thức; không nương tựa, không bám vào, không đến gần, không bám chặt, không hướng đến, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

"Ngài, đức Phật, bậc không nương nhờ" là như thế.

Đấng Tự Tại: Đức Thế Tôn là đấng Tự Tại với năm biểu hiệu: Tự tại về đối tượng ước muốn và không ước muốn, tự tại với ý nghĩa "đã từ bỏ", tự tại với ý nghĩa "đã vượt qua", tự tại với ý nghĩa "đã giải thoát", tự tại với việc diễn giải điều ấy.

Đức Thế Tôn tự tại về đối tượng ước muốn và không ước muốn nghĩa là thế nào? Đức Thế Tôn là tự tại về lợi lộc, tự tại về không lợi lộc, tự tại về danh vọng, tự tại về không danh vọng, tự tại về lời khen, tự tại về lời chê, tự tại về hạnh phúc, tự tại về khổ đau; nếu người ta thoa một cánh tay với dầu thơm, nếu người ta đẽo một cánh tay với cái rìu thì không có luyến ái về điều ấy, không có bất bình về điều ấy, Ngài đã lìa bỏ sự ưa chuộng và bất bình, đã vượt qua khỏi sự hưng phấn và chán nản, đã vượt qua hẳn sự chiều chuộng và chống đối; đức Thế Tôn tự tại về đối tượng ước muốn và không ước muốn nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn tự tại với ý nghĩa "đã từ bỏ" nghĩa là thế nào? Đối với đức Thế Tôn, sự luyến ái đã được từ bỏ, đã được tẩy trừ, đã được giải thoát, đã được dứt bỏ, đã được buông bỏ; sự sân hận, si mê, giận dữ, thù hằn, gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bỏn xẻn, xảo trá, lừa gạt, bướng bỉnh, hung hăng, ngã mạn, cao ngạo, đam mê, xao lãng, tất cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bực bội, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bất thiện đã được từ bỏ, đã được tẩy trừ, đã được giải thoát, đã được dứt bỏ, đã được buông bỏ; đức Thế Tôn tự tại với ý nghĩa "đã từ bỏ" nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn tự tại với ý nghĩa "đã vượt qua" nghĩa là thế nào? Đức Thế Tôn đã vượt qua dòng lũ [ngũ] dục, đã vượt qua dòng lũ của hữu, đã vượt qua dòng lũ tà kiến, đã vượt qua dòng lũ vô minh, đã vượt qua mọi nẻo đường luân hồi, đã vượt lên, đã vượt ra khỏi, đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi. Ngài đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành, đã hoàn mãn cuộc hành trình, đã hoàn mãn hướng đi, đã đi đến điểm cuối cùng, đã hộ trì Phạm hạnh, đã đạt đến kiến tối thượng, đã tu tập đạo lộ, đã dứt bỏ ô nhiễm, đã thấu triệt sự không thể thay đổi, đã chứng ngộ diệt đế.

Đối với Ngài, khổ đã được biết toàn diện, tập đã được dứt bỏ, đạo đã được tu tập, diệt đã được chứng ngộ. Điều cần được biết rõ đã được biết rõ, điều cần được biết toàn diện đã được biết toàn diện, điều cần được dứt bỏ đã được dứt bỏ, điều cần được tu tập đã được tu tập, điều cần được chứng ngộ đã được chứng ngộ. Ngài đã hất tung rào chắn [vô minh], đã san lấp mương rãnh [luân hồi tái sanh], đã nhổ lên cột trụ [tham ái], không còn chốt cửa, là Thánh thiện, đã hạ xuống ngọn cờ [ngã mạn], đã đặt xuống gánh nặng, đã tháo khỏi ách, đã dứt bỏ hẳn ngũ dục, đã thành tựu sáu căn, có một sự bảo hộ [niệm], có bốn sự nâng đỡ, đã xua đi sự độc đoán, có sự tầm cầu đã được hoàn toàn cởi bỏ, có

tâm tư không bị xáo trộn, có thân hành đã được an tịnh, có tâm khéo được giải thoát, có tuệ khéo được giải thoát, toàn hảo, đã được hoàn mãn, là con người tối thượng, con người tột đỉnh, đã đạt được sự thành đạt tột đỉnh.

Ngài không tích lũy [nghiệp] cũng không loại trừ, tồn tại sau khi đã loại trừ [ô nhiễm]; không dứt bỏ [ô nhiễm] cũng không chấp thủ, tồn tại sau khi đã dứt bỏ; không tự kết nối [tham ái] cũng không tháo gỡ, tồn tại sau khi đã tháo gỡ; không dập tắt [lửa phiền não] cũng không đốt cháy, tồn tại sau khi đã dập tắt; tồn tại với trạng thái đã được thành tựu về giới uẩn của bậc Vô học, tồn tại với trạng thái đã được thành tựu về định uẩn của bậc Vô học, tồn tại với trạng thái đã được thành tựu về tuệ uẩn của bậc Vô học, tồn tại với trạng thái đã được thành tựu về giải thoát uẩn của bậc Vô học, tồn tại với trạng thái đã được thành tựu về giải thoát tri kiến uẩn của bậc Vô học; tồn tại sau khi đã thấu suốt chân lý, tồn tại sau khi đã vượt qua dục vọng, tồn tại sau khi đã trấn áp lửa phiền não, tồn tại do không đi vòng quanh [ở luân hồi], tồn tại sau khi đã thọ trì lời giảng, tồn tại do thân cận với giải thoát, tồn tại với sự thanh tịnh của từ, tồn tại với sự thanh tịnh của bi, tồn tại với sự thanh tịnh của hỷ, tồn tại với sự thanh tịnh của xả, tồn tại với sự thanh tịnh tột cùng, tồn tại với sự thanh tịnh của trạng thái không còn tham ái, tà kiến và ngã mạn, tồn tại với trạng thái đã được giải thoát, tồn tại với trạng thái đã được hài lòng, tồn tại trong giai đoạn cuối của các uẩn, tồn tại trong giai đoạn cuối của các giới, tồn tại trong giai đoạn cuối của các xứ, tồn tại trong giai đoạn cuối của cảnh giới tái sanh, tồn tại trong giai đoạn cuối của sự tái sanh, tồn tại trong giai đoạn cuối của sự nối liền tái sanh, tồn tại trong giai đoạn cuối của kiếp sống, tồn tại trong giai đoạn cuối của luân hồi, tồn tại trong giai đoạn cuối của sự luân chuyển, tồn tại trong kiếp sống cuối cùng, tồn tại trong thân xác cuối cùng. Với việc duy trì thân xác cuối cùng là đức Thế Tôn.

"Đối với vị ấy, sự hiện hữu này là cuối cùng,
Thân xác này là sau chót,
Việc sanh tử luân hồi,
Việc hiện hữu lần nữa không có đối với vị ấy."

Đức Thế Tôn tự tại với ý nghĩa "đã vượt qua" nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn tự tại với ý nghĩa "đã giải thoát" nghĩa là thế nào? Đối với đức Thế Tôn, tâm đã được thoát khỏi, đã được giải thoát, đã khéo được giải thoát khỏi sự luyến ái; tâm đã được thoát khỏi, đã được giải thoát, đã khéo được giải thoát khỏi sự sân hận… khỏi sự si mê… khỏi sự giận dữ… khỏi sự thù hằn… khỏi sự gièm pha… khỏi sự ác ý… khỏi sự ganh tỵ… khỏi sự bỏn xẻn… khỏi sự xảo trá… khỏi sự lừa gạt… khỏi sự bướng bỉnh… khỏi sự hung hăng… khỏi sự ngã mạn… khỏi sự cao ngạo… khỏi sự đam mê… khỏi sự xao lãng… khỏi tất cả ô nhiễm… khỏi tất cả uế hạnh… khỏi mọi sự lo lắng… khỏi mọi sự bực bội… khỏi mọi sự nóng nảy… khỏi tất cả các pháp tạo tác bất thiện; đức Thế Tôn tự tại với ý nghĩa "đã giải thoát" nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn tự tại với việc diễn giải điều ấy nghĩa là thế nào? Đức Thế Tôn khi giới hiện diện, tự tại với việc diễn giải điều ấy rằng: "Ta có giới"; khi tín hiện diện, tự tại với việc diễn giải điều ấy rằng: "Ta có tín"; khi tấn hiện diện, tự tại với việc diễn giải điều ấy rằng: "Ta có tấn"; khi niệm hiện diện, tự tại với việc diễn giải điều ấy rằng: "Ta có niệm"; khi định hiện diện, tự tại với việc diễn giải điều ấy rằng: "Ta định tĩnh"; khi tuệ hiện diện, tự tại với việc diễn giải điều ấy rằng: "Ta có tuệ"; khi minh hiện diện, tự tại với việc diễn giải điều ấy rằng: "Ta có ba minh"; khi thắng trí hiện diện, tự tại với việc diễn giải điều ấy rằng: "Ta có sáu thắng trí", đức Thế Tôn tự tại với việc diễn giải điều ấy nghĩa là như vậy.

"Ngài, đức Phật, bậc Không Nương Nhờ, đấng Tự Tại" là như thế.

Vị Không Gạt Gẫm, bậc Có Đồ Chúng đã đi đến.

Không gạt gẫm: Có ba kiểu cách gạt gẫm: Kiểu cách gạt gẫm liên quan đến việc sử dụng [bốn món] vật dụng, kiểu cách gạt gẫm liên quan đến các oai nghi, kiểu cách gạt gẫm liên quan đến việc nói gần nói xa.

Kiểu cách gạt gẫm liên quan đến việc sử dụng [bốn món] vật dụng là kiểu cách nào? Ở đây, các gia chủ thỉnh mời vị Tỳ-khưu về y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Vị ấy có ước muốn xấu xa, bị thúc đẩy bởi ước muốn, có sự tầm cầu, do sự mong muốn được nhiều hơn về y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh, rồi từ chối y phục, từ chối đồ ăn khất thực, từ chối chỗ nằm ngồi, từ chối vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Vị ấy đã nói như sau: "Lợi ích gì cho vị Sa-môn với y phục đắt giá? Điều đúng đắn là vị Sa-môn nên nhặt các mảnh vải từ bãi tha ma, hoặc từ đống rác, hoặc từ vải bỏ của tiệm vải, rồi làm y hai lớp và mặc vào. Lợi ích gì cho vị Sa-môn với đồ ăn khất thực đắt giá? Điều đúng đắn là vị Sa-môn nên duy trì mạng sống bằng vắt thức ăn do việc đi khất thực. Lợi ích gì cho vị Sa-môn với chỗ nằm ngồi đắt giá? Điều đúng đắn là vị Sa-môn nên ngụ ở gốc cây, hoặc là ngụ ở mộ địa, hoặc là ngụ ở ngoài trời. Lợi ích gì cho vị Sa-môn với vật dụng là thuốc men chữa bệnh đắt giá? Điều đúng đắn là vị Sa-môn nên chế tạo thuốc men với nước tiểu bò hoặc với mẩu cây harītakī." Từ đó trở đi, vị ấy mặc y thô tệ, ăn đồ ăn khất thực thô tệ, sử dụng chỗ nằm ngồi thô tệ, sử dụng vật dụng là thuốc men chữa bệnh thô tệ. Các gia chủ biết về vị ấy như vầy:

"Vị Sa-môn này ít ham muốn, tự biết đủ, sống tách biệt, không giao du, có sự ra sức tinh tấn, thuyết về hạnh từ khước", rồi thỉnh mời [vị ấy] về y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh nhiều hơn nữa. Vị ấy đã nói như sau: "Do sự hiện diện của ba pháp, người thiện tín tạo ra nhiều phước báu; do sự hiện diện của đức tin, người thiện tín tạo ra nhiều phước báu; do sự hiện diện của vật thí, người thiện tín tạo ra nhiều phước báu; do sự hiện diện của các bậc xứng đáng được cúng dường, người thiện tín tạo ra nhiều phước báu. Và các người là có đức tin, có vật thí, còn tôi là người thọ nhận. Nếu tôi không thọ nhận, như vậy các người sẽ mất phần phước báu. Không có

lợi ích gì cho tôi với việc này, nhưng vì lòng thương tưởng đến các người mà tôi thọ nhận." Từ đó trở đi, vị ấy thọ nhận nhiều y phục, thọ nhận nhiều đồ ăn khất thực, thọ nhận nhiều chỗ nằm ngồi, thọ nhận nhiều vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Những sự nhíu mày có hình thức như vậy là trạng thái nhíu mày, sự gạt gẫm, thái độ gạt gẫm, trạng thái gạt gẫm; đây là kiểu cách gạt gẫm liên quan đến việc sử dụng [bốn món] vật dụng.

Kiểu cách gạt gẫm liên quan đến các oai nghi là kiểu cách nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó có ước muốn xấu xa, bị thúc đẩy bởi ước muốn, mong muốn sự tôn kính, [nghĩ rằng:] "Như vầy mọi người sẽ tôn kính ta", rồi tạo dáng đi, tạo dáng đứng, tạo dáng ngồi, tạo dáng nằm, lập nguyện rồi mới đi, lập nguyện rồi mới đứng, lập nguyện rồi mới ngồi, lập nguyện rồi mới nằm, đi như là đã đắc định, đứng như là đã đắc định, ngồi như là đã đắc định, nằm như là đã đắc định, là người tham thiền giữa công chúng. Những việc tạo dáng ra vẻ nghiêm trang của các oai nghi có hình thức như vậy là biểu hiện tạo dáng, việc tạo dáng, sự nhíu mày, trạng thái nhíu mày, sự gạt gẫm, thái độ gạt gẫm, trạng thái gạt gẫm; đây là kiểu cách gạt gẫm liên quan đến các oai nghi.

Kiểu cách gạt gẫm liên quan đến việc nói gần nói xa là kiểu cách nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó có ước muốn xấu xa, bị thúc đẩy bởi ước muốn, mong muốn sự tôn kính, [nghĩ rằng:] "Như vầy mọi người sẽ tôn kính ta", rồi nói lời liên quan đến Thánh pháp. Nói rằng: "Vị nào mặc y như vầy, vị ấy là Sa-môn có uy lực lớn." Nói rằng: "Vị nào mang bình bát, mang bát nhỏ bằng đồng, mang bình nước, mang đồ lọc nước, mang chìa khóa, mang dép, mang dây thắt lưng, mang dây buộc, vị ấy là Sa-môn có uy lực lớn." Nói rằng: "Vị nào có thầy tế độ như vầy, vị ấy là Sa-môn có uy lực lớn." Nói rằng: "Vị nào có thầy dạy học… có các vị đồng thầy tế độ… có các vị đồng thầy dạy học… có các bạn bè… có các vị đồng quan điểm… có các vị thân thiết… có các vị thân hữu như vầy, vị ấy là Sa-môn có uy lực lớn." Nói rằng: "Vị nào ngụ ở trú xá như vầy, vị ấy là Sa-môn có uy lực lớn." Nói rằng: "Vị nào ngụ ở nhà một mái… ngụ ở tòa lâu đài… ngụ ở tòa nhà dài… ngụ ở hang động… ngụ ở thạch thất… ngụ ở cốc liêu… ngụ ở nhà mái nhọn… ngụ ở chòi canh… ngụ ở ngôi nhà tròn… ngụ ở căn lều… ngụ ở hội trường… ngụ ở mái che… ngụ ở gốc cây như vầy, vị ấy là Sa-môn có uy lực lớn."

Hoặc là, vị giả nhân giả nghĩa, vị nhíu mặt nhăn mày, vị gạt gẫm lừa dối, vị tỉ tê nài nỉ, thể hiện ở khuôn mặt [để người khác hiểu lầm rằng]: "Vị Sa-môn này đã đạt được các sự thể nhập an tịnh có hình thức như thế này", rồi thuyết bài giảng thâm sâu, bí hiểm, vi tế, ẩn tàng, vô thượng ở thế gian, gắn liền với không tánh, tương đương với pháp ấy. Những sự nhíu mày có hình thức như vậy là trạng thái nhíu mày, sự gạt gẫm, thái độ gạt gẫm, trạng thái gạt gẫm; đây là kiểu cách gạt gẫm liên quan đến việc nói gần nói xa.

Đối với đức Phật Thế Tôn, ba kiểu cách gạt gẫm này đã được dứt bỏ, đã

được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vì thế đức Phật là vị không gạt gẫm. "Vị không gạt gẫm" là như thế.

Bậc Có Đồ Chúng đã đi đến.

Bậc Có Đồ Chúng: Đức Thế Tôn là bậc Có Đồ Chúng; "vị thầy của đồ chúng" là bậc có đồ chúng; "bậc Đạo Sư của đồ chúng" là bậc có đồ chúng; "vị chăm nom đồ chúng" là bậc có đồ chúng; "vị giáo huấn đồ chúng" là bậc có đồ chúng; "vị chỉ dạy đồ chúng" là bậc có đồ chúng; "vị tự tin tiếp cận đồ chúng" là bậc có đồ chúng; "đối với Ngài, đồ chúng lắng nghe, lóng tai nghe, thiết lập tâm mong muốn hiểu biết" là bậc có đồ chúng; "vị đưa đồ chúng ra khỏi bất thiện pháp và sách tấn thiện pháp" là bậc có đồ chúng; vị có đồ chúng Tỳ-khưu là bậc có đồ chúng; vị có đồ chúng Tỳ-khưu-ni là bậc có đồ chúng; vị có đồ chúng nam cư sĩ là bậc có đồ chúng; vị có đồ chúng nữ cư sĩ là bậc có đồ chúng; vị có đồ chúng vua chúa là bậc có đồ chúng; vị có đồ chúng Sát-đế-ly là bậc có đồ chúng; vị có đồ chúng Bà-la-môn là bậc có đồ chúng; vị có đồ chúng thương buôn là bậc có đồ chúng; vị có đồ chúng nô lệ là bậc có đồ chúng; vị có đồ chúng chư thiên là bậc có đồ chúng; vị có đồ chúng Phạm thiên là bậc có đồ chúng; vị có hội chúng là bậc có đồ chúng, là vị thầy của đồ chúng.

Đã đi đến: Đã đi đến, đã đi đến gần, đã tiến đến gần, đã đạt đến thành Saṅkassa.

"Vị Không Gạt Gẫm, bậc Có Đồ Chúng đã đi đến" là như thế.

Cho số đông đã được gắn bó ở nơi này.

Cho số đông: Là cho số đông các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, các thương buôn, các nô lệ, các người tại gia, các bậc xuất gia, chư thiên và loài người.

Đã được gắn bó: Những người tùy tùng, những người hầu cận, những người học trò đã được gắn bó.

"Cho số đông đã được gắn bó ở nơi này" là như thế.

Với ý định [hỏi] câu hỏi, con đã đi đến: Là người có nhu cầu với câu hỏi, con đã đi đến; có ý muốn hỏi câu hỏi, con đã đi đến; có ý muốn nghe câu hỏi, con đã đi đến. "Với ý định [hỏi] câu hỏi, con đã đi đến" là như vậy. Hoặc là, có sự đi đến, sự tiến đến, sự đến gần, sự ngồi gần của những người có nhu cầu về câu hỏi, của những người có ý muốn hỏi câu hỏi, của những người có ý muốn nghe câu hỏi. "Với ý định [hỏi] câu hỏi, con đã đi đến" còn là như vậy. Hoặc là, Ngài có sự hiểu biết về câu hỏi, Ngài cũng có năng lực, Ngài có khả năng để thuyết giảng, để giải thích điều được hỏi bởi con, Ngài hãy dời di gánh nặng này.

"Với ý định [hỏi] câu hỏi, con đã đi đến" còn là như vậy.

Vì thế, Trưởng lão Sāriputta đã nói rằng:

"Với ý định [hỏi] câu hỏi cho số đông đã được gắn bó ở nơi này, con đã đi đến gặp Ngài, đức Phật, bậc Không Nương Nhờ, đấng Tự Tại, vị Không Gạt Gẫm, bậc Có Đồ Chúng đã đi đến."

16.4. *Đối với vị Tỳ-khưu đang nhờm gớm [sanh, già, bệnh, chết, v.v...] đang thân cận chỗ ngồi trống vắng, gốc cây, hoặc mộ địa, hoặc ở các hang động của những ngọn núi.*

Đối với vị Tỳ-khưu đang nhờm gớm.

Đối với vị Tỳ-khưu: Đối với vị Tỳ-khưu phàm nhân tốt lành hoặc đối với vị Tỳ-khưu là bậc Hữu học.

Đang nhờm gớm: Đang nhờm gớm với sanh, đang nhờm gớm với già,… với bệnh,… với chết,… với các nỗi sầu-bi-khổ-ưu-não; đang nhờm gớm với khổ ở địa ngục, với khổ ở loài thú, với khổ ở thân phận ngạ quỷ, với khổ của loài người, với khổ bắt nguồn từ việc nhập thai, với khổ bắt nguồn từ việc trụ thai, với khổ bắt nguồn từ việc ra khỏi thai, với khổ gắn liền sau khi sanh ra, với khổ do kẻ khác áp đặt sau khi sanh ra, với khổ do sự ra sức của bản thân, với khổ do sự ra sức của kẻ khác, với khổ do [thọ] khổ, với khổ do pháp tạo tác, với khổ do sự biến đổi; với khổ do bệnh ở mắt, với khổ do bệnh ở tai trong, với khổ do bệnh ở mũi, với khổ do bệnh ở lưỡi, với khổ do bệnh ở thân, với khổ do bệnh ở đầu, với khổ do bệnh ở lỗ tai, với khổ do bệnh ở miệng, với khổ do bệnh ở răng, với ho, với suyễn, với sổ mũi, với nhiệt, với cảm sốt, với đau bụng, với xây xẩm, với kiết lỵ, với đau bụng bão, với dịch tả, với phong cùi, với khối u, với bệnh chàm, với lao phổi, với động kinh, với mụt, với nhọt, với ghẻ ngứa, với sảy, với loét tay chân, với máu và mật, với bệnh tiểu đường, với bệnh trĩ, với ghẻ lở, với loét hậu môn, với bệnh phát khởi từ mật, với bệnh phát khởi từ đàm, với bệnh phát khởi từ gió, với bệnh tổng hợp [do mật-đàm-gió], với bệnh sanh lên vì thay đổi thời tiết, với bệnh sanh lên vì bốn oai nghi không đồng đều, với bệnh thuộc dạng cấp tính, với bệnh sanh lên vì quả của nghiệp, với lạnh, với nóng, với đói, với khát, với đại tiện, với tiểu tiện; với khổ bởi các xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát; với khổ do cái chết của mẹ, với khổ do cái chết của cha, với khổ do cái chết của anh [em] trai… do cái chết của chị [em] gái… do cái chết của con trai… do cái chết của con gái… do cái chết của thân quyến… do sự tổn hại về của cải… do sự tổn hại vì bệnh tật… do sự tổn hại về giới… đang nhờm gớm với khổ do sự tổn hại về kiến thức, đang bị phiền phức, đang chán nản, đang chán ghét.

"Đối với vị Tỳ-khưu đang nhờm gớm" là như thế.

Đang thân cận chỗ ngồi trống vắng.

Chỗ ngồi: Nói đến nơi nào vị ấy ngồi xuống, là cái giường, cái ghế, nệm, thảm đan, tấm da thú, thảm cỏ, thảm lá, thảm rơm. Chỗ ngồi ấy là trống vắng, tách biệt, tách rời với việc thấy các cảnh sắc không thích hợp; là trống vắng, tách biệt, tách rời với việc nghe các âm thanh không thích hợp; là trống vắng, tách biệt, tách rời với năm loại dục không thích hợp. Trong khi thân cận, trong khi gần gũi, trong khi phục vụ, trong khi phục dịch, trong khi kề cận, trong khi sử dụng chỗ ngồi tách biệt ấy.

"Đang thân cận chỗ ngồi trống vắng" là như thế.

Gốc cây, hoặc mộ địa: Gốc cây chỉ là gốc cây; mộ địa chỉ là mộ địa.

"Gốc cây, hoặc mộ địa" là như thế.

Hoặc ở các hang động của những ngọn núi: Ngọn núi chỉ là ngọn núi; hốc núi chỉ là hốc núi; hang núi chỉ là hang núi; những chỗ bên trong ngọn núi được gọi là các vùng bụng của ngọn núi.

"Hoặc ở các hang động của những ngọn núi" là như thế.

Vì thế, Trưởng lão Sāriputta đã nói rằng:

"Đối với vị Tỳ-khưu đang nhờm gớm [sanh, già, bệnh, chết, v.v...] đang thân cận chỗ ngồi trống vắng, gốc cây, hoặc mộ địa, hoặc ở các hang động của những ngọn núi."

16.5. *Ở những chỗ trú ngụ cao thấp, có bao nhiêu sự khiếp đảm ở nơi ấy mà vị Tỳ-khưu không nên run rẩy bởi chúng ở chỗ nằm ngồi không tiếng động?*

Ở những chỗ trú ngụ cao thấp.

Ở những chỗ cao thấp: Ở những chỗ cao thấp là ở những chỗ thấp kém hoặc cao sang, ở những chỗ tốt đẹp hoặc xấu xa.

Chỗ trú ngụ: Nói đến trú xá, nhà một mái, tòa lâu đài, tòa nhà dài, hang động.

"Ở những chỗ trú ngụ cao thấp" là như thế.

Có bao nhiêu sự khiếp đảm ở nơi ấy.

***Kuvanto*:** Là đang la lớn, đang kêu la, đang thét lên, đang tạo ra âm thanh. Hoặc là, *kīvanto*: Là có bao nhiêu, ước lượng bao nhiêu, xác định bao nhiêu, nhiều đến bao nhiêu các sự khiếp đảm ấy? Là các con sư tử, hổ, báo, gấu, chó rừng, chó sói, trâu rừng, voi, rắn, bò cạp, rết, hoặc có thể là các kẻ cướp hay những kẻ tàn bạo có hành động gây sự hoặc chưa có hành động gây sự.

"Có bao nhiêu sự khiếp đảm ở nơi ấy" là như thế.

Mà vị Tỳ-khưu không nên run rẩy bởi chúng.

Bởi chúng: Bởi những sự khiếp đảm ấy; sau khi nhìn thấy hoặc sau khi nghe được các sự khiếp đảm thì không nên run rẩy, không nên chấn động, không nên rúng động, không nên run sợ, không nên khiếp sợ, không nên hoảng sợ, không nên sợ hãi, không nên rơi vào sự kinh sợ; nên có tánh không nhút nhát, không kinh hãi, không sợ sệt, không trốn chạy, [vị Tỳ-khưu] nên sống có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ, có sự rởn lông đã được xa lìa.

"Mà vị Tỳ-khưu không nên run rẩy bởi chúng" là như thế.

Ở chỗ nằm ngồi không tiếng động: Là ở trú xứ có ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh.

"Ở chỗ nằm ngồi không tiếng động" là như thế.

Vì thế, Trưởng lão Sāriputta đã nói rằng:

"Ở những chỗ trú ngụ cao thấp, có bao nhiêu sự khiếp đảm ở nơi ấy mà vị Tỳ-khưu không nên run rẩy bởi chúng ở chỗ nằm ngồi không tiếng động?"

16.6. *Đối với vị đang đi đến khu vực chưa từng đi đến,*
Có bao nhiêu hiểm họa ở thế gian
Mà vị Tỳ-khưu cần khắc phục chúng
Ở các chỗ nằm ngồi xa vắng?

Có bao nhiêu hiểm họa ở thế gian.

Có bao nhiêu: Có bao nhiêu là ước lượng bao nhiêu, xác định bao nhiêu, nhiều đến bao nhiêu các hiểm họa ấy? Có hai loại hiểm họa: Hiểm họa hiển hiện và hiểm họa khuất lấp.

Các điều nào là hiểm họa hiển hiện? Các con sư tử, hổ, báo, gấu, chó rừng, chó sói, trâu rừng, voi, rắn, bò cạp, rết, hoặc có thể là các kẻ cướp hay những kẻ tàn bạo có hành động gây sự hoặc chưa có hành động gây sự; bệnh ở mắt, bệnh ở tai trong, bệnh ở mũi, bệnh ở lưỡi, bệnh ở thân, bệnh ở đầu, bệnh ở lỗ tai, bệnh ở miệng, bệnh ở răng, ho, suyễn, sổ mũi, nhiệt, cảm sốt, đau bụng, xây xẩm, kiết lỵ, đau bụng bão, dịch tả, phong cùi, khối u, bệnh chàm, lao phổi, động kinh, mụt, nhọt, ghẻ ngứa, sảy, loét tay chân, máu và mật, bệnh tiểu đường, bệnh trĩ, ghẻ lở, loét hậu môn, bệnh phát khởi từ mật, bệnh phát khởi từ đàm... (nt)... lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiểu tiện, các xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát. Các điều này được gọi là hiểm họa hiển hiện.

Các điều nào là hiểm họa khuất lấp? Uế hạnh về thân, uế hạnh về khẩu, uế hạnh về ý, pháp che lấp "mong muốn về dục", pháp che lấp "sân hận", pháp che lấp "dã dượi buồn ngủ", pháp che lấp "phóng dật và hối hận", pháp che lấp "hoài nghi", sự luyến ái, sân, si mê, giận dữ, thù hằn, gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bỏn xẻn, xảo trá, lừa gạt, bướng bỉnh, hung hăng, ngã mạn, cao ngạo, đam mê, xao lãng, tất cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bực bội, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bất thiện. Các điều này được gọi là hiểm họa khuất lấp.

Các hiểm họa: Các hiểm họa với ý nghĩa gì? Các hiểm họa bởi vì "chúng áp chế", các hiểm họa bởi vì "chúng đưa đến sự suy giảm", các hiểm họa bởi vì "nơi ấy là chỗ trú."

Các hiểm họa bởi vì "chúng áp chế" nghĩa là thế nào? Các hiểm họa ấy khống chế, áp chế, ngự trị, đè bẹp, trấn áp, chà đạp cá nhân ấy. Các hiểm họa bởi vì "chúng áp chế" nghĩa là như vậy.

Các hiểm họa bởi vì "chúng đưa đến sự suy giảm" nghĩa là thế nào? Các hiểm họa ấy đưa đến sự nguy hiểm, đến sự suy giảm đối với các thiện pháp. Đối với các thiện pháp nào? Đối với sự thực hành đúng đắn, đối với sự thực hành phù hợp, đối với sự thực hành không trái ngược, đối với sự thực hành không đối chọi, đối với sự thực hành đưa đến lợi ích, đối với sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, đối với việc làm đầy đủ các giới, đối với việc phòng vệ các giác quan, đối với việc biết chừng mực về vật thực, đối với sự luyện tập về tỉnh thức, đối với niệm và sự nhận biết rõ, đối với sự chuyên cần tu tập bốn sự thiết lập niệm, đối với sự chuyên cần tu tập bốn chánh cần,... bốn nền tảng của

thần thông,... năm quyền,... năm lực,... bảy yếu tố đưa đến giác ngộ,... đạo lộ Thánh thiện tám chi phần; chúng đưa đến sự nguy hiểm, đến sự suy giảm đối với các thiện pháp này. Các hiểm họa bởi vì "chúng đưa đến sự suy giảm" nghĩa là như vậy.

Các hiểm họa bởi vì "nơi ấy là chỗ trú" nghĩa là thế nào? Các ác bất thiện pháp này sanh lên ở nơi ấy thì có bản ngã [của người ấy] là nơi nương tựa. Giống như các sinh vật "có hang là chỗ trú" thì ngụ ở hang, các sinh vật có "nước là chỗ trú" thì ngụ ở nước, các sinh vật "có rừng là chỗ trú" thì ngụ ở rừng, các sinh vật "có cây cối là chỗ trú" thì ngụ ở cây cối; tương tự như vậy, các ác bất thiện pháp này sanh lên ở nơi ấy thì có bản ngã [của người ấy] là nơi nương tựa. Các hiểm họa bởi vì "nơi ấy là chỗ trú" còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

"Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có học trò, có thầy dạy học, sống khổ sở không thoải mái. Và này các Tỳ-khưu, thế nào là vị Tỳ-khưu có học trò, có thầy dạy học, sống khổ sở không thoải mái?

Này các Tỳ-khưu, ở đây, đối với vị Tỳ-khưu, sau khi nhìn thấy cảnh sắc bằng mắt, các ác bất thiện pháp nào có sự di chuyển [ở các đối tượng] và có sự tư duy đưa đến sự ràng buộc sanh khởi đến vị ấy, các ác bất thiện pháp ấy trú ngụ, chiếm ngự bên trong vị ấy; vì thế được gọi là "có học trò." Chúng chi phối vị ấy, "các ác bất thiện pháp chi phối vị ấy"; vì thế được gọi là "có thầy dạy học." Và thêm nữa, này các Tỳ-khưu, đối với vị Tỳ-khưu, sau khi nghe âm thanh bằng tai,... (nt)... sau khi ngửi hương bằng mũi,... (nt)... sau khi nếm vị bằng lưỡi,... (nt)... sau khi xúc chạm bằng thân,... (nt)... sau khi nhận thức pháp bằng ý, các ác bất thiện pháp nào có sự di chuyển [ở các đối tượng] và có sự tư duy đưa đến sự ràng buộc sanh khởi đến vị ấy, các ác bất thiện pháp ấy trú ngụ, chiếm ngự bên trong vị ấy; vì thế được gọi là "có học trò." Chúng chi phối vị ấy, "các ác bất thiện pháp chi phối vị ấy"; vì thế được gọi là "có thầy dạy học." Này các Tỳ-khưu, quả là như vậy, vị Tỳ-khưu có học trò, có thầy dạy học, sống khổ sở không thoải mái. Các hiểm họa bởi vì "nơi ấy là chỗ trú" còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

"Này các Tỳ-khưu, có ba pháp này là các vết nhơ bên trong, các kẻ thù bên trong, các đối thủ bên trong, các kẻ giết chóc bên trong, các kẻ đối nghịch bên trong. Ba pháp nào? Này các Tỳ-khưu, tham là vết nhơ bên trong, kẻ thù bên trong, đối thủ bên trong, kẻ giết chóc bên trong, kẻ đối nghịch bên trong. Này các Tỳ-khưu, sân... (nt)... Này các Tỳ-khưu, si là vết nhơ bên trong, kẻ thù bên trong, đối thủ bên trong, kẻ giết chóc bên trong, kẻ đối nghịch bên trong. Thật vậy, này các Tỳ-khưu, ba pháp này là các vết nhơ bên trong, các kẻ thù bên trong, các đối thủ bên trong, các kẻ giết chóc bên trong, các kẻ đối nghịch bên trong."

1. *"Tham là sự sanh ra điều không lợi ích, tham là sự rối loạn của tâm. Người đời không thấu hiểu sự nguy hiểm ấy đã được sanh ra từ bên trong.*

2. *Người bị khởi tham không biết được điều lợi ích, người bị khởi tham không nhìn thấy lý lẽ. Tham khống chế người nào, lúc ấy có sự mù quáng tối tăm hiện diện.*

3. *Sân là sự sanh ra điều không lợi ích, sân là sự rối loạn của tâm. Người đời không thấu hiểu sự nguy hiểm ấy đã được sanh ra từ bên trong.*

4. *Người bị nóng giận không biết được điều lợi ích, người bị nóng giận không nhìn thấy lý lẽ. Sự nóng giận khống chế người nào, lúc ấy có sự mù quáng tối tăm hiện diện.*

5. *Si là sự sanh ra điều không lợi ích, si là sự rối loạn của tâm. Người đời không thấu hiểu sự nguy hiểm ấy đã được sanh ra từ bên trong.*

6. *Người bị si mê không biết được điều lợi ích, người bị si mê không nhìn thấy lý lẽ. Si khống chế người nào, lúc ấy có sự mù quáng tối tăm hiện diện."*

Các hiểm họa bởi vì "nơi ấy là chỗ trú" còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

"Tâu Đại vương, quả thật có ba pháp được sanh lên thuộc nội phần; chúng sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khổ đau, sự sống không thoải mái cho con người. Ba pháp nào? Tham, tâu Đại vương, quả thật là pháp được sanh lên thuộc nội phần; nó sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khổ đau, sự sống không thoải mái cho con người. Sân, tâu Đại vương, quả thật… (nt)... Si, tâu Đại vương, quả thật là pháp được sanh lên thuộc nội phần; nó sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khổ đau, sự sống không thoải mái cho con người. Tâu Đại vương, quả thật ba pháp này được sanh lên thuộc nội phần, chúng sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khổ đau, sự sống không thoải mái cho con người."

7. *"Tham, sân và si, hiện hữu ở bản thân, hãm hại người có tâm ý xấu xa, tựa như việc kết trái hãm hại cây tre."*

Các hiểm họa bởi vì "nơi ấy là chỗ trú" còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

8. *"Luyến ái, sân hận và si mê có căn nguyên từ nơi [bản ngã] này.*
Ghét, thương, sự rởn lông sanh lên từ nơi [bản ngã] này.
Sự suy tư của tâm có nguồn sanh khởi từ nơi [bản ngã] này,
Tựa như những bé trai buông lơi con quạ [bị cột chân bởi sợi chỉ dài]."

Các hiểm họa bởi vì "nơi ấy là chỗ trú" còn là như vậy.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh,… (nt)… ở thế gian của các xứ.

"Có bao nhiêu hiểm họa ở thế gian" là như thế.

Đối với vị đang đi đến khu vực chưa từng đi đến.

Khu vực chưa từng đi đến: Nói đến bất tử, Niết-bàn, là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự

lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Khu vực ấy trước đây chưa đi đến, khu vực ấy đã không được đi đến trước đây trong thời gian dài này.

9. *"Giống như người mang cái bát dầu được chứa đầy ngang tới miệng đi vòng quanh, người đang ước nguyện khu vực trước đây chưa đi đến [Niết-bàn] nên hộ trì tâm của mình như vậy."*[6]

Đối với vị đang tiến đến, đang đi đến, đang tiến về khu vực trước đây chưa đi đến.

"Đối với vị đang đi đến khu vực chưa từng đi đến" là như thế.

Mà vị Tỳ-khưu cần khắc phục chúng.

Chúng: Những hiểm họa mà vị [Tỳ-khưu] cần khắc phục, cần ngự trị, cần đè bẹp, cần trấn áp, cần chà đạp.

"Mà vị Tỳ-khưu cần khắc phục chúng" là như thế.

Ở các chỗ nằm ngồi xa vắng: Ở nơi cuối cùng, ở nơi xa vắng, ở vùng ranh giới, hoặc ở rìa của núi đá, hoặc ở mép rừng, hoặc ở cuối sông, hoặc ở bờ nước, nơi không được cày bừa, không được gieo hạt, ở trú xứ vượt qua khỏi mép rừng không người lai vãng.

"Ở các chỗ nằm ngồi xa vắng" là như thế.

Vì thế, Trưởng lão Sāriputta đã nói rằng:

"Đối với vị đang đi đến khu vực chưa từng đi đến,
Có bao nhiêu hiểm họa ở thế gian
Mà vị Tỳ-khưu cần khắc phục chúng
Ở các chỗ nằm ngồi xa vắng?"

16.7. *Đối với vị này, cách thức nói năng nên là như thế nào?*
Đối với vị này, hành xử ở đây nên là như thế nào?
Đối với vị Tỳ-khưu có bản tánh cương quyết,
Giới và phận sự [của vị này] nên là như thế nào?

Đối với vị này, cách thức nói năng nên là như thế nào? Là hỏi về sự thanh tịnh của khẩu rằng: "Nên có cách thức nói năng như thế nào, được tồn tại thế nào, có kiểu cách gì, có biểu hiện gì?" Sự thanh tịnh của khẩu là thế nào? Ở đây, vị Tỳ-khưu sau khi dứt bỏ việc nói dối, là người tránh xa việc nói dối, có lời nói chân thật, liên quan đến sự thật, chắc chắn, đáng tin, không dối gạt thế gian; sau khi dứt bỏ lời nói đâm thọc, là người tránh xa lời nói đâm thọc; sau khi nghe ở chỗ này, không là người nói lại ở chỗ kia nhằm chia rẽ những người này, hoặc là sau khi nghe ở chỗ kia, không là người nói lại cho những người này nhằm chia rẽ những người kia; như vậy là người kết hợp những kẻ đã bị chia rẽ, là người khuyến khích những kẻ hòa hợp, là người thỏa thích việc hợp nhất, thích thú việc hợp nhất, hân hoan việc hợp nhất, là người nói lời tạo ra sự hợp

[6] *Bổn sanh* "Cái bát dầu" (*Telapattajātakaṃ*), số 96, *TTPV*, tập 32, trang 41, câu kệ 96. (ND)

nhất; sau khi dứt bỏ lời nói thô lỗ, là người tránh xa lời nói thô lỗ; lời nói nào là dịu ngọt, êm tai, đáng yêu, đi vào tim, tao nhã, làm đẹp lòng nhiều người, làm hợp ý nhiều người, là người nói lời có hình thức như thế. Sau khi dứt bỏ việc nói nhảm nhí, là người tránh xa việc nói nhảm nhí, là người nói đúng thời, nói về sự thật, nói về mục đích, nói về Pháp, nói về Luật, là người nói lời có giá trị, hợp thời, có lý lẽ, có chủ đề, liên quan đến mục đích. Là người được thành tựu bốn thiện hạnh về khẩu, [vị ấy] nói lời nói tránh xa bốn sự sai trái, là vị đã tránh khỏi ba mươi hai việc nói phù phiếm, đã xa lánh, đã tránh xa, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. Là người nói về mười đề tài nói chuyện, như là nói về ít ham muốn, nói về sự tự biết đủ, nói về viễn ly, nói về không giao du, nói về sự ra sức tinh tấn, nói về giới, nói về định, nói về tuệ, nói về giải thoát, nói về sự biết và thấy về giải thoát, nói về sự thiết lập niệm, nói về chánh cần, nói về nền tảng của thần thông, nói về quyền, nói về lực, nói về yếu tố đưa đến giác ngộ, nói về Đạo, nói về Quả, nói về Niết-bàn; là người đã kiềm chế ở lời nói, đã cố sức, đã kiềm giữ, đã bảo vệ, đã gìn giữ, đã hộ trì, đã thu thúc.

"Đối với vị này, cách thức nói năng nên là như thế nào?" là như thế.

Đối với vị này, hành xứ ở đây nên là như thế nào? Là hỏi về hành xứ rằng: "Nên có hành xứ như thế nào, được tồn tại thế nào, có kiểu cách gì, có biểu hiện gì?" Có nơi là hành xứ, có nơi là không phải hành xứ.

Nơi không phải hành xứ là nơi nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó có kỹ nữ là hành xứ, hoặc có góa phụ là hành xứ, hoặc có gái lỡ thời là hành xứ, hoặc có người vô căn là hành xứ, hoặc có Tỳ-khưu-ni là hành xứ, hoặc có quán rượu là hành xứ, sống gắn bó với các vị vua, với các quan đại thần của vua, với các ngoại đạo, với các đệ tử của ngoại đạo bằng sự kết giao không thích hợp. Hoặc hơn nữa, những gia đình nào là không có đức tin, không tịnh tín, không như là giếng nước, là những kẻ sỉ vả, là những kẻ chê bai, là những kẻ không mong muốn điều tốt đẹp, không mong muốn điều lợi ích, không mong muốn sự thoải mái, không mong muốn sự an toàn trong mối ràng buộc đối với các vị Tỳ-khưu, đối với các vị Tỳ-khưu-ni, đối với các cận sự nam, đối với các cận sự nữ; vị ấy phục vụ, thân cận, gần gũi các gia đình có hình thức như thế. Điều này được gọi là không phải hành xứ.

Hoặc là, khi đã vào đến xóm nhà, lúc đi theo con đường, vị [Tỳ-khưu] đi không thu thúc: Vị ấy vừa đi vừa nhìn voi, nhìn ngựa, nhìn xe, nhìn người đi bộ, nhìn các phụ nữ, nhìn các nam nhân, nhìn các cô gái, nhìn các cậu trai, nhìn các cửa tiệm, nhìn mặt tiền của các căn nhà, nhìn lên, nhìn xuống, nhìn xem hướng chính hướng phụ. Điều này được gọi là không phải hành xứ.

Hoặc là, sau khi nhìn thấy cảnh sắc bằng mắt, vị ấy có sự nắm giữ hình tướng, có sự nắm giữ chi tiết. Do nguyên nhân nào mà vị ấy... (nt)... có ý quyền không được thu thúc trong khi sống, khiến các sự tham đắm, ưu phiền, các ác bất thiện pháp có thể xâm nhập; vị ấy không thực hành sự thu thúc đối

với nguyên nhân ấy, không hộ trì nhãn quyền, không tiến hành sự thu thúc ở ý quyền. Điều này được gọi là không phải hành xứ.

Hoặc hơn nữa, một số Tôn giả Sa-môn và Bà-la-môn, sau khi thọ thực các bữa ăn được bố thí do đức tin, các vị ấy lại sống, đeo đuổi việc xem trình diễn có hình thức như vầy: Tức là múa, hát, đờn, vũ hội, nghe kể chuyện, vỗ tay theo nhịp, đánh chiêng, đánh trống, biểu diễn thời trang, trò chơi với banh sắt, trò tung hứng tre, lễ bốc mộ, đấu voi, đấu ngựa, đấu trâu, đấu bò mộng, đấu bò đực, đấu dê, đấu cừu, đấu gà, đấu chim cút, đấu gậy, đánh bốc, đấu vật, tập trận, dàn quân, đóng quân, xem sự điều quân, hoặc là như thế. Vị ấy đeo đuổi việc xem trình diễn có hình thức như thế ấy. Điều này được gọi là không phải hành xứ. Năm loại dục cũng là không phải hành xứ.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

"Này các Tỳ-khưu, các ngươi chớ du hành ở nơi không phải hành xứ, ở lãnh vực của kẻ thù. Này các Tỳ-khưu, đối với kẻ đang du hành ở nơi không phải hành xứ, ở lãnh vực của kẻ thù, Ma vương sẽ có được cơ hội, Ma vương sẽ có được đối tượng. Và này các Tỳ-khưu, đối với vị Tỳ-khưu, cái gì là không phải hành xứ, là lãnh vực của kẻ thù? Tức là năm loại dục. Năm loại nào? Các sắc được nhận thức bởi mắt là đáng mong, đáng muốn, đáng mến, đáng yêu, liên hệ đến dục, gợi tình; các thinh được nhận thức bởi tai… (nt)… các hương được nhận thức bởi mũi… (nt)… các vị được nhận thức bởi lưỡi… (nt)… các xúc được nhận thức bởi thân là đáng mong, đáng muốn, đáng mến, đáng yêu, liên hệ đến dục, gợi tình. Này các Tỳ-khưu, đối với vị Tỳ-khưu, nơi này là không phải hành xứ, là lãnh vực của kẻ thù." Điều này cũng được gọi là không phải hành xứ.

Hành xứ là nơi nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó không có kỹ nữ là hành xứ, không có góa phụ là hành xứ, không có gái lỡ thời là hành xứ, không có người vô căn là hành xứ, không có Tỳ-khưu-ni là hành xứ, không có quán rượu là hành xứ, sống không gắn bó với các vị vua, với các quan đại thần của vua, với các ngoại đạo, với các đệ tử của ngoại đạo bằng sự kết giao không thích hợp. Hoặc hơn nữa, những gia đình nào là có đức tin, tịnh tín, như là giếng nước, có sự chói sáng bởi y ca-sa, có sự qua lại của các vị ẩn sĩ, là những người mong muốn điều tốt đẹp, mong muốn điều lợi ích, mong muốn sự thoải mái, mong muốn sự an toàn trong mối ràng buộc đối với các vị Tỳ-khưu, đối với các vị Tỳ-khưu-ni, đối với các cận sự nam, đối với các cận sự nữ, vị ấy phục vụ, thân cận, gần gũi các gia đình có hình thức như thế. Điều này được gọi là hành xứ.

Hoặc là, khi đã vào đến xóm nhà, lúc đi theo con đường, vị Tỳ-khưu thu thúc khi đi: Vị ấy không nhìn voi, không nhìn ngựa, không nhìn xe, không nhìn người đi bộ,… (nt)… không nhìn xem hướng chính hướng phụ lúc đi. Điều này được gọi là hành xứ. Hoặc là, sau khi nhìn thấy cảnh sắc bằng mắt, vị Tỳ-khưu không có sự nắm giữ hình tướng,… (nt)… tiến hành sự thu thúc ở ý quyền.

Điều này được gọi là hành xứ. Hoặc hơn nữa, một số Tôn giả Sa-môn và Bà-la-môn, sau khi thọ thực các bữa ăn được bố thí do đức tin, rồi sống không đeo đuổi việc xem trình diễn có hình thức như vầy; tức là múa, hát, đờn,... (nt)... xem sự điều quân, hoặc là như thế. Vị ấy tránh xa việc xem trình diễn có hình thức như thế ấy. Điều này được gọi là hành xứ. Bốn sự thiết lập niệm cũng là hành xứ.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

"Này các Tỳ-khưu, các ngươi hãy du hành ở hành xứ, ở lãnh vực thuộc về người cha của mình. Này các Tỳ-khưu, đối với người đang du hành ở hành xứ, ở lãnh vực thuộc về người cha của mình, Ma vương sẽ không có được cơ hội, Ma vương sẽ không có được đối tượng. Và này các Tỳ-khưu, đối với vị Tỳ-khưu, cái gì là hành xứ, là lãnh vực thuộc về người cha của mình? Tức là bốn sự thiết lập niệm. Bốn là gì? Này các Tỳ-khưu, ở đây vị Tỳ-khưu sống có sự quan sát thân trên thân,... (nt)... trên các thọ,... (nt)... trên tâm, sống có sự quan sát pháp trên các pháp, có nhiệt tâm, có sự nhận biết rõ rệt, có niệm, sau khi đã loại trừ tham đắm và ưu phiền ở thế gian. Này các Tỳ-khưu, đối với vị Tỳ-khưu, nơi này là hành xứ, là lãnh vực thuộc về người cha của mình. Điều này cũng được gọi là hành xứ. Nên là vị thành tựu hành xứ tương tự như thế này."

"Đối với vị này, hành xứ ở đây nên là như thế nào?" là như thế.

Giới và phận sự nên là như thế nào? Nên là vị có giới và phận sự như thế nào? Là hỏi về sự thanh tịnh của giới và phận sự được tồn tại thế nào, có kiểu cách gì, có biểu hiện gì? Sự thanh tịnh của giới và phận sự là việc gì? Có việc là giới và còn là phận sự, có việc là phận sự mà không phải là giới. Việc nào là giới và còn là phận sự? Ở đây, vị Tỳ-khưu là người có giới, sống thu thúc với sự thu thúc trong Giới bổn (*Pātimokkha*), thành tựu về hạnh kiểm và hành xứ, thấy sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhặt, thọ trì và thực hành trong các điều học. Việc nào, trong trường hợp ấy, là sự tự chế ngự, sự thu thúc, sự không vi phạm, việc này là giới. Cái nào là sự thọ trì, cái ấy là phận sự. Giới với ý nghĩa thu thúc, phận sự với ý nghĩa thọ trì. Việc này được gọi là giới và còn là phận sự. Việc nào là phận sự mà không phải là giới? Tám pháp từ khước: Pháp của vị ngụ ở rừng, pháp của vị chuyên đi khất thực, pháp của vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ, pháp của vị chỉ sử dụng ba y, pháp của vị đi khất thực tuần tự theo từng nhà, pháp của vị không ăn vật thực dâng sau, pháp của vị chuyên về oai nghi ngồi (không nằm), pháp của vị ngụ ở chỗ đã được chỉ định; việc này được gọi là phận sự mà không phải là giới. Việc thọ trì sự tinh tấn được gọi là phận sự mà không phải là giới. Vị ra sức và xác định tâm rằng: "Hãy sẵn lòng để cho còn lại chỉ da, gân, xương, hãy để cho thịt và máu ở thân xác khô cạn. Việc nào có thể đạt được với sức mạnh của người nam, với sức lực của người nam, với tinh tấn của người nam, với nỗ lực của người nam, khi còn chưa đạt được việc ấy thì sẽ không có ngừng lại sự tinh tấn." Việc thọ trì sự tinh tấn có hình thức như vậy được gọi là phận sự mà không phải là giới.

Vị ra sức và xác định tâm rằng: "Khi mũi tên tham ái chưa được nhổ lên, ta sẽ không ăn, ta sẽ không uống, ta không đi ra khỏi trú xá, ta cũng sẽ không nằm xuống một bên hông"; việc thọ trì sự tinh tấn có hình thức như vậy cũng được gọi là phận sự mà không phải là giới. Vị ra sức và xác định tâm rằng: "Ta sẽ không lìa khỏi tư thế kiết-già này cho đến khi nào tâm của ta còn chưa giải thoát khỏi các lậu hoặc không còn chấp thủ"; việc thọ trì sự tinh tấn có hình thức như vậy được gọi là phận sự mà không phải là giới. Vị ra sức và xác định tâm rằng: "Ta sẽ không đứng dậy khỏi chỗ ngồi, ta sẽ không bước khỏi đường kinh hành, ta sẽ không rời khỏi trú xá, ta sẽ không rời khỏi nhà một mái, ta sẽ không rời khỏi tòa lâu đài, ta sẽ không rời khỏi tòa nhà dài, ta sẽ không rời khỏi hang động, ta sẽ không rời khỏi thạch thất, ta sẽ không rời khỏi cốc liêu, ta sẽ không rời khỏi nhà mái nhọn, ta sẽ không rời khỏi chòi canh, ta sẽ không rời khỏi ngôi nhà tròn, ta sẽ không rời khỏi căn lều, ta sẽ không rời khỏi hội trường, ta sẽ không rời khỏi mái che, ta sẽ không rời khỏi gốc cây này cho đến khi nào tâm của ta còn chưa giải thoát khỏi các lậu hoặc không còn chấp thủ"; việc thọ trì sự tinh tấn có hình thức như vậy được gọi là phận sự mà không phải là giới. Vị ra sức và xác định tâm rằng: "Ta sẽ đem lại, ta sẽ hoàn tất, ta sẽ chứng đắc, ta sẽ chạm đến, ta sẽ chứng ngộ Thánh pháp ngay trong buổi sáng này"; việc thọ trì sự tinh tấn có hình thức như vậy được gọi là phận sự mà không phải là giới. Vị ra sức và xác định tâm rằng: "Ta sẽ đem lại, ta sẽ hoàn tất, ta sẽ chứng đắc, ta sẽ chạm đến, ta sẽ chứng ngộ Thánh pháp ngay trong buổi trưa… trong buổi chiều… trước bữa ăn… sau bữa ăn… vào canh đầu… vào canh giữa… vào canh cuối… vào hậu bán nguyệt… vào tiền bán nguyệt… vào mùa mưa… vào mùa lạnh… vào mùa nóng… ở chặng đầu của tuổi thọ… ở chặng giữa của tuổi thọ… ở chặng cuối của tuổi thọ này"; việc thọ trì sự tinh tấn có hình thức như vậy cũng được gọi là phận sự mà không phải là giới.

Điều này là sự thanh tịnh của giới và phận sự. Nên là vị thành tựu sự thanh tịnh của giới và phận sự như thế này.

"Giới và phận sự nên là như thế nào?" là như thế.

Đối với vị Tỳ-khưu có bản tánh cương quyết.

Đối với vị có bản tánh cương quyết: Đối với vị có sự ra sức tinh tấn, có sự dõng mãnh, có sự nỗ lực vững chãi, không buông bỏ mong muốn, không buông bỏ bổn phận trong các thiện pháp. Hoặc là, đối với vị tự mình đã dấn thân, vì mục đích của việc ấy mà vị [Tỳ-khưu] đã dấn thân [nhằm thấu triệt] về mục đích của bản thân [A-la-hán quả], về cách thức [Thánh đạo], về tướng trạng, về nguyên nhân, về tính chất hợp lý hay không hợp lý; đối với vị tự mình đã dấn thân [nhằm thấu triệt]: "Tất cả các hành là vô thường"; đối với vị tự mình đã dấn thân [nhằm thấu triệt]: "Tất cả các hành là khổ"; đối với vị tự mình đã dấn thân [nhằm thấu triệt]: "Tất cả các pháp là vô ngã"; đối với vị tự mình đã dấn thân [nhằm thấu triệt]: "Vô minh duyên cho các hành";… (nt)… đối với vị tự mình đã dấn thân [nhằm thấu triệt]: "Sanh duyên cho lão, tử"; đối với vị

tự mình đã dấn thân [nhằm thấu triệt]: "Do sự diệt tận của vô minh [đưa đến] sự diệt tận của các hành";... (nt)... đối với vị tự mình đã dấn thân [nhằm thấu triệt]: "Do sự diệt tận của sanh [đưa đến] sự diệt tận của lão, tử"; đối với vị tự mình đã dấn thân [nhằm thấu triệt]: "Đây là khổ";... (nt)... đối với vị tự mình đã dấn thân [nhằm thấu triệt]: "Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ"; đối với vị tự mình đã dấn thân [nhằm thấu triệt]: "Đây là các lậu hoặc";... (nt)... đối với vị tự mình đã dấn thân [nhằm thấu triệt]: "Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận các lậu hoặc"; đối với vị tự mình đã dấn thân [nhằm thấu triệt]: "Các pháp này cần được biết rõ";... (nt)... đối với vị tự mình đã dấn thân [nhằm thấu triệt]: "Các pháp này cần được chứng ngộ"; đối với vị tự mình đã dấn thân [nhằm thấu triệt] nhân sanh khởi, sự tiêu hoại, sự hứng thú, sự bất lợi, sự thoát ra đối với sáu xúc xứ; đối với vị tự mình đã dấn thân [nhằm thấu triệt] nhân sanh khởi, sự tiêu hoại, sự hứng thú, sự bất lợi, sự thoát ra đối với năm thủ uẩn;... (nt)... đối với bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió]; đối với vị tự mình đã dấn thân [nhằm thấu triệt]: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

Đối với vị Tỳ-khưu: Đối với vị Tỳ-khưu phàm nhân tốt lành, hoặc đối với vị Tỳ-khưu là bậc Hữu học.

"Đối với vị Tỳ-khưu có bản tánh cương quyết" là như thế.

Vì thế, Trưởng lão Sāriputta đã nói rằng:

"Đối với vị này, cách thức nói năng nên là như thế nào? Đối với vị này, hành xử ở đây nên là như thế nào? Đối với vị Tỳ-khưu có bản tánh cương quyết, giới và phận sự [của vị này] nên là như thế nào?"

16.8. *Vị ấy sau khi thọ trì việc học tập gì,*
Mới có sự chuyên nhất [của tâm], chín chắn, có niệm,
Có thể loại bỏ bụi bặm [ô nhiễm] của bản thân,
Ví như người thợ kim hoàn có thể loại bỏ cáu bẩn của bạc?

Vị ấy sau khi thọ trì việc học tập gì: Vị ấy sau khi nhận lấy, sau khi thọ trì, sau khi nhận lấy cho mình, sau khi thọ trì cho mình, sau khi nắm lấy, sau khi bám víu, sau khi chấp chặt việc học tập gì. "Vị ấy sau khi thọ trì việc học tập gì" là như thế.

Mới có sự chuyên nhất [của tâm], chín chắn, có niệm.

Có sự chuyên nhất: Có tâm được nhất điểm, có tâm không bị tản mạn, có tâm ý không bị phân tán, có sự vắng lặng, có định quyền, có định lực,... (nt)... có chánh định.

Chín chắn: Chín chắn là sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh.

Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân,... (nt)... trên các thọ,... (nt)... trên tâm, có niệm

trong khi tu tập sự thiết lập niệm trên việc quan sát pháp ở các pháp; vị ấy được gọi là có niệm. "Có niệm" là như thế.

Vị ấy sau khi thọ trì việc học tập gì: Là hỏi đến việc học tập về thắng giới.

Có sự chuyên nhất: Là hỏi đến việc học tập về thắng tâm.

Chín chắn: Là hỏi đến việc học tập về thắng tuệ.

Có niệm: Là hỏi về sự thanh tịnh.

"Vị ấy sau khi thọ trì việc học tập gì, mới có sự chuyên nhất [của tâm], chín chắn, có niệm" là như thế.

Có thể loại bỏ bụi bặm [ô nhiễm] của bản thân, ví như người thợ kim hoàn có thể loại bỏ cáu bẩn của bạc: Người thợ kim hoàn nói đến người thợ vàng; bạc nói đến vàng. Giống như người thợ vàng loại ra, loại trừ, loại bỏ cáu bẩn thô thiển của vàng; loại ra, loại trừ, loại bỏ cáu bẩn hạng trung của vàng; loại ra, loại trừ, loại bỏ cáu bẩn vi tế của vàng; tương tự như vậy, vị Tỳ-khưu loại ra, loại trừ, loại bỏ, dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu các ô nhiễm thô thiển của bản thân; ... các ô nhiễm trung bình của bản thân; loại ra, loại trừ, loại bỏ, dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu các ô nhiễm vi tế của bản thân.

Hoặc là, vị Tỳ-khưu loại ra, loại trừ, loại bỏ, dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu bụi bặm luyến ái, bụi bặm sân hận, bụi bặm si mê, bụi bặm ngã mạn, bụi bặm tà kiến, bụi bặm do ô nhiễm, bụi bặm do uế hạnh, sự tạo ra tăm tối, sự làm cho mù mắt, sự tạo ra vô trí, sự diệt tận tuệ, đem đến sự buồn phiền, không vận hành đến Niết-bàn.

Hoặc là, vị ấy loại ra, loại trừ, loại bỏ, dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu tà kiến nhờ vào chánh kiến... tà tư duy nhờ vào chánh tư duy... tà ngữ nhờ vào chánh ngữ... tà nghiệp nhờ vào chánh nghiệp... tà mạng nhờ vào chánh mạng... tà tinh tấn nhờ vào chánh tinh tấn... tà niệm nhờ vào chánh niệm... tà định nhờ vào chánh định... tà trí nhờ vào chánh trí... loại ra, loại trừ, loại bỏ, dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu tà giải thoát nhờ vào chánh giải thoát.

Hoặc là, vị ấy loại ra, loại trừ, loại bỏ, dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu tất cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bực bội, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bất thiện nhờ vào đạo lộ Thánh thiện tám chi phần.

"Có thể loại bỏ bụi bặm [ô nhiễm] của bản thân, ví như người thợ kim hoàn có thể loại bỏ cáu bẩn của bạc" là như thế.

Vì thế, Trưởng lão Sāriputta đã nói rằng:

"Vị ấy sau khi thọ trì việc học tập gì,
Mới có sự chuyên nhất [của tâm], chín chắn, có niệm,
Có thể loại bỏ bụi bặm [ô nhiễm] của bản thân,
Ví như người thợ kim hoàn có thể loại bỏ cáu bẩn của bạc?"

16.9. *[Đức Phật nói: "Này Sāriputta]*
Ta sẽ tuyên thuyết cho ngươi về điều ấy theo như Ta nhận biết,
Tức là sự thoải mái [an trú] dành cho vị nhờm gớm [sanh, già, v.v...],
Cho vị thật sự đang thân cận chỗ ngồi nằm trống vắng,
Có sự mong muốn quả vị giác ngộ thuận theo giáo pháp."

Tức là sự thoải mái [an trú] dành cho vị nhờm gớm.

Dành cho vị nhờm gớm: Dành cho vị đang nhờm gớm với sanh,... với già,... với bệnh,... với chết,... với các sự sầu-bi-khổ-ưu-não; dành cho vị đang nhờm gớm với khổ do sự tổn hại về kiến thức, dành cho vị đang bị phiền phức, dành cho vị đang chán nản. "Dành cho vị nhờm gớm" là như thế.

Tức là sự thoải mái: Điều gì là sự thoải mái, là sự an trú thoải mái, Ta sẽ thuyết về điều ấy. Sự an trú thoải mái là điều nào? Sự thực hành đúng đắn, sự thực hành phù hợp, sự thực hành không trái ngược, sự thực hành đưa đến lợi ích, sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, việc làm đầy đủ các giới, việc phòng vệ các giác quan, việc biết chừng mực về vật thực, sự luyện tập về tỉnh thức, niệm và sự nhận biết rõ, bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, Niết-bàn và sự thực hành đưa đến Niết-bàn; điều này là sự an trú thoải mái.

"Tức là sự thoải mái [an trú] dành cho vị nhờm gớm" là như thế.

Sāriputta: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Trưởng lão ấy bằng tên.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính. Thêm nữa, "vị có luyến ái đã được phá vỡ" là đức Thế Tôn; "vị có sân hận đã được phá vỡ" là đức Thế Tôn; "vị có si mê đã được phá vỡ" là đức Thế Tôn; "vị có ngã mạn đã được phá vỡ" là đức Thế Tôn; "vị có tà kiến đã được phá vỡ" là đức Thế Tôn; "vị có cây gai đã được phá vỡ" là đức Thế Tôn; "vị có ô nhiễm đã được phá vỡ" là đức Thế Tôn; "vị đã phân phát, đã phân chia, đã phân phối Pháp bảo" là đức Thế Tôn; "vị thực hiện sự chấm dứt các hữu" là đức Thế Tôn; "vị có thân đã được tu tập, có giới đã được tu tập, có tâm đã được tu tập, có tuệ đã được tu tập" là đức Thế Tôn; "vị đã thân cận các khu rừng, các nơi heo hút, các chỗ trú ngụ xa vắng có ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh" là đức Thế Tôn; "vị có dự phần hoặc sở hữu về y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh" là đức Thế Tôn; "vị có dự phần hoặc sở hữu về vị của mục đích, về vị của pháp, về vị của giải thoát, về thắng giới, về thắng tâm, về thắng tuệ" là đức Thế Tôn; "vị có dự phần hoặc sở hữu về bốn thiền, về bốn vô lượng [tâm], về bốn sự thể nhập vô sắc" là đức Thế Tôn; "vị có dự phần hoặc sở hữu về tám giải thoát, về tám thắng xứ [của thiền], về chín sự thể nhập và an trú theo tuần tự" là đức Thế Tôn; "vị có dự phần hoặc sở hữu về mười sự tu tập về tưởng, về mười sự thể nhập các đề mục *kasiṇa*, về định niệm hơi thở vào hơi thở ra, về sự thể nhập các đề mục tử thi" là đức Thế Tôn; "vị có dự phần hoặc sở hữu về bốn sự thiết

lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần" là đức Thế Tôn; "vị có dự phần hoặc sở hữu về mười Như Lai lực, về bốn pháp tự tin, về bốn tuệ phân tích, về sáu thắng trí, về sáu pháp của đức Phật" là đức Thế Tôn. Tên gọi "Thế Tôn" này không do mẹ tạo ra, không do cha tạo ra, không do anh [em] trai tạo ra, không do chị [em] gái tạo ra, không do bạn bè hoặc thân hữu tạo ra, không do các thân quyến và những người cùng huyết thống tạo ra, không do các Sa-môn hoặc Bà-la-môn tạo ra, không do chư thiên tạo ra, sự tận cùng của giải thoát này là sự quy định thuộc về chư Phật Thế Tôn do sự đạt được, do sự chứng ngộ trí Toàn tri ở cội cây Bồ-đề, tức là "đức Thế Tôn."

"Đức Thế Tôn đã nói rằng: Này Sāriputta" là như thế.

Cho vị thật sự đang thân cận chỗ ngồi nằm trống vắng: Chỗ ngồi nói đến nơi nào vị ấy ngồi xuống, là cái giường, cái ghế, nệm, thảm đan, tấm da thú, thảm cỏ, thảm lá, thảm rơm. Chỗ nằm nói đến chỗ ngụ: Trú xá, nhà một mái, tòa lâu đài, tòa nhà dài, hang động. Chỗ nằm ngồi ấy là trống vắng, tách biệt, tách rời với việc thấy các cảnh sắc không thích hợp, với việc nghe các âm thanh không thích hợp,... (nt)... là trống vắng, tách biệt, tách rời với năm loại dục không thích hợp; đối với vị đang phục vụ, đang phục dịch, đang kề cận, đang sử dụng chỗ ngồi nằm tách biệt ấy.

"Cho vị thật sự đang thân cận chỗ ngồi nằm trống vắng" là như thế.

[Cho vị] có sự mong muốn quả vị giác ngộ thuận theo giáo pháp.

Quả vị giác ngộ: Nói đến trí [ở bốn đạo], tuệ, tuệ quyền, tuệ lực,... (nt)... trạch pháp giác chi, sự thẩm xét, sự thấy rõ, chánh kiến ở bốn đạo. Dành cho vị đang giác ngộ [Sơ đạo], đang giác ngộ [Nhị đạo], đang giác ngộ [Tam đạo], đang giác ngộ [Tứ đạo], đang chứng đắc, đang chạm đến, đang chứng ngộ quả vị giác ngộ ấy. "[Cho vị] có sự mong muốn quả vị giác ngộ" là như thế.

Thuận theo giáo pháp: Những thuận pháp đưa đến giác ngộ là những pháp nào? Sự thực hành đúng đắn, sự thực hành phù hợp, sự thực hành không trái ngược, sự thực hành đưa đến lợi ích, sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, việc làm đầy đủ các giới, việc phòng vệ các giác quan, việc biết chừng mực về vật thực, sự luyện tập về tỉnh thức, niệm và sự nhận biết rõ; các pháp này là những thuận pháp đưa đến giác ngộ. Hoặc là, sự thấy rõ các phần trước đó đối với bốn đạo; các pháp này gọi là những thuận pháp đưa đến giác ngộ.

"Có sự mong muốn quả vị giác ngộ thuận theo giáo pháp" là như thế.

Ta sẽ tuyên thuyết cho ngươi về điều ấy theo như Ta nhận biết.

Điều ấy: Là thuận pháp đưa đến giác ngộ.

Ta sẽ tuyên thuyết: Ta sẽ tuyên thuyết, Ta sẽ nêu ra, Ta sẽ chỉ bảo, Ta sẽ thông báo, Ta sẽ ấn định, Ta sẽ khai mở, Ta sẽ chia sẻ, Ta sẽ làm rõ, Ta sẽ bày tỏ.

Theo như Ta nhận biết: Theo như Ta nhận biết là theo như Ta đang nhận biết, đang hiểu biết, đang nhận thức, đang thừa nhận, đang thấu triệt, không do

nghe lời đồn đãi, không do nghe nói như thế, không do sự truyền thừa, không do sự thành tựu của việc thu thập kiến thức, không do nhân suy nghĩ, không do nhân suy luận, không do suy đoán theo biểu hiện, không do sự suy xét và chấp nhận về quan điểm, Ta sẽ thuyết giảng cho ngươi pháp đã được chính bản thân biết rõ, đã được tự thân quán xét.

"Ta sẽ tuyên thuyết cho ngươi về điều ấy theo như Ta nhận biết" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Phật nói: "Này Sāriputta]
Ta sẽ tuyên thuyết cho ngươi về điều ấy theo như Ta nhận biết,
Tức là sự thoải mái [an trú] dành cho vị nhờm gớm [sanh, già, v.v...],
Cho vị thật sự đang thân cận chỗ ngồi nằm trống vắng,
Có sự mong muốn quả vị giác ngộ thuận theo giáo pháp."

16.10. *Vị Tỳ-khưu, sáng trí, có niệm, sống trong khuôn khổ, không nên sợ hãi đối với năm điều sợ hãi: Đối với các loài nhặng và loài mòng, đối với các loài bò trườn, đối với các sự va chạm với con người, đối với các loài bốn chân.*

Vị sáng trí không nên sợ hãi đối với năm điều sợ hãi.

Vị sáng trí: Vị sáng trí, sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh, anh hùng thì không nên sợ hãi, không nên run sợ, không nên kinh sợ, không nên khiếp sợ, không nên hoảng sợ, không nên rơi vào sự kinh sợ đối với năm điều sợ hãi; nên có tánh không nhút nhát, không kinh hãi, không sợ sệt, không trốn chạy, nên sống có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ, có sự rởn lông đã được xa lìa.

"Vị sáng trí không nên sợ hãi đối với năm điều sợ hãi" là như thế.

Vị Tỳ-khưu có niệm, sống trong khuôn khổ.

Vị Tỳ-khưu: Là vị Tỳ-khưu phàm nhân tốt lành hoặc vị Tỳ-khưu là bậc Hữu học.

Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân,... (nt)... trên các thọ,... (nt)... trên tâm, có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát pháp trên các pháp; vị ấy được gọi là có niệm.

Sống trong khuôn khổ: Có bốn khuôn khổ: Khuôn khổ của sự thu thúc về giới, khuôn khổ của sự thu thúc các giác quan, khuôn khổ của việc biết chừng mực về vật thực, khuôn khổ của sự luyện tập về tỉnh thức.

Khuôn khổ của sự thu thúc về giới là điều gì? Ở đây, vị Tỳ-khưu là vị có giới, sống thu thúc với sự thu thúc của Giới bổn (*Pātimokkha*), thành tựu về hạnh kiểm và hành xứ, thấy sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhặt, thọ trì và thực hành trong các điều học. Trong khi quán xét trạng thái ghê tởm ở nội tâm, vị ấy sống

trong khuôn khổ của sự thu thúc về giới ở nội tâm, không phá vỡ ranh giới; điều này là khuôn khổ của sự thu thúc về giới.

Khuôn khổ của sự thu thúc các giác quan là điều gì? Ở đây, vị Tỳ-khưu, sau khi nhìn thấy cảnh sắc bằng mắt, vị ấy không có sự nắm giữ hình tướng, không có sự nắm giữ chi tiết. Do nguyên nhân nào mà vị ấy... (nt)... tiến hành sự thu thúc ở nhãn quyền. Sau khi nghe âm thanh bằng tai,... (nt)... Sau khi ngửi hương bằng mũi,... (nt)... Sau khi nếm vị bằng lưỡi,... (nt)... Sau khi xúc chạm bằng thân,... (nt)... Sau khi nhận thức pháp bằng ý, vị ấy không có sự nắm giữ hình tướng, không có sự nắm giữ chi tiết. Do nguyên nhân nào mà vị ấy, trong khi sống, có nhãn quyền không được thu thúc, khiến các sự tham đắm, ưu phiền, các ác bất thiện pháp có thể xâm nhập; vị ấy thực hành sự thu thúc đối với nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn quyền, tiến hành sự thu thúc ở ý quyền. Trong khi quán xét bài giảng về "Bị cháy rực",[7] vị ấy sống trong khuôn khổ của sự thu thúc các giác quan thuộc nội phần, không phá vỡ ranh giới; điều này là khuôn khổ của sự thu thúc các giác quan.

Khuôn khổ của việc biết chừng mực về vật thực là điều gì? Ở đây, vị Tỳ-khưu suy xét đúng đắn rồi mới thọ dụng vật thực: "Không vì vui đùa, không vì đam mê, không vì việc trang sức, không vì việc điểm tô, mà chỉ để duy trì thân này, để nuôi sống, để ngăn sự hư hoại, để nâng đỡ Phạm hạnh, như thế ta diệt trừ cảm thọ cũ và không làm sanh khởi cảm thọ mới. Ta sẽ có được sự tồn tại, sự không lầm lỗi và sự sống được thoải mái." Trong khi quán xét ví dụ về việc nhỏ dầu ở trục xe, việc bôi thuốc ở vết thương và thịt của đứa con trai; vị ấy sống trong khuôn khổ của việc biết chừng mực về vật thực, không phá vỡ ranh giới; điều này là khuôn khổ của việc biết chừng mực về vật thực.

Khuôn khổ của sự luyện tập về tỉnh thức là điều gì? Ở đây, vị Tỳ-khưu vào ban ngày làm trong sạch tâm khỏi các pháp ngăn trở bằng việc kinh hành, bằng việc ngồi; vào ban đêm trong canh đầu làm trong sạch tâm khỏi các pháp ngăn trở bằng việc kinh hành, bằng việc ngồi; vào ban đêm trong canh giữa áp dụng thế nằm của sư tử bằng sườn bên phải, đặt bàn chân chồng lên bàn chân, có niệm, có sự nhận biết rõ, chú tâm đến ý tưởng của việc thức dậy; vào ban đêm trong canh cuối sau khi thức dậy, làm trong sạch tâm khỏi các pháp ngăn trở bằng việc kinh hành, bằng việc ngồi. Trong khi quán xét việc an trú một đêm làm người hiền, vị ấy sống trong khuôn khổ của sự luyện tập về tỉnh thức, không phá vỡ ranh giới; điều này là khuôn khổ của sự luyện tập về tỉnh thức.

"Vị Tỳ-khưu có niệm, sống trong khuôn khổ" là như thế.

Đối với các loài nhặng và loài mòng, đối với các loài bò trườn.

Loài nhặng: Nói đến các con ruồi nâu.

Loài mòng: Nói đến tất cả các loài ruồi. Vì lý do gì mà loài mòng là nói đến

[7] Xem Tạng Luật, *Đại phẩm* 1, *TTPV*, tập 4, trang 73. (ND)

tất cả các loài ruồi? Chúng bay lên đáp xuống rồi cắn; vì lý do ấy, loài mòng là nói đến tất cả các loài ruồi.

Các loài bò trườn: Nói đến loài rắn.

"Đối với các loài nhặng và loài mòng, đối với các loài bò trườn" là như thế.

Đối với các sự va chạm với con người, đối với các loài bốn chân: Các sự va chạm với con người nói đến có thể là các kẻ cướp, hoặc là những kẻ tàn bạo có hành động gây sự hoặc chưa có hành động gây sự. Chúng có thể hỏi vị Tỳ-khưu câu hỏi, hoặc có thể lên án học thuyết, có thể sỉ vả, có thể chê bai, có thể gây khó chịu, có thể gây bực mình, có thể gây tổn hại, có thể hãm hại, có thể quấy rối, có thể ức hiếp, có thể hủy hoại, có thể phá hại, hoặc có thể gây nên sự phá hại. Bất cứ sự phá hại nào từ con người là sự va chạm với con người.

Đối với các loài bốn chân: Là các con sư tử, hổ, báo, gấu, chó rừng, chó sói, trâu rừng, voi. Chúng có thể chà đạp vị Tỳ-khưu, có thể nhai nghiến, có thể gây tổn hại, có thể hãm hại, có thể quấy rối, có thể ức hiếp, có thể hủy hoại, có thể phá hại, hoặc có thể gây nên sự phá hại. Sự phá hại từ loài bốn chân là bất cứ sự sợ hãi nào do loài bốn chân [tạo ra].

"Đối với các sự va chạm với con người, đối với các loài bốn chân" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Vị Tỳ-khưu, sáng trí, có niệm, sống trong khuôn khổ, không nên sợ hãi đối với năm điều sợ hãi: Đối với các loài nhặng và loài mòng, đối với các loài bò trườn, đối với các sự va chạm với con người, đối với các loài bốn chân."

16.11. *Cũng không nên kinh sợ đối với những kẻ theo các giáo phái khác, ngay cả sau khi nhìn thấy nhiều điều khiếp đảm của họ. Và vị tầm cầu điều tốt đẹp còn phải khắc phục những hiểm họa khác nữa.*

Cũng không nên kinh sợ đối với những kẻ theo các giáo phái khác, ngay cả sau khi nhìn thấy nhiều điều khiếp đảm của họ: Những kẻ theo các giáo phái khác nói đến những người nào không tịnh tín với đức Phật, Giáo pháp và Tăng chúng, trừ ra bảy hạng người đồng đạo. Họ có thể hỏi vị Tỳ-khưu câu hỏi, hoặc có thể lên án học thuyết, có thể sỉ vả, có thể chê bai, có thể gây khó chịu, có thể gây bực mình, có thể gây tổn hại, có thể hãm hại, có thể quấy rối, có thể ức hiếp, có thể hủy hoại, có thể phá hại, hoặc có thể gây nên sự phá hại. Sau khi nhìn thấy, hoặc sau khi nghe nhiều điều khiếp đảm của họ thì không nên run rẩy, không nên chấn động, không nên rúng động, không nên run sợ, không nên kinh sợ, không nên khiếp sợ, không nên hoảng sợ, không nên sợ hãi, không nên rơi vào sự kinh sợ, nên có tánh không nhút nhát, không kinh hãi, không sợ sệt, không trốn chạy; [vị Tỳ-khưu] nên sống có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ, có sự rởn lông đã được xa lìa.

"Cũng không nên kinh sợ đối với những kẻ theo các giáo phái khác, ngay cả sau khi nhìn thấy nhiều điều khiếp đảm của họ" là như thế.

Và vị tầm cầu điều tốt đẹp còn phải khắc phục những hiểm họa khác nữa: Và còn có những việc khác nữa cần phải được kiềm chế, cần phải được ngự trị, cần phải được đè bẹp, cần phải được trấn áp, cần phải được chà đạp.

Những hiểm họa: Có hai loại hiểm họa: Hiểm họa hiển hiện và hiểm họa khuất lấp. ... (nt)... Các hiểm họa bởi vì "nơi ấy là chỗ trú" còn là như vậy.

Vị tầm cầu điều tốt đẹp: Có những hiểm họa cần phải được kiềm chế, cần phải được ngự trị, cần phải được đè bẹp, cần phải được trấn áp, cần phải được chà đạp bởi vị đang tầm cầu, bởi vị đang tìm tòi, bởi vị đang tìm kiếm sự thực hành đúng đắn, sự thực hành phù hợp, sự thực hành không trái ngược, sự thực hành đưa đến lợi ích,... (nt)... đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, Niết-bàn và sự thực hành đưa đến Niết-bàn.

"Và vị tầm cầu điều tốt đẹp còn phải khắc phục những hiểm họa khác nữa" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Cũng không nên kinh sợ đối với những kẻ theo các giáo phái khác, ngay cả sau khi nhìn thấy nhiều điều khiếp đảm của họ. Và vị tầm cầu điều tốt đẹp còn phải khắc phục những hiểm họa khác nữa."

16.12. *Bị tác động bởi sự xúc chạm của bệnh tật, của cơn đói,*
Nên chịu đựng sự lạnh, rồi sự nóng.
Bị tác động bởi những việc ấy theo nhiều cách, vị ấy, bậc không trú xứ,
Nên thể hiện sự nỗ lực tinh tấn một cách vững chãi.

Bị tác động bởi sự xúc chạm của bệnh tật, của cơn đói: Sự xúc chạm của bệnh tật nói đến sự xúc chạm của cơn bệnh. Có thể là bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi sự xúc chạm của cơn bệnh; có thể là bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi cơn bệnh ở mắt; có thể là bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi cơn bệnh ở tai;... bởi cơn bệnh ở mũi;... bởi cơn bệnh ở lưỡi;... bởi cơn bệnh ở thân;... bởi các sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát.

Cơn đói: Nói đến sự thiếu ăn. Có thể là bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi sự thiếu ăn.

"Bị tác động bởi sự xúc chạm của bệnh tật, của cơn đói" là như thế.

Nên chịu đựng sự lạnh, rồi sự nóng.

Sự lạnh: Bị lạnh là bởi hai lý do: Bị lạnh do tác động của sự rối loạn của thủy đại ở bên trong [cơ thể], hoặc bị lạnh do tác động của thời tiết ở bên ngoài.

Sự nóng: Bị nóng bởi hai lý do: Bị nóng do tác động của sự rối loạn của hỏa đại ở bên trong [cơ thể], hoặc bị nóng do tác động của thời tiết ở bên ngoài. "Sự nóng, rồi sự lạnh" là như thế.

Nên chịu đựng: Nên kham nhẫn đối với sự lạnh, sự nóng, sự đói, sự khát,

các sự xúc chạm bởi ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát; nên là người có bản tánh chịu đựng đối với các lối nói lăng mạ công kích, đối với các cảm thọ khổ đau, sắc bén, khốc liệt, nhức nhối, không thích thú, không hợp ý, chết người, thuộc về cơ thể đã sanh khởi.

"Nên chịu đựng sự lạnh, rồi sự nóng" là như thế.

Bị tác động bởi những việc ấy theo nhiều cách, vị ấy, bậc không trú xứ.

Vị ấy, bởi những việc ấy: Là bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi sự xúc chạm của cơn bệnh, bởi cơn đói, bởi sự lạnh và bởi sự nóng. "Vị ấy, bị tác động bởi những việc ấy" là như thế.

Theo nhiều cách: Là bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi những biểu hiện theo nhiều cách thức. "Vị ấy, bị tác động bởi những việc ấy theo nhiều cách" là như thế.

Bậc không trú xứ: Là vị không tạo ra cơ hội cho tâm thức đồng sanh với các sự tạo tác. "Bậc không trú xứ" là như thế. Hoặc là, vị không tạo ra cơ hội cho uế hạnh về thân, uế hạnh về khẩu, uế hạnh về ý. "Bậc không trú xứ" còn là như thế.

"Bị tác động bởi những việc ấy theo nhiều cách, vị ấy, bậc không trú xứ" là như thế.

Nên thể hiện sự nỗ lực tinh tấn một cách vững chãi: Sự nỗ lực tinh tấn nói đến: "Pháp thuộc về tâm, sự ra sức tinh tấn, sự cố gắng, sự ra sức, sự siêng năng, sự tinh tấn, sự gắng sức, sự ráng sức, sự không thối chí, sự dõng mãnh, nghị lực, trạng thái không lơi lỏng sự nỗ lực, trạng thái không buông bỏ sự mong muốn, trạng thái không buông bỏ trách nhiệm, sự duy trì trách nhiệm, sự tinh tấn, tấn quyền, tấn lực, chánh tinh tấn."

Nên thể hiện sự nỗ lực tinh tấn một cách vững chãi: Nên thể hiện sự nỗ lực tinh tấn một cách vững chãi là nên thể hiện một cách chắc chắn, nên có sự thọ trì vững chãi, nên có sự thọ trì đứng vững.

"Nên thể hiện sự nỗ lực tinh tấn một cách vững chãi" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Bị tác động bởi sự xúc chạm của bệnh tật, của cơn đói,
Nên chịu đựng sự lạnh, rồi sự nóng.
Bị tác động bởi những việc ấy theo nhiều cách, vị ấy, bậc không trú xứ,
Nên thể hiện sự nỗ lực tinh tấn một cách vững chãi."

16.13. *Không nên thực hiện việc trộm cắp, không nên nói lời dối trá,*
Nên tiếp xúc với các loài yếu đuối hay mạnh bạo bằng từ tâm,
Khi nào nhận biết được trạng thái bị khuấy động của tâm,
Nên xua đi [nghĩ rằng]: "Nó là phe cánh của Hắc ám."

Không nên thực hiện việc trộm cắp, không nên nói lời dối trá.

Không nên thực hiện việc trộm cắp: Ở đây, vị Tỳ-khưu sau khi dứt bỏ việc lấy vật không được cho, nên tránh xa việc lấy vật không được cho, là người nhận lấy vật đã được cho, là người có sự mong đợi vật được cho, nên sống với bản thân có trạng thái trong sạch, không trộm cắp. "Không nên thực hiện việc trộm cắp" là như thế.

Không nên nói lời dối trá: Ở đây, vị Tỳ-khưu sau khi dứt bỏ việc nói lời dối trá, nên tránh xa việc nói lời dối trá, là người có lời nói chân thật, liên quan đến sự thật, chắc chắn, đáng tin, không lường gạt thế gian.

"Không nên thực hiện việc trộm cắp, không nên nói lời dối trá" là như thế.

Nên tiếp xúc với các loài yếu đuối hay mạnh bạo bằng từ tâm.

Từ tâm: Là sự thân thiện đối với chúng sanh, biểu hiện thân thiện, trạng thái thân thiện, sự trắc ẩn, biểu hiện trắc ẩn, trạng thái trắc ẩn, sự tìm kiếm lợi ích, lòng thương tưởng, sự không tức giận, không độc ác, không sân, cội nguồn của thiện.

Các loài yếu đuối: Những hạng nào có khát vọng, có tham ái chưa được dứt bỏ, và những hạng nào có sự sợ hãi và khiếp đảm chưa được dứt bỏ. Vì lý do gì được gọi là yếu đuối? Chúng run sợ, khiếp sợ, hoảng sợ, sợ hãi, rơi vào sự kinh sợ; vì lý do ấy được gọi là yếu đuối.

Mạnh bạo: Những hạng nào có khát vọng, có tham ái đã được dứt bỏ, và những hạng nào có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ. Vì lý do gì được gọi là mạnh bạo? Chúng không run sợ, không khiếp sợ, không hoảng sợ, không sợ hãi, không rơi vào sự kinh sợ; vì lý do ấy được gọi là mạnh bạo.

Nên tiếp xúc với các loài yếu đuối hay mạnh bạo bằng từ tâm: Nên tiếp xúc, nên lan tỏa đến các loài yếu đuối hay mạnh bạo bằng từ tâm, nên lan tỏa với tâm ý bao la, vĩ đại, không đo lường được, không thù oán, không độc ác, đồng hành với từ ái, rồi an trú.

"Nên tiếp xúc với các loài yếu đuối hay mạnh bạo bằng từ tâm" là như thế.

Khi nào nhận biết được trạng thái bị khuấy động của tâm.

Khi nào: Là vào lúc.

Của tâm: Tức là tâm, ý, ý thức, trái tim, chất xám; ý, ý xứ, ý quyền, thức, thức uẩn, từ đó ý thức giới sanh lên. Do uế hạnh về thân, tâm bị khuấy động, bị khuấy rối, bị di động, bị đụng chạm, bị dao động, bị chao đảo, không được vắng lặng; do uế hạnh về khẩu… do uế hạnh về ý… do luyến ái… do sân hận… do si mê… do giận dữ… do thù hằn… do gièm pha… do ác ý… do ganh tỵ… do bỏn xẻn… do xảo trá… do lừa gạt… do bướng bỉnh… do hung hăng… do ngã mạn… do cao ngạo… do đam mê… do xao lãng… do tất cả ô nhiễm… do tất cả uế hạnh… do mọi sự lo lắng… do mọi sự bực bội… do mọi sự nóng nảy… do tất cả các pháp tạo tác bất thiện; tâm bị khuấy động, bị khuấy rối, bị di động, bị đụng chạm, bị dao động, bị chao đảo, không được vắng lặng.

Khi nào nhận biết được trạng thái bị khuấy động của tâm: Nên biết, nên hiểu biết, nên nhận thức, nên thừa nhận, nên thấu triệt tình trạng bị khuấy động của tâm.

"Khi nào nhận biết được trạng thái bị khuấy động của tâm" là như thế.

Nên xua đi [nghĩ rằng]: "Nó là phe cánh của Hắc ám."

Hắc ám: Tức là Ma vương, kẻ có nghiệp đen, chúa tể [về dục], kẻ làm cho chấm dứt, không cho giải thoát, thân quyến của xao lãng.

Nó là phe cánh của Hắc ám, [nghĩ rằng:] "Nó là phe cánh của Ma vương, cạm bẫy của Ma vương, lưỡi câu của Ma vương, miếng mồi của Ma vương, lãnh địa của Ma vương, mồi nhử của Ma vương, hành xứ của Ma vương, sự trói buộc của Ma vương", rồi nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu. "Nên xua đi [nghĩ rằng]: Nó là phe cánh của Hắc ám" là như vậy. Hoặc là, **nó là phe cánh của Hắc ám**, [nghĩ rằng:] "Nó là phe cánh của Ma vương, phần bất thiện, nguyên do của khổ, có kết quả khổ, dẫn đến địa ngục, dẫn đến loài thú, dẫn đến thân phận ngạ quỷ", rồi nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu.

"Nên xua đi [nghĩ rằng]: Nó là phe cánh của Hắc ám" còn là như vậy.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Không nên thực hiện việc trộm cắp, không nên nói lời dối trá,
Nên tiếp xúc với các loài yếu đuối hay mạnh bạo bằng từ tâm,
Khi nào nhận biết được trạng thái bị khuấy động của tâm,
Nên xua đi [nghĩ rằng]: 'Nó là phe cánh của Hắc ám.'"

16.14. *Không nên rơi vào quyền lực của sự giận dữ và cao ngạo. Sau khi đào lên gốc rễ của chúng rồi, nên đứng vững. Và trong khi khắc phục vật được yêu mến hoặc không được yêu mến, nên chế ngự chúng một cách chắc chắn.*

Không nên rơi vào quyền lực của sự giận dữ và cao ngạo.

Sự giận dữ: "Là sự tức tối, sự tức giận của tâm,... (nt)... sự tàn nhẫn, sự lỗ mãng, trạng thái không hoan hỷ của tâm."

Cao ngạo: "Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó khinh khi người khác dựa vào sự xuất thân, dựa vào dòng dõi,... (nt)... hoặc dựa vào sự việc này khác."

Không nên rơi vào quyền lực của sự giận dữ và cao ngạo: Không nên rơi vào quyền lực của sự giận dữ và của sự cao ngạo; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu sự giận dữ và sự cao ngạo.

"Không nên rơi vào quyền lực của sự giận dữ và cao ngạo" là như thế.

Sau khi đào lên gốc rễ của chúng rồi, nên đứng vững: Gốc rễ của giận dữ là điều nào? Vô minh là gốc rễ, tác ý không đúng đường lối là gốc rễ, ngã mạn về bản thân là gốc rễ, không hổ thẹn [tội lỗi] là gốc rễ, không ghê sợ [tội lỗi] là gốc rễ, phóng dật là gốc rễ; điều này là gốc rễ của giận dữ. Gốc rễ của cao ngạo

là điều nào? Vô minh là gốc rễ, tác ý không đúng đường lối là gốc rễ, ngã mạn về bản thân là gốc rễ, không hổ thẹn [tội lỗi] là gốc rễ, không ghê sợ [tội lỗi] là gốc rễ, phóng dật là gốc rễ; điều này là gốc rễ của cao ngạo.

Sau khi đào lên gốc rễ của chúng rồi, nên đứng vững: Sau khi đào lên, sau khi nâng lên, sau khi nâng bổng, sau khi bứng lên, sau khi bứng lên hẳn, sau khi dứt bỏ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu gốc rễ của sự giận dữ và của sự cao ngạo, nên đứng vững, nên trụ vững.

"Sau khi đào lên gốc rễ của chúng rồi, nên đứng vững" là như thế.

Và trong khi khắc phục vật được yêu mến hoặc không được yêu mến, nên chế ngự chúng một cách chắc chắn.

Và: Từ "*atha*" này là sự nối liền các câu văn, sự kết hợp các câu văn, sự làm đầy đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuốt từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn.

Được yêu mến: Có hai đối tượng được yêu mến: Các chúng sanh hoặc các pháp tạo tác. Những người nào là các chúng sanh được yêu mến? Ở đây là những người nào có lòng mong muốn điều tốt đẹp, có lòng mong muốn điều lợi ích, có lòng mong muốn sự thoải mái, có lòng mong muốn sự an toàn trong mối ràng buộc đối với kẻ ấy: Là người mẹ, hoặc người cha, hoặc anh [em] trai, hoặc chị [em] gái, hoặc con trai, hoặc con gái, hoặc các bạn bè, hoặc các thân hữu, hoặc các thân quyến, hoặc những người cùng huyết thống; những người này là các chúng sanh được yêu mến. Các pháp nào là các pháp tạo tác được yêu mến? Các sắc hợp ý, các thinh… các hương… các vị… các xúc hợp ý; các pháp này là các pháp tạo tác được yêu mến.

Không được yêu mến: Có hai đối tượng không được yêu mến: Các chúng sanh hoặc các pháp tạo tác. Những người nào là các chúng sanh không được yêu mến? Ở đây là những người nào không có lòng mong muốn sự tấn hóa, không có lòng mong muốn điều lợi ích, không có lòng mong muốn sự thoải mái, không có lòng mong muốn sự an toàn trong mối ràng buộc đối với kẻ ấy, có lòng mong muốn đoạt lấy mạng sống [của kẻ ấy]; những người này là các chúng sanh không được yêu mến. Các pháp nào là các pháp tạo tác không được yêu mến? Các sắc không hợp ý, các thinh… các hương… các vị… các xúc không hợp ý; các pháp này là các pháp tạo tác không được yêu mến.

Một cách chắc chắn: Cụm từ "*addhā*" này là lời nói nhất định, lời nói không ngờ vực, lời nói không nghi ngờ, lời nói không hai nghĩa, lời nói không gây ra sự lưỡng lự, lời nói bảo đảm, lời nói không sai trái, lời nói khẳng định.

Và trong khi khắc phục vật được yêu mến hoặc không được yêu mến, nên ngự trị chúng một cách chắc chắn: Đối với vật được yêu mến hoặc không được yêu mến, có khoái lạc hoặc không khoái lạc, có hạnh phúc hoặc khổ đau, có hỷ tâm hoặc ưu tâm, được ước muốn hoặc không được ước muốn, trong khi khắc phục thì nên ngự trị; hoặc trong khi ngự trị thì nên khắc phục.

"Và trong khi khắc phục vật được yêu mến hoặc không được yêu mến, nên ngự trị chúng một cách chắc chắn" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Không nên rơi vào quyền lực của sự giận dữ và cao ngạo, sau khi đào lên gốc rễ của chúng rồi, nên đứng vững. Và trong khi khắc phục vật được yêu mến hoặc không được yêu mến, nên ngự trị chúng một cách chắc chắn."

16.15. *Sau khi chú trọng về tuệ, với sự hoan hỷ về thiện pháp,*
Nên đè nén các hiểm họa ấy,
Nên khống chế sự không ưa thích ở chỗ trú ngụ xa vắng,
Nên khống chế bốn pháp tạo nên sự than vãn.

Sau khi chú trọng về tuệ, với sự hoan hỷ về thiện pháp.

Tuệ: Tuệ là sự nhận biết, sự chọn lựa, sự khám phá, sự chọn lựa pháp,… (nt)… sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến. Sau khi chú trọng về tuệ: Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó, sau khi chú trọng về tuệ, sống có tuệ là ngọn cờ, có tuệ là biểu hiện, có tuệ là chủ đạo, có nhiều sự chọn lựa, có nhiều sự khám phá, có nhiều sự xem xét, có nhiều sự tìm tòi, trú vào điều đã được làm rõ rệt, rồi đi theo nó, phát triển theo nó, xem trọng nó, nghiêng theo nó, chiều theo nó, xuôi theo nó, hướng đến nó, xem nó là chủ đạo. "Sau khi chú trọng về tuệ" là như vậy.

Hoặc là, trong khi đi, vị ấy nhận biết: "Tôi đi"; hoặc khi đứng, vị ấy nhận biết: "Tôi đứng"; hoặc khi ngồi xuống, vị ấy nhận biết: "Tôi ngồi xuống"; hoặc trong khi nằm, vị ấy nhận biết: "Tôi đang nằm"; hoặc thân của vị ấy được sử dụng như thế nào thì nhận biết nó như thế ấy. "Sau khi chú trọng về tuệ" còn là như vậy. Hoặc là, vị ấy có sự thực hành việc nhận biết rõ trong khi đi tới đi lui, có sự thực hành việc nhận biết rõ khi nhìn qua nhìn lại, có sự thực hành việc nhận biết rõ khi co tay duỗi tay, có sự thực hành việc nhận biết rõ trong việc mang y hai lớp, bình bát, y phục, có sự thực hành việc nhận biết rõ khi ăn uống nhai nếm, có sự thực hành việc nhận biết rõ ở hành động đại tiện tiểu tiện, có sự thực hành việc nhận biết rõ khi đi, khi đứng, khi ngồi, khi ngủ, khi thức, khi nói, khi im lặng. "Sau khi chú trọng về tuệ" còn là như vậy.

Với sự hoan hỷ về thiện pháp: Hỷ và hân hoan sanh lên do năng lực tùy niệm Phật là "sự hoan hỷ về thiện pháp", hỷ và hân hoan sanh lên do năng lực tùy niệm Pháp… do năng lực tùy niệm Tăng… do năng lực tùy niệm giới… do năng lực tùy niệm xả thí… do năng lực tùy niệm thiên… do năng lực niệm hơi thở vào hơi thở ra… do năng lực niệm sự chết… do năng lực niệm đặt ở thân… do năng lực tùy niệm Niết-bàn là "sự hoan hỷ về thiện pháp."

"Sau khi chú trọng về tuệ, với sự hoan hỷ về thiện pháp" là như thế.

Nên đè nén các hiểm họa ấy.

Các hiểm họa: Có hai loại hiểm họa: Hiểm họa hiển hiện và hiểm họa

khuất lấp. ... (nt)… các điều này được gọi là hiểm họa hiển hiện. ... (nt)… các điều này được gọi là hiểm họa khuất lấp. ... (nt)… Các hiểm họa bởi vì "nơi ấy là chỗ trú" là như vậy.

Nên đè nén các hiểm họa ấy: Nên đè nén, nên ngự trị, nên đè bẹp, nên trấn áp, nên chà đạp các hiểm họa ấy.

"Nên đè nén các hiểm họa ấy" là như vậy.

Nên khống chế sự không ưa thích ở chỗ trú ngụ xa vắng.

Sự không ưa thích: Sự không ưa thích, biểu hiện không ưa thích, sự không thích thú, biểu hiện không thích thú, sự không hài lòng, sự chán ngấy.

Ở chỗ trú ngụ xa vắng: Hoặc ở những chỗ nằm ngồi xa vắng, thì nên khống chế, nên ngự trị, nên đè bẹp, nên trấn áp, nên chà đạp sự không ưa thích những pháp này pháp khác.

"Nên khống chế sự không ưa thích ở chỗ trú ngụ xa vắng" là như thế.

Nên khống chế bốn pháp tạo nên sự than vãn: Nên khống chế, nên áp chế, nên ngự trị, nên đè bẹp, nên trấn áp, nên chà đạp bốn pháp sẽ tạo ra sự than vãn.

"Nên khống chế bốn pháp tạo nên sự than vãn" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Sau khi chú trọng về tuệ, với sự hoan hỷ về thiện pháp,
Nên đè nén các hiểm họa ấy,
Nên khống chế sự không ưa thích ở chỗ trú ngụ xa vắng,
Nên khống chế bốn pháp tạo nên sự than vãn."

16.16. *"Vậy ta sẽ ăn gì? Hoặc ta sẽ ăn ở đâu?*
Có thật chăng ta đã ngủ khổ sở? Hôm nay, ta sẽ ngủ ở đâu?"
Vị Hữu học, không có sự vương vấn nhà ở,
Nên loại bỏ những suy tư có tính chất than vãn này.

Vậy ta sẽ ăn gì? Hoặc ta sẽ ăn ở đâu?

Vậy ta sẽ ăn gì? [Nghĩ rằng:] "Tôi sẽ thọ vật thực gì, cơm, hay cháo chua, hay bánh bột, hay cá, hay thịt?" "Vậy ta sẽ ăn gì?" là như thế.

Hoặc ta sẽ ăn ở đâu? [Nghĩ rằng:] "Tôi sẽ thọ thực ở đâu, ở gia đình Sát-đế-ly, hoặc ở gia đình Bà-la-môn, hoặc ở gia đình thương buôn, hoặc ở gia đình nô lệ?"

"Vậy ta sẽ ăn gì? Hoặc ta sẽ ăn ở đâu?" là như thế.

Có thật chăng ta đã ngủ khổ sở?

Hôm nay, ta sẽ ngủ ở đâu? [Nghĩ rằng:] "Đêm nay, tôi đã ngủ một cách khổ sở trên tấm ván, hoặc ở chiếc chiếu ngắn, hoặc ở mảnh da thú, hoặc ở thảm cỏ, hoặc ở thảm lá, hoặc ở thảm rơm. Đêm tới, tôi sẽ ngủ một cách sung sướng ở giường, hay ở ghế, hay ở nệm, hay ở cái gối, hay ở trú xá, hay ở nhà một mái, hay ở tòa lâu đài, hay ở tòa nhà dài, hay ở hang động?"

"Có thật chăng ta đã ngủ khổ sở? Hôm nay, ta sẽ ngủ ở đâu?" là như thế.

Những suy tư có tính chất than vãn này.

Những suy tư này: Hai suy tư liên quan đến đồ ăn khất thực, hai suy tư liên quan đến chỗ nằm ngồi.

Có tính chất than vãn: Có tính chất kể lể, có tính chất than vãn.

"Những suy tư có tính chất than vãn này" là như vậy.

Vị Hữu học, không có sự vương vấn nhà ở, nên loại bỏ.

Vị Hữu học: Vì lý do gì được gọi là Hữu học? "Vị học tập" là Hữu học. Và học tập gì? Học tập về thắng giới, học tập về thắng tâm, học tập về thắng tuệ. Học tập về thắng giới là việc nào?… (nt)… việc này là sự học tập về thắng tuệ. Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này, vị ấy học tập; trong khi biết… (nt)…; trong khi thấy… (nt)…; trong khi quán xét lại… (nt)…; trong khi quyết định tâm, vị ấy học tập; trong khi hướng đến đức tin, vị ấy học tập; trong khi ra sức tinh tấn… (nt)…; trong khi thiết lập niệm… (nt)…; trong khi tập trung tâm… (nt)…; trong khi nhận biết bằng tuệ, vị ấy học tập; trong khi biết rõ pháp cần được biết rõ, vị ấy học tập; trong khi biết toàn diện pháp cần được biết toàn diện… (nt)…; trong khi dứt bỏ pháp cần được dứt bỏ… (nt)…; trong khi tu tập pháp cần được tu tập… (nt)…; trong khi chứng ngộ pháp cần được chứng ngộ, vị ấy học tập, hành xử, hành theo, thọ trì và học tập. Vì lý do ấy, vị ấy được gọi là Hữu học. Vị Hữu học nên học tập về thắng giới, nên học tập về thắng tâm, nên học tập về thắng tuệ nhằm loại bỏ, nhằm bài trừ, nhằm dứt bỏ, nhằm làm vắng lặng, nhằm buông bỏ, nhằm tịch tịnh. Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này thì nên học tập; trong khi biết,… (nt)… trong khi chứng ngộ pháp cần được chứng ngộ thì nên học tập, nên hành xử, nên hành theo, nên thọ trì và vận dụng. "Vị Hữu học nên loại bỏ" là như thế.

Không có sự vương vấn nhà ở: Thế nào là có sự vương vấn nhà ở? Ở đây, một vị nào đó có sự vướng bận về gia tộc,… (nt)… vướng bận về đồ chúng,… (nt)… vướng bận về chỗ ngụ,… (nt)… vướng bận về y phục,… (nt)… vướng bận về đồ ăn khất thực,… (nt)… vướng bận về chỗ nằm ngồi, có sự vướng bận về vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Có sự vương vấn nhà ở là như vậy. Thế nào là có sự không vương vấn nhà ở? Ở đây, vị Tỳ-khưu không có sự vướng bận về gia tộc,… (nt)… không vướng bận về đồ chúng,… (nt)… không vướng bận về chỗ ngụ,… (nt)… không vướng bận về y phục,… (nt)… không vướng bận về đồ ăn khất thực,… (nt)… không vướng bận về chỗ nằm ngồi,… (nt)… có sự không vướng bận về vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Có sự không vương vấn nhà ở là như vậy.

1. *"Các vị đã đi đến Magadha, đã đi đến Kosala,*
   Còn một số vị ở lãnh địa xứ Vajjī,
   Tựa như những con nai di chuyển không có sự quyến luyến,
   Các vị Tỳ-khưu sống không có sự vương vấn.

2. *Lành thay, người có tánh hạnh, lành thay việc đã khéo thực hành,*
Cuộc sống không nhà luôn luôn là tốt đẹp,
Việc học hỏi về ý nghĩa, hành động cung kính,
Điều ấy là đời sống Sa-môn của vị không sở hữu vật gì";

"Vị Hữu học, không có sự vương vấn nhà ở, nên loại bỏ" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"'Vậy ta sẽ ăn gì? Hoặc ta sẽ ăn ở đâu?
Có thật chăng ta đã ngủ khổ sở? Hôm nay, ta sẽ ngủ ở đâu?'
Vị Hữu học, không có sự vương vấn nhà ở, nên loại bỏ
Những suy tư có tính chất than vãn này."

16.17. *Sau khi đạt được vật thực và y phục lúc đúng thời,*
Vị ấy nên biết chừng mực ở đây, với mục đích vừa lòng.
Vị ấy được bảo vệ về các điều ấy, có đời sống kiềm chế ở trong làng,
Dầu cho bị xúc phạm, không nên nói lời nói thô lỗ.

Sau khi đạt được vật thực và y phục lúc đúng thời.

Vật thực: Cơm, cháo chua, bánh bột, cá, thịt.

Y phục: Có sáu loại y: Loại bằng sợi lanh, loại bằng bông vải, loại bằng tơ lụa, loại bằng sợi len, loại bằng gai thô và loại bằng chỉ bố.

Sau khi đạt được vật thực và y phục lúc đúng thời: Sau khi nhận được y, sau khi nhận được đồ ăn khất thực không do gạt gẫm, không do tán phét, không do gợi ý, không do lừa bịp, không do việc thèm muốn lợi lộc bằng lợi lộc, không do việc cho củi [gỗ], không do việc cho tre, không do việc cho lá, không do việc cho bông hoa, không do việc cho trái cây, không do việc cho cây cọ rửa, không do việc cho bột tắm, không do việc cho đất sét, không do việc cho gỗ chà răng, không do việc cho nước súc miệng, không do việc nịnh hót, không do việc tâng bốc, không do việc chiều chuộng, không do việc nói lén sau lưng, không nhờ vào khoa địa lý, không nhờ vào kiến thức thế tục, không nhờ vào khoa bói tướng, không nhờ vào khoa chiêm tinh, không do việc đi làm sứ giả, không do việc đi theo sự sai bảo, không do việc chuyển tin bằng đôi chân, không do công việc thầy thuốc, không do thức ăn đổi thức ăn, không do phát sanh bởi quà cáp, sau khi đạt được, sau khi nhận được, sau khi đạt đến, sau khi tìm thấy, sau khi tiếp nhận đúng theo pháp, một cách ngay thẳng.

"Sau khi đạt được vật thực và y phục lúc đúng thời" là như thế.

Vị ấy nên biết chừng mực ở đây, với mục đích vừa lòng.

Vị ấy nên biết chừng mực: Nên biết chừng mực bởi hai lý do: Trong lúc thọ nhận hoặc trong lúc thọ dụng. Thế nào là biết chừng mực trong lúc thọ nhận? Trong khi được bố thí chỉ chút ít, vị [Tỳ-khưu] thọ nhận vì lòng trắc ẩn đến hàng tại gia, vì sự hộ trì đến hàng tại gia, vì lòng thương tưởng đến hàng tại gia. Trong khi được bố thí nhiều, vị [Tỳ-khưu] thọ nhận y để bảo dưỡng thân

thể, thọ nhận vật thực để bảo dưỡng cái bụng. Như vậy là biết chừng mực trong lúc thọ nhận.

Thế nào là biết chừng mực trong lúc thọ dụng? Vị [Tỳ-khưu] sử dụng y phục sau khi đã suy xét đúng đắn rằng: Chỉ nhằm để diệt trừ sự lạnh, để diệt trừ sự nóng, để diệt trừ các sự xúc chạm bởi ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát, chỉ nhằm mục đích che đậy sự hổ thẹn vì lõa lồ. Vị [Tỳ-khưu] sử dụng đồ ăn khất thực sau khi đã suy xét đúng đắn rằng: Không phải để chơi giỡn, không phải vì đam mê, không phải để tô điểm, không phải để trang sức, mà chỉ nhằm để duy trì, để nuôi dưỡng thân thể này, để ngăn ngừa sự tổn hại, để hỗ trợ sự thực hành Phạm hạnh, [nghĩ rằng:] “Như vầy ta tiêu diệt cảm thọ cũ, sẽ không làm sanh lên cảm thọ mới và sự sống còn, sự không bị chê trách, và sự cư trú thoải mái sẽ có đến ta.” Vị [Tỳ-khưu] sử dụng chỗ nằm ngồi sau khi đã suy xét đúng đắn rằng: Chỉ nhằm để diệt trừ sự lạnh, để diệt trừ sự nóng, để diệt trừ các sự xúc chạm bởi ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát, chỉ nhằm mục đích xua đi các hiểm họa của thời tiết, nhằm mục đích vui thích trong việc thiền tịnh. Vị [Tỳ-khưu] sử dụng vật dụng là thuốc men chữa bệnh sau khi đã suy xét đúng đắn rằng: Chỉ nhằm để diệt trừ cảm thọ [khổ] do các căn bệnh đã phát khởi, để hoàn toàn không còn đau đớn. Như vậy là biết chừng mực trong lúc thọ dụng.

Vị ấy nên biết chừng mực: Bởi hai lý do này, nên nhận biết, nên hiểu biết, nên thừa nhận, nên thấu triệt sự chừng mực. “Vị ấy nên biết chừng mực” là như thế.

Ở đây, với mục đích vừa lòng: Vị Tỳ-khưu trong giáo pháp này tự biết đủ với bất luận y nào dầu tốt hay xấu, có lời ca ngợi về sự tự biết đủ với bất luận y nào dầu tốt hay xấu, và không vì nguyên nhân về y mà đạt đến sự tầm cầu sai trái, không phù hợp; khi không nhận được y thì không băn khoăn, và khi đã nhận được y thì thọ dụng, không bị vướng mắc, không bị mê mẩn, không bị phạm tội, có sự nhìn thấy điều bất lợi, có tuệ về sự buông xả. Và hơn nữa, do sự tự biết đủ với bất luận y nào dầu tốt hay xấu ấy, cũng không tâng bốc bản thân, không khinh bỉ vị khác. Bởi vì, vị khôn khéo, không biếng nhác, có sự nhận biết rõ, có niệm trong trường hợp ấy nói đến vị Tỳ-khưu đã đứng vào dòng dõi của các bậc Thánh được biết tiếng là cao thượng từ thời xa xưa.

Và thêm nữa, vị Tỳ-khưu tự biết đủ với bất luận đồ ăn khất thực nào dầu tốt hay xấu, có lời ca ngợi về sự tự biết đủ với bất luận đồ ăn khất thực nào dầu tốt hay xấu, và không vì nguyên nhân về đồ ăn khất thực mà đạt đến sự tầm cầu sai trái, không phù hợp; khi không nhận được đồ ăn khất thực thì không băn khoăn, và khi đã nhận được đồ ăn khất thực thì thọ dụng, không bị vướng mắc, không bị mê mẩn, không bị phạm tội, có sự nhìn thấy điều bất lợi, có tuệ về sự buông xả. Và hơn nữa, do sự tự biết đủ với bất luận đồ ăn khất thực nào dầu tốt hay xấu ấy, cũng không tâng bốc bản thân, không khinh bỉ vị khác. Bởi vì, vị khôn khéo, không biếng nhác, có sự nhận biết rõ, có niệm trong trường hợp ấy nói đến vị Tỳ-khưu đã đứng vào dòng dõi của các bậc Thánh được biết tiếng là cao thượng từ thời xa xưa.

Và thêm nữa, vị Tỳ-khưu tự biết đủ với bất luận chỗ nằm ngồi nào dầu tốt hay xấu, có lời ca ngợi về sự tự biết đủ với bất luận chỗ nằm ngồi nào dầu tốt hay xấu, và không vì nguyên nhân về chỗ nằm ngồi mà đạt đến sự tầm cầu sai trái, không phù hợp; khi không nhận được chỗ nằm ngồi thì không băn khoăn, và khi đã nhận được chỗ nằm ngồi thì thọ dụng, không bị vướng mắc, không bị mê mẩn, không bị phạm tội, có sự nhìn thấy điều bất lợi, có tuệ về sự buông xả. Và hơn nữa, do sự tự biết đủ với bất luận chỗ nằm ngồi nào dầu tốt hay xấu ấy, cũng không tâng bốc bản thân, không khinh bỉ vị khác. Bởi vì, vị khôn khéo, không biếng nhác, có sự nhận biết rõ, có niệm trong trường hợp ấy nói đến vị Tỳ-khưu đã đứng vào dòng dõi của các bậc Thánh được biết tiếng là cao thượng từ thời xa xưa.

Và thêm nữa, vị Tỳ-khưu tự biết đủ với bất luận vật dụng là thuốc men chữa bệnh nào dầu tốt hay xấu, có lời ca ngợi về sự tự biết đủ với bất luận vật dụng là thuốc men chữa bệnh nào dầu tốt hay xấu, và không vì nguyên nhân về vật dụng là thuốc men chữa bệnh mà đạt đến sự tầm cầu sai trái, không phù hợp; khi không nhận được vật dụng là thuốc men chữa bệnh thì không băn khoăn, và khi đã nhận được vật dụng là thuốc men chữa bệnh thì thọ dụng, không bị vướng mắc, không bị mê mẩn, không bị phạm tội, có sự nhìn thấy điều bất lợi, có tuệ về sự buông xả. Và hơn nữa, do sự tự biết đủ với bất luận vật dụng là thuốc men chữa bệnh nào dầu tốt hay xấu ấy, cũng không tâng bốc bản thân, không khinh bỉ vị khác. Bởi vì, vị khôn khéo, không biếng nhác, có sự nhận biết rõ, có niệm trong trường hợp ấy nói đến vị Tỳ-khưu đã đứng vào dòng dõi của các bậc Thánh được biết tiếng là cao thượng từ thời xa xưa.

"Vị ấy nên biết chừng mực ở đây, với mục đích vừa lòng" là như thế.

Vị ấy được bảo vệ về các điều ấy, có đời sống kiềm chế ở trong làng.

Vị ấy được bảo vệ về các điều ấy: Đã được bảo vệ, đã được gìn giữ, đã được hộ trì, đã được thu thúc về y phục, về đồ ăn khất thực, về chỗ nằm ngồi, về vật dụng là thuốc men chữa bệnh. "Vị ấy được bảo vệ về các điều ấy" là như vậy. Hoặc là, đã được bảo vệ, đã được gìn giữ, đã được hộ trì, đã được thu thúc về các xứ. "Vị ấy được bảo vệ về các điều ấy" còn là như vậy.

Sống kiềm chế ở trong làng: Đã kiềm chế, có bản thân đã được kiềm chế, có bản thân đã được kiềm giữ, đã được bảo vệ, đã được gìn giữ, đã được hộ trì, đã được thu thúc ở trong làng.

"Vị ấy được bảo vệ về các điều ấy, có đời sống kiềm chế ở trong làng" là như thế.

Dầu cho bị xúc phạm, không nên nói lời nói thô lỗ: Bị xúc phạm, bị mắng nhiếc, bị khinh bỉ, bị đụng chạm, bị chê trách, bị gièm pha, không nên nói lại, không nên đáp lại một cách thô lỗ, một cách thô bạo, không nên sỉ vả lại người đang sỉ vả, không nên chọc giận lại người đang chọc giận, không nên cãi lộn với người đang cãi lộn, không nên tạo ra sự cãi cọ, không nên tạo ra sự cãi lộn, không nên tạo ra sự cãi vã, không nên tạo ra sự tranh cãi, không nên tạo ra sự

gây gổ; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu sự cãi cọ, sự cãi lộn, sự cãi vã, sự tranh cãi, sự gây gổ. Nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với sự cãi cọ, cãi lộn, tranh luận, tranh cãi, gây gổ, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

"Dầu cho bị xúc phạm, không nên nói lời nói thô lỗ" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Sau khi đạt được vật thực và y phục lúc đúng thời,
Vị ấy nên biết chừng mực ở đây, với mục đích vừa lòng.
Vị ấy được bảo vệ về các điều ấy, có đời sống kiềm chế ở trong làng,
Dầu cho bị xúc phạm, không nên nói lời nói thô lỗ."

16.18. *Có mắt nhìn xuống và không buông thả bàn chân [đi đó đây],*
Nên gắn bó với việc tham thiền, nên có nhiều tỉnh thức,
Sau khi nỗ lực về hành xả, có bản thân định tĩnh,
Nên cắt đứt chỗ trú của sự suy nghĩ và [nên cắt đứt] sự hối hận.

Có mắt nhìn xuống và không buông thả bàn chân [đi đó đây]: Có mắt buông lung là thế nào? Ở đây, một vị Tỳ-khưu nào đó buông thả con mắt, có trạng thái buông thả ở mắt [nghĩ rằng]: "Nên thấy điều chưa thấy, nên bỏ qua điều đã thấy"; rồi từ tu viện này đến tu viện khác, từ vườn hoa này đến vườn hoa khác, từ ngôi làng này đến ngôi làng khác, từ thị trấn này đến thị trấn khác, từ thành phố này đến thành phố khác, từ quốc độ này đến quốc độ khác, từ xứ sở này đến xứ sở khác, đeo đuổi cuộc du hành lâu dài, cuộc du hành bất định để nhìn ngắm cảnh sắc; có mắt buông lung là như vậy.

Hoặc là, vị Tỳ-khưu, khi đã vào đến xóm nhà, khi đi dọc theo con đường thì đi không thu thúc: Vị ấy vừa đi vừa nhìn voi, nhìn ngựa, nhìn xe, nhìn người đi bộ, nhìn các phụ nữ, nhìn các nam nhân, nhìn các cậu trai, nhìn các cô gái, nhìn các cửa tiệm, nhìn mặt tiền của các căn nhà, nhìn lên, nhìn xuống, nhìn xem hướng chính hướng phụ; có mắt buông lung còn là như vậy.

Hoặc là, vị Tỳ-khưu, sau khi nhìn thấy cảnh sắc bằng mắt, có sự nắm giữ hình tướng, có sự nắm giữ chi tiết. Do nguyên nhân nào mà vị ấy, trong khi sống, có nhãn quyền không được thu thúc, khiến các sự tham đắm, ưu phiền, các ác bất thiện pháp có thể xâm nhập, vị ấy không thực hành sự thu thúc đối với nguyên nhân ấy, không hộ trì nhãn quyền, không tiến hành sự thu thúc ở nhãn quyền; có mắt buông lung còn là như vậy.

Hoặc hơn nữa, giống như một số Tôn giả Sa-môn và Bà-la-môn, sau khi thọ thực các bữa ăn được bố thí do đức tin, các vị ấy lại sống, đeo đuổi việc xem trình diễn có hình thức như vầy: Tức là múa, hát, đờn, vũ hội, nghe kể chuyện, vỗ tay theo nhịp, đánh chiêng, đánh trống, biểu diễn thời trang, trò chơi với banh sắt, trò tung hứng tre, lễ bốc mộ, đấu voi, đấu ngựa, đấu trâu, đấu bò

mộng, đấu bò đực, đấu dê, đấu cừu, đấu gà, đấu chim cút, đấu gậy, đánh bốc, đấu vật, tập trận, dàn quân, đóng quân, xem sự điều quân, hoặc là như thế; có mắt buông lung còn là như vậy.

Không có mắt buông lung là thế nào? Ở đây, một vị Tỳ-khưu nào đó không buông thả con mắt, không có trạng thái buông thả ở mắt [không nghĩ rằng]: "Nên thấy điều chưa thấy, nên bỏ qua điều đã thấy"; rồi không từ tu viện này đến tu viện khác, không từ vườn hoa này đến vườn hoa khác, không từ ngôi làng này đến ngôi làng khác, không từ thị trấn này đến thị trấn khác, không từ thành phố này đến thành phố khác, không từ quốc độ này đến quốc độ khác, không từ xứ sở này đến xứ sở khác, không đeo đuổi cuộc du hành lâu dài, cuộc du hành bất định để nhìn ngắm cảnh sắc; không có mắt buông lung là như vậy.

Hoặc là, vị Tỳ-khưu, khi đã vào đến xóm nhà, khi đi dọc theo con đường thì đi thu thúc: Vị ấy đi mà không nhìn voi,... (nt)... không nhìn xem hướng chính hướng phụ; không có mắt buông lung còn là như vậy.

Hoặc là, vị Tỳ-khưu, sau khi nhìn thấy cảnh sắc bằng mắt, không có sự nắm giữ hình tướng,... (nt)... không tiến hành sự thu thúc ở nhãn quyền; không có mắt buông lung còn là như vậy.

Hoặc hơn nữa, giống như một số Tôn giả Sa-môn và Bà-la-môn, sau khi thọ thực các bữa ăn được bố thí do đức tin,... (nt)... xem sự điều quân, hoặc là như thế. Vị ấy tránh xa việc đeo đuổi để xem trình diễn có hình thức như thế ấy; không có mắt buông lung còn là như vậy. "Có mắt nhìn xuống" là như thế.

Và không buông thả bàn chân: Buông thả bàn chân là thế nào? Ở đây, một vị Tỳ-khưu nào đó buông thả bàn chân, có trạng thái buông thả ở bàn chân, từ tu viện này đến tu viện khác,... (nt)... đeo đuổi cuộc du hành lâu dài, cuộc du hành bất định để nhìn ngắm cảnh sắc; buông thả bàn chân là như vậy. Hoặc là, vị Tỳ-khưu, thậm chí ở bên trong tu viện của hội chúng, cũng buông thả bàn chân, có trạng thái buông thả ở bàn chân, không phải vì sự lợi ích là nguyên nhân, không phải vì công việc là nguyên nhân, bị phóng túng, có tâm không được vắng lặng, rồi từ gian phòng này đi đến gian phòng khác, từ trú xá này... (nt)... chuyện về sự hiện hữu và không hiện hữu là như vầy, hoặc là như thế; buông thả bàn chân còn là như vậy.

Và không buông thả bàn chân: Nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu trạng thái buông thả ở bàn chân; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với việc buông thả bàn chân, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn; nên có sự thích thú trong việc thiền tịnh, được thích thú trong việc thiền tịnh, gắn bó với sự vắng lặng của tâm thuộc nội phần, có thiền không bị xa rời, thành tựu minh sát, là người gia tăng việc ngụ ở các ngôi nhà trống vắng, chứng thiền, thích thú với thiền, gắn bó với trạng thái đơn độc, chú trọng mục đích của mình.

"Có mắt nhìn xuống và không buông thả bàn chân [đi đó đây]" là như thế.

Nên gắn bó với việc tham thiền, nên có nhiều tỉnh thức.

Nên gắn bó với việc tham thiền: Gắn bó với việc tham thiền vì hai lý do: Gắn bó, gắn vào, gắn chặt, gắn liền với việc làm sanh khởi sơ thiền chưa được sanh khởi; gắn bó, gắn vào, gắn chặt, gắn liền với việc làm sanh khởi nhị thiền, tam thiền, tứ thiền chưa được sanh khởi; gắn bó với việc tham thiền là như vậy. Hoặc là, luyện tập, tu tập, thực hành thường xuyên sơ thiền đã được sanh khởi; luyện tập, tu tập, thực hành thường xuyên nhị thiền, tam thiền, tứ thiền đã được sanh khởi; gắn bó với việc tham thiền còn là như vậy.

Nên có nhiều tỉnh thức: Ở đây, vị Tỳ-khưu, vào ban ngày làm trong sạch tâm khỏi các pháp ngăn trở bằng việc kinh hành, bằng việc ngồi; vào ban đêm trong canh đầu làm trong sạch tâm khỏi các pháp ngăn trở bằng việc kinh hành, bằng việc ngồi; vào ban đêm trong canh giữa áp dụng thế nằm của sư tử bằng sườn bên phải, đặt bàn chân chồng lên bàn chân, có niệm, có sự nhận biết rõ, chú tâm đến ý tưởng của việc thức dậy; vào ban đêm trong canh cuối sau khi thức dậy, làm trong sạch tâm khỏi các pháp ngăn trở bằng việc kinh hành, bằng việc ngồi.

"Nên gắn bó với việc tham thiền, nên có nhiều tỉnh thức" là như thế.

Sau khi nỗ lực về hành xả, có bản thân định tĩnh.

Hành xả: Là sự hành xả, biểu hiện của hành xả, biểu hiện của hành xả vượt trội, trạng thái bình đẳng của tâm, trạng thái an tịnh của tâm, trạng thái trung dung của tâm ở tứ thiền.

Có bản thân định tĩnh: Là sự ổn định, sự đứng vững, sự kiên định, sự không rối loạn, sự không tán loạn, trạng thái tâm ý không bị phân tán, sự vắng lặng, định quyền, định lực, chánh định của tâm.

Sau khi nỗ lực về hành xả, có bản thân định tĩnh: Có tâm được nhất điểm, có tâm không bị tán loạn, có tâm ý không bị phân tán dựa trên nền tảng của sự hành xả ở tứ thiền.

"Sau khi nỗ lực về hành xả, có bản thân định tĩnh" là như thế.

Nên cắt đứt chỗ trú của sự suy nghĩ và [nên cắt đứt] sự hối hận.

Sự suy nghĩ: Có chín sự suy tư: Suy tư về dục; suy tư về sân hận; suy tư về hãm hại; suy tư về thân quyến; suy tư về xứ sở; suy tư về chư thiên; suy tư liên quan đến sự trắc ẩn đối với người khác; suy tư liên quan đến lợi lộc, sự trọng vọng và sự nổi tiếng; suy tư liên quan đến việc không bị khi dễ. Các việc này gọi là chín sự suy tư. Sự nghĩ tưởng về dục là chỗ trú của các suy tư về dục, sự nghĩ tưởng về sân hận là chỗ trú của các suy tư về sân hận, sự nghĩ tưởng về hãm hại là chỗ trú của các suy tư về hãm hại. Hoặc là, vô minh là chỗ trú, tác ý không đúng đường lối là chỗ trú, ngã mạn về bản thân là chỗ trú, không hổ thẹn [tội lỗi] là chỗ trú, không ghê sợ [tội lỗi] là chỗ trú, phóng dật là chỗ trú của các suy nghĩ, của các suy tư, của các tư duy.

Sự hối hận: Vẻ bối rối ở bàn tay cũng là hối hận, vẻ bối rối ở bàn chân cũng là hối hận, vẻ bối rối ở bàn tay và bàn chân cũng là hối hận, lầm tưởng là được phép trong việc không được phép, lầm tưởng là không được phép trong việc được phép, lầm tưởng là có tội ở việc vô tội, lầm tưởng là vô tội ở việc có tội. Sự hối hận nào có hình thức như vậy là biểu hiện hối hận, trạng thái hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý, việc này gọi là hối hận.

Thêm nữa, sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên do hai nguyên nhân: Do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm. Thế nào là sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên do trạng thái đã làm và do trạng thái không làm? Sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên rằng: "Ta đã làm uế hạnh về thân, ta đã không làm thiện hạnh về thân." Sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên rằng: "Ta đã làm uế hạnh về khẩu,... "Ta đã làm uế hạnh về ý,... "Ta đã giết hại sinh mạng, ta đã không tránh xa sự giết hại sinh mạng." Sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên rằng: "Ta đã trộm cắp,... "Ta đã tà hạnh trong các dục,... "Ta đã nói dối,... "Ta đã nói đâm thọc,... "Ta đã nói thô lỗ, ta đã không tránh xa việc nói thô lỗ,... "Ta đã nói nhảm nhí,... "Ta đã hành động tham đắm,... "Ta đã hành động sân hận,... "Ta đã thực hành tà kiến, ta đã không thực hành chánh kiến." Như vậy là sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm.

Hoặc là, sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên rằng: "Ta không phải là người thực hành đầy đủ các giới." Sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên rằng: "Ta là người có các giác quan không được gìn giữ." ... "Ta là người không biết chừng mực về vật thực." ... "Ta chưa luyện tập về tỉnh thức." ... "Ta chưa đầy đủ niệm và sự nhận biết rõ." ... "Bốn sự thiết lập niệm chưa được ta tu tập." ... "Bốn chánh cần chưa được ta tu tập." ... "Bốn nền tảng của thần thông chưa được ta tu tập." ... "Năm quyền chưa được ta tu tập." ... "Năm lực chưa được ta tu tập." ... "Bảy yếu tố đưa đến giác ngộ chưa được ta tu tập." ... "Đạo lộ Thánh thiện tám chi phần chưa được ta tu tập." ... "Khổ chưa được ta biết toàn diện." ... "Tập chưa được ta dứt bỏ." ... "Đạo chưa được ta tu tập." ... "Diệt chưa được ta chứng ngộ."

Nên cắt đứt chỗ trú của sự suy nghĩ và [nên cắt đứt] sự hối hận: Nên cắt đứt, nên cắt, nên cắt rời, nên cắt lìa, nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu sự suy nghĩ, chỗ trú của sự suy nghĩ và sự hối hận.

"Nên cắt đứt chỗ trú của sự suy nghĩ và [nên cắt đứt] sự hối hận" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Có mắt nhìn xuống và không buông thả bàn chân [đi đó đây],
Nên gắn bó với việc tham thiền, nên có nhiều tỉnh thức,
Sau khi nỗ lực về hành xả, có bản thân định tĩnh,
Nên cắt đứt chỗ trú của sự suy nghĩ và [nên cắt đứt] sự hối hận."

16.19. *Bị quở trách bởi những lời nói, vị [Tỳ-khưu] có niệm nên hoan hỷ.*
Nên phá vỡ sự cứng cỏi đối với các vị đồng Phạm hạnh.
Nên thốt lên lời nói tốt lành, [lời nói] không vượt quá giới hạn.
Không nên suy nghĩ về chuyện phiếm luận của những người [khác].

Bị quở trách bởi những lời nói, vị [Tỳ-khưu] có niệm nên hoan hỷ.

Bị quở trách: Các vị thầy tế độ, hoặc các vị thầy dạy học, hoặc các vị đồng thầy tế độ, hoặc các vị đồng thầy dạy học, hoặc các bạn bè, hoặc các vị đồng quan điểm, hoặc các vị thân thiết, hoặc các vị thân hữu quở trách rằng: "Này Đại đức, đối với ông điều này là không phù hợp, đối với ông điều này là không được đạt đến, đối với ông điều này là không thích hợp, đối với ông điều này là không hợp với bản tánh." [Vị ấy] nên thiết lập niệm, rồi nên vui thích, nên thích thú, nên vui mừng, nên tùy hỷ, nên ước muốn, nên ưng thuận, nên ước nguyện, nên mong cầu, nên nguyện cầu sự quở trách ấy. Cũng giống như người nữ hoặc người nam còn trẻ, ở tuổi thanh niên, ưa thích trang điểm, vừa mới gội đầu, sau khi nhận được tràng hoa sen, hoặc tràng hoa nhài, hoặc tràng hoa đủ loại, nên thọ lãnh bằng hai tay và đặt lên ở đỉnh đầu, rồi nên vui thích, nên thích thú, nên vui mừng, nên tùy hỷ, nên ước muốn, nên ưng thuận, nên ước nguyện, nên mong cầu, nên nguyện cầu. Tương tự như vậy, [vị ấy] nên thiết lập niệm, rồi nên vui thích, nên thích thú, nên vui mừng, nên tùy hỷ, nên ước muốn, nên ưng thuận, nên ước nguyện, nên mong cầu, nên nguyện cầu sự quở trách ấy.

1. *"Nên nhận biết người thông minh, có sự nhìn thấy được lỗi lầm, có lời nói khiển trách, như là người chỉ ra những của cải chôn giấu [cho mình]; nên giao thiệp với người sáng suốt như thế ấy. Đối với người giao thiệp với vị như thế ấy, thì trở nên tốt hơn, không có xấu hơn."*

2. *"Người [nào] có thể giáo giới, có thể chỉ dạy, có thể ngăn cản điều không tốt lành, thật vậy đối với những người tốt thì người ấy được yêu mến, đối với những người xấu thì không được yêu mến."*

"Bị quở trách bởi những lời nói, vị [Tỳ-khưu] có niệm nên hoan hỷ" là như thế.

Nên phá vỡ sự cứng cỏi đối với các vị đồng Phạm hạnh.

Các vị đồng Phạm hạnh: Là những vị có chung hành sự, có chung việc đọc tụng [Giới bổn (*Pātimokkha*)], có sự học tập giống nhau.

Nên phá vỡ sự cứng cỏi đối với các vị đồng Phạm hạnh: Nên phá vỡ trạng thái tâm hằn học, bản tánh cứng cỏi đối với các vị đồng Phạm hạnh; nên phá vỡ năm sự cứng cỏi của tâm;[8] nên phá vỡ ba sự cứng cỏi của tâm;[9] nên đập vỡ, nên phá vỡ, nên đập tan sự cứng cỏi do tham ái, sự cứng cỏi do sân hận, sự cứng cỏi do si mê.

---

[8] Xem chú thích về "Năm sự cứng cỏi của tâm" ở trang 55. (ND)

[9] Ba sự cứng cỏi của tâm: Sự cứng cỏi của luyến ái, sự cứng cỏi của sân hận, sự cứng cỏi của si mê (xem trang 55). (ND)

"Nên phá vỡ sự cứng cỏi đối với các vị đồng Phạm hạnh" là như thế.

Nên thốt lên lời nói tốt lành, [lời nói] không vượt quá giới hạn: Nên thốt ra lời nói được khởi lên từ trí tuệ. Nên thốt ra, nên thốt lên lời nói liên hệ đến mục đích, liên hệ đến giáo pháp, hợp thời, có lý lẽ, có cơ sở. "Nên thốt lên lời nói tốt lành" là như thế.

[Lời nói] không vượt quá giới hạn.

Giới hạn: Có hai giới hạn: Giới hạn về thời điểm và giới hạn về luân lý. Giới hạn về thời điểm là gì? Không nên nói lời nói không phải thời, không nên nói lời nói không phải lúc, không nên nói lời nói không phải thời không phải lúc, không nên nói lời nói không hợp thời, không nên nói lời nói không hợp lúc, không nên nói lời nói không hợp thời không hợp lúc.

3. *"Thật vậy, kẻ nào khi thời điểm chưa đến mà thốt lên [lời nói] không phải lúc, kẻ ấy bị giết chết nằm dài, tựa như chim cu con."*[10]

Điều này là giới hạn về thời điểm.

Giới hạn về luân lý là gì? Khi bị luyến ái không nên nói lời nói, khi bị sân hận không nên nói lời nói, khi bị si mê không nên nói lời nói, không nên nói lời nói dối, không nên nói lời nói đâm thọc, không nên nói lời nói thô lỗ, không nên nói lời nói nhảm nhí, không nên nói, không nên thuyết, không nên phát ngôn, không nên giảng giải, không nên diễn tả; điều này là giới hạn về luân lý.

"Nên thốt lên lời nói tốt lành, [lời nói] không vượt quá giới hạn" là như thế.

Không nên suy nghĩ về chuyện phiếm luận của những người [khác].

Những người [khác]: Là các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, các thương buôn, các nô lệ, các người tại gia, các vị xuất gia, chư thiên và loài người. Không nên suy nghĩ, không nên làm sanh khởi sự suy nghĩ, không nên làm sanh khởi tâm, không nên làm sanh khởi sự suy tầm, không nên làm sanh khởi sự chú tâm về lời buộc tội, về lời gièm pha, về sự chê bai, về sự chê trách, về sự không nổi tiếng, về sự không ca tụng, về sự hư hỏng về giới, hoặc về sự hư hỏng về hạnh kiểm, hoặc về sự hư hỏng về quan điểm, hoặc về sự hư hỏng về nuôi mạng.

"Không nên suy nghĩ về chuyện phiếm luận của những người [khác]" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Bị quở trách bởi những lời nói, vị [Tỳ-khưu] có niệm nên hoan hỷ.
Nên phá vỡ sự cứng cỏi đối với các vị đồng Phạm hạnh.
Nên thốt lên lời nói tốt lành, [lời nói] không vượt quá giới hạn.
Không nên suy nghĩ về chuyện phiếm luận của những người [khác]."

---

[10] *Bổn sanh* "Kokālika" (*Kokālikajātakaṃ*), số 331, *TTPV*, tập 32, trang 189, câu kệ 628. (ND)

16.20. *Và hơn thế nữa, có năm loại bụi bặm ở thế gian; đối với chúng, vị có niệm nên học tập để dẹp bỏ. Nên khống chế sự luyến ái ở các sắc, ở các thinh, rồi ở các vị, ở các hương, ở các xúc.*

Và hơn thế nữa, có năm loại bụi bặm ở thế gian.

Và: Từ "*atha*" này là sự nối liền các câu văn, sự kết hợp các câu văn, sự làm đầy đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuốt từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn.

Có năm loại bụi bặm: [Luyến ái ở] sắc là bụi bặm, [luyến ái ở] thinh là bụi bặm, [luyến ái ở] hương là bụi bặm, [luyến ái ở] vị là bụi bặm, [luyến ái ở] xúc là bụi bặm.

1. *Luyến ái là bụi bặm, nhưng không phải nói đến bụi đất,*
   Từ "bụi bặm" này là tên gọi của luyến ái.
   Các vị sáng suốt, sau khi dứt bỏ hẳn bụi bặm này,
   Các vị ấy sống trong giáo pháp của bậc đã tách lìa bụi bặm.
2. *Sân hận là bụi bặm, nhưng không phải nói đến bụi đất,*
   Từ "bụi bặm" này là tên gọi của sân hận.
   Các vị sáng suốt, sau khi dứt bỏ hẳn bụi bặm này,
   Các vị ấy sống trong giáo pháp của bậc đã tách lìa bụi bặm.
3. *Si mê là bụi bặm, nhưng không phải nói đến bụi đất,*
   Từ "bụi bặm" này là tên gọi của si mê.
   Các vị sáng suốt, sau khi dứt bỏ hẳn bụi bặm này,
   Các vị ấy sống trong giáo pháp của bậc đã tách lìa bụi bặm.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ.

"Và hơn thế nữa, có năm loại bụi bặm ở thế gian" là như thế.

Đối với chúng, vị có niệm nên học tập để dẹp bỏ.

Đối với chúng: Là đối với sự luyến ái ở sắc, đối với sự luyến ái ở thinh, đối với sự luyến ái ở hương, đối với sự luyến ái ở vị, đối với sự luyến ái ở xúc.

Vị có niệm: Niệm là sự tùy niệm, niệm hiện tiền; niệm là trạng thái ghi nhớ, trạng thái ghi nhận, trạng thái không lơ là, trạng thái không quên lãng; niệm là niệm quyền, niệm lực, chánh niệm, niệm giác chi, con đường độc đạo; điều này được gọi là niệm. Người đã tiến đến, đã tiến gần, đã đến gần, đã tiến vào, đã đạt đến, đã đầy đủ, đã thành tựu niệm này, người ấy được gọi là có niệm.

Nên học tập: Có ba sự học tập: Học tập về thắng giới, học tập về thắng tâm, học tập về thắng tuệ. Việc nào là sự học tập về thắng giới? … (nt)… Việc này là sự học tập về thắng tuệ.

Đối với chúng, vị có niệm nên học tập để dẹp bỏ: Người có niệm nên học tập về thắng giới, nên học tập về thắng tâm, nên học tập về thắng tuệ nhằm loại

bỏ, nhằm bài trừ, nhằm dứt bỏ, nhằm làm vắng lặng, nhằm buông bỏ, nhằm tịch tịnh đối với chúng: Đối với sự luyến ái ở sắc, đối với sự luyến ái ở thinh, đối với sự luyến ái ở hương, đối với sự luyến ái ở vị, đối với sự luyến ái ở xúc. Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này thì nên học tập; trong khi biết thì nên học tập;... (nt)... trong khi chứng ngộ pháp cần được chứng ngộ thì nên học tập, nên hành xử, nên hành theo, nên thọ trì và vận dụng.

"Đối với chúng, vị có niệm nên học tập để dẹp bỏ" là như thế.

Nên khống chế sự luyến ái ở các sắc, ở các thinh, rồi ở các vị, ở các hương, ở các xúc: Nên khống chế, nên áp chế, nên ngự trị, nên đè bẹp, nên trấn áp, nên chà đạp sự luyến ái ở các sắc, ở các thinh, ở các vị, ở các hương, ở các xúc.

"Nên khống chế sự luyến ái ở các sắc, ở các thinh, rồi ở các vị, ở các hương, ở các xúc" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Và hơn thế nữa, có năm loại bụi bặm ở thế gian; đối với chúng, vị có niệm nên học tập để dẹp bỏ. Nên khống chế sự luyến ái ở các sắc, ở các thinh, rồi ở các vị, ở các hương, ở các xúc."

16.21. *"Vị Tỳ-khưu có niệm, có tâm khéo được giải thoát, nên loại bỏ sự mong muốn ở các pháp ấy. Vị ấy, đúng thời điểm, trong khi suy xét toàn diện một cách đúng đắn về giáo pháp, có trạng thái chuyên nhất [của tâm], vị ấy có thể diệt trừ sự tăm tối", [đức Thế Tôn nói vậy].*

Nên loại bỏ sự mong muốn ở các pháp ấy.

Ở các [pháp] ấy: Ở các sắc, ở các thinh, ở các vị, ở các hương, ở các xúc.

Sự mong muốn: Là sự mong muốn về dục, sự luyến ái về dục, niềm vui về dục, sự tham ái về dục, sự yêu mến về dục, sự nồng nhiệt về dục, sự mê mẩn về dục, sự bám chặt vào dục, sự lôi cuốn của dục, sự gắn bó với dục, sự chấp thủ ở dục,... (nt)... sự che lấp do mong muốn ở các dục.

Nên loại bỏ sự mong muốn ở các pháp ấy: Nên loại bỏ, nên dẹp hẳn, nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu sự mong muốn ở các pháp ấy.

"Nên loại bỏ sự mong muốn ở các pháp ấy" là như thế.

Vị Tỳ-khưu có niệm, có tâm khéo được giải thoát.

Vị Tỳ-khưu: Là vị Tỳ-khưu phàm nhân tốt lành hoặc vị Tỳ-khưu là bậc Hữu học.

Có niệm: Niệm là sự tùy niệm,... (nt)... chánh niệm, niệm giác chi, con đường độc đạo; điều này được gọi là niệm. Người đã tiến đến niệm này,... (nt)... người ấy được gọi là có niệm.

Vị Tỳ-khưu có niệm, có tâm khéo được giải thoát: Đối với vị thể nhập Sơ

thiền, tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi các pháp che lấp. Đối với vị thể nhập Nhị thiền, tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi tầm và tứ. Đối với vị thể nhập Tam thiền, tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi hỷ. Đối với vị thể nhập Tứ thiền, tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi lạc và khổ. Đối với vị thể nhập Không vô biên xứ, tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi sắc tưởng, bất bình tưởng, dị biệt tưởng. Đối với vị thể nhập Thức vô biên xứ, tâm… (nt)… khỏi Không vô biên xứ tưởng. Đối với vị thể nhập Vô sở hữu xứ, tâm… (nt)… khỏi Thức vô biên xứ tưởng. Đối với vị thể nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ, tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi Vô sở hữu xứ tưởng. Đối với vị Nhập lưu, tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi sự nhận thức sai trái về thân, sự hoài nghi, sự bám víu vào giới và phận sự, tà kiến tiềm ẩn, hoài nghi tiềm ẩn, và các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy. Đối với vị Nhất lai, tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi ái dục tiềm ẩn và bất bình tiềm ẩn có tính chất thô thiển, và các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy. Đối với vị Bất lai, tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất vi tế, ái dục tiềm ẩn và bất bình tiềm ẩn có tính chất vi tế, và các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy. Đối với vị A-la-hán, tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật, vô minh, ngã mạn tiềm ẩn, hữu ái tiềm ẩn, vô minh tiềm ẩn, các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy, và mọi hiện tướng ở bên ngoài.

“Vị Tỳ-khưu có niệm, có tâm khéo được giải thoát” là như thế.

Vị ấy, đúng thời điểm, trong khi suy xét toàn diện một cách đúng đắn về giáo pháp.

Đúng thời điểm: Khi tâm bị phóng túng là thời điểm của [tu tập] định, khi tâm đã được định tĩnh là thời điểm của minh sát.

1. *Vị nỗ lực tâm vào thời điểm [này] và kiềm chế tâm vào thời điểm khác, khích lệ tâm đúng thời điểm, tập trung tâm vào thời điểm [thích hợp], hành xả đúng thời điểm, vị hành giả ấy là người rành rẽ về thời điểm.*

2. *Việc nỗ lực là vào thời điểm nào? Việc kiềm chế là vào thời điểm nào? Thời điểm cần khích lệ là vào thời điểm nào? Và thời điểm của vắng lặng là thời điểm như thế nào? Làm thế nào giúp cho các hành giả nhìn thấy thời điểm hành xả của tâm?*

3. *Khi tâm bị lui sụt là [thời điểm của] việc nỗ lực, nhưng khi tâm bị phóng túng là [thời điểm của] việc kiềm chế, khi tâm đi đến sự không hứng thú, vào khi ấy nên khích lệ tâm.*

4. *Vào lúc tâm đã được khích lệ, không bị lui sụt, không bị phóng túng, thời điểm ấy là của sự vắng lặng và của ấn chứng, tâm thích thú ở bên trong [của đề mục].*

5. *Theo đúng phương thức này, vào lúc [tâm] được định tĩnh, sau khi nhận biết tâm đã được định tĩnh, nên hành xả tâm vào khi ấy.*

6. *Vị sáng trí, hiểu rõ về thời điểm, biết về thời điểm, rành rẽ về thời điểm nên suy xét ấn chứng của tâm đúng thời điểm, thuận theo thời điểm.*

Vị ấy, đúng thời điểm, trong khi suy xét toàn diện một cách đúng đắn về giáo pháp: Trong khi suy xét toàn diện một cách đúng đắn về giáo pháp rằng: "Tất cả các hành là vô thường"; trong khi suy xét toàn diện một cách đúng đắn về giáo pháp rằng: "Tất cả các hành là khổ"; trong khi suy xét toàn diện một cách đúng đắn về giáo pháp rằng: "Tất cả các pháp là vô ngã";… (nt)… trong khi suy xét toàn diện một cách đúng đắn về giáo pháp rằng: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

"Vị ấy, đúng thời điểm, trong khi suy xét toàn diện một cách đúng đắn về giáo pháp" là như thế.

Có trạng thái chuyên nhất [của tâm], vị ấy có thể diệt trừ sự tăm tối, [đức Thế Tôn nói vậy].

Có trạng thái chuyên nhất [của tâm]: Có tâm được nhất điểm, có tâm không bị tản mạn, có tâm ý không bị phân tán, có sự vắng lặng, có tuệ quyền, có tuệ lực, có chánh định. "Có trạng thái chuyên nhất [của tâm]" là như thế.

Vị ấy có thể diệt trừ sự tăm tối: Là có thể tiêu diệt, có thể diệt trừ, có thể dứt bỏ, có thể xua đi, có thể làm chấm dứt, có thể làm cho không còn hiện hữu tất cả sự tăm tối bởi luyến ái, sự tăm tối bởi sân hận, sự tăm tối bởi si mê, sự tăm tối bởi tà kiến, sự tăm tối bởi ngã mạn, sự tăm tối bởi ô nhiễm, sự tăm tối bởi uế hạnh, sự tạo ra tăm tối, sự làm cho mù mắt, sự tạo ra vô trí, sự diệt tận tuệ, đem đến sự buồn phiền, không vận hành đến Niết-bàn.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính. Thêm nữa, "vị có luyến ái đã được phá vỡ" là đức Thế Tôn; "vị có sân hận đã được phá vỡ" là đức Thế Tôn; "vị có si mê đã được phá vỡ" là đức Thế Tôn; "vị có ngã mạn đã được phá vỡ" là đức Thế Tôn; "vị có tà kiến đã được phá vỡ" là đức Thế Tôn; "vị có cây gai đã được phá vỡ" là đức Thế Tôn; "vị có ô nhiễm đã được phá vỡ" là đức Thế Tôn; "vị đã phân phát, đã phân chia, đã phân phối Pháp bảo" là đức Thế Tôn; "vị thực hiện sự chấm dứt các hữu" là đức Thế Tôn; "vị có thân đã được tu tập, có giới đã được tu tập, có tâm đã được tu tập, có tuệ đã được tu tập" là đức Thế Tôn; "vị đã thân cận các khu rừng, các nơi heo hút, các chỗ trú ngụ xa vắng có ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh" là đức Thế Tôn; "vị có dự phần hoặc sở hữu về y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh" là đức Thế Tôn; "vị có dự phần hoặc sở hữu về vị của mục đích, về vị của Pháp, về vị của giải thoát, về thắng giới, về thắng tâm, về thắng tuệ" là đức Thế Tôn; "vị có dự phần hoặc sở hữu về bốn thiền, về bốn vô lượng [tâm], về bốn sự thể nhập vô sắc" là đức Thế Tôn; "vị có dự phần hoặc sở hữu về tám giải thoát, về tám thắng xứ [của thiền], về chín sự thể nhập và an trú theo tuần tự" là đức Thế

Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về mười sự tu tập về tưởng, về mười sự thể nhập các đề mục *kasiṇa*, về định niệm hơi thở vào hơi thở ra, về sự thể nhập các đề mục tử thi” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về mười Như Lai lực, về bốn pháp tự tin, về bốn tuệ phân tích, về sáu thắng trí, về sáu pháp của đức Phật” là đức Thế Tôn. Tên gọi “Thế Tôn” này không do mẹ tạo ra, không do cha tạo ra, không do anh [em] trai tạo ra, không do chị [em] gái tạo ra, không do bạn bè hoặc thân hữu tạo ra, không do các thân quyến và những người cùng huyết thống tạo ra, không do các Sa-môn hoặc Bà-la-môn tạo ra, không do chư thiên tạo ra, sự tận cùng của giải thoát này là sự quy định thuộc về chư Phật Thế Tôn do sự đạt được, do sự chứng ngộ trí Toàn tri ở cội cây Bồ-đề, tức là “đức Thế Tôn.”

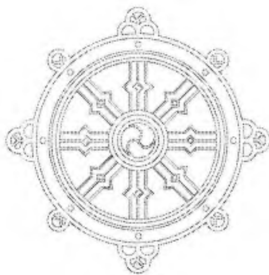
“Có trạng thái chuyên nhất [của tâm], vị ấy có thể diệt trừ sự tăm tối, [đức Thế Tôn nói vậy]” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Vị Tỳ-khưu có niệm, có tâm khéo được giải thoát, nên loại bỏ sự mong muốn ở các pháp ấy. Vị ấy, đúng thời điểm, trong khi suy xét toàn diện một cách đúng đắn về giáo pháp, có trạng thái chuyên nhất [của tâm], vị ấy có thể diệt trừ sự tăm tối”, [đức Thế Tôn nói vậy].

“Diễn giải kinh về Sāriputta” được đầy đủ - Phần thứ mười sáu.

ĐẠI DIỄN GIẢI ĐƯỢC CHẤM DỨT.



TIỂU DIỄN GIẢI
(*CULLANIDDESAPĀḶI*)

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU CỦA DỊCH GIẢ

Niddesa là tựa đề của tập thứ 11 trong số 15 tập kinh thuộc *Khuddakanikāya* (*Tiểu bộ*). *Niddesa* được chia làm hai tập: *Mahāniddesapāḷi* (*Đại diễn giải*) và *Cullaniddesapāḷi* (*Tiểu diễn giải*). Tập kinh *Mahāniddesapāḷi* là tài liệu giải thích về phẩm 4, *Aṭṭhakavagga* (*Phẩm Nhóm tám*), còn *Cullaniddesapāḷi* giải thích tiếp phẩm 5, tức là phẩm cuối, *Pārāyanavagga* (*Phẩm Đường đi đến bờ kia*), cộng thêm bài kinh *Khaggavisāṇasutta* (*Kinh Sừng tê ngưu*) thuộc phẩm 1, *Uragavagga* (*Phẩm Rắn*); tất cả đều được trích ra từ tập *Suttanipātapāḷi* (*Kinh tập*), thuộc *Tiểu bộ*, tạng Kinh. Chúng tôi không nghiệm ra được lý do vì sao tác giả lại chọn lọc và diễn giải hai phẩm trên cộng thêm chỉ một bài kinh *Khaggavisāṇasutta* (*Kinh Sừng tê ngưu*) của tập *Suttanipātapāḷi* mà bỏ qua các phẩm và các bài kinh còn lại. Phần nói về văn bản *Chú giải* của tập kinh này đã được trình bày trước đây ở tập kinh *Mahāniddesapāḷi* nên sẽ không trình bày lại ở đây.

Nội dung của *Pārāyanavagganiddeso* (*Diễn giải phẩm đường đi đến bờ kia*) mở đầu với phần trình bày lại đầy đủ các kệ ngôn của *Pārāyanavagga* (*Phẩm Đường đi đến bờ kia*) gồm có ba phần:

- Phần mở đầu, *Vatthugāthā* (*Kệ ngôn dẫn chuyện*), giới thiệu câu chuyện của vị Bà-la-môn Bāvari và lý do vị này phái các đệ tử của mình đi đến gặp đức Phật (56 kệ ngôn).

- Phần giữa ghi lại các câu hỏi và đáp diễn ra giữa 16 đệ tử của vị Bà-la-môn Bāvari và đức Phật, bắt đầu với các câu hỏi của thanh niên Bà-la-môn Ajita, v.v... (93 kệ ngôn).

- Và phần kết, *Pārāyanānugīti* (*Phần tường thuật về đường đi đến bờ kia*), kể lại việc thanh niên Bà-la-môn Piṅgiya, cháu gọi Bà-la-môn Bāvari bằng cậu, đã trở về để gặp lại và tường thuật mọi chuyện cho Bà-la-môn Bāvari, đồng thời cũng đã tạo duyên cho vị này đạt đến quả vị A-la-hán (26 kệ ngôn).

Tác giả đã không giải thích 56 kệ ngôn của phần mở đầu, có lẽ ý nghĩa của câu chuyện dẫn nhập ở phần này không có gì khó hiểu, mà chỉ thực hiện việc diễn giải cho hai phần sau: Phần các câu hỏi gồm 93 kệ ngôn, được chia làm 16 phần nhỏ tương xứng với 16 vị đệ tử của Bà-la-môn Bāvari với số lượng câu hỏi ít hay nhiều tùy theo mỗi vị. Thanh niên Bà-la-môn Tissametteyya hỏi ít nhất với 3 câu hỏi, thanh niên Bà-la-môn Mettagū hỏi nhiều nhất với 12 câu

hỏi, các vị khác thì tùy duyên sự với 4, 5, 6, 7, hoặc 8 câu hỏi. Với mỗi câu hỏi của các vị ấy thì có câu trả lời của đức Thế Tôn kế liền đó. Và phần kết gồm có 26 kệ ngôn cũng đã được giải thích đầy đủ. Tổng cộng các kệ ngôn đã được diễn giải gồm có 119 câu. Các vị đệ tử của Bà-la-môn Bāvari đã luân phiên hỏi đức Phật theo thứ tự được trình bày như sau:

Ajitasuttaniddeso (*Diễn giải kinh Ajita*)

Tissametteyyasuttaniddeso (*Diễn giải kinh Tissametteyya*)

Puṇṇakasuttaniddeso (*Diễn giải kinh Puṇṇaka*)

Mettagūsuttaniddeso (*Diễn giải kinh Mettagū*)

Dhotakasuttaniddeso (*Diễn giải kinh Dhotaka*)

Upasīvasuttaniddeso (*Diễn giải kinh Upasīva*)

Nandasuttaniddeso (*Diễn giải kinh Nanda*)

Hemakasuttaniddeso (*Diễn giải kinh Hemaka*)

Todeyyasuttaniddeso (*Diễn giải kinh Todeyya*)

Kappasuttaniddeso (*Diễn giải kinh Kappa*)

Jatukaṇṇīsuttaniddeso (*Diễn giải kinh Jatukaṇṇī*)

Bhadrāvudhasuttaniddeso (*Diễn giải kinh Bhadrāvudha*)

Udayasuttaniddeso (*Diễn giải kinh Udaya*)

Posālasuttaniddeso (*Diễn giải kinh Posāla*)

Mogharājasuttaniddeso (*Diễn giải kinh Mogharāja*)

Piṅgiyasuttaniddeso (*Diễn giải kinh Piṅgiya*)

Pārāyanānugītiniddeso (*Diễn giải phần tường thuật về đường đi đến bờ kia*)

Nội dung của *Khaggavisāṇasuttaniddeso* (*Diễn giải kinh sừng tê ngưu*) được chia làm bốn *vagga* (phẩm), tổng cộng gồm có 41 kệ ngôn được phân chia ra như sau:

Paṭhamo vaggo (*Phẩm thứ nhất*), 10 kệ ngôn

Dutiyo vaggo (*Phẩm thứ nhì*), 10 kệ ngôn

Tatiyo vaggo (*Phẩm thứ ba*), 10 kệ ngôn

Catuttho vaggo (*Phẩm thứ tư*), 11 kệ ngôn

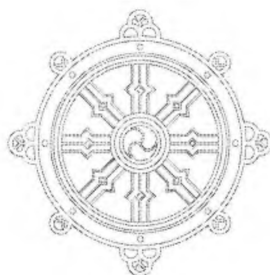
Cách thức diễn giải ở tập kinh này, *Cullaniddesapāḷi* (*Tiểu diễn giải*), cũng tương tự như ở, *Mahāniddesapāḷi* (*Đại diễn giải*), nghĩa là chú trọng vào việc giải thích các từ đơn và các lời giải thích này được lặp lại mỗi khi những từ ấy xuất hiện ở các kệ ngôn khác, thêm vào đó là các phần giải thích cho các nhóm từ hoặc một phần của câu kệ ngôn; đôi lúc lời giải thích chỉ là sự sắp xếp lại thứ tự của các từ ở câu văn giúp cho việc xác định ý nghĩa được dễ dàng hơn.

Cuối cùng, ngưỡng mong phước báu phát sanh trong công việc soạn thảo tập kinh này được thành tựu đến Thầy Tổ, song thân và tất cả chúng sanh trong tam giới. Nguyện cho hết thảy đều được an vui, sức khỏe, có trí tuệ và tinh tấn tu tập ngõ hầu thành đạt cứu cánh giải thoát, chấm dứt khổ đau.

Kính bút,

Ngày 08 tháng 6 năm 2018

Tỳ-khưu Indacanda (Trương Đình Dũng)



PHẨM ĐƯỜNG ĐI ĐẾN BỜ KIA
(*PĀRĀYANAVAGGO*)

KỆ NGÔN DẪN CHUYỆN (*Vatthugāthā*)

1. Có vị Bà-la-môn tinh thông chú thuật, trong khi ước nguyện về trạng thái vô sở hữu, từ thành phố đáng yêu của xứ Kosala đã đi đến khu vực phía Nam.

2. Vị ấy đã trú ngụ ở địa phận Assaka, kế bên vùng Mūlaka, bên bờ sông Godāvarī, [sống] bằng vật lượm lặt và trái cây.

3. Và đã có một ngôi làng rộng lớn cạnh bờ sông ấy. Với thu nhập phát sanh từ nơi ấy, vị Bà-la-môn đã sắp đặt một cuộc tế lễ vĩ đại.

4. Sau khi đã cống hiến cuộc tế lễ vĩ đại, vị Bà-la-môn đã đi vào lại nơi ẩn cư. Khi vị ấy đã đi vào trong, một người Bà-la-môn khác đã đi đến.

5. Và người ấy, với bàn chân bị sưng vù, run lập cập, có răng đóng bợn, với đầu lấm bụi, đã đi đến gần vị Bà-la-môn và cầu xin năm trăm [tiền].

6. Sau khi nhìn thấy chính kẻ ấy, [Bà-la-môn] Bāvari đã mời chỗ ngồi, đã hỏi về sự an lạc và tốt lành, rồi đã nói lời này:

7. "Quả thật, vật thí nào là của tôi, tôi đã ban phát tất cả rồi. Này ông Bà-la-môn, xin hãy hiểu cho tôi, tôi không có năm trăm."

8. "Nếu trong khi được tôi cầu xin, mà ngài không ban cho thì vào ngày thứ bảy, cái đầu của ngài hãy bể tan thành bảy mảnh."

9. Sau khi làm pháp thuật, kẻ gạt gẫm ấy đã thốt lời hăm dọa. Sau khi nghe được lời nói đó của kẻ ấy, Bāvari đã trở nên sầu khổ.

10. [Vị ấy] trở nên héo mòn, không thức ăn, đã bị đâm trúng bởi mũi tên sầu muộn. Thêm nữa, đối với người có tâm như vậy, ý [của người ấy] không vui thích trong việc tham thiền.

11. Sau khi nhìn thấy Bāvari bị run sợ, bị sầu khổ, vị thiên có lòng mong mỏi điều tốt đẹp, đã đi đến gặp Bāvari và đã nói lời này:

12. "Gã ấy không nhận biết về cái đầu. Gã gạt gẫm ấy là kẻ tầm cầu tài sản. Đối với gã ấy, không có sự hiểu biết về cái đầu hay về việc làm vỡ cái đầu."

13. "Thưa tiên nữ, nếu nàng biết, khi được tôi hỏi, xin nàng hãy nói cho tôi về điều ấy, về cái đầu và về việc làm vỡ cái đầu. Chúng tôi xin lắng nghe lời nói của nàng về điều ấy."

14. "Ngay cả tôi cũng không biết về điều này; sự hiểu biết của tôi về lãnh vực này không có. Kiến thức về lãnh vực này, về cái đầu và về việc làm vỡ cái đầu, chỉ riêng thuộc về các đấng Chiến Thắng."

15. "Vậy thì hiện nay, ở trái đất hình cầu này, người nào biết về cái đầu và về việc làm vỡ cái đầu? Thưa tiên nữ, xin nàng hãy nói ra điều ấy cho tôi."

16. "Bậc Lãnh Đạo Thế Gian, hậu duệ của đức Vua Okkāka, con trai dòng Sakya, đấng Mặt Trời, trước đây đã ra đi từ thành Kapilavatthu.

17. Này Bà-la-môn, vị ấy chính là đấng Toàn Giác, bậc đã đi đến bờ kia đối với tất cả các pháp, đã đạt được năng lực của tất cả các thắng trí, bậc Hữu Nhãn về tất cả các pháp, đã đạt đến sự cạn kiệt đối với tất cả các nghiệp, đã được giải thoát bởi sự cạn kiệt của các mầm tái sanh.

18. Vị ấy là đức Phật, đấng Thế Tôn ở thế gian, bậc Hữu Nhãn thuyết giảng giáo pháp. Ông hãy đi đến và hỏi Ngài. Ngài sẽ giải thích điều ấy cho ông."

19. Sau khi nghe được câu nói "đấng Toàn Giác", Bāvari đã trở nên phấn khởi. Nỗi sầu muộn của vị này đã trở thành nhỏ nhoi, và ông ta đã đạt được niềm vui bao la.

20. Vị Bāvari ấy, hoan hỷ, phấn chấn, niềm hân hoan sanh khởi, hỏi người tiên nữ ấy rằng: "Đấng Bảo Hộ Thế Gian ở ngôi làng, hoặc ở thị trấn nào, hay ở xứ sở nào? Chúng tôi sẽ đi đến nơi ấy và lễ bái đấng Toàn Giác, bậc Tối Thượng Của Loài Người."

21. "Đấng Chiến Thắng ở Sāvatthi tại cung điện của xứ Kosala, là vị có tuệ rộng lớn, có sự thông minh bao la cao quý. Người con trai dòng Sakya ấy là không ai sánh bằng, không còn lậu hoặc, là bậc Nhân Ngưu, vị hiểu biết về việc làm vỡ cái đầu."

22. Sau đó, vị Bà-la-môn đã bảo những người học trò tinh thông về chú thuật rằng: "Này các cậu thanh niên, hãy đến, ta sẽ nói. Các ngươi hãy lắng nghe lời nói của ta.

23. Sự xuất hiện thường xuyên ấy của vị nào là điều khó đạt được ở thế gian, vị ấy hôm nay đã hiện khởi ở thế gian, được biết tiếng là 'đấng Toàn Giác'. Các con hãy nhanh chóng đi đến Sāvatthi và diện kiến bậc Tối Thượng Của Loài Người."

24. "Thưa Bà-la-môn, vậy làm thế nào chúng con có thể biết là 'đức Phật' sau khi nhìn thấy? Xin thầy hãy nói ra cho chúng con, những người không biết, để chúng con có thể nhận biết vị ấy."

25. "Các tướng trạng của bậc Đại nhân quả đã được lưu truyền ở các chú thuật, và ba mươi hai điều đã được thuật lại đầy đủ theo thứ tự.

26. Vị nào có những tướng trạng của bậc Đại nhân này ở các phần thân thể, đối với vị ấy chỉ có hai lối đi, bởi vì lối đi thứ ba không có.

27. Nếu sống tại gia, vị ấy sẽ chinh phục trái đất này và cai quản đúng pháp không nhờ vào gậy gộc, không nhờ vào gươm đao.

28. Và nếu vị ấy xuất gia, rời nhà sống không nhà thì [sẽ] trở thành đấng Toàn Giác, bậc A-la-hán, đấng Vô Thượng, có màn che [vô minh] đã được xua tan.

29. Các ngươi hãy hỏi, chỉ bằng ý mà thôi, về việc sanh ra và về dòng họ, về tướng trạng, về các chú thuật, về các học trò, về những điều khác nữa [liên quan đến ta], về cái đầu và về việc làm vỡ cái đầu.

30. Nếu là đức Phật, bậc có sự nhìn thấy không bị ngăn trở thì vị ấy sẽ đáp lại các câu hỏi được hỏi bằng ý thông qua lời nói."

31. Sau khi lắng nghe lời nói của Bāvari, mười sáu vị Bà-la-môn học trò là: Ajita, Tissametteyya, Puṇṇaka rồi Mettagū.

32. Dhotaka và Upasīva, Nanda, rồi Hemaka, hai vị Todeyya và Kappa, và vị sáng suốt Jatukaṇṇī.

33. Bhadrāvudha và Udaya, luôn cả Bà-la-môn Posāla, vị thông minh Mogharāja và vị đại ẩn sĩ Piṅgiya.

34. Tất cả là những vị có đồ chúng riêng, được nổi tiếng khắp cả thế gian, có thiền chứng, thích thú với thiền, sáng trí, đã được huân tập thành thói quen trong quá khứ.

35. Sau khi đã đảnh lễ Bāvari và thực hiện việc nhiễu quanh vị ấy, tất cả các vị, có tóc bện, mặc y da dê, đã ra đi hướng về phía Bắc.

36. [Họ đã đi] đến Patiṭṭhāna của xứ sở Mūlaka trước tiên, rồi đến Māhissatī, luôn cả Ujjenī, Gonaddhā, Vedisā và [thành phố] có tên Vana.

37. Rồi đến Kosambī, luôn cả Sāketa, thành phố hạng nhất Sāvatthi, Setavya, vùng đất Kapila và cung điện Kusinārā.

38. Pāvā, và thành phố Bhogā, Vesālī, thành phố xứ Magadha và điện thờ Pāsāṇaka đáng yêu, thích ý.

39. Tựa như người bị khát nước được nước mát, tựa như thương buôn được lợi lớn, tựa như người bị thiêu đốt bởi sức nóng được bóng râm, họ đã vui mừng trèo lên ngọn núi.

40. Và vào thời điểm ấy, đức Thế Tôn, được tôn vinh bởi hội chúng Tỳ-khưu, đang thuyết giảng giáo pháp cho các vị Tỳ-khưu, tựa như con sư tử đang gầm thét ở khu rừng.

41. Ajita đã nhìn thấy đấng Toàn Giác tựa như mặt trời có trăm ánh hào quang, giống như mặt trăng đã tiến gần đến sự tròn đầy vào ngày mười lăm.

42. Rồi sau khi nhìn thấy các phần thân thể của vị này và dấu hiệu được đầy đủ, Ajita đứng ở một bên, mừng rỡ, đã hỏi bằng ý các câu hỏi rằng:

43. "Xin Ngài hãy xác định và nói về việc sanh ra [của vị Bāvari]. Xin Ngài hãy nói về dòng họ cùng với tướng trạng. Xin Ngài hãy nói về sự toàn hảo ở các chú thuật. Vị Bà-la-môn [Bāvari] dạy bảo được bao nhiêu?"

44. "Tuổi thọ là một trăm hai mươi. Và theo dòng họ vị ấy là Bāvari. Ở thân thể vị này có ba tướng trạng. Là vị tinh thông về ba bộ Vệ-đà.

45. Là người đã đạt đến sự toàn hảo về pháp [Bà-la-môn] của mình, về tướng trạng và về truyền thống, về từ vựng và về nghi lễ, [Bāvari] dạy bảo năm trăm [học trò]."

46. "Thưa bậc Tối Thượng Nhân, thưa bậc đã cắt đứt tham ái, xin Ngài hãy giải thích chi tiết về các tướng trạng của Bāvari, xin chớ để chúng tôi bị nghi ngờ."

47. "[Người ấy] che khuất khuôn mặt bằng cái lưỡi, có sợi lông ở khoảng giữa chân mày của người này, vật được che giấu sau lớp vải [dương vật] được bọc lại, này người thanh niên, hãy biết như thế."

48. Trong khi không nghe bất kỳ câu hỏi nào mà đã nghe các câu hỏi được giảng giải, mọi người đều sanh niềm hân hoan, tay chắp lại, suy nghĩ rằng:

49. "Vậy thì vị trời nào, hay đấng Đại phạm, hoặc [Thiên vương] Inda chồng của Sujā, đã hỏi bằng ý những câu hỏi ấy? [Đức Phật] đáp lại điều này cho ai?"

50. "Vị Bāvari hỏi về cái đầu và về việc làm vỡ cái đầu. Thưa đức Thế Tôn, xin Ngài hãy giải thích điều ấy. Thưa bậc Ẩn Sĩ, xin Ngài hãy xua đi sự nghi ngờ của chúng tôi."

51. "Ngươi hãy biết vô minh là 'cái đầu', minh là vật đập vỡ cái đầu, được liên kết với tín, niệm, định,... với mong muốn và tinh tấn."

52. Do đó, với niềm hân hoan lớn lao, người thanh niên Bà-la-môn sau khi trấn tĩnh lại, đã khoác tấm da dê một bên vai, quỳ xuống đê đầu ở hai bàn chân [đức Phật và nói rằng]:

53. "Thưa Ngài, Bà-la-môn Bāvari có tâm phấn khởi, có ý tốt lành, cùng với các học trò đảnh lễ hai bàn chân của Ngài, thưa bậc Hữu Nhãn."

54. "Mong sao Bà-la-môn Bāvari cùng với các học trò được an lạc. Và luôn cả ngươi nữa, hãy được an lạc. Này người thanh niên, chúc ngươi sống thọ.

55. Từ cơ hội đã được tạo ra, ngươi hãy hỏi mọi điều ngờ vực của tất cả, của Bāvari hoặc của ngươi, bất cứ điều gì ngươi mong muốn ở trong tâm."

56. Với cơ hội đã được tạo ra bởi đấng Toàn Giác, Ajita đã ngồi xuống, chắp tay lại, tại nơi ấy đã hỏi đức Như Lai câu hỏi thứ nhất.

Dứt "Kệ ngôn dẫn chuyện."

1. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN AJITA (*Ajitamāṇavapucchā*)

1.1. [Tôn giả Ajita[1] nói rằng:]

---

[1] Lúc đi đến gặp đức Thế Tôn, Ajita còn là một vị thanh niên Bà-la-môn [*māṇava*]. Vào cuối buổi giảng pháp, Ajita đã thành tựu quả vị A-la-hán (*SnA*. II. 588; *Cullaniddesapāḷi - Tiểu diễn giải, TTPV*, tập 36, trang 89).

"Thế giới bị bao trùm bởi cái gì?
Không chói sáng bởi điều gì?
Ngài hãy nói cái gì là vật làm uế nhiễm đối với [thế giới] này?
Cái gì là sự nguy hiểm lớn lao đối với nó [thế giới]?"

1.2. [Đức Thế Tôn nói: "Này Ajita]
Thế giới bị bao trùm bởi vô minh,
Không chói sáng bởi keo kiệt, bởi xao lãng.
Ta nói tham muốn là vật làm uế nhiễm,
Khổ là sự nguy hiểm lớn lao đối với nó [thế giới]."

1.3. [Tôn giả Ajita nói rằng:]
"Các dòng chảy tuôn tràn khắp mọi nơi,
Cái gì là sự ngăn cản các dòng chảy?
Ngài hãy nói về sự ngăn chặn các dòng chảy,
Các dòng chảy được chặn đứng bởi cái gì?"

1.4. [Đức Thế Tôn nói: "Này Ajita]
Những dòng chảy nào hiện diện ở thế gian,
Niệm là sự ngăn cản chúng.
Ta nói về sự ngăn chặn các dòng chảy,
Chúng được chặn đứng bởi tuệ."

1.5. [Tôn giả Ajita nói rằng:]
"Tuệ và luôn cả niệm,
Danh và sắc, thưa Ngài,
Được tôi hỏi điều này, xin Ngài hãy nói lên,
Ở đâu điều này được hoại diệt?"

1.6. "Ngươi đã hỏi câu hỏi về điều nào, này Ajita, Ta trả lời cho ngươi về điều ấy, về việc danh và sắc được hoại diệt không dư sót. Do sự diệt tận của thức, ở đây, điều này [danh và sắc] được hoại diệt."

1.7. "Những vị nào đã hiểu rõ giáo pháp [là các bậc A-la-hán] và những vị nào là các bậc Hữu học đông đảo ở nơi này, tôi hỏi bậc Chín Chắn về oai nghi của những vị ấy, thưa Ngài, xin Ngài hãy nói lên."

1.8. "Không nên khát khao ở các dục,
Không nên bị khuấy động bởi tâm,
Thiện xảo đối với tất cả các pháp,
Có niệm, vị Tỳ-khưu ra đi du phương."

Dứt "Câu hỏi của thanh niên Ajita."

2. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN TISSAMETTEYYA (*Tissametteyyamāṇavapucchā*)

2.1. [Tôn giả Tissametteyya nói rằng:]

"Ở đây, người nào được hài lòng ở thế gian?
Đối với người nào các sự xao động không hiện hữu?
Người nào sau khi biết rõ cả hai thái cực,
Không bị nhiễm bẩn ở khoảng giữa nhờ vào trí tuệ?
Ngài nói ai là 'bậc Đại nhân'?
Ở đây, người nào đã vượt qua thợ may [tham ái]?"

2.2. [Đức Thế Tôn nói: "Này Metteyya]
Vị có Phạm hạnh về các dục,
Đã xa lìa tham ái, luôn luôn có niệm,
Sau khi đã suy xét, vị Tỳ-khưu được tịch diệt.
Đối với vị ấy, các sự xao động không hiện hữu.

2.3. Vị ấy sau khi biết rõ cả hai thái cực,
Không bị nhiễm bẩn ở khoảng giữa nhờ vào trí tuệ.
Ta nói vị ấy là 'bậc Đại nhân'.
Ở đây, vị ấy vượt qua thợ may [tham ái]."

Dứt "Câu hỏi của thanh niên Tissametteyya."

3. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN PUṆṆAKA (*Puṇṇakamāṇavapucchā*)

3.1. [Tôn giả Puṇṇaka nói rằng:] "Với ý định hỏi câu hỏi, tôi đã đi đến bậc không dục vọng, bậc có sự nhìn thấy gốc rễ [của các pháp]: 'Nương tựa vào điều gì, các vị ẩn sĩ, loài người, các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, đối với các thiên thần, đã chuẩn bị lễ hiến tế đông đảo tại nơi này, ở thế gian.' Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này."

3.2. [Đức Thế Tôn nói: "Này Puṇṇaka] bất cứ những ai, các vị ẩn sĩ, loài người, các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, đối với các thiên thần, đã chuẩn bị lễ hiến tế đông đảo tại nơi này, ở thế gian, này Puṇṇaka, trong khi mong ước bản thể này, bị phụ thuộc vào tuổi già, họ đã chuẩn bị lễ hiến tế."

3.3. [Tôn giả Puṇṇaka nói rằng:] "Bất cứ những ai, các vị ẩn sĩ, loài người, các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, đối với các thiên thần, đã chuẩn bị lễ hiến tế đông đảo tại nơi này, ở thế gian, thưa đức Thế Tôn, có phải những người ấy, không xao lãng ở đường lối tế lễ, thưa Ngài, họ đã vượt qua sanh và già? Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này."

3.4. [Đức Thế Tôn nói: "Này Puṇṇaka] những kẻ mong ước, khen ngợi, nguyện cầu, cúng tế, những kẻ nguyện cầu các dục bởi vì lợi lộc, Ta nói rằng: 'Những kẻ ấy, do sự gắn bó vào tế lễ, bị luyến ái với sự luyến ái vào hữu, đã không vượt qua sanh và già.'"

3.5. [Tôn giả Puṇṇaka nói rằng:] "Thưa Ngài, nếu những kẻ ấy, do sự gắn bó vào tế lễ, đã không vượt qua sanh và già nhờ vào các lễ hiến tế, vậy giờ đây, thưa Ngài, người nào ở thế giới chư thiên và nhân loại đã vượt qua sanh và già? Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này."

3.6. [Đức Thế Tôn nói: "Này Puṇṇaka] sau khi đã suy xét nơi này và nơi khác ở thế gian, vị nào không có sự xao động tại bất cứ nơi nào ở thế gian, là bậc an tịnh, không còn khói mù, không phiền muộn, không mong cầu, Ta nói rằng, vị ấy đã vượt qua sanh và già."

Dứt "Câu hỏi của thanh niên Puṇṇaka."

4. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN METTAGŪ (*Mettagūmāṇavapucchā*)

4.1. [Tôn giả Mettagū nói rằng:] "Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này. Tôi nghĩ rằng Ngài là bậc đã đạt được sự hiểu biết, có bản thân đã được tu tập. Từ đâu mà các khổ này đã được khởi lên, bất kể loại nào ở thế gian, với nhiều hình thức?"

4.2. [Đức Thế Tôn nói: "Này Mettagū] quả thật ngươi đã hỏi Ta về nguồn sanh khởi của khổ. Ta sẽ tuyên thuyết về điều ấy cho ngươi theo như điều Ta nhận biết. Các khổ phát khởi đều có căn nguyên là mầm tái sanh, bất kể loại nào ở thế gian, với nhiều hình thức.

4.3. Thật vậy, kẻ nào, [do] không có sự hiểu biết, rồi tạo ra mầm tái sanh, là kẻ ngu, [sẽ] đi đến khổ lần này rồi lần khác. Vì thế, người có sự quán xét về sự sanh ra và phát khởi của khổ, trong khi biết, không nên tạo ra mầm tái sanh."

4.4. [Tôn giả Mettagū nói rằng:] "Điều nào chúng tôi đã hỏi Ngài, Ngài đã giải thích cho chúng tôi. Chúng tôi hỏi Ngài điều khác, vậy xin Ngài hãy trả lời điều ấy. Làm thế nào các bậc sáng trí vượt qua dòng lũ, sanh và già, sầu muộn và than vãn? Thưa bậc Hiền Trí, xin Ngài hãy giảng rõ tường tận điều ấy cho tôi, bởi vì pháp này đã được Ngài biết đúng theo bản thể."

4.5. [Đức Thế Tôn nói: "Này Mettagū] Ta sẽ giải thích cho ngươi giáo pháp, về pháp đã được thấy, không phải do nghe nói lại. Sau khi hiểu pháp ấy, vị có niệm, trong khi sống, có thể vượt qua sự vướng mắc ở thế gian."

4.6. "Và tôi thích thú về điều ấy,
Thưa bậc Đại Ẩn Sĩ, về giáo pháp tối thượng.
Sau khi hiểu pháp ấy, vị có niệm, trong khi sống,
Có thể vượt qua sự vướng mắc ở thế gian."

4.7. [Đức Thế Tôn nói: "Này Mettagū] bất cứ điều gì mà ngươi tự mình nhận biết, bên trên, bên dưới, luôn cả bề ngang và khoảng giữa, ngươi hãy xua đi sự vui thích, sự chấp chặt, và tâm thức liên quan đến các pháp ấy; không nên trụ lại ở hữu.

4.8. An trú như vậy, có niệm, không xao lãng, vị Tỳ-khưu trong khi sống, sau khi từ bỏ các vật đã được chấp là của ta, là vị hiểu biết, ngay tại nơi này, có thể dứt bỏ khổ đau, sanh, già, sầu muộn và than vãn."

4.9. [Tôn giả Mettagū nói rằng:] "Tôi thích thú lời nói này của bậc Đại Ẩn Sĩ, thưa Ngài Gotama, trạng thái không liên quan đến mầm tái sanh đã khéo

được trình bày, bởi vì đức Thế Tôn đương nhiên đã dứt bỏ khổ, bởi vì pháp này đã được Ngài biết đúng theo bản thể.

4.10. Những người nào, thưa bậc Hiền Trí, được Ngài giáo huấn không ngừng nghỉ, luôn cả những người ấy chắc chắn có thể dứt bỏ khổ đau. Vì thế, thưa bậc Long Tượng, sau khi gặp Ngài, con[2] xin kính lễ Ngài. Mong sao đức Thế Tôn sẽ giáo huấn con không ngừng nghỉ."

4.11. [Đức Thế Tôn nói: "Này Mettagū] vị Bà-la-môn nào mà ngươi có thể biết rõ là bậc đã đạt được sự hiểu biết, không còn vướng bận, không bị dính mắc ở dục và hữu, vị ấy đương nhiên đã vượt qua dòng lũ này và đã vượt qua đến bờ kia, không còn sự cứng cỏi [của tâm], không còn nghi ngờ.

4.12. Và người nào ở nơi này, có sự hiểu biết, là bậc đã đạt được sự hiểu biết, sau khi tháo gỡ sự quyến luyến này ở hữu và phi hữu, người ấy có tham ái đã được xa lìa, không còn phiền muộn, không có mong cầu, Ta nói rằng, người ấy đã vượt qua sanh và già."

Dứt "Câu hỏi của thanh niên Mettagū."

5. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN DHOTAKA (*Dhotakamāṇavapucchā*)

5.1. [Tôn giả Dhotaka nói rằng:] "Thưa đức Thế Tôn, con hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời con về điều này. Thưa bậc Đại Ẩn Sĩ, con mong mỏi lời nói của Ngài. Sau khi lắng nghe lời tuyên bố của Ngài, con có thể học tập về sự tịch diệt cho bản thân."

5.2. [Đức Thế Tôn nói: "Này Dhotaka] chính vì điều ấy, ngươi hãy thực hiện sự nhiệt tâm, ngay tại nơi này, hãy là người có sự chín chắn, có niệm. Sau khi lắng nghe lời tuyên bố từ nơi đây, nên học tập về sự tịch diệt cho bản thân."

5.3. [Tôn giả Dhotaka nói rằng:] "Con nhìn thấy ở thế giới của chư thiên và loài người, vị Bà-la-môn không còn vướng bận đang sinh hoạt [trong bốn oai nghi]. Vì thế, thưa bậc Toàn Nhãn, con xin kính lễ Ngài. Thưa vị dòng Sakya, xin Ngài hãy giải thoát cho con khỏi các nỗi nghi hoặc."

5.4. [Đức Thế Tôn nói: "Này Dhotaka] Ta không có khả năng về việc giúp cho giải thoát bất cứ người nào ở thế gian có nỗi nghi hoặc, này Dhotaka. Nhưng trong khi hiểu được giáo pháp tối thượng, như vậy ngươi có thể vượt qua dòng lũ này."

5.5. [Tôn giả Dhotaka nói rằng:] "Thưa đấng Phạm thiên, xin Ngài hãy từ mẫn chỉ dạy pháp viễn ly để con có thể nhận thức được pháp ấy; theo đó, con ví như hư không, không bị xáo trộn, con có thể sống ở chính nơi này, được an tịnh, không dựa dẫm."

5.6. [Đức Thế Tôn nói: "Này Dhotaka] Ta sẽ giải thích cho ngươi về sự an

---

[2] Từ đoạn này trở đi, nhân xưng đại danh từ "tôi" của các vị Bà-la-môn sẽ được ghi là "con" theo ý kiến chủ quan của người dịch nghĩ rằng, đến lúc này, các vị Bà-la-môn đã có niềm tin với đức Phật nên có sự khiêm nhường hơn so với trước đây khi mới gặp. (ND)

tịnh, về pháp đã được thấy, không phải do nghe nói lại; sau khi hiểu pháp ấy, vị có niệm, trong khi sống, có thể vượt qua sự vướng mắc ở thế gian."

5.7. [Tôn giả Dhotaka nói rằng:] "Và con thích thú về điều ấy, thưa bậc Đại Ẩn Sĩ, về sự an tịnh tối thượng; sau khi hiểu pháp ấy, vị có niệm, trong khi sống, có thể vượt qua sự vướng mắc ở thế gian."

5.8. [Đức Thế Tôn nói: "Này Dhotaka] bất cứ điều gì mà ngươi tự mình nhận biết, bên trên, bên dưới, luôn cả bề ngang và khoảng giữa, sau khi hiểu điều này là 'sự quyến luyến' ở thế gian, ngươi chớ tạo ra tham ái ở hữu và phi hữu."

Dứt "Câu hỏi của thanh niên Dhotaka."

6. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN UPASĪVA (*Upasīvamāṇavapucchā*)

6.1. [Tôn giả Upasīva nói rằng:] "Thưa vị dòng Sakya, một mình con, không nương tựa [nơi nào], con không có khả năng vượt qua dòng lũ lớn. Thưa bậc Toàn Nhãn, xin Ngài hãy nói về đối tượng, được nương tựa vào nơi ấy, con có thể vượt qua dòng lũ này."

6.2. [Đức Thế Tôn nói: "Này Upasīva] trong khi xem xét về Vô sở hữu xứ, có niệm, nương tựa vào [ý niệm] 'không có', ngươi hãy vượt qua dòng lũ. Sau khi dứt bỏ các dục, đã xa lánh hẳn các điều nghi hoặc, ngươi hãy quán sát sự cạn kiệt của tham ái, đêm và ngày."

6.3. [Tôn giả Upasīva nói rằng:]: "Vị nào đã xa lìa sự luyến ái ở tất cả các dục, đã nương tựa vào Vô sở hữu xứ sau khi từ bỏ pháp [chứng đắc] khác,[3] đã hướng đến sự giải thoát do tưởng cao nhất, phải chăng vị ấy có thể trụ lại ở nơi ấy, không đi tiếp nữa?"

6.4. [Đức Thế Tôn nói: "Này Upasīva] vị nào đã xa lìa sự luyến ái ở tất cả các dục, đã nương tựa vào Vô sở hữu xứ sau khi từ bỏ pháp [chứng đắc] khác, đã hướng đến sự giải thoát do tưởng cao nhất, vị ấy có thể trụ lại ở nơi ấy, không đi tiếp nữa."

6.5. [Tôn giả Upasīva nói rằng:] "Nếu vị ấy trụ lại ở nơi ấy, không đi tiếp nữa, thậm chí một số năm, thưa bậc Toàn Nhãn, ngay tại chỗ ấy, vị ấy có thể có sự mát mẻ, được giải thoát, có phải thức của vị thuộc hạng như thế ấy có thể diệt tắt?"

6.6. [Đức Thế Tôn nói: "Này Upasīva] giống như ngọn lửa đã bị dập tắt bởi lực đẩy của làn gió, thời đi đến sự chấm dứt, không đạt đến danh xưng; tương tự như vậy, vị Hiền trí đã được giải thoát khỏi danh thân [tập hợp các yếu tố thuộc về tâm], thời đi đến sự chấm dứt, không đạt đến danh xưng.

6.7. [Tôn giả Upasīva nói rằng:] "Có phải vị ấy đi đến sự chấm dứt hay vị ấy không có [hiện hữu], hay là vị ấy thật sự ở vào trạng thái trường tồn, vô bệnh?

---

[3] Pháp [chứng đắc] khác: Nói đến sáu loại chứng đắc thấp hơn (*SnA*. II. 593-594), tức là sự chứng đắc bốn tầng thiền sắc giới và hai tầng thiền Không vô biên xứ và Thức vô biên xứ thuộc vô sắc giới. (ND)

Thưa bậc Hiền Trí, xin Ngài hãy giảng rõ tường tận điều ấy cho con, bởi vì pháp này đã được Ngài biết đúng theo bản thể."

6.8. [Đức Thế Tôn nói: "Này Upasīva] đối với vị đã đi đến sự chấm dứt thì không có sự ước lượng. Với điều nào người ta có thể nói về vị ấy thì điều ấy không còn có đối với vị ấy. Khi tất cả các pháp đã được bứng lên hoàn toàn, ngay cả nền tảng của lời nói cũng được bứng lên hoàn toàn."

Dứt "Câu hỏi của thanh niên Upasīva."

7. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN NANDA (*Nandamāṇavapucchā*)

7.1. [Tôn giả Nanda nói rằng:] "'Các bậc Hiền trí hiện hữu ở thế gian', mọi người nói như thế; theo Ngài, điều này [có ý nghĩa] thế nào? Họ nói người đã thành tựu về trí là bậc Hiền trí, hay là người đã thực sự thành tựu về lối sống?"

7.2. [Đức Thế Tôn nói: "Này Nanda] không phải do thấy, không phải do nghe, không phải do trí, mà các bậc thiện xảo ở nơi đây gọi là bậc Hiền trí. Những người nào sau khi tiêu diệt đạo binh [ô nhiễm], sống không phiền muộn, không mong cầu, Ta nói rằng những người ấy là các bậc Hiền trí."

7.3. [Tôn giả Nanda nói rằng:] "Bất cứ những Sa-môn và Bà-la-môn nào nói rằng sự trong sạch là do điều đã được thấy và do điều đã được nghe, nói rằng sự trong sạch là do giới và phận sự, nói rằng sự trong sạch là do nhiều hình thức, có phải những vị ấy, thưa đức Thế Tôn, trong khi sống kiềm chế ở nơi ấy, họ đã vượt qua sanh và già, thưa Ngài? Con hỏi Ngài, thưa đức Thế Tôn, xin Ngài hãy trả lời con về điều này."

7.4. [Đức Thế Tôn nói: "Này Nanda] bất cứ những vị Sa-môn và Bà-la-môn nào nói rằng sự trong sạch là do điều đã được thấy và do điều đã được nghe, nói rằng sự trong sạch là do giới và phận sự, nói rằng sự trong sạch là do nhiều hình thức, mặc dầu những vị ấy, trong khi sống kiềm chế ở nơi ấy, Ta nói rằng: 'Họ đã không vượt qua sanh và già.'"

7.5. [Tôn giả Nanda nói rằng:] "Bất cứ những vị Sa-môn và Bà-la-môn nào nói rằng sự trong sạch là do điều đã được thấy và do điều đã được nghe, nói rằng sự trong sạch là do giới và phận sự, nói rằng sự trong sạch là do nhiều hình thức.

7.6. Thưa bậc Hiền Trí, nếu Ngài nói những vị ấy là không vượt qua dòng lũ, vậy giờ đây, thưa Ngài, người nào ở thế giới chư thiên và nhân loại đã vượt qua sanh và già? Con hỏi Ngài, thưa đức Thế Tôn, xin Ngài hãy trả lời con về điều này."

7.7. [Đức Thế Tôn nói: "Này Nanda] Ta không nói rằng tất cả các vị Sa-môn và Bà-la-môn đều bị bao trùm bởi sanh và già. Ở đây, những vị nào đã dứt bỏ điều đã được thấy, hoặc điều đã được nghe, hoặc điều đã được cảm giác, hoặc thậm chí tất cả giới và phận sự, đã dứt bỏ mọi hình thức nhiều loại, đã biết toàn diện về tham ái, không còn lậu hoặc, Ta nói rằng 'những con người ấy thật sự đã vượt qua dòng lũ.'"

7.8. [Tôn giả Nanda nói rằng:] "Thưa Ngài Gotama, con thích thú lời nói này của bậc Đại Ẩn Sĩ, trạng thái không liên quan đến mầm tái sanh đã khéo được trình bày. Ở đây, những vị nào đã dứt bỏ điều đã được thấy, hoặc điều đã được nghe, hoặc điều đã được cảm giác, hoặc thậm chí tất cả giới và phận sự, đã dứt bỏ mọi hình thức nhiều loại, đã biết toàn diện về tham ái, không còn lậu hoặc, con cũng nói rằng: 'Những vị ấy đã vượt qua dòng lũ.'"

Dứt "Câu hỏi của thanh niên Nanda."

8. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN HEMAKA (*Hemakamāṇavapucchā*)

8.1. [Tôn giả Hemaka nói rằng:]
"Những người nào trước đây đã giải thích cho con
Khác với lời dạy của đức Gotama [nói rằng]:
'Đã là như vầy, sẽ là như vầy',
Mọi điều ấy đều do nghe lời đồn đãi,
Mọi điều ấy đều là sự tăng trưởng của suy nghĩ,
Con đã không thích thú về điều ấy.

8.2. Và xin Ngài hãy nói ra cho con về giáo pháp,
Về sự diệt trừ tham ái, thưa bậc Hiền Trí;
Sau khi hiểu pháp ấy, con có niệm, trong khi sống,
Có thể vượt qua sự vướng mắc ở thế gian."

8.3. "Ở đây, sự xua đi mong muốn và luyến ái ở các vật có vẻ đáng yêu đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, này Hemaka, là vị thế Niết-bàn, bất hoại.

8.4. Sau khi hiểu thông điều này, những người nào có niệm,
Đã nhận thức được giáo pháp, đã được diệt tắt,
Và những người ấy luôn luôn yên tịnh,
Họ đã vượt qua sự vướng mắc ở thế gian."

Dứt "Câu hỏi của thanh niên Hemaka."

9. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN TODEYYA (*Todeyyamāṇavapucchā*)

9.1. [Tôn giả Todeyya nói rằng:]
"Ở người nào các dục không sinh tồn,
Đối với người nào tham ái không tìm thấy,
Và người nào đã vượt qua các nỗi nghi hoặc,
Sự giải thoát của người ấy là như thế nào?"

9.2. [Đức Thế Tôn nói: "Này Todeyya]
Ở người nào các dục không sinh tồn,
Đối với người nào tham ái không tìm thấy,
Và người nào đã vượt qua các nỗi nghi hoặc,
Đối với người ấy không có sự giải thoát nào khác nữa."

9.3. "Vị ấy không còn mong ước hay là [vị ấy] đang mong ước?
Vị ấy có sự hiểu biết hay là có sự sắp đặt nhờ vào tuệ?
Thưa vị dòng Sakya, để cho con có thể nhận biết về vị Hiền trí,
Thưa bậc Toàn Nhãn, xin Ngài hãy nói rõ điều ấy cho con."

9.4. "Vị ấy không còn mong ước, vị ấy không mong ước.
Vị ấy có sự hiểu biết và không có sự sắp đặt nhờ vào tuệ.
Này Todeyya, ngươi hãy nhận biết về vị Hiền trí là như vậy,
Là vị không còn vướng bận, không bị dính mắc ở dục và hữu."

Dứt "Câu hỏi của thanh niên Todeyya."

10. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN KAPPA (*Kappamāṇavapucchā*)

10.1. [Tôn giả Kappa nói rằng:]
"Thưa Ngài, xin Ngài hãy nói về hòn đảo
Dành cho những người đang đứng giữa hồ nước,
Ở dòng lũ có sự nguy hiểm lớn đã được sanh ra,
Dành cho những người đang bị chế ngự bởi lão và tử.
Và xin Ngài hãy nói ra cho con về hòn đảo
Để cho cái [khổ] khác giống như cái [khổ] này không thể xảy ra."

10.2. [Đức Thế Tôn nói: "Này Kappa]
Ta [sẽ] nói với ngươi về hòn đảo, này Kappa,
Dành cho những người đang đứng giữa hồ nước,
Ở dòng lũ có sự nguy hiểm lớn đã được sanh ra,
Dành cho những người đang bị chế ngự bởi lão và tử.

10.3. Hòn đảo ấy là không vướng bận, không nắm giữ, không có cái nào khác, Ta gọi cái ấy là 'Niết-bàn', sự diệt trừ hoàn toàn lão và tử.

10.4. Sau khi hiểu thông điều này, những người nào có niệm,
Đã nhận thức được giáo pháp, đã được diệt tắt,
Những người ấy không đi theo quyền lực của Ma vương,
Những người ấy không là nô bộc của Ma vương."

Dứt "Câu hỏi của thanh niên Kappa."

11. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN JATUKAṆṆĪ (*Jatukaṇṇīmāṇavapucchā*)

11.1. [Tôn giả Jatukaṇṇī nói rằng:] "Thưa bậc Anh Hùng, sau khi con nghe về vị không có ham muốn các dục, con đã đi đến để hỏi vị đã vượt qua dòng lũ, vị không có ham muốn. Thưa bậc có nhãn quan đã được đồng sanh [với trí toàn giác], xin Ngài hãy nói về vị thế an tịnh. Thưa đức Thế Tôn, xin Ngài hãy nói cho con về điều này đúng theo sự thật.

11.2. Thật vậy, đức Thế Tôn sinh hoạt [cư xử] sau khi ngự trị các dục,

Tựa như thái dương, có sức nóng, ngự trị trái đất bằng sức nóng.
Thưa bậc có tuệ bao la, đối với con là người có tuệ nhỏ nhoi,
Xin Ngài hãy chỉ dạy về giáo pháp để con có thể nhận thức
Sự lìa bỏ đối với sanh và già ở nơi đây."

11.3. [Đức Thế Tôn nói: "Này Jatukaṇṇī]
Ngươi hãy dẹp bỏ sự thèm khát ở các dục
Để nhìn thấy sự xuất ly là an toàn.
Dầu đã được nắm bắt hay đã được vứt bỏ,
Sự vướng bận chớ có hiện diện đối với ngươi.

11.4. Điều nào trước đây [quá khứ], ngươi hãy làm khô héo điều ấy.
Chớ có điều vướng bận sanh khởi đến ngươi sau này [vị lai].
Nếu ngươi không nắm lấy [điều gì] ở khoảng giữa [hiện tại],
Ngươi sẽ sống, được yên tịnh.

11.5. Này Bà-la-môn, đối với vị đã xa lìa sự thèm khát
Ở danh và sắc về mọi phương diện,
Đối với vị này các lậu hoặc không hiện hữu,
Bởi vì chúng, con người rơi vào sự cai quản của tử thần."

Dứt "Câu hỏi của thanh niên Jatukaṇṇī."

12. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN BHADRĀVUDHA (*Bhadrāvudhamāṇavapucchā*)

12.1. [Tôn giả Bhadrāvudha nói rằng:] "Con khẩn cầu bậc khôn ngoan, bậc từ bỏ chỗ trú ngụ, bậc cắt đứt tham ái, bậc không còn dục vọng, bậc từ bỏ niềm vui, bậc đã vượt qua dòng lũ, bậc đã được giải thoát, bậc từ bỏ sự sắp đặt [do tham ái và tà kiến]. Sau khi lắng nghe bậc Long Tượng, từ đây họ sẽ ra đi.

12.2. Trong khi mong mỏi lời nói của Ngài, thưa bậc Anh Hùng,
Vô số người từ các xứ sở đã tụ hội lại.
Xin Ngài hãy giảng rõ tường tận cho họ,
Bởi vì pháp này đã được Ngài biết đúng theo bản thể."

12.3. [Đức Thế Tôn nói: "Này Bhadrāvudha]
Nên dẹp bỏ mọi sự nắm giữ và tham ái
Ở bên trên, bên dưới, luôn cả bề ngang và khoảng giữa.
Bởi vì, mỗi một điều gì họ chấp thủ ở thế gian,
Do chính điều ấy Ma vương theo đuổi loài người.

12.4. Bởi vậy, trong khi nhận biết [điều này], vị Tỳ-khưu có niệm, không nên chấp thủ bất cứ điều gì ở tất cả thế gian. Trong khi xem xét những người bị dính mắc ở sự nắm giữ như vậy, [vị ấy biết] nhân loại này bị vướng mắc ở lãnh địa của thần chết."

Dứt "Câu hỏi của thanh niên Bhadrāvudha."

13. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN UDAYA (*Udayamāṇavapucchā*)

13.1. [Tôn giả Udaya nói rằng:]
"Với ý định [hỏi] câu hỏi, con đã đi đến
Bậc có thiền chứng, không còn bụi bặm, đang ngồi,
Bậc đã làm xong phận sự, không còn lậu hoặc,
Đã đi đến bờ kia của tất cả các pháp,
Xin Ngài hãy nói về sự giải thoát do trí giác ngộ,
Về sự phá vỡ vô minh."

13.2. [Đức Thế Tôn nói: "Này Udaya]
Sự dứt bỏ đối với những mong muốn về dục
Và những nỗi ưu phiền, cả hai loại,
Và việc xua đi sự dã dượi,
Việc ngăn cản các trạng thái hối hận.

13.3. Ta nói về sự giải thoát do trí giác ngộ,
Về sự phá vỡ vô minh
Có xả và niệm hoàn toàn trong sạch,
Có sự suy tầm đúng pháp đi trước."

13.4. [Tôn giả Udaya nói rằng:]
"Thế gian có cái gì là sự ràng buộc?
Cái gì, đối với nó, là phương tiện xem xét?
Do lìa bỏ cái gì
Được gọi là 'Niết-bàn'?"

13.5. [Đức Thế Tôn nói: "Này Udaya]
Thế gian có vui thích là sự ràng buộc.
Suy tầm, đối với nó, là phương tiện xem xét.
Do lìa bỏ tham ái
Được gọi là 'Niết-bàn'."

13.6. [Tôn giả Udaya nói rằng:]
"Đối với vị có niệm như thế nào trong lúc thực hành,
Thì thức [của vị ấy] được đình chỉ?
Chúng con đã đi đến để hỏi đức Thế Tôn,
Hãy cho chúng con lắng nghe lời nói ấy của Ngài."

13.7. "Đối với vị không thích thú cảm thọ
Thuộc nội phần và ngoại phần,
Đối với vị có niệm như vậy trong lúc thực hành,
Thì thức [của vị ấy] được đình chỉ."

Dứt "Câu hỏi của thanh niên Udaya."

14. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN POSĀLA (*Posālamāṇavapucchā*)

14.1. [Tôn giả Posāla nói rằng:]
"Với ý định [hỏi] câu hỏi, con đã đi đến
Gặp bậc đã ngự đến bờ kia của tất cả các pháp,
Vị chỉ ra thời quá khứ,
Không còn dục vọng, đã cắt đứt sự nghi ngờ.

14.2. Đối với vị có sắc tưởng đã không còn,
Có sự dứt bỏ toàn bộ về thân, đang nhìn thấy 'không có gì'
Thuộc nội phần và ngoại phần,
Thưa vị dòng Sakya, con hỏi thêm về trí [của vị ấy];
Vị thuộc hạng như thế ấy nên được hướng dẫn thế nào?"

14.3. [Đức Thế Tôn nói: "Này Posāla] trong khi biết rõ tất cả các chỗ trú của thức, đức Như Lai biết vị ấy đang trú [ở đâu], đã thiên về [điều nào], có điều ấy là đích đến.

14.4. Sau khi biết được nguồn xuất phát của Vô sở hữu xứ, [biết được] rằng: 'Sự ràng buộc bởi vui thích', sau khi biết rõ điều ấy như vậy, từ đó nhìn thấy rõ nơi ấy; đây là trí như thật của vị ấy, của vị Bà-la-môn đã sống hoàn hảo."

Dứt "Câu hỏi của thanh niên Posāla."

15. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN MOGHARĀJA (*Mogharājamāṇavapucchā*)

15.1. [Tôn giả Mogharāja nói rằng:] "Con đã hỏi vị dòng Sakya hai lần. Bậc Hữu Nhãn đã không giải đáp cho con. Và con đã được nghe rằng: '[Được hỏi] đến lần thứ ba, bậc Thiên Nhân Ẩn Sĩ [sẽ] giải đáp.'

15.2. Thế giới này, thế giới khác,
Thế giới Phạm thiên luôn cả chư thiên
Không [thể] biết rõ quan điểm của Ngài,
Của vị Gotama có danh vọng.

15.3. Con đã đi đến bậc có nhãn quan vượt trội như vậy với ý định [hỏi] câu hỏi: Người đang xem xét thế giới như thế nào thì tử thần không nhìn thấy [người ấy]?"

15.4. "Ngươi hãy xem xét thế giới là trống không,
Này Mogharāja, hãy luôn luôn có niệm.
Sau khi nhổ lên tà kiến về bản ngã,
Như vậy có thể vượt qua tử thần.
Người đang xem xét thế giới như vậy,
Thần chết không nhìn thấy [người ấy]."

Dứt "Câu hỏi của thanh niên Mogharāja."

16. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN PIṄGIYA (*Piṅgiyamāṇavapucchā*)

16.1. [Tôn giả Piṅgiya nói rằng:]
"Con đã già, yếu sức, không còn vẻ đẹp,
Cặp mắt không còn trong sáng, việc nghe không thoải mái.
Mong rằng con chớ mệnh chung trong lúc còn mê muội.
Xin Ngài hãy chỉ dạy về giáo pháp để con có thể nhận thức
Sự lìa bỏ đối với sanh và già ở nơi đây."

16.2. [Đức Thế Tôn nói: "Này Piṅgiya]
Sau khi nhìn thấy những người bị hãm hại do duyên các sắc,
Những người xao lãng bị khổ sở do duyên các sắc,
Vì thế, ngươi, này Piṅgiya, là người không xao lãng,
Ngươi hãy từ bỏ sắc để không còn sanh ra lần nữa."

16.3. [Tôn giả Piṅgiya nói rằng:] "Bốn hướng chính, bốn hướng phụ, bên trên, bên dưới, đây là mười phương. Đối với Ngài, không có bất cứ điều gì ở thế gian là không được thấy, không được nghe, không được cảm giác và không được nhận thức [bởi Ngài]. Xin Ngài hãy chỉ dạy về giáo pháp để con có thể nhận thức sự lìa bỏ đối với sanh và già ở nơi đây."

16.4. [Đức Thế Tôn nói: "Này Piṅgiya]
Trong khi xem xét những con người bị ngự trị bởi tham ái,
Bị sanh khởi bực bội, bị chế ngự bởi già;
Vì thế, ngươi, này Piṅgiya, là người không xao lãng,
Ngươi hãy từ bỏ tham ái để không còn sanh ra lần nữa."

Dứt "Câu hỏi của thanh niên Piṅgiya."

17. PHẦN TƯỜNG THUẬT VỀ ĐƯỜNG ĐI ĐẾN BỜ KIA (*Pārāyanānugīti*)

Đức Thế Tôn đã nói điều này trong lúc cư ngụ ở xứ sở Magadha tại bảo điện Pāsāṇaka. Được thỉnh cầu bởi mười sáu vị Bà-la-môn tùy tùng, Ngài đã giải đáp câu hỏi mỗi khi được hỏi. Nếu đối với từng câu hỏi một, sau khi hiểu thông ý nghĩa, sau khi hiểu thông giáo pháp thì có thể thực hành đúng pháp và thuận pháp, và còn có thể đi đến bờ kia của già và chết. Các pháp này là sẽ đi đến bờ kia, vì thế, tên gọi của bài giảng pháp này là *Đường đi đến bờ kia*.

1. Vị Ajita, vị Tissametteyya, vị Puṇṇaka, rồi vị Mettagū, vị Dhotaka và vị Upasīva, vị Nanda, rồi vị Hemaka.

2. Cả hai vị là vị Todeyya với vị Kappa và vị sáng suốt Jatukaṇṇī, vị Bhadrāvudha và vị Udaya, luôn cả Bà-la-môn Posāla, vị thông minh Mogharāja và vị Đại Ẩn sĩ Piṅgiya.

3. Những vị này đã đi đến gặp đức Phật, bậc Ẩn Sĩ có đức hạnh đầy đủ. Trong khi hỏi các câu hỏi vi tế, họ đã đến gần đức Phật tối thượng.

4. Được hỏi những câu hỏi, đức Phật đã giải đáp cho các vị ấy đúng theo

sự thật. Với việc giải đáp các câu hỏi, bậc Hiền Trí đã làm hài lòng các vị Bà-la-môn.

5. Các vị ấy, được hài lòng với bậc Hữu Nhãn, đức Phật, đấng Quyến Thuộc Của Mặt Trời, đã thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của bậc có tuệ cao quý.

6. Theo như điều đã được chỉ bảo bởi đức Phật đối với từng câu hỏi một, người nào thực hành theo như thế thì có thể từ bờ bên này đi đến bờ kia.

7. Người tu tập đạo lộ tối thượng có thể từ bờ bên này đi đến bờ kia. Đạo lộ ấy đưa đến việc đi đến bờ kia, vì thế gọi là *Đường đi đến bờ kia*.

8. [Tôn giả Piṅgiya nói rằng:] "Tôi sẽ tường thuật *Kinh Đường đi đến bờ kia*.[4] Bậc không có vết nhơ, có sự thông minh bao la, không còn dục, đã ra khỏi rừng [ô nhiễm]; bậc Long Tượng đã thấy như thế nào, Ngài đã nói ra như thế ấy. Nguyên nhân của việc gì khiến Ngài lại nói lời dối trá?

9. Giờ đây tôi sẽ thuật lại lời nói đức độ của bậc đã dứt bỏ vết nhơ và si mê, của bậc có sự dứt bỏ ngã mạn và gièm pha.

10. Đức Phật, đấng Toàn Nhãn, bậc xóa tan sự tăm tối,
Vị đã đi đến tận cùng thế giới, đã vượt mọi hữu,
Không còn lậu hoặc, đã dứt bỏ tất cả khổ,
Vị xứng đáng có danh xưng đã được tôi hầu cận, thưa vị Bà-la-môn.

11. Giống như loài lưỡng sanh, sau khi lìa bỏ khu rừng cây nhỏ,
Có thể sống ở khu rừng có nhiều trái cây,
Cũng như vậy, sau khi lìa bỏ người có tầm nhìn nhỏ nhoi,
Tôi tựa như con chim thiên nga đã đạt đến biển lớn.

12. Những người nào trước đây đã giải đáp cho tôi
Khác với lời dạy của đức Gotama [nói rằng]:
'Đã là như vầy, sẽ là như vầy',
Mọi điều ấy đều do nghe lời đồn đãi,
Mọi điều ấy đều là sự tăng trưởng của suy nghĩ.

13. Vị xóa tan sự tăm tối, một mình, đang ngồi,
Có sự sáng chói, bậc tạo ra ánh sáng ấy
Là vị Gotama có sự hiểu biết bao la,
Là vị Gotama có sự thông minh bao la.

14. Vị ấy đã thuyết giảng cho tôi giáo pháp,
Có thể thấy được bởi tự thân, không bị chi phối bởi thời gian,
Có sự diệt trừ tham ái, không có tai họa.
Đối với pháp [Niết-bàn] ấy, không có điều tương đương ở bất cứ đâu."

15. "Tại sao ngươi lại sống xa lìa vị ấy,
Vị Gotama có sự hiểu biết bao la,

---

[4] Lúc này, Bà-la-môn Piṅgiya đã chứng quả Bất lai, trở về thuật lại bài *Kinh Đi đến bờ kia* cho vị thầy trước đây là Bà-la-môn Bāvari (*SnA*. II. 603-05).

Vị Gotama có sự thông minh bao la,
Dầu chỉ trong chốc lát, này Piṅgiya?

16. Vị ấy đã thuyết giảng cho ngươi giáo pháp
Có thể thấy được bởi tự thân, không bị chi phối bởi thời gian,
Có sự diệt trừ tham ái, không có tai họa.
Đối với pháp [Niết-bàn] ấy, không có điều tương đương ở bất cứ đâu."

17. "Tôi không sống xa lìa vị ấy,
Vị Gotama có sự hiểu biết bao la,
Vị Gotama có sự thông minh bao la,
Dầu chỉ trong chốc lát, thưa vị Bà-la-môn.

18. Vị ấy đã thuyết giảng cho tôi giáo pháp,
Có thể thấy được bởi tự thân, không bị chi phối bởi thời gian,
Có sự diệt trừ tham ái, không có tai họa.
Đối với pháp [Niết-bàn] ấy, không có điều tương đương ở bất cứ đâu.

19. Tôi nhìn thấy Ngài ấy bằng ý hoặc bằng mắt,
Ban đêm và ban ngày, thưa vị Bà-la-môn, không bị xao lãng.
Trong khi kính lễ [đến Ngài], tôi sống qua đêm,
Chính bằng cách ấy, tôi nghĩ là sống không xa lìa.

20. Tín, hỷ, tâm ý và niệm
Của tôi không lìa xa lời giảng dạy của đức Gotama.
Mỗi phương hướng nào bậc có tuệ bao la di chuyển đến,
Tôi đây đều kính lễ theo chính mỗi phương hướng ấy.

21. Đối với tôi, là người đã già nua, có thể lực và sức mạnh kém cỏi,
Chính vì thế, thân xác của tôi không theo đến được nơi ấy.
Tôi thường đi đến bằng cách hướng tâm,
Thưa vị Bà-la-môn, bởi vì ý của tôi đã được gắn bó với Ngài ấy.

22. Trong khi nằm ở đám bùn [ngũ dục], đang chao đảo,
Tôi đã bơi từ hòn đảo này đến hòn đảo khác.
Rồi tôi đã nhìn thấy đức Phật Toàn Giác,
Vị đã vượt qua dòng lũ, không còn lậu hoặc."

23. "Giống như Vakkali có đức tin đã được cởi trói, Bhadrāvudha và Āḷavigotama [cũng thế], tương tự y như vậy, ngươi cũng hãy giải thoát bằng đức tin. Này Piṅgiya, ngươi sẽ đi đến bờ kia đối với lãnh địa của thần chết."

---

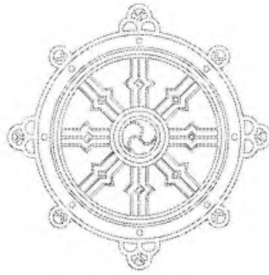
[5] Vào thời điểm này, đức Phật đang ngự tại thành Sāvatthi. Biết được sự chín muồi về khả năng của Piṅgiya và Bāvari, Ngài đã phóng ra hào quang có màu sắc vàng chói. Piṅgiya, ngay trong lúc đang ngồi tán dương ân đức của Phật cho Bāvari, đã nhìn thấy hào quang ấy. Trong lúc đang xem xét "cái gì đây?" Piṅgiya nhìn thấy đức Thế Tôn như đang đứng trước mặt. Piṅgiya đã bảo vị Bà-la-môn Bāvari rằng: "Đức Phật đã ngự đến." Bà-la-môn Bāvari đã từ chỗ ngồi chắp tay lên và đứng dậy. Đức Thế Tôn sau khi phóng ra hào quang đã hiện thân cho vị Bà-la-môn thấy. Sau khi thấy thời điểm phù hợp cho cả hai vị, trong lúc chỉ dạy riêng cho Piṅgiya, Ngài đã nói lên kệ ngôn này (*SnA*. II. 606).

24. "Sau khi lắng nghe lời nói của bậc Hiền Trí, con đây càng thêm tịnh tín. Ngài là đức Phật Toàn Giác có màn che đã được cuốn lên, không còn sự cứng cỏi [của tâm], có tài biện giải.

25. Sau khi biết rõ chư thiên bậc thượng, Ngài đã hiểu biết tất cả từ thấp đến cao. Bậc Đạo sư là vị giải quyết dứt điểm các câu hỏi của những người có sự nghi ngờ đang bày tỏ [với Ngài].

26. Đương nhiên, con sẽ đi đến trạng thái [Niết-bàn] không bị chuyển dịch, không bị lay động, không có pháp tương đương đối với Niết-bàn ở bất cứ đâu. Con không có sự nghi ngờ về nơi này. Xin Ngài hãy ghi nhận con là người có tâm đã được hướng đến như vậy."

Phẩm "Đường đi đến bờ kia" được chấm dứt.



DIỄN GIẢI PHẨM ĐƯỜNG ĐI ĐẾN BỜ KIA
(*PĀRĀYANAVAGGO*)

1. DIỄN GIẢI KINH AJITA
(*AJITASUTTANIDDESO*)

1.1. *[Tôn giả Ajita nói rằng:]*
"Thế giới bị bao trùm bởi cái gì?
Không chói sáng bởi điều gì?
Ngài hãy nói cái gì là vật làm uế nhiễm đối với [thế giới] này?
Cái gì là sự nguy hiểm lớn lao đối với nó [thế giới]?"

Thế giới bị bao trùm bởi cái gì?

Thế giới: Thế giới địa ngục, thế giới loài thú, thế giới ngạ quỷ, thế giới loài người, thế giới chư thiên, thế giới của các uẩn, thế giới của các giới, thế giới của các xứ, thế giới này, thế giới khác, thế giới Phạm thiên, thế giới chư thiên; đây gọi là thế giới. Thế giới này bị bao bọc, bị bao trùm, bị bao kín, bị che lại, bị che kín, bị đậy kín bởi cái gì?

"Thế giới bị bao trùm bởi cái gì" là như thế.

Tôn giả Ajita nói rằng.

Rằng: Từ "*icca*" này là sự nối liền các câu văn, sự kết hợp các câu văn, sự làm đầy đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuốt từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn.

Tôn giả: Từ "*āyasmā*" này là lời nói yêu mến, lời nói kính trọng, lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng.

Ajita: Là tên của vị Bà-la-môn ấy, là sự ấn định, sự chỉ định, sự quy định, sự diễn tả, tên gọi, sự đặt tên, sự định danh, từ mô tả, tên hiệu, từ kêu gọi.

"Tôn giả Ajita nói rằng" là như thế.

Không chói sáng bởi điều gì? Bởi điều gì mà thế giới không chói sáng, không tỏa sáng, không cháy sáng, không chiếu sáng, không được biết đến, không được nhận biết?

"Không chói sáng bởi điều gì" là như thế.

Ngài hãy nói cái gì là vật làm uế nhiễm đối với [thế giới] này? Đối với thế giới, cái gì là vật làm lấm nhơ, là sự dính mắc, là sự cột trói, là vật làm ô

nhiễm? Do cái gì, thế giới bị lấm nhơ, bị nhiễm bẩn, bị vấy bẩn, bị ô uế, bị ô nhiễm, bị lấm lem, bị gắn bó, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại.

Ngài hãy nói: Ngài hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ.

"Ngài hãy nói cái gì là vật làm uế nhiễm đối với [thế giới] này" là như thế.

Cái gì là sự nguy hiểm lớn lao đối với nó? Đối với thế giới, cái gì là sự sợ hãi, là sự nguy hiểm lớn lao, là sự hành hạ, là sự đụng chạm, là sự bất hạnh, là sự nguy cơ?

"Cái gì là sự nguy hiểm lớn lao đối với nó" là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

[Tôn giả Ajita nói rằng:]
"Thế giới bị bao trùm bởi cái gì?
Không chói sáng bởi điều gì?
Ngài hãy nói cái gì là vật làm uế nhiễm đối với [thế giới] này?
Cái gì là sự nguy hiểm lớn lao đối với nó [thế giới]?"

1.2. *[Đức Thế Tôn nói: "Này Ajita]*
Thế giới bị bao trùm bởi vô minh,
Không chói sáng bởi keo kiệt, bởi xao lãng.
Ta nói tham muốn là vật làm uế nhiễm,
Khổ là sự nguy hiểm lớn lao đối với nó [thế giới]."

Thế giới bị bao trùm bởi vô minh.

Vô minh: Là sự không biết về khổ, sự không biết về nhân sanh khổ, sự không biết về sự diệt tận khổ, sự không biết về sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ, sự không biết về điểm khởi đầu, sự không biết về điểm kết thúc, sự không biết về điểm khởi đầu và điểm kết thúc, sự không biết về các pháp tùy thuận duyên khởi này; sự không biết nào với hình thức như vậy là sự không nhìn thấy, không chứng ngộ, không thấu hiểu, không giác ngộ, không thấu triệt, không thu thập, không thâm nhập, không xem xét, không quán xét lại, không làm cho thấy rõ, không trong sáng, trạng thái ngu si, sự không nhận biết rõ, sự si mê, sự mê ám, sự mê muội, vô minh, sự lôi cuốn vào vô minh, sự gắn bó với vô minh, sự tiềm ẩn của vô minh, sự ngự trị của vô minh, sự ngăn trở của vô minh, si mê là gốc rễ của bất thiện; điều này được gọi là vô minh.

Thế giới: Thế giới địa ngục, thế giới loài thú, thế giới ngạ quỷ, thế giới loài người, thế giới chư thiên, thế giới của các uẩn, thế giới của các giới, thế giới của các xứ, thế giới này, thế giới khác, thế giới Phạm thiên, thế giới chư thiên; đây gọi là thế giới. Thế giới này bị bao bọc, bị bao trùm, bị bao kín, bị che lại, bị che kín, bị đậy kín bởi bởi vô minh này.

"Thế giới bị bao trùm bởi vô minh" là như thế.

Ajita: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính. Thêm nữa, "vị có luyến ái đã được phá vỡ" là đức Thế Tôn; "vị có sân hận đã được phá vỡ" là đức Thế Tôn; "vị có si mê đã được phá vỡ" là đức Thế Tôn; "vị có ngã mạn đã được phá vỡ" là đức Thế Tôn; "vị có tà kiến đã được phá vỡ" là đức Thế Tôn; "vị có cây gai đã được phá vỡ" là đức Thế Tôn; "vị có ô nhiễm đã được phá vỡ" là đức Thế Tôn; "vị đã phân phát, đã phân chia, đã phân phối Pháp bảo" là đức Thế Tôn; "vị thực hiện sự chấm dứt các hữu" là đức Thế Tôn; "vị có thân đã được tu tập, có giới đã được tu tập, có tâm đã được tu tập, có tuệ đã được tu tập" là đức Thế Tôn; "vị đã thân cận các khu rừng, các nơi heo hút, các chỗ trú ngụ xa vắng có ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh" là đức Thế Tôn; "vị có dự phần hoặc sở hữu về y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh" là đức Thế Tôn; "vị có dự phần hoặc sở hữu về vị của mục đích, về vị của Pháp, về vị của giải thoát, về thắng giới, về thắng tâm, về thắng tuệ" là đức Thế Tôn; "vị có dự phần hoặc sở hữu về bốn thiền, về bốn vô lượng [tâm], về bốn sự thể nhập vô sắc" là đức Thế Tôn; "vị có dự phần hoặc sở hữu về tám giải thoát, về tám thắng xứ [của thiền], về chín sự thể nhập và an trú theo tuần tự" là đức Thế Tôn; "vị có dự phần hoặc sở hữu về mười sự tu tập về tưởng, về mười sự thể nhập các đề mục *kasiṇa*, về định niệm hơi thở vào hơi thở ra, về sự thể nhập các đề mục tử thi" là đức Thế Tôn; "vị có dự phần hoặc sở hữu về bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần" là đức Thế Tôn; "vị có dự phần hoặc sở hữu về mười Như Lai lực, về bốn pháp tự tin, về bốn tuệ phân tích, về sáu thắng trí, về sáu pháp của đức Phật" là đức Thế Tôn. Tên gọi "Thế Tôn" này không do mẹ tạo ra, không do cha tạo ra, không do anh [em] trai tạo ra, không do chị [em] gái tạo ra, không do bạn bè hoặc thân hữu tạo ra, không do các thân quyến và những người cùng huyết thống tạo ra, không do các Sa-môn hoặc Bà-la-môn tạo ra, không do chư thiên tạo ra, sự tận cùng của giải thoát này là sự quy định thuộc về chư Phật Thế Tôn do sự đạt được, do sự chứng ngộ trí Toàn tri ở cội cây Bồ-đề, tức là "đức Thế Tôn."

"Đức Thế Tôn nói: Này Ajita" là như thế.

Không chói sáng bởi keo kiệt, bởi xao lãng.

Keo kiệt: Nói đến năm loại bỏn xẻn: Bỏn xẻn về chỗ ở, bỏn xẻn về gia tộc, bỏn xẻn về lợi lộc, bỏn xẻn về danh tiếng, bỏn xẻn về pháp; bỏn xẻn nào có hình thức như vậy là biểu hiện của bỏn xẻn, trạng thái của bỏn xẻn, sự hám lợi, keo kiệt, tính chất bủn xỉn, trạng thái bị nắm giữ của tâm; điều này được gọi là bỏn xẻn. Còn nữa, bỏn xẻn về uẩn cũng là bỏn xẻn, bỏn xẻn về giới cũng là bỏn xẻn, bỏn xẻn về xứ cũng là bỏn xẻn, sự nắm lấy được gọi là bỏn xẻn.

Xao lãng: Cần được nói đến: Sự buông thả hoặc sự buông xuôi trong việc buông thả của tâm ở uế hạnh về thân, ở uế hạnh về khẩu, ở uế hạnh về ý, hoặc ở năm loại dục, là trạng thái thực hành không nghiêm trang, trạng thái thực hành không liên tục, trạng thái thực hành không ổn định, có thói quen biếng nhác,

trạng thái buông bỏ mong muốn, trạng thái buông bỏ bổn phận, sự không tập luyện, sự không tu tập, sự không làm thường xuyên, sự không quyết tâm, sự không chuyên cần, sự xao lãng trong việc tu tập các thiện pháp; sự xao lãng nào với hình thức như vậy là biểu hiện xao lãng, trạng thái xao lãng; việc này gọi là sự xao lãng.

Không chói sáng bởi keo kiệt, bởi xao lãng: Bởi sự keo kiệt này và bởi sự xao lãng này mà thế giới không chói sáng, không tỏa sáng, không cháy sáng, không chiếu sáng, không được biết đến, không được nhận biết.

"Không chói sáng bởi keo kiệt, bởi xao lãng" là như thế.

Ta nói tham muốn là vật làm uế nhiễm.

Tham muốn: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt, sự say đắm, sự chiều chuộng, niềm vui, niềm vui và luyến ái, sự luyến ái mãnh liệt của tâm, ước muốn, mê mẩn, bám chặt, thèm khát, thèm thuồng, quyến luyến, đắm nhiễm, dục vọng, xảo trá, liên quan tái sanh, sự tạo ra khổ, người thợ may, cái lưới bẫy, sự cuốn trôi, sự vướng mắc, sợi chỉ trói, sự lan rộng, có sự ra sức, bạn đời, nguyện vọng, lối dẫn đến hữu, rừng cây, bụi rậm, sự thân thiết, sự thương yêu, sự trông mong, sự thân mật, sự mong mỏi, sự mong ước, trạng thái mong ước, sự mong mỏi về sắc, mong mỏi về thinh, mong mỏi về hương, mong mỏi về vị, mong mỏi về xúc, mong mỏi về lợi lộc, mong mỏi về tài sản, mong mỏi về con trai, mong mỏi về mạng sống, tham muốn, khởi tham muốn, tham đắm, biểu hiện tham muốn, trạng thái tham muốn, tham lam, biểu hiện tham lam, trạng thái tham lam, xao xuyến, ham muốn vật vừa ý, luyến ái sai pháp, tham sai trái, đeo đuổi, khao khát, ước nguyện, mong cầu, ước nguyện tốt đẹp, dục ái, hữu ái, phi hữu ái, ái cõi sắc, ái cõi vô sắc, ái Niết-bàn, ái cảnh sắc, ái cảnh thinh, ái cảnh khí, ái cảnh vị, ái cảnh xúc, ái cảnh pháp, dòng nước lũ, sự ràng buộc, trói buộc, chấp thủ, ngăn trở, ngăn che, che đậy, cột trói, làm ô nhiễm, tiềm ẩn, thâm nhập, quấn lấy, sự keo kiệt, cội nguồn của khổ, căn nguyên của khổ, nguồn sanh khổ, cạm bẫy của Ma vương, lưỡi câu của Ma vương, miếng mồi của Ma vương, lãnh địa của Ma vương, mồi nhử của Ma vương, hành xứ của Ma vương, sự trói buộc của Ma vương, ái ví như dòng sông, ái ví như tấm lưới, ái ví như dây xích, ái ví như biển, tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện; điều này được gọi là tham muốn, là vật làm lấm nhơ, là sự dính mắc, là sự cột trói, là vật làm ô nhiễm đối với thế giới. Ta nói, Ta chỉ dạy, Ta chỉ bảo, Ta thông báo, Ta ấn định, Ta khai mở, Ta chia sẻ, Ta làm rõ, Ta bày tỏ rằng: "Do tham muốn này, thế giới bị lấm nhơ, bị nhiễm bẩn, bị vấy bẩn, bị ô uế, bị ô nhiễm, bị lấm lem, bị gắn bó, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại."

"Ta nói tham muốn là vật làm uế nhiễm" là như thế.

Khổ là sự nguy hiểm lớn lao đối với nó [thế giới].

Khổ: Là khổ sanh, khổ già, khổ bệnh, khổ chết, khổ do sầu bi, khổ do ưu não, khổ ở địa ngục, khổ ở loài thú, khổ ở thân phận ngạ quỷ, khổ của loài người, khổ bắt nguồn từ việc nhập thai, khổ bắt nguồn từ việc trụ thai, khổ bắt

nguồn từ việc ra khỏi thai, khổ gắn liền sau khi sanh ra, khổ do kẻ khác áp đặt sau khi sanh ra, khổ do sự ra sức của bản thân, khổ do sự ra sức của kẻ khác, khổ do pháp tạo tác, khổ do sự biến đổi, bệnh ở mắt, bệnh ở tai trong, bệnh ở mũi, bệnh ở lưỡi, bệnh ở thân, bệnh ở đầu, bệnh ở lỗ tai, bệnh ở miệng, bệnh ở răng, ho, suyễn, sổ mũi, nhiệt, cảm sốt, đau bụng, xây xẩm, kiết lỵ, đau bụng bão, dịch tả, phong cùi, khối u, bệnh chàm, lao phổi, động kinh, mụt, nhọt, ghẻ ngứa, sảy, loét tay chân, máu và mật, bệnh tiểu đường, bệnh trĩ, ghẻ lở, loét hậu môn, bệnh phát khởi từ mật, bệnh phát khởi từ đàm, bệnh phát khởi từ gió, bệnh tổng hợp do mật-đàm-gió, bệnh sanh lên vì thay đổi thời tiết, bệnh sanh lên vì bốn oai nghi không đồng đều, bệnh thuộc dạng cấp tính, bệnh sanh lên vì quả của nghiệp, lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiểu tiện, các xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát là khổ, cái chết của mẹ là khổ, cái chết của cha là khổ, cái chết của anh [em] trai là khổ, cái chết của chị [em] gái là khổ, cái chết của con trai là khổ, cái chết của con gái là khổ, sự tổn hại về thân quyến là khổ, sự tổn hại về của cải là khổ, sự tổn hại vì bệnh tật là khổ, sự tổn hại về giới là khổ, sự tổn hại về kiến thức là khổ, đối với những pháp nào có sự khởi lên ban đầu được nhận biết, có sự diệt tận lúc biến mất được nhận biết, có quả thành tựu nương vào hành động, có hành động nương vào quả thành tựu, có sắc nương vào danh, có danh nương vào sắc, bị theo sau bởi sanh, bị đeo đuổi bởi già, bị thống trị bởi bệnh, bị hành hạ bởi chết, được thiết lập ở khổ, là không nơi nương tựa, là không nơi trú ẩn, là không nơi nương nhờ, có trạng thái không nơi nương nhờ; điều này được gọi là khổ. Khổ này là sự sợ hãi, sự nguy hiểm lớn lao, sự hành hạ, sự đụng chạm, sự bất hạnh, sự nguy cơ đối với thế giới.

"Khổ là sự nguy hiểm lớn lao đối với nó [thế giới]" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: "Này Ajita]
Thế giới bị bao trùm bởi vô minh,
Không chói sáng bởi keo kiệt, bởi xao lãng.
Ta nói tham muốn là vật làm uế nhiễm,
Khổ là sự nguy hiểm lớn lao đối với nó [thế giới]."

1.3. *[Tôn giả Ajita nói rằng:]*
"Các dòng chảy tuôn tràn khắp mọi nơi,
Cái gì là sự ngăn cản các dòng chảy?
Ngài hãy nói về sự ngăn chặn các dòng chảy,
Các dòng chảy được chặn đứng bởi cái gì?"

Các dòng chảy tuôn tràn khắp mọi nơi.

Các dòng chảy: Dòng chảy tham ái, dòng chảy tà kiến, dòng chảy ô nhiễm, dòng chảy uế hạnh, dòng chảy vô minh.

Khắp mọi nơi: Ở tất cả các xứ.

Tuôn tràn: Chúng tuôn tràn, chảy xuống, tuôn chảy, chảy liên tục; từ con

mắt chúng tuôn tràn, chảy xuống, tuôn chảy, chảy liên tục ở sắc; từ lỗ tai chúng tuôn tràn… (nt)… ở thinh; từ lỗ mũi chúng tuôn tràn… (nt)… ở hương; từ lưỡi chúng tuôn tràn… (nt)… ở vị; từ thân chúng tuôn tràn… (nt)… ở xúc; từ ý chúng tuôn tràn… (nt)… ở pháp; tham ái ở sắc từ con mắt tuôn tràn, chảy xuống, tuôn chảy, chảy liên tục; tham ái ở thinh từ lỗ tai tuôn tràn, chảy xuống, tuôn chảy, chảy liên tục; tham ái ở hương từ lỗ mũi… (nt)…; tham ái ở vị từ lưỡi… (nt)…; tham ái ở xúc từ thân… (nt)…; tham ái ở pháp từ ý tuôn tràn, chảy xuống, tuôn chảy, chảy liên tục.

"Các dòng chảy tuôn tràn khắp mọi nơi" là như thế.

Tôn giả Ajita nói rằng.

Rằng: Từ "*icca*" này là sự nối liền các câu văn,… (nt)… tính chất tuần tự của các câu văn.

Tôn giả: [Từ "*āyasmā*" này] là lời nói yêu mến,… (nt)...

Ajita: Là tên của vị Bà-la-môn ấy,… (nt)… từ kêu gọi.

"Tôn giả Ajita nói rằng" là như thế.

Cái gì là sự ngăn cản các dòng chảy? Cái gì là sự ngăn trở, sự ngăn cản, sự ngăn chặn, sự bảo vệ, sự gìn giữ đối với các dòng chảy?

"Cái gì là sự ngăn cản các dòng chảy" là như thế.

Ngài hãy nói về sự ngăn chặn các dòng chảy. Ngài hãy nói, hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ về sự ngăn trở, sự ngăn cản, sự ngăn chặn, về sự bảo vệ, về sự gìn giữ đối với các dòng chảy.

"Ngài hãy nói về sự ngăn chặn các dòng chảy" là như thế.

Các dòng chảy được chặn đứng bởi cái gì? Bởi cái gì mà các dòng chảy bị chặn đứng, bị cắt đứt, không tuôn tràn, không chảy xuống, không tuôn chảy, không chảy liên tục.

"Các dòng chảy được chặn đứng bởi cái gì" là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

[Tôn giả Ajita nói rằng:]
"Các dòng chảy tuôn tràn khắp mọi nơi,
Cái gì là sự ngăn cản các dòng chảy?
Ngài hãy nói về sự ngăn chặn các dòng chảy,
Các dòng chảy được chặn đứng bởi cái gì?"

1.4. *[Đức Thế Tôn nói: "Này Ajita]*
Những dòng chảy nào hiện diện ở thế gian,
Niệm là sự ngăn cản chúng.
Ta nói về sự ngăn chặn các dòng chảy,
Chúng được chặn đứng bởi tuệ."

Những dòng chảy nào hiện diện ở thế gian: Là những dòng chảy đã được

giải thích, đã được kể rõ, đã được chỉ dạy, đã được chỉ bảo, đã được thông báo, đã được ấn định, đã được khai mở, đã được chia sẻ, đã được làm rõ, đã được bày tỏ bởi Ta, tức là: Dòng chảy tham ái, dòng chảy tà kiến, dòng chảy ô nhiễm, dòng chảy uế hạnh, dòng chảy vô minh.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ.

Ajita: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Niệm là sự ngăn cản chúng.

Niệm: Niệm là sự tùy niệm, là niệm hiện tiền; niệm là trạng thái ghi nhớ, trạng thái ghi nhận, trạng thái không lơ là, trạng thái không quên lãng; niệm là niệm quyền, niệm lực, chánh niệm, niệm giác chi, con đường độc đạo; việc này được gọi là niệm.

Sự ngăn cản: Là sự ngăn trở, sự ngăn cản, sự ngăn chặn, sự bảo vệ, sự gìn giữ.

"Niệm là sự ngăn cản chúng" là như thế.

Ta nói về sự ngăn chặn các dòng chảy: Ta nói về, Ta chỉ dạy,... (nt)... Ta làm rõ, Ta bày tỏ về sự ngăn trở, sự ngăn cản, sự ngăn chặn, sự bảo vệ, sự gìn giữ đối với các dòng chảy.

"Ta nói về sự ngăn chặn các dòng chảy" là như thế.

Chúng được chặn đứng bởi tuệ.

Tuệ: Tuệ là sự nhận biết,... (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến.

Chúng được chặn đứng bởi tuệ: Nhờ vào tuệ mà các dòng chảy ấy bị chặn đứng, bị cắt đứt, không tuôn tràn, không chảy xuống, không tuôn chảy, không chảy liên tục.

Đối với người biết, đối với người thấy bằng tuệ rằng: "Tất cả các hành là vô thường", các dòng chảy ấy bị chặn đứng, bị cắt đứt, không tuôn tràn, không chảy xuống, không tuôn chảy, không chảy liên tục. Đối với người biết, đối với người thấy bằng tuệ rằng: "Tất cả các hành là khổ", các dòng chảy ấy bị chặn đứng, bị cắt đứt, không tuôn tràn, không chảy xuống, không tuôn chảy, không chảy liên tục. Đối với người biết, đối với người thấy bằng tuệ rằng: "Tất cả các hành là vô ngã",[1] các dòng chảy ấy bị chặn đứng, bị cắt đứt, không tuôn tràn, không chảy xuống, không tuôn chảy, không chảy liên tục.

Đối với người biết, đối với người thấy bằng tuệ rằng: "Vô minh duyên cho các hành", các dòng chảy ấy bị chặn đứng, bị cắt đứt, không tuôn tràn, không chảy xuống, không tuôn chảy, không chảy liên tục. Đối với người biết, đối với người thấy bằng tuệ rằng: "Các hành duyên cho thức",... (nt)... "Thức

[1] Có sự không thống nhất ở điểm này: Văn bản Thái Lan và PTS ghi là *Dhammā* (các pháp), văn bản Miến Điện và Tích Lan ghi là *Saṅkhārā* (các hành). (ND)

duyên cho danh sắc",... (nt)... "Danh sắc duyên cho sáu xứ",... (nt)... "Sáu xứ duyên cho xúc",... (nt)... "Xúc duyên cho thọ",... (nt)... "Thọ duyên cho ái",... (nt)... "Ái duyên cho thủ",... (nt)... "Thủ duyên cho hữu",... (nt)... "Hữu duyên cho sanh",... (nt)... "Sanh duyên cho lão tử", các dòng chảy ấy bị chặn đứng, bị cắt đứt, không tuôn tràn, không chảy xuống, không tuôn chảy, không chảy liên tục. Đối với người biết, đối với người thấy bằng tuệ rằng: "Do sự diệt tận của vô minh [đưa đến] sự diệt tận của các hành",... (nt)... "Do sự diệt tận của các hành [đưa đến] sự diệt tận của thức",... (nt)... "Do sự diệt tận của thức [đưa đến] sự diệt tận của danh sắc",... (nt)... "Do sự diệt tận của danh sắc [đưa đến] sự diệt tận của sáu xứ",... (nt)... "Do sự diệt tận của sáu xứ [đưa đến] sự diệt tận của xúc",... (nt)... "Do sự diệt tận của xúc [đưa đến] sự diệt tận của thọ",... (nt)... "Do sự diệt tận của thọ [đưa đến] sự diệt tận của ái",... (nt)... "Do sự diệt tận của ái [đưa đến] sự diệt tận của thủ",... (nt)... "Do sự diệt tận của thủ [đưa đến] sự diệt tận của hữu",... (nt)... "Do sự diệt tận của hữu [đưa đến] sự diệt tận của sanh",... (nt)... "Do sự diệt tận của sanh [đưa đến] sự diệt tận của lão, tử", các dòng chảy ấy bị chặn đứng, bị cắt đứt, không tuôn tràn, không chảy xuống, không tuôn chảy, không chảy liên tục.

Đối với người biết, đối với người thấy bằng tuệ rằng: "Đây là khổ",... (nt)... "Đây là nhân sanh khổ",... (nt)... "Đây là sự diệt tận khổ",... (nt)... "Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ", các dòng chảy ấy bị chặn đứng, bị cắt đứt, không tuôn tràn, không chảy xuống, không tuôn chảy, không chảy liên tục.

Đối với người biết, đối với người thấy bằng tuệ rằng: "Đây là các lậu hoặc",... (nt)... "Đây là nhân sanh các lậu hoặc",... (nt)... "Đây là sự diệt tận các lậu hoặc",... (nt)... "Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận các lậu hoặc", các dòng chảy ấy bị chặn đứng, bị cắt đứt, không tuôn tràn, không chảy xuống, không tuôn chảy, không chảy liên tục.

Đối với người biết, đối với người thấy bằng tuệ rằng: "Các pháp này cần được biết rõ",... (nt)... "Các pháp này cần được biết toàn diện",... (nt)... "Các pháp này cần được dứt bỏ",... (nt)... "Các pháp này cần được tu tập",... (nt)... "Các pháp này cần được chứng ngộ", các dòng chảy ấy bị chặn đứng, bị cắt đứt, không tuôn tràn, không chảy xuống, không tuôn chảy, không chảy liên tục.

Đối với người biết, đối với người thấy bằng tuệ về nhân sanh khởi, về sự tiêu hoại, về sự hứng thú, về sự bất lợi, về sự thoát ra của sáu xúc xứ, các dòng chảy ấy bị chặn đứng, bị cắt đứt, không tuôn tràn, không chảy xuống, không tuôn chảy, không chảy liên tục.

Đối với người biết, đối với người thấy bằng tuệ về nhân sanh khởi, về sự tiêu hoại, về sự hứng thú, về sự bất lợi, về sự thoát ra của năm thủ uẩn,... (nt)... Đối với người biết, đối với người thấy bằng tuệ về nhân sanh khởi, về sự tiêu hoại, về sự hứng thú, về sự bất lợi, về sự thoát ra của bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió],... (nt)... Đối với người biết, đối với người thấy bằng tuệ rằng:

"Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh diệt tận", các dòng chảy ấy bị chặn đứng, bị cắt đứt, không tuôn tràn, không chảy xuống, không tuôn chảy, không chảy liên tục.

"Chúng được chặn đứng bởi tuệ" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: "Này Ajita]
Những dòng chảy nào hiện diện ở thế gian,
Niệm là sự ngăn cản chúng.
Ta nói về sự ngăn chặn các dòng chảy,
Chúng được chặn đứng bởi tuệ."

1.5. *[Tôn giả Ajita nói rằng:]*
"Tuệ và luôn cả niệm,
Danh và sắc, thưa Ngài,
Được tôi hỏi điều này, xin Ngài hãy nói lên,
Ở đâu điều này được hoại diệt?"

Tuệ và luôn cả niệm.

Tuệ: Tuệ là sự nhận biết, sự chọn lựa, sự khám phá, sự chọn lựa pháp, sự quan sát, sự nhận định, sự phân biệt, sự thông thái, sự thông thạo, sự khôn khéo, sự thông suốt, sự cân nhắc, sự khảo sát, sự hiểu biết rộng rãi, sự thông minh, pháp dẫn đầu, sự thấy rõ, sự nhận biết rõ, vật xuyên thủng, tuệ là tuệ quyền, tuệ lực, tuệ là vũ khí, tuệ là lâu đài, tuệ là ánh sáng, tuệ là hào quang, tuệ là cây đèn, tuệ là báu vật, sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến.

Niệm: Niệm là sự tùy niệm,... (nt)... chánh niệm.

"Tuệ và luôn cả niệm" là như thế.

Tôn giả Ajita nói rằng:... (nt)... từ kêu gọi.

"Tôn giả Ajita nói rằng" là như thế.

Danh và sắc, thưa Ngài.

Danh: Bốn nhóm không có sắc.[2]

Sắc: Là bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió] và sắc liên quan đến bốn yếu tố chính.

Thưa Ngài: Từ "*mārisa*" này là lời nói yêu mến, lời nói kính trọng, lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng.

"Danh và sắc, thưa Ngài" là như thế.

Được tôi hỏi điều này, xin Ngài hãy nói lên.

Điều này được tôi [hỏi]: Là điều mà tôi hỏi, điều mà tôi yêu cầu, điều mà tôi thỉnh cầu, điều mà tôi đặt niềm tin.

---

[2] Xem chú thích 6 ở trang 359. (ND)

Được hỏi: Được vấn, được yêu cầu, được thỉnh cầu, được đặt niềm tin.

Xin Ngài hãy nói lên: Xin Ngài hãy nói, hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ.

"Được tôi hỏi điều này, xin Ngài hãy nói lên" là như thế.

Ở đâu điều này được hoại diệt? Ở đâu điều này được diệt tận, được vắng lặng, đi đến sự tiêu hoại, được tịch tịnh?

"Ở đâu điều này được hoại diệt?" là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

[Tôn giả Ajita nói rằng:]
"Tuệ và luôn cả niệm,
Danh và sắc, thưa Ngài,
Được tôi hỏi điều này, xin Ngài hãy nói lên,
Ở đâu điều này được hoại diệt?"

1.6. *Ngươi đã hỏi câu hỏi về điều nào, này Ajita, Ta trả lời cho ngươi về điều ấy, về việc danh và sắc được hoại diệt không dư sót. Do sự diệt tận của thức, ở đây, điều này [danh và sắc] được hoại diệt.*

Ngươi đã hỏi câu hỏi về điều nào.

Về điều nào: Là về tuệ, về niệm, về danh và sắc.

Ngươi đã hỏi: Ngươi đã vấn, ngươi đã yêu cầu, ngươi đã thỉnh cầu, ngươi đã đặt niềm tin.

"Ngươi đã hỏi câu hỏi về điều nào" là như thế.

Này Ajita, Ta trả lời cho ngươi về điều ấy.

Ajita: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Về điều ấy: Là về tuệ, về niệm, về danh và sắc.

Ta trả lời: Ta nói, Ta chỉ dạy, Ta chỉ bảo, Ta thông báo, Ta ấn định, Ta khai mở, Ta chia sẻ, Ta làm rõ, Ta bày tỏ.

"Này Ajita, Ta trả lời cho ngươi về điều ấy" là như thế.

Về việc danh và sắc được hoại diệt không dư sót.

Danh: Bốn nhóm không có sắc.

Sắc: Là bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió] và sắc liên quan đến bốn yếu tố chính.

Không dư sót: Tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, từ "*asesaṃ*" này là lối nói của sự bao gồm.

Được hoại diệt: Được diệt tận, được vắng lặng, đi đến sự tiêu hoại, được tịch tịnh.

"Về việc danh và sắc được hoại diệt không dư sót" là như thế.

Do sự diệt tận của thức, ở đây, điều này [danh và sắc] được hoại diệt:

Nhờ vào trí của đạo Nhập lưu với sự diệt tận của thức liên quan đến sự tạo tác, các pháp nào (danh và sắc) có thể sanh khởi ở sự luân hồi không biết được điểm khởi đầu tối đa là bảy kiếp sống, ở đây, các pháp này được diệt tận, được vắng lặng, đi đến sự tiêu hoại, được tịch tịnh. Nhờ vào trí của đạo Nhất lai với sự diệt tận của thức liên quan đến sự tạo tác, các pháp nào (danh và sắc) có thể sanh khởi ở năm cõi hữu tối đa là hai kiếp sống; ở đây, các pháp này được diệt tận, được vắng lặng, đi đến sự tiêu hoại, được tịch tịnh. Nhờ vào trí của đạo Bất lai với sự diệt tận của thức liên quan đến sự tạo tác, các pháp nào (danh và sắc) có thể sanh khởi ở sắc giới và vô sắc giới tối đa là một kiếp sống; ở đây, các pháp này được diệt tận, được vắng lặng, đi đến sự tiêu hoại, được tịch tịnh. Nhờ vào trí của đạo A-la-hán với sự diệt tận của thức liên quan đến sự tạo tác, các pháp nào (danh và sắc) có thể sanh khởi; ở đây, các pháp này được diệt tận, được vắng lặng, đi đến sự tiêu hoại, được tịch tịnh. Đối với vị A-la-hán đang viên tịch Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn không còn dư sót, với sự diệt tận của thức cuối cùng, [các pháp] tuệ, niệm, danh và sắc; ở đây, các pháp này được diệt tận, được vắng lặng, đi đến sự tiêu hoại, được tịch tịnh.

"Do sự diệt tận của thức, ở đây, điều này [danh và sắc] được hoại diệt" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Ngươi đã hỏi câu hỏi về điều nào, này Ajita, Ta trả lời cho ngươi về điều ấy, về việc danh và sắc được hoại diệt không dư sót. Do sự diệt tận của thức, ở đây, điều này [danh và sắc] được hoại diệt."

1.7. *Những vị nào đã hiểu rõ giáo pháp [là các bậc A-la-hán] và những vị nào là các bậc Hữu học đông đảo ở nơi này, tôi hỏi bậc Chín Chắn về oai nghi của những vị ấy, thưa Ngài, xin Ngài hãy nói lên.*

Những vị nào đã hiểu rõ giáo pháp.

Đã hiểu rõ giáo pháp: Nói đến các bậc A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt. Vì lý do gì mà những vị đã hiểu rõ giáo pháp được gọi là các bậc A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt? Các vị ấy đã hiểu rõ giáo pháp, đã biết giáo pháp, đã cân nhắc giáo pháp, đã xác định giáo pháp, đã rõ rệt giáo pháp, đã minh định giáo pháp; đã hiểu rõ giáo pháp, đã biết giáo pháp, đã cân nhắc giáo pháp, đã xác định giáo pháp, đã rõ rệt giáo pháp, đã minh định giáo pháp rằng: "Tất cả các hành là vô thường"; đã hiểu rõ giáo pháp,… (nt)… rằng: "Tất cả các hành là khổ"; đã hiểu rõ giáo pháp,… (nt)… rằng: "Tất cả các pháp là vô ngã"; đã hiểu rõ giáo pháp,… (nt)… rằng: "Vô minh duyên cho các hành"; đã hiểu rõ giáo pháp, đã biết giáo pháp, đã cân nhắc giáo pháp, đã xác định giáo pháp, đã rõ rệt giáo pháp, đã minh định giáo pháp rằng: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

Hoặc là, đối với các vị ấy, các uẩn đã được hiểu rõ, các giới đã được hiểu rõ, các xứ đã được hiểu rõ, các cảnh giới tái sanh đã được hiểu rõ, các sự tái sanh

đã được hiểu rõ, sự nối liền tái sanh đã được hiểu rõ, các hữu đã được hiểu rõ, sự luân hồi đã được hiểu rõ, sự luân chuyển đã được hiểu rõ.

Hoặc là, các vị ấy tồn tại trong giai đoạn cuối của các uẩn, tồn tại trong giai đoạn cuối của các giới, tồn tại trong giai đoạn cuối của các xứ, tồn tại trong giai đoạn cuối của cảnh giới tái sanh, tồn tại trong giai đoạn cuối của sự tái sanh, tồn tại trong giai đoạn cuối của sự nối liền tái sanh, tồn tại trong giai đoạn cuối của kiếp sống, tồn tại trong giai đoạn cuối của luân hồi, tồn tại trong giai đoạn cuối của sự luân chuyển, tồn tại trong kiếp sống cuối cùng, tồn tại trong thân xác cuối cùng, với việc duy trì thân xác cuối cùng là các vị A-la-hán.

"Đối với các vị ấy, đây là lần cuối cùng, thân xác này là sau chót, việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với các vị ấy."

Vì lý do ấy mà những vị đã hiểu rõ giáo pháp được gọi là các bậc A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

"Những vị nào đã hiểu rõ giáo pháp" là như thế.

Và những vị nào là các bậc Hữu học đông đảo ở nơi này.

Các bậc Hữu học: Vì lý do gì mà được gọi là các bậc Hữu học? "Các vị học tập" là các bậc Hữu học. Và các vị học tập gì? Các vị học tập thắng giới, học tập thắng tâm, và học tập thắng tuệ. Việc nào là sự học tập về thắng giới? Ở đây, vị Tỳ-khưu là vị có giới, sống thu thúc với sự thu thúc của Giới bổn (*Pātimokkha*), thành tựu về hạnh kiểm và hành xứ, thấy sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhặt, thọ trì và thực hành trong các điều học. Nhóm giới nhỏ, nhóm giới lớn, giới là nền tảng, phần khởi đầu, sự thực hành, sự ngăn giữ, sự thu thúc, sự mở đầu, sự dẫn đầu nhằm chứng đạt các thiện pháp; việc này là sự học tập về thắng giới.

Việc nào là sự học tập về thắng tâm? Ở đây, vị Tỳ-khưu ngay sau khi tách ly khỏi các dục,... (nt)... đạt đến và trú thiền thứ nhất... (nt)... thiền thứ nhì... (nt)... thiền thứ ba... (nt)... thiền thứ tư; việc này là sự học tập về thắng tâm.

Việc nào là sự học tập về thắng tuệ? Ở đây, vị Tỳ-khưu là vị có tuệ, thành tựu về tuệ hướng đến sự sanh diệt, góp phần vào sự thấu triệt cao thượng, dẫn đến việc cạn kiệt hoàn toàn của khổ. Vị ấy nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là khổ", nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là nhân sanh khổ",... (nt)... "Đây là sự diệt tận khổ",... (nt)... "Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ", nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là các lậu hoặc",... (nt)... "Đây là nguyên nhân của các lậu hoặc",... (nt)... "Đây là sự diệt tận các lậu hoặc",... (nt)... "Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận các lậu hoặc"; việc này là sự học tập về thắng tuệ.

Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này, các vị học tập; trong khi biết, các vị học tập; trong khi thấy, các vị học tập; trong khi quán xét lại, các vị học tập; trong khi quyết định tâm, các vị học tập; trong khi hướng đến đức tin, các vị học tập; trong khi ra sức tinh tấn, các vị học tập; trong khi thiết lập niệm, các

vị học tập; trong khi tập trung tâm, các vị học tập; trong khi nhận biết bằng tuệ, các vị học tập; trong khi biết rõ pháp cần được biết rõ, các vị học tập; trong khi biết toàn diện pháp cần được biết toàn diện, các vị học tập; trong khi dứt bỏ pháp cần được dứt bỏ, các vị học tập; trong khi tu tập pháp cần được tu tập, các vị học tập; trong khi chứng ngộ pháp cần được chứng ngộ, các vị học tập, hành xử, hành theo, thọ trì và vận dụng; vì lý do ấy mà được gọi là các bậc Hữu học.

Đông đảo: Là có nhiều. Các bậc Hữu học này là các bậc Nhập lưu, các bậc đang đạt đến [quả vị Nhập lưu], các bậc Nhất lai, các bậc đang đạt đến [quả vị Nhất lai], các bậc Bất lai, các bậc đang đạt đến [quả vị Bất lai], các bậc A-la-hán[3] và các bậc đang đạt đến [quả vị A-la-hán].

Ở nơi này: Ở quan điểm này, ở sự chấp nhận này, ở sự ưa thích này, ở sự nắm giữ này, ở Pháp này, ở Luật này, ở Pháp và Luật này, ở giáo lý này, ở Phạm hạnh này, ở lời dạy này của bậc Đạo sư, ở bản thân này, ở thế giới loài người này.

"Và những vị nào là các bậc Hữu học đông đảo ở nơi này" là như thế.

Tôi hỏi bậc Chín Chắn về oai nghi của những vị ấy, thưa Ngài, xin Ngài hãy nói lên: Bởi vì Ngài là người chín chắn, sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh.

Của những vị ấy: Của những vị đã hiểu rõ giáo pháp [A-la-hán] và của những vị Hữu học.

Về oai nghi: Về hành động, về hành vi, về lối ứng xử, về cách hành xử, về hành xứ, về sự trú ngụ, về lối thực hành.

[Được] hỏi: Được vấn, được yêu cầu, được thỉnh cầu, được đặt niềm tin.

Xin Ngài hãy nói lên: Xin Ngài hãy nói, hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ.

Thưa Ngài: Từ "*mārisa*" này là lời nói yêu mến, lời nói kính trọng, lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng.

"Tôi hỏi bậc Chín Chắn về oai nghi của những vị ấy, thưa Ngài, xin Ngài hãy nói lên" là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

"Những vị nào đã hiểu rõ giáo pháp [là các bậc A-la-hán] và những vị nào là các bậc Hữu học đông đảo ở nơi này, tôi hỏi bậc Chín Chắn về oai nghi của những vị ấy, thưa Ngài, xin Ngài hãy nói lên."

1.8. *Không nên khát khao ở các dục, không nên bị khuấy động bởi tâm, thiện xảo đối với tất cả các pháp, có niệm, vị Tỳ-khưu ra đi du phương.*

Không nên khát khao ở các dục.

Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục.

[3] Các bậc A-la-hán: Có lẽ có sự nhầm lẫn ở đây khi các bậc A-la-hán cũng được xếp vào danh sách các bậc *Sekha* - Hữu học. (ND)

Các loại nào là vật dục? Các sắc hợp ý, các thinh hợp ý, các hương hợp ý, các vị hợp ý, các xúc hợp ý, các vật trải lót, các vật đắp, các tôi trai và tớ gái, dê, cừu, gà, heo, voi, bò, ngựa, lừa, ruộng, đất, vàng, bạc, làng mạc, thị trấn, kinh thành, quốc độ, xứ sở, khu trại, nhà kho, và bất cứ vật gì đưa đến sự luyến ái là vật dục.

Thêm nữa là các dục quá khứ, các dục vị lai, các dục hiện tại, các dục nội phần, các dục ngoại phần, các dục nội và ngoại phần, các dục hạ liệt, các dục trung bình, các dục cao quý, các dục thuộc địa ngục, các dục thuộc loài người, các dục thuộc cõi trời, các dục hiện tiền, các dục được tạo ra, các dục được người khác tạo ra, các dục không được tạo ra, các dục thuộc sở hữu, các dục không thuộc sở hữu, các dục được chấp là của ta, các dục không được chấp là của ta, tính luôn tất cả các pháp dục giới, tất cả các pháp sắc giới, tất cả các pháp vô sắc giới, các dục có nền tảng là tham ái, có cảnh giới là tham ái, với ý nghĩa đưa đến sự ham muốn, với ý nghĩa đưa đến sự luyến ái, với ý nghĩa đưa đến sự say đắm. Các điều này được gọi là vật dục.

Các loại nào là ô nhiễm dục? Mong muốn là dục, luyến ái là dục, mong muốn và luyến ái là dục, tư duy là dục, luyến ái là dục, tư duy và luyến ái là dục, [ô nhiễm dục] là sự mong muốn về dục, sự luyến ái về dục, niềm vui về dục, sự tham ái về dục, sự yêu mến về dục, sự nồng nhiệt về dục, sự thèm khát về dục, sự mê mẩn về dục, sự bám chặt vào dục, sự lôi cuốn của dục, sự gắn bó với dục, sự chấp thủ ở dục, sự che lấp do mong muốn về dục liên quan đến ngũ dục.

"Này dục, ta đã nhìn thấy gốc rễ của ngươi. Này dục, ngươi sanh lên từ sự tư duy. Ta sẽ không tư duy về ngươi nữa. Này dục, như vậy ngươi sẽ không hình thành."[4] Các điều này được gọi là ô nhiễm dục.

Thèm khát: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Không nên khát khao ở các dục: Không nên khát khao, không nên bị giữ lại ở các vật dục do ô nhiễm dục; nên là người không bị thèm khát, không bị buộc trói, không bị mê mẩn, không bị gần gũi, có sự thèm khát đã được xa lìa, có sự thèm khát đã được tách lìa, có sự thèm khát đã được từ bỏ, có sự thèm khát đã được tẩy trừ, có sự thèm khát đã được giải thoát, có sự thèm khát đã được dứt bỏ, có sự thèm khát đã được buông bỏ, có sự luyến ái đã được xa lìa, có sự luyến ái đã được tách lìa, có sự luyến ái đã được từ bỏ, có sự luyến ái đã được tẩy trừ, có sự luyến ái đã được giải thoát, có sự luyến ái đã được dứt bỏ, có sự luyến ái đã được buông bỏ, không còn khao khát, được tịch diệt, có trạng thái mát mẻ, có sự cảm thọ lạc, nên sống với trạng thái cao thượng tự thân.

"Không nên khát khao ở các dục" là như thế.

Không nên bị khuấy động bởi tâm.

Tâm: Tức là tâm, ý, ý thức, trái tim, chất xám, ý, ý xứ, ý quyền, thức, thức uẩn, từ đó ý thức giới sanh lên. Do uế hạnh về thân, tâm bị khuấy động, bị khuấy

---

[4] *Bổn sanh* "Thợ cạo Gaṅgamāla" (*Gaṅgamālajātakaṃ*), số 421, *TTPV*, tập 32, trang 311, câu kệ 1185. (ND)

rối, bị di động, bị đụng chạm, bị dao động, bị chao đảo, không được vắng lặng; do uế hạnh về khẩu… (nt)… do uế hạnh về ý… (nt)… do luyến ái… (nt)… do sân hận… (nt)… do si mê… (nt)… do giận dữ… (nt)… do thù hằn… (nt)… do gièm pha… (nt)… do ác ý… (nt)… do ganh tỵ… (nt)… do bỏn xẻn… (nt)… do xảo trá… (nt)… do lừa gạt… (nt)… do bướng bỉnh… (nt)… do hung hăng… (nt)… do ngã mạn… (nt)… do cao ngạo… (nt)… do đam mê… (nt)… do xao lãng… (nt)… do tất cả ô nhiễm… (nt)… do tất cả uế hạnh… (nt)… do mọi sự lo lắng… (nt)… do mọi sự bực bội… (nt)… do mọi sự nóng nảy… (nt)… do tất cả các pháp tạo tác bất thiện, tâm bị khuấy động, bị khuấy rối, bị di động, bị đụng chạm, bị dao động, bị chao đảo, không được vắng lặng.

Không nên bị khuấy động bởi tâm: Nên là người có tâm không bị khuấy động, không bị khuấy rối, không bị di động, không bị đụng chạm, không bị dao động, không bị chao đảo, được vắng lặng; nên dứt bỏ, nên dứt trừ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên khiến cho không còn hiện hữu các ô nhiễm tạo ra trạng thái khuấy động; nên là người đã xa lánh, đã tránh khỏi, đã tránh xa, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc với các ô nhiễm tạo ra trạng thái khuấy động, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

"Không nên bị khuấy động bởi tâm" là như thế.

Thiện xảo đối với tất cả các pháp: Là thiện xảo đối với tất cả các pháp rằng: "Tất cả các hành là vô thường", thiện xảo đối với tất cả các pháp rằng: "Tất cả các hành là khổ", thiện xảo đối với tất cả các pháp rằng: "Tất cả các pháp là vô ngã", thiện xảo đối với tất cả các pháp rằng: "Vô minh duyên cho các hành",… (nt)… thiện xảo đối với tất cả các pháp rằng: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt"; như vậy là "thiện xảo đối với tất cả các pháp."

Hoặc là, thiện xảo đối với tất cả các pháp là vô thường, thiện xảo đối với tất cả các pháp là khổ… là cơn bệnh… là mụt ghẻ… là mũi tên… là tai ương… là tật nguyền… là không sai khiến được… là tiêu hoại… là tai họa… là bất hạnh… [là không thú vị]… là sợ hãi… là nguy cơ… là thay đổi… là mảnh mai… là không bền… là không nơi nương náu… là không nơi trú ẩn… là không nơi nương nhờ… là trạng thái không nơi nương nhờ… là trống rỗng… là rỗng không… là trống không… là vô ngã… là bất lợi… là có bản chất biến đổi… là không có cốt lõi… là gốc gác của tai ương… là kẻ giết hại… là vật hư hỏng… là có sự rò rỉ… là bị tạo tác… là mồi nhử của Ma vương… là có bản chất sanh ra… là có bản chất già… là có bản chất bệnh… là có bản chất chết… là có bản chất sầu-bi-khổ-ưu-não… là có bản chất ô nhiễm… là nhân sanh khởi… là sự biến hoại… là sự hứng thú… là sự bất lợi… là sự thoát ra; như vậy cũng là "thiện xảo đối với tất cả các pháp."

Hoặc là, thiện xảo về uẩn, thiện xảo về giới, thiện xảo về xứ, thiện xảo về tùy thuận duyên khởi, thiện xảo về việc thiết lập niệm, thiện xảo về chánh cần,

thiện xảo về nền tảng của thần thông, thiện xảo về quyền, thiện xảo về lực, thiện xảo về yếu tố đưa đến giác ngộ, thiện xảo về Đạo, thiện xảo về Quả, thiện xảo về Niết-bàn; như vậy cũng là "thiện xảo đối với tất cả các pháp."

Hoặc là, tất cả các pháp nói đến mười hai xứ: Mắt và các sắc, tai và các thinh, mũi và các hương, lưỡi và các vị, thân và các xúc, ý và các pháp. Và thật vậy, khi nào sự mong muốn và luyến ái ở các xứ thuộc nội phần và ngoại phần được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai; cho đến như thế cũng là thiện xảo đối với tất cả các pháp.

"Thiện xảo đối với tất cả các pháp" là như thế.

Có niệm, vị Tỳ-khưu ra đi du phương.

Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân, có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thọ trên các thọ, có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát tâm trên tâm, có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát pháp trên các pháp.

Có niệm còn bởi bốn lý do khác: Có niệm do lánh xa thất niệm, có niệm do trạng thái đã thực hành các pháp cần phải thực hành đối với niệm, có niệm do trạng thái đã tiêu diệt các pháp đối nghịch với niệm, có niệm do trạng thái không lơ là đối với các pháp ấn chứng của niệm.

Có niệm còn bởi bốn lý do khác: Có niệm do trạng thái đã thành tựu về niệm, có niệm do trạng thái đã trú ở niệm, có niệm do trạng thái quen thuộc với niệm, có niệm do trạng thái không thối thất đối với niệm.

Có niệm còn bởi bốn lý do khác: Có niệm do trạng thái tự tại, có niệm do trạng thái được an tịnh, có niệm do trạng thái được yên lặng, có niệm do trạng thái đã thành tựu pháp của bậc chân nhân. Có niệm do tùy niệm Phật, có niệm do tùy niệm Pháp, có niệm do tùy niệm Tăng, có niệm do tùy niệm giới, có niệm do tùy niệm xả thí, có niệm do tùy niệm thiên, có niệm do niệm hơi thở vào hơi thở ra, có niệm do niệm sự chết, có niệm do niệm đặt ở thân, có niệm do tùy niệm Niết-bàn. Niệm là sự tùy niệm,... (nt)... chánh niệm, niệm giác chi, con đường độc đạo;[5] điều này được gọi là niệm. Vị đã tiến đến, đã tiến gần, đã tiến vào, đã tiến sát, đã đạt đến, đã tròn đủ, đã thành tựu niệm này, vị này được gọi là có niệm.

Vị Tỳ-khưu: Tỳ-khưu do trạng thái đã phá vỡ bảy pháp: Thân kiến được phá vỡ, hoài nghi được phá vỡ, sự bám víu vào giới và phận sự được phá vỡ, luyến ái được phá vỡ, sân hận được phá vỡ, si mê được phá vỡ, ngã mạn được phá vỡ, các ác bất thiện pháp, các điều ô nhiễm đưa đến tái sanh, có sự phiền muộn, có kết quả khổ, đưa đến sanh-già-chết ở vị lai được phá vỡ.

---

[5] "Con đường độc đạo" hiểu theo nghĩa "con đường chỉ có một lối đi duy nhất, không rẽ thành hai nhánh", không hiểu theo nghĩa "con đường duy nhất, con đường độc nhất." *Ekāyanamaggo ti ekamaggo; ayaṃ maggo na dvedhāpathabhūto ti evam attho daṭṭhabbo* (*NidA*. I. 52).

[Đức Thế Tôn nói: "Này Sabhiya] vị đã tự mình thực hành theo đường lối, đã đi đến sự tịch diệt hoàn toàn [ô nhiễm], đã vượt qua sự nghi ngờ, đã lìa bỏ [hai thái cực] phi hữu và hữu, đã được hoàn mãn, có sự tái sanh đã được cạn kiệt; vị ấy là Tỳ-khưu." "Vị Tỳ-khưu có niệm" là như thế.

Có niệm, vị Tỳ-khưu ra đi du phương: Có niệm, vị Tỳ-khưu ra đi du phương là vị có niệm khi đi, vị có niệm khi đứng, vị có niệm khi ngồi, vị có niệm khi nằm, vị có niệm khi đi tới, vị có niệm khi đi lui, vị có niệm khi nhìn qua, vị có niệm khi nhìn lại, vị có niệm khi co tay, vị có niệm khi duỗi tay, vị có niệm khi mang y hai lớp, bình bát, y phục, vị có niệm khi thực hành, khi trú ngụ, khi sinh hoạt, khi vận hành, khi bảo hộ, khi nuôi dưỡng, khi bảo dưỡng.

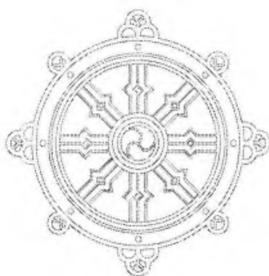
"Có niệm, vị Tỳ-khưu ra đi du phương" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Không nên khát khao ở các dục, không nên bị khuấy động bởi tâm, thiện xảo đối với tất cả các pháp, có niệm, vị Tỳ-khưu ra đi du phương."

Cùng với lúc kết thúc câu kệ ngôn, Pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến nhiều ngàn sinh mạng là những người có cùng sự mong muốn, có cùng sự thực hành, có cùng chủ tâm, có cùng sự huân tập thành thói quen [trong quá khứ] với vị Bà-la-môn ấy, rằng: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt." Và hơn nữa, tâm của vị Bà-la-môn ấy đã không còn chấp thủ và đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc. Ngay khi đạt đến phẩm vị A-la-hán, áo choàng da dê, tóc bện, y phục vỏ cây, gậy chống ba chân, bình nước, tóc và râu đều biến mất. Ajita trở thành [vị Tỳ-khưu] có đầu cạo, mặc y phục vải màu ca-sa, mang y hai lớp, bình bát và y, bằng hành động thuận theo đạo lý, đã ngồi xuống, chắp tay lên, cúi lạy đức Thế Tôn [nói rằng]: "Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử."

"Diễn giải kinh Ajita" được hoàn tất.



2. DIỄN GIẢI KINH TISSAMETTEYYA
(*TISSAMETTEYYASUTTANIDDESO*)

2.1. *[Tôn giả Tissametteyya nói rằng:]*
"Ở đây, người nào được hài lòng ở thế gian?
Đối với người nào các sự xao động không hiện hữu?
Người nào, sau khi biết rõ cả hai thái cực,
Không bị nhiễm bẩn ở khoảng giữa nhờ vào trí tuệ?
Ngài nói ai là 'bậc Đại nhân'?
Ở đây, người nào đã vượt qua thợ may [tham ái]?"

Ở đây, người nào được hài lòng ở thế gian? Người nào ở thế gian được vui sướng, được vừa lòng, được hoan hỷ, có tâm tư được trọn vẹn.

"Ở đây, người nào được hài lòng ở thế gian?" là như thế.

Tôn giả Tissametteyya nói rằng.

Rằng: Từ "*icca*" này là sự nối liền các câu văn, sự kết hợp các câu văn, sự làm đầy đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuốt từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn.

Tôn giả: Từ "*āyasmā*" này là lời nói yêu mến, lời nói kính trọng, lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng.

Tissa: Là tên của vị Bà-la-môn ấy, là sự ấn định, sự chỉ định, sự quy định, sự diễn tả, tên gọi, sự đặt tên, sự định danh, từ mô tả, tên hiệu, từ kêu gọi.

Metteyya: Là họ của vị Bà-la-môn ấy, là sự ấn định, sự chỉ định, sự quy định, sự diễn tả.

"Tôn giả Tissametteyya nói rằng" là như thế.

Đối với người nào các sự xao động không hiện hữu? Sự xao động do tham ái, sự xao động do tà kiến, sự xao động do ngã mạn, sự xao động do ô nhiễm, sự xao động do [ngũ] dục. Đối với người nào, các sự xao động này không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

"Đối với người nào các sự xao động không hiện hữu?" là như thế.

Người nào sau khi biết rõ cả hai thái cực: Người nào sau khi biết rõ cả hai thái cực là sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt.

"Người nào sau khi biết rõ cả hai thái cực" là như thế.

Không bị nhiễm bẩn ở khoảng giữa nhờ vào trí tuệ: Nhờ vào trí tuệ mà không bị nhiễm bẩn ở khoảng giữa, đã không bị lấm nhơ, đã không bị vấy bẩn, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

"Không bị nhiễm bẩn ở khoảng giữa nhờ vào trí tuệ" là như thế.

Ngài nói ai là "bậc Đại nhân?" Bậc Đại nhân là con người cao cả, con người hạng nhất, con người thù thắng, con người dẫn đầu, con người tối thượng, con người lỗi lạc, con người cao quý.

Ngài nói ai: Ngài thuyết về ai, Ngài nghĩ về ai, Ngài nói đến ai, Ngài nhìn thấy ai, Ngài diễn tả về ai.

"Ngài nói ai là 'bậc Đại nhân?'" là như thế.

Ở đây, người nào đã vượt qua thợ may [tham ái]? Ở đây, người nào đã vượt qua, đã vượt khỏi, đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi thợ may tham ái?

"Ở đây, người nào đã vượt qua thợ may [tham ái]?" là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

[Tôn giả Tissametteyya nói rằng:]
"Ở đây, người nào được hài lòng ở thế gian?
Đối với người nào các sự xao động không hiện hữu?
Người nào, sau khi biết rõ cả hai thái cực,
Không bị nhiễm bẩn ở khoảng giữa nhờ vào trí tuệ?
Ngài nói ai là 'bậc Đại nhân'?
Ở đây, người nào đã vượt qua thợ may [tham ái]?"

2.2. *[Đức Thế Tôn nói: "Này Metteyya]*
Vị có Phạm hạnh về các dục,
Đã xa lìa tham ái, luôn luôn có niệm,
Sau khi đã suy xét, vị Tỳ-khưu được tịch diệt.
Đối với vị ấy, các sự xao động không hiện hữu.

Vị có Phạm hạnh về các dục.

Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ...(nt)… Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)… Các điều này được gọi là ô nhiễm dục.

Vị có Phạm hạnh: Phạm hạnh nói đến sự kiêng cữ, sự xa lánh, sự kiềm chế, sự tránh xa, sự không làm, sự không hành động, sự không vi phạm, sự không vượt qua lằn ranh đối với việc đạt đến các pháp thấp kém. Thêm nữa, theo cách không vòng vo, Phạm hạnh nói đến đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, tức là: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh

tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Vị nào đã tiến đến, đã tiến gần, đã tiến vào, đã tiến sát, đã đạt đến, đã tròn đủ, đã thành tựu đạo lộ Thánh thiện tám chi phần này; vị ấy được gọi là "vị có Phạm hạnh." Giống như với tài sản được gọi là "người có tài sản", với của cải được gọi là "người có của cải", với danh vọng được gọi là "người có danh vọng", với tài nghệ được gọi là "người có tài nghệ", với giới được gọi là "người có giới", với nỗ lực được gọi là "người có nỗ lực", với trí tuệ được gọi là "người có trí tuệ", với kiến thức được gọi là "người có kiến thức"; tương tự y như vậy, người nào đã tiến đến, đã tiến gần, đã tiến vào, đã tiến sát, đã đạt đến, đã tròn đủ, đã thành tựu đạo lộ Thánh thiện tám chi phần này, người ấy được gọi là "vị có Phạm hạnh."

"Vị có Phạm hạnh về các dục" là như thế.

Metteyya: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng họ.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "đức Thế Tôn."

"Đức Thế Tôn nói: Này Metteyya" là như thế.

Đã xa lìa tham ái, luôn luôn có niệm.

Tham ái: Tham ái cảnh sắc,... (nt)... tham ái cảnh pháp. Đối với vị nào, tham ái ấy đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; vị ấy được gọi là có tham ái đã được xa lìa, có tham ái đã được tách lìa, có tham ái đã được từ bỏ, có tham ái đã được tẩy trừ, có tham ái đã được giải thoát, có tham ái đã được dứt bỏ, có tham ái đã được buông bỏ, có luyến ái đã được xa lìa, có luyến ái đã được tách lìa, có luyến ái đã được từ bỏ, có luyến ái đã được tẩy trừ, có luyến ái đã được giải thoát, có luyến ái đã được dứt bỏ, có luyến ái đã được buông bỏ, không còn khao khát, được tịch diệt, có trạng thái mát mẻ, có sự cảm thọ lạc, sống với trạng thái cao thượng tự thân.

Luôn luôn: Luôn luôn là mọi lúc, mọi thời, thường khi, luôn khi, thường xuyên, liên tục, không gián đoạn, tiếp nối liên tục, sanh lên tuần tự [như sóng nước], không lưa thưa, không đứt khoảng, không ngừng lại, được liền lặn, trước bữa ăn, sau bữa ăn, vào canh đầu, vào canh giữa, vào canh cuối, vào hậu bán nguyệt, vào tiền bán nguyệt, vào mùa mưa, vào mùa lạnh, vào mùa nóng, ở chặng đầu của tuổi thọ, ở chặng giữa của tuổi thọ, ở chặng cuối của tuổi thọ.

Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân, có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thọ trên các thọ, có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát tâm trên tâm, có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát pháp trên các pháp. ... (nt)... vị ấy được gọi là có niệm.

"Đã xa lìa tham ái, luôn luôn có niệm" là như thế.

Sau khi đã suy xét, vị Tỳ-khưu được tịch diệt.

Suy xét: Nói đến trí, tức là tuệ, là sự nhận biết, sự chọn lựa, sự khám phá,… (nt)… sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến.

Sau khi đã suy xét: Sau khi đã suy xét là sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt; sau khi đã suy xét, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: "Tất cả các hành là vô thường",… (nt)… "Tất cả các hành là khổ", "Tất cả các pháp là vô ngã", "Vô minh duyên cho các hành", sau khi đã suy xét, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

Hoặc là, sau khi đã suy xét, sau khi biết được… (nt)… là vô thường; sau khi đã suy xét, sau khi biết được là khổ… (nt)… là cơn bệnh… (nt)… là mụt ghẻ… (nt)… là mũi tên… (nt)… là sự thoát ra, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt.

Được tịch diệt: Có trạng thái đã được tịch diệt đối với luyến ái là đã được tịch diệt; có trạng thái đã được tịch diệt đối với sân hận là đã được tịch diệt; có trạng thái đã được tịch diệt đối với si mê là đã được tịch diệt; có trạng thái đã được tịch diệt đối với sự giận dữ… thù hằn… gièm pha… ác ý… ganh tỵ… bỏn xẻn… xảo trá… lừa gạt… bướng bỉnh… hung hăng… ngã mạn… cao ngạo… đam mê… xao lãng… tất cả ô nhiễm… tất cả uế hạnh… mọi sự lo lắng… mọi sự bực bội… mọi sự nóng nảy… tất cả các pháp tạo tác bất thiện là đã được tịch diệt.

Vị Tỳ-khưu: Tỳ-khưu do trạng thái đã phá vỡ bảy pháp… (nt)… đã được hoàn mãn, có sự tái sanh đã được cạn kiệt; vị ấy là Tỳ-khưu.

"Sau khi đã suy xét, vị Tỳ-khưu được tịch diệt" là như thế.

Đối với vị ấy, các sự xao động không hiện hữu.

Đối với vị ấy: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Các sự xao động: Là sự xao động do tham ái, sự xao động do tà kiến, sự xao động do ngã mạn, sự xao động do ô nhiễm, sự xao động do [ngũ] dục. Đối với vị ấy, các sự xao động này không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

"Đối với vị ấy, các sự xao động không hiện hữu" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: "Này Metteyya]
Vị có Phạm hạnh về các dục,
Đã xa lìa tham ái, luôn luôn có niệm,
Sau khi đã suy xét, vị Tỳ-khưu được tịch diệt.
Đối với vị ấy, các sự xao động không hiện hữu."

2.3. *Vị ấy, sau khi biết rõ cả hai thái cực,*
Không bị lấm nhơ ở khoảng giữa nhờ vào trí tuệ.
Ta nói vị ấy là "bậc Đại nhân."
Ở đây, vị ấy vượt qua thợ may [tham ái].

Vị ấy, sau khi biết rõ cả hai thái cực, không bị lấm nhơ ở khoảng giữa nhờ vào trí tuệ.

Thái cực: Là hai thái cực: Xúc là một thái cực, nhân sanh khởi xúc là thái cực thứ hai, sự diệt tận xúc là khoảng giữa. Quá khứ là một thái cực, vị lai là thái cực thứ hai, hiện tại là khoảng giữa. Cảm thọ lạc là một thái cực, cảm thọ khổ là thái cực thứ hai, cảm thọ không khổ không lạc là khoảng giữa. Danh là một thái cực, sắc là thái cực thứ hai, thức là khoảng giữa. Sáu nội xứ là một thái cực, sáu ngoại xứ là thái cực thứ hai, thức là khoảng giữa. Sự chấp thân này là một thái cực, nhân sanh khởi sự chấp thân này là thái cực thứ hai, sự diệt tận việc chấp thân này là khoảng giữa. Trí tuệ nói đến tuệ. Tuệ là sự nhận biết,... (nt)... không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến.

Sự lấm nhơ: Có hai sự lấm nhơ: Lấm nhơ do tham ái và lấm nhơ do tà kiến.

Lấm nhơ do tham ái là điều nào? Cho đến vật đã được tạo lập ranh giới, đã được tạo lập biên giới, đã được tạo lập giới hạn, đã được tạo lập hạn định, đã thuộc sở hữu, đã được chấp là của ta bởi cái gọi là tham ái rằng: Cái này là của tôi, cái ấy là của tôi, chừng này là của tôi, cho đến chừng này là của tôi, các sắc, các thinh, các hương, các vị, các xúc, các vật trải, các vật đắp, các tôi trai tớ gái, các con dê cừu, các con gà, heo, voi, bò, ngựa, lừa, ruộng, đất, vàng, bạc, làng, trị trấn, kinh thành, quốc độ, xứ sở, khu trại, nhà kho của tôi, và luôn cả toàn thể đại địa cầu, đều được chấp là của ta do tác động của tham ái, được giải rộng ra cho đến một trăm lẻ tám ái; điều này là lấm nhơ do tham ái.

Lấm nhơ do tà kiến là điều nào? Thân kiến có hai mươi nền tảng, tà kiến có mười nền tảng, hữu biên kiến có mười nền tảng, quan điểm nào có hình thức như vậy là sự đi đến tà kiến, có sự nắm giữ của tà kiến, có sự hiểm trở của tà kiến, có sự bóp méo của tà kiến, có sự xáo động của tà kiến, có sự ràng buộc của tà kiến, là sự nắm lấy, sự chấp nhận, sự chấp chặt, sự bám víu, con đường xấu, con đường sai trái, bản thể sai trái, ngoại giáo, sự nắm lấy đường lối trái nghịch, sự nắm lấy điều sai lệch, sự nắm lấy điều trái khuấy, sự nắm lấy điều sai trái, sự nắm lấy điều không xác đáng cho là xác đáng, cho đến sáu mươi hai tà kiến; điều này là lấm nhơ do tà kiến.

Vị ấy, sau khi biết rõ cả hai thái cực, không bị lấm nhơ ở khoảng giữa nhờ vào trí tuệ: Là sau khi biết rõ, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt cả hai thái cực và khoảng giữa nhờ vào trí tuệ, vị ấy không bị lấm nhơ, không bị nhiễm bẩn, không bị vấy bẩn, đã không bị lấm nhơ, đã không bị nhiễm bẩn, đã không bị vấy bẩn, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

"Vị ấy, sau khi biết rõ cả hai thái cực, không bị lấm nhơ ở khoảng giữa nhờ vào trí tuệ" là như thế.

Ta nói vị ấy là "bậc Đại nhân": Bậc Đại nhân là con người cao cả, con người hạng nhất, con người thù thắng, con người dẫn đầu, con người tối thượng, con người cao quý; như thế Ta nói về vị ấy, Ta thuyết về vị ấy, [Ta nghĩ về vị ấy] Ta phát ngôn về vị ấy, Ta giảng giải về vị ấy, Ta diễn tả về vị ấy.

Đại đức Sāriputta đã nói với đức Thế Tôn điều này: "Bạch Ngài, 'bậc Đại nhân, bậc Đại nhân' được nói đến. Bạch Ngài, vậy cho đến mức nào thì trở thành bậc Đại nhân?"

"Này Sāriputta, người có tâm đã được giải thoát, Ta nói là 'bậc Đại nhân'. Người có tâm chưa được giải thoát, Ta nói 'không phải là bậc Đại nhân.' Ở đây, này Sāriputta, vị Tỳ-khưu sống có sự quan sát thân trên thân thuộc nội phần, có nhiệt tâm, có sự nhận biết rõ rệt, có niệm, sau khi đã loại trừ tham đắm và ưu phiền ở thế gian. Đối với vị ấy, trong khi đang sống có sự quan sát thân trên thân, tâm của vị ấy được lìa khỏi luyến ái, được giải thoát khỏi các lậu hoặc không còn chấp thủ;... (nt)... trên các thọ... (nt)... trên tâm... (nt)... sống có sự quan sát pháp trên các pháp, có nhiệt tâm, có sự nhận biết rõ rệt, có niệm, sau khi đã loại trừ tham đắm và ưu phiền ở thế gian. Đối với vị ấy, trong khi đang sống có sự quan sát pháp trên các pháp, tâm của vị ấy được lìa khỏi luyến ái, được giải thoát khỏi các lậu hoặc không còn chấp thủ. Như vậy, này Sāriputta, là có tâm đã được giải thoát. Này Sāriputta, người có tâm đã được giải thoát, Ta nói là 'bậc Đại nhân.' Người có tâm chưa được giải thoát, Ta nói 'không phải là bậc Đại nhân'."

"Ta nói vị ấy là 'bậc Đại nhân'" là như thế.

Ở đây, vị ấy vượt qua thợ may [tham ái]. Thợ may nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với người nào, thợ may tham ái ấy là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, người ấy đã vượt qua, đã vượt khỏi, là đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi thợ may tham ái.

"Ở đây, vị ấy vượt qua thợ may [tham ái] là như thế.

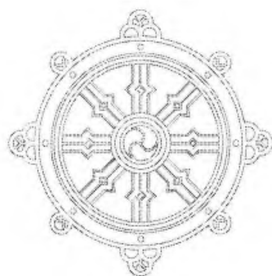
Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Vị ấy, sau khi biết rõ cả hai thái cực,
Không bị lấm nhơ ở khoảng giữa nhờ vào trí tuệ.
Ta nói vị ấy là 'bậc Đại nhân'.
Ở đây, vị ấy vượt qua thợ may [tham ái]."

Cùng với lúc kết thúc câu kệ ngôn, Pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến nhiều ngàn sinh mạng là những người có cùng sự mong muốn, có cùng sự thực hành, có cùng chủ tâm, có cùng sự huân tập thành thói quen [trong quá khứ] với vị Bà-la-môn ấy, rằng: "Điều gì có bản tánh được sanh

lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt." Và hơn nữa, tâm của vị Bà-la-môn ấy đã không còn chấp thủ và đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc. Ngay khi đạt đến phẩm vị A-la-hán, áo choàng da dê, tóc bện, y phục vỏ cây, gậy chống ba chân, bình nước, tóc, và râu đều biến mất. Vị ấy có đầu cạo, mặc y phục vải màu ca-sa, mang y hai lớp, bình bát và y, bằng hành động thuận theo đạo lý, đã ngồi xuống, chắp tay lên, cúi lạy đức Thế Tôn [nói rằng]: "Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử."

"Diễn giải kinh Tissametteyya" được hoàn tất.



3. DIỄN GIẢI KINH PUṆṆAKA (*PUṆṆAKASUTTANIDDESO*)

3.1. *[Tôn giả Puṇṇaka nói rằng:]*

"Với ý định hỏi câu hỏi, tôi đã đi đến
Bậc không dục vọng, bậc có sự nhìn thấy gốc rễ [của các pháp]:
'Nương tựa vào điều gì, các vị ẩn sĩ, loài người,
Các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, đối với các thiên thần,
Đã chuẩn bị lễ hiến tế đông đảo tại nơi này, ở thế gian'.
Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này."

Bậc không dục vọng, bậc có sự nhìn thấy gốc rễ [của các pháp].

Dục vọng: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với đức Phật Thế Tôn, dục vọng tham ái ấy đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai. Vì thế, đức Phật là bậc không dục vọng. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với dục vọng mà trở thành không dục vọng, đức Thế Tôn không xao động vì lợi lộc, không xao động vì không lợi lộc, không xao động vì danh vọng, không xao động vì không danh vọng, không xao động vì lời khen, không xao động vì lời chê, không xao động vì hạnh phúc, không xao động vì khổ đau, không dao động, không run rẩy, không chấn động. "Không dục vọng" là như thế.

Bậc có sự nhìn thấy gốc rễ [của các pháp]: Đức Thế Tôn có sự nhìn thấy gốc rễ, có sự nhìn thấy nhân, có sự nhìn thấy căn nguyên, có sự nhìn thấy nguồn xuất phát, có sự nhìn thấy nguồn sanh khởi, có sự nhìn thấy nguồn phát khởi, có sự nhìn thấy yếu tố nuôi dưỡng, có sự nhìn thấy đối tượng, có sự nhìn thấy duyên khởi, có sự nhìn thấy nhân sanh khởi.

Ba gốc rễ của bất thiện: Tham là gốc rễ của bất thiện, sân là gốc rễ của bất thiện, si là gốc rễ của bất thiện. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Ba pháp này, này các Tỳ-khưu, là căn nguyên đưa đến sanh khởi các nghiệp. Ba điều nào? Tham là căn nguyên đưa đến sanh khởi các nghiệp, sân là căn nguyên đưa đến sanh khởi các nghiệp, si là căn nguyên đưa đến sanh khởi các nghiệp. Này các Tỳ-khưu, không phải do nghiệp sanh lên bởi tham, do nghiệp sanh lên bởi sân, do nghiệp sanh lên bởi si, mà chư thiên được biết đến, loài người được biết đến, hoặc thậm chí bất cứ cảnh giới an vui nào khác. Quả thật, này các Tỳ-khưu, do nghiệp sanh lên bởi tham, do nghiệp sanh lên bởi sân, do

nghiệp sanh lên bởi si, mà địa ngục được biết đến, loài thú được biết đến, thân phận ngạ quỷ được biết đến, hoặc thậm chí bất cứ cảnh giới khổ đau nào khác: Ở địa ngục, ở loài thú, ở thân phận ngạ quỷ tùy theo sự tái sanh của bản thân. Đây là ba gốc rễ của bất thiện", đức Thế Tôn biết và thấy như thế. "Đức Thế Tôn có sự nhìn thấy gốc rễ… (nt)… có sự nhìn thấy nhân sanh khởi" là như vậy.

Ba gốc rễ của thiện: Vô tham là gốc rễ của thiện, vô sân là gốc rễ của thiện, vô si là gốc rễ của thiện. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Ba pháp này,… (nt)... Này các Tỳ-khưu, không phải do nghiệp sanh lên bởi vô tham, do nghiệp sanh lên bởi vô sân, do nghiệp sanh lên bởi vô si, mà địa ngục được biết đến, loài thú được biết đến, thân phận ngạ quỷ được biết đến, hoặc thậm chí bất cứ cảnh giới khổ đau nào khác. Quả thật, này các Tỳ-khưu, do nghiệp sanh lên bởi vô tham, do nghiệp sanh lên bởi vô sân, do nghiệp sanh lên bởi vô si, mà chư thiên được biết đến, nhân loại được biết đến, hoặc thậm chí bất cứ cảnh giới an vui nào khác: Ở chư thiên và ở loài người tùy theo sự tái sanh của bản thân. Đây là ba gốc rễ của thiện", đức Thế Tôn biết và thấy như thế. "Đức Thế Tôn có sự nhìn thấy gốc rễ… (nt)… có sự nhìn thấy nhân sanh khởi" là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, bất cứ những pháp nào là bất thiện, dự phần vào bất thiện, thuộc về nhóm bất thiện, tất cả những pháp ấy có gốc rễ ở vô minh, có vô minh là nơi hội tụ; do sự tiêu diệt vô minh, tất cả những pháp ấy đi đến sự tiêu diệt", đức Thế Tôn biết và thấy như thế. "Đức Thế Tôn có sự nhìn thấy gốc rễ… (nt)… có sự nhìn thấy nhân sanh khởi" còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, bất cứ những pháp nào là thiện, dự phần vào thiện, thuộc về nhóm thiện, tất cả những pháp ấy có gốc rễ ở sự không xao lãng, có sự không xao lãng là nơi hội tụ; sự không xao lãng được xem là hàng đầu trong số các pháp ấy", đức Thế Tôn biết và thấy như thế. "Đức Thế Tôn có sự nhìn thấy gốc rễ… (nt)… có sự nhìn thấy nhân sanh khởi" còn là như vậy.

Hoặc là, đức Thế Tôn biết và thấy rằng: "Vô minh là gốc rễ của các hành, các hành là gốc rễ của thức, thức là gốc rễ của danh sắc, danh sắc là gốc rễ của sáu xứ, sáu xứ là gốc rễ của xúc, xúc là gốc rễ của thọ, thọ là gốc rễ của ái, ái là gốc rễ của thủ, thủ là gốc rễ của hữu, hữu là gốc rễ của sanh, sanh là gốc rễ của lão, tử", đức Thế Tôn biết và thấy như thế. "Đức Thế Tôn có sự nhìn thấy gốc rễ… (nt)… có sự nhìn thấy nhân sanh khởi" còn là như vậy.

Hoặc là, đức Thế Tôn biết và thấy rằng: "Mắt là gốc rễ của các bệnh ở mắt, tai là gốc rễ của các bệnh ở tai, mũi là gốc rễ của các bệnh ở mũi, lưỡi là gốc rễ của các bệnh ở lưỡi, thân là gốc rễ của các bệnh ở thân, ý là gốc rễ của các nỗi khổ thuộc về tâm", đức Thế Tôn biết và thấy như thế. "Đức Thế Tôn có sự nhìn thấy gốc rễ, có sự nhìn thấy nhân, có sự nhìn thấy căn nguyên, có sự nhìn thấy nguồn xuất phát, có sự nhìn thấy nguồn sanh khởi, có sự nhìn thấy nguồn phát

khởi, có sự nhìn thấy yếu tố nuôi dưỡng, có sự nhìn thấy đối tượng, có sự nhìn thấy duyên khởi, có sự nhìn thấy nhân sanh khởi" còn là như vậy.

"Bậc không dục vọng, bậc có sự nhìn thấy gốc rễ [của các pháp]" là như thế.

Tôn giả Puṇṇaka nói rằng.

Rằng: [Từ "*icca*" này] là sự nối liền các câu văn,… (nt)…

"Tôn giả Puṇṇaka nói rằng" là như thế.

Với ý định hỏi câu hỏi, tôi đã đi đến: Là người có nhu cầu với câu hỏi, tôi đã đi đến; có ý muốn hỏi câu hỏi, tôi đã đi đến; có ý muốn nghe câu hỏi, tôi đã đi đến. "Với ý định [hỏi] câu hỏi, tôi đã đi đến" là như vậy. Hoặc là, có sự đi đến, sự tiến đến, sự đến gần, sự ngồi gần của những người có ý định về câu hỏi, của những người có ý muốn hỏi câu hỏi, của những người có ý muốn nghe câu hỏi. "Với ý định [hỏi] câu hỏi, tôi đã đi đến" còn là như vậy. Hoặc là, Ngài có sự hiểu biết về câu hỏi, Ngài cũng có năng lực, có tiềm lực, có khả năng để thuyết giảng, để giải thích điều được hỏi bởi tôi, Ngài hãy dời di gánh nặng này.

"Với ý định [hỏi] câu hỏi, tôi đã đi đến" còn là như vậy.

Nương tựa vào điều gì, các vị ẩn sĩ, loài người.

[Nương tựa vào điều gì]: Đã nương nhờ, đã bám vào, đã đến gần, đã bám chặt, đã hướng đến điều gì.

Các vị ẩn sĩ: Bất cứ những ai đã xuất gia theo đời sống xuất gia của vị ẩn sĩ: Các đạo sĩ khổ hạnh, các đạo sĩ lõa thể, các đạo sĩ bện tóc, các đạo sĩ hành xác đều có tên gọi là ẩn sĩ.

Loài người: Nói đến người nhân loại.

"Nương tựa vào điều gì, các vị ẩn sĩ, loài người" là như thế.

Các Sát-đế-lỵ, các Bà-la-môn, đối với các thiên thần.

Các Sát-đế-lỵ: Bất cứ những người nào thuộc dòng dõi Sát-đế-lỵ.

Các Bà-la-môn: Bất cứ những người nào xưng hô với từ "ông."

Đối với các thiên thần: Đối với các môn đồ của các đạo sĩ khổ hạnh, các đạo sĩ khổ hạnh là thiên thần; đối với các môn đồ của các đạo sĩ lõa thể, các đạo sĩ lõa thể là thiên thần; đối với các môn đồ của các đạo sĩ bện tóc, các đạo sĩ bện tóc là thiên thần; đối với các môn đồ của các du sĩ ngoại đạo, các du sĩ ngoại đạo là thiên thần; đối với các môn đồ của các kẻ nổi loạn, các kẻ nổi loạn là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của loài voi, các con voi là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của loài ngựa, các con ngựa là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của loài bò, các con bò là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của loài chó, các con chó là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của loài quạ, các con quạ là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của thần Vāsudeva, Vāsudeva là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của thần Baladeva, Baladeva là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của thần Puṇṇabhadda, Puṇṇabhadda là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của

thần Maṇibhadda, Maṇibhadda là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của thần lửa, ngọn lửa là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của loài rồng, các con rồng là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của loài linh điểu, các linh điểu là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của dạ-xoa, các dạ-xoa là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của a-tu-la, các a-tu-la là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của càn-thát-bà, các càn-thát-bà là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của các vị Đại Thiên vương, các vị Đại Thiên vương là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của Mặt trăng, Mặt trăng là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của Mặt trời, Mặt trời là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của Thiên chủ Inda, Thiên chủ Inda là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của đấng Brahmā, đấng Brahmā là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của thiên nhân, vị thiên nhân là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh thờ phượng các phương hướng, các phương hướng là thiên thần; những ai là đối tượng xứng đáng cúng dường của những người nào đó thì đối với những người ấy, họ là thiên thần.

"Các Sát-đế-ḷy, các Bà-la-môn, đối với các thiên thần" là như thế.

Đã chuẩn bị lễ hiến tế đông đảo tại nơi này, ở thế gian.

Lễ hiến tế: Nói đến phẩm vật cúng dường:[1] Y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, cơm, nước, vải vóc, xe thuyền, tràng hoa, vật thơm, vật thoa, giường nằm, chỗ trú ngụ, đèn đuốc.

Đã chuẩn bị lễ hiến tế: Những người nào tìm kiếm, tìm tòi, tầm cầu vật hiến tế là y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, cơm, nước, vải vóc, xe thuyền, tràng hoa, vật thơm, vật thoa, giường nằm, chỗ trú ngụ, đèn đuốc; những người ấy chuẩn bị lễ hiến tế. Những người nào sửa soạn vật hiến tế là y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, cơm, nước,… (nt)… giường nằm, chỗ trú ngụ, đèn đuốc; những người ấy chuẩn bị lễ hiến tế. Những người nào ban tặng, hiến dâng, xả thí vật hiến tế là y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, cơm, nước,… (nt)… giường nằm, chỗ trú ngụ, đèn đuốc; những người ấy chuẩn bị lễ hiến tế.

Đông đảo: Các vật hiến tế là đông đảo, hoặc những người dâng hiến cuộc lễ hiến tế là đông đảo, hoặc các đối tượng xứng đáng cúng dường là đông đảo.

"Các vật hiến tế ấy là đông đảo" là thế nào? Là có nhiều các vật hiến tế ấy: Y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, cơm, nước, vải vóc, xe thuyền, tràng hoa, vật thơm, vật thoa, giường nằm, chỗ trú ngụ, đèn đuốc. "Các vật hiến tế là đông đảo" là như vậy. "Những người dâng hiến cuộc lễ hiến tế là đông đảo" là thế nào? Là có nhiều người dâng hiến cuộc lễ hiến tế ấy: Các Sát-đế-ḷy, các Bà-la-môn, các thương buôn, các nô lệ, các người tại gia, các vị xuất gia, chư thiên và loài người. "Những người dâng hiến

[1] Như vậy, ngoài ý nghĩa là "cuộc lễ hiến tế", *yaññaṃ* còn có thêm ý nghĩa là "vật hiến tế". (ND)

cuộc lễ hiến tế là đông đảo" là như vậy. "Các đối tượng xứng đáng cúng dường là đông đảo" là thế nào? Là có nhiều các đối tượng xứng đáng cúng dường ấy: Các vị Sa-môn, các vị Bà-la-môn, những kẻ lang thang cơ cực, những người nghèo khổ và những kẻ hành khất. "Các đối tượng xứng đáng cúng dường là đông đảo" là như vậy.

Tại nơi này, ở thế gian: Ở thế giới loài người.

"Đã chuẩn bị lễ hiến tế đông đảo tại nơi này, ở thế gian" là như thế.

Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này.

Câu hỏi: Có ba loại câu hỏi: Câu hỏi để làm sáng tỏ điều chưa thấy, câu hỏi để trao đổi điều đã thấy, câu hỏi để cắt đứt sự nhầm lẫn.

Câu hỏi để làm sáng tỏ điều chưa thấy là loại nào? Thông thường, đối với tướng trạng chưa được biết, chưa được thấy, chưa được cân nhắc, chưa được xác định, chưa được rõ rệt, chưa được minh định, thì người ta hỏi câu hỏi để biết, để thấy, để cân nhắc, để xác định, để phân biệt về điều ấy. Đây là câu hỏi để làm sáng tỏ điều chưa thấy.

Câu hỏi để trao đổi điều đã thấy là loại nào? Thông thường, đối với tướng trạng đã được biết, đã được thấy, đã được cân nhắc, đã được xác định, đã được rõ rệt, đã được minh định, thì người ta hỏi câu hỏi nhằm mục đích trao đổi cùng với các vị sáng suốt khác. Đây là câu hỏi để trao đổi điều đã thấy.

Câu hỏi để cắt đứt sự nhầm lẫn là loại nào? Thông thường, người bị rơi vào sự ngờ vực, bị rơi vào sự nhầm lẫn, bị sanh lên sự lưỡng lự rằng: "Phải chăng như vầy là đúng, phải chăng là không đúng, là cái gì đây, là thế nào đây?" người ấy hỏi câu hỏi nhằm mục đích cắt đứt sự nhầm lẫn. Đây là câu hỏi để cắt đứt sự nhầm lẫn. Đây là ba loại câu hỏi.

Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi của loài người, câu hỏi của phi nhân, câu hỏi của vị [Phật] đã được hóa hiện ra.

Câu hỏi của loài người là loại nào? Loài người đi đến gặp đức Phật Thế Tôn và hỏi câu hỏi: Các vị Tỳ-khưu hỏi, các vị Tỳ-khưu-ni hỏi, các nam cư sĩ hỏi, các nữ cư sĩ hỏi, các vị vua hỏi, các vị Sát-đế-lỵ hỏi, các vị Bà-la-môn hỏi, các thương buôn hỏi, các kẻ nô lệ hỏi, các người tại gia hỏi, các vị xuất gia hỏi. Đây là câu hỏi của loài người.

Câu hỏi của phi nhân là loại nào? Các phi nhân đi đến gặp đức Phật Thế Tôn và hỏi câu hỏi: Các loài rồng hỏi, các loài linh điểu hỏi, các dạ-xoa hỏi, các a-tu-la hỏi, các càn-thát-bà hỏi, các vị Đại Thiên vương hỏi, các Thiên chủ hỏi, các Phạm thiên hỏi, các thiên nhân hỏi. Đây là câu hỏi của phi nhân.

Câu hỏi của vị [Phật] do thần thông biến hóa ra là loại nào? Đức Thế Tôn hóa hiện ra hình dáng [vị Phật] được tạo thành bởi ý, có tất cả các bộ phận thân thể lớn nhỏ, có giác quan không bị khiếm khuyết. Vị [Phật] do thần thông biến hóa ra ấy đi đến gặp đức Phật Thế Tôn và hỏi câu hỏi, đức Thế Tôn trả lời. Đây là câu hỏi của vị [Phật] đã được hóa hiện ra. Đây là ba loại câu hỏi.

Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về lợi ích của bản thân, câu hỏi về lợi ích của người khác, câu hỏi về lợi ích của cả hai. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về lợi ích trong đời này, câu hỏi về lợi ích trong đời sau, câu hỏi về lợi ích tối thượng. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về lợi ích của sự không tội lỗi, câu hỏi về lợi ích của sự không ô nhiễm, câu hỏi về lợi ích của sự trong sạch. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về quá khứ, câu hỏi về vị lai, câu hỏi về hiện tại. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về nội phần, câu hỏi về ngoại phần, câu hỏi về nội phần và ngoại phần. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về thiện, câu hỏi về bất thiện, câu hỏi về vô ký. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về uẩn, câu hỏi về giới, câu hỏi về xứ. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về thiết lập niệm, câu hỏi về chánh cần, câu hỏi về nền tảng của thần thông. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về quyền, câu hỏi về lực, câu hỏi về giác chi. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về Đạo, câu hỏi về Quả, câu hỏi về Niết-bàn.

Tôi hỏi Ngài: Tôi hỏi Ngài, tôi yêu cầu Ngài, tôi thỉnh cầu Ngài, tôi đặt niềm tin ở Ngài, xin Ngài hãy thuyết giảng cho tôi. "Tôi hỏi Ngài" là như thế.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính… (nt)… sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "đức Thế Tôn."

Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này: Xin Ngài hãy nói, hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ. "Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này" là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

[Tôn giả Puṇṇaka nói rằng:]
"Với ý định hỏi câu hỏi, tôi đã đi đến
Bậc không dục vọng, bậc có sự nhìn thấy gốc rễ [của các pháp]:
'Nương tựa vào điều gì, các vị ẩn sĩ, loài người,
Các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, đối với các thiên thần,
Đã chuẩn bị lễ hiến tế đông đảo tại nơi này, ở thế gian.'
Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này."

3.2. *[Đức Thế Tôn nói: "Này Puṇṇaka]*
Bất cứ những ai, các vị ẩn sĩ, loài người,
Các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, đối với các thiên thần,
Đã chuẩn bị lễ hiến tế đông đảo tại nơi này, ở thế gian,
Này Puṇṇaka, trong khi mong ước bản thể này,
Bị phụ thuộc vào tuổi già, họ đã chuẩn bị lễ hiến tế."

Bất cứ những ai, các vị ẩn sĩ, loài người.

Bất cứ những ai: Tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, cụm từ "*ye keci*" này là lối nói của sự bao gồm.

Các vị ẩn sĩ: Bất cứ những ai đã xuất gia theo đời sống xuất gia của vị ẩn

sĩ: Các đạo sĩ khổ hạnh, các đạo sĩ lõa thể, các đạo sĩ bện tóc, các đạo sĩ hành xác đều có tên gọi là ẩn sĩ.

Loài người: Nói đến người nhân loại.

"Bất cứ những ai, các vị ẩn sĩ, loài người" là như thế.

Đức Thế Tôn nói: Này Puṇṇaka.

Puṇṇaka: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "đức Thế Tôn."

"Đức Thế Tôn nói: Này Puṇṇaka" là như thế.

Các Sát-đế-lỵ, các Bà-la-môn, đối với các thiên thần.

Các Sát-đế-lỵ: Bất cứ những người nào thuộc dòng dõi Sát-đế-lỵ.

Các Bà-la-môn: Bất cứ những người nào xưng hô với từ "ông."

Đối với các thiên thần: Đối với các môn đồ của các đạo sĩ khổ hạnh, các đạo sĩ khổ hạnh là thiên thần;... (nt)... đối với những kẻ tu theo hạnh thờ phượng các phương hướng, các phương hướng là thiên thần; những ai là đối tượng xứng đáng cúng dường của những người nào đó thì đối với những người ấy, họ là thiên thần.

"Các Sát-đế-lỵ, các Bà-la-môn, đối với các thiên thần" là như thế.

Đã chuẩn bị lễ hiến tế đông đảo tại nơi này, ở thế gian.

Lễ hiến tế: Nói đến phẩm vật cúng dường: Y phục, đồ ăn khất thực,... (nt)... giường nằm, chỗ trú ngụ, đèn đuốc.

Đã chuẩn bị lễ hiến tế: Những người nào tìm kiếm, tìm tòi, tầm cầu vật hiến tế... (nt)... giường nằm, chỗ trú ngụ, đèn đuốc, những người ấy chuẩn bị lễ hiến tế.

Đông đảo: Các vật hiến tế là đông đảo, hoặc là những người dâng hiến cuộc lễ hiến tế là đông đảo, hoặc là các đối tượng xứng đáng cúng dường là đông đảo. ... (nt)... "Các đối tượng xứng đáng cúng dường là đông đảo" là như vậy.

Tại nơi này, ở thế gian: Ở thế giới loài người.

"Đã chuẩn bị lễ hiến tế đông đảo tại nơi này, ở thế gian" là như thế.

Này Puṇṇaka, trong khi mong ước bản thể này.

Trong khi mong ước: Trong khi mong ước đạt được sắc, trong khi mong ước đạt được thinh, trong khi mong ước đạt được hương, trong khi mong ước đạt được vị, trong khi mong ước đạt được xúc, trong khi mong ước đạt được con trai, trong khi mong ước đạt được vợ, trong khi mong ước đạt được tài sản, trong khi mong ước đạt được danh vọng, trong khi mong ước đạt được quyền uy, trong khi mong ước đạt được bản thân ở gia tộc giàu có dòng dõi Sát-đế-lỵ, trong khi mong ước đạt được bản thân ở gia tộc giàu có dòng dõi Bà-la-môn, trong khi mong ước đạt được bản thân ở gia tộc giàu có của gia chủ, trong khi mong ước đạt được bản thân ở chư thiên cõi Tứ Đại Thiên Vương, trong khi

mong ước đạt được bản thân ở chư thiên cõi Đạo-lợi… (nt)… ở chư thiên cõi Dạ-ma… (nt)… ở chư thiên cõi Đẩu-suất… (nt)… ở chư thiên cõi Hóa Lạc… (nt)… ở chư thiên cõi Tha Hóa Tự Tại… (nt)… ở chư thiên thuộc Phạm Chúng thiên, trong khi ước muốn, trong khi ưng thuận, trong khi ước nguyện, trong khi mong cầu, trong khi nguyện cầu. “Trong khi mong ước” là như thế.

Này Puṇṇaka,... bản thể này: Trong khi mong ước sự tái sanh của bản thân tại nơi này, trong khi mong ước sự tái sanh của bản thân ở gia tộc giàu có dòng dõi Sát-đế-ly tại nơi này,… (nt)… trong khi mong ước sự tái sanh của bản thân ở chư thiên thuộc Phạm Chúng thiên tại nơi này, trong khi ước muốn, trong khi ưng thuận, trong khi ước nguyện, trong khi mong cầu, trong khi nguyện cầu.

“Này Puṇṇaka, trong khi mong ước bản thể này” là như thế.

Bị phụ thuộc vào tuổi già, họ đã chuẩn bị lễ hiến tế.

[**Bị phụ thuộc vào tuổi già:**] Là bị lệ thuộc vào sự già, bị lệ thuộc vào sự bệnh, bị lệ thuộc vào sự chết, bị lệ thuộc vào sầu-bi-khổ-ưu-não. Bởi vì họ bị lệ thuộc vào sự sanh, cho nên họ bị lệ thuộc vào sự già; bởi vì họ bị lệ thuộc vào sự già, cho nên họ bị lệ thuộc vào sự bệnh; bởi vì họ bị lệ thuộc vào sự bệnh, cho nên họ bị lệ thuộc vào sự chết; bởi vì họ bị lệ thuộc vào sự chết, cho nên họ bị lệ thuộc vào sầu-bi-khổ-ưu-não; bởi vì họ bị lệ thuộc vào sầu-bi-khổ-ưu-não, cho nên họ bị lệ thuộc vào cảnh giới tái sanh; bởi vì họ bị lệ thuộc vào cảnh giới tái sanh, cho nên họ bị lệ thuộc vào sự tái sanh; bởi vì họ bị lệ thuộc vào sự tái sanh, cho nên họ bị lệ thuộc vào sự nối liền tái sanh; bởi vì họ bị lệ thuộc vào sự nối liền tái sanh, cho nên họ bị lệ thuộc vào sự hiện hữu; bởi vì họ bị lệ thuộc vào sự hiện hữu, cho nên họ bị lệ thuộc vào sự luân hồi; bởi vì họ bị lệ thuộc vào sự luân hồi, cho nên họ bị lệ thuộc vào sự luân chuyển, bị bám vào, bị đến gần, bị bám chặt, bị hướng đến.

“Bị phụ thuộc vào tuổi già, họ đã chuẩn bị lễ hiến tế” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: “Này Puṇṇaka]
Bất cứ những ai, các vị ẩn sĩ, loài người,
Các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, đối với các thiên thần,
Đã chuẩn bị lễ hiến tế đông đảo tại nơi này, ở thế gian,
Này Puṇṇaka, trong khi mong ước bản thể này,
Bị phụ thuộc vào tuổi già, họ đã chuẩn bị lễ hiến tế.”

3.3. *[Tôn giả Puṇṇaka nói rằng:] “Bất cứ những ai, các vị ẩn sĩ, loài người, các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, đối với các thiên thần, đã chuẩn bị lễ hiến tế đông đảo tại nơi này, ở thế gian, thưa đức Thế Tôn, có phải những người ấy không xao lãng ở đường lối tế lễ, thưa Ngài, thì họ đã vượt qua sanh và già? Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này.”*

Bất cứ những ai, các vị ẩn sĩ, loài người. Bất cứ những ai: … (nt)...

Thưa đức Thế Tôn, có phải những người ấy không xao lãng ở đường lối tế lễ.

Có phải: Các cụm từ "*evannu kho*", "*na nu kho*", "*kinnu kho*", "*kathannu kho*" là câu hỏi do ngờ vực, câu hỏi do nhầm lẫn, câu hỏi vì lưỡng lự, câu hỏi do không dứt khoát. "Có phải" là như thế.

Những người ấy: Nói đến những người dâng hiến cuộc lễ hiến tế.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính… (nt)… sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "đức Thế Tôn." "Thưa đức Thế Tôn, có phải những người ấy" là như thế.

Không xao lãng ở đường lối tế lễ: Lễ hiến tế nói đến đường lối tế lễ. Giống như Thánh đạo là đường lối của Thánh nhân, Thiên đạo là đường lối của Thiên nhân, Brahmā đạo là đường lối của đấng Brahmā; tương tự y như thế, lễ hiến tế nói đến đường lối tế lễ.

Không xao lãng: Những người nào không xao lãng ở đường lối tế lễ, có sự thực hành nghiêm trang, có sự thực hành liên tục, có sự thực hành không ngừng nghỉ, có thói quen không biếng nhác, không buông bỏ mong muốn, không buông bỏ bổn phận, đi theo nó, phát triển theo nó, xem trọng nó, uốn cong theo nó, chiều theo nó, xuôi theo nó, hướng đến nó, xem nó là chủ đạo; những người ấy là không xao lãng ở đường lối tế lễ. Những người nào tìm kiếm, tìm tòi, tầm cầu vật hiến tế là y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, cơm, nước, vải vóc, xe thuyền, tràng hoa, vật thơm, vật thoa, giường nằm, chỗ trú ngụ, đèn đuốc, có sự thực hành nghiêm trang,… (nt)… xem nó là chủ đạo; những người ấy là không xao lãng ở đường lối tế lễ. Những người nào sửa soạn vật hiến tế là y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, cơm, nước, vải vóc, xe thuyền, tràng hoa, vật thơm, vật thoa, giường nằm, chỗ trú ngụ, đèn đuốc, có sự thực hành nghiêm trang,… (nt)… xem nó là chủ đạo, những người ấy là không xao lãng ở đường lối tế lễ. Những người nào ban tặng, hiến dâng, xả thí vật hiến tế là y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, cơm, nước,… (nt)… giường nằm, chỗ trú ngụ, đèn đuốc, có sự thực hành nghiêm trang,… (nt)… xem nó là chủ đạo; những người ấy là không xao lãng ở đường lối tế lễ.

"Thưa đức Thế Tôn, có phải những người ấy không xao lãng ở đường lối tế lễ" là như thế.

Thưa Ngài, thì họ đã vượt qua sanh và già: Họ đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt khỏi, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi sanh-già-chết.

Thưa Ngài: Từ "*mārisa*" này là lời nói yêu mến, lời nói kính trọng, lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng.

"Thưa Ngài, thì họ đã vượt qua sanh và già" là như thế.

Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này.

Tôi hỏi Ngài: Tôi hỏi Ngài, tôi yêu cầu Ngài, tôi thỉnh cầu Ngài, tôi đặt niềm tin ở Ngài, xin Ngài hãy thuyết giảng cho tôi. "Tôi hỏi Ngài" là như thế.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "đức Thế Tôn."

Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này: Xin Ngài hãy nói, hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ.

"Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này" là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

[Tôn giả Puṇṇaka nói rằng:] "Bất cứ những ai, các vị ẩn sĩ, loài người, các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, đối với các thiên thần, đã chuẩn bị lễ hiến tế đông đảo tại nơi này, ở thế gian, thưa đức Thế Tôn, có phải những người ấy không xao lãng ở đường lối tế lễ, thưa Ngài, thì họ đã vượt qua sanh và già? Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này."

3.4. *[Đức Thế Tôn nói: "Này Puṇṇaka] những kẻ mong ước, khen ngợi, nguyện cầu, cúng tế, những kẻ nguyện cầu các dục bởi vì lợi lộc; Ta nói rằng: 'Những kẻ ấy, do sự gắn bó vào tế lễ, bị luyến ái với sự luyến ái vào hữu, đã không vượt qua sanh và già.'"*

Những kẻ mong ước, khen ngợi, nguyện cầu, cúng tế.

Những kẻ mong ước: Chúng mong ước đạt được sắc, mong ước đạt được thinh, mong ước đạt được hương, mong ước đạt được vị, mong ước đạt được xúc, mong ước đạt được con trai, mong ước đạt được vợ, mong ước đạt được tài sản, mong ước đạt được danh vọng, mong ước đạt được quyền uy, mong ước đạt được bản thân ở gia tộc giàu có dòng dõi Sát-đế-ly,... (nt)... ở gia tộc giàu có dòng dõi Bà-la-môn, mong ước đạt được bản thân ở gia tộc giàu có của gia chủ,... (nt)... ở chư thiên cõi Tứ Đại Thiên Vương, mong ước đạt được bản thân ở chư thiên thuộc Phạm Chúng thiên, chúng ước muốn, chúng ưng thuận, chúng ước nguyện, chúng mong cầu. "Những kẻ mong ước" là như thế.

Khen ngợi: Chúng khen ngợi lễ hiến tế, hoặc chúng khen ngợi quả báo, hoặc chúng khen ngợi các đối tượng xứng đáng cúng dường. Chúng khen ngợi lễ hiến tế thế nào? Chúng khen ngợi, tán dương, ca tụng, ca ngợi vật thí được trong sạch, vật thí được hợp ý, vật thí là cao quý, vật thí là hợp thời, vật thí đã làm thành được phép, vật thí đã được chọn lọc, vật thí không bị lỗi, vật thí thường kỳ, tâm trong lúc bố thí được tịnh tín; chúng khen ngợi lễ hiến tế như vậy.

Chúng khen ngợi quả báo thế nào? Chúng khen ngợi, tán dương, ca tụng, ca ngợi rằng: "Với căn nguyên từ nơi này, sẽ có sự đạt được sắc... (nt)... sẽ có sự đạt được bản thân ở chư thiên thuộc Phạm Chúng thiên"; chúng khen ngợi quả báo như vậy.

Chúng khen ngợi các đối tượng xứng đáng cúng dường thế nào? Chúng khen ngợi, tán dương, ca tụng, ca ngợi rằng: "Các đối tượng xứng đáng cúng dường được thành tựu về xuất thân; thành tựu về dòng họ, là các bậc Thầy tổ,

nắm vững chú thuật, thông thạo về ba bộ Vệ-đà cùng các từ vựng và nghi thức, luôn cả âm từ với sự phân tích, và truyền thống là thứ năm, biết về cú pháp, về văn phạm, không thiếu về phần triết học và các tướng trạng của bậc Đại nhân, các vị đã xa lìa luyến ái hoặc đã thực hành để diệt trừ luyến ái, đã xa lìa sân hận hoặc đã thực hành để diệt trừ sân hận, đã xa lìa si mê hoặc đã thực hành để diệt trừ si mê, đã thành tựu đức tin, đã thành tựu giới, đã thành tựu định, đã thành tựu tuệ, đã thành tựu giải thoát, đã thành tựu sự biết và thấy về giải thoát.[2] Chúng khen ngợi các đối tượng xứng đáng cúng dường như vậy. "Những kẻ mong ước, khen ngợi" là như thế.

Nguyện cầu: Chúng nguyện cầu đạt được sắc, nguyện cầu đạt được thinh, nguyện cầu đạt được hương, nguyện cầu đạt được vị,… (nt)… nguyện cầu đạt được bản thân ở chư thiên thuộc Phạm Chúng thiên. "Những kẻ mong ước, khen ngợi, nguyện cầu" là như thế.

Cúng tế: Chúng cúng tế, ban tặng, hiến dâng, xả thí y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, cơm, nước, vải vóc, xe thuyền, tràng hoa, vật thơm, vật thoa, giường nằm, chỗ trú ngụ, đèn đuốc.

"Những kẻ mong ước, khen ngợi, nguyện cầu, cúng tế" là như thế.

Đức Thế Tôn nói: Này Puṇṇaka.

Puṇṇaka: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính… (nt)… sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "đức Thế Tôn."

"Đức Thế Tôn nói: Này Puṇṇaka" là như thế.

Những kẻ nguyện cầu các dục bởi vì lợi lộc: Chúng nguyện cầu các dục bởi vì việc đạt được sắc, chúng nguyện cầu các dục bởi vì việc đạt được thinh,… (nt)… chúng nguyện cầu các dục bởi vì việc đạt được bản thân ở chư thiên thuộc Phạm Chúng thiên.

"Những kẻ nguyện cầu các dục bởi vì lợi lộc" là như thế.

Ta nói rằng: "Những kẻ ấy, do sự gắn bó vào tế lễ, bị luyến ái với sự luyến ái vào hữu, đã không vượt qua sanh và già."

Những kẻ ấy: Nói đến những người dâng hiến cuộc lễ hiến tế.

Do sự gắn bó vào tế lễ: Bị gắn bó, bị gắn vào, bị gắn chặt, bị gắn liền với các sự gắn bó vào lễ hiến tế, có sự thực hành theo nó, phát triển theo nó, xem trọng nó, uốn cong theo nó, chiều theo nó, xuôi theo nó, hướng đến nó, xem nó là chủ đạo. "Những kẻ ấy, do sự gắn bó vào tế lễ" là như thế.

Bị luyến ái với sự luyến ái vào hữu: Sự luyến ái vào hữu nói đến sự mong muốn về hữu ở các hữu, sự luyến ái về hữu, niềm vui về hữu, sự tham ái về hữu, sự yêu mến về hữu, [sự khao khát về hữu] sự nồng nhiệt về hữu, sự mê mẩn về hữu, sự bám chặt vào hữu. Do sự luyến ái vào hữu, chúng bị luyến ái, bị thèm

[2] Xem chú thích 6 ở trang 23. (ND)

khát, bị buộc trói, bị mê mẩn, bị gần gũi, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại ở các hữu.

"Những kẻ ấy, do sự gắn bó vào tế lễ, bị luyến ái với sự luyến ái vào hữu" là như thế.

Ta nói rằng: ... đã không vượt qua sanh và già: Ta nói, Ta chỉ dạy, Ta chỉ bảo, Ta thông báo, Ta ấn định, Ta khai mở, Ta chia sẻ, Ta làm rõ, Ta bày tỏ rằng: "Những kẻ ấy, do sự gắn bó vào tế lễ, bị luyến ái với sự luyến ái vào hữu, đã không vượt qua, đã không vượt lên, đã không vượt khỏi, đã không vượt qua hẳn, đã không vượt qua khỏi sanh-già-chết. Chúng không đi ra ngoài, không rời ra, không vượt trội, không vượt qua, không vượt qua hẳn, không vượt qua khỏi sanh-già-chết, chúng quay cuồng bên trong sanh-già-chết, chúng quay cuồng bên trong con đường luân hồi. Chúng bị theo sau bởi sanh, bị đeo đuổi bởi già, bị thống trị bởi bệnh, bị hành hạ bởi chết, không nơi nương tựa, không nơi trú ẩn, không nơi nương nhờ, có trạng thái không nơi nương nhờ."

"Ta nói rằng: 'Những kẻ ấy, do sự gắn bó vào tế lễ, bị luyến ái với sự luyến ái vào hữu, đã không vượt qua sanh và già'" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: "Này Puṇṇaka] những kẻ mong ước, khen ngợi, nguyện cầu, cúng tế, những kẻ nguyện cầu các dục bởi vì lợi lộc; Ta nói rằng: 'Những kẻ ấy, do sự gắn bó vào tế lễ, bị luyến ái với sự luyến ái vào hữu, đã không vượt qua sanh và già.'"

3.5. *[Tôn giả Puṇṇaka nói rằng:] "Thưa Ngài, nếu những kẻ ấy, do sự gắn bó vào tế lễ, đã không vượt qua sanh và già nhờ vào các lễ hiến tế, vậy giờ đây, thưa Ngài, người nào ở thế giới chư thiên và nhân loại đã vượt qua sanh và già? Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này."*

Nếu những kẻ ấy, do sự gắn bó vào tế lễ, đã không vượt qua: Những kẻ ấy, những người dâng hiến cuộc lễ hiến tế, do sự gắn bó vào tế lễ, bị luyến ái với sự luyến ái vào hữu, đã không vượt qua, đã không vượt lên, đã không vượt khỏi, đã không vượt qua hẳn, đã không vượt qua khỏi sanh-già-chết. Chúng không đi ra ngoài, không rời ra, không vượt trội, không vượt qua, không vượt qua hẳn, không vượt qua khỏi sanh-già-chết, chúng quay cuồng bên trong sanh-già-chết, chúng quay cuồng bên trong con đường luân hồi. Chúng bị theo sau bởi sanh, bị đeo đuổi bởi già, bị thống trị bởi bệnh, bị hành hạ bởi chết, không nơi nương tựa, không nơi trú ẩn, không nơi nương nhờ, có trạng thái không nơi nương nhờ.

"Nếu những kẻ ấy, do sự gắn bó vào tế lễ, đã không vượt qua" là như thế.

Tôn giả Puṇṇaka nói rằng.

Rằng: [Từ "*icca*" này] là sự nối liền các câu văn,... (nt)...

"Tôn giả Puṇṇaka nói rằng" là như thế.

Thưa Ngài,... sanh và già nhờ vào các lễ hiến tế.

Nhờ vào các lễ hiến tế: Nhờ vào các lễ hiến tế dồi dào, nhờ vào các lễ hiến tế đa dạng, nhờ vào các lễ hiến tế đông đảo.

Thưa Ngài: Từ "*mārisa*" này là lời nói yêu mến, lời nói kính trọng, lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng.

"Thưa Ngài, ... sanh và già nhờ vào các lễ hiến tế" là như thế.

Vậy giờ đây, thưa Ngài, người nào ở thế giới chư thiên và nhân loại đã vượt qua sanh và già? Vậy giờ đây, người nào ở thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt khỏi, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi sanh-già-chết.

Thưa Ngài: Từ "*mārisa*" này là lời nói yêu mến, lời nói kính trọng, lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng.

"Vậy giờ đây, thưa Ngài, người nào ở thế giới chư thiên và nhân loại đã vượt qua sanh và già?" là như thế.

Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này.

Tôi hỏi Ngài: Tôi hỏi Ngài, tôi yêu cầu Ngài, tôi thỉnh cầu Ngài, tôi đặt niềm tin ở Ngài, xin Ngài hãy thuyết giảng điều này cho tôi; "tôi hỏi Ngài" là như thế.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "đức Thế Tôn."

Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này: Xin Ngài hãy nói, hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ.

"Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này" là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

[Tôn giả Puṇṇaka nói rằng:] "Thưa Ngài, nếu những kẻ ấy, do sự gắn bó vào tế lễ, đã không vượt qua sanh và già nhờ vào các lễ hiến tế, vậy giờ đây, thưa Ngài, người nào ở thế giới chư thiên và nhân loại đã vượt qua sanh và già? Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này."

3.6. *[Đức Thế Tôn nói: "Này Puṇṇaka] sau khi đã suy xét nơi này và nơi khác ở thế gian, vị nào không có sự xao động tại bất cứ nơi nào ở thế gian, là bậc an tịnh, không còn khói mù, không phiền muộn, không mong cầu; Ta nói rằng, vị ấy đã vượt qua sanh và già."*

Sau khi đã suy xét nơi này và nơi khác ở thế gian. Suy xét nói đến trí, tức là tuệ, là sự nhận biết,... (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến.

Nơi này và nơi khác: Nơi này nói đến bản thân của chính mình, nơi khác nói đến bản thân của người khác; nơi này nói đến sắc-thọ-tưởng-hành-thức của chính mình, nơi khác nói đến sắc-thọ-tưởng-hành-thức của người khác; nơi này nói đến sáu nội xứ, nơi khác nói đến sáu ngoại xứ; nơi này nói đến thế giới loài người, nơi khác nói đến thế giới chư thiên; nơi này nói đến dục giới, nơi khác nói đến sắc giới và vô sắc giới; nơi này nói đến dục giới và sắc giới, nơi khác nói đến vô sắc giới.

Sau khi đã suy xét nơi này và nơi khác ở thế gian: Sau khi đã suy xét nơi này và nơi khác là vô thường,... (nt)... là khổ,... (nt)... là cơn bệnh,... (nt)... là mụt ghẻ,... (nt)... là sự thoát ra, sau khi đã suy xét, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt.

"Sau khi đã suy xét nơi này và nơi khác ở thế gian" là như thế.

Đức Thế Tôn nói: Này Puṇṇaka.

Puṇṇaka: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "đức Thế Tôn."

"Đức Thế Tôn nói: Này Puṇṇaka" là như thế.

Vị nào không có sự xao động tại bất cứ nơi nào ở thế gian.

[Đối với] vị nào: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Sự xao động: Là sự xao động do tham ái, sự xao động do tà kiến, sự xao động do ngã mạn, sự xao động do ô nhiễm, sự xao động do [ngũ] dục. Đối với vị nào, các sự xao động này là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

Tại bất cứ nơi nào: Tại bất cứ đâu, về bất cứ điều gì, tại bất cứ chỗ nào, thuộc nội phần, hoặc ngoại phần, hoặc thuộc nội phần và ngoại phần.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh... (nt)... ở thế gian của các xứ.

"Vị nào không có sự xao động tại bất cứ nơi nào ở thế gian" là như thế.

Là bậc an tịnh, không còn khói mù, không phiền muộn, không mong cầu, Ta nói rằng, vị ấy đã vượt qua sanh và già.

An tịnh: Do trạng thái đã được an tịnh đối với luyến ái là an tịnh; do trạng thái đã được an tịnh, do trạng thái đã được yên lặng, do trạng thái đã được vắng lặng, do trạng thái đã được thiêu hủy, do trạng thái đã được tịch diệt, do trạng thái đã được tách lìa, do trạng thái đã được tịch tịnh đối với sân hận... (nt)... đối với si mê... (nt)... đối với giận dữ... (nt)... đối với thù hằn... (nt)... đối với gièm pha... (nt)... đối với tất cả các pháp tạo tác bất thiện là an tịnh, yên tịnh, vắng lặng, tịch diệt, tịch tịnh. "An tịnh" là như thế.

Không còn khói mù: Uế hạnh về thân đã không còn bị bốc khói, đã được phá tan, đã được khô cạn, đã được khô héo, đã được làm cho chấm dứt; uế hạnh về khẩu... uế hạnh về ý đã không còn bị bốc khói, đã được phá tan, đã được

khô cạn, đã được khô héo, đã được làm cho chấm dứt; sự luyến ái… sân hận… si mê đã không còn bị bốc khói, đã được phá tan, đã được khô cạn, đã được khô héo, đã được làm cho chấm dứt; giận dữ… thù hằn… gièm pha… ác ý… ganh tỵ… bỏn xẻn… xảo trá… lừa gạt… bướng bỉnh… hung hăng… ngã mạn… cao ngạo… đam mê… xao lãng… tất cả ô nhiễm… tất cả uế hạnh… mọi sự lo lắng… mọi sự bực bội… mọi sự nóng nảy… tất cả các pháp tạo tác bất thiện đã không còn bị bốc khói, đã được phá tan, đã được khô cạn, đã được khô héo, đã được làm cho chấm dứt. Hoặc là, sự giận dữ được gọi là khói mù:

"Này Bà-la-môn, đối với ngươi, ngã mạn chính là gánh nặng,
Sự giận dữ là khói mù, lời nói sai trái là đống tro,
Lưỡi là cái vá múc, trái tim là bệ thờ lửa,
Bản thân đã khéo được rèn luyện là ánh sáng của con người."

Và hơn nữa, sự giận dữ sanh khởi theo mười biểu hiện: [Nghĩ rằng:] "Nó đã làm điều bất lợi cho ta", giận dữ sanh khởi; [nghĩ rằng:] "Nó đang làm điều bất lợi cho ta", giận dữ sanh khởi; [nghĩ rằng:] "Nó sẽ làm điều bất lợi cho ta", giận dữ sanh khởi; [nghĩ rằng:] "Nó đã làm điều bất lợi… đang làm điều bất lợi… sẽ làm điều bất lợi cho người yêu quý, hợp ý của ta", giận dữ sanh khởi; [nghĩ rằng:] "Nó đã làm điều có lợi… đang làm điều có lợi… sẽ làm điều có lợi cho người không yêu quý, không hợp ý của ta", giận dữ sanh khởi; thêm nữa là sự giận dữ sanh khởi vô cớ. Sự tức tối nào của tâm có hình thức là sự tức giận, sự thù hận, sự đối chọi, sự căm giận, sự căm hờn, sự căm ghét, sự sân hận, sự khởi sân, sự sân nộ, sự độc ác của tâm, sự khởi sân của ý, sự giận dữ, biểu hiện giận dữ, trạng thái giận dữ, sự sân hận, biểu hiện sân hận, trạng thái sân hận, sự độc ác, biểu hiện độc ác, trạng thái độc ác, sự chống đối, sự đối chọi, sự tàn nhẫn, sự lỗ mãng, trạng thái không hoan hỷ của tâm; điều này được gọi là sự giận dữ.

Thêm nữa, trạng thái nhiều ít của sự giận dữ nên được biết đến: Có lúc sự giận dữ là ở mức độ làm xáo trộn tâm, nhưng chưa nhíu mày nhăn mặt; có lúc sự giận dữ là ở mức độ nhíu mày nhăn mặt, nhưng chưa nghiến hai hàm răng; có lúc sự giận dữ là ở mức độ nghiến hai hàm răng, nhưng chưa thốt ra lời nói thô lỗ; có lúc sự giận dữ là ở mức độ thốt ra lời nói thô lỗ, nhưng chưa nhìn trừng trừng; có lúc sự giận dữ là ở mức độ nhìn trừng trừng, nhưng chưa nắm lấy gậy gộc gươm đao; có lúc sự giận dữ là ở mức độ nắm lấy gậy gộc gươm đao, nhưng chưa giơ gậy gộc gươm đao lên; có lúc sự giận dữ là ở mức độ giơ gậy gộc gươm đao lên, nhưng chưa giáng gậy gộc gươm đao xuống; có lúc sự giận dữ là ở mức độ giáng gậy gộc gươm đao xuống, nhưng chưa làm việc băm chém; có lúc sự giận dữ là ở mức độ làm việc băm chém, nhưng chưa có sự tổn thương gãy vỡ; có lúc sự giận dữ là ở mức độ có sự tổn thương gãy vỡ, nhưng chưa có sự đứt lìa các phần cơ thể; có lúc sự giận dữ là ở mức độ có sự đứt lìa các phần cơ thể, nhưng chưa có sự đoạt lấy mạng sống; có lúc sự giận dữ là ở mức độ có sự đoạt lấy mạng sống, nhưng chưa đến mức buông bỏ tất cả, luôn cả việc tự sát. Khi nào sự giận dữ khiến cho giết chết người khác rồi giết chết mình, đến chừng ấy thì sự giận dữ [của người ấy] đã đạt đến mức quá lố, đã đạt

đến mức tận cùng. Đối với người nào, sự giận dữ ấy đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; người ấy được gọi là không còn khói mù.

Do trạng thái đã dứt bỏ đối với sự giận dữ là "không còn khói mù." Do trạng thái đã biết toàn diện về nền tảng của sự giận dữ là "không còn khói mù." Do trạng thái đã biết toàn diện về nhân của sự giận dữ là "không còn khói mù." Do trạng thái đã chặt đứt nhân của sự giận dữ là "không còn khói mù."

Không phiền muộn: Sự luyến ái là phiền muộn, sân hận là phiền muộn, si mê là phiền muộn, giận dữ là phiền muộn, thù hằn là phiền muộn,… (nt)… tất cả các pháp tạo tác bất thiện là phiền muộn. Đối với người nào, các phiền muộn này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; người ấy được gọi là không phiền muộn.

Không mong cầu: Mong cầu nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,… (nt)… tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với người nào, mong cầu tham ái này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; người ấy được gọi là không mong cầu.

Sanh: Sự sanh ra, sự sanh khởi, sự nhập thai, sự phát sanh, sự xuất hiện của các uẩn, sự đạt được các xứ ở từng chủng loại của các chúng sanh này khác.

Già: Sự suy tàn, trạng thái già nua, tình trạng răng long, tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ suy giảm, sự hư hoại của những giác quan ở từng chủng loại của các chúng sanh này khác.

Là bậc an tịnh, không còn khói mù, không phiền muộn, không mong cầu, Ta nói rằng, vị ấy đã vượt qua sanh và già: Ta nói, Ta chỉ dạy, Ta chỉ bảo, Ta thông báo, Ta ấn định, Ta khai mở, Ta chia sẻ, Ta làm rõ, Ta bày tỏ rằng: "Người nào là bậc an tịnh, không còn khói mù, không phiền muộn, không mong cầu, người ấy đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt khỏi, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi sanh-già-chết."

"Là bậc an tịnh, không còn khói mù, không phiền muộn, không mong cầu, Ta nói rằng, vị ấy đã vượt qua sanh và già" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: "Này Puṇṇaka] sau khi đã suy xét nơi này và nơi khác ở thế gian, vị nào không có sự xao động tại bất cứ nơi nào ở thế gian, là bậc an tịnh, không còn khói mù, không phiền muộn, không mong cầu; Ta nói rằng, vị ấy đã vượt qua sanh và già."

Cùng với lúc kết thúc câu kệ ngôn,… (nt)… [vị ấy] đã ngồi xuống, chắp tay lên, cúi lạy đức Thế Tôn [nói rằng]: "Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử."

"Diễn giải kinh Puṇṇaka" được hoàn tất.

4. DIỄN GIẢI KINH METTAGŪ (*METTAGŪSUTTANIDDESO*)

4.1. *[Tôn giả Mettagū nói rằng:] "Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này. Tôi nghĩ rằng, Ngài là bậc đã đạt được sự hiểu biết, có bản thân đã được tu tập. Từ đâu mà các khổ này đã được khởi lên, bất kể loại nào ở thế gian, với nhiều hình thức?"*

Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này.

Tôi hỏi: Có ba loại câu hỏi: Câu hỏi để làm sáng tỏ điều chưa thấy, câu hỏi để trao đổi điều đã thấy, câu hỏi để cắt đứt sự nhầm lẫn.

Câu hỏi để làm sáng tỏ điều chưa thấy là loại nào? Thông thường, đối với tướng trạng chưa được biết, chưa được thấy, chưa được cân nhắc, chưa được xác định, chưa được rõ rệt, chưa được minh định thì người ta hỏi câu hỏi để biết, để thấy, để cân nhắc, để xác định, với mục đích được rõ rệt, với mục đích minh định về điều ấy. Đây là câu hỏi để làm sáng tỏ điều chưa thấy.

Câu hỏi để trao đổi điều đã thấy là loại nào? Thông thường, đối với tướng trạng đã được biết, đã được thấy, đã được cân nhắc, đã được xác định, đã được rõ rệt, đã được minh định thì người ta hỏi câu hỏi nhằm mục đích trao đổi cùng với các vị sáng suốt khác. Đây là câu hỏi để trao đổi điều đã thấy.

Câu hỏi để cắt đứt sự nhầm lẫn là loại nào? Thông thường, người bị rơi vào sự ngờ vực, bị rơi vào sự nhầm lẫn, bị sanh lên sự lưỡng lự rằng: "Phải chăng như vầy là đúng, phải chăng là không đúng, là cái gì đây, là thế nào đây?" Người ấy hỏi câu hỏi nhằm mục đích cắt đứt sự nhầm lẫn. Đây là câu hỏi để cắt đứt sự nhầm lẫn. Đây là ba loại câu hỏi.

Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi của loài người, câu hỏi của phi nhân, câu hỏi của vị [Phật] đã được hóa hiện ra.

Câu hỏi của loài người là loại nào? Loài người đi đến gặp đức Phật Thế Tôn và hỏi câu hỏi: Các vị Tỳ-khưu hỏi, các vị Tỳ-khưu-ni hỏi, các nam cư sĩ hỏi, các nữ cư sĩ hỏi, các vị vua hỏi, các vị Sát-đế-ly hỏi, các vị Bà-la-môn hỏi, các thương buôn hỏi, các kẻ nô lệ hỏi, các người tại gia hỏi, các vị xuất gia hỏi. Đây là câu hỏi của loài người.

Câu hỏi của phi nhân là loại nào? Các phi nhân đi đến gặp đức Phật Thế Tôn và hỏi câu hỏi: Các loài rồng hỏi, các loài linh điểu hỏi, các dạ-xoa hỏi, các a-tu-la hỏi, các càn-thát-bà hỏi, các vị Đại Thiên vương hỏi, các Thiên chủ hỏi, các Phạm thiên hỏi, các thiên nhân hỏi. Đây là câu hỏi của phi nhân.

Câu hỏi của vị [Phật] do thần thông biến hóa ra là loại nào? Đức Thế Tôn hóa hiện ra hình dáng vị [Phật] được tạo thành bởi ý, có tất cả các bộ phận thân thể lớn nhỏ, có giác quan không bị khiếm khuyết. Vị [Phật] do thần thông biến hóa ra ấy đi đến gặp đức Phật Thế Tôn và hỏi câu hỏi, đức Thế Tôn trả lời. Đây là câu hỏi của vị [Phật] đã được hóa hiện ra. Đây là ba loại câu hỏi.

Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về lợi ích của bản thân, câu hỏi về lợi ích của người khác, câu hỏi về lợi ích của cả hai. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về lợi ích trong đời này, câu hỏi về lợi ích trong đời sau, câu hỏi về lợi ích tối thượng. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về lợi ích của sự không tội lỗi, câu hỏi về lợi ích của sự không ô nhiễm, câu hỏi về lợi ích của sự trong sạch. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về quá khứ, câu hỏi về vị lai, câu hỏi về hiện tại. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về nội phần, câu hỏi về ngoại phần, câu hỏi về nội phần và ngoại phần. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về thiện, câu hỏi về bất thiện, câu hỏi về vô ký. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về uẩn, câu hỏi về giới, câu hỏi về xứ. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về thiết lập niệm, câu hỏi về chánh cần, câu hỏi về nền tảng của thần thông. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về quyền, câu hỏi về lực, câu hỏi về giác chi. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về Đạo, câu hỏi về Quả, câu hỏi về Niết-bàn.

Tôi hỏi Ngài: Tôi hỏi Ngài, tôi yêu cầu Ngài, tôi thỉnh cầu Ngài, tôi đặt niềm tin ở Ngài, xin Ngài hãy thuyết giảng cho tôi. "Tôi hỏi Ngài" là như thế.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính… (nt)… sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "đức Thế Tôn."

Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này: Xin Ngài hãy nói, hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ.

"Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này" là như thế.

Tôn giả Mettagū nói rằng.

Rằng: [Từ "*icca*" này] là sự nối liền các câu văn,… (nt)…

"Tôn giả Mettagū nói rằng" là như thế.

Tôi nghĩ rằng Ngài là bậc đã đạt được sự hiểu biết, có bản thân đã được tu tập: Tôi nghĩ về Ngài rằng: "Là bậc đã đạt được sự hiểu biết", Tôi nghĩ về Ngài rằng: "Là bậc có bản thân đã được tu tập", [tôi nghĩ như vậy] tôi biết như vậy, tôi hiểu như vậy, tôi nhận thức như vậy, tôi thừa nhận như vậy, tôi thấu triệt như vậy.

Bậc đã đạt được sự hiểu biết, có bản thân đã được tu tập: Đức Thế Tôn là bậc đã đạt được sự hiểu biết nghĩa là thế nào? Sự hiểu biết nói đến trí ở bốn đạo, tuệ, tuệ quyền, tuệ lực,… (nt)… trạch pháp giác chi, sự thẩm xét, sự thấy rõ, chánh kiến. Với các sự hiểu biết ấy, đức Thế Tôn đã đi đến điểm cuối đối

với sanh-già-chết, đã đạt đến điểm cuối, đã đi đến đỉnh, đã đạt đến đỉnh, đã đi đến tận cùng, đã đạt đến tận cùng, đã đi đến sự hoàn tất, đã đạt đến sự hoàn tất, đã đi đến nơi nương tựa, đã đạt đến nơi nương tựa, đã đi đến nơi trú ẩn, đã đạt đến nơi trú ẩn, đã đi đến nơi nương nhờ, đã đạt đến nơi nương nhờ, đã đi đến nơi không sợ hãi, đã đạt đến nơi không sợ hãi, đã đi đến bất hoại, đã đạt đến bất hoại, đã đi đến bất tử, đã đạt đến bất tử, đã đi đến Niết-bàn, đã đạt đến Niết-bàn. "Người đã đi đến điểm cuối của các sự hiểu biết" là bậc đã đạt được sự hiểu biết, hoặc "người đã đi đến điểm cuối nhờ vào các sự hiểu biết" là bậc đã đạt được sự hiểu biết, hoặc là bậc đã đạt được sự hiểu biết do trạng thái đã hiểu biết về bảy pháp: Sự nhận thức sai trái về thân đã được hiểu biết, sự hoài nghi đã được hiểu biết, sự bám víu vào giới và phận sự đã được hiểu biết, sự luyến ái... sân hận... si mê... ngã mạn đã được hiểu biết; đối với người này, các ác bất thiện pháp, các điều ô nhiễm đưa đến tái sanh, có sự phiền muộn, có kết quả khổ, đưa đến sanh-già-chết ở vị lai là đã được hiểu biết.

1. *[Đức Thế Tôn nói: "Này Sabhiya] vị đã suy gẫm toàn bộ các loại kiến thức thuộc về các Sa-môn, thuộc về các Bà-la-môn, vị đã xa lìa sự luyến ái ở tất cả các cảm thọ, vị đã vượt qua mọi kiến thức, vị ấy là 'bậc đã đạt được sự hiểu biết.'"*

Đức Thế Tôn là bậc đã đạt được sự hiểu biết nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn có bản thân đã được tu tập nghĩa là thế nào? Đức Thế Tôn có thân đã được tu tập, có giới đã được tu tập, có tâm đã được tu tập, có tuệ đã được tu tập, có việc thiết lập niệm đã được tu tập, có chánh cần đã được tu tập, có nền tảng của thần thông đã được tu tập, có quyền đã được tu tập, có lực đã được tu tập, có yếu tố đưa đến giác ngộ đã được tu tập, có đạo đã được tu tập, có ô nhiễm đã được dứt bỏ, có sự không xao động đã được thấu triệt, có sự diệt tận đã được chứng ngộ; đối với Ngài, khổ đã được biết toàn diện, tập đã được dứt bỏ, đạo đã được tu tập, diệt đã được chứng ngộ, điều cần được biết rõ đã được biết rõ, điều cần được biết toàn diện đã được biết toàn diện, điều cần được dứt bỏ đã được dứt bỏ, điều cần được tu tập đã được tu tập, điều cần được chứng ngộ đã được chứng ngộ, Ngài tương tự như biển cả, không nhỏ nhoi, vĩ đại, sâu thẳm, không thể đo lường, khó thâm nhập, có nhiều báu vật, Ngài có pháp hành xả ở sáu tình huống: Sau khi thấy cảnh sắc bằng mắt, không có ý ưa thích cũng không có ý ghét bỏ, hành xả, Ngài sống có niệm, có sự nhận biết rõ; sau khi nghe âm thanh bằng tai,... (nt)... sau khi ngửi hương bằng mũi,... (nt)... sau khi nếm vị bằng lưỡi,... (nt)... sau khi xúc chạm bằng thân,... (nt)... sau khi nhận thức pháp bằng ý, không có ý ưa thích cũng không có ý ghét bỏ, hành xả, Ngài sống có niệm, có sự nhận biết rõ.

Sau khi thấy cảnh sắc bằng mắt, đối với sắc hợp ý, Ngài không khao khát, không vui mừng, không làm sanh khởi luyến ái; thân của Ngài trụ vững, tâm của Ngài trú ở nội phần, khéo được tồn tại, khéo được giải thoát. Trái lại, sau khi thấy cảnh sắc bằng mắt, đối với sắc không hợp ý, Ngài không khó chịu,

không có tâm bực bội, không có ý lui sụt, không có ý tức giận; thân của Ngài trụ vững, tâm của Ngài trú ở nội phần, khéo được tồn tại, khéo được giải thoát. Sau khi nghe âm thanh bằng tai,… (nt)… Sau khi ngửi hương bằng mũi,… (nt)… Sau khi nếm vị bằng lưỡi,… (nt)… Sau khi xúc chạm bằng thân,… (nt)… Sau khi nhận thức pháp bằng ý, Ngài không khao khát, không vui mừng, không làm sanh khởi luyến ái; thân của Ngài trụ vững, tâm của Ngài trú ở nội phần, khéo được tồn tại, khéo được giải thoát. Trái lại, sau khi nhận thức pháp bằng ý, đối với pháp không hợp ý, Ngài không khó chịu, không có tâm bực bội, không có ý lui sụt, không có ý tức giận; thân của Ngài trụ vững, tâm của Ngài trú ở nội phần, khéo được tồn tại, khéo được giải thoát.

Sau khi thấy cảnh sắc bằng mắt, đối với sắc hợp ý hay không hợp ý, thân của Ngài trụ vững, tâm của Ngài trú ở nội phần, khéo được tồn tại, khéo được giải thoát. Sau khi nghe âm thanh bằng tai,… (nt)… Sau khi nhận thức pháp bằng ý, đối với pháp hợp ý hay không hợp ý, thân của Ngài trụ vững, tâm của Ngài trú ở nội phần, khéo được tồn tại, khéo được giải thoát.

Sau khi thấy cảnh sắc bằng mắt, Ngài không luyến ái ở vật đáng luyến ái, không sân hận ở vật đáng sân hận, không si mê ở vật đáng si mê, không bực tức ở vật đáng bực tức, không say đắm ở vật đáng say đắm, không bị ô nhiễm ở vật đáng bị ô nhiễm. Sau khi nghe âm thanh bằng tai,… (nt)... Sau khi nhận thức pháp bằng ý, Ngài không luyến ái ở vật đáng luyến ái, không sân hận ở vật đáng sân hận, không si mê ở vật đáng si mê, không bực tức ở vật đáng bực tức, không say đắm ở vật đáng say đắm, không bị ô nhiễm ở vật đáng bị ô nhiễm. Ở điều đã được nghe chỉ là điều đã được nghe, ở điều đã được thấy chỉ là điều đã được thấy, ở điều đã được cảm giác chỉ là điều đã được cảm giác, ở điều đã được nhận thức chỉ là điều đã được nhận thức, Ngài không bị lấm nhơ ở điều đã được thấy, không bị lấm nhơ ở điều đã được nghe, không bị lấm nhơ ở điều đã được cảm giác, không bị lấm nhơ ở điều đã được nhận thức. Về điều đã được thấy, Ngài không có sự đến gần, không có sự xa lánh, không nương tựa, không bị trói buộc, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. Về điều đã được nghe… (nt)... Về điều đã được cảm giác… (nt)… Về điều đã được nhận thức, Ngài không có sự đến gần, không có sự xa lánh, không bị trói buộc, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

Mắt của đức Thế Tôn hiện hữu, đức Thế Tôn nhìn cảnh sắc bằng mắt. Mong muốn và luyến ái của đức Thế Tôn không có, đức Thế Tôn có tâm khéo được giải thoát. Tai của đức Thế Tôn hiện hữu, đức Thế Tôn nghe âm thanh bằng tai. Mong muốn và luyến ái của đức Thế Tôn không có, đức Thế Tôn có tâm khéo được giải thoát. Mũi của đức Thế Tôn hiện hữu, đức Thế Tôn ngửi hương bằng mũi. Mong muốn và luyến ái của đức Thế Tôn không có, đức Thế Tôn có tâm khéo được giải thoát. Lưỡi của đức Thế Tôn hiện hữu, đức Thế Tôn nếm vị bằng lưỡi. Mong muốn và luyến ái của đức Thế Tôn không có, đức Thế Tôn

có tâm khéo được giải thoát. Thân của đức Thế Tôn hiện hữu, đức Thế Tôn xúc chạm bằng thân. Mong muốn và luyến ái của đức Thế Tôn không có, đức Thế Tôn có tâm khéo được giải thoát. Ý của đức Thế Tôn hiện hữu, đức Thế Tôn nhận thức pháp bằng ý. Mong muốn và luyến ái của đức Thế Tôn không có, đức Thế Tôn có tâm khéo được giải thoát.

Mắt có sự thỏa thích ở sắc, thích thú ở sắc, vui thích ở sắc; mắt của đức Thế Tôn đã được rèn luyện, đã được bảo vệ, đã được hộ trì, đã được thu thúc; và Ngài thuyết pháp về sự thu thúc đối với mắt. Tai có sự thỏa thích ở âm thanh, thích thú ở âm thanh, vui thích ở âm thanh… (nt)… Mũi có sự thỏa thích ở hương, thích thú ở hương, vui thích ở hương. Lưỡi có sự thỏa thích ở vị nếm, thích thú ở vị nếm, vui thích ở vị nếm; lưỡi của đức Thế Tôn đã được rèn luyện, đã được bảo vệ, đã được hộ trì, đã được thu thúc; và Ngài thuyết pháp về sự thu thúc đối với lưỡi. Thân có sự thỏa thích ở xúc chạm, thích thú ở xúc chạm, vui thích ở xúc chạm… (nt)... Ý có sự thỏa thích ở pháp, thích thú ở pháp, vui thích ở pháp; ý của đức Thế Tôn đã được rèn luyện, đã được bảo vệ, đã được hộ trì, đã được thu thúc; và Ngài thuyết pháp về sự thu thúc đối với ý.

2. *Người ta đưa [ngựa] đã được rèn luyện đến nơi tụ hội. Đức vua cỡi lên [ngựa] đã được rèn luyện. Người đã được rèn luyện chịu đựng lời mắng nhiếc là hạng nhất giữa loài người.*

3. *Quý báu thay những con lừa đã được thuần hóa, những con ngựa Sindhu thuần chủng và những con voi thuộc loài khổng tượng, người đã tự rèn luyện bản thân là quý báu hơn cả.*

4. *Bởi vì chẳng phải nhờ vào những cỗ xe ấy mà có thể đi đến nơi chưa đi đến [Niết-bàn], như là nhờ vào bản thân đã khéo được rèn luyện. Do nhờ đã được rèn luyện mà người đã được rèn luyện đi đến [Niết-bàn].*

5. *Các vị không lay động ở các trạng thái kiêu mạn, đã được thoát khỏi việc sanh ra lần nữa, đã đạt đến lãnh vực của các bậc đã được rèn luyện, các vị ấy là những người chiến thắng ở thế gian.*

6. *Vị nào có các giác quan đã được tu tập, ở nội phần, ở ngoại phần và ở toàn thể thế gian, sau khi thấu hiểu đời này và đời sau, vị có bản thân đã được tu tập chờ đợi thời điểm, vị ấy là đã được huấn luyện.*

Đức Thế Tôn có bản thân đã được tu tập nghĩa là như vậy.

Tôi nghĩ rằng Ngài là bậc đã đạt được sự hiểu biết, có bản thân đã được tu tập. Từ đâu mà các khổ này đã được khởi lên?

Từ đâu mà: Các cụm từ "*evannu kho*", "*na nu kho*", "*kinnu kho*", "*kathannu kho*" là câu hỏi do ngờ vực, câu hỏi do nhầm lẫn, câu hỏi vì hai nghĩa, câu hỏi do không dứt khoát. "Từ đâu mà" là như thế.

Các khổ: Là khổ sanh, khổ già, khổ bệnh, khổ chết, khổ do sầu-bi-khổ-ưu-não, khổ ở địa ngục, khổ ở loài thú, khổ ở thân phận ngạ quỷ, khổ của loài

người, khổ bắt nguồn từ việc nhập thai, khổ bắt nguồn từ việc trụ thai, khổ bắt nguồn từ việc ra khỏi thai, khổ gắn liền sau khi sanh ra, khổ do kẻ khác áp đặt sau khi sanh ra, khổ do sự ra sức của bản thân, khổ do sự ra sức của kẻ khác, khổ do [thọ] khổ, khổ do pháp tạo tác, khổ do sự biến đổi; bệnh ở mắt, bệnh ở tai trong, bệnh ở mũi, bệnh ở lưỡi, bệnh ở thân, bệnh ở đầu, bệnh ở lỗ tai, bệnh ở miệng, bệnh ở răng, ho, suyễn, sổ mũi, nhiệt, cảm sốt, đau bụng, xây xẩm, kiết lỵ, đau bụng bão, dịch tả, phong cùi, khối u, bệnh chàm, lao phổi, động kinh, mụt, nhọt, ghẻ ngứa, sảy, loét tay chân, máu và mật, bệnh tiểu đường, bệnh trĩ, ghẻ lở, loét hậu môn, bệnh phát khởi từ mật, bệnh phát khởi từ đàm, bệnh phát khởi từ gió, bệnh tổng hợp do mật-đàm-gió, bệnh sanh lên vì thay đổi thời tiết, bệnh sanh lên vì bốn oai nghi không đồng đều, bệnh thuộc dạng cấp tính, bệnh sanh lên vì quả của nghiệp, lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiểu tiện, các xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát là khổ, cái chết của mẹ là khổ, cái chết của cha là khổ, cái chết của anh [em] trai là khổ, cái chết của chị [em] gái là khổ, cái chết của con trai là khổ, cái chết của con gái là khổ, sự tổn hại về thân quyến là khổ, [sự tổn hại vì bệnh tật là khổ] sự tổn hại về của cải là khổ, sự tổn hại về giới là khổ, sự tổn hại về kiến thức là khổ, đối với những pháp nào có sự khởi lên ban đầu được nhận biết, có sự diệt tận lúc biến mất được nhận biết, có quả thành tựu nương vào hành động, có hành động nương vào quả thành tựu, có sắc nương vào danh, có danh nương vào sắc, bị theo sau bởi sanh, bị đeo đuổi bởi già, bị thống trị bởi bệnh, bị hành hạ bởi chết, được thiết lập ở khổ, là không nơi nương tựa, là không nơi trú ẩn, là không nơi nương nhờ, có trạng thái không nơi nương nhờ; các điều này được gọi là khổ.

Vị ấy hỏi về nguồn gốc, hỏi về nhân, hỏi về căn nguyên, hỏi về nguồn xuất phát, hỏi về nguồn sanh khởi, hỏi về nguồn phát khởi, hỏi về yếu tố nuôi dưỡng, hỏi về đối tượng, hỏi về duyên khởi, hỏi về nhân sanh khởi của các khổ này: "Các khổ này khởi lên từ đâu, sanh ra từ đâu, sanh khởi từ đâu, hạ sanh từ đâu, phát sanh từ đâu, xuất hiện từ đâu, có cái gì là căn nguyên, có cái gì là nhân sanh khởi, có cái gì là mầm sanh khởi, có cái gì là nguồn sanh khởi?" Vị ấy chất vấn, yêu cầu, thỉnh cầu, đặt niềm tin.

"Từ đâu mà các khổ này đã được khởi lên?" là như thế.

Bất kể loại nào ở thế gian, với nhiều hình thức.

Bất kể loại nào: Là tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, cụm từ "*ye keci*" này là lối nói của sự bao gồm.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ.

Với nhiều hình thức: Các khổ có nhiều loại, có những kiểu cách khác nhau.

"Bất kể loại nào ở thế gian, với nhiều hình thức" là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

[Tôn giả Mettagū nói rằng:] "Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này. Tôi nghĩ rằng Ngài là bậc đã đạt được sự hiểu biết, có bản thân đã được tu tập. Từ đâu mà các khổ này đã được khởi lên, bất kể loại nào ở thế gian, với nhiều hình thức?"

4.2. *[Đức Thế Tôn nói: "Này Mettagū] quả thật ngươi đã hỏi Ta về nguồn sanh khởi của khổ. Ta sẽ tuyên thuyết về điều ấy cho ngươi theo như điều Ta nhận biết. Các khổ phát khởi đều có căn nguyên là mầm tái sanh, bất kể loại nào ở thế gian, với nhiều hình thức."*

Quả thật ngươi đã hỏi Ta về nguồn sanh khởi của khổ.

Của khổ: Của khổ sanh, của khổ già, của khổ bệnh, của khổ chết, của khổ do sầu-bi-khổ-ưu-não.

Ngươi đã hỏi về nguồn sanh khởi: Ngươi hỏi về nguồn gốc, ngươi hỏi về nhân, ngươi hỏi về căn nguyên, ngươi hỏi về nguồn xuất phát, ngươi hỏi về nguồn sanh khởi, ngươi hỏi về nguồn phát khởi, ngươi hỏi về yếu tố nuôi dưỡng, ngươi hỏi về đối tượng, ngươi hỏi về duyên khởi, ngươi hỏi về nhân sanh khởi của khổ, ngươi yêu cầu, ngươi thỉnh cầu, ngươi đặt niềm tin.

"Quả thật ngươi đã hỏi Ta về nguồn sanh khởi của khổ" là như thế.

Đức Thế Tôn nói: Này Mettagū: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính… (nt)… sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "đức Thế Tôn."

"Đức Thế Tôn nói: Này Mettagū" là như thế.

Ta sẽ tuyên thuyết về điều ấy cho ngươi theo như điều Ta nhận biết.

Điều ấy: Ta sẽ tuyên thuyết về nguồn gốc, Ta sẽ tuyên thuyết về nhân, Ta sẽ tuyên thuyết về căn nguyên, Ta sẽ tuyên thuyết về nguồn xuất phát, Ta sẽ tuyên thuyết về nguồn sanh khởi, Ta sẽ tuyên thuyết về nguồn phát khởi, Ta sẽ tuyên thuyết về yếu tố nuôi dưỡng, Ta sẽ tuyên thuyết về đối tượng, Ta sẽ tuyên thuyết về duyên khởi, Ta sẽ tuyên thuyết về nhân sanh khởi của khổ, Ta sẽ chỉ dạy, Ta sẽ chỉ bảo, Ta sẽ thông báo, Ta sẽ ấn định, Ta sẽ khai mở, Ta sẽ chia sẻ, Ta sẽ làm rõ, Ta sẽ bày tỏ. "Ta sẽ tuyên thuyết về điều ấy cho ngươi" là như thế.

Theo như điều Ta nhận biết: Theo như điều Ta đang nhận biết, đang hiểu, đang nhận thức, đang thừa nhận, đang thấu triệt, không do nghe lời đồn đãi, không do nghe nói như thế, không do sự truyền thừa, không do sự thành tựu của việc thu thập kiến thức, không do nhân suy nghĩ, không do nhân suy luận, không do suy đoán theo biểu hiện, không do sự suy xét và chấp nhận về quan điểm, Ta sẽ thuyết giảng cho ngươi về pháp đã được chính bản thân biết rõ, đã được tự thân quán xét lại.

"Ta sẽ tuyên thuyết về điều ấy cho ngươi theo như điều Ta nhận biết" là như thế.

Các khổ phát khởi đều có căn nguyên là mầm tái sanh.

Mầm tái sanh: Có mười mầm tái sanh: Tham ái là mầm tái sanh, tà kiến là mầm tái sanh, ô nhiễm [luyến ái, sân hận, v.v...] là mầm tái sanh, nghiệp [thiện, ác] là mầm tái sanh, uế hạnh [về thân, khẩu, ý] là mầm tái sanh, yếu tố nuôi dưỡng [bốn loại vật thực] là mầm tái sanh, bất bình là mầm tái sanh, bốn nguyên tố [đất, nước, lửa, gió] đã được chấp thủ là mầm tái sanh, sáu nội xứ là mầm tái sanh, sáu nhóm thức là mầm tái sanh; tất cả các khổ với ý nghĩa khó chịu đựng là mầm tái sanh; các điều này được gọi là mười mầm tái sanh.

Các khổ: Là khổ sanh, khổ già, khổ bệnh, khổ chết, khổ do sầu-bi-khổ-ưu-não, khổ ở địa ngục,... (nt)... sự tổn hại về kiến thức là khổ, đối với những pháp nào có sự khởi lên ban đầu được nhận biết, có sự diệt tận lúc biến mất được nhận biết, có quả thành tựu nương vào hành động, có hành động nương vào quả thành tựu, có sắc nương vào danh, có danh nương vào sắc, bị theo sau bởi sanh, bị đeo đuổi bởi già, bị thống trị bởi bệnh, bị hành hạ bởi chết, được thiết lập ở khổ, là không nơi nương tựa, là không nơi trú ẩn, là không nơi nương nhờ, có trạng thái không nơi nương nhờ, các điều này được gọi là khổ. Các khổ này phát khởi, xuất phát, sanh ra, sanh khởi, hạ sanh, xuất hiện, có mầm tái sanh là căn nguyên, có mầm tái sanh là nhân, có mầm tái sanh là duyên, có mầm tái sanh là lý do.

"Các khổ phát khởi đều có căn nguyên là mầm tái sanh" là như thế.

Bất kể loại nào ở thế gian, với nhiều hình thức.

Bất kể loại nào: Tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, cụm từ "*ye keci*" này là lối nói của sự bao gồm.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ.

Với nhiều hình thức: Các khổ có nhiều loại, có những kiểu cách khác nhau.

"Bất kể loại nào ở thế gian, với nhiều hình thức" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: "Này Mettagū] quả thật ngươi đã hỏi Ta về nguồn sanh khởi của khổ. Ta sẽ tuyên thuyết về điều ấy cho ngươi theo như điều Ta nhận biết. Các khổ phát khởi đều có căn nguyên là mầm tái sanh, bất kể loại nào ở thế gian, với nhiều hình thức."

4.3. *"Thật vậy, kẻ nào [do] không có sự hiểu biết rồi tạo ra mầm tái sanh, là kẻ ngu [sẽ] đi đến khổ lần này rồi lần khác. Vì thế, người có sự quán xét về sự sanh ra và phát khởi của khổ, trong khi biết, không nên tạo ra mầm tái sanh."*

Thật vậy, kẻ nào [do] không có sự hiểu biết rồi tạo ra mầm tái sanh.

Kẻ nào: Kẻ nào là người như thế, được gắn bó như thế, được định đặt như

thế, có biểu hiện như thế, đã đạt đến địa vị ấy, đã thành tựu phẩm chất ấy, hoặc là vị Sát-đế-ly, hoặc là vị Bà-la-môn, hoặc là thương nhân, hoặc là kẻ nô lệ, hoặc là người tại gia, hoặc là vị xuất gia, hoặc là vị thiên nhân, hoặc là người nhân loại.

[Do] không có sự hiểu biết: Không đạt đến kiến thức, không có trí, không có sự rành rẽ, có tuệ tồi.

Rồi tạo ra mầm tái sanh: Tạo ra tham ái là mầm tái sanh, tạo ra tà kiến là mầm tái sanh, tạo ra ô nhiễm là mầm tái sanh, tạo ra nghiệp là mầm tái sanh, tạo ra uế hạnh là mầm tái sanh, tạo ra yếu tố nuôi dưỡng là mầm tái sanh, tạo ra bất bình là mầm tái sanh, tạo ra bốn nguyên tố đã được chấp thủ là mầm tái sanh, tạo ra sáu nội xứ là mầm tái sanh, tạo ra sáu nhóm thức là mầm tái sanh, làm sanh ra, làm sanh khởi, làm hạ sanh.

"Thật vậy, kẻ nào [do] không có sự hiểu biết rồi tạo ra mầm tái sanh" là như thế.

Là kẻ ngu [sẽ] đi đến khổ lần này rồi lần khác.

[Đi đến khổ lần này rồi lần khác:] Là đi đến, tiếp cận, đi đến gần, nắm lấy, bám víu, chấp chặt vào khổ sanh, khổ già, khổ bệnh, khổ chết, khổ do sầu-bi-khổ-ưu-não lần này rồi lần khác.

Là kẻ ngu: Kẻ ngu là kẻ si mê, không có sự hiểu biết, không đạt đến kiến thức, không có trí, không có sự rành rẽ, có tuệ tồi.

"Là kẻ ngu [sẽ] đi đến khổ lần này rồi lần khác" là như thế.

Vì thế, trong khi biết, không nên tạo ra mầm tái sanh.

Vì thế: Là bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy, trong khi nhìn thấy rõ sự bất lợi như vậy ở các mầm tái sanh. "Vì thế" là như thế.

Trong khi biết: Trong khi nhận biết, trong khi hiểu biết, trong khi nhận thức, trong khi thừa nhận, trong khi thấu triệt; trong khi nhận biết, trong khi hiểu biết, trong khi nhận thức, trong khi thừa nhận, trong khi thấu triệt rằng: "Tất cả các hành là vô thường"; trong khi nhận biết, trong khi hiểu biết, trong khi nhận thức, trong khi thừa nhận, trong khi thấu triệt rằng: "Tất cả các hành là khổ"... (nt)... "Tất cả các pháp là vô ngã"... (nt)... "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

Không nên tạo ra mầm tái sanh: Không nên tạo ra tham ái là mầm tái sanh, không nên tạo ra tà kiến là mầm tái sanh, không nên tạo ra ô nhiễm là mầm tái sanh, không nên tạo ra nghiệp là mầm tái sanh, không nên tạo ra uế hạnh là mầm tái sanh, không nên tạo ra yếu tố nuôi dưỡng là mầm tái sanh, không nên tạo ra bất bình là mầm tái sanh, không nên tạo ra bốn nguyên tố đã được chấp thủ là mầm tái sanh, không nên tạo ra sáu nội xứ là mầm tái sanh, không nên tạo ra sáu nhóm thức là mầm tái sanh, không nên làm sanh ra, không nên làm sanh khởi, không nên làm hạ sanh, không nên làm phát sanh.

"Vì thế, trong khi biết, không nên tạo ra mầm tái sanh" là như thế.

Của khổ: Của khổ sanh, của khổ già, của khổ bệnh, của khổ chết, của khổ do sầu-bi-khổ-ưu-não.

Người có sự quán xét về sự phát khởi: Có sự quán xét về nguồn gốc, có sự quán xét về nhân, có sự quán xét về căn nguyên, có sự quán xét về nguồn xuất phát, có sự quán xét về nguồn sanh khởi, có sự quán xét về nguồn phát khởi, có sự quán xét về yếu tố nuôi dưỡng, có sự quán xét về đối tượng, có sự quán xét về duyên khởi, có sự quán xét về nhân sanh khởi của khổ. Sự quán xét nói đến có sự nhận biết bằng tuệ, là sự nhận biết,... (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến. Người đã tiến đến, đã tiến gần, đã tiến vào, đã tiến sát, đã đạt đến, đã tròn đủ, đã thành tựu sự quán xét bằng tuệ này, người ấy gọi là có sự quán xét.

"Người có sự quán xét về sự sanh ra và phát khởi của khổ" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Thật vậy, kẻ nào, [do] không có sự hiểu biết, rồi tạo ra mầm tái sanh, là kẻ ngu, [sẽ] đi đến khổ lần này rồi lần khác. Vì thế, người có sự quán xét về sự sanh ra và phát khởi của khổ, trong khi biết, không nên tạo ra mầm tái sanh."

4.4. *"Điều nào chúng tôi đã hỏi Ngài, Ngài đã giải thích cho chúng tôi.*
Chúng tôi hỏi Ngài điều khác, vậy xin Ngài hãy trả lời điều ấy.
Làm thế nào các bậc sáng trí vượt qua dòng lũ,
Sanh và già, sầu muộn và than vãn?
Thưa bậc Hiền trí, xin Ngài hãy giảng rõ tường tận điều ấy cho tôi,
Bởi vì pháp này đã được Ngài biết đúng theo bản thể."

Điều nào chúng tôi đã hỏi Ngài, Ngài đã giải thích cho chúng tôi: Điều nào chúng tôi đã hỏi Ngài, chúng tôi đã yêu cầu, chúng tôi đã thỉnh cầu, chúng tôi đã đặt niềm tin.

Ngài đã giải thích cho chúng tôi: [Điều ấy] đã được giải thích, đã được chỉ dạy, đã được chỉ bảo, đã được thông báo, đã được ấn định, đã được khai mở, đã được chia sẻ, đã được làm rõ, đã được bày tỏ.

"Điều nào chúng tôi đã hỏi Ngài, Ngài đã giải thích cho chúng tôi" là như thế.

Chúng tôi hỏi Ngài điều khác, vậy xin Ngài hãy trả lời điều ấy: Chúng tôi hỏi Ngài điều khác, chúng tôi yêu cầu Ngài điều khác, chúng tôi thỉnh cầu Ngài điều khác, chúng tôi đặt niềm tin nơi Ngài điều khác, chúng tôi hỏi Ngài thêm nữa.

Vậy xin Ngài hãy trả lời điều ấy: Vậy xin Ngài hãy nói, Ngài hãy chỉ dạy, Ngài hãy chỉ bảo, Ngài hãy thông báo, Ngài hãy ấn định, Ngài hãy khai mở, Ngài hãy chia sẻ, Ngài hãy làm rõ, Ngài hãy bày tỏ về điều ấy.

"Chúng tôi hỏi Ngài điều khác, vậy xin Ngài hãy trả lời điều ấy" là như thế.

Làm thế nào các bậc sáng trí vượt qua dòng lũ, sanh và già, sầu muộn và than vãn?

Làm thế nào: Các cụm từ "*evannu kho*", "*na nu kho*", "*kinnu kho*", "*kathannu kho*" là câu hỏi do ngờ vực, câu hỏi do nhầm lẫn, câu hỏi vì hai nghĩa, câu hỏi do không dứt khoát. "Làm thế nào" là như thế.

Các bậc sáng trí: Các bậc sáng trí là các bậc sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh.

Dòng lũ: Dòng lũ [ngũ] dục, dòng lũ của hữu, dòng lũ tà kiến, dòng lũ vô minh.

Sanh: Sự sanh ra, sự sanh khởi, sự nhập thai, sự phát sanh, sự xuất hiện của các uẩn, sự đạt được các xứ ở từng chủng loại của các chúng sanh này khác.

Già: Sự suy tàn, trạng thái già nua, tình trạng răng long, tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ suy giảm, sự hư hoại của những giác quan ở từng chủng loại của các chúng sanh này khác.

Sầu muộn: Sầu muộn là sự buồn rầu, trạng thái buồn phiền, sự sầu muộn ở nội tâm, sự buồn thảm ở nội tâm, sự nóng nảy ở nội tâm, sự bực tức ở nội tâm, nỗi ưu phiền do trạng thái bực bội của tâm, mũi tên sầu muộn của người bị tác động bởi sự tổn hại về thân quyến, bị tác động bởi sự tổn hại về của cải, bị tác động bởi sự tổn hại vì bệnh tật, bị tác động bởi sự suy giảm về giới hạnh, bị tác động bởi sự suy giảm về kiến thức, bị gặp phải sự rủi ro này hoặc sự rủi ro khác, hoặc bị tác động bởi sự khổ này hoặc sự khổ khác.

Than vãn: Sự than van, sự than trách, sự than thở, sự than vãn, trạng thái than van, trạng thái than trách, lời nói, nói lảm nhảm, nói huyên thuyên, nói kể lể, lối nói kể lể, trạng thái nói kể lể của người bị tác động bởi sự tổn hại về thân quyến, bị tác động bởi sự tổn hại về của cải, bị tác động bởi sự tổn hại vì bệnh tật, bị tác động bởi sự suy giảm về giới hạnh, bị tác động bởi sự suy giảm về kiến thức, bị gặp phải sự rủi ro này hoặc sự rủi ro khác, hoặc bị tác động bởi sự khổ này hoặc sự khổ khác.

Làm thế nào các bậc sáng trí vượt qua dòng lũ, sanh và già, sầu muộn và than vãn? Các bậc sáng trí vượt qua, vượt lên, vượt khỏi, vượt qua hẳn, vượt qua khỏi dòng lũ, sanh và già, khổ đau, sầu muộn và than vãn như thế nào?

"Làm thế nào các bậc sáng trí vượt qua dòng lũ, sanh và già, sầu muộn và than vãn?" là như thế.

Thưa bậc Hiền trí, xin Ngài hãy giảng rõ tường tận điều ấy cho tôi.

Điều ấy: Là điều tôi hỏi, điều tôi yêu cầu, điều tôi thỉnh cầu, điều tôi đặt niềm tin.

Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí, tức là tuệ, là sự nhận biết,... (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến. Được thành tựu với trí ấy, đức Thế Tôn đạt đến bản thể hiền trí.

Ba hiền trí hạnh: Hiền trí hạnh về thân, hiền trí hạnh về khẩu, hiền trí hạnh về ý. Hiền trí hạnh về thân là điều nào? Sự dứt bỏ ba loại uế hạnh về thân là hiền trí hạnh về thân, ba loại thiện hạnh về thân là hiền trí hạnh về thân, trí ở đối tượng thân là hiền trí hạnh về thân, sự biết toàn diện về thân là hiền trí hạnh về thân, đạo đồng hành với sự biết toàn diện là hiền trí hạnh về thân, sự dứt bỏ mong muốn và luyến ái ở thân là hiền trí hạnh về thân, sự chứng đạt tứ thiền có sự diệt của thân hành là hiền trí hạnh về thân; điều này là hiền trí hạnh về thân.

Hiền trí hạnh về khẩu là điều nào? Sự dứt bỏ bốn loại uế hạnh về khẩu là hiền trí hạnh về khẩu, bốn loại thiện hạnh về khẩu là hiền trí hạnh về khẩu, trí ở đối tượng khẩu là hiền trí hạnh về khẩu, sự biết toàn diện về khẩu là hiền trí hạnh về khẩu, đạo đồng hành với sự biết toàn diện là hiền trí hạnh về khẩu, sự dứt bỏ mong muốn và luyến ái ở khẩu là hiền trí hạnh về khẩu, sự chứng đạt nhị thiền có sự diệt của khẩu hành là hiền trí hạnh về khẩu, đạo đồng hành với sự biết toàn diện là hiền trí hạnh về khẩu, sự dứt bỏ mong muốn và luyến ái ở khẩu là hiền trí hạnh về khẩu, sự chứng đạt tam thiền có sự diệt của khẩu hành là hiền trí hạnh về khẩu;[1] điều này là hiền trí hạnh về khẩu.

Hiền trí hạnh về ý là điều nào? Sự dứt bỏ ba loại uế hạnh về ý là hiền trí hạnh về ý, ba loại thiện hạnh về ý là hiền trí hạnh về ý, trí ở đối tượng tâm là hiền trí hạnh về ý, sự biết toàn diện về tâm là hiền trí hạnh về ý, đạo đồng hành với sự biết toàn diện là hiền trí hạnh về ý, sự dứt bỏ mong muốn và luyến ái ở tâm là hiền trí hạnh về ý, sự chứng đạt Diệt thọ tưởng có sự diệt của tâm hành là hiền trí hạnh về ý. Điều này là hiền trí hạnh về ý.

7. *[Chư Phật] đã nói về bậc Hiền trí về thân, bậc Hiền trí về khẩu, bậc Hiền trí về ý, bậc không còn lậu hoặc, bậc Hiền trí thành tựu hiền trí hạnh là bậc có sự dứt bỏ tất cả.*

8. *[Chư Phật] đã nói về bậc Hiền trí về thân, bậc Hiền trí về khẩu, bậc Hiền trí về ý, bậc không còn lậu hoặc, bậc Hiền trí thành tựu hiền trí hạnh là bậc có điều ác đã được rửa sạch.*

Được thành tựu ba pháp hiền trí hạnh này là sáu hạng hiền trí: Các bậc Hiền trí tại gia, các bậc Hiền trí xuất gia, các bậc Hiền trí Hữu học, các bậc Hiền trí Vô học, các bậc Hiền trí Độc Giác, các bậc Hiền trí của các bậc Hiền trí.

Các bậc Hiền trí tại gia là các hạng nào? Những người tại gia đã thấy Niết-bàn, đã nhận thức giáo pháp, là các bậc Hiền trí tại gia. Các bậc Hiền trí xuất gia là các hạng nào? Những vị xuất gia đã thấy Niết-bàn, đã nhận thức giáo pháp, là các bậc Hiền trí xuất gia. Bảy hạng Hữu học là các bậc Hiền trí Hữu học. Các vị A-la-hán là các bậc Hiền trí Vô học. Các vị Phật Độc Giác là các bậc Hiền

---

[1] "Đạo đồng hành với sự biết toàn diện là hiền trí hạnh về khẩu, sự dứt bỏ mong muốn và luyến ái ở khẩu là hiền trí hạnh về khẩu, sự chứng đạt tam thiền có sự diệt của khẩu hành là hiền trí hạnh về khẩu." Đoạn văn này chỉ khác ở đoạn văn liền trước đó ở chỗ "nhị thiền" và "tam thiền." Tam tạng của Miến Điện và Thái Lan không có đoạn này. Hai đoạn văn tương tự ở trang 51 và 279 trong tập này cũng không có đoạn này. (ND)

trí Độc Giác. Các đức Như Lai, A-la-hán Chánh Đẳng Giác là các bậc Hiền trí của các bậc Hiền trí.

9. *Không phải do trạng thái im lặng mà kẻ có bộ dạng khờ khạo, ngu dốt trở thành bậc Hiền trí. Nhưng người nào, tựa như người cầm lấy cái cân rồi chọn lấy vật quý giá, là người sáng suốt.*

10. *Người lánh xa hẳn các điều ác, người ấy là bậc Hiền trí, do việc ấy người ấy trở thành bậc Hiền trí. Người nào hiểu rõ cả hai thế giới [nội tâm và ngoại cảnh], do việc ấy được gọi là bậc Hiền trí.*

11. *Vị biết được bản chất của những kẻ xấu và của những người tốt, nội phần và ngoại phần, ở tất cả thế gian, vị được tôn vinh bởi chư thiên và nhân loại, vị đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là bậc Hiền trí.*

Xin Ngài hãy giảng rõ tường tận: Xin Ngài hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ điều ấy một cách tường tận.

"Thưa bậc Hiền trí, xin Ngài hãy giảng rõ tường tận điều ấy cho tôi" là như thế.

Bởi vì pháp này đã được Ngài biết đúng theo bản thể: Bởi vì pháp này đã được biết, đã được cân nhắc, đã được xác định, đã được rõ rệt, đã được minh định bởi Ngài đúng theo bản thể.

"Bởi vì pháp này đã được Ngài biết đúng theo bản thể" là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

"Điều nào chúng tôi đã hỏi Ngài, Ngài đã giải thích cho chúng tôi.
Chúng tôi hỏi Ngài điều khác, vậy xin Ngài hãy trả lời điều ấy.
Làm thế nào các bậc sáng trí vượt qua dòng lũ,
Sanh và già, sầu muộn và than vãn?
Thưa bậc Hiền trí, xin Ngài hãy giảng rõ tường tận điều ấy cho tôi,
Bởi vì pháp này đã được Ngài biết đúng theo bản thể."

4.5. *[Đức Thế Tôn nói: "Này Mettagū]*
Ta sẽ giải thích cho ngươi giáo pháp,
Về pháp đã được thấy, không phải do nghe nói lại.
Sau khi hiểu pháp ấy, vị có niệm, trong khi sống,
Có thể vượt qua sự vướng mắc ở thế gian."

Ta sẽ giải thích cho ngươi giáo pháp.

Giáo pháp: Ta sẽ giải thích, Ta sẽ chỉ dạy, Ta sẽ chỉ bảo, Ta sẽ thông báo, Ta sẽ ấn định, Ta sẽ khai mở, Ta sẽ chia sẻ, Ta sẽ làm rõ, Ta sẽ bày tỏ toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa, toàn hảo ở đoạn kết, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ,

[gồm có] bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, Niết-bàn, và sự thực hành đưa đến Niết-bàn.

"Ta sẽ giải thích cho ngươi giáo pháp" là như thế.

Đức Thế Tôn nói: Này Mettagū: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Về pháp đã được thấy, không phải do nghe nói lại.

Về pháp đã được thấy:[2] Về pháp đã được thấy, về pháp đã được biết, về pháp đã được cân nhắc, về pháp đã được xác định, về pháp đã được rõ rệt, về pháp đã được minh định; về pháp đã được thấy, về pháp đã được biết, về pháp đã được cân nhắc, về pháp đã được xác định, về pháp đã được rõ rệt, về pháp đã được minh định rằng: "Tất cả các hành là vô thường",… (nt)… "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt." "Về pháp đã được thấy" là như vậy.

Hoặc là, Ta sẽ giải thích về khổ ở khổ đã được thấy, Ta sẽ giải thích về tập ở nhân sanh khởi đã được thấy, Ta sẽ giải thích về diệt ở sự diệt tận đã được thấy, Ta sẽ giải thích về đạo ở đạo lộ đã được thấy.[3] "Về pháp đã được thấy" còn là như vậy. Hoặc là, về pháp đã được thấy là pháp hoàn toàn hiển nhiên, không bị chi phối bởi thời gian, hãy đến và hãy thấy, có khả năng dẫn dắt về hướng [Niết-bàn], và nên được hiểu biết tự cá nhân bởi các bậc trí tuệ. "Về pháp đã được thấy" còn là như vậy.

Không phải do nghe nói lại: Ta sẽ thuyết giảng cho ngươi về pháp đã được chính bản thân biết rõ, đã được tự thân quán xét, không do nghe lời đồn đãi, không do nghe nói như thế, không do sự truyền thừa, không do sự thành tựu của việc thu thập kiến thức, không do nhân suy nghĩ, không do nhân suy luận, không do suy đoán theo biểu hiện, không do sự suy xét và chấp nhận về quan điểm.

"Về pháp đã được thấy, không phải do nghe nói lại" là như thế.

Sau khi hiểu pháp ấy, vị có niệm, trong khi sống: Sau khi làm cho pháp ấy được hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt; sau khi làm cho được hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: "Tất cả các hành là vô thường"; sau khi làm cho được hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: "Tất cả các hành là khổ",… (nt)… "Tất cả các pháp là vô ngã",… (nt)… "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

---

[2] Về pháp đã được thấy (*diṭṭhe dhamme*): *Chú giải* của *Suttanipāta* (*Kinh tập*) ghi rằng: "*Diṭṭhe dhammeti diṭṭhe dukkhādidhamme, imasmiṃyeva vā attabhāve*" (*Paramatthajotikā*, *PTS*. II. 590), nghĩa là "về pháp khổ, (tập, diệt, đạo) đã được thấy, hoặc ngay ở bản ngã này". (ND)

[3] Ở đây nói đến bốn chân lý cao thượng (tứ diệu đế): Khổ, tập (nhân sanh khổ), diệt (sự diệt tận khổ), đạo (sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ).

Vị có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân,… (nt)… vị ấy được gọi là có niệm.

Trong khi sống: Là trong khi thực hành, trong khi trú ngụ, trong khi sinh hoạt, trong khi vận hành, trong khi bảo hộ, trong khi nuôi dưỡng, trong khi bảo dưỡng.

"Sau khi hiểu pháp ấy, vị có niệm, trong khi sống" là như thế.

Có thể vượt qua sự vướng mắc ở thế gian: Sự vướng mắc nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,… (nt)… tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Sự vướng mắc: Sự vướng mắc với ý nghĩa gì? "Được trải rộng" là vướng mắc, "bao quát" là vướng mắc, "được lan rộng" là vướng mắc, "nó lôi kéo theo" là vướng mắc, "nó mang lại chất độc" là vướng mắc, "truyền bá chất độc" là vướng mắc, "gốc rễ của chất độc" là vướng mắc, "kết quả của chất độc" là vướng mắc, "sự thọ dụng độc hại" là vướng mắc. Hoặc hơn nữa, "tham ái ấy là bao quát ở sắc, ở thinh, ở hương, ở vị, ở xúc, ở gia tộc, ở đồ chúng, ở chỗ ngụ, ở lợi lộc, ở danh vọng, ở lời khen, ở hạnh phúc, ở y phục, ở đồ ăn khất thực, ở chỗ nằm ngồi, ở vật dụng là thuốc men chữa bệnh, ở dục giới, ở sắc giới, ở vô sắc giới, ở cõi dục, ở cõi sắc, ở cõi vô sắc, ở cõi hữu tưởng, ở cõi vô tưởng, ở cõi phi tưởng phi phi tưởng, ở cõi một uẩn, ở cõi bốn uẩn, ở cõi năm uẩn, ở quá khứ, ở vị lai, ở hiện tại, ở các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, được trải rộng, được lan rộng" là vướng mắc.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ.

Có thể vượt qua sự vướng mắc ở thế gian: Sự vướng mắc này là ở ngay tại thế gian. Vị có niệm có thể vượt qua, có thể vượt lên, có thể vượt khỏi, có thể vượt qua hẳn, có thể vượt qua khỏi sự vướng mắc này ở ngay tại thế gian.

"Có thể vượt qua sự vướng mắc ở thế gian" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: "Này Mettagū]
Ta sẽ giải thích cho ngươi giáo pháp,
Về pháp đã được thấy, không phải do nghe nói lại.
Sau khi hiểu pháp ấy, vị có niệm, trong khi sống,
Có thể vượt qua sự vướng mắc ở thế gian."

4.6. *Và tôi thích thú về điều ấy,*
Thưa bậc Đại Ẩn Sĩ, về giáo pháp tối thượng.
Sau khi hiểu pháp ấy, vị có niệm, trong khi sống,
Có thể vượt qua sự vướng mắc ở thế gian.

Và tôi thích thú về điều ấy.

Về điều ấy: Là lời nói, lời phát biểu, lời chỉ bảo, lời chỉ dạy, lời khuyên bảo của Ngài.

Tôi thích thú: Tôi vui thích, tôi vui mừng, tôi tùy hỷ, tôi ước muốn, tôi ưng thuận, tôi yêu cầu, tôi ước nguyện, tôi mong cầu, tôi nguyện cầu.

"Và tôi thích thú về điều ấy" là như thế.

Thưa bậc Đại Ẩn Sĩ, về giáo pháp tối thượng.

Bậc Đại Ẩn Sĩ: Đức Thế Tôn là bậc Đại Ẩn Sĩ. "Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu giới uẩn lớn lao" là bậc Đại Ẩn Sĩ. "Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu định uẩn lớn lao… tuệ uẩn lớn lao… giải thoát uẩn lớn lao… giải thoát tri kiến uẩn[4] lớn lao" là bậc Đại Ẩn Sĩ.

"Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu sự phá tan khối tăm tối lớn lao" là bậc Đại Ẩn Sĩ. "Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu sự phá vỡ điều trái khuấy lớn lao" là bậc Đại Ẩn Sĩ. "Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu sự nhổ lên mũi tên tham ái lớn lao" là bậc Đại Ẩn Sĩ. "Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu sự tháo tung mối rối rắm tà kiến lớn lao" là bậc Đại Ẩn Sĩ. "Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu sự xô ngã ngọn cờ ngã mạn lớn lao" là bậc Đại Ẩn Sĩ. "Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu sự vắng lặng pháp tạo tác lớn lao" là bậc Đại Ẩn Sĩ. "Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu sự thoát khỏi dòng lũ lớn lao" là bậc Đại Ẩn Sĩ. "Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu sự quăng bỏ gánh nặng lớn lao" là bậc Đại Ẩn Sĩ. "Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu sự cắt đứt vòng quay luân hồi lớn lao" là bậc Đại Ẩn Sĩ. "Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu việc dập tắt sự nóng nảy lớn lao" là bậc Đại Ẩn Sĩ. "Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu việc tịch tịnh sự bực bội lớn lao" là bậc Đại Ẩn Sĩ. "Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu việc nâng lên ngọn cờ giáo pháp lớn lao" là bậc Đại Ẩn Sĩ. "Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu các sự thiết lập niệm lớn lao… các chánh cần lớn lao… các nền tảng của thần thông lớn lao… các quyền lớn lao… các lực lớn lao… các yếu tố đưa đến giác ngộ lớn lao… đạo lộ Thánh thiện tám chi phần lớn lao… lợi ích tối thượng lớn lao, bất tử, Niết-bàn" là bậc Đại Ẩn Sĩ. "Vị được tầm cầu, được tìm tòi, được tìm kiếm bởi các chúng sanh có uy lực lớn lao [hỏi rằng]: Đức Phật ngự ở đâu? Đức Thế Tôn ngự ở đâu? Chúa của chư thiên ngự ở đâu? Đấng Nhân Ngưu ngự ở đâu?" là bậc Đại Ẩn Sĩ.

Về giáo pháp tối thượng: Giáo pháp tối thượng nói đến bất tử, Niết-bàn, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn.

Tối thượng: Là giáo pháp cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý.

"Thưa bậc Đại Ẩn Sĩ, về giáo pháp tối thượng" là như thế.

Sau khi hiểu pháp ấy, vị có niệm, trong khi sống: Sau khi làm cho pháp ấy được hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi

[4] Xem chú thích 6 ở trang 23. (ND)

làm rõ rệt; sau khi làm cho được hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: "Tất cả các hành là vô thường"; sau khi làm cho được hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: "Tất cả các hành là khổ",… (nt)… "Tất cả các pháp là vô ngã",… (nt)… "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

Vị có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân, có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thọ trên các thọ,… (nt)… ở việc quan sát tâm trên tâm,… (nt)… ở việc quan sát pháp trên các pháp, vị ấy được gọi là có niệm.

Trong khi sống: Là trong khi thực hành, trong khi trú ngụ, trong khi sinh hoạt, trong khi vận hành, trong khi bảo hộ, trong khi nuôi dưỡng, trong khi bảo dưỡng.

"Sau khi hiểu pháp ấy, vị có niệm, trong khi sống" là như thế.

Có thể vượt qua sự vướng mắc ở thế gian: Sự vướng mắc nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,… (nt)… tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Sự vướng mắc: Sự vướng mắc với ý nghĩa gì?… (nt)… "được trải rộng, được lan rộng" là vướng mắc.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh,… (nt)… ở thế gian của các xứ.

Có thể vượt qua sự vướng mắc ở thế gian: Sự vướng mắc này là ở ngay tại thế gian. Vị có niệm có thể vượt qua, có thể vượt lên, có thể vượt khỏi, có thể vượt qua hẳn, có thể vượt qua khỏi sự vướng mắc này ở ngay tại thế gian.

"Có thể vượt qua sự vướng mắc ở thế gian" là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

"Và tôi thích thú về điều ấy,
Thưa bậc Đại Ẩn Sĩ, về giáo pháp tối thượng.
Sau khi hiểu pháp ấy, vị có niệm, trong khi sống,
Có thể vượt qua sự vướng mắc ở thế gian."

4.7. *[Đức Thế Tôn nói: "Này Mettagū] bất cứ điều gì mà ngươi tự mình nhận biết, bên trên, bên dưới, luôn cả bề ngang và khoảng giữa, ngươi hãy xua đi sự vui thích, sự chấp chặt, và tâm thức liên quan đến các pháp ấy; không nên trụ lại ở hữu."*

Bất cứ điều gì mà ngươi tự mình nhận biết: Bất cứ điều nào mà ngươi nhận biết, ngươi hiểu, ngươi nhận thức, ngươi thừa nhận, ngươi thấu triệt.

"Bất cứ điều gì mà ngươi tự mình nhận biết" là như thế.

Đức Thế Tôn nói: Này Mettagū: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính… (nt)… sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "đức Thế Tôn."

"Đức Thế Tôn nói: Này Mettagū" là như thế.

Bên trên, bên dưới, luôn cả bề ngang và khoảng giữa.

Bên trên là nói đến thời tương lai**, bên dưới** là nói đến thời quá khứ**, luôn cả bề ngang và khoảng giữa** là thời hiện tại.

Bên trên là thế giới chư thiên, **bên dưới** là thế giới địa ngục**, luôn cả bề ngang và khoảng giữa** là thế giới loài người. Hoặc là, **bên trên** là các pháp thiện**, bên dưới** là các pháp bất thiện**, luôn cả bề ngang và khoảng giữa** là các pháp vô ký.

Bên trên là vô sắc giới**, bên dưới** là dục giới**, luôn cả bề ngang và khoảng giữa** là sắc giới.

Bên trên là cảm thọ lạc**, bên dưới** là cảm thọ khổ**, luôn cả bề ngang và khoảng giữa** là cảm thọ không khổ không lạc.

Bên trên là từ lòng bàn chân trở lên**, bên dưới** là từ đỉnh ngọn tóc trở xuống**, luôn cả bề ngang và khoảng giữa** là ở chính giữa.

"Bên trên, bên dưới, luôn cả bề ngang và khoảng giữa" là như thế.

Ngươi hãy xua đi sự vui thích, sự chấp chặt, và tâm thức liên quan đến các pháp ấy; không nên trụ lại ở hữu.

Liên quan đến các pháp ấy: Liên quan đến các pháp đã được chỉ dạy, đã được chỉ bảo, đã được thông báo, đã được ấn định, đã được khai mở, đã được chia sẻ, đã được làm rõ, đã được bày tỏ.

Sự vui thích: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,… (nt)… tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Sự chấp chặt: Có hai sự chấp chặt: Chấp chặt do tham ái và chấp chặt do tà kiến. Điều nào là chấp chặt do tham ái? Cho đến… (nt)… bởi cái gọi là tham ái rằng:… (nt)… điều này là chấp chặt do tham ái. Điều nào là chấp chặt do tà kiến? Thân kiến có hai mươi nền tảng,… (nt)… điều này là chấp chặt do tà kiến.

Ngươi hãy xua đi tâm thức: Ngươi hãy xóa đi, hãy đuổi đi, hãy xóa tan, hãy xua tan, hãy từ bỏ, hãy dứt bỏ, hãy xua đi, hãy làm chấm dứt, hãy làm cho không còn hiện hữu thức đi cùng với phúc hành, thức đi cùng với phi phúc hành, thức đi cùng với bất động hành.[5] "Ngươi hãy xua đi sự vui thích, sự chấp chặt, và tâm thức liên quan đến các pháp ấy" là như thế.

Không nên trụ lại ở hữu.

Hữu: Có hai sự hiện hữu: Sự hiện hữu do nghiệp và sự hiện hữu lần nữa liên quan đến việc nối liền tái sanh. Cái nào là sự hiện hữu do nghiệp? Phúc

[5] Thức đi cùng với phúc hành là 13 tâm thiện (8 tâm thiện dục giới, 5 tâm sắc giới); thức đi cùng với phi phúc hành là 12 tâm bất thiện (8 tâm tham, 2 tâm sân, 2 tâm si); thức đi cùng với bất động hành là 4 tâm vô sắc giới (*NidA*. II. 26).

hành, phi phúc hành, bất động hành,[6] cái này là sự hiện hữu do nghiệp. Cái nào là sự hiện hữu lần nữa liên quan đến việc nối liền tái sanh? Sắc, thọ, tưởng, hành, thức liên quan đến việc nối liền tái sanh, cái này là sự hiện hữu lần nữa liên quan đến việc nối liền tái sanh.

Không nên trụ lại ở hữu: Trong khi dứt bỏ, trong khi xua đi, trong khi làm chấm dứt, trong khi làm cho không còn hiện hữu sự vui thích, sự chấp chặt, thức đi cùng với các sự tạo tác, sự hiện hữu do nghiệp, và sự hiện hữu lần nữa liên quan đến việc nối liền tái sanh, không nên trụ lại ở sự hiện hữu do nghiệp, không nên trụ lại ở sự hiện hữu lần nữa liên quan đến việc nối liền tái sanh, không nên trụ vững.

"Ngươi hãy xua đi tâm thức liên quan đến các pháp này; không nên trụ lại ở hữu" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: "Này Mettagū] bất cứ điều gì mà ngươi tự mình nhận biết, bên trên, bên dưới, luôn cả bề ngang và khoảng giữa, ngươi hãy xua đi sự vui thích, sự chấp chặt, và tâm thức liên quan đến các pháp ấy; không nên trụ lại ở hữu."

4.8. *An trú như vậy, có niệm, không xao lãng,*
Vị Tỳ-khưu, trong khi sống, sau khi từ bỏ các vật đã được chấp là của ta,
Là vị hiểu biết, ngay tại nơi này, có thể dứt bỏ khổ đau
Sanh, già, sầu muộn và than vãn.

An trú như vậy, có niệm, không xao lãng.

An trú như vậy: Trong khi dứt bỏ, trong khi xua đi, trong khi làm chấm dứt, trong khi làm cho không còn hiện hữu sự vui thích, sự chấp chặt, thức đi cùng với các sự tạo tác, sự hiện hữu do nghiệp, và sự hiện hữu lần nữa liên quan đến việc nối liền tái sanh. "An trú như vậy" là như thế.

Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân... (nt)... vị ấy được gọi là có niệm.

Không xao lãng: Là có sự thực hành nghiêm trang, có sự thực hành liên tục, có sự thực hành không ngừng nghỉ, có thói quen không biếng nhác, không buông bỏ mong muốn, không buông bỏ bổn phận, không bị xao lãng trong các thiện pháp, [nghĩ rằng:] "Bằng cách nào ta có thể làm đầy đủ giới uẩn chưa được đầy đủ, hoặc có thể bảo vệ giới uẩn đã được đầy đủ tại chỗ kia, tại chỗ nọ bằng trí tuệ?" Điều này, trong trường hợp ấy, là sự mong muốn, sự cần cù, sự gắng sức, sự ráng sức, sự không thối chí, niệm, sự nhận biết rõ, sự nhiệt tâm, sự cần mẫn, sự quyết tâm, sự chuyên cần không bị xao lãng, sự không xao lãng trong các thiện pháp, [nghĩ rằng:] "Bằng cách nào ta có thể làm đầy đủ định uẩn... (nt)... tuệ uẩn... (nt)... giải thoát uẩn... (nt)... giải thoát tri kiến uẩn

[6] Xem chú thích về "phúc hành, phi phúc hành, bất động hành" ở trang 77. (ND)

chưa được đầy đủ, hoặc có thể bảo vệ giải thoát tri kiến uẩn đã được đầy đủ tại chỗ kia, tại chỗ nọ bằng trí tuệ?" Điều này, trong trường hợp ấy, là sự mong muốn, sự cần cù, sự gắng sức, sự ráng sức, sự không thối chí, niệm, sự nhận biết rõ, sự nhiệt tâm, sự cần mẫn, sự quyết tâm, sự chuyên cần không bị xao lãng, sự không xao lãng trong các thiện pháp, [nghĩ rằng:] "Bằng cách nào ta có thể biết toàn diện về khổ chưa được biết toàn diện, hoặc có thể dứt bỏ các ô nhiễm chưa được dứt bỏ, hoặc tu tập đạo chưa được tu tập, hoặc chứng ngộ diệt chưa được chứng ngộ?" Điều này, trong trường hợp ấy, là sự mong muốn, sự cần cù, sự gắng sức, sự ráng sức, sự không thối chí, niệm, sự nhận biết rõ, sự nhiệt tâm, sự cần mẫn, sự quyết tâm, sự chuyên cần không bị xao lãng, sự không xao lãng trong các thiện pháp.

"An trú như vậy, có niệm, không xao lãng" là như thế.

Vị Tỳ-khưu, trong khi sống, sau khi từ bỏ các vật đã được chấp là của ta.

Vị Tỳ-khưu: Là vị Tỳ-khưu phàm nhân tốt lành hoặc vị Tỳ-khưu là bậc Hữu học.

Trong khi sống: Là trong khi thực hành, trong khi trú ngụ, trong khi sinh hoạt, trong khi vận hành, trong khi bảo hộ, trong khi nuôi dưỡng, trong khi bảo dưỡng.

Các vật đã được chấp là của ta: Có hai trạng thái chấp là của ta: Trạng thái chấp là của ta do tham ái và trạng thái chấp là của ta do tà kiến. ... (nt)... điều này là trạng thái chấp là của ta do tham ái. ... (nt)... điều này là trạng thái chấp là của ta do tà kiến. Sau khi dứt bỏ trạng thái chấp là của ta do tham ái, sau khi buông bỏ trạng thái chấp là của ta do tà kiến, sau khi từ bỏ, sau khi phế bỏ, sau khi dứt bỏ, sau khi buông bỏ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu các trạng thái chấp là của ta.

"Vị Tỳ-khưu, trong khi sống, sau khi từ bỏ các vật đã được chấp là của ta" là như thế.

Là vị hiểu biết, ngay tại nơi này, có thể dứt bỏ khổ đau, sanh, già, sầu muộn và than vãn.

Sanh: Sự sanh ra, sự sanh khởi, sự nhập thai, sự phát sanh, sự xuất hiện của các uẩn, sự đạt được các xứ ở từng chủng loại của các chúng sanh này khác.

Già: Sự suy tàn, trạng thái già nua, tình trạng răng long, tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ suy giảm, sự hư hoại của những giác quan ở từng chủng loại của các chúng sanh này khác.

Sầu muộn: [Sầu muộn là sự buồn rầu]... (nt)... của người bị tác động bởi sự tổn hại về thân quyến,... (nt)...

Than vãn: Là sự... (nt)... của người bị tác động bởi sự tổn hại về thân quyến,... (nt)...

Tại nơi này: Ở quan điểm này,... (nt)... ở thế giới này.

Vị hiểu biết: Vị đã đạt đến kiến thức, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh.

Khổ đau: Là khổ sanh,... (nt)... khổ do ưu não.

Là vị hiểu biết, ngay tại nơi này, có thể dứt bỏ khổ đau, sanh, già, sầu muộn và than vãn: Vị đã đạt đến kiến thức, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh, ngay tại nơi này, có thể dứt bỏ, có thể xua đi, có thể làm chấm dứt, có thể làm cho không còn hiện hữu sanh, già, sầu muộn, than vãn và khổ đau.

"Là vị hiểu biết, ngay tại nơi này, có thể dứt bỏ khổ đau, sanh, già, sầu muộn và than vãn" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"An trú như vậy, có niệm, không xao lãng,
Vị Tỳ-khưu, trong khi sống, sau khi từ bỏ các vật đã được chấp là của ta,
Là vị hiểu biết, ngay tại nơi này, có thể dứt bỏ khổ đau,
Sanh, già, sầu muộn và than vãn."

4.9. *Tôi thích thú lời nói này của bậc Đại Ẩn Sĩ, thưa Ngài Gotama, trạng thái không liên quan đến mầm tái sanh đã khéo được trình bày, bởi vì đức Thế Tôn đương nhiên đã dứt bỏ khổ, bởi vì pháp này đã được Ngài biết đúng theo bản thể.*

Tôi thích thú lời nói này của bậc Đại Ẩn Sĩ.

[Điều] này: Là lời nói, lời phát biểu, lời chỉ bảo, lời khuyên bảo của Ngài.

Tôi thích thú: Tôi vui thích, tôi thích thú, tôi vui mừng, tôi tùy hỷ, tôi ước muốn, tôi ưng thuận, tôi ước nguyện, tôi mong cầu, tôi nguyện cầu.

Của bậc Đại Ẩn Sĩ: Đức Thế Tôn là bậc Đại Ẩn Sĩ. "Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu giới uẩn lớn lao" là bậc Đại Ẩn Sĩ. ... (nt)... "đấng Nhân Ngưu ngự ở đâu?" là bậc Đại Ẩn Sĩ.

"Tôi thích thú lời nói này của bậc Đại Ẩn Sĩ" là như thế.

Thưa Ngài Gotama, trạng thái không liên quan đến mầm tái sanh đã khéo được trình bày.

Đã khéo được trình bày: Đã được trình bày khéo léo, đã được chỉ dạy khéo léo, đã được chỉ bảo khéo léo, đã được thông báo khéo léo, đã được ấn định khéo léo, đã được khai mở khéo léo, đã được chia sẻ khéo léo, đã được làm rõ khéo léo, đã được bày tỏ khéo léo. "Đã khéo được trình bày" là như thế.

Thưa Ngài Gotama, trạng thái không liên quan đến mầm tái sanh: Mầm tái sanh nói đến các ô nhiễm, các uẩn và các sự tạo tác. Sự dứt bỏ mầm tái sanh, sự vắng lặng mầm tái sanh, sự buông bỏ mầm tái sanh, sự tịch tịnh mầm tái sanh là bất tử, Niết-bàn.

"Thưa Ngài Gotama, trạng thái không liên quan đến mầm tái sanh đã khéo được trình bày" là như thế.

Bởi vì đức Thế Tôn đương nhiên đã dứt bỏ khổ.

Đương nhiên: Từ "*addhā*" này là lời nói nhất định, lời nói không ngờ vực, lời nói không nghi ngờ, lời nói không hai nghĩa, lời nói không gây ra sự lưỡng lự, lời nói bảo đảm, lời nói không sai trái, lời nói khẳng định.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính… (nt)… sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "đức Thế Tôn."

Đã dứt bỏ khổ: Ngài đã dứt bỏ, đã dứt trừ, đã xua đi, đã làm chấm dứt, đã làm cho không còn hiện hữu khổ sanh, khổ già, khổ bệnh, khổ chết, khổ do sầu-bi-khổ-ưu-não.

"Bởi vì đức Thế Tôn đương nhiên đã dứt bỏ khổ" là như thế.

Bởi vì pháp này đã được Ngài biết đúng theo bản thể: Bởi vì pháp này đã được biết, đã được cân nhắc, đã được xác định, đã được rõ rệt, đã được minh định bởi Ngài đúng theo bản thể.

"Bởi vì pháp này đã được Ngài biết đúng theo bản thể" là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

"Tôi thích thú lời nói này của bậc Đại Ẩn Sĩ, thưa Ngài Gotama, trạng thái không liên quan đến mầm tái sanh đã khéo được trình bày, bởi vì đức Thế Tôn đương nhiên đã dứt bỏ khổ, bởi vì pháp này đã được Ngài biết đúng theo bản thể."

4.10. *Những người nào, thưa bậc Hiền trí, được Ngài giáo huấn không ngừng nghỉ, luôn cả những người ấy chắc chắn có thể dứt bỏ khổ đau. Vì thế, thưa bậc Long Tượng, sau khi gặp Ngài, con*[7] *xin kính lễ Ngài. Mong sao đức Thế Tôn sẽ giáo huấn con không ngừng nghỉ.*

Luôn cả những người ấy chắc chắn có thể dứt bỏ khổ đau.

Luôn cả những người ấy: Các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, các thương buôn, các nô lệ, các người tại gia, các vị xuất gia, chư thiên và loài người.

Có thể dứt bỏ khổ đau: Họ có thể dứt bỏ, có thể xua đi, có thể làm chấm dứt, có thể làm cho không còn hiện hữu khổ sanh, khổ già, khổ bệnh, khổ chết, khổ do sầu-bi-khổ-ưu-não.

"Luôn cả những người ấy chắc chắn có thể dứt bỏ khổ đau" là như thế.

Những người nào, thưa bậc Hiền trí, được Ngài giáo huấn không ngừng nghỉ.

Những người nào: Các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, các thương buôn, các nô lệ, các người tại gia, các vị xuất gia, chư thiên và loài người.

Ngài: Nói đến đức Thế Tôn.

Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí,… (nt)… đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là bậc Hiền trí.

---

[7] Xem chú thích 2 ở trang 438. (ND)

Giáo huấn không ngừng nghỉ: Là có thể giáo huấn không ngừng nghỉ, có thể giáo huấn một cách nghiêm trang, có thể giáo huấn thường xuyên, có thể giáo huấn, có thể chỉ dạy lần này đến lần khác.

"Những người nào, thưa bậc Hiền trí, được Ngài giáo huấn không ngừng nghỉ" là như thế.

Vì thế, thưa bậc Long Tượng,[8] sau khi gặp Ngài, con xin kính lễ Ngài.

Ngài: Nói đến đức Thế Tôn.

Con xin kính lễ: Con kính lễ bằng thân, hoặc con kính lễ bằng lời nói, hoặc con kính lễ bằng tâm, hoặc con kính lễ với sự thực hành thuận theo đạo lý, hoặc con kính lễ với sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, con thể hiện sự trọng vọng, con thể hiện sự cung kính, con sùng bái, con cúng dường.

Sau khi gặp: Là sau khi biết, sau khi thấu hiểu, sau khi gặp mặt, sau khi đi đến bên cạnh, con trực tiếp kính lễ Ngài.

Bậc Long Tượng: bậc Long Tượng là [nói đến] đức Thế Tôn. "Vị không làm điều tội lỗi" là bậc Long Tượng, "vị không đi đến" là bậc Long Tượng, "vị không trở về" là bậc Long Tượng. "Đức Thế Tôn không làm điều tội lỗi" là bậc Long Tượng nghĩa là thế nào? Điều tội lỗi nói đến các ác bất thiện pháp, các điều ô nhiễm đưa đến tái sanh, có sự phiền muộn, có kết quả khổ, đưa đến sanh-già-chết ở vị lai.

12. *[Đức Thế Tôn nói: "Này Sabhiya] vị không làm bất cứ điều tội lỗi nào ở thế gian, sau khi tháo gỡ tất cả các sự ràng buộc [và] các sự trói buộc, không bám víu vào bất cứ nơi đâu, đã được giải thoát, bậc Long Tượng, có bản thể như thế, được gọi là 'bậc Tự Tại'."*[9]

"Đức Thế Tôn không làm điều tội lỗi" là bậc Long Tượng nghĩa là như vậy.

"Đức Thế Tôn không đi đến" là bậc Long Tượng nghĩa là thế nào? Đức Thế Tôn không đi đến sự thiên vị vì mong muốn, không đi đến sự thiên vị vì sân hận, không đi đến sự thiên vị vì si mê, không đi đến sự thiên vị vì sợ hãi, không đi đến do tác động của luyến ái, không đi đến do tác động của sân hận, không đi đến do tác động của si mê, không đi đến do tác động của ngã mạn, không đi đến do tác động của tà kiến, không đi đến do tác động của phóng dật, không đi đến do tác động của hoài nghi, không đi đến do tác động của pháp tiềm ẩn, không bị đưa đi, không bị dẫn đi, không bị lôi đi, không bị mang đi bởi các pháp có tính chất phe nhóm. "Đức Thế Tôn không đi đến" là bậc Long Tượng nghĩa là như vậy.

"Đức Thế Tôn không trở về" là bậc Long Tượng nghĩa là thế nào? Các ô nhiễm nào đã được dứt bỏ bởi đạo Nhập lưu, các ô nhiễm ấy không đi về lại, không quay trở lại, không quay về lại. Các ô nhiễm nào đã được dứt bỏ bởi đạo

[8] "Thưa bậc Long Tượng" được dịch từ chữ *nāga* theo văn bản Miến Điện và PTS. (ND)

[9] *Suttanipātapāḷi* (*Kinh tập*), *TTPV*, tập 29, trang 159, câu kệ 525. (ND)

Nhất lai... bởi đạo Bất lai... bởi đạo A-la-hán, các ô nhiễm ấy không đi về lại, không quay trở lại, không quay về lại. "Đức Thế Tôn không trở về" là bậc Long Tượng nghĩa là như vậy.

"Vì thế, thưa bậc Long Tượng, sau khi gặp Ngài, con xin kính lễ Ngài" là như thế.

Mong sao đức Thế Tôn sẽ giáo huấn con không ngừng nghỉ: Mong sao đức Thế Tôn có thể giáo huấn con không ngừng nghỉ, có thể giáo huấn một cách nghiêm trang, có thể giáo huấn thường xuyên, có thể giáo huấn, có thể chỉ dạy lần này đến lần khác.

"Mong sao đức Thế Tôn sẽ giáo huấn con không ngừng nghỉ" là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

"Những người nào, thưa bậc Hiền trí, được Ngài giáo huấn không ngừng nghỉ, luôn cả những người ấy chắc chắn có thể dứt bỏ khổ đau. Vì thế, thưa bậc Long Tượng, sau khi gặp Ngài, con xin kính lễ Ngài. Mong sao đức Thế Tôn sẽ giáo huấn con không ngừng nghỉ."

4.11. *Vị Bà-la-môn nào mà ngươi có thể biết rõ là bậc đã đạt được sự hiểu biết, không còn vướng bận, không bị dính mắc ở dục và hữu, vị ấy đương nhiên đã vượt qua dòng lũ này và đã vượt qua đến bờ kia, không còn sự cứng cỏi [của tâm], không còn nghi ngờ.*

Vị Bà-la-môn nào mà ngươi có thể biết rõ là bậc đã đạt được sự hiểu biết.

Vị Bà-la-môn: Bà-la-môn do trạng thái đã loại trừ bảy pháp: Sự nhận thức sai trái về thân được loại trừ, sự hoài nghi được loại trừ, sự bám víu vào giới và phận sự được loại trừ, luyến ái được loại trừ, sân hận được loại trừ, si mê được loại trừ, ngã mạn được loại trừ. Đối với người này, các ác bất thiện pháp, các điều ô nhiễm đưa đến tái sanh, có sự phiền muộn, có kết quả khổ, đưa đến sanh-già-chết ở vị lai là đã được loại trừ.

13. *[Đức Thế Tôn nói: "Này Sabhiya] sau khi loại trừ tất cả các điều ác, là người không còn vết nhơ, tốt lành, định tĩnh, có bản thân vững chãi, vị ấy đã vượt qua luân hồi, có sự toàn hảo, không nương nhờ, tự tại, vị ấy được gọi là Bà-la-môn."*

Bậc đã đạt được sự hiểu biết: Sự hiểu biết nói đến trí ở bốn đạo,... (nt)... vị đã vượt qua mọi kiến thức, vị ấy là "bậc đã đạt được sự hiểu biết."

Ngươi có thể biết rõ: Ngươi có thể biết rõ, có thể hiểu, có thể nhận thức, có thể thừa nhận, có thể thấu triệt.

"Vị Bà-la-môn nào mà ngươi có thể biết rõ là bậc đã đạt được sự hiểu biết" là như thế.

Không còn vướng bận, không bị dính mắc ở dục và hữu.

Không còn vướng bận: Luyến ái là vướng bận,[10] sân hận là vướng bận, si mê là vướng bận, ngã mạn là vướng bận, tà kiến là vướng bận, ô nhiễm là vướng bận, uế hạnh là vướng bận. Đối với vị nào, các vướng bận này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vị ấy được gọi là không còn vướng bận.

Dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là ô nhiễm dục.

Hữu: Có hai sự hiện hữu: Sự hiện hữu do nghiệp và sự hiện hữu lần nữa liên quan đến việc nối liền tái sanh. ... (nt)... cái này là sự hiện hữu lần nữa liên quan đến việc nối liền tái sanh.

Không còn vướng bận, không bị dính mắc ở dục và hữu: Người không còn vướng bận, không bị dính mắc, không bị máng vào, không bị vướng vào, không bị giữ lại ở dục và hữu, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, đang sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

"Không còn vướng bận, không bị dính mắc ở dục và hữu" là như thế.

Vị ấy đương nhiên đã vượt qua dòng lũ này.

Đương nhiên: Từ "*addhā*" này là lời nói nhất định,... (nt)... lời nói khẳng định.

Dòng lũ: Dòng lũ [ngũ] dục, dòng lũ của hữu, dòng lũ tà kiến, dòng lũ vô minh.

Đã vượt qua: Đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt khỏi, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi.

"Vị ấy đương nhiên đã vượt qua dòng lũ này" là như thế.

Và đã vượt qua đến bờ kia, không còn sự cứng cỏi [của tâm], không còn nghi ngờ.

Đã vượt qua: Đã vượt qua dòng lũ [ngũ] dục, đã vượt qua dòng lũ của hữu, đã vượt qua dòng lũ tà kiến, đã vượt qua dòng lũ vô minh, đã vượt qua mọi nẻo đường luân hồi, đã vượt lên, đã vượt ra khỏi, đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi. Vị ấy đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành, đã hoàn mãn cuộc hành trình, đã hoàn mãn hướng đi, đã đi đến điểm cuối cùng, đã hộ trì Phạm hạnh, đã đạt đến kiến tối thượng, đã tu tập đạo lộ, đã dứt bỏ ô nhiễm, đã thấu triệt sự không xao động, đã chứng ngộ diệt đế. Đối với vị ấy, khổ đã được biết toàn diện, tập đã được dứt bỏ, đạo đã được tu tập, diệt đã được chứng ngộ, điều cần được biết rõ đã được biết rõ, điều cần được biết

---

[10] *Akiñcanaṃ*: Được ghi nghĩa là "không còn vướng bận" dựa vào sự giải thích của *Chú giải* "*rāga-kiñcananti rāgapalibodhaṃ*", thay vì nghĩa "không có gì, vô sở hữu" như đã gặp ở các nơi khác. (ND)

toàn diện đã được biết toàn diện, điều cần được dứt bỏ đã được dứt bỏ, điều cần được tu tập đã được tu tập, điều cần được chứng ngộ đã được chứng ngộ. Vị ấy đã hất tung rào chắn [vô minh], đã san lấp mương rãnh [luân hồi tái sanh], đã nhổ lên cột trụ [tham ái], không còn chốt cửa, là Thánh thiện, đã hạ xuống ngọn cờ [ngã mạn], đã đặt xuống gánh nặng, đã tháo khỏi ách, đã dứt bỏ hẳn ngũ dục, đã thành tựu sáu căn, có một sự bảo hộ [niệm], có bốn sự nâng đỡ,[11] đã xua đi sự độc đoán, có sự tầm cầu đã được hoàn toàn cởi bỏ, có tâm tư không bị xáo trộn, có thân hành đã được an tịnh, có tâm khéo được giải thoát, có tuệ khéo được giải thoát, có sự toàn hảo, đã được hoàn mãn, là con người tối thượng, con người tột đỉnh, đã đạt được sự thành đạt tột đỉnh.

Vị ấy không tích lũy [nghiệp] cũng không loại trừ, tồn tại sau khi đã loại trừ [ô nhiễm]; không dứt bỏ [ô nhiễm] cũng không chấp thủ, tồn tại sau khi đã dứt bỏ; không tự kết nối [tham ái] cũng không tháo gỡ, tồn tại sau khi đã tháo gỡ; không dập tắt [lửa phiền não] cũng không đốt cháy, tồn tại sau khi đã dập tắt; tồn tại với trạng thái đã được thành tựu về giới uẩn của bậc Vô học, tồn tại với trạng thái đã được thành tựu về định uẩn của bậc Vô học,… (nt)… về tuệ uẩn của bậc Vô học,… (nt)… về giải thoát uẩn của bậc Vô học,… (nt)… về giải thoát tri kiến uẩn[12] của bậc Vô học; tồn tại sau khi đã thấu suốt chân lý, tồn tại sau khi đã vượt qua hẳn dục vọng, tồn tại sau khi đã trấn áp lửa phiền não, tồn tại do không xoay vòng [ở luân hồi], tồn tại sau khi đã thọ trì lời giảng, tồn tại do thân cận với giải thoát, tồn tại với sự thanh tịnh của từ, tồn tại với sự thanh tịnh của bi… (nt)… của hỷ… (nt)… của xả, tồn tại với sự thanh tịnh tột cùng, tồn tại với sự thanh tịnh của trạng thái không còn tham ái, tà kiến, và ngã mạn, tồn tại với trạng thái đã được giải thoát, tồn tại với trạng thái đã được hài lòng, tồn tại trong giai đoạn cuối của các uẩn, tồn tại trong giai đoạn cuối của các giới, tồn tại trong giai đoạn cuối của các xứ, tồn tại trong giai đoạn cuối của cảnh giới tái sanh, tồn tại trong giai đoạn cuối của sự tái sanh, tồn tại trong giai đoạn cuối của sự nối liền tái sanh, tồn tại trong giai đoạn cuối của sự hiện hữu, tồn tại trong giai đoạn cuối của luân hồi, tồn tại trong giai đoạn cuối của sự luân chuyển, tồn tại trong sự hiện hữu cuối cùng, tồn tại trong thân xác cuối cùng, với việc duy trì thân xác cuối cùng, là vị A-la-hán.

14. *"Đối với vị ấy, đây là lần cuối cùng, thân xác này là sau chót, việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vị ấy."*

Và đã vượt qua đến bờ kia: Bờ kia nói đến bất tử, Niết-bàn, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Vị ấy đã đi đến bờ kia, đã đạt đến bờ kia, đã đi đến điểm cuối, đã đạt đến điểm cuối, đã đi đến đỉnh, đã đạt đến đỉnh, đã đi đến tận cùng, đã đạt đến tận cùng, đã đi đến sự hoàn tất, đã đạt

---

[11] Bốn sự nâng đỡ (*caturāpassena*): "Vị Tỳ-khưu sau khi suy xét rồi thọ dụng, sau khi suy xét rồi chịu đựng, sau khi suy xét rồi tránh xa, sau khi suy xét rồi xua đuổi" (*D.* 33, *Saṅgītisuttaṃ*).

[12] Xem chú thích 6 ở trang 23. (ND)

đến sự hoàn tất, đã đi đến nơi nương tựa, đã đạt đến nơi nương tựa, đã đi đến nơi trú ẩn, đã đạt đến nơi trú ẩn, đã đi đến nơi nương nhờ, đã đạt đến nơi nương nhờ, đã đi đến nơi không sợ hãi, đã đạt đến nơi không sợ hãi, đã đi đến bất hoại, đã đạt đến bất hoại, đã đi đến bất tử, đã đạt đến bất tử, đã đi đến Niết-bàn, đã đạt đến Niết-bàn. Vị ấy đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành,... (nt)... việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vị ấy. "Và đã vượt qua đến bờ kia" là như thế.

Không còn sự cứng cỏi [của tâm]: Luyến ái là sự cứng cỏi, sân hận là sự cứng cỏi, si mê là sự cứng cỏi, giận dữ là sự cứng cỏi, thù hằn là sự cứng cỏi,... (nt)... tất cả các pháp tạo tác bất thiện là các sự cứng cỏi. Đối với người nào, các sự cứng cỏi này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; người ấy được gọi là không còn sự cứng cỏi [của tâm].

Không còn nghi ngờ: Nghi ngờ về khổ, nghi ngờ về nhân sanh khổ, nghi ngờ về sự diệt tận khổ, nghi ngờ về sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ, nghi ngờ về điểm khởi đầu, nghi ngờ về điểm kết thúc, nghi ngờ về điểm khởi đầu và điểm kết thúc, nghi ngờ về các pháp tùy thuận duyên khởi này; sự nghi ngờ nào có hình thức như vậy là biểu hiện nghi ngờ, trạng thái nghi ngờ, sự nhầm lẫn, sự hoài nghi, sự lưỡng lự, sự phân vân, sự ngờ vực, sự không nắm chắc, sự không quyết định, sự không quả quyết, sự không thể xác quyết, trạng thái sửng sốt, sự bối rối của tâm. Đối với vị nào, các nghi ngờ này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; vị ấy được gọi là không còn nghi ngờ.

"Và đã vượt qua đến bờ kia, không còn sự cứng cỏi [của tâm], không còn nghi ngờ" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Vị Bà-la-môn nào mà ngươi có thể biết rõ là bậc đã đạt được sự hiểu biết, không còn vướng bận, không bị dính mắc ở dục và hữu, vị ấy đương nhiên đã vượt qua dòng lũ này và đã vượt qua đến bờ kia, không còn sự cứng cỏi [của tâm], không còn nghi ngờ."

4.12. *Và người nào ở nơi này có sự hiểu biết, là bậc đã đạt được sự hiểu biết, sau khi tháo gỡ sự quyến luyến này ở hữu và phi hữu, người ấy có tham ái đã được xa lìa, không còn phiền muộn, không có mong cầu, Ta nói rằng, người ấy đã vượt qua sanh và già.*

Và người nào ở nơi này có sự hiểu biết, là bậc đã đạt được sự hiểu biết.

Có sự hiểu biết: Có sự hiểu biết là đã đạt đến kiến thức, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh.

Người nào: Người nào là người như thế,... (nt)... hoặc là vị thiên nhân, hoặc là người nhân loại.

Bậc đã đạt được sự hiểu biết: Các sự hiểu biết nói đến trí ở bốn đạo, tuệ, tuệ quyền, tuệ lực, trạch pháp giác chi, sự thẩm xét, sự thấy rõ, chánh kiến. Với các sự hiểu biết ấy, [vị ấy] đã đi đến điểm cuối đối với sanh-già-chết, đã đạt đến điểm cuối, đã đi đến đỉnh, đã đạt đến đỉnh, đã đi đến tận cùng, đã đạt đến tận cùng, đã đi đến sự hoàn tất, đã đạt đến sự hoàn tất, đã đi đến nơi nương tựa, đã đạt đến nơi nương tựa, đã đi đến nơi trú ẩn, đã đạt đến nơi trú ẩn, đã đi đến nơi nương nhờ, đã đạt đến nơi nương nhờ, đã đi đến nơi không sợ hãi, đã đạt đến nơi không sợ hãi, đã đi đến bất hoại, đã đạt đến bất hoại, đã đi đến bất tử, đã đạt đến bất tử, đã đi đến Niết-bàn, đã đạt đến Niết-bàn. "Người đã đi đến điểm cuối của các sự hiểu biết" là bậc đã đạt được sự hiểu biết, hoặc "người đã đi đến điểm cuối nhờ vào các sự hiểu biết" là bậc đã đạt được sự hiểu biết, hoặc do trạng thái đã hiểu biết về bảy pháp: Sự nhận thức sai trái về thân đã được hiểu biết, sự hoài nghi đã được hiểu biết, sự bám víu vào giới và phận sự đã được hiểu biết, sự luyến ái... sân hận... si mê... ngã mạn đã được hiểu biết; đối với người này, các ác bất thiện pháp, các điều ô nhiễm đưa đến tái sanh, có sự phiền muộn, có kết quả khổ, đưa đến sanh-già-chết ở vị lai là đã được hiểu biết.

15. *[Đức Thế Tôn nói: "Này Sabhiya] vị đã suy gẫm toàn bộ các loại kiến thức thuộc về các Sa-môn, thuộc về các Bà-la-môn, vị đã xa lìa sự luyến ái ở tất cả các cảm thọ, vị đã vượt qua mọi kiến thức, vị ấy là 'bậc đã đạt được sự hiểu biết.'"*

Người: Là chúng sanh, đàn ông, thanh niên, người nam, cá nhân, mạng sống, người còn sanh tử, con người, người đi theo nghiệp, sinh vật, nhân loại.

Ở nơi này: Ở quan điểm này,... (nt)... ở thế giới loài người này.

"Và người nào ở nơi này có sự hiểu biết, là bậc đã đạt được sự hiểu biết" là như thế.

Sau khi tháo gỡ sự quyến luyến này ở hữu và phi hữu.

Ở hữu và phi hữu: Ở dục giới, sắc giới, vô sắc giới, ở sự hiện hữu của nghiệp, ở sự hiện hữu lần nữa; ở sự hiện hữu của nghiệp là dục giới, ở sự hiện hữu lần nữa là dục giới, ở sự hiện hữu của nghiệp là sắc giới, ở sự hiện hữu lần nữa là sắc giới, ở sự hiện hữu của nghiệp là vô sắc giới, ở sự hiện hữu lần nữa là vô sắc giới; ở sự hiện hữu được lặp đi lặp lại, ở cảnh giới tái sanh được lặp đi lặp lại, ở sự tái sanh được lặp đi lặp lại, ở sự tiếp nối tái sanh được lặp đi lặp lại, ở sự tái sanh của bản thân được lặp đi lặp lại.

Sự quyến luyến: Có bảy sự quyến luyến: Quyến luyến do luyến ái, quyến luyến do sân hận, quyến luyến do si mê, quyến luyến do ngã mạn, quyến luyến do tà kiến, quyến luyến do ô nhiễm, quyến luyến do uế hạnh.

Sau khi tháo gỡ: Sau khi cởi bỏ hoặc sau khi tháo gỡ các sự quyến luyến; hoặc là sau khi tháo rời hoặc sau khi tháo gỡ các sự quyến luyến, các vật đã bị buộc trói, đã bị trói buộc, đã bị cột trói, các vật đã bị máng vào, đã bị vướng vào, đã bị giữ lại, các sự trói chặt. Giống như người thực hiện sự tháo gỡ, phá vỡ cái kiệu khiêng, cỗ xe, xe tải, hoặc xe kéo đã được ráp lại; tương tự như vậy,

sau khi cởi bỏ hoặc sau khi tháo gỡ các sự quyến luyến, hoặc là sau khi tháo rời, sau khi tháo gỡ các sự quyến luyến, các vật đã bị buộc trói, đã bị trói buộc, đã bị cột trói, các vật đã bị máng vào, đã bị vướng vào, đã bị giữ lại, các sự trói chặt.

"Sau khi tháo gỡ sự quyến luyến này ở hữu và phi hữu" là như thế.

Người ấy có tham ái đã được xa lìa, không còn phiền muộn, không có mong cầu, Ta nói rằng, người ấy đã vượt qua sanh và già.

Tham ái: Tham ái cảnh sắc,... (nt)... tham ái cảnh pháp. Đối với người nào, các tham ái này là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, người ấy được gọi là có tham ái đã được xa lìa, có tham ái đã được tách lìa, có tham ái đã được từ bỏ, có tham ái đã được tẩy trừ, có tham ái đã được giải thoát, có tham ái đã được dứt bỏ, có tham ái đã được buông bỏ, có luyến ái đã được xa lìa, có luyến ái đã được tách lìa, có luyến ái đã được từ bỏ, có luyến ái đã được dứt bỏ, có luyến ái đã được buông bỏ, không còn khao khát, được tịch tịnh, có trạng thái mát mẻ, có sự cảm thọ lạc, sống với trạng thái cao thượng tự thân. "Người ấy có tham ái đã được xa lìa" là như thế.

Không còn phiền muộn: Luyến ái là phiền muộn, sân hận là phiền muộn, si mê là phiền muộn, giận dữ là phiền muộn, thù hằn là phiền muộn,... (nt)... tất cả các pháp tạo tác bất thiện là phiền muộn. Đối với người nào, các phiền muộn này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, người ấy được gọi là không còn phiền muộn.

Không có mong cầu: Sự mong cầu nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với người nào, các sự mong cầu này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, người ấy được gọi là không có mong cầu.

Sanh: Sự sanh ra, sự sanh khởi, sự nhập thai, sự phát sanh, sự xuất hiện của các uẩn, sự đạt được các xứ ở từng chủng loại của các chúng sanh này khác.

Già: Sự suy tàn, trạng thái già nua, tình trạng răng long, tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ suy giảm, sự hư hoại của những giác quan ở từng chủng loại của các chúng sanh này khác.

Người ấy có tham ái đã được xa lìa, không còn phiền muộn, không có mong cầu, Ta nói rằng, người ấy đã vượt qua sanh và già: Ta nói, Ta chỉ dạy, Ta chỉ bảo, Ta thông báo, Ta ấn định, Ta khai mở, Ta chia sẻ, Ta làm rõ, Ta bày tỏ rằng: "Người nào có tham ái đã được xa lìa, không còn phiền muộn, và không có mong cầu, người ấy, quả thật, đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt khỏi, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi sanh-già-chết."

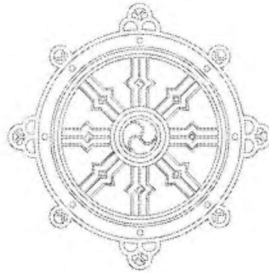
"Người ấy có tham ái đã được xa lìa, không còn phiền muộn, không có mong cầu, Ta nói rằng, người ấy đã vượt qua sanh và già" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Và người nào ở nơi này, có sự hiểu biết, là bậc đã đạt được sự hiểu biết, sau khi tháo gỡ sự quyến luyến này ở hữu và phi hữu, người ấy có tham ái đã được xa lìa, không còn phiền muộn, không có mong cầu, Ta nói rằng, người ấy đã vượt qua sanh và già."

Cùng với lúc kết thúc câu kệ ngôn,... (nt)... "Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử."

"Diễn giải kinh Mettagū" là thứ tư.



5. DIỄN GIẢI KINH DHOTAKA (*DHOTAKASUTTANIDDESO*)

5.1. *[Tôn giả Dhotaka nói rằng:] "Thưa đức Thế Tôn, con hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời con về điều này. Thưa bậc Đại Ẩn Sĩ, con mong mỏi lời nói của Ngài. Sau khi lắng nghe lời tuyên bố của Ngài, con có thể học tập về sự tịch diệt cho bản thân."*

Thưa đức Thế Tôn, con hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời con về điều này.

Câu hỏi: Có ba loại câu hỏi: Câu hỏi để làm sáng tỏ điều chưa thấy, câu hỏi để trao đổi điều đã thấy, câu hỏi để cắt đứt sự nhầm lẫn. ... (nt)... Đây là ba loại câu hỏi. ... (nt)... câu hỏi về Niết-bàn.

Con hỏi Ngài: Con hỏi Ngài, con yêu cầu Ngài, con thỉnh cầu Ngài, con đặt niềm tin ở Ngài, xin Ngài hãy thuyết giảng cho con. "Con hỏi Ngài" là như thế.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "đức Thế Tôn."

Xin Ngài hãy trả lời con về điều này: Xin Ngài hãy nói, hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ.

"Thưa đức Thế Tôn, con hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời con về điều này" là như thế.

Tôn giả Dhotaka nói rằng.

Rằng: Là sự nối liền các câu văn,... (nt)...

Tôn giả: Từ "*āyasmā*" này là lời nói yêu mến, lời nói kính trọng, lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng.

Dhotaka: Là tên của vị Bà-la-môn ấy, là sự ấn định, sự chỉ định, sự quy định, sự diễn tả, tên gọi, sự đặt tên, sự định danh, từ mô tả, tên hiệu, từ kêu gọi.

"Tôn giả Dhotaka nói rằng" là như thế.

Thưa bậc Đại Ẩn Sĩ, con mong mỏi lời nói của Ngài: Con chờ đợi, con mong mỏi, con ước muốn, con ưng thuận, con ước nguyện, con mong cầu, con nguyện cầu lời nói, lời phát biểu, lời chỉ bảo, lời chỉ dạy, lời khuyên bảo của Ngài.

Bậc Đại Ẩn Sĩ: Đức Thế Tôn là bậc Đại Ẩn Sĩ. "Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu giới uẩn lớn lao" là bậc Đại Ẩn Sĩ. ... (nt)... Đấng Nhân Ngưu ngự ở đâu?" là bậc Đại Ẩn Sĩ.

"Thưa bậc Đại Ẩn Sĩ, con mong mỏi lời nói của Ngài" là như thế.

Sau khi lắng nghe lời tuyên bố của Ngài: Sau khi lắng nghe, sau khi nghe được, sau khi tiếp thu, sau khi tiếp nhận, sau khi nhận định lời nói, lời phát biểu, lời chỉ bảo, lời khuyên bảo của Ngài.

"Sau khi lắng nghe lời tuyên bố của Ngài" là như thế.

Con có thể học tập về sự tịch diệt cho bản thân.

Sự học tập: Có ba sự học tập: Học tập về thắng giới, học tập về thắng tâm, học tập về thắng tuệ. ... (nt)... việc này là sự học tập về thắng tuệ.

Sự tịch diệt cho bản thân: Nhằm làm cho tịch diệt sự luyến ái của bản thân, nhằm làm cho tịch diệt sân hận, nhằm làm cho tịch diệt si mê, nhằm làm cho tịch diệt sự giận dữ, nhằm làm cho tịch diệt sự thù hằn... (nt)... nhằm sự yên lặng, nhằm sự yên tịnh, nhằm làm vắng lặng, nhằm làm cho tịch diệt, nhằm buông bỏ, nhằm tịch tịnh tất cả các pháp tạo tác bất thiện, nên học tập về thắng giới, nên học tập về thắng tâm, nên học tập về thắng tuệ. Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này, thì nên học tập; trong khi biết, thì nên học tập; trong khi thấy, thì nên học tập; trong khi quán xét lại, thì nên học tập; trong khi quyết định tâm, thì nên học tập; trong khi hướng đến đức tin, thì nên học tập; trong khi ra sức tinh tấn, thì nên học tập; trong khi thiết lập niệm, thì nên học tập; trong khi tập trung tâm, thì nên học tập; trong khi nhận biết bằng tuệ, thì nên học tập; trong khi biết rõ pháp cần được biết rõ, thì nên học tập; trong khi biết toàn diện pháp cần được biết toàn diện, thì nên học tập; trong khi dứt bỏ pháp cần được dứt bỏ, thì nên học tập; trong khi tu tập pháp cần được tu tập, thì nên học tập; trong khi chứng ngộ pháp cần được chứng ngộ, thì nên học tập, nên hành xử, nên hành theo, nên thọ trì và vận dụng.

"Con có thể học tập về sự tịch diệt cho bản thân" là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

[Tôn giả Dhotaka nói rằng:] "Thưa đức Thế Tôn, con hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời con về điều này. Thưa bậc Đại Ẩn Sĩ, con mong mỏi lời nói của Ngài. Sau khi lắng nghe lời tuyên bố của Ngài, con có thể học tập về sự tịch diệt cho bản thân."

5.2. *[Đức Thế Tôn nói: "Này Dhotaka] chính vì điều ấy ngươi hãy thực hiện sự nhiệt tâm, ngay tại nơi này, hãy là người có sự chín chắn, có niệm. Sau khi lắng nghe lời tuyên bố từ nơi đây, nên học tập về sự tịch diệt cho bản thân."*

Chính vì điều ấy ngươi hãy thực hiện sự nhiệt tâm: Ngươi hãy thực hiện sự nhiệt tâm, hãy thực hiện sự gắng sức, hãy thực hiện sự ráng sức, hãy thực hiện sự dõng mãnh, hãy thực hiện nghị lực, hãy thực hiện sự tinh tấn, hãy làm

sanh ra, hãy làm sanh khởi, hãy lập nên, hãy thiết lập, hãy làm hạ sanh, hãy làm phát sanh sự mong muốn.

"Chính vì điều ấy ngươi hãy thực hiện sự nhiệt tâm" là như thế.

Đức Thế Tôn nói: Này Dhotaka. Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính… (nt)… sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "đức Thế Tôn."

"Đức Thế Tôn nói: Này Dhotaka" là như thế.

Ngay tại nơi này, hãy là người có sự chín chắn, có niệm.

Tại nơi này: Ở quan điểm này, ở sự chấp nhận này, ở sự ưa thích này, ở sự nắm giữ này, ở Pháp này, ở Luật này, ở Pháp và Luật này, ở giáo lý này, ở Phạm hạnh này, ở lời dạy này của bậc Đạo sư, ở bản thân này, ở thế giới loài người này.

Người có sự chín chắn: Là người chín chắn, sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh.

Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân,… (nt)… vị ấy được gọi là có niệm.

"Ngay tại nơi này, hãy là người có sự chín chắn, có niệm" là như thế.

Sau khi lắng nghe lời tuyên bố từ nơi đây: Sau khi lắng nghe, sau khi nghe được, sau khi tiếp thu, sau khi tiếp nhận, sau khi nhận định lời nói, lời phát biểu, lời chỉ bảo, lời khuyên bảo của Ta từ nơi đây.

"Sau khi lắng nghe lời tuyên bố từ nơi đây" là như thế.

Nên học tập về sự tịch diệt cho bản thân.

Sự học tập: Có ba sự học tập: Học tập về thắng giới, học tập về thắng tâm, học tập về thắng tuệ. ... (nt)… việc này là sự học tập về thắng tuệ.

Sự tịch diệt cho bản thân: Nhằm làm cho tịch diệt sự luyến ái của bản thân, nhằm làm cho tịch diệt sân hận, nhằm làm cho tịch diệt si mê, nhằm làm cho tịch diệt sự giận dữ, nhằm làm cho tịch diệt sự thù hằn… (nt)… nhằm sự yên lặng, nhằm sự yên tịnh, nhằm làm vắng lặng, nhằm làm cho tịch diệt, nhằm buông bỏ, nhằm tịch tịnh tất cả các pháp tạo tác bất thiện, nên học tập về thắng giới, nên học tập về thắng tâm, nên học tập về thắng tuệ. Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này, thì nên học tập; trong khi biết, thì nên học tập;… (nt) … trong khi chứng ngộ pháp cần được chứng ngộ, thì nên học tập, nên hành xử, nên hành theo, nên thọ trì và vận dụng.

"Nên học tập về sự tịch diệt cho bản thân" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: "Này Dhotaka] chính vì điều ấy ngươi hãy thực hiện sự nhiệt tâm, ngay tại nơi này, hãy là người có sự chín chắn, có niệm. Sau khi lắng nghe lời tuyên bố từ nơi đây, nên học tập về sự tịch diệt cho bản thân."

5.3. *"Con nhìn thấy ở thế giới của chư thiên và loài người, vị Bà-la-môn không còn vướng bận, đang sinh hoạt [trong bốn oai nghi]. Vì thế, thưa bậc Toàn Nhãn, con xin kính lễ Ngài. Thưa vị dòng Sakya, xin Ngài hãy giải thoát cho con khỏi các nỗi nghi hoặc."*

Con nhìn thấy ở thế giới của chư thiên và loài người.

Chư thiên: Có ba hạng chư thiên: Chư thiên do chế định, chư thiên do tái sanh, chư thiên do thanh tịnh. Chư thiên do chế định là những ai? Chư thiên do chế định nói đến các vị vua, các hoàng tử và các hoàng hậu; những người này là chư thiên do chế định. Chư thiên do tái sanh là những ai? Chư thiên do tái sanh nói đến chư thiên cõi Tứ Đại Thiên Vương, chư thiên cõi Đạo-lợi, chư thiên cõi Dạ-ma, chư thiên cõi Đẩu-suất, chư thiên cõi Hóa Lạc, chư thiên cõi Tha Hóa Tự Tại, chư thiên thuộc Phạm Chúng thiên, và chư thiên nào vượt lên trên cõi ấy; các vị này là chư thiên do tái sanh. Chư thiên do thanh tịnh là những ai? Chư thiên do thanh tịnh nói đến các đệ tử của đức Như Lai là các vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt, và các vị Phật Độc Giác; các vị này là chư thiên do thanh tịnh. Đức Thế Tôn là vị thiên nhân trong số chư thiên do chế định, trong số chư thiên do tái sanh, và trong số chư thiên do thanh tịnh, là vị thiên nhân vượt trội, là vị thiên nhân vượt trội của chư thiên, là con sư tử vượt trội của loài sư tử, là con voi vượt trội của loài voi, là người có đồ chúng vượt trội trong số các vị có đồ chúng, là bậc Hiền trí vượt trội trong số các bậc Hiền trí, là vị vua vượt trội trong số các vị vua.

Con nhìn thấy ở thế giới của chư thiên và loài người: Ở thế giới loài người, con nhìn thấy vị thiên nhân, con nhìn thấy vị thiên nhân vượt trội, con nhìn thấy vị thiên nhân vượt trội của chư thiên, con nhận thấy, con quan sát, con suy xét, con khảo sát.

"Con nhìn thấy ở thế giới của chư thiên và loài người" là như thế.

Vị Bà-la-môn không còn vướng bận, đang sinh hoạt [trong bốn oai nghi].

Không còn vướng bận: Luyến ái là vướng bận, sân hận là vướng bận, si mê là vướng bận, ngã mạn là vướng bận, tà kiến là vướng bận, ô nhiễm là vướng bận, uế hạnh là vướng bận. Đối với đức Phật, đối với đức Thế Tôn, các vướng bận này đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế, đức Thế Tôn là không còn vướng bận.

Vị Bà-la-môn: Đức Thế Tôn là vị Bà-la-môn do trạng thái đã loại trừ bảy pháp: Sự nhận thức sai trái về thân được loại trừ, sự hoài nghi được loại trừ, sự bám víu vào giới và phận sự được loại trừ, luyến ái được loại trừ, sân hận được loại trừ, si mê được loại trừ, ngã mạn được loại trừ; đối với Ngài, các ác bất thiện pháp, các điều ô nhiễm đưa đến tái sanh, có sự phiền muộn, có kết quả khổ, đưa đến sanh-già-chết ở vị lai là đã được loại trừ.

1. *[Đức Thế Tôn nói: "Này Sabhiya] sau khi loại trừ tất cả các điều ác, là người không còn vết nhơ, tốt lành, định tĩnh, có bản thân vững chãi, vị ấy đã*

vượt qua luân hồi, có sự toàn hảo, không nương nhờ, tự tại, vị ấy được gọi là Bà-la-môn."

Đang sinh hoạt [trong bốn oai nghi]: Đang thực hành, đang trú ngụ, đang sinh hoạt, đang vận hành, đang bảo hộ, đang nuôi dưỡng, đang bảo dưỡng.

"Vị Bà-la-môn không còn vướng bận, đang sinh hoạt [trong bốn oai nghi]" là như thế.

Vì thế, thưa bậc Toàn Nhãn, con xin kính lễ Ngài.

Ngài: Nói đến đức Thế Tôn.

Con xin kính lễ: Con kính lễ bằng thân, hoặc con kính lễ bằng lời nói, hoặc con kính lễ bằng tâm, hoặc con kính lễ với sự thực hành thuận theo đạo lý, hoặc con kính lễ với sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, con thể hiện sự trọng vọng, con thể hiện sự cung kính, con sùng bái, con cúng dường.

Bậc Toàn Nhãn: Toàn nhãn nói đến trí toàn giác. Đức Thế Tôn đã tiến đến, đã tiến gần, đã tiến vào, đã tiến sát, đã đạt đến, đã đầy đủ, đã thành tựu với trí toàn giác.

2. *"Đối với Ngài, không có bất cứ điều gì ở nơi đây là không được nhìn thấy, không được nhận thức, hoặc không thể biết được. Điều nào có thể biết được, Ngài đã biết rõ tất cả; vì thế đức Như Lai là bậc Toàn Nhãn."*

"Vì thế, thưa bậc Toàn Nhãn, con xin kính lễ Ngài" là như thế.

Thưa vị dòng Sakya, xin Ngài hãy giải thoát cho con khỏi các nỗi nghi hoặc.

Vị dòng Sakya: Đức Thế Tôn là vị dòng Sakya, "người đã xuất gia từ gia tộc Sakya" là vị dòng Sakya. Hoặc là, "người sở hữu tài sản, giàu có, có tài sản lớn" là vị dòng Sakya. Vị ấy sở hữu các tài sản này, tức là: Tài sản về đức tin, tài sản về giới, tài sản về hổ thẹn [tội lỗi], tài sản về ghê sợ [tội lỗi], tài sản về kiến thức, tài sản về xả thí, tài sản về trí tuệ, tài sản về thiết lập niệm, tài sản về chánh cần, tài sản về nền tảng của thần thông, tài sản về quyền, tài sản về lực, tài sản về yếu tố đưa đến giác ngộ, tài sản về Đạo, tài sản về Quả, tài sản về Niết-bàn; "người sở hữu tài sản, giàu có, có tài sản lớn với các tài sản và bảo vật nhiều loại này" là vị dòng Sakya.

Hoặc là, "vị có đủ sức, có năng lực, có tiềm lực, có khả năng, dũng cảm, anh hùng, quả cảm, không nhút nhát, không có sự kinh hãi, không có sự sợ sệt, không có sự trốn chạy, có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ, có sự rởn lông đã được xa lìa" là vị dòng Sakya.

Nghi hoặc: Nói đến hoài nghi, sự nghi ngờ về khổ, nghi ngờ về nhân sanh khổ, nghi ngờ về sự diệt tận khổ, nghi ngờ về sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ, nghi ngờ về điểm khởi đầu, nghi ngờ về điểm kết thúc, nghi ngờ về điểm khởi đầu và điểm kết thúc, nghi ngờ về các pháp tùy thuận duyên khởi này; sự nghi ngờ nào có hình thức như vậy là biểu hiện nghi ngờ, trạng thái nghi ngờ, sự nhầm lẫn, sự hoài nghi, sự lưỡng lự, sự phân vân, sự ngờ vực, sự không nắm

chắc, sự không quyết định, sự không quả quyết, sự không thể xác quyết, trạng thái sửng sốt, sự bối rối của tâm.

Thưa vị dòng Sakya, xin Ngài hãy giải thoát cho con khỏi các nỗi nghi hoặc: Xin Ngài hãy cứu thoát con, hãy giải thoát cho con, hãy giúp cho con được cứu thoát, hãy giúp cho con được giải thoát, hãy nâng con lên, hãy nâng bổng con lên, hãy nhấc con lên khỏi mũi tên nghi hoặc.

"Thưa vị dòng Sakya, xin Ngài hãy giải thoát cho con khỏi các nỗi nghi hoặc" là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

"Con nhìn thấy ở thế giới của chư thiên và loài người, vị Bà-la-môn không còn vướng bận, đang sinh hoạt [trong bốn oai nghi]. Vì thế, thưa bậc Toàn Nhãn, con xin kính lễ Ngài. Thưa vị dòng Sakya, xin Ngài hãy giải thoát cho con khỏi các nỗi nghi hoặc."

5.4. *Ta sẽ không có khả năng về việc giúp cho giải thoát*
Bất cứ người nào ở thế gian có nỗi nghi hoặc, này Dhotaka.
Nhưng trong khi hiểu được giáo pháp tối thượng,
Như vậy ngươi có thể vượt qua dòng lũ này.

Ta sẽ không có khả năng về việc giúp cho giải thoát: Ta không có thể giải thoát cho ngươi, giải phóng cho ngươi, giúp cho ngươi được giải thoát, giúp cho ngươi được giải phóng, nâng ngươi lên, nâng bổng ngươi lên, giúp cho ngươi được nhấc lên, giúp cho ngươi được nhấc bổng lên khỏi mũi tên nghi hoặc. "Ta sẽ không có khả năng về việc giúp cho giải thoát" là như vậy.

Hoặc là, Ta không đi đến, không tự mình đi đến, không gắng sức, không tinh tấn, không thể hiện sự gắng sức, không thể hiện sự ráng sức, không thể hiện sự dõng mãnh, không thể hiện nghị lực, không thể hiện sự tinh tấn, không làm sanh ra, không làm sanh khởi, không làm hạ sanh, không làm phát sanh sự mong muốn đối với việc thuyết giảng giáo pháp cho người không có đức tin, không có nguyện vọng, biếng nhác, có sự tinh tấn thấp kém, không chịu thực hành. "Ta sẽ không có khả năng về việc giúp cho giải thoát" còn là như vậy.

Hoặc là, không có kẻ nào khác là người giúp cho giải thoát. Nếu những người ấy có thể giúp cho [bản thân được] giải thoát thì họ có thể giúp cho [bản thân được] giải thoát bằng sức mạnh của mình, bằng năng lực của mình, bằng sự tinh tấn của mình, bằng sự nỗ lực của mình, bằng sức mạnh nam nhân của mình, bằng năng lực nam nhân của mình, bằng sự tinh tấn nam nhân của mình, bằng sự nỗ lực nam nhân của mình, trong khi họ tự thân thực hành sự thực hành đúng đắn, sự thực hành phù hợp, sự thực hành không trái ngược, sự thực hành đưa đến lợi ích, sự thực hành đúng pháp và thuận pháp. "Ta sẽ không có khả năng về việc giúp cho giải thoát" còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

"Này Cunda, thật vậy kẻ ấy, tự thân đã bị lún ở bãi lầy, sẽ nâng lên kẻ khác đã bị lún ở bãi lầy, sự kiện này không thể có được. Này Cunda, thật vậy kẻ ấy, tự thân không được thuần phục, không được huấn luyện, không được hoàn toàn tịch diệt, sẽ thuần phục, sẽ huấn luyện, sẽ giúp cho kẻ khác hoàn toàn tịch diệt, sự kiện này không thể có được."

"Ta sẽ không có khả năng về việc giúp cho giải thoát" còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

3. *"Việc ác đã được làm bởi chính bản thân, bởi bản thân mà trở thành ô nhiễm. Việc ác đã không được làm bởi bản thân, bởi chính bản thân mà trở thành trong sạch. Trong sạch [hay] không trong sạch tùy thuộc vào bản thân, không ai có thể làm cho người khác trở thành trong sạch."*

"Ta sẽ không có khả năng về việc giúp cho giải thoát" còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

"Này Bà-la-môn, tương tự y như thế, Niết-bàn quả là có thật, con đường đưa đến Niết-bàn là có thật, Ta là người hướng dẫn là có thật, và hơn nữa các đệ tử của Ta, trong khi được Ta giáo huấn như vậy, trong khi được chỉ dạy như vậy, một số đệ tử đạt đến mục đích tột cùng là Niết-bàn, một số không đạt đến. Này Bà-la-môn, ở đây Ta làm được điều gì? Này Bà-la-môn, Như Lai là người chỉ đường. Chư Phật chỉ ra con đường. Chúng sanh, trong khi tự thân thực hành, thì có thể giải thoát."

"Ta sẽ không có khả năng về việc giúp cho giải thoát" còn là như vậy.

Cho bất cứ người nào ở thế gian có nỗi nghi hoặc, này Dhotaka: Cho người có nỗi nghi hoặc, có sự nghi ngờ, có sự bối rối, có sự lưỡng lự, có sự hoài nghi.

Cho bất cứ người nào: Cho bất cứ Sát-đế-ly, hoặc Bà-la-môn, hoặc thương buôn, hoặc nô lệ, hoặc người tại gia, hoặc vị xuất gia, hoặc vị thiên nhân, hoặc người nhân loại.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh... (nt)... ở thế gian của các xứ.

"Cho bất cứ người nào ở thế gian có nỗi nghi hoặc, này Dhotaka" là như thế.

Nhưng trong khi hiểu được giáo pháp tối thượng: Giáo pháp tối thượng nói đến bất tử, Niết-bàn, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn.

Tối thượng: Là giáo pháp cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý.

Trong khi hiểu được: Trong khi hiểu được là trong khi nhận thức, trong khi thừa nhận, trong khi thấu triệt.

"Nhưng trong khi hiểu được giáo pháp tối thượng" là như thế.

Như vậy ngươi có thể vượt qua dòng lũ này: Như thế ngươi có thể vượt

qua, có thể vượt lên, có thể vượt khỏi, có thể vượt qua hẳn, có thể vượt qua khỏi dòng lũ [ngũ] dục, dòng lũ của hữu, dòng lũ tà kiến, dòng lũ vô minh.

"Như vậy ngươi có thể vượt qua dòng lũ này" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: "Này Dhotaka] Ta sẽ không có khả năng về việc giúp cho giải thoát bất cứ người nào ở thế gian có nỗi nghi hoặc, này Dhotaka. Nhưng trong khi hiểu được giáo pháp tối thượng, như vậy ngươi có thể vượt qua dòng lũ này."

5.5. *[Tôn giả Dhotaka nói rằng:] "Thưa đấng Phạm Thiên, xin Ngài hãy từ mẫn chỉ dạy pháp viễn ly để con có thể nhận thức được pháp ấy, theo đó, con ví như hư không, không bị xáo trộn, con có thể sống ở chính nơi này, được an tịnh, không nương nhờ."*

Thưa đấng Phạm Thiên, xin Ngài hãy từ mẫn chỉ dạy.

Thưa đấng Phạm Thiên, xin Ngài hãy chỉ dạy: Thưa đấng Phạm Thiên, xin Ngài hãy chỉ dạy; thưa đấng Phạm Thiên, xin Ngài hãy giúp đỡ; thưa đấng Phạm Thiên, xin Ngài hãy thương tưởng. "Thưa đấng Phạm Thiên, xin Ngài hãy chỉ dạy" là như thế.

Từ mẫn: Trong lúc có lòng từ mẫn, trong lúc có lòng trắc ẩn, trong lúc bảo vệ, trong lúc giúp đỡ, trong lúc có lòng thương tưởng.

"Thưa đấng Phạm Thiên, xin Ngài hãy từ mẫn chỉ dạy" là như thế.

Pháp viễn ly để con có thể nhận thức được pháp ấy: Pháp viễn ly nói đến bất tử, Niết-bàn, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn.

Để con có thể nhận thức được pháp ấy: Để con có thể biết, có thể hiểu, có thể nhận thức, có thể thừa nhận, có thể thấu triệt, có thể chứng đắc, có thể chạm đến, có thể chứng ngộ pháp ấy.

"Pháp viễn ly để con có thể nhận thức được pháp ấy" là như thế.

Theo đó, con ví như hư không, không bị xáo trộn: Giống như hư không thì không bám víu, không nắm giữ, không bị trói buộc, không bị giữ lại, tương tự như vậy, con không bám víu, không nắm giữ, không bị trói buộc, không bị giữ lại. "Ví như hư không, không bị xáo trộn" là như vậy. Giống như hư không thì không bị nhuộm màu bởi màu nâu cánh kiến, hoặc bởi màu vàng nghệ, hoặc bởi màu chàm, hoặc bởi màu đỏ sậm, tương tự như vậy, con không bị luyến ái, không bị sân hận, không bị mê mờ, không bị ô nhiễm. "Ví như hư không, không bị xáo trộn" còn là như vậy. Giống như hư không thì không bực tức, không bất bình, không phản kháng, không làm tổn thương, tương tự như vậy, con không bực tức, không bất bình, không phản kháng, không làm tổn thương.

"Ví như hư không, không bị xáo trộn" còn là như vậy.

Con có thể sống ở chính nơi này, được an tịnh, không nương nhờ.

Ở chính nơi này, được an tịnh: Là trong khi được an tịnh ở chính nơi này, trong khi đang ngồi ở chính nơi này, trong khi đang ngồi ngay tại chỗ ngồi này, trong khi đang ngồi ngay tại hội chúng này. "Ở chính nơi này, được an tịnh" là như vậy. Hoặc là, được an tịnh, được yên tịnh, được vắng lặng, được tịch diệt, được tịch tịnh ở chính nơi này. "Ở chính nơi này, được an tịnh" còn là như vậy.

Không nương nhờ: Có hai sự nương tựa: Sự nương tựa vào tham ái và sự nương tựa vào tà kiến. ... (nt)... điều này là sự nương tựa vào tham ái. ... (nt)... điều này là sự nương tựa vào tà kiến. Sau khi dứt bỏ sự nương tựa vào tham ái, sau khi buông bỏ sự nương tựa vào tà kiến, không nương tựa vào mắt, không nương tựa vào tai, không nương tựa vào mũi, không nương tựa vào lưỡi, không nương tựa vào thân, không nương tựa vào ý, không nương nhờ các sắc,... các thinh,... các hương,... các vị,... các xúc,... các pháp,... gia tộc, đồ chúng, chỗ ngụ, lợi lộc, danh vọng, lời khen, hạnh phúc, y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, dục giới, sắc giới, vô sắc giới, cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc, cõi hữu tưởng, cõi vô tưởng, cõi phi tưởng phi phi tưởng, cõi một uẩn, cõi bốn uẩn, cõi năm uẩn, quá khứ, vị lai, hiện tại, điều đã được thấy, điều đã được nghe, điều đã được cảm giác, điều đã được nhận thức, [không nương nhờ] tất cả các pháp, không nương tựa, không bám vào, không đến gần, không bám chặt, không hướng đến, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

Con có thể sống: Con có thể thực hành, có thể trú ngụ, có thể sinh hoạt, có thể vận hành, có thể bảo hộ, có thể nuôi dưỡng, có thể bảo dưỡng.

"Con có thể sống ở chính nơi này, được an tịnh, không nương nhờ" là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

"Thưa đấng Phạm Thiên, xin Ngài hãy từ mẫn chỉ dạy
Pháp viễn ly để con có thể nhận thức được pháp ấy,
Theo đó, con ví như hư không, không bị xáo trộn,
Con có thể sống ở chính nơi này, được an tịnh, không nương nhờ."

5.6. *[Đức Thế Tôn nói: "Này Dhotaka]*
Ta sẽ giải thích cho ngươi về sự an tịnh,
Về pháp đã được thấy, không phải do nghe nói lại;
Sau khi hiểu pháp ấy, vị có niệm, trong khi sống,
Có thể vượt qua sự vướng mắc ở thế gian."

Ta sẽ giải thích cho ngươi về sự an tịnh: Ta sẽ giải thích, Ta sẽ giải bày, Ta sẽ chỉ dạy, Ta sẽ chỉ bảo, Ta sẽ thông báo, Ta sẽ ấn định, Ta sẽ khai mở, Ta

sẽ chia sẻ, Ta sẽ làm rõ, Ta sẽ bày tỏ về sự an tịnh của luyến ái, về sự an tịnh của sân hận, về sự an tịnh của si mê, về sự an tịnh của giận dữ, về sự an tịnh của thù hằn,… của gièm pha,… của ác ý,… của ganh tỵ,… của bỏn xẻn,… của xảo trá,… của lừa gạt,… của bướng bỉnh,… của hung hăng,… của ngã mạn,… của cao ngạo,… của đam mê,… của xao lãng,… của tất cả ô nhiễm,… của tất cả uế hạnh,… của mọi sự lo lắng,… của mọi sự bực bội,… của mọi sự nóng nảy,… của tất cả các pháp tạo tác bất thiện, về sự yên tịnh, về sự vắng lặng, về sự tịch diệt, về sự tịch tịnh.

"Ta sẽ giải thích cho ngươi về sự an tịnh" là như thế.

Đức Thế Tôn nói: Này Dhotaka.

Dhotaka: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính… (nt)… sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "đức Thế Tôn."

"Đức Thế Tôn nói: Này Dhotaka" là như thế.

Về pháp đã được thấy, không phải do nghe nói lại.

Về pháp đã được thấy: Về pháp đã được thấy, về pháp đã được biết, về pháp đã được cân nhắc, về pháp đã được xác định, về pháp đã được rõ rệt, về pháp đã được minh định; về pháp đã được thấy, về pháp đã được biết, về pháp đã được cân nhắc, về pháp đã được xác định, về pháp đã được rõ rệt, về pháp đã được minh định rằng: "Tất cả các hành là vô thường",… (nt)… "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt." "Về pháp đã được thấy" là như vậy.

Hoặc là, Ta sẽ giải thích về khổ ở khổ đã được thấy, Ta sẽ giải thích về tập ở nhân sanh khởi đã được thấy, Ta sẽ giải thích về diệt ở sự diệt tận đã được thấy, Ta sẽ giải thích về đạo ở đạo lộ đã được thấy. "Về pháp đã được thấy" còn là như vậy. Hoặc là, về [pháp đã được thấy là] pháp hoàn toàn hiển nhiên, không bị chi phối bởi thời gian, hãy đến và hãy thấy, có khả năng dẫn dắt về hướng [Niết-bàn], và nên được hiểu biết tự cá nhân bởi các bậc trí tuệ. "Về pháp đã được thấy" còn là như vậy.

Không phải do nghe nói lại: Ta sẽ thuyết giảng cho ngươi về pháp đã được chính bản thân biết rõ, đã được tự thân quán xét lại, không do nghe lời đồn đãi, không do nghe nói như thế, không do sự truyền thừa, không do sự thành tựu của việc thu thập kiến thức, không do nhân suy nghĩ, không do nhân suy luận, không do suy đoán theo biểu hiện, không do sự suy xét và chấp nhận về quan điểm.

"Về pháp đã được thấy, không phải do nghe nói lại" là như thế.

Sau khi hiểu pháp ấy, vị có niệm, trong khi sống: Sau khi làm cho pháp ấy được hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt; sau khi làm cho được hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: "Tất cả các hành là vô thường"; sau khi làm cho được hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định,

sau khi làm rõ rệt rằng: "Tất cả các hành là khổ",... (nt)... "Tất cả các pháp là vô ngã",... (nt)... "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

Vị có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân,... (nt)... vị ấy được gọi là có niệm.

Trong khi sống: Là trong khi thực hành, trong khi trú ngụ, trong khi sinh hoạt, trong khi vận hành, trong khi bảo hộ, trong khi nuôi dưỡng, trong khi bảo dưỡng.

"Sau khi hiểu pháp ấy, vị có niệm, trong khi sống" là như thế.

Có thể vượt qua sự vướng mắc ở thế gian: Sự vướng mắc nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt) ... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Sự vướng mắc: Sự vướng mắc với ý nghĩa gì?... (nt)... "được trải rộng, được lan rộng" là vướng mắc.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh,... (nt)... ở thế gian của các xứ.

Có thể vượt qua sự vướng mắc ở thế gian: Sự vướng mắc này là ở ngay tại thế gian. Vị có niệm có thể vượt qua, có thể vượt lên, có thể vượt khỏi, có thể vượt qua hẳn, có thể vượt qua khỏi sự vướng mắc này ở ngay tại thế gian.

"Có thể vượt qua sự vướng mắc ở thế gian" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: "Này Dhotaka]
Ta sẽ giải thích cho ngươi về sự an tịnh,
Về pháp đã được thấy, không phải do nghe nói lại;
Sau khi hiểu pháp ấy, vị có niệm, trong khi sống,
Có thể vượt qua sự vướng mắc ở thế gian."

5.7. *Và con thích thú về điều ấy,*
Thưa bậc Đại Ẩn Sĩ, về sự an tịnh tối thượng;
Sau khi hiểu pháp ấy, vị có niệm, trong khi sống,
Có thể vượt qua sự vướng mắc ở thế gian.

Và con thích thú về điều ấy.

Về điều ấy: Con vui thích, con thích thú, con vui mừng, con tùy hỷ, con ước muốn, con ưng thuận, con ước nguyện, con mong cầu, con nguyện cầu về lời nói, về lời phát biểu, về lời chỉ bảo, về lời chỉ dạy, về lời khuyên bảo của Ngài.

"Và con thích thú về điều ấy" là như thế.

Thưa bậc Đại Ẩn Sĩ, về sự an tịnh tối thượng.

Bậc Đại Ẩn Sĩ: Đức Thế Tôn là bậc Đại Ẩn Sĩ. "Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu giới uẩn lớn lao" là bậc Đại Ẩn Sĩ. ... (nt)... Đấng Nhân Ngưu ngự ở đâu?" là bậc Đại Ẩn Sĩ.

Về sự an tịnh tối thượng: Sự an tịnh nói đến bất tử, Niết-bàn, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn.

Tối thượng: Là cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý.

"Thưa bậc Đại Ẩn Sĩ, về sự an tịnh tối thượng" là như thế.

Sau khi hiểu pháp ấy, vị có niệm, trong khi sống: Sau khi làm cho pháp ấy được hiểu rõ,… (nt)…; sau khi làm cho được hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: "Tất cả các hành là vô thường"; sau khi làm cho được hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: "Tất cả các hành là khổ",… (nt)… "Tất cả các pháp là vô ngã",… (nt)… "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

Vị có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân,… (nt) … vị ấy được gọi là có niệm.

Trong khi sống: Là trong khi thực hành,… (nt)… trong khi bảo dưỡng.

"Sau khi hiểu pháp ấy, vị có niệm, trong khi sống" là như thế.

Có thể vượt qua sự vướng mắc ở thế gian: Sự vướng mắc nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,… (nt) … tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Sự vướng mắc: Sự vướng mắc với ý nghĩa gì?… (nt)… được trải rộng, được lan rộng" là vướng mắc.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh,… (nt)… ở thế gian của các xứ.

Có thể vượt qua sự vướng mắc ở thế gian: Sự vướng mắc này là ở ngay tại thế gian. Vị có niệm có thể vượt qua, có thể vượt lên, có thể vượt khỏi, có thể vượt qua hẳn, có thể vượt qua khỏi sự vướng mắc này ở ngay tại thế gian.

"Có thể vượt qua sự vướng mắc ở thế gian" là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

"Và con thích thú về điều ấy,
Thưa bậc Đại Ẩn Sĩ, về sự an tịnh tối thượng;
Sau khi hiểu pháp ấy, vị có niệm, trong khi sống,
Con có thể vượt qua sự vướng mắc ở thế gian."

5.8. *[Đức Thế Tôn nói: "Này Dhotaka] bất cứ điều gì mà ngươi tự mình nhận biết, bên trên, bên dưới, luôn cả bề ngang và khoảng giữa, sau khi hiểu điều này là 'sự quyến luyến' ở thế gian, ngươi chớ tạo ra tham ái ở hữu và phi hữu."*

Bất cứ điều gì mà ngươi tự mình nhận biết: Bất cứ điều nào mà ngươi tự mình nhận biết, ngươi hiểu, ngươi nhận thức, ngươi thừa nhận, ngươi thấu triệt. "Bất cứ điều gì mà ngươi tự mình nhận biết" là như thế.

Đức Thế Tôn nói: Này Dhotaka.

Dhotaka: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính… (nt)… sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "đức Thế Tôn."

"Đức Thế Tôn nói: Này Dhotaka" là như thế.

Bên trên, bên dưới, luôn cả bề ngang và khoảng giữa.

Bên trên là nói đến thời tương lai, **bên dưới** là nói đến thời quá khứ, **luôn cả bề ngang và khoảng giữa** là thời hiện tại. **Bên trên** là thế giới chư thiên, **bên dưới** là thế giới địa ngục, **luôn cả bề ngang và khoảng giữa** là thế giới loài người. Hoặc là, **bên trên** là các pháp thiện, **bên dưới** là các pháp bất thiện, **luôn cả bề ngang và khoảng giữa** là các pháp vô ký. **Bên trên** là vô sắc giới, **bên dưới** là dục giới, **luôn cả bề ngang và khoảng giữa** là sắc giới. **Bên trên** là cảm thọ lạc, **bên dưới** là cảm thọ khổ, **luôn cả bề ngang và khoảng giữa** là cảm thọ không khổ không lạc. **Bên trên** là từ lòng bàn chân trở lên, **bên dưới** là từ đỉnh ngọn tóc trở xuống, **luôn cả bề ngang và khoảng giữa** là ở chính giữa.

"Bên trên, bên dưới, luôn cả bề ngang và khoảng giữa" là như thế.

Sau khi hiểu điều này là "sự quyến luyến" ở thế gian: Sau khi biết, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: "Điều này là sự quyến luyến, điều này là sự dính mắc, điều này là sự cột trói, điều này là sự vướng bận."

"Sau khi hiểu điều này là 'sự quyến luyến' ở thế gian" là như thế.

Ngươi chớ tạo ra tham ái ở hữu và phi hữu.

Tham ái: Tham ái cảnh sắc, tham ái cảnh thinh,… (nt)… tham ái cảnh pháp.

Ở hữu và phi hữu: Ngươi chớ tạo ra, chớ làm sanh ra, chớ làm sanh khởi, chớ làm hạ sanh, chớ làm phát sanh, ngươi hãy dứt bỏ, hãy xua đi, hãy làm chấm dứt, hãy làm cho không còn hiện hữu tham ái ở dục giới, sắc giới, vô sắc giới, ở sự hiện hữu của nghiệp, ở sự hiện hữu lần nữa; ở sự hiện hữu của nghiệp là dục giới, ở sự hiện hữu lần nữa là dục giới; ở sự hiện hữu của nghiệp là sắc giới, ở sự hiện hữu lần nữa là sắc giới; ở sự hiện hữu của nghiệp là vô sắc giới, ở sự hiện hữu lần nữa là vô sắc giới; ở sự hiện hữu được lặp đi lặp lại, ở cảnh giới tái sanh được lặp đi lặp lại, ở sự tiếp nối tái sanh được lặp đi lặp lại, ở sự tái sanh của bản thân được lặp đi lặp lại.

"Ngươi chớ tạo ra tham ái ở hữu và phi hữu" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: "Này Dhotaka] bất cứ điều gì mà ngươi tự mình nhận biết, bên trên, bên dưới, luôn cả bề ngang và khoảng giữa, sau khi hiểu điều này là 'sự quyến luyến' ở thế gian, ngươi chớ tạo ra tham ái ở hữu và phi hữu."

Cùng với lúc kết thúc câu kệ ngôn,… (nt)… "Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử."

"Diễn giải kinh Dhotaka" là thứ năm.

6. DIỄN GIẢI KINH UPASĪVA (*UPASĪVASUTTANIDDESO*)

6.1. *[Tôn giả Upasīva nói rằng:] "Thưa vị dòng Sakya, một mình con, không nương tựa [nơi nào], con không có khả năng vượt qua dòng lũ lớn. Thưa bậc Toàn Nhãn, xin Ngài hãy nói về đối tượng, được nương tựa vào nơi ấy, con có thể vượt qua dòng lũ này."*

Thưa vị dòng Sakya, một mình con [đối với] dòng lũ lớn.

Một mình: Người là bạn của con không có, hoặc pháp là bạn của con không có; sau khi nương tựa vào người ấy hoặc nương tựa vào pháp, con có thể vượt qua, có thể vượt lên, có thể vượt khỏi, có thể vượt qua hẳn, có thể vượt qua khỏi dòng lũ [ngũ] dục, dòng lũ của hữu, dòng lũ tà kiến, dòng lũ vô minh lớn lao. "Một mình" là như thế.

Vị dòng Sakya: Đức Thế Tôn là vị dòng Sakya, "người đã xuất gia từ gia tộc Sakya" là vị dòng Sakya. Hoặc là, "người sở hữu tài sản, giàu có, có tài sản lớn" là vị dòng Sakya. Vị ấy sở hữu các tài sản này, tức là: Tài sản về đức tin, tài sản về giới, tài sản về hổ thẹn [tội lỗi], tài sản về ghê sợ [tội lỗi], tài sản về kiến thức, tài sản về xả thí, tài sản về trí tuệ, tài sản về thiết lập niệm,... (nt)... tài sản về Niết-bàn, "người sở hữu tài sản, giàu có, có tài sản lớn với nhiều tài sản và bảo vật này" là vị dòng Sakya. Hoặc là, "vị có đủ sức, có năng lực, có tiềm năng, có khả năng, dũng cảm, anh hùng, quả cảm, không nhút nhát, không có sự kinh hãi, không có sự sợ sệt, không có sự trốn chạy, có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ, có sự rởn lông đã được xa lìa" là vị dòng Sakya.

"Thưa vị dòng Sakya, một mình con [đối với] dòng lũ lớn" là như thế.

Tôn giả Upasīva nói rằng.

Rằng: [Từ "*icca*" này] là sự nối liền các câu văn,... (nt)...

Tôn giả: [Từ "*āyasmā*" này] là lời nói yêu mến,... (nt)...

Upasīva: Là tên của vị Bà-la-môn ấy,... (nt)... từ kêu gọi.

"Tôn giả Upasīva nói rằng" là như thế.

Không nương tựa [nơi nào], con không có khả năng vượt qua.

Không nương tựa [nơi nào]: Không nương tựa vào người, hoặc không nương tựa vào pháp, con không có khả năng, con không thể ra sức, con không thể nào, con không có năng lực để vượt qua, để vượt lên, để vượt khỏi, để vượt

qua hẳn, để vượt qua khỏi dòng lũ [ngũ] dục, dòng lũ của hữu, dòng lũ tà kiến, dòng lũ vô minh lớn lao.

"Không nương tựa [nơi nào], con không có khả năng vượt qua" là như thế.

Thưa bậc Toàn Nhãn, xin Ngài hãy nói về đối tượng.

Về đối tượng: Về nơi nâng đỡ, về nơi nương tựa, về nơi nương nhờ.

Xin Ngài hãy nói: Xin Ngài hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ.

Thưa bậc Toàn Nhãn: Toàn nhãn nói đến trí toàn giác. Đức Thế Tôn đã tiến đến, đã tiến gần, đã tiến vào, đã tiến sát, đã đạt đến, đã đầy đủ, đã thành tựu với trí toàn giác ấy.

2. *"Đối với Ngài, không có bất cứ điều gì ở nơi đây là không được nhìn thấy, không được nhận thức, hoặc không thể biết được. Điều nào có thể biết được, Ngài đã biết rõ tất cả; vì thế đức Như Lai là bậc Toàn Nhãn."*

"Thưa bậc Toàn Nhãn, xin Ngài hãy nói về đối tượng" là như thế.

Được nương tựa vào nơi ấy, con có thể vượt qua dòng lũ này.

Được nương tựa vào nơi ấy: Được nương tựa vào người ấy hoặc được nương tựa vào pháp, con có thể vượt qua, có thể vượt lên, có thể vượt khỏi, có thể vượt qua hẳn, có thể vượt qua khỏi dòng lũ [ngũ] dục, dòng lũ của hữu, dòng lũ tà kiến, dòng lũ vô minh lớn lao.

"Được nương tựa vào nơi ấy, con có thể vượt qua dòng lũ này" là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

[Tôn giả Upasīva nói rằng:] "Thưa vị dòng Sakya, một mình con, không nương tựa [nơi nào], con không có khả năng vượt qua dòng lũ lớn. Thưa bậc Toàn Nhãn, xin Ngài hãy nói về đối tượng, được nương tựa vào nơi ấy, con có thể vượt qua dòng lũ này."

6.2. *[Đức Thế Tôn nói: "Này Upasīva] trong khi xem xét về Vô sở hữu xứ, có niệm, nương tựa vào [ý niệm] 'không có', ngươi hãy vượt qua dòng lũ. Sau khi dứt bỏ các dục, đã xa lánh hẳn các điều nghi hoặc, ngươi hãy quán sát sự cạn kiệt của tham ái, đêm và ngày."*

Trong khi xem xét về Vô sở hữu xứ, có niệm. Vị Bà-la-môn ấy là người có sự chứng đạt về Vô sở hữu xứ một cách bình thường, nhưng không biết sự an tịnh chính là nơi nương tựa [không nghĩ rằng]: "Cái này là nơi nương tựa của tôi." Và đức Thế Tôn chỉ dạy cho vị ấy về sự nương tựa và thêm nữa chỉ đường lối dẫn dắt ra khỏi. Vị có niệm, sau khi thể nhập sự chứng đạt về Vô sở hữu xứ, sau khi xuất ra từ nơi ấy, tại chỗ đó trong khi xem xét các pháp tâm và sở hữu tâm được sanh lên là vô thường,... là khổ,... là cơn bệnh,... là mụt ghẻ,... là mũi tên,... là tai ương,... là tật nguyền,... là không sai khiến được,... là tiêu hoại,... là tai họa,... là bất hạnh,... là sợ hãi,... là nguy cơ,... là thay đổi,...

là mảnh mai,… là không bền,… là không nơi nương tựa,… là không nơi trú ẩn,… là không nơi nương nhờ,… là trạng thái không nơi nương nhờ,… là trống rỗng,… là rỗng không,… là trống không,… là vô ngã,… là bất lợi,… là có bản chất biến đổi, là không có cốt lõi,… là gốc gác của tai ương,… là kẻ giết hại,… là vật hư hỏng,… là có sự rò rỉ,… là bị tạo tác,… là mồi nhử của Ma vương,… là có bản chất sanh ra,… là có bản chất già,… là có bản chất bệnh,… là có bản chất chết,… là có bản chất sầu-bi-khổ-ưu-não,… là có bản chất ô nhiễm,… là nhân sanh khởi,… là sự biến hoại,… là sự hứng thú,… là sự bất lợi,… là sự thoát ra, trong khi xem xét, trong khi nhận thấy, trong khi quan sát, trong khi suy xét, trong khi khảo sát.

Có niệm: Niệm là sự tùy niệm, là niệm hiện tiền… (nt)… chánh niệm; điều này được gọi là niệm. Vị đã tiến đến,… (nt)… đã thành tựu với niệm này, vị này được gọi là có niệm.

"Trong khi xem xét về Vô sở hữu xứ", có niệm là như thế.

Đức Thế Tôn nói: Này Upasīva.

Upasīva: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính… (nt)… sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "đức Thế Tôn."

"Đức Thế Tôn nói: Này Upasīva" là như thế.

Nương tựa vào [ý niệm] "không có", ngươi hãy vượt qua dòng lũ: "Không có gì" là sự chứng đạt về Vô sở hữu xứ. Vì lý do gì mà "không có gì" là sự chứng đạt về Vô sở hữu xứ? Vị có niệm, sau khi thể nhập sự chứng đạt về Thức vô biên xứ, sau khi xuất ra từ nơi ấy, rồi làm cho không hiện hữu, làm cho hoàn toàn không còn hiện hữu, làm cho biến mất chính cái thức ấy, và nhìn thấy "không có gì"; vì lý do ấy mà "không có gì" là sự chứng đạt về Vô sở hữu xứ. Sau khi nương tựa vào điều ấy, sau khi nương nhờ, sau khi tạo ra nơi nâng đỡ, ngươi hãy vượt qua, hãy vượt lên, hãy vượt khỏi, hãy vượt qua hẳn, hãy vượt qua khỏi dòng lũ [ngũ] dục, dòng lũ của hữu, dòng lũ tà kiến, dòng lũ vô minh.

"Nương tựa vào [ý niệm] 'không có', ngươi hãy vượt qua dòng lũ" là như thế.

Sau khi dứt bỏ các dục, đã xa lánh hẳn các điều nghi hoặc.

Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt)… Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)… Các điều này được gọi là ô nhiễm dục.

Sau khi dứt bỏ: Sau khi biết toàn diện về các vật dục, sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu các ô nhiễm dục. "Sau khi dứt bỏ các dục" là như thế.

Đã xa lánh hẳn các điều nghi hoặc: Nghi hoặc nói đến hoài nghi, sự nghi ngờ về khổ,… (nt)… trạng thái sửng sốt, sự bối rối của tâm. Vị đã xa lánh, đã tránh khỏi, đã tránh xa, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không

bị ràng buộc với sự nghi hoặc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Đã xa lánh hẳn các điều nghi hoặc" là như vậy. Hoặc là, vị đã xa lánh, đã tránh khỏi, đã tránh xa, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc với ba mươi hai việc nói phù phiếm, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Đã xa lánh hẳn các điều nghi hoặc" còn là như vậy.

"Sau khi dứt bỏ các dục, đã xa lánh hẳn các điều nghi hoặc" là như thế.

Ngươi hãy quán sát sự cạn kiệt của tham ái, đêm và ngày.

Tham ái: Tham ái cảnh sắc,… (nt)… tham ái cảnh pháp.

Đêm: Nói đến ban đêm, **ngày:** Là ban ngày. Ngày và đêm, ngươi hãy nhìn xem, hãy quán sát, hãy nhận thấy, hãy quan sát, hãy suy xét, hãy khảo sát sự cạn kiệt của tham ái, sự cạn kiệt của luyến ái, sự cạn kiệt của sân hận, sự cạn kiệt của si mê, sự cạn kiệt của cảnh giới tái sanh, sự cạn kiệt của việc tái sanh, sự cạn kiệt của việc nối liền tái sanh, sự cạn kiệt của hữu, sự cạn kiệt của luân hồi, sự cạn kiệt của việc luân chuyển.

"Ngươi hãy quán sát sự cạn kiệt của tham ái, đêm và ngày" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: "Này Upasīva] trong khi xem xét về Vô sở hữu xứ, có niệm, nương tựa vào [ý niệm] 'không có', ngươi hãy vượt qua dòng lũ. Sau khi dứt bỏ các dục, đã xa lánh hẳn các điều nghi hoặc, ngươi hãy quán sát sự cạn kiệt của tham ái, đêm và ngày."

6.3. *[Tôn giả Upasīva nói rằng:] "Vị nào đã xa lìa sự luyến ái ở tất cả các dục, đã nương tựa vào Vô sở hữu xứ sau khi từ bỏ pháp [chứng đắc] khác,*[1] *đã hướng đến sự giải thoát do tưởng cao nhất, phải chăng vị ấy có thể trụ lại ở nơi ấy, không đi tiếp nữa?"*

Vị nào đã xa lìa sự luyến ái ở tất cả các dục.

Ở tất cả: Tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, từ "*sabbesu*" này là lối nói của sự bao gồm.

Ở các dục.

Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt)… Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)… Các điều này được gọi là ô nhiễm dục.

Vị nào đã xa lìa sự luyến ái ở tất cả các dục: Là vị nào có sự luyến ái đã được xa lìa, có sự luyến ái đã được tách lìa, có sự luyến ái đã được từ bỏ, có sự luyến ái đã được tẩy trừ, có sự luyến ái đã được giải thoát, có sự luyến ái đã được dứt bỏ, có sự luyến ái đã được buông bỏ ở tất cả các dục bởi sự đè nén.

[1] Xem chú thích 3 ở trang 439. (ND)

"Vị nào đã xa lìa sự luyến ái ở tất cả các dục" là như thế.

Tôn giả Upasīva nói rằng.

Rằng: [Từ "*icca*" này] là sự nối liền các câu văn,... (nt)...

Tôn giả: [Từ "*āyasmā*" này] là lời nói yêu mến,... (nt)...

Upasīva: Là tên của vị Bà-la-môn ấy,... (nt)... từ kêu gọi.

"Tôn giả Upasīva nói rằng" là như thế.

Đã nương tựa vào Vô sở hữu xứ, sau khi từ bỏ pháp [chứng đắc] khác: Sau khi từ bỏ, sau khi phế bỏ, sau khi buông bỏ, sau khi vượt quá, sau khi vượt qua hẳn, sau khi vượt qua khỏi sáu sự chứng đắc ở bên dưới, đã nương tựa, đã nương nhờ, đã bám vào, đã đến gần, đã tiến vào, đã bám chặt, đã hướng đến sự chứng đắc về Vô sở hữu xứ.

"Đã nương tựa vào Vô sở hữu xứ sau khi từ bỏ pháp [chứng đắc] khác" là như thế.

Đã hướng đến sự giải thoát do tưởng cao nhất: Sự giải thoát do tưởng nói đến bảy sự chứng đắc do tưởng.[2] Liên quan đến các sự chứng đắc do tưởng, trong số đó, sự giải thoát với sự chứng đạt về Vô sở hữu xứ là cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng và cao quý. Với sự giải thoát thiên về cảnh giới cao nhất, cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý, vị ấy đã thiên về [Vô sở hữu xứ], đã thiên về nơi ấy, [đã thiên về nó] đã đi theo nó, đã phát triển theo nó, đã xem trọng nó, đã uốn cong theo nó, đã chiều theo nó, đã xuôi theo nó, đã hướng đến nó, đã xem nó là chủ đạo.

"Đã hướng đến sự giải thoát do tưởng cao nhất" là như thế.

Phải chăng vị ấy có thể trụ lại ở nơi ấy, không đi tiếp nữa?

Phải chăng vị ấy có thể trụ lại: Các cụm từ "*evannu kho*", "*na nu kho*", "*kinnu kho*", "*kathannu kho*" là câu hỏi do ngờ vực, câu hỏi do nhầm lẫn, câu hỏi vì lưỡng lự, câu hỏi do không dứt khoát. "Phải chăng vị ấy có thể trụ lại" là như thế.

Ở nơi ấy: Ở Vô sở hữu xứ.

Không đi tiếp nữa: Không đi tiếp nữa là không rời ra, không rời đi, không bị biến mất, không bị suy giảm. Hoặc là, không bị luyến ái, không bị sân hận, không bị si mê, không bị ô nhiễm.

"Phải chăng vị ấy có thể trụ lại ở nơi ấy, không đi tiếp nữa" là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

[Tôn giả Upasīva nói rằng:] "Vị nào đã xa lìa sự luyến ái ở tất cả các dục, đã nương tựa vào Vô sở hữu xứ sau khi từ bỏ pháp [chứng đắc] khác, đã hướng đến sự giải thoát do tưởng cao nhất, phải chăng vị ấy có thể trụ lại ở nơi ấy, không đi tiếp nữa?"

---

[2] Bảy sự kiêu ngạo (*sattasaññāsamāpattiyo*): Là sự chứng đắc 4 tầng thiền sắc giới và 3 tầng thiền đầu thuộc vô sắc giới. (ND)

6.4. *[Đức Thế Tôn nói: "Này Upasīva,] vị nào đã xa lìa sự luyến ái ở tất cả các dục, đã nương tựa vào Vô sở hữu xứ sau khi từ bỏ pháp [chứng đắc] khác, đã hướng đến sự giải thoát do tưởng cao nhất, vị ấy có thể trụ lại ở nơi ấy, không đi tiếp nữa."*

Vị nào đã xa lìa sự luyến ái ở tất cả các dục.

Ở tất cả: Tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, từ "*sabbesu*" này là lối nói của sự bao gồm.

Ở các dục.

Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ...(nt)... Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là ô nhiễm dục.

Vị nào đã xa lìa sự luyến ái ở tất cả các dục: Là vị nào có sự luyến ái đã được xa lìa,... (nt)... có sự luyến ái đã được buông bỏ ở tất cả các dục bởi sự đè nén.

"Vị nào đã xa lìa sự luyến ái ở tất cả các dục" là như thế.

Đức Thế Tôn nói: Này Upasīva.

Upasīva: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "đức Thế Tôn."

"Đức Thế Tôn nói: Này Upasīva" là như thế.

Đã nương tựa vào Vô sở hữu xứ, sau khi từ bỏ pháp [chứng đắc] khác: Sau khi từ bỏ, sau khi phế bỏ, sau khi buông bỏ, sau khi vượt quá, sau khi vượt qua hẳn, sau khi vượt qua khỏi sáu sự chứng đắc ở bên dưới, đã nương tựa, đã nương nhờ, đã bám vào, đã đến gần, đã tiến vào, đã bám chặt, đã hướng đến sự chứng đắc về Vô sở hữu xứ.

"Đã nương tựa vào Vô sở hữu xứ sau khi từ bỏ pháp [chứng đắc] khác" là như thế.

Đã hướng đến sự giải thoát do tưởng cao nhất: Sự giải thoát do tưởng nói đến bảy sự chứng đắc do tưởng. Liên quan đến các sự chứng đắc do tưởng, trong số đó, sự giải thoát với sự chứng đạt về Vô sở hữu xứ là cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng và cao quý. Với sự giải thoát thiên về cảnh giới cao nhất, cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý, vị ấy đã thiên về [Vô sở hữu xứ], đã thiên về nơi ấy, đã thiên về nó,... (nt)... đã xem nó là chủ đạo.

"Đã hướng đến sự giải thoát do tưởng cao nhất" là như thế.

Vị ấy có thể trụ lại ở nơi ấy, không đi tiếp nữa.

Có thể trụ lại: Có thể trụ lại sáu mươi ngàn kiếp.

Ở nơi ấy: Ở Vô sở hữu xứ.

Không đi tiếp nữa: Không đi tiếp nữa là không rời ra, không rời đi, không bị biến mất, không bị suy giảm. Hoặc là, không bị luyến ái, không bị sân hận, không bị si mê, không bị ô nhiễm.

"Vị ấy có thể trụ lại ở nơi ấy, không đi tiếp nữa" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: "Này Upasīva] vị nào đã xa lìa sự luyến ái ở tất cả các dục, đã nương tựa vào Vô sở hữu xứ sau khi từ bỏ pháp [chứng đắc] khác, đã hướng đến sự giải thoát do tưởng cao nhất, vị ấy có thể trụ lại ở nơi ấy, không đi tiếp nữa."

6.5. *[Tôn giả Upasīva nói rằng:] "Nếu vị ấy trụ lại ở nơi ấy, không đi tiếp nữa, thậm chí một số năm, thưa bậc Toàn Nhãn, ngay tại chỗ ấy, vị ấy có thể có sự mát mẻ, được giải thoát, có phải thức của vị thuộc hạng như thế ấy có thể diệt tắt?"*

Nếu vị ấy trụ lại ở nơi ấy, không đi tiếp nữa: Nếu vị ấy trụ lại sáu mươi ngàn kiếp.

Ở nơi ấy: Ở Vô sở hữu xứ.

Không đi tiếp nữa: Không đi tiếp nữa là không rời ra, không rời đi không bị biến mất, không bị suy giảm. Hoặc là, không bị luyến ái, không bị sân hận, không bị si mê, không bị ô nhiễm.

"Nếu vị ấy trụ lại ở nơi ấy, không đi tiếp nữa" là như thế.

Thậm chí một số năm, thưa bậc Toàn Nhãn.

Thậm chí một số năm: Thậm chí một số năm là nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm, nhiều kiếp, nhiều trăm kiếp, nhiều ngàn kiếp, nhiều trăm ngàn kiếp.

Thưa bậc Toàn Nhãn: Toàn nhãn nói đến trí toàn giác. ... (nt)… vì thế, đức Như Lai là bậc Toàn Nhãn.

"Thậm chí một số năm, thưa bậc Toàn Nhãn" là như thế.

Ngay tại chỗ ấy, vị ấy có thể có sự mát mẻ, được giải thoát, có phải thức của vị thuộc hạng như thế ấy có thể diệt tắt? Là hỏi về trạng thái thường còn và đoạn diệt của vị đã đạt đến Vô sở hữu xứ rằng: "Ngay tại nơi ấy, vị ấy có thể đạt được trạng thái mát mẻ, [trở thành] thường còn, bền vững, trường tồn, không có bản chất biến đổi, có thể trụ lại một cách vĩnh cửu y như thế ấy, hay là thức của vị ấy có thể diệt tắt, có thể bị đứt lìa, có thể bị hư hoại, có thể bị tiêu hoại, có thể không hiện hữu, rồi thức nối liền tái sanh cho sự hiện hữu lần nữa có thể hạ sanh ở dục giới, hoặc ở sắc giới, hoặc ở vô sắc giới?" Hoặc là, hỏi về sự viên tịch Niết-bàn và sự nối liền tái sanh của vị đã sanh lên Vô sở hữu xứ rằng: "Ngay tại nơi ấy, vị ấy có thể viên tịch Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn không còn dư sót, hay là thức của vị ấy có thể diệt tắt, rồi thức nối liền tái sanh có thể hạ sanh tiếp tục ở dục giới, hoặc ở sắc giới, hoặc ở vô sắc giới?"

Của vị thuộc hạng như thế ấy: Của vị thuộc hạng như thế ấy là của vị giống như thế ấy, của vị được tồn tại thế ấy, của vị có kiểu cách ấy, của vị có biểu hiện ấy, của vị đã sanh lên Vô sở hữu xứ.

"Ngay tại chỗ ấy, vị ấy có thể có sự mát mẻ, được giải thoát, có phải thức của vị thuộc hạng như thế ấy có thể diệt tắt?" là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

[Tôn giả Upasīva nói rằng:] "Nếu vị ấy trụ lại ở nơi ấy, không đi tiếp nữa, thậm chí một số năm, thưa bậc Toàn Nhãn, ngay tại chỗ ấy, vị ấy có thể có sự mát mẻ, được giải thoát, có phải thức của vị thuộc hạng như thế ấy có thể diệt tắt?"

6.6. *[Đức Thế Tôn nói: "Này Upasīva] giống như ngọn lửa đã bị dập tắt bởi lực đẩy của làn gió, thời đi đến sự chấm dứt, không đạt đến danh xưng; tương tự như vậy, vị Hiền trí đã được giải thoát khỏi danh thân[3] thời đi đến sự chấm dứt, không đạt đến danh xưng."*

Giống như ngọn lửa đã bị dập tắt bởi lực đẩy của làn gió.

Ngọn lửa: Nói đến chóp đỉnh của ngọn lửa.

Làn gió: Gió hướng Đông, gió hướng Tây, gió hướng Bắc, gió hướng Nam, gió có bụi, gió không có bụi, gió mát, gió nóng, gió ít, gió nhiều, hắc phong, gió ở thượng tầng khí quyển, gió do cánh chim, gió của loài linh điểu, gió do lá thốt nốt, gió từ cây quạt.

Đã bị dập tắt bởi lực đẩy của làn gió: Đã bị dập tắt, đã bị hất tung, đã bị dời đi, đã bị dẹp đi, đã bị đè nén, đã bị áp chế bởi lực đẩy của làn gió.

"Giống như ngọn lửa đã bị dập tắt bởi lực đẩy của làn gió" là như thế.

Đức Thế Tôn nói: Này Upasīva.

Upasīva: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính… (nt)… sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "đức Thế Tôn."

"Đức Thế Tôn nói: Này Upasīva" là như thế.

Thời đi đến sự chấm dứt, không đạt đến danh xưng.

Đi đến sự chấm dứt: Đi đến sự chấm dứt là đi đến sự biến mất, di chuyển đến sự biến mất, được diệt tận, được vắng lặng, được tịch tịnh.

Không đạt đến danh xưng: [Gió] không đạt đến danh xưng, không đạt đến sự chỉ định, không đạt đến sự tính toán, không đạt đến sự quy định rằng: "Gió thổi theo hướng Đông, hoặc gió thổi theo hướng Tây, hoặc gió thổi theo hướng Bắc, hoặc gió thổi theo hướng Nam, hoặc gió thổi lên, hoặc gió thổi xuống, hoặc gió thổi ngang, hoặc gió thổi theo hướng phụ"; không có nhân, không có duyên, không có lý do, mà bởi điều ấy gió có thể đi đến danh xưng.

[3] Danh thân (*nāmakāya*): Tập hợp các yếu tố thuộc về tâm. (ND)

"Thời đi đến sự chấm dứt, không đạt đến danh xưng" là như thế.

Tương tự như vậy, vị Hiền trí đã được giải thoát khỏi danh thân.

Tương tự như vậy: Là phương thức của sự so sánh.

Vị Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí,... (nt)... đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là bậc Hiền trí.

Đã được giải thoát khỏi danh thân: Vị Hiền trí ấy đã được giải thoát khỏi sắc thân[4] một cách bình thường ngay trước đó, đã được dứt bỏ do việc vượt qua một cách tạm thời bằng sự dứt bỏ bởi sự đè nén. Vị Hiền trí ấy, nhờ vào đức Thế Tôn, đã đạt được bốn Thánh đạo; do trạng thái đã đạt được bốn Thánh đạo, danh thân và sắc thân được biết toàn diện; do trạng thái đã biết toàn diện về danh thân và sắc thân, [vị ấy] được tự do, được giải thoát, được giải thoát tốt đẹp khỏi danh thân và sắc thân bằng việc giải thoát khỏi chấp thủ một cách tuyệt đối.

"Tương tự như vậy, vị Hiền trí đã được giải thoát khỏi danh thân" là như thế.

Thời đi đến sự chấm dứt, không đạt đến danh xưng.

Thời đi đến sự chấm dứt: Là viên tịch Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn không còn dư sót.

Không đạt đến danh xưng: Vị đã viên tịch Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn không còn dư sót thì không đạt đến danh xưng, không đạt đến sự chỉ định, không đạt đến sự tính toán, không đạt đến sự quy định là: "Sát-đế-ly", hay "Bà-la-môn", hay "thương buôn", hay "nô lệ", hay "tại gia", hay "xuất gia", hay "thiên nhân", hay "loài người", hay "người hữu sắc", hay "người vô sắc", hay "người hữu tưởng", hay "người vô tưởng", hay "người phi tưởng phi phi tưởng"; không có nhân, không có duyên, không có lý do, mà bởi điều ấy vị ấy có thể đi đến danh xưng.

"Thời đi đến sự chấm dứt, không đạt đến danh xưng" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: "Này Upasīva] giống như ngọn lửa đã bị dập tắt bởi lực đẩy của làn gió, thời đi đến sự chấm dứt, không đạt đến danh xưng; tương tự như vậy, vị Hiền trí đã được giải thoát khỏi danh thân thời đi đến sự chấm dứt, không đạt đến danh xưng."

6.7. *Có phải vị ấy đi đến sự chấm dứt hay vị ấy không có [hiện hữu],*
Hay là vị ấy thật sự ở vào trạng thái trường tồn, vô bệnh?
Thưa bậc Hiền trí, xin Ngài hãy giảng rõ tường tận điều ấy cho con,
Bởi vì pháp này đã được Ngài biết đúng theo bản thể.

Có phải vị ấy đi đến sự chấm dứt hay vị ấy không có [hiện hữu]: Vị ấy

[4] Sắc thân (*rūpakāya*): Tập hợp các yếu tố thuộc về sắc. (ND)

đi đến sự chấm dứt hay là không có hiện hữu, vị ấy đã được tịch diệt, đã được đoạn diệt, đã được hoại diệt.

"Có phải vị ấy đi đến sự chấm dứt hay vị ấy không có [hiện hữu]" là như thế.

Hay là vị ấy thật sự ở vào trạng thái trường tồn, vô bệnh: Hay là vị ấy thường còn, bền vững, trường tồn, không có bản chất biến đổi, có thể trụ lại một cách vĩnh cửu y như thế ấy.

"Hay là vị ấy thật sự ở vào trạng thái trường tồn, vô bệnh" là như thế.

Thưa bậc Hiền trí, xin Ngài hãy giảng rõ tường tận điều ấy cho con.

Điều ấy: Là điều mà con hỏi, điều mà con yêu cầu, điều mà con thỉnh cầu, điều mà con đặt niềm tin.

Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí,… (nt)… đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là bậc Hiền trí.

Xin Ngài hãy giảng rõ tường tận: Xin Ngài hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ một cách tường tận.

"Xin Ngài hãy giảng rõ tường tận điều ấy cho con" là như thế.

Bởi vì pháp này đã được Ngài biết đúng theo bản thể: Bởi vì pháp này đã được biết, đã được cân nhắc, đã được xác định, đã được rõ rệt, đã được minh định bởi Ngài đúng theo bản thể.

"Bởi vì pháp này đã được Ngài biết đúng theo bản thể" là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

"Có phải vị ấy đi đến sự chấm dứt hay vị ấy không có [hiện hữu],
Hay là vị ấy thật sự ở vào trạng thái trường tồn, vô bệnh?
Thưa bậc Hiền trí, xin Ngài hãy giảng rõ tường tận điều ấy cho con,
Bởi vì pháp này đã được Ngài biết đúng theo bản thể."

6.8. *[Đức Thế Tôn nói: "Này Upasīva,] đối với vị đã đi đến sự chấm dứt thì không có sự ước lượng. Với điều nào người ta có thể nói về vị ấy, thì điều ấy không còn có đối với vị ấy. Khi tất cả các pháp đã được bứng lên hoàn toàn, ngay cả nền tảng của lời nói cũng được bứng lên hoàn toàn."*

Đối với vị đã đi đến sự chấm dứt thì không có sự ước lượng. Đối với vị đã đi đến sự chấm dứt: Đối với vị đã viên tịch Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn không còn dư sót, sự ước lượng về sắc là không có, sự ước lượng về thọ là không có, sự ước lượng về tưởng là không có, sự ước lượng về các sự tạo tác là không có, sự ước lượng về thức là không có. Không có là không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

"Đối với vị đã đi đến sự chấm dứt thì không có sự ước lượng" là như thế.

Đức Thế Tôn nói: Này Upasīva.

Upasīva: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính… (nt)… sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "đức Thế Tôn."

"Đức Thế Tôn nói: Này Upasīva" là như thế.

Với điều nào người ta có thể nói về vị ấy, thì điều ấy không còn có đối với vị ấy: Với sự luyến ái nào người ta có thể nói, với sự sân hận nào người ta có thể nói, với sự si mê nào người ta có thể nói, với sự ngã mạn nào người ta có thể nói, với tà kiến nào người ta có thể nói, với sự phóng dật nào người ta có thể nói, với hoài nghi nào người ta có thể nói, với các pháp tiềm ẩn nào mà người ta có thể nói [về vị ấy] rằng: "Kẻ bị luyến ái", hoặc "kẻ bị sân hận", hoặc "kẻ bị si mê", hoặc "kẻ bị trói buộc", hoặc "kẻ bị bám víu", hoặc "kẻ bị tán loạn", hoặc "kẻ không dứt khoát", hoặc "kẻ cứng cỏi", các pháp tạo tác ấy đã được dứt bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với các pháp tạo tác, với cảnh giới tái sanh nào người ta có thể nói [về vị ấy] là: "Người địa ngục", hoặc "loài thú", hoặc "thân phận ngạ quỷ", hoặc "loài người", hoặc "thiên nhân", hoặc "người hữu sắc", hoặc "người vô sắc", hoặc "người hữu tưởng", hoặc "người vô tưởng", hoặc "người phi tưởng phi phi tưởng"; không có nhân, không có duyên, không có lý do, mà bởi điều ấy người ta có thể nói, có thể thuyết, có thể phát ngôn, có thể giảng giải, có thể diễn tả [về vị ấy].

"Với điều nào người ta có thể nói về vị ấy, thì điều ấy không còn có đối với vị ấy" là như thế.

Khi tất cả các pháp đã được bứng lên hoàn toàn: Khi tất cả các pháp, khi tất cả các uẩn, khi tất cả các xứ, khi tất cả các giới, khi tất cả các cảnh giới tái sanh, khi tất cả các sự tái sanh, khi tất cả các sự nối liền tái sanh, khi tất cả các hữu, khi tất cả các sự luân hồi, khi tất cả các sự luân chuyển đã được bứng lên, đã được bứng lên hoàn toàn, đã được lấy lên, đã được lấy lên hoàn toàn, đã được nhổ lên, đã được nhổ lên hoàn toàn, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

"Khi tất cả các pháp đã được bứng lên hoàn toàn" là như thế.

Ngay cả nền tảng của lời nói cũng được bứng lên hoàn toàn: Nền tảng của lời nói đề cập đến các ô nhiễm, các uẩn và các sự tạo tác. Đối với vị ấy, thì lời nói, nền tảng của lời nói, sự diễn đạt, nền tảng của sự diễn đạt, sự mô tả, nền tảng của sự mô tả, sự quy định, nền tảng của sự quy định đã được bứng lên, đã được bứng lên hoàn toàn, đã được lấy lên, đã được lấy lên hoàn toàn, đã được nhổ lên, đã được nhổ lên hoàn toàn, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

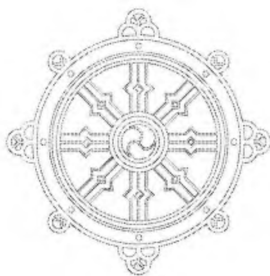
"Ngay cả nền tảng của lời nói cũng được bứng lên hoàn toàn" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: "Này Upasīva] đối với vị đã đi đến sự chấm dứt thì không có sự ước lượng. Với điều nào người ta có thể nói về vị ấy, thì điều ấy không còn có đối với vị ấy. Khi tất cả các pháp đã được bứng lên hoàn toàn, ngay cả nền tảng của lời nói cũng được bứng lên hoàn toàn."

Cùng với lúc kết thúc câu kệ ngôn,... (nt)... [vị ấy] đã ngồi xuống, chắp tay lên, cúi lạy đức Thế Tôn [nói rằng]: "Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử."

"Diễn giải kinh Upasīva" là thứ sáu.



7. DIỄN GIẢI KINH NANDA
(*NANDASUTTANIDDESO*)

7.1. *[Tôn giả Nanda nói rằng:] "'Các bậc Hiền trí hiện hữu ở thế gian', mọi người nói như thế; theo Ngài, điều này [có ý nghĩa] thế nào? Họ nói người đã thành tựu về trí là bậc Hiền trí, hay là người đã thực sự thành tựu về lối sống?"*

Các bậc Hiền trí hiện hữu ở thế gian.

Hiện hữu: Hiện hữu là tìm thấy, có, tồn tại.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh... (nt)... ở thế gian của các xứ.

Các bậc Hiền trí: Các đạo sĩ khổ hạnh, các đạo sĩ lõa thể, các đạo sĩ bện tóc, các đạo sĩ hành xác đều có tên gọi là Hiền trí.

"Các bậc Hiền trí hiện hữu ở thế gian" là như thế.

Tôn giả Nanda nói rằng.

Rằng: [Từ "*icca*" này] là sự nối liền các câu văn,... (nt)...

Tôn giả: [Từ "*āyasmā*" này] là lời nói yêu mến,... (nt)...

Nanda: Là tên của vị Bà-la-môn ấy,... (nt)... từ kêu gọi.

"Tôn giả Nanda nói rằng" là như thế.

Mọi người nói như thế; theo Ngài, điều này [có ý nghĩa] thế nào?

Mọi người: Các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, các thương buôn, các nô lệ, các người tại gia, các vị xuất gia, chư thiên và loài người.

Nói: Họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả.

Theo Ngài, điều này [có ý nghĩa] thế nào? Các cụm từ "*evannu kho*", "*na nu kho*", "*kinnu kho*", "*kathannu kho*" là câu hỏi do ngờ vực, câu hỏi do nhầm lẫn, câu hỏi vì lưỡng lự, câu hỏi do không dứt khoát.

"Mọi người nói như thế; theo Ngài, điều này [có ý nghĩa] thế nào?" là như thế.

Họ nói người đã thành tựu về trí là bậc Hiền trí: Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả người đã tiến đến, đã tiến gần, đã tiến vào, đã tiến sát, đã đạt đến, đã đầy đủ, đã thành tựu trí của tám sự chứng đạt [về định] hoặc trí của năm thắng trí [thần thông].

"Họ nói người đã thành tựu về trí là bậc Hiền trí" là như thế.

Hay là người đã thực sự thành tựu về lối sống? Hay là họ nói, họ thuyết,

họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả người đã tiến đến, đã tiến gần, đã tiến vào, đã tiến sát, đã đạt đến, đã đầy đủ, đã thành tựu sự chuyên cần ở cuộc sống khốn khó với nhiều cách thức.

"Hay là người đã thực sự thành tựu về lối sống?" là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

[Tôn giả Nanda nói rằng:] "'Các bậc Hiền trí hiện hữu ở thế gian', mọi người nói như thế; theo Ngài, điều này [có ý nghĩa] thế nào? Họ nói người đã thành tựu về trí là bậc Hiền trí, hay là người đã thực sự thành tựu về lối sống?"

7.2. *"Không phải do thấy, không phải do nghe, không phải do trí, mà các bậc thiện xảo ở nơi đây gọi là bậc Hiền trí. Những người nào sau khi tiêu diệt đạo binh [ô nhiễm] sống không phiền muộn, không mong cầu, Ta nói rằng những người ấy là các bậc Hiền trí."*

Không phải do thấy, không phải do nghe, không phải do trí.

Không phải do thấy: Không phải nhờ vào sự trong sạch do điều đã được thấy.

Không phải do nghe: Không phải nhờ vào sự trong sạch do điều đã được nghe.

Không phải do trí: Cũng không phải nhờ vào trí của tám sự chứng đạt [về định], cũng không phải nhờ vào trí của năm thắng trí [thần thông], cũng không phải nhờ vào tà trí.

"Không phải do thấy, không phải do nghe, không phải do trí" là như thế.

Mà các bậc thiện xảo ở nơi đây gọi là bậc Hiền trí.

Các bậc thiện xảo: Là các bậc thiện xảo về uẩn, thiện xảo về giới, thiện xảo về xứ, thiện xảo về pháp tùy thuận sanh khởi, thiện xảo về sự thiết lập niệm, thiện xảo về chánh cần, thiện xảo về nền tảng của thần thông, thiện xảo về quyền, thiện xảo về lực, thiện xảo về giác chi, thiện xảo về Đạo, thiện xảo về Quả, thiện xảo về Niết-bàn, các bậc thiện xảo ấy không nói, không thuyết, không phát ngôn, không giảng giải, không diễn tả [rằng] người "đã tiến đến, đã tiến gần, đã tiến vào, đã tiến sát, đã đạt đến, được đầy đủ, được hội đủ với sự trong sạch do điều đã được thấy, hoặc với sự trong sạch do điều đã được nghe, hoặc với trí của tám sự chứng đạt [về định], hoặc với trí của năm thắng trí [thần thông], hoặc với tà trí, hoặc với việc đã được thấy, hoặc với việc đã được nghe" là bậc Hiền trí.

"Mà các bậc thiện xảo ở nơi đây gọi là bậc Hiền trí" là như thế.

Những người nào sau khi tiêu diệt đạo binh [ô nhiễm] sống không phiền muộn, không mong cầu, Ta nói rằng những người ấy là các bậc Hiền trí.

Đạo binh: Nói đến đạo binh của Ma vương, uế hạnh về thân là đạo binh của Ma vương, uế hạnh về khẩu là đạo binh của Ma vương, uế hạnh về ý là đạo binh của Ma vương, luyến ái là đạo binh của Ma vương, sân hận là đạo binh

của Ma vương, si mê là đạo binh của Ma vương, giận dữ là đạo binh của Ma vương, thù hằn… gièm pha… ác ý… ganh tỵ… bỏn xẻn… xảo trá… lừa gạt… bướng bỉnh… hung hăng… ngã mạn… cao ngạo… đam mê… xao lãng… tất cả ô nhiễm… tất cả uế hạnh… mọi sự lo lắng… mọi sự bực bội… mọi sự nóng nảy… tất cả các pháp tạo tác bất thiện là đạo binh của Ma vương.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

1. *Các dục là đạo binh thứ nhất của ngươi, thứ nhì nói đến sự không thích thú, thứ ba của ngươi là đói và khát, thứ tư gọi là tham ái.*

2. *Thứ năm của ngươi là dã dượi và buồn ngủ, thứ sáu gọi là sự khiếp đảm, thứ bảy của ngươi là hoài nghi, thứ tám của ngươi là gièm pha, bướng bỉnh.*

3. *Lợi lộc, sự nổi tiếng, sự trọng vọng và danh vọng nào đã đạt được một cách sai trái, kẻ nào đề cao bản thân và khi dễ những người khác.*

4. *– Này Namuci, chúng là đạo binh của ngươi, là quân xung kích của Hắc ám. Kẻ khiếp nhược không chiến thắng nó, và vị đã chiến thắng thì đạt được sự an lạc.*

Khi nào tất cả các đạo binh của Ma vương và tất cả các ô nhiễm có hành động đối kháng đã bị đánh bại và đã bị khuất phục, đã bị đổ vỡ, đã bị tan rã, không còn hiện diện nhờ vào bốn Thánh đạo, vì thế, được gọi là "sau khi tiêu diệt đạo binh [ô nhiễm]."

Không phiền muộn: Sự luyến ái là phiền muộn, sân hận là phiền muộn, si mê là phiền muộn, giận dữ là phiền muộn, thù hằn là phiền muộn,… (nt)… tất cả các pháp tạo tác bất thiện là phiền muộn. Đối với những người nào, các phiền muộn này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; những người ấy được gọi là không phiền muộn.

Không mong cầu: Mong cầu nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,… (nt)… tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với những người nào, các mong cầu tham ái ấy là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, những người ấy được gọi là không mong cầu.

Những người nào: Là các bậc A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Những người nào sau khi tiêu diệt đạo binh [ô nhiễm] sống không phiền muộn, không mong cầu, Ta nói rằng những người ấy là các bậc Hiền trí: Những người nào sau khi tiêu diệt đạo binh [ô nhiễm], sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, nuôi dưỡng, bảo dưỡng, không phiền muộn, không mong cầu; Ta nói, Ta chỉ dạy, Ta chỉ bảo, Ta thông báo, Ta ấn định, Ta khai mở, Ta chia sẻ, Ta làm rõ, Ta bày tỏ rằng: "Những người ấy là 'các bậc Hiền trí' ở thế gian."

"Những người nào sau khi tiêu diệt đạo binh [ô nhiễm] sống không phiền muộn, không mong cầu, Ta nói rằng những người ấy là các bậc Hiền trí" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Không phải do thấy, không phải do nghe, không phải do trí, mà các bậc thiện xảo ở nơi đây gọi là bậc Hiền trí. Những người nào sau khi tiêu diệt đạo binh [ô nhiễm] sống không phiền muộn, không mong cầu, Ta nói rằng những người ấy là các bậc Hiền trí."

7.3. *[Tôn giả Nanda nói rằng:] "Bất cứ những Sa-môn và Bà-la-môn nào nói rằng sự trong sạch là do điều đã được thấy và do điều đã được nghe, nói rằng sự trong sạch là do giới và phận sự, nói rằng sự trong sạch là do nhiều hình thức, có phải những vị ấy, thưa đức Thế Tôn, trong khi sống kiềm chế ở nơi ấy, họ đã vượt qua sanh và già, thưa Ngài? Con hỏi Ngài, thưa đức Thế Tôn, xin Ngài hãy trả lời con về điều này."*

Bất cứ những Sa-môn và Bà-la-môn nào.

Bất kể những vị nào: Tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, cụm từ "*ye keci*" này là lối nói của sự bao gồm.

Sa-môn: Bất cứ những người nào đã đi đến hạnh du sĩ, đã thành tựu hạnh du sĩ bên ngoài giáo pháp này.

Bà-la-môn: Bất cứ những người nào xưng hô với từ "ông."

"Bất cứ những Sa-môn và Bà-la-môn nào" là như thế.

Tôn giả Nanda nói rằng.

Rằng: [Từ "*icca*" này] là sự nối liền các câu văn,... (nt)...

Tôn giả: [Từ "*āyasmā*" này] là lời nói yêu mến,... (nt)...

Nanda: Là tên của vị Bà-la-môn ấy,... (nt)... từ kêu gọi.

"Tôn giả Nanda nói rằng" là như thế.

Nói rằng sự trong sạch là do điều đã được thấy và do điều đã được nghe: Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do điều đã được thấy. Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do điều đã được nghe. Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do điều đã được thấy và do điều đã được nghe.

"Nói rằng sự trong sạch là do điều đã được thấy và do điều đã được nghe" là như thế.

Nói rằng sự trong sạch là do giới và phận sự: Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do giới. Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự

thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do phận sự. Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do giới và phận sự.

"Nói rằng sự trong sạch là do giới và phận sự" là như thế.

Nói rằng sự trong sạch là do nhiều hình thức: Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do nhiều loại điềm báo hiệu tốt xấu.

"Nói rằng sự trong sạch là do nhiều hình thức" là như thế.

Có phải những vị ấy, thưa đức Thế Tôn, trong khi sống kiềm chế ở nơi ấy.

Có phải: Các cụm từ "*evannu kho*", "*na nu kho*", "*kinnu kho*", "*kathannu kho*" là câu hỏi do ngờ vực, câu hỏi do nhầm lẫn, câu hỏi vì lưỡng lự, câu hỏi do không dứt khoát. "Có phải" là như thế.

Những vị ấy: Là những người theo tà kiến.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính… (nt)… sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "đức Thế Tôn." "Có phải những vị ấy, thưa đức Thế Tôn" là như thế.

Trong khi sống kiềm chế ở nơi ấy.

Ở nơi ấy: Là ở quan điểm của mình, ở sự chấp nhận của mình, ở sự ưa thích của mình, ở quan niệm của mình.

Kiềm chế: Là đã kiềm chế, đã kiềm giữ, đã bảo vệ, đã gìn giữ, đã thu thúc.

Trong khi sống: Là trong khi thực hành, trong khi trú ngụ, trong khi sinh hoạt, trong khi vận hành, trong khi bảo hộ, trong khi nuôi dưỡng, trong khi bảo dưỡng.

"Có phải những vị ấy, thưa đức Thế Tôn, trong khi sống kiềm chế ở nơi ấy" là như thế.

Họ đã vượt qua sanh và già, thưa Ngài: Họ đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt khỏi, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi sanh-già-chết.

Thưa Ngài: Từ "*mārisa*" này là lời nói yêu mến, lời nói kính trọng, lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng.

"Họ đã vượt qua sanh và già, thưa Ngài" là như thế.

Con hỏi Ngài, thưa đức Thế Tôn, xin Ngài hãy trả lời con về điều này.

Con hỏi Ngài: Con hỏi Ngài, con yêu cầu Ngài, con thỉnh cầu Ngài, con đặt niềm tin ở Ngài, xin Ngài hãy thuyết giảng cho con. "Con hỏi Ngài" là như thế.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính… (nt)… sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "đức Thế Tôn."

Xin Ngài hãy trả lời con về điều này: Xin Ngài hãy nói, hãy chỉ dạy, hãy

chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ.

"Con hỏi Ngài, thưa đức Thế Tôn, xin Ngài hãy trả lời con về điều này" là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

[Tôn giả Nanda nói rằng:] "Bất cứ những Sa-môn và Bà-la-môn nào nói rằng sự trong sạch là do điều đã được thấy và do điều đã được nghe, nói rằng sự trong sạch là do giới và phận sự, nói rằng sự trong sạch là do nhiều hình thức, có phải những vị ấy, thưa đức Thế Tôn, trong khi sống kiềm chế ở nơi ấy, họ đã vượt qua sanh và già, thưa Ngài? Con hỏi Ngài, thưa đức Thế Tôn, xin Ngài hãy trả lời con về điều này."

7.4. *[Đức Thế Tôn nói: "Này Nanda,] bất cứ những vị Sa-môn và Bà-la-môn nào nói rằng sự trong sạch là do điều đã được thấy và do điều đã được nghe, nói rằng sự trong sạch là do giới và phận sự, nói rằng sự trong sạch là do nhiều hình thức, mặc dầu những vị ấy, trong khi sống kiềm chế ở nơi ấy; Ta nói rằng: 'Họ đã không vượt qua sanh và già.'"*

Bất cứ những Sa-môn và Bà-la-môn nào.

Bất kể những vị nào: Tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, cụm từ "*ye kecī*" này là lối nói của sự bao gồm.

Sa-môn: Bất cứ những người nào đã đi đến hạnh du sĩ, đã thành tựu hạnh du sĩ bên ngoài giáo pháp này.

Bà-la-môn: Bất cứ những người nào xưng hô với từ "ông."

"Bất cứ những Sa-môn và Bà-la-môn nào" là như thế.

Đức Thế Tôn nói: Này Nanda.

Nanda: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính… (nt)… sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "đức Thế Tôn."

"Đức Thế Tôn nói: Này Nanda" là như thế.

Nói rằng sự trong sạch là do điều đã được thấy và do điều đã được nghe: Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do điều đã được thấy. Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do điều đã được nghe. Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do điều đã được thấy và do điều đã được nghe.

"Nói rằng sự trong sạch là do điều đã được thấy và do điều đã được nghe" là như thế.

Nói rằng sự trong sạch là do giới và phận sự: Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do giới. Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do phận sự. Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do giới và phận sự.

"Nói rằng sự trong sạch là do giới và phận sự" là như thế.

Nói rằng sự trong sạch là do nhiều hình thức: Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do nhiều loại điềm báo hiệu tốt xấu.

"Nói rằng sự trong sạch là do nhiều hình thức" là như thế.

Mặc dầu những vị ấy, trong khi sống kiềm chế ở nơi ấy.

Mặc dầu: Từ "*kiñcāpi*" này là sự nối liền các câu văn, sự kết hợp các câu văn, sự làm đầy đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuốt từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn.

Những vị ấy: Là những người theo tà kiến.

Ở nơi ấy: Là ở quan điểm của mình, ở sự chấp nhận của mình, ở sự ưa thích của mình, ở quan niệm của mình.

Kiềm chế: Là đã kiềm chế, đã kiềm giữ, đã bảo vệ, đã gìn giữ, đã hộ trì, đã thu thúc.

Trong khi sống: Là trong khi thực hành, trong khi trú ngụ, trong khi sinh hoạt, trong khi vận hành, trong khi bảo hộ, trong khi nuôi dưỡng, trong khi bảo dưỡng.

"Mặc dầu những vị ấy, trong khi sống kiềm chế ở nơi ấy" là như thế.

Ta nói rằng: Họ đã không vượt qua sanh và già. Ta nói, Ta chỉ dạy, Ta chỉ bảo, Ta thông báo, Ta ấn định, Ta khai mở, Ta chia sẻ, Ta làm rõ, Ta bày tỏ rằng: "Họ đã không vượt qua, đã không vượt lên, đã không vượt khỏi, đã không vượt qua hẳn, đã không vượt qua khỏi sanh-già-chết; họ không đi ra ngoài, không rời ra, không vượt trội, không vượt qua, không vượt qua hẳn, không vượt qua khỏi sanh-già-chết; họ quay cuồng bên trong sanh-già-chết; họ quay cuồng bên trong con đường luân hồi; họ bị theo sau bởi sanh, bị đeo đuổi bởi già, bị thống trị bởi bệnh, bị hành hạ bởi chết, không nơi nương tựa, không nơi trú ẩn, không nơi nương nhờ, có trạng thái không nơi nương nhờ."

"Ta nói rằng: Họ đã không vượt qua sanh và già" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: "Này Nanda] bất cứ những vị Sa-môn và Bà-la-môn nào nói rằng sự trong sạch là do điều đã được thấy và do điều đã được nghe, nói rằng sự trong sạch là do giới và phận sự, nói rằng sự trong sạch là do nhiều hình thức, mặc dầu những vị ấy, trong khi sống kiềm chế ở nơi ấy; Ta nói rằng: 'Họ đã không vượt qua sanh và già.'"

7.5-6. *[Tôn giả Nanda nói rằng:] "Bất cứ những vị Sa-môn và Bà-la-môn nào nói rằng sự trong sạch là do điều đã được thấy và do điều đã được nghe, nói rằng sự trong sạch là do giới và phận sự, nói rằng sự trong sạch là do nhiều hình thức.*
Thưa bậc Hiền trí, nếu Ngài nói những vị ấy là không vượt qua dòng lũ, vậy giờ đây, thưa Ngài, người nào ở thế giới chư thiên và nhân loại đã vượt qua sanh và già? Con hỏi Ngài, thưa đức Thế Tôn, xin Ngài hãy trả lời con về điều này."

Bất cứ những Sa-môn và Bà-la-môn nào.

Bất kể những vị nào: Tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, cụm từ "*ye keci*" này là lối nói của sự bao gồm.

Sa-môn: Bất cứ những người nào đã đi đến hạnh du sĩ, đã thành tựu hạnh du sĩ bên ngoài giáo pháp này.

Bà-la-môn: Bất cứ những người nào xưng hô với từ "ông."

"Bất cứ những Sa-môn và Bà-la-môn nào" là như thế.

Tôn giả Nanda nói rằng: … (nt)...

Nói rằng sự trong sạch là do điều đã được thấy và do điều đã được nghe: Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do điều đã được thấy. Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do điều đã được nghe. Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do điều đã được thấy và do điều đã được nghe.

"Nói rằng sự trong sạch là do điều đã được thấy và do điều đã được nghe" là như thế.

Nói rằng sự trong sạch là do giới và phận sự: Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do giới. Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do phận sự. Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn

tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do giới và phận sự.

"Nói rằng sự trong sạch là do giới và phận sự" là như thế.

Nói rằng sự trong sạch là do nhiều hình thức: Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do nhiều loại điềm báo hiệu tốt xấu.

"Nói rằng sự trong sạch là do nhiều hình thức" là như thế.

Thưa bậc Hiền trí, nếu Ngài nói những vị ấy là không vượt qua dòng lũ.

Nếu những vị ấy: Là những người theo tà kiến.

Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí,... (nt)... đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến]; vị ấy là bậc Hiền trí.

Ngài nói là không vượt qua dòng lũ: Là không vượt qua, không vượt lên, không vượt khỏi, không vượt qua hẳn, không vượt qua khỏi dòng lũ [ngũ] dục, dòng lũ của hữu, dòng lũ tà kiến, dòng lũ vô minh; họ đang quay cuồng bên trong sanh-già-chết; họ đang quay cuồng bên trong con đường luân hồi; họ bị theo sau bởi sanh, bị đeo đuổi bởi già, bị thống trị bởi bệnh, bị hành hạ bởi chết, không nơi nương tựa, không nơi trú ẩn, không nơi nương nhờ, có trạng thái không nơi nương nhờ.

Ngài nói: Ngài nói, Ngài chỉ dạy, Ngài chỉ bảo, Ngài thông báo, Ngài ấn định, Ngài khai mở, Ngài chia sẻ, Ngài làm rõ, Ngài bày tỏ.

"Thưa bậc Hiền trí, nếu Ngài nói những vị ấy là không vượt qua dòng lũ" là như thế.

Vậy giờ đây, thưa Ngài, người nào ở thế giới chư thiên và nhân loại đã vượt qua sanh và già? Vậy giờ đây, người nào ở thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt khỏi, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi sanh-già-chết?

Thưa Ngài: Từ "*mārisa*" này là lời nói yêu mến, lời nói kính trọng, lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng.

"Vậy giờ đây, thưa Ngài, người nào ở thế giới chư thiên và nhân loại đã vượt qua sanh và già?" là như thế.

Con hỏi Ngài, thưa đức Thế Tôn, xin Ngài hãy trả lời con về điều này.

Con hỏi Ngài: Con hỏi Ngài, con yêu cầu Ngài, con thỉnh cầu Ngài, con đặt niềm tin ở Ngài.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "đức Thế Tôn."

Xin Ngài hãy trả lời con về điều này: Xin Ngài hãy nói, hãy chỉ dạy, hãy

chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ.

"Con hỏi Ngài, thưa đức Thế Tôn, xin Ngài hãy trả lời con về điều này" là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

[Tôn giả Nanda nói rằng:] "Bất cứ những vị Sa-môn và Bà-la-môn nào nói rằng sự trong sạch là do điều đã được thấy và do điều đã được nghe, nói rằng sự trong sạch là do giới và phận sự, nói rằng sự trong sạch là do nhiều hình thức.

Thưa bậc Hiền trí, nếu Ngài nói những vị ấy là không vượt qua dòng lũ, vậy giờ đây, thưa Ngài, người nào ở thế giới chư thiên và nhân loại đã vượt qua sanh và già? Con hỏi Ngài, thưa đức Thế Tôn, xin Ngài hãy trả lời con về điều này."

7.7. *[Đức Thế Tôn nói: "Này Nanda,] Ta không nói rằng tất cả các vị Sa-môn và Bà-la-môn đều bị bao trùm bởi sanh và già. Ở đây, những vị nào đã dứt bỏ điều đã được thấy, hoặc điều đã được nghe, hoặc điều đã được cảm giác, hoặc thậm chí tất cả giới và phận sự, đã dứt bỏ mọi hình thức nhiều loại, đã biết toàn diện về tham ái, không còn lậu hoặc; Ta nói rằng 'những con người ấy thật sự đã vượt qua dòng lũ.'"*

Đức Thế Tôn nói: Này Nanda, Ta không nói rằng tất cả các vị Sa-môn và Bà-la-môn đều bị bao trùm bởi sanh và già: Này Nanda, Ta không nói rằng: "Tất cả các vị Sa-môn và Bà-la-môn đều bị bao bọc, bị bao trùm, bị bao kín, bị che lại, bị che kín, bị đậy kín bởi sanh và già." Ta nói, Ta chỉ dạy, Ta chỉ bảo, Ta thông báo, Ta ấn định, Ta khai mở, Ta chia sẻ, Ta làm rõ, Ta bày tỏ rằng: "Có những vị Sa-môn và Bà-la-môn mà đối với những vị ấy, sanh, già, và chết là đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai."

"Đức Thế Tôn nói: Này Nanda, Ta không nói rằng tất cả các vị Sa-môn và Bà-la-môn đều bị bao trùm bởi sanh và già" là như thế.

Ở đây, những vị nào đã dứt bỏ điều đã được thấy, hoặc điều đã được nghe, hoặc điều đã được cảm giác, hoặc thậm chí tất cả giới và phận sự: Những vị nào đã dứt bỏ mọi sự trong sạch do điều đã được thấy, đã từ bỏ, đã dứt trừ, đã xua đi, đã làm chấm dứt, đã làm cho không còn hiện hữu; những vị nào đã dứt bỏ mọi sự trong sạch do điều đã được nghe,... (nt)...; những vị nào đã dứt bỏ mọi sự trong sạch do điều đã được cảm giác,... (nt)...; những vị nào đã dứt bỏ mọi sự trong sạch do điều đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác,... (nt)...; những vị nào đã dứt bỏ mọi sự trong sạch do giới,... (nt)...; những vị nào đã dứt bỏ mọi sự trong sạch do phận sự,... (nt)...; những vị nào đã dứt bỏ mọi sự trong sạch do giới và phận sự, đã từ bỏ, đã dứt trừ, đã xua đi, đã làm chấm dứt, đã làm cho không còn hiện hữu.

"Ở đây, những vị nào đã dứt bỏ điều đã được thấy, hoặc điều đã được nghe, hoặc điều đã được cảm giác, hoặc thậm chí tất cả giới và phận sự" là như thế.

Đã dứt bỏ mọi hình thức nhiều loại: Sau khi dứt bỏ sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi do nhiều loại điềm báo hiệu tốt xấu, sau khi từ bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu.

"Đã dứt bỏ mọi hình thức nhiều loại" là như thế.

Đã biết toàn diện về tham ái, không còn lậu hoặc; Ta nói rằng "những con người ấy thật sự đã vượt qua dòng lũ."

Tham ái: Tham ái cảnh sắc, tham ái cảnh thinh, tham ái cảnh hương, tham ái cảnh vị, tham ái cảnh xúc, tham ái cảnh pháp.

Đã biết toàn diện về tham ái: Sau khi biết toàn diện về tham ái với ba cách biết toàn diện: Biết toàn diện về điều đã được biết, biết toàn diện về sự xét đoán, biết toàn diện về sự dứt bỏ.

Biết toàn diện về điều đã được biết là những gì? Biết về tham ái. Biết rằng, thấy rằng: "Cái này là tham ái cảnh sắc, cái này là tham ái cảnh thinh, cái này là tham ái cảnh hương, cái này là tham ái cảnh vị, cái này là tham ái cảnh xúc, cái này là tham ái cảnh pháp"; điều này là biết toàn diện về điều đã được biết.

Biết toàn diện về sự xét đoán là những gì? Sau khi thực hiện điều đã được biết như vậy thì xét đoán về tham ái. Xét đoán là vô thường, là khổ, là cơn bệnh, là mụt ghẻ,… (nt)… là sự thoát ra; điều này là biết toàn diện về sự xét đoán.

Biết toàn diện về sự dứt bỏ là những gì? Sau khi xét đoán như vậy thì dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu tham ái. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, cái gì là sự mong muốn và luyến ái ở tham ái, các ngươi hãy dứt bỏ cái ấy. Như vậy tham ái ấy sẽ được dứt bỏ, có rễ được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai"; điều này là biết toàn diện về sự dứt bỏ.

Đã biết toàn diện về tham ái: Sau khi biết toàn diện về tham ái với ba cách biết toàn diện này.

Không còn lậu hoặc: Có bốn lậu hoặc: Dục lậu, hữu lậu, kiến lậu, vô minh lậu. Đối với những vị nào, các lậu hoặc này là đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai, những vị ấy được gọi là không còn lậu hoặc, là các vị A-la-hán, có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Đã biết toàn diện về tham ái, không còn lậu hoặc, Ta nói rằng "những con người ấy thật sự đã vượt qua dòng lũ": Những vị nào đã biết toàn diện về tham ái, không còn lậu hoặc, Ta nói, Ta chỉ dạy, Ta chỉ bảo, Ta thông báo, Ta ấn định, Ta khai mở, Ta chia sẻ, Ta làm rõ, Ta bày tỏ rằng: "Những vị ấy đã vượt qua dòng lũ [ngũ] dục, đã vượt qua dòng lũ của hữu, đã vượt qua dòng lũ

tà kiến, đã vượt qua dòng lũ vô minh, đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt ra khỏi, đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi mọi nẻo đường luân hồi."

"Đã biết toàn diện về tham ái, không còn lậu hoặc; Ta nói rằng 'những con người ấy thật sự đã vượt qua dòng lũ'" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: "Này Nanda] Ta không nói rằng tất cả các vị Sa-môn và Bà-la-môn đều bị bao trùm bởi sanh và già. Ở đây, những vị nào đã dứt bỏ điều đã được thấy, hoặc điều đã được nghe, hoặc điều đã được cảm giác, hoặc thậm chí tất cả giới và phận sự, đã dứt bỏ mọi hình thức nhiều loại, đã biết toàn diện về tham ái, không còn lậu hoặc; Ta nói rằng 'những con người ấy thật sự đã vượt qua dòng lũ.'"

7.8. *[Tôn giả Nanda nói rằng:] "Thưa Ngài Gotama, con thích thú lời nói này của bậc Đại Ẩn Sĩ, trạng thái không liên quan đến mầm tái sanh đã khéo được trình bày. Ở đây, những vị nào đã dứt bỏ điều đã được thấy, hoặc điều đã được nghe, hoặc điều đã được cảm giác, hoặc thậm chí tất cả giới và phận sự, đã dứt bỏ mọi hình thức nhiều loại, đã biết toàn diện về tham ái, không còn lậu hoặc, con cũng nói rằng: 'Những vị ấy đã vượt qua dòng lũ.'"*

Con thích thú lời nói này của bậc Đại Ẩn Sĩ.

Điều này: Con vui thích, con thích thú, con vui mừng, con tùy hỷ, con ước muốn, con ưng thuận, con ước nguyện, con mong cầu, con nguyện cầu lời nói, lời phát biểu, lời chỉ bảo, lời khuyên bảo của Ngài.

Của bậc Đại Ẩn Sĩ: Đức Thế Tôn là bậc Đại Ẩn Sĩ. "Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu giới uẩn lớn lao" là bậc Đại Ẩn Sĩ. … (nt)… "Đấng Nhân Ngưu ngự ở đâu?" là bậc Đại Ẩn Sĩ.

"Con thích thú lời nói này của bậc Đại Ẩn Sĩ" là như thế.

Thưa Ngài Gotama, trạng thái không liên quan đến mầm tái sanh đã khéo được trình bày.

Đã khéo được trình bày: Đã khéo được chỉ dạy, đã khéo được chỉ bảo, đã khéo được thông báo, đã khéo được ấn định, đã khéo được khai mở, đã khéo được chia sẻ, đã khéo được làm rõ, đã khéo được bày tỏ.

Thưa Ngài Gotama, trạng thái không liên quan đến mầm tái sanh: Mầm tái sanh nói đến các ô nhiễm, các uẩn và các sự tạo tác. Sự dứt bỏ mầm tái sanh, sự vắng lặng mầm tái sanh, sự buông bỏ mầm tái sanh, sự tịch tịnh mầm tái sanh là bất tử, Niết-bàn.

"Thưa Ngài Gotama, trạng thái không liên quan đến mầm tái sanh đã khéo được trình bày" là như thế.

Ở đây, những vị nào đã dứt bỏ điều đã được thấy, hoặc điều đã được nghe, hoặc điều đã được cảm giác, hoặc thậm chí tất cả giới và phận sự:

Những vị nào đã dứt bỏ mọi sự trong sạch do điều đã được thấy, đã từ bỏ, đã dứt trừ, đã xua đi, đã làm chấm dứt, đã làm cho không còn hiện hữu; những vị nào đã dứt bỏ mọi sự trong sạch do điều đã được nghe,... (nt)...; những vị nào đã dứt bỏ mọi sự trong sạch do điều đã được cảm giác,... (nt)...; những vị nào đã dứt bỏ mọi sự trong sạch do điều đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác,... (nt)...; những vị nào đã dứt bỏ mọi sự trong sạch do giới,... (nt)...; những vị nào đã dứt bỏ mọi sự trong sạch do phận sự,... (nt)...; những vị nào đã dứt bỏ mọi sự trong sạch do giới và phận sự, đã từ bỏ, đã dứt trừ, đã xua đi, đã làm chấm dứt, đã làm cho không còn hiện hữu.

"Ở đây, những vị nào đã dứt bỏ điều đã được thấy, hoặc điều đã được nghe, hoặc điều đã được cảm giác, hoặc thậm chí tất cả giới và phận sự" là như thế.

Đã dứt bỏ mọi hình thức nhiều loại: Sau khi dứt bỏ, sau khi từ bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi do nhiều loại điềm báo hiệu tốt xấu.

"Đã dứt bỏ mọi hình thức nhiều loại" là như thế.

Đã biết toàn diện về tham ái, không còn lậu hoặc, con cũng nói rằng: "Những vị ấy đã vượt qua dòng lũ."

Tham ái: Tham ái cảnh sắc, tham ái cảnh thinh, tham ái cảnh hương, tham ái cảnh vị, tham ái cảnh xúc, tham ái cảnh pháp.

Đã biết toàn diện về tham ái: Sau khi biết toàn diện về tham ái với ba cách biết toàn diện: Biết toàn diện về điều đã được biết, biết toàn diện về sự xét đoán, biết toàn diện về sự dứt bỏ.

Biết toàn diện về điều đã được biết là những gì? Biết về tham ái, biết rằng, thấy rằng: "Cái này là tham ái cảnh sắc, cái này là tham ái cảnh thinh, cái này là tham ái cảnh hương, cái này là tham ái cảnh vị, cái này là tham ái cảnh xúc, cái này là tham ái cảnh pháp"; điều này là biết toàn diện về điều đã được biết.

Biết toàn diện về sự xét đoán là những gì? Sau khi thực hiện điều đã được biết như vậy thì xét đoán về tham ái, xét đoán là vô thường, là khổ, là cơn bệnh, là mụt ghẻ, là mũi tên, là tai ương, là tật nguyền, là không sai khiến được, là tiêu hoại, là tai họa, là bất hạnh, là sợ hãi, là nguy cơ, là thay đổi, là mảnh mai, là không bền, là không nơi nương tựa, là không nơi trú ẩn, là không nơi nương nhờ, là trạng thái không nơi nương nhờ, là trống rỗng, là rỗng không, là trống không, là vô ngã, là bất lợi, là có bản chất biến đổi, là không có cốt lõi, là gốc gác của tai ương, là kẻ giết hại, là vật hư hỏng, là có sự rò rỉ, là bị tạo tác, là mồi nhử của Ma vương, là có bản chất sanh ra, là có bản chất già, là có bản chất bệnh, là có bản chất chết, là có bản chất sầu-bi-khổ-ưu-não, là có bản chất ô nhiễm, là nhân sanh khởi, là sự biến hoại, là sự hứng thú, là sự bất lợi, là sự thoát ra; điều này là biết toàn diện về sự xét đoán.

Biết toàn diện về sự dứt bỏ là những gì? Sau khi xét đoán như vậy thì dứt

bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu tham ái; điều này là biết toàn diện về sự dứt bỏ.

Đã biết toàn diện về tham ái: Sau khi biết toàn diện về tham ái với ba cách biết toàn diện này.

Không còn lậu hoặc: Có bốn lậu hoặc: Dục lậu, hữu lậu, kiến lậu, vô minh lậu. Đối với những vị nào, các lậu hoặc này là đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; những vị ấy được gọi là không còn lậu hoặc, là các vị A-la-hán, có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

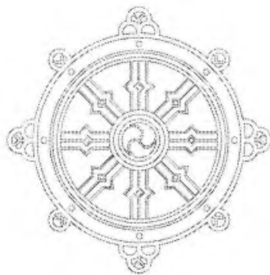
Đã biết toàn diện về tham ái, không còn lậu hoặc, con cũng nói rằng: "Những vị ấy đã vượt qua dòng lũ": Những vị nào đã biết toàn diện về tham ái, không còn lậu hoặc, con cũng nói, cũng phát biểu rằng: "Những vị ấy đã vượt qua dòng lũ [ngũ] dục, đã vượt qua dòng lũ của hữu, đã vượt qua dòng lũ tà kiến, đã vượt qua dòng lũ vô minh, đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt ra khỏi, đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi mọi nẻo đường luân hồi."

"Đã biết toàn diện về tham ái, không còn lậu hoặc, con cũng nói rằng: 'Những vị ấy đã vượt qua dòng lũ'" là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

[Tôn giả Nanda nói rằng:] "Thưa Ngài Gotama, con thích thú lời nói này của bậc Đại Ẩn Sĩ, trạng thái không liên quan đến mầm tái sanh đã khéo được trình bày. Ở đây, những vị nào đã dứt bỏ điều đã được thấy, hoặc điều đã được nghe, hoặc điều đã được cảm giác, hoặc thậm chí tất cả giới và phận sự, đã dứt bỏ mọi hình thức nhiều loại, đã biết toàn diện về tham ái, không còn lậu hoặc, con cũng nói rằng: 'Những vị ấy đã vượt qua dòng lũ.'"

"Diễn giải kinh Nanda" là thứ bảy.



8. DIỄN GIẢI KINH HEMAKA
(*HEMAKASUTTANIDDESO*)

8.1. *[Tôn giả Hemaka nói rằng:]*
"Những người nào trước đây đã giải thích cho con
Khác với lời dạy của đức Gotama [nói rằng]:
'Đã là như vầy, sẽ là như vầy',
Mọi điều ấy đều do nghe lời đồn đãi,
Mọi điều ấy đều là sự tăng trưởng của suy nghĩ,
Con đã không thích thú về điều ấy."

Những người nào trước đây đã giải thích cho con.

Những người nào: Là vị Bà-la-môn Bāvari và những người khác là thầy của vị ấy; những vị ấy đã giải thích, đã chỉ dạy, đã chỉ bảo, đã thông báo, đã ấn định, đã khai mở, đã chia sẻ, đã làm rõ, đã bày tỏ về quan điểm của mình, về sự chấp nhận của mình, về sự ưa thích của mình, về quan niệm của mình, về ý định của mình, về chủ tâm của mình.

"Những người nào trước đây đã giải thích cho con" là như thế.

Tôn giả Hemaka nói rằng.

Rằng: Từ "*icca*" này là sự nối liền các câu văn,... (nt)... tính chất tuần tự của các câu văn.

Tôn giả: [Từ "*āyasmā*" này] là lời nói yêu mến,... (nt)...

Hemaka: Là tên của vị Bà-la-môn ấy,... (nt)... từ kêu gọi.

"Tôn giả Hemaka nói rằng" là như thế.

Khác với lời dạy của đức Gotama: Khác với lời dạy của đức Gotama là khác hẳn lời dạy của đức Gotama, trước cả lời dạy của đức Gotama, trước tiên so với lời dạy của đức Gotama, so với lời dạy của đức Phật, so với lời dạy của đấng Chiến Thắng, so với lời dạy của đức Như Lai, so với lời dạy của vị Chúa của chư thiên, so với lời dạy của bậc A-la-hán.

"Khác với lời dạy của đức Gotama" là như thế.

Đã là như vầy, sẽ là như vầy: Nghe nói đã là như vầy, nghe nói sẽ là như vầy.

"Đã là như vầy, sẽ là như vầy" là như thế.

Mọi điều ấy đều do nghe lời đồn đãi: Họ đã thuyết giảng mọi điều ấy do nghe lời đồn đãi, do nghe nói như thế, do sự truyền thừa, do sự thành tựu của

việc thu thập kiến thức, do nhân suy nghĩ, do nhân suy luận, do suy đoán theo biểu hiện, do sự suy xét và chấp nhận về quan điểm, không được chính bản thân biết rõ, không được tự thân quán xét lại.

"Mọi điều ấy đều do nghe lời đồn đãi" là như thế.

Mọi điều ấy đều là sự tăng trưởng của suy nghĩ: Mọi điều ấy đều là sự tăng trưởng của suy nghĩ, sự tăng trưởng của suy tư, sự tăng trưởng của tư duy, sự tăng trưởng của suy tư về dục, sự tăng trưởng của suy tư về sân hận, sự tăng trưởng của suy tư về hãm hại, sự tăng trưởng của suy tư về thân quyến, sự tăng trưởng của suy tư về xứ sở, sự tăng trưởng của suy tư về chư thiên, sự tăng trưởng của suy tư liên quan đến sự trắc ẩn đối với người khác, sự tăng trưởng của suy tư liên quan đến lợi lộc, sự trọng vọng, sự nổi tiếng, sự tăng trưởng của suy tư liên quan đến việc không bị khi dễ.

"Mọi điều ấy đều là sự tăng trưởng của suy nghĩ" là như thế.

Con đã không thích thú về điều ấy: Con đã không thích thú, đã không tìm đến, đã không đạt đến, đã không tiếp nhận điều ấy.

"Con đã không thích thú về điều ấy" là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

[Tôn giả Hemaka nói rằng:]
"Những người nào trước đây đã giải thích cho con
Khác với lời dạy của đức Gotama [nói rằng]:
'Đã là như vầy, sẽ là như vầy',
Mọi điều ấy đều do nghe lời đồn đãi,
Mọi điều ấy đều là sự tăng trưởng của suy nghĩ,
Con đã không thích thú về điều ấy."

8.2. *Và xin Ngài hãy nói ra cho con về giáo pháp,*
Về sự diệt trừ tham ái, thưa bậc Hiền trí;
Sau khi hiểu pháp ấy, con có niệm, trong khi sống,
Có thể vượt qua sự vướng mắc ở thế gian.

Và xin Ngài hãy nói ra cho con về giáo pháp.

Ngài: [Vị Hemaka] nói với đức Thế Tôn.

Xin Ngài hãy nói về giáo pháp. Về giáo pháp: Xin Ngài hãy nói ra, hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa, toàn hảo ở đoạn kết, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ, [gồm có] bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, Niết-bàn và sự thực hành đưa đến Niết-bàn.

"Và xin Ngài hãy nói ra cho con về giáo pháp" là như thế.

Về sự diệt trừ tham ái, thưa bậc Hiền trí.

Tham ái: Tham ái cảnh sắc,… (nt)… tham ái cảnh pháp. Sự diệt trừ tham ái là sự dứt bỏ tham ái, sự vắng lặng tham ái, sự buông bỏ tham ái, sự tịch tịnh tham ái, là bất tử, Niết-bàn.

Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí,… (nt)… đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là bậc Hiền trí.

"Về sự diệt trừ tham ái, thưa bậc Hiền trí" là như thế.

Sau khi hiểu pháp ấy, con có niệm, trong khi sống: Sau khi làm cho pháp ấy được hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt; sau khi làm cho được hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: "Tất cả các hành là vô thường"; sau khi làm cho được hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: "Tất cả các hành là khổ",… (nt)… "Tất cả các pháp là vô ngã",… (nt)… "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân,… (nt)… vị ấy được gọi là có niệm.

Trong khi sống: Là trong khi thực hành, trong khi trú ngụ, trong khi sinh hoạt, trong khi vận hành, trong khi bảo hộ, trong khi nuôi dưỡng, trong khi bảo dưỡng.

"Sau khi hiểu pháp ấy, con có niệm, trong khi sống" là như thế.

Có thể vượt qua sự vướng mắc ở thế gian. Sự vướng mắc nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,… (nt)… tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Sự vướng mắc: Sự vướng mắc với ý nghĩa gì? … (nt)… được trải rộng, được lan rộng" là vướng mắc.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ.

Có thể vượt qua sự vướng mắc ở thế gian: Sự vướng mắc này là ở ngay tại thế gian. Có niệm, con có thể vượt qua, có thể vượt lên, có thể vượt khỏi, có thể vượt qua hẳn, có thể vượt qua khỏi sự vướng mắc này ở ngay tại thế gian.

"Có thể vượt qua sự vướng mắc ở thế gian" là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

"Và xin Ngài hãy nói ra cho con về giáo pháp,
Về sự diệt trừ tham ái, thưa bậc Hiền trí;
Sau khi hiểu pháp ấy, con có niệm, trong khi sống,
Có thể vượt qua sự vướng mắc ở thế gian."

8.3. *Ở đây, sự xua đi mong muốn và luyến ái ở các vật có vẻ đáng yêu đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, này Hemaka, là vị thế Niết-bàn, bất hoại.*

Ở đây,... đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức.

Đã được thấy: Đã được thấy bằng mắt.

Đã được nghe: Đã được nghe bằng tai.

Đã được cảm giác: Đã được ngửi bằng mũi, đã được nếm bằng lưỡi, đã được xúc chạm bằng thân.

Đã được nhận thức: Đã được nhận thức bằng ý.

"Ở đây,... đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức" là như thế.

Ở các vật có vẻ đáng yêu, này Hemaka: Và cái gì ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng? Mắt ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng, tai ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng, mũi ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng, lưỡi ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng, thân ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng, ý ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng; các sắc ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng, các thinh ở thế gian… các hương ở thế gian… các vị ở thế gian… các xúc ở thế gian… các pháp ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng; nhãn thức ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng, nhĩ thức ở thế gian… tỷ thức ở thế gian… thiệt thức ở thế gian… thân thức ở thế gian… ý thức ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng; nhãn xúc ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng, nhĩ xúc ở thế gian… tỷ xúc ở thế gian… thiệt xúc ở thế gian… thân xúc ở thế gian… ý xúc ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng; thọ sanh ra từ nhãn xúc ở thế gian… thọ sanh ra từ nhĩ xúc ở thế gian… thọ sanh ra từ tỷ xúc ở thế gian… thọ sanh ra từ thiệt xúc ở thế gian… thọ sanh ra từ thân xúc ở thế gian… thọ sanh ra từ ý xúc ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng; sắc tưởng ở thế gian… thinh tưởng ở thế gian… hương tưởng ở thế gian… vị tưởng ở thế gian… xúc tưởng ở thế gian… pháp tưởng ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng; sắc tư ở thế gian… thinh tư ở thế gian… hương tư ở thế gian… vị tư ở thế gian… xúc tư ở thế gian… pháp tư ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng; sắc ái ở thế gian… thinh ái ở thế gian… hương ái ở thế gian… vị ái ở thế gian… xúc ái ở thế gian… pháp ái ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng; sắc tầm ở thế gian… thinh tầm ở thế gian… hương tầm ở thế gian… vị tầm ở thế gian… xúc tầm ở thế gian… pháp tầm ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng; sắc tứ ở thế gian… thinh tứ ở thế gian… hương tứ ở thế gian… vị tứ ở thế gian… xúc tứ ở thế gian… pháp tứ ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng.

"Ở các vật có vẻ đáng yêu, này Hemaka" là như thế.

Sự xua đi mong muốn và luyến ái.

Mong muốn và luyến ái: Là sự mong muốn về dục, sự luyến ái về dục, niềm vui về dục, sự tham ái về dục, sự yêu mến về dục, sự nồng nhiệt về dục, sự mê mẩn về dục, sự bám chặt vào dục, sự lôi cuốn của dục, sự gắn bó với dục, sự chấp thủ ở dục, sự che lấp do mong muốn về dục liên quan đến ngũ dục.

Sự xua đi mong muốn và luyến ái: Sự dứt bỏ mong muốn và luyến ái, sự vắng lặng mong muốn và luyến ái, sự buông bỏ mong muốn và luyến ái, sự tịch tịnh mong muốn và luyến ái là bất tử, Niết-bàn.

"Sự xua đi mong muốn và luyến ái" là như thế.

Vị thế Niết-bàn, bất hoại.

Vị thế Niết-bàn: Vị thế Niết-bàn là vị thế nương tựa, là vị thế trú ẩn, là vị thế nương nhờ, là vị thế không sợ hãi.

Bất hoại: Là thường còn, bền vững, trường tồn, không có bản chất biến đổi.

"Vị thế Niết-bàn, bất hoại" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Ở đây, sự xua đi mong muốn và luyến ái ở các vật có vẻ đáng yêu đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, này Hemaka, là vị thế Niết-bàn, bất hoại."

8.4. *Sau khi hiểu thông điều này, những người nào có niệm,*
Đã nhận thức được giáo pháp, đã được diệt tắt,
Và những người ấy luôn luôn yên tịnh,
Họ đã vượt qua sự vướng mắc ở thế gian.

Sau khi hiểu thông điều này, những người nào có niệm.

Điều này: Là bất tử, Niết-bàn, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn.

Sau khi hiểu thông: Sau khi hiểu thông, sau khi hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt. Sau khi hiểu thông, sau khi hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: "Tất cả các hành là vô thường"; sau khi hiểu thông, sau khi hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: "Tất cả các hành là khổ",... (nt)... "Tất cả các pháp là vô ngã",... (nt)... "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

Những người nào: Là các bậc A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Do trạng thái đã phát triển sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân là có niệm... (nt)... các vị ấy được gọi là có niệm.

"Sau khi hiểu thông điều này, những người nào có niệm" là như thế.

Đã nhận thức được giáo pháp, đã được diệt tắt.

Đã nhận thức được giáo pháp: Đã nhận thức được giáo pháp, đã biết giáo pháp, đã cân nhắc giáo pháp, đã xác định giáo pháp, đã rõ rệt giáo pháp, đã minh định giáo pháp. Đã nhận thức được giáo pháp, đã biết giáo pháp, đã cân nhắc giáo pháp, đã xác định giáo pháp, đã rõ rệt giáo pháp, đã minh định giáo pháp rằng: "Tất cả các hành là vô thường";… (nt)… "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

Đã được diệt tắt: Do trạng thái đã được tịch diệt đối với luyến ái là đã được tịch diệt; do trạng thái đã được tịch diệt đối với sân hận là đã được tịch diệt; do trạng thái đã được tịch diệt đối với si mê là đã được tịch diệt; do trạng thái đã được an tịnh, do trạng thái đã được yên lặng, do trạng thái đã được vắng lặng, do trạng thái đã được thiêu hủy, do trạng thái đã được tịch diệt, do trạng thái đã được tách lìa, do trạng thái đã được tịch tịnh đối với sự giận dữ… (nt)… đối với sự thù hằn,… (nt)… đối với tất cả các pháp tạo tác bất thiện là được an tịnh, được yên tịnh, được vắng lặng, được tịch diệt, được tịch tịnh.

"Đã nhận thức được giáo pháp, đã được diệt tắt" là như thế.

Và những người ấy luôn luôn yên tịnh.

Yên tịnh: Do trạng thái đã được vắng lặng, do trạng thái đã được tịch diệt đối với luyến ái là được yên tịnh,… (nt)… sân hận,… si mê,… sự giận dữ,… sự thù hằn, do trạng thái đã được an tịnh, do trạng thái đã được yên lặng, do trạng thái đã được yên tịnh, do trạng thái đã được thiêu hủy, do trạng thái đã được tịch diệt, do trạng thái đã được tách lìa, do trạng thái đã được tịch tịnh đối với tất cả các pháp tạo tác bất thiện là được an tịnh, được yên tịnh, được vắng lặng, được tịch diệt, được tịch tịnh; yên tịnh là như thế.

Những người ấy: Là các bậc A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Luôn luôn: Luôn luôn là mọi lúc, mọi thời, thường khi, luôn khi, thường xuyên, liên tục, không gián đoạn, tiếp nối liên tục, sanh lên tuần tự [như sóng nước], không lưa thưa, không đứt khoảng, không ngừng lại, được liền lặn, trước bữa ăn, sau bữa ăn, vào canh đầu, vào canh giữa, vào canh cuối, vào hậu bán nguyệt, vào tiền bán nguyệt, vào mùa mưa, vào mùa lạnh, vào mùa nóng, ở chặng đầu của tuổi thọ, ở chặng giữa của tuổi thọ, ở chặng cuối của tuổi thọ.

"Và những người ấy luôn luôn yên tịnh" là như thế.

Họ đã vượt qua sự vướng mắc ở thế gian: Sự vướng mắc nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,… (nt)… tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Sự vướng mắc: Sự vướng mắc với ý nghĩa gì? … (nt)… được trải rộng, được lan rộng" là vướng mắc.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh,… (nt)… ở thế gian của các xứ.

Đã vượt qua sự vướng mắc ở thế gian: Sự vướng mắc này là ở ngay tại thế gian. Các vị đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt ra khỏi, đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi sự vướng mắc này ở ngay tại thế gian.

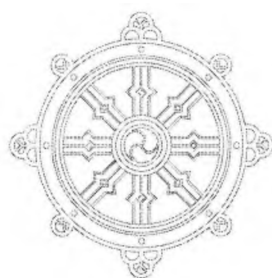
"Họ đã vượt qua sự vướng mắc ở thế gian" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Sau khi hiểu thông điều này, những người nào có niệm,
Đã nhận thức được giáo pháp, đã được diệt tắt,
Và những người ấy luôn luôn yên tịnh,
Họ đã vượt qua sự vướng mắc ở thế gian."

Cùng với lúc kết thúc câu kệ ngôn,... (nt)... "Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử."

"Diễn giải kinh Hemaka" được hoàn tất.



9. DIỄN GIẢI KINH TODEYYA
(*TODEYYASUTTANIDDESO*)

9.1. *[Tôn giả Todeyya nói rằng:]*
"Ở người nào các dục không sinh tồn,
Đối với người nào tham ái không tìm thấy,
Và người nào đã vượt qua các nỗi nghi hoặc,
Sự giải thoát của người ấy là như thế nào?"

Ở người nào các dục không sinh tồn: Ở người nào các dục không sinh tồn, không cộng trú, không cư trú, không lưu trú.

"Ở người nào các dục không sinh tồn" là như thế.

Tôn giả Todeyya nói rằng: ... (nt)...

Đối với người nào tham ái không tìm thấy: Đối với người nào tham ái là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

"Đối với người nào tham ái không tìm thấy" là như thế.

Và người nào đã vượt qua các nỗi nghi hoặc: Và người nào đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt ra khỏi, đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi các nỗi nghi hoặc.

"Và người nào đã vượt qua các nỗi nghi hoặc" là như thế.

Sự giải thoát của người ấy là như thế nào? Hỏi về sự giải thoát rằng: "Sự giải thoát của người ấy là như thế nào, được tồn tại thế nào, có kiểu cách gì, có biểu hiện gì, có nên được ước muốn?"

"Sự giải thoát của người ấy là như thế nào?" là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

[Tôn giả Todeyya nói rằng:]
"Ở người nào các dục không sinh tồn,
Đối với người nào tham ái không tìm thấy,
Và người nào đã vượt qua các nỗi nghi hoặc,
Sự giải thoát của người ấy là như thế nào?"

9.2. *[Đức Thế Tôn nói: "Này Todeyya]*
Ở người nào các dục không sinh tồn,
Đối với người nào tham ái không tìm thấy,
Và người nào đã vượt qua các nỗi nghi hoặc,
Đối với người ấy không có sự giải thoát nào khác nữa."

Ở người nào các dục không sinh tồn.

Ở người nào: Ở cá nhân nào là bậc A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt)… Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)… Các điều này được gọi là ô nhiễm dục.

Ở người nào các dục không sinh tồn: Ở người nào các dục không sinh tồn, không cộng trú, không cư trú, không lưu trú.

"Ở người nào các dục không sinh tồn" là như thế.

Đức Thế Tôn nói: Này Todeyya: … (nt)...

Đối với người nào tham ái không tìm thấy.

Tham ái: Tham ái cảnh sắc, tham ái cảnh thinh, tham ái cảnh hương, tham ái cảnh vị, tham ái cảnh xúc, tham ái cảnh pháp.

Đối với người nào: Đối với bậc A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Đối với người nào tham ái không tìm thấy: Đối với người nào tham ái là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

"Đối với người nào tham ái không tìm thấy" là như thế.

Và người nào đã vượt qua các nỗi nghi hoặc: Nghi hoặc nói đến hoài nghi, sự nghi ngờ về khổ,… (nt)… trạng thái sửng sốt, sự bối rối của tâm.

Người nào: Người nào là bậc A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Và người nào đã vượt qua các nỗi nghi hoặc: Và người nào đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt ra khỏi, đã vượt qua, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi các nỗi nghi hoặc.

"Và người nào đã vượt qua các nỗi nghi hoặc" là như thế.

Đối với người ấy không có sự giải thoát nào khác nữa: Đối với vị ấy không có sự giải thoát nào khác nữa mà vị ấy có thể giải thoát bằng sự giải thoát ấy, vị ấy đã được giải thoát; đối với vị ấy, việc cần làm đối với giải thoát đã được làm xong.

"Đối với người ấy không có sự giải thoát nào khác nữa" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: "Này Todeyya,]
Ở người nào các dục không sinh tồn,

Đối với người nào tham ái không tìm thấy,
Và người nào đã vượt qua các nỗi nghi hoặc,
Đối với người ấy không có sự giải thoát nào khác nữa."

9.3. *Vị ấy không còn mong ước, hay là [vị ấy] đang mong ước?*
Vị ấy có sự hiểu biết hay là có sự sắp đặt nhờ vào tuệ?
Thưa vị dòng Sakya, để cho con có thể nhận biết về vị Hiền trí,
Thưa bậc Toàn Nhãn, xin Ngài hãy nói rõ điều ấy cho con.

Vị ấy không còn mong ước, hay là [vị ấy] đang mong ước? Phải chăng vị ấy không còn tham ái, hay là có tham ái? Phải chăng vị ấy mong ước các sắc, mong ước các thinh,... các hương,... các vị,... các xúc,... gia tộc,... đồ chúng,... chỗ ngụ,... lợi lộc,... danh vọng,... lời khen,... hạnh phúc,... y phục,... đồ ăn khất thực,... chỗ nằm ngồi,... vật dụng là thuốc men chữa bệnh,... dục giới,... sắc giới,... vô sắc giới,... cõi dục,... cõi sắc,... cõi vô sắc,... cõi hữu tưởng,... cõi vô tưởng,... cõi phi tưởng phi phi tưởng,... cõi một uẩn,... cõi bốn uẩn,... cõi năm uẩn,... quá khứ,... vị lai,... hiện tại,... các pháp đã được thấy,... đã được nghe,... đã được cảm giác,... đã được nhận thức, ước muốn, ưng thuận, ước nguyện, mong cầu, nguyện cầu?

"Vị ấy không còn mong ước, hay là [vị ấy] đang mong ước?" là như thế.

Vị ấy có sự hiểu biết hay là có sự sắp đặt nhờ vào tuệ?

Vị ấy có sự hiểu biết: Phải chăng là vị sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh?

Hay là có sự sắp đặt nhờ vào tuệ? Hay là vị ấy sắp xếp, làm sanh ra, làm sanh khởi, làm hạ sanh, làm phát sanh sự sắp đặt do tham ái, hoặc sự sắp đặt do tà kiến nhờ vào trí của tám sự chứng đạt [về định], hoặc nhờ vào trí của năm thắng trí [thần thông], hoặc nhờ vào tà trí?

"Vị ấy có sự hiểu biết hay là có sự sắp đặt nhờ vào tuệ?" là như thế.

Thưa vị dòng Sakya, để cho con có thể nhận biết về vị Hiền trí.

Vị dòng Sakya: Đức Thế Tôn là vị dòng Sakya, "người đã xuất gia từ gia tộc Sakya" là vị dòng Sakya. Hoặc là, "người sở hữu tài sản, giàu có, có tài sản lớn" là vị dòng Sakya. Vị ấy sở hữu các tài sản này, tức là: Tài sản về đức tin, tài sản về giới, tài sản về hổ thẹn [tội lỗi], tài sản về ghê sợ [tội lỗi], tài sản về kiến thức, tài sản về xả thí, tài sản về trí tuệ, tài sản về thiết lập niệm, tài sản về chánh cần, tài sản về nền tảng của thần thông, tài sản về quyền, tài sản về lực, tài sản về yếu tố đưa đến giác ngộ, tài sản về Đạo, tài sản về Quả, tài sản về Niết-bàn, "người sở hữu tài sản, giàu có, có tài sản lớn với các tài sản và bảo vật nhiều loại ấy" là vị dòng Sakya. Hoặc là, "vị có năng lực, có tiềm năng, có khả năng, dũng cảm, anh hùng, quả cảm, không nhút nhát, không có sự kinh hãi, không có sự sợ sệt, không có sự trốn chạy, có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ, có sự rởn lông đã được xa lìa" là vị dòng Sakya.

Thưa vị dòng Sakya, để cho con có thể nhận biết về vị Hiền trí: Thưa vị dòng Sakya, để cho con có thể biết, có thể hiểu, có thể nhận biết, có thể thừa nhận, có thể thấu triệt về vị Hiền trí.

"Thưa vị dòng Sakya, để cho con có thể nhận biết về vị Hiền trí" là như thế.

Thưa bậc Toàn Nhãn, xin Ngài hãy nói rõ điều ấy cho con.

Điều ấy: Là điều mà con hỏi, điều mà con yêu cầu, điều mà con thỉnh cầu, điều mà con đặt niềm tin.

Xin Ngài hãy nói rõ: Xin Ngài hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ.

Bậc Toàn Nhãn: Toàn nhãn nói đến trí toàn giác. ... (nt)... vì thế đức Như Lai là bậc Toàn Nhãn.

"Thưa bậc Toàn Nhãn, xin Ngài hãy nói rõ điều ấy cho con" là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

"Vị ấy không còn mong ước, hay là [vị ấy] đang mong ước?
Vị ấy có sự hiểu biết hay là có sự sắp đặt nhờ vào tuệ?
Thưa vị dòng Sakya, để cho con có thể nhận biết về vị Hiền trí,
Thưa bậc Toàn Nhãn, xin Ngài hãy nói rõ điều ấy cho con."

9.4. *Vị ấy không còn mong ước, vị ấy không mong ước.*
Vị ấy có sự hiểu biết và không có sự sắp đặt nhờ vào tuệ.
Này Todeyya, ngươi hãy nhận biết về vị Hiền trí là như vậy,
Là vị không còn vướng bận, không bị dính mắc ở dục và hữu.

Vị ấy không còn mong ước, vị ấy không mong ước: Vị ấy không còn tham ái, vị ấy không có tham ái, vị ấy không mong ước các sắc, không mong ước các thinh... các hương... (nt)... các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, không ước muốn, không ưng thuận, không ước nguyện, không mong cầu, không nguyện cầu.

"Vị ấy không còn mong ước, vị ấy không mong ước" là như thế.

Vị ấy có sự hiểu biết và không có sự sắp đặt nhờ vào tuệ.

Vị ấy có sự hiểu biết: Là vị sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh.

Và không có sự sắp đặt nhờ vào tuệ: Nhờ vào trí của tám sự chứng đạt [về định], hoặc nhờ vào trí của năm thắng trí [thần thông], hoặc nhờ vào tà trí, vị ấy không sắp đặt sự sắp đặt do tham ái, hoặc không sắp đặt sự sắp đặt do tà kiến, không làm sanh ra, không làm sanh khởi, không làm hạ sanh, không làm phát sanh.

"Vị ấy có sự hiểu biết và không có sự sắp đặt nhờ vào tuệ" là như thế.

Này Todeyya, ngươi hãy nhận biết về vị Hiền trí là như vậy.

Vị Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí,… (nt) … đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là bậc Hiền trí.

Này Todeyya, ngươi hãy nhận biết về vị Hiền trí là như vậy: Này Todeyya, ngươi hãy biết, hãy nhận biết, hãy thừa nhận, hãy thấu triệt về vị Hiền trí là như vậy.

"Này Todeyya, ngươi hãy nhận biết về vị Hiền trí là như vậy" là như thế.

Là vị không còn vướng bận, không bị dính mắc ở dục và hữu.

Vị không còn vướng bận: Luyến ái là vướng bận, sân hận là vướng bận, si mê là vướng bận, ngã mạn là vướng bận, tà kiến là vướng bận, ô nhiễm là vướng bận, uế hạnh là vướng bận. Đối với vị nào, các vướng bận này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vị ấy được gọi là không còn vướng bận.

Dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt)… Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)… Các điều này được gọi là ô nhiễm dục.

Hữu: Có hai sự hiện hữu: Sự hiện hữu do nghiệp và sự hiện hữu lần nữa liên quan đến việc nối liền tái sanh. ... (nt)… cái này là sự hiện hữu lần nữa liên quan đến việc nối liền tái sanh.

Là vị không còn vướng bận, không bị dính mắc ở dục và hữu: Người không còn vướng bận thì không bị dính mắc, không bị máng vào, không bị vướng vào, không bị giữ lại ở dục và hữu, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, đang sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

"Là vị không còn vướng bận, không bị dính mắc ở dục và hữu" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Vị ấy không còn mong ước, vị ấy không mong ước.
Vị ấy có sự hiểu biết và không có sự sắp đặt nhờ vào tuệ.
Này Todeyya, ngươi hãy nhận biết về vị Hiền trí là như vậy,
Là vị không còn vướng bận, không bị dính mắc ở dục và hữu."

Cùng với lúc kết thúc câu kệ ngôn,… (nt)… "Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử."

"Diễn giải kinh Todeyya" được hoàn tất.

10. DIỄN GIẢI KINH KAPPA
(*KAPPASUTTANIDDESO*)

10.1. *[Tôn giả Kappa nói rằng:]*
"Thưa Ngài, xin Ngài hãy nói về hòn đảo
Dành cho những người đang đứng giữa hồ nước,
Ở dòng lũ có sự nguy hiểm lớn đã được sanh ra,
Dành cho những người đang bị chế ngự bởi lão và tử.
Và xin Ngài hãy nói ra cho con về hòn đảo
Để cho cái [khổ] khác giống như cái [khổ] này không thể xảy ra."

Dành cho những người đang đứng giữa hồ nước: Hồ nước nói đến luân hồi, là việc đi đến [thế giới này], việc ra đi [đến thế giới khác], việc đi và đến, thời điểm [từ trần], cảnh giới tái sanh, kiếp sống khác từ kiếp sống này, sự tử vong, sự tái sanh, sự hạ sanh, sự tan rã, sự sanh, sự già và sự chết. Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến, điểm cuối cùng cũng không được biết đến, các chúng sanh tồn tại, thiết lập, bám vào, đến gần, bám chặt, hướng đến ở dòng luân hồi, ngay chính giữa.

"Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến" là thế nào?

"Sự luân chuyển đã xoay vần chỉ chừng ấy kiếp sống, trước đó đã không xoay vần", chắc chắn không có như thế. "Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến" là như vậy. "Sự luân chuyển đã xoay vần chỉ chừng ấy trăm kiếp sống, trước đó đã không xoay vần", chắc chắn không có như thế; "điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến" còn là như vậy. "Sự luân chuyển đã xoay vần chỉ chừng ấy ngàn kiếp sống, trước đó đã không xoay vần", chắc chắn không có như thế. "Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến" còn là như vậy. "Sự luân chuyển đã xoay vần chỉ chừng ấy trăm ngàn kiếp sống, trước đó đã không xoay vần", chắc chắn không có như thế. "Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến" còn là như vậy. "Sự luân chuyển đã xoay vần chỉ chừng ấy *koṭi*[1] kiếp sống, trước đó đã không xoay vần", chắc chắn không có như thế. "Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến" còn là như vậy. "Sự luân chuyển đã xoay vần chỉ chừng ấy trăm *koṭi* kiếp sống, trước đó đã không xoay vần", chắc chắn không có như thế. "Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến" còn là như vậy. "Sự luân chuyển đã xoay vần chỉ chừng ấy ngàn *koṭi* kiếp sống, trước đó đã không xoay vần", chắc chắn không có như thế. "Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến" còn là như vậy. "Sự luân chuyển đã

[1] 1 *koṭi* = 10.000.000 (mười triệu).

xoay vần chỉ chừng ấy trăm ngàn *koṭi* kiếp sống, trước đó đã không xoay vần", chắc chắn không có như thế. "Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến" còn là như vậy.

"Sự luân chuyển đã xoay vần chỉ chừng ấy năm, trước đó đã không xoay vần", chắc chắn không có như thế. "Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến" còn là như vậy. "Sự luân chuyển đã xoay vần chỉ chừng ấy trăm năm, trước đó đã không xoay vần", chắc chắn không có như thế. "Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến" còn là như vậy. "Sự luân chuyển đã xoay vần chỉ chừng ấy ngàn năm, trước đó đã không xoay vần", chắc chắn không có như thế. "Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến" còn là như vậy. "Sự luân chuyển đã xoay vần chỉ chừng ấy trăm ngàn năm, trước đó đã không xoay vần", chắc chắn không có như thế. "Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến" còn là như vậy. "Sự luân chuyển đã xoay vần chỉ chừng ấy *koṭi* năm, trước đó đã không xoay vần", chắc chắn không có như thế. "Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến" còn là như vậy. "Sự luân chuyển đã xoay vần chỉ chừng ấy trăm *koṭi* năm, trước đó đã không xoay vần", chắc chắn không có như thế. "Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến" còn là như vậy. "Sự luân chuyển đã xoay vần chỉ chừng ấy ngàn *koṭi* năm, trước đó đã không xoay vần", chắc chắn không có như thế. "Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến" còn là như vậy. "Sự luân chuyển đã xoay vần chỉ chừng ấy trăm ngàn *koṭi* năm, trước đó đã không xoay vần", chắc chắn không có như thế. "Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến" còn là như vậy.

"Sự luân chuyển đã xoay vần chỉ chừng ấy kiếp trái đất, trước đó đã không xoay vần", chắc chắn không có như thế. "Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến" còn là như vậy. "Sự luân chuyển đã xoay vần chỉ chừng ấy trăm kiếp trái đất, trước đó đã không xoay vần", chắc chắn không có như thế. "Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến" còn là như vậy. "Sự luân chuyển đã xoay vần chỉ chừng ấy ngàn kiếp trái đất, trước đó đã không xoay vần", chắc chắn không có như thế. "Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến" còn là như vậy. "Sự luân chuyển đã xoay vần chỉ chừng ấy trăm ngàn kiếp trái đất, trước đó đã không xoay vần", chắc chắn không có như thế. "Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến" còn là như vậy. "Sự luân chuyển đã xoay vần chỉ chừng ấy *koṭi* kiếp trái đất, trước đó đã không xoay vần", chắc chắn không có như thế. "Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến" còn là như vậy. "Sự luân chuyển đã xoay vần chỉ chừng ấy trăm *koṭi* kiếp trái đất, trước đó đã không xoay vần", chắc chắn không có như thế. "Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến" còn là như vậy. "Sự luân chuyển đã xoay vần chỉ chừng ấy ngàn *koṭi* kiếp trái đất, trước đó đã không xoay vần", chắc chắn không có như thế. "Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến" còn là như vậy. "Sự luân chuyển đã xoay vần chỉ chừng ấy trăm ngàn *koṭi* kiếp trái đất, trước đó đã không xoay vần", chắc chắn không có như thế. "Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến" còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

"Này các Tỳ-khưu, luân hồi này là không biết được điểm khởi đầu. Điểm đầu tiên không được biết đến đối với các chúng sanh có sự che lấp bởi vô minh,… có sự ràng buộc bởi tham ái,… đang chạy quanh, đang chuyển dịch. Một thời gian dài lâu như vậy, quả thật, này các Tỳ-khưu, khổ đau được trải nghiệm, khổ não được trải nghiệm, sự tổn hại được trải nghiệm, các nghĩa trang được tăng thêm. Cho đến chừng ấy, này các Tỳ-khưu, thật quá đủ để nhàm chán về các pháp tạo tác, quá đủ để xa lìa luyến ái, quá đủ để giải thoát." "Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến" còn là như vậy.

"Điểm cuối cùng của luân hồi không được biết đến" là thế nào?

"Sự luân chuyển sẽ xoay vần chừng ấy kiếp sống, sau đó sẽ không xoay vần", chắc chắn không có như thế; điểm cuối cùng của luân hồi không được biết đến là như vậy. "Sự luân chuyển sẽ xoay vần chừng ấy trăm kiếp sống,… (nt)… chừng ấy ngàn kiếp sống,… (nt)… chừng ấy trăm ngàn kiếp sống,… (nt)… chừng ấy *koṭi* kiếp sống,… (nt)… chừng ấy trăm *koṭi* kiếp sống,… (nt)… chừng ấy ngàn *koṭi* kiếp sống,… (nt)… chừng ấy trăm ngàn *koṭi* kiếp sống,… (nt)… chừng ấy năm,… (nt)… chừng ấy trăm năm,… (nt)… chừng ấy ngàn năm,… (nt)… chừng ấy trăm ngàn năm,… (nt)… chừng ấy *koṭi* năm,… (nt)… chừng ấy trăm *koṭi* năm,… (nt)… chừng ấy ngàn *koṭi* năm,… (nt)… chừng ấy trăm ngàn *koṭi* năm,… (nt)… chừng ấy kiếp trái đất,… (nt)… chừng ấy trăm kiếp trái đất,… (nt)… chừng ấy ngàn kiếp trái đất,… (nt)… chừng ấy trăm ngàn kiếp trái đất,… (nt)… chừng ấy *koṭi* kiếp trái đất,… (nt)… chừng ấy trăm *koṭi* kiếp trái đất,… (nt)… chừng ấy ngàn *koṭi* kiếp trái đất,… (nt)… chừng ấy trăm ngàn *koṭi* kiếp trái đất, sau đó sẽ không xoay vần", chắc chắn không có như thế. "Điểm cuối cùng của luân hồi không được biết đến" còn là như vậy. "Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến, điểm cuối cùng cũng không được biết đến, các chúng sanh tồn tại, thiết lập, bám vào, đến gần, bám chặt, hướng đến ở dòng luân hồi, ngay chính giữa" là như vậy.

"Dành cho những người đang đứng giữa hồ nước" là như thế.

Tôn giả Kappa nói rằng.

Rằng: [Từ "*icca*" này] là sự nối liền các câu văn… (nt)…

Tôn giả: [Từ "*āyasmā*" này] là lời nói yêu mến,… (nt)…

Kappa: Là tên của vị Bà-la-môn ấy,… (nt)… từ kêu gọi.

"Tôn giả Kappa nói rằng" là như thế.

Ở dòng lũ có sự nguy hiểm lớn đã được sanh ra: Ở dòng lũ [ngũ] dục, ở dòng lũ của hữu, ở dòng lũ tà kiến, ở dòng lũ vô minh đã được sanh ra, đã được sanh khởi, đã được hạ sanh, đã được phát sanh, đã được xuất hiện.

Sự nguy hiểm lớn: Nguy hiểm về sanh, nguy hiểm về già, nguy hiểm về bệnh, nguy hiểm về chết.

"Ở dòng lũ có sự nguy hiểm lớn đã được sanh ra" là như thế.

Dành cho những người đang bị chế ngự bởi lão và tử: Đối với những người bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi già, bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi chết, bị theo sau bởi sanh, bị đeo đuổi bởi già, bị thống trị bởi bệnh, bị hành hạ bởi chết, không nơi nương tựa, không nơi trú ẩn, không nơi nương nhờ, có trạng thái không nơi nương nhờ.

"Dành cho những người đang bị chế ngự bởi lão và tử" là như thế.

Thưa Ngài, xin Ngài hãy nói về hòn đảo: Xin Ngài hãy nói, hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ về hòn đảo, nơi nương tựa, nơi trú ẩn, nơi nương nhờ, cảnh giới tái sanh, sự nâng đỡ.

Thưa Ngài: Từ "*mārisa*" này là lời nói yêu mến, lời nói kính trọng, lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng.

"Thưa Ngài, xin Ngài hãy nói về hòn đảo" là như thế.

Và xin Ngài hãy nói ra cho con về hòn đảo.

Ngài: Nói đến đức Thế Tôn.

Xin Ngài hãy nói ra về hòn đảo: Xin Ngài hãy nói ra, hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ về hòn đảo, nơi nương tựa, nơi trú ẩn, nơi nương nhờ, cảnh giới tái sanh, sự nâng đỡ.

"Và xin Ngài hãy nói ra cho con về hòn đảo" là như thế.

Để cho cái [khổ] khác giống như cái [khổ] này không thể xảy ra: Để cho khổ đau giống như khổ đau này, ở ngay tại nơi đây, có thể được diệt tận, có thể vắng lặng, có thể đi đến sự tiêu hoại, có thể tịch tịnh, [để cho] khổ đau liên quan đến tái sanh lại nữa không thể hạ sanh, không thể sanh ra; không thể sanh khởi, không thể hạ sanh, không thể phát sanh ở dục giới, hoặc ở sắc giới, hoặc ở vô sắc giới, hoặc ở cõi dục, hoặc ở cõi sắc, hoặc ở cõi vô sắc, hoặc ở cõi hữu tưởng, hoặc ở cõi vô tưởng, hoặc ở cõi phi tưởng phi phi tưởng, hoặc ở cõi một uẩn, hoặc ở cõi bốn uẩn, hoặc ở cõi năm uẩn, hoặc ở cảnh giới tái sanh, hoặc ở sự tái sanh, hoặc ở sự tiếp nối tái sanh, hoặc ở sự hiện hữu, hoặc ở sự luân hồi, hoặc ở sự luân chuyển, [và] có thể được diệt tận, có thể vắng lặng, có thể đi đến sự tiêu hoại, có thể tịch tịnh ở ngay tại nơi đây.

"Để cho cái [khổ] khác giống như cái [khổ] này không thể xảy ra" là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

[Tôn giả Kappa nói rằng:]
"Thưa Ngài, xin Ngài hãy nói về hòn đảo
Dành cho những người đang đứng giữa hồ nước,
Ở dòng lũ có sự nguy hiểm lớn đã được sanh ra,
Dành cho những người đang bị chế ngự bởi lão và tử.
Và xin Ngài hãy nói ra cho con về hòn đảo
Để cho cái [khổ] khác giống như cái [khổ] này không thể xảy ra."

10.2. *[Đức Thế Tôn nói: "Này Kappa]*
Ta [sẽ] nói với ngươi về hòn đảo, này Kappa,
Dành cho những người đang đứng giữa hồ nước,
Ở dòng lũ có sự nguy hiểm lớn đã được sanh ra,
Dành cho những người đang bị chế ngự bởi lão và tử."

Dành cho những người đang đứng giữa hồ nước: Hồ nước nói đến luân hồi, là việc đi đến [thế giới này], việc ra đi [đến thế giới khác], việc đi và đến, thời điểm [từ trần], cảnh giới tái sanh, kiếp sống khác từ kiếp sống này, sự tử vong, sự tái sanh, sự hạ sanh, sự tan rã, sự sanh, sự già, và sự chết. Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến, điểm cuối cùng cũng không được biết đến, các chúng sanh tồn tại, thiết lập, bám vào, đến gần, bám chặt, hướng đến ở dòng luân hồi, ngay chính giữa.

"Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến" là thế nào? … (nt)… "điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến" là như vậy. "Điểm cuối cùng của luân hồi không được biết đến" là thế nào? … (nt)… "điểm cuối cùng của luân hồi không được biết đến" là như vậy. "Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến, điểm cuối cùng cũng không được biết đến, các chúng sanh tồn tại, thiết lập, bám vào, đến gần, bám chặt, hướng đến ở dòng luân hồi, ngay chính giữa" là như vậy. "Đối với những người đang đứng giữa hồ nước" là như thế.

Đức Thế Tôn nói: Này Kappa:… (nt)…

Ở dòng lũ có sự nguy hiểm lớn đã được sanh ra: Ở dòng lũ [ngũ] dục, ở dòng lũ của hữu, ở dòng lũ tà kiến, ở dòng lũ vô minh đã được sanh ra, đã được sanh khởi, đã được hạ sanh, đã được phát sanh, đã được xuất hiện.

Sự nguy hiểm lớn: Nguy hiểm về sanh, nguy hiểm về già, nguy hiểm về bệnh, nguy hiểm về chết.

"Ở dòng lũ có sự nguy hiểm lớn đã được sanh ra" là như thế.

Dành cho những người đang bị chế ngự bởi lão và tử: Đối với những người bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi già, bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi chết, bị theo sau bởi sanh, bị đeo đuổi bởi già, bị thống trị bởi bệnh, bị hành hạ bởi chết, không nơi nương tựa, không nơi trú ẩn, không nơi nương nhờ, có trạng thái không nơi nương nhờ.

"Dành cho những người đang bị chế ngự bởi lão và tử" là như thế.

Ta [sẽ] nói với ngươi về hòn đảo, này Kappa: Ta nói, Ta chỉ dạy, Ta chỉ bảo, Ta thông báo, Ta ấn định, Ta khai mở, Ta chia sẻ, Ta làm rõ, Ta bày tỏ về hòn đảo, nơi nương tựa, nơi trú ẩn, nơi nương nhờ, cảnh giới tái sanh, sự nâng đỡ.

"Ta [sẽ] nói với ngươi về hòn đảo, này Kappa" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: "Này Kappa]
Ta [sẽ] nói với ngươi về hòn đảo, này Kappa,
Dành cho những người đang đứng giữa hồ nước,
Ở dòng lũ có sự nguy hiểm lớn đã được sanh ra,
Dành cho những người đang bị chế ngự bởi lão và tử."

10.3. *Hòn đảo ấy là không vướng bận, không nắm giữ, không có cái nào khác,*
Ta gọi cái ấy là "Niết-bàn", sự diệt trừ hoàn toàn lão và tử.

Không vướng bận, không nắm giữ.

Vướng bận: Luyến ái là vướng bận, sân hận là vướng bận, si mê là vướng bận, ngã mạn là vướng bận, tà kiến là vướng bận, ô nhiễm là vướng bận, uế hạnh là vướng bận. Sự dứt bỏ điều vướng bận, sự vắng lặng điều vướng bận, sự buông bỏ điều vướng bận, sự tịch tịnh điều vướng bận là bất tử, Niết-bàn. "Không vướng bận" là như thế.

Không nắm giữ: Nắm giữ nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Sự dứt bỏ việc nắm giữ, sự vắng lặng việc nắm giữ, sự buông bỏ việc nắm giữ, sự tịch tịnh việc nắm giữ là bất tử, Niết-bàn.

"Không vướng bận, không nắm giữ" là như thế.

Hòn đảo ấy là không có cái nào khác: Hòn đảo ấy là nơi nương tựa, nơi trú ẩn, nơi nương nhờ, cảnh giới tái sanh, sự nâng đỡ.

Không có cái nào khác: Không có hòn đảo nào khác so với cái ấy. Và chính hòn đảo ấy là cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý.

"Hòn đảo ấy là không có cái nào khác" là như thế.

Ta gọi cái ấy là Niết-bàn: Thêu dệt (*vānaṃ*) nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Sự dứt bỏ thêu dệt, sự vắng lặng thêu dệt, sự buông bỏ thêu dệt, sự tịch tịnh thêu dệt là bất tử, Niết-bàn.

Iti: Từ "*iti*" này là sự nối liền các câu văn, sự kết hợp các câu văn, sự làm đầy đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuốt từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn.

Ta gọi: Ta nói, Ta chỉ dạy, Ta chỉ bảo, Ta thông báo, Ta ấn định, Ta khai mở, Ta chia sẻ, Ta làm rõ, Ta bày tỏ.

"Ta gọi cái ấy là Niết-bàn" là như thế.

Sự diệt trừ hoàn toàn lão và tử: Sự dứt bỏ, sự vắng lặng, sự buông bỏ, sự tịch tịnh đối với già và chết, là bất tử, Niết-bàn.

"Sự diệt trừ hoàn toàn lão và tử" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Hòn đảo ấy là không vướng bận, không nắm giữ, không có cái nào khác, Ta gọi cái ấy là 'Niết-bàn', sự diệt trừ hoàn toàn lão và tử."

10.4. *Sau khi hiểu thông điều này, những người nào có niệm, đã nhận thức được giáo pháp, đã được diệt tắt, những người ấy không đi theo quyền lực của Ma vương, những người ấy không là nô bộc của Ma vương.*

Sau khi hiểu thông điều này, những người nào có niệm.

Điều này: Là bất tử, Niết-bàn, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn.

Sau khi hiểu thông: Sau khi hiểu thông, sau khi hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt. Sau khi hiểu thông, sau khi hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: "Tất cả các hành là vô thường";... (nt)... "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

Những người nào: Là các bậc A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Bản thân đã phát triển sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân là có niệm... (nt)... các vị ấy được gọi là có niệm.

"Sau khi hiểu thông điều này, những người nào có niệm" là như thế.

Đã nhận thức được giáo pháp, đã được diệt tắt. Đã nhận thức được giáo pháp: Đã nhận thức được giáo pháp là đã biết giáo pháp, đã cân nhắc giáo pháp, đã xác định giáo pháp, đã rõ rệt giáo pháp, đã minh định giáo pháp.

Đã được diệt tắt: Do trạng thái đã được tịch diệt đối với luyến ái là đã được tịch diệt; do trạng thái đã được an tịnh, do trạng thái đã được yên lặng, do trạng thái đã được vắng lặng, do trạng thái đã được thiêu hủy, do trạng thái đã được tịch diệt, do trạng thái đã được tách lìa, do trạng thái đã được tịch tịnh đối với sân hận... (nt)... đối với tất cả các pháp tạo tác bất thiện, là được an tịnh, được yên tịnh, được vắng lặng, được tịch diệt, được tịch tịnh.

"Đã nhận thức được giáo pháp, đã được diệt tắt" là như thế.

Những người ấy không đi theo quyền lực của Ma vương.

Ma vương: Ma vương ấy là *Kaṇha* (Hắc ám), *Adhipati* (Chúa tể của sáu cõi trời dục giới), *Antagū* (Đi đến tận cùng của các bất thiện pháp), *Namuci* (Không thả ra những kẻ ác), *Pamattabandhu* (Thân quyến của những kẻ bị xao lãng).

Những người ấy không đi theo quyền lực của Ma vương: Các vị ấy không vận hành theo quyền lực của Ma vương, thậm chí Ma vương cũng không vận hành được quyền lực ở các vị ấy. Sau khi khắc phục, sau khi thống trị, sau khi đè bẹp, sau khi trấn áp, sau khi nghiền nát Ma vương, phe nhóm của Ma vương, cạm bẫy của Ma vương, lưỡi câu của Ma vương, thức ăn của Ma vương, lãnh địa của Ma vương, mồi nhử của Ma vương, hành xứ của Ma vương và sự

trói buộc của Ma vương; các vị ấy thực hành, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, nuôi dưỡng, bảo dưỡng.

"Những người ấy không đi theo quyền lực của Ma vương" là như thế.

Những người ấy không là nô bộc của Ma vương: Các vị ấy không phải là người hầu hạ, người theo hầu, người hầu cận, học trò của Ma vương; các vị ấy là người hầu hạ, người theo hầu, người hầu cận, học trò của đức Phật, của đức Thế Tôn.

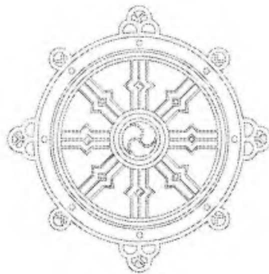
"Những người ấy không là nô bộc của Ma vương" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Sau khi hiểu thông điều này, những người nào có niệm, đã nhận thức được giáo pháp, đã được diệt tắt, những người ấy không đi theo quyền lực của Ma vương, những người ấy không là nô bộc của Ma vương."

Cùng với lúc kết thúc câu kệ ngôn,... (nt)... "Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử."

"Diễn giải kinh Kappa" được hoàn tất.



11. DIỄN GIẢI KINH JATUKAṆṆĪ
(*JATUKAṆṆĪSUTTANIDDESO*)

11.1. *[Tôn giả Jatukaṇṇī nói rằng:] "Thưa bậc Anh Hùng, sau khi con nghe về vị không có ham muốn các dục, con đã đi đến để hỏi vị đã vượt qua dòng lũ, vị không có ham muốn. Thưa bậc có nhãn quan đã được đồng sanh [với trí toàn giác,] xin Ngài hãy nói về vị thế an tịnh. Thưa đức Thế Tôn, xin Ngài hãy nói cho con về điều này đúng theo sự thật."*

Thưa bậc Anh Hùng, sau khi con nghe về vị không có ham muốn các dục.

Sau khi nghe: Sau khi nghe, sau khi lắng nghe, sau khi tiếp thu, sau khi tiếp nhận, sau khi nhận định. Sau khi con nghe rằng: "Đức Thế Tôn ấy là bậc A-la-hán,… (nt)… Phật, Thế Tôn."

Bậc Anh Hùng: Bậc Anh Hùng là [nói đến] đức Thế Tôn; "vị có sự tinh tấn" là bậc Anh Hùng, "vị có năng lực" là bậc Anh Hùng, "vị có tiềm năng" là bậc Anh Hùng, "vị có khả năng" là bậc Anh Hùng, "vị dũng cảm" là bậc Anh Hùng, "vị quả cảm, không nhút nhát, không có sự kinh hãi, không có sự sợ sệt, không có sự trốn chạy, có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ, có sự rởn lông đã được xa lìa" là bậc Anh Hùng.

Vị đã lánh xa tất cả các việc ác xấu ở đời này,
Vị có tinh tấn ấy đã vượt qua sự khổ đau ở địa ngục,
Vị ấy có sự tinh tấn, có sự nỗ lực,
Là bậc Anh Hùng, có bản thể như thế, được gọi là "bậc Tự Tại." "Thưa bậc Anh Hùng, sau khi con nghe" là như thế.

Về vị không có ham muốn các dục.

Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt)… Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)… Các điều này được gọi là ô nhiễm dục. Đối với đức Phật Thế Tôn, các vật dục đã được biết toàn diện, các ô nhiễm dục đã được dứt bỏ. Do trạng thái đã được biết toàn diện đối với các vật dục, do trạng thái đã được dứt bỏ đối với các ô nhiễm dục, đức Thế Tôn không ham muốn các dục, không ước nguyện các dục, không mong cầu các dục, không nguyện cầu các dục. Những người nào ham muốn các dục, ước nguyện các dục, mong cầu các dục, nguyện cầu các dục, những người ấy có sự ham muốn các dục, có sự luyến ái với ái dục, có sự suy tưởng đến tưởng [về dục]. Đức Thế Tôn không ham muốn các dục, không ước nguyện các dục, không mong cầu các dục, không nguyện cầu các dục; vì thế, đức Phật không có

dục,[1] không còn dục, có dục đã được từ bỏ, có dục đã được tẩy trừ, có dục đã được giải thoát, có dục đã được dứt bỏ, có dục đã được buông bỏ, có luyến ái đã được xa lìa, có luyến ái đã được tách lìa, có luyến ái đã được từ bỏ, có luyến ái đã được tẩy trừ, có luyến ái đã được giải thoát, có luyến ái đã được dứt bỏ, có luyến ái đã được buông bỏ, đã không còn khao khát, đã được tịch diệt, có trạng thái mát mẻ, có sự cảm thọ lạc, sống với trạng thái cao thượng tự thân.

"Thưa bậc Anh Hùng, sau khi con nghe về vị không có ham muốn các dục" là như thế.

Tôn giả Jatukaṇṇī nói rằng.

Rằng: Từ "*icca*" này là sự nối liền các câu văn,... (nt)... tính chất tuần tự của các câu văn.

Tôn giả: Từ "*āyasmā*" này là lời nói yêu mến,... (nt)... lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng.

Jatukaṇṇī: Là họ của vị Bà-la-môn ấy, là sự ấn định, sự chỉ định, sự quy định, sự diễn tả.

"Tôn giả Jatukaṇṇī nói rằng" là như thế.

Con đã đi đến để hỏi vị đã vượt qua dòng lũ, vị không có ham muốn.

Vị đã vượt qua dòng lũ: Vị đã vượt qua dòng lũ là vị đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi dòng lũ. "Vị đã vượt qua dòng lũ" là như thế.

Để hỏi: Để hỏi, để vấn, để yêu cầu, để thỉnh cầu, để đặt niềm tin.

Con đã đi đến [để hỏi] vị không có ham muốn: Để hỏi vị không có ham muốn, không còn ham muốn, có ham muốn đã được từ bỏ, có ham muốn đã được tẩy trừ, có ham muốn đã được giải thoát, có ham muốn đã được dứt bỏ, có ham muốn đã được buông bỏ, có luyến ái đã được xa lìa, có luyến ái đã được tách lìa, có luyến ái đã được từ bỏ, có luyến ái đã được tẩy trừ, có luyến ái đã được giải thoát, có luyến ái đã được dứt bỏ, có luyến ái đã được buông bỏ, con đã đi lại, đã đi đến, đã đi đến gần, đã đạt đến, đã đi đến gặp Ngài.

"Con đã đi đến để hỏi vị đã vượt qua dòng lũ, vị không có ham muốn" là như thế.

Thưa bậc có nhãn quan đã được đồng sanh [với trí toàn giác], xin Ngài hãy nói về vị thế an tịnh.

An tịnh: Theo một khía cạnh, sự an tịnh cũng như vị thế an tịnh, chính cái ấy là bất tử, Niết-bàn, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

---

[1] Động từ *kāmeti* được ghi nghĩa Việt là "ham muốn." Còn danh từ *kāma* được dịch theo hai nghĩa là "ham muốn" và "dục" tùy theo ngữ cảnh. Ở đây, *akāmo* được dịch là "không có dục", ở đoạn kế tiếp được dịch là "không có ham muốn". (ND)

"Vị thế này là an tịnh, vị thế này là hảo hạng, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn." Hoặc là, theo một khía cạnh khác, các pháp nào vận hành đưa đến việc chứng đắc sự an tịnh, đưa đến việc chạm đến sự an tịnh, đưa đến việc chứng ngộ sự an tịnh, như là: Bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần. Các pháp này gọi là các vị thế an tịnh. Xin Ngài hãy nói, hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ về vị thế an tịnh, vị thế nương tựa, vị thế trú ẩn, vị thế nương nhờ, vị thế không sợ hãi, vị thế bất hoại, vị thế bất tử, vị thế Niết-bàn.

Bậc có nhãn quan đã được đồng sanh [với trí toàn giác]: Nhãn quan nói đến trí toàn giác. Nhãn quan và bản thể chiến thắng của đức Phật Thế Tôn đã được sanh lên tại gốc cây Bồ-đề vào cùng một thời điểm không trước không sau; vì thế đức Phật là bậc có nhãn quan đã được đồng sanh [với trí toàn giác].

"Thưa bậc có nhãn quan đã được đồng sanh [với trí toàn giác], xin Ngài hãy nói về vị thế an tịnh" là như thế.

Thưa đức Thế Tôn, xin Ngài hãy nói cho con về điều này đúng theo sự thật: Đúng theo sự thật nói đến bất tử, Niết-bàn… (nt)… sự diệt tận, Niết-bàn.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính… (nt)… sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "đức Thế Tôn."

Xin Ngài hãy nói cho con về điều này: Xin Ngài hãy nói, hãy chỉ dạy,… (nt)… hãy bày tỏ.

"Thưa đức Thế Tôn, xin Ngài hãy nói cho con về điều này đúng theo sự thật" là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

[Tôn giả Jatukaṇṇī nói rằng:] "Thưa bậc Anh Hùng, sau khi con nghe về vị không có ham muốn các dục, con đã đi đến để hỏi vị đã vượt qua dòng lũ, vị không có ham muốn. Thưa bậc có nhãn quan đã được đồng sanh [với trí toàn giác], xin Ngài hãy nói về vị thế an tịnh. Thưa đức Thế Tôn, xin Ngài hãy nói cho con về điều này đúng theo sự thật."

11.2. *Thật vậy, đức Thế Tôn sinh hoạt [cư xử] sau khi ngự trị các dục,*
Tựa như thái dương, có sức nóng, ngự trị trái đất bằng sức nóng.
Thưa bậc có tuệ bao la, đối với con là người có tuệ nhỏ nhoi,
Xin Ngài hãy chỉ dạy về giáo pháp để con có thể nhận thức
Sự lìa bỏ đối với sanh và già ở nơi đây.

Thật vậy, đức Thế Tôn sinh hoạt [cư xử] sau khi ngự trị các dục.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính… (nt)… sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "đức Thế Tôn."

Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt)… Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)… Các điều này được gọi là ô nhiễm dục. Sau khi biết toàn diện các vật dục, sau khi dứt bỏ, sau khi khắc phục, sau khi thống trị, sau khi đè bẹp, sau khi trấn áp, sau khi nghiền nát các ô nhiễm dục, đức Thế Tôn sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, nuôi dưỡng, bảo dưỡng.

"Thật vậy, đức Thế Tôn sinh hoạt [cư xử] sau khi ngự trị các dục" là như thế.

Ví như thái dương, có sức nóng, ngự trị trái đất bằng sức nóng: Thái dương nói đến mặt trời, trái đất nói đến địa cầu. Giống như mặt trời có sức nóng, thành tựu sức nóng, sau khi ngự trị, sau khi thống trị, sau khi đè bẹp, sau khi trấn áp, sau khi thiêu đốt trái đất, sau khi xua đi bóng tối đã che phủ toàn bộ bầu trời, sau khi xua tan bóng đêm, sau khi phô bày ánh sáng, nó di chuyển ở không trung, trên bầu trời, một cách mau lẹ theo quỹ đạo ở không gian; tương tự y như vậy, đức Thế Tôn có hào quang trí tuệ, thành tựu hào quang trí tuệ, sau khi xua tan tất cả nhân sanh khởi của các pháp tạo tác… (nt)… bóng đêm ô nhiễm, bóng tối vô minh, sau khi phô bày ánh sáng trí tuệ, sau khi biết toàn diện các vật dục, sau khi dứt bỏ, sau khi ngự trị, sau khi thống trị, sau khi đè bẹp, sau khi trấn áp, sau khi nghiền nát các ô nhiễm dục, đức Thế Tôn sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, nuôi dưỡng, bảo dưỡng.

"Ví như thái dương, có sức nóng, ngự trị trái đất bằng sức nóng" là như thế.

Thưa bậc có tuệ bao la, đối với con là người có tuệ nhỏ nhoi: Con thì có tuệ nhỏ nhoi, có tuệ thấp kém, có tuệ thấp thỏi, có tuệ tồi tệ, còn Ngài có tuệ vĩ đại, có tuệ rộng lớn, có tuệ vi tiếu, có tuệ tốc hành, có tuệ sắc bén, có tuệ thấu suốt. Bao la nói đến trái đất. Đức Thế Tôn đã thành tựu tuệ ấy, [là tuệ] bao la, trải rộng sánh bằng trái đất.

"Thưa bậc có tuệ bao la, đối với con là người có tuệ nhỏ nhoi" là như thế.

Xin Ngài hãy chỉ dạy về giáo pháp để con có thể nhận thức.

Giáo pháp: Xin Ngài hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa, toàn hảo ở đoạn kết, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ, [gồm có] bốn sự thiết lập niệm,… (nt)… Niết-bàn, và sự thực hành đưa đến Niết-bàn.

Để con có thể nhận thức: Để con có thể biết, có thể hiểu, có thể nhận thức, có thể thừa nhận, có thể thấu triệt, có thể chứng đắc, có thể nhìn thấy, có thể chứng ngộ.

"Xin Ngài hãy chỉ dạy về giáo pháp để con có thể nhận thức" là như thế.

Sự lìa bỏ đối với sanh và già ở nơi đây: Sự dứt bỏ đối với sanh, già, và chết ngay ở nơi đây, sự vắng lặng, sự buông bỏ, sự tịch tịnh, bất tử, Niết-bàn.

"Sự lìa bỏ đối với sanh và già ở nơi đây" là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

"Thật vậy, đức Thế Tôn sinh hoạt [cư xử] sau khi ngự trị các dục,
Tựa như thái dương, có sức nóng, ngự trị trái đất bằng sức nóng.
Thưa bậc có tuệ bao la, đối với con là người có tuệ nhỏ nhoi,
Xin Ngài hãy chỉ dạy về giáo pháp để con có thể nhận thức
Sự lìa bỏ đối với sanh và già ở nơi đây."

11.3. *[Đức Thế Tôn nói: "Này Jatukaṇṇī]*
Ngươi hãy dẹp bỏ sự thèm khát ở các dục
Để nhìn thấy sự xuất ly là an toàn.
Dầu đã được nắm bắt hay đã được vứt bỏ,
Sự vướng bận chớ có hiện diện đối với ngươi."

Ngươi hãy dẹp bỏ sự thèm khát ở các dục.

Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt)… Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)… Các điều này được gọi là ô nhiễm dục.

Thèm khát: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,… (nt)… tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Ngươi hãy dẹp bỏ sự thèm khát ở các dục: Ngươi hãy dẹp bỏ, hãy dẹp hẳn, hãy dứt bỏ, hãy xua đi, hãy làm chấm dứt, hãy làm cho không còn hiện hữu sự thèm khát ở các dục.

"Ngươi hãy dẹp bỏ sự thèm khát ở các dục" là như thế.

Jatukaṇṇī: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng họ.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính… (nt)… sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "đức Thế Tôn."

"Đức Thế Tôn nói: Này Jatukaṇṇī" là như thế.

Để nhìn thấy sự xuất ly là an toàn.

Sự xuất ly: Sau khi nhìn xem, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt để nhìn thấy sự thực hành đúng đắn, sự thực hành phù hợp, sự thực hành không trái ngược, sự thực hành đưa đến lợi ích, sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, việc làm đầy đủ các giới, việc phòng vệ các giác quan, việc biết chừng mực về vật thực, sự luyện tập về tỉnh thức, niệm và sự nhận biết rõ, bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, Niết-bàn và đường lối thực hành đưa đến Niết-bàn là an toàn, là nơi nương tựa, là nơi trú ẩn, là nơi nương nhờ, là nơi không sợ hãi, là bất hoại, là bất tử, là Niết-bàn.

"Để nhìn thấy sự xuất ly là an toàn" là như thế.

Dầu đã được nắm bắt hay đã được vứt bỏ.

Đã được nắm bắt: Đã được nắm lấy, đã được bám víu, đã được chấp chặt,

đã được bám chặt, đã được hướng đến do tác động của tham ái, do tác động của tà kiến.

Hay đã được vứt bỏ: Nên được quăng bỏ, nên được buông ra, nên được dứt bỏ, nên được xua đi, nên được làm chấm dứt, nên được làm cho không còn hiện hữu.

"Dầu đã được nắm bắt hay đã được vứt bỏ" là như thế.

Sự vướng bận chớ có hiện diện đối với ngươi: Luyến ái là vướng bận, sân hận là vướng bận, si mê là vướng bận, ngã mạn là vướng bận, tà kiến là vướng bận, ô nhiễm là vướng bận, uế hạnh là vướng bận. Sự vướng bận này chớ có hiện diện, chớ có tồn tại đối với ngươi, ngươi hãy dứt bỏ, hãy xua đi, hãy làm chấm dứt, hãy làm cho không còn hiện hữu.

"Sự vướng bận chớ có hiện diện đối với ngươi" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: "Này Jatukaṇṇī]
Ngươi hãy dẹp bỏ sự thèm khát ở các dục
Để nhìn thấy sự xuất ly là an toàn.
Dầu đã được nắm bắt hay đã được vứt bỏ,
Sự vướng bận chớ có hiện diện đối với ngươi."

11.4. *Điều nào trước đây (quá khứ), ngươi hãy làm khô héo điều ấy.*
Chớ có điều vướng bận sanh khởi đến ngươi sau này (vị lai).
Nếu ngươi không nắm lấy [điều gì] ở khoảng giữa (hiện tại),
Ngươi sẽ sống, được yên tịnh.

Điều nào trước đây (quá khứ), ngươi hãy làm khô héo điều ấy: Những ô nhiễm nào sanh lên liên quan đến các pháp tạo tác thuộc quá khứ, ngươi hãy làm khô cạn, hãy làm khô héo, hãy làm khô ráo, hãy làm khô queo, hãy làm không còn mầm giống, hãy dứt bỏ, hãy xua đi, hãy làm chấm dứt, hãy làm cho không còn hiện hữu các ô nhiễm ấy. "Điều nào trước đây (quá khứ), ngươi hãy làm khô héo điều ấy" là như vậy. Hoặc là, các pháp tạo tác là các nghiệp thuộc quá khứ chưa chín muồi hoặc đã trổ quả, ngươi hãy làm khô cạn, hãy làm khô héo, hãy làm khô ráo, hãy làm khô queo, hãy làm không còn mầm giống, hãy dứt bỏ, hãy xua đi, hãy làm chấm dứt, hãy làm cho không còn hiện hữu các pháp tạo tác là các nghiệp ấy.

"Điều nào trước đây (quá khứ), ngươi hãy làm khô héo điều ấy" còn là như vậy.

Chớ có điều vướng bận sanh khởi đến ngươi sau này (vị lai): Sau này nói đến thời vị lai. Những điều [vướng bận] nào sanh lên liên quan đến các pháp tạo tác thuộc vị lai: Luyến ái là vướng bận, sân hận là vướng bận, si mê là vướng bận, ngã mạn là vướng bận, tà kiến là vướng bận, ô nhiễm là vướng bận, uế hạnh là vướng bận, mong rằng những điều vướng bận này chớ sanh khởi

cho ngươi; ngươi chớ tạo ra, chớ làm cho sanh ra, chớ làm cho sanh khởi, chớ làm cho hạ sanh, chớ làm cho phát sanh, ngươi hãy dứt bỏ, hãy xua đi, hãy làm chấm dứt, hãy làm cho không còn hiện hữu những điều vướng bận này.

"Chớ có điều vướng bận sanh khởi đến ngươi sau này (vị lai)" là như thế.

Nếu ngươi không nắm lấy [điều gì] ở khoảng giữa (hiện tại): Khoảng giữa nói đến các sắc, thọ, tưởng, hành, thức thuộc hiện tại. Ngươi sẽ không chấp nhận, sẽ không nắm lấy, sẽ không bám víu, sẽ không vui mừng, sẽ không thích thú, sẽ không bám chặt các pháp tạo tác thuộc hiện tại do tác động của tham ái, do tác động của tà kiến. Ngươi sẽ dứt bỏ, sẽ xua đi, sẽ làm chấm dứt, sẽ làm cho không còn hiện hữu sự thích thú, sự tán thưởng, sự bám chặt, sự nắm lấy, sự bám víu, sự chấp chặt.

"Nếu ngươi sẽ không nắm lấy [điều gì] ở khoảng giữa (hiện tại)" là như thế.

Ngươi sẽ sống, được yên tịnh: Do trạng thái đã được an tịnh, do trạng thái đã được yên lặng, do trạng thái đã được yên tịnh đối với luyến ái, do trạng thái đã được an tịnh, do trạng thái đã được yên lặng, do trạng thái đã được yên tịnh, do trạng thái đã được vắng lặng, do trạng thái đã được thiêu hủy, do trạng thái đã được tịch diệt, do trạng thái đã được tách lìa, do trạng thái đã được tịch tịnh đối với sân hận,... (nt)... đối với tất cả các pháp tạo tác bất thiện, được an tịnh, được yên tịnh, được vắng lặng, được tịch diệt, được tịch tịnh, ngươi sẽ sống, sẽ trú ngụ, sẽ sinh hoạt, sẽ vận hành, sẽ bảo hộ, sẽ hộ trì, sẽ bảo dưỡng.

"Ngươi sẽ sống, được yên tịnh" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Điều nào trước đây (quá khứ), ngươi hãy làm khô héo điều ấy.
Chớ có điều vướng bận sanh khởi đến ngươi sau này (vị lai).
Nếu ngươi không nắm lấy [điều gì] ở khoảng giữa (hiện tại),
Ngươi sẽ sống, được yên tịnh."

11.5. *Này Bà-la-môn, đối với vị đã xa lìa sự thèm khát*
Ở danh và sắc về mọi phương diện,
Đối với vị này các lậu hoặc không hiện hữu,
Bởi vì chúng, con người rơi vào sự cai quản của tử thần.

Này Bà-la-môn, đối với vị đã xa lìa sự thèm khát ở danh và sắc về mọi phương diện.

Về mọi phương diện: Là tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, từ "*sabbaso*" này là lối nói của sự bao gồm.

Danh: Bốn nhóm không có sắc.[2]

Sắc: Là bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió] và sắc liên quan đến bốn yếu tố chính.

---

[2] Xem chú thích 6 ở trang 359. (ND)

Sự thèm khát: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,… (nt)… tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Này Bà-la-môn, đối với vị đã xa lìa sự thèm khát ở danh và sắc về mọi phương diện: Đối với vị đã xa lìa sự thèm khát, đã tách lìa sự thèm khát, đã từ bỏ sự thèm khát, đã tẩy trừ sự thèm khát, đã giải thoát sự thèm khát, đã dứt bỏ sự thèm khát, đã buông bỏ sự thèm khát, đã xa lìa sự luyến ái, đã tách lìa sự luyến ái, đã từ bỏ sự luyến ái, đã tẩy trừ sự luyến ái, đã giải thoát sự luyến ái, đã dứt bỏ sự luyến ái, đã buông bỏ sự luyến ái ở danh và sắc về mọi phương diện.

"Này Bà-la-môn, đối với vị đã xa lìa sự thèm khát ở danh và sắc về mọi phương diện" là như thế.

Đối với vị này các lậu hoặc không hiện hữu.

Các lậu hoặc: Có bốn lậu hoặc: Dục lậu, hữu lậu, kiến lậu, vô minh lậu.

Đối với vị này: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Không hiện hữu: Đối với vị ấy, các lậu hoặc này là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

"Đối với vị này các lậu hoặc không hiện hữu" là như thế.

Bởi vì chúng, con người rơi vào sự cai quản của tử thần: Bởi vì các lậu hoặc nào, con người đi vào sự cai quản của tử thần, hoặc đi vào sự cai quản của sự chết, hoặc đi vào sự cai quản của phe nhóm thuộc Ma vương; đối với vị ấy, các lậu hoặc ấy là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

"Bởi vì chúng, con người rơi vào sự cai quản của tử thần" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Này Bà-la-môn, đối với vị đã xa lìa sự thèm khát
Ở danh và sắc về mọi phương diện,
Đối với vị này các lậu hoặc không hiện hữu,
Bởi vì chúng, con người rơi vào sự cai quản của tử thần."

Cùng với lúc kết thúc câu kệ ngôn,… (nt)… "Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử."

"Diễn giải kinh Jatukaṇṇī" được hoàn tất.

12. DIỄN GIẢI KINH BHADRĀVUDHA
(*BHADRĀVUDHASUTTANIDDESO*)

12.1. *[Tôn giả Bhadrāvudha nói rằng:] "Con khẩn cầu bậc Khôn Ngoan, bậc Từ Bỏ Chỗ Trú Ngụ, bậc Cắt Đứt Tham Ái, bậc Không Còn Dục Vọng, bậc Từ Bỏ Niềm Vui, bậc Đã Vượt Qua Dòng Lũ, bậc Đã Được Giải Thoát, bậc Từ Bỏ Sự Sắp Đặt [do tham ái và tà kiến]. Sau khi lắng nghe bậc Long Tượng, từ đây họ sẽ ra đi."*

Bậc Từ Bỏ Chỗ Trú Ngụ, bậc Cắt Đứt Tham Ái, bậc Không Còn Dục Vọng.

Bậc Từ Bỏ Chỗ Trú Ngụ: Mong muốn nào, luyến ái nào, niềm vui nào, tham ái nào, các sự vướng bận và chấp thủ nào là sự quyết định, sự chấp chặt và sự tiềm ẩn của tâm ở sắc giới, đối với đức Phật Thế Tôn, các việc ấy đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế, đức Phật được gọi là "bậc từ bỏ chỗ trú ngụ." Mong muốn nào, luyến ái nào, niềm vui nào, tham ái nào, các sự vướng bận và chấp thủ nào là sự quyết định, sự chấp chặt, và sự tiềm ẩn của tâm ở thọ giới,... ở tưởng giới,... ở hành giới,... ở thức giới, đối với đức Phật Thế Tôn, các việc ấy đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế, đức Phật được gọi là "bậc Từ Bỏ Chỗ Trú Ngụ."

Bậc Cắt Đứt Tham Ái.

Tham ái: Tham ái cảnh sắc,... (nt)... tham ái cảnh pháp. Đối với đức Phật Thế Tôn, tham ái ấy đã được cắt đứt, đã được cắt lìa, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; vì thế, đức Phật là "bậc Cắt Đứt Tham Ái."

Bậc Không Còn Dục Vọng: Dục vọng nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với đức Phật Thế Tôn, dục vọng tham ái ấy đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế, đức Phật là bậc không còn dục vọng. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với dục vọng mà trở thành không còn dục vọng, đức Thế Tôn không xao động vì lợi lộc, không xao động vì không lợi lộc, không xao động vì danh vọng, không xao động vì không danh vọng, không xao động vì lời khen, không xao động vì lời chê, không xao động vì hạnh phúc, không xao động vì khổ đau, không dao động, không run rẩy, không chấn động, không rúng động; vì thế, đức Phật là "bậc Không Còn Dục Vọng."

"Bậc Từ Bỏ Chỗ Trú Ngụ, bậc Cắt Đứt Tham Ái, bậc Không Còn Dục Vọng" là như thế.

Tôn giả Bhadrāvudha nói rằng.

Rằng: [Từ "*icca*" này] là sự nối liền các câu văn,... (nt)...

Tôn giả: [Từ "*āyasmā*" này] là lời nói yêu mến,... (nt)...

Bhadrāvudha: Là tên của vị Bà-la-môn ấy,... (nt)... từ kêu gọi.

"Tôn giả Bhadrāvudha nói rằng" là như thế.

Bậc Từ Bỏ Niềm Vui, bậc Đã Vượt Qua Dòng Lũ, bậc Đã Được Giải Thoát: Niềm vui nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với đức Phật Thế Tôn, niềm vui ấy, tham ái ấy đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế, đức Phật là "bậc Từ Bỏ Niềm Vui."

Bậc Đã Vượt Qua Dòng Lũ: Đức Thế Tôn đã vượt qua dòng lũ [ngũ] dục, đã vượt qua dòng lũ của hữu, đã vượt qua dòng lũ tà kiến, đã vượt qua dòng lũ vô minh, đã vượt qua mọi nẻo đường luân hồi, đã vượt lên, đã vượt ra khỏi, đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi. Ngài đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành,... (nt)... Việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vị ấy." "Bậc Từ Bỏ Niềm Vui, bậc Đã Vượt Qua Dòng Lũ" là như thế.

Bậc Đã Được Giải Thoát: Đối với đức Thế Tôn, tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi sự luyến ái, tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi sự sân hận,... (nt)... khỏi sự si mê,... (nt)... khỏi tất cả các pháp tạo tác bất thiện.

"Bậc Từ Bỏ Niềm Vui, bậc Đã Vượt Qua Dòng Lũ, bậc Đã Được Giải Thoát" là như thế.

Con khẩn cầu bậc Khôn Ngoan, bậc Từ Bỏ Sự Sắp Đặt.

Sự sắp đặt: Có hai sự sắp đặt: Sự sắp đặt do tham ái và sự sắp đặt do tà kiến. ... (nt)... điều này là sự sắp đặt do tham ái. ... (nt)... điều này là sự sắp đặt do tà kiến. Đối với đức Phật Thế Tôn, sự sắp đặt do tham ái đã được dứt bỏ, sự sắp đặt do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự sắp đặt do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự sắp đặt do tà kiến, vì thế, đức Phật là "bậc Từ Bỏ Sự Sắp Đặt."

Con khẩn cầu: Con yêu cầu, con khẩn cầu, con thỉnh cầu, con ưng thuận, con ước nguyện, con mong cầu, con khẩn nguyện, con nguyện cầu.

Bậc Khôn Ngoan: Khôn ngoan nói đến tuệ. Tuệ là sự nhận biết,... (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến. Đức Thế Tôn đã tiến đến, đã tiến gần, đã tiến vào, đã tiến sát, đã đạt đến, đã đầy đủ, đã thành tựu sự khôn ngoan, tuệ này; vì thế, đức Phật là "bậc Khôn Ngoan."

"Con khẩn cầu bậc Khôn Ngoan, bậc Từ Bỏ Sự Sắp Đặt" là như thế.

Sau khi lắng nghe bậc Long Tượng, từ đây họ sẽ ra đi.

Bậc Long Tượng: Bậc Long Tượng là [nói đến] đức Thế Tôn. "Vị không làm điều tội lỗi" là bậc Long Tượng, "vị không đi đến" là bậc Long Tượng, "vị không trở về" là bậc Long Tượng,... (nt)... "đức Thế Tôn không trở về" là bậc Long Tượng nghĩa là như vậy.

Sau khi lắng nghe bậc Long Tượng, từ đây họ sẽ ra đi: Sau khi lắng nghe, sau khi nghe được, sau khi tiếp thu, sau khi tiếp nhận, sau khi nhận định lời nói, lời phát biểu, lời chỉ bảo, lời khuyên bảo của Ngài, họ sẽ ra đi, họ sẽ xuất hành, họ sẽ khởi hành, họ sẽ đi theo các hướng khác nhau.

"Sau khi lắng nghe bậc Long Tượng, từ đây họ sẽ ra đi" là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

[Tôn giả Bhadrāvudha nói rằng:] "Con khẩn cầu bậc Khôn Ngoan, bậc Từ Bỏ Chỗ Trú Ngụ, bậc Cắt Đứt Tham Ái, bậc Không Còn Dục Vọng, bậc Từ Bỏ Niềm Vui, bậc Đã Vượt Qua Dòng Lũ, bậc Đã Được Giải Thoát, bậc Từ Bỏ Sự Sắp Đặt [do tham ái và tà kiến]. Sau khi lắng nghe bậc Long Tượng, từ đây họ sẽ ra đi."

12.2. *Trong khi mong mỏi lời nói của Ngài, thưa bậc Anh Hùng,*
Vô số người từ các xứ sở đã tụ hội lại.
Xin Ngài hãy giảng rõ tường tận cho họ,
Bởi vì pháp này đã được Ngài biết đúng theo bản thể.

Vô số người từ các xứ sở đã tụ hội lại.

Vô số người: Các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, các thương buôn, các nô lệ, các người tại gia, các vị xuất gia, chư thiên và loài người.

Từ các xứ sở đã tụ hội lại: Từ xứ Aṅga, từ xứ Magadha, từ xứ Kaliṅga, từ xứ Kāsi, từ xứ Kosala, từ xứ Vajjī, từ xứ Malla, từ xứ Cetiya, từ xứ Vaṃsa, từ xứ Kuru, từ xứ Pañcāla, từ xứ Maccha, từ xứ Sūrasena, từ xứ Assaka, từ xứ Avanti, từ xứ Yona và từ xứ Kamboja.

Đã tụ hội lại: Đã tụ hội lại, đã tụ họp lại, đã tập trung lại, đã tập hợp lại.

"Vô số người từ các xứ sở đã tụ hội lại" là như thế.

Trong khi mong mỏi lời nói của Ngài, thưa bậc Anh Hùng.

Bậc Anh Hùng: Bậc Anh Hùng là [nói đến] đức Thế Tôn; "vị ấy có sự tinh tấn" là bậc Anh Hùng, "vị có năng lực" là bậc Anh Hùng, "vị có tiềm năng" là bậc Anh Hùng, "vị có khả năng" là bậc Anh Hùng,... (nt)... có sự rởn lông đã được xa lìa" là bậc Anh Hùng.

"Vị đã lánh xa tất cả các việc ác xấu ở đời này,

Vị có tinh tấn ấy đã vượt qua sự khổ đau ở địa ngục,

Vị ấy, có sự tinh tấn, có sự nỗ lực,

Là bậc Anh Hùng, có bản thể như thế, được gọi là 'bậc Tự Tại'."

Trong khi mong mỏi lời nói của Ngài, thưa bậc Anh Hùng: Lời nói, lời phát biểu, lời chỉ bảo, lời khuyên bảo của Ngài.

Trong khi mong mỏi: Trong khi mong mỏi là trong khi ước muốn, trong khi ưng thuận, trong khi ước nguyện, trong khi mong cầu, trong khi nguyện cầu.

"Trong khi mong mỏi lời nói của Ngài, thưa bậc Anh Hùng" là như thế.

Xin Ngài hãy giảng rõ tường tận cho họ.

Cho họ: Cho các Sát-đế-ly, cho các Bà-la-môn, cho các thương buôn, cho các nô lệ, cho các người tại gia, cho các vị xuất gia, cho chư thiên và cho loài người ấy.

Ngài: Nói đến đức Thế Tôn.

Xin Ngài hãy giảng rõ tường tận: Xin Ngài hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ một cách tường tận.

"Xin Ngài hãy giảng rõ tường tận cho họ" là như thế.

Bởi vì pháp này đã được Ngài biết đúng theo bản thể: Bởi vì pháp này đã được biết, đã được cân nhắc, đã được xác định, đã được rõ rệt, đã được minh định bởi Ngài đúng theo bản thể.

"Bởi vì pháp này đã được Ngài biết đúng theo bản thể" là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

"Trong khi mong mỏi lời nói của Ngài, thưa bậc Anh Hùng,
Vô số người từ các xứ sở đã tụ hội lại.
Xin Ngài hãy giảng rõ tường tận cho họ,
Bởi vì pháp này đã được Ngài biết đúng theo bản thể."

12.3. *[Đức Thế Tôn nói: "Này Bhadrāvudha]*
Nên dẹp bỏ mọi sự nắm giữ và tham ái
Ở bên trên, bên dưới, luôn cả bề ngang và khoảng giữa.
Bởi vì, mỗi một điều gì họ chấp thủ ở thế gian,
Do chính điều ấy Ma vương theo đuổi loài người."

Nên dẹp bỏ mọi sự nắm giữ và tham ái: Sự nắm giữ và tham ái nói đến tham ái ở sắc… (nt)…

Sự nắm giữ và tham ái: Vì lý do gì mà được gọi là sự nắm giữ và tham ái? Do tham ái ấy, họ nắm giữ, họ chấp thủ, họ nắm lấy, họ bám víu, họ chấp chặt về sắc; họ nắm giữ, họ chấp thủ, họ nắm lấy, họ bám víu, họ chấp chặt về thọ,… tưởng,… các hành,… thức,… cảnh giới tái sanh,… sự tái sanh,… sự nối liền tái sanh,… sự hiện hữu,… sự luân hồi,… sự luân chuyển; vì lý do ấy, được gọi là sự nắm giữ và tham ái.

Nên dẹp bỏ mọi sự: Nên dẹp bỏ, nên dẹp hẳn, nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu mọi sự nắm giữ và tham ái.

"Nên dẹp bỏ mọi sự nắm giữ và tham ái" là như thế.

Đức Thế Tôn nói: **Này Bhadrāvudha**… (nt)…

Bên trên, bên dưới, luôn cả bề ngang và khoảng giữa.

Bên trên là nói đến thời tương lai, **bên dưới** là nói đến thời quá khứ, **luôn cả bề ngang và khoảng giữa** là thời hiện tại.

Bên trên là thế giới chư thiên, **bên dưới** là thế giới địa ngục, **luôn cả bề ngang và khoảng giữa** là thế giới loài người.

Bên trên là các pháp thiện, **bên dưới** là các pháp bất thiện, **luôn cả bề ngang và khoảng giữa** là các pháp vô ký.

Bên trên là cảm thọ lạc, **bên dưới** là cảm thọ khổ, **luôn cả bề ngang và khoảng giữa** là cảm thọ không khổ không lạc.

Bên trên là vô sắc giới, **bên dưới** là dục giới, **luôn cả bề ngang và khoảng giữa** là sắc giới.

Bên trên là từ lòng bàn chân trở lên, **bên dưới** là từ đỉnh ngọn tóc trở xuống, **luôn cả bề ngang và khoảng giữa** là ở chính giữa.

"Bên trên, bên dưới, luôn cả bề ngang và khoảng giữa" là như thế.

Bởi vì, mỗi một điều gì họ chấp thủ ở thế gian: Họ nắm giữ, họ chấp thủ, họ nắm lấy, họ bám víu, họ chấp chặt mỗi một điều gì liên quan đến sắc, liên quan đến thọ, liên quan đến tưởng, liên quan đến hành, liên quan đến thức.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh… (nt)… ở thế gian của các xứ.

"Bởi vì, mỗi một điều gì họ chấp thủ ở thế gian" là như thế.

Do chính điều ấy Ma vương theo đuổi loài người: Do chính tác động của pháp tạo tác là nghiệp ấy có liên quan đến việc nối liền tái sanh, uẩn Ma vương, giới Ma vương, xứ Ma vương, cảnh giới Ma vương, tái sanh Ma vương, tái tục Ma vương, hữu Ma vương, luân hồi Ma vương, luân chuyển Ma vương theo đuổi [loài người], đi theo, là kẻ theo đuổi.

Loài người: Là chúng sanh, đàn ông, thanh niên, người nam, cá nhân, mạng sống, người còn sanh tử, loài người, người đi theo nghiệp, [sinh vật] nhân loại.

"Do chính điều ấy Ma vương theo đuổi loài người" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: "Này Bhadrāvudha]
Nên dẹp bỏ mọi sự nắm giữ và tham ái
Ở bên trên, bên dưới, luôn cả bề ngang và khoảng giữa.
Bởi vì, mỗi một điều gì họ chấp thủ ở thế gian,
Do chính điều ấy Ma vương theo đuổi loài người."

12.4. *Bởi vậy, trong khi nhận biết [điều này], vị Tỳ-khưu có niệm, không nên chấp thủ bất cứ điều gì ở tất cả thế gian. Trong khi xem xét những người bị dính mắc ở sự nắm giữ như vậy, [vị ấy biết] nhân loại này bị vướng mắc ở lãnh địa của thần chết.*

Bởi vậy, trong khi nhận biết [điều này],... không nên chấp thủ:

Bởi vậy: Bởi vậy là bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy, trong khi nhìn thấy rõ điều bất lợi ấy ở sự nắm giữ và tham ái. "Bởi vậy" là như thế.

Trong khi nhận biết: Trong khi biết, trong khi nhận biết, trong khi hiểu biết, trong khi nhận thức, trong khi thừa nhận, trong khi thấu triệt; trong khi biết, trong khi nhận biết, trong khi hiểu biết, trong khi nhận thức, trong khi thừa nhận, trong khi thấu triệt rằng: "Tất cả các hành là vô thường"; trong khi biết, trong khi nhận biết, trong khi hiểu biết, trong khi nhận thức, trong khi thừa nhận, trong khi thấu triệt rằng: "Tất cả các hành là khổ"… (nt)… "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

Không nên chấp thủ: Không nên nắm giữ, không nên chấp thủ, không nên nắm lấy, không nên bám víu, không nên chấp chặt vào sắc; không nên nắm giữ, không nên chấp thủ, không nên nắm lấy, không nên bám víu, không nên chấp chặt vào thọ;… vào tưởng;… vào các hành;… vào thức;… vào cảnh giới tái sanh;… vào sự tái sanh;… vào sự nối liền tái sanh;… vào sự hiện hữu;… vào sự luân hồi;… vào sự luân chuyển.

"Bởi vậy, trong khi nhận biết [điều này],... không nên chấp thủ" là như thế.

Vị Tỳ-khưu có niệm, [không nên chấp thủ] bất cứ điều gì ở tất cả thế gian.

Vị Tỳ-khưu: Là vị Tỳ-khưu phàm nhân tốt lành hoặc vị Tỳ-khưu là bậc Hữu học.

Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân,… (nt)… vị ấy được gọi là có niệm. "Vị Tỳ-khưu có niệm" là như thế.

Bất cứ điều gì: Bất cứ điều gì liên quan đến sắc, liên quan đến thọ, liên quan đến tưởng, liên quan đến hành, liên quan đến thức.

Ở tất cả thế gian: Ở tất cả thế gian của khổ cảnh, ở tất cả thế gian của loài người, ở tất cả thế gian của chư thiên, ở tất cả thế gian của các uẩn, ở tất cả thế gian của các giới, ở tất cả thế gian của các xứ.

"Vị Tỳ-khưu, có niệm, [không nên chấp thủ] bất cứ điều gì ở tất cả thế gian" là như thế.

Trong khi xem xét những người bị dính mắc ở sự nắm giữ như vậy: Những người bị dính mắc ở sự nắm giữ nói đến những người nào nắm giữ, chấp thủ, nắm lấy, bám víu, chấp chặt vào sắc; nắm giữ, chấp thủ, nắm lấy, bám víu, chấp chặt vào thọ;… vào tưởng;… vào các hành;… vào thức;… vào cảnh giới

tái sanh;... vào sự tái sanh;... vào sự nối liền tái sanh;... vào sự hiện hữu;... vào sự luân hồi;... vào sự luân chuyển.

Iti: Từ "*iti*" này là sự nối liền các câu văn,... (nt)... tính chất tuần tự của các câu văn.

Trong khi xem xét: Trong khi nhìn xem, trong khi nhận thấy, trong khi nhìn thấy, trong khi quan sát, trong khi suy xét, trong khi quán xét, trong khi khảo sát.

"Trong khi xem xét những người bị dính mắc ở sự nắm giữ như vậy" là như thế.

Nhân loại này bị vướng mắc ở lãnh địa của thần chết.

Nhân loại: Là từ nói đến chúng sanh.

Các lãnh địa của thần chết: Nói đến các ô nhiễm, các uẩn và các pháp tạo tác. Nhân loại bị dính mắc, bị vướng mắc, bị dính vào, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại ở lãnh địa của thần chết, ở lãnh địa của Ma vương, ở lãnh địa của sự chết. Giống như gói đồ bị dính mắc, bị vướng mắc, bị dính vào, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại ở cái chốt gắn ở tường, hoặc ở cái móc bằng ngà voi, tương tự như vậy, nhân loại bị dính mắc, bị vướng mắc, bị dính vào, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại ở lãnh địa của thần chết, ở lãnh địa của Ma vương, ở lãnh địa của sự chết.

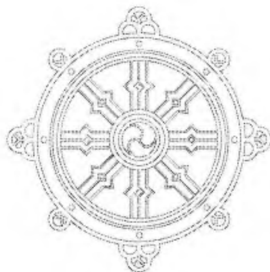
"Nhân loại này bị vướng mắc ở lãnh địa của thần chết" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Bởi vậy, trong khi nhận biết [điều này], vị Tỳ-khưu có niệm, không nên chấp thủ bất cứ điều gì ở tất cả thế gian. Trong khi xem xét những người bị dính mắc ở sự nắm giữ như vậy, [vị ấy biết] nhân loại này bị vướng mắc ở lãnh địa của thần chết."

Cùng với lúc kết thúc câu kệ ngôn,... (nt) ... "Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử."

"Diễn giải kinh Bhadrāvudha" được hoàn tất.



13. DIỄN GIẢI KINH UDAYA
(*UDAYASUTTANIDDESO*)

13.1. *[Tôn giả Udaya nói rằng:]*
"Với ý định [hỏi] câu hỏi, con đã đi đến
Bậc có thiền chứng, không còn bụi bặm, đang ngồi,
Bậc đã làm xong phận sự, không còn lậu hoặc,
Đã đi đến bờ kia của tất cả các pháp,
Xin Ngài hãy nói về sự giải thoát do trí giác ngộ,
Về sự phá vỡ vô minh."

Bậc có thiền chứng, không còn bụi bặm, đang ngồi.

Bậc có thiền chứng: Bậc có thiền chứng là [nói đến] đức Thế Tôn. Ngài có thiền chứng với sơ thiền, có thiền chứng với nhị thiền, có thiền chứng với tam thiền, có thiền chứng với tứ thiền, có thiền chứng với thiền có tầm có tứ, có thiền chứng với thiền không có tầm chỉ có tứ, có thiền chứng với thiền không có tầm không có tứ, có thiền chứng với thiền có hỷ, có thiền chứng với thiền không có hỷ, có thiền chứng với thiền đồng hành với hỷ, có thiền chứng với thiền đồng hành với khoan khoái, có thiền chứng với thiền đồng hành với xả, có thiền chứng với thiền không tánh, có thiền chứng với thiền vô tướng, có thiền chứng với thiền vô nguyện, có thiền chứng với thiền hợp thế, có thiền chứng với thiền xuất thế, thích thú với thiền, gắn bó với trạng thái đơn độc, chú trọng mục đích của mình. "Bậc có thiền chứng" là như thế.

Không còn bụi bặm: Luyến ái là bụi bặm, sân hận là bụi bặm, si mê là bụi bặm, giận dữ là bụi bặm, thù hằn là bụi bặm,... (nt)... tất cả các pháp tạo tác bất thiện là bụi bặm. Đối với đức Phật Thế Tôn, các bụi bặm ấy là đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai. Vì thế, đức Phật là bậc không có bụi bặm, không còn bụi bặm, lìa khỏi bụi bặm, đã rời xa bụi bặm, đã dứt bỏ hẳn bụi bặm, đã được thoát khỏi bụi bặm, đã vượt qua khỏi tất cả bụi bặm.

1. *Luyến ái là bụi bặm, nhưng không phải nói đến bụi đất,*
   Từ "bụi bặm" này là tên gọi của luyến ái.
   Bậc Hữu Nhãn, sau khi dứt bỏ hẳn bụi bặm này,
   Vì thế, đấng Chiến Thắng được gọi là "bậc Đã Tách Lìa Bụi Bặm."
2. *Sân hận là bụi bặm, nhưng không phải nói đến bụi đất,*
   Từ "bụi bặm" này là tên gọi của sân hận.

Bậc Hữu Nhãn, sau khi dứt bỏ hẳn bụi bặm này,
Vì thế, đấng Chiến Thắng được gọi là "bậc Đã Tách Lìa Bụi Bặm."

3. *Si mê là bụi bặm, nhưng không phải nói đến bụi đất,*
Từ "bụi bặm" này là tên gọi của si mê.
Bậc Hữu Nhãn, sau khi dứt bỏ hẳn bụi bặm này,
Vì thế, đấng Chiến Thắng được gọi là "bậc Đã Tách Lìa Bụi Bặm."

"Không còn bụi bặm" là như thế.

Đang ngồi: Đức Thế Tôn đang ngồi ở bảo tháp Pāsāṇaka. "Đang ngồi" là như thế.

4. *"Các vị Thinh văn, có ba minh, có sự chiến thắng thần chết, hầu cận bậc Hiền trí, vị đã đi đến bờ kia của khổ, đang ngồi ở sườn của ngọn núi."*

Đức Thế Tôn đang ngồi còn là như vậy.

Hoặc là, đức Thế Tôn có trạng thái đã được tịch tịnh mọi sự năng động [của ô nhiễm], đang ngồi, đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành,… (nt)… việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vị ấy." Đức Thế Tôn đang ngồi còn là như vậy.

"Bậc có thiền chứng, không còn bụi bặm, đang ngồi" là như thế.

Tôn giả Udaya nói rằng.

Rằng: [Từ "*icca*" này] là sự nối liền các câu văn,… (nt)...

Tôn giả: [Từ "*āyasmā*" này] là lời nói yêu mến,… (nt)...

Udaya: Là tên của vị Bà-la-môn ấy,… (nt)… từ kêu gọi.

"Tôn giả Udaya nói rằng" là như thế.

Bậc đã làm xong phận sự, không còn lậu hoặc: Đối với đức Phật Thế Tôn, phận sự và không phải phận sự, việc nên làm và không nên làm đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế, đức Phật là bậc đã làm xong phận sự.

5. *"Đối với vị Tỳ-khưu nào không có tham ái, có dòng chảy đã được cắt đứt, có phận sự và không phải phận sự đã được dứt bỏ, sự bực bội [của vị ấy] không tìm thấy."*

Bậc đã làm xong phận sự, không còn lậu hoặc.

Lậu hoặc: Có bốn lậu hoặc: Dục lậu, hữu lậu, kiến lậu, vô minh lậu. Đối với đức Phật Thế Tôn, các lậu hoặc ấy là đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế, đức Phật là bậc không còn lậu hoặc.

"Bậc đã làm xong phận sự, không còn lậu hoặc" là như thế.

Đã đi đến bờ kia của tất cả các pháp: Đức Thế Tôn là *pāragū* (người đi đến bờ kia) do việc biết rõ, *pāragū* do việc biết toàn diện, *pāragū* do việc dứt bỏ, *pāragū* do việc tu tập, *pāragū* do việc chứng ngộ, *pāragū* do việc chứng đạt

[các thiền]; là *pāragū* do việc biết rõ tất cả các pháp, *pāragū* do việc biết toàn diện tất cả khổ, *pāragū* do việc dứt bỏ tất cả ô nhiễm, *pāragū* do việc phát triển bốn Thánh đạo, *pāragū* do việc chứng ngộ sự tịch diệt, *pāragū* do việc chứng đạt đối với mọi chứng đạt [về thiền định]. Ngài đã đạt được năng lực, đã đạt được sự toàn hảo ở Thánh giới; đã đạt được năng lực, đã đạt được sự toàn hảo ở Thánh định; đã đạt được năng lực, đã đạt được sự toàn hảo ở Thánh tuệ; đã đạt được năng lực, đã đạt được sự toàn hảo ở Thánh giải thoát. Ngài đã đi đến bờ kia, đã đạt đến sự toàn hảo; đã đi đến điểm cuối, đã đạt đến điểm cuối; đã đi đến đỉnh, đã đạt đến đỉnh; đã đi đến tận cùng, đã đạt đến tận cùng; đã đi đến sự hoàn tất, đã đạt đến sự hoàn tất; đã đi đến nơi nương tựa, đã đạt đến nơi nương tựa; đã đi đến nơi trú ẩn, đã đạt đến nơi trú ẩn; đã đi đến nơi nương nhờ, đã đạt đến nơi nương nhờ; đã đi đến nơi không sợ hãi, đã đạt đến nơi không sợ hãi; đã đi đến bất hoại, đã đạt đến bất hoại; đã đi đến bất tử, đã đạt đến bất tử; đã đi đến Niết-bàn, đã đạt đến Niết-bàn. Ngài đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành,… (nt)… việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vị ấy."

"Đã đi đến bờ kia của tất cả các pháp" là như thế.

Với ý định [hỏi] câu hỏi, con đã đi đến: Là những người có nhu cầu với câu hỏi, chúng con đã đi đến; có ý muốn hỏi câu hỏi, chúng con đã đi đến; có ý muốn nghe câu hỏi, chúng con đã đi đến. "Với ý định [hỏi] câu hỏi, con đã đi đến" là như vậy. Hoặc là, có sự đi đến, sự tiến đến, sự đến gần, sự ngồi gần của những người có ý định về câu hỏi, của những người có ý muốn hỏi câu hỏi, của những người có ý muốn nghe câu hỏi. "Với ý định [hỏi] câu hỏi, con đã đi đến" còn là như vậy. Hoặc là, có sự truyền thừa về câu hỏi đối với Ngài, Ngài cũng có năng lực, Ngài có khả năng để thuyết giảng, để giải thích điều được hỏi bởi con, Ngài hãy di dời gánh nặng này.

"Với ý định [hỏi] câu hỏi, con đã đi đến" còn là như vậy.

Xin Ngài hãy nói về sự giải thoát do trí giác ngộ: Sự giải thoát do trí giác ngộ nói đến sự giải thoát do phẩm vị A-la-hán. Xin Ngài hãy nói về, hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ về sự giải thoát do phẩm vị A-la-hán.

"Xin Ngài hãy nói về sự giải thoát do trí giác ngộ" là như thế.

Về sự phá vỡ vô minh: Về sự làm vỡ, sự phá vỡ, sự dứt bỏ, sự vắng lặng, sự buông bỏ, sự tịch tịnh đối với vô minh, bất tử, Niết-bàn.

"Về sự phá vỡ vô minh" là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

[Tôn giả Udaya nói rằng:]

"Với ý định [hỏi] câu hỏi, con đã đi đến
Bậc có thiền chứng, không còn bụi bặm, đang ngồi,
Bậc đã làm xong phận sự, không còn lậu hoặc,
Đã đi đến bờ kia của tất cả các pháp,

Xin Ngài hãy nói về sự giải thoát do trí giác ngộ,
Về sự phá vỡ vô minh.”

13.2. *[Đức Thế Tôn nói: “Này Udaya]*
Sự dứt bỏ đối với những mong muốn về dục
Và những nỗi ưu phiền, cả hai loại,
Và việc xua đi sự dã dượi,
Việc ngăn cản các trạng thái hối hận.”

Sự dứt bỏ đối với những mong muốn về dục.

Mong muốn: Là sự mong muốn về dục, sự luyến ái về dục, niềm vui về dục, sự tham ái về dục, sự yêu mến về dục, sự nồng nhiệt về dục, sự thèm khát về dục, sự mê mẩn về dục, sự bám chặt vào dục, sự lôi cuốn của dục, sự gắn bó với dục, sự chấp thủ ở dục, sự che lấp do mong muốn về dục liên quan đến ngũ dục.

Sự dứt bỏ đối với những mong muốn về dục: Sự dứt bỏ, sự vắng lặng, sự buông bỏ, sự tịch tịnh đối với những sự mong muốn về dục là bất tử, Niết-bàn.

“Sự dứt bỏ đối với những mong muốn về dục” là như thế.

Đức Thế Tôn nói: **“Này Udaya**… (nt)...

Và những nỗi ưu phiền, cả hai loại.

Nỗi ưu phiền: Là sự không khoan khoái thuộc về tâm, nỗi khổ sở thuộc về tâm, là sự không khoan khoái, khổ sở sanh lên do ý xúc đã được nhận biết, là cảm thọ không khoan khoái, khổ sở sanh lên do ý xúc.

Và những nỗi ưu phiền, cả hai loại: Sự dứt bỏ, sự vắng lặng, sự buông bỏ, sự tịch tịnh đối với những mong muốn về dục và những nỗi ưu phiền, cả hai loại, là bất tử, Niết-bàn.

“Và những nỗi ưu phiền, cả hai loại” là như thế.

Và việc xua đi sự dã dượi.

Sự dã dượi: Là trạng thái không sẵn sàng của tâm, trạng thái không thích ứng, sự chây lười, sự biếng nhác, sự lười biếng, biểu hiện lười biếng, trạng thái lười biếng, sự dã dượi, biểu hiện dã dượi, trạng thái dã dượi của tâm.

Và việc xua đi sự dã dượi: Và sự xua đi, sự dứt bỏ, sự vắng lặng, sự buông bỏ, sự tịch tịnh đối với sự dã dượi là bất tử, Niết-bàn.

“Và việc xua đi sự dã dượi” là như thế.

Việc ngăn cản các trạng thái hối hận.

Hối hận: Vẻ bối rối ở bàn tay cũng là hối hận, vẻ bối rối ở bàn chân cũng là hối hận, vẻ bối rối ở bàn tay và bàn chân cũng là hối hận, lầm tưởng là được phép trong việc không được phép, lầm tưởng là không được phép trong việc được phép, lầm tưởng là có tội ở việc vô tội, lầm tưởng là vô tội ở việc có tội.

Sự hối hận nào có hình thức như vậy là biểu hiện hối hận, trạng thái hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý; việc này gọi là hối hận.

Thêm nữa, sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên do hai nguyên nhân: Do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm. Thế nào là sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên do trạng thái đã làm và do trạng thái không làm? Sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên rằng: "Ta đã làm uế hạnh về thân, ta đã không làm thiện hạnh về thân." Sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên rằng: "Ta đã làm uế hạnh về khẩu, ta đã không làm thiện hạnh về khẩu."… (nt)… "Ta đã làm uế hạnh về ý, ta đã không làm thiện hạnh về ý."… (nt)… "Ta đã giết hại sinh mạng, ta đã không tránh xa sự giết hại sinh mạng."… (nt)… "Ta đã trộm cắp, ta đã không tránh xa sự trộm cắp."… (nt)… "Ta đã tà hạnh trong các dục, ta đã không tránh xa sự tà hạnh trong các dục."… (nt)… "Ta đã nói dối, ta đã không tránh xa việc nói dối."… (nt)… "Ta đã nói đâm thọc, ta đã không tránh xa việc nói đâm thọc."… (nt)… "Ta đã nói thô lỗ, ta đã không tránh xa việc nói thô lỗ."… (nt)… "Ta đã nói nhảm nhí, ta đã không tránh xa việc nói nhảm nhí."… (nt)… "Ta đã hành động tham đắm, ta đã không hành động không tham đắm."… (nt)… "Ta đã hành động sân hận, ta đã không hành động không sân hận."… (nt)… "Ta đã hành động tà kiến, ta đã không hành động chánh kiến." Sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm là như vậy.

Hoặc là, sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên rằng: "Ta không phải là người thực hành đầy đủ các giới." Sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên rằng: "Ta là người có các giác quan không được gìn giữ."… "Ta là người không biết chừng mực về vật thực."… "Ta chưa luyện tập về tỉnh thức."… "Ta chưa đầy đủ niệm và sự nhận biết rõ."… "Bốn sự thiết lập niệm chưa được ta tu tập."… "Bốn chánh cần chưa được ta tu tập."… "Bốn nền tảng của thần thông chưa được ta tu tập."… "Năm quyền chưa được ta tu tập."… "Năm lực chưa được ta tu tập."… "Bảy yếu tố đưa đến giác ngộ chưa được ta tu tập."… "Đạo lộ Thánh thiện tám chi phần chưa được ta tu tập."… "Khổ chưa được ta biết toàn diện."… "Tập chưa được ta dứt bỏ."… "Đạo chưa được ta tu tập."… "Diệt chưa được ta chứng ngộ."

Việc ngăn cản các trạng thái hối hận: Việc ngăn trở, việc ngăn cản, sự dứt bỏ, sự vắng lặng, sự buông bỏ, sự tịch tịnh đối với các trạng thái hối hận là bất tử, Niết-bàn.

"Việc ngăn cản các trạng thái hối hận" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: "Này Udaya]
Sự dứt bỏ đối với những mong muốn về dục
Và những nỗi ưu phiền, cả hai loại,
Và việc xua đi sự dã dượi,
Việc ngăn cản các trạng thái hối hận."

13.3. *Ta nói về sự giải thoát do trí giác ngộ,*
Về sự phá vỡ vô minh,
Có xả và niệm hoàn toàn trong sạch,
Có sự suy tầm đúng pháp đi trước.

Có xả và niệm hoàn toàn trong sạch.

Xả: Là sự hành xả, biểu hiện của hành xả, biểu hiện của hành xả vượt trội, trạng thái vắng lặng của tâm, trạng thái an tịnh của tâm, trạng thái trung dung của tâm ở tứ thiền.

Niệm: Niệm, sự tùy niệm,… (nt)… chánh niệm liên quan đến xả ở tứ thiền.

Có xả và niệm hoàn toàn trong sạch: Ở tứ thiền, xả và niệm là trong sạch, thanh tịnh, hoàn toàn trong sạch, thuần tịnh, tinh khiết, không bợn nhơ, lìa khỏi phiền não, nhu thuận, có thể sử dụng, ổn định, đã đạt đến trạng thái vững chắc.

"Có xả và niệm hoàn toàn trong sạch" là như thế.

Có sự suy tầm đúng pháp đi trước: Sự suy tầm đúng pháp nói đến chánh tư duy. Nó là đầu tiên, là trước hết, là yếu tố đi đầu của sự giải thoát do trí giác ngộ. "Có sự suy tầm đúng pháp đi trước" là như vậy. Hoặc là, sự suy tầm đúng pháp nói đến chánh kiến. Nó là đầu tiên, là trước hết, là yếu tố đi đầu của sự giải thoát do trí giác ngộ. "Có sự suy tầm đúng pháp đi trước" còn là như vậy. Hoặc là, sự suy tầm đúng pháp nói đến minh sát là phần đầu của bốn đạo. Nó là đầu tiên, là trước hết, là yếu tố đi đầu của sự giải thoát do trí giác ngộ.

"Có sự suy tầm đúng pháp đi trước" còn là như vậy.

Ta nói về sự giải thoát do trí giác ngộ: Sự giải thoát do trí giác ngộ nói đến sự giải thoát do phẩm vị A-la-hán. Ta nói về, Ta chỉ dạy, Ta chỉ bảo, Ta thông báo, Ta ấn định, Ta khai mở, Ta chia sẻ, Ta làm rõ, Ta bày tỏ về sự giải thoát do phẩm vị A-la-hán.

"Ta nói về sự giải thoát do trí giác ngộ" là như thế.

Về sự phá vỡ vô minh.

Vô minh: Sự không biết về khổ… (nt)… vô minh, si mê là gốc rễ của bất thiện.

Về sự phá vỡ vô minh: Sự phá vỡ, sự dứt bỏ, sự vắng lặng, sự buông bỏ, sự tịch tịnh đối với vô minh là bất tử, Niết-bàn.

"Về sự phá vỡ vô minh" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Ta nói về sự giải thoát do trí giác ngộ,
Về sự phá vỡ vô minh,
Có xả và niệm hoàn toàn trong sạch,
Có sự suy tầm đúng pháp đi trước."

13.4. *Thế gian có cái gì là sự ràng buộc?*
Cái gì, đối với nó, là phương tiện xem xét?
Do lìa bỏ cái gì
Được gọi là "Niết-bàn"?

Thế gian có cái gì là sự ràng buộc? Cái gì là sự ràng buộc, sự dính mắc, sự cột trói, vật làm ô nhiễm của thế gian? Bởi cái gì thế gian bị gắn bó, bị gắn vào, bị gắn chặt, bị gắn liền, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại?

"Thế gian có cái gì là sự ràng buộc?" là như thế.

Cái gì, đối với nó, là phương tiện xem xét? Cái gì, đối với nó, là sự du hành, sự xem xét, sự xét đoán? Nhờ vào cái gì thế gian du hành, xem xét, xét đoán?

"Cái gì, đối với nó, là phương tiện xem xét?" là như thế.

Do lìa bỏ cái gì được gọi là "Niết-bàn"? Do sự lìa bỏ, do sự vắng lặng, do sự buông bỏ, do sự tịch tịnh của cái gì được gọi là, được nói là, được thuyết giảng, được phát ngôn, được giảng giải, được diễn tả là "Niết-bàn"?

"Do lìa bỏ cái gì được gọi là 'Niết-bàn'?" là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

"Thế gian có cái gì là sự ràng buộc?
Cái gì, đối với nó, là phương tiện xem xét?
Do lìa bỏ cái gì
Được gọi là 'Niết-bàn'?"

13.5. *Thế gian có vui thích là sự ràng buộc.*
Suy tầm, đối với nó, là phương tiện xem xét.
Do lìa bỏ tham ái
Được gọi là "Niết-bàn."

Thế gian có vui thích là sự ràng buộc: Vui thích nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện; cái này được gọi là vui thích. Vui thích nào đối với thế gian là sự ràng buộc, sự dính mắc, sự cột trói, vật làm ô nhiễm, thế gian bị gắn bó, bị gắn vào, bị gắn chặt, bị gắn liền, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại bởi sự vui thích này.

"Thế gian có vui thích là sự ràng buộc" là như thế.

Suy tầm, đối với nó, là phương tiện xem xét.

Suy tầm: Có chín sự suy tầm: Suy tầm về dục, suy tầm về sân hận, suy tầm về hãm hại, suy tầm về thân quyến, suy tầm về xứ sở, suy tầm về chư thiên, suy tầm liên quan đến sự trắc ẩn đối với người khác, suy tầm liên quan đến lợi lộc, sự trọng vọng, sự nổi tiếng, suy tầm liên quan đến việc không bị khi dễ; các việc này gọi là chín sự suy tầm. Chín sự suy tầm này, đối với thế gian, là sự du hành, sự xem xét, sự xét đoán. Nhờ vào chín sự suy tầm này, thế gian du hành, xem xét, xét đoán.

"Suy tầm, đối với nó, là phương tiện xem xét" là như thế.

Do lìa bỏ tham ái được gọi là "Niết-bàn."

Tham ái: Tham ái cảnh sắc,… (nt)… tham ái cảnh pháp.

Do lìa bỏ tham ái được gọi là "Niết-bàn": Do sự lìa bỏ, do sự vắng lặng, do sự buông bỏ, do sự tịch tịnh của tham ái được gọi là, được nói là, được thuyết giảng, được phát ngôn, được giảng giải, được diễn tả là "Niết-bàn."

"Do lìa bỏ tham ái được gọi là 'Niết-bàn'" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Thế gian có vui thích là sự ràng buộc.
Suy tầm, đối với nó, là phương tiện xem xét.
Do lìa bỏ tham ái
Được gọi là 'Niết-bàn'."

13.6. *Đối với vị có niệm như thế nào trong lúc thực hành,*
Thì thức [của vị ấy] được đình chỉ?
Chúng con đã đi đến để hỏi đức Thế Tôn,
Hãy cho chúng con lắng nghe lời nói ấy của Ngài.

Đối với vị có niệm như thế nào trong lúc thực hành: Đối với vị có niệm, có sự nhận biết rõ rệt như thế nào trong lúc thực hành, trong lúc cư xử, trong lúc sinh hoạt, trong lúc vận hành, trong lúc bảo hộ, trong lúc nuôi dưỡng, trong lúc bảo dưỡng.

"Đối với vị có niệm như thế nào trong lúc thực hành" là như thế.

Thì thức [của vị ấy] được đình chỉ: Thức được đình chỉ, được vắng lặng, đi đến sự tiêu hoại, được tịch tịnh.

"Thì thức [của vị ấy] được đình chỉ" là như thế.

Chúng con đã đi đến để hỏi đức Thế Tôn: Để hỏi đức Phật Thế Tôn, để vấn, để yêu cầu, để thỉnh cầu, để đặt niềm tin, chúng con đã đi lại, đã đi đến, đã đi đến gần, đã đạt đến, đã đi đến gặp Ngài.

"Chúng con đã đi đến để hỏi đức Thế Tôn" là như thế.

Hãy cho chúng con lắng nghe lời nói ấy của Ngài.

Điều ấy: Là lời nói, lời phát biểu, lời chỉ bảo, lời khuyên bảo của Ngài, hãy cho chúng con lắng nghe, hãy cho chúng con tiếp thu, hãy cho chúng con tiếp nhận, hãy cho chúng con nhận định.

"Hãy cho chúng con lắng nghe lời nói ấy của Ngài" là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

"Đối với vị có niệm như thế nào trong lúc thực hành,
Thì thức [của vị ấy] được đình chỉ?
Chúng con đã đi đến để hỏi đức Thế Tôn,
Hãy cho chúng con lắng nghe lời nói ấy của Ngài."

13.7. *Đối với vị không thích thú cảm thọ*
Thuộc nội phần và ngoại phần,
Đối với vị có niệm như vậy trong lúc thực hành,
Thì thức [của vị ấy] được đình chỉ.

Đối với vị không thích thú cảm thọ thuộc nội phần và ngoại phần: Vị có sự quan sát thọ trên các thọ thuộc nội phần, trong khi đang an trú, [vị ấy] không thích thú cảm thọ, không tán thưởng, không dừng lại ở sự bám chặt, [vị ấy] dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu sự thích thú, sự tán thưởng, sự bám chặt, sự nắm lấy, sự bám víu, sự chấp chặt. Vị có sự quan sát thọ trên các thọ thuộc ngoại phần, trong khi đang an trú, [vị ấy] không thích thú cảm thọ, không tán thưởng, không dừng lại ở sự bám chặt, [vị ấy] dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu sự thích thú, sự tán thưởng, sự bám chặt, sự nắm lấy, sự bám víu, sự chấp chặt. Vị có sự quan sát thọ trên các thọ thuộc nội phần và ngoại phần, trong khi đang an trú, [vị ấy] không thích thú cảm thọ, không tán thưởng, không dừng lại ở sự bám chặt, [vị ấy] dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu sự thích thú, sự tán thưởng, sự bám chặt, sự nắm lấy, sự bám víu, sự chấp chặt.

Vị có sự quan sát hiện tượng sanh, có sự quan sát thọ trên các thọ thuộc nội phần, trong khi đang an trú, [vị ấy] không thích thú cảm thọ, không tán thưởng, không dừng lại ở sự bám chặt, [vị ấy] dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu sự thích thú, sự tán thưởng, sự bám chặt, sự nắm lấy, sự bám víu, sự chấp chặt. Vị có sự quan sát hiện tượng diệt, có sự quan sát thọ trên các thọ thuộc nội phần, trong khi đang an trú,… (nt)... Vị có sự quan sát hiện tượng sanh và diệt, có sự quan sát thọ trên các thọ thuộc nội phần, trong khi đang an trú,… (nt)...

Vị có sự quan sát hiện tượng sanh, có sự quan sát thọ trên các thọ thuộc ngoại phần, trong khi đang an trú, [vị ấy] không thích thú cảm thọ, không tán thưởng, không dừng lại ở sự bám chặt, [vị ấy] dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu sự thích thú, sự tán thưởng, sự bám chặt, sự nắm lấy, sự bám víu, sự chấp chặt. Vị có sự quan sát hiện tượng diệt, có sự quan sát thọ trên các thọ thuộc ngoại phần, trong khi đang an trú,… (nt)... Vị có sự quan sát hiện tượng sanh và diệt, có sự quan sát thọ trên các thọ thuộc ngoại phần, trong khi đang an trú,… (nt)...

Vị có sự quan sát hiện tượng sanh, có sự quan sát thọ trên các thọ thuộc nội phần và ngoại phần, trong khi đang an trú,… (nt)... Vị có sự quan sát hiện tượng diệt, có sự quan sát thọ trên các thọ thuộc nội phần và ngoại phần, trong khi đang an trú,… (nt)... Vị có sự quan sát hiện tượng sanh và diệt, có sự quan sát thọ trên các thọ thuộc nội phần và ngoại phần, trong khi đang an trú, [vị ấy] không thích thú cảm thọ, không tán thưởng, không dừng lại ở sự bám chặt, [vị ấy] dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu sự thích thú, sự tán thưởng, sự bám chặt, sự nắm lấy, sự bám víu, sự chấp chặt. Với mười hai

biểu hiện này, vị có sự quan sát thọ trên các thọ, trong khi đang an trú,... (nt)... làm cho không còn hiện hữu [sự thích thú, sự tán thưởng, sự bám chặt, sự nắm lấy, sự bám víu, sự chấp chặt].

Hoặc là, trong khi nhìn thấy cảm thọ là vô thường, [vị ấy] không thích thú cảm thọ, không tán thưởng, không dừng lại ở sự bám chặt, [vị ấy] dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu sự thích thú, sự tán thưởng, sự bám chặt, sự nắm lấy, sự bám víu, sự chấp chặt. Trong khi nhìn thấy cảm thọ là khổ,... là cơn bệnh,... là mụt ghẻ,... là mũi tên,... là tai ương,... là tật nguyền,... là sự thoát ra, [vị ấy] không thích thú cảm thọ, không tán thưởng, không dừng lại ở sự bám chặt, [vị ấy] dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu sự thích thú, sự tán thưởng, sự bám chặt, sự nắm lấy, sự bám víu, sự chấp chặt. Với bốn mươi bốn biểu hiện này, vị có sự quan sát thọ trên các thọ, trong khi đang an trú, [vị ấy] không thích thú cảm thọ, không tán thưởng, không dừng lại ở sự bám chặt, [vị ấy] dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu sự thích thú, sự tán thưởng, sự bám chặt, sự nắm lấy, sự bám víu, sự chấp chặt.

"Đối với vị không thích thú cảm thọ thuộc nội phần và ngoại phần" là như thế.

Đối với vị có niệm như vậy trong lúc thực hành: Đối với vị có niệm, có sự nhận biết rõ rệt như vậy, trong lúc thực hành, trong lúc cư xử, trong lúc sinh hoạt, trong lúc vận hành, trong lúc bảo hộ, trong lúc nuôi dưỡng, trong lúc bảo dưỡng.

"Đối với vị có niệm như vậy trong lúc thực hành" là như thế.

Thì thức [của vị ấy] được đình chỉ: Thức đồng sanh với phúc hành, thức đồng sanh với phi phúc hành, thức đồng sanh với bất động hành được đình chỉ, được vắng lặng, đi đến sự tiêu hoại, được tịch tịnh.

"Thì thức [của vị ấy] được đình chỉ" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Đối với vị không thích thú cảm thọ
Thuộc nội phần và ngoại phần,
Đối với vị có niệm như vậy trong lúc thực hành,
Thì thức [của vị ấy] được đình chỉ."

Cùng với lúc kết thúc câu kệ ngôn,... (nt)... "Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử."

"Diễn giải kinh Udaya" được hoàn tất.

14. DIỄN GIẢI KINH POSĀLA
(*POSĀLASUTTANIDDESO*)

14.1. *[Tôn giả Posāla nói rằng:] "Với ý định [hỏi] câu hỏi, con đã đi đến*
Gặp bậc đã ngự đến bờ kia của tất cả các pháp,
Vị chỉ ra thời quá khứ,
Không còn dục vọng, đã cắt đứt sự nghi ngờ."

Vị chỉ ra thời quá khứ.

Vị: Vị ấy là đức Thế Tôn, đấng Tự Chủ, vị không có thầy, đã tự mình giác ngộ hoàn toàn các sự thật về các pháp chưa từng được nghe trước đây. Ngài đã đạt được trạng thái toàn tri về các pháp ấy và đã đạt được bản thể năng lực về các lực.

Chỉ ra thời quá khứ: Đức Thế Tôn chỉ ra thời quá khứ, chỉ ra thời vị lai, và chỉ ra thời hiện tại của bản thân và của những người khác.

Đức Thế Tôn chỉ ra thời quá khứ của bản thân thế nào? Đức Thế Tôn chỉ ra một lần sanh, chỉ ra hai lần sanh, chỉ ra ba lần sanh, chỉ ra bốn lần sanh, chỉ ra năm lần sanh, chỉ ra mười lần sanh, chỉ ra hai mươi lần sanh, chỉ ra ba mươi lần sanh, chỉ ra bốn mươi lần sanh, chỉ ra năm mươi lần sanh,... một trăm lần sanh,... một ngàn lần sanh,... nhiều thành kiếp,... nhiều hoại kiếp,... nhiều thành và hoại kiếp trong thời quá khứ của bản thân rằng: "Ở nơi ấy, Ta đã có tên như vầy, dòng họ như vầy, giai cấp như vầy, thức ăn như vầy, có sự nhận biết lạc và khổ như vầy, có giới hạn tuổi thọ như vầy. Từ chỗ ấy, Ta đây đã chết đi rồi đã sanh lên tại chỗ kia. Ở nơi kia, Ta đã có tên như vầy, dòng họ như vầy, giai cấp như vầy, thức ăn như vầy, có sự nhận biết lạc và khổ như vầy, có giới hạn tuổi thọ như vầy. Từ nơi kia, Ta đây đã chết đi rồi đã sanh lên tại nơi này." Như thế, Ngài chỉ ra nhiều kiếp sống trước với nét đại cương và cá biệt. Đức Thế Tôn chỉ ra thời quá khứ của bản thân như vậy.

Đức Thế Tôn chỉ ra thời quá khứ của những người khác thế nào? Đức Thế Tôn chỉ ra một lần sanh, chỉ ra hai lần sanh,... chỉ ra nhiều thành và hoại kiếp trong thời quá khứ của những người khác rằng: "Ở nơi ấy, vị ấy đã có tên như vầy, dòng họ như vầy, giai cấp như vầy, thức ăn như vầy, có sự nhận biết lạc và khổ như vầy, có giới hạn tuổi thọ như vầy. Từ chỗ ấy, vị ấy đã chết đi rồi đã sanh lên tại chỗ kia. Ở nơi kia, vị ấy đã có tên như vầy, dòng họ như vầy, giai cấp như vầy, thức ăn như vầy, có sự nhận biết lạc và khổ như vầy, có giới hạn tuổi thọ như vầy. Từ nơi kia, vị ấy đã chết đi rồi đã sanh lên tại nơi này." Như

thế, Ngài chỉ ra nhiều kiếp sống trước với nét đại cương và cá biệt. Đức Thế Tôn chỉ ra thời quá khứ của những người khác như vậy.

Đức Thế Tôn chỉ ra thời quá khứ của bản thân và của những người khác trong khi nói về năm trăm *Bổn sanh*, chỉ ra thời quá khứ của bản thân và của những người khác trong khi thuyết *Kinh Mahāpadāniya*, chỉ ra thời quá khứ của bản thân và của những người khác trong khi thuyết *Kinh Mahāsudassaniya*, chỉ ra thời quá khứ của bản thân và của những người khác trong khi thuyết *Kinh Mahāgovindiya*, chỉ ra thời quá khứ của bản thân và của những người khác trong khi thuyết *Kinh Māghadeviya.*[1]

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

"Này Cunda, liên quan đến thời kỳ quá khứ, đức Như Lai có trí nhớ lại các đời sống trước. Ta đây muốn [nhớ lại] chừng nào thì nhớ lại chừng ấy. Và này Cunda, liên quan đến thời kỳ vị lai… (nt)... Và này Cunda, liên quan đến thời kỳ hiện tại, trí do giác ngộ sanh của đức Như Lai khởi lên rằng: 'Đây là kiếp sống cuối cùng, giờ đây không còn tái sanh nữa.'"[2]

Trí biết được khả năng của người khác về các quyền là Như Lai lực của đức Như Lai, trí về thiên kiến và xu hướng ngủ ngầm của chúng sanh là Như Lai lực của đức Như Lai, trí về song thông là Như Lai lực của đức Như Lai, trí về sự thể nhập đại bi là Như Lai lực của đức Như Lai, trí toàn giác là Như Lai lực của đức Như Lai, trí không bị ngăn trở là Như Lai lực của đức Như Lai, trí không quyến luyến, không bị trở ngại, không bị ngăn trở trong mọi trường hợp là Như Lai lực của đức Như Lai. Đức Thế Tôn chỉ ra thời quá khứ, chỉ ra thời vị lai, chỉ ra thời hiện tại của bản thân và của những người khác như vậy, Ngài chỉ dạy, chỉ bảo, thông báo, ấn định, khai mở, chia sẻ, làm rõ, bày tỏ.

"Vị chỉ ra thời quá khứ" là như thế.

Tôn giả Posāla nói rằng: … (nt)...

Không còn dục vọng, đã cắt đứt sự nghi ngờ: Dục vọng nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,… (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với đức Phật Thế Tôn, dục vọng tham ái ấy đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế, đức Phật là bậc không còn dục vọng. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với dục vọng mà trở thành không dục vọng, đức Thế Tôn không xao động vì lợi lộc,… (nt)... không xao động vì khổ đau, không dao động, không run rẩy, không chấn động, không rúng động. "Không dục vọng" là như thế.

Đã cắt đứt sự nghi ngờ: Nghi ngờ nói đến hoài nghi, sự nghi ngờ về khổ,… (nt)... trạng thái sửng sốt, sự bối rối của tâm. Đối với đức Phật Thế Tôn,

---

[1] Ba bài kinh đầu thuộc *Trường bộ*, tức là *D.* 14, *Kinh Đại bổn* (*Mahāpadāniyasuttaṃ*); *D.* 17, *Kinh Đại Thiện Kiến Vương* (*Mahāsudassaniyasuttaṃ*); *D.* 19, *Kinh Đại Điển Tôn* (*Mahāgovindiyasuttaṃ*). Bài kinh còn lại thuộc *Trung bộ,* số 83, *Kinh Māghadevi* (*Māghadeviyasuttaṃ*).

[2] *D.* 29, *Kinh Thanh tịnh* (*Pāsādikasuttaṃ*).

nghi ngờ ấy đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế, đức Phật là bậc đã cắt đứt sự nghi ngờ.

"Không còn dục vọng, đã cắt đứt sự nghi ngờ" là như thế.

Bậc đã ngự đến bờ kia của tất cả các pháp: Đức Thế Tôn là *pāragū* (người đi đến bờ kia) do việc biết rõ, *pāragū* do việc biết toàn diện, *pāragū* do việc dứt bỏ, *pāragū* do việc tu tập, *pāragū* do việc chứng ngộ, *pāragū* do việc chứng đạt [các thiền]; là *pāragū* do việc biết rõ tất cả các pháp,... (nt)... việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vị ấy."

"Bậc đã ngự đến bờ kia của tất cả các pháp" là như thế.

Với ý định [hỏi] câu hỏi, con đã đi đến: Là những người có nhu cầu với câu hỏi, chúng con đã đi đến;... (nt)... Ngài hãy di dời gánh nặng này.

"Với ý định [hỏi] câu hỏi, con đã đi đến" còn là như vậy.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

[Tôn giả Posāla nói rằng:] "Với ý định [hỏi] câu hỏi, con đã đi đến
Gặp bậc đã ngự đến bờ kia của tất cả các pháp,
Vị chỉ ra thời quá khứ,
Không còn dục vọng, đã cắt đứt sự nghi ngờ."

14.2. *Đối với vị có sắc tưởng đã không còn,*
Có sự dứt bỏ toàn bộ về thân,
Đang nhìn thấy "không có gì"
Thuộc nội phần và ngoại phần,
Thưa vị dòng Sakya, con hỏi thêm về trí [của vị ấy];
Vị thuộc hạng như thế ấy nên được hướng dẫn thế nào?

Đối với vị có sắc tưởng đã không còn: Thế nào là sắc tưởng? Là sự nhận biết, sự tự nhận biết, trạng thái tự nhận biết của vị đã đạt đến sự chứng đạt về sắc giới, hoặc đối với vị đã sanh lên [sắc giới], hoặc đối với vị có sự trú lạc ở ngay chính bản thân này; điều này là sắc tưởng.

Đối với vị có sắc tưởng đã không còn: Đối với vị đã đạt được bốn sự chứng đạt vô sắc, sắc tưởng là không còn, đã được lìa khỏi, đã được vượt quá, đã được vượt qua hẳn, đã được vượt qua khỏi.

"Đối với vị có sắc tưởng đã không còn" là như thế.

Có sự dứt bỏ toàn bộ về thân: Tất cả sắc thân liên quan đến tái sanh của vị ấy đã được dứt bỏ do việc vượt qua khỏi có tính chất tạm thời, sắc thân của vị ấy được dứt bỏ bằng sự dứt bỏ với việc đè nén [do việc chứng đắc thiền vô sắc].

"Có sự dứt bỏ toàn bộ về thân" là như thế.

Đang nhìn thấy "không có gì" thuộc nội phần và ngoại phần.

Không có gì: Là sự chứng đạt Vô sở hữu xứ. Vì lý do gì mà "không có gì"

là sự chứng đạt về Vô sở hữu xứ? Là vì, vị có niệm, sau khi thể nhập sự chứng đạt về Thức vô biên xứ, sau khi xuất ra từ nơi ấy, rồi làm cho không hiện hữu, làm cho hoàn toàn không còn hiện hữu, làm cho biến mất chính cái thức ấy, và nhìn thấy "không có gì." Vì lý do ấy mà "không có gì" là sự chứng đạt về Vô sở hữu xứ.

"Đang nhìn thấy 'không có gì' thuộc nội phần và ngoại phần" là như thế.

Thưa vị dòng Sakya, con hỏi thêm về trí [của vị ấy].

Vị dòng Sakya: Đức Thế Tôn là vị dòng Sakya, "người đã xuất gia từ gia tộc Sakya" là vị dòng Sakya. ... (nt)... "có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ, có sự rởn lông đã được xa lìa" là vị dòng Sakya.

Con hỏi thêm về trí [của vị ấy]: Con hỏi trí của vị ấy là như thế nào, được tồn tại thế nào, có kiểu cách gì, có biểu hiện gì, có nên được ước muốn?

"Thưa vị dòng Sakya, con hỏi thêm về trí [của vị ấy]" là như thế.

Vị thuộc hạng như thế ấy nên được hướng dẫn thế nào? Vị ấy nên được hướng dẫn, nên được huấn luyện, nên được dẫn dắt, nên được truyền đạt, nên được truyền thụ, nên được khơi mở, nên được tạo niềm tin thế nào? Vị ấy nên được làm cho sanh khởi thượng trí thế nào?

Vị thuộc hạng như thế ấy: Vị thuộc hạng như thế ấy là vị giống như thế ấy, được tồn tại thế ấy, có kiểu cách ấy, có biểu hiện ấy, là vị có được sự chứng đạt về Vô sở hữu xứ.

"Vị thuộc hạng như thế ấy nên được hướng dẫn thế nào?" là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

"Đối với vị có sắc tưởng đã không còn,
Có sự dứt bỏ toàn bộ về thân,
Đang nhìn thấy 'không có gì'
Thuộc nội phần và ngoại phần,
Thưa vị dòng Sakya, con hỏi thêm về trí [của vị ấy];
Vị thuộc hạng như thế ấy nên được hướng dẫn thế nào?"

14.3. *[Đức Thế Tôn nói: "Này Posāla,] trong khi biết rõ tất cả các chỗ trú của thức, đức Như Lai biết vị ấy đang trú [ở đâu], đã thiên về [điều nào], có điều ấy là đích đến."*

Tất cả các chỗ trú của thức: Đức Thế Tôn biết bốn chỗ trú của thức căn cứ vào pháp tạo tác, biết bảy chỗ trú của thức căn cứ vào sự tái sanh.

Đức Thế Tôn biết bốn chỗ trú của thức căn cứ vào pháp tạo tác nghĩa là thế nào? Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, có sự vướng bận với sắc, thì thức, trong khi tồn tại, [sẽ] tồn tại có đối tượng là sắc, có chỗ nâng đỡ là sắc, có sự rải rắc niềm vui, và [sẽ] đạt đến sự phát triển, sự tăng trưởng, sự lớn mạnh. Này các Tỳ-khưu, hoặc là có sự vướng bận với thọ,...

(nt)... Này các Tỳ-khưu, hoặc là có sự vướng bận với tưởng,… (nt)... Này các Tỳ-khưu, hoặc là có sự vướng bận với các hành, thì thức, trong khi tồn tại, [sẽ] tồn tại có đối tượng là các hành, có chỗ nâng đỡ là các hành, có sự rải rắc niềm vui, và [sẽ] đạt đến sự phát triển, sự tăng trưởng, sự lớn mạnh"; đức Thế Tôn biết bốn chỗ trú của thức căn cứ vào pháp tạo tác nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn biết bảy chỗ trú của thức căn cứ vào sự tái sanh nghĩa là thế nào? Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, có những chúng sanh có thân khác biệt, có tưởng khác biệt, như là loài người, một số thiên nhân và một số hạng ở chốn bị trừng phạt; đây là chỗ trú của thức loại thứ nhất. Này các Tỳ-khưu, có những chúng sanh có thân khác biệt, có tưởng tương đồng, như là chư thiên thuộc Phạm Chúng thiên đã được sanh lên nhờ vào Sơ thiền; đây là chỗ trú của thức loại thứ nhì. Này các Tỳ-khưu, có những chúng sanh có thân tương đồng, có tưởng khác biệt, như là chư thiên cõi Quang Âm thiên; đây là chỗ trú của thức loại thứ ba. Này các Tỳ-khưu, có những chúng sanh có thân tương đồng, có tưởng tương đồng, như là chư thiên cõi Biến Tịnh thiên; đây là chỗ trú của thức loại thứ tư. Này các Tỳ-khưu, có những chúng sanh, do sự vượt qua hẳn toàn bộ các sắc tưởng, do sự biến mất của các tưởng bất bình, do việc không chú ý đến các tưởng khác biệt [nhận thức rằng]: 'Hư không là vô biên' rồi tiến vào Không Vô Biên Xứ; đây là chỗ trú của thức loại thứ năm. Này các Tỳ-khưu, có những chúng sanh sau khi vượt qua hẳn toàn bộ Không Vô Biên Xứ [nhận thức rằng]: 'Thức là vô biên' rồi tiến vào Thức Vô Biên Xứ; đây là chỗ trú của thức loại thứ sáu. Này các Tỳ-khưu, có những chúng sanh sau khi vượt qua hẳn toàn bộ Thức Vô Biên Xứ [nhận thức rằng]: 'Không có gì' rồi tiến vào Vô Sở Hữu Xứ; đây là chỗ trú của thức loại thứ bảy. Đức Thế Tôn biết bảy chỗ trú của thức căn cứ vào sự tái sanh nghĩa là như vậy."

"Tất cả các chỗ trú của thức" là như thế.

Đức Thế Tôn nói: Này Posāla.

Posāla: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính… (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "đức Thế Tôn."

"Đức Thế Tôn nói: Này Posāla" là như thế.

Trong khi biết rõ..., đức Như Lai.

Trong khi biết rõ: Trong khi biết rõ là trong khi hiểu, trong khi nhận thức, trong khi thừa nhận, trong khi thấu triệt.

Đức Như Lai: Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này Cunda, nếu việc quá khứ là không thực, không đúng, không có lợi ích, đức Như Lai không giải đáp điều ấy. Này Cunda, nếu việc quá khứ là thực, là đúng, không có lợi ích, đức Như Lai cũng không giải đáp điều ấy. Này Cunda, nếu việc quá khứ là thực, là đúng, có lợi ích, trong trường hợp ấy, đức Như Lai là người biết thời điểm để giải đáp cho chính câu hỏi ấy. Này Cunda, nếu việc vị lai… (nt)... Này

Cunda, nếu việc hiện tại là không thực, không đúng, không có lợi ích, đức Như Lai không giải đáp điều ấy. Này Cunda, nếu việc hiện tại là thực, là đúng, không có lợi ích, đức Như Lai cũng không giải đáp điều ấy. Này Cunda, nếu việc hiện tại là thực, là đúng, có lợi ích, trong trường hợp ấy, đức Như Lai là người biết thời điểm để giải đáp cho câu hỏi ấy. Như thế, này Cunda, về các pháp quá khứ, vị lai, và hiện tại, đức Như Lai là vị nói đúng thời, vị nói về sự thật, vị nói về mục đích, vị nói về Pháp, vị nói về Luật; vì thế, được gọi là 'đức Như Lai'.

Này Cunda, điều gì thuộc về thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người, đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, đã được đạt đến, đã được tìm kiếm, đã được cân nhắc bởi ý, mọi điều ấy đều đã được biết rõ toàn diện bởi đức Như Lai; vì thế, được gọi là 'đức Như Lai'. Này Cunda, vào đêm đức Như Lai giác ngộ quả vị Chánh đẳng giác vô thượng, và vào đêm [đức Như Lai] viên tịch Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn không còn dư sót, điều nào đức Như Lai thuyết giảng, nói ra, chỉ dạy trong khoảng thời gian này, mọi điều ấy đều là y như thế, không sai khác; vì thế, được gọi là 'đức Như Lai'. Này Cunda, đức Như Lai nói như thế nào làm như thế ấy, làm như thế nào nói như thế ấy. Như vậy, nói như thế nào làm như thế ấy, làm như thế nào nói như thế ấy; vì thế, được gọi là 'đức Như Lai'. Này Cunda, ở thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người, đức Như Lai là đấng Chiến Thắng, bậc Không Bị Thống Trị, bậc Nhìn Thấy Tất Cả, bậc Vận Hành Quyền Lực; vì thế, được gọi là 'đức Như Lai'."

"Trong khi biết rõ..., đức Như Lai" là như thế.

Biết vị ấy đang trú [ở đâu]: Đức Thế Tôn biết về người hiện đang ở thế gian này căn cứ vào pháp tạo tác là nghiệp rằng: "Người này, khi tan rã thân xác và chết đi, sẽ sanh vào đọa xứ, cõi khổ, nơi trừng phạt, địa ngục." Đức Thế Tôn biết về người hiện đang ở thế gian này căn cứ vào pháp tạo tác là nghiệp rằng: "Người này, khi tan rã thân xác và chết đi, sẽ sanh vào loài thú." Đức Thế Tôn biết về người hiện đang ở thế gian này căn cứ vào pháp tạo tác là nghiệp rằng: "Người này, khi tan rã thân xác và chết đi, sẽ sanh vào thân phận ngạ quỷ." Đức Thế Tôn biết về người hiện đang ở thế gian này căn cứ vào pháp tạo tác là nghiệp rằng: "Người này, khi tan rã thân xác và chết đi, sẽ sanh vào ở loài người." Đức Thế Tôn biết về người hiện đang ở thế gian này căn cứ vào pháp tạo tác là nghiệp rằng: "Người này đã thực hành tốt đẹp, khi tan rã thân xác và chết đi, sẽ sanh vào chốn an vui, cõi trời, thế gian [này]."

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

"Ở đây, này Sāriputta, sau khi biết được tâm bằng tâm, Ta nhận biết về một người nào đó rằng: 'Người này thực hành thế này, cư xử thế này, và đi vào đạo lộ ấy, như thế thì khi tan rã thân xác và chết đi, sẽ sanh vào đọa xứ, cõi khổ, nơi trừng phạt, địa ngục.' Ở đây, này Sāriputta, sau khi biết được tâm bằng tâm, Ta

nhận biết về một người nào đó rằng: 'Người này thực hành thế này, cư xử thế này, và đi vào đạo lộ ấy, như thế thì khi tan rã thân xác và chết đi, sẽ sanh vào loài thú.' Ở đây, này Sāriputta, sau khi biết được tâm bằng tâm, Ta nhận biết về một người nào đó rằng: 'Người này thực hành thế này, cư xử thế này, và đi vào đạo lộ ấy, như thế thì khi tan rã thân xác và chết đi, sẽ sanh vào thân phận ngạ quỷ.' Ở đây, này Sāriputta, sau khi biết được tâm bằng tâm, Ta nhận biết về một người nào đó rằng: 'Người này thực hành thế này, cư xử thế này, và đi vào đạo lộ ấy, như thế thì khi tan rã thân xác và chết đi, sẽ sanh vào giữa loài người.' Ở đây, này Sāriputta, sau khi biết được tâm bằng tâm, Ta nhận biết về một người nào đó rằng: 'Người này thực hành thế này, cư xử thế này, và đi vào đạo lộ ấy, như thế thì khi tan rã thân xác và chết đi, sẽ sanh vào chốn an vui, cõi trời, thế gian [này].' Ở đây, này Sāriputta, sau khi biết được tâm bằng tâm, Ta nhận biết về một người nào đó rằng: 'Người này thực hành thế này, cư xử thế này, và đi vào đạo lộ ấy, như thế thì do sự cạn kiệt của các lậu hoặc, nhờ vào thắng trí của mình sẽ chứng ngộ, sẽ đạt đến, và an trú vào sự không còn lậu hoặc, sự giải thoát của tâm, sự giải thoát của tuệ ngay ở đời hiện tại.'"

"Biết vị ấy đang trú [ở đâu]" là như thế.

Đã thiên về [điều nào], có điều ấy là đích đến.

Đã thiên về [điều nào]: Là đã thiên về khuynh hướng giải thoát ở Vô sở hữu xứ, đã thiên về nơi ấy, đã thiên về nó, đã xem nó là chủ đạo. Hoặc là, đức Thế Tôn biết rằng: "Người này thiên về sắc, thiên về thinh, thiên về hương, thiên về vị, thiên về xúc, thiên về gia tộc, thiên về đồ chúng, thiên về chỗ ngụ, thiên về lợi lộc, thiên về danh vọng, thiên về lời khen, thiên về hạnh phúc, thiên về y phục, thiên về đồ ăn khất thực, thiên về chỗ nằm ngồi, thiên về vật dụng là thuốc men chữa bệnh, là vị thiên về Kinh, thiên về Luật, thiên về Thắng pháp, thiên về pháp của vị ngụ ở rừng, thiên về pháp của vị chuyên đi khất thực, thiên về pháp của vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ, thiên về pháp của vị chỉ sử dụng ba y, thiên về pháp của vị đi khất thực tuần tự theo từng nhà, thiên về pháp của vị không ăn vật thực dâng sau, thiên về pháp của vị chuyên về oai nghi ngồi (không nằm), thiên về pháp của vị ngụ ở chỗ đã được chỉ định, thiên về Sơ thiền, thiên về Nhị thiền, thiên về Tam thiền, thiên về Tứ thiền, thiên về sự chứng đạt Không vô biên xứ, thiên về sự chứng đạt Thức vô biên xứ, thiên về sự chứng đạt Vô sở hữu xứ, thiên về sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ." "Đã thiên về [điều nào]" là như thế.

Có điều ấy là đích đến: Yếu tố Vô sở hữu xứ có điều ấy là đích đến, có nghiệp là đích đến, có quả thành tựu là đích đến, có sự chú trọng về nghiệp, có sự chú trọng về việc nối liền tái sanh. Hoặc là, đức Thế Tôn biết rằng: "Người này có sắc là đích đến,… (nt)... có sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ là đích đến."

"Đã thiên về [điều nào], có điều ấy là đích đến" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: "Này Posāla] trong khi biết rõ tất cả các chỗ trú của thức, đức Như Lai biết vị ấy đang trú [ở đâu], đã thiên về [điều nào], có điều ấy là đích đến."

14.4. *Sau khi biết được nguồn xuất phát của Vô sở hữu, [biết được] rằng: "Vui thích là sự ràng buộc", sau khi biết rõ điều ấy như vậy, từ đó nhìn thấy rõ nơi ấy; đây là trí như thật của vị ấy, của vị Bà-la-môn đã sống hoàn hảo.*

Sau khi biết được nguồn xuất phát của Vô sở hữu: Nguồn xuất phát của Vô sở hữu xứ nói đến pháp tạo tác là nghiệp đưa đến Vô sở hữu xứ. Sau khi biết được "pháp tạo tác là nghiệp đưa đến Vô sở hữu xứ là nguồn xuất phát của Vô sở hữu", sau khi biết được "sự dính mắc", sau khi biết được "sự cột trói", sau khi biết được "sự vướng bận", sau khi biết, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt.

"Sau khi biết được nguồn xuất phát của Vô sở hữu" là như thế.

[Biết được] rằng: "Vui thích là sự ràng buộc": Sự ràng buộc bởi vui thích nói đến sự luyến ái ở vô sắc. Do sự luyến ái ở vô sắc, nghiệp ấy bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại. Sau khi biết được "sự luyến ái ở vô sắc là sự ràng buộc bởi vui thích", sau khi biết được "sự dính mắc", sau khi biết được "sự cột trói", sau khi biết được "sự vướng bận", sau khi biết, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt.

Rằng: Từ "*iti*" này là sự nối liền các câu văn, sự kết hợp các câu văn, sự làm đầy đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuốt từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn.

"[Biết được] rằng: Vui thích là sự ràng buộc" là như thế.

Sau khi biết rõ điều ấy như vậy: Sau khi biết rõ, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt điều ấy như vậy.

"Sau khi biết rõ điều ấy như vậy" là như thế.

Từ đó nhìn thấy rõ nơi ấy.

Nơi ấy: Sau khi chứng đạt Vô sở hữu xứ, sau khi xuất ra từ nơi ấy, tại chỗ đó nhìn thấy rõ các pháp về tâm và sở hữu tâm được sanh lên là vô thường, nhìn thấy rõ là khổ, nhìn thấy rõ là cơn bệnh… (nt)... là sự thoát ra, nhận thấy, quan sát, suy xét, khảo sát.

"Từ đó nhìn thấy rõ nơi ấy" là như thế.

Đây là trí như thật của vị ấy: Trí này là đúng đắn, thực thể, chính xác, không bị sai lệch, thuộc về vị ấy.

"Đây là trí như thật của vị ấy" là như thế.

Của vị Bà-la-môn đã sống hoàn hảo.

Vị Bà-la-môn: Bà-la-môn do trạng thái đã loại trừ bảy pháp:… Không nương nhờ, tự tại, vị ấy được gọi là Bà-la-môn.

Của vị Bà-la-môn đã sống hoàn hảo: Bảy hạng Thánh Hữu học, tính luôn phàm nhân tốt lành, sống, cộng trú, cư trú, lưu trú nhằm đạt đến pháp chưa đạt đến, nhằm chứng đắc pháp chưa chứng đắc, nhằm chứng ngộ pháp chưa chứng ngộ; còn bậc A-la-hán, đã được hoàn mãn, có việc cần làm đã làm, có gánh nặng đã được đặt xuống, có mục đích của mình đã được đạt đến, có sự trói buộc ở hữu đã được đoạn tận, đã hiểu biết đúng đắn, đã được giải thoát. Vị ấy đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành,… (nt)... việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vị ấy."

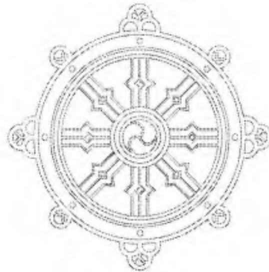
"Của vị Bà-la-môn đã sống hoàn hảo" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Sau khi biết được nguồn xuất phát của Vô sở hữu, [biết được] rằng: 'Vui thích là sự ràng buộc', sau khi biết rõ điều ấy như vậy, từ đó nhìn thấy rõ nơi ấy; đây là trí như thật của vị ấy, của vị Bà-la-môn đã sống hoàn hảo."

Cùng với lúc kết thúc câu kệ ngôn,… (nt)... "Bạch ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử."

"Diễn giải kinh Posāla" được hoàn tất.



15. DIỄN GIẢI KINH MOGHARĀJA
(*MOGHARĀJASUTTANIDDESO*)

15.1. *[Tôn giả Mogharāja nói rằng:] "Con đã hỏi vị dòng Sakya hai lần. Bậc Hữu Nhãn đã không giải đáp cho con. Và con đã được nghe rằng: '[Được hỏi] đến lần thứ ba, bậc Thiên Nhân Ẩn Sĩ [sẽ] giải đáp.'"*

Con đã hỏi vị dòng Sakya hai lần: Vị Bà-la-môn ấy đã hỏi đức Phật Thế Tôn câu hỏi đến hai lần. Được hỏi câu hỏi, đức Thế Tôn đã không giải đáp cho vị ấy [nghĩ rằng]: "Trong khoảng thời gian ấy, sẽ có sự chín muồi của các quyền cho vị Bà-la-môn này."

Vị dòng Sakya: Đức Thế Tôn là vị dòng Sakya, "người đã xuất gia từ gia tộc Sakya" là vị dòng Sakya. Hoặc là, "người sở hữu tài sản, giàu có, có tài sản lớn" là vị dòng Sakya. Vị ấy sở hữu các tài sản này, tức là: Tài sản về đức tin, tài sản về giới, tài sản về hổ thẹn [tội lỗi], tài sản về ghê sợ [tội lỗi], tài sản về kiến thức, tài sản về xả thí, tài sản về trí tuệ, tài sản về thiết lập niệm, tài sản về chánh cần, tài sản về nền tảng của thần thông, tài sản về quyền, tài sản về lực, tài sản về yếu tố đưa đến giác ngộ, tài sản về Đạo, tài sản về Quả, tài sản về Niết-bàn, "người sở hữu tài sản, giàu có, có tài sản lớn với các tài sản và bảo vật nhiều loại này" là vị dòng Sakya. Hoặc là, "vị có năng lực, có tiềm năng, có khả năng, dũng cảm, anh hùng, quả cảm, không nhút nhát, không có sự kinh hãi, không có sự sợ sệt, không có sự trốn chạy, có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ, có sự rởn lông đã được xa lìa" là vị dòng Sakya.

Con đã hỏi vị dòng Sakya hai lần: Con đã hỏi vị dòng Sakya hai lần, con đã yêu cầu, con đã thỉnh cầu, con đã đặt niềm tin.

"Con đã hỏi vị dòng Sakya hai lần" là như thế.

Tôn giả Mogharāja nói rằng.

Rằng: [Từ "*icca*" này] là sự nối liền các câu văn,… (nt)…

Tôn giả: [Từ "*āyasmā*" này] là lời nói yêu mến,… (nt)…

Mogharāja: Là tên của vị Bà-la-môn ấy,… (nt)… từ kêu gọi.

"Tôn giả Mogharāja nói rằng" là như thế.

Bậc Hữu Nhãn đã không giải đáp cho con.

Đã không giải đáp cho con: Đã không giải đáp cho con là đã không chỉ dạy, đã không chỉ bảo, đã không thông báo, đã không ấn định, đã không khai mở, đã không chia sẻ, đã không làm rõ, đã không bày tỏ.

Bậc Hữu Nhãn: Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhãn với năm loại nhãn (con mắt): Bậc Hữu Nhãn với nhục nhãn, bậc Hữu Nhãn với thiên nhãn, bậc Hữu Nhãn với tuệ nhãn, bậc Hữu Nhãn với Phật nhãn, bậc Hữu Nhãn với toàn nhãn.

Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhãn với nhục nhãn nghĩa là thế nào? Ở nhục nhãn của đức Thế Tôn hiện hữu năm màu sắc: Màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu đen và màu trắng. Và các lông mi của đức Thế Tôn: Nơi nào các lông mi mọc, màu xanh ở nơi ấy là màu xanh tuyền, duyên dáng, đáng nhìn, như là hoa của cây ummā. Phần bên ngoài xung quanh nơi ấy có màu vàng, là màu vàng tuyền, màu của kim loại vàng, duyên dáng, đáng nhìn, như là hoa của cây kaṇikāra. Hai bên đuôi mắt của đức Thế Tôn có màu đỏ, là màu đỏ tuyền, duyên dáng, đáng nhìn, như là màu của loài mối cánh. Chính giữa [hai con mắt] có màu đen, là màu đen tuyền, không sần sùi, bóng láng, duyên dáng, đáng nhìn, như là màu trái addāriṭṭhaka. Phần bên ngoài xung quanh nơi ấy có màu trắng, là màu trắng tuyền, trắng tinh, trắng sáng, duyên dáng, đáng nhìn, như là ngôi sao osadhī. Nhục nhãn tự nhiên ấy, nương ở kim thân, đã được sanh lên do hạnh nghiệp tốt đẹp trong thời quá khứ; thông qua nó, đức Thế Tôn nhìn thấy xung quanh một do-tuần, ban ngày và luôn cả ban đêm. Ngay cả vào lúc tối tăm hội đủ bốn yếu tố: Mặt trời đã lặn xuống, vào ngày trai giới thuộc hạ huyền (đêm cuối tháng âm lịch), nơi khu rừng già sâu thẳm, và có đám mây đen lớn trỗi dậy; ngay cả vào lúc tối tăm hội đủ bốn yếu tố có hình thức như thế, Ngài cũng vẫn nhìn thấy xung quanh một do-tuần. Ở nơi nào dầu có vách tường, cánh cửa, tường thành, ngọn núi, bụi rậm, hoặc dây leo, cũng không là sự ngăn trở việc nhìn thấy các hình thể. Nếu sau khi làm dấu một hạt mè rồi ném vào cỗ xe chở hạt mè, Ngài vẫn có thể nhặt lên chính hạt mè ấy. Nhục nhãn tự nhiên của đức Thế Tôn là thanh tịnh như vậy. Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhãn với nhục nhãn nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhãn với thiên nhãn nghĩa là thế nào? Đức Thế Tôn, với thiên nhãn thanh tịnh vượt trội loài người, nhìn thấy các chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại [trở thành] hạ tiện, cao quý, đẹp đẽ, xấu xí, sung sướng, [hay] đau khổ, vị ấy biết được rằng các chúng sanh đều đi theo nghiệp tương ứng: "Quả vậy, những chúng sanh đang hiện hữu này có uế hạnh về thân, có uế hạnh về khẩu, có uế hạnh về ý, vu khống các bậc Thánh, theo tà kiến, tán thành các hành động do tà kiến. Những kẻ ấy, khi tan rã thân xác và chết đi, bị sanh vào đọa xứ, cõi khổ, nơi trừng phạt, địa ngục. Trái lại, những chúng sanh đang hiện hữu này có thiện hạnh về thân, có thiện hạnh về khẩu, có thiện hạnh về ý, không vu khống các bậc Thánh, theo chánh kiến, tán thành các hành động do chánh kiến. Những người ấy, khi tan rã thân xác và chết đi, được sanh vào chốn an vui, cõi trời, thế gian [này]." Như thế, bằng thiên nhãn thanh tịnh vượt trội loài người, Ngài nhìn thấy các chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại [trở thành] hạ tiện, cao quý, đẹp đẽ, xấu xí, sung sướng, [hay] đau khổ, Ngài biết được rằng các chúng sanh đều đi theo nghiệp tương ứng. Và trong khi mong

muốn, đức Thế Tôn có thể nhìn thấy một thế giới,[1] có thể nhìn thấy hai thế giới, có thể nhìn thấy ba thế giới, có thể nhìn thấy bốn thế giới, có thể nhìn thấy năm thế giới, có thể nhìn thấy mười thế giới, có thể nhìn thấy hai mươi thế giới, có thể nhìn thấy ba mươi thế giới, có thể nhìn thấy bốn mươi thế giới, có thể nhìn thấy năm mươi thế giới, có thể nhìn thấy nhất thiên tức tiểu thế giới, có thể nhìn thấy nhị thiên tức trung thế giới, có thể nhìn thấy tam thiên tức đại thiên thế giới.[2] Hơn nữa, Ngài mong muốn đến chừng nào thì Ngài có thể nhìn thấy đến chừng ấy. Thiên nhãn của đức Thế Tôn là thanh tịnh như vậy. Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhãn với thiên nhãn nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhãn với tuệ nhãn nghĩa là thế nào? Đức Thế Tôn là bậc có tuệ vĩ đại, có tuệ rộng lớn, có tuệ vi tiếu, có tuệ tốc hành, có tuệ sắc bén, có tuệ thấu suốt, là bậc thiện xảo trong việc chia chẻ bằng tuệ, bậc có trí đã được phát triển, đã đạt đến tuệ phân tích, đã đạt được bốn pháp tự tín, có sự duy trì mười lực, là bậc Nhân Ngưu, bậc Nhân Sư, bậc Nhân Tượng, bậc Nhân Kiệt, bậc Nhân Đạo, bậc có trí vô biên, có oai lực vô biên, có danh vọng vô biên, giàu có [về trí tuệ], có tài sản lớn [về trí tuệ], sở hữu tài sản [về trí tuệ], là bậc Hướng Đạo, bậc Hướng Dẫn, bậc Đoạn Nghi, bậc Truyền Đạt, bậc Truyền Thụ, bậc Khơi Mở, bậc Khởi Tín. Chính đức Thế Tôn ấy là vị làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi, là vị làm sanh ra đạo lộ chưa được sanh ra, là vị tuyên thuyết đạo lộ chưa được tuyên thuyết, là vị biết về đạo lộ, là vị hiểu rõ về đạo lộ, là vị rành rẽ về đạo lộ. Và hơn nữa, những người đi theo đạo lộ là các đệ tử của Ngài hiện nay đang an trú và sau này sẽ thành tựu [đạo lộ ấy].

Chính đức Thế Tôn ấy biết [đúng bản thể] điều cần phải biết, thấy [đúng bản thể] điều cần phải thấy, là bậc có bản thể của mắt, có bản thể của trí, có bản thể của pháp, có bản thể của Phạm thiên, là vị công bố, vị tuyên thuyết, vị chỉ dẫn mục đích, vị ban cho bất tử, bậc Pháp Chủ, đức Như Lai. Đối với đức Thế Tôn ấy, không có việc không biết, không thấy, không hiểu rõ, không chứng ngộ, không chạm đến bằng tuệ. Tất cả các pháp liên quan đến quá khứ, tương lai, hiện tại, với mọi biểu hiện, đều đi đến phạm vi ở trong tầm trí tuệ của đức Phật Thế Tôn. Bất cứ điều gì có thể biết, nghĩa là có pháp cần phải biết, có lợi ích cho mình, hoặc có lợi ích cho người khác, hoặc có lợi ích cho cả hai, hoặc có lợi ích liên quan đời này, hoặc có lợi ích liên quan đời sau, hoặc có lợi ích hời hợt, hoặc có lợi ích sâu sắc, hoặc có lợi ích được giấu kín, hoặc có lợi ích được che đậy, hoặc có lợi ích tiềm tàng, hoặc có lợi ích hiển hiện, hoặc có lợi ích không tội lỗi, hoặc có lợi ích không ô nhiễm, hoặc có lợi ích trong trắng, hoặc có lợi ích là lợi ích tối thượng, tất cả [các] điều ấy đều vận hành ở bên trong trí của đức Phật. Tất cả thân nghiệp của đức Phật Thế Tôn đều vận hành theo trí, tất cả khẩu nghiệp đều vận hành theo trí, tất cả ý nghiệp đều vận hành theo trí. Đức

---

[1] Xem chú thích về "*Lokadhātu*" (Thế giới) ở trang 223. (ND)

[2] Xem chú thích về "Nhất thiên (Tiểu thế giới), Nhị thiên (Trung thế giới), Tam thiên (Đại thiên thế giới)" ở trang 294. (ND)

Phật Thế Tôn có trí không bị chướng ngại về quá khứ, có trí không bị chướng ngại về vị lai, có trí không bị chướng ngại về hiện tại. Điều có thể biết là chừng nào thì trí là chừng ấy, trí là chừng nào thì điều có thể biết là chừng ấy. Trí có điều có thể biết là giới hạn, điều có thể biết có trí là giới hạn; vượt qua điều có thể biết thì trí không vận hành, vượt qua trí thì không có hành trình của điều có thể biết; các pháp ấy có sự xác lập giới hạn tương xứng với nhau. Giống như hai nắp đậy của cái hộp được gắn liền đúng đắn, nắp đậy bên dưới không lệch nắp trên, nắp đậy bên trên không lệch nắp dưới, chúng có sự xác lập giới hạn tương xứng với nhau; tương tự như vậy, điều có thể biết và trí của đức Phật Thế Tôn có sự xác lập giới hạn tương xứng với nhau. Điều có thể biết là chừng nào thì trí là chừng ấy, trí là chừng nào thì điều có thể biết là chừng ấy. Trí có điều có thể biết là giới hạn, điều có thể biết có trí là giới hạn; vượt qua điều có thể biết thì trí không vận hành, vượt qua trí thì không có hành trình của điều có thể biết; các pháp ấy có sự xác lập giới hạn tương xứng với nhau.

Trí của đức Phật Thế Tôn vận hành ở tất cả các pháp. Tất cả các pháp được gắn liền với sự hướng tâm, được gắn liền với sự mong muốn, được gắn liền với sự chú tâm, được gắn liền với sự khởi tâm của đức Phật Thế Tôn. Trí của đức Phật Thế Tôn vận hành ở tất cả chúng sanh. Đức Thế Tôn biết tính tình, biết tiềm năng, biết nết hạnh, biết khuynh hướng của tất cả chúng sanh. Ngài nhận biết các chúng sanh có tầm nhìn bị vấy bụi ít và có tầm nhìn bị vấy bụi nhiều, có giác quan sắc sảo và có giác quan cùn lụt, có tánh khí tốt và có tánh khí tồi, có thể hiểu được một cách nhanh chóng và có thể hiểu được một cách khó khăn, có khả năng và không có khả năng. Thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, các hạng chư thiên và loài người, chuyển vận ở bên trong trí của đức Phật. Giống như bất cứ những loài cá và rùa nào, thậm chí luôn cả cá ông và cá voi, chuyển vận ở bên trong đại dương; tương tự như vậy, thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, các hạng chư thiên và loài người, chuyển vận ở bên trong trí của đức Phật. Giống như bất cứ những loài có cánh nào, thậm chí luôn cả loài nhân điểu là loài linh thú, chuyển vận ở phạm vi thuộc bầu trời; tương tự như vậy, những vị nào tương đương với vị Sāriputta về tuệ, những vị ấy cũng chuyển vận ở phạm vi thuộc Phật trí; Phật trí thâm nhập, thống trị, và ngự trị tuệ của chư thiên và loài người. Những vị Sát-đế-ly sáng suốt, những vị Bà-la-môn sáng suốt, những gia chủ sáng suốt, những vị Sa-môn sáng suốt, tinh tế, quen thuộc với học thuyết của những người khác như người cung thủ có thể bắn trúng cọng tóc, nghĩ rằng họ hành xử với sự thành tựu của tuệ trong khi bẻ đôi các tà kiến. Sau khi chuẩn bị các câu hỏi, họ đi đến gặp đức Như Lai rồi hỏi các điều bí mật và đã được che giấu. Được đức Thế Tôn giảng giải và trả lời, các câu hỏi ấy trở nên rõ ràng. Những người ấy đều quy thuận với đức Thế Tôn. Khi ấy, chính đức Thế Tôn, trong trường hợp ấy, chói sáng rực rỡ; điều ấy là nhờ vào tuệ. Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhãn với tuệ nhãn nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhãn với Phật nhãn nghĩa là thế nào? Đức Thế Tôn, trong khi dùng Phật nhãn quan sát thế gian, đã nhìn thấy các chúng sanh có tầm nhìn bị vấy bụi ít và có tầm nhìn bị vấy bụi nhiều, có giác quan sắc sảo và có giác quan cùn lụt, có tánh khí tốt và có tánh khí tồi, có thể hiểu được một cách nhanh chóng và có thể hiểu được một cách khó khăn, [đã nhìn thấy] một số chúng sanh đang sống có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong tội lỗi và [sự tái sanh vào] những đời sống khác, một số chúng sanh đang sống không có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong tội lỗi và [sự tái sanh vào] những đời sống khác. Cũng giống như ở hồ sen xanh, hoặc ở hồ sen hồng, hoặc ở hồ sen trắng; có một số sen xanh, hoặc sen hồng, hoặc sen trắng được sanh ra ở trong nước, được phát triển ở trong nước, không vươn ra khỏi nước, và được nuôi dưỡng chìm ở bên trong [nước]; có một số sen xanh, hoặc sen hồng, hoặc sen trắng được sanh ra ở trong nước, được phát triển ở trong nước, sống ngang bằng mặt nước; và có một số sen xanh, hoặc sen hồng, hoặc sen trắng được sanh ra ở trong nước, được phát triển ở trong nước, vươn lên khỏi nước, và tồn tại không bị vấy bẩn bởi nước; tương tự y như thế, đức Thế Tôn trong khi dùng Phật nhãn quan sát thế gian đã nhìn thấy các chúng sanh có tầm nhìn bị vấy bụi ít và có tầm nhìn bị vấy bụi nhiều, có giác quan sắc sảo và có giác quan cùn lụt, có tánh khí tốt và có tánh khí tồi, có thể hiểu được một cách nhanh chóng và có thể hiểu được một cách khó khăn, [đã nhìn thấy] một số chúng sanh đang sống có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong tội lỗi và [sự tái sanh vào] những đời sống khác, một số chúng sanh đang sống không có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong tội lỗi và [sự tái sanh vào] những đời sống khác.

Đức Thế Tôn biết rằng: "Người này có tánh luyến ái, người này có tánh sân, người này có tánh si, người này có tánh tầm, người này có tánh tín, người này có tánh giác." Đối với người có tánh luyến ái, đức Thế Tôn thuyết bài giảng về đề mục tử thi. Đối với người có tánh sân, đức Thế Tôn chỉ dạy sự tu tập về tâm từ. Đối với người có tánh si, đức Thế Tôn dạy bảo việc đọc tụng, việc vấn hỏi, việc lắng nghe giáo pháp lúc hợp thời, việc bàn luận giáo pháp lúc hợp thời, việc cộng trú với vị thầy. Đối với người có tánh tầm, đức Thế Tôn chỉ dạy về niệm hơi thở vào hơi thở ra. Đối với người có tánh tín, đức Thế Tôn chỉ dạy về biểu hiện đem lại sự thành tín: Sự giác ngộ tốt đẹp của đức Phật, tính chất tốt đẹp của Giáo pháp, sự hành trì tốt đẹp của chúng Tăng, và các giới của bản thân. Đối với người có tánh giác, đức Thế Tôn chỉ dạy về ấn chứng của pháp minh sát: Biểu hiện của vô thường, biểu hiện của khổ, biểu hiện của vô ngã.

1. *"Giống như người đứng ở đỉnh đầu của ngọn núi đá, cũng giống như người có thể nhìn thấy dân chúng ở xung quanh, tương tự như thế ấy, bạch đấng Khôn Ngoan, bạch đấng Toàn Nhãn, sau khi bước lên tòa lâu đài làm bằng giáo pháp, xin bậc đã xa lìa sầu muộn hãy quan sát chúng sanh bị rơi vào sầu muộn, bị thống trị bởi sanh và già."*

Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhãn với Phật nhãn nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhãn với toàn nhãn nghĩa là thế nào? Toàn nhãn nói đến trí toàn giác. Đức Thế Tôn đã tiến đến, đã tiến gần, đã đến gần, đã tiến vào, đã đạt đến, đã đầy đủ, đã thành tựu với trí toàn giác.

2. *"Đối với Ngài, không có bất cứ điều gì ở nơi đây là không được nhìn thấy, không được nhận thức, hoặc không thể biết được. Điều nào có thể biết được, Ngài đã biết rõ tất cả; vì thế đức Như Lai là bậc Toàn Nhãn."*

Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhãn với toàn nhãn nghĩa là như vậy.

"Bậc Hữu Nhãn đã không giải đáp cho con" là như thế.

Và con đã được nghe rằng: "[Được hỏi] đến lần thứ ba, bậc Thiên Nhân Ẩn Sĩ [sẽ] giải đáp": "Được hỏi câu hỏi đúng pháp đến lần thứ ba, đức Phật [sẽ] giải đáp, không bỏ qua", con đã tiếp thu như vậy, con đã tiếp nhận như vậy, con đã nhận định như vậy.

Bậc Thiên Nhân Ẩn Sĩ: Đức Thế Tôn vừa là vị Thiên Nhân vừa là vị Ẩn Sĩ. "Bậc Thiên Nhân Ẩn Sĩ" là như thế. Giống như vị xuất gia từ hàng vua chúa được gọi là vua chúa ẩn sĩ, vị xuất gia từ dòng Bà-la-môn được gọi là Bà-la-môn ẩn sĩ, tương tự y như vậy, đức Thế Tôn vừa là vị Thiên Nhân vừa là vị Ẩn Sĩ. "Bậc Thiên Nhân Ẩn Sĩ" là như thế. Hoặc là, đức Thế Tôn cũng là "vị đã xuất gia" và là vị ẩn sĩ. "Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu giới uẩn lớn lao" là vị ẩn sĩ. "Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu định uẩn lớn lao… (nt)… tuệ uẩn lớn lao… (nt)… giải thoát uẩn lớn lao… (nt)… giải thoát tri kiến uẩn[3] lớn lao" là vị ẩn sĩ. "Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu sự phá tan khối tăm tối lớn lao" là vị ẩn sĩ. "Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu sự phá vỡ điều trái khuấy lớn lao" là vị ẩn sĩ. "Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu sự nhổ lên mũi tên tham ái lớn lao"… (nt)… sự tháo tung mối rối rắm tà kiến lớn lao"… sự xô ngã ngọn cờ ngã mạn lớn lao"… (nt)… sự vắng lặng pháp tạo tác lớn lao"… sự thoát khỏi dòng lũ lớn lao"… sự quăng bỏ gánh nặng lớn lao"… sự cắt đứt vòng quay luân hồi lớn lao"… việc dập tắt sự nóng nảy lớn lao"… việc tịch tịnh sự bực bội lớn lao"… việc nâng lên ngọn cờ giáo pháp lớn lao" là vị ẩn sĩ. "Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu các sự thiết lập niệm lớn lao… các chánh cần lớn lao… các nền tảng của thần thông lớn lao… các quyền lớn lao… các lực lớn lao… các yếu tố đưa đến giác ngộ lớn lao… đạo lộ Thánh thiện tám chi phần lớn lao… lợi ích tối thượng lớn lao, bất tử, Niết-bàn" là vị ẩn sĩ. "Vị được tầm cầu, được tìm tòi, được tìm kiếm bởi các chúng sanh có uy lực lớn lao [hỏi rằng]: Đức Phật ngự ở đâu? Đức Thế Tôn ngự ở đâu? Chúa của chư thiên ngự ở đâu? Đấng Nhân Ngưu ngự ở đâu?" là vị ẩn sĩ.

"Và con đã được nghe rằng: [Được hỏi] đến lần thứ ba, bậc Thiên Nhân Ẩn Sĩ [sẽ] giải đáp" là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

---

[3] Xem chú thích 6 ở trang 23. (ND)

[Tôn giả Mogharāja nói rằng:] "Con đã hỏi vị dòng Sakya hai lần. Bậc Hữu Nhãn đã không giải đáp cho con. Và con đã được nghe rằng: '[Được hỏi] đến lần thứ ba, bậc Thiên Nhân Ẩn Sĩ [sẽ] giải đáp.'"

15.2. *Thế giới này, thế giới khác,*
Thế giới Phạm thiên luôn cả chư thiên
Không [thể] biết rõ quan điểm của Ngài,
Của vị Gotama có danh vọng.

Thế giới này, thế giới khác.

Thế giới này: Thế giới loài người.

Thế giới khác: Tất cả các thế giới khác ngoại trừ thế giới loài người.

"Thế giới này, thế giới khác" là như thế.

Thế giới Phạm thiên luôn cả chư thiên: Thế giới có luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người.

"Thế giới Phạm thiên luôn cả chư thiên" là như thế.

Không [thể] biết rõ quan điểm của Ngài: Thế giới không biết quan điểm, sự chấp nhận, sự ưa thích, quan niệm, ý định, chủ tâm của Ngài, không biết, không nhìn thấy, không trông thấy, không đạt đến, không tìm thấy, không tiếp nhận rằng: "Vị này có quan điểm như vậy, có sự chấp nhận như vậy, có sự ưa thích như vậy, có quan niệm như vậy, có ý định như vậy, có chủ tâm như vậy."

"Không [thể] biết rõ quan điểm của Ngài" là như thế.

Của vị Gotama có danh vọng: "Đức Thế Tôn đạt được danh vọng" là vị có danh vọng. Hoặc là, "đức Thế Tôn được trọng vọng, được cung kính, được sùng bái, được cúng dường, được nể nang, có nhận được y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi và vật dụng là thuốc men chữa bệnh" là vị có danh vọng.

"Của vị Gotama có danh vọng" là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

"Thế giới này, thế giới khác,
Thế giới Phạm thiên luôn cả chư thiên
Không [thể] biết rõ quan điểm của Ngài,
Của vị Gotama có danh vọng."

15.3. *Con đã đi đến bậc có nhãn quan vượt trội như vậy với ý định [hỏi] câu hỏi: Người đang xem xét thế giới như thế nào thì tử thần không nhìn thấy [người ấy]?*

Bậc có nhãn quan vượt trội như vậy: Bậc có nhãn quan vượt trội, có nhãn quan cao cả, có nhãn quan hạng nhất, có nhãn quan thù thắng, có nhãn quan dẫn đầu, có nhãn quan tối thượng, có nhãn quan tột đỉnh như vậy.

"Bậc có nhãn quan vượt trội như vậy" là như thế.

Con đã đi đến với ý định [hỏi] câu hỏi: Là người có nhu cầu với câu hỏi, chúng con đã đi đến… (nt)… Ngài hãy di dời gánh nặng này.

"Con đã đi đến với ý định [hỏi] câu hỏi" còn là như vậy.

Người đang xem xét thế giới như thế nào: Người đang xem xét, đang quán xét lại, đang cân nhắc, đang xác định, đang minh định, đang làm rõ rệt thế gian như thế nào.

"Người đang xem xét thế giới như thế nào" là như thế.

Tử thần không nhìn thấy [người ấy]: Tử thần không nhìn thấy, không trông thấy, không đạt đến, không tìm thấy, không tiếp nhận.

"Tử thần không nhìn thấy [người ấy]" là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

"Con đã đi đến bậc có nhãn quan vượt trội như vậy với ý định [hỏi] câu hỏi: Người đang xem xét thế giới như thế nào thì tử thần không nhìn thấy [người ấy]?"

15.4. *Ngươi hãy xem xét thế giới là trống không,*
Này Mogharāja, hãy luôn luôn có niệm.
Sau khi nhổ lên tà kiến về bản ngã,
Như vậy có thể vượt qua tử thần.
Người đang xem xét thế giới như vậy,
Thần chết không nhìn thấy [người ấy].

Ngươi hãy xem xét thế giới là trống không.

Thế giới: Thế giới địa ngục, thế giới loài thú, thế giới ngạ quỷ, thế giới loài người, thế giới chư thiên, thế giới của các uẩn, thế giới của các giới, thế giới của các xứ, thế giới này, thế giới khác, thế giới Phạm thiên luôn cả thế giới chư thiên. Một vị Tỳ-khưu nào đó đã nói đức Thế Tôn điều này: "Bạch Ngài, 'thế giới, thế giới' được nói đến. Bạch Ngài, về phương diện nào thì 'thế giới' được nói đến?" "Này Tỳ-khưu, 'bị tan rã', do điều ấy 'thế giới' được nói đến. Và cái gì bị tan rã? Này Tỳ-khưu, mắt bị tan rã, các sắc bị tan rã, nhãn thức bị tan rã, nhãn xúc bị tan rã, cảm thọ nào sanh lên do duyên nhãn xúc, dầu là lạc, hay là khổ, hay là không khổ không lạc, cái ấy cũng bị tan rã; tai bị tan rã, các thinh bị tan rã,… mũi bị tan rã, các hương bị tan rã,… lưỡi bị tan rã, các vị bị tan rã,… thân bị tan rã, các xúc bị tan rã,… ý bị tan rã, các pháp bị tan rã, ý thức bị tan rã, ý xúc bị tan rã, cảm thọ nào sanh lên do duyên ý xúc, dầu là lạc, hay là khổ, hay là không khổ không lạc, cái ấy cũng bị tan rã." Này Tỳ-khưu, "bị tan rã", do điều ấy "thế giới" được nói đến.

Ngươi hãy xem xét thế giới là trống không: Xem xét thế giới là trống không theo hai cách: Căn cứ vào việc quan sát sự diễn tiến không thuộc quyền kiểm soát, căn cứ vào việc thấy rõ các pháp tạo tác là rỗng không. Xem xét thế

giới là trống không, căn cứ vào việc quan sát sự diễn tiến không thuộc quyền kiểm soát nghĩa là thế nào? Sự kiểm soát ở sắc không đạt được, sự kiểm soát ở thọ không đạt được, sự kiểm soát ở tưởng không đạt được, sự kiểm soát ở các hành không đạt được, sự kiểm soát ở thức không đạt được. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, sắc là vô ngã.[4] Này các Tỳ-khưu, bởi vì nếu sắc này là ngã thì sắc này không thể đi đến bệnh hoạn, và có thể đạt được ở sắc [theo ý muốn] rằng: 'Sắc của ta hãy là như vầy, sắc của ta đừng trở thành như vầy.' Này các Tỳ-khưu, chính vì sắc là vô ngã, do đó sắc đi đến bệnh hoạn, và không thể đạt được ở sắc [theo ý muốn] rằng: 'Sắc của ta hãy là như vầy, sắc của ta đừng trở thành như vầy.'

Thọ là vô ngã. Này các Tỳ-khưu, bởi vì nếu thọ này là ngã thì thọ này không thể đi đến bệnh hoạn, và có thể đạt được ở thọ [theo ý muốn] rằng: 'Thọ của ta hãy là như vầy, thọ của ta đừng trở thành như vầy.' Này các Tỳ-khưu, chính vì thọ là vô ngã, do đó thọ đi đến bệnh hoạn, và không thể đạt được ở thọ [theo ý muốn] rằng: 'Thọ của ta hãy là như vầy, thọ của ta đừng trở thành như vầy.'

Tưởng là vô ngã. Này các Tỳ-khưu, bởi vì nếu tưởng này là ngã thì tưởng này không thể đi đến bệnh hoạn, và có thể đạt được ở tưởng [theo ý muốn] rằng: 'Tưởng của ta hãy là như vầy, tưởng của ta đừng trở thành như vầy.' Này các Tỳ-khưu, chính vì tưởng là vô ngã, do đó tưởng đi đến bệnh hoạn, và không thể đạt được ở tưởng [theo ý muốn] rằng: 'Tưởng của ta hãy là như vầy, tưởng của ta đừng trở thành như vầy.'

Các hành là vô ngã. Này các Tỳ-khưu, bởi vì nếu các hành này là ngã thì các hành này không thể đi đến bệnh hoạn, và có thể đạt được ở các hành [theo ý muốn] rằng: 'Các hành của ta hãy là như vầy, các hành của ta đừng trở thành như vầy.' Này các Tỳ-khưu, chính vì các hành là vô ngã, do đó các hành đi đến bệnh hoạn, và không thể đạt được ở các hành [theo ý muốn] rằng: 'Các hành của ta hãy là như vầy, các hành của ta đừng trở thành như vầy.'

Thức là vô ngã. Này các Tỳ-khưu, bởi vì nếu thức này là ngã thì thức này không thể đi đến bệnh hoạn, và có thể đạt được ở thức [theo ý muốn] rằng: 'Thức của ta hãy là như vầy, thức của ta đừng trở thành như vầy.' Này các Tỳ-khưu, chính vì thức là vô ngã, do đó thức đi đến bệnh hoạn, và không thể đạt được ở thức [theo ý muốn] rằng: 'Thức của ta hãy là như vầy, thức của ta đừng trở thành như vầy'"; xem xét thế giới là trống không, căn cứ vào việc quan sát sự diễn tiến không thuộc quyền kiểm soát nghĩa là như vậy.

Xem xét thế giới là trống không, căn cứ vào việc thấy rõ các pháp tạo tác là rỗng không nghĩa là thế nào? Cốt lõi ở sắc không đạt được, cốt lõi ở thọ không đạt được, cốt lõi ở tưởng không đạt được, cốt lõi ở các hành không đạt được, cốt lõi ở thức không đạt được. Sắc là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi so với cốt lõi của thường còn, hoặc so với cốt lõi của an lạc, hoặc so với cốt lõi của tự ngã, hoặc theo nghĩa thường còn, hoặc theo nghĩa vững chãi, hoặc

[4] Tốt hơn nên dịch là: "Sắc không phải là ngã" hoặc "sắc không phải là ta". (ND)

theo nghĩa trường tồn, hoặc so với tình trạng không bị biến đổi. Thọ là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi,... Tưởng là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi,... Các hành là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi,... Thức là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi so với cốt lõi của thường còn, hoặc so với cốt lõi của an lạc, hoặc so với cốt lõi của tự ngã, hoặc theo nghĩa thường còn, hoặc theo nghĩa vững chãi, hoặc theo nghĩa trường tồn, hoặc so với tình trạng không bị biến đổi.

Giống như cây sậy là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giống như cây đu đủ là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giống như cây sung là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giống như cây san hô là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giống như cây pāribhaddaka là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giống như bọt nước là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giống như bong bóng nước là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giống như ảo ảnh là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giống như thân cây chuối là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giống như xảo thuật là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; tương tự y như vậy, sắc là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi so với cốt lõi của thường còn, hoặc so với cốt lõi của an lạc, hoặc so với cốt lõi của tự ngã, hoặc theo nghĩa thường còn, hoặc theo nghĩa vững chãi, hoặc theo nghĩa trường tồn, hoặc so với tình trạng không bị biến đổi. Thọ là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi,... Tưởng là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi,... Các hành là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi,... Thức là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi so với cốt lõi của thường còn, hoặc so với cốt lõi của an lạc, hoặc so với cốt lõi của tự ngã, hoặc theo nghĩa thường còn, hoặc theo nghĩa vững chãi, hoặc theo nghĩa trường tồn, hoặc so với tình trạng không bị biến đổi. Xem xét thế giới là trống không căn cứ vào việc thấy rõ các pháp tạo tác là rỗng không nghĩa là như vậy. Xem xét thế giới là trống không theo hai cách này.

Thêm nữa, xem xét thế giới là trống không theo sáu biểu hiện: Mắt là trống không với tự ngã, hoặc với cái thuộc về tự ngã, hoặc theo nghĩa thường còn, hoặc theo nghĩa vững chãi, hoặc theo nghĩa trường tồn, hay là với tình trạng không bị biến đổi; tai là trống không... mũi là trống không... lưỡi là trống không... thân là trống không... ý là trống không với tự ngã, hoặc với cái thuộc về tự ngã, hoặc theo nghĩa thường còn, hoặc theo nghĩa vững chãi, hoặc theo nghĩa trường tồn, hay là với tình trạng không bị biến đổi. Các sắc là trống không... Các thinh là trống không... Các hương là trống không... Các vị là trống không... Các xúc là trống không... Các pháp là trống không với tự ngã, hoặc với cái thuộc về tự ngã, hoặc theo nghĩa thường còn, hoặc theo nghĩa vững chãi, hoặc theo nghĩa trường tồn, hay là với tình trạng không bị biến đổi. Nhãn thức là trống không... Ý thức là trống không... Nhãn xúc là trống không... Ý xúc là trống không... Thọ sanh lên từ nhãn xúc là trống không... Thọ sanh lên từ ý xúc là

trống không… Sắc tưởng là trống không… pháp tưởng là trống không… Sắc tư là trống không… Pháp tư là trống không… Sắc ái là trống không… Sắc tầm là trống không… Sắc tứ là trống không… Pháp tứ là trống không với tự ngã, hoặc với cái thuộc về tự ngã, hoặc theo nghĩa thường còn, hoặc theo nghĩa vững chãi, hoặc theo nghĩa trường tồn, hay là với tình trạng không bị biến đổi. Xem xét thế giới là trống không theo sáu biểu hiện là như vậy.

Thêm nữa, xem xét thế giới là trống không theo mười biểu hiện: [Xem xét] sắc là trống rỗng, là rỗng không, là trống không, là vô ngã, là không có cốt lõi, là kẻ giết hại, là vật hư hỏng, là gốc gác của tai ương, là có sự rò rỉ, là bị tạo tác. [Xem xét] thọ… tưởng… các hành… thức… sự tử vong… sự tái sanh… sự nối liền tái sanh… sự hiện hữu… vòng quay luân hồi là trống rỗng, là rỗng không, là trống không, là vô ngã, là không có cốt lõi, là kẻ giết hại, là vật hư hỏng, là gốc gác của tai ương, là có sự rò rỉ, là bị tạo tác. Xem xét thế giới là trống không theo mười biểu hiện là như vậy.

Thêm nữa, xem xét thế giới là trống không theo mười hai biểu hiện: Sắc không phải là chúng sanh, không phải là mạng sống, không phải là người, không phải là thanh niên, không phải là nữ nhân, không phải là nam nhân, không phải là tự ngã, không phải thuộc về tự ngã, không phải là ta, không phải là của ta, không phải là người nào, không phải là của người nào. Thọ… Tưởng… Các hành… Thức không phải là chúng sanh, không phải là mạng sống, không phải là người, không phải là thanh niên, không phải là nữ nhân, không phải là nam nhân, không phải là tự ngã, không phải thuộc về tự ngã, không phải là ta, không phải là của ta, không phải là người nào, không phải là của người nào. Xem xét thế giới là trống không theo mười hai biểu hiện là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, thân này không phải của các ngươi, cũng không phải của những người khác. Này các Tỳ-khưu, thân này nên được xem là nghiệp cũ đã được tạo tác, đã được cố ý, [và] được cảm thọ. Này các Tỳ-khưu, về điều ấy, vị đệ tử của các bậc Thánh, có sự nghe nhiều, khéo léo tác ý đúng đường lối về pháp tùy thuận duyên khởi như vầy: 'Khi cái này có mặt, cái kia có mặt; do sự sanh khởi của cái này, cái kia sanh khởi. Khi cái này không có mặt, cái kia không có mặt; do sự diệt tận của cái này, cái kia diệt tận. Tức là, do duyên vô minh, các hành [sanh khởi]; do duyên các hành, thức [sanh khởi];… (nt)… Như thế là sự sanh lên của toàn bộ khổ uẩn này. Nhưng chính do sự diệt tận hoàn toàn không còn luyến ái đối với vô minh, có sự diệt tận của các hành… (nt)… Như thế là sự diệt tận của toàn bộ khổ uẩn này." Xem xét thế giới là trống không còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, cái gì không phải là của các ngươi, các ngươi hãy dứt bỏ nó. Cái ấy, khi được các ngươi dứt bỏ, sẽ đưa đến sự lợi ích, sự hạnh phúc lâu dài cho các ngươi. Và này các Tỳ-khưu, cái gì không phải là của các ngươi? Này các Tỳ-khưu, sắc không phải là của các ngươi, các ngươi hãy dứt bỏ nó. Cái ấy, khi được các ngươi dứt bỏ, sẽ đưa đến sự lợi ích, sự hạnh phúc lâu dài cho các ngươi. Này

các Tỳ-khưu, thọ không phải là của các ngươi, các ngươi hãy dứt bỏ nó. Cái ấy, khi được các ngươi dứt bỏ, sẽ đưa đến sự lợi ích, sự hạnh phúc lâu dài cho các ngươi. Tưởng không phải là của các ngươi, các ngươi hãy dứt bỏ nó. Cái ấy, khi được các ngươi dứt bỏ, sẽ đưa đến sự lợi ích, sự hạnh phúc lâu dài cho các ngươi. Các hành không phải là của các ngươi, các ngươi hãy dứt bỏ chúng. Những cái ấy, khi được các ngươi dứt bỏ, sẽ đưa đến sự lợi ích, sự hạnh phúc lâu dài cho các ngươi. Thức không phải là của các ngươi, các ngươi hãy dứt bỏ nó. Cái ấy, khi được các ngươi dứt bỏ, sẽ đưa đến sự lợi ích, sự hạnh phúc lâu dài cho các ngươi. Này các Tỳ-khưu, các ngươi nghĩ gì về điều ấy, là việc người ta có thể mang đi cỏ, củi, cành, lá ở khu rừng Jeta này, hoặc có thể đốt cháy chúng, hoặc có thể sử dụng chúng tùy theo nhu cầu? Thậm chí ý nghĩ như vậy có thể khởi lên ở các ngươi rằng: 'Có phải người ta mang chúng ta đi, hoặc đốt cháy chúng ta, hoặc sử dụng chúng ta tùy theo nhu cầu không'?" "Bạch Ngài, điều này không đúng." "Điều ấy có nguyên nhân là gì?" "Bạch Ngài, bởi vì cái ấy [cỏ, củi, cành, lá] không phải là tự ngã của chúng con hoặc thuộc về tự ngã của chúng con." "Này các Tỳ-khưu, tương tự y như thế, cái gì không phải là của các ngươi, các ngươi hãy dứt bỏ nó. Cái ấy, khi được các ngươi dứt bỏ, sẽ đưa đến sự lợi ích, sự hạnh phúc lâu dài cho các ngươi. Và này các Tỳ-khưu, cái gì không phải là của các ngươi? Sắc, này các Tỳ-khưu, không phải là của các ngươi, các ngươi hãy dứt bỏ nó. Cái ấy, khi được các ngươi dứt bỏ, sẽ đưa đến sự lợi ích, sự hạnh phúc lâu dài cho các ngươi. Thọ… Tưởng… Các hành… Thức, này các Tỳ-khưu, không phải là của các ngươi, các ngươi hãy dứt bỏ nó. Cái ấy, khi được các ngươi dứt bỏ, sẽ đưa đến sự lợi ích, sự hạnh phúc lâu dài cho các ngươi." Xem xét thế giới là trống không còn là như vậy.

Đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này: "Bạch Ngài, 'thế giới là trống không, thế giới là trống không' là điều được nói đến. Bạch Ngài, về phương diện nào thì được gọi là: 'Thế giới là trống không'?" "Này Ānanda, bởi vì quả thật là trống không với tự ngã hoặc với cái thuộc về tự ngã; vì thế, được gọi là: 'Thế giới là trống không.' Và này Ānanda, cái gì là trống không với tự ngã hoặc với cái thuộc về tự ngã? Mắt, này Ānanda, là trống không với tự ngã hoặc với cái thuộc về tự ngã. Các sắc là trống không… Nhãn thức là trống không… Nhãn xúc là trống không… Cảm thọ nào sanh lên do duyên nhãn xúc, dầu là lạc, hay là khổ, hay là không khổ không lạc; cảm thọ ấy cũng là trống không. Tai là trống không… Các thinh là trống không… Mũi là trống không… Các hương là trống không… Lưỡi là trống không… Các vị là trống không… Thân là trống không… Các xúc là trống không… Ý là trống không… Các pháp là trống không… Ý thức là trống không… Ý xúc là trống không… Cảm thọ nào sanh lên do duyên ý xúc, dầu là lạc, hay là khổ, hay là không khổ không lạc, cảm thọ ấy cũng là trống không với tự ngã hoặc với cái thuộc về tự ngã. Này Ānanda, bởi vì quả thật là trống không với tự ngã hoặc với cái thuộc về tự ngã; vì thế, được gọi là: 'Thế giới là trống không.'" Xem xét thế giới là trống không còn là như vậy.

Bởi vì điều này cũng đã được nói đến:

"Này trưởng làng, đối với người đang nhìn thấy đúng theo bản thể sự sanh lên của các pháp một cách rõ rệt, sự liên tục của các hành một cách rõ rệt thì không có sự sợ hãi.

Khi nào bằng trí tuệ nhìn thấy thế gian giống như cỏ và củi, thì không ước nguyện bất cứ điều gì khác, ngoại trừ sự không còn nối liền tái sanh."

Xem xét thế giới là trống không còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, tương tự y như thế, vị Tỳ-khưu quán sát sắc đến luôn cả tiến trình của sắc, quán sát thọ đến luôn cả tiến trình của thọ, quán sát tưởng đến luôn cả tiến trình của tưởng, quán sát các hành đến luôn cả tiến trình của các hành, quán sát thức đến luôn cả tiến trình của thức. Trong khi vị ấy đang quán sát sắc đến luôn cả tiến trình của sắc, trong khi đang quán sát thọ đến luôn cả tiến trình của thọ, trong khi đang quán sát tưởng đến luôn cả tiến trình của tưởng, trong khi đang quán sát các hành đến luôn cả tiến trình của các hành, trong khi đang quán sát thức đến luôn cả tiến trình của thức, ý niệm về 'tôi' hay 'của tôi' hay 'tôi là' đều không khởi lên ở vị ấy." Xem xét thế giới là trống không còn là như vậy.

Ngươi hãy xem xét thế giới là trống không: Ngươi hãy xem xét thế giới là trống không, ngươi hãy quán xét lại, hãy nhìn xem, hãy cân nhắc, hãy xác định, hãy minh định, hãy làm rõ rệt.

"Ngươi hãy xem xét thế giới là trống không" là như thế.

Này Mogharāja, hãy luôn luôn có niệm.

Mogharāja: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy.

Luôn luôn: Là mọi thời,… (nt)… ở chặng cuối của tuổi thọ.

Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân,… (nt)… vị ấy được gọi là có niệm.

"Này Mogharāja, hãy luôn luôn có niệm" là như thế.

Sau khi nhổ lên tà kiến về bản ngã: Tà kiến về bản ngã nói đến thân kiến với hai mươi nền tảng. "Ở đây, kẻ phàm phu không lắng nghe, không có sự trông thấy các bậc Thánh, không rành rẽ Thánh pháp, không được huấn luyện về Thánh pháp, không có sự trông thấy các bậc chân nhân, không rành rẽ pháp chân nhân, không được huấn luyện về pháp chân nhân, nhận thấy sắc là tự ngã, hoặc tự ngã có sắc, hoặc sắc ở trong tự ngã, hoặc tự ngã ở trong sắc; nhận thấy thọ… tưởng… các hành… thức là tự ngã, hoặc tự ngã có thức, hoặc thức ở trong tự ngã, hoặc tự ngã ở trong thức, quan điểm nào có hình thức như vậy là có sự đi đến tà kiến, có sự nắm giữ của tà kiến, có sự hiểm trở của tà kiến, có sự bóp méo của tà kiến, có sự xáo động của tà kiến, có sự ràng buộc của tà kiến, là sự nắm lấy, sự chấp nhận, sự chấp chặt, sự bám víu, con đường xấu, con đường sai trái, bản thể sai trái, ngoại giáo, sự nắm lấy đường lối trái nghịch, sự nắm lấy điều sai lệch, sự nắm lấy điều trái khuấy, sự nắm lấy điều sai trái, sự nắm

lấy điều không xác đáng cho là xác đáng, cho đến sáu mươi hai tà kiến"; điều này là tà kiến về bản ngã.

Sau khi nhổ lên tà kiến về bản ngã: Sau khi nhổ lên, sau khi kéo ra, sau khi lấy lên, sau khi lấy ra, sau khi rút lên, sau khi rút ra, sau khi dứt bỏ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu tà kiến về bản ngã.

"Sau khi nhổ lên tà kiến về bản ngã" là như thế.

Như vậy có thể vượt qua tử thần: Như vậy, ngươi có thể vượt qua tử thần, ngươi có thể vượt qua luôn cả sự già, ngươi có thể vượt qua luôn cả sự chết, ngươi có thể vượt lên, có thể vượt khỏi, có thể vượt qua hẳn, có thể vượt qua khỏi.

"Như vậy có thể vượt qua tử thần" là như thế.

Người đang xem xét thế giới như vậy: Người đang xem xét, đang quán xét lại, đang cân nhắc, đang xác định, đang minh định, đang làm rõ rệt thế giới như vậy.

"Người đang xem xét thế giới như vậy" là như thế.

Thần chết không nhìn thấy [người ấy]: Tử thần cũng là thần chết, Ma vương cũng là thần chết, sự chết cũng là thần chết.

Không nhìn thấy: Thần chết không nhìn thấy, không trông thấy, không đạt đến, không tìm thấy, không tiếp nhận. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, cũng giống như con nai sống ở rừng đang đi lại trong khu rừng, trong khu rừng lớn, tự tin nó đi, tự tin nó đứng, tự tin nó ngồi, tự tin nó nằm. Điều ấy có nguyên nhân là gì? Này các Tỳ-khưu, nó không ở trong phạm vi của gã thợ săn. Này các Tỳ-khưu, tương tự y như vậy, vị Tỳ-khưu ngay sau khi tách ly khỏi các dục, tách ly khỏi các bất thiện pháp, đạt đến và trú Thiền thứ nhất, có tầm có tứ, có hỷ lạc sanh lên do sự tách ly. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu này được gọi là vị đã làm Ma vương mù quáng, đã thủ tiêu không còn dấu chân, đã đạt đến nơi mắt của Ma vương ác độc không còn nhìn thấy.

Này các Tỳ-khưu, còn có việc khác nữa, vị Tỳ-khưu, do sự vắng lặng của tầm và tứ, đạt đến và trú Thiền thứ nhì, có sự tĩnh lặng ở nội phần, có trạng thái chuyên nhất của tâm, không tầm không tứ, có hỷ lạc sanh lên do định;… (nt)… Thiền thứ ba… (nt)… Thiền thứ tư… (nt)… Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu này được gọi là vị đã làm Ma vương mù quáng, đã thủ tiêu không còn dấu chân, đã đạt đến nơi mắt của Ma vương ác độc không còn nhìn thấy.

Này các Tỳ-khưu, còn có việc khác nữa, vị Tỳ-khưu, do sự vượt qua hẳn toàn bộ các sắc tưởng, do sự biến mất của các tưởng bất bình, do việc không chú ý đến các tưởng khác biệt, [nhận thức rằng:] "Hư không là vô biên" đạt đến và trú Không vô biên xứ. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu này được gọi là vị đã làm Ma vương mù quáng, đã thủ tiêu không còn dấu chân, đã đạt đến nơi mắt của Ma vương ác độc không còn nhìn thấy.

Này các Tỳ-khưu, còn có việc khác nữa, vị Tỳ-khưu, sau khi vượt qua hẳn toàn bộ Không vô biên xứ, [nhận thức rằng:] "Thức là vô biên" đạt đến và trú Thức vô biên xứ; sau khi vượt qua hẳn toàn bộ Thức vô biên xứ, [nhận thức rằng:] "Không có gì" đạt đến và trú Vô sở hữu xứ; sau khi vượt qua hẳn toàn bộ Vô sở hữu xứ, đạt đến và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ; sau khi vượt qua hẳn toàn bộ Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đạt đến và trú Diệt thọ tưởng; và đối với vị này, sau khi nhìn thấy bằng tuệ, các lậu hoặc được hoàn toàn cạn kiện. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu này được gọi là vị đã làm Ma vương mù quáng, đã thủ tiêu không còn dấu chân, đã đạt đến nơi mắt của Ma vương ác độc không còn nhìn thấy. Vị đã vượt qua sự vướng mắc ở thế gian, vị ấy tự tin đi, tự tin đứng, tự tin ngồi, tự tin nằm. Điều ấy có nguyên nhân là gì? Vị Tỳ-khưu không ở trong phạm vi của [Ma vương] ác độc.

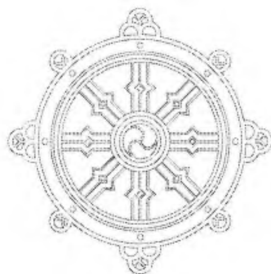
"Thần chết không nhìn thấy [người ấy]" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Ngươi hãy xem xét thế giới là trống không,
Này Mogharāja, hãy luôn luôn có niệm.
Sau khi nhổ lên tà kiến về bản ngã,
Như vậy có thể vượt qua tử thần.
Người đang xem xét thế giới như vậy,
Thần chết không nhìn thấy [người ấy]."

Cùng với lúc kết thúc câu kệ ngôn,... (nt)... "Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử."

"Diễn giải kinh Mogharāja" được hoàn tất.



16. DIỄN GIẢI KINH PIṄGIYA
(*PIṄGIYASUTTANIDDESO*)

16.1. *[Tôn giả Piṅgiya nói rằng:] "Con đã già, yếu sức, không còn vẻ đẹp,*
Cặp mắt không còn trong sáng, việc nghe không thoải mái.
Mong rằng con chớ mệnh chung trong lúc còn mê muội.
Xin Ngài hãy chỉ dạy về giáo pháp để con có thể nhận thức
Sự lìa bỏ đối với sanh và già ở nơi đây."

Con đã già, yếu sức, không còn vẻ đẹp.

Con đã già: Đã già, lớn tuổi, trưởng thượng, đã trải qua cuộc đời, đã đạt đến tuổi thọ, đã được một trăm hai mươi tuổi từ lúc sanh ra.

Yếu sức: Yếu sức là sức lực kém, ít sức lực, ít sức mạnh.

Không còn vẻ đẹp: Có vẻ đẹp đã xa lìa, có vẻ đẹp đã rời khỏi, có vẻ đẹp đã qua rồi, sắc sáng xinh đẹp ở làn da trước đây đã biến mất, sự bất lợi đã xuất hiện.

"Con đã già, yếu sức, không còn vẻ đẹp" là như thế.

Tôn giả Piṅgiya nói rằng.

Rằng: [Từ "*icca*" này] là sự nối liền các câu văn,... (nt)...

Tôn giả: [Từ "*āyasmā*" này] là lời nói yêu mến,... (nt)...

Piṅgiya: Là tên của vị Bà-la-môn ấy,... (nt)... từ kêu gọi.

"Tôn giả Piṅgiya nói rằng" là như thế.

Mắt không còn trong sáng, việc nghe không thoải mái: "Cặp mắt không còn trong sáng, không còn tinh anh, không còn tinh tường, không còn tinh khiết. Con không còn thấy các hình dáng với mắt như thế." "Mắt không còn trong sáng" là như thế.

Việc nghe không thoải mái: "Hai tai không còn trong sáng, không còn tinh anh, không còn tinh tường, không còn tinh khiết. Con không còn nghe âm thanh với tai như thế."

"Mắt không còn trong sáng, việc nghe không thoải mái" là như thế.

Mong rằng con chớ mệnh chung trong lúc còn mê muội.

Mong rằng con chớ mệnh chung: Mong rằng con chớ mệnh chung, mong rằng con chớ tiêu hoại, mong rằng con chớ suy sụp.

Mê muội: Mê muội là lầm lạc si mê, không có sự hiểu biết, không đạt đến kiến thức, không có trí, không có sự rành rẽ, có tuệ tồi.

Trong lúc còn: Con có thể qua đời ngay trong khi còn chưa hiểu thông, chưa đạt đến, chưa hiểu biết, chưa tiếp nhận, chưa chạm đến, chưa chứng ngộ giáo pháp, quan điểm, đường lối thực hành, đạo lộ của Ngài.

"Mong rằng con chớ mệnh chung trong lúc còn mê muội" là như thế.

Xin Ngài hãy chỉ dạy về giáo pháp để con có thể nhận thức.

Giáo pháp: Xin Ngài hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa, toàn hảo ở đoạn kết, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ, [gồm có] bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, Niết-bàn, và sự thực hành đưa đến Niết-bàn. "Xin Ngài hãy chỉ dạy về giáo pháp" là như thế.

Để con có thể nhận thức: Để con có thể biết, có thể hiểu, có thể nhận thức, có thể thừa nhận, có thể thấu triệt, có thể chứng đắc, có thể chạm đến, có thể chứng ngộ.

"Xin Ngài hãy chỉ dạy về giáo pháp để con có thể nhận thức" là như thế.

Sự lìa bỏ đối với sanh và già ở nơi đây: Sự dứt bỏ đối với sanh-già-chết ngay ở nơi đây, sự vắng lặng, sự buông bỏ, sự tịch tịnh, bất tử, Niết-bàn.

"Sự lìa bỏ đối với sanh và già ở nơi đây" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Tôn giả Piṅgiya nói rằng:] "Con đã già, yếu sức, không còn vẻ đẹp,
Cặp mắt không còn trong sáng, việc nghe không thoải mái.
Mong rằng con chớ mệnh chung trong lúc còn mê muội.
Xin Ngài hãy chỉ dạy về giáo pháp để con có thể nhận thức
Sự lìa bỏ đối với sanh và già ở nơi đây."

16.2. *[Đức Thế Tôn nói: "Này Piṅgiya,]*
Sau khi nhìn thấy những người bị hãm hại do duyên các sắc,
Những người xao lãng bị khổ sở do duyên các sắc,
Vì thế, ngươi, này Piṅgiya, là người không xao lãng,
Ngươi hãy từ bỏ sắc để không còn sanh ra lần nữa."

Sau khi nhìn thấy những người bị hãm hại do duyên các sắc.

Sắc: Là bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió] và sắc liên quan đến bốn yếu tố chính. Do nhân các sắc, do duyên các sắc, bởi lý do các sắc, các chúng sanh bị hành hạ, bị hãm hại, bị hủy hoại, bị giết hại. Họ cho áp dụng các hình phạt nhiều loại ở sắc đang hiện diện: Họ đánh đập bằng những cây roi, họ đánh đập bằng các dây mây, họ đánh đập bằng các gậy ngắn, họ chặt bàn tay, họ chặt bàn chân, họ chặt bàn tay và bàn chân, họ cắt tai, họ xẻo mũi, họ cắt tai và xẻo mũi, họ [đập vỡ đầu] làm thành như hũ cháo chua, họ lột da đầu, họ đốt lửa ở miệng, họ thiêu sống, họ đốt cháy ở bàn tay, họ lột da thành sợi, họ lột da thành đống

để ở chân, họ kéo căng thân người ở trên đất, họ xiên da thịt bằng lưỡi câu, họ khoét thịt thành đồng tiền, họ chà xát với chất kiềm, họ quay tròn ở trên thập tự giá, họ đánh cho nhừ tử, họ rưới bằng dầu sôi, họ cho những con chó gặm, họ đặt trên giáo nhọn lúc còn sống, họ chặt đầu bằng gươm. Do nhân các sắc, do duyên các sắc, bởi lý do các sắc, các chúng sanh bị hành hạ, bị hãm hại, bị hủy hoại, bị giết hại như vậy. Sau khi nhìn thấy họ đang bị hành hạ, đang bị hãm hại, đang bị hủy hoại, đang bị giết hại như vậy, sau khi nhìn xem, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt.

"Sau khi nhìn thấy những người bị hãm hại do duyên các sắc" là như thế.

Đức Thế Tôn nói: Này Piṅgiya.

Piṅgiya: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "đức Thế Tôn."

"Đức Thế Tôn nói: Này Piṅgiya" là như thế.

Những người xao lãng bị khổ sở do duyên các sắc.

Bị khổ sở: Họ bị khổ sở, bị bực bội, bị áp bức, bị đụng chạm; họ bị khiếp sợ, trở nên ưu phiền. Do bệnh ở mắt, họ bị khổ sở, bị bực bội, bị áp bức, bị đụng chạm; họ bị khiếp sợ, trở nên ưu phiền. Do bệnh ở tai... (nt)... Do bệnh ở thân... (nt)... Do xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát, họ bị khổ sở, bị bực bội, bị áp bức, bị đụng chạm; họ bị khiếp sợ, trở nên ưu phiền. "Bị khổ sở do duyên các sắc" là như thế. Hoặc là, khi mắt bị hư, bị hoại, bị hỏng, bị mất đi, bị lìa khỏi, bị biến mất, họ bị khổ sở... (nt)... trở nên ưu phiền. Khi tai... Khi mũi... Khi lưỡi... Khi thân... Khi sắc... Khi thinh.... Khi hương... Khi vị... Khi xúc... Khi gia tộc... Khi đồ chúng... Khi chỗ ngụ... Khi lợi lộc... Khi danh vọng... Khi lời khen... Khi hạnh phúc... Khi y phục... Khi đồ ăn khất thực... Khi chỗ nằm ngồi... Khi vật dụng là thuốc men chữa bệnh bị hư, bị hoại, bị hỏng, bị mất đi, bị lìa khỏi, bị biến mất, họ bị khổ sở, bị bực bội, bị áp bức, bị đụng chạm; họ bị khiếp sợ, trở nên ưu phiền. "Bị khổ sở do duyên các sắc" còn là như vậy.

Những người: Các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, các thương buôn, các nô lệ, các người tại gia, các vị xuất gia, chư thiên và loài người.

Xao lãng: Sự xao lãng cần được nói đến: Sự buông thả, sự buông xuôi trong việc buông thả của tâm do uế hạnh về thân, hoặc do uế hạnh về khẩu, hoặc do uế hạnh về ý ở năm loại dục, hoặc là trạng thái thực hành không nghiêm trang, trạng thái thực hành không liên tục, trạng thái thực hành không kiên định, có thói quen biếng nhác, trạng thái buông bỏ mong muốn, trạng thái buông bỏ bổn phận, sự không tập luyện, sự không tu tập, sự không làm thường xuyên, sự không quyết tâm, sự không chuyên cần, sự xao lãng trong việc tu tập các thiện pháp; sự xao lãng nào với hình thức như vậy là biểu hiện xao lãng, trạng thái bị xao lãng; việc này gọi là sự xao lãng. Có sự xao lãng này, con người trở nên xao lãng.

"Những người xao lãng bị khổ sở do duyên các sắc" là như thế.

Vì thế, ngươi, này Piṅgiya, là người không xao lãng.

Vì thế: Vì thế là bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy, trong khi nhìn thấy rõ sự bất lợi như vậy ở các sắc. "Vì thế, ngươi, này Piṅgiya" là như thế.

Không xao lãng: Là có sự thực hành nghiêm trang, có sự thực hành liên tục,… (nt)… sự không xao lãng trong các thiện pháp.

"Vì thế, ngươi, này Piṅgiya, là người không xao lãng" là như thế.

Ngươi hãy từ bỏ sắc để không còn sanh ra lần nữa.

Sắc: Là bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió] và sắc liên quan đến bốn yếu tố chính.

Ngươi hãy từ bỏ sắc: Ngươi hãy từ bỏ sắc, hãy dứt bỏ sắc, hãy xua đi sắc, hãy làm chấm dứt sắc, hãy làm cho không còn hiện hữu sắc.

Để không còn sanh ra lần nữa: Giống như đối với ngươi, sắc có thể được diệt tận ở ngay tại nơi đây, sự hiện hữu liên quan đến việc tái sanh lại nữa không thể hạ sanh ở dục giới, hoặc ở sắc giới, hoặc ở vô sắc giới, hoặc ở cõi dục, hoặc ở cõi sắc, hoặc ở cõi vô sắc, hoặc ở cõi hữu tưởng, hoặc ở cõi vô tưởng, hoặc ở cõi phi tưởng phi phi tưởng, hoặc ở cõi một uẩn, hoặc ở cõi bốn uẩn, hoặc ở cõi năm uẩn, hoặc ở cảnh giới tái sanh, hoặc ở sự tái sanh, hoặc ở sự tiếp nối tái sanh, hoặc ở kiếp sống, hoặc ở luân hồi, hoặc ở sự luân chuyển, không thể sanh ra, không thể sanh khởi, không thể hạ sanh, không thể phát sanh, có thể được diệt tận ở ngay tại nơi đây, có thể vắng lặng, có thể đi đến sự tiêu hoại, có thể tịch tịnh.

"Ngươi hãy từ bỏ sắc để không còn sanh ra lần nữa" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: "Này Piṅgiya]
Sau khi nhìn thấy những người bị hãm hại do duyên các sắc,
Những người xao lãng bị khổ sở do duyên các sắc,
Vì thế, ngươi, này Piṅgiya, là người không xao lãng,
Ngươi hãy từ bỏ sắc để không còn sanh ra lần nữa."

16.3. *Bốn hướng chính, bốn hướng phụ, bên trên, bên dưới, đây là mười phương. Đối với Ngài, không có bất cứ điều gì ở thế gian là không được thấy, không được nghe, không được cảm giác và không được nhận thức [bởi Ngài]. Xin Ngài hãy chỉ dạy về giáo pháp để con có thể nhận thức sự lìa bỏ đối với sanh và già ở nơi đây.*

Bốn hướng chính, bốn hướng phụ, bên trên, bên dưới, đây là mười phương: Là mười phương hướng.

Đối với Ngài, không có bất cứ điều gì ở thế gian là không được thấy,

không được nghe, không được cảm giác và không được nhận thức [bởi Ngài]: Đối với Ngài, bất cứ điều gì không được thấy, không được nghe, không được cảm giác, không được nhận thức [bởi Ngài], "dầu là lợi ích cho bản thân hay lợi ích cho người khác hoặc lợi ích cho cả hai, lợi ích liên quan đời này hay lợi ích liên quan đời sau, lợi ích hời hợt hay lợi ích thâm sâu, lợi ích được giấu kín hay lợi ích được che đậy, lợi ích tiềm tàng hoặc lợi ích hiển hiện, lợi ích có tội lỗi hay lợi ích không ô nhiễm, lợi ích trong trắng hay lợi ích là lợi ích tối thượng", là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại.

"Đối với Ngài, không có bất cứ điều gì ở thế gian là không được thấy, không được nghe, không được cảm giác và không được nhận thức" là như thế.

Xin Ngài hãy chỉ dạy về giáo pháp để con có thể nhận thức.

Giáo pháp: Xin Ngài hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ toàn hảo ở đoạn đầu,... (nt)... Niết-bàn, và sự thực hành đưa đến Niết-bàn.

Để con có thể nhận thức: Để con có thể biết, có thể hiểu, có thể nhận thức, có thể thừa nhận, có thể thấu triệt, có thể chứng đắc, có thể nhìn thấy, có thể chứng ngộ.

"Xin Ngài hãy chỉ dạy về giáo pháp để con có thể nhận thức" là như thế.

Sự lìa bỏ đối với sanh và già ở nơi đây: Sự dứt bỏ đối với sanh-già-chết ngay ở nơi đây là sự vắng lặng, sự buông bỏ, sự tịch tịnh, bất tử, Niết-bàn.

"Sự lìa bỏ đối với sanh và già ở nơi đây" là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

"Bốn hướng chính, bốn hướng phụ, bên trên, bên dưới, đây là mười phương. Đối với Ngài, không có bất cứ điều gì ở thế gian là không được thấy, không được nghe, không được cảm giác và không được nhận thức [bởi Ngài]. Xin Ngài hãy chỉ dạy về giáo pháp để con có thể nhận thức sự lìa bỏ đối với sanh và già ở nơi đây."

16.4. *[Đức Thế Tôn nói: "Này Piṅgiya]*
Trong khi xem xét những con người bị ngự trị bởi tham ái,
Bị sanh khởi bực bội, bị chế ngự bởi già;
Vì thế, ngươi, này Piṅgiya, là người không xao lãng,
Ngươi hãy từ bỏ tham ái để không còn sanh ra lần nữa."

Trong khi xem xét những con người bị ngự trị bởi tham ái.

Tham ái: Tham ái cảnh sắc,... (nt)... tham ái cảnh pháp.

Bị ngự trị bởi tham ái: [Những người] bị ngự trị bởi tham ái là [những người] đi cùng tham ái, đi theo tham ái, đeo đuổi tham ái, bị chìm đắm trong tham ái, bị xâm chiếm, bị thống trị, có tâm bị khuất phục.

Những người: Là từ nói đến các chúng sanh.

Trong khi xem xét: Trong khi xem xét là trong khi nhận thấy, trong khi quan sát, trong khi suy xét, trong khi khảo sát.

"Trong khi xem xét những con người bị ngự trị bởi tham ái" là như thế.

Đức Thế Tôn nói: Này Piṅgiya.

Piṅgiya: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính… (nt)… sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "đức Thế Tôn."

"Đức Thế Tôn nói: Này Piṅgiya" là như thế.

Bị sanh khởi bực bội, bị chế ngự bởi già.

Bị sanh khởi bực bội: Bị sanh khởi bực bội bởi sanh, bị sanh khởi bực bội bởi già, bị sanh khởi bực bội bởi bệnh, bị sanh khởi bực bội bởi chết, bị sanh khởi bực bội bởi sầu-bi-khổ-ưu-não, bị sanh khởi bực bội bởi khổ ở địa ngục… (nt)… bị sanh khởi bực bội bởi khổ do sự tổn hại về kiến thức, bị sanh khởi tai họa, bị sanh khởi bất hạnh, bị sanh khởi nguy cơ. "Bị sanh khởi bực bội" là như thế.

Bị chế ngự bởi già: Bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi già, bị theo sau bởi sanh, bị đeo đuổi bởi già, bị thống trị bởi bệnh, bị hành hạ bởi chết, không nơi nương tựa, không nơi trú ẩn, không nơi nương nhờ, có trạng thái không nơi nương nhờ.

"Bị sanh khởi bực bội, bị chế ngự bởi già" là như thế.

Vì thế, ngươi, này Piṅgiya, là người không xao lãng.

Vì thế: Vì thế là bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy, trong khi nhìn thấy rõ sự bất lợi như vậy ở tham ái. "Vì thế, ngươi, này Piṅgiya" là như thế.

Không xao lãng: Là có sự thực hành nghiêm trang,… (nt)… sự không xao lãng trong các thiện pháp.

"Vì thế, ngươi, này Piṅgiya, là người không xao lãng" là như thế.

Ngươi hãy từ bỏ tham ái để không còn sanh ra lần nữa.

Tham ái: Tham ái cảnh sắc,… (nt)… tham ái cảnh pháp.

Hãy từ bỏ tham ái: Hãy từ bỏ tham ái, hãy dứt bỏ tham ái, hãy xua đi tham ái, hãy làm chấm dứt tham ái, hãy làm cho không còn hiện hữu tham ái.

Để không còn sanh ra lần nữa: Giống như đối với ngươi,… (nt)… sự hiện hữu liên quan đến việc tái sanh lại nữa không thể hạ sanh; không thể sanh ra, không thể sanh khởi, không thể hạ sanh, không thể phát sanh ở dục giới, hoặc ở sắc giới, hoặc ở vô sắc giới, hoặc ở cõi dục, hoặc ở cõi sắc, hoặc ở cõi vô sắc, hoặc ở cõi hữu tưởng, hoặc ở cõi vô tưởng, hoặc ở cõi phi tưởng phi phi tưởng, hoặc ở cõi một uẩn, hoặc ở cõi bốn uẩn, hoặc ở cõi năm uẩn, hoặc ở cảnh giới tái sanh, hoặc ở sự tái sanh, hoặc ở sự tiếp nối tái sanh, hoặc ở kiếp sống, hoặc

ở luân hồi, hoặc ở sự luân chuyển, có thể được diệt tận ở ngay tại nơi đây, có thể vắng lặng, có thể đi đến sự tiêu hoại, có thể tịch tịnh.

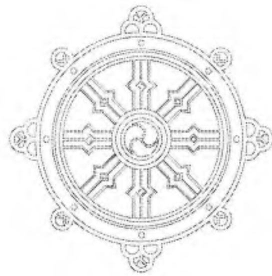
"Ngươi hãy từ bỏ tham ái để không còn sanh ra lần nữa" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: "Này Piṅgiya]
Trong khi xem xét những con người bị ngự trị bởi tham ái,
Bị sanh khởi bực bội, bị chế ngự bởi già;
Vì thế, ngươi, này Piṅgiya, là người không xao lãng,
Ngươi hãy từ bỏ tham ái để không còn sanh ra lần nữa."

Cùng với lúc kết thúc câu kệ ngôn, Pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến nhiều ngàn sinh mạng là những người có cùng sự mong muốn, có cùng sự thực hành, có cùng chủ tâm, có cùng sự huân tập thành thói quen [trong quá khứ] với vị Bà-la-môn ấy, rằng: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt." Pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến vị Bà-la-môn ấy rằng: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt." Cùng với việc đạt được Pháp nhãn, áo choàng da dê, tóc bện, y phục vỏ cây, gậy chống ba chân, bình nước, tóc và râu đều biến mất. Vị ấy trở thành vị Tỳ-khưu có đầu cạo, mặc y phục vải màu ca-sa, mang y hai lớp, bình bát và y, bằng hành động thuận theo đạo lý, đã ngồi xuống, chắp tay lên, cúi lạy đức Thế Tôn [nói rằng]: "Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử."

"Diễn giải kinh Piṅgiya" được hoàn tất.



17. DIỄN GIẢI PHẦN TƯỜNG THUẬT VỀ ĐƯỜNG ĐI ĐẾN BỜ KIA
(*PĀRĀYANĀNUGĪTINIDDESO*)

** *Đức Thế Tôn đã nói điều này trong lúc cư ngụ ở xứ sở Magadha tại bảo điện Pāsāṇaka. Được yêu cầu bởi mười sáu vị Bà-la-môn tùy tùng, Ngài đã giải đáp câu hỏi mỗi khi được hỏi.*

Đức Thế Tôn đã nói điều này: Ngài đã nói về *Kinh Đường đi đến bờ kia* này.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "đức Thế Tôn."

"Đức Thế Tôn đã nói điều này" là như thế.

Trong lúc cư ngụ ở xứ sở Magadha tại bảo điện Pāsāṇaka.

Ở xứ sở Magadha: Ở xứ sở có tên Magadha.

Trong lúc cư ngụ: Trong lúc sống, trong lúc trú ngụ, trong lúc sinh hoạt, trong lúc vận hành, trong lúc bảo hộ, trong lúc nuôi dưỡng, trong lúc bảo dưỡng.

Tại bảo điện Pāsāṇaka: Nói đến chỗ ngồi của đức Phật tại bảo điện Pāsāṇaka.

"Trong lúc cư ngụ ở xứ sở Magadha tại bảo điện Pāsāṇaka" là như thế.

Bởi mười sáu vị Bà-la-môn tùy tùng: Bà-la-môn Piṅgiya là người hầu hạ, người theo hầu, người hầu cận, học trò của Bà-la-môn Bāvari. Các vị ấy với vị Piṅgiya là mười sáu. "Bởi mười sáu vị Bà-la-môn tùy tùng" là như vậy. Hoặc là, mười sáu vị Bà-la-môn ấy là người hầu hạ, người theo hầu, người hầu cận, học trò của đức Phật Thế Tôn.

"Bởi mười sáu vị Bà-la-môn tùy tùng" còn là như vậy.

Được yêu cầu, Ngài đã giải đáp câu hỏi mỗi khi được hỏi.

Được yêu cầu: Được yêu cầu là được thỉnh cầu.

Mỗi khi được hỏi: Mỗi khi được hỏi, mỗi khi được vấn, mỗi khi được yêu cầu, mỗi khi được thỉnh cầu, mỗi khi được đặt niềm tin.

Ngài đã giải đáp câu hỏi: Ngài đã giải đáp câu hỏi, đã chỉ dạy, đã chỉ bảo, đã thông báo, đã ấn định, đã khai mở, đã chia sẻ, đã làm rõ, đã bày tỏ.

"Được yêu cầu, Ngài đã giải đáp câu hỏi mỗi khi được hỏi" là như thế.

Vì thế, điều này được nói đến:

"Đức Thế Tôn đã nói điều này trong lúc cư ngụ ở xứ sở Magadha tại bảo điện Pāsāṇaka. Được yêu cầu bởi mười sáu vị Bà-la-môn tùy tùng, Ngài đã giải đáp câu hỏi mỗi khi được hỏi."

** *Nếu đối với từng câu hỏi một, sau khi hiểu thông ý nghĩa, sau khi hiểu thông giáo pháp thì có thể thực hành đúng pháp và thuận pháp, và còn có thể đi đến bờ kia của già và chết. Các pháp này là sẽ đi đến bờ kia, vì thế, tên gọi của bài giảng pháp này là Đường đi đến bờ kia.*

Nếu đối với từng câu hỏi một: Nếu đối với từng câu hỏi một của Ajita, nếu đối với từng câu hỏi một của Tissametteyya, nếu đối với từng câu hỏi một của Puṇṇaka, nếu đối với từng câu hỏi một của Mettagū, nếu đối với từng câu hỏi một của Dhotaka, nếu đối với từng câu hỏi một của Upasīva, nếu đối với từng câu hỏi một của Nandaka, nếu đối với từng câu hỏi một của Hemaka, nếu đối với từng câu hỏi một của Todeyya, nếu đối với từng câu hỏi một của Kappa, nếu đối với từng câu hỏi một của Jatukaṇṇī, nếu đối với từng câu hỏi một của Bhadrāvudha, nếu đối với từng câu hỏi một của Udaya, nếu đối với từng câu hỏi một của Posāla, nếu đối với từng câu hỏi một của Mogharāja, nếu đối với từng câu hỏi một của Piṅgiya.

"Nếu đối với từng câu hỏi một" là như thế.

Sau khi hiểu thông ý nghĩa, sau khi hiểu thông giáo pháp: Chính câu hỏi ấy là giáo pháp, câu trả lời là ý nghĩa.

Sau khi hiểu thông ý nghĩa: Sau khi hiểu thông, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt ý nghĩa. "Sau khi hiểu thông ý nghĩa" là như thế.

Sau khi hiểu thông giáo pháp: Sau khi hiểu thông, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt giáo pháp.

"Sau khi hiểu thông ý nghĩa, sau khi hiểu thông giáo pháp" là như thế.

Thì có thể thực hành đúng pháp và thuận pháp: Thì có thể thực hành sự thực hành đúng đắn, sự thực hành phù hợp, sự thực hành không trái ngược, sự thực hành đưa đến lợi ích, sự thực hành đúng pháp và thuận pháp.

"Thì có thể thực hành đúng pháp và thuận pháp" là như thế.

Và còn có thể đi đến bờ kia của già và chết: Bờ kia của già và chết nói đến bất tử, Niết-bàn, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn.

Và còn có thể đi đến bờ kia của già và chết: Có thể đi đến bờ kia, có thể chứng đắc bờ kia, có thể chạm đến bờ kia, có thể chứng ngộ bờ kia của già và chết.

"Và còn có thể đi đến bờ kia của già và chết" là như thế.

Các pháp này là sẽ đi đến bờ kia: Các pháp này là sẽ đi đến bờ kia, giúp

cho đạt được bờ kia, giúp cho hoàn toàn đạt được bờ kia, giúp cho hoàn toàn đạt đến được bờ kia, vận hành đưa đến việc vượt qua già và chết.

"Các pháp này là sẽ đi đến bờ kia" là như thế.

Vì thế, [tên gọi] của bài giảng pháp này.

Vì thế: Vì thế là bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy. "Vì thế" là như thế.

Của bài giảng pháp này: Là của bài giảng *Đường đi đến bờ kia* này.

"Vì thế, [tên gọi] của bài giảng pháp này" là như thế.

Tên gọi [của bài giảng pháp này] là *Đường đi đến bờ kia*: Bờ kia nói đến bất tử, Niết-bàn… (nt)… sự tịch diệt, Niết-bàn. Đường đi đến nói đến đạo lộ, tức là chánh kiến… (nt)… chánh định.

Tên gọi: Là sự ấn định, sự chỉ định, sự quy định, sự diễn tả, tên gọi, sự đặt tên, sự định danh, từ mô tả, tên hiệu, từ kêu gọi.

"Tên gọi [của bài giảng pháp này] là *Đường đi đến bờ kia*" là như thế.

Vì thế, điều này được nói đến:

"Nếu đối với từng câu hỏi một, sau khi hiểu thông ý nghĩa, sau khi hiểu thông giáo pháp thì có thể thực hành đúng pháp và thuận pháp, và còn có thể đi đến bờ kia của già và chết. Các pháp này là sẽ đi đến bờ kia, vì thế, tên gọi của bài giảng pháp này là 'Đường đi đến bờ kia.'"

1-2-3.

1. *Vị Ajita, vị Tissametteyya, vị Puṇṇaka, rồi vị Mettagū,*
   Vị Dhotaka, và vị Upasīva, vị Nanda, rồi vị Hemaka.
2. *Cả hai vị là vị Todeyya với vị Kappa và vị sáng suốt Jatukaṇṇī,*
   Vị Bhadrāvudha và vị Udaya, luôn cả Bà-la-môn Posāla,
   Vị thông minh Mogharāja và vị Đại Ẩn sĩ Piṅgiya.
3. *Những vị này đã đi đến gặp đức Phật, bậc Ẩn Sĩ có đức hạnh đầy đủ.*
   Trong khi hỏi các câu hỏi vi tế, họ đã đến gần đức Phật tối thượng.

Những vị này đã đi đến gặp đức Phật.

Những vị này: Mười sáu vị Bà-la-môn sẽ đi đến bờ kia.

Đức Phật: Vị ấy là đức Thế Tôn, đấng Tự Chủ, vị không có thầy, đã tự mình giác ngộ hoàn toàn các sự thật về các pháp chưa từng được nghe trước đây. Ngài đã đạt được trạng thái toàn tri về các pháp ấy và đã đạt được bản thể năng lực về các lực.

Đức Phật: Với ý nghĩa gì là đức Phật? "Vị đã giác ngộ các chân lý" là đức Phật. "Vị đã giúp cho chúng sanh giác ngộ" là đức Phật. Do trạng thái toàn tri là đức Phật. Do trạng thái nhìn thấy tất cả là đức Phật. Do trạng thái không bị người khác dẫn dắt là đức Phật. Do trạng thái nở rộ [các đức hạnh] là đức Phật.

Do được công nhận đã cạn kiệt các lậu hoặc là đức Phật. Do được công nhận không có tùy phiền não là đức Phật. "Vị có luyến ái đã được xa lìa hoàn toàn" là đức Phật. "Vị có sân hận đã được xa lìa hoàn toàn" là đức Phật. "Vị có si mê đã được xa lìa hoàn toàn" là đức Phật. "Vị hoàn toàn không còn ô nhiễm" là đức Phật. "Vị đã đi con đường độc đạo" là đức Phật. "Vị độc nhất đã giác ngộ quả vị Chánh đẳng giác vô thượng" là đức Phật. Do trạng thái đã phá tan sự không giác ngộ là đức Phật. Do việc đạt được sự giác ngộ là đức Phật.

Đức Phật: Tên gọi này không do mẹ tạo ra, không do cha tạo ra, không do anh [em] trai tạo ra, không do chị [em] gái tạo ra, không do bạn bè hoặc thân hữu tạo ra, không do các thân quyến và những người cùng huyết thống tạo ra, không do các Sa-môn hoặc Bà-la-môn tạo ra, không do chư thiên tạo ra. Sự tận cùng của giải thoát này là sự quy định thuộc về chư Phật Thế Tôn do sự đạt được, do sự chứng ngộ trí Toàn tri ở cội cây Bồ-đề, tức là "đức Phật."

Những vị này đã đi đến gặp đức Phật: Những vị này đã đi đến gặp đức Phật, đã đi đến gần, đã ngồi gần, đã vấn, đã hỏi.

"Những vị này đã đi đến gặp đức Phật" là như thế.

Bậc Ẩn Sĩ có đức hạnh đầy đủ.

Đức hạnh: Nói đến việc đạt được sự toàn hảo về giới, sự thu thúc về giới cũng là đức hạnh, sự thu thúc về các quyền cũng là đức hạnh, việc biết chừng mực về vật thực cũng là đức hạnh, sự luyện tập về tỉnh thức cũng là đức hạnh, bảy đức tính tốt cũng là đức hạnh,[1] bốn thiền cũng là đức hạnh.

Có đức hạnh đầy đủ: Có đức hạnh đầy đủ là có đức hạnh hạng nhất, có đức hạnh thù thắng, có đức hạnh dẫn đầu, có đức hạnh tối thượng, có đức hạnh cao quý.

Bậc Ẩn Sĩ: Bậc Ẩn Sĩ là [nói đến] đức Thế Tôn. "Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu giới uẩn lớn lao" là bậc Ẩn Sĩ. ... (nt)... "Vị được tầm cầu, được tìm tòi, được tìm kiếm bởi các chúng sanh có uy lực lớn lao [hỏi rằng]: Đức Phật ngự ở đâu? Đức Thế Tôn ngự ở đâu? Chúa của chư thiên ngự ở đâu? Đấng Nhân Ngưu ngự ở đâu?" là bậc Ẩn Sĩ.

"Bậc Ẩn Sĩ có đức hạnh đầy đủ" là như thế.

Trong khi hỏi các câu hỏi vi tế.

Trong khi hỏi: Trong khi hỏi là trong khi yêu cầu, trong khi thỉnh cầu, trong khi đặt niềm tin.

Các câu hỏi vi tế: Các câu hỏi thâm sâu, khó nhận ra, khó hiểu biết, an tịnh, tuyệt vời, không thuộc phạm vi suy nghĩ, vi tế, có thể hiểu được bởi những bậc sáng suốt.

---

[1] Bảy đức tính tốt (*sattasaddhammā*): Là có đức tin, có sự hổ thẹn (tội lỗi), có sự ghê sợ (tội lỗi), nghe nhiều, có sự tinh tấn đã được phát khởi, có niệm đã được thiết lập, có trí tuệ (*Tạng Luật*, *Parivāra* (*Tập yếu*) II, *TTPV*, tập 9, trang 73). (ND)

"Trong khi hỏi các câu hỏi vi tế" là như thế.

Họ đã đến gần đức Phật tối thượng.

Đức Phật: Vị ấy là đức Thế Tôn,… (nt)… sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "đức Phật."

Tối thượng: Đức Phật tối thượng là cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý.

Đã đến gần: Họ đã đi đến, đã đi đến gần, đã ngồi gần, đã vấn, đã hỏi.

"Họ đã đến gần đức Phật tối thượng" là như thế.

Vì thế, điều này được nói đến:

"Những vị này đã đi đến gặp đức Phật, bậc Ẩn Sĩ có đức hạnh đầy đủ. Trong khi hỏi các câu hỏi vi tế, họ đã đến gần đức Phật tối thượng."

4. *Được hỏi những câu hỏi, đức Phật đã giải đáp cho các vị ấy đúng theo sự thật. Với việc giải đáp các câu hỏi, bậc Hiền trí đã làm hài lòng các vị Bà-la-môn.*

Đức Phật đã giải đáp cho các vị ấy.

Cho các vị ấy: Cho mười sáu vị Bà-la-môn sẽ đi đến bờ kia.

Đức Phật: Vị ấy là đức Thế Tôn,… (nt)… sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "đức Phật."

Đã giải đáp: Đức Phật đã giải đáp cho các vị ấy, đã chỉ dạy, đã chỉ bảo, đã thông báo, đã ấn định, đã khai mở, đã chia sẻ, đã làm rõ, đã bày tỏ.

"Đức Phật đã giải đáp cho các vị ấy" là như thế.

Được hỏi những câu hỏi... đúng theo sự thật.

Được hỏi những câu hỏi: Được hỏi những câu hỏi, được vấn, được yêu cầu, được thỉnh cầu, được đặt niềm tin.

Đúng theo sự thật: Nên chỉ dạy thế nào thì đã chỉ dạy thế ấy, nên chỉ bảo thế nào thì đã chỉ bảo thế ấy, nên thông báo thế nào thì đã thông báo thế ấy, nên ấn định thế nào thì đã ấn định thế ấy, nên khai mở thế nào thì đã khai mở thế ấy, nên chia sẻ thế nào thì đã chia sẻ thế ấy, nên làm rõ thế nào thì đã làm rõ thế ấy, nên bày tỏ thế nào thì đã bày tỏ thế ấy.

"Được hỏi những câu hỏi... đúng theo sự thật" là như thế.

Với việc giải đáp các câu hỏi: Với việc giải đáp, với việc chỉ dạy, với việc chỉ bảo, với việc thông báo, với việc ấn định, với việc khai mở, với việc chia sẻ, với việc làm rõ, với việc bày tỏ các câu hỏi.

"Với việc giải đáp các câu hỏi" là như thế.

Bậc Hiền trí đã làm hài lòng các vị Bà-la-môn.

Đã làm hài lòng: Đã làm hài lòng, đã làm vô cùng hài lòng, đã làm tin tưởng, đã làm vừa lòng, đã làm hoan hỷ.

Các vị Bà-la-môn: Mười sáu vị Bà-la-môn sẽ đi đến bờ kia.

Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí,... (nt)... đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là bậc Hiền trí.

"Bậc Hiền trí đã làm hài lòng các vị Bà-la-môn" là như thế.

Vì thế, điều này được nói đến:

"Được hỏi những câu hỏi, đức Phật đã giải đáp cho các vị ấy đúng theo sự thật. Với việc giải đáp các câu hỏi, bậc Hiền trí đã làm hài lòng các vị Bà-la-môn."

5. *Các vị ấy được hài lòng với bậc Hữu Nhãn, đức Phật, đấng Quyến Thuộc Của Mặt Trời, đã thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của bậc có tuệ cao quý.*

Các vị ấy, được hài lòng với bậc Hữu Nhãn.

Các vị ấy: Mười sáu vị Bà-la-môn sẽ đi đến bờ kia.

Được hài lòng: Được hài lòng, được vô cùng hài lòng, được tin tưởng, được vừa lòng, được hoan hỷ. "Các vị ấy, được hài lòng" là như thế.

Với bậc Hữu Nhãn: Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhãn với năm loại nhãn (con mắt): Bậc Hữu Nhãn với nhục nhãn, bậc Hữu Nhãn với thiên nhãn, bậc Hữu Nhãn với tuệ nhãn, bậc Hữu Nhãn với Phật nhãn, bậc Hữu Nhãn với toàn nhãn. Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhãn với nhục nhãn nghĩa là thế nào?... (nt)... Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhãn với toàn nhãn nghĩa là như vậy.

"Các vị ấy, được hài lòng với bậc Hữu Nhãn" là như thế.

Với đức Phật, đấng Quyến Thuộc Của Mặt Trời.

Đức Phật: Vị ấy là đức Thế Tôn,... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "đức Phật."

[Với] đấng Quyến Thuộc Của Mặt Trời: Mặt trời nói đến Thái Dương. Thái Dương là Gotama theo dòng tộc, đức Thế Tôn cũng là Gotama theo dòng tộc. Đức Thế Tôn là bà con trong dòng tộc, là quyến thuộc trong dòng tộc của Thái Dương; vì thế, đức Phật là quyến thuộc của mặt trời.

"Với đức Phật, đấng Quyến Thuộc Của Mặt Trời" là như thế.

Các vị đã thực hành Phạm hạnh: Phạm hạnh nói đến sự kiêng cữ, sự xa lánh, sự kiềm chế, sự tránh xa, sự chừa bỏ, sự không làm, sự không hành động, sự không vi phạm, sự không vượt qua lằn ranh, sự phá hủy cây cầu đối với việc đạt đến các pháp thấp kém. Thêm nữa, theo cách không vòng vo, Phạm hạnh nói đến đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, tức là: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Các vị đã thực hành Phạm hạnh: Các vị đã thực hành Phạm hạnh, các vị đã tiến hành sau khi thọ trì.

"Các vị đã thực hành Phạm hạnh" là như thế.

Trong sự hiện diện của bậc có tuệ cao quý: Của bậc có tuệ cao quý, của bậc có tuệ cao cả, của bậc có tuệ hạng nhất, của bậc có tuệ thù thắng, của bậc có tuệ dẫn đầu, của bậc có tuệ tối thượng, của bậc có tuệ cao thượng.

Trong sự hiện diện: Trong sự hiện diện là ở xung quanh, ở tại chỗ ngồi, ở không xa, ở kế bên.

"Trong sự hiện diện của bậc có tuệ cao quý" là như thế.

Vì thế, điều này được nói đến:

"Các vị ấy được hài lòng với bậc Hữu Nhãn, đức Phật, đấng Quyến Thuộc Của Mặt Trời, đã thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của bậc có tuệ cao quý."

6. *Theo như điều đã được chỉ bảo bởi đức Phật đối với từng câu hỏi một, người nào thực hành theo như thế thì có thể từ bờ bên này đi đến bờ kia.*

Đối với từng câu hỏi một: Đối với mỗi một câu hỏi của Ajita, đối với mỗi một câu hỏi của Tissametteyya,... (nt)... đối với mỗi một câu hỏi của Piṅgiya.

"Đối với từng câu hỏi một" là như thế.

Theo như điều đã được chỉ bảo bởi đức Phật.

Đức Phật: Vị ấy là đức Thế Tôn, đấng Tự Chủ,... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "đức Phật."

Theo như điều đã được chỉ bảo bởi đức Phật: Theo như điều đã được chỉ dạy, đã được chỉ bảo, đã được thông báo, đã được ấn định, đã được khai mở, đã được chia sẻ, đã được làm rõ, đã được bày tỏ bởi đức Phật.

"Theo như điều đã được chỉ bảo bởi đức Phật" là như thế.

Người nào thực hành theo như thế: Có thể thực hành sự thực hành đúng đắn, sự thực hành phù hợp, sự thực hành không trái ngược, sự thực hành đưa đến lợi ích, sự thực hành đúng pháp và thuận pháp.

"Người nào thực hành theo như thế" là như thế.

Thì có thể từ bờ bên này đi đến bờ kia: Bờ kia nói đến bất tử, Niết-bàn,... (nt)... sự diệt tận, Niết-bàn. Bờ bên này nói đến các ô nhiễm, các uẩn và các sự tạo tác.

Thì có thể từ bờ bên này đi đến bờ kia: Từ bờ bên này có thể đi đến bờ kia, có thể chứng đắc bờ kia, có thể chạm đến bờ kia, có thể chứng ngộ bờ kia.

"Thì có thể từ bờ bên này đi đến bờ kia" là như thế.

Vì thế, điều này được nói đến:

"Theo như điều đã được chỉ bảo bởi đức Phật đối với từng câu hỏi một, người nào thực hành theo như thế thì có thể từ bờ bên này đi đến bờ kia."

7. *Người tu tập đạo lộ tối thượng có thể từ bờ bên này đi đến bờ kia. Đạo lộ ấy đưa đến việc đi đến bờ kia, vì thế gọi là Đường đi đến bờ kia.*

Có thể từ bờ bên này đi đến bờ kia: Bờ bên này nói đến các ô nhiễm, các uẩn, và các sự tạo tác. Bờ kia nói đến bất tử, Niết-bàn,... (nt)... sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn.

Có thể từ bờ bên này đi đến bờ kia: Từ bờ bên này có thể đi đến bờ kia, có thể chứng đắc bờ kia, có thể chạm đến bờ kia, có thể chứng ngộ bờ kia.

"Có thể từ bờ bên này đi đến bờ kia" là như thế.

Người tu tập đạo lộ tối thượng: Đạo lộ tối thượng nói đến đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, tức là: Chánh kiến... (nt)... chánh định.

Đạo lộ tối thượng: Là đạo lộ cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý.

Người tu tập: Người đang tu tập, đang tập luyện, đang làm thường xuyên.

"Người tu tập đạo lộ tối thượng" là như thế.

Đạo lộ ấy đưa đến việc đi đến bờ kia:

"Đạo lộ, đường lộ, lộ trình, con lộ, con đường, lối đi, đường đi,

Chiếc thuyền, cây cầu để vượt qua, chiếc bè, chiếc phao, ngõ đi qua."

Đưa đến việc đi đến bờ kia: Đưa đến việc đi đến bờ kia là đưa đến việc hoàn toàn đạt được bờ kia, đưa đến việc hoàn toàn đạt đến được bờ kia, đưa đến việc vượt qua già và chết.

"Đạo lộ ấy đưa đến việc đi đến bờ kia" là như thế.

Vì thế gọi là "*Đường đi đến bờ kia.*"

Vì thế: Vì thế là bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy. Bờ kia nói đến bất tử, Niết-bàn... (nt)... sự tịch diệt, Niết-bàn. Đường đi đến nói đến đạo lộ.

Gọi là: Từ "*iti*" này là sự nối liền các câu văn,... (nt)... tính chất tuần tự của các câu văn.

"Vì thế gọi là '*Đường đi đến bờ kia*'" là như thế.

Vì thế, điều này được nói đến:

"Người tu tập đạo lộ tối thượng có thể từ bờ bên này đi đến bờ kia. Đạo lộ ấy đưa đến việc đi đến bờ kia, vì thế gọi là 'Đường đi đến bờ kia.'"

8. *[Tôn giả Piṅgiya nói rằng:] "Tôi sẽ tường thuật Kinh Đường đi đến bờ kia.*[2] *Bậc không có vết nhơ, có sự thông minh bao la, không còn dục, đã ra khỏi rừng [ô nhiễm]; bậc Long Tượng đã thấy như thế nào, Ngài đã nói ra như thế ấy. Nguyên nhân của việc gì khiến Ngài lại nói lời dối trá?"*

Tôi sẽ tường thuật *Kinh Đường đi đến bờ kia*: Tôi sẽ tường thuật bài kệ,

[2] Xem chú thích 4 ở trang 447. (ND)

tôi sẽ thuyết giảng lại điều đã được thuyết giảng, tôi sẽ nói đến điều đã được nói đến, tôi sẽ nói ra điều đã được nói ra, tôi sẽ phát ngôn điều đã được phát ngôn.

"Tôi sẽ tường thuật *Kinh Đường đi đến bờ kia*" là như thế.

Tôn giả Piṅgiya nói rằng.

Rằng: Từ "*icca*" này là sự nối liền các câu văn,... (nt)... tính chất tuần tự của các câu văn.

Tôn giả: Từ "*āyasmā*" này là lời nói yêu mến, lời nói kính trọng, lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng.

Piṅgiya: Là tên của vị Trưởng lão ấy, là sự ấn định, sự chỉ định, sự quy định, sự diễn tả, tên gọi, sự đặt tên, sự định danh, từ mô tả, tên hiệu, từ kêu gọi.

"Tôn giả Piṅgiya nói rằng" là như thế.

Đã thấy như thế nào, Ngài đã nói ra như thế ấy: Đã thấy như thế nào, Ngài đã nói ra, đã chỉ dạy, đã chỉ bảo, đã thông báo, đã ấn định, đã khai mở, đã chia sẻ, đã làm rõ, đã bày tỏ như thế ấy. Đã thấy "tất cả các hành là vô thường" như thế nào, Ngài đã nói ra, đã chỉ dạy, đã chỉ bảo, đã thông báo, đã ấn định, đã khai mở, đã chia sẻ, đã làm rõ, đã bày tỏ như thế ấy. Đã thấy "tất cả các hành là khổ"... (nt)... "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt" như thế nào, Ngài đã nói ra, đã chỉ dạy, đã chỉ bảo, đã thông báo, đã ấn định, đã khai mở, đã chia sẻ, đã làm rõ, đã bày tỏ như thế ấy.

"Đã thấy như thế nào, Ngài đã nói ra như thế ấy" là như thế.

Bậc không có vết nhơ, có sự thông minh bao la.

Bậc không có vết nhơ: Luyến ái là vết nhơ, sân hận là vết nhơ, si mê là vết nhơ, giận dữ..., thù hằn... (nt)... tất cả các pháp tạo tác bất thiện là các vết nhơ. Đối với đức Phật Thế Tôn, các vết nhơ ấy đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế, đức Phật là bậc không xao động, không có vết nhơ, không còn vết nhơ, đã rời xa vết nhơ, đã dứt bỏ hẳn vết nhơ, đã được thoát khỏi vết nhơ, đã vượt qua khỏi tất cả vết nhơ.

Bao la: Nói đến trái đất. Đức Thế Tôn đã thành tựu tuệ ấy, [là tuệ] bao la, trải rộng, sánh bằng trái đất.

Thông minh: Nói đến tuệ; tuệ là sự nhận biết,... (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến. Đức Thế Tôn đã tiến đến, đã tiến gần, đã đi đến gần, đã tiến đến gần, đã đạt đến, đã tròn đủ, đã thành tựu tuệ thông minh này; vì thế, đức Phật vô cùng thông minh.

"Bậc không có vết nhơ, có sự thông minh bao la" là như thế.

Không còn dục, đã ra khỏi rừng [ô nhiễm], bậc Long Tượng.

Dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là ô nhiễm dục. Đối với đức Phật Thế Tôn, các vật dục đã được biết toàn diện, các

ô nhiễm dục đã được dứt bỏ. Do trạng thái đã được biết toàn diện đối với các vật dục, do trạng thái đã được dứt bỏ đối với các ô nhiễm dục, đức Thế Tôn không ham muốn các dục, không ước muốn các dục, không ước nguyện các dục, không mong cầu các dục, không nguyện cầu các dục. Những người nào ham muốn các dục, ước muốn các dục, ước nguyện các dục, mong cầu các dục, nguyện cầu các dục, những người ấy có sự ham muốn các dục, có sự luyến ái với ái dục, có sự suy tưởng đến tưởng [về dục]. Đức Thế Tôn không ham muốn các dục, không ước muốn các dục, không ước nguyện các dục, không mong cầu các dục, không nguyện cầu các dục; vì thế, đức Phật không có dục,[3] không còn dục, có dục đã được từ bỏ, có dục đã được tẩy trừ, có dục đã được giải thoát, có dục đã được dứt bỏ, có dục đã được buông bỏ, có luyến ái đã được xa lìa, có luyến ái đã được tách lìa, có luyến ái đã được từ bỏ, có luyến ái đã được tẩy trừ, có luyến ái đã được giải thoát, có luyến ái đã được dứt bỏ, có luyến ái đã được buông bỏ, đã không còn khao khát, đã được tịch diệt, có trạng thái mát mẻ, có sự cảm thọ lạc, sống với trạng thái cao thượng tự thân. "Không còn dục" là như thế.

Đã ra khỏi rừng [ô nhiễm]: Luyến ái là rừng, sân hận là rừng, si mê là rừng, giận dữ là rừng, thù hằn là rừng,... (nt)... tất cả các pháp tạo tác bất thiện là các rừng. Đối với đức Phật Thế Tôn, các rừng ấy đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai. Vì thế, đức Phật là bậc không có rừng, lìa khỏi rừng, không còn rừng, đã rời xa rừng, đã dứt bỏ hẳn rừng, đã được thoát khỏi rừng, đã vượt qua khỏi tất cả rừng. "Đã ra khỏi rừng [ô nhiễm]" là như thế.

Bậc Long Tượng: Bậc Long Tượng là [nói đến] đức Thế Tôn. "Vị không làm điều tội lỗi" là bậc Long Tượng, "vị không đi đến" là bậc Long Tượng, "vị không trở về" là bậc Long Tượng. ... (nt)... "Đức Thế Tôn không trở về" là bậc Long Tượng nghĩa là như vậy.

"Không còn dục, đã ra khỏi rừng [ô nhiễm], bậc Long Tượng" là như thế.

Nguyên nhân của việc gì khiến Ngài lại nói lời dối trá?

Nguyên nhân của việc gì: Nguyên nhân của việc gì là bởi nguyên nhân gì, bởi lý do gì, bởi căn nguyên gì, bởi duyên gì. "Nguyên nhân của việc gì" là như thế.

Lại nói lời dối trá: Lại có thể nói, có thể thuyết, có thể giảng giải, có thể diễn tả lời dối trá.

Lại nói lời dối trá: Lại có thể nói lời sai trái, có thể nói lời nói dối trá, có thể nói lời không thánh thiện. Ở đây, một người nào đó đi đến hiệp hội, hoặc đi đến tập thể, hoặc đi đến giữa thân quyến, hoặc đi đến giữa đoàn thể, hoặc đi đến

[3] Động từ *kāmeti* được ghi nghĩa Việt là "ham muốn." Còn danh từ *kāma* được dịch theo hai nghĩa là "ham muốn" và "dục" tùy theo ngữ cảnh. Ở đây *akāmo* được dịch là "không có dục", ở nơi khác được dịch là "không có ham muốn". (ND)

giữa các vương tộc, rồi bị mời đến, bị hỏi cung rằng: "Thưa ông, hãy đến. Ông biết điều nào thì ông hãy nói điều ấy." Kẻ ấy trong khi không biết đã nói là: "Tôi biết", hoặc biết đã nói là: "Tôi không biết", hoặc không thấy đã nói là: "Tôi thấy", hoặc thấy đã nói là: "Tôi không thấy." Như thế, vì nguyên nhân bản thân, hoặc vì nguyên nhân người khác, hoặc vì nguyên nhân tài sản, hoặc vì nguyên nhân vật chất nhỏ nhen rồi cố tình nói dối; việc này được gọi là nói lời sai trái.

Thêm nữa, việc nói dối là với ba yếu tố: Ngay trước đó, vị này khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói." Việc nói dối là với ba yếu tố này. Thêm nữa, việc nói dối là với bốn yếu tố: Ngay trước đó, vị này khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm. Việc nói dối là với bốn yếu tố này.

Thêm nữa, việc nói dối là với năm yếu tố,... với sáu yếu tố,... với bảy yếu tố,... với tám yếu tố: Ngay trước đó, vị này khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều chấp nhận, đã che giấu điều ưa thích, đã che giấu ý tưởng, đã che giấu sự việc. Việc nói dối là với tám yếu tố này.

Nguyên nhân của việc gì khiến Ngài lại nói lời dối trá: Nguyên nhân của việc gì khiến Ngài lại có thể nói, có thể thuyết, có thể giảng giải, có thể diễn tả lời dối trá?

"Nguyên nhân của việc gì khiến Ngài lại nói lời dối trá?" là như thế.

Vì thế, vị Trưởng lão Piṅgiya đã nói:

[Tôn giả Piṅgiya nói rằng:] "Tôi sẽ tường thuật Kinh Đường đi đến bờ kia. Bậc không có vết nhơ, có sự thông minh bao la, không còn dục, đã ra khỏi rừng [ô nhiễm]; bậc Long Tượng đã thấy như thế nào, Ngài đã nói ra như thế ấy. Nguyên nhân của việc gì khiến Ngài lại nói lời dối trá?"

9. *Giờ đây tôi sẽ thuật lại lời nói đức độ của bậc đã dứt bỏ vết nhơ và si mê, của bậc có sự dứt bỏ ngã mạn và gièm pha.*

Của bậc đã dứt bỏ vết nhơ và si mê.

Vết nhơ: Luyến ái là vết nhơ, sân hận là vết nhơ, si mê là vết nhơ, ngã mạn là vết nhơ, tà kiến là vết nhơ, ô nhiễm là vết nhơ, tất cả uế hạnh là vết nhơ, tất cả các nghiệp đưa đến hữu là vết nhơ.

Si mê: Là sự không biết về khổ,... (nt)... sự ngăn trở của vô minh, si mê là gốc rễ của bất thiện; điều này được gọi là si mê. Đối với đức Phật Thế Tôn, vết nhơ và si mê đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế, đức Phật là bậc đã dứt bỏ vết nhơ và si mê.

"Của bậc đã dứt bỏ vết nhơ và si mê" là như thế.

Của bậc có sự dứt bỏ ngã mạn và gièm pha.

Ngã mạn: Ngã mạn theo một loại: Là sự kiêu hãnh của tâm.

Ngã mạn theo hai loại: Ngã mạn do tâng bốc bản thân và ngã mạn do khinh bỉ người khác.

Ngã mạn theo ba loại: [Nghĩ rằng:] "Ta là tốt hơn" là ngã mạn, [nghĩ rằng:] "Ta là ngang bằng" là ngã mạn, [nghĩ rằng:] "Ta là thua kém" là ngã mạn.

Ngã mạn theo bốn loại: Do lợi lộc rồi sanh khởi ngã mạn, do danh vọng rồi sanh khởi ngã mạn, do khen ngợi rồi sanh khởi ngã mạn, do sung sướng rồi sanh khởi ngã mạn.

Ngã mạn theo năm loại: [Nghĩ rằng:] "Ta đạt được các sắc hợp ý" rồi sanh khởi ngã mạn, [nghĩ rằng:] "Ta đạt được các thinh, các hương, các vị, các xúc hợp ý" rồi sanh khởi ngã mạn.

Ngã mạn theo sáu loại: Do sự thành tựu của mắt rồi sanh khởi ngã mạn, do sự thành tựu của tai..., do sự thành tựu của mũi..., do sự thành tựu của lưỡi..., do sự thành tựu của thân..., do sự thành tựu của ý rồi sanh khởi ngã mạn.

Ngã mạn theo bảy loại: Ngã mạn, cao ngạo, cao ngạo dựa trên ngã mạn, tự ti, tăng thượng mạn, ngã mạn về bản thân, ngã mạn do hiểu biết sai trái.

Ngã mạn theo tám loại: Do lợi lộc rồi sanh khởi ngã mạn, do không có lợi lộc rồi sanh khởi tự ti, do danh vọng rồi sanh khởi ngã mạn, do không có danh vọng rồi sanh khởi tự ti, do lời khen rồi sanh khởi ngã mạn, do lời chê rồi sanh khởi tự ti, do sung sướng rồi sanh khởi ngã mạn, do khổ rồi sanh khởi tự ti.

Ngã mạn theo chín loại: [Nghĩ rằng:] "Ta là tốt hơn so với người tốt hơn" là ngã mạn, "ta là ngang bằng so với người tốt hơn" là ngã mạn, "ta là thua kém so với người tốt hơn" là ngã mạn, "ta là tốt hơn so với người ngang bằng" là ngã mạn, "ta là ngang bằng so với người ngang bằng" là ngã mạn, "ta là thua kém so với người ngang bằng" là ngã mạn, "ta là tốt hơn so với người thua kém" là ngã mạn, "ta là ngang bằng so với người thua kém" là ngã mạn, "ta là thua kém so với người thua kém" là ngã mạn.

Ngã mạn theo mười loại: Ở đây một người nào đó sanh khởi ngã mạn về xuất thân, hoặc về dòng dõi, hoặc về con nhà gia thế, hoặc về vẻ đẹp của làn da, hoặc về tài sản, hoặc về học vấn, hoặc về công việc, hoặc về tài nghệ, hoặc về kiến thức, hoặc về sự học hỏi, hoặc về tài biện giải, hoặc về sự việc này khác.

Ngã mạn nào với hình thức như vậy là biểu hiện của ngã mạn, trạng thái của ngã mạn, sự kiêu hãnh, sự hãnh diện, sự giương lên [như ngọn cờ], sự tự nâng lên, sự mong muốn nổi bật của tâm; điều này được gọi là ngã mạn.

Gièm pha: Gièm pha, biểu hiện gièm pha, trạng thái gièm pha, sự ganh ghét, việc làm do ganh ghét; việc này được gọi là gièm pha. Đối với đức Phật Thế Tôn, ngã mạn và gièm pha đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt

nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai. Vì thế, đức Phật là bậc có sự dứt bỏ ngã mạn và gièm pha.

"Của bậc có sự dứt bỏ ngã mạn và gièm pha" là như thế.

Giờ đây tôi sẽ thuật lại lời nói đức độ.

Giờ đây tôi: Từ "*handāhaṃ*" này là sự nối liền các câu văn, sự kết hợp các câu văn, sự làm đầy đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuốt từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn.

Tôi sẽ thuật lại lời nói đức độ: Tôi sẽ thuật lại, tôi sẽ chỉ bảo, tôi sẽ thông báo, tôi sẽ ấn định, tôi sẽ khai mở, tôi sẽ chia sẻ, tôi sẽ làm rõ, tôi sẽ bày tỏ lời phát ngôn, lời nói, lời phát biểu, lời thốt ra đã được tiến đến, đã được tiến gần, đã được tiến vào, đã được tiến sát, đã được đạt đến, đã được đầy đủ, đã được thành tựu với sự đức độ.

"Giờ đây tôi sẽ thuật lại lời nói đức độ" là như thế.

Vì thế, vị Trưởng lão Piṅgiya đã nói:

"Giờ đây tôi sẽ thuật lại lời nói đức độ của bậc đã dứt bỏ vết nhơ và si mê, của bậc có sự dứt bỏ ngã mạn và gièm pha."

10. *Đức Phật, đấng Toàn Nhãn, bậc xóa tan sự tăm tối,*
Vị đã đi đến tận cùng thế giới, đã vượt trội mọi hữu,
Không còn lậu hoặc, đã dứt bỏ tất cả khổ,
Vị xứng đáng có danh xưng đã được tôi hầu cận, thưa vị Bà-la-môn.

Đức Phật, đấng Toàn Nhãn, bậc xóa tan sự tăm tối.

Bậc xóa tan sự tăm tối: Bậc đã xóa tan, đã xua tan, đã dứt bỏ, đã xua đi, đã làm chấm dứt, đã làm cho không còn hiện hữu sự tăm tối bởi luyến ái, sự tăm tối bởi sân hận, sự tăm tối bởi si mê, sự tăm tối bởi ngã mạn, sự tăm tối bởi tà kiến, sự tăm tối bởi ô nhiễm, sự tăm tối bởi uế hạnh, sự tạo ra tăm tối, sự làm cho mù mắt, sự tạo ra vô trí, sự diệt tận tuệ, đem đến sự buồn phiền, không vận hành đến Niết-bàn.

Đức Phật: Vị ấy là đức Thế Tôn,... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "đức Phật."

Toàn Nhãn: Nói đến trí toàn giác. ... (nt)... vì thế đức Như Lai là bậc Toàn Nhãn.

"Đức Phật, đấng Toàn Nhãn, bậc xóa tan sự tăm tối" là như thế.

Vị đã đi đến tận cùng thế giới, đã vượt trội mọi hữu.

Thế giới: Một thế giới: Thế giới hiện hữu.

Hai thế giới: Thế giới hiện hữu và thế giới sẽ hình thành, thế giới nhàn cảnh đang hiện hữu và thế giới nhàn cảnh sẽ hình thành, thế giới khổ cảnh đang hiện hữu và thế giới khổ cảnh sẽ hình thành.

Ba thế giới: Ba cảm thọ.

Bốn thế giới: Bốn yếu tố nuôi dưỡng.

Năm thế giới: Năm thủ uẩn.

Sáu thế giới: Sáu xứ thuộc nội phần.

Bảy thế giới: Chỗ trú của thức.

Tám thế giới: Tám pháp của thế gian.

Chín thế giới: Chín trú xứ của chúng sanh.

Mười thế giới: Mười xứ.

Mười hai thế giới: Mười hai xứ.

Mười tám thế giới: Mười tám giới.

Vị đã đi đến tận cùng thế giới: Đức Thế Tôn đã đi đến điểm cuối, đã đạt đến điểm cuối, đã đi đến đỉnh, đã đạt đến đỉnh,… (nt)… đã đi đến Niết-bàn, đã đạt đến Niết-bàn. Vị ấy đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành,… (nt)… việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vị ấy. "Vị đã đi đến tận cùng thế giới" là như thế.

Đã vượt trội mọi hữu.

Hữu: Có hai sự hiện hữu: Sự hiện hữu do nghiệp và sự hiện hữu lần nữa liên quan đến việc nối liền tái sanh. Cái nào là sự hiện hữu do nghiệp? Phúc hành, phi phúc hành, bất động hành,[4] cái này là sự hiện hữu do nghiệp. Cái nào là sự hiện hữu lần nữa liên quan đến việc nối liền tái sanh? Sắc, thọ, tưởng, hành, thức liên quan đến việc nối liền tái sanh, cái này là sự hiện hữu lần nữa liên quan đến việc nối liền tái sanh. Đức Thế Tôn đã vượt qua, đã vượt quá, đã vượt qua khỏi sự hiện hữu do nghiệp và sự hiện hữu lần nữa liên quan đến việc nối liền tái sanh.

"Vị đã đi đến tận cùng thế giới, đã vượt trội mọi hữu" là như thế.

Không còn lậu hoặc, đã dứt bỏ tất cả khổ.

Lậu hoặc: Có bốn lậu hoặc: Dục lậu, hữu lậu, kiến lậu, vô minh lậu. Đối với đức Phật Thế Tôn, các lậu hoặc ấy là đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế, đức Phật là bậc không còn lậu hoặc.

Đã dứt bỏ tất cả khổ: Đối với Ngài, mọi việc liên quan đến việc nối liền tái sanh là khổ sanh, khổ già, khổ bệnh, khổ chết, khổ do sầu-bi-khổ-ưu-não,… (nt)… sự tổn hại về kiến thức là khổ, [tất cả] đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; vì thế, đức Phật là bậc đã dứt bỏ tất cả khổ.

"Không còn lậu hoặc, đã dứt bỏ tất cả khổ" là như thế.

Vị xứng đáng có danh xưng đã được tôi hầu cận, thưa vị Bà-la-môn.

Vị xứng đáng có danh xưng: Xứng đáng có danh xưng là có tên gọi

[4] Xem chú thích về "phúc hành, phi phúc hành, bất động hành" ở trang 77. (ND)

tương đương, có danh xưng tương đương, xứng đáng có danh xưng tương đương. Đức Thế Tôn Vipassī, đức Thế Tôn Sikhī, đức Thế Tôn Vessabhū, đức Thế Tôn Kakusandha, đức Thế Tôn Konāgamana, đức Thế Tôn Kassapa, chư Phật Thế Tôn ấy có tên gọi tương đương, có danh xưng tương đương. Đức Thế Tôn Sakyamuni cũng có tên gọi tương đương, có danh xưng tương đương đối với chư Phật Thế Tôn ấy; vì thế, đức Phật xứng đáng có danh xưng.

Đã được tôi hầu cận, thưa vị Bà-la-môn: Đức Thế Tôn ấy đã được đến gần, đã được hầu cận, đã được phục vụ tận tình, đã được thăm hỏi, đã được hỏi han bởi tôi.

"Vị xứng đáng có danh xưng đã được tôi hầu cận, thưa vị Bà-la-môn" là như thế.

Vì thế, vị Trưởng lão Piṅgiya đã nói:

"Đức Phật, đấng Toàn Nhãn, bậc xóa tan sự tăm tối,
Vị đã đi đến tận cùng thế giới, đã vượt trội mọi hữu,
Không còn lậu hoặc, đã dứt bỏ tất cả khổ,
Vị xứng đáng có danh xưng đã được tôi hầu cận, thưa vị Bà-la-môn."

11. *Giống như loài lưỡng sanh, sau khi lìa bỏ khu rừng cây nhỏ,*
Có thể sống ở khu rừng có nhiều trái cây,
Cũng như vậy, sau khi lìa bỏ người có tầm nhìn nhỏ nhoi,
Tôi tựa như con chim thiên nga đã đạt đến biển lớn.

Giống như loài lưỡng sanh, sau khi lìa bỏ khu rừng cây nhỏ, có thể sống ở khu rừng có nhiều trái cây.

Loài lưỡng sanh: Nói đến loài chim. Vì lý do gì, loài lưỡng sanh được gọi là loài chim? "Được sanh ra hai lần" là loài lưỡng sanh: Từ bụng mẹ và từ quả trứng; vì lý do ấy, loài lưỡng sanh được gọi là loài chim. "Loài lưỡng sanh" là như thế.

Giống như [loài lưỡng sanh] sau khi lìa bỏ khu rừng cây nhỏ: Giống như con chim, sau khi lìa bỏ, sau khi từ bỏ, sau khi vượt quá, sau khi vượt qua hẳn, sau khi vượt qua khỏi khu rừng nhỏ, khu rừng trống không, khu rừng hẹp có ít trái cây, ít thức ăn, ít nước uống, có thể đi đến, có thể tìm đến, có thể đạt được khu rừng lớn, khu rừng già khác có nhiều trái cây, nhiều thức ăn, nhiều cây cối, nhiều nước uống, và ở khu rừng già ấy có thể sắp xếp việc trú ngụ.

"Giống như loài lưỡng sanh, sau khi lìa bỏ khu rừng cây nhỏ, có thể sống ở khu rừng có nhiều trái cây" là như thế.

Cũng như vậy, sau khi lìa bỏ người có tầm nhìn nhỏ nhoi, tôi tựa như con chim thiên nga đã đạt đến biển lớn.

Tương tự như thế: Là phương thức của sự so sánh.

Sau khi lìa bỏ người có tầm nhìn nhỏ nhoi: So sánh với đức Phật Thế Tôn, Bà-la-môn Bāvari và những người khác là thầy của vị ấy thì có tầm nhìn nhỏ

nhoi, có tầm nhìn ít ỏi, có tầm nhìn chút ít, có tầm nhìn thấp kém, có tầm nhìn thấp thỏi, hoặc có tầm nhìn tồi tệ. Sau khi dứt bỏ, sau khi lìa bỏ, sau khi vượt quá, sau khi vượt qua hẳn, sau khi vượt qua khỏi các vị [Bà-la-môn] có tầm nhìn nhỏ nhoi, có tầm nhìn ít ỏi, có tầm nhìn chút ít, có tầm nhìn thấp kém, có tầm nhìn thấp thỏi, có tầm nhìn tồi tệ ấy, tôi đã đi đến, đã tìm đến, đã đạt được, đức Phật Thế Tôn là bậc có tầm nhìn vô lượng, có tầm nhìn cao cả, có tầm nhìn hạng nhất, có tầm nhìn thù thắng, có tầm nhìn dẫn đầu, có tầm nhìn tối thượng, có tầm nhìn cao quý, bậc không thể sánh bằng, bậc sánh bằng những vị không thể sánh bằng, bậc không người tương đương, không người đối xứng, không người đối thủ, vị Thiên Nhân vượt trội chư thiên, đấng Nhân Ngưu, đấng Nhân Sư, đấng Nhân Tượng, bậc thuần chủng của loài người, bậc lãnh tụ của loài người, bậc gánh vác sứ mệnh của loài người, bậc duy trì mười lực. Hoặc giống như chim thiên nga có thể đi đến, có thể tìm đến, có thể đạt được hồ nước nhân tạo to lớn, hoặc hồ thiên nhiên Anotatta, hoặc đại dương không bị xao động, có khối lượng nước không thể ước lượng; tương tự y như vậy, đức Phật Thế Tôn là bậc không bị xao động, có uy lực vô lượng, có trí đã được khai mở, có mắt rộng mở, thiện xảo trong việc chia chẻ bằng tuệ, đã chứng đắc tuệ phân tích, đã đạt đến bốn pháp tự tín, thiên về việc nhập thiền quả thanh tịnh, có bản thân tinh khiết, không nói hai lời, bậc tự tại, có lời hứa chắc chắn, là bậc vĩ đại, không nhỏ nhoi, sâu thẳm không thể đo lường, khó thâm nhập, có nhiều bảo vật tựa như biển cả, đã thành tựu sáu chi phần của xả, không thể so sánh, bao la không thể đo lường, vị như thế ấy là vị nói về đạo lộ trong số các vị tuyên thuyết, tựa như núi Meru trong số các ngọn núi, tựa như loài nhân điểu trong số các loài chim, tựa như con sư tử trong số các loài thú, tựa như biển cả trong số các đại dương; tôi đã đi đến với vị Đạo sư ấy, bậc chiến thắng cao quý, vị Đại Ẩn Sĩ.

"Cũng như vậy, sau khi lìa bỏ người có tầm nhìn nhỏ nhoi, tôi tựa như con chim thiên nga đã đạt đến biển lớn" là như thế.

Vì thế, vị Trưởng lão Piṅgiya đã nói:

"Giống như loài lưỡng sanh, sau khi lìa bỏ khu rừng cây nhỏ,
Có thể sống ở khu rừng có nhiều trái cây,
Cũng như vậy, sau khi lìa bỏ người có tầm nhìn nhỏ nhoi,
Tôi tựa như con chim thiên nga đã đạt đến biển lớn."

12. *Những người nào trước đây đã giải đáp cho tôi*
Khác với lời dạy của đức Gotama [nói rằng]:
"Đã là như vầy, sẽ là như vầy",
Mọi điều ấy đều do nghe lời đồn đãi,
Mọi điều ấy đều là sự tăng trưởng của suy nghĩ.

Những người nào trước đây đã giải thích cho tôi.

Những người nào: Là vị Bà-la-môn Bāvari và những người khác là thầy của vị ấy. Những vị ấy đã giải thích, đã chỉ dạy, đã chỉ bảo, đã thông báo, đã ấn

định, đã khai mở, đã chia sẻ, đã làm rõ, đã bày tỏ về quan điểm của mình, về sự chấp nhận của mình, về sự ưa thích của mình, về quan niệm của mình, về ý định của mình, về chủ tâm của mình.

"Những người nào trước đây đã giải thích cho tôi" là như thế.

Khác với lời dạy của đức Gotama: Khác với lời dạy của đức Gotama là khác hẳn lời dạy của đức Gotama, trước cả lời dạy của đức Gotama, trước tiên so với lời dạy của đức Gotama, so với lời dạy của đức Phật, so với lời dạy của đấng Chiến Thắng, so với lời dạy của đức Như Lai, so với lời dạy của vị Thiên Nhân vượt trội chư thiên, so với lời dạy của bậc A-la-hán.

"Khác với lời dạy của đức Gotama" là như thế.

Đã là như vầy, sẽ là như vầy: Nghe nói đã là như vầy, nghe nói sẽ là như vầy.

"Đã là như vầy, sẽ là như vầy" là như thế.

Mọi điều ấy đều do nghe lời đồn đãi: Họ đã thuyết giảng mọi điều ấy do nghe lời đồn đãi, do nghe nói như thế, do sự truyền thừa, do sự thành tựu của việc thu thập kiến thức, do nhân suy nghĩ, do nhân suy luận, do suy đoán theo biểu hiện, do sự suy xét và chấp nhận về quan điểm, không được chính bản thân biết rõ, không được tự thân quán xét lại.

"Mọi điều ấy đều do nghe lời đồn đãi" là như thế.

Mọi điều ấy đều là sự tăng trưởng của suy nghĩ: Mọi điều ấy đều là sự tăng trưởng của suy nghĩ, sự tăng trưởng của suy tư, sự tăng trưởng của tư duy, sự tăng trưởng của suy tư về dục, sự tăng trưởng của suy tư về sân hận, sự tăng trưởng của suy tư về hãm hại, sự tăng trưởng của suy tư về thân quyến, sự tăng trưởng của suy tư về xứ sở, sự tăng trưởng của suy tư về chư thiên, sự tăng trưởng của suy tư liên quan đến sự trắc ẩn đối với người khác, sự tăng trưởng của suy tư liên quan đến lợi lộc, sự trọng vọng, sự nổi tiếng, sự tăng trưởng của suy tư liên quan đến việc không bị khi dễ.

"Mọi điều ấy đều là sự tăng trưởng của suy nghĩ" là như thế.

Vì thế, vị Trưởng lão Piṅgiya đã nói:

"Những người nào trước đây đã giải đáp cho tôi
Khác với lời dạy của đức Gotama [nói rằng]:
'Đã là như vầy, sẽ là như vầy',
Mọi điều ấy đều do nghe lời đồn đãi,
Mọi điều ấy đều là sự tăng trưởng của suy nghĩ."

13. *Vị xóa tan sự tăm tối, một mình, đang ngồi,*
Có sự sáng chói, bậc tạo ra ánh sáng ấy
Là vị Gotama có sự hiểu biết bao la,
Là vị Gotama có sự thông minh bao la.

Vị xóa tan sự tăm tối, một mình, đang ngồi.

Một mình: Đức Thế Tôn là một mình theo quy định của đời sống xuất gia, một mình với ý nghĩa không người thứ hai, một mình với ý nghĩa dứt bỏ tham ái, một mình "có luyến ái đã được xa lìa hoàn toàn", một mình "có sân hận đã được xa lìa hoàn toàn", một mình "có si mê đã được xa lìa hoàn toàn", một mình "hoàn toàn không còn ô nhiễm", một mình "đã đi con đường độc đạo", một mình "đã giác ngộ quả vị Chánh đẳng giác vô thượng." "Một mình" là như thế.

Đức Thế Tôn là một mình theo quy định của đời sống xuất gia nghĩa là thế nào? Đức Thế Tôn trong lúc đang còn thanh xuân, có tóc đen nhánh của tuổi trẻ, được thành tựu tuổi thanh niên tốt lành, vào giai đoạn đầu của tuổi thọ, trong khi mẹ và cha không mong muốn, với khuôn mặt đầy nước mắt, đang khóc lóc, đang than van, Ngài sau khi cắt đứt mọi sự vướng bận của đời sống tại gia, sau khi cắt đứt sự vướng bận về vợ con, sau khi cắt đứt sự vướng bận về thân quyến, sau khi cắt đứt sự vướng bận về bạn bè và thân hữu, sau khi cạo bỏ râu tóc, khoác lên các tấm vải màu ca-sa, rời nhà xuất gia, sống không nhà, sau khi đi đến trạng thái không có gì, một mình sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng. "Đức Thế Tôn là một mình theo quy định của đời sống xuất gia" nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn là một mình với ý nghĩa không người thứ hai nghĩa là thế nào? Trong khi đã được xuất gia như vậy, Ngài một mình thân cận các khu rừng, các nơi heo hút, các chỗ trú ngụ xa vắng có ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh. Ngài sống một mình, đi một mình, đứng một mình, nằm một mình, đi vào làng để khất thực một mình, đi trở về một mình, ngồi nơi vắng vẻ một mình, quyết định kinh hành một mình, sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng một mình. "Đức Thế Tôn là một mình với ý nghĩa không người thứ hai" nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn là một mình với ý nghĩa dứt bỏ tham ái nghĩa là thế nào? Ngài một mình như vậy, không người thứ hai, trong khi sống không bị xao lãng, có nhiệt tâm, có bản tánh cương quyết, ở bờ sông Nerañjarā, nơi gốc cây Bồ-đề, trong khi đang nỗ lực về sự nỗ lực vĩ đại, sau khi đã phá tan Ma vương, Thần chết, Hắc ám, thân quyến của những kẻ bị xao lãng, cùng với đạo quân binh, Ngài đã dứt bỏ, đã xua đi, đã làm chấm dứt, đã làm cho không còn hiện hữu sự vướng mắc là mạng lưới tham ái đã được căng ra.

1. *"Có tham ái là bạn lữ, trong khi luân chuyển một thời gian dài đến cõi này và cõi khác, con người không vượt qua được luân hồi.*

2. *Sau khi biết được sự bất lợi như vậy, [biết được] tham ái là nguồn sanh khởi của khổ, vị Tỳ-khưu có tham ái đã được xa lìa, không có sự nắm giữ, có niệm, nên ra đi du phương."*

Đức Thế Tôn là một mình với ý nghĩa dứt bỏ tham ái nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn là vị một mình "có luyến ái đã được xa lìa hoàn toàn" nghĩa là thế nào? Là vị một mình "có luyến ái đã được xa lìa hoàn toàn" do trạng thái

đã được dứt bỏ đối với luyến ái, là vị một mình "có sân hận đã được xa lìa hoàn toàn" do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sân hận, là vị một mình "có si mê đã được xa lìa hoàn toàn" do trạng thái đã được dứt bỏ đối với si mê, là vị một mình "hoàn toàn không còn ô nhiễm" do trạng thái đã được dứt bỏ đối với các ô nhiễm.

Đức Thế Tôn là vị một mình "đã đi con đường độc đạo" nghĩa là thế nào? Con đường độc đạo nói đến bốn sự thiết lập niệm,... (nt)... đạo lộ Thánh thiện tám chi phần.

3. *"Vị nhìn thấy sự tiêu hoại và chấm dứt của sanh, có lòng thương tưởng đến điều lợi ích, nhận biết con đường độc đạo. Trong thời quá khứ các vị đã vượt qua, [trong thời vị lai] các vị sẽ vượt qua và [trong thời hiện tại] các vị đang vượt qua dòng lũ bằng con đường này."*

Đức Thế Tôn là vị một mình "đã đi con đường độc đạo" nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn là vị một mình "đã giác ngộ quả vị Chánh đẳng giác vô thượng" nghĩa là thế nào? Quả vị giác ngộ nói đến trí ở bốn đạo, tuệ, tuệ quyền, tuệ lực, trạch pháp giác chi, sự thẩm xét, sự thấy rõ, chánh kiến. Nhờ vào trí giác ngộ ấy, đức Thế Tôn đã giác ngộ rằng: "Tất cả các hành là vô thường", đã giác ngộ rằng: "Tất cả các hành là khổ", đã giác ngộ rằng: "Tất cả các pháp là vô ngã",... (nt)... đã giác ngộ rằng: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

Hoặc là, điều gì có thể giác ngộ [bởi Sơ đạo], có thể giác ngộ [bởi Nhị đạo], có thể giác ngộ [bởi Tam đạo], có thể giác ngộ [bởi Tứ đạo],[5] có thể chứng đắc, có thể chạm đến, có thể chứng ngộ, Ngài đã giác ngộ [Sơ đạo], đã giác ngộ [Nhị đạo], đã giác ngộ [Tam đạo], đã giác ngộ [Tứ đạo], đã giác ngộ đúng đắn, đã chứng đắc, đã chạm đến, đã chứng ngộ toàn bộ điều ấy nhờ vào trí giác ngộ ấy. Đức Thế Tôn là vị một mình "đã giác ngộ quả vị Chánh đẳng giác vô thượng" nghĩa là như vậy.

Vị xóa tan sự tăm tối: Đức Thế Tôn đã xua tan, đã xóa tan, đã dứt bỏ, đã xua đi, đã làm chấm dứt, đã làm cho không còn hiện hữu sự tăm tối bởi luyến ái, sự tăm tối bởi sân hận, sự tăm tối bởi si mê, sự tăm tối bởi ngã mạn, sự tăm tối bởi tà kiến, sự tăm tối bởi ô nhiễm, sự tăm tối bởi uế hạnh, sự tạo ra tăm tối, sự làm cho mù mắt, sự tạo ra vô trí, sự diệt tận tuệ, đem đến sự buồn phiền, không vận hành đến Niết-bàn.

Đang ngồi: Đức Thế Tôn đang ngồi ở bảo tháp Pāsāṇaka. "Đang ngồi" là như thế.

4. *"Các vị Thinh văn, có ba minh, có sự chiến thắng thần chết, hầu cận bậc Hiền trí, vị đã đi đến bờ kia của khổ, đang ngồi ở sườn của ngọn núi."*

Đức Thế Tôn đang ngồi còn là như vậy.

Hoặc là, đức Thế Tôn có trạng thái đã được tịch tịnh mọi sự năng động

[5] Xem chú thích 5 ở trang 379. (ND)

[của ô nhiễm], đang ngồi. Ngài đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành,… (nt)… việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vị ấy." Đức Thế Tôn đang ngồi còn là như vậy.

"Vị xóa tan sự tăm tối, một mình, đang ngồi" là như thế.

Có sự sáng chói, bậc tạo ra ánh sáng ấy.

Có sự sáng chói: Có sự sáng chói, có sự khôn ngoan, sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh.

Bậc tạo ra ánh sáng: Bậc tạo ra ánh sáng là bậc tạo ra sự soi sáng, bậc tạo ra sự chiếu sáng, bậc tạo ra cây đèn, bậc tạo ra ngọn đèn, bậc tạo ra sự sáng ngời, bậc tạo ra sự sáng rực.

"Có sự sáng chói, bậc tạo ra ánh sáng ấy" là như thế.

Vị Gotama có sự hiểu biết bao la: Vị Gotama có sự hiểu biết bao la, có sự hiểu biết bằng trí, có tuệ là ngọn cờ, có tuệ là cờ hiệu, có tuệ là chủ đạo, có nhiều sự chọn lựa, có nhiều sự khám phá, có nhiều sự xem xét, có nhiều sự tìm tòi, trú vào điều đã được làm rõ rệt, rồi đi theo điều ấy, phát triển theo điều ấy, xem trọng điều ấy, uốn cong theo điều ấy, chiều theo điều ấy, xuôi theo điều ấy, hướng đến điều ấy, xem điều ấy là chủ đạo.

5. *"Lá cờ là biểu hiện của cỗ xe, khói là biểu hiện của ngọn lửa, vị vua là biểu hiện của đất nước, người chồng là biểu hiện của phụ nữ."*[6]

Tương tự y như vậy, vị Gotama có sự hiểu biết bao la, có sự hiểu biết bằng trí, có tuệ là ngọn cờ, có tuệ là cờ hiệu, có tuệ là chủ đạo, có nhiều sự chọn lựa, có nhiều sự khám phá, có nhiều sự xem xét, có nhiều sự tìm tòi, trú vào điều đã được làm rõ rệt, rồi đi theo điều ấy, phát triển theo điều ấy, xem trọng điều ấy, uốn cong theo điều ấy, chiều theo điều ấy, xuôi theo điều ấy, hướng đến điều ấy, xem điều ấy là chủ đạo.

"Vị Gotama có sự hiểu biết bao la" là như thế.

Vị Gotama có sự thông minh bao la: Bao la nói đến trái đất. Đức Thế Tôn đã thành tựu tuệ ấy, [là tuệ] bao la, trải rộng, sánh bằng trái đất. Thông minh nói đến tuệ; tuệ là sự nhận biết,… (nt)… sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến. Đức Thế Tôn đã tiến đến, đã tiến gần, đã đi đến gần, đã tiến đến gần, đã đạt đến, đã tròn đủ, đã thành tựu sự thông minh, tuệ này; vì thế, đức Phật vô cùng thông minh.

"Vị Gotama có sự thông minh bao la" là như thế.

Vì thế, vị Trưởng lão Piṅgiya đã nói:

"Vị xóa tan sự tăm tối, một mình, đang ngồi,
Có sự sáng chói, bậc tạo ra ánh sáng ấy
Là vị Gotama có sự hiểu biết bao la,
Là vị Gotama có sự thông minh bao la."

---

[6] *Bổn sanh* "Vessantara vĩ đại" (*Mahāvessantarajātakaṃ*), số 547, *TTPV*, tập 34, trang 387, câu kệ 6198. (ND)

14. *Vị ấy đã thuyết giảng cho tôi giáo pháp có thể thấy được bởi tự thân, không bị chi phối bởi thời gian, có sự diệt trừ tham ái, không có tai họa. Đối với pháp [Niết-bàn] ấy, không có điều tương đương ở bất cứ đâu.*

Vị ấy đã thuyết giảng cho tôi giáo pháp.

Vị ấy: Vị ấy là đức Thế Tôn, đấng Tự Chủ, vị Không Có Thầy, đã tự mình giác ngộ hoàn toàn các sự thật về các pháp chưa từng được nghe trước đây. Ngài đã đạt được trạng thái toàn tri về các pháp ấy và đã đạt được bản thể năng lực về các lực.

Đã thuyết giảng giáo pháp.

Giáo pháp: Ngài đã chỉ dạy, đã chỉ bảo, đã thông báo, đã ấn định, đã khai mở, đã chia sẻ, đã làm rõ, đã bày tỏ toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa, toàn hảo ở đoạn kết, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ, [gồm có] bốn sự thiết lập niệm,… (nt)… đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, Niết-bàn, và sự thực hành đưa đến Niết-bàn.

"Vị ấy đã thuyết giảng cho tôi giáo pháp" là như thế.

Có thể thấy được bởi tự thân, không bị chi phối bởi thời gian: [Là pháp] có thể thấy được bởi tự thân, không bị chi phối bởi thời gian, hãy đến và hãy thấy, có khả năng dẫn dắt về hướng [Niết-bàn], và nên được hiểu biết tự cá nhân bởi các bậc trí tuệ. "Có thể thấy được bởi tự thân" là như vậy. Hoặc là, người nào, ngay ở kiếp sống này, tu tập đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, [người ấy] chẳng những chứng đắc mà còn tìm thấy, tiếp nhận quả vị kế liền sau đó, không bị gián đoạn đối với đạo ấy. "Có thể thấy được bởi tự thân" còn là như vậy.

Không bị chi phối bởi thời gian:[7] Giống như những người xuất ra tài sản [vốn] theo định kỳ, họ không đạt được lại liền sau đó, họ chờ đợi một thời gian; pháp này không phải như vậy. Người nào, ngay ở kiếp sống này, tu tập đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, [người ấy] chẳng những chứng đắc mà còn tìm thấy, tiếp nhận quả vị kế liền sau đó, không bị gián đoạn đối với đạo ấy, không phải ở nơi khác, không phải ở thế giới khác; "không bị chi phối bởi thời gian" là như vậy.

"Có thể thấy được bởi tự thân, không bị chi phối bởi thời gian" là như thế.

Có sự diệt trừ tham ái, không có tai họa.

Tham ái: Tham ái cảnh sắc,… (nt)… tham ái cảnh pháp.

Có sự diệt trừ tham ái: Có sự diệt trừ tham ái, có sự diệt trừ luyến ái, có sự diệt trừ sân hận, có sự diệt trừ si mê, có sự diệt trừ cảnh giới tái sanh, có sự diệt trừ việc tái sanh, có sự diệt trừ việc nối liền tái sanh, có sự diệt trừ hữu, có sự diệt trừ việc luân hồi, có sự diệt trừ việc luân chuyển.

Không có tai họa: Tai họa nói đến các ô nhiễm, các uẩn và các pháp tạo

---

[7] Văn bản Pāḷi không chính xác. So sánh với 2 đoạn tương tự ở trang 661 và 663. Phần dịch Việt được ghi lại theo sự hiệu đính của Tam tạng Miến Điện. (ND)

tác. Sự dứt bỏ các tai họa, sự vắng lặng các tai họa, sự buông bỏ các tai họa, sự tịch tịnh các tai họa là bất tử, Niết-bàn.

"Có sự diệt trừ tham ái, không có tai họa" là như thế.

Đối với pháp ấy, không có điều tương đương ở bất cứ đâu.

Đối với pháp ấy: Đối với Niết-bàn.

Không có điều tương đương: Điều tương đương là không có, điều thay thế là không có, điều tương tự là không có, điều đối xứng là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại.

Ở bất cứ đâu: Ở bất cứ đâu là ở bất cứ nơi đâu, ở bất cứ chỗ nào, thuộc nội phần, hoặc thuộc ngoại phần, hoặc thuộc nội phần và ngoại phần.

"Đối với pháp ấy, không có điều tương đương ở bất cứ đâu" là như thế.

Vì thế, vị Trưởng lão Piṅgiya đã nói:

"Vị ấy đã thuyết giảng cho tôi giáo pháp có thể thấy được bởi tự thân, không bị chi phối bởi thời gian, có sự diệt trừ tham ái, không có tai họa. Đối với pháp [Niết-bàn] ấy, không có điều tương đương ở bất cứ đâu."

15. *Tại sao ngươi lại sống xa lìa vị ấy, vị Gotama có sự hiểu biết bao la, vị Gotama có sự thông minh bao la, dầu chỉ trong chốc lát, này Piṅgiya?*

Tại sao ngươi lại sống xa lìa vị ấy: Tại sao ngươi lại sống xa lìa, lại rời xa, lại rời khỏi, lại sống không có đức Phật?

"Tại sao ngươi lại sống xa lìa vị ấy" là như thế.

Dầu chỉ trong chốc lát, này Piṅgiya: Dầu chỉ trong chốc lát, dầu chỉ trong giây phút, dầu chỉ trong khoảnh khắc, dầu chỉ trong giai đoạn, dầu chỉ trong một khoảng thời gian. "Dầu chỉ trong chốc lát" là như thế.

Piṅgiya: Vị Bāvari xưng hô với người cháu[8] ấy bằng tên.

Vị Gotama có sự hiểu biết bao la: Vị Gotama có sự hiểu biết bao la, có sự hiểu biết bằng trí, có tuệ là ngọn cờ, có tuệ là cờ hiệu, có tuệ là chủ đạo, có nhiều sự chọn lựa, có nhiều sự khám phá, có nhiều sự xem xét, có nhiều sự tìm tòi, trú vào điều đã được làm rõ rệt, rồi đi theo điều ấy, phát triển theo điều ấy, xem trọng điều ấy, uốn cong theo điều ấy, chiều theo điều ấy, xuôi theo điều ấy, hướng đến điều ấy, xem điều ấy là chủ đạo.

"Vị Gotama có sự hiểu biết bao la" là như thế.

Vị Gotama có sự thông minh bao la: Bao la nói đến trái đất. Đức Thế Tôn đã thành tựu tuệ ấy, [là tuệ] bao la, trải rộng, sánh bằng trái đất. Thông minh nói đến tuệ; tuệ là sự nhận biết,… (nt)… sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến. Đức Thế Tôn đã tiến đến, đã tiến gần, đã đi đến gần, đã tiến đến gần, đã

---

[8] Ở đây, từ *jāmātaraṃ* (con rể) của Tam tạng Sri Lanka không phù hợp với từ *mātulaṃ* (cậu, em của mẹ) ở phần sau. Trong khi đó, Tam tạng Thái, Miến và PTS đều ghi là *nattāraṃ* (cháu trai). Vì thế, Piṅgiya là cháu và Bāvari là cậu. (ND)

đạt đến, đã tròn đủ, đã thành tựu sự thông minh, tuệ này; vì thế, đức Phật vô cùng thông minh.

"Vị Gotama có sự thông minh bao la" là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

"Tại sao ngươi lại sống xa lìa vị ấy, vị Gotama có sự hiểu biết bao la, vị Gotama có sự thông minh bao la, dầu chỉ trong chốc lát, này Piṅgiya?"

16. *Vị ấy đã thuyết giảng cho ngươi giáo pháp có thể thấy được bởi tự thân, không bị chi phối bởi thời gian, có sự diệt trừ tham ái, không có tai họa. Đối với pháp [Niết-bàn] ấy, không có điều tương đương ở bất cứ đâu.*

Vị ấy đã thuyết giảng cho ngươi giáo pháp.

Vị ấy: Vị ấy là đức Thế Tôn,… (nt)… Ngài đã đạt được trạng thái toàn tri về các pháp ấy và đã đạt được bản thể năng lực về các lực.

Đã thuyết giảng giáo pháp.

Giáo pháp: Ngài đã chỉ dạy, đã chỉ bảo, đã thông báo, đã ấn định, đã khai mở, đã chia sẻ, đã làm rõ, đã bày tỏ toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa,… (nt)… Niết-bàn, và sự thực hành đưa đến Niết-bàn.

"Vị ấy đã thuyết giảng cho ngươi giáo pháp" là như thế.

Có thể thấy được bởi tự thân, không bị chi phối bởi thời gian: [Là pháp] có thể thấy được bởi tự thân, không bị chi phối bởi thời gian, hãy đến và hãy thấy, có khả năng dẫn dắt về hướng [Niết-bàn], và nên được hiểu biết tự cá nhân bởi các bậc trí tuệ. "Có thể thấy được bởi tự thân" là như vậy. Hoặc là, người nào, ngay ở kiếp sống này, tu tập đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, [người ấy] chẳng những chứng đắc mà còn tìm thấy, tiếp nhận quả vị kế liền sau đó, không bị gián đoạn đối với đạo ấy. "Có thể thấy được bởi tự thân" còn là như vậy.

Không bị chi phối bởi thời gian: Giống như những người xuất ra tài sản [vốn] theo định kỳ, họ không đạt được lại liền sau đó, họ chờ đợi một thời gian; pháp này không phải như vậy. Người nào, ngay ở kiếp sống này, tu tập đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, [người ấy] chẳng những chứng đắc mà còn tìm thấy, tiếp nhận quả vị kế liền sau đó, không bị gián đoạn đối với đạo ấy, không phải ở nơi khác, không phải ở thế giới khác. "Không bị chi phối bởi thời gian" là như vậy.

"Có thể thấy được bởi tự thân, không bị chi phối bởi thời gian" là như thế.

Có sự diệt trừ tham ái, không có tai họa.

Tham ái: Tham ái cảnh sắc, tham ái cảnh thinh,… (nt)… tham ái cảnh pháp.

Có sự diệt trừ tham ái: Có sự diệt trừ tham ái, có sự diệt trừ luyến ái, có sự diệt trừ sân hận, có sự diệt trừ si mê, có sự diệt trừ cảnh giới tái sanh, có sự diệt trừ việc tái sanh, có sự diệt trừ việc nối liền tái sanh, có sự diệt trừ hữu, có sự diệt trừ việc luân hồi, có sự diệt trừ việc luân chuyển.

Không có tai họa: Tai họa nói đến các ô nhiễm, các uẩn, các pháp tạo tác. Sự dứt bỏ các tai họa, sự vắng lặng các tai họa, sự buông bỏ các tai họa, sự tịch tịnh các tai họa là bất tử, Niết-bàn.

"Có sự diệt trừ tham ái, không có tai họa" là như thế.

Đối với pháp ấy, không có điều tương đương ở bất cứ đâu.

Đối với pháp ấy: Đối với Niết-bàn.

Không có điều tương đương: Điều tương đương là không có, điều thay thế là không có, điều tương tự là không có, điều đối xứng là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại.

Ở bất cứ đâu: Ở bất cứ đâu là ở bất cứ nơi đâu, ở bất cứ chỗ nào, thuộc nội phần, hoặc thuộc ngoại phần, hoặc thuộc nội phần và ngoại phần.

"Đối với pháp ấy, không có điều tương đương ở bất cứ đâu" là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn Bāvari ấy đã nói rằng:

"Vị ấy đã thuyết giảng cho ngươi giáo pháp có thể thấy được bởi tự thân, không bị chi phối bởi thời gian, có sự diệt trừ tham ái, không có tai họa. Đối với pháp [Niết-bàn] ấy, không có điều tương đương ở bất cứ đâu."

17. *Tôi không sống xa lìa vị ấy, vị Gotama có sự hiểu biết bao la, vị Gotama có sự thông minh bao la, dầu chỉ trong chốc lát, thưa vị Bà-la-môn.*

Tôi không sống xa lìa vị ấy: Tôi không sống xa lìa, không rời xa, không rời khỏi, sống không có đức Phật.

"Tôi không sống xa lìa vị ấy" là như thế.

Dầu chỉ trong chốc lát, thưa vị Bà-la-môn: Dầu chỉ trong chốc lát, dầu chỉ trong giây phút, dầu chỉ trong khoảnh khắc, dầu chỉ trong giai đoạn, dầu chỉ trong một khoảng thời gian. "Dầu chỉ trong chốc lát" là như thế.

Thưa vị Bà-la-môn: Vị Piṅgiya xưng hô với người cậu bằng sự tôn kính.

Vị Gotama có sự hiểu biết bao la: Vị Gotama có sự hiểu biết bao la, có sự hiểu biết bằng trí, có tuệ là ngọn cờ, có tuệ là biểu hiệu, có tuệ là chủ đạo, có nhiều sự chọn lựa, có nhiều sự khám phá, có nhiều sự xem xét, có nhiều sự tìm tòi, trú vào điều đã được làm rõ rệt, rồi đi theo điều ấy, phát triển theo điều ấy, xem trọng điều ấy, uốn cong theo điều ấy, chiều theo điều ấy, xuôi theo điều ấy, hướng đến điều ấy, xem điều ấy là chủ đạo.

"Vị Gotama có sự hiểu biết bao la" là như thế.

Vị Gotama có sự thông minh bao la: Bao la nói đến trái đất. Đức Thế Tôn đã thành tựu tuệ ấy, [là tuệ] bao la, trải rộng, sánh bằng trái đất. Thông minh nói đến tuệ; tuệ là sự nhận biết,… (nt)… sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến. Đức Thế Tôn đã tiến đến, đã tiến gần, đã đi đến gần, đã tiến đến gần, đã đạt đến, đã tròn đủ, đã thành tựu sự thông minh, tuệ này; vì thế, đức Phật vô cùng thông minh.

"Vị Gotama có sự thông minh bao la" là như thế.

Vì thế, vị Trưởng lão Piṅgiya đã nói:

"Tôi không sống xa lìa vị ấy, vị Gotama có sự hiểu biết bao la, vị Gotama có sự thông minh bao la, dầu chỉ trong chốc lát, thưa vị Bà-la-môn."

18. *Vị ấy đã thuyết giảng cho tôi giáo pháp có thể thấy được bởi tự thân, không bị chi phối bởi thời gian, có sự diệt trừ tham ái, không có tai họa. Đối với pháp [Niết-bàn] ấy, không có điều tương đương ở bất cứ đâu.*

Vị ấy đã thuyết giảng cho tôi giáo pháp: Vị ấy là đức Thế Tôn, đấng Tự Chủ, vị không có thầy, đã tự mình giác ngộ hoàn toàn các sự thật về các pháp chưa từng được nghe trước đây. Ngài đã đạt được trạng thái toàn tri về các pháp ấy và đã đạt được bản thể năng lực về các lực.

Đã thuyết giảng giáo pháp.

Giáo pháp: Ngài đã chỉ dạy, đã chỉ bảo, đã thông báo, đã ấn định, đã khai mở, đã chia sẻ, đã làm rõ, đã bày tỏ toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa, toàn hảo ở đoạn kết, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ, [gồm có] bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, Niết-bàn và sự thực hành đưa đến Niết-bàn.

"Vị ấy đã thuyết giảng cho tôi giáo pháp" là như thế.

Có thể thấy được bởi tự thân, không bị chi phối bởi thời gian: [Là pháp] có thể thấy được bởi tự thân, không bị chi phối bởi thời gian, hãy đến và hãy thấy, có khả năng dẫn dắt về hướng [Niết-bàn], và nên được hiểu biết tự cá nhân bởi các bậc trí tuệ. "Có thể thấy được bởi tự thân" là như vậy. Hoặc là, người nào, ngay ở kiếp sống này, tu tập đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, [người ấy] chẳng những chứng đắc mà còn tìm thấy, tiếp nhận quả vị kế liền sau đó, không bị gián đoạn đối với đạo ấy. "Có thể thấy được bởi tự thân" còn là như vậy.

Không bị chi phối bởi thời gian: Giống như những người xuất ra tài sản [vốn] theo định kỳ, họ không đạt được lại liền sau đó, họ chờ đợi một thời gian; pháp này không phải như vậy. Người nào, ngay ở kiếp sống này, tu tập đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, [người ấy] chẳng những chứng đắc mà còn tìm thấy, tiếp nhận quả vị kế liền sau đó, không bị gián đoạn đối với đạo ấy, không phải ở nơi khác, không phải ở thế giới khác. "Không bị chi phối bởi thời gian" là như vậy.

"Có thể thấy được bởi tự thân, không bị chi phối bởi thời gian" là như thế.

Có sự diệt trừ tham ái, không có tai họa.

Tham ái: Tham ái cảnh sắc,... (nt)... tham ái cảnh pháp.

Có sự diệt trừ tham ái: Có sự diệt trừ tham ái, có sự diệt trừ luyến ái, có

sự diệt trừ sân hận, có sự diệt trừ si mê, có sự diệt trừ cảnh giới tái sanh, có sự diệt trừ việc tái sanh, có sự diệt trừ việc nối liền tái sanh, có sự diệt trừ hữu, có sự diệt trừ việc luân hồi, có sự diệt trừ việc luân chuyển.

Không có tai họa.

Tai họa: Nói đến các ô nhiễm, các uẩn, các pháp tạo tác. Sự dứt bỏ các tai họa, sự vắng lặng các tai họa, sự buông bỏ các tai họa, sự tịch tịnh các tai họa là bất tử, Niết-bàn.

"Có sự diệt trừ tham ái, không có tai họa" là như thế.

Đối với pháp ấy, không có điều tương đương ở bất cứ đâu.

Đối với pháp ấy: Đối với Niết-bàn.

Không có điều tương đương: Điều tương đương là không có, điều thay thế là không có, điều tương tự là không có, điều đối xứng là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại.

Ở bất cứ đâu: Ở bất cứ đâu là ở bất cứ nơi đâu, ở bất cứ chỗ nào, thuộc nội phần, hoặc thuộc ngoại phần, hoặc thuộc nội phần và ngoại phần.

"Đối với pháp ấy, không có điều tương đương ở bất cứ đâu" là như thế.

Vì thế, vị Trưởng lão Piṅgiya đã nói:

"Vị ấy đã thuyết giảng cho tôi giáo pháp có thể thấy được bởi tự thân, không bị chi phối bởi thời gian, có sự diệt trừ tham ái, không có tai họa. Đối với pháp [Niết-bàn] ấy, không có điều tương đương ở bất cứ đâu."

19. *Tôi nhìn thấy Ngài ấy bằng ý hoặc bằng mắt,*
Ban đêm và ban ngày, thưa vị Bà-la-môn, không bị xao lãng.
Trong khi kính lễ [đến Ngài], tôi sống qua đêm;
Chính bằng cách ấy, tôi nghĩ là sống không xa lìa.

Tôi nhìn thấy Ngài ấy bằng ý hoặc bằng mắt: Giống như một người có mắt có thể nhìn thấy, có thể nhận thấy, có thể quan sát, có thể suy xét, có thể khảo sát các vật có hình thể ở nơi ánh sáng, tương tự y như vậy, tôi nhìn thấy, tôi nhận thấy, tôi quan sát, tôi suy xét, tôi khảo sát đức Phật Thế Tôn bằng ý.

"Tôi nhìn thấy Ngài ấy bằng ý hoặc bằng mắt" là như thế.

Ban đêm và ban ngày, thưa vị Bà-la-môn, không bị xao lãng: Trong khi tu tập pháp tùy niệm Phật bằng ý vào ban đêm và ban ngày, không bị xao lãng.

"Ban đêm và ban ngày, thưa vị Bà-la-môn, không bị xao lãng" là như thế.

Trong khi kính lễ [đến Ngài], tôi sống qua đêm.

Trong khi kính lễ: Trong khi kính lễ bằng thân, hoặc trong khi kính lễ bằng lời nói, hoặc trong khi kính lễ bằng tâm, hoặc trong khi kính lễ bằng sự thực hành thuận theo đạo lý, hoặc trong khi kính lễ bằng sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, trong khi trọng vọng, trong khi cung kính, trong khi sùng bái, trong khi cúng dường, tôi sống qua, tôi trải qua, tôi vượt qua ban đêm và ban ngày.

"Trong khi kính lễ [đến Ngài], tôi sống qua đêm" là như thế.

Chính bằng cách ấy, tôi nghĩ là sống không xa lìa: Trong khi tu tập việc tùy niệm Phật ấy, tôi nghĩ về Ngài ấy [cho rằng]: "Sống không xa lìa", tôi nghĩ, tôi biết về Ngài ấy [cho rằng]: "Đã sống không xa lìa", tôi biết như vậy, tôi hiểu như vậy, tôi nhận thức như vậy, tôi thừa nhận như vậy, tôi thấu triệt như vậy.

"Chính bằng cách ấy, tôi nghĩ là sống không xa lìa" là như thế.

Vì thế, vị Trưởng lão Piṅgiya đã nói:

"Tôi nhìn thấy Ngài ấy bằng ý hoặc bằng mắt,
Ban đêm và ban ngày, thưa vị Bà-la-môn, không bị xao lãng.
Trong khi kính lễ [đến Ngài], tôi sống qua đêm;
Chính bằng cách ấy, tôi nghĩ là sống không xa lìa."

20. *Tín, hỷ, tâm ý và niệm*
Của tôi không lìa xa lời giảng dạy của đức Gotama.
Mỗi phương hướng nào bậc có tuệ bao la di chuyển đến,
Tôi đây đều kính lễ theo chính mỗi phương hướng ấy.

Tín, hỷ, tâm ý và niệm.

Tín: Tín là sự tin tưởng, sự tin cậy, sự tịnh tín, niềm tin, tín quyền, tín lực… (nt)… liên quan đến đức Thế Tôn.

Hỷ: Hỷ là sự hân hoan, sự tùy hỷ, sự vui thích, sự cười đùa, sự hài hước, sự vui lòng, sự vui sướng, sự phấn khởi, sự hoan hỷ của tâm liên quan đến đức Thế Tôn.

Tâm ý: Tức là tâm, ý, ý thức, trái tim, chất xám, ý, ý xứ, ý quyền, thức, thức uẩn, từ đó ý thức giới sanh lên liên quan đến đức Thế Tôn.

Niệm: Niệm là sự tùy niệm,… (nt)… chánh niệm liên quan đến đức Thế Tôn.

"Tín, hỷ, tâm ý và niệm" là như thế.

Của tôi không lìa xa lời giảng dạy của đức Gotama: Bốn pháp này [không lìa xa] lời dạy của Gotama, lời dạy của đức Phật, lời dạy của đấng Chiến Thắng, lời dạy của đức Như Lai, lời dạy của vị Chúa của chư thiên, lời dạy của bậc A-la-hán.

Không lìa xa: Không lìa xa là không đi xa, không rời bỏ, không làm hư hoại.

"Của tôi không lìa xa lời giảng dạy của đức Gotama" là như thế.

Mỗi phương hướng nào bậc có tuệ bao la di chuyển đến.

Mỗi phương hướng nào: Hoặc là hướng Đông, hoặc là hướng Tây, hoặc là hướng Nam, hoặc là hướng Bắc mà Ngài di chuyển, đi đến, bước đi, bước tới.

Bậc có tuệ bao la: Bậc có tuệ bao la là có tuệ vĩ đại, có tuệ sắc bén, có tuệ rộng lớn, có tuệ vi tiếu, có tuệ tốc hành, có tuệ thấu suốt. Bao la nói đến trái đất. Đức Thế Tôn đã thành tựu tuệ ấy, [là tuệ] bao la, trải rộng, sánh bằng trái đất.

"Mỗi phương hướng nào bậc có tuệ bao la di chuyển đến" là như thế.

Tôi đây đều kính lễ theo chính mỗi phương hướng ấy: Đức Phật ở nơi nào, thì vị ấy cúi mình về chính mỗi phương hướng ấy, uốn cong theo phương hướng ấy, chiều theo phương hướng ấy, xuôi theo phương hướng ấy, hướng đến phương hướng ấy, xem phương hướng ấy là chủ đạo.

"Tôi đây đều kính lễ theo chính mỗi phương hướng ấy" là như thế.

Vì thế, vị Trưởng lão Piṅgiya đã nói:

"Tín, hỷ, tâm ý và niệm
Của tôi không lìa xa lời giảng dạy của đức Gotama.
Mỗi phương hướng nào bậc có tuệ bao la di chuyển đến,
Tôi đây đều kính lễ theo chính mỗi phương hướng ấy."

21. *Đối với tôi, là người đã già nua, có thể lực và sức mạnh kém cỏi,*
Chính vì thế, thân xác của tôi không theo đến được nơi ấy.
Tôi thường đi đến bằng cách hướng tâm,
Thưa vị Bà-la-môn, bởi vì ý của tôi đã được gắn bó với Ngài ấy.

Đối với tôi, là người đã già nua, có thể lực và sức mạnh kém cỏi.

Là người đã già nua: Người đã già nua là người lớn tuổi, trưởng thượng, đã trải qua cuộc đời, đã đạt đến tuổi thọ.

Có thể lực và sức mạnh kém cỏi: Có thể lực và sức mạnh kém cỏi là có sức mạnh ít ỏi, có sức mạnh chút ít.

"Đối với tôi, là người đã già nua, có thể lực và sức mạnh kém cỏi" là như thế.

Chính vì thế, thân xác của tôi không theo đến được nơi ấy: Đức Phật ở nơi nào thì thân xác [của tôi] không theo đến, không di chuyển, không đi đến, không bước tới nơi ấy được.

"Chính vì thế, thân xác của tôi không theo đến được nơi ấy" là như thế.

Tôi thường đi đến bằng cách hướng tâm: Tôi di chuyển, tôi đi đến, tôi bước tới với việc đi đến bằng cách hướng tâm, với việc đi đến bằng cách suy nghĩ, với việc đi đến bằng trí, với việc đi đến bằng tuệ, với việc đi đến bằng sự giác ngộ.

"Tôi thường đi đến bằng cách hướng tâm" là như thế.

Thưa vị Bà-la-môn, bởi vì ý của tôi đã được gắn bó với Ngài ấy.

Ý: Tức là tâm, ý, ý thức,... (nt)... từ đó ý thức giới sanh lên.

Thưa vị Bà-la-môn, bởi vì ý của tôi đã được gắn bó với Ngài ấy: Đức Phật ở nơi nào thì ý [của tôi] được gắn bó, được gắn vào, được gắn liền với nơi ấy.

"Thưa vị Bà-la-môn, bởi vì ý của tôi đã được gắn bó với Ngài ấy" là như thế.

Vì thế, vị Trưởng lão Piṅgiya đã nói:

"Đối với tôi, là người đã già nua, có thể lực và sức mạnh kém cỏi,
Chính vì thế, thân xác của tôi không theo đến được nơi ấy.
Tôi thường đi đến bằng cách hướng tâm,
Thưa vị Bà-la-môn, bởi vì ý của tôi đã được gắn bó với Ngài ấy."

22. *Trong khi nằm ở đám bùn [ngũ dục], đang chao đảo,*
Tôi đã bơi từ hòn đảo này đến hòn đảo khác.
Rồi tôi đã nhìn thấy đức Phật Toàn Giác,
Vị đã vượt qua dòng lũ, không còn lậu hoặc.

Trong khi nằm ở đám bùn, đang chao đảo.

Trong khi nằm ở đám bùn: Trong khi đang ngồi, trong khi đang nằm, trong khi đang sống, trong khi đang cư trú, trong khi đang lưu trú ở đám bùn [ngũ] dục, ở vũng lầy [ngũ] dục, ở ao hồ [ngũ] dục, ở cơn sốt [ngũ] dục, ở sự vướng bận [ngũ] dục. "Trong khi nằm ở đám bùn" là như thế.

Đang chao đảo: Đang chao động với sự chao động bởi ái, đang chao động với sự chao động bởi tà kiến, đang chao động với sự chao động bởi ô nhiễm, đang chao động với sự chao động bởi sự kết nối, đang chao động với sự chao động bởi quả thành tựu, đang chao động với sự chao động bởi uế hạnh về ý, kẻ bị luyến ái đang chao động bởi luyến ái, kẻ bị sân hận đang chao động bởi sân hận, kẻ bị si mê đang chao động bởi si mê, kẻ bị trói buộc đang chao động bởi ngã mạn, kẻ bị bám víu đang chao động bởi tà kiến, kẻ bị tán loạn đang chao động bởi sự phóng dật, kẻ không dứt khoát đang chao động bởi hoài nghi, kẻ cứng cỏi đang chao động bởi các pháp tiềm ẩn, đang chao động bởi lợi lộc, đang chao động bởi không lợi lộc, đang chao động bởi danh vọng, đang chao động bởi không danh vọng, đang chao động bởi lời khen, đang chao động bởi tiếng chê, đang chao động bởi hạnh phúc, đang chao động bởi khổ đau, đang chao động bởi sanh, đang chao động bởi già, đang chao động bởi bệnh, đang chao động bởi chết, đang chao động bởi sầu-bi-khổ-ưu-não, đang chao động bởi khổ ở địa ngục, đang chao động bởi khổ ở loài thú, đang chao động bởi khổ ở thân phận ngạ quỷ, đang chao động bởi khổ của loài người, đang chao động bởi khổ bắt nguồn từ việc nhập thai, đang chao động bởi khổ bắt nguồn từ việc trụ thai, đang chao động bởi khổ bắt nguồn từ việc ra khỏi thai, đang chao động bởi khổ gắn liền sau khi sanh ra,... bởi khổ do kẻ khác áp đặt sau khi sanh ra,... bởi khổ do sự ra sức của bản thân,... bởi khổ do sự ra sức của kẻ khác, [... bởi khổ do (thọ) khổ,]... bởi khổ do pháp tạo tác,... bởi khổ do sự biến đổi,... bởi khổ do bệnh ở mắt,... bởi khổ do bệnh ở tai trong,... bởi khổ do bệnh ở mũi,... bởi khổ do bệnh ở lưỡi,... bởi khổ do bệnh ở thân,... bởi khổ do bệnh ở đầu,... bởi khổ do bệnh ở lỗ tai,... bởi khổ do bệnh ở miệng,... bởi khổ do bệnh ở răng,... bởi ho,... bởi suyễn,... bởi sổ mũi,... bởi nhiệt,... bởi cảm sốt,... bởi đau bụng,... bởi xây xẩm,... bởi kiết ly,... bởi đau bụng bão,... bởi dịch tả,... bởi phong cùi,... bởi khối u,... bởi bệnh chàm,... bởi lao phổi,... bởi động kinh,... bởi

mụt,... bởi nhọt,... bởi ghẻ ngứa,... bởi sảy,... bởi loét tay chân,... bởi máu và mật,... bởi bệnh tiểu đường,... bởi bệnh trĩ,... bởi ghẻ lở,... bởi loét hậu môn,... bởi bệnh phát khởi từ mật,... bởi bệnh phát khởi từ đàm,... bởi bệnh phát khởi từ gió,... bởi bệnh tổng hợp do mật-đàm-gió,... bởi bệnh sanh lên vì thay đổi thời tiết,... bởi bệnh sanh lên vì bốn oai nghi không đồng đều,... bởi bệnh thuộc dạng cấp tính,... bởi bệnh sanh lên vì quả của nghiệp,... bởi lạnh,... bởi nóng,... bởi đói,... bởi khát,... bởi đại tiện,... bởi tiểu tiện,... bởi khổ do sự xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát,... bởi khổ do cái chết của mẹ,... bởi khổ do cái chết của cha, [bởi khổ do cái chết của anh (em) trai,... bởi khổ do cái chết của chị (em) gái] bởi khổ do cái chết của con trai,... bởi khổ do cái chết của con gái,... bởi khổ do sự tổn hại về thân quyến,... bởi khổ do sự tổn hại về của cải,... bởi khổ do sự tổn hại vì bệnh tật,... bởi khổ do sự tổn hại về giới,... bởi khổ do sự tổn hại về kiến thức, đang lay động, đang xáo động, đang run rẩy, đang chấn động, đang rúng động.

"Trong khi nằm ở đám bùn [ngũ dục], đang chao đảo" là như thế.

Tôi đã bơi từ hòn đảo này đến hòn đảo khác: Tôi đã bơi, tôi đã lội, tôi đã trôi nổi, tôi đã trôi dạt từ bậc Đạo sư này đến bậc Đạo sư khác, từ lần giảng pháp này đến lần giảng pháp khác, từ nhóm này đến nhóm khác, từ quan điểm này đến quan điểm khác, từ sự thực hành này đến sự thực hành khác, từ đạo lộ này đến đạo lộ khác.

"Tôi đã bơi từ hòn đảo này đến hòn đảo khác" là như thế.

Rồi tôi đã nhìn thấy đức Phật Toàn Giác.

Rồi: Từ "*atha*" này là sự nối liền các câu văn, sự kết hợp các câu văn, sự làm đầy đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuốt từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn.

Tôi đã nhìn thấy: Tôi đã nhìn thấy, tôi đã nhận thấy, tôi đã nhìn xem, tôi đã thấu triệt.

Đức Phật: Vị ấy là đức Thế Tôn, đấng Tự Chủ, vị không có thầy,... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "đức Phật."

"Rồi tôi đã nhìn thấy đức Phật Toàn Giác" là như thế.

Vị đã vượt qua dòng lũ, không còn lậu hoặc.

Vị đã vượt qua dòng lũ: Đức Thế Tôn đã vượt qua dòng lũ [ngũ] dục, đã vượt qua dòng lũ của hữu, đã vượt qua dòng lũ tà kiến, đã vượt qua dòng lũ vô minh, đã vượt qua mọi nẻo đường luân hồi, đã vượt lên, đã vượt ra khỏi, đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi. Vị ấy đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành,... (nt)... việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vị ấy. "Vị đã vượt qua dòng lũ" là như thế.

Không còn lậu hoặc: Có bốn lậu hoặc: Dục lậu, hữu lậu, kiến lậu, vô minh lậu. Đối với đức Phật Thế Tôn, các lậu hoặc ấy là đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện

hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế, đức Phật là bậc không còn lậu hoặc.

"Vị đã vượt qua dòng lũ, không còn lậu hoặc" là như thế.

Vì thế, vị Trưởng lão Piṅgiya đã nói:

"Trong khi nằm ở đám bùn [ngũ dục], đang chao đảo,
Tôi đã bơi từ hòn đảo này đến hòn đảo khác.
Rồi tôi đã nhìn thấy đức Phật Toàn Giác,
Vị đã vượt qua dòng lũ, không còn lậu hoặc."

23. *Giống như Vakkali có đức tin đã được cởi trói,*
Bhadrāvudha và Ālavigotama [cũng vậy],
Tương tự y như vậy, ngươi cũng hãy giải thoát bằng đức tin.
Này Piṅgiya, ngươi sẽ đi đến bờ kia đối với lãnh địa của thần chết.[9]

Giống như Vakkali có đức tin đã được cởi trói, Bhadrāvudha và Ālavigotama [cũng vậy]: Giống như Trưởng lão Vakkali có đức tin đã được cởi trói, xem trọng đức tin, có đức tin đi trước, hướng đến đức tin, có đức tin là chủ đạo, đã đạt được phẩm vị A-la-hán; giống như Trưởng lão Bhadrāvudha có đức tin đã được cởi trói, xem trọng đức tin, có đức tin đi trước, hướng đến đức tin, có đức tin là chủ đạo, đã đạt được phẩm vị A-la-hán; giống như Trưởng lão Ālavigotama có đức tin đã được cởi trói, xem trọng đức tin, có đức tin đi trước, hướng đến đức tin, có đức tin là chủ đạo, đã đạt được phẩm vị A-la-hán.

"Giống như Vakkali có đức tin đã được cởi trói, Bhadrāvudha và Ālavigotama [cũng vậy]" là như thế.

Tương tự y như vậy, ngươi cũng hãy giải thoát bằng đức tin: Tương tự y như vậy, ngươi cũng hãy cởi trói, hãy giải thoát, hãy tự giải thoát, hãy hướng đến, hãy tăng trưởng đức tin vào: "Tất cả các hành là vô thường"; hãy cởi trói, hãy giải thoát, hãy tự giải thoát, hãy hướng đến, hãy tăng trưởng đức tin vào: "Tất cả các hành là khổ",... (nt)... "Tất cả các pháp là vô ngã"; hãy cởi trói, hãy giải thoát, hãy tự giải thoát, hãy hướng đến, hãy tăng trưởng đức tin vào: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh diệt tận."

"Tương tự y như vậy, ngươi cũng hãy giải thoát bằng đức tin" là như thế.

Này Piṅgiya, ngươi sẽ đi đến bờ kia đối với lãnh địa của thần chết: Lãnh địa của thần chết nói đến các ô nhiễm, các uẩn, và các sự tạo tác. Bờ kia đối với lãnh địa của thần chết nói đến bất tử, Niết-bàn, tức là sự yên lặng của tất cả các

[9] Vào thời điểm này, đức Phật đang ngụ tại thành Sāvatthi. Biết được sự chín muồi về khả năng của Piṅgiya và Bāvari, Ngài đã phóng ra hào quang có màu sắc vàng chói. Piṅgiya, ngay trong lúc đang ngồi tán dương ân đức của Phật cho Bāvari, đã nhìn thấy hào quang ấy. Trong lúc đang xem xét "cái gì đây?" Piṅgiya nhìn thấy đức Thế Tôn như đang đứng trước mặt. Piṅgiya đã bảo vị Bà-la-môn Bāvari rằng: "Đức Phật đã ngự đến." Bà-la-môn Bāvari đã từ chỗ ngồi chắp tay lên và đứng dậy. Đức Thế Tôn sau khi phóng ra hào quang đã hiện thân cho vị Bà-la-môn thấy. Sau khi thấy thời điểm phù hợp cho cả hai vị, trong lúc chỉ dạy riêng cho Piṅgiya, Ngài đã nói lên kệ ngôn này (*SnA*. II. 606). (ND)

pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn.

Này Piṅgiya, ngươi sẽ đi đến bờ kia đối với lãnh địa của thần chết: Ngươi sẽ đi đến bờ kia, ngươi sẽ chứng đắc bờ kia, ngươi sẽ chạm đến bờ kia, ngươi sẽ chứng ngộ bờ kia.

"Này Piṅgiya, ngươi sẽ đi đến bờ kia đối với lãnh địa của thần chết" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

"Giống như Vakkali có đức tin đã được cởi trói,
Bhadrāvudha và Ālavigotama [cũng vậy],
Tương tự y như vậy, ngươi cũng hãy giải thoát bằng đức tin.
Này Piṅgiya, ngươi sẽ đi đến bờ kia đối với lãnh địa của thần chết."

24. *Con đây càng thêm tịnh tín sau khi lắng nghe lời nói của bậc Hiền trí. Ngài là đức Phật Toàn Giác, có màn che đã được cuốn lên, không còn sự cứng cỏi [của tâm], có tài biện giải.*

Con đây càng thêm tịnh tín: Con đây càng thêm tịnh tín, càng tin tưởng thêm hơn nữa, càng tin cậy thêm hơn nữa, càng hướng đến thêm hơn nữa; con đây càng tịnh tín thêm hơn nữa, càng tin tưởng thêm hơn nữa, càng tin cậy thêm hơn nữa, càng hướng đến thêm hơn nữa rằng: "Tất cả các hành là vô thường"; con đây càng tịnh tín thêm hơn nữa,... (nt)...: "Tất cả các hành là khổ"; con đây càng tịnh tín thêm hơn nữa,... (nt)...: "Tất cả các pháp là vô ngã"; con đây càng tịnh tín thêm hơn nữa, càng tin tưởng thêm hơn nữa, càng tin cậy thêm hơn nữa, càng hướng đến thêm hơn nữa rằng: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh diệt tận."

"Con đây càng thêm tịnh tín" là như thế.

Sau khi lắng nghe lời nói của bậc Hiền trí.

Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí, tức là tuệ, là sự nhận biết,... (nt)... đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là bậc Hiền trí.

Sau khi lắng nghe lời nói của bậc Hiền trí: Sau khi lắng nghe, sau khi tiếp thu, sau khi tiếp nhận, sau khi nhận định lời nói, lời phát biểu, lời chỉ bảo, lời chỉ dạy, lời khuyên bảo của Ngài.

"Sau khi lắng nghe lời nói của bậc Hiền trí" là như thế.

Ngài là đức Phật Toàn Giác, có màn che đã được cuốn lên.

Sự che đậy: Có năm sự che đậy: Sự che đậy do tham ái, sự che đậy do tà kiến, sự che đậy do ô nhiễm, sự che đậy do uế hạnh, sự che đậy do vô minh. Đối với đức Phật Thế Tôn, các sự che đậy ấy đã được mở ra, đã được hủy hoại, đã được mở rộng, đã được mở toang, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được

vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; vì thế, đức Phật là bậc có màn che đã được cuốn lên.

Đức Phật: Vị ấy là đức Thế Tôn,... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "đức Phật."

"Ngài là đức Phật Toàn Giác, có màn che đã được cuốn lên" là như thế.

Không còn sự cứng cỏi [của tâm], có tài biện giải.

Không còn sự cứng cỏi [của tâm]: Luyến ái là sự cứng cỏi, sân hận là sự cứng cỏi, si mê là sự cứng cỏi, giận dữ là sự cứng cỏi, thù hằn là sự cứng cỏi,... (nt)... tất cả các pháp tạo tác bất thiện là sự cứng cỏi [của tâm]. Đối với đức Phật Thế Tôn, các sự cứng cỏi ấy đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế, đức Phật là bậc không còn sự cứng cỏi [của tâm].

Có tài biện giải: Có ba hạng người có tài biện giải: Có tài biện giải do pháp học, có tài biện giải do vấn hỏi, có tài biện giải do chứng đắc. Có tài biện giải do pháp học là thế nào? Ở đây, một vị nào đó được học tinh thông một cách tự nhiên về *Sutta, Geyya, Veyyākaraṇa, Gāthā, Udāna, Itivuttaka, Jātaka, Abbhutadhamma, Vedalla*;[10] nhờ vào pháp học, vấn đề được sáng tỏ đối với vị ấy. Đây là hạng người có tài biện giải do pháp học.

Có tài biện giải do vấn hỏi là thế nào? Ở đây, một vị nào đó là người vấn hỏi về mục đích, về cách thức, về tướng trạng, về nguyên nhân, và về tính chất hợp lý hay không hợp lý; nhờ vào việc vấn hỏi, điều ấy được sáng tỏ đối với vị ấy. Đây là hạng người có tài biện giải do vấn hỏi.

Có tài biện giải do chứng đắc là thế nào? Ở đây, một vị nào đó đạt đến bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, bốn Thánh đạo, bốn quả vị Sa-môn, bốn tuệ phân tích, sáu thắng trí; đối với vị ấy ý nghĩa đã được biết, pháp đã được biết, ngôn từ đã được biết. Khi ý nghĩa đã được biết thì ý nghĩa được sáng tỏ, khi pháp đã được biết thì pháp được sáng tỏ, khi ngôn từ đã được biết thì ngôn từ được sáng tỏ; trí ở ba sự nhận biết này là tuệ phân tích về phép biện giải. Đức Thế Tôn đã tiến đến, đã tiến gần, đã đến gần, đã tiến vào, đã đạt đến, đã tròn đủ, đã thành tựu tuệ phân tích về phép biện giải này; vì thế, đức Phật là người có tài biện giải. Đối với kẻ nào, pháp học không có, vấn hỏi không có, chứng đắc không có, đối với kẻ ấy, cái gì sẽ được sáng tỏ?

"Không còn sự cứng cỏi [của tâm], có tài biện giải" là như thế.

Vì thế, vị Trưởng lão Piṅgiya đã nói:

"Con đây càng thêm tịnh tín sau khi lắng nghe lời nói của bậc Hiền trí. Ngài là đức Phật Toàn Giác, có màn che đã được cuốn lên, không còn sự cứng cỏi [của tâm], có tài biện giải."

---

[10] Xem chú thích về "Chín thể loại giáo pháp" ở trang 122. (ND)

25. *Sau khi biết rõ chư thiên bậc thượng, Ngài đã hiểu biết tất cả từ thấp đến cao. Bậc Đạo sư là vị giải quyết dứt điểm các câu hỏi của những người có sự nghi ngờ đang bày tỏ [với Ngài].*

Sau khi biết rõ chư thiên bậc thượng.

Chư thiên: Có ba hạng chư thiên: Chư thiên do chế định, chư thiên do tái sanh, chư thiên do thanh tịnh. Chư thiên do chế định là những ai? Chư thiên do chế định nói đến các vị vua, các hoàng tử, và các hoàng hậu; những người này là chư thiên do chế định. Chư thiên do tái sanh là những ai? Chư thiên do tái sanh nói đến chư thiên cõi Tứ Đại Thiên Vương, chư thiên cõi Đạo-lợi,… (nt)… chư thiên thuộc Phạm Chúng thiên và chư thiên nào vượt lên trên cõi ấy; các vị này là chư thiên do tái sanh. Chư thiên do thanh tịnh là những ai? Chư thiên do thanh tịnh nói đến các đức Như Lai, các đệ tử của các đức Như Lai là các vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt, và các vị Phật Độc Giác; các vị này là chư thiên do thanh tịnh. Đức Thế Tôn, sau khi biết rõ chư thiên do chế định là "chư thiên bậc thượng", sau khi biết rõ chư thiên do tái sanh là "chư thiên bậc thượng", sau khi biết rõ chư thiên do thanh tịnh là "chư thiên bậc thượng", sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt.

"Sau khi biết rõ chư thiên bậc thượng" là như thế.

Ngài đã hiểu biết tất cả từ thấp đến cao: Đức Thế Tôn đã hiểu biết, đã biết rõ, đã nhìn thấy, đã thấu triệt các pháp tạo thành chư thiên bậc thượng cho bản thân và cho những người khác. Các pháp tạo thành chư thiên bậc thượng cho bản thân là những pháp nào? Sự thực hành đúng đắn, sự thực hành phù hợp, sự thực hành không trái ngược, sự thực hành đưa đến lợi ích, sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, việc làm đầy đủ các giới, việc phòng vệ các giác quan, việc biết chừng mực về vật thực, sự luyện tập về tỉnh thức, niệm và sự nhận biết rõ, bốn sự thiết lập niệm,… (nt)… đạo lộ Thánh thiện tám chi phần. Các việc này được gọi là các pháp tạo thành chư thiên bậc thượng cho bản thân. Các pháp tạo thành chư thiên bậc thượng cho những người khác là những pháp nào? Sự thực hành đúng đắn,… (nt)… đạo lộ Thánh thiện tám chi phần. Các việc này được gọi là các pháp tạo thành chư thiên bậc thượng cho những người khác. Đức Thế Tôn đã hiểu biết, đã biết rõ, đã nhìn thấy, đã thấu triệt các pháp tạo thành chư thiên bậc thượng cho bản thân và cho những người khác như vậy.

"Ngài đã hiểu biết tất cả từ thấp đến cao" là như thế.

Bậc Đạo sư là vị giải quyết dứt điểm các câu hỏi: Đức Thế Tôn là vị làm chấm dứt, vị làm kết thúc, vị làm giới hạn, vị làm việc khoanh vùng cho các câu hỏi của những vị đang trên đường đi đến bờ kia; là vị làm chấm dứt, vị làm kết thúc, vị làm giới hạn, vị làm việc khoanh vùng cho các câu hỏi của vị Sabhiya; là vị làm chấm dứt, vị làm kết thúc, vị làm giới hạn, vị làm việc khoanh vùng cho các câu hỏi của Thiên chủ Sakka, cho các câu hỏi của Thiên tử Suyāma, cho các câu hỏi của các vị Tỳ-khưu, cho các câu hỏi của các vị Tỳ-khưu-ni, cho các

câu hỏi của các nam cư sĩ, cho các câu hỏi của nữ cư sĩ, cho các câu hỏi của các vị vua, cho các câu hỏi của các vị Sát-đế-ly, cho các câu hỏi của các Bà-la-môn, thương buôn và nô lệ, cho các câu hỏi của chư thiên, cho các câu hỏi của Phạm thiên. "Vị giải quyết dứt điểm các câu hỏi" là như thế.

Bậc Đạo sư: Đức Thế Tôn là người chỉ đạo đoàn xe. Giống như người chỉ đạo đoàn xe giúp các đoàn xe vượt qua hiểm lộ, giúp vượt qua hiểm lộ có trộm cướp, giúp vượt qua hiểm lộ có thú dữ, giúp vượt qua hiểm lộ có khó khăn về vật thực, giúp vượt qua hiểm lộ không có nước, giúp cho vượt lên, giúp cho vượt ra, giúp cho vượt khỏi, giúp cho đạt đến vùng đất hoàn toàn an ổn; tương tự y như thế, đức Thế Tôn là người chỉ đạo đoàn xe giúp chúng sanh vượt qua hiểm lộ, giúp vượt qua hiểm lộ của sanh, giúp vượt qua hiểm lộ của già-bệnh-chết-sầu-bi-khổ-ưu-não, giúp vượt qua hiểm lộ của luyến ái, giúp vượt qua hiểm lộ của sân hận,... si mê,... ngã mạn,... tà kiến,... ô nhiễm,... uế hạnh, giúp vượt qua sự nắm giữ của luyến ái, giúp vượt qua sự nắm giữ của sân hận,... sự nắm giữ của si mê,... sự nắm giữ của tà kiến,... ô nhiễm,... uế hạnh, giúp cho vượt lên, giúp cho vượt ra, giúp cho vượt khỏi, giúp cho đạt đến vùng đất hoàn toàn an ổn, bất tử, Niết-bàn. "Đức Thế Tôn là người chỉ đạo đoàn xe" là như vậy.

Hoặc là, đức Thế Tôn là bậc Hướng Đạo, bậc Hướng Dẫn, bậc Đoạn Nghi, bậc Truyền Đạt, bậc Truyền Thụ, bậc Khơi Mở, bậc Khởi Tín. "Đức Thế Tôn là người chỉ đạo đoàn xe" còn là như vậy. Hoặc là, đức Thế Tôn là vị làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi, là vị làm sanh ra đạo lộ chưa được sanh ra, là vị tuyên thuyết đạo lộ chưa được tuyên thuyết, là vị biết về đạo lộ, là vị hiểu rõ về đạo lộ, là vị rành rẽ về đạo lộ. Và hơn nữa, những người đi theo đạo lộ, là các đệ tử của Ngài, hiện nay đang an trú và sau này sẽ thành tựu [đạo lộ ấy]. "Đức Thế Tôn là người chỉ đạo đoàn xe" còn là như vậy.

"Bậc Đạo sư là vị giải quyết dứt điểm các câu hỏi" là như thế.

Của những người có sự nghi ngờ đang bày tỏ [với Ngài]: Những người có sự nghi ngờ sau khi đi đến thì trở thành không còn nghi ngờ, có sự day dứt sau khi đi đến thì trở thành không còn day dứt, có sự lưỡng lự sau khi đi đến thì trở thành không còn lưỡng lự, có hoài nghi sau khi đi đến thì trở thành không còn hoài nghi, có luyến ái sau khi đi đến thì trở thành có luyến ái đã được xa lìa, có sân hận sau khi đi đến thì trở thành có sân hận đã được xa lìa, có si mê sau khi đi đến thì trở thành có si mê đã được xa lìa, có ô nhiễm sau khi đi đến thì trở thành không còn ô nhiễm.

"Của những người có sự nghi ngờ đang bày tỏ [với Ngài]" là như thế.

Vì thế, vị Trưởng lão Piṅgiya đã nói:

"Sau khi biết rõ chư thiên bậc thượng, Ngài đã hiểu biết tất cả từ thấp đến cao. Bậc Đạo sư là vị giải quyết dứt điểm các câu hỏi của những người có sự nghi ngờ đang bày tỏ [với Ngài]."

26. *Đương nhiên, con sẽ đi đến trạng thái [Niết-bàn] không bị chuyển dịch, không bị lay động; không có pháp tương đương đối với Niết-bàn ở bất cứ đâu. Con không có sự nghi ngờ về nơi này. Xin Ngài hãy ghi nhận con là người có tâm đã được hướng đến như vậy.*

Không bị chuyển dịch, không bị lay động: Không bị chuyển dịch nói đến bất tử, Niết-bàn, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn.

Không bị chuyển dịch: Là không thể bị chuyển dịch bởi luyến ái, bởi sân hận, bởi si mê, bởi giận dữ, bởi thù hằn, bởi gièm pha, bởi ác ý, bởi ganh tỵ, bởi bỏn xẻn, bởi xảo trá, bởi lừa gạt, bởi bướng bỉnh, bởi hung hăng, bởi ngã mạn, bởi cao ngạo, bởi đam mê, bởi xao lãng, bởi tất cả ô nhiễm, bởi tất cả uế hạnh, bởi mọi sự bực bội, bởi các lậu hoặc, bởi mọi sự lo lắng, bởi mọi sự nóng nảy, bởi tất cả các pháp tạo tác bất thiện, Niết-bàn là thường còn, bền vững, trường tồn, không có bản chất biến đổi. "Không bị chuyển dịch" là như thế.

Không bị lay động: Không bị lay động nói đến bất tử, Niết-bàn, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác,... (nt)... sự diệt tận, Niết-bàn. Đối với pháp ấy, sự sanh lên không được biết đến, sự hoại diệt không được biết đến, trạng thái biến đổi của nó không được biết đến, Niết-bàn là thường còn, bền vững, trường tồn, không có bản chất biến đổi.

"Không bị chuyển dịch, không bị lay động" là như thế.

Không có pháp tương đương đối với Niết-bàn ở bất cứ đâu.

Đối với pháp ấy: Đối với Niết-bàn.

Không có pháp tương đương: Pháp tương đương là không có, pháp thay thế là không có, pháp tương tự là không có, pháp đối xứng là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại.

Ở bất cứ đâu: Ở bất cứ đâu là ở bất cứ nơi đâu, ở bất cứ chỗ nào, thuộc nội phần, hoặc thuộc ngoại phần, hoặc thuộc nội phần và ngoại phần.

"Không có pháp tương đương đối với Niết-bàn ở bất cứ đâu" là như thế.

Đương nhiên, con sẽ đi đến... Con không có sự nghi ngờ về nơi này.

Đương nhiên: Từ "*addhā*" này là lời nói nhất định, lời nói không ngờ vực, lời nói không nghi ngờ, lời nói không hai nghĩa, lời nói không gây ra sự lưỡng lự, lời nói bảo đảm, lời nói đưa đến lợi ích, lời nói không sai trái, lời nói không đối chọi, lời nói khẳng định.

Con sẽ đi đến: Con sẽ đi đến là con sẽ chứng đắc, con sẽ chạm đến, con sẽ chứng ngộ. "Đương nhiên, con sẽ đi đến" là như thế.

Con không có sự nghi ngờ về nơi này.

Về nơi này: Về Niết-bàn. Sự nghi ngờ là không có, sự hoài nghi là không có, sự lưỡng lự là không có, sự ngờ vực là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

"Đương nhiên, con sẽ đi đến... con không có sự nghi ngờ về nơi này" là như thế.

Xin Ngài hãy ghi nhận con là người có tâm đã được hướng đến như vậy.

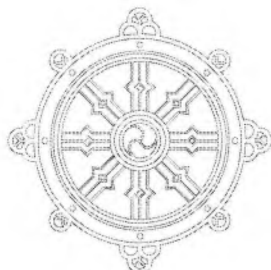
Xin Ngài hãy ghi nhận con như vậy: Xin Ngài hãy nhận định con có tâm uốn cong theo Niết-bàn, chiều theo Niết-bàn, xuôi theo Niết-bàn, hướng đến Niết-bàn như vậy.

"Xin Ngài hãy ghi nhận con là người có tâm đã được hướng đến như vậy" là như thế.

Vì thế, vị Trưởng lão Piṅgiya đã nói:

"Đương nhiên, con sẽ đi đến trạng thái [Niết-bàn] không bị chuyển dịch, không bị lay động; không có pháp tương đương đối với Niết-bàn ở bất cứ đâu. Con không có sự nghi ngờ về nơi này. Xin Ngài hãy ghi nhận con là người có tâm đã được hướng đến như vậy."

"Diễn giải phẩm Đường đi đến bờ kia" được chấm dứt.



DIỄN GIẢI KINH SỪNG TÊ NGƯU
(*KHAGGAVISĀṆASUTTANIDDESO*)

PHẨM THỨ NHẤT
(*PAṬHAMO VAGGO*)

1. *Buông bỏ việc hành hạ đối với tất cả chúng sanh,*
Không hãm hại bất cứ ai trong số họ,
Không ước muốn con cái, sao lại [ước muốn] bạn hữu?
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một].

Buông bỏ việc hành hạ đối với tất cả chúng sanh.

Đối với tất cả: Tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, từ "*sabbesu*" này là lối nói của sự bao gồm.

Chúng sanh: Chúng sanh nói đến những kẻ yếu ớt và những người vững chãi.

Những kẻ yếu ớt: Là những người có sự khao khát, có tham ái chưa được dứt bỏ, và là những người có sự sợ hãi và khiếp đảm chưa được dứt bỏ. Vì lý do gì họ được gọi là những kẻ yếu ớt? Những kẻ ấy run sợ, khiếp sợ, hoảng sợ, sợ hãi, rơi vào sự kinh sợ; vì lý do ấy, họ được gọi là những kẻ yếu ớt.

Những người vững chãi: Là những người có sự khao khát, có tham ái đã được dứt bỏ, và là những người có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ. Vì lý do gì họ được gọi là những người vững chãi? Những người ấy không run sợ, không khiếp sợ, không hoảng sợ, không sợ hãi, không rơi vào sự kinh sợ; vì lý do ấy, họ được gọi là những người vững chãi.

Việc hành hạ: Có ba sự hành hạ: Sự hành hạ bằng thân, sự hành hạ bằng khẩu, sự hành hạ bằng ý. Ba loại uế hạnh về thân là sự hành hạ bằng thân, bốn loại uế hạnh về khẩu là sự hành hạ bằng khẩu, ba loại uế hạnh về ý là sự hành hạ bằng ý.

Buông bỏ việc hành hạ đối với tất cả chúng sanh: Sau khi buông bỏ, sau khi để xuống, sau khi bỏ xuống, sau khi tự bỏ xuống, sau khi quăng bỏ, sau khi chấm dứt việc hành hạ đối với tất cả chúng sanh.

"Buông bỏ việc hành hạ đối với tất cả chúng sanh" là như thế.

Không hãm hại bất cứ ai trong số họ: Không hãm hại mỗi một chúng sanh bằng bàn tay, hoặc bằng cục đất, hoặc bằng gậy gộc, hoặc bằng vũ khí, hoặc bằng xiềng xích, hoặc bằng dây thừng; không hãm hại tất cả chúng sanh

bằng bàn tay, hoặc bằng cục đất, hoặc bằng gậy gộc, hoặc bằng vũ khí, hoặc bằng xiềng xích, hoặc bằng dây thừng.

"Không hãm hại bất cứ ai trong số họ" là như thế.

Không ước muốn con cái, sao lại [ước muốn] bạn hữu?

Không: Là sự phủ định.

Con cái: Có bốn loại con cái: Con ruột là con, con nhặt được là con, con nuôi là con, học trò là con.

Bạn hữu: Bạn hữu nói đến những người nào mà với những người ấy việc đến là thoải mái, việc đi là thoải mái, việc đi và đến là thoải mái, việc đứng là thoải mái, việc ngồi là thoải mái, việc nằm là thoải mái, việc nói chuyện là thoải mái, việc chuyện vãn là thoải mái, việc tán dương là thoải mái, việc tán dương qua lại là thoải mái.

Không ước muốn con cái, sao lại [ước muốn] bạn hữu: Ngay cả con cái cũng không ước muốn, không ưng thuận, không ước nguyện, không mong cầu, không nguyện cầu, còn các thân hữu, hoặc các vị đồng quan điểm, hoặc các vị thân thiết, hoặc các bạn hữu, tại sao lại ước muốn, lại ưng thuận, lại ước nguyện, lại mong cầu, lại nguyện cầu?

"Không ước muốn con cái, sao lại [ước muốn] bạn hữu" là như thế.

Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một].

Một mình: Vị Phật Độc Giác ấy là một mình theo quy định của đời sống xuất gia, một mình với ý nghĩa không người thứ hai, một mình với ý nghĩa dứt bỏ tham ái, một mình "có luyến ái đã được xa lìa hoàn toàn", một mình "có sân hận đã được xa lìa hoàn toàn", một mình "có si mê đã được xa lìa hoàn toàn", một mình "hoàn toàn không còn ô nhiễm", một mình "đã đi con đường độc đạo", một mình "đã tự mình giác ngộ quả vị Độc giác vô thượng." "Một mình" là như thế.

Vị Phật Độc Giác ấy là một mình theo quy định của đời sống xuất gia nghĩa là thế nào? Vị Phật Độc Giác ấy sau khi cắt đứt mọi sự vướng bận của đời sống tại gia, sau khi cắt đứt sự vướng bận về vợ con, sau khi cắt đứt sự vướng bận về thân quyến, sau khi cắt đứt sự vướng bận về việc tích trữ, sau khi cạo bỏ râu tóc, khoác lên các tấm vải màu ca-sa, rời nhà xuất gia, sống không nhà, sau khi đi đến trạng thái không có gì, một mình sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng. "Vị Phật Độc Giác ấy là một mình theo quy định của đời sống xuất gia" nghĩa là như vậy.

Vị Phật Độc Giác ấy là một mình với ý nghĩa không người thứ hai nghĩa là thế nào? Vị ấy, trong khi đã được xuất gia như vậy, một mình thân cận các khu rừng, các khu rừng thưa, các chỗ trú ngụ xa vắng có ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh. Vị ấy sống một mình, đi một mình, đứng một mình, ngồi một mình, nằm một mình, đi vào làng để khất thực một mình, đi đến nơi một mình, đi trở về

một mình, ngồi nơi vắng vẻ một mình, quyết định kinh hành một mình, sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng một mình. "Vị Phật Độc Giác ấy là một mình với ý nghĩa không người thứ hai" nghĩa là như vậy.

Vị Phật Độc Giác ấy là một mình với ý nghĩa dứt bỏ tham ái nghĩa là thế nào? Vị ấy một mình như vậy, không người thứ hai, trong khi sống không bị xao lãng, có nhiệt tâm, có bản tánh cương quyết, trong khi đang nỗ lực sự nỗ lực vĩ đại, sau khi đã phá tan Ma vương, thần chết, hắc ám, thân quyến của những kẻ bị xao lãng, cùng với đạo quân binh, rồi đã dứt bỏ, đã xua đi, đã làm chấm dứt, đã làm cho không còn hiện hữu sự vướng mắc là mạng lưới tham ái đã được căng ra.

1. *"Có tham ái là bạn lữ, trong khi luân chuyển một thời gian dài đến cõi này và cõi khác, con người không vượt qua được luân hồi.*

2. *Sau khi biết được sự bất lợi như vậy, [biết được] tham ái là nguồn sanh khởi của khổ, vị Tỳ-khưu, có tham ái đã được xa lìa, không có sự nắm giữ, có niệm, nên ra đi du phương."*

Vị Phật Độc Giác ấy là một mình với ý nghĩa dứt bỏ tham ái nghĩa là như vậy.

Vị Phật Độc Giác ấy là vị một mình "có luyến ái đã được xa lìa hoàn toàn" nghĩa là thế nào? Là vị một mình "có luyến ái đã được xa lìa hoàn toàn" do trạng thái đã được dứt bỏ đối với luyến ái, là vị một mình "có sân hận đã được xa lìa hoàn toàn" do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sân hận, là vị một mình "có si mê đã được xa lìa hoàn toàn" do trạng thái đã được dứt bỏ đối với si mê, là vị một mình "hoàn toàn không còn ô nhiễm" do trạng thái đã được dứt bỏ đối với các ô nhiễm. Vị Phật Độc Giác ấy là vị một mình "có luyến ái đã được xa lìa hoàn toàn" nghĩa là như vậy.

Vị Phật Độc Giác ấy là vị một mình "đã đi con đường độc đạo" nghĩa là thế nào? Con đường độc đạo nói đến bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần.

3. *"Vị nhìn thấy sự tiêu hoại và chấm dứt của sanh, có lòng thương tưởng đến điều lợi ích, nhận biết con đường độc đạo. Trong thời quá khứ các vị đã vượt qua, [trong thời vị lai] các vị sẽ vượt qua, và [trong thời hiện tại] các vị đang vượt qua dòng lũ bằng con đường này."*

Vị Phật Độc Giác ấy là vị một mình "đã đi con đường độc đạo" nghĩa là như vậy.

Vị Phật Độc Giác ấy là vị một mình "đã tự mình giác ngộ quả vị Độc giác vô thượng" nghĩa là thế nào? Quả vị giác ngộ nói đến trí [ở bốn đạo], nói đến tuệ, tuệ quyền, tuệ lực,... (nt)... trạch pháp giác chi, sự thẩm xét, sự thấy rõ, chánh kiến ở bốn đạo. Nhờ vào trí giác ngộ cá thể ấy, vị Phật Độc Giác ấy đã giác ngộ rằng: "Tất cả các hành là vô thường", đã giác ngộ rằng: "Tất cả các hành là khổ", đã giác ngộ rằng: "Tất cả các pháp là vô ngã", đã giác ngộ rằng:

"Vô minh duyên cho các hành", đã giác ngộ rằng: "Các hành duyên cho thức", đã giác ngộ rằng: "Thức duyên cho danh sắc", đã giác ngộ rằng: "Danh sắc duyên cho sáu xứ", đã giác ngộ rằng: "Sáu xứ duyên cho xúc", đã giác ngộ rằng: "Xúc duyên cho thọ", đã giác ngộ rằng: "Thọ duyên cho ái", đã giác ngộ rằng: "Ái duyên cho thủ", đã giác ngộ rằng: "Thủ duyên cho hữu", đã giác ngộ rằng: "Hữu duyên cho sanh", đã giác ngộ rằng: "Sanh duyên cho lão, tử", đã giác ngộ rằng: "Do sự diệt tận của vô minh [đưa đến] sự diệt tận của các hành", đã giác ngộ rằng: "Do sự diệt tận của các hành [đưa đến] sự diệt tận của thức", đã giác ngộ rằng: "Do sự diệt tận của thức [đưa đến] sự diệt tận của danh sắc", đã giác ngộ rằng: "Do sự diệt tận của danh sắc [đưa đến] sự diệt tận của sáu xứ", đã giác ngộ rằng: "Do sự diệt tận của sáu xứ [đưa đến] sự diệt tận của xúc", đã giác ngộ rằng: "Do sự diệt tận của xúc [đưa đến] sự diệt tận của thọ", đã giác ngộ rằng: "Do sự diệt tận của thọ [đưa đến] sự diệt tận của ái", đã giác ngộ rằng: "Do sự diệt tận của ái [đưa đến] sự diệt tận của thủ", đã giác ngộ rằng: "Do sự diệt tận của thủ [đưa đến] sự diệt tận của hữu", đã giác ngộ rằng: "Do sự diệt tận của hữu [đưa đến] sự diệt tận của sanh", đã giác ngộ rằng: "Do sự diệt tận của sanh [đưa đến] sự diệt tận của lão, tử", đã giác ngộ rằng: "Đây là khổ", đã giác ngộ rằng: "Đây là nhân sanh khổ", đã giác ngộ rằng: "Đây là sự diệt tận khổ", đã giác ngộ rằng: "Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ", đã giác ngộ rằng: "Đây là các lậu hoặc", đã giác ngộ rằng: "Đây là nhân sanh các lậu hoặc", đã giác ngộ rằng: "Đây là sự diệt tận các lậu hoặc", đã giác ngộ rằng: "Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận các lậu hoặc", đã giác ngộ rằng: "Các pháp này cần được biết toàn diện", đã giác ngộ rằng: "Các pháp này cần được dứt bỏ", đã giác ngộ rằng: "Các pháp này cần được tu tập", đã giác ngộ rằng: "Các pháp này cần được chứng ngộ", đã giác ngộ về nhân sanh khởi, sự tiêu hoại, sự hứng thú, sự bất lợi và sự thoát ra của sáu xúc xứ; đã giác ngộ về nhân sanh khởi,… (nt)… và sự thoát ra năm thủ uẩn; đã giác ngộ về nhân sanh khởi, sự tiêu hoại, sự hứng thú, sự bất lợi, và sự thoát ra bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió]; đã giác ngộ rằng: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

Hoặc là, điều gì có thể giác ngộ [bởi Sơ đạo], có thể giác ngộ [bởi Nhị đạo], có thể giác ngộ [bởi Tam đạo], có thể giác ngộ [bởi Tứ đạo],[1] có thể chứng đắc, có thể chạm đến, có thể chứng ngộ, Ngài đã giác ngộ [Sơ đạo], đã giác ngộ [Nhị đạo], đã giác ngộ [Tam đạo], đã giác ngộ [Tứ đạo], đã giác ngộ đúng đắn, đã chứng đắc, đã chạm đến, đã chứng ngộ toàn bộ điều ấy nhờ vào trí giác ngộ cá thể ấy. Vị Phật Độc Giác ấy là vị một mình "đã tự mình giác ngộ quả vị Độc giác vô thượng" nghĩa là như vậy.

Nên sống: Có tám sự thực hành:[2] Sự thực hành về oai nghi, sự thực hành

---

[1] Xem chú thích 5 ở trang 379. (ND)

[2] Động từ *carati* có ý nghĩa chính là "đi bộ", nhưng ở những ngữ cảnh khác còn có ý nghĩa là "sống, thực hành, cư xử", v.v... Vì thế, ở đoạn văn trên, danh từ tương ứng *cariyā* của động từ *carati* được dịch là "cách thực hành" cho phù hợp với ngữ cảnh. (ND)

về xứ, sự thực hành về niệm, sự thực hành về định, sự thực hành về trí, sự thực hành về đạo, sự thực hành về chứng đạt, sự thực hành về lợi ích cho thế gian. Sự thực hành về oai nghi: Là ở bốn oai nghi [đi, đứng, nằm, ngồi]. Sự thực hành về xứ: Là ở sáu nội và ngoại xứ. Sự thực hành về niệm: Là ở bốn sự thiết lập niệm. Sự thực hành về định: Là ở tám thiền. Sự thực hành về trí: Là ở bốn chân lý cao thượng. Sự thực hành về đạo: Là ở bốn Thánh đạo. Sự thực hành về chứng đạt: Là ở bốn quả vị của đời sống Sa-môn. Sự thực hành về lợi ích cho thế gian: Là ở các đức Như Lai, A-la-hán Chánh Đẳng Giác, một phần ở các đức Phật Độc Giác, một phần ở các vị Thinh văn. Sự thực hành về oai nghi dành cho những vị có nguyện vọng, sự thực hành về xứ dành cho những vị có sự phòng vệ các giác quan, sự thực hành về niệm dành cho những vị an trú ở sự không xao lãng, sự thực hành về định dành cho những vị gắn bó với tăng thượng tâm, sự thực hành về trí dành cho những vị có sự giác ngộ, sự thực hành về đạo dành cho những vị thực hành đúng đắn, sự thực hành về chứng đạt dành cho những vị đã chứng đắc quả vị, sự thực hành về lợi ích cho thế gian dành cho các đức Như Lai, A-la-hán Chánh Đẳng Giác, một phần dành cho các đức Phật Độc Giác, một phần dành cho các vị Thinh văn; các điều này là tám sự thực hành.

Còn có tám sự thực hành khác nữa: Trong khi đang hướng đến thì thực hành với đức tin, trong khi đang ra sức thì thực hành với tinh tấn, trong khi đang thiết lập thì thực hành với niệm, trong khi đang tạo ra sự không tán loạn thì thực hành với định, trong khi đang nhận biết thì thực hành với tuệ, trong khi đang nhận thức thì thực hành với thức, [nghĩ rằng:] "Các thiện pháp sẽ xảy đến cho người luyện tập như vậy" rồi thực hành với sự thực hành về xứ, [nghĩ rằng:] "Người luyện tập như vậy sẽ chứng đắc một cách đặc biệt", rồi thực hành với sự thực hành đặc biệt; các điều này là tám sự thực hành.

Còn có tám sự thực hành khác nữa: Thực hành về sự nhận thức là thuộc về chánh kiến, thực hành về sự gắn chặt [tâm vào cảnh] là thuộc về chánh tư duy, thực hành về sự gìn giữ là thuộc về chánh ngữ, thực hành về nguồn sanh khởi là thuộc về chánh nghiệp, thực hành về sự trong sạch là thuộc về chánh mạng, thực hành về sự ra sức là thuộc về chánh tinh tấn, thực hành về sự thiết lập là thuộc về chánh niệm, thực hành về sự không tán loạn là thuộc về chánh định; các điều này là tám sự thực hành.

Tựa như sừng của loài tê ngưu: Giống như tên gọi của loài tê ngưu, sừng của nó chỉ có một, không có cái thứ hai, tương tự y như vậy, vị Phật Độc Giác ấy là tựa như vật ấy, tương tự vật ấy, có sự so sánh với vật ấy. Giống như quá mặn được gọi là tựa như muối, quá đắng được gọi là tựa như mướp đắng, quá ngọt được gọi là tựa như mật ong, quá nóng được gọi là tựa như lửa, quá lạnh được gọi là tựa như tuyết, khối nước lớn được gọi là tựa như biển, vị Thinh văn đạt được năng lực vĩ đại của thắng trí được gọi là tựa như bậc Đạo sư; tương tự y như vậy, vị Phật Độc Giác ấy là tựa như vật ấy, tương tự vật ấy, có sự so sánh với vật ấy, một mình, không người thứ hai, có sự trói buộc đã được mở ra,

sống một cách chân chánh ở thế gian, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng.

"Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]" là như thế.

Vì thế, vị Phật Độc Giác ấy đã nói rằng:

"Buông bỏ việc hành hạ đối với tất cả chúng sanh,
Không hãm hại bất cứ ai trong số họ,
Không ước muốn con cái, sao lại [ước muốn] bạn hữu?
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]."

2. *Đối với người đã có sự giao tiếp, các sự thương yêu hiện hữu;*
Theo sau sự thương yêu là khổ đau này được hình thành.
Trong khi xét thấy điều bất lợi sanh lên từ sự thương yêu,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một].

Đối với người đã có sự giao tiếp, các sự thương yêu hiện hữu.

Sự giao tiếp: Có hai sự giao tiếp: Sự giao tiếp do thấy và sự giao tiếp do nghe. Việc nào là sự giao tiếp do thấy? Ở đây, một người nào đó nhìn thấy người đàn bà hoặc thiếu nữ tuyệt sắc, đáng nhìn, đáng mến, có vẻ đẹp tuyệt vời của làn da; sau khi ngó thấy, sau khi nhìn thấy thì nắm giữ hình tướng thuộc về chi tiết [rằng]: "Mái tóc đẹp, hoặc khuôn mặt đẹp, hoặc cặp mắt đẹp, hoặc hai tai đẹp, hoặc mũi đẹp, hoặc đôi môi đẹp, hoặc hàm răng đẹp, hoặc miệng đẹp, hoặc cổ đẹp, hoặc vú đẹp, hoặc ngực đẹp, hoặc bụng đẹp, hoặc hông đẹp, hoặc bắp vế đẹp, hoặc cẳng chân đẹp, hoặc hai bàn tay đẹp, hoặc hai bàn chân đẹp, hoặc các ngón tay đẹp, hoặc các móng đẹp"; sau khi ngó thấy, sau khi nhìn thấy, thì thích thú, tán thưởng, ước nguyện, tưởng nhớ, trở nên gắn bó, theo đuổi sự trói buộc vì luyến ái. Việc này là sự giao tiếp do thấy.

Việc nào là sự giao tiếp do nghe? Ở đây, một người nào đó nghe rằng: "Ở ngôi làng, hoặc ở thị trấn tên gọi như vậy, có người đàn bà hoặc thiếu nữ tuyệt sắc, đáng nhìn, đáng mến, có vẻ đẹp tuyệt vời của làn da"; sau khi nghe được, sau khi lắng nghe thì thích thú, tán thưởng, ước nguyện, trở nên gắn bó, theo đuổi sự trói buộc vì luyến ái. Việc này là sự giao tiếp do nghe.

Sự thương yêu: Có hai sự thương yêu: Sự thương yêu do tham ái và sự thương yêu do tà kiến. Việc nào là sự thương yêu do tham ái? Cho đến vật đã được tạo lập ranh giới, đã được tạo lập biên giới, đã được tạo lập giới hạn, đã được tạo lập hạn định, đã thuộc sở hữu, đã được chấp là của ta bởi cái gọi là tham ái rằng: "Cái này là của tôi, cái ấy là của tôi, chừng này là của tôi, cho đến chừng này là của tôi", các sắc, các thinh, các hương, các vị, các xúc, các vật trải, các vật đắp, các tôi trai tớ gái, các con dê cừu, các con gà, heo, voi, bò, ngựa, lừa, ruộng, đất, vàng, bạc, làng mạc, thị trấn, kinh thành, quốc độ, xứ sở, khu trại, nhà kho của tôi, và luôn cả toàn thể đại địa cầu đều được chấp là của ta do tác động của tham ái, được giải rộng ra cho đến một trăm lẻ tám ái. Việc này là sự thương yêu do tham ái.

Việc nào là sự thương yêu do tà kiến? Thân kiến có hai mươi nền tảng, tà kiến có mười nền tảng, hữu biên kiến có mười nền tảng, quan điểm nào có hình thức như vậy là sự đi đến tà kiến, có sự nắm giữ của tà kiến, có sự hiểm trở của tà kiến, có sự bóp méo của tà kiến, có sự xáo động của tà kiến, có sự ràng buộc của tà kiến, là sự nắm lấy, sự chấp nhận, sự chấp chặt, sự bám víu, con đường xấu, con đường sai trái, bản thể sai trái, ngoại giáo, sự nắm lấy đường lối trái nghịch, sự nắm lấy điều sai lệch, sự nắm lấy điều trái khuấy, sự nắm lấy điều sai trái, sự nắm lấy điều không xác đáng cho là xác đáng, cho đến sáu mươi hai tà kiến. Việc này là sự thương yêu do tà kiến.

Đối với người đã có sự giao tiếp, các sự thương yêu hiện hữu: Do duyên giao tiếp do thấy và do duyên giao tiếp do nghe, sự thương yêu do tham ái và sự thương yêu do tà kiến hiện hữu, xuất phát, sanh ra, sanh khởi, hạ sanh, phát sanh, xuất hiện.

"Đối với người đã có sự giao tiếp, các sự thương yêu hiện hữu" là như thế.

Theo sau sự thương yêu là khổ đau này được hình thành.

Sự thương yêu: Có hai sự thương yêu: Sự thương yêu do tham ái và sự thương yêu do tà kiến. ... (nt)... Việc này là sự thương yêu do tham ái. ... (nt)... Việc này là sự thương yêu do tà kiến.

Khổ đau này được hình thành: Ở đây, một người nào đó làm hành động xấu xa bằng thân, làm hành động xấu xa bằng khẩu, làm hành động xấu xa bằng ý, giết hại mạng sống, lấy vật chưa được cho, đột nhập gia cư, mang đi vật cướp được, làm kẻ đạo tặc, đứng cướp dọc đường, đi đến với vợ người khác, nói lời dối trá. Dân chúng sau khi bắt lấy kẻ ấy rồi trình lên đức vua: "Tâu bệ hạ, gã trộm cướp này là kẻ làm điều tội lỗi. Đối với kẻ này, xin ngài hãy giáng hình phạt theo ý muốn." Đức vua mắng nhiếc kẻ ấy. Kẻ ấy, do duyên mắng nhiếc, khởi lên sự sợ hãi, cảm thọ khổ ưu. Sự sợ hãi, khổ ưu này do đâu mà xảy đến cho kẻ ấy? Được sanh lên do duyên thương yêu, do duyên niềm vui, do duyên luyến ái, do duyên niềm vui và luyến ái. Chỉ với chừng ấy, đức vua không được vui.

Đức vua ra lệnh giam cầm kẻ ấy với việc trói bằng xiềng, hoặc trói bằng dây thừng, hoặc trói bằng dây xích, hoặc trói bằng dây mây, hoặc trói bằng dây leo, hoặc với việc giam trong hố, hoặc giam trong hào, hoặc giam trong làng, hoặc giam trong thị trấn, hoặc giam trong thành phố, hoặc giam trong quốc độ, hoặc giam trong xứ sở, thậm chí còn khuyên bảo rằng: "Ngươi không được phép ra khỏi nơi này." Kẻ ấy, do duyên giam cầm, cảm thọ khổ ưu. Sự sợ hãi, khổ ưu này do đâu mà xảy đến cho kẻ ấy? Được sanh lên do duyên thương yêu, do duyên niềm vui, do duyên luyến ái, do duyên niềm vui và luyến ái. Chỉ với chừng ấy, đức vua không được vui.

Đức vua ra lệnh kẻ ấy đem lại tài sản của kẻ ấy: Một trăm, một ngàn hoặc một trăm ngàn. Kẻ ấy, do duyên mất mát tài sản, cảm thọ khổ ưu. Sự sợ hãi, khổ ưu này do đâu mà xảy đến cho kẻ ấy? Được sanh lên do duyên thương yêu,

do duyên niềm vui, do duyên luyến ái, do duyên niềm vui và luyến ái. Chỉ với chừng ấy, đức vua không được vui.

Đức vua ra lệnh thực hiện nhiều loại hình phạt ở thân đối với kẻ ấy: Đánh bằng các cây roi, đánh bằng các dây mây, đánh bằng các gậy ngắn, chặt bàn tay, chặt bàn chân, chặt bàn tay và bàn chân, cắt tai, xẻo mũi, cắt tai và xẻo mũi, [đập vỡ đầu] làm thành như hũ cháo chua, lột da đầu, đốt lửa ở miệng, thiêu sống, đốt cháy ở bàn tay, lột da thành sợi, lột da thành đống để ở chân, kéo căng thân người ở trên đất, xiên da thịt bằng lưỡi câu, khoét thịt thành đồng tiền, chà xát với chất kiềm, quay tròn ở trên thập tự giá, đánh cho nhừ tử, rưới bằng dầu sôi, cho những con chó gặm, đặt trên giáo nhọn lúc còn sống, chặt đầu bằng gươm. Kẻ ấy, do duyên các hình phạt ở thân, cảm thọ khổ ưu. Sự sợ hãi, khổ ưu này do đâu mà xảy đến cho kẻ ấy? Được sanh lên do duyên thương yêu, do duyên niềm vui, do duyên luyến ái, do duyên niềm vui và luyến ái. Đức vua là chúa tể của bốn hình phạt này.

Kẻ ấy, với nghiệp của mình, do sự hoại rã của thân, do sự chết đi, bị sanh vào chốn bất hạnh, cõi khổ, nơi trừng phạt, địa ngục. Những người giữ địa ngục cho thực hiện hình phạt "trói buộc năm cách" đối với kẻ ấy: Họ dùng cọc sắt đã được đốt nóng đóng vào ở bàn tay, họ dùng cọc sắt đã được đốt nóng đóng vào ở bàn tay thứ hai, họ dùng cọc sắt đã được đốt nóng đóng vào ở bàn chân, họ dùng cọc sắt đã được đốt nóng đóng vào ở bàn chân thứ hai, họ dùng cọc sắt đã được đốt nóng đóng vào ở giữa ngực. Kẻ ấy, ở tại nơi ấy, cảm nhận các thọ khổ, sắc bén, khốc liệt, nhức nhối; nhưng kẻ ấy không thể chết đi chừng nào ác nghiệp ấy còn chưa chấm dứt. Sự sợ hãi, khổ ưu này do đâu mà xảy đến cho kẻ ấy? Được sanh lên do duyên thương yêu, do duyên niềm vui, do duyên luyến ái, do duyên niềm vui và luyến ái.

Những người giữ địa ngục bắt kẻ ấy nằm xuống và dùng những cái rìu băm nát. Những người giữ địa ngục nắm lấy kẻ ấy, chân phía trên đầu phía dưới, và dùng những cái búa băm nát. Những người giữ địa ngục cột kẻ ấy vào cỗ xe rồi cho kéo tới kéo lui ở trên đất đã được đốt cháy, sáng rực, đỏ rực. Những người giữ địa ngục bắt kẻ ấy trèo lên, trèo xuống ở ngọn núi than hừng to lớn đã được đốt cháy, sáng rực, đỏ rực. Những người giữ địa ngục nắm lấy kẻ ấy, chân phía trên đầu phía dưới, rồi ném vào chảo đồng đã được đốt nóng, đốt cháy, sáng rực, đỏ rực. Kẻ ấy, ở tại nơi ấy, bị nung nấu ở bọt nước sôi sục. Kẻ ấy, ở tại nơi ấy, trong khi bị nung nấu ở bọt nước sôi sục, lúc thì nổi lên trên, lúc thì chìm xuống dưới, lúc thì trôi ngang. Kẻ ấy, ở tại nơi ấy, cảm nhận các thọ sắc bén, khốc liệt, nhức nhối; nhưng kẻ ấy không thể chết đi chừng nào ác nghiệp ấy còn chưa chấm dứt. Sự sợ hãi, khổ ưu này do đâu mà xảy đến cho kẻ ấy? Được sanh lên do duyên thương yêu, do duyên niềm vui, do duyên luyến ái, do duyên niềm vui và luyến ái. Những người giữ địa ngục ném kẻ ấy vào đại địa ngục. Quả vậy, đại địa ngục ấy là:

1. *"[Đại địa ngục] có bốn góc, có bốn cửa lớn, được chia thành các phần cân đối, được bao quanh bằng tường sắt, được đậy lại bằng mái sắt.*

2. *Nền của [đại địa ngục] làm bằng sắt, được thiêu đốt, cháy với lửa ngọn, luôn luôn tỏa khắp và tồn tại xung quanh một trăm do-tuần.*

3. *[Các đại địa ngục] có sự đốt nóng khổ sở, ghê rợn, có ngọn lửa khó lại gần, có hình dạng làm rởn lông, ghê rợn, gây ra sự sợ hãi, khó chịu.*[3]

4. *Khối lửa được phát khởi ở bức tường hướng Đông, trong khi thiêu đốt những kẻ có ác nghiệp, đi đến chạm vào [khối lửa] ở hướng Tây.*

5. *Khối lửa được phát khởi ở bức tường hướng Tây, trong khi thiêu đốt những kẻ có ác nghiệp, đi đến chạm vào [khối lửa] ở hướng Đông.*

6. *Khối lửa được phát khởi ở bức tường hướng Bắc, trong khi thiêu đốt những kẻ có ác nghiệp, đi đến chạm vào [khối lửa] ở hướng Nam.*

7. *Khối lửa được phát khởi ở bức tường hướng Nam, trong khi thiêu đốt những kẻ có ác nghiệp, đi đến chạm vào [khối lửa] ở hướng Bắc.*

8. *Khối lửa khủng khiếp phát xuất từ bên dưới, trong khi thiêu đốt những kẻ có ác nghiệp, đi đến chạm vào [khối lửa] ở mái che [bên trên].*

9. *Khối lửa khủng khiếp phát xuất từ mái che, trong khi thiêu đốt những kẻ có ác nghiệp, đi đến chạm vào [khối lửa] ở mặt đất [bên dưới].*

10. *Cái chảo sắt đã được đốt cháy, nóng đỏ, sáng chói như thế nào thì địa ngục Avīci, ở bên dưới, bên trên và bên hông là như vậy.*

11. *Ở nơi ấy, những chúng sanh vô cùng hung dữ, đã gây ra trọng tội, có hành động cực kỳ ác độc, bị nung nấu và không thể chết đi.*

12. *Thân thể của họ, những cư dân ở địa ngục, giống như ngọn lửa. Hãy nhìn xem tính chất vững bền của nghiệp, không như tro, cũng không như bụi.*

13. *Họ chạy về hướng Đông, rồi từ đó chạy về hướng Tây. Họ chạy về hướng Bắc, rồi từ đó họ chạy về hướng Nam.*

14. *Họ chạy đến bất cứ hướng nào, cánh cửa hướng ấy đều được đóng lại. Với niềm mong mỏi được thoát ra, các chúng sanh ấy có sự tìm kiếm lối thoát.*

15. *Họ không thể đi ra khỏi nơi ấy bởi vì nghiệp duyên, khi ác nghiệp của họ đã tạo có nhiều và còn chưa trả xong."*

Sự sợ hãi, khổ ưu này do đâu mà xảy đến cho kẻ ấy? Được sanh lên do duyên thương yêu, do duyên niềm vui, do duyên luyến ái, do duyên niềm vui và luyến ái. Những khổ đau ở địa ngục, những khổ đau ở loài thú, những khổ đau ở thân phận ngạ quỷ, những khổ đau ở cõi người, những khổ đau ấy do đâu đã được sanh ra, do đâu đã được sanh khởi, do đâu đã được hạ sanh, do đâu đã được phát sanh, do đâu đã được xuất hiện? Do duyên thương yêu, do duyên niềm vui, do duyên luyến ái, do duyên niềm vui và luyến ái, mà những khổ đau ấy hiện hữu, xuất phát, sanh ra, sanh khởi, hạ sanh, phát sanh, xuất hiện.

[3] *Bổn sanh* "Ẩn sĩ Saṅkicca" (*Saṅkiccajātakaṃ*), số 530, *TTPV*, tập 33, trang 275, câu kệ 3483. (ND)

"Theo sau sự thương yêu là khổ đau này được hình thành" là như thế.

Trong khi xét thấy điều bất lợi sanh lên từ sự thương yêu.

Sự thương yêu: Có hai sự thương yêu: Sự thương yêu do tham ái và sự thương yêu do tà kiến. ... (nt)... Việc này là sự thương yêu do tham ái. ... (nt)... Việc này là sự thương yêu do tà kiến.

Trong khi xét thấy điều bất lợi sanh lên từ sự thương yêu: Người có sự thương yêu do tham ái và sự thương yêu do tà kiến trong khi xét thấy, trong khi nhận thấy, trong khi quan sát, trong khi suy xét, trong khi khảo sát điều bất lợi sanh lên từ sự thương yêu.

"Trong khi xét thấy điều bất lợi sanh lên từ sự thương yêu, nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]" là như thế.

Vì thế, vị Phật Độc Giác ấy đã nói rằng:

"Đối với người đã có sự giao tiếp, các sự thương yêu hiện hữu;
Theo sau sự thương yêu là khổ đau này được hình thành.
Trong khi xét thấy điều bất lợi sanh lên từ sự thương yêu,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]."

3. *Trong khi thương tưởng đến các bạn bè thân hữu,*
[Thời] bê trễ điều lợi ích, có tâm bị ràng buộc.
Trong khi xét thấy nỗi sợ hãi này ở sự thân thiết,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một].

Trong khi thương tưởng đến các bạn bè thân hữu, [thời] bê trễ điều lợi ích, có tâm bị ràng buộc.

Bạn bè: Có hai loại bạn bè: Bạn bè tại gia và bạn bè xuất gia. Người nào là bạn bè tại gia? Ở đây, một người nào đó cho vật khó cho, từ bỏ điều khó từ bỏ, làm việc khó làm, nhẫn nại điều khó nhẫn nại, nói ra điều bí mật [của mình] cho bạn, che giấu điều bí mật của bạn, vào những lúc rủi ro không lìa bỏ [bạn], mạng sống được buông bỏ vì lợi ích của bạn, không khinh khi lúc [bạn] khánh tận. Người này là bạn bè tại gia.

Người nào là bạn bè xuất gia? Ở đây, vị Tỳ-khưu là đáng yêu, đáng mến, đáng kính, đáng trọng, là diễn giả, có sự nhẫn nại với lời nói, là vị thuyết giảng sâu sắc, và không xúi giục làm công việc không hợp lý, sách tấn về thắng giới, sách tấn việc chuyên cần tu tập bốn sự thiết lập niệm, sách tấn việc chuyên cần tu tập bốn chánh cần,... (nt)... bốn nền tảng của thần thông,... (nt)... năm quyền,... (nt)... năm lực,... (nt)... bảy yếu tố đưa đến giác ngộ,... (nt)... đạo lộ Thánh thiện tám chi phần. Người này là bạn bè xuất gia.

Thân hữu: Nói đến những người nào mà với những người ấy việc đến là thoải mái, việc đi là thoải mái, việc ngồi là thoải mái, việc nằm là thoải mái, việc nói chuyện là thoải mái, việc chuyện vãn là thoải mái, việc tán dương là thoải mái, việc tán dương qua lại là thoải mái.

Trong khi thương tưởng đến các bạn bè thân hữu, [thời] bê trễ điều lợi ích: Trong khi thương tưởng, trong khi lưu tâm, trong khi ủng hộ các bạn bè, các thân hữu, các vị đồng quan điểm, các vị thân thiết và các bạn hữu [thời] bê trễ lợi ích của bản thân, luôn cả lợi ích của người khác, luôn cả lợi ích của cả hai, [thời] bê trễ lợi ích trong đời này, bê trễ lợi ích trong đời sau, bê trễ luôn cả lợi ích là lợi ích tối thượng, [thời] bỏ bê, bỏ lơ, làm mất mát, lánh xa, làm biến mất. "Trong khi thương tưởng đến các bạn bè thân hữu, [thời] bê trễ điều lợi ích" là như thế.

Có tâm bị ràng buộc: Có tâm bị ràng buộc là bởi hai lý do: Trong khi hạ thấp bản thân và trong khi nâng cao người khác là có tâm bị ràng buộc, hoặc trong khi nâng cao bản thân và trong khi hạ thấp người khác là có tâm bị ràng buộc. Trong khi hạ thấp bản thân và trong khi nâng cao người khác là có tâm bị ràng buộc nghĩa là thế nào? [Nói rằng]: "Các người có nhiều sự hỗ trợ cho tôi. Nương vào các người, tôi nhận được y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Có những người khác nương theo các người, trong khi nhìn thấy các người, cũng suy nghĩ để bố thí hoặc làm cho tôi. Ngay cả tên họ trước đây của mẹ cha đặt, tên ấy cũng không còn; nhờ vào các người, tôi được biết là vị thường tới lui với gia đình của người nam nọ, là vị thường tới lui với gia đình của người nữ kia." Trong khi hạ thấp bản thân và trong khi nâng cao người khác là có tâm bị ràng buộc nghĩa là như vậy.

Trong khi nâng cao bản thân và trong khi hạ thấp người khác là có tâm bị ràng buộc nghĩa là thế nào? [Nói rằng:] "Tôi có nhiều sự hỗ trợ cho các người. Nhờ vào tôi, các người đã đi đến nương nhờ đức Phật, đã đi đến nương nhờ Giáo pháp, đã đi đến nương nhờ chúng Tăng, đã tránh xa việc giết hại sinh mạng, đã tránh xa việc lấy vật chưa được cho, đã tránh xa hành vi sai trái trong các dục, đã tránh xa việc nói dối, đã tránh xa trường hợp dể duôi uống chất say là rượu và chất lên men. Tôi ban bố việc chỉ bảo cho các người, tôi ban bố sự hỏi han, tôi nói về ngày trai giới, tôi chú nguyện việc xây dựng. Vậy mà ngược lại, các người lại bỏ rơi tôi, các người trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường các vị khác." Trong khi nâng cao bản thân và trong khi hạ thấp người khác là có tâm bị ràng buộc nghĩa là như vậy. "[Thời] bê trễ điều lợi ích, có tâm bị ràng buộc" là như thế.

Trong khi xét thấy nỗi sợ hãi này ở sự thân thiết.

Sợ hãi: Sợ hãi sự sanh, sợ hãi sự già, sợ hãi sự bệnh, sợ hãi sự chết, sợ hãi vua chúa, sợ hãi kẻ trộm, sợ hãi lửa, sợ hãi nước, sợ hãi sự chỉ trích của bản thân, sợ hãi sự chỉ trích của người khác, sợ hãi hình phạt, sợ hãi khổ cảnh, sợ hãi sóng nước, sợ hãi cá sấu, sợ hãi xoáy nước, sợ hãi cá dữ, sợ hãi về sinh kế, sợ hãi sự quở trách, sợ hãi do sự nhút nhát ở tập thể, sợ hãi do sự say sưa, trạng thái sợ hãi, trạng thái kinh hãi, sự rởn lông, sự hốt hoảng, sự khiếp sợ của tâm.

Sự thân thiết: Có hai sự thân thiết: Sự thân thiết do tham ái và sự thân thiết

do tà kiến. ... (nt)… Việc này là sự thân thiết do tham ái. ... (nt)… Việc này là sự thân thiết do tà kiến.

Trong khi xét thấy nỗi sợ hãi này ở sự thân thiết: Trong khi xét thấy, trong khi nhận thấy, trong khi quan sát, trong khi suy xét, trong khi khảo sát nỗi sợ hãi này ở sự thân thiết.

"Trong khi xét thấy nỗi sợ hãi này ở sự thân thiết, nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]" là như thế.

Vì thế, vị Phật Độc Giác ấy đã nói rằng:

"Trong khi thương tưởng đến các bạn bè thân hữu,
[Thời] bê trễ điều lợi ích, có tâm bị ràng buộc.
Trong khi xét thấy nỗi sợ hãi này ở sự thân thiết,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]."

4. *Giống như cây tre rậm rạp bị vướng mắc,*
Sự mong mỏi [yêu thương] các con và những người vợ [là tương tự].
Trong khi không bị vướng víu như là mụt măng tre,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một].

Giống như cây tre rậm rạp bị vướng mắc: Cây tre nói đến lùm tre. Giống như ở lùm tre, các cây tre già cỗi bị dính mắc, bị vướng mắc, bị dính vào, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại; tương tự y như vậy, sự vướng mắc nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt, sự say đắm, sự chiều chuộng, niềm vui, niềm vui và luyến ái, sự luyến ái mãnh liệt của tâm, ước muốn, mê mẩn, bám chặt, thèm khát, thèm thuồng, quyến luyến, đắm nhiễm, dục vọng, xảo trá, liên quan tái sanh, sự tạo ra khổ, người thợ may, cái lưới bẫy, sự cuốn trôi, sự vướng mắc, sợi chỉ trói, sự lan rộng, có sự ra sức, bạn đời, nguyện vọng, lối dẫn đến hữu, rừng cây, bụi rậm, sự thân thiết, sự thương yêu, sự trông mong, sự thân mật, sự mong mỏi, sự mong ước, trạng thái mong ước, sự mong mỏi về sắc, mong mỏi về thinh, mong mỏi về hương, mong mỏi về vị, mong mỏi về xúc, mong mỏi về lợi lộc, mong mỏi về tài sản, mong mỏi về con trai, mong mỏi về mạng sống, tham muốn, khởi tham muốn, nguyện cầu, biểu hiện tham muốn, trạng thái tham muốn, tham lam, biểu hiện tham lam, trạng thái tham lam, xao xuyến, ham muốn vật vừa ý, luyến ái sai pháp, tham sai trái, đeo đuổi, khao khát, ước nguyện, mong cầu, ước nguyện tốt đẹp, dục ái, hữu ái, phi hữu ái, ái cõi sắc, ái cõi vô sắc, ái Niết-bàn, ái cảnh sắc, ái cảnh thinh, ái cảnh khí, ái cảnh vị, ái cảnh xúc, ái cảnh pháp, dòng nước lũ, sự ràng buộc, trói buộc, chấp thủ, ngăn trở, ngăn che, che đậy, cột trói, làm ô nhiễm, tiềm ẩn, thâm nhập, quấn lấy, sự keo kiệt, cội nguồn của khổ, căn nguyên của khổ, nguồn sanh khổ, cạm bẫy của Ma vương, lưỡi câu của Ma vương, lãnh địa của Ma vương, ái ví như dòng sông, ái ví như tấm lưới, ái ví như dây xích, ái ví như biển, tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Sự vướng mắc: Sự vướng mắc với ý nghĩa gì? "Được trải rộng" là vướng mắc, "bao quát" là vướng mắc, "được lan rộng" là vướng mắc, "nó lôi kéo theo" là vướng mắc, "nó mang lại chất độc" là vướng mắc, "truyền bá chất độc" là vướng mắc, "gốc rễ của chất độc" là vướng mắc, "kết quả của chất độc" là vướng mắc, "sự thọ dụng độc hại" là vướng mắc. Hoặc hơn nữa, "tham ái là bao quát ở sắc, ở thinh, ở hương, ở vị, ở xúc, ở gia tộc, ở đồ chúng, ở chỗ ngụ, ở lợi lộc, ở danh vọng, ở lời khen, ở hạnh phúc, ở y phục, ở đồ ăn khất thực, ở chỗ nằm ngồi, ở vật dụng là thuốc men chữa bệnh, ở dục giới, ở sắc giới, ở vô sắc giới, ở cõi dục, ở cõi sắc, ở cõi vô sắc, ở cõi hữu tưởng, ở cõi vô tưởng, ở cõi phi tưởng phi phi tưởng, ở cõi một uẩn, ở cõi bốn uẩn, ở cõi năm uẩn, ở quá khứ, ở vị lai, ở hiện tại, ở các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, được trải rộng, được lan rộng" là vướng mắc.

"Giống như cây tre rậm rạp bị vướng mắc" là như thế.

Sự mong mỏi [yêu thương] các con và những người vợ [là tương tự].

Các con: Có bốn loại con: Con ruột là con, con nhặt được là con, con nuôi là con, học trò là con.

Những người vợ: Nói đến những người nữ có hôn phối.

Sự mong mỏi: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

"Sự mong mỏi [yêu thương] các con và những người vợ [là tương tự]" là như thế.

Trong khi không bị vướng víu như là mụt măng tre: Cây tre nói đến lùm tre. Giống như ở lùm tre, các mụt măng non không bị dính mắc, không bị máng vào, không bị giữ lại, đi ra ngoài, được rời ra, được thoát khỏi là tương tự y như vậy.

Không bị dính mắc: Có hai sự dính mắc: Sự dính mắc do tham ái và sự dính mắc do tà kiến. ... (nt)... Việc này là sự dính mắc do tham ái. ... (nt)... Việc này là sự dính mắc do tà kiến. Đối với vị Phật Độc Giác ấy, sự dính mắc do tham ái đã được dứt bỏ, sự dính mắc do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự dính mắc do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự dính mắc do tà kiến, vị Phật Độc Giác ấy không dính mắc ở sắc, không dính mắc ở thinh, không dính mắc ở hương, không dính mắc ở vị, không dính mắc ở xúc, không dính mắc ở gia tộc, ở đồ chúng, ở chỗ ngụ, ở lợi lộc, ở danh vọng, ở lời khen, ở hạnh phúc, ở y phục, ở đồ ăn khất thực, ở chỗ nằm ngồi, ở vật dụng là thuốc men chữa bệnh, ở dục giới, ở sắc giới, ở vô sắc giới, ở cõi dục, ở cõi sắc, ở cõi vô sắc, ở cõi hữu tưởng, ở cõi vô tưởng, ở cõi phi tưởng phi phi tưởng, ở cõi một uẩn, ở cõi bốn uẩn, ở cõi năm uẩn, ở quá khứ, ở vị lai, ở hiện tại, ở các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, [vị ấy] không nắm giữ, không bị trói buộc, không bị giữ lại, không bị dính cứng, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

"Trong khi không bị vướng víu như là mụt măng tre, nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]" là như thế.

Vì thế, vị Phật Độc Giác ấy đã nói rằng:

"Giống như cây tre rậm rạp bị vướng mắc,
Sự mong mỏi [yêu thương] các con và những người vợ [là tương tự].
Trong khi không bị vướng víu như là mụt măng tre,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]."

5. *Giống như con nai ở trong rừng, không bị trói buộc,*
Đi đến nơi kiếm ăn tùy theo ý thích,
Người hiểu biết, trong khi xem xét về sự tự do,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một].

Giống như con nai ở trong rừng, không bị trói buộc, đi đến nơi kiếm ăn tùy theo ý thích.

Nai: Có hai loài nai: Loài nai eṇi và loài nai pasada. Giống như loài nai sống ở rừng, trong lúc đi lại trong rừng và trong khu rừng lớn, tự tin nó đi, tự tin nó đứng, tự tin nó ngồi, tự tin nó nằm. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, cũng giống như con nai sống ở rừng đang đi lại trong khu rừng, trong khu rừng lớn, tự tin nó đi, tự tin nó đứng, tự tin nó ngồi, tự tin nó nằm. Điều ấy có nguyên nhân là gì? Này các Tỳ-khưu, nó không ở trong phạm vi của gã thợ săn. Này các Tỳ-khưu, tương tự y như vậy, vị Tỳ-khưu ngay sau khi tách ly khỏi các dục, tách ly khỏi các bất thiện pháp, đạt đến và trú Thiền thứ nhất, có tầm có tứ, có hỷ lạc sanh lên do sự tách ly. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu này được gọi là vị đã làm Ma vương mù quáng, đã thủ tiêu không còn dấu chân, đã đạt đến nơi mắt của Ma vương ác độc không còn nhìn thấy.

Này các Tỳ-khưu, còn có việc khác nữa, vị Tỳ-khưu, do sự vắng lặng của tầm và tứ, đạt đến và trú Thiền thứ nhì, có sự tĩnh lặng ở nội phần, có trạng thái chuyên nhất của tâm, không tầm không tứ, có hỷ lạc sanh lên do định. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu này được gọi là vị đã làm Ma vương mù quáng, đã thủ tiêu không còn dấu chân, đã đạt đến nơi mắt của Ma vương ác độc không còn nhìn thấy.

Này các Tỳ-khưu, còn có việc khác nữa, vị Tỳ-khưu, do sự không còn luyến ái ở hỷ, an trú xả, có niệm và có sự nhận biết rõ và cảm nhận lạc bằng thân; đó là điều mà các bậc Thánh gọi là: "Có xả, có niệm, có sự trú vào lạc", đạt đến và trú Thiền thứ ba ấy. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu này được gọi là vị đã làm Ma vương mù quáng, đã thủ tiêu không còn dấu chân, đã đạt đến nơi mắt của Ma vương ác độc không còn nhìn thấy.

Này các Tỳ-khưu, còn có việc khác nữa, vị Tỳ-khưu, do sự từ bỏ lạc, do sự từ bỏ khổ [ở thân], do sự biến mất của hỷ tâm và ưu phiền [đã có] ngay trước đó, đạt đến và trú Thiền thứ tư, có sự thanh tịnh của xả và niệm, không khổ không lạc. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu này được gọi là vị đã làm Ma vương

mù quáng, đã thủ tiêu không còn dấu chân, đã đạt đến nơi mắt của Ma vương ác độc không còn nhìn thấy.

Này các Tỳ-khưu, còn có việc khác nữa, vị Tỳ-khưu, do sự vượt qua hẳn toàn bộ các sắc tưởng, do sự biến mất của các tưởng bất bình, do việc không chú ý đến các tưởng khác biệt, [nhận thức rằng:] "Hư không là vô biên" đạt đến và trú Không vô biên xứ. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu này được gọi là vị đã làm Ma vương mù quáng, đã thủ tiêu không còn dấu chân, đã đạt đến nơi mắt của Ma vương ác độc không còn nhìn thấy.

Này các Tỳ-khưu, còn có việc khác nữa, vị Tỳ-khưu, sau khi vượt qua hẳn toàn bộ Không vô biên xứ, [nhận thức rằng:] "Thức là vô biên" đạt đến và trú Thức vô biên xứ;... (nt)... sau khi vượt qua hẳn toàn bộ Thức vô biên xứ, [nhận thức rằng:] "Không có gì" đạt đến và trú Vô sở hữu xứ;... (nt)... sau khi vượt qua hẳn toàn bộ Vô sở hữu xứ, đạt đến và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ;... (nt)... sau khi vượt qua hẳn toàn bộ Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đạt đến và trú Diệt thọ tưởng; và đối với vị này, sau khi nhìn thấy bằng tuệ, các lậu hoặc được hoàn toàn cạn kiện. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu này được gọi là vị đã làm Ma vương mù quáng, đã thủ tiêu không còn dấu chân, đã đạt đến nơi mắt của Ma vương ác độc không còn nhìn thấy. Đã vượt qua sự vướng mắc ở thế gian, tự tin vị ấy đi, tự tin vị ấy đứng, tự tin vị ấy ngồi, tự tin vị ấy nằm. Điều ấy có nguyên nhân là gì? Này các Tỳ-khưu, vị ấy không ở trong phạm vi của [Ma vương] ác độc.

"Giống như con nai ở trong rừng, không bị trói buộc, đi đến nơi kiếm ăn tùy theo ý thích" là như thế.

Người hiểu biết, trong khi xem xét về sự tự do.

Người hiểu biết: Là người sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh.

Người: Là chúng sanh, thanh niên, người nam, cá nhân, mạng sống, người còn sanh tử, con người, người đi theo nghiệp, nhân loại.

Tự do: Có hai yếu tố có sự tự do: Pháp có sự tự do và cá nhân có sự tự do. Pháp nào là có sự tự do? Bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần; pháp này là có sự tự do. Người nào là cá nhân có sự tự do? Người nào hội đủ pháp có sự tự do này, người ấy được gọi là cá nhân có sự tự do.

Người hiểu biết, trong khi xem xét về sự tự do: Người hiểu biết, trong khi xem xét, trong khi nhận thấy, trong khi quan sát, trong khi suy xét, trong khi khảo sát về sự tự do, về pháp.

"Người hiểu biết, trong khi xem xét về sự tự do, nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]" là như thế.

Vì thế, vị Phật Độc Giác ấy đã nói rằng:

"Giống như con nai ở trong rừng, không bị trói buộc,
Đi đến nơi kiếm ăn tùy theo ý thích,
Người hiểu biết, trong khi xem xét về sự tự do,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]."

6. *Có sự mời gọi giữa bạn bè*
Về chuyện nghỉ ngơi, về việc đứng gần, về sự ra đi, về cuộc du hành,
Trong khi xem xét về sự tự do không được [kẻ khác] ham thích,[4]
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một].

Có sự mời gọi giữa bạn bè về chuyện nghỉ ngơi, về việc đứng gần, về sự ra đi, về cuộc du hành.

Bạn bè: Bạn bè nói đến những người mà với những người ấy, việc đến là thoải mái, việc đi là thoải mái, việc đi và đến là thoải mái, việc đứng là thoải mái, việc ngồi là thoải mái, việc nằm là thoải mái, việc nói chuyện là thoải mái, việc chuyện vãn là thoải mái, việc tán dương là thoải mái, việc tán dương qua lại là thoải mái.

Có sự mời gọi giữa bạn bè về chuyện nghỉ ngơi, về việc đứng gần, về sự ra đi, về cuộc du hành: Là sự bàn bạc về lợi ích của bản thân, sự bàn bạc về lợi ích của người khác, sự bàn bạc về lợi ích của cả hai, sự bàn bạc về lợi ích trong đời này, sự bàn bạc về lợi ích trong đời sau, sự bàn bạc về lợi ích của lợi ích tối thượng giữa bạn bè về chuyện nghỉ ngơi, về việc đứng gần, về sự ra đi, về cuộc du hành.

"Có sự mời gọi giữa bạn bè về chuyện nghỉ ngơi, về việc đứng gần, về sự ra đi, về cuộc du hành" là như thế.

Trong khi xem xét về sự tự do không được [kẻ khác] ham thích: Sự việc này không được ham thích đối với những kẻ ngu, đối với những kẻ phi chân nhân, đối với các ngoại đạo, đối với các đệ tử của ngoại đạo, tức là việc cạo đầu mặc y phục màu ca-sa. Sự việc này được ham thích đối với những vị sáng suốt, đối với những bậc chân nhân, đối với các đệ tử của đức Phật, đối với các vị Phật Độc Giác; tức là việc cạo đầu mặc y phục màu ca-sa.

Tự do: Có hai yếu tố có sự tự do: Pháp [đem lại sự] tự do và cá nhân [có sự] tự do. Pháp nào là [đem lại sự] tự do? Bốn sự thiết lập niệm,... (nt)... đạo lộ Thánh thiện tám chi phần. Đây là pháp [đem lại sự] tự do. Người nào là cá nhân [có sự] tự do? Người nào hội đủ pháp [đem lại sự] tự do này, người ấy được gọi là cá nhân [có sự] tự do.

Trong khi xem xét về sự tự do không được [kẻ khác] ham thích: Trong khi xem xét, trong khi nhận thấy, trong khi quan sát, trong khi suy xét, trong khi khảo sát về sự tự do, về pháp.

[4] Sự xuất gia là không được ham thích, không được mong ước bởi tất cả những kẻ tầm thường đã bị tham chế ngự (*SnA*. I. 85).

"Trong khi xem xét về sự tự do không được [kẻ khác] ham thích, nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]" là như thế.

Vì thế, vị Phật Độc Giác ấy đã nói rằng:

"Có sự mời gọi giữa bạn bè về chuyện nghỉ ngơi,
Về việc đứng gần, về sự ra đi, về cuộc du hành,
Trong khi xem xét về sự tự do không được [kẻ khác] ham thích,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]."

7. *Có sự đùa giỡn, sự vui thích ở giữa đám bạn bè,*
Và lòng thương yêu đối với con cái là bao la.
Trong khi chán ghét sự chia lìa với những vật yêu mến,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một].

Có sự đùa giỡn, sự vui thích ở giữa đám bạn bè.

Sự đùa giỡn: Có hai sự đùa giỡn: Sự đùa giỡn về thân và sự đùa giỡn về khẩu. Những việc nào là đùa giỡn về thân? Họ chơi đùa với các con voi, họ chơi đùa với các con ngựa, họ chơi đùa với các cỗ xe, họ chơi đùa với các cây cung, họ tiêu khiển cờ tám ô vuông, họ tiêu khiển cờ mười ô vuông, họ chơi với bàn cờ tưởng tượng ở trên không, họ chơi trò nhảy cóc, họ chơi lối rút quân cờ, họ chơi ném xúc xắc, họ chơi đánh khăng, họ chơi trò đoán hình vẽ bằng tay, họ chơi với những trái cầu, họ chơi trò thổi kèn bằng lá cây, họ chơi trò kéo cày, họ chơi trò nhào lộn, họ chơi chong chóng, họ chơi trò đo lường, họ chơi trò đua xe, họ chơi bắn cung, họ chơi trò đố chữ, họ chơi trò đoán ý, họ chơi trò nhái điệu bộ; đây là sự đùa giỡn về thân.

Những việc nào là đùa giỡn về khẩu? Nhại tiếng trống bằng miệng, làm nhạc trống bằng miệng, làm tiếng trống vỗ bằng miệng, huýt sáo bằng miệng, đánh trống bằng miệng, giả tiếng trống bằng miệng, diễn kịch, reo hò, ca hát, cười giỡn; đây là sự đùa giỡn về khẩu.

Sự vui thích: Từ "*rati*" này là diễn tả trạng thái không bị thất vọng.

Bạn bè: Bạn bè nói đến những người mà với những người ấy, việc đến là thoải mái, việc đi là thoải mái, việc đi và đến là thoải mái, việc đứng là thoải mái, việc ngồi là thoải mái, việc nằm là thoải mái, việc nói chuyện là thoải mái, việc chuyện vãn là thoải mái, việc tán dương là thoải mái, việc tán dương qua lại là thoải mái.

Có sự đùa giỡn, sự vui thích ở giữa đám bạn bè: Có sự đùa giỡn và sự vui thích ở giữa đám bạn bè.

"Có sự đùa giỡn, sự vui thích ở giữa đám bạn bè" là như thế.

Và lòng thương yêu đối với con cái là bao la.

Con cái: Có bốn loại con cái: Con ruột là con, con nhặt được là con, con nuôi là con, học trò là con.

Và lòng thương yêu đối với con cái là bao la: Có lòng thương yêu vượt trội đối với con cái.

"Và lòng thương yêu đối với con cái là bao la" là như thế.

Trong khi chán ghét sự chia lìa với những vật yêu mến: Có hai đối tượng được yêu mến: Các chúng sanh hoặc các pháp tạo tác. Những người nào là các chúng sanh được yêu mến? Ở đây, đối với người nào đó, những người ấy là có lòng mong muốn điều tốt đẹp, có lòng mong muốn điều lợi ích, có lòng mong muốn sự thoải mái, có lòng mong muốn sự an ổn trong mối quan hệ: Là người mẹ, hoặc cha, hoặc anh [em] trai, hoặc chị [em] gái, hoặc con trai, hoặc con gái, hoặc các bạn bè, hoặc các thân hữu, hoặc các thân quyến, hoặc những người cùng huyết thống; những người này là các chúng sanh được yêu mến. Các pháp nào là các pháp tạo tác được yêu mến? Các sắc hợp ý, các thinh hợp ý, các hương hợp ý, các vị hợp ý, các xúc hợp ý; các pháp này là các pháp tạo tác được yêu mến.

Trong khi chán ghét sự chia lìa với những vật yêu mến: Trong khi chán ghét, trong khi phiền phức, trong khi chán nản, trong khi chán ghét sự chia lìa đối với những vật yêu mến.

"Trong khi chán ghét sự chia lìa với những vật yêu mến, nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]" là như thế.

Vì thế, vị Phật Độc Giác ấy đã nói rằng:

"Có sự đùa giỡn, sự vui thích ở giữa đám bạn bè,
Và lòng thương yêu đối với con cái là bao la.
Trong khi chán ghét sự chia lìa với những vật yêu mến,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]."

8. *Vị [sống an lạc] khắp cả bốn phương, không có lòng bất bình,*
Tự biết đủ với bất luận vật dụng nào dầu tốt hay xấu,
Chịu đựng các hiểm họa, không có kinh hãi,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một].

Vị [sống an lạc] khắp cả bốn phương, không có lòng bất bình.

Khắp cả bốn phương: Vị Phật Độc Giác ấy lan tỏa một phương bằng tâm đồng hành với từ, rồi an trú, tương tự như vậy phương thứ nhì, tương tự như vậy phương thứ ba, tương tự như vậy phương thứ tư. Như thế ở phương trên, phương dưới, phương ngang, khắp mọi nơi, cho đến tất cả các chúng sanh luôn cả bản thân, vị ấy lan tỏa toàn thể thế giới chúng sanh bằng tâm đồng hành với từ, bao la, quảng đại, không đo lường được, không thù oán, không sân hận, rồi an trú. Vị ấy lan tỏa một phương bằng tâm đồng hành với bi... (nt)... đồng hành với hỷ... (nt)... đồng hành với xả, rồi an trú, tương tự như vậy phương thứ nhì, tương tự như vậy phương thứ ba, tương tự như vậy phương thứ tư. Như thế ở phương trên, phương dưới, phương ngang, khắp mọi nơi, cho đến tất cả các

chúng sanh luôn cả bản thân, vị ấy lan tỏa toàn thể thế giới chúng sanh bằng tâm đồng hành với xả, bao la, quảng đại, không đo lường được, không thù oán, không sân hận, rồi an trú.

Vị [sống an lạc] khắp cả bốn phương, không có lòng bất bình: Nhờ trạng thái phát triển của tâm từ, các chúng sanh ở hướng Đông là không chán ghét, các chúng sanh ở hướng Nam là không chán ghét, các chúng sanh ở hướng Tây là không chán ghét, các chúng sanh ở hướng Bắc là không chán ghét, các chúng sanh ở hướng Đông Nam là không chán ghét, các chúng sanh ở hướng Tây Nam là không chán ghét, các chúng sanh ở hướng Tây Bắc là không chán ghét, các chúng sanh ở hướng Đông Bắc là không chán ghét, các chúng sanh ở hướng dưới là không chán ghét, các chúng sanh ở hướng trên là không chán ghét, các chúng sanh ở các hướng chính và các hướng phụ là không chán ghét; nhờ trạng thái phát triển của tâm bi… (nt)… nhờ trạng thái phát triển của tâm hỷ… (nt)… nhờ trạng thái phát triển của tâm xả, các chúng sanh ở hướng Đông là không chán ghét,… (nt)… các chúng sanh ở các hướng chính và các hướng phụ là không chán ghét.

"Vị [sống an lạc] khắp cả bốn phương, không có lòng bất bình" là như thế.

Tự biết đủ với bất luận vật dụng nào dầu tốt hay xấu: Vị Phật Độc Giác ấy tự biết đủ với bất cứ y nào dầu tốt hay xấu, có lời ca ngợi về sự tự biết đủ với bất cứ y nào dầu tốt hay xấu, và không vì nguyên nhân về y mà phạm vào việc tầm cầu sai trái, không thích hợp. Khi không nhận được y thì không băn khoăn, và khi đã nhận được y thì thọ dụng không bị vướng mắc, không bị mê mẩn, không bị phạm tội, có sự nhìn thấy điều bất lợi, có tuệ về sự buông xả. Và hơn nữa, do sự tự biết đủ với bất luận y nào dầu tốt hay xấu ấy, cũng không tâng bốc bản thân, không khinh bỉ vị khác.

Bởi vì, vị khôn khéo, không biếng nhác, có sự nhận biết rõ, có niệm trong trường hợp ấy nói đến vị Phật Độc Giác đã đứng vào dòng dõi của các bậc Thánh được biết tiếng là cao thượng từ thời xa xưa. [Vị Phật Độc Giác ấy] tự biết đủ với bất luận đồ ăn khất thực nào dầu tốt hay xấu… (nt)… tự biết đủ với bất luận chỗ nằm ngồi nào dầu tốt hay xấu… (nt)… tự biết đủ với bất luận vật dụng là thuốc men chữa bệnh nào dầu tốt hay xấu, có lời ca ngợi về sự tự biết đủ với bất luận vật dụng là thuốc men chữa bệnh nào dầu tốt hay xấu, và không vì nguyên nhân về vật dụng là thuốc men chữa bệnh mà đạt đến sự tầm cầu sai trái, không phù hợp. Khi không nhận được vật dụng là thuốc men chữa bệnh thì không băn khoăn, và khi đã nhận được vật dụng là thuốc men chữa bệnh thì thọ dụng, không bị vướng mắc, không bị mê mẩn, không bị phạm tội, có sự nhìn thấy điều bất lợi, có tuệ về sự buông xả. Và hơn nữa, do sự tự biết đủ với bất luận vật dụng là thuốc men chữa bệnh nào dầu tốt hay xấu ấy, cũng không tâng bốc bản thân, không khinh bỉ vị khác. Bởi vì, vị khôn khéo, không biếng nhác, có sự nhận biết rõ, có niệm trong trường hợp ấy nói đến vị Phật Độc Giác đã đứng vào dòng dõi của các bậc Thánh được biết tiếng là cao thượng từ thời xa xưa.

"Tự biết đủ với bất luận vật dụng nào dầu tốt hay xấu" là như thế.

Chịu đựng các hiểm họa, không có kinh hãi.

Các hiểm họa: Có hai loại hiểm họa: Hiểm họa hiển hiện và hiểm họa khuất lấp.

Các điều nào là hiểm họa hiển hiện? Các con sư tử, hổ, báo, gấu, chó rừng, chó sói, trâu rừng, voi, rắn, bò cạp, rết, hoặc có thể là các kẻ cướp hay những kẻ tàn bạo có hành động gây sự hoặc chưa có hành động gây sự, bệnh ở mắt, bệnh ở tai trong, bệnh ở mũi, bệnh ở lưỡi, bệnh ở thân, bệnh ở đầu, bệnh ở lỗ tai, bệnh ở miệng, bệnh ở răng, ho, suyễn, sổ mũi, nhiệt, cảm sốt, đau bụng, xây xẩm, kiết lỵ, đau bụng bão, dịch tả, phong cùi, khối u, bệnh chàm, lao phổi, động kinh, mụt, nhọt, ghẻ ngứa, sảy, loét tay chân, máu và mật, bệnh tiểu đường, bệnh trĩ, ghẻ lở, loét hậu môn, bệnh phát khởi từ mật, bệnh phát khởi từ đàm, bệnh phát khởi từ gió, bệnh tổng hợp do mật-đàm-gió, bệnh sanh lên vì thay đổi thời tiết, bệnh sanh lên vì bốn oai nghi không đồng đều, bệnh thuộc dạng cấp tính, bệnh sanh lên vì quả của nghiệp, lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiểu tiện, các xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát, hoặc là như thế; các điều này được gọi là hiểm họa hiển hiện.

Các điều nào là hiểm họa khuất lấp? Uế hạnh về thân, uế hạnh về khẩu, uế hạnh về ý, pháp che lấp "mong muốn về dục", pháp che lấp "sân hận", pháp che lấp "dã dượi buồn ngủ", pháp che lấp "phóng dật và hối hận", pháp che lấp "hoài nghi", sự luyến ái, sân hận, si mê, giận dữ, thù hằn, gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bỏn xẻn, xảo trá, lừa gạt, bướng bỉnh, hung hăng, ngã mạn, cao ngạo, đam mê, xao lãng, tất cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bực bội, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bất thiện; các điều này được gọi là hiểm họa khuất lấp.

Các hiểm họa: Các hiểm họa với ý nghĩa gì? Các hiểm họa bởi vì "chúng áp chế", các hiểm họa bởi vì "chúng đưa đến sự suy giảm", các hiểm họa bởi vì "nơi ấy là chỗ trú."

Các hiểm họa bởi vì "chúng áp chế" nghĩa là thế nào? Các hiểm họa ấy khống chế, áp chế, thống trị, đè bẹp, trấn áp, chà đạp cá nhân ấy. Các hiểm họa bởi vì "chúng áp chế" nghĩa là như vậy.

Các hiểm họa bởi vì "chúng đưa đến sự suy giảm" nghĩa là thế nào? Các hiểm họa ấy đưa đến sự nguy hiểm, đến sự suy giảm đối với các thiện pháp. Đối với các thiện pháp nào? Đối với sự thực hành đúng đắn, đối với sự thực hành phù hợp, đối với sự thực hành không trái ngược, đối với sự thực hành không đối chọi, đối với sự thực hành đưa đến lợi ích, đối với sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, đối với việc làm đầy đủ các giới, đối với việc phòng vệ các giác quan, đối với việc biết chừng mực về vật thực, đối với sự luyện tập về tỉnh thức, đối với niệm và sự nhận biết rõ, đối với sự chuyên cần tu tập bốn sự thiết lập niệm,... bốn chánh cần,... bốn nền tảng của thần thông,... năm quyền,... năm lực,... bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đối với sự chuyên cần tu tập đạo lộ Thánh thiện tám chi

phần, chúng đưa đến sự nguy hiểm, đến sự suy giảm đối với các thiện pháp này. Các hiểm họa bởi vì "chúng đưa đến sự suy giảm" nghĩa là như vậy.

Các hiểm họa bởi vì "nơi ấy là chỗ trú" nghĩa là thế nào? Các ác bất thiện pháp này sanh lên ở nơi ấy thì có bản ngã [của người ấy] là nơi nương tựa. Giống như các sinh vật "có hang là chỗ trú" thì ngụ ở hang, các sinh vật có "nước là chỗ trú" thì ngụ ở nước, các sinh vật "có rừng là chỗ trú" thì ngụ ở rừng, các sinh vật "có cây cối là chỗ trú" thì ngụ ở cây cối, tương tự y như thế, các ác bất thiện pháp này sanh lên ở nơi ấy thì có bản ngã [của người ấy] là nơi nương tựa. Các hiểm họa bởi vì "nơi ấy là chỗ trú" còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

"Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có học trò, có thầy dạy học, sống khổ sở không thoải mái. Và này các Tỳ-khưu, thế nào là vị Tỳ-khưu có học trò, có thầy dạy học, sống khổ sở không thoải mái? Này các Tỳ-khưu, ở đây, đối với vị Tỳ-khưu, sau khi nhìn thấy cảnh sắc bằng mắt, các ác bất thiện pháp nào có sự di chuyển [ở các đối tượng] và có sự tư duy đưa đến sự ràng buộc sanh khởi đến vị ấy, các ác bất thiện pháp ấy trú ngụ, chiếm ngự bên trong vị ấy; vì thế, được gọi là 'có học trò'. Chúng chi phối vị ấy, 'các ác bất thiện pháp chi phối vị ấy'; vì thế, được gọi là 'có thầy dạy học'. Này các Tỳ-khưu, và thêm nữa, đối với vị Tỳ-khưu, sau khi nghe âm thanh bằng tai,… (nt)… sau khi ngửi hương bằng mũi,… (nt)… sau khi nếm vị bằng lưỡi,… (nt)… sau khi xúc chạm bằng thân,… (nt)… sau khi nhận thức pháp bằng ý, các ác bất thiện pháp nào có sự di chuyển [ở các đối tượng] và có sự tư duy đưa đến sự ràng buộc sanh khởi đến vị ấy, các ác bất thiện pháp ấy trú ngụ, chiếm ngự bên trong vị ấy; vì thế, được gọi là 'có học trò'. Chúng chi phối vị ấy, 'các ác bất thiện pháp chi phối vị ấy'; vì thế, được gọi là 'có thầy dạy học'. Này các Tỳ-khưu, quả là như vậy, vị Tỳ-khưu có học trò, có thầy dạy học, sống khổ sở không thoải mái." Các hiểm họa bởi vì "nơi ấy là chỗ trú" còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

"Này các Tỳ-khưu, có ba pháp này là các vết nhơ bên trong, các kẻ thù bên trong, các đối thủ bên trong, các kẻ giết chóc bên trong, các kẻ đối nghịch bên trong. Ba pháp nào? Này các Tỳ-khưu, tham là vết nhơ bên trong, kẻ thù bên trong, đối thủ bên trong, kẻ giết chóc bên trong, kẻ đối nghịch bên trong. Này các Tỳ-khưu, sân… (nt)… Này các Tỳ-khưu, si là vết nhơ bên trong, kẻ thù bên trong, đối thủ bên trong, kẻ giết chóc bên trong, kẻ đối nghịch bên trong."

1. *Tham là sự sanh ra điều không lợi ích, tham là sự rối loạn của tâm. Người đời không thấu hiểu sự nguy hiểm ấy đã được sanh ra từ bên trong.*

2. *Người bị khởi tham không biết được điều lợi ích, người bị khởi tham không nhìn thấy lý lẽ. Tham khống chế người nào, lúc ấy có sự mù quáng tối tăm hiện diện.*

3. *Sân là sự sanh ra điều không lợi ích, sân là sự rối loạn của tâm. Người đời không thấu hiểu sự nguy hiểm ấy đã được sanh ra từ bên trong.*

4. *Người bị nóng giận không biết được điều lợi ích, người bị nóng giận không nhìn thấy lý lẽ. Sự nóng giận khống chế người nào, lúc ấy có sự mù quáng tối tăm hiện diện.*

5. *Si là sự sanh ra điều không lợi ích, si là sự rối loạn của tâm. Người đời không thấu hiểu sự nguy hiểm ấy đã được sanh ra từ bên trong.*

6. *Người bị si mê không biết được điều lợi ích, người bị si mê không nhìn thấy lý lẽ. Si khống chế người nào, lúc ấy có sự mù quáng tối tăm hiện diện.*

Các hiểm họa bởi vì "nơi ấy là chỗ trú" còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

"Tâu Đại vương, quả thật có ba pháp được sanh lên thuộc nội phần; chúng sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khổ đau, sự sống không thoải mái cho con người. Ba pháp nào? Tham, tâu Đại vương, quả thật là pháp được sanh lên thuộc nội phần; nó sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khổ đau, sự sống không thoải mái cho con người. Sân, tâu Đại vương, quả thật… (nt)… Si, tâu Đại vương, quả thật là pháp được sanh lên thuộc nội phần; nó sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khổ đau, sự sống không thoải mái cho con người. Tâu Đại vương, quả thật ba pháp này được sanh lên thuộc nội phần, chúng sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khổ đau, sự sống không thoải mái cho con người."

7. *"Tham, sân và si, hiện hữu ở bản thân, hãm hại người có tâm ý xấu xa, tựa như việc kết trái hãm hại cây tre."*

Các hiểm họa bởi vì "nơi ấy là chỗ trú" còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

8. *"Luyến ái và sân hận có căn nguyên từ nơi [bản ngã] này.*
Ghét, thương, sự rởn lông sanh lên từ nơi [bản ngã] này.
Sự suy tư của tâm có nguồn sanh khởi từ nơi [bản ngã] này,
Tựa như những bé trai buông lơi con quạ [bị cột chân bởi sợi chỉ dài]."

Các hiểm họa bởi vì "nơi ấy là chỗ trú" còn là như vậy.

Chịu đựng các hiểm họa: Là vị chịu đựng, vị gánh chịu, vị đè bẹp, vị trấn áp, vị tách rời khỏi các hiểm họa. "Chịu đựng các hiểm họa" là như thế.

Không có kinh hãi: vị Phật Độc Giác ấy sống không nhút nhát, không có sự kinh hãi, không có sự sợ sệt, không có sự trốn chạy, có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ, có sự rởn lông đã được xa lìa.

"Chịu đựng các hiểm họa, không có kinh hãi, nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]" là như thế.

Vì thế, vị Phật Độc Giác ấy đã nói rằng:

"Vị [sống an lạc] khắp cả bốn phương, không có lòng bất bình,
Tự biết đủ với bất luận vật dụng nào dầu tốt hay xấu,
Chịu đựng các hiểm họa, không có kinh hãi,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]."

9. *Ngay cả một số các vị đã xuất gia cũng có sự khó tiếp độ,*
Những kẻ tại gia đang sống dưới mái gia đình cũng vậy.
Là người ít bị bận tâm về con cái của những kẻ khác,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một].

Ngay cả một số các vị đã xuất gia cũng có sự khó tiếp độ: Ngay cả các vị đã xuất gia, ở đây, một số vị, trong khi sự nương nhờ đang được ban cho, trong khi sự đọc tụng đang được ban cho, trong khi sự vấn hỏi đang được ban cho, trong khi y đang được ban cho, trong khi bình bát đang được ban cho, trong khi chậu đồng đang được ban cho, trong khi bình lọc nước đang được ban cho, trong khi đồ lược nước đang được ban cho, trong khi túi xách đang được ban cho, trong khi giày dép đang được ban cho, trong khi dây buộc lưng đang được ban cho, cũng không muốn nghe, không lắng tai, không lập tâm để hiểu; không nghe theo, không làm theo lời dạy, có hành vi nghịch lại, các vị quay mặt về hướng khác.

"Ngay cả một số các vị đã xuất gia cũng có sự khó tiếp độ" là như thế.

Những kẻ tại gia đang sống dưới mái gia đình cũng vậy: Ngay cả những kẻ tại gia, ở đây, một số người, trong khi voi đang được ban cho, trong khi cỗ xe…, … ruộng…, … đất…, … vàng…, … bạc đang được ban cho, trong khi làng mạc…, … thị trấn…, … thành phố…, … quốc độ…, …xứ sở đang được ban cho, cũng không muốn nghe, không lắng tai, không lập tâm để hiểu; không nghe theo, không làm theo lời dạy, có hành vi nghịch lại, họ quay mặt về hướng khác.

"Những kẻ tại gia đang sống dưới mái gia đình cũng vậy" là như thế.

Là người ít bị bận tâm về con cái của những kẻ khác: Trừ ra bản thân, tất cả, theo ý nghĩa này, đều là con cái của những kẻ khác. Nên là người ít bị bận tâm, nên là người không liên quan, nên là người không trông mong về các người con ấy của những kẻ khác.

"Là người ít bị bận tâm về con cái của những kẻ khác, nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]" là như thế.

Vì thế, vị Phật Độc Giác ấy đã nói rằng:

"Ngay cả một số các vị đã xuất gia cũng có sự khó tiếp độ,
Những kẻ tại gia đang sống dưới mái gia đình cũng vậy.
Là người ít bị bận tâm về con cái của những kẻ khác,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]."

10. *Sau khi cởi bỏ các hình tướng tại gia*
Như loài cây koviḷāra có lá đã được rũ bỏ,
Là bậc anh hùng, sau khi cắt đứt các sự trói buộc của gia đình,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một].

Sau khi cởi bỏ các hình tướng tại gia: "Hình tướng tại gia" nói đến đầu

tóc, bộ râu, tràng hoa, vật thơm, vật thoa, đồ trang sức, vật tô điểm, vải vóc, áo khoác, khăn đội đầu, việc kỳ cọ, việc đấm bóp, việc cho người tắm rửa, vật đập vỗ, gương soi, việc tô mắt, vật tẩm hoa thơm, phấn thoa ở mặt, việc bôi dầu ở mặt, vật buộc cánh tay, nơ thắt ở đầu, gậy chống, ống cây, thanh gươm, dù che, giày dép sặc sỡ, khăn bịt đầu, ngọc ma-ni, cây phất trần, [quấn] các tấm vải trắng có đường biên rộng, hoặc là như thế.

Sau khi cởi bỏ các hình tướng tại gia: Sau khi cởi bỏ, sau khi cởi bỏ hoàn toàn, sau khi quăng bỏ, sau khi chấm dứt các hình tướng tại gia.

"Sau khi cởi bỏ các hình tướng tại gia" là như thế.

Như loài cây koviḷāra có lá đã được rũ bỏ: Giống như các lá của cây koviḷāra, các lá ấy đã được rũ bỏ, đã được rớt xuống, đã được rụng xuống, tương tự y như vậy, các hình tướng tại gia của vị Phật Độc Giác ấy đã được bỏ rơi, đã được rũ bỏ, đã được rớt xuống.

"Như loài cây koviḷāra có lá đã được rũ bỏ" là như thế.

Là bậc anh hùng, sau khi cắt đứt các sự trói buộc của gia đình.

Bậc anh hùng: "Vị có sự tinh tấn" là bậc anh hùng, "vị có năng lực" là bậc anh hùng, "vị có tiềm năng" là bậc anh hùng, "vị có khả năng" là bậc anh hùng, "vị dũng cảm" là bậc anh hùng, "vị quả cảm, không nhút nhát, không có sự kinh hãi, không có sự sợ sệt, không có sự trốn chạy, có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ, có sự rởn lông đã được xa lìa" là bậc anh hùng.

"Vị đã lánh xa tất cả các việc ác xấu ở đời này, vị có tinh tấn ấy đã vượt qua sự khổ đau ở địa ngục, vị ấy, có sự tinh tấn, có sự nỗ lực, là bậc anh hùng, có bản thể như thế, được gọi là 'bậc tự tại'."

Các sự trói buộc của gia đình nói đến con cái, những người vợ, các tớ gái, các tôi trai, dê cừu, gà heo, voi, bò, ngựa, lừa, ruộng, đất, vàng, bạc, làng mạc, thị trấn, kinh thành, quốc độ, xứ sở, khu trại, nhà kho, và bất cứ vật gì đưa đến sự luyến ái.

Là bậc anh hùng, sau khi cắt đứt các sự trói buộc của gia đình: Vị Phật Độc Giác ấy là bậc anh hùng, sau khi cắt đứt, sau khi cắt lìa, sau khi từ bỏ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu các sự trói buộc của gia đình.

"Là bậc anh hùng, sau khi cắt đứt các sự trói buộc của gia đình, nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]" là như thế.

Vì thế, vị Phật Độc Giác ấy đã nói rằng:

"Sau khi cởi bỏ các hình tướng tại gia
Như loài cây koviḷāra có lá đã được rũ bỏ, là bậc anh hùng,
Sau khi cắt đứt các sự trói buộc của gia đình,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]."

Dứt phẩm thứ nhất.

PHẨM THỨ NHÌ
(*DUTIYO VAGGO*)

1. *Nếu có thể đạt được người bạn chín chắn,*
Người đồng hành sáng trí, có sự an trú tốt đẹp,
Sau khi đã khắc phục mọi hiểm họa,
Nên du hành với vị ấy, có sự hoan hỷ, có niệm.

Nếu có thể đạt được người bạn chín chắn: Nếu có thể đạt được, có thể tiếp nhận, có thể đạt đến, có thể tìm thấy người bạn chín chắn, sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh

"Nếu có thể đạt được người bạn chín chắn" là như thế.

Người đồng hành sáng trí, có sự an trú tốt đẹp.

Người đồng hành: Người cùng đi chung.

Có sự an trú tốt đẹp: Có sự an trú tốt đẹp với Sơ thiền,… với Nhị thiền,… với Tam thiền, có sự an trú tốt đẹp với Tứ thiền, có sự an trú tốt đẹp với sự giải thoát của tâm thông qua Từ,… thông qua Bi,… thông qua Hỷ, có sự an trú tốt đẹp với sự giải thoát của tâm thông qua Xả, có sự an trú tốt đẹp với sự chứng đạt Không vô biên xứ,… với sự chứng đạt Thức vô biên xứ,… với sự chứng đạt Vô sở hữu xứ, có sự an trú tốt đẹp với sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ, có sự an trú tốt đẹp với sự chứng đạt Diệt [thọ tưởng định], có sự an trú tốt đẹp với sự chứng đạt quả vị.

Sáng trí: Sáng trí là sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh.

"Người đồng hành sáng trí, có sự an trú tốt đẹp" là như thế.

Sau khi đã khắc phục mọi hiểm họa.

Hiểm họa: Có hai loại hiểm họa: Hiểm họa hiển hiện và hiểm họa khuất lấp. ... (nt)… các điều này được gọi là hiểm họa hiển hiện. ... (nt)… các điều này được gọi là hiểm họa khuất lấp. ... (nt)… Các hiểm họa bởi vì "nơi ấy là chỗ trú" còn là như vậy.

Sau khi đã khắc phục mọi hiểm họa: Sau khi đã khắc phục, sau khi đã thống trị, sau khi đã đè bẹp, sau khi đã trấn áp, sau khi đã nghiền nát tất cả các hiểm họa.

"Sau khi đã khắc phục mọi hiểm họa" là như thế.

Nên du hành với vị ấy, có sự hoan hỷ, có niệm: vị Phật Độc Giác ấy, có

sự hoan hỷ, có ý vui vẻ, có ý vui thích, có ý thích thú, có ý phấn khởi, có ý vui mừng với vị chín chắn, sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh ấy, nên du hành, nên trú ngụ, nên sinh hoạt, nên vận hành, nên bảo hộ, nên nuôi dưỡng, nên bảo dưỡng. "Nên du hành với vị ấy, có sự hoan hỷ, có niệm" là như thế.

Có niệm: vị Phật Độc Giác ấy là vị có niệm, được thành tựu niệm và sự cẩn thận tuyệt đối, là vị nhớ đến, vị nhớ lại thậm chí việc làm đã lâu, lời nói đã lâu.

"Nên du hành với vị ấy, có sự hoan hỷ, có niệm" là như thế.

Vì thế, vị Phật Độc Giác ấy đã nói rằng:

"Nếu có thể đạt được người bạn chín chắn,
Người đồng hành sáng trí, có sự an trú tốt đẹp,
Sau khi đã khắc phục mọi hiểm họa,
Nên du hành với vị ấy, có sự hoan hỷ, có niệm."

2. *Nếu không thể đạt được người bạn chín chắn,*
Người đồng hành sáng trí, có sự an trú tốt đẹp,
Tương tự như vị vua dứt bỏ lãnh địa đã xâm chiếm được,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một].

Nếu không thể đạt được người bạn chín chắn: Nếu không thể đạt được, không thể tiếp nhận, không thể đạt đến, không thể tìm thấy người bạn chín chắn, sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh.

"Nếu không thể đạt được người bạn chín chắn" là như thế.

Người đồng hành sáng trí, có sự an trú tốt đẹp.

Người đồng hành: Người cùng đi chung.

Có sự an trú tốt đẹp: Có sự an trú tốt đẹp với sơ thiền,... (nt)... có sự an trú tốt đẹp với sự chứng đạt Diệt [thọ tưởng định], có sự an trú tốt đẹp với sự chứng đạt quả vị.

Sáng trí: Sáng trí là sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh.

"Người đồng hành sáng trí, có sự an trú tốt đẹp" là như thế.

Tương tự như vị vua dứt bỏ lãnh địa đã xâm chiếm được: Giống như vị vua dòng Sát-đế-ly đã được làm lễ phong vương ở đầu, đã chiến thắng trận đấu, đã giết chết đối thủ, đã đạt được ý định, có khu trại và nhà kho đầy ắp, sau khi buông bỏ quốc độ, xứ sở, khu trại, nhà kho và thành phố có vô số vàng bạc, sau khi cạo bỏ râu tóc, khoác lên các tấm vải màu ca-sa, rời nhà xuất gia, sống không nhà, sau khi đi đến trạng thái không có gì, một mình sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng; tương tự như vậy, vị Phật Độc Giác, sau khi cắt đứt mọi sự vướng bận của đời sống tại gia, sau khi cắt đứt sự vướng bận về vợ con, sau khi cắt đứt sự vướng bận về thân quyến, sau

khi cắt đứt sự vướng bận về bạn bè và thân hữu, sau khi cạo bỏ râu tóc, khoác lên các tấm vải màu ca-sa, rời nhà xuất gia, sống không nhà, sau khi đi đến trạng thái không có gì, một mình sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng.

"Tương tự như vị vua dứt bỏ lãnh địa đã xâm chiếm được, nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]" là như thế.

Vì thế, vị Phật Độc Giác ấy đã nói rằng:

"Nếu không thể đạt được người bạn chín chắn,
Người đồng hành sáng trí, có sự an trú tốt đẹp,
Tương tự như vị vua dứt bỏ lãnh địa đã xâm chiếm được,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]."

3. *Đương nhiên, chúng ta ca ngợi sự thành tựu về bạn hữu. Những bạn hữu vượt trội [hoặc] tương đương là nên giao thiệp. Không đạt được những vị này, [nên] là người thọ dụng không bị chê trách, nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một].*

Đương nhiên, chúng ta ca ngợi sự thành tựu về bạn hữu.

Đương nhiên: Từ "*addhā*" này là lời nói nhất định, lời nói không ngờ vực, lời nói không nghi ngờ, lời nói không hai nghĩa, lời nói không gây ra sự lưỡng lự, lời nói bảo đảm, lời nói không sai trái, lời nói không đối chọi, lời nói khẳng định.

Sự thành tựu về bạn hữu: Sự thành tựu về bạn hữu nói đến vị bạn hữu đã thành tựu về giới uẩn của bậc Vô học... về định uẩn của bậc Vô học... về tuệ uẩn của bậc Vô học... về giải thoát uẩn của bậc Vô học, đã thành tựu về giải thoát tri kiến uẩn[1] của bậc Vô học.

Đương nhiên, chúng ta ca ngợi sự thành tựu về bạn hữu: Chúng ta ca ngợi, chúng ta khen ngợi, chúng ta tán dương, chúng ta ca tụng sự thành tựu về bạn hữu.

"Đương nhiên, chúng ta ca ngợi sự thành tựu về bạn hữu" là như thế.

Những bạn hữu vượt trội [hoặc] tương đương là nên giao thiệp: Những bạn hữu là vượt trội về giới, về định, về tuệ, về giải thoát, về sự biết và thấy về giải thoát; những bạn hữu là tương đương, ngang bằng về giới, về định, về tuệ, về giải thoát, về sự biết và thấy về giải thoát. Những bạn hữu vượt trội hoặc những bạn hữu ngang bằng thì nên được giao thiệp, nên được thân cận, nên được gần gũi, nên được vấn, nên được hỏi.

"Những bạn hữu vượt trội [hoặc] tương đương là nên giao thiệp" là như thế.

Không đạt được những vị này, [nên] là người thọ dụng không bị chê trách: Có người là vị có sự thọ dụng bị chê trách, có người là vị có sự thọ dụng không bị chê trách.

[1] Xem chú thích 6 ở trang 23. (ND)

Người nào là vị có sự thọ dụng bị chê trách? Ở đây, một người nào đó sau khi nhận được, sau khi đạt được, sau khi đạt đến, sau khi tìm thấy, sau khi tiếp nhận không đúng theo pháp, một cách không ngay thẳng, "bằng cách gạt gẫm, bằng cách tán phét, bằng cách gợi ý, bằng cách lừa bịp, bằng cách thèm muốn lợi lộc bằng lợi lộc, bằng cách cho củi [gỗ], bằng cách cho tre, bằng cách cho lá, bằng cách cho bông hoa, bằng cách cho trái cây, bằng cách cho cây cọ rửa, bằng cách cho bột tắm, bằng cách cho đất sét, bằng cách cho gỗ chà răng, bằng cách cho nước súc miệng, bằng cách nịnh hót, bằng cách tâng bốc, bằng cách chiều chuộng, bằng cách nói lén sau lưng, nhờ vào khoa địa lý, nhờ vào kiến thức thế tục, nhờ vào khoa bói tướng, nhờ vào khoa chiêm tinh, bằng cách đi làm sứ giả, bằng cách đi theo sự sai bảo, bằng cách chuyển tin bằng đôi chân, bằng công việc thầy thuốc, bằng cách thức ăn đổi thức ăn, do phát sanh bởi quà cáp", rồi duy trì mạng sống. Người này được gọi là vị có sự thọ dụng bị chê trách.

Người nào là vị có sự thọ dụng không bị chê trách? Ở đây, một người nào đó sau khi nhận được, sau khi đạt được, sau khi đạt đến, sau khi tìm thấy, sau khi tiếp nhận đúng theo pháp, một cách ngay thẳng, "không do gạt gẫm, không do tán phét, không do gợi ý, không do lừa bịp, không do việc thèm muốn lợi lộc bằng lợi lộc, không do việc cho củi [gỗ], không do việc cho tre, không do việc cho lá, không do việc cho bông hoa, không do việc cho trái cây, không do việc cho cây cọ rửa, không do việc cho bột tắm, không do việc cho đất sét, không do việc cho gỗ chà răng, không do việc cho nước súc miệng, không do việc nịnh hót, không do việc tâng bốc, không do việc chiều chuộng, không do việc nói lén sau lưng, không nhờ vào khoa địa lý, không nhờ vào kiến thức thế tục, không nhờ vào khoa bói tướng, không nhờ vào khoa chiêm tinh, không do việc đi làm sứ giả, không do việc đi theo sự sai bảo, không do việc chuyển tin bằng đôi chân, không do công việc thầy thuốc, không do thức ăn đổi thức ăn, không do phát sanh bởi quà cáp", rồi duy trì mạng sống. Người này được gọi là vị có sự thọ dụng không bị chê trách.

Không đạt được những vị này, [nên] là người thọ dụng không bị chê trách: Sau khi không đạt được những vị này, sau khi không nhận được, sau khi không đạt đến, sau khi không tìm thấy, sau khi không tiếp nhận, [nên] là người có sự thọ dụng không bị chê trách.

"Không đạt được những vị này, [nên] là người thọ dụng không bị chê trách, nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]" là như thế.

Vì thế, vị Phật Độc Giác ấy đã nói rằng:

"Đương nhiên, chúng ta ca ngợi sự thành tựu về bạn hữu. Những bạn hữu vượt trội [hoặc] tương đương là nên giao thiệp. Không đạt được những vị này, [nên] là người thọ dụng không bị chê trách, nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]."

4. *Sau khi nhìn thấy những [vòng] vàng sáng chói*
Khéo được hoàn thành bởi con trai người thợ kim hoàn,
Hai vòng ở trên cùng cánh tay đang va chạm vào nhau,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một].

Sau khi nhìn thấy những [vòng] vàng sáng chói.

Sau khi nhìn thấy: Sau khi nhìn thấy là sau khi nhìn xem, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt.

[Vòng] vàng: Vòng bạc.

Sáng chói: Thuần tịnh, tinh khiết.

"Sau khi nhìn thấy những [vòng] vàng sáng chói" là như thế.

Khéo được hoàn thành bởi con trai người thợ kim hoàn: Con trai người thợ kim hoàn nói đến người thợ vàng.

Khéo được hoàn thành bởi con trai người thợ kim hoàn: Đã khéo được hoàn thành, đã khéo được làm ra, đã được thực hiện việc xếp đặt khéo léo bởi con trai người thợ kim hoàn.

"Khéo được hoàn thành bởi con trai người thợ kim hoàn" là như thế.

Hai vòng ở trên cùng cánh tay đang va chạm vào nhau: Cánh tay nói đến bàn tay. Giống như hai vòng kiềng ở trên một bàn tay đụng chạm nhau; tương tự như thế, chúng sanh, do tác động của tham ái, do tác động của tà kiến, chúng đụng chạm nhau ở địa ngục, chúng đụng chạm nhau ở loài thú, chúng đụng chạm nhau ở thân phận ngạ quỷ, chúng đụng chạm nhau ở thế giới loài người, chúng đụng chạm nhau ở thế giới chư thiên về cảnh giới tái sanh với cảnh giới tái sanh, về sự tái sanh với sự tái sanh, về sự nối liền tái sanh với sự nối liền tái sanh, về cõi hiện hữu với cõi hiện hữu, về sự luân hồi với sự luân hồi, về sự luân chuyển với sự luân chuyển, chúng đụng chạm nhau, chúng va chạm vào nhau; trong khi va chạm vào nhau, chúng sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, nuôi dưỡng, bảo dưỡng.

"Hai vòng ở trên cùng cánh tay đang va chạm vào nhau, nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]" là như thế.

Vì thế, vị Phật Độc Giác ấy đã nói rằng:

"Sau khi nhìn thấy những [vòng] vàng sáng chói
Khéo được hoàn thành bởi con trai người thợ kim hoàn,
Hai vòng ở trên cùng cánh tay đang va chạm vào nhau,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]."

5. *Tương tự như thế, cùng với bạn lữ, có thể xảy đến cho ta*
Sự chuyện vãn bằng lời nói, hoặc sự quyến luyến sâu đậm.
Trong khi xét thấy nỗi sợ hãi này trong tương lai,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một].

Tương tự như thế, cùng với bạn lữ, có thể xảy đến cho ta: Hoặc là có

tham ái là bạn lữ, hoặc là có người là bạn lữ. Có tham ái là bạn lữ nghĩa là thế nào? Tham ái: Tham ái cảnh sắc,… (nt)… tham ái cảnh pháp. Đối với vị nào, các tham ái này là chưa được dứt bỏ, vị ấy được gọi là có tham ái là bạn lữ.

"Có tham ái là bạn lữ, trong khi luân chuyển một thời gian dài đến sự hiện hữu này và sự hiện hữu khác, con người không vượt qua được luân hồi."

Có tham ái là bạn lữ nghĩa là như vậy.

Có người là bạn lữ nghĩa là thế nào? Ở đây, một người nào đó không phải vì sự lợi ích là nguyên nhân,[2] không phải vì công việc là nguyên nhân, bị phóng túng, có tâm không được vắng lặng, trở thành người thứ hai của một vị, trở thành người thứ ba của hai vị, trở thành người thứ tư của ba vị, tại đó nói huyên thuyên, việc nói nhảm nhí như là: Nói về chuyện về vua chúa, chuyện về trộm cướp, chuyện về đại thần, chuyện về binh lính, chuyện hãi hùng, chuyện về chiến tranh, chuyện về thức ăn, chuyện về thức uống, chuyện về vải vóc, chuyện về xe cộ, chuyện về giường nằm, chuyện về vòng hoa, chuyện về hương liệu, chuyện về thân quyến, chuyện về làng xóm, chuyện về thị tứ, chuyện về thành phố, chuyện về quốc độ, chuyện về đàn bà, chuyện về đàn ông, chuyện về vị anh hùng, chuyện về đường xá, chuyện tại chỗ lấy nước, chuyện về người đã chết, các chuyện tạp thoại nói về hiện trạng của thế giới, nói về hiện trạng của đại dương, chuyện về sự hiện hữu và không hiện hữu. Có người là bạn lữ nghĩa là như vậy.

"Tương tự như thế, cùng với bạn lữ, có thể xảy đến cho ta" là như thế.

Sự chuyện vãn bằng lời nói, hoặc sự quyến luyến sâu đậm: Sự chuyện vãn bằng lời nói, nói đến ba mươi hai việc nói phù phiếm như là chuyện về vua chúa,… (nt)… chuyện về sự hiện hữu và không hiện hữu.

Hoặc sự quyến luyến sâu đậm: Có hai sự quyến luyến: Sự quyến luyến do tham ái và sự quyến luyến do tà kiến. ... (nt)… điều này là sự quyến luyến do tham ái. ... (nt)… điều này là sự quyến luyến do tà kiến.

"Sự chuyện vãn bằng lời nói, hoặc sự quyến luyến sâu đậm" là như thế.

Trong khi xét thấy nỗi sợ hãi này trong tương lai.

Sợ hãi: Sợ hãi sự sanh, sợ hãi sự già, sợ hãi sự bệnh, sợ hãi sự chết, sợ hãi vua chúa, sợ hãi kẻ trộm, sợ hãi lửa, sợ hãi nước, sợ hãi sự chỉ trích của bản thân, sợ hãi sự chỉ trích của người khác, sợ hãi hình phạt, sợ hãi khổ cảnh, sợ hãi sóng nước, sợ hãi cá sấu, sợ hãi xoáy nước, sợ hãi cá dữ, sợ hãi về sinh kế, sợ hãi sự quở trách, sợ hãi do sự nhút nhát ở tập thể, sợ hãi do sự say sưa, trạng thái sợ hãi, trạng thái kinh hãi, sự rởn lông, sự hốt hoảng, sự khiếp sợ của tâm.

Trong khi xét thấy nỗi sợ hãi này trong tương lai: Trong khi xét thấy,

---

[2] "Không phải vì sự lợi ích là nguyên nhân" được dịch từ "*na atthahetu*" theo văn bản của Miến Điện. Trong khi đó, "*na ahetu*" có nghĩa Việt là "Không phải không có nguyên nhân" xét thấy không phù hợp. Văn bản của Thái Lan và PTS ghi là "*na attahetu*" được dịch Việt là "Không phải vì bản thân là nguyên nhân". (ND)

trong khi nhận thấy, trong khi quan sát, trong khi suy xét, trong khi khảo sát nỗi sợ hãi này trong tương lai.

"Trong khi xét thấy nỗi sợ hãi này trong tương lai, nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]" là như thế.

Vì thế, vị Phật Độc Giác ấy đã nói rằng:

"Tương tự như thế, cùng với bạn lữ, có thể xảy đến cho ta
Sự chuyện vãn bằng lời nói, hoặc sự quyến luyến sâu đậm.
Trong khi xét thấy nỗi sợ hãi này trong tương lai,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]."

6. *Bởi vì các dục là đa dạng, ngọt ngào, làm thích ý,*
Chúng khuấy động tâm bằng nhiều hình thức khác nhau.
Sau khi nhìn thấy điều bất lợi ở các loại dục,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một].

Bởi vì các dục là đa dạng, ngọt ngào, làm thích ý.

Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt)… Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)… Các điều này được gọi là ô nhiễm dục.

Đa dạng: Các sắc có nhiều loại, các thinh có nhiều loại, các hương có nhiều loại, các vị có nhiều loại, các xúc có nhiều loại là đáng mong, đáng muốn, đáng mến, đáng yêu, liên hệ đến dục, gợi tình.

Ngọt ngào: Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, đây là năm loại dục. Năm loại nào? Các sắc được nhận thức bởi mắt là đáng mong, đáng muốn, đáng mến, đáng yêu, liên hệ đến dục, gợi tình; các thinh được nhận thức bởi tai… các hương được nhận thức bởi mũi… các vị được nhận thức bởi lưỡi… các xúc được nhận thức bởi thân là đáng mong, đáng muốn, đáng mến, đáng yêu, liên hệ đến dục, gợi tình. Này các Tỳ-khưu, đây là năm loại dục. Này các Tỳ-khưu, thật vậy, tùy thuộc vào năm loại dục này, lạc và hỷ tâm sanh khởi; điều này được gọi là lạc của dục, lạc của phẩn, lạc của phàm phu, lạc không thuộc về bậc Thánh, không nên phục vụ, không nên phát triển, không nên thực hành thường xuyên, Ta nói rằng: 'Nên sợ hãi đối với lạc này.'" "Bởi vì các dục là đa dạng, ngọt ngào" là như thế.

Làm thích ý.

Ý: Tức là tâm,… (nt)… từ đó ý thức giới sanh lên. Chúng làm cho tâm vui thích, chúng tâng bốc tâm, làm cho tâm hài lòng, làm cho tâm vui vẻ.

"Bởi vì các dục là đa dạng, ngọt ngào, làm thích ý" là như thế.

Chúng khuấy động tâm bằng nhiều hình thức khác nhau: Chúng khuấy động tâm, làm hài lòng, làm vui vẻ với các sắc có nhiều loại,… (nt)… với các xúc có nhiều loại.

"Chúng khuấy động tâm bằng nhiều hình thức khác nhau" là như thế.

Sau khi nhìn thấy điều bất lợi ở các loại dục: Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, cái gì là điều bất lợi của các dục? Ở đây, này các Tỳ-khưu, người con trai gia đình danh giá duy trì mạng sống bằng ngành nghề nào: Giả dụ bằng việc đếm ngón tay, bằng việc kiểm kê, bằng việc tính toán, bằng việc cày bừa, bằng việc buôn bán, bằng việc nuôi bò, bằng việc bắn cung, bằng việc hầu hạ vua chúa, bằng bất cứ nghề nào khác, mà phải đương đầu với lạnh, đương đầu với nóng, bị khổ sở bởi các xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát, bị chết bởi các cơn đói khát. Này các Tỳ-khưu, việc này là điều bất lợi của các dục, có thể thấy được bởi tự thân, là khổ uẩn, có dục là nguyên nhân, có dục là căn nguyên, có dục là cớ sự, từ nguyên nhân thuộc về chính các dục.

Này các Tỳ-khưu, nếu trong khi người con trai gia đình danh giá ấy đang nỗ lực, đang ráng sức, đang tinh tấn, mà các của cải không thành tựu cho người ấy, [người ấy] sầu muộn, than vãn, rên rỉ, đấm ngực khóc lóc, rơi vào mê muội [nói rằng]: "Sự nỗ lực của ta quả thật vô ích! Sự tinh tấn của ta quả thật không có kết quả!" Này các Tỳ-khưu, việc này cũng là điều bất lợi của các dục, có thể thấy được bởi tự thân, là khổ uẩn, có dục là nguyên nhân, có dục là căn nguyên, có dục là cớ sự, từ nguyên nhân thuộc về chính các dục.

Này các Tỳ-khưu, nếu trong khi người con trai gia đình danh giá ấy đang nỗ lực, đang ráng sức, đang tinh tấn, mà các của cải thành tựu cho người ấy; bởi lý do bảo vệ các của cải ấy, người ấy cảm thọ khổ ưu [nghĩ rằng]: "Làm cách nào để các vị vua không có thể lấy đi, các kẻ trộm cướp không thể mang đi, lửa không thể thiêu cháy, nước không thể cuốn đi, những kẻ thừa tự không được yêu mến không thể lấy đi các của cải của ta?" Trong khi được người ấy bảo vệ, gìn giữ như vậy, các vị vua lấy đi, hoặc các kẻ trộm cướp mang đi, hoặc lửa thiêu cháy, hoặc nước cuốn đi, hoặc những kẻ thừa tự không được yêu mến lấy đi các của cải ấy, người ấy sầu muộn,... (nt)... rơi vào mê muội [nói rằng]: "Ngay cả vật đã thuộc về tôi, giờ cũng không còn cho chúng tôi!" Này các Tỳ-khưu, việc này cũng là điều bất lợi của các dục, có thể thấy được bởi tự thân, là khổ uẩn, có dục là nguyên nhân, có dục là căn nguyên, có dục là cớ sự, từ nguyên nhân thuộc về chính các dục.

Thêm nữa, này các Tỳ-khưu, có dục là nguyên nhân, có dục là căn nguyên, có dục là cớ sự, từ nguyên nhân thuộc về chính các dục, các vị vua tranh cãi với các vị vua, các Sát-đế-lỵ tranh cãi với các Sát-đế-lỵ, các Bà-la-môn tranh cãi với các Bà-la-môn, các gia chủ tranh cãi với các gia chủ, mẹ tranh cãi với con trai, con trai tranh cãi với mẹ, cha tranh cãi với con trai, con trai tranh cãi với cha, anh [em] trai tranh cãi với chị [em] gái, chị [em] gái tranh cãi với anh [em] trai, bạn bè tranh cãi với bạn bè. Tại nơi ấy, chúng đạt đến sự cãi cọ, sự cãi vã, sự tranh cãi, rồi công kích lẫn nhau bằng những bàn tay, công kích lẫn nhau bằng những cục đất, công kích lẫn nhau bằng những gậy gộc, công kích lẫn nhau bằng những thanh gươm. Tại nơi ấy, chúng đi đến cái chết, thậm chí sự khổ đau kề cận cái chết. Này các Tỳ-khưu, việc này cũng là điều bất lợi của các

dục, có thể thấy được bởi tự thân, là khổ uẩn, có dục là nguyên nhân, có dục là căn nguyên, có dục là cớ sự, từ nguyên nhân thuộc về chính các dục.

Thêm nữa, này các Tỳ-khưu, có dục là nguyên nhân, có dục là căn nguyên, có dục là cớ sự, từ nguyên nhân thuộc về chính các dục, chúng nắm lấy gươm và tấm khiêng, nai nịt cung và bó tên, rồi lao vào cuộc chiến đấu được quy tụ đông đảo ở cả hai bên trong khi các mũi tên đang được phóng ra, trong khi các cây giáo đang được phóng ra, trong khi các thanh gươm đang lấp lánh. Tại nơi ấy, chúng đâm nhau bằng những mũi tên, chúng đâm nhau bằng những cây giáo, chúng còn chặt đầu bằng thanh gươm. Tại nơi ấy, chúng đi đến cái chết, thậm chí sự khổ đau kề cận cái chết. Này các Tỳ-khưu, việc này cũng là điều bất lợi của các dục, có thể thấy được bởi tự thân, là khổ uẩn, có dục là nguyên nhân, có dục là căn nguyên, có dục là cớ sự, từ nguyên nhân thuộc về chính các dục.

Thêm nữa, này các Tỳ-khưu, có dục là nguyên nhân, có dục là căn nguyên, có dục là cớ sự, từ nguyên nhân thuộc về chính các dục, chúng nắm lấy gươm và tấm khiêng, nai nịt cung và bó tên, rồi lao vào các thành trì được tô trét bùn ướt trong khi các mũi tên đang được phóng ra, trong khi các cây giáo đang được phóng ra, trong khi các thanh gươm đang lấp lánh. Tại nơi ấy, chúng đâm nhau bằng những mũi tên, chúng đâm nhau bằng những cây giáo, chúng rưới xuống bằng dịch chất đã được đun nóng, chúng đè nát bằng vật nặng, chúng còn chặt đầu bằng thanh gươm. Tại nơi ấy, chúng đi đến cái chết, thậm chí sự khổ đau kề cận cái chết. Này các Tỳ-khưu, việc này cũng là điều bất lợi của các dục, có thể thấy được bởi tự thân, là khổ uẩn, có dục là nguyên nhân, có dục là căn nguyên, có dục là cớ sự, từ nguyên nhân thuộc về chính các dục.

Thêm nữa, này các Tỳ-khưu, có dục là nguyên nhân, có dục là căn nguyên, có dục là cớ sự, từ nguyên nhân thuộc về chính các dục, chúng đột nhập gia cư, mang đi vật cướp được, làm kẻ đạo tặc, đứng cướp dọc đường, đi đến với vợ người khác. Các vị vua sau khi bắt giữ chính kẻ ấy rồi cho áp dụng các hình phạt nhiều loại: Họ đánh đập bằng những cây roi, họ đánh đập bằng các dây mây, họ đánh đập bằng các gậy ngắn, họ chặt bàn tay,... (nt)... họ còn chặt đầu bằng thanh gươm. Tại nơi ấy, chúng đi đến cái chết, thậm chí sự khổ đau kề cận cái chết. Này các Tỳ-khưu, việc này cũng là điều bất lợi của các dục, có thể thấy được bởi tự thân, là khổ uẩn, có dục là nguyên nhân, có dục là căn nguyên, có dục là cớ sự, từ nguyên nhân thuộc về chính các dục.

Thêm nữa, này các Tỳ-khưu, có dục là nguyên nhân, có dục là căn nguyên, có dục là cớ sự, từ nguyên nhân thuộc về chính các dục, chúng làm hành động xấu xa bằng thân, làm hành động xấu xa bằng khẩu, làm hành động xấu xa bằng ý. Sau khi làm hành động xấu xa bằng thân, sau khi làm hành động xấu xa bằng khẩu, sau khi làm hành động xấu xa bằng ý, do sự hoại rã của thân, do sự chết đi, chúng bị sanh vào chốn bất hạnh, cõi khổ, nơi trừng phạt, địa ngục. Này các Tỳ-khưu, việc này cũng là điều bất lợi của các dục, có thể thấy được bởi tự thân, là khổ uẩn, có dục là nguyên nhân, có dục là căn nguyên, có dục là cớ sự, từ nguyên nhân thuộc về chính các dục.

Sau khi nhìn thấy điều bất lợi ở các loại dục: Sau khi nhìn thấy, sau khi nhìn xem, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt điều bất lợi ở các loại dục.

"Sau khi nhìn thấy điều bất lợi ở các loại dục, nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]" là như thế.

Vì thế, vị Phật Độc Giác ấy đã nói rằng:

"Bởi vì các dục là đa dạng, ngọt ngào, làm thích ý,
Chúng khuấy động tâm bằng nhiều hình thức khác nhau.
Sau khi nhìn thấy điều bất lợi ở các loại dục,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]."

7. *Điều này là tai họa, là ung nhọt, là bất hạnh, là tật bệnh, là mũi tên và là sự nguy hiểm cho ta. Sau khi nhìn thấy mối nguy hiểm này ở các loại dục, nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một].*

Điều này là tai họa, là ung nhọt, là bất hạnh, là tật bệnh, là mũi tên và là sự nguy hiểm cho ta: Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "'Sợ hãi', này các Tỳ-khưu, từ này là tên gọi dành cho các dục. 'Khổ đau', này các Tỳ-khưu, từ này là tên gọi dành cho các dục. 'Tật bệnh', này các Tỳ-khưu, từ này là tên gọi dành cho các dục. 'Ung nhọt', này các Tỳ-khưu, từ này là tên gọi dành cho các dục. 'Mũi tên', này các Tỳ-khưu, từ này là tên gọi dành cho các dục. 'Quyến luyến', này các Tỳ-khưu, từ này là tên gọi dành cho các dục. 'Đắm nhiễm', này các Tỳ-khưu, từ này là tên gọi dành cho các dục. 'Bào thai', này các Tỳ-khưu, từ này là tên gọi dành cho các dục. Và này các Tỳ-khưu, vì sao từ 'sợ hãi' này là tên gọi dành cho các dục? Bởi vì, này các Tỳ-khưu, bị luyến ái bởi sự luyến ái về dục, bị trói buộc bởi mong muốn và luyến ái, người này không hoàn toàn thoát khỏi sự sợ hãi ở đời này, không hoàn toàn thoát khỏi sự sợ hãi ở đời sau; vì thế, từ 'sợ hãi' này là tên gọi dành cho các dục. Và này các Tỳ-khưu, vì sao từ 'khổ đau'... 'tật bệnh'... 'ung nhọt'... 'mũi tên'... 'quyến luyến'... 'đắm nhiễm'... 'bào thai' này là tên gọi dành cho các dục? Bởi vì, này các Tỳ-khưu, bị luyến ái bởi sự luyến ái về dục, bị trói buộc bởi mong muốn và luyến ái, người này không hoàn toàn thoát khỏi bào thai ở đời này, không hoàn toàn thoát khỏi bào thai ở đời sau; vì thế, từ 'bào thai' này là tên gọi dành cho các dục."

1. *"Sợ hãi, khổ đau, tật bệnh và ung nhọt, mũi tên và sự quyến luyến, đắm nhiễm và bào thai, theo từng đôi một.*

2. *Các từ này nói về các dục, là nơi kẻ phàm phu bị dính mắc, bị đi xuống bởi hình thức lạc thú, rồi đi đến ở bào thai lần nữa.*

3. *Và khi nào vị Tỳ-khưu đã được kiềm chế, có nhiệt tâm, không bỏ bê sự nhận biết rõ, vị như thế ấy vượt qua con đường lầy lội khó đi này và xem xét loài người đang run rẩy đi đến sanh và già."*

"Điều này là tai họa, là ung nhọt, là bất hạnh, là tật bệnh, là mũi tên và là sự nguy hiểm cho ta" là như thế.

Sau khi nhìn thấy mối nguy hiểm này ở các loại dục: Sau khi nhìn thấy, sau khi nhìn xem, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt mối nguy hiểm này ở các loại dục.

"Sau khi nhìn thấy mối nguy hiểm này ở các loại dục, nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]" là như thế.

Vì thế, vị Phật Độc Giác ấy đã nói rằng:

"Điều này là tai họa, là ung nhọt, là bất hạnh, là tật bệnh, là mũi tên và là sự nguy hiểm cho ta. Sau khi nhìn thấy mối nguy hiểm này ở các loại dục, nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]."

8. *Lạnh, nóng, đói và khát,*
Gió và sức nóng, muỗi mòng và loài bò sát,
Sau khi đã khắc phục tất cả những điều này,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một].

Lạnh, nóng, đói và khát.

Lạnh: Lạnh là vì hai lý do: Lạnh là do tác động bởi sự rối loạn của các tố chất ở bên trong, hoặc lạnh là do tác động của thời tiết ở bên ngoài.

Nóng: Nóng là vì hai lý do: Nóng là do tác động bởi sự rối loạn của các tố chất ở bên trong, hoặc nóng là do tác động của thời tiết ở bên ngoài.

Đói: Nói đến đói ăn.

Khát: Nói đến khát nước.

"Lạnh, nóng, đói và khát" là như thế.

Gió và sức nóng, muỗi mòng và loài bò sát.

Gió: Gió hướng Đông, gió hướng Tây, gió hướng Bắc, gió hướng Nam, gió có bụi, gió không có bụi, gió mát, gió nóng, gió ít, gió nhiều, hắc phong, gió ở thượng tầng khí quyển, gió do cánh chim, gió của loài linh điểu, gió do lá thốt nốt, gió từ cây quạt.

Sức nóng: Nói đến sức nóng của mặt trời.

Muỗi mòng: Nói đến loài ruồi màu vàng nâu.

Loài bò sát: Nói đến loài rắn. "Gió và sức nóng, muỗi mòng và loài bò sát" là như thế.

Sau khi đã khắc phục tất cả những điều này: Sau khi khắc phục, sau khi đè bẹp, sau khi trấn áp, sau khi nghiền nát.

"Sau khi đã khắc phục tất cả những điều này, nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]" là như thế.

Vì thế, vị Phật Độc Giác ấy đã nói rằng:

"Lạnh, nóng, đói và khát,
Gió và sức nóng, muỗi mòng và loài bò sát,
Sau khi đã khắc phục tất cả những điều này,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]."

9. *Tựa như con long tượng đã lìa bỏ các bầy đàn,*
Có thân hình đã được phát triển, có đốm hoa sen, cao thượng,
Đang cư ngụ trong rừng theo như ý thích,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một].

Tựa như con long tượng đã lìa bỏ các bầy đàn.

Con long tượng: Nói đến loài voi khổng lồ. Vị Phật Độc Giác cũng là bậc Long Tượng. Vì lý do gì vị Phật Độc Giác [được gọi] là bậc Long Tượng? "Vị không làm điều tội lỗi" là bậc Long Tượng, "vị không đi đến" là bậc Long Tượng, "vị không trở về" là bậc Long Tượng. "Vị Phật Độc Giác ấy không làm điều tội lỗi" là bậc Long Tượng nghĩa là thế nào? Điều tội lỗi nói đến các ác bất thiện pháp, các điều ô nhiễm đưa đến tái sanh, có sự phiền muộn, có kết quả khổ, đưa đến sanh-già-chết ở vị lai.

[Đức Thế Tôn nói: "Này Sabhiya] vị không làm bất cứ điều tội lỗi nào ở thế gian, sau khi tháo gỡ tất cả các sự ràng buộc [và] các sự trói buộc, không bám víu vào bất cứ nơi đâu, đã được giải thoát, bậc Long Tượng, có bản thể như thế, được gọi là 'bậc Tự Tại'."[3]

"Vị Phật Độc Giác ấy không làm điều tội lỗi" là bậc Long Tượng nghĩa là như vậy.

"Vị Phật Độc Giác ấy không đi đến" là bậc Long Tượng nghĩa là thế nào? Vị Phật Độc Giác ấy không đi đến sự thiên vị vì mong muốn, không đi đến sự thiên vị vì sân hận, không đi đến sự thiên vị vì si mê, không đi đến sự thiên vị vì sợ hãi, không đi đến do tác động của luyến ái, không đi đến do tác động của sân hận, không đi đến do tác động của si mê, không đi đến do tác động của ngã mạn, không đi đến do tác động của tà kiến, không đi đến do tác động của phóng dật, không đi đến do tác động của hoài nghi, không đi đến do tác động của pháp tiềm ẩn, không bị đưa đi, không bị dẫn đi, không bị lôi đi, không bị mang đi bởi các pháp có tính chất phe nhóm. "Vị Phật Độc Giác ấy không đi đến" là bậc Long Tượng nghĩa là như vậy.

"Vị Phật Độc Giác ấy không trở về" là bậc Long Tượng nghĩa là thế nào? Các ô nhiễm nào đã được dứt bỏ bởi đạo Nhập lưu, các ô nhiễm ấy không đi về lại, không quay trở lại, không quay về lại. Các ô nhiễm nào đã được dứt bỏ bởi đạo Nhất lai... bởi đạo Bất lai... bởi đạo A-la-hán, các ô nhiễm ấy không đi về lại, không quay trở lại, không quay về lại. "Vị Phật Độc Giác ấy không trở về" là bậc Long Tượng nghĩa là như vậy.

---

[3] *Suttanipātapāḷi* (*Kinh tập*), *TTPV*, tập 29, trang 159, câu kệ 525. (ND)

Tựa như con long tượng đã lìa bỏ các bầy đàn: Giống như con long tượng ấy, sau khi lìa bỏ, sau khi lánh xa, sau khi tránh né các bầy đàn, một mình đi sâu vào khu rừng, chòm cây rồi sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, nuôi dưỡng, bảo dưỡng; vị Phật Độc Giác cũng vậy, sau khi lìa bỏ, sau khi lánh xa, sau khi tránh né hội chúng, một mình thân cận các khu rừng, các nơi heo hút, các chỗ trú ngụ xa vắng có ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh. Vị ấy đi một mình, đứng một mình, ngồi một mình, nằm một mình, đi vào làng để khất thực một mình, đi trở về một mình, ngồi nơi vắng vẻ một mình, quyết định kinh hành một mình; một mình sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng.

"Tựa như con long tượng đã lìa bỏ các bầy đàn" là như thế.

Có thân hình đã được phát triển, có đốm hoa sen, cao thượng: Giống như con long tượng ấy có tổng thể [thân hình] đã được phát triển, cao bảy *ratana*[4] hoặc tám *ratana*, vị Phật Độc Giác cũng có tổng thể [đức hạnh] đã được phát triển với giới uẩn của bậc Vô học, với định uẩn của bậc Vô học, với tuệ uẩn của bậc Vô học, với giải thoát uẩn của bậc Vô học, với giải thoát tri kiến uẩn[5] của bậc Vô học. Giống như con long tượng ấy có đốm hoa sen, vị Phật Độc Giác cũng có chùm hoa sen với bảy đóa hoa giác chi: Đóa hoa niệm giác chi, đóa hoa trạch pháp giác chi, đóa hoa cần giác chi, đóa hoa hỷ giác chi, đóa hoa tịnh giác chi, đóa hoa định giác chi, đóa hoa xả giác chi. Giống như con long tượng ấy cao thượng với sức mạnh, với năng lực, với tốc độ, với sự dũng cảm, vị Phật Độc Giác cũng cao thượng với giới, với định, với tuệ, với giải thoát, với sự biết và thấy về giải thoát.

"Có thân hình đã được phát triển, có đốm hoa sen, cao thượng" là như thế.

Đang cư ngụ trong rừng theo như ý thích: Giống như con long tượng ấy cư ngụ trong rừng theo như ý thích, vị Phật Độc Giác cũng cư ngụ trong rừng theo như ý thích. Ngài cư ngụ trong rừng theo như ý thích với Sơ thiền,... với Nhị thiền,... với Tam thiền, cư ngụ trong rừng theo như ý thích với Tứ thiền, cư ngụ trong rừng theo như ý thích với sự giải thoát của tâm thông qua Từ,... với sự giải thoát của tâm thông qua Bi,... với sự giải thoát của tâm thông qua Hỷ, cư ngụ trong rừng theo như ý thích với sự giải thoát của tâm thông qua Xả, cư ngụ trong rừng theo như ý thích với sự chứng đạt Không vô biên xứ,... với sự chứng đạt Thức vô biên xứ,... với sự chứng đạt Vô sở hữu xứ,... với sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ,... với sự chứng đạt Diệt [thọ tưởng định], cư ngụ trong rừng theo như ý thích với sự chứng đạt quả vị.

"Đang cư ngụ trong rừng theo như ý thích, nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]" là như thế.

Vì thế, vị Phật Độc Giác ấy đã nói rằng:

---

[4] Một *ratana* bằng 0.25 mét, đơn vị đo chiều dài. (ND)

[5] Xem chú thích 6 ở trang 23. (ND)

"Tựa như con long tượng đã lìa bỏ các bầy đàn,
Có thân hình đã được phát triển, có đốm hoa sen, cao thượng,
Đang cư ngụ trong rừng theo như ý thích,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]."

10. *Người ưa thích đồ chúng có thể chạm đến sự giải thoát tạm thời*[6] *là điều không có cơ sở. Sau khi cân nhắc lời nói của đấng Quyến Thuộc Mặt Trời, nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một].*

Người ưa thích đồ chúng có thể chạm đến sự giải thoát tạm thời là điều không có cơ sở: Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Thật vậy, này Ānanda, vị Tỳ-khưu ấy có sự thỏa thích đồ chúng, thích thú đồ chúng, gắn bó với việc thỏa thích đồ chúng, có sự thỏa thích đám đông, thích thú đám đông, vui thích đám đông, gắn bó với việc thỏa thích đám đông, sẽ là vị có sự đạt được theo ước muốn, có sự đạt được không khó khăn, có sự đạt được không khó nhọc đối với lạc của sự xuất gia, đối với lạc của sự ẩn cư, đối với lạc của sự yên tịnh, đối với lạc của sự giác ngộ; sự việc ấy không được biết đến. Nhưng này Ānanda, vị Tỳ-khưu nào, một mình sống tách riêng khỏi đám đông, đối với vị Tỳ-khưu ấy, điều này là được chờ đợi: Là vị sẽ có sự đạt được theo ước muốn, có sự đạt được không khó khăn, có sự đạt được không khó nhọc đối với lạc của sự xuất gia, đối với lạc của sự ẩn cư, đối với lạc của sự yên tịnh, đối với lạc của sự giác ngộ; sự việc ấy được biết đến. Thật vậy, này Ānanda, vị Tỳ-khưu ấy có sự thỏa thích với đồ chúng, thích thú đồ chúng, gắn bó với việc thỏa thích đồ chúng, có sự thỏa thích với đám đông, thích thú đám đông, vui thích đám đông, gắn bó với việc thỏa thích đám đông sẽ đạt đến và an trú vào sự an tịnh, sự giải thoát của tâm có tính chất tạm thời, hoặc là có tính chất dài hạn và không thể thay đổi; sự việc ấy không được biết đến. Nhưng này Ānanda, vị Tỳ-khưu nào, một mình sống tách riêng khỏi đám đông, đối với vị Tỳ-khưu ấy, điều này là được chờ đợi: Là vị sẽ đạt đến và an trú vào sự an tịnh, sự giải thoát của tâm có tính chất tạm thời, hoặc là có tính chất dài hạn và không thể thay đổi; sự việc ấy được biết đến."

"Người ưa thích đồ chúng có thể chạm đến sự giải thoát tạm thời là điều không có cơ sở" là như thế.

Sau khi cân nhắc lời nói của đấng Quyến Thuộc Mặt Trời.

Mặt trời: Nói đến Thái Dương. Thái Dương là Gotama theo dòng tộc, vị Phật Độc Giác cũng là Gotama theo dòng tộc. Vị Phật Độc Giác ấy là bà con trong dòng tộc, là quyến thuộc trong dòng tộc của Thái Dương; vì thế, vị Phật Độc Giác là quyến thuộc của mặt trời.

Sau khi cân nhắc lời nói của đấng Quyến Thuộc Mặt Trời: Sau khi lắng

[6] *Sāmayikaṃ vimuttinti lokiyasamāpattiṃ*: Sự giải thoát tạm thời là sự thể nhập hiệp thế, tức là các tầng thiền và ngũ thông (*SnA*. I. 105).

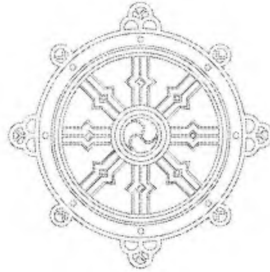
nghe, sau khi nghe được, sau khi tiếp thu, sau khi tiếp nhận, sau khi suy xét lời nói, lời phát biểu, lời chỉ bảo, lời khuyên bảo của đấng Quyến Thuộc Mặt Trời.

"Sau khi cân nhắc lời nói của đấng Quyến Thuộc Mặt Trời, nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]" là như thế.

Vì thế, vị Phật Độc Giác ấy đã nói rằng:

"Người ưa thích đồ chúng có thể chạm đến sự giải thoát tạm thời là điều không có cơ sở. Sau khi cân nhắc lời nói của đấng Quyến Thuộc Mặt Trời, nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]."

Dứt phẩm thứ nhì.



PHẨM THỨ BA
(*TATIYO VAGGO*)

1. *[Biết rằng:] "Ta đã vượt lên trên các sự trái khuấy của tà kiến,*
Đã đạt đến pháp bền vững, có đạo đã được tiếp nhận,
Có trí đã được sanh khởi, không cần người khác dẫn dắt",
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một].

Đã vượt lên trên các sự trái khuấy của tà kiến.

Các sự trái khuấy của tà kiến: Nói đến các thân kiến với hai mươi nền tảng. Ở đây, kẻ phàm phu không lắng nghe, không có sự trông thấy các bậc Thánh, không rành rẽ Thánh pháp, không được huấn luyện về Thánh pháp, không có sự trông thấy các bậc chân nhân, không rành rẽ pháp chân nhân, không được huấn luyện về pháp chân nhân; nhận thấy sắc là tự ngã, hoặc tự ngã có sắc, hoặc sắc ở trong tự ngã, hoặc tự ngã ở trong sắc; nhận thấy thọ… tưởng… các hành… thức là tự ngã, hoặc tự ngã có thức, hoặc thức ở trong tự ngã, hoặc tự ngã ở trong thức. Quan điểm nào có hình thức như vậy là sự đi đến tà kiến, có sự nắm giữ của tà kiến, có sự hiểm trở của tà kiến, có sự bóp méo của tà kiến, có sự xáo động của tà kiến, có sự ràng buộc của tà kiến, là sự nắm lấy, sự chấp nhận, sự chấp chặt, sự bám víu, con đường xấu, con đường sai trái, bản thể sai trái, ngoại giáo, sự nắm lấy đường lối trái nghịch, sự nắm lấy điều sai lệch, sự nắm lấy điều trái khuấy, sự nắm lấy điều sai trái, sự nắm lấy điều không xác đáng cho là xác đáng, cho đến sáu mươi hai tà kiến; các điều này là các sự trái khuấy của tà kiến.

Đã vượt lên trên các sự trái khuấy của tà kiến: Đã vượt lên trên, đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi các sự trái khuấy của tà kiến.

"Đã vượt lên trên các sự trái khuấy của tà kiến" là như thế.

Đã đạt đến pháp bền vững, có đạo đã được tiếp nhận.

Pháp bền vững: Nói đến bốn đạo, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, tức là: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Vị thành tựu bốn Thánh đạo này là đã đạt đến, đã đạt được, đã chứng đắc, đã chạm đến, đã chứng ngộ pháp không thối đọa. "Đã đạt đến pháp bền vững" là như thế.

Có đạo đã được tiếp nhận: Có đạo đã được nhận lãnh, có đạo đã được tiếp nhận, có đạo đã được chứng đắc, có đạo đã được chạm đến, có đạo đã được chứng ngộ.

"Đã đạt đến pháp bền vững, có đạo đã được tiếp nhận" là như thế.

Ta có trí đã được sanh khởi, không cần người khác dẫn dắt: Đối với vị Phật Độc Giác ấy, trí đã được sanh khởi, đã được sanh lên, đã được hạ sanh, đã được phát sanh, đã được xuất hiện; trí đã được sanh khởi, đã được sanh lên, đã được hạ sanh, đã được phát sanh, đã được xuất hiện rằng: "Tất cả các hành là vô thường",... (nt)... "Tất cả các hành là khổ"... (nt)... "Tất cả các pháp là vô ngã", trí đã được sanh khởi, đã được sanh lên, đã được hạ sanh, đã được phát sanh, đã được xuất hiện rằng: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh diệt tận." "Ta có trí đã được sanh khởi" là như thế.

Không cần người khác dẫn dắt: Vị Phật Độc Giác ấy không cần được hướng dẫn bởi người khác, không phụ thuộc người khác, không trông cậy người khác, không đi đến sự bị trói buộc với người khác, biết, thấy đúng theo thực thể, không bị mê muội, có sự nhận biết rõ, có niệm; không cần được hướng dẫn bởi người khác, không phụ thuộc người khác, không trông cậy người khác, không đi đến sự bị trói buộc với người khác, biết, thấy đúng theo thực thể, không bị mê muội, có sự nhận biết rõ, có niệm rằng: "Tất cả các hành là vô thường",... (nt)... "Tất cả các hành là khổ",... (nt)... "Tất cả các pháp là vô ngã", không cần được hướng dẫn bởi người khác, không phụ thuộc người khác, không trông cậy người khác, không đi đến sự bị trói buộc với người khác, biết, thấy đúng theo thực thể, không bị mê muội, có sự nhận biết rõ, có niệm rằng: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh diệt tận."

"Có trí đã được sanh khởi, không cần người khác dẫn dắt, nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]" là như thế.

Vì thế, vị Phật Độc Giác ấy đã nói rằng:

"[Biết rằng:] 'Ta đã vượt lên trên các sự trái khuấy của tà kiến,
Đã đạt đến pháp bền vững, có đạo đã được tiếp nhận,
Có trí đã được sanh khởi, không cần người khác dẫn dắt',
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]."

2. *Không tham lam, không gạt gẫm, không khao khát,*
Không gièm pha, đã dứt trừ các khuyết tật và sự si mê,
Sau khi đã trở nên không còn ước ao [tham vọng] về tất cả thế gian,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một].

Không tham lam, không gạt gẫm, không khao khát.

Tham lam: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với vị Phật Độc Giác, sự tham lam, tham ái ấy đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế, vị Phật Độc Giác là không tham lam.

Không gạt gẫm: Ba kiểu cách gạt gẫm: Kiểu cách gạt gẫm liên quan đến

việc sử dụng [bốn món] vật dụng, kiểu cách gạt gẫm liên quan đến các oai nghi, kiểu cách gạt gẫm liên quan đến việc nói gần nói xa.

Kiểu cách gạt gẫm liên quan đến việc sử dụng [bốn món] vật dụng là kiểu cách nào? Ở đây, các gia chủ thỉnh mời vị Tỳ-khưu về y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Vị ấy có ước muốn xấu xa, bị thúc đẩy bởi ước muốn, có sự tầm cầu, do sự mong muốn được nhiều hơn về y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh, rồi từ chối y phục, từ chối đồ ăn khất thực, từ chối chỗ nằm ngồi, từ chối vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Vị ấy nói như sau: "Lợi ích gì cho vị Sa-môn với y phục đắt giá? Điều đúng đắn là vị Sa-môn nên nhặt các mảnh vải từ bãi tha ma, hoặc từ đống rác, hoặc từ vải bỏ của tiệm vải, rồi làm y hai lớp và mặc vào. Lợi ích gì cho vị Sa-môn với đồ ăn khất thực đắt giá? Điều đúng đắn là vị Sa-môn nên duy trì mạng sống bằng việc đi khất thực, nhận ở mỗi nhà một chút thức ăn. Lợi ích gì cho vị Sa-môn với chỗ nằm ngồi đắt giá? Điều đúng đắn là vị Sa-môn nên ngụ ở gốc cây, hoặc là ngụ ở mộ địa, hoặc là ngụ ở ngoài trời. Lợi ích gì cho vị Sa-môn với vật dụng là thuốc men chữa bệnh đắt giá? Điều đúng đắn là vị Sa-môn nên chế tạo thuốc men với nước tiểu bò hoặc với mẩu cây harītakī." Từ đó trở đi, vị ấy mặc y thô tệ, ăn đồ ăn khất thực thô tệ, sử dụng chỗ nằm ngồi thô tệ, sử dụng vật dụng là thuốc men chữa bệnh thô tệ. Các gia chủ biết về vị ấy như vầy: "Vị Sa-môn này ít ham muốn, tự biết đủ, sống tách biệt, không giao du, có sự ra sức tinh tấn, thuyết về hạnh từ khước", rồi thỉnh mời [vị ấy] về y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh nhiều hơn nữa. Vị ấy nói như sau: "Do sự hiện diện của ba pháp, người thiện tín tạo ra nhiều phước báu: Do sự hiện diện của đức tin, người thiện tín tạo ra nhiều phước báu; do sự hiện diện của vật thí, người thiện tín tạo ra nhiều phước báu; do sự hiện diện của các bậc xứng đáng được cúng dường, người thiện tín tạo ra nhiều phước báu. Chính các người là có đức tin, và vật thí được tìm thấy, còn tôi là người thọ nhận. Nếu tôi không thọ nhận, như vậy các người sẽ mất phần phước báu. Không có lợi ích gì cho tôi với việc này, nhưng vì lòng thương tưởng đến các người mà tôi thọ nhận." Từ đó trở đi, vị ấy thọ nhận nhiều y phục, thọ nhận nhiều đồ ăn khất thực, thọ nhận nhiều chỗ nằm ngồi, thọ nhận nhiều vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Những sự nhíu mày nào có hình thức như vậy là trạng thái nhíu mày, sự gạt gẫm, thái độ gạt gẫm, trạng thái gạt gẫm; đây là kiểu cách gạt gẫm liên quan đến việc sử dụng [bốn món] vật dụng.

Kiểu cách gạt gẫm liên quan đến các oai nghi là kiểu cách nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó có ước muốn xấu xa, bị thúc đẩy bởi ước muốn, mong muốn sự tôn kính [nghĩ rằng]: "Như vầy mọi người sẽ tôn kính ta", rồi tạo dáng đi, tạo dáng đứng, tạo dáng ngồi, tạo dáng nằm, lập nguyện rồi mới đi, lập nguyện rồi mới đứng, lập nguyện rồi mới ngồi, lập nguyện rồi mới nằm, đi như là đã đắc định, đứng như là đã đắc định, ngồi như là đã đắc định, nằm như là đã đắc định, là người tham thiền giữa công chúng. Những việc tạo dáng ra vẻ nghiêm trang của các oai nghi có hình thức như vậy là biểu hiện tạo dáng, việc

tạo dáng, sự nhíu mày, trạng thái nhíu mày, sự gạt gẫm, thái độ gạt gẫm, trạng thái gạt gẫm; đây là kiểu cách gạt gẫm liên quan đến các oai nghi.

Kiểu cách gạt gẫm liên quan đến việc nói gần nói xa là kiểu cách nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó có ước muốn xấu xa, bị thúc đẩy bởi ước muốn, mong muốn sự tôn kính [nghĩ rằng]: "Như vầy mọi người sẽ tôn kính ta", rồi nói lời liên quan đến Thánh pháp. Nói rằng: "Vị nào mặc y như vầy, vị ấy là Sa-môn có uy lực lớn." Nói rằng: "Vị nào mang bình bát như vầy, mang bát nhỏ bằng đồng, mang bình nước, mang đồ lọc nước, mang chìa khóa, mang dép, mang dây thắt lưng, mang dây buộc, vị ấy là Sa-môn có uy lực lớn." Nói rằng: "Vị nào có thầy tế độ như vầy, vị ấy là Sa-môn có uy lực lớn." Nói rằng: "Vị nào có thầy dạy học như vầy, có các vị đồng thầy tế độ, có các vị đồng thầy dạy học, có các bạn bè, có các vị đồng quan điểm, có các vị thân thiết, có các vị thân hữu như vầy, vị ấy là Sa-môn có uy lực lớn." Nói rằng: "Vị nào ngụ ở trú xá… ngụ ở nhà một mái… ngụ ở tòa lâu đài… ngụ ở tòa nhà dài… ngụ ở hang động… ngụ ở thạch thất… ngụ ở cốc liêu… ngụ ở nhà mái nhọn… ngụ ở chòi canh… ngụ ở ngôi nhà tròn… ngụ ở căn lều… ngụ ở hội trường… ngụ ở mái che… ngụ ở gốc cây như vầy, vị ấy là Sa-môn có uy lực lớn." Hoặc là, vị giả nhân giả nghĩa, vị nhíu mặt nhăn mày, vị gạt gẫm lừa dối, vị tỉ tê nài nỉ, thể hiện ở khuôn mặt [để người khác hiểu lầm rằng]: "Vị Sa-môn này đã đạt được các sự thể nhập an tịnh có hình thức như thế này", rồi thuyết bài giảng thâm sâu, bí hiểm, vi tế, ẩn tàng, vô thượng ở thế gian, gắn liền với không tánh, tương đương với điều ấy. Những sự nhíu mày có hình thức như vậy là trạng thái nhíu mày, sự gạt gẫm, thái độ gạt gẫm, trạng thái gạt gẫm; đây là kiểu cách gạt gẫm liên quan đến việc nói gần nói xa.

Đối với vị nào, ba kiểu cách gạt gẫm này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; vì thế, vị Phật Độc Giác ấy được gọi là không gạt gẫm.

Không khao khát: Khao khát nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,… (nt)… tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với vị Phật Độc Giác, sự khao khát, tham ái ấy đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế, vị Phật Độc Giác ấy là không còn khao khát.

"Không tham lam, không gạt gẫm, không khao khát" là như thế.

Không gièm pha, đã dứt trừ các khuyết tật và sự si mê.

Gièm pha: Gièm pha, biểu hiện gièm pha, trạng thái gièm pha, sự ganh ghét, việc làm do ganh ghét.

Khuyết tật: Luyến ái là khuyết tật, sân hận là khuyết tật, si mê là khuyết tật, giận dữ là khuyết tật, thù hằn… gièm pha… ác ý… tất cả các pháp tạo tác bất thiện là các khuyết tật.

Sự si mê: Là sự không biết về khổ, sự không biết về nhân sanh khổ, sự không biết về sự diệt tận khổ, sự không biết về sự thực hành đưa đến sự diệt

tận khổ, sự không biết về điểm khởi đầu, sự không biết về điểm kết thúc, sự không biết về điểm khởi đầu và điểm kết thúc, sự không biết về các pháp tùy thuận duyên khởi này; sự không biết nào với hình thức như vậy là sự không nhìn thấy, không chứng ngộ, không thấu hiểu, không thấu triệt, không thu thập, không thâm nhập, không xem xét, không quán xét lại, không làm cho thấy rõ, không trong sáng, trạng thái ngu si, sự không nhận biết rõ, sự si mê, sự mê ám, sự mê muội, vô minh, sự lôi cuốn vào vô minh, sự gắn bó với vô minh, sự tiềm ẩn của vô minh, sự ngự trị của vô minh, sự ngăn trở của vô minh, si mê là gốc rễ của bất thiện. Đối với vị Phật Độc Giác ấy, sự gièm pha và sự si mê đã được tẩy trừ, đã được tẩy sạch, đã được tống ra, đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai.

Vị Phật Độc Giác ấy "không gièm pha, đã dứt trừ các khuyết tật và sự si mê" là như thế.

Sau khi đã trở nên không còn ước ao [tham vọng] về tất cả thế gian.

Ước ao: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Tất cả thế gian: Tất cả thế gian của khổ cảnh, tất cả thế gian của loài người, tất cả thế gian của chư thiên, tất cả thế gian của các uẩn, tất cả thế gian của các giới, tất cả thế gian của các xứ.

Sau khi đã trở nên không còn ước ao [tham vọng] về tất cả thế gian: Sau khi đã trở nên không còn ước ao [tham vọng], sau khi đã trở nên không còn tham ái, sau khi đã trở nên không còn khao khát về tất cả thế gian.

"Sau khi đã trở nên không còn ước ao [tham vọng] về tất cả thế gian" là như thế.

Vì thế, vị Phật Độc Giác ấy đã nói rằng:

"Không tham lam, không gạt gẫm, không khao khát, không gièm pha, đã dứt trừ các khuyết tật và sự si mê, sau khi đã trở nên không còn ước ao [tham vọng] về tất cả thế gian, nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]."

3. *Nên lánh xa hẳn người bạn ác xấu,*
Kẻ không nhìn thấy mục đích, đã lún sâu vào [sở hành] sai trái.
Bản thân không nên phục vụ kẻ bị đeo níu [ở các dục], bị xao lãng,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một].

Nên lánh xa hẳn người bạn ác xấu.

Người bạn ác xấu: Nói đến người bạn có tà kiến về mười sự việc là: Không có bố thí, không có dâng hiến, không có cúng tế, không có kết quả và sự thành tựu quả của các nghiệp đã được làm tốt hoặc được làm xấu, không có đời này, không có đời sau, không có mẹ, không có cha, không có các chúng sanh thuộc

loại hóa sanh, không có ở thế gian các vị Sa-môn và Bà-la-môn sống chân chánh, thực hành đúng đắn là những vị với thắng trí của mình chứng ngộ và công bố về thế giới này và thế giới khác"; đây là người bạn ác xấu.

Nên lánh xa hẳn người bạn ác xấu: Nên lánh xa, nên lánh xa hẳn người bạn ác xấu.

"Nên lánh xa hẳn người bạn ác xấu" là như thế.

Kẻ không nhìn thấy mục đích, đã lún sâu vào [sở hành] sai trái.

Kẻ không nhìn thấy mục đích: Nói đến người bạn có tà kiến về mười sự việc là: "Không có bố thí,... (nt)... là những vị với thắng trí của mình chứng ngộ và công bố về thế giới này và thế giới khác."

Đã lún sâu vào [sở hành] sai trái: Đã lún sâu vào thân nghiệp sai trái, đã lún sâu vào khẩu nghiệp sai trái, đã lún sâu vào ý nghiệp sai trái, đã lún sâu vào việc giết hại sinh mạng sai trái, đã lún sâu vào việc trộm cắp sai trái, đã lún sâu vào tà hạnh trong các dục sai trái, đã lún sâu vào việc nói dối sai trái, đã lún sâu vào việc nói đâm thọc sai trái, đã lún sâu vào việc nói thô lỗ sai trái, đã lún sâu vào việc nói nhảm nhí sai trái, đã lún sâu vào tham đắm sai trái, đã lún sâu vào sân hận sai trái, đã lún sâu vào tà kiến sai trái, đã lún sâu vào các pháp tạo tác sai trái, đã lún sâu vào năm loại dục sai trái, đã lún sâu vào năm pháp che lấp sai trái, đã đi theo vào, bị dính mắc, đã bám vào, đã đến gần, đã bám chặt, đã hướng đến.

"Kẻ không nhìn thấy mục đích, đã lún sâu vào [sở hành] sai trái" là như thế.

Bản thân không nên phục vụ kẻ bị đeo níu [ở các dục], bị xao lãng.

Kẻ bị đeo níu [ở các dục]: Kẻ nào tìm kiếm, tìm tòi, tầm cầu các dục, rồi đi theo nó, phát triển theo nó, xem trọng nó, uốn cong theo nó, chiều theo nó, xuôi theo nó, hướng đến nó, xem nó là chủ đạo, kẻ ấy là bị đeo níu ở các dục. Kẻ nào, do tác động của tham ái, tầm cầu các sắc... (nt)... các thinh... (nt)... các hương... (nt)... các vị... (nt)... tầm cầu các xúc, rồi đi theo nó, phát triển theo nó, xem trọng nó, uốn cong theo nó, chiều theo nó, xuôi theo nó, hướng đến nó, xem nó là chủ đạo, kẻ ấy là bị đeo níu ở các dục. Kẻ nào, do tác động của tham ái, tiếp nhận các sắc... (nt)... các thinh... (nt)... các hương... (nt)... các vị... (nt)... tiếp nhận các xúc, rồi đi theo nó, phát triển theo nó, xem trọng nó, uốn cong theo nó, chiều theo nó, xuôi theo nó, hướng đến nó, xem nó là chủ đạo, kẻ ấy là bị đeo níu ở các dục. Kẻ nào, do tác động của tham ái, thọ hưởng các sắc... (nt)... các thinh... (nt)... các hương... (nt)... các vị... (nt)... thọ hưởng các xúc, rồi đi theo nó, phát triển theo nó, xem trọng nó, uốn cong theo nó, chiều theo nó, xuôi theo nó, hướng đến nó, xem nó là chủ đạo, kẻ ấy là bị đeo níu ở các dục. Giống như người gây nên sự cãi cọ thì bị đeo níu ở sự cãi cọ, người làm công việc thì bị đeo níu ở công việc, người đang sống ở nơi sinh sống thì bị đeo níu ở nơi sinh sống, người có thiền thì bị đeo níu bởi thiền; tương tự như thế, kẻ nào tìm kiếm, tìm tòi, tầm cầu các dục, rồi đi theo nó, phát triển theo

nó, xem trọng nó, uốn cong theo nó, chiều theo nó, xuôi theo nó, hướng đến nó, xem nó là chủ đạo, kẻ ấy là bị đeo níu ở các dục. Kẻ nào, do tác động của tham ái, tầm cầu các sắc… (nt)… Kẻ nào, do tác động của tham ái, tiếp nhận các sắc… (nt)… Kẻ nào, do tác động của tham ái, thọ hưởng các sắc… (nt)… các thinh… (nt)… các hương… (nt)… các vị… (nt)… thọ hưởng các xúc, rồi đi theo nó, phát triển theo nó, xem trọng nó, uốn cong theo nó, chiều theo nó, xuôi theo nó, hướng đến nó, xem nó là chủ đạo, kẻ ấy là bị đeo níu ở các dục.

Bị xao lãng: Sự xao lãng cần được nói đến: Sự buông thả hoặc sự buông xuôi trong việc buông thả của tâm ở uế hạnh về thân, ở uế hạnh về khẩu, ở uế hạnh về ý, hoặc ở năm loại dục, là trạng thái thực hành không nghiêm trang, trạng thái thực hành không liên tục, trạng thái thực hành không kiên định, có thói quen biếng nhác, trạng thái buông bỏ mong muốn, trạng thái buông bỏ bổn phận, sự không tập luyện, sự không tu tập, sự không làm thường xuyên, sự không quyết tâm, sự không chuyên cần, sự xao lãng trong việc tu tập các thiện pháp; sự xao lãng nào với hình thức như vậy là biểu hiện xao lãng, trạng thái xao lãng; việc này gọi là sự xao lãng.

Bản thân không nên phục vụ kẻ bị đeo níu [ở các dục], bị xao lãng: Không nên phục vụ kẻ bị đeo níu và bị xao lãng, bản thân không nên phục vụ, tự mình không nên phục vụ, không nên phục dịch, không nên kề cận, không nên hầu cận, không nên hành xử, không nên hành theo, không nên thọ trì và vận dụng.

"Bản thân không nên phục vụ kẻ bị đeo níu [ở các dục], bị xao lãng, nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]" là như thế.

Vì thế, vị Phật Độc Giác ấy đã nói rằng:

"Nên lánh xa hẳn người bạn ác xấu,
Kẻ không nhìn thấy mục đích, đã lún sâu vào [sở hành] sai trái.
Bản thân không nên phục vụ kẻ bị đeo níu [ở các dục], bị xao lãng,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]."

4. *Nên thân cận với vị nghe nhiều [học rộng], vị nắm giữ giáo pháp,*
Người bạn cao thượng, có tài biện giải.
Sau khi hiểu thông về các lợi ích, nên dẹp bỏ sự nghi hoặc,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một].

Nên thân cận với vị nghe nhiều [học rộng], vị nắm giữ giáo pháp: Người bạn nghe nhiều là vị có sự ghi nhớ điều đã được nghe, có sự tích lũy điều đã được nghe về những pháp toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa, toàn hảo ở đoạn kết, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, tuyên thuyết về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ. Đối với vị này, các pháp có hình thức như thế là được nghe nhiều, được ghi nhớ, được tích lũy bằng khẩu, được suy nghĩ chín chắn bằng ý, được thấu triệt tốt đẹp bằng kiến thức.

Vị nắm giữ giáo pháp: Vị đang nắm giữ giáo pháp [gồm có chín thể loại]: *Sutta, Geyya, Veyyākaraṇa, Gāthā, Udāna, Itivuttaka, Jātaka, Abbhutadhamma, Vedalla.*

Nên thân cận với vị nghe nhiều [học rộng], vị nắm giữ giáo pháp: Nên thân cận, nên gần gũi, nên phục vụ, nên phục dịch, nên kề cận, nên hầu cận người bạn là vị nghe nhiều và là vị nắm giữ giáo pháp.

"Nên thân cận với vị nghe nhiều [học rộng], vị nắm giữ giáo pháp" là như thế.

Người bạn cao thượng, có tài biện giải: Người bạn là cao thượng với giới, với định, với tuệ, với giải thoát và với tri kiến về giải thoát.

Có tài biện giải: Có ba hạng người có tài biện giải: Có tài biện giải do pháp học, có tài biện giải do vấn hỏi, có tài biện giải do chứng đắc. Có tài biện giải do pháp học là thế nào? Ở đây, một vị nào đó được học tinh thông về lời dạy của đức Phật [gồm có chín thể loại] là: *Sutta, Geyya, Veyyākaraṇa, Gāthā, Udāna, Itivuttaka, Jātaka, Abbhutadhamma, Vedalla*;[1] nhờ vào pháp học, vấn đề được sáng tỏ đối với vị ấy. Đây là hạng người có tài biện giải do pháp học.

Có tài biện giải do vấn hỏi là thế nào? Ở đây, một vị nào đó là người vấn hỏi về mục đích, về cách thức, về tướng trạng, về nguyên nhân và về tính chất hợp lý hay không hợp lý; nhờ vào việc vấn hỏi, điều ấy được sáng tỏ đối với vị ấy. Đây là hạng người có tài biện giải do vấn hỏi.

Có tài biện giải do chứng đắc là thế nào? Ở đây, một vị nào đó đạt đến bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, bốn Thánh đạo, bốn quả vị Sa-môn, bốn tuệ phân tích, sáu thắng trí; đối với vị ấy, ý nghĩa đã được biết, pháp đã được biết, ngôn từ đã được biết. Khi ý nghĩa đã được biết thì ý nghĩa được sáng tỏ, khi pháp đã được biết thì pháp được sáng tỏ, khi ngôn từ đã được biết thì ngôn từ được sáng tỏ; trí ở ba sự nhận biết này là tuệ phân tích về phép biện giải. Vị Phật Độc Giác ấy đã tiến đến, đã tiến gần, đã đến gần, đã tiến vào, đã đạt đến, đã tròn đủ, đã thành tựu tuệ phân tích về phép biện giải này; vì thế, vị Phật Độc Giác là người có tài biện giải. Đối với kẻ nào, pháp học không có, vấn hỏi không có, chứng đắc không có, đối với kẻ ấy, cái gì sẽ được sáng tỏ?

"Người bạn cao thượng, có tài biện giải" là như thế.

Sau khi hiểu thông về các lợi ích, nên dẹp bỏ sự nghi hoặc: Sau khi hiểu thông về lợi ích của bản thân, sau khi hiểu thông về lợi ích của người khác, sau khi hiểu thông về lợi ích của cả hai, sau khi hiểu thông về lợi ích trong đời này, sau khi hiểu thông về lợi ích trong đời sau, sau khi hiểu thông về lợi ích của lợi ích tối thượng, sau khi biết rõ, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt, nên dẹp bỏ, nên dẹp hẳn, nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên khiến cho không còn hiện hữu sự nghi hoặc.

[1] Xem chú thích về "Chín thể loại giáo pháp" ở trang 122. (ND)

"Sau khi hiểu thông về các lợi ích, nên dẹp bỏ sự nghi hoặc, nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]" là như thế.

Vì thế, vị Phật Độc Giác ấy đã nói rằng:

"Nên thân cận với vị nghe nhiều [học rộng], vị nắm giữ giáo pháp,
Người bạn cao thượng, có tài biện giải.
Sau khi hiểu thông về các lợi ích, nên dẹp bỏ sự nghi hoặc,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]."

5. *Người không trông ngóng và không mong mỏi*
Sự đùa giỡn, sự vui thích và khoái lạc ngũ dục ở thế gian,
Đã xa lánh hẳn việc trang điểm, có lời nói chân thật,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một].

Sự đùa giỡn, sự vui thích và khoái lạc ngũ dục ở thế gian.

Sự đùa giỡn: Có hai sự đùa giỡn: Sự đùa giỡn về thân và sự đùa giỡn về khẩu. ... (nt)... đây là sự đùa giỡn về thân. ... (nt)... đây là sự đùa giỡn về khẩu.

Sự vui thích: Từ "*rati*" này là diễn tả trạng thái không bị thất vọng.

Khoái lạc ngũ dục: Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, đây là năm loại dục. Năm loại nào? Các sắc được nhận thức bởi mắt là đáng mong, đáng muốn, đáng mến, đáng yêu, liên hệ đến dục, gợi tình; các thinh được nhận thức bởi tai... (nt)... các hương được nhận thức bởi mũi... (nt)... các vị được nhận thức bởi lưỡi... (nt)... các xúc được nhận thức bởi thân là đáng mong, đáng muốn, đáng mến, đáng yêu, liên hệ đến dục, gợi tình. Này các Tỳ-khưu, đây là năm loại dục. Này các Tỳ-khưu, thật vậy, tùy thuộc vào năm loại dục này, lạc và hỷ tâm sanh khởi; điều này được gọi là khoái lạc của dục."

Ở thế gian: Ở thế gian của loài người.

"Sự đùa giỡn, sự vui thích và khoái lạc ngũ dục ở thế gian" là như thế.

Người không trông ngóng và không mong mỏi: Sau khi trở thành người không trông ngóng và không mong mỏi sự đùa giỡn, sự vui thích và khoái lạc ngũ dục ở thế gian, sau khi dứt bỏ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi khiến cho không còn hiện hữu.

"Người không trông ngóng và không mong mỏi" là như thế.

Đã xa lánh hẳn việc trang điểm, có lời nói chân thật.

Việc trang điểm: Có hai sự trang điểm: Có sự trang điểm của người tại gia, có sự trang điểm của bậc xuất gia. Việc trang điểm của người tại gia là các việc nào? Đầu tóc, bộ râu, tràng hoa, vật thơm, vật thoa, đồ trang sức, vật tô điểm, vải vóc, áo khoác, khăn đội đầu, việc kỳ cọ, việc đấm bóp, việc cho người tắm rửa, vật đập vỗ, gương soi, việc tô mắt, vật tẩm hoa thơm, phấn thoa ở mặt, việc bôi dầu ở mặt, vật buộc cánh tay, nơ thắt ở đầu, gậy chống, ống cây, thanh gươm, dù che, giày dép sặc sỡ, khăn bịt đầu, ngọc ma-ni, cây phất trần, [quần]

các tấm vải trắng có đường biên rộng, hoặc là như thế; điều này là việc trang điểm của người tại gia.

Việc trang điểm của bậc xuất gia là các việc nào? Việc trang hoàng y phục, việc trang hoàng bình bát, việc trang hoàng chỗ nằm ngồi, việc trang hoàng, trang điểm, tiêu khiển, giải trí, trạng thái mong muốn, bản tính mong muốn, hành động tô điểm, trạng thái tô điểm đối với các phần bên ngoài của cơ thể hôi thối này hoặc các vật dụng; điều này là việc trang điểm của người xuất gia.

Có lời nói chân thật: Vị Phật Độc Giác ấy có lời nói chân thật, liên quan đến sự thật, chắc chắn, đáng tin, không lường gạt thế gian. Đã xa lánh hẳn việc trang điểm, đã tránh khỏi, đã tránh xa, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

"Đã xa lánh hẳn việc trang điểm, có lời nói chân thật, nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]" là như thế.

Vì thế, vị Phật Độc Giác ấy đã nói rằng:

"Người không trông ngóng và không mong mỏi
Sự đùa giỡn, sự vui thích và khoái lạc ngũ dục ở thế gian,
Đã xa lánh hẳn việc trang điểm, có lời nói chân thật,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]."

6. *Sau khi từ bỏ con và vợ, cha và mẹ, các tài sản và lúa đậu, các quyến thuộc, và các dục theo mức độ [của chúng], nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một].*

Con và vợ, cha và mẹ.

Con: Có bốn loại con: Con ruột là con, con nhặt được là con, con nuôi là con, học trò là con.

Vợ: Nói đến những người vợ.

Cha: Là người nam có liên quan đến việc sanh sản.

Mẹ: Là người nữ sanh con.

"Con và vợ, cha và mẹ" là như thế.

Các tài sản và lúa đậu, các quyến thuộc.

Các tài sản: Nói đến vàng khối, vàng ròng, ngọc trai, ngọc ma-ni, ngọc bích, xà cừ, đá quý, san hô, bạc, vàng, ngọc ruby, ngọc mắt mèo.

Lúa đậu: Nói đến thực phẩm chính, thực phẩm phụ. Thực phẩm chính có tên gọi là: Lúa sāli, lúa mùa, lúa mạch, lúa mì, kê, đậu varaka, bắp. Thực phẩm phụ có tên gọi là vật để nấu súp.

Các quyến thuộc: Có bốn hạng quyến thuộc: Quyến thuộc về bà con là thân quyến, quyến thuộc về dòng họ là thân quyến, quyến thuộc về bạn bè là thân quyến, quyến thuộc về nghề nghiệp là thân quyến.

"Các tài sản và lúa đậu, các quyến thuộc" là như thế.

Sau khi từ bỏ các dục theo mức độ [của chúng].

Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ...(nt)... Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là ô nhiễm dục.

Sau khi từ bỏ các dục: Sau khi biết toàn diện về các vật dục, sau khi dứt bỏ các ô nhiễm dục, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu.

Sau khi từ bỏ các dục theo mức độ [của chúng]: Các ô nhiễm nào đã được dứt bỏ bởi đạo Nhập lưu, các ô nhiễm ấy không đi về lại, không quay trở lại, không quay về lại. Các ô nhiễm nào đã được dứt bỏ bởi đạo Nhất lai... Các ô nhiễm nào đã được dứt bỏ bởi đạo Bất lai... Các ô nhiễm nào đã được dứt bỏ bởi đạo A-la-hán, các ô nhiễm ấy không đi về lại, không quay trở lại, không quay về lại.

"Sau khi từ bỏ các dục theo mức độ [của chúng]" là như thế.

Vì thế, vị Phật Độc Giác ấy đã nói rằng:

"Sau khi từ bỏ con và vợ, cha và mẹ, các tài sản và lúa đậu, các quyến thuộc, và các dục theo mức độ [của chúng], nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]."

7. *Điều này [ngũ dục] là sự quyến luyến, hạnh phúc ở đây là nhỏ nhoi,*
Ít khoái lạc, sự khổ đau ở đây là nhiều hơn.
Người có sự nhận thức, sau khi biết được "điều này là móc câu",
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một].

Điều này [ngũ dục] là sự quyến luyến, hạnh phúc ở đây là nhỏ nhoi: "Sự quyến luyến", hoặc "lưỡi câu", hoặc "miếng mồi", hoặc "sự dính mắc", hoặc "sự vướng bận", tên gọi này là dành cho năm loại dục.

Hạnh phúc ở đây là nhỏ nhoi: Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

"Này các Tỳ-khưu, đây là năm loại dục. Năm loại nào? Các sắc được nhận thức bởi mắt là đáng mong, đáng muốn, đáng mến, đáng yêu, liên hệ đến dục, gợi tình;... (nt)... các xúc được nhận thức bởi thân là đáng mong, đáng muốn, đáng mến, đáng yêu, liên hệ đến dục, gợi tình. Này các Tỳ-khưu, đây là năm loại dục. Này các Tỳ-khưu, thật vậy, tùy thuộc vào năm loại dục này, lạc và hỷ tâm sanh khởi; điều này được gọi là khoái lạc của dục." Hạnh phúc này là ít ỏi, hạnh phúc này là thấp kém, hạnh phúc này là chút ít, hạnh phúc này là thấp thỏi, hạnh phúc này là tồi tệ, hạnh phúc này là nhỏ nhoi.

"Điều này [ngũ dục] là sự quyến luyến, hạnh phúc ở đây là nhỏ nhoi" là như thế.

Ít khoái lạc, sự khổ đau ở đây là nhiều hơn: Đức Thế Tôn đã giảng giải rằng các dục có ít ỏi khoái lạc, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Các dục đã được đức Thế Tôn giảng giải như là khúc xương,... (nt)... Các dục đã được đức Thế Tôn giảng giải như là miếng thịt,... (nt)... Các dục đã được đức Thế Tôn giảng giải như là cây đuốc cỏ,... (nt)... Các dục đã được đức Thế Tôn giảng giải như là hố than cháy rực,... (nt)... Các dục đã được đức Thế Tôn giảng giải như là giấc mơ,... (nt)... Các dục đã được đức Thế Tôn giảng giải như là vật vay mượn,... (nt)... Các dục đã được đức Thế Tôn giảng giải như là trái trên cây,... (nt)... Các dục đã được đức Thế Tôn giảng giải như là lò sát sanh,... (nt)... Các dục đã được đức Thế Tôn giảng giải như là mũi lao nhọn,... (nt)... Các dục đã được đức Thế Tôn giảng giải như là đầu rắn độc, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn."

"Ít khoái lạc, sự khổ đau ở đây là nhiều hơn" là như thế.

Người có sự nhận thức, sau khi biết được "điều này là móc câu": "Móc câu", hoặc "lưỡi câu", hoặc "miếng mồi", hoặc "sự dính mắc", hoặc "sự cột trói", hoặc "sự vướng bận", tên gọi này là dành cho năm loại dục.

Iti: Từ "*iti*" này là sự nối liền các câu văn, sự kết hợp các câu văn, sự làm đầy đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuốt từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn.

Người có sự nhận thức: Là người sáng trí, sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh.

Người có sự nhận thức, sau khi biết được "điều này là móc câu": Người có sự nhận thức sau khi biết là: "Móc câu", sau khi biết là: "Lưỡi câu", sau khi biết là: "Miếng mồi", sau khi biết là: "Sự dính mắc", sau khi biết là: "Sự cột trói", sau khi biết là: "Sự vướng bận", sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt.

"Người có sự nhận thức, sau khi biết được 'điều này là móc câu', nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]" là như thế.

Vì thế, vị Phật Độc Giác ấy đã nói rằng:

"Điều này [ngũ dục] là sự quyến luyến, hạnh phúc ở đây là nhỏ nhoi,
Ít khoái lạc, sự khổ đau ở đây là nhiều hơn.
Người có sự nhận thức, sau khi biết được 'điều này là móc câu',
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]."

8. *Sau khi bứt lìa hoàn toàn các sự ràng buộc,*
Tựa như loài thủy tộc ở trong nước đã phá tan chiếc lưới,
Tựa như ngọn lửa không quay lại nơi đã bị đốt cháy,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một].

Sau khi bứt lìa hoàn toàn các sự ràng buộc: Có mười sự ràng buộc: Sự ràng buộc của ái dục, sự ràng buộc của bất bình, sự ràng buộc của ngã mạn, sự

ràng buộc của tà kiến, sự ràng buộc của hoài nghi, sự ràng buộc do việc bám víu vào giới và phận sự, sự ràng buộc do sự luyến ái vào hữu, sự ràng buộc của ganh tỵ, sự ràng buộc của bỏn xẻn, sự ràng buộc của vô minh.

Sau khi bứt lìa hoàn toàn các sự ràng buộc: Sau khi bứt lìa, sau khi bứt lìa hoàn toàn, sau khi dứt bỏ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu mười sự ràng buộc.

"Sau khi bứt lìa hoàn toàn các sự ràng buộc" là như thế.

Tựa như loài thủy tộc ở trong nước đã phá tan chiếc lưới.

Chiếc lưới: Nói đến chiếc lưới bằng chỉ sợi.

Nước: Nói đến nước [thông thường].[2]

Loài thủy tộc: Nói đến loài cá. Giống như con cá sau khi phá vỡ, sau khi phá vỡ hoàn toàn, sau khi bứt lìa, sau khi bứt lìa hẳn, sau khi bứt lìa hoàn toàn cái lưới, rồi lội đi, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, nuôi dưỡng, bảo dưỡng, tương tự y như vậy, có hai mạng lưới: Mạng lưới tham ái và mạng lưới tà kiến… (nt)… điều này là mạng lưới tham ái… (nt)… điều này là mạng lưới tà kiến. Đối với vị Phật Độc Giác ấy, mạng lưới tham ái đã được dứt bỏ, mạng lưới tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với mạng lưới tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với mạng lưới tà kiến, vị Phật Độc Giác ấy không dính mắc ở sắc, không dính mắc ở thinh, không dính mắc ở hương,… (nt)… không dính mắc ở các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, [vị ấy] không nắm giữ, không bị trói buộc, không bị giữ lại, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Tựa như loài thủy tộc ở trong nước đã phá tan chiếc lưới" là như thế.

Tựa như ngọn lửa không quay lại nơi đã bị đốt cháy: Giống như ngọn lửa, có nhiên liệu là cỏ và củi, trong khi đang thiêu đốt, nó đi tới không quay trở lại; tương tự y như vậy, đối với vị Phật Độc Giác ấy, các ô nhiễm nào đã được dứt bỏ bởi đạo Nhập lưu, các ô nhiễm ấy không đi về lại, không quay trở lại, không quay về lại; các ô nhiễm nào đã được dứt bỏ bởi đạo Nhất lai… (nt)… bởi đạo Bất lai… (nt)… bởi đạo A-la-hán, các ô nhiễm ấy không đi về lại, không quay trở lại, không quay về lại.

"Tựa như ngọn lửa không quay lại nơi đã bị đốt cháy, nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]" là như thế.

Vì thế, vị Phật Độc Giác ấy đã nói rằng:

"Sau khi bứt lìa hoàn toàn các sự ràng buộc,
Tựa như loài thủy tộc ở trong nước đã phá tan chiếc lưới,
Tựa như ngọn lửa không quay lại nơi đã bị đốt cháy,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]."

[2] *Salilaṃ* và *udakaṃ* có chung ý nghĩa là "nước."

9. *Có mắt nhìn xuống, và không buông thả bàn chân [đi đó đây],*
Có giác quan được bảo vệ, có tâm ý được hộ trì,
Không bị nhiễm dục vọng, không bị thiêu đốt [bởi phiền não],
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một].

Có mắt nhìn xuống và không buông thả bàn chân [đi đó đây]: Có mắt buông lung là thế nào? Ở đây, một vị Tỳ-khưu nào đó buông thả con mắt, có trạng thái buông thả ở mắt [nghĩ rằng]: "Nên thấy điều chưa thấy, nên bỏ qua điều đã thấy", rồi từ tu viện này đến tu viện khác, từ vườn hoa này đến vườn hoa khác, từ ngôi làng này đến ngôi làng khác, từ thị trấn này đến thị trấn khác, từ thành phố này đến thành phố khác, từ quốc độ này đến quốc độ khác, từ xứ sở này đến xứ sở khác, đeo đuổi cuộc du hành lâu dài, cuộc du hành bất định để nhìn ngắm cảnh sắc; có mắt buông lung là như vậy.

Hoặc là, vị Tỳ-khưu, khi đã vào đến xóm nhà, khi đi dọc theo con đường thì đi không thu thúc: Vị ấy vừa đi vừa nhìn voi, nhìn ngựa, nhìn xe, nhìn người đi bộ, nhìn các phụ nữ, nhìn các nam nhân, nhìn các cậu trai, nhìn các cô gái, nhìn các cửa tiệm, nhìn mặt tiền của các căn nhà, nhìn lên, nhìn xuống, nhìn xem hướng chính hướng phụ; có mắt buông lung còn là như vậy.

Hoặc là, vị Tỳ-khưu, sau khi nhìn thấy cảnh sắc bằng mắt, có sự nắm giữ hình tướng, có sự nắm giữ chi tiết. Do nguyên nhân nào mà vị ấy, trong khi sống, có nhãn quyền không được thu thúc, khiến các sự tham đắm, ưu phiền, các ác bất thiện pháp có thể xâm nhập, vị ấy không thực hành sự thu thúc đối với nguyên nhân ấy, không hộ trì nhãn quyền, không tiến hành sự thu thúc ở nhãn quyền; có mắt buông lung còn là như vậy.

Hoặc hơn nữa, giống như một số Tôn giả Sa-môn và Bà-la-môn, sau khi thọ thực các bữa ăn được bố thí do đức tin, các vị ấy lại sống, đeo đuổi việc xem trình diễn có hình thức như vầy: Tức là múa, hát, đờn, vũ hội, nghe kể chuyện, vỗ tay theo nhịp, đánh chiêng, đánh trống, biểu diễn thời trang, trò chơi với banh sắt, trò tung hứng tre, lễ bốc mộ, đấu voi, đấu ngựa, đấu trâu, đấu bò mộng, đấu dê, đấu cừu, đấu gà, đấu chim cút, đấu gậy, đánh bốc, đấu vật, tập trận, dàn quân, đóng quân, xem sự điều quân, hoặc là như thế; có mắt buông lung còn là như vậy.

Có mắt nhìn xuống là thế nào? Ở đây, một vị Tỳ-khưu nào đó không buông thả con mắt, không có trạng thái buông thả ở mắt [không nghĩ rằng]: "Nên thấy điều chưa thấy, nên bỏ qua điều đã thấy", rồi không từ tu viện này đến tu viện khác, không từ vườn hoa này đến vườn hoa khác, không từ ngôi làng này đến ngôi làng khác, không từ thị trấn này đến thị trấn khác, không từ thành phố này đến thành phố khác, không từ quốc độ này đến quốc độ khác, không từ xứ sở này đến xứ sở khác, không đeo đuổi cuộc du hành lâu dài, cuộc du hành bất định để nhìn ngắm cảnh sắc; có mắt nhìn xuống là như vậy.

Hoặc là, vị Tỳ-khưu, khi đã vào đến xóm nhà, khi đi dọc theo con đường thì đi thu thúc: Vị ấy đi mà không nhìn voi, không nhìn ngựa, không nhìn xe,

không nhìn người đi bộ, không nhìn các phụ nữ, không nhìn các nam nhân, không nhìn các cậu trai, không nhìn các cô gái, không nhìn các cửa tiệm, không nhìn mặt tiền của các căn nhà, không nhìn lên, không nhìn xuống, không nhìn xem hướng chính hướng phụ; có mắt nhìn xuống còn là như vậy.

Hoặc là, vị Tỳ-khưu, sau khi nhìn thấy cảnh sắc bằng mắt, không có sự nắm giữ hình tướng, không có sự nắm giữ chi tiết. Do nguyên nhân nào mà vị ấy, trong khi sống, có nhãn quyền không được thu thúc, khiến các sự tham đắm, ưu phiền, các ác bất thiện pháp có thể xâm nhập, vị ấy thực hành sự thu thúc đối với điều ấy, hộ trì nhãn quyền, tiến hành sự thu thúc ở nhãn quyền; có mắt nhìn xuống còn là như vậy.

Hoặc hơn nữa, giống như một số Tôn giả Sa-môn và Bà-la-môn, sau khi thọ thực các bữa ăn được bố thí do đức tin, rồi các vị ấy sống, không đeo đuổi việc xem trình diễn có hình thức như vầy; tức là múa, hát, đờn,… (nt)… xem sự điều quân, hoặc là như thế; vị ấy tránh xa việc xem trình diễn có hình thức như thế ấy; có mắt nhìn xuống còn là như vậy.

Và không buông thả bàn chân: Buông thả bàn chân là thế nào? Ở đây, một vị Tỳ-khưu nào đó buông thả bàn chân, có trạng thái buông thả ở bàn chân, từ tu viện này đến tu viện khác, từ vườn hoa này đến vườn hoa khác, từ ngôi làng này đến ngôi làng khác, từ thị trấn này đến thị trấn khác, từ thành phố này đến thành phố khác, từ quốc độ này đến quốc độ khác, từ xứ sở này đến xứ sở khác, sống, đeo đuổi cuộc du hành lâu dài, cuộc du hành bất định; buông thả bàn chân là như vậy.

Hoặc là, vị Tỳ-khưu, thậm chí ở bên trong tu viện của hội chúng, cũng buông thả bàn chân, có trạng thái buông thả ở bàn chân, không phải vì sự lợi ích là nguyên nhân, không phải vì công việc là nguyên nhân, bị phóng túng, có tâm không được vắng lặng, rồi từ gian phòng này đi đến gian phòng khác, từ trú xá này đi đến trú xá khác, từ nhà một mái này đi đến nhà một mái khác, từ tòa lâu đài này đi đến tòa lâu đài khác, từ tòa nhà dài này đi đến tòa nhà dài khác, từ hang động này đi đến hang động khác, từ thạch thất này đến thạch thất khác, từ cốc liêu này đi đến cốc liêu khác, từ nhà mái nhọn này đi đến nhà mái nhọn khác, từ chòi canh này đi đến chòi canh khác, từ ngôi nhà tròn này đi đến ngôi nhà tròn khác, từ căn lều này đi đến căn lều khác, từ nhà kho này đến nhà kho khác, từ hội trường này đi đến hội trường khác, từ mái che này đi đến mái che khác, từ gốc cây này đi đến gốc cây khác. Hoặc nữa, các vị Tỳ-khưu ngồi nơi nào thì [vị ấy] đi đến nơi ấy, tại đó trở thành người thứ hai của một vị, trở thành người thứ ba của hai vị, trở thành người thứ tư của ba vị, tại đó nói huyên thuyên việc nói nhảm nhí như là: Chuyện về vua chúa, chuyện về trộm cướp,… (nt)… chuyện về sự hiện hữu và không hiện hữu là như vậy; buông thả bàn chân còn là như vậy.

Và không buông thả bàn chân: Vị Phật Độc Giác ấy đã tránh khỏi, đã xa lánh, đã tránh xa, đã đi ra ngoài, đã rời ra, đã thoát khỏi, không bị ràng buộc với

việc buông thả bàn chân, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn, có sự thích thú trong việc thiền tịnh, được thích thú trong việc thiền tịnh, gắn bó với sự vắng lặng của tâm thuộc nội phần, có thiền không bị xa rời, thành tựu minh sát, là người gia tăng việc ngụ ở các ngôi nhà trống vắng, chứng thiền, thích thú với thiền, gắn bó với trạng thái đơn độc, chú trọng mục đích của mình.

"Có mắt nhìn xuống và không buông thả bàn chân [đi đó đây]" là như thế.

Có giác quan được bảo vệ, có tâm ý được hộ trì.

Có giác quan được bảo vệ: Vị Phật Độc Giác ấy, sau khi nhìn thấy cảnh sắc bằng mắt, không có sự nắm giữ hình tướng, không có sự nắm giữ chi tiết. Do nguyên nhân nào mà vị ấy, trong khi sống, có nhãn quyền không được thu thúc, khiến các sự tham đắm, ưu phiền, các ác bất thiện pháp có thể xâm nhập, vị ấy thực hành sự thu thúc đối với điều ấy, hộ trì nhãn quyền, tiến hành sự thu thúc ở nhãn quyền; sau khi nghe âm thanh bằng tai,... (nt)... sau khi ngửi hương bằng mũi,... (nt)... sau khi nếm vị bằng lưỡi,... (nt)... sau khi xúc chạm bằng thân,... (nt)... sau khi nhận thức pháp bằng ý, không có sự nắm giữ hình tướng, không có sự nắm giữ chi tiết. Do nguyên nhân nào mà vị ấy, trong khi sống, có ý quyền không được thu thúc, khiến các sự tham đắm, ưu phiền, các ác bất thiện pháp có thể xâm nhập, vị ấy thực hành sự thu thúc đối với điều ấy, hộ trì ý quyền, tiến hành sự thu thúc ở ý quyền. "Có giác quan được bảo vệ" là như thế.

Có tâm ý được hộ trì: Có tâm ý được gìn giữ.

"Có giác quan được bảo vệ, có tâm ý được hộ trì" là như thế.

Không bị nhiễm dục vọng, không bị thiêu đốt [bởi phiền não]: Bởi vì điều này đã được Tôn giả Mahāmoggallāna nói đến: "Này chư Đại đức, tôi sẽ thuyết về đề tài 'bị nhiễm dục vọng' và đề tài 'không bị nhiễm dục vọng.' Xin chư Đại đức hãy lắng nghe bài giảng, hãy khéo chú ý, tôi sẽ thuyết." "Thưa Đại đức, xin vâng." Các vị Tỳ-khưu ấy đã đáp lại Tôn giả Mahāmoggallāna. Tôn giả Mahāmoggallāna đã nói điều này:

"Này chư Đại đức, bị nhiễm dục vọng là thế nào? Này chư Đại đức, ở đây, vị Tỳ-khưu, sau khi thấy cảnh sắc bằng mắt, thì hướng đến các sắc có vẻ đáng yêu, bất mãn với các sắc có vẻ không đáng yêu, sống có niệm ở thân không được thiết lập, có tâm nhỏ nhoi, và vị ấy không nhận biết đúng theo thực thể về sự giải thoát của tâm, về sự giải thoát của tuệ ấy, là nơi mà các ác bất thiện pháp ấy đã sanh khởi đến vị này được diệt tận, không còn dư sót; sau khi nghe âm thanh bằng tai,... (nt)... sau khi nhận thức pháp bằng ý, thì hướng đến các pháp có vẻ đáng yêu, bất mãn với các pháp có vẻ không đáng yêu, sống có niệm ở thân không được thiết lập, có tâm nhỏ nhoi, và vị ấy không nhận biết đúng theo thực thể về sự giải thoát của tâm, về sự giải thoát của tuệ ấy, là nơi mà các ác bất thiện pháp ấy đã sanh khởi đến vị này được diệt tận, không còn dư sót. Này chư Đại đức, vị Tỳ-khưu này được gọi là vị bị nhiễm dục vọng ở các sắc được nhận thức bởi mắt... (nt)... bị nhiễm dục vọng ở các pháp được nhận thức bởi

ý. Này chư Đại đức, trong khi vị Tỳ-khưu sống như vậy, nếu Ma vương tiếp cận vị ấy từ mắt, Ma vương chẳng những đạt được thời cơ mà Ma vương còn đạt được đối tượng; nếu Ma vương tiếp cận vị ấy từ tai… (nt)… nếu Ma vương tiếp cận vị ấy từ ý, Ma vương chẳng những đạt được thời cơ mà Ma vương còn đạt được đối tượng.

Này chư Đại đức, cũng giống như ngôi nhà bằng sậy, hoặc ngôi nhà bằng cỏ, khô rang, ráo nhựa, hơn năm không mưa, nếu có người đàn ông từ hướng Đông đi đến gần ngôi nhà ấy với cây đuốc cỏ cháy rực, thì ngọn lửa chẳng những đạt được thời cơ mà ngọn lửa còn đạt được đối tượng; nếu có người đàn ông từ hướng Tây đi đến gần ngôi nhà ấy… (nt)… từ hướng Bắc đi đến gần ngôi nhà ấy… (nt)… từ hướng Nam đi đến gần ngôi nhà ấy… (nt)… từ hướng dưới đi đến gần ngôi nhà ấy… (nt)… từ hướng trên đi đến gần ngôi nhà ấy… (nt)… từ bất cứ nơi nào đi đến gần ngôi nhà ấy với cây đuốc cỏ cháy rực, thì ngọn lửa chẳng những đạt được thời cơ mà ngọn lửa còn đạt được đối tượng; tương tự như vậy, này chư Đại đức, trong khi vị Tỳ-khưu sống như vậy, nếu Ma vương tiếp cận vị ấy từ mắt, thì Ma vương chẳng những đạt được thời cơ mà Ma vương còn đạt được đối tượng; nếu Ma vương tiếp cận vị ấy từ tai… (nt)… tiếp cận vị ấy từ ý, thì Ma vương chẳng những đạt được thời cơ mà Ma vương còn đạt được đối tượng.

Này chư Đại đức, trong khi vị Tỳ-khưu sống như vậy, các sắc đã thống trị vị Tỳ-khưu, không phải vị Tỳ-khưu đã thống trị các sắc; các thinh đã thống trị vị Tỳ-khưu, không phải vị Tỳ-khưu đã thống trị các thinh; các hương đã thống trị vị Tỳ-khưu, không phải vị Tỳ-khưu đã thống trị các hương; các vị đã thống trị vị Tỳ-khưu, không phải vị Tỳ-khưu đã thống trị các vị; các xúc đã thống trị vị Tỳ-khưu, không phải vị Tỳ-khưu đã thống trị các xúc; các pháp đã thống trị vị Tỳ-khưu, không phải vị Tỳ-khưu đã thống trị các pháp. Này chư Đại đức, vị Tỳ-khưu này được gọi là vị bị thống trị bởi sắc, bị thống trị bởi thinh, bị thống trị bởi hương, bị thống trị bởi vị, bị thống trị bởi xúc, bị thống trị bởi pháp; các ác bất thiện pháp, các điều ô nhiễm đưa đến tái sanh, có sự phiền muộn, có kết quả khổ, đưa đến sanh-già-chết ở vị lai đã thống trị vị ấy. Này chư Đại đức, bị nhiễm dục vọng là như vậy.

Và này chư Đại đức, không bị nhiễm dục vọng là thế nào? Này chư Đại đức, ở đây, vị Tỳ-khưu sau khi thấy cảnh sắc bằng mắt, thì không hướng đến các sắc có vẻ đáng yêu, không bất mãn với các sắc có vẻ không đáng yêu, sống có niệm ở thân đã được thiết lập, có tâm vô lượng, và vị ấy nhận biết đúng theo thực thể về sự giải thoát của tâm, về sự giải thoát của tuệ ấy, là nơi mà các ác bất thiện pháp ấy đã sanh khởi đến vị này được diệt tận, không còn dư sót; sau khi nghe âm thanh bằng tai,… (nt)… sau khi nhận thức pháp bằng ý, thì không hướng đến các pháp có vẻ đáng yêu, không bất mãn với các pháp có vẻ không đáng yêu, sống có niệm ở thân đã được thiết lập, có tâm vô lượng, và vị ấy nhận biết đúng theo thực thể về sự giải thoát của tâm, về sự giải thoát của tuệ ấy, là nơi mà các ác bất thiện pháp ấy đã sanh khởi đến vị này được diệt tận, không còn

dư sót. Này chư Đại đức, vị Tỳ-khưu này được gọi là vị không bị nhiễm dục vọng ở các sắc được nhận thức bởi mắt… (nt)… không bị nhiễm dục vọng ở các pháp được nhận thức bởi ý. Này chư Đại đức, trong khi vị Tỳ-khưu sống như vậy, nếu Ma vương tiếp cận vị ấy từ mắt, thì Ma vương chẳng những không đạt được thời cơ mà Ma vương còn không đạt được đối tượng; nếu Ma vương tiếp cận vị ấy từ tai… (nt)… tiếp cận vị ấy từ ý thì Ma vương chẳng những không đạt được thời cơ mà Ma vương còn không đạt được đối tượng.

Này chư Đại đức, cũng giống như ngôi nhà mái nhọn, hoặc giảng đường của ngôi nhà mái nhọn xây bằng đất sét nén chặt, có lớp vữa tô còn ướt, nếu có người đàn ông từ hướng Đông đi đến gần ngôi nhà ấy với cây đuốc cỏ cháy rực, thì ngọn lửa chẳng những không đạt được thời cơ mà ngọn lửa còn không đạt được đối tượng; nếu có người đàn ông từ hướng Tây đi đến gần ngôi nhà ấy… (nt)… từ hướng Bắc đi đến gần ngôi nhà ấy… (nt)… từ hướng Nam đi đến gần ngôi nhà ấy… (nt)… từ hướng dưới đi đến gần ngôi nhà ấy… (nt)… từ hướng trên đi đến gần ngôi nhà ấy… (nt)… từ bất cứ nơi nào đi đến gần ngôi nhà ấy với cây đuốc cỏ cháy rực, thì ngọn lửa chẳng những không đạt được thời cơ mà ngọn lửa còn không đạt được đối tượng; tương tự như vậy, này chư Đại đức, trong khi vị Tỳ-khưu sống như vậy, nếu Ma vương tiếp cận vị ấy từ mắt, thì Ma vương chẳng những không đạt được thời cơ mà Ma vương còn không đạt được đối tượng; nếu Ma vương tiếp cận vị ấy từ tai… (nt)… tiếp cận vị ấy từ ý thì Ma vương chẳng những không đạt được thời cơ mà Ma vương còn không đạt được đối tượng.

Này chư Đại đức, trong khi vị Tỳ-khưu sống như vậy, vị Tỳ-khưu đã thống trị các sắc, không phải các sắc đã thống trị vị Tỳ-khưu; vị Tỳ-khưu đã thống trị các thinh, không phải các thinh đã thống trị vị Tỳ-khưu; vị Tỳ-khưu đã thống trị các hương, không phải các hương đã thống trị vị Tỳ-khưu; vị Tỳ-khưu đã thống trị các vị, không phải các vị đã thống trị vị Tỳ-khưu; vị Tỳ-khưu đã thống trị các xúc, không phải các xúc đã thống trị vị Tỳ-khưu; vị Tỳ-khưu đã thống trị các pháp, không phải các pháp đã thống trị vị Tỳ-khưu. Này chư Đại đức, vị Tỳ-khưu này được gọi là vị thống trị sắc, vị thống trị thinh, vị thống trị hương, vị thống trị vị, vị thống trị xúc, vị thống trị pháp, là vị thống trị, không bị thống trị bởi bất cứ các ô nhiễm nào, là vị đã thống trị các ác bất thiện pháp ấy, các điều ô nhiễm đưa đến tái sanh, có sự phiền muộn, có kết quả khổ, đưa đến sanh-già-chết ở vị lai. Này chư Đại đức, không bị nhiễm dục vọng là như vậy."

Không bị nhiễm dục vọng, không bị thiêu đốt [bởi phiền não]: Trong khi không bị thiêu đốt bởi sự bực bội sanh lên do luyến ái, trong khi không bị thiêu đốt bởi sự bực bội sanh lên do sân hận, trong khi không bị thiêu đốt bởi sự bực bội sanh lên do si mê.

"Không bị nhiễm dục vọng, không bị thiêu đốt [bởi phiền não], nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]" là như thế.

Vì thế, vị Phật Độc Giác ấy đã nói rằng:

"Có mắt nhìn xuống và không buông thả bàn chân [đi đó đây],
Có giác quan được bảo vệ, có tâm ý được hộ trì,
Không bị nhiễm dục vọng, không bị thiêu đốt [bởi phiền não],
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]."

10. *Sau khi trút bỏ các hình tướng tại gia,*
Giống như cây san hô có lá che phủ,
Sau khi đã ra đi, mặc vải màu ca-sa,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một].

Sau khi trút bỏ các hình tướng tại gia: Các hình tướng tại gia nói đến đầu tóc, bộ râu,... (nt)... có đường biên rộng, hoặc là như thế.

Sau khi trút bỏ các hình tướng tại gia: Sau khi cởi bỏ, sau khi cởi bỏ hoàn toàn, sau khi quăng bỏ, sau khi chấm dứt các hình tướng tại gia.

"Sau khi trút bỏ các hình tướng tại gia" là như thế.

Giống như cây san hô có lá che phủ: Giống như cây san hô ấy, cây koviḷāra có chùm lá rậm rạp, có bóng râm dày đặc, tương tự y như vậy, vị Phật Độc Giác ấy có mang đầy đủ bình bát và y.

"Giống như cây san hô có lá che phủ" là như thế.

Sau khi đã ra đi, mặc vải màu ca-sa: Vị Phật Độc Giác ấy sau khi cắt đứt mọi sự vướng bận của đời sống tại gia, sau khi cắt đứt sự vướng bận về vợ con, sau khi cắt đứt sự vướng bận về thân quyến, sau khi cắt đứt sự vướng bận về bạn bè và thân hữu, sau khi cắt đứt sự vướng bận về việc tích trữ, sau khi cạo bỏ râu tóc, khoác lên các tấm vải màu ca-sa, rời nhà xuất gia, sống không nhà, sau khi đi đến trạng thái không có gì, một mình du hành, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng.

"Sau khi đã ra đi, mặc vải màu ca-sa, nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]" là như thế.

Vì thế, vị Phật Độc Giác ấy đã nói rằng:

"Sau khi trút bỏ các hình tướng tại gia,
Giống như cây san hô có lá che phủ,
Sau khi đã ra đi, mặc vải màu ca-sa,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]."

Dứt phẩm thứ ba.

PHẨM THỨ TƯ
(*CATUTTHO VAGGO*)

1. *Không tạo sự thèm khát ở các vị nếm, không tham lam,*
Không nuôi dưỡng kẻ khác, đi khất thực theo tuần tự từng nhà,
Có tâm không bị ràng buộc vào nhà này nhà nọ,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một].

Không tạo sự thèm khát ở các vị nếm, không tham lam.

Vị nếm: Vị của rễ củ, vị của thân cây, vị của vỏ cây, vị của lá cây, vị của hoa, vị của trái, chua, ngọt, đắng, cay, mặn, lạt, gắt, chát, dễ chịu, khó chịu, lạnh, nóng. Có một số Sa-môn và Bà-la-môn thèm khát vị nếm, họ lang thang đó đây tầm cầu các vị nếm tuyệt vời bằng đầu lưỡi. Đạt được vị chua, họ tầm cầu vị không chua; đạt được vị không chua, họ tầm cầu vị chua. Đạt được vị ngọt, họ tầm cầu vị không ngọt; đạt được vị không ngọt, họ tầm cầu vị ngọt. Đạt được vị đắng, họ tầm cầu vị không đắng; đạt được vị không đắng, họ tầm cầu vị đắng. Đạt được vị cay, họ tầm cầu vị không cay; đạt được vị không cay, họ tầm cầu vị cay. Đạt được vị mặn, họ tầm cầu vị không mặn; đạt được vị không mặn, họ tầm cầu vị mặn. Đạt được vị lạt, họ tầm cầu vị không lạt; đạt được vị không lạt, họ tầm cầu vị lạt. Đạt được vị chát, họ tầm cầu vị không chát; đạt được vị không chát, họ tầm cầu vị chát. Đạt được vị gắt, họ tầm cầu vị không gắt; đạt được vị không gắt, họ tầm cầu vị gắt. Đạt được vị dễ chịu, họ tầm cầu vị khó chịu; đạt được vị khó chịu, họ tầm cầu vị dễ chịu. Đạt được vị lạnh, họ tầm cầu vị nóng; đạt được vị nóng, họ tầm cầu vị lạnh. Mỗi một vị nếm nào mà họ đạt được thì họ lại không vừa lòng với vị nếm ấy, và họ tiếp tục tầm cầu; họ bị luyến ái ở các vị nếm hợp ý, bị thèm khát, bị buộc trói, bị mê mẩn, bị gần gũi, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại. Đối với vị Phật Độc Giác ấy, tham ái ấy ở vị nếm đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai. Vì thế, vị Phật Độc Giác ấy suy xét đúng đắn rồi mới thọ dụng vật thực: "Không vì vui đùa, không vì đam mê, không vì việc trang sức, không vì việc điểm tô, mà chỉ để duy trì thân này, để nuôi sống, để ngăn sự hư hoại, để nâng đỡ Phạm hạnh, như thế ta diệt trừ cảm thọ cũ và không làm sanh khởi cảm thọ mới. Ta sẽ có được sự tồn tại, sự không lầm lỗi và sự sống được thoải mái."

Giống như người bôi thuốc ở vết thương chỉ nhắm đến mục đích làm cho lành lặn, hoặc giống như người nhỏ dầu ở trục xe chỉ nhắm đến mục đích chuyên chở khối hàng, hoặc giống như người thọ dụng thức ăn là thịt của đứa

con trai chỉ nhắm đến mục đích thoát khỏi bãi sa mạc, tương tự y như thế, vị Phật Độc Giác ấy suy xét đúng đắn rồi mới thọ dụng vật thực: "Không vì vui đùa, không vì đam mê, không vì việc trang sức, không vì việc điểm tô, mà chỉ để duy trì thân này, để nuôi sống, để ngăn sự hư hoại, để nâng đỡ Phạm hạnh, như thế ta diệt trừ cảm thọ cũ và không làm sanh khởi cảm thọ mới. Ta sẽ có được sự tồn tại, sự không lầm lỗi, và sự sống được thoải mái", rồi dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu tham ái ở vị nếm. Vị ấy đã tránh khỏi, đã xa lánh, đã tránh xa, đã đi ra ngoài, đã rời ra, đã thoát khỏi, không bị ràng buộc với tham ái ở vị nếm, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Thèm khát ở các vị nếm" là như thế.

Không tham lam: Tham lam nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,… (nt)… tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với vị Phật Độc Giác ấy, sự tham lam, tham ái ấy đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế, vị Phật Độc Giác là không tham lam.

"Không tạo sự thèm khát ở các vị nếm, không tham lam" là như thế.

Không nuôi dưỡng kẻ khác, đi khất thực theo tuần tự từng nhà.

Không nuôi dưỡng kẻ khác: Vị Phật Độc Giác ấy chỉ nuôi dưỡng bản thân, không nuôi dưỡng kẻ khác.

"Vị không nuôi dưỡng kẻ khác, đã được biết tiếng, đã được rèn luyện, đã đứng vững ở cốt lõi, có lậu hoặc đã được cạn kiệt, có sân hận đã được tẩy trừ, Ta gọi vị ấy là Bà-la-môn."[1]

Không nuôi dưỡng kẻ khác, đi khất thực theo tuần tự từng nhà: Vị Phật Độc Giác ấy vào buổi sáng quấn y [nội], rồi cầm lấy bình bát và y đi vào làng hoặc thị trấn để khất thực, với thân được hộ trì, với khẩu được hộ trì, với tâm được hộ trì, với niệm được thiết lập, với các giác quan được thu thúc, có mắt nhìn xuống, đầy đủ oai nghi, đi khất thực không bỏ sót ngôi nhà nào.

"Không nuôi dưỡng kẻ khác, đi khất thực theo tuần tự từng nhà" là như thế.

Có tâm không bị ràng buộc vào nhà này nhà nọ: Có tâm bị ràng buộc là bởi hai lý do: Trong khi hạ thấp bản thân và trong khi nâng cao người khác là có tâm bị ràng buộc, hoặc là trong khi nâng cao bản thân và trong khi hạ thấp người khác là có tâm bị ràng buộc.

Trong khi hạ thấp bản thân và trong khi nâng cao người khác là có tâm bị ràng buộc nghĩa là thế nào? [Nói rằng:] "Các người có nhiều sự hỗ trợ cho tôi. Nương vào các người, tôi nhận được y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi và vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Có những người khác nương theo các người, trong khi nhìn thấy các người, cũng suy nghĩ để bố thí hoặc làm cho tôi. Ngay cả tên họ trước đây của mẹ cha đặt, tên ấy của tôi cũng không còn. Nhờ vào các người, tôi được biết là vị thường tới lui với gia đình của người nam nọ, là

[1] *Phật tự thuyết*, *Phẩm Giác ngộ thứ nhất*, *Kinh Kassapa*, *TTPV*, tập 28, trang 141. (ND)

vị thường tới lui với gia đình của người nữ kia." Trong khi hạ thấp bản thân và trong khi nâng cao người khác là có tâm bị ràng buộc nghĩa là như vậy.

Trong khi nâng cao bản thân và trong khi hạ thấp người khác là có tâm bị ràng buộc nghĩa là thế nào? [Nói rằng:] "Tôi có nhiều sự hỗ trợ cho các người. Nhờ vào tôi, các người đã đi đến nương nhờ đức Phật, đã đi đến nương nhờ Giáo pháp, đã đi đến nương nhờ chúng Tăng, đã tránh xa việc giết hại sinh mạng, đã tránh xa việc lấy vật chưa được cho, đã tránh xa hành vi sai trái trong các dục, đã tránh xa việc nói dối, đã tránh xa trường hợp dể duôi uống chất say là rượu và chất lên men. Tôi ban bố việc chỉ bảo cho các người, tôi ban bố sự hỏi han, tôi nói về ngày trai giới, tôi chú nguyện việc xây dựng. Vậy mà ngược lại, các người lại bỏ rơi tôi, các người trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường các vị khác." Trong khi nâng cao bản thân và trong khi hạ thấp người khác là có tâm bị ràng buộc nghĩa là như vậy.

Có tâm không bị ràng buộc vào nhà này nhà nọ: Vị Phật Độc Giác ấy có tâm không bị ràng buộc bởi sự vướng bận về gia tộc, có tâm không bị ràng buộc bởi sự vướng bận về đồ chúng, có tâm không bị ràng buộc bởi sự vướng bận về chỗ ngụ, có tâm không bị ràng buộc bởi sự vướng bận về y phục, có tâm không bị ràng buộc bởi sự vướng bận về đồ ăn khất thực, có tâm không bị ràng buộc bởi sự vướng bận về chỗ nằm ngồi, có tâm không bị ràng buộc bởi sự vướng bận về vật dụng là thuốc men chữa bệnh.

"Có tâm không bị ràng buộc vào nhà này nhà nọ, nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]" là như thế.

Vì thế, vị Phật Độc Giác ấy đã nói rằng:

"Không tạo sự thèm khát ở các vị nếm, không tham lam,
Không nuôi dưỡng kẻ khác, đi khất thực theo tuần tự từng nhà,
Có tâm không bị ràng buộc vào nhà này nhà nọ,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]."

2. *Sau khi dứt bỏ năm pháp ngăn trở đối với tâm,*
Sau khi xua đuổi hẳn tất cả các tùy phiền não,
Không nương tựa, sau khi cắt đứt thương yêu và sân hận,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một].

Sau khi dứt bỏ năm pháp ngăn trở đối với tâm: Vị Phật Độc Giác ấy sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu pháp che lấp "mong muốn về dục", sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu pháp che lấp "sân hận",... pháp che lấp "dã dượi buồn ngủ",... pháp che lấp "phóng dật và hối hận",... pháp che lấp "hoài nghi", ngay sau khi tách ly khỏi các dục, tách ly khỏi các bất thiện pháp, đạt đến và trú thiền thứ nhất, có tầm có tứ, có hỷ lạc sanh lên do sự tách ly.

"Sau khi dứt bỏ năm pháp ngăn trở đối với tâm" là như thế.

Sau khi xua đuổi hẳn tất cả các tùy phiền não: Sự luyến ái là tùy phiền não của tâm, sân hận là tùy phiền não của tâm, si mê là tùy phiền não của tâm, giận dữ… thù hằn… (nt)… tất cả các pháp tạo tác bất thiện là các tùy phiền não của tâm.

Sau khi xua đuổi hẳn tất cả các tùy phiền não: Sau khi xua đuổi hẳn, sau khi đuổi đi, sau khi dứt bỏ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu tất cả các tùy phiền não của tâm.

"Sau khi xua đuổi hẳn tất cả các tùy phiền não" là như thế.

Không nương tựa, sau khi cắt đứt thương yêu và sân hận.

Không nương tựa: Có hai sự nương tựa: Sự nương tựa vào tham ái và sự nương tựa vào tà kiến. ... (nt)… điều này là sự nương tựa vào tham ái. ... (nt)… điều này là sự nương tựa vào tà kiến.

Thương yêu: Có hai sự thương yêu: Sự thương yêu do tham ái và sự thương yêu do tà kiến. ... (nt)… Việc này là sự thương yêu do tham ái. ... (nt)… Việc này là sự thương yêu do tà kiến.

Sân hận: Là sự tức tối của tâm, sự tức giận, sự thù hận, sự đối chọi, sự căm giận, sự căm hờn, sự căm ghét, sự sân hận, sự khởi sân, sự sân nộ, sự độc ác của tâm, sự khởi sân của ý, sự giận dữ, biểu hiện giận dữ, trạng thái giận dữ, sự sân hận, biểu hiện sân hận, trạng thái sân hận, sự độc ác, biểu hiện độc ác, trạng thái độc ác, sự chống đối, sự đối chọi, sự tàn nhẫn, sự lỗ mãng, trạng thái không hoan hỷ của tâm.

Không nương tựa, sau khi cắt đứt thương yêu và sân hận: Vị Phật Độc Giác ấy sau khi cắt đứt, sau khi cắt lìa, sau khi cắt lìa hoàn toàn, sau khi dứt bỏ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu sự thương yêu do tham ái, sự thương yêu do tà kiến, và sự sân hận, không nương tựa vào mắt, không nương tựa vào tai,… (nt)… không nương tựa vào các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, không bám vào, không đến gần, không bám chặt, không hướng đến, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

"Không nương tựa, sau khi cắt đứt thương yêu và sân hận, nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]" là như thế.

Vì thế, vị Phật Độc Giác ấy đã nói rằng:

"Sau khi dứt bỏ năm pháp ngăn trở đối với tâm,
Sau khi xua đuổi hẳn tất cả các tùy phiền não,
Không nương tựa, sau khi cắt đứt thương yêu và sân hận,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]."

3. *Sau khi đã bỏ lại sau lưng lạc và khổ,*
Cùng với hỷ và ưu ngay trước đây,
Sau khi đạt được xả và sự vắng lặng thanh tịnh,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một].

Sau khi đã bỏ lại sau lưng lạc và khổ, cùng với hỷ và ưu ngay trước đây: Vị Phật Độc Giác ấy, do sự dứt bỏ lạc, do sự dứt bỏ khổ [ở thân], do sự biến mất của hỷ tâm và ưu phiền [đã có] ngay trước đó, đạt đến và trú thiền thứ tư, có sự thanh tịnh của xả và niệm, không khổ không lạc.

"Sau khi đã bỏ lại sau lưng lạc và khổ, cùng với hỷ và ưu ngay trước đây" là như thế.

Sau khi đạt được xả và sự vắng lặng thanh tịnh.

Xả: Là sự hành xả, biểu hiện của hành xả, biểu hiện của hành xả vượt trội, trạng thái vắng lặng của tâm, trạng thái an tịnh của tâm, trạng thái trung dung của tâm ở tứ thiền.

Sự vắng lặng: Là sự ổn định, sự đứng vững, sự kiên định, sự không rối loạn, sự không tán loạn, trạng thái tâm ý không bị phân tán, sự vắng lặng, định quyền, định lực, chánh định của tâm. Ở tứ thiền, xả và sự vắng lặng là trong sạch, thanh tịnh, tinh khiết, không bợn nhơ, lìa khỏi phiền não, nhu thuận, có thể sử dụng, ổn định, đã đạt đến trạng thái vững chắc.

Sau khi đạt được xả và sự vắng lặng thanh tịnh: Sau khi nhận được, sau khi đạt được, sau khi tìm thấy, sau khi tiếp nhận xả và sự vắng lặng ở tứ thiền.

"Sau khi đạt được xả và sự vắng lặng thanh tịnh, nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]" là như thế.

Vì thế, vị Phật Độc Giác ấy đã nói rằng:

"Sau khi đã bỏ lại sau lưng lạc và khổ,
Cùng với hỷ và ưu ngay trước đây,
Sau khi đạt được xả và sự vắng lặng thanh tịnh,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]."

4. *Có sự ra sức tinh tấn để đạt đến lợi ích tối thượng,*
Có tâm không thụ động, có sự thực hành không biếng nhác,
Có sự cố gắng bền bỉ, có được sức mạnh và năng lực,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một].

Có sự ra sức tinh tấn để đạt đến lợi ích tối thượng: Lợi ích tối thượng nói đến bất tử, Niết-bàn, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. [Vị ấy] sống có sự ra sức tinh tấn để đạt đến, để có được, để tiếp nhận, để chứng đắc, để chạm đến, để chứng ngộ lợi ích tối thượng, có sự dõng mãnh, có sự nỗ lực vững chãi, không buông bỏ bổn phận trong các thiện pháp nhằm dứt bỏ các bất thiện pháp, nhằm đạt được các thiện pháp.

"Có sự ra sức tinh tấn để đạt đến lợi ích tối thượng" là như thế.

Có tâm không thụ động, có sự thực hành không biếng nhác: Vị Phật Độc Giác ấy làm sanh khởi sự mong muốn, rồi gắng sức, khởi sự tinh tấn, ra sức và xác định tâm về việc không sanh khởi của các ác bất thiện pháp chưa được sanh khởi,... (nt)... về việc dứt bỏ các ác bất thiện pháp đã được sanh khởi,... (nt)... về việc sanh khởi của các thiện pháp chưa được sanh khởi, làm sanh khởi sự mong muốn, rồi gắng sức, khởi sự tinh tấn, ra sức và xác định tâm về việc duy trì, về việc không lẫn lộn, về việc gia tăng, về việc lớn mạnh, về việc phát triển, về việc làm cho đầy đủ các thiện pháp đã được sanh khởi. "Có tâm không thụ động, có sự thực hành không biếng nhác" là như vậy.

Hoặc là, ra sức và xác định tâm rằng: "Hãy sẵn lòng để cho còn lại chỉ da, gân, xương; hãy để cho thịt và máu ở thân xác khô cạn. Việc nào có thể đạt được với sức mạnh của người nam, với sức lực của người nam, với sự tinh tấn của người nam, với sự nỗ lực của người nam, khi còn chưa đạt được việc ấy thì sẽ không có ngừng lại sự tinh tấn." "Có tâm không thụ động, có sự thực hành không biếng nhác" còn là như vậy.

Vị ra sức và xác định tâm rằng: "Khi mũi tên tham ái chưa được nhổ lên, ta sẽ không ăn, ta sẽ không uống, ta sẽ không đi ra khỏi trú xá, ta cũng sẽ không nằm xuống một bên hông."[2] "Có tâm không thụ động, có sự thực hành không biếng nhác" còn là như vậy.

Vị ra sức và xác định tâm rằng: "Ta sẽ không lìa khỏi tư thế kiết-già này cho đến khi nào tâm của ta còn chưa giải thoát khỏi các lậu hoặc không còn chấp thủ." "Có tâm không thụ động, có sự thực hành không biếng nhác" còn là như vậy.

Vị ra sức và xác định tâm rằng: "Ta sẽ không đứng dậy khỏi chỗ ngồi này cho đến khi nào tâm của ta còn chưa giải thoát khỏi các lậu hoặc không còn chấp thủ." "Có tâm không thụ động, có sự thực hành không biếng nhác" còn là như vậy.

Vị ra sức và xác định tâm rằng: "Ta sẽ không bước khỏi đường kinh hành này... "Ta sẽ không rời khỏi trú xá... "Ta sẽ không rời khỏi nhà một mái... "Ta sẽ không rời khỏi tòa lâu đài... "Ta sẽ không rời khỏi tòa nhà dài... "Ta sẽ không rời khỏi hang động... "Ta sẽ không rời khỏi thạch thất... "Ta sẽ không rời khỏi cốc liêu... "Ta sẽ không rời khỏi nhà mái nhọn... "Ta sẽ không rời khỏi chòi canh... "Ta sẽ không rời khỏi ngôi nhà tròn... "Ta sẽ không rời khỏi căn lều... "Ta sẽ không rời khỏi hội trường... "Ta sẽ không rời khỏi mái che... "Ta sẽ không rời khỏi gốc cây này cho đến khi nào tâm của ta còn chưa giải thoát khỏi các lậu hoặc không còn chấp thủ." "Có tâm không thụ động, có sự thực hành không biếng nhác" còn là như vậy.

---

[2] *Trưởng lão kệ*, "Kệ ngôn của Trưởng lão Paccaya", *TTPV*, tập 31, tr. 83; "Kệ ngôn của Trưởng lão Mudita", tr. 103. (ND)

Vị ra sức và xác định tâm rằng: "Ta sẽ đem lại, ta sẽ hoàn tất, ta sẽ chứng đắc, ta sẽ chạm đến, ta sẽ chứng ngộ Thánh pháp ngay trong buổi sáng này." "Có tâm không thụ động, có sự thực hành không biếng nhác" còn là như vậy. Vị ra sức và xác định tâm rằng: "Ta sẽ đem lại, ta sẽ hoàn tất, ta sẽ chứng đắc, ta sẽ chạm đến, ta sẽ chứng ngộ Thánh pháp ngay trong buổi trưa này... (nt)... trong buổi chiều... trước bữa ăn... sau bữa ăn... vào canh đầu... vào canh giữa... vào canh cuối... vào hậu bán nguyệt... vào tiền bán nguyệt... vào mùa mưa... vào mùa lạnh... vào mùa nóng... ở chặng đầu của tuổi thọ... ở chặng giữa của tuổi thọ... ở chặng cuối của tuổi thọ này."

"Có tâm không thụ động, có sự thực hành không biếng nhác" còn là như vậy.

Có sự cố gắng bền bỉ, có được sức mạnh và năng lực.

Có sự cố gắng bền bỉ: Vị Phật Độc Giác ấy đã có sự thọ trì vững chãi, có sự thọ trì kiên định trong các thiện pháp, ở thiện hạnh về thân, ở thiện hạnh về khẩu, ở thiện hạnh về ý, ở sự phân phát vật thí, ở sự thọ trì giới, ở việc thực hành ngày trai giới, ở việc phục vụ mẹ, ở việc phục vụ cha, ở việc phục vụ Sa-môn, ở việc phục vụ Bà-la-môn, ở việc cung kính các bậc trưởng thượng trong gia tộc, ở các thiện pháp cao cả khác nào đó nữa. "Có sự cố gắng bền bỉ" là như thế.

Có được sức mạnh và năng lực: Vị Phật Độc Giác ấy đã tiến đến, đã tiến gần, đã tiến vào, đã tiến sát, đã đạt đến, đã đầy đủ, đã thành tựu về sức mạnh, về năng lực, về sự tinh tấn, về sự nỗ lực và về tuệ.

"Có sự cố gắng bền bỉ, có được sức mạnh và năng lực, nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]" là như thế.

Vì thế, vị Phật Độc Giác ấy đã nói rằng:

"Có sự ra sức tinh tấn để đạt đến lợi ích tối thượng,
Có tâm không thụ động, có sự thực hành không biếng nhác,
Có sự cố gắng bền bỉ, có được sức mạnh và năng lực,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]."

5. *Trong khi không bỏ phế việc thiền tịnh, việc tham thiền,*
Là người thường xuyên thực hành thuận pháp đối với các pháp,[3]
Là người nhận chân được sự bất lợi ở các hữu,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một].

Trong khi không bỏ phế việc thiền tịnh, việc tham thiền: Vị Phật Độc Giác ấy có sự thích thú trong việc thiền tịnh, được thích thú trong việc thiền tịnh, gắn bó với sự vắng lặng của tâm thuộc nội phần, có thiền không bị xa rời, thành tựu minh sát, là người gia tăng việc ngụ ở các ngôi nhà trống vắng, chứng thiền, thích thú với thiền, gắn bó với trạng thái đơn độc, chú trọng mục đích của mình. "Việc thiền tịnh" là như thế.

---

[3] Thực hành thuận pháp đối với các pháp (*dhammesu anudhammacārī*): Thực hành pháp minh sát tùy thuận theo sự diễn biến của các pháp như là ngũ uẩn, v.v... hoặc là hành tuần tự theo 9 pháp siêu thế là 4 Đạo, 4 Quả và Niết-bàn (*SnA*. I. 123). (ND)

Trong khi không bỏ phế việc tham thiền: Vị Phật Độc Giác ấy không bỏ phế việc tham thiền bởi hai lý do: Vị ấy gắn bó, gắn vào, gắn chặt, gắn liền với việc sanh khởi của sơ thiền chưa được sanh khởi,... hoặc của nhị thiền chưa được sanh khởi,... hoặc của tam thiền chưa được sanh khởi,... hoặc gắn bó, gắn vào, gắn chặt, gắn liền với việc sanh khởi của tứ thiền chưa được sanh khởi. "Không bỏ phế việc tham thiền" là như vậy. Hoặc là, vị ấy luyện tập, tu tập, thực hành thường xuyên sơ thiền đã được sanh khởi,... hoặc nhị thiền đã được sanh khởi... hoặc tam thiền đã được sanh khởi... hoặc vị ấy luyện tập, tu tập, thực hành thường xuyên tứ thiền đã được sanh khởi. "Không bỏ phế việc tham thiền" còn là như vậy.

"Trong khi không bỏ phế việc thiền tịnh, việc tham thiền" là như thế.

Là người thường xuyên thực hành thuận pháp đối với các pháp: Các pháp nói đến bốn sự thiết lập niệm... (nt)... đạo lộ Thánh thiện tám chi phần. Các việc nào là sự thực hành thuận pháp? Sự thực hành đúng đắn, sự thực hành phù hợp, sự thực hành không trái ngược, sự thực hành đưa đến lợi ích, sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, việc làm đầy đủ các giới, việc phòng vệ các giác quan, việc biết chừng mực về vật thực, sự luyện tập về tỉnh thức, niệm và sự nhận biết rõ; các việc này là sự thực hành thuận pháp.

Là người thường xuyên thực hành thuận pháp đối với các pháp: Là người thực hành, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, nuôi dưỡng, bảo dưỡng đối với các pháp một cách thường tồn, luôn khi, thường xuyên, liên tục, không gián đoạn, tiếp nối liên tục, sanh lên tuần tự [như sóng nước], không lưa thưa, không đứt khoảng, không ngừng lại, được liền lặn, trước bữa ăn, sau bữa ăn, vào canh đầu, vào canh giữa, vào canh cuối, vào hậu bán nguyệt, vào tiền bán nguyệt, vào mùa mưa, vào mùa lạnh, vào mùa nóng, ở chặng đầu của tuổi thọ, ở chặng giữa của tuổi thọ, ở chặng cuối của tuổi thọ.

"Là người thường xuyên thực hành thuận pháp đối với các pháp" là như thế.

Là người nhận chân được sự bất lợi ở các hữu: Là người nhận chân được sự bất lợi ở các hữu rằng: "Tất cả các hành là vô thường";... "Tất cả các hành là khổ";... "Tất cả các pháp là vô ngã"; là người nhận chân được sự bất lợi ở các hữu rằng: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

"Là người nhận chân được sự bất lợi ở các hữu, nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]" là như thế.

Vì thế, vị Phật Độc Giác ấy đã nói rằng:

"Trong khi không bỏ phế việc thiền tịnh, việc tham thiền,
Là người thường xuyên thực hành thuận pháp đối với các pháp,
Là người nhận chân được sự bất lợi ở các hữu,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]."

6. *Trong khi ước nguyện sự diệt trừ tham ái, không xao lãng,*
Không ngây ngô khờ khạo, có sự nghe nhiều, có niệm,
Đã hiểu rõ giáo pháp, đã được kiên cố, có sự nỗ lực,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một].

Trong khi ước nguyện sự diệt trừ tham ái, không xao lãng.

Tham ái: Tham ái cảnh sắc,... (nt)... tham ái cảnh pháp.

Trong khi ước nguyện sự diệt trừ tham ái: Trong khi ước nguyện, trong khi ước muốn, trong khi ưng thuận, trong khi mong cầu, trong khi nguyện cầu sự diệt trừ luyến ái, sự diệt trừ sân hận, sự diệt trừ si mê, sự diệt trừ cảnh giới tái sanh, sự diệt trừ việc tái sanh, sự diệt trừ việc nối liền tái sanh, sự diệt trừ hữu, sự diệt trừ luân hồi, sự diệt trừ việc luân chuyển. "Trong khi ước nguyện sự diệt trừ tham ái" là như thế.

Không xao lãng: Vị Phật Độc Giác ấy có sự thực hành nghiêm trang, có sự thực hành liên tục... (nt)... không bị xao lãng trong các thiện pháp.

"Trong khi ước nguyện sự diệt trừ tham ái, không xao lãng" là như thế.

Không ngây ngô khờ khạo, có sự nghe nhiều, có niệm.

Không ngây ngô khờ khạo: Vị Phật Độc Giác ấy là bậc sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh.

Có sự nghe nhiều: Vị Phật Độc Giác ấy là vị nghe nhiều, có sự ghi nhớ điều đã được nghe, có sự tích lũy điều đã được nghe về những pháp toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa, toàn hảo ở đoạn kết, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, tuyên thuyết về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ. Đối với vị này, các pháp có hình thức như thế là được nghe nhiều, được ghi nhớ, được tích lũy bằng khẩu, được suy nghĩ chín chắn bằng ý, được thấu triệt tốt đẹp bằng kiến thức.

Có niệm: Vị Phật Độc Giác ấy là vị có niệm, bản thân đã được thành tựu niệm và sự thận trọng tuyệt đối, là vị nhớ đến, vị nhớ lại thậm chí việc làm đã lâu, lời nói đã lâu.

"Không ngây ngô khờ khạo, có sự nghe nhiều, có niệm" là như thế.

Đã hiểu rõ giáo pháp, đã được kiên cố, có sự nỗ lực: Đã hiểu rõ giáo pháp nói đến trí, tức là tuệ, là sự nhận biết,... (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến.

Đã hiểu rõ giáo pháp: Vị Phật Độc Giác ấy đã hiểu rõ giáo pháp, đã biết giáo pháp, đã cân nhắc giáo pháp, đã xác định giáo pháp, đã rõ rệt giáo pháp, đã minh định giáo pháp; đã hiểu rõ giáo pháp... (nt)... rằng: "Tất cả các hành là vô thường";... (nt)... đã hiểu rõ giáo pháp, đã biết giáo pháp, đã cân nhắc giáo pháp, đã xác định giáo pháp, đã rõ rệt giáo pháp, đã minh định giáo pháp rằng: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt." Hoặc là, đối với vị Phật Độc Giác ấy, các uẩn đã được hiểu rõ, các giới đã được hiểu rõ, các xứ đã được hiểu rõ, các cảnh giới tái sanh đã được hiểu rõ, các sự

tái sanh đã được hiểu rõ, sự nối liền tái sanh đã được hiểu rõ, các hữu đã được hiểu rõ, sự luân hồi đã được hiểu rõ, sự luân chuyển đã được hiểu rõ. Hoặc là, vị Phật Độc Giác ấy tồn tại trong giai đoạn cuối của các uẩn, tồn tại trong giai đoạn cuối của các giới, tồn tại trong giai đoạn cuối của các xứ, tồn tại trong giai đoạn cuối của cảnh giới tái sanh, tồn tại trong giai đoạn cuối của sự tái sanh, tồn tại trong giai đoạn cuối của sự nối liền tái sanh, tồn tại trong giai đoạn cuối của hữu, tồn tại trong giai đoạn cuối của luân hồi, tồn tại trong giai đoạn cuối của sự luân chuyển, tồn tại trong kiếp sống cuối cùng, tồn tại trong thân xác cuối cùng, là vị Phật Độc Giác với việc duy trì thân xác cuối cùng.

"Đối với vị ấy, đây là lần cuối cùng, thân xác này là sau chót, việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với các vị ấy."

Vì lý do ấy, vị Phật Độc Giác là vị đã hiểu rõ giáo pháp.

Đã được kiên cố: Pháp kiên cố nói đến bốn Thánh đạo; "vị đã được thành tựu bốn Thánh đạo" là vị đã được kiên cố, là vị đã đạt đến, đã đạt được, đã chứng đắc, đã chạm đến, đã chứng ngộ pháp kiên cố. "Đã được kiên cố" là như thế.

Có sự nỗ lực: Sự nỗ lực nói đến sự tinh tấn, là pháp thuộc về tâm, là sự ra sức tinh tấn, sự cố gắng, sự nỗ lực, sự siêng năng, sự tinh tấn, sự gắng sức, sự ráng sức, sự dõng mãnh, nghị lực, trạng thái không lơi lỏng sự nỗ lực, trạng thái không buông bỏ sự mong muốn, trạng thái không buông bỏ trách nhiệm, sự đề cao trách nhiệm, sự tinh tấn, tấn quyền, tấn lực, chánh tinh tấn. Vị Phật Độc Giác ấy đã tiến đến, đã tiến gần, đã đến gần, đã tiến vào, đã đạt đến, đã đầy đủ, đã thành tựu sự nỗ lực này; vì thế, vị Phật Độc Giác ấy là vị có sự nỗ lực.

"Đã hiểu rõ giáo pháp, đã được kiên cố, có sự nỗ lực, nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]" là như thế.

Vì thế, vị Phật Độc Giác ấy đã nói rằng:

"Trong khi ước nguyện sự diệt trừ tham ái, không xao lãng,
Không ngây ngô khờ khạo, có sự nghe nhiều, có niệm,
Đã hiểu rõ giáo pháp, đã được kiên cố, có sự nỗ lực,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]."

7. *Không kinh sợ tựa như con sư tử không kinh sợ các tiếng động,*
Không dính mắc tựa như làn gió không bị dính mắc ở mạng lưới,
Không bị lấm nhơ tựa như đóa sen không bị lấm nhơ bởi nước,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một].

Không kinh sợ tựa như con sư tử không kinh sợ các tiếng động: Giống như con sư tử, chúa của loài thú, không có sự kinh sợ, không có sự sợ sệt, không có sự khiếp sợ các tiếng động, không kinh hoàng, không có sự hoảng sợ, không sợ sệt, không nhút nhát, không có sự kinh hãi, không có sự sợ sệt, không có sự trốn chạy; vị Phật Độc Giác sống cũng không có sự kinh sợ, không có sự sợ sệt, không có sự khiếp sợ các tiếng động, không kinh hoàng, không có sự hoảng sợ,

không sợ sệt, không nhút nhát, không có sự kinh hãi, không có sự sợ sệt, không có sự trốn chạy, có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ, có sự rởn lông đã được xa lìa.

"Không kinh sợ tựa như con sư tử không kinh sợ các tiếng động" là như thế.

Không dính mắc tựa như làn gió không bị dính mắc ở mạng lưới.

Làn gió: Gió hướng Đông, gió hướng Tây, gió hướng Bắc, gió hướng Nam, gió có bụi, gió không có bụi, gió mát, gió nóng, gió ít, gió nhiều, hắc phong, gió ở thượng tầng khí quyển, gió do cánh chim, gió của loài linh điểu, gió do lá thốt nốt, gió từ cây quạt.

Mạng lưới: Nói đến mạng lưới bằng chỉ sợi. Giống như làn gió không dính mắc ở mạng lưới, không nắm giữ, không bị trói buộc, không bị giữ lại, tương tự y như vậy, có hai mạng lưới: Mạng lưới tham ái và mạng lưới tà kiến… (nt)… điều này là mạng lưới tham ái… (nt)… điều này là mạng lưới tà kiến. Đối với vị Phật Độc Giác ấy, mạng lưới tham ái đã được dứt bỏ, mạng lưới tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với mạng lưới tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với mạng lưới tà kiến, vị Phật Độc Giác ấy không dính mắc ở sắc, không dính mắc ở thinh,… (nt)… không dính mắc ở các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, [vị ấy] không nắm giữ, không bị trói buộc, không bị giữ lại, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

"Không dính mắc tựa như làn gió không bị dính mắc ở mạng lưới" là như thế.

Không bị lấm nhơ tựa như đóa sen không bị lấm nhơ bởi nước.

Đóa sen: Nói đến bông sen trắng.

Nước: Nói đến nước [thông thường].[4] Giống như đóa sen trắng không bị lấm nhơ bởi nước, không bị nhiễm bẩn, không bị vấy bẩn, [là đóa hoa] đã không bị lấm nhơ, đã không bị nhiễm bẩn, đã không bị vấy bẩn, tương tự y như vậy, có hai sự lấm nhơ: Lấm nhơ do tham ái và lấm nhơ do tà kiến. ... (nt)… điều này là lấm nhơ do tham ái. ... (nt)… điều này là lấm nhơ do tà kiến. Đối với vị Phật Độc Giác ấy, sự lấm nhơ do tham ái đã được dứt bỏ, sự lấm nhơ do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự lấm nhơ do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự lấm nhơ do tà kiến, vị Phật Độc Giác ấy không bị lấm nhơ ở sắc, không bị lấm nhơ ở thinh,… (nt)… không bị lấm nhơ ở các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, không bị nhiễm bẩn, không bị vấy bẩn, [là người] đã không bị lấm nhơ, đã không bị nhiễm bẩn, đã không bị vấy bẩn, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

[4] *Toyaṃ* và *udakaṃ* có chung ý nghĩa là "nước."

"Không bị lấm nhơ tựa như đóa sen không bị lấm nhơ bởi nước, nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]" là như thế.

Vì thế, vị Phật Độc Giác ấy đã nói rằng:

"Không kinh sợ tựa như con sư tử không kinh sợ các tiếng động,
Không dính mắc tựa như làn gió không bị dính mắc ở mạng lưới,
Không bị lấm nhơ tựa như đóa sen không bị lấm nhơ bởi nước,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]."

8. *Tựa như con sư tử, có sức mạnh của các răng nanh, vua của các loài thú, có cuộc sống thiên về khuất phục và thống trị [các con thú khác], nên lai vãng các trú xứ xa vắng, nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một].*

Tựa như con sư tử, có sức mạnh của các răng nanh, vua của các loài thú, có cuộc sống thiên về khuất phục và thống trị [các con thú khác]: Giống như con sư tử, chúa của loài thú có sức mạnh của các răng nanh, có vũ khí là các răng nanh, sau khi khuất phục, sau khi thống trị, sau khi đè bẹp, sau khi trấn áp, sau khi dẫm đạp tất cả các loài thú, các sinh mạng, nó sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, nuôi dưỡng, bảo dưỡng; vị Phật Độc Giác cũng có sức mạnh của tuệ, có vũ khí là tuệ, sau khi khuất phục, sau khi thống trị, sau khi đè bẹp, sau khi trấn áp, sau khi dẫm đạp tất cả các sanh linh, các hạng chúng sanh bằng tuệ, vị ấy sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, nuôi dưỡng, bảo dưỡng.

"Tựa như con sư tử có sức mạnh của các răng nanh, vua của các loài thú có cuộc sống thiên về khuất phục và thống trị [các con thú khác]" là như thế.

Nên lai vãng các trú xứ xa vắng: Giống như con sư tử, chúa của loài thú, đi sâu vào các khu rừng, chòm cây, rồi sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, nuôi dưỡng, bảo dưỡng; vị Phật Độc Giác cũng thân cận các khu rừng, các nơi heo hút, các chỗ trú ngụ xa vắng có ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh. Vị ấy sống một mình, đi một mình, đứng một mình, ngồi một mình, nằm một mình, đi vào làng để khất thực một mình, đi trở về một mình, ngồi nơi vắng vẻ một mình, quyết định kinh hành một mình, một mình sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng một mình.

"Nên lai vãng các trú xứ xa vắng, nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]" là như thế.

Vì thế, vị Phật Độc Giác ấy đã nói rằng:

"Tựa như con sư tử, có sức mạnh của các răng nanh, vua của các loài thú, có cuộc sống thiên về khuất phục và thống trị [các con thú khác], nên lai vãng các trú xứ xa vắng, nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]."

9. *Trong khi đang rèn luyện từ, bi, hỷ, xả, và giải thoát vào thời điểm thuận tiện, trong khi không bị chống đối bởi tất cả thế gian, nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một].*

Trong khi đang rèn luyện từ, bi, hỷ, xả, và giải thoát vào thời điểm thuận tiện: Vị Phật Độc Giác ấy lan tỏa một phương bằng tâm đồng hành với từ, rồi an trú, tương tự như vậy phương thứ nhì, tương tự như vậy phương thứ ba, tương tự như vậy phương thứ tư, như thế ở phương trên, phương dưới, phương ngang, khắp mọi nơi, cho đến tất cả các chúng sanh luôn cả bản thân, vị ấy lan tỏa toàn thể thế giới chúng sanh bằng tâm đồng hành với từ, bao la, quảng đại, không đo lường được, không thù oán, không sân hận, rồi an trú. Vị ấy lan tỏa một phương bằng tâm đồng hành với bi… (nt)… bằng tâm đồng hành với hỷ… (nt)… bằng tâm đồng hành với xả, bao la, quảng đại, không đo lường được, không thù oán, không sân hận, rồi an trú.

"Trong khi đang rèn luyện từ, bi, hỷ, xả, và giải thoát vào thời điểm thuận tiện" là như thế.

Trong khi không bị chống đối bởi tất cả thế gian: Nhờ trạng thái phát triển của tâm từ, các chúng sanh ở hướng Đông là không chán ghét, các chúng sanh ở hướng Tây… các chúng sanh ở hướng Bắc… các chúng sanh ở hướng Nam… các chúng sanh ở hướng Đông Nam… các chúng sanh ở hướng Tây Nam… các chúng sanh ở hướng Tây Bắc… các chúng sanh ở hướng Đông Bắc… các chúng sanh ở hướng dưới… các chúng sanh ở hướng trên… các chúng sanh ở mười phương là không chán ghét. Nhờ trạng thái phát triển của tâm bi… (nt)… nhờ trạng thái phát triển của tâm hỷ… (nt)… nhờ trạng thái phát triển của tâm xả, các chúng sanh ở hướng Đông… (nt)… các chúng sanh ở mười phương là không chán ghét.

Trong khi không bị chống đối bởi tất cả thế gian: Trong khi không bị chống đối, trong khi không bị chống báng, trong khi không bị đụng chạm, trong khi không bị công kích bởi tất cả thế gian.

"Trong khi không bị chống đối bởi tất cả thế gian, nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]" là như thế.

Vì thế, vị Phật Độc Giác ấy đã nói rằng:

"Trong khi đang rèn luyện từ, bi, hỷ, xả, và giải thoát vào thời điểm thuận tiện, trong khi không bị chống đối bởi tất cả thế gian, nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]."

10. *Sau khi dứt bỏ luyến ái, sân hận và si mê,*
Sau khi bứt lìa hoàn toàn các sự ràng buộc,
Người không kinh sợ về chặng cuối cùng của mạng sống,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một].

Sau khi dứt bỏ luyến ái, sân hận và si mê.

Luyến ái: Là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,… (nt)… tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Sân hận: Là sự tức tối của tâm… (nt)… sự tàn nhẫn, sự lỗ mãng, trạng thái không hoan hỷ của tâm.

Si mê: Là sự không biết về khổ,… (nt)… sự ngăn trở của vô minh, si mê là gốc rễ của bất thiện.

Sau khi dứt bỏ luyến ái, sân hận và si mê: Vị Phật Độc Giác ấy sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu luyến ái, sân hận, và si mê.

"Sau khi dứt bỏ luyến ái, sân hận và si mê" là như thế.

Sau khi bứt lìa hoàn toàn các sự ràng buộc: Có mười sự ràng buộc: Sự ràng buộc của ái dục, sự ràng buộc của bất bình,… (nt)… sự ràng buộc của vô minh.

Sau khi bứt lìa hoàn toàn các sự ràng buộc: Sau khi bứt lìa, sau khi bứt lìa hẳn, sau khi bứt lìa hoàn toàn, sau khi dứt bỏ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu các sự ràng buộc.

"Sau khi bứt lìa hoàn toàn các sự ràng buộc" là như thế.

Người không kinh sợ về chặng cuối cùng của mạng sống: Vị Phật Độc Giác ấy không có sự kinh sợ, không có sự sợ sệt về chặng cuối cùng của mạng sống, không kinh hoàng, không có sự hoảng sợ, không sợ sệt, không nhút nhát, không có sự kinh hãi, không có sự sợ sệt, không có sự trốn chạy, có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ, có sự rởn lông đã được xa lìa.

"Người không kinh sợ về chặng cuối cùng của mạng sống, nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]" là như thế.

Vì thế, vị Phật Độc Giác ấy đã nói rằng:

"Sau khi dứt bỏ luyến ái, sân hận và si mê,
Sau khi bứt lìa hoàn toàn các sự ràng buộc,
Người không kinh sợ về chặng cuối cùng của mạng sống,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]."

11. *Người ta thân cận và phục vụ có động cơ là sự lợi ích,*
Ngày nay những người bạn không có động cơ [lợi ích] là khó đạt được,
Những người [chỉ] biết đến lợi ích của bản thân thì không trong sạch,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một].

Người ta thân cận và phục vụ có động cơ là sự lợi ích: Người ta thân cận, gần gũi, phục vụ, phục dịch, kề cận, hầu cận có động cơ là lợi ích của bản thân, có động cơ là lợi ích của người khác, có động cơ là lợi ích của cả hai, có động cơ là lợi ích trong đời này, có động cơ là lợi ích trong đời sau, [có động cơ là lợi ích tối thượng].

"Người ta thân cận và phục vụ có động cơ là sự lợi ích" là như thế.

Ngày nay những người bạn không có động cơ [lợi ích] là khó đạt được: Có hai loại bạn bè: Bạn bè tại gia và bạn bè xuất gia. ... (nt)… Người này là bạn bè tại gia. ... (nt)… Người này là bạn bè xuất gia.

Ngày nay những người bạn không có động cơ [lợi ích] là khó đạt được: Hai loại bạn bè này [nếu] không có lý do, không có động cơ, không có nguyên nhân, không có duyên cớ thì khó đạt được, khó nhận được, vô cùng khó nhận được.

"Ngày nay những người bạn không có động cơ [lợi ích] là khó đạt được" là như thế.

Những người [chỉ] biết đến lợi ích của bản thân thì không trong sạch.

Những người [chỉ] biết đến lợi ích của bản thân: Là những người thân cận, gần gũi, phục vụ, phục dịch, kề cận, hầu cận, hành xử, hành theo, ngồi gần, chất vấn, hỏi han vì lợi ích của bản thân, vì nguyên nhân của bản thân, vì duyên cớ của bản thân, vì lý do của bản thân. "[Chỉ] biết đến lợi ích của bản thân" là như thế.

Những người không trong sạch: "'Những người có thân nghiệp không trong sạch' là những người không trong sạch, 'những người có khẩu nghiệp không trong sạch' là những người không trong sạch, 'những người có ý nghiệp không trong sạch' là những người không trong sạch, 'những người có sự giết hại mạng sống không trong sạch'… sự trộm cắp không trong sạch… tà hạnh không trong sạch trong các dục… nói dối không trong sạch… 'những người có lời nói nói đâm thọc không trong sạch'… 'những người có lời nói thô lỗ không trong sạch'… 'những người nói nhảm nhí không trong sạch'… 'những người có sự tham đắm không trong sạch'… 'những người có sự sân hận không trong sạch' là những người không trong sạch, 'những người có tà kiến không trong sạch' là những người không trong sạch, 'những người có ý định không trong sạch' là những người không trong sạch, 'những người có ước nguyện không trong sạch' là những người không trong sạch, 'những người có nguyện vọng không trong sạch' là những người không trong sạch"; không trong sạch là thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi.

"Những người [chỉ] biết đến lợi ích của bản thân thì không trong sạch" là như thế.

Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một].

Một mình: Vị Phật Độc Giác ấy là một mình theo quy định của đời sống xuất gia,… (nt)…

Nên sống: Có tám sự thực hành:… (nt)…

Tựa như sừng của loài tê ngưu: Giống như tên gọi của loài tê ngưu, sừng của nó chỉ có một, không có cái thứ hai,… (nt)…

"Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]" là như thế.

Vì thế, vị Phật Độc Giác ấy đã nói rằng:

"Người ta thân cận và phục vụ có động cơ là sự lợi ích,
Ngày nay những người bạn không có động cơ [lợi ích] là khó đạt được,
Những người [chỉ] biết đến lợi ích của bản thân thì không trong sạch,
Nên sống một mình tựa như sừng của loài tê ngưu [chỉ có một]."

Dứt phẩm thứ tư.

Và "Diễn giải kinh sừng tê ngưu" được chấm dứt.

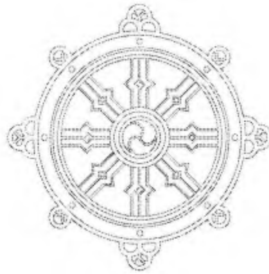
1. "Ajita, Tissametteyya, Puṇṇaka, rồi Mettagū, Dhotaka và Upasīva, Nanda, rồi Hemaka.

2. Hai vị Todeyya và Kappa và vị sáng suốt Jatukaṇṇī, Bhadrāvudha và Udaya, luôn cả Bà-la-môn Posāla.

3. Vị thông minh Mogharāja và vị Đại Ẩn sĩ Piṅgiya. Hơn nữa, lời giảng dạy đến chính mười sáu vị Bà-la-môn ấy, các lời diễn giải về những con đường đi đến bờ kia là chỉ có chừng ấy.

4. Và các lời diễn giải của những bài *Kinh Sừng tê ngưu* là đúng y như thế. Các lời diễn giải gồm hai phần cần được biết; chúng được đầy đủ, được khéo làm nổi bật."

TIỂU DIỄN GIẢI ĐƯỢC HOÀN TẤT.



PHÂN TÍCH ĐẠO
(*PAṬISAMBHIDĀMAGGA*)

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU CỦA DỊCH GIẢ

Paṭisambhidāmagga là tựa đề của tập kinh thứ 12 thuộc *Tiểu bộ*. Chúng tôi đề nghị từ dịch tương đương của tiếng Việt là *Phân tích đạo*. *Magga* (Đạo) ở đây có nghĩa là đường lối, cách thức, nghệ thuật, phương pháp. Về từ *Paṭisambhidā* (Phân tích), chúng tôi ghi nhận đây là danh từ, có cấu trúc như sau: paṭi+sam+√bhid+ā với nghĩa nôm na là "sự chia chẻ toàn diện về một vấn đề nào đó." "Vấn đề" ở đây là một số giáo lý quan trọng của Phật giáo và "sự chia chẻ toàn diện" là nghệ thuật phân tích được đề cập về bốn khía cạnh: Về ý nghĩa, kết quả, hiệu quả (*attha*); về pháp, nguyên nhân, giáo lý, sự việc (*dhamma*); về ngôn từ, tên gọi (*nirutti*); và về phép biện giải, sự sáng suốt về vấn đề (*paṭibhāna*).

Chú giải của tập kinh này có tên là *Saddhammappakāsinī*. Bài kệ mở đầu của tập *Chú giải* này cho chúng ta biết được tác giả của *Paṭisambhidāmagga* là Ngài Sāriputta (*PsA*. I. 1). Và bài kệ kết thúc xác nhận tập *Chú giải Saddhammappakāsinī* được thực hiện do công của vị Trưởng lão tên là Mahābhidhāna, ở tại một liêu phòng đã được xây dựng bởi viên quan đại thần tên Uttaramantī thuộc tu viện Mahāvihāra (Tích Lan), và thời điểm được ghi nhận là ba năm sau ngày băng hà của đức Vua Moggallāna (*PsA*. III. 703-04), tính ra ở vào khoảng đầu thế kỷ VI Tây lịch. Vì "*abhidhāna*" là từ đồng nghĩa của "*nāma*" nên tác giả của tập *Chú giải* này được mặc nhiên công nhận là vị Mahānāma. Học giả G. P. Malalasekera, trong tài liệu nghiên cứu "*The Pāli Literature of Ceylon*" (*Nền văn học Pāḷi của xứ Tích Lan*), còn xác định rằng vị Mahānāma này cũng chính là tác giả của bộ sử thi *Mahāvaṃsa* của nước Sri Lanka (trang 141).

Về nội dung, tập kinh *Paṭisambhidāmagga* gồm có ba phẩm (*vagga*): *Phẩm Chính yếu* (*Mahāvagga*), *Phẩm Kết hợp chung* (*Yuganaddhavagga*) và *Phẩm Tuệ* (*Paññāvagga*). Mỗi phẩm gồm có mười bài giảng (*kathā*) của mười đề tài khác nhau được trình bày chi tiết và được phân tích theo nhiều khía cạnh, không những về phương diện giáo lý căn bản mà còn đề cập đến phương pháp thực hành trong việc tu tập nữa.

Mở đầu *Phẩm Chính yếu* là phần *Tiêu đề* (*Mātikā*) giới thiệu về 73 loại trí từ phàm đến Thánh, trong số đó đặc biệt 6 loại trí cuối cùng chỉ dành riêng cho đức Phật Chánh Đẳng Chánh Giác mà không phổ biến đến các vị Thinh văn. Các trí này được giải thích ở phần *Giảng về trí* (*Ñāṇakathā*) kế tiếp. Theo sự hiểu biết của chúng tôi, sự liệt kê đầy đủ về 73 loại trí này chỉ có riêng ở tập

kinh *Paṭisambhidāmagga* (*Phân tích đạo*) mà không được tìm thấy ở nơi nào khác thuộc Tam tạng Pāḷi. Riêng phần *Giảng về trí* này đã chiếm hết một phần ba của toàn bộ tập kinh *Paṭisambhidāmagga*. Chín chủ đề còn lại giảng giải về các quan điểm sai trái (*diṭṭhi*), về niệm hơi thở vào hơi thở ra (*ānāpānasati*), về các quyền (*indriya*), về sự giải thoát (*vimokkha*), về cõi tái sanh (*gati*), về nghiệp (*kamma*), về sự lầm lạc (*vipallāsa*), về đạo (*magga*) và về tịnh thủy nên được uống (*maṇḍapeyya*).

Phẩm Kết hợp chung (*Yuganaddhavagga*) gồm có 10 đề tài theo thứ tự là các phần giảng về:

- Thiền chỉ tịnh và minh sát (*Yuganaddhakathā*)
- Chân lý (*Saccakathā*)
- Các chi phần đưa đến giác ngộ (*Bojjhaṅgakathā*)
- Tâm từ (*Mettākathā*)
- Sự ly tham ái (*Virāgakathā*)
- Sự phân tích (*Paṭisambhidākathā*)
- Việc chuyển vận bánh xe Chánh pháp (*Dhammacakkakathā*)
- Tối thượng ở thế gian (*Lokuttarakathā*)
- Lực (*Balakathā*)
- Không tánh (*Suññatākathā*)

Phẩm Tuệ (*Paññāvagga*) gồm có mười đề tài giảng về:

- Tuệ (*Paññākathā*)
- Thần thông (*Iddhikathā*)
- Sự lãnh hội (*Abhisamayakathā*)
- Sự viễn ly (*Vivekakathā*)
- Hành vi (*Cariyākathā*)
- Phép kỳ diệu (*Pāṭihāriyakathā*)
- Các pháp đứng đầu được tịnh lặng (*Samasīsikathā*)
- Sự thiết lập niệm (*Satipaṭṭhānakathā*)
- Minh sát (*Vipassanākathā*)
- Các tiêu đề (*Mātikākathā*)

Sự trình bày và giảng giải ở tập kinh *Paṭisambhidāmagga* này chi tiết hơn và có nhiều điểm khác biệt so với các tập kinh khác. Đặc biệt, đối với các độc giả chuyên chú về tu tập thiền chỉ tịnh và minh sát, tập kinh này có nhiều tư liệu giúp cho quý vị vững tin hơn trong việc thực hành và không còn có sự lầm lẫn hoặc phân biệt về hai phương pháp tu tập hầu tránh khỏi những sự phân vân hay

tranh luận không cần thiết. Có một số lời giảng về các pháp phát sanh trong lúc tu tập về thiền xét ra rất cần thiết và bổ ích cho các hành giả đang chuyên chú tầm cầu mục đích cao thượng. Đánh giá về nội dung của tập kinh này, có quan điểm cho rằng tập kinh *Paṭisambhidāmagga* có thể được xem như là một tập sách giáo khoa về Phật học của truyền thống *Theravāda*.

Xét về hình thức, tập kinh *Paṭisambhidāmagga* được ghi lại ở thể văn xuôi, rải rác có một số bài kệ được xen vào. Tuy nhiên, do hình thức trình bày với các tiêu đề (*mātikā*) ở phần mở đầu và có sự tương tợ về phương thức lý luận nên đã có quan điểm cho rằng tập kinh *Paṭisambhidāmagga* này nên được xếp vào *Tạng Vi diệu pháp* (*Abhidhammapiṭaka*) thay vì *Tiểu bộ* thuộc tạng Kinh. Ngược lại, cũng có ý kiến cho rằng tập kinh *Paṭisambhidāmagga* đã được sắp xếp vào *Tiểu bộ* thuộc tạng Kinh cũng có thể vì có chứa đựng một số bài kinh được bắt đầu với những câu văn quen thuộc: "*Evaṃ me sutaṃ*: *Ekaṃ samayaṃ...*" (Tôi đã được nghe như vầy: Một thời,...).

Về khía cạnh dịch thuật, có một số điểm cần được nêu lên như sau: Bản dịch này đã được chúng tôi hoàn tất vào cuối năm 2005 nhưng e ngại không dám phổ biến vì có nhiều nghi vấn chưa được giải quyết xong. Điều khó khăn chủ yếu cho chúng tôi khi ghi lại tiếng Việt cho tập kinh này là việc sử dụng văn tự để mô tả các pháp vô hình vô tướng không thể dùng năm giác quan để quan sát, mà chỉ dùng kiến thức hạn hẹp và sự tu tập thấp thỏi để liên hệ và miêu tả lại. Thêm vào đó, việc dùng trí tuệ phàm nhân để diễn tả lại pháp đắc chứng của các bậc Thánh là điều có thể gọi là hồ đồ; vì thế chúng tôi chỉ cố gắng căn cứ vào văn tự và viết lại tiếng Việt theo khả năng hiểu biết về văn phạm của mình. Điều không thể tránh khỏi là những sai sót xảy ra do nguyên nhân này không hẳn là ít. Một điểm khó khăn khác là phải chọn lựa từ dịch Việt cho một số từ vựng có ý nghĩa rất gần gũi với nhau, vấn đề quan trọng là việc chọn lựa ấy phải được thống nhất và phù hợp với nhiều ngữ cảnh xuyên suốt toàn bộ tập kinh; điều này cũng gây ra cho chúng tôi nhiều sự lúng túng và đã để lại nhiều điểm vụng về trong lời dịch Việt của tập kinh này. Có lời đề nghị rằng: "Sau khi hoàn tất bản dịch, nên quên đi câu văn Pāḷi và trau chuốt lại theo cấu trúc của tiếng Việt." Vấn đề không đơn giản như vậy, vì sau khi được trau chuốt lại câu văn tiếng Việt mới này lại gợi lên nhiều cách diễn giải khác nữa và xét ra lại xa rời với văn bản gốc Pāḷi do việc hoán chuyển nhiệm vụ của các loại từ và vị trí các nhóm từ ở trong câu. Thật ra, mục tiêu của chúng tôi là cố gắng hiểu đúng văn bản Pāḷi và tạo điều kiện cho người khác hiểu được như thế, chúng tôi không đủ sức để vươn đến các tiêu chuẩn cao hơn đối với công việc phiên dịch các văn bản cổ ngữ của Ấn Độ. Một số sai sót trong quá trình phiên dịch đương nhiên không thể tránh khỏi, chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về trình độ yếu kém. Về mọi trường hợp, nếu có những đoạn văn nào kém phần chính xác hoặc không rõ nghĩa, xin quý vị tham khảo văn bản Pāḷi để hiểu được ý nghĩa của lời Phật dạy một cách tận tường.

Một đôi nơi lời dịch không tương ứng với văn bản Pāḷi vì các lý do sau: Một số từ đã được dịch theo *Chú giải* để ý nghĩa được rõ ràng, một số phần trùng lặp đã được giản lược nhiều hơn so với văn bản gốc, các phần trùng lặp này được ghi lại bằng ký hiệu... (nt)..., hoặc..., đều có giá trị giống nhau.

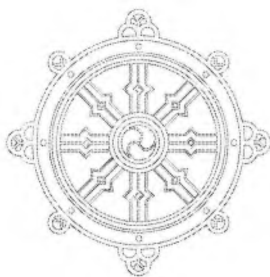
Nhân đây, chúng tôi cũng xin thành tâm tán dương công đức của Ven. Mettāvihārī đã hoan hỷ cho phép chúng tôi sử dụng văn bản đã được phiên âm sẵn đang phổ biến trên mạng internet. Điều này đã tiết kiệm cho chúng tôi nhiều thời gian và công sức trong việc nhận diện mặt chữ và đánh máy, tuy nhiên việc kiểm tra đối chiếu lại với văn bản chánh cũng đã chiếm khá nhiều thời gian.

Cuối cùng, ngưỡng mong phước báu phát sanh trong công việc soạn thảo và ấn tống tập kinh này được thành tựu đến Thầy Tổ, song thân và tất cả chúng sanh trong tam giới. Nguyện cho hết thảy đều được an vui, sức khỏe, có trí tuệ và tinh tấn tu tập ngõ hầu thành đạt cứu cánh giải thoát, chấm dứt khổ đau.

Kính bút,

Ngày 31 tháng 12 năm 2006

Tỳ-khưu Indacanda (Trương Đình Dũng)



A. PHẨM CHÍNH YẾU
(*MAHĀVAGGO*)

TIÊU ĐỀ

1. Tuệ (*paññā*) về sự ghi nhận ở tai là trí (*ñāṇaṃ*) về yếu tố tạo thành điều đã được nghe.

2. Sau khi đã nghe, tuệ về sự thu thúc là trí về yếu tố tạo thành giới.

3. Sau khi đã thu thúc, tuệ về sự tập trung là trí về yếu tố tạo thành việc tu tập định.

4. Tuệ về việc nắm giữ duyên là trí về sự hiện diện của các pháp.

5. Sau khi đã tổng hợp các pháp trong quá khứ, hiện tại và vị lai, tuệ về sự xác định là trí về sự thấu hiểu.

6. Tuệ về việc quán xét sự chuyển biến của các pháp đang hiện hữu là trí về việc quán xét sự sanh diệt.

7. Sau khi đã phân biệt rõ đối tượng, tuệ về việc quán xét sự tan rã là trí về minh sát.

8. Tuệ về sự thiết lập của kinh hãi là trí về điều tai hại.

9. Tuệ về sự mong muốn giải thoát, về sự phân biệt rõ, và về sự bình thản là trí về các trạng thái xả đối với các pháp hữu vi.

10. Tuệ về sự thoát ra và ly khai ngoại phần là trí chuyển tộc.

11. Tuệ về sự thoát ra và ly khai cả hai [nội ngoại phần] là trí về đạo.

12. Tuệ về sự tịnh lặng của việc thực hành là trí về quả.

13. Tuệ về việc quán xét phiền não đã được cắt lìa là trí về giải thoát.

14. Tuệ về việc nhìn thấy các pháp đã được khởi lên vào khi ấy là trí về việc quán xét lại.

15. Tuệ về việc xác định nội phần là trí về tính chất khác biệt của các vật nương.

16. Tuệ về việc xác định ngoại phần là trí về tính chất khác biệt của các hành xứ.

17. Tuệ về việc xác định hành vi là trí về tính chất khác biệt của các hành vi.

18. Tuệ về việc xác định bốn pháp là trí về tính chất khác biệt của các lãnh vực.

19. Tuệ về việc xác định chín pháp là trí về tính chất khác biệt của các pháp.

20. Tuệ về sự biết rõ là trí về ý nghĩa của điều đã được biết.

21. Tuệ về sự biết toàn diện là trí về ý nghĩa của quyết đoán.

22. Tuệ về sự dứt bỏ là trí về ý nghĩa của buông bỏ.

23. Tuệ về sự tu tập là trí về ý nghĩa của nhất vị.

24. Tuệ về sự tác chứng là trí về ý nghĩa của sự chạm đến.

25. Tuệ về tính chất khác biệt của các ý nghĩa là trí về sự phân tích các ý nghĩa.

26. Tuệ về tính chất khác biệt của các pháp là trí về sự phân tích các pháp.

27. Tuệ về tính chất khác biệt của các ngôn từ là trí về sự phân tích các ngôn từ.

28. Tuệ về tính chất khác biệt của các phép biện giải là trí về sự phân tích các phép biện giải.

29. Tuệ về tính chất khác biệt của các sự an trú là trí về ý nghĩa của các sự an trú.

30. Tuệ về tính chất khác biệt của các sự chứng đạt là trí về ý nghĩa của các sự chứng đạt.

31. Tuệ về tính chất khác biệt của các sự an trú và chứng đạt là trí về ý nghĩa của các sự an trú và chứng đạt.

32. Tuệ về sự đoạn trừ các lậu hoặc do tính chất hoàn toàn trong sạch của sự không tản mạn là trí về định không gián đoạn.

33. Là pháp chủ đạo ở việc nhận thức và có sự an trú đắc chứng thanh tịnh, tuệ có khuynh hướng cao quý là trí về sự an trú không uế nhiễm.

34. Tuệ có tính chất hội đủ với hai lực và có ưu thế với sự tịnh lặng của ba hành, với mười sáu hành vi của trí, và với chín hành vi của định là trí về sự chứng đạt thiền diệt.

35. Tuệ về sự chấm dứt việc vận hành ở vị có sự nhận biết rõ rệt là trí về sự viên tịch Niết-bàn.

36. Tuệ có tính chất không thiết lập ở sự đoạn trừ hoàn toàn và ở sự diệt tận đối với tất cả các pháp là trí về ý nghĩa của các pháp đứng đầu được tịnh lặng.

37. Tuệ về sự chấm dứt các quyền lực riêng biệt có bản chất khác nhau hoặc giống nhau là trí về ý nghĩa của việc dứt trừ.

38. Tuệ về ý nghĩa của việc ra sức có trạng thái không thối giảm và có tính năng động là trí về việc khởi sự tinh tấn.

39. Tuệ làm sáng tỏ các pháp khác biệt là trí về sự trực nhận ý nghĩa.

40. Tuệ về sự thấu triệt tính tổng hợp chung và về bản chất khác nhau hoặc giống nhau của tất cả các pháp là trí về sự thanh tịnh trong việc nhận thức.

41. Tuệ với trạng thái đã được biết là trí về việc chấp nhận.

42. Tuệ với trạng thái đã được chạm đến là trí về sự thâm nhập.

43. Tuệ về sự phối hợp lại là trí về sự an trú vào các lãnh vực.

44. Tuệ với trạng thái chủ đạo là trí về sự ly khai do tưởng.

45. Tuệ về bản chất khác nhau là trí về sự ly khai do suy nghĩ.

46. Tuệ về sự khẳng định là trí về sự ly khai do tâm.

47. Tuệ về không tánh là trí về sự ly khai do trí.

48. Tuệ về sự xả ly là trí về sự ly khai do giải thoát.

49. Tuệ về ý nghĩa của thực thể là trí về sự ly khai do sự thật.

50. Với sự xác định cả thân lẫn tâm là một, tuệ về ý nghĩa của sự thành tựu do năng lực của sự chú nguyện lạc tưởng và khinh tưởng là trí về thể loại của thần thông.

51. Tuệ về sự thâm nhập các hiện tướng âm thanh có bản chất khác nhau hoặc giống nhau bằng cách triển khai tầm là trí thanh tịnh của nhĩ giới.

52. Với tính chất triển khai của ba loại tâm, tuệ về sự thâm nhập các hành vi của thức có bản chất khác nhau hoặc giống nhau bằng năng lực tự tin của các quyền là trí biết được tâm.

53. Tuệ về sự thâm nhập bằng năng lực triển khai các nghiệp có bản chất khác nhau hoặc giống nhau đối với các pháp có sự vận hành do duyên là trí nhớ về các kiếp sống trước.

54. Tuệ về ý nghĩa của việc nhìn thấy các hiện tướng của sắc có bản chất khác nhau hoặc giống nhau nhờ vào năng lực của ánh sáng là trí về thiên nhãn.

55. Tuệ về chủ thể đối với ba quyền theo sáu mươi bốn biểu hiện là trí về sự đoạn tận của các lậu hoặc.

56. Tuệ về ý nghĩa biết toàn diện là trí về khổ.

57. Tuệ về ý nghĩa dứt bỏ là trí về nhân sanh [khổ].

58. Tuệ về ý nghĩa tác chứng là trí về sự diệt tận [khổ].

59. Tuệ về ý nghĩa tu tập là trí về đạo.

60. Trí về khổ.

61. Trí về nhân sanh khổ.

62. Trí về sự diệt tận khổ.

63. Trí về sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ.

64. Trí về sự phân tích ý nghĩa.[1]

65. Trí về sự phân tích pháp.[2]

66. Trí về sự phân tích ngôn từ.

67. Trí về sự phân tích phép biện giải.

---

[1] *Tattha attho'ti saṅkhepato hetuphalaṃ* (*PsA*. I. 3): Trong trường hợp ấy, "ý nghĩa" nói gọn lại là nhân quả.

[2] *Dhammo'ti saṅkhepato paccayo* (*Sđd.*): "Pháp" nói gọn lại là duyên.

68. Trí biết được khả năng của người khác về các quyền.

69. Trí về thiên kiến và xu hướng ngủ ngầm của chúng sanh.

70. Trí về song thông.

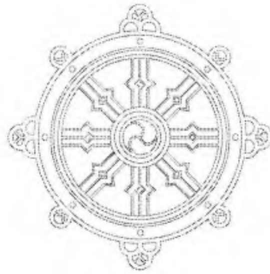
71. Trí về sự thể nhập đại bi.

72. Trí toàn giác.

73. Trí không bị ngăn che.

Đây là bảy mươi ba loại trí. Trong số bảy mươi ba loại trí này, sáu mươi bảy loại trí là phổ thông đến các vị Thinh văn, sáu loại trí (68-73) là không phổ thông đến các vị Thinh văn.

Dứt phần Tiêu đề.



I. GIẢNG VỀ TRÍ
(*ÑĀṆAKATHĀ*)

1. TRÍ VỀ YẾU TỐ TẠO THÀNH ĐIỀU ĐÃ ĐƯỢC NGHE (*Sutamayañāṇaṃ*)

(1)

Tuệ về sự ghi nhận ở tai là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe là [có ý nghĩa] thế nào?

Sự nhận định ở tai là "các pháp này cần được biết rõ",[3] tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe.

Sự nhận định ở tai là "các pháp này cần được biết toàn diện", tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe.

Sự nhận định ở tai là "các pháp này cần được dứt bỏ", tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe.

Sự nhận định ở tai là "các pháp này cần được tu tập", tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe.

Sự nhận định ở tai là "các pháp này cần được tác chứng", tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe.

Sự nhận định ở tai là "các pháp này đưa đến thoái hóa", tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe.

Sự nhận định ở tai là "các pháp này đưa đến bền vững", tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe.

Sự nhận định ở tai là "các pháp này đưa đến thù thắng", tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe.

Sự nhận định ở tai là "các pháp này đưa đến thông suốt", tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe.

Sự nhận định ở tai là "tất cả các hành là vô thường", tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe.

Sự nhận định ở tai là "tất cả các hành là khổ não", tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe.

---

[3] *Abhijānāti*: Biết rõ (thắng tri); *Parijānāti*: Biết toàn diện (biến tri); *Sañjānāti*: Nhận biết của tưởng (tưởng tri); *Pajānāti*: Nhận biết của tuệ (tuệ tri); *Vijānāti*: Nhận biết của thức (thức tri). Các từ trong ngoặc đơn: Thắng tri, biến tri, tưởng tri, tuệ tri, thức tri là từ dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu. Các nghĩa dịch trên đây chỉ có giá trị tương đối, muốn hiểu rõ hơn về các từ này cần nắm vững nghĩa của các tiếp đầu ngữ (*upasagga*): *Abhi, pari, saṃ, pa, vi*, đồng thời cần phải xem xét các ngữ cảnh có liên quan nữa.

Sự nhận định ở tai là "tất cả các pháp là vô ngã", tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe.

Sự nhận định ở tai là "đây là chân lý cao thượng về khổ", tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe.

Sự nhận định ở tai là "đây là chân lý cao thượng về nhân sanh khổ", tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe.

Sự nhận định ở tai là "đây là chân lý cao thượng về sự diệt tận khổ", tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe.

Sự nhận định ở tai là "đây là chân lý cao thượng về sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ", tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe.

(2)

Sự nhận định ở tai là "các pháp này cần được biết rõ", tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe là [có ý nghĩa] thế nào?

Một pháp cần được biết rõ là: Tất cả chúng sanh được tồn tại nhờ vật thực.

Hai pháp cần được biết rõ là: Hai giới [hữu vi giới và vô vi giới].

Ba pháp cần được biết rõ là: Ba giới [dục giới, sắc giới, vô sắc giới].

Bốn pháp cần được biết rõ là: Bốn chân lý cao thượng.

Năm pháp cần được biết rõ là: Năm yếu tố đưa đến giải thoát.[4]

Sáu pháp cần được biết rõ là: Sáu điều tối thượng.[5]

Bảy pháp cần được biết rõ là: Bảy sự việc không hạn chế.[6]

Tám pháp cần được biết rõ là: Tám thắng xứ [của thiền].

Chín pháp cần được biết rõ là: Chín an trú theo tuần tự.[7]

Mười pháp cần được biết rõ là: Mười sự việc làm thoái hóa.[8]

(3)

Này các Tỳ-khưu, tất cả cần được biết rõ. Và này các Tỳ-khưu, điều gì là tất cả cần được biết rõ?

---

[4] Năm yếu tố đưa đến giải thoát (*pañca vimuttāyatanāni*) được giải thích ở *PsA*. I. 69-70. Hòa thượng Thích Minh Châu dịch là "năm giải thoát xứ." Xem *D*. 33, *Kinh Phúng tụng* (*Saṅgītisuttaṃ*). (ND)

[5] Sáu điều tối thượng (*cha anuttariyāni*) được giải thích ở *PsA*. I. 70-73. Hòa thượng Thích Minh Châu dịch là "sáu vô thượng: kiến vô thượng, văn vô thượng, lợi đắc vô thượng, học giới vô thượng, phụng sự vô thượng, ức niệm vô thượng." Xem *D*. 33, *Kinh Phúng tụng* (*Saṅgītisuttaṃ*). (ND)

[6] Bảy sự việc không hạn chế (*satta niddasavatthūni*) được giải thích ở *PsA*. I. 73-74. Hòa thượng Thích Minh Châu dịch là "bảy thù diệu sự." Xem *D*. 33, *Kinh Phúng tụng* (*Saṅgītisuttaṃ*). (ND)

[7] Chín an trú theo tuần tự (*nava anupubbavihārā*) là sự tuần tự an trú vào tám tầng định và Diệt thọ tưởng định là thứ chín (*PsA*. I. 75-76). Hòa thượng Thích Minh Châu dịch là "chín thứ đệ trú." Xem *D*. 33, *Kinh Phúng tụng* (*Saṅgītisuttaṃ*). (ND)

[8] Mười sự việc làm thoái hóa (*dasa nijjaravatthūni*): Liên quan đến tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định, tà trí, tà giải thoát (*PsA*. I. 76-77). Hòa thượng Thích Minh Châu dịch là "mười đoạn tận sự." Xem *D*. 34, *Kinh Thập thượng* (*Dasuttarasuttaṃ*). (ND)

Này các Tỳ-khưu, mắt cần được biết rõ, các sắc cần được biết rõ, nhãn thức cần được biết rõ, nhãn xúc cần được biết rõ, cảm thọ nào được sanh lên do duyên nhãn xúc dầu là lạc, hoặc là khổ, hoặc là không khổ không lạc; cảm thọ ấy cũng cần được biết rõ.

Tai cần được biết rõ, các thinh cần được biết rõ,... (nt). Mũi cần được biết rõ, các khí cần được biết rõ... (nt). Lưỡi cần được biết rõ, các vị cần được biết rõ... (nt). Thân cần được biết rõ, các xúc cần được biết rõ... (nt). Ý cần được biết rõ, các pháp cần được biết rõ, ý thức cần được biết rõ, ý xúc cần được biết rõ, cảm thọ nào được sanh lên do duyên ý xúc dầu là lạc, hoặc là khổ, hoặc là không khổ không lạc; cảm thọ ấy cũng cần được biết rõ.

Sắc cần được biết rõ, thọ cần được biết rõ, tưởng cần được biết rõ, các hành cần được biết rõ, thức cần được biết rõ.

Mắt cần được biết rõ, tai cần được biết rõ, mũi cần được biết rõ, lưỡi cần được biết rõ, thân cần được biết rõ, ý cần được biết rõ.

Các sắc cần được biết rõ, các thinh cần được biết rõ, các khí cần được biết rõ, các vị cần được biết rõ, các xúc cần được biết rõ, các pháp cần được biết rõ.

Nhãn thức cần được biết rõ, nhĩ thức cần được biết rõ, tỷ thức cần được biết rõ, thiệt thức cần được biết rõ, thân thức cần được biết rõ, ý thức cần được biết rõ.

Nhãn xúc cần được biết rõ, nhĩ xúc cần được biết rõ, tỷ xúc cần được biết rõ, thiệt xúc cần được biết rõ, thân xúc cần được biết rõ, ý xúc cần được biết rõ.

Cảm thọ sanh lên do nhãn xúc cần được biết rõ, cảm thọ sanh lên do nhĩ xúc cần được biết rõ, cảm thọ sanh lên do tỷ xúc cần được biết rõ, cảm thọ sanh lên do thiệt xúc cần được biết rõ, cảm thọ sanh lên do thân xúc cần được biết rõ, cảm thọ sanh lên do ý xúc cần được biết rõ. Sắc tưởng[9] cần được biết rõ, thinh tưởng cần được biết rõ, khí tưởng cần được biết rõ, vị tưởng cần được biết rõ, xúc tưởng cần được biết rõ, pháp tưởng cần được biết rõ.

Sắc tư[10] cần được biết rõ, thinh tư cần được biết rõ, khí tư cần được biết rõ, vị tư cần được biết rõ, xúc tư cần được biết rõ, pháp tư cần được biết rõ.

Sắc ái[11] cần được biết rõ, thinh ái cần được biết rõ, khí ái cần được biết rõ, vị ái cần được biết rõ, xúc ái cần được biết rõ, pháp ái cần được biết rõ.

Sắc tầm[12] cần được biết rõ, thinh tầm cần được biết rõ, khí tầm cần được biết rõ, vị tầm cần được biết rõ, xúc tầm cần được biết rõ, pháp tầm cần được biết rõ.

Sắc tứ[13] cần được biết rõ, thinh tứ cần được biết rõ, khí tứ cần được biết rõ, vị tứ cần được biết rõ, xúc tứ cần được biết rõ, pháp tứ cần được biết rõ.

---

[9] Sắc tưởng (*rūpasaññā*): Hồi tưởng lại, nhớ lại cảnh sắc đã thấy. (ND)

[10] Sắc tư (*rūpacetanā*): Ý muốn, ước muốn, quyết tâm lúc nhìn cảnh sắc. (ND)

[11] Sắc ái (*rūpataṇhā*): Ái luyến, khao khát cảnh sắc. (ND)

[12] Sắc tầm (*rūpavitakka*): Hướng tâm, đưa tâm đến cảnh sắc. (ND)

[13] Sắc tứ (*rūpavicāra*): Quan sát, khắn khít vào cảnh sắc. (ND)

Địa giới cần được biết rõ, thủy giới cần được biết rõ, hỏa giới cần được biết rõ, phong giới cần được biết rõ, hư không giới cần được biết rõ, thức giới cần được biết rõ.

Đề mục đất cần được biết rõ, đề mục nước cần được biết rõ, đề mục lửa cần được biết rõ, đề mục gió cần được biết rõ, đề mục xanh cần được biết rõ, đề mục vàng cần được biết rõ, đề mục đỏ cần được biết rõ, đề mục trắng cần được biết rõ, đề mục hư không cần được biết rõ, đề mục thức cần được biết rõ.

Tóc cần được biết rõ, lông cần được biết rõ, móng cần được biết rõ, răng cần được biết rõ, da cần được biết rõ, thịt cần được biết rõ, gân cần được biết rõ, xương cần được biết rõ, tủy xương cần được biết rõ, thận cần được biết rõ, tim cần được biết rõ, gan cần được biết rõ, cơ hoành cần được biết rõ, lá lách cần được biết rõ, phổi cần được biết rõ, ruột cần được biết rõ, màng ruột cần được biết rõ, thực phẩm chưa tiêu cần được biết rõ, phân cần được biết rõ, mật cần được biết rõ, đàm cần được biết rõ, mủ cần được biết rõ, máu cần được biết rõ, mồ hôi cần được biết rõ, mỡ cần được biết rõ, nước mắt cần được biết rõ, nước mỡ (huyết tương) cần được biết rõ, nước miếng cần được biết rõ, nước mũi cần được biết rõ, nước ở khớp xương cần được biết rõ, nước tiểu cần được biết rõ, não cần được biết rõ.

Nhãn xứ cần được biết rõ, sắc xứ cần được biết rõ; nhĩ xứ cần được biết rõ, thinh xứ cần được biết rõ; tỷ xứ cần được biết rõ, khí xứ cần được biết rõ; thiệt xứ cần được biết rõ, vị xứ cần được biết rõ; thân xứ cần được biết rõ, xúc xứ cần được biết rõ; ý xứ cần được biết rõ, pháp xứ cần được biết rõ.

Nhãn giới cần được biết rõ, sắc giới cần được biết rõ, nhãn thức giới cần được biết rõ; nhĩ giới..., thinh giới..., nhĩ thức giới...; tỷ giới..., khí giới..., tỷ thức giới...; thiệt giới..., vị giới..., thiệt thức giới...; thân giới cần được biết rõ, xúc giới cần được biết rõ, thân thức giới cần được biết rõ, ý giới cần được biết rõ, pháp giới cần được biết rõ, ý thức giới cần được biết rõ.

Nhãn quyền cần được biết rõ, nhĩ quyền cần được biết rõ, tỷ quyền cần được biết rõ, thiệt quyền cần được biết rõ, thân quyền cần được biết rõ, ý quyền cần được biết rõ, mạng quyền cần được biết rõ, nữ quyền cần được biết rõ, nam quyền cần được biết rõ, lạc quyền cần được biết rõ, khổ quyền cần được biết rõ, hỷ quyền cần được biết rõ, ưu quyền cần được biết rõ, xả quyền cần được biết rõ, tín quyền cần được biết rõ, tấn quyền cần được biết rõ, niệm quyền cần được biết rõ, định quyền cần được biết rõ, tuệ quyền cần được biết rõ, vị tri quyền[14] cần được biết rõ, dĩ tri quyền[15] cần được biết rõ, cụ tri quyền[16] cần được biết rõ.

Dục giới cần được biết rõ, sắc giới cần được biết rõ, vô sắc giới cần được

[14] Vị tri quyền (*anaññātaññassāmītindriya*): Khả năng về "Tôi sẽ biết điều chưa được biết", tức là trí tuệ đưa đến việc thấy được Niết-bàn lần đầu tiên của đạo Nhập lưu. (ND)

[15] Dĩ tri quyền (*aññindriya*): Khả năng về điều đã được biết, tức là trí tuệ biết được Niết-bàn các lần sau từ quả Nhập lưu cho đến đạo A-la-hán. (ND)

[16] Cụ tri quyền (*aññātāvindriya*): Khả năng có điều đã được biết, tức là trí tuệ giác ngộ hoàn toàn của quả A-la-hán. (ND)

biết rõ, dục hữu..., sắc hữu..., vô sắc hữu..., tưởng hữu..., phi tưởng hữu..., phi tưởng phi phi tưởng hữu..., nhất uẩn hữu cần được biết rõ, tứ uẩn hữu cần được biết rõ, ngũ uẩn hữu cần được biết rõ.

Sơ thiền cần được biết rõ, Nhị thiền cần được biết rõ, Tam thiền cần được biết rõ, Tứ thiền cần được biết rõ. Từ tâm giải thoát cần được biết rõ, Bi tâm giải thoát cần được biết rõ, Hỷ tâm giải thoát cần được biết rõ, Xả tâm giải thoát cần được biết rõ. Sự chứng đạt Không vô biên xứ cần được biết rõ, sự chứng đạt Thức vô biên xứ cần được biết rõ, sự chứng đạt Vô sở hữu xứ cần được biết rõ, sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ cần được biết rõ.

Vô minh cần được biết rõ, các hành cần được biết rõ, thức cần được biết rõ, danh sắc cần được biết rõ, sáu xứ cần được biết rõ, xúc cần được biết rõ, thọ cần được biết rõ, ái cần được biết rõ, thủ cần được biết rõ, hữu cần được biết rõ, sanh cần được biết rõ, lão tử cần được biết rõ.

Khổ cần được biết rõ, nhân sanh khổ cần được biết rõ, sự diệt tận khổ cần được biết rõ, pháp hành đưa đến sự diệt tận khổ cần được biết rõ.

Sắc cần được biết rõ, nhân sanh sắc cần được biết rõ, sự diệt tận sắc cần được biết rõ, pháp hành đưa đến sự diệt tận sắc cần được biết rõ.

Thọ cần được biết rõ... (nt). Tưởng cần được biết rõ... (nt). Các hành cần được biết rõ... (nt). Thức cần được biết rõ... (nt).

Nhãn cần được biết rõ... (nt). Lão tử cần được biết rõ, nhân sanh lão tử cần được biết rõ, sự diệt tận lão tử cần được biết rõ, pháp hành đưa đến sự diệt tận lão tử cần được biết rõ.

Ý nghĩa của sự biết toàn diện về khổ cần được biết rõ, ý nghĩa của sự dứt bỏ nhân sanh khổ cần được biết rõ, ý nghĩa của sự tác chứng về sự diệt tận khổ cần được biết rõ, ý nghĩa của sự tu tập pháp hành đưa đến sự diệt tận khổ cần được biết rõ.

Ý nghĩa của sự biết toàn diện về sắc cần được biết rõ, ý nghĩa của sự dứt bỏ nhân sanh sắc cần được biết rõ, ý nghĩa của sự tác chứng về sự diệt tận sắc cần được biết rõ, ý nghĩa của sự tu tập pháp hành đưa đến sự diệt tận sắc cần được biết rõ.

Ý nghĩa của sự biết toàn diện về thọ... về tưởng... về các hành... về thức... về mắt... về lão tử cần được biết rõ, ý nghĩa của sự dứt bỏ nhân sanh lão tử cần được biết rõ, ý nghĩa của sự tác chứng về sự diệt tận lão tử cần được biết rõ, ý nghĩa của sự tu tập pháp hành đưa đến sự diệt tận lão tử cần được biết rõ.

Ý nghĩa của sự thấu triệt do biết toàn diện về khổ cần được biết rõ, ý nghĩa của sự thấu triệt do dứt bỏ nhân sanh khổ..., ý nghĩa của sự thấu triệt do tác chứng về sự diệt tận khổ..., ý nghĩa của sự thấu triệt do tu tập pháp hành đưa đến sự diệt tận khổ cần được biết rõ.

Ý nghĩa của sự thấu triệt do biết toàn diện về sắc cần được biết rõ, ý nghĩa của sự thấu triệt do dứt bỏ nhân sanh sắc..., ý nghĩa của sự thấu triệt do tác

chứng về sự diệt tận sắc..., ý nghĩa của sự thấu triệt do tu tập pháp hành đưa đến sự diệt tận sắc cần được biết rõ.

Ý nghĩa của sự thấu triệt do biết toàn diện về thọ... về tưởng... về các hành... về thức... về mắt... về lão tử cần được biết rõ, ý nghĩa của sự thấu triệt do dứt bỏ nhân sanh lão tử cần được biết rõ, ý nghĩa của sự thấu triệt do tác chứng về sự diệt tận lão tử cần được biết rõ, ý nghĩa của sự thấu triệt do tu tập pháp hành đưa đến sự diệt tận lão tử cần được biết rõ.

Khổ cần được biết rõ, nhân sanh khổ cần được biết rõ, sự diệt tận khổ cần được biết rõ, sự diệt tận nhân sanh khổ cần được biết rõ, sự diệt tận ước muốn và tham ái đối với khổ cần được biết rõ, sự khoái lạc đối với khổ cần được biết rõ, sự tai hại của khổ cần được biết rõ, sự xuất ly đối với khổ cần được biết rõ.

Sắc cần được biết rõ, nhân sanh sắc cần được biết rõ, sự diệt tận sắc cần được biết rõ, sự diệt tận nhân sanh sắc cần được biết rõ, sự diệt tận ước muốn và tham ái đối với sắc cần được biết rõ, sự khoái lạc đối với sắc cần được biết rõ, sự tai hại của sắc cần được biết rõ, sự xuất ly đối với sắc cần được biết rõ.

Thọ cần được biết rõ,... (nt). Tưởng cần được biết rõ,... (nt). Các hành cần được biết rõ,... (nt). Thức cần được biết rõ,... (nt). Mắt cần được biết rõ,... (nt). Lão tử cần được biết rõ, nhân sanh lão tử cần được biết rõ, sự diệt tận lão tử cần được biết rõ, sự diệt tận nhân sanh lão tử cần được biết rõ, sự diệt tận ước muốn và tham ái đối với lão tử cần được biết rõ, sự khoái lạc đối với lão tử cần được biết rõ, sự tai hại của lão tử cần được biết rõ, sự xuất ly đối với lão tử cần được biết rõ.

Khổ cần được biết rõ, nhân sanh khổ cần được biết rõ, sự diệt tận khổ cần được biết rõ, pháp hành đưa đến sự diệt tận khổ cần được biết rõ, sự khoái lạc đối với khổ cần được biết rõ, sự tai hại của khổ cần được biết rõ, sự xuất ly đối với khổ cần được biết rõ.

Sắc cần được biết rõ, nhân sanh sắc cần được biết rõ, sự diệt tận sắc cần được biết rõ, pháp hành đưa đến sự diệt tận sắc cần được biết rõ, sự khoái lạc đối với sắc cần được biết rõ, sự tai hại của sắc cần được biết rõ, sự xuất ly đối với sắc cần được biết rõ.

Thọ cần được biết rõ,... (nt). Tưởng cần được biết rõ,... (nt). Các hành cần được biết rõ,... (nt). Thức cần được biết rõ,... (nt). Mắt cần được biết rõ,... (nt). Lão tử cần được biết rõ, nhân sanh lão tử cần được biết rõ, sự diệt tận lão tử cần được biết rõ, pháp hành đưa đến sự diệt tận lão tử cần được biết rõ, sự khoái lạc đối với lão tử cần được biết rõ, sự tai hại của lão tử cần được biết rõ, sự xuất ly đối với lão tử cần được biết rõ.

Quán xét về vô thường cần được biết rõ, quán xét về khổ não cần được biết rõ, quán xét về vô ngã cần được biết rõ, quán xét về nhàm chán cần được biết rõ, quán xét về ly tham ái cần được biết rõ, quán xét về diệt tận cần được biết rõ, quán xét về từ bỏ cần được biết rõ.

Quán xét về vô thường ở sắc cần được biết rõ, quán xét về khổ não ở sắc

cần được biết rõ, quán xét về vô ngã ở sắc cần được biết rõ, quán xét về nhàm chán ở sắc cần được biết rõ, quán xét về ly tham ái ở sắc cần được biết rõ, quán xét về diệt tận ở sắc cần được biết rõ, quán xét về từ bỏ ở sắc cần được biết rõ.

Quán xét về vô thường ở thọ... (nt)... ở tưởng... (nt)... ở các hành... (nt)... ở thức... (nt)... ở mắt... (nt)... ở lão tử cần được biết rõ, quán xét về khổ não ở lão tử cần được biết rõ, quán xét về vô ngã ở lão tử cần được biết rõ, quán xét về nhàm chán ở lão tử cần được biết rõ, quán xét về ly tham ái ở lão tử cần được biết rõ, quán xét về diệt tận ở lão tử cần được biết rõ, quán xét về từ bỏ ở lão tử cần được biết rõ.

Sự tái sanh cần được biết rõ, sự vận hành cần được biết rõ, hiện tướng cần được biết rõ, [nghiệp] tích lũy cần được biết rõ, mầm tái sanh cần được biết rõ, cảnh giới tái sanh cần được biết rõ, sự tái tạo cần được biết rõ, sự sanh lên cần được biết rõ, sự sanh [ra] cần được biết rõ, sự già cần được biết rõ, sự bệnh cần được biết rõ, sự chết cần được biết rõ, sự sầu muộn cần được biết rõ, sự than vãn cần được biết rõ, sự thất vọng cần được biết rõ.

Sự không tái sanh cần được biết rõ, sự không vận hành cần được biết rõ, không hiện tướng..., không [nghiệp] tích lũy..., không mầm tái sanh..., không cảnh giới tái sanh..., sự không tái tạo..., sự không sanh lên..., sự không sanh [ra]..., sự không già..., sự không bệnh..., sự không chết..., sự không sầu muộn..., sự không than vãn cần được biết rõ, sự không thất vọng cần được biết rõ.

Sự tái sanh cần được biết rõ, sự không tái sanh cần được biết rõ, sự vận hành..., sự không vận hành..., hiện tướng..., không hiện tướng..., [nghiệp] tích lũy..., không [nghiệp] tích lũy..., mầm tái sanh..., không mầm tái sanh..., cảnh giới tái sanh..., không cảnh giới tái sanh..., sự tái tạo..., sự không tái tạo..., sự sanh lên..., sự không sanh lên..., sự sanh [ra]..., sự không sanh [ra]..., sự già..., sự không già..., sự bệnh..., sự không bệnh..., sự chết..., sự không chết..., sự sầu muộn..., sự không sầu muộn..., sự than vãn..., sự không than vãn..., sự thất vọng cần được biết rõ, sự không thất vọng cần được biết rõ.

"Sự tái sanh là khổ" cần được biết rõ, "sự vận hành là khổ" cần được biết rõ, "hiện tướng là khổ"..., "[nghiệp] tích lũy là khổ"..., "mầm tái sanh là khổ"..., "cảnh giới tái sanh là khổ"..., "sự tái tạo là khổ"..., "sự sanh lên là khổ"..., "sự sanh [ra] là khổ"..., "sự già là khổ"..., "sự bệnh là khổ"..., "sự chết là khổ"..., "sự sầu muộn là khổ"..., "sự than vãn là khổ" cần được biết rõ, "sự thất vọng là khổ" cần được biết rõ.

"Sự không tái sanh là lạc" cần được biết rõ, "sự không vận hành là lạc" cần được biết rõ, "không hiện tướng là lạc"..., "không [nghiệp] tích lũy là lạc"..., "không mầm tái sanh là lạc"..., "không cảnh giới tái sanh là lạc"..., "sự không tái tạo là lạc"..., "sự không sanh lên là lạc"..., "sự không sanh [ra] là lạc"..., "sự không già là lạc"..., "sự không bệnh là lạc"..., "sự không chết là lạc"..., "sự không sầu muộn là lạc"..., "sự không than vãn là lạc" cần được biết rõ, "sự không thất vọng là lạc" cần được biết rõ.

"Sự tái sanh là khổ, sự không tái sanh là lạc" cần được biết rõ, "sự vận hành là khổ, sự không vận hành là lạc" cần được biết rõ, "hiện tướng là khổ, không hiện tướng là lạc" cần được biết rõ, "[nghiệp] tích lũy là khổ, không [nghiệp] tích lũy là lạc" cần được biết rõ, "mầm tái sanh là khổ, không mầm tái sanh là lạc" cần được biết rõ, "cảnh giới tái sanh là khổ, không cảnh giới tái sanh là lạc" cần được biết rõ, "sự tái tạo là khổ, sự không tái tạo là lạc" cần được biết rõ, "sự sanh lên là khổ, sự không sanh lên là lạc" cần được biết rõ, "sự sanh [ra] là khổ, sự không sanh [ra] là lạc" cần được biết rõ, "sự già là khổ, sự không già là lạc" cần được biết rõ, "sự bệnh là khổ, sự không bệnh là lạc" cần được biết rõ, "sự chết là khổ, sự không chết là lạc" cần được biết rõ, "sự sầu muộn là khổ, sự không sầu muộn là lạc" cần được biết rõ, "sự than vãn là khổ, sự không than vãn là lạc" cần được biết rõ, "sự thất vọng là khổ, sự không thất vọng là lạc" cần được biết rõ.

"Sự tái sanh là kinh hãi" cần được biết rõ, "sự vận hành là kinh hãi" cần được biết rõ, "hiện tướng là kinh hãi"..., "[nghiệp] tích lũy là kinh hãi"..., "mầm tái sanh là kinh hãi"..., "cảnh giới tái sanh là kinh hãi"..., "sự tái tạo là kinh hãi"..., "sự sanh lên là kinh hãi"..., "sự sanh [ra] là kinh hãi"..., "sự già là kinh hãi"..., "sự bệnh là kinh hãi"..., "sự chết là kinh hãi"..., "sự sầu muộn là kinh hãi"..., "sự than vãn là kinh hãi" cần được biết rõ, "sự thất vọng là kinh hãi" cần được biết rõ.

"Sự không tái sanh là an ổn" cần được biết rõ, "sự không vận hành là an ổn"..., "không hiện tướng là an ổn"..., "không [nghiệp] tích lũy là an ổn"..., "không mầm tái sanh là an ổn"..., "không cảnh giới tái sanh là an ổn"..., "sự không tái tạo là an ổn"..., "sự không sanh lên là an ổn"..., "sự không sanh [ra] là an ổn"..., "sự không già là an ổn"..., "sự không bệnh là an ổn"..., "sự không chết là an ổn"..., "sự không sầu muộn là an ổn"..., "sự không than vãn là an ổn" cần được biết rõ, "sự không thất vọng là an ổn" cần được biết rõ.

"Sự tái sanh là kinh hãi, sự không tái sanh là an ổn" cần được biết rõ, "sự vận hành là kinh hãi, sự không vận hành là an ổn" cần được biết rõ, "hiện tướng là kinh hãi, không hiện tướng là an ổn" cần được biết rõ, "[nghiệp] tích lũy là kinh hãi, không [nghiệp] tích lũy là an ổn" cần được biết rõ, "mầm tái sanh là kinh hãi, không mầm tái sanh là an ổn" cần được biết rõ, "cảnh giới tái sanh là kinh hãi, không cảnh giới tái sanh là an ổn" cần được biết rõ, "sự tái tạo là kinh hãi, sự không tái tạo là an ổn" cần được biết rõ, "sự sanh lên là kinh hãi, sự không sanh lên là an ổn" cần được biết rõ, "sự sanh [ra] là kinh hãi, sự không sanh [ra] là an ổn" cần được biết rõ, "sự già là kinh hãi, sự không già là an ổn" cần được biết rõ, "sự bệnh là kinh hãi, sự không bệnh là an ổn" cần được biết rõ, "sự chết là kinh hãi, sự không chết là an ổn" cần được biết rõ, "sự sầu muộn là kinh hãi, sự không sầu muộn là an ổn" cần được biết rõ, "sự than vãn là kinh hãi, sự không than vãn là an ổn" cần được biết rõ, "sự thất vọng là kinh hãi, sự không thất vọng là an ổn" cần được biết rõ.

"Sự tái sanh là hệ lụy vật chất" cần được biết rõ, "sự vận hành là hệ lụy vật chất"..., "hiện tướng là..."..., "[nghiệp] tích lũy là..."..., "mầm tái sanh là..."..., "cảnh giới tái sanh là..."..., "sự tái tạo là..."..., "sự sanh lên là..."..., "sự sanh [ra] là..."..., "sự già là..."..., "sự bệnh là..."..., "sự chết là..."..., "sự sầu muộn là..."..., "sự than vãn là..." cần được biết rõ, "sự thất vọng là hệ lụy vật chất" cần được biết rõ.

"Sự không tái sanh là không hệ lụy vật chất" cần được biết rõ, "sự không vận hành là không hệ lụy vật chất"..., "không hiện tướng là không..."..., "không [nghiệp] tích lũy là không..."..., "không mầm tái sanh là không..."..., "không cảnh giới tái sanh là không..."..., "sự không tái tạo là không..."..., "sự không sanh lên là không..."..., "sự không sanh [ra] là không..."..., "sự không già là không..."..., "sự không bệnh là không..."..., "sự không chết là không..."..., "sự không sầu muộn là không..."..., "sự không than vãn là không..."..., "sự không thất vọng là không hệ lụy vật chất" cần được biết rõ.

"Sự tái sanh là hệ lụy vật chất, sự không tái sanh là không hệ lụy vật chất" cần được biết rõ, "sự vận hành là..., sự không vận hành là không..."..., "hiện tướng là..., không hiện tướng là không..."..., "[nghiệp] tích lũy là..., không [nghiệp] tích lũy là không..."..., "mầm tái sanh là..., không mầm tái sanh là không..."..., "cảnh giới tái sanh là..., không cảnh giới tái sanh là không..."..., "sự tái tạo là..., sự không tái tạo là không..."..., "sự sanh lên là..., sự không sanh lên là không..."..., "sự sanh [ra] là..., sự không sanh [ra] là không..."..., "sự già là..., sự không già là không..."..., "sự bệnh là..., sự không bệnh là không..."..., "sự chết là..., sự không chết là không..."..., "sự sầu muộn là..., sự không sầu muộn là không..."..., "sự than vãn là..., sự không than vãn là không..."..., "sự thất vọng là hệ lụy vật chất, sự không thất vọng là không hệ lụy vật chất" cần được biết rõ.

"Sự tái sanh là pháp hữu vi" cần được biết rõ, "sự vận hành là pháp hữu vi" cần được biết rõ, "hiện tướng là pháp hữu vi"..., "[nghiệp] tích lũy là pháp hữu vi"..., "mầm tái sanh là pháp hữu vi"..., "cảnh giới tái sanh là pháp hữu vi"..., "sự tái tạo là pháp hữu vi"..., "sự sanh lên là pháp hữu vi"..., "sự sanh [ra] là pháp hữu vi"..., "sự già là pháp hữu vi"..., "sự bệnh là pháp hữu vi"..., "sự chết là pháp hữu vi"..., "sự sầu muộn là pháp hữu vi"..., "sự than vãn là pháp hữu vi" cần được biết rõ, "sự thất vọng là pháp hữu vi" cần được biết rõ.

"Sự không tái sanh là Niết-bàn" cần được biết rõ, "sự không vận hành là Niết-bàn" cần được biết rõ, "không hiện tướng là Niết-bàn"..., "không [nghiệp] tích lũy là Niết-bàn"..., "không mầm tái sanh là Niết-bàn"..., "không cảnh giới tái sanh là Niết-bàn"..., "sự không tái tạo là Niết-bàn"..., "sự không sanh lên là Niết-bàn"..., "sự không sanh [ra] là Niết-bàn"..., "sự không già là Niết-bàn"..., "sự không bệnh là Niết-bàn"..., "sự không chết là Niết-bàn"..., "sự không sầu muộn là Niết-bàn" cần được biết rõ, "sự không than vãn là Niết-bàn" cần được biết rõ, "sự không thất vọng là Niết-bàn" cần được biết rõ.

"Sự tái sanh là pháp hữu vi, sự không tái sanh là Niết-bàn" cần được biết rõ,

"sự vận hành là pháp hữu vi, sự không vận hành là Niết-bàn" cần được biết rõ, "hiện tướng là pháp hữu vi, không hiện tướng là Niết-bàn"..., "[nghiệp] tích lũy là pháp hữu vi, không [nghiệp] tích lũy là Niết-bàn"..., "mầm tái sanh là pháp hữu vi, không mầm tái sanh là Niết-bàn"..., "cảnh giới tái sanh là pháp hữu vi, không cảnh giới tái sanh là Niết-bàn"..., "sự tái tạo là pháp hữu vi, sự không tái tạo là Niết-bàn"..., "sự sanh lên là pháp hữu vi, sự không sanh lên là Niết-bàn"..., "sự sanh [ra] là pháp hữu vi, sự không sanh [ra] là Niết-bàn"..., "sự già là pháp hữu vi, sự không già là Niết-bàn"..., "sự bệnh là pháp hữu vi, sự không bệnh là Niết-bàn"..., "sự chết là pháp hữu vi, sự không chết là Niết-bàn"..., "sự sầu muộn là pháp hữu vi, sự không sầu muộn là Niết-bàn"..., "sự than vãn là pháp hữu vi, sự không than vãn là Niết-bàn" cần được biết rõ, "sự thất vọng là pháp hữu vi, sự không thất vọng là Niết-bàn" cần được biết rõ.

Dứt tụng phẩm thứ nhất.

Ý nghĩa của sự gìn giữ cần được biết rõ, ý nghĩa của sự phụ trợ cần được biết rõ, ý nghĩa của sự hoàn bị..., ý nghĩa của sự chuyên nhất..., ý nghĩa của sự không tản mạn..., ý nghĩa của sự ra sức..., ý nghĩa của sự không tán loạn..., ý nghĩa của sự không xao động..., ý nghĩa của sự không loạn động..., ý nghĩa của sự trụ tâm do tác động của việc thiết lập tính nhất thể..., ý nghĩa của [cảnh] đối tượng..., ý nghĩa của hành xứ..., ý nghĩa của sự dứt bỏ..., ý nghĩa của sự buông bỏ..., ý nghĩa của sự thoát ra..., ý nghĩa của sự quay lại..., ý nghĩa của tịnh..., ý nghĩa của sự cao quý.., ý nghĩa của giải thoát..., ý nghĩa của vô lậu..., ý nghĩa của sự vượt qua..., ý nghĩa của vô tướng ..., ý nghĩa của vô nguyện..., ý nghĩa của không tánh..., ý nghĩa của nhất vị..., ý nghĩa của sự không vượt trội[17] ..., ý nghĩa của sự kết hợp chung..., ý nghĩa của sự dẫn xuất [ra khỏi luân hồi]..., ý nghĩa của chủng tử..., ý nghĩa của sự nhận thức cần được biết rõ, ý nghĩa của pháp chủ đạo cần được biết rõ.

Ý nghĩa không tản mạn của chỉ tịnh cần được biết rõ, ý nghĩa quán xét của minh sát..., ý nghĩa nhất vị của chỉ tịnh và minh sát..., ý nghĩa không vượt trội của sự kết hợp chung cần được biết rõ.

Ý nghĩa thọ trì của việc học tập cần được biết rõ, ý nghĩa hành xứ của [việc duy trì] đối tượng cần được biết rõ, ý nghĩa ra sức đối với tâm bị trì trệ..., ý nghĩa kiềm chế đối với tâm bị vọng động..., ý nghĩa dửng dưng [có trạng thái xả] đối với hai trạng thái [trì trệ và vọng động] đã được thanh tịnh..., ý nghĩa của sự đắc chứng thù thắng do sự tu tập..., ý nghĩa của sự thấu triệt bậc trên..., ý nghĩa của sự lãnh hội chân lý..., ý nghĩa của sự an lập Niết-bàn cần được biết rõ.

Ý nghĩa cương quyết của tín quyền cần được biết rõ, ý nghĩa ra sức của tấn quyền cần được biết rõ, ý nghĩa thiết lập của niệm quyền cần được biết rõ, ý nghĩa không tản mạn của định quyền cần được biết rõ, ý nghĩa nhận thức của tuệ quyền cần được biết rõ.

[17] Sự không vượt trội lẫn nhau giữa chỉ tịnh và minh sát (*PsA*. I. 94).

Ý nghĩa về tính chất không dao động của tín lực ở sự không có đức tin cần được biết rõ, ý nghĩa về tính chất không dao động của tấn lực ở sự biếng nhác..., ý nghĩa về tính chất không dao động của niệm lực ở sự buông lung..., ý nghĩa về tính chất không dao động của định lực ở sự phóng dật..., ý nghĩa về tính chất không dao động của tuệ lực ở sự không sáng suốt cần được biết rõ.

Ý nghĩa thiết lập của niệm giác chi cần được biết rõ, ý nghĩa suy xét của trạch pháp giác chi..., ý nghĩa ra sức của cần giác chi..., ý nghĩa lan tỏa của hỷ giác chi..., ý nghĩa an tịnh của tịnh giác chi..., ý nghĩa không tản mạn của định giác chi..., ý nghĩa phân biệt rõ của xả giác chi cần được biết rõ.

Ý nghĩa nhận thức của chánh kiến cần được biết rõ, ý nghĩa gắn chặt [tâm vào cảnh] của chánh tư duy..., ý nghĩa gìn giữ của chánh ngữ..., ý nghĩa nguồn sanh khởi của chánh nghiệp..., ý nghĩa trong sạch của chánh mạng..., ý nghĩa ra sức của chánh tinh tấn..., ý nghĩa thiết lập của chánh niệm..., ý nghĩa không tản mạn của chánh định cần được biết rõ.

Ý nghĩa chủ đạo của các quyền cần được biết rõ, ý nghĩa về tính chất không dao động của các lực..., ý nghĩa dẫn xuất [ra khỏi luân hồi] của các giác chi..., ý nghĩa chủng tử của đạo..., ý nghĩa thiết lập của các sự thiết lập niệm..., ý nghĩa ra sức của các chánh cần..., ý nghĩa thành tựu của các nền tảng của thần thông..., ý nghĩa thực thể của các chân lý..., ý nghĩa tịnh lặng của các việc thực hành [Thánh đạo]..., ý nghĩa tác chứng của các quả cần được biết rõ.

Ý nghĩa đưa tâm [đến cảnh] của tầm cần được biết rõ, ý nghĩa khắn khít [vào cảnh] của tứ cần được biết rõ, ý nghĩa lan tỏa của hỷ cần được biết rõ, ý nghĩa tràn ngập của lạc cần được biết rõ, ý nghĩa chuyên nhất của tâm [định] cần được biết rõ.

Ý nghĩa của sự hướng tâm cần được biết rõ, ý nghĩa của sự nhận biết [của thức] cần được biết rõ, ý nghĩa của sự nhận biết [của tuệ] cần được biết rõ, ý nghĩa của sự nhận biết [của tưởng] cần được biết rõ, [ý nghĩa của nhất cảnh cần được biết rõ] ý nghĩa của sự độc nhất cần được biết rõ, ý nghĩa đã được biết của sự biết rõ cần được biết rõ, ý nghĩa quyết đoán của sự biết toàn diện cần được biết rõ, ý nghĩa buông bỏ của sự dứt bỏ cần được biết rõ, ý nghĩa nhất vị của sự tu tập cần được biết rõ, ý nghĩa chạm đến của sự tác chứng cần được biết rõ, ý nghĩa tập hợp của các uẩn cần được biết rõ, ý nghĩa bản thể của các giới cần được biết rõ, ý nghĩa vị thế của các xứ cần được biết rõ, ý nghĩa tạo tác của các pháp hữu vi cần được biết rõ, ý nghĩa không tạo tác của Niết-bàn cần được biết rõ.

Ý nghĩa của tâm cần được biết rõ, ý nghĩa không gián đoạn của tâm cần được biết rõ, ý nghĩa thoát ra của tâm..., ý nghĩa ly khai của tâm..., ý nghĩa chủng tử của tâm..., ý nghĩa về duyên của tâm..., ý nghĩa vật nương của tâm..., ý nghĩa lãnh vực của tâm..., ý nghĩa cảnh [đối tượng] của tâm..., ý nghĩa hành xứ của tâm..., ý nghĩa hành vi của tâm..., ý nghĩa [cảnh] đã đạt đến của tâm...,

ý nghĩa quả quyết của tâm..., ý nghĩa dẫn xuất [ra khỏi cảnh] của tâm cần được biết rõ, ý nghĩa xuất ly của tâm cần được biết rõ.

Ý nghĩa hướng tâm ở nhất thể cần được biết rõ, ý nghĩa nhận biết [của thức] ở nhất thể cần được biết rõ, ý nghĩa nhận biết [của tuệ] ở nhất thể..., ý nghĩa nhận biết [của tưởng] ở nhất thể..., ý nghĩa độc nhất ở nhất thể..., ý nghĩa bám vào nhất thể..., ý nghĩa tiến vào nhất thể [đối với sơ thiền]..., ý nghĩa hoan hỷ ở nhất thể [đối với nhị thiền]..., ý nghĩa an trụ ở nhất thể [đối với tam thiền]..., ý nghĩa giải thoát ở nhất thể [đối với tứ thiền]..., ý nghĩa của sự nhận thức "Đây là tịnh" ở nhất thể..., ý nghĩa đã tạo thành phương tiện ở nhất thể..., ý nghĩa đã tạo thành nền tảng ở nhất thể..., ý nghĩa đã hiện hữu ở nhất thể.., ý nghĩa đã được tích lũy ở nhất thể..., ý nghĩa đã được khởi sự vô cùng thanh tịnh ở nhất thể..., ý nghĩa gìn giữ ở nhất thể..., ý nghĩa phụ trợ ở nhất thể..., ý nghĩa hoàn bị ở nhất thể..., ý nghĩa liên kết ở nhất thể..., ý nghĩa khẳng định ở nhất thể..., ý nghĩa rèn luyện ở nhất thể..., ý nghĩa tu tập ở nhất thể..., ý nghĩa làm cho sung mãn ở nhất thể..., ý nghĩa của sự khéo được hiện khởi ở nhất thể..., ý nghĩa của sự khéo được giải thoát ở nhất thể..., ý nghĩa của sự tỉnh ngộ [Sơ đạo] ở nhất thể..., ý nghĩa của sự tỉnh ngộ [Nhị đạo] ở nhất thể..., ý nghĩa của sự tỉnh ngộ [Tam đạo] ở nhất thể..., ý nghĩa của sự tỉnh ngộ [A-la-hán đạo][18] ở nhất thể..., ý nghĩa của sự giác ngộ [Sơ đạo] ở nhất thể..., ý nghĩa của sự giác ngộ [Nhị đạo] ở nhất thể..., ý nghĩa của sự giác ngộ [Tam đạo] ở nhất thể..., ý nghĩa của sự giác ngộ [A-la-hán đạo][19] ở nhất thể..., ý nghĩa của sự dự phần giác ngộ [Sơ đạo] ở nhất thể..., ý nghĩa của sự dự phần giác ngộ [Nhị đạo] ở nhất thể..., ý nghĩa của sự dự phần giác ngộ [Tam đạo] ở nhất thể..., ý nghĩa của sự dự phần giác ngộ [A-la-hán đạo][20] ở nhất thể..., ý nghĩa của sự phát quang [Sơ đạo] ở nhất thể..., ý nghĩa của sự phát quang [Nhị đạo] ở nhất thể..., ý nghĩa của sự phát quang [Tam đạo] ở nhất thể cần được biết rõ, ý nghĩa của sự phát quang [A-la-hán đạo][21] ở nhất thể cần được biết rõ.

Ý nghĩa làm sáng tỏ cần được biết rõ, ý nghĩa chói sáng cần được biết rõ, ý nghĩa thiêu đốt các phiền não..., ý nghĩa không nhơ bẩn..., ý nghĩa tách rời nhơ bẩn..., ý nghĩa hết nhơ bẩn..., ý nghĩa tĩnh lặng..., ý nghĩa của thời điểm..., ý nghĩa tách ly..., ý nghĩa của hành vi tách ly..., ý nghĩa ly dục..., ý nghĩa của hành vi ly dục..., ý nghĩa diệt tận..., ý nghĩa của hành vi diệt tận..., ý nghĩa xả ly..., ý nghĩa của hành vi xả ly..., ý nghĩa giải thoát cần được biết rõ, ý nghĩa của hành vi giải thoát cần được biết rõ.

---

[18] *Bujjhana, anubujjhana, paṭibujjhana, sambujjhana* là 4 từ *Pāḷi* được dịch chung bằng 1 từ Việt là "tỉnh ngộ". (ND)

[19] *Bodhana, anubodhana, paṭibodhana, sambodhana* là 4 từ *Pāḷi* được dịch chung bằng 1 từ Việt là "giác ngộ". (ND)

[20] *Bodhipakkhiya, anubodhipakkhiya, paṭibodhipakkhiya, sambodhipakkhiya* là 4 từ *Pāḷi* được dịch chung 1 từ Việt là "dự phần giác ngộ". (ND)

[21] *Jotana, anujotana, paṭijotana, saṃjotana* là 4 từ *Pāḷi* có nghĩa là "phát quang". (ND)

Ý nghĩa của ước muốn[22] cần được biết rõ, ý nghĩa nguồn cội của ước muốn cần được biết rõ, ý nghĩa cơ sở của ước muốn..., ý nghĩa nỗ lực của ước muốn..., ý nghĩa thành tựu của ước muốn..., ý nghĩa cương quyết của ước muốn..., ý nghĩa ra sức của ước muốn..., ý nghĩa thiết lập của ước muốn..., ý nghĩa không tản mạn của ước muốn..., ý nghĩa nhận thức của ước muốn cần được biết rõ.

Ý nghĩa của tinh tấn cần được biết rõ, ý nghĩa nguồn cội của tinh tấn..., ý nghĩa cơ sở của tinh tấn..., ý nghĩa nỗ lực của tinh tấn..., ý nghĩa thành tựu của tinh tấn..., ý nghĩa cương quyết của tinh tấn..., ý nghĩa ra sức của tinh tấn..., ý nghĩa thiết lập của tinh tấn..., ý nghĩa không tản mạn của tinh tấn cần được biết rõ, ý nghĩa nhận thức của tinh tấn cần được biết rõ.

Ý nghĩa của tâm cần được biết rõ, ý nghĩa nguồn cội của tâm cần được biết rõ, ý nghĩa cơ sở của tâm..., ý nghĩa nỗ lực của tâm..., ý nghĩa thành tựu của tâm..., ý nghĩa cương quyết của tâm..., ý nghĩa ra sức của tâm..., ý nghĩa thiết lập của tâm cần được biết rõ, ý nghĩa không tản mạn của tâm cần được biết rõ, ý nghĩa nhận thức của tâm cần được biết rõ.

Ý nghĩa của thẩm định cần được biết rõ, ý nghĩa nguồn cội của thẩm định cần được biết rõ, ý nghĩa cơ sở của thẩm định cần được biết rõ, ý nghĩa nỗ lực của thẩm định cần được biết rõ, ý nghĩa thành tựu của thẩm định cần được biết rõ, ý nghĩa cương quyết của thẩm định cần được biết rõ, ý nghĩa ra sức của thẩm định cần được biết rõ, ý nghĩa thiết lập của thẩm định cần được biết rõ, ý nghĩa không tản mạn của thẩm định cần được biết rõ, ý nghĩa nhận thức của thẩm định cần được biết rõ.

Ý nghĩa áp bức của khổ cần được biết rõ, ý nghĩa tạo tác của khổ cần được biết rõ, ý nghĩa nóng nảy của khổ cần được biết rõ, ý nghĩa chuyển biến của khổ cần được biết rõ.

Ý nghĩa tích lũy [nghiệp] của nhân sanh [khổ] cần được biết rõ, ý nghĩa căn nguyên của nhân sanh [khổ] cần được biết rõ, ý nghĩa ràng buộc của nhân sanh [khổ] cần được biết rõ, ý nghĩa vướng bận của nhân sanh [khổ] cần được biết rõ.

Ý nghĩa xuất ly của Niết-bàn cần được biết rõ, ý nghĩa viễn ly của Niết-bàn cần được biết rõ, ý nghĩa không tạo tác của Niết-bàn cần được biết rõ, ý nghĩa bất tử của Niết-bàn cần được biết rõ.

Ý nghĩa dẫn xuất của đạo cần được biết rõ, ý nghĩa chủng tử của đạo cần được biết rõ, ý nghĩa nhận thức của đạo cần được biết rõ, ý nghĩa pháp chủ đạo của đạo cần được biết rõ.

Ý nghĩa của thực thể cần được biết rõ, ý nghĩa của vô ngã..., ý nghĩa của chân lý..., ý nghĩa của thấu triệt..., ý nghĩa của biết rõ..., ý nghĩa của biết toàn diện..., ý nghĩa của hiện tượng..., ý nghĩa của bản thể..., ý nghĩa của điều đã được biết..., ý nghĩa của tác chứng..., ý nghĩa của chạm đến..., ý nghĩa của lãnh hội cần được biết rõ.

---

[22] *Chanda*: Sự ước muốn, động lực thúc đẩy, thuộc về tứ như ý túc: dục, cần, tâm, thẩm được trình bày kế tiếp. (ND)

Sự thoát ly cần được biết rõ, sự không sân độc cần được biết rõ, sự nghĩ tưởng đến ánh sáng cần được biết rõ, sự không tản mạn cần được biết rõ, sự xác định pháp cần được biết rõ, trí [đối kháng vô minh] cần được biết rõ, sự hân hoan cần được biết rõ.

Sơ thiền cần được biết rõ, Nhị thiền cần được biết rõ, Tam thiền cần được biết rõ, Tứ thiền cần được biết rõ, sự chứng đạt Không vô biên xứ cần được biết rõ, sự chứng đạt Thức vô biên xứ cần được biết rõ, sự chứng đạt Vô sở hữu xứ cần được biết rõ, sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ cần được biết rõ.

Quán xét về vô thường cần được biết rõ, quán xét về khổ não cần được biết rõ, quán xét về vô ngã cần được biết rõ, quán xét về nhàm chán..., quán xét về ly tham ái..., quán xét về diệt tận..., quán xét về từ bỏ..., quán xét về đoạn tận..., quán xét về biến hoại..., quán xét về chuyển biến..., quán xét về vô tướng..., quán xét về vô nguyện..., quán xét về không tánh..., minh sát các pháp bằng thắng tuệ..., sự biết và thấy đúng theo thực thể..., quán xét về tai hại..., quán xét về phân biệt rõ cần được biết rõ, quán xét về ly khai cần được biết rõ.

Đạo Nhập lưu cần được biết rõ, sự chứng đạt quả Nhập lưu cần được biết rõ; đạo Nhất lai cần được biết rõ, sự chứng đạt quả Nhất lai cần được biết rõ; đạo Bất lai cần được biết rõ, sự chứng đạt quả Bất lai cần được biết rõ; đạo A-la-hán cần được biết rõ, sự chứng đạt quả A-la-hán cần được biết rõ.

Tín quyền theo ý nghĩa cương quyết cần được biết rõ, tấn quyền theo ý nghĩa ra sức cần được biết rõ, niệm quyền theo ý nghĩa thiết lập cần được biết rõ, định quyền theo ý nghĩa không tản mạn cần được biết rõ, tuệ quyền theo ý nghĩa nhận thức cần được biết rõ.

Tín lực theo ý nghĩa không dao động ở sự không có đức tin cần được biết rõ, tấn lực theo ý nghĩa không dao động ở sự biếng nhác cần được biết rõ, niệm lực theo ý nghĩa không dao động ở sự buông lung cần được biết rõ, định lực theo ý nghĩa không dao động ở sự phóng dật cần được biết rõ, tuệ lực theo ý nghĩa không dao động ở sự không sáng suốt cần được biết rõ.

Niệm giác chi theo ý nghĩa thiết lập cần được biết rõ, trạch pháp giác chi theo ý nghĩa suy xét cần được biết rõ, cần giác chi theo ý nghĩa ra sức cần được biết rõ, hỷ giác chi theo ý nghĩa lan tỏa cần được biết rõ, tịnh giác chi theo ý nghĩa an tịnh cần được biết rõ, định giác chi theo ý nghĩa không tản mạn cần được biết rõ, xả giác chi theo ý nghĩa phân biệt rõ cần được biết rõ.

Chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức cần được biết rõ, chánh tư duy theo ý nghĩa gắn chặt [tâm vào cảnh] cần được biết rõ, chánh ngữ theo ý nghĩa gìn giữ..., chánh nghiệp theo ý nghĩa nguồn sanh khởi..., chánh mạng theo ý nghĩa trong sạch..., chánh tinh tấn theo ý nghĩa ra sức..., chánh niệm theo ý nghĩa thiết lập cần được biết rõ, chánh định theo ý nghĩa không tản mạn cần được biết rõ.

Các quyền theo ý nghĩa của pháp chủ đạo cần được biết rõ, các lực theo ý nghĩa không dao động..., các giác chi theo ý nghĩa dẫn xuất [ra khỏi luân hồi]...,

đạo theo ý nghĩa chủng tử..., các sự thiết lập niệm theo ý nghĩa thiết lập..., các chánh cần theo ý nghĩa nỗ lực..., các nền tảng của thần thông theo ý nghĩa thành tựu cần được biết rõ, chân lý theo ý nghĩa của thực thể cần được biết rõ.

Chỉ tịnh theo ý nghĩa không tản mạn cần được biết rõ, minh sát theo ý nghĩa quán xét..., chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa của nhất vị..., sự kết hợp chung theo ý nghĩa không vượt trội cần được biết rõ.

Giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc cần được biết rõ, tâm thanh tịnh theo ý nghĩa không tản mạn cần được biết rõ, kiến thanh tịnh theo ý nghĩa nhận thức..., giải thoát theo ý nghĩa được thoát khỏi..., minh theo ý nghĩa thấu triệt..., giải thoát theo ý nghĩa buông bỏ..., trí về sự đoạn tận theo ý nghĩa đoạn trừ cần được biết rõ, trí về sự vô sanh theo ý nghĩa tĩnh lặng cần được biết rõ.

Ước muốn theo ý nghĩa của nguồn cội cần được biết rõ, tác ý theo ý nghĩa của nguồn sanh khởi cần được biết rõ, xúc theo ý nghĩa liên kết cần được biết rõ, thọ theo ý nghĩa hội tụ cần được biết rõ, định theo ý nghĩa dẫn đầu cần được biết rõ, niệm theo ý nghĩa của pháp chủ đạo cần được biết rõ, tuệ theo ý nghĩa của sự cao thượng trong các pháp thiện cần được biết rõ, sự giải thoát theo ý nghĩa của cốt lõi cần được biết rõ, Niết-bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc cần được biết rõ.

Các pháp nào cần được biết rõ, các pháp ấy là đã được biết. Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Sự nhận định ở tai là 'Các pháp này cần được biết rõ', tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe."

Dứt phần giải thích về "Cần được biết rõ."

Dứt tụng phẩm thứ nhì.

(1)

Sự nhận định ở tai là "Các pháp này cần được biết toàn diện", tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe là [có ý nghĩa] thế nào?

Một pháp cần được biết toàn diện là: Xúc hữu lậu đưa đến thủ.

Hai pháp cần được biết toàn diện là: Danh và sắc.

Ba pháp cần được biết toàn diện là: Ba thọ.[23]

Bốn pháp cần được biết toàn diện là: Bốn loại vật thực.[24]

Năm pháp cần được biết toàn diện là: Năm thủ uẩn.[25]

[23] Ba thọ (*tisso vedanā*) là thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc (*PsA*. I. 109).

[24] Bốn loại vật thực (*cattāro āhārā*) được giải thích ở *PsA*. I. 109. Hòa thượng Thích Minh Châu dịch là "bốn thực: đoàn thực, xúc thực, tư niệm thực, thức thực." Xem *D*. 33, *Kinh Phúng tụng* (*Saṅgītisuttaṃ*). (ND)

[25] Năm thủ uẩn (*pañcupādānakkhandhā*) là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn (*PsA*. I. 110).

Sáu pháp cần được biết toàn diện là: Sáu nội xứ.[26]
Bảy pháp cần được biết toàn diện là: Bảy trụ xứ của thức.[27]
Tám pháp cần được biết toàn diện là: Tám pháp thế gian.[28]
Chín pháp cần được biết toàn diện là: Chín trú xứ của chúng sinh.[29]
Mười pháp cần được biết toàn diện là: Mười xứ.[30]

(2)

Này các Tỳ-khưu, tất cả cần được biết toàn diện. Và này các Tỳ-khưu, điều gì là tất cả cần được biết toàn diện?

Này các Tỳ-khưu, mắt cần được biết toàn diện, các sắc cần được biết toàn diện, nhãn thức..., nhãn xúc..., cảm thọ nào được sanh lên do duyên nhãn xúc dầu là lạc, hoặc là khổ, hoặc là không khổ không lạc; cảm thọ ấy cũng cần được biết toàn diện.

Tai cần được biết toàn diện, các thinh cần được biết toàn diện,... (nt)... Mũi cần được biết toàn diện, các khí cần được biết toàn diện... (nt)... Lưỡi cần được biết toàn diện, các vị cần được biết toàn diện... (nt)... Thân cần được biết toàn diện, các xúc cần được biết toàn diện... (nt)... Ý cần được biết toàn diện, các pháp cần được biết toàn diện, ý thức..., ý xúc..., cảm thọ nào được sanh lên do duyên ý xúc dầu là lạc, hoặc là khổ, hoặc là không khổ không lạc; cảm thọ ấy cũng cần được biết toàn diện.

Sắc cần được biết toàn diện, thọ..., tưởng..., các hành..., thức..., mắt..., lão tử... Niết-bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc cần được biết toàn diện... (nt)...

Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu những pháp nào, thì những pháp ấy là được thành tựu [cho vị ấy]. Như vậy, những pháp ấy chẳng những được biết toàn diện mà còn được hoàn thành.

Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự thoát ly, sự thoát ly là được thành tựu [cho vị ấy]. Như vậy, pháp ấy chẳng những được biết toàn diện mà còn được hoàn thành.

Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự không sân độc, sự không sân độc là được thành tựu [cho vị ấy]. Như vậy, pháp ấy chẳng những được biết toàn diện mà còn được hoàn thành.

---

[26] Sáu nội xứ (*cha ajjhattikāni āyatanāni*) là nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ và ý xứ (*PsA*. I. 110).

[27] Bảy trụ xứ của thức (*viññāṇaṭṭhitiyo*) được giải thích ở *PsA*. I. 110-13. Hòa thượng Thích Minh Châu dịch là "bảy thức trú." Xem *D*. 33, *Kinh Phúng tụng* (*Saṅgītisuttaṃ*). (ND)

[28] Tám pháp thế gian (*lokadhammā*) là lợi lộc, không lợi lộc, danh vọng, không danh vọng, khen, chê, sướng, khổ (*PsA*. I. 113).

[29] Chín trú xứ của chúng sinh (*sattāvāsā*) được giải thích ở *PsA*. I. 113-14. Hòa thượng Thích Minh Châu dịch là "chín hữu tình trú." Xem *D*. 34, *Kinh Thập thượng* (*Dasuttarasuttaṃ*). (ND)

[30] Mười xứ (*āyatanāni*) là nhãn xứ, sắc xứ, nhĩ xứ, thinh xứ, tỷ xứ, khí xứ, thiệt xứ, vị xứ, thân xứ, xúc xứ (*PsA*. I. 114).

Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự nghĩ tưởng về ánh sáng, sự nghĩ tưởng về ánh sáng là được thành tựu [cho vị ấy]. Như vậy, pháp ấy chẳng những được biết toàn diện mà còn được hoàn thành.

Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự không tản mạn, sự không tản mạn là được thành tựu... (nt)…

Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự xác định pháp, sự xác định pháp là được thành tựu... (nt)…

Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu trí, trí là được thành tựu... (nt)…

Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự hân hoan, sự hân hoan là được thành tựu... (nt)…

Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu Sơ thiền, Sơ thiền là được thành tựu [cho vị ấy]. Như vậy, pháp ấy chẳng những được biết toàn diện mà còn được hoàn thành.

Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu Nhị thiền,... Tam thiền,... Tứ thiền, Tứ thiền là được thành tựu... (nt)…

Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự chứng đạt Không vô biên xứ, sự chứng đạt Không vô biên xứ là được thành tựu... (nt)…

Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự chứng đạt Thức vô biên xứ, sự chứng đạt Thức vô biên xứ là được thành tựu... (nt)…

Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự chứng đạt Vô sở hữu xứ, sự chứng đạt Vô sở hữu xứ là được thành tựu... (nt)…

Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ, sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ là được thành tựu [cho vị ấy]. Như vậy, pháp ấy chẳng những được biết toàn diện mà còn được hoàn thành.

Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự quán xét về vô thường, sự quán xét về vô thường là được thành tựu [cho vị ấy]. Như vậy, pháp ấy... (nt)…

Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự quán xét về khổ não, quán xét về khổ não là được thành tựu... (nt)…

Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự quán xét về vô ngã, quán xét về vô ngã là được thành tựu... (nt)…

Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự quán xét về nhàm chán, sự quán xét về nhàm chán là được thành tựu [cho vị ấy]. Như vậy, pháp ấy chẳng những được biết toàn diện mà còn được hoàn thành.

Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự quán xét về ly tham ái, sự quán xét về ly tham ái là được thành tựu [cho vị ấy]. Như vậy, pháp ấy chẳng những được biết toàn diện mà còn được hoàn thành.

Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự quán xét về diệt tận, sự quán xét về diệt tận là được... (nt)...

Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự quán xét về từ bỏ, sự quán xét về từ bỏ là được thành tựu... (nt)...

Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự quán xét về đoạn tận, sự quán xét về đoạn tận là được... (nt)...

Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự quán xét về biến hoại, sự quán xét về biến hoại là được thành tựu... (nt)...

Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự quán xét về chuyển biến, sự quán xét về chuyển biến là được thành tựu... (nt)...

Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự quán xét về vô tướng, sự quán xét về vô tướng là được thành tựu [cho vị ấy]. Như vậy, pháp ấy chẳng những được biết toàn diện mà còn được hoàn thành.

Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự quán xét về vô nguyện, sự quán xét về vô nguyện là được thành tựu [cho vị ấy]. Như vậy, pháp ấy chẳng những được biết toàn diện mà còn được hoàn thành.

Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự quán xét về không tánh, sự quán xét về không tánh là được thành tựu [cho vị ấy]. Như vậy, pháp ấy chẳng những được biết toàn diện mà còn được hoàn thành.

Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự minh sát các pháp bằng thắng tuệ, sự minh sát các pháp bằng thắng tuệ là được thành tựu [cho vị ấy]. Như vậy, pháp ấy chẳng những được biết toàn diện mà còn được hoàn thành.

Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự biết và thấy đúng theo thực thể, sự biết và thấy đúng theo thực thể là được thành tựu... (nt)...

Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự quán xét về tai hại, sự quán xét về tai hại là được thành tựu... (nt)...

Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự quán xét về phân biệt rõ, sự quán xét về phân biệt rõ là được thành tựu [cho vị ấy]. Như vậy, pháp ấy chẳng những được biết toàn diện mà còn được hoàn thành.

Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự quán xét về ly khai, sự quán xét về ly khai là được thành tựu [cho vị ấy]. Như vậy, pháp ấy chẳng những được biết toàn diện mà còn được hoàn thành.

Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu đạo Nhập lưu, đạo Nhập lưu là được thành tựu [cho vị ấy]. Như vậy, pháp ấy chẳng những được biết toàn diện mà còn được hoàn thành.

Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu đạo Nhất lai, đạo Nhất lai là được thành tựu [cho vị ấy]. Như vậy, pháp ấy chẳng những được biết toàn diện mà còn được hoàn thành.

Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu đạo Bất lai, đạo Bất lai là được thành tựu [cho vị ấy]. Như vậy, pháp ấy chẳng những được biết toàn diện mà còn được hoàn thành.

Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu đạo A-la-hán, đạo A-la-hán là được thành tựu [cho vị ấy]. Như vậy, pháp ấy chẳng những được biết toàn diện mà còn được hoàn thành.

Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu những pháp nào, thì những pháp ấy là được thành tựu [cho vị ấy].

Như vậy, những pháp ấy chẳng những được biết toàn diện mà còn được hoàn thành. Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Sự nhận định ở tai là 'Các pháp này cần được biết toàn diện', tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe."

Dứt phần giải thích về "Cần được biết toàn diện."

(3)

Sự nhận định ở tai là "Các pháp này cần được dứt bỏ", tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe là [có ý nghĩa] thế nào?

Một pháp cần được dứt bỏ là: Ngã mạn.

Hai pháp cần được dứt bỏ là: Vô minh và hữu ái.

Ba pháp cần được dứt bỏ là: Ba ái.

Bốn pháp cần được dứt bỏ là: Bốn pháp cuốn trôi.[31]

Năm pháp cần được dứt bỏ là: Năm pháp ngăn che.[32]

Sáu pháp cần được dứt bỏ là: Sáu nhóm ái.[33]

Bảy pháp cần được dứt bỏ là: Bảy pháp ngủ ngầm.[34]

Tám pháp cần được dứt bỏ là: Tám tính chất sai trái.[35]

Chín pháp cần được dứt bỏ là: Chín pháp có nguồn cội là ái.[36]

Mười pháp cần được dứt bỏ là: Mười tính chất sai trái.[37]

---

[31] Bốn pháp cuốn trôi (*cattāro oghā*) là tứ bộc, gồm có dục bộc, hữu bộc, kiến bộc, vô minh bộc (*PsA*. I. 117).

[32] Năm pháp ngăn che (*pañca nīvaraṇāni*) là năm triền cái, gồm có: Tham dục, sân độc, hôn trầm, hoài nghi, phóng dật (*PsA*. I. 117-18).

[33] Sáu nhóm ái (*cha taṇhākāyā*) là sắc ái, thinh ái, khí ái, vị ái, xúc ái, pháp ái (*PsA*. I. 118).

[34] Bảy pháp ngủ ngầm (*sattānusayā*) là thất tiềm miên, gồm có ái dục ngủ ngầm, bất bình ngủ ngầm, ngã mạn ngủ ngầm, tà kiến ngủ ngầm, hoài nghi ngủ ngầm, ái hữu ngủ ngầm, vô minh ngủ ngầm (*PsA*. I. 118).

[35] Tám tính chất sai trái (*aṭṭha micchattā*) gồm có: Tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định (*PsA*. I. 118).

[36] Chín pháp có nguồn cội là ái (*nava taṇhā mūlakā*) được giải thích ở *PsA*. I. 118-20. Hòa thượng Thích Minh Châu dịch là "chín ái căn pháp." Xem *D*. 34, *Kinh Thập thượng* (*Dasuttarasuttaṃ*). (ND)

[37] Tám tính chất sai trái ở trên được thêm vào tà trí và tà giải thoát (*PsA*. I. 120).

Hai sự dứt bỏ: Sự dứt bỏ do đoạn trừ và sự dứt bỏ do tĩnh lặng. Sự dứt bỏ do đoạn trừ là đối với [hành giả] đang tu tập đạo đưa đến sự đoạn tận là [đạo] tối thượng ở đời, và sự dứt bỏ do tĩnh lặng là ở vào sát-na quả.

Ba sự dứt bỏ: Đối với các dục sự xuất ly này tức là sự thoát ly, đối với các sắc sự xuất ly này tức là trạng thái vô sắc, hơn thế nữa bất cứ hiện hữu nào là pháp hữu vi và tùy thuận sanh khởi, sự diệt tận là sự xuất ly khỏi điều ấy. Đối với [hành giả] đã thành tựu sự thoát ly, các dục không những đã được dứt bỏ mà còn đã được buông bỏ. Đối với [hành giả] đã thành tựu trạng thái vô sắc, các sắc không những đã được dứt bỏ mà còn đã được buông bỏ. Đối với [hành giả] đã thành tựu sự diệt tận, các hành không những đã được dứt bỏ mà còn đã được buông bỏ.

Bốn sự dứt bỏ: Trong khi thấu triệt chân lý về khổ với sự thấu triệt của biết toàn diện, [hành giả] dứt bỏ; trong khi thấu triệt chân lý về nhân sanh [khổ] với sự thấu triệt của dứt bỏ, [hành giả] dứt bỏ; trong khi thấu triệt chân lý về sự diệt tận [khổ] với sự thấu triệt của tác chứng, [hành giả] dứt bỏ; trong khi thấu triệt chân lý về đạo với sự thấu triệt của tu tập, [hành giả] dứt bỏ.

Năm sự dứt bỏ: Sự dứt bỏ do áp chế, sự dứt bỏ do thay thế, sự dứt bỏ do đoạn trừ, sự dứt bỏ do tĩnh lặng, sự dứt bỏ do xuất ly. Sự dứt bỏ do áp chế đối với các pháp ngăn che của [hành giả] đang tu tập sơ thiền, sự dứt bỏ do thay thế đối với các khuynh hướng tà kiến của [hành giả] đang tu tập định đưa đến sự thấu triệt, sự dứt bỏ do đoạn trừ của [hành giả] đang tu tập đạo tối thượng ở đời đưa đến sự đoạn tận, sự dứt bỏ do tĩnh lặng là ở vào sát-na quả, và sự dứt bỏ do xuất ly là sự diệt tận, Niết-bàn.

(4)

Này các Tỳ-khưu, tất cả cần được dứt bỏ. Và này các Tỳ-khưu, điều gì là tất cả cần được dứt bỏ?

Này các Tỳ-khưu, mắt cần được dứt bỏ, các sắc cần được dứt bỏ, nhãn thức cần được dứt bỏ, nhãn xúc cần được dứt bỏ, cảm thọ nào được sanh lên do duyên nhãn xúc dầu là lạc, hoặc là khổ, hoặc là không khổ không lạc; cảm thọ ấy cũng cần được dứt bỏ.

Tai cần được dứt bỏ, các thinh cần được dứt bỏ,... (nt)... Mũi cần được dứt bỏ, các khí cần được dứt bỏ,... (nt)... Lưỡi cần được dứt bỏ, các vị cần được dứt bỏ,... (nt)... Thân cần được dứt bỏ, các xúc cần được dứt bỏ,... (nt)... Ý cần được dứt bỏ, các pháp cần được dứt bỏ, ý thức cần được dứt bỏ, ý xúc cần được dứt bỏ, cảm thọ nào được sanh lên do duyên ý xúc dầu là lạc, hoặc là khổ, hoặc là không khổ không lạc; cảm thọ ấy cũng cần được dứt bỏ.

Trong khi nhận thấy sắc, [hành giả] dứt bỏ. Trong khi nhận thấy thọ, [hành giả] dứt bỏ. Trong khi nhận thấy tưởng, [hành giả] dứt bỏ. Trong khi nhận thấy các hành, [hành giả] dứt bỏ. Trong khi nhận thấy thức, [hành giả] dứt bỏ. Trong

khi nhận thấy mắt,... (nt)... lão tử,... (nt)... Niết-bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc, [hành giả] dứt bỏ.

Các pháp nào là đã được dứt bỏ, các pháp ấy là đã được buông bỏ. Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Sự nhận định ở tai là 'Các pháp này cần được dứt bỏ', tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe."

Dứt phần giải thích về "Cần được dứt bỏ."

Dứt tụng phẩm thứ ba.

(5)

Sự nhận định ở tai là "Các pháp này cần được tu tập", tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe là [có ý nghĩa] thế nào?

Một pháp cần được tu tập là: Niệm hướng đến thân có sự thoải mái đi cùng.

Hai pháp cần được tu tập là: Chỉ tịnh và minh sát.

Ba pháp cần được tu tập là: Ba định.[38]

Bốn pháp cần được tu tập là: Bốn sự thiết lập niệm.

Năm pháp cần được tu tập là: Chánh định năm chi phần.

Sáu pháp cần được tu tập là: Sáu tùy niệm xứ. [39]

Bảy pháp cần được tu tập là: Bảy giác chi.

Tám pháp cần được tu tập là: Thánh đạo tám chi phần.

Chín pháp cần được tu tập là: Chín chi phần nỗ lực thanh tịnh.[40]

Mười pháp cần được tu tập là: Mười nền tảng của đề mục [thiền].[41]

Hai sự tu tập: Sự tu tập thuộc thế gian và sự tu tập xuất thế gian.

Ba sự tu tập: Sự tu tập về các thiện pháp đưa đến cõi sắc giới, sự tu tập về các thiện pháp đưa đến cõi vô sắc giới, sự tu tập về các thiện pháp không bị lệ thuộc. Sự tu tập về các thiện pháp đưa đến cõi sắc giới có loại thấp kém, có loại trung bình, có loại cao quý. Sự tu tập về các thiện pháp đưa đến cõi vô sắc giới

---

[38] Ba định (*tayo samādhī*): Định có tầm có tứ, định không tầm có tứ, và định không tầm không tứ (*PsA*. I. 125).

[39] Sáu tùy niệm xứ (*cha anussatiṭṭhānāni*): Tùy niệm Phật, tùy niệm Pháp, tùy niệm Tăng, tùy niệm giới, tùy niệm thí, tùy niệm thiên (*PsA*. I. 126). Hòa thượng Thích Minh Châu dịch là "sáu niệm xứ." Xem *D*. 33, *Kinh Phúng tụng* (*Saṅgītisuttaṃ*). (ND)

[40] Chín chi phần nỗ lực thanh tịnh (*nava pārisuddhi-padhāniyaṅgāni*) được giải thích ở *PsA*. I. 127-28. Hòa thượng Thích Minh Châu dịch là "chín thanh tịnh cần chi: Giới hạnh thanh tịnh thanh tịnh cần chi, tâm thanh tịnh thanh tịnh cần chi, kiến thanh tịnh thanh tịnh cần chi, đoạn nghi thanh tịnh thanh tịnh cần chi, đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh thanh tịnh cần chi, đạo tri kiến thanh tịnh thanh tịnh cần chi, tri kiến thanh tịnh thanh tịnh cần chi, tuệ thanh tịnh thanh tịnh cần chi, giải thoát thanh tịnh thanh tịnh cần chi." Xem *D*. 34, *Kinh Thập thượng* (*Dasuttarasuttaṃ*). (ND)

[41] Mười nền tảng của đề mục thiền (*dasa kasiṇāyatanāni*): Đất, nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ, trắng, hư không, ánh sáng (*PsA*. I. 128-29). Hòa thượng Thích Minh Châu dịch là "mười biến xứ." Xem *D*. 34, *Kinh Thập thượng* (*Dasuttarasuttaṃ*). (ND)

có loại thấp kém, có loại trung bình, có loại cao quý. Sự tu tập về các thiện pháp không bị lệ thuộc là cao quý.

Bốn sự tu tập: Trong khi thấu triệt chân lý về khổ với sự thấu triệt của sự biết toàn diện, [hành giả] tu tập; trong khi thấu triệt chân lý về nhân sanh [khổ] với sự thấu triệt của sự dứt bỏ, [hành giả] tu tập; trong khi thấu triệt chân lý về sự diệt tận [khổ] với sự thấu triệt của sự tác chứng, [hành giả] tu tập; trong khi thấu triệt chân lý về đạo với sự thấu triệt của sự tu tập, [hành giả] tu tập. Đây là bốn sự tu tập.

Bốn sự tu tập khác nữa: Tầm cầu là sự tu tập, thành đạt là sự tu tập, nhất vị là sự tu tập, rèn luyện là sự tu tập.

Tầm cầu gì là sự tu tập? "Đối với các vị đang thể nhập định thuộc mọi [đề mục], các pháp sanh khởi vào thời điểm ấy là có nhất vị." Tầm cầu này là sự tu tập.

Thành đạt gì là sự tu tập? "Đối với các vị đang thể nhập định thuộc mọi [đề mục], các pháp sanh khởi vào thời điểm nhập định ấy không vượt trội lẫn nhau." Thành đạt này là sự tu tập.

Nhất vị gì là sự tu tập? "Đối với vị đang tu tập tín quyền theo ý nghĩa cương quyết, do tác động của tín quyền bốn quyền [còn lại] là có nhất vị", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị đối với các quyền. "Đối với vị đang tu tập tấn quyền theo ý nghĩa ra sức, do tác động của tấn quyền... "Đối với vị đang tu tập niệm quyền theo ý nghĩa thiết lập, do tác động của niệm quyền... "Đối với vị đang tu tập định quyền theo ý nghĩa không tản mạn, do tác động của định quyền... "Đối với vị đang tu tập tuệ quyền theo ý nghĩa nhận thức, do tác động của tuệ quyền bốn quyền [còn lại của vị ấy] là có nhất vị", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị đối với các quyền.

"Đối với vị đang tu tập tín lực theo ý nghĩa không dao động ở sự không có đức tin, do tác động của tín lực bốn lực [còn lại] là có nhất vị", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị đối với các lực. "Đối với vị đang tu tập tấn lực theo ý nghĩa không dao động ở sự biếng nhác, do tác động của tấn lực... "Đối với vị đang tu tập niệm lực theo ý nghĩa không dao động ở sự buông lung, do tác động của niệm lực... "Đối với vị đang tu tập định lực theo ý nghĩa không dao động ở sự phóng dật, do tác động của định lực... "Đối với vị đang tu tập tuệ lực theo ý nghĩa không dao động ở sự không sáng suốt, do tác động của tuệ lực bốn lực [còn lại] là có nhất vị", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị đối với các lực.

"Đối với vị đang tu tập niệm giác chi theo ý nghĩa thiết lập, do tác động của niệm giác chi sáu giác chi [còn lại] là có nhất vị", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị đối với các giác chi. "Đối với vị đang tu tập trạch pháp giác chi theo ý nghĩa suy xét, do tác động của trạch pháp giác chi sáu giác chi [còn lại] là có nhất vị", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị đối với các giác chi. "Đối với vị đang tu tập cần giác chi theo ý nghĩa ra sức, do tác động của cần giác chi sáu giác chi [còn lại]... "Đối với vị đang tu tập hỷ giác chi theo ý nghĩa lan tỏa,

do tác động của hỷ giác chi sáu giác chi [còn lại]... "Đối với vị đang tu tập tịnh giác chi theo ý nghĩa an tịnh, do tác động của tịnh giác chi sáu giác chi [còn lại]... "Đối với vị đang tu tập định giác chi theo ý nghĩa không tản mạn, do tác động của định giác chi sáu giác chi [còn lại]... (nt)... "Đối với vị đang tu tập xả giác chi theo ý nghĩa phân biệt rõ, do tác động của xả giác chi sáu giác chi [còn lại] là có nhất vị", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị đối với các giác chi.

"Đối với vị đang tu tập chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức, do tác động của chánh kiến bảy chi đạo [còn lại] là có nhất vị", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị đối với các chi đạo. "Đối với vị đang tu tập chánh tư duy theo ý nghĩa gắn chặt [tâm vào cảnh], do tác động của chánh tư duy bảy chi đạo [còn lại]... (nt)... "Đối với vị đang tu tập chánh ngữ theo ý nghĩa gìn giữ, do tác động của chánh ngữ bảy chi đạo [còn lại]... (nt)... "Đối với vị đang tu tập chánh nghiệp theo ý nghĩa nguồn sanh khởi, do tác động của chánh nghiệp bảy chi đạo [còn lại]... (nt)… "Đối với vị đang tu tập chánh mạng theo ý nghĩa trong sạch, do tác động của chánh mạng bảy chi đạo [còn lại]... (nt)... "Đối với vị đang tu tập chánh tinh tấn theo ý nghĩa ra sức, do tác động của chánh tinh tấn bảy chi đạo [còn lại]... (nt)... "Đối với vị đang tu tập chánh niệm theo ý nghĩa thiết lập, do tác động của chánh niệm bảy chi đạo [còn lại]... (nt)... "Đối với vị đang tu tập chánh định theo ý nghĩa không tản mạn, do tác động của chánh định bảy chi đạo [còn lại] là có nhất vị", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị đối với các chi đạo. Nhất vị này là sự tu tập.

Rèn luyện gì là sự tu tập? Ở đây, vị Tỳ-khưu rèn luyện vào buổi sáng, rèn luyện luôn cả vào giữa trưa, rèn luyện luôn cả vào buổi tối, rèn luyện luôn cả trước bữa ăn, rèn luyện luôn cả sau bữa ăn, rèn luyện luôn cả vào canh đầu, rèn luyện luôn cả vào canh giữa, rèn luyện luôn cả vào canh cuối, rèn luyện luôn cả ban đêm, rèn luyện luôn cả ban ngày, rèn luyện luôn cả ban đêm và ban ngày, rèn luyện luôn cả trong nửa tháng đầu, rèn luyện luôn cả trong nửa tháng cuối, rèn luyện luôn cả trong mùa mưa, rèn luyện luôn cả trong mùa lạnh, rèn luyện luôn cả trong mùa nóng, rèn luyện luôn cả trong giai đoạn đầu của cuộc đời, rèn luyện luôn cả trong giai đoạn giữa của cuộc đời, rèn luyện luôn cả trong giai đoạn cuối của cuộc đời. Rèn luyện này là sự tu tập.

Đây là bốn sự tu tập.

Bốn sự tu tập khác nữa: Là sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy, là sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị đối với các quyền, là sự tu tập theo ý nghĩa khởi động tinh tấn nhằm đạt đến giải thoát Niết-bàn, là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện.

Sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy là [có ý nghĩa] thế nào?

"Đối với [hành giả] đang dứt bỏ ước muốn trong các dục, các pháp sanh lên do tác động của sự thoát ly không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy.

"Đối với [hành giả] đang dứt bỏ sân độc, các pháp sanh lên do tác động của sự không sân độc không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ sự lờ đờ buồn ngủ, các pháp sanh lên do tác động của sự nghĩ tưởng đến ánh sáng không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ phóng dật, các pháp sanh lên do tác động của sự không tản mạn, không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ hoài nghi, các pháp sanh lên do tác động của sự xác định pháp không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ vô minh, các pháp sanh lên do tác động của trí không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ sự không hứng thú, các pháp sanh lên do tác động của sự hân hoan không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy.

"Đối với [hành giả] đang dứt bỏ các pháp ngăn che, các pháp sanh lên do tác động của Sơ thiền không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ tầm tứ, các pháp sanh lên do tác động của Nhị thiền không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ hỷ, các pháp sanh lên do tác động của Tam thiền không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ lạc và khổ, các pháp sanh lên do tác động của Tứ thiền không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy.

"Đối với [hành giả] đang dứt bỏ sự nghĩ tưởng về sắc, sự nghĩ tưởng về bất bình, sự nghĩ tưởng về khác biệt, các pháp sanh lên do tác động của sự chứng đạt Không vô biên xứ không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ sự nghĩ tưởng về Không vô biên xứ, các pháp sanh lên do tác động của sự chứng đạt Thức vô biên xứ không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ sự nghĩ tưởng về Thức vô biên xứ, các pháp sanh lên do tác động của sự chứng đạt Vô sở hữu xứ không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ sự nghĩ tưởng về Vô sở hữu xứ, các pháp sanh lên do tác động của sự chứng đạt

Phi tưởng phi phi tưởng xứ không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy.

"Đối với [hành giả] đang dứt bỏ sự nghĩ tưởng về thường còn, các pháp sanh lên do tác động của việc quán xét về vô thường không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ sự nghĩ tưởng về lạc, các pháp sanh lên do tác động của việc quán xét về khổ không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ sự nghĩ tưởng về ngã, các pháp sanh lên do tác động của việc quán xét về vô ngã không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ sự vui thích, các pháp sanh lên do tác động của việc quán xét về nhàm chán không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ tham ái, các pháp sanh lên do tác động của việc quán xét về ly tham ái không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ nhân sanh khởi, các pháp sanh lên do tác động của việc quán xét về diệt tận... "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ sự nắm lấy, các pháp sanh lên do tác động của việc quán xét về từ bỏ... "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ sự nghĩ tưởng về tiếp diễn, các pháp sanh lên do tác động của việc quán xét về đoạn tận... "Đối [hành giả] đang dứt bỏ [nghiệp] tích lũy, các pháp sanh lên do tác động của việc quán xét về biến hoại... "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ sự nghĩ tưởng về bền vững, các pháp sanh lên do tác động của việc quán xét về chuyển biến các pháp sanh lên không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ hiện tướng, các pháp sanh lên do tác động của việc quán xét về vô tướng không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ sự nguyện ước, các pháp sanh lên do tác động của việc quán xét về vô nguyện không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ sự cố chấp, các pháp sanh lên do tác động của việc quán xét về không tánh không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ sự cố chấp về thực chất [của thường còn, của tự ngã], các pháp sanh lên do tác động của sự minh sát các pháp bằng thắng tuệ không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ cố chấp vào sự lầm lẫn, các pháp sanh lên do tác động của sự biết và thấy đúng theo thực thể không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối

với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ sự cố chấp vào sự lệ thuộc, các pháp sanh lên do tác động của việc quán xét về tai hại không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ sự không phân biệt rõ, các pháp sanh lên do tác động của việc quán xét về phân biệt rõ không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ sự cố chấp vào sự ràng buộc, các pháp sanh lên do tác động của việc quán xét về ly khai không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy.

"Đối với [hành giả] đang dứt bỏ các phiền não thuần về tà kiến, các pháp sanh lên do tác động của đạo Nhập lưu không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ các phiền não thô thiển, các pháp sanh lên do tác động của đạo Nhất lai không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ các phiền não có tính chất vi tế, các pháp sanh lên do tác động của đạo Bất lai không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ toàn bộ phiền não, các pháp sanh lên do tác động của đạo A-la-hán không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy.

Như vậy là sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy.

Sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị đối với các quyền là [có ý nghĩa] thế nào?

"Đối với [hành giả] đang dứt bỏ ước muốn trong các dục, do tác động của sự thoát ly khiến năm quyền là có nhất vị", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị đối với các quyền. "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ sân độc, do tác động của sự không sân độc... (nt)... "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ toàn bộ phiền não, do tác động của đạo A-la-hán khiến năm quyền là có nhất vị", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị đối với các quyền.

Như vậy là sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị đối với các quyền.

Sự tu tập theo ý nghĩa khởi động tinh tấn nhằm đạt đến giải thoát Niết-bàn là [có ý nghĩa] thế nào?

"Trong khi dứt bỏ ước muốn trong các dục, do tác động của sự thoát ly [hành giả] khởi động sự tinh tấn", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa khởi động tinh tấn nhằm đạt đến giải thoát Niết-bàn. "Trong khi dứt bỏ sân độc, do tác động của sự không sân độc [hành giả] khởi động sự tinh tấn", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa khởi động tinh tấn nhằm đạt đến giải thoát Niết-bàn... (nt)... "Trong khi

dứt bỏ toàn bộ phiền não, do tác động của đạo A-la-hán [hành giả] khởi động sự tinh tấn", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa khởi động tinh tấn nhằm đạt đến giải thoát Niết-bàn. Như vậy là sự tu tập theo ý nghĩa khởi động tinh tấn nhằm đạt đến giải thoát Niết-bàn.

Sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện là [có ý nghĩa] thế nào?

"Trong khi dứt bỏ ước muốn trong các dục, vị ấy rèn luyện sự thoát ly", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. "Trong khi dứt bỏ sân độc, vị ấy rèn luyện không sân độc", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện... (nt)... "Trong khi dứt bỏ toàn bộ phiền não, vị ấy rèn luyện đạo A-la-hán", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện.

Như vậy là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. Đây là bốn sự tu tập.

Trong khi nhận thấy sắc, [vị ấy] tu tập; trong khi nhận thấy thọ, [vị ấy] tu tập; trong khi nhận thấy tưởng, [vị ấy] tu tập; trong khi nhận thấy các hành, [vị ấy] tu tập; trong khi nhận thấy thức, [vị ấy] tu tập. Trong khi nhận thấy mắt,... (nt)... lão tử,... (nt)... Niết-bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc, [vị ấy] tu tập.

Các pháp nào là đã được tu tập, các pháp ấy là có nhất vị. Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Sự nhận định ở tai là 'Các pháp này cần được tu tập', tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe."

Dứt phần giải thích về "Cần được tu tập."

Dứt tụng phẩm thứ tư.

(6)

Sự nhận định ở tai là "Các pháp này cần được tác chứng",[42] tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe là [có ý nghĩa] thế nào?

Một pháp cần được tác chứng là: Tâm giải thoát là không chuyển đổi.

Hai pháp cần được tác chứng là: Minh và giải thoát.

Ba pháp cần được tác chứng là: Ba minh.[43]

Bốn pháp cần được tác chứng là: Bốn quả vị của Sa-môn.[44]

Năm pháp cần được tác chứng là: Năm pháp uẩn.[45]

Sáu pháp cần được tác chứng là: Sáu thắng trí.[46]

---

[42] Tham khảo *D*. 34, *Kinh Thập thượng* (*Dasuttarasuttaṃ*).

[43] Ba minh (*tisso vijjā*): Trí nhớ về các kiếp sống trước là minh, trí về sự chết và tái sanh của chúng sanh là minh, trí về sự đoạn tận các lậu hoặc là minh (*PsA*. I. 135).

[44] Bốn quả vị của Sa-môn (*cattāri sāmaññaphalāni*): Quả Nhập lưu, quả Nhất lai, quả Bất lai và quả A-la-hán (*PsA*. I. 135).

[45] Năm pháp uẩn (*pañca dhammakkhandhā*): Giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn và tri kiến giải thoát uẩn (*PsA*. I. 135-36).

[46] Sáu thắng trí (*cha abhiññā*): Trí về các thể loại thần thông, trí về thiên nhĩ, trí nhớ về các kiếp sống trước, trí biết được tâm của người khác, trí về thiên nhãn, trí về sự đoạn tận các lậu hoặc (*PsA*. I. 136).

Bảy pháp cần được tác chứng là: Bảy lực của bậc Lậu tận.[47]

Tám pháp cần được tác chứng là: Tám giải thoát.[48]

Chín pháp cần được tác chứng là: Chín sự diệt tận theo tuần tự.[49]

Mười pháp cần được tác chứng là: Mười pháp của bậc Vô học.[50]

(7)

Này các Tỳ-khưu, tất cả cần được tác chứng. Và này các Tỳ-khưu, điều gì là tất cả cần được tác chứng?

Này các Tỳ-khưu, mắt cần được tác chứng, các sắc cần được tác chứng, nhãn thức cần được tác chứng, nhãn xúc cần được tác chứng, cảm thọ nào được sanh lên do duyên nhãn xúc dầu là lạc, hoặc là khổ, hoặc là không khổ không lạc, cảm thọ ấy cũng cần được tác chứng.

Tai cần được tác chứng, các thinh cần được tác chứng,... (nt)... Mũi cần được tác chứng, các khí cần được tác chứng,... (nt)... Lưỡi cần được tác chứng, các vị cần được tác chứng,... (nt)... Thân cần được tác chứng, các xúc cần được tác chứng,... (nt)... Ý cần được tác chứng, các pháp cần được tác chứng, ý thức cần được tác chứng, ý xúc cần được tác chứng, cảm thọ nào được sanh lên do duyên ý xúc dầu là lạc, hoặc là khổ, hoặc là không khổ không lạc, cảm thọ ấy cũng cần được tác chứng.

Trong lúc nhận thấy sắc, [hành giả] tác chứng; trong lúc nhận thấy thọ, [hành giả] tác chứng; trong lúc nhận thấy tưởng, [hành giả] tác chứng; trong lúc nhận thấy các hành, [hành giả] tác chứng; trong lúc nhận thấy thức, [hành giả] tác chứng; trong lúc nhận thấy mắt... (nt)... lão tử... (nt)... Niết-bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc, [hành giả] tác chứng.

Các pháp nào đã được tác chứng, các pháp ấy là đã được chạm đến. Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Sự nhận định ở tai là 'Các pháp này cần được tác chứng', tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe."

Dứt phần giải thích về "Cần được tác chứng."

---

[47] Bảy lực của bậc Lậu tận (*satta khīṇāsavabalāni*) được giải thích ở *PsA*. I. 136-37. Hòa thượng Thích Minh Châu dịch là "bảy lậu tận lực." Xem "bảy pháp cần được tác chứng" ở *D*. 34, *Kinh Thập thượng* (*Dasuttarasuttaṃ*). (ND)

[48] Tám giải thoát (*aṭṭha vimokkhā*) được giải thích ở *PsA*. I. 137. Hòa thượng Thích Minh Châu dịch là "tám giải thoát." Xem "tám pháp cần được chứng ngộ" ở *D*. 34, *Kinh Thập thượng* (*Dasuttarasuttaṃ*). (ND)

[49] Chín sự diệt tận theo tuần tự (*nava anupubbanirodhā*) là chín sự diệt tận các pháp theo tuần tự do việc chứng đắc tám tầng định và Diệt thọ tưởng định là thứ chín (*PsA*. I. 137-38). Hòa thượng Thích Minh Châu dịch là "chín thứ đệ diệt." Xem *D*. 33, *Kinh Phúng tụng* (*Saṅgītisuttaṃ*). (ND)

[50] Mười pháp của bậc Vô học (*dasa asekkhā dhammā*) được giải thích ở *PsA*. I. 138. Hòa thượng Thích Minh Châu dịch là "mười pháp vô học", gồm có: Vô học chánh tri kiến, vô học chánh tư duy, vô học chánh ngữ, vô học chánh nghiệp, vô học chánh mạng, vô học chánh tinh tấn, vô học chánh niệm, vô học chánh định, vô học chánh trí, vô học chánh giải thoát. Xem *D*. 34, *Kinh Thập thượng* (*Dasuttarasuttaṃ*). (ND)

(8)

Sự nhận định ở tai là "Các pháp này đưa đến thoái hóa, các pháp này đưa đến bền vững, các pháp này đưa đến thù thắng, các pháp này đưa đến thông suốt", tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe là [có ý nghĩa] thế nào?

Đối với vị đã đắc Sơ thiền, tưởng và tác ý đi cùng với dục sanh khởi là pháp đưa đến thoái hóa, niệm có bản chất thuận theo pháp [thiền] ấy được an trụ là pháp đưa đến bền vững, tưởng và tác ý không đi cùng với tầm sanh khởi là pháp đưa đến thù thắng, tưởng và tác ý đi cùng với nhàm chán sanh khởi và tương ưng với ly tham ái là pháp đưa đến thông suốt.

Đối với vị đã đắc Nhị thiền, tưởng và tác ý đi cùng với tầm sanh khởi là pháp đưa đến thoái hóa, niệm có bản chất thuận theo pháp [thiền] ấy được an trụ là pháp đưa đến bền vững, tưởng và tác ý đi cùng với xả và lạc sanh khởi là pháp đưa đến thù thắng, tưởng và tác ý đi cùng với sự nhàm chán sanh khởi và tương ưng với ly tham ái là pháp đưa đến thông suốt.

Đối với vị đã đắc Tam thiền, tưởng và tác ý đi cùng với hỷ và lạc sanh khởi là pháp đưa đến thoái hóa, niệm có bản chất thuận theo pháp [thiền] ấy được an trụ là pháp đưa đến bền vững, tưởng và tác ý đi cùng với không khổ và không lạc sanh khởi là pháp đưa đến thù thắng, tưởng và tác ý đi cùng với sự nhàm chán sanh khởi và tương ưng với ly tham ái là pháp đưa đến thông suốt.

Đối với vị đã đắc Tứ thiền, tưởng và tác ý đi cùng với xả và lạc sanh khởi là pháp đưa đến thoái hóa, niệm có bản chất thuận theo pháp [thiền] ấy được an trụ là pháp đưa đến bền vững, tưởng và tác ý đi cùng với Không vô biên xứ sanh khởi là pháp đưa đến thù thắng, tưởng và tác ý đi cùng với sự nhàm chán sanh khởi và tương ưng với ly tham ái là pháp đưa đến thông suốt.

Đối với vị đã đắc Không vô biên xứ, tưởng và tác ý đi cùng với sắc sanh khởi là pháp đưa đến thoái hóa, niệm có bản chất thuận theo pháp [thiền] ấy được an trụ là pháp đưa đến bền vững, tưởng và tác ý đi cùng với Thức vô biên xứ sanh khởi là pháp đưa đến thù thắng, tưởng và tác ý đi cùng với sự nhàm chán sanh khởi và tương ưng với ly tham ái là pháp đưa đến thông suốt.

Đối với vị đã đắc Thức vô biên xứ, tưởng và tác ý đi cùng với Không vô biên xứ sanh khởi là pháp đưa đến thoái hóa, niệm có bản chất thuận theo pháp [thiền] ấy được an trụ là pháp đưa đến bền vững, tưởng và tác ý đi cùng với Vô sở hữu xứ sanh khởi là pháp đưa đến thù thắng, tưởng và tác ý đi cùng với sự nhàm chán sanh khởi và tương ưng với ly tham ái là pháp đưa đến thông suốt.

Đối với vị đã đắc Vô sở hữu xứ, tưởng và tác ý đi cùng với Thức vô biên xứ sanh khởi là pháp đưa đến thoái hóa, niệm có bản chất thuận theo pháp [thiền] ấy được an trụ là pháp đưa đến bền vững, tưởng và tác ý đi cùng với Phi tưởng phi phi tưởng xứ sanh khởi là pháp đưa đến thù thắng, tưởng và tác ý... (nt)... là pháp đưa đến thông suốt.

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Sự nhận định ở tai là 'Các pháp này đưa đến thoái hóa, các pháp này đưa đến bền vững, các pháp này đưa đến thù thắng, các pháp này đưa đến thông suốt', tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe."

Dứt phần giải thích nhóm bốn về "Đưa đến thoái hóa."

(9)

Sự nhận định ở tai là "Tất cả các hành là vô thường, tất cả các hành là khổ não, tất cả các pháp là vô ngã", tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe là [có ý nghĩa] thế nào?

Sự nhận định ở tai là "Sắc là vô thường theo ý nghĩa đoạn tận, là khổ não theo ý nghĩa kinh hãi, là vô ngã theo ý nghĩa không có cốt lõi." Tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe.

Sự nhận định ở tai là "Thọ... Tưởng... Các hành... Thức... Mắt... Lão tử là vô thường theo ý nghĩa đoạn tận, là khổ não theo ý nghĩa kinh hãi, là vô ngã theo ý nghĩa không có cốt lõi." Tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe.

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Sự nhận định ở tai là 'Tất cả các hành là vô thường, tất cả các hành là khổ não, tất cả các pháp là vô ngã'. Tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe."

Dứt phần giải thích nhóm ba về "Hiện tướng."

(10)

Sự nhận định ở tai là "Đây là chân lý cao thượng về khổ, đây là chân lý cao thượng về nhân sanh khổ, đây là chân lý cao thượng về sự diệt tận khổ, đây là chân lý cao thượng về sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ"; tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe là [có ý nghĩa] thế nào?

Ở đây, chân lý cao thượng về khổ là [có ý nghĩa] thế nào?[51] Sanh là khổ, già cũng là khổ, chết cũng là khổ, sự sầu muộn… than vãn… khổ đau… ưu phiền… thất vọng cũng là khổ, sự liên hệ với những gì không yêu thích là khổ, sự xa lìa với những gì yêu thích là khổ, mong muốn mà không đạt được cũng là khổ; tóm tắt lại năm thủ uẩn là khổ.

Ở đây, sanh là [có ý nghĩa] thế nào? Là sự sanh ra, sự sanh khởi, sự hạ sanh, sự tái sanh, sự hiện khởi của các uẩn, sự thành tựu của các xứ đối với các chúng sanh ấy ở tập thể của các chúng sanh ấy; sự việc này được gọi là sanh.

Ở đây, già là [có ý nghĩa] thế nào? Là sự già nua, sự hư hoại, sự rụng răng,

[51] Xem *M.* 141, *Kinh Phân biệt về sự thật* (*Saccavibhaṅgasuttaṃ*).

tình trạng bạc tóc, da nhăn, sự rút ngắn tuổi thọ, sự suy nhược các căn đối với các chúng sanh ấy ở tập thể của các chúng sanh ấy; sự việc này được gọi là già.

Ở đây, chết là [có ý nghĩa] thế nào? Là sự từ trần, sự tiêu hoại, sự phân rã, sự biến mất, sự tử, sự chết, sự hết thời kỳ, sự tan rã các uẩn, sự bỏ lại xác thân, sự gián đoạn các quyền đối với các chúng sanh ấy ở tập thể của các chúng sanh ấy; sự việc này được gọi là chết.

Ở đây, sầu muộn là [có ý nghĩa] thế nào? Là sự sầu muộn, sự buồn rầu, trạng thái buồn phiền, sự sầu muộn ở nội tâm, sự buồn thảm ở nội tâm, nỗi ưu phiền do trạng thái bực bội ở tâm, sự sầu muộn ví như mũi tên của người bị tác động bởi sự rủi ro về thân quyến, bị tác động bởi sự rủi ro về của cải, bị tác động bởi sự rủi ro về tật bệnh, bị tác động bởi sự suy giảm về giới hạnh, bị tác động bởi sự suy giảm về kiến thức, bị gặp phải sự rủi ro này hoặc rủi ro khác, bị tác động bởi sự khổ đau này hoặc sự khổ đau khác; điều này được gọi là sầu muộn.

Ở đây, than vãn là [có ý nghĩa] thế nào? Là sự phàn nàn, sự than vãn, sự kể lể, sự kêu gào, trạng thái kể lể, trạng thái kêu gào, lời nói lảm nhảm, sự lải nhải, sự rên rỉ, sự khóc than, trạng thái khóc than của người bị tác động bởi sự rủi ro về thân quyến, bị tác động bởi sự rủi ro về của cải, bị tác động bởi sự rủi ro về tật bệnh, bị tác động bởi sự suy giảm về giới hạnh, bị tác động bởi sự suy giảm về kiến thức, bị gặp phải sự rủi ro này hoặc rủi ro khác, bị tác động bởi sự khổ đau này hoặc sự khổ đau khác; điều này được gọi là than vãn.

Ở đây, khổ đau là [có ý nghĩa] thế nào? Điều nào là sự không thoải mái thuộc thân, khổ đau thuộc thân, được nhận biết là không thoải mái và khổ đau sanh lên do thân xúc, là cảm thọ không thoải mái và khổ đau sanh lên do thân xúc; điều này được gọi là khổ đau.

Ở đây, ưu phiền là [có ý nghĩa] thế nào? Điều nào là sự không thoải mái thuộc tâm, khổ đau thuộc tâm, được nhận biết là không thoải mái và khổ đau sanh lên do ý xúc, là cảm thọ không thoải mái và khổ đau sanh lên do ý xúc; điều này được gọi là ưu phiền.

Ở đây, thất vọng là [có ý nghĩa] thế nào? Điều nào là sự lo âu, sự thất vọng, sự bồn chồn, sự tuyệt vọng, trạng thái bồn chồn, trạng thái tuyệt vọng của người bị tác động bởi sự rủi ro về thân quyến, bị tác động bởi sự rủi ro về của cải, bị tác động bởi sự rủi ro về tật bệnh, bị tác động bởi sự rủi ro về giới hạnh, bị tác động bởi sự suy giảm về kiến thức, bị gặp phải sự rủi ro này hoặc rủi ro khác, bị tác động bởi khổ đau này hoặc khổ đau khác; điều này được gọi là thất vọng.

Ở đây, sự liên hệ với những gì không yêu thích là khổ là [có ý nghĩa] thế nào? Trong trường hợp này, điều nào sự giao tiếp, sự kết hợp, sự liên kết, tình trạng dính líu với các sắc, các thinh, các khí, các vị, các xúc khó chịu, khó ưa, không hợp ý; hoặc là với những người không tầm cầu điều hữu ích, không tầm cầu điều có lợi, không tầm cầu sự an lạc, không tầm cầu sự yên ổn khỏi các vướng bận; điều này được gọi là sự liên hệ với những gì không yêu thích là khổ.

Ở đây, sự xa lìa với những gì yêu thích là khổ là [có ý nghĩa] thế nào? Trong trường hợp này, điều nào là sự không giao tiếp, sự không kết hợp, sự không liên kết, tình trạng không dính líu với các sắc, các thinh, các khí, các vị, các xúc dễ chịu, đáng ưa, hợp ý; hoặc là với những người tầm cầu điều hữu ích, tầm cầu điều có lợi, tầm cầu sự an lạc, tầm cầu sự yên ổn khỏi các vướng bận, hoặc là với mẹ, với cha, với anh em trai, với chị em gái, với bạn bè, với thân hữu, với họ hàng, hay là với quyến thuộc; điều này được gọi là sự xa lìa với những gì yêu thích là khổ.

Ở đây, mong muốn mà không đạt được cũng là khổ là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với các chúng sanh là đối tượng của sự sanh, có mong muốn khởi lên như vầy: "Ôi, ước sao chúng ta không là đối tượng của sự sanh! Và ước sao sự sanh không thể tác động đến chúng ta!" Tuy nhiên, điều ấy không thể đạt được do mong muốn, điều này chính là mong muốn mà không đạt được cũng là khổ. Đối với các chúng sanh là đối tượng của sự già... (nt)... là đối tượng của sự bệnh... (nt)... là đối tượng của sự chết... (nt)... là đối tượng của sầu muộn… than vãn… khổ đau… ưu phiền… thất vọng, có mong muốn khởi lên như vầy: "Ôi, ước sao chúng ta không là đối tượng của sự sầu muộn... than vãn… khổ đau… ưu phiền… thất vọng! Và ước sao sự sầu muộn… than vãn… khổ đau… ưu phiền… thất vọng không thể tác động đến chúng ta!" Tuy nhiên, điều ấy không thể đạt được do mong muốn; điều này chính là mong muốn mà không đạt được cũng là khổ.

Ở đây, tóm tắt lại năm thủ uẩn là khổ là [có ý nghĩa] thế nào? Tức là: Sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn; các điều này tóm tắt lại được gọi là năm thủ uẩn là khổ. Điều này được gọi là chân lý cao thượng về khổ.

Dứt phần giải thích "Chân lý về khổ."

Ở đây, chân lý cao thượng về nhân sanh khổ là [có ý nghĩa] thế nào?

Điều này là ái đưa đến tái sanh, đi cùng với sự vui thích và tham ái, có sự thích thú nơi này nơi nọ, tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái.[52] Vậy ái ấy khi sanh lên thì sanh lên ở đâu? Khi trụ lại thì trụ lại ở đâu? Ở đời, vật nào được yêu thích, vật nào đem lại sảng khoái, ái ấy khi sanh lên thì sanh lên ở nơi ấy, khi trụ lại thì trụ lại ở nơi ấy.

Vậy ở đời, vật được yêu thích, vật đem lại sảng khoái là gì? Ở đời, mắt là vật được yêu thích, là vật đem lại sảng khoái, ái ấy khi sanh lên thì sanh lên ở nơi ấy, khi trụ lại thì trụ lại ở nơi ấy. Ở đời, tai... (nt)... Ở đời, mũi... (nt)... Ở đời, lưỡi... (nt)... Ở đời, thân... (nt)... Ở đời, ý là vật được yêu thích, là vật đem lại sảng khoái, ái ấy khi sanh lên thì sanh lên ở nơi ấy, khi trụ lại thì trụ lại ở nơi ấy.

---

[52] Dục ái (*kāmataṇhā*) là sự ham thích về năm loại ngũ dục. Hữu ái (*bhavataṇhā*) là ái đi cùng với thường kiến, là sự ham thích về cõi sắc giới và vô sắc giới. Và phi hữu ái (*vibhavataṇhā*) là ái đi cùng với đoạn kiến (*PsA*. I. 158).

Ở đời, các sắc là vật được yêu thích, là vật đem lại sảng khoái, ái ấy khi sanh lên thì sanh lên ở nơi ấy, khi trụ lại thì trụ lại ở nơi ấy. Ở đời, các thinh... (nt)... Ở đời, các pháp... (nt)... Ở đời, nhãn thức... (nt)... Ở đời, ý thức... (nt)... Ở đời, nhãn xúc... (nt)... Ở đời, ý xúc... (nt)... Ở đời, cảm thọ sanh lên do nhãn xúc... (nt)... Ở đời, cảm thọ sanh lên do ý xúc... (nt)... Ở đời, sắc tưởng... (nt)... Ở đời, pháp tưởng... (nt)... Ở đời, sắc tư... (nt)... Ở đời, pháp tư... (nt)... Ở đời, sắc ái... (nt)... Ở đời, pháp ái... (nt)... Ở đời, sắc tầm... (nt)... Ở đời, pháp tầm... (nt)... Ở đời, sắc tứ... (nt)... Ở đời, pháp tứ là vật được yêu thích, là vật đem lại sảng khoái, ái ấy khi sanh lên thì sanh lên ở nơi ấy, khi trụ lại thì trụ lại ở nơi ấy. Điều này được gọi là chân lý cao thượng về nhân sanh khổ.

Dứt phần giải thích "Chân lý về nhân sanh [khổ]."

Ở đây, chân lý cao thượng về sự diệt tận khổ là [có ý nghĩa] thế nào?

Là sự ly tham ái và sự diệt tận hoàn toàn, là sự xả bỏ, là sự từ bỏ, là sự thoát khỏi, là sự không dính líu đối với chính ái ấy. Vậy ái ấy khi được dứt bỏ thì được dứt bỏ ở đâu? Khi được diệt tận thì được diệt tận ở đâu? Ở đời, vật nào được yêu thích, vật nào đem lại sảng khoái, ái ấy khi được dứt bỏ thì được dứt bỏ ở nơi ấy, khi được diệt tận thì được diệt tận ở nơi ấy.

Vậy ở đời, vật được yêu thích, vật đem lại sảng khoái là gì? Ở đời, mắt là vật được yêu thích, là vật đem lại sảng khoái, ái ấy khi được dứt bỏ thì được dứt bỏ ở nơi ấy, khi được diệt tận thì được diệt tận ở nơi ấy... (nt)... Ở đời, pháp tứ là vật được yêu thích, là vật đem lại sảng khoái, ái ấy khi được dứt bỏ thì được dứt bỏ ở nơi ấy, khi được diệt tận thì được diệt tận ở nơi ấy. Điều này được gọi là chân lý cao thượng về sự diệt tận khổ.

Dứt phần giải thích "Chân lý về sự diệt tận [khổ]."

Ở đây, chân lý cao thượng về sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ là [có ý nghĩa] thế nào?

Điều này chính là Thánh đạo tám chi phần, tức là: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Ở đây, chánh kiến là [có ý nghĩa] thế nào? Là trí về khổ, trí về nhân sanh khổ, trí về sự diệt tận khổ, trí về sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ; điều này được gọi là chánh kiến.

Ở đây, chánh tư duy là [có ý nghĩa] thế nào? Là tư duy về sự thoát ly, tư duy về không sân độc, tư duy về không hãm hại; điều này được gọi là chánh tư duy.

Ở đây, chánh ngữ là [có ý nghĩa] thế nào? Là sự ngăn ngừa việc nói láo, sự ngăn ngừa việc nói đâm thọc, sự ngăn ngừa việc nói độc ác, sự ngăn ngừa việc nói nhảm nhí; điều này được gọi là chánh ngữ.

Ở đây, chánh nghiệp là [có ý nghĩa] thế nào? Là sự ngăn ngừa việc giết hại mạng sống, sự ngăn ngừa việc trộm cắp, sự ngăn ngừa hành động sai trái trong các dục; điều này được gọi là chánh nghiệp.

Ở đây, chánh mạng là [có ý nghĩa] thế nào? Trong giáo pháp này, vị đệ tử Phật dứt bỏ sự nuôi mạng sai trái và duy trì mạng sống bằng sự nuôi mạng chân chánh; điều này được gọi là chánh mạng.

Ở đây, chánh tinh tấn là [có ý nghĩa] thế nào? Vị Tỳ-khưu trong giáo pháp này khởi lên ước muốn về việc không làm sanh khởi của các ác, bất thiện pháp chưa được sanh khởi, [vị ấy] cần mẫn, khởi sự tinh tấn, quyết tâm, nỗ lực, khởi lên ước muốn về việc dứt bỏ các ác, bất thiện pháp đã được sanh khởi... (nt)..., khởi lên ước muốn về việc làm sanh khởi các thiện pháp chưa được sanh khởi... (nt)..., khởi lên ước muốn về việc duy trì, về sự không tiêu hoại, về tình trạng tăng trưởng, về sự lớn mạnh, về sự phát triển, về sự toàn vẹn của các thiện pháp đã được sanh khởi, [vị ấy] cần mẫn, khởi sự tinh tấn, quyết tâm, nỗ lực; điều này được gọi là chánh tinh tấn.

Ở đây, chánh niệm là [có ý nghĩa] thế nào? Vị Tỳ-khưu trong giáo pháp này sống có sự quán xét thân trên thân, với nhiệt tâm, tỉnh giác, có niệm, [vị ấy] có thể chế ngự tham đắm và ưu phiền ở chính bản thân... có sự quán xét thọ trên các thọ,... có sự quán xét tâm trên tâm,... có sự quán xét pháp trên các pháp, với nhiệt tâm, tỉnh giác, có niệm, [vị ấy] có thể chế ngự tham đắm và ưu phiền ở chính bản thân; điều này được gọi là chánh niệm.

Ở đây, chánh định là [có ý nghĩa] thế nào? Vị Tỳ-khưu trong giáo pháp này ngay sau khi tách ly các dục, tách ly các bất thiện pháp, [vị ấy] đạt đến và an trú sơ thiền có tầm có tứ, có hỷ lạc sanh lên do sự tách ly; do sự vắng lặng của tầm và tứ, [vị ấy] đạt đến và an trú nhị thiền với nội phần tĩnh lặng, có trạng thái nhất tâm, không tầm không tứ, có hỷ lạc sanh lên do định; ly hỷ và ly tham ái, [vị ấy] an trú xả, có niệm và tỉnh giác, và [vị ấy] cảm nhận lạc bằng thân, các bậc Thánh gọi điều ấy là: "Có xả, có niệm, trú vào lạc", [vị ấy] đạt đến và an trú tam thiền ấy; do sự dứt bỏ lạc và do sự dứt bỏ khổ, do sự biến mất của hỷ và ưu ngay trước đây, [vị ấy] đạt đến và an trú tứ thiền không khổ không lạc, có sự thanh tịnh của xả và niệm; điều này được gọi là chánh định. Điều này được gọi là chân lý cao thượng về sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ.

Dứt phần giải thích "Chân lý về đạo."

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Đây là chân lý cao thượng về khổ, đây là chân lý cao thượng về nhân sanh khổ, đây là chân lý cao thượng về sự diệt tận khổ, đây là chân lý cao thượng về sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ, tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe."

Tuệ về sự ghi nhận ở tai là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe là [có ý nghĩa] như thế.

Dứt phần giải thích về "Bốn chân lý."
Dứt phần giải thích "Trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe."

2. TRÍ VỀ YẾU TỐ TẠO THÀNH GIỚI (*Sīlamayañāṇaṃ*)

Sau khi đã nghe, tuệ về sự thu thúc là trí về yếu tố tạo thành giới là [có ý nghĩa] thế nào?

Có năm loại giới: Giới có sự thanh tịnh giới hạn, giới có sự thanh tịnh không giới hạn, giới có sự thanh tịnh toàn vẹn, giới có sự thanh tịnh chưa được tuyệt đối, giới có sự thanh tịnh tĩnh lặng.

Ở đây, giới có sự thanh tịnh giới hạn là thế nào? Là đối với các điều học đã được giới hạn của những người chưa tu lên bậc trên; đây là giới có sự thanh tịnh giới hạn.

Giới có sự thanh tịnh không giới hạn là thế nào? Là đối với các điều học không được giới hạn của những người đã tu lên bậc trên; đây là giới có sự thanh tịnh không giới hạn.

Giới có sự thanh tịnh toàn vẹn là thế nào? Là của các phàm nhân hoàn thiện, gắn bó với các thiện pháp, có sự thực hành đầy đủ các phần đã được giới hạn dành cho bậc Hữu học, không xem trọng thân thể và sanh mạng, có mạng sống đã được buông bỏ; đây là giới có sự thanh tịnh toàn vẹn.

Giới có sự thanh tịnh chưa tuyệt đối là thế nào? Là của bảy hạng Hữu học; đây là giới có sự thanh tịnh chưa tuyệt đối.

Giới có sự thanh tịnh tĩnh lặng là thế nào? Là của các vị Thinh văn, của đức Như Lai có các lậu hoặc đã được đoạn tận, của các vị Phật Độc Giác, của các đức Như Lai A-la-hán Chánh Đẳng Giác; đây là giới có sự thanh tịnh tĩnh lặng.

Có loại giới bị hạn chế, có loại giới không bị hạn chế.

Ở đây, loại giới bị hạn chế ấy là thế nào? Có loại giới bị hạn chế vì lợi, có loại giới bị hạn chế vì danh, có loại giới bị hạn chế vì thân quyến, có loại giới bị hạn chế vì chi phần [thân thể], có loại giới bị hạn chế vì mạng sống.

Giới bị hạn chế vì lợi ấy là thế nào? Ở đây, có người do nhân lợi, do duyên lợi, do động cơ lợi vi phạm điều học đã được thọ trì; đây chính là giới bị hạn chế vì lợi.

Giới bị hạn chế vì danh ấy là thế nào? Ở đây, có người do nhân danh vọng, do duyên danh vọng, do động cơ danh vọng vi phạm điều học đã được thọ trì; đây chính là giới bị hạn chế vì danh.

Giới bị hạn chế vì thân quyến ấy là thế nào? Ở đây, có người do nhân thân quyến, do duyên thân quyến, do động cơ thân quyến vi phạm điều học đã được thọ trì; đây chính là giới bị hạn chế vì thân quyến.

Giới bị hạn chế vì chi phần [thân thể] ấy là thế nào? Ở đây, có người do nhân chi phần [thân thể], do duyên chi phần [thân thể], do động cơ chi phần [thân thể] vi phạm điều học đã được thọ trì; đây chính là giới bị hạn chế vì chi phần [thân thể].

Giới bị hạn chế vì mạng sống ấy là thế nào? Ở đây, có người do nhân mạng

sống, do duyên mạng sống, do động cơ mạng sống vi phạm điều học đã được thọ trì; đây chính là giới bị hạn chế vì mạng sống.

Các giới có hình thức như vậy là bị sứt mẻ, bị đổ vỡ, có các vết lấm, có các đốm nhơ, không làm cho giải thoát, không được bậc trí ngợi khen, bị tiêm nhiễm, không đưa đến định, không là các nền tảng cho sự không ăn năn, không là các nền tảng cho sự hân hoan, không là các nền tảng cho hỷ, không là các nền tảng cho tịnh, không là các nền tảng cho lạc, không là các nền tảng cho định, không là các nền tảng cho sự biết và thấy đúng theo thực thể, không đưa đến sự nhàm chán toàn diện, sự ly tham ái, sự diệt tận, sự an tịnh, thắng trí, sự giác ngộ hoàn toàn, Niết-bàn; đây là giới bị hạn chế ấy.

Giới không bị hạn chế ấy là thế nào? Có giới không bị hạn chế vì lợi, có giới không bị hạn chế vì danh, có giới không bị hạn chế vì thân quyến, có giới không bị hạn chế vì chi phần [thân thể], có giới không bị hạn chế vì mạng sống.

Giới không bị hạn chế vì lợi ấy là thế nào? Ở đây, có người do nhân lợi, do duyên lợi, do động cơ lợi vẫn không khởi tâm vi phạm điều học đã được thọ trì, vậy vị ấy sẽ vi phạm điều gì? Đây chính là giới không bị hạn chế vì lợi.

Giới không bị hạn chế vì danh ấy là thế nào? Ở đây, có người do nhân danh vọng, do duyên danh vọng, do động cơ danh vọng vẫn không khởi tâm vi phạm điều học đã được thọ trì, vậy vị ấy sẽ vi phạm điều gì? Đây chính là giới không bị hạn chế vì danh.

Giới không bị hạn chế vì thân quyến ấy là thế nào? Ở đây, có người do nhân thân quyến, do duyên thân quyến, do động cơ thân quyến vẫn không khởi tâm vi phạm điều học đã thọ trì, vậy vị ấy sẽ vi phạm điều gì? Đây chính là giới không bị hạn chế vì thân quyến.

Giới không bị hạn chế vì chi phần [thân thể] ấy là thế nào? Ở đây, có người do nhân chi phần [thân thể], do duyên chi phần [thân thể], do động cơ chi phần [thân thể] vẫn không khởi tâm vi phạm điều học đã được thọ trì, vậy vị ấy sẽ vi phạm điều gì? Đây chính là giới không bị hạn chế vì chi phần [thân thể].

Giới không bị hạn chế vì mạng sống ấy là thế nào? Ở đây, có người do nhân mạng sống, do duyên mạng sống, do động cơ mạng sống vẫn không khởi tâm vi phạm điều học đã được thọ trì, vậy vị ấy sẽ vi phạm điều gì? Đây chính là giới không bị hạn chế vì mạng sống.

Các giới có hình thức như vậy là không bị sứt mẻ, không bị đổ vỡ, không có các vết lấm, không có các đốm nhơ, làm cho giải thoát, được các bậc trí ngợi khen, không bị tiêm nhiễm, đưa đến định, là các nền tảng cho sự không ăn năn, là các nền tảng cho sự hân hoan, là các nền tảng cho hỷ, là các nền tảng cho tịnh, là các nền tảng cho lạc, là các nền tảng cho định, là các nền tảng cho sự biết và thấy đúng theo thực thể, đưa đến sự nhàm chán toàn diện, sự ly tham ái, sự diệt tận, sự an tịnh, thắng trí, sự giác ngộ hoàn toàn, Niết-bàn. Đây là giới không bị hạn chế ấy.

Giới là gì? Có bao nhiêu loại giới? Giới có nguồn sanh khởi là gì? Giới có sự liên kết với bao nhiêu pháp?

Giới là gì? Sự cố ý là giới, thuộc về tâm là giới, sự thu thúc là giới, sự không vi phạm là giới.

Có bao nhiêu loại giới? Có ba loại giới: Thiện giới, bất thiện giới, vô ký giới.

Giới có nguồn sanh khởi là gì? Thiện giới có nguồn sanh khởi là các tâm thiện, bất thiện giới có nguồn sanh khởi là các tâm bất thiện, vô ký giới có nguồn sanh khởi là các tâm vô ký.

Giới có sự liên kết với bao nhiêu pháp? Giới có sự liên kết với sự thu thúc, giới có sự liên kết với sự không vi phạm, giới có sự liên kết với sự cố ý đã sanh lên trong trường hợp như thế.

Sự giết hại sanh mạng theo ý nghĩa thu thúc là giới, theo ý nghĩa không vi phạm là giới. Trộm cắp theo ý nghĩa thu thúc là giới, theo ý nghĩa không vi phạm là giới. Hành động sai trái trong các dục theo ý nghĩa thu thúc là giới, theo ý nghĩa không vi phạm là giới. Nói láo theo ý nghĩa thu thúc là giới, theo ý nghĩa không vi phạm là giới. Nói đâm thọc theo ý nghĩa thu thúc là giới, theo ý nghĩa không vi phạm là giới. Nói độc ác theo ý nghĩa thu thúc là giới, theo ý nghĩa không vi phạm là giới. Nói nhảm nhí theo ý nghĩa thu thúc là giới, theo ý nghĩa không vi phạm là giới. Tham ác theo ý nghĩa thu thúc là giới, theo ý nghĩa không vi phạm là giới. Sân độc theo ý nghĩa thu thúc là giới, theo ý nghĩa không vi phạm là giới. Tà kiến theo ý nghĩa thu thúc là giới, theo ý nghĩa không vi phạm là giới.

Do sự thoát ly, sự ước muốn trong các dục theo ý nghĩa thu thúc là giới, theo ý nghĩa không vi phạm là giới. Do sự không sân độc, sự sân độc theo ý nghĩa thu thúc là giới, theo ý nghĩa không vi phạm là giới. Do sự nghĩ tưởng đến ánh sáng, sự lờ đờ buồn ngủ... (nt)... Do sự không tản mạn, sự phóng dật... (nt)... Do sự xác định pháp, sự hoài nghi... (nt)... Do trí, vô minh... (nt)... Do sự hân hoan, sự không hứng thú theo ý nghĩa thu thúc là giới, theo ý nghĩa không vi phạm là giới.

Do Sơ thiền, các pháp ngăn che... (nt)... Do Nhị thiền, tầm tứ... (nt)… Do Tam thiền, hỷ... Do Tứ thiền, lạc và khổ... Do sự chứng đạt Không vô biên xứ, sự nghĩ tưởng về sắc, nghĩ tưởng về bất bình, nghĩ tưởng về sự khác biệt... Do sự chứng đạt Thức vô biên xứ, sự nghĩ tưởng về Không vô biên xứ... Do sự chứng đạt Vô sở hữu xứ, sự nghĩ tưởng về Thức vô biên xứ... Do sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ, sự nghĩ tưởng về Vô sở hữu xứ... (nt)...

Do quán xét về vô thường, sự nghĩ tưởng về thường còn... (nt)... Do quán xét về khổ, sự nghĩ tưởng về lạc... (nt)... Do quán xét về vô ngã, sự nghĩ tưởng về ngã... Do quán xét về nhàm chán, sự vui thích... Do quán xét về ly tham ái, tham ái... Do quán xét về diệt tận, nhân sanh khởi... Do quán xét về từ bỏ, sự nắm giữ... Do quán xét về đoạn tận, sự nghĩ tưởng về sự tiếp nối... Do quán xét về biến hoại, [nghiệp] tích lũy... Do quán xét về chuyển biến, sự nghĩ tưởng về

vững chắc... Do quán xét về vô tướng, hiện tướng... Do quán xét về vô nguyện, sự nguyện ước... Do quán xét về không tánh, sự cố chấp... Do minh sát các pháp bằng thắng tuệ, sự cố chấp trong việc chấp giữ mãnh lực [của lòng ham muốn là thường còn]... Do quán xét về sự biết và thấy đúng theo thực thể, sự cố chấp vào sự lầm lẫn... Do quán xét về tai hại, sự cố chấp vào sự nương tựa... Do quán xét về phân biệt rõ, sự không phân biệt rõ... (nt)... Do quán xét về ly khai, sự cố chấp vào sự ràng buộc... (nt)...

Do đạo Nhập lưu, các phiền não thuần về tà kiến... (nt)... Do đạo Nhất lai, các phiền não thô thiển... Do đạo Bất lai, các phiền não có tính chất vi tế... Do đạo A-la-hán, toàn bộ phiền não theo ý nghĩa thu thúc là giới, theo ý nghĩa không vi phạm là giới.

Năm loại giới: Đối với việc giết hại mạng sống, sự dứt bỏ là giới, sự ngăn ngừa là giới, sự cố ý là giới, sự thu thúc là giới, sự không vi phạm là giới. Các giới có hình thức như vậy đưa đến sự không ăn năn của tâm, đưa đến sự hân hoan, đưa đến hỷ, đưa đến tịnh, đưa đến tâm vui mừng, đưa đến sự rèn luyện, đưa đến sự tu tập, đưa đến hành động được sung mãn, đưa đến việc thực hiện được đầy đủ, đưa đến điều thiết yếu, đưa đến điều phụ trợ, đưa đến sự vẹn toàn, đưa đến sự nhàm chán toàn diện, đưa đến ly tham ái, đưa đến sự diệt tận, đưa đến sự an tịnh, đưa đến thắng trí, đưa đến sự giác ngộ hoàn toàn, đưa đến Niết-bàn.

Sự thanh tịnh do thu thúc đối với các giới có hình thức như vậy là thắng giới. Tâm trụ vào sự thanh tịnh do thu thúc không đi đến tản mạn, sự thanh tịnh do không tản mạn là thắng tâm. [Hành giả] nhận thấy một cách đúng đắn sự thanh tịnh do thu thúc, nhận thấy một cách đúng đắn sự thanh tịnh do không tản mạn, sự thanh tịnh trong sự nhận thấy là thắng tuệ. Ở đây, việc nào có ý nghĩa thu thúc, việc ấy là sự học tập về thắng giới. Ở đây, việc nào có ý nghĩa không tản mạn, việc ấy là sự học tập về thắng tâm. Ở đây, việc nào có ý nghĩa nhận thấy, việc ấy là sự học tập về thắng tuệ.

Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này, vị ấy học tập. Trong khi nhận biết, vị ấy học tập. Trong khi nhận thấy, vị ấy học tập.

Trong khi quán xét lại, vị ấy học tập. Trong khi khẳng định tâm, vị ấy học tập. Trong khi hướng đến đức tin, vị ấy học tập. Trong khi ra sức tinh tấn, vị ấy học tập. Trong khi thiết lập niệm, vị ấy học tập. Trong khi tập trung tâm, vị ấy học tập. Trong khi nhận biết bởi tuệ, vị ấy học tập. Trong khi biết rõ điều cần được biết rõ, vị ấy học tập. Trong khi biết toàn diện điều cần được biết toàn diện, vị ấy học tập. Trong khi dứt bỏ điều cần được dứt bỏ, vị ấy học tập. Trong khi tu tập điều cần được tu tập, vị ấy học tập. Trong khi tác chứng điều cần được tác chứng, vị ấy học tập.

Năm loại giới: Đối với trộm cắp... (nt)... Đối với hành động sai trái trong các dục... (nt)... Đối với lời nói láo... Đối với lời nói đâm thọc... Đối với lời nói độc ác... Đối với lời nói nhảm nhí... Đối với tham ác... Đối với sân độc... Đối

với tà kiến... (nt)... Do sự thoát ly, đối với ước muốn trong các dục... (nt)... Do sự không sân độc, đối với sân độc... Do sự nghĩ tưởng đến ánh sáng, đối với sự lờ đờ buồn ngủ... Do sự không tản mạn, đối với sự phóng dật... Do sự xác định pháp, đối với sự hoài nghi... Do trí, đối với vô minh... Do sự hân hoan, đối với sự không hứng thú... (nt)...

Do Sơ thiền, đối với các pháp ngăn che... (nt)... Do Nhị thiền, đối với tầm tứ... (nt)... Do Tam thiền, đối với hỷ... Do Tứ thiền, đối với lạc và khổ... Do sự chứng đạt Không vô biên xứ, đối với sự nghĩ tưởng về sắc, nghĩ tưởng về bất bình, nghĩ tưởng về sự khác biệt... Do sự chứng đạt Thức vô biên xứ, đối với sự nghĩ tưởng về Không vô biên xứ... Do sự chứng đạt Vô sở hữu xứ, đối với sự nghĩ tưởng về Thức vô biên xứ... Do sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đối với sự nghĩ tưởng về Vô sở hữu xứ... (nt)...

Do quán xét về vô thường, đối với sự nghĩ tưởng về thường còn... (nt)... Do quán xét về khổ não, đối với sự nghĩ tưởng về lạc... Do quán xét về vô ngã, đối với sự nghĩ tưởng về ngã... Do quán xét về nhàm chán, đối với sự vui thích... Do quán xét về ly tham ái, đối với tham ái... Do quán xét về diệt tận, đối với nhân sanh khởi... Do quán xét về từ bỏ, đối với sự nắm giữ... Do quán xét về đoạn tận, đối với sự nghĩ tưởng về sự tiếp nối... Do quán xét về biến hoại, đối với [nghiệp] tích lũy... Do quán xét về chuyển biến, đối với sự nghĩ tưởng về sự vững chắc... Do quán xét về vô tướng, đối với hiện tướng... Do quán xét về vô nguyện, đối với sự nguyện ước... Do quán xét về không tánh, đối với sự cố chấp... Do minh sát các pháp bằng thắng tuệ, đối với sự cố chấp trong việc chấp giữ mãnh lực [của lòng ham muốn là thường còn]... Do quán xét về sự biết và thấy đúng theo thực thể, đối với cố chấp vào sự lầm lẫn... Do quán xét về tai hại, đối với sự cố chấp vào sự nương tựa... Do quán xét về phân biệt rõ, đối với sự không phân biệt rõ... Do quán xét về ly khai, đối với sự cố chấp vào sự ràng buộc... (nt)...

Do đạo Nhập lưu, đối với các phiền não thuần về tà kiến... (nt)... Do đạo Nhất lai, đối với các phiền não thô thiển... (nt)... Do đạo Bất lai, đối với các phiền não có tính chất vi tế... (nt)... Do đạo A-la-hán, đối với toàn bộ phiền não, sự dứt bỏ là giới, sự ngăn ngừa là giới, sự cố ý là giới, sự thu thúc là giới, sự không vi phạm là giới. Các giới có hình thức như vậy đưa đến sự không ăn năn, đưa đến sự hân hoan, đưa đến hỷ, đưa đến tịnh, đưa đến tâm vui mừng, đưa đến sự rèn luyện, đưa đến sự tu tập, đưa đến hành động được sung mãn, đưa đến việc thực hiện được đầy đủ, đưa đến điều thiết yếu, đưa đến điều phụ trợ, đưa đến sự vẹn toàn, đưa đến sự nhàm chán toàn diện, đưa đến ly tham ái, đưa đến sự diệt tận, đưa đến sự an tịnh, đưa đến thắng trí, đưa đến sự giác ngộ hoàn toàn, đưa đến Niết-bàn.

Đối với các giới có hình thức như vậy, sự thanh tịnh do thu thúc là thắng giới. Tâm đã được trụ vào sự thanh tịnh do thu thúc không đi đến tản mạn, sự thanh tịnh do không tản mạn là thắng tâm. [Hành giả] nhận thấy một cách đúng đắn sự thanh tịnh do thu thúc, nhận thấy một cách đúng đắn sự thanh tịnh do

không tản mạn, sự thanh tịnh trong sự nhận thấy là thắng tuệ. Ở đây, việc nào có ý nghĩa thu thúc, việc ấy là sự học tập về thắng giới. Ở đây, việc nào có ý nghĩa không tản mạn, việc ấy là sự học tập về thắng tâm. Ở đây, việc nào có ý nghĩa nhận thấy, việc ấy là sự học tập về thắng tuệ.

Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này, vị ấy học tập. Trong khi nhận biết, vị ấy học tập. Trong khi nhận thấy,... Trong khi quán xét lại,... Trong khi khẳng định tâm,... Trong khi hướng đến đức tin,... Trong khi ra sức tinh tấn,... Trong khi thiết lập niệm,... Trong khi tập trung tâm,... Trong khi nhận biết bởi tuệ,... Trong khi biết rõ điều cần được biết rõ,... Trong khi biết toàn diện điều cần được biết toàn diện,... Trong khi dứt bỏ điều cần được dứt bỏ,... Trong khi tác chứng điều cần được tác chứng, vị ấy học tập. Trong khi tu tập điều cần được tu tập, vị ấy học tập.

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Sau khi đã nghe, tuệ về sự thu thúc là trí về yếu tố tạo thành giới."

Dứt phần giải thích "Trí về yếu tố tạo thành giới."

3. TRÍ VỀ YẾU TỐ TẠO THÀNH VIỆC TU TẬP ĐỊNH
(*Samādhibhāvanāmayañāṇaṃ*)

Sau khi đã thu thúc, tuệ về sự tập trung là trí về yếu tố tạo thành việc tu tập định là [có ý nghĩa] thế nào?

Một loại định: Là trạng thái chuyên nhất của tâm.

Hai loại định: Là định thuộc thế gian và định vượt trên thế gian.

Ba loại định: Là định có tầm có tứ, định không tầm có tứ, định không tầm không tứ.

Bốn loại định: Là định đưa đến giảm thiểu (định đưa đến thoái hóa), định đưa đến bền vững, định đưa đến thù thắng, định đưa đến thấu triệt.

Năm loại định: Là trạng thái lan tỏa của hỷ, trạng thái lan tỏa của lạc, trạng thái lan tỏa của xả, trạng thái lan tỏa của ánh sáng, hiện tướng của sự quán xét lại.

Sáu loại định: Là định có sự không tản mạn và có trạng thái chuyên nhất của tâm do năng lực của việc tưởng niệm đến [ân đức] Phật, định có sự không tản mạn và có trạng thái chuyên nhất của tâm do năng lực của việc tưởng niệm đến [ân đức] Pháp, định có sự không tản mạn và có trạng thái chuyên nhất của tâm do năng lực của việc tưởng niệm đến [ân đức] Tăng, định có sự không tản mạn và có trạng thái chuyên nhất của tâm do năng lực của việc tưởng niệm đến [đức tính của] giới, định có sự không tản mạn và có trạng thái chuyên nhất của tâm do năng lực của việc tưởng niệm đến [đức tính của] sự xả bỏ, định có sự không tản mạn và có trạng thái chuyên nhất của tâm do năng lực của việc tưởng niệm đến [đức tính của] chư thiên.

Bảy loại định: Là thiện xảo trong định, thiện xảo trong việc thể nhập định, thiện xảo trong việc duy trì định, thiện xảo trong việc ra khỏi định, thiện xảo về thể chất của định, thiện xảo về hành xứ của định, thiện xảo về sự quả quyết của định.

Tám loại định: Là định có sự không tản mạn và có trạng thái chuyên nhất của tâm do năng lực của đề mục đất,... do năng lực của đề mục nước,... do năng lực của đề mục lửa,... do năng lực của đề mục gió,... do năng lực của đề mục xanh,... do năng lực của đề mục vàng,... do năng lực của đề mục đỏ,... do năng lực của đề mục trắng.

Chín loại định: Là định sắc giới có hạng thấp kém, có hạng trung bình, có hạng cao quý; định vô sắc giới có hạng thấp kém, có hạng trung bình, có hạng cao quý; không tánh định, vô tướng định, vô nguyện định.

Mười loại định: Là định có sự không tản mạn và có trạng thái chuyên nhất của tâm do năng lực của tưởng về sự sình trương [của xác chết],... do năng lực của tưởng về sự đổi màu xanh [của xác chết],... do năng lực của tưởng về sự chảy nước vàng [của xác chết],... do năng lực của tưởng về sự nứt nẻ [của xác chết],... do năng lực của tưởng về sự bị [thú] gặm nhấm [của xác chết],... do năng lực của tưởng về sự bị hoại rã [của xác chết],... do năng lực của tưởng về sự bị cắt đứt lìa [của xác chết],... do năng lực của tưởng về máu me [của xác chết],... do năng lực của tưởng về giòi bọ [của xác chết], định có sự không tản mạn và có trạng thái chuyên nhất của tâm do năng lực của tưởng về bộ xương khô [của xác chết].

Đây là năm mươi lăm loại định.

Hơn nữa, còn có hai mươi lăm ý nghĩa về định của định: Định theo ý nghĩa gìn giữ, định theo ý nghĩa hoàn bị, (định theo ý nghĩa phụ trợ) định theo ý nghĩa chuyên nhất, định theo ý nghĩa không tản mạn, định theo ý nghĩa ra sức, định theo ý nghĩa không tán loạn, định theo ý nghĩa không xao động, định theo ý nghĩa không loạn động, định theo ý nghĩa giải thoát, định có sự trụ vững của tâm do năng lực thiết lập tính nhất thể, "tầm cầu sự thuần chủng" là định, "không tầm cầu sự không thuần chủng" là định, trạng thái đã tầm cầu sự thuần chủng là định, trạng thái đã không tầm cầu sự không thuần chủng là định, "nắm giữ sự thuần chủng" là định, "không nắm giữ sự không thuần chủng" là định, trạng thái đã nắm giữ sự thuần chủng là định, trạng thái đã không nắm giữ sự không thuần chủng là định, "thực hành sự thuần chủng" là định, "không thực hành sự không thuần chủng" là định, trạng thái đã thực hành sự thuần chủng là định, trạng thái đã không thực hành sự không thuần chủng là định, "tham thiền sự thuần chủng" là định, "làm cho thiêu đốt sự không thuần chủng" là định, trạng thái đã tham thiền sự thuần chủng là định, trạng thái đã làm cho thiêu đốt sự không thuần chủng là định. Đây là hai mươi lăm ý nghĩa về định của định.

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì

gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Sau khi đã thu thúc, tuệ về sự tập trung là trí về yếu tố tạo thành việc tu tập định."

Dứt phần giải thích "Trí về yếu tố tạo thành việc tu tập định."

4. TRÍ VỀ SỰ HIỆN DIỆN CỦA CÁC PHÁP (*Dhammaṭṭhitiñāṇaṃ*)

Tuệ về việc nắm giữ duyên là trí về sự hiện diện của các pháp là [có ý nghĩa] thế nào?

"Đối với các hành, vô minh là sự hiện diện của sự sanh lên, là sự hiện diện của sự vận hành, là sự hiện diện của hiện tướng, là sự hiện diện của [nghiệp] tích lũy, là sự hiện diện của sự ràng buộc, là sự hiện diện của sự vướng bận, là sự hiện diện của sự sanh khởi, là sự hiện diện của nhân và là sự hiện diện của duyên. Do chín biểu hiện này, vô minh là duyên, các hành được sanh lên do duyên, luôn cả hai pháp này được sanh lên do duyên"; tuệ về việc nắm giữ duyên là trí về sự hiện diện của các pháp là vậy.

"Ngay cả trong thời quá khứ, ngay cả trong thời vị lai, đối với các hành, vô minh là sự hiện diện của sự sanh lên, là sự hiện diện của sự vận hành, là sự hiện diện của hiện tướng, là sự hiện diện của [nghiệp] tích lũy, là sự hiện diện của sự ràng buộc, là sự hiện diện của sự vướng bận, là sự hiện diện của sự sanh khởi, là sự hiện diện của nhân và là sự hiện diện của duyên. Do chín biểu hiện này, vô minh là duyên, các hành được sanh lên do duyên, luôn cả hai pháp này được sanh lên do duyên"; tuệ về việc nắm giữ duyên là trí về sự hiện diện của các pháp là vậy.

"Đối với thức, các hành... (nt)... Đối với danh sắc, thức... (nt)... Đối với sáu xứ, danh sắc... (nt)... Đối với xúc, sáu xứ... (nt)... Đối với thọ, xúc... (nt)... Đối với ái, thọ... (nt)... Đối với thủ, ái... (nt)... Đối với hữu, thủ... (nt)... Đối với sanh, hữu... (nt)... Đối với lão tử, sanh là sự hiện diện của sự sanh lên, là sự hiện diện của sự vận hành, là sự hiện diện của hiện tướng, là sự hiện diện của [nghiệp] tích lũy, là sự hiện diện của sự ràng buộc, là sự hiện diện của sự vướng bận, là sự hiện diện của sự sanh khởi, là sự hiện diện của nhân và là sự hiện diện của duyên. Do chín biểu hiện này, sanh là duyên, lão tử được sanh lên do duyên, luôn cả hai pháp này được sanh lên do duyên"; tuệ về việc nắm giữ duyên là trí về sự hiện diện của các pháp là vậy.

"Ngay cả trong thời quá khứ, ngay cả trong thời vị lai, đối với các hành, sanh là sự hiện diện của sự sanh lên, là sự hiện diện của sự vận hành, là sự hiện diện của hiện tướng, là sự hiện diện của [nghiệp] tích lũy, là sự hiện diện của sự ràng buộc, là sự hiện diện của sự vướng bận, là sự hiện diện của sự sanh khởi, là sự hiện diện của nhân và là sự hiện diện của duyên. Do chín biểu hiện này, sanh là duyên, lão tử được sanh lên do duyên, luôn cả hai pháp này được sanh lên do duyên", tuệ về việc nắm giữ duyên là trí về sự hiện diện của các pháp là vậy.

"Vô minh là nhân, các hành được sanh lên do nhân, luôn cả hai pháp này được sanh lên do nhân"; tuệ về việc nắm giữ duyên là trí về sự hiện diện của

các pháp là vậy. "Ngay cả trong thời quá khứ, ngay cả trong thời vị lai, vô minh là nhân, các hành được sanh lên do nhân, luôn cả hai pháp này được sanh lên do nhân"; tuệ về việc nắm giữ duyên là trí về sự hiện diện của các pháp là vậy.

"Các hành là nhân, thức được sanh lên do nhân,... "Thức là nhân, danh sắc được sanh lên do nhân,... "Danh sắc là nhân, sáu xứ được sanh lên do nhân,... "Sáu xứ là nhân, xúc được sanh lên do nhân,... "Xúc là nhân, thọ được sanh lên do nhân,... "Thọ là nhân, ái được sanh lên do nhân,... "Ái là nhân, thủ được sanh lên do nhân,... "Thủ là nhân, hữu được sanh lên do nhân,... "Hữu là nhân, sanh được sanh lên do nhân,... "Sanh là nhân, lão tử được sanh lên do nhân, luôn cả hai pháp này được sanh lên do nhân"; tuệ về việc nắm giữ duyên là trí về sự hiện diện của các pháp là vậy. "Ngay cả trong thời quá khứ, ngay cả trong thời vị lai, sanh là nhân, lão tử được sanh lên do nhân, luôn cả hai pháp này được sanh lên do nhân"; tuệ về việc nắm giữ duyên là trí về sự hiện diện của các pháp là vậy.

"Tùy thuận vô minh, các hành được tùy thuận sanh lên, luôn cả hai pháp này được tùy thuận sanh lên"; tuệ về việc nắm giữ duyên là trí về sự hiện diện của các pháp là vậy. "Ngay cả trong thời quá khứ, ngay cả trong thời vị lai, tùy thuận vô minh, các hành được tùy thuận sanh lên, luôn cả hai pháp này được tùy thuận sanh lên"; tuệ về việc nắm giữ duyên là trí về sự hiện diện của các pháp là vậy.

"Tùy thuận các hành, thức được tùy thuận sanh lên,... (nt)... "Tùy thuận thức, danh sắc được tùy thuận sanh lên,... (nt)... "Tùy thuận danh sắc, sáu xứ được tùy thuận sanh lên,... (nt)... "Tùy thuận sáu xứ, xúc được tùy thuận sanh lên,... (nt)... "Tùy thuận xúc, thọ được tùy thuận sanh lên,... (nt)... "Tùy thuận thọ, ái được tùy thuận sanh lên,... (nt)... "Tùy thuận ái, thủ được tùy thuận sanh lên,... (nt)... "Tùy thuận thủ, hữu được tùy thuận sanh lên,... (nt)... "Tùy thuận hữu, sanh được tùy thuận sanh lên,... (nt)... "Tùy thuận sanh, lão tử được tùy thuận sanh lên, luôn cả hai pháp này được tùy thuận sanh lên"; tuệ về việc nắm giữ duyên là trí về sự hiện diện của các pháp là vậy. "Ngay cả trong thời quá khứ, ngay cả trong thời vị lai, tùy thuận sanh, lão tử được tùy thuận sanh lên, luôn cả hai pháp này được tùy thuận sanh lên"; tuệ về việc nắm giữ duyên là trí về sự hiện diện của các pháp là vậy.

"Vô minh là duyên, các hành được sanh lên do duyên, luôn cả hai pháp này được sanh lên do duyên"; tuệ về việc nắm giữ duyên là trí về sự hiện diện của các pháp là vậy. "Ngay cả trong thời quá khứ, ngay cả trong thời vị lai, vô minh là duyên, các hành được sanh lên do duyên, luôn cả hai pháp này được sanh lên do duyên"; tuệ về việc nắm giữ duyên là trí về sự hiện diện của các pháp là vậy.

"Các hành là duyên, thức được sanh lên do duyên,... (nt)... "Thức là duyên, danh sắc được sanh lên do duyên,... (nt)... "Danh sắc là duyên, sáu xứ được sanh lên do duyên,... (nt)... "Sáu xứ là duyên, xúc được sanh lên do duyên,... (nt)... "Xúc là duyên, thọ được sanh lên do duyên,... (nt)... "Thọ là duyên, ái được sanh lên do duyên,... (nt)... "Ái là duyên, thủ được sanh lên do duyên,...

(nt)... "Thủ là duyên, hữu được sanh lên do duyên,... (nt)... "Hữu là duyên, sanh được sanh lên do duyên,... (nt)... "Sanh là duyên, lão tử được sanh lên do duyên, luôn cả hai pháp này được sanh lên do duyên"; tuệ về việc nắm giữ duyên là trí về sự hiện diện của các pháp là vậy. "Ngay cả trong thời quá khứ, ngay cả trong thời vị lai, sanh là duyên, lão tử được sanh lên do duyên, luôn cả hai pháp này được sanh lên do duyên"; tuệ về việc nắm giữ duyên là trí về sự hiện diện của các pháp là vậy.

Về sự hiện hữu ở nghiệp quá khứ, si là vô minh, [nghiệp] tích lũy là các hành, sự ham thích là ái, sự đạt đến là thủ, sự cố ý là hữu; năm pháp này hiện diện ở nghiệp quá khứ [và] là duyên cho sự tái sanh ở thời hiện tại.

Trong thời hiện tại, sự tái sanh là thức, sự hạ sanh là danh sắc, sự hiển hiện là xứ, [hiện tượng] được chạm đến là xúc, [hiện tượng] được cảm nhận là thọ; năm pháp này hiện hữu trong sự sanh lên ở thời hiện tại [và] do duyên của nghiệp đã tạo trong quá khứ.

Do trạng thái chín muồi của các xứ trong thời hiện tại, si là vô minh, [nghiệp] tích lũy là các hành, sự ham thích là ái, sự đạt đến là thủ, sự cố ý là hữu; năm pháp này hiện diện ở nghiệp hiện tại [và] là duyên cho sự tái sanh ở thời vị lai.

Trong thời vị lai, sự tái sanh là thức, sự hạ sanh là danh sắc, sự hiển hiện là xứ, [hiện tượng] được chạm đến là xúc, [hiện tượng] được cảm nhận là thọ; năm pháp này hiện hữu trong sự sanh lên ở thời vị lai [và] do duyên của nghiệp đã tạo trong hiện tại.

Như thế [hành giả] biết, thấy, nhận biết, thấu triệt bốn phần tổng hợp này,[53] ba thời kỳ,[54] ba sự tiếp nối[55] là tùy thuận sanh khởi theo hai mươi biểu hiện.[56] Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về việc nắm giữ duyên là trí về sự hiện diện của các pháp."

Dứt phần giải thích "Trí về sự hiện diện của các pháp."

5. TRÍ VỀ SỰ THẤU HIỂU (*Sammasanañāṇaṃ*)

Sau khi đã tổng hợp các pháp trong [ba thời] quá khứ, hiện tại, vị lai, tuệ về sự xác định là trí về sự thấu hiểu là [có ý nghĩa] thế nào?

Bất cứ sắc nào thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai, nội phần hoặc ngoại phần, thô hoặc tế, thấp kém hoặc cao quý, là ở xa hoặc ở gần, [hành giả] xác định toàn bộ sắc ấy là vô thường, [đây là] một sự thấu hiểu; [hành giả] xác định toàn bộ sắc

---

[53] Bốn phần tổng hợp (*catusaṅkhepe*) là nhân quá khứ, quả hiện tại, nhân hiện tại, quả vị lai (*PsA*. I. 243).

[54] Ba thời kỳ (*tayo addhe*) là quá khứ, hiện tại, vị lai (*Sđd*.).

[55] Ba sự tiếp nối (*ti sandhiṃ*) là nhân quá khứ và quả hiện tại, quả hiện tại và nhân hiện tại, nhân hiện tại và quả vị lai (*PsA*. I. 243).

[56] Hai mươi biểu hiện (*vīsatiyā ākārehi*) được liệt kê ở 4 phần tổng hợp, mỗi phần có 5 biểu hiện; tổng cộng là 20 (*PsA*. I. 243).

ấy là khổ não, [đây là] một sự thấu hiểu; [hành giả] xác định toàn bộ sắc ấy là vô ngã, [đây là] một sự thấu hiểu.

Bất cứ thọ nào... (nt)... Bất cứ tưởng nào... (nt)... Bất cứ các hành nào... (nt)... Bất cứ thức nào thuộc quá khứ, hiện tại, hoặc vị lai, nội phần hoặc ngoại phần, thô hoặc tế, thấp kém hoặc cao quý, là ở xa hoặc gần, [hành giả] xác định toàn bộ thức ấy là vô thường, [đây là] một sự thấu hiểu; [hành giả] xác định toàn bộ thức ấy là khổ não, [đây là] một sự thấu hiểu; [hành giả] xác định toàn bộ thức ấy là vô ngã, [đây là] một sự thấu hiểu.

Mắt... (nt)... Lão tử thuộc quá khứ, hiện tại, hoặc vị lai,... [hành giả] xác định là vô thường, [đây là] một sự thấu hiểu; [hành giả] xác định là khổ não, [đây là] một sự thấu hiểu; [hành giả] xác định là vô ngã, [đây là] một sự thấu hiểu.

Sau khi đã tổng hợp rằng: "Sắc thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai là vô thường theo ý nghĩa đoạn tận, là khổ não theo ý nghĩa kinh hãi, là vô ngã theo ý nghĩa không có cốt lõi", tuệ về sự xác định là trí về sự thấu hiểu. Sau khi đã tổng hợp rằng: "Thọ... (nt)... "Tưởng... (nt)... "Các hành... (nt)... "Thức... (nt)... "Mắt... (nt)... Sau khi đã tổng hợp rằng: "Lão tử thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai là vô thường theo ý nghĩa đoạn tận, là khổ não theo ý nghĩa kinh hãi, là vô ngã theo ý nghĩa không có cốt lõi", tuệ về sự xác định là trí về sự thấu hiểu.

Sau khi đã tổng hợp rằng: "Sắc thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai là vô thường, là pháp hữu vi, được tùy thuận sanh khởi, là pháp của sự đoạn tận, là pháp của sự biến hoại, là pháp của sự ly tham ái, là pháp của sự diệt tận", tuệ về sự xác định là trí về sự thấu hiểu. Sau khi đã tổng hợp rằng: "Thọ... (nt)... "Tưởng... (nt)... "Các hành... (nt)... "Thức... (nt)... "Mắt... (nt)... Sau khi đã tổng hợp rằng: "Lão tử thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai là vô thường, là pháp hữu vi, được tùy thuận sanh khởi, là pháp của sự đoạn tận, là pháp của sự biến hoại, là pháp của sự ly tham ái, là pháp của sự diệt tận", tuệ về sự xác định là trí về sự thấu hiểu.

Sau khi đã tổng hợp rằng: "Lão tử do duyên là sanh, nếu không có sự sanh thì không có lão tử", tuệ về sự xác định là trí về sự thấu hiểu. Sau khi đã tổng hợp rằng: "Ngay cả trong thời quá khứ, ngay cả trong thời vị lai, lão tử do duyên là sanh, nếu không có sự sanh thì không có lão tử", tuệ về sự xác định là trí về sự thấu hiểu.

Sau khi đã tổng hợp rằng: "Sanh do duyên là hữu, nếu không có... (nt)... "Hữu do duyên là thủ, nếu không có... (nt)... "Thủ do duyên là ái, nếu không có... (nt)... "Ái do duyên là thọ, nếu không có... (nt)... "Thọ do duyên là xúc, nếu không có... (nt)... "Xúc do duyên là sáu xứ, nếu không có... (nt)... "Sáu xứ do duyên là danh sắc, nếu không có... (nt)... "Danh sắc do duyên là thức, nếu không có... (nt)... "Thức do duyên là các hành, nếu không có các hành... (nt)... "Các hành do duyên là vô minh, nếu không có vô minh thì không có các hành", tuệ về sự xác định là trí về sự thấu hiểu.

Sau khi đã tổng hợp rằng: “Ngay cả trong thời quá khứ xa xăm, ngay cả trong thời vị lai xa xăm, các hành do duyên là vô minh, nếu không có vô minh thì không có các hành”, tuệ về sự xác định là trí về sự thấu hiểu.

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: “Sau khi đã tổng hợp các pháp trong quá khứ, hiện tại, vị lai, tuệ về sự xác định là trí về sự thấu hiểu.”

Dứt phần giải thích “Trí về sự thấu hiểu” là phần thứ năm.

6. TRÍ VỀ SỰ SANH DIỆT (*Udayabbayañāṇaṃ*)

Tuệ về việc quán xét sự chuyển biến của các pháp đang hiện hữu là trí quán xét sự sanh diệt là [có ý nghĩa] thế nào?

Sắc được sanh lên là đang hiện hữu, hiện tướng tái tạo của pháp ấy là sự sanh, hiện tướng chuyển biến là sự diệt, sự quán xét là trí.

Thọ được sanh lên... (nt)... Tưởng được sanh lên... (nt)... Các hành được sanh lên... (nt)... Thức được sanh lên... (nt)... Mắt được sanh lên... (nt)... Hữu được sanh lên là đang hiện hữu, hiện tướng tái tạo của pháp ấy là sự sanh, hiện tướng chuyển biến là sự diệt, sự quán xét là trí.

Đối với năm uẩn, [hành giả] trong khi nhận thấy sự sanh thì nhận thấy bao nhiêu hiện tướng, trong khi nhận thấy sự diệt thì nhận thấy bao nhiêu hiện tướng, trong khi nhận thấy sự sanh diệt thì nhận thấy bao nhiêu hiện tướng?

Đối với năm uẩn, [hành giả] trong khi nhận thấy sự sanh thì nhận thấy hai mươi lăm hiện tướng, trong khi nhận thấy sự diệt thì nhận thấy hai mươi lăm hiện tướng, trong khi nhận thấy sự sanh diệt thì nhận thấy năm mươi hiện tướng.

Đối với sắc uẩn, [hành giả] trong khi nhận thấy sự sanh thì nhận thấy bao nhiêu hiện tướng, trong khi nhận thấy sự diệt thì nhận thấy bao nhiêu hiện tướng, trong khi nhận thấy sự sanh diệt thì nhận thấy bao nhiêu hiện tướng? Đối với thọ uẩn,... (nt)... Đối với tưởng uẩn,... (nt)... Đối với hành uẩn,... (nt)... Đối với thức uẩn,... (nt)...

Đối với sắc uẩn, [hành giả] trong khi nhận thấy sự sanh thì nhận thấy năm hiện tướng, trong khi nhận thấy sự diệt thì nhận thấy năm hiện tướng, trong khi nhận thấy sự sanh diệt thì nhận thấy mười hiện tướng. Đối với thọ uẩn,... (nt)... Đối với tưởng uẩn,... (nt)... Đối với hành uẩn,... (nt)... Đối với thức uẩn,... (nt)...

Đối với sắc uẩn, [hành giả] trong khi nhận thấy sự sanh thì nhận thấy năm hiện tướng gì? [Hành giả] nhận thấy sự sanh của sắc uẩn theo ý nghĩa của sự sanh khởi là do duyên: “Do sự sanh khởi của vô minh, có sự sanh khởi của sắc”, [hành giả] nhận thấy sự sanh của sắc uẩn theo ý nghĩa của sự sanh khởi là do duyên: “Do sự sanh khởi của ái, có sự sanh khởi của sắc”, [hành giả] nhận thấy sự sanh của sắc uẩn theo ý nghĩa của sự sanh khởi là do duyên: “Do sự sanh khởi của nghiệp, có sự sanh khởi của sắc”, [hành giả] nhận thấy sự sanh của sắc uẩn theo ý nghĩa của sự sanh khởi là do duyên: “Do sự sanh khởi của vật thực,

có sự sanh khởi của sắc", [hành giả] nhận thấy sự sanh của sắc uẩn ngay cả trong khi nhận thấy hiện tướng của sự tái tạo. Đối với sắc uẩn, [hành giả] trong khi nhận thấy sự sanh thì nhận thấy năm hiện tướng này.

[Đối với sắc uẩn], [hành giả] trong khi nhận thấy sự diệt thì nhận thấy năm hiện tướng gì? [Hành giả] nhận thấy sự diệt của sắc uẩn theo ý nghĩa của sự diệt tận là do duyên: "Do sự diệt tận của vô minh, có sự diệt tận của sắc", [hành giả] nhận thấy sự diệt của sắc uẩn theo ý nghĩa của sự diệt tận là do duyên: "Do sự diệt tận của ái, có sự diệt tận của sắc", [hành giả] nhận thấy sự diệt của sắc uẩn theo ý nghĩa của sự diệt tận là do duyên: "Do sự diệt tận của nghiệp, có sự diệt tận của sắc", [hành giả] nhận thấy sự diệt của sắc uẩn theo ý nghĩa của sự diệt tận là do duyên: "Do sự diệt tận của vật thực, có sự diệt tận của sắc", [hành giả] nhận thấy sự diệt của sắc uẩn ngay cả trong khi nhận thấy hiện tướng của sự chuyển biến. Đối với sắc uẩn, [hành giả] trong khi nhận thấy sự diệt thì nhận thấy năm hiện tướng này.

[Đối với sắc uẩn], trong khi nhận thấy sự sanh diệt, [hành giả] nhận thấy mười hiện tướng này.

Đối với thọ uẩn, [hành giả] trong khi nhận thấy sự sanh thì nhận thấy năm hiện tướng gì? [Hành giả] nhận thấy sự sanh của thọ uẩn theo ý nghĩa của sự sanh khởi là do duyên: "Do sự sanh khởi của vô minh, có sự sanh khởi của thọ",... "Do sự sanh khởi của ái, có sự sanh khởi của thọ",... "Do sự sanh khởi của nghiệp, có sự sanh khởi của thọ",... "Do sự sanh khởi của xúc, có sự sanh khởi của thọ", [hành giả] nhận thấy sự sanh của thọ uẩn ngay cả trong khi nhận thấy hiện tướng của sự tái tạo. Đối với thọ uẩn, [hành giả] trong khi nhận thấy sự sanh thì nhận thấy năm hiện tướng này.

[Đối với thọ uẩn], [hành giả] trong khi nhận thấy sự diệt thì nhận thấy năm hiện tướng gì? [Hành giả] nhận thấy sự diệt của thọ uẩn theo ý nghĩa của sự diệt tận là do duyên: "Do sự diệt tận của vô minh, có sự diệt tận của thọ",... "Do sự diệt tận của ái, có sự diệt tận của thọ",... "Do sự diệt tận của nghiệp, có sự diệt tận của thọ",... "Do sự diệt tận của xúc, có sự diệt tận của thọ", [hành giả] nhận thấy sự diệt của thọ uẩn ngay cả trong khi nhận thấy hiện tướng của sự chuyển biến. Đối với thọ uẩn, [hành giả] trong khi nhận thấy sự diệt thì nhận thấy năm hiện tướng này.

[Đối với thọ uẩn], trong khi nhận thấy sự sanh diệt, [hành giả] nhận thấy mười hiện tướng này.

Đối với tưởng uẩn,... (nt)… Đối với hành uẩn,... (nt)… Đối với thức uẩn, [hành giả] trong khi nhận thấy sự sanh thì nhận thấy năm hiện tướng gì? [Hành giả] nhận thấy sự sanh của thức uẩn theo ý nghĩa của sự sanh khởi là do duyên: "Do sự sanh khởi của vô minh, có sự sanh khởi của thức",... "Do sự sanh khởi của ái, có sự sanh khởi của thức",... "Do sự sanh khởi của nghiệp, có sự sanh khởi của thức",... "Do sự sanh khởi của danh và sắc, có sự sanh khởi của thức", [hành giả] nhận thấy sự sanh của thức uẩn ngay cả trong khi nhận thấy hiện

tướng của sự tái tạo. Đối với thức uẩn, [hành giả] trong khi nhận thấy sự sanh thì nhận thấy năm hiện tướng này.

[Đối với thức uẩn], [hành giả] trong khi nhận thấy sự diệt thì nhận thấy năm hiện tướng gì? [Hành giả] nhận thấy sự diệt của thức uẩn theo ý nghĩa của sự diệt tận là do duyên: "Do sự diệt tận của vô minh, có sự diệt tận của thức",... "Do sự diệt tận của ái, có sự diệt tận của thức",... "Do sự diệt tận của nghiệp, có sự diệt tận của thức",... "Do sự diệt tận của danh và sắc, có sự diệt tận của thức", [hành giả] nhận thấy sự diệt của thức uẩn ngay cả trong khi nhận thấy hiện tướng của sự chuyển biến. Đối với thức uẩn, [hành giả] trong khi nhận thấy sự diệt thì nhận thấy năm hiện tướng này.

[Đối với thức uẩn], trong khi nhận thấy sự sanh diệt, [hành giả] nhận thấy mười hiện tướng này.

Đối với năm uẩn, [hành giả] trong khi nhận thấy sự sanh thì nhận thấy hai mươi lăm hiện tướng này, trong khi nhận thấy sự diệt thì nhận thấy hai mươi lăm hiện tướng này, trong khi nhận thấy sự sanh diệt thì nhận thấy năm mươi hiện tướng này.

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về việc quán xét sự chuyển biến của các pháp đang hiện hữu là trí quán xét sự sanh diệt."

Sắc uẩn có sự sanh khởi là vật thực. Ba uẩn thọ, tưởng, hành có sự sanh khởi là xúc. Thức uẩn có sự sanh khởi là danh sắc.

Dứt phần giải thích "Trí về sự sanh diệt."

7. TRÍ QUÁN XÉT VỀ SỰ TAN RÃ (*Bhaṅgānupassanāñāṇaṃ*)

Sau khi đã phân biệt rõ đối tượng, tuệ về việc quán xét sự tan rã là trí về minh sát là [có ý nghĩa] thế nào?

Với sắc là đối tượng, tâm sanh lên rồi bị phân hủy. Sau khi đã phân biệt rõ đối tượng ấy, [hành giả] quán xét về sự tan rã của tâm ấy.

[Hành giả] quán xét: Quán xét là [có ý nghĩa] thế nào? Quán xét là vô thường, không phải là thường. Quán xét là khổ não, không phải là lạc. Quán xét là vô ngã, không phải là ngã. [Hành giả] nhàm chán, không vui thích. [Hành giả] ly tham ái, không tham ái. [Hành giả] làm cho diệt tận, không làm cho sanh khởi. [Hành giả] từ bỏ, không nắm giữ.

Trong khi quán xét là vô thường, [hành giả] dứt bỏ thường tưởng; trong khi quán xét là khổ não, [hành giả] dứt bỏ lạc tưởng; trong khi quán xét là vô ngã, [hành giả] dứt bỏ ngã tưởng; trong khi nhàm chán, [hành giả] dứt bỏ sự vui thích; trong khi ly tham ái, [hành giả] dứt bỏ tham ái; trong khi làm cho diệt tận, [hành giả] dứt bỏ sự sanh khởi; trong khi từ bỏ, [hành giả] dứt bỏ sự nắm giữ.

Với thọ là đối tượng,... (nt)... Với tưởng là đối tượng,... (nt)... Với các hành

là đối tượng,... (nt)... Với thức là đối tượng,... (nt)... Với mắt là đối tượng,... (nt)... Với lão tử là đối tượng, tâm sanh lên rồi bị phân hủy. Sau khi đã phân biệt rõ đối tượng ấy, [hành giả] quán xét sự tan rã của tâm ấy.

[Hành giả] quán xét, quán xét là [có ý nghĩa] thế nào? Quán xét là vô thường, không phải là thường. Quán xét là khổ não, không phải là lạc. Quán xét là vô ngã, không phải là ngã. [Hành giả] nhàm chán, không vui thích. [Hành giả] ly tham ái, không tham ái. [Hành giả] làm cho diệt tận, không làm cho sanh khởi. [Hành giả] từ bỏ, không nắm giữ.

Trong khi quán xét là vô thường, [hành giả] dứt bỏ thường tưởng; trong khi quán xét là khổ não, [hành giả] dứt bỏ lạc tưởng; trong khi quán xét là vô ngã, [hành giả] dứt bỏ ngã tưởng; trong khi nhàm chán, [hành giả] dứt bỏ sự vui thích; trong khi ly tham ái, [hành giả] dứt bỏ tham ái; trong khi làm cho diệt tận, [hành giả] dứt bỏ sự sanh khởi; trong khi từ bỏ, [hành giả] dứt bỏ sự nắm giữ.

1. Do tiếp cận sự việc, Và ly khai bằng tưởng,
Với lực do hướng tâm, Phân rõ là minh sát.
2. Với sự tiếp nối cảnh, Xác định chung cả hai,
Quyết đoán về diệt tận, Minh sát tướng hoại diệt.
3. Do phân biệt rõ cảnh, Quán xét sự tan rã,
Và thiết lập không tánh, Thắng tuệ là minh sát.
4. Thiện xảo ba quán xét,[57] Và về bốn minh sát,[58]
Thiện xảo ba thiết lập,[59] Không động vì tà kiến.

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Sau khi đã phân biệt rõ đối tượng, tuệ về việc quán xét sự tan rã là trí về minh sát."

Dứt phần giải thích "Trí quán xét về sự tan rã."

8. TRÍ VỀ ĐIỀU TAI HẠI (*Ādīnavañāṇaṃ*)

Tuệ về sự thiết lập của kinh hãi là trí về điều tai hại là [có ý nghĩa] thế nào?

Tuệ về sự thiết lập của kinh hãi rằng: "Sự tái sanh là kinh hãi" là trí về điều tai hại. Tuệ về sự thiết lập của kinh hãi rằng: "Sự vận hành là kinh hãi"... "Hiện tướng là kinh hãi"... "[Nghiệp] tích lũy là kinh hãi"... "Mầm tái sanh là kinh hãi"... "Cảnh giới tái sanh là kinh hãi"... "Sự tái tạo là kinh hãi"... "Sự sanh lên là kinh hãi"... "Sự sanh [ra] là kinh hãi"... "Sự già là kinh hãi"... "Sự bệnh là kinh hãi"... "Sự chết là kinh hãi"... "Sự sầu muộn là kinh hãi"... "Sự than vãn là kinh hãi"... "Sự thất vọng là kinh hãi" là trí về điều tai hại.

Trí về trạng thái bình yên rằng: "Sự không tái sanh là an ổn." Trí về trạng

[57] Quán xét về vô thường, khổ não và vô ngã (*PsA*. I. 260).
[58] Minh sát về nhàm chán, ly tham ái, làm cho diệt tận và từ bỏ (*Sđd.*).
[59] Thiện xảo về sự đoạn tận, sự biến hoại và không tánh (*Sđd.*).

thái bình yên rằng: "Sự không vận hành là an ổn." ... (nt)... Trí về trạng thái bình yên rằng: "Sự không thất vọng là an ổn."

Trí về trạng thái bình yên rằng: "Sự tái sanh là kinh hãi, sự không tái sanh là an ổn." Trí về trạng thái bình yên rằng: "Sự vận hành là kinh hãi, sự không vận hành là an ổn." ... (nt)… Trí về trạng thái bình yên rằng: "Sự thất vọng là kinh hãi, sự không thất vọng là an ổn."

Tuệ về sự thiết lập của kinh hãi rằng: "Sự tái sanh là khổ" là trí về điều tai hại. Tuệ về sự thiết lập của kinh hãi rằng: "Sự vận hành là khổ"... (nt)… "Sự thất vọng là khổ" là trí về điều tai hại.

Trí về trạng thái bình yên rằng: "Sự không tái sanh là lạc." Trí về trạng thái bình yên rằng: "Sự không vận hành là lạc." ... (nt)... Trí về trạng thái bình yên rằng: "Sự không thất vọng là lạc."

Trí về trạng thái bình yên rằng: "Sự tái sanh là khổ, sự không tái sanh là lạc." Trí về trạng thái bình yên rằng: "Sự vận hành là khổ, sự không vận hành là lạc." ... (nt)… Trí về trạng thái bình yên rằng: "Sự thất vọng là khổ, sự không thất vọng là lạc."

Tuệ về sự thiết lập của kinh hãi rằng: "Sự tái sanh là hệ lụy vật chất" là trí về điều tai hại. Tuệ về sự thiết lập của kinh hãi rằng: "Sự vận hành là hệ lụy vật chất." ... (nt)... "Sự thất vọng là hệ lụy vật chất" là trí về điều tai hại.

Trí về trạng thái bình yên rằng: "Sự không tái sanh là không hệ lụy vật chất." Trí về trạng thái bình yên rằng: "Sự không vận hành là không hệ lụy vật chất." ... (nt)... Trí về trạng thái bình yên rằng: "Sự không thất vọng là không hệ lụy vật chất."

Trí về trạng thái bình yên rằng: "Sự tái sanh là hệ lụy vật chất, sự không tái sanh là không hệ lụy vật chất." Trí về trạng thái bình yên rằng: "Sự vận hành là hệ lụy vật chất, sự không vận hành là không hệ lụy vật chất." ... (nt)... Trí về trạng thái bình yên rằng: "Sự thất vọng là hệ lụy vật chất, sự không thất vọng là không hệ lụy vật chất."

Tuệ về sự thiết lập của kinh hãi rằng: "Sự tái sanh là pháp hữu vi" là trí về điều tai hại. Tuệ về sự thiết lập của kinh hãi rằng: "Sự vận hành là pháp hữu vi"... (nt)... Tuệ về sự thiết lập của kinh hãi rằng: "Sự thất vọng là pháp hữu vi" là trí về điều tai hại.

Trí về trạng thái bình yên rằng: "Sự không tái sanh là Niết-bàn." Trí về trạng thái bình yên rằng: "Sự không vận hành là Niết-bàn." ... (nt)… Trí về trạng thái bình yên rằng: "Sự không thất vọng là Niết-bàn."

Trí về trạng thái bình yên rằng: "Sự tái sanh là pháp hữu vi, sự không tái sanh là Niết-bàn." Trí về trạng thái bình yên rằng: "Sự vận hành là pháp hữu vi, sự không vận hành là Niết-bàn." ... (nt)... Trí về trạng thái bình yên rằng: "Sự thất vọng là pháp hữu vi, sự không thất vọng là Niết-bàn."

1.	Vị nhận thức tái sanh, Mầm tái sanh là "khổ",	Vận hành, tướng, tích nghiệp, Trí này là tai hại.
2.	Không sanh, không vận hành, Không mầm sanh là "lạc",	Không tướng, không tích nghiệp, Trí này là bình yên.
3.	Đây trí về tai hại, Bình yên về năm nơi,[61] Người thiện xảo hai trí,[63]	Sanh lên ở năm chốn,[60] Vị nhận ra mười trí.[62] Không động vì tà kiến.

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về sự thiết lập của kinh hãi là trí về điều tai hại."

Dứt phần giải thích "Trí về điều tai hại."

9. TRÍ VỀ CÁC TRẠNG THÁI XẢ ĐỐI VỚI CÁC PHÁP HỮU VI (*Saṅkhārupekkhāñāṇaṃ*)

Tuệ về sự mong muốn giải thoát, về sự phân biệt rõ và về sự bình thản là trí về các trạng thái xả đối với các pháp hữu vi là [có ý nghĩa] thế nào?

Tuệ về sự mong muốn giải thoát, về sự phân biệt rõ và về sự bình thản đối với sự tái sanh là trí về các trạng thái xả đối với các pháp hữu vi. Tuệ về sự mong muốn giải thoát, về sự phân biệt rõ và về sự bình thản đối với sự vận hành... (nt)... đối với hiện tướng... (nt)... đối với [nghiệp] tích lũy... (nt)... đối với mầm tái sanh... (nt)... đối với cảnh giới tái sanh... (nt)... đối với sự tái tạo... (nt)... đối với sự sanh lên... (nt)... đối với sự sanh [ra]... (nt)... đối với sự già... (nt)... đối với sự bệnh... (nt)... đối với sự chết... (nt)... đối với sự sầu muộn... (nt)... đối với sự than vãn... (nt)... Tuệ về sự mong muốn giải thoát, về sự phân biệt rõ và về sự bình thản đối với sự thất vọng là trí về các trạng thái xả đối với các pháp hữu vi.

Tuệ về sự mong muốn giải thoát, về sự phân biệt rõ và về sự bình thản đối với "sự tái sanh là khổ" là trí về các trạng thái xả đối với các pháp hữu vi. Tuệ về sự mong muốn giải thoát, về sự phân biệt rõ và về sự bình thản đối với "sự vận hành là khổ"... (nt)... "sự thất vọng là khổ" là trí về các trạng thái xả đối với các pháp hữu vi.

Tuệ về sự mong muốn giải thoát, về sự phân biệt rõ và về sự bình thản đối với "sự tái sanh là kinh hãi" là trí về các trạng thái xả đối với các pháp hữu vi. Tuệ về sự mong muốn giải thoát, về sự phân biệt rõ và về sự bình thản đối với

[60] "Sanh lên ở năm chốn" được đề cập ở câu kệ thứ nhất, gồm có: Sự tái sanh, sự vận hành, hiện tướng, (nghiệp) tích lũy và mầm tái sanh.

[61] "Bình yên về năm nơi" được đề cập ở câu kệ thứ hai, gồm có: Sự không tái sanh, sự không vận hành, không hiện tướng, sự không (nghiệp) tích lũy và không mầm tái sanh.

[62] "Vị nhận ra mười trí" là nhận biết năm sự việc làm cho sanh khởi và năm sự việc không làm cho sanh khởi đã được liệt kê.

[63] "Người thiện xảo hai trí" là trí về sự tai hại và trí về trạng thái bình yên (*PsA*. I. 263-64).

"sự vận hành là kinh hãi"... (nt)... "sự thất vọng là kinh hãi" là trí về các trạng thái xả đối với các pháp hữu vi.

Tuệ về sự mong muốn giải thoát, về sự phân biệt rõ, và về sự bình thản đối với "sự tái sanh là hệ lụy vật chất" là trí về các trạng thái xả đối với các pháp hữu vi. Tuệ về sự mong muốn giải thoát, về sự phân biệt rõ và về sự bình thản đối với "sự vận hành là hệ lụy vật chất"... (nt)... "sự thất vọng là hệ lụy vật chất" là trí về các trạng thái xả đối với các pháp hữu vi.

Tuệ về sự mong muốn giải thoát, về sự phân biệt rõ và về sự bình thản đối với "sự tái sanh là pháp hữu vi" là trí về các trạng thái xả đối với các pháp hữu vi. Tuệ về sự mong muốn giải thoát, về sự phân biệt rõ và về sự bình thản đối với "sự vận hành là pháp hữu vi"... (nt)... "sự thất vọng là pháp hữu vi" là trí về các trạng thái xả đối với các pháp hữu vi.

"Sự tái sanh là pháp hữu vi, [hành giả] dửng dưng đối với các pháp hữu vi ấy", như thế là trạng thái xả đối với các pháp hữu vi. "Các pháp hữu vi và trạng thái xả, cả hai điều này đều là các pháp hữu vi, [hành giả] dửng dưng đối với các pháp hữu vi ấy", như thế là trạng thái xả đối với các pháp hữu vi.

"Sự vận hành là pháp hữu vi",... (nt)... "Hiện tướng là pháp hữu vi,... "[Nghiệp] tích lũy... "Mầm tái sanh... "Cảnh giới tái sanh... "Sự tái tạo... "Sự sanh lên... "Sự sanh [ra]... "Sự già... "Sự bệnh... "Sự chết... "Sự sầu muộn... "Sự than vãn... "Sự thất vọng là pháp hữu vi, [hành giả] dửng dưng đối với các pháp hữu vi ấy", như thế là trạng thái xả đối với các pháp hữu vi. "Các pháp hữu vi và trạng thái xả, cả hai điều này đều là các pháp hữu vi, [hành giả] dửng dưng đối với các pháp hữu vi ấy", như thế là trạng thái xả đối với các pháp hữu vi.

Sự quả quyết của tâm ở trạng thái xả đối với các pháp hữu vi là với bao nhiêu biểu hiện? Sự quả quyết của tâm ở trạng thái xả đối với các pháp hữu vi là với tám biểu hiện.

Đối với phàm nhân, sự quả quyết của tâm ở trạng thái xả đối với các pháp hữu vi là với bao nhiêu biểu hiện? Đối với vị Hữu học, sự quả quyết của tâm ở trạng thái xả đối với các pháp hữu vi là với bao nhiêu biểu hiện? Đối với vị đã lìa tham ái, sự quả quyết của tâm ở trạng thái xả đối với các pháp hữu vi là với bao nhiêu biểu hiện?

Đối với phàm nhân, sự quả quyết của tâm ở trạng thái xả đối với các pháp hữu vi là với hai biểu hiện. Đối với vị Hữu học, sự quả quyết của tâm... là với ba biểu hiện. Đối với vị đã lìa tham ái, sự quả quyết của tâm ở trạng thái xả đối với các pháp hữu vi là với ba biểu hiện.

Đối với phàm nhân, sự quả quyết của tâm ở trạng thái xả đối với các pháp hữu vi là với hai biểu hiện gì? Phàm nhân hoặc là thích thú trạng thái xả đối với các pháp hữu vi hoặc là minh sát [trạng thái ấy]. Đối với phàm nhân, sự quả quyết của tâm... là với hai biểu hiện này.

Đối với vị Hữu học, sự quả quyết của tâm... là với ba biểu hiện gì? Vị Hữu học hoặc là thích thú, hoặc là minh sát trạng thái xả đối với các pháp hữu vi, hoặc là phân biệt rõ rồi thể nhập thiền quả. Đối với vị Hữu học, sự quả quyết của tâm... là với ba biểu hiện này.

Đối với vị đã lìa tham ái, sự quả quyết của tâm... là với ba biểu hiện gì? Vị đã lìa tham ái hoặc là minh sát trạng thái xả đối với các pháp hữu vi, hoặc là phân biệt rõ rồi thể nhập thiền quả, hoặc là dửng dưng với điều ấy rồi an trú với sự an trú không tánh, với sự an trú vô tướng, hoặc với sự an trú vô nguyện. Đối với vị đã lìa tham ái, sự quả quyết của tâm... là với ba biểu hiện này.

Đối với phàm nhân và đối với vị Hữu học, sự quả quyết của tâm ở trạng thái xả đối với các pháp hữu vi có cùng một bản chất là thế nào? Đối với phàm nhân, trong khi thích thú trạng thái xả đối với các pháp hữu vi, tâm sẽ bị ô nhiễm, là sự ngăn trở cho việc tu tập, là chướng ngại cho sự thấu triệt, là duyên cho mầm tái sanh trong tương lai. Ngay cả đối với vị Hữu học, trong khi thích thú trạng thái xả đối với các pháp hữu vi, tâm sẽ bị ô nhiễm, là sự ngăn trở cho việc tu tập,... là duyên cho mầm tái sanh trong tương lai. Đối với phàm nhân và đối với vị Hữu học, sự quả quyết của tâm... có cùng một bản chất theo ý nghĩa thích thú là như vậy.

Đối với phàm nhân, đối với vị Hữu học và đối với vị đã lìa tham ái, sự quả quyết của tâm... có cùng một bản chất là thế nào? Phàm nhân minh sát trạng thái xả đối với các pháp hữu vi là vô thường, là khổ não, là vô ngã. Vị Hữu học cũng minh sát... là vô thường, là khổ não, là vô ngã. Vị đã lìa tham ái cũng minh sát trạng thái xả đối với các pháp hữu vi là vô thường, là khổ não, là vô ngã. Đối với phàm nhân, đối với vị Hữu học và đối với vị đã lìa tham ái, sự quả quyết của tâm... có cùng một bản chất theo ý nghĩa quả quyết là như vậy.

Đối với phàm nhân, đối với vị Hữu học và đối với vị đã lìa tham ái, sự quả quyết của tâm ở trạng thái xả đối với các pháp hữu vi là có bản chất khác biệt như thế nào? Đối với phàm nhân, trạng thái xả đối với các pháp hữu vi là thiện. Đối với vị Hữu học, trạng thái xả đối với các pháp hữu vi là thiện. Đối với vị đã lìa tham ái, trạng thái xả đối với các pháp hữu vi là vô ký. Đối với phàm nhân, đối với vị Hữu học và đối với vị đã lìa tham ái, sự quả quyết của tâm... là có bản chất khác biệt theo ý nghĩa thiện và vô ký là như vậy.

Đối với phàm nhân, đối với vị Hữu học và đối với vị đã lìa tham ái, sự quả quyết của tâm ở trạng thái xả đối với các pháp hữu vi có bản chất khác biệt là thế nào? Đối với phàm nhân, trạng thái xả đối với các pháp hữu vi có lúc biết được rõ rệt, có lúc không biết được rõ rệt. Luôn cả đối với vị Hữu học, trạng thái xả... Đối với vị đã lìa tham ái, trạng thái xả đối với các pháp hữu vi là biết được hoàn toàn rõ rệt. Sự quả quyết của tâm... của phàm nhân, của vị Hữu học và của vị đã lìa tham ái có bản chất khác biệt theo ý nghĩa đã được biết và theo ý nghĩa đã không được biết là như vậy.

Đối với phàm nhân, đối với vị Hữu học và đối với vị đã lìa tham ái, sự quả

quyết của tâm... có bản chất khác biệt là thế nào? Phàm nhân minh sát trạng thái xả đối với các pháp hữu vi không được toàn vẹn. Vị Hữu học minh sát... cũng không được toàn vẹn. Vị đã lìa tham ái minh sát trạng thái xả đối với các pháp hữu vi được toàn vẹn. Đối với phàm nhân, đối với vị Hữu học và đối với vị đã lìa tham ái, sự quả quyết của tâm... có bản chất khác biệt theo ý nghĩa được toàn vẹn và theo ý nghĩa không được toàn vẹn là như vậy.

Đối với phàm nhân, đối với vị Hữu học và đối với vị đã lìa tham ái, sự quả quyết của tâm... có bản chất khác biệt là thế nào? Phàm nhân minh sát trạng thái xả đối với các pháp hữu vi nhằm mục đích thành tựu đạo Nhập lưu để dứt bỏ ba sự ràng buộc.[64] Vị Hữu học minh sát... nhằm mục đích thành tựu cao hơn do trạng thái đã được dứt bỏ ba sự ràng buộc. Vị đã lìa tham ái minh sát... nhằm mục đích lạc trú trong hiện tại do trạng thái đã được dứt bỏ toàn bộ phiền não. Sự quả quyết của tâm... của phàm nhân, của vị Hữu học và của vị đã lìa tham ái là có bản chất khác biệt theo ý nghĩa đã được dứt bỏ và theo ý nghĩa chưa được dứt bỏ là như vậy.

Đối với vị Hữu học và đối với vị đã lìa tham ái, sự quả quyết của tâm... có bản chất khác biệt là thế nào? Vị Hữu học hoặc là thích thú, hoặc là minh sát trạng thái xả đối với các pháp hữu vi, hoặc là phân biệt rõ rồi thể nhập thiền quả. Vị đã lìa tham ái hoặc là minh sát trạng thái xả đối với các pháp hữu vi, hoặc là phân biệt rõ rồi thể nhập thiền quả, hoặc là dửng dưng đối với điều ấy rồi an trú với sự an trú không tánh, với sự an trú vô tướng, hoặc với sự an trú vô nguyện. Đối với vị Hữu học và đối với vị đã lìa tham ái, sự quả quyết của tâm ở trạng thái xả đối với các pháp hữu vi là có bản chất khác biệt theo ý nghĩa an trú và thể nhập là như vậy.

Có bao nhiêu trạng thái xả đối với các pháp hữu vi sanh lên do năng lực của chỉ tịnh? Có bao nhiêu trạng thái xả đối với các pháp hữu vi sanh lên do năng lực của minh sát? Có tám trạng thái xả đối với các pháp hữu vi sanh lên do năng lực của chỉ tịnh. Có mười trạng thái xả đối với các pháp hữu vi sanh lên do năng lực của minh sát.

Tám trạng thái xả đối với các pháp hữu vi sanh lên do năng lực của chỉ tịnh là gì? Tuệ do sự bình thản sau khi phân biệt rõ các pháp ngăn che nhằm mục đích thành tựu Sơ thiền là trí về các trạng thái xả đối với các pháp hữu vi. Tuệ do sự bình thản sau khi phân biệt rõ tầm tứ nhằm mục đích thành tựu Nhị thiền là trí về các trạng thái xả đối với các pháp hữu vi. Tuệ do sự bình thản sau khi phân biệt rõ hỷ nhằm mục đích thành tựu Tam thiền là trí về các trạng thái xả đối với các pháp hữu vi. Tuệ do sự bình thản sau khi phân biệt rõ lạc và khổ nhằm mục đích thành tựu Tứ thiền là trí về các trạng thái xả đối với các pháp hữu vi. Tuệ do sự bình thản sau khi phân biệt rõ sự nghĩ tưởng về sắc, sự nghĩ tưởng về bất bình, sự nghĩ tưởng về khác biệt nhằm mục đích thành tựu sự chứng đạt

[64] Là sự nhận thức sai trái về thân, sự hoài nghi, sự cố chấp vào giới và nghi thức (*PsA*. I. 272).

Không vô biên xứ là trí về các trạng thái xả... Tuệ do sự bình thản sau khi phân biệt rõ sự nghĩ tưởng về Không vô biên xứ nhằm mục đích thành tựu sự chứng đạt Thức vô biên xứ là trí về các trạng thái xả đối với các pháp hữu vi. Tuệ do sự bình thản sau khi phân biệt rõ sự nghĩ tưởng về Thức vô biên xứ nhằm mục đích thành tựu sự chứng đạt Vô sở hữu xứ là trí về các trạng thái xả đối với các pháp hữu vi. Tuệ do sự bình thản sau khi phân biệt rõ sự nghĩ tưởng về Vô sở hữu xứ nhằm mục đích thành tựu sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ là trí về các trạng thái xả đối với các pháp hữu vi. Đây là tám trạng thái xả đối với các pháp hữu vi sanh lên do năng lực của chỉ tịnh.

Mười trạng thái xả đối với các pháp hữu vi sanh lên do năng lực của minh sát là gì? Tuệ do sự bình thản sau khi phân biệt rõ sự tái sanh, sự vận hành, hiện tướng, [nghiệp] tích lũy, mầm tái sanh, cảnh giới tái sanh, sự tái tạo, sự sanh lên, sự sanh [ra], sự già, sự bệnh, sự chết, sự sầu muộn, sự than vãn, sự thất vọng nhằm mục đích thành tựu đạo Nhập lưu là trí về các trạng thái xả đối với các pháp hữu vi. Tuệ do sự bình thản sau khi phân biệt rõ sự tái sanh,... (nt)... nhằm mục đích chứng đạt quả Nhập lưu... nhằm mục đích thành tựu đạo Nhất lai... nhằm mục đích chứng đạt quả Nhất lai... nhằm mục đích thành tựu đạo Bất lai... nhằm mục đích chứng đạt quả Bất lai... nhằm mục đích thành tựu đạo A-la-hán... nhằm mục đích chứng đạt quả A-la-hán... nhằm mục đích chứng đạt sự an trú Không tánh... nhằm mục đích chứng đạt sự an trú Vô tướng là trí về các trạng thái xả đối với các pháp hữu vi. Đây là mười trạng thái xả đối với các pháp hữu vi sanh lên do năng lực của minh sát.

Có bao nhiêu trạng thái xả đối với các pháp hữu vi là thiện? Có bao nhiêu là bất thiện? Có bao nhiêu là vô ký? Có mười lăm trạng thái xả đối với các pháp hữu vi là thiện. Có ba trạng thái xả đối với các pháp hữu vi là vô ký. Không có trạng thái xả đối với các pháp hữu vi là bất thiện.

1. Tuệ phân biệt, bình thản, Tám hành xứ của tâm:
Hai thuộc về phàm nhân, Hữu học ba hành xứ,
Vị lìa ái có ba, Tâm ly khai với chúng.

2. Tám do duyên của định, Mười hành xứ của trí,
Mười tám xả các hành, Là duyên ba giải thoát.[65]

3. Mười tám biểu hiện này, Vị có tuệ hiểu rõ,
Thiện xảo trong xả hành, Không động vì tà kiến.

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về sự mong muốn giải thoát, về sự phân biệt rõ và về sự bình thản là trí về các trạng thái xả đối với các pháp hữu vi."

Dứt phần giải thích "Trí về các trạng thái xả đối với các pháp hữu vi."

[65] Ba giải thoát (*tiṇṇaṃ vimokkhānaṃ*): Vô tướng giải thoát, vô nguyện giải thoát, không tánh giải thoát (*PsA*. I. 272).

10. TRÍ CHUYỂN TỘC (*Gotrabhūñāṇaṃ*)

Tuệ về sự thoát ra và ly khai ngoại phần là trí chuyển tộc là [có ý nghĩa] thế nào?

"Vượt trên sự tái sanh" là chuyển tộc. "Vượt trên sự vận hành" là chuyển tộc. "Vượt trên hiện tướng"... "Vượt trên [nghiệp] tích lũy"... "Vượt trên mầm tái sanh"... "Vượt trên cảnh giới tái sanh"... "Vượt trên sự tái tạo"... "Vượt trên sự sanh lên"... "Vượt trên sự sanh [ra]"... "Vượt trên sự già"... "Vượt trên sự bệnh"... "Vượt trên sự chết"... "Vượt trên sự sầu muộn"... "Vượt trên sự than vãn"... "Vượt trên sự thất vọng" là chuyển tộc. "Vượt trên hiện tướng của các hành ở ngoại phần" là chuyển tộc.

"Dự phần vào[66] sự không tái sanh" là chuyển tộc. "Dự phần vào sự không vận hành" là chuyển tộc... (nt)... "Dự phần vào sự diệt tận Niết-bàn" là chuyển tộc.

"Sau khi đã vượt trên sự tái sanh rồi dự phần vào sự không tái sanh" là chuyển tộc. "Sau khi đã vượt trên sự vận hành rồi dự phần vào sự không vận hành"... "Sau khi đã vượt trên hiện tướng rồi dự phần vào không hiện tướng" là chuyển tộc... (nt)... "Sau khi đã vượt trên hiện tướng của các hành ở ngoại phần rồi dự phần vào sự diệt tận Niết-bàn" là chuyển tộc.

"Thoát ra khỏi sự tái sanh" là chuyển tộc. "Thoát ra khỏi sự vận hành" là chuyển tộc. "Thoát ra khỏi hiện tướng"... "Thoát ra khỏi [nghiệp] tích lũy"... "Thoát ra khỏi mầm tái sanh"... "Thoát ra khỏi cảnh giới tái sanh"... "Thoát ra khỏi sự tái tạo"... "Thoát ra khỏi sự sanh lên"... "Thoát ra khỏi sự sanh [ra]"... "Thoát ra khỏi sự già"... "Thoát ra khỏi sự bệnh"... "Thoát ra khỏi sự chết"... "Thoát ra khỏi sự sầu muộn"... "Thoát ra khỏi sự than vãn"... "Thoát ra khỏi sự thất vọng" là chuyển tộc. "Thoát ra khỏi hiện tướng của các hành ở ngoại phần" là chuyển tộc.

"Dự phần vào sự không tái sanh" là chuyển tộc. "Dự phần vào sự không vận hành" là chuyển tộc... (nt)... "Dự phần vào sự diệt tận Niết-bàn" là chuyển tộc.

"Sau khi thoát ra khỏi sự tái sanh rồi dự phần vào sự không tái sanh" là chuyển tộc. "Sau khi thoát ra khỏi sự vận hành rồi dự phần vào sự không vận hành" là chuyển tộc. "Sau khi thoát ra khỏi hiện tướng... không hiện tướng... (nt)... [nghiệp] tích lũy... không [nghiệp] tích lũy... (nt)... mầm tái sanh... không mầm tái sanh... (nt)... cảnh giới tái sanh... không cảnh giới tái sanh... (nt)... sự tái tạo... sự không tái tạo... (nt)... sự sanh lên... sự không sanh lên... (nt)... sự sanh [ra]... sự không sanh [ra]... (nt)... sự già... sự không già... (nt)... sự bệnh... sự không bệnh... (nt)... sự chết... sự không chết... (nt)... sự sầu muộn... sự không sầu muộn... (nt)... sự than vãn... sự không than vãn... (nt)... sự thất vọng... sự không thất vọng... "Sau khi thoát ra khỏi hiện tướng của các hành ở ngoại phần rồi dự phần vào sự diệt tận Niết-bàn" là chuyển tộc.

"Ly khai khỏi sự tái sanh" là chuyển tộc. "Ly khai khỏi sự vận hành" là

[66] "Dự phần vào" được dịch từ *pakkhandati* hàm ý nhảy vào, lao vào, tiến vào. (ND)

chuyển tộc... (nt)... "Ly khai khỏi hiện tướng của các hành ở ngoại phần" là chuyển tộc.

"Dự phần vào sự không tái sanh" là chuyển tộc. "Dự phần vào sự không vận hành" là chuyển tộc... (nt)… "Dự phần vào sự diệt tận Niết-bàn" là chuyển tộc.

"Sau khi đã ly khai khỏi sự tái sanh rồi dự phần vào sự không tái sanh" là chuyển tộc. "Sau khi đã ly khai khỏi sự vận hành rồi dự phần vào sự không vận hành" là chuyển tộc... (nt)... "Sau khi đã ly khai khỏi hiện tướng của các hành ở ngoại phần rồi dự phần vào sự diệt tận Niết-bàn" là chuyển tộc.

Có bao nhiêu sự chuyển tộc được sanh lên do năng lực của chỉ tịnh? Có bao nhiêu sự chuyển tộc được sanh lên do năng lực của minh sát? Có tám sự chuyển tộc được sanh lên do năng lực của chỉ tịnh. Có mười sự chuyển tộc được sanh lên do năng lực của minh sát.

Tám sự chuyển tộc được sanh lên do năng lực của chỉ tịnh là gì? "Vượt trên các pháp ngăn che nhằm mục đích thành tựu Sơ thiền" là chuyển tộc. "Vượt trên tầm tứ nhằm mục đích thành tựu Nhị thiền"... "Vượt trên hỷ nhằm mục đích thành tựu Tam thiền"... "Vượt trên lạc và khổ nhằm mục đích thành tựu Tứ thiền"... "Vượt trên sự nghĩ tưởng về sắc, sự nghĩ tưởng về bất bình, sự nghĩ tưởng về khác biệt nhằm mục đích thành tựu sự chứng đạt Không vô biên xứ"... "Vượt trên sự nghĩ tưởng về Không vô biên xứ nhằm mục đích thành tựu sự chứng đạt Thức vô biên xứ"... "Vượt trên sự nghĩ tưởng về Thức vô biên xứ nhằm mục đích thành tựu sự chứng đạt Vô sở hữu xứ"... "Vượt trên sự nghĩ tưởng về Vô sở hữu xứ nhằm mục đích thành tựu sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ" là chuyển tộc. Đây là tám sự chuyển tộc được sanh lên do năng lực của chỉ tịnh.

Mười sự chuyển tộc được sanh lên do năng lực của minh sát là gì? "Vượt trên sự tái sanh, sự vận hành, hiện tướng, [nghiệp] tích lũy, mầm tái sanh, cảnh giới tái sanh, sự tái tạo, sự sanh lên, sự sanh [ra], sự già, sự bệnh, sự chết, sự sầu muộn, sự than vãn, sự thất vọng, hiện tướng của các hành ở ngoại phần nhằm mục đích thành tựu đạo Nhập lưu" là chuyển tộc. "Vượt trên sự tái sanh, sự vận hành, hiện tướng, [nghiệp] tích lũy, mầm tái sanh,... (nt)... nhằm mục đích chứng đạt quả Nhập lưu"... (nt)... nhằm mục đích thành tựu đạo Nhất lai... (nt)... nhằm mục đích chứng đạt quả Nhất lai... (nt)... nhằm mục đích thành tựu đạo Bất lai... (nt)... nhằm mục đích chứng đạt quả Bất lai... (nt)... nhằm mục đích thành tựu đạo A-la-hán"... (nt)... nhằm mục đích chứng đạt quả A-la-hán... (nt)... nhằm mục đích chứng đạt sự an trú Không tánh... (nt)... "Vượt trên sự tái sanh, sự vận hành, hiện tướng, [nghiệp] tích lũy, mầm tái sanh, cảnh giới tái sanh, sự tái tạo, sự sanh lên, sự sanh [ra], sự già, sự bệnh, sự chết, sự sầu muộn, sự than vãn, sự thất vọng, hiện tướng của các hành ở ngoại phần nhằm mục đích chứng đạt sự an trú Vô tướng" là chuyển tộc. Đây là mười sự chuyển tộc được sanh lên do năng lực của minh sát.

Có bao nhiêu sự chuyển tộc là thiện? Có bao nhiêu là bất thiện? Có bao

nhiêu là vô ký? Có mười lăm sự chuyển tộc là thiện. Có ba sự chuyển tộc là vô ký. Không có sự chuyển tộc là bất thiện.

1.	Vật chất, không vật chất, Ràng buộc, không ràng buộc,	Có nguyện và vô nguyện, Thoát được và không thoát.
2.	Tám do duyên của định, Mười tám sự chuyển tộc,	Mười hành xứ của trí, Là duyên ba giải thoát.
3.	Mười tám biểu hiện này, Khéo ly khai, thoát khỏi,	Vị có tuệ hiểu rõ, Không động vì tà kiến.

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về sự thoát ra và ly khai ngoại phần là trí chuyển tộc."

Dứt phần giải thích "Trí chuyển tộc."

11. TRÍ VỀ ĐẠO (*Maggañāṇaṃ*)

Tuệ về sự thoát ra và ly khai cả hai [nội ngoại phần] là trí về đạo là [có ý nghĩa] thế nào?

Vào sát-na đạo Nhập lưu: Chánh kiến, theo ý nghĩa nhận thức, thoát ra khỏi tà kiến, thoát ra khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và [ra khỏi] các uẩn, thoát ra khỏi tất cả các hiện tướng ngoại phần; vì thế, được nói rằng: "Tuệ về sự thoát ra và ly khai cả hai [nội ngoại phần] là trí về đạo."

Chánh tư duy, theo ý nghĩa gắn chặt [tâm vào cảnh], thoát ra khỏi tà tư duy, thoát ra khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và [ra khỏi] các uẩn, thoát ra khỏi tất cả các hiện tướng ngoại phần; vì thế, được nói rằng: "Tuệ về sự thoát ra và ly khai cả hai [nội ngoại phần] là trí về đạo."

Chánh ngữ, theo ý nghĩa gìn giữ, thoát ra khỏi tà ngữ, thoát ra khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và [ra khỏi] các uẩn, thoát ra khỏi tất cả các hiện tướng ngoại phần; vì thế, được nói rằng: "Tuệ về sự thoát ra và ly khai cả hai [nội ngoại phần] là trí về đạo."

Chánh nghiệp, theo ý nghĩa nguồn sanh khởi, thoát ra khỏi tà nghiệp, thoát ra khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và [ra khỏi] các uẩn, thoát ra khỏi tất cả các hiện tướng ngoại phần; vì thế, được nói rằng: "Tuệ về sự thoát ra và ly khai cả hai [nội ngoại phần] là trí về đạo."

Chánh mạng, theo ý nghĩa trong sạch, thoát ra khỏi tà mạng, thoát ra khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy...

Chánh tinh tấn, theo ý nghĩa ra sức, thoát ra khỏi tà tinh tấn, thoát ra khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy...

Chánh niệm, theo ý nghĩa thiết lập, thoát ra khỏi tà niệm, thoát ra khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và [ra khỏi] các uẩn, thoát ra khỏi tất cả các hiện tướng ngoại phần; vì thế, được nói rằng: "Tuệ về sự thoát ra và ly khai cả hai [nội ngoại phần] là trí về đạo."

Chánh định, theo ý nghĩa không tản mạn, thoát ra khỏi tà định, thoát ra khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và [ra khỏi] các uẩn, thoát ra khỏi tất cả các hiện tướng ngoại phần; vì thế, được nói rằng: "Tuệ về sự thoát ra và ly khai cả hai [nội ngoại phần] là trí về đạo."

Vào sát-na đạo Nhất lai: Chánh kiến, theo ý nghĩa nhận thức,... (nt)... Chánh định, theo ý nghĩa không tản mạn, thoát ra khỏi sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất thô thiển, thoát ra khỏi ái dục ngủ ngầm và bất bình ngủ ngầm có tính chất thô thiển, thoát ra khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và [ra khỏi] các uẩn, thoát ra khỏi tất cả các hiện tướng ngoại phần; vì thế, được nói rằng: "Tuệ về sự thoát ra và ly khai cả hai [nội ngoại phần] là trí về đạo."

Vào sát-na đạo Bất lai: Chánh kiến, theo ý nghĩa nhận thức,... (nt) ... Chánh định, theo ý nghĩa không tản mạn, thoát ra khỏi sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất vi tế, thoát ra khỏi ái dục ngủ ngầm và bất bình ngủ ngầm có tính chất vi tế, thoát ra khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và [ra khỏi] các uẩn, thoát ra khỏi tất cả các hiện tướng ngoại phần; vì thế, được nói rằng: "Tuệ về sự thoát ra và ly khai cả hai [nội ngoại phần] là trí về đạo."

Vào sát-na đạo A-la-hán: Chánh kiến, theo ý nghĩa nhận thức,... (nt)... Chánh định, theo ý nghĩa không tản mạn, thoát ra khỏi ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật, vô minh, thoát ra khỏi ngã mạn ngủ ngầm, ái hữu ngủ ngầm, vô minh ngủ ngầm, thoát ra khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và [ra khỏi] các uẩn, thoát ra khỏi tất cả các hiện tướng ngoại phần; vì thế, được nói rằng: "Tuệ về sự thoát ra và ly khai cả hai [nội ngoại phần] là trí về đạo."

1. Sanh thiêu đốt vô sanh, Vì thế gọi tham thiền,
Thiện xảo thiền, giải thoát, Không động vì tà kiến.
2. Như thế định rồi quán, Cũng vậy quán ở định,
Khi ấy quán và chỉ, Hành bình đẳng tương hợp.
3. Thấy "Các hành là khổ, Diệt tận là an lạc",
Tuệ thoát khỏi cả hai, Đạt được đạo bất tử.
4. Vị biết hành giải thoát, Rành rẽ dị và đồng,
Thiện xảo về hai trí, Không động vì tà kiến.

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về sự thoát ra và ly khai cả hai [nội ngoại phần] là trí về đạo."

Dứt phần giải thích "Trí về đạo."

12. TRÍ VỀ QUẢ (*Phalañāṇaṃ*)

Tuệ về sự tĩnh lặng của việc thực hành[67] là trí về quả là [có ý nghĩa] thế nào?

[67] *Ajjhattabahiddhā vuṭṭhānapayogassa*: Của việc thực hành thoát ra khỏi nội ngoại phần (*PsA*. I. 284).

Vào sát-na đạo Nhập lưu: Chánh kiến, theo ý nghĩa nhận thức, thoát ra khỏi tà kiến, thoát ra khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và [ra khỏi] các uẩn, thoát ra khỏi tất cả các hiện tướng ngoại phần. Chánh kiến được sanh lên từ trạng thái tịnh lặng của việc thực hành ấy; điều này là quả của đạo.

Chánh tư duy, theo ý nghĩa gắn chặt [tâm vào cảnh], thoát ra khỏi tà tư duy, thoát ra khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và [ra khỏi] các uẩn, thoát ra khỏi tất cả các hiện tướng ngoại phần. Chánh tư duy được sanh lên từ trạng thái tịnh lặng của việc thực hành ấy; điều này là quả của đạo.

Chánh ngữ, theo ý nghĩa gìn giữ, thoát ra khỏi tà ngữ, thoát ra khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và [ra khỏi] các uẩn, thoát ra khỏi tất cả các hiện tướng ngoại phần. Chánh ngữ được sanh lên từ trạng thái tịnh lặng của việc thực hành ấy; điều này là quả của đạo.

Chánh nghiệp, theo ý nghĩa nguồn sanh khởi, thoát ra khỏi tà nghiệp, thoát ra khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và [ra khỏi] các uẩn, thoát ra khỏi tất cả các hiện tướng ngoại phần. Chánh nghiệp được sanh lên từ trạng thái tịnh lặng của việc thực hành ấy; điều này là quả của đạo.

Chánh mạng, theo ý nghĩa trong sạch, thoát ra khỏi tà mạng, thoát ra khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và [ra khỏi] các uẩn, thoát ra khỏi tất cả các hiện tướng ngoại phần. Chánh mạng được sanh lên từ trạng thái tịnh lặng của việc thực hành ấy; điều này là quả của đạo.

Chánh tinh tấn, theo ý nghĩa ra sức, thoát ra khỏi tà tinh tấn, thoát ra khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và [ra khỏi] các uẩn, thoát ra khỏi tất cả các hiện tướng ngoại phần. Chánh tinh tấn được sanh lên từ trạng thái tịnh lặng của việc thực hành ấy; điều này là quả của đạo.

Chánh niệm, theo ý nghĩa thiết lập, thoát ra khỏi tà niệm, thoát ra khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và [ra khỏi] các uẩn, thoát ra khỏi tất cả các hiện tướng ngoại phần. Chánh niệm được sanh lên từ trạng thái tịnh lặng của việc thực hành ấy; điều này là quả của đạo.

Chánh định, theo ý nghĩa không tản mạn, thoát ra khỏi tà định, thoát ra khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và [ra khỏi] các uẩn, thoát ra khỏi tất cả các hiện tướng ngoại phần. Chánh định được sanh lên từ trạng thái tịnh lặng của việc thực hành ấy; điều này là quả của đạo.

Vào sát-na đạo Nhất lai: Chánh kiến, theo ý nghĩa nhận thức,... (nt)... Chánh định, theo ý nghĩa không tản mạn, thoát ra khỏi sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất thô thiển, thoát ra khỏi ái dục ngủ ngầm và bất bình ngủ ngầm có tính chất thô thiển, thoát ra khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và [ra khỏi] các uẩn, thoát ra khỏi tất cả các hiện tướng ngoại phần. Chánh định được sanh lên từ trạng thái tịnh lặng của việc thực hành ấy; điều này là quả của đạo.

Vào sát-na đạo Bất lai: Chánh kiến, theo ý nghĩa nhận thức,... (nt)... Chánh

định, theo ý nghĩa không tản mạn, thoát ra khỏi sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất vi tế, thoát ra khỏi ái dục ngủ ngầm và bất bình ngủ ngầm có tính chất vi tế, thoát ra khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và [ra khỏi] các uẩn, thoát ra khỏi tất cả các hiện tướng ngoại phần. Chánh định được sanh lên từ trạng thái tịnh lặng của việc thực hành ấy; điều này là quả của đạo.

Vào sát-na đạo A-la-hán: Chánh kiến, theo ý nghĩa nhận thức,... (nt)... Chánh định, theo ý nghĩa không tản mạn, thoát ra khỏi ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật, vô minh, thoát ra khỏi ngã mạn ngủ ngầm, hữu ngủ ngầm, vô minh ngủ ngầm, thoát ra khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và [ra khỏi] các uẩn, thoát ra khỏi tất cả các hiện tướng ngoại phần. Chánh định được sanh lên từ trạng thái tịnh lặng của việc thực hành ấy; điều này là quả của đạo.

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về sự tịnh lặng của việc thực hành là trí về quả."

Dứt phần giải thích "Trí về quả."

13. TRÍ VỀ GIẢI THOÁT (*Vimuttiñāṇaṃ*)

Tuệ về việc quán xét phiền não đã được cắt lìa là trí về giải thoát là [có ý nghĩa] thế nào?

Nhờ vào đạo Nhập lưu, sự nhận thức sai trái về thân, sự hoài nghi, sự bám víu vào giới và nghi thức, tà kiến ngủ ngầm, hoài nghi ngủ ngầm là các tùy phiền não thuộc tâm của hành giả được đoạn trừ hoàn toàn. Tâm được giải thoát, được hoàn toàn giải thoát khỏi năm tùy phiền não này và các sự xâm nhập [của chúng]. Việc giải thoát ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về việc quán xét phiền não đã được cắt lìa là trí về giải thoát."

Nhờ vào đạo Nhất lai, sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất thô thiển, ái dục ngủ ngầm và bất bình ngủ ngầm là các tùy phiền não có tính chất thô thiển thuộc tâm của hành giả được đoạn trừ hoàn toàn. Tâm được giải thoát, được hoàn toàn giải thoát khỏi bốn tùy phiền não này và các sự xâm nhập [của chúng]. Việc giải thoát ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về việc quán xét phiền não đã được cắt lìa là trí về giải thoát."

Nhờ vào đạo Bất lai, sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất vi tế, ái dục ngủ ngầm và bất bình ngủ ngầm có tính chất vi tế là các tùy phiền não thuộc tâm của hành giả được đoạn trừ hoàn toàn. Tâm được giải thoát, được hoàn toàn giải thoát khỏi bốn tùy phiền não này và các sự xâm nhập [của chúng]. Việc giải thoát ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về việc quán xét phiền não đã được cắt lìa là trí về giải thoát."

Nhờ vào đạo A-la-hán, ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật, vô minh, ngã mạn ngủ ngầm, hữu ngủ ngầm, vô minh ngủ ngầm là các tùy phiền não thuộc tâm của hành giả được đoạn trừ hoàn toàn. Tâm được giải thoát, được hoàn toàn giải thoát khỏi tám tùy phiền não này và các sự xâm nhập [của chúng]. Việc giải thoát ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về việc quán xét phiền não đã được cắt lìa là trí về giải thoát."

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về việc quán xét phiền não đã được cắt lìa là trí về giải thoát."

Dứt phần giải thích "Trí về giải thoát."

14. TRÍ VỀ VIỆC QUÁN XÉT LẠI (*Paccavekkhanañāṇaṃ*)

Tuệ về việc nhìn thấy các pháp đã được sanh khởi vào khi ấy là trí về việc quán xét lại là [có ý nghĩa] thế nào?

Vào sát-na đạo Nhập lưu: Chánh kiến, theo ý nghĩa nhận thức, đã được sanh khởi vào khi ấy. Chánh tư duy, theo ý nghĩa gắn chặt [tâm vào cảnh], đã được sanh khởi vào khi ấy. Chánh ngữ, theo ý nghĩa gìn giữ, đã được sanh khởi vào khi ấy. Chánh nghiệp, theo ý nghĩa nguồn sanh khởi, đã được sanh khởi vào khi ấy. Chánh mạng, theo ý nghĩa trong sạch, đã được sanh khởi vào khi ấy. Chánh tinh tấn, theo ý nghĩa ra sức, đã được sanh khởi vào khi ấy. Chánh niệm, theo ý nghĩa thiết lập, đã được sanh khởi vào khi ấy. Chánh định, theo ý nghĩa không tản mạn, đã được sanh khởi vào khi ấy.

Niệm giác chi, theo ý nghĩa thiết lập, đã được sanh khởi vào khi ấy. Trạch pháp giác chi, theo ý nghĩa suy xét, đã được sanh khởi vào khi ấy. Cần giác chi, theo ý nghĩa ra sức, đã được sanh khởi vào khi ấy. Hỷ giác chi, theo ý nghĩa lan tỏa, đã được sanh khởi vào khi ấy. Tịnh giác chi, theo ý nghĩa an tịnh, đã được sanh khởi vào khi ấy. Định giác chi, theo ý nghĩa không tản mạn, đã được sanh khởi vào khi ấy. Xả giác chi, theo ý nghĩa phân biệt rõ, đã được sanh khởi vào khi ấy.

Tín lực, theo ý nghĩa không dao động ở sự không có đức tin, đã được sanh khởi vào khi ấy. Tấn lực, theo ý nghĩa không dao động ở sự biếng nhác, đã được sanh khởi vào khi ấy. Niệm lực, theo ý nghĩa không dao động ở sự buông lung, đã được sanh khởi vào khi ấy. Định lực, theo ý nghĩa không dao động ở sự phóng dật, đã được sanh khởi vào khi ấy. Tuệ lực, theo ý nghĩa không dao động ở sự không sáng suốt, đã được sanh khởi vào khi ấy.

Tín quyền, theo ý nghĩa cương quyết, đã được sanh khởi vào khi ấy. Tấn quyền, theo ý nghĩa ra sức, đã được sanh khởi vào khi ấy. Niệm quyền, theo ý nghĩa thiết lập, đã được sanh khởi vào khi ấy. Định quyền, theo ý nghĩa không tản mạn, đã được sanh khởi vào khi ấy. Tuệ quyền, theo ý nghĩa nhận thức, đã được sanh khởi vào khi ấy.

Các quyền, theo ý nghĩa pháp chủ đạo, đã được sanh khởi vào khi ấy. Các lực, theo ý nghĩa không dao động, đã được sanh khởi vào khi ấy. Các giác chi, theo ý nghĩa dẫn xuất [ra khỏi luân hồi], đã được sanh khởi vào khi ấy. Đạo, theo ý nghĩa chủng tử, đã được sanh khởi vào khi ấy. Các sự thiết lập niệm, theo ý nghĩa thiết lập, đã được sanh khởi vào khi ấy. Các chánh cần, theo ý nghĩa nỗ lực, đã được sanh khởi vào khi ấy. Các nền tảng của thần thông, theo ý nghĩa thành tựu, đã được sanh khởi vào khi ấy. Các chân lý, theo ý nghĩa của thực thể, đã được sanh khởi vào khi ấy. Chỉ tịnh, theo ý nghĩa không tản mạn, đã được sanh khởi vào khi ấy. Minh sát, theo ý nghĩa quán xét, đã được sanh khởi vào khi ấy. Chỉ tịnh và minh sát, theo ý nghĩa nhất vị, đã được sanh khởi vào khi ấy. Sự kết hợp chung, theo ý nghĩa không vượt trội, đã được sanh khởi vào khi ấy. Giới thanh tịnh, theo ý nghĩa thu thúc, đã được sanh khởi vào khi ấy. Tâm thanh tịnh, theo ý nghĩa không tản mạn, đã được sanh khởi vào khi ấy. Kiến thanh tịnh, theo ý nghĩa nhận thức, đã được sanh khởi vào khi ấy. Sự giải thoát, theo ý nghĩa được phóng thích, đã được sanh khởi vào khi ấy. Minh, theo ý nghĩa thấu triệt, đã được sanh khởi vào khi ấy. Giải thoát, theo ý nghĩa buông bỏ, đã được sanh khởi vào khi ấy. Trí về sự đoạn tận, theo ý nghĩa đoạn trừ, đã được sanh khởi vào khi ấy.

Ước muốn, theo ý nghĩa nguồn cội, đã được sanh khởi vào khi ấy. Tác ý, theo ý nghĩa nguồn sanh khởi, đã được sanh khởi vào khi ấy. Xúc, theo ý nghĩa liên kết, đã được sanh khởi vào khi ấy. Thọ, theo ý nghĩa hội tụ, đã được sanh khởi vào khi ấy. Định, theo ý nghĩa dẫn đầu, đã được sanh khởi vào khi ấy. Niệm, theo ý nghĩa pháp chủ đạo, đã được sanh khởi vào khi ấy. Tuệ, theo ý nghĩa cao thượng trong các pháp thiện, đã được sanh khởi vào khi ấy. Sự giải thoát, theo ý nghĩa cốt lõi, đã được sanh khởi vào khi ấy. Niết-bàn liên quan đến bất tử, theo ý nghĩa kết thúc, đã được sanh khởi vào khi ấy. Sau khi đã thoát ra vị ấy quán xét lại. Đây là các pháp đã được sanh khởi vào khi ấy.

Vào sát-na quả Nhập lưu: Chánh kiến, theo ý nghĩa nhận thức, đã được sanh khởi vào khi ấy. Chánh tư duy, theo ý nghĩa gắn chặt [tâm vào cảnh], đã được sanh khởi vào khi ấy. … (nt)... Trí về sự vô sanh, theo ý nghĩa tĩnh lặng, đã được sanh khởi vào khi ấy. Ước muốn, theo ý nghĩa nguồn cội, đã được sanh khởi vào khi ấy. Tác ý, theo ý nghĩa nguồn sanh khởi, đã được sanh khởi vào khi ấy. Xúc, theo ý nghĩa liên kết, đã được sanh khởi vào khi ấy. Thọ, theo ý nghĩa hội tụ, đã được sanh khởi vào khi ấy. Định, theo ý nghĩa dẫn đầu, đã được sanh khởi vào khi ấy. Niệm, theo ý nghĩa pháp chủ đạo, đã được sanh khởi vào khi ấy. Tuệ, theo ý nghĩa cao thượng trong các pháp thiện, đã được sanh khởi vào khi ấy. Sự giải thoát, theo ý nghĩa cốt lõi, đã được sanh khởi vào khi ấy. Niết-bàn liên quan đến bất tử, theo ý nghĩa kết thúc, đã được sanh khởi vào khi ấy. Sau khi đã thoát ra vị ấy quán xét lại. Đây là các pháp đã được sanh khởi vào khi ấy.

Vào sát-na đạo Nhất lai: … (nt)... Vào sát-na quả Nhất lai: … (nt)... Vào sát-na đạo Bất lai: … (nt)... Vào sát-na quả Bất lai: … (nt)... Vào sát-na đạo A-la-hán: Chánh kiến, theo ý nghĩa nhận thức, đã được sanh khởi vào khi ấy.

… (nt)... Trí về sự đoạn tận, theo ý nghĩa đoạn trừ, đã được sanh khởi vào khi ấy. Ước muốn, theo ý nghĩa nguồn cội, đã được sanh khởi vào khi ấy. … (nt)... Niết-bàn liên quan đến bất tử, theo ý nghĩa kết thúc, đã được sanh khởi vào khi ấy. Sau khi đã thoát ra vị ấy quán xét lại. Đây là các pháp đã được sanh khởi vào khi ấy.

Vào sát-na quả A-la-hán: Chánh kiến, theo ý nghĩa nhận thức, đã được sanh khởi vào khi ấy. … (nt)... Trí về sự vô sanh, theo ý nghĩa tĩnh lặng, đã được sanh khởi vào khi ấy. Ước muốn, theo ý nghĩa nguồn cội, đã được sanh khởi vào khi ấy. … (nt)... Niết-bàn liên quan đến bất tử, theo ý nghĩa kết thúc, đã được sanh khởi vào khi ấy. Sau khi đã thoát ra vị ấy quán xét lại. Đây là các pháp đã được sanh khởi vào khi ấy.

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về việc nhìn thấy các pháp đã được sanh khởi vào khi ấy là trí về việc quán xét lại."

Dứt phần giải thích "Trí về việc quán xét lại."

15. TRÍ VỀ TÍNH CHẤT KHÁC BIỆT CỦA CÁC VẬT NƯƠNG (*Vatthunānattañāṇaṃ*)

Tuệ về việc xác định nội phần là trí về tính chất khác biệt của các vật nương là [có ý nghĩa] thế nào?

Xác định các pháp thuộc nội phần là [có ý nghĩa] thế nào?

Xác định mắt thuộc nội phần, xác định tai thuộc nội phần, xác định mũi thuộc nội phần, xác định lưỡi thuộc nội phần, xác định thân thuộc nội phần, xác định ý thuộc nội phần.

Xác định mắt thuộc nội phần là [có ý nghĩa] thế nào? Xác định rằng: "Mắt được hiện hữu do vô minh", xác định rằng: "Mắt được hiện hữu do ái", xác định rằng: "Mắt được hiện hữu do nghiệp", xác định rằng: "Mắt được hiện hữu do vật thực", xác định rằng: "Mắt nương vào tứ đại", xác định rằng: "Mắt được sanh lên", xác định rằng: "Mắt được hiện khởi", xác định rằng: "Mắt đã là không hiện hữu, sau khi hiện hữu sẽ không tồn tại", xác định mắt có sự hạn chế, xác định rằng: "Mắt là pháp không vững chắc, không thường còn, có sự chuyển biến", xác định rằng: "Mắt là vô thường, là pháp hữu vi, được tùy thuận sanh khởi, là pháp của sự đoạn tận, là pháp của sự biến hoại, là pháp của sự ly tham ái, là pháp của sự diệt tận."

Đối với mắt, [hành giả] xác định là vô thường, không phải là thường; [hành giả] xác định là khổ não, không phải là lạc; [hành giả] xác định là vô ngã, không phải là ngã; [hành giả] nhàm chán, không vui thích; [hành giả] ly tham ái, không tham ái; [hành giả] làm cho diệt tận, không làm cho sanh khởi; [hành giả] từ bỏ, không nắm giữ. Trong khi xác định là vô thường, [hành giả] dứt bỏ thường tưởng; trong khi xác định là khổ não, [hành giả] dứt bỏ lạc tưởng; trong

khi xác định là vô ngã, [hành giả] dứt bỏ ngã tưởng; trong khi nhàm chán, [hành giả] dứt bỏ sự vui thích; trong khi ly tham ái, [hành giả] dứt bỏ tham ái; trong khi làm cho diệt tận, [hành giả] dứt bỏ sự sanh khởi; trong khi từ bỏ, [hành giả] dứt bỏ sự nắm giữ. Xác định mắt thuộc nội phần là [có ý nghĩa] như thế.

Xác định tai thuộc nội phần là [có ý nghĩa] thế nào? Xác định rằng: "Tai được hiện hữu do vô minh." ... (nt)... Xác định tai thuộc nội phần là [có ý nghĩa] như thế.

Xác định mũi thuộc nội phần là [có ý nghĩa] thế nào? Xác định rằng: "Mũi được hiện hữu do vô minh." ... (nt)... Xác định mũi thuộc nội phần là [có ý nghĩa] như thế.

Xác định lưỡi thuộc nội phần là [có ý nghĩa] thế nào? Xác định rằng: "Lưỡi được hiện hữu do vô minh", xác định rằng: "Lưỡi được hiện hữu do ái", xác định rằng: "Lưỡi được hiện hữu do nghiệp", xác định rằng: "Lưỡi được hiện hữu do vật thực", xác định rằng: "Lưỡi nương vào tứ đại", xác định rằng: "Lưỡi được sanh lên", xác định rằng: "Lưỡi được hiện khởi", xác định rằng: "Lưỡi đã là không hiện hữu, sau khi hiện hữu sẽ không tồn tại", xác định lưỡi có sự hạn chế, xác định rằng: "Lưỡi là pháp không vững chắc, không thường còn, có sự chuyển biến", xác định rằng: "Lưỡi là vô thường, là pháp hữu vi, được tùy thuận sanh khởi, là pháp của sự đoạn tận, là pháp của sự biến hoại, là pháp của sự ly tham ái, là pháp của sự diệt tận."

Đối với lưỡi, [hành giả] xác định là vô thường, không phải là thường;... (nt)... [hành giả] từ bỏ, không nắm giữ. Trong khi xác định là vô thường, [hành giả] dứt bỏ thường tưởng;... (nt)... trong khi từ bỏ, [hành giả] dứt bỏ sự nắm giữ. Xác định lưỡi thuộc nội phần là [có ý nghĩa] như thế.

Xác định thân thuộc nội phần là [có ý nghĩa] thế nào? Xác định rằng: "Thân được hiện hữu do vô minh", xác định rằng: "Thân được hiện hữu do ái", xác định rằng: "Thân được hiện hữu do nghiệp", xác định rằng: "Thân được hiện hữu do vật thực", xác định rằng: "Thân nương vào tứ đại", xác định rằng: "Thân được sanh lên",... (nt)... Đối với thân, [hành giả] xác định là vô thường, không phải là thường; [hành giả] xác định là khổ não, không phải là lạc;... (nt)... [hành giả] từ bỏ, không nắm giữ. Trong khi xác định là vô thường, [hành giả] dứt bỏ thường tưởng; trong khi xác định là khổ não, [hành giả] dứt bỏ lạc tưởng;... (nt)... trong khi từ bỏ, [hành giả] dứt bỏ sự nắm giữ. Xác định thân thuộc nội phần là [có ý nghĩa] như thế.

Xác định ý thuộc nội phần là [có ý nghĩa] thế nào? Xác định rằng: "Ý được hiện hữu do vô minh", xác định rằng: "Ý được hiện hữu do ái", xác định rằng: "Ý được hiện hữu do nghiệp", xác định rằng: "Ý được hiện hữu do vật thực", xác định rằng: "Ý được sanh lên", xác định rằng: "Ý được hiện khởi", xác định rằng: "Ý đã là không hiện hữu, sau khi hiện hữu sẽ không tồn tại", xác định ý có sự hạn chế, xác định rằng: "Ý là pháp không vững chắc, không thường còn, có sự chuyển biến", xác định rằng: "Ý là vô thường, là pháp hữu vi, được tùy thuận

sanh khởi, là pháp của sự đoạn tận, là pháp của sự biến hoại, là pháp của sự ly tham ái, là pháp của sự diệt tận." Đối với ý, [hành giả] xác định là vô thường, không phải là thường; [hành giả] xác định là khổ não, không phải là lạc; [hành giả] xác định là vô ngã, không phải là ngã; [hành giả] nhàm chán, không vui thích; [hành giả] ly tham ái, không tham ái; [hành giả] làm cho diệt tận, không làm cho sanh khởi; [hành giả] từ bỏ, không nắm giữ. Trong khi xác định là vô thường, [hành giả] dứt bỏ thường tưởng; trong khi xác định là khổ não, [hành giả] dứt bỏ lạc tưởng; trong khi xác định là vô ngã, [hành giả] dứt bỏ ngã tưởng; trong khi nhàm chán, [hành giả] dứt bỏ sự vui thích; trong khi ly tham ái, [hành giả] dứt bỏ tham ái; trong khi làm cho diệt tận, [hành giả] dứt bỏ sự sanh khởi; trong khi từ bỏ, [hành giả] dứt bỏ sự nắm giữ. Xác định ý thuộc nội phần là [có ý nghĩa] như thế.

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về việc xác định nội phần là trí về tính chất khác biệt của các vật nương."

Dứt phần giải thích "Trí về tính chất khác biệt của các vật nương."

16. TRÍ VỀ TÍNH CHẤT KHÁC BIỆT CỦA CÁC HÀNH XỨ (*Gocaranānattañāṇaṃ*)

Tuệ về việc xác định ngoại phần là trí về tính chất khác biệt của các hành xứ là [có ý nghĩa] thế nào?

Xác định các pháp thuộc ngoại phần là [có ý nghĩa] thế nào? Xác định các sắc thuộc ngoại phần, xác định các thinh thuộc ngoại phần, xác định các khí thuộc ngoại phần, xác định các vị thuộc ngoại phần, xác định các xúc thuộc ngoại phần, xác định các pháp thuộc ngoại phần.

Xác định các sắc thuộc ngoại phần là [có ý nghĩa] thế nào? Xác định rằng: "Các sắc được hiện hữu do vô minh", xác định rằng: "Các sắc được hiện hữu do ái", xác định rằng: "Các sắc được hiện hữu do nghiệp", xác định rằng: "Các sắc được hiện hữu do vật thực", xác định rằng: "Các sắc nương vào tứ đại", xác định rằng: "Các sắc được sanh lên", xác định rằng: "Các sắc được hiện khởi", xác định rằng: "Các sắc đã là không hiện hữu, sau khi hiện hữu sẽ không tồn tại", xác định các sắc có sự hạn chế, xác định rằng: "Các sắc là pháp không vững chắc, không thường còn, có sự chuyển biến", xác định rằng: "Các sắc là vô thường, là pháp hữu vi, được tùy thuận sanh khởi, là pháp của sự đoạn tận, là pháp của sự biến hoại, là pháp của sự ly tham ái, là pháp của sự diệt tận."

Đối với các sắc, [hành giả] xác định là vô thường, không phải là thường; [hành giả] xác định là khổ não, không phải là lạc; [hành giả] xác định là vô ngã, không phải là ngã; [hành giả] nhàm chán, không vui thích; [hành giả] ly tham ái, không tham ái; [hành giả] làm cho diệt tận, không làm cho sanh khởi; [hành giả] từ bỏ, không nắm giữ. Trong khi xác định là vô thường, [hành giả] dứt bỏ thường tưởng; trong khi xác định là khổ não, [hành giả] dứt bỏ lạc tưởng; trong

khi xác định là vô ngã, [hành giả] dứt bỏ ngã tưởng; trong khi nhàm chán, [hành giả] dứt bỏ sự vui thích; trong khi ly tham ái, [hành giả] dứt bỏ tham ái; trong khi làm cho diệt tận, [hành giả] dứt bỏ sự sanh khởi; trong khi từ bỏ, [hành giả] dứt bỏ sự nắm giữ. Xác định các sắc thuộc ngoại phần là [có ý nghĩa] như thế.

Xác định các thinh thuộc ngoại phần là [có ý nghĩa] thế nào? Xác định rằng: "Các thinh nương vào tứ đại", xác định rằng: "Các thinh được sanh lên", xác định rằng: "Các thinh được hiện khởi", xác định rằng: "Các thinh đã là không hiện hữu, sau khi hiện hữu sẽ không tồn tại", xác định các thinh có sự hạn chế, xác định rằng: "Các thinh là pháp không vững chắc, không thường còn, có sự chuyển biến", xác định rằng: "Các thinh là vô thường, là pháp hữu vi, được tùy thuận sanh khởi, là pháp của sự đoạn tận, là pháp của sự biến hoại, là pháp của sự ly tham ái, là pháp của sự diệt tận."

Đối với các thinh, [hành giả] xác định là vô thường, không phải là thường;... (nt)... Xác định các thinh thuộc ngoại phần là [có ý nghĩa] như thế.

Xác định các khí thuộc ngoại phần là [có ý nghĩa] thế nào? Xác định rằng: "Các khí được hiện hữu do vô minh", xác định rằng: "Các khí được hiện hữu do ái",... (nt)... Xác định các khí thuộc ngoại phần là [có ý nghĩa] như thế.

Xác định các vị thuộc ngoại phần là [có ý nghĩa] thế nào? Xác định rằng: "Các vị được hiện hữu do vô minh",... (nt)... Xác định các vị thuộc ngoại phần là [có ý nghĩa] như thế.

Xác định các xúc thuộc ngoại phần là [có ý nghĩa] thế nào? Xác định rằng: "Các xúc được hiện hữu do vô minh", xác định rằng: "Các xúc được hiện hữu do ái", xác định rằng: "Các xúc được hiện hữu do nghiệp", xác định rằng: "Các xúc được hiện hữu do vật thực", xác định rằng: "Các xúc được sanh lên", xác định rằng: "Các xúc được hiện khởi",... (nt)... Xác định các xúc thuộc ngoại phần là [có ý nghĩa] như thế.

Xác định các pháp thuộc ngoại phần là [có ý nghĩa] thế nào? Xác định rằng: "Các pháp được hiện hữu do vô minh", xác định rằng: "Các pháp được hiện hữu do ái", xác định rằng: "Các pháp được hiện hữu do nghiệp", xác định rằng: "Các pháp được hiện hữu do vật thực", xác định rằng: "Các pháp nương vào tứ đại", xác định rằng: "Các pháp được sanh lên", xác định rằng: "Các pháp được hiện khởi", xác định rằng: "Các pháp đã là không hiện hữu, sau khi hiện hữu sẽ không tồn tại", xác định các pháp có sự hạn chế, xác định rằng: "Các pháp là pháp không vững chắc, không thường còn, có sự chuyển biến", xác định rằng: "Các pháp là vô thường, là pháp hữu vi, được tùy thuận sanh khởi, là pháp của sự đoạn tận, là pháp của sự biến hoại, là pháp của sự ly tham ái, là pháp của sự diệt tận."

Đối với các pháp, [hành giả] xác định là vô thường, không phải là thường; [hành giả] xác định là khổ não, không phải là lạc; [hành giả] xác định là vô ngã, không phải là ngã; [hành giả] nhàm chán, không vui thích; [hành giả] ly tham ái, không tham ái; [hành giả] làm cho diệt tận, không làm cho sanh khởi;

[hành giả] từ bỏ, không nắm giữ. … (nt)... Trong khi xác định là vô thường, [hành giả] dứt bỏ thường tưởng; trong khi xác định là khổ não, [hành giả] dứt bỏ lạc tưởng; trong khi xác định là vô ngã, [hành giả] dứt bỏ ngã tưởng; trong khi nhàm chán, [hành giả] dứt bỏ sự vui thích; trong khi ly tham ái, [hành giả] dứt bỏ tham ái; trong khi làm cho diệt tận, [hành giả] dứt bỏ sự sanh khởi; trong khi từ bỏ, [hành giả] dứt bỏ sự nắm giữ. Xác định các pháp thuộc ngoại phần là [có ý nghĩa] như thế.

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về việc xác định ngoại phần là trí về tính chất khác biệt của các hành xứ."

Dứt phần giải thích "Trí về tính chất khác biệt của các hành xứ."

17. TRÍ VỀ TÍNH CHẤT KHÁC BIỆT CỦA CÁC HÀNH VI (*Cariyānānattañāṇaṃ*)

Tuệ về việc xác định hành vi là trí về tính chất khác biệt của các hành vi là [có ý nghĩa] thế nào?

Hành vi: Có ba hành vi: Hành vi của thức, hành vi của vô trí, hành vi của trí.

Hành vi của thức là gì?

Hành động hướng tâm có tính chất vô ký nhằm mục đích nhìn thấy các sắc là hành vi của thức. Ý nghĩa của việc nhìn thấy các sắc, tức là nhãn thức, là hành vi của thức. Bản thể của việc đã nhìn thấy các sắc, tức là ý giới tiếp thâu kết quả việc gắn chặt [tâm vào cảnh], là hành vi của thức. Bản thể của việc đã được gắn chặt vào các sắc, tức là ý thức giới quan sát kết quả, là hành vi của thức.

Hành động hướng tâm có tính chất vô ký nhằm mục đích nghe các thinh là hành vi của thức. Ý nghĩa của việc nghe các thinh, tức là nhĩ thức, là hành vi của thức. Bản thể của việc đã nghe được các thinh, tức là ý giới tiếp thâu kết quả việc gắn chặt [tâm vào cảnh], là hành vi của thức. Bản thể của việc đã được gắn chặt vào các thinh, tức là ý thức giới quan sát kết quả, là hành vi của thức.

Hành động hướng tâm có tính chất vô ký nhằm mục đích ngửi các khí là hành vi của thức. Ý nghĩa của việc ngửi các khí, tức là tỷ thức, là hành vi của thức. Bản thể của việc đã ngửi được các khí tức là ý giới tiếp thâu kết quả việc gắn chặt [tâm vào cảnh], là hành vi của thức. Bản thể của việc đã được gắn chặt vào các khí, tức là ý thức giới quan sát kết quả, là hành vi của thức.

Hành động hướng tâm có tính chất vô ký nhằm mục đích nếm các vị là hành vi của thức. Ý nghĩa của việc nếm các vị, tức là thiệt thức, là hành vi của thức. Bản thể của việc đã nếm được các vị tức là ý giới tiếp thâu kết quả việc gắn chặt [tâm vào cảnh], là hành vi của thức. Bản thể của việc đã được gắn chặt vào các vị, tức là ý thức giới quan sát kết quả, là hành vi của thức.

Hành động hướng tâm có tính chất vô ký nhằm mục đích đụng chạm các xúc là hành vi của thức. Ý nghĩa của việc đụng chạm các xúc, tức là thân thức,

là hành vi của thức. Bản thể của việc đã đụng chạm các xúc, tức là ý giới tiếp thâu kết quả việc gắn chặt [tâm vào cảnh], là hành vi của thức. Bản thể của việc đã được gắn chặt vào các xúc, tức là ý thức giới quan sát kết quả, là hành vi của thức.

Hành động hướng tâm có tính chất vô ký nhằm mục đích nhận biết các pháp là hành vi của thức. Ý nghĩa của việc nhận biết các pháp, tức là ý thức, là hành vi của thức. Bản thể của việc đã được nhận biết các pháp, tức là ý giới tiếp thâu kết quả việc gắn chặt [tâm vào cảnh], là hành vi của thức. Bản thể của việc đã được gắn chặt vào các pháp, tức là ý thức giới quan sát kết quả, là hành vi của thức.

Hành vi của thức: Hành vi của thức theo ý nghĩa gì?

"Hành xử không có tham ái" là hành vi của thức. "Hành xử không có sân" là hành vi của thức. "Hành xử không có si" là hành vi của thức. "Hành xử không có ngã mạn" là hành vi của thức. "Hành xử không có tà kiến" là hành vi của thức. "Hành xử không có phóng dật" ... "Hành xử không có hoài nghi" là hành vi của thức. "Hành xử không có [yếu tố] ngủ ngầm"... "Hành xử không có liên kết với tham ái"... "Hành xử không có liên kết với sân"... "Hành xử không có liên kết với si"... "Hành xử không có liên kết với ngã mạn"... "Hành xử không có liên kết với tà kiến"... "Hành xử không có liên kết với phóng dật"... "Hành xử không có liên kết với hoài nghi"... "Hành xử không có liên kết với [yếu tố] ngủ ngầm"... "Hành xử không có liên kết với các nghiệp thiện"... "Hành xử không có liên kết với các nghiệp bất thiện"... "Hành xử không có liên kết với các nghiệp có tội"... "Hành xử không có liên kết với các nghiệp không có tội"... "Hành xử không có liên kết với các nghiệp đen"... "Hành xử không có liên kết với các nghiệp trắng"... "Hành xử không có liên kết với các nghiệp tăng trưởng lạc"... "Hành xử không có liên kết với các nghiệp tăng trưởng khổ"... "Hành xử không có liên kết với các nghiệp có kết quả lạc"... "Hành xử không có liên kết với các nghiệp có kết quả khổ"... "Hành xử khi đã biết [cảnh]" là hành vi của thức. "Hành vi có hình thức như thế của thức" là hành vi của thức. "Tâm này thanh tịnh ở trạng thái tự nhiên theo ý nghĩa xa lìa phiền não" là hành vi của thức. Đây là hành vi của thức.

Hành vi của vô trí là gì?

Hành động hướng tâm có tính chất vô ký bởi mục đích thôi thúc của tham ái đối với các sắc thích ý là hành vi của thức, do sự thôi thúc của tham ái là hành vi của vô trí. Hành động hướng tâm có tính chất vô ký bởi mục đích thôi thúc của sân đối với các sắc không thích ý là hành vi của thức, do sự thôi thúc của sân là hành vi của vô trí. Hành động hướng tâm có tính chất vô ký bởi mục đích thôi thúc của si đối với đối tượng không có sự quan tâm bởi một trong hai [tham ái hoặc sân] là hành vi của thức, do sự thôi thúc của si là hành vi của vô trí. Hành động hướng tâm có tính chất vô ký bởi mục đích thôi thúc của ngã mạn cố chấp là hành vi của thức, do sự thôi thúc của ngã mạn là hành vi của vô trí. Hành động hướng tâm có tính chất vô ký bởi mục đích thôi thúc của tà kiến

đã tiêm nhiễm là hành vi của thức, do sự thôi thúc của tà kiến là hành vi của vô trí. Hành động hướng tâm có tính chất vô ký bởi mục đích thôi thúc của phóng dật đưa đến sự tản mạn là hành vi của thức, do sự thôi thúc của phóng dật là hành vi của vô trí. Hành động hướng tâm có tính chất vô ký bởi mục đích thôi thúc của hoài nghi đưa đến không quyết đoán là hành vi của thức, do sự thôi thúc của hoài nghi là hành vi của vô trí. Hành động hướng tâm có tính chất vô ký bởi mục đích thôi thúc của ngủ ngầm đưa đến động lực là hành vi của thức, do sự thôi thúc của ngủ ngầm là hành vi của vô trí.

Hành động hướng tâm có tính chất vô ký bởi mục đích thôi thúc của tham ái đối với các thinh hợp ý... (nt)... đối với các khí hợp ý... (nt)... đối với các vị hợp ý... (nt)... đối với các xúc hợp ý... (nt)... đối với các pháp hợp ý là hành vi của thức, do sự thôi thúc của tham ái là hành vi của vô trí. Hành động hướng tâm có tính chất vô ký bởi mục đích thôi thúc của sân đối với các pháp không hợp ý là hành vi của thức, do sự thôi thúc của sân là hành vi của vô trí. Hành động hướng tâm có tính chất vô ký bởi mục đích thôi thúc của si đối với đối tượng không có sự quan tâm bởi một trong hai [tham ái hoặc sân] là hành vi của thức, do sự thôi thúc của si là hành vi của vô trí. Hành động hướng tâm có tính chất vô ký bởi mục đích thôi thúc của ngã mạn cố chấp là hành vi của thức, do sự thôi thúc của ngã mạn là hành vi của vô trí. Hành động hướng tâm có tính chất vô ký bởi mục đích thôi thúc của tà kiến đã tiêm nhiễm là hành vi của thức, do sự thôi thúc của tà kiến là hành vi của vô trí. Hành động hướng tâm có tính chất vô ký bởi mục đích thôi thúc của phóng dật đưa đến sự tản mạn là hành vi của thức, do sự thôi thúc của phóng dật là hành vi của vô trí. Hành động hướng tâm có tính chất vô ký bởi mục đích thôi thúc của hoài nghi đưa đến không quyết đoán là hành vi của thức, do sự thôi thúc của hoài nghi là hành vi của vô trí. Hành động hướng tâm có tính chất vô ký bởi mục đích thôi thúc của ngủ ngầm đưa đến động lực là hành vi của thức, do sự thôi thúc của ngủ ngầm là hành vi của vô trí.

Hành vi của vô trí: Với ý nghĩa gì là hành vi của vô trí?

"Hành xử do tham ái" là hành vi của vô trí. "Hành xử do sân" là hành vi của vô trí. "Hành xử do si" là hành vi của vô trí. "Hành xử do ngã mạn" là hành vi của vô trí. "Hành xử do tà kiến" là hành vi của vô trí. "Hành xử do phóng dật" là hành vi của vô trí. "Hành xử do hoài nghi" là hành vi của vô trí. "Hành xử do [yếu tố] ngủ ngầm" là hành vi của vô trí. "Hành xử do liên kết với tham ái" là hành vi của vô trí. "Hành xử do liên kết với sân"... "Hành xử do liên kết với si"... "Hành xử do liên kết với ngã mạn"... "Hành xử do liên kết với tà kiến"... "Hành xử do liên kết với phóng dật"... "Hành xử do liên kết với hoài nghi"... "Hành xử do liên kết với [yếu tố] ngủ ngầm"... "Hành xử không có liên kết với các nghiệp thiện"... "Hành xử do liên kết với các nghiệp bất thiện"... "Hành xử do liên kết với các nghiệp có tội"... "Hành xử không có liên kết với các nghiệp không có tội"... "Hành xử do liên kết với các nghiệp đen"... "Hành xử không có liên kết với các nghiệp trắng"... "Hành xử không có liên kết với các nghiệp tăng

trưởng lạc”... “Hành xử do liên kết với các nghiệp tăng trưởng khổ” là hành vi của vô trí. “Hành xử không có liên kết với các nghiệp có kết quả lạc” là hành vi của vô trí. “Hành xử do liên kết với các nghiệp có kết quả khổ” là hành vi của vô trí. “Hành xử khi chưa biết [cảnh]” là hành vi của vô trí. “Hành vi có hình thức như thế của vô trí” là hành vi của vô trí. Đây là hành vi của vô trí.

Hành vi của trí là gì?

Hành động hướng tâm có tính chất vô ký nhằm mục đích quán xét về vô thường là hành vi của thức, sự quán xét về vô thường là hành vi của trí. Hành động hướng tâm có tính chất vô ký nhằm mục đích quán xét về khổ não là hành vi của thức, sự quán xét về khổ não là hành vi của trí. Hành động hướng tâm có tính chất vô ký nhằm mục đích quán xét về vô ngã là hành vi của thức, sự quán xét về vô ngã là hành vi của trí. Hành động hướng tâm có tính chất vô ký nhằm mục đích quán xét về nhàm chán...nhằm mục đích quán xét về ly tham ái..., nhằm mục đích quán xét về diệt tận..., nhằm mục đích quán xét về từ bỏ..., nhằm mục đích quán xét về đoạn tận..., nhằm mục đích quán xét về biến hoại..., nhằm mục đích quán xét về chuyển biến..., nhằm mục đích quán xét về vô tướng..., nhằm mục đích quán xét về vô nguyện..., nhằm mục đích quán xét về không tánh..., nhằm mục đích quán xét các pháp bằng thắng tuệ..., nhằm mục đích của sự biết và thấy đúng theo thực thể..., nhằm mục đích quán xét về sự tai hại... nhằm mục đích quán xét về phân biệt rõ là hành vi của thức, sự quán xét về phân biệt rõ là hành vi của trí. Sự quán xét về ly khai là hành vi của trí. Đạo Nhập lưu là hành vi của trí. Sự chứng đạt quả Nhập lưu là hành vi của trí. Đạo Nhất lai... Sự chứng đạt quả Nhất lai... Đạo Bất lai... Sự chứng đạt quả Bất lai... Đạo A-la-hán là hành vi của trí. Sự chứng đạt quả A-la-hán là hành vi của trí.

Hành vi của trí: Với ý nghĩa gì là hành vi của trí?

“Hành xử không có tham ái” là hành vi của trí. “Hành xử không có sân” là hành vi của trí. “Hành xử không có si” là hành vi của trí. “Hành xử không có ngã mạn” là hành vi của trí. “Hành xử không có tà kiến” là hành vi của trí. ...(nt)... “Hành xử do liên kết với các nghiệp thiện”... “Hành xử không có liên kết với các nghiệp bất thiện”... “Hành xử không có liên kết với các nghiệp có tội”... “Hành xử do liên kết với các nghiệp không có tội”... “Hành xử không có liên kết với các nghiệp đen”... “Hành xử do liên kết với các nghiệp trắng”... “Hành xử do liên kết với các nghiệp tăng trưởng lạc”... “Hành xử không có liên kết với các nghiệp tăng trưởng khổ”... “Hành xử do liên kết với các nghiệp có kết quả lạc”... “Hành xử không có liên kết với các nghiệp có kết quả khổ”... “Hành xử khi đã biết”... “Hành vi có hình thức như thế của trí” là hành vi của trí. Đây là hành vi của trí.

Như thế, hành vi của thức là loại khác; hành vi của vô trí là loại khác; hành vi của trí là loại khác [nữa]. Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí,

theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về việc xác định hành vi là trí về tính chất khác biệt của các hành vi."

Dứt phần giải thích "Trí về tính chất khác biệt của các hành vi."

18. TRÍ VỀ TÍNH CHẤT KHÁC BIỆT CỦA CÁC LÃNH VỰC (*Bhūminānattañāṇaṃ*)

Tuệ về việc xác định bốn pháp là trí về tính chất khác biệt của các lãnh vực là [có ý nghĩa] thế nào? Có bốn lãnh vực: Lãnh vực dục giới, lãnh vực sắc giới, lãnh vực vô sắc giới, lãnh vực không bị lệ thuộc.

Lãnh vực dục giới là gì? Lấy ranh giới bên dưới là địa ngục Vô Gián và lấy giới hạn bên trên là chư thiên Tha Hóa Tự Tại, khoảng giữa này là nơi mà các uẩn, các giới, các xứ, các sắc, các thọ, các tưởng, các hành, và thức có sự sinh hoạt ở nơi ấy, bị giới hạn ở nơi ấy; đây là lãnh vực dục giới.

Lãnh vực sắc giới là gì? Lấy ranh giới bên dưới là thế giới Phạm thiên và lấy giới hạn bên trên là chư thiên Sắc Cứu Cánh, khoảng giữa này là nơi mà các pháp về tâm và sở hữu tâm của vị đang thể nhập, hoặc của vị đã được sanh lên, hoặc của vị có sự an trú lạc trong hiện tại có sự sinh hoạt ở nơi ấy, bị giới hạn ở nơi ấy; đây là lãnh vực sắc giới.

Lãnh vực vô sắc giới là gì? Lấy ranh giới bên dưới là chư thiên đạt đến Không vô biên xứ và lấy giới hạn bên trên là chư thiên đạt đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, khoảng giữa này là nơi mà các pháp về tâm và sở hữu tâm của vị đang thể nhập, hoặc của vị đã được sanh lên, hoặc của vị có sự an trú lạc trong hiện tại có sự sinh hoạt ở nơi ấy, bị giới hạn ở nơi ấy; đây là lãnh vực vô sắc giới.

Lãnh vực không bị lệ thuộc là gì? Các đạo, các quả của đạo, và Niết-bàn là không bị lệ thuộc; đây là lãnh vực không bị lệ thuộc. Đây là bốn lãnh vực.

Còn có bốn lãnh vực khác nữa là bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn như ý túc, bốn thiền, bốn vô lượng [tâm], bốn sự chứng đạt vô sắc, bốn phân tích, bốn sự thực hành,[68] bốn cảnh,[69] bốn truyền thống của bậc Thánh,[70] bốn sự việc thâu phục,[71] bốn bánh xe [đưa đến tiến hóa],[72] bốn nền tảng trong pháp;[73] đây là bốn lãnh vực.

---

[68] Bốn sự thực hành (*catasso paṭipadā*): Hành khổ đắc chậm, hành khổ đắc nhanh, hành lạc đắc chậm, hành lạc đắc nhanh (*PsA*. I. 299).

[69] Bốn cảnh (*cattāri ārammaṇāni*): Nhỏ thành cảnh nhỏ, nhỏ thành cảnh vô lượng, vô lượng thành cảnh nhỏ, vô lượng thành cảnh vô lượng (*PsA*. I. 299).

[70] Bốn truyền thống của bậc Thánh (*cattāro ariyavaṃsā*): Hài lòng với y phục, hài lòng với đồ ăn khất thực, hài lòng nơi trú ngụ, thỏa thích trong việc tham thiền (*PsA*. I. 299).

[71] Bốn sự việc thâu phục (*cattāri saṅgahavatthūni*): Bố thí, lời nói hòa ái, làm việc lợi ích, bản tính hòa đồng (*PsA*. I. 299).

[72] Bốn bánh xe [đưa đến tiến hóa] (*cattāri cakkāni*): Ngụ nơi thích hợp, sống gần bậc chân nhân, bản thân có ước nguyện đúng đắn, phước đã tạo trong quá khứ (*PsA*. I. 299-300).

[73] Bốn nền tảng trong pháp (*cattāri dhammapadāni*): Không tham lam, không sân độc, chánh niệm, chánh định (*PsA*. I. 300).

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về việc xác định bốn pháp là trí về tính chất khác biệt của các lãnh vực."

Dứt phần giải thích "Trí về tính chất khác biệt của các lãnh vực."

19. TRÍ VỀ TÍNH CHẤT KHÁC BIỆT CỦA CÁC PHÁP (*Dhammānānattañāṇaṃ*)

Tuệ về việc xác định chín pháp là trí về tính chất khác biệt của các pháp là [có ý nghĩa] thế nào?

Xác định các pháp là [có ý nghĩa] thế nào? Về các pháp dục giới, [hành giả] xác định thiện, xác định bất thiện, xác định vô ký. Về các pháp sắc giới, [hành giả] xác định thiện, xác định vô ký. Về các pháp vô sắc giới, [hành giả] xác định thiện, xác định vô ký. Về các pháp không bị lệ thuộc, [hành giả] xác định thiện, xác định vô ký.

Về các pháp dục giới, xác định thiện, xác định bất thiện, xác định vô ký là [có ý nghĩa] thế nào? Về mười phương thức của nghiệp thiện, [hành giả] xác định là thiện. Về mười phương thức của nghiệp bất thiện, [hành giả] xác định là bất thiện. Về sắc, nghiệp quả và duy tác, [hành giả] xác định là vô ký. Về các pháp dục giới, xác định thiện, xác định bất thiện, xác định vô ký là [có ý nghĩa] như thế.

Về các pháp sắc giới, xác định thiện, xác định vô ký là [có ý nghĩa] thế nào? Về bốn thiền của vị hiện ở thế gian này, [hành giả] xác định là thiện. Về bốn thiền của vị đã tái sanh đến nơi ấy, [hành giả] xác định là vô ký. Về các pháp sắc giới, xác định thiện, xác định vô ký là [có ý nghĩa] như thế.

Về các pháp vô sắc giới, xác định thiện, xác định vô ký là [có ý nghĩa] thế nào? Về bốn sự chứng đạt vô sắc giới của vị hiện ở thế gian này, [hành giả] xác định là thiện. Về bốn sự chứng đạt vô sắc giới của vị đã tái sanh đến nơi ấy, [hành giả] xác định là vô ký. Về các pháp vô sắc giới, xác định thiện, xác định vô ký là [có ý nghĩa] như thế.

Về các pháp không bị lệ thuộc, xác định thiện, xác định vô ký là [có ý nghĩa] thế nào? Về bốn Thánh đạo, [hành giả] xác định là thiện. Về bốn quả tương ứng và Niết-bàn, [hành giả] xác định là vô ký. Về các pháp không bị lệ thuộc, xác định thiện, xác định vô ký là [có ý nghĩa] như thế. Như vậy là xác định các pháp.

Chín cội nguồn của sự hân hoan: Hân hoan sanh khởi đến [hành giả] đang tác ý về vô thường. Khi [hành giả] được hân hoan, hỷ sanh khởi. Khi tâm có hỷ, thân trở nên tịnh. Khi thân được tịnh, [hành giả] nhận biết lạc. Khi có lạc, tâm được định. Khi tâm được định, [hành giả] nhận biết và thấy đúng theo thực thể. Khi nhận biết và thấy đúng theo thực thể, [hành giả] nhàm chán. Khi nhàm chán, [hành giả] ly tham ái. Do ly tham ái, [hành giả] được giải thoát. Hân hoan

sanh khởi đến [hành giả] đang tác ý về khổ não. … (nt)... Hân hoan sanh khởi đến [hành giả] đang tác ý về vô ngã,… (nt)...

Hân hoan sanh khởi đến [hành giả] đang tác ý về sắc là vô thường. … (nt)... Hân hoan sanh khởi đến [hành giả] đang tác ý về sắc là khổ não. … (nt)... Hân hoan sanh khởi đến [hành giả] đang tác ý về sắc là vô ngã. … (nt)... Hân hoan sanh khởi đến [hành giả] đang tác ý về thọ... tưởng... các hành... thức... mắt... lão tử là vô thường. … (nt)... Hân hoan sanh khởi đến [hành giả] đang tác ý về lão tử là khổ não. … (nt)... Hân hoan sanh khởi đến [hành giả] đang tác ý về lão tử là vô ngã. Khi [hành giả] được hân hoan, hỷ sanh khởi. Khi tâm có hỷ, thân trở nên tịnh. Khi thân được tịnh, [hành giả] nhận biết lạc. Khi có lạc, tâm được định. Khi tâm được định, [hành giả] nhận biết và thấy đúng theo thực thể. Khi nhận biết và thấy đúng theo thực thể, [hành giả] nhàm chán. Khi nhàm chán, [hành giả] ly tham ái. Do ly tham ái, [hành giả] được giải thoát. Đây là chín cội nguồn của sự hân hoan.

Chín cội nguồn của sự tác ý đúng đường lối: Hân hoan sanh khởi đến [hành giả] đang tác ý đúng đường lối về vô thường. Khi [hành giả] được hân hoan, hỷ sanh khởi. Khi tâm có hỷ, thân trở nên tịnh. Khi thân được tịnh, [hành giả] nhận biết lạc. Khi có lạc, tâm được định, do tâm được định, [hành giả] nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là khổ", nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là nhân sanh khổ", nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là sự diệt tận khổ", nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ."

Hân hoan sanh khởi đến [hành giả] đang tác ý đúng đường lối về khổ não. Khi [hành giả] được hân hoan, hỷ sanh khởi. Khi tâm có hỷ, thân trở nên tịnh. Khi thân được tịnh, [hành giả] nhận biết lạc. Khi có lạc, tâm được định, do tâm được định, [hành giả] nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là khổ",... "Đây là nhân sanh khổ",... "Đây là sự diệt tận khổ", nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ."

Hân hoan sanh khởi đến [hành giả] đang tác ý đúng đường lối về vô ngã. … (nt)... Hân hoan sanh khởi đến [hành giả] đang tác ý đúng đường lối về sắc là vô thường. … (nt)... Hân hoan sanh khởi đến [hành giả] đang tác ý đúng đường lối về sắc là khổ não. … (nt)... Hân hoan sanh khởi đến [hành giả] đang tác ý đúng đường lối về sắc là vô ngã. … (nt)... Hân hoan sanh khởi đến [hành giả] đang tác ý đúng đường lối về thọ... tưởng... các hành... thức... mắt... lão tử là vô thường. … (nt)... Hân hoan sanh khởi đến [hành giả] đang tác ý đúng đường lối về lão tử là khổ não. … (nt)... Hân hoan sanh khởi đến [hành giả] đang tác ý đúng đường lối về lão tử là vô ngã. Khi [hành giả] được hân hoan, hỷ sanh khởi. Khi tâm có hỷ, thân trở nên tịnh. Khi thân được tịnh, [hành giả] nhận biết lạc. Khi có lạc, tâm được định. Khi tâm được định, [hành giả] nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là khổ",... "Đây là nhân sanh khổ",... "Đây là sự diệt tận khổ", nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ." Đây là chín cội nguồn của sự tác ý đúng đường lối.

Chín tính chất khác biệt: Tùy thuận vào tính chất khác biệt của giới (như mắt, tai, v.v...), tính chất khác biệt của xúc được sanh lên. Tùy thuận vào tính chất khác biệt của xúc, tính chất khác biệt của thọ được sanh lên. Tùy thuận vào tính chất khác biệt của thọ, tính chất khác biệt của tưởng được sanh lên. Tùy thuận vào tính chất khác biệt của tưởng, tính chất khác biệt của tư được sanh lên. Tùy thuận vào tính chất khác biệt của tư, tính chất khác biệt của ước muốn được sanh lên. Tùy thuận vào tính chất khác biệt của ước muốn, tính chất khác biệt của trạng thái bực bội được sanh lên. Tùy thuận vào tính chất khác biệt của trạng thái bực bội, tính chất khác biệt của tầm cầu được sanh lên. Tùy thuận vào tính chất khác biệt của tầm cầu, tính chất khác biệt của sự thành tựu được sanh lên. Đây là chín tính chất khác biệt.

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về việc xác định chín pháp là trí về tính chất khác biệt của các pháp."

Dứt phần giải thích "Trí về tính chất khác biệt của các pháp."

20-24. NĂM LOẠI TRÍ (*Ñāṇapañcakaṃ*)

Tuệ về sự biết rõ là trí về ý nghĩa của điều đã được biết, tuệ về sự biết toàn diện là trí về ý nghĩa của quyết đoán, tuệ về sự dứt bỏ là trí về ý nghĩa của buông bỏ, tuệ về sự tu tập là trí về ý nghĩa của nhất vị, tuệ về sự tác chứng là trí về ý nghĩa của sự chạm đến là [có ý nghĩa] thế nào?

Những pháp nào đã được biết rõ, những pháp ấy là đã được biết; những pháp nào đã được biết toàn diện, những pháp ấy là đã được quyết đoán; những pháp nào đã được dứt bỏ, những pháp ấy là đã được buông bỏ; những pháp nào đã được tu tập, những pháp ấy là có nhất vị; những pháp nào đã được tác chứng, những pháp ấy là đã được chạm đến.

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về sự biết rõ là trí về ý nghĩa của điều đã được biết, tuệ về sự biết toàn diện là trí về ý nghĩa của quyết đoán, tuệ về sự dứt bỏ là trí về ý nghĩa của buông bỏ, tuệ về sự tu tập là trí về ý nghĩa của nhất vị, tuệ về sự tác chứng là trí về ý nghĩa của sự chạm đến."

Dứt phần giải thích về "Năm loại trí."

25-28. TRÍ VỀ SỰ PHÂN TÍCH (*Paṭisambhidāñāṇaṃ*)

Tuệ về tính chất khác biệt của các ý nghĩa là trí về sự phân tích các ý nghĩa, tuệ về tính chất khác biệt của các pháp là trí về sự phân tích các pháp, tuệ về tính chất khác biệt của các ngôn từ là trí về sự phân tích các ngôn từ, tuệ về tính chất khác biệt của các phép biện giải là trí về sự phân tích các phép biện giải là [có ý nghĩa] thế nào?

Tín quyền là pháp, tấn quyền là pháp, niệm quyền là pháp, định quyền là pháp, tuệ quyền là pháp. Tín quyền là pháp khác, tấn quyền là pháp khác, niệm

quyền là pháp khác [nữa], định quyền là pháp khác [nữa], tuệ quyền là pháp khác [nữa]. Do trí nào các pháp khác biệt này được biết, cũng do chính trí ấy các pháp khác biệt này được thấu triệt. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về tính chất khác biệt của các pháp là trí về sự phân tích các pháp."

Ý nghĩa của sự cương quyết là ý nghĩa, ý nghĩa của sự ra sức là ý nghĩa, ý nghĩa của sự thiết lập là ý nghĩa, ý nghĩa của sự không tản mạn là ý nghĩa, ý nghĩa của sự nhận thức là ý nghĩa. Ý nghĩa của sự cương quyết là ý nghĩa khác, ý nghĩa của sự ra sức là ý nghĩa khác, ý nghĩa của sự thiết lập là ý nghĩa khác [nữa], ý nghĩa của sự không tản mạn là ý nghĩa khác [nữa], ý nghĩa của sự nhận thức là ý nghĩa khác [nữa]. Do trí nào các ý nghĩa khác biệt này được biết, cũng do chính trí ấy các ý nghĩa khác biệt này được thấu triệt. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về tính chất khác biệt của các ý nghĩa là trí về sự phân tích các ý nghĩa."

Nói lên văn tự và ngôn từ để chỉ rõ năm pháp. Nói lên văn tự và ngôn từ để chỉ rõ năm ý nghĩa. Các ngôn từ của các pháp là khác, các ngôn từ của các ý nghĩa là khác. Do trí nào các ngôn từ khác biệt này được biết, cũng do chính trí ấy các ngôn từ khác biệt này được thấu triệt. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về tính chất khác biệt của các ngôn từ là trí về sự phân tích các ngôn từ."

Có các trí về năm pháp, có các trí về năm ý nghĩa, có các trí về mười ngôn từ. Các trí về các pháp là khác, các trí về các ý nghĩa là khác, các trí về ngôn từ là khác [nữa]. Do trí nào các trí khác biệt này được biết, cũng do chính trí ấy các trí khác biệt này được thấu triệt. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về tính chất khác biệt của các phép biện giải là trí về sự phân tích các phép biện giải."

Tín lực là pháp, tấn lực là pháp, niệm lực là pháp, định lực là pháp, tuệ lực là pháp. Tín lực là pháp khác, tấn lực là pháp khác, niệm lực là pháp khác [nữa], định lực là pháp khác [nữa], tuệ lực là pháp khác [nữa]. Do trí nào các pháp khác biệt này được biết, cũng do chính trí ấy các pháp khác biệt này được thấu triệt. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về tính chất khác biệt của các pháp là trí về sự phân tích các pháp."

Ý nghĩa không dao động ở sự không có đức tin là ý nghĩa, ý nghĩa không dao động ở sự biếng nhác là ý nghĩa, ý nghĩa không dao động ở sự buông lung là ý nghĩa, ý nghĩa không dao động ở sự phóng dật là ý nghĩa, ý nghĩa không dao động ở sự không sáng suốt là ý nghĩa. Ý nghĩa không dao động ở sự không có đức tin là ý nghĩa khác, ý nghĩa không dao động ở sự biếng nhác là ý nghĩa khác, ý nghĩa không dao động ở sự buông lung là ý nghĩa khác [nữa], ý nghĩa không dao động ở sự phóng dật là ý nghĩa khác [nữa], ý nghĩa không dao động ở sự không sáng suốt là ý nghĩa khác [nữa]. Do trí nào các ý nghĩa khác biệt này được biết, cũng do chính trí ấy các ý nghĩa khác biệt này được thấu triệt. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về tính chất khác biệt của các ý nghĩa là trí về sự phân tích các ý nghĩa."

Nói lên văn tự và ngôn từ để chỉ rõ năm pháp. Nói lên văn tự và ngôn từ để chỉ rõ năm ý nghĩa. Các ngôn từ của các pháp là khác, các ngôn từ của các

ý nghĩa là khác [nữa]. Do trí nào các ngôn từ khác biệt này được biết, cũng do chính trí ấy các ngôn từ khác biệt này được thấu triệt. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về tính chất khác biệt của các ngôn từ là trí về sự phân tích các ngôn từ."

Có các trí về năm pháp, có các trí về năm ý nghĩa, có các trí về mười ngôn từ. Các trí về các pháp là khác, các trí về các ý nghĩa là khác, các trí về ngôn từ là khác [nữa]. Do trí nào các trí khác biệt này được biết, cũng do chính trí ấy các trí khác biệt này được thấu triệt. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về tính chất khác biệt của các phép biện giải là trí về sự phân tích các phép biện giải."

Niệm giác chi là pháp, trạch pháp giác chi là pháp, cần giác chi là pháp, hỷ giác chi là pháp, tịnh giác chi là pháp, định giác chi là pháp, xả giác chi là pháp. Niệm giác chi là pháp khác, trạch pháp giác chi là pháp khác, cần giác chi là pháp khác [nữa], hỷ giác chi là pháp khác [nữa], tịnh giác chi là pháp khác [nữa], định giác chi là pháp khác [nữa], xả giác chi là pháp khác [nữa]. Do trí nào các pháp khác biệt này được biết, cũng do chính trí ấy các pháp khác biệt này được thấu triệt. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về tính chất khác biệt của các pháp là trí về sự phân tích các pháp."

Ý nghĩa của sự thiết lập là ý nghĩa, ý nghĩa của sự suy xét là ý nghĩa, ý nghĩa của sự ra sức là ý nghĩa, ý nghĩa của sự lan tỏa là ý nghĩa, ý nghĩa của sự an tịnh là ý nghĩa, ý nghĩa của sự không tản mạn là ý nghĩa, ý nghĩa của sự phân biệt rõ là ý nghĩa. Ý nghĩa của sự thiết lập là ý nghĩa khác, ý nghĩa của sự suy xét là ý nghĩa khác, ý nghĩa của sự ra sức là ý nghĩa khác [nữa], ý nghĩa của sự lan tỏa là ý nghĩa khác [nữa], ý nghĩa của sự an tịnh là ý nghĩa khác [nữa], ý nghĩa của sự không tản mạn là ý nghĩa khác [nữa], ý nghĩa của sự phân biệt rõ là ý nghĩa khác [nữa]. Do trí nào các ý nghĩa khác biệt này được biết, cũng do chính trí ấy các ý nghĩa khác biệt này được thấu triệt. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về tính chất khác biệt của các ý nghĩa là trí về sự phân tích các ý nghĩa."

Nói lên văn tự và ngôn từ để chỉ rõ bảy pháp. Nói lên văn tự và ngôn từ để chỉ rõ bảy ý nghĩa. Các ngôn từ của pháp là khác, các ngôn từ của ý nghĩa là khác [nữa]. Do trí nào các ngôn từ khác biệt này được biết, cũng do chính trí ấy các ngôn từ khác biệt này được thấu triệt. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về tính chất khác biệt của các ngôn từ là trí về sự phân tích các ngôn từ."

Có các trí về bảy pháp, có các trí về bảy ý nghĩa, có các trí về mười bốn ngôn từ. Các trí về các pháp là khác, các trí về các ý nghĩa là khác, các trí về ngôn từ là khác [nữa]. Do trí nào các trí khác biệt này được biết, cũng do chính trí ấy các trí khác biệt này được thấu triệt. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về tính chất khác biệt của các phép biện giải là trí về sự phân tích các phép biện giải."

Chánh kiến là pháp, chánh tư duy là pháp, chánh ngữ là pháp, chánh nghiệp là pháp, chánh mạng là pháp, chánh tinh tấn là pháp, chánh niệm là pháp, chánh định là pháp. Chánh kiến là pháp khác, chánh tư duy là pháp khác, chánh ngữ là pháp khác [nữa], chánh nghiệp là pháp khác [nữa], chánh mạng là pháp khác [nữa], chánh tinh tấn là pháp khác [nữa], chánh niệm là pháp khác [nữa], chánh

định là pháp khác [nữa]. Do trí nào các pháp khác biệt này được biết, cũng do chính trí ấy các pháp khác biệt này được thấu triệt. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về tính chất khác biệt của các pháp là trí về sự phân tích các pháp."

Ý nghĩa của sự nhận thức là ý nghĩa, ý nghĩa của sự gắn chặt [tâm vào cảnh] là ý nghĩa, ý nghĩa của sự gìn giữ là ý nghĩa, ý nghĩa của nguồn sanh khởi là ý nghĩa, ý nghĩa của sự trong sạch là ý nghĩa, ý nghĩa của sự ra sức là ý nghĩa, ý nghĩa của sự thiết lập là ý nghĩa, ý nghĩa của sự không tản mạn là ý nghĩa. Ý nghĩa của sự nhận thức là ý nghĩa khác, ý nghĩa của sự gắn chặt [tâm vào cảnh] là ý nghĩa khác, ý nghĩa của sự gìn giữ là ý nghĩa khác [nữa], ý nghĩa của nguồn sanh khởi là ý nghĩa khác [nữa], ý nghĩa của sự trong sạch là ý nghĩa khác [nữa], ý nghĩa của sự ra sức là ý nghĩa khác [nữa], ý nghĩa của sự thiết lập là ý nghĩa khác [nữa], ý nghĩa của sự không tản mạn là ý nghĩa khác [nữa]. Do trí nào các ý nghĩa khác biệt này được biết, cũng do chính trí ấy các ý nghĩa khác biệt này được thấu triệt. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về tính chất khác biệt của các ý nghĩa là trí về sự phân tích các ý nghĩa."

Nói lên văn tự và ngôn từ để chỉ rõ tám pháp. Nói lên văn tự và ngôn từ để chỉ rõ tám ý nghĩa. Các ngôn từ của pháp là khác, các ngôn từ của ý nghĩa là khác. Do trí nào các ngôn từ khác biệt này được biết, cũng do chính trí ấy các ngôn từ khác biệt này được thấu triệt. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về tính chất khác biệt của các ngôn từ là trí về sự phân tích các ngôn từ."

Có các trí về tám pháp, có các trí về tám ý nghĩa, có các trí về mười sáu ngôn từ. Các trí về các pháp là khác, các trí về các ý nghĩa là khác, các trí về các ngôn từ là khác [nữa]. Do trí nào các trí khác biệt này được biết, cũng do chính trí ấy các trí khác biệt này được thấu triệt. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về tính chất khác biệt của các phép biện giải là trí về sự phân tích các phép biện giải."

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về tính chất khác biệt của các ý nghĩa là trí về sự phân tích các ý nghĩa, tuệ về tính chất khác biệt của các pháp là trí về sự phân tích các pháp, tuệ về tính chất khác biệt của các ngôn từ là trí về sự phân tích các ngôn từ, tuệ về tính chất khác biệt của các phép biện giải là trí về sự phân tích các phép biện giải."

Dứt phần giải thích "Trí về sự phân tích."

29-31. BA LOẠI TRÍ (*Ñāṇattayaṃ*)

Tuệ về tính chất khác biệt của các sự an trú là trí về ý nghĩa của các sự an trú, tuệ về tính chất khác biệt của các sự chứng đạt là trí về ý nghĩa của các sự chứng đạt, tuệ về tính chất khác biệt của các sự an trú và chứng đạt là trí về ý nghĩa của các sự an trú và chứng đạt là [có ý nghĩa] thế nào?

Trong khi nhận thấy rõ hiện tướng là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đến vô tướng và nhìn thấy sự biến hoại mỗi khi đạt đến; vô tướng là sự an trú.

Trong khi nhận thấy rõ nguyện ước là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đến vô nguyện và nhìn thấy sự biến hoại mỗi khi đạt đến; vô nguyện là sự an trú. Trong khi nhận thấy rõ cố chấp là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đến không tánh và nhìn thấy sự biến hoại mỗi khi đạt đến; không tánh là sự an trú.

Trong khi nhận thấy rõ hiện tướng là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đến vô tướng. Sau khi dửng dưng [có trạng thái xả] với sự vận hành và hướng tâm đến vô tướng là sự tịch diệt Niết-bàn, [hành giả] chứng đạt; vô tướng là sự chứng đạt. Trong khi nhận thấy rõ nguyện ước là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đến vô nguyện. Sau khi dửng dưng với sự vận hành và hướng tâm đến vô tướng là sự tịch diệt Niết-bàn, [hành giả] chứng đạt; vô nguyện là sự chứng đạt. Trong khi nhận thấy rõ cố chấp là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đến không tánh. Sau khi dửng dưng với sự vận hành và hướng tâm đến vô tướng là sự tịch diệt Niết-bàn, [hành giả] chứng đạt; không tánh là sự chứng đạt.

Trong khi nhận thấy rõ hiện tướng là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đến vô tướng và nhìn thấy sự biến hoại mỗi khi đạt đến. Sau khi dửng dưng [có trạng thái xả] với sự vận hành và hướng tâm đến vô tướng là sự tịch diệt Niết-bàn, [hành giả] chứng đạt; vô tướng là sự an trú và chứng đạt. Trong khi nhận thấy rõ nguyện ước là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đến vô nguyện và nhìn thấy sự biến hoại mỗi khi đạt đến. Sau khi dửng dưng với sự vận hành và hướng tâm đến vô tướng là sự tịch diệt Niết-bàn, [hành giả] chứng đạt; vô nguyện là sự an trú và chứng đạt. Trong khi nhận thấy rõ cố chấp là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đến không tánh và nhìn thấy sự biến hoại mỗi khi đạt đến. Sau khi dửng dưng với sự vận hành và hướng tâm đến vô tướng là sự tịch diệt Niết-bàn, [hành giả] chứng đạt; không tánh là sự an trú và chứng đạt.

Trong khi nhận thấy rõ hiện tướng của sắc là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đến vô tướng và nhìn thấy sự biến hoại mỗi khi đạt đến; vô tướng là sự an trú. Trong khi nhận thấy rõ nguyện ước về sắc là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đến vô nguyện và nhìn thấy sự biến hoại mỗi khi đạt đến; vô nguyện là sự an trú. Trong khi nhận thấy rõ cố chấp vào sắc là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đến không tánh và nhìn thấy sự biến hoại mỗi khi đạt đến; không tánh là sự an trú.

Trong khi nhận thấy rõ hiện tướng của sắc là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đến vô tướng. Sau khi dửng dưng [có trạng thái xả] với sự vận hành và hướng tâm đến vô tướng là sự tịch diệt Niết-bàn, [hành giả] chứng đạt; vô tướng là sự chứng đạt. Trong khi nhận thấy rõ nguyện ước về sắc là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đến vô nguyện. Sau khi dửng dưng với sự vận hành và hướng tâm đến vô tướng là sự tịch diệt Niết-bàn, [hành giả] chứng đạt; vô nguyện là sự chứng đạt. Trong khi nhận thấy rõ cố chấp vào sắc là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đến không tánh. Sau khi dửng dưng với sự vận hành và hướng tâm đến vô tướng là sự tịch diệt Niết-bàn, [hành giả] chứng đạt; không tánh là sự chứng đạt.

Trong khi nhận thấy rõ hiện tướng của sắc là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đến vô tướng và nhìn thấy sự biến hoại mỗi khi đạt đến. Sau khi dửng dưng [có trạng thái xả] với sự vận hành và hướng tâm đến vô tướng là sự tịch diệt Niết-bàn, [hành giả] chứng đạt; vô tướng là sự an trú và chứng đạt. Trong khi nhận thấy rõ nguyện ước về sắc là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đến vô nguyện và nhìn thấy sự biến hoại mỗi khi đạt đến. Sau khi dửng dưng với sự vận hành và hướng tâm đến vô tướng là sự tịch diệt Niết-bàn, [hành giả] chứng đạt; vô nguyện là sự an trú và chứng đạt. Trong khi nhận thấy rõ cố chấp vào sắc là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đến không tánh và nhìn thấy sự biến hoại mỗi khi đạt đến. Sau khi dửng dưng với sự vận hành và hướng tâm đến vô tướng là sự tịch diệt Niết-bàn, [hành giả] chứng đạt; không tánh là sự an trú và chứng đạt.

Trong khi nhận thấy rõ hiện tướng của thọ... (nt)... hiện tướng của tưởng... (nt)... hiện tướng của các hành... (nt)... hiện tướng của thức... (nt)... hiện tướng của mắt... (nt)... hiện tướng của lão tử là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đến vô tướng và nhìn thấy sự biến hoại mỗi khi đạt đến; vô tướng là sự an trú. Trong khi nhận thấy rõ nguyện ước về lão tử là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đến vô nguyện và nhìn thấy sự biến hoại mỗi khi đạt đến; vô nguyện là sự an trú. Trong khi nhận thấy rõ cố chấp vào lão tử là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đến không tánh và nhìn thấy sự biến hoại mỗi khi đạt đến; không tánh là sự an trú.

Trong khi nhận thấy rõ hiện tướng của lão tử là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đến vô tướng. Sau khi dửng dưng với sự vận hành và hướng tâm đến vô tướng là sự tịch diệt Niết-bàn, [hành giả] chứng đạt; vô tướng là sự chứng đạt. Trong khi nhận thấy rõ nguyện ước về lão tử là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đến vô nguyện. Sau khi... hướng tâm đến vô tướng là sự tịch diệt Niết-bàn, [hành giả] chứng đạt; vô nguyện là sự chứng đạt. Trong khi nhận thấy rõ cố chấp vào lão tử là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đến không tánh. Sau khi dửng dưng với sự vận hành và hướng tâm đến vô tướng là sự tịch diệt Niết-bàn, [hành giả] chứng đạt; không tánh là sự chứng đạt.

Trong khi nhận thấy rõ hiện tướng của lão tử là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đến vô tướng và nhìn thấy sự biến hoại mỗi khi đạt đến. Sau khi dửng dưng với sự vận hành và hướng tâm đến vô tướng là sự tịch diệt Niết-bàn, [hành giả] chứng đạt; vô tướng là sự an trú và chứng đạt. Trong khi nhận thấy rõ nguyện ước về lão tử là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đến vô nguyện và nhìn thấy sự biến hoại mỗi khi đạt đến. Sau khi... hướng tâm đến vô nguyện là sự tịch diệt Niết-bàn, [hành giả] chứng đạt; vô nguyện là sự an trú và chứng đạt. Trong khi nhận thấy rõ cố chấp về lão tử là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đến không tánh và nhìn thấy sự biến hoại mỗi khi đạt đến. Sau khi... hướng tâm đến không tánh là sự tịch diệt Niết-bàn, [hành giả] chứng đạt; không tánh là sự an trú và chứng đạt.

Vô tướng là sự an trú khác, vô nguyện là sự an trú khác, không tánh là sự

an trú khác [nữa]. Sự chứng đạt vô tướng là khác, sự chứng đạt vô nguyện là khác, sự chứng đạt không tánh là khác [nữa]. Sự an trú và chứng đạt vô tướng là khác, sự an trú và chứng đạt vô nguyện là khác, sự an trú và chứng đạt không tánh là khác [nữa].

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về tính chất khác biệt của các sự an trú là trí về ý nghĩa của các sự an trú, tuệ về tính chất khác biệt của các sự chứng đạt là trí về ý nghĩa của các sự chứng đạt, tuệ về tính chất khác biệt của các sự an trú và chứng đạt là trí về ý nghĩa của các sự an trú và chứng đạt."

Dứt phần giải thích "Ba loại trí."

32. TRÍ VỀ ĐỊNH KHÔNG GIÁN ĐOẠN (*Ānantarikasamādhiñāṇaṃ*)

Tuệ về sự đoạn trừ các lậu hoặc do tính chất hoàn toàn trong sạch của sự không tản mạn là trí về định không gián đoạn là [có ý nghĩa] thế nào?

Do tác động của sự thoát ly, có trạng thái chuyên nhất không tản mạn của tâm là định. Do tác động của định ấy, trí được sanh lên. Do trí ấy, các lậu hoặc được cạn kiệt. Như thế, trước tiên là chỉ tịnh, sau đó là trí. Do trí ấy, có sự đoạn tận của các lậu hoặc. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về sự đoạn trừ các lậu hoặc do tính chất hoàn toàn trong sạch của sự không tản mạn là trí về định không gián đoạn."

Lậu hoặc: Các lậu hoặc ấy là gì? Là dục lậu, hữu lậu, [tà] kiến lậu, vô minh lậu.

Các lậu hoặc này được cạn kiệt tại đâu? Do đạo Nhập lưu, toàn thể [tà] kiến lậu được cạn kiệt, dục lậu đưa đến khổ cảnh được cạn kiệt, hữu lậu đưa đến khổ cảnh được cạn kiệt, vô minh lậu đưa đến khổ cảnh được cạn kiệt; các lậu hoặc này được cạn kiệt tại đây.

Do đạo Nhất lai, dục lậu thô thiển được cạn kiệt, hữu lậu có cùng ý nghĩa với điều ấy được cạn kiệt, vô minh lậu có cùng ý nghĩa với điều ấy được cạn kiệt; các lậu hoặc này được cạn kiệt tại đây.

Do đạo Bất lai, toàn thể dục lậu được cạn kiệt, hữu lậu có cùng ý nghĩa với điều ấy được cạn kiệt, vô minh lậu có cùng ý nghĩa với điều ấy được cạn kiệt; các lậu hoặc này được cạn kiệt tại đây.

Do đạo A-la-hán, toàn thể hữu lậu được cạn kiệt, toàn thể vô minh lậu được cạn kiệt; các lậu hoặc này được cạn kiệt tại đây.

Do tác động của sự không sân độc,... (nt)... Do tác động của sự nghĩ tưởng đến ánh sáng,... Do tác động của sự không tản mạn,... Do tác động của sự xác định pháp,... Do tác động của trí,... Do tác động của sự hân hoan,... Do tác động của Sơ thiền,... của Nhị thiền,... của Tam thiền,... của Tứ thiền,... của sự chứng đạt Không vô biên xứ,... của sự chứng đạt Thức vô biên xứ,... của sự chứng đạt Vô sở hữu xứ,... của sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ,... của đề mục

đất,... của đề mục nước,... của đề mục lửa,... của đề mục gió,... của đề mục xanh,... của đề mục vàng,... của đề mục đỏ,... của đề mục trắng,... của đề mục hư không,... của đề mục thức,... của việc tưởng niệm đến [ân đức] Phật,... của việc tưởng niệm đến [ân đức] Pháp,... của việc tưởng niệm đến [ân đức] Tăng,... của việc tưởng niệm đến [đức tính của] giới,... của việc tưởng niệm đến [đức tính của] sự xả bỏ,... của việc tưởng niệm đến [đức tính của] chư thiên,... của việc niệm hơi thở ra vào,... Do tác động của việc niệm sự chết,... Do tác động của việc niệm [ba mươi hai thể trược của] thân,... Do tác động của việc niệm sự an tịnh,... Do tác động của tưởng về sự sình trương [của xác chết],... Do tác động của tưởng về sự đổi màu xanh [của xác chết],... Do tác động của tưởng về sự chảy nước vàng [của xác chết],... của tưởng về sự nứt nẻ [của xác chết],... của tưởng về sự bị [thú] gặm nhấm [của xác chết],... của tưởng về sự bị hoại rã [của xác chết],... của tưởng về sự bị cắt đứt lìa [của xác chết],... của tưởng về máu me [của xác chết],... của tưởng về giòi bọ [của xác chết],... của tưởng về bộ xương khô [của xác chết],...

Do tác động của hơi thở vào dài,... của hơi thở ra dài,... của hơi thở vào ngắn,... của hơi thở ra ngắn,... Cảm giác toàn thân do tác động của hơi thở vào,... Cảm giác toàn thân do tác động của hơi thở ra,... Làm cho an tịnh sự tạo tác của thân do tác động của hơi thở vào,... Làm cho an tịnh sự tạo tác của thân do tác động của hơi thở ra,... Cảm giác hỷ do tác động của hơi thở vào,... Cảm giác hỷ do tác động của hơi thở ra,... Cảm giác lạc do tác động của hơi thở vào,... Cảm giác lạc do tác động của hơi thở ra,... Cảm giác sự tạo tác của tâm do tác động của hơi thở vào,... Cảm giác sự tạo tác của tâm do tác động của hơi thở ra,... Làm an tịnh sự tạo tác của tâm do tác động của hơi thở vào,... Làm an tịnh sự tạo tác của tâm do tác động của hơi thở ra,... Cảm giác tâm do tác động của hơi thở vào,... Cảm giác tâm do tác động của hơi thở ra,... Làm cho tâm được hân hoan do tác động của hơi thở vào,... Làm cho tâm được hân hoan do tác động của hơi thở ra,... Làm cho tâm được định tĩnh... Làm cho tâm được giải thoát... Quán xét về vô thường... Quán xét về ly tham ái.... Quán xét về diệt tận... Quán xét về từ bỏ do tác động của hơi thở vào,... Quán xét về từ bỏ do tác động của hơi thở ra, trạng thái chuyên nhất không tản mạn của tâm là định. Do tác động của định ấy, trí được sanh lên. Do trí ấy, các lậu hoặc được cạn kiệt. Như thế, trước tiên là chỉ tịnh, sau đó là trí. Do trí ấy, có sự đoạn tận của các lậu hoặc. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về sự đoạn trừ các lậu hoặc do tính chất hoàn toàn trong sạch của sự không tản mạn là trí về định không gián đoạn."

Lậu hoặc: Các lậu hoặc ấy là gì? Là dục lậu, hữu lậu, [tà] kiến lậu, vô minh lậu.

Các lậu hoặc này được cạn kiệt tại đâu? Do đạo Nhập lưu, toàn thể [tà] kiến lậu được cạn kiệt, dục lậu đưa đến khổ cảnh được cạn kiệt, hữu lậu đưa đến khổ cảnh được cạn kiệt, vô minh lậu đưa đến khổ cảnh được cạn kiệt; các lậu hoặc ấy được cạn kiệt tại đây.

Do đạo Nhất lai, dục lậu thô thiển được cạn kiệt,... (nt)...

Do đạo Bất lai, toàn thể dục lậu được cạn kiệt,... (nt)...

Do đạo A-la-hán, toàn thể hữu lậu được cạn kiệt, toàn thể vô minh lậu được cạn kiệt; các lậu hoặc ấy được cạn kiệt tại đây.

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về sự đoạn trừ các lậu hoặc do tính chất hoàn toàn trong sạch của sự không tản mạn là trí về định không gián đoạn."

Dứt phần giải thích "Trí về định không gián đoạn."

33. TRÍ VỀ SỰ AN TRÚ KHÔNG UẾ NHIỄM (*Araṇavihārañāṇaṃ*)

Là pháp chủ đạo trong việc nhận thức và có sự an trú đắc chứng thanh tịnh, tuệ có khuynh hướng cao quý là trí về sự an trú không uế nhiễm là [có ý nghĩa] thế nào?

Pháp chủ đạo trong việc nhận thức: Quán xét về vô thường là pháp chủ đạo trong việc nhận thức, quán xét về khổ não..., quán xét về vô ngã..., quán xét về vô thường ở sắc..., quán xét về khổ não ở sắc..., quán xét về vô ngã ở sắc..., quán xét về vô thường ở thọ... ở tưởng... ở các hành... ở thức... ở mắt là pháp chủ đạo trong việc nhận thức, quán xét về vô thường ở lão tử là pháp chủ đạo trong việc nhận thức, quán xét về khổ não ở lão tử..., quán xét về vô ngã ở lão tử là pháp chủ đạo trong việc nhận thức.

Sự an trú đắc chứng thanh tịnh: An trú không tánh là sự an trú đắc chứng thanh tịnh, an trú vô tướng là sự an trú đắc chứng thanh tịnh, an trú vô nguyện là sự an trú đắc chứng thanh tịnh.

Khuynh hướng cao quý: Khuynh hướng về không tánh là khuynh hướng cao quý, khuynh hướng về vô tướng là khuynh hướng cao quý, khuynh hướng về vô nguyện là khuynh hướng cao quý.

Sự an trú không uế nhiễm: Sơ thiền là sự an trú không uế nhiễm, Nhị thiền là sự an trú không uế nhiễm, Tam thiền là sự an trú không uế nhiễm, Tứ thiền là sự an trú không uế nhiễm, sự chứng đạt Không vô biên xứ là sự an trú không uế nhiễm,... (nt)... sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ là sự an trú không uế nhiễm.

Sự an trú không uế nhiễm: Sự an trú không uế nhiễm theo ý nghĩa gì? "Nhờ vào Sơ thiền loại bỏ các pháp ngăn che" là sự an trú không uế nhiễm. "Nhờ vào Nhị thiền loại bỏ tầm và tứ" là sự an trú không uế nhiễm. "Nhờ vào Tam thiền loại bỏ hỷ" là sự an trú không uế nhiễm. "Nhờ vào Tứ thiền loại bỏ lạc và khổ" là sự an trú không uế nhiễm. "Nhờ vào sự chứng đạt Không vô biên xứ loại bỏ sự nghĩ tưởng về sắc, nghĩ tưởng về bất bình, nghĩ tưởng về sự khác biệt" là sự an trú không uế nhiễm. "Nhờ vào sự chứng đạt Thức vô biên xứ loại bỏ sự nghĩ tưởng về Không vô biên xứ" là sự an trú không uế nhiễm. "Nhờ vào sự chứng đạt Vô sở hữu xứ loại bỏ sự nghĩ tưởng về Thức vô biên xứ" là sự an

trú không uế nhiễm. "Nhờ vào sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ loại bỏ sự nghĩ tưởng về Vô sở hữu xứ" là sự an trú không uế nhiễm. Đây là sự an trú không uế nhiễm.

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Là pháp chủ đạo trong việc nhận thức và có sự an trú đắc chứng thanh tịnh, tuệ có khuynh hướng cao quý là trí về sự an trú không uế nhiễm."

Dứt phần giải thích "Trí về sự an trú không uế nhiễm."

34. TRÍ VỀ SỰ CHỨNG ĐẠT THIỀN DIỆT (*Nirodhasamāpattiñāṇaṃ*)

Tuệ có tính chất hội đủ với hai lực và có ưu thế với sự tịnh lặng của ba hành, với mười sáu hành vi của trí, và với chín hành vi của định là trí về sự chứng đạt thiền diệt là [có ý nghĩa] thế nào?

Với hai lực: Hai lực là lực của chỉ tịnh và lực của minh sát.

Lực của chỉ tịnh là gì? Do tác động của sự thoát ly, trạng thái chuyên nhất không tản mạn của tâm là lực của chỉ tịnh. Do tác động của sự không sân độc, trạng thái chuyên nhất không tản mạn của tâm là lực của chỉ tịnh. Do tác động của sự nghĩ tưởng đến ánh sáng, trạng thái chuyên nhất không tản mạn của tâm là lực của chỉ tịnh. ... (nt)... Quán xét về từ bỏ do tác động của hơi thở vào, trạng thái chuyên nhất không tản mạn của tâm là lực của chỉ tịnh. Quán xét về từ bỏ do tác động của hơi thở ra, trạng thái chuyên nhất không tản mạn của tâm là lực của chỉ tịnh.

Lực của chỉ tịnh: Lực của chỉ tịnh theo ý nghĩa gì? "Nhờ vào Sơ thiền, [hành giả] không rung động đối với các pháp ngăn che" là lực của chỉ tịnh. "Nhờ vào Nhị thiền, [hành giả] không rung động đối với tầm và tứ" là lực của chỉ tịnh. "Nhờ vào Tam thiền, [hành giả] không rung động đối với hỷ" là lực của chỉ tịnh. "Nhờ vào Tứ thiền, [hành giả] không rung động đối với lạc và khổ" là lực của chỉ tịnh. "Nhờ vào sự chứng đạt Không vô biên xứ, [hành giả] không rung động đối với sự nghĩ tưởng về sắc, đối với sự nghĩ tưởng về bất bình, đối với sự nghĩ tưởng về sự khác biệt" là lực của chỉ tịnh. "Nhờ vào sự chứng đạt Thức vô biên xứ, [hành giả] không rung động đối với sự nghĩ tưởng về Không vô biên xứ" là lực của chỉ tịnh. "Nhờ vào sự chứng đạt Vô sở hữu xứ, [hành giả] không rung động đối với sự nghĩ tưởng về Thức vô biên xứ" là lực của chỉ tịnh. "Nhờ vào sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ, [hành giả] không rung động đối với sự nghĩ tưởng về Vô sở hữu xứ" là lực của chỉ tịnh. "[Hành giả] không rung động, không chuyển động, không chao động đối với các sự phóng dật, đối với các phiền não và các uẩn đi cùng với phóng dật" là lực của chỉ tịnh. Đây là lực của chỉ tịnh.

Lực của minh sát là gì? Quán xét về vô thường là lực của minh sát, quán xét về khổ não là lực của minh sát, quán xét về vô ngã là lực của minh sát, quán xét về nhàm chán là lực của minh sát, quán xét về ly tham ái là lực của minh sát,

quán xét về diệt tận là lực của minh sát, quán xét về từ bỏ là lực của minh sát. Quán xét về vô thường ở sắc là lực của minh sát,... (nt)... quán xét về từ bỏ ở sắc là lực của minh sát, quán xét về từ bỏ ở thọ... ở tưởng... ở các hành... ở thức... ở mắt... ở lão tử là lực của minh sát.

Lực của minh sát: Lực của minh sát theo ý nghĩa gì? "Do quán xét về vô thường, [hành giả] không rung động đối với sự nghĩ tưởng về thường" là lực của minh sát. "Do quán xét về khổ não, [hành giả] không rung động đối với sự nghĩ tưởng về lạc" là lực của minh sát. "Do quán xét về vô ngã, [hành giả] không rung động đối với sự nghĩ tưởng về ngã" là lực của minh sát. "Do quán xét về nhàm chán, [hành giả] không rung động đối với sự nghĩ tưởng về sự vui thích" là lực của minh sát. "Do quán xét về ly tham ái, [hành giả] không rung động đối với sự nghĩ tưởng về tham ái" là lực của minh sát. "Do quán xét về diệt tận, [hành giả] không rung động đối với sự nghĩ tưởng về nhân sanh khởi" là lực của minh sát. "Do quán xét về từ bỏ, [hành giả] không rung động đối với sự nghĩ tưởng về nắm giữ" là lực của minh sát. "[Hành giả] không rung động, không chuyển động, không chao động đối với vô minh, đối với các phiền não đi cùng với vô minh và đối với các uẩn" là lực của minh sát. Điều này được gọi là lực của minh sát.

Với sự tịnh lặng của ba hành: Với sự tịnh lặng của ba hành nào? Đối với [hành giả] thể nhập nhị thiền, các hành của khẩu là tầm và tứ được tịnh lặng. Đối với [hành giả] thể nhập tứ thiền, các hành của thân là hơi thở ra và hơi thở vào được tịnh lặng. Đối với [hành giả] thể nhập sự diệt tận của thọ và tưởng, các hành của tâm là tưởng và thọ được tịnh lặng. Là với sự tịnh lặng của ba hành này.

Với mười sáu hành vi của trí: Với mười sáu hành vi gì của trí? Quán xét về vô thường là hành vi của trí, quán xét về khổ não là hành vi của trí, quán xét về vô ngã là hành vi của trí; quán xét về nhàm chán là hành vi của trí, quán xét về ly tham ái là hành vi của trí, quán xét về diệt tận là hành vi của trí, quán xét về từ bỏ là hành vi của trí, quán xét về ly khai là hành vi của trí; đạo Nhập lưu là hành vi của trí, sự chứng đạt quả Nhập lưu là hành vi của trí; đạo Nhất lai là hành vi của trí, sự chứng đạt quả Nhất lai là hành vi của trí; đạo Bất lai là hành vi của trí, sự chứng đạt quả Bất lai là hành vi của trí; đạo A-la-hán là hành vi của trí, sự chứng đạt quả A-la-hán là hành vi của trí. Là với mười sáu hành vi này của trí.

Với chín hành vi của định: Với chín hành vi gì của định? Sơ thiền là hành vi của định, Nhị thiền là hành vi của định, Tam thiền là hành vi của định, Tứ thiền là hành vi của định, sự chứng đạt Không vô biên xứ..., sự chứng đạt Thức vô biên xứ..., sự chứng đạt Vô sở hữu xứ..., sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ là hành vi của định, tầm tứ hỷ lạc và sự chuyên nhất của tâm nhằm mục đích thành tựu sơ thiền... (nt)... tầm tứ hỷ lạc và sự chuyên nhất của tâm nhằm mục đích thành tựu sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ [là hành vi của định]. Là với chín hành vi này của định.

Sự thuần thục: Có năm sự thuần thục: Sự thuần thục về hướng tâm, sự thuần thục về thể nhập, sự thuần thục về chú nguyện, sự thuần thục về thoát ra, sự thuần thục về quán xét lại.

[Hành giả] hướng tâm đến sơ thiền ở bất cứ đâu theo ước muốn, bất cứ khi nào theo ước muốn, và kéo dài theo ước muốn, "không có trạng thái bị trì trệ trong việc hướng tâm" là sự thuần thục về hướng tâm. [Hành giả] thể nhập sơ thiền ở bất cứ đâu... "không có trạng thái bị trì trệ trong việc thể nhập" là sự thuần thục về thể nhập. [Hành giả] chú nguyện sơ thiền ở bất cứ đâu... "không có trạng thái bị trì trệ trong việc chú nguyện" là sự thuần thục về chú nguyện. [Hành giả] thoát ra khỏi sơ thiền ở bất cứ đâu... "không có trạng thái bị trì trệ trong việc thoát ra" là sự thuần thục về thoát ra. [Hành giả] quán xét lại sơ thiền ở bất cứ đâu... "không có trạng thái bị trì trệ trong việc quán xét lại" là sự thuần thục về quán xét lại.

[Hành giả] hướng tâm đến nhị thiền... (nt)... đến sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ ở bất cứ đâu theo ước muốn, bất cứ khi nào theo ước muốn và kéo dài theo ước muốn, "không có trạng thái bị trì trệ trong việc hướng tâm" là sự thuần thục về hướng tâm. [Hành giả] thể nhập... (nt)... chú nguyện... (nt)... thoát ra... (nt)... quán xét lại sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ ở bất cứ đâu theo ước muốn, bất cứ khi nào theo ước muốn, và kéo dài theo ước muốn, "không có trạng thái bị trì trệ trong việc quán xét lại" là sự thuần thục về quán xét lại. Đây là năm sự thuần thục.

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ có tính chất hội đủ với hai lực và có ưu thế với sự tịnh lặng của ba hành, với mười sáu hành vi của trí, và với chín hành vi của định là trí về sự chứng đạt thiền diệt."

Dứt phần giải thích "Trí về sự chứng đạt thiền diệt."

35. TRÍ VỀ SỰ VIÊN TỊCH NIẾT-BÀN (*Parinibbānañāṇaṃ*)

Tuệ về sự chấm dứt vận hành của vị có sự nhận biết rõ rệt[74] là trí về sự viên tịch Niết-bàn là [có ý nghĩa] thế nào?

Ở đây, [hành giả] có sự nhận biết rõ rệt rằng: Do sự thoát ly, sự vận hành của ước muốn trong các dục được chấm dứt. Do không sân độc, sự vận hành của sân độc được chấm dứt. Do sự nghĩ tưởng đến ánh sáng, sự vận hành của lờ đờ buồn ngủ được chấm dứt. Do không tản mạn, sự vận hành của phóng dật được chấm dứt. Do xác định pháp, sự vận hành của hoài nghi được chấm dứt. … (nt)... Do trí, sự vận hành của vô minh được chấm dứt. Do hân hoan, sự vận hành của không hứng thú được chấm dứt. Do sơ thiền, sự vận hành của các pháp ngăn che được chấm dứt. … (nt)... Do đạo A-la-hán, sự vận hành của toàn bộ phiền não được chấm dứt.

---

[74] *Sampajāno*: Có sự nhận biết rõ rệt, Hòa thượng Thích Minh Châu dịch là tỉnh giác. Động từ có liên quan là *sampajānāti* (*saṃ+pa+jānāti*). Xin xem thêm phần chú thích 3, trang 757. (ND)

Vả lại, đối với vị có sự nhận biết rõ rệt đang viên tịch Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn không còn dư sót, chính sự vận hành này của mắt được chấm dứt và sự vận hành khác của mắt không sanh lên; chính sự vận hành này của tai... của mũi... của lưỡi... của thân... của ý được chấm dứt và sự vận hành khác của ý không được sanh lên, tuệ về sự chấm dứt vận hành của vị có sự nhận biết rõ rệt điều này là trí về sự viên tịch Niết-bàn.

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về sự chấm dứt vận hành của vị có sự nhận biết rõ rệt là trí về sự viên tịch Niết-bàn."

Dứt phần giải thích "Trí về sự viên tịch Niết-bàn."

36. TRÍ VỀ Ý NGHĨA CỦA CÁC PHÁP ĐỨNG ĐẦU ĐƯỢC TỊNH LẶNG (*Samasīsaṭṭhañāṇaṃ*)

Tuệ có tính chất không thiết lập ở sự đoạn trừ hoàn toàn và ở sự diệt tận đối với tất cả các pháp là trí về ý nghĩa của các pháp đứng đầu được tịnh lặng là [có ý nghĩa] thế nào?

Đối với tất cả các pháp: Là năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới, các pháp thiện, các pháp bất thiện, các pháp vô ký, các pháp dục giới, các pháp sắc giới, các pháp vô sắc giới, các pháp không bị lệ thuộc.

Ở sự đoạn trừ hoàn toàn: Do sự thoát ly, [hành giả] đoạn trừ hoàn toàn ước muốn trong các dục. Do không sân độc, [hành giả] đoạn trừ hoàn toàn sân độc. Do sự nghĩ tưởng đến ánh sáng,... sự lờ đờ buồn ngủ. Do không tản mạn,... phóng dật. Do xác định pháp,... hoài nghi. Do trí,... vô minh. Do hân hoan,... không hứng thú. Do sơ thiền, [hành giả] đoạn trừ hoàn toàn các pháp ngăn che. … (nt)... Do đạo A-la-hán, [hành giả] đoạn trừ hoàn toàn toàn bộ phiền não.

Ở sự diệt tận: Do sự thoát ly, [hành giả] diệt tận ước muốn trong các dục. Do không sân độc, [hành giả] diệt tận sân độc. Do nghĩ tưởng ánh sáng,... lờ đờ buồn ngủ. Do không tản mạn,... phóng dật. Do xác định pháp,... hoài nghi. Do trí,... vô minh. Do hân hoan,... không hứng thú. Do sơ thiền, [hành giả] diệt tận các pháp ngăn che. … (nt)... Do đạo A-la-hán, [hành giả] diệt tận toàn bộ phiền não.

Tính chất không thiết lập: Ở vị đã thành tựu sự thoát ly, ước muốn trong các dục không thiết lập. Ở vị đã thành tựu không sân độc, sân độc không thiết lập. Ở vị đã thành tựu sự nghĩ tưởng đến ánh sáng, sự lờ đờ buồn ngủ... Ở vị đã thành tựu sự không tản mạn, sự phóng dật... Ở vị đã thành tựu sự xác định pháp, hoài nghi... Ở vị đã thành tựu trí, vô minh không thiết lập. Ở vị đã thành tựu hân hoan, sự không hứng thú không thiết lập. Ở vị đã thành tựu sơ thiền, các pháp ngăn che không thiết lập. … (nt)... Ở vị đã thành tựu đạo A-la-hán, toàn bộ phiền não không thiết lập.

Được tịnh lặng: Do trạng thái dứt bỏ sự ước muốn các dục, sự thoát ly được tịnh lặng. Do trạng thái dứt bỏ sân độc, không sân độc được tịnh lặng. ...

sự lờ đờ buồn ngủ, sự nghĩ tưởng đến ánh sáng... phóng dật, sự không tản mạn... hoài nghi, sự xác định pháp... vô minh, trí... sự không hứng thú, hân hoan... Do trạng thái dứt bỏ các pháp ngăn che, sơ thiền được tịnh lặng. … (nt)... Do trạng thái dứt bỏ toàn bộ phiền não, đạo A-la-hán được tịnh lặng.

Pháp đứng đầu: Có mười ba pháp đứng đầu: Đứng đầu các sự vướng bận là ái, đứng đầu các sự trói buộc là ngã mạn, đứng đầu các pháp tiêm nhiễm là tà kiến, đứng đầu các sự tản mạn là phóng dật, đứng đầu các phiền não là vô minh, đứng đầu các sự cương quyết là tín, đứng đầu các sự ra sức là tấn, đứng đầu các sự thiết lập là niệm, đứng đầu các sự không tản mạn là định, đứng đầu các sự nhận thức là tuệ, đứng đầu các sự vận hành là mạng quyền, đứng đầu các hành xứ là giải thoát, đứng đầu các hành là sự diệt tận.

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ có tính chất không thiết lập ở sự đoạn trừ hoàn toàn và ở sự diệt tận đối với tất cả các pháp là trí về ý nghĩa của các pháp đứng đầu được tịnh lặng."

Dứt phần giải thích "Trí về ý nghĩa của các pháp đứng đầu được tịnh lặng."

37. TRÍ VỀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC DỨT TRỪ (*Sallekhaṭṭhañāṇaṃ*)

Tuệ về sự chấm dứt các quyền lực riêng biệt có bản chất khác nhau hoặc giống nhau là trí về ý nghĩa của việc dứt trừ là [có ý nghĩa] thế nào?

Riêng biệt: Tham ái là riêng biệt, sân là riêng biệt, si..., giận dữ…, căm hận…, gièm pha…, thù oán…, ganh ghét…, bỏn xẻn…, xảo trá…, khoác lác…, bướng bỉnh…, kiêu căng…, ngã mạn…, tự cao…, tự phụ…, buông lung…, tất cả phiền não…, tất cả ác hạnh…, tất cả các thắng hành[75] …, tất cả nghiệp đưa đến hữu là riêng biệt.

Có bản chất khác nhau hoặc giống nhau: Ước muốn trong các dục là khác nhau, sự thoát ly là giống nhau. Sân độc là khác nhau, sự không sân độc là giống nhau. Sự lờ đờ buồn ngủ là khác nhau, sự nghĩ tưởng đến ánh sáng là giống nhau. Phóng dật... sự không tản mạn... Hoài nghi... sự xác định pháp... Vô minh... trí... Sự không hứng thú... hân hoan... Các pháp ngăn che... Sơ thiền... Tất cả phiền não là khác nhau, đạo A-la-hán là giống nhau.

Quyền lực: Có năm quyền lực: Quyền lực của hạnh kiểm, quyền lực của đức độ, quyền lực của tuệ, quyền lực của phước, quyền lực của Chánh pháp. Quyền lực của ác giới được chấm dứt do bị thiêu đốt bởi quyền lực của hạnh kiểm. Quyền lực của không đức độ... bởi quyền lực của đức độ. Quyền lực của ác tuệ... bởi quyền lực của tuệ. Quyền lực của vô phước... bởi quyền lực của phước. Quyền lực của phi pháp được chấm dứt do bị thiêu đốt bởi quyền lực của Chánh pháp.

---

[75] Các thắng hành (*abhisaṅkhārā*) có ba: Phúc hành, sự tạo tác đem lại phước báu (*puññābhisaṅkhāro*); phi phúc hành, sự tạo tác không đem lại phước báu (*apuññābhisaṅkhāro*); bất động hành, sự tạo tác có kết quả không thay đổi (*āneñjābhisaṅkhāro*) (*PsA*. I. 326-27).

Dứt trừ: Ước muốn trong các dục là sự không dứt trừ, thoát ly là sự dứt trừ. Sân độc là sự không dứt trừ, không sân độc là sự dứt trừ. Lờ đờ buồn ngủ... nghĩ tưởng đến ánh sáng... Phóng dật... sự không tản mạn... Hoài nghi... sự xác định pháp... Vô minh... trí... Sự không hứng thú... hân hoan... Các pháp ngăn che... Sơ thiền... Tất cả phiền não là sự không dứt trừ, đạo A-la-hán là sự dứt trừ.

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về sự chấm dứt các quyền lực riêng biệt có bản chất khác nhau hoặc giống nhau là trí về ý nghĩa của việc dứt trừ."

Dứt phần giải thích "Trí về ý nghĩa của việc dứt trừ."

38. TRÍ VỀ VIỆC KHỞI SỰ TINH TẤN (*Vīriyārambhañāṇaṃ*)

Tuệ về ý nghĩa của việc ra sức có trạng thái không thối giảm và có tính năng động là trí về việc khởi sự tinh tấn là [có ý nghĩa] thế nào?

Tuệ về ý nghĩa của việc ra sức có trạng thái không thối giảm và có tính năng động đưa đến việc không sanh khởi các pháp ác và bất thiện chưa được sanh khởi là trí về việc khởi sự tinh tấn. Tuệ về ý nghĩa của việc ra sức... đưa đến việc dứt bỏ các pháp ác và bất thiện đã được sanh khởi... đưa đến việc sanh khởi các pháp thiện chưa được sanh khởi... đưa đến việc duy trì, đưa đến sự không lẫn lộn, đưa đến trạng thái phát triển, đưa đến sự tiến triển, đưa đến sự tăng trưởng, đưa đến sự toàn vẹn của các pháp thiện đã được sanh khởi là trí về việc khởi sự tinh tấn.

Tuệ về ý nghĩa của việc ra sức có trạng thái không thối giảm và có tính năng động đưa đến việc không sanh khởi ước muốn trong các dục chưa được sanh khởi... đưa đến việc dứt bỏ ước muốn trong các dục đã được sanh khởi... đưa đến việc sanh khởi sự thoát ly chưa được sanh khởi... đưa đến việc duy trì, đưa đến sự không lẫn lộn, đưa đến trạng thái phát triển, đưa đến sự tiến triển, đưa đến sự tăng trưởng, đưa đến sự toàn vẹn của sự thoát ly đã được sanh khởi là trí về việc khởi sự tinh tấn. … (nt)... Tuệ về ý nghĩa của việc ra sức có trạng thái không thối giảm và có tính năng động đưa đến việc không sanh khởi tất cả phiền não chưa được sanh khởi... đưa đến việc dứt bỏ tất cả phiền não đã được sanh khởi... đưa đến việc sanh khởi đạo A-la-hán chưa được sanh khởi... đưa đến việc duy trì, đưa đến sự không lẫn lộn, đưa đến trạng thái phát triển, đưa đến sự tiến triển, đưa đến sự tăng trưởng, đưa đến sự toàn vẹn của đạo A-la-hán đã được sanh khởi là trí về việc khởi sự tinh tấn.

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về ý nghĩa của việc ra sức có trạng thái không thối giảm và có tính năng động là trí về việc khởi sự tinh tấn."

Dứt phần giải thích "Trí về việc khởi sự tinh tấn."

39. TRÍ VỀ SỰ TRỰC NHẬN Ý NGHĨA (*Atthasandassanañāṇaṃ*)

Tuệ làm sáng tỏ các pháp khác biệt là trí về sự trực nhận ý nghĩa là [có ý nghĩa] thế nào?

Các pháp khác biệt là: Năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới, các pháp thiện, các pháp bất thiện, các pháp vô ký, các pháp dục giới, các pháp sắc giới, các pháp vô sắc giới, các pháp không bị lệ thuộc.

Sự làm sáng tỏ: [Hành giả] làm sáng tỏ sắc là vô thường, làm sáng tỏ sắc là khổ não, làm sáng tỏ sắc là vô ngã, làm sáng tỏ thọ... (nt)... tưởng... (nt)... các hành... (nt)... thức... (nt)... mắt... (nt)... làm sáng tỏ lão tử là vô thường, làm sáng tỏ lão tử là khổ não, làm sáng tỏ lão tử là vô ngã.

Việc trực nhận ý nghĩa: Trong khi dứt bỏ ước muốn trong các dục, hành giả trực nhận ý nghĩa của thoát ly; trong khi dứt bỏ sân độc, trực nhận ý nghĩa của không sân độc; trong khi dứt bỏ sự lờ đờ buồn ngủ, trực nhận ý nghĩa của sự nghĩ tưởng đến ánh sáng; trong khi dứt bỏ phóng dật, trực nhận ý nghĩa của sự không tản mạn; trong khi dứt bỏ hoài nghi, trực nhận ý nghĩa của sự xác định pháp; trong khi dứt bỏ vô minh, trực nhận ý nghĩa của trí; trong khi dứt bỏ sự không hứng thú, trực nhận ý nghĩa của hân hoan; trong khi dứt bỏ các pháp ngăn che, trực nhận ý nghĩa của sơ thiền; trong khi dứt bỏ tất cả phiền não, trực nhận ý nghĩa của đạo A-la-hán.

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ làm sáng tỏ các pháp khác biệt là trí về sự trực nhận ý nghĩa."

Dứt phần giải thích "Trí về sự trực nhận ý nghĩa."

40. TRÍ VỀ SỰ THANH TỊNH TRONG VIỆC NHẬN THỨC (*Dassanavisuddhiñāṇaṃ*)

Tuệ về sự thấu triệt tính tổng hợp chung và về bản chất khác nhau hoặc giống nhau của tất cả các pháp là trí về sự thanh tịnh trong việc nhận thức là [có ý nghĩa] thế nào?

Tất cả các pháp: Là năm uẩn, mười hai xứ,... (nt)..., các pháp không bị lệ thuộc.

Tính tổng hợp chung: Tất cả các pháp có tính tổng hợp chung là với mười hai biểu hiện: Theo ý nghĩa của thực thể, theo ý nghĩa của vô ngã, theo ý nghĩa của sự thật, theo ý nghĩa của sự thấu triệt, theo ý nghĩa của sự biết rõ, theo ý nghĩa của sự biết toàn diện, theo ý nghĩa của pháp, theo ý nghĩa của sự việc, theo ý nghĩa đã được biết, theo ý nghĩa của sự tác chứng, theo ý nghĩa của sự chạm đến, theo ý nghĩa của sự lãnh hội. Tất cả các pháp có tính tổng hợp chung là với mười hai biểu hiện này.

Có bản chất khác nhau hoặc giống nhau: Ước muốn trong các dục là

khác nhau, sự thoát ly là giống nhau. … (nt)... Tất cả phiền não là khác nhau, đạo A-la-hán là giống nhau.

Sự thấu triệt: [Hành giả] thấu triệt chân lý về khổ với sự thấu triệt do biết toàn diện, [hành giả] thấu triệt chân lý về nhân sanh [khổ] với sự thấu triệt do dứt bỏ, [hành giả] thấu triệt chân lý về sự diệt tận [khổ] với sự thấu triệt do tác chứng, [hành giả] thấu triệt chân lý về đạo với sự thấu triệt do tu tập.

Sự thanh tịnh trong việc nhận thức: Vào sát-na đạo Nhập lưu, sự nhận thức được thanh tịnh. Vào sát-na quả Nhập lưu, sự nhận thức được thanh tịnh. Vào sát-na đạo Nhất lai, sự nhận thức được thanh tịnh. Vào sát-na quả Nhất lai, sự nhận thức được thanh tịnh. Vào sát-na đạo Bất lai, sự nhận thức được thanh tịnh. Vào sát-na quả Bất lai, sự nhận thức được thanh tịnh. Vào sát-na đạo A-la-hán, sự nhận thức được thanh tịnh. Vào sát-na quả A-la-hán, sự nhận thức được thanh tịnh.

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về sự thấu triệt tính tổng hợp chung và về bản chất khác nhau hoặc giống nhau của tất cả các pháp là trí về sự thanh tịnh trong việc nhận thức."

Dứt phần giải thích "Trí về sự thanh tịnh trong việc nhận thức."

41. TRÍ VỀ VIỆC CHẤP NHẬN (*Khantiñāṇaṃ*)

Tuệ với trạng thái đã được biết là trí về việc chấp nhận là [có ý nghĩa] thế nào?

Sắc là vô thường là điều đã được biết, sắc là khổ não là điều đã được biết, sắc là vô ngã là điều đã được biết, "điều nào là đã được biết [hành giả] chấp nhận điều ấy", tuệ với trạng thái đã được biết là trí về việc chấp nhận. Thọ... Tưởng... Các hành... Thức... Mắt... Lão tử là vô thường là điều đã được biết, lão tử là khổ não là điều đã được biết, lão tử là vô ngã là điều đã được biết, "điều nào là đã được biết [hành giả] chấp nhận điều ấy", như thế tuệ với trạng thái đã được biết là trí về việc chấp nhận.

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ với trạng thái đã được biết là trí về việc chấp nhận."

Dứt phần giải thích "Trí về việc chấp nhận."

42. TRÍ VỀ SỰ THÂM NHẬP (*Pariyogāhanañāṇaṃ*)

Tuệ với trạng thái đã được chạm đến là trí về sự thâm nhập là [có ý nghĩa] thế nào?

[Hành giả] chạm đến sắc là vô thường, chạm đến sắc là khổ não, chạm đến sắc là vô ngã, "điều nào chạm đến, [hành giả] thâm nhập điều ấy", như thế tuệ với trạng thái đã được chạm đến là trí về sự thâm nhập. ... thọ... tưởng... các hành... thức... mắt... [Hành giả] chạm đến lão tử là vô thường, chạm đến lão tử là

khổ não, chạm đến lão tử là vô ngã, "điều nào chạm đến, [hành giả] thâm nhập điều ấy", như thế tuệ với trạng thái đã được chạm đến là trí về sự thâm nhập.

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ với trạng thái đã được chạm đến là trí về sự thâm nhập."

Dứt phần giải thích "Trí về sự thâm nhập."

43. TRÍ VỀ SỰ AN TRÚ VÀO CÁC LÃNH VỰC (*Padesavihārañāṇaṃ*)

Tuệ về sự phối hợp lại là trí về sự an trú vào các lãnh vực là [có ý nghĩa] thế nào?

Do duyên tà kiến có được cảm thọ, cũng do duyên vắng lặng của tà kiến có được cảm thọ. Do duyên chánh kiến có được cảm thọ, cũng do duyên vắng lặng của chánh kiến có được cảm thọ. Do duyên tà tư duy có được cảm thọ, cũng do duyên vắng lặng của tà tư duy có được cảm thọ. Do duyên chánh tư duy có được cảm thọ, cũng do duyên vắng lặng của chánh tư duy có được cảm thọ. ...(nt)... Do duyên tà giải thoát có được cảm thọ, cũng do duyên vắng lặng của tà giải thoát có được cảm thọ. Do duyên chánh giải thoát có được cảm thọ, cũng do duyên vắng lặng của chánh giải thoát có được cảm thọ. Do duyên ước muốn có được cảm thọ, cũng do duyên vắng lặng của ước muốn có được cảm thọ. Do duyên tầm có được cảm thọ, cũng do duyên vắng lặng của tầm có được cảm thọ. Do duyên tưởng có được cảm thọ, cũng do duyên vắng lặng của tưởng có được cảm thọ.

Ước muốn là không vắng lặng, tầm là không vắng lặng, tưởng là không vắng lặng, cũng do duyên của việc ấy, có được cảm thọ. Ước muốn được vắng lặng, tầm là không vắng lặng, tưởng là không vắng lặng,... Ước muốn được vắng lặng, tầm được vắng lặng, tưởng là không vắng lặng,... Ước muốn được vắng lặng, tầm được vắng lặng, tưởng được vắng lặng,... Có sự nỗ lực nhằm đạt được điều chưa đạt được [quả A-la-hán], khi vị trí ấy chưa được đạt đến, cũng do duyên của việc ấy có được cảm thọ.

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về sự phối hợp lại là trí về sự an trú vào các lãnh vực."

Dứt phần giải thích "Trí về sự an trú vào các lãnh vực."

44-49. NHÓM SÁU CỦA TRÍ VỀ SỰ LY KHAI (*Vivaṭṭañāṇachakkaṃ*)

44. Trí về sự ly khai do tưởng (*Saññāvivaṭṭañāṇaṃ*)

Tuệ với tính chất chủ đạo là trí về sự ly khai do tưởng là [có ý nghĩa] thế nào?

"Tuệ với thoát ly là tính chất chủ đạo ly khai khỏi ước muốn trong các dục do tưởng", như thế tuệ với tính chất chủ đạo là trí về sự ly khai do tưởng. "Tuệ

với không sân độc là tính chất chủ đạo ly khai khỏi sân độc do tưởng", như thế tuệ với tính chất chủ đạo là trí về sự ly khai do tưởng. "Tuệ với sự nghĩ tưởng đến ánh sáng là tính chất chủ đạo ly khai khỏi sự lờ đờ buồn ngủ do tưởng",... "Tuệ với sự không tản mạn là tính chất chủ đạo ly khai khỏi phóng dật do tưởng",... "Tuệ với sự xác định pháp là tính chất chủ đạo ly khai khỏi hoài nghi do tưởng",... "Tuệ với trí là tính chất chủ đạo ly khai khỏi vô minh do tưởng",... "Tuệ với sự hân hoan là tính chất chủ đạo ly khai khỏi sự không hứng thú do tưởng",... "Tuệ với sơ thiền là tính chất chủ đạo ly khai khỏi các pháp ngăn che do tưởng", như thế tuệ với tính chất chủ đạo là trí về sự ly khai do tưởng. ... (nt)... "Tuệ với tính chất đạo A-la-hán ly khai khỏi toàn bộ phiền não do tưởng", như thế tuệ với tính chất chủ đạo là trí về sự ly khai do tưởng.

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ với tính chất chủ đạo là trí về sự ly khai do tưởng."

45. Trí về sự ly khai do suy nghĩ (*Cetovivaṭṭañāṇaṃ*)

Tuệ về bản chất khác nhau là trí về sự ly khai do suy nghĩ là [có ý nghĩa] thế nào?

"Ước muốn trong các dục là khác nhau, sự thoát ly là giống nhau. Trong khi suy nghĩ về bản chất giống nhau của sự thoát ly, tâm ly khai khỏi ước muốn trong các dục", như thế tuệ về bản chất khác nhau là trí về sự ly khai do suy nghĩ. "Sân độc là khác nhau, sự không sân độc là giống nhau. Trong khi suy nghĩ về bản chất giống nhau của không sân độc, tâm ly khai khỏi sân độc", như thế tuệ về bản chất khác nhau là trí về sự ly khai do suy nghĩ. "Sự lờ đờ buồn ngủ là khác nhau, sự nghĩ tưởng đến ánh sáng là giống nhau. Trong khi suy nghĩ về bản chất giống nhau của sự nghĩ tưởng đến ánh sáng, tâm ly khai khỏi sự lờ đờ buồn ngủ", như thế tuệ về bản chất khác nhau là trí về sự ly khai do suy nghĩ. ... (nt)... "Tất cả phiền não là khác nhau, đạo A-la-hán là giống nhau. Trong khi suy nghĩ về bản chất giống nhau của đạo A-la-hán, tâm ly khai khỏi tất cả phiền não", như thế tuệ về bản chất khác nhau là trí về sự ly khai do suy nghĩ.

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về bản chất khác nhau là trí về sự ly khai do suy nghĩ."

46. Trí về sự ly khai do tâm (*Cittavivaṭṭañāṇaṃ*)

Tuệ về sự khẳng định là trí về sự ly khai do tâm là [có ý nghĩa] thế nào?

"Trong khi dứt bỏ ước muốn trong các dục, do tác động của sự thoát ly tâm được khẳng định", như thế tuệ về sự khẳng định là trí về sự ly khai do tâm. "Trong khi dứt bỏ sân độc, do tác động của sự không sân độc tâm được khẳng định",... "Trong khi dứt bỏ sự lờ đờ buồn ngủ, do tác động của sự nghĩ tưởng đến ánh sáng tâm được khẳng định", như thế tuệ về sự khẳng định là trí về sự

ly khai do tâm. ... (nt)... "Trong khi dứt bỏ tất cả phiền não, do tác động của đạo A-la-hán tâm được khẳng định", như thế tuệ về sự khẳng định là trí về sự ly khai do tâm.

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về sự khẳng định là trí về sự ly khai do tâm."

47. Trí về sự ly khai do trí (*Ñāṇavivaṭṭañāṇaṃ*)

Tuệ về không tánh là trí về sự ly khai do trí là [có ý nghĩa] thế nào?

"Trong khi biết và thấy đúng theo thực thể rằng: 'Mắt là rỗng không về bản ngã, về sở hữu của bản ngã, về thường còn, về vững chắc, về vĩnh viễn, hoặc về pháp không chuyển biến', trí ly khai khỏi sự cố chấp về mắt", như thế tuệ về không tánh là trí về sự ly khai do trí. "Trong khi biết và thấy đúng theo thực thể rằng: 'Tai là rỗng không... 'Mũi là rỗng không... 'Lưỡi là rỗng không... 'Thân là rỗng không... 'Ý là rỗng không về bản ngã, về sở hữu của bản ngã, về thường còn, về vững chắc, về vĩnh viễn, hoặc về pháp không chuyển biến', trí ly khai khỏi sự cố chấp về ý", như thế tuệ về không tánh là trí về sự ly khai do trí.

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về không tánh là trí về sự ly khai do trí."

48. Trí về sự ly khai do giải thoát (*Vimokkhavivaṭṭañāṇaṃ*)

Tuệ về sự xả ly là trí về sự ly khai do giải thoát là [có ý nghĩa] thế nào?

"Xả ly ước muốn trong các dục nhờ vào sự thoát ly", như thế tuệ về sự xả ly là trí về sự ly khai do giải thoát. "Xả ly sân độc nhờ vào sự không sân độc",... "Xả ly sự lờ đờ buồn ngủ nhờ vào sự nghĩ tưởng đến ánh sáng",... "Xả ly phóng dật nhờ vào sự không tản mạn",... "Xả ly hoài nghi nhờ vào sự xác định pháp", như thế tuệ về sự xả ly là trí về sự ly khai do giải thoát. ... "Xả ly tất cả phiền não nhờ vào đạo A-la-hán", như thế tuệ về sự xả ly là trí về sự ly khai do giải thoát.

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về sự xả ly là trí về sự ly khai do giải thoát."

49. Trí về sự ly khai do sự thật (*Saccavivaṭṭañāṇaṃ*)

Tuệ về ý nghĩa của thực thể là trí về sự ly khai do sự thật là [có ý nghĩa] thế nào?

"Trong khi biết toàn diện về ý nghĩa áp bức, ý nghĩa tạo tác, ý nghĩa nóng nảy, ý nghĩa chuyển biến của khổ, [hành giả] ly khai", như thế tuệ về ý nghĩa của thực thể là trí về sự ly khai do sự thật. "Trong khi dứt bỏ ý nghĩa [nghiệp] tích lũy, ý nghĩa căn nguyên, ý nghĩa ràng buộc, ý nghĩa vướng bận của nhân sanh, [hành giả] ly khai", như thế tuệ về ý nghĩa của thực thể là trí về sự ly khai do sự thật. "Trong khi tác chứng ý nghĩa xuất ly, ý nghĩa viễn ly, ý nghĩa không tạo tác, ý nghĩa bất tử của Niết-bàn, [hành giả] ly khai", như thế tuệ về ý nghĩa

của thực thể là trí về sự ly khai do sự thật. "Trong khi tu tập ý nghĩa dẫn xuất, ý nghĩa chủng tử, ý nghĩa nhận thức, ý nghĩa pháp chủ đạo của đạo, [hành giả] ly khai", như thế tuệ về ý nghĩa của thực thể là trí về sự ly khai do sự thật.

Sự ly khai do tưởng, sự ly khai do suy nghĩ, sự ly khai do tâm, sự ly khai do trí, sự ly khai do giải thoát, sự ly khai do sự thật. "Trong khi suy tưởng, [hành giả] ly khai" là sự ly khai do tưởng. "Trong khi suy nghĩ, [hành giả] ly khai" là sự ly khai do suy nghĩ. "Trong khi nhận biết, [hành giả] ly khai" là sự ly khai do tâm. "Trong khi sử dụng trí, [hành giả] ly khai" là sự ly khai do trí. "Trong khi xả ly, [hành giả] ly khai" là sự ly khai do giải thoát. "Theo ý nghĩa của thực thể, [hành giả] ly khai" là sự ly khai do sự thật.

Nơi nào có sự ly khai do tưởng, nơi ấy có sự ly khai do suy nghĩ. Nơi nào có sự ly khai do suy nghĩ, nơi ấy có sự ly khai do tưởng. Nơi nào có sự ly khai do tưởng, có sự ly khai do suy nghĩ; nơi ấy có sự ly khai do tâm. Nơi nào có sự ly khai do tâm; nơi ấy có sự ly khai do tưởng, có sự ly khai do suy nghĩ. Nơi nào có sự ly khai do tưởng, có sự ly khai do suy nghĩ, có sự ly khai do tâm; nơi ấy có sự ly khai do trí. Nơi nào có sự ly khai do trí; nơi ấy có sự ly khai do tưởng, có sự ly khai do suy nghĩ, có sự ly khai do tâm. Nơi nào có sự ly khai do tưởng, có sự ly khai do suy nghĩ, có sự ly khai do tâm, có sự ly khai do trí; nơi ấy có sự ly khai do giải thoát. Nơi nào có sự ly khai do giải thoát; nơi ấy có sự ly khai do tưởng, có sự ly khai do suy nghĩ, có sự ly khai do tâm, có sự ly khai do trí. Nơi nào có sự ly khai do tưởng, có sự ly khai do suy nghĩ, có sự ly khai do tâm, có sự ly khai do trí, có sự ly khai do giải thoát; nơi ấy có sự ly khai do sự thật. Nơi nào có sự ly khai do sự thật; nơi ấy có sự ly khai do tưởng, có sự ly khai do suy nghĩ, có sự ly khai do tâm, có sự ly khai do trí, có sự ly khai do giải thoát.

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về ý nghĩa của thực thể là trí về sự ly khai do sự thật."

Dứt phần giải thích "Nhóm sáu của trí về sự ly khai."

50. TRÍ VỀ CÁC THỂ LOẠI THẦN THÔNG (*Iddhividhañāṇaṃ*)

Với sự xác định cả thân lẫn tâm là một, tuệ về ý nghĩa của sự thành tựu do năng lực của sự chú nguyện lạc tưởng và khinh tưởng là trí về các thể loại thần thông là [có ý nghĩa] thế nào?

Vị Tỳ-khưu trong giáo pháp này tu tập về nền tảng của thần thông[76] hội đủ [các yếu tố] định do ước muốn và các tạo tác do nỗ lực,[77]... hội đủ [các yếu tố] định do tinh tấn và các tạo tác do nỗ lực,[78]... hội đủ [các yếu tố] định do nhận

[76] Nền tảng của thần thông (*iddhipāda*): Đường lối đưa đến sự thành tựu (về thần thông), từ dịch đang được sử dụng là "thần túc, như ý túc". (ND)

[77] Định do ước muốn và các tạo tác do nỗ lực (*chandasamādhi-padhānasaṅkhāra*): Từ dịch đang được sử dụng là "dục định cần hành". (ND)

[78] Định do tinh tấn và các tạo tác do nỗ lực (*viriyasamādhipadhānasaṅkhāra*). (ND)

thức và các tạo tác do nỗ lực,[79] tu tập về nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do thẩm xét và các tạo tác do nỗ lực.[80] Vị ấy làm cho tâm phát triển trọn vẹn, thuần hóa toàn diện, thành nhu nhuyến, có thể sử dụng được ở bốn nền tảng của thần thông này. Sau khi đã làm cho tâm phát triển trọn vẹn, thuần hóa toàn diện, thành nhu nhuyến, có thể sử dụng được ở bốn nền tảng của thần thông này, vị ấy kết hợp thân với tâm, kết hợp tâm với thân, uốn nắn tâm theo tác động của thân, uốn nắn thân theo tác động của tâm, chú nguyện tâm theo tác động của thân, chú nguyện thân theo tác động của tâm. Sau khi đã uốn nắn tâm theo tác động của thân, sau khi đã uốn nắn thân theo tác động của tâm, sau khi đã chú nguyện tâm theo tác động của thân, sau khi đã chú nguyện thân theo tác động của tâm, vị ấy nhập vào lạc tưởng và khinh tưởng ở thân rồi an trú. Với tâm được tu tập, được hoàn toàn trong sạch, được tinh khiết như thế, vị ấy quả quyết, hướng dẫn tâm vào trí thuộc về thần thông. Vị ấy kinh nghiệm nhiều thể loại thần thông: Là một hóa thành nhiều, là nhiều hóa thành một, hiện ra, biến mất, đi xuyên qua vách nhà, qua tường thành, qua núi non không bị chướng ngại như là ở khoảng không, trồi lên và chìm xuống vào trong trái đất như ở trong nước, đi ở trên nước mà không làm chao động như ở trên đất, di chuyển với thế kiết-già ở trên hư không như loài chim có cánh, bằng bàn tay sờ đến chạm vào ngay cả mặt trăng và mặt trời này, [là những vật] có đại thần lực như thế, có đại oai lực như thế. Bằng thân vị ấy thể hiện sự tác động đến tận cõi Phạm thiên.

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Với sự xác định cả thân lẫn tâm là một, tuệ về ý nghĩa của sự thành tựu do năng lực của sự chú nguyện lạc tưởng và khinh tưởng là trí về thể loại của thần thông."

Dứt phần giải thích "Trí về các thể loại thần thông."

51. TRÍ THANH TỊNH CỦA NHĨ GIỚI (*Sotadhātuvisuddhiñāṇaṃ*)

Tuệ về sự thâm nhập các hiện tướng âm thanh có bản chất khác nhau hoặc giống nhau bằng cách triển khai tầm là trí thanh tịnh của nhĩ giới là [có ý nghĩa] thế nào?

Vị Tỳ-khưu trong giáo pháp này tu tập về nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do ước muốn... định do tinh tấn... định do nhận thức... định do thẩm xét và các tạo tác do nỗ lực. Vị ấy làm cho tâm phát triển trọn vẹn, thuần hóa toàn diện, thành nhu nhuyến, có thể sử dụng được ở bốn nền tảng của thần thông này. Sau khi đã làm cho tâm phát triển trọn vẹn, thuần hóa toàn diện, thành nhu nhuyến, có thể sử dụng được ở bốn nền tảng của thần thông này, vị ấy chú ý đến hiện tướng âm thanh của các âm thanh ở xa, chú ý đến hiện tướng

[79] Định do nhận thức và các tạo tác do nỗ lực (*cittasamādhipadhānasaṅkhāra*). (ND)
[80] Định do thẩm xét và các tạo tác do nỗ lực (*vīmaṃsāsamādhipadhānasaṅkhāra*). (ND)

âm thanh của các âm thanh ở kề cận, chú ý đến hiện tướng âm thanh của các âm thanh thô tháo, chú ý đến hiện tướng âm thanh của các âm thanh êm dịu, chú ý đến hiện tướng âm thanh của các âm thanh nhỏ nhẹ, chú ý đến hiện tướng âm thanh của các âm thanh ở hướng Đông, chú ý đến hiện tướng âm thanh của các âm thanh ở hướng Tây, chú ý đến hiện tướng âm thanh của các âm thanh ở hướng Bắc, chú ý đến hiện tướng âm thanh của các âm thanh ở hướng Nam, chú ý đến hiện tướng âm thanh của các âm thanh ở hướng Đông Nam, chú ý đến hiện tướng âm thanh của các âm thanh ở hướng Tây Bắc, chú ý đến hiện tướng âm thanh của các âm thanh ở hướng Đông Bắc, chú ý đến hiện tướng âm thanh của các âm thanh ở hướng Tây Nam, chú ý đến hiện tướng âm thanh của các âm thanh ở hướng dưới, chú ý đến hiện tướng âm thanh của các âm thanh ở hướng trên.

Với tâm được phát triển, hoàn toàn trong sạch, tinh khiết như thế, vị ấy quả quyết, hướng dẫn tâm vào trí thanh tịnh của nhĩ giới. Nhờ vào thiên nhĩ giới thanh tịnh vượt trội loài người, vị ấy nghe được cả hai loại âm thanh ở cõi trời và ở loài người, ở xa và ở kề cận.

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về sự thâm nhập các hiện tướng âm thanh có bản chất khác nhau hoặc giống nhau bằng cách triển khai tầm là trí thanh tịnh của nhĩ giới."

Dứt phần giải thích "Trí thanh tịnh của nhĩ giới."

52. TRÍ BIẾT ĐƯỢC TÂM (*Cetopariyañāṇaṃ*)

Với tính chất triển khai của ba loại tâm, tuệ về sự thâm nhập các hành vi của thức có bản chất khác nhau hoặc giống nhau bằng năng lực tự tin của các quyền là trí biết được tâm là [có ý nghĩa] thế nào?

Vị Tỳ-khưu trong giáo pháp này tu tập về nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do ước muốn... định do tinh tấn... định do nhận thức... định do thẩm xét và các tạo tác do nỗ lực. Vị ấy làm cho tâm phát triển trọn vẹn, thuần hóa toàn diện, thành nhu nhuyến, có thể sử dụng được ở bốn nền tảng của thần thông này. Sau khi đã làm cho tâm phát triển trọn vẹn, thuần hóa toàn diện, thành nhu nhuyến, có thể sử dụng được ở bốn nền tảng của thần thông này, vị ấy biết rõ như vầy: "Đây là sắc được sanh khởi do hỷ quyền, đây là sắc được sanh khởi do ưu quyền, đây là sắc được sanh khởi do xả quyền."

Với tâm được phát triển, hoàn toàn trong sạch, tinh khiết như thế, vị ấy quả quyết, hướng dẫn tâm vào trí biết được tâm. Sau khi xem xét, vị ấy nhận biết tâm của các chúng sanh khác, của các cá nhân khác bằng tâm. [Vị ấy] nhận biết tâm có tham ái là: "Tâm có tham ái", hoặc nhận biết tâm lìa khỏi tham ái là: "Tâm lìa khỏi tham ái", hoặc nhận biết tâm có sân,... tâm lìa khỏi sân... tâm có si... tâm lìa khỏi si,... tâm bị thâu hẹp... tâm bị tán loạn... tâm đại hành... tâm

không đại hành[81]... tâm vô thượng... tâm không vô thượng... tâm định tĩnh... tâm không định tĩnh... tâm giải thoát..., hoặc nhận biết tâm không giải thoát là: “Tâm không giải thoát.”

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: “Với tính chất triển khai của ba loại tâm, tuệ về sự thâm nhập các hành vi của thức có bản chất khác nhau hoặc giống nhau bằng năng lực tự tin của các quyền là trí biết được tâm.”

Dứt phần giải thích “Trí biết được tâm.”

53. TRÍ NHỚ VỀ CÁC KIẾP SỐNG TRƯỚC (*Pubbenivāsānussatiñāṇaṃ*)

Tuệ về sự thâm nhập bằng năng lực triển khai các nghiệp có bản chất khác nhau hoặc giống nhau đối với các pháp có sự vận hành do duyên là trí nhớ về các kiếp sống trước là [có ý nghĩa] thế nào?

Vị Tỳ-khưu trong giáo pháp này tu tập về nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do ước muốn... (nt)... sau khi làm thành nhu nhuyến có thể sử dụng được, vị ấy nhận biết như vầy: “Khi điều này hiện hữu, điều kia hiện hữu, do sự sanh lên của điều này, điều kia sanh lên, tức là các hành do duyên vô minh, thức do duyên các hành, danh sắc do duyên thức, sáu xứ do duyên danh sắc, xúc do duyên sáu xứ, thọ do duyên xúc, ái do duyên thọ, thủ do duyên ái, hữu do duyên thủ, sanh do duyên hữu, lão tử do duyên sanh, sầu muộn - than vãn - khổ đau - ưu phiền - thất vọng hiện khởi. Như thế là sự sanh khởi của toàn bộ khổ uẩn này.”

Với tâm được phát triển, hoàn toàn trong sạch, tinh khiết như thế, vị ấy quả quyết, hướng dẫn tâm đến trí nhớ về các kiếp sống trước. Vị ấy nhớ lại nhiều kiếp sống trước như là một lần sanh, hai lần sanh, ba lần sanh, bốn lần sanh, năm lần sanh, mười lần sanh, hai mươi lần sanh, ba mươi lần sanh, bốn mươi lần sanh, năm mươi lần sanh, một trăm lần sanh, một ngàn lần sanh, một trăm ngàn lần sanh, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp: “Vào kiếp sống ấy, ta đã có tên như vầy, dòng họ như vầy, giai cấp như vầy, thức ăn như vầy, kinh nghiệm lạc và khổ như vầy, có giới hạn tuổi thọ như vầy. Từ chỗ ấy, ta đây đã chết đi rồi đã sanh lên tại nơi này.” Như thế, vị ấy nhớ lại nhiều kiếp sống trước với các nét cá biệt và đại cương.

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: “Tuệ về sự thâm nhập bằng năng lực triển khai các nghiệp có bản chất khác nhau hoặc giống nhau đối với các pháp có sự vận hành do duyên là trí nhớ về các kiếp sống trước.”

Dứt phần giải thích “Trí nhớ về các kiếp sống trước.”

---

[81] Tâm sắc giới và vô sắc giới là tâm đại hành, các tâm còn lại là tâm không đại hành (*PsA*. I. 355).

54. TRÍ VỀ THIÊN NHÃN (*Dibbacakkhūñāṇaṃ*)

Tuệ về ý nghĩa của việc nhìn thấy các hiện tướng của sắc có bản chất khác nhau hoặc giống nhau nhờ vào năng lực của ánh sáng là trí về thiên nhãn là [có ý nghĩa] thế nào?

Vị Tỳ-khưu trong giáo pháp này tu tập về nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do ước muốn... định do tinh tấn... định do nhận thức... định do thẩm xét và các tạo tác do nỗ lực. Vị ấy làm cho tâm phát triển trọn vẹn, thuần hóa toàn diện, thành nhu nhuyến có thể sử dụng ở bốn nền tảng của thần thông này. Sau khi làm cho tâm phát triển trọn vẹn, thuần hóa toàn diện, thành nhu nhuyến có thể sử dụng ở bốn nền tảng của thần thông này, vị ấy chú ý đến tưởng về ánh sáng, chú nguyện tưởng về ban ngày: "Ban ngày thế nào, ban đêm thế ấy, ban đêm thế nào, ban ngày thế ấy." Với tâm được mở ra và không bị che lấp như thế, vị ấy phát triển tâm có ánh sáng.

Với tâm được phát triển, hoàn toàn trong sạch, tinh khiết như thế, vị ấy quả quyết, hướng dẫn tâm đến trí về sự sanh tử của chúng sanh. Bằng thiên nhãn thanh tịnh vượt trội loài người, vị ấy nhìn thấy chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại [trở thành] hạ tiện, cao quý, đẹp đẽ, xấu xí, và nhận biết rằng chúng sanh đều đi theo nghiệp tương ứng đến chốn an vui, [hay] đọa vào cõi khổ: "Quả vậy, những chúng sanh đang hiện hữu này có thân ác hạnh, có khẩu ác hạnh, có ý ác hạnh, vu khống các bậc Thánh, theo tà kiến, tán thành hành động do tà kiến, khi tan rã thân xác và chết đi, họ bị sanh vào bất hạnh, cõi khổ, đọa xứ, địa ngục. Trái lại, những chúng sanh đang hiện hữu này có thân thiện hạnh, có khẩu thiện hạnh, có ý thiện hạnh, không vu khống các bậc Thánh, theo chánh kiến, tán thành hành động do chánh kiến, khi tan rã thân xác và chết đi, họ được sanh vào chốn an vui, cõi trời, loài người." Như thế, bằng thiên nhãn thuần tịnh vượt trội loài người, vị ấy nhìn thấy chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại [trở thành] hạ tiện, cao quý, đẹp đẽ, xấu xí, và biết rõ rằng chúng sanh đều đi theo nghiệp tương ứng đến chốn an vui, [hay] đọa vào cõi khổ.

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về ý nghĩa của việc nhìn thấy các hiện tướng của sắc có bản chất khác nhau hoặc giống nhau nhờ vào năng lực của ánh sáng là trí về thiên nhãn."

Dứt phần giải thích "Trí về thiên nhãn."

55. TRÍ VỀ SỰ ĐOẠN TẬN CỦA CÁC LẬU HOẶC (*Āsavakkhayañāṇaṃ*)

Tuệ về chủ thể đối với ba quyền theo sáu mươi bốn biểu hiện là trí về sự đoạn tận của các lậu hoặc là [có ý nghĩa] thế nào?

Của ba quyền nào? Của vị tri quyền, của dĩ tri quyền, của cụ tri quyền.

Vị tri quyền đi đến bao nhiêu vị thế? Dĩ tri quyền đi đến bao nhiêu vị thế? Cụ tri quyền đi đến bao nhiêu vị thế? Vị tri quyền đi đến một vị thế là đạo Nhập

lưu. Dĩ tri quyền đi đến sáu vị thế là quả Nhập lưu, đạo Nhất lai, quả Nhất lai, đạo Bất lai, quả Bất lai, đạo A-la-hán. Cụ tri quyền đi đến một vị thế là quả A-la-hán.

Vào sát-na đạo Nhập lưu, đối với vị tri quyền, tín quyền có sự cương quyết là phụ trợ, tấn quyền có sự ra sức là phụ trợ, niệm quyền có sự thiết lập là phụ trợ, định quyền có sự không tản mạn là phụ trợ, tuệ quyền có sự nhận thức là phụ trợ, ý quyền có sự nhận biết là phụ trợ, hỷ quyền có sự tràn ngập là phụ trợ, mạng quyền có pháp chủ đạo trong việc duy trì sự vận hành là phụ trợ. Vào sát-na đạo Nhập lưu, các pháp được sanh ra, ngoại trừ sắc có nguồn phát sanh là tâm, tất cả [các pháp còn lại] đều là thiện, tất cả đều không có lậu hoặc, tất cả đều có tánh dẫn xuất, tất cả đều đưa đến sự không tích lũy, tất cả đều là vượt trên thế gian, tất cả đều có cảnh là Niết-bàn. Vào sát-na đạo Nhập lưu, đối với vị tri quyền, tám quyền này là các phụ trợ đồng sanh, là các phụ trợ có sự [tác động] qua lại, là các phụ trợ có sự nương tựa, là các phụ trợ được liên kết, là đồng hành, là đồng sanh, là kết hợp, là liên kết. Chính tám quyền này vừa là biểu hiện vừa là phụ trợ của vị tri quyền.

Vào sát-na quả Nhập lưu, đối với dĩ tri quyền, tín quyền có sự cương quyết là phụ trợ, tấn quyền có sự ra sức là phụ trợ, niệm quyền có sự thiết lập là phụ trợ, định quyền có sự không tản mạn là phụ trợ, tuệ quyền có sự nhận thức là phụ trợ, ý quyền có sự nhận biết là phụ trợ, hỷ quyền có sự tràn ngập là phụ trợ, mạng quyền có pháp chủ đạo trong việc duy trì sự vận hành là phụ trợ. Vào sát-na quả Nhập lưu, các pháp được sanh ra, ngoại trừ sắc có nguồn phát sanh là tâm, tất cả [các pháp còn lại] đều là vô ký, tất cả đều không có lậu hoặc, tất cả đều là vượt trên thế gian, tất cả đều có cảnh là Niết-bàn. Vào sát-na quả Nhập lưu, đối với dĩ tri quyền, tám quyền này là các phụ trợ đồng sanh, là các phụ trợ có sự [tác động] qua lại, là các phụ trợ có sự nương tựa, là các phụ trợ được liên kết, là đồng hành, là đồng sanh, là kết hợp, là liên kết. Chính tám quyền này vừa là biểu hiện vừa là phụ trợ của dĩ tri quyền.

Vào sát-na đạo Nhất lai,... (nt)... Vào sát-na quả Nhất lai,... (nt)... Vào sát-na đạo Bất lai,... (nt)... Vào sát-na quả Bất lai,... (nt)... Vào sát-na đạo A-la-hán, đối với dĩ tri quyền, tín quyền có sự cương quyết là phụ trợ,... (nt)... mạng quyền có pháp chủ đạo trong việc duy trì sự vận hành là phụ trợ.

Vào sát-na đạo A-la-hán, các pháp được sanh ra ngoại trừ sắc có nguồn phát sanh là tâm, tất cả [các pháp còn lại] đều là thiện, tất cả đều không có lậu hoặc, tất cả đều có tánh dẫn xuất, tất cả đều đưa đến sự không tích lũy, tất cả đều là vượt trên thế gian, tất cả đều có cảnh là Niết-bàn. Vào sát-na đạo A-la-hán, đối với dĩ tri quyền, tám quyền[82] này là các phụ trợ đồng sanh, là các phụ trợ có sự [tác động] qua lại, là các phụ trợ có sự nương tựa, là các phụ trợ được liên kết,

---

[82] Tám quyền (tín quyền, tấn quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, ý quyền, hỷ quyền, mạng quyền) và 8 đạo quả (*PsA*. I. 385-86).

là đồng hành, là đồng sanh, là kết hợp, là liên kết. Chính tám quyền này vừa là biểu hiện vừa là phụ trợ của dĩ tri quyền.

Vào sát-na quả A-la-hán, đối với cụ tri quyền, tín quyền có sự cương quyết là phụ trợ, tấn quyền... (nt)... mạng quyền có pháp chủ đạo trong việc duy trì sự vận hành là phụ trợ. Vào sát-na quả A-la-hán, các pháp được sanh ra, ngoại trừ sắc có nguồn phát sanh là tâm, tất cả [các pháp còn lại] đều là vô ký, tất cả đều không có lậu hoặc, tất cả đều là vượt trên thế gian, tất cả đều có cảnh là Niết-bàn. Vào sát-na quả A-la-hán, đối với cụ tri quyền, tám quyền này là các phụ trợ đồng sanh,... (nt)... là liên kết. Chính tám quyền này vừa là biểu hiện vừa là phụ trợ của cụ tri quyền. Như thế, tám lần tám này là sáu mươi bốn.

Lậu hoặc: Các lậu hoặc ấy là gì? Là dục lậu, hữu lậu, [tà] kiến lậu, vô minh lậu.

Các lậu hoặc ấy được cạn kiệt tại đâu? Do đạo Nhập lưu, toàn thể [tà] kiến lậu được cạn kiệt, dục lậu đưa đến khổ cảnh được cạn kiệt, hữu lậu đưa đến khổ cảnh được cạn kiệt, vô minh lậu đưa đến khổ cảnh được cạn kiệt. Các lậu hoặc ấy được cạn kiệt tại đây.

Do đạo Nhất lai, dục lậu thô thiển được cạn kiệt, hữu lậu có cùng ý nghĩa với điều ấy được cạn kiệt, vô minh lậu có cùng ý nghĩa với điều ấy được cạn kiệt. Các lậu hoặc ấy được cạn kiệt tại đây.

Do đạo Bất lai, toàn thể dục lậu được cạn kiệt, hữu lậu có cùng ý nghĩa với điều ấy được cạn kiệt, vô minh lậu có cùng ý nghĩa với điều ấy được cạn kiệt. Các lậu hoặc ấy được cạn kiệt tại đây.

Do đạo A-la-hán, toàn thể hữu lậu được cạn kiệt, toàn thể vô minh lậu được cạn kiệt. Các lậu hoặc ấy được cạn kiệt tại đây.

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về chủ thể đối với ba quyền theo sáu mươi bốn biểu hiện là trí về sự đoạn tận của các lậu hoặc."

Dứt phần giải thích "Trí về sự đoạn tận của các lậu hoặc."

56-63. HAI NHÓM BỐN CỦA TRÍ VỀ CHÂN LÝ
(*Saccañāṇacatukkadvayaṃ*)

Tuệ về ý nghĩa biết toàn diện là trí về khổ, tuệ về ý nghĩa dứt bỏ là trí về nhân sanh [khổ]; tuệ về ý nghĩa tác chứng là trí về sự diệt tận [khổ], tuệ về ý nghĩa tu tập là trí về đạo là [có ý nghĩa] thế nào?

Đối với khổ là ý nghĩa áp bức, là ý nghĩa tạo tác, là ý nghĩa nóng nảy, là ý nghĩa chuyển biến, là ý nghĩa biết toàn diện.

Đối với nhân sanh [khổ] là ý nghĩa [nghiệp] tích lũy, là ý nghĩa căn nguyên, là ý nghĩa ràng buộc, là ý nghĩa vướng bận, là ý nghĩa dứt bỏ.

Đối với sự diệt tận [khổ] là ý nghĩa xuất ly, là ý nghĩa viễn ly, là ý nghĩa vô vi, là ý nghĩa bất tử, là ý nghĩa tác chứng.

Đối với đạo là ý nghĩa dẫn xuất, là ý nghĩa chủng tử, là ý nghĩa nhận thức, là ý nghĩa pháp chủ đạo, là ý nghĩa tu tập.

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về ý nghĩa biết toàn diện là trí về khổ; tuệ về ý nghĩa dứt bỏ là trí về nhân sanh [khổ]; tuệ về ý nghĩa tác chứng là trí về sự diệt tận [khổ]; tuệ về ý nghĩa tu tập là trí về đạo."

Trí về khổ, trí về nhân sanh khổ, trí về sự diệt tận khổ, trí về sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ là [có ý nghĩa] thế nào?

Trí của vị có dự phần ở đạo cũng là trí về khổ, đây cũng là trí về nhân sanh khổ, đây cũng là trí về sự diệt tận khổ, đây cũng là trí về sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ.

Trong trường hợp ấy, trí về khổ là gì? Điều gì sanh lên có liên quan đến khổ: Sự nhận biết [của trí], sự nhận biết [của tuệ], sự chọn lọc, sự tuyển lựa, sự chọn lọc pháp, sự suy xét, sự khảo cứu, sự khảo sát, sự thông thái, sự rành rẽ, sự khôn ngoan, sự sáng suốt, sự suy nghĩ, sự nghiên cứu, sự uyên thâm, sự mẫn tiệp, sự lãnh đạo, sự minh sát, sự tỉnh giác, sự sắc sảo, tuệ, tuệ quyền, tuệ lực, tuệ là vũ khí, tuệ là thành trì, tuệ là ánh sáng, tuệ là hào quang, tuệ là ngọn đèn, tuệ là báu vật, sự vô si, sự chọn lọc pháp, chánh kiến, [mỗi một] điều ấy được gọi là trí về khổ. Điều gì sanh lên có liên quan đến nhân sanh khổ:... (nt)... Điều gì sanh lên có liên quan đến sự diệt tận khổ:... (nt)... Điều gì sanh lên có liên quan đến sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ:... (nt)... sự vô si, sự chọn lọc pháp, chánh kiến, [mỗi một] điều ấy được gọi là trí về sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ.

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Trí về khổ, trí về nhân sanh khổ, trí về sự diệt tận khổ, trí về sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ."

Dứt phần giải thích "Hai nhóm bốn của trí về chân lý."

64-67. TRÍ VỀ CÁC SỰ PHÂN TÍCH THUẦN TÚY (*Suddhikapaṭisambhidāñāṇaṃ*)

Trí về sự phân tích ý nghĩa, trí về sự phân tích pháp, trí về sự phân tích ngôn từ, trí về sự phân tích phép biện giải là [có ý nghĩa] thế nào?

Trí về các ý nghĩa là sự phân tích ý nghĩa, trí về các pháp là sự phân tích pháp, trí về các ngôn từ là sự phân tích ngôn từ, trí về các phép biện giải là sự phân tích phép biện giải.

Tuệ về bản chất khác nhau của các ý nghĩa là trí về sự phân tích ý nghĩa, tuệ về bản chất khác nhau của các pháp là trí về sự phân tích pháp, tuệ về bản chất khác nhau của các ngôn từ là trí về sự phân tích ngôn từ, tuệ về bản chất khác nhau của các phép biện giải là trí về sự phân tích phép biện giải.

Tuệ về sự xác định ý nghĩa là trí về sự phân tích ý nghĩa, tuệ về sự xác định pháp là trí về sự phân tích pháp, tuệ về sự xác định ngôn từ là trí về sự phân tích ngôn từ, tuệ về sự xác định phép biện giải là trí về sự phân tích phép biện giải.

Tuệ về sự suy xét ý nghĩa là trí về sự phân tích ý nghĩa, tuệ về sự suy xét pháp là trí về sự phân tích pháp, tuệ về sự suy xét ngôn từ là trí về sự phân tích ngôn từ, tuệ về sự suy xét phép biện giải là trí về sự phân tích phép biện giải.

Tuệ về sự khảo cứu ý nghĩa là trí về sự phân tích ý nghĩa, tuệ về sự khảo cứu pháp là trí về sự phân tích pháp, tuệ về sự khảo cứu ngôn từ là trí về sự phân tích ngôn từ, tuệ về sự khảo cứu phép biện giải là trí về sự phân tích phép biện giải.

Tuệ về sự phân loại ý nghĩa là trí về sự phân tích ý nghĩa, tuệ về sự phân loại pháp là trí về sự phân tích pháp, tuệ về sự phân loại ngôn từ là trí về sự phân tích ngôn từ, tuệ về sự phân loại phép biện giải là trí về sự phân tích phép biện giải.

Tuệ về sự thể hiện ý nghĩa là trí về sự phân tích ý nghĩa, tuệ về sự thể hiện pháp là trí về sự phân tích pháp, tuệ về sự thể hiện ngôn từ là trí về sự phân tích ngôn từ, tuệ về sự thể hiện phép biện giải là trí về sự phân tích phép biện giải.

Tuệ về sự làm sáng tỏ ý nghĩa là trí về sự phân tích ý nghĩa, tuệ về sự làm sáng tỏ pháp là trí về sự phân tích pháp, tuệ về sự làm sáng tỏ ngôn từ là trí về sự phân tích ngôn từ, tuệ về sự làm sáng tỏ phép biện giải là trí về sự phân tích phép biện giải.

Tuệ về sự làm rõ rệt ý nghĩa là trí về sự phân tích ý nghĩa, tuệ về sự làm rõ rệt pháp là trí về sự phân tích pháp, tuệ về sự làm rõ rệt ngôn từ là trí về sự phân tích ngôn từ, tuệ về sự làm rõ rệt phép biện giải là trí về sự phân tích phép biện giải.

Tuệ về sự công bố ý nghĩa là trí về sự phân tích ý nghĩa, tuệ về sự công bố pháp là trí về sự phân tích pháp, tuệ về sự công bố ngôn từ là trí về sự phân tích ngôn từ, tuệ về sự công bố phép biện giải là trí về sự phân tích phép biện giải.

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Trí về sự phân tích ý nghĩa, trí về sự phân tích pháp, trí về sự phân tích ngôn từ, trí về sự phân tích phép biện giải."

Dứt phần giải thích "Trí về các sự phân tích thuần túy."

68. TRÍ BIẾT ĐƯỢC KHẢ NĂNG CỦA NGƯỜI KHÁC (*Indriyaparopariyattañāṇaṃ*)

Trí biết được khả năng của người khác của đức Như Lai là [có ý nghĩa] thế nào?

Ở đây, đức Như Lai nhìn thấy các chúng sanh: Có tầm nhìn bị vấy bụi ít, có tầm nhìn bị vấy bụi nhiều; có giác quan sắc sảo, có giác quan cùn lụt; có tánh khí tốt, có tánh khí tồi; dễ hướng dẫn, khó hướng dẫn; một số chúng sanh thấy được sự sợ hãi ở tội lỗi và sự [tái sanh] vào thế giới khác, một số chúng sanh không thấy được sự sợ hãi ở tội lỗi và sự [tái sanh] vào thế giới khác.

Có tầm nhìn bị vấy bụi ít, có tầm nhìn bị vấy bụi nhiều: Người có đức tin là có tầm nhìn bị vấy bụi ít, người không có đức tin là có tầm nhìn bị vấy bụi nhiều. Người có sự cố gắng tinh tấn là có tầm nhìn bị vấy bụi ít, người biếng nhác là có tầm nhìn bị vấy bụi nhiều. Người có niệm được thiết lập là có tầm nhìn bị vấy bụi ít, người có niệm bị quên lãng là có tầm nhìn bị vấy bụi nhiều. Người được định tĩnh là có tầm nhìn bị vấy bụi ít, người không được định tĩnh là có tầm nhìn bị vấy bụi nhiều. Người có tuệ là có tầm nhìn bị vấy bụi ít, người có tuệ kém là có tầm nhìn bị vấy bụi nhiều.

Có giác quan sắc sảo, có giác quan cùn lụt: Người có đức tin là có giác quan sắc sảo, người không có đức tin là có giác quan cùn lụt. Người có sự cố gắng tinh tấn là có giác quan sắc sảo, người biếng nhác là có giác quan cùn lụt. Người có niệm được thiết lập là có giác quan sắc sảo, người có niệm bị quên lãng là có giác quan cùn lụt. Người được định tĩnh là có giác quan sắc sảo, người không được định tĩnh là có giác quan cùn lụt. Người có tuệ là có giác quan sắc sảo, người có tuệ kém là có giác quan cùn lụt.

Có tánh khí tốt, có tánh khí tồi: Người có đức tin là có tánh khí tốt, người không có đức tin là có tánh khí tồi. Người có sự cố gắng tinh tấn là có tánh khí tốt, người biếng nhác là có tánh khí tồi. Người có niệm được thiết lập là có tánh khí tốt, người có niệm bị quên lãng là có tánh khí tồi. Người được định tĩnh là có tánh khí tốt, người không được định tĩnh là có tánh khí tồi. Người có tuệ là có tánh khí tốt, người có tuệ kém là có tánh khí tồi.

Dễ hướng dẫn, khó hướng dẫn: Người có đức tin là dễ hướng dẫn, người không có đức tin là khó hướng dẫn. Người có sự cố gắng tinh tấn là dễ hướng dẫn, người biếng nhác là khó hướng dẫn. Người có niệm được thiết lập là dễ hướng dẫn, người có niệm bị quên lãng là khó hướng dẫn. Người được định tĩnh là dễ hướng dẫn, người không được định tĩnh là khó hướng dẫn. Người có tuệ là dễ hướng dẫn, người có tuệ kém là khó hướng dẫn.

Một số chúng sanh thấy được sự sợ hãi ở tội lỗi và sự [tái sanh] vào thế giới khác, một số chúng sanh không thấy được sự sợ hãi ở tội lỗi và sự [tái sanh] vào thế giới khác: Người có đức tin là thấy được sự sợ hãi ở tội lỗi và sự [tái sanh] vào thế giới khác, người không có đức tin là không thấy được sự sợ hãi ở tội lỗi và sự [tái sanh] vào thế giới khác. Người có sự cố gắng tinh tấn là thấy được sự sợ hãi ở tội lỗi và sự [tái sanh] vào thế giới khác, người biếng nhác là không thấy được sự sợ hãi ở tội lỗi và sự [tái sanh] vào thế giới khác. Người có niệm được thiết lập là thấy được sự sợ hãi ở tội lỗi và sự [tái sanh] vào thế giới khác, người có niệm bị quên lãng là không thấy được sự sợ hãi ở tội lỗi và sự [tái sanh] vào thế giới khác. Người được định tĩnh là thấy được sự sợ hãi ở tội lỗi và sự [tái sanh] vào thế giới khác, người không được định tĩnh là không thấy được sự sợ hãi ở tội lỗi và sự [tái sanh] vào thế giới khác. Người có tuệ là thấy được sự sợ hãi ở tội lỗi và sự [tái sanh] vào thế giới khác, người có tuệ kém là không thấy được sự sợ hãi ở tội lỗi và sự [tái sanh] vào thế giới khác.

Thế giới: Thế giới của các uẩn, thế giới của các giới, thế giới của các xứ, thế giới có sự bất hạnh, thế giới đem lại sự bất hạnh, thế giới có sự thuận lợi, thế giới đem lại sự thuận lợi.

Một thế giới là tất cả chúng sanh được tồn tại nhờ vật thực. Hai thế giới là danh và sắc. Ba thế giới là ba thọ. Bốn thế giới là bốn loại vật thực. Năm thế giới là năm thủ uẩn. Sáu thế giới là sáu nội xứ. Bảy thế giới là bảy trụ xứ của thức. Tám thế giới là tám pháp thế gian. Chín thế giới là chín nơi cư trú của chúng sanh. Mười thế giới là mười xứ.[83] Mười hai thế giới là mười hai xứ.[84] Mười tám thế giới là mười tám giới.

Tội lỗi: Tất cả ô nhiễm là tội lỗi, tất cả ác hạnh là tội lỗi, tất cả các thắng hành là tội lỗi, tất cả nghiệp đưa đến hữu là tội lỗi.

Tưởng đến sự kinh hãi sắc bén về thế giới này và về tội lỗi này đã được đề cập như thế, cũng giống như [tưởng đến sự kinh hãi] về cuộc chém giết có thanh gươm đã được vung lên. Đức Như Lai biết được, thấy được, hiểu được, thấu triệt năm quyền này thông qua năm mươi biểu hiện[85] này.

Đây là trí biết được khả năng của người khác của đức Như Lai.

Dứt phần giải thích "Trí biết được khả năng của người khác."

69. TRÍ VỀ THIÊN KIẾN VÀ XU HƯỚNG NGỦ NGẦM (*Āsayānusayañāṇaṃ*)

Trí của đức Như Lai về thiên kiến và xu hướng ngủ ngầm của chúng sanh là [có ý nghĩa] thế nào?

Ở đây, đức Như Lai biết thiên kiến của chúng sanh, biết xu hướng ngủ ngầm, biết sở hành, biết tánh khí, biết chúng sanh có khả năng hay không có khả năng.

Thiên kiến gì của chúng sanh? "Thế giới là thường còn"; "Thế giới là không thường còn"; "Thế giới là có giới hạn"; "Thế giới là không có giới hạn"; "Mạng sống là vật ấy thân thể là vật ấy"; "Mạng sống là vật khác thân thể là vật khác"; "Có phải đức Như Lai hiện hữu ở nơi khác sau khi chết?"; "Có phải đức Như Lai không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết?"; "Có phải đức Như Lai hiện hữu và không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết?"; hay "Có phải đức Như Lai không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết?" Chúng sanh nương tựa vào hữu kiến hoặc nương tựa vào phi hữu kiến là như thế.

Trái lại, có những chúng sanh không tiếp cận hai thái cực này rồi thành tựu sự chấp nhận hợp theo các pháp được tùy thuận sanh lên do tính chất của duyên ấy, hoặc [đạt được] trí đúng theo thực thể.

---

[83] Mười xứ (*dasāyatanāni*): Nhãn xứ, sắc xứ, nhĩ xứ, thinh xứ, tỷ xứ, khí xứ, thiệt xứ, vị xứ, thân xứ, xúc xứ (*PsA*. I. 114).

[84] Mười hai xứ (*dvādasāyatanāni*) là 10 xứ thêm vào ý xứ và pháp xứ. (ND)

[85] Năm mươi biểu hiện là 5 quyền (tín, tấn, niệm, định, tuệ) đối với 10 hạng người ở trên là: Có tầm nhìn bị vấy bụi ít, v.v... (*PsA*. II. 394).

Ngài biết về người đang theo đuổi [ngũ] dục rằng: "Người này nặng về dục, có thiên kiến về dục, có tánh khí về dục"; biết về người đang theo đuổi [ngũ] dục rằng: "Người này nặng về thoát ly, có thiên kiến về thoát ly, có tánh khí về thoát ly"; biết về người đang theo đuổi thoát ly rằng: "Người này nặng về thoát ly, có thiên kiến về thoát ly, có tánh khí về thoát ly"; biết về người đang theo đuổi thoát ly rằng: "Người này nặng về dục, có thiên kiến về dục, có tánh khí về dục."

Ngài biết về người đang theo đuổi sân độc rằng: "Người này nặng về sân độc, có thiên kiến về sân độc, có tánh khí về sân độc"; biết về người đang theo đuổi sân độc rằng: "Người này nặng về không sân độc, có thiên kiến về không sân độc, có tánh khí về không sân độc"; biết về người đang theo đuổi không sân độc rằng: "Người này nặng về không sân độc, có thiên kiến về không sân độc, có tánh khí về không sân độc"; biết về người đang theo đuổi không sân độc rằng: "Người này nặng về sân độc, có thiên kiến về sân độc, có tánh khí về sân độc."

Ngài biết về người đang theo đuổi sự lờ đờ và buồn ngủ rằng: "Người này nặng về lờ đờ và buồn ngủ, có thiên kiến về lờ đờ và buồn ngủ, có tánh khí về lờ đờ và buồn ngủ"; biết về người đang theo đuổi sự lờ đờ và buồn ngủ rằng: "Người này nặng về quang tưởng, có thiên kiến về quang tưởng, có tánh khí về quang tưởng"; biết về người đang theo đuổi quang tưởng rằng: "Người này nặng về quang tưởng, có thiên kiến về quang tưởng, có tánh khí về quang tưởng"; biết về người đang theo đuổi quang tưởng rằng: "Người này nặng về lờ đờ và buồn ngủ, có thiên kiến về lờ đờ và buồn ngủ, có tánh khí về lờ đờ và buồn ngủ." Đây là thiên kiến của chúng sanh.

Xu hướng ngủ ngầm gì của chúng sanh? Có bảy xu hướng ngủ ngầm: Ái dục ngủ ngầm, bất bình ngủ ngầm, ngã mạn ngủ ngầm, tà kiến ngủ ngầm, hoài nghi ngủ ngầm, ái hữu ngủ ngầm, vô minh ngủ ngầm.

Ở đời, có sắc gì đáng yêu, đáng mến, ái dục ngủ ngầm của chúng sanh tiềm ẩn ở sắc ấy. Ở đời, có sắc gì không đáng yêu, không đáng mến, bất bình ngủ ngầm của chúng sanh tiềm ẩn ở sắc ấy. Như thế, vô minh khởi lên ở hai pháp này; ngã mạn, tà kiến, và hoài nghi có cùng ý nghĩa với điều ấy cần được nhìn thấy. Đây là xu hướng ngủ ngầm của chúng sanh.

Sở hành gì của chúng sanh? Sự tạo tác đem lại phước báu, sự tạo tác không đem lại phước báu, sự tạo tác có kết quả không thay đổi có nền tảng nhỏ bé hoặc có nền tảng to lớn. Đây là sở hành của chúng sanh.

Tánh khí gì của chúng sanh? Có các chúng sanh có tánh khí thấp kém, có các chúng sanh có tánh khí cao quý. Các chúng sanh có tánh khí thấp kém giao thiệp, gần gũi, thân cận với các chúng sanh có tánh khí thấp kém; các chúng sanh có tánh khí cao quý giao thiệp, gần gũi, thân cận với các chúng sanh có tánh khí cao quý. Vào thời quá khứ xa xăm, các chúng sanh có tánh khí thấp kém cũng đã giao thiệp, gần gũi, thân cận với các chúng sanh có tánh khí thấp

kém; các chúng sanh có tánh khí cao quý cũng đã giao thiệp, gần gũi, thân cận với các chúng sanh có tánh khí cao quý. Vào thời tương lai xa xăm, các chúng sanh có tánh khí thấp kém cũng sẽ giao thiệp, gần gũi, thân cận với các chúng sanh có tánh khí thấp kém; các chúng sanh có tánh khí cao quý cũng sẽ giao thiệp, gần gũi, thân cận với các chúng sanh có tánh khí cao quý. Đây là tánh khí của chúng sanh.

Chúng sanh nào không có khả năng? Những chúng sanh nào có sự chướng ngại do nghiệp, có sự chướng ngại do phiền não, có sự chướng ngại do quả thành tựu [của nghiệp], không có đức tin, không có ước muốn, tuệ kém, không chắc chắn có khả năng nhập vào bản thể chơn chánh trong các thiện pháp, những chúng sanh này đây là không có khả năng.

Chúng sanh nào có khả năng? Những chúng sanh nào không có sự chướng ngại do nghiệp, không có sự chướng ngại do phiền não, không có sự chướng ngại do quả thành tựu, có đức tin, có ước muốn, có tuệ, chắc chắn có khả năng nhập vào bản thể chơn chánh trong các thiện pháp; những chúng sanh này đây là có khả năng.

Đây là trí của đức Như Lai về thiên kiến và xu hướng ngủ ngầm của chúng sanh.

Dứt phần giải thích về "Trí về thiên kiến và xu hướng ngủ ngầm."

70. TRÍ VỀ SONG THÔNG (*Yamakapāṭihīrañāṇaṃ*)

Trí về song thông của đức Như Lai là [có ý nghĩa] thế nào?

Ở đây, đức Như Lai thực hiện song thông không phổ cập đến các Thinh văn: Ngài phát ra khối lửa từ phần thân phía trên, phát ra nguồn nước từ phần thân phía dưới. Ngài phát ra khối lửa từ phần thân phía dưới, phát ra nguồn nước từ phần thân phía trên. Ngài phát ra khối lửa từ phần thân phía trước, phát ra nguồn nước từ phần thân phía sau. Ngài phát ra khối lửa từ phần thân phía sau, phát ra nguồn nước từ phần thân phía trước. Ngài phát ra khối lửa từ con mắt bên phải, phát ra nguồn nước từ con mắt bên trái. Ngài phát ra khối lửa từ con mắt bên trái, phát ra nguồn nước từ con mắt bên phải. Ngài phát ra khối lửa từ lỗ tai bên phải, phát ra nguồn nước từ lỗ tai bên trái. Ngài phát ra khối lửa từ lỗ tai bên trái, phát ra nguồn nước từ lỗ tai bên phải. Ngài phát ra khối lửa từ lỗ mũi bên phải, phát ra nguồn nước từ lỗ mũi bên trái. Ngài phát ra khối lửa từ lỗ mũi bên trái, phát ra nguồn nước từ lỗ mũi bên phải. Ngài phát ra khối lửa từ chóp vai bên phải, phát ra nguồn nước từ chóp vai bên trái. Ngài phát ra khối lửa từ chóp vai bên trái, phát ra nguồn nước từ chóp vai bên phải. Ngài phát ra khối lửa từ cánh tay phải, phát ra nguồn nước từ cánh tay trái. Ngài phát ra khối lửa từ cánh tay trái, phát ra nguồn nước từ cánh tay phải. Ngài phát ra khối lửa từ hông bên phải, phát ra nguồn nước từ hông bên trái. Ngài phát ra khối lửa từ hông bên trái, phát ra nguồn nước từ hông bên phải. Ngài phát ra khối lửa từ bàn chân phải, phát ra nguồn nước từ bàn chân trái. Ngài phát ra khối lửa từ

bàn chân trái, phát ra nguồn nước từ bàn chân phải. Ngài phát ra khối lửa từ các ngón tay và ngón chân, phát ra nguồn nước từ các kẽ của các ngón tay và ngón chân. Ngài phát ra khối lửa từ các kẽ của các ngón tay và ngón chân, phát ra nguồn nước từ các ngón tay và ngón chân. Ngài phát ra khối lửa từ mỗi một sợi lông, phát ra nguồn nước từ mỗi một sợi lông. Ngài phát ra khối lửa từ từng lỗ chân lông, phát ra nguồn nước từ từng lỗ chân lông gồm có sáu màu sắc là xanh, vàng, đỏ, trắng, đỏ tía, màu ánh sáng.

Đức Thế Tôn đi kinh hành, còn hình biến hóa [của Ngài] đứng, hoặc ngồi, hoặc ở tư thế nằm; đức Thế Tôn đứng, còn hình biến hóa đi kinh hành, hoặc ngồi, hoặc ở tư thế nằm; đức Thế Tôn ngồi, còn hình biến hóa đi kinh hành, hoặc đứng, hoặc ở tư thế nằm; đức Thế Tôn ở tư thế nằm, còn hình biến hóa đi kinh hành, hoặc đứng, hoặc ngồi; hình biến hóa đi kinh hành, còn đức Thế Tôn đứng, hoặc ngồi, hoặc ở tư thế nằm; hình biến hóa đứng, còn đức Thế Tôn đi kinh hành, hoặc ngồi, hoặc ở tư thế nằm; hình biến hóa ngồi, còn đức Thế Tôn đi kinh hành, hoặc đứng, hoặc ở tư thế nằm; hình biến hóa ở tư thế nằm, còn đức Thế Tôn đứng, hoặc ngồi, hoặc đi kinh hành.

Đây là trí về song thông của đức Như Lai.

Dứt phần giải thích "Trí về song thông."

71. TRÍ THỂ NHẬP ĐẠI BI (*Mahākaruṇāsamāpattiñāṇaṃ*)

Trí về sự thể nhập đại bi của đức Như Lai là [có ý nghĩa] thế nào?

Lòng đại bi đối với chúng sanh hiện khởi ở chư Phật Thế Tôn trong lúc xem xét theo nhiều phương thức. Lòng đại bi đối với chúng sanh hiện khởi ở chư Phật Thế Tôn trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị đốt cháy." Lòng đại bi đối với chúng sanh hiện khởi ở chư Phật Thế Tôn trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị bận rộn." Lòng đại bi đối với chúng sanh hiện khởi ở chư Phật Thế Tôn trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian diễn tiến." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian thực hành theo đạo lộ xấu xa." ... trong lúc xem xét rằng: "Thế gian đưa đến [già chết] và không bền vững." ... trong lúc xem xét rằng: "Thế gian là không có sự bảo vệ, không có chủ thể." ... trong lúc xem xét rằng: "Thế gian là không có sở hữu chủ, mọi thứ sẽ dứt bỏ và ra đi." ... trong lúc xem xét rằng: "Thế gian là thiếu thốn, không được thỏa mãn, là nô lệ của tham ái." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian là không nơi bảo vệ." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian là không nơi cư trú." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian là không nơi nương tựa." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian là tình trạng không có sự nương tựa." ...

... trong lúc xem xét rằng: "Thế gian là hỗn độn, không bình lặng." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian có mũi tên, bị xuyên thủng bởi những mũi tên to lớn,[86] ngoại trừ Ta không có kẻ khác ở thế gian là người nhổ lên

[86] Bảy mũi tên: Tham ái, sân hận, si mê, ngã mạn, tà kiến, sầu muộn, nghi hoặc (*PsA*. II. 409).

những mũi tên." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian có sự che phủ bởi bóng tối của vô minh, là ở trong quả trứng, là bị ném vào ngục tù của phiền não, ngoại trừ Ta không có kẻ khác ở thế gian là người chỉ cho thấy ánh sáng." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian là đi đến vô minh, là ở trong quả trứng, bị che đậy, như là ổ kén, như là tổ chim, được làm bằng các thứ cỏ dại, không vượt khỏi luân hồi là tình trạng gánh chịu đọa xứ, khổ cảnh." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian là bị vấy bẩn bởi sự độc hại và xấu xa của vô minh, là vũng bùn của phiền não." ...

... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị quấn vào cuộn rối của tham ái, sân hận, si mê, ngoại trừ Ta không có kẻ khác ở thế gian là người tháo gỡ cuộn rối." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị trói chặt vào sự kết nối của ái." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị bao bọc bởi mạng lưới của ái." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị cuốn trôi bởi dòng nước của ái." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị ràng buộc bởi sự ràng buộc của ái." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị tiềm ẩn bởi xu hướng ngủ ngầm của ái." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị nung nóng bởi ngọn lửa của ái." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị thiêu đốt bởi nguồn nhiệt của ái." ...

... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị trói chặt vào sự kết nối của tà kiến." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị bao bọc bởi mạng lưới tà kiến." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị cuốn trôi bởi dòng nước tà kiến." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị ràng buộc bởi sự ràng buộc của tà kiến." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị tiềm ẩn bởi xu hướng ngủ ngầm của tà kiến." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị nung nóng bởi ngọn lửa của tà kiến." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị thiêu đốt bởi nguồn nhiệt của tà kiến." …

... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị tiếp nối bởi sự sanh." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị đeo đuổi bởi sự già." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị cai trị bởi bệnh tật." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị thống trị bởi sự chết." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị thiết lập ở trong đau khổ." …

... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị chộp lấy bởi ái." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị vây quanh bởi hàng rào của sự già." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị vây quanh bởi bẫy sập của tử thần." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị trói buộc bởi những sự trói buộc lớn là sự trói buộc của tham ái, sự trói buộc của sân, sự trói buộc của si, sự trói buộc của ngã mạn, sự trói buộc của tà kiến, sự trói buộc của phiền não, sự trói buộc của ác hạnh, ngoại trừ Ta không có kẻ khác ở thế gian là người mở ra sự trói buộc." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian đi vào sự chật chội đông đúc, ngoại trừ Ta không có kẻ khác ở thế gian là người chỉ cho thấy khoảng trống." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị vướng

bận bởi sự vướng bận lớn, ngoại trừ Ta không có kẻ khác ở thế gian là người cắt đứt sự vướng bận." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị rơi vào vực thẳm lớn, ngoại trừ Ta không có kẻ khác ở thế gian là người đưa lên khỏi vực thẳm." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian là đi vào khu rừng lớn, ngoại trừ Ta không có kẻ khác ở thế gian là người giúp cho vượt qua khu rừng." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian là đi vào luân hồi vĩ đại, ngoại trừ Ta không có kẻ khác ở thế gian là người giúp cho giải thoát khỏi luân hồi." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị quay vòng trong pháo đài rộng lớn, ngoại trừ Ta không có kẻ khác ở thế gian là người đưa lên khỏi pháo đài." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị chìm vào vũng lầy rộng lớn, ngoại trừ Ta không có kẻ khác ở thế gian là người đưa lên khỏi vũng lầy." ...

... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian là bị thống trị." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian là bị thiêu đốt bởi lửa tham ái, bởi lửa sân, bởi lửa si, bởi sự sanh, bởi sự già, bởi sự chết, bởi sầu muộn, bởi than vãn, bởi khổ đau, bởi ưu phiền, bởi thất vọng, ngoại trừ Ta không có kẻ khác ở thế gian là người dập tắt." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian là kẻ bị lôi kéo đi, bị giết chết, thường xuyên bị hành hạ, là kẻ trộm thọ lãnh hành phạt." ...

... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian là bị trói buộc bởi sự trói buộc của tội lỗi, được tồn tại ở sự hãm hại, ngoại trừ Ta không có kẻ khác ở thế gian là người làm cho giải thoát." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian là không có người cai quản, đã đạt đến trạng thái vô cùng thảm hại, ngoại trừ Ta không có kẻ khác ở thế gian là người bảo hộ." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian là tràn ngập khổ đau, đã bị hành hạ thời gian dài lâu." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian là đòi hỏi, thường xuyên bị đói khát." ...

... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian là tối tăm không có sự nhìn thấy." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian đã bị mất người hướng dẫn, không có người lãnh đạo." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian có sự rơi vào đạo lộ sai trái, đã đi sái đường, ngoại trừ Ta không có kẻ khác ở thế gian là người đem lại đạo lộ của các bậc Thánh." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian có sự rơi vào cơn lũ lớn, ngoại trừ Ta không có kẻ khác ở thế gian là người nâng lên ra khỏi cơn lũ." ...

... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị xâm nhập bởi hai [tà] kiến."[87] ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian thực hành sái quấy theo ba ác hạnh."[88] ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị quàng vào bởi bốn ách, bị máng vào bởi bốn ách."[89] ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở

[87] Hai tà kiến (*diṭṭhi*): Thường kiến và đoạn kiến (*PsA*. I. 415).

[88] Ba ác hạnh (*duccarita*): Thân ác hạnh, khẩu ác hạnh, ý ác hạnh (*PsA*. I. 415).

[89] Bốn ách (*yoga*): Dục ách (*kāmayoga*), hữu ách (*bhavayoga*), kiến ách (*diṭṭhiyoga*), vô minh ách (*avijjāyoga*) (*PsA*. I. 415).

thế gian bị bó buộc bởi bốn phược."[90] ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị chấp chặt bởi bốn thủ."[91] ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian là bị đọa vào năm cảnh giới."[92] ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị nhiễm bởi năm phần dục lạc." ... "Đời sống ở thế gian bị bao bọc bởi năm pháp ngăn che."[93] ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian tranh cãi với sáu nguồn gốc của tranh cãi."[94] ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị nhiễm bởi sáu nhóm ái." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị xâm nhập bởi sáu [tà] kiến." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị tiềm ẩn bởi bảy xu hướng ngủ ngầm." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị ràng buộc bởi bảy sự ràng buộc." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian là kiêu hãnh với bảy ngã mạn." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị quay cuồng bởi tám pháp thế gian." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị dẫn dắt bởi tám sự sai trái." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị hư hỏng bởi tám sự hư hỏng của con người." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị hãm hại bởi chín nền tảng của sự hãm hại." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian là kiêu hãnh với chín cách ngã mạn." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị ái nhiễm bởi chín nguồn gốc của ái." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị ô nhiễm bởi mười nền tảng của phiền não." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị hãm hại bởi mười nền tảng của sự hãm hại." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian hội đủ mười phương thức của nghiệp bất thiện." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị ràng buộc bởi mười sự ràng buộc." ...

... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị dẫn dắt bởi mười sự sai trái." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian hội đủ tà kiến theo mười nền tảng."[95] ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian hội đủ hữu biên kiến theo mười nền tảng."[96] ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị trì hoãn bởi sự trì hoãn của một trăm lẻ tám ái." Lòng đại bi đối với chúng sanh hiện khởi ở chư Phật Thế Tôn trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị xâm nhập bởi sáu mươi hai tà kiến."

---

[90] Bốn phược (*gantha*): Tham là thân phược, sân là thân phược, sự bám víu vào giới và nghi thức là thân phược, sự cố chấp vào chân lý này là thân phược (*PsA*. I. 415-16).

[91] Bốn thủ (*upādāna*): Dục thủ (*kāmupādānaṃ*), kiến thủ (*diṭṭhupādānaṃ*), giới cấm thủ (*sīlabbatupādānaṃ*), ngã luận thủ (*attavādupādānaṃ*) (*PsA*. I. 416).

[92] Năm cảnh giới (*gati*): Địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, người, trời (*PsA*. I. 416).

[93] Năm pháp ngăn che (*nīvaraṇa*): Sự ưa thích về dục, sân độc, sự lờ đờ và buồn ngủ, sự phóng túng và hối tiếc, sự hoài nghi (*kāmacchanda-byāpāda-thīnamiddha-uddhaccakukkucca-vicikicchā*) (*PsA*. I. 415-16).

[94] Sáu nguồn gốc của tranh cãi (*vivādamūla*): Hòa thượng Thích Minh Châu dịch là "sáu tránh căn", xem *D*. 33, *Kinh Phúng tụng* (*Saṅgītisuttaṃ*). (ND)

[95] Tà kiến theo mười nền tảng: Bố thí không có (quả báo),... ở trên thế gian không có các Sa-môn, Bà-la-môn sống chân chánh, thực hành chân chánh, sau khi tự thân tác chứng nhờ vào thắng trí, sẽ công bố về đời này và đời sau (*Vbh*. 392)

[96] Hữu biên kiến theo mười nền tảng: Thế giới là thường còn,... có phải đức Như Lai không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết? (*Sđd*.)

Lòng đại bi đối với chúng sanh hiện khởi ở chư Phật Thế Tôn trong lúc xem xét rằng: "Ta đã vượt qua và thế gian là chưa vượt qua. Ta đã giải thoát và thế gian chưa giải thoát. Ta đã được rèn luyện và thế gian chưa được rèn luyện. Ta được an tịnh và thế gian chưa được an tịnh. Ta được tự tại và thế gian chưa được tự tại. Ta đã được hoàn toàn dập tắt và thế gian chưa được hoàn toàn dập tắt. Quả vậy, Ta đã vượt qua để làm cho vượt qua, đã giải thoát để làm cho giải thoát, đã được rèn luyện để làm cho được rèn luyện, đã được an tịnh để làm cho được an tịnh, đã được tự tại để làm cho tự tại, đã được hoàn toàn dập tắt để làm cho hoàn toàn dập tắt."

Đây là trí về sự thể nhập đại bi của đức Như Lai.

Dứt phần giải thích về "Trí thể nhập đại bi."

72-73. TRÍ TOÀN GIÁC - KHÔNG BỊ NGĂN CHE
(*Sababaññuta - anāvaraṇañāṇāni*)

Trí toàn giác của đức Như Lai là [có ý nghĩa] thế nào?

"Biết tất cả [pháp] hữu vi và vô vi không có thiếu sót" là trí toàn giác, "không có sự ngăn che về điều ấy" là trí không bị ngăn che.

"Biết tất cả việc đã qua" là trí toàn giác, "không có sự ngăn che về điều ấy" là trí không bị ngăn che.

"Biết tất cả việc chưa đến" là trí toàn giác, "không có sự ngăn che về điều ấy" là trí không bị ngăn che.

"Biết tất cả việc hiện tại" là trí toàn giác, "không có sự ngăn che về điều ấy" là trí không bị ngăn che.

"Mắt và luôn cả các sắc, biết tất cả điều ấy" là trí toàn giác, "không có sự ngăn che về điều ấy" là trí không bị ngăn che. "Tai và luôn cả các thinh,... "Mũi và luôn cả các khí,... "Lưỡi và luôn cả các vị,... "Thân và luôn cả các xúc,... "Ý và luôn cả các pháp, biết tất cả điều ấy" là trí toàn giác, "không có sự ngăn che về điều ấy" là trí không bị ngăn che.

"Cho đến ý nghĩa của vô thường, ý nghĩa của khổ não, ý nghĩa của vô ngã, biết tất cả điều ấy" là trí toàn giác, "không có sự ngăn che về điều ấy" là trí không bị ngăn che. "Cho đến ý nghĩa vô thường, ý nghĩa khổ não, ý nghĩa vô ngã của sắc, biết tất cả điều ấy" là trí toàn giác, "không có sự ngăn che về điều ấy" là trí không bị ngăn che. "Cho đến ý nghĩa vô thường, ý nghĩa khổ não, ý nghĩa vô ngã của thọ,... của tưởng,... của các hành,... của thức,... của mắt,... của lão tử, biết tất cả điều ấy" là trí toàn giác, "không có sự ngăn che về điều ấy" là trí không bị ngăn che.

"Cho đến ý nghĩa của sự biết rõ đối với sự biết rõ, biết tất cả điều ấy" là trí toàn giác, "không có sự ngăn che về điều ấy" là trí không bị ngăn che. "Cho đến ý nghĩa của sự biết toàn diện đối với sự biết toàn diện,... "Cho đến ý nghĩa

của sự dứt bỏ đối với sự dứt bỏ,... "Cho đến ý nghĩa của sự tu tập đối với sự tu tập,... "Cho đến ý nghĩa của sự tác chứng đối với sự tác chứng,...

"Cho đến ý nghĩa của uẩn đối với các uẩn,... "Cho đến ý nghĩa của giới đối với các giới,... "Cho đến ý nghĩa của xứ đối với các xứ,... "Cho đến ý nghĩa của pháp hữu vi đối với các pháp hữu vi,... "Cho đến ý nghĩa của pháp vô vi đối với pháp vô vi, biết tất cả điều ấy" là trí toàn giác, "không có sự ngăn che về điều ấy" là trí không bị ngăn che.

"Cho đến các pháp thiện, biết tất cả điều ấy" là trí toàn giác, "không có sự ngăn che về điều ấy" là trí không bị ngăn che. "Cho đến các pháp bất thiện,... "Cho đến các pháp vô ký,...

"Cho đến các pháp dục giới,... "Cho đến các pháp sắc giới,... "Cho đến các pháp vô sắc giới,... "Cho đến các pháp không bị lệ thuộc, biết tất cả điều ấy" là trí toàn giác, "không có sự ngăn che về điều ấy" là trí không bị ngăn che.

"Cho đến ý nghĩa của khổ đối với khổ,... "Cho đến ý nghĩa về nhân sanh [khổ] đối với nhân sanh [khổ],... "Cho đến ý nghĩa về sự diệt tận [khổ] đối với sự diệt tận [khổ],... "Cho đến ý nghĩa về đạo của đạo, biết tất cả điều ấy" là trí toàn giác, "không có sự ngăn che về điều ấy" là trí không bị ngăn che.

"Cho đến ý nghĩa về sự phân tích ý nghĩa đối với sự phân tích ý nghĩa,... "Cho đến ý nghĩa về sự phân tích pháp đối với sự phân tích pháp,... "Cho đến ý nghĩa về sự phân tích ngôn từ đối với sự phân tích ngôn từ,... "Cho đến ý nghĩa về sự phân tích phép biện giải đối với sự phân tích phép biện giải, biết tất cả điều ấy" là trí toàn giác, "không có sự ngăn che về điều ấy" là trí không bị ngăn che.

"Cho đến trí biết được khả năng của người khác,... "Cho đến trí về thiên kiến và xu hướng ngủ ngầm của chúng sanh,... "Cho đến trí về song thông,... "Cho đến trí về sự thể nhập đại bi, biết tất cả điều ấy" là trí toàn giác, "không có sự ngăn che về điều ấy" là trí không bị ngăn che.

"Cho đến điều đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, đã đạt đến, đã được tầm cầu, đã được đeo đuổi bởi tâm trí của thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người, biết tất cả điều ấy" là trí toàn giác, "không có sự ngăn che về điều ấy" là trí không bị ngăn che.

1. Không gì ở nơi đây — Không được thấy bởi Ngài,
Hoặc không nhận thức được, — Hoặc không thể biết đến.
Ngài biết rõ tất cả — Mọi điều có thể biết,
Vì thế đức Như Lai — Là vị có toàn nhãn.

Toàn Nhãn: Toàn Nhãn theo ý nghĩa gì?

Mười bốn Phật trí: Trí về khổ là Phật trí. Trí về nhân sanh khổ là Phật trí. Trí về sự diệt tận khổ là Phật trí. Trí về sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ là Phật trí. Trí về sự phân tích ý nghĩa... Trí về sự phân tích pháp... Trí về sự phân tích ngôn từ... Trí về sự phân tích phép biện giải... Trí biết được khả năng của

người khác... Trí về thiên kiến và xu hướng ngủ ngầm của chúng sanh... Trí về song thông... Trí về sự thể nhập đại bi... Trí toàn giác là Phật trí. Trí không bị ngăn che là Phật trí. Đây là mười bốn Phật trí. Trong số mười bốn Phật trí này, tám loại trí là phổ thông đến các vị Thinh văn, sáu loại trí là không phổ thông đến các vị Thinh văn.

"Cho đến ý nghĩa về khổ của khổ, tất cả đã được biết. Không có ý nghĩa về khổ là không được biết" là trí toàn giác, "không có sự ngăn che về điều ấy" là trí không bị ngăn che.

"Cho đến ý nghĩa về khổ của khổ, tất cả đã được thấy,... đã được hiểu,... đã được tác chứng,... đã được chạm đến bởi tuệ. Không có ý nghĩa về khổ là không được chạm đến bởi tuệ" là trí toàn giác, "không có sự ngăn che về điều ấy" là trí không bị ngăn che.

"Cho đến ý nghĩa về nhân sanh của nhân sanh,... "Cho đến ý nghĩa về diệt tận của diệt tận,... "Cho đến ý nghĩa về đạo của đạo,... "Cho đến ý nghĩa về phân tích ý nghĩa của sự phân tích ý nghĩa,... "Cho đến ý nghĩa về phân tích pháp của sự phân tích pháp,... "Cho đến ý nghĩa về phân tích ngôn từ của sự phân tích ngôn từ,... "Cho đến ý nghĩa về phân tích phép biện giải của sự phân tích phép biện giải, tất cả đã được biết,... tất cả đã được thấy,... tất cả đã được hiểu,... tất cả đã được tác chứng,... tất cả đã được chạm đến bởi tuệ. Không có ý nghĩa của sự phân tích phép biện giải là không được chạm đến bởi tuệ" là trí toàn giác, "không có sự ngăn che về điều ấy" là trí không bị ngăn che.

"Cho đến trí biết được khả năng của người khác,... "Cho đến trí về thiên kiến và xu hướng ngủ ngầm của chúng sanh,... "Cho đến trí về song thông,... "Cho đến trí về sự thể nhập đại bi, tất cả đã được biết,... tất cả đã được thấy,... tất cả đã được hiểu,... tất cả đã được tác chứng,... tất cả đã được chạm đến bởi tuệ. Không có trí về sự thể nhập đại bi là không được chạm đến bởi tuệ" là trí toàn giác, "không có sự ngăn che về điều ấy" là trí không bị ngăn che.

"Cho đến điều đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, đã đạt, đã tầm cầu, đã đeo đuổi bởi tâm trí của thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người, tất cả đã được biết,... tất cả đã được thấy,... tất cả đã được hiểu,... tất cả đã được tác chứng,... tất cả đã được chạm đến bởi tuệ. Không có trí về sự thể nhập đại bi là không được chạm đến bởi tuệ" là trí toàn giác, "không có sự ngăn che về điều ấy" là trí không bị ngăn che.

Không gì ở nơi đây Không được thấy bởi Ngài,
Hoặc không nhận thức được, Hoặc không thể biết đến.
Ngài biết rõ tất cả Mọi điều có thể biết,
Vì thế đức Như Lai Là vị có toàn nhãn.

Dứt phần giải thích "Trí toàn giác - không bị ngăn che."

Phần giảng về "Trí" được đầy đủ.

II. GIẢNG VỀ KIẾN (*DIṬṬHIKATHĀ*)

Kiến là gì? Có bao nhiêu cơ sở của kiến? Có bao nhiêu cơ sở xâm nhập của kiến? Có bao nhiêu loại kiến? Có bao nhiêu sự cố chấp của kiến? Điều gì là sự tiêu diệt cơ sở của kiến?

1. Kiến là gì? Sự cố chấp và bám víu là kiến.

2. Có bao nhiêu cơ sở của kiến? Có tám cơ sở của kiến.

3. Có bao nhiêu cơ sở xâm nhập của kiến? Có mười tám cơ sở xâm nhập của kiến.

4. Có bao nhiêu loại kiến? Có mười sáu loại kiến.

5. Có bao nhiêu sự cố chấp của kiến? Có ba trăm sự cố chấp của kiến.

6. Điều gì là sự tiêu diệt cơ sở của kiến? Đạo Nhập lưu là sự tiêu diệt cơ sở của kiến.

Sự cố chấp và bám víu là kiến là [có ý nghĩa] thế nào?

Sự cố chấp và bám víu về sắc rằng: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi" là kiến. Sự cố chấp và bám víu về thọ rằng: "Cái này là của tôi... về tưởng rằng: "Cái này là của tôi... về các hành rằng: "Cái này là của tôi... về thức rằng: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi" là kiến.

Sự cố chấp và bám víu về mắt rằng: "Cái này là của tôi... về tai rằng: "Cái này là của tôi... về mũi rằng: "Cái này là của tôi... về lưỡi rằng: "Cái này là của tôi... về thân rằng: "Cái này là của tôi... về ý rằng: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi" là kiến. Sự cố chấp và bám víu về cảnh sắc rằng: "Cái này là của tôi... về cảnh thinh rằng: "Cái này là của tôi... về cảnh khí rằng: "Cái này là của tôi... về cảnh vị rằng: "Cái này là của tôi... về cảnh xúc rằng: "Cái này là của tôi... về cảnh pháp rằng: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi" là kiến.

Sự cố chấp và bám víu về nhãn thức rằng: "Cái này là của tôi... về nhĩ thức rằng: "Cái này là của tôi... về tỷ thức rằng: "Cái này là của tôi... về thiệt thức rằng: "Cái này là của tôi... về thân thức rằng: "Cái này là của tôi... về ý thức rằng: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi" là kiến.

Sự cố chấp và bám víu về nhãn xúc rằng: "Cái này là của tôi... về nhĩ xúc rằng: "Cái này là của tôi... về tỷ xúc rằng: "Cái này là của tôi... về thiệt xúc

rằng: "Cái này là của tôi... về thân xúc rằng: "Cái này là của tôi... về ý xúc rằng: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi" là kiến.

Sự cố chấp và bám víu về thọ sanh ra từ nhãn xúc rằng: "Cái này là của tôi... về thọ sanh ra từ nhĩ xúc... về thọ sanh ra từ tỷ xúc... về thọ sanh ra từ thiệt xúc... về thọ sanh ra từ thân xúc... về thọ sanh ra từ ý xúc rằng: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi" là kiến.

Sự cố chấp và bám víu về sắc tưởng rằng: "Cái này là của tôi... về thinh tưởng rằng: "Cái này là của tôi... về khí tưởng... về vị tưởng... về xúc tưởng... về pháp tưởng rằng: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi" là kiến.

Sự cố chấp và bám víu về sắc tư rằng: "Cái này là của tôi... về thinh tư rằng: "Cái này là của tôi... về khí tư rằng: "Cái này là của tôi... về vị tư rằng: "Cái này là của tôi... về xúc tư rằng: "Cái này là của tôi... về pháp tư rằng: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi" là kiến.

Sự cố chấp và bám víu về sắc ái rằng: "Cái này là của tôi... về thinh ái rằng: "Cái này là của tôi... về khí ái rằng: "Cái này là của tôi... về vị ái... về xúc ái... về pháp ái rằng: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi" là kiến.

Sự cố chấp và bám víu về sắc tầm rằng: "Cái này là của tôi... về thinh tầm rằng: "Cái này là của tôi... về khí tầm rằng: "Cái này là của tôi... về vị tầm rằng: "Cái này là của tôi... về xúc tầm rằng: "Cái này là của tôi... về pháp tầm rằng: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi" là kiến.

Sự cố chấp và bám víu về sắc tứ rằng: "Cái này là của tôi... về thinh tứ rằng: "Cái này là của tôi... về khí tứ rằng: "Cái này là của tôi... về vị tứ... về xúc tứ... về pháp tứ rằng: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi" là kiến.

Sự cố chấp và bám víu về địa giới rằng: "Cái này là của tôi... về thủy giới rằng: "Cái này là của tôi... về hỏa giới... về phong giới... về hư không giới... về thức giới rằng: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi" là kiến.

Sự cố chấp và bám víu về đề mục đất rằng: "Cái này là của tôi... về đề mục nước rằng: "Cái này là của tôi... về đề mục lửa... về đề mục gió... về đề mục xanh... về đề mục vàng... về đề mục đỏ... về đề mục trắng... về đề mục hư không rằng: "Cái này là của tôi... về đề mục thức rằng: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi" là kiến.

Sự cố chấp và bám víu về tóc rằng: "Cái này là của tôi... về lông rằng: "Cái này là của tôi... về móng rằng: "Cái này là của tôi... về răng rằng: "Cái này là của tôi... về da rằng: "Cái này là của tôi... về thịt rằng: "Cái này là của tôi... về gân... về xương... về tủy xương... về thận... về tim rằng: "Cái này là của tôi... về gan rằng: "Cái này là của tôi... về cơ hoành rằng: "Cái này là của tôi... về lá lách rằng: "Cái này là của tôi... về phổi rằng: "Cái này là của tôi... về ruột rằng: "Cái này là của tôi... về màng ruột rằng: "Cái này là của tôi... về thực phẩm chưa tiêu

rằng: "Cái này là của tôi... về phân rằng: "Cái này là của tôi... về mật rằng: "Cái này là của tôi... về đàm rằng: "Cái này là của tôi... về mủ rằng: "Cái này là của tôi... về máu rằng: "Cái này là của tôi... về mồ hôi rằng: "Cái này là của tôi... về mỡ... về nước mắt... về nước mỡ (huyết tương)... về nước miếng... về nước mũi... về nước ở khớp xương... về nước tiểu... về tủy não rằng: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi" là kiến.

Sự cố chấp và bám víu về nhãn xứ rằng: "Cái này là của tôi... về sắc xứ rằng: "Cái này là của tôi... về nhĩ xứ rằng: "Cái này là của tôi... về thinh xứ rằng: "Cái này là của tôi... về tỷ xứ rằng: "Cái này là của tôi... về khí xứ rằng: "Cái này là của tôi... về thiệt xứ rằng: "Cái này là của tôi... về vị xứ rằng: "Cái này là của tôi... về thân xứ rằng: "Cái này là của tôi... về xúc xứ rằng: "Cái này là của tôi... về ý xứ rằng: "Cái này là của tôi... về pháp xứ rằng: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi" là kiến.

Sự cố chấp và bám víu về nhãn giới rằng: "Cái này là của tôi... về sắc giới rằng: "Cái này là của tôi... về nhãn thức giới rằng: "Cái này là của tôi... về nhĩ giới rằng: "Cái này là của tôi... về thinh giới rằng: "Cái này là của tôi... về nhĩ thức giới rằng: "Cái này là của tôi... về tỷ giới rằng: "Cái này là của tôi... về khí giới rằng: "Cái này là của tôi... về tỷ thức giới rằng: "Cái này là của tôi... về thiệt giới rằng: "Cái này là của tôi... về vị giới rằng: "Cái này là của tôi... về thiệt thức giới rằng: "Cái này là của tôi... về thân giới rằng: "Cái này là của tôi... về xúc giới rằng: "Cái này là của tôi... về thân thức giới rằng: "Cái này là của tôi... về ý giới rằng: "Cái này là của tôi... về pháp giới rằng: "Cái này là của tôi... về ý thức giới rằng: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi" là kiến.

Sự cố chấp và bám víu về nhãn quyền rằng: "Cái này là của tôi... về nhĩ quyền... về tỷ quyền... về thiệt quyền... về thân quyền... về ý quyền... về mạng quyền... về nữ quyền... về nam quyền... về lạc quyền... về khổ quyền... về hỷ quyền... về ưu quyền... về xả quyền... về tín quyền... về tấn quyền... về niệm quyền... về định quyền... về tuệ quyền rằng: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi" là kiến.

Sự cố chấp và bám víu về dục giới rằng: "Cái này là của tôi... về sắc giới rằng: "Cái này là của tôi... về vô sắc giới rằng: "Cái này là của tôi... về dục hữu rằng: "Cái này là của tôi... về sắc hữu rằng: "Cái này là của tôi... về vô sắc hữu rằng: "Cái này là của tôi... về tưởng hữu rằng: "Cái này là của tôi... về phi tưởng hữu rằng: "Cái này là của tôi... về phi tưởng phi phi tưởng hữu rằng: "Cái này là của tôi... về nhất uẩn hữu rằng: "Cái này là của tôi... về tứ uẩn hữu rằng: "Cái này là của tôi... về ngũ uẩn hữu rằng: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi" là kiến.

Sự cố chấp và bám víu về Sơ thiền rằng: "Cái này là của tôi... về Nhị thiền rằng: "Cái này là của tôi... về Tam thiền rằng: "Cái này là của tôi... về Tứ thiền rằng: "Cái này là của tôi... về Từ tâm giải thoát rằng: "Cái này là của tôi... về Bi

tâm giải thoát rằng: "Cái này là của tôi... về Hỷ tâm giải thoát rằng: "Cái này là của tôi... về Xả tâm giải thoát rằng: "Cái này là của tôi... về sự chứng đạt Không vô biên xứ rằng: "Cái này là của tôi... về sự chứng đạt Thức vô biên xứ rằng: "Cái này là của tôi... về sự chứng đạt Vô sở hữu xứ rằng: "Cái này là của tôi... về sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ rằng: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi" là kiến.

Sự cố chấp và bám víu về vô minh rằng: "Cái này là của tôi... về các hành rằng: "Cái này là của tôi... về thức... về danh sắc... về sáu xứ... về xúc... về thọ... về ái... về thủ... về hữu... về sanh rằng: "Cái này là của tôi... về lão tử rằng: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi" là kiến.

Sự cố chấp và bám víu là kiến là [có ý nghĩa] như thế.

Tám cơ sở của kiến là gì?

Uẩn là cơ sở của kiến, vô minh cũng là cơ sở của kiến, xúc cũng là cơ sở của kiến, tưởng cũng là cơ sở của kiến, tầm cũng là cơ sở của kiến, tác ý không đúng đắn cũng là cơ sở của kiến, bạn xấu cũng là cơ sở của kiến, lời nói của kẻ khác cũng là cơ sở của kiến.

Các uẩn là nhân, các uẩn là duyên, có liên quan đến cơ sở của kiến theo ý nghĩa nguồn sanh khởi; như thế các uẩn là cơ sở của kiến.

Vô minh là nhân, vô minh là duyên, có liên quan đến cơ sở của kiến theo ý nghĩa nguồn sanh khởi; như thế vô minh cũng là cơ sở của kiến.

Xúc là nhân, xúc là duyên, có liên quan đến cơ sở của kiến theo ý nghĩa nguồn sanh khởi; như thế xúc cũng là cơ sở của kiến.

Tưởng là nhân, tưởng là duyên, có liên quan đến cơ sở của kiến theo ý nghĩa nguồn sanh khởi; như thế tưởng cũng là cơ sở của kiến.

Tầm là nhân, tầm là duyên, có liên quan đến cơ sở của kiến theo ý nghĩa nguồn sanh khởi; như thế tầm cũng là cơ sở của kiến.

Tác ý không đúng đắn là nhân, tác ý không đúng đắn là duyên, có liên quan đến cơ sở của kiến theo ý nghĩa nguồn sanh khởi; như thế tác ý không đúng đắn cũng là cơ sở của kiến.

Bạn xấu là nhân, bạn xấu là duyên, có liên quan đến cơ sở của kiến theo ý nghĩa nguồn sanh khởi; như thế bạn xấu cũng là cơ sở của kiến.

Lời nói của kẻ khác là nhân, lời nói của kẻ khác là duyên, có liên quan đến cơ sở của kiến theo ý nghĩa nguồn sanh khởi; như thế lời nói của kẻ khác cũng là cơ sở của kiến.

Đây là tám cơ sở của kiến.

Mười tám cơ sở xâm nhập của kiến là gì?

Kiến [tạo nên] thiên lệch, kiến [tạo nên] nắm giữ, kiến [tạo nên] hiểm độc,

kiến [tạo nên] mâu thuẫn, kiến [tạo nên] dao động, kiến [tạo nên] ràng buộc, kiến [tạo nên] xuyên suốt, kiến [tạo nên] áp chế, kiến [tạo nên] vướng bận, kiến [tạo nên] trói buộc, kiến [tạo nên] sa đọa, kiến [tạo nên] ngủ ngầm, kiến [tạo nên] thiêu đốt, kiến [tạo nên] thống khổ, kiến [tạo nên] khúc mắc, kiến [tạo nên] chấp thủ, kiến [tạo nên] cố chấp, kiến [tạo nên] bám víu.

Đây là mười tám cơ sở xâm nhập của kiến.

Mười sáu loại kiến là gì?

Khoái lạc kiến, tùy ngã kiến, tà kiến, thân kiến, thường kiến lấy thân làm nền tảng, đoạn kiến lấy thân làm nền tảng, hữu biên kiến, quá khứ hữu biên kiến, vị lai hữu biên kiến, kiến có sự ràng buộc, kiến có sự tự hào và gắn bó về "tôi", kiến có sự tự hào và gắn bó về "của tôi", kiến có liên hệ đến luận thuyết về tự ngã, kiến có liên hệ đến luận thuyết về thế giới, hữu kiến, phi hữu kiến.

Đây là mười sáu loại kiến.

Ba trăm sự cố chấp của kiến là gì?

Do khoái lạc kiến, có sự cố chấp với bao nhiêu biểu hiện?

Do tùy ngã kiến, có sự cố chấp với bao nhiêu biểu hiện?

Do tà kiến, có sự cố chấp với bao nhiêu biểu hiện?

Do thân kiến, có sự cố chấp với bao nhiêu biểu hiện?

Do thường kiến lấy thân làm nền tảng, có sự cố chấp với bao nhiêu biểu hiện?

Do đoạn kiến lấy thân làm nền tảng, có sự cố chấp với bao nhiêu biểu hiện?

Do hữu biên kiến, có sự cố chấp với bao nhiêu biểu hiện?

Do quá khứ hữu biên kiến, có sự cố chấp với bao nhiêu biểu hiện?

Do vị lai hữu biên kiến, có sự cố chấp với bao nhiêu biểu hiện?

Do kiến có sự ràng buộc, có sự cố chấp với bao nhiêu biểu hiện?

Do kiến có sự tự hào và gắn bó về "tôi", có sự cố chấp với bao nhiêu biểu hiện?

Do kiến có sự tự hào và gắn bó về "của tôi", có sự cố chấp với bao nhiêu biểu hiện?

Do kiến có liên hệ đến luận thuyết về tự ngã, có sự cố chấp với bao nhiêu biểu hiện?

Do kiến có liên hệ đến luận thuyết về thế giới, có sự cố chấp với bao nhiêu biểu hiện?

Do hữu kiến, có sự cố chấp với bao nhiêu biểu hiện?

Do phi hữu kiến, có sự cố chấp với bao nhiêu biểu hiện?

Do khoái lạc kiến, có sự cố chấp với ba mươi lăm biểu hiện.

Do tùy ngã kiến, có sự cố chấp với hai mươi biểu hiện.

Do tà kiến, có sự cố chấp với mười biểu hiện.

Do thân kiến, có sự cố chấp với hai mươi biểu hiện.

Do thường kiến lấy thân làm nền tảng, có sự cố chấp với mười lăm biểu hiện.

Do đoạn kiến lấy thân làm nền tảng, có sự cố chấp với năm biểu hiện.

Do hữu biên kiến, có sự cố chấp với năm mươi biểu hiện.

Do quá khứ hữu biên kiến, có sự cố chấp với mười tám biểu hiện.

Do vị lai hữu biên kiến, có sự cố chấp với bốn mươi bốn biểu hiện.

Do kiến có sự ràng buộc, có sự cố chấp với mười tám biểu hiện.

Do kiến có sự tự hào và gắn bó về "tôi", có sự cố chấp với mười tám biểu hiện.

Do kiến có sự tự hào và gắn bó về "của tôi", có sự cố chấp với mười tám biểu hiện.

Do kiến có liên hệ đến luận thuyết về tự ngã, có sự cố chấp với hai mươi biểu hiện.

Do kiến có liên hệ đến luận thuyết về thế giới, có sự cố chấp với tám biểu hiện.

Do hữu kiến, có sự cố chấp với một biểu hiện.

Do phi hữu kiến, có sự cố chấp với một biểu hiện.

***

1. KHOÁI LẠC KIẾN (*Assādadiṭṭhi*)

Do khoái lạc kiến, có sự cố chấp với ba mươi lăm biểu hiện gì?

Sự cố chấp và bám víu rằng: "Lạc và hỷ tâm sanh lên tùy thuộc vào sắc là sự khoái lạc đối với sắc" là kiến. Kiến không phải là sự khoái lạc, sự khoái lạc không phải là kiến; kiến là điều khác, sự khoái lạc là điều khác; [cả hai] kiến và sự khoái lạc được gọi là khoái lạc kiến.

Khoái lạc kiến là tà kiến, tà kiến là sự hư hỏng về kiến, người có sự hư hỏng về kiến ấy là [người] bị hư hỏng về kiến. Không nên tiếp cận, không nên kết thân, không nên gần gũi người bị hư hỏng về kiến. Điều ấy có nguyên nhân thế nào? Bởi vì kiến của người này là ác. Ái nào do kiến, ái ấy không phải là kiến, kiến không phải là ái, kiến là điều khác, ái là điều khác, [cả hai] kiến và ái được gọi là ái do kiến. Người có kiến ấy và ái ấy là [người] bị nhiễm ái do kiến. Vật thí cho đến người bị nhiễm ái do kiến không có quả báo lớn, không có lợi ích lớn. Điều ấy có nguyên nhân thế nào? Bởi vì kiến của người này là ác.

Khoái lạc kiến là tà kiến. Có hai cảnh giới [tái sanh] đối với người có tà kiến là địa ngục hoặc loài súc sanh. Thân nghiệp nào bị tác động toàn diện bởi kiến như thế ấy, khẩu nghiệp nào..., ý nghiệp nào bị tác động toàn diện bởi kiến như thế ấy, ý định nào, ước muốn nào, nguyện vọng nào, và các hành nào của người có tà kiến, tất cả các pháp ấy đều đưa đến điều không muốn, không thích, không vừa ý, không tốt đẹp, khổ đau. Điều ấy có nguyên nhân thế nào? Bởi vì kiến của người này là ác. Cũng giống như hạt giống cây nimba hoặc hạt giống cây kosātakī, hoặc hạt giống cây tittakālābu được gieo xuống đất ẩm. Vị nào

của đất đã được tiếp thâu và vị nào của nước đã được tiếp thâu, tất cả [các] vị ấy đều đưa đến tính chất chát, tính chất cay, tính chất không dịu ngọt. Điều ấy có nguyên nhân thế nào? Bởi vì hạt giống của cây ấy là ác. Tương tợ như thế, thân nghiệp nào bị tác động toàn diện bởi kiến như thế ấy, khẩu nghiệp nào..., ý nghiệp nào bị tác động toàn diện bởi kiến như thế ấy, ý định nào, ước muốn nào, nguyện vọng nào, và các hành nào của người có tà kiến, tất cả các pháp ấy đều đưa đến điều không muốn, không thích, không vừa ý, không tốt đẹp, khổ đau. Điều ấy có nguyên nhân thế nào? Bởi vì kiến của người này là ác.

Khoái lạc kiến là tà kiến, tà kiến là kiến [tạo nên] thiên lệch, kiến [tạo nên] nắm giữ, kiến [tạo nên] hiểm độc, kiến [tạo nên] mâu thuẫn, kiến [tạo nên] dao động, kiến [tạo nên] ràng buộc, kiến [tạo nên] xuyên suốt, kiến [tạo nên] áp đặt, kiến [tạo nên] vướng bận, kiến [tạo nên] trói buộc, kiến [tạo nên] sa đọa, kiến [tạo nên] ngủ ngầm, kiến [tạo nên] thiêu đốt, kiến [tạo nên] thống khổ, kiến [tạo nên] khúc mắc, kiến [tạo nên] chấp thủ, kiến [tạo nên] cố chấp, kiến [tạo nên] bám víu.

Có những ràng buộc là kiến, và có những ràng buộc không phải là kiến.

Những ràng buộc nào là kiến? Thân kiến, sự cố chấp vào giới và nghi thức; những điều này vừa là sự ràng buộc vừa là kiến.

Những ràng buộc nào không phải là kiến? Sự ràng buộc với ái dục, sự ràng buộc với bất bình, sự ràng buộc với ngã mạn, sự ràng buộc với hoài nghi, sự ràng buộc với hữu ái, sự ràng buộc với ganh tỵ, sự ràng buộc với bỏn xẻn, sự ràng buộc với tình quyến luyến, sự ràng buộc với vô minh; những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến.

Sự cố chấp và bám víu rằng: "Lạc và hỷ tâm nào sanh lên tùy thuộc vào thọ,... (nt)... tùy thuộc vào tưởng,... (nt)... tùy thuộc vào các hành,... (nt)... tùy thuộc vào thức,... (nt)... tùy thuộc vào mắt,... (nt)... tùy thuộc vào tai,... (nt)... tùy thuộc vào mũi,... (nt)... tùy thuộc vào lưỡi,... (nt)... tùy thuộc vào thân,... (nt)... tùy thuộc vào ý,... (nt)... tùy thuộc vào các sắc,... (nt)... tùy thuộc vào các thinh,... (nt)... tùy thuộc vào các khí,... (nt)... tùy thuộc vào các vị,... (nt)... tùy thuộc vào các xúc,... (nt)... tùy thuộc vào các pháp,... (nt)... tùy thuộc vào nhãn thức,... (nt)... tùy thuộc vào nhĩ thức,... (nt)... tùy thuộc vào tỷ thức,... (nt)... tùy thuộc vào thiệt thức,... (nt)... tùy thuộc vào thân thức,... (nt)... tùy thuộc vào ý thức,... (nt)... tùy thuộc vào nhãn xúc,... (nt)... tùy thuộc vào nhĩ xúc,... (nt)... tùy thuộc vào tỷ xúc,... (nt)... tùy thuộc vào thiệt xúc,... (nt)... tùy thuộc vào thân xúc,... (nt)... tùy thuộc vào ý xúc,... (nt)... tùy thuộc vào thọ sanh ra từ nhãn xúc,... (nt)... tùy thuộc vào thọ sanh ra từ nhĩ xúc,... (nt)... tùy thuộc vào thọ sanh ra từ tỷ xúc,... (nt)... tùy thuộc vào thọ sanh ra từ thiệt xúc,... (nt)... tùy thuộc vào thọ sanh ra từ thân xúc,... (nt)... tùy thuộc vào thọ sanh ra từ ý xúc, điều ấy là sự khoái lạc đối với thọ sanh ra từ ý xúc" là kiến. Kiến không phải là sự khoái lạc, sự khoái lạc không phải là kiến; kiến là điều khác, sự khoái lạc là điều khác; [cả hai] kiến và sự khoái lạc được gọi là khoái lạc kiến.

Khoái lạc kiến là tà kiến, tà kiến là sự hư hỏng về kiến. Người có sự hư hỏng về kiến ấy là [người] bị hư hỏng về kiến. Không nên tiếp cận, không nên kết thân, không nên gần gũi người bị hư hỏng về kiến. Điều ấy có nguyên nhân thế nào? Bởi vì kiến của người này là ác. Ái nào do kiến, ái ấy không phải là kiến, kiến không phải là ái, kiến là điều khác, ái là điều khác; [cả hai] kiến và ái được gọi là ái do kiến. Người có kiến ấy và ái ấy là [người] bị nhiễm ái do kiến. Vật thí cho đến người bị nhiễm ái do kiến không có quả báo lớn, không có lợi ích lớn. Điều ấy có nguyên nhân thế nào? Bởi vì kiến của người này là ác.

Khoái lạc kiến là tà kiến. Có hai cảnh giới [tái sanh] đối với người có tà kiến là địa ngục hoặc loài súc sanh. Thân nghiệp nào bị tác động toàn diện bởi kiến như thế ấy, khẩu nghiệp nào... (nt)..., ý nghiệp nào bị tác động toàn diện bởi kiến như thế ấy, ý định nào, ước muốn nào, nguyện vọng nào, và các hành nào của người có tà kiến, tất cả các pháp ấy đều đưa đến điều không muốn, không thích, không vừa ý, không tốt đẹp, khổ đau. Điều ấy có nguyên nhân thế nào? Bởi vì kiến của người này là ác. Cũng giống như hạt giống cây nimba hoặc hạt giống cây kosātakī, hoặc hạt giống cây tittakālābu được gieo xuống đất ẩm. Vị nào của đất đã được tiếp thâu và vị nào của nước đã được tiếp thâu, tất cả [các] vị ấy đều đưa đến tính chất chát, tính chất cay, tính chất không dịu ngọt. Điều ấy có nguyên nhân thế nào? Bởi vì hạt giống của cây ấy là ác. Tương tợ như thế, thân nghiệp nào bị tác động toàn diện bởi kiến như thế ấy, khẩu nghiệp nào... (nt)..., ý nghiệp nào bị tác động toàn diện bởi kiến như thế ấy, ý định nào, ước muốn nào, nguyện vọng nào, và các hành nào của người có tà kiến, tất cả các pháp ấy đều đưa đến điều không muốn, không thích, không vừa ý, không tốt đẹp, khổ đau. Điều ấy có nguyên nhân thế nào? Bởi vì kiến của người này là ác. Khoái lạc kiến là tà kiến. Tà kiến là kiến [tạo nên] thiên lệch, kiến [tạo nên] nắm giữ,... (nt)..., kiến [tạo nên] cố chấp, kiến [tạo nên] bám víu. Có sự ràng buộc đối với tâm đã bị xâm nhập với mười tám biểu hiện này.

Có những ràng buộc là kiến và có những ràng buộc không phải là kiến. Những ràng buộc nào là kiến? Thân kiến, sự cố chấp vào giới và nghi thức; những điều này vừa là sự ràng buộc vừa là kiến.

Những ràng buộc nào không phải là kiến? Sự ràng buộc với ái dục, sự ràng buộc với bất bình, sự ràng buộc với ngã mạn, sự ràng buộc với hoài nghi, sự ràng buộc với hữu ái, sự ràng buộc với ganh tỵ, sự ràng buộc với bỏn xẻn, sự ràng buộc với tình quyến luyến, sự ràng buộc với vô minh; những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến.

Do khoái lạc kiến, có sự cố chấp với ba mươi lăm biểu hiện này.

2. TÙY NGÃ KIẾN (*Attānudiṭṭhi*)

Do tùy ngã kiến, có sự cố chấp với hai mươi biểu hiện gì?

Ở đây, kẻ phàm phu không lắng nghe, không có sự nhận thức của các bậc Thánh, không rành rẽ Thánh pháp, không được huấn luyện về Thánh pháp,

không có sự nhận thức của các bậc chân nhân, không rành rẽ pháp chân nhân, không được huấn luyện về pháp chân nhân nhận thấy sắc là tự ngã, hoặc tự ngã có sắc, hoặc sắc ở trong tự ngã, hoặc tự ngã ở trong sắc; nhận thấy thọ... nhận thấy tưởng... nhận thấy các hành... nhận thấy thức là tự ngã, hoặc tự ngã có thức, hoặc thức ở trong tự ngã, hoặc tự ngã ở trong thức.

Nhận thấy sắc là tự ngã là [có ý nghĩa] thế nào? Ở đây, có người nhận thấy đề mục đất là tự ngã rằng: "Cái gì là đề mục đất, cái ấy là tôi; cái gì là tôi, cái ấy là đề mục đất", [vị ấy] nhận thấy đề mục đất và tự ngã chỉ là một. Cũng giống như đối với ngọn đèn dầu đang cháy sáng [nghĩ rằng]: "Cái gì là ngọn lửa, cái ấy là ánh sáng; cái gì là ánh sáng, cái ấy là ngọn lửa", [vị ấy] nhận thấy ngọn lửa và ánh sáng chỉ là một. Tương tợ như thế, có người nhận thấy đề mục đất là tự ngã rằng: "Cái gì là đề mục đất, cái ấy là tôi; cái gì là tôi, cái ấy là đề mục đất", [vị ấy] nhận thấy đề mục đất và tự ngã chỉ là một. Sự cố chấp và bám víu là kiến. Kiến không phải là nền tảng, nền tảng không phải là kiến; kiến là điều khác, nền tảng là điều khác; [cả hai] kiến và nền tảng là "tùy ngã kiến có sắc là nền tảng" thứ nhất. Tùy ngã kiến là tà kiến, tà kiến là sự hư hỏng về kiến. … (nt)... Tùy ngã kiến là tà kiến. Đối với người có tùy ngã kiến, có hai cảnh giới [tái sanh]... (nt)...; những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến.

Ở đây, có người nhận thấy đề mục nước... đề mục lửa... đề mục gió... đề mục xanh... đề mục vàng... đề mục đỏ... đề mục trắng là tự ngã rằng: "Cái gì là đề mục trắng, cái ấy là tôi; cái gì là tôi, cái ấy là đề mục trắng", [vị ấy] nhận thấy đề mục trắng và tự ngã chỉ là một. Cũng giống như đối với ngọn đèn dầu đang cháy sáng [nghĩ rằng]: "Cái gì là ngọn lửa, cái ấy là ánh sáng; cái gì là ánh sáng, cái ấy là ngọn lửa", [vị ấy] nhận thấy ngọn lửa và ánh sáng chỉ là một. Tương tợ như thế, có người... (nt)... nhận thấy đề mục trắng và tự ngã chỉ là một. Sự cố chấp và bám víu là kiến. Kiến không phải là nền tảng, nền tảng không phải là kiến; kiến là điều khác, nền tảng là điều khác; [cả hai] kiến và nền tảng là "tùy ngã kiến có sắc là nền tảng" thứ nhất. Tùy ngã kiến là tà kiến, tà kiến là sự hư hỏng về kiến. … (nt)...; những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến. Nhận thấy sắc là tự ngã là [có ý nghĩa] như thế.

Nhận thấy tự ngã có sắc là [có ý nghĩa] thế nào? Ở đây, có người nhận thấy thọ, tưởng, các hành, thức là tự ngã. Vị ấy khởi ý như vầy: "Cái này quả thật là tự ngã của ta. Hơn nữa, tự ngã này đây của ta quả thật có sắc bởi vì sắc này"; [vị ấy] nhận thấy tự ngã có sắc. Cũng giống như cội cây là có bóng cây, vị này có thể nói về điều ấy như vầy: "Cái này là cội cây, cái này là bóng cây, cội cây là cái khác, bóng cây là cái khác. Hơn nữa, cội cây này đây quả thật là có bóng cây bởi vì bóng cây này"; [vị ấy] nhận thấy cội cây là có bóng cây. Tương tợ như thế, ở đây có người nhận thấy thọ, tưởng, các hành, thức là tự ngã. Vị ấy khởi ý như vầy: "Cái này quả thật là tự ngã của ta. Hơn nữa, tự ngã này đây của ta quả thật có sắc bởi vì sắc này"; [vị ấy] nhận thấy tự ngã có sắc. Sự cố chấp và bám víu là kiến. Kiến không phải là nền tảng, nền tảng không phải là kiến; kiến là điều khác, nền tảng là điều khác; [cả hai] kiến và nền tảng là "tùy ngã kiến có

sắc là nền tảng" thứ nhì. Tùy ngã kiến là tà kiến, tà kiến là sự hư hỏng về kiến. … (nt)...; những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến. Nhận thấy tự ngã có sắc là [có ý nghĩa] như thế.

Nhận thấy sắc ở trong tự ngã là [có ý nghĩa] thế nào? Ở đây, có người nhận thấy thọ, tưởng, các hành, thức là tự ngã. Vị ấy khởi ý như vầy: "Cái này quả thật là tự ngã của ta. Hơn nữa, sắc này là ở trong tự ngã này"; [vị ấy] nhận thấy sắc ở trong tự ngã. Cũng giống như bông hoa là có mùi thơm, vị này có thể nói về điều ấy như vầy: "Cái này là bông hoa, cái này là mùi thơm; bông hoa là cái khác, mùi thơm là cái khác; hơn nữa, mùi thơm này đây là ở trong bông hoa này"; [vị ấy] nhận thấy mùi thơm ở trong bông hoa. Tương tợ như thế, ở đây có người nhận thấy thọ, tưởng, các hành, thức là tự ngã. Vị ấy... (nt)... nhận thấy sắc ở trong tự ngã. Sự cố chấp và bám víu là kiến. Kiến không phải là nền tảng, nền tảng không phải là kiến; kiến là điều khác, nền tảng là điều khác; [cả hai] kiến và nền tảng là "tùy ngã kiến có sắc là nền tảng" thứ ba. Tùy ngã kiến là tà kiến, tà kiến là sự hư hỏng về kiến. … (nt)...; những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến. Nhận thấy sắc ở trong tự ngã là [có ý nghĩa] như thế.

Nhận thấy tự ngã ở trong sắc là [có ý nghĩa] thế nào? Ở đây, có người nhận thấy thọ, tưởng, các hành, thức là tự ngã. Vị ấy khởi ý như vầy: "Cái này quả thật là tự ngã của ta. Hơn nữa, tự ngã này đây của ta quả thật là ở trong sắc này"; [vị ấy] nhận thấy tự ngã ở trong sắc. Cũng giống như viên ngọc ma-ni được đặt trong cái hộp, vị này có thể nói về điều ấy như vầy: "Cái này là viên ngọc ma-ni, cái này là cái hộp; viên ngọc ma-ni là cái khác, cái hộp là cái khác; hơn nữa, viên ngọc ma-ni này đây quả thật là ở trong cái hộp này"; [vị ấy] nhận thấy viên ngọc ma-ni ở trong cái hộp. Tương tợ như thế, ở đây có người nhận thấy thọ, tưởng, các hành, thức là tự ngã. Vị ấy... (nt)... nhận thấy tự ngã ở trong sắc. Sự cố chấp và bám víu là kiến. … (nt)... [cả hai] kiến và nền tảng là "tùy ngã kiến có sắc là nền tảng" thứ tư. Tùy ngã kiến là tà kiến, tà kiến là sự hư hỏng về kiến. … (nt)...; những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến. Nhận thấy tự ngã ở trong sắc là [có ý nghĩa] như thế.

Nhận thấy thọ là tự ngã là [có ý nghĩa] thế nào? Ở đây, có người nhận thấy thọ sanh ra từ nhãn xúc... thọ sanh ra từ nhĩ xúc... thọ sanh ra từ tỷ xúc... thọ sanh ra từ thiệt xúc... thọ sanh ra từ thân xúc... thọ sanh ra từ ý xúc là tự ngã rằng: "Cái gì là thọ sanh ra từ ý xúc, cái ấy là ta; cái gì là ta, cái ấy là thọ sanh ra từ ý xúc", [vị ấy] nhận thấy thọ sanh ra từ ý xúc và tự ngã chỉ là một. Cũng giống như đối với ngọn đèn dầu đang cháy sáng [nghĩ rằng]: "Cái gì là ngọn lửa, cái ấy là ánh sáng; cái gì là ánh sáng, cái ấy là ngọn lửa", [vị ấy] nhận thấy ngọn lửa và ánh sáng chỉ là một. Tương tợ như thế, ở đây có người nhận thấy thọ sanh ra từ ý xúc là tự ngã rằng: "Cái gì là thọ sanh ra từ ý xúc, cái ấy là ta; cái gì là ta, cái ấy là thọ sanh ra từ ý xúc", [vị ấy] nhận thấy thọ sanh ra từ ý xúc và tự ngã chỉ là một. Sự cố chấp và bám víu là kiến. … (nt)... [cả hai] kiến và nền tảng là "tùy ngã kiến có thọ là nền tảng" thứ nhất. Tùy ngã kiến là tà kiến,

tà kiến là sự hư hỏng về kiến. … (nt)...; những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến. Nhận thấy thọ là tự ngã là [có ý nghĩa] như thế.

Nhận thấy tự ngã có thọ là [có ý nghĩa] thế nào? Ở đây, có người nhận thấy tưởng, các hành, thức, sắc là tự ngã. Vị ấy khởi ý như vầy: "Cái này quả thật là tự ngã của ta. Hơn nữa, tự ngã này đây của ta quả thật là có thọ bởi vì thọ này"; [vị ấy] nhận thấy tự ngã có thọ. Cũng giống như cội cây là có bóng cây, vị này có thể nói về điều ấy như vầy: "Cái này là cội cây, cái này là bóng cây; cội cây là cái khác, bóng cây là cái khác. Hơn nữa, cội cây này đây quả thật là có bóng cây bởi vì bóng cây này"; [vị ấy] nhận thấy cội cây là có bóng cây. Tương tợ như thế, ở đây có người nhận thấy tưởng, các hành, thức, sắc là tự ngã. Vị ấy... (nt)... nhận thấy tự ngã có thọ. Sự cố chấp và bám víu là kiến. Kiến không phải là nền tảng, nền tảng không phải là kiến; kiến là điều khác, nền tảng là điều khác; [cả hai] kiến và nền tảng là "tùy ngã kiến có thọ là nền tảng" thứ nhì. Tùy ngã kiến là tà kiến, tà kiến là sự hư hỏng về kiến. … (nt)...; những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến. Nhận thấy tự ngã có thọ là [có ý nghĩa] như thế.

Nhận thấy thọ ở trong tự ngã là [có ý nghĩa] thế nào? Ở đây, có người nhận thấy tưởng, các hành, thức, sắc là tự ngã. Vị ấy khởi ý như vầy: "Cái này quả thật là tự ngã của ta. Hơn nữa, thọ này ở trong tự ngã này"; [vị ấy] nhận thấy thọ ở trong tự ngã. Cũng giống như bông hoa là có mùi thơm, vị này có thể nói về điều ấy như vầy: "Cái này là bông hoa, cái này là mùi thơm; bông hoa là cái khác, mùi thơm là cái khác. Hơn nữa, mùi thơm này đây là ở trong bông hoa này"; [vị ấy] nhận thấy mùi thơm ở trong bông hoa. Tương tợ như thế, ở đây có người nhận thấy tưởng, các hành, thức, thọ là tự ngã. Vị ấy... (nt)... nhận thấy thọ ở trong tự ngã. Sự cố chấp và bám víu là kiến. Kiến không phải là nền tảng, nền tảng không phải là kiến; kiến là điều khác, nền tảng là điều khác; [cả hai] kiến và nền tảng là "tùy ngã kiến có thọ là nền tảng" thứ ba. Tùy ngã kiến là tà kiến, tà kiến là sự hư hỏng về kiến. … (nt)... những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến. Nhận thấy thọ ở trong tự ngã là [có ý nghĩa] như thế.

Nhận thấy tự ngã ở trong thọ là [có ý nghĩa] thế nào? Ở đây, có người nhận thấy tưởng, các hành, thức, sắc là tự ngã. Vị ấy khởi ý như vầy: "Cái này quả thật là tự ngã của ta. Hơn nữa, tự ngã này đây của ta quả thật là ở trong thọ này"; [vị ấy] nhận thấy tự ngã ở trong thọ. Cũng giống như viên ngọc ma-ni được đặt trong cái hộp, vị này có thể nói về điều ấy như vầy: "Cái này là viên ngọc ma-ni, cái này là cái hộp; viên ngọc ma-ni là cái khác, cái hộp là cái khác. Hơn nữa, viên ngọc ma-ni này đây quả thật là ở trong cái hộp này"; [vị ấy] nhận thấy viên ngọc ma-ni ở trong cái hộp. Tương tợ như thế, ở đây có người nhận thấy tưởng, các hành, thức, sắc là tự ngã. Vị ấy... (nt)... nhận thấy tự ngã ở trong thọ. Sự cố chấp và bám víu là kiến. Kiến không phải là nền tảng, nền tảng không phải là kiến; kiến là điều khác, nền tảng là điều khác; [cả hai] kiến và nền tảng là "tùy ngã kiến có thọ là nền tảng" thứ tư. Tùy ngã kiến là tà kiến, tà kiến là sự

hư hỏng về kiến. … (nt)...; những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến. Nhận thấy tự ngã ở trong thọ là [có ý nghĩa] như thế.

Nhận thấy tưởng là tự ngã là [có ý nghĩa] thế nào? Ở đây, có người nhận thấy tưởng sanh ra từ nhãn xúc... tưởng sanh ra từ nhĩ xúc... tưởng sanh ra từ tỷ xúc... tưởng sanh ra từ thiệt xúc... tưởng sanh ra từ thân xúc... tưởng sanh ra từ ý xúc là tự ngã rằng: "Cái gì là tưởng sanh ra từ ý xúc, cái ấy là ta; cái gì là ta, cái ấy là tưởng sanh ra từ ý xúc", [vị ấy] nhận thấy tưởng sanh ra từ ý xúc và tự ngã chỉ là một. Cũng giống như đối với ngọn đèn dầu đang cháy sáng [nghĩ rằng]: "Cái gì là ngọn lửa, cái ấy là ánh sáng; cái gì là ánh sáng, cái ấy là ngọn lửa", [vị ấy] nhận thấy ngọn lửa và ánh sáng chỉ là một. Tương tợ như thế, ở đây có người nhận thấy... (nt)... tưởng sanh ra từ ý xúc và tự ngã chỉ là một. Sự cố chấp và bám víu là kiến. Kiến không phải là nền tảng, nền tảng không phải là kiến; kiến là điều khác, nền tảng là điều khác; [cả hai] kiến và nền tảng là "tùy ngã kiến có tưởng là nền tảng" thứ nhất. Tùy ngã kiến là tà kiến, tà kiến là sự hư hỏng về kiến. … (nt)...; những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến. Nhận thấy tưởng là tự ngã là [có ý nghĩa] như thế.

Nhận thấy tự ngã có tưởng là [có ý nghĩa] thế nào? Ở đây, có người nhận thấy các hành, thức, sắc, thọ là tự ngã. Vị ấy khởi ý như vầy: "Cái này quả thật là tự ngã của ta. Hơn nữa, tự ngã này đây của ta là có tưởng bởi vì tưởng này"; [vị ấy] nhận thấy tự ngã có tưởng. Cũng giống như cội cây là có bóng cây, vị này có thể nói về điều ấy như vầy: "Cái này là cội cây, cái này là bóng cây; cội cây là cái khác, bóng cây là cái khác. Hơn nữa, cội cây này đây quả thật là có bóng cây bởi vì bóng cây này"; [vị ấy] nhận thấy cội cây là có bóng cây. Tương tợ như thế, ở đây có người nhận thấy... (nt)... tự ngã có tưởng. Sự cố chấp và bám víu là kiến. Kiến không phải là nền tảng, nền tảng không phải là kiến; kiến là điều khác, nền tảng là điều khác; [cả hai] kiến và nền tảng là "tùy ngã kiến có tưởng là nền tảng" thứ nhì. Tùy ngã kiến là tà kiến, tà kiến là sự hư hỏng về kiến. … (nt)...; những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến. Nhận thấy tự ngã có tưởng là [có ý nghĩa] như thế.

Nhận thấy tưởng ở trong tự ngã là [có ý nghĩa] thế nào? Ở đây, có người nhận thấy các hành, thức, sắc, thọ là tự ngã. Vị ấy khởi ý như vầy: "Cái này quả thật là tự ngã của ta. Hơn nữa, tưởng này ở trong tự ngã này"; [vị ấy] nhận thấy tưởng ở trong tự ngã. Cũng giống như bông hoa là có mùi thơm, vị này có thể nói về điều ấy như vầy: "Cái này là bông hoa, cái này là mùi thơm; bông hoa là cái khác, mùi thơm là cái khác. Hơn nữa, mùi thơm này đây là ở trong bông hoa này"; [vị ấy] nhận thấy mùi thơm ở trong bông hoa. Tương tợ như thế, ở đây có người nhận thấy... (nt)... tưởng ở trong tự ngã. Sự cố chấp và bám víu là kiến. Kiến không phải là nền tảng, nền tảng không phải là kiến; kiến là điều khác, nền tảng là điều khác; [cả hai] kiến và nền tảng là "tùy ngã kiến có tưởng là nền tảng" thứ ba. Tùy ngã kiến là tà kiến, tà kiến là sự hư hỏng về kiến. … (nt)...; những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến. Nhận thấy tưởng ở trong tự ngã là [có ý nghĩa] như thế.

Nhận thấy tự ngã ở trong tưởng là [có ý nghĩa] thế nào? Ở đây, có người nhận thấy các hành, thức, sắc, thọ là tự ngã. Vị ấy khởi ý như vầy: "Cái này quả thật là tự ngã của ta. Hơn nữa, tự ngã này đây của ta quả thật là ở trong tưởng này"; [vị ấy] nhận thấy tự ngã ở trong tưởng. Cũng giống như viên ngọc ma-ni được đặt trong cái hộp, vị này có thể nói về điều ấy như vầy: "Cái này là viên ngọc ma-ni, cái này là cái hộp; viên ngọc ma-ni là cái khác, cái hộp là cái khác. Hơn nữa, viên ngọc ma-ni này đây quả thật là ở trong cái hộp này"; [vị ấy] nhận thấy viên ngọc ma-ni ở trong cái hộp. Tương tợ như thế, ở đây có người nhận thấy các hành, thức, sắc, thọ là tự ngã. Vị ấy... (nt)... nhận thấy tự ngã ở trong tưởng. Sự cố chấp và bám víu là kiến. Kiến không phải là nền tảng, nền tảng không phải là kiến; kiến là điều khác, nền tảng là điều khác; [cả hai] kiến và nền tảng là "tùy ngã kiến có tưởng là nền tảng" thứ tư. Tùy ngã kiến là tà kiến, tà kiến là sự hư hỏng về kiến. … (nt)...; những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến. Nhận thấy tự ngã ở trong tưởng là [có ý nghĩa] như thế.

Nhận thấy các hành là tự ngã là [có ý nghĩa] thế nào? Ở đây, có người nhận thấy tư sanh ra từ nhãn xúc... tư sanh ra từ nhĩ xúc... tư sanh ra từ tỷ xúc... tư sanh ra từ thiệt xúc... tư sanh ra từ thân xúc... tư sanh ra từ ý xúc là tự ngã rằng: "Cái gì là tư sanh ra từ ý xúc, cái ấy là ta; cái gì là ta, cái ấy là tư sanh ra từ ý xúc", [vị ấy] nhận thấy tư sanh ra từ ý xúc và tự ngã chỉ là một. Cũng giống như đối với ngọn đèn dầu đang cháy sáng [nghĩ rằng]: "Cái gì là ngọn lửa, cái ấy là ánh sáng; cái gì là ánh sáng, cái ấy là ngọn lửa", [vị ấy] nhận thấy ngọn lửa và ánh sáng chỉ là một. Tương tợ như thế, ở đây có người nhận thấy... (nt)... tư sanh ra từ ý xúc và tự ngã chỉ là một. Sự cố chấp và bám víu là kiến. Kiến không phải là nền tảng, nền tảng không phải là kiến; kiến là điều khác, nền tảng là điều khác; [cả hai] kiến và nền tảng là "tùy ngã kiến có hành là nền tảng" thứ nhất. Tùy ngã kiến là tà kiến, tà kiến là sự hư hỏng về kiến. … (nt)...; những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến. Nhận thấy các hành là tự ngã là [có ý nghĩa] như thế.

Nhận thấy tự ngã có hành là [có ý nghĩa] thế nào? Ở đây, có người nhận thấy thức, sắc, thọ, tưởng là tự ngã. Vị ấy khởi ý như vầy: "Cái này quả thật là tự ngã của ta. Hơn nữa, tự ngã này đây của ta quả thật là có hành bởi vì các hành này"; [vị ấy] nhận thấy tự ngã có hành. Cũng giống như cội cây là có bóng cây, vị này có thể nói về điều ấy như vầy: "Cái này là cội cây, cái này là bóng cây; cội cây là cái khác, bóng cây là cái khác. Hơn nữa, cội cây này đây quả thật là có bóng cây bởi vì bóng cây này"; [vị ấy] nhận thấy cội cây là có bóng cây. Tương tợ như thế, ở đây có người nhận thấy... (nt)... tự ngã có hành. Sự cố chấp và bám víu là kiến. Kiến không phải là nền tảng, nền tảng không phải là kiến; kiến là điều khác, nền tảng là điều khác; [cả hai] kiến và nền tảng là "tùy ngã kiến có hành là nền tảng" thứ nhì. Tùy ngã kiến là tà kiến, tà kiến là sự hư hỏng về kiến. … (nt)...; những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến. Nhận thấy tự ngã có hành là [có ý nghĩa] như thế.

Nhận thấy các hành ở trong tự ngã là [có ý nghĩa] thế nào? Ở đây, có người nhận thấy thức, sắc, thọ, tưởng là tự ngã. Vị ấy khởi ý như vầy: "Cái này quả thật là tự ngã của ta. Hơn nữa, các hành này là ở trong tự ngã này"; [vị ấy] nhận thấy các hành ở trong tự ngã. Cũng giống như bông hoa là có mùi thơm, vị này có thể nói về điều ấy như vầy: "Cái này là bông hoa, cái này là mùi thơm; bông hoa là cái khác, mùi thơm là cái khác. Hơn nữa, mùi thơm này đây là ở trong bông hoa này"; [vị ấy] nhận thấy mùi thơm ở trong bông hoa. Tương tợ như thế, ở đây có người nhận thấy... (nt)... các hành ở trong tự ngã. Sự cố chấp và bám víu là kiến. Kiến không phải là nền tảng, nền tảng không phải là kiến; kiến là điều khác, nền tảng là điều khác; [cả hai] kiến và nền tảng là "tùy ngã kiến có hành là nền tảng" thứ ba. Tùy ngã kiến là tà kiến, tà kiến là sự hư hỏng về kiến. … (nt)...; những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến. Nhận thấy các hành ở trong tự ngã là [có ý nghĩa] như thế.

Nhận thấy tự ngã ở trong các hành là [có ý nghĩa] thế nào? Ở đây, có người nhận thấy thức, sắc, thọ, tưởng là tự ngã. Vị ấy khởi ý như vầy: "Cái này quả thật là tự ngã của ta. Hơn nữa, tự ngã này đây của ta quả thật là ở trong các hành này"; [vị ấy] nhận thấy tự ngã ở trong các hành. Cũng giống như viên ngọc ma-ni được đặt trong cái hộp, vị này có thể nói về điều ấy như vầy: "Cái này là viên ngọc ma-ni, cái này là cái hộp; viên ngọc ma-ni là cái khác, cái hộp là cái khác. Hơn nữa, viên ngọc ma-ni này đây quả thật là ở trong cái hộp này"; [vị ấy] nhận thấy viên ngọc ma-ni ở trong cái hộp. Tương tợ như thế, ở đây có người nhận thấy... (nt)... tự ngã ở trong các hành. Sự cố chấp và bám víu là kiến. Kiến không phải là nền tảng, nền tảng không phải là kiến; kiến là điều khác, nền tảng là điều khác; [cả hai] kiến và nền tảng là "tùy ngã kiến có hành là nền tảng" thứ tư. Tùy ngã kiến là tà kiến, tà kiến là sự hư hỏng về kiến. … (nt)...; những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến. Nhận thấy tự ngã ở trong các hành là [có ý nghĩa] như thế.

Nhận thấy thức là tự ngã là [có ý nghĩa] thế nào? Ở đây, có người nhận thấy nhãn thức... nhĩ thức... tỷ thức... thiệt thức... thân thức... ý thức là tự ngã rằng: "Cái gì là ý thức, cái ấy là ta; cái gì là ta, cái ấy là ý thức", [vị ấy] nhận thấy ý thức và tự ngã chỉ là một. Cũng giống như đối với ngọn đèn dầu đang cháy sáng [nghĩ rằng]: "Cái gì là ngọn lửa, cái ấy là ánh sáng; cái gì là ánh sáng, cái ấy là ngọn lửa", [vị ấy] nhận thấy ngọn lửa và ánh sáng chỉ là một. Tương tợ như thế, ở đây có người nhận thấy nhãn thức... nhĩ thức... tỷ thức... thiệt thức... thân thức... ý thức là tự ngã rằng: "Cái gì là ý thức, cái ấy là ta. Cái gì là ta, cái ấy là ý thức", [vị ấy] nhận thấy ý thức và tự ngã chỉ là một. Sự cố chấp và bám víu là kiến. Kiến không phải là nền tảng, nền tảng không phải là kiến; kiến là điều khác, nền tảng là điều khác; [cả hai] kiến và nền tảng là "tùy ngã kiến có thức là nền tảng" thứ nhất. Tùy ngã kiến là tà kiến, tà kiến là sự hư hỏng về kiến. … (nt)...; những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến. Nhận thấy thức là tự ngã là [có ý nghĩa] như thế.

Nhận thấy tự ngã có thức là [có ý nghĩa] thế nào? Ở đây, có người nhận thấy sắc, thọ, tưởng, các hành là tự ngã. Vị ấy khởi ý như vầy: "Cái này quả thật là tự ngã của ta. Hơn nữa, tự ngã này đây của ta quả thật là có thức bởi vì thức này"; [vị ấy] nhận thấy tự ngã có thức. Cũng giống như cội cây là có bóng cây, vị này có thể nói về điều ấy như vầy: "Cái này là cội cây, cái này là bóng cây; cội cây là cái khác, bóng cây là cái khác. Hơn nữa, cội cây này đây quả thật là có bóng cây bởi vì bóng cây này"; [vị ấy] nhận thấy cội cây là có bóng cây. Tương tợ như thế, ở đây có người nhận thấy... (nt)... tự ngã có thức. Sự cố chấp và bám víu là kiến. Kiến không phải là nền tảng, nền tảng không phải là kiến; kiến là điều khác, nền tảng là điều khác; [cả hai] kiến và nền tảng là "tùy ngã kiến có thức là nền tảng" thứ nhì. Tùy ngã kiến là tà kiến, tà kiến là sự hư hỏng về kiến. … (nt)...; những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến. Nhận thấy tự ngã có thức là [có ý nghĩa] như thế.

Nhận thấy thức ở trong tự ngã là [có ý nghĩa] thế nào? Ở đây, có người nhận thấy sắc, thọ, tưởng, các hành là tự ngã. Vị ấy khởi ý như vầy: "Cái này quả thật là tự ngã của ta. Hơn nữa, thức này là ở trong tự ngã này"; [vị ấy] nhận thấy thức ở trong tự ngã. Cũng giống như bông hoa là có mùi thơm, vị này có thể nói về điều ấy như vầy: "Cái này là bông hoa, cái này là mùi thơm; bông hoa là cái khác, mùi thơm là cái khác. Hơn nữa, mùi thơm này đây là ở trong bông hoa này"; [vị ấy] nhận thấy mùi thơm ở trong bông hoa. Tương tợ như thế, ở đây có người nhận thấy... (nt)... thức ở trong tự ngã. Sự cố chấp và bám víu là kiến. Kiến không phải là nền tảng, nền tảng không phải là kiến; kiến là điều khác, nền tảng là điều khác; [cả hai] kiến và nền tảng là "tùy ngã kiến có thức là nền tảng" thứ ba. Tùy ngã kiến là tà kiến, tà kiến là sự hư hỏng về kiến. … (nt)...; những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến. Nhận thấy thức ở trong tự ngã là [có ý nghĩa] như thế.

Nhận thấy tự ngã ở trong thức là [có ý nghĩa] thế nào? Ở đây, có người nhận thấy sắc, thọ, tưởng, các hành là tự ngã. Vị ấy khởi ý như vầy: "Cái này quả thật là tự ngã của ta. Hơn nữa, tự ngã này đây của ta quả thật là ở trong thức này"; [vị ấy] nhận thấy tự ngã ở trong thức. Cũng giống như viên ngọc ma-ni được đặt trong cái hộp, vị này có thể nói về điều ấy như vầy: "Cái này là viên ngọc ma-ni, cái này là cái hộp; viên ngọc ma-ni là cái khác, cái hộp là cái khác. Hơn nữa, viên ngọc ma-ni này đây quả thật là ở trong cái hộp này"; [vị ấy] nhận thấy viên ngọc ma-ni ở trong cái hộp. Tương tợ như thế, ở đây có người nhận thấy... (nt)... tự ngã ở trong thức. Sự cố chấp và bám víu là kiến. Kiến không phải là nền tảng, nền tảng không phải là kiến; kiến là điều khác, nền tảng là điều khác; [cả hai] kiến và nền tảng là "tùy ngã kiến có thức là nền tảng" thứ tư. Tùy ngã kiến là tà kiến, tà kiến là sự hư hỏng về kiến. … (nt)...; những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến. Nhận thấy tự ngã ở trong thức là [có ý nghĩa] như thế.

Do tùy ngã kiến, có sự cố chấp với hai mươi biểu hiện này.

3. TÀ KIẾN (*Micchādiṭṭhi*)

Do tà kiến, có sự cố chấp với mười biểu hiện gì?

Nói rằng: "Không có bố thí", luận thuyết như thế có sự cố chấp và bám víu vào sai trái là kiến. Kiến không phải là nền tảng, nền tảng không phải là kiến; kiến là điều khác, nền tảng là điều khác; [cả hai] kiến và nền tảng là "tà kiến có nền tảng sai trái" thứ nhất. Tà kiến là sự hư hỏng về kiến. … (nt)...; những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến.

Nói rằng: "Không có cúng dường",... (nt)... Nói rằng: "Không có tế lễ",... (nt)... Nói rằng: "Không có quả thành tựu của các hành động được làm tốt hoặc được làm xấu",... (nt)... Nói rằng: "Không có đời này",... (nt)... Nói rằng: "Không có đời sau",... (nt)... Nói rằng: "Không có mẹ",... (nt)... Nói rằng: "Không có cha",... (nt)... Nói rằng: "Không có sự sanh ra từ nhân của nghiệp",... (nt)... Nói rằng: "Ở đời, không có các Sa-môn, Bà-la-môn sống chân chánh, thực hành chân chánh, sau khi tác chứng nhờ vào thắng trí của bản thân, sẽ công bố về đời này và đời sau", luận thuyết như thế có sự cố chấp và bám víu vào sai trái là kiến. Kiến không phải là nền tảng, nền tảng không phải là kiến; kiến là điều khác, nền tảng là điều khác; [cả hai] kiến và nền tảng là "tà kiến có nền tảng sai trái" thứ mười. Tà kiến là sự hư hỏng về kiến. … (nt)... Đối với người có tà kiến, có hai cảnh giới [tái sanh]... (nt)...; những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến. Do tà kiến, có sự cố chấp với mười biểu hiện này.

4. THÂN KIẾN (*Sakkāyadiṭṭhi*)

Do thân kiến, có sự cố chấp với hai mươi biểu hiện gì?

Ở đây, kẻ phàm phu không lắng nghe, không có sự nhận thức của các bậc Thánh, không rành rẽ Thánh pháp, không được huấn luyện về Thánh pháp, không có sự nhận thức của các bậc chân nhân, không rành rẽ pháp chân nhân, không được huấn luyện về pháp chân nhân nhận thấy sắc là tự ngã, hoặc tự ngã có sắc, hoặc sắc ở trong tự ngã, hoặc tự ngã ở trong sắc; nhận thấy thọ... (nt)...; nhận thấy tưởng... (nt)...; nhận thấy các hành... (nt)...; nhận thấy thức là tự ngã, hoặc tự ngã có thức, hoặc thức ở trong tự ngã, hoặc tự ngã ở trong thức.

Nhận thấy sắc là tự ngã là [có ý nghĩa] thế nào? Ở đây, có người nhận thấy đề mục đất... (nt)... đề mục trắng là tự ngã rằng: "Cái gì là đề mục trắng, cái ấy là tôi; cái gì là tôi, cái ấy là đề mục trắng", [vị ấy] nhận thấy đề mục trắng và tự ngã chỉ là một. Cũng giống như đối với ngọn đèn dầu đang cháy sáng... (nt)... Tương tợ như thế, có người nhận thấy đề mục trắng là tự ngã. Sự cố chấp và bám víu là kiến. … (nt)... Đây là "thân kiến có sắc là nền tảng" thứ nhất. Thân kiến là tà kiến,... (nt)...; những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến. Nhận thấy sắc là tự ngã là [có ý nghĩa] như thế. … (nt)... Do thân kiến, có sự cố chấp với hai mươi biểu hiện này.

5. THƯỜNG KIẾN LẤY THÂN LÀM NỀN TẢNG
(*Sakkāyavatthukā Sassataditthi*)

Do thường kiến lấy thân làm nền tảng, có sự cố chấp với mười lăm biểu hiện gì?

Ở đây, kẻ phàm phu không lắng nghe, không có sự nhận thức của các bậc Thánh, không rành rẽ Thánh pháp, không được huấn luyện về Thánh pháp, không có sự nhận thức của các bậc chân nhân, không rành rẽ pháp chân nhân, không được huấn luyện về pháp chân nhân nhận thấy tự ngã có sắc, hoặc sắc ở trong tự ngã, hoặc tự ngã ở trong sắc; nhận thấy tự ngã có thọ... (nt)...; nhận thấy tự ngã có tưởng... (nt)...; nhận thấy tự ngã có các hành... (nt)...; nhận thấy tự ngã có thức, hoặc thức ở trong tự ngã, hoặc tự ngã ở trong thức.

Nhận thấy tự ngã có sắc là [có ý nghĩa] thế nào? Ở đây, có người nhận thấy thọ, tưởng, các hành, thức là tự ngã. Vị ấy khởi ý như vầy: "Cái này quả thật là tự ngã của ta. Hơn nữa, tự ngã này đây của ta quả thật có sắc bởi vì sắc này"; [vị ấy] nhận thấy tự ngã có sắc. Cũng giống như cội cây là có bóng cây, vị này có thể nói về điều ấy như vầy: "Cái này là cội cây, cái này là bóng cây; cội cây là cái khác, bóng cây là cái khác. Hơn nữa, cội cây này đây quả thật là có bóng cây bởi vì bóng cây này"; [vị ấy] nhận thấy cội cây là có bóng cây. Tương tợ như thế, ở đây có người nhận thấy thọ... (nt)... Đây là "thường kiến lấy thân làm nền tảng" thứ nhất. Thường kiến là tà kiến,... (nt)... những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến. Nhận thấy tự ngã có sắc là [có ý nghĩa] như thế. … (nt)... Do thường kiến lấy thân làm nền tảng, có sự cố chấp với mười lăm biểu hiện này.

6. ĐOẠN KIẾN LẤY THÂN LÀM NỀN TẢNG
(*Sakkāyavatthukā Ucchedaditthi*)

Do đoạn kiến lấy thân làm nền tảng, có sự cố chấp với năm biểu hiện gì?

Ở đây, kẻ phàm phu không lắng nghe, không có sự nhận thức của các bậc Thánh, không rành rẽ Thánh pháp, không được huấn luyện về Thánh pháp, không có sự nhận thức của các bậc chân nhân, không rành rẽ pháp chân nhân, không được huấn luyện về pháp chân nhân nhận thấy sắc là tự ngã, nhận thấy thọ là tự ngã, nhận thấy tưởng là tự ngã, nhận thấy các hành là tự ngã, nhận thấy thức là tự ngã.

Nhận thấy sắc là tự ngã là [có ý nghĩa] thế nào? Ở đây, có người nhận thấy đề mục đất... (nt)... đề mục trắng là tự ngã rằng: "Cái gì là đề mục trắng, cái ấy là tôi; cái gì là tôi, cái ấy là đề mục trắng", [vị ấy] nhận thấy đề mục trắng và tự ngã chỉ là một. Cũng giống như đối với ngọn đèn dầu đang cháy sáng... (nt)... Đây là "đoạn kiến lấy thân làm nền tảng" thứ nhất. Đoạn kiến là tà kiến,... (nt)...; những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến. Nhận thấy sắc là tự ngã là [có ý nghĩa] như thế. (nt)... Do đoạn kiến lấy thân làm nền tảng, có sự cố chấp với năm biểu hiện này.

7. HỮU BIÊN KIẾN (*Antaggāhikādiṭṭhi*)

Do hữu biên kiến, có sự cố chấp với năm mươi biểu hiện gì?

Do hữu biên kiến: "Thế giới là thường còn",[97] có sự cố chấp với bao nhiêu biểu hiện? Do hữu biên kiến: "Thế giới là không thường còn",... "Thế giới là có giới hạn",... "Thế giới là không có giới hạn",... "Mạng sống ấy, thân thể ấy",... "Mạng sống khác, thân thể khác",... "Có phải đức Như Lai hiện hữu ở nơi khác sau khi chết?" ... "Có phải đức Như Lai không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết?" ... "Có phải đức Như Lai hiện hữu và không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết?" ... "Có phải đức Như Lai không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết?" Có sự cố chấp với bao nhiêu biểu hiện?

Do hữu biên kiến: "Thế giới là thường còn", có sự cố chấp với năm biểu hiện. ... Do hữu biên kiến: "Có phải đức Như Lai không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết?" có sự cố chấp với năm biểu hiện.

Do hữu biên kiến: "Thế giới là thường còn", có sự cố chấp với năm biểu hiện gì? Sự cố chấp và bám víu rằng: "Sắc là thế giới và là thường còn" là kiến. Do kiến ấy, "giới hạn ấy được chấp nhận" là hữu biên kiến. Kiến không phải là nền tảng, nền tảng không phải là kiến; kiến là điều khác, nền tảng là điều khác; [cả hai] kiến và nền tảng là "hữu biên kiến về 'Thế giới là thường còn'" thứ nhất. Hữu biên kiến là tà kiến,... những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến.

Sự cố chấp và bám víu rằng: "Thọ là thế giới và là thường còn"... (nt)... "Tưởng là thế giới và là thường còn"... (nt)... "Hành là thế giới và là thường còn"... (nt)... "Thức là thế giới và là thường còn"... (nt)... là kiến. Do kiến ấy, "giới hạn ấy được chấp nhận" là hữu biên kiến. Kiến không phải là nền tảng, nền tảng không phải là kiến; kiến là điều khác, nền tảng là điều khác; [cả hai] kiến và nền tảng là "hữu biên kiến về 'Thế giới là thường còn'" thứ năm. Hữu biên kiến là tà kiến,... (nt)...; những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến. Do hữu biên kiến: "Thế giới là thường còn", có sự cố chấp với năm biểu hiện này.

Do hữu biên kiến: "Thế giới là không thường còn", có sự cố chấp với năm biểu hiện gì? Sự cố chấp và bám víu rằng: "Sắc là thế giới và là không thường còn" là kiến. Do kiến ấy, "giới hạn ấy được chấp nhận" là hữu biên kiến. … (nt)... là "hữu biên kiến về 'Thế giới là không thường còn'" thứ nhất. Hữu biên kiến là tà kiến, tà kiến là sự hư hỏng về kiến. … (nt)...; những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến.

Sự cố chấp và bám víu rằng: "Thọ là thế giới và là không thường còn"... (nt)... "Tưởng là thế giới và là không thường còn"... "Hành là thế giới và là không thường còn"... "Thức là thế giới và là không thường còn"... là kiến. Do kiến ấy, "giới hạn ấy được chấp nhận" là hữu biên kiến. Hữu biên kiến là tà

[97] Theo *Chú giải*, "*tattha lokoti attā*" (*PsA*. II. 452): Ở đây, thế giới có nghĩa là tự ngã.

kiến,... (nt)...; những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến. Do hữu biên kiến: "Thế giới là không thường còn", có sự cố chấp với năm biểu hiện này.

Do hữu biên kiến: "Thế giới là có giới hạn", có sự cố chấp với năm biểu hiện gì? Ở đây, có người quan niệm bầu trời là hạn hẹp và có màu xanh. Vị ấy khởi ý như vầy: "Thế giới này là có giới hạn, được bao quanh" là có suy tưởng về giới hạn. Sự cố chấp và bám víu rằng: "Quan niệm về vật gì, vật ấy vừa là nền tảng vừa là thế giới. Quan niệm nhờ vào vật gì, vật ấy vừa là tự ngã vừa là thế giới" là kiến. Do kiến ấy, "giới hạn ấy được chấp nhận" là hữu biên kiến. Kiến không phải là nền tảng, nền tảng không phải là kiến; kiến là điều khác, nền tảng là điều khác; [cả hai] kiến và nền tảng là "hữu biên kiến về 'Thế giới là có giới hạn'" thứ nhất. Hữu biên kiến là tà kiến,... (nt)...; những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến.

Ở đây, có người quan niệm bầu trời là hạn hẹp và có màu vàng. ... có màu đỏ... có màu trắng... có màu ánh sáng. Vị ấy khởi ý như vầy: "Thế giới này là có giới hạn, được bao quanh" là có suy tưởng về giới hạn. Sự cố chấp và bám víu rằng: "Quan niệm về vật gì, vật ấy vừa là nền tảng vừa là thế giới. Quan niệm nhờ vào vật gì, vật ấy vừa là tự ngã vừa là thế giới" là kiến. Do kiến ấy, "giới hạn ấy được chấp nhận" là hữu biên kiến. … (nt)... Do hữu biên kiến: "Thế giới là có giới hạn", có sự cố chấp với năm biểu hiện này.

Do hữu biên kiến: "Thế giới là không có giới hạn", có sự cố chấp với năm biểu hiện gì? Ở đây, có người quan niệm bầu trời là bao la và có màu xanh. Vị ấy khởi ý như vầy: "Thế giới này là không có giới hạn, không được bao quanh" là có suy tưởng về không có giới hạn. Sự cố chấp và bám víu rằng: "Quan niệm về vật gì, vật ấy vừa là nền tảng vừa là thế giới. Quan niệm nhờ vào vật gì, vật ấy vừa là tự ngã vừa là thế giới" là kiến. Do kiến ấy, "giới hạn ấy được chấp nhận" là hữu biên kiến. … (nt)... là "hữu biên kiến về 'Thế giới là không có giới hạn'" thứ nhất. Hữu biên kiến là tà kiến,... (nt)...; những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến.

Ở đây, có người quan niệm bầu trời là bao la và có màu vàng... có màu đỏ... có màu trắng... có màu ánh sáng. Vị ấy khởi ý như vầy: "Thế giới này là không có giới hạn, không được bao quanh" là có suy tưởng về không có giới hạn. Sự cố chấp và bám víu rằng: "Quan niệm về vật gì, vật ấy vừa là nền tảng vừa là thế giới. Quan niệm nhờ vào vật gì, vật ấy vừa là tự ngã vừa là thế giới" là kiến. Do kiến ấy, "giới hạn ấy được chấp nhận" là hữu biên kiến. ... (nt)... Do hữu biên kiến: "Thế giới là không có giới hạn", có sự cố chấp với năm biểu hiện này.

Do hữu biên kiến: "Mạng sống ấy, thân thể ấy", có sự cố chấp với năm biểu hiện gì? Sự cố chấp và bám víu rằng: "Sắc vừa là mạng sống vừa là thân thể, cái gì là mạng sống, cái ấy là thân thể; cái gì là thân thể, cái ấy là mạng sống" là kiến. Do kiến ấy, "giới hạn ấy được chấp nhận" là hữu biên kiến. … (nt)... là "hữu biên kiến về 'Mạng sống ấy, thân thể ấy'" thứ nhất. Hữu biên kiến là tà kiến,... (nt)...; những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến.

Sự cố chấp và bám víu rằng: "Sắc vừa là mạng sống vừa là thân thể... "Thọ vừa là mạng sống vừa là thân thể... "Tưởng vừa là mạng sống vừa là thân thể... "Các hành vừa là mạng sống vừa là thân thể... "Thức vừa là mạng sống vừa là thân thể, cái gì là mạng sống cái ấy là thân thể; cái gì là thân thể, cái ấy là mạng sống" là kiến. Do kiến ấy, "giới hạn ấy được chấp nhận" là hữu biên kiến. … (nt)... Do hữu biên kiến: "Mạng sống ấy, thân thể ấy", có sự cố chấp với năm biểu hiện này.

Do hữu biên kiến: "Mạng sống khác, thân thể khác", có sự cố chấp với năm biểu hiện gì? Sự cố chấp và bám víu rằng: "Sắc là thân thể, không phải là mạng sống, mạng sống không phải là thân thể, mạng sống khác, thân thể khác" là kiến. Do kiến ấy, "giới hạn ấy được chấp nhận" là hữu biên kiến. … (nt)... là "hữu biên kiến về: 'Mạng sống khác, thân thể khác'" thứ nhất. Hữu biên kiến là tà kiến,... (nt)...; những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến.

Sự cố chấp và bám víu rằng: "Thọ là thân thể không là mạng sống... "Tưởng là thân thể không là mạng sống. ... "Các hành là thân thể không là mạng sống. ... "Thức là thân thể không là mạng sống, mạng sống không phải là thân thể, mạng sống khác, thân thể khác" là kiến. Do kiến ấy, "giới hạn ấy được chấp nhận" là hữu biên kiến. … (nt)... Do hữu biên kiến: "Mạng sống khác, thân thể khác", có sự cố chấp với năm biểu hiện này.

Do hữu biên kiến: "Có phải đức Như Lai hiện hữu ở nơi khác sau khi chết?", có sự cố chấp với năm biểu hiện gì? Sự cố chấp và bám víu rằng: "Chính ở đây, sắc là pháp tử. Từ sự tan rã của thân, đức Như Lai cũng còn hiện hữu, cũng còn tồn tại, cũng còn sanh lên và cũng còn tái tạo" là kiến. Do kiến ấy, "giới hạn ấy được chấp nhận" là hữu biên kiến. … (nt)... là "hữu biên kiến về: 'Có phải đức Như Lai hiện hữu ở nơi khác sau khi chết?'" thứ nhất. Hữu biên kiến là tà kiến,... (nt)...; những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến.

Sự cố chấp và bám víu rằng: "Chính ở đây, thọ là pháp tử. ... "Chính ở đây, tưởng là pháp tử. ... "Chính ở đây, các hành là pháp tử. ... "Chính ở đây, thức là pháp tử. Từ sự tan rã của thân, đức Như Lai cũng còn hiện hữu, cũng còn tồn tại, cũng còn sanh lên, và cũng còn tái tạo" là kiến. Do kiến ấy, "giới hạn ấy được chấp nhận" là hữu biên kiến. … (nt)... Do hữu biên kiến: "Có phải đức Như Lai hiện hữu ở nơi khác sau khi chết?" có sự cố chấp với năm biểu hiện này.

Do hữu biên kiến: "Có phải đức Như Lai không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết?" có sự cố chấp với năm biểu hiện gì? Sự cố chấp và bám víu rằng: "Chính ở đây, sắc là pháp tử. Từ sự tan rã của thân, đức Như Lai bị phân hoại, bị diệt vong" là kiến. Do kiến ấy, "giới hạn ấy được chấp nhận" là hữu biên kiến. Kiến không phải là nền tảng, nền tảng không phải là kiến; kiến là điều khác, nền tảng là điều khác; [cả hai] kiến và nền tảng là "hữu biên kiến về: 'Có phải đức Như Lai không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết?'" thứ nhất. Hữu biên kiến là tà kiến,... (nt)...; những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến.

Sự cố chấp và bám víu rằng: "Chính ở đây, thọ là pháp tử. ... "Chính ở đây, tưởng là pháp tử. ... "Chính ở đây, các hành là pháp tử. ... "Chính ở đây, thức là pháp tử. Từ sự tan rã của thân, đức Như Lai bị phân hoại, bị diệt vong" là kiến. Do kiến ấy, "giới hạn ấy được chấp nhận" là hữu biên kiến. … (nt)... Do hữu biên kiến: "Có phải đức Như Lai không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết?" có sự cố chấp với năm biểu hiện này.

Do hữu biên kiến: "Có phải đức Như Lai hiện hữu và không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết?" có sự cố chấp với năm biểu hiện gì? Sự cố chấp và bám víu rằng: "Chính ở đây, sắc là pháp tử. Từ sự tan rã của thân, đức Như Lai hiện hữu và không hiện hữu" là kiến. Do kiến ấy, "giới hạn ấy được chấp nhận" là hữu biên kiến. Kiến không phải là nền tảng, nền tảng không phải là kiến; kiến là điều khác, nền tảng là điều khác; [cả hai] kiến và nền tảng là "hữu biên kiến về: 'Có phải đức Như Lai hiện hữu và không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết?'" thứ nhất. Hữu biên kiến là tà kiến,... (nt)...; những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến.

Sự cố chấp và bám víu rằng: "Chính ở đây, thọ là pháp tử. ... "Chính ở đây, tưởng là pháp tử. ... "Chính ở đây, các hành là pháp tử. ... "Chính ở đây, thức là pháp tử. Từ sự tan rã của thân, đức Như Lai hiện hữu và không hiện hữu" là kiến. Do kiến ấy, "giới hạn ấy được chấp nhận" là hữu biên kiến. … (nt)... Do hữu biên kiến: "Có phải đức Như Lai hiện hữu và không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết?" có sự cố chấp với năm biểu hiện này.

Do hữu biên kiến: "Có phải đức Như Lai không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết?" có sự cố chấp với năm biểu hiện gì? Sự cố chấp và bám víu rằng: "Chính ở đây, sắc là pháp tử. Từ sự tan rã của thân, đức Như Lai không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết" là kiến. Do kiến ấy, "giới hạn ấy được chấp nhận" là hữu biên kiến. Kiến không phải là nền tảng, nền tảng không phải là kiến; kiến là điều khác, nền tảng là điều khác; [cả hai] kiến và nền tảng là "hữu biên kiến về: 'Có phải đức Như Lai không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết?'" thứ nhất. Hữu biên kiến là tà kiến,... (nt)...; những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến.

Sự cố chấp và bám víu rằng: "Chính ở đây, thọ là pháp tử. ... "Chính ở đây, tưởng là pháp tử. ... "Chính ở đây, các hành là pháp tử. ... "Chính ở đây, thức là pháp tử. Từ sự tan rã của thân, đức Như Lai không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết" là kiến. Do kiến ấy, "giới hạn ấy được chấp nhận" là hữu biên kiến. Kiến không phải là nền tảng, nền tảng không phải là kiến; kiến là điều khác, nền tảng là điều khác; [cả hai] kiến và nền tảng là "hữu biên kiến về: 'Có phải đức Như Lai không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết?'" thứ nhất. Hữu biên kiến là tà kiến,... (nt)...; những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến. Do hữu biên kiến:

"Có phải đức Như Lai không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết?" có sự cố chấp với năm biểu hiện này.

Do hữu biên kiến, có sự cố chấp với năm mươi biểu hiện này.

8. QUÁ KHỨ HỮU BIÊN KIẾN (*Pubbantānudiṭṭhi*)

Do quá khứ hữu biên kiến, có sự cố chấp với mười tám biểu hiện gì?

Có bốn luận thuyết về thường còn, bốn liên quan đến thường còn là phiến diện, bốn liên quan đến có giới hạn và không có giới hạn, bốn liên quan đến trườn uốn như lươn, hai liên quan đến ngẫu nhiên sanh lên.

Do quá khứ hữu biên kiến, có sự cố chấp với mười tám biểu hiện này.

9. VỊ LAI HỮU BIÊN KIẾN (*Aparantānudiṭṭhi*)

Do vị lai hữu biên kiến, có sự cố chấp với bốn mươi bốn biểu hiện gì?

Có mười sáu luận thuyết về tưởng, tám luận thuyết về phi tưởng, tám luận thuyết về phi tưởng phi phi tưởng, bảy luận thuyết về đoạn tận, năm luận thuyết về hiện tại Niết-bàn.

Do vị lai hữu biên kiến, có sự cố chấp với bốn mươi bốn biểu hiện này.

10. KIẾN CÓ SỰ RÀNG BUỘC (*Saññojanikādiṭṭhi*)

Do kiến có sự ràng buộc, có sự cố chấp với mười tám biểu hiện gì?

Loại kiến nào là kiến [tạo nên] thiên lệch, kiến [tạo nên] nắm giữ,... (nt)..., kiến [tạo nên] cố chấp, kiến [tạo nên] bám víu.

Do kiến có sự ràng buộc, có sự cố chấp với mười tám biểu hiện này.

11. KIẾN CÓ SỰ TỰ HÀO VÀ GẮN BÓ VỀ "TÔI" (*Ahantimānavinibandhādiṭṭhi*)

Do kiến có sự tự hào và gắn bó về "tôi", có sự cố chấp với mười tám biểu hiện gì?

Sự cố chấp và bám víu rằng: "Mắt là tôi" là kiến có sự tự hào và gắn bó về "tôi." Kiến không phải là nền tảng, nền tảng không phải là kiến; kiến là điều khác, nền tảng là điều khác; [cả hai] kiến và nền tảng là "kiến có sự tự hào và gắn bó về 'tôi'" thứ nhất. Kiến có sự tự hào và gắn bó là tà kiến... (nt)...; những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến.

Sự cố chấp và bám víu rằng: "Tai là tôi." ... (nt)... "Mũi là tôi." ... (nt)... "Lưỡi là tôi." ... (nt)... "Thân là tôi." ... (nt)... "Ý là tôi." ... (nt)... "Các sắc là tôi." ... (nt)... "Các pháp là tôi." ... (nt)... "Nhãn thức là tôi." ... (nt)... "Ý thức là tôi" là kiến có sự tự hào và gắn bó về "tôi." Kiến không phải là nền tảng, nền tảng không phải là kiến; kiến là điều khác, nền tảng là điều khác; [cả hai] kiến và nền tảng là "kiến có sự tự hào và gắn bó về 'tôi'" thứ mười tám. Kiến có tự

hào và gắn bó là tà kiến... (nt)...; những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến.

Do kiến có sự tự hào và gắn bó về "tôi", có sự cố chấp với mười tám biểu hiện này.

12. KIẾN CÓ SỰ TỰ HÀO VÀ GẮN BÓ VỀ "CỦA TÔI" (*Mamantimānavinibandhādiṭṭhi*)

Do kiến có sự tự hào và gắn bó về "của tôi", có sự cố chấp với mười tám biểu hiện gì?

Sự cố chấp và bám víu rằng: "Mắt là của tôi" là kiến có sự tự hào và gắn bó về "của tôi." Kiến không phải là nền tảng, nền tảng không phải là kiến; kiến là điều khác, nền tảng là điều khác; [cả hai] kiến và nền tảng là "kiến có sự tự hào và gắn bó về 'của tôi'" thứ nhất. Kiến có sự tự hào và gắn bó là tà kiến... (nt)...; những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến.

Sự cố chấp và bám víu rằng: "Tai là của tôi." ... (nt)... "Mũi là của tôi." ... (nt)... "Lưỡi là của tôi." ... (nt)... "Thân là của tôi." ... (nt)... "Ý là của tôi." ... (nt)... "Các sắc là của tôi." ... (nt)... "Các pháp là của tôi." ... (nt)... "Nhãn thức là của tôi." ... (nt)... "Ý thức là của tôi" là kiến có sự tự hào và gắn bó về "của tôi." Kiến không phải là nền tảng, nền tảng không phải là kiến; kiến là điều khác, nền tảng là điều khác; [cả hai] kiến và nền tảng là "kiến có sự tự hào và gắn bó về 'của tôi'" thứ mười tám. Kiến có sự tự hào và gắn bó là tà kiến... (nt)...; những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến.

Do kiến có sự tự hào và gắn bó về "của tôi", có sự cố chấp với mười tám biểu hiện này.

13. KIẾN CÓ LIÊN HỆ ĐẾN LUẬN THUYẾT VỀ TỰ NGÃ (*Attavādapaṭisaṃyuttādiṭṭhi*)

Do kiến có liên hệ đến luận thuyết về tự ngã, có sự cố chấp với hai mươi biểu hiện gì?

Ở đây, kẻ phàm phu không lắng nghe, không có sự nhận thức của các bậc Thánh, không rành rẽ Thánh pháp, không được huấn luyện về Thánh pháp, không có sự nhận thức của các bậc chân nhân, không rành rẽ pháp chân nhân, không được huấn luyện về pháp chân nhân nhận thấy sắc là tự ngã, hoặc tự ngã có sắc, hoặc sắc ở trong tự ngã, hoặc tự ngã ở trong sắc; nhận thấy thọ... (nt)... tưởng... (nt)... các hành... (nt)... thức là tự ngã, hoặc tự ngã có thức, hoặc thức ở trong tự ngã, hoặc tự ngã ở trong thức. … (nt)...

Nhận thấy sắc là tự ngã là [có ý nghĩa] thế nào? Ở đây, có người nhận thấy đề mục đất... (nt)... đề mục trắng là tự ngã rằng: "Cái gì là đề mục trắng, cái ấy là tôi; cái gì là tôi, cái ấy là đề mục trắng", [vị ấy] nhận thấy đề mục trắng và tự ngã chỉ là một. Cũng giống như đối với ngọn đèn dầu đang cháy sáng [nghĩ

rằng]: "Cái gì là ngọn lửa, cái ấy là ánh sáng; cái gì là ánh sáng, cái ấy là ngọn lửa", [vị ấy] nhận thấy ngọn lửa và ánh sáng chỉ là một. Tương tợ như thế, có người nhận thấy đề mục trắng là tự ngã... (nt)... là "kiến có liên hệ đến luận thuyết về tự ngã có sắc là nền tảng" thứ nhất. Kiến có liên hệ đến luận thuyết về tự ngã là tà kiến,... (nt)...; những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến.

Do kiến có liên hệ đến luận thuyết về tự ngã, có sự cố chấp với hai mươi biểu hiện này.

14. KIẾN CÓ LIÊN HỆ ĐẾN LUẬN THUYẾT VỀ THẾ GIỚI (*Lokavādapaṭisaṃyuttādiṭṭhi*)

Do kiến có liên hệ đến luận thuyết về thế giới, có sự cố chấp với tám biểu hiện gì?

Sự cố chấp và bám víu rằng: "Tự ngã và thế giới là thường còn" là kiến. Kiến không phải là nền tảng, nền tảng không phải là kiến;... (nt)...; [cả hai] kiến và nền tảng là "kiến có liên hệ đến luận thuyết về thế giới" thứ nhất. Kiến có liên hệ đến luận thuyết về thế giới là tà kiến,... (nt)...; những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến.

Sự cố chấp và bám víu rằng: "Tự ngã và thế giới là không thường còn"... "Tự ngã và thế giới là thường còn và không thường còn"... "Tự ngã và thế giới không phải là thường còn và không phải là không thường còn"... "Tự ngã và thế giới là có giới hạn"... "Tự ngã và thế giới là không có giới hạn"... "Tự ngã và thế giới là có giới hạn và không có giới hạn"... "Tự ngã và thế giới không phải là có giới hạn và không phải là không có giới hạn" là kiến có liên hệ đến luận thuyết về thế giới. (nt)... là "kiến có liên hệ đến luận thuyết về thế giới" thứ tám. Kiến có liên hệ đến luận thuyết về thế giới là tà kiến,... (nt)...; những điều này là sự ràng buộc, không phải là kiến.

Do kiến có liên hệ đến luận thuyết về thế giới, có sự cố chấp với tám biểu hiện này.

15-16. GIẢI VỀ HỮU KIẾN VÀ PHI HỮU KIẾN (*Bhavadiṭṭhi - Vibhavadiṭṭhiyo*)

Cố chấp vào sự nắm giữ lại là hữu kiến, cố chấp vào sự vượt quá là phi hữu kiến. Sự cố chấp với ba mươi lăm biểu hiện do khoái lạc kiến có bao nhiêu là hữu kiến, có bao nhiêu là phi hữu kiến? Sự cố chấp với hai mươi biểu hiện do tùy ngã kiến có bao nhiêu là hữu kiến, có bao nhiêu là phi hữu kiến? ... (nt)... Sự cố chấp với tám biểu hiện do kiến có liên hệ đến luận thuyết về thế giới có bao nhiêu là hữu kiến, có bao nhiêu là phi hữu kiến?

Sự cố chấp với ba mươi lăm biểu hiện do khoái lạc kiến có thể là hữu kiến, có thể là phi hữu kiến. Sự cố chấp với hai mươi biểu hiện do tùy ngã kiến có mười lăm là hữu kiến, có năm là phi hữu kiến. Sự cố chấp với mười biểu hiện

do tà kiến có tất cả đều là phi hữu kiến. Sự cố chấp với hai mươi biểu hiện do thân kiến có mười lăm là hữu kiến, có năm là phi hữu kiến. Sự cố chấp với mười lăm biểu hiện do thường kiến lấy thân làm nền tảng có tất cả đều là hữu kiến. Sự cố chấp với năm biểu hiện do đoạn kiến lấy thân làm nền tảng có tất cả đều là phi hữu kiến.

Sự cố chấp với năm biểu hiện do hữu biên kiến: "Thế giới là thường còn" có tất cả đều là hữu kiến. Sự cố chấp với năm biểu hiện do hữu biên kiến: "Thế giới là không thường còn" có tất cả đều là phi hữu kiến. Sự cố chấp với năm biểu hiện do hữu biên kiến: "Thế giới là có giới hạn" có thể là hữu kiến, có thể là phi hữu kiến. Sự cố chấp với năm biểu hiện do: "Thế giới là không có giới hạn" có thể là hữu kiến, có thể là phi hữu kiến. Sự cố chấp với năm biểu hiện do hữu biên kiến: "Mạng sống ấy, thân thể ấy" có tất cả đều là phi hữu kiến. Sự cố chấp với năm biểu hiện do hữu biên kiến: "Mạng sống khác, thân thể khác" có tất cả đều là hữu kiến. Sự cố chấp với năm biểu hiện do hữu biên kiến: "Có phải đức Như Lai hiện hữu ở nơi khác sau khi chết?" có tất cả đều là hữu kiến. Sự cố chấp với năm biểu hiện do hữu biên kiến: "Có phải đức Như Lai không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết?" có tất cả đều là phi hữu kiến. Sự cố chấp với năm biểu hiện do hữu biên kiến: "Có phải đức Như Lai hiện hữu và không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết?" có thể là hữu kiến, có thể là phi hữu kiến. Sự cố chấp với năm biểu hiện do hữu biên kiến: "Có phải đức Như Lai không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết?" có thể là hữu kiến, có thể là phi hữu kiến.

Sự cố chấp với mười tám biểu hiện do quá khứ hữu biên kiến có thể là hữu kiến, có thể là phi hữu kiến. Sự cố chấp với bốn mươi bốn biểu hiện do vị lai hữu biên kiến có thể là hữu kiến, có thể là phi hữu kiến. Sự cố chấp với mười tám biểu hiện do kiến có sự ràng buộc có thể là hữu kiến, có thể là phi hữu kiến. Sự cố chấp với mười tám biểu hiện do kiến có sự tự hào và gắn bó về "tôi" có tất cả đều là phi hữu kiến. Sự cố chấp với mười tám biểu hiện do kiến có sự tự hào và gắn bó về "của tôi" có tất cả đều là hữu kiến.

Sự cố chấp với hai mươi biểu hiện do kiến có liên hệ đến luận thuyết về tự ngã có mười lăm là hữu kiến, có năm là phi hữu kiến. Sự cố chấp với tám biểu hiện do kiến có liên hệ đến luận thuyết về thế giới có thể là hữu kiến, có thể là phi hữu kiến.

Tất cả các kiến ấy là khoái lạc kiến. Tất cả các kiến ấy là tùy ngã kiến. Tất cả các kiến ấy là tà kiến. Tất cả các kiến ấy là thân kiến. Tất cả các kiến ấy là hữu biên kiến. Tất cả các kiến ấy là kiến có sự ràng buộc. Tất cả các kiến ấy là kiến có liên quan đến luận thuyết về tự ngã.

Kiến về sự hiện hữu — Và kiến về phi hữu,
Luận lý đều nương tựa — Ở cả hai điều này,
Ở tại thế giới này — Có tưởng bị sai lệch
Không có trí biết được — Sự diệt tận của chúng.

Này các Tỳ-khưu, chư thiên và nhân loại bị xâm nhập bởi hai loại thiên kiến [hữu và phi hữu], một số nắm giữ lại, một số vượt quá và những người có mắt nhìn thấy.

Và này các Tỳ-khưu, một số nắm giữ lại là [có ý nghĩa] thế nào? Này các Tỳ-khưu, có chư thiên và nhân loại ưa thích hữu, khoái lạc trong hữu, hoan hỷ trong hữu. Khi giáo pháp về sự diệt tận của hữu đang được thuyết giảng đến họ, tâm của họ không tiếp thu, không đặt niềm tin, không an trú, không xác quyết. Này các Tỳ-khưu, một số nắm giữ lại là [có ý nghĩa] như vậy.

Và này các Tỳ-khưu, một số vượt quá là [có ý nghĩa] thế nào? Này các Tỳ-khưu, tuy nhiên có một số [chư thiên và nhân loại] trong khi chịu khổ sở, trong khi bị hổ thẹn, trong khi ghê tởm đối với hữu, họ thích thú phi hữu: "Này quý vị, nghe rằng tự ngã này, do sự tan rã của thân, bị phân hoại, bị diệt vong, không có đời sống khác sau khi chết; điều này là tịch tịnh, điều này là tuyệt vời, điều này là hiển nhiên." Này các Tỳ-khưu, một số vượt quá là [có ý nghĩa] như thế.

Và này các Tỳ-khưu, những người có mắt nhìn thấy là [có ý nghĩa] thế nào? Này các Tỳ-khưu, ở đây vị Tỳ-khưu nhìn thấy hiện hữu là hiện hữu. Sau khi nhìn thấy hiện hữu là hiện hữu, vị ấy đạt đến sự nhàm chán, sự ly tham ái, sự tịch diệt đối với hữu. Này các Tỳ-khưu, những người có mắt nhìn thấy là [có ý nghĩa] như thế.

Sau khi nhìn thấy được — Hiện hữu là hiện hữu
Cùng với sự vượt qua — Đối với điều hiện hữu,
Người nào xác quyết được — Đúng theo bản thể thật
[Người ấy] thời đoạn tận — Tham ái đối với hữu.
Vị ấy biết toàn diện — Đối với điều hiện hữu
Có ái được xa lìa — Khỏi hữu và phi hữu,
Do phi hữu của hữu — Vị Tỳ-khưu [như thế]
Thời không còn đi đến — Sự tái sanh lần nữa.

Có ba hạng người có kiến bị hư hỏng, có ba hạng người có kiến được thành tựu.

Ba hạng người nào có kiến bị hư hỏng? Ngoại đạo, đệ tử của ngoại đạo và người có tà kiến; ba hạng người này có kiến bị hư hỏng.

Ba hạng người nào có kiến được thành tựu? Đức Như Lai, đệ tử của đức Như Lai, và người có chánh kiến.

Người giận dữ, oán hận, — Xấu xa và quỷ quyệt,
Kiến hư hỏng, ngu muội, — Biết là kẻ hạ tiện.
Không giận dữ, không oán, — Thanh tịnh, hành đạo, quả,
Kiến thành tựu, sáng suốt, — Biết được là bậc Thánh.

Có ba kiến bị hư hỏng, có ba kiến được thành tựu.

Ba kiến nào bị hư hỏng? "Cái này là của tôi" là kiến bị hư hỏng, "Cái này

là tôi" là kiến bị hư hỏng, "Cái này là tự ngã của tôi" là kiến bị hư hỏng. Đây là ba kiến bị hư hỏng.

Ba kiến nào được thành tựu? "Cái này không phải là của tôi" là kiến được thành tựu, "Cái này không phải là tôi" là kiến được thành tựu, "Cái này không phải là tự ngã của tôi" là kiến được thành tựu. Đây là ba kiến được thành tựu.

"Cái này là của tôi" là kiến gì? Có bao nhiêu kiến? Các kiến ấy liên đới với giới hạn [thời gian] nào? "Cái này là tôi" là kiến gì? Có bao nhiêu kiến? Các kiến ấy liên đới với giới hạn [thời gian] nào? "Cái này là tự ngã của tôi" là kiến gì? Có bao nhiêu kiến? Các kiến ấy liên đới với giới hạn [thời gian] nào?

"Cái này là của tôi" là quá khứ hữu biên kiến. Có mười tám kiến. Các kiến ấy liên đới với giới hạn [thời gian] quá khứ. "Cái này là tôi" là vị lai hữu biên kiến. Có bốn mươi bốn kiến. Các kiến ấy liên đới với giới hạn [thời gian] vị lai. "Cái này là tự ngã của tôi" là tùy ngã kiến với hai mươi nền tảng, là thân kiến với hai mươi nền tảng, là sáu mươi hai thiên kiến có thân kiến đứng đầu, các kiến ấy liên đới với giới hạn [thời gian] quá khứ và vị lai.

Này các Tỳ-khưu, những người nào hướng đến sự thành toàn ở Ta những người ấy được thành tựu về kiến. Đối với những người được thành tựu về kiến ấy, có sự thành toàn[98] ở nơi đây[99] đối với năm hạng, có sự thành toàn sau khi rời bỏ nơi đây đối với năm hạng.

Có sự thành toàn ở nơi đây đối với năm hạng nào? Đối với [vị tái sanh] tối đa bảy lần, đối với [vị tái sanh] trong các gia tộc danh giá, đối với vị có một chủng tử [chỉ còn một lần tái sanh],[100] đối với vị Nhất Lai, và vị nào là A-la-hán ngay trong kiếp hiện tại này, có sự thành toàn ở nơi đây đối với năm hạng này.

Có sự thành toàn sau khi rời bỏ nơi đây đối với năm hạng nào? Đối với vị viên tịch Niết-bàn vào giai đoạn đầu của đời kế tiếp, đối với vị viên tịch Niết-bàn vào giai đoạn cuối của đời kế tiếp, đối với vị Vô hành viên tịch Niết-bàn, đối với vị Hữu hành viên tịch Niết-bàn, đối với vị ngược dòng đi đến cõi Sắc Cứu Cánh, có sự thành toàn sau khi rời bỏ nơi đây đối với năm hạng này.

Này các Tỳ-khưu, những người nào hướng đến sự thành toàn ở Ta những người ấy được thành tựu về kiến. Đối với những người được thành tựu về kiến ấy, có sự thành toàn ở nơi đây đối với năm hạng này, có sự thành toàn sau khi rời bỏ nơi đây đối với năm hạng này.

Này các Tỳ-khưu, những người nào đặt niềm tin hoàn toàn ở nơi Ta, những người ấy là các vị Nhập lưu. Đối với các vị Nhập lưu ấy, có sự thành toàn ở nơi đây đối với năm hạng, có sự thành toàn sau khi rời bỏ nơi đây đối với năm hạng.

98 "Có sự thành toàn" nghĩa là sự tịch diệt Niết-bàn (*PsA*. II. 465).

99 "Ở nơi đây" nghĩa là ở dục giới này (*Sdd*. 465).

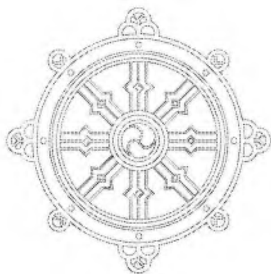
100 Cả ba trường hợp: Vị tái sanh tối đa bảy lần (*sattakkhattuparama*), vị tái sanh trong các gia tộc danh giá (*kolaṃkola*), vị có một chủng tử chỉ còn một lần tái sanh (*ekabījī*) đều đề cập đến vị Nhập lưu (*Sotāpatti*) tùy theo khả năng trí tuệ của vị ấy là chậm, trung bình, hoặc nhạy bén. (ND)

Có sự thành toàn ở nơi đây đối với năm hạng nào? Đối với [vị tái sanh] tối đa bảy lần, đối với [vị tái sanh] trong các gia tộc danh giá, đối với vị có một chủng tử [chỉ còn một lần tái sanh], đối với vị Nhất lai, và vị nào là A-la-hán ngay trong kiếp hiện tại này, có sự thành toàn ở nơi đây đối với năm hạng này.

Có sự thành toàn sau khi rời bỏ nơi đây đối với năm hạng nào? Đối với vị viên tịch Niết-bàn vào giai đoạn đầu của đời kế tiếp, đối với vị viên tịch Niết-bàn vào giai đoạn cuối của đời kế tiếp, đối với vị Vô hành viên tịch Niết-bàn, đối với vị Hữu hành viên tịch Niết-bàn, đối với vị ngược dòng đi đến cõi Sắc Cứu Cánh, có sự thành toàn sau khi rời nơi đây đối với năm hạng này.

Này các Tỳ-khưu, những người nào đặt niềm tin hoàn toàn ở nơi Ta, những người ấy là các vị Nhập lưu. Đối với các vị Nhập lưu ấy, có sự thành toàn ở nơi đây đối với năm hạng này, có sự thành toàn sau khi rời bỏ nơi đây đối với năm hạng này.

Phần giảng về "Kiến" được đầy đủ.



III. GIẢNG VỀ NIỆM HƠI THỞ VÀO HƠI THỞ RA (*ĀNĀPĀNASATIKATHĀ*)

1. LIỆT KÊ SỐ LƯỢNG (*Gaṇanuddeso*)

Đối với vị đang tu tập định của niệm hơi thở vào hơi thở ra theo mười sáu nền tảng, có hơn hai trăm pháp sanh lên [ở vị ấy]: Tám trí về ngăn trở và tám trí về hỗ trợ, mười tám trí về tùy phiền não, mười ba trí trong việc thanh lọc, ba mươi hai trí về việc thực hành niệm, hai mươi bốn trí do năng lực của định, bảy mươi hai trí do năng lực của minh sát, tám trí về nhàm chán, tám trí thuận theo nhàm chán, tám trí về sự tịnh lặng của nhàm chán, hai mươi mốt trí về sự an lạc của giải thoát.

Phần liệt kê số lượng được đầy đủ.

2. MƯỜI SÁU TRÍ NGĂN TRỞ VÀ TRÍ HỖ TRỢ (*Paripantha - Upakārasoḷasa ñāṇāni*)

Tám trí về ngăn trở và tám trí về hỗ trợ là gì?

Ước muốn trong các dục là sự ngăn trở của định, sự thoát ly là sự hỗ trợ của định. Sân độc là sự ngăn trở của định, không sân độc là sự hỗ trợ của định. Lờ đờ buồn ngủ là sự ngăn trở của định, sự nghĩ tưởng đến ánh sáng là sự hỗ trợ của định. Phóng dật là sự ngăn trở của định, không tản mạn là sự hỗ trợ của định. Hoài nghi là sự ngăn trở của định, sự xác định pháp là sự hỗ trợ của định. Vô minh là sự ngăn trở của định, trí là sự hỗ trợ của định. Sự không hứng thú là sự ngăn trở của định, sự hân hoan là sự hỗ trợ của định. Tất cả các pháp bất thiện cũng là các sự ngăn trở của định, tất cả các pháp thiện cũng là các sự hỗ trợ của định. Đây là tám trí về ngăn trở và tám trí về hỗ trợ.

Được tiếp cận, được quen thuộc với mười sáu biểu hiện này, tâm an trụ ở nhất thể và được thanh tịnh đối với các pháp ngăn che.

Các nhất thể ấy là gì? Sự thoát ly là nhất thể, sự không sân độc là nhất thể, sự nghĩ tưởng đến ánh sáng là nhất thể, sự không tản mạn là nhất thể, sự xác định pháp là nhất thể, trí là nhất thể, sự hân hoan là nhất thể, tất cả các thiện pháp cũng là các nhất thể.

Các pháp ngăn che ấy là gì? Ước muốn trong các dục là pháp ngăn che, sân độc là pháp ngăn che, lờ đờ buồn ngủ là pháp ngăn che, phóng dật là pháp ngăn che, hoài nghi là pháp ngăn che, vô minh là pháp ngăn che, sự không hứng thú là pháp ngăn che, tất cả các bất thiện pháp cũng là các pháp ngăn che.

Pháp ngăn che: Các pháp ngăn che theo ý nghĩa gì? Các pháp ngăn che với ý nghĩa che lấp lối ra.

Các lối ra ấy là gì? Sự thoát ly là lối ra của các bậc Thánh, và do sự thoát ly ấy các bậc Thánh thoát ra; ước muốn trong các dục là sự che lấp lối ra, và do trạng thái bị bao trùm bởi ước muốn trong các dục ấy [hành giả] không nhận biết sự thoát ly là lối ra của các bậc Thánh; ước muốn trong các dục là sự che lấp lối ra. Sự không sân độc là lối ra của các bậc Thánh, và do sự không sân độc ấy các bậc Thánh thoát ra; sân độc là sự che lấp lối ra, và do trạng thái bị bao trùm bởi sân độc ấy [hành giả] không nhận biết sự không sân độc là lối ra của các bậc Thánh; sân độc là sự che lấp lối ra. Sự nghĩ tưởng đến ánh sáng là lối ra của các bậc Thánh, và do sự nghĩ tưởng đến ánh sáng ấy các bậc Thánh thoát ra; lờ đờ buồn ngủ là sự che lấp lối ra, và do trạng thái bị bao trùm bởi sự lờ đờ buồn ngủ ấy [hành giả] không nhận biết sự nghĩ tưởng đến ánh sáng là lối ra của các bậc Thánh; lờ đờ buồn ngủ là sự che lấp lối ra. Sự không tản mạn là lối ra của các bậc Thánh, và do sự không tản mạn ấy các bậc Thánh thoát ra; phóng dật là sự che lấp lối ra, và do trạng thái bị bao trùm bởi phóng dật ấy [hành giả] không nhận biết sự không tản mạn là lối ra của các bậc Thánh; phóng dật là sự che lấp lối ra. Sự xác định pháp là lối ra của các bậc Thánh, và do sự xác định pháp ấy các bậc Thánh thoát ra; hoài nghi là sự che lấp lối ra, và do trạng thái bị bao trùm bởi hoài nghi ấy [hành giả] không nhận biết sự xác định pháp là lối ra của các bậc Thánh; hoài nghi là sự che lấp lối ra. Trí là lối ra của các bậc Thánh, và do trí ấy các bậc Thánh thoát ra; vô minh là sự che lấp lối ra, và do trạng thái bị bao trùm bởi vô minh ấy [hành giả] không nhận biết trí là lối ra của các bậc Thánh; vô minh là sự che lấp lối ra. Sự hân hoan là lối ra của các bậc Thánh, và do sự hân hoan ấy các bậc Thánh thoát ra; sự không hứng thú là sự che lấp lối ra, và do trạng thái bị bao trùm bởi sự không hứng thú ấy [hành giả] không nhận biết sự hân hoan là lối ra của các bậc Thánh; không hứng thú là sự che lấp lối ra. Tất cả các thiện pháp cũng là lối ra của các bậc Thánh, và do các thiện pháp ấy các bậc Thánh thoát ra; tất cả các bất thiện pháp cũng là các sự che lấp lối ra, và do trạng thái bị bao trùm bởi các bất thiện pháp ấy [hành giả] không nhận biết các thiện pháp là lối ra của các bậc Thánh; tất cả các bất thiện pháp cũng là các sự che lấp lối ra.

Phần giải thích mười sáu trí được đầy đủ.

3. CÁC TRÍ VỀ TÙY PHIỀN NÃO (*Upakkilesañāṇāni*)

Hơn nữa, đối với vị đang tu tập định của niệm hơi thở vào hơi thở ra theo mười sáu nền tảng có tâm đã được thanh lọc khỏi các pháp ngăn che này, do sự tập trung ngắn hạn có mười tám tùy phiền não gì sanh lên [ở vị ấy]?

Tâm của vị đang theo dõi giai đoạn đầu, giữa, cuối của hơi thở vào bằng niệm đi đến tình trạng tản mạn ở nội phần là sự ngăn trở của định. Tâm của vị đang theo dõi giai đoạn đầu, giữa, cuối của hơi thở ra bằng niệm đi đến tình trạng tản mạn ở ngoại phần là sự ngăn trở của định. Do sự mong mỏi ở hơi thở

vào, hành vi của ưa thích và tham ái là sự ngăn trở của định. Do sự mong mỏi ở hơi thở ra, hành vi của ưa thích và tham ái là sự ngăn trở của định. Đối với vị áp đặt hơi thở vào, do sự hứng thú trong việc đạt được hơi thở ra là sự ngăn trở của định. Đối với vị áp đặt hơi thở ra, do sự hứng thú trong việc đạt được hơi thở vào là sự ngăn trở của định.

Theo dõi hơi thở vào Theo dõi hơi thở ra,
Tán nội phần, mong mỏi, Tán ngoại phần, ước muốn, (1)
Áp đặt hơi thở vào Hứng thú đạt hơi ra,
Áp đặt hơi thở ra Hứng thú đạt hơi vào. (2)
Sáu tùy phiền não này Định niệm hơi vào ra,
Người bị chúng xáo động Tâm không được giải thoát,
Những ai chưa giải thoát Chúng thành tựu tái sanh. (3)

Nhóm sáu thứ nhất.

Đối với hành giả hướng tâm đến hiện tướng,[101] tâm [đặt] ở hơi thở vào bị chao động là sự ngăn trở của định. Đối với hành giả hướng tâm đến hơi thở vào, tâm [đặt] ở hiện tướng bị chao động là sự ngăn trở của định. Đối với hành giả hướng tâm đến hiện tướng, tâm [đặt] ở hơi thở ra bị chao động là sự ngăn trở của định. Đối với hành giả hướng tâm đến hơi thở ra, tâm [đặt] ở hiện tướng bị chao động là sự ngăn trở của định. Đối với hành giả hướng tâm đến hơi thở vào, tâm [đặt] ở hơi thở ra bị chao động là sự ngăn trở của định. Đối với hành giả hướng tâm đến hơi thở ra, tâm [đặt] ở hơi thở vào bị chao động là sự ngăn trở của định.

Hướng tâm đến hiện tướng Ý buông bỏ hơi vào,
Hướng tâm đến hơi vào Tâm chao động hiện tướng. (4)
Hướng tâm đến hiện tướng Ý buông bỏ hơi ra,
Hướng tâm đến hơi ra Tâm chao động hiện tướng. (5)
Hướng tâm hơi thở vào Tâm buông bỏ hơi ra,
Hướng tâm hơi thở ra Tâm chao động hơi vào. (6)
Sáu tùy phiền não này Định niệm hơi vào ra,
Người bị chúng xáo động Tâm không được giải thoát,
Những ai chưa giải thoát Chúng thành tựu tái sanh. (7)

Nhóm sáu thứ nhì.

Tâm có sự chạy theo quá khứ[102] bị rơi vào tản mạn là sự ngăn trở của định. Tâm có sự mong mỏi ở vị lai[103] bị chao động là sự ngăn trở của định. Tâm trì trệ bị rơi vào biếng nhác là sự ngăn trở của định. Tâm được ra sức quá mức bị rơi

[101] Hiện tướng (*nimitta*) là vị trí được hơi thở vào hơi thở ra chạm đến. Đối với người có mũi cao là ở chóp mũi, người có mũi ngắn là ở môi trên (*PsA*. I. 471).

[102] Tâm có sự chạy theo quá khứ: Tâm dõi theo hơi thở vào hoặc hơi thở ra đã đến và đã đi qua ở tại điểm tiếp xúc (chóp mũi hoặc môi trên) (*PsA*. I. 472).

[103] Tâm có sự mong mỏi ở vị lai: Tâm mong mỏi và chờ đợi hơi thở vào hoặc hơi thở ra còn chưa xảy đến ở tại điểm tiếp xúc (*PsA*. I. 472).

vào phóng dật là sự ngăn trở của định. Tâm quá chuyên chú bị rơi vào tham là sự ngăn trở của định. Tâm lơi là bị rơi vào sân là sự ngăn trở của định.

Tâm chạy theo quá khứ, Vọng tương lai, trì trệ,
Quá ra sức, chuyên chú, Tâm lơi là, không định. (8)
Sáu tùy phiền não này Định niệm thở vào ra
Người ô nhiễm bởi chúng Không biết được thắng tâm. (9)

Nhóm sáu thứ ba.

Do tâm của vị đang theo dõi giai đoạn đầu, giữa, cuối của hơi thở vào bằng niệm đi đến tình trạng tản mạn ở nội phần, cả thân lẫn tâm trở nên xao động, loạn động, rúng động. Do tâm của vị đang theo dõi giai đoạn đầu, giữa, cuối của hơi thở ra bằng niệm đi đến tình trạng tản mạn ở ngoại phần, cả thân lẫn tâm trở nên xao động, loạn động, rúng động. Do mong mỏi ở hơi thở vào, do ưa thích, do hành vi của ái, cả thân lẫn tâm trở nên xao động, loạn động, rúng động. Do mong mỏi ở hơi thở ra, do ưa thích, do hành vi của ái, cả thân lẫn tâm trở nên xao động, loạn động, rúng động. Đối với vị áp đặt hơi thở vào, do sự hứng thú trong việc đạt được hơi thở ra, cả thân lẫn tâm trở nên xao động, loạn động, rúng động. Đối với vị áp đặt hơi thở ra, do sự hứng thú trong việc đạt được hơi thở vào, cả thân lẫn tâm... (nt)... Đối với vị hướng tâm đến hiện tướng có tâm [đặt] ở hơi thở vào, do trạng thái bị dao động cả thân lẫn tâm... (nt)... Đối với vị hướng tâm đến hơi thở vào có tâm [đặt] ở hiện tướng, do trạng thái bị dao động, cả thân lẫn tâm... (nt)... Đối với vị hướng tâm đến hiện tướng có tâm [đặt] ở hơi thở ra, do trạng thái bị dao động cả thân lẫn tâm... (nt)... Đối với vị hướng tâm đến hơi thở ra có tâm [đặt] ở hiện tướng, do trạng thái bị dao động cả thân lẫn tâm trở nên xao động, loạn động, rúng động. Đối với vị hướng tâm đến hơi thở vào có tâm [đặt] ở hơi thở ra, do trạng thái bị dao động cả thân lẫn tâm trở nên xao động, loạn động, rúng động. Đối với vị hướng tâm đến hơi thở ra có tâm [đặt] ở hơi thở vào, do trạng thái bị dao động cả thân lẫn tâm trở nên xao động, loạn động, rúng động. Do có sự chạy theo quá khứ tâm bị rơi vào tản mạn, cả thân lẫn tâm trở nên xao động, loạn động, rúng động. Do có sự mong mỏi ở vị lai tâm bị dao động, cả thân lẫn tâm trở nên xao động, loạn động, rúng động. Do có sự trì trệ tâm bị rơi vào biếng nhác, cả thân lẫn tâm trở nên xao động, loạn động, rúng động. Do ra sức quá mức tâm bị rơi vào phóng dật, cả thân lẫn tâm trở nên xao động, loạn động, rúng động. Do quá chuyên chú tâm bị rơi vào tham, cả thân lẫn tâm trở nên xao động, loạn động, rúng động. Do lơi là tâm bị rơi vào sân, cả thân lẫn tâm trở nên xao động, loạn động, rúng động.

Đối với vị tu niệm Hơi thở vào thở ra
Không toàn vẹn, không tiến, Thời thân bị loạn động,
Tâm cũng bị loạn động, Thân tâm đều rúng động. (10)
Đối với vị tu niệm Hơi thở vào thở ra
Được toàn vẹn, tiến triển, Thời thân không loạn động,
Tâm cũng không loạn động, Thân tâm không rúng động. (11)

Hơn nữa, đối với vị đang tu tập định của niệm hơi thở vào hơi thở ra theo mười sáu nền tảng có tâm đã được thanh lọc khỏi các pháp ngăn che ấy, thời có mười tám tùy phiền não này sanh lên.

Dứt phần giải thích trí về tùy phiền não.

4. CÁC TRÍ TRONG VIỆC THANH LỌC (*Vodānañāṇāni*)

Mười ba trí gì trong việc thanh lọc? Tâm có sự chạy theo quá khứ bị rơi vào tản mạn. Sau khi ngăn ngừa việc ấy, hành giả tập trung [tâm] vào một chỗ; như vậy tâm không đi đến tản mạn. Tâm có sự mong mỏi ở vị lai bị chao động. Sau khi ngăn ngừa việc ấy, ngay tại đấy hành giả khẳng định lại; như thế tâm không đi đến tản mạn. Tâm trì trệ bị rơi vào biếng nhác. Sau khi nắm giữ điều ấy, hành giả dứt bỏ sự biếng nhác; như vậy tâm không đi đến tản mạn. Tâm ra sức quá mức bị rơi vào phóng dật. Sau khi hạn chế điều ấy, hành giả dứt bỏ phóng dật; như vậy tâm không đi đến tản mạn. Tâm quá chuyên chú bị rơi vào tham. Sau khi có sự nhận biết rõ rệt điều ấy, hành giả dứt bỏ tham; như vậy tâm không đi đến tản mạn. Tâm lơi là bị rơi vào sân. Sau khi có sự nhận biết rõ rệt điều ấy, hành giả dứt bỏ sân; như vậy tâm không đi đến tản mạn. Được hoàn toàn trong sạch với sáu trường hợp này, tâm được tinh khiết đi đến nhất thể.

Các nhất thể ấy là gì? Nhất thể trong việc thiết lập sự buông bỏ vật thí, nhất thể trong việc thiết lập hiện tướng của chỉ tịnh, nhất thể trong việc thiết lập tướng trạng của biến hoại, nhất thể trong việc thiết lập sự diệt tận.

Nhất thể trong việc thiết lập sự buông bỏ vật thí của những người đã quyết tâm xả bỏ, nhất thể trong việc thiết lập hiện tướng của chỉ tịnh của những người đã gắn bó với thắng tâm, nhất thể trong việc thiết lập tướng trạng biến hoại của những người thực hành minh sát, nhất thể trong việc thiết lập sự diệt tận của các bậc Thánh nhân. Tâm đạt đến nhất thể bằng bốn trường hợp này vừa có sự tiến đến tính chất thanh tịnh của việc thực hành, vừa được tăng cường trạng thái xả, và còn được hài lòng bởi trí nữa.

Đối với sơ thiền, cái gì là phần đầu? Cái gì là phần giữa? Cái gì là phần cuối? Đối với sơ thiền, sự thanh tịnh của việc thực hành là phần đầu, sự tăng cường trạng thái xả là phần giữa, sự tự hài lòng là phần cuối.

Đối với sơ thiền, sự thanh tịnh của việc thực hành là phần đầu, có bao nhiêu tướng trạng thuộc về phần đầu? Có ba tướng trạng thuộc về phần đầu: Điều gì là sự ngăn trở của thiền ấy, do điều ấy tâm được thanh tịnh; do bản thể thanh tịnh, tâm đạt đến hiện tướng của chỉ tịnh ở trung tâm; do bản thể đã được đạt đến, tâm tiến vào nơi ấy. Việc tâm được thanh tịnh do sự ngăn trở, việc tâm đạt đến hiện tướng của chỉ tịnh ở trung tâm do bản thể thanh tịnh, việc tâm tiến vào nơi ấy do bản thể đã được đạt đến, đối với sơ thiền sự thanh tịnh của việc thực hành là phần đầu, ba tướng trạng này là thuộc về phần đầu. Vì thế được nói rằng: "Sơ thiền vừa là tốt đẹp ở phần đầu, vừa được thành tựu về tướng trạng."

Đối với sơ thiền, sự tăng cường trạng thái xả là phần giữa, có bao nhiêu

tướng trạng thuộc về phần giữa? Có ba tướng trạng thuộc về phần giữa: Hành giả dửng dưng đối với tâm thanh tịnh, dửng dưng đối với việc đã đạt đến chỉ tịnh, dửng dưng đối với việc thiết lập nhất thể. Việc hành giả dửng dưng đối với tâm thanh tịnh, dửng dưng đối với việc đã đạt đến chỉ tịnh, dửng dưng đối với việc thiết lập nhất thể, đối với sơ thiền sự tăng cường trạng thái xả là phần giữa, ba tướng trạng này là thuộc về phần giữa. Vì thế được nói rằng: "Sơ thiền vừa là tốt đẹp ở phần giữa, vừa được thành tựu về tướng trạng."

Đối với Sơ thiền, sự tự hài lòng là phần cuối, có bao nhiêu tướng trạng thuộc về phần cuối? Có bốn tướng trạng thuộc về phần cuối: Có sự tự hài lòng đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy theo ý nghĩa không vượt trội, sự tự hài lòng đối với các quyền theo ý nghĩa nhất vị, sự tự hài lòng theo ý nghĩa khởi động tinh tấn nhằm đạt đến Niết-bàn, sự tự hài lòng theo ý nghĩa rèn luyện. Đối với sơ thiền sự tự hài lòng là phần cuối, bốn tướng trạng này là thuộc về phần cuối. Vì thế được nói rằng: "Sơ thiền vừa là tốt đẹp ở phần cuối, vừa được thành tựu về tướng trạng."

Như thế, tâm đã đạt đến ba phận sự là tốt đẹp theo ba cách,[104] được thành tựu mười tướng trạng,[105] và còn được thành tựu về tầm, thành tựu về tứ, thành tựu về hỷ, thành tựu về lạc, thành tựu về sự khẳng định tâm, thành tựu về tín, thành tựu về tấn, thành tựu về niệm, thành tựu về định và thành tựu về tuệ.

Đối với Nhị thiền, cái gì là phần đầu? Cái gì là phần giữa? Cái gì là phần cuối? ... (nt)... Như thế, tâm đã đạt đến ba phận sự là tốt đẹp theo ba cách, được thành tựu mười tướng trạng, và còn được thành tựu về hỷ, thành tựu về lạc, thành tựu về sự khẳng định tâm,... (nt)... và thành tựu về tuệ.

Đối với Tam thiền, cái gì là phần đầu? Cái gì là phần giữa? Cái gì là phần cuối? ... (nt)... Như thế, tâm đã đạt đến ba phận sự là tốt đẹp theo ba cách, được thành tựu mười tướng trạng, và còn được thành tựu về lạc, thành tựu về sự khẳng định tâm, thành tựu về tín, thành tựu về tấn, thành tựu về niệm, thành tựu về định và thành tựu về tuệ.

Đối với Tứ thiền, cái gì là phần đầu? Cái gì là phần giữa? Cái gì là phần cuối? ... (nt)... Như thế, tâm đã đạt đến ba phận sự là tốt đẹp theo ba cách, được thành tựu mười tướng trạng, và còn được thành tựu về xả, thành tựu về sự khẳng định tâm, thành tựu về tín, thành tựu về tấn, thành tựu về niệm, thành tựu về định và thành tựu về tuệ.

Đối với sự chứng đạt Không vô biên xứ... (nt)... sự chứng đạt Thức vô biên xứ... sự chứng đạt Vô sở hữu xứ... sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ, cái gì là phần đầu? Cái gì là phần giữa? Cái gì là phần cuối? ... Như thế, tâm đã đạt đến ba phận sự là tốt đẹp theo ba cách, được thành tựu mười tướng trạng,

---

[104] Tâm đã đạt đến 3 phận sự (phần đầu, phần giữa, phần cuối) nghĩa là được tốt đẹp theo 3 cách (sự trong sạch của việc thực hành, tăng cường trạng thái xả, sự tự hài lòng). (ND)

[105] Được thành tựu 10 tướng trạng nghĩa là 3 tướng trạng thuộc về phần đầu, 3 tướng trạng thuộc về phần giữa và 4 tướng trạng thuộc về phần cuối; tổng cộng lại là 10. (ND)

và còn được thành tựu về xả, thành tựu về sự khẳng định tâm,... (nt)... và thành tựu về tuệ.

Đối với sự quán xét về vô thường, cái gì là phần đầu? Cái gì là phần giữa? Cái gì là phần cuối?... Như thế, tâm đã đạt đến ba phận sự là tốt đẹp theo ba cách, được thành tựu mười tướng trạng, và còn được thành tựu về tầm, thành tựu về tứ, thành tựu về hỷ, thành tựu về lạc, thành tựu về sự khẳng định tâm, thành tựu về tín, thành tựu về tấn, thành tựu về niệm, thành tựu về định và thành tựu về tuệ.

Đối với sự quán xét về khổ não... (nt)... Đối với sự quán xét về vô ngã... (nt)... Đối với sự quán xét về sự nhàm chán... (nt)... Đối với sự quán xét về ly tham ái... Đối với sự quán xét về sự diệt tận... Đối với sự quán xét về sự từ bỏ... Đối với sự quán xét về sự đoạn tận... Đối với sự quán xét về sự biến hoại... Đối với sự quán xét về sự chuyển biến... Đối với sự quán xét về vô tướng... Đối với sự quán xét về vô nguyện... Đối với sự quán xét về không tánh... Đối với sự minh sát các pháp bằng thắng tuệ... Đối với sự biết và thấy đúng theo thực thể... Đối với sự quán xét về sự tai hại... Đối với sự quán xét về sự phân biệt rõ... Đối với sự quán xét về sự ly khai... (nt)...

Đối với đạo Nhập lưu,... Đối với đạo Nhất lai,... Đối với đạo Bất lai,... Đối với đạo A-la-hán, cái gì là phần đầu? Cái gì là phần giữa? Cái gì là phần cuối? Đối với đạo A-la-hán, sự thanh tịnh của việc thực hành là phần đầu, sự tăng cường trạng thái xả là phần giữa, sự tự hài lòng là phần cuối. Sự thanh tịnh của việc thực hành là phần đầu của đạo A-la-hán. Có bao nhiêu tướng trạng thuộc về phần đầu? Có ba tướng trạng thuộc về phần đầu: ... (nt)... Đối với đạo A-la-hán sự thanh tịnh của việc thực hành là phần đầu, ba tướng trạng này là thuộc về phần đầu, vì thế được nói rằng: "*Đạo A-la-hán vừa là tốt đẹp ở phần đầu, vừa được thành tựu về tướng trạng.*"

Đối với đạo A-la-hán, sự tăng cường trạng thái xả là phần giữa, có bao nhiêu tướng trạng thuộc về phần giữa? Có ba tướng trạng thuộc về phần giữa: Hành giả dửng dưng đối với tâm thanh tịnh, dửng dưng đối với việc đã đạt đến chỉ tịnh, dửng dưng đối với việc thiết lập nhất thể. Việc hành giả dửng dưng đối với tâm thanh tịnh, dửng dưng đối với việc đã đạt đến chỉ tịnh, dửng dưng đối với việc thiết lập nhất thể. Vì thế được nói rằng: "*Đạo A-la-hán vừa là tốt đẹp ở phần giữa, vừa được thành tựu về tướng trạng.*"

Đối với đạo A-la-hán, sự tự hài lòng là phần cuối, có bao nhiêu tướng trạng thuộc về phần cuối? Có bốn tướng trạng thuộc về phần cuối: Có sự tự hài lòng đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy theo ý nghĩa không vượt trội, sự tự hài lòng đối với các quyền theo ý nghĩa nhất vị, sự tự hài lòng theo ý nghĩa khởi động tinh tấn nhằm đạt đến giải thoát Niết-bàn, sự tự hài lòng theo ý nghĩa rèn luyện. Đối với đạo A-la-hán, sự tự hài lòng là phần cuối, bốn tướng trạng này là thuộc về phần cuối. Vì thế được nói rằng: "*Đạo A-la-hán vừa là tốt đẹp ở phần cuối, vừa được thành tựu về tướng trạng.*" Như thế, tâm đã đạt đến

ba phận sự là tốt đẹp theo ba cách, được thành tựu mười tướng trạng, và còn được thành tựu về tầm, thành tựu về tứ, thành tựu về hỷ, thành tựu về lạc, thành tựu về sự khẳng định tâm, thành tựu về tín, thành tựu về tấn, thành tựu về niệm, thành tựu về định và thành tựu về tuệ.

Hiện tướng, hơi vào ra — Chẳng phải cảnh một tâm,
Người không biết ba pháp[106] — Tu tập không thành đạt. (1)
Hiện tướng, hơi vào ra — Chẳng phải cảnh một tâm,
Vị nhận biết ba pháp — Tu tập được thành công. (2)

Ba pháp này không phải là đối tượng của một tâm, ba pháp này không phải là không được biết đến, tâm không đi đến tản mạn, sự nỗ lực được nhận biết, và [hành giả] hoàn tất việc thực hành, đạt đến sự chứng ngộ là [có ý nghĩa] thế nào?

Cũng giống như thân cây được đặt nằm ở trên mặt đất bằng, một người đàn ông có thể cắt chính nó bằng cái cưa. Niệm của người đàn ông được thiết lập theo tác động của các răng cưa chạm vào thân cây mà không chú ý ở các răng cưa tiến tới hoặc thụt lùi. Các răng cưa tiến tới hoặc thụt lùi không phải là không được biết đến, sự nỗ lực được nhận biết, và [người ấy] hoàn tất nhiệm vụ. Thân cây được đặt nằm ở trên mặt đất bằng như thế nào, hiện tướng do sự gắn liền [của niệm] là như thế ấy. Các răng cưa là như thế nào, hơi thở vào hơi thở ra là như vậy. Như thế niệm của người đàn ông được thiết lập theo tác động của các răng cưa chạm vào thân cây mà không chú ý ở các răng cưa tiến tới hoặc thụt lùi. Các răng cưa tiến tới hoặc thụt lùi không phải là không được biết đến, sự nỗ lực được nhận biết, và [người ấy] hoàn tất nhiệm vụ. Tương tợ như thế, sau khi thiết lập niệm ở chóp mũi hoặc ở môi trên, vị Tỳ-khưu đang ngồi, không chú ý ở hơi thở vào ra, đến hoặc đi. Hơi thở vào ra, đến hoặc đi không phải là không được biết đến, sự nỗ lực được nhận biết, và [hành giả] hoàn tất việc thực hành, đạt đến sự chứng ngộ.

Sự nỗ lực: Sự nỗ lực gì? Thân và tâm của vị khởi sự tinh tấn là thích hợp cho hành động; điều này là sự nỗ lực. Việc thực hành gì? Các tùy phiền não của vị khởi sự tinh tấn được dứt bỏ, các tầm được an tịnh; điều này là việc thực hành. Sự chứng ngộ gì? Các sự ràng buộc của vị khởi sự tinh tấn được dứt bỏ, các ngủ ngầm được chấm dứt; điều này là sự chứng ngộ.

Ba pháp này không phải là đối tượng của một tâm, ba pháp này không phải là không được biết đến, tâm không đi đến tản mạn, sự nỗ lực được nhận biết, và [hành giả] hoàn tất việc thực hành, đạt đến sự chứng ngộ là [có ý nghĩa] như thế.

Vị niệm hơi vào ra — Tròn đủ, khéo tu tập,
Tuần tự được tích lũy, — Theo như lời Phật dạy,
Tỏa sáng thế giới này, — Tợ trăng thoát mây che. (3)

Hơi thở vào: Là hơi vào không phải hơi ra. **Hơi thở ra:** Là hơi ra không phải hơi vào. Sự thiết lập qua phương tiện hơi thở vào là niệm, sự thiết lập qua

[106] Ba pháp là hiện tướng, hơi thở vào, hơi thở ra. (ND)

phương tiện hơi thở ra là niệm. Niệm được thiết lập đến vị thở vào, niệm được thiết lập đến vị thở ra.

Tròn đủ: Được tròn đủ theo ý nghĩa nắm giữ, được tròn đủ theo ý nghĩa phụ trợ, được tròn đủ theo ý nghĩa hoàn bị.

Khéo tu tập: Có bốn sự tu tập: Là sự tu tập các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy theo ý nghĩa không vượt trội, là sự tu tập các quyền theo ý nghĩa nhất vị, là sự tu tập theo ý nghĩa khởi động tinh tấn nhằm đạt đến Niết-bàn, là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. Đối với vị ấy, bốn ý nghĩa tu tập này là con thuyền đã được tạo lập, là nền tảng đã được tạo lập, đã được thiết lập, đã được tích lũy, đã được khởi sự vô cùng thanh tịnh.

Con thuyền đã được tạo lập: Vị ấy đạt được ưu thế, đạt được sức mạnh, đạt được sự tự tín ở bất cứ nơi đâu vị ấy mong muốn. Đối với vị ấy, các pháp ấy[107] là đã được gắn bó với sự hướng tâm, đã được gắn bó với lòng mong muốn, đã được gắn bó với tác ý, đã được gắn bó với sự sanh lên của tâm. Vì thế được nói rằng: "Con thuyền đã được tạo lập."

Nền tảng đã được tạo lập: Tâm đã được khẳng định chắc chắn ở nền tảng nào thì niệm được thiết lập tốt đẹp ở nền tảng ấy. Hơn nữa, niệm đã được thiết lập tốt đẹp ở nền tảng nào thì tâm được khẳng định chắc chắn ở nền tảng ấy. Vì thế được nói rằng: "Nền tảng đã được tạo lập."

Đã được thiết lập: Tâm hướng đến với điều nào thì niệm xoay vần với điều ấy, hoặc là niệm xoay vần với điều nào thì tâm hướng đến với điều ấy. Vì thế được nói rằng: "*Đã được thiết lập.*"

Đã được tích lũy: Đã được tích lũy theo ý nghĩa nắm giữ, đã được tích lũy theo ý nghĩa phụ trợ, đã được tròn đủ theo ý nghĩa hoàn bị. Trong khi nắm giữ nhờ vào niệm, vị ấy chiến thắng các pháp ác, bất thiện. Vì thế được nói rằng: "*Đã được tích lũy.*"

Đã được khởi sự vô cùng thanh tịnh: Đã được khởi sự vô cùng thanh tịnh có bốn: Đã được khởi sự vô cùng thanh tịnh theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã sanh lên trong trường hợp ấy, đã được khởi sự vô cùng thanh tịnh theo ý nghĩa nhất vị đối với các quyền, đã được khởi sự vô cùng thanh tịnh theo ý nghĩa khởi động tinh tấn nhằm đạt đến Niết-bàn, tính chất loại trừ các phiền não đối nghịch với điều ấy là "đã được khởi sự vô cùng thanh tịnh."

Vô cùng thanh tịnh: Có sự thanh tịnh, có sự vô cùng thanh tịnh. Sự thanh tịnh là gì? Là các pháp thiện, không sai trái, dự phần vào giác ngộ đã sanh tại nơi ấy; điều này là sự thanh tịnh. Sự vô cùng thanh tịnh là gì? Là cảnh của chính các pháp ấy, tức là sự diệt tận Niết-bàn; điều này là sự vô cùng thanh tịnh. Như thế, sự thanh tịnh này và sự vô cùng thanh tịnh này đã được biết, đã được thấy, đã được biết đến, đã được tác chứng, đã được chạm đến bởi tuệ. Tinh tấn đã được khởi sự là không thối giảm, niệm đã được thiết lập là không bị hư hoại,

---

[107] Các pháp ấy: chỉ tịnh và minh sát (*PsA*. II. 480).

thân đã được an tịnh không bị trạng thái bực bội, tâm đã được định tĩnh có sự chuyên nhất. Vì thế được nói rằng: "Vô cùng thanh tịnh."

Được tuần tự tích lũy: Được tích lũy từ trước đây và được tích lũy thêm về sau này do năng lực của hơi thở vào dài, được tích lũy từ trước đây và được tích lũy thêm về sau này do năng lực của hơi thở ra dài. Được tích lũy từ trước đây và được tích lũy thêm về sau này do năng lực của hơi thở vào ngắn, được tích lũy từ trước đây và được tích lũy thêm về sau này do năng lực của hơi thở ra ngắn. … (nt)... Được tích lũy từ trước đây và được tích lũy thêm về sau này do năng lực của hơi thở vào với việc quán xét về từ bỏ, được tích lũy từ trước đây và được tích lũy thêm về sau này do năng lực của hơi thở ra với việc quán xét về từ bỏ. Tất cả niệm hơi thở vào hơi thở ra theo mười sáu nền tảng không những đã được tích lũy qua lại lẫn nhau mà còn được tích lũy thêm nữa. Vì thế được nói rằng: "*Được tuần tự tích lũy.*"

Theo như: Có mười ý nghĩa của "theo như": Ý nghĩa của việc thuần hóa bản thân là ý nghĩa của "theo như", ý nghĩa của việc chỉ tịnh bản thân là ý nghĩa của "theo như", ý nghĩa của việc làm cho bản thân viên tịch Niết-bàn là ý nghĩa của "theo như", ý nghĩa của việc biết rõ là ý nghĩa của "theo như", ý nghĩa của việc biết toàn diện là ý nghĩa của "theo như", ý nghĩa của việc dứt bỏ là ý nghĩa của "theo như", ý nghĩa của việc tu tập là ý nghĩa của "theo như", ý nghĩa của việc tác chứng là ý nghĩa của "theo như", ý nghĩa của sự lãnh hội chân lý là ý nghĩa của "theo như", ý nghĩa của người đã trụ vững trong sự diệt tận là ý nghĩa của "theo như."

Phật: Chính vị ấy là đức Thế Tôn, vị Chúa Tể, vị không có thầy, đã tự mình chứng ngộ các sự thật về các pháp chưa từng được nghe, từ đó đã đạt được quả vị Toàn giác và bản thể khả năng về các lực.

Phật: Phật theo ý nghĩa gì? "Vị đã giác ngộ các chân lý" là Phật, "vị giác ngộ dòng dõi" là Phật, bởi tính chất biết được tất cả là Phật, bởi tính chất thấy được tất cả là Phật, bởi tính chất không do người khác hướng dẫn là Phật, bởi sự rạng danh [về nhiều đức hạnh] là Phật, bởi đã được công nhận là có các lậu hoặc đã cạn kiệt là Phật, bởi đã được công nhận là thoát khỏi các tùy phiền não là Phật, hoàn toàn lìa khỏi tham ái là Phật, hoàn toàn lìa khỏi sân là Phật, hoàn toàn lìa khỏi si là Phật, hoàn toàn xa lìa phiền não là Phật, vị đã đi đạo lộ nhất thừa là Phật, một mình chứng ngộ quả vị Chánh đẳng giác tối thượng là Phật, bản thân đã trừ diệt sự không giác ngộ và thành đạt sự giác ngộ là Phật. Danh hiệu "Phật" không được định đặt bởi mẹ, không được định đặt bởi cha, không được định đặt bởi anh em trai, không được định đặt bởi chị em gái, không được định đặt bởi bạn bè thân hữu, không được định đặt bởi thân quyến cùng huyết thống, không được định đặt bởi các Sa-môn và Bà-la-môn, không được định đặt bởi chư thiên, sự quy định này liên quan đến điểm tận cùng của giải thoát từ sự thành đạt, từ sự tác chứng trí Toàn giác ở cội cây Bồ-đề của chư Phật Thế Tôn; điều ấy là "Phật."

Đã được giảng dạy: "Theo như" đã được giảng dạy bởi đức Phật, ý nghĩa của việc thuần hóa bản thân là ý nghĩa của "theo như." "Theo như" đã được giảng dạy bởi đức Phật, ý nghĩa của việc chỉ tịnh bản thân là ý nghĩa của "theo như." "Theo như" đã được giảng dạy bởi đức Phật, ý nghĩa của sự viên tịch Niết-bàn của bản thân là ý nghĩa của "theo như." … (nt)... "Theo như" đã được giảng dạy bởi đức Phật, ý nghĩa của người đã trụ vững trong sự diệt tận là ý nghĩa của "theo như."

Vị ấy: Là người tại gia hoặc là vị đã xuất gia.

Thế giới: Là thế giới của các uẩn, thế giới của các giới, thế giới của các xứ, thế giới có sự bất hạnh, thế giới đem lại sự bất hạnh, thế giới có sự thuận lợi, thế giới đem lại sự thuận lợi. Một thế giới là tất cả chúng sanh được tồn tại nhờ vật thực. … (nt)... Mười tám thế giới là mười tám giới.

Làm tỏa sáng: Do bản thân đã được chứng ngộ về ý nghĩa của việc thuần hóa bản thân là ý nghĩa của "theo như"; vị ấy làm chói sáng, làm chiếu sáng, làm tỏa sáng[108] thế giới này. Do bản thân đã được chứng ngộ về ý nghĩa của việc chỉ tịnh bản thân là ý nghĩa của "theo như"; vị ấy làm chói sáng, làm chiếu sáng, làm tỏa sáng thế giới này. Do bản thân đã được chứng ngộ về ý nghĩa của sự viên tịch Niết-bàn của bản thân là ý nghĩa của "theo như"; vị ấy làm chói sáng, làm chiếu sáng, làm tỏa sáng thế giới này. ... Do bản thân đã được chứng ngộ về ý nghĩa của người đã trụ vững trong sự diệt tận là ý nghĩa của "theo như"; vị ấy làm chói sáng, làm chiếu sáng, làm tỏa sáng thế giới này.

Tợ trăng thoát mây che: Đám mây che như thế nào, các phiền não là như thế. Mặt trăng như thế nào, trí của các bậc Thánh là như thế. Vị thiên tử có được mặt trăng như thế nào, vị Tỳ-khưu là như thế. Giống như mặt trăng được thoát ra khỏi đám mây, được thoát ra khỏi sương mù, được thoát ra khỏi bụi khói, được hoàn toàn ra khỏi hiện tượng nguyệt thực thời chiếu sáng, rạng ngời và rực rỡ, tương tợ y như thế, vị Tỳ-khưu được thoát ra khỏi toàn bộ phiền não thời chiếu sáng, rạng ngời và rực rỡ; vì thế được nói rằng: "Tợ trăng thoát mây che." Đây là mười ba trí trong việc thanh lọc.

Dứt phần giải thích về trí trong việc thanh lọc.

5. CÁC TRÍ VỀ VIỆC THỰC HÀNH NIỆM (*Satokāriñāṇāni*)

Ba mươi hai trí gì về việc thực hành niệm?

Ở đây, vị Tỳ-khưu đi đến khu rừng, hoặc đi đến gốc cây, hoặc đi đến nơi thanh vắng, ngồi xuống, xếp chân thế kiết-già, giữ thân thẳng và thiết lập niệm luôn hiện diện. Có niệm vị ấy thở vào, có niệm vị ấy thở ra. Hoặc trong khi thở vào dài, vị ấy nhận biết: "Tôi thở vào dài"; hoặc trong khi thở ra dài, vị ấy nhận biết: "Tôi thở ra dài." Hoặc trong khi thở vào ngắn, vị ấy nhận biết: "Tôi

[108] Làm chói sáng, làm chiếu sáng, làm tỏa sáng là nghĩa theo thứ tự của các động từ *obhāseti* (áp dụng cho dục giới), *bhāseti* (áp dụng cho sắc giới), *pabhāseti* (áp dụng cho vô sắc giới) (*PsA.* I. 472). Ba động từ này đều có chung từ gốc là √*bhās* = chiếu sáng.

thở vào ngắn"; hoặc trong khi thở ra ngắn, vị ấy nhận biết: "Tôi thở ra ngắn." "Cảm giác toàn thân,[109] tôi sẽ thở vào" vị ấy tập, "cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở ra" vị ấy tập. "Làm cho an tịnh sự tạo tác của toàn thân, tôi sẽ thở vào" vị ấy tập, "làm cho an tịnh sự tạo tác của toàn thân, tôi sẽ thở ra" vị ấy tập. "Cảm giác hỷ,... (nt)... "Cảm giác lạc,... (nt)... "Cảm giác sự tạo tác của tâm,... (nt)... "Làm cho an tịnh sự tạo tác của tâm,... (nt)... "Cảm giác tâm,... (nt)... "Làm cho tâm được hân hoan,... (nt)... "Làm cho tâm được định tĩnh,... (nt)... "Làm cho tâm được giải thoát,... (nt)... "Quán xét về vô thường,... (nt)... "Quán xét về ly tham,... (nt)... "Quán xét về diệt tận,... (nt)... "Quán xét về từ bỏ, tôi sẽ thở vào" vị ấy tập, "quán xét về từ bỏ, tôi sẽ thở ra" vị ấy tập.

Ở đây: Ở quan điểm này, ở sự chấp nhận này, ở khuynh hướng này, ở sự chọn lọc này, ở Pháp này, ở Luật này, ở Pháp và Luật này, ở học thuyết này, ở Phạm hạnh này, ở lời dạy này của bậc Đạo sư; vì thế được nói rằng: "Ở đây."

Vị Tỳ-khưu: Vị Tỳ-khưu là phàm nhân hoàn thiện, hoặc là Hữu học, hoặc là A-la-hán có pháp không thể thay đổi.

Khu rừng: Sau khi đi ra khỏi bên ngoài cọc ranh, toàn bộ khoảng [đất] ấy là khu rừng.

Gốc cây: Ở nơi nào chỗ ngồi của vị Tỳ-khưu được sắp xếp, là giường, hoặc ghế, hoặc nệm, hoặc tấm đệm ngồi, hoặc mảnh da thú, hoặc thảm cỏ, hoặc thảm lá, hoặc thảm rơm, và vị Tỳ-khưu đi kinh hành, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm xuống ở tại nơi ấy.

Thanh vắng: Không bị lai vãng bởi bất cứ ai, bởi những người tại gia hoặc bởi các vị xuất gia.

Nơi: Là trú xá, nhà một mái, tòa nhà dài, khu nhà lớn, hang động.

Ngồi xuống, xếp chân thế kiết-già: Là vị đã ngồi xuống, đã xếp chân thế kiết-già.

Giữ thân thẳng: Thân được duy trì được bố trí ngay thẳng.

Thiết lập niệm luôn hiện diện: **"Luôn"** theo ý nghĩa nắm giữ, **"hiện diện"** theo ý nghĩa dẫn xuất, **"niệm"** theo ý nghĩa thiết lập; vì thế được nói rằng: "Thiết lập niệm luôn hiện diện."

Có niệm vị ấy thở vào, có niệm vị ấy thở ra: Là người thực hành có niệm theo ba mươi hai phương thức: Đối với vị đang nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào dài, niệm được thiết lập; với niệm ấy, với trí ấy là người thực hành có niệm. Đối với vị đang nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở ra dài, niệm được thiết lập; với niệm ấy, với trí ấy là người thực hành có niệm. Đối với vị đang nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào ngắn, niệm được thiết lập; với niệm ấy, với trí ấy là người thực hành có niệm.

---

[109] "Trong khi làm cho được biết rõ, trong khi làm cho rõ rệt phần đầu, giữa, cuối của toàn bộ hơi thở vào, tôi sẽ thở vào" vị ấy tập (*PsA*. II. 491).

... (nt)... Đối với vị đang nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm có sự quán xét về từ bỏ nhờ tác động của hơi thở vào,... (nt)... có sự quán xét về từ bỏ nhờ tác động của hơi thở ra, niệm được thiết lập; với niệm ấy, với trí ấy là người thực hành có niệm.

Trong khi thở vào dài, vị ấy nhận biết: "Tôi thở vào dài"; hoặc trong khi thở ra dài, vị ấy nhận biết: "Tôi thở ra dài" là [có ý nghĩa] thế nào? Vị ấy thở vào hơi thở vào dài trong thời gian được công nhận là lâu, vị ấy thở ra hơi thở ra dài trong thời gian được công nhận là lâu, vị ấy thở vào cũng như thở ra hơi thở vào hơi thở ra dài trong thời gian được công nhận là lâu, đối với vị đang thở vào cũng như đang thở ra hơi thở vào hơi thở ra dài trong thời gian được công nhận là lâu, có ước muốn sanh lên.

Do tác động của ước muốn, vị ấy thở vào hơi thở vào dài vi tế hơn trước trong thời gian được công nhận là lâu; do tác động của ước muốn, vị ấy thở ra hơi thở ra dài vi tế hơn trước trong thời gian được công nhận là lâu; do tác động của ước muốn, vị ấy thở vào cũng như thở ra hơi thở vào hơi thở ra dài vi tế hơn trước trong thời gian được công nhận là lâu; do tác động của ước muốn, đối với vị đang thở vào cũng như đang thở ra hơi thở vào hơi thở ra dài vi tế hơn trước trong thời gian được công nhận là lâu, có hân hoan sanh lên.

Do tác động của hân hoan, vị ấy thở vào hơi thở vào dài vi tế hơn trước trong thời gian được công nhận là lâu; do tác động của hân hoan, vị ấy thở ra hơi thở ra dài vi tế hơn trước trong thời gian được công nhận là lâu; do tác động của hân hoan, vị ấy thở vào cũng như thở ra hơi thở vào hơi thở ra dài vi tế hơn trước trong thời gian được công nhận là lâu; do tác động của hân hoan, đối với vị đang thở vào cũng như đang thở ra hơi thở vào hơi thở ra dài vi tế hơn trước trong thời gian được công nhận là lâu, tâm ly khai hơi thở vào hơi thở ra dài và trạng thái xả được thành lập.

Theo chín phương thức này, hơi thở vào hơi thở ra dài là thân, sự thiết lập là niệm, sự quán xét là trí, thân là sự thiết lập không phải là niệm, niệm vừa là sự thiết lập vừa là niệm; với niệm ấy, với trí ấy, vị ấy quán xét thân ấy; vì thế được nói rằng: "Việc tu tập sự thiết lập niệm về quán xét thân trên thân."

Quán xét: Quán xét thân ấy là [có ý nghĩa] thế nào? Quán xét về vô thường, không phải về thường; quán xét về khổ não, không phải về lạc; quán xét về vô ngã, không phải về ngã; nhàm chán, không vui thích; ly tham ái, không tham ái; làm cho diệt tận, không làm cho sanh khởi; từ bỏ, không nắm giữ. Trong khi quán xét về vô thường, [vị ấy] dứt bỏ thường tưởng; trong khi quán xét về khổ não, [vị ấy] dứt bỏ lạc tưởng; trong khi quán xét về vô ngã, [vị ấy] dứt bỏ ngã tưởng; trong khi nhàm chán, [vị ấy] dứt bỏ sự vui thích; trong khi ly tham ái, [vị ấy] dứt bỏ tham ái; trong khi làm cho diệt tận, [vị ấy] dứt bỏ sự sanh khởi; trong khi từ bỏ, [vị ấy] dứt bỏ sự nắm giữ; quán xét thân ấy là [có ý nghĩa] như thế.

Sự tu tập: Có bốn sự tu tập: Là sự tu tập các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy theo ý nghĩa không vượt trội, là sự tu tập các quyền theo ý nghĩa

nhất vị, là sự tu tập theo ý nghĩa khởi động tinh tấn nhằm đạt đến Niết-bàn, là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện.

Đối với vị đang nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra dài, các thọ sanh lên được biết đến, [các thọ] thiết lập được biết đến, [các thọ] đi đến biến hoại được biết đến, các tưởng sanh lên được biết đến, [các tưởng] thiết lập được biết đến, [các tưởng] đi đến biến hoại được biết đến, các tầm sanh lên được biết đến, [các tầm] thiết lập được biết đến, [các tầm] đi đến biến hoại được biết đến.

Các thọ sanh lên được biết đến, thiết lập được biết đến, đi đến biến hoại được biết đến là [có ý nghĩa] thế nào? Sự sanh lên của thọ được biết đến là [có ý nghĩa] thế nào? Sự sanh lên của thọ được biết đến theo ý nghĩa sanh khởi do duyên: "Do sự sanh khởi của vô minh, có sự sanh khởi của thọ." Sự sanh lên của thọ được biết đến theo ý nghĩa sanh khởi do duyên: "Do sự sanh khởi của ái, có sự sanh khởi của thọ",... (nt)... "Do sự sanh khởi của nghiệp, có sự sanh khởi của thọ",... (nt)... "Do sự sanh khởi của xúc, có sự sanh khởi của thọ"; đối với vị nhìn thấy tướng trạng của sự tái tạo, sự sanh lên của thọ được biết đến. Sự sanh lên của thọ được biết đến là [có ý nghĩa] như thế.

Sự thiết lập của thọ được biết đến là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với vị đang tác ý về vô thường, sự thiết lập của đoạn tận được biết đến; đối với vị đang tác ý về khổ não, sự thiết lập của kinh hãi được biết đến; đối với vị đang tác ý về vô ngã, sự thiết lập của không tánh được biết đến. Sự thiết lập của thọ được biết đến là [có ý nghĩa] như thế.

Sự biến mất của thọ được biết đến là [có ý nghĩa] thế nào? Sự biến mất của thọ được biết đến theo ý nghĩa diệt tận do duyên: "Do sự diệt tận của vô minh, có sự diệt tận của thọ." Sự biến mất của thọ được biết đến theo ý nghĩa diệt tận do duyên: "Do sự diệt tận của ái, có sự diệt tận của thọ",... (nt)... "Do sự diệt tận của nghiệp, có sự diệt tận của thọ",... (nt)... "Do sự diệt tận của xúc, có sự diệt tận của thọ"; đối với vị nhìn thấy tướng trạng của sự chuyển biến, sự biến mất của thọ được biết đến. Sự biến mất của thọ được biết đến là [có ý nghĩa] như thế.

Các thọ sanh lên được biết đến, thiết lập được biết đến, đi đến biến hoại được biết đến là [có ý nghĩa] như thế.

Các tưởng sanh lên được biết đến, thiết lập được biết đến, đi đến biến hoại được biết đến là [có ý nghĩa] thế nào? Sự sanh lên của tưởng được biết đến là [có ý nghĩa] thế nào? Sự sanh lên của tưởng được biết đến theo ý nghĩa sanh khởi do duyên: "Do sự sanh khởi của vô minh, có sự sanh khởi của tưởng." Sự sanh lên của tưởng được biết đến theo ý nghĩa sanh khởi do duyên: "Do sự sanh khởi của ái, có sự sanh khởi của tưởng",... (nt)... "Do sự sanh khởi của nghiệp, có sự sanh khởi của tưởng",... (nt)... "Do sự sanh khởi của xúc, có sự sanh khởi của tưởng"; đối với vị nhìn thấy tướng trạng của sự tái tạo, sự sanh lên của tưởng được biết đến. Sự sanh lên của tưởng được biết đến là [có ý nghĩa] như thế.

Sự thiết lập của tưởng được biết đến là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với vị đang tác ý về vô thường, sự thiết lập của đoạn tận được biết đến; đối với vị đang tác ý về khổ não, sự thiết lập của kinh hãi được biết đến; đối với vị đang tác ý về vô ngã, sự thiết lập của không tánh được biết đến. Sự thiết lập của tưởng được biết đến là [có ý nghĩa] như thế.

Sự biến mất của tưởng được biết đến là [có ý nghĩa] thế nào? Sự biến mất của tưởng được biết đến theo ý nghĩa diệt tận do duyên: "Do sự diệt tận của vô minh, có sự diệt tận của tưởng." Sự biến mất của tưởng được biết đến theo ý nghĩa diệt tận do duyên: "Do sự diệt tận của ái, có sự diệt tận của tưởng",... (nt)... "Do sự diệt tận của nghiệp, có sự diệt tận của tưởng",... (nt)... "Do sự diệt tận của xúc, có sự diệt tận của tưởng"; đối với vị nhìn thấy tướng trạng của sự chuyển biến, sự biến mất của tưởng được biết đến. Sự biến mất của tưởng được biết đến là [có ý nghĩa] như thế.

Các tưởng sanh lên được biết đến, thiết lập được biết đến, đi đến biến hoại được biết đến là [có ý nghĩa] như thế.

Các tầm sanh lên được biết đến, thiết lập được biết đến, đi đến biến hoại được biết đến là [có ý nghĩa] thế nào? Sự sanh lên của các tầm được biết đến là [có ý nghĩa] thế nào? Sự sanh lên của các tầm được biết đến theo ý nghĩa sanh khởi do duyên: "Do sự sanh khởi của vô minh, có sự sanh khởi của tầm." Sự sanh lên của các tầm được biết đến theo ý nghĩa sanh khởi do duyên: "Do sự sanh khởi của ái, có sự sanh khởi của tầm",... (nt)... "Do sự sanh khởi của nghiệp, có sự sanh khởi của tầm",... (nt)... "Do sự sanh khởi của tưởng, có sự sanh khởi của tầm"; đối với vị nhìn thấy tướng trạng của sự tái tạo, sự sanh lên của các tầm được biết đến. Sự sanh lên của các tầm được biết đến là [có ý nghĩa] như thế.

Sự thiết lập của các tầm được biết đến là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với vị đang tác ý về vô thường, sự thiết lập của đoạn tận được biết đến; đối với vị đang tác ý về khổ não, sự thiết lập của kinh hãi được biết đến; đối với vị đang tác ý về vô ngã, sự thiết lập của không tánh được biết đến. Sự thiết lập của các tầm được biết đến là [có ý nghĩa] như thế.

Sự biến mất của các tầm được biết đến là [có ý nghĩa] thế nào? Sự biến mất của các tầm được biết đến theo ý nghĩa diệt tận do duyên: "Do sự diệt tận của vô minh, có sự diệt tận của tầm." Sự biến mất của các tầm được biết đến theo ý nghĩa diệt tận do duyên: "Do sự diệt tận của ái, có sự diệt tận của tầm",... (nt)... "Do sự diệt tận của nghiệp, có sự diệt tận của tầm",... (nt)... "Do sự diệt tận của xúc, có sự diệt tận của tầm"; đối với vị nhìn thấy tướng trạng của sự chuyển biến, sự biến mất của các tầm được biết đến. Sự biến mất của các tầm được biết đến là [có ý nghĩa] như thế.

Các tầm sanh lên được biết đến, thiết lập được biết đến, đi đến biến hoại được biết đến là [có ý nghĩa] như thế.

Trong khi nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động

của hơi thở vào hơi thở ra dài, [vị ấy] liên kết các quyền, nhận biết hành xứ, và thấu triệt ý nghĩa của thanh tịnh. … (nt)... [vị ấy] liên kết các lực,... (nt)... các giác chi,... (nt)... đạo,... (nt)... các pháp, nhận biết hành xứ, và thấu triệt ý nghĩa của thanh tịnh.

Liên kết các quyền: Liên kết các quyền là [có ý nghĩa] thế nào? Liên kết tín quyền theo ý nghĩa cương quyết, liên kết tấn quyền theo ý nghĩa ra sức, liên kết niệm quyền theo ý nghĩa thiết lập, liên kết định quyền theo ý nghĩa không tản mạn, liên kết tuệ quyền theo ý nghĩa nhận thức; vì thế được nói rằng: "Liên kết các quyền."

Nhận biết hành xứ: Điều nào là đối tượng của vị ấy, điều ấy là hành xứ của vị ấy; điều nào là hành xứ của vị ấy, điều ấy là đối tượng của vị ấy. **Nhận biết:** Là người [nhận biết]; sự nhận biết là tuệ.

Thanh tịnh: Sự thiết lập đối tượng là thanh tịnh, sự không tản mạn của tâm là thanh tịnh, sự khẳng định của tâm là thanh tịnh, sự thanh lọc của tâm là thanh tịnh. Ý nghĩa: Ý nghĩa không sai trái, ý nghĩa xa lìa phiền não, ý nghĩa thanh lọc, ý nghĩa tối thắng.

Thấu triệt: Thấu triệt ý nghĩa thiết lập đối tượng, thấu triệt ý nghĩa không tản mạn của tâm, thấu triệt ý nghĩa khẳng định của tâm, thấu triệt ý nghĩa thanh lọc của tâm; vì thế được nói rằng: "Và thấu triệt ý nghĩa của thanh tịnh."

Liên kết các lực: Liên kết các lực là [có ý nghĩa] thế nào? Liên kết tín lực theo ý nghĩa không dao động ở sự không có đức tin, liên kết tấn lực theo ý nghĩa không dao động ở sự biếng nhác, liên kết niệm lực theo ý nghĩa không dao động ở sự buông lung, liên kết định lực theo ý nghĩa không dao động ở sự phóng dật, liên kết tuệ lực theo ý nghĩa không dao động ở sự không sáng suốt. Người này liên kết các lực này trong đối tượng này; vì thế được nói rằng: "Liên kết các lực." **Nhận biết hành xứ:** ... (nt)...; vì thế được nói rằng: "Và thấu triệt ý nghĩa của thanh tịnh."

Liên kết các giác chi: Liên kết các giác chi là [có ý nghĩa] thế nào? Liên kết niệm giác chi theo ý nghĩa thiết lập, liên kết trạch pháp giác chi theo ý nghĩa suy xét, liên kết cần giác chi theo ý nghĩa ra sức, liên kết hỷ giác chi theo ý nghĩa lan tỏa, liên kết tịnh giác chi theo ý nghĩa an tịnh, liên kết định giác chi theo ý nghĩa không tản mạn, liên kết xả giác chi theo ý nghĩa phân biệt rõ. Người này liên kết các giác chi này trong đối tượng này; vì thế được nói rằng: "Liên kết các giác chi." **Nhận biết hành xứ:** … (nt)...; vì thế được nói rằng: "Và thấu triệt ý nghĩa của thanh tịnh."

Liên kết đạo: Liên kết đạo là [có ý nghĩa] thế nào? Liên kết chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức, liên kết chánh tư duy theo ý nghĩa gắn chặt [tâm vào cảnh], liên kết chánh ngữ theo ý nghĩa gìn giữ, liên kết chánh nghiệp theo ý nghĩa nguồn sanh khởi, liên kết chánh mạng theo ý nghĩa trong sạch, liên kết chánh tinh tấn theo ý nghĩa ra sức, liên kết chánh niệm theo ý nghĩa thiết lập, liên kết chánh định theo ý nghĩa không tản mạn; người này liên kết đạo này

trong đối tượng này; vì thế được nói rằng: "Liên kết đạo." **Nhận biết hành xứ:** ... (nt)...; vì thế được nói rằng: "Và thấu triệt ý nghĩa của thanh tịnh."

Liên kết các pháp: Liên kết các pháp là [có ý nghĩa] thế nào? Liên kết các quyền theo ý nghĩa pháp chủ đạo, liên kết các lực theo ý nghĩa không dao động, liên kết các giác chi theo ý nghĩa dẫn xuất [ra khỏi luân hồi], liên kết đạo theo ý nghĩa chủng tử, liên kết sự thiết lập niệm theo ý nghĩa thiết lập, liên kết chánh cần theo ý nghĩa nỗ lực, liên kết nền tảng của thần thông theo ý nghĩa thành tựu, liên kết chân lý theo ý nghĩa của thực thể, liên kết chỉ tịnh theo ý nghĩa không tản mạn, liên kết minh sát theo ý nghĩa quán xét, liên kết chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa nhất vị, liên kết sự kết hợp chung theo ý nghĩa không vượt trội, liên kết giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc, liên kết tâm thanh tịnh theo ý nghĩa không tản mạn, liên kết kiến thanh tịnh theo ý nghĩa nhận thức, liên kết sự phóng thích theo ý nghĩa được giải thoát, liên kết minh theo ý nghĩa thấu triệt, liên kết sự giải thoát theo ý nghĩa buông bỏ, liên kết trí về sự đoạn tận theo ý nghĩa đoạn trừ, liên kết trí về vô sanh theo ý nghĩa tĩnh lặng, liên kết ước muốn theo ý nghĩa nguồn cội, liên kết tác ý theo ý nghĩa nguồn sanh khởi, liên kết xúc theo ý nghĩa liên kết, liên kết thọ theo ý nghĩa hội tụ, liên kết định theo ý nghĩa dẫn đầu, liên kết niệm theo ý nghĩa pháp chủ đạo, liên kết tuệ theo ý nghĩa cao thượng trong các pháp thiện, liên kết sự giải thoát theo ý nghĩa cốt lõi, liên kết Niết-bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc; người này liên kết các pháp này trong đối tượng này; vì thế được nói rằng: "Liên kết các pháp."

Nhận biết hành xứ: Điều gì là đối tượng của vị ấy, điều ấy là hành xứ của vị ấy; điều gì là hành xứ của vị ấy, điều ấy là đối tượng của vị ấy. **Nhận biết:** Là người [nhận biết]; sự nhận biết là tuệ.

Thanh tịnh: Sự thiết lập đối tượng là thanh tịnh, sự không tản mạn của tâm là thanh tịnh, sự khẳng định của tâm là thanh tịnh, sự thanh lọc của tâm là thanh tịnh. Ý nghĩa: Ý nghĩa không sai trái, ý nghĩa xa lìa phiền não, ý nghĩa thanh lọc, ý nghĩa tối thắng. **Thấu triệt:** Thấu triệt ý nghĩa thiết lập đối tượng, thấu triệt ý nghĩa không tản mạn của tâm, thấu triệt ý nghĩa khẳng định của tâm, thấu triệt ý nghĩa thanh lọc của tâm; vì thế được nói rằng: "Và thấu triệt ý nghĩa của thanh tịnh." (1)

Trong khi thở vào ngắn, vị ấy nhận biết: "Tôi thở vào ngắn"; trong khi thở ra ngắn, vị ấy nhận biết: "Tôi thở ra ngắn" là [có ý nghĩa] thế nào?

Vị ấy thở vào hơi thở vào ngắn trong thời gian được công nhận là ngắn ngủi. Vị ấy thở ra hơi thở ra ngắn trong thời gian được công nhận là ngắn ngủi. Vị ấy thở vào cũng như thở ra hơi thở vào hơi thở ra ngắn trong thời gian được công nhận là ngắn ngủi. Đối với vị đang thở vào cũng như đang thở ra hơi thở vào hơi thở ra ngắn trong thời gian được công nhận là ngắn ngủi, có ước muốn sanh lên.

Do tác động của ước muốn, vị ấy thở vào hơi thở vào ngắn vi tế hơn trước trong thời gian được công nhận là ngắn ngủi; do tác động của ước muốn, vị ấy

thở ra hơi thở ra ngắn vi tế hơn trước trong thời gian được công nhận là ngắn ngủi; do tác động của ước muốn, vị ấy thở vào cũng như thở ra hơi thở vào hơi thở ra ngắn vi tế hơn trước trong thời gian được công nhận là ngắn ngủi; do tác động của ước muốn, đối với vị đang thở vào cũng như đang thở ra hơi thở vào hơi thở ra ngắn vi tế hơn trước trong thời gian được công nhận là ngắn ngủi, có hân hoan sanh lên.

Do tác động của hân hoan, vị ấy thở vào hơi thở vào ngắn vi tế hơn trước trong thời gian được công nhận là ngắn ngủi; do tác động của hân hoan, vị ấy thở ra hơi thở ra ngắn vi tế hơn trước trong thời gian được công nhận là ngắn ngủi; do tác động của hân hoan, vị ấy thở vào cũng như thở ra hơi thở vào hơi thở ra ngắn vi tế hơn trước trong thời gian được công nhận là ngắn ngủi; do tác động của hân hoan, đối với vị đang thở vào cũng như đang thở ra hơi thở vào hơi thở ra ngắn vi tế hơn trước trong thời gian được công nhận là ngắn ngủi, tâm ly khai hơi thở vào hơi thở ra ngắn, có trạng thái xả được thành lập.

Theo chín phương thức này, hơi thở vào hơi thở ra ngắn là thân, sự thiết lập là niệm, sự quán xét là trí, thân là sự thiết lập không phải là niệm, niệm vừa là sự thiết lập vừa là niệm; với niệm ấy với trí ấy, vị ấy quán xét thân ấy; vì thế được nói rằng: "Việc tu tập sự thiết lập niệm về quán xét thân trên thân."

Quán xét: Quán xét thân ấy là [có ý nghĩa] thế nào? ... (nt)... quán xét thân ấy là [có ý nghĩa] như thế. **Sự tu tập:** Có bốn sự tu tập: ... (nt)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. Đối với vị đang nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra ngắn, các thọ sanh lên được biết đến,... (nt)... Trong khi nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra ngắn, [vị ấy] liên kết các quyền,... (nt)...; vì thế được nói rằng: "Và thấu triệt ý nghĩa của thanh tịnh." (2)

"Cảm giác toàn thân tôi sẽ thở vào" vị ấy tập, "cảm giác toàn thân tôi sẽ thở ra" vị ấy tập, là [có ý nghĩa] thế nào?

Thân: Có hai loại thân: Thân của danh và thân của sắc. Thân của danh là gì? Thọ, tưởng, tư, xúc, tác ý, danh và thân của danh, và những gì được gọi là các sự tạo tác của tâm; đây là thân của danh. Thân của sắc là gì? Tứ đại[110] và sắc nương vào tứ đại, hơi thở vào, hơi thở ra và hiện tướng do sự gắn liền [của niệm], và những gì được gọi là các sự tạo tác của thân; đây là thân của sắc.

Các thân ấy được cảm nhận là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với vị đang nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào dài, niệm được thiết lập; với niệm ấy, với trí ấy, các thân ấy được cảm nhận. Đối với vị đang nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở ra dài, niệm được thiết lập; với niệm ấy, với trí ấy, các thân ấy được cảm nhận. Đối với vị đang nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào ngắn, niệm được thiết lập; với niệm ấy, với trí ấy, các thân ấy được cảm nhận. Đối với vị đang nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của

[110] Tứ đại (*cattāro mahābhūtā*) là các yếu tố đất, nước, lửa, gió (*PsA*. II. 515).

tâm nhờ tác động của hơi thở ra ngắn, niệm được thiết lập; với niệm ấy, với trí ấy, các thân ấy được cảm nhận.

Đối với vị đang hướng tâm, các thân ấy được cảm nhận; đối với vị đang nhận biết, các thân ấy được cảm nhận; đối với vị đang nhận thức, các thân ấy được cảm nhận; đối với vị đang quán xét lại, các thân ấy được cảm nhận; đối với vị đang khẳng định tâm, các thân ấy được cảm nhận; đối với vị đang có khuynh hướng về đức tin, các thân ấy được cảm nhận; đối với vị đang nắm giữ tinh tấn, các thân ấy được cảm nhận; đối với vị đang thiết lập niệm, các thân ấy được cảm nhận; đối với vị đang tập trung tâm, các thân ấy được cảm nhận; đối với vị đang nhận biết bằng tuệ, các thân ấy được cảm nhận; đối với vị đang biết rõ các pháp cần được biết rõ, các thân ấy được cảm nhận; đối với vị đang biết toàn diện các pháp cần được biết toàn diện, các thân ấy được cảm nhận; đối với vị đang dứt bỏ các pháp cần được dứt bỏ, các thân ấy được cảm nhận; đối với vị đang tu tập các pháp cần được tu tập, các thân ấy được cảm nhận; đối với vị đang tác chứng các pháp cần được tác chứng, các thân ấy được cảm nhận; các thân ấy được cảm nhận là như vậy.

Cảm giác toàn thân, hơi thở vào hơi thở ra là thân, sự thiết lập là niệm, sự quán xét là trí, thân là sự thiết lập không phải là niệm, niệm vừa là sự thiết lập vừa là niệm; với niệm ấy, với trí ấy, vị ấy quán xét thân ấy; vì thế được nói rằng: "Việc tu tập sự thiết lập niệm về quán xét thân trên thân."

Quán xét: Quán xét thân ấy là [có ý nghĩa] thế nào? ... (nt)... Quán xét thân ấy là [có ý nghĩa] như thế. **Sự tu tập:** Có bốn sự tu tập: ... (nt)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. Cảm giác toàn thân đối với hơi thở vào hơi thở ra là giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc, là tâm thanh tịnh theo ý nghĩa không tản mạn, là kiến thanh tịnh theo ý nghĩa nhận thức. Trong trường hợp ấy ý nghĩa thu thúc là sự học tập về thắng giới, trong trường hợp ấy ý nghĩa không tản mạn là sự học tập về thắng tâm, trong trường hợp ấy ý nghĩa nhận thức là sự học tập về thắng tuệ. Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này vị ấy tập, trong khi nhận biết vị ấy tập, trong khi nhận thức vị ấy tập, trong khi quán xét lại vị ấy tập, trong khi khẳng định tâm vị ấy tập, trong khi có khuynh hướng về đức tin vị ấy tập, trong khi nắm giữ tinh tấn vị ấy tập, trong khi thiết lập niệm vị ấy tập, trong khi tập trung tâm vị ấy tập, trong khi nhận biết bằng tuệ vị ấy tập, trong khi biết rõ các pháp cần được biết rõ vị ấy tập, trong khi biết toàn diện các pháp cần được biết toàn diện vị ấy tập, trong khi dứt bỏ các pháp cần được dứt bỏ vị ấy tập, trong khi tu tập các pháp cần được tu tập vị ấy tập, trong khi tác chứng các pháp cần được tác chứng vị ấy tập.

Cảm giác toàn thân, đối với vị nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra, các thọ sanh lên được biết đến,... (nt)... Cảm giác toàn thân, trong khi nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra, [vị ấy] liên kết các quyền,... (nt)...; vì thế được nói rằng: "Và thấu triệt ý nghĩa của thanh tịnh." (3)

“Làm cho an tịnh sự tạo tác của thân, tôi sẽ thở vào” vị ấy tập, “làm cho an tịnh sự tạo tác của thân, tôi sẽ thở ra” vị ấy tập, là [có ý nghĩa] thế nào? Sự tạo tác của thân là [có ý nghĩa] thế nào?

Các hơi thở vào dài là thuộc về thân, các pháp này được gắn bó với thân, là các sự tạo tác của thân; trong khi làm cho an tịnh, làm cho diệt tận, làm cho bình lặng các sự tạo tác của thân ấy, vị ấy tập. Các hơi thở ra dài là thuộc về thân, các pháp này được gắn bó với thân, là các sự tạo tác của thân; trong khi làm cho an tịnh, làm cho diệt tận, làm cho bình lặng các sự tạo tác của thân ấy, vị ấy tập. Các hơi thở vào ngắn... (nt)... Các hơi thở vào dài... (nt)... Cảm giác toàn thân, các hơi thở vào là thuộc về thân... Cảm giác toàn thân, các hơi thở ra là thuộc về thân... (nt)... các pháp này được gắn bó với thân, là các sự tạo tác của thân; trong khi làm cho an tịnh, làm cho diệt tận, làm cho bình lặng các sự tạo tác của thân ấy, vị ấy tập.

Với các sự tạo tác của thân có hình thức như là sự ngã lui, sự nghiêng hai bên, sự nghiêng ngả, sự ngã tới, sự loạn động, sự rúng động, sự chao động, sự chuyển động của thân, vị ấy tập như vầy: “Làm cho an tịnh sự tạo tác của thân, tôi sẽ thở vào”, vị ấy tập như vầy: “Làm cho an tịnh sự tạo tác của thân, tôi sẽ thở ra.” Với các sự tạo tác của thân có hình thức như là không có sự ngã lui, không có sự nghiêng hai bên, không có sự nghiêng ngả, không có sự ngã tới, sự không loạn động, sự không rúng động, sự không chao động, sự không chuyển động, sự an tịnh, sự nhu thuận của thân, vị ấy tập như vầy: “Làm cho an tịnh sự tạo tác của thân, tôi sẽ thở vào”, vị ấy tập như vầy: “Làm cho an tịnh sự tạo tác của thân, tôi sẽ thở ra.” Như vậy là nói rằng: “Làm cho an tịnh sự tạo tác của thân, tôi sẽ thở vào” vị ấy tập; “làm cho an tịnh sự tạo tác của thân, tôi sẽ thở ra” vị ấy tập. Khi an tịnh như thế, không có sự tạo ra việc nhận biết làn hơi gió, không có sự tạo ra hơi thở vào hơi thở ra, không có sự tạo ra niệm về hơi thở vào hơi thở ra, không có sự tạo ra định của hơi thở vào hơi thở ra, và các bậc trí cũng không nhập vào và cũng không xuất ra khỏi chính sự chứng đạt ấy. Như vậy là nói rằng: “Làm cho an tịnh sự tạo tác của thân, tôi sẽ thở vào” vị ấy tập; “làm cho an tịnh sự tạo tác của thân, tôi sẽ thở ra” vị ấy tập. Khi an tịnh như vậy, có sự tạo ra việc tiếp cận làn hơi gió, có sự tạo ra hơi thở vào hơi thở ra, có sự tạo ra niệm về hơi thở vào hơi thở ra, có sự tạo ra định của hơi thở vào hơi thở ra, và các bậc trí cũng thể nhập vào và cũng xuất ra khỏi chính sự chứng đạt ấy.

Như thế là [có ý nghĩa] thế nào? Cũng giống như khi tiếng cồng được đánh lên, trước tiên có các âm thanh thô tháo vận hành; hiện tướng của các âm thanh thô tháo là có tình trạng được thâu nhận rõ ràng, có tình trạng được đặc biệt lưu ý, có tình trạng được lưu lại rõ rệt. Khi âm thanh thô tháo chấm dứt, tiếp theo đó có các âm thanh êm dịu vận hành; hiện tướng của các âm thanh êm dịu có tình trạng được thâu nhận rõ ràng, có tình trạng được đặc biệt lưu ý, có tình trạng được lưu lại rõ rệt. Khi âm thanh êm dịu chấm dứt, tiếp theo đó có tâm vận hành do có hiện tướng của âm thanh êm dịu là đối tượng. Tương tợ như thế, trước tiên có các hơi thở vào hơi thở ra thô tháo vận hành; hiện tướng của các

hơi thở vào hơi thở ra thô tháo là có tình trạng được thâu nhận rõ ràng, có tình trạng được đặc biệt lưu ý, có tình trạng được lưu lại rõ rệt. Khi các hơi thở vào hơi thở ra thô tháo chấm dứt, tiếp theo đó có các hơi thở vào hơi thở ra êm dịu vận hành; hiện tướng của các hơi thở vào hơi thở ra êm dịu là có tình trạng được thâu nhận rõ ràng, có tình trạng được đặc biệt lưu ý, có tình trạng được lưu lại rõ rệt. Khi các hơi thở vào hơi thở ra êm dịu chấm dứt, tiếp theo đó tâm không đi đến tản mạn do có hiện tướng hơi thở vào hơi thở ra êm dịu là đối tượng.

Khi an tịnh như vậy, có sự tạo ra việc tiếp cận làn hơi gió, có sự tạo ra hơi thở vào hơi thở ra, có sự tạo thành niệm về hơi thở vào hơi thở ra, có sự tạo ra định của hơi thở vào hơi thở ra, và các bậc trí cũng thể nhập vào và cũng xuất ra khỏi chính sự chứng đạt ấy.

Làm cho an tịnh sự tạo tác của thân, các hơi thở vào hơi thở ra là thân, sự thiết lập là niệm, sự quán xét là trí, thân là sự thiết lập không phải là niệm, niệm vừa là sự thiết lập vừa là niệm; với niệm ấy, với trí ấy, vị ấy quán xét thân ấy; vì thế được nói rằng: "Việc tu tập sự thiết lập niệm về quán xét thân trên thân."

Quán xét: Quán xét thân ấy là [có ý nghĩa] thế nào? ... (nt)... Quán xét thân ấy là [có ý nghĩa] như thế. **Sự tu tập:** Có bốn sự tu tập: ... (nt)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. Làm cho an tịnh sự tạo tác của thân đối với hơi thở vào hơi thở ra là giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc, là kiến thanh tịnh theo ý nghĩa nhận thức. Trong trường hợp ấy ý nghĩa thu thúc là sự học tập về thắng giới, trong trường hợp ấy ý nghĩa không tản mạn là sự học tập về thắng tâm, trong trường hợp ấy ý nghĩa nhận thức là sự học tập về thắng tuệ. Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này vị ấy tập,... (nt)...; trong khi tác chứng các pháp cần được tác chứng vị ấy tập.

Làm cho an tịnh sự tạo tác của thân, đối với vị nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra, thọ sanh lên được biết đến,... (nt)... Làm cho an tịnh sự tạo tác của thân, trong khi nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra [vị ấy] liên kết các quyền,... (nt)...; vì thế được nói rằng: "Và thấu triệt ý nghĩa của thanh tịnh." (4)

Tám trí về quán xét, tám tùy niệm về sự thiết lập, và bốn nền tảng thuộc Kinh về việc quán xét thân trên thân.

Nhóm bốn thứ nhất.

"Cảm giác hỷ, tôi sẽ thở vào" vị ấy tập, "cảm giác hỷ, tôi sẽ thở ra" vị ấy tập là [có ý nghĩa] thế nào?

Hỷ là gì? Đối với vị đang nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào dài, hỷ và hân hoan sanh lên. Hỷ là sự hân hoan, là sự hoan hỷ, là sự thích thú, là sự vui mừng, là sự mừng rỡ, là sự phấn khởi, là sự thỏa thích của tâm. Đối với vị đang nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở ra dài,... (nt)... nhờ tác động của hơi thở vào

ngắn,... (nt)... nhờ tác động của hơi thở ra ngắn,... (nt)... Cảm giác toàn thân nhờ tác động của hơi thở vào... (nt)... Cảm giác toàn thân nhờ tác động của hơi thở ra... (nt)... Làm cho an tịnh sự tạo tác của thân nhờ tác động của hơi thở vào... (nt)... Cảm giác toàn thân nhờ tác động của hơi thở ra, hỷ và hân hoan sanh lên. Hỷ là sự hân hoan, là sự hoan hỷ, là sự thích thú, là sự vui mừng, là sự mừng rỡ, là sự phấn khởi, là sự thỏa thích của tâm, điều này là hỷ.

Hỷ ấy được cảm nhận thế nào? Đối với vị đang nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào dài, niệm được thiết lập; với niệm ấy, với trí ấy, hỷ ấy được cảm nhận. Đối với vị đang nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở ra dài... (nt)... nhờ tác động của hơi thở vào ngắn... (nt)... nhờ tác động của hơi thở ra ngắn... (nt)... Cảm giác toàn thân nhờ tác động của hơi thở vào... (nt)... Cảm giác toàn thân nhờ tác động của hơi thở ra... (nt)... Làm cho an tịnh sự tạo tác của thân nhờ tác động của hơi thở vào... (nt)... Cảm giác toàn thân nhờ tác động của hơi thở ra, niệm được thiết lập; với niệm ấy, với trí ấy, hỷ ấy được cảm nhận. Đối với vị đang hướng tâm, hỷ ấy được cảm nhận; đối với vị đang nhận biết... (nt)... đối với vị đang nhận thức... (nt)... đối với vị đang quán xét lại... (nt)... đối với vị đang khẳng định tâm... (nt)... đối với vị đang có khuynh hướng về đức tin... (nt)... đối với vị đang nắm giữ tinh tấn... (nt)... đối với vị đang thiết lập niệm... (nt)... đối với vị đang tập trung tâm... (nt)... đối với vị đang nhận biết bằng tuệ... (nt)... đối với vị đang biết rõ các pháp cần được biết rõ... (nt)... đối với vị đang biết toàn diện các pháp cần được biết toàn diện... (nt)... đối với vị đang dứt bỏ các pháp cần được dứt bỏ... (nt)... đối với vị đang tu tập các pháp cần được tu tập... (nt)... đối với vị đang tác chứng các pháp cần được tác chứng, hỷ ấy được cảm nhận. Hỷ ấy được cảm nhận là như vậy.

Cảm giác hỷ nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra là thọ, sự thiết lập là niệm, sự quán xét là trí, thọ là sự thiết lập không phải là niệm, niệm vừa là sự thiết lập vừa là niệm; với niệm ấy, với trí ấy, vị ấy quán xét thọ ấy; vì thế được nói rằng: "Việc tu tập sự thiết lập niệm về quán xét thọ trên các thọ."

Quán xét: Quán xét thọ ấy là [có ý nghĩa] thế nào? ... (nt)... quán xét thọ ấy là [có ý nghĩa] như thế. **Sự tu tập:** Có bốn sự tu tập: ... (nt)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện.

Cảm giác hỷ đối với hơi thở vào hơi thở ra là giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc,... (nt)... Cảm giác hỷ, đối với vị nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra,... (nt)... trong khi nhận biết [vị ấy] liên kết các quyền; vì thế được nói rằng: "Và thấu triệt ý nghĩa của thanh tịnh." (1)

"Cảm giác lạc, tôi sẽ thở vào" vị ấy tập, "cảm giác lạc, tôi sẽ thở ra" vị ấy tập là [có ý nghĩa] thế nào?

Lạc: Có hai loại lạc: Lạc thuộc thân và lạc thuộc tâm. Lạc gì thuộc thân? Điều gì thoải mái thuộc thân là lạc thuộc thân, sự thoải mái sanh ra từ xúc chạm

của thân là lạc được cảm thọ, do sự thoải mái sanh ra từ xúc chạm của thân là lạc thọ; điều này là lạc thuộc thân. Lạc gì thuộc tâm? Điều gì thoải mái thuộc tâm là lạc thuộc tâm, sự thoải mái sanh ra từ xúc chạm của ý là lạc được cảm thọ, do sự thoải mái sanh ra từ xúc chạm của ý là lạc thọ; điều này là lạc thuộc tâm.

Các lạc ấy được cảm nhận thế nào? Đối với vị đang nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào dài, niệm được thiết lập; với niệm ấy, với trí ấy, các lạc ấy được cảm nhận. Đối với vị đang nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở ra dài, niệm được thiết lập; với niệm ấy, với trí ấy, các lạc ấy được cảm nhận. … (nt)...; đối với vị đang tác chứng các pháp cần được tác chứng, các lạc ấy được cảm nhận. Các lạc ấy được cảm nhận là như vậy.

Cảm giác lạc nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra là thọ, sự thiết lập là niệm, sự quán xét là trí, thọ là sự thiết lập không phải là niệm, niệm vừa là sự thiết lập vừa là niệm; với niệm ấy, với trí ấy, vị ấy quán xét thọ ấy; vì thế được nói rằng: "Việc tu tập sự thiết lập niệm về quán xét thọ trên các thọ."

Quán xét: Quán xét thọ ấy là [có ý nghĩa] thế nào? Quán xét là vô thường... (nt)... quán xét thọ ấy là [có ý nghĩa] như thế. **Sự tu tập:** Có bốn sự tu tập: ... (nt)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện.

Cảm giác lạc đối với hơi thở vào hơi thở ra là giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc,... (nt)... Cảm giác lạc, đối với vị nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra,... (nt)... trong khi nhận biết [vị ấy] liên kết các quyền; vì thế được nói rằng: "Và thấu triệt ý nghĩa của thanh tịnh." (2)

"Cảm giác sự tạo tác của tâm, tôi sẽ thở vào" vị ấy tập, "cảm giác sự tạo tác của tâm, tôi sẽ thở ra" vị ấy tập là [có ý nghĩa] thế nào?

Sự tạo tác của tâm là gì? Nhờ tác động của hơi thở vào dài, [có] tưởng và thọ thuộc tâm; các pháp này được gắn bó với tâm, là các sự tạo tác của tâm. Nhờ tác động của hơi thở ra dài, [có] tưởng và thọ thuộc tâm; các pháp này được gắn bó với tâm, là các sự tạo tác của tâm. … (nt)... Cảm giác lạc nhờ tác động của hơi thở vào... (nt)... Cảm giác lạc nhờ tác động của hơi thở ra là tưởng và thọ thuộc tâm; các pháp này được gắn bó với tâm, là các sự tạo tác của tâm. Đây là sự tạo tác của tâm.

Các sự tạo tác của tâm ấy được cảm nhận thế nào? Đối với vị đang nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào dài, niệm được thiết lập; với niệm ấy, với trí ấy, các sự tạo tác của tâm ấy được cảm nhận. Đối với vị đang nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở ra dài, niệm được thiết lập; với niệm ấy, với trí ấy, các sự tạo tác của tâm ấy được cảm nhận. … (nt)...; đối với vị đang tác chứng các pháp cần được tác chứng, các sự tạo tác của tâm ấy được cảm nhận. Các sự tạo tác của tâm ấy được cảm nhận là như vậy.

Cảm giác sự tạo tác của tâm nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra là thọ, sự thiết lập là niệm, sự quán xét là trí, thọ là sự thiết lập không phải là niệm, niệm vừa là sự thiết lập vừa là niệm; với niệm ấy với trí ấy, vị ấy quán xét thọ ấy; vì thế được nói rằng: "Việc tu tập sự thiết lập niệm về quán xét thọ trên các thọ."

Quán xét: Quán xét thọ ấy là [có ý nghĩa] thế nào? Quán xét là vô thường... (nt)... quán xét thọ ấy là [có ý nghĩa] như thế. **Sự tu tập:** Có bốn sự tu tập: ... (nt)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện.

Cảm giác sự tạo tác của tâm đối với hơi thở vào hơi thở ra là giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc,... (nt)... Cảm giác sự tạo tác của tâm, đối với vị nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra,... (nt)... trong khi nhận biết [vị ấy] liên kết các quyền; vì thế được nói rằng: "Và thấu triệt ý nghĩa của thanh tịnh." (3)

"Làm an tịnh sự tạo tác của tâm, tôi sẽ thở vào" vị ấy tập, "làm an tịnh sự tạo tác của tâm, tôi sẽ thở ra" vị ấy tập là [có ý nghĩa] thế nào?

Sự tạo tác của tâm là gì? Nhờ tác động của hơi thở vào dài, [có] tưởng và thọ thuộc tâm,... (nt)... Nhờ tác động của hơi thở ra dài, [có] tưởng và thọ thuộc tâm, các pháp này được gắn bó với tâm, là các sự tạo tác của tâm; trong khi làm cho an tịnh, làm cho diệt tận, làm cho bình lặng các sự tạo tác của tâm ấy, vị ấy tập. Cảm giác sự tạo tác của tâm nhờ tác động của hơi thở vào... (nt)... Cảm giác sự tạo tác của tâm nhờ tác động của hơi thở ra là tưởng và thọ thuộc tâm; các pháp này được gắn bó với tâm, là các sự tạo tác của tâm; trong khi làm cho an tịnh, làm cho diệt tận, làm cho bình lặng các sự tạo tác của tâm ấy, vị ấy tập.

Làm cho an tịnh sự tạo tác của tâm nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra là thọ, sự thiết lập là niệm, sự quán xét là trí, thọ là sự thiết lập không phải là niệm, niệm vừa là sự thiết lập vừa là niệm; với niệm ấy, với trí ấy, vị ấy quán xét thọ ấy; vì thế được nói rằng: "Việc tu tập sự thiết lập niệm về quán xét thọ trên các thọ."

Quán xét: Quán xét thọ ấy là [có ý nghĩa] thế nào? Quán xét là vô thường... (nt)... quán xét thọ ấy là [có ý nghĩa] như thế. **Sự tu tập:** Có bốn sự tu tập: ... (nt)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện.

Làm cho an tịnh sự tạo tác của tâm đối với hơi thở vào hơi thở ra là giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc,... (nt)... Làm cho an tịnh sự tạo tác của tâm, đối với vị nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra,... (nt)... trong khi nhận biết [vị ấy] liên kết các quyền; vì thế được nói rằng: "Và thấu triệt ý nghĩa của thanh tịnh." (4)

Tám trí về quán xét, tám tùy niệm về sự thiết lập và bốn nền tảng thuộc Kinh về việc quán xét thọ trên các thọ.

Nhóm bốn thứ nhì.

"Cảm giác tâm, tôi sẽ thở vào" vị ấy tập, "cảm giác tâm, tôi sẽ thở ra" vị ấy tập là [có ý nghĩa] thế nào?

Tâm ấy là gì? Nhờ tác động của hơi thở vào dài, có sự nhận thức là tâm. Tâm tức là ý, là tinh thần, là tim, là sắc trắng, là ý xứ, là ý quyền, là thức, là thức uẩn, là ý thức giới sanh ra từ điều ấy. Nhờ tác động của hơi thở ra dài,... (nt)... Làm cho an tịnh sự tạo tác của tâm nhờ tác động của hơi thở vào,... (nt)... Làm cho an tịnh sự tạo tác của tâm nhờ tác động của hơi thở ra có sự nhận thức là tâm. Tâm tức là ý, là tinh thần, là tim, là sắc trắng, là ý xứ, là ý quyền, là thức, là thức uẩn, là ý thức giới sanh ra từ điều ấy; điều này là tâm.

Tâm ấy được cảm nhận thế nào? Đối với vị đang nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào dài, niệm được thiết lập; với niệm ấy, với trí ấy, tâm ấy được cảm nhận. Đối với vị đang nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở ra dài, niệm được thiết lập; với niệm ấy, với trí ấy, tâm ấy được cảm nhận. … (nt)...; đối với vị đang tác chứng các pháp cần được tác chứng, tâm ấy được cảm nhận. Tâm ấy được cảm nhận là như vậy.

Cảm giác tâm nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra, có sự nhận thức là tâm, sự thiết lập là niệm,... (nt)...; vì thế được nói rằng: "Việc tu tập sự thiết lập niệm về quán xét tâm trên tâm."

Quán xét: Quán xét tâm ấy là [có ý nghĩa] thế nào? ... (nt)... Quán xét tâm ấy là [có ý nghĩa] như thế. **Sự tu tập:** Có bốn sự tu tập: ... (nt)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện.

Cảm giác tâm đối với hơi thở vào hơi thở ra là giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc,... (nt)... Cảm giác tâm, đối với vị nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra,... (nt)... trong khi nhận biết [vị ấy] liên kết các quyền; vì thế được nói rằng: "Và thấu triệt ý nghĩa của thanh tịnh." (1)

"Làm cho tâm được hân hoan, tôi sẽ thở vào" vị ấy tập, "làm cho tâm được hân hoan, tôi sẽ thở ra" vị ấy tập là [có ý nghĩa] thế nào?

Sự hân hoan của tâm là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với vị đang nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào dài, sự hân hoan của tâm sanh lên; điều nào là sự hoan hỷ, sự thích thú, sự vui mừng, sự mừng rỡ, sự phấn khởi của tâm là sự thỏa thích của tâm. Đối với vị đang nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở ra dài, sự hân hoan của tâm sanh lên; điều nào là sự hoan hỷ, sự thích thú, sự vui mừng, sự mừng rỡ, sự phấn khởi của tâm là sự thỏa thích của tâm. … (nt)... Cảm giác tâm nhờ tác động của hơi thở vào... (nt)... Cảm giác tâm nhờ tác động của hơi thở ra, sự hân hoan của tâm sanh lên; điều nào là sự hoan hỷ, sự thích thú, sự vui mừng, sự mừng rỡ, sự phấn khởi của tâm là sự thỏa thích của tâm; điều này là sự hân hoan của tâm.

Làm cho tâm được hân hoan nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra, có sự nhận thức là tâm, sự thiết lập là niệm, sự quán xét là trí, tâm là sự thiết lập không phải là niệm, niệm vừa là sự thiết lập vừa là niệm; với niệm ấy, với trí

ấy, vị ấy quán xét tâm ấy; vì thế được nói rằng: "Việc tu tập sự thiết lập niệm về quán xét tâm trên tâm."

Quán xét: Quán xét tâm ấy là [có ý nghĩa] thế nào? ... (nt)... quán xét tâm ấy là [có ý nghĩa] như thế. **Sự tu tập:** Có bốn sự tu tập: ... (nt)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện.

Làm cho tâm được hân hoan đối với các hơi thở vào hơi thở ra là giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc,... (nt)... Làm cho tâm được hân hoan, đối với vị nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra,... (nt)... trong khi nhận biết [vị ấy] liên kết các quyền; vì thế được nói rằng: "Và thấu triệt ý nghĩa của thanh tịnh." (2)

"Làm cho tâm được định tĩnh, tôi sẽ thở vào" vị ấy tập, "làm cho tâm được định tĩnh, tôi sẽ thở ra" vị ấy tập là [có ý nghĩa] thế nào?

Định là gì? Nhờ tác động của hơi thở vào dài sự chuyên nhất không tản mạn của tâm là định; điều nào là sự đứng vững, sự an trụ, sự vững vàng, sự không tán loạn, sự không tản mạn của tâm, trạng thái của ý không bị tán loạn, sự chỉ tịnh, định quyền, định lực, chánh định. Nhờ tác động của hơi thở ra dài sự chuyên nhất không tản mạn của tâm là định,... (nt)... Làm cho tâm được định tĩnh nhờ tác động của hơi thở vào... (nt)... Làm cho tâm được định tĩnh, nhờ tác động của hơi thở ra sự chuyên nhất không tản mạn của tâm là định; điều nào là sự đứng vững, sự an trụ, sự vững vàng, sự không tán loạn, sự không tản mạn của tâm, trạng thái của ý không bị tán loạn, sự chỉ tịnh, định quyền, định lực, chánh định; điều ấy là định.

Làm cho tâm được định tĩnh nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra, sự nhận thức là tâm, sự thiết lập là niệm, sự quán xét là trí, tâm là sự thiết lập không phải là niệm; niệm vừa là sự thiết lập vừa là niệm; với niệm ấy, với trí ấy, vị ấy quán xét tâm ấy; vì thế được nói rằng: "Việc tu tập sự thiết lập niệm về quán xét tâm trên tâm."

Quán xét: Quán xét tâm ấy là [có ý nghĩa] thế nào? ... (nt)... quán xét tâm ấy là [có ý nghĩa] như thế. **Sự tu tập:** Có bốn sự tu tập: ... (nt)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. Làm cho tâm được định tĩnh của các hơi thở vào hơi thở ra là giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc,... (nt)... Làm cho tâm được định tĩnh, đối với vị nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra,... (nt)... trong khi nhận biết [vị ấy] liên kết các quyền; vì thế được nói rằng: "Và thấu triệt ý nghĩa của thanh tịnh." (3)

"Làm cho tâm được giải thoát, tôi sẽ thở vào" vị ấy tập, "làm cho tâm được giải thoát, tôi sẽ thở ra" vị ấy tập là [có ý nghĩa] thế nào?

"Làm cho tâm được giải thoát khỏi tham ái, tôi sẽ thở vào" vị ấy tập; "làm cho tâm được giải thoát khỏi tham ái, tôi sẽ thở ra" vị ấy tập; "làm cho tâm được giải thoát khỏi sân hận, tôi sẽ thở vào" vị ấy tập; "làm cho tâm được giải thoát khỏi sân hận, tôi sẽ thở ra" vị ấy tập; "làm cho tâm được giải thoát khỏi si mê... khỏi ngã mạn... khỏi kiến... khỏi hoài nghi... khỏi sự lờ đờ... khỏi sự

phóng dật... khỏi sự hổ thẹn [tội lỗi]... "làm cho tâm được giải thoát khỏi sự ghê sợ [tội lỗi], tôi sẽ thở vào" vị ấy tập; "làm cho tâm được giải thoát khỏi sự ghê sợ [tội lỗi], tôi sẽ thở ra" vị ấy tập. Làm cho tâm được giải thoát nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra, có sự nhận thức là tâm, sự thiết lập là niệm,... (nt)...

Quán xét: Quán xét tâm ấy là [có ý nghĩa] thế nào? ... (nt)... quán xét tâm ấy là [có ý nghĩa] như thế. **Sự tu tập:** Có bốn sự tu tập: ... (nt)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện.

Làm cho tâm được giải thoát đối với các hơi thở vào hơi thở ra là giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc,... (nt)... Làm cho tâm được giải thoát, đối với vị nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra,... (nt)... trong khi nhận biết [vị ấy] liên kết các quyền; vì thế được nói rằng: "Và thấu triệt ý nghĩa của thanh tịnh." (4)

Tám trí về quán xét, tám tùy niệm về sự thiết lập, và bốn nền tảng thuộc Kinh về việc quán xét tâm trên tâm.

Nhóm bốn thứ ba.

"Quán xét về vô thường, tôi sẽ thở vào" vị ấy tập, "quán xét về vô thường, tôi sẽ thở ra" vị ấy tập là [có ý nghĩa] thế nào? **Vô thường:** Cái gì là vô thường? Năm uẩn là vô thường. Vô thường theo ý nghĩa gì? Vô thường với ý nghĩa sanh diệt. Đối với năm uẩn, trong khi nhìn thấy sự sanh [hành giả] nhìn thấy bao nhiêu tướng trạng, trong khi nhìn thấy sự diệt [hành giả] nhìn thấy bao nhiêu tướng trạng, trong khi nhìn thấy sự sanh diệt [hành giả] nhìn thấy bao nhiêu tướng trạng? Đối với năm uẩn, trong khi nhìn thấy sự sanh [hành giả] nhìn thấy hai mươi lăm tướng trạng, trong khi nhìn thấy sự diệt [hành giả] nhìn thấy hai mươi lăm tướng trạng; đối với năm uẩn, trong khi nhìn thấy sự sanh diệt [hành giả] nhìn thấy năm mươi tướng trạng này.

"Quán xét về vô thường ở sắc, tôi sẽ thở vào" vị ấy tập, "quán xét về vô thường ở sắc, tôi sẽ thở ra" vị ấy tập. "Quán xét về vô thường ở thọ,... ở tưởng... ở các hành... ở thức... ở mắt... ở lão tử, tôi sẽ thở vào" vị ấy tập, "quán xét về vô thường ở lão tử, tôi sẽ thở ra" vị ấy tập.

Quán xét về vô thường nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra là các pháp, sự thiết lập là niệm, sự quán xét là trí, các pháp là sự thiết lập không phải là niệm, niệm vừa là sự thiết lập vừa là niệm; với niệm ấy, với trí ấy, vị ấy quán xét các pháp ấy; vì thế được nói rằng: "Việc tu tập sự thiết lập niệm về quán xét pháp trên các pháp."

Quán xét: Quán xét các pháp ấy là [có ý nghĩa] thế nào? ... (nt)... quán xét các pháp ấy là [có ý nghĩa] như thế. **Sự tu tập:** Có bốn sự tu tập: ... (nt)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện.

Quán xét về vô thường của các hơi thở vào hơi thở ra là giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc,... (nt)... Quán xét về vô thường, đối với vị nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra,... (nt)...

trong khi nhận biết [vị ấy] liên kết các quyền; vì thế được nói rằng: "Và thấu triệt ý nghĩa của thanh tịnh." (1)

"Quán xét về ly tham, tôi sẽ thở vào" vị ấy tập, "quán xét về ly tham, tôi sẽ thở ra" vị ấy tập là [có ý nghĩa] thế nào?

Sau khi nhìn thấy sự tai hại ở sắc, có ước muốn sanh lên về ly tham ở sắc, đức tin được hướng đến, và tâm của vị ấy được khẳng định chắc chắn: "Quán xét về ly tham ở sắc, tôi sẽ thở vào" vị ấy tập, "quán xét về ly tham ở sắc, tôi sẽ thở ra" vị ấy tập. Sau khi nhìn thấy sự tai hại ở sắc, có ước muốn sanh lên về việc ly tham khỏi sắc, đức tin được hướng đến, và tâm của vị ấy được khẳng định chắc chắn: "Quán xét về ly tham ở thọ,... ở tưởng... ở các hành... ở thức... ở mắt... ở lão tử, tôi sẽ thở vào" vị ấy tập, "quán xét về ly tham ở lão tử, tôi sẽ thở ra" vị ấy tập.

Quán xét về ly tham nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra là các pháp, sự thiết lập là niệm,... (nt)...; vì thế được nói rằng: "Việc tu tập sự thiết lập niệm về quán xét pháp trên các pháp."

Quán xét: Quán xét các pháp ấy là [có ý nghĩa] thế nào? ... (nt)... quán xét các pháp ấy là [có ý nghĩa] như thế. **Sự tu tập:** Có bốn sự tu tập: ... (nt)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện.

Quán xét về ly tham của các hơi thở vào hơi thở ra là giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc,... (nt)... Quán xét về ly tham, đối với vị nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra,... (nt)... trong khi nhận biết [vị ấy] liên kết các quyền; vì thế được nói rằng: "Và thấu triệt ý nghĩa của thanh tịnh." (2)

"Quán xét về diệt tận, tôi sẽ thở vào" vị ấy tập, "quán xét về diệt tận, tôi sẽ thở ra" vị ấy tập là [có ý nghĩa] thế nào?

Sau khi nhìn thấy sự tai hại ở sắc, có ước muốn sanh lên về sự diệt tận ở sắc, đức tin được hướng đến, và tâm của vị ấy được khẳng định chắc chắn: "Quán xét về diệt tận ở sắc, tôi sẽ thở vào" vị ấy tập, "quán xét về diệt tận ở sắc, tôi sẽ thở ra" vị ấy tập. Sau khi nhìn thấy sự tai hại ở sắc, có ước muốn sanh lên về sự diệt tận ở sắc, đức tin được hướng đến, và tâm của vị ấy được khẳng định chắc chắn: "Quán xét về diệt tận ở thọ,... ở tưởng... ở các hành... ở thức... ở mắt... ở lão tử, tôi sẽ thở vào" vị ấy tập, "quán xét về diệt tận ở lão tử, tôi sẽ thở ra" vị ấy tập.

Tai hại ở vô minh là với bao nhiêu biểu hiện? Vô minh được diệt tận với bao nhiêu biểu hiện? Tai hại ở vô minh là với năm biểu hiện. Vô minh được diệt tận với tám biểu hiện.

Tai hại ở vô minh là với năm biểu hiện gì? Tai hại ở vô minh theo ý nghĩa vô thường, tai hại ở vô minh theo ý nghĩa khổ não, tai hại ở vô minh theo ý nghĩa vô ngã, tai hại ở vô minh theo ý nghĩa thiêu đốt, tai hại ở vô minh theo ý nghĩa chuyển biến; tai hại ở vô minh là với năm biểu hiện này.

Vô minh được diệt tận với tám biểu hiện gì? Với sự diệt tận của căn nguyên, vô minh được diệt tận; với sự diệt tận của nguồn gốc sanh khởi, vô minh được diệt tận; với sự diệt tận của sanh, vô minh được diệt tận; với sự diệt tận của phát khởi, vô minh được diệt tận; với sự diệt tận của nhân, vô minh được diệt tận; với sự diệt tận của duyên, vô minh được diệt tận; với sự sanh khởi của trí, vô minh được diệt tận; với sự thiết lập của diệt tận, vô minh được diệt tận; vô minh được diệt tận với tám biểu hiện này.

Sau khi nhìn thấy sự tai hại ở vô minh với năm biểu hiện này, có ước muốn sanh lên về sự diệt tận ở vô minh với tám biểu hiện này, đức tin được hướng đến, và tâm của vị ấy được khẳng định chắc chắn: "Quán xét về diệt tận ở vô minh, tôi sẽ thở vào" vị ấy tập, "quán xét về diệt tận ở vô minh, tôi sẽ thở ra" vị ấy tập.

Tai hại ở các hành là với bao nhiêu biểu hiện? Các hành được diệt tận với bao nhiêu biểu hiện? ... (nt)... Tai hại ở thức là với bao nhiêu biểu hiện? Thức được diệt tận với bao nhiêu biểu hiện? ... (nt)... Tai hại ở danh sắc là với bao nhiêu biểu hiện? Danh sắc được diệt tận với bao nhiêu biểu hiện? ... (nt)... Tai hại ở sáu xứ là với bao nhiêu biểu hiện? Sáu xứ được diệt tận với bao nhiêu biểu hiện? ... (nt)... Tai hại ở xúc là với bao nhiêu biểu hiện? Xúc được diệt tận với bao nhiêu biểu hiện? ... (nt)... Tai hại ở thọ là với bao nhiêu biểu hiện? Thọ được diệt tận với bao nhiêu biểu hiện? ... (nt)... Tai hại ở ái là với bao nhiêu biểu hiện? Ái được diệt tận với bao nhiêu biểu hiện? ... (nt)... Tai hại ở thủ là với bao nhiêu biểu hiện? Thủ được diệt tận với bao nhiêu biểu hiện? ... (nt)... Tai hại ở hữu là với bao nhiêu biểu hiện? Hữu được diệt tận với bao nhiêu biểu hiện? ... (nt)... Tai hại ở sanh là với bao nhiêu biểu hiện? Sanh được diệt tận với bao nhiêu biểu hiện? ... (nt)... Tai hại ở lão tử là với bao nhiêu biểu hiện? Lão tử được diệt tận với bao nhiêu biểu hiện? Tai hại ở lão tử là với năm biểu hiện. Lão tử được diệt tận với tám biểu hiện.

Tai hại ở lão tử là với năm biểu hiện gì? Tai hại ở lão tử theo ý nghĩa vô thường,... (nt)... theo ý nghĩa khổ não,... (nt)... theo ý nghĩa vô ngã,... (nt)... theo ý nghĩa thiêu đốt,... (nt)... theo ý nghĩa chuyển biến; tai hại ở lão tử là với năm biểu hiện này.

Lão tử được diệt tận với tám biểu hiện gì? Với sự diệt tận của căn nguyên, lão tử được diệt tận; với sự diệt tận của nguồn gốc sanh khởi,... (nt)... với sự diệt tận của sanh,... (nt)... với sự diệt tận của phát khởi,... (nt)... với sự diệt tận của nhân,... (nt)... với sự diệt tận của duyên,... (nt)... với sự sanh khởi của trí,... với sự thiết lập của diệt tận, lão tử được diệt tận; lão tử được diệt tận với tám biểu hiện này.

Sau khi nhìn thấy sự tai hại ở lão tử với năm biểu hiện này, có ước muốn sanh lên về sự diệt tận ở lão tử với tám biểu hiện này, đức tin được hướng đến, và tâm của vị ấy được khẳng định chắc chắn: "Quán xét về diệt tận ở lão tử, tôi sẽ thở vào" vị ấy tập, "quán xét về diệt tận ở lão tử, tôi sẽ thở ra" vị ấy tập.

Quán xét về diệt tận nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra là các pháp, sự thiết lập là niệm, sự quán xét là trí, các pháp là sự thiết lập không phải là niệm, niệm vừa là sự thiết lập vừa là niệm; với niệm ấy, với trí ấy, vị ấy quán xét các pháp ấy; vì thế được nói rằng: "Việc tu tập sự thiết lập niệm về quán xét pháp trên các pháp."

Quán xét: Quán xét các pháp ấy là [có ý nghĩa] thế nào? ... (nt)... Quán xét các pháp ấy là [có ý nghĩa] như thế. **Sự tu tập:** Có bốn sự tu tập: ... (nt)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện.

Quán xét về diệt tận của các hơi thở vào hơi thở ra là giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc,... (nt)... Quán xét về diệt tận, đối với vị nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra,... (nt)... trong khi nhận biết [vị ấy] liên kết các quyền; vì thế được nói rằng: "Và thấu triệt ý nghĩa của thanh tịnh." (3)

"Quán xét về từ bỏ, tôi sẽ thở vào" vị ấy tập, "quán xét về từ bỏ, tôi sẽ thở ra" vị ấy tập là [có ý nghĩa] thế nào?

Từ bỏ: Có hai sự từ bỏ: Sự từ bỏ do buông bỏ và sự từ bỏ do tiến vào. "Buông bỏ sắc" là sự từ bỏ do buông bỏ. "Tâm tiến vào sự diệt tận của sắc Niết-bàn" là sự từ bỏ do tiến vào: "Quán xét về từ bỏ các sắc, tôi sẽ thở vào" vị ấy tập, "quán xét về từ bỏ các sắc, tôi sẽ thở ra" vị ấy tập. "Buông bỏ thọ"... (nt)... tưởng... (nt)... các hành... (nt)... thức... (nt)... mắt... (nt)... "Buông bỏ lão tử" là sự từ bỏ do buông bỏ. "Tâm tiến vào sự diệt tận của lão tử Niết-bàn" là sự từ bỏ do tiến vào: "Quán xét về từ bỏ lão tử, tôi sẽ thở vào" vị ấy tập, "quán xét về từ bỏ lão tử, tôi sẽ thở ra" vị ấy tập.

Quán xét về sự từ bỏ nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra là các pháp, sự thiết lập là niệm, sự quán xét là trí, các pháp là sự thiết lập không phải là niệm, niệm vừa là sự thiết lập vừa là niệm; với niệm ấy, với trí ấy, vị ấy quán xét các pháp ấy; vì thế được nói rằng: "Việc tu tập sự thiết lập niệm về quán xét pháp trên các pháp."

Quán xét: Quán xét các pháp ấy là [có ý nghĩa] thế nào? Quán xét về vô thường, không phải về thường. … (nt)... [Vị ấy] từ bỏ, không nắm giữ. Trong khi quán xét về vô thường, [vị ấy] dứt bỏ thường tưởng. … (nt)... trong khi từ bỏ, [vị ấy] dứt bỏ sự nắm giữ. Quán xét các pháp ấy là [có ý nghĩa] như thế. **Sự tu tập:** Có bốn sự tu tập: Là sự tu tập các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy theo ý nghĩa không vượt trội,... (nt)..., là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện.

Quán xét về từ bỏ đối với hơi thở vào hơi thở ra là giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc, là tâm thanh tịnh theo ý nghĩa không tản mạn, là kiến thanh tịnh theo ý nghĩa nhận thức. Trong trường hợp ấy ý nghĩa thu thúc là sự học tập về thắng giới, trong trường hợp ấy ý nghĩa theo ý nghĩa không tản mạn là sự học tập về thắng tâm, trong trường hợp ấy ý nghĩa nhận thức là sự học tập về thắng tuệ. Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này vị ấy tập; trong khi nhận biết,... (nt)... trong khi tác chứng các pháp cần được tác chứng vị ấy tập.

Có sự quán xét về từ bỏ, đối với vị nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra, các thọ sanh lên được biết đến, thiết lập được biết đến, biến mất được biết đến... (nt)... Có sự quán xét về từ bỏ, trong khi nhận biết sự chuyên nhất không tản mạn của tâm nhờ tác động của hơi thở vào hơi thở ra, [vị ấy] liên kết các quyền, nhận biết hành xứ, thấu triệt ý nghĩa của thanh tịnh, [vị ấy] liên kết các lực, liên kết các giác chi, liên kết đạo, liên kết các pháp, nhận biết hành xứ, và thấu triệt ý nghĩa của thanh tịnh.

Liên kết các quyền: Liên kết các quyền là [có ý nghĩa] thế nào? Liên kết tín quyền theo ý nghĩa cương quyết. … (nt)...; vì thế được nói rằng: "Và thấu triệt ý nghĩa của thanh tịnh." (4)

Tám trí về quán xét, tám tùy niệm về sự thiết lập, và bốn nền tảng thuộc Kinh về việc quán xét pháp trên các pháp.

Đây là ba mươi hai trí về việc thực hành niệm.

Nhóm bốn thứ tư.

Dứt phần giải thích trí về việc thực hành niệm.

6-11. NHÓM SÁU VỀ TRÍ

(6) Hai mươi bốn trí gì do năng lực của định?

Nhờ tác động của hơi thở vào dài sự chuyên nhất không tản mạn của tâm là định, nhờ tác động của hơi thở ra dài sự chuyên nhất không tản mạn của tâm là định,... (nt)... Làm cho tâm được giải thoát, nhờ tác động của hơi thở vào sự chuyên nhất không tản mạn của tâm là định, làm cho tâm được giải thoát, nhờ tác động của hơi thở ra sự chuyên nhất không tản mạn của tâm là định.

Đây là hai mươi bốn trí do năng lực của định.

(7) Bảy mươi hai trí gì do năng lực của minh sát?

Hơi thở vào dài, theo ý nghĩa quán xét là vô thường là minh sát, theo ý nghĩa quán xét là khổ não là minh sát, theo ý nghĩa quán xét là vô ngã là minh sát. Hơi thở ra dài, theo ý nghĩa quán xét là vô thường là minh sát, theo ý nghĩa quán xét là khổ não là minh sát, theo ý nghĩa quán xét là vô ngã là minh sát. … (nt)... Làm cho tâm được giải thoát trong khi thở vào, làm cho tâm được giải thoát trong khi thở ra, theo ý nghĩa quán xét là vô thường là minh sát, theo ý nghĩa quán xét là khổ não là minh sát, theo ý nghĩa quán xét là vô ngã là minh sát.

Đây là bảy mươi hai trí do năng lực của minh sát.

(8) Tám trí về nhàm chán là gì?

"Quán xét về vô thường, [vị ấy] biết và thấy hơi thở vào đúng theo bản thể" là trí về nhàm chán, "quán xét về vô thường, [vị ấy] biết và thấy hơi thở ra đúng theo bản thể" là trí về nhàm chán,... (nt)..., "quán xét về từ bỏ, [vị ấy] biết và thấy hơi thở vào đúng theo bản thể" là trí về nhàm chán, "quán xét về từ bỏ, [vị ấy] biết và thấy hơi thở ra đúng theo bản thể" là trí về nhàm chán.

Đây là tám trí về nhàm chán.

(9) Tám trí thuận theo nhàm chán là gì?

Quán xét về vô thường trong khi thở vào, tuệ về sự thiết lập của kinh hãi là trí thuận theo nhàm chán; quán xét về vô thường trong khi thở ra, tuệ về sự thiết lập của kinh hãi là trí thuận theo nhàm chán;... (nt)...; quán xét về từ bỏ trong khi thở vào, tuệ về sự thiết lập của kinh hãi là trí thuận theo nhàm chán; quán xét về từ bỏ trong khi thở ra, tuệ về sự thiết lập của kinh hãi là trí thuận theo nhàm chán.

Đây là tám trí thuận theo nhàm chán.

(10) Tám trí gì về sự tịnh lặng của nhàm chán?

Quán xét về vô thường trong khi thở vào, tuệ về sự phân biệt rõ và về sự trụ vững là trí về sự tịnh lặng của nhàm chán; quán xét về vô thường trong khi thở ra, tuệ về sự phân biệt rõ và về sự trụ vững là trí về sự tịnh lặng của nhàm chán;... (nt)...; quán xét về từ bỏ trong khi thở vào, tuệ về sự phân biệt rõ và về sự trụ vững là trí về sự tịnh lặng của nhàm chán; quán xét về từ bỏ trong khi thở ra, tuệ về sự phân biệt rõ và về sự trụ vững là trí về sự tịnh lặng của nhàm chán.

Đây là tám trí về sự tịnh lặng của nhàm chán.

(11) Hai mươi mốt trí gì về sự an lạc của giải thoát?

Do đạo Nhập lưu, trạng thái dứt bỏ, trạng thái đoạn trừ hoàn toàn đối với thân kiến sanh lên là trí về sự an lạc của giải thoát; trạng thái dứt bỏ, trạng thái đoạn trừ hoàn toàn đối với hoài nghi sanh lên là trí về sự an lạc của giải thoát; trạng thái dứt bỏ, trạng thái đoạn trừ hoàn toàn đối với sự cố chấp vào giới và nghi thức,... đối với kiến ngủ ngầm,... đối với hoài nghi ngủ ngầm sanh lên là trí về sự an lạc của giải thoát. Do đạo Nhất lai, trạng thái dứt bỏ, trạng thái đoạn trừ hoàn toàn đối với sự ràng buộc của ái dục, đối với sự ràng buộc của bất bình có tính chất thô thiển,... đối với ái dục ngủ ngầm và bất bình ngủ ngầm có tính chất thô thiển sanh lên là trí về sự an lạc của giải thoát. Do đạo Bất lai, trạng thái dứt bỏ, trạng thái đoạn trừ hoàn toàn đối với sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất vi tế,... đối với ái dục ngủ ngầm và bất bình ngủ ngầm có tính chất vi tế sanh lên là trí về sự an lạc của giải thoát. Do đạo A-la-hán, trạng thái dứt bỏ, trạng thái đoạn trừ hoàn toàn đối với ái sắc,... đối với ái vô sắc, đối với ngã mạn, đối với phóng dật, đối với vô minh, đối với ngã mạn ngủ ngầm, đối với ái hữu ngủ ngầm, đối với vô minh ngủ ngầm sanh lên là trí về sự an lạc của giải thoát.

Đây là hai mươi mốt trí về sự an lạc của giải thoát.

Đối với vị đang tu tập định của niệm hơi thở vào hơi thở ra theo mười sáu nền tảng, có hơn hai trăm pháp sanh lên [ở vị ấy].

Phần giảng về "Niệm hơi thở vào hơi thở ra" được hoàn tất.

IV. GIẢNG VỀ QUYỀN
(*INDRIYAKATHĀ*)

1. BÀI KINH THỨ NHẤT (*Paṭhamasuttaṃ*)

Tôi đã được nghe như vầy:

Một thời, đức Thế Tôn ngự tại tu viện của ông Anāthapiṇḍika, trong khu rừng [của Thái tử] Jeta, ở thành Sāvatthi. Chính ở tại nơi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các vị Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu.

– Thưa Ngài.

Các vị Tỳ-khưu ấy đã đáp lại đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

– Này các Tỳ-khưu, đây là năm quyền. Những gì là năm? Tín quyền, tấn quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền. Này các Tỳ-khưu, đây là năm quyền.

Năm quyền này được thanh tịnh theo bao nhiêu cách? Năm quyền này được thanh tịnh theo mười lăm cách:

Đối với vị đang xa lánh các kẻ không có đức tin, đang xu hướng theo tiếp cận gần gũi những người có đức tin, đang quán xét lại các bài kinh khơi dậy đức tin; tín quyền được thanh tịnh bằng ba cách này.

Đối với vị đang xa lánh các kẻ biếng nhác, đang xu hướng theo tiếp cận gần gũi những người có sự ra sức tinh tấn, đang quán xét lại các sự nỗ lực đúng đắn; tấn quyền được thanh tịnh bằng ba cách này.

Đối với vị đang xa lánh các kẻ có niệm bị quên lãng, đang xu hướng theo tiếp cận gần gũi những người có niệm được thiết lập, đang quán xét lại các sự thiết lập niệm; niệm quyền được thanh tịnh bằng ba cách này.

Đối với vị đang xa lánh các kẻ không định tĩnh, đang xu hướng theo tiếp cận gần gũi những người định tĩnh, đang quán xét lại các định và giải thoát; định quyền được thanh tịnh bằng ba cách này.

Đối với vị đang xa lánh các kẻ có tuệ kém, đang xu hướng theo tiếp cận gần gũi những người có tuệ, đang quán xét lại hành vi của trí thâm sâu; tuệ quyền được thanh tịnh bằng ba cách này.

Như thế, đối với vị đang xa lánh năm hạng người này, đối với vị đang xu hướng theo tiếp cận gần gũi năm hạng người [kia], đối với vị đang quán xét lại các bài kinh khơi dậy đức tin, các quyền này được thanh tịnh theo mười lăm cách này.

Năm quyền được phát triển bằng bao nhiêu cách? Bằng bao nhiêu cách có được sự phát triển của năm quyền?[111] Năm quyền được phát triển bằng mười cách, bằng mười cách có được sự phát triển của năm quyền.

Trong khi dứt bỏ sự không có đức tin là phát triển tín quyền, trong khi phát triển tín quyền là dứt bỏ sự không có đức tin; trong khi dứt bỏ sự biếng nhác là phát triển tấn quyền, trong khi phát triển tấn quyền là dứt bỏ sự biếng nhác; trong khi dứt bỏ sự buông lung là phát triển niệm quyền, trong khi phát triển niệm quyền là dứt bỏ sự buông lung; trong khi dứt bỏ sự phóng dật là phát triển định quyền, trong khi phát triển định quyền là dứt bỏ sự phóng dật; trong khi dứt bỏ vô minh là phát triển tuệ quyền, trong khi phát triển tuệ quyền là dứt bỏ vô minh.

Năm quyền được phát triển bằng mười cách này, bằng mười cách này có được sự phát triển của năm quyền.

Năm quyền [là] được phát triển,[112] [là] được phát triển tốt đẹp bằng bao nhiêu cách? Năm quyền [là] được phát triển, [là] được phát triển tốt đẹp bằng mười cách.

Do trạng thái dứt bỏ, do trạng thái dứt bỏ tốt đẹp của sự không có đức tin, tín quyền được phát triển, được phát triển tốt đẹp; do trạng thái đã được phát triển, do trạng thái đã được phát triển tốt đẹp của tín quyền, có sự từ bỏ, có sự từ bỏ tốt đẹp của sự không có đức tin. Do trạng thái dứt bỏ... của sự biếng nhác, tấn quyền được phát triển...; do trạng thái đã được phát triển... của tấn quyền, có sự từ bỏ... của sự biếng nhác. Do trạng thái dứt bỏ... của sự buông lung, niệm quyền được phát triển...; do trạng thái đã được phát triển... của niệm quyền, có sự từ bỏ... của sự buông lung. Do trạng thái dứt bỏ... của phóng dật, định quyền được phát triển...; do trạng thái đã được phát triển... của định quyền, có sự từ bỏ... của phóng dật. Do trạng thái dứt bỏ, do trạng thái dứt bỏ tốt đẹp của vô minh, tuệ quyền được phát triển, được phát triển tốt đẹp; do trạng thái đã được phát triển, do trạng thái đã được phát triển tốt đẹp của tuệ quyền, có sự từ bỏ, có sự từ bỏ tốt đẹp của vô minh.

Năm quyền [là] được phát triển, [là] được phát triển tốt đẹp bằng mười cách này.

Năm quyền được phát triển bằng bao nhiêu cách? Năm quyền không những

---

[111] Động từ thụ động "*bhāvīyati*" (được phát triển), danh từ "*bhāvanā*" (sự làm cho hiện hữu, sự sản xuất, sự phát triển) và động từ tác nhân "*bhāveti*" (làm cho hiện hữu, sản xuất, phát triển) đều có chung từ gốc là √*bhū* = là, thì, ở, có, v.v... Động từ "*bhāveti*" còn được hiểu theo nghĩa bóng là "tu tập" (từ dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu), tương tợ danh từ "*bhāvanā*" cũng được dịch là "sự tu tập." Như vậy, "*pañcannaṃ indriyānaṃ bhāvanā*" có thể hiểu "sự phát triển của năm quyền" hoặc "sự tu tập năm quyền" tùy theo ngữ cảnh. (ND)

[112] Ở trên, "*pañcindriyāni bhāvīyanti*" được dịch là "năm quyền (đang) được phát triển", và ở đây "*pañcindriyāni bhāvitāni honti*" được dịch là "năm quyền (là) được phát triển." Cả hai câu đều có ý nghĩa thụ động, câu thứ nhất có động từ ở thì hiện tại, còn câu sau có quá khứ phân từ thụ động, tương đương tính từ, được dùng với trợ động từ "*honti*" (là, thì). Lý do của sự khác biệt này sẽ được thấy rõ khi đọc đến phần kế tiếp. (ND)

[là] được phát triển, mà [là] còn được phát triển tốt đẹp, được tịnh lặng, và được tịnh lặng tốt đẹp bằng bao nhiêu cách? Năm quyền được phát triển bằng bốn cách; năm quyền không những [là] được phát triển, mà [là] còn được phát triển tốt đẹp, được tịnh lặng, và được tịnh lặng tốt đẹp bằng bốn cách.

Ở sát-na đạo Nhập lưu, năm quyền được phát triển; ở sát-na quả Nhập lưu, năm quyền không những [là] được phát triển, mà [là] còn được phát triển tốt đẹp, được tịnh lặng, và được tịnh lặng tốt đẹp. Ở sát-na đạo Nhất lai,... ở sát-na quả Nhất lai,... Ở sát-na đạo Bất lai,... ở sát-na quả Bất lai,... Ở sát-na đạo A-la-hán, năm quyền được phát triển; ở sát-na quả A-la-hán, năm quyền không những [là] được phát triển, mà [là] còn được phát triển tốt đẹp, được tịnh lặng, và được tịnh lặng tốt đẹp.

Như thế, có bốn sự thanh tịnh của đạo, có bốn sự thanh tịnh của quả, có bốn sự thanh tịnh của đoạn trừ, có bốn sự thanh tịnh của tịnh lặng. Bằng bốn cách này, năm quyền được phát triển; bằng bốn cách này, năm quyền không những [là] được phát triển, mà [là] còn được phát triển tốt đẹp, được tịnh lặng, và được tịnh lặng tốt đẹp.

Có sự phát triển quyền ở bao nhiêu hạng người? Bao nhiêu hạng người có quyền được phát triển? Có sự phát triển quyền ở tám hạng người, ba hạng người có quyền được phát triển.

Có sự phát triển quyền ở tám hạng người nào? Ở bảy hạng Hữu học và phàm nhân hoàn thiện; có sự phát triển quyền ở tám hạng người này. Ba hạng người nào có quyền được phát triển? Vị Phật Thinh văn, đệ tử của đức Như Lai, là bậc Lậu tận có quyền được phát triển; đức Phật Độc Giác với ý nghĩa tự mình chứng ngộ có quyền được phát triển; đức Như Lai với ý nghĩa vô lượng, là bậc A-la-hán, đấng Chánh Đẳng Giác có quyền được phát triển; ba hạng người này có quyền được phát triển.

Như thế, có sự phát triển quyền ở tám hạng người này; ba hạng người này có quyền được phát triển.

Dứt phần giải thích về bài kinh thứ nhất.

2. BÀI KINH THỨ NHÌ (*Dutiyasuttaṃ*)

(Duyên khởi ở Sāvatthi)

Này các Tỳ-khưu, đây là năm quyền. Những gì là năm? Tín quyền, tấn quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền.

Này các Tỳ-khưu, chính các vị Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào không nhận biết đúng theo thực thể về sự sanh khởi, về sự biến mất, về sự khoái lạc, về sự tai hại, và về sự xuất ly của năm quyền này, này các Tỳ-khưu, đối với Ta, các Sa-môn hoặc Bà-la-môn ấy không được xem là Sa-môn trong số các Sa-môn, hoặc không được xem là Bà-la-môn trong số các Bà-la-môn; hơn nữa, các vị tôn túc ấy ngay trong thời hiện tại không tự mình tác chứng bằng thắng trí, đạt đến và an trú vào mục đích của Sa-môn hạnh hoặc mục đích của Bà-la-môn hạnh.

Này các Tỳ-khưu, chính các vị Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào nhận biết đúng theo thực thể về sự sanh khởi, về sự biến mất, về sự khoái lạc, về sự tai hại và về sự xuất ly của năm quyền này, này các Tỳ-khưu, đối với Ta, các Sa-môn hoặc Bà-la-môn ấy được xem là Sa-môn trong số các Sa-môn, hoặc được xem là Bà-la-môn trong số các Bà-la-môn; hơn nữa các vị tôn túc ấy ngay trong thời hiện tại tự mình tác chứng bằng thắng trí, đạt đến và an trú vào mục đích của Sa-môn hạnh hoặc mục đích của Bà-la-môn hạnh.

Sự sanh khởi của năm quyền là với bao nhiêu biểu hiện? Nhận biết sự sanh khởi của năm quyền bằng bao nhiêu biểu hiện? Sự biến mất của năm quyền là với bao nhiêu biểu hiện? Nhận biết sự biến mất của năm quyền bằng bao nhiêu biểu hiện? Sự khoái lạc của năm quyền là với bao nhiêu biểu hiện? Nhận biết sự khoái lạc của năm quyền bằng bao nhiêu biểu hiện? Sự tai hại của năm quyền là với bao nhiêu biểu hiện? Nhận biết sự tai hại của năm quyền bằng bao nhiêu biểu hiện? Sự xuất ly của năm quyền là với bao nhiêu biểu hiện? Nhận biết sự xuất ly của năm quyền bằng bao nhiêu biểu hiện?

Sự sanh khởi của năm quyền là với bốn mươi biểu hiện, [hành giả] nhận biết sự sanh khởi của năm quyền bằng bốn mươi biểu hiện. Sự biến mất của năm quyền là với bốn mươi biểu hiện, [hành giả] nhận biết sự biến mất của năm quyền bằng bốn mươi biểu hiện. Sự khoái lạc của năm quyền là với hai mươi lăm biểu hiện, [hành giả] nhận biết sự khoái lạc của năm quyền bằng hai mươi lăm biểu hiện. Sự tai hại của năm quyền là với hai mươi lăm biểu hiện, [hành giả] nhận biết sự tai hại của năm quyền bằng hai mươi lăm biểu hiện. Sự xuất ly của năm quyền là với một trăm tám mươi biểu hiện, [hành giả] nhận biết sự xuất ly của năm quyền bằng một trăm tám mươi biểu hiện.

Sự sanh khởi của năm quyền là với bốn mươi biểu hiện gì? Nhận biết sự sanh khởi của năm quyền bằng bốn mươi biểu hiện gì?

Sự sanh khởi của hướng tâm theo ý nghĩa cương quyết là sự sanh khởi của tín quyền, sự sanh khởi của ước muốn do tác động của sự cương quyết là sự sanh khởi của tín quyền, sự sanh khởi của tác ý do tác động của sự cương quyết là sự sanh khởi của tín quyền, sự thiết lập của nhất thể do tác động của tín quyền là sự sanh khởi của tín quyền. Sự sanh khởi của hướng tâm theo ý nghĩa ra sức là sự sanh khởi của tấn quyền, sự sanh khởi của ước muốn do tác động của sự ra sức là sự sanh khởi của tấn quyền, sự sanh khởi của tác ý do tác động của sự ra sức là sự sanh khởi của tấn quyền, sự thiết lập của nhất thể do tác động của tấn quyền là sự sanh khởi của tấn quyền. Sự sanh khởi của hướng tâm theo ý nghĩa thiết lập là sự sanh khởi của niệm quyền, sự sanh khởi của ước muốn do tác động của sự thiết lập là sự sanh khởi của niệm quyền, sự sanh khởi của tác ý do tác động của sự thiết lập là sự sanh khởi của niệm quyền, sự thiết lập của nhất thể do tác động của niệm quyền là sự sanh khởi của niệm quyền. Sự sanh khởi của hướng tâm theo ý nghĩa không tản mạn là sự sanh khởi của định quyền, sự sanh khởi của ước muốn do tác động của sự không tản mạn là sự sanh khởi của định quyền, sự sanh khởi của tác ý do tác động của sự không tản mạn là sự sanh

khởi của định quyền, sự thiết lập của nhất thể do tác động của định quyền là sự sanh khởi của định quyền. Sự sanh khởi của hướng tâm theo ý nghĩa nhận thức là sự sanh khởi của tuệ quyền, sự sanh khởi của ước muốn do tác động của sự nhận thức là sự sanh khởi của tuệ quyền, sự sanh khởi của tác ý do tác động của sự nhận thức là sự sanh khởi của tuệ quyền, sự thiết lập của nhất thể do tác động của tuệ quyền là sự sanh khởi của tuệ quyền.

Sự sanh khởi của hướng tâm theo ý nghĩa cương quyết là sự sanh khởi của tín quyền, sự sanh khởi của hướng tâm theo ý nghĩa ra sức là sự sanh khởi của tấn quyền, sự sanh khởi của hướng tâm theo ý nghĩa thiết lập là sự sanh khởi của niệm quyền, sự sanh khởi của hướng tâm theo ý nghĩa không tản mạn là sự sanh khởi của định quyền, sự sanh khởi của hướng tâm theo ý nghĩa nhận thức là sự sanh khởi của tuệ quyền. Sự sanh khởi của ước muốn do tác động của sự cương quyết là sự sanh khởi của tín quyền, sự sanh khởi của ước muốn do tác động của sự ra sức là sự sanh khởi của tấn quyền, sự sanh khởi của ước muốn do tác động của sự thiết lập là sự sanh khởi của niệm quyền, sự sanh khởi của ước muốn do tác động của sự không tản mạn là sự sanh khởi của định quyền, sự sanh khởi của ước muốn do tác động của sự nhận thức là sự sanh khởi của tuệ quyền.

Sự sanh khởi của tác ý do tác động của sự cương quyết là sự sanh khởi của tín quyền, sự sanh khởi của tác ý do tác động của sự ra sức là sự sanh khởi của tấn quyền, sự sanh khởi của tác ý do tác động của sự thiết lập là sự sanh khởi của niệm quyền, sự sanh khởi của tác ý do tác động của sự không tản mạn là sự sanh khởi của định quyền, sự sanh khởi của tác ý do tác động của sự nhận thức là sự sanh khởi của tuệ quyền. Sự thiết lập của nhất thể do tác động của tín quyền là sự sanh khởi của tín quyền, sự thiết lập của nhất thể do tác động của tấn quyền là sự sanh khởi của tấn quyền, sự thiết lập của nhất thể do tác động của niệm quyền là sự sanh khởi của niệm quyền, sự thiết lập của nhất thể do tác động của định quyền là sự sanh khởi của định quyền, sự thiết lập của nhất thể do tác động của tuệ quyền là sự sanh khởi của tuệ quyền.

Sự sanh khởi của năm quyền là với bốn mươi biểu hiện này, [hành giả] nhận biết sự sanh khởi của năm quyền bằng bốn mươi biểu hiện này.

Sự biến mất của năm quyền là với bốn mươi biểu hiện gì? Nhận biết sự biến mất của năm quyền bằng bốn mươi biểu hiện gì?

Sự biến mất của sự hướng tâm theo ý nghĩa cương quyết là sự biến mất của tín quyền, sự biến mất của ước muốn do tác động của sự cương quyết là sự biến mất của tín quyền, sự biến mất của tác ý do tác động của sự cương quyết là sự biến mất của tín quyền, sự không thiết lập của nhất thể do tác động của tín quyền là sự biến mất của tín quyền.

Sự biến mất của sự hướng tâm theo ý nghĩa ra sức là sự biến mất của tấn quyền, sự biến mất của ước muốn do tác động của sự ra sức là sự biến mất của tấn quyền, sự biến mất của tác ý do tác động của sự ra sức là sự biến mất của

tấn quyền, sự không thiết lập của nhất thể do tác động của tấn quyền là sự biến mất của tấn quyền.

Sự biến mất của sự hướng tâm theo ý nghĩa thiết lập là sự biến mất của niệm quyền, sự biến mất của ước muốn do tác động của sự thiết lập là sự biến mất của niệm quyền, sự biến mất của tác ý do tác động của sự thiết lập là sự biến mất của niệm quyền, sự không thiết lập của nhất thể do tác động của niệm quyền là sự biến mất của niệm quyền.

Sự biến mất của sự hướng tâm theo ý nghĩa không tản mạn là sự biến mất của định quyền, sự biến mất của ước muốn do tác động của sự không tản mạn là sự biến mất của định quyền, sự biến mất của tác ý do tác động của sự không tản mạn là sự biến mất của định quyền, sự không thiết lập của nhất thể do tác động của định quyền là sự biến mất của định quyền.

Sự biến mất của sự hướng tâm theo ý nghĩa nhận thức là sự biến mất của tuệ quyền, sự biến mất của ước muốn do tác động của sự nhận thức là sự biến mất của tuệ quyền, sự biến mất của tác ý do tác động của sự nhận thức là sự biến mất của tuệ quyền, sự không thiết lập của nhất thể do tác động của tuệ quyền là sự biến mất của tuệ quyền.

Sự biến mất của sự hướng tâm theo ý nghĩa cương quyết là sự biến mất của tín quyền, sự biến mất của sự hướng tâm theo ý nghĩa ra sức là sự biến mất của tấn quyền, sự biến mất của sự hướng tâm theo ý nghĩa thiết lập là sự biến mất của niệm quyền, sự biến mất của sự hướng tâm theo ý nghĩa không tản mạn là sự biến mất của định quyền, sự biến mất của sự hướng tâm theo ý nghĩa nhận thức là sự biến mất của tuệ quyền.

Sự biến mất của ước muốn do tác động của sự cương quyết là sự biến mất của tín quyền, sự biến mất của ước muốn do tác động của sự ra sức là sự biến mất của tấn quyền, sự biến mất của ước muốn do tác động của sự thiết lập là sự biến mất của niệm quyền, sự biến mất của ước muốn do tác động của sự không tản mạn là sự biến mất của định quyền, sự biến mất của ước muốn do tác động của sự nhận thức là sự biến mất của tuệ quyền.

Sự biến mất của tác ý do tác động của sự cương quyết là sự biến mất của tín quyền, sự biến mất của tác ý do tác động của sự ra sức là sự biến mất của tấn quyền, sự biến mất của tác ý do tác động của sự thiết lập là sự biến mất của niệm quyền, sự biến mất của tác ý do tác động của sự không tản mạn là sự biến mất của định quyền, sự biến mất của tác ý do tác động của sự nhận thức là sự biến mất của tuệ quyền.

Sự không thiết lập của nhất thể do tác động của tín quyền là sự biến mất của tín quyền, sự không thiết lập của nhất thể do tác động của tấn quyền là sự biến mất của tấn quyền, sự không thiết lập của nhất thể do tác động của niệm quyền là sự biến mất của niệm quyền, sự không thiết lập của nhất thể do tác động của định quyền là sự biến mất của định quyền, sự không thiết lập của nhất thể do tác động của tuệ quyền là sự biến mất của tuệ quyền.

Sự biến mất của năm quyền là với bốn mươi biểu hiện này, [hành giả] nhận biết sự biến mất của năm quyền bằng bốn mươi biểu hiện này.

Sự khoái lạc của năm quyền là với hai mươi lăm biểu hiện gì? Nhận biết sự khoái lạc của năm quyền bằng hai mươi lăm biểu hiện gì?

Sự không thiết lập của sự không có đức tin là sự khoái lạc của tín quyền, sự không thiết lập của trạng thái bực bội do không có đức tin là sự khoái lạc của tín quyền, sự tự tín của hành vi cương quyết là sự khoái lạc của tín quyền, sự an trú và đắc chứng thanh tịnh[113] là sự khoái lạc của tín quyền, lạc và hỷ tâm nào sanh lên tùy thuận vào tín quyền thì điều ấy là sự khoái lạc của tín quyền.

Sự không thiết lập của biếng nhác là sự khoái lạc của tấn quyền, sự không thiết lập của trạng thái bực bội do biếng nhác là sự khoái lạc của tấn quyền, sự tự tín của hành vi ra sức là sự khoái lạc của tấn quyền, sự an trú và đắc chứng thanh tịnh là sự khoái lạc của tấn quyền, lạc và hỷ tâm nào sanh lên tùy thuận vào tấn quyền thì điều ấy là sự khoái lạc của tấn quyền.

Sự không thiết lập của buông lung là sự khoái lạc của niệm quyền, sự không thiết lập của trạng thái bực bội do buông lung là sự khoái lạc của niệm quyền, sự tự tín của hành vi thiết lập là sự khoái lạc của niệm quyền, sự an trú và đắc chứng thanh tịnh là sự khoái lạc của niệm quyền, lạc và hỷ tâm nào sanh lên tùy thuận vào niệm quyền thì điều ấy là sự khoái lạc của niệm quyền.

Sự không thiết lập của phóng dật là sự khoái lạc của định quyền, sự không thiết lập của trạng thái bực bội do phóng dật là sự khoái lạc của định quyền, sự tự tín của hành vi không tản mạn là sự khoái lạc của định quyền, sự an trú và đắc chứng thanh tịnh là sự khoái lạc của định quyền, lạc và hỷ tâm nào sanh lên tùy thuận vào định quyền thì điều ấy là sự khoái lạc của định quyền.

Sự không thiết lập của vô minh là sự khoái lạc của tuệ quyền, sự không thiết lập của trạng thái bực bội do vô minh là sự khoái lạc của tuệ quyền, sự tự tín của hành vi nhận thức là sự khoái lạc của tuệ quyền, sự an trú và đắc chứng thanh tịnh là sự khoái lạc của tuệ quyền, lạc và hỷ tâm nào sanh lên tùy thuận vào tuệ quyền thì điều ấy là sự khoái lạc của tuệ quyền.

Sự khoái lạc của năm quyền là với hai mươi lăm biểu hiện này, [hành giả] nhận biết sự khoái lạc của năm quyền bằng hai mươi lăm biểu hiện này.

Sự tai hại của năm quyền là với hai mươi lăm biểu hiện gì? Nhận biết sự tai hại của năm quyền bằng hai mươi lăm biểu hiện gì?

Sự thiết lập của sự không có đức tin là sự tai hại của tín quyền, sự thiết lập của trạng thái bực bội do không có đức tin là sự tai hại của tín quyền, theo ý nghĩa vô thường là sự tai hại của tín quyền, theo ý nghĩa khổ não là sự tai hại của tín quyền, theo ý nghĩa vô ngã là sự tai hại của tín quyền.

Sự thiết lập của sự biếng nhác là sự tai hại của tấn quyền, sự thiết lập của trạng thái bực bội do biếng nhác là sự tai hại của tấn quyền, theo ý nghĩa vô

[113] Sự an trú và đắc chứng thanh tịnh là sự đạt được chỉ tịnh và minh sát (*PsA*. III. 539).

thường là sự tai hại của tấn quyền, theo ý nghĩa khổ não là sự tai hại của tấn quyền, theo ý nghĩa vô ngã là sự tai hại của tấn quyền.

Sự thiết lập của sự buông lung là sự tai hại của niệm quyền, sự thiết lập của trạng thái bực bội do buông lung là sự tai hại của niệm quyền, theo ý nghĩa vô thường là sự tai hại của niệm quyền, theo ý nghĩa khổ não là sự tai hại của niệm quyền, theo ý nghĩa vô ngã là sự tai hại của niệm quyền.

Sự thiết lập của phóng dật là sự tai hại của định quyền, sự thiết lập của trạng thái bực bội do phóng dật là sự tai hại của định quyền, theo ý nghĩa vô thường là sự tai hại của định quyền, theo ý nghĩa khổ não là sự tai hại của định quyền, theo ý nghĩa vô ngã là sự tai hại của định quyền.

Sự thiết lập của vô minh là sự tai hại của tuệ quyền, sự thiết lập của trạng thái bực bội do vô minh là sự tai hại của tuệ quyền, theo ý nghĩa vô thường là sự tai hại của tuệ quyền, theo ý nghĩa khổ não là sự tai hại của tuệ quyền, theo ý nghĩa vô ngã là sự tai hại của tuệ quyền.

Sự tai hại của năm quyền là với hai mươi lăm biểu hiện này, [hành giả] nhận biết sự tai hại của năm quyền bằng hai mươi lăm biểu hiện này.

Sự xuất ly của năm quyền là với một trăm tám mươi biểu hiện gì? Nhận biết sự xuất ly của năm quyền bằng một trăm tám mươi biểu hiện gì?

Với ý nghĩa cương quyết, tín quyền được xuất ly khỏi sự không có đức tin, được xuất ly khỏi trạng thái bực bội do không có đức tin, được xuất ly khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và khỏi các uẩn, được xuất ly khỏi tất cả các hiện tướng ở ngoại phần, từ đó được xuất ly khỏi tín quyền [thuộc thời điểm] liền trước đây nhờ sự thành tựu tín quyền thù thắng hơn.

Với ý nghĩa ra sức, tấn quyền được xuất ly khỏi sự biếng nhác, được xuất ly khỏi trạng thái bực bội do biếng nhác, được xuất ly khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và khỏi các uẩn, được xuất ly khỏi tất cả các hiện tướng ở ngoại phần, từ đó được xuất ly khỏi tấn quyền [thuộc thời điểm] liền trước đây nhờ sự thành tựu tấn quyền thù thắng hơn.

Với ý nghĩa thiết lập, niệm quyền được xuất ly khỏi sự buông lung, được xuất ly khỏi trạng thái bực bội do buông lung, được xuất ly khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và khỏi các uẩn, được xuất ly khỏi tất cả các hiện tướng ở ngoại phần, từ đó được xuất ly khỏi niệm quyền [thuộc thời điểm] liền trước đây nhờ sự thành tựu của niệm quyền thù thắng hơn.

Với ý nghĩa không tản mạn, định quyền được xuất ly khỏi sự phóng dật, được xuất ly khỏi trạng thái bực bội do phóng dật, được xuất ly khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và khỏi các uẩn, được xuất ly khỏi tất cả các hiện tướng ở ngoại phần, từ đó được xuất ly khỏi định quyền [thuộc thời điểm] liền trước đây nhờ sự thành tựu của định quyền thù thắng hơn.

Với ý nghĩa nhận thức, tuệ quyền được xuất ly khỏi vô minh, được xuất ly khỏi trạng thái bực bội do vô minh, được xuất ly khỏi các phiền não xu hướng

theo điều ấy và khỏi các uẩn, được xuất ly khỏi tất cả các hiện tướng ở ngoại phần, từ đó được xuất ly khỏi tuệ quyền [thuộc thời điểm] liền trước đây nhờ sự thành tựu của tuệ quyền thù thắng hơn.

Do nhờ năng lực của Sơ thiền, năm quyền được xuất ly khỏi năm quyền ở giai đoạn trước đây. Do nhờ năng lực của Nhị thiền, năm quyền được xuất ly khỏi năm quyền ở Sơ thiền. Do nhờ năng lực của Tam thiền, năm quyền được xuất ly khỏi năm quyền ở Nhị thiền. Do nhờ năng lực của Tứ thiền, năm quyền được xuất ly khỏi năm quyền ở Tam thiền. Do nhờ năng lực của sự chứng đạt Không vô biên xứ, năm quyền được xuất ly khỏi năm quyền ở Tứ thiền. Do nhờ năng lực của sự chứng đạt Thức vô biên xứ, năm quyền được xuất ly khỏi năm quyền ở sự chứng đạt Không vô biên xứ. Do nhờ năng lực của sự chứng đạt Vô sở hữu xứ, năm quyền được xuất ly khỏi năm quyền ở sự chứng đạt Thức vô biên xứ. Do nhờ năng lực của sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ, năm quyền được xuất ly khỏi năm quyền ở sự chứng đạt Vô sở hữu xứ. Do nhờ năng lực của sự quán xét về vô thường, năm quyền được xuất ly khỏi năm quyền ở sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Do nhờ năng lực của sự quán xét về khổ não, năm quyền được xuất ly khỏi năm quyền ở sự quán xét về vô thường. Do nhờ năng lực của sự quán xét về vô ngã, năm quyền được xuất ly khỏi năm quyền ở sự quán xét về khổ não. Do nhờ năng lực của sự quán xét về sự nhàm chán, năm quyền được xuất ly khỏi năm quyền ở sự quán xét về vô ngã. Do nhờ năng lực của sự quán xét về ly tham ái, năm quyền được xuất ly khỏi năm quyền ở sự quán xét về sự nhàm chán. Do nhờ năng lực của sự quán xét về sự diệt tận, năm quyền được xuất ly khỏi năm quyền ở sự quán xét về ly tham ái. Do nhờ năng lực của sự quán xét về sự từ bỏ, năm quyền được xuất ly khỏi năm quyền ở sự quán xét về sự diệt tận. Do nhờ năng lực của sự quán xét về sự đoạn tận, năm quyền được xuất ly khỏi năm quyền ở sự quán xét về sự từ bỏ. Do nhờ năng lực của sự quán xét về sự biến hoại, năm quyền được xuất ly khỏi năm quyền ở sự quán xét về sự đoạn tận. Do nhờ năng lực của sự quán xét về sự chuyển biến, năm quyền được xuất ly khỏi năm quyền ở sự quán xét về sự biến hoại. Do nhờ năng lực của sự quán xét về vô tướng, năm quyền được xuất ly khỏi năm quyền ở sự quán xét về sự chuyển biến. Do nhờ năng lực của sự quán xét về vô nguyện, năm quyền được xuất ly khỏi năm quyền ở sự quán xét về vô tướng. Do nhờ năng lực của sự quán xét về không tánh, năm quyền được xuất ly khỏi năm quyền ở sự quán xét về vô nguyện. Do nhờ năng lực của sự minh sát các pháp bằng thắng tuệ, năm quyền được xuất ly khỏi năm quyền ở sự quán xét về không tánh. Do nhờ năng lực của sự biết và thấy đúng theo thực thể, năm quyền được xuất ly khỏi năm quyền ở sự minh sát các pháp bằng thắng tuệ. Do nhờ năng lực của sự quán xét về sự tai hại, năm quyền được xuất ly khỏi năm quyền ở sự biết và thấy đúng theo thực thể. Do nhờ năng lực của sự quán xét về sự phân biệt rõ, năm quyền được xuất ly khỏi năm quyền ở sự quán xét về sự tai hại. Do nhờ năng lực của sự quán xét về sự ly khai, năm quyền được xuất ly khỏi năm quyền ở sự quán xét về sự

phân biệt rõ. Do nhờ năng lực của đạo Nhập lưu, năm quyền được xuất ly khỏi năm quyền ở sự quán xét về sự ly khai. Do nhờ năng lực của sự chứng đạt quả Nhập lưu, năm quyền được xuất ly khỏi năm quyền ở đạo Nhập lưu. Do nhờ năng lực của đạo Nhất lai, năm quyền được xuất ly khỏi năm quyền ở sự chứng đạt quả Nhập lưu. Do nhờ năng lực của sự chứng đạt quả Nhất lai, năm quyền được xuất ly khỏi năm quyền ở đạo Nhất lai. Do nhờ năng lực của đạo Bất lai, năm quyền được xuất ly khỏi năm quyền ở sự chứng đạt quả Nhất lai. Do nhờ năng lực của sự chứng đạt quả Bất lai, năm quyền được xuất ly khỏi năm quyền ở đạo Bất lai. Do nhờ năng lực của đạo A-la-hán, năm quyền được xuất ly khỏi năm quyền ở sự chứng đạt quả Bất lai. Do nhờ năng lực của sự chứng đạt quả A-la-hán, năm quyền được xuất ly khỏi năm quyền ở đạo A-la-hán.

Năm quyền ở sự thoát ly được xuất ly khỏi ước muốn trong các dục. Năm quyền ở sự không sân độc được xuất ly khỏi sự sân độc. Năm quyền ở sự nghĩ tưởng đến ánh sáng được xuất ly khỏi sự lờ đờ buồn ngủ. Năm quyền ở sự không tản mạn được xuất ly khỏi sự phóng dật. Năm quyền ở sự xác định pháp được xuất ly khỏi sự hoài nghi. Năm quyền ở trí được xuất ly khỏi vô minh. Năm quyền ở sự hân hoan được xuất ly khỏi sự không hứng thú.

Năm quyền ở Sơ thiền được xuất ly khỏi các pháp ngăn che. Năm quyền ở Nhị thiền được xuất ly khỏi tầm và tứ. Năm quyền ở Tam thiền được xuất ly khỏi hỷ. Năm quyền ở Tứ thiền được xuất ly khỏi lạc và khổ. Năm quyền ở sự chứng đạt Không vô biên xứ được xuất ly khỏi sự nghĩ tưởng về sắc, sự nghĩ tưởng về bất bình, sự nghĩ tưởng về trạng thái khác biệt. Năm quyền ở sự chứng đạt Thức vô biên xứ được xuất ly khỏi sự nghĩ tưởng về Không vô biên xứ. Năm quyền ở sự chứng đạt Vô sở hữu xứ được xuất ly khỏi sự nghĩ tưởng về Thức vô biên xứ. Năm quyền ở sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ được xuất ly khỏi sự nghĩ tưởng về Vô sở hữu xứ.

Năm quyền ở sự quán xét về vô thường được xuất ly khỏi sự nghĩ tưởng về thường còn. Năm quyền ở sự quán xét về khổ não được xuất ly khỏi sự nghĩ tưởng về lạc. Năm quyền ở sự quán xét về vô ngã được xuất ly khỏi sự nghĩ tưởng về ngã. Năm quyền ở sự quán xét về sự nhàm chán được xuất ly khỏi sự vui thích. Năm quyền ở sự quán xét về ly tham ái được xuất ly khỏi tham ái. Năm quyền ở sự quán xét về sự diệt tận được xuất ly khỏi nhân sanh khởi. Năm quyền ở sự quán xét về sự từ bỏ được xuất ly khỏi sự tai hại. Năm quyền ở sự quán xét về sự đoạn tận được xuất ly khỏi sự nghĩ tưởng về tiếp diễn. Năm quyền ở sự quán xét về sự biến hoại được xuất ly khỏi [nghiệp] tích lũy. Năm quyền ở sự quán xét về sự chuyển biến được xuất ly khỏi sự nghĩ tưởng về bền vững. Năm quyền ở sự quán xét về vô tướng được xuất ly khỏi hiện tướng. Năm quyền ở sự quán xét về vô nguyện được xuất ly khỏi sự nguyện ước. Năm quyền ở sự quán xét về không tánh được xuất ly khỏi sự cố chấp. Năm quyền ở sự minh sát các pháp bằng thắng tuệ được xuất ly khỏi sự cố chấp về thực chất [của thường còn, của tự ngã]. Năm quyền ở sự biết và thấy đúng theo thực thể được xuất ly khỏi cố chấp vào sự lầm lẫn. Năm quyền ở sự quán xét về sự tai

hại được xuất ly khỏi sự cố chấp vào sự lệ thuộc. Năm quyền ở sự quán xét về sự phân biệt rõ được xuất ly khỏi sự không phân biệt rõ. Năm quyền ở sự quán xét về sự ly khai được xuất ly khỏi sự cố chấp vào sự ràng buộc.

Năm quyền ở đạo Nhập lưu được xuất ly khỏi các phiền não thuần về tà kiến, năm quyền ở đạo Nhất lai được xuất ly khỏi các phiền não thô thiển, năm quyền ở đạo Bất lai được xuất ly khỏi các phiền não có tính chất vi tế, năm quyền ở đạo A-la-hán được xuất ly khỏi toàn bộ phiền não; trong mọi trường hợp, năm quyền của chính tất cả các bậc Lậu tận không những là được xuất ly, mà còn được xuất ly tốt đẹp, được tịnh lặng, và được tịnh lặng tốt đẹp.

Sự xuất ly của năm quyền là với một trăm tám mươi biểu hiện này, [hành giả] nhận biết sự xuất ly của năm quyền bằng một trăm tám mươi biểu hiện này.

Dứt phần giải thích về bài kinh thứ nhì.

Dứt tụng phẩm thứ nhất.

3. BÀI KINH THỨ BA (*Tatiyasuttaṃ*)

(Duyên khởi ở Sāvatthi)

Này các Tỳ-khưu, đây là năm quyền. Những gì là năm? Tín quyền, tấn quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền.

Và này các Tỳ-khưu, tín quyền nên được quan sát ở đâu? Ở bốn chi phần của Nhập lưu, tín quyền nên được quan sát ở đây. Và này các Tỳ-khưu, tấn quyền nên được quan sát ở đâu? Ở bốn chánh cần, tấn quyền nên được quan sát ở đây. Và này các Tỳ-khưu, niệm quyền nên được quan sát ở đâu? Ở bốn sự thiết lập niệm, niệm quyền nên được quan sát ở đây. Và này các Tỳ-khưu, định quyền nên được quan sát ở đâu? Ở bốn thiền, định quyền nên được quan sát ở đây. Và này các Tỳ-khưu, tuệ quyền nên được quan sát ở đâu? Ở bốn chân lý cao thượng, tuệ quyền nên được quan sát ở đây.

Do nhờ năng lực của tín quyền ở bốn chi phần của Nhập lưu, năm quyền nên được quan sát theo bao nhiêu biểu hiện? Do nhờ năng lực của tấn quyền ở bốn chánh cần, năm quyền nên được quan sát theo bao nhiêu biểu hiện? Do nhờ năng lực của niệm quyền ở bốn sự thiết lập niệm, năm quyền nên được quan sát theo bao nhiêu biểu hiện? Do nhờ năng lực của định quyền ở bốn thiền, năm quyền nên được quan sát theo bao nhiêu biểu hiện? Do nhờ năng lực của tuệ quyền ở bốn chân lý cao thượng, năm quyền nên được quan sát theo bao nhiêu biểu hiện?

Do nhờ năng lực của tín quyền ở bốn chi phần của Nhập lưu, năm quyền nên được quan sát theo hai mươi biểu hiện. Do nhờ năng lực của tấn quyền ở bốn chánh cần, năm quyền nên được quan sát theo hai mươi biểu hiện. Do nhờ năng lực của niệm quyền ở bốn sự thiết lập niệm, năm quyền nên được quan sát theo hai mươi biểu hiện. Do nhờ năng lực của định quyền ở bốn thiền, năm quyền nên được quan sát theo hai mươi biểu hiện. Do nhờ năng lực của tuệ

quyền ở bốn chân lý cao thượng, năm quyền nên được quan sát theo hai mươi biểu hiện.

Do nhờ năng lực của tín quyền ở bốn chi phần của Nhập lưu, năm quyền nên được quan sát theo hai mươi biểu hiện nào?

Ở bốn chi phần của Nhập lưu về sự thân cận bậc chân nhân, tín quyền nên được quan sát theo ý nghĩa cương quyết là pháp chủ đạo; do nhờ năng lực của tín quyền, tấn quyền nên được quan sát theo ý nghĩa ra sức, niệm quyền nên được quan sát theo ý nghĩa thiết lập, định quyền nên được quan sát theo ý nghĩa không tản mạn, tuệ quyền nên được quan sát theo ý nghĩa nhận thức. Ở bốn chi phần của Nhập lưu về sự lắng nghe Chánh pháp,... (nt)... về sự tác ý đúng đường lối,... (nt)... về sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, tín quyền nên được quan sát theo ý nghĩa cương quyết là pháp chủ đạo; do nhờ năng lực của tín quyền,... (nt)... tuệ quyền nên được quan sát theo ý nghĩa nhận thức.

Do nhờ năng lực của tín quyền ở bốn chi phần của Nhập lưu, năm quyền nên được quan sát theo hai mươi biểu hiện này.

Do nhờ năng lực của tấn quyền ở bốn chánh cần, năm quyền nên được quan sát theo hai mươi biểu hiện nào?

Ở chánh cần nhằm không làm sanh khởi các pháp ác bất thiện chưa được sanh khởi, tấn quyền nên được quan sát theo ý nghĩa ra sức là pháp chủ đạo; do nhờ năng lực của tấn quyền, niệm quyền nên được quan sát theo ý nghĩa thiết lập, định quyền nên được quan sát theo ý nghĩa không tản mạn, tuệ quyền nên được quan sát theo ý nghĩa nhận thức, tín quyền nên được quan sát theo ý nghĩa cương quyết. Ở chánh cần nhằm dứt bỏ các pháp ác bất thiện chưa được sanh khởi,... (nt)... Ở chánh cần nhằm làm sanh khởi các pháp thiện chưa được sanh khởi,... (nt)... Ở chánh cần nhắm đến sự duy trì, sự không bị lẫn lộn, sự tăng trưởng, sự dồi dào, sự phát triển, sự làm tròn đủ các pháp thiện đã được sanh khởi, tấn quyền nên được quan sát theo ý nghĩa ra sức là pháp chủ đạo; do nhờ năng lực của tấn quyền,... tín quyền nên được quan sát theo ý nghĩa cương quyết.

Do nhờ năng lực của tấn quyền ở bốn chánh cần, năm quyền nên được quan sát theo hai mươi biểu hiện này.

Do nhờ năng lực của niệm quyền ở bốn sự thiết lập niệm, năm quyền nên được quan sát theo hai mươi biểu hiện nào?

Ở sự thiết lập niệm về quán xét thân trên thân, niệm quyền nên được quan sát theo ý nghĩa thiết lập là pháp chủ đạo; do nhờ năng lực của niệm quyền, định quyền nên được quan sát theo ý nghĩa không tản mạn, tuệ quyền nên được quan sát theo ý nghĩa nhận thức, tín quyền nên được quan sát theo ý nghĩa cương quyết, tấn quyền nên được quan sát theo ý nghĩa ra sức. Ở sự thiết lập niệm về quán xét thọ trên các thọ,... (nt)... Ở sự thiết lập niệm về quán xét tâm trên tâm,... (nt)... Ở sự thiết lập niệm về quán xét pháp trên các pháp, niệm quyền nên được quan sát theo ý nghĩa thiết lập là pháp chủ đạo; do nhờ năng lực của

niệm quyền, định quyền nên được quan sát theo ý nghĩa không tản mạn,... (nt)... tấn quyền nên được quan sát theo ý nghĩa ra sức.

Do nhờ năng lực của niệm quyền ở bốn sự thiết lập niệm, năm quyền nên được quan sát theo hai mươi biểu hiện này.

Do nhờ năng lực của định quyền ở bốn thiền, năm quyền nên được quan sát theo hai mươi biểu hiện nào?

Ở sơ thiền, định quyền nên được quan sát theo ý nghĩa không tản mạn là pháp chủ đạo; do nhờ năng lực của định quyền, tuệ quyền nên được quan sát theo ý nghĩa nhận thức, tín quyền nên được quan sát theo ý nghĩa cương quyết, tấn quyền nên được quan sát theo ý nghĩa ra sức, niệm quyền nên được quan sát theo ý nghĩa thiết lập. Ở nhị thiền,... (nt)... Ở tam thiền,... (nt)... Ở tứ thiền, định quyền nên được quan sát theo ý nghĩa không tản mạn là pháp chủ đạo; do nhờ năng lực của định quyền,... (nt)... niệm quyền nên được quan sát theo ý nghĩa thiết lập.

Do nhờ năng lực của định quyền ở bốn thiền, năm quyền nên được quan sát theo hai mươi biểu hiện này.

Do nhờ năng lực của tuệ quyền ở bốn chân lý cao thượng, năm quyền nên được quan sát theo hai mươi biểu hiện nào?

Ở chân lý cao thượng về khổ, tuệ quyền nên được quan sát theo ý nghĩa nhận thức là pháp chủ đạo; do nhờ năng lực của tuệ quyền, tín quyền nên được quan sát theo ý nghĩa cương quyết, tấn quyền nên được quan sát theo ý nghĩa ra sức, niệm quyền nên được quan sát theo ý nghĩa thiết lập, định quyền nên được quan sát theo ý nghĩa không tản mạn. Ở chân lý cao thượng về nhân sanh khổ,... (nt)... Ở chân lý cao thượng về sự diệt tận khổ,... (nt)... Ở chân lý cao thượng về sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ, tuệ quyền nên được quan sát theo ý nghĩa nhận thức là pháp chủ đạo; do nhờ năng lực của tuệ quyền,... (nt)... định quyền nên được quan sát theo ý nghĩa không tản mạn.

Do nhờ năng lực của tuệ quyền ở bốn chân lý cao thượng, năm quyền nên được quan sát theo hai mươi biểu hiện này.

Do nhờ năng lực của tín quyền ở bốn chi phần của Nhập lưu, hành vi của năm quyền nên được quan sát theo bao nhiêu biểu hiện?

Do nhờ năng lực của tuệ quyền ở bốn chánh cần... (nt)... ở bốn sự thiết lập niệm... (nt)... ở bốn thiền... (nt)... ở bốn chân lý cao thượng, hành vi của năm quyền nên được quan sát theo bao nhiêu biểu hiện? Do nhờ năng lực của tín quyền ở bốn chi phần của Nhập lưu, hành vi của năm quyền nên được quan sát theo hai mươi biểu hiện. Do nhờ năng lực của tuệ quyền ở bốn chánh cần... (nt)... ở bốn sự thiết lập niệm... (nt)... ở bốn thiền... (nt)... ở bốn chân lý cao thượng, hành vi của năm quyền nên được quan sát theo hai mươi biểu hiện.

Do nhờ năng lực của tín quyền ở bốn chi phần của Nhập lưu, hành vi của năm quyền nên được quan sát theo hai mươi biểu hiện nào?

Ở bốn chi phần của Nhập lưu về sự thân cận bậc chân nhân, hành vi của tín quyền nên được quan sát theo ý nghĩa cương quyết là pháp chủ đạo; do nhờ năng lực của tín quyền, hành vi của tấn quyền nên được quan sát theo ý nghĩa ra sức, hành vi của niệm quyền... theo ý nghĩa thiết lập, hành vi của định quyền... theo ý nghĩa không tản mạn, hành vi của tuệ quyền... theo ý nghĩa nhận thức. Ở bốn chi phần của Nhập lưu về sự lắng nghe Chánh pháp,... (nt)... về sự tác ý đúng đường lối,... (nt)... về sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, hành vi của tín quyền nên được quan sát theo ý nghĩa cương quyết là pháp chủ đạo; do nhờ năng lực của tín quyền,... (nt)... hành vi của tuệ quyền nên được quan sát theo ý nghĩa nhận thức.

Ở bốn chi phần của Nhập lưu, do nhờ năng lực của tín quyền hành vi của năm quyền nên được quan sát theo hai mươi biểu hiện này.

Do nhờ năng lực của tấn quyền ở bốn chánh cần, hành vi của năm quyền nên được quan sát theo hai mươi biểu hiện nào?

Ở chánh cần nhằm không làm sanh khởi các pháp ác bất thiện chưa được sanh khởi, hành vi của tấn quyền nên được quan sát theo ý nghĩa ra sức là pháp chủ đạo; do nhờ năng lực của tấn quyền, hành vi của niệm quyền nên được quan sát theo ý nghĩa thiết lập, hành vi của định quyền... theo ý nghĩa không tản mạn, hành vi của tuệ quyền... theo ý nghĩa nhận thức, hành vi của tín quyền nên được quan sát theo ý nghĩa cương quyết. Ở chánh cần nhằm dứt bỏ các pháp ác bất thiện chưa được sanh khởi,... (nt)... nhằm làm sanh khởi các pháp thiện chưa được sanh khởi,... (nt)... nhằm đến sự duy trì, sự không bị lẫn lộn, sự tăng trưởng, sự dồi dào, sự phát triển, sự làm tròn đủ các pháp thiện đã được sanh khởi, hành vi của tấn quyền nên được quan sát theo ý nghĩa ra sức là pháp chủ đạo; do nhờ năng lực của tấn quyền... (nt)... hành vi của tín quyền nên được quan sát theo ý nghĩa cương quyết.

Do nhờ năng lực của tấn quyền ở bốn chánh cần, hành vi của năm quyền nên được quan sát theo hai mươi biểu hiện này.

Do nhờ năng lực của niệm quyền ở bốn sự thiết lập niệm, hành vi của năm quyền nên được quan sát theo hai mươi biểu hiện nào?

Ở sự thiết lập niệm về quán xét thân trên thân, hành vi của niệm quyền nên được quan sát theo ý nghĩa thiết lập là pháp chủ đạo; do nhờ năng lực của niệm quyền, hành vi của định quyền nên được quan sát theo ý nghĩa không tản mạn, hành vi của tuệ quyền... theo ý nghĩa nhận thức, hành vi của tín quyền... theo ý nghĩa cương quyết, hành vi của tấn quyền... theo ý nghĩa ra sức. Ở sự thiết lập niệm về quán xét thọ trên các thọ,... (nt)... về quán xét tâm trên tâm,... (nt)... về quán xét pháp trên các pháp, hành vi của niệm quyền nên được quan sát theo ý nghĩa thiết lập là pháp chủ đạo;... (nt)...

Do nhờ năng lực của niệm quyền ở bốn sự thiết lập niệm, hành vi của năm quyền nên được quan sát theo hai mươi biểu hiện này.

Do nhờ năng lực của định quyền ở bốn thiền, hành vi của năm quyền nên được quan sát theo hai mươi biểu hiện nào?

Ở sơ thiền, hành vi của định quyền nên được quan sát theo ý nghĩa không tản mạn là pháp chủ đạo; do nhờ năng lực của định quyền, hành vi của tuệ quyền nên được quan sát theo ý nghĩa nhận thức, hành vi của tín quyền nên được quan sát theo ý nghĩa cương quyết, hành vi của tấn quyền nên được quan sát theo ý nghĩa ra sức, hành vi của niệm quyền nên được quan sát theo ý nghĩa thiết lập. Ở nhị thiền,... (nt)... Ở tam thiền,... (nt)... Ở tứ thiền, hành vi của định quyền nên được quan sát theo ý nghĩa không tản mạn là pháp chủ đạo; do nhờ năng lực của định quyền,... (nt)...

Do nhờ năng lực của định quyền ở bốn thiền, hành vi của năm quyền nên được quan sát theo hai mươi biểu hiện này.

Do nhờ năng lực của tuệ quyền ở bốn chân lý cao thượng, hành vi của năm quyền nên được quan sát theo hai mươi biểu hiện nào?

Ở chân lý cao thượng về khổ, hành vi của tuệ quyền nên được quan sát theo ý nghĩa nhận thức là pháp chủ đạo; do nhờ năng lực của tuệ quyền, hành vi của tín quyền nên được quan sát theo ý nghĩa cương quyết, hành vi của tấn quyền nên được quan sát theo ý nghĩa ra sức, hành vi của niệm quyền nên được quan sát theo ý nghĩa thiết lập, hành vi của định quyền nên được quan sát theo ý nghĩa không tản mạn. Ở chân lý cao thượng về nhân sanh khổ,... (nt)... Ở chân lý cao thượng về sự diệt tận khổ,... (nt)... Ở chân lý cao thượng về sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ, hành vi của tuệ quyền nên được quan sát theo ý nghĩa nhận thức là pháp chủ đạo; do nhờ năng lực của tuệ quyền,... (nt)...

Do nhờ năng lực của tuệ quyền ở bốn chân lý cao thượng, hành vi của năm quyền nên được quan sát theo hai mươi biểu hiện này.

Hành vi và sự an trú là được phát hiện và được thấu triệt. Các bậc trí hành Phạm hạnh có thể xác nhận về những lãnh vực thâm sâu cho người đang hành động như thế ấy, đang an trú như thế ấy rằng: "Chắc chắn vị tôn túc này đã đạt đến hoặc sẽ thành tựu."

Hành vi: Có tám hành vi: Hành vi của oai nghi, hành vi của xứ, hành vi của niệm, hành vi của định, hành vi của trí, hành vi của đạo, hành vi của sự đạt đến, và hành vi vì lợi ích của thế gian.

Hành vi của oai nghi: Liên quan đến bốn oai nghi.

Hành vi của xứ: Liên quan đến sáu nội ngoại xứ.

Hành vi của niệm: Liên quan đến bốn sự thiết lập niệm.

Hành vi của định: Liên quan đến bốn thiền.

Hành vi của trí: Liên quan đến bốn chân lý cao thượng.

Hành vi của đạo: Liên quan đến bốn Thánh đạo.

Hành vi của sự đạt đến: Liên quan đến bốn quả vị Sa-môn.

Hành vi vì lợi ích của thế gian: Liên quan đến các đức Như Lai, bậc A-la-hán, đấng Chánh Đẳng Giác, liên quan một phần đến các vị Phật Độc Giác, liên quan một phần đến các vị Thinh văn.

Hành vi của oai nghi là của các vị đã thành tựu nguyện vọng, hành vi của xứ là của các vị có sự hộ trì các căn,[114] hành vi của niệm là của các vị an trú vào sự không buông lung, hành vi của định là của các vị gắn bó vào thắng tâm, hành vi của trí là của các vị đã thành tựu sự giác ngộ, hành vi của đạo là của các vị thực hành đúng đắn, hành vi của sự đạt đến là của các quả vị đã được chứng đạt, hành vi vì lợi ích của thế gian là của các đức Như Lai, bậc A-la-hán, đấng Chánh Đẳng Giác, là một phần đối với các vị Phật Độc Giác, là một phần đối với các vị Thinh văn; đây là tám hành vi.

Có tám hành vi khác nữa: Trong khi cương quyết là hành xử với tín, trong khi ra sức là hành xử với tấn, trong khi thiết lập là hành xử với niệm, trong khi không tản mạn là hành xử với định, trong khi nhận biết là hành xử với tuệ, trong khi nhận thức là hành xử với hành vi của thức, "ở vị thực hành như thế, các thiện pháp được thể hiện" là hành xử với hành vi của xứ, "vị thực hành như thế chứng đắc đặc biệt" là hành xử với hành vi của chứng đắc; đây là tám hành vi.

Có tám hành vi khác nữa: Hành vi nhận thức của chánh kiến, hành vi gắn chặt [tâm vào cảnh] của chánh tư duy, hành vi gìn giữ của chánh ngữ, hành vi nguồn sanh khởi của chánh nghiệp, hành vi trong sạch của chánh mạng, hành vi ra sức của chánh tinh tấn, hành vi thiết lập của chánh niệm, hành vi không tản mạn của chánh định; đây là tám hành vi.

Sự an trú: Trong khi cương quyết là an trú với tín, trong khi ra sức là an trú với tấn, trong khi thiết lập là an trú với niệm, trong khi hành động không tản mạn là an trú với định, trong khi nhận biết là an trú với tuệ.

Được phát hiện: Ý nghĩa cương quyết của tín quyền là được phát hiện, ý nghĩa ra sức của tấn quyền là được phát hiện, ý nghĩa thiết lập của niệm quyền là được phát hiện, ý nghĩa không tản mạn của định quyền là được phát hiện, ý nghĩa nhận thức của tuệ quyền là được phát hiện.

Được thấu triệt: Ý nghĩa cương quyết của tín quyền là được thấu triệt, ý nghĩa ra sức của tấn quyền là được thấu triệt, ý nghĩa thiết lập của niệm quyền là được thấu triệt, ý nghĩa không tản mạn của định quyền là được thấu triệt, ý nghĩa nhận thức của tuệ quyền là được thấu triệt.

Đang hành động như thế ấy: Đang hành động với tín như thế, đang hành động với tấn như thế, đang hành động với niệm như thế, đang hành động với định như thế, đang hành động với tuệ như thế.

Đang an trú như thế ấy: Đang an trú với tín như thế, đang an trú với tấn như thế, đang an trú với niệm như thế, đang an trú với định như thế, đang an trú với tuệ như thế.

---

[114] Hành vi của xứ là của các vị có sự hộ trì các căn (*āyatanacariyā ca indriyesu guttadvārānaṃ*) dịch sát nghĩa sẽ là: "Hành vi của xứ là của các vị có lối vào đã được canh phòng ở các giác quan." (ND)

Các bậc trí: Các bậc có trí, hiểu biết, nhạy bén, khôn ngoan, đã thành tựu sự giác ngộ.

Có Phạm hạnh: Có chung hành sự, có chung việc đọc tụng [Giới bổn (*Pātimokkha*)], có sự học tập giống nhau.

Về những lãnh vực thâm sâu: Các tầng thiền, các sự giải thoát, các tầng định, các sự chứng đạt, các đạo, các quả, các thắng trí, các [trí] phân tích được gọi là những lãnh vực thâm sâu.

Có thể xác nhận: Có thể tin tưởng, có thể khẳng định.

Chắc chắn: Đây là lời nói một chiều, đây là lời nói không nghi ngờ, đây là lời nói không hoài nghi, đây là lời nói không có hai nghĩa, đây là lời nói không có hai ý, đây là lời nói quả quyết, đây là lời nói không lập lờ, đây là lời nói xác định: "Chắc chắn."

Vị tôn túc: Đây là lời nói quý mến, đây là lời nói tôn trọng, đây là lời nói văn hoa có sự tôn kính và quy thuận: "Vị tôn túc."

Đã đạt đến: Đã chứng đắc.

Hoặc sẽ thành tựu: Hoặc sẽ chứng đắc.

Dứt phần giải thích về bài kinh thứ ba.

4. BÀI KINH THỨ TƯ (*Catutthasuttaṃ*)

(Duyên khởi ở Sāvatthi)

Này các Tỳ-khưu, đây là năm quyền. Năm [quyền] là gì? Tín quyền, tấn quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền. Này các Tỳ-khưu, đây là năm quyền.

Năm quyền này nên được quan sát theo ý nghĩa gì với bao nhiêu biểu hiện? Năm quyền này nên được quan sát theo ý nghĩa ấy với sáu biểu hiện: Theo ý nghĩa của pháp chủ đạo, theo ý nghĩa của việc làm trong sạch phần đầu, theo ý nghĩa vượt trội, theo ý nghĩa khẳng định, theo ý nghĩa chấm dứt, theo ý nghĩa tạo lập.

Các quyền nên được quan sát theo ý nghĩa của pháp chủ đạo là [có ý nghĩa] thế nào?

Đối với vị đang dứt bỏ sự không có đức tin, tín quyền nên được quan sát theo ý nghĩa cương quyết là pháp chủ đạo; do nhờ năng lực của tín quyền, tấn quyền nên được quan sát theo ý nghĩa ra sức, niệm quyền nên được quan sát theo ý nghĩa thiết lập, định quyền nên được quan sát theo ý nghĩa không tản mạn, tuệ quyền nên được quan sát theo ý nghĩa nhận thức.

Đối với vị đang dứt bỏ sự biếng nhác, tấn quyền nên được quan sát theo ý nghĩa ra sức là pháp chủ đạo; do nhờ năng lực của tấn quyền, niệm quyền nên được quan sát theo ý nghĩa thiết lập, định quyền... theo ý nghĩa không tản mạn, tuệ quyền... theo ý nghĩa nhận thức, tín quyền nên được quan sát theo ý nghĩa cương quyết.

Đối với vị đang dứt bỏ sự buông lung, niệm quyền nên được quan sát theo ý nghĩa thiết lập là pháp chủ đạo; do nhờ năng lực của niệm quyền, định quyền nên được quan sát theo ý nghĩa không tản mạn, tuệ quyền... theo ý nghĩa nhận thức, tín quyền... theo ý nghĩa cương quyết, tấn quyền nên được quan sát theo ý nghĩa ra sức.

Đối với vị đang dứt bỏ phóng dật, định quyền nên được quan sát theo ý nghĩa không tản mạn là pháp chủ đạo; do nhờ năng lực của định quyền, tuệ quyền nên được quan sát theo ý nghĩa nhận thức, tín quyền... cương quyết, tấn quyền... ra sức, niệm quyền... thiết lập.

Đối với vị đang dứt bỏ vô minh, tuệ quyền nên được quan sát theo ý nghĩa nhận thức là pháp chủ đạo; do nhờ năng lực của tuệ quyền, tín quyền nên được quan sát theo ý nghĩa cương quyết, tấn quyền... theo ý nghĩa ra sức, niệm quyền... theo ý nghĩa thiết lập, định quyền... theo ý nghĩa không tản mạn.

Đối với vị đang dứt bỏ ước muốn trong các dục, do nhờ năng lực của sự thoát ly, tín quyền nên được quan sát theo ý nghĩa cương quyết là pháp chủ đạo, tấn quyền... theo ý nghĩa ra sức, niệm quyền... thiết lập, định quyền... không tản mạn, tuệ quyền... nhận thức.

Đối với vị đang dứt bỏ ước muốn trong các dục, do nhờ năng lực của sự thoát ly, tấn quyền nên được quan sát theo ý nghĩa ra sức là pháp chủ đạo; do nhờ năng lực của tấn quyền, niệm quyền nên được quan sát theo ý nghĩa thiết lập, định quyền... theo ý nghĩa không tản mạn, tuệ quyền... nhận thức, tín quyền... cương quyết.

Đối với vị đang dứt bỏ ước muốn trong các dục, do nhờ năng lực của sự thoát ly, niệm quyền nên được quan sát theo ý nghĩa thiết lập là pháp chủ đạo; do nhờ năng lực của niệm quyền, định quyền nên được quan sát theo ý nghĩa không tản mạn, tuệ quyền... theo ý nghĩa nhận thức, tín quyền... cương quyết, tấn quyền... ra sức.

Đối với vị đang dứt bỏ ước muốn trong các dục, do nhờ năng lực của sự thoát ly, định quyền nên được quan sát theo ý nghĩa không tản mạn là pháp chủ đạo; do nhờ năng lực của định quyền, tuệ quyền nên được quan sát theo ý nghĩa nhận thức, tín quyền... theo ý nghĩa cương quyết, tấn quyền... ra sức, niệm quyền... thiết lập.

Đối với vị đang dứt bỏ ước muốn trong các dục, do nhờ năng lực của sự thoát ly, tuệ quyền nên được quan sát theo ý nghĩa nhận thức là pháp chủ đạo; do nhờ năng lực của tuệ quyền, tín quyền nên được quan sát theo ý nghĩa cương quyết, tấn quyền... theo ý nghĩa ra sức, niệm quyền... thiết lập, định quyền... không tản mạn.

Đối với vị đang dứt bỏ sân độc, do nhờ năng lực của sự không sân độc,... (nt)... Đối với vị đang dứt bỏ sự lờ đờ buồn ngủ, do nhờ năng lực của sự nghĩ tưởng đến ánh sáng... (nt)... Đối với vị đang dứt bỏ toàn bộ phiền não, do nhờ năng lực của đạo A-la-hán, tín quyền nên được quan sát theo ý nghĩa cương

quyết là pháp chủ đạo; do nhờ năng lực của tín quyền, tấn quyền nên được quan sát theo ý nghĩa ra sức, niệm quyền... theo ý nghĩa thiết lập, định quyền... theo ý nghĩa không tản mạn, tuệ quyền... theo ý nghĩa nhận thức. … (nt)... Đối với vị đang dứt bỏ toàn bộ phiền não, do nhờ năng lực của đạo A-la-hán, tuệ quyền nên được quan sát theo ý nghĩa cương quyết là pháp chủ đạo; do nhờ năng lực của tuệ quyền, tín quyền nên được quan sát theo ý nghĩa cương quyết, tấn quyền... theo ý nghĩa ra sức, niệm quyền... thiết lập, định quyền... không tản mạn. Các quyền nên được quan sát theo ý nghĩa của pháp chủ đạo là [có ý nghĩa] như thế.

Các quyền nên được quan sát theo ý nghĩa của việc làm trong sạch phần đầu là [có ý nghĩa] thế nào?

Tín quyền theo ý nghĩa cương quyết, giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc đối với sự không có đức tin là việc làm trong sạch phần đầu của tín quyền. Tấn quyền theo ý nghĩa ra sức, giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc đối với sự không biếng nhác là việc làm trong sạch phần đầu của tấn quyền. Niệm quyền theo ý nghĩa thiết lập, giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc đối với sự không buông lung là việc làm trong sạch phần đầu của niệm quyền. Định quyền theo ý nghĩa không tản mạn, giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc đối với sự không phóng dật là việc làm trong sạch phần đầu của định quyền. Tuệ quyền theo ý nghĩa nhận thức, giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc đối với vô minh là việc làm trong sạch phần đầu của tuệ quyền.

Năm quyền ở sự thoát ly, giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc đối với ước muốn trong các dục là việc làm trong sạch phần đầu của năm quyền. Năm quyền ở sự không sân độc, giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc đối với sân độc là việc làm trong sạch phần đầu của năm quyền. … (nt)... Năm quyền ở đạo A-la-hán, giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc đối với toàn bộ phiền não là việc làm trong sạch phần đầu của năm quyền. Các quyền nên được quan sát theo ý nghĩa của việc làm trong sạch phần đầu là [có ý nghĩa] như thế.

Các quyền nên được quan sát theo ý nghĩa vượt trội là [có ý nghĩa] thế nào?

Do sự phát triển của tín quyền, ước muốn sanh lên; do tác động của ước muốn, do tác động của đức tin, tín quyền là vượt trội. Do tác động của ước muốn, hân hoan sanh lên; do tác động của hân hoan, do tác động của đức tin, tín quyền là vượt trội. Do tác động của hân hoan, hỷ sanh lên; do tác động của hỷ, do tác động của đức tin, tín quyền là vượt trội. Do tác động của hỷ, tịnh sanh lên; do tác động của tịnh, do tác động của đức tin, tín quyền là vượt trội. Do tác động của tịnh, lạc sanh lên; do tác động của lạc, do tác động của đức tin, tín quyền là vượt trội. Do tác động của lạc, ánh sáng sanh lên; do tác động của ánh sáng, do tác động của đức tin, tín quyền là vượt trội. Do tác động của ánh sáng, sự động tâm sanh lên; do tác động của sự động tâm, do tác động của đức tin, tín quyền là vượt trội. Sau khi động tâm, [hành giả] tập trung tâm; do tác động của định, do tác động của đức tin, tín quyền là vượt trội. [Vị ấy] khéo léo ra sức tâm

đã được định tĩnh như vậy; do tác động của sự ra sức, do tác động của đức tin, tín quyền là vượt trội. [Vị ấy] hoàn toàn bình thản [xả] đối với tâm đã được ra sức như vậy; do tác động của sự bình thản, do tác động của đức tin, tín quyền là vượt trội. Do tác động của sự bình thản, tâm được phóng thích khỏi các phiền não có bản chất khác biệt; do tác động của sự phóng thích, do tác động của đức tin, tín quyền là vượt trội. Do trạng thái đã được phóng thích, các pháp ấy[115] là có nhất vị; do tác động của sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị, do tác động của đức tin, tín quyền là vượt trội. Do trạng thái đã được tu tập, chúng ly khai [hướng] đến pháp thù thắng hơn thế nữa; do tác động của sự ly khai, do tác động của đức tin, tín quyền là vượt trội. Do trạng thái đã được ly khai, từ đó [vị ấy] xả ly; do tác động của sự xả ly, do tác động của đức tin, tín quyền là vượt trội. Do trạng thái đã được xả ly, từ đó chúng được diệt tận; do tác động của sự diệt tận, do tác động của đức tin, tín quyền là vượt trội. Do nhờ năng lực của sự diệt tận, có hai sự xả ly: Sự xả ly do buông bỏ và sự xả ly do tiến vào. "Buông bỏ các phiền não và các uẩn" là sự xả ly do buông bỏ. "Tâm tiến vào sự diệt tận, cảnh giới Niết-bàn" là sự từ bỏ do tiến vào. Do nhờ năng lực của sự diệt tận, có hai sự xả ly này.

Do sự dứt bỏ không có đức tin, ước muốn sanh lên;... Do sự dứt bỏ trạng thái bực bội do không có đức tin, ước muốn sanh lên;... Do sự dứt bỏ các phiền não thuận về tà kiến, ước muốn sanh lên;... Do sự dứt bỏ các phiền não thô thiển, ước muốn sanh lên;... Do sự dứt bỏ các phiền não có tính chất vi tế, ước muốn sanh lên;... Do sự dứt bỏ toàn bộ phiền não, ước muốn sanh lên; do tác động của ước muốn, do tác động của đức tin, tín quyền là vượt trội. ...

Do sự phát triển tấn quyền, ước muốn sanh lên;... (nt)... Do sự dứt bỏ biếng nhác, ước muốn sanh lên;... (nt)... Do sự dứt bỏ trạng thái bực bội do biếng nhác, ước muốn sanh lên;... (nt)... Do sự dứt bỏ các phiền não thuần về tà kiến, ước muốn sanh lên;... (nt)... Do sự dứt bỏ toàn bộ phiền não, ước muốn sanh lên;... (nt)...

Do sự phát triển niệm quyền, ước muốn sanh lên;... (nt)... Do sự dứt bỏ buông lung, ước muốn sanh lên;... (nt)... Do sự dứt bỏ trạng thái bực bội do buông lung, ước muốn sanh lên;... (nt)... Do sự dứt bỏ toàn bộ phiền não, ước muốn sanh lên;... (nt)...

Do sự phát triển của định quyền, ước muốn sanh lên;... (nt)... Do sự dứt bỏ phóng dật, ước muốn sanh lên;... (nt)... Do sự dứt bỏ trạng thái bực bội do phóng dật, ước muốn sanh lên;... (nt)... Do sự dứt bỏ toàn bộ phiền não, ước muốn sanh lên;... (nt)...

Do sự phát triển của tuệ quyền, ước muốn sanh lên;... (nt)... Do sự dứt bỏ vô minh, ước muốn sanh lên;... Do sự dứt bỏ trạng thái bực bội do vô minh, ước muốn sanh lên;... Do sự dứt bỏ các phiền não thuần về tà kiến, ước muốn sanh

[115] Các pháp ấy là ước muốn, hân hoan, v.v... (*PsA*. III. 546).

lên;... Do sự dứt bỏ các phiền não thô thiển, ước muốn sanh lên;... Do sự dứt bỏ các phiền não có tính chất vi tế, ước muốn sanh lên;... (nt)...

Do sự dứt bỏ toàn bộ phiền não, ước muốn sanh lên; do tác động của ước muốn, do tác động của tuệ, tuệ quyền là vượt trội. Do tác động của ước muốn, hân hoan sanh lên; do tác động của hân hoan, do tác động của tuệ, tuệ quyền là vượt trội. Do tác động của hân hoan, hỷ sanh lên; do tác động của hỷ,... tuệ quyền là vượt trội. Do tác động của hỷ, tịnh sanh lên; do tác động của tịnh,... tuệ quyền là vượt trội. Do tác động của tịnh, lạc sanh lên; do tác động của lạc,... tuệ quyền là vượt trội. Do tác động của lạc, ánh sáng sanh lên; do tác động của ánh sáng,... tuệ quyền là vượt trội. Do tác động của ánh sáng, sự động tâm sanh lên; do tác động của sự động tâm,... tuệ quyền là vượt trội. Sau khi động tâm, [hành giả] tập trung tâm; do tác động của định,... tuệ quyền là vượt trội. [Vị ấy] khéo léo nắm giữ tâm đã được định tĩnh như vậy; do tác động của sự nắm giữ,... tuệ quyền là vượt trội. [Vị ấy] hoàn toàn bình thản [xả] đối với tâm đã được nắm giữ như vậy; do tác động của sự bình thản,... tuệ quyền là vượt trội. Do tác động của sự bình thản, tâm được phóng thích khỏi các phiền não có bản chất khác biệt; do tác động của sự phóng thích,... tuệ quyền là vượt trội. Do trạng thái đã được phóng thích, các pháp ấy là có nhất vị; do tác động của sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị,... tuệ quyền là vượt trội. Do trạng thái đã được tu tập, chúng ly khai [hướng] đến các pháp thù thắng hơn thế nữa; do tác động của sự ly khai,... tuệ quyền là vượt trội. Do trạng thái đã được ly khai, từ đó [vị ấy] xả ly; do tác động của sự xả ly,... tuệ quyền là vượt trội. Do trạng thái đã được xả ly, từ đó chúng được diệt tận; do tác động của sự diệt tận, do tác động của tuệ, tuệ quyền là vượt trội. Do nhờ năng lực của sự diệt tận, có hai sự xả ly: Sự xả ly do buông bỏ và sự xả ly do tiến vào. "Buông bỏ các phiền não và các uẩn" là sự xả ly do buông bỏ. "Tâm tiến vào sự diệt tận, cảnh giới Niết-bàn" là sự từ bỏ do tiến vào. Do nhờ năng lực của sự diệt tận, có hai sự xả ly này.

Các quyền nên được quan sát theo ý nghĩa vượt trội là [có ý nghĩa] như thế.

Dứt tụng phẩm thứ nhì.

Các quyền nên được quan sát theo ý nghĩa khẳng định là [có ý nghĩa] thế nào?

Do sự phát triển của tín quyền, ước muốn sanh lên; do tác động của ước muốn, do tác động của đức tin, tín quyền được khẳng định. Do tác động của ước muốn, hân hoan sanh lên; do tác động của hân hoan, do tác động của đức tin, tín quyền được khẳng định. … (nt)...

Các quyền nên được quan sát theo ý nghĩa khẳng định là [có ý nghĩa] như thế.

Các quyền nên được quan sát theo ý nghĩa chấm dứt là [có ý nghĩa] thế nào?

Tín quyền theo ý nghĩa cương quyết chấm dứt sự không có đức tin, chấm dứt trạng thái bực bội do không có đức tin. Tấn quyền theo ý nghĩa ra sức chấm dứt sự biếng nhác, chấm dứt trạng thái bực bội do biếng nhác. Niệm quyền theo ý nghĩa thiết lập chấm dứt sự buông lung, chấm dứt trạng thái bực bội do buông

lung. Định quyền theo ý nghĩa không tản mạn chấm dứt sự phóng dật, chấm dứt trạng thái bực bội do phóng dật. Tuệ quyền theo ý nghĩa nhận thức chấm dứt vô minh, chấm dứt trạng thái bực bội do vô minh.

Năm quyền ở sự thoát ly chấm dứt ước muốn trong các dục. Năm quyền ở sự không sân độc chấm dứt sân độc. Năm quyền ở sự nghĩ tưởng đến ánh sáng chấm dứt sự lờ đờ buồn ngủ. Năm quyền ở sự không tản mạn chấm dứt sự phóng dật. … (nt)... Năm quyền ở đạo A-la-hán chấm dứt toàn bộ phiền não.

Các quyền nên được quan sát theo ý nghĩa chấm dứt là [có ý nghĩa] như thế.

Các quyền nên được quan sát theo ý nghĩa tạo lập là [có ý nghĩa] thế nào?

Người có đức tin tạo lập tín quyền ở sự cương quyết, tín quyền của người có đức tin được tạo lập ở sự cương quyết. Người có sự tinh tấn tạo lập tấn quyền ở sự ra sức, tấn quyền của người có sự tinh tấn được tạo lập ở sự ra sức. Người có niệm tạo lập niệm quyền ở sự thiết lập, niệm quyền của người có niệm được tạo lập ở sự thiết lập. Người định tĩnh tạo lập định quyền ở sự không tản mạn, định quyền của người định tĩnh được tạo lập ở sự không tản mạn. Người có trí tuệ tạo lập tuệ quyền ở sự nhận thức, tuệ quyền của người có trí tuệ được tạo lập ở sự nhận thức.

Hành giả tạo lập năm quyền ở sự thoát ly, năm quyền của hành giả được tạo lập ở sự thoát ly. Hành giả tạo lập năm quyền ở sự không sân độc,... (nt)... ở sự tưởng về ánh sáng,... (nt)... ở sự không tản mạn,... (nt)... ở sự nhận thức... (nt)... Hành giả tạo lập năm quyền ở đạo A-la-hán, năm quyền của hành giả được tạo lập ở đạo A-la-hán.

Các quyền nên được quan sát theo ý nghĩa tạo lập là [có ý nghĩa] như thế.

Dứt phần giải thích về bài kinh thứ tư.

Phàm nhân trong lúc tu tập định là thiện xảo về việc thiết lập với bao nhiêu biểu hiện? Vị Hữu học trong lúc tu tập định là thiện xảo về việc thiết lập với bao nhiêu biểu hiện? Vị lìa tham ái trong lúc tu tập định là thiện xảo về việc thiết lập với bao nhiêu biểu hiện?

Phàm nhân trong lúc tu tập định là thiện xảo về việc thiết lập với bảy biểu hiện. Vị Hữu học trong lúc tu tập định là thiện xảo về việc thiết lập với tám biểu hiện. Vị lìa tham ái trong lúc tu tập định là thiện xảo về việc thiết lập với mười biểu hiện.

Phàm nhân trong lúc tu tập định là thiện xảo về việc thiết lập với bảy biểu hiện gì? Do bản thể của việc đã được hướng tâm,[116] [phàm nhân] là thiện xảo về việc thiết lập đối tượng,... thiết lập hiện tướng của chỉ tịnh,... thiết lập hiện tướng của sự ra sức,... thiết lập sự không tản mạn,... thiết lập ánh sáng,... thiết

[116] Bản thể của việc đã được hướng tâm (*āvajjitattā*) là bản thể của việc đã được hướng tâm đến hiện tướng (*nimitta*) của đề mục, nghĩa là sau khi đã chuẩn bị về đề mục, v.v... có bản thể của hiện tướng đã được sanh lên ở nơi ấy (*PsA*. III. 547).

lập sự hài lòng,... thiết lập sự bình thản [xả]. Phàm nhân trong lúc tu tập định là thiện xảo về việc thiết lập với bảy biểu hiện này.

Vị Hữu học trong lúc tu tập định là thiện xảo về việc thiết lập với tám biểu hiện gì? Do bản thể của việc đã được hướng tâm, [vị Hữu học] là thiện xảo về việc thiết lập đối tượng,... thiện xảo về việc thiết lập sự bình thản, thiện xảo về việc thiết lập nhất thể. Vị Hữu học trong lúc tu tập định là thiện xảo về việc thiết lập với tám biểu hiện này.

Vị lìa tham ái trong lúc tu tập định là thiện xảo về việc thiết lập với mười biểu hiện gì? Do bản thể của việc đã được hướng tâm, [vị lìa tham ái] là thiện xảo về việc thiết lập đối tượng,... (nt)…, thiện xảo về việc thiết lập nhất thể, thiện xảo về việc thiết lập trí, thiện xảo về việc thiết lập sự giải thoát. Vị lìa tham ái trong lúc tu tập định là thiện xảo về việc thiết lập với mười biểu hiện này.

Phàm nhân trong lúc tu tập minh sát là thiện xảo về việc thiết lập với bao nhiêu biểu hiện? Là thiện xảo về việc không thiết lập với bao nhiêu biểu hiện? Vị Hữu học trong lúc tu tập minh sát là thiện xảo về việc thiết lập với bao nhiêu biểu hiện? Là thiện xảo về việc không thiết lập với bao nhiêu biểu hiện? Vị lìa tham ái trong lúc tu tập minh sát là thiện xảo về việc thiết lập với bao nhiêu biểu hiện? Là thiện xảo về việc không thiết lập với bao nhiêu biểu hiện?

Phàm nhân trong lúc tu tập minh sát là thiện xảo về việc thiết lập với chín biểu hiện, là thiện xảo về việc không thiết lập với chín biểu hiện. Vị Hữu học trong lúc tu tập minh sát là thiện xảo về việc thiết lập với mười biểu hiện, là thiện xảo về việc không thiết lập với mười biểu hiện. Vị lìa tham ái trong lúc tu tập minh sát là thiện xảo về việc thiết lập với mười hai biểu hiện, là thiện xảo về việc không thiết lập với mười hai biểu hiện.

Phàm nhân trong lúc tu tập minh sát là thiện xảo về việc thiết lập với chín biểu hiện gì? Là thiện xảo về việc không thiết lập với chín biểu hiện gì? Là thiện xảo về việc thiết lập [sắc, thọ,…] là vô thường, là thiện xảo về việc không thiết lập là thường còn;... việc thiết lập là khổ não... việc không thiết lập là lạc;... việc thiết lập là vô ngã,... việc không thiết lập là ngã;... việc thiết lập là đoạn tận,... việc không thiết lập là tiếp diễn;... việc thiết lập là biến hoại,... việc không thiết lập sự tích lũy [nghiệp];... việc thiết lập sự chuyển biến,... việc không thiết lập là vững bền;... việc thiết lập vô tướng,... việc không thiết lập hiện tướng;... việc thiết lập vô nguyện,... việc không thiết lập nguyện ước;... việc thiết lập không tánh,... việc không thiết lập sự cố chấp. Phàm nhân trong lúc tu tập minh sát là thiện xảo về việc thiết lập với chín biểu hiện này, là thiện xảo về việc không thiết lập với chín biểu hiện này.

Vị Hữu học trong lúc tu tập minh sát là thiện xảo về việc thiết lập với mười biểu hiện gì? Là thiện xảo về việc không thiết lập với mười biểu hiện gì? Là thiện xảo về việc thiết lập là vô thường, là thiện xảo về việc không thiết lập là thường còn; … (nt)...; là thiện xảo về việc thiết lập không tánh, là thiện xảo về việc không thiết lập sự cố chấp; là thiện xảo về việc thiết lập trí, là thiện xảo về

việc không thiết lập vô trí. Vị Hữu học trong lúc tu tập minh sát là thiện xảo về việc thiết lập với mười biểu hiện này, là thiện xảo về việc không thiết lập với mười biểu hiện này.

Vị lìa tham ái trong lúc tu tập minh sát là thiện xảo về việc thiết lập với mười hai biểu hiện gì? Là thiện xảo về việc không thiết lập với mười hai biểu hiện gì?

Là thiện xảo về việc thiết lập là vô thường, là thiện xảo về việc không thiết lập là thường còn; … (nt)...; là thiện xảo về việc thiết lập trí, là thiện xảo về việc không thiết lập vô trí;... việc thiết lập sự không ràng buộc,... việc không thiết lập sự ràng buộc;... việc thiết lập sự diệt tận,... việc không thiết lập các hành. Vị lìa tham ái trong lúc tu tập minh sát là thiện xảo về việc thiết lập với mười hai biểu hiện này, là thiện xảo về việc không thiết lập với mười hai biểu hiện này.

Do bản thể của việc đã được hướng tâm, nhờ vào tác động của sự thiện xảo về việc thiết lập đối tượng, [vị ấy] liên kết các quyền, nhận biết hành xứ, và thấu triệt ý nghĩa của thanh tịnh. ... [vị ấy] liên kết các pháp, nhận biết hành xứ, và thấu triệt ý nghĩa của thanh tịnh.

Liên kết các quyền: Liên kết các quyền là [có ý nghĩa] thế nào? Liên kết tín quyền theo ý nghĩa cương quyết... nhờ vào tác động của sự thiện xảo về việc thiết lập hiện tướng của chỉ tịnh,... việc thiết lập hiện tướng của sự ra sức,... việc thiết lập sự không tản mạn,... việc thiết lập ánh sáng,... việc thiết lập sự hài lòng,... việc thiết lập sự bình thản,... việc thiết lập nhất thể,... việc thiết lập trí,... nhờ vào tác động của sự thiện xảo về việc thiết lập sự giải thoát,...

Nhờ vào tác động của sự thiện xảo về việc thiết lập là vô thường,... nhờ vào tác động của sự thiện xảo về việc không thiết lập là thường còn,... việc thiết lập là khổ não,... việc không thiết lập là lạc,... việc thiết lập là vô ngã,... việc không thiết lập là ngã,... việc thiết lập là đoạn tận,... việc không thiết lập là tiếp diễn,... việc thiết lập là biến hoại,... việc không thiết lập sự tích lũy [nghiệp],... việc thiết lập sự chuyển biến,... việc không thiết lập là vững bền,... việc thiết lập vô tướng,... việc không thiết lập hiện tướng,... việc thiết lập vô nguyện,... việc không thiết lập nguyện ước,... việc thiết lập không tánh,... việc không thiết lập sự cố chấp,... việc thiết lập trí,... việc không thiết lập vô trí,... việc thiết lập sự không ràng buộc,... việc không thiết lập sự ràng buộc,... việc thiết lập sự diệt tận, nhờ vào tác động của sự thiện xảo về việc không thiết lập các hành, [vị ấy] liên kết các quyền, nhận biết hành xứ, và thấu triệt ý nghĩa của thanh tịnh.

Tuệ về chủ thể đối với ba quyền theo sáu mươi bốn biểu hiện là trí về sự đoạn tận của các lậu hoặc. Của ba quyền nào? Của vị tri quyền, của dĩ tri quyền, của cụ tri quyền.

Vị tri quyền đi đến bao nhiêu vị thế? Dĩ tri quyền đi đến bao nhiêu vị thế? Cụ tri quyền đi đến bao nhiêu vị thế?

Vị tri quyền đi đến một vị thế là đạo Nhập lưu. Dĩ tri quyền đi đến sáu vị

thể là quả Nhập lưu, đạo Nhất lai, quả Nhất lai, đạo Bất lai, quả Bất lai, đạo A-la-hán. Cụ tri quyền đi đến một vị thế là quả A-la-hán.

Vào sát-na đạo Nhập lưu, đối với vị tri quyền, tín quyền có sự cương quyết là phụ trợ, tấn quyền có sự ra sức là phụ trợ, niệm quyền có sự thiết lập là phụ trợ, định quyền có sự không tản mạn là phụ trợ, tuệ quyền có sự nhận thức là phụ trợ, ý quyền có sự nhận biết là phụ trợ, hỷ quyền có sự tràn ngập là phụ trợ, mạng quyền có pháp chủ đạo trong việc duy trì sự vận hành là phụ trợ. Vào sát-na đạo Nhập lưu, các pháp được sanh ra, ngoại trừ sắc có nguồn phát sanh là tâm, tất cả [các pháp còn lại] đều là thiện, tất cả đều không có lậu hoặc, tất cả đều có tánh dẫn xuất, tất cả đều đưa đến sự không tích lũy, tất cả đều là vượt trên thế gian, tất cả đều có cảnh là Niết-bàn. Vào sát-na đạo Nhập lưu, đối với vị tri quyền, tám quyền này là các phụ trợ đồng sanh, là các phụ trợ có sự [tác động] qua lại, là các phụ trợ có sự nương tựa, là các phụ trợ được liên kết, là đồng hành, là đồng sanh, là kết hợp, là liên kết. Chính tám quyền này vừa là biểu hiện, vừa là phụ trợ của vị tri quyền.

Vào sát-na quả Nhập lưu,... (nt)... Vào sát-na quả A-la-hán, đối với cụ tri quyền, tín quyền có sự cương quyết là phụ trợ, … (nt)... mạng quyền có pháp chủ đạo trong việc duy trì sự vận hành là phụ trợ. Vào sát-na quả A-la-hán, các pháp được sanh ra, ngoại trừ sắc có nguồn phát sanh là tâm, tất cả [các pháp còn lại] đều là vô ký, tất cả đều không có lậu hoặc, tất cả đều là vượt trên thế gian, tất cả đều có cảnh là Niết-bàn. Vào sát-na quả A-la-hán, đối với cụ tri quyền, tám quyền này là các phụ trợ đồng sanh,... (nt)... Chính tám quyền này vừa là biểu hiện, vừa là phụ trợ của cụ tri quyền. Như thế, tám lần tám này là sáu mươi bốn.

Lậu hoặc: Các lậu hoặc ấy là gì? Là dục lậu, hữu lậu, tà kiến lậu, vô minh lậu.

Các lậu hoặc ấy được cạn kiệt tại đâu? Nhờ vào đạo Nhập lưu, toàn thể tà kiến lậu được cạn kiệt, dục lậu đưa đến khổ cảnh được cạn kiệt, hữu lậu đưa đến khổ cảnh được cạn kiệt, vô minh lậu đưa đến khổ cảnh được cạn kiệt. Các lậu hoặc ấy được cạn kiệt tại đây. Nhờ vào đạo Nhất lai, dục lậu thô thiển được cạn kiệt, hữu lậu có cùng ý nghĩa với điều ấy được cạn kiệt, vô minh lậu có cùng ý nghĩa với điều ấy được cạn kiệt. Các lậu hoặc ấy được cạn kiệt tại đây.

Nhờ vào đạo Bất lai, toàn thể dục lậu được cạn kiệt, hữu lậu có cùng ý nghĩa với điều ấy được cạn kiệt, vô minh lậu có cùng ý nghĩa với điều ấy được cạn kiệt. Các lậu hoặc ấy được cạn kiệt tại đây. Nhờ vào đạo A-la-hán, toàn thể hữu lậu được cạn kiệt, toàn thể vô minh lậu được cạn kiệt. Các lậu hoặc ấy được cạn kiệt tại đây.

Không gì ở nơi đây
Không được thấy bởi Ngài,
Hoặc không nhận thức được,
Hoặc không thể biết đến,
Ngài biết rõ tất cả
Mọi điều có thể biết,
Vì thế đức Như Lai
Là vị có toàn nhãn.

Toàn Nhãn: Toàn Nhãn theo ý nghĩa gì? Mười bốn Phật trí: Trí về khổ là Phật trí. Trí về nhân sanh khổ là Phật trí. … (nt)... Trí toàn giác là Phật trí. Trí không bị ngăn che là Phật trí. Đây là mười bốn Phật trí. Trong số mười bốn Phật trí, có tám loại trí là phổ thông đến các vị Thinh văn, sáu loại trí [sau cùng] là không phổ thông đến các vị Thinh văn.

"Cho đến ý nghĩa của khổ đối với khổ là đã được biết, không có ý nghĩa [nào] của khổ là không được biết" là Toàn Nhãn. Điều gì là Toàn Nhãn, điều ấy là tuệ quyền. Do nhờ năng lực của tuệ quyền, có tín quyền theo ý nghĩa cương quyết, có tấn quyền theo ý nghĩa ra sức, có niệm quyền theo ý nghĩa thiết lập, có định quyền theo ý nghĩa không tản mạn.

"Cho đến ý nghĩa của khổ đối với khổ là đã được thấy, đã được biết đến, đã được tác chứng, đã được chạm đến bởi tuệ, không có ý nghĩa [nào] của khổ là không được chạm đến bởi tuệ" là Toàn Nhãn. Điều gì là Toàn Nhãn, điều ấy là tuệ quyền... (nt)...

"Cho đến ý nghĩa của nhân sanh [khổ] đối với nhân sanh [khổ]... "Cho đến ý nghĩa của sự diệt tận [khổ] đối với sự diệt tận [khổ]... "Cho đến ý nghĩa của đạo đối với đạo... "Cho đến ý nghĩa của sự phân tích ý nghĩa đối với sự phân tích ý nghĩa... "Cho đến ý nghĩa của sự phân tích pháp đối với sự phân tích pháp... "Cho đến ý nghĩa của sự phân tích ngôn từ đối với sự phân tích ngôn từ... "Cho đến ý nghĩa của sự phân tích phép biện giải đối với sự phân tích phép biện giải... "Cho đến trí biết được khả năng của người khác... "Cho đến trí về thiên kiến và xu hướng ngủ ngầm của chúng sanh... "Cho đến trí song thông... "Cho đến trí về sự thể nhập đại bi... "Cho đến điều đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, đã đạt đến, đã được tầm cầu, đã được đeo đuổi bởi tâm trí của thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người, điều ấy là được biết, đã được thấy, đã được biết đến, đã được tác chứng, đã được chạm đến bởi tuệ, không gì là không được chạm đến bởi tuệ" là Toàn Nhãn. Điều gì là Toàn Nhãn, điều ấy là tuệ quyền. Do nhờ năng lực của tuệ quyền, có tín quyền theo ý nghĩa cương quyết, có tấn quyền theo ý nghĩa ra sức, có niệm quyền theo ý nghĩa thiết lập, có định quyền theo ý nghĩa không tản mạn.

Trong khi có đức tin vị ấy ra sức, trong khi ra sức vị ấy có đức tin; trong khi có đức tin vị ấy thiết lập, trong khi thiết lập vị ấy có đức tin; trong khi có đức tin vị ấy tập trung [tâm], trong khi tập trung [tâm] vị ấy có đức tin; trong khi có đức tin vị ấy nhận biết, trong khi nhận biết vị ấy có đức tin. Trong khi ra sức vị ấy thiết lập, trong khi thiết lập vị ấy ra sức; trong khi ra sức vị ấy tập trung [tâm]...; trong khi ra sức vị ấy nhận biết...; trong khi ra sức vị ấy có đức tin, trong khi có đức tin vị ấy ra sức. Trong khi thiết lập vị ấy tập trung [tâm], trong khi tập trung [tâm] vị ấy thiết lập; trong khi thiết lập vị ấy nhận biết,...; trong khi thiết lập vị ấy có đức tin,...; trong khi thiết lập vị ấy ra sức, trong khi ra sức vị ấy thiết lập. Trong khi tập trung [tâm] vị ấy nhận biết, trong khi nhận

biết vị ấy tập trung [tâm]; trong khi tập trung [tâm] vị ấy có đức tin...; trong khi tập trung [tâm] vị ấy ra sức,...; trong khi tập trung [tâm] vị ấy thiết lập, trong khi thiết lập vị ấy tập trung [tâm]. Trong khi nhận biết vị ấy có đức tin, trong khi có đức tin vị ấy nhận biết; trong khi nhận biết vị ấy ra sức...; trong khi nhận biết vị ấy thiết lập...; trong khi nhận biết vị ấy tập trung [tâm], trong khi tập trung [tâm] vị ấy nhận biết.

Ra sức nhờ bản thân có đức tin, có đức tin nhờ bản thân ra sức; được thiết lập nhờ bản thân có đức tin, có đức tin nhờ bản thân được thiết lập; được định tĩnh nhờ bản thân có đức tin, có đức tin nhờ bản thân được định tĩnh; nhận biết nhờ bản thân có đức tin, có đức tin nhờ bản thân nhận biết. Được thiết lập nhờ bản thân ra sức, ra sức nhờ bản thân được thiết lập; được định tĩnh nhờ bản thân ra sức...; nhận biết nhờ bản thân ra sức...; có đức tin nhờ bản thân ra sức, ra sức nhờ bản thân có đức tin. Được định tĩnh nhờ bản thân được thiết lập, được thiết lập nhờ bản thân được định tĩnh; nhận biết nhờ bản thân được thiết lập...; có đức tin nhờ bản thân được thiết lập...; ra sức nhờ bản thân được thiết lập, được thiết lập nhờ bản thân ra sức. Nhận biết nhờ bản thân được định tĩnh, được định tĩnh nhờ bản thân nhận biết; có đức tin nhờ bản thân được định tĩnh...; ra sức nhờ bản thân được định tĩnh...; được thiết lập nhờ bản thân được định tĩnh, được định tĩnh nhờ bản thân được thiết lập. Có đức tin nhờ bản thân nhận biết, nhận biết nhờ bản thân có đức tin; ra sức nhờ bản thân nhận biết, nhận biết nhờ bản thân ra sức; được thiết lập nhờ bản thân nhận biết, nhận biết nhờ bản thân được thiết lập; được định tĩnh nhờ bản thân nhận biết, nhận biết nhờ bản thân được định tĩnh.

Điều gì là Phật Nhãn, điều ấy là Phật trí. Điều gì là Phật trí, điều ấy là Phật Nhãn. Nhờ vào nhãn ấy, đức Như Lai nhìn thấy các chúng sanh có mắt bị vấy bụi ít và có mắt bị vấy bụi nhiều, có giác quan sắc sảo và có giác quan cùn lụt, có tánh khí tốt và có tánh khí tồi, dễ hướng dẫn và khó hướng dẫn, một số chúng sanh thấy được sự sợ hãi ở tội lỗi và sự [tái sanh] vào thế giới khác, một số chúng sanh không thấy được sự sợ hãi ở tội lỗi và sự [tái sanh] vào thế giới khác.

Có mắt bị vấy bụi ít và có mắt bị vấy bụi nhiều: Người có đức tin là có mắt bị vấy bụi ít, người không có đức tin là có mắt bị vấy bụi nhiều. Người có sự cố gắng tinh tấn... bị vấy bụi ít, người biếng nhác... bị vấy bụi nhiều. Người có niệm được thiết lập... bị vấy bụi ít, người có niệm bị quên lãng... bị vấy bụi nhiều. Người định tĩnh... bị vấy bụi ít, người không định tĩnh... bị vấy bụi nhiều. Người có tuệ là có mắt bị vấy bụi ít, người có tuệ kém là có mắt bị vấy bụi nhiều.

Có giác quan sắc sảo và có giác quan cùn lụt: Người có đức tin là có giác quan sắc sảo, người không có đức tin là có giác quan cùn lụt. (Nt)... Người có tuệ là có giác quan sắc sảo, người có tuệ kém là có giác quan cùn lụt.

Có tánh khí tốt và có tánh khí tồi: Người có đức tin là có tánh khí tốt, người không có đức tin là có tánh khí tồi. … (nt)... Người có tuệ là có tánh khí tốt, người có tuệ kém là có tánh khí tồi.

Dễ hướng dẫn và khó hướng dẫn: Người có đức tin là dễ hướng dẫn, người không có đức tin là khó hướng dẫn. … (nt)... Người có tuệ là dễ hướng dẫn, người có tuệ kém là khó hướng dẫn.

Một số chúng sanh thấy được sự sợ hãi ở tội lỗi và sự [tái sanh] vào thế giới khác, một số chúng sanh không thấy được sự sợ hãi ở tội lỗi và sự [tái sanh] vào thế giới khác: Người có đức tin thấy được sự sợ hãi ở tội lỗi và sự [tái sanh] vào thế giới khác, người không có đức tin không thấy được sự sợ hãi ở tội lỗi và sự [tái sanh] vào thế giới khác... (nt)... Người có tuệ thấy được sự sợ hãi ở tội lỗi và sự [tái sanh] vào thế giới khác, người có tuệ kém không thấy được sự sợ hãi ở tội lỗi và sự [tái sanh] vào thế giới khác.

Thế giới: Thế giới của các uẩn, thế giới của các giới, thế giới của các xứ, thế giới có sự bất hạnh, thế giới đem lại sự bất hạnh, thế giới có sự thuận lợi, thế giới đem lại sự thuận lợi.

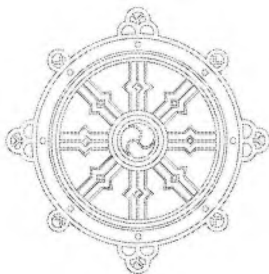
Một thế giới là tất cả chúng sanh được tồn tại nhờ vật thực. Hai thế giới là danh và sắc. Ba thế giới là ba thọ. Bốn thế giới là bốn loại vật thực. Năm thế giới là năm thủ uẩn. Sáu thế giới là sáu nội xứ. Bảy thế giới là bảy trụ xứ của thức. Tám thế giới là tám pháp thế gian. Chín thế giới là chín nơi cư trú của chúng sanh. Mười thế giới là mười xứ. Mười hai thế giới là mười hai xứ. Mười tám thế giới là mười tám giới.

Tội lỗi: Tất cả phiền não là tội lỗi, tất cả ác hạnh là tội lỗi, tất cả các hành là tội lỗi, tất cả nghiệp đưa đến hữu là tội lỗi. Như thế, tưởng đến sự kinh hãi sắc bén về thế giới này và về tội lỗi này đã được đề cập, cũng giống như [tưởng đến sự kinh hãi] về cuộc chém giết có thanh gươm đã được vung lên.

[Vị ấy] biết được, thấy được, hiểu được, thấu triệt năm quyền này thông qua năm mươi biểu hiện này.

Dứt tụng phẩm thứ ba.

Dứt phần giảng về "Quyền" được đầy đủ.



V. GIẢNG VỀ GIẢI THOÁT
(*VIMOKKHAKATHĀ*)

(Duyên khởi ở Sāvatthi)

Này các Tỳ-khưu, đây là ba giải thoát. Ba là gì? Không tánh giải thoát, vô tướng giải thoát, vô nguyện giải thoát. Này các Tỳ-khưu, đây là ba giải thoát.

Và còn có sáu mươi tám giải thoát: Không tánh giải thoát, vô tướng giải thoát, vô nguyện giải thoát, giải thoát có sự ly khai nội phần, giải thoát có sự ly khai ngoại phần, giải thoát có sự ly khai cả hai [nội ngoại phần], bốn giải thoát có sự ly khai nội phần, bốn giải thoát có sự ly khai ngoại phần, bốn giải thoát có sự ly khai cả hai [nội ngoại phần], bốn giải thoát thuận theo các sự ly khai nội phần, bốn giải thoát thuận theo các sự ly khai ngoại phần, bốn giải thoát thuận theo các sự ly khai cả hai [nội ngoại phần], bốn giải thoát tịnh do sự ly khai nội phần, bốn giải thoát tịnh do sự ly khai ngoại phần, bốn giải thoát tịnh do sự ly khai cả hai [nội ngoại phần], "có sắc, [vị ấy] thấy các sắc" là giải thoát, "có tưởng vô sắc ở nội phần, [hành giả] thấy các sắc thuộc ngoại phần" là giải thoát, "khuynh hướng thuần về điều tốt đẹp" là giải thoát, sự chứng đạt Không vô biên xứ là giải thoát, sự chứng đạt Thức vô biên xứ là giải thoát, sự chứng đạt Vô sở hữu xứ là giải thoát, sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ là giải thoát, sự chứng đạt sự Diệt tận thọ tưởng là giải thoát, giải thoát có thời hạn, giải thoát vô thời hạn, giải thoát phụ thuộc thời hạn, giải thoát không phụ thuộc thời hạn, giải thoát có thể chuyển đổi, giải thoát không thể chuyển đổi, giải thoát thuộc thế gian, giải thoát vượt trên thế gian, giải thoát còn lậu hoặc, giải thoát không còn lậu hoặc, giải thoát còn hệ lụy vật chất, giải thoát không còn hệ lụy vật chất, giải thoát không còn hệ lụy vật chất và vượt trên không còn hệ lụy vật chất, ước nguyện giải thoát, vô nguyện giải thoát, an tịnh ước nguyện giải thoát, giải thoát bị ràng buộc, giải thoát không bị ràng buộc, giải thoát có bản chất giống nhau, giải thoát có bản chất khác nhau, giải thoát do tưởng, giải thoát do trí, giải thoát có sự bình lặng, giải thoát do thiền, giải thoát của tâm không chấp thủ.

Dứt phần giải thích về "Giải thoát."

Không tánh giải thoát là gì? Ở đây, vị Tỳ-khưu đi đến khu rừng, hoặc đi đến gốc cây, hoặc đi đến nơi thanh vắng suy nghiệm rằng: "Điều này là không đối với tự ngã hoặc đối với vật phụ thuộc vào tự ngã." "Vị ấy không cố chấp vào điều ấy" là không tánh giải thoát. Đây là không tánh giải thoát.

Vô tướng giải thoát là gì? Ở đây, vị Tỳ-khưu đi đến khu rừng, hoặc đi đến

gốc cây, hoặc đi đến nơi thanh vắng suy nghiệm rằng: "Điều này là không đối với tự ngã hoặc đối với vật phụ thuộc vào tự ngã." "Vị ấy không tạo ra hiện tướng" là vô tướng giải thoát. Đây là vô tướng giải thoát.

Vô nguyện giải thoát là gì? Ở đây, vị Tỳ-khưu đi đến khu rừng, hoặc đi đến gốc cây, hoặc đi đến nơi thanh vắng suy nghiệm rằng: "Điều này là không đối với tự ngã hoặc đối với vật phụ thuộc vào tự ngã." "Vị ấy không ước nguyện điều ấy" là vô nguyện giải thoát. Đây là vô nguyện giải thoát.

Giải thoát có sự ly khai nội phần là gì? Là bốn thiền. Đây là giải thoát có sự ly khai nội phần.

Giải thoát có sự ly khai ngoại phần là gì? Là bốn sự chứng đạt [thiền] vô sắc. Đây là giải thoát có sự ly khai ngoại phần.

Giải thoát có sự ly khai cả hai [nội ngoại phần] là gì? Là bốn Thánh đạo. Đây là giải thoát có sự ly khai cả hai [nội ngoại phần].

Bốn giải thoát có sự ly khai nội phần là gì? Sơ thiền thoát ra khỏi các pháp ngăn che, Nhị thiền thoát ra khỏi tầm và tứ, Tam thiền thoát ra khỏi hỷ, Tứ thiền thoát ra khỏi lạc và khổ. Đây là bốn giải thoát có sự ly khai nội phần.

Bốn giải thoát có sự ly khai ngoại phần là gì? Sự chứng đạt Không vô biên xứ thoát ra khỏi sự nghĩ tưởng về sắc, sự nghĩ tưởng về bất bình, sự nghĩ tưởng về khác biệt; sự chứng đạt Thức vô biên xứ thoát ra khỏi sự nghĩ tưởng về Không vô biên xứ; sự chứng đạt Vô sở hữu xứ thoát ra khỏi sự nghĩ tưởng về Thức vô biên xứ; sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ thoát ra khỏi sự nghĩ tưởng về Vô sở hữu xứ. Đây là bốn giải thoát có sự ly khai ngoại phần.

Bốn giải thoát có sự ly khai cả hai [nội ngoại phần] là gì? Đạo Nhập lưu thoát ra khỏi sự nhận thức sai trái về thân, sự hoài nghi, sự bám víu vào giới và nghi thức, tà kiến ngủ ngầm, hoài nghi ngủ ngầm, thoát ra khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và [ra khỏi] các uẩn, thoát ra khỏi tất cả các hiện tướng ngoại phần. Đạo Nhất lai thoát ra khỏi sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất thô thiển, ái dục ngủ ngầm, bất bình ngủ ngầm có tính chất thô thiển, thoát ra khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và [ra khỏi] các uẩn, thoát ra khỏi tất cả các hiện tướng ngoại phần. Đạo Bất lai thoát ra khỏi sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất vi tế, thoát ra khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và [ra khỏi] các uẩn, thoát ra khỏi tất cả các hiện tướng ngoại phần.

Đạo A-la-hán thoát ra khỏi ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật, vô minh, ngã mạn ngủ ngầm, ái hữu ngủ ngầm, vô minh ngủ ngầm, thoát ra khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và [ra khỏi] các uẩn, thoát ra khỏi tất cả các hiện tướng ngoại phần. Đây là bốn giải thoát có sự ly khai cả hai [nội ngoại phần].

Bốn giải thoát thuận theo các sự ly khai nội phần là gì? Tầm tứ hỷ lạc và sự chuyên nhất của tâm nhằm mục đích thành tựu Sơ thiền,... (nt)... nhằm mục đích thành tựu Nhị thiền,... (nt)... nhằm mục đích thành tựu Tam thiền, tầm tứ

hỷ lạc và sự chuyên nhất của tâm nhằm mục đích thành tựu Tứ thiền. Đây là bốn giải thoát thuận theo các sự ly khai nội phần.

Bốn giải thoát thuận theo các sự ly khai ngoại phần là gì? Tầm tứ hỷ lạc và sự chuyên nhất của tâm nhằm mục đích thành tựu sự chứng đạt Không vô biên xứ,... (nt)... nhằm mục đích thành tựu sự chứng đạt Thức vô biên xứ,... (nt)... nhằm mục đích thành tựu sự chứng đạt Vô sở hữu xứ, tầm tứ hỷ lạc và sự chuyên nhất của tâm nhằm mục đích thành tựu sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Đây là bốn giải thoát thuận theo các sự ly khai ngoại phần.

Bốn giải thoát thuận theo các sự ly khai cả hai [nội ngoại phần] là gì? Quán xét về vô thường, quán xét về khổ não, quán xét về vô ngã nhằm mục đích thành tựu đạo Nhập lưu,... (nt)... nhằm mục đích thành tựu đạo Nhất lai,... (nt)... nhằm mục đích thành tựu đạo Bất lai, quán xét về vô thường, quán xét về khổ não, quán xét về vô ngã nhằm mục đích thành tựu đạo A-la-hán. Đây là bốn giải thoát thuận theo các sự ly khai cả hai [nội ngoại phần].

Bốn giải thoát tịnh do sự ly khai nội phần là gì? Sự thành tựu hoặc nghiệp quả của Sơ thiền,... (nt)... của Nhị thiền,... (nt)... của Tam thiền, sự thành tựu hoặc nghiệp quả của Tứ thiền. Đây là bốn giải thoát tịnh do sự ly khai nội phần.

Bốn giải thoát tịnh do sự giải thoát có sự ly khai ngoại phần là gì? Sự thành tựu hoặc nghiệp quả của sự chứng đạt Không vô biên xứ,... (nt)... của sự chứng đạt Thức vô biên xứ,... (nt)... của sự chứng đạt Vô sở hữu xứ, sự thành tựu hoặc nghiệp quả của sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Đây là bốn giải thoát tịnh do sự giải thoát có sự ly khai ngoại phần.

Bốn giải thoát tịnh do sự giải thoát có sự ly khai cả hai [nội ngoại phần] là gì? Quả Nhập lưu của đạo Nhập lưu, quả Nhất lai của đạo Nhất lai, quả Bất lai của đạo Bất lai, quả A-la-hán của đạo A-la-hán. Đây là bốn giải thoát tịnh do sự giải thoát có sự ly khai cả hai [nội ngoại phần].

"Có sắc, [vị ấy] thấy các sắc" là giải thoát là [có ý nghĩa] thế nào? Ở đây có người tác ý về hiện tướng màu xanh ở nội phần thuộc bản thân và thành tựu sự nghĩ tưởng về màu xanh. Vị ấy làm cho hiện tướng ấy khéo được nắm giữ, lưu lại hiện tướng đã khéo được lưu lại, nhận định hiện tướng đã khéo được nhận định. Sau khi làm cho hiện tướng ấy đã khéo được nắm giữ, lưu lại hiện tướng đã khéo được lưu lại, nhận định hiện tướng đã khéo được nhận định, vị ấy chuyên chú tâm vào hiện tướng màu xanh ở ngoại phần và thành tựu sự nghĩ tưởng về màu xanh. Vị ấy làm cho hiện tướng ấy khéo được nắm giữ, lưu lại hiện tướng đã khéo được lưu lại, nhận định hiện tướng đã khéo được nhận định. Sau khi đã làm cho hiện tướng ấy khéo được nắm giữ, lưu lại hiện tướng đã khéo được lưu lại, nhận định hiện tướng đã khéo được nhận định, vị ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn. Vị ấy khởi ý như vầy: "Sắc này thuộc cả hai nội phần và ngoại phần" là có sự nghĩ tưởng về sắc.

Ở đây có người tác ý về hiện tướng màu vàng... (nt)... hiện tướng màu đỏ... (nt)... hiện tướng màu trắng ở nội phần thuộc bản thân và thành tựu sự nghĩ

tưởng về màu trắng. Vị ấy làm cho hiện tướng ấy khéo được nắm giữ,... (nt)... Sau khi làm cho hiện tướng ấy đã khéo được nắm giữ,... (nt)... vị ấy chuyên chú tâm vào hiện tướng màu trắng thuộc ngoại phần và thành tựu sự nghĩ tưởng về màu trắng. Vị ấy làm cho hiện tướng ấy khéo được nắm giữ,... (nt)... Sau khi đã làm cho hiện tướng ấy khéo được nắm giữ,... (nt)... vị ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn hiện tướng ấy. Vị ấy khởi ý như vầy: "Sắc này thuộc cả hai nội phần và ngoại phần" là có sự nghĩ tưởng về sắc. "Có sắc, [vị ấy] thấy các sắc" là giải thoát là [có ý nghĩa] như thế.

"Có tưởng vô sắc ở nội phần, [hành giả] thấy các sắc thuộc ngoại phần" là giải thoát là [có ý nghĩa] thế nào? Ở đây có người không tác ý về hiện tướng màu xanh ở nội phần thuộc bản thân và không thành tựu sự nghĩ tưởng về màu xanh. Vị ấy chuyên chú tâm vào hiện tướng màu xanh thuộc ngoại phần và thành tựu sự nghĩ tưởng về màu xanh. Vị ấy làm cho hiện tướng ấy khéo được nắm giữ,... (nt)... Sau khi đã làm cho hiện tướng ấy khéo được nắm giữ,... (nt)... vị ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn hiện tướng ấy. Vị ấy khởi ý như vầy: "Vô sắc thuộc nội phần, sắc này thuộc ngoại phần" là có sự nghĩ tưởng về sắc.

Ở đây có người không tác ý về hiện tướng màu vàng... (nt)... hiện tướng màu đỏ... (nt)... hiện tướng màu trắng ở nội phần thuộc bản thân và không thành tựu sự nghĩ tưởng về màu trắng. Vị ấy chuyên chú tâm vào hiện tướng màu trắng thuộc ngoại phần và thành tựu sự nghĩ tưởng về màu trắng. Vị ấy làm cho hiện tướng khéo được nắm giữ,... (nt)... Sau khi đã làm cho hiện tướng ấy khéo được nắm giữ,... (nt)... vị ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn hiện tướng ấy. Vị ấy khởi ý như vầy: "Vô sắc thuộc nội phần, sắc này thuộc ngoại phần." "Có tưởng vô sắc ở nội phần, [hành giả] thấy các sắc thuộc ngoại phần" là giải thoát là [có ý nghĩa] như thế.

"Khuynh hướng thuần về điều tốt đẹp" là giải thoát là [có ý nghĩa] thế nào? Ở đây, vị Tỳ-khưu lan tỏa một phương với tâm từ ái rồi an trú, như vậy phương thứ nhì, như vậy phương thứ ba, như vậy phương thứ tư. Như thế vị ấy lan tỏa với tâm từ ái, bao la, lớn mạnh, vô lượng, không thù nghịch, không sân độc ở phía trên, ở phía dưới, ở phương ngang, ở khắp các nơi, khắp cả thế gian một cách trọn vẹn rồi an trú. Nhờ trạng thái phát triển của tâm từ ái, chúng sanh không có chống báng nhau. Ở đây, vị Tỳ-khưu lan tỏa một phương với tâm bi mẫn... (nt)... Nhờ trạng thái phát triển của tâm bi mẫn, chúng sanh không có chống báng nhau. Ở đây, vị Tỳ-khưu lan tỏa một phương với tâm hỷ... (nt)... Nhờ trạng thái phát triển của tâm hỷ, chúng sanh không có chống báng nhau. Ở đây, vị Tỳ-khưu lan tỏa một phương với tâm xả rồi an trú,... (nt)... Nhờ trạng thái phát triển của tâm xả, chúng sanh không có chống báng nhau. "Khuynh hướng thuần về điều tốt đẹp" là giải thoát là [có ý nghĩa] như thế.

Sự chứng đạt Không vô biên xứ là giải thoát gì? Ở đây, do sự hoàn toàn vượt qua các tưởng về sắc, do sự biến mất của các tưởng về bất bình, do không tác ý đến các tưởng về khác biệt một cách trọn vẹn, vị Tỳ-khưu chứng đạt

Không vô biên xứ "Không gian là không có giới hạn" rồi an trú. Sự chứng đạt Không vô biên xứ là giải thoát này.

Sự chứng đạt Thức vô biên xứ là giải thoát gì? Ở đây, sau khi hoàn toàn vượt qua Không vô biên xứ một cách trọn vẹn, vị Tỳ-khưu chứng đạt Thức vô biên xứ "Thức là không có giới hạn" rồi an trú. Sự chứng đạt Thức vô biên xứ là giải thoát này.

Sự chứng đạt Vô sở hữu xứ là giải thoát gì? Ở đây, sau khi hoàn toàn vượt qua Thức vô biên xứ một cách trọn vẹn, vị Tỳ-khưu chứng đạt Thức vô biên xứ "Không có bất cứ gì" rồi an trú. Sự chứng đạt Vô sở hữu xứ là giải thoát này.

Sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ là giải thoát gì? Ở đây, sau khi hoàn toàn vượt qua Vô sở hữu xứ một cách trọn vẹn, vị Tỳ-khưu chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ rồi an trú. Sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ là giải thoát này.

Sự chứng đạt Diệt tận thọ tưởng là giải thoát gì? Ở đây, sau khi hoàn toàn vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ một cách trọn vẹn, vị Tỳ-khưu chứng đạt Diệt tận thọ tưởng rồi an trú. Sự chứng đạt Diệt tận thọ tưởng là giải thoát này.

Giải thoát có thời hạn là gì? Bốn thiền và bốn sự chứng đạt vô sắc; đây là giải thoát có thời hạn.

Giải thoát vô thời hạn là gì? Bốn Thánh đạo, bốn quả vị của Sa-môn và Niết-bàn; đây là giải thoát vô thời hạn.

Giải thoát phụ thuộc thời hạn là gì? Bốn thiền và bốn sự chứng đạt vô sắc; đây là giải thoát phụ thuộc thời hạn.

Giải thoát không phụ thuộc thời hạn là gì? Bốn Thánh đạo, bốn quả vị của Sa-môn và Niết-bàn; đây là giải thoát không phụ thuộc thời hạn.

Giải thoát có thể chuyển đổi là gì? Bốn thiền và bốn sự chứng đạt vô sắc; đây là giải thoát có thể chuyển đổi.

Giải thoát không thể chuyển đổi là gì? Bốn Thánh đạo, bốn quả vị của Sa-môn và Niết-bàn; đây là giải thoát không thể chuyển đổi.

Giải thoát thuộc thế gian là gì? Bốn thiền và bốn sự chứng đạt vô sắc; đây là giải thoát thuộc thế gian.

Giải thoát vượt trên thế gian là gì? Bốn Thánh đạo, bốn quả vị của Sa-môn và Niết-bàn; đây là giải thoát vượt trên thế gian.

Giải thoát còn lậu hoặc là gì? Bốn thiền và bốn sự chứng đạt vô sắc; đây là giải thoát còn lậu hoặc.

Giải thoát không còn lậu hoặc là gì? Bốn Thánh đạo, bốn quả vị của Sa-môn và Niết-bàn; đây là giải thoát không còn lậu hoặc.

Giải thoát còn hệ lụy vật chất là gì? Giải thoát gắn liền với [đề mục] sắc; đây là giải thoát còn hệ lụy vật chất.

Giải thoát không còn hệ lụy vật chất là gì? Giải thoát gắn liền với [đề mục] vô sắc; đây là giải thoát không còn hệ lụy vật chất.

Giải thoát không còn hệ lụy vật chất và vượt trên không còn hệ lụy vật chất là gì? Bốn Thánh đạo, bốn quả vị của Sa-môn và Niết-bàn; đây là giải thoát không còn hệ lụy vật chất và vượt trên không còn hệ lụy vật chất.

Ước nguyện giải thoát là gì? Bốn thiền và bốn sự chứng đạt vô sắc; đây là ước nguyện giải thoát.

Vô nguyện giải thoát là gì? Bốn Thánh đạo, bốn quả vị của Sa-môn và Niết-bàn; đây là vô nguyện giải thoát.

An tịnh ước nguyện giải thoát là gì? Sự thành tựu hoặc nghiệp quả của sơ thiền,... (nt)... Sự thành tựu hoặc nghiệp quả của sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ; đây là an tịnh ước nguyện giải thoát.

Giải thoát bị ràng buộc là gì? Bốn thiền và bốn sự chứng đạt vô sắc; đây là giải thoát bị ràng buộc.

Giải thoát không bị ràng buộc là gì? Bốn Thánh đạo, bốn quả vị của Sa-môn và Niết-bàn; đây là giải thoát không bị ràng buộc.

Giải thoát có bản chất giống nhau là gì? Bốn Thánh đạo, bốn quả vị của Sa-môn và Niết-bàn; đây là giải thoát có bản chất giống nhau.

Giải thoát có bản chất khác nhau là gì? Bốn thiền và bốn sự chứng đạt vô sắc; đây là giải thoát có bản chất khác nhau.

Giải thoát do tưởng là gì? Có thể có một giải thoát do tưởng thì [sẽ] có mười giải thoát do tưởng, có mười giải thoát do tưởng thì [sẽ] có một giải thoát do tưởng bởi tác động của nền tảng và tùy theo phương thức.

Có thể có: Có thể có là thế nào? "Trí do sự quán xét về vô thường giải thoát khỏi nghĩ tưởng về thường" là giải thoát do tưởng. "Trí do sự quán xét về khổ não giải thoát khỏi nghĩ tưởng về lạc" là giải thoát do tưởng. "Trí do sự quán xét về vô ngã giải thoát khỏi nghĩ tưởng về ngã" là giải thoát do tưởng. "Trí do sự quán xét về nhàm chán giải thoát khỏi nghĩ tưởng về vui thích" là giải thoát do tưởng. "Trí do sự quán xét về ly tham ái giải thoát khỏi nghĩ tưởng về tham ái" là giải thoát do tưởng. "Trí do sự quán xét về diệt tận giải thoát khỏi nghĩ tưởng về nhân sanh khởi" là giải thoát do tưởng. "Trí do sự quán xét về từ bỏ giải thoát khỏi nghĩ tưởng về sự nắm giữ" là giải thoát do tưởng. "Trí do sự quán xét về vô tướng giải thoát khỏi nghĩ tưởng về hiện tướng" là giải thoát do tưởng. "Trí do sự quán xét về vô nguyện giải thoát khỏi nghĩ tưởng về nguyện ước" là giải thoát do tưởng. "Trí do sự quán xét về không tánh giải thoát khỏi nghĩ tưởng về cố chấp" là giải thoát do tưởng.

Có thể có một giải thoát do tưởng thì [sẽ] có mười giải thoát do tưởng, có mười giải thoát do tưởng thì [sẽ] có một giải thoát do tưởng bởi tác động của nền tảng và tùy theo phương thức là [có ý nghĩa] như thế.

"Trí do sự quán xét về vô thường ở sắc giải thoát khỏi nghĩ tưởng về thường"

là giải thoát do tưởng. … (nt)... "Trí do sự quán xét về không tánh ở sắc giải thoát khỏi nghĩ tưởng về cố chấp" là giải thoát do tưởng. Có thể có một giải thoát do tưởng thì [sẽ] có mười giải thoát do tưởng, có mười giải thoát do tưởng thì [sẽ] có một giải thoát do tưởng bởi tác động của nền tảng và tùy theo phương thức là [có ý nghĩa] như thế.

"Trí do sự quán xét về vô thường ở thọ... ở tưởng... ở các hành... ở thức... ở mắt... ở lão tử giải thoát khỏi nghĩ tưởng về thường" là giải thoát do tưởng. … (nt)... "Trí do sự quán xét về không tánh ở lão tử giải thoát khỏi nghĩ tưởng về cố chấp" là giải thoát do tưởng. Có thể có một giải thoát do tưởng thì [sẽ] có mười giải thoát do tưởng, có mười giải thoát do tưởng thì [sẽ] có một giải thoát do tưởng bởi tác động của nền tảng và tùy theo phương thức là [có ý nghĩa] như thế. Đây là giải thoát do tưởng.

Giải thoát do trí là gì? Có thể có một giải thoát do trí thì [sẽ] có mười giải thoát do trí, có mười giải thoát do trí thì [sẽ] có một giải thoát do trí bởi tác động của nền tảng và tùy theo phương thức.

Có thể có: Có thể có là thế nào? "Trí do sự quán xét về vô thường đúng theo thực thể giải thoát khỏi sự lầm lẫn vô trí về thường" là giải thoát do trí. "Trí do sự quán xét về khổ não đúng theo thực thể giải thoát khỏi sự lầm lẫn vô trí về lạc" là giải thoát do trí. "Trí do sự quán xét về vô ngã đúng theo thực thể giải thoát khỏi sự lầm lẫn vô trí về ngã" là giải thoát do trí. "Trí do sự quán xét về nhàm chán đúng theo thực thể giải thoát khỏi sự lầm lẫn vô trí về vui thích" là giải thoát do trí. "Trí do sự quán xét về ly tham ái đúng theo thực thể giải thoát khỏi sự lầm lẫn vô trí về tham ái" là giải thoát do trí. "Trí do sự quán xét về diệt tận đúng theo thực thể giải thoát khỏi sự lầm lẫn vô trí về nhân sanh khởi" là giải thoát do trí. "Trí do sự quán xét về từ bỏ đúng theo thực thể giải thoát khỏi sự lầm lẫn vô trí về sự nắm giữ" là giải thoát do trí. "Trí do sự quán xét về vô tướng đúng theo thực thể giải thoát khỏi sự lầm lẫn vô trí về hiện tướng" là giải thoát do trí. "Trí do sự quán xét về vô nguyện đúng theo thực thể giải thoát khỏi sự lầm lẫn vô trí về nguyện ước" là giải thoát do trí. "Trí do sự quán xét về không tánh đúng theo thực thể giải thoát khỏi sự lầm lẫn vô trí về cố chấp" là giải thoát do trí.

Có thể có một giải thoát do trí thì [sẽ] có mười giải thoát do trí, có mười giải thoát do trí thì [sẽ] có một giải thoát do trí bởi tác động của nền tảng và tùy theo phương thức là [có ý nghĩa] như thế.

"Trí do sự quán xét về vô thường ở sắc đúng theo thực thể giải thoát khỏi sự lầm lẫn vô trí về thường" là giải thoát do trí. … (nt)... "Trí do sự quán xét về không tánh ở sắc đúng theo thực thể giải thoát khỏi sự lầm lẫn vô trí về cố chấp" là giải thoát do trí. Có thể có một giải thoát do trí thì [sẽ] có mười giải thoát do trí, có mười giải thoát do trí thì [sẽ] có một giải thoát do trí bởi tác động của nền tảng và tùy theo phương thức là [có ý nghĩa] như thế.

"Trí do sự quán xét về vô thường ở thọ... ở tưởng... ở các hành... ở thức... ở

mắt... ở lão tử đúng theo thực thể giải thoát khỏi sự lầm lẫn vô trí về thường" là giải thoát do trí. … (nt)... "Trí do sự quán xét về không tánh ở lão tử đúng theo thực thể giải thoát khỏi sự lầm lẫn vô trí về cố chấp" là giải thoát do trí. Có thể có một giải thoát do trí thì [sẽ] có mười giải thoát do trí, có mười giải thoát do trí thì [sẽ] có một giải thoát do trí bởi tác động của nền tảng và tùy theo phương thức là [có ý nghĩa] như thế. Đây là giải thoát do trí.

Giải thoát có sự bình lặng là gì? Có thể có một giải thoát có sự bình lặng thì [sẽ] có mười giải thoát có sự bình lặng, có mười giải thoát có sự bình lặng thì [sẽ] có một giải thoát có sự bình lặng bởi tác động của nền tảng và tùy theo phương thức.

Có thể có: Có thể có là thế nào? "Trí có trạng thái bình lặng tối thượng, do quán xét về vô thường, giải thoát khỏi sự bồn chồn, bực bội, nóng nảy về thường" là giải thoát có sự bình lặng. "Trí có trạng thái bình lặng tối thượng, do quán xét về khổ não, giải thoát khỏi sự bồn chồn, bực bội, nóng nảy về lạc" là giải thoát có sự bình lặng. "Trí có trạng thái bình lặng tối thượng, do quán xét về vô ngã, giải thoát khỏi sự bồn chồn, bực bội, nóng nảy về ngã" là giải thoát có sự bình lặng. "Trí có trạng thái bình lặng tối thượng, do quán xét về nhàm chán, giải thoát khỏi sự bồn chồn, bực bội, nóng nảy về vui thích" là... "Trí có trạng thái bình lặng tối thượng, do quán xét về ly tham ái, giải thoát khỏi sự bồn chồn, bực bội, nóng nảy về tham ái" là... "Trí có trạng thái bình lặng tối thượng, do quán xét về diệt tận, giải thoát khỏi sự bồn chồn, bực bội, nóng nảy về nhân sanh khởi" là... "Trí có trạng thái bình lặng tối thượng, do quán xét về từ bỏ, giải thoát khỏi sự bồn chồn, bực bội, nóng nảy về sự nắm giữ" là... "Trí có trạng thái bình lặng tối thượng, do quán xét về vô tướng, giải thoát khỏi sự bồn chồn, bực bội, nóng nảy về hiện tướng" là giải thoát có sự bình lặng. "Trí có trạng thái bình lặng tối thượng, do quán xét về vô nguyện, giải thoát khỏi sự bồn chồn, bực bội, nóng nảy về nguyện ước" là giải thoát có sự bình lặng. "Trí có trạng thái bình lặng tối thượng, do quán xét về không tánh, giải thoát khỏi sự bồn chồn, bực bội, nóng nảy về cố chấp" là giải thoát có sự bình lặng.

Có thể có một giải thoát có sự bình lặng thì [sẽ] có mười giải thoát có sự bình lặng, có mười giải thoát có sự bình lặng thì [sẽ] có một giải thoát có sự bình lặng bởi tác động của nền tảng và tùy theo phương thức là [có ý nghĩa] như thế.

"Trí có trạng thái bình lặng tối thượng, do quán xét về vô thường ở sắc, giải thoát khỏi sự bồn chồn, bực bội, nóng nảy về thường" là giải thoát có sự bình lặng. … (nt)... "Trí có trạng thái bình lặng tối thượng, do quán xét về không tánh ở sắc, giải thoát khỏi sự bồn chồn, bực bội, nóng nảy về cố chấp" là giải thoát có sự bình lặng. Có thể có một giải thoát có sự bình lặng thì [sẽ] có mười giải thoát có sự bình lặng, có mười giải thoát có sự bình lặng thì [sẽ] có một giải thoát có sự bình lặng bởi tác động của nền tảng và tùy theo phương thức là [có ý nghĩa] như thế.

"Trí có trạng thái bình lặng tối thượng, do quán xét về vô thường ở thọ... ở tưởng... ở các hành... ở thức... ở mắt... ở lão tử, giải thoát khỏi sự bồn chồn, bực bội, nóng nảy về thường" là giải thoát có sự bình lặng. ... (nt)... "Trí có trạng thái bình lặng tối thượng, do quán xét về không tánh ở lão tử, giải thoát khỏi sự bồn chồn, bực bội, nóng nảy về cố chấp" là giải thoát có sự bình lặng.

Có thể có một giải thoát có sự bình lặng thì [sẽ] có mười giải thoát có sự bình lặng, có mười giải thoát có sự bình lặng thì [sẽ] có một giải thoát có sự bình lặng bởi tác động của nền tảng và tùy theo phương thức là [có ý nghĩa] như thế. Đây là giải thoát có sự bình lặng.

Giải thoát do thiền là gì? Sự thoát ly được nung nấu là thiền, "thiêu đốt ước muốn trong các dục" là thiền, "trong khi nung nấu, được giải thoát" là giải thoát do thiền, "trong khi thiêu đốt, được giải thoát" là giải thoát do thiền, "nung nấu" là các pháp, "thiêu đốt" là các phiền não, "biết điều được nung nấu và điều được thiêu đốt" là giải thoát do thiền. "Sự không sân độc được nung nấu" là thiền, "thiêu đốt sân độc" là thiền, "trong khi nung nấu, được giải thoát" là giải thoát do thiền, "trong khi thiêu đốt, được giải thoát" là giải thoát do thiền. "Nung nấu" là các pháp, "thiêu đốt" là các phiền não, "biết điều được nung nấu và điều được thiêu đốt" là giải thoát do thiền. "Sự nghĩ tưởng về ánh sáng được nung nấu" là thiền, "thiêu đốt sự lờ đờ buồn ngủ" là thiền... (nt)... "Sự không tản mạn được nung nấu" là thiền, "thiêu đốt phóng dật" là thiền... (nt)... "Sự xác định pháp được nung nấu" là thiền, "thiêu đốt hoài nghi" là thiền... (nt)... "Trí được nung nấu" là thiền, "thiêu đốt vô minh" là thiền... (nt)... "Sự hân hoan được nung nấu" là thiền, "thiêu đốt sự không hứng thú" là thiền... (nt)... "Sơ thiền được nung nấu" là thiền, "thiêu đốt các pháp ngăn che" là thiền... (nt)... "Đạo A-la-hán được nung nấu" là thiền, "thiêu đốt toàn bộ phiền não" là thiền, "trong khi nung nấu, được giải thoát" là giải thoát do thiền, "trong khi thiêu đốt, được giải thoát" là giải thoát do thiền. "Nung nấu" là các pháp, "thiêu đốt" là các phiền não, "biết điều được nung nấu và điều được thiêu đốt" là giải thoát do thiền. Đây là giải thoát do thiền.

Giải thoát của tâm không chấp thủ là gì? Có thể có một giải thoát của tâm không chấp thủ thì [sẽ] có mười giải thoát của tâm không chấp thủ, có mười giải thoát của tâm không chấp thủ thì [sẽ] có một giải thoát của tâm không chấp thủ bởi tác động của nền tảng và tùy theo phương thức.

Có thể có: Có thể có là thế nào? "Trí do sự quán xét về vô thường giải thoát khỏi chấp thủ về thường" là giải thoát của tâm không chấp thủ. "Trí do sự quán xét về khổ não giải thoát khỏi chấp thủ về lạc" là giải thoát của tâm không chấp thủ. "Trí do sự quán xét về vô ngã giải thoát khỏi chấp thủ về ngã" là giải thoát của tâm không chấp thủ. "Trí do sự quán xét về nhàm chán giải thoát khỏi chấp thủ về vui thích" là... "Trí do sự quán xét về ly tham ái giải thoát khỏi chấp thủ về tham ái" là... "Trí do sự quán xét về diệt tận giải thoát khỏi chấp thủ về nhân sanh khởi" là... "Trí do sự quán xét về từ bỏ giải thoát khỏi chấp thủ về

sự nắm giữ" là... "Trí do sự quán xét về vô tướng giải thoát khỏi chấp thủ về hiện tướng" là... "Trí do sự quán xét về vô nguyện giải thoát khỏi chấp thủ về nguyện ước" là giải thoát của tâm không chấp thủ. "Trí do sự quán xét về không tánh giải thoát khỏi chấp thủ về cố chấp" là giải thoát của tâm không chấp thủ.

Có thể có một giải thoát của tâm không chấp thủ thì [sẽ] có mười giải thoát của tâm không chấp thủ, có mười giải thoát của tâm không chấp thủ thì [sẽ] có một giải thoát của tâm không chấp thủ bởi tác động của nền tảng và tùy theo phương thức là [có ý nghĩa] như thế.

"Trí do sự quán xét về vô thường ở sắc giải thoát khỏi chấp thủ về thường" là giải thoát của tâm không chấp thủ. … (nt)... "Trí do sự quán xét về không tánh ở sắc giải thoát khỏi chấp thủ về cố chấp" là giải thoát của tâm không chấp thủ. Có thể có một giải thoát của tâm không chấp thủ thì [sẽ] có mười giải thoát của tâm không chấp thủ, có mười giải thoát của tâm không chấp thủ thì [sẽ] có một giải thoát của tâm không chấp thủ bởi tác động của nền tảng và tùy theo phương thức là [có ý nghĩa] như thế.

"Trí do sự quán xét về không tánh ở thọ... ở tưởng... ở các hành... ở thức... ở mắt... ở lão tử giải thoát khỏi chấp thủ về cố chấp" là giải thoát của tâm không chấp thủ. Có thể có một... thì [sẽ] có mười..., có mười... thì [sẽ] có một giải thoát của tâm không chấp thủ bởi tác động của nền tảng và tùy theo phương thức là [có ý nghĩa] như thế.

Trí do sự quán xét về vô thường giải thoát khỏi bao nhiêu chấp thủ? Trí do sự quán xét về khổ não giải thoát khỏi bao nhiêu chấp thủ? Trí do sự quán xét về vô ngã...? Trí do sự quán xét về nhàm chán...? Trí do sự quán xét về ly tham ái...? Trí do sự quán xét về diệt tận...? Trí do sự quán xét về từ bỏ...? Trí do sự quán xét về vô tướng...? Trí do sự quán xét về vô nguyện...? Trí do sự quán xét về không tánh giải thoát khỏi bao nhiêu chấp thủ?

Trí do sự quán xét về vô thường giải thoát khỏi ba chấp thủ. Trí do sự quán xét về khổ não giải thoát khỏi một chấp thủ. Trí do sự quán xét về vô ngã giải thoát khỏi ba chấp thủ. Trí do sự quán xét về nhàm chán giải thoát khỏi một chấp thủ. Trí do sự quán xét về ly tham ái giải thoát khỏi một chấp thủ. Trí do sự quán xét về diệt tận giải thoát khỏi bốn chấp thủ. Trí do sự quán xét về từ bỏ giải thoát khỏi bốn chấp thủ. Trí do sự quán xét về vô tướng giải thoát khỏi ba chấp thủ. Trí do sự quán xét về vô nguyện giải thoát khỏi một chấp thủ. Trí do sự quán xét về không tánh giải thoát khỏi ba chấp thủ.

Trí do sự quán xét về vô thường giải thoát khỏi ba chấp thủ nào? Khỏi sự chấp thủ về [tà] kiến, khỏi sự chấp thủ vào giới và nghi thức, khỏi sự chấp thủ về ngã luận thuyết; trí do sự quán xét về vô thường giải thoát khỏi ba chấp thủ này.

Trí do sự quán xét về khổ não giải thoát khỏi một chấp thủ nào? Khỏi sự chấp thủ về [ngũ] dục; trí do sự quán xét về khổ não giải thoát khỏi một chấp thủ này.

Trí do sự quán xét về vô ngã giải thoát khỏi ba chấp thủ nào? Khỏi sự chấp

thủ về [tà] kiến, khỏi sự chấp thủ vào giới và nghi thức, khỏi sự chấp thủ về ngã luận thuyết; trí do sự quán xét về vô ngã giải thoát khỏi ba chấp thủ này.

Trí do sự quán xét về nhàm chán giải thoát khỏi một chấp thủ nào? Khỏi sự chấp thủ về [ngũ] dục; trí do sự quán xét về nhàm chán giải thoát khỏi một chấp thủ này.

Trí do sự quán xét về ly tham ái giải thoát khỏi một chấp thủ nào? Khỏi sự chấp thủ về [ngũ] dục; trí do sự quán xét về ly tham ái giải thoát khỏi một chấp thủ này.

Trí do sự quán xét về diệt tận giải thoát khỏi bốn chấp thủ nào? Khỏi sự chấp thủ về [ngũ] dục, khỏi sự chấp thủ về [tà] kiến, khỏi sự chấp thủ vào giới và nghi thức, khỏi sự chấp thủ về ngã luận thuyết; trí do sự quán xét về diệt tận giải thoát khỏi bốn chấp thủ này.

Trí do sự quán xét về từ bỏ giải thoát khỏi bốn chấp thủ nào? Khỏi sự chấp thủ về [ngũ] dục, khỏi sự chấp thủ về [tà] kiến, khỏi sự chấp thủ vào giới và nghi thức, khỏi sự chấp thủ về ngã luận thuyết; trí do sự quán xét về từ bỏ giải thoát khỏi bốn chấp thủ này.

Trí do sự quán xét về vô tướng giải thoát khỏi ba chấp thủ nào? Khỏi sự chấp thủ về [ngũ] dục, khỏi sự chấp thủ vào giới và nghi thức, khỏi sự chấp thủ về ngã luận thuyết; trí do sự quán xét về vô tướng giải thoát khỏi ba chấp thủ này.

Trí do sự quán xét về vô nguyện giải thoát khỏi một chấp thủ nào? Khỏi sự chấp thủ về [ngũ] dục; trí do sự quán xét về vô nguyện giải thoát khỏi một chấp thủ này.

Trí do sự quán xét về không tánh giải thoát khỏi ba chấp thủ nào? Khỏi sự chấp thủ về [tà] kiến, khỏi sự chấp thủ vào giới và nghi thức, khỏi sự chấp thủ về ngã luận thuyết; trí do sự quán xét về không tánh giải thoát khỏi ba chấp thủ này.

Trí do sự quán xét về vô thường, trí do sự quán xét về vô ngã, trí do sự quán xét về vô tướng, trí do sự quán xét về không tánh, bốn trí này giải thoát khỏi ba chấp thủ là sự chấp thủ về [tà] kiến, sự chấp thủ vào giới và nghi thức, sự chấp thủ về ngã luận thuyết. Trí do sự quán xét về khổ não, trí do sự quán xét về nhàm chán, trí do sự quán xét về ly tham ái, trí do sự quán xét về vô nguyện, bốn trí này giải thoát khỏi một chấp thủ là sự chấp thủ về [ngũ] dục. Trí do sự quán xét về diệt tận, trí do sự quán xét về từ bỏ, hai trí này giải thoát khỏi bốn chấp thủ là sự chấp thủ về [ngũ] dục, sự chấp thủ về [tà] kiến, sự chấp thủ vào giới và nghi thức, sự chấp thủ về ngã luận thuyết. Đây là sự giải thoát của tâm không chấp thủ.

Phần giảng về "Giải thoát" là tụng phẩm thứ nhất.

Hơn nữa, đây là ba cánh cửa giải thoát dẫn đến lối ra khỏi thế giới. Do tính chất quán xét của vị đang phân định giới hạn các hành và do tính chất tiến vào của tâm ở trong bản thể vô tướng, do sự dao động của ý ở các hành và do tính chất tiến vào của tâm trong bản thể vô nguyện, do tính chất quán xét tất cả các

pháp là sai khác và do tính chất tiến vào của tâm ở trong bản thể không tánh; đây là ba cánh cửa giải thoát dẫn đến lối ra khỏi thế giới.

Đối với vị đang tác ý vô thường, các hành hiện diện như thế nào? Đối với vị đang tác ý khổ não, các hành hiện diện như thế nào? Đối với vị đang tác ý vô ngã, các hành hiện diện như thế nào? Đối với vị đang tác ý vô thường, các hành hiện diện như là sự đoạn tận. Đối với vị đang tác ý khổ não, các hành hiện diện như là sự kinh hãi. Đối với vị đang tác ý vô ngã, các hành hiện diện như là không.

Đối với vị đang tác ý vô thường, tâm được dồi dào về điều gì? Đối với vị đang tác ý khổ não, tâm được dồi dào về điều gì? Đối với vị đang tác ý vô ngã, tâm được dồi dào về điều gì? Đối với vị đang tác ý vô thường, tâm được dồi dào về cương quyết. Đối với vị đang tác ý khổ não, tâm được dồi dào về tịnh. Đối với vị đang tác ý vô ngã, tâm được dồi dào về hiểu biết.

Trong khi tác ý vô thường, vị dồi dào về cương quyết thành đạt quyền gì? Trong khi tác ý khổ não, vị dồi dào về tịnh thành đạt quyền gì? Trong khi tác ý vô ngã, vị dồi dào về hiểu biết thành đạt quyền gì? Trong khi tác ý vô thường, vị dồi dào về cương quyết thành đạt tín quyền. Trong khi tác ý khổ não, vị dồi dào về tịnh thành đạt định quyền. Trong khi tác ý vô ngã, vị dồi dào về hiểu biết thành đạt tuệ quyền.

Đối với vị dồi dào về cương quyết đang tác ý vô thường, quyền nào là chủ đạo? Trong sự tu tập, có bao nhiêu quyền là tiếp nối việc ấy, là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên, là có nhất vị? Sự tu tập theo ý nghĩa gì? Ai tu tập?

Đối với vị dồi dào về tịnh đang tác ý khổ não, quyền nào là chủ đạo? Trong sự tu tập, có bao nhiêu quyền là tiếp nối việc ấy, là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên, là có nhất vị? Sự tu tập theo ý nghĩa gì? Ai tu tập?

Đối với vị dồi dào về hiểu biết đang tác ý vô ngã, quyền nào là chủ đạo? Trong sự tu tập, có bao nhiêu quyền là tiếp nối việc ấy, là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên, là có nhất vị? Sự tu tập theo ý nghĩa gì? Ai tu tập?

Đối với vị dồi dào về cương quyết đang tác ý vô thường, tín quyền là chủ đạo. Trong sự tu tập, có bốn quyền là tiếp nối việc ấy, là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên, là có nhất vị. Sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị. Vị nào thực hành đúng đắn, vị ấy tu tập; không có sự tu tập quyền ở người thực hành sai trái.

Đối với vị dồi dào về tịnh đang tác ý khổ não, định quyền là chủ đạo. Trong sự tu tập, có bốn quyền là tiếp nối việc ấy, là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên, là có nhất vị. Sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị. Vị nào thực hành đúng đắn, vị ấy tu tập; không có sự tu tập quyền ở người thực hành sai trái.

Đối với vị dồi dào về hiểu biết đang tác ý vô ngã, tuệ quyền là chủ đạo. Trong sự tu tập, có bốn quyền là tiếp nối việc ấy, là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên, là có nhất vị. Sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị. Vị nào thực hành đúng đắn, vị ấy tu tập; không có sự tu tập quyền ở người thực hành sai trái.

Đối với vị dồi dào về cương quyết đang tác ý vô thường, quyền nào là chủ đạo? Trong sự tu tập, có bao nhiêu quyền là tiếp nối việc ấy, là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên? Vào thời điểm thấu triệt, quyền nào là chủ đạo? Trong sự thấu triệt, bao nhiêu quyền là tiếp nối việc ấy, là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên, là có nhất vị? Sự tu tập theo ý nghĩa gì? Sự thấu triệt theo ý nghĩa gì?

Đối với vị dồi dào về tịnh đang tác ý khổ não, quyền nào là chủ đạo? Trong sự tu tập, có bao nhiêu quyền là tiếp nối việc ấy, là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên? Vào thời điểm thấu triệt, quyền nào là chủ đạo? Trong sự thấu triệt, bao nhiêu quyền là tiếp nối việc ấy, là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên, là có nhất vị? Sự tu tập theo ý nghĩa gì? Sự thấu triệt theo ý nghĩa gì?

Đối với vị dồi dào về hiểu biết đang tác ý vô ngã, quyền nào là chủ đạo? Trong sự tu tập, có bao nhiêu quyền là tiếp nối việc ấy, là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên? Vào thời điểm thấu triệt, quyền nào là chủ đạo? Trong sự thấu triệt, bao nhiêu quyền là tiếp nối việc ấy, là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên, là có nhất vị? Sự tu tập theo ý nghĩa gì? Sự thấu triệt theo ý nghĩa gì?

Đối với vị dồi dào về cương quyết đang tác ý vô thường, tín quyền là chủ đạo. Trong sự tu tập, có bốn quyền là tiếp nối việc ấy, là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên. Vào thời điểm thấu triệt, tuệ quyền là chủ đạo. Trong sự thấu triệt, có bốn quyền là tiếp nối việc ấy, là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên, là có nhất vị. Sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị. Sự thấu triệt theo ý nghĩa nhận thức. Như vậy, ngay trong khi đang thấu triệt, [hành giả] tu tập; ngay trong khi đang tu tập, [hành giả] thấu triệt.

Đối với vị dồi dào về tịnh đang tác ý khổ não, định quyền là chủ đạo. Trong sự tu tập, có bốn quyền là tiếp nối việc ấy, là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên. Vào thời điểm thấu triệt, tuệ quyền là chủ đạo. Trong sự thấu triệt, có bốn quyền là tiếp nối việc ấy, là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên, là có nhất vị. Sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị. Sự thấu triệt theo ý nghĩa nhận thức. Như vậy, ngay trong khi đang thấu triệt, [hành giả] tu tập; ngay trong khi đang tu tập, [hành giả] thấu triệt.

Đối với vị dồi dào về hiểu biết đang tác ý vô ngã, tuệ quyền là chủ đạo. Trong sự tu tập, có bốn quyền là tiếp nối việc ấy, là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên. Vào thời điểm thấu triệt, tuệ quyền là chủ đạo. Trong sự thấu triệt, có bốn quyền là tiếp nối việc ấy, là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên, là có nhất vị. Sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị. Sự thấu triệt theo ý nghĩa nhận thức. Như vậy, ngay trong khi đang thấu triệt, [hành giả] tu tập; ngay trong khi đang tu tập, [hành giả] thấu triệt.

Đối với vị đang tác ý vô thường, quyền nào là nổi bật? Do trạng thái nổi bật của quyền nào, là được giải thoát do đức tin? Đối với vị đang tác ý khổ não, quyền nào là nổi bật? Do trạng thái nổi bật của quyền nào, là có thân chứng? Đối với vị đang tác ý vô ngã, quyền nào là nổi bật? Do trạng thái nổi bật của quyền nào, là đạt được do kiến?

Đối với vị đang tác ý vô thường, tín quyền là nổi bật; do trạng thái nổi bật của tín quyền, là được giải thoát do đức tin. Đối với vị đang tác ý khổ não, định quyền là nổi bật; do trạng thái nổi bật của định quyền, là có thân chứng. Đối với vị đang tác ý vô ngã, tuệ quyền là nổi bật; do trạng thái nổi bật của tuệ quyền, là đạt được do kiến.

"Trong khi có đức tin, được giải thoát" là được giải thoát do đức tin. "Do trạng thái chạm đến, được tác chứng" là có thân chứng. "Do trạng thái đã được thấy, đã đạt được" là đạt được do kiến. "Trong khi có đức tin, được giải thoát" là được giải thoát do đức tin. "Trước tiên xúc chạm với sự xúc chạm của thiền, sau đó tác chứng sự tịch diệt Niết-bàn" là có thân chứng. "'Các hành là khổ, tịch diệt là lạc' là điều đã được biết, được hiểu, được tác chứng, được chạm đến bởi tuệ" là đạt được do kiến.

Đây là người được giải thoát do đức tin, là người có thân chứng và là người đạt được do kiến; có thể ba người này vừa được giải thoát do đức tin, vừa có thân chứng, vừa đạt được do kiến bởi tác động của nền tảng và tùy theo phương thức.

Có thể có: Có thể có là thế nào? Đối với vị đang tác ý vô thường có tín quyền là nổi bật, do trạng thái nổi bật của tín quyền là được giải thoát do đức tin; đối với vị đang tác ý khổ não có tín quyền là nổi bật, do trạng thái nổi bật của tín quyền là được giải thoát do đức tin; đối với vị đang tác ý vô ngã có tín quyền là nổi bật, do trạng thái nổi bật của tín quyền là được giải thoát do đức tin. Như vậy, ba người này được giải thoát do đức tin nhờ vào tác động của tín quyền.

Đối với vị đang tác ý khổ não có định quyền là nổi bật, do trạng thái nổi bật của định quyền là có thân chứng; đối với vị đang tác ý vô ngã có định quyền là nổi bật, do trạng thái nổi bật của định quyền là có thân chứng; đối với vị đang tác ý vô thường có định quyền là nổi bật, do trạng thái nổi bật của định quyền là có thân chứng. Như vậy, ba người này là có thân chứng nhờ vào tác động của định quyền.

Đối với vị đang tác ý vô ngã có tuệ quyền là nổi bật, do trạng thái nổi bật

của tuệ quyền là đạt được do kiến; đối với vị đang tác ý vô thường có tuệ quyền là nổi bật, do trạng thái nổi bật của tuệ quyền là đạt được do kiến; đối với vị đang tác ý khổ não có tuệ quyền là nổi bật, do trạng thái nổi bật của tuệ quyền là đạt được do kiến. Như vậy, ba người này là đạt được do kiến nhờ vào tác động của tuệ quyền.

Đây là người được giải thoát do đức tin, là người có thân chứng và là người đạt được do kiến; có thể ba người này vừa được giải thoát do đức tin, vừa có thân chứng, vừa đạt được do kiến bởi tác động của nền tảng và tùy theo phương thức là [có ý nghĩa] như thế.

Đây là người được giải thoát do đức tin, là người có thân chứng và là người đạt được do kiến; có thể ba người này một người được giải thoát do đức tin, người khác có thân chứng và người khác nữa đạt được do kiến.

Có thể có: Có thể có là thế nào? Đối với vị đang tác ý vô thường có tín quyền là nổi bật, do trạng thái nổi bật của tín quyền là được giải thoát do đức tin; đối với vị đang tác ý khổ não có định quyền là nổi bật, do trạng thái nổi bật của định quyền là có thân chứng; đối với vị đang tác ý vô ngã có tuệ quyền là nổi bật, do trạng thái nổi bật của tuệ quyền là được giải thoát do kiến.

Và đây là người được giải thoát do đức tin, là người có thân chứng, và là người đạt được do kiến. Có thể ba người này, một người được giải thoát do đức tin, người khác có thân chứng, và người khác nữa đạt được do kiến là [có ý nghĩa] như thế.

Đối với vị đang tác ý vô thường có tín quyền là nổi bật, do trạng thái nổi bật của tín quyền [vị ấy] thành đạt đạo Nhập lưu; vì thế được nói rằng: "Vị tùy tín hành." Bốn quyền là tiếp nối việc ấy, là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên. Nhờ vào tác động của tín quyền, có sự tu tập của bốn quyền. Chính các vị nào thành đạt đạo Nhập lưu nhờ vào tác động của tín quyền, tất cả các vị ấy là các vị tùy tín hành.

Đối với vị đang tác ý vô thường có tín quyền là nổi bật, do trạng thái nổi bật của tín quyền quả Nhập lưu được tác chứng; vì thế được nói rằng: "*Được giải thoát do đức tin.*" Bốn quyền là tiếp nối việc ấy, là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên. Nhờ vào tác động của tín quyền, bốn quyền là được tu tập, là được tu tập tốt đẹp. Chính các vị nào tác chứng quả Nhập lưu nhờ vào tác động của tín quyền, tất cả các vị ấy là các vị được giải thoát do đức tin.

Đối với vị đang tác ý vô thường có tín quyền là nổi bật, do trạng thái nổi bật của tín quyền [vị ấy] thành đạt đạo Nhất lai;... (nt)... quả Nhất lai được tác chứng;... (nt)... thành đạt đạo Bất lai;... (nt)... quả Bất lai được tác chứng;... (nt)... thành đạt đạo A-la-hán;... (nt)... quả A-la-hán được tác chứng; vì thế được nói rằng: "*Được giải thoát do đức tin.*" Bốn quyền là tiếp nối việc ấy,... (nt)..., là các tương ưng duyên. Chính các vị nào tác chứng phẩm vị A-la-hán nhờ vào tác động của tín quyền, tất cả các vị ấy là các vị được giải thoát do đức tin.

Đối với vị đang tác ý khổ não có định quyền là nổi bật, do trạng thái nổi bật của định quyền [vị ấy] thành đạt đạo Nhập lưu; vì thế được nói rằng: "Vị có thân chứng." Bốn quyền là tiếp nối việc ấy, là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên. Nhờ vào tác động của định quyền, có sự tu tập của bốn quyền. Chính các vị nào thành đạt đạo Nhập lưu nhờ vào tác động của định quyền, tất cả các vị ấy là các vị có thân chứng.

Đối với vị đang tác ý khổ não có định quyền là nổi bật, do trạng thái nổi bật của định quyền, quả Nhập lưu được tác chứng;... (nt)... thành đạt đạo Nhất lai;... (nt)... quả Nhất lai được tác chứng;... (nt)... thành đạt đạo Bất lai;... (nt)... quả Bất lai được tác chứng;... (nt)... thành đạt đạo A-la-hán;... (nt)... quả A-la-hán được tác chứng; vì thế được nói rằng: "Vị có thân chứng." Bốn quyền là tiếp nối việc ấy, là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên. Nhờ vào tác động của định quyền, bốn quyền là được tu tập, là được tu tập tốt đẹp. Chính các vị nào tác chứng phẩm vị A-la-hán nhờ vào tác động của định quyền, tất cả các vị ấy là các vị có thân chứng.

Đối với vị đang tác ý vô ngã có tuệ quyền là nổi bật, do trạng thái nổi bật của tuệ quyền [vị ấy] thành đạt đạo Nhập lưu; vì thế được nói rằng: "Vị tùy pháp hành." Bốn quyền là tiếp nối việc ấy, là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên. Nhờ vào tác động của tuệ quyền, có sự tu tập của bốn quyền. Chính các vị nào thành đạt đạo Nhập lưu nhờ vào tác động của tuệ quyền, tất cả các vị ấy là các vị tùy pháp hành.

Đối với vị đang tác ý vô ngã có tuệ quyền là nổi bật, do trạng thái nổi bật của tuệ quyền, quả Nhập lưu được tác chứng; vì thế được nói rằng: "Vị đạt được do kiến." Bốn quyền là tiếp nối việc ấy, là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên. Nhờ vào tác động của tuệ quyền, bốn quyền là được tu tập, là được tu tập tốt đẹp. Chính các vị nào tác chứng quả Nhập lưu nhờ vào tác động của tuệ quyền, tất cả các vị ấy là các vị đạt được do kiến.

Đối với vị đang tác ý vô ngã có tuệ quyền là nổi bật, do trạng thái nổi bật của tuệ quyền [vị ấy] thành đạt đạo Nhất lai;... (nt)... quả Nhất lai được tác chứng;... (nt)... thành đạt đạo Bất lai;... (nt)... quả Bất lai được tác chứng;... (nt)... thành đạt đạo A-la-hán;... (nt)... quả A-la-hán được tác chứng; vì thế được nói rằng: "Vị tùy pháp hành." Bốn quyền là tiếp nối việc ấy, là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên. Nhờ vào tác động của tuệ quyền, bốn quyền là được tu tập, là được tu tập tốt đẹp. Chính các vị nào tác chứng phẩm vị A-la-hán nhờ vào tác động của tuệ quyền, tất cả các vị ấy là các vị đạt được do kiến.

Chính các vị nào đã tu tập, đang tu tập, hoặc sẽ tu tập; đã đắc chứng, đang đắc chứng, hoặc sẽ đắc chứng; đã đạt được, đang đạt được, hoặc sẽ đạt được; đã thành đạt, đang thành đạt, hoặc sẽ thành đạt; đã thấu triệt, đang thấu triệt, hoặc sẽ thấu triệt; đã tác chứng, đang tác chứng, hoặc sẽ tác chứng; đã chạm đến, đang

chạm đến, hoặc sẽ chạm đến; đã đạt được, đang đạt được, hoặc sẽ đạt được ưu thế; đã đạt được, đang đạt được, hoặc sẽ đạt được sự toàn hảo; đã đạt được, đang đạt được, hoặc sẽ đạt được sự tự tín về thoát ly; tất cả các vị ấy là được giải thoát do đức tin nhờ vào năng lực của tín quyền, là có thân chứng nhờ vào năng lực của định quyền, là đạt được do kiến nhờ vào năng lực của tuệ quyền.

Chính các vị nào đã tu tập,... (nt)... sẽ đạt được sự tự tín về không sân độc... về sự nghĩ tưởng đến ánh sáng... về không tản mạn... về sự xác định pháp... về trí... về sự hân hoan... về Sơ thiền... về Nhị thiền... về Tam thiền... về Tứ thiền... về sự chứng đạt Không vô biên xứ... về sự chứng đạt Thức vô biên xứ... về sự chứng đạt Vô sở hữu xứ... về sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ... về sự quán xét vô thường... về sự quán xét khổ não... về sự quán xét vô ngã... về sự quán xét nhàm chán... về sự quán xét ly tham ái... về sự quán xét diệt tận... về sự quán xét từ bỏ... về sự quán xét đoạn tận... về sự quán xét biến hoại... về sự quán xét chuyển biến... về sự quán xét vô tướng... về sự quán xét vô nguyện... về sự quán xét không tánh... về sự minh sát các pháp bằng thắng tuệ... về sự biết và thấy đúng theo thực thể... về sự quán xét tai hại... về sự quán xét phân biệt rõ... về sự quán xét ly khai... về đạo Nhập lưu... về đạo Nhất lai... về đạo Bất lai... về đạo A-la-hán... về bốn sự thiết lập niệm... về bốn chánh cần... về bốn nền tảng của thần thông... về năm quyền... về bảy giác chi... về Thánh đạo tám chi phần...

Chính các vị nào đã tu tập, đang tu tập, hoặc sẽ tu tập; đã đắc chứng, đang đắc chứng, hoặc sẽ đắc chứng; đã đạt được, đang đạt được, hoặc sẽ đạt được; đã thành đạt, đang thành đạt, hoặc sẽ thành đạt; đã thấu triệt, đang thấu triệt, hoặc sẽ thấu triệt; đã tác chứng, đang tác chứng, hoặc sẽ tác chứng; đã chạm đến, đang chạm đến, hoặc sẽ chạm đến; đã đạt được, đang đạt được, hoặc sẽ đạt được ưu thế; đã đạt được, đang đạt được, hoặc sẽ đạt được sự toàn hảo; đã đạt được, đang đạt được, hoặc sẽ đạt được sự tự tín về tám giải thoát; tất cả các vị ấy là được giải thoát do đức tin nhờ vào năng lực của tín quyền, là có thân chứng nhờ vào năng lực của định quyền, là đạt được do kiến nhờ vào năng lực của tuệ quyền.

Chính các vị nào đã đạt được, đang đạt được, hoặc sẽ đạt được bốn phân tích... (nt)... tất cả các vị ấy là được giải thoát do đức tin nhờ vào năng lực của tín quyền, là có thân chứng nhờ vào năng lực của định quyền, là đạt được do kiến nhờ vào năng lực của tuệ quyền.

Chính các vị nào đã thấu triệt, đang thấu triệt, hoặc sẽ thấu triệt... (nt)... về ba minh, tất cả các vị ấy là được giải thoát do đức tin nhờ vào năng lực của tín quyền, là có thân chứng nhờ vào năng lực của định quyền, là đạt được do kiến nhờ vào năng lực của tuệ quyền.

Chính các vị nào đã học tập, đang học tập, hoặc sẽ học tập, đã tác chứng, đang tác chứng, hoặc sẽ tác chứng, đã chạm đến, đang chạm đến, hoặc sẽ chạm đến, đã đạt được, đang đạt được, hoặc sẽ đạt được ưu thế, đã đạt được, đang đạt được, hoặc sẽ đạt được sự toàn hảo, đã đạt được, đang đạt được, hoặc sẽ đạt

được sự tự tín về ba sự học tập, tất cả các vị ấy là được giải thoát do đức tin nhờ vào năng lực của tín quyền, là có thân chứng nhờ vào năng lực của định quyền, là đạt được do kiến nhờ vào năng lực của tuệ quyền.

Chính các vị nào biết toàn diện về khổ,... (nt)... từ bỏ nhân sanh [khổ],... (nt)... tác chứng sự diệt tận [khổ],... (nt)... tu tập về đạo, tất cả các vị ấy là được giải thoát do đức tin nhờ vào năng lực của tín quyền, là có thân chứng nhờ vào năng lực của định quyền, là đạt được do kiến nhờ vào năng lực của tuệ quyền.

Sự thấu triệt chân lý là với bao nhiêu biểu hiện? Hành giả thấu triệt các chân lý với bao nhiêu biểu hiện? Sự thấu triệt chân lý là với bốn biểu hiện, hành giả thấu triệt các chân lý với bốn biểu hiện: Thấu triệt chân lý về khổ với sự thấu triệt của sự biết toàn diện, thấu triệt chân lý về nhân sanh [khổ] với sự thấu triệt của sự dứt bỏ, thấu triệt chân lý về sự diệt tận [khổ] với sự thấu triệt của sự tác chứng, thấu triệt chân lý về đạo với sự thấu triệt của sự tu tập. Sự thấu triệt chân lý là với bốn biểu hiện này, trong khi thấu triệt bốn chân lý với bốn biểu hiện này, [hành giả] được giải thoát do đức tin nhờ vào năng lực của tín quyền, là có thân chứng nhờ vào năng lực của định quyền, là đạt được do kiến nhờ vào năng lực của tuệ quyền.

Sự thấu triệt chân lý là với bao nhiêu biểu hiện? Hành giả thấu triệt các chân lý với bao nhiêu biểu hiện? Sự thấu triệt chân lý là với chín biểu hiện, hành giả thấu triệt các chân lý với chín biểu hiện: Thấu triệt chân lý về khổ với sự thấu triệt của sự biết toàn diện, thấu triệt chân lý về nhân sanh [khổ] với sự thấu triệt của sự dứt bỏ, thấu triệt chân lý về sự diệt tận [khổ] với sự thấu triệt của sự tác chứng, thấu triệt chân lý về đạo với sự thấu triệt của sự tu tập. Và có sự thấu triệt bằng thắng trí đối với tất cả các pháp, có sự thấu triệt do biết toàn diện đối với tất cả các hành, có sự thấu triệt do từ bỏ đối với tất cả bất thiện, có sự thấu triệt do tu tập đối với bốn đạo, và có sự thấu triệt do tác chứng đối với sự diệt tận. Sự thấu triệt chân lý là với chín biểu hiện này, trong khi thấu triệt bốn chân lý với chín biểu hiện này, [hành giả] được giải thoát do đức tin nhờ vào năng lực của tín quyền, là có thân chứng nhờ vào năng lực của định quyền, là đạt được do kiến nhờ vào năng lực của tuệ quyền.

Dứt tụng phẩm thứ nhì.

Đối với vị đang tác ý vô thường, các hành hiện diện như thế nào? Đối với vị đang tác ý khổ não, các hành hiện diện như thế nào? Đối với vị đang tác ý vô ngã, các hành hiện diện như thế nào? (1)

Đối với vị đang tác ý vô thường, các hành hiện diện như là sự đoạn tận; đối với vị đang tác ý khổ não, các hành hiện diện như là sự kinh hãi; đối với vị đang tác ý vô ngã, các hành hiện diện như là không. (2)

Đối với vị đang tác ý vô thường, tâm được dồi dào về điều gì? Đối với vị đang tác ý khổ não, tâm được dồi dào về điều gì? Đối với vị đang tác ý vô ngã, tâm được dồi dào về điều gì? (1)

Đối với vị đang tác ý vô thường, tâm được dồi dào về cương quyết; đối với vị đang tác ý khổ não, tâm được dồi dào về tịnh; đối với vị đang tác ý vô ngã, tâm được dồi dào về hiểu biết. (2)

Trong khi tác ý vô thường, vị dồi dào về cương quyết thành đạt giải thoát gì? Trong khi tác ý khổ não, vị dồi dào về tịnh thành đạt giải thoát gì? Trong khi tác ý vô ngã, vị có sự hiểu biết dồi dào thành đạt giải thoát gì? (1)

Trong khi tác ý vô thường, vị dồi dào về cương quyết thành đạt vô tướng giải thoát. Trong khi tác ý khổ não, vị dồi dào về tịnh thành đạt vô nguyện giải thoát. Trong khi tác ý vô ngã, vị có sự hiểu biết dồi dào thành đạt không tánh giải thoát. (2)

Đối với vị dồi dào về cương quyết đang tác ý vô thường, giải thoát nào là chủ đạo? Trong sự tu tập, có bao nhiêu giải thoát là tiếp nối việc ấy, là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên, là có nhất vị? Sự tu tập theo ý nghĩa gì? Ai tu tập? (1)

Đối với vị dồi dào về tịnh đang tác ý khổ não, giải thoát nào là chủ đạo? Trong sự tu tập, có bao nhiêu giải thoát là tiếp nối việc ấy, là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên, là có nhất vị? Sự tu tập theo ý nghĩa gì? Ai tu tập? (2)

Đối với vị dồi dào về hiểu biết đang tác ý vô ngã, giải thoát nào là chủ đạo? Trong sự tu tập, có bao nhiêu giải thoát là tiếp nối việc ấy, là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên, là có nhất vị? Sự tu tập theo ý nghĩa gì? Ai tu tập? (3)

Đối với vị dồi dào về cương quyết đang tác ý vô thường, vô tướng giải thoát là chủ đạo. Trong sự tu tập, có hai giải thoát là tiếp nối việc ấy, là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên, là có nhất vị. Sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị. Vị nào thực hành đúng đắn, vị ấy tu tập; không có sự tu tập giải thoát ở người thực hành sai trái. (1)

Đối với vị dồi dào về tịnh đang tác ý khổ não, vô nguyện giải thoát là chủ đạo. Trong sự tu tập, có hai giải thoát là tiếp nối việc ấy, là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên, là có nhất vị. Sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị. Vị nào thực hành đúng đắn, vị ấy tu tập; không có sự tu tập giải thoát ở người thực hành sai trái. (2)

Đối với vị dồi dào về hiểu biết đang tác ý vô ngã, giải thoát là chủ đạo. Trong sự tu tập, có hai giải thoát là tiếp nối việc ấy, là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên, là có nhất vị. Sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị. Vị nào thực hành đúng đắn, vị ấy tu tập; không có sự tu tập giải thoát ở người thực hành sai trái. (3)

Đối với vị dồi dào về cương quyết đang tác ý vô thường, giải thoát nào là chủ đạo? Trong sự tu tập, có bao nhiêu giải thoát là tiếp nối việc ấy, là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng

duyên? Vào thời điểm thấu triệt, giải thoát nào là chủ đạo? Trong sự thấu triệt, bao nhiêu giải thoát là tiếp nối việc ấy, là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên, là có nhất vị? Sự tu tập theo ý nghĩa gì? Sự thấu triệt theo ý nghĩa gì? (1)

Đối với vị dồi dào về tịnh đang tác ý khổ não, giải thoát nào là chủ đạo? Trong sự tu tập, có bao nhiêu giải thoát là tiếp nối việc ấy, là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên? Vào thời điểm thấu triệt, giải thoát nào là chủ đạo? Trong sự thấu triệt, bao nhiêu giải thoát là tiếp nối việc ấy, là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên, là có nhất vị? Sự tu tập theo ý nghĩa gì? Sự thấu triệt theo ý nghĩa gì? (2)

Đối với vị dồi dào về hiểu biết đang tác ý vô ngã, giải thoát nào là chủ đạo? Trong sự tu tập, có bao nhiêu giải thoát là tiếp nối việc ấy, là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên? Vào thời điểm thấu triệt, giải thoát nào là chủ đạo? Trong sự thấu triệt, bao nhiêu giải thoát là tiếp nối việc ấy, là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên, là có nhất vị? Sự tu tập theo ý nghĩa gì? Sự thấu triệt theo ý nghĩa gì? (3)

Đối với vị dồi dào về cương quyết đang tác ý vô thường, vô tướng giải thoát là chủ đạo. Trong sự tu tập, có hai quyền là tiếp nối việc ấy, là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên. Vào thời điểm thấu triệt, vô tướng giải thoát là chủ đạo. Trong sự thấu triệt, có hai giải thoát là tiếp nối việc ấy, là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên, là có nhất vị. Sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị. Sự thấu triệt theo ý nghĩa nhận thức. Như vậy, ngay trong khi đang thấu triệt, [hành giả] tu tập; ngay trong khi đang tu tập, [hành giả] thấu triệt. (1)

Đối với vị dồi dào về tịnh đang tác ý khổ não, vô nguyện giải thoát là chủ đạo. Trong sự tu tập, có hai giải thoát là tiếp nối việc ấy, là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên. Vào thời điểm thấu triệt, vô nguyện giải thoát là chủ đạo. Trong sự thấu triệt, có hai giải thoát là tiếp nối việc ấy, là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên, là có nhất vị. Sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị. Sự thấu triệt theo ý nghĩa nhận thức. Như vậy, ngay trong khi đang thấu triệt, [hành giả] tu tập; ngay trong khi đang tu tập, [hành giả] thấu triệt. (2)

Đối với vị dồi dào về hiểu biết đang tác ý vô ngã, không tánh giải thoát là chủ đạo. Trong sự tu tập, có hai quyền là tiếp nối việc ấy, là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên. Vào thời điểm thấu triệt, không tánh giải thoát là chủ đạo. Trong sự thấu triệt, có hai quyền là tiếp nối việc ấy, là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên, là có nhất vị. Sự tu tập theo ý nghĩa nhất

vị. Sự thấu triệt theo ý nghĩa nhận thức. Như vậy, ngay trong khi đang thấu triệt, [hành giả] tu tập; ngay trong khi đang tu tập, [hành giả] thấu triệt. (3)

Đối với vị đang tác ý vô thường, giải thoát nào là nổi bật? Do trạng thái nổi bật của giải thoát nào là được giải thoát do đức tin? Đối với vị đang tác ý khổ não, giải thoát nào là nổi bật? Do trạng thái nổi bật của giải thoát nào là có thân chứng? Đối với vị đang tác ý vô ngã, giải thoát nào là nổi bật? Do trạng thái nổi bật của giải thoát nào là đạt được do kiến? (1)

Đối với vị đang tác ý vô thường, vô tướng giải thoát là nổi bật, do trạng thái nổi bật của vô tướng giải thoát là được giải thoát do đức tin; đối với vị đang tác ý khổ não, vô nguyện giải thoát là nổi bật, do trạng thái nổi bật của vô nguyện giải thoát là có thân chứng; đối với vị đang tác ý vô ngã, không tánh giải thoát là nổi bật, do trạng thái nổi bật của không tánh giải thoát là đạt được do kiến. (2)

"Trong khi có đức tin, [hành giả] giải thoát" là được giải thoát do đức tin. "Do trạng thái đã chạm đến, [hành giả] tác chứng" là có thân chứng. "Do trạng thái đã được thấy, [hành giả] đạt được" là đạt được do kiến. "Trong khi có đức tin, [hành giả] giải thoát" là được giải thoát do đức tin. "[Hành giả] xúc chạm với sự xúc chạm của thiền trước, sau đó tác chứng sự tịch diệt Niết-bàn" là có thân chứng. "Các hành là khổ, tịch diệt là lạc" là điều đã được biết, được hiểu, được tác chứng, được chạm đến bởi tuệ là đạt được do kiến. ... (nt)...

Chính các vị nào đã tu tập, đang tu tập, hoặc sẽ tu tập,... (nt)... tất cả các vị ấy là được giải thoát do đức tin nhờ vào năng lực của vô tướng giải thoát, là có thân chứng nhờ vào năng lực của vô nguyện giải thoát, là đạt được do kiến nhờ vào năng lực của không tánh giải thoát.

Chính các vị nào đã tu tập,... (nt)... về sự không sân độc... (nt)... về sự nghĩ tưởng đến ánh sáng... (nt)... về sự không tản mạn... (nt)... Chính các vị nào biết toàn diện về khổ,... từ bỏ nhân sanh [khổ],... tác chứng sự diệt tận [khổ],... tu tập về đạo, tất cả các vị ấy là được giải thoát do đức tin nhờ vào năng lực của vô tướng giải thoát, là có thân chứng nhờ vào năng lực của vô nguyện giải thoát, là đạt được do kiến nhờ vào năng lực của không tánh giải thoát.

Sự thấu triệt chân lý là với bao nhiêu biểu hiện? Hành giả thấu triệt các chân lý với bao nhiêu biểu hiện? Sự thấu triệt chân lý là với bốn biểu hiện, hành giả thấu triệt các chân lý với bốn biểu hiện.

[Hành giả] thấu triệt chân lý về khổ với sự thấu triệt của sự biết toàn diện, thấu triệt chân lý về nhân sanh [khổ] với sự thấu triệt của sự dứt bỏ, thấu triệt chân lý về sự diệt tận [khổ] với sự thấu triệt của sự tác chứng, thấu triệt chân lý về đạo với sự thấu triệt của sự tu tập. Sự thấu triệt chân lý là với bốn biểu hiện này, trong khi thấu triệt bốn chân lý với bốn biểu hiện này, [hành giả] được giải thoát do đức tin nhờ vào năng lực của vô tướng giải thoát, là có thân chứng nhờ vào năng lực của vô nguyện giải thoát, là đạt được do kiến nhờ vào năng lực của không tánh giải thoát.

Sự thấu triệt chân lý là với bao nhiêu biểu hiện? Hành giả thấu triệt các chân lý với bao nhiêu biểu hiện? Sự thấu triệt chân lý là với chín biểu hiện. Hành giả thấu triệt các chân lý với chín biểu hiện: Thấu triệt chân lý về khổ với sự thấu triệt của sự biết toàn diện,... (nt)... Và có sự thấu triệt bằng thắng trí đối với tất cả các pháp,... (nt)... và có sự thấu triệt do tác chứng đối với sự diệt tận.

Sự thấu triệt chân lý là với chín biểu hiện này, trong khi thấu triệt bốn chân lý với chín biểu hiện này, [hành giả] được giải thoát do đức tin nhờ vào năng lực của vô tướng giải thoát, là có thân chứng nhờ vào năng lực của vô nguyện giải thoát, là đạt được do kiến nhờ vào năng lực của không tánh giải thoát.

Trong khi tác ý vô thường, [hành giả] biết, thấy đúng theo thực thể các pháp nào? Sự thấy đúng đắn là [có ý nghĩa] thế nào? Do tiếp nối việc ấy, các hành được thấy rõ là vô thường là [có ý nghĩa] thế nào? Hoài nghi được dứt bỏ ở đâu? (1)

Trong khi tác ý khổ não, [hành giả] biết, thấy đúng theo thực thể các pháp nào? Sự thấy đúng đắn là [có ý nghĩa] thế nào? Do tiếp nối việc ấy, các hành được thấy rõ là khổ não là [có ý nghĩa] thế nào? Hoài nghi được dứt bỏ ở đâu? (2)

Trong khi tác ý vô ngã, [hành giả] biết, thấy đúng theo thực thể các pháp nào? Sự thấy đúng đắn là [có ý nghĩa] thế nào? Do tiếp nối việc ấy, các hành được thấy rõ là vô ngã là [có ý nghĩa] thế nào? Hoài nghi được dứt bỏ ở đâu? (3)

Trong khi tác ý vô thường, [hành giả] nhận biết, nhận thấy đúng theo thực thể về hiện tướng; vì thế được gọi là sự thấy đúng đắn. Như vậy, do tiếp nối việc ấy, các hành được thấy rõ là vô thường. Hoài nghi được dứt bỏ ở đây. (1)

Trong khi tác ý khổ não, [hành giả] biết, thấy đúng theo thực thể về sự vận hành; vì thế được gọi là sự thấy đúng đắn. Như vậy, do tiếp nối việc ấy, các hành được thấy rõ là khổ não. Hoài nghi được dứt bỏ ở đây. (2)

Trong khi tác ý vô ngã, [hành giả] biết, thấy đúng theo thực thể về hiện tướng và sự vận hành; vì thế được gọi là sự thấy đúng đắn. Như vậy, do tiếp nối việc ấy, tất cả các pháp được thấy rõ là vô ngã. Hoài nghi được dứt bỏ ở đây. (3)

Trí đúng theo thực thể, sự thấy đúng đắn, sự vượt qua hoài nghi, các pháp này là có ý nghĩa khác biệt và văn tự khác biệt? Hay là có cùng một ý nghĩa và chỉ có văn tự là khác? Trí đúng theo thực thể, sự thấy đúng đắn, sự vượt qua hoài nghi, các pháp này là có cùng một ý nghĩa và chỉ có văn tự là khác.

Đối với vị đang tác ý vô thường, điều gì hiện diện là kinh hãi? Đối với vị đang tác ý khổ não, điều gì hiện diện là kinh hãi? Đối với vị đang tác ý vô ngã, điều gì hiện diện là kinh hãi?

Đối với vị đang tác ý vô thường, hiện tướng hiện diện là kinh hãi. Đối với vị đang tác ý khổ não, sự vận hành hiện diện là kinh hãi. Đối với vị đang tác ý vô ngã, hiện tướng và sự vận hành hiện diện là kinh hãi.

Tuệ liên quan đến sự hiện diện của kinh hãi, trí liên quan đến điều tai hại, và sự nhàm chán, các pháp này là có ý nghĩa khác biệt và văn tự khác biệt? Hay

là có cùng một ý nghĩa và chỉ có văn tự là khác? Tuệ liên quan đến sự hiện diện của kinh hãi, trí liên quan đến điều tai hại, và sự nhàm chán, các pháp này là có cùng một ý nghĩa và chỉ có văn tự là khác.

Quán xét về vô ngã và quán xét về không tánh, các pháp này là có ý nghĩa khác biệt và văn tự khác biệt? Hay là có cùng một ý nghĩa và chỉ có văn tự là khác? Quán xét về vô ngã và quán xét về không tánh, các pháp này là có cùng một ý nghĩa và chỉ có văn tự là khác.

Đối với vị đang tác ý vô thường, do sự phân biệt rõ điều gì khiến trí được sanh lên? Đối với vị đang tác ý khổ não, do sự phân biệt rõ điều gì khiến trí được sanh lên? Đối với vị đang tác ý vô ngã, do sự phân biệt rõ điều gì khiến trí được sanh lên?

Đối với vị đang tác ý vô thường, do sự phân biệt rõ hiện tướng khiến trí được sanh lên; đối với vị đang tác ý khổ não, do sự phân biệt rõ sự vận hành khiến trí được sanh lên; đối với vị đang tác ý vô ngã, do sự phân biệt rõ hiện tướng và sự vận hành khiến trí được sanh lên. (1)

Sự mong muốn giải thoát, sự quán xét do phân biệt rõ, và trạng thái xả đối với các pháp hữu vi, các pháp này là có ý nghĩa khác biệt và văn tự khác biệt? Hay là có cùng một ý nghĩa và chỉ có văn tự là khác? Sự mong muốn giải thoát, sự quán xét do phân biệt rõ, và trạng thái xả đối với các pháp hữu vi, các pháp này là có cùng một ý nghĩa và chỉ có văn tự là khác. (2)

Đối với vị đang tác ý vô thường, tâm thoát ra khỏi nơi nào? Tâm tiến vào nơi nào? Đối với vị đang tác ý khổ não, tâm thoát ra khỏi nơi nào? Tâm tiến vào nơi nào? Đối với vị đang tác ý vô ngã, tâm thoát ra khỏi nơi nào? Tâm tiến vào nơi nào?

Đối với vị đang tác ý vô thường, tâm thoát ra khỏi hiện tướng, tâm tiến vào vô tướng; đối với vị đang tác ý khổ não, tâm thoát ra khỏi sự vận hành, tâm tiến vào sự không vận hành; đối với vị đang tác ý vô ngã, tâm thoát ra khỏi hiện tướng và sự vận hành, tâm tiến vào vô tướng, vào sự không vận hành, vào sự diệt tận là cảnh giới Niết-bàn. (3)

Tuệ liên quan đến sự thoát ra và ly khai ngoại phần và các sự chuyển tộc, các pháp này là có ý nghĩa khác biệt và văn tự khác biệt? Hay là có cùng một ý nghĩa và chỉ có văn tự là khác? Tuệ liên quan đến sự thoát ra và ly khai ngoại phần, và các sự chuyển tộc, các pháp này là có cùng một ý nghĩa và chỉ có văn tự là khác. (4)

Trong khi tác ý vô thường, [hành giả] giải thoát bằng sự giải thoát nào; trong khi tác ý khổ não, [hành giả] giải thoát bằng sự giải thoát nào; trong khi tác ý vô ngã, [hành giả] giải thoát bằng sự giải thoát nào? Trong khi tác ý vô thường, [hành giả] giải thoát bằng vô tướng giải thoát; trong khi tác ý khổ não, [hành giả] giải thoát bằng vô nguyện giải thoát; trong khi tác ý vô ngã, [hành giả] giải thoát bằng không tánh giải thoát. (5)

Tuệ liên quan đến sự thoát ra và ly khai cả hai [nội ngoại phần], và trí liên quan đến đạo, các pháp này là có ý nghĩa khác biệt và văn tự khác biệt? Hay là có cùng một ý nghĩa và chỉ có văn tự là khác? Tuệ liên quan đến sự thoát ra và ly khai cả hai và trí liên quan đến đạo, các pháp này là có cùng một ý nghĩa và chỉ có văn tự là khác. (6)

Ba loại giải thoát ở vào sát-na khác nhau là với bao nhiêu biểu hiện? Ba loại giải thoát ở vào cùng một sát-na là với bao nhiêu biểu hiện? Ba loại giải thoát ở vào sát-na khác nhau là với bốn biểu hiện. Ba loại giải thoát ở vào cùng một sát-na là với bảy biểu hiện.

Ba loại giải thoát ở vào sát-na khác nhau là với bốn biểu hiện nào? Với ý nghĩa pháp chủ đạo, với ý nghĩa khẳng định, với ý nghĩa quả quyết, với ý nghĩa dẫn xuất.

Ba loại giải thoát với ý nghĩa pháp chủ đạo ở vào sát-na khác nhau là thế nào? Đối với vị đang tác ý vô thường, vô tướng giải thoát là pháp chủ đạo; tác ý khổ não, vô nguyện giải thoát là pháp chủ đạo; tác ý vô ngã, không tánh giải thoát là pháp chủ đạo. Ba loại giải thoát với ý nghĩa pháp chủ đạo ở vào sát-na khác nhau là thế ấy. (1)

Ba loại giải thoát với ý nghĩa khẳng định ở vào sát-na khác nhau là thế nào? Trong khi tác ý vô thường, nhờ vào năng lực của vô tướng giải thoát, [hành giả] khẳng định tâm; trong khi tác ý khổ não, nhờ vào năng lực của vô nguyện giải thoát, [hành giả] khẳng định tâm; trong khi tác ý vô ngã, nhờ vào năng lực của không tánh giải thoát, [hành giả] khẳng định tâm. Ba loại giải thoát với ý nghĩa khẳng định ở vào sát-na khác nhau là thế ấy. (2)

Ba loại giải thoát với ý nghĩa quả quyết ở vào sát-na khác nhau là thế nào? Trong khi tác ý vô thường, nhờ vào năng lực của vô tướng giải thoát, [hành giả] quả quyết tâm, trong khi tác ý khổ não, nhờ vào năng lực của vô nguyện giải thoát, [hành giả] quả quyết tâm, trong khi tác ý vô ngã, nhờ vào năng lực của không tánh giải thoát, [hành giả] quả quyết tâm. Ba loại giải thoát với ý nghĩa quả quyết ở vào sát-na khác nhau là thế ấy. (3)

Ba loại giải thoát với ý nghĩa dẫn xuất ở vào sát-na khác nhau là thế nào? Trong khi tác ý vô thường, nhờ vào năng lực của vô tướng giải thoát, [hành giả] dẫn xuất đến sự diệt tận Niết-bàn, trong khi tác ý khổ não, nhờ năng lực của vô nguyện giải thoát, dẫn xuất đến sự diệt tận Niết-bàn, trong khi tác ý vô ngã, nhờ năng lực của không tánh giải thoát, dẫn xuất đến sự diệt tận Niết-bàn. Ba loại giải thoát với ý nghĩa dẫn xuất ở vào sát-na khác nhau là thế ấy. (4)

Ba loại giải thoát ở vào sát-na khác nhau là với bốn biểu hiện này. Ba loại giải thoát ở vào cùng một sát-na là với bảy biểu hiện nào?

Với ý nghĩa liên kết, với ý nghĩa đắc chứng, với ý nghĩa thành đạt, với ý nghĩa thấu triệt, với ý nghĩa tác chứng, với ý nghĩa chạm đến, với ý nghĩa lãnh hội.

Ba loại giải thoát với ý nghĩa liên kết, với ý nghĩa đắc chứng, với ý nghĩa

thành đạt, với ý nghĩa thấu triệt, với ý nghĩa tác chứng, với ý nghĩa chạm đến, với ý nghĩa lãnh hội ở vào cùng một sát-na là thế nào?

"Trong khi tác ý vô thường, [hành giả] giải thoát khỏi hiện tướng" là vô tướng giải thoát, "giải thoát khỏi điều nào thì không còn nguyện ước điều ấy" là vô nguyện giải thoát, "điều ấy không nguyện ước thì với điều ấy là không" là không tánh giải thoát, "với điều nào là không, là vô tướng với hiện tướng ấy" là vô tướng giải thoát. Ba loại giải thoát với ý nghĩa liên kết, với ý nghĩa đắc chứng, với ý nghĩa thành đạt, với ý nghĩa thấu triệt, với ý nghĩa tác chứng, với ý nghĩa chạm đến, với ý nghĩa lãnh hội ở vào cùng một sát-na là thế ấy. (1)

"Trong khi tác ý khổ não, [hành giả] giải thoát khỏi nguyện ước" là vô nguyện giải thoát, "điều ấy không nguyện ước thì với điều ấy là không" là không tánh giải thoát, "với điều nào là không, là vô tướng với hiện tướng ấy" là vô tướng giải thoát, "vô tướng với hiện tướng nào thì không còn mong mỏi điều ấy" là vô nguyện giải thoát. Ba loại giải thoát với ý nghĩa liên kết, với ý nghĩa đắc chứng, với ý nghĩa thành đạt, với ý nghĩa thấu triệt, với ý nghĩa tác chứng, với sự chạm đến, với ý nghĩa lãnh hội ở vào cùng một sát-na là thế ấy. (2)

"Trong khi tác ý vô ngã, [hành giả] giải thoát khỏi cố chấp" là không tánh giải thoát, "với điều nào là không, là vô tướng với hiện tướng ấy" là vô tướng giải thoát, "vô tướng với hiện tướng nào thì không còn mong mỏi điều ấy" là vô nguyện giải thoát, "điều ấy không nguyện ước thì với điều ấy là không" là không tánh giải thoát. Ba loại giải thoát với ý nghĩa liên kết, với ý nghĩa đắc chứng, với ý nghĩa thành đạt, với ý nghĩa thấu triệt, với ý nghĩa tác chứng, với ý nghĩa chạm đến, với ý nghĩa lãnh hội ở vào cùng một sát-na là thế ấy. (3)

Ba loại giải thoát ở vào cùng một sát-na là với bảy biểu hiện này.

Có sự giải thoát, có cánh cửa, có cánh cửa của giải thoát, có đối nghịch của giải thoát, có [pháp] phù hợp với giải thoát, có sự ly khai do giải thoát, có sự tu tập giải thoát, có sự tịnh lặng của giải thoát.

Giải thoát là gì? Không tánh giải thoát, vô tướng giải thoát, vô nguyện giải thoát.

Không tánh giải thoát là gì? "Trí do sự quán xét về vô thường giải thoát khỏi cố chấp về thường" là không tánh giải thoát. "Trí do sự quán xét về khổ não giải thoát khỏi cố chấp về lạc" là không tánh giải thoát. "Trí do sự quán xét về vô ngã giải thoát khỏi cố chấp về ngã" là không tánh giải thoát. "Trí do sự quán xét về nhàm chán giải thoát khỏi cố chấp về vui thích" là không tánh giải thoát. "Trí do sự quán xét về ly tham ái giải thoát khỏi cố chấp về tham ái" là không tánh giải thoát. "Trí do sự quán xét về diệt tận giải thoát khỏi cố chấp về nhân sanh khởi" là không tánh giải thoát. "Trí do sự quán xét về từ bỏ giải thoát khỏi cố chấp về nắm giữ" là không tánh giải thoát. "Trí do sự quán xét về vô tướng giải thoát khỏi cố chấp về hiện tướng" là không tánh giải thoát. "Trí do sự quán xét về vô nguyện giải thoát khỏi cố chấp về nguyện ước" là không

tánh giải thoát. “Trí do sự quán xét về không tánh giải thoát khỏi tất cả các cố chấp” là không tánh giải thoát.

“Trí do sự quán xét về vô thường ở sắc giải thoát khỏi cố chấp về thường” là không tánh giải thoát. … (nt)... “Trí do sự quán xét về không tánh ở sắc giải thoát khỏi tất cả các cố chấp” là không tánh giải thoát. “Trí do sự quán xét về vô thường ở thọ... ở tưởng... ở các hành... ở thức... ở mắt... ở lão tử giải thoát khỏi cố chấp về thường” là không tánh giải thoát. … (nt)... “Trí do sự quán xét về không tánh ở lão tử giải thoát khỏi tất cả các cố chấp” là không tánh giải thoát. Đây là không tánh giải thoát. (1)

Vô tướng giải thoát là gì? “Trí do sự quán xét về vô thường giải thoát khỏi hiện tướng về thường” là vô tướng giải thoát. “Trí do sự quán xét về khổ não giải thoát khỏi hiện tướng về lạc” là vô tướng giải thoát. “Trí do sự quán xét về vô ngã giải thoát khỏi hiện tướng về ngã” là... “Trí do sự quán xét về nhàm chán giải thoát khỏi hiện tướng về vui thích” là... “Trí do sự quán xét về ly tham ái giải thoát khỏi hiện tướng về tham ái” là... “Trí do sự quán xét về diệt tận giải thoát khỏi hiện tướng về nhân sanh khởi” là... “Trí do sự quán xét về từ bỏ giải thoát khỏi hiện tướng về nắm giữ” là... “Trí do sự quán xét về vô tướng giải thoát khỏi tất cả các hiện tướng” là... “Trí do sự quán xét về vô nguyện giải thoát khỏi hiện tướng về nguyện ước” là vô tướng giải thoát. “Trí do sự quán xét về không tánh giải thoát khỏi hiện tướng về cố chấp” là vô tướng giải thoát.

“Trí do sự quán xét về vô thường ở sắc giải thoát khỏi hiện tướng về thường” là vô tướng giải thoát. … (nt)... “Trí do sự quán xét về vô tướng ở sắc giải thoát khỏi tất cả các hiện tướng” là vô tướng giải thoát. “Trí do sự quán xét về vô nguyện ở sắc giải thoát khỏi hiện tướng về nguyện ước” là vô tướng giải thoát. “Trí do sự quán xét về không tánh ở sắc giải thoát khỏi hiện tướng về cố chấp” là vô tướng giải thoát. “Trí do sự quán xét về vô thường ở thọ... ở tưởng... ở các hành... ở thức... ở mắt... ở lão tử giải thoát khỏi hiện tướng về thường” là vô tướng giải thoát. … (nt)... “Trí do sự quán xét về vô tướng ở lão tử giải thoát khỏi tất cả các hiện tướng” là vô tướng giải thoát. “Trí do sự quán xét về vô nguyện ở lão tử giải thoát khỏi hiện tướng về nguyện ước” là vô tướng giải thoát. “Trí do sự quán xét về không tánh ở lão tử giải thoát khỏi hiện tướng về cố chấp” là vô tướng giải thoát. Đây là vô tướng giải thoát. (2)

Vô nguyện giải thoát là gì? “Trí do sự quán xét về vô thường giải thoát khỏi nguyện ước về thường” là vô nguyện giải thoát. “Trí do sự quán xét về khổ não giải thoát khỏi nguyện ước về lạc” là vô nguyện giải thoát. “Trí do sự quán xét về vô ngã giải thoát khỏi nguyện ước về ngã” là vô nguyện giải thoát. “Trí do sự quán xét về ly tham ái giải thoát khỏi nguyện ước về tham ái” là vô nguyện giải thoát. “Trí do sự quán xét về diệt tận giải thoát khỏi nguyện ước về nhân sanh khởi” là vô nguyện giải thoát. “Trí do sự quán xét về từ bỏ giải thoát khỏi nguyện ước về nắm giữ” là vô nguyện giải thoát. “Trí do sự quán xét về vô tướng giải thoát khỏi nguyện ước về hiện tướng” là vô nguyện giải thoát.

"Trí do sự quán xét về vô nguyện giải thoát khỏi tất cả các nguyện ước" là vô nguyện giải thoát. "Trí do sự quán xét về không tánh giải thoát khỏi nguyện ước về cố chấp" là vô nguyện giải thoát.

"Trí do sự quán xét về vô thường ở sắc giải thoát khỏi nguyện ước về thường" là vô nguyện giải thoát. ... (nt)... "Trí do sự quán xét về vô nguyện ở sắc giải thoát khỏi tất cả các nguyện ước" là vô nguyện giải thoát. "Trí do sự quán xét về không tánh ở sắc giải thoát khỏi nguyện ước về cố chấp" là vô nguyện giải thoát. "Trí do sự quán xét về vô thường ở thọ... ở tưởng... ở các hành... ở thức... ở mắt... ở lão tử giải thoát khỏi tất cả các nguyện ước" là vô nguyện giải thoát. "Trí do sự quán xét về không tánh ở lão tử giải thoát khỏi nguyện ước về cố chấp" là vô nguyện giải thoát. Đây là vô nguyện giải thoát. (3) Đây là giải thoát. (1)

Cánh cửa là gì? Những gì là không sai trái, là thiện, là các pháp dự phần giác ngộ được sanh ra ở trường hợp ấy, điều ấy là cánh cửa. (2)

Cánh cửa của giải thoát là gì? Đối tượng nào của các pháp ấy là sự diệt tận Niết-bàn, [đối tượng] ấy là cánh cửa của giải thoát, đây là cánh cửa của giải thoát. Giải thoát và cánh cửa, là cánh cửa của giải thoát, điều ấy là cánh cửa của giải thoát. (3)

[Pháp] đối nghịch của giải thoát là gì? Ba bất thiện căn là các [pháp] đối nghịch của giải thoát, ba ác hạnh là các [pháp] đối nghịch của giải thoát, tất cả các pháp bất thiện cũng là các [pháp] đối nghịch của giải thoát; điều ấy là [pháp] đối nghịch của giải thoát. (4)

[Pháp] phù hợp với giải thoát là gì? Ba thiện căn là các [pháp] phù hợp với giải thoát, ba thiện hạnh là các [pháp] phù hợp với giải thoát, tất cả các pháp thiện cũng là các [pháp] phù hợp với giải thoát; điều ấy là [pháp] phù hợp với giải thoát. (5)

Sự ly khai do giải thoát là gì? Là sự ly khai do tưởng, là sự ly khai do suy nghĩ, là sự ly khai do tâm, là sự ly khai do trí, là sự ly khai do giải thoát, là sự ly khai do chân lý.

"Trong khi suy tưởng, [hành giả] ly khai" là sự ly khai do tưởng. "Trong khi suy nghĩ, [hành giả] ly khai" là sự ly khai do suy nghĩ. "Trong khi nhận biết, [hành giả] ly khai" là sự ly khai do tâm. "Trong khi sử dụng trí, [hành giả] ly khai" là sự ly khai do trí. "Trong khi xả ly, [hành giả] ly khai" là sự ly khai do giải thoát. "Theo ý nghĩa của thực thể, [hành giả] ly khai" là sự ly khai do chân lý.

Nơi nào có sự ly khai do tưởng, nơi ấy có sự ly khai do suy nghĩ. Nơi nào có sự ly khai do suy nghĩ, nơi ấy có sự ly khai do tưởng. Nơi nào có sự ly khai do tưởng [và] có sự ly khai do suy nghĩ, nơi ấy có sự ly khai do tâm. Nơi nào có sự ly khai do tâm, nơi ấy có sự ly khai do tưởng [và] có sự ly khai do suy nghĩ. Nơi nào có sự ly khai do tưởng, có sự ly khai do suy nghĩ, [và] có sự ly khai do

tâm, nơi ấy có sự ly khai do trí. Nơi nào có sự ly khai do trí, nơi ấy có sự ly khai do tưởng, có sự ly khai do suy nghĩ, [và] có sự ly khai do tâm. Nơi nào có sự ly khai do tưởng, có sự ly khai do suy nghĩ, có sự ly khai do tâm, [và] có sự ly khai do trí, nơi ấy có sự ly khai do giải thoát. Nơi nào có sự ly khai do giải thoát, nơi ấy có sự ly khai do tưởng, có sự ly khai do suy nghĩ, có sự ly khai do tâm, [và] có sự ly khai do trí. Nơi nào có sự ly khai do tưởng, có sự ly khai do suy nghĩ, có sự ly khai do tâm, có sự ly khai do trí, [và] có sự ly khai do giải thoát, nơi ấy có sự ly khai do sự thật. Nơi nào có sự ly khai do sự thật, nơi ấy có sự ly khai do tưởng, có sự ly khai do suy nghĩ, có sự ly khai do tâm, có sự ly khai do trí, có sự ly khai do giải thoát. Đây là sự ly khai do giải thoát. (6)

Sự tu tập giải thoát là gì? Sự rèn luyện, sự tu tập, sự làm cho sung mãn Sơ thiền; sự rèn luyện, sự tu tập, sự làm cho sung mãn Nhị thiền; sự rèn luyện, sự tu tập, sự làm cho sung mãn Tam thiền; sự rèn luyện, sự tu tập, sự làm cho sung mãn Tứ thiền; sự rèn luyện, sự tu tập, sự làm cho sung mãn sự chứng đạt Không vô biên xứ;... sự chứng đạt Thức vô biên xứ;... sự chứng đạt Vô sở hữu xứ; sự rèn luyện, sự tu tập, sự làm cho sung mãn sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ; sự rèn luyện, sự tu tập, sự làm cho sung mãn đạo Nhập lưu; sự rèn luyện, sự tu tập, sự làm cho sung mãn đạo Nhất lai; sự rèn luyện, sự tu tập, sự làm cho sung mãn đạo Bất lai; sự rèn luyện, sự tu tập, sự làm cho sung mãn đạo A-la-hán; điều này là sự tu tập giải thoát. (7)

Sự tịnh lặng của giải thoát là gì? Sự thành tựu hoặc nghiệp quả của Sơ thiền, sự thành tựu hoặc nghiệp quả của Nhị thiền,... của Tam thiền,... của Tứ thiền,... của sự chứng đạt Không vô biên xứ,... của sự chứng đạt Thức vô biên xứ,... của sự chứng đạt Vô sở hữu xứ, sự thành tựu hoặc nghiệp quả của sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ, quả Nhập lưu của đạo Nhập lưu, quả Nhất lai của đạo Nhất lai, quả Bất lai của đạo Bất lai, quả A-la-hán của đạo A-la-hán; điều này là sự tịnh lặng của giải thoát. (8)

Dứt tụng phẩm thứ ba.

Phần giảng về "Giải thoát" được đầy đủ.

VI. GIẢNG VỀ CÕI TÁI SANH (*GATIKATHĀ*)

Đối với sự thành tựu cõi tái sanh,[117] khi được liên kết với trí thì sự sanh lên là do duyên của bao nhiêu nhân? Đối với các gia tộc giàu sang dòng Sát-đế-ly, các gia tộc giàu sang dòng Bà-la-môn, các gia tộc giàu sang của gia chủ và chư thiên dục giới, khi được liên kết với trí thì sự sanh lên là do duyên của bao nhiêu nhân? Đối với chư thiên sắc giới thì sự sanh lên là do duyên của bao nhiêu nhân? Đối với chư thiên vô sắc giới thì sự sanh lên là do duyên của bao nhiêu nhân?

Đối với sự thành tựu cõi tái sanh, khi được liên kết với trí thì sự sanh lên là do duyên của tám nhân. Đối với các gia tộc giàu sang dòng Sát-đế-ly, các gia tộc giàu sang dòng Bà-la-môn, các gia tộc giàu sang của gia chủ và chư thiên dục giới, khi được liên kết với trí thì sự sanh lên là do duyên của tám nhân. Đối với chư thiên sắc giới thì sự sanh lên là do duyên của tám nhân. Đối với chư thiên vô sắc giới thì sự sanh lên là do duyên của tám nhân.

Đối với sự thành tựu cõi tái sanh, khi được liên kết với trí thì sự sanh lên là do duyên của tám nhân nào? Vào sát-na đổng lực của nghiệp thiện, ba nhân thiện là các đồng sanh duyên của sở hữu tư đã được sanh lên vào sát-na ấy; vì thế được gọi là: "Do duyên các căn thiện, các hành [sanh khởi]." Vào sát-na cận tử, hai nhân bất thiện là các đồng sanh duyên của sở hữu tư đã được sanh lên vào sát-na ấy; vì thế được gọi là: "Do duyên các căn bất thiện, các hành [sanh khởi]." Vào sát-na tục sinh, ba nhân vô ký là các đồng sanh duyên của sở hữu tư đã được sanh lên vào sát-na ấy; vì thế được gọi là: "Do duyên danh sắc, thức [sanh khởi]; do duyên thức, danh sắc [sanh khởi]."

Vào sát-na tục sinh, năm uẩn là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên. Vào sát-na tục sinh, bốn đại hiển là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên. Vào sát-na tục sinh, ba sự tạo tác mạng sống[118] là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các bất hợp duyên. Vào sát-na tục sinh, danh và sắc là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các bất hợp duyên. Vào sát-na tục sinh, mười bốn pháp này là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các bất hợp duyên.

---

[117] Sự thành tựu cõi tái sanh (*gatisampatti*) nói về sự tái sanh làm người, trời. Sự hư hỏng về cõi tái sanh (*gativipatti*) nói về sự tái sanh địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh (*PsA*. III. 570).

[118] Ba sự tạo tác mạng sống (*jīvitasaṅkhārā*) là tuổi thọ, hơi nóng và thức (*PsA*. III. 572).

Vào sát-na tục sinh, bốn uẩn vô sắc là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên. Vào sát-na tục sinh, năm quyền là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên. Vào sát-na tục sinh, ba nhân là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên. Vào sát-na tục sinh, danh và thức là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên. Vào sát-na tục sinh, mười bốn pháp này là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên.

Vào sát-na tục sinh, hai mươi tám pháp này là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các bất hợp duyên.

Đối với sự thành tựu cõi tái sanh, khi được liên kết với trí thì sự sanh lên là do duyên của tám nhân này. (1)

Đối với các gia tộc giàu sang dòng Sát-đế-ly, đối với các gia tộc giàu sang dòng Bà-la-môn, đối với các gia tộc giàu sang của gia chủ, đối với chư thiên dục giới, khi được liên kết với trí thì sự sanh lên là do duyên của tám nhân nào? Vào sát-na đổng lực của nghiệp thiện, ba nhân thiện là các đồng sanh duyên của sở hữu tư đã được sanh lên vào sát-na ấy; vì thế được gọi là: "Do duyên các căn thiện, các hành [sanh khởi]." Vào sát-na cận tử, hai nhân bất thiện là các đồng sanh duyên của sở hữu tư đã được sanh lên vào sát-na ấy; vì thế được gọi là: "Do duyên các căn bất thiện, các hành [sanh khởi]." Vào sát-na tục sinh, ba nhân vô ký là các đồng sanh duyên của sở hữu tư đã được sanh lên vào sát-na ấy; vì thế được gọi là: "Do duyên danh sắc, thức [sanh khởi]; do duyên thức, danh sắc [sanh khởi]."

Vào sát-na tục sinh, năm uẩn là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các bất hợp duyên. Vào sát-na tục sinh, bốn đại hiển là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên. Vào sát-na tục sinh, ba sự tạo tác mạng sống là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các bất hợp duyên. Vào sát-na tục sinh, danh và sắc là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các bất hợp duyên. Vào sát-na tục sinh, mười bốn pháp này là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các bất hợp duyên.

Vào sát-na tục sinh, bốn uẩn vô sắc là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên. Vào sát-na tục sinh, năm quyền là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên. Vào sát-na tục sinh, ba nhân là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên. Vào sát-na tục sinh, danh và thức là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên. Vào sát-na tục sinh, mười bốn pháp này là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên.

Vào sát-na tục sinh, hai mươi tám pháp này là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các bất hợp duyên.

Đối với các gia tộc giàu sang dòng Sát-đế-ly, đối với các gia tộc giàu sang dòng Bà-la-môn, đối với các gia tộc giàu sang của gia chủ, đối với chư thiên dục giới, khi được liên kết với trí thì sự sanh lên là do duyên của tám nhân này. (2)

Đối với chư thiên sắc giới thì sự sanh lên là do duyên của tám nhân nào? Vào sát-na đổng lực của nghiệp thiện, ba nhân thiện... (nt)... Đối với chư thiên sắc giới thì sự sanh lên là do duyên của tám nhân này. (3)

Đối với chư thiên vô sắc giới thì sự sanh lên là do duyên của tám nhân nào? Vào sát-na đổng lực của nghiệp thiện, ba nhân thiện là các đồng sanh duyên của sở hữu tư đã được sanh lên vào sát-na ấy; vì thế được gọi là: "Do duyên các căn thiện, các hành [sanh khởi]." Vào sát-na cận tử, hai nhân bất thiện là các đồng sanh duyên của sở hữu tư đã được sanh lên vào sát-na ấy; vì thế được gọi là: "Do duyên các căn bất thiện, các hành [sanh khởi]." Vào sát-na tục sinh, ba nhân vô ký là các đồng sanh duyên của sở hữu tư đã được sanh lên vào sát-na ấy; vì thế được gọi là: "Do duyên danh sắc, thức [sanh khởi]; do duyên thức, danh sắc [sanh khởi]."

Vào sát-na tục sinh, bốn uẩn vô sắc là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên. Vào sát-na tục sinh, năm quyền là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên. Vào sát-na tục sinh, ba nhân là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên. Vào sát-na tục sinh, danh và thức là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên. Vào sát-na tục sinh, mười bốn pháp này là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên. Đối với chư thiên vô sắc giới thì sự sanh lên là do duyên của tám nhân này. (4)

Đối với sự thành tựu cõi tái sanh, khi không được liên kết với trí thì sự sanh lên là do duyên của bao nhiêu nhân? Đối với các gia tộc giàu sang dòng Sát-đế-ly, đối với các gia tộc giàu sang dòng Bà-la-môn, đối với các gia tộc giàu sang của gia chủ, đối với chư thiên dục giới, khi không được liên kết với trí thì sự sanh lên là do duyên của bao nhiêu nhân?

Đối với sự thành tựu cõi tái sanh, khi không được liên kết với trí thì sự sanh lên là do duyên của sáu nhân. Đối với các gia tộc giàu sang dòng Sát-đế-ly, đối với các gia tộc giàu sang dòng Bà-la-môn, đối với các gia tộc giàu sang của gia chủ, đối với chư thiên dục giới, khi không được liên kết với trí thì sự sanh lên là do duyên của sáu nhân.

Đối với sự thành tựu cõi tái sanh, khi không liên kết với trí thì sự sanh lên là do duyên của sáu nhân nào? Vào sát-na đổng lực của nghiệp thiện, hai nhân thiện là các đồng sanh duyên của sở hữu tư đã được sanh lên vào sát-na ấy; vì thế được gọi là: "Do duyên các căn thiện, các hành [sanh khởi]." Vào sát-na cận tử, hai nhân bất thiện là các đồng sanh duyên của sở hữu tư đã được sanh lên vào sát-na ấy; vì thế được gọi là: "Do duyên các căn bất thiện, các hành [sanh khởi]."

Vào sát-na tục sinh, hai nhân vô ký là các đồng sanh duyên của sở hữu tư đã được sanh lên vào sát-na ấy; vì thế được gọi là: "Do duyên danh sắc, thức [sanh khởi]; do duyên thức, danh sắc [sanh khởi]."

Vào sát-na tục sinh, năm uẩn là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các bất hợp duyên. Vào sát-na tục sinh, bốn đại hiển là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên. Vào sát-na tục sinh, ba sự tạo tác mạng sống là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các bất hợp duyên. Vào sát-na tục sinh, danh và sắc là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các bất hợp duyên. Vào sát-na tục sinh, mười bốn pháp này là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các bất hợp duyên.

Vào sát-na tục sinh, bốn uẩn vô sắc là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên. Vào sát-na tục sinh, bốn quyền là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên. Vào sát-na tục sinh, hai nhân là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên. Vào sát-na tục sinh, danh và thức là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên. Vào sát-na tục sinh, mười hai pháp này là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các tương ưng duyên.

Vào sát-na tục sinh, hai mươi sáu pháp này là các đồng sanh duyên, là các hỗ tương duyên, là các y chỉ duyên, là các bất hợp duyên.

Đối với sự thành tựu cõi tái sanh, khi không được liên kết với trí thì sự sanh lên là do duyên của sáu nhân này. (1)

Đối với các gia tộc giàu sang dòng Sát-đế-ly, đối với các gia tộc giàu sang dòng Bà-la-môn, đối với các gia tộc giàu sang của gia chủ, đối với chư thiên dục giới, khi không liên kết với trí thì sự sanh lên là do duyên của sáu nhân nào? Vào sát-na đổng lực của nghiệp thiện, hai nhân thiện là các đồng sanh duyên của sở hữu tư đã được sanh lên vào sát-na ấy; vì thế được gọi là: "Do duyên các căn thiện, các hành [sanh khởi]." ... (nt)... Đối với các gia tộc giàu sang dòng Sát-đế-ly, đối với các gia tộc giàu sang dòng Bà-la-môn, đối với các gia tộc giàu sang của gia chủ, đối với chư thiên dục giới, khi không liên kết với trí thì sự sanh lên là do duyên của sáu nhân này.

Phần giảng về "Cõi tái sanh" được đầy đủ.

VII. GIẢNG VỀ NGHIỆP
(*KAMMAKATHĀ*)

Có nghiệp [quá khứ] có kết quả của nghiệp [quá khứ], có nghiệp [quá khứ] không có kết quả của nghiệp [quá khứ], có nghiệp [quá khứ] có kết quả của nghiệp [hiện tại], có nghiệp [quá khứ] không có kết quả của nghiệp [hiện tại], có nghiệp [quá khứ] có kết quả của nghiệp [vị lai], có nghiệp [quá khứ] không có kết quả của nghiệp [vị lai].[119] Có nghiệp [hiện tại] có kết quả của nghiệp [hiện tại], có nghiệp [hiện tại] không có kết quả của nghiệp [hiện tại], có nghiệp [hiện tại] có kết quả của nghiệp [vị lai], có nghiệp [hiện tại] không có kết quả của nghiệp [vị lai]. Có nghiệp [vị lai] có kết quả của nghiệp [vị lai], có nghiệp [vị lai] không có kết quả của nghiệp [vị lai].[120]

Có nghiệp thiện [quá khứ] có kết quả của nghiệp thiện [quá khứ], có nghiệp thiện [quá khứ] không có kết quả của nghiệp thiện [quá khứ], có nghiệp thiện [quá khứ] có kết quả của nghiệp thiện [hiện tại], có nghiệp thiện [quá khứ] không có kết quả của nghiệp thiện [hiện tại], có nghiệp thiện [quá khứ] có kết quả của nghiệp thiện [vị lai], có nghiệp thiện [quá khứ] không có kết quả của nghiệp thiện [vị lai]. Có nghiệp thiện [hiện tại] có kết quả của nghiệp thiện [hiện tại], có nghiệp thiện [hiện tại] không có kết quả của nghiệp thiện [hiện tại], có nghiệp thiện [hiện tại] có kết quả của nghiệp thiện [vị lai], có nghiệp thiện [hiện tại] không có kết quả của nghiệp thiện [vị lai]. Có nghiệp thiện [vị lai] có kết quả của nghiệp thiện [vị lai], có nghiệp thiện [vị lai] không có kết quả của nghiệp thiện [vị lai].

Có nghiệp bất thiện [quá khứ] có kết quả của nghiệp bất thiện [quá khứ], có nghiệp bất thiện [quá khứ] không có kết quả của nghiệp bất thiện [quá khứ], có nghiệp bất thiện [quá khứ] có kết quả của nghiệp bất thiện [hiện tại], có nghiệp bất thiện [quá khứ] không có kết quả của nghiệp bất thiện [hiện tại], có nghiệp bất thiện [quá khứ] có kết quả của nghiệp bất thiện [vị lai], có nghiệp bất thiện [quá khứ] không có kết quả của nghiệp bất thiện [vị lai]. Có nghiệp bất thiện [hiện tại] có kết quả của nghiệp bất thiện [hiện tại], có nghiệp bất thiện [hiện

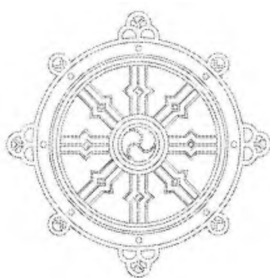
[119] Các từ quá khứ, hiện tại, vị lai căn cứ theo các động từ *ahosi*, *atthi*, *bhavissati* ở ba thời khác nhau với ý nghĩa: là, thì, có, v.v... (ND)

[120] Ý nghĩa của đoạn văn này có thể hiểu như sau: Nghiệp được tạo tác ở thời quá khứ có thể có quả báo hoặc không có quả báo ở một trong ba thời: Quá khứ, hiện tại, hoặc vị lai. Nghiệp được tạo tác ở thời hiện tại có thể có quả báo hoặc không có quả báo ở một trong hai thời: Hiện tại hoặc vị lai. Nghiệp được tạo tác ở thời vị lai có thể có quả báo hoặc không có quả báo ở thời vị lai. Các đoạn kế tiếp được giải thích tương tợ. (ND)

tại] không có kết quả của nghiệp bất thiện [hiện tại], có nghiệp bất thiện [hiện tại] có kết quả của nghiệp bất thiện [vị lai], có nghiệp bất thiện [hiện tại] không có kết quả của nghiệp bất thiện [vị lai]. Có nghiệp bất thiện [vị lai] có kết quả của nghiệp bất thiện [vị lai], có nghiệp bất thiện [vị lai] không có kết quả của nghiệp bất thiện [vị lai].

Có nghiệp sai trái [quá khứ]... Có nghiệp không sai trái [quá khứ]... Có nghiệp đen [quá khứ]... Có nghiệp trắng [quá khứ]... Có nghiệp tăng trưởng lạc [quá khứ]... Có nghiệp tăng trưởng khổ [quá khứ]... Có nghiệp kết quả lạc [quá khứ]... Có nghiệp kết quả khổ [quá khứ] có kết quả của nghiệp kết quả khổ [quá khứ], có nghiệp kết quả khổ [quá khứ] không có kết quả của nghiệp kết quả khổ [quá khứ], có nghiệp kết quả khổ [quá khứ] có kết quả của nghiệp kết quả khổ [hiện tại], có nghiệp kết quả khổ [quá khứ] không có kết quả của nghiệp kết quả khổ [hiện tại], có nghiệp kết quả khổ [quá khứ] có kết quả của nghiệp kết quả khổ [vị lai], có nghiệp kết quả khổ [quá khứ] không có kết quả của nghiệp kết quả khổ [vị lai]. Có nghiệp kết quả khổ [hiện tại] có kết quả của nghiệp kết quả khổ [hiện tại], có nghiệp kết quả khổ [hiện tại] không có kết quả của nghiệp kết quả khổ [hiện tại], có nghiệp kết quả khổ [hiện tại] có kết quả của nghiệp kết quả khổ [vị lai], có nghiệp kết quả khổ [hiện tại] không có kết quả của nghiệp kết quả khổ [vị lai]. Có nghiệp kết quả khổ [vị lai] có kết quả của nghiệp kết quả khổ [vị lai], có nghiệp kết quả khổ [vị lai] không có kết quả của nghiệp kết quả khổ [vị lai].

Phần giảng về "Nghiệp" được đầy đủ.



VIII. GIẢNG VỀ SỰ LẦM LẠC
(*VIPALLĀSAKATHĀ*)

(Duyên khởi ở Sāvatthi)

Này các Tỳ-khưu, đây là bốn sự lầm lạc của tưởng, lầm lạc của tâm, lầm lạc của kiến. Bốn là gì? Này các Tỳ-khưu, về vô thường [quan niệm] là "Thường" là sự lầm lạc của tưởng, lầm lạc của tâm, lầm lạc của kiến. Này các Tỳ-khưu, về khổ não [quan niệm] là "Lạc" là sự lầm lạc của tưởng, lầm lạc của tâm, lầm lạc của kiến. Này các Tỳ-khưu, về vô ngã [quan niệm] là "Ngã" là sự lầm lạc của tưởng, lầm lạc của tâm, lầm lạc của kiến. Này các Tỳ-khưu, về bất tịnh [quan niệm] là "Tịnh" là sự lầm lạc của tưởng, lầm lạc của tâm, lầm lạc của kiến. Này các Tỳ-khưu, đây là bốn sự lầm lạc của tưởng, lầm lạc của tâm, lầm lạc của kiến.

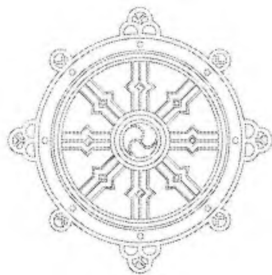
Này các Tỳ-khưu, đây là bốn sự không lầm lạc của tưởng, không lầm lạc của tâm, không lầm lạc của kiến. Bốn là gì? Này các Tỳ-khưu, về vô thường [quan niệm] là "Vô thường" là sự không lầm lạc của tưởng, không lầm lạc của tâm, không lầm lạc của kiến. Này các Tỳ-khưu, về khổ não [quan niệm] là "Khổ não" là sự không lầm lạc của tưởng, không lầm lạc của tâm, không lầm lạc của kiến. Này các Tỳ-khưu, về vô ngã [quan niệm] là "Vô ngã" là sự không lầm lạc của tưởng, không lầm lạc của tâm, không lầm lạc của kiến. Này các Tỳ-khưu, về bất tịnh [quan niệm] là "Bất tịnh" là sự không lầm lạc của tưởng, không lầm lạc của tâm, không lầm lạc của kiến. Này các Tỳ-khưu, bốn điều này không lầm lạc của tưởng, không lầm lạc của tâm, không lầm lạc của kiến.

1. Vô thường tưởng là thường, Khổ não tưởng là lạc,
Vô ngã cho là ngã, Bất tịnh tưởng là tịnh,
Tà kiến đánh bại chúng Tưởng quấy, tâm rối loạn.
2. Bị Ma vương buộc ách, Trói buộc không an ổn,
Chúng sanh bị luân hồi Đi đến sanh lão tử.
3. Khi chư Phật quang minh Hiện khởi ở thế gian
Giảng giải giáo pháp này Đưa đến vắng lặng khổ.
4. Bậc trí nghe theo Phật Thành tựu tâm, thấy được
Vô thường là vô thường, Khổ não là khổ não,
5. Vô ngã là vô ngã, Bất tịnh là bất tịnh,
Nắm giữ chánh tri kiến, Xa lìa tất cả khổ.

Đối với người được thành tựu về kiến, bốn sự lầm lạc này được dứt bỏ hay chưa được dứt bỏ? Một số được dứt bỏ, một số chưa được dứt bỏ. Sự lầm lạc của tưởng, lầm lạc của tâm, lầm lạc của kiến về vô thường [quan niệm] là "Thường" được dứt bỏ. Về khổ não [quan niệm] là "Lạc", tưởng như thế có sanh lên, tâm như thế có sanh lên, còn sự lầm lạc của kiến được dứt bỏ. Sự lầm lạc của tưởng, lầm lạc của tâm, lầm lạc của kiến về vô ngã [quan niệm] là "Ngã" được dứt bỏ. Về bất tịnh [quan niệm] là "Tịnh", tưởng như thế có sanh lên, tâm như thế có sanh lên, còn sự lầm lạc của kiến được dứt bỏ.

Về hai sự việc [vô thường, vô ngã], có sáu sự lầm lạc được dứt bỏ. Về hai sự việc [khổ não, bất tịnh], có hai sự lầm lạc được dứt bỏ, bốn sự lầm lạc chưa được dứt bỏ. Về bốn sự việc, có tám sự lầm lạc được dứt bỏ, bốn sự lầm lạc chưa được dứt bỏ.

Phần giảng về "Sự lầm lạc" được đầy đủ.



IX. GIẢNG VỀ ĐẠO
(*MAGGAKATHĀ*)

Đạo: Đạo theo ý nghĩa gì? Vào sát-na đạo Nhập lưu, chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức: Là đạo vừa là nhân của việc dứt bỏ tà kiến, là đạo vừa là nhân của việc hỗ trợ các pháp đồng sanh, là đạo vừa là nhân của việc chấm dứt các phiền não, là đạo vừa là nhân của việc làm trong sạch phần đầu của sự thấu triệt, là đạo vừa là nhân của việc khẳng định tâm, là đạo vừa là nhân của việc thanh lọc tâm, là đạo vừa là nhân của việc đắc chứng pháp đặc biệt, là đạo vừa là nhân của việc thấu triệt hướng thượng, là đạo vừa là nhân của việc chứng ngộ chân lý, là đạo vừa là nhân của việc thiết lập ở sự diệt tận.

Chánh tư duy theo ý nghĩa gắn chặt [tâm vào cảnh]: Là đạo vừa là nhân của việc dứt bỏ tà tư duy, là đạo vừa là nhân của việc hỗ trợ các pháp đồng sanh, là đạo vừa là nhân của việc chấm dứt các phiền não, là đạo vừa là nhân của việc làm trong sạch phần đầu của sự thấu triệt, là đạo vừa là nhân của việc khẳng định tâm, là đạo vừa là nhân của việc thanh lọc tâm, là đạo vừa là nhân của việc đắc chứng pháp đặc biệt, là đạo vừa là nhân của việc thấu triệt hướng thượng, là đạo vừa là nhân của việc chứng ngộ chân lý, là đạo vừa là nhân của việc thiết lập ở sự diệt tận.

Chánh ngữ theo ý nghĩa gìn giữ: Là đạo vừa là nhân của việc dứt bỏ tà ngữ, là đạo vừa là nhân của việc hỗ trợ các pháp đồng sanh, là đạo vừa là nhân của việc chấm dứt các phiền não, là đạo vừa là nhân của việc làm trong sạch phần đầu của sự thấu triệt, là đạo vừa là nhân của việc khẳng định tâm, là đạo vừa là nhân của việc thanh lọc tâm, là đạo vừa là nhân của việc đắc chứng pháp đặc biệt, là đạo vừa là nhân của việc thấu triệt hướng thượng, là đạo vừa là nhân của việc chứng ngộ chân lý, là đạo vừa là nhân của việc thiết lập ở sự diệt tận.

Chánh nghiệp theo ý nghĩa nguồn sanh khởi: Là đạo vừa là nhân của việc dứt bỏ tà nghiệp,... (nt)... Chánh mạng theo ý nghĩa trong sạch: Là đạo vừa là nhân của việc dứt bỏ tà mạng,... (nt)... Chánh tinh tấn theo ý nghĩa ra sức: Là đạo vừa là nhân của việc dứt bỏ tà tinh tấn,... (nt)... Chánh niệm theo ý nghĩa thiết lập: Là đạo vừa là nhân của việc dứt bỏ tà niệm,... (nt)... Chánh định theo ý nghĩa không tản mạn: Là đạo vừa là nhân của việc dứt bỏ tà định, là đạo vừa là nhân của việc hỗ trợ các pháp đồng sanh, là đạo vừa là nhân của việc chấm dứt các phiền não, là đạo vừa là nhân của việc làm trong sạch phần đầu của sự thấu triệt, là đạo vừa là nhân của việc khẳng định tâm, là đạo vừa là nhân của việc thanh lọc tâm, là đạo vừa là nhân của việc đắc chứng pháp đặc biệt, là đạo

vừa là nhân của việc thấu triệt hướng thượng, là đạo vừa là nhân của việc chứng ngộ chân lý, là đạo vừa là nhân của việc thiết lập ở sự diệt tận.

Vào sát-na đạo Nhất lai, chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức: ... (nt)... Chánh định theo ý nghĩa không tản mạn: Là đạo vừa là nhân của việc dứt bỏ đối với sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất thô thiển, đối với ái dục ngủ ngầm và bất bình ngủ ngầm có tính chất thô thiển, là đạo vừa là nhân của việc hỗ trợ các pháp đồng sanh,... của việc chấm dứt các phiền não,... của việc làm trong sạch phần đầu của sự thấu triệt,... của việc khẳng định tâm,... của việc thanh lọc tâm,... của việc đắc chứng pháp đặc biệt,... của việc thấu triệt hướng thượng, là đạo vừa là nhân của việc chứng ngộ chân lý, là đạo vừa là nhân của việc thiết lập ở sự diệt tận.

Vào sát-na đạo Bất lai, chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức: ... (nt)... Chánh định theo ý nghĩa không tản mạn: Là đạo vừa là nhân của việc dứt bỏ đối với sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất vi tế, đối với ái dục ngủ ngầm và bất bình ngủ ngầm có tính chất vi tế, là đạo vừa là nhân của việc hỗ trợ các pháp đồng sanh,... của việc chấm dứt các phiền não,... của việc làm trong sạch phần đầu của sự thấu triệt,... của việc khẳng định tâm,... của việc thanh lọc tâm,... của việc đắc chứng pháp đặc biệt,... của việc thấu triệt hướng thượng, là đạo vừa là nhân của việc chứng ngộ chân lý, là đạo vừa là nhân của việc thiết lập ở sự diệt tận.

Vào sát-na đạo A-la-hán, chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức: ... (nt)... Chánh định theo ý nghĩa không tản mạn: Là đạo vừa là nhân của việc dứt bỏ ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật, vô minh, ngã mạn ngủ ngầm, ái hữu ngủ ngầm, vô minh ngủ ngầm, là đạo vừa là nhân của việc hỗ trợ các pháp đồng sanh, là đạo vừa là nhân của việc chấm dứt các phiền não, là đạo vừa là nhân của việc làm trong sạch phần đầu của sự thấu triệt, là đạo vừa là nhân của việc khẳng định tâm, là đạo vừa là nhân của việc thanh lọc tâm, là đạo vừa là nhân của việc đắc chứng pháp đặc biệt, là đạo vừa là nhân của việc thấu triệt hướng thượng, là đạo vừa là nhân của việc chứng ngộ chân lý, là đạo vừa là nhân của việc thiết lập ở sự diệt tận.

Đường lối [đạo] của nhận thức là chánh kiến, đường lối của sự gắn chặt [tâm vào cảnh] là chánh tư duy, đường lối của sự gìn giữ là chánh ngữ, đường lối của nguồn sanh khởi là chánh nghiệp, đường lối của sự trong sạch là chánh mạng, đường lối của sự ra sức là chánh tinh tấn, đường lối của sự thiết lập là chánh niệm, đường lối của sự không tản mạn là chánh định.

Đường lối của sự thiết lập là niệm giác chi, đường lối của sự suy xét là trạch pháp giác chi, đường lối của sự ra sức là cần giác chi, đường lối của sự lan tỏa là hỷ giác chi, đường lối của sự an tịnh là tịnh giác chi, đường lối của sự không tản mạn là định giác chi, đường lối của sự phân biệt rõ là xả giác chi.

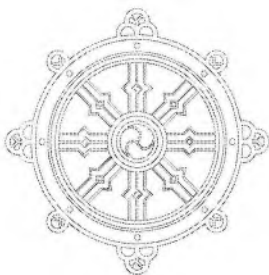
Đường lối của tính chất không dao động ở sự không có đức tin là tín lực, đường lối của tính chất không dao động ở sự biếng nhác là tấn lực, đường lối

của tính chất không dao động ở sự buông lung là niệm lực, đường lối của tính chất không dao động ở sự phóng dật là định lực, đường lối của tính chất không dao động ở sự không sáng suốt là tuệ lực.

Đường lối của sự cương quyết là tín quyền, đường lối của sự ra sức là tấn quyền, đường lối của sự thiết lập là niệm quyền, đường lối của sự không tản mạn là định quyền, đường lối của sự nhận thức là tuệ quyền.

Theo ý nghĩa pháp chủ đạo, quyền là đạo; theo ý nghĩa không dao động, lực là đạo; theo ý nghĩa dẫn xuất [ra khỏi luân hồi], giác chi là đạo; theo ý nghĩa chủng tử, chi phần của đạo là đạo; theo ý nghĩa thiết lập, sự thiết lập niệm là đạo; theo ý nghĩa nỗ lực, chánh cần là đạo; theo ý nghĩa thành tựu, nền tảng của thần thông là đạo; theo ý nghĩa của thực thể, các chân lý là đạo; theo ý nghĩa không tản mạn, chỉ tịnh là đạo; theo ý nghĩa quán xét, minh sát là đạo; theo ý nghĩa nhất vị, chỉ tịnh và minh sát là đạo; theo ý nghĩa không vượt trội, sự kết hợp chung là đạo; theo ý nghĩa thu thúc, giới thanh tịnh là đạo; theo ý nghĩa không tản mạn, tâm thanh tịnh là đạo; theo ý nghĩa nhận thức, kiến thanh tịnh là đạo; theo ý nghĩa thấu triệt, minh là đạo; theo ý nghĩa buông bỏ, sự giải thoát là đạo; theo ý nghĩa đoạn trừ, trí về sự đoạn tận là đạo; ước muốn theo ý nghĩa nguồn cội là đạo; tác ý theo ý nghĩa nguồn sanh khởi là đạo; xúc theo ý nghĩa liên kết là đạo; thọ theo ý nghĩa hội tụ là đạo; định theo ý nghĩa dẫn đầu là đạo; niệm theo ý nghĩa là pháp chủ đạo là đạo; tuệ theo ý nghĩa cao thượng trong các pháp thiện là đạo; sự giải thoát theo ý nghĩa cốt lõi là đạo; Niết-bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc là đạo.

Phần giảng về "Đạo" được đầy đủ.



X. GIẢNG VỀ TỊNH THỦY NÊN UỐNG
(*MAṆḌAPEYYAKATHĀ*)

Này các Tỳ-khưu, tịnh thủy nên uống là Phạm hạnh này, là bậc Đạo sư khi còn tại tiền. Khi bậc Đạo sư còn tại tiền, bản chất của tịnh thủy có ba loại là: Tịnh thủy về sự thuyết giảng, tịnh thủy về người thọ nhận, tịnh thủy về Phạm hạnh.

Tịnh thủy về sự thuyết giảng là gì? Là sự phát biểu, sự thuyết giảng, sự làm cho nhận biết, sự thiết lập, sự phô bày, sự phân giải, hành động làm rõ về bốn chân lý cao thượng... về bốn sự thiết lập niệm... về bốn chánh cần... về bốn nền tảng của thần thông... về năm quyền... về năm lực... về bảy chi phần đưa đến giác ngộ... về Thánh đạo tám chi phần; đây là tịnh thủy về sự thuyết giảng. (1)

Tịnh thủy về người thọ nhận là gì? Là các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni, các nam cư sĩ, các nữ cư sĩ, chư thiên, nhân loại, hoặc bất cứ những ai khác là người hiểu biết; đây là tịnh thủy về người thọ nhận. (2)

Tịnh thủy về Phạm hạnh là gì? Điều này chính là Thánh đạo tám chi phần tức là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định; đây là tịnh thủy về Phạm hạnh. (3)

"Tịnh thủy về cương quyết là tín quyền, không có đức tin là cặn bã; sau khi loại bỏ cặn bã không có đức tin, uống tịnh thủy cương quyết của tín quyền" là tịnh thủy nên uống. "Tịnh thủy về ra sức là tấn quyền, biếng nhác là cặn bã; sau khi loại bỏ cặn bã biếng nhác, uống tịnh thủy ra sức của tấn quyền" là tịnh thủy nên uống. "Tịnh thủy về thiết lập là niệm quyền, buông lung là cặn bã; sau khi loại bỏ cặn bã buông lung, uống tịnh thủy thiết lập của niệm quyền" là tịnh thủy nên uống. "Tịnh thủy về không tản mạn là định quyền, phóng dật là cặn bã; sau khi loại bỏ cặn bã phóng dật, uống tịnh thủy không tản mạn của định quyền" là tịnh thủy nên uống. "Tịnh thủy về nhận thức là tuệ quyền, vô minh là cặn bã; sau khi loại bỏ cặn bã vô minh, uống tịnh thủy nhận thức của tuệ quyền" là tịnh thủy nên uống.

"Tịnh thủy về không dao động ở sự không có đức tin là tín lực, không có đức tin là cặn bã; sau khi loại bỏ cặn bã không có đức tin, uống tịnh thủy không dao động ở sự không có đức tin của tín lực" là tịnh thủy nên uống. "Tịnh thủy về tính chất không dao động ở sự biếng nhác là tấn lực, biếng nhác là cặn bã; sau khi loại bỏ cặn bã biếng nhác, uống tịnh thủy không dao động ở sự biếng nhác của tấn lực" là tịnh thủy nên uống. "Tịnh thủy về tính chất không dao động ở sự buông lung là niệm lực, buông lung là cặn bã; sau khi loại bỏ cặn bã buông lung, uống tịnh thủy không dao động ở sự buông lung của niệm lực" là

tịnh thủy nên uống. "Tịnh thủy về tính chất không dao động ở sự phóng dật là định lực, phóng dật là cặn bã; sau khi loại bỏ cặn bã phóng dật, uống tịnh thủy không dao động ở sự phóng dật của định lực" là tịnh thủy nên uống. "Tịnh thủy về tính chất không dao động ở sự không sáng suốt là tuệ lực, vô minh là cặn bã; sau khi loại bỏ cặn bã vô minh, uống tịnh thủy không dao động ở sự không sáng suốt của tuệ lực" là tịnh thủy nên uống.

"Tịnh thủy về thiết lập là niệm giác chi, sự buông lung là cặn bã; sau khi loại bỏ cặn bã buông lung, uống tịnh thủy thiết lập của niệm giác chi" là tịnh thủy nên uống. "Tịnh thủy về suy xét là trạch pháp giác chi, vô minh là cặn bã; sau khi loại bỏ cặn bã vô minh, uống tịnh thủy suy xét của trạch pháp giác chi" là tịnh thủy nên uống. "Tịnh thủy về ra sức là cần giác chi, sự biếng nhác là cặn bã; sau khi loại bỏ cặn bã biếng nhác, uống tịnh thủy ra sức của cần giác chi" là tịnh thủy nên uống. "Tịnh thủy về lan tỏa là hỷ giác chi, trạng thái bực bội là cặn bã; sau khi loại bỏ cặn bã trạng thái bực bội, uống tịnh thủy lan tỏa của hỷ giác chi" là tịnh thủy nên uống. "Tịnh thủy về an tịnh là tịnh giác chi, sự thô xấu là cặn bã; sau khi loại bỏ cặn bã thô xấu, uống tịnh thủy an tịnh của tịnh giác chi" là tịnh thủy nên uống. "Tịnh thủy về không tản mạn là định giác chi, sự phóng dật là cặn bã; sau khi loại bỏ cặn bã phóng dật, uống tịnh thủy không tản mạn của định giác chi" là tịnh thủy nên uống. "Tịnh thủy về sự phân biệt rõ là xả giác chi, sự không phân biệt rõ là cặn bã; sau khi loại bỏ cặn bã không phân biệt rõ, uống tịnh thủy sự phân biệt rõ của xả giác chi" là tịnh thủy nên uống.

"Tịnh thủy về nhận thức là chánh kiến, tà kiến là cặn bã; sau khi loại bỏ cặn bã tà kiến, uống tịnh thủy nhận thức của chánh kiến" là tịnh thủy nên uống. "Tịnh thủy về gắn chặt [tâm vào cảnh] là chánh tư duy, tà tư duy là cặn bã; sau khi loại bỏ cặn bã tà tư duy, uống tịnh thủy gắn chặt [tâm vào cảnh] của chánh tư duy" là tịnh thủy nên uống. "Tịnh thủy về gìn giữ là chánh ngữ, tà ngữ là cặn bã; sau khi loại bỏ cặn bã tà ngữ, uống tịnh thủy gìn giữ của chánh ngữ" là tịnh thủy nên uống. "Tịnh thủy về nguồn sanh khởi là chánh nghiệp, tà nghiệp là cặn bã; sau khi loại bỏ cặn bã tà nghiệp, uống tịnh thủy nguồn sanh khởi của chánh nghiệp" là tịnh thủy nên uống. "Tịnh thủy về trong sạch là chánh mạng, tà mạng là cặn bã; sau khi loại bỏ cặn bã tà mạng, uống tịnh thủy trong sạch của chánh mạng" là tịnh thủy nên uống. "Tịnh thủy về ra sức là chánh tinh tấn, tà tinh tấn là cặn bã; sau khi loại bỏ cặn bã tà tinh tấn, uống tịnh thủy ra sức của chánh tinh tấn" là tịnh thủy nên uống. "Tịnh thủy về thiết lập là chánh niệm, tà niệm là cặn bã; sau khi loại bỏ cặn bã tà niệm, uống tịnh thủy thiết lập của chánh niệm" là tịnh thủy nên uống. "Tịnh thủy về không tản mạn là chánh định, tà định là cặn bã; sau khi loại bỏ cặn bã tà định, uống tịnh thủy không tản mạn của chánh định" là tịnh thủy nên uống.

Có tịnh thủy, có điều nên uống, có cặn bã.

Tịnh thủy về cương quyết là tín quyền, không có đức tin là cặn bã. Ở đây, điều gì là cốt lõi của ý nghĩa, cốt lõi của pháp, cốt lõi của giải thoát, điều ấy là nên uống. Tịnh thủy về ra sức là tấn quyền, biếng nhác là cặn bã. Ở đây, điều gì

là cốt lõi của ý nghĩa, cốt lõi của pháp, cốt lõi của giải thoát, điều ấy là nên uống. Tịnh thủy về thiết lập là niệm quyền, buông lung là cặn bã. Ở đây, điều gì là cốt lõi của ý nghĩa, cốt lõi của pháp, cốt lõi của giải thoát, điều ấy là nên uống. Tịnh thủy về không tản mạn là định quyền, phóng dật là cặn bã. Ở đây, điều gì là cốt lõi của ý nghĩa, cốt lõi của pháp, cốt lõi của giải thoát, điều ấy là nên uống. Tịnh thủy về nhận thức là tuệ quyền, vô minh là cặn bã. Ở đây, điều gì là cốt lõi của ý nghĩa, cốt lõi của pháp, cốt lõi của giải thoát, điều ấy là nên uống.

Tịnh thủy về tính chất không dao động ở sự không có đức tin là tín lực, sự không có đức tin là cặn bã. Ở đây, điều gì là cốt lõi của ý nghĩa, cốt lõi của pháp, cốt lõi của giải thoát, điều ấy là nên uống. Tịnh thủy về tính chất không dao động ở sự biếng nhác là tấn lực, sự biếng nhác là cặn bã. Ở đây, điều gì là cốt lõi của ý nghĩa, cốt lõi của pháp, cốt lõi của giải thoát, điều ấy là nên uống. Tịnh thủy về tính chất không dao động ở sự buông lung là niệm lực, sự buông lung là cặn bã. Ở đây, điều gì là cốt lõi của ý nghĩa, cốt lõi của pháp, cốt lõi của giải thoát, điều ấy là nên uống. Tịnh thủy về tính chất không dao động ở sự phóng dật là định lực, sự phóng dật là cặn bã. Ở đây, điều gì là cốt lõi của ý nghĩa, cốt lõi của pháp, cốt lõi của giải thoát, điều ấy là nên uống. Tịnh thủy về tính chất không dao động ở sự không sáng suốt là tuệ lực, vô minh là cặn bã. Ở đây, điều gì là cốt lõi của ý nghĩa, cốt lõi của pháp, cốt lõi của giải thoát, điều ấy là nên uống.

Tịnh thủy về thiết lập là niệm giác chi, buông lung là cặn bã. Ở đây, điều gì là cốt lõi của ý nghĩa, cốt lõi của pháp, cốt lõi của giải thoát, điều ấy là nên uống. Tịnh thủy về suy xét là trạch pháp giác chi, vô minh là cặn bã. Ở đây, điều gì là cốt lõi của ý nghĩa, cốt lõi của pháp, cốt lõi của giải thoát, điều ấy là nên uống. Tịnh thủy về ra sức là cần giác chi, sự biếng nhác là cặn bã. Ở đây, điều gì là cốt lõi của ý nghĩa, cốt lõi của pháp, cốt lõi của giải thoát, điều ấy là nên uống. Tịnh thủy về lan tỏa là hỷ giác chi, trạng thái bực bội là cặn bã. Ở đây, điều gì là cốt lõi của ý nghĩa, cốt lõi của pháp, cốt lõi của giải thoát, điều ấy là nên uống. Tịnh thủy về an tịnh là tịnh giác chi, sự thô xấu là cặn bã. Ở đây, điều gì là cốt lõi của ý nghĩa, cốt lõi của pháp, cốt lõi của giải thoát, điều ấy là nên uống. Tịnh thủy về không tản mạn là định giác chi, sự phóng dật là cặn bã. Ở đây, điều gì là cốt lõi của ý nghĩa, cốt lõi của pháp, cốt lõi của giải thoát, điều ấy là nên uống. Tịnh thủy về sự phân biệt rõ là xả giác chi, sự không phân biệt rõ là cặn bã. Ở đây, điều gì là cốt lõi của ý nghĩa, cốt lõi của pháp, cốt lõi của giải thoát, điều ấy là nên uống.

Tịnh thủy về nhận thức là chánh kiến, tà kiến là cặn bã. Ở đây, điều gì là cốt lõi của ý nghĩa, cốt lõi của pháp, cốt lõi của giải thoát, điều ấy là nên uống. Tịnh thủy về gắn chặt [tâm vào cảnh] là chánh tư duy, tà tư duy là cặn bã. Ở đây, điều gì là cốt lõi của ý nghĩa, cốt lõi của pháp, cốt lõi của giải thoát, điều ấy là nên uống. Tịnh thủy về gìn giữ là chánh ngữ, tà ngữ là cặn bã. Ở đây, điều gì là cốt lõi của ý nghĩa, cốt lõi của pháp, cốt lõi của giải thoát, điều ấy là nên uống. Tịnh thủy về nguồn sanh khởi là chánh nghiệp, tà nghiệp là cặn bã. Ở đây, điều

gì là cốt lõi của ý nghĩa, cốt lõi của pháp, cốt lõi của giải thoát, điều ấy là nên uống. Tịnh thủy về trong sạch là chánh mạng, tà mạng là cặn bã. Ở đây, điều gì là cốt lõi của ý nghĩa, cốt lõi của pháp, cốt lõi của giải thoát, điều ấy là nên uống. Tịnh thủy về ra sức là chánh tinh tấn, tà tinh tấn là cặn bã. Ở đây, điều gì là cốt lõi của ý nghĩa, cốt lõi của pháp, cốt lõi của giải thoát, điều ấy là nên uống. Tịnh thủy về thiết lập là chánh niệm, tà niệm là cặn bã. Ở đây, điều gì là cốt lõi của ý nghĩa, cốt lõi của pháp, cốt lõi của giải thoát, điều ấy là nên uống. Tịnh thủy về không tản mạn là chánh định, tà định là cặn bã. Ở đây, điều gì là cốt lõi của ý nghĩa, cốt lõi của pháp, cốt lõi của giải thoát, điều ấy là nên uống.

Tịnh thủy về nhận thức là chánh kiến, tịnh thủy về gắn chặt [tâm vào cảnh] là chánh tư duy, tịnh thủy về gìn giữ là chánh ngữ, tịnh thủy về nguồn sanh khởi là chánh nghiệp, tịnh thủy về trong sạch là chánh mạng, tịnh thủy về ra sức là chánh tinh tấn, tịnh thủy về thiết lập là chánh niệm, tịnh thủy về không tản mạn là chánh định.

Tịnh thủy về thiết lập là niệm giác chi, tịnh thủy về suy xét là trạch pháp giác chi, tịnh thủy về nỗ lực là cần giác chi, tịnh thủy về lan tỏa là hỷ giác chi, tịnh thủy về an tịnh là tịnh giác chi, tịnh thủy về không tản mạn là định giác chi, tịnh thủy về sự phân biệt rõ là xả giác chi.

Tịnh thủy về tính chất không dao động ở sự không có đức tin là tín lực, tịnh thủy về tính chất không dao động ở sự biếng nhác là tấn lực, tịnh thủy về tính chất không dao động ở sự buông lung là niệm lực, tịnh thủy về tính chất không dao động ở sự phóng dật là định lực, tịnh thủy về tính chất không dao động ở sự không sáng suốt là tuệ lực.

Tịnh thủy về cương quyết là tín lực, tịnh thủy về ra sức là tấn lực, tịnh thủy về thiết lập là niệm lực, tịnh thủy về không tản mạn là định lực, tịnh thủy về nhận thức là tuệ lực.

Theo ý nghĩa pháp chủ đạo, quyền là tịnh thủy; theo ý nghĩa không dao động, lực là tịnh thủy; theo ý nghĩa dẫn xuất [ra khỏi luân hồi], giác chi là tịnh thủy; theo ý nghĩa chủng tử, đạo là tịnh thủy; theo ý nghĩa thiết lập, sự thiết lập niệm là tịnh thủy; theo ý nghĩa nỗ lực, chánh tinh tấn là tịnh thủy; theo ý nghĩa thành tựu, nền tảng của thần thông là tịnh thủy; theo ý nghĩa của thực thể, các chân lý là tịnh thủy; theo ý nghĩa không tản mạn, chỉ tịnh là tịnh thủy, theo ý nghĩa quán xét, minh sát là tịnh thủy; theo ý nghĩa nhất vị, chỉ tịnh và minh sát là tịnh thủy; theo ý nghĩa không vượt trội, sự kết hợp chung là tịnh thủy; theo ý nghĩa thu thúc, giới thanh tịnh là tịnh thủy; theo ý nghĩa không tản mạn, tâm thanh tịnh là tịnh thủy; theo ý nghĩa nhận thức, kiến thanh tịnh là tịnh thủy; theo ý nghĩa thấu triệt, minh là tịnh thủy; theo ý nghĩa buông bỏ, sự giải thoát là tịnh thủy; theo ý nghĩa đoạn trừ, trí về sự đoạn tận là tịnh thủy; theo ý nghĩa tịnh lặng, trí không chấp thủ là tịnh thủy.

Ước muốn theo ý nghĩa nguồn cội là tịnh thủy, tác ý theo ý nghĩa nguồn sanh khởi là tịnh thủy, xúc theo ý nghĩa liên kết là tịnh thủy, thọ theo ý nghĩa

hội tụ là tịnh thủy, định theo ý nghĩa dẫn đầu là tịnh thủy, niệm theo ý nghĩa pháp chủ đạo là tịnh thủy, tuệ theo ý nghĩa cao thượng trong các pháp thiện là tịnh thủy, sự giải thoát theo ý nghĩa cốt lõi là tịnh thủy, Niết-bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc là tịnh thủy.

Phần giảng về "Tịnh thủy nên uống" được đầy đủ.

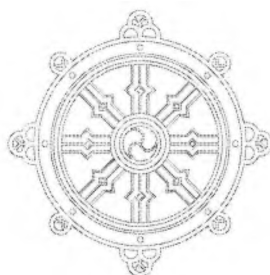
Dứt tụng phẩm thứ tư.

Phẩm chính yếu là phẩm thứ nhất.

Phần tóm lược của phẩm này là:

Trí, kiến, hơi thở vào, Quyền, giải thoát thứ năm,
Cõi, nghiệp, lầm lạc, đạo, Tịnh thủy, thảy là mười.

Phẩm thứ nhất, cao quý, tuyệt vời, không gì sánh được này đã được xác lập do các vị chuyên trì tụng về các bộ kinh.



B. PHẨM KẾT HỢP CHUNG
(*YUGANADDHAVAGGA*)

I. GIẢNG VỀ SỰ KẾT HỢP CHUNG
(*YUGANADDHAKATHĀ*)

Tôi đã được nghe như vầy:

Một thời, Đại đức Ānanda ngụ tại Kosambī, tu viện Ghosita. Chính ở tại nơi ấy, Đại đức Ānanda đã bảo các vị Tỳ-khưu rằng:

– Này các Đại đức Tỳ-khưu.

– Thưa Đại đức.

Các vị Tỳ-khưu ấy đã đáp lại Đại đức Ānanda. Đại đức Ānanda đã nói điều này:

– Này các Đại đức, bất cứ vị Tỳ-khưu hoặc Tỳ-khưu-ni nào tuyên bố về phẩm vị A-la-hán ở sự hiện diện của tôi, tất cả đều do bốn đạo lộ hoặc do một đạo lộ nào đó của bốn đạo lộ này. Do bốn [đạo lộ] gì?

Này các Đại đức, ở đây, vị Tỳ-khưu tu tập minh sát có chỉ tịnh đi trước. Trong khi vị ấy tu tập minh sát có chỉ tịnh đi trước, đạo lộ được hình thành [cho vị ấy]. Vị ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn đạo lộ ấy. Trong khi vị ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn đạo lộ ấy, các sự ràng buộc được dứt bỏ, các ngủ ngầm được chấm dứt [đối với vị ấy].

Này các Đại đức, còn có điều khác nữa là vị Tỳ-khưu tu tập chỉ tịnh có minh sát đi trước. Trong khi vị ấy tu tập chỉ tịnh có minh sát đi trước, đạo lộ được hình thành [cho vị ấy]. Vị ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn đạo lộ ấy. Trong khi vị ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn đạo lộ ấy, các sự ràng buộc được dứt bỏ, các ngủ ngầm được chấm dứt [đối với vị ấy].

Này các Đại đức, còn có điều khác nữa là vị Tỳ-khưu tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung. Trong khi vị ấy tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung, đạo lộ được hình thành [cho vị ấy]. Vị ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn đạo lộ ấy. Trong khi vị ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn đạo lộ ấy, các sự ràng buộc được dứt bỏ, các ngủ ngầm được chấm dứt [đối với vị ấy].

Này các Đại đức, còn có điều khác nữa là [trường hợp] tâm của vị Tỳ-khưu bị khuấy động bởi sự phóng dật đối với các pháp. Này các Đại đức, lúc tâm ấy trụ lại, tập trung lại, được chuyên nhất, được định ở chính nội phần, lúc ấy

là thời điểm đạo lộ được hình thành cho vị ấy. Vị ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn đạo lộ ấy. Trong khi vị ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn đạo lộ ấy, các sự ràng buộc được dứt bỏ, các ngủ ngầm được chấm dứt [đối với vị ấy].

Này các Đại đức, bất cứ vị Tỳ-khưu hoặc Tỳ-khưu-ni nào tuyên bố về phẩm vị A-la-hán ở sự hiện diện của tôi, tất cả đều do bốn đạo lộ này hoặc do một đạo lộ nào đó của bốn đạo lộ này.

Tu tập minh sát có chỉ tịnh đi trước là [có ý nghĩa] thế nào? Do tác động của sự thoát ly, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định. Về các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy, theo ý nghĩa của sự quán xét là vô thường là minh sát, theo ý nghĩa của sự quán xét là khổ não là minh sát, theo ý nghĩa của sự quán xét là vô ngã là minh sát. Như thế là chỉ tịnh trước, minh sát sau. Vì thế được nói rằng: "Tu tập minh sát có chỉ tịnh đi trước."

Tu tập: Có bốn sự tu tập: Là sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy, là sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị đối với các quyền, là sự tu tập theo ý nghĩa khởi động tinh tấn [thích hợp] nhằm đạt đến giải thoát Niết-bàn, là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện.

Đạo lộ được hình thành: Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] thế nào? Chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức là đạo lộ được hình thành, chánh tư duy theo ý nghĩa gắn chặt [tâm vào cảnh] là đạo lộ được hình thành, chánh ngữ theo ý nghĩa gìn giữ là đạo lộ được hình thành, chánh nghiệp theo ý nghĩa nguồn sanh khởi là đạo lộ được hình thành, chánh mạng theo ý nghĩa trong sạch là đạo lộ được hình thành, chánh tinh tấn theo ý nghĩa ra sức là đạo lộ được hình thành, chánh niệm theo ý nghĩa thiết lập là đạo lộ được hình thành, chánh định theo ý nghĩa không tản mạn là đạo lộ được hình thành. Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] như thế.

"Vị ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn đạo lộ ấy." **Rèn luyện:** Rèn luyện là [có ý nghĩa] thế nào? Trong khi hướng tâm vị ấy rèn luyện, trong khi nhận biết vị ấy rèn luyện, trong khi nhận thấy vị ấy rèn luyện, trong khi quán xét lại vị ấy rèn luyện, trong khi khẳng định tâm vị ấy rèn luyện, trong khi hướng đến đức tin vị ấy rèn luyện, trong khi ra sức tinh tấn vị ấy rèn luyện, trong khi thiết lập niệm vị ấy rèn luyện, trong khi tập trung tâm vị ấy rèn luyện, trong khi nhận biết bởi tuệ vị ấy rèn luyện, trong khi biết rõ điều cần được biết rõ vị ấy rèn luyện, trong khi biết toàn diện điều cần được biết toàn diện vị ấy rèn luyện, trong khi dứt bỏ điều cần được dứt bỏ vị ấy rèn luyện, trong khi tác chứng điều cần được tác chứng vị ấy rèn luyện. Rèn luyện là [có ý nghĩa] như thế.

Tu tập: Tu tập là [có ý nghĩa] thế nào? Trong khi hướng tâm vị ấy tu tập, trong khi nhận biết vị ấy tu tập, trong khi nhận thấy vị ấy tu tập, trong khi quán xét lại vị ấy tu tập, trong khi khẳng định tâm vị ấy tu tập, trong khi hướng đến đức tin vị ấy tu tập, trong khi ra sức tinh tấn vị ấy tu tập, trong khi thiết lập niệm vị ấy tu tập, trong khi tập trung tâm vị ấy tu tập, trong khi nhận biết bởi tuệ vị ấy tu tập, trong khi biết rõ điều cần được biết rõ vị ấy tu tập, trong khi biết toàn

diện điều cần được biết toàn diện vị ấy tu tập, trong khi dứt bỏ điều cần được dứt bỏ vị ấy tu tập, trong khi tu tập điều cần được tu tập vị ấy tu tập, trong khi tác chứng điều cần được tác chứng vị ấy tu tập. Tu tập là [có ý nghĩa] như thế.

Làm cho sung mãn: Làm cho sung mãn là [có ý nghĩa] thế nào? Trong khi hướng tâm vị ấy làm cho sung mãn, trong khi nhận biết vị ấy làm cho sung mãn, trong khi nhận thấy vị ấy làm cho sung mãn, trong khi quán xét lại vị ấy làm cho sung mãn, trong khi khẳng định tâm vị ấy làm cho sung mãn, trong khi hướng đến đức tin vị ấy làm cho sung mãn, trong khi ra sức tinh tấn vị ấy làm cho sung mãn, trong khi thiết lập niệm vị ấy làm cho sung mãn, trong khi tập trung tâm vị ấy làm cho sung mãn, trong khi nhận biết bởi tuệ vị ấy làm cho sung mãn, trong khi biết rõ điều cần được biết rõ vị ấy làm cho sung mãn, trong khi biết toàn diện điều cần được biết toàn diện vị ấy làm cho sung mãn, trong khi dứt bỏ điều cần được dứt bỏ vị ấy làm cho sung mãn, trong khi tu tập điều cần được tu tập vị ấy làm cho sung mãn, trong khi tác chứng điều cần được tác chứng vị ấy làm cho sung mãn. Làm cho sung mãn là [có ý nghĩa] như thế.

Trong khi vị ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn đạo lộ ấy, các ràng buộc được dứt bỏ, các ngủ ngầm được chấm dứt [đối với vị ấy]. Các ràng buộc được dứt bỏ, các ngủ ngầm được chấm dứt là [có ý nghĩa] thế nào? Do đạo Nhập lưu, ba sự ràng buộc này được dứt bỏ là thân kiến, hoài nghi, sự cố chấp vào giới và nghi thức; hai ngủ ngầm này được chấm dứt là kiến ngủ ngầm, hoài nghi ngủ ngầm. Do đạo Nhất lai, hai sự ràng buộc này được dứt bỏ là ràng buộc của ái dục và ràng buộc của bất bình có tính chất thô thiển; hai ngủ ngầm này được chấm dứt là ái dục ngủ ngầm và bất bình ngủ ngầm có tính chất thô thiển. Do đạo Bất lai, hai sự ràng buộc này được dứt bỏ là ràng buộc của ái dục và ràng buộc của bất bình có tính chất vi tế; hai ngủ ngầm này được chấm dứt là ái dục ngủ ngầm và bất bình ngủ ngầm có tính chất vi tế. Do đạo A-la-hán, năm sự ràng buộc này được dứt bỏ là ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật, vô minh; ba ngủ ngầm này được chấm dứt là ngã mạn ngủ ngầm, ái hữu ngủ ngầm, vô minh ngủ ngầm. Các sự ràng buộc được dứt bỏ, các ngủ ngầm được chấm dứt là [có ý nghĩa] như thế.

Do tác động của sự không sân độc, trạng thái chuyên nhất không tản mạn của tâm là định... (nt)... Do tác động của sự nghĩ tưởng về ánh sáng, trạng thái chuyên nhất không tản mạn của tâm là định... (nt)... Có sự quán xét về từ bỏ do tác động của hơi thở vào, có sự quán xét về từ bỏ do tác động của hơi thở ra, trạng thái chuyên nhất không tản mạn của tâm là định. Về các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy, theo ý nghĩa của sự quán xét là vô thường là minh sát; theo ý nghĩa của sự quán xét là khổ não là minh sát; theo ý nghĩa của sự quán xét là vô ngã là minh sát. Như thế là chỉ tịnh trước, minh sát sau. Vì thế được nói rằng: "Tu tập minh sát có chỉ tịnh đi trước."

Tu tập: Có bốn sự tu tập: Là sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy, là sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị

đối với các quyền, là sự tu tập theo ý nghĩa khởi động tinh tấn [thích hợp] nhằm đạt đến giải thoát Niết-bàn, là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện.

Đạo lộ được hình thành: Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] thế nào? Chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức là đạo lộ được hình thành, chánh tư duy theo ý nghĩa gắn chặt [tâm vào cảnh] là đạo lộ được hình thành,... (nt)... chánh định theo ý nghĩa không tản mạn là đạo lộ được hình thành. Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] như thế.

"Vị ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn đạo lộ ấy." **Rèn luyện:** Rèn luyện là [có ý nghĩa] thế nào? Trong khi hướng tâm vị ấy rèn luyện, trong khi nhận biết... (nt)... trong khi tác chứng điều cần được tác chứng vị ấy rèn luyện. Rèn luyện là [có ý nghĩa] như thế.

Tu tập: Tu tập là [có ý nghĩa] thế nào? Trong khi hướng tâm vị ấy tu tập, trong khi nhận biết vị ấy tu tập... (nt)... trong khi tác chứng điều cần được tác chứng vị ấy tu tập. Tu tập là [có ý nghĩa] như thế.

Làm cho sung mãn: Làm cho sung mãn là [có ý nghĩa] thế nào? Trong khi hướng tâm vị ấy làm cho sung mãn, trong khi nhận biết... (nt)... trong khi tác chứng điều cần được tác chứng vị ấy làm cho sung mãn. Làm cho sung mãn là [có ý nghĩa] như thế.

Trong khi vị ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn đạo lộ ấy, các ràng buộc được dứt bỏ, các ngủ ngầm được chấm dứt [đối với vị ấy]: Các ràng buộc được dứt bỏ, các ngủ ngầm được chấm dứt là [có ý nghĩa] thế nào? Do đạo Nhập lưu, ba sự ràng buộc này được dứt bỏ là thân kiến, hoài nghi, sự cố chấp vào giới và nghi thức; hai ngủ ngầm này được chấm dứt là kiến ngủ ngầm, hoài nghi ngủ ngầm. Do đạo Nhất lai, hai sự ràng buộc này được dứt bỏ là ràng buộc của ái dục và ràng buộc của bất bình có tính chất thô thiển; hai ngủ ngầm này được chấm dứt là ái dục ngủ ngầm và bất bình ngủ ngầm có tính chất thô thiển. Do đạo Bất lai, hai sự ràng buộc này được dứt bỏ là ràng buộc của ái dục và ràng buộc của bất bình có tính chất vi tế; hai ngủ ngầm này được chấm dứt là ái dục ngủ ngầm và bất bình ngủ ngầm có tính chất vi tế. Do đạo A-la-hán, năm sự ràng buộc này được dứt bỏ là ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật, vô minh; ba ngủ ngầm này được chấm dứt là ngã mạn ngủ ngầm, ái hữu ngủ ngầm, vô minh ngủ ngầm. Các ràng buộc được dứt bỏ, các ngủ ngầm được chấm dứt là [có ý nghĩa] như thế.

Tu tập minh sát có chỉ tịnh đi trước là [có ý nghĩa] như thế.

Tu tập chỉ tịnh có minh sát đi trước là [có ý nghĩa] thế nào? Với ý nghĩa của sự quán xét là vô thường là minh sát; với ý nghĩa của sự quán xét là khổ não là minh sát; với ý nghĩa của sự quán xét là vô ngã là minh sát. Do xả ly là đối tượng của các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định. Như thế là minh sát trước, chỉ tịnh sau. Vì thế được nói rằng: "Tu tập chỉ tịnh có minh sát đi trước."

Tu tập: Có bốn sự tu tập: ... (nt)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. **Đạo lộ được hình thành:** Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] thế nào? ... (nt)... Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] như thế. ... (nt)... Các ràng buộc được dứt bỏ, các ngủ ngầm được chấm dứt là [có ý nghĩa] như thế.

Với ý nghĩa của sự quán xét sắc là vô thường là minh sát; với ý nghĩa của sự quán xét sắc là khổ não là minh sát; với ý nghĩa của sự quán xét sắc là vô ngã là minh sát. Do xả ly là đối tượng của các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định. Như thế là minh sát trước, chỉ tịnh sau. Vì thế được nói rằng: "Tu tập chỉ tịnh có minh sát đi trước."

Tu tập: Có bốn sự tu tập: ... (nt)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. **Đạo lộ được hình thành:** Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] thế nào? ... (nt)... Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] như thế. ... (nt)... Các sự ràng buộc được dứt bỏ, các ngủ ngầm được chấm dứt là [có ý nghĩa] như thế.

Với ý nghĩa của sự quán xét thọ... tưởng... các hành... thức... mắt... lão tử là vô thường là minh sát... (nt)... lão tử là khổ não... (nt)... lão tử là vô ngã là minh sát. Do xả ly là đối tượng của các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định. Như thế là minh sát trước, chỉ tịnh sau. Vì thế được nói rằng: "Tu tập chỉ tịnh có minh sát đi trước."

Tu tập: Có bốn sự tu tập: ... (nt)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. **Đạo lộ được hình thành:** Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] thế nào? ... (nt)... Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] như thế. ... (nt)... Các ràng buộc được dứt bỏ, các ngủ ngầm được chấm dứt là [có ý nghĩa] như thế.

Tu tập chỉ tịnh có minh sát đi trước là [có ý nghĩa] như thế.

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung là [có ý nghĩa] thế nào? Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo mười sáu biểu hiện: Theo ý nghĩa đối tượng, theo ý nghĩa hành xứ, theo ý nghĩa dứt bỏ, theo ý nghĩa buông bỏ, theo ý nghĩa thoát ra, theo ý nghĩa ly khai, theo ý nghĩa an tịnh, theo ý nghĩa cao quý, theo ý nghĩa được giải thoát, theo ý nghĩa vô lậu, theo ý nghĩa vượt qua, theo ý nghĩa vô tướng, theo ý nghĩa vô nguyện, theo ý nghĩa không tánh, theo ý nghĩa nhất vị, theo ý nghĩa không vượt trội, theo ý nghĩa kết hợp chung.

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa đối tượng là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với vị đang dứt bỏ phóng dật, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định, có sự diệt tận là đối tượng. Đối với vị đang dứt bỏ vô minh, minh sát theo ý nghĩa quán xét có sự diệt tận là đối tượng. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa đối tượng là có nhất vị, được kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: "Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa của cảnh [đối tượng]."

Tu tập: Có bốn sự tu tập: ... (nt)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. **Đạo lộ được hình thành:** Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] thế nào? ... (nt)... Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] như thế. ... (nt)... Các ràng buộc được dứt bỏ,

các ngủ ngầm được chấm dứt là [có ý nghĩa] như thế. Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa của cảnh [đối tượng] là [có ý nghĩa] như thế.

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa hành xứ là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với vị đang dứt bỏ phóng dật, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định có sự diệt tận là hành xứ. Đối với vị đang dứt bỏ vô minh, minh sát theo ý nghĩa quán xét có sự diệt tận là hành xứ. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa hành xứ là có nhất vị, được kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: "Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa hành xứ."

Tu tập: ... (nt)...

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa dứt bỏ là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với vị đang dứt bỏ các phiền não đi cùng với phóng dật và [đang dứt bỏ] các uẩn, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định có sự diệt tận là hành xứ. Đối với vị đang dứt bỏ các phiền não đi cùng với vô minh và [đang dứt bỏ] các uẩn, minh sát theo ý nghĩa quán xét có sự diệt tận là hành xứ. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa dứt bỏ là có nhất vị, được kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: "Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa dứt bỏ." ... (nt)...

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa buông bỏ là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với vị đang buông bỏ các phiền não đi cùng với phóng dật và [buông bỏ] các uẩn, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định có sự diệt tận là hành xứ. Đối với vị đang buông bỏ các phiền não đi cùng với vô minh và [buông bỏ] các uẩn, minh sát theo ý nghĩa quán xét có sự diệt tận là hành xứ. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa buông bỏ là có nhất vị, được kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: "Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa buông bỏ." ... (nt)...

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa thoát ra là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với vị đang thoát ra khỏi các phiền não đi cùng với phóng dật và [thoát ra khỏi] các uẩn, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định có sự diệt tận là hành xứ. Đối với vị đang thoát ra khỏi các phiền não đi cùng với vô minh và [thoát ra khỏi] các uẩn, minh sát theo ý nghĩa quán xét có sự diệt tận là hành xứ. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa thoát ra là có nhất vị, được kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: "Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa thoát ra." ... (nt)...

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa ly khai là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với vị đang ly khai các phiền não đi cùng với phóng dật và [ly khai] các uẩn, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định có sự diệt tận là hành xứ. Đối với vị đang ly khai các phiền não đi cùng với vô minh và [ly khai] các uẩn, minh sát theo ý nghĩa quán xét có sự diệt tận là hành xứ. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa ly khai là có nhất vị, được kết hợp chung, không

vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: "Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa ly khai." ... (nt)...

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa an tịnh là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với vị đang dứt bỏ phóng dật, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định, là an tịnh, có sự diệt tận là hành xứ. Đối với vị đang dứt bỏ vô minh, minh sát theo ý nghĩa quán xét là an tịnh có sự diệt tận là hành xứ. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa an tịnh là có nhất vị, được kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: "Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa an tịnh." ... (nt)...

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa cao quý là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với vị đang dứt bỏ phóng dật, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định, là cao quý, có sự diệt tận là hành xứ. Đối với vị đang dứt bỏ vô minh, minh sát theo ý nghĩa quán xét là cao quý có sự diệt tận là hành xứ. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa cao quý là có nhất vị, được kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: "Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa cao quý." ... (nt)...

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa được giải thoát là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với vị đang dứt bỏ phóng dật, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định, là được giải thoát khỏi dục lậu, có sự diệt tận là hành xứ. Đối với vị đang dứt bỏ vô minh, minh sát theo ý nghĩa quán xét là được giải thoát khỏi các vô minh lậu, có sự diệt tận là hành xứ. Như thế, sự ly tham ái khỏi các tham ái là sự giải thoát của tâm, sự ly tham ái khỏi vô minh là sự giải thoát của tuệ. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa được giải thoát là có nhất vị, được kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: "Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa được giải thoát." ... (nt)...

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa vô lậu là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với vị đang dứt bỏ phóng dật, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định, là vô lậu đối với dục lậu, có sự diệt tận là hành xứ. Đối với vị đang dứt bỏ vô minh, minh sát theo ý nghĩa quán xét là vô lậu đối với vô minh lậu, có sự diệt tận là hành xứ. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa vô lậu là có nhất vị, được kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: "Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa vô lậu." ... (nt)...

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa vượt qua là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với vị đang vượt qua các phiền não đi cùng với phóng dật và [vượt qua] các uẩn, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định có sự diệt tận là hành xứ. Đối với vị đang vượt qua các phiền não đi cùng với vô minh và [vượt qua] các uẩn, minh sát theo ý nghĩa quán xét có sự diệt tận là hành xứ. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa vượt qua là có nhất vị, được

kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: "Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa vượt qua." ... (nt)...

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa vô tướng là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với vị đang dứt bỏ phóng dật, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định, là vô tướng đối với tất cả các hiện tướng, có sự diệt tận là hành xứ. Đối với vị đang dứt bỏ vô minh, minh sát theo ý nghĩa quán xét là vô tướng đối với tất cả các hiện tướng, có sự diệt tận là hành xứ. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa vô tướng là có nhất vị, được kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: "Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa vô tướng." ... (nt)...

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa vô nguyện là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với vị đang dứt bỏ phóng dật, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định, là vô nguyện đối với tất cả các nguyện ước, có sự diệt tận là hành xứ. Đối với vị đang dứt bỏ vô minh, minh sát theo ý nghĩa quán xét là vô nguyện đối với tất cả các nguyện ước, có sự diệt tận là hành xứ. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa vô nguyện là có nhất vị, được kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: "Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa vô nguyện." ... (nt)...

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa không tánh là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với vị đang dứt bỏ phóng dật, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định, là không đối với tất cả các cố chấp, có sự diệt tận là hành xứ. Đối với vị đang dứt bỏ vô minh, minh sát theo ý nghĩa quán xét là không đối với tất cả các cố chấp, có sự diệt tận là hành xứ. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa không tánh là có nhất vị, được kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: "Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa không tánh." ... (nt)...

Tu tập: Có bốn sự tu tập: Là sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy, là sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị đối với các quyền, là sự tu tập theo ý nghĩa khởi động tinh tấn [thích hợp] nhằm đạt đến giải thoát Niết-bàn, là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện.

Đạo lộ được hình thành: Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] thế nào? ... (nt)... Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] như thế. ... (nt)... Các sự ràng buộc được dứt bỏ, các ngủ ngầm được chấm dứt là [có ý nghĩa] như thế.

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa không tánh là [có ý nghĩa] như thế.

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo mười sáu biểu hiện là [có ý nghĩa] như thế.

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung là [có ý nghĩa] như thế.

Tâm của vị Tỳ-khưu bị khuấy động bởi sự phóng dật đối với các pháp là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với vị đang tác ý vô thường, có ánh sáng sanh lên. [Hành

giả] hướng tâm đến ánh sáng rằng: "Ánh sáng là pháp"; sự tản mạn do việc ấy là phóng dật. Do sự phóng dật ấy, [hành giả] có tâm bị khuấy động, không nhận biết đúng theo thực thể về sự thiết lập là vô thường, không nhận biết đúng theo thực thể về sự thiết lập là khổ não, không nhận biết đúng theo thực thể về sự thiết lập là vô ngã. Vì thế, được nói rằng: "*Tâm bị khuấy động bởi sự phóng dật đối với các pháp. Lúc ấy là thời điểm, là lúc tâm ấy trụ lại, tập trung lại, được chuyên nhất, được định ngay ở nội phần.*"

Đạo lộ được hình thành cho vị ấy: Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] thế nào? ... (nt)... Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] như thế. … (nt)... Các sự ràng buộc được dứt bỏ, các ngủ ngầm được chấm dứt là [có ý nghĩa] như thế.

Đối với vị đang tác ý vô thường, có trí sanh lên... có hỷ sanh lên... có tịnh sanh lên... có lạc sanh lên... có sự cương quyết sanh lên... có sự ra sức sanh lên... có sự thiết lập sanh lên... có xả sanh lên... có ao ước sanh lên. [Hành giả] hướng tâm đến sự ao ước rằng: "Ao ước là pháp"; sự tản mạn do việc ấy là phóng dật. Do sự phóng dật ấy, [hành giả] có tâm bị khuấy động, không nhận biết đúng theo thực thể về sự thiết lập là vô thường, không nhận biết đúng theo thực thể về sự thiết lập là khổ não, không nhận biết đúng theo thực thể về sự thiết lập là vô ngã. Vì thế, được nói rằng: "*Tâm bị khuấy động bởi sự phóng dật đối với các pháp. Lúc tâm ấy trụ lại, tập trung lại, được chuyên nhất, được định ở chính nội phần, lúc ấy là thời điểm.*" **Đạo lộ được hình thành cho vị ấy:** Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] thế nào? ... (nt)... Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] như thế. … (nt)... Các sự ràng buộc được dứt bỏ, các ngủ ngầm được chấm dứt là [có ý nghĩa] như thế.

Đối với vị đang tác ý khổ não... (nt)... Đối với vị đang tác ý vô ngã, có ánh sáng sanh lên... có trí sanh lên... có hỷ sanh lên... có tịnh sanh lên... có lạc sanh lên... có sự cương quyết sanh lên... có sự ra sức sanh lên... có sự thiết lập sanh lên... có xả sanh lên... có ao ước sanh lên. [Hành giả] hướng tâm đến sự ao ước rằng: "Ao ước là pháp"; sự tản mạn do việc ấy là phóng dật. Do sự phóng dật ấy, [hành giả] có tâm bị khuấy động, không nhận biết đúng theo thực thể về sự thiết lập là vô ngã, về sự thiết lập là vô thường, về sự thiết lập là khổ não. Vì thế, được nói rằng: "*Tâm bị khuấy động bởi sự phóng dật đối với các pháp...* (nt)... Các sự ràng buộc được dứt bỏ, các ngủ ngầm được chấm dứt là [có ý nghĩa] như thế.

Đối với vị đang tác ý sắc là vô thường... (nt)... Đối với vị đang tác ý sắc là khổ não... (nt)... Đối với vị đang tác ý sắc là vô ngã... (nt)... Đối với vị đang tác ý thọ... tưởng... các hành... thức... mắt... lão tử là vô thường... (nt)... Đối với vị đang tác ý lão tử là khổ não... (nt)... Đối với vị đang tác ý lão tử là vô ngã, có ánh sáng sanh lên... có trí sanh lên... có hỷ sanh lên... có tịnh sanh lên... có lạc sanh lên... có sự cương quyết sanh lên... có sự ra sức sanh lên... có sự thiết lập sanh lên... có xả sanh lên... có ao ước sanh lên. [Hành giả] hướng tâm đến sự ao ước rằng: "Ao ước là pháp"; sự tản mạn do việc ấy là phóng dật. Do sự phóng

dật ấy, [hành giả] có tâm bị khuấy động, không nhận biết đúng theo thực thể về lão tử có sự thiết lập là vô ngã, không nhận biết đúng theo thực thể về lão tử có sự thiết lập là vô thường, không nhận biết đúng theo thực thể về lão tử có sự thiết lập là khổ não. Vì thế, được nói rằng: "*Tâm bị khuấy động bởi sự phóng dật đối với các pháp. Lúc ấy là thời điểm, là lúc tâm ấy trụ lại, tập trung lại, được chuyên nhất, được định ngay ở nội phần.*"

Đạo lộ được hình thành cho vị ấy: Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] thế nào? ... (nt)... Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] như thế. ... (nt)... Các sự ràng buộc được dứt bỏ, các ngủ ngầm được chấm dứt là [có ý nghĩa] như thế.

Tâm bị khuấy động bởi sự phóng dật đối với các pháp là [có ý nghĩa] như thế.

(1) Rung động về ánh sáng,
Về tịnh và về lạc,
Về tuệ và về hỷ,
Bởi chúng tâm xao động,

(2) Rung động về cương quyết,
Do hướng tâm đến xả,
Ra sức và thiết lập,
Và ao ước về xả.

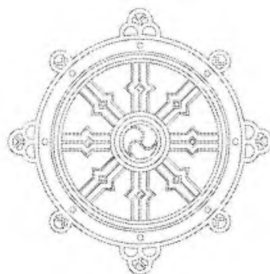
(3) Vị nào huân tập tuệ
Biết phóng dật do pháp,
Về mười trường hợp này,
Không sa vào lầm lẫn.

(4) Bị tản mạn, ô nhiễm,
Tản mạn, không ô nhiễm,
Tu tập tâm đình chỉ;
Tu tập bị thối thất.

(5) Tản mạn, không ô nhiễm,
Không tản, tâm vô nhiễm
Tu tập không thối thất,
Tu tâm không đình chỉ.

(6) Với bốn trường hợp này,
Thâu hẹp và khuấy động
Hiểu rõ mười trường hợp
Vì tản mạn của tâm.

Phần giảng về "Sự kết hợp chung" được đầy đủ.



II. GIẢNG VỀ CHÂN LÝ
(*SACCAKATHĀ*)

Đầy đủ phần duyên khởi: Này các Tỳ-khưu, đây là bốn thực thể, là không ngoài thực thể, không phải là dị thể. Bốn là gì? Này các Tỳ-khưu, "đây là khổ", điều này là thực thể, điều này là không ngoài thực thể, điều này không phải là dị thể; "đây là nhân sanh khổ", điều này là thực thể, điều này là không ngoài thực thể, điều này không phải là dị thể; "đây là sự diệt tận khổ", điều này là thực thể, điều này là không ngoài thực thể, điều này không phải là dị thể; "đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ", điều này là thực thể, điều này là không ngoài thực thể, điều này không phải là dị thể. Này các Tỳ-khưu, đây là bốn thực thể, là không ngoài thực thể, không phải là dị thể.

Khổ là chân lý theo ý nghĩa của thực thể là [có ý nghĩa] thế nào? Bốn ý nghĩa về khổ của khổ là thực thể, là không ngoài thực thể, không phải là dị thể: Ý nghĩa áp bức, ý nghĩa tạo tác, ý nghĩa nóng nảy, ý nghĩa chuyển biến của khổ; bốn ý nghĩa này về khổ của khổ là thực thể, là không ngoài thực thể, không phải là dị thể. Khổ là chân lý theo ý nghĩa của thực thể là [có ý nghĩa] như thế.

Nhân sanh [khổ] là chân lý theo ý nghĩa của thực thể là [có ý nghĩa] thế nào? Bốn ý nghĩa về nhân sanh của nhân sanh [khổ] là thực thể, là không ngoài thực thể, không phải là dị thể: Ý nghĩa tích lũy [nghiệp], ý nghĩa căn nguyên, ý nghĩa ràng buộc, ý nghĩa vướng bận của nhân sanh [khổ]; bốn ý nghĩa này về nhân sanh của nhân sanh [khổ] là thực thể, là không ngoài thực thể, không phải là dị thể. Nhân sanh [khổ] là chân lý theo ý nghĩa của thực thể là [có ý nghĩa] như thế.

Sự diệt tận [khổ] là chân lý theo ý nghĩa của thực thể là [có ý nghĩa] thế nào? Bốn ý nghĩa về diệt tận của sự diệt tận [khổ] là thực thể, là không ngoài thực thể, không phải là dị thể: Ý nghĩa xuất ly, ý nghĩa viễn ly, ý nghĩa không tạo tác, ý nghĩa bất tử của sự diệt tận [khổ]; bốn ý nghĩa này về diệt tận của sự diệt tận [khổ] là thực thể, là không ngoài thực thể, không phải là dị thể. Sự diệt tận [khổ] là chân lý theo ý nghĩa của thực thể là [có ý nghĩa] như thế.

Đạo là chân lý theo ý nghĩa của thực thể là [có ý nghĩa] thế nào? Bốn ý nghĩa về đạo của đạo là thực thể, là không ngoài thực thể, không phải là dị thể: Ý nghĩa dẫn xuất, ý nghĩa nguyên nhân, ý nghĩa nhận thức, ý nghĩa pháp chủ đạo của đạo; bốn ý nghĩa này về đạo của đạo là thực thể, là không ngoài thực thể, không phải là dị thể. Đạo là chân lý theo ý nghĩa của thực thể là [có ý nghĩa] như thế.

Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt là với bao nhiêu biểu hiện? Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt là với bốn biểu hiện: Theo ý nghĩa thực thể, theo ý nghĩa vô ngã, theo ý nghĩa chân lý, theo ý nghĩa thấu triệt; bốn chân lý được tổng hợp chung lại là với bốn biểu hiện này. Điều nào được tổng hợp chung lại, điều ấy là nhất thể. Nhất thể được thấu triệt bởi một trí, như thế bốn chân lý là có chung một sự thấu triệt.

Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa thực thể là [có ý nghĩa] thế nào? Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa thực thể là với bốn biểu hiện: Ý nghĩa về khổ của khổ là ý nghĩa về thực thể, ý nghĩa về nhân sanh của nhân sanh [khổ] là ý nghĩa về thực thể, ý nghĩa về diệt tận của sự diệt tận [khổ] là ý nghĩa về thực thể, ý nghĩa về đạo của đạo là ý nghĩa về thực thể; bốn chân lý được tổng hợp chung lại theo ý nghĩa thực thể là với bốn biểu hiện này. Điều nào được tổng hợp chung lại, điều ấy là nhất thể. Nhất thể được thấu triệt bởi một trí, như thế bốn chân lý là có chung một sự thấu triệt.

Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa vô ngã là [có ý nghĩa] thế nào? Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa vô ngã là với bốn biểu hiện: Ý nghĩa về khổ của khổ là ý nghĩa về vô ngã, ý nghĩa về nhân sanh của nhân sanh [khổ] là ý nghĩa về vô ngã, ý nghĩa về diệt tận của sự diệt tận [khổ] là ý nghĩa về vô ngã, ý nghĩa về đạo của đạo là ý nghĩa về vô ngã; bốn chân lý được tổng hợp chung lại theo ý nghĩa vô ngã là với bốn biểu hiện này. Điều nào được tổng hợp chung lại, điều ấy là nhất thể. Nhất thể được thấu triệt bởi một trí, như thế bốn chân lý là có chung một sự thấu triệt.

Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa chân lý là [có ý nghĩa] thế nào? Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa chân lý là với bốn biểu hiện: Ý nghĩa về khổ của khổ là ý nghĩa về chân lý, ý nghĩa về nhân sanh của nhân sanh [khổ] là ý nghĩa về chân lý, ý nghĩa diệt tận của sự diệt tận [khổ] là ý nghĩa về chân lý, ý nghĩa về đạo của đạo là ý nghĩa về chân lý; bốn chân lý được tổng hợp chung lại theo ý nghĩa chân lý là với bốn biểu hiện này. Điều nào được tổng hợp chung lại, điều ấy là nhất thể. Nhất thể được thấu triệt bởi một trí, như thế bốn chân lý là có chung một sự thấu triệt.

Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa thấu triệt là [có ý nghĩa] thế nào? Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa thấu triệt là với bốn biểu hiện: Ý nghĩa về khổ của khổ là ý nghĩa về thấu triệt, ý nghĩa về nhân sanh của nhân sanh [khổ] là ý nghĩa về thấu triệt, ý nghĩa diệt tận của sự diệt tận [khổ] là ý nghĩa về thấu triệt, ý nghĩa về đạo của đạo là ý nghĩa về thấu triệt; bốn chân lý được tổng hợp chung lại theo ý nghĩa thấu triệt là với bốn biểu hiện này. Điều nào được tổng hợp chung lại, điều ấy là nhất thể. Nhất thể được thấu triệt bởi một trí, như thế bốn chân lý là có chung một sự thấu triệt.

Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt là [có ý nghĩa] thế nào? Điều gì là vô thường, điều ấy là khổ não; điều gì là khổ não, điều ấy là vô thường. Điều gì là vô thường và khổ não, điều ấy là vô ngã. Điều gì là vô thường, khổ não và

vô ngã, điều ấy là thực thể. Điều gì là vô thường, khổ não, vô ngã và thực thể, điều ấy là chân lý. Điều gì là vô thường, khổ não, vô ngã, thực thể và chân lý, điều ấy là được tổng hợp chung lại. Điều gì được tổng hợp chung lại, điều ấy là nhất thể. Nhất thể được thấu triệt bởi một trí, như thế bốn chân lý là có chung một sự thấu triệt.

Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt là với bao nhiêu biểu hiện? Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt là với chín biểu hiện: Theo ý nghĩa thực thể, theo ý nghĩa vô ngã, theo ý nghĩa chân lý, theo ý nghĩa thấu triệt, theo ý nghĩa biết rõ, theo ý nghĩa biết toàn diện, theo ý nghĩa từ bỏ, theo ý nghĩa tu tập, theo ý nghĩa tác chứng; bốn chân lý có chung một sự thấu triệt là với chín biểu hiện này. Điều gì được tổng hợp chung lại, điều ấy là nhất thể. Nhất thể được thấu triệt bởi một trí, như thế bốn chân lý là có chung một sự thấu triệt.

Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa thực thể là [có ý nghĩa] thế nào? Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa thực thể là với chín biểu hiện: Ý nghĩa về khổ của khổ là ý nghĩa về thực thể, ý nghĩa về nhân sanh của nhân sanh [khổ] là ý nghĩa về thực thể, ý nghĩa về diệt tận của sự diệt tận [khổ] là ý nghĩa về thực thể, ý nghĩa về đạo của đạo là ý nghĩa về thực thể, ý nghĩa về biết rõ của thắng trí là ý nghĩa về thực thể, ý nghĩa về biết toàn diện của toàn trí là ý nghĩa về thực thể, ý nghĩa về từ bỏ của sự từ bỏ là ý nghĩa về thực thể, ý nghĩa về tu tập của sự tu tập là ý nghĩa về thực thể, ý nghĩa về tác chứng của sự tác chứng là ý nghĩa về thực thể; bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa thực thể là với chín biểu hiện này. Điều gì được tổng hợp chung lại, điều ấy là nhất thể. Nhất thể được thấu triệt bởi một trí, như thế bốn chân lý là có chung một sự thấu triệt.

Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa vô ngã... theo ý nghĩa chân lý... theo ý nghĩa thấu triệt là [có ý nghĩa] thế nào? Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa thấu triệt là với chín biểu hiện: Ý nghĩa về khổ của khổ là ý nghĩa về thấu triệt, ý nghĩa về nhân sanh của nhân sanh [khổ] là ý nghĩa về thấu triệt, ý nghĩa về diệt tận của sự diệt tận [khổ] là ý nghĩa về thấu triệt, ý nghĩa về đạo của đạo là ý nghĩa về thấu triệt, ý nghĩa về biết rõ của thắng trí là ý nghĩa về thấu triệt, ý nghĩa về biết toàn diện của toàn trí là ý nghĩa về thấu triệt, ý nghĩa về từ bỏ của sự từ bỏ là ý nghĩa về thấu triệt, ý nghĩa về tu tập của sự tu tập là ý nghĩa về thấu triệt, ý nghĩa về tác chứng của sự tác chứng là ý nghĩa về thấu triệt; bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa thấu triệt là với chín biểu hiện này. Điều gì được tổng hợp chung lại, điều ấy là nhất thể. Nhất thể được thấu triệt bởi một trí, như thế bốn chân lý là có chung một sự thấu triệt.

Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt là với bao nhiêu biểu hiện? Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt là với mười hai biểu hiện: Theo ý nghĩa thực thể, theo ý nghĩa vô ngã, theo ý nghĩa chân lý, theo ý nghĩa thấu triệt, theo ý nghĩa biết rõ, theo ý nghĩa biết toàn diện, theo ý nghĩa hiện tượng, theo ý nghĩa sự

kiện, theo ý nghĩa điều đã được biết, theo ý nghĩa tác chứng, theo ý nghĩa chạm đến, theo ý nghĩa lãnh hội; bốn chân lý có chung một sự thấu triệt là với mười hai biểu hiện này. Điều gì được tổng hợp chung lại, điều ấy là nhất thể. Nhất thể được thấu triệt bởi một trí, như thế bốn chân lý là có chung một sự thấu triệt.

Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa thực thể là [có ý nghĩa] thế nào? Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa thực thể là với mười sáu biểu hiện: Ý nghĩa áp bức, ý nghĩa tạo tác, ý nghĩa nóng nảy, ý nghĩa chuyển biến của khổ là ý nghĩa về thực thể; ý nghĩa tích lũy [nghiệp], ý nghĩa căn nguyên, ý nghĩa ràng buộc, ý nghĩa vướng bận của nhân sanh [khổ] là ý nghĩa về thực thể; ý nghĩa xuất ly, ý nghĩa viễn ly, ý nghĩa không tạo tác, ý nghĩa bất tử của sự diệt tận [khổ] là ý nghĩa về thực thể; ý nghĩa dẫn xuất, ý nghĩa nguyên nhân, ý nghĩa nhận thức, ý nghĩa pháp chủ đạo của đạo là ý nghĩa về thực thể; bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa thực thể là với mười sáu biểu hiện này. Điều gì được tổng hợp chung lại, điều ấy là nhất thể. Nhất thể được thấu triệt bởi một trí, như thế bốn chân lý là có chung một sự thấu triệt.

Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa vô ngã... theo ý nghĩa chân lý... theo ý nghĩa thấu triệt... theo ý nghĩa biết rõ... theo ý nghĩa biết toàn diện... theo ý nghĩa hiện tượng... theo ý nghĩa sự kiện... theo ý nghĩa điều đã được biết... theo ý nghĩa tác chứng... theo ý nghĩa chạm đến... theo ý nghĩa lãnh hội là [có ý nghĩa] thế nào? Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa lãnh hội là với mười sáu biểu hiện: Ý nghĩa áp bức, ý nghĩa tạo tác, ý nghĩa nóng nảy, ý nghĩa chuyển biến của khổ là ý nghĩa về lãnh hội; ý nghĩa tích lũy [nghiệp], ý nghĩa căn nguyên, ý nghĩa ràng buộc, ý nghĩa vướng bận của nhân sanh [khổ] là ý nghĩa về lãnh hội; ý nghĩa xuất ly, ý nghĩa viễn ly, ý nghĩa không tạo tác, ý nghĩa bất tử của sự diệt tận [khổ] là ý nghĩa về lãnh hội; ý nghĩa dẫn xuất, ý nghĩa nguyên nhân, ý nghĩa nhận thức, ý nghĩa pháp chủ đạo của đạo là ý nghĩa về lãnh hội; bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa lãnh hội là với mười sáu biểu hiện này. Điều gì được tổng hợp chung lại, điều ấy là nhất thể. Nhất thể được thấu triệt bởi một trí, như thế bốn chân lý là có chung một sự thấu triệt.

Có bao nhiêu tướng trạng của chân lý? Có hai tướng trạng của chân lý: Tướng trạng hữu vi và tướng trạng vô vi; đây là hai tướng trạng của chân lý.

Có bao nhiêu tướng trạng của chân lý? Có sáu tướng trạng của chân lý: Đối với các chân lý hữu vi, sự sanh khởi được nhận biết, sự hoại diệt được nhận biết, khi chúng tồn tại trạng thái biến đổi được nhận biết; đối với chân lý vô vi, sự sanh khởi không được nhận biết, sự hoại diệt không được nhận biết, khi tồn tại trạng thái biến đổi không được nhận biết; đây là sáu tướng trạng của chân lý.

Có bao nhiêu tướng trạng của chân lý? Có mười hai tướng trạng của chân lý: Đối với chân lý về khổ, sự sanh khởi được nhận biết, sự hoại diệt được nhận biết, khi tồn tại trạng thái biến đổi được nhận biết; đối với chân lý về nhân sanh [khổ], sự sanh khởi được nhận biết, sự hoại diệt được nhận biết, khi tồn tại trạng

thái biến đổi được nhận biết; đối với chân lý về đạo, sự sanh khởi được nhận biết, sự hoại diệt được nhận biết, khi tồn tại trạng thái biến đổi được nhận biết; đối với chân lý về sự diệt tận [khổ], không sự sanh khởi được nhận biết, không sự hoại diệt được nhận biết, khi tồn tại không trạng thái biến đổi được nhận biết; đây là mười hai tướng trạng của chân lý.

Thuộc về bốn chân lý, có bao nhiêu là thiện, có bao nhiêu là bất thiện, có bao nhiêu là vô ký? Chân lý về nhân sanh [khổ] là bất thiện; chân lý về đạo là thiện; chân lý về sự diệt tận là vô ký; chân lý về khổ có thể là thiện, có thể là bất thiện, có thể là vô ký.

Có thể ba chân lý được tổng hợp với một chân lý, một chân lý được tổng hợp với ba chân lý về phương diện nền tảng theo thứ lớp?

Có thể: Có thể là [có ý nghĩa] thế nào? [Nếu] chân lý về khổ là bất thiện và chân lý về nhân sanh [khổ] là bất thiện; như vậy theo ý nghĩa của bất thiện, hai chân lý được tổng hợp với một chân lý, một chân lý được tổng hợp với hai chân lý. [Nếu] chân lý về khổ là thiện và chân lý về đạo là thiện; như vậy theo ý nghĩa của thiện, hai chân lý được tổng hợp với một chân lý, một chân lý được tổng hợp với hai chân lý. [Nếu] chân lý về khổ là vô ký và chân lý về sự diệt tận [khổ] là vô ký; như vậy theo ý nghĩa của vô ký, hai chân lý được tổng hợp với một chân lý, một chân lý được tổng hợp với hai chân lý. Như vậy, có thể ba chân lý được tổng hợp với một chân lý, một chân lý được tổng hợp với ba chân lý về phương diện nền tảng theo thứ lớp.

[Duyên khởi ở Sāvatthi]

Này các Tỳ-khưu, trước lúc Toàn giác, khi hãy còn là Bồ-tát chưa thành Chánh đẳng giác, điều này đã khởi đến Ta: Đối với sắc, điều gì là khoái lạc, điều gì là tai hại, điều gì là xuất ly? Đối với thọ, điều gì là khoái lạc, điều gì là tai hại, điều gì là xuất ly? Đối với tưởng, điều gì là khoái lạc, điều gì là tai hại, điều gì là xuất ly? Đối với các hành, điều gì là khoái lạc, điều gì là tai hại, điều gì là xuất ly? Đối với thức, điều gì là khoái lạc, điều gì là tai hại, điều gì là xuất ly?

Này các Tỳ-khưu, điều này đã khởi đến Ta đây: Tùy thuận vào sắc, lạc và hỷ tâm sanh lên; điều này là khoái lạc của sắc. Sắc là vô thường, là khổ não, có hiện tượng chuyển biến; điều này là tai hại của sắc. Sự loại bỏ ước muốn và tham ái ở sắc, sự từ bỏ ước muốn và tham ái ở sắc; điều này là xuất ly khỏi sắc. Tùy thuận vào thọ... Tùy thuận vào tưởng... Tùy thuận vào các hành... Tùy thuận vào thức, lạc và hỷ tâm sanh lên; điều này là khoái lạc của thức. Thức là vô thường, là khổ não, có hiện tượng chuyển biến; điều này là tai hại của thức. Sự loại bỏ ước muốn và tham ái ở thức, sự từ bỏ ước muốn và tham ái ở thức; điều này là xuất ly khỏi thức.

Này các Tỳ-khưu, cho đến khi nào Ta chưa biết rõ đúng theo thực thể khoái lạc là khoái lạc, tai hại là tai hại, xuất ly là xuất ly đối với năm thủ uẩn này là như vầy, này các Tỳ-khưu, cho đến khi ấy Ta chưa công bố là “đã hoàn toàn

giác ngộ quả Vô thượng Chánh đẳng giác" ở thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người. Này các Tỳ-khưu, và đến khi Ta đã biết rõ đúng theo thực thể khoái lạc là khoái lạc, tai hại là tai hại, xuất ly là xuất ly đối với năm thủ uẩn này là như vầy, này các Tỳ-khưu, khi ấy Ta đã công bố là "đã hoàn toàn giác ngộ quả Vô thượng Chánh đẳng giác" ở thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người. Hơn nữa, sự biết và thấy đã sanh khởi đến Ta rằng: "Sự giải thoát của Ta là không thể thay đổi. Đây là lần sanh cuối cùng, giờ không còn tái sanh nữa."

"Tùy thuộc vào sắc, lạc và tâm sanh lên; điều này là sự khoái lạc của sắc", như thế sự thấu triệt do dứt bỏ là chân lý về nhân sanh [khổ]. "Sắc là vô thường, là khổ não, có hiện tượng chuyển biến; điều này là tai hại của sắc", như thế sự thấu triệt do biết toàn diện là chân lý về khổ. "Sự loại bỏ ước muốn và tham ái, sự từ bỏ ước muốn và tham ái ở sắc; điều này là xuất ly khỏi sắc", như thế sự thấu triệt do tác chứng là chân lý về sự diệt tận [khổ]. "Liên quan ba sự kiện này, có sự nhận thức, suy nghĩ, lời nói, hành động, sự nuôi mạng, sự tinh tấn, niệm, định",[1] như thế sự thấu triệt do tu tập là chân lý về đạo.

"Tùy thuộc vào thọ,... (nt)... Tùy thuộc vào tưởng,... (nt)... Tùy thuộc vào các hành,... (nt)... Tùy thuộc vào thức, lạc và hỷ tâm sanh lên; điều này là sự khoái lạc của thức", như thế sự thấu triệt do dứt bỏ là chân lý về nhân sanh [khổ]. "Thức là vô thường, là khổ não, có hiện tượng chuyển biến; điều này là tai hại của thức", như thế sự thấu triệt do biết toàn diện là chân lý về khổ. "Sự loại bỏ ước muốn và tham ái ở thức, sự từ bỏ ước muốn và tham ái ở thức; điều này là xuất ly khỏi thức", như thế sự thấu triệt do tác chứng là chân lý về sự diệt tận [khổ]. "Liên quan ba sự kiện này, có sự nhận thức, suy nghĩ, lời nói, hành động, sự nuôi mạng, sự tinh tấn, niệm, định", như thế sự thấu triệt do tu tập là chân lý về đạo.

Chân lý: Chân lý là theo bao nhiêu biểu hiện? Là theo ý nghĩa tầm cầu, theo ý nghĩa nắm giữ, theo ý nghĩa thấu triệt.

Chân lý theo ý nghĩa tầm cầu là [có ý nghĩa] thế nào? Lão tử có điều gì là căn nguyên, có điều gì là nhân sanh, có điều gì là sanh chủng, có điều gì là nguồn phát khởi? Chân lý theo ý nghĩa tầm cầu là [có ý nghĩa] như thế.

Lão tử có sanh là căn nguyên, có sanh là nhân sanh, có sanh là sanh chủng, có sanh là nguồn phát khởi; chân lý theo ý nghĩa nắm giữ là [có ý nghĩa] như thế. Nhận biết lão tử, nhận biết nhân sanh của lão tử, nhận biết sự diệt tận của lão tử, nhận biết sự thực hành đưa đến sự diệt tận của lão tử; chân lý theo ý nghĩa thấu triệt là [có ý nghĩa] như thế.

---

[1] "Liên quan ba trường hợp này, có sự nhận thức, suy nghĩ, lời nói, hành động, sự nuôi mạng, sự tinh tấn, niệm, định" là nói về việc vận hành do tác động của sự thấu triệt về nhân sanh [khổ], về khổ và về sự diệt tận [khổ] (*PsA*. III. 598).

Sanh có điều gì là căn nguyên, có điều gì là nhân sanh, có điều gì là sanh chủng, có điều gì là nguồn phát khởi? Chân lý theo ý nghĩa tầm cầu là [có ý nghĩa] như thế. Sanh có hữu là căn nguyên, có hữu là nhân sanh, có hữu là sanh chủng, có hữu là nguồn phát khởi; chân lý theo ý nghĩa nắm giữ là [có ý nghĩa] như thế. Nhận biết sanh, nhận biết nhân sanh của sanh, nhận biết sự diệt tận của sanh, nhận biết sự thực hành đưa đến sự diệt tận của sanh; chân lý theo ý nghĩa thấu triệt là [có ý nghĩa] như thế.

Hữu có điều gì là căn nguyên, có điều gì là nhân sanh, có điều gì là sanh chủng, có điều gì là nguồn phát khởi? Chân lý theo ý nghĩa tầm cầu là [có ý nghĩa] như thế. Hữu có thủ là căn nguyên, có thủ là nhân sanh, có thủ là sanh chủng, có thủ là nguồn phát khởi; chân lý theo ý nghĩa nắm giữ là [có ý nghĩa] như thế. Nhận biết hữu, nhận biết nhân sanh của hữu, nhận biết sự diệt tận của hữu, nhận biết sự thực hành đưa đến sự diệt tận của hữu; chân lý theo ý nghĩa thấu triệt là [có ý nghĩa] như thế.

Thủ có điều gì là căn nguyên, có điều gì là nhân sanh, có điều gì là sanh chủng, có điều gì là nguồn phát khởi? Chân lý theo ý nghĩa tầm cầu là [có ý nghĩa] như thế. Thủ có ái là căn nguyên, có ái là nhân sanh, có ái là sanh chủng, có ái là nguồn phát khởi; chân lý theo ý nghĩa nắm giữ là [có ý nghĩa] như thế. Nhận biết thủ, nhận biết nhân sanh của thủ, nhận biết sự diệt tận của thủ, nhận biết sự thực hành đưa đến sự diệt tận của thủ; chân lý theo ý nghĩa thấu triệt là [có ý nghĩa] như thế.

Ái có điều gì là căn nguyên, có điều gì là nhân sanh, có điều gì là sanh chủng, có điều gì là nguồn phát khởi? Chân lý theo ý nghĩa tầm cầu là [có ý nghĩa] như thế. Ái có thọ là căn nguyên, có thọ là nhân sanh, có thọ là sanh chủng, có thọ là nguồn phát khởi; chân lý theo ý nghĩa nắm giữ là [có ý nghĩa] như thế. Nhận biết ái, nhận biết nhân sanh của ái, nhận biết sự diệt tận của ái, nhận biết sự thực hành đưa đến sự diệt tận của ái; chân lý theo ý nghĩa thấu triệt là [có ý nghĩa] như thế.

Thọ có điều gì là căn nguyên, có điều gì là nhân sanh, có điều gì là sanh chủng, có điều gì là nguồn phát khởi? Chân lý theo ý nghĩa tầm cầu là [có ý nghĩa] như thế. Thọ có xúc là căn nguyên, có xúc là nhân sanh, có xúc là sanh chủng, có xúc là nguồn phát khởi; chân lý theo ý nghĩa nắm giữ là [có ý nghĩa] như thế. Nhận biết thọ, nhận biết nhân sanh của thọ, nhận biết sự diệt tận của thọ, nhận biết sự thực hành đưa đến sự diệt tận của thọ; chân lý theo ý nghĩa thấu triệt là [có ý nghĩa] như thế.

Xúc có điều gì là căn nguyên, có điều gì là nhân sanh, có điều gì là sanh chủng, có điều gì là nguồn phát khởi? Chân lý theo ý nghĩa tầm cầu là [có ý nghĩa] như thế. Xúc có sáu xứ là căn nguyên, có sáu xứ là nhân sanh, có sáu xứ là sanh chủng, có sáu xứ là nguồn phát khởi; chân lý theo ý nghĩa nắm giữ là [có ý nghĩa] như thế. Nhận biết xúc, nhận biết nhân sanh của xúc, nhận biết sự diệt tận của xúc, nhận biết sự thực hành đưa đến sự diệt tận của xúc; chân lý theo ý nghĩa thấu triệt là [có ý nghĩa] như thế.

Sáu xứ có điều gì là căn nguyên, có điều gì là nhân sanh, có điều gì là sanh chủng, có điều gì là nguồn phát khởi? Chân lý theo ý nghĩa tầm cầu là [có ý nghĩa] như thế. Sáu xứ có danh sắc là căn nguyên, có danh sắc là nhân sanh, có danh sắc là sanh chủng, có danh sắc là nguồn phát khởi; chân lý theo ý nghĩa nắm giữ là [có ý nghĩa] như thế. Nhận biết sáu xứ, nhận biết nhân sanh của sáu xứ, nhận biết sự diệt tận của sáu xứ, nhận biết sự thực hành đưa đến sự diệt tận của sáu xứ; chân lý theo ý nghĩa thấu triệt là [có ý nghĩa] như thế.

Danh sắc có điều gì là căn nguyên, có điều gì là nhân sanh, có điều gì là sanh chủng, có điều gì là nguồn phát khởi? Chân lý theo ý nghĩa tầm cầu là [có ý nghĩa] như thế. Danh sắc có thức là căn nguyên, có thức là nhân sanh, có thức là sanh chủng, có thức là nguồn phát khởi; chân lý theo ý nghĩa nắm giữ là [có ý nghĩa] như thế. Nhận biết danh sắc, nhận biết nhân sanh của danh sắc, nhận biết sự diệt tận của danh sắc, nhận biết sự thực hành đưa đến sự diệt tận của danh sắc; chân lý theo ý nghĩa thấu triệt là [có ý nghĩa] như thế.

Thức có điều gì là căn nguyên, có điều gì là nhân sanh, có điều gì là sanh chủng, có điều gì là nguồn phát khởi? Chân lý theo ý nghĩa tầm cầu là [có ý nghĩa] như thế. Thức có các hành là căn nguyên, có các hành là nhân sanh, có các hành là sanh chủng, có các hành là nguồn phát khởi; chân lý theo ý nghĩa nắm giữ là [có ý nghĩa] như thế. Nhận biết thức, nhận biết nhân sanh của thức, nhận biết sự diệt tận của thức, nhận biết sự thực hành đưa đến sự diệt tận của thức; chân lý theo ý nghĩa thấu triệt là [có ý nghĩa] như thế.

Các hành có điều gì là căn nguyên, có điều gì là nhân sanh, có điều gì là sanh chủng, có điều gì là nguồn phát khởi? Chân lý theo ý nghĩa tầm cầu là [có ý nghĩa] như thế. Các hành có vô minh là căn nguyên, có vô minh là nhân sanh, có vô minh là sanh chủng, có vô minh là nguồn phát khởi; chân lý theo ý nghĩa nắm giữ là [có ý nghĩa] như thế. Nhận biết các hành, nhận biết nhân sanh của các hành, nhận biết sự diệt tận của các hành, nhận biết sự thực hành đưa đến sự diệt tận của các hành; chân lý theo ý nghĩa thấu triệt là [có ý nghĩa] như thế.

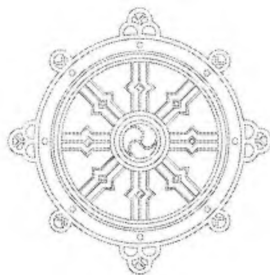
Lão tử là chân lý về khổ, sanh là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của đạo. Sanh là chân lý về khổ, hữu là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của đạo. Hữu là chân lý về khổ, thủ là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của đạo. Thủ là chân lý về khổ, ái là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của đạo. Ái là chân lý về khổ, thọ là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của đạo. Thọ là chân lý về khổ, xúc là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của đạo. Xúc là chân lý về khổ, sáu xứ là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của đạo. Sáu xứ là chân lý về khổ, danh sắc là chân lý về nhân sanh, sự xuất

ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của đạo. Danh sắc là chân lý về khổ, thức là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của đạo. Thức là chân lý về khổ, các hành là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của đạo. Các hành là chân lý về khổ, vô minh là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của đạo.

Lão tử là chân lý về khổ, sanh có thể là chân lý về khổ, có thể là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của đạo. Sanh là chân lý về khổ, hữu có thể là chân lý về khổ, có thể là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của đạo... (nt)... Các hành là chân lý về khổ, vô minh có thể là chân lý về khổ, có thể là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của đạo.

Phần giảng về "Chân lý" được đầy đủ.

Dứt tụng phẩm.



III. GIẢNG VỀ GIÁC CHI
(*BOJJHAṄGAKATHĀ*)

(Duyên khởi ở Sāvatthi)

Này các Tỳ-khưu, có bảy giác chi. Bảy là gì? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, cần giác chi, hỷ giác chi, tịnh giác chi, định giác chi, xả giác chi. Này các Tỳ-khưu, đây là bảy giác chi.

Các giác chi: Các giác chi là với ý nghĩa gì? "Đưa đến giác ngộ" là các giác chi. "Được giác ngộ [Sơ đạo]" là các giác chi. "Được giác ngộ [Nhị đạo]" là các giác chi. "Được giác ngộ [Tam đạo]" là các giác chi. "Được giác ngộ [Tứ đạo]" là các giác chi.[2]

Với ý nghĩa được giác ngộ [Sơ đạo] là các giác chi. Với ý nghĩa được giác ngộ [Nhị đạo] là các giác chi. Với ý nghĩa được giác ngộ [Tam đạo] là các giác chi. Với ý nghĩa được giác ngộ [Tứ đạo] là các giác chi.

"Làm cho giác ngộ [Sơ đạo]" là các giác chi. "Làm cho giác ngộ [Nhị đạo]" là các giác chi. "Làm cho giác ngộ [Tam đạo]" là các giác chi. "Làm cho giác ngộ [Tứ đạo]" là các giác chi.

Với ý nghĩa làm cho giác ngộ [Sơ đạo] là các giác chi. Với ý nghĩa làm cho giác ngộ [Nhị đạo] là các giác chi. Với ý nghĩa làm cho giác ngộ [Tam đạo] là các giác chi. Với ý nghĩa làm cho giác ngộ [Tứ đạo] là các giác chi.

Với ý nghĩa góp phần vào việc làm cho giác ngộ [Sơ đạo] là các giác chi. Với ý nghĩa góp phần vào việc làm cho giác ngộ [Nhị đạo] là các giác chi. Với ý nghĩa góp phần vào việc làm cho giác ngộ [Tam đạo] là các giác chi. Với ý nghĩa góp phần vào việc làm cho giác ngộ [Tứ đạo] là các giác chi.

Với ý nghĩa nhận lãnh tánh giác là các giác chi. Với ý nghĩa tiếp nhận tánh giác là các giác chi. Với ý nghĩa tạo lập tánh giác là các giác chi. Với ý nghĩa thành lập tánh giác là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thành tánh giác là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thiện tánh giác là các giác chi.

Với ý nghĩa của nguồn gốc là các giác chi. Với ý nghĩa hành vi của nguồn gốc là các giác chi. Với ý nghĩa nắm giữ về nguồn gốc là các giác chi. Với ý

---

[2] *Bujjhati*: Được giác ngộ (Sơ đạo, đạo Nhập lưu). *Anubujjhati*: Được giác ngộ (Nhị đạo, đạo Nhất lai). *Paṭibujjhati*: Được giác ngộ (Tam đạo, đạo Bất lai). *Sambujjhati*: Được giác ngộ (Tứ đạo, đạo A-la-hán). Bốn từ giác ngộ theo thứ bậc này đều có chung từ gốc √*budh* + *ya* + *ti* có nghĩa thụ động là "được giác ngộ" áp dụng cho trường hợp chứng ngộ đạo đầu tiên. Ba trường hợp sau có thêm các tiếp đầu ngữ *anu* (theo sau, kế tiếp), *paṭi* (hướng về, hướng đến), *saṃ* (hoàn toàn). Do không chọn được từ dịch thích hợp nên ghi đầy đủ nghĩa như vậy. (ND)

nghĩa phụ trợ của nguồn gốc là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn bị của nguồn gốc là các giác chi. Với ý nghĩa chín muồi của nguồn gốc là các giác chi. Với ý nghĩa phân tích về nguồn gốc là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thành việc phân tích về nguồn gốc là các giác chi. Với ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về nguồn gốc là các giác chi. Với ý nghĩa đạt đến bản chất quyền lực ở việc phân tích về nguồn gốc là các giác chi.

Với ý nghĩa chủng tử là các giác chi. Với ý nghĩa hành vi của chủng tử là các giác chi. Với ý nghĩa nắm giữ về chủng tử là các giác chi. Với ý nghĩa phụ trợ của chủng tử là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn bị của chủng tử là các giác chi. Với ý nghĩa chín muồi của chủng tử là các giác chi. Với ý nghĩa phân tích về chủng tử là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thành việc phân tích về chủng tử là các giác chi. Với ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về chủng tử là các giác chi. Với ý nghĩa đạt đến bản chất quyền lực ở việc phân tích về chủng tử là các giác chi.

Với ý nghĩa của duyên là các giác chi. Với ý nghĩa hành vi của duyên là các giác chi. Với ý nghĩa nắm giữ về duyên là các giác chi. Với ý nghĩa phụ trợ của duyên là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn bị của duyên là các giác chi. Với ý nghĩa chín muồi của duyên là các giác chi. Với ý nghĩa phân tích về duyên là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thành việc phân tích về duyên là các giác chi. Với ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về duyên là các giác chi. Với ý nghĩa đạt đến bản chất quyền lực ở việc phân tích về duyên là các giác chi.

Với ý nghĩa của sự thanh tịnh là các giác chi. Với ý nghĩa hành vi của sự thanh tịnh là các giác chi. Với ý nghĩa nắm giữ về sự thanh tịnh là các giác chi. Với ý nghĩa phụ trợ của sự thanh tịnh là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn bị của sự thanh tịnh là các giác chi. Với ý nghĩa chín muồi của sự thanh tịnh là các giác chi. Với ý nghĩa phân tích về sự thanh tịnh là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thành việc phân tích về sự thanh tịnh là các giác chi. Với ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự thanh tịnh là các giác chi. Với ý nghĩa đạt đến bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự thanh tịnh là các giác chi.

Với ý nghĩa của sự không sai trái là các giác chi. Với ý nghĩa hành vi của sự không sai trái là các giác chi. Với ý nghĩa nắm giữ về sự không sai trái là các giác chi. Với ý nghĩa phụ trợ của sự không sai trái là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn bị của sự không sai trái là các giác chi. Với ý nghĩa chín muồi của sự không sai trái là các giác chi. Với ý nghĩa phân tích về sự không sai trái là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thành việc phân tích về sự không sai trái là các giác chi. Với ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự không sai trái là các giác chi. Với ý nghĩa đạt đến bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự không sai trái là các giác chi.

Với ý nghĩa của sự thoát ly là các giác chi. Với ý nghĩa hành vi của sự thoát ly là các giác chi. Với ý nghĩa nắm giữ về sự thoát ly là các giác chi. Với ý nghĩa phụ trợ của sự thoát ly là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn bị của sự thoát ly là các

giác chi. Với ý nghĩa chín muồi của sự thoát ly là các giác chi. Với ý nghĩa phân tích về sự thoát ly là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thành việc phân tích về sự thoát ly là các giác chi. Với ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự thoát ly là các giác chi. Với ý nghĩa đạt đến bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự thoát ly là các giác chi.

Với ý nghĩa của sự giải thoát là các giác chi. Với ý nghĩa hành vi của sự giải thoát là các giác chi. Với ý nghĩa nắm giữ về sự giải thoát là các giác chi. Với ý nghĩa phụ trợ của sự giải thoát là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn bị của sự giải thoát là các giác chi. Với ý nghĩa chín muồi của sự giải thoát là các giác chi. Với ý nghĩa phân tích về sự giải thoát là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thành việc phân tích về sự giải thoát là các giác chi. Với ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự giải thoát là các giác chi. Với ý nghĩa đạt đến bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự giải thoát là các giác chi.

Với ý nghĩa vô lậu là các giác chi. Với ý nghĩa hành vi của vô lậu là các giác chi. Với ý nghĩa nắm giữ về vô lậu là các giác chi. Với ý nghĩa phụ trợ của vô lậu là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn bị của vô lậu là các giác chi. Với ý nghĩa chín muồi của vô lậu là các giác chi. Với ý nghĩa phân tích về vô lậu là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thành việc phân tích về vô lậu là các giác chi. Với ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về vô lậu là các giác chi. Với ý nghĩa đạt đến bản chất quyền lực ở việc phân tích về vô lậu là các giác chi.

Với ý nghĩa của sự viễn ly là các giác chi. Với ý nghĩa hành vi của sự viễn ly là các giác chi. Với ý nghĩa nắm giữ về sự viễn ly là các giác chi. Với ý nghĩa phụ trợ của sự viễn ly là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn bị của sự viễn ly là các giác chi. Với ý nghĩa chín muồi của sự viễn ly là các giác chi. Với ý nghĩa phân tích về sự viễn ly là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thành việc phân tích về sự viễn ly là các giác chi. Với ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự viễn ly là các giác chi. Với ý nghĩa đạt đến bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự viễn ly là các giác chi.

Với ý nghĩa của sự xả ly là các giác chi. Với ý nghĩa hành vi của sự xả ly là các giác chi. Với ý nghĩa nắm giữ về sự xả ly là các giác chi. Với ý nghĩa phụ trợ của sự xả ly là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn bị của sự xả ly là các giác chi. Với ý nghĩa chín muồi của sự xả ly là các giác chi. Với ý nghĩa phân tích về sự xả ly là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thành việc phân tích về sự xả ly là các giác chi. Với ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự xả ly là các giác chi. Với ý nghĩa đạt đến bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự xả ly là các giác chi.

"Được giác ngộ ý nghĩa của nguồn gốc" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của chủng tử" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của duyên" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự thanh tịnh" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự không sai trái" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự thoát ly" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự giải thoát" là các

giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của vô lậu" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự viễn ly" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự xả ly" là các giác chi.

"Được giác ngộ ý nghĩa hành vi của nguồn gốc" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa hành vi của chủng tử" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa hành vi của duyên" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa hành vi của sự thanh tịnh" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa hành vi của sự không sai trái" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa hành vi của sự thoát ly" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa hành vi của sự giải thoát" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa hành vi của vô lậu" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa hành vi của sự viễn ly" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa hành vi của sự xả ly" là các giác chi.

"Được giác ngộ ý nghĩa nắm giữ về nguồn gốc" là các giác chi. … (nt)... "Được giác ngộ ý nghĩa nắm giữ về sự xả ly" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa phụ trợ của nguồn gốc" là các giác chi. … (nt)... "Được giác ngộ ý nghĩa phụ trợ của sự xả ly" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa hoàn bị của nguồn gốc" là các giác chi. … (nt)... "Được giác ngộ ý nghĩa hoàn bị của sự xả ly" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa chín muồi của nguồn gốc" là các giác chi. … (nt)... "Được giác ngộ ý nghĩa chín muồi của sự xả ly" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa phân tích về nguồn gốc" là các giác chi. … (nt)... "Được giác ngộ ý nghĩa phân tích về sự xả ly" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa hoàn thành việc phân tích về nguồn gốc" là các giác chi. … (nt)... "Được giác ngộ ý nghĩa hoàn thành việc phân tích về sự xả ly" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về nguồn gốc" là các giác chi. … (nt)... "Được giác ngộ ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự xả ly" là các giác chi.

"Được giác ngộ ý nghĩa của sự nắm giữ" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự phụ trợ" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự hoàn bị"... "Được giác ngộ ý nghĩa của sự chuyên nhất"... "Được giác ngộ ý nghĩa của sự không tản mạn"... "Được giác ngộ ý nghĩa của sự ra sức"... "Được giác ngộ ý nghĩa của sự không tán loạn"... "Được giác ngộ ý nghĩa của sự không xao động"... "Được giác ngộ ý nghĩa của sự không loạn động"... "Được giác ngộ ý nghĩa của sự trụ tâm do thiết lập tính nhất thể"... "Được giác ngộ ý nghĩa của đối tượng [cảnh]"... "Được giác ngộ ý nghĩa của hành xứ"... "Được giác ngộ ý nghĩa của sự dứt bỏ"... "Được giác ngộ ý nghĩa của sự buông bỏ"... "Được giác ngộ ý nghĩa của sự thoát ra"... "Được giác ngộ ý nghĩa của sự ly khai"... "Được giác ngộ ý nghĩa của tịnh"... "Được giác ngộ ý nghĩa của sự cao quý"... "Được giác ngộ ý nghĩa của giải thoát"... "Được giác ngộ ý nghĩa của vô lậu"... "Được giác ngộ ý nghĩa của sự vượt qua"... "Được giác ngộ ý nghĩa của vô tướng"... "Được giác ngộ ý nghĩa của vô nguyện"... "Được giác ngộ ý nghĩa của không tánh"... "Được giác ngộ ý nghĩa của nhất vị"... "Được giác ngộ ý nghĩa của sự không vượt quá"... "Được giác ngộ ý nghĩa của sự kết hợp chung"... "Được

giác ngộ ý nghĩa của sự dẫn xuất"... "Được giác ngộ ý nghĩa của chủng tử"... "Được giác ngộ ý nghĩa của sự nhận thức" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của pháp chủ đạo" là các giác chi.

"Được giác ngộ ý nghĩa không tản mạn của chỉ tịnh" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa quán xét của minh sát" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa nhất vị của chỉ tịnh và minh sát" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa không vượt quá của sự kết hợp chung" là các giác chi.

"Được giác ngộ ý nghĩa thọ trì của việc học tập" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa hành xứ của đối tượng" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa ra sức đối với tâm bị trì trệ"... "Được giác ngộ ý nghĩa kiềm chế đối với tâm bị phóng dật"... "Được giác ngộ ý nghĩa dửng dưng [có trạng thái xả] đối với hai trạng thái [trì trệ và phóng dật] đã được trong sạch"... "Được giác ngộ ý nghĩa của sự chứng đắc thù thắng"... "Được giác ngộ ý nghĩa của sự thấu triệt bậc trên"... "Được giác ngộ ý nghĩa của sự lãnh hội chân lý" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự an lập Niết-bàn" là các giác chi.

"Được giác ngộ ý nghĩa cương quyết của tín quyền" là các giác chi. … (nt)... "Được giác ngộ ý nghĩa nhận thức của tuệ quyền" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của tính chất không dao động ở sự không có đức tin của tín lực" là các giác chi. … (nt)... "Được giác ngộ ý nghĩa của tính chất không dao động ở vô minh của tuệ lực" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa thiết lập của niệm giác chi" là các giác chi. … (nt)... "Được giác ngộ ý nghĩa phân biệt rõ của xả giác chi" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa nhận thức của chánh kiến" là các giác chi. … (nt)... "Được giác ngộ ý nghĩa không tản mạn của chánh định" là các giác chi.

"Được giác ngộ ý nghĩa chủ đạo của các quyền" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa không thể bị lay chuyển của các lực" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa dẫn xuất [ra khỏi luân hồi]" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa chủng tử của đạo" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa thiết lập của sự thiết lập niệm" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa nỗ lực của các chánh cần" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa thành tựu của các nền tảng của thần thông" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa thực thể của các chân lý" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa tịnh lặng của các việc thực hành [Thánh đạo]" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa tác chứng của các quả" là các giác chi.

"Được giác ngộ ý nghĩa đưa tâm [đến đối tượng] của tầm" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa khắng khít [vào đối tượng] của tứ" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa lan tỏa của hỷ" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa tràn ngập của lạc" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa chuyên nhất của tâm [định]" là các giác chi.

"Được giác ngộ ý nghĩa của sự hướng tâm" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự nhận biết [của thức]" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự nhận biết [của tuệ]" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự nhận

biết [của tưởng]" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự độc nhất" là các giác chi.

"Được giác ngộ ý nghĩa đã được biết của sự biết rõ" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa quyết đoán của sự biết toàn diện" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa buông bỏ của sự dứt bỏ"... "Được giác ngộ ý nghĩa nhất vị của sự tu tập"... "Được giác ngộ ý nghĩa chạm đến của sự tác chứng"... "Được giác ngộ ý nghĩa tập hợp của các uẩn"... "Được giác ngộ ý nghĩa bản thể của các giới"... "Được giác ngộ ý nghĩa vị thế của các xứ"... "Được giác ngộ ý nghĩa tạo tác của các pháp hữu vi" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa không tạo tác của Niết-bàn" là các giác chi.

"Được giác ngộ ý nghĩa của tâm" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa liên tục của tâm" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa thoát ra của tâm"... "Được giác ngộ ý nghĩa ly khai của tâm"... "Được giác ngộ ý nghĩa về chủng tử của tâm"... "Được giác ngộ ý nghĩa về duyên của tâm"... "Được giác ngộ ý nghĩa về vật nương của tâm"... "Được giác ngộ ý nghĩa về lãnh vực của tâm"... "Được giác ngộ ý nghĩa về cảnh [đối tượng] của tâm"... "Được giác ngộ ý nghĩa về hành xứ của tâm"... "Được giác ngộ ý nghĩa về hành vi của tâm"... "Được giác ngộ ý nghĩa về cảnh [đã đạt đến] của tâm"... "Được giác ngộ ý nghĩa về sự quyết định của tâm"... "Được giác ngộ ý nghĩa về sự dẫn xuất [ra khỏi cảnh] của tâm" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa về sự xuất ly của tâm" là các giác chi.

"Được giác ngộ ý nghĩa về sự hướng tâm ở nhất thể" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa về sự nhận biết [của thức] ở nhất thể" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa về sự nhận biết [của tuệ] ở nhất thể"... "Được giác ngộ ý nghĩa về sự nhận biết [của tưởng] ở nhất thể"... "Được giác ngộ ý nghĩa độc nhất ở nhất thể"... "Được giác ngộ ý nghĩa về sự bám vào nhất thể"... "Được giác ngộ ý nghĩa về sự tiến vào nhất thể [đối với sơ thiền]"... "Được giác ngộ ý nghĩa về sự hoan hỷ ở nhất thể [đối với nhị thiền]"... "Được giác ngộ ý nghĩa về sự an trụ ở nhất thể [đối với tam thiền]"... "Được giác ngộ ý nghĩa về sự giải thoát ở nhất thể [đối với tứ thiền]"... "Được giác ngộ ý nghĩa về sự nhận thức 'Đây là tịnh' ở nhất thể"... "Được giác ngộ ý nghĩa về việc đã được tạo thành phương tiện ở nhất thể"... "Được giác ngộ ý nghĩa về việc đã được tạo thành nền tảng ở nhất thể"... "Được giác ngộ ý nghĩa về việc đã được thiết lập ở nhất thể"... "Được giác ngộ ý nghĩa về việc đã được tích lũy ở nhất thể"... "Được giác ngộ ý nghĩa về việc đã được khởi đầu tốt đẹp và tĩnh lặng ở nhất thể"... "Được giác ngộ ý nghĩa về sự nắm giữ ở nhất thể"... "Được giác ngộ ý nghĩa về sự phụ trợ ở nhất thể"... "Được giác ngộ ý nghĩa về sự hoàn bị ở nhất thể"... "Được giác ngộ ý nghĩa về sự liên kết ở nhất thể"... "Được giác ngộ ý nghĩa về sự khẳng định ở nhất thể"... "Được giác ngộ ý nghĩa về sự rèn luyện ở nhất thể"... "Được giác ngộ ý nghĩa về sự tu tập ở nhất thể"... "Được giác ngộ ý nghĩa về sự làm cho sung mãn ở nhất thể"... "Được giác ngộ ý nghĩa của sự khéo được hiện khởi ở

nhất thể" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự khéo được giải thoát ở nhất thể" là các giác chi.

"Được giác ngộ ý nghĩa của sự được giác ngộ [Sơ đạo] ở nhất thể" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự được giác ngộ [Nhị đạo] ở nhất thể" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự được giác ngộ [Tam đạo] ở nhất thể" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự được giác ngộ [Tứ đạo] ở nhất thể" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự làm cho giác ngộ [Sơ đạo] ở nhất thể" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự làm cho giác ngộ [Nhị đạo] ở nhất thể" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự làm cho giác ngộ [Tam đạo] ở nhất thể" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự làm cho giác ngộ [Tứ đạo] ở nhất thể" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự dự phần làm cho giác ngộ [Sơ đạo] ở nhất thể" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự dự phần làm cho giác ngộ [Nhị đạo] ở nhất thể" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự dự phần làm cho giác ngộ [Tam đạo] ở nhất thể" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự dự phần làm cho giác ngộ [Tứ đạo] ở nhất thể" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự phát quang [Sơ đạo] ở nhất thể" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự phát quang [Nhị đạo] ở nhất thể" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự phát quang [Tam đạo] ở nhất thể" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự phát quang [Tứ đạo] ở nhất thể" là các giác chi.

"Được giác ngộ ý nghĩa của sự làm sáng tỏ" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự chói sáng" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa thiêu đốt các phiền não" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa không nhơ bẩn" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa tách rời nhơ bẩn" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa hết nhơ bẩn" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của tĩnh lặng" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của thời điểm" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của tách ly" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của hạnh tách ly" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của ly dục" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của hạnh ly dục" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của diệt tận" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của hạnh diệt tận" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của xả ly" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của hạnh xả ly" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của giải thoát" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của hạnh giải thoát" là các giác chi.

"Được giác ngộ ý nghĩa của ước muốn" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa nguồn gốc của ước muốn" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa cơ sở của ước muốn" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa nỗ lực của ước muốn" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa thành tựu của ước muốn" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa cương quyết của ước muốn" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa ra sức của ước muốn" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa thiết lập của ước muốn" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa không tản mạn của ước muốn" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa nhận thức của ước muốn" là các giác chi.

"Được giác ngộ ý nghĩa của tinh tấn" là các giác chi... (nt)... "Được giác ngộ ý nghĩa của tâm" là các giác chi... (nt)... "Được giác ngộ ý nghĩa của thẩm xét" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa nguồn cội của thẩm xét" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa cơ sở của thẩm xét" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa nỗ lực của thẩm xét" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa thành tựu của thẩm xét" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa cương quyết của thẩm xét" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa ra sức của thẩm xét" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa thiết lập của thẩm xét" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa không tản mạn của thẩm xét" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa nhận thức của thẩm xét" là các giác chi.

"Được giác ngộ ý nghĩa áp bức của khổ" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa tạo tác của khổ" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa nóng nảy của khổ" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa chuyển biến của khổ" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của nhân sanh [khổ]"... (nt)... ý nghĩa tích lũy [nghiệp]... (nt)... ý nghĩa căn nguyên... (nt)... ý nghĩa ràng buộc... (nt)... ý nghĩa vướng bận của nhân sanh [khổ]" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự diệt tận [khổ]"... (nt)... ý nghĩa xuất ly... (nt)... ý nghĩa viễn ly... (nt)... ý nghĩa không tạo tác... (nt)... ý nghĩa bất tử của sự diệt tận [khổ]" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của đạo"... (nt)... ý nghĩa dẫn xuất... (nt)... ý nghĩa chủng tử... (nt)... ý nghĩa nhận thức... (nt)... ý nghĩa pháp chủ đạo của đạo" là các giác chi.

"Được giác ngộ ý nghĩa của thực thể" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của vô ngã" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của chân lý" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của thấu triệt" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của biết rõ" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của biết toàn diện" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của hiện tượng" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của bản thể" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của điều đã được biết" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của tác chứng" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của chạm đến" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của lãnh hội" là các giác chi.

"Được giác ngộ về sự thoát ly" là các giác chi. "Được giác ngộ về sự không sân độc" là các giác chi. "Được giác ngộ về sự nghĩ tưởng đến ánh sáng" là các giác chi. "Được giác ngộ về sự không tản mạn" là các giác chi. "Được giác ngộ về sự xác định pháp" là các giác chi. "Được giác ngộ về trí [đối kháng vô minh]" là các giác chi. "Được giác ngộ về sự hân hoan" là các giác chi.

"Được giác ngộ về sơ thiền" là các giác chi... (nt)... "Được giác ngộ sự chứng đạt về Phi tưởng phi phi tưởng xứ" là các giác chi. "Được giác ngộ sự quán xét về vô thường" là các giác chi... (nt)... "Được giác ngộ đạo Nhập lưu" là các giác chi... (nt)... "Được giác ngộ đạo A-la-hán" là các giác chi. "Được giác ngộ sự chứng đạt quả A-la-hán" là các giác chi.

"Được giác ngộ tín quyền theo ý nghĩa cương quyết" là các giác chi. ...

(nt)... "Được giác ngộ tuệ quyền theo ý nghĩa nhận thức" là các giác chi. "Được giác ngộ tín lực theo ý nghĩa không dao động ở sự không có đức tin" là các giác chi. ... (nt)... "Được giác ngộ tuệ lực theo ý nghĩa không dao động ở vô minh" là các giác chi. "Được giác ngộ niệm giác chi theo ý nghĩa thiết lập" là các giác chi. ... (nt)... "Được giác ngộ xả giác chi theo ý nghĩa phân biệt rõ" là các giác chi. "Được giác ngộ chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức" là các giác chi. ... (nt)... "Được giác ngộ chánh định theo ý nghĩa không tản mạn" là các giác chi.

"Được giác ngộ các quyền theo pháp chủ đạo" là các giác chi. "Được giác ngộ các lực theo ý nghĩa không thể bị lay chuyển" là các giác chi. "Được giác ngộ các giác chi theo ý nghĩa dẫn xuất [ra khỏi luân hồi]" là các giác chi. "Được giác ngộ đạo theo ý nghĩa chủng tử" là các giác chi. "Được giác ngộ các sự thiết lập niệm theo ý nghĩa thiết lập" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa các chánh cần theo ý nghĩa nỗ lực" là các giác chi. "Được giác ngộ các nền tảng của thần thông theo ý nghĩa thành tựu" là các giác chi. "Được giác ngộ chân lý theo ý nghĩa thực thể" là các giác chi.

"Được giác ngộ chỉ tịnh theo ý nghĩa không tản mạn" là các giác chi. "Được giác ngộ minh sát theo ý nghĩa quán xét" là các giác chi. "Được giác ngộ chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa nhất vị" là các giác chi. "Được giác ngộ sự kết hợp chung theo ý nghĩa không vượt quá" là các giác chi.

"Được giác ngộ giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc" là các giác chi. "Được giác ngộ tâm thanh tịnh theo ý nghĩa không tản mạn" là các giác chi. "Được giác ngộ kiến thanh tịnh theo ý nghĩa nhận thức" là các giác chi. "Được giác ngộ sự giải thoát theo ý nghĩa thoát khỏi" là các giác chi. "Được giác ngộ về minh theo ý nghĩa thấu triệt" là các giác chi. "Được giác ngộ sự giải thoát theo ý nghĩa buông bỏ" là các giác chi. "Được giác ngộ trí về sự đoạn tận theo ý nghĩa đoạn trừ" là các giác chi. "Được giác ngộ trí về sự vô sanh theo ý nghĩa tĩnh lặng" là các giác chi.

"Được giác ngộ về sự ước muốn theo ý nghĩa nguồn cội" là các giác chi. "Được giác ngộ về sự tác ý theo ý nghĩa nguồn sanh khởi" là các giác chi. "Được giác ngộ về xúc theo ý nghĩa liên kết" là các giác chi. "Được giác ngộ về thọ theo ý nghĩa hội tụ" là các giác chi. "Được giác ngộ về định theo ý nghĩa dẫn đầu" là các giác chi. "Được giác ngộ về niệm theo ý nghĩa pháp chủ đạo" là các giác chi. "Được giác ngộ về tuệ theo ý nghĩa của sự cao thượng trong các pháp thiện" là các giác chi. "Được giác ngộ về giải thoát theo ý nghĩa cốt lõi" là các giác chi. "Được giác ngộ về Niết-bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc" là các giác chi.

(Duyên khởi ở Sāvatthi)

Tại nơi ấy, Đại đức Sāriputta đã bảo các vị Tỳ-khưu rằng:

– Này các Đại đức Tỳ-khưu.

– Thưa Đại đức.

Các vị Tỳ-khưu ấy đã trả lời Đại đức Sāriputta. Đại đức Sāriputta đã nói điều này:

– Này các Đại đức, đây là bảy giác chi. Bảy là gì? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi... (nt)... xả giác chi. Này các Đại đức, đây là bảy giác chi.

Này các Đại đức, trong số bảy giác chi này, [nếu] tôi đây mong muốn an trú vào buổi sáng với bất cứ giác chi nào thì tôi an trú vào buổi sáng với chính giác chi ấy. [Nếu] tôi đây mong muốn an trú vào giữa trưa... (nt)... vào buổi chiều với bất cứ giác chi nào thì tôi an trú vào buổi chiều với chính giác chi ấy. Này các Đại đức, nếu [điều gọi là] "niệm giác chi" hiện hữu ở tôi, là "vô lượng" ở tôi, là "khởi đầu thật tĩnh lặng" ở tôi, và tôi nhận biết về điều ấy đang tồn tại là "nó tồn tại." Nếu điều ấy biến mất ở tôi, tôi nhận biết rằng: "Nó biến mất ở tôi do duyên ấy." Nếu [điều gọi là] "trạch pháp giác chi"... (nt)... "xả giác chi" hiện hữu ở tôi, là "vô lượng" ở tôi, là "khởi đầu thật tĩnh lặng" ở tôi, và tôi nhận biết về điều ấy đang tồn tại là "nó tồn tại." Nếu điều ấy biến mất ở tôi, tôi nhận biết rằng: "Nó biến mất ở tôi do duyên ấy."

Này các Đại đức, cũng giống như trường hợp đức vua hoặc vị quan đại thần của đức vua có chiếc rương đầy các loại vải nhiều màu sắc khác nhau. Nếu vị ấy mong muốn choàng lên vào buổi sáng một cặp vải nào đó thì có thể choàng lên vào buổi sáng chính cặp vải ấy. Nếu vị ấy mong muốn choàng lên vào giữa trưa... (nt)... vào buổi chiều một cặp vải nào đó thì có thể choàng lên vào buổi chiều chính cặp vải ấy. Này các Đại đức, tương tợ y như thế trong số bảy giác chi này, [nếu] tôi mong muốn an trú vào buổi sáng với bất cứ giác chi nào thì tôi an trú vào buổi sáng với chính giác chi ấy. [Nếu] tôi mong muốn an trú vào giữa trưa... (nt)... vào buổi chiều với bất cứ giác chi nào thì tôi an trú vào buổi chiều với chính giác chi ấy. Này các Đại đức, nếu [điều gọi là] "niệm giác chi" hiện hữu ở tôi, là "vô lượng" ở tôi, là "khởi đầu thật tĩnh lặng" ở tôi, và tôi nhận biết về điều ấy đang tồn tại là "nó tồn tại." Nếu điều ấy biến mất ở tôi, tôi nhận biết rằng: "Nó biến mất ở tôi do duyên ấy." Nếu [điều gọi là] "trạch pháp giác chi"... (nt)... "xả giác chi" hiện hữu ở tôi, là "vô lượng" ở tôi, là "khởi đầu thật tĩnh lặng" ở tôi, và tôi nhận biết về điều ấy đang tồn tại là "nó tồn tại." Nếu điều ấy biến mất ở tôi, tôi nhận biết rằng: "Nó biến mất ở tôi do duyên ấy."

Có giác chi như vầy: "Nếu [điều gọi là] 'niệm giác chi' hiện hữu" là [có ý nghĩa] thế nào? Cho đến khi nào sự diệt tận còn được thiết lập thì cho đến khi ấy còn có giác chi như vầy: "Nếu [điều gọi là] 'niệm giác chi' hiện hữu." Cũng giống như đối với cây đèn dầu đang được đốt cháy, cho đến khi nào còn có ngọn lửa thì cho đến khi ấy còn có ánh sáng, cho đến khi nào còn có ánh sáng thì cho đến khi ấy còn có ngọn lửa. Tương tợ y như thế, cho đến khi nào sự diệt tận còn được thiết lập thì cho đến khi ấy còn có giác chi như vầy: "Nếu [điều gọi là] 'niệm giác chi' hiện hữu."

Có giác chi như vầy: "Nếu [niệm giác chi] là 'vô lượng'" là [có ý nghĩa] thế nào? Các phiền não, toàn bộ các pháp đã xâm nhập, và các hành đưa đến tái

sanh là có tính chất hạn lượng; sự diệt tận theo ý nghĩa không thể bị lay chuyển, theo ý nghĩa không tạo tác là vô hạn lượng. Cho đến khi nào sự diệt tận còn được thiết lập thì cho đến khi ấy còn có giác chi như vầy: "Nếu [niệm giác chi] là 'vô lượng'."

Có giác chi như vầy: "Nếu [niệm giác chi] là 'khởi đầu tốt đẹp và tĩnh lặng'" là [có ý nghĩa] thế nào? Các phiền não, toàn bộ các pháp đã xâm nhập, và các hành đưa đến tái sanh là không tĩnh lặng; sự diệt tận theo ý nghĩa thanh tịnh, theo ý nghĩa cao quý là pháp tĩnh lặng. Cho đến khi nào sự diệt tận còn được thiết lập thì cho đến khi ấy còn có giác chi như vầy: "Nếu [niệm giác chi] là 'khởi đầu tốt đẹp và tĩnh lặng'."

"Và tôi nhận biết về điều ấy đang tồn tại là 'nó tồn tại'. Nếu điều ấy biến mất, tôi nhận biết rằng: 'Nó biến mất ở tôi do duyên ấy'" là [có ý nghĩa] thế nào? Niệm giác chi tồn tại với bao nhiêu biểu hiện? Niệm giác chi biến mất với bao nhiêu biểu hiện?

Niệm giác chi tồn tại với tám biểu hiện. Niệm giác chi biến mất với tám biểu hiện.

Niệm giác chi tồn tại với tám biểu hiện gì? Do hướng tâm đến sự không sanh khởi, niệm giác chi tồn tại; do không hướng tâm đến sự sanh khởi, niệm giác chi tồn tại; do hướng tâm đến sự không vận hành, niệm giác chi tồn tại; do không hướng tâm đến sự vận hành, niệm giác chi tồn tại; do hướng tâm đến vô tướng, niệm giác chi tồn tại; do không hướng tâm đến hiện tướng, niệm giác chi tồn tại; do hướng tâm đến sự diệt tận, niệm giác chi tồn tại; do không hướng tâm đến các hành, niệm giác chi tồn tại; niệm giác chi tồn tại với tám biểu hiện này.

Niệm giác chi biến mất với tám biểu hiện gì? Do hướng tâm đến sự sanh khởi, niệm giác chi biến mất; do không hướng tâm đến sự không sanh khởi, niệm giác chi biến mất; do hướng tâm đến sự vận hành, niệm giác chi biến mất; do không hướng tâm đến sự không vận hành, niệm giác chi biến mất; do hướng tâm đến hiện tướng, niệm giác chi biến mất; do không hướng tâm đến vô tướng, niệm giác chi biến mất; do hướng tâm đến các hành, niệm giác chi biến mất; do không hướng tâm đến sự diệt tận, niệm giác chi biến mất; niệm giác chi biến mất với tám biểu hiện này.

"Và tôi nhận biết về điều ấy đang tồn tại là 'nó tồn tại'. Nếu điều ấy biến mất, tôi nhận biết rằng: 'Nó biến mất ở tôi do duyên ấy'" là [có ý nghĩa] như thế.

Có giác chi như vầy: "Nếu [điều gọi là] 'trạch pháp giác chi' hiện hữu" là [có ý nghĩa] thế nào? ... (nt)... Có giác chi như vầy: "Nếu [điều gọi là] 'xả giác chi' hiện hữu" là [có ý nghĩa] thế nào? Cho đến khi nào sự diệt tận còn được thiết lập thì cho đến khi ấy còn hiện hữu giác chi như vầy: "Nếu [điều gọi là] 'xả giác chi' hiện hữu." Cũng giống như đối với cây đèn dầu đang được đốt cháy, cho đến khi nào còn có ngọn lửa thì cho đến khi ấy còn có ánh sáng, cho đến khi nào còn có ánh sáng thì cho đến khi ấy còn có ngọn lửa. Tương tợ y như thế,

cho đến khi nào sự diệt tận còn được thiết lập thì cho đến khi ấy còn có giác chi như vầy: "Nếu [điều gọi là] 'xả giác chi' hiện hữu."

Có giác chi như vầy: "Nếu [xả giác chi] là 'vô lượng'" là [có ý nghĩa] thế nào? Các phiền não, toàn bộ các pháp đã xâm nhập, và các hành đưa đến tái sanh là có tính chất hạn lượng; sự diệt tận theo ý nghĩa không thể bị lay chuyển, theo ý nghĩa không tạo tác là vô hạn lượng. Cho đến khi nào sự diệt tận còn được thiết lập thì cho đến khi ấy còn có giác chi như vầy: "Nếu [xả giác chi] là 'vô lượng'."

Có giác chi như vầy: "Nếu [xả giác chi] là 'khởi đầu tốt đẹp và tĩnh lặng'" là [có ý nghĩa] thế nào? Các phiền não, toàn bộ các pháp đã xâm nhập, và các hành đưa đến tái sanh là không tĩnh lặng; sự diệt tận theo ý nghĩa thanh tịnh, theo ý nghĩa cao quý là pháp tĩnh lặng. Cho đến khi nào sự diệt tận còn được thiết lập thì cho đến khi ấy còn có giác chi như vầy: "Nếu [xả giác chi] là 'khởi đầu tốt đẹp và tĩnh lặng'."

"Và tôi nhận biết về điều ấy đang tồn tại là 'nó tồn tại'. Nếu điều ấy biến mất, tôi nhận biết rằng: 'Nó biến mất ở tôi do duyên ấy'" là [có ý nghĩa] thế nào? Xả giác chi tồn tại với bao nhiêu biểu hiện? Xả giác chi biến mất với bao nhiêu biểu hiện?

Xả giác chi tồn tại với tám biểu hiện. Xả giác chi biến mất với tám biểu hiện.

Xả giác chi tồn tại với tám biểu hiện gì? Do hướng tâm đến sự không sanh khởi, xả giác chi tồn tại; do không hướng tâm đến sự sanh khởi, xả giác chi tồn tại; do hướng tâm đến sự không vận hành, xả giác chi tồn tại; do không hướng tâm đến sự vận hành, xả giác chi tồn tại; do hướng tâm đến vô tướng, xả giác chi tồn tại; do không hướng tâm đến hiện tướng, xả giác chi tồn tại; do hướng tâm đến sự diệt tận, xả giác chi tồn tại; do không hướng tâm đến các hành, xả giác chi tồn tại. Xả giác chi tồn tại với tám biểu hiện này.

Xả giác chi biến mất với tám biểu hiện gì? Do hướng tâm đến sự sanh khởi, xả giác chi biến mất; do không hướng tâm đến sự không sanh khởi, xả giác chi biến mất; do hướng tâm đến sự vận hành, xả giác chi biến mất; do không hướng tâm đến sự không vận hành, xả giác chi biến mất; do hướng tâm đến hiện tướng, xả giác chi biến mất; do không hướng tâm đến vô tướng, xả giác chi biến mất; do hướng tâm đến các hành, xả giác chi biến mất; do không hướng tâm đến sự diệt tận, xả giác chi biến mất. Xả giác chi biến mất với tám biểu hiện này.

"Và tôi nhận biết về điều ấy đang tồn tại là 'nó tồn tại'. Nếu điều ấy biến mất, tôi nhận biết rằng: 'Nó biến mất ở tôi do duyên ấy'" là [có ý nghĩa] như thế.

Phần giảng về "Giác chi" được đầy đủ.

IV. GIẢNG VỀ TỪ ÁI
(*METTĀKATHĀ*)

(Duyên khởi ở Sāvatthi)

"Này các Tỳ-khưu, khi từ tâm giải thoát[3] là được rèn luyện, được tu tập, được làm cho sung mãn, được tạo thành phương tiện, được tạo thành nền tảng, được thiết lập, được tích lũy, được khởi đầu tốt đẹp và tĩnh lặng, mười một điều lợi ích là có thể mong mỏi. Mười một là gì? [Vị ấy] ngủ an lạc, thức dậy an lạc, không nhìn thấy mộng mị xấu xa, được loài người thương mến, được phi nhân thương mến, chư thiên hộ trì, lửa hoặc thuốc độc hoặc đao gươm không hại được vị ấy, tâm được định nhanh chóng, sắc mặt trầm tĩnh, từ trần không mê mờ, [nếu] chưa thấu triệt pháp tối thượng thì được sanh về thế giới Phạm thiên. Này các Tỳ-khưu, khi từ tâm giải thoát là được rèn luyện, được tu tập, được làm cho sung mãn, được tạo thành phương tiện, được tạo thành nền tảng, được thiết lập, được tích lũy, được khởi đầu tốt đẹp và tĩnh lặng, mười một điều lợi ích này là có thể mong mỏi.

Có [loại] từ tâm giải thoát có sự lan tỏa không giới hạn, có [loại] từ tâm giải thoát có sự lan tỏa giới hạn, có [loại] từ tâm giải thoát có sự lan tỏa khắp các phương.

Từ tâm giải thoát có sự lan tỏa không giới hạn là với bao nhiêu biểu hiện? Từ tâm giải thoát có sự lan tỏa giới hạn là với bao nhiêu biểu hiện? Từ tâm giải thoát có sự lan tỏa khắp các phương là với bao nhiêu biểu hiện?

Từ tâm giải thoát có sự lan tỏa không giới hạn là với năm biểu hiện. Từ tâm giải thoát có sự lan tỏa giới hạn là với bảy biểu hiện. Từ tâm giải thoát có sự lan tỏa khắp các phương là với mười biểu hiện.

Từ tâm giải thoát có sự lan tỏa không giới hạn là với năm biểu hiện gì? "Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, không độc hại, không khổ sở, hãy sống được an lạc cho bản thân. Tất cả các sinh mạng... (nt)... Tất cả các hiện hữu... (nt)... Tất cả các cá nhân... (nt)... Tất cả các hạng có bản ngã hãy là không thù nghịch, không độc hại, không khổ sở, hãy sống được an lạc cho bản thân." Từ tâm giải thoát có sự lan tỏa không giới hạn là với năm biểu hiện này.

Từ tâm giải thoát có sự lan tỏa giới hạn là với bảy biểu hiện gì? "Tất cả nữ nhân hãy là không thù nghịch, không độc hại, không khổ sở, hãy sống được an lạc cho bản thân. Tất cả nam nhân... Tất cả Thánh nhân... Tất cả phàm nhân...

---

[3] Từ tâm giải thoát (*mettācetovimutti*) được giải thích ở bên dưới gồm có ba yếu tố: Từ ái, tâm và giải thoát (*mettā ca ceto ca vimutti cāti mettācetovimutti*). (ND)

Tất cả chư thiên ... Tất cả loài người... Tất cả hàng đọa xứ hãy là không thù nghịch, không độc hại, không khổ sở, hãy sống được an lạc cho bản thân." Từ tâm giải thoát có sự lan tỏa giới hạn là với bảy biểu hiện này.

Từ tâm giải thoát có sự lan tỏa khắp các hướng là với mười biểu hiện gì? "Tất cả chúng sanh ở hướng Đông hãy là không thù nghịch, không độc hại, không khổ sở, hãy sống được an lạc cho bản thân. Tất cả chúng sanh ở hướng Tây... Tất cả chúng sanh ở hướng Bắc... Tất cả chúng sanh ở hướng Nam... Tất cả chúng sanh ở hướng Đông Nam... Tất cả chúng sanh ở hướng Tây Bắc... Tất cả chúng sanh ở hướng Đông Bắc... Tất cả chúng sanh ở hướng Tây Nam... Tất cả chúng sanh ở hướng dưới... Tất cả chúng sanh ở hướng trên, hãy là không thù nghịch, không độc hại, không khổ sở, hãy sống được an lạc cho bản thân." "Tất cả các sinh mạng ở hướng Đông... các hiện hữu... các cá nhân... các hạng có bản ngã... Tất cả nữ nhân... Tất cả nam nhân... Tất cả Thánh nhân... Tất cả phàm nhân... Tất cả chư thiên... Tất cả loài người... Tất cả hàng đọa xứ ở hướng Đông... Tất cả hàng đọa xứ ở hướng Tây... Tất cả hàng đọa xứ ở hướng Bắc... Tất cả hàng đọa xứ ở hướng Nam... Tất cả hàng đọa xứ ở hướng Đông Nam... Tất cả hàng đọa xứ ở hướng Tây Bắc... Tất cả hàng đọa xứ ở hướng Đông Bắc... Tất cả hàng đọa xứ ở hướng Tây Nam... Tất cả hàng đọa xứ ở hướng dưới... (nt)... Tất cả hàng đọa xứ ở hướng trên hãy là không thù nghịch, không độc hại, không khổ sở, hãy sống được an lạc cho bản thân." Từ tâm giải thoát có sự lan tỏa khắp các hướng là với mười biểu hiện này.

Đối với tất cả chúng sanh, xua đi sự áp bức bằng sự không áp bức, xua đi sự hãm hại bằng sự không hãm hại, xua đi sự bực bội bằng sự không bực bội, xua đi sự hủy hoại bằng sự không hủy hoại, xua đi sự quấy rối bằng sự không quấy rối rằng: "Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch chớ có thù nghịch, hãy được an lạc chớ bị khổ đau, bản thân hãy được an lạc bản thân chớ bị khổ đau." "Thể hiện từ ái đến tất cả chúng sanh với tám biểu hiện này" là từ ái. "Suy xét về pháp ấy" là tâm. "Được giải thoát khỏi sự xâm nhập của tất cả các độc hại" là giải thoát. "Từ ái, tâm và giải thoát" là từ tâm giải thoát.

Cương quyết với đức tin rằng: "Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc"; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tín quyền.

Ra sức tinh tấn rằng: "Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc"; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tấn quyền.

Thiết lập niệm rằng: "Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc"; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi niệm quyền.

Tập trung tâm rằng: "Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc"; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi định quyền.

Nhận biết bằng tuệ rằng: "Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc"; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tuệ quyền.

Năm quyền này là sự rèn luyện của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được rèn luyện nhờ vào năm quyền này. Năm quyền này là sự tu tập của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được tu tập nhờ vào năm quyền này. Năm quyền này là được làm cho sung mãn nhờ vào từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được làm cho sung mãn nhờ vào năm quyền này. Năm quyền này là sự tô điểm của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được tô điểm khéo léo nhờ vào năm quyền này. Năm quyền này là sự bảo trì của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được bảo trì tốt đẹp nhờ vào năm quyền này. Năm quyền này là sự phụ trợ của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được phụ trợ tốt đẹp nhờ vào năm quyền này.

Đối với từ tâm giải thoát, năm quyền này là sự rèn luyện, là sự tu tập, là được làm cho sung mãn, là sự tô điểm, là sự bảo trì, là sự phụ trợ, là có sự toàn vẹn, là đồng hành, là đồng sanh, là đã được nối liền, là đã được liên kết, là sự tiến vào, là sự tạo niềm tin, là sự an trụ, là sự giải thoát, là sự chạm đến "điều này là an tịnh", là đã được tạo thành phương tiện, là đã được tạo thành nền tảng, là đã được thiết lập, là đã được tích lũy, là đã được khởi đầu tốt đẹp và tĩnh lặng, là đã được tu tập tốt đẹp, là đã được khẳng định tốt đẹp, là đã được hiện khởi tốt đẹp, là đã được giải thoát tốt đẹp; chúng làm cho sanh trưởng, làm cho sáng tỏ, làm cho rạng rỡ.

[Khi tác ý] rằng: "Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc", như thế [vị ấy] không rung động bởi sự không có đức tin; từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tín lực.

[Khi tác ý] rằng: "Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc", như thế [vị ấy] không rung động bởi sự biếng nhác; từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tấn lực.

[Khi tác ý] rằng: "Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc", như thế [vị ấy] không rung động bởi sự buông lung; từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi niệm lực.

[Khi tác ý] rằng: "Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc", như thế [vị ấy] không rung động bởi sự phóng dật; từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi định lực.

[Khi tác ý] rằng: "Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc", như thế [vị ấy] không rung động bởi vô minh; từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tuệ lực.

Năm lực này là sự rèn luyện của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được rèn luyện nhờ vào năm lực này. Năm lực này là sự tu tập của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được tu tập nhờ vào năm lực này. Năm lực này là được làm cho sung mãn nhờ vào từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được làm cho sung mãn nhờ vào năm lực này. Năm lực này là sự tô điểm của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được tô điểm khéo léo nhờ vào năm lực này. Năm lực này là sự bảo trì của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được bảo trì tốt đẹp nhờ vào năm lực

này. Năm lực này là sự phụ trợ của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được phụ trợ tốt đẹp nhờ vào năm lực này.

Đối với từ tâm giải thoát, năm quyền này là sự rèn luyện, là sự tu tập, đã được làm cho sung mãn, là sự tô điểm, là sự bảo trì, là sự phụ trợ, là có sự toàn vẹn, là đồng hành, là đồng sanh, là đã được nối liền, là đã được liên kết, là sự tiến vào, là sự tạo niềm tin, là sự an trụ, là sự giải thoát, là sự chạm đến "điều này là an tịnh", là đã được tạo thành phương tiện, là đã được tạo thành nền tảng, là đã được thiết lập, là đã được tích lũy, là đã được khởi đầu tốt đẹp và tĩnh lặng, là đã được tu tập tốt đẹp, là đã được khẳng định tốt đẹp, là đã được hiện khởi tốt đẹp, là đã được giải thoát tốt đẹp; chúng làm cho sanh trưởng, làm cho sáng tỏ, làm cho rạng rỡ.

Thiết lập niệm rằng: "Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc"; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi niệm giác chi.

Suy xét bằng tuệ rằng: "Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc"; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi trạch pháp giác chi.

Ra sức tinh tấn rằng: "Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc"; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi cần giác chi.

Làm an tịnh sự bực bội rằng: "Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc"; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi hỷ giác chi.

Làm an tịnh sự thô xấu rằng: "Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc"; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tịnh giác chi.

Tập trung tâm rằng: "Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc"; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi định giác chi.

Phân biệt rõ các phiền não bằng trí rằng: "Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc"; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi xả giác chi.

Bảy giác chi này là sự rèn luyện của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được rèn luyện nhờ vào bảy giác chi này.

Bảy giác chi này là sự tu tập của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được tu tập nhờ vào bảy giác chi này.

Bảy giác chi này là được làm cho sung mãn nhờ vào từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được làm cho sung mãn nhờ vào bảy giác chi này.

Bảy giác chi này là sự tô điểm của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được tô điểm khéo léo nhờ vào bảy giác chi này.

Bảy giác chi này là sự bảo trì của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được bảo trì tốt đẹp nhờ vào bảy giác chi này.

Bảy giác chi này là sự phụ trợ của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được phụ trợ tốt đẹp nhờ vào bảy giác chi này.

Đối với từ tâm giải thoát, bảy giác chi này là sự rèn luyện, là sự tu tập, đã được làm cho sung mãn, là sự tô điểm, là sự bảo trì, là sự phụ trợ, có sự toàn vẹn, là đồng hành, là đồng sanh, là đã được nối liền, là đã được liên kết, là sự tiến vào, là sự tạo niềm tin, là sự an trụ, là sự giải thoát, là sự chạm đến "điều này là an tịnh", là đã được tạo thành phương tiện, là đã được tạo thành nền tảng, là đã được thiết lập, là đã được tích lũy, là đã được khởi đầu tốt đẹp và tĩnh lặng, là đã được tu tập tốt đẹp, là đã được khẳng định tốt đẹp, là đã được hiện khởi tốt đẹp, là đã được giải thoát tốt đẹp; chúng làm cho sanh trưởng, làm cho sáng tỏ, làm cho rạng rỡ.

Nhận thức đúng đắn rằng: "Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc"; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh kiến.

Gắn chặt đúng đắn [tâm vào cảnh] rằng: "Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc"; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh tư duy.

Gìn giữ đúng đắn rằng: "Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc"; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh ngữ.

Làm cho sanh khởi đúng đắn rằng: "Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc"; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh nghiệp.

Làm cho trong sạch rằng: "Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc"; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh mạng.

Ra sức đúng đắn rằng: "Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc"; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh tinh tấn.

Thiết lập đúng đắn rằng: "Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc"; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh niệm.

Tập trung [tâm] đúng đắn rằng: "Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc"; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh định.

Tám chi đạo này là sự rèn luyện của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được rèn luyện nhờ vào tám chi đạo này. Tám chi đạo này là sự tu tập của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được tu tập nhờ vào tám chi đạo này. Tám chi đạo này là được làm cho sung mãn nhờ vào từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được làm cho sung mãn nhờ vào tám chi đạo này. Tám chi đạo này là sự tô điểm của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được tô điểm khéo léo nhờ vào tám chi đạo

này. Tám chi đạo này là sự bảo trì của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được bảo trì tốt đẹp nhờ vào tám chi đạo này. Tám chi đạo này là sự phụ trợ của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được phụ trợ tốt đẹp nhờ vào tám chi đạo này.

Đối với từ tâm giải thoát, tám chi đạo này là sự rèn luyện, là sự tu tập, đã được làm cho sung mãn, là sự tô điểm, là sự bảo trì, là sự phụ trợ, có sự toàn vẹn, là đồng hành, là đồng sanh, là đã được nối liền, là đã được liên kết, là sự tiến vào, là sự tạo niềm tin, là sự an trụ, là sự giải thoát, là sự chạm đến "điều này là an tịnh", là đã được tạo thành phương tiện, là đã được tạo thành nền tảng, là đã được thiết lập, là đã được tích lũy, là đã được khởi đầu tốt đẹp và tĩnh lặng, là đã được tu tập tốt đẹp, là đã được khẳng định tốt đẹp, là đã được hiện khởi tốt đẹp, là đã được giải thoát tốt đẹp; chúng làm cho sanh trưởng, làm cho sáng tỏ, làm cho rạng rỡ.

Đối với tất cả các sinh mạng... Đối với tất cả các hiện hữu... Đối với tất cả các cá nhân... Đối với tất cả các hạng có bản ngã... Đối với tất cả nữ nhân... Đối với tất cả nam nhân... Đối với tất cả Thánh nhân... Đối với tất cả phàm nhân... Đối với tất cả chư thiên... Đối với tất cả loài người... Đối với tất cả hàng đọa xứ, xua đi sự áp bức bằng sự không áp bức, xua đi sự hãm hại bằng sự không hãm hại, xua đi sự bực bội bằng sự không bực bội, xua đi sự hủy hoại bằng sự không hủy hoại, xua đi sự quấy rối bằng sự không quấy rối rằng: "Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch chớ có thù nghịch, hãy được an lạc chớ bị khổ đau, bản thân hãy được an lạc, bản thân chớ bị khổ đau." "Thể hiện từ ái đến tất cả hàng đọa xứ với tám biểu hiện này" là từ ái. "Suy xét về pháp ấy" là tâm. "Được giải thoát khỏi sự xâm nhập của tất cả các độc hại" là giải thoát. "Từ ái, tâm và giải thoát" là từ tâm giải thoát.

Cương quyết với đức tin rằng: "Tất cả hàng đọa xứ hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc"; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tín quyền... (nt)...; chúng làm cho sanh trưởng, làm cho sáng tỏ, làm cho rạng rỡ.

Đối với tất cả chúng sanh ở hướng Đông... Đối với tất cả chúng sanh ở hướng Tây... Đối với tất cả chúng sanh ở hướng Bắc... Đối với tất cả chúng sanh ở hướng Nam... Đối với tất cả chúng sanh ở hướng Đông Nam... Đối với tất cả chúng sanh ở hướng Tây Bắc... Đối với tất cả chúng sanh ở hướng Đông Bắc... Đối với tất cả chúng sanh ở hướng Tây Nam... Đối với tất cả chúng sanh ở hướng dưới... Đối với tất cả chúng sanh ở hướng trên, xua đi sự áp bức bằng sự không áp bức, xua đi sự hãm hại bằng sự không hãm hại, xua đi sự bực bội bằng sự không bực bội, xua đi sự hủy hoại bằng sự không hủy hoại, xua đi sự quấy rối bằng sự không quấy rối rằng: "Tất cả chúng sanh ở hướng trên hãy là không thù nghịch chớ có thù nghịch, hãy được an lạc chớ bị khổ đau, bản thân hãy được an lạc, bản thân chớ bị khổ đau." "Thể hiện từ ái đến tất cả hàng đọa xứ với tám biểu hiện này" là từ ái. "Suy xét về pháp ấy" là tâm. "Được giải thoát khỏi sự xâm nhập của tất cả các độc hại" là giải thoát. "Từ ái, tâm và giải thoát" là từ tâm giải thoát.

Cương quyết với đức tin rằng: "Tất cả hàng đọa xứ ở hướng trên hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc"; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tín quyền... (nt)...; chúng làm cho sanh trưởng, làm cho sáng tỏ, làm cho rạng rỡ.

Đối với tất cả các sinh mạng ở hướng Đông... Đối với tất cả các hiện hữu... Đối với tất cả các cá nhân... Đối với tất cả các hạng có bản ngã... Đối với tất cả nữ nhân... Đối với tất cả nam nhân... Đối với tất cả Thánh nhân... Đối với tất cả phàm nhân... Đối với tất cả chư thiên... Đối với tất cả loài người... Đối với tất cả hàng đọa xứ... Đối với tất cả hàng đọa xứ ở hướng Tây... Đối với tất cả hàng đọa xứ ở hướng Bắc... Đối với tất cả hàng đọa xứ ở hướng Nam... Đối với tất cả hàng đọa xứ ở hướng Đông Nam... Đối với tất cả hàng đọa xứ ở hướng Tây Bắc... Đối với tất cả hàng đọa xứ ở hướng Đông Bắc... Đối với tất cả hàng đọa xứ ở hướng Tây Nam... Đối với tất cả hàng đọa xứ ở hướng dưới... Đối với tất cả hàng đọa xứ ở hướng trên, xua đi sự áp bức bằng sự không áp bức, xua đi sự hãm hại bằng sự không hãm hại, xua đi sự bực bội bằng sự không bực bội, xua đi sự hủy hoại bằng sự không hủy hoại, xua đi sự quấy rối bằng sự không quấy rối rằng: "Tất cả hàng đọa xứ ở hướng trên hãy là không thù nghịch chớ có thù nghịch, hãy được an lạc chớ bị khổ đau, bản thân hãy được an lạc, bản thân chớ bị khổ đau." "Thể hiện từ ái đến tất cả hàng đọa xứ với tám biểu hiện này" là từ ái. "Suy xét về pháp ấy" là tâm. "Được giải thoát khỏi sự xâm nhập của tất cả các độc hại" là giải thoát. "Từ ái, tâm và giải thoát" là từ tâm giải thoát.

Cương quyết với đức tin rằng: "Tất cả hàng đọa xứ ở hướng trên hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc"; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tín quyền. Ra sức tinh tấn rằng: "Tất cả hàng đọa xứ ở hướng trên hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc"; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tấn quyền. Thiết lập niệm rằng: ... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi niệm quyền. Tập trung tâm rằng: ... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi định quyền. Nhận biết bằng tuệ rằng: ... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tuệ quyền.

Năm quyền này là sự rèn luyện của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được rèn luyện nhờ vào năm quyền này. ... (nt)...; chúng làm cho sanh trưởng, làm cho sáng tỏ, làm cho rạng rỡ.

Không dao động ở sự không có đức tin rằng: "Tất cả hàng đọa xứ ở hướng trên hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc"; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tín quyền. Không dao động ở sự biếng nhác rằng: ... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tấn lực. Không dao động ở sự buông lung rằng: ... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi niệm lực. Không dao động ở sự phóng dật rằng: ... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi định lực. Không dao động ở vô minh rằng: ... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tuệ lực.

Năm lực này là sự rèn luyện của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được

rèn luyện nhờ vào năm quyền này. … (nt)...; chúng làm cho sanh trưởng, làm cho sáng tỏ, làm cho rạng rỡ.

Thiết lập niệm rằng: "Tất cả hàng đọa xứ ở hướng trên hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc"; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi niệm giác chi. Suy xét bằng tuệ rằng: ... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi trạch pháp giác chi. Ra sức tinh tấn rằng: ... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi cần giác chi. Làm an tịnh sự bực bội rằng: ... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi hỷ giác chi. Làm an tịnh sự thô xấu rằng: ... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tịnh giác chi. Tập trung tâm rằng: ... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi định giác chi. Phân biệt rõ các phiền não bằng trí rằng: ... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi xả giác chi.

Bảy giác chi này là sự rèn luyện của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được rèn luyện nhờ bảy giác chi này. … (nt)...; chúng làm cho sanh trưởng, làm cho sáng tỏ, làm cho rạng rỡ.

Nhận thức đúng đắn rằng: "Tất cả hàng đọa xứ ở hướng trên hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc"; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh kiến. Gắn chặt đúng đắn [tâm vào cảnh] rằng: ... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh tư duy. Gìn giữ đúng đắn rằng: ... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh ngữ. Làm cho sanh khởi đúng đắn rằng: ... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh nghiệp. Làm cho trong sạch rằng: ... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh mạng. Ra sức đúng đắn rằng: ... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh tinh tấn. Thiết lập đúng đắn rằng: ... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh niệm. Tập trung [tâm] đúng đắn rằng: ... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh định.

Tám chi đạo này là sự rèn luyện của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được rèn luyện nhờ vào tám chi đạo này... (nt)... Tám chi đạo này là sự phụ trợ của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được phụ trợ tốt đẹp nhờ vào tám chi đạo này.

Đối với từ tâm giải thoát, tám chi đạo này là sự rèn luyện, là sự tu tập, đã được làm cho sung mãn, là sự tô điểm, là sự bảo trì, là sự phụ trợ, có sự toàn vẹn, là đồng hành, là đồng sanh, là đã được nối liền, là đã được liên kết, là sự tiến vào, là sự tạo niềm tin, là sự an trụ, là sự giải thoát, là sự chạm đến "điều này là an tịnh", là đã được tạo thành phương tiện, là đã được tạo thành nền tảng, là đã được thiết lập, là đã được tích lũy, là đã được khởi đầu tốt đẹp và tĩnh lặng, là đã được tu tập tốt đẹp, là đã được khẳng định tốt đẹp, là đã được hiện khởi tốt đẹp, là đã được giải thoát tốt đẹp; chúng làm cho sanh trưởng, làm cho sáng tỏ, làm cho rạng rỡ.

Phần giảng về "Từ ái" được đầy đủ.

V. GIẢNG VỀ LY THAM ÁI
(*VIRĀGAKATHĀ*)

Ly tham ái là đạo, sự giải thoát là quả.

Ly tham ái là đạo, là [có ý nghĩa] thế nào? Vào sát-na đạo Nhập lưu, chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức, loại bỏ tà kiến, loại bỏ các phiền não xu hướng theo điều ấy và các uẩn, loại bỏ tất cả các hiện tướng ở ngoại phần.

Ly tham ái có đối tượng là ly tham ái, có hành xứ là ly tham ái, được hiện khởi ở ly tham ái, được tồn tại ở ly tham ái, được thiết lập ở ly tham ái.[4]

Ly tham ái: Có hai ly tham ái: Niết-bàn là ly tham ái, và tất cả các pháp sanh lên từ đối tượng Niết-bàn đều là ly tham ái. "Bảy chi phần đồng sanh đi đến ly tham ái",[5] như thế ly tham ái là đạo lộ. "Bằng đạo lộ ấy, chư Phật và các Thinh văn đi đến Niết-bàn là hướng chưa đi", như thế là đạo lộ có tám chi phần. "Cho đến các đạo lộ của các học thuyết khác của số đông Sa-môn và Bà-la-môn, chính Thánh đạo tám chi phần này là tột đỉnh, hạng nhất, dẫn đầu, tối thượng và ưu tú"; như thế trong số các đạo lộ, tám chi phần là hạng nhất.

Chánh tư duy theo ý nghĩa gắn chặt [tâm vào cảnh], loại bỏ tà tư duy. ... (nt)... Chánh ngữ theo ý nghĩa gìn giữ, loại bỏ tà ngữ. ... (nt)... Chánh nghiệp theo ý nghĩa nguồn sanh khởi, loại bỏ tà nghiệp. ... (nt)... Chánh mạng theo ý nghĩa trong sạch, loại bỏ tà mạng. ... (nt)... Chánh tinh tấn theo ý nghĩa ra sức, loại bỏ tà tinh tấn. ... (nt)... Chánh niệm theo ý nghĩa thiết lập, loại bỏ tà niệm. ... (nt)... Chánh định theo ý nghĩa không tản mạn, loại bỏ tà định, loại bỏ các phiền não xu hướng theo điều ấy và các uẩn, loại bỏ tất cả các hiện tướng ở ngoại phần. Ly tham ái có đối tượng là ly tham ái, có hành xứ là ly tham ái, được hiện khởi ở ly tham ái, được tồn tại ở ly tham ái, được thiết lập ở ly tham ái.

Ly tham ái: Có hai ly tham ái: Niết-bàn là ly tham ái, và tất cả các pháp sanh lên từ đối tượng Niết-bàn đều là ly tham ái. "Bảy chi phần đồng sanh đi đến ly tham ái", như thế ly tham ái là đạo lộ. "Bằng đạo lộ ấy, chư Phật và các Thinh văn đi đến Niết-bàn là hướng chưa đi", như thế là đạo lộ có tám chi phần. "Cho đến các đạo lộ của các học thuyết khác, của số đông Sa-môn và Bà-la-môn, chính Thánh đạo tám chi phần này là tột đỉnh, hạng nhất, dẫn đầu, tối thượng và ưu tú"; như thế trong số các đạo lộ, tám chi phần là hạng nhất.

---

[4] Đoạn này nếu dịch theo *Chú giải* sẽ là: Ly tham ái có đối tượng là Niết-bàn, có hành xứ là Niết-bàn, được hiện khởi ở Niết-bàn, được tồn tại ở Niết-bàn, được thiết lập ở Niết-bàn (*PsA*. III. 608).

[5] Là bảy chi phần còn lại của Thánh đạo tám chi phần, trừ bớt đi chánh kiến (*PsA*. III. 608).

Vào sát-na đạo Nhất lai, chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức... (nt)... Chánh định theo ý nghĩa không tản mạn, loại bỏ sự ràng buộc của ái dục, sự ràng buộc của bất bình có tính chất thô thiển, ái dục ngủ ngầm và bất bình ngủ ngầm có tính chất thô thiển, loại bỏ các phiền não xu hướng theo điều ấy và các uẩn, loại bỏ tất cả các hiện tướng ở ngoại phần. Ly tham ái có đối tượng là ly tham ái, có hành xứ là ly tham ái, được hiện khởi ở ly tham ái, được tồn tại ở ly tham ái, được thiết lập ở ly tham ái.

Ly tham ái: Có hai ly tham ái: Niết-bàn là ly tham ái, và tất cả các pháp sanh lên từ đối tượng Niết-bàn đều là ly tham ái. "Bảy chi phần đồng sanh đi đến ly tham ái", như thế ly tham ái là đạo lộ. "Bằng đạo lộ ấy, chư Phật và các Thinh văn đi đến Niết-bàn là hướng chưa đi", như thế là đạo lộ có tám chi phần. "Cho đến các đạo lộ của các học thuyết khác, của số đông Sa-môn và Bà-la-môn, chính Thánh đạo tám chi phần này là tột đỉnh, hạng nhất, dẫn đầu, tối thượng và ưu tú"; như thế trong số các đạo lộ, tám chi phần là hạng nhất.

Vào sát-na đạo Bất lai, chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức... (nt)... Chánh định theo ý nghĩa không tản mạn, loại bỏ sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất vi tế, ái dục ngủ ngầm và bất bình ngủ ngầm có tính chất vi tế, loại bỏ các phiền não xu hướng theo điều ấy và các uẩn, loại bỏ tất cả các hiện tướng ở ngoại phần. Ly tham ái có đối tượng là ly tham ái... (nt)... như thế, trong số các đạo lộ, tám chi phần là hạng nhất.

Vào sát-na đạo A-la-hán, chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức... (nt)... Chánh định theo ý nghĩa không tản mạn, loại bỏ ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật, vô minh, ngã mạn ngủ ngầm, ái hữu ngủ ngầm, vô minh ngủ ngầm, loại bỏ các phiền não xu hướng theo điều ấy và các uẩn, loại bỏ tất cả các hiện tướng ở ngoại phần. Ly tham ái có đối tượng là ly tham ái, có hành xứ là ly tham ái, được hiện khởi ở ly tham ái, được tồn tại ở ly tham ái, được thiết lập ở ly tham ái.

Ly tham ái: Có hai ly tham ái: Niết-bàn là ly tham ái, và tất cả các pháp sanh lên từ đối tượng Niết-bàn đều là ly tham ái. "Bảy chi phần đồng sanh đi đến ly tham ái", như thế ly tham ái là đạo lộ. "Bằng đạo lộ ấy, chư Phật và các Thinh văn đi đến Niết-bàn là hướng chưa đi", như thế là đạo lộ có tám chi phần. "Cho đến các đạo lộ của các học thuyết khác, của số đông Sa-môn và Bà-la-môn, chính Thánh đạo tám chi phần này là tột đỉnh, hạng nhất, dẫn đầu, tối thượng và ưu tú"; như thế, trong số các đạo lộ, tám chi phần là hạng nhất.

Ly tham ái là nhận thức, tức là chánh kiến. Ly tham ái là sự gắn chặt [tâm vào cảnh], tức là chánh tư duy. Ly tham ái là sự gìn giữ, tức là chánh ngữ. Ly tham ái là nguồn sanh khởi, tức là chánh nghiệp. Ly tham ái là sự trong sạch, tức là chánh mạng. Ly tham ái là sự ra sức, tức là chánh tinh tấn. Ly tham ái là sự thiết lập, tức là chánh niệm. Ly tham ái là sự không tản mạn, tức là chánh định.

Ly tham ái là sự thiết lập, tức là niệm giác chi. Ly tham ái là sự suy xét, tức là trạch pháp giác chi. Ly tham ái là sự ra sức, tức là cần giác chi. Ly tham ái là sự lan tỏa, tức là hỷ giác chi. Ly tham ái là sự an tịnh, tức là tịnh giác chi. Ly

tham ái là sự không tản mạn, tức là định giác chi. Ly tham ái là sự phân biệt rõ, tức là xả giác chi.

Ly tham ái là không dao động ở sự không có đức tin, tức là tín lực. Ly tham ái là không dao động ở sự biếng nhác, tức là tấn lực. Ly tham ái là không dao động ở sự buông lung, tức là niệm lực. Ly tham ái là không dao động ở sự phóng dật, tức là định lực. Ly tham ái là không dao động ở sự vô minh, tức là tuệ lực.

Ly tham ái là sự cương quyết, tức là tín quyền. Ly tham ái là sự ra sức, tức là tấn quyền. Ly tham ái là sự thiết lập, tức là niệm quyền. Ly tham ái là sự không tản mạn, tức là định quyền. Ly tham ái là sự nhận thức, tức là tuệ quyền.

Các quyền, theo ý nghĩa chủ đạo, là ly tham ái. Lực, theo ý nghĩa không thể bị lay chuyển, là ly tham ái. Các giác chi, theo ý nghĩa dẫn xuất, là ly tham ái. Đạo, theo ý nghĩa chủng tử, là ly tham ái. Sự thiết lập niệm, theo ý nghĩa thiết lập, là ly tham ái. Các chân lý, theo ý nghĩa của thực thể, là ly tham ái. Chỉ tịnh, theo ý nghĩa không tản mạn, là ly tham ái. Minh sát, theo ý nghĩa quán xét, là ly tham ái. Chỉ tịnh và minh sát, theo ý nghĩa nhất vị, là ly tham ái. Sự kết hợp chung, theo ý nghĩa không vượt quá, là ly tham ái. Giới thanh tịnh, theo ý nghĩa thu thúc, là ly tham ái. Tâm thanh tịnh, theo ý nghĩa không tản mạn, là ly tham ái. Kiến thanh tịnh, theo ý nghĩa nhận thức, là ly tham ái. Giải thoát, theo ý nghĩa thoát khỏi, là ly tham ái. Minh, theo ý nghĩa thấu triệt, là ly tham ái. Giải thoát, theo ý nghĩa buông bỏ, là ly tham ái. Trí về sự đoạn tận, theo ý nghĩa đoạn trừ, là ly tham ái. Ước muốn, theo ý nghĩa nguồn cội, là ly tham ái. Tác ý, theo ý nghĩa nguồn sanh khởi, là ly tham ái. Xúc, theo ý nghĩa liên kết, là ly tham ái. Thọ, theo ý nghĩa hội tụ, là ly tham ái. Định, theo ý nghĩa dẫn đầu, là ly tham ái. Niệm, theo ý nghĩa chủ đạo, là ly tham ái. Tuệ, theo ý nghĩa cao thượng trong các pháp thiện, là ly tham ái. Giải thoát, theo ý nghĩa của cốt lõi, là ly tham ái. Niết-bàn liên quan đến bất tử, theo ý nghĩa kết thúc, là ly tham ái.

Sự nhận thức là đạo, tức là chánh kiến. Sự gắn chặt [tâm vào cảnh] là đạo, tức là chánh tư duy... (nt)... Niết-bàn liên quan đến bất tử, theo ý nghĩa kết thúc, là đạo.

Ly tham ái là đạo, là [có ý nghĩa] như thế.

Sự giải thoát là quả, là [có ý nghĩa] thế nào? Vào sát-na đạo Nhập lưu, chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức, được giải thoát khỏi tà kiến, được giải thoát khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và khỏi các uẩn, được giải thoát khỏi tất cả các hiện tướng ở ngoại phần. Sự giải thoát có đối tượng là giải thoát, có hành xứ là giải thoát, được hiện khởi ở giải thoát, được tồn tại ở giải thoát, được thiết lập ở giải thoát.

Sự giải thoát: Có hai sự giải thoát: "Niết-bàn là sự giải thoát, và tất cả các pháp sanh lên từ đối tượng Niết-bàn đều là sự giải thoát"; như thế, giải thoát là quả.

Chánh tư duy theo ý nghĩa gắn chặt [tâm vào cảnh], giải thoát khỏi tà tư

duy, giải thoát khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và các uẩn, giải thoát khỏi tất cả các hiện tướng ngoại phần. Sự giải thoát có đối tượng là giải thoát, có hành xứ là giải thoát, được hiện khởi ở giải thoát, được tồn tại ở giải thoát, được thiết lập ở giải thoát.

Sự giải thoát: Có hai sự giải thoát: "Niết-bàn là sự giải thoát, và tất cả các pháp sanh lên từ đối tượng Niết-bàn đều là sự giải thoát"; như thế, giải thoát là quả.

Chánh ngữ theo ý nghĩa gìn giữ, giải thoát khỏi tà ngữ... Chánh nghiệp theo ý nghĩa nguồn sanh khởi, giải thoát khỏi tà nghiệp... Chánh mạng theo ý nghĩa trong sạch, giải thoát khỏi tà mạng... Chánh tinh tấn theo ý nghĩa ra sức, giải thoát khỏi tà tinh tấn... Chánh niệm theo ý nghĩa thiết lập, giải thoát khỏi tà niệm... Chánh định theo ý nghĩa không tản mạn, giải thoát khỏi tà định, giải thoát khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và khỏi các uẩn, giải thoát khỏi tất cả các hiện tướng ở ngoại phần. Sự giải thoát có đối tượng là giải thoát, có hành xứ là giải thoát, được hiện khởi ở giải thoát, được tồn tại ở giải thoát, được thiết lập ở giải thoát.

Sự giải thoát: Có hai sự giải thoát: "Niết-bàn là sự giải thoát, và tất cả các pháp sanh lên từ đối tượng Niết-bàn đều là sự giải thoát"; như thế, sự giải thoát là quả.

Vào sát-na quả Nhất lai, chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức... (nt)... Chánh định theo ý nghĩa không tản mạn, giải thoát khỏi sự ràng buộc của ái dục, sự ràng buộc của bất bình có tính chất thô thiển, ái dục ngủ ngầm và bất bình ngủ ngầm có tính chất thô thiển, giải thoát khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và khỏi các uẩn, giải thoát khỏi tất cả các hiện tướng ở ngoại phần. Sự giải thoát có đối tượng là giải thoát, có hành xứ là giải thoát, được hiện khởi ở giải thoát, được tồn tại ở giải thoát, được thiết lập ở giải thoát.

Sự giải thoát: Có hai sự giải thoát: "Niết-bàn là sự giải thoát, và tất cả các pháp sanh lên từ đối tượng Niết-bàn đều là sự giải thoát"; như thế, giải thoát là quả.

Vào sát-na quả Bất lai, chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức... (nt)... Chánh định theo ý nghĩa không tản mạn, giải thoát khỏi sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất vi tế, ái dục ngủ ngầm và bất bình ngủ ngầm có tính chất vi tế, giải thoát khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và khỏi các uẩn, giải thoát khỏi tất cả các hiện tướng ở ngoại phần. Sự giải thoát có đối tượng là giải thoát, có hành xứ là giải thoát, được hiện khởi ở giải thoát, được tồn tại ở giải thoát, được thiết lập ở giải thoát.

Sự giải thoát: Có hai sự giải thoát: ... (nt)... giải thoát là quả.

Vào sát-na quả A-la-hán, chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức... (nt)... Chánh định theo ý nghĩa không tản mạn, giải thoát khỏi ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật, vô minh, ngã mạn ngủ ngầm, ái hữu ngủ ngầm, vô minh ngủ ngầm, giải thoát khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và khỏi các uẩn, giải thoát

khỏi tất cả các hiện tướng ở ngoại phần. Sự giải thoát có đối tượng là giải thoát, có hành xứ là giải thoát, được tồn tại ở giải thoát, được thiết lập ở giải thoát.

Sự giải thoát: Có hai sự giải thoát: "Niết-bàn là sự giải thoát, và tất cả các pháp sanh lên từ đối tượng Niết-bàn đều là sự giải thoát"; như thế, giải thoát là quả.

Giải thoát là sự nhận thức, tức là chánh kiến.... (nt)... Giải thoát là sự không tản mạn, tức là chánh định. Giải thoát là sự thiết lập, tức là niệm giác chi.... (nt)... Giải thoát là sự phân biệt rõ, tức là xả giác chi.

Giải thoát là không dao động ở sự không có đức tin, tức là tín lực.... (nt)... Giải thoát là không dao động ở vô minh, tức là tuệ lực.

Giải thoát là sự cương quyết, tức là tín quyền... (nt)... Giải thoát là sự nhận thức, tức là tuệ quyền.

Các quyền, theo ý nghĩa chủ đạo, là sự giải thoát. Các lực, theo ý nghĩa không bị dao động, là sự giải thoát. Các giác chi, theo ý nghĩa dẫn xuất, là sự giải thoát. Đạo, theo ý nghĩa chủng tử, là sự giải thoát. Sự thiết lập niệm, theo ý nghĩa thiết lập, là sự giải thoát. Chánh cần, theo ý nghĩa nỗ lực, là sự giải thoát. Các nền tảng của thần thông, theo ý nghĩa thành tựu, là sự giải thoát. Các chân lý, theo ý nghĩa thực thể, là sự giải thoát. Chỉ tịnh, theo ý nghĩa không tản mạn, là sự giải thoát. Minh sát, theo ý nghĩa quán xét, là sự giải thoát. Chỉ tịnh và minh sát, theo ý nghĩa nhất vị, là sự giải thoát. Sự kết hợp chung, theo ý nghĩa không vượt quá, là sự giải thoát. Giới thanh tịnh, theo ý nghĩa thu thúc, là sự giải thoát. Tâm thanh tịnh, theo ý nghĩa không tản mạn, là sự giải thoát. Kiến thanh tịnh, theo ý nghĩa nhận thức, là sự giải thoát. Giải thoát, theo ý nghĩa thoát khỏi, là sự giải thoát. Minh, theo ý nghĩa thấu triệt, là sự giải thoát. Giải thoát, theo ý nghĩa buông bỏ, là sự giải thoát. Trí về vô thủ, theo ý nghĩa an tịnh, là sự giải thoát. Ước muốn, theo ý nghĩa nguồn cội, là sự giải thoát. Tác ý, theo ý nghĩa nguồn sanh khởi, là sự giải thoát. Xúc, theo ý nghĩa liên kết, là sự giải thoát. Thọ, theo ý nghĩa hội tụ, là sự giải thoát. Định, theo ý nghĩa dẫn đầu, là sự giải thoát. Niệm, theo ý nghĩa chủ đạo, là sự giải thoát. Tuệ, theo ý nghĩa cao thượng trong các pháp thiện, là sự giải thoát. Giải thoát, theo ý nghĩa của cốt lõi, là sự giải thoát. Niết-bàn liên quan đến bất tử, theo ý nghĩa kết thúc, là sự giải thoát.

Sự giải thoát là quả, là [có ý nghĩa] như thế.

Ly tham ái là đạo, sự giải thoát là quả, là [có ý nghĩa] như thế.

Phần giảng về "Ly tham ái" được đầy đủ.

VI. GIẢNG VỀ SỰ PHÂN TÍCH
(*PAṬISAMBHIDĀKATHĀ*)

Tôi đã được nghe như vầy:

Một thời, đức Thế Tôn ngự tại Bārāṇasī, Isipatana, nơi Vườn Nai. Tại đó, đức Thế Tôn đã nói với các vị Tỳ-khưu nhóm năm vị rằng:

– Này các Tỳ-khưu, đây là hai cực đoan mà bậc xuất gia không nên thực hành. Hai là gì? Đây là sự say đắm về dục lạc trong các dục kém cỏi, thô thiển, tầm thường, không cao thượng, không đem lại lợi ích; và đây là sự gắn bó với việc hành hạ bản thân đau khổ, không cao thượng, không đem lại lợi ích. Này các Tỳ-khưu, sau khi không tiếp cận cả hai cực đoan ấy, lối thực hành trung hòa đã được đức Như Lai tự mình giác ngộ khiến cho mắt được thấy, khiến cho trí được sáng, dẫn đến tịch tịnh, thắng trí, hoàn toàn giác ngộ, Niết-bàn.

Và này các Tỳ-khưu, lối thực hành trung hòa đã được đức Như Lai tự mình giác ngộ khiến cho mắt được thấy, khiến cho trí được sáng, dẫn đến tịch tịnh, thắng trí, hoàn toàn giác ngộ, Niết-bàn, [lối thực hành trung hòa] ấy là gì? Đó chính là Thánh đạo tám chi phần, tức là: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh cần, chánh niệm, chánh định. Này các Tỳ-khưu, lối thực hành trung hòa ấy đã được đức Như Lai tự mình giác ngộ khiến cho mắt được thấy, khiến cho trí được sáng, dẫn đến tịch tịnh, thắng trí, hoàn toàn giác ngộ, Niết-bàn.

Này các Tỳ-khưu, đây là chân lý cao thượng, tức là sự khổ: Sanh là khổ, già cũng là khổ, bệnh cũng là khổ, chết cũng là khổ, sự gắn bó với những gì không ưa thích cũng là khổ, sự chia lìa với những gì ưa thích cũng là khổ, không đạt được điều ước muốn cũng là khổ, một cách tóm tắt năm thủ uẩn là khổ.

Này các Tỳ-khưu, đây là chân lý cao thượng, tức là nhân sanh của khổ. Điều ấy chính là ái đưa đến tái sanh, liên kết với khoái lạc và tham ái, có sự thỏa thích ở nơi này nơi khác tức là: Dục ái, hữu ái, phi hữu ái.

Này các Tỳ-khưu, đây là chân lý cao thượng, tức là sự diệt tận khổ. Điều ấy là sự diệt tận và ly tham ái không còn dư sót, là sự buông bỏ, là sự từ bỏ, là sự giải thoát, là sự không còn chỗ nương tựa đối với chính ái ấy.

Này các Tỳ-khưu, đây là chân lý cao thượng, tức là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ. Đó chính là Thánh đạo tám chi phần, tức là: Chánh kiến... (nt)... chánh định.

Này các Tỳ-khưu, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi,

tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Đây là chân lý cao thượng, tức là sự khổ." Này các Tỳ-khưu, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Đây là chân lý cao thượng, tức là sự khổ cần được biết toàn diện." ... (nt)... đã được biết toàn diện."

Này các Tỳ-khưu, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Đây là chân lý cao thượng, tức là nhân sanh khổ." Này các Tỳ-khưu, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Đây là chân lý cao thượng, tức là nhân sanh khổ cần được dứt bỏ." ... (nt)... đã được dứt bỏ."

Này các Tỳ-khưu, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Đây là chân lý cao thượng, tức là sự diệt tận khổ." Này các Tỳ-khưu, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Đây là chân lý cao thượng, tức là sự diệt tận khổ cần được tác chứng." ... (nt)... đã được tác chứng."

Này các Tỳ-khưu, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Đây là chân lý cao thượng, tức là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ." Này các Tỳ-khưu, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Đây là chân lý cao thượng, tức là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ cần được tu tập." ... (nt)... đã được tu tập."

Này các Tỳ-khưu, cho đến khi nào sự biết và thấy đúng theo thực thể của Ta về ba luân và mười hai thể của bốn chân lý cao thượng này chưa được thực sự thanh tịnh; này các Tỳ-khưu, cho đến khi ấy Ta chưa công bố là: "Đã hoàn toàn giác ngộ quả Vô thượng Chánh đẳng giác" ở thế gian, tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người. Và này các Tỳ-khưu, bởi vì sự biết và thấy đúng theo thực thể của Ta về ba luân và mười hai thể trong bốn chân lý cao thượng này đã được thực sự thanh tịnh; này các Tỳ-khưu, khi ấy Ta đã công bố là: "Đã hoàn toàn giác ngộ quả Vô thượng Chánh đẳng giác" ở thế gian, tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người. Hơn nữa, sự biết và thấy đã sanh khởi đến Ta rằng: "Sự giải thoát của Ta là không thể thay đổi. Đây là lần sanh cuối cùng, giờ không còn tái sanh nữa."

Đức Thế Tôn đã giảng về điều ấy. Các Tỳ-khưu nhóm năm vị đã hoan hỷ

thâu nhận lời dạy của đức Thế Tôn. Và trong khi bài kinh này được thuyết giảng, Pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến Đại đức Koṇḍañña: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

Khi bánh xe pháp được chuyển vận bởi đức Thế Tôn, chư thiên ở địa cầu đã đồn đãi lời rằng: "Bánh xe pháp tối thượng ấy đã được đức Thế Tôn chuyển vận tại Bārāṇasī, Isipatana, nơi Vườn Nai không thể bị chuyển vận nghịch lại bởi Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên nhân, Ma vương, Phạm thiên, hoặc bất cứ ai ở trên đời." Sau khi nghe được tiếng đồn của chư thiên ở địa cầu, chư thiên ở cõi Tứ Đại Thiên Vương đã đồn đãi lời rằng: ... (nt)... Sau khi nghe được tiếng đồn của chư thiên ở cõi Tứ Đại Thiên Vương, chư thiên ở cõi Đạo-lợi đã đồn đãi lời rằng: ... (nt)... chư thiên ở cõi Dạ-ma... (nt)... chư thiên ở cõi Đẩu-suất... (nt)... chư thiên ở cõi Hóa Lạc... (nt)... chư thiên ở cõi Tha Hóa Tự Tại... (nt)... chư thiên thuộc hàng Phạm Chúng thiên đã đồn đãi lời rằng: "Bánh xe pháp tối thượng ấy đã được đức Thế Tôn chuyển vận tại Bārāṇasī, Isipatana, nơi Vườn Nai không thể bị chuyển vận nghịch lại bởi Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên nhân, Ma vương, Phạm thiên, hoặc bất cứ ai ở trên đời."

Vào thời khắc ấy, vào giây phút ấy, lời đồn đãi ấy đã đi đến các cõi trời Phạm thiên. Và mười ngàn thế giới này đã bị lay chuyển, rung động, chấn động. Và ánh sáng vô lượng tuyệt vời đã hiện ra ở thế gian, vượt quá hào quang siêu phàm của chư thiên.

Khi ấy, đức Thế Tôn đã thốt lên lời cảm hứng này: "Quả nhiên Koṇḍañña đã hiểu được! Quả nhiên Koṇḍañña đã hiểu được!" Do đó, Đại đức Koṇḍañña đã có tên là "Aññākoṇḍañña."[6]

[Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Đây là chân lý cao thượng, tức là sự khổ."

"[Pháp] nhãn đã sanh khởi" theo ý nghĩa gì? "Trí đã sanh khởi" theo ý nghĩa gì? "Tuệ đã sanh khởi" theo ý nghĩa gì? "Minh đã sanh khởi" theo ý nghĩa gì? "Ánh sáng đã sanh khởi" theo ý nghĩa gì? "[Pháp] nhãn đã sanh khởi" theo ý nghĩa nhận thức. "Trí đã sanh khởi" theo ý nghĩa đã được biết. "Tuệ đã sanh khởi" theo ý nghĩa nhận biết. "Minh đã sanh khởi" theo ý nghĩa thấu triệt. "Ánh sáng đã sanh khởi" theo ý nghĩa chiếu sáng.

[Pháp] nhãn là pháp, trí là pháp, tuệ là pháp, minh là pháp, ánh sáng là pháp. Năm pháp này vừa là đối tượng vừa là hành xứ của sự phân tích các pháp. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xứ của việc ấy, các hành xứ của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: "Trí về các pháp là sự phân tích các pháp."

---

[6] Tên gọi *Aññākoṇḍañña* (*aññā* + *koṇḍañña*) của vị này có nghĩa là "*Koṇḍañña, đã hiểu.*" Từ *aññā* được trích từ lời nói của đức Phật là: "*Aññāsi vata bho Koṇḍañño, aññāsi vata bho Koṇḍañño*" (Quả nhiên Koṇḍañña đã hiểu được! Quả nhiên Koṇḍañña đã hiểu được!) rồi ghép vào phía trước tên Koṇḍañña của vị ấy. (ND)

Ý nghĩa của sự nhận thức là ý nghĩa, ý nghĩa của điều đã được biết là ý nghĩa, ý nghĩa của sự nhận biết là ý nghĩa, ý nghĩa của sự thấu triệt là ý nghĩa, ý nghĩa của chiếu sáng là ý nghĩa. Năm ý nghĩa này vừa là đối tượng vừa là hành xứ của sự phân tích các ý nghĩa. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xứ của việc ấy, các hành xứ của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: "Trí về các ý nghĩa là sự phân tích các ý nghĩa."

Nói đến văn tự và ngôn từ để chỉ rõ về năm pháp. Nói đến văn tự và ngôn từ để chỉ rõ về năm ý nghĩa. Mười ngôn từ này vừa là đối tượng vừa là hành xứ của sự phân tích các ngôn từ. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xứ của việc ấy, các hành xứ của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: "Trí về các ngôn từ là sự phân tích các ngôn từ."

Các trí về năm pháp, các trí về năm ý nghĩa, các trí về mười ngôn từ; hai mươi trí này vừa là đối tượng vừa là hành xứ của sự phân tích các phép biện giải. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xứ của việc ấy, các hành xứ của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: "Trí về các phép biện giải là sự phân tích các phép biện giải."

[Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Đây là chân lý cao thượng, tức là sự khổ cần được biết toàn diện." ... (nt)... đã được biết toàn diện."

"[Pháp] nhãn đã sanh khởi" theo ý nghĩa gì? "Trí đã sanh khởi" theo ý nghĩa gì? "Tuệ đã sanh khởi" theo ý nghĩa gì? "Minh đã sanh khởi" theo ý nghĩa gì? "Ánh sáng đã sanh khởi" theo ý nghĩa gì? "[Pháp] nhãn đã sanh khởi" theo ý nghĩa nhận thức. "Trí đã sanh khởi" theo ý nghĩa đã được biết. "Tuệ đã sanh khởi" theo ý nghĩa nhận biết. "Minh đã sanh khởi" theo ý nghĩa thấu triệt. "Ánh sáng đã sanh khởi" theo ý nghĩa chiếu sáng.

[Pháp] nhãn là pháp, trí là pháp, tuệ là pháp, minh là pháp, ánh sáng là pháp. Năm pháp này vừa là đối tượng vừa là hành xứ của sự phân tích các pháp. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xứ của việc ấy, các hành xứ của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: "Trí về các pháp là sự phân tích các pháp."

Ý nghĩa của sự nhận thức là ý nghĩa, ý nghĩa của điều đã được biết là ý nghĩa, ý nghĩa của sự nhận biết là ý nghĩa, ý nghĩa của sự thấu triệt là ý nghĩa, ý nghĩa của chiếu sáng là ý nghĩa. Năm ý nghĩa này vừa là đối tượng vừa là hành xứ của sự phân tích các ý nghĩa. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xứ của việc ấy, các hành xứ của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: "Trí về các ý nghĩa là sự phân tích các ý nghĩa."

Nói đến văn tự và ngôn từ để chỉ rõ về năm pháp. Nói đến văn tự và ngôn từ để chỉ rõ về năm ý nghĩa. Mười ngôn từ này vừa là đối tượng vừa là hành xứ của sự phân tích các ngôn từ. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xứ

của việc ấy, các hành xứ của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: "Trí về các ngôn từ là sự phân tích các ngôn từ."

Các trí về năm pháp, các trí về năm ý nghĩa, các trí về mười ngôn từ; hai mươi trí này vừa là đối tượng vừa là hành xứ của sự phân tích các phép biện giải. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xứ của việc ấy, các hành xứ của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: "Trí về các phép biện giải là sự phân tích các phép biện giải."

Ở chân lý cao thượng tức là sự khổ có mười lăm pháp, mười lăm ý nghĩa, ba mươi ngôn từ và sáu mươi trí.

[Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Đây là chân lý cao thượng, tức là nhân sanh khổ." ... (nt)... [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Đây là chân lý cao thượng, tức là nhân sanh khổ cần được dứt bỏ." ... (nt)... đã được dứt bỏ." ... (nt)...

Ở chân lý cao thượng tức là nhân sanh khổ có mười lăm pháp, mười lăm ý nghĩa, ba mươi ngôn từ và sáu mươi trí.

[Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Đây là chân lý cao thượng tức là sự diệt tận khổ." ... (nt)... [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Đây là chân lý cao thượng, tức là sự diệt tận khổ cần được tác chứng." ... (nt)... đã được tác chứng." ... (nt)...

Ở chân lý cao thượng tức là sự diệt tận khổ có mười lăm pháp, mười lăm ý nghĩa, ba mươi ngôn từ và sáu mươi trí.

[Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Đây là chân lý cao thượng tức là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ." ... (nt)... [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Đây là chân lý cao thượng, tức là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ cần được tu tập... (nt)... đã được tu tập." ... (nt)...

Ở chân lý cao thượng tức là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ có mười lăm pháp, mười lăm ý nghĩa, ba mươi ngôn từ và sáu mươi trí.

Ở bốn chân lý cao thượng có sáu mươi pháp, sáu mươi ý nghĩa, một trăm hai mươi ngôn từ và hai trăm bốn mươi trí.

Này các Tỳ-khưu, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Đây là sự quán xét thân trên thân." Này các Tỳ-khưu, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Sự quán xét thân trên thân này đây cần được tu tập... (nt)... đã được tu tập."

Này các Tỳ-khưu, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Đây là sự quán xét

thọ trên các thọ.” ... tâm trên tâm.” ... pháp trên các pháp.” Này các Tỳ-khưu, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Sự quán xét pháp trên các pháp này đây cần được tu tập... (nt)... đã được tu tập.”

[Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Đây là sự quán xét thân trên thân.” ... (nt)... [Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Sự quán xét thân trên thân này đây cần được tu tập... (nt)... đã được tu tập.”

“[Pháp] nhãn đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? “Trí đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? “Tuệ đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? “Minh đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? “Ánh sáng đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? “[Pháp] nhãn đã sanh khởi” theo ý nghĩa nhận thức. “Trí đã sanh khởi” theo ý nghĩa đã được biết. “Tuệ đã sanh khởi” theo ý nghĩa nhận biết. “Minh đã sanh khởi” theo ý nghĩa thấu triệt. “Ánh sáng đã sanh khởi” theo ý nghĩa chiếu sáng.

[Pháp] nhãn là pháp, trí là pháp, tuệ là pháp, minh là pháp, ánh sáng là pháp. Năm pháp này vừa là đối tượng, vừa là hành xứ của sự phân tích các pháp. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xứ của việc ấy, các hành xứ của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: “Trí về các pháp là sự phân tích các pháp.”

Ý nghĩa của sự nhận thức là ý nghĩa, ý nghĩa của điều đã được biết là ý nghĩa, ý nghĩa của sự nhận biết là ý nghĩa, ý nghĩa của sự thấu triệt là ý nghĩa, ý nghĩa của chiếu sáng là ý nghĩa. Năm ý nghĩa này vừa là đối tượng, vừa là hành xứ của sự phân tích các ý nghĩa. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xứ của việc ấy, các hành xứ của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: “Trí về các ý nghĩa là sự phân tích các ý nghĩa.”

Nói đến văn tự và ngôn từ để chỉ rõ về năm pháp. Nói đến văn tự và ngôn từ để chỉ rõ về năm ý nghĩa. Mười ngôn từ này vừa là đối tượng, vừa là hành xứ của sự phân tích các ngôn từ. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xứ của việc ấy, các hành xứ của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: “Trí về các ngôn từ là sự phân tích các ngôn từ.”

Các trí về năm pháp, các trí về năm ý nghĩa, các trí về mười ngôn từ; hai mươi trí này vừa là đối tượng, vừa là hành xứ của sự phân tích các phép biện giải. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xứ của việc ấy, các hành xứ của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: “Trí về các phép biện giải là sự phân tích các phép biện giải.”

Ở sự thiết lập niệm về quán thân trên thân có mười lăm pháp, mười lăm ý nghĩa, ba mươi ngôn từ và sáu mươi trí.

[Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Đây là sự quán xét thọ trên các thọ.” ... tâm

trên tâm." ... pháp trên các pháp." ... (nt)... [Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Sự quán xét pháp trên các pháp này đây cần được tu tập... (nt)... đã được tu tập." ... (nt)... Ở sự thiết lập niệm về quán pháp trên các pháp có mười lăm pháp, mười lăm ý nghĩa, ba mươi ngôn từ và sáu mươi trí.

Ở bốn sự thiết lập niệm có sáu mươi pháp, sáu mươi ý nghĩa, một trăm hai mươi ngôn từ và hai trăm bốn mươi trí.

Này các Tỳ-khưu, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Đây là nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do ước muốn và các tạo tác do nỗ lực." Này các Tỳ-khưu, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do ước muốn và các tạo tác do nỗ lực này đây cần được tu tập... (nt)... đã được tu tập."

Này các Tỳ-khưu, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Đây là nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do tinh tấn... định do tâm... định do thẩm xét và các tạo tác do nỗ lực." Này các Tỳ-khưu, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do thẩm xét và các tạo tác do nỗ lực này đây cần được tu tập... (nt)... đã được tu tập."

[Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Đây là nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do ước muốn và các tạo tác do nỗ lực." ... (nt)... [Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do ước muốn và các tạo tác do nỗ lực này đây cần được tu tập... (nt)... đã được tu tập."

"[Pháp] nhãn đã sanh khởi" theo ý nghĩa gì? "Trí đã sanh khởi" theo ý nghĩa gì? "Tuệ đã sanh khởi" theo ý nghĩa gì? "Minh đã sanh khởi" theo ý nghĩa gì? "Ánh sáng đã sanh khởi" theo ý nghĩa gì? "[Pháp] nhãn đã sanh khởi" theo ý nghĩa nhận thức. "Trí đã sanh khởi" theo ý nghĩa đã được biết. "Tuệ đã sanh khởi" theo ý nghĩa nhận biết. "Minh đã sanh khởi" theo ý nghĩa thấu triệt. "Ánh sáng đã sanh khởi" theo ý nghĩa chiếu sáng.

[Pháp] nhãn là pháp, trí là pháp, tuệ là pháp, minh là pháp, ánh sáng là pháp. Năm pháp này vừa là đối tượng vừa là hành xứ của sự phân tích các pháp. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xứ của việc ấy, các hành xứ của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: "Trí về các pháp là sự phân tích các pháp."

Ý nghĩa của sự nhận thức là ý nghĩa, ý nghĩa của điều đã được biết là ý nghĩa, ý nghĩa của sự nhận biết là ý nghĩa, ý nghĩa của sự thấu triệt là ý nghĩa, ý nghĩa của chiếu sáng là ý nghĩa. Năm ý nghĩa này vừa là đối tượng vừa là hành xứ của sự phân tích các ý nghĩa. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xứ của việc ấy, các hành xứ của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: "Trí về các ý nghĩa là sự phân tích các ý nghĩa."

Nói đến văn tự và ngôn từ để chỉ rõ về năm pháp. Nói đến văn tự và ngôn từ để chỉ rõ về năm ý nghĩa. Mười ngôn từ này vừa là đối tượng vừa là hành xứ của sự phân tích các ngôn từ. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xứ của việc ấy, các hành xứ của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: "Trí về các ngôn từ là sự phân tích các ngôn từ."

Các trí về năm pháp, các trí về năm ý nghĩa, các trí về mười ngôn từ; hai mươi trí này vừa là đối tượng vừa là hành xứ của sự phân tích các phép biện giải. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xứ của việc ấy, các hành xứ của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: "Trí về các phép biện giải là sự phân tích các phép biện giải."

Ở nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do ước muốn và các tạo tác do nỗ lực có mười lăm pháp, mười lăm ý nghĩa, ba mươi ngôn từ và sáu mươi trí.

[Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Đây là nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do thẩm xét và các tạo tác do nỗ lực." ... (nt)... [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Nền tảng của thần thông hội đủ (các yếu tố) định do thẩm xét và các tạo tác do nỗ lực này đây cần được tu tập... (nt)... đã được tu tập." Ở nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do thẩm xét và các tạo tác do nỗ lực có mười lăm pháp, mười lăm ý nghĩa, ba mươi ngôn từ và sáu mươi trí.

Ở bốn nền tảng của thần thông có sáu mươi pháp, sáu mươi ý nghĩa, một trăm hai mươi ngôn từ và hai trăm bốn mươi trí.

Này các Tỳ-khưu, Bồ-tát Vipassī có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Nhân sanh, nhân sanh." Này các Tỳ-khưu, Bồ-tát Vipassī có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Sự diệt tận, sự diệt tận." Ở lời tuyên bố của Bồ-tát Vipassī có mười pháp, mười ý nghĩa, hai mươi ngôn từ và bốn mươi trí.

Này các Tỳ-khưu, Bồ-tát Sikhī... Bồ-tát Vessabhū... Bồ-tát Kakusandha... Bồ-tát Koṇāgamana... Bồ-tát Kassapa có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Nhân sanh, nhân sanh." Này các Tỳ-khưu, Bồ-tát Kassapa có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng

được nghe: "Sự diệt tận, sự diệt tận." Ở lời tuyên bố của Bồ-tát Kassapa có mười pháp, mười ý nghĩa, hai mươi ngôn từ và bốn mươi trí.

Này các Tỳ-khưu, Bồ-tát Gotama có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Nhân sanh, nhân sanh." Này các Tỳ-khưu, Bồ-tát Gotama có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Sự diệt tận, sự diệt tận." Ở lời tuyên bố của Bồ-tát Gotama có mười pháp, mười ý nghĩa, hai mươi ngôn từ và bốn mươi trí.

Ở bảy lời tuyên bố của bảy vị Bồ-tát có bảy mươi pháp, bảy mươi ý nghĩa, một trăm bốn mươi ngôn từ và hai trăm tám mươi trí.

[Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi: "Cho đến ý nghĩa biết rõ của sự biết rõ là đã được biết, đã được thấy, đã được hiểu, đã được tác chứng, đã được chạm đến bởi tuệ. Không có ý nghĩa của sự biết rõ là không được chạm đến bởi tuệ." Ở ý nghĩa biết rõ của sự biết rõ có hai mươi lăm pháp, hai mươi lăm ý nghĩa, năm mươi ngôn từ và một trăm trí.

[Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi: "Cho đến ý nghĩa biết toàn diện của sự biết toàn diện... (nt)... "Cho đến ý nghĩa dứt bỏ của sự dứt bỏ... (nt)... Cho đến ý nghĩa về tu tập của sự tu tập... (nt)... Cho đến ý nghĩa về tác chứng của sự tác chứng là đã được biết, đã được thấy, đã được hiểu, đã được tác chứng, đã được chạm đến bởi tuệ. Không có ý nghĩa tác chứng là không được chạm đến bởi tuệ." Ở ý nghĩa về tác chứng của sự tác chứng có hai mươi lăm pháp, hai mươi lăm ý nghĩa, năm mươi ngôn từ và một trăm trí.

Ở ý nghĩa biết rõ của sự biết rõ, về ý nghĩa biết toàn diện của sự biết toàn diện, về ý nghĩa dứt bỏ của sự dứt bỏ, về ý nghĩa tu tập của sự tu tập, về ý nghĩa về tác chứng của sự tác chứng có một trăm hai mươi lăm pháp, một trăm hai mươi lăm ý nghĩa, hai trăm năm mươi ngôn từ và năm trăm trí.

[Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi: "Cho đến ý nghĩa về uẩn của các uẩn là đã được biết, đã được thấy, đã được hiểu, đã được tác chứng, đã được chạm đến bởi tuệ. Không có ý nghĩa về uẩn là không được chạm đến bởi tuệ." Ở ý nghĩa về uẩn của các uẩn có hai mươi lăm pháp, hai mươi lăm ý nghĩa, năm mươi ngôn từ và một trăm trí.

[Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi: "Cho đến ý nghĩa về giới của các giới... "Cho đến ý nghĩa về xứ của các xứ... Cho đến ý nghĩa tạo tác của các tạo tác... Cho đến ý nghĩa không tạo tác của không tạo tác là đã được biết, đã được thấy, đã được hiểu, đã được tác chứng, đã được chạm đến bởi tuệ. Không có ý nghĩa của không tạo tác là không được chạm đến bởi tuệ." Ở ý nghĩa không tạo tác của

không tạo tác có hai mươi lăm pháp, hai mươi lăm ý nghĩa, năm mươi ngôn từ và một trăm trí.

Ở ý nghĩa về uẩn của các uẩn, ở ý nghĩa về giới của các giới, ở ý nghĩa về xứ của các xứ, ở ý nghĩa tạo tác của các tạo tác, ở ý nghĩa không tạo tác của không tạo tác có một trăm hai mươi lăm pháp, một trăm hai mươi lăm ý nghĩa, hai trăm năm mươi ngôn từ và năm trăm trí.

[Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi: "Cho đến ý nghĩa về khổ của khổ là đã được biết, đã được thấy, đã được hiểu, đã được tác chứng, đã được chạm đến bởi tuệ. Không có ý nghĩa của khổ là không được chạm đến bởi tuệ." Ở ý nghĩa về khổ của khổ có hai mươi lăm pháp, hai mươi lăm ý nghĩa, năm mươi ngôn từ và một trăm trí.

[Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi: "Cho đến ý nghĩa về nhân sanh của nhân sanh... (nt)... "Cho đến ý nghĩa về diệt tận của sự diệt tận... (nt)... "Cho đến ý nghĩa về đạo của đạo là đã được biết, đã được thấy, đã được hiểu, đã được tác chứng, đã được chạm đến bởi tuệ. Không có ý nghĩa của đạo là không được chạm đến bởi tuệ." Ở ý nghĩa về đạo của đạo có hai mươi lăm pháp, hai mươi lăm ý nghĩa, năm mươi ngôn từ và một trăm trí.

Ở bốn chân lý cao thượng có một trăm pháp, một trăm ý nghĩa, hai trăm ngôn từ và bốn trăm trí.

[Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi: "Cho đến ý nghĩa về phân tích ý nghĩa của sự phân tích ý nghĩa là đã được biết, đã được thấy, đã được hiểu, đã được tác chứng, đã được chạm đến bởi tuệ. Không có ý nghĩa của sự phân tích ý nghĩa là không được chạm đến bởi tuệ." Ở ý nghĩa về phân tích ý nghĩa của sự phân tích ý nghĩa có hai mươi lăm pháp, hai mươi lăm ý nghĩa, năm mươi ngôn từ và một trăm trí.

[Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi: "Cho đến ý nghĩa về phân tích pháp của sự phân tích pháp... (nt)... "Cho đến ý nghĩa về phân tích ngôn từ của sự phân tích ngôn từ... (nt)... "Cho đến ý nghĩa về phân tích phép biện giải của sự phân tích phép biện giải là đã được biết, đã được thấy, đã được hiểu, đã được tác chứng, đã được chạm đến bởi tuệ. Không có ý nghĩa của sự phân tích phép biện giải là không được chạm đến bởi tuệ." Ở ý nghĩa về phân tích phép biện giải của sự phân tích phép biện giải có hai mươi lăm pháp, hai mươi lăm ý nghĩa, năm mươi ngôn từ và một trăm trí.

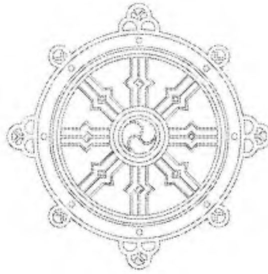
Ở bốn phân tích có một trăm pháp, một trăm ý nghĩa, hai trăm ngôn từ và bốn trăm trí. [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi: "Cho đến trí biết được khả năng người khác là đã được biết, đã được thấy, đã được hiểu, đã được tác chứng, đã được chạm đến bởi tuệ. Không có trí biết được khả năng người khác là không được chạm đến bởi tuệ." Ở trí biết được khả năng người khác có hai mươi lăm pháp, hai mươi lăm ý nghĩa, năm mươi ngôn từ và một trăm trí.

[Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi: "Cho đến bảy thiên kiến và xu hướng ngủ ngầm... (nt)... "Cho đến trí song thông... (nt)... "Cho đến trí về sự thể nhập đại bi... (nt)... "Cho đến trí toàn giác... (nt)... "Cho đến trí không bị ngăn che là đã được biết, đã được thấy, đã được hiểu, đã được tác chứng, đã được chạm đến bởi tuệ. Không có trí không bị ngăn che là không được chạm đến bởi tuệ." Ở trí không bị ngăn che có hai mươi lăm pháp, hai mươi lăm ý nghĩa, năm mươi ngôn từ và một trăm trí.

Ở sáu pháp của đức Phật có một trăm năm mươi pháp, một trăm năm mươi ý nghĩa, ba trăm ngôn từ và sáu trăm trí.

Ở trường hợp về phân tích có tám trăm năm mươi pháp, tám trăm năm mươi ý nghĩa, một ngàn bảy trăm ngôn từ và ba ngàn bốn trăm trí.

Phần giảng về "Sự phân tích" được đầy đủ.



VII. GIẢNG VỀ PHÁP LUÂN
(*DHAMMACAKKAKATHĀ*)

Một thời, đức Thế Tôn ngự tại Bārāṇasī... (nt)... Do đó, Đại đức Koṇḍañña đã có tên là “Aññākoṇḍañña.”

[Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Đây là chân lý cao thượng, tức là sự khổ.”

“[Pháp] nhãn đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? “Trí đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? “Tuệ đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? “Minh đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? “Ánh sáng đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? “[Pháp] nhãn đã sanh khởi” theo ý nghĩa nhận thức. “Trí đã sanh khởi” theo ý nghĩa đã được biết. “Tuệ đã sanh khởi” theo ý nghĩa nhận biết. “Minh đã sanh khởi” theo ý nghĩa thấu triệt. “Ánh sáng đã sanh khởi” theo ý nghĩa chiếu sáng.

[Pháp] nhãn là pháp, ý nghĩa của sự nhận thức là ý nghĩa. Trí là pháp, ý nghĩa của điều đã được biết là ý nghĩa. Tuệ là pháp, ý nghĩa của sự nhận biết là ý nghĩa. Minh là pháp, ý nghĩa của sự thấu triệt là ý nghĩa. Ánh sáng là pháp, ý nghĩa của chiếu sáng là ý nghĩa. Năm pháp này là năm ý nghĩa có khổ là nền tảng, có chân lý là nền tảng, có chân lý là đối tượng, có chân lý là hành xứ, được tổng hợp lại ở chân lý, được hệ thuộc vào chân lý, được hiện khởi ở chân lý, được tồn tại ở chân lý, được thiết lập ở chân lý.

Pháp luân: Pháp luân với ý nghĩa gì? “Chuyển vận pháp và bánh xe” là Pháp luân. “Chuyển vận bánh xe và pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận theo pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận theo hành vi của pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận khi tồn tại ở pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận khi được thiết lập ở pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận trong khi thiết lập [người khác] ở pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận khi đạt được năng lực” là Pháp luân. “Chuyển vận trong khi tạo cho [người khác] đạt được năng lực ở pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận khi đạt được sự toàn hảo ở pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận trong khi tạo cho [người khác] đạt được sự toàn hảo ở pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận khi đạt được sự tự tín ở pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận trong khi tạo cho [người khác] đạt được sự tự tín ở pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận trong khi tôn vinh pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận trong khi tôn kính pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận trong khi tôn trọng pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận trong khi cúng dường pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận trong khi sùng kính pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận có pháp là ngọn cờ” là Pháp luân. “Chuyển vận có pháp là biểu

hiệu" là Pháp luân. "Chuyển vận có pháp là chủ đạo" là Pháp luân. "Hơn nữa, Pháp luân ấy là không thể bị chuyển vận nghịch lại bởi Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên nhân, Ma vương, Phạm Thiên, hoặc bất cứ ai ở trên đời" là Pháp luân.

"Tín quyền là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Tấn quyền là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Niệm quyền là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Định quyền là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Tuệ quyền là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân.

"Tín lực là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Tấn lực là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Niệm lực là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Định lực là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Tuệ lực là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân.

"Niệm giác chi là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Trạch pháp giác chi là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Tinh tấn giác chi là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Hỷ giác chi là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Tịnh giác chi là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Định giác chi là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Xả giác chi là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân.

"Chánh kiến là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Chánh tư duy là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Chánh ngữ là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Chánh nghiệp là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Chánh mạng là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Chánh tinh tấn là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Chánh niệm là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Chánh định là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân.

"Quyền theo ý nghĩa chủ đạo là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Lực theo ý nghĩa không thể bị lay chuyển là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Giác chi theo ý nghĩa dẫn xuất [ra khỏi luân hồi] là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Đạo theo ý nghĩa chủng tử là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Các sự thiết lập niệm theo ý nghĩa thiết lập là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Các chánh cần theo ý nghĩa nỗ lực là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Các nền tảng của thần thông theo ý nghĩa thành tựu là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Các chân lý theo ý nghĩa thực thể là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Chỉ tịnh theo ý nghĩa không tản mạn là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Minh sát theo ý nghĩa quán xét là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa nhất vị là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Sự kết hợp chung theo ý nghĩa không vượt quá là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Tâm thanh tịnh theo ý nghĩa không tản mạn là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Kiến thanh tịnh theo ý nghĩa nhận thức là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Trí về sự đoạn tận theo ý nghĩa đoạn trừ là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân." Trí về sự vô sanh theo ý nghĩa tĩnh lặng là pháp, chuyển vận pháp

ấy" là Pháp luân. "Ước muốn theo ý nghĩa nguồn cội là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Tác ý theo ý nghĩa nguồn sanh khởi là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Xúc theo ý nghĩa liên kết là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Thọ theo ý nghĩa hội tụ là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Định theo ý nghĩa dẫn đầu là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Niệm theo ý nghĩa pháp chủ đạo là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Tuệ theo ý nghĩa cao thượng trong các pháp thiện là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Sự giải thoát theo ý nghĩa cốt lõi là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. "Niết-bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân.

[Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Đây là chân lý cao thượng, tức là sự khổ cần được biết toàn diện." ... (nt)... đã được biết toàn diện."

"[Pháp] nhãn đã sanh khởi" theo ý nghĩa gì? ... (nt)... "Ánh sáng đã sanh khởi" theo ý nghĩa gì? "[Pháp] nhãn đã sanh khởi" theo ý nghĩa nhận thức. … (nt)... "Ánh sáng đã sanh khởi" theo ý nghĩa chiếu sáng.

[Pháp] nhãn là pháp, ý nghĩa của sự nhận thức là ý nghĩa. … (nt)... Ánh sáng là pháp, ý nghĩa của chiếu sáng là ý nghĩa. Năm pháp này là năm ý nghĩa có khổ là nền tảng, có chân lý là nền tảng, có chân lý là đối tượng, có chân lý là hành xứ, được tổng hợp lại ở chân lý, được hệ thuộc vào chân lý, được hiện khởi ở chân lý, được tồn tại ở chân lý, được thiết lập ở chân lý.

Pháp luân: Pháp luân (bánh xe pháp) với ý nghĩa gì? "Chuyển vận pháp và bánh xe" là Pháp luân. "Chuyển vận bánh xe và pháp" là Pháp luân. "Chuyển vận với pháp" là Pháp luân. "Chuyển vận với hành vi của pháp" là Pháp luân. "Chuyển vận khi tồn tại ở pháp" là Pháp luân. "Chuyển vận khi được thiết lập ở pháp" là Pháp luân. … (nt)... "Niết-bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân.

[Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Đây là chân lý cao thượng, tức là nhân sanh khổ." ... (nt)... [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Đây là chân lý cao thượng, tức là nhân sanh khổ cần được dứt bỏ." ... (nt)... đã được dứt bỏ." ... (nt)...

"[Pháp] nhãn đã sanh khởi" theo ý nghĩa gì? ... (nt)... "Ánh sáng đã sanh khởi" theo ý nghĩa gì? "[Pháp] nhãn đã sanh khởi" theo ý nghĩa nhận thức. … (nt)... "Ánh sáng đã sanh khởi" theo ý nghĩa chiếu sáng.

[Pháp] nhãn là pháp, ý nghĩa của sự nhận thức là ý nghĩa. … (nt)... Ánh sáng là pháp, ý nghĩa của chiếu sáng là ý nghĩa. Năm pháp này là năm ý nghĩa có nhân sanh là nền tảng, có chân lý là nền tảng... (nt)... có sự diệt tận là nền tảng, có chân lý là nền tảng... (nt)... có đạo là nền tảng, có chân lý là nền tảng, có chân lý là đối tượng, có chân lý là hành xứ, được tổng hợp lại ở chân lý, được

hệ thuộc vào chân lý, được hiện khởi ở chân lý, được tồn tại ở chân lý, được thiết lập ở chân lý.

Pháp luân: Pháp luân (bánh xe pháp) với ý nghĩa gì? "Chuyển vận pháp và bánh xe" là Pháp luân. "Chuyển vận bánh xe và pháp" là Pháp luân. "Chuyển vận với pháp" là Pháp luân. "Chuyển vận với hành vi của pháp" là Pháp luân. "Chuyển vận khi tồn tại ở pháp" là Pháp luân. "Chuyển vận khi được thiết lập ở pháp" là Pháp luân. … (nt)... "Niết-bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân.

Này các Tỳ-khưu, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Đây là sự quán xét thân trên thân." Này các Tỳ-khưu, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Sự quán xét thân trên thân này đây cần được tu tập... (nt)... đã được tu tập."

Này các Tỳ-khưu, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Đây là sự quán xét thọ trên các thọ." ... (nt)... tâm trên tâm." ... (nt)... pháp trên các pháp." Này các Tỳ-khưu, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Sự quán xét pháp trên các pháp này đây cần được tu tập... (nt)... đã được tu tập."

[Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Đây là sự quán xét thân trên thân." ... (nt)... [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Sự quán xét thân trên thân này đây cần được tu tập... (nt)... đã được tu tập."

"[Pháp] nhãn đã sanh khởi" theo ý nghĩa gì? ... (nt)... "Ánh sáng đã sanh khởi" theo ý nghĩa gì? "[Pháp] nhãn đã sanh khởi" theo ý nghĩa nhận thức. … (nt)... "Ánh sáng đã sanh khởi" theo ý nghĩa chiếu sáng.

[Pháp] nhãn là pháp, ý nghĩa của sự nhận thức là ý nghĩa. … (nt)... Ánh sáng là pháp, ý nghĩa của chiếu sáng là ý nghĩa. Năm pháp này là năm ý nghĩa có thân là nền tảng, có sự thiết lập niệm là nền tảng... (nt)... có thọ là nền tảng, có sự thiết lập niệm là nền tảng... (nt)... có tâm là nền tảng, có sự thiết lập niệm là nền tảng... (nt)... có pháp là nền tảng, có sự thiết lập niệm là nền tảng... (nt)... có sự thiết lập niệm là đối tượng, có sự thiết lập niệm là hành xứ, được tổng hợp lại ở sự thiết lập niệm, được hệ thuộc vào sự thiết lập niệm, được hiện khởi ở sự thiết lập niệm, được tồn tại ở sự thiết lập niệm, được thiết lập ở sự thiết lập niệm.

Pháp luân: Pháp luân (bánh xe pháp) với ý nghĩa gì? "Chuyển vận pháp và bánh xe" là Pháp luân. "Chuyển vận bánh xe và pháp" là Pháp luân. "Chuyển vận với pháp" là Pháp luân. "Chuyển vận với hành vi của pháp" là Pháp luân. "Chuyển vận khi tồn tại ở pháp" là Pháp luân. "Chuyển vận khi được thiết lập ở pháp" là Pháp Luân. … (nt)... "Niết-bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân.

Này các Tỳ-khưu, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Đây là nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do ước muốn và các tạo tác do nỗ lực.” Này các Tỳ-khưu, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do ước muốn và các tạo tác do nỗ lực này đây cần được tu tập... (nt)... đã được tu tập.”

Này các Tỳ-khưu, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Đây là nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do tinh tấn và các tạo tác do nỗ lực.” ... (nt)... định do tâm và các tạo tác do nỗ lực.” ... (nt)... định do thẩm xét và các tạo tác do nỗ lực.” Này các Tỳ-khưu, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do thẩm xét và các tạo tác do nỗ lực này đây cần được tu tập... (nt)... đã được tu tập.”

[Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Đây là nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do ước muốn và các tạo tác do nỗ lực.” [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do ước muốn và các tạo tác do nỗ lực này đây cần được tu tập... (nt)... đã được tu tập.”

“[Pháp] nhãn đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? ... (nt)... “Ánh sáng đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? “[Pháp] nhãn đã sanh khởi” theo ý nghĩa nhận thức. … (nt)... “Ánh sáng đã sanh khởi” theo ý nghĩa chiếu sáng.

[Pháp] nhãn là pháp, ý nghĩa của sự nhận thức là ý nghĩa. … (nt)... Ánh sáng là pháp, ý nghĩa của chiếu sáng là ý nghĩa. Năm pháp này là năm ý nghĩa có ước muốn là nền tảng, có nền tảng của thần thông là nền tảng, có nền tảng của thần thông là đối tượng, có nền tảng của thần thông là hành xứ, được tổng hợp lại ở nền tảng của thần thông, được hệ thuộc vào nền tảng của thần thông, được hiện khởi ở nền tảng của thần thông, được tồn tại ở nền tảng của thần thông, được thiết lập ở nền tảng của thần thông.

Pháp luân: Pháp luân (bánh xe pháp) với ý nghĩa gì? “Chuyển vận pháp và bánh xe” là Pháp luân. “Chuyển vận bánh xe và pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận với pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận với hành vi của pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận khi tồn tại ở pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận khi được thiết lập ở pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận trong khi thiết lập [người khác] ở pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận khi đạt được năng lực” là Pháp luân. “Chuyển vận trong khi tạo cho [người khác] đạt được năng lực ở pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận khi đạt được sự toàn hảo ở pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận trong khi tạo cho [người khác] đạt được sự toàn hảo ở pháp” là Pháp luân. … (nt)... “Chuyển vận trong khi sùng kính pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận có pháp là ngọn cờ”

là Pháp luân. "Chuyển vận có pháp là biểu hiệu" là Pháp luân. "Chuyển vận có pháp là chủ đạo" là Pháp luân. "Hơn nữa, Pháp luân ấy là không thể bị chuyển vận nghịch lại bởi Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên nhân, Ma vương, Phạm thiên, hoặc bất cứ ai ở trên đời" là Pháp luân.

"Tín quyền là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân. … (nt)... "Niết-bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân.

[Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Đây là nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do tinh tấn và các tạo tác do nỗ lực." [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do tinh tấn và các tạo tác do nỗ lực này đây cần được tu tập... (nt)... đã được tu tập."

"[Pháp] nhãn đã sanh khởi" theo ý nghĩa gì? ... (nt)... "Ánh sáng đã sanh khởi" theo ý nghĩa gì? "[Pháp] nhãn đã sanh khởi" theo ý nghĩa nhận thức. … (nt)... "Ánh sáng đã sanh khởi" theo ý nghĩa chiếu sáng.

[Pháp] nhãn là pháp, ý nghĩa của sự nhận thức là ý nghĩa. … (nt)... Ánh sáng là pháp, ý nghĩa của chiếu sáng là ý nghĩa. Năm pháp này là năm ý nghĩa có tinh tấn là nền tảng, có nền tảng của thần thông là nền tảng... (nt)... có tâm là nền tảng,... (nt)... có thẩm xét là nền tảng, có nền tảng của thần thông là nền tảng, có nền tảng của thần thông là đối tượng, có nền tảng của thần thông là hành xứ, được tổng hợp lại ở nền tảng của thần thông, được hệ thuộc vào nền tảng của thần thông, được hiện khởi ở nền tảng của thần thông, được tồn tại ở nền tảng của thần thông, được thiết lập ở nền tảng của thần thông.

Pháp luân: Pháp luân với ý nghĩa gì? "Chuyển vận pháp và bánh xe" là Pháp luân. "Chuyển vận bánh xe và pháp" là Pháp luân. "Chuyển vận với pháp" là Pháp luân. "Chuyển vận với hành vi của pháp" là Pháp luân. "Chuyển vận khi tồn tại ở pháp" là Pháp luân. "Chuyển vận khi được thiết lập ở pháp" là Pháp luân. … (nt)... "Niết-bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc là pháp, chuyển vận pháp ấy" là Pháp luân.

Phần giảng về "Pháp luân" được đầy đủ.

VIII. GIẢNG VỀ TỐI THƯỢNG Ở THẾ GIAN (*LOKUTTARAKATHĀ*)

Các pháp tối thượng ở thế gian là gì? Bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy giác chi, Thánh đạo tám chi phần, bốn Thánh đạo, bốn quả vị Sa-môn và Niết-bàn; các pháp này là tối thượng ở thế gian.

Tối thượng ở thế gian: Tối thượng ở thế gian với ý nghĩa gì? "Chúng [các pháp ấy] vượt qua thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng vượt lên ra khỏi thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng vượt lên khỏi thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng vượt lên từ thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng vượt quá thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng hoàn toàn vượt quá thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng là trên hẳn thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng vượt quá tận cùng của thế gian" là tối thượng ở thế gian.

"Chúng xuất ly ra khỏi thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng xuất ly khỏi thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng xuất ly từ thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng được xuất ly ra khỏi thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng được xuất ly bởi thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng được xuất ly từ thế gian" là tối thượng ở thế gian.

"Chúng không trụ ở thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng không trụ tại thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng không bị nhiễm ô ở thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng không bị nhiễm ô bởi thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng không tự làm vấy bẩn ở thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng không tự làm vấy bẩn với thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng không bị vấy bẩn ở thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng không bị vấy bẩn bởi thế gian" là tối thượng ở thế gian.

"Chúng được phóng thích ở thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng được phóng thích bởi thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng được phóng thích ra khỏi thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng được phóng thích khỏi thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng được phóng thích từ thế gian" là tối thượng ở thế gian.

"Chúng được cách ly ở thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng được cách ly với thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng được cách ly ra khỏi thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng được cách ly tại thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng được cách ly khỏi thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng được cách ly từ thế gian" là tối thượng ở thế gian.

"Chúng được trong sạch ra khỏi thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng được trong sạch khỏi thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng được trong sạch từ thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng được thanh tịnh ra khỏi thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng được thanh tịnh khỏi thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng được thanh tịnh từ thế gian" là tối thượng ở thế gian.

"Chúng thoát ra khỏi thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng thoát khỏi thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng thoát ra từ thế gian" là tối thượng ở thế gian.

"Chúng ly khai ra khỏi thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng ly khai khỏi thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng ly khai từ thế gian" là tối thượng ở thế gian.

"Chúng không bám víu ở thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng không bị nắm giữ ở thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng không bị giam cầm ở thế gian" là tối thượng ở thế gian.

"Chúng đoạn trừ thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng có tính chất đã đoạn trừ thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng làm an tịnh thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng có tính chất đã làm an tịnh thế gian" là tối thượng ở thế gian.

"Chúng không là đường lối của thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng không là cảnh giới của thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng không là mục tiêu của thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng là không phổ quát đối với thế gian" là tối thượng ở thế gian.

"Chúng chối từ thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng không tiếp nhận lại thế gian [sau khi chối từ]" là tối thượng ở thế gian. "Chúng từ bỏ thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng không chấp thủ thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng lìa khỏi sự quyến luyến thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng không quyến luyến thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng nhàm chán thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Chúng không hứng thú thế gian" là tối thượng ở thế gian. "Sau khi vượt qua hẳn và chế ngự thế gian, chúng an trụ" là tối thượng ở thế gian.

Phần giảng về "Tối thượng ở thế gian" được đầy đủ.

IX. GIẢNG VỀ LỰC
(*BALAKATHĀ*)

(Duyên khởi ở Sāvatthi)

Này các Tỳ-khưu, đây là năm lực. Năm là gì? Tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực. Này các Tỳ-khưu, đây là năm lực.

Vả lại, có sáu mươi tám lực là tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực, lực của sự hổ thẹn [tội lỗi], lực của sự ghê sợ [tội lỗi], lực của sự phân biệt rõ, lực của sự tu tập, lực của sự không sai trái, lực của sự củng cố, lực của sự nhẫn nại, lực của sự chuẩn bị, lực của sự thuyết phục, lực của sự thống lãnh, lực của sự khẳng định, lực của chỉ tịnh, lực của minh sát, mười lực của bậc Hữu học, mười lực của bậc Vô học, mười lực của bậc Lậu tận, mười lực của thần thông, mười lực của đức Như Lai.

Tín lực là gì? "Không dao động ở sự không có đức tin" là tín lực. Với ý nghĩa nâng đỡ các pháp đồng sanh là tín lực. Theo ý nghĩa chấm dứt các phiền não là tín lực. Theo ý nghĩa làm trong sạch phần đầu sự thấu triệt là tín lực. Theo ý nghĩa khẳng định của tâm là tín lực. Theo ý nghĩa thanh lọc của tâm là tín lực. Theo ý nghĩa đắc chứng pháp đặc biệt là tín lực. Theo ý nghĩa thấu triệt hướng thượng là tín lực. Theo ý nghĩa chứng ngộ chân lý là tín lực. Theo ý nghĩa thiết lập vào sự diệt tận là tín lực. Điều này là tín lực.

Tấn lực là gì? "Không dao động ở sự biếng nhác" là tấn lực. Với ý nghĩa nâng đỡ các pháp đồng sanh là tấn lực. Với ý nghĩa chấm dứt các phiền não là tấn lực. Với ý nghĩa làm trong sạch phần đầu của sự thấu triệt là tấn lực. Với ý nghĩa khẳng định của tâm là tấn lực. Với ý nghĩa thanh lọc của tâm là tấn lực. Với ý nghĩa đắc chứng pháp đặc biệt là tấn lực. Với ý nghĩa thấu triệt hướng thượng là tấn lực. Với ý nghĩa chứng ngộ chân lý là tấn lực. Với ý nghĩa thiết lập vào sự diệt tận là tấn lực. Điều này là tấn lực.

Niệm lực là gì? "Không dao động ở sự buông lung" là niệm lực. Với ý nghĩa nâng đỡ các pháp đồng sanh là niệm lực. ... (nt)... Với ý nghĩa thiết lập vào sự diệt tận là niệm lực. Điều này là niệm lực.

Định lực là gì? "Không dao động ở sự phóng dật" là định lực. Với ý nghĩa nâng đỡ các pháp đồng sanh là định lực. ... (nt)... Với ý nghĩa thiết lập vào sự diệt tận là định lực. Điều này là định lực.

Tuệ lực là gì? "Không dao động ở vô minh" là tuệ lực. Với ý nghĩa nâng đỡ các pháp đồng sanh là tuệ lực. ... (nt)... Với ý nghĩa thiết lập vào sự diệt tận là tuệ lực. Điều này là tuệ lực.

Lực của sự hổ thẹn [tội lỗi] là gì? "Do sự thoát ly, [hành giả] hổ thẹn về ước muốn trong các dục" là lực của sự hổ thẹn. "Do không sân độc, hổ thẹn về sự sân độc" là lực của sự hổ thẹn. "Do nghĩ tưởng về ánh sáng, hổ thẹn về sự lờ đờ buồn ngủ" là lực của sự hổ thẹn. "Do không tản mạn, hổ thẹn về sự phóng dật" là lực của sự hổ thẹn. "Do xác định pháp, hổ thẹn về hoài nghi" là lực của sự hổ thẹn. "Do trí, hổ thẹn về vô minh" là lực của sự hổ thẹn. "Do hân hoan, hổ thẹn về sự không hứng thú" là lực của sự hổ thẹn. "Do sơ thiền, hổ thẹn về các pháp ngăn che" là lực của sự hổ thẹn. ... (nt)... "Do đạo A-la-hán, hổ thẹn về toàn bộ phiền não" là lực của sự hổ thẹn. Điều này là lực của sự hổ thẹn.

Lực của sự ghê sợ [tội lỗi] là gì? "Do sự thoát ly, [hành giả] ghê sợ về ước muốn trong các dục" là lực của sự ghê sợ. "Do không sân độc, ghê sợ về sự sân độc" là lực của sự ghê sợ. "Do nghĩ tưởng về ánh sáng, ghê sợ về sự lờ đờ buồn ngủ" là lực của sự ghê sợ. "Do không tản mạn, ghê sợ về sự phóng dật" là lực của sự ghê sợ. "Do xác định pháp, ghê sợ về hoài nghi" là lực của sự ghê sợ. "Do trí, ghê sợ về vô minh" là lực của sự ghê sợ. "Do hân hoan, ghê sợ về sự không hứng thú" là lực của sự ghê sợ. "Do sơ thiền, ghê sợ về các pháp ngăn che" là lực của sự ghê sợ. ... (nt)... "Do đạo A-la-hán, ghê sợ về toàn bộ phiền não" là lực của sự ghê sợ. Điều này là lực của sự ghê sợ.

Lực của sự phân biệt rõ là gì? "Do sự thoát ly, [hành giả] phân biệt rõ về ước muốn trong các dục" là lực của sự phân biệt rõ. "Do không sân độc, phân biệt rõ về sự sân độc" là lực của sự phân biệt rõ. "Do nghĩ tưởng về ánh sáng, phân biệt rõ về sự lờ đờ buồn ngủ" là lực của sự phân biệt rõ. "Do không tản mạn, phân biệt rõ về sự phóng dật" là lực của sự phân biệt rõ. "Do sự xác định pháp, phân biệt rõ về hoài nghi" là lực của sự phân biệt rõ. "Do trí, phân biệt rõ về vô minh" là lực của sự phân biệt rõ. "Do hân hoan, phân biệt rõ về sự không hứng thú" là lực của sự phân biệt rõ. "Do sơ thiền, phân biệt rõ về các pháp ngăn che" là lực của sự phân biệt rõ. ... (nt)... "Do đạo A-la-hán, phân biệt rõ về toàn bộ phiền não" là lực của sự phân biệt rõ. Điều này là lực của sự phân biệt rõ.

Lực của sự tu tập là gì? "Trong khi dứt bỏ ước muốn trong các dục, [hành giả] tu tập sự thoát ly" là lực của sự tu tập. "Trong khi dứt bỏ sân độc, tu tập sự không sân độc" là lực của sự tu tập. "Trong khi dứt bỏ sự lờ đờ buồn ngủ, tu tập sự nghĩ tưởng về ánh sáng" là lực của sự tu tập. "Trong khi dứt bỏ phóng dật, tu tập sự không tản mạn" là lực của sự tu tập. "Trong khi dứt bỏ hoài nghi, tu tập sự xác định pháp" là lực của sự tu tập. "Trong khi dứt bỏ vô minh, tu tập trí" là lực của sự tu tập. "Trong khi dứt bỏ sự không hứng thú, tu tập sự hân hoan" là lực của sự tu tập. "Trong khi dứt bỏ các pháp ngăn che, tu tập sơ thiền" là lực của sự tu tập. ... (nt)... "Trong khi dứt bỏ toàn bộ phiền não, tu tập đạo A-la-hán" là lực của sự tu tập. Điều này là lực của sự tu tập.

Lực của sự không sai trái là gì? "Do trạng thái dứt bỏ ước muốn trong các dục, không có gì sai trái ở sự thoát ly" là lực của sự không sai trái. "Do trạng thái dứt bỏ sân độc, không có gì sai trái ở sự không sân độc" là lực của sự không

sai trái. "Do trạng thái dứt bỏ sự lờ đờ buồn ngủ, không có gì sai trái ở sự nghĩ tưởng về ánh sáng" là lực của sự không sai trái. "Do trạng thái dứt bỏ phóng dật, không có gì sai trái ở sự không tản mạn" là lực của sự không sai trái. "Do trạng thái dứt bỏ hoài nghi, không có gì sai trái ở sự xác định pháp" là lực của sự không sai trái. "Do trạng thái dứt bỏ vô minh, không có gì sai trái ở trí" là lực của sự không sai trái. "Do trạng thái dứt bỏ sự không hứng thú, không có gì sai trái ở sự hân hoan" là lực của sự không sai trái. "Do trạng thái dứt bỏ các pháp ngăn che, không có gì sai trái ở sơ thiền" là lực của sự không sai trái. ... (nt)... "Do trạng thái dứt bỏ toàn bộ phiền não, không có gì sai trái ở đạo A-la-hán" là lực của sự không sai trái. Điều này là lực của sự không sai trái.

Lực của sự củng cố là gì? "Trong khi dứt bỏ ước muốn trong các dục, nhờ vào tác động của sự thoát ly [hành giả] củng cố lại tâm" là lực của sự củng cố. "Trong khi dứt bỏ sân độc bằng sự không sân độc [hành giả] củng cố lại tâm" là lực của sự củng cố. "Trong khi dứt bỏ sự lờ đờ buồn ngủ bằng sự nghĩ tưởng về ánh sáng [hành giả] củng cố lại tâm" là lực của sự củng cố. ... (nt)... "Trong khi dứt bỏ toàn bộ phiền não bằng đạo A-la-hán [hành giả] củng cố lại tâm" là lực của sự củng cố. Điều này là lực của sự củng cố.

Lực của sự nhẫn nại là gì? "Do trạng thái dứt bỏ ước muốn trong các dục, [hành giả] chấp nhận sự thoát ly" là lực của sự nhẫn nại. "Do trạng thái dứt bỏ sân độc, chấp nhận sự không sân độc" là lực của sự nhẫn nại. "Do trạng thái dứt bỏ sự lờ đờ buồn ngủ, chấp nhận sự nghĩ tưởng về ánh sáng" là lực của sự nhẫn nại. "Do trạng thái dứt bỏ phóng dật, chấp nhận sự không tản mạn" là lực của sự nhẫn nại. "Do trạng thái dứt bỏ hoài nghi, chấp nhận sự xác định pháp" là lực của sự nhẫn nại. "Do trạng thái dứt bỏ vô minh, chấp nhận trí" là lực của sự nhẫn nại. "Do trạng thái dứt bỏ sự không hứng thú, chấp nhận hân hoan" là lực của sự nhẫn nại. "Do trạng thái dứt bỏ các pháp ngăn che, chấp nhận sơ thiền" là lực của sự nhẫn nại. ... (nt)... "Do trạng thái dứt bỏ toàn bộ phiền não, chấp nhận đạo A-la-hán" là lực của sự nhẫn nại. Điều này là lực của sự nhẫn nại.

Lực của sự chuẩn bị là gì? "Trong khi dứt bỏ ước muốn trong các dục, nhờ vào tác động của sự thoát ly [hành giả] chuẩn bị tâm" là lực của sự chuẩn bị. "Trong khi dứt bỏ sân độc, nhờ vào tác động của sự không sân độc [hành giả] chuẩn bị tâm" là lực của sự chuẩn bị. "Trong khi dứt bỏ sự lờ đờ buồn ngủ, nhờ vào tác động của sự nghĩ tưởng về ánh sáng [hành giả] chuẩn bị tâm" là lực của sự chuẩn bị. ... (nt)... "Trong khi dứt bỏ toàn bộ phiền não, nhờ vào tác động của đạo A-la-hán [hành giả] chuẩn bị tâm" là lực của sự chuẩn bị. Điều này là lực của sự chuẩn bị.

Lực của sự thuyết phục là gì? "Trong khi dứt bỏ ước muốn trong các dục, nhờ vào tác động của sự thoát ly [hành giả] khiến tâm được thuyết phục" là lực của sự thuyết phục. "Trong khi dứt bỏ sân độc, nhờ vào tác động của sự không sân độc [hành giả] khiến tâm được thuyết phục" là lực của sự thuyết phục. "Trong khi dứt bỏ sự lờ đờ buồn ngủ, nhờ vào tác động của sự nghĩ tưởng về

ánh sáng [hành giả] khiến tâm được thuyết phục" là lực của sự thuyết phục. ... (nt)... "Trong khi dứt bỏ toàn bộ phiền não, nhờ vào tác động của đạo A-la-hán [hành giả] khiến tâm được thuyết phục" là lực của sự thuyết phục. Điều này là lực của sự thuyết phục.

Lực của sự thống lãnh là gì? "Trong khi dứt bỏ ước muốn trong các dục, nhờ vào tác động của sự thoát ly [hành giả] chuyển tâm thành ưu thế" là lực của sự thống lãnh. "Trong khi dứt bỏ sân độc, nhờ vào tác động của sự không sân độc [hành giả] chuyển tâm thành ưu thế" là lực của sự thống lãnh. "Trong khi dứt bỏ sự lờ đờ buồn ngủ, nhờ vào tác động của sự nghĩ tưởng về ánh sáng [hành giả] chuyển tâm thành ưu thế" là lực của sự thống lãnh. ... (nt)... "Trong khi dứt bỏ toàn bộ phiền não, nhờ vào tác động của đạo A-la-hán [hành giả] chuyển tâm thành ưu thế" là lực của sự thống lãnh. Điều này là lực của sự thống lãnh.

Lực của sự khẳng định là gì? "Trong khi dứt bỏ ước muốn trong các dục, nhờ vào tác động của sự thoát ly [hành giả] khẳng định tâm" là lực của sự khẳng định. "Trong khi dứt bỏ sân độc, nhờ vào tác động của sự không sân độc [hành giả] khẳng định tâm" là lực của sự khẳng định. "Trong khi dứt bỏ sự lờ đờ buồn ngủ, nhờ vào tác động của sự nghĩ tưởng về ánh sáng [hành giả] khẳng định tâm" là lực của sự khẳng định. ... (nt)... "Trong khi dứt bỏ toàn bộ phiền não, nhờ vào tác động của đạo A-la-hán [hành giả] khẳng định tâm" là lực của sự khẳng định. Điều này là lực của sự khẳng định.

Lực của chỉ tịnh là gì? Do tác động của sự thoát ly, trạng thái chuyên nhất không tản mạn của tâm là lực của chỉ tịnh. Do tác động của sự không sân độc, trạng thái chuyên nhất không tản mạn của tâm là lực của chỉ tịnh. Do tác động của sự nghĩ tưởng về ánh sáng, trạng thái chuyên nhất không tản mạn của tâm là lực của chỉ tịnh. ... (nt)... Có sự quán xét về từ bỏ, do tác động của hơi thở vào, trạng thái chuyên nhất không tản mạn của tâm là lực của chỉ tịnh. Có sự quán xét về từ bỏ, do tác động của hơi thở ra, trạng thái chuyên nhất không tản mạn của tâm là lực của chỉ tịnh.

Lực của chỉ tịnh: Lực của chỉ tịnh với ý nghĩa gì? "Nhờ vào Sơ thiền, [hành giả] không rung động đối với các pháp ngăn che" là lực của chỉ tịnh. "Nhờ vào Nhị thiền, [hành giả] không rung động đối với tầm và tứ" là lực của chỉ tịnh. "Nhờ vào Tam thiền, [hành giả] không rung động đối với hỷ" là lực của chỉ tịnh. "Nhờ vào Tứ thiền, [hành giả] không rung động đối với lạc và khổ" là lực của chỉ tịnh.

"Nhờ vào sự chứng đạt Không vô biên xứ, [hành giả] không rung động đối với sự nghĩ tưởng về sắc, đối với sự nghĩ tưởng về bất bình, đối với sự nghĩ tưởng về sự khác biệt" là lực của chỉ tịnh. "Nhờ vào sự chứng đạt Thức vô biên xứ, [hành giả] không rung động đối với sự nghĩ tưởng về Không vô biên xứ" là lực của chỉ tịnh. "Nhờ vào sự chứng đạt Vô sở hữu xứ, [hành giả] không rung động đối với sự nghĩ tưởng về Thức vô biên xứ" là lực của chỉ tịnh. "Nhờ vào sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ, [hành giả] không rung động đối với

sự nghĩ tưởng về Vô sở hữu xứ" là lực của chỉ tịnh. "[Hành giả] không rung động, không lay động, không chao động đối với các sự phóng dật, đối với các phiền não đi cùng với phóng dật và đối với các uẩn" là lực của chỉ tịnh. Đây là lực của chỉ tịnh.

Lực của minh sát là gì? Sự quán xét về vô thường là lực của minh sát. ...(nt)... Sự quán xét về từ bỏ là lực của minh sát. Sự quán xét về vô thường ở sắc là lực của minh sát. Sự quán xét về khổ não ở sắc là lực của minh sát. ... (nt)... Sự quán xét về từ bỏ ở sắc là lực của minh sát. Sự quán xét về vô thường ở thọ... ở tưởng... ở các hành... ở thức... ở mắt... ở lão tử là lực của minh sát. Sự quán xét về khổ não ở lão tử là lực của minh sát. ... (nt)... Sự quán xét về từ bỏ ở lão tử là lực của minh sát.

Lực của minh sát: Lực của minh sát với ý nghĩa gì? "Do quán xét về vô thường, [hành giả] không rung động đối với sự nghĩ tưởng về thường" là lực của minh sát. "Do quán xét về khổ não, không rung động đối với sự nghĩ tưởng về lạc" là lực của minh sát. "Do quán xét về vô ngã, không rung động đối với sự nghĩ tưởng về ngã" là lực của minh sát. "Do quán xét về nhàm chán, không rung động đối với sự nghĩ tưởng về vui thích" là lực của minh sát. "Do quán xét về ly tham ái, không rung động đối với sự nghĩ tưởng về tham ái" là lực của minh sát. "Do quán xét về diệt tận, không rung động đối với sự nghĩ tưởng về nhân sanh khởi" là lực của minh sát. "Do quán xét về từ bỏ, không rung động đối với sự nghĩ tưởng về nắm giữ" là lực của minh sát. "Không rung động, không chuyển động, không dao động đối với vô minh, đối với các phiền não đi cùng với vô minh và đối với các uẩn" là lực của minh sát. Đây là lực của minh sát.

Mười lực của bậc Hữu học, mười lực của bậc Vô học là gì? "[Hành giả] học tập chánh kiến" là lực của bậc Hữu học. "Do trạng thái đã học tập xong ở điều ấy" là lực của bậc Vô học. "[Hành giả] học tập chánh tư duy" là lực của bậc Hữu học. "Do trạng thái đã học tập xong ở điều ấy" là lực của bậc Vô học. "[Hành giả] học tập chánh ngữ... chánh nghiệp... chánh mạng... chánh tinh tấn... chánh niệm... chánh định... chánh trí... chánh giải thoát" là lực của bậc Hữu học. "Do trạng thái đã học tập xong ở điều ấy" là lực của bậc Vô học. Đây là mười lực của bậc Hữu học, mười lực của bậc Vô học.

Mười lực của bậc Lậu tận là gì? Ở đây, đối với vị Tỳ-khưu là bậc Lậu tận, tất cả các hành là vô thường được thấy rõ đúng theo thực thể nhờ vào sự nhận biết đúng đắn. Sự việc đối với vị Tỳ-khưu là bậc Lậu tận, tất cả các hành là vô thường được thấy rõ đúng theo thực thể nhờ vào sự nhận biết đúng đắn; điều này cũng là lực của vị Tỳ-khưu là bậc Lậu tận. Sau khi đạt đến lực ấy, vị Tỳ-khưu là bậc Lậu tận nhận biết sự đoạn tận của các lậu hoặc rằng: "Các lậu hoặc của ta đã cạn kiệt."

Hơn nữa, đối với vị Tỳ-khưu là bậc Lậu tận, các dục tợ như hố than cháy đỏ được thấy rõ, đúng theo thực thể nhờ vào sự nhận biết đúng đắn. Sự việc đối

với vị Tỳ-khưu là bậc Lậu tận, các dục tợ như hố than cháy đỏ được thấy rõ, đúng theo thực thể nhờ vào sự nhận biết đúng đắn; điều này cũng là lực của vị Tỳ-khưu là bậc Lậu tận. Sau khi đạt đến lực ấy, vị Tỳ-khưu là bậc Lậu tận nhận biết sự đoạn tận của các lậu hoặc rằng: "Các lậu hoặc của ta đã cạn kiệt."

Hơn nữa, đối với vị Tỳ-khưu là bậc Lậu tận, tâm là thuận theo sự viễn ly, là xuôi theo sự viễn ly, là nghiêng theo sự viễn ly, là tồn tại ở sự viễn ly, là hứng thú với sự thoát ly, là được hoàn toàn chấm dứt đối với các pháp đưa đến lậu hoặc. Sự việc đối với vị Tỳ-khưu là bậc Lậu tận, tâm là thuận theo sự viễn ly, là xuôi theo sự viễn ly, là nghiêng theo sự viễn ly, là tồn tại ở sự viễn ly, là hứng thú với sự thoát ly, là được hoàn toàn chấm dứt đối với các pháp đưa đến lậu hoặc; điều này cũng là lực của vị Tỳ-khưu là bậc Lậu tận. Sau khi đạt đến lực ấy, vị Tỳ-khưu là bậc Lậu tận nhận biết sự đoạn tận của các lậu hoặc rằng: "Các lậu hoặc của ta đã cạn kiệt."

Hơn nữa, đối với vị Tỳ-khưu là bậc Lậu tận, bốn sự thiết lập niệm là đã được tu tập, là đã được tu tập tốt đẹp. Sự việc đối với vị Tỳ-khưu là bậc Lậu tận, bốn sự thiết lập niệm là đã được tu tập, là đã được tu tập tốt đẹp; điều này cũng là lực của vị Tỳ-khưu là bậc Lậu tận. Sau khi đạt đến lực ấy, vị Tỳ-khưu là bậc Lậu tận nhận biết sự đoạn tận của các lậu hoặc rằng: "Các lậu hoặc của ta đã cạn kiệt."

Hơn nữa, đối với vị Tỳ-khưu là bậc Lậu tận, bốn chánh cần là đã được tu tập, là đã được tu tập tốt đẹp. ... (nt)... bốn nền tảng của thần thông là đã được tu tập, là đã được tu tập tốt đẹp. ... (nt)... năm quyền là đã được tu tập, là đã được tu tập tốt đẹp. ... (nt)... năm lực là đã được tu tập, là đã được tu tập tốt đẹp. ... (nt)... bảy chi phần đưa đến giác ngộ là đã được tu tập, là đã được tu tập tốt đẹp. ... (nt)... Thánh đạo tám chi phần là đã được tu tập, là đã được tu tập tốt đẹp. Sự việc đối với vị Tỳ-khưu là bậc Lậu tận, Thánh đạo tám chi phần là đã được tu tập, là đã được tu tập tốt đẹp; điều này cũng là lực của vị Tỳ-khưu là bậc Lậu tận. Sau khi đạt đến lực ấy, vị Tỳ-khưu là bậc Lậu tận nhận biết sự đoạn tận của các lậu hoặc rằng: "Các lậu hoặc của ta đã cạn kiệt." Đây là mười lực của bậc Lậu tận.

Mười lực của thần thông là gì? Thần thông do chú nguyện, thần thông do biến hóa, thần thông do ý tạo thành, thần thông do sự can thiệp của trí, thần thông do sự can thiệp của định, thần thông thuộc về bậc Thánh, thần thông sanh lên do kết quả của nghiệp, thần thông của người có phước báu, thần thông do sự hiểu biết, thần thông với ý nghĩa thành công do duyên ứng dụng đúng đắn tùy theo trường hợp; đây là mười lực của thần thông.

Mười lực của đức Như Lai là gì? Ở đây, đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể về điều hợp lý là hợp lý và điều phi lý là phi lý. Sự việc đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể về điều hợp lý là hợp lý và điều phi lý là phi lý, điều này cũng là Như Lai lực của đức Như Lai. Sau khi đạt đến lực ấy, đức Như Lai

công bố về tư thế tối thượng, rống lên tiếng rống sư tử ở giữa hội chúng, chuyển vận pháp luân tối thượng.

Hơn nữa, đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể kết quả các sự thọ nhận về nghiệp ở thời quá khứ, hiện tại, vị lai tùy theo sự kiện, tùy theo chủng tử. Sự việc đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể kết quả các sự thọ nhận về nghiệp ở thời quá khứ, hiện tại, vị lai tùy theo sự kiện, tùy theo chủng tử, điều này cũng là Như Lai lực của đức Như Lai. Sau khi đạt đến lực ấy, đức Như Lai công bố về tư thế tối thượng, rống lên tiếng rống sư tử ở giữa hội chúng, chuyển vận pháp luân tối thượng.

Hơn nữa, đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể sự thực hành đưa đến tất cả các cõi tái sanh. Sự việc đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể sự thực hành đưa đến tất cả các cõi tái sanh, điều này cũng là Như Lai lực của đức Như Lai. Sau khi đạt đến lực ấy, đức Như Lai công bố về tư thế tối thượng, rống lên tiếng rống sư tử ở giữa hội chúng, chuyển vận pháp luân tối thượng.

Hơn nữa, đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể thế giới có vô số bản chất và có các bản chất khác biệt. Sự việc đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể thế giới có vô số bản chất và có các bản chất khác biệt, điều này cũng là Như Lai lực của đức Như Lai. ... (nt)... chuyển vận pháp luân tối thượng.

Hơn nữa, đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể về khuynh hướng khác biệt của các chúng sanh. Sự việc đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể về khuynh hướng khác biệt của các chúng sanh, điều này cũng là Như Lai lực của đức Như Lai. ... (nt)... chuyển vận pháp luân tối thượng.

Hơn nữa, đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể khả năng về các quyền của các chúng sanh khác, của các cá nhân khác. Sự việc đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể khả năng về các quyền của các chúng sanh khác, của các cá nhân khác, điều này cũng là Như Lai lực của đức Như Lai. ... (nt)... chuyển vận pháp luân tối thượng.

Hơn nữa, đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể về phiền não, sự thanh lọc, sự thoát ra của thiền, của giải thoát, của định và của sự chứng đạt. Sự việc đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể về phiền não, sự thanh lọc, sự thoát ra của thiền, của giải thoát, của định và của sự chứng đạt, điều này cũng là Như Lai lực của đức Như Lai. ... (nt)... chuyển vận pháp luân tối thượng.

Hơn nữa, đức Như Lai nhớ về nhiều kiếp sống trước như là một lần sanh, hai lần sanh... (nt)...; như thế Ngài nhớ lại nhiều kiếp sống trước với các nét cá biệt và đại cương. Sự việc đức Như Lai nhớ về nhiều kiếp sống trước như là một lần sanh, hai lần sanh... (nt)... điều này cũng là Như Lai lực của đức Như Lai. ... (nt)... chuyển vận pháp luân tối thượng.

Hơn nữa, đức Như Lai, bằng thiên nhãn thuần tịnh vượt trội loài người, nhìn thấy chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại... (nt)... Sự việc đức Như Lai, bằng thiên nhãn thuần tịnh vượt trội loài người, nhìn thấy chúng sanh trong khi

chết đi rồi sanh lại... (nt)... điều này cũng là Như Lai lực của đức Như Lai. ... (nt)... chuyển vận pháp luân tối thượng.

Hơn nữa, đức Như Lai, do sự đoạn tận của các lậu hoặc ngay trong kiếp hiện tại, sau khi tác chứng sự không còn lậu hoặc, sự giải thoát của ý, sự giải thoát của tuệ bằng thắng trí của tự thân, đã thể nhập và an trú. Sự việc đức Như Lai, do sự đoạn tận của các lậu hoặc ngay trong kiếp hiện tại, sau khi tác chứng sự không còn lậu hoặc, sự giải thoát của ý, sự giải thoát của tuệ bằng thắng trí của tự thân, đã thể nhập và an trú, điều này cũng là Như Lai lực của đức Như Lai. Sau khi đạt đến lực ấy, đức Như Lai công bố về tư thế tối thượng, rống lên tiếng rống sư tử ở giữa hội chúng, chuyển vận pháp luân tối thượng.

Tín lực với ý nghĩa gì? Tấn lực với ý nghĩa gì? Niệm lực với ý nghĩa gì? Định lực với ý nghĩa gì? Tuệ lực với ý nghĩa gì? Lực của sự hổ thẹn [tội lỗi] với ý nghĩa gì? Lực của sự ghê sợ [tội lỗi] với ý nghĩa gì? Lực của sự phân biệt rõ với ý nghĩa gì? ... (nt)... Lực của đức Như Lai với ý nghĩa gì?

Với ý nghĩa của sự không dao động ở sự không có đức tin là tín lực. Với ý nghĩa của sự không dao động ở sự biếng nhác là tấn lực. Với ý nghĩa của sự không dao động ở sự buông lung là niệm lực. Với ý nghĩa của sự không dao động ở sự phóng dật là định lực. Với ý nghĩa của sự không dao động ở vô minh là tuệ lực. "Hổ thẹn về các ác bất thiện pháp" là lực của sự hổ thẹn [tội lỗi]. "Ghê sợ về các ác bất thiện pháp" là lực của sự ghê sợ [tội lỗi]. "Phân biệt rõ các phiền não bằng trí" là lực của sự phân biệt rõ. "Các pháp sanh lên trong trường hợp ấy là có nhất vị" là lực của sự tu tập. "Không có gì sai trái ở điều ấy" là lực của sự không sai trái. "Do điều ấy, [hành giả] củng cố lại tâm" là lực của sự củng cố. "[Hành giả] chấp nhận điều ấy" là lực của sự nhẫn nại. "Do điều ấy, [hành giả] chuẩn bị tâm" là lực của sự chuẩn bị. "Do điều ấy, [hành giả] khiến tâm được thuyết phục" là lực của sự thuyết phục. "Do điều ấy, [hành giả] chuyển tâm thành ưu thế" là lực của sự thống lãnh. "Do điều ấy, [hành giả] khẳng định tâm" là lực của sự khẳng định. "Do điều ấy, tâm được chuyên nhất" là lực của chỉ tịnh. "[Hành giả] quán xét các pháp sanh lên trong trường hợp ấy" là lực của minh sát. "[Hành giả] học tập ở điều ấy" là lực của bậc Hữu học. "Do trạng thái đã học tập xong ở điều ấy" là lực của bậc Vô học. "Do điều ấy, các lậu hoặc được cạn kiệt" là lực của bậc Lậu tận. "Được thành công cho vị ấy" là lực của thần thông. Với ý nghĩa vô lượng là lực của đức Như Lai.

Phần giảng về "Lực" được đầy đủ.

X. GIẢNG VỀ KHÔNG TÁNH
(*SUÑÑATĀKATHĀ*)

Tôi đã được nghe như vầy:

Một thời, đức Thế Tôn ngự tại Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Khi ấy, Đại đức Ānanda đã đi đến gặp đức Thế Tôn; sau khi đến, đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Ānanda đã bạch với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, được nói rằng: "Thế giới là Không, thế giới là Không." Bạch Ngài, cho đến như thế nào được nói rằng: "Thế giới là Không"?

– Này Ānanda, bởi vì là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã, do đó được nói rằng: "Thế giới là Không." Và này Ānanda, cái gì là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã? Này Ānanda, mắt là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã. Các sắc là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã. Nhãn thức là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã. Nhãn xúc là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã. Cảm thọ nào được sanh lên do duyên nhãn xúc dầu là lạc, hoặc là khổ, hoặc là không khổ không lạc, cảm thọ ấy cũng là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã.

Tai là Không... Các thinh là Không... Mũi là Không... Các khí là Không... Lưỡi là Không... Các vị là Không... Thân là Không... Các xúc là Không... Ý là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã. Các pháp là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã. Ý thức là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã. Ý xúc là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã. Cảm thọ nào được sanh lên do duyên ý xúc dầu là lạc, hoặc là khổ, hoặc là không khổ không lạc, cảm thọ ấy cũng là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã. Này Ānanda, bởi vì là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã, do đó được nói rằng: "Thế giới là Không."

Không đối với Không, Không đối với các hành, Không do sự chuyển biến, Không tối thắng, Không do tướng trạng, Không do áp chế, Không đối với chi phần ấy, Không do đoạn trừ, Không do tịnh lặng, Không do xuất ly, Không đối với nội phần, Không đối với ngoại phần, Không đối với cả hai [nội và ngoại phần], Không của cùng nhóm, Không do khác nhóm, Không do tầm cầu, Không do nắm giữ, Không do thành đạt, Không do thấu triệt, Không do tính chất giống nhau, Không do tính chất khác biệt, Không do nhẫn nại, Không do

khẳng định, Không do thâm nhập, sự chấm dứt vận hành của vị có sự nhận biết rõ rệt là Không theo ý nghĩa tuyệt đối của tất cả không tánh.

Cái gì là Không đối với Không? Mắt là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã, đối với vật thường còn, đối với vật vững bền, đối với vật vĩnh viễn hoặc đối với pháp không chuyển biến. Tai là Không... Mũi là Không... Lưỡi là Không... Thân là Không... Ý là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã, đối với vật thường còn, đối với vật vững bền, đối với vật vĩnh viễn hoặc đối với pháp không chuyển biến. Đây là Không đối với Không.

Cái gì là Không đối với các hành? Có ba hành: Phúc hành, phi phúc hành, bất động hành.[7] Phúc hành là Không đối với phi phúc hành và đối với bất động hành. Phi phúc hành là Không đối với phúc hành và đối với bất động hành. Bất động hành là Không đối với phúc hành và đối với phi phúc hành. Đây là ba hành.

Còn có ba hành khác nữa: Thân hành, khẩu hành, ý hành. Thân hành là Không đối với khẩu hành và đối với ý hành. Khẩu hành là Không đối với thân hành và đối với ý hành. Ý hành là Không đối với thân hành và đối với khẩu hành. Đây là ba hành.

Còn có ba hành khác nữa: Hành thời quá khứ, hành thời vị lai, hành thời hiện tại. Hành thời quá khứ là Không đối với hành thời vị lai và thời hiện tại. Hành thời vị lai là Không đối với hành thời quá khứ và thời hiện tại. Hành thời hiện tại là Không đối với hành thời quá khứ và thời vị lai. Đây là ba hành. Đây là Không đối với các hành.

Cái gì là Không do sự chuyển biến? Sắc được sanh lên là Không do bản thể, sắc đã qua không những là đã chuyển biến mà còn là Không. Thọ được sanh lên là Không do bản thể, thọ đã qua không những là đã chuyển biến mà còn là Không. Tưởng được sanh lên... Các hành được sanh lên... Thức được sanh lên... Mắt được sanh lên... Hữu được sanh lên là Không do bản thể, hữu đã qua không những là đã chuyển biến mà còn là Không. Đây là Không do sự chuyển biến.

Cái gì là Không tối thắng? Địa vị này là tối thắng, địa vị này là hạng nhất, địa vị này là phi thường, tức là sự yên lặng của tất cả các hành, sự từ bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự đoạn tận ái, sự ly tham ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Đây là Không tối thắng.

Cái gì là Không do tướng trạng? Có hai tướng trạng: Tướng trạng của kẻ ngu và tướng trạng của người trí. Tướng trạng của kẻ ngu là Không so với tướng trạng của người trí. Tướng trạng của người trí là Không so với tướng trạng của kẻ ngu.

Có ba tướng trạng: Tướng trạng sanh lên, tướng trạng hoại diệt, tướng trạng thay đổi trong khi tồn tại. Tướng trạng sanh lên là Không đối với tướng trạng

---

[7] Phúc hành (*puññābhisaṅkhāro*) là sự tạo tác đem lại phước báu do năng lực của bố thí, trì giới, tham thiền, v.v... và sự tu tập năm thiền sắc giới; phi phúc hành (*apuññābhisaṅkhāro*) là sự tạo tác không đem lại phước báu do hậu quả của các hành động như sát sanh, v.v...; bất động hành (*āneñjābhisaṅkhāro*) là sự tạo tác có kết quả không thay đổi, có liên quan đến bốn thiền vô sắc (*PsA*. III. 633).

hoại diệt và đối với tướng trạng thay đổi trong khi tồn tại. Tướng trạng hoại diệt là Không đối với tướng trạng sanh lên và đối với tướng trạng thay đổi trong khi tồn tại. Tướng trạng thay đổi trong khi tồn tại là Không đối với tướng trạng sanh lên và đối với tướng trạng hoại diệt.

Đối với sắc, tướng trạng sanh lên là Không đối với tướng trạng hoại diệt và đối với tướng trạng đổi thay khi trụ lại. Đối với sắc, tướng trạng hoại diệt là Không đối với tướng trạng sanh lên và đối với tướng trạng đổi thay khi trụ lại. Đối với sắc, tướng trạng đổi thay khi trụ lại là Không đối với tướng trạng sanh lên và đối với tướng trạng hoại diệt. Đối với thọ... tưởng... các hành... thức... mắt... lão tử, tướng trạng sanh lên là Không đối với tướng trạng hoại diệt và đối với tướng trạng đổi thay khi trụ lại. Đối với lão tử, tướng trạng hoại diệt là Không đối với tướng trạng sanh lên và đối với tướng trạng đổi thay khi trụ lại. Đối với lão tử, tướng trạng đổi thay khi trụ lại là Không đối với tướng trạng sanh lên và đối với tướng trạng hoại diệt. Đây là Không do tướng trạng.

Cái gì là Không do áp chế? Do sự thoát ly, ước muốn trong các dục được áp chế và là Không. Do không sân độc, sân độc được áp chế và là Không. Do sự nghĩ tưởng về ánh sáng, sự lờ đờ buồn ngủ được áp chế và là Không. Do không tản mạn, sự phóng dật được áp chế và là Không. Do xác định pháp, hoài nghi được áp chế và là Không. Do trí, vô minh được áp chế và là Không. Do hân hoan, sự không hứng thú được áp chế và là Không. Do sơ thiền, các pháp ngăn che được áp chế và là Không. … (nt)... Do đạo A-la-hán, toàn bộ phiền não được áp chế và là Không. Đây là Không do áp chế.

Cái gì là Không đối với chi phần ấy? Do sự thoát ly, ước muốn trong các dục là Không đối với chi phần ấy. Do không sân độc, sân độc là Không đối với chi phần ấy. Do sự nghĩ tưởng về ánh sáng, sự lờ đờ buồn ngủ là Không đối với chi phần ấy. Do không tản mạn, sự phóng dật là Không đối với chi phần ấy. Do xác định pháp, hoài nghi là Không đối với chi phần ấy. Do trí, vô minh là Không đối với chi phần ấy. Do hân hoan, sự không hứng thú là Không đối với chi phần ấy. Do sơ thiền, các pháp ngăn che là Không đối với chi phần ấy. … (nt)... Do quán xét về ly khai, cố chấp vào sự ràng buộc là Không đối với chi phần ấy. Đây là Không đối với chi phần ấy.

Cái gì là Không do đoạn trừ? Do sự thoát ly, ước muốn trong các dục được đoạn trừ và là Không. Do không sân độc, sân độc được đoạn trừ và là Không. Do nghĩ tưởng về ánh sáng, sự lờ đờ buồn ngủ được đoạn trừ và là Không. Do không tản mạn, sự phóng dật được đoạn trừ và là Không. Do xác định pháp, hoài nghi được đoạn trừ và là Không. Do trí, vô minh được đoạn trừ và là Không. Do hân hoan, sự không hứng thú được đoạn trừ và là Không. Do sơ thiền, các pháp ngăn che được đoạn trừ và là Không. … (nt)... Do đạo A-la-hán, toàn bộ phiền não được đoạn trừ và là Không. Đây là Không do đoạn trừ.

Cái gì là Không do tịnh lặng? Do sự thoát ly, ước muốn trong các dục được tịnh lặng và là Không. Do không sân độc, sân độc được tịnh lặng và là Không.

Do nghĩ tưởng về ánh sáng, sự lờ đờ buồn ngủ được tịnh lặng và là Không. Do không tản mạn, phóng dật được tịnh lặng và là Không. Do xác định pháp, hoài nghi được tịnh lặng và là Không. Do trí, vô minh được tịnh lặng và là Không. Do hân hoan, sự không hứng thú được tịnh lặng và là Không. Do sơ thiền, các pháp ngăn che được tịnh lặng và là Không. … (nt)... Do đạo A-la-hán, toàn bộ phiền não được tịnh lặng và là Không. Đây là Không do tịnh lặng.

Cái gì là Không do xuất ly? Do sự thoát ly, ước muốn trong các dục được xuất ly và là Không. Do không sân độc, sân độc được xuất ly và là Không. Do sự nghĩ tưởng về ánh sáng, sự lờ đờ buồn ngủ được xuất ly và là Không. Do không tản mạn, sự phóng dật được xuất ly và là Không. Do xác định pháp, hoài nghi được xuất ly và là Không. Do trí, vô minh được xuất ly và là Không. Do hân hoan, sự không hứng thú được xuất ly và là Không. Do sơ thiền, các pháp ngăn che được xuất ly và là Không. … (nt)... Do đạo A-la-hán, toàn bộ phiền não được xuất ly và là Không. Đây là Không do xuất ly.

Cái gì là Không đối với nội phần? Mắt thuộc nội phần là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã, đối với vật thường còn, đối với vật vững bền, đối với vật vĩnh viễn hoặc đối với pháp không chuyển biến. Tai thuộc nội phần là Không... Mũi thuộc nội phần là Không... Lưỡi thuộc nội phần là Không... Thân thuộc nội phần là Không... Ý thuộc nội phần là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã, đối với vật thường còn, đối với vật vững bền, đối với vật vĩnh viễn, hoặc đối với pháp không chuyển biến. Đây là Không đối với nội phần.

Cái gì là Không đối với ngoại phần? Các sắc thuộc ngoại phần là Không... (nt)... Các pháp thuộc ngoại phần là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã, đối với vật thường còn, đối với vật vững bền, đối với vật vĩnh viễn, hoặc đối với pháp không chuyển biến. Đây là Không đối với ngoại phần.

Cái gì là Không đối với cả hai? Mắt thuộc nội phần và các sắc thuộc ngoại phần, cả hai điều này là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã, đối với vật thường còn, đối với vật vững bền, đối với vật vĩnh viễn, hoặc đối với pháp không chuyển biến. Tai thuộc nội phần và các thinh thuộc ngoại phần... Mũi thuộc nội phần và các khí thuộc ngoại phần... Lưỡi thuộc nội phần và các vị thuộc ngoại phần... Thân thuộc nội phần và các xúc thuộc ngoại phần... Ý thuộc nội phần và các pháp thuộc ngoại phần, cả hai điều này là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã, đối với vật thường còn, đối với vật vững bền, đối với vật vĩnh viễn, hoặc đối với pháp không chuyển biến. Điều này là Không đối với cả hai.

Cái gì là Không của cùng nhóm? Sáu nội xứ là cùng nhóm và là Không. Sáu ngoại xứ là cùng nhóm và là Không. Sáu nhóm của thức là cùng nhóm và là Không. Sáu nhóm của xúc là cùng nhóm và là Không. Sáu nhóm của thọ là cùng nhóm và là Không. Sáu nhóm của tưởng là cùng nhóm và là Không. Sáu nhóm của tư là cùng nhóm và là Không. Đây là Không của cùng nhóm.

Cái gì là Không do khác nhóm? Sáu nội xứ đối với sáu ngoại xứ là khác nhóm và là Không. Sáu ngoại xứ đối với sáu nhóm của thức là khác nhóm và là Không. Sáu nhóm của thức đối với sáu nhóm của xúc là khác nhóm và là Không. Sáu nhóm của xúc đối với sáu nhóm của thọ là khác nhóm và là Không. Sáu nhóm của thọ đối với sáu nhóm của tưởng là khác nhóm và là Không. Sáu nhóm của tưởng đối với sáu nhóm của tư là khác nhóm và là Không. Đây là Không do khác nhóm.

Cái gì là Không do tầm cầu? Tầm cầu sự thoát ly là Không đối với ước muốn trong các dục. Tầm cầu sự không sân độc là Không đối với sân độc. Tầm cầu sự nghĩ tưởng về ánh sáng là Không đối với sự lờ đờ buồn ngủ. Tầm cầu sự Không tản mạn là Không đối với phóng dật. Tầm cầu sự xác định pháp là Không đối với hoài nghi. Tầm cầu trí là Không đối với vô minh. Tầm cầu sự hân hoan là Không đối với sự không hứng thú. Tầm cầu sơ thiền là Không đối với các pháp ngăn che... (nt)... Tầm cầu đạo A-la-hán là Không đối với toàn bộ phiền não. Đây là Không do tầm cầu.

Cái gì là Không do nắm giữ? Nắm giữ sự thoát ly là Không đối với ước muốn trong các dục. Nắm giữ sự không sân độc là Không đối với sân độc. Nắm giữ sự nghĩ tưởng về ánh sáng là Không đối với sự lờ đờ buồn ngủ. Nắm giữ sự không tản mạn là Không đối với sự phóng dật. Nắm giữ sự xác định pháp là Không đối với hoài nghi. Nắm giữ trí là Không đối với vô minh. Nắm giữ sự hân hoan là Không đối với sự không hứng thú. Nắm giữ sơ thiền là Không đối với các pháp ngăn che... (nt)... Nắm giữ đạo A-la-hán là Không đối với toàn bộ phiền não. Đây là Không do nắm giữ.

Cái gì là Không do thành đạt? Thành đạt sự thoát ly là Không đối với ước muốn trong các dục. Thành đạt sự không sân độc là Không đối với sân độc. Thành đạt sự nghĩ tưởng về ánh sáng là Không đối với sự lờ đờ buồn ngủ. Thành đạt sự không tản mạn là Không đối với phóng dật. Thành đạt sự xác định pháp là Không đối với hoài nghi. Thành đạt trí là Không đối với vô minh. Thành đạt sự hân hoan là Không đối với sự không hứng thú. Thành đạt sơ thiền là Không đối với các pháp ngăn che. … (nt)... Thành đạt đạo A-la-hán là Không đối với toàn bộ phiền não. Đây là Không do thành đạt.

Cái gì là Không do thấu triệt? Thấu triệt sự thoát ly là Không đối với ước muốn trong các dục. Thấu triệt sự không sân độc là Không đối với sân độc. Thấu triệt sự nghĩ tưởng về ánh sáng là Không đối với sự lờ đờ buồn ngủ. Thấu triệt sự không tản mạn là Không đối với phóng dật. Thấu triệt sự xác định pháp là Không đối với hoài nghi. Thấu triệt trí là Không đối với vô minh. Thấu triệt sự hân hoan là Không đối với sự không hứng thú. Thấu triệt sơ thiền là Không đối với các pháp ngăn che... (nt)... Thấu triệt đạo A-la-hán là Không đối với toàn bộ phiền não. Đây là Không do thấu triệt.

Cái gì là Không do tính chất giống nhau, là Không do tính chất khác biệt? Ước muốn trong các dục là có tính chất khác biệt, sự thoát ly là có tính chất

giống nhau. Vị đang suy nghĩ về tính chất giống nhau của sự thoát ly, đối với vị ấy là Không về ước muốn trong các dục. Sân độc là có tính chất khác biệt, không sân độc là có tính chất giống nhau. Vị đang suy nghĩ về tính chất giống nhau của không sân độc, đối với vị ấy là Không về sân độc. Sự lờ đờ buồn ngủ là có tính chất khác biệt, sự nghĩ tưởng về ánh sáng là có tính chất giống nhau. Vị đang suy nghĩ về tính chất giống nhau của sự nghĩ tưởng về ánh sáng, đối với vị ấy là Không về sự lờ đờ buồn ngủ. Phóng dật là có tính chất khác biệt, sự không tản mạn là có tính chất giống nhau. Vị đang suy nghĩ về tính chất giống nhau của sự không tản mạn, đối với vị ấy là Không về phóng dật. Hoài nghi là có tính chất khác biệt, sự xác định pháp là có tính chất giống nhau. Vị đang suy nghĩ về tính chất giống nhau của sự xác định pháp, đối với vị ấy là Không về hoài nghi. Vô minh là có tính chất khác biệt, trí là có tính chất giống nhau. Vị đang suy nghĩ về tính chất giống nhau của trí, đối với vị ấy là Không về vô minh. Sự không hứng thú là có tính chất khác biệt, hân hoan là có tính chất giống nhau. Vị đang suy nghĩ về tính chất giống nhau của hân hoan, đối với vị ấy là Không về sự không hứng thú. Các pháp ngăn che là có tính chất khác biệt, sơ thiền là có tính chất giống nhau. Vị đang suy nghĩ về tính chất giống nhau của sơ thiền, đối với vị ấy là Không về các pháp ngăn che... (nt)... Toàn bộ phiền não là có tính chất khác biệt, đạo A-la-hán là có tính chất giống nhau. Vị đang suy nghĩ về tính chất giống nhau của đạo A-la-hán, đối với vị ấy là Không về toàn bộ phiền não. Đây là Không do tính chất giống nhau, là Không do tính chất khác biệt.

Cái gì là Không do nhẫn nại? Nhẫn nại đối với sự thoát ly là Không đối với ước muốn trong các dục. Nhẫn nại đối với sự không sân độc là Không đối với sân độc. Nhẫn nại đối với sự nghĩ tưởng về ánh sáng là Không đối với sự lờ đờ buồn ngủ. Nhẫn nại đối với sự không tản mạn là Không đối với phóng dật. Nhẫn nại đối với sự xác định pháp là Không đối với hoài nghi. Nhẫn nại đối với trí là Không đối với vô minh. Nhẫn nại đối với sự hân hoan là Không đối với sự không hứng thú. Nhẫn nại đối với sơ thiền là Không đối với các pháp ngăn che... (nt)... Nhẫn nại đối với đạo A-la-hán là Không đối với toàn bộ phiền não. Đây là Không do nhẫn nại.

Cái gì là Không do khẳng định? Khẳng định sự thoát ly là Không đối với ước muốn trong các dục. Khẳng định không sân độc là Không đối với sự sân độc. Khẳng định sự nghĩ tưởng về ánh sáng là Không đối với sự lờ đờ buồn ngủ. Khẳng định sự không tản mạn là Không đối với sự phóng dật. Khẳng định sự xác định pháp là Không đối với hoài nghi. Khẳng định trí là Không đối với vô minh. Khẳng định sự hân hoan là Không đối với không hứng thú. Khẳng định sơ thiền là Không đối với các pháp ngăn che... (nt)... Khẳng định đạo A-la-hán là Không đối với toàn bộ phiền não. Đây là Không do khẳng định.

Cái gì là Không do thâm nhập? Thâm nhập sự thoát ly là Không đối với ước muốn trong các dục. Thâm nhập sự không sân độc là Không đối với sân

độc. Thâm nhập sự nghĩ tưởng về ánh sáng là Không đối với sự lờ đờ buồn ngủ. Thâm nhập sự không tản mạn là Không đối với sự phóng dật. Thâm nhập sự xác định pháp là Không đối với hoài nghi. Thâm nhập trí là Không đối với vô minh. Thâm nhập sự hân hoan là Không đối với sự không hứng thú. Thâm nhập sơ thiền là Không đối với các pháp ngăn che. … (nt)... Thâm nhập đạo A-la-hán là Không đối với toàn bộ phiền não. Đây là Không do thâm nhập.

Sự chấm dứt vận hành gì ở vị có sự nhận biết rõ rệt là Không theo ý nghĩa tuyệt đối của tất cả không tánh? Ở đây, vị có sự nhận biết rõ rệt, chấm dứt sự vận hành của ước muốn trong các dục nhờ vào sự thoát ly, chấm dứt sự vận hành của sân độc nhờ vào không sân độc, chấm dứt sự vận hành của sự lờ đờ buồn ngủ nhờ vào sự nghĩ tưởng về ánh sáng, chấm dứt sự vận hành của phóng dật nhờ vào không tản mạn, chấm dứt sự vận hành của hoài nghi nhờ vào sự xác định pháp, chấm dứt sự vận hành của vô minh nhờ vào trí, chấm dứt sự vận hành của không hứng thú nhờ vào hân hoan, chấm dứt sự vận hành của các pháp ngăn che nhờ vào sơ thiền... (nt)... chấm dứt sự vận hành của toàn bộ phiền não nhờ vào đạo A-la-hán.

Hoặc là đối với vị có sự nhận biết rõ rệt đang Vô dư Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn không còn dư sót, sự vận hành này của mắt được chấm dứt và sự vận hành khác của mắt không sanh lên, sự vận hành này của tai... (nt)... sự vận hành này của mũi... (nt)... sự vận hành này của lưỡi... (nt)... sự vận hành này của thân... (nt)... sự vận hành này của ý được chấm dứt và sự vận hành khác của ý không sanh lên. Sự chấm dứt vận hành này ở vị có sự nhận biết rõ rệt là Không theo ý nghĩa tuyệt đối của tất cả không tánh.

Phần giảng về "Không tánh" được đầy đủ.

Phẩm "Kết hợp chung" là phần thứ nhì.

Tóm lược phẩm này:

Kết hợp chung, chân lý,
Tâm từ, ly tham ái,
[Các phương pháp] phân tích,
Tối thượng ở thế gian,

Các chi phần giác ngộ,
Là phần giảng thứ năm,
Bánh xe về Chánh pháp,
Lực và Không là mười.

Phần quý báu của các bộ kinh đã được thành lập này là phẩm thứ nhì, cao quý, tuyệt vời, không gì sánh được.

C. PHẨM TUỆ
(*PAÑÑĀVAGGO*)

I. GIẢNG VỀ TUỆ
(*PAÑÑĀKATHĀ*)

Sự quán xét về vô thường được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về khổ não được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về vô ngã được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? ... (nt)... Sự quán xét về từ bỏ được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ?

Sự quán xét về vô thường được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ đồng tốc được tròn đủ. Sự quán xét về khổ não được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ nhàm chán được tròn đủ. Sự quán xét về vô ngã được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ vĩ đại được tròn đủ. Sự quán xét về nhàm chán được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ sắc bén được tròn đủ. Sự quán xét về ly tham ái được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ rộng lớn được tròn đủ. Sự quán xét về diệt tận được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ thâm sâu được tròn đủ. Sự quán xét về từ bỏ được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ vô song được tròn đủ. Bảy tuệ này được tu tập, được làm cho sung mãn khiến bản tánh sáng suốt được tròn đủ. Tám tuệ[1] này được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ phổ thông được tròn đủ. Chín tuệ này được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ vi tiếu được tròn đủ.

Tuệ vi tiếu là sự phân tích về phép biện giải. Từ việc xác định ý nghĩa bởi tuệ ấy, sự phân tích về ý nghĩa là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ. Từ việc xác định pháp, sự phân tích về pháp là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ. Từ việc xác định ngôn từ, sự phân tích về ngôn từ là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ. Từ việc xác định phép biện giải, sự phân tích về phép biện giải là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ. Bốn phân tích này của vị ấy là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ.

Sự quán xét về vô thường ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến

[1] Bảy tuệ thêm vào tuệ có tên "bản tánh sáng suốt (*paṇḍiccaṃ*)" là tám. Tám tuệ thêm vào tuệ phổ thông (*puthupaññā*) là chín (*PsA*. III. 640).

tuệ gì được tròn đủ? ... (nt)... Sự quán xét về từ bỏ ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ?

Sự quán xét về vô thường ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ đồng tốc được tròn đủ. … (nt)... Sự quán xét về từ bỏ ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ vô song được tròn đủ. Bảy tuệ này được tu tập, được làm cho sung mãn khiến bản tánh sáng suốt được tròn đủ. Tám tuệ này được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ phổ thông được tròn đủ. Chín tuệ này được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ vi tiếu được tròn đủ.

Tuệ vi tiếu là sự phân tích về phép biện giải. Từ việc xác định ý nghĩa bởi tuệ ấy, sự phân tích về ý nghĩa là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ. Từ việc xác định pháp, sự phân tích về pháp là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ. Từ việc xác định ngôn từ, sự phân tích về ngôn từ là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ. Từ việc xác định phép biện giải, sự phân tích về phép biện giải là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ. Bốn phân tích này của vị ấy là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ.

Sự quán xét về vô thường ở thọ... ở tưởng... ở các hành... ở thức... ở mắt... ở lão tử được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? ... (nt)... Sự quán xét về từ bỏ ở lão tử được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ?

Sự quán xét về vô thường ở lão tử được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ đồng tốc được tròn đủ. … (nt)... Sự quán xét về từ bỏ ở lão tử được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ vô song được tròn đủ. Bảy tuệ này được tu tập, được làm cho sung mãn khiến bản tánh sáng suốt được tròn đủ. Tám tuệ này được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ phổ thông được tròn đủ. Chín tuệ này được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ vi tiếu được tròn đủ.

Tuệ vi tiếu là sự phân tích về phép biện giải. Từ việc xác định ý nghĩa bởi tuệ ấy, sự phân tích về ý nghĩa là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ. Từ việc xác định pháp, sự phân tích về pháp là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ. Từ việc xác định ngôn từ, sự phân tích về ngôn từ là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ. Từ việc xác định phép biện giải, sự phân tích về phép biện giải là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ. Bốn phân tích này của vị ấy là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ.

Sự quán xét về vô thường ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về vô thường ở sắc thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về khổ não ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về khổ não ở sắc thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về vô ngã ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về

vô ngã ở sắc thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về nhàm chán ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về nhàm chán ở sắc thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về ly tham ái ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về ly tham ái ở sắc thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về diệt tận ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về diệt tận ở sắc thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về từ bỏ ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về từ bỏ ở sắc thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ?

Sự quán xét về vô thường ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ đồng tốc được tròn đủ. Sự quán xét về vô thường ở sắc thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ đồng tốc được tròn đủ. Sự quán xét về khổ não ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ nhàm chán được tròn đủ. Sự quán xét về khổ não ở sắc thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ đồng tốc được tròn đủ. Sự quán xét về vô ngã ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ vĩ đại được tròn đủ. Sự quán xét về vô ngã ở sắc thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ đồng tốc được tròn đủ. Sự quán xét về nhàm chán ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ sắc bén được tròn đủ. Sự quán xét về nhàm chán ở sắc thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ đồng tốc được tròn đủ. Sự quán xét về ly tham ái ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ rộng lớn được tròn đủ. Sự quán xét về ly tham ái ở sắc thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ đồng tốc được tròn đủ. Sự quán xét về diệt tận ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ thâm sâu được tròn đủ. Sự quán xét về diệt tận ở sắc thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ đồng tốc được tròn đủ. Sự quán xét về từ bỏ ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ vô song được tròn đủ. Sự quán xét về từ bỏ ở sắc thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ đồng tốc được tròn đủ. Bảy tuệ này được tu tập, được làm cho sung mãn khiến bản tánh sáng suốt được tròn đủ. Tám tuệ này được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ phổ thông được tròn đủ. Chín tuệ này được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ vi tiếu được tròn đủ.

Tuệ vi tiếu là sự phân tích về phép biện giải. Từ việc xác định ý nghĩa bởi tuệ ấy, sự phân tích về ý nghĩa là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ. Từ việc xác định pháp, sự phân tích về pháp là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ. Từ việc xác định ngôn từ, sự phân tích về ngôn từ là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ.

Từ việc xác định phép biện giải, sự phân tích về phép biện giải là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ. Bốn phân tích này của vị ấy là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ.

Sự quán xét về vô thường ở thọ... ở tưởng... ở các hành... ở thức... ở mắt... ở lão tử được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về vô thường ở lão tử thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? ... (nt)... Sự quán xét về từ bỏ ở lão tử được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về từ bỏ ở lão tử thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ?

Sự quán xét về vô thường ở lão tử được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ đồng tốc được tròn đủ. Sự quán xét về vô thường ở lão tử thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ đồng tốc được tròn đủ. … (nt)... Bốn phân tích này của vị ấy là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ.

Này các Tỳ-khưu, bốn pháp này được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự tác chứng quả Nhập lưu. Bốn là gì? Thân cận bậc thiện nhân, lắng nghe Chánh pháp, tác ý đúng đường lối, thực hành đúng theo ý nghĩa của pháp. Này các Tỳ-khưu, bốn pháp này được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự tác chứng quả Nhập lưu.

Này các Tỳ-khưu, bốn pháp này được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự tác chứng quả Nhất lai. ... đưa đến sự tác chứng quả Bất lai. ... đưa đến sự tác chứng quả A-la-hán. Bốn là gì? Thân cận bậc thiện nhân, lắng nghe Chánh pháp, tác ý đúng đường lối, thực hành đúng theo ý nghĩa của pháp. Này các Tỳ-khưu, bốn pháp này được tu tập, được làm cho sung mãn đưa đến sự tác chứng quả A-la-hán.

Này các Tỳ-khưu, bốn pháp này được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự thành đạt về tuệ... (nt)... đưa đến sự tăng trưởng của tuệ... (nt)... đưa đến sự tiến triển của tuệ... (nt)... đưa đến trạng thái tuệ vĩ đại... (nt)... đưa đến trạng thái tuệ phổ thông... (nt)... đưa đến trạng thái tuệ rộng lớn... (nt)... đưa đến trạng thái tuệ thâm sâu… (nt)... đưa đến trạng thái tuệ vô song... (nt)... đưa đến trạng thái tuệ bao la... (nt)... đưa đến sự dồi dào của tuệ... (nt)... đưa đến trạng thái tuệ nhạy bén... (nt)... đưa đến trạng thái tuệ nhẹ nhàng... (nt)... đưa đến trạng thái tuệ vi tiếu... (nt)... đưa đến trạng thái tuệ đồng tốc... (nt)... đưa đến trạng thái tuệ sắc bén... (nt)... đưa đến trạng thái tuệ thông suốt. Bốn là gì? Thân cận bậc thiện nhân, lắng nghe Chánh pháp, tác ý đúng đường lối, thực hành đúng theo ý nghĩa của pháp. Này các Tỳ-khưu, bốn pháp này được tu tập, được làm cho sung mãn đưa đến sự thành đạt về tuệ... (nt)... đưa đến sự tăng trưởng của tuệ… (nt)... đưa đến trạng thái tuệ thông suốt.

Đưa đến sự thành đạt về tuệ: Sự thành đạt về tuệ là gì? Là sự đạt được, sự thành đạt, sự đạt đến, sự thành tựu, sự chạm đến, sự tác chứng, sự hoàn thành

của bốn trí về đạo, của bốn trí về quả, của bốn trí phân tích, của sáu thắng trí, của bảy mươi ba trí,[2] của bảy mươi bảy trí.[3] "Chúng [bốn pháp ấy] đưa đến sự thành đạt về tuệ"; đây là sự thành đạt về tuệ.

Đưa đến sự tăng trưởng của tuệ: Sự tăng trưởng của tuệ gì? Tuệ của bảy vị Hữu học và của phàm nhân hoàn thiện tăng trưởng, tuệ của vị A-la-hán tăng trưởng. "Các sự tăng trưởng đã được tăng trưởng đưa đến sự tăng trưởng của tuệ"; đây là sự tăng trưởng của tuệ.

Đưa đến sự tiến triển của tuệ: Sự tiến triển của tuệ gì? Tuệ của bảy vị Hữu học và của vị phàm nhân hoàn thiện đi đến sự tiến triển, tuệ của vị A-la-hán đã đi đến sự tiến triển. "Chúng [bốn pháp ấy] đưa đến sự tiến triển của tuệ"; đây là sự tiến triển của tuệ.

Đưa đến trạng thái tuệ vĩ đại: Tuệ vĩ đại là gì? "Nắm giữ các ý nghĩa vĩ đại" là tuệ vĩ đại. "Nắm giữ các pháp vĩ đại" là tuệ vĩ đại. "Nắm giữ các ngôn từ vĩ đại" là tuệ vĩ đại. "Nắm giữ các phép biện giải vĩ đại" là tuệ vĩ đại. "Nắm giữ các giới uẩn vĩ đại" là tuệ vĩ đại. "Nắm giữ các định uẩn vĩ đại" là tuệ vĩ đại. "Nắm giữ các tuệ uẩn vĩ đại" là tuệ vĩ đại. "Nắm giữ các giải thoát uẩn vĩ đại" là tuệ vĩ đại. "Nắm giữ các giải thoát tri kiến uẩn vĩ đại" là tuệ vĩ đại. "Nắm giữ các sự hợp lý và không hợp lý vĩ đại" là tuệ vĩ đại. "Nắm giữ các sự an trú và chứng đạt vĩ đại" là tuệ vĩ đại. "Nắm giữ các chân lý cao thượng vĩ đại" là tuệ vĩ đại. "Nắm giữ các sự thiết lập niệm vĩ đại" là tuệ vĩ đại. "Nắm giữ các chánh cần vĩ đại" là tuệ vĩ đại. "Nắm giữ các nền tảng thần thông vĩ đại" là tuệ vĩ đại. "Nắm giữ các quyền vĩ đại" là tuệ vĩ đại. "Nắm giữ các lực vĩ đại" là tuệ vĩ đại. "Nắm giữ các giác chi vĩ đại" là tuệ vĩ đại. "Nắm giữ các Thánh đạo vĩ đại" là tuệ vĩ đại. "Nắm giữ các quả vị Sa-môn vĩ đại" là tuệ vĩ đại. "Nắm giữ các thắng trí vĩ đại" là tuệ vĩ đại. "Nắm giữ Niết-bàn có ý nghĩa tuyệt đối vĩ đại" là tuệ vĩ đại. "Chúng [bốn pháp ấy] đưa đến trạng thái tuệ vĩ đại"; đây là tuệ vĩ đại.

Đưa đến trạng thái tuệ phổ thông: Tuệ phổ thông là gì? "Trí vận hành về các uẩn phổ thông và khác biệt" là tuệ phổ thông. "Trí vận hành về các giới phổ thông và khác biệt" là tuệ phổ thông. "Trí vận hành về các xứ phổ thông và khác biệt" là tuệ phổ thông. "Trí vận hành về các sự sanh khởi tùy thuận phổ thông và khác biệt" là tuệ phổ thông. "Trí vận hành về các trường hợp không đạt được không tánh phổ thông và khác biệt" là tuệ phổ thông. "Trí vận hành về các ý nghĩa phổ thông và khác biệt" là tuệ phổ thông. "Trí vận hành về các pháp phổ thông và khác biệt" là tuệ phổ thông. "Trí vận hành về các ngôn từ phổ thông và khác biệt" là tuệ phổ thông. "Trí vận hành về các phép biện giải phổ thông và khác biệt" là tuệ phổ thông. "Trí vận hành về các giới uẩn phổ thông và khác biệt" là tuệ phổ thông. "Trí vận hành về các định uẩn phổ thông và khác biệt" là tuệ phổ thông. "Trí vận hành về các tuệ uẩn phổ thông và khác biệt" là tuệ

---

[2] Bảy mươi ba trí: Là 73 trí đã được đề cập ở phần Tiêu đề (*PsA*. III. 642), xem trang 759-62 trong tập này. (ND)

[3] Bảy mươi bảy trí: *Chú giải* cho trích dẫn ở *Saṃyuttanikāya* (*PsA*. III. 642). Xem *TTTĐPGVN*, tập 3, trang 329, *Kinh Những căn bản của trí* (bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu): "*Trí biết rằng già chết do duyên sanh. Trí biết rằng không có sanh thời không có già, chết, v.v...*" (ND)

phổ thông. "Trí vận hành về các giải thoát uẩn phổ thông và khác biệt" là tuệ phổ thông. "Trí vận hành về các giải thoát tri kiến uẩn phổ thông và khác biệt" là tuệ phổ thông. "Trí vận hành về các sự hợp lý và không hợp lý phổ thông và khác biệt" là tuệ phổ thông. "Trí vận hành về các sự an trú và chứng đạt phổ thông và khác biệt" là tuệ phổ thông. "Trí vận hành về các chân lý cao thượng phổ thông và khác biệt" là tuệ phổ thông. "Trí vận hành về các sự thiết lập niệm phổ thông và khác biệt" là tuệ phổ thông. "Trí vận hành về các chánh cần phổ thông và khác biệt" là tuệ phổ thông. "Trí vận hành về các nền tảng thần thông phổ thông và khác biệt" là tuệ phổ thông. "Trí vận hành về các quyền phổ thông và khác biệt" là tuệ phổ thông. "Trí vận hành về các lực phổ thông và khác biệt" là tuệ phổ thông. "Trí vận hành về các giác chi phổ thông và khác biệt" là tuệ phổ thông. "Trí vận hành về các Thánh đạo phổ thông và khác biệt" là tuệ phổ thông. "Trí vận hành về các quả vị Sa-môn phổ thông và khác biệt" là tuệ phổ thông. "Trí vận hành về các thắng trí phổ thông và khác biệt" là tuệ phổ thông. "Trí vượt qua các pháp phổ biến đến phàm nhân rồi vận hành về Niết-bàn có ý nghĩa tuyệt đối" là tuệ phổ thông. "Chúng [bốn pháp ấy] đưa đến trạng thái tuệ phổ thông"; đây là tuệ phổ thông.

Đưa đến trạng thái tuệ rộng lớn: Tuệ rộng lớn là gì? "Nắm giữ các ý nghĩa rộng lớn" là tuệ rộng lớn. "Nắm giữ các pháp rộng lớn" là tuệ rộng lớn. "Nắm giữ các ngôn từ rộng lớn" là tuệ rộng lớn. "Nắm giữ các phép biện giải rộng lớn" là tuệ rộng lớn. "Nắm giữ các giới uẩn rộng lớn" là tuệ rộng lớn. "Nắm giữ các định uẩn nghĩa rộng lớn" là tuệ rộng lớn. "Nắm giữ các tuệ uẩn rộng lớn" là tuệ rộng lớn. "Nắm giữ các giải thoát uẩn rộng lớn" là tuệ rộng lớn. "Nắm giữ các giải thoát tri kiến uẩn rộng lớn" là tuệ rộng lớn. "Nắm giữ các sự hợp lý và không hợp lý rộng lớn" là tuệ rộng lớn. "Nắm giữ các sự an trú và chứng đạt rộng lớn" là tuệ rộng lớn. "Nắm giữ các chân lý cao thượng rộng lớn" là tuệ rộng lớn. "Nắm giữ các sự thiết lập niệm rộng lớn" là tuệ rộng lớn. "Nắm giữ các chánh cần rộng lớn" là tuệ rộng lớn. "Nắm giữ các nền tảng thần thông rộng lớn" là tuệ rộng lớn. "Nắm giữ các quyền rộng lớn" là tuệ rộng lớn. "Nắm giữ các lực rộng lớn" là tuệ rộng lớn. "Nắm giữ các giác chi rộng lớn" là tuệ rộng lớn. "Nắm giữ các Thánh đạo rộng lớn" là tuệ rộng lớn. "Nắm giữ các quả vị Sa-môn rộng lớn" là tuệ rộng lớn. "Nắm giữ các thắng trí rộng lớn" là tuệ rộng lớn. "Nắm giữ Niết-bàn có ý nghĩa tuyệt đối rộng lớn" là tuệ rộng lớn. "Chúng [bốn pháp ấy] đưa đến trạng thái tuệ rộng lớn"; đây là tuệ rộng lớn.

Đưa đến trạng thái tuệ thâm sâu: Tuệ thâm sâu là gì? "Trí vận hành về các uẩn thâm sâu" là tuệ thâm sâu. "Trí vận hành về các giới thâm sâu" là tuệ thâm sâu. "Trí vận hành về các xứ thâm sâu" là tuệ thâm sâu. "Trí vận hành về các sự sanh khởi tùy thuận thâm sâu" là tuệ thâm sâu. "Trí vận hành về các trường hợp không đạt được không tánh thâm sâu" là tuệ thâm sâu. "Trí vận hành về các ý nghĩa thâm sâu" là tuệ thâm sâu. "Trí vận hành về các pháp thâm sâu" là tuệ thâm sâu. "Trí vận hành về các ngôn từ thâm sâu" là tuệ thâm sâu. "Trí vận hành về các phép biện giải thâm sâu" là tuệ thâm sâu. "Trí vận hành về

các giới uẩn thâm sâu" là tuệ thâm sâu. "Trí vận hành về các định uẩn thâm sâu" là tuệ thâm sâu. "Trí vận hành về các tuệ uẩn thâm sâu" là tuệ thâm sâu. "Trí vận hành về các giải thoát uẩn thâm sâu" là tuệ thâm sâu. "Trí vận hành về các giải thoát tri kiến uẩn thâm sâu" là tuệ thâm sâu. "Trí vận hành về các sự hợp lý và không hợp lý thâm sâu" là tuệ thâm sâu. "Trí vận hành về các sự an trú và chứng đạt thâm sâu" là tuệ thâm sâu. "Trí vận hành về các chân lý cao thượng thâm sâu" là tuệ thâm sâu. "Trí vận hành về các sự thiết lập niệm thâm sâu" là tuệ thâm sâu. "Trí vận hành về các chánh cần thâm sâu" là tuệ thâm sâu. "Trí vận hành về các nền tảng thần thông thâm sâu" là tuệ thâm sâu. "Trí vận hành về các quyền thâm sâu" là tuệ thâm sâu. "Trí vận hành về các lực thâm sâu" là tuệ thâm sâu. "Trí vận hành về các giác chi thâm sâu" là tuệ thâm sâu. "Trí vận hành về các Thánh đạo thâm sâu" là tuệ thâm sâu. "Trí vận hành về các quả vị Sa-môn thâm sâu" là tuệ thâm sâu. "Trí vận hành về các thắng trí thâm sâu" là tuệ thâm sâu. "Trí vượt qua các pháp phổ biến đến phàm nhân rồi vận hành về Niết-bàn có ý nghĩa tuyệt đối" là tuệ thâm sâu. "Chúng [bốn pháp ấy] đưa đến trạng thái tuệ thâm sâu"; đây là tuệ thâm sâu.

Đưa đến trạng thái tuệ vô song: Tuệ vô song là gì? Cá nhân nào, do xác định ý nghĩa có sự phân tích về ý nghĩa được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ; do xác định pháp có sự phân tích về pháp được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ; do xác định ngôn từ có sự phân tích về ngôn từ được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ; do xác định phép biện giải có sự phân tích về phép biện giải được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ; đối với vị ấy không ai có thể vượt trội về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và về phép biện giải. "Và vị ấy là không thể bị vượt trội bởi những người khác" là tuệ vô song.

Tuệ của phàm nhân hoàn thiện so với tuệ của hạng thứ tám [đạo Nhập lưu] là xa vời, là xa vời rõ rệt, là xa vời vô cùng rõ rệt, là không gần, là không kề cận; so với phàm nhân hoàn thiện, hạng thứ tám là có tuệ vô song. Tuệ của hạng thứ tám so với tuệ của vị Nhập lưu là xa vời, là xa vời rõ rệt, là xa vời vô cùng rõ rệt, là không gần, là không kề cận; so với hạng thứ tám, vị Nhập lưu là có tuệ vô song. Tuệ của vị Nhập lưu so với tuệ của vị Nhất lai là xa vời, là xa vời rõ rệt, là xa vời vô cùng rõ rệt, là không gần, là không kề cận; so với vị Nhập lưu, vị Nhất lai là có tuệ vô song. Tuệ của vị Nhất lai so với tuệ của vị Bất lai là xa vời, là xa vời rõ rệt, là xa vời vô cùng rõ rệt, là không gần, là không kề cận; so với vị Nhất lai, vị Bất lai là có tuệ vô song. Tuệ của vị Bất lai so với tuệ của vị A-la-hán là xa vời, là xa vời rõ rệt, là xa vời vô cùng rõ rệt, là không gần, là không kề cận; so với vị Bất lai, vị A-la-hán là có tuệ vô song. Tuệ của vị A-la-hán so với tuệ của vị Phật Độc Giác là xa vời, là xa vời rõ rệt, là xa vời vô cùng rõ rệt, là không gần, là không kề cận; so với vị A-la-hán, vị Phật Độc Giác là có tuệ vô song; so với vị Phật Độc Giác và thế gian luôn cả chư thiên, đức Như Lai, bậc A-la-hán, đấng Chánh Đẳng Giác là có tuệ vô song tối thắng. Là vị thiện xảo về các loại tuệ, có trí đã được phân hạng, có sự phân tích đã được đắc

chứng, đã đạt đến bốn sự tự tín, là vị rành rẽ về mười lực, là bậc Nhân Ngưu, là bậc Nhân Sư, là người như loài rồng, là người có dòng dõi cao quý, là người cất đi gánh nặng, là vị có trí vô biên, có oai lực vô biên, có danh vọng vô biên, giàu có [về trí tuệ] có tài sản [trí tuệ] lớn lao, có của cải [trí tuệ] là vị lãnh đạo, vị hướng đạo, vị dẫn dắt, vị giúp cho nhận biết, vị giúp cho suy nghiệm, vị giúp cho quan sát, vị tạo niềm tin.

Bởi vì Ngài là đức Thế Tôn, là vị làm sanh lên đạo lộ chưa được sanh lên, là vị làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi, là vị tuyên thuyết về đạo lộ chưa được tuyên thuyết, là vị biết về đạo lộ, là vị hiểu rõ về đạo lộ, là vị thông thạo về đạo lộ, hơn nữa, hiện nay các vị Thinh văn của Ngài là những người đi theo đạo lộ rồi an trú, là những người tiếp nối.

Bởi vì Ngài là đức Thế Tôn, là vị biết điều đã được biết, thấy điều đã được thấy, là mắt, là trí, là pháp, là đấng Brahma, là vị nói ra, là vị nói lên, là vị đem lại ý nghĩa, là vị ban phát bất tử, là đấng Pháp Chủ, là đức Như Lai. Đối với đức Thế Tôn ấy, không gì là không được biết, không được thấy, không được hiểu, không được tác chứng, không được chạm đến bởi tuệ. Tính luôn cả quá khứ, hiện tại, vị lai, tất cả các pháp với mọi biểu hiện đều nổi bật ở trí của đức Phật Thế Tôn. Bất cứ điều gì được gọi là cần được biết, tất cả các điều ấy đều được biết. Ý nghĩa thuộc về bản thân, hoặc ý nghĩa thuộc về người khác, hoặc ý nghĩa thuộc về cả hai, hoặc ý nghĩa trong thời hiện tại, hoặc ý nghĩa liên quan đến thời vị lai, hoặc ý nghĩa hời hợt, hoặc ý nghĩa thâm sâu, hoặc ý nghĩa khó hiểu, hoặc ý nghĩa được che đậy, hoặc ý nghĩa cần được biết, hoặc ý nghĩa đã được kết luận, hoặc ý nghĩa không sai trái, hoặc ý nghĩa không ô nhiễm, hoặc ý nghĩa thuần khiết, hoặc ý nghĩa tuyệt đối, tất cả các điều ấy đều xoay chuyển ở bên trong trí của đức Phật. Tất cả các nghiệp về thân đều được xoay chuyển thuận theo trí của đức Phật Thế Tôn. Tất cả các nghiệp về khẩu đều được xoay chuyển thuận theo trí của đức Phật Thế Tôn. Tất cả các nghiệp về ý đều được xoay chuyển thuận theo trí của đức Phật Thế Tôn. Trí của đức Phật Thế Tôn về thời điểm đã qua là không bị chướng ngại. Trí của đức Phật Thế Tôn về thời điểm chưa đến là không bị chướng ngại. Trí của đức Phật Thế Tôn về thời điểm hiện tại là không bị chướng ngại. Điều cần được biết là đến đâu, trí [của Ngài] là đến thế ấy; trí [của Ngài] là đến đâu, điều cần được biết là đến thế ấy. Trí [của Ngài] có cùng ranh giới với điều cần được biết, điều cần được biết có cùng ranh giới với trí [của Ngài]. Sau khi vượt qua điều cần được biết, trí [của Ngài] không vận hành, không có hiện tượng của điều cần được biết vượt qua trí [của Ngài]; các pháp ấy có tình trạng cùng chung ranh giới lẫn nhau. Giống như hai phần của chiếc hộp được gắn liền khít khao, phần hộp ở bên dưới không vượt quá phần bên trên, phần hộp ở bên trên không vượt qua phần bên dưới; chúng có tình trạng cùng chung ranh giới lẫn nhau. Tương tợ y như thế, điều cần được biết và trí của đức Phật Thế Tôn có tình trạng cùng chung ranh giới lẫn nhau. Điều cần được biết là đến đâu, trí [của Ngài] là đến thế ấy; trí [của Ngài] là đến đâu, điều cần được biết là đến thế ấy. Trí [của Ngài] có cùng ranh giới với điều cần được biết, điều cần được biết có

cùng ranh giới với trí [của Ngài]. Sau khi vượt qua điều cần được biết, trí [của Ngài] không vận hành, không có hiện tượng của điều cần được biết vượt qua trí [của Ngài]; các pháp ấy có tình trạng cùng chung ranh giới lẫn nhau. Trí của đức Phật Thế Tôn vận hành ở tất cả các pháp.

Đối với đức Phật Thế Tôn, tất cả các pháp được gắn liền với sự hướng tâm, được gắn liền với sự mong muốn, được gắn liền với tác ý, được gắn liền với sự sanh lên của tâm. Trí của đức Phật Thế Tôn vận hành ở tất cả chúng sanh. Đức Phật biết thiên kiến, biết xu hướng ngủ ngầm, biết tánh hạnh, biết khuynh hướng của tất cả chúng sanh. Ngài nhận biết những chúng sanh có tầm nhìn bị vấy bụi ít và có tầm nhìn bị vấy bụi nhiều, có giác quan sắc sảo và có giác quan cùn lụt, có tánh khí tốt và có tánh khí tồi, có thể hiểu được một cách nhanh chóng và có thể hiểu được một cách khó khăn, có khả năng và không có khả năng. Thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người xoay chuyển ở bên trong trí của đức Phật. Giống như bất cứ loài cá và rùa nào, thậm chí tính luôn loại cá ông, cá voi, đều xoay chuyển ở giữa biển cả bao la. Tương tợ như vậy, thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người xoay chuyển ở bên trong trí của đức Phật. Giống như bất cứ loài có cánh nào, thậm chí tính luôn cả Kim Sí điểu thuộc loại Venateyya, đều xoay chuyển ở khoảng không gian của bầu trời. Tương tợ y như thế, ngay cả những vị là tương đương với Sāriputta về tuệ, những vị ấy cũng chỉ xoay chuyển trong phạm vi trí của đức Phật.

Trí của đức Phật xâm nhập, chiếm cứ và ngự trị tuệ của chư thiên và nhân loại. Ngay cả các vị thông thái dòng Sát-đế-ly, các vị thông thái dòng Bà-la-môn, các vị gia chủ thông thái, các vị Sa-môn thông thái, khôn ngoan, biết đến các giáo thuyết của những người khác như là [mũi tên] xuyên qua sợi tóc, nghĩ rằng họ là những người đi đến đập đổ những khuynh hướng tà kiến nhờ vào tuệ đã đạt được. Những người ấy liên tục chuẩn bị câu hỏi rồi đi đến gặp đức Như Lai và chất vấn. Những câu hỏi khó hiểu và che đậy ấy, khi được giảng giải, được trả lời bởi đức Thế Tôn, trở thành những sự việc rõ ràng. Và những người ấy trở thành những người hỗ trợ đối với đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn vô cùng rạng rỡ ở tại nơi ấy, tức là về "tuệ." Ngài là tối thắng và có tuệ vô song. "Chúng [bốn pháp ấy] đưa đến trạng thái tuệ vô song"; đây là tuệ vô song.

Đưa đến trạng thái tuệ bao la: Tuệ bao la là gì? "Chế ngự tham ái" là tuệ bao la. "Đã được chế ngự" là tuệ bao la. "Chế ngự sân" là tuệ bao la. "Đã được chế ngự" là tuệ bao la. "Chế ngự si" là tuệ bao la. "Đã được chế ngự" là tuệ bao la. "Chế ngự sự giận dữ"... sự căm hận... sự gièm pha... sự hà hiếp... sự ganh tỵ... sự bỏn xẻn... sự xảo trá... sự đạo đức giả... sự bướng bỉnh... sự cống cao... sự ngã mạn... sự cao ngạo... sự kiêu căng... sự buông lung... toàn bộ phiền não... tất cả các ác hạnh... tất cả các hành... "Chế ngự tất cả nghiệp dẫn đến hữu" là tuệ bao la. "Đã được chế ngự" là tuệ bao la.

"Tham ái là kẻ thù. Tuệ nghiền nát kẻ thù ấy" là tuệ bao la. "Sân là kẻ thù.

Tuệ nghiền nát kẻ thù ấy" là tuệ bao la. "Si là kẻ thù. Tuệ nghiền nát kẻ thù ấy" là tuệ bao la. "Sự giận dữ... Sự căm hận... Sự gièm pha... Sự hà hiếp... Sự ganh tỵ... Sự bỏn xẻn... Sự xảo trá... Sự đạo đức giả... Sự bướng bỉnh... Sự cống cao... Sự ngã mạn... Sự cao ngạo... Sự kiêu căng... Sự buông lung... Toàn bộ phiền não... Tất cả các ác hạnh... Tất cả các hành... "Tất cả nghiệp dẫn đến hữu là kẻ thù. Tuệ nghiền nát kẻ thù ấy" là tuệ bao la. Quả đất được gọi là bao la. "Đức Phật hội đủ về tuệ ấy có tính rộng lớn tương tợ như quả đất", như thế là tuệ bao la. Hơn nữa, điều này là sự đặt tên cho tuệ. "Bao la, mẫn tiệp, liên quan đến lãnh đạo" là tuệ bao la. "Chúng [bốn pháp ấy] đưa đến trạng thái tuệ bao la"; đây là tuệ bao la.

Đưa đến sự dồi dào của tuệ: Sự dồi dào của tuệ là gì? Ở đây, có người chú trọng về tuệ, thực hành về tuệ, có thiên hướng về tuệ, có khuynh hướng về tuệ, có tuệ là ngọn cờ, có tuệ là biểu hiệu, có tuệ là pháp chủ đạo, có nhiều tìm hiểu, nhiều suy xét, nhiều xem xét, nhiều quan sát, có sự việc để quan sát, an trú vào sự việc rõ ràng, thực hành tuệ ấy, chú trọng tuệ ấy, dồi dào tuệ ấy, thuận theo tuệ ấy, xuôi theo tuệ ấy, nghiêng theo tuệ ấy, khuynh hướng về tuệ ấy, có tuệ ấy là chủ đạo. Ví như người chú trọng về đồ chúng được gọi là: "Người có nhiều đồ chúng"; người chú trọng về y được gọi là: "Người có nhiều y"; người chú trọng về bình bát được gọi là: "Người có nhiều bình bát"; người chú trọng về sàng tọa được gọi là: "Người có nhiều sàng tọa"; tương tợ như thế, có người chú trọng về tuệ, thực hành về tuệ, có thiên hướng về tuệ, có khuynh hướng về tuệ, có tuệ là ngọn cờ, có tuệ là biểu hiệu, có tuệ là pháp chủ đạo, có nhiều tìm hiểu, nhiều suy xét, nhiều xem xét, nhiều quan sát, có sự việc để quan sát, an trú vào sự việc rõ ràng, thực hành tuệ ấy, chú trọng tuệ ấy, dồi dào tuệ ấy, thuận theo tuệ ấy, xuôi theo tuệ ấy, nghiêng theo tuệ ấy, khuynh hướng về tuệ ấy, có tuệ ấy là chủ đạo. "Chúng [bốn pháp ấy] đưa đến sự dồi dào của tuệ"; đây là sự dồi dào của tuệ.

Đưa đến trạng thái tuệ nhạy bén: Tuệ nhạy bén là gì? "Làm tròn đủ các giới vô cùng mau chóng" là tuệ nhạy bén. "Làm tròn đủ việc thu thúc các quyền vô cùng mau chóng" là tuệ nhạy bén. "Làm tròn đủ sự tri túc về vật thực vô cùng mau chóng" là tuệ nhạy bén. "Làm tròn đủ sự gắn bó với tỉnh thức vô cùng mau chóng" là tuệ nhạy bén. "Làm tròn đủ giới uẩn vô cùng mau chóng" là tuệ nhạy bén. "Làm tròn đủ định uẩn vô cùng mau chóng" là tuệ nhạy bén. "Làm tròn đủ tuệ uẩn vô cùng mau chóng" là tuệ nhạy bén. "Làm tròn đủ giải thoát uẩn vô cùng mau chóng" là tuệ nhạy bén. "Làm tròn đủ giải thoát tri kiến uẩn vô cùng mau chóng" là tuệ nhạy bén. "Thấu triệt các sự hợp lý và không hợp lý vô cùng mau chóng" là tuệ nhạy bén. "Làm tròn đủ sự an trú và chứng đạt vô cùng mau chóng" là tuệ nhạy bén. "Thấu triệt các chân lý cao thượng vô cùng mau chóng" là tuệ nhạy bén. "Tu tập các sự thiết lập niệm vô cùng mau chóng" là tuệ nhạy bén. "Tu tập các chánh cần vô cùng mau chóng" là tuệ nhạy bén. "Tu tập các nền tảng thần thông vô cùng mau chóng" là tuệ nhạy bén. "Tu tập các quyền vô cùng mau chóng" là tuệ nhạy bén. "Tu tập các lực vô cùng mau

chóng" là tuệ nhạy bén. "Tu tập các giác chi vô cùng mau chóng" là tuệ nhạy bén. "Tu tập Thánh đạo vô cùng mau chóng" là tuệ nhạy bén. "Tác chứng các quả vị Sa-môn vô cùng mau chóng" là tuệ nhạy bén. "Thấu triệt các thắng trí vô cùng mau chóng" là tuệ nhạy bén. "Tác chứng Niết-bàn có ý nghĩa tuyệt đối vô cùng mau chóng" là tuệ nhạy bén. "Chúng [bốn pháp ấy] đưa đến trạng thái tuệ nhạy bén"; đây là tuệ nhạy bén.

Đưa đến trạng thái tuệ nhẹ nhàng: Tuệ nhẹ nhàng là gì? "Làm tròn đủ các giới vô cùng nhẹ nhàng" là tuệ nhẹ nhàng. "Làm tròn đủ sự thu thúc các quyền vô cùng nhẹ nhàng" là tuệ nhẹ nhàng. "Làm tròn đủ sự tri túc về vật thực vô cùng nhẹ nhàng" là tuệ nhẹ nhàng. "Làm tròn đủ sự gắn bó với tỉnh thức vô cùng nhẹ nhàng" là tuệ nhẹ nhàng. "Làm tròn đủ giới uẩn... định uẩn... tuệ uẩn... giải thoát uẩn... giải thoát tri kiến uẩn vô cùng nhẹ nhàng" là tuệ nhẹ nhàng. "Thấu triệt các sự hợp lý và không hợp lý vô cùng nhẹ nhàng" là tuệ nhẹ nhàng. "Làm tròn đủ sự an trú và chứng đạt vô cùng nhẹ nhàng" là tuệ nhẹ nhàng. "Thấu triệt các chân lý cao thượng vô cùng nhẹ nhàng" là tuệ nhẹ nhàng. "Tu tập các sự thiết lập niệm vô cùng nhẹ nhàng" là tuệ nhẹ nhàng. "Tu tập các chánh cần vô cùng nhẹ nhàng" là tuệ nhẹ nhàng. "Tu tập các nền tảng của thần thông vô cùng nhẹ nhàng" là tuệ nhẹ nhàng. "Tu tập các quyền vô cùng nhẹ nhàng" là tuệ nhẹ nhàng. "Tu tập các lực vô cùng nhẹ nhàng" là tuệ nhẹ nhàng. "Tu tập các giác chi vô cùng nhẹ nhàng" là tuệ nhẹ nhàng. "Tu tập Thánh đạo vô cùng nhẹ nhàng" là tuệ nhẹ nhàng. "Tác chứng các quả vị Sa-môn vô cùng nhẹ nhàng" là tuệ nhẹ nhàng. "Thấu triệt các thắng trí vô cùng nhẹ nhàng" là tuệ nhẹ nhàng. "Tác chứng Niết-bàn có ý nghĩa tuyệt đối vô cùng nhẹ nhàng" là tuệ nhẹ nhàng. "Chúng [bốn pháp ấy] đưa đến trạng thái tuệ nhẹ nhàng"; đây là tuệ nhẹ nhàng.

Đưa đến trạng thái tuệ vi tiếu: Tuệ vi tiếu là gì? Ở đây có người: "Có nhiều tươi cười, có nhiều vui thích, có nhiều hài lòng, có nhiều hân hoan làm tròn đủ các giới" là tuệ vi tiếu. "Có nhiều tươi cười, có nhiều vui thích, có nhiều hài lòng, có nhiều hân hoan làm tròn đủ sự thu thúc các quyền" là tuệ vi tiếu. "Có nhiều tươi cười, có nhiều vui thích, có nhiều hài lòng, có nhiều hân hoan làm tròn đủ sự tri túc về vật thực" là tuệ vi tiếu. "Có nhiều tươi cười, có nhiều vui thích, có nhiều hài lòng, có nhiều hân hoan làm tròn đủ sự gắn bó với tỉnh thức" là tuệ vi tiếu. "Có nhiều tươi cười, có nhiều vui thích, có nhiều hài lòng, có nhiều hân hoan làm tròn đủ giới uẩn"... định uẩn... tuệ uẩn... giải thoát uẩn... giải thoát tri kiến uẩn... thấu triệt các sự hợp lý và không hợp lý... làm tròn đủ sự an trú và chứng đạt... thấu triệt các chân lý cao thượng... tu tập các sự thiết lập niệm... tu tập các chánh cần... tu tập các nền tảng thần thông... tu tập các quyền... tu tập các lực... tu tập các giác chi... tu tập Thánh đạo... tác chứng các quả vị Sa-môn" là tuệ vi tiếu. "Có nhiều tươi cười, có nhiều vui thích, có nhiều hài lòng, có nhiều hân hoan thấu triệt các thắng trí" là tuệ vi tiếu. "Có nhiều tươi cười, có nhiều vui thích, có nhiều hài lòng, có nhiều hân

hoan tác chứng Niết-bàn có ý nghĩa tuyệt đối" là tuệ vi tiếu. "Chúng [bốn pháp ấy] đưa đến trạng thái tuệ vi tiếu"; đây là tuệ vi tiếu.

Đưa đến trạng thái tuệ đổng tốc: Tuệ đổng tốc là gì? Bất cứ sắc nào thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai, nội phần hoặc ngoại phần, thô hoặc tế, thấp kém hoặc cao quý, là ở xa hoặc gần, về toàn bộ sắc ấy "trực nhận một cách mau lẹ là vô thường" là tuệ đổng tốc, "trực nhận một cách mau lẹ là khổ não" là tuệ đổng tốc, "trực nhận một cách mau lẹ là vô ngã" là tuệ đổng tốc. Bất cứ thọ nào… (nt)... Bất cứ tưởng nào... (nt)... Bất cứ các hành nào... (nt)... Bất cứ thức nào thuộc quá khứ, hiện tại, hoặc vị lai, nội phần hoặc ngoại phần, thô hoặc tế, thấp kém hoặc cao quý, là ở xa hoặc gần, về toàn bộ thức ấy "trực nhận một cách mau lẹ là vô thường" là tuệ đổng tốc, "trực nhận một cách mau lẹ là khổ não" là tuệ đổng tốc, "trực nhận một cách mau lẹ là vô ngã" là tuệ đổng tốc. Mắt... (nt)... Lão tử thuộc quá khứ, hiện tại, hoặc vị lai, "trực nhận một cách mau lẹ là vô thường" là tuệ đổng tốc, "trực nhận một cách mau lẹ là khổ não" là tuệ đổng tốc, "trực nhận một cách mau lẹ là vô ngã" là tuệ đổng tốc.

Sau khi cân nhắc, xác định, phân biệt, làm rõ rệt rằng: "Sắc thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai là vô thường theo ý nghĩa đoạn tận, là khổ não theo ý nghĩa kinh hãi, là vô ngã theo ý nghĩa không có cốt lõi", "trực nhận một cách mau lẹ về sự diệt tận sắc là Niết-bàn" là tuệ đổng tốc. Sau khi cân nhắc, xác định, phân biệt, làm rõ rệt rằng: "Thọ... Tưởng... Các hành... Thức... Mắt... Lão tử thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai là vô thường theo ý nghĩa đoạn tận, là khổ não theo ý nghĩa kinh hãi, là vô ngã theo ý nghĩa không có cốt lõi", "trực nhận một cách mau lẹ về sự diệt tận lão tử là Niết-bàn" là tuệ đổng tốc.

Sau khi cân nhắc, xác định, phân biệt, làm rõ rệt rằng: "Sắc thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai là vô thường, là pháp hữu vi, được tùy thuận sanh khởi, là pháp đoạn tận, là pháp biến hoại, là pháp ly tham ái, là pháp diệt tận", "trực nhận một cách mau lẹ về sự diệt tận sắc là Niết-bàn" là tuệ đổng tốc. Sau khi cân nhắc, xác định, phân biệt, làm rõ rệt rằng: "Thọ... Tưởng... Các hành... Thức... Mắt... Lão tử thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai là vô thường, là pháp hữu vi, được tùy thuận sanh khởi, là pháp đoạn tận, là pháp biến hoại, là pháp ly tham ái, là pháp diệt tận", "trực nhận một cách mau lẹ về sự diệt tận lão tử là Niết-bàn" là tuệ đổng tốc. "Chúng [bốn pháp ấy] đưa đến trạng thái tuệ đổng tốc" là tuệ đổng tốc.

Đưa đến trạng thái tuệ sắc bén: Tuệ sắc bén là gì? "Cắt đứt các phiền não một cách mau lẹ" là tuệ sắc bén. "Không chịu đựng, dứt bỏ, làm tiêu tan, làm chấm dứt, làm cho không hiện hữu dục tầm đã sanh lên" là tuệ sắc bén. "Không chịu đựng, dứt bỏ, làm tiêu tan, làm chấm dứt, làm cho không hiện hữu sân độc tầm đã sanh lên" là tuệ sắc bén. "Không chịu đựng, dứt bỏ, làm tiêu tan, làm chấm dứt, làm cho không hiện hữu hãm hại tầm đã sanh lên... (nt)... các pháp ác bất thiện đã sanh lên" là tuệ sắc bén. "Không chịu đựng, dứt bỏ, làm tiêu tan, làm chấm dứt, làm cho không hiện hữu tham ái đã sanh lên" là tuệ sắc bén.

"Không chịu đựng, dứt bỏ, làm tiêu tan, làm chấm dứt, làm cho không hiện hữu sân đã sanh lên... si đã sanh lên... sự giận dữ đã sanh lên... sự căm hận đã sanh lên... sự gièm pha... sự hà hiếp... sự ganh tỵ... sự bỏn xẻn... sự xảo trá... sự đạo đức giả... sự bướng bỉnh... sự cống cao... sự ngã mạn... sự cao ngạo... sự kiêu căng... sự buông lung... toàn bộ phiền não... tất cả các ác hạnh... tất cả các hành... tất cả nghiệp dẫn đến hữu" là tuệ sắc bén. "Ở một chỗ ngồi, bốn Thánh đạo, bốn quả vị Sa-môn, bốn phân tích, sáu thắng trí là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ" là tuệ sắc bén. "Chúng [bốn pháp ấy] đưa đến trạng thái tuệ sắc bén" là tuệ sắc bén.

Đưa đến trạng thái tuệ thông suốt: Tuệ thông suốt là gì? Ở đây, có người có nhiều kinh hoảng về tất cả các hành, có nhiều sợ sệt, có nhiều bất mãn, có nhiều không hứng thú, có nhiều không hứng khởi, tỏ vẻ không hứng thú ở tất cả các hành. "Thông suốt, khám phá tham uẩn chưa được thông suốt trước đây, chưa được khám phá trước đây" là tuệ thông suốt. "Thông suốt, khám phá sân uẩn chưa được thông suốt trước đây, chưa được khám phá trước đây" là tuệ thông suốt. "Thông suốt, khám phá si uẩn chưa được thông suốt trước đây, chưa được khám phá trước đây" là tuệ thông suốt. "Thông suốt, khám phá sự giận dữ... sự căm hận... sự gièm pha... sự hà hiếp... sự ganh tỵ... sự bỏn xẻn... sự xảo trá... sự đạo đức giả... sự bướng bỉnh... sự cống cao... sự ngã mạn... sự cao ngạo... sự kiêu căng... sự buông lung... toàn bộ phiền não... tất cả các ác hạnh... tất cả các hành... tất cả nghiệp dẫn đến hữu chưa được thông suốt trước đây, chưa được khám phá trước đây" là tuệ thông suốt. "Chúng [bốn pháp ấy] đưa đến trạng thái tuệ thông suốt" là tuệ thông suốt. Đây là mười sáu tuệ. Cá nhân hội đủ mười sáu tuệ này đạt đến [tuệ] phân tích.

Có hai hạng người đạt được phân tích: Một hạng đã thực tập trước đây, một hạng đã không thực tập trước đây. Người nào đã thực tập trước đây, người ấy là trội hơn, là vượt lên, là khác biệt với vị kia. Trí của vị ấy được khai mở.

Có hai hạng người đạt được phân tích, cả hai đều đã thực tập trước đây: Một hạng đã nghe nhiều, một hạng đã không nghe nhiều. Người nào nghe nhiều, người ấy là trội hơn, là vượt lên, là khác biệt với vị kia. Trí của vị ấy được khai mở.

Có hai hạng người đạt được phân tích, cả hai đều đã thực tập trước đây, cả hai đều đã nghe nhiều: Một hạng có nhiều sự thuyết giảng, một hạng không có nhiều sự thuyết giảng. Người nào có nhiều sự thuyết giảng, người ấy là trội hơn, là vượt lên, là khác biệt với vị kia. Trí của vị ấy được khai mở.

Có hai hạng người đạt được phân tích, cả hai đều đã thực tập trước đây, cả hai đều đã nghe nhiều, cả hai đều có nhiều sự thuyết giảng: Một hạng đã nương tựa vào vị thầy, một hạng đã không nương tựa vào vị thầy. Người nào đã nương tựa vào vị thầy, người ấy là trội hơn, là vượt lên, là khác biệt với vị kia. Trí của vị ấy được khai mở.

Có hai hạng người đạt được phân tích, cả hai đều đã thực tập trước đây, cả hai đều đã nghe nhiều, cả hai đều có nhiều sự thuyết giảng, cả hai đều đã nương tựa vào vị thầy: Một hạng có nhiều sự an trú,[4] một hạng không có nhiều sự an trú. Người nào có nhiều sự an trú, người ấy là trội hơn, là vượt lên, là khác biệt với vị kia. Trí của vị ấy được khai mở.

Có hai hạng người đạt được phân tích, cả hai đều đã thực tập trước đây, cả hai đều đã nghe nhiều, cả hai đều có nhiều sự thuyết giảng, cả hai đều đã nương tựa vào vị thầy, cả hai đều có nhiều sự an trú: Một hạng có nhiều sự quán xét lại, một hạng không có nhiều sự quán xét lại. Người nào có nhiều sự quán xét lại, người ấy là trội hơn, là vượt lên, là khác biệt với vị kia. Trí của vị ấy được khai mở.

Có hai hạng người đạt được phân tích, cả hai đều đã thực tập trước đây, cả hai đều đã nghe nhiều, cả hai đều có nhiều sự thuyết giảng, cả hai đều đã nương tựa vào vị thầy, cả hai đều có nhiều sự an trú, cả hai đều có nhiều sự quán xét lại: Một hạng đạt được sự phân tích của bậc Hữu học, một hạng đạt được sự phân tích của bậc Vô học. Người nào đạt được sự phân tích của bậc Vô học, người ấy là trội hơn, là vượt lên, là khác biệt với vị kia. Trí của vị ấy được khai mở.

Có hai hạng người đạt được phân tích, cả hai đều đã thực tập trước đây, cả hai đều đã nghe nhiều, cả hai đều có nhiều sự thuyết giảng, cả hai đều đã nương tựa vào vị thầy, cả hai đều có nhiều sự an trú, cả hai đều có nhiều sự quán xét lại, cả hai đều đã đạt được sự phân tích của bậc Vô học: Một hạng đạt được sự toàn hảo của vị Thinh văn, một hạng không đạt được sự toàn hảo của vị Thinh văn. Người nào đạt được sự toàn hảo của vị Thinh văn, người ấy là trội hơn, là vượt lên, là khác biệt với vị kia. Trí của vị ấy được khai mở.

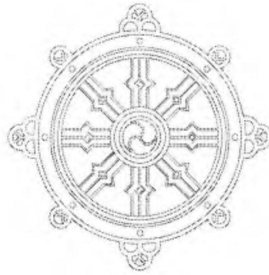
Có hai hạng người đạt được phân tích, cả hai đều đã thực tập trước đây, cả hai đều đã nghe nhiều, cả hai đều có nhiều sự thuyết giảng, cả hai đều đã nương tựa vào vị thầy, cả hai đều có nhiều sự an trú, cả hai đều có nhiều sự quán xét lại, cả hai đều đã đạt được sự phân tích của bậc Vô học: Một hạng đạt được sự toàn hảo của vị Thinh văn, một hạng là vị Độc Giác Phật. Người nào là vị Độc Giác Phật, người ấy là trội hơn, là vượt lên, là khác biệt với vị kia. Trí của vị ấy được khai mở.

Tính luôn vị Độc Giác Phật và thế gian có cả chư thiên, đức Như Lai, bậc A-la-hán, đấng Chánh Đẳng Giác là tối thắng, đã đạt đến sự phân tích, là thiện xảo về các loại tuệ, có trí đã được phân hạng, có sự phân tích đã được đắc chứng, đã đạt đến bốn sự tự tín, là vị rành rẽ về mười lực, là bậc Nhân Ngưu, là bậc Nhân Sư... (nt)... Ngay cả các vị thông thái dòng Sát-đế-ly, các vị thông thái dòng Bà-la-môn, các vị gia chủ thông thái, các vị Sa-môn thông thái, khôn ngoan, biết đến các giáo thuyết của những người khác như là [mũi tên] xuyên qua sợi tóc, nghĩ rằng họ là những người đi đến đạp đổ những khuynh hướng tà

[4] Hạng có nhiều sự an trú (*vihārabahulo*) nghĩa là có nhiều an trú vào minh sát, có nhiều an trú vào sự chứng đạt quả vị (*PsA*. III. 653).

kiến nhờ vào tuệ đã đạt được. Những người ấy liên tục chuẩn bị câu hỏi rồi đi đến gặp đức Như Lai và chất vấn. Những câu hỏi khó hiểu và che đậy ấy, khi được giảng giải, được trả lời bởi đức Thế Tôn, trở thành những sự việc rõ ràng. Và những người ấy trở thành những người hỗ trợ đối với đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn vô cùng rạng rỡ ở tại nơi ấy, tức là về "Tuệ." Ngài đã đạt đến sự phân tích và là vị tối thắng.

Phần giảng về "Tuệ" được đầy đủ.



II. GIẢNG VỀ THẦN THÔNG
(*IDDHIKATHĀ*)

Điều gì là thần thông? Thần thông có bao nhiêu loại? Có bao nhiêu lãnh vực? Có bao nhiêu cơ sở? Có bao nhiêu căn bản? Có bao nhiêu cội nguồn?

Điều gì là thần thông? Theo ý nghĩa thành tựu là thần thông.

Thần thông có bao nhiêu loại? Thần thông có mười loại.

Thần thông có bao nhiêu lãnh vực? Thần thông có bốn lãnh vực, có bốn cơ sở, có tám căn bản, có mười sáu cội nguồn.

Mười loại thần thông gì? Thần thông do chú nguyện, thần thông do biến hóa, thần thông do ý tạo thành, thần thông do sự can thiệp của trí, thần thông do sự can thiệp của định, thần thông thuộc về bậc Thánh, thần thông sanh lên do kết quả của nghiệp, thần thông của người có phước báu, thần thông do chú thuật, thần thông với ý nghĩa thành tựu do duyên ứng dụng đúng đắn tùy theo trường hợp.

Bốn lãnh vực gì của thần thông? Sơ thiền là lãnh vực sanh lên do viễn ly, nhị thiền là lãnh vực của hỷ và lạc, tam thiền là lãnh vực của xả và lạc, tứ thiền là lãnh vực của không khổ không lạc. Bốn lãnh vực này của thần thông đưa đến sự đạt được thần thông, sự thành đạt thần thông, sự thể hiện thần thông, sự biến hóa thần thông, sở trường về thần thông, sự tự tín về thần thông.

Bốn cơ sở gì của thần thông? Ở đây vị Tỳ-khưu tu tập về nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do ước muốn và các tạo tác do nỗ lực, tu tập về nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do tinh tấn và các tạo tác do nỗ lực, tu tập về nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do tâm và các tạo tác do nỗ lực, tu tập về nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do thẩm xét và các tạo tác do nỗ lực. Bốn cơ sở này của thần thông đưa đến sự đạt được thần thông, sự thành đạt thần thông, sự thể hiện thần thông, sự biến hóa thần thông, sở trường về thần thông, tự tín về thần thông.

Tám căn bản gì của thần thông? Nếu do ước muốn, vị Tỳ-khưu đạt được định, đạt được trạng thái chuyên nhất của tâm, [như vậy] ước muốn không phải là định, định không phải là ước muốn; ước muốn là điều khác, định là điều khác. Nếu do tinh tấn, vị Tỳ-khưu đạt được định, đạt được trạng thái chuyên nhất của tâm, [như vậy] tinh tấn không phải là định, định không phải là tinh tấn; tinh tấn là điều khác, định là điều khác. Nếu do tâm, vị Tỳ-khưu đạt được định, đạt được trạng thái chuyên nhất của tâm, [như vậy] tâm không phải là định, định không phải là tâm; tâm là điều khác, định là điều khác. Nếu do thẩm

xét, vị Tỳ-khưu đạt được định, đạt được trạng thái chuyên nhất của tâm, [như vậy] thẩm xét không phải là định, định không phải là thẩm xét; thẩm xét là điều khác, định là điều khác. Tám căn bản này của thần thông đưa đến sự đạt được thần thông, sự thành đạt thần thông, sự thể hiện thần thông, sự biến hóa thần thông, sở trường về thần thông, sự tự tín về thần thông.

Mười sáu cội nguồn gì của thần thông? "Không bị trì trệ, tâm không động bởi biếng nhác" là bất động. "Không bị hưng phấn, tâm không động bởi phóng dật" là bất động. "Không quá chăm chú, tâm không động bởi tham ái" là bất động. "Không xua đuổi, tâm không động bởi sân độc" là bất động. "Không lệ thuộc, tâm không động bởi kiến" là bất động. "Không gắn bó, tâm không động bởi ước muốn và tham ái" là bất động. "Được phóng thích, tâm không động bởi ái dục" là bất động. "Thoát khỏi ràng buộc, tâm không động bởi phiền não" là bất động. Được thoát khỏi chướng ngại, tâm không động bởi chướng ngại phiền não" là bất động. "Đạt đến trạng thái chuyên nhất, tâm không động bởi các phiền não có bản chất khác biệt" là bất động. "Được nắm giữ bởi đức tin, tâm không động bởi không có đức tin" là bất động. "Được nắm giữ bởi tinh tấn, tâm không động bởi biếng nhác" là bất động. "Được nắm giữ bởi niệm, tâm không động bởi buông lung" là bất động. "Được nắm giữ bởi định, tâm không động bởi phóng dật" là bất động. "Được nắm giữ bởi tuệ, tâm không động bởi vô minh" là bất động. "Đạt đến ánh sáng, tâm không động bởi bóng tối vô minh" là bất động. Mười sáu cội nguồn này của thần thông đưa đến sự đạt được thần thông, sự thành đạt thần thông, sự thể hiện thần thông, sự biến hóa thần thông, sở trường về thần thông, sự tự tín về thần thông.

Thần thông gì do chú nguyện? Ở đây, vị Tỳ-khưu kinh nghiệm thần thông nhiều thể loại: Chỉ là một hóa thành nhiều, là nhiều hóa thành một, hiện ra, biến mất, đi xuyên qua vách nhà, xuyên qua tường thành, xuyên qua núi non không bị ngăn trở như là ở khoảng không, trồi lên và chìm xuống vào trong đất như là ở trong nước, đi ở trên nước mà không làm chao động như là ở trên đất, di chuyển với thế kiết-già ở trên hư không cũng như loài chim có cánh, bằng bàn tay sờ đến chạm vào ngay cả mặt trăng và mặt trời [là những vật] có đại thần lực như thế, có đại oai lực như thế, bằng thân vị ấy thể hiện sự tác động đến tận cõi Phạm thiên.

Ở đây: Ở quan điểm này, ở sự mong muốn này, ở khuynh hướng này, ở sự chọn lọc này, ở Pháp này, ở Luật này, ở Pháp và Luật này, ở học thuyết này, ở Phạm hạnh này, ở lời dạy này của bậc Đạo sư; vì thế được nói rằng: "Ở đây."

Vị Tỳ-khưu: Vị Tỳ-khưu là phàm nhân hoàn thiện, hoặc là vị Hữu học, hoặc là vị A-la-hán có pháp không thể thay đổi.

Kinh nghiệm thần thông nhiều thể loại: Là kinh nghiệm thể loại thần thông có cách thể hiện khác biệt.

Chỉ là một hóa thành nhiều: Bình thường là một, hướng tâm đến nhiều, hoặc hướng tâm đến một trăm, hoặc một ngàn, hoặc một trăm ngàn. Sau khi

hướng tâm, chú nguyện bằng trí rằng: "Ta hãy là nhiều" và trở thành nhiều. Giống như Đại đức Cullapanthaka chỉ là một hóa thành nhiều; tương tợ như thế, vị ấy có thần thông đã đạt đến năng lực của ý, chỉ là một hóa thành nhiều.

Là nhiều hóa thành một: Bình thường là nhiều, hướng tâm đến một. Sau khi hướng tâm, chú nguyện bằng trí rằng: "Ta hãy là một" và trở thành một. Giống như Đại đức Cullapanthaka là nhiều hóa thành một; tương tợ như thế, vị ấy có thần thông đã đạt đến năng lực của ý, là nhiều hóa thành một.

Hiện ra: Là không bị ngăn che, không bị che đậy bởi bất cứ vật gì, được mở ra, được hiển hiện.

Biến mất: Là bị ngăn che, bị che đậy bởi bất cứ vật gì, bị đóng lại, bị lật úp lại.

Đi xuyên qua vách nhà, xuyên qua tường thành, xuyên qua núi non không bị ngăn trở như là ở khoảng không: Là vị thành tựu sự chứng đạt đề mục hư không một cách tự nhiên. [Vị ấy] hướng tâm đến việc xuyên qua vách nhà, xuyên qua tường thành, xuyên qua núi non. Sau khi hướng tâm, chú nguyện bằng trí rằng: "Hãy là hư không" và trở thành hư không. [Vị ấy] đi xuyên qua vách nhà, xuyên qua tường thành, xuyên qua núi non không bị ngăn trở. Giống như những người, ở trạng thái bình thường không có thần thông, ở chỗ không bị ngăn che, không bị che đậy bất cứ vật gì, đi không bị ngăn trở; tương tợ như thế, vị ấy có thần thông đã đạt được năng lực của ý, đi xuyên qua vách nhà, xuyên qua tường thành, xuyên qua núi non không bị ngăn trở như là ở khoảng không.

Trồi lên và chìm xuống vào trong đất như là ở trong nước: Là vị thành tựu sự chứng đạt đề mục nước một cách tự nhiên. [Vị ấy] hướng tâm đến đất. Sau khi hướng tâm, chú nguyện bằng trí rằng: "Hãy là nước" và trở thành nước. Vị ấy trồi lên và chìm xuống vào trong đất. Giống như những người, ở trạng thái bình thường không có thần thông, trồi lên và chìm vào trong nước; tương tợ như thế, vị ấy có thần thông đã đạt được năng lực của ý, trồi lên và chìm xuống vào trong đất như là ở trong nước.

Đi ở trên nước mà không làm chao động như là ở trên đất: Là vị thành tựu sự chứng đạt đề mục đất một cách tự nhiên. [Vị ấy] hướng tâm đến nước. Sau khi hướng tâm, chú nguyện bằng trí rằng: "Hãy là đất" và trở thành đất. Vị ấy đi ở trên nước mà [nước] không bị tách ra. Giống như những người ở trạng thái bình thường không có thần thông, đi ở trên đất mà [đất] không bị tách ra; tương tợ như thế, vị ấy có thần thông đã đạt được năng lực của ý, đi ở trên nước mà [nước] không bị tách ra như là ở trên đất.

Di chuyển với thế kiết-già ở trên hư không cũng như loài chim có cánh: Là vị thành tựu sự chứng đạt đề mục đất một cách tự nhiên. [Vị ấy] hướng tâm đến hư không. Sau khi hướng tâm, chú nguyện bằng trí rằng: "Hãy là đất" và trở thành đất. Vị ấy đi tới lui ở trên hư không bầu trời, rồi đứng lại, ngồi xuống, rồi nằm xuống. Giống như những người, ở trạng thái bình thường không có thần thông, đi tới lui ở trên đất, rồi đứng lại, ngồi xuống, rồi nằm xuống; tương tợ như

thế, vị ấy có thần thông đã đạt được năng lực của ý, đi tới lui ở trên hư không bầu trời, rồi đứng lại, ngồi xuống, rồi nằm xuống cũng như loài chim có cánh.

Bằng bàn tay sờ đến chạm vào ngay cả mặt trăng và mặt trời [là những vật] có đại thần lực như thế, có đại oai lực như thế: Ở đây, vị ấy có thần thông đã đạt được năng lực của ý, đang ngồi hoặc đang nằm, hướng tâm đến mặt trăng và mặt trời. Sau khi hướng tâm, chú nguyện bằng trí rằng: "Hãy là ở trong tầm tay" và trở thành ở trong tầm tay. Vị ấy đang ngồi hoặc đang nằm, bằng bàn tay đụng đến, sờ đến, chạm vào mặt trăng và mặt trời. Giống như những người ở trạng thái bình thường không có thần thông, bằng bàn tay đụng đến, sờ đến, chạm vào bất cứ vật gì có hình thể ở trong tầm tay; tương tợ như thế, vị ấy có thần thông đã đạt được năng lực của ý, đang ngồi hoặc đang nằm, bằng bàn tay đụng đến, sờ đến, chạm vào mặt trăng và mặt trời.

Bằng thân vị ấy thể hiện sự tác động đến tận cõi Phạm thiên: Nếu vị ấy có thần thông đã đạt được năng lực của ý, có ý muốn đi đến cõi Phạm thiên, dầu xa chú nguyện là gần rằng: "Hãy là gần" và trở thành gần; dầu gần chú nguyện thành xa rằng: "Hãy là xa" và trở thành xa, dầu nhiều chú nguyện thành ít rằng: "Hãy là ít" và trở thành ít; dầu ít chú nguyện thành nhiều rằng: "Hãy là nhiều" và trở thành nhiều; nhìn thấy hình dáng của vị Phạm thiên ấy bằng thiên nhãn, nghe được tiếng của vị Phạm thiên ấy bằng thiên nhĩ, nhận biết tâm của vị Phạm thiên ấy bằng trí biết được tâm của người khác. Nếu vị ấy có thần thông đã đạt được năng lực của ý, có ý muốn đi đến cõi Phạm thiên bằng thân được nhìn thấy, [vị ấy] hoán chuyển tâm theo năng lực của thân, chú nguyện tâm theo năng lực của thân. Sau khi hoán chuyển tâm theo năng lực của thân, sau khi chú nguyện tâm theo năng lực của thân, sau khi nhập vào lạc tưởng và khinh tưởng, vị ấy đi đến cõi Phạm thiên bằng thân được nhìn thấy. Nếu vị ấy có thần thông đã đạt được năng lực của ý, có ý muốn đi đến cõi Phạm thiên bằng thân không được nhìn thấy, [vị ấy] hoán chuyển thân theo năng lực của tâm, chú nguyện thân theo năng lực của tâm. Sau khi hoán chuyển thân theo năng lực của tâm, sau khi chú nguyện thân theo năng lực của tâm, sau khi nhập vào lạc tưởng và khinh tưởng, vị ấy đi đến cõi Phạm thiên bằng thân không được nhìn thấy. Vị ấy làm ra hình thể được tạo thành bởi ý có tất cả các bộ phận lớn nhỏ và có giác quan hoàn chỉnh ở phía trước vị Phạm thiên ấy. Nếu vị có thần thông ấy đi kinh hành, hình biến hóa [của vị ấy] cũng đi kinh hành ở nơi ấy. Nếu vị có thần thông ấy đứng lại, hình biến hóa cũng đứng lại ở nơi ấy. Nếu vị có thần thông ấy ngồi xuống, hình biến hóa cũng ngồi xuống ở nơi ấy. Nếu vị có thần thông ấy nằm, hình biến hóa cũng nằm ở nơi ấy. Nếu vị có thần thông ấy phun khói, hình biến hóa cũng phun khói ở nơi ấy. Nếu vị có thần thông ấy phát sáng, hình biến hóa cũng phát sáng ở nơi ấy. Nếu vị có thần thông ấy thuyết pháp, hình biến hóa cũng thuyết pháp ở nơi ấy. Nếu vị có thần thông ấy hỏi câu hỏi, hình biến hóa cũng hỏi câu hỏi ở nơi ấy. Nếu vị có thần thông ấy trả lời khi được hỏi câu hỏi, hình biến hóa cũng trả lời khi được hỏi câu hỏi ở nơi ấy. Nếu vị có thần thông ấy đứng chung chuyện vãn, bàn luận với vị Phạm thiên ấy, hình biến hóa cũng

đứng chung chuyện vãn, bàn luận với vị Phạm thiên ấy ở nơi ấy. Vị có thần thông ấy làm bất cứ việc gì, hình biến hóa [của vị ấy] cũng làm chính ngay việc ấy. Đây là thần thông do chú nguyện.

Thần thông do biến hóa là gì? Vị Thinh văn của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, đấng Chánh Đẳng Giác Sikhī tên là Abhibhū đứng ở cõi Phạm thiên đã dùng giọng nói thông báo đến một ngàn cõi thế giới. Vị ấy đã thuyết pháp với thân được nhìn thấy, đã thuyết pháp với thân không được nhìn thấy, đã thuyết pháp với nửa phần thân dưới được nhìn thấy với nửa phần thân trên không được nhìn thấy, đã thuyết pháp với nửa phần thân trên được nhìn thấy với nửa phần thân dưới không được nhìn thấy. Vị ấy rời bỏ hình dạng bình thường và phô bày hình dạng của thiếu niên, hoặc phô bày hình dạng của loài rồng, hoặc phô bày hình dạng của loài nhân điểu, hoặc phô bày hình dạng của loài dạ-xoa, hoặc phô bày hình dạng của vị Thiên vương, hoặc phô bày hình dạng của vị thiên nhân, hoặc phô bày hình dạng của Phạm thiên, hoặc phô bày hình dạng của biển cả, hoặc phô bày hình dạng của ngọn núi, hoặc phô bày hình dạng của khu rừng, hoặc phô bày hình dạng của loài sư tử, hoặc phô bày hình dạng của loài cọp, hoặc phô bày hình dạng của loài beo, hoặc phô bày hình dạng của loài voi, hoặc phô bày hình dạng của loài ngựa, hoặc phô bày hình dạng của xe kéo, hoặc phô bày hình dạng của người lính, hoặc phô bày hình dạng của đoàn quân nhiều binh chủng. Đây là thần thông do biến hóa.

Thần thông do ý tạo thành là gì? Ở đây, vị Tỳ-khưu từ thân này làm ra thân khác có hình thể được tạo thành bởi ý với tất cả các bộ phận lớn nhỏ và có giác quan hoàn chỉnh. Cũng giống như người đàn ông rút ra sợi rơm từ cọng cỏ muñja. Vị ấy có thể nghĩ như vậy: "Đây là cọng cỏ muñja, đây là sợi rơm. Cọng cỏ muñja là khác, sợi rơm là khác. Nhưng chính sợi rơm được rút ra từ cọng cỏ muñja." Hoặc cũng giống như người đàn ông có thể rút ra thanh gươm từ vỏ bọc. Vị ấy có thể nghĩ như vậy: "Đây là thanh gươm, đây là vỏ bọc. Thanh gươm là khác, vỏ bọc là khác. Nhưng chính thanh gươm được rút ra từ vỏ bọc." Hoặc cũng giống như người đàn ông có thể tuốt ra con rắn từ lớp da. Vị ấy có thể nghĩ như vậy: "Đây là con rắn, đây là lớp da. Con rắn là khác, lớp da là khác. Nhưng chính con rắn được tuốt ra từ lớp da"; tương tợ như thế, vị Tỳ-khưu từ thân này làm ra thân khác có hình thể được tạo thành bởi ý với tất cả các bộ phận lớn nhỏ và có giác quan hoàn chỉnh. Đây là thần thông do ý tạo thành.

Thần thông do sự can thiệp của trí là gì? "Do sự quán xét về vô thường, ý nghĩa dứt bỏ sự nghĩ tưởng về thường được thành tựu" là thần thông do sự can thiệp của trí. "Do sự quán xét về khổ não, ý nghĩa dứt bỏ sự nghĩ tưởng về lạc... "Do sự quán xét về vô ngã, ý nghĩa dứt bỏ sự nghĩ tưởng về ngã... "Do sự quán xét về nhàm chán, ý nghĩa dứt bỏ sự vui thích... "Do sự quán xét về ly tham ái, ý nghĩa dứt bỏ tham ái... "Do sự quán xét về diệt tận, ý nghĩa dứt bỏ nhân sanh khởi... "Do sự quán xét về từ bỏ, ý nghĩa dứt bỏ sự nắm giữ được thành tựu" là thần thông do sự can thiệp của trí. Thần thông của Đại đức Bakkula là do sự can thiệp của trí. Thần thông của Đại đức Saṅkicca là do sự can thiệp của trí.

Thần thông của Đại đức Bhūtapāla là do sự can thiệp của trí. Đây là thần thông do sự can thiệp của trí.

Thần thông do sự can thiệp của định là gì? "Do Sơ thiền, ý nghĩa dứt bỏ các pháp ngăn che được thành tựu" là thần thông do sự can thiệp của định. "Do Nhị thiền, ý nghĩa dứt bỏ tầm tứ được thành tựu" là thần thông do sự can thiệp của định. "Do Tam thiền, ý nghĩa dứt bỏ hỷ được thành tựu"... "Do Tứ thiền, ý nghĩa dứt bỏ lạc và khổ được thành tựu"... "Do sự chứng đạt Không vô biên xứ, ý nghĩa dứt bỏ sự nghĩ tưởng về sắc, nghĩ tưởng về bất bình, nghĩ tưởng về khác biệt được thành tựu"... "Do sự chứng đạt Thức vô biên xứ, ý nghĩa dứt bỏ sự nghĩ tưởng về Không vô biên xứ được thành tựu"... "Do sự chứng đạt Vô sở hữu xứ, ý nghĩa dứt bỏ sự nghĩ tưởng về Thức vô biên xứ được thành tựu"... "Do sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ, ý nghĩa dứt bỏ sự nghĩ tưởng về Không vô biên xứ được thành tựu" là thần thông do sự can thiệp của định. Thần thông của Đại đức Sāriputta là do sự can thiệp của định. Thần thông của Đại đức Sañjīva là do sự can thiệp của định. Thần thông của Đại đức Khāṇukoṇḍañña là do sự can thiệp của định. Thần thông của nữ cư sĩ Uttarā là do sự can thiệp của định. Thần thông của nữ cư sĩ Sāmāvatī là do sự can thiệp của định. Đây là thần thông do sự can thiệp của định.

Thần thông thuộc về bậc Thánh là gì? Ở đây, vị Tỳ-khưu nếu ước mong rằng: "Ta có thể an trú vào vật nhờm gớm với sự nghĩ tưởng là không nhờm gớm", rồi an trú vào nơi ấy với sự nghĩ tưởng là không nhờm gớm; nếu ước mong rằng: "Ta có thể an trú vào vật không nhờm gớm với sự nghĩ tưởng là nhờm gớm", rồi an trú vào nơi ấy với sự nghĩ tưởng là nhờm gớm; nếu ước mong rằng: "Ta có thể an trú vào vật nhờm gớm và vật không nhờm gớm với sự nghĩ tưởng là không nhờm gớm", rồi an trú vào nơi ấy với sự nghĩ tưởng là không nhờm gớm; nếu ước mong rằng: "Ta có thể an trú vào vật nhờm gớm và vật không nhờm gớm với sự nghĩ tưởng là nhờm gớm", rồi an trú vào nơi ấy với sự nghĩ tưởng là nhờm gớm; nếu ước mong rằng: "Về vật nhờm gớm và vật không nhờm gớm, sau khi ngăn ngừa cả hai vật ấy, với trạng thái xả ta có thể an trú [vào hai vật ấy] có niệm và có sự nhận biết rõ rệt", rồi với trạng thái xả [vị ấy] an trú vào nơi ấy, có niệm và có sự nhận biết rõ rệt.

An trú vào vật nhờm gớm với sự nghĩ tưởng là không nhờm gớm là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với sự việc không được mong muốn, hoặc là chuyên chú vào lòng từ hoặc là liên tưởng về bản thể. An trú vào vật nhờm gớm với sự nghĩ tưởng là không nhờm gớm là [có ý nghĩa] như thế.

An trú vào vật không nhờm gớm với sự nghĩ tưởng là nhờm gớm là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với sự việc mong muốn, hoặc là chuyên chú vào bất tịnh hoặc là liên tưởng về vô thường. An trú vào vật không nhờm gớm với sự nghĩ tưởng là nhờm gớm là [có ý nghĩa] như thế.

An trú vào vật nhờm gớm và vật không nhờm gớm với sự nghĩ tưởng là không nhờm gớm là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với sự việc không mong muốn và đối với sự việc mong muốn, hoặc là chuyên chú vào lòng từ hoặc là liên

tưởng về bản thể. An trú vào vật nhờm gớm và vật không nhờm gớm với sự nghĩ tưởng là không nhờm gớm là [có ý nghĩa] như thế.

An trú vào vật nhờm gớm và vật không nhờm gớm với sự nghĩ tưởng là nhờm gớm là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với sự việc mong muốn, hoặc là chuyên chú vào bất tịnh hoặc là liên tưởng về vô thường. An trú vào vật nhờm gớm và vật không nhờm gớm với sự nghĩ tưởng là nhờm gớm là [có ý nghĩa] như thế.

Về vật nhờm gớm và vật không nhờm gớm, sau khi ngăn ngừa cả hai vật ấy, với trạng thái xả an trú [vào hai vật ấy] có niệm và có sự nhận biết rõ rệt là [có ý nghĩa] thế nào? Ở đây, vị Tỳ-khưu sau khi nhìn thấy sắc bằng mắt, là không vui không buồn, với trạng thái xả an trú [vào vật ấy] có niệm và có sự nhận biết rõ rệt. Sau khi nghe thinh [âm thanh] bằng tai... Sau khi ngửi khí [mùi] bằng mũi... Sau khi nếm vị bằng lưỡi... Sau khi va chạm [cảnh] xúc bằng thân... Sau khi nhận thức pháp bằng ý, là không vui không buồn, với trạng thái xả an trú [vào vật ấy] có niệm và có sự nhận biết rõ rệt. Về vật nhờm gớm và vật không nhờm gớm, sau khi ngăn ngừa cả hai vật ấy, với trạng thái xả an trú [vào hai vật ấy] có niệm và có sự nhận biết rõ rệt là [có ý nghĩa] như thế. Đây là thần thông thuộc về bậc Thánh.

Thần thông sanh lên do kết quả của nghiệp là gì? Là của tất cả các loài có cánh, là của tất cả chư thiên, là của một số thuộc nhân loại, là của một số thuộc hàng đọa xứ. Đây là thần thông sanh lên do kết quả của nghiệp.

Thần thông của người có phước báu là gì? Đức Chuyển Luân Vương đi trên không trung cùng với đoàn quân bốn loại binh chủng thậm chí tính luôn cả những kẻ giữ ngựa, chăn trâu. Thần thông của gia chủ Jotika là của người có phước báu, thần thông của gia chủ Jaṭila là của người có phước báu, thần thông của gia chủ Meṇḍaka là của người có phước báu, thần thông của gia chủ Ghosita là của người có phước báu. Đây là thần thông của người có phước báu.

Thần thông do chú thuật là gì? Sau khi nói lẩm nhẩm về chú thuật, những người rành rẽ về chú thuật đi trên không trung, phô bày voi, phô bày ngựa, phô bày xe kéo, phô bày người lính, phô bày đoàn quân nhiều binh chủng ở trên hư không bầu trời. Đây là thần thông do chú thuật.

Thần thông với ý nghĩa thành tựu do duyên nỗ lực đúng đắn tùy theo trường hợp là [có ý nghĩa] thế nào? "Do thoát ly, ý nghĩa dứt bỏ ước muốn trong các dục được thành tựu" là thần thông với ý nghĩa thành tựu do duyên ứng dụng đúng đắn tùy theo trường hợp. "Do không sân độc, ý nghĩa dứt bỏ sân độc được thành tựu" là thần thông với ý nghĩa thành tựu do duyên ứng dụng đúng đắn tùy theo trường hợp. … (nt)... "Do đạo A-la-hán, ý nghĩa dứt bỏ toàn bộ phiền não được thành tựu" là thần thông với ý nghĩa thành tựu do duyên ứng dụng đúng đắn tùy theo trường hợp. Thần thông với ý nghĩa thành tựu do duyên ứng dụng đúng đắn tùy theo trường hợp là [có ý nghĩa] như thế. Đây là mười loại thần thông.

Phần giảng về "Thần thông" được đầy đủ.

III. GIẢNG VỀ SỰ LÃNH HỘI
(*ABHISAMAYAKATHĀ*)

Sự lãnh hội: Lãnh hội nhờ vào gì? Lãnh hội nhờ vào tâm. Nếu lãnh hội nhờ vào tâm, vậy thì người không có trí [có thể] lãnh hội? Người không có trí không [thể] lãnh hội. Lãnh hội nhờ vào trí.

Nếu lãnh hội nhờ vào trí, vậy thì người không có tâm [có thể] lãnh hội? Người không có tâm không [thể] lãnh hội. Lãnh hội nhờ vào tâm và nhờ vào trí.

Nếu lãnh hội nhờ vào tâm và nhờ vào trí, vậy thì lãnh hội nhờ vào tâm dục giới và nhờ vào trí? Không phải lãnh hội nhờ vào tâm dục giới và nhờ vào trí.

Vậy thì lãnh hội nhờ vào tâm sắc giới và nhờ vào trí? Không phải lãnh hội nhờ vào tâm sắc giới và nhờ vào trí.

Vậy thì lãnh hội nhờ vào tâm vô sắc giới và nhờ vào trí? Không phải lãnh hội nhờ vào tâm vô sắc giới và nhờ vào trí.

Vậy thì lãnh hội nhờ vào tâm vận hành theo nghiệp và nhờ vào trí? Không phải lãnh hội nhờ vào tâm vận hành theo nghiệp và nhờ vào trí.

Vậy thì lãnh hội nhờ vào tâm thuận theo chân lý và nhờ vào trí? Không phải lãnh hội nhờ vào tâm thuận theo chân lý và nhờ vào trí.

Vậy thì lãnh hội nhờ vào tâm quá khứ và nhờ vào trí? Không phải lãnh hội nhờ vào tâm quá khứ và nhờ vào trí.

Vậy thì lãnh hội nhờ vào tâm vị lai và nhờ vào trí? Không phải lãnh hội nhờ vào tâm vị lai và nhờ vào trí.

Vậy thì lãnh hội nhờ vào tâm hợp thế hiện tại và nhờ vào trí? Không phải lãnh hội nhờ vào tâm hợp thế hiện tại và nhờ vào trí.

Lãnh hội nhờ vào tâm hiện tại và nhờ vào trí ở sát-na đạo siêu thế.

Lãnh hội nhờ vào tâm hiện tại và nhờ vào trí ở sát-na đạo siêu thế là [có ý nghĩa] thế nào? Ở sát-na đạo siêu thế: Tâm có tính chủ đạo trong các pháp sanh lên là nhân và duyên của trí; trí tương ưng với điều ấy, có hành xứ là sự diệt tận, có tính chất chủ đạo trong việc nhận thấy là nhân và duyên của tâm; trí tương ưng với điều ấy là hành xứ của sự diệt tận.[5] Lãnh hội nhờ vào tâm hiện tại và nhờ vào trí ở sát-na đạo siêu thế là [có ý nghĩa] như thế.

Có phải sự lãnh hội chỉ là bấy nhiêu? Không phải, ở sát-na đạo siêu thế: Sự lãnh hội về nhận thấy là chánh kiến, sự lãnh hội về việc gắn chặt [tâm vào cảnh]

[5] Hành xứ của sự diệt tận nghĩa là cảnh Niết-bàn (*PsA*. III. 687).

là chánh tư duy, sự lãnh hội về gìn giữ là chánh ngữ, sự lãnh hội về nguồn sanh khởi là chánh nghiệp, sự lãnh hội về trong sạch là chánh mạng, sự lãnh hội về ra sức là chánh tinh tấn, sự lãnh hội về thiết lập là chánh niệm, sự lãnh hội về không tản mạn là chánh định.

Sự lãnh hội về thiết lập là niệm giác chi, sự lãnh hội về suy xét là trạch pháp giác chi, sự lãnh hội về ra sức là cần giác chi, sự lãnh hội về lan tỏa là hỷ giác chi, sự lãnh hội về an tịnh là tịnh giác chi, sự lãnh hội về không tản mạn là định giác chi, sự lãnh hội về phân biệt rõ là xả giác chi.

Sự lãnh hội về tính chất không dao động ở sự không có đức tin là tín lực, sự lãnh hội về tính chất không dao động ở biếng nhác là tấn lực, sự lãnh hội về tính chất không dao động ở buông lung là niệm lực, sự lãnh hội về tính chất không dao động ở phóng dật là định lực, sự lãnh hội về tính chất không dao động ở vô minh là tuệ lực. Sự lãnh hội về cương quyết là tín quyền, sự lãnh hội về ra sức là tấn quyền, sự lãnh hội về thiết lập là niệm quyền, sự lãnh hội về không tản mạn là định quyền, sự lãnh hội về nhận thấy là tuệ quyền.

Sự lãnh hội về các quyền theo ý nghĩa pháp chủ đạo, sự lãnh hội về các lực theo ý nghĩa về tính chất không thể bị lay chuyển, sự lãnh hội về các giác chi theo ý nghĩa dẫn xuất [ra khỏi luân hồi], sự lãnh hội về đạo theo ý nghĩa chủng tử, sự lãnh hội về thiết lập niệm theo ý nghĩa thiết lập, sự lãnh hội về các chánh cần theo ý nghĩa nỗ lực, sự lãnh hội về các nền tảng của thần thông theo ý nghĩa thành tựu, sự lãnh hội về chân lý theo ý nghĩa của thực thể, sự lãnh hội về chỉ tịnh theo ý nghĩa không tản mạn, sự lãnh hội về minh sát theo ý nghĩa quán sát, sự lãnh hội về chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa nhất vị, sự lãnh hội về kết hợp chung theo ý nghĩa không vượt quá, sự lãnh hội về giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc, sự lãnh hội về tâm thanh tịnh theo ý nghĩa không tản mạn, sự lãnh hội về kiến thanh tịnh theo ý nghĩa nhận thấy, sự lãnh hội về giải thoát theo ý nghĩa được phóng thích, sự lãnh hội về minh theo ý nghĩa thấu triệt, sự lãnh hội về giải thoát theo ý nghĩa buông bỏ, trí về đoạn tận theo ý nghĩa đoạn trừ là sự lãnh hội.

Ước muốn theo ý nghĩa nguồn cội là sự lãnh hội, tác ý theo ý nghĩa nguồn sanh khởi là sự lãnh hội, xúc theo ý nghĩa liên kết là sự lãnh hội, thọ theo ý nghĩa hội tụ là sự lãnh hội, định theo ý nghĩa dẫn đầu là sự lãnh hội, niệm theo ý nghĩa pháp chủ đạo là sự lãnh hội, tuệ theo ý nghĩa cao thượng trong các pháp thiện là sự lãnh hội, giải thoát theo ý nghĩa cốt lõi là sự lãnh hội, Niết-bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc là sự lãnh hội. Có phải sự lãnh hội chỉ là bấy nhiêu? Không phải, ở sát-na đạo Nhập lưu: Sự lãnh hội về nhận thấy là chánh kiến... (nt)... Niết-bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc là sự lãnh hội.

Có phải sự lãnh hội chỉ là bấy nhiêu? Không phải, ở sát-na quả Nhập lưu: Sự lãnh hội về nhận thấy là chánh kiến... (nt)... trí về sự vô sanh theo ý nghĩa tĩnh lặng là sự lãnh hội. Ước muốn theo ý nghĩa nguồn cội là sự lãnh hội... (nt)... Niết-bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc là sự lãnh hội.

Có phải sự lãnh hội chỉ là bấy nhiêu? Không phải, ở sát-na đạo Nhất lai... ở sát-na quả Nhất lai... ở sát-na đạo Bất lai... ở sát-na quả Bất lai... ở sát-na đạo A-la-hán... ở sát-na quả A-la-hán: Sự lãnh hội về nhận thấy là chánh kiến, sự lãnh hội về sự gắn chặt [tâm vào cảnh] là chánh tư duy... (nt)... trí về sự vô sanh theo ý nghĩa tịnh lặng là sự lãnh hội. Ước muốn theo ý nghĩa nguồn cội là sự lãnh hội... (nt)... Niết-bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc là sự lãnh hội.

Vị này dứt bỏ các phiền não, dứt bỏ các phiền não thuộc quá khứ, dứt bỏ các phiền não thuộc vị lai, dứt bỏ các phiền não thuộc hiện tại.

Dứt bỏ các phiền não thuộc quá khứ: Nếu [vị ấy] dứt bỏ các phiền não thuộc quá khứ, vậy thì [vị ấy] dứt bỏ pháp đã được cạn kiệt, làm diệt tận pháp đã được diệt tận, làm xa lìa pháp đã được xa lìa, làm biến mất pháp đã được biến mất; [vị ấy] dứt bỏ pháp thuộc quá khứ là pháp không hiện hữu. Như thế, [vị ấy] không dứt bỏ các phiền não thuộc quá khứ.

Dứt bỏ các phiền não thuộc vị lai: Nếu [vị ấy] dứt bỏ các phiền não thuộc vị lai, vậy thì [vị ấy] dứt bỏ pháp chưa được sanh ra, dứt bỏ pháp chưa được tạo lập, dứt bỏ pháp chưa được sanh lên, dứt bỏ pháp chưa được hiện khởi; [vị ấy] dứt bỏ pháp thuộc vị lai là pháp không hiện hữu. Như thế, [vị ấy] không dứt bỏ các phiền não thuộc vị lai.

Dứt bỏ các phiền não thuộc hiện tại: Nếu [vị ấy] dứt bỏ các phiền não thuộc hiện tại, vậy thì bị ái nhiễm [vị ấy] dứt bỏ tham ái, bị hư hỏng [vị ấy] dứt bỏ sân, bị mê muội [vị ấy] dứt bỏ vô minh, bị ràng buộc [vị ấy] dứt bỏ ngã mạn, bị tiêm nhiễm [vị ấy] dứt bỏ tà kiến, bị rơi vào tản mạn [vị ấy] dứt bỏ phóng dật, bị rơi vào không dứt khoát [vị ấy] dứt bỏ hoài nghi, bị rơi vào cố tật [vị ấy] dứt bỏ pháp ngủ ngầm; [như thế] các pháp đen và trắng[6] được kết hợp chung, hiện hữu một cách bình đẳng, sự tu tập đạo là còn phiền não.

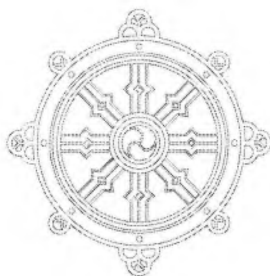
[Vị ấy] không dứt bỏ các phiền não thuộc quá khứ, không dứt bỏ các phiền não thuộc vị lai, không dứt bỏ các phiền não thuộc hiện tại: Nếu [vị ấy] không dứt bỏ các phiền não thuộc quá khứ, không dứt bỏ các phiền não thuộc vị lai, không dứt bỏ các phiền não thuộc hiện tại, vậy thì [phải chăng] không có sự tu tập đạo, không có sự tác chứng quả, không có sự dứt bỏ các phiền não, không có sự lãnh hội các pháp? Có sự tu tập đạo, có sự tác chứng quả, có sự dứt bỏ các phiền não, có sự lãnh hội các pháp. Như thế là [có ý nghĩa] thế nào? Giống như thân cây còn nhỏ có trái cây chưa được sanh ra, người ta có thể đốn ngã chính gốc cây ấy. Những trái cây chưa được sanh ra của cây ấy, chính vì chưa được sanh ra nên [sẽ] không được sanh ra, chính vì chưa được tạo lập nên [sẽ] không được tạo lập, chính vì chưa được sanh lên nên [sẽ] không được sanh lên, chính vì chưa được hiện hữu nên [sẽ] không được hiện hữu.

Tương tợ như thế, sự sanh lên là nhân, sự sanh lên là duyên đưa đến sự tạo lập các phiền não. Sau khi thấy được tai hại trong sự sanh lên, tâm tiến đến sự

[6] Các pháp đen và trắng (*kaṇhāsukkadhammā*) là các pháp bất thiện và thiện (*PsA*. III. 688).

không sanh lên. Nhờ vào trạng thái của tâm ở sự không sanh lên, các phiền não nào có sự sanh lên là duyên có thể được tạo lập, các phiền não ấy chính vì chưa được sanh ra nên [sẽ] không được sanh ra, chính vì chưa được tạo lập nên [sẽ] không được tạo lập, chính vì chưa được sanh lên nên [sẽ] không được sanh lên, chính vì chưa được hiện hữu nên [sẽ] không được hiện hữu. Như vậy, do sự diệt tận của nhân có sự diệt tận của khổ. Sự vận hành là nhân, hiện tướng là nhân, [nghiệp] tích lũy là nhân, [nghiệp] tích lũy là duyên đưa đến sự tạo lập các phiền não. Sau khi thấy được tai hại ở [nghiệp] tích lũy, tâm tiến đến sự không tích lũy [nghiệp]. Nhờ vào trạng thái của tâm ở sự không tích lũy [nghiệp] các phiền não nào có [nghiệp] tích lũy là duyên có thể được tạo lập, các phiền não ấy chính vì chưa được sanh ra nên [sẽ] không được sanh ra, chính vì chưa được tạo lập nên [sẽ] không được tạo lập, chính vì chưa được sanh lên nên [sẽ] không được sanh lên, chính vì chưa được hiện hữu nên [sẽ] không được hiện hữu. Như vậy, do sự diệt tận của nhân có sự diệt tận của khổ. Như vậy, có sự tu tập đạo, có sự tác chứng quả, có sự dứt bỏ các phiền não, có sự lãnh hội các pháp.

Phần giảng về "Sự lãnh hội" được đầy đủ.



IV. GIẢNG VỀ SỰ VIỄN LY
(*VIVEKAKATHĀ*)

(Duyên khởi ở Sāvatthi)

Này các Tỳ-khưu, cũng giống như bất cứ các hành động gì được thực hiện bằng sức lực, tất cả các hành động ấy được thực hiện sau khi đã nương tựa vào trái đất, sau khi đã thiết lập ở trên trái đất; các hành động được thực hiện bằng sức lực này được thực hiện như vậy. Này các Tỳ-khưu, tương tợ y như thế, sau khi nương tựa vào giới, sau khi thiết lập ở giới, vị Tỳ-khưu tu tập Thánh đạo tám chi phần, làm sung mãn Thánh đạo tám chi phần.

Này các Tỳ-khưu, sau khi nương tựa vào giới, sau khi thiết lập ở giới, vị Tỳ-khưu tu tập Thánh đạo tám chi phần, làm sung mãn Thánh đạo tám chi phần là [có ý nghĩa] thế nào? Này các Tỳ-khưu, ở đây, vị Tỳ-khưu tu tập chánh kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham ái, liên hệ đến diệt tận, có sự hướng đến xả ly; tu tập chánh tư duy... tu tập chánh ngữ... tu tập chánh nghiệp... tu tập chánh mạng... tu tập chánh tinh tấn... tu tập chánh niệm... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham ái, liên hệ đến diệt tận, có sự hướng đến xả ly. Này các Tỳ-khưu, sau khi nương tựa vào giới, sau khi thiết lập ở giới, vị Tỳ-khưu tu tập Thánh đạo tám chi phần, làm sung mãn Thánh đạo tám chi phần là [có ý nghĩa] như thế.

Này các Tỳ-khưu, cũng giống như bất cứ các hạt giống và các loài thảo mộc nào đạt được sự tăng trưởng, sự phát triển, sự tiến triển, tất cả các loài ấy [đạt được] sau khi đã nương tựa vào trái đất, sau khi đã thiết lập ở trên trái đất; các hạt giống và các loài thảo mộc này đạt được sự tăng trưởng, sự phát triển, sự tiến triển là như vậy. Này các Tỳ-khưu, tương tợ y như thế, sau khi nương tựa vào giới, sau khi thiết lập ở giới, vị Tỳ-khưu trong khi tu tập Thánh đạo tám chi phần, trong khi làm sung mãn Thánh đạo tám chi phần, đạt được sự tăng trưởng, sự phát triển, sự tiến triển trong các pháp.

Này các Tỳ-khưu, sau khi nương tựa vào giới, sau khi thiết lập ở giới, vị Tỳ-khưu trong khi tu tập Thánh đạo tám chi phần, trong khi làm sung mãn Thánh đạo tám chi phần, đạt được sự tăng trưởng, sự phát triển, sự tiến triển trong các pháp là [có ý nghĩa] thế nào? Này các Tỳ-khưu, ở đây, vị Tỳ-khưu tu tập chánh kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham ái, liên hệ đến sự diệt tận, có sự hướng đến xả ly; tu tập chánh tư duy... tu tập chánh ngữ... tu tập chánh nghiệp... tu tập chánh mạng... tu tập chánh tinh tấn... tu tập chánh niệm... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham ái, liên hệ đến sự diệt tận, có sự

hướng đến xả ly. Này các Tỳ-khưu, sau khi nương tựa vào giới, sau khi thiết lập ở giới, vị Tỳ-khưu trong khi tu tập Thánh đạo tám chi phần, trong khi làm sung mãn Thánh đạo tám chi phần, đạt được sự tăng trưởng, sự phát triển, sự tiến triển trong các pháp là [có ý nghĩa] như thế.

Đối với chánh kiến, có năm sự viễn ly, năm sự ly tham ái, năm sự diệt tận, năm sự xả ly, mười hai sự liên hệ. Đối với chánh tư duy... Đối với chánh ngữ... Đối với chánh nghiệp... Đối với chánh mạng... Đối với chánh tinh tấn... Đối với chánh niệm... Đối với chánh định, có năm sự viễn ly, năm sự ly tham ái, năm sự diệt tận, năm sự xả ly, mười hai sự liên hệ.

Đối với chánh kiến, có năm sự viễn ly gì? Sự viễn ly do áp chế, sự viễn ly do thay thế, sự viễn ly do đoạn trừ, sự viễn ly do tĩnh lặng, sự viễn ly do xuất ly. Và sự viễn ly do áp chế là đối với các pháp ngăn che ở vị đang tu tập sơ thiền, sự viễn ly do thay thế là đối với các khuynh hướng tà kiến ở vị đang tu tập định dự phần vào thông suốt, sự viễn ly do đoạn trừ là ở vị đang tu tập đạo đưa đến đoạn tận [là đạo] tối thượng ở đời, sự viễn ly do tĩnh lặng là ở vào thời điểm của quả, và sự viễn ly do xuất ly là sự diệt tận, Niết-bàn. Đối với chánh kiến, có năm sự viễn ly này. Ở năm sự viễn ly này, có ước muốn được sanh lên, đức tin được chú trọng, và tâm của vị ấy khéo được khẳng định.

Đối với chánh kiến, có năm sự ly tham ái gì? Sự ly tham ái do áp chế, sự ly tham ái do thay thế, sự ly tham ái do đoạn trừ, sự ly tham ái do tĩnh lặng, sự ly tham ái do xuất ly. Và sự ly tham ái do áp chế là đối với các pháp ngăn che ở vị đang tu tập sơ thiền, sự ly tham ái do thay thế là đối với các khuynh hướng tà kiến ở vị đang tu tập định dự phần vào thông suốt, sự ly tham ái do đoạn trừ là ở vị đang tu tập đạo đưa đến đoạn tận [là đạo] tối thượng ở đời, sự ly tham ái do tĩnh lặng là ở vào thời điểm của quả, và sự ly tham ái do xuất ly là sự diệt tận, Niết-bàn. Đối với chánh kiến, có năm sự ly tham ái này. Ở năm sự ly tham ái này, có ước muốn được sanh lên, đức tin được chú trọng, và tâm của vị ấy khéo được khẳng định.

Đối với chánh kiến, có năm sự diệt tận gì? Sự diệt tận do áp chế, sự diệt tận do thay thế, sự diệt tận do đoạn trừ, sự diệt tận do tĩnh lặng, sự diệt tận do xuất ly. Và sự diệt tận do áp chế là đối với các pháp ngăn che ở vị đang tu tập sơ thiền, sự diệt tận do thay thế là đối với các khuynh hướng tà kiến ở vị đang tu tập định dự phần vào thông suốt, sự diệt tận do đoạn trừ là ở vị đang tu tập đạo đưa đến đoạn tận [là đạo] tối thượng ở đời, sự diệt tận do tĩnh lặng là ở vào thời điểm của quả, và sự diệt tận do xuất ly là bản thể bất tử. Đối với chánh kiến, có năm sự diệt tận này. Ở năm sự diệt tận này, có ước muốn được sanh lên, đức tin được chú trọng, và tâm của vị ấy khéo được khẳng định.

Đối với chánh kiến, có năm sự xả ly gì? Sự xả ly do áp chế, sự xả ly do thay thế, sự xả ly do đoạn trừ, sự xả ly do tĩnh lặng, sự xả ly do xuất ly. Và sự xả ly do áp chế là đối với các pháp ngăn che ở vị đang tu tập sơ thiền, sự xả ly do thay thế là đối với các khuynh hướng tà kiến ở vị đang tu tập định dự phần vào thông

suốt, sự xả ly do đoạn trừ là ở vị đang tu tập đạo đưa đến đoạn tận [là đạo] tối thượng ở đời, sự xả ly do tĩnh lặng là ở vào thời điểm của quả, và sự xả ly do xuất ly là sự diệt tận, Niết-bàn. Đối với chánh kiến, có năm sự xả ly này. Ở năm sự xả ly này, có ước muốn được sanh lên, đức tin được chú trọng, và tâm của vị ấy khéo được khẳng định. Đối với chánh kiến, có năm sự viễn ly, năm sự ly tham ái, năm sự diệt tận, năm sự xả ly, mười hai sự liên hệ này.

Đối với chánh tư duy... Đối với chánh ngữ... Đối với chánh nghiệp... Đối với chánh mạng... Đối với chánh tinh tấn... Đối với chánh niệm... Đối với chánh định, có năm sự viễn ly gì? Sự viễn ly do áp chế, sự viễn ly do thay thế, sự viễn ly do đoạn trừ, sự viễn ly do tĩnh lặng, sự viễn ly do xuất ly. Và sự viễn ly do áp chế là đối với các pháp ngăn che ở vị đang tu tập sơ thiền, sự viễn ly do thay thế là đối với các khuynh hướng tà kiến ở vị đang tu tập định dự phần vào thông suốt, sự viễn ly do đoạn trừ là ở vị đang tu tập đạo đưa đến đoạn tận [là đạo] tối thượng ở đời, sự viễn ly do tĩnh lặng là ở vào thời điểm của quả, và sự viễn ly do xuất ly là sự diệt tận, Niết-bàn. Đối với chánh định, có năm sự viễn ly này. Ở năm sự viễn ly này, có ước muốn được sanh lên, đức tin được chú trọng, và tâm của vị ấy khéo được khẳng định.

Đối với chánh định, có năm sự ly tham ái gì? Sự ly tham ái do áp chế, sự ly tham ái do thay thế, sự ly tham ái do đoạn trừ, sự ly tham ái do tĩnh lặng, sự ly tham ái do xuất ly. Và sự ly tham ái do áp chế là đối với các pháp ngăn che ở vị đang tu tập sơ thiền, sự ly tham ái do thay thế là đối với các khuynh hướng tà kiến ở vị đang tu tập định dự phần vào thông suốt, sự ly tham ái do đoạn trừ là ở vị đang tu tập đạo đưa đến đoạn tận [là đạo] tối thượng ở đời, sự ly tham ái do tĩnh lặng là ở vào thời điểm của quả, và sự ly tham ái do xuất ly là sự diệt tận, Niết-bàn. Đối với chánh định, có năm sự ly tham ái này. Ở năm sự ly tham ái này, có ước muốn được sanh lên, đức tin được chú trọng, và tâm của vị ấy khéo được khẳng định.

Đối với chánh định, có năm sự diệt tận gì? Sự diệt tận do áp chế, sự diệt tận do thay thế, sự diệt tận do đoạn trừ, sự diệt tận do tĩnh lặng, sự diệt tận do xuất ly. Và sự diệt tận do áp chế là đối với các pháp ngăn che ở vị đang tu tập sơ thiền, sự diệt tận do thay thế là đối với các khuynh hướng tà kiến ở vị đang tu tập định dự phần vào thông suốt, sự diệt tận do đoạn trừ là ở vị đang tu tập đạo đưa đến đoạn tận [là đạo] tối thượng ở đời, sự diệt tận do tĩnh lặng là ở vào thời điểm của quả, và sự diệt tận do xuất ly là bản thể bất tử. Đối với chánh định, có năm sự diệt tận này. Ở năm sự diệt tận này, có ước muốn được sanh lên, đức tin được chú trọng, và tâm của vị ấy khéo được khẳng định.

Đối với chánh định, có năm sự xả ly gì? Sự xả ly do áp chế, sự xả ly do thay thế, sự xả ly do đoạn trừ, sự xả ly do tĩnh lặng, sự xả ly do xuất ly. Và sự xả ly do áp chế là đối với các pháp ngăn che ở vị đang tu tập sơ thiền, sự xả ly do thay thế là đối với các khuynh hướng tà kiến ở vị đang tu tập định dự phần vào thông suốt, sự xả ly do đoạn trừ là ở vị đang tu tập đạo đưa đến đoạn tận [là

đạo] tối thượng ở đời, sự xả ly do tĩnh lặng là ở vào thời điểm của quả, và sự xả ly do xuất ly là sự diệt tận, Niết-bàn. Đối với chánh định, có năm sự xả ly này. Ở năm sự xả ly này, có ước muốn được sanh lên, đức tin được chú trọng và tâm của vị ấy khéo được khẳng định. Đối với chánh định, có năm sự viễn ly, năm sự ly tham ái, năm sự diệt tận, năm sự xả ly, mười hai sự liên hệ này.

Này các Tỳ-khưu, cũng giống như bất cứ các hành động gì được thực hiện bằng sức lực, tất cả các hành động ấy đều được thực hiện sau khi đã nương tựa vào trái đất, sau khi đã thiết lập ở trên trái đất; các hành động được thực hiện bằng sức lực này đều được thực hiện như vậy. Này các Tỳ-khưu, tương tợ y như thế, sau khi nương tựa vào giới, sau khi thiết lập ở giới, vị Tỳ-khưu tu tập bảy giác chi, làm sung mãn bảy giác chi… (nt)... trong khi tu tập bảy giác chi, trong khi làm sung mãn bảy giác chi, đạt được sự tăng trưởng, sự phát triển, sự tiến triển trong các pháp. … (nt)... tu tập năm lực, làm sung mãn năm lực... (nt)... trong khi tu tập năm lực, trong khi làm sung mãn năm lực, đạt được sự tăng trưởng, sự phát triển, sự tiến triển trong các pháp. … (nt)... tu tập năm quyền, làm sung mãn năm quyền... (nt)...

Này các Tỳ-khưu, cũng giống như bất cứ các hạt giống và các loài thảo mộc nào đạt được sự tăng trưởng, sự phát triển, sự tiến triển, tất cả các loài ấy [đạt được] sau khi đã nương tựa vào trái đất, sau khi đã thiết lập ở trên trái đất; các hạt giống và các loài thảo mộc này đạt được sự tăng trưởng, sự phát triển, sự tiến triển là như vậy. Này các Tỳ-khưu, tương tợ y như thế, sau khi nương tựa vào giới, sau khi thiết lập ở giới, vị Tỳ-khưu trong khi tu tập năm quyền, trong khi làm sung mãn năm quyền, đạt được sự tăng trưởng, sự phát triển, sự tiến triển trong các pháp.

Này các Tỳ-khưu, sau khi nương tựa vào giới, sau khi thiết lập ở giới, vị Tỳ-khưu trong khi tu tập năm quyền, trong khi làm sung mãn năm quyền, đạt được sự tăng trưởng, sự phát triển, sự tiến triển trong các pháp là [có ý nghĩa] thế nào? Này các Tỳ-khưu, ở đây, vị Tỳ-khưu tu tập tín quyền liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham ái, liên hệ đến sự diệt tận, có sự hướng đến xả ly; tu tập tấn quyền... tu tập niệm quyền... tu tập định quyền... tu tập tuệ quyền liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham ái, liên hệ đến sự diệt tận, có sự hướng đến xả ly. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu, sau khi nương tựa vào giới... (nt)... đạt được sự tăng trưởng, sự phát triển, sự tiến triển trong các pháp là [có ý nghĩa] như thế.

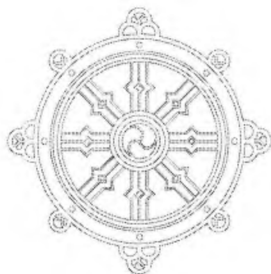
Đối với tín quyền, có năm sự viễn ly, năm sự ly tham ái, năm sự diệt tận, năm sự xả ly, mười hai sự liên hệ. Đối với tấn quyền... Đối với niệm quyền... Đối với định quyền... Đối với tuệ quyền, có năm sự viễn ly, năm sự ly tham ái, năm sự diệt tận, năm sự xả ly, mười hai sự liên hệ.

Đối với tín quyền, có năm sự viễn ly gì? Sự viễn ly do áp chế, sự viễn ly do thay thế, sự viễn ly do đoạn trừ, sự viễn ly do tĩnh lặng, sự viễn ly do xuất ly. Và sự viễn ly do áp chế là đối với các pháp ngăn che ở vị đang tu tập sơ thiền, sự viễn ly do thay thế là đối với các khuynh hướng tà kiến ở vị đang tu tập định

dự phần vào thông suốt, sự viễn ly do đoạn trừ là ở vị đang tu tập đạo đưa đến đoạn tận [là đạo] tối thượng ở đời, sự viễn ly do tĩnh lặng là ở vào thời điểm của quả, và sự viễn ly do xuất ly là sự diệt tận, Niết-bàn. Đối với tín quyền, có năm sự viễn ly này. Ở năm sự viễn ly này, có ước muốn được sanh lên, đức tin được chú trọng và tâm của vị ấy khéo được khẳng định. … (nt)... Đối với tín quyền, có năm sự viễn ly, năm sự ly tham ái, năm sự diệt tận, năm sự xả ly, mười hai sự liên hệ này.

Đối với tấn quyền... Đối với niệm quyền... Đối với định quyền... Đối với tuệ quyền, có năm sự viễn ly gì? Sự viễn ly do áp chế, sự viễn ly do thay thế, sự viễn ly do đoạn trừ, sự viễn ly do tĩnh lặng, sự viễn ly do xuất ly. … (nt)... Đối với tuệ quyền, có năm sự viễn ly, năm sự ly tham ái, năm sự diệt tận, năm sự xả ly, mười hai sự liên hệ này.

Phần giảng về "Sự viễn ly" được đầy đủ.



V. GIẢNG VỀ HÀNH VI
(*CARIYĀKATHĀ*)

Hành vi: Có tám hành vi: Hành vi của oai nghi, hành vi của xứ, hành vi của niệm, hành vi của định, hành vi của trí, hành vi của đạo, hành vi của sự đạt đến, và hành vi vì lợi ích của thế gian.

Hành vi của oai nghi: Liên quan đến bốn oai nghi.

Hành vi của xứ: Liên quan đến sáu nội ngoại xứ.

Hành vi của niệm: Liên quan đến bốn sự thiết lập niệm.

Hành vi của định: Liên quan đến bốn thiền.

Hành vi của trí: Liên quan đến bốn chân lý cao thượng.

Hành vi của đạo: Liên quan đến bốn Thánh đạo.

Hành vi của sự đạt đến: Liên quan đến bốn quả vị Sa-môn.

Hành vi vì lợi ích của thế gian: Liên quan đến các đức Như Lai, bậc A-la-hán, đấng Chánh Đẳng Giác, liên quan một phần đến các vị Phật Độc Giác, liên quan một phần đến các vị Thinh văn.

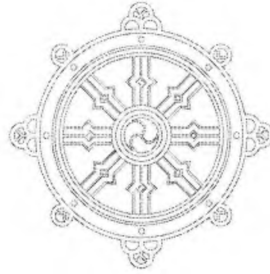
Hành vi của oai nghi là của các vị đã thành tựu ước nguyện. Hành vi của xứ là của các vị có sự hộ trì các căn. Hành vi của niệm là của các vị an trú vào sự không buông lung. Hành vi của định là của các vị gắn bó vào thắng tâm. Hành vi của trí là của các vị đã thành tựu sự giác ngộ. Hành vi của đạo là của các vị thực hành đúng đắn. Hành vi của sự đạt đến là thuộc về các quả đã được chứng đạt. Hành vi vì lợi ích của thế gian là của các đức Như Lai, bậc A-la-hán, đấng Chánh Đẳng Giác, là của các vị Phật Độc Giác một phần, là của các vị Thinh văn một phần. Đây là tám hành vi.

Có tám hành vi khác nữa: Trong khi cương quyết là hành xử với tín, trong khi ra sức là hành xử với tấn, trong khi thiết lập là hành xử với niệm, trong khi hành động không tản mạn là hành xử với định, trong khi nhận biết là hành xử với tuệ, trong khi nhận thức là hành xử với thức. "Ở vị thực hành như thế, các thiện pháp được thể hiện" là hành xử với hành vi của xứ. "Vị thực hành như thế đạt đến sự thù thắng" là hành xử với hành vi của sự thù thắng. Đây là tám hành vi.

Có tám hành vi khác nữa: Hành vi nhận thấy của chánh kiến, hành vi gắn chặt [tâm vào cảnh] của chánh tư duy, hành vi gìn giữ của chánh ngữ, hành vi

nguồn sanh khởi của chánh nghiệp, hành vi trong sạch của chánh mạng, hành vi ra sức của chánh tinh tấn, hành vi thiết lập của chánh niệm, hành vi không tản mạn của chánh định. Đây là tám hành vi.

Phần giảng về "Hành vi" được đầy đủ.



VI. GIẢNG VỀ PHÉP KỲ DIỆU
(*PĀṬIHĀRIYAKATHĀ*)

Này các Tỳ-khưu, đây là ba phép kỳ diệu. Ba là gì? Phép kỳ diệu về thần thông, phép kỳ diệu về điểm hóa, phép kỳ diệu về giáo hóa.

Và này các Tỳ-khưu, phép kỳ diệu về thần thông là gì? Này các Tỳ-khưu, ở đây, có vị kinh nghiệm nhiều thể loại thần thông: Là một hóa thành nhiều, là nhiều hóa thành một, hiện ra, biến mất... (nt)... bằng thân vị ấy thể hiện sự tác động đến tận cõi Phạm thiên. Này các Tỳ-khưu, điều này được gọi là phép kỳ diệu về thần thông.

Và này các Tỳ-khưu, phép kỳ diệu về điểm hóa là gì? Này các Tỳ-khưu, ở đây, có vị chỉ điểm bằng hiện tướng rằng: "Ý của ngươi là như vầy, ý của ngươi là thế ấy, tâm của ngươi là như thế." Dẫu cho vị ấy chỉ điểm nhiều, điều ấy cũng xảy ra đúng y như thế, không có sai khác. Này các Tỳ-khưu, hơn nữa ở đây, có vị chẳng những không chỉ điểm bằng hiện tướng, mà chỉ lắng nghe âm thanh của loài người, hoặc của phi nhân, hoặc của chư thiên, rồi chỉ điểm rằng: "Ý của ngươi là như vầy, ý của ngươi là thế ấy, tâm của ngươi là như thế." Dẫu cho vị ấy chỉ điểm nhiều, điều ấy cũng xảy ra đúng y như thế, không có sai khác. Này các Tỳ-khưu, hơn nữa ở đây, có vị chẳng những không chỉ điểm bằng hiện tướng, cũng không lắng nghe âm thanh của loài người, hoặc của phi nhân, hoặc của chư thiên rồi chỉ điểm, mà chỉ lắng nghe âm thanh lan truyền của sự suy tầm ở người đang suy tầm đang suy xét, rồi chỉ điểm rằng: "Ý của ngươi là như vầy, ý của ngươi là thế ấy, tâm của ngươi là như thế." Dẫu cho vị ấy chỉ điểm nhiều, điều ấy cũng xảy ra đúng y như thế, không có sai khác. Này các Tỳ-khưu, hơn nữa ở đây, có vị chẳng những không chỉ điểm bằng hiện tướng, cũng không lắng nghe âm thanh của loài người, hoặc của phi nhân, hoặc của chư thiên rồi chỉ điểm, cũng không lắng nghe âm thanh lan truyền của sự suy tầm ở người đang suy tầm, đang suy xét rồi chỉ điểm, mà chỉ dùng ý nắm giữ, ý của vị đang thể nhập định không tầm không tứ và nhận biết rằng: "Theo như các tạo tác về ý của vị này đã được ước nguyện, thì kế liền tâm này vị ấy sẽ suy tầm đến điều suy tầm này như vầy." Dẫu cho vị ấy chỉ điểm nhiều, điều ấy cũng xảy ra đúng y như thế, không có sai khác. Này các Tỳ-khưu, điều này được gọi là phép kỳ diệu về điểm hóa.

Và này các Tỳ-khưu, phép kỳ diệu về giáo hóa là gì? Này các Tỳ-khưu, ở đây, có vị chỉ dạy như vầy: "Hãy suy tầm như vầy, chớ suy tầm như vầy. Hãy tác ý như vầy, chớ tác ý như vầy. Hãy dứt bỏ điều này, hãy thành tựu và an trú

điều này.” Này các Tỳ-khưu, điều này được gọi là phép kỳ diệu về giáo hóa. Này các Tỳ-khưu, đây là ba phép kỳ diệu.

“Thoát ly được thành tựu” là thần thông. “Phản kháng lại ước muốn trong các dục” là phép kỳ diệu. “Các vị nào hội đủ sự thoát ly ấy, tất cả các vị ấy có tâm được thanh tịnh, có tư duy không bị khuấy động” là phép kỳ diệu về điểm hóa. “Hơn nữa, sự thoát ly ấy nên được rèn luyện như thế, nên được tu tập như thế, nên được làm cho sung mãn như thế, niệm tùy thuận theo việc ấy nên được thiết lập như thế” là phép kỳ diệu về giáo hóa.

“Không sân độc được thành tựu” là thần thông. “Phản kháng lại sân độc” là phép kỳ diệu. “Các vị nào hội đủ sự không sân độc ấy, tất cả các vị ấy có tâm được thanh tịnh, có tư duy không bị khuấy động” là phép kỳ diệu về điểm hóa. “Hơn nữa, sự không sân độc ấy nên được rèn luyện như thế, nên được tu tập như thế, nên được làm cho sung mãn như thế, niệm tùy thuận theo việc ấy nên được thiết lập như thế” là phép kỳ diệu về giáo hóa. “Sự nghĩ tưởng về ánh sáng được thành tựu” là thần thông. “Phản kháng lại sự lờ đờ buồn ngủ” là phép kỳ diệu. “Các vị nào hội đủ sự nghĩ tưởng về ánh sáng ấy, tất cả các vị ấy có tâm được thanh tịnh, có tư duy không bị khuấy động” là phép kỳ diệu về điểm hóa. “Hơn nữa, sự nghĩ tưởng về ánh sáng ấy nên được rèn luyện như thế, nên được tu tập như thế, nên được làm cho sung mãn như thế, niệm tùy thuận theo việc ấy nên được thiết lập như thế” là phép kỳ diệu về giáo hóa.

“Sự không tản mạn được thành tựu” là thần thông. “Phản kháng lại sự phóng dật” là phép kỳ diệu. “Các vị nào hội đủ sự không tản mạn ấy, tất cả các vị ấy có tâm được thanh tịnh, có tư duy không bị khuấy động” là phép kỳ diệu về điểm hóa. “Hơn nữa, sự không tản mạn ấy nên được rèn luyện như thế, nên được tu tập như thế, nên được làm cho sung mãn như thế, niệm tùy thuận theo việc ấy nên được thiết lập như thế” là phép kỳ diệu về giáo hóa.

“Sự xác định pháp được thành tựu” là thần thông. “Phản kháng lại hoài nghi” là phép kỳ diệu. “Các vị nào hội đủ sự xác định pháp ấy, tất cả các vị ấy có tâm được thanh tịnh, có tư duy không bị khuấy động” là phép kỳ diệu về điểm hóa. “Hơn nữa, sự xác định pháp ấy nên được rèn luyện như thế, nên được tu tập như thế, nên được làm cho sung mãn như thế, niệm tùy thuận theo việc ấy nên được thiết lập như thế” là phép kỳ diệu về giáo hóa.

“Trí được thành tựu” là thần thông. “Phản kháng lại vô minh” là phép kỳ diệu. “Các vị nào hội đủ trí ấy, tất cả các vị ấy có tâm được thanh tịnh, có tư duy không bị khuấy động” là phép kỳ diệu về điểm hóa. “Hơn nữa, trí ấy nên được rèn luyện như thế, nên được tu tập như thế, nên được làm cho sung mãn như thế, niệm tùy thuận theo việc ấy nên được thiết lập như thế” là phép kỳ diệu về giáo hóa.

“Sự hân hoan được thành tựu” là thần thông. “Phản kháng lại sự không hứng thú” là phép kỳ diệu. “Các vị nào hội đủ sự hân hoan ấy, tất cả các vị ấy có tâm được thanh tịnh, có tư duy không bị khuấy động” là phép kỳ diệu về

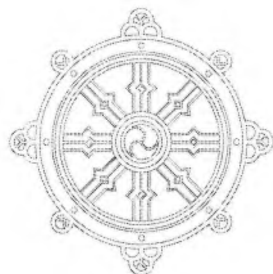
điểm hóa. "Hơn nữa, sự hân hoan ấy nên được rèn luyện như thế, nên được tu tập như thế, nên được làm cho sung mãn như thế, niệm tùy thuận theo việc ấy nên được thiết lập như thế" là phép kỳ diệu về giáo hóa.

"Sơ thiền được thành tựu" là thần thông. "Phản kháng lại các pháp ngăn che" là phép kỳ diệu. "Các vị nào hội đủ sơ thiền ấy, tất cả các vị ấy có tâm được thanh tịnh, có tư duy không bị khuấy động" là phép kỳ diệu về điểm hóa. "Hơn nữa, sơ thiền ấy nên được rèn luyện như thế, nên được tu tập như thế, nên được làm cho sung mãn như thế, niệm tùy thuận theo việc ấy nên được thiết lập như thế" là phép kỳ diệu về giáo hóa. … (nt)...

"Đạo A-la-hán được thành tựu" là thần thông. "Phản kháng lại toàn bộ phiền não" là phép kỳ diệu. "Các vị nào hội đủ đạo A-la-hán ấy, tất cả các vị ấy có tâm được thanh tịnh, có tư duy không bị khuấy động" là phép kỳ diệu về điểm hóa. "Hơn nữa, đạo A-la-hán ấy nên được rèn luyện như thế, nên được tu tập như thế, nên được làm cho sung mãn như thế, niệm tùy thuận theo việc ấy nên được thiết lập như thế" là phép kỳ diệu về giáo hóa.

"Thoát ly được thành tựu" là thần thông. "Phản kháng lại ước muốn trong các dục" là phép kỳ diệu. Thành tựu và phép kỳ diệu được gọi là phép kỳ diệu về thần thông. "Không sân độc được thành tựu" là thần thông. "Phản kháng lại sân độc" là phép kỳ diệu. Thành tựu và phép kỳ diệu được gọi là phép kỳ diệu về thần thông. "Sự nghĩ tưởng về ánh sáng được thành tựu" là thần thông. "Phản kháng lại sự lờ đờ buồn ngủ" là phép kỳ diệu. Thành tựu và phép kỳ diệu được gọi là phép kỳ diệu về thần thông. … (nt)... "Đạo A-la-hán được thành tựu" là thần thông. "Phản kháng lại toàn bộ phiền não" là phép kỳ diệu. Thành tựu và phép kỳ diệu được gọi là phép kỳ diệu về thần thông.

Phần giảng về "Phép kỳ diệu" được đầy đủ.



VII. GIẢNG VỀ CÁC PHÁP ĐỨNG ĐẦU ĐƯỢC TỊNH LẶNG
(*SAMASĪSIKATHĀ*)

Sự nhận biết về việc đoạn trừ hoàn toàn đối với tất cả các pháp, về sự diệt tận và tính chất không thiết lập là trí về ý nghĩa của các pháp đứng đầu được tịnh lặng là [có ý nghĩa] thế nào?

Đối với tất cả các pháp: Là năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới, các pháp thiện, các pháp bất thiện, các pháp vô ký, các pháp thuộc dục giới, các pháp thuộc sắc giới, các pháp thuộc vô sắc giới, các pháp không còn lệ thuộc.

Về việc đoạn trừ hoàn toàn: Do sự thoát ly, [hành giả] đoạn trừ hoàn toàn ước muốn trong các dục. Do không sân độc, [hành giả] đoạn trừ hoàn toàn sân độc. Do sự nghĩ tưởng đến ánh sáng, [hành giả] đoạn trừ hoàn toàn sự lờ đờ buồn ngủ. Do không tản mạn, [hành giả] đoạn trừ hoàn toàn sự phóng dật. Do xác định pháp, [hành giả] đoạn trừ hoàn toàn sự hoài nghi. Do trí, [hành giả] đoạn trừ hoàn toàn vô minh. Do hân hoan, [hành giả] đoạn trừ hoàn toàn sự không hứng thú. Do sơ thiền, [hành giả] đoạn trừ hoàn toàn các pháp ngăn che. … (nt)… Do đạo A-la-hán, [hành giả] đoạn trừ hoàn toàn toàn bộ phiền não.

Về sự diệt tận: Do thoát ly, [hành giả] diệt tận ước muốn trong các dục. Do không sân độc, [hành giả] diệt tận sân độc. Do sự nghĩ tưởng đến ánh sáng, [hành giả] diệt tận sự lờ đờ buồn ngủ. Do không tản mạn, [hành giả] diệt tận sự phóng dật. Do sự xác định pháp, [hành giả] diệt tận hoài nghi. Do trí, [hành giả] diệt tận vô minh. Do hân hoan, [hành giả] diệt tận sự không hứng thú. Do sơ thiền, [hành giả] diệt tận các pháp ngăn che. … (nt)... Do đạo A-la-hán, [hành giả] diệt tận toàn bộ phiền não.

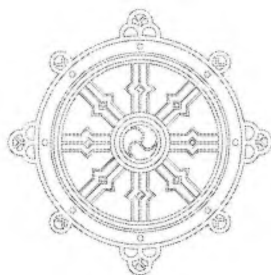
Do tính chất không thiết lập: Ở [hành giả] đã thành tựu thoát ly, ước muốn trong các dục không thiết lập. Ở [hành giả] đã thành tựu không sân độc, sân độc không thiết lập. Ở [hành giả] đã thành tựu sự nghĩ tưởng về ánh sáng, sự lờ đờ buồn ngủ không thiết lập. Ở [hành giả] đã thành tựu sự không tản mạn, phóng dật không thiết lập. Ở [hành giả] đã thành tựu sự xác định pháp, hoài nghi không thiết lập. Ở [hành giả] đã thành tựu trí, vô minh không thiết lập. Ở [hành giả] đã thành tựu hân hoan, sự không hứng thú không thiết lập. Ở [hành giả] đã thành tựu sơ thiền, các pháp ngăn che không thiết lập. … (nt)... Ở [hành giả] đã thành tựu đạo A-la-hán, toàn bộ phiền não không thiết lập.

Được tịnh lặng: Do trạng thái dứt bỏ ước muốn các dục, sự thoát ly được tịnh lặng. Do trạng thái dứt bỏ sân độc, không sân độc được tịnh lặng. Do trạng

thái dứt bỏ sự lờ đờ buồn ngủ, sự nghĩ tưởng đến ánh sáng được tịnh lặng. Do trạng thái dứt bỏ phóng dật, sự không tản mạn được tịnh lặng. Do trạng thái dứt bỏ hoài nghi, sự xác định pháp được tịnh lặng. Do trạng thái dứt bỏ vô minh, trí được tịnh lặng. Do trạng thái dứt bỏ sự không hứng thú, hân hoan được tịnh lặng. Do trạng thái dứt bỏ các pháp ngăn che, sơ thiền được tịnh lặng. … (nt)... Do trạng thái dứt bỏ toàn bộ phiền não, đạo A-la-hán được tịnh lặng.

Pháp đứng đầu: Có mười ba pháp đứng đầu: Đứng đầu các sự vướng bận là ái, đứng đầu các sự trói buộc là ngã mạn, đứng đầu các pháp tiêm nhiễm là tà kiến, đứng đầu các sự tản mạn là phóng dật, đứng đầu các phiền não là vô minh, đứng đầu các sự cương quyết là tín, đứng đầu các sự ra sức là tấn, đứng đầu các sự thiết lập là niệm, đứng đầu các sự không tản mạn là định, đứng đầu các sự nhận thức là tuệ, đứng đầu các sự vận hành là mạng quyền, đứng đầu các hành xứ là giải thoát, đứng đầu các hành là sự diệt tận.

Phần giảng về "Các pháp đứng đầu được tịnh lặng" được đầy đủ.



VIII. GIẢNG VỀ SỰ THIẾT LẬP NIỆM (*SATIPAṬṬHĀNAKATHĀ*)

(Duyên khởi ở Sāvatthi)

Này các Tỳ-khưu, đây là bốn sự thiết lập niệm. Bốn là gì? Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu trong giáo pháp này an trú có sự quán xét thân trên thân, có nhiệt tâm, có sự nhận biết rõ rệt, có niệm, có thể chế ngự tham và ưu phiền ở trên đời. … (nt)... thọ trên các thọ... (nt)... tâm trên tâm... (nt)... pháp trên các pháp, có nhiệt tâm, có sự nhận biết rõ rệt, có niệm, có thể chế ngự tham và ưu phiền ở trên đời. Này các Tỳ-khưu, đây là bốn sự thiết lập niệm.

An trú có sự quán xét thân trên thân là [có ý nghĩa] thế nào? Ở đây, có vị quán xét thân [cấu thành bởi] nguyên tố đất là vô thường, không phải là thường; quán xét là khổ não, không phải là lạc; quán xét là vô ngã, không phải là ngã; nhàm chán, không vui thích; lìa tham ái, không tham ái; làm cho diệt tận, không làm cho sanh khởi; từ bỏ, không nắm giữ. Trong khi quán xét là vô thường, [vị ấy] dứt bỏ sự nghĩ tưởng về thường; trong khi quán xét là khổ não, [vị ấy] dứt bỏ sự nghĩ tưởng về lạc; trong khi quán xét là vô ngã, [vị ấy] dứt bỏ sự nghĩ tưởng về ngã; trong khi nhàm chán, [vị ấy] dứt bỏ sự vui thích; trong khi lìa tham ái, [vị ấy] dứt bỏ tham ái; trong khi làm cho diệt tận, [vị ấy] dứt bỏ nguồn sanh khởi; trong khi từ bỏ, [vị ấy] dứt bỏ sự nắm giữ. [Vị ấy] quán xét thân theo bảy biểu hiện này. Thân là sự thiết lập, không phải niệm. Niệm vừa là sự thiết lập, vừa là niệm. Với niệm ấy, với trí ấy, [vị ấy] quán xét thân ấy. Vì thế, được gọi là: "Sự thiết lập niệm về quán xét thân trên thân."

Sự tu tập: Có bốn sự tu tập: Là sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội các pháp đã được sanh lên tại nơi ấy, là sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị đối với các quyền, là sự tu tập theo ý nghĩa khởi động tinh tấn [thích hợp] nhằm đạt đến giải thoát Niết-bàn, là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện.

Ở đây, có vị quán xét thân [cấu thành bởi] nguyên tố nước... thân [cấu thành bởi] nguyên tố lửa... thân [cấu thành bởi] nguyên tố gió... thân [cấu thành bởi] tóc... thân [cấu thành bởi] lông... thân [cấu thành bởi] da ngoài... thân [cấu thành bởi] da trong... thân [cấu thành bởi] thịt... thân [cấu thành bởi] máu... thân [cấu thành bởi] gân... thân [cấu thành bởi] xương... thân [cấu thành bởi] tủy xương là vô thường, không phải thường; quán xét là khổ não, không phải lạc; quán xét là vô ngã, không phải ngã; nhàm chán, không vui thích; lìa tham ái, không tham ái; làm cho diệt tận, không làm cho sanh khởi; từ bỏ, không nắm giữ. Trong khi

quán xét là vô thường, [vị ấy] dứt bỏ sự nghĩ tưởng về thường; trong khi quán xét là khổ não, [vị ấy] dứt bỏ sự nghĩ tưởng về lạc; trong khi quán xét là vô ngã, [vị ấy] dứt bỏ sự nghĩ tưởng về ngã; trong khi nhàm chán, [vị ấy] dứt bỏ sự vui thích; trong khi lìa tham ái, [vị ấy] dứt bỏ tham ái; trong khi làm cho diệt tận, [vị ấy] dứt bỏ nguồn sanh khởi; trong khi từ bỏ, [vị ấy] dứt bỏ sự nắm giữ. [Vị ấy] quán xét thân theo bảy biểu hiện này. Thân là sự thiết lập, không phải niệm. Niệm vừa là sự thiết lập, vừa là niệm. Với niệm ấy, với trí ấy, [vị ấy] quán xét thân ấy. Vì thế, được gọi là: "Sự thiết lập niệm về quán xét thân trên thân."

Sự tu tập: Có bốn sự tu tập: Là sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy, là sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị đối với các quyền, là sự tu tập theo ý nghĩa khởi động tinh tấn [thích hợp] nhằm đạt đến giải thoát Niết-bàn, là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. An trú có sự quán xét thân trên thân là [có ý nghĩa] như thế.

An trú có sự quán xét thọ trên các thọ là [có ý nghĩa] thế nào? Ở đây, có vị quán xét thọ lạc là vô thường, không phải thường;... (nt)...; từ bỏ, không nắm giữ. Trong khi quán xét là vô thường, [vị ấy] dứt bỏ sự nghĩ tưởng về thường;... (nt)...; trong khi từ bỏ, [vị ấy] dứt bỏ sự nắm giữ. [Vị ấy] quán xét thọ theo bảy biểu hiện này. Thọ là sự thiết lập, không phải niệm. Niệm vừa là sự thiết lập, vừa là niệm. Với niệm ấy, với trí ấy, [vị ấy] quán xét thọ ấy. Vì thế, được gọi là: "Sự thiết lập niệm về quán xét thọ trên các thọ."

Sự tu tập: Có bốn sự tu tập: ... (nt)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. ... (nt)... Ở đây, có vị quán xét thọ khổ... thọ không khổ không lạc... thọ lạc có hệ lụy vật chất... thọ lạc không hệ lụy vật chất... thọ khổ có hệ lụy vật chất... thọ khổ không hệ lụy vật chất... thọ không khổ không lạc có hệ lụy vật chất... thọ không khổ không lạc không hệ lụy vật chất... thọ sanh lên do nhãn xúc... thọ sanh lên do nhĩ xúc... thọ sanh lên do tỷ xúc... thọ sanh lên do thiệt xúc... thọ sanh lên do thân xúc... thọ sanh lên do ý xúc là vô thường, không phải thường;... (nt)...; từ bỏ, không nắm giữ. Trong khi quán xét là vô thường, [vị ấy] dứt bỏ sự nghĩ tưởng về thường;... (nt)...; trong khi từ bỏ, [vị ấy] dứt bỏ sự nắm giữ. [Vị ấy] quán xét thọ theo bảy biểu hiện này. Thọ là sự thiết lập, không phải niệm. Niệm vừa là sự thiết lập, vừa là niệm. Với niệm ấy, với trí ấy, [vị ấy] quán xét thọ ấy. Vì thế, được gọi là: "Sự thiết lập niệm về quán xét thọ trên các thọ."

Sự tu tập: Có bốn sự tu tập: ... (nt)... An trú có sự quán xét thọ trên các thọ là [có ý nghĩa] như thế.

An trú có sự quán xét tâm trên tâm là [có ý nghĩa] thế nào? Ở đây, có vị quán xét tâm có tham ái là vô thường, không phải thường;... (nt)...; từ bỏ, không nắm giữ. Trong khi quán xét là vô thường, [vị ấy] dứt bỏ sự nghĩ tưởng về thường;... (nt)...; trong khi từ bỏ, [vị ấy] dứt bỏ sự nắm giữ. [Vị ấy] quán xét tâm theo bảy biểu hiện này. Tâm là sự thiết lập, không phải niệm. Niệm vừa là sự thiết lập, vừa là niệm. Với niệm ấy, với trí ấy, [vị ấy] quán xét tâm ấy. Vì thế, được gọi là: "Sự thiết lập niệm về quán xét tâm trên tâm."

Sự tu tập: Có bốn sự tu tập: ... (nt)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. … (nt)... Ở đây, có vị quán xét tâm lìa khỏi tham ái... tâm có sân... tâm lìa khỏi sân... tâm có si... tâm lìa khỏi si... tâm co rút... tâm tản mạn... tâm đại hành... tâm không đại hành... tâm vượt trội... tâm không vượt trội... tâm định tĩnh... tâm không định tĩnh... tâm được giải thoát... tâm chưa được giải thoát... nhãn thức... nhĩ thức... tỷ thức... thiệt thức... thân thức... ý thức là vô thường, không phải là thường;... (nt)...; từ bỏ, không nắm giữ. Trong khi quán xét là vô thường, [vị ấy] dứt bỏ sự nghĩ tưởng về thường;... (nt)...; trong khi từ bỏ, [vị ấy] dứt bỏ sự nắm giữ. [Vị ấy] quán xét tâm theo bảy biểu hiện này. Tâm là sự thiết lập, không phải niệm. Niệm vừa là sự thiết lập, vừa là niệm. Với niệm ấy, với trí ấy, [vị ấy] quán xét tâm ấy. Vì thế, được gọi là: "Sự thiết lập niệm về quán xét tâm trên tâm."

Sự tu tập: Có bốn sự tu tập: ... (nt)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. … (nt)... An trú có sự quán xét tâm trên tâm là [có ý nghĩa] như thế.

An trú có sự quán xét pháp trên các pháp là [có ý nghĩa] thế nào? Ở đây, có vị quán xét các pháp còn lại, ngoại trừ thân, ngoại trừ thọ, ngoại trừ tâm, là vô thường, không phải là thường; quán xét là khổ não, không phải là lạc; quán xét là vô ngã, không phải là ngã; nhàm chán, không vui thích; lìa tham ái, không tham ái; làm cho diệt tận, không làm cho sanh khởi; từ bỏ, không nắm giữ. Trong khi quán xét là vô thường, [vị ấy] dứt bỏ sự nghĩ tưởng về thường; trong khi quán xét là khổ não, [vị ấy] dứt bỏ sự nghĩ tưởng về lạc; trong khi quán xét là vô ngã, [vị ấy] dứt bỏ sự nghĩ tưởng về ngã; trong khi nhàm chán, [vị ấy] dứt bỏ sự vui thích; trong khi lìa tham ái, [vị ấy] dứt bỏ tham ái; trong khi làm cho diệt tận, [vị ấy] dứt bỏ nguồn sanh khởi; trong khi từ bỏ, [vị ấy] dứt bỏ sự nắm giữ. [Vị ấy] quán xét các pháp ấy theo bảy biểu hiện này. Các pháp là sự thiết lập, không phải niệm. Niệm vừa là sự thiết lập, vừa là niệm. Với niệm ấy, với trí ấy, [vị ấy] quán xét các pháp ấy. Vì thế, được gọi là: "Sự thiết lập niệm về quán xét pháp trên các pháp."

Sự tu tập: Có bốn sự tu tập: Là sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy, là sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị đối với các quyền, là sự tu tập theo ý nghĩa khởi động tinh tấn [thích hợp] nhằm đạt đến giải thoát Niết-bàn, là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. An trú có sự quán xét pháp trên các pháp là [có ý nghĩa] như thế.

Phần giảng về "Sự thiết lập niệm" được đầy đủ.

IX. GIẢNG VỀ MINH SÁT
(*VIPASSANĀKATHĀ*)

Tôi đã được nghe như vầy: Một thời, đức Thế Tôn ngự tại tu viện của ông Anāthapiṇḍika, trong khu rừng [của Thái tử] Jeta, ở thành Sāvatthi. Chính ở tại nơi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các vị Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu.

– Thưa Ngài.

Các vị Tỳ-khưu ấy đã đáp lại đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

– Này các Tỳ-khưu, quả thật vị Tỳ-khưu ấy, trong lúc đang xem xét bất cứ hành nào là thường, sẽ có được sự nhẫn nại phù hợp; sự kiện này không được biết đến. Không có được sự nhẫn nại phù hợp, [vị ấy] sẽ đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn; sự kiện này không được biết đến. Không đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn, [vị ấy] sẽ tác chứng quả Nhập lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất lai, hoặc quả A-la-hán; sự kiện này không được biết đến.

Này các Tỳ-khưu, quả thật vị Tỳ-khưu ấy, trong lúc đang xem xét tất cả các hành là vô thường, sẽ có được sự nhẫn nại phù hợp; sự kiện này được biết đến. Có được sự nhẫn nại phù hợp, [vị ấy] sẽ đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn; sự kiện này được biết đến. Đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn, [vị ấy] sẽ tác chứng quả Nhập lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất lai, hoặc quả A-la-hán; sự kiện này được biết đến.

Này các Tỳ-khưu, quả thật vị Tỳ-khưu ấy, trong lúc đang xem xét bất cứ hành nào là lạc, sẽ có được sự nhẫn nại phù hợp; sự kiện này không được biết đến. Không có được sự nhẫn nại phù hợp, [vị ấy] sẽ đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn; sự kiện này không được biết đến. Không đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn, [vị ấy] sẽ tác chứng quả Nhập lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất lai, hoặc quả A-la-hán; sự kiện này không được biết đến.

Này các Tỳ-khưu, quả thật vị Tỳ-khưu ấy, trong lúc đang xem xét tất cả các hành là khổ não, sẽ có được sự nhẫn nại phù hợp; sự kiện này được biết đến. Có được sự nhẫn nại phù hợp, [vị ấy] sẽ đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn; sự kiện này được biết đến. Đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn, [vị ấy] sẽ tác chứng quả Nhập lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất lai, hoặc quả A-la-hán; sự kiện này được biết đến.

Này các Tỳ-khưu, quả thật vị Tỳ-khưu ấy, trong lúc đang xem xét bất cứ pháp nào là ngã, sẽ có được sự nhẫn nại phù hợp; sự kiện này không được biết

đến. Không có được sự nhẫn nại phù hợp, [vị ấy] sẽ đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn; sự kiện này không được biết đến. Không đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn, [vị ấy] sẽ tác chứng quả Nhập lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất lai, hoặc quả A-la-hán; sự kiện này không được biết đến.

Này các Tỳ-khưu, quả thật vị Tỳ-khưu ấy, trong lúc đang xem xét tất cả các pháp là vô ngã, sẽ có được sự nhẫn nại phù hợp; sự kiện này được biết đến. Có được sự nhẫn nại phù hợp, [vị ấy] sẽ đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn; sự kiện này được biết đến. Đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn, [vị ấy] sẽ tác chứng quả Nhập lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất lai, hoặc quả A-la-hán; sự kiện này được biết đến.

Này các Tỳ-khưu, quả thật vị Tỳ-khưu ấy, trong lúc đang xem xét Niết-bàn là khổ não, sẽ có được sự nhẫn nại phù hợp; sự kiện này không được biết đến. Không có được sự nhẫn nại phù hợp, [vị ấy] sẽ đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn; sự kiện này không được biết đến. Không đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn, [vị ấy] sẽ tác chứng quả Nhập lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất lai, hoặc quả A-la-hán; sự kiện này không được biết đến.

Này các Tỳ-khưu, quả thật vị Tỳ-khưu ấy, trong lúc đang xem xét Niết-bàn là lạc, sẽ có được sự nhẫn nại phù hợp; sự kiện này được biết đến. Có được sự nhẫn nại phù hợp, [vị ấy] sẽ đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn; sự kiện này được biết đến. Đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn, [vị ấy] sẽ tác chứng quả Nhập lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất lai, hoặc quả A-la-hán; sự kiện này được biết đến.

[Vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp với bao nhiêu biểu hiện? Đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn với bao nhiêu biểu hiện?

[Vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp với bốn mươi biểu hiện, đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn với bốn mươi biểu hiện.

[Vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp với bốn mươi biểu hiện gì? Đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn với bốn mươi biểu hiện gì? [Vị ấy nhận thấy] năm uẩn là vô thường, là khổ não, là ốm đau, là mụt nhọt, là mũi tên, là bất hạnh, là tật bệnh, là xa lạ, là tiêu hoại, là tai ương, là tai họa, là kinh hãi, là sự đe dọa, là lay chuyển, là mỏng manh, là không bền vững, là không sự bảo vệ, là không phải chỗ ngụ, là không sự nương tựa, là trống rỗng, là hão huyền, là không, là vô ngã, là tai hại, là pháp chuyển biến, là không có thực chất, là cội nguồn của bất hạnh, là kẻ hành quyết, là không hiện hữu, là có lậu hoặc, là tạo tác, là vật chất của Ma vương, là pháp sanh ra, là pháp già, là pháp bệnh, là pháp tử, là pháp sầu muộn, là pháp than vãn, là pháp thất vọng, là pháp phiền não.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là vô thường, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: "Sự diệt tận năm uẩn là thường hằng, là Niết-bàn", [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là khổ não, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù

hợp. Trong khi nhận thấy rằng: "Sự diệt tận năm uẩn là lạc, là Niết-bàn", [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là ốm đau, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: "Sự diệt tận năm uẩn là vô bệnh, là Niết-bàn", [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là mụt nhọt, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: "Sự diệt tận năm uẩn là không mụn nhọt, là Niết-bàn", [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là mũi tên, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: "Sự diệt tận năm uẩn là không phải mũi tên, là Niết-bàn", [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là bất hạnh, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: "Sự diệt tận năm uẩn là không bất hạnh, là Niết-bàn", [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là tật bệnh, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: "Sự diệt tận năm uẩn là không tật bệnh, là Niết-bàn", [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là xa lạ, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: "Sự diệt tận năm uẩn không phải là duyên của người khác, là Niết-bàn", [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là tiêu hoại, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: "Sự diệt tận năm uẩn là pháp không tiêu hoại, là Niết-bàn", [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là tai ương, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: "Sự diệt tận năm uẩn là không tai ương, là Niết-bàn", [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là tai họa, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: "Sự diệt tận năm uẩn là không tai họa, là Niết-bàn", [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là kinh hãi, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: "Sự diệt tận năm uẩn là không kinh hãi, là Niết-bàn", [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là sự đe dọa, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: "Sự diệt tận năm uẩn là sự không đe dọa, là Niết-bàn", [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là lay chuyển, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: "Sự diệt tận năm uẩn là không lay chuyển, là Niết-bàn", [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là mỏng manh, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại

phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: "Sự diệt tận năm uẩn là không mỏng manh, là Niết-bàn", [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là không bền vững, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: "Sự diệt tận năm uẩn là bền vững, là Niết-bàn", [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là không sự bảo vệ, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: "Sự diệt tận năm uẩn là sự bảo vệ, là Niết-bàn", [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là không phải chỗ ngụ, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: "Sự diệt tận năm uẩn là chỗ ngụ, là Niết-bàn", [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là không sự nương tựa, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: "Sự diệt tận năm uẩn là sự nương tựa, là Niết-bàn", [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là trống rỗng, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: "Sự diệt tận năm uẩn là không trống rỗng, là Niết-bàn", [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là hão huyền, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: "Sự diệt tận năm uẩn là không hão huyền, là Niết-bàn", [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là không, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: "Sự diệt tận năm uẩn là tối thượng về không, là Niết-bàn", [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là vô ngã, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: "Sự diệt tận năm uẩn là chân lý tuyệt đối, là Niết-bàn", [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là tai hại, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: "Sự diệt tận năm uẩn là không tai hại, là Niết-bàn", [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là pháp chuyển biến, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: "Sự diệt tận năm uẩn là pháp không chuyển biến, là Niết-bàn", [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là không có thực chất, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: "Sự diệt tận năm uẩn là có thực chất, là Niết-bàn", [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là cội nguồn của bất hạnh, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: "Sự diệt tận năm uẩn là không phải cội nguồn của bất hạnh, là Niết-bàn", [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là kẻ hành quyết, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: "Sự diệt tận năm uẩn là không phải kẻ hành quyết, là Niết-bàn", [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là không hiện hữu, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: "Sự diệt tận năm uẩn là không phải phi hữu, là Niết-bàn", [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là có lậu hoặc, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: "Sự diệt tận năm uẩn là không có lậu hoặc, là Niết-bàn", [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là tạo tác, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: "Sự diệt tận năm uẩn là không tạo tác, là Niết-bàn", [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là vật chất của Ma vương, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: "Sự diệt tận năm uẩn là không vật chất, là Niết-bàn", [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là pháp sanh ra, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: "Sự diệt tận năm uẩn là vô sanh, là Niết-bàn", [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là pháp già, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: "Sự diệt tận năm uẩn là không già, là Niết-bàn", [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là pháp bệnh, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: "Sự diệt tận năm uẩn là không bệnh, là Niết-bàn", [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là pháp tử, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: "Sự diệt tận năm uẩn là bất tử, là Niết-bàn", [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là pháp sầu muộn, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: "Sự diệt tận năm uẩn là không sầu muộn, là Niết-bàn", [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là pháp than vãn, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: "Sự diệt tận năm uẩn là không than vãn, là Niết-bàn", [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là pháp thất vọng, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: "Sự diệt tận năm uẩn là không thất vọng, là Niết-bàn", [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là pháp phiền não, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: "Sự diệt tận năm uẩn là không phiền não, là Niết-bàn", [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

"**Là vô thường**", như thế là sự quán xét về vô thường.
"**Là khổ não**", như thế là sự quán xét về khổ não.
"**Là ốm đau**", như thế là sự quán xét về khổ não.
"**Là mụt nhọt**", như thế là sự quán xét về khổ não.
"**Là mũi tên**", như thế là sự quán xét về khổ não.
"**Là bất hạnh**", như thế là sự quán xét về khổ não.
"**Là tật bệnh**", như thế là sự quán xét về khổ não.
"**Là sự xa lạ**", như thế là sự quán xét về vô ngã.
"**Là tiêu hoại**", như thế là sự quán xét về vô thường.
"**Là tai ương**", như thế là sự quán xét về khổ não.
"**Là tai họa**", như thế là sự quán xét về khổ não.
"**Là kinh hãi**", như thế là sự quán xét về khổ não.
"**Là sự đe dọa**", như thế là sự quán xét về khổ não.
"**Là lay chuyển**", như thế là sự quán xét về vô thường.
"**Là mỏng manh**", như thế là sự quán xét về vô thường.
"**Là không bền vững**", như thế là sự quán xét về vô thường.
"**Là không sự bảo vệ**", như thế là sự quán xét về khổ não.
"**Là không phải chỗ ngụ**", như thế là sự quán xét về khổ não.
"**Là không sự nương tựa**", như thế là sự quán xét về khổ não.
"**Là trống rỗng**", như thế là sự quán xét về vô ngã.
"**Là hão huyền**", như thế là sự quán xét về vô ngã.
"**Là không**", như thế là sự quán xét về vô ngã.
"**Là vô ngã**", như thế là sự quán xét về vô ngã.
"**Là tai hại**", như thế là sự quán xét về khổ não.
"**Là pháp chuyển biến**", như thế là sự quán xét về vô thường.
"**Là không có thực chất**", như thế là sự quán xét về vô ngã.
"**Là cội nguồn bất hạnh**", như thế là sự quán xét về khổ não.
"**Là kẻ hành quyết**", như thế là sự quán xét về khổ não.
"**Là không hiện hữu**", như thế là sự quán xét về vô thường.
"**Là có lậu hoặc**", như thế là sự quán xét về khổ não.
"**Là tạo tác**", như thế là sự quán xét về vô thường.
"**Là vật chất của Ma vương**", như thế là sự quán xét về khổ não.
"**Là sanh ra**", như thế là sự quán xét về khổ não.
"**Là pháp già**", như thế là sự quán xét về khổ não.
"**Là pháp bệnh**", như thế là sự quán xét về khổ não.

"**Là pháp tử**", như thế là sự quán xét về vô thường.

"**Là pháp sầu muộn**", như thế là sự quán xét về khổ não.

"**Là pháp than vãn**", như thế là sự quán xét về khổ não.

"**Là pháp thất vọng**", như thế là sự quán xét về khổ não.

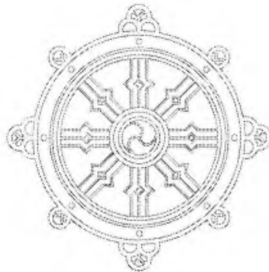
"**Là pháp phiền não**", như thế là sự quán xét về khổ não.

[Vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp với bốn mươi biểu hiện này, đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn với bốn mươi biểu hiện này.

Đối với vị thành đạt sự nhẫn nại phù hợp với bốn mươi biểu hiện này, đối với vị đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn với bốn mươi biểu hiện này, có bao nhiêu sự quán xét về vô thường? Có bao nhiêu sự quán xét về khổ não? Có bao nhiêu sự quán xét về vô ngã?

Hai mươi lăm quán xét về vô ngã, năm mươi quán xét về vô thường và có đến một trăm hai mươi lăm nói về các khổ não.[7]

Phần giảng về "Minh sát" được đầy đủ.



[7] Ở trên là 40 biểu hiện: Liên quan đến vô ngã có 5, vô thường có 10, khổ não có 25, và có liên quan đến 5 uẩn nên toàn bộ sẽ là 40 x 5 = 200, chính là tổng số của 25 + 50 + 125 ở câu cuối (*PsA*. III. 700).

X. GIẢNG VỀ CÁC TIÊU ĐỀ (*MĀTIKĀKATHĀ*)

Không khát khao, "được giải thoát" là giải thoát, minh và giải thoát, thắng giới, thắng tâm, thắng tuệ, tịnh, trí, sự nhận thấy, sự thanh tịnh, sự thoát ly, sự xuất ly, sự tách ly, sự xả ly, hành vi, giải thoát do thiền, sự tu tập, sự khẳng định, cuộc sống.

Không khát khao: Không khát khao với ước muốn trong các dục nhờ vào sự xuất ly, không khát khao với sân độc nhờ vào sự không sân độc. … (nt)... không khát khao với các pháp ngăn che nhờ vào sơ thiền. … (nt)... không khát khao với toàn bộ phiền não nhờ vào đạo A-la-hán.

Giải thoát: "Được giải thoát khỏi ước muốn trong các dục nhờ vào sự xuất ly" là giải thoát. … (nt)... "Được giải thoát khỏi các pháp ngăn che nhờ vào sơ thiền" là giải thoát. … (nt)... "Được giải thoát khỏi toàn bộ phiền não nhờ vào đạo A-la-hán" là giải thoát.[8]

Minh và giải thoát: "Sự thoát ly được biết đến" là minh, "được giải thoát khỏi ước muốn trong các dục" là giải thoát, "trong khi được biết đến thì được giải thoát, trong khi được giải thoát thì được biết đến" là minh và giải thoát. "Không sân độc được biết đến" là minh, "được giải thoát khỏi sân độc" là giải thoát, "trong khi được biết đến thì được giải thoát, trong khi được giải thoát thì được biết đến" là minh và giải thoát. … (nt)... "Đạo A-la-hán được biết đến" là minh, "được giải thoát khỏi toàn bộ phiền não" là giải thoát, "trong khi được biết đến thì được giải thoát, trong khi được giải thoát thì được biết đến" là minh và giải thoát.

Thắng giới, thắng tâm, thắng tuệ: Nhờ vào sự thoát ly, có giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc ước muốn trong các dục, có tâm thanh tịnh theo ý nghĩa không tản mạn, có kiến thanh tịnh theo ý nghĩa nhận thấy. Trong trường hợp này điều nào có ý nghĩa thu thúc điều ấy là sự học tập về thắng giới, trong trường hợp này điều nào có ý nghĩa không tản mạn điều ấy là sự học tập về thắng tâm, trong trường hợp này điều nào có ý nghĩa nhận thấy điều ấy là sự học tập về thắng tuệ. Nhờ vào không sân độc, có giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc sân độc... (nt)... Nhờ vào đạo A-la-hán, có giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc toàn bộ phiền não, có tâm thanh tịnh theo ý nghĩa không tản mạn, có kiến

[8] Dịch theo văn bản Pāḷi của tạng PTS và tạng Thái Lan: "*Nekkhammena kāmacchandato muccatīti vimokkho*."

thanh tịnh theo ý nghĩa nhận thấy. Trong trường hợp này điều nào có ý nghĩa thu thúc điều ấy là sự học tập về thắng giới, trong trường hợp này điều nào có ý nghĩa không tản mạn điều ấy là sự học tập về thắng tâm, trong trường hợp này điều nào có ý nghĩa nhận thấy điều ấy là sự học tập về thắng tuệ.

Tịnh: Nhờ vào sự thoát ly, [hành giả] làm tịnh lặng ước muốn trong các dục. Nhờ vào không sân độc, [hành giả] làm tịnh lặng sân độc. … (nt)... Nhờ vào đạo A-la-hán, [hành giả] làm tịnh lặng toàn bộ phiền não.

Trí: Sự thoát ly nhờ vào trạng thái dứt bỏ ước muốn trong các dục là trí theo ý nghĩa đã được biết. Không sân độc nhờ vào trạng thái dứt bỏ sân độc là trí theo ý nghĩa đã được biết. … (nt)... Đạo A-la-hán nhờ vào trạng thái dứt bỏ toàn bộ phiền não là trí theo ý nghĩa đã được biết.

Sự nhận thấy: Sự thoát ly nhờ vào trạng thái dứt bỏ ước muốn trong các dục là sự nhận thấy nhờ vào trạng thái đã được thấy. Không sân độc nhờ vào trạng thái dứt bỏ sân độc là sự nhận thấy nhờ vào trạng thái đã được thấy. … (nt)... Đạo A-la-hán nhờ vào trạng thái dứt bỏ toàn bộ phiền não là sự nhận thấy nhờ vào trạng thái đã được thấy.

Sự thanh tịnh: Trong khi dứt bỏ ước muốn trong các dục, [hành giả] được thanh tịnh nhờ vào sự thoát ly. Trong khi dứt bỏ sân độc, [hành giả] được thanh tịnh nhờ vào không sân độc. ... (nt)... Trong khi dứt bỏ toàn bộ phiền não, [hành giả] được thanh tịnh nhờ vào đạo A-la-hán.

Sự thoát ly: Đây là sự xuất ly khỏi các dục, tức là sự thoát ly. Đây là sự xuất ly khỏi các sắc, tức là vô sắc. Hơn nữa, bất cứ điều gì hiện hữu, còn tạo tác, được tùy thuận sanh lên, sự diệt tận là thoát ly khỏi điều ấy. Đối với sân độc, không sân độc là sự thoát ly. Đối với sự lờ đờ buồn ngủ, nghĩ tưởng về ánh sáng là sự thoát ly. … (nt)... Đối với toàn bộ phiền não, đạo A-la-hán là sự thoát ly.

Sự xuất ly: Đây là sự xuất ly khỏi các dục, tức là sự thoát ly. Đây là sự xuất ly khỏi các sắc, tức là vô sắc. Hơn nữa, bất cứ điều gì hiện hữu, còn tạo tác, được tùy thuận sanh lên, sự diệt tận là xuất ly khỏi điều ấy. Đối với ước muốn trong các dục, thoát ly là sự xuất ly. Đối với sân độc, không sân độc là sự xuất ly. Đối với sự lờ đờ buồn ngủ, nghĩ tưởng về ánh sáng là sự thoát ly. … (nt)... Đối với toàn bộ phiền não, đạo A-la-hán là sự xuất ly.

Sự tách ly: Đối với ước muốn trong các dục, thoát ly là sự tách ly. … (nt)... Đối với toàn bộ phiền não, đạo A-la-hán là sự tách ly.

Sự xả ly: "Nhờ vào sự thoát ly, [hành giả] xả ly ước muốn trong các dục" là sự xả ly. "Nhờ vào không sân độc, [hành giả] xả ly sân độc" là sự xả ly. … (nt)... "Nhờ vào đạo A-la-hán, [hành giả] xả ly toàn bộ phiền não" là sự xả ly.

Hành vi: Trong khi dứt bỏ ước muốn trong các dục, [hành giả] hành xử bằng sự thoát ly. Trong khi dứt bỏ sân độc, [hành giả] hành xử bằng không sân độc. … (nt)... Trong khi dứt bỏ toàn bộ phiền não, [hành giả] hành xử bằng đạo A-la-hán.

Giải thoát do thiền: "Sự thoát ly được nung nấu" là thiền, "[hành giả] thiêu đốt ước muốn trong các dục" là thiền, "trong khi được nung nấu, [hành giả] giải thoát" là giải thoát do thiền, "trong khi thiêu đốt, [hành giả] giải thoát" là giải thoát do thiền, "được nung nấu" là các pháp, "[hành giả] thiêu đốt" là các phiền não, "biết điều được nung nấu và điều được thiêu đốt" là có sự thiêu đốt do thiền. "Không sân độc được nung nấu" là thiền, "[hành giả] thiêu đốt sân độc" là thiền. … (nt)... "Sự nghĩ tưởng về ánh sáng được nung nấu" là thiền, "[hành giả] thiêu đốt sự lờ đờ buồn ngủ" là thiền. … (nt)... "Đạo A-la-hán được nung nấu" là thiền, "[hành giả] thiêu đốt toàn bộ phiền não" là thiền. "Trong khi được nung nấu, [hành giả] giải thoát" là giải thoát do thiền, "trong khi thiêu đốt, [hành giả] giải thoát" là giải thoát do thiền, "được nung nấu" là các pháp, "[hành giả] thiêu đốt" là các phiền não, "biết điều được nung nấu và điều được thiêu đốt" là có sự thiêu đốt do thiền.

Sự tu tập, sự khẳng định, cuộc sống: "Trong khi dứt bỏ ước muốn trong các dục, [hành giả] tu tập sự thoát ly", [vị ấy] có được sự tu tập. "Do nhờ năng lực của sự thoát ly, [hành giả] khẳng định tâm", [vị ấy] có được sự khẳng định. "Có được sự tu tập, có được sự khẳng định như thế, vị này sống tịnh lặng không phải không tịnh lặng; sống đúng đắn không sai trái, sống thanh tịnh không bị phiền não" [vị ấy] có được cuộc sống. Có được sự tu tập, có được sự khẳng định, có được cuộc sống như thế, vị này đi đến bất cứ tập thể nào, dầu là tập thể Sát-đế-ly, dầu là tập thể Bà-la-môn, dầu là tập thể gia chủ, dầu là tập thể Sa-môn, vị ấy đi đến với lòng tự tín, không bị bối rối. Điều ấy là nguyên nhân của điều gì? Bởi vì vị ấy có được sự tu tập, có được sự khẳng định, có được cuộc sống như thế.

"Trong khi dứt bỏ sân độc, [hành giả] tu tập không sân độc", [vị ấy] có được sự tu tập. … (nt)... "Trong khi dứt bỏ sự lờ đờ buồn ngủ, [hành giả] tu tập sự nghĩ tưởng về ánh sáng", [vị ấy] có được sự tu tập. … (nt)... "Trong khi dứt bỏ phóng dật, [hành giả] tu tập sự không tản mạn", [vị ấy] có được sự tu tập. … (nt)... "Trong khi dứt bỏ hoài nghi, [hành giả] tu tập sự xác định pháp", [vị ấy] có được sự tu tập. … (nt)... "Trong khi dứt bỏ vô minh, [hành giả] tu tập về minh", [vị ấy] có được sự tu tập. … (nt)... "Trong khi dứt bỏ sự không hứng thú, [hành giả] tu tập sự hân hoan", [vị ấy] có được sự tu tập. … (nt)... "Trong khi dứt bỏ các pháp ngăn che, [hành giả] tu tập sơ thiền", [vị ấy] có được sự tu tập. … (nt)... "Trong khi dứt bỏ toàn bộ phiền não, [hành giả] tu tập đạo A-la-hán", [vị ấy] có được sự tu tập. "Do nhờ năng lực của đạo A-la-hán, [hành giả] khẳng định tâm", [vị ấy] có được sự khẳng định. "Có được sự tu tập, có được sự khẳng định như thế, vị này sống tịnh lặng, không phải không tịnh lặng; sống đúng đắn, không sai trái, sống thanh tịnh không bị ô nhiễm" [vị ấy] có được cuộc sống. Có được sự tu tập, có được sự khẳng định, có được cuộc sống như thế, vị này đi đến bất cứ tập thể nào, dầu là tập thể Sát-đế-ly, dầu là tập thể Bà-la-môn, dầu là tập thể gia chủ, dầu là tập thể Sa-môn, vị ấy đi đến với lòng tự tín, không bị

bối rối. Điều ấy là nguyên nhân của điều gì? Bởi vì vị ấy có được sự tu tập, có được sự khẳng định, có được cuộc sống như thế.

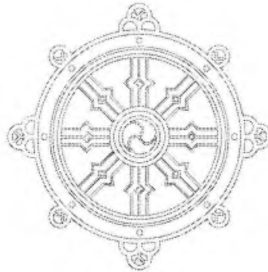
Phần giảng về "Các tiêu đề" được đầy đủ.

Phẩm "Tuệ" là phần thứ ba.

Đây là phần tóm lược:

Tuệ, thần thông, lãnh hội,
Phép kỳ diệu, đứng đầu,
Tiêu đề nữa là mười,
Viễn ly, hạnh thứ năm,
Thiết lập niệm, minh sát,
Thuộc phẩm Tuệ, thứ ba.

TÁC PHẨM "PHÂN TÍCH ĐẠO" ĐƯỢC ĐẦY ĐỦ.



PHỤ LỤC 1

QUY CÁCH BIÊN TẬP

TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN THƯỢNG TỌA BỘ

1. ĐÁNH SỐ THEO PHIÊN BẢN PĀLI TÍCH LAN

Các tập kinh trong quyển này được Tỳ-khưu Indacanda dịch từ bản Pāli Tích Lan và được phổ biến trên trang nhà www.tamtangpaliviet.net. Chúng tôi giữ nguyên cách đánh số bản Việt ngữ theo hệ thống này. Lưu ý, cách đánh số kinh, đoạn kinh giữa bản Pāli Tích Lan, Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka (CST) và Pali Text Society (PTS) cũng có sự sai khác.

2. NGUỒN THAM KHẢO, ĐỐI CHIẾU HÁN VĂN

Nhằm hỗ trợ việc nghiên cứu các bản kinh, hoặc các đoạn kinh tương đương giữa bản Pāli và bản Hán, bộ *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (*ĐCT*) được sử dụng làm tài liệu chính để tham chiếu. Nguồn: http://cbeta.org/.

3. TÔN TRỌNG ÂM VẬN VÙNG MIỀN VÀ ĐẶC NGỮ CỦA MỘT SỐ DỊCH GIẢ

Ban Biên tập giữ nguyên âm vận và cách phiên âm do một số dịch giả có thẩm quyền sử dụng. Ví dụ: "Bản sư", "chính niệm", "chúng sinh"… đối với các dịch giả miền Bắc; "Bổn sư", "chánh niệm", "chúng sanh"… đối với các dịch giả miền Nam; Tỷ-kheo (đối với bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu), Tỳ-kheo (đối với bản dịch của Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ), Tỳ-khưu (đối với bản dịch của Thượng tọa Chánh Thân), Tỷ-khiêu (đối với các dịch giả miền Bắc); Niết-bàn (đối với các dịch giả Bắc truyền), Níp-bàn (đối với một số dịch giả Nam truyền).

4. CHUẨN HÓA QUY CÁCH VIẾT HOA, VIẾT THƯỜNG, PHIÊN ÂM

Ấn bản lần này vẫn giữ nguyên văn từ, văn khí, văn mạch của dịch giả, chỉ hiệu chỉnh chính tả, dấu chấm câu; đồng thời chuẩn hóa quy cách viết hoa, viết thường, in nghiêng, cách sử dụng số từ, cách chú thích từ nguyên, từ phiên âm, dịch nghĩa.

4.1. Thuật ngữ, giai vị, giới phẩm, địa vị, chức vụ

4.1.1. Các thuật ngữ, thành ngữ, phương ngữ, khái niệm, học thuyết

- Viết thường toàn bộ các thuật ngữ. Ví dụ: phiền não, nghiệp báo, tâm, tâm sở, năm uẩn, năm thủ uẩn, năm triền cái, mười phiền não, v.v…

- Viết thường các số từ đứng trước thuật ngữ Phật học. Ví dụ: nhị đế, tam độc, tứ sinh, tứ niệm xứ, ngũ uẩn, ngũ căn, lục căn, lục độ, thất bảo, thất giác chi, bát công đức thủy, bát Thánh đạo, cửu thiền, thập pháp giới, v.v…

- Viết hoa chữ đầu của một học thuyết. Ví dụ: luận thuyết "Vô nhân luận", thuyết "Luân hồi tịnh hóa", v.v…

4.1.2. Các khái niệm, thuật ngữ từ tiếng nước ngoài: Viết thường và in nghiêng toàn bộ các thành tố. Ví dụ: tâm (*citta*), ý (*mana*), thức (*viññāṇa*), giới (*sīla*), định (*samādhi*), tuệ (*paññā*), v.v…

4.1.3. Các thuật ngữ phiên âm từ tiếng nước ngoài: Viết thường toàn bộ các thành tố và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: na-do-tha, do-tuần, yết-ma, thiền-na, đàn-việt, đàn-tín, kiết-già, v.v…

4.1.4. Các danh từ riêng vừa phiên âm vừa dịch nghĩa: Viết hoa thành tố đầu và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: Ni-kiền-tử, Xá-lợi-tử, v.v...

4.1.5. Các từ chỉ quả vị đặc biệt, giai vị, địa vị, chức vụ, học vị: Viết hoa thành tố đầu. Ví dụ: Chánh đẳng giác, Nhất lai, Tôn giả, Hiền giả, Thiền sư, Pháp sư, Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức, Sư cô, Trụ trì, Giáo sư, v.v… Nếu các từ được phiên âm từ tiếng nước ngoài thì giữa các thành tố có gạch nối. Ví dụ: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Vô dư Niết-bàn, v.v…

4.1.6. Đại từ chỉ đức Phật, Bồ-tát như Ta, Người, Ngài được viết hoa. Ví dụ: "Này các Tỷ-kheo, Ta nhắc các ông rằng…"

4.1.7. Viết hoa các đức hiệu của Phật. Ví dụ: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ,…

4.2. Danh từ riêng

4.2.1. Nhân danh, địa danh: Viết hoa toàn bộ các thành tố nhân danh, địa danh, địa vực, địa dư, địa chính trị, phương vị. Các từ chỉ loại hình địa danh thì viết thường. Ví dụ: Đại sư Trí Quang, thành phố Lạc Dương, vùng đất Giao Châu, châu Âu, miền Tây Nam, hướng Đông Bắc, phía Bắc.

4.2.2. Nhân danh, địa danh và tên một số cây, loài hoa, chim quý đặc biệt được phiên âm từ tiếng nước ngoài: Viết hoa thành tố đầu và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: Phật Thích-ca, Bồ-tát Di-lặc, Đại Ca-diếp, Tôn giả A-nan, thành Xá-vệ, nước Ma-kiệt-đà, cội Bồ-đề, Sa-la song thọ, cây Chiên-đàn, hoa Mạn-thù-sa, chim Ca-lăng-tần-già,...

4.2.3. Nhân danh, địa danh do phiên âm hoặc dịch nghĩa được đặt trong dấu ngoặc đơn ngay sau nhân danh, địa danh có nguồn gốc từ tiếng nước ngoài. Ví dụ: Khi đêm đã gần mãn, Pañcasikha (Ngũ Kế) thuộc gandhabba (càn-thát-bà) đến thăm đức Phật tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

4.2.4. Các danh từ phiên âm bị tỉnh lược "tiếp đầu ngữ" được viết lại chuẩn mực để không bị phản nghĩa hoặc sai nghĩa (ngoại trừ làm thuận vần trong thi kệ). Ví dụ: "Di-đà" sửa thành "A-di-đà".

4.3. Mạo từ tôn xưng

Viết thường các mạo từ tôn xưng như "đức", "bậc", "đấng", thường đứng trước hồng danh Phật và Bồ-tát. Ví dụ: đức Phật, đức Thế Tôn, đấng Toàn Giác, bậc Chánh Đẳng Giác, bậc Vượt Bờ, bậc Chiến Thắng, bậc Thiện Thệ, bậc Đã Thấy Đã Biết.

4.4. Tựa kinh và tựa tác phẩm

4.4.1. Tựa kinh trong một bộ: Viết hoa chữ đầu và in nghiêng. Ví dụ: *Kinh Căn bản pháp môn, Kinh Du hành.*

4.4.2. Tác phẩm: Viết hoa chữ đầu và danh từ riêng, đồng thời in nghiêng. Ví dụ: *Kinh Trường bộ, Kinh Dược Sư, Kinh A-di-đà, Luận Duy thức tam thập tụng, Đức Phật và Phật pháp, An Nam chí lược.*

4.4.3. Tác phẩm tiếng nước ngoài: Viết hoa các thực từ (danh từ, tính từ, động từ) và viết thường các hư từ (mạo từ, giới từ, liên từ). Ví dụ: *The Buddha and His Teachings, Buddhist Psychological Ethics* (*A Translation of the Dhammasaṅgaṇī*).

5. CÁCH VIẾT CHỮ VÀ SỐ TRONG VĂN BẢN

5.1. Viết bằng chữ các số trong chánh văn. Ví dụ: Tám thắng xứ, mười ba già-nạn, một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo.

5.2. Viết bằng số ở cước chú và trong các bài dẫn luận. Ví dụ: Có 15 pháp, tức là 5 căn (tín, tấn, niệm, định, tuệ) được thanh tịnh theo 3 cách.

5.3. Áp dụng số Ả-rập đối với ngày, tháng, năm sinh, năm mất của người và giữa ngày, tháng, năm có gạch nối ngắn. Ví dụ: Ngày 15-4-1963.

5.4. Ghi đầy đủ các con số chỉ năm sinh và năm mất của người. Ví dụ: Bồ-tát Thích Quảng Đức (1897-1963).

5.5. Tỉnh lược phần trùng lặp đầu đối với các con số chỉ khoảng thời gian trong cùng một thế kỷ hay thiên niên kỷ. Ví dụ: Không viết 1930-1932, mà viết 1930-32.

5.6. Tỉnh lược số kệ, số trang (trong cước chú)

- Các kệ từ 108-115 được viết 108-15.
- Trang 254-256 được viết là 254-56.
- *M.* I. 276-278 được viết là *M.* I. 276-78.

6. CÁCH CHÚ THÍCH

6.1. Chú thích theo ấn bản Pāli của PTS

6.1.1. Tên tập + (số tập) + số trang.

- *S*. I. 70 (*Saṃyutta Nikāya*, tập I, trang 70).
- *Sn*. 140 (*Suttanipāta*, trang 140).
- *J*. I. 389 (*Jātaka*, tập I, trang 389).
- *Vin*. II. 287 (*Vinaya*, tập II, trang 287).
- *Vbh*. 351 (*Vibhaṅga*, trang 351).
- *Kv*. 401 (*Kathāvatthu*, trang 401).
- *DA*. I. 41-2 (*Dīgha Nikāya Aṭṭhakathā*, tập I, trang 41 đến 42).

6.1.2. Tên tập + số kệ

- *Dh*. v. 10 (*Dhammapada*, kệ số 10).
- *Sn*. v. 600 (*Suttanipāta*, kệ số 600).
- *Thag*. v. 1196 (*Theragāthā*, kệ số 1196).

6.1.3. Tên tập + nhóm + số thứ tự kinh + đoạn

- *S*. 56.25: 1 (*Saṃyutta Nikāya*, nhóm 56, kinh 25, đoạn 1).

6.2. Chú thích theo ấn bản tiếng Anh

Tất cả bản kinh, luật, luận bằng tiếng Anh được ghi trong Thánh điển Phật giáo Thượng Tọa bộ đều do PTS xuất bản. Các thông tin về người dịch, nơi xuất bản, nhà xuất bản, năm xuất bản, tham khảo ở phần Phụ lục.

- *GS*. II. 42 nghĩa là *The Book of the Gradual Sayings*, vol. II, p. 42.

- *PC*. 338, n. 1 nghĩa là *Points of Controversy* (*A Translation of the Kathāvatthu*), p. 338, note 1.

6.3. Chú thích tên bài kinh kết hợp với tên tập kinh cùng với (chương) + phẩm và số hiệu của bài kinh

Kinh Tham ái (*It*. I. I. §1) nghĩa là *Kinh Tham ái* này nằm trong *Kinh Phật thuyết như vậy*, chương I, phẩm I, kinh số 1.

Kinh Châu báu (*Sn*. II. §1) nghĩa là *Kinh Châu báu* này nằm trong *Kinh tập*, phẩm II, kinh số 1.

Kinh Bāhiya (*Ud*. I. §10) nghĩa là *Kinh Bāhiya* này nằm trong *Kinh Phật tự thuyết,* phẩm I, kinh số 10.

6.4. Chú thích tên kinh: Kết hợp ấn bản Pāli và tiếng Việt

- *D*. 22, *Mahāsatipaṭṭhāna Sutta* (*Kinh Đại niệm xứ*). Nghĩa là *Trường bộ*, kinh số 22, tên kinh trong tiếng Pāli là *Mahāsatipaṭṭhāna Sutta,* tên tiếng Việt là “*Kinh Đại niệm xứ.*”

- *D*. I. 113, *Soṇadaṇḍa Sutta* (*Kinh Chủng Đức*). Nghĩa là *Trường bộ*, tập I, trang 113, *Kinh Soṇadaṇḍa Sutta* bằng tiếng Pāli và *Kinh Chủng Đức* bằng tiếng Việt.

6.5. Trật tự của chú thích trong kinh có nguồn gốc Pāli

Pāli (viết tắt là P.), Sanskrit (viết tắt là S.), Hán (viết tắt là H.), Anh (viết tắt là E.). Ví dụ: Quang Âm thiên (P. Ābhassara, S. Ābhāsvara, H. 光音天, E. The Radian gods).

6.6. Chú thích theo Hán văn

6.6.1. Tên kinh biệt dịch được nêu ra trước

- *Phạm võng lục thập nhị kiến kinh* 梵網六十二見經 (*T*.01. 0021. 0264a20). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 01; 0021 là số hiệu của kinh biệt dịch trên; trang 0264, cột a, dòng thứ 20.

- *Phật thuyết Nguyệt dụ kinh* 佛說月喻經 (*T*.02. 0121. 0544b12). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 02; 0121 là số hiệu của kinh biệt dịch trên; trang 0544, cột b, dòng thứ 12.

6.6.2. Tên kinh trong bộ được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho bộ *Trường A-hàm kinh* và *Trung A-hàm kinh.*

- *Phạm động kinh* 梵動經 (*T*.01. 0001.21. 0088b12). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 01; 0001 là số hiệu của bộ *Trường A-hàm kinh*, 21 là số thứ tự của kinh trong bộ *Trường A-hàm kinh*; trang 0088, cột b, dòng thứ 12.

- *Cầu pháp kinh* 求法經 (*T*.01. 0026.88. 0569c23). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 01; 0026 là số hiệu của bộ *Trung A-hàm kinh*, 88 là số thứ tự của kinh trong bộ *Trung A-hàm kinh*; trang 0569, cột c, dòng thứ 23.

6.6.3. Tên bộ kinh được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ *Tạp A-hàm, Biệt dịch Tạp A-hàm, Tăng nhất A-hàm*, vì nội dung kinh chỉ đề cập đến số thứ tự, không có tựa đề kinh.

- *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1136. 0299c06). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 02; 0099 là số hiệu của bộ *Tạp A-hàm kinh*, 1136 là số thứ tự của kinh trong bộ *Tạp A-hàm kinh*; trang 0299, cột c, dòng thứ 06.

- *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.111. 0414a18). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 02; 0100 là số hiệu của bộ *Biệt dịch Tạp A-hàm kinh*, 111 là số thứ tự của kinh trong bộ *Biệt dịch Tạp A-hàm kinh*; trang 0414, cột a, dòng thứ 18.

6.6.4. Tên kinh và phẩm được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ kinh có nhiều phẩm như *Pháp cú kinh* hoặc các bộ kinh Đại thừa.

- *Pháp cú kinh* "Nê-hoàn phẩm" 法句經泥洹品 (*T*.04. 0210.36. 0573a23). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 04, 0210 là số hiệu của *Pháp cú kinh*, "Nê-hoàn phẩm" thứ 36, trang 0573, cột a, dòng thứ 23.

6.6.5. Tên bộ luận được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ luận.

- *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận* 阿毘達磨集異門足論 (*T*.26. 1536.12. 0416a22). Nghĩa là bộ luận này thuộc *ĐCT*, tập 26; 1536 là số hiệu của *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận*, phẩm thứ 12; trang 0416, cột a, dòng thứ 22.

6.6.6. Chú thích hai kinh liên tiếp và chi tiết hóa số dòng

- *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.11.7-8. 0566c22-0567a04). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 02; 0125 là số hiệu của *Tăng nhất A-hàm kinh*, 11 là số thứ tự của "Bất đãi phẩm", số 7-8 là kinh số 7 và kinh số 8; 0566c22-0567a04 tức là từ trang 0566, cột c, dòng 22 đến trang 0567, cột a, dòng 4.

- *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.9-10. 0002a02-12). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 02; 0099 là số hiệu của bộ *Tạp A-hàm kinh*, 9-10 là kinh số 9 và kinh số 10; 0002a02-12 tức là trang 0002, cột a, từ dòng 2 đến dòng 12.

7. NHUẬN SẮC VÀ HIỆU CHỈNH

Bộ phận dò Thánh tạng nhuận sắc và bổ túc thêm một số từ, ngữ, đoạn vào chánh văn do đánh máy thiếu hoặc nhầm. Các từ, ngữ, đoạn được bổ túc cũng dựa theo cách dụng ngữ của chính dịch giả trong dịch phẩm.

Một số từ, đoạn được dịch giả thêm vào cho rõ ý nghĩa trước đây được đặt trong ngoặc đơn, nay Ban Biên tập thống nhất đặt chúng trong ngoặc vuông [ ] để phân biệt giữa kinh văn gốc và các từ, đoạn được thêm vào sau này.

Các chú thích có sẵn trong dịch phẩm vốn được dịch từ bản dịch tiếng Anh do các dịch giả PTS thực hiện được hiệu chỉnh cho đầy đủ, đồng thời cũng có bổ sung thêm nguồn tham khảo chữ Hán từ *Đại Chánh tạng* và *Nam truyền Đại tạng kinh*.

Trong mỗi bộ đều có tài liệu tham khảo ở phần Phụ lục, nhằm giúp các nhà nghiên cứu xác định được nguồn dịch và tham chiếu của các cước chú.

Về từ "Pāli" (theo hệ thống Kaccāyana) hoặc Pāḷi (theo hệ thống Moggallāna) đều được sử dụng trong *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Thượng Tọa bộ*. Các nhà nghiên cứu và biên tập Tam tạng tại Tích Lan và PTS phần lớn đều dùng "Pāli" theo hệ thống đầu. Hòa thượng Thích Minh Châu cũng dùng "Pāli". Để nhất quán, chư Tôn đức Phật giáo Việt Nam sử dụng từ "Pāli" cho tất cả các bài liên hệ, riêng trong các dịch phẩm của Tỳ-khưu Indacanda, vẫn giữ cách dùng từ "Pāḷi" của dịch giả.

Tuy đã cẩn trọng nhưng không sao tránh khỏi sai sót, kính mong các bậc thức giả hoan hỷ rộng lượng chỉ giáo, góp phần cho sự hoàn thiện TTTĐPGVN.

Mọi sự góp ý, xin gởi về địa chỉ email của Viện: vncphvn@gmail.com.

Trân trọng cảm ơn.

BAN BIÊN TẬP

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC TIỂU BỘ (KHUDDAKA NIKĀYA) CỦA CÁC ẤN BẢN

STT	VIỆT NAM (16 TẬP)	TÍCH LAN (17 TẬP)	MIẾN ĐIỆN, PTS & CST (18 TẬP)	THÁI LAN & CAMPUCHIA (15 TẬP)	CBETA (15 TẬP)
1	Tiểu tụng	Khuddakapāṭha	Khuddhakapāṭha	Khuddhakapāṭha	小誦經
2	Kinh Pháp cú	Dhammapada	Dhammapada	Dhammapada	法句經
3	Kinh Phật tự thuyết	Udāna	Udāna	Udāna	自說經
4	Kinh Phật thuyết như vậy	Itivuttaka	Itivuttaka	Itivuttaka	如是語經
5	Kinh tập	Suttanipāta	Suttanipāta	Suttanipāta	經 集
6	Chuyện Thiên cung	Vimānavatthu	Vimānavatthu	Vimānavatthu	天宮事經
7	Chuyện Ngạ quỷ	Petavatthu	Petavatthu	Petavatthu	餓鬼事經
8	Trưởng lão Tăng kệ	Theragāthā	Theragāthā	Theragāthā	長老偈經
9	Trưởng lão Ni kệ	Therīgāthā	Therīgāthā	Therīgāthā	長老尼偈經
10	Chuyện Tiền thân	Jātaka	Jātaka	Jātaka	本 生經
11	Diễn giải	Niddesa	Niddesa	Niddesa	義釋
12	Phân tích đạo	Paṭisambhidāmagga	Paṭisambhidāmagga	Paṭisambhidāmagga	無礙解道
13	Thánh nhân ký sự	Apadāna	Apadāna	Apadāna	譬喻經
14	Phật sử	Buddhavaṃsa	Buddhavaṃsa	Buddhavaṃsa	佛種姓經
15	Hạnh tạng	Cariyāpiṭaka	Cariyāpiṭaka	Cariyāpiṭaka	所行藏經
16		Nettipakaraṇa	Nettipakaraṇa		
17		Petakopadesa	Petakopadesa		
18	Milinda vấn đạo		Milindapañha		

PHỤ LỤC 3

TÀI LIỆU THAM KHẢO PĀLI & TIẾNG ANH

(*Được sử dụng trong bộ Tam tạng Thánh điển Phật giáo Thượng Tọa bộ*)

A. NGUYÊN BẢN PĀLI

Aṅguttara Nikāya, 6 vols., ed. by Morris, R., Hardy, E., Hunt, M. and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1885-1910).

Aṅguttara Nikāya Aṭṭhakathā (*Manoratthapūraṇī*), 5 vols., ed. by Walleser, M. and Kopp, H. (London: PTS, 1924, etc.).

Apadāna, 2 vols., ed. by Lilley, M. E. (London: PTS, 1925-27).

Apadāna Aṭṭhakathā (*Visuddhajanavilāsinī*), ed. by Godakumbura, C. E. (London: PTS, 1954).

Buddhavaṃsa, ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1974).

Buddhavaṃsa Aṭṭhakathā, ed. by Horner, I. B. (London: PTS, 1946).

Cariyāpiṭaka, ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1974).

Cariyāpiṭaka Aṭṭhakathā, ed. by Barua, D. L. (London: PTS, 1939).

Cūlaniddesa, ed. by Stede, W. (London: PTS, 1918).

Cūlavaṃsa, ed. by Geiger, W. (London: PTS, 1925-27).

Dhammapada, ed. by Sumangala, Venerable Suriyagoda (London: PTS, 1914).

Dhammapada Aṭṭhakathā, 5 vols., ed. by Smith, H., Norman, H. C., and Tailang, L. S. (London: PTS, 1906, etc.).

Dhammasaṅgaṇī, ed. by Müller, E. (London: PTS, 1985).

Dhammasaṅgaṇī Commentary, ed. by Müller, E. (London: PTS, 1985).

Dīgha Nikāya, 3 vols., ed. by Rhys Davids, T. W. and Carpenter, J. E. (London: PTS, 1889-1910).

Dīgha Nikāya Aṭṭhakathā (*Sumaṅgalavilāsinī*), 3 vols., ed. by Rhys David, T. W. and Carpenter, J. E. (London: PTS, 1929-32).

Dīpavaṃsa, ed. and tr. by Oldenberg, H. (London: Williams and Norgate, 1879).

Itivuttaka, ed. by Windisch, E. (London: PTS, 1889).

Itivuttaka Aṭṭhakathā, 2 vols., ed. by Bose, M. M. (London: PTS, 1934-36).

Jātaka, 6 vols., ed. by Fausböll, V. (London: PTS, 1877-96).

Kathāvatthu, 2 vols., ed. by Taylor, A. C. (London: PTS, 1894-97).

Kathāvatthu Aṭṭhakathā, ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1979).

Khuddakapāṭha, ed. by Smith, H. (London: PTS, 1915).

Mahāvaṃsa, ed. by Geiger, W. (London: PTS, 1908).

Majjhima Nikāya, 3 vols., ed. by Trenckner, V. (London: PTS, 1888-99).

Majjhima Nikāya Aṭṭhakathā (*Papañcasūdanī*), 5 vols., ed. by Woods, J. H., Kosambi, D., and Horner, I. B. (London: PTS, 1922-38).

Mahāniddesa, 2 vols., ed. by Poussin, L. De La Vallée and Thomas, E. J. (London: PTS, 1916-17).

Milindapañha - Milinda Ṭikā, ed. by Trenckner, V. (London: PTS, 1880).

Nettipakaraṇa, ed. by Hardy, E. (London: PTS, 1902).

Niddesa Ṭikā (*Saddhammapajjoṭikā*), 3 vols., ed. by Buddhadatta, Mahāthera A. P. (London: PTS, 1939-40).

Paṭisambhidāmagga, 2 vols., ed. by Taylor, A. C. (London: PTS, 1905-07).

Paṭisambhidāmagga Aṭṭhakathā (*Saddhammappakāsinī*), 3 vols., ed. by Joshi, C. V. (London: PTS, 1933-47).

Paṭṭhāna, ed. by Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1908).

Petavatthu, ed. by Minayeff (London: PTS, 1888).

Vimānavatthu, ed. by Gooneratne, E. R. (London: PTS, 1886).

Puggalapaññatti, ed. by Moriss, R. (London: PTS, 1883).

Puggalapaññatti Aṭṭhakathā, ed. by Landsberg, G. and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1914).

Saṃyutta Nikāya, 5 vols. and index, ed. by Peer, L. and Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1884-1904).

Saṃyutta Nikāya Aṭṭhakathā (*Sārattappakāsinī*), 3 vols., ed. by Woodward, F. L. (London: PTS, 1929-37).

Suttanipāta, ed. by Andersen, D. and Smith, H. (London: PTS, 1913).

Suttanipāta Aṭṭhakathā (*Paramatthajoṭikā* II), 3 vols., ed. by Smith, H. (London: PTS, 1916-18).

Theragāthā - Therīgāthā, ed. by Oldenberg, H., and Pischel, R. (London: PTS, 1883).

Theragāthā Aṭṭhakathā (*Paramatthajoṭikā* V), 3 vols., ed. by Woodward, F. L. (London: PTS, 1940-59).

Therīgāthā Aṭṭhakathā (*Paramatthajoṭikā* VI), ed. by Müller, E. (London: PTS, 1893).

Udāna, ed. by Steinthal, P. (London: PTS, 1885).

Udāna Aṭṭhakathā, ed. by Woodward, F. L. (London: PTS, 1926).

Vinaya Piṭaka, 5 vols., ed. by Oldenberg, H. (London: PTS, 1879-83).

Vibhaṅga, ed. by Rhys David, C. A. F. (London: PTS, 1904).

Vibhaṅga Aṭṭhakathā, ed. by Buddhadatta, Mahāthera A. P. (London: PTS, 1923).

B. BẢN DỊCH TIẾNG ANH

A Buddhist Manual of Psychological Ethics, tr. by Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1900).

Buddhist Birth Stories, tr. by Rhys Davids, T. W. (London: Trübner and Co., 1880).

Compendium of Philosophy (The Summary of the Topics of Abhidhamma and Exposition of the Topics of Abhidhamma), tr. by Aung. S. Z. and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1910).

Cūlavaṃsa (Translation), 2 vols., tr. by Mrs. Rickmers, C. Mabel (London: PTS, 1929-30).

Dialogues of the Buddha, tr. by Rhys Davids, T. W., and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1899).

Divyāvadāna, ed. by Cowell, E. B. and Neil, R. A. (Cambridge: The University Press, 1886).

Points of Controversy (A Translation of the Kathāvatthu), tr. by Aung. S. Z. and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1915).

Psalms of the Early Buddhists I - *Psalms of the Sisters* (A Translation of the Therīgāthā), tr. by Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1909).

Psalms of the Early Buddhists II - *Psalms of the Brethren* (A Translation of the Theragāthā), tr. by Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1913).

The Book of the Discipline (A Translation of the Greater Part of the Vinaya Piṭaka), tr. by Horner, I. B. (London: PTS, 1881).

The Book of the Kindred Sayings, 5 vols., tr. by Mrs. Rhys Davids, C. A. F. and Woodward, F. L. (London: PTS, 1917-30).

The Book of the Gradual Sayings, 5 vols., tr. by Woodward, F. L. and Hare, E. M. (London: PTS, 1932-36).

The Collection of the Middle Length Sayings, 3 vols., tr. by Horner, I. B. (London: PTS, 1954-59).

The Jātaka or Stories of the Buddha's Former Births (A Translation of the Jātaka), 6 vols. and Index, tr. by Chalmers, R., Rouse, W. H. D., Francis, H. T., Neil, R. A., Cowell, E. B., and ed. by Cowell, E. B. (London: PTS, 1895-1913).

The Path of Purity, 3 vols., tr. by Pe, Maung Tin (London: PTS, 1922-31).

The Questions of King Milinda, tr. by Rhys Davids, T. W. (Oxford: The Clarendon Press, 1890).

C. SÁCH VÀ TẠP CHÍ TIẾNG ANH

Rhys Davids, C. A. F., *A Manual of Buddhism* (London: Sheldon Press, 1932).

Rhys Davids, C. A. F., *Buddhism: A Study of the Buddhist Norm* (London: PTS, 1912).

Rhys Davids, C. A. F., *Buddhism* (London: PTS, 1912).

Rhys Davids, T. W., *American Lectures on Buddhism* (New York: G. P. Putnam'son, 1896).

Rhys Davids, T. W., *Buddhist India* (New York: G. P. Putnam'son; London: T. Fisher Unwin, 1903).

Tāranātha, *History of Buddhism in India*, tr. by Chipa, Lama; Chattopadhyaya, Alaka (from Tibetan), ed. by Chattopadhyaya, Debiprasad (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers PVT. LTD., 1990 reprinted).

Warren, Henry Clarke, *Buddhism in Translations* (Cambridge Massachusetts: Hardvard University, 1922).

Journal of the Pali Text Society, ed. by Rhys Davids, T. W. (London: PTS, 1882, etc.).

Journal of the Royal Asiatic Society (London: Cambridge University Press, 1824).

D. TỪ ĐIỂN

Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary, by Edgerton, Franklin (Connecticut: Yale University, 1953).

Dictionary of the Pali Language, by Childers, R. C. (London: PTS, 1874).

A Critical Pali Dictionary, ed. by Trenckner, Vilhelm and Chalmers, Robert (Copenhagen Commissioner: Munksgaard, 1924).

Dictionary of Pali Proper Names, 2 vols., by Malalasekera, G. P. (London: John Murray, 1937-38).

Encyclopaedia of Buddhism, 6 vols., ed. by Malalasekera, G. P., Buswell, R. E., Weeraratne, W. G. and others (Government of Ceylon, 1961-99).

Encyclopedia of Religion and Ethics, ed. by Hastings, James (Edinburgh: T&T Clark, 1908-27).

English-Pāli Dictionary, ed. by Buddhadatta, Mahāthera A. P. (Ceylon: Colombo Apothecaries, 1955).

Pāli-English Dictionary, ed. by Rhys Davids, T. W. and Stede, William (London: PTS, 1921-25).

SÁCH DẪN TIẾNG VIỆT

A

B

C

D

Đ

G

H

K

L

M

N

P

S

T

U

V

X

Y

SÁCH DẪN PĀLI

A

Ā

KH

G

GH

C

CH

J

Ñ

T

TH

D

DH

N

P

PH

B

BH

M

Y

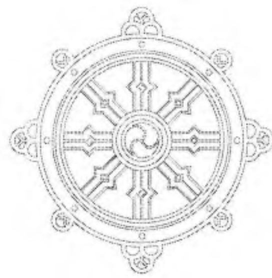
R

L

V

S

H



TÁN DƯƠNG CÔNG ĐỨC

CÚNG DƯỜNG PHÁP BẢO CAO QUÝ

Trân trọng cảm niệm công đức của chư Tôn đức Tăng Ni và quý Phật tử đã phát tâm trong sạch ủng hộ để bộ ***Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*** được ấn tống cúng dường đến chư Tôn đức Giáo phẩm lãnh đạo GHPGVN, chư Tôn đức Tăng Ni trực thuộc các Ban, Viện Trung ương, Ban Trị sự GHPGVN các tỉnh/ thành, các thư viện, các Tổ đình, tự viện tiêu biểu trong và ngoài nước. Sau đây là các đơn vị ủng hộ:

- Quỹ Thiện Tâm thuộc tập đoàn Vingroup: **3.000 bộ**.

- Quỹ Đạo Phật Ngày Nay: **1.500 bộ**.

- Quỹ Từ thiện Tu viện Tường Vân: **500 bộ**.

- Quỹ cúng dường ấn tống Pháp bảo cao quý tại văn phòng VNCPHVN do chư Tôn đức Giáo phẩm Tăng Ni, trụ trì, trụ xứ tại các Tổ đình, tự viện, thiền viện, tịnh xá, tịnh thất, niệm Phật đường, quý Phật tử thiện hữu trí thức hữu danh, ẩn danh trong và ngoài nước đã góp phần hỗ trợ chi phí các mặt để việc ấn hành được thành tựu viên mãn.

Thành kính cầu nguyện và hồi hướng quả lành của việc làm vô cùng giá trị, ý nghĩa này đến quý chư Tôn đức Tăng Ni, Phật tử, thân bằng quyến thuộc của quý vị luôn được tăng trưởng và thành tựu các phần phước báu đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Cầu mong Phật pháp cửu trụ ta-bà, lợi lạc khắp nhân thiên.

Nam-mô Công Đức Lâm Bồ-tát Ma-ha-tát.



Thực hiện
VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
750 Nguyễn Kiệm, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh



HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
65 Tràng Thi - quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 Fax: 024.39260031

TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN PHẬT GIÁO VIỆT NAM - TẬP 08
TAM TẠNG THƯỢNG TỌA BỘ - 08
KINH TIỂU BỘ (4)
(Khuddaka Nikāya)

Dịch giả: Tỳ-khưu INDACANDA

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng Biên tập LÝ BÁ TOÀN

Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh

Sửa bản in
SC. Liên Kỉnh, SC. Huệ Tịnh,
Ngọc Thanh, Ngọc Hoa, Mỹ Hòa, Thủy Tiên, Văn Dũng

Trình bày
Đặng Thái Trung

Đối tác liên kết
VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
750 Nguyễn Kiệm - Phường 4 - quận Phú Nhuận - TP. Hồ Chí Minh
Email: vncphvn@gmail.com
Điện thoại: (+84) 28 3844 8893, (+84) 909 478 298

In: 7.000 bản, khổ: 19 x 27 cm, tại ***Công ty CP In Khuyến học phía Nam*** *(Lô B5-8 đường D4, khu công nghiệp Tân Phú Trung, Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh). Số Xác nhận đăng ký XB: 2078-2021/CXBIPH/10-39/HĐ. Số Quyết định xuất bản của NXB: 343/QĐ-NXBHĐ cấp ngày 24 tháng 6 năm 2021. In xong và nộp lưu chiểu năm 2021.*
Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 978-604-328-960-2

